Đại tướng

VÕ NGUYÊN GIÁP

TỔNG TẬP HỒI KÝ



NHÀ XUẤT BẢN
QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN

Đại tướng
VÕ NGUYÊN GIÁP

TỔNG TẬP
HỒI KÝ

(Tái bản lần thứ hai)

NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN
Hà Nội - 2018

- TỔ CHỨC CÔNG TRÌNH XUẤT BẢN:
- Đại tá PHẠM QUANG ĐỊNH
- Đại tá, Tiến sĩ PHẠM BÁ TOÀN
- Đại tá NGUYỄN ĐỨC HÙNG
- Đại tá NGUYỄN DUY TƯỜNG
- Đại tá ĐỖ TẤT THẮNG
- Đại tá ĐẶNG VIỆT THỦY
- Đại tá BÙI KIM DUNG
- SƯU TẦM TÁC PHẨM VÀ ẢNH TƯ LIỆU:

Đại tá ĐỖ TẤT THẮNG

với sự cộng tác của BÙI THỊ THU HƯƠNG - PHẠM THỊ THÚY NGA

Đại tướng VÕ NGUYÊN GIÁP

Contents

THAY LỜI NÓI ĐẦU*

TỪ NHÂN DÂN MÀ RA

6

10

11

15

16

17

18

19

21

22

27

30

NHỮNG NĂM THÁNG KHÔNG THỂ NÀO QUÊN

"... CON THUYÊN CÁCH MẠNG ĐANG LUÔN NHỮNG MỘM ĐÁ GHÊNH ĐỂ LƯỚT TỚI".

2

3

4

5

6

7

9

10

11

45, sự nghiệp hoàn thành.

13

Việt Nam:

Pháp:

14

15

16

17

18

19

21

Những hoạt động để chuẩn bị kháng chiến về mọi mặt đã được tiến hành từ trước, lúc này càng được đẩy mạnh.

23

25

Những ngày đầu tháng 3, cuộc đàm phán giữa ta với Pháp vẫn chưa đi tới thỏa thuận.

28

"CỐ RÁN SỨC QUA KHỎI MÙA ĐỒNG LẠNH LẼO THÌ TA SẼ GẶP MÙA XUÂN".

2

4

5

6

7

12

13

14

15

18

19

20

21

22

23

24

26

27

28

30
31
32
34
36
37
CHIẾN ĐẤU TRONG VÒNG VÂY
NGUYÊN ÁI QUỐC VIỆT MINH VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA
1. Nguyễn Ái Quốc
2. Việt Minh
3. Việt Nam dân chủ cộng hòa
4. Hòa hay chiên
Chuong mot 19 THANG 12 NAM 1946
4
5
9
Chương hai TRỜ LẠI TÂN TRÀO
2
3
4
Chương ba MÙA HÈ YÊN TỈNH
4
5
Chuong bôn VIET BAC, THU DONG 1947
2
3
4
6
8
Chương năm HẬU PHƯƠNG ĐỊCH - TIẾN PHƯƠNG TA
2
3
6

Chương sáu DU KÍCH VẬN ĐỘNG CHIẾN VỚI CHIẾN LƯỢC CHIẾN TRANH ĐỒN BỐT
2
3
6
Chương bày KHÁNG CHIẾN KIẾN QUỐC
3
4
6
Chuông tám CHUẨN BỊ TỔNG PHẢN CÔNG[1]
2
4
6
7
Chương chín ĐẠI ĐOÀN QUẢN TIÊN PHONG
3
4
Chuông mười TIẾN TỐI GIÀNH CHỦ ĐỘNG TRÊN CHIẾN TRƯỜNG CHÍNH
3
5
6
Để thay kết luận
QUẢN LỆNH SƠ 1
ĐƯỜNG TỚI ĐIỆN BIÊN PHỦ
Chương một VẬN HỘI MỜI
Chương hai ĐIỂM ĐỘT PHÁ
3
Chương ba GIẢI PHÓNG BIÊN GIỚI
2
8
9
ĐẢNG SƠN
LÊN NÚI

Chương bốn ĐẢNG LAO ĐỘNG VIỆT NAM
2
3
Chương năm XƯỞNG TRUNG DU
4
5 gày 17 tháng 12 năm 1950, Đờ Lát cùng Lơ-tuốc-nô, Bộ trưởng Bộ Quốc gia liên kết, đi máy bay riêng tới Sài Gòn.
8
Đèo cao thì mặc đèo cao
Ta leo lên đỉnh, ta cao hơn đèo...
10
Chương sáu VỀ ĐỒNG BẰNG
3
4
6
Chương bảy MÙA HÈ NĂM 1951
Chuong tam CAU HOI LON
2
3
4
Chương chín CHIẾN DỊCH HÒA BÌNH
4
Chương mười HAI MẶT TRẬN
Chương mười một CHUYÊN HƯỚNG LÊN TÂY BẮC
2
4
Chương mười hai MÙA XUÂN SẮM NƯA
3
ĐIỆN BIÊN PHỦ ĐIỂM HẸN LỊCH SỬ
Chân thành cảm ơn các đồng chí:
Chuong mot CUOC HOP OTIN KEO
Chương hai CHỈ ĐƯỢC THÁNG
2

3
4
5
Chương ba ĐƯỜNG RA MẶT TRẬN
3
Chuông bốn QUYẾT ĐỊNH KHÓ KHẨN NHẤT
3
Chương năm MƯỜNG PHẢNG
5
Chương sáu CON NHIM ĐIỆN BIÊN PHỦ
2
3
4
Chương bảy THẾ TRẬN HÌNH THÀNH
Chương tâm MỞ CỬA
5
Chương chín TRẦN ĐỊA CHIẾN HÀO
2
A a-va đã lập tức có mặt ở Hà Nội sau trận Him Lam. Không khí bi quan tràn lan sở chỉ huy. Khắp nơi tiếng xì xào: "Số phận Điện Biên Phủ đã được quyết định". Cô-nhi chuyển cho Na-va những bức điện của Đờ Cát-xtơ-ri gửi về đầy giọng điệu bi quan.
5
Chương mười DÂY ĐIỂM CAO PHÍA ĐÔNG
Chuông mười một SIẾT VÒNG VÂY LỬA
3
5
Chương mười hai TẤT CẢ ĐỂ CHIẾN THẮNG
Chương mười ba ĐỢT TIẾN CÔNG CUỐI CÙNG
Chương mười bốn ĐIỆN BIÊN PHỦ - HÀ NỘI
Để thay kết luận
LỜI NÓI ĐẦU (Viết cho lần xuất bản thứ nhất)
Chương một TRẦN "ĐIỂN BIÊN PHỦ TRÊN KHÔNG"
Chương hai HỘI NGHỊ LỊCH SỬ

Chương ba KẾ HOẠCH CƠ BẢN VÀ KẾ HOẠCH THỜI CƠ
Chương bốn HẠ QUYẾT TÂM CHIẾN LƯỢC
Chương năm ĐÒN ĐIỂM HUYỆT
Chương sáu CHUYÊN CƯỢC TIÊN CÔNG THÀNH TỔNG TIÊN CÔNG
Chương bảy TRẦN SÀI GÒN BẮT ĐẦU
4. Cụ thể:
Chương tám GIẢI PHÓNG TRƯỜNG SA
Chương chín CHIẾN DỊCH HỒ CHÍ MINH
12 giờ 50 phút.
Chương mười ĐỐI DÒNG SUY NGẮM

THAY LỜI NÓI ĐẦU*

Võ Nguyên Giáp sinh ngày 25 tháng 8 năm 1911, mất ngày 4 tháng 10 năm 2013; quê xã Lộc Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình. Năm 1925 - 1926, Võ Nguyên Giáp tham gia phong trào học sinh yêu nước ở Trường Quốc học Huế, tiếp thu tư tưởng cách mạng của Nguyễn Ái Quốc. Năm 1927, Võ Nguyên Giáp gia nhập Tân Việt Cách mạng Đảng và đến năm 1929, cùng một số đồng chí cải tổ Tân Việt thành Đông Dương cộng sản liên đoàn, một trong ba tổ chức đảng hợp nhất thành Đảng Cộng sản Việt Nam.

Tháng 10 năm 1930, Võ Nguyên Giáp bị bắt trong khi tham gia phong trào cứu tế đô Nghệ An, bị thực dân Pháp kết án hai năm tù giam. Từ năm 1936 đến năm 1939, Võ Nguyên Giáp tham gia Mặt trận dân chủ, hoạt động báo chí trên mặt trận công khai của Đảng. Tháng 5 năm 1941, tại Hội nghị Trung ương lần thứ VIII, Võ Nguyên Giáp được giao phụ trách Ủy ban quân sự của Tổng bộ Việt Minh, tham gia chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa, xây dựng căn cứ địa Cao - Bắc - Lạng. Năm 1942, Võ Nguyên Giáp phụ trách Ban xung phong Nam tiến, tuyên truyền giác ngộ đồng bào các dân tộc để tổ chức thành con đường quần chúng từ Cao Bằng về Thái Nguyên.

Ngày 22 tháng 12 năm 1944, Lãnh tụ Hồ Chí Minh giao Võ Nguyên Giáp nhiệm vụ thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân, đội quân chủ lực đầu tiên của lực lượng vũ trang cách mạng Việt Nam do Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo. Võ Nguyên Giáp được ủy nhiệm lãnh đạo chung. Ngay sau ngày thành lập, Võ Nguyên Giáp đã trực tiếp chỉ huy trận đánh đốn Phai Khất và đốn Nà Ngần (25 và 26.12.1944), mở đầu truyền thống "đánh thắng trận đầu", "đánh tiêu diệt gọn" của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Tháng 4 năm 1945, Võ Nguyên Giáp được bầu vào Ủy ban quân sự cách mạng Bắc Kỳ, được cử giữ chức Tư lệnh các lực lượng vũ trang cách mạng thống nhất với tên gọi Việt Nam Giải phóng quân; tham gia Ủy ban chỉ huy làm thời Khu giải phóng Việt Bắc. Tháng 8 năm 1945, tại Hội nghị toàn quốc của Đảng Cộng sản Đông Dương, được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương, sau đó được cử vào Ban Thường vụ Trung ương Đảng và Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc. Tại Quốc dân Đại hội (16 - 17.8.1945) họp tại Tân Trào, được bầu vào Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam. Võ Nguyên Giáp đã có những đóng góp quan trọng vào thắng lợi của cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945.

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, Chính phủ Cách mạng làm thời Việt Nam dân chủ cộng hòa được thành lập, Võ Nguyên Giáp được cử giữ chức Bộ

trưởng Bộ Nội vụ; về Đảng, là Bí thư Đảng đoàn Chính phủ và được Đảng phân công đặc trách về quân sự. Từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 2 tháng 3 năm 1946, giữ chức Bộ trưởng Bộ Nội vụ kiêm Phó Bộ trưởng Bộ Quốc phòng (Thứ trưởng) trong Chính phủ liên hiệp làm thời. Ngày 6 tháng 1 năm 1946, trúng cử đại biểu Quốc hội khóa I. Từ ngày 2 tháng 3 năm 1946, giữ chức Chủ tịch Kháng chiến ủy viên Hội (sau đổi thành Ủy ban kháng chiến) trong Chính phủ liên hiệp. Tháng 4 đến tháng 5 năm 1946, là Phó Trưởng đoàn đàm phán Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa tại Hội nghị trù bị Đà Lạt (19.4 - 10.5.1946), có nhiệm vụ chuẩn bị cho cuộc đàm phán Việt - Pháp tại Hội nghị Phông-ten-no-blô (6.7 - 13.9.1946). Từ ngày 3 tháng 11 năm 1946 đến tháng 8 năm 1947, được cử giữ chức Bộ trưởng Bộ Quốc phòng trong Chính phủ Liên hiệp quốc dân. Ngày 30 tháng 11 năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ủy quyền cho Võ Nguyên Giáp làm Tổng chỉ huy Quân đội quốc gia và Dân quân tự vệ Việt Nam, sau là Tổng Tư lệnh kiêm Tổng Chính ủy, Bí thư Tổng Quân ủy. Ngày 20 tháng 1 năm 1948, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh phong quân hàm cấp tướng cho 11 cán bộ cao cấp của quân đội, Võ Nguyên Giáp được phong quân hàm Đại tướng. Từ tháng 7 năm 1948, được tái bổ nhiệm là Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Tháng 2 năm 1951, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng, được bầu làm Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam và được Ban Chấp hành Trung ương bầu vào Bộ Chính trị.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1954), Đại tướng Võ Nguyên Giáp là Tư lệnh kiêm Bí thư Đảng ủy các chiến dịch lớn. Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã kiến nghị với Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Tổng Bí thư Trường Chính những quyết sách đúng đắn và sáng tạo như: Tổ chức lại bộ đội theo hình thức "đại đội độc lập, tiểu đoàn tập trung"; thành lập đại đoàn chủ lực đầu tiên; đánh Đông Khê mà không đánh Cao Bằng trong Chiến dịch Biên Giới; mở chiến dịch đánh quân chủ lực cơ động của Pháp hành quân ra Hoà Bình, đồng thời đưa một bộ phận chủ lực ta luôn vào đánh sau lưng địch để phát triển chiến tranh du kích nhằm kiềm chế, tiêu hao, tiêu diệt địch; mở Chiến dịch Tây Bắc, nơi địch sơ hở và địa hình có lợi để tiêu diệt sinh lực địch, mở rộng vùng giải phóng; đặc biệt là quyết định thay đổi phương châm tác chiến từ "đánh nhanh, giải quyết nhanh" sang "đánh chắc, tiến chắc", giành thắng lợi trong Chiến dịch Điện Biên Phủ, đưa đến việc ký kết Hiệp định Gio-ne-vo. Sự chỉ đạo, chỉ huy của Đại tướng Tổng Tư lệnh đã góp phần quan trọng vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975), Đại tướng Võ Nguyên Giáp liên tục giữ chức vụ Tổng Tư lệnh, Bí thư Quân ủy Trung ương, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Phó Thủ tướng Chính phủ. Dưới sự lãnh

đạo của tập thể Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, sau này là Bí thư Thứ nhất Lê Duẩn, Đại tướng Võ Nguyên Giáp từ rất sớm đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh giao nhiệm vụ chuẩn bị dự thảo Nghị quyết Hội nghị Trung ương 15 (1 - 21.1.1959). Trong quá trình đánh Mỹ, Đại tướng đã cùng Quân ủy Trung ương chỉ đạo xây dựng những kế hoạch chiến lược và phương án tác chiến để kiến nghị với Trung ương và Bộ Chính trị, tổ chức chỉ đạo, chỉ huy thực hiện các kế hoạch ấy, đánh bại các chiến lược của quân đội Mỹ trong cuộc chiến tranh xâm lược ở miền Nam và cuộc chiến tranh phá hoại ở miền Bắc.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp là người sớm có kiến nghị và có nhiều công lao trong việc khẩn trương xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam tiến lên chính quy hiện đại, xây dựng các quân chủng: Phòng không - Không quân, Hải quân, xây dựng Bình chủng Đặc công, xây dựng đường Trường Sơn - đường Hồ Chí Minh trên bộ và đường Hồ Chí Minh trên biển chỉ viên cho tiền tuyến lớn miền Nam; kịp thời xây dựng các quân đoàn chủ lực để đáp ứng yêu cầu tác chiến hiệp đồng quân binh chủng, thực hiện những trận đánh tiêu diệt lớn.

Đặc biệt, trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975, cùng với sự chỉ đạo của Bí thư Thứ nhất Lê Duẩn, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã chỉ đạo nghiên cứu, đề xuất kiến nghị với Bộ Chính trị và cùng với cơ quan Bộ Tổng Tư lệnh, Bộ Tư lệnh tiền phương chỉ huy toàn quân thực hiện thắng lợi quyết tâm chiến lược giải phóng miền Nam.

Ngay sau chiến thắng Buôn Ma Thuột, Đại tướng Võ Nguyên Giáp và Quân ủy Trung ương kiến nghị với Bộ Chính trị bổ sung vào Kế hoạch chiến lược kế hoạch giải phóng quân đảo Trường Sa và được Bộ Chính trị phê chuẩn. Từ ngày 2 đến ngày 28 tháng 4, Đại tướng Võ Nguyên Giáp trực tiếp chỉ đạo Quân chủng Hải quân, Quân khu 5 tổ chức thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chiến lược giải phóng quân đảo Trường Sa.

Sự chỉ đạo của Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã góp phần quan trọng đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đến thắng lợi hoàn toàn, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Từ năm 1976, Đại tướng Võ Nguyên Giáp được Bộ Chính trị và Chính phủ phân công vừa phụ trách quốc phòng đến năm 1980, vừa chỉ đạo công tác khoa học kỹ thuật - khoa học xã hội và sau đó cả công tác giáo dục đào tạo đến năm 1991. Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã tiếp thu kinh nghiệm của thế giới, vừa tập hợp được trí tuệ của các nhà khoa học trong nước nên có nhiều ý kiến chỉ đạo đúng, sát thực tiễn, góp phần đề ra những quan điểm cơ bản tạo nên tiến bộ nhất định đối với sự phát triển của nền khoa học và nền giáo dục.

Là người cộng sự gần gũi của Chủ tịch Hồ Chí Minh và có thực tiễn lãnh đạo cách mạng, Đại tướng Võ Nguyên Giáp sớm thấy được giá trị to lớn của

tư tưởng Hồ Chí Minh đối với thắng lợi của cách mạng Việt Nam, sớm đề xuất và trực tiếp triển khai nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh, đề nghị với Bộ Chính trị cần xác định tư tưởng Hồ Chí Minh cùng chủ nghĩa Mác - Lê-nin là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã được Đảng, Nhà nước tặng thưởng nhiều phần thưởng cao quý: Huân chương Sao Vàng (20.8.1992), hai Huân chương Hồ Chí Minh (là người đầu tiên được tặng năm 1950; 1979), Huy hiệu 70 năm tuổi Đảng (trao ngày 27.10.2010) và nhiều huân, huy chương cao quý khác của Việt Nam và quốc tế. Võ Nguyên Giáp được suy tôn là người Anh Cả của Quân đội nhân dân Việt Nam, là Tư lệnh của các Tư lệnh, Chính ủy của các Chính ủy, là Đại tướng của nhân dân. Thế giới đánh giá với tài thao lược về chiến lược, chiến dịch, hậu cần được kết hợp nhuần nhuyễn với chính trị và ngoại giao, Đại tướng Võ Nguyên Giáp là một trong 21 danh tướng của thế giới trong 25 thế kỷ, trở thành một trong những thiên tài quân sự lớn nhất của thế kỷ XX.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp là một tấm gương mẫu mực, một nhân cách lớn bởi tầm cao trí tuệ, đạo đức nhân văn, tấm lòng yêu nước thương dân, luôn "di công vi thương", hết lòng phục vụ Đảng, phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ quốc, sống nhân hậu, dân chủ, bình đẳng, yêu thương cán bộ, chiến sĩ, gần gũi tôn trọng nhân dân; là một trong những nhà lãnh đạo cách mạng tiêu biểu, một nhà quân sự lối lạc, một vị Tổng Tư lệnh "văn võ song toàn", "đức tài trọn vẹn", một nhà chiến lược mưu trí sáng tạo, một nhà lý luận quân sự hàng đầu, một nhà tổ chức kiệt xuất, một vị tướng có uy tín lớn trong nước và trên thế giới; là nhà báo, nhà giáo, nhà ngoại giao, nhà sử học, nhà văn hoá lớn của dân tộc.

Là một nhà lãnh đạo rất coi trọng việc nghiên cứu lý luận, tổng kết kinh nghiệm thực tiễn, nhất là về lĩnh vực quân sự, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã biên soạn xuất bản hơn 40 tác phẩm, góp phần phổ biến quán triệt đường lối chính trị, quân sự của Đảng Cộng sản Việt Nam, chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, giáo dục lịch sử, truyền thống và kinh nghiệm, đồng thời, cũng cho biết những phát triển mới, những nội dung cơ bản của tư tưởng quân sự Võ Nguyên Giáp. Nhiều tác phẩm đã được dịch ra tiếng nước ngoài.

Bộ "Tổng tập Hồi ký" giới thiệu một số tác phẩm của Đại tướng Võ Nguyên Giáp gồm: "Từ nhân dân mà ra" (1964), Điện Biên Phủ - Điểm hẹn lịch sử" (1964), "Những năm tháng không thể nào quên" (1970), "Chiến đấu trong vòng vây"

(1995), "Đường tới Điện Biên Phủ" (2004), "Tổng hành đinh trong mùa xuân toàn thắng" (2000).

Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc!

TỪ NHÂN DÂN MÀ RA

HỮU MAI thế hiện

(Theo bản in năm 1964 của Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, Hà Nội)

hân ngày kỷ niệm quân đội năm nay, theo yêu cầu của Tổng cục Chính trị, chúng tôi kể lại một số chuyện về thời kỳ mới xây dựng của quân đội ta.

Ngay từ ngày Đảng ta mới thành lập, trong khi xác định nhiệm vụ cơ bản của cách mạng Việt Nam là phải đánh đổ kẻ thù để quốc và phong kiến, thực hiện cách mạng dân tộc, dân chủ, tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa, Đảng ta đã chỉ rõ cho toàn dân con đường giải phóng duy nhất là con đường bao lực cách mạng. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, trong suốt mấy chục năm qua, nhân dân ta đã đi theo con đường đúng đắn do Đảng vạch ra, khi thì tiến hành đấu tranh chính trị, khi thì tiến hành đấu tranh vũ trang, khi thì kết hợp đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị và đã không ngừng đưa cách mạng tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác ngày càng to lớn hơn.

Từ những năm 1930, 1931, những đội tự vệ đỏ của quần chúng công nông trong phong trào xô-viết Nghệ Tĩnh đã từng anh dũng đứng lên bảo vệ chính quyền xô-viết, bảo vệ nhân dân. Năm 1940, tiếng súng khởi nghĩa Bắc Sơn, tiếp đó là cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ đã báo hiệu một thời kỳ mới. Với Hội nghị Trung ương lần thứ tám, vấn đề chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa đã được đề ra thành nhiệm vụ cần kíp của toàn Đảng và của toàn thể nhân dân ta. Các đội Cứu quốc quân, Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân, Du kích Ba Tơ cùng hàng nghìn đội tự vệ, tự vệ chiến đấu tại khắp các địa phương trên cả nước đã sinh ra và lớn lên trong cao trào đấu tranh cách mạng chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, lực lượng vũ trang của nhân dân đã ra đời. Quân đội của chúng ta thực sự là một quân đội của nhân dân, từ nhân dân mà ra, vì sự nghiệp của nhân dân mà chiến đấu.

Từ những hạt giống bé nhỏ này mầm trong khói lửa đấu tranh cách mạng của toàn dân, trải qua biết bao cơn phong ba bão táp, quân đội ta đã lớn mạnh không ngừng và đã không ngừng chiến đấu và chiến thắng.

Máy năm trước, nhân những ngày kỷ niệm "Ba mươi năm ngày thành lập Đảng", "Bảy mươi năm ngày sinh của Bác", với sự giúp đỡ của các đồng chí Tô Hoài, Trần Cư, tôi đã có dịp kể cùng các đồng chí và đồng bào ít mẫu chuyện về Bác Hồ với quân đội, về Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân tại Chiến khu Cao - Bắc - Lạng.

Năm nay, nhân ngày kỷ niệm quân đội, cùng với những tập hồi kỷ về Cứu quốc quân của anh Chu Văn Tấn, Du kích Ba Tơ của anh Phạm Kiệt, về các lực lượng tự vệ và tự vệ chiến đấu thời kỳ trước Cách mạng Tháng Tám, với sự giúp đỡ của đồng chí Hữu Mai, tôi muốn ôn lại cùng các đồng chí về công cuộc chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa, xây dựng căn cứ địa cách mạng, tại Chiến khu Cao Bằng - Bắc Kạn, nơi Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân đã ra đời. Tôi sẽ kể lại những chuyện từ ngày được gặp Bác, vị lãnh tụ của Đảng và của dân tộc, Người đã trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng tại Cao - Bắc - Lạng và tại Khu giải phóng trước ngày Tổng khởi nghĩa, đã ra chỉ thị thành lập và đã xây dựng, rèn luyện Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân. Tôi cũng muốn nhân đây kể lại một số chuyện về Khu giải phóng, nơi Hội nghị toàn quốc của Đảng đã quyết định Tổng khởi nghĩa, nơi lực lượng vũ trang thống nhất của Đảng ta, Việt Nam Giải phóng quân đã nhận được bản quản lệnh đầu tiên của Ủy ban khởi nghĩa. Phong trào cách mạng tại Chiến khu Cao - Bắc - Lạng, và tại Khu giải phóng sau này là một phong trào cách mạng rất rộng lớn; trong hoàn cảnh hoạt động bí mật, địch khủng bố gắt gao, sự liên lạc với Trung ương ở miền xuôi và ngay giữa các địa phương với nhau cũng thường bị gián đoạn. Tôi chỉ kể ở đây ít nhiều những chuyện, những việc tôi đã chứng kiến hoặc được biết trong phạm vi và trong địa phương công tác của mình, mong rằng sẽ được các đồng chí khác cùng hoạt động hồi đó có dịp bổ sung cho đầy đủ.

Nhân dân ta vô cùng vũ đại. Quân đội ta, con đẻ của nhân dân, là một quân đội anh hùng, từ nhân dân mà ra, được nhân dân đùm bọc, chăm sóc, thương yêu. Quân đội ta đã làm tròn và quyết sẽ làm tròn mọi nhiệm vụ nặng nề, về vang mà nhân dân và Đảng giao phó.

háng 9 năm 1939, Đại chiến thế giới lần thứ hai bùng nổ.

Bọn đề quốc tranh giành nhau thị trường lại lôi cuốn loài người vào thâm họa của một cuộc chiến tranh mới.

Tại Đông Dương, bọn thống trị thù tiêu nốt chút quyền tự do dân chủ chúng ta đã đấu tranh giành được từ ngày Mặt trận bình dân ở Pháp lên cầm quyền. Chúng thẳng tay đàn áp cách mạng, thẳng tay bóc lột nhân dân, đẩy hàng vạn đồng bào ta đi làm mồi cho súng đạn, chết thay cho chúng như trong cuộc Chiến tranh thế giới

lần thứ nhất. Những sách báo công khai của Đảng đều bị cấm. Nhiều đồng chí bị bắt. Bọn mật thám dắt xe đạp đứng theo dõi trước nhà những đồng chí đã lộ mặt trong thời kỳ hoạt động nửa công khai. Cuộc khủng bố của đế quốc mỗi ngày một thêm ráo riết. Các tổ chức hoạt động hợp pháp và nửa hợp pháp của Đảng đều phải rút vào bí mật.

Tháng 4 năm 1940, anh giáo Minh tới báo cho tôi đi gặp anh Hoàng Văn Thụ. Tôi lên Chèm, nghĩ lại đó một đêm. Anh Thụ nói lại cho nghe những nghị quyết của Đảng trong phiên họp Hội nghị Trung ương lần thứ sáu vừa qua. Đảng đã nhận định, con đường sống còn duy nhất của các dân tộc ở Đông Dương hiện nay là phải đánh đổ để quốc Pháp, chống tất cả bọn ngoại xâm vô luận da trắng hay da vàng để giành lấy giải phóng, độc lập. Mặt trận dân chủ thích hợp với hoàn cảnh trước, không còn thích hợp với hoàn cảnh hiện tại. Đảng đã chủ trương thành lập Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương để đấu tranh chống chiến tranh đế quốc, đánh đổ để quốc Pháp và bọn phong kiến, giải phóng các dân tộc Đông Dương, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập. Để chống lại sự khủng bố của đế quốc, nhiều cán bộ và quần chúng của Đảng sẽ chuyển sang hoạt động bí mật. Anh Hoàng Văn Thụ cho biết, theo quyết định của Đảng, anh Phạm Văn Đồng và tôi sẽ vượt biên giới sang Trung Hoa.

Hoàn cảnh của chúng tôi khi đó cũng có khó khăn. Anh Đồng từ ngày ở Côn Đảo về, vẫn yếu. Bọn mật thám đã theo dõi chúng tôi trong những hoạt

động chính trị và làm báo công khai của Đảng tại Hà Nội vẫn giám sát chúng tôi trong mọi hành động. Tuy vậy, ít ngày sau, cuộc chuẩn bị cũng đã xong, anh giáo Minh lại đến báo với tôi đi gặp anh Hoàng Văn Thụ một lần nữa trước khi lên đường.

Một buổi chiều, sau khi dạy học, nhân lúc học sinh tấp nập ra về, tôi lên tàu điện đi về phía Hà Đông. Đến Cầu Mới, tôi xuống tàu.

Trời đã nhá nhem tôi. Nhìn trước, nhìn sau, không thấy có ai theo dõi, tôi rẽ vào nghĩa trang Quảng Thiện. Một người đội khăn xếp, mặc áo dài đen, tay cầm chiếc ô, đang đứng vẫn vơ trong đó. Tôi nhận ra anh Hoàng Văn Thụ.

Bữa đó, anh Thụ đã nói với tôi: "Tình hình này, sớm muộn thế nào bọn phát xít Nhật cũng sẽ chiếm đóng Đông Dương. Như vậy, rất có thể quân Đồng minh cũng sẽ đổ bộ vào. Cách mạng ta cần phải có lực lượng quân sự. Chúng ta phải chuẩn bị nhiều mặt để phát động chiến tranh du kích thì mới kịp thời được".

Trước khi chia tay, anh Thụ dặn thêm:

- Anh ra nước ngoài lần này có thể gặp đồng chí Nguyễn Ái Quốc. Anh hỏi xem sự hoạt động của "Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông" hiện nay như thế nào?

Tôi biết lần này sẽ phải xa anh lâu, nhưng không ngờ đó là lần gặp anh cuối cùng.

Về đến nhà, tôi vẫn suy nghĩ đến việc chuẩn bị phát động chiến tranh du kích anh Thụ đã nói. Từ lâu tất cả chúng tôi đều biết, tại Trung Hoa, Đảng Cộng sản đã phát động một phong trào chiến tranh du kích rất rộng lớn trong nhân dân, nhằm đánh đổ chính quyền của bọn thống trị. Chúng tôi đã đọc nhiều sách báo về Diên An, căn cứ địa của cách mạng Trung Hoa, về những hoạt động du kích kháng Nhật của Đệ bát lộ quân, Tân tứ quân... Tôi nghĩ đến cuộc chiến đấu của nhân dân ta chống quân nhà Minh dưới thời Lê Lợi. Tôi nghĩ đến cuộc chiến đấu của nhân dân Tây Ban Nha chống lại sự xâm lăng của Na-pô-lê-ông. Tôi chưa tưởng tượng được tình hình sẽ diễn ra như thế nào nếu phát động chiến tranh du kích trong hoàn cảnh nước ta. Một bữa, nhân qua thư viện, tôi mượn tập Bách khoa toàn thư tìm phần giải thích các loại vũ khí, tôi xem kỹ những đoạn về súng trường và lựu đạn.

Một buổi chiều, vào đầu tháng 5 năm 1940.

Đến giờ đi dạy học, ra khỏi nhà một quãng, tôi ngoái lại nhìn ngôi nhà nhỏ, biết còn lâu mới quay trở về đây, khi đó chắc có nhiều sự thay đổi rồi.

Hôm đó là thứ sáu. Tôi đã sắp xếp dạy dồn cả chương trình ngày thứ bảy vào thứ năm và thứ sáu, để có được một khoảng cách hai ngày, thứ bảy và chủ nhật, không phải đến trường. Mấy hôm trước, tôi đã biên sẵn một lá thư cho ông giám đốc nhà trường (khi đó là anh Hoàng Minh Giám), trong đó viết là về thăm nhà rồi bị mệt nên chưa ra Hà Nội được. Thư này, gia đình tôi sẽ gửi từ Quảng Bình ra, sau khi tôi đã đi khỏi Hà Nội.

Từ ngày ra Hà Nội hoạt động, tôi đã làm nghề dạy học tại trường Thăng Long, một trường trung học tư thục. Mấy năm qua, làm nghề này, giữa tôi và học sinh đã có nhiều gắn bó. Một số học sinh đã tìm đến với chủ nghĩa cộng sản. Cũng có đôi người biết tôi sắp ra đi.

Năm giờ chiều, tan học. Tôi lững thũng đi về phía Hồ Tây như một người dạo mát. Hoa phượng nổ đỏ trên vòm cây. Tiếng ve sầu kêu ra rả. Tôi vừa đi vừa để ý nhìn trước, nhìn sau xem có mật thám theo dõi không. May sao, chiều hôm đó, không thấy bóng dáng bọn chúng. Từ ngày dịch bắt đầu khủng bố, trước khi tôi gặp anh Hoàng Văn Thụ, các anh cũng đã cho biết là tôi sẽ chuyển vào hoạt động bí mật. Trong nhiều lần trao đổi ở gia đình, chị Thái cũng rất muốn được đi hoạt động bí

mật. Nhưng chúng tôi khi đó mới có cháu nhỏ chưa đầy năm, chưa nhờ ai nuôi được. Chị Thái hẹn khi nào gửi được con, sẽ đi sau.

Đến đường Cổ Ngư, qua chùa Trấn Võ, thấy chị Thái ẵm cháu Hồng Anh đã đứng đợi ở gốc cây vắng người. Chị Thái rơm rớm nước mắt, thỉnh thoảng lại quay về phía hồ để mọi người khỏi chú ý. Tôi nói với chị Thái, ở nhà giữ liên lạc với các anh, tiếp tục công tác, cố gửi gắm Hồng Anh để đi bí mật. Chị Thái nhắc tôi, hết sức giữ gìn sức khỏe và cẩn thận trong khi hoạt động, gắng tìm cách cho nhà biết tin. Một đôi người quen đi ngang chào hỏi, tưởng chúng tôi đang đứng hóng mát. Chúng tôi đang nói chuyện thì có tiếng người hỏi phía sau:

- Thầy có đi xe không?

Tôi quay lại thấy anh giáo Minh kéo một chiếc xe tay đứng đợi. Tôi chia tay chị Thái lên xe, không ngờ phút chia tay đó lại là phút vĩnh biệt.

Đồng chí Minh đưa tôi đến một hàng cơm nhỏ ở cuối đường Yên Phụ. Lát sau, anh Đồng cũng tới. Chúng tôi nghỉ đêm tại đây để tránh sự kiểm soát giấy tờ của bọn cảnh sát.

Sáng sớm hôm sau, anh Đồng và tôi ra ga Đầu Cầu, lên xe lửa đi Lào Cai. Vé tàu đồng chí Minh lấy cho từ trước. Cả hai chúng tôi đều không đem theo hành lý. Lên tàu, mỗi người ngồi một nơi. Tôi lấy chiếc kính râm ra đeo cho mặt hơi khác đi và dễ quan sát.

Dưới thời Pháp đô hộ, người được đi ra nước ngoài phải là người giàu có và trung thành với chính phủ "bảo hộ". Với những người có chí hướng hoạt động cách mạng, thì chỉ có cách trốn, một là thoát, hai là vào tù ngục. Từ hồi còn là học sinh, sau cuộc bãi khóa những năm 1926, 1927, tôi cũng đã được các đồng chí định bố trí cho đi cùng với lớp thanh niên mới giác ngộ cách mạng. Nhiều lần, tôi đã mơ mình cùng một số anh em nằm trốn trong khoang một con tàu biển lênh đênh giữa đại dương. Về sau, tham gia tổ chức bí mật, tôi ở lại hoạt động không đi nữa.

Ngồi trên con tàu ra đi, nghĩ đến lúc đã qua biên giới, cảm thấy như trời sẽ cao hơn, đất sẽ rộng hơn, cánh chim số lồng tha hồ vùng vẫy. Xen với niềm phấn khởi đó, cũng có những lo âu, không biết từ đây đến biên giới có thoát khỏi tay bọn Pháp không. Không hiểu điều kiện hoạt động ở bên kia ra sao. Tướng Long Vân đứng đầu chính quyền của bọn Quốc dân Đảng ở Vân Nam vốn là một tên quân phiệt nổi tiếng chống cộng. Thêm vào với những phấn khởi, lo âu đó, là sự bồi hồi khi phải xa những người thân, xa đất nước, xa quê hương.

Hai chúng tôi dừng lại một đêm ở Yên Bái, chờ đồng chí Minh, người dẫn đường vượt biên giới, đi chuyến tàu sau.

Sáng hôm sau, đồng chí Minh tới. Chúng tôi cùng lên tàu tiếp tục đi Lào Cai. Khi tàu đỗ cách thị xã một ga, chúng tôi xuống. Đồng chí Minh dẫn đi bộ vòng quanh thị xã tới bờ sông Nậm Tì. Con sông ở quãng này là ranh giới giữa Lào Cai và Vân Nam.

Chúng tôi ngồi nép trong một bụi lau bên bờ sông đợi đồng chí Minh đi chuẩn bị. Anh kiếm đâu được một chiếc bè nhỏ, chèo sang sông trước. Anh vừa lên bờ bên kia thì một chiếc ca-nô của lính đoạn Pháp đi tuần xình xịch tới. Chúng tôi ngồi nhìn hồi hộp. Bọn lính đoạn không nhận ra có người vừa vượt sông. Chúng đi khỏi một lát, đồng chí Minh lại chèo bè trở về đón chúng tôi.

Bè nhỏ, mỗi chuyến chỉ chờ được hai người. Anh Đồng bảo tôi sang trước. Đã sắp đến mùa nước. Dòng sông Nậm Tì chảy cuồn cuộn, đục ngầu. Đồng chí Minh ra sức chèo chống một lúc, đưa được tôi sang bờ bên kia. Tôi quay lại nhìn những núi non trùng điệp của Tổ quốc nằm bên kia sông, u ẩn sau màn sương. Tình cảm lúc này thật khó tả. Non sông kia là của mình, nhưng lại nằm trong tay quân địch. Lúc phải xa đất nước, xa quê hương, cũng lại là lúc cảm thấy vừa thoát được vòng tù hãm...

Đồng chí Minh đưa anh Đồng và tôi vào một gia đình người Trung Hoa. Tại đây, chúng tôi thay quần áo mặc khi ở nhà ra đi bằng hai bộ quần áo

kiểu Tôn Trung Sơn, cao cổ, màu xám xám. Cả hai chúng tôi đều đóng vai những người Trung Hoa sinh trưởng ở nước ngoài mới về.

Ngay tôi hôm đó, ra ga Hà Khẩu, tiếp tục đi luôn Côn Minh. Chuyến tàu chợ chật ních hành khách. Lại phải tránh sao cho khỏi bị bọn Tưởng kiểm soát vé và hộ chiếu. Mỗi khi thấy bọn soát vé từ phía trên đi xuống, cả ba chúng tôi lùi dần về cuối đoàn tàu. Khi tàu đỗ, chúng tôi xuống sân ga, đi ngược một quãng, rồi lên ngồi ở toa chúng vừa kiểm soát vé xong. Bọn chúng làm ăn cũng lơ mơ; chúng tôi thoát tất cả những lần kiểm soát không khó khăn lắm.

Hai ngày sau, tôi Côn Minh. Anh Vũ Anh và anh Hoàng Văn Hoan đón tại sân ga. Các anh đưa chúng tôi đi vòng đầu ghi, vượt ra ngoài để tránh bị kiểm soát vé. Chúng tôi đến chỗ ở của anh Phùng Chí Kiên. Anh Kiên khi đó là ủy viên Trung ương của Đảng ta, công tác tại nước ngoài.

ôn Minh hôi dó là đại hậu phương kháng Nhật ở phía Tây Nam Trung Quốc. Dân Nam Kinh, Bắc Kinh, Thượng Hải, Quảng Châu... đổ về rất đông. Thành phố đầy ngập người và xe cộ. Nhiều trường đại học, nhiều nhà ngân hàng, hiệu buôn ở các

tỉnh chuyển về đây. Do đó, những hoạt động kinh tế, văn hoá tại thành phố cũng trở nên nhộn nhịp. Vân Nam ở giáp Diến Điện1, nên Côn Minh còn là nơi tiếp nhận hàng viện trợ của Mỹ qua đường Diến Điện để vào Trung Quốc. Xe vận tải nhà binh chạy ầm ầm suốt ngày trên các đường phố. Thời kỳ này, Quốc dân Đảng đã ký kết hợp tác với Đảng Cộng sản Trung Quốc để đánh Nhật. Trong thành phố có nhiều cửa hàng bán sách báo tiến bộ. Không khí kháng Nhật khá sôi nổi. Đâu đâu cũng thấy khẩu hiệu "Đánh Nhật đến cùng". Thành phố tuy có những biểu hiện tiến bộ, nhưng vẫn nằm dưới chế độ quân phiệt của tướng Long Vân. Pháp có đặt lãnh sự tại đây. Ảnh hưởng Pháp với chính quyền Quốc dân Đảng tại Vân Nam vẫn còn khá mạnh.

Kiêu bào ta ở Côn Minh khá đông. Đảng ta được sự giúp đỡ của các đồng chí Trung Quốc, hoạt động bí mật trong kiểu bào. Bọn Việt Nam Quốc dân Đảng cũng có mặt. Chúng dựa vào bọn Quốc dân Đảng Trung Hoa, hoạt động công khai.

Anh Phùng Chí Kiên ở khu du kích Sán Đầu cũng mới về Côn Minh. Căn buồng nhỏ của anh ở trong một ngõ hẻm, chỉ có một cái giường và một tấm ván kẻ giáp tường làm bàn viết. Chúng tôi cùng ở với anh Kiên. Anh Đồng và tôi vẫn tiếp tục đóng vai những người Trung Hoa sinh trưởng tại nước ngoài mới về Tổ quốc. Vai này cũng không khó lắm. Thành phố rất đông người từ các nơi khác đến, màu sắc khác nhau, tiếng nói khác nhau, nên mặc dầu chúng tôi lúc đầu chỉ nói được một vài tiếng quan hòa, cũng không ai để ý.

Anh Kiên nói chuyện về tình hình kiểu bào, tình hình chiến tranh chống Nhật tại Trung Quốc, và dạy chúng tôi học tiếng Trung Quốc. Anh Kiên hoạt động tại Trung Quốc khá lâu và đã học ở trường đại học của Hồng quân tại khu Xô-viết. Anh là một người vui tính, hồn nhiên, rất tốt. Khi chúng tôi hỏi về công tác, anh Kiên nói: "Công tác của các anh phải đợi đồng chí Vương về quyết định".

Một tuần sau khi đến Côn Minh, chúng tôi chuyển sang chỗ ở mới. Nhà này của một đồng chí Trung Quốc cho ở nhờ. Nhà có gác, sạch sẽ, cao ráo. Trước nhà có sân. Trên sân lại có một cây ngọc lan cao, rất nhiều hoa. Cả gia đình đồng chí Trung Quốc này đối xử với chúng tôi thân mật như người trong nhà.

Anh Cao Hồng Lĩnh mới từ Diên An về, cũng đến ở cùng chúng tôi. Anh em thổi nấu lấy ăn. Anh Cao Hồng Lĩnh thạo tiếng Trung Quốc, nhận phần đi chợ. Chúng tôi phân công nhau lần lượt nấu ăn. Về sau, các anh thấy tôi nấu nướng kém quá, nên chỉ phân công cho rửa bát.

Chúng tôi vẫn phải đợi đồng chí Vương về để giải quyết công tác. Hàng ngày, sau bữa cơm, lại ra Thúy Hổ ngồi học tiếng Trung Quốc. Thúy Hồ là một thắng cảnh

của Côn Minh. Hổ khá rộng, có đường chạy ngang và chạy vòng quanh. Gần hồ, có trường Giảng Võ, học sinh quân thường kéo ra đây luyện tập. Giờ nghỉ, họ hát những bài ca kháng Nhật. Lần đầu, được nghe một đội quân hát những bài hát kháng chiến, tôi có ý nghĩ: Dù sao, binh sĩ ở một nước nửa thuộc địa vẫn còn hơn một nước thuộc địa.

Gần nửa tháng, vẫn chưa thấy đồng chí Vương về. Các anh ở đây không nói với tôi đồng chí Vương là người như thế nào. Nhưng qua thái độ kính trọng của các anh khi nói đến đồng chí Vương, tôi đoán được đồng chí Vương phải là một đồng chí rất quan trọng. Tôi liên tưởng đến đồng chí Nguyễn Ái Quốc.

Đối với nhiều người vào lớp tuổi chúng tôi hồi đó, hình ảnh Nguyễn Ái Quốc đã trở nên một hình ảnh lý tưởng.

Khoảng những năm 1926, 1927, do ảnh hưởng cách mạng Nga và cách mạng Trung Quốc, phong trào học sinh ở Huế phát triển khá mạnh. Chúng tôi hay đến nhà cụ Phan Bội Châu để nghe nói chuyện tình hình thế giới và trong nước. Khi đó, cụ Phan mới bị đưa từ Hà Nội về Huế an trí. Trong nhà cụ, ảnh Lê-nin treo cạnh ảnh Tôn Dật Tiên và Thích Ca Mầu Ni. Chúng tôi là những thanh niên háo hức đi tìm chân lý. Có khi chúng tôi ngồi hàng buổi nghe cụ Phan nói chuyện.

Nhưng rồi trong anh em bắt đầu có những lời thì thào, bàn tán về nhà cách mạng Nguyễn Ái Quốc. Một hôm anh Nguyễn Khoa Văn (anh Hải Triều) kiếm đâu được một quyển Bản án chủ nghĩa thực dân của Nguyễn Ái Quốc, đem về chuyển tay chúng tôi. Ngoài bìa cuốn sách có in cả chữ Á Rập.

Anh em lư ơ m lật khắp nơ i về kể cho nhau nghe nhiều chuyện ly kỳ về Nguyễn Ái Quốc. Những chuyện Nguyễn Ái Quốc bôn ba khắp nơ i trên thế giới. Những chuyện Nguyễn Ái Quốc làm báo Người cùng khổ ở Pa-ri. Những người nói chuyện đều say sư a như chính mắt họ đã nhìn thấy Nguyễn Ái Quốc trong các câu chuyện mà họ kể lại. Có một thời kỳ, bỗng nghe tin đồn Nguyễn Ái Quốc đã mất vì bệnh ho lao. Ít lâu sau, mọi người đã tìm ra, đó chỉ là tin bịa đặt của bọn đế quốc. Chúng không biết làm cách nào để ngăn chặn ảnh hưởng của Nguyễn Ái Quốc trong thanh niên, nên đã tung ra tin này. Rồi không biết anh em lại tìm đâu được một tấm ảnh Nguyễn Ái Quốc. Trong ảnh, Nguyễn Ái Quốc còn trẻ, có đôi mắt rất linh lợi, đầu đội mũ phớt đen. Tấm ảnh đã mờ. Như ng với trí tưởng tượng và lòng kính phục của chúng tôi, đấy là hình ảnh sáng ngời của người thanh niên cách mạng đầy nhiệt tình và chí lớn.

Sau cuộc bãi khóa năm 1927 của học sinh Huế, tôi phải trở về quê. Một hôm, anh Nguyễn Chí Diếu, một người bạn rất thân ở Huế về, đưa tôi một tập tài liệu. Đó là

một cuốn sách về chủ nghĩa cộng sản bằng tiếng Pháp, một tập tài liệu của "Liên đoàn các dân tộc bị áp bức trên thế giới" in ở Bờ-ruy-xen (nước Bỉ), và một số văn bản về cuộc họp ở Quảng Châu, đặc biệt trong đó có bài nói chuyện của Nguyễn Ái Quốc. Tôi đem tập tài liệu ra cánh đồng vắng, trèo lên cây, ngồi đọc. Lần đầu tôi được đọc một tập tài liệu có hệ thống về chủ nghĩa cộng sản và chủ nghĩa quốc tế. Có thể nói là tư tưởng của chủ nghĩa cộng sản đã được cắt nghĩa lần lần qua từng trang sách. Sau đó, tôi trở lại Huế. Lần này, không phải là đi học, mà đi hoạt động cách mạng. Ở Huế, anh Phan Đăng Lưu từ Quảng Châu về, nhiều lần nói chuyện về đồng chí Nguyễn Ái Quốc.

Máy năm trước đây, trong thời gian làm báo Tiếng nói của chúng ta (Notre voix), một tờ báo công khai của Đảng bằng tiếng Pháp ở Hà Nội,

chúng tôi thường nhận được những bài đánh máy ký tên "P.C.Lin" từ nước ngoài gửi về. Qua một vài lần, chúng tôi đoán được những bài đó là của đồng chí Nguyễn Ái Quốc. Mỗi khi nhận được bài của P.C.Lin, chúng tôi lại chuyển tay nhau đọc đi, đọc lại, và khi đăng báo thì xếp vào một mục với tên Những lá thư từ Trung Hoa. Đó là những ý kiến về mặt trận dân chủ rộng rãi, những nhận định mới mẻ về tình hình thế giới, những kinh nghiệm bổ ích về cách mạng của Trung Quốc. Nhiều bài viết khá dài, chúng tôi phải đăng trên báo thành nhiều kỳ. Có lần anh em trong tòa soạn tìm mua một chiếc máy chữ gửi cho đồng chí "P.C.Lin" (chiếc máy chữ đó Bác dùng mãi về sau này).

Tất cả những câu chuyện, những hình ảnh đó đều gây cho tôi một ấn tượng rất sâu sắc. Nhớ đến lời anh Hoàng Văn Thụ nhắn trước khi ra đi, tôi càng tin đồng chí Vương chính là đồng chí Nguyễn Ái Quốc.

Sang đầu tháng 6, một hôm, anh Phùng Chí Kiên rủ chúng tôi đi Thúy Hồ. Dọc đường, anh Kiên nói:

- Đồng chí Vương đã đến và hẹn chúng mình tới gặp ở Thúy Hồ.

Đến Thúy Hồ, tôi thấy anh Vũ Anh ngồi trong một chiếc thuyền với một người đứng tuổi, gày gò, có đôi mắt rất sáng, mặc một bộ quần áo Tôn Trung Sơn màu xám, đội mũ phớt.

Tôi nhận ra ngay chính là đồng chí Nguyễn Ái Quốc. Nếu so với bức ảnh ngày trước tôi đã được xem thì trông Bác ở ngoài linh hoạt và sắc sảo hơn nhiều (hồi đó Bác gầy và chưa để râu).

Trước khi gặp Bác, tôi đoán con người Bác chắc hẳn phải có những cái gì rất đặc biệt, khác thường. Gặp Bác, tôi thấy Bác hoàn toàn không giống như những điều

mình hằng tưởng tượng. Ngay từ phút đầu, tôi đã cảm thấy như mình được ở rất gần Bác, được quen biết Bác từ lâu rồi. Con người của Bác toát ra một cái gì rất trong sáng, giản dị. Tôi không nhận thấy ở Bác có gì là đặc biệt, là khác thường cả. Chỉ có một điều làm tôi chú ý lúc bấy giờ là trong câu chuyện, Bác thường nói chen nhiều tiếng địa phương miền Trung. Không ngờ một người xa nước lâu năm như Bác mà vẫn giữ được tiếng nói quê hương.

Bác và chúng tôi rồi thuyền lên bò, vừa đi dạo quanh hồ vừa nói chuyện. Bác hỏi chúng tôi về những khó khăn khi đi đường, hỏi tình hình trong nước gần đây, hỏi tình hình Mặt trận dân chủ, và hỏi chuyện chúng tôi làm báo. Bác nói:

- Các đồng chí ra được thế này là tốt. Vài ngày nữa sẽ bố trí công tác cho các đồng chí.

Tôi nói với Bác điều anh Thụ dặn dò về vấn đề "Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông". Bác nói:

- Vẫn rất cần, nhưng điều kiện tổ chức thì hiện nay chưa chín nên chưa đặt ra.

Cho mãi về sau này, được công tác trực tiếp với Bác, tôi vẫn giữ lại nguyên vẹn cái cảm giác như ngày gặp Bác lần đầu tiên trên bờ Thúy Hồ. Ở Bác, trước sau vẫn là phong cách giản dị và trong sáng ấy. Tôi nghĩ, con người vĩ đại thường là con người lúc nào cũng giản dị.

V hân dân Trung Quốc lúc đó đang tiến hành cuộc chiến tranh kháng Nhật. Trước áp lực của nhân dân, bọn Quốc dân Đảng Tưởng Giới Thạch buộc phải bắt tay với Đảng Cộng sản Trung Quốc để đánh Nhật, nhưng bên ngoài thì hợp tác, bên trong thì chúng ngấm ngầm tìm mọi cách để làm suy yếu lực lượng cách mạng, và lúc nào cũng sẵn sàng giở giáo, phản bội lại những lời chúng đã cam kết.

Dựa vào những điều ký kết với bọn Tưởng, Đảng Cộng sản lập nhiều biện sự xứ ở các nơi. Đó là những cơ quan công khai của Đảng để giao thiệp với chính quyền Tưởng Giới Thạch. Mặt khác, trong khu vực của Quốc dân Đảng, Đảng vẫn có những tổ chức rất bí mật.

Bọn Việt Nam Quốc dân Đảng đang định bám gót quân đội Tưởng Giới Thạch để trở về Việt Nam khi "Hoa quân nhập Việt". Chúng tìm mọi cách phát hiện các tổ chức của Đảng ta ở Trung Quốc, báo cho chính quyền Tưởng Giới Thạch, và cả bọn đại diện Pháp ở đây, tiêu diệt.

Chúng ta phải hoạt động hết sức bí mật và khéo léo. Với Việt kiều, chúng ta tổ chức những hội quần chúng hoạt động hợp pháp để thu hút lực lượng, qua đó giáo dục dần dần những tư tưởng tiến bộ cho kiều bào, và chống lại những sự khiêu khích,

phá hoại của bọn Việt Nam Quốc dân Đảng. Tại Vân Nam, chúng ta đã tổ chức nhiều hội quần chúng, trong đó có "Việt Nam hưởng ứng Trung Quốc kháng địch hậu viện hội".

Từ khi sang Trung Quốc, tôi càng nhận thấy sâu sắc mối quan hệ khăng khít giữa cách mạng Việt Nam và cách mạng Trung Quốc. Các đồng chí Trung Quốc đối với chúng ta như anh em ruột thịt. Mặc dầu ở trong hoàn cảnh khó khăn, luôn luôn phải đối phó với kẻ địch và rất thiếu thốn, nhưng

các đồng chí Trung Quốc đã tìm mọi cách săn sóc những người đồng chí Việt Nam, từ nơi ăn, chốn ở đến việc học tập và mọi hoạt động khác.

Sau lần gặp Bác ô Thúy Hô, anh Pham Van Dông và tôi luôn luôn được gặp Bác cùng các anh Phùng Chí Kiên, Vu Anh. Bác thường nói nhiêu đến cuộc chiến tranh chống Nhật của Trung Quốc. Bác nhấn rõ cái thủ đoạn hai mặt của bọn Quốc dân Đảng. Theo Bác nói, nhiệm vụ lớn của Đảng Cộng sản Trung Quốc lúc đó, là ra sức đoàn kết mọi lực lượng để chống lại cuộc xâm lăng của phát xít Nhật. Do đấy phải đoàn kết với Quốc dân Đảng, cố gắng lôi kéo những phần tử tiến bộ để cùng đánh Nhật, vừa đoàn kết vừa phải đấu tranh, đặc biệt là phải cảnh giác với cánh hữu trong bọn đó gồm những phái thỏa hiệp, đầu hàng và thân Nhật.

Một bữa Bác bảo anh Đồng và tôi:

- Các đồng chí sẽ đi Diên An. Lên trên ấy, vào trường Đảng học tập chính trị, cố gắng học thêm quân sự.

Máy lần gặp sau, trước khi chúng tôi đi, Bác vẫn dặn đi, dặn lại tôi "cố gắng học thêm quân sự".

Các đồng chí Trung Quốc tại Côn Minh tổ chức cho chúng tôi đi Quế Dương, từ đó sẽ đi xe tiếp lên Diên An. Sinh hoạt thư điểm giới thiệu chúng tôi với đồng chí lái chiếc xe hồng thập tự, có nhiệm vụ chuyên chở thuốc từ Côn Minh về Quế Dương. Xe này là của bọn Quốc dân Đảng, nhưng người lái xe là một đảng viên Đảng Cộng sản Trung Quốc.

Các anh Phạm Văn Đồng, Cao Hồng Lĩnh và tôi được bố trí ngồi trong khoang để đồ hàng. Trời nóng. Bụi đường bị hút qua miếng vải bạt che sau khoang xe, đọng thành lớp dày trên mặt, trên quần áo.

Xe nhà binh chạy trên đường này rất nhiều. Thỉnh thoảng xe chúng tôi lại phải dừng lại vì máy bay Nhật đến. Có lần máy bay Nhật ném bom gần chỗ trú ẩn. Khắp nơi nhan nhân những khẩu hiệu: "Kháng Nhật đến cùng", "ủng hộ Tưởng ủy viên trưởng"... Nơi nào có thị trấn là thấy trụ sở của Quốc dân Đảng, của Tam dân chủ

nghĩa thanh niên đoàn, và ảnh Tôn Trung Sơn, ảnh Tưởng Giới Thạch. Ngồi trên xe, thỉnh thoảng lại nhìn thấy những thanh niên bị trói chung ở cánh tay bằng một sợi dây thừng, đi thành đoàn dài dằng dặc, có lính Quốc dân Đảng áp tải. Bọn lính vừa đi vừa chửi mắng và đánh họ bằng báng súng. Hỏi ra mới biết đó là những người bị bắt đi lính đánh Nhật.

Xe chạy ròng rã ba ngày đến Quế Dương.

Chúng tôi vào trú tại biện sự xứ của Bát lộ quân, đợi xe đi Diên An.

Biện sự xứ ở mấy nhà thấp nhỏ vùng ngoại ô thành phố. Trước nhà có một khu vườn con, các đồng chí ở cơ quan trồng đầy rau, đỗ tương và bí. Ở đây lần đầu tôi được xem báo Giải phóng từ Diên An gửi về. Các đồng chí tại biện sự xứ kể cho nghe nhiều chuyện về Diên An. Trước kia, ở trong nước đã nhiều lần xem sách báo, nghe nói về Diên An, đất thánh của cách mạng Trung Quốc, giờ lại được biết rõ tình hình chính trị, quân sự, kinh tế, và mọi mặt sinh hoạt của khu căn cứ. Đã nghĩ tới tiết trời rét buốt của Diên An, những buổi nghe lên lớp ngoài trời, những sinh hoạt rất mới mẻ với chúng tôi: Ở động, ăn bánh mì...

Cùng ở với chúng tôi, còn một số đồng chí Trung Quốc, cả nam cả nữ, cũng chờ để đi Diên An. Tôi nhớ lại, khi ở Côn Minh, Bác đã kể với chúng tôi: Có lần bọn Quốc dân Đảng bắt những thanh niên định trốn lên Diên An, đem về giam trong một bể nước tại một trại tập trung cho tới khi chết để khủng bố tinh thần những người khác; nhưng thanh niên cả nước vẫn nô nức kéo về nơi đất thánh của cách mạng.

Chúng tôi ở lại Quế Dương đợi xe khá lâu. Không biết Bác đã qua lại Quế Dương nhiều lần chưa nhưng tại cơ quan, từ đồng chí phụ trách đến đồng chí cấp dưỡng, ai cũng nhắc đến đồng chí Hồ Quang (một bí danh của Bác) bằng thái độ rất quý mến. Những đồng chí thích học tiếng Anh và tiếng Nga càng mong đồng chí Hồ Quang trở lại.

Việc tiếp tế lương thực tại một vùng nội địa sâu như Quế Dương rất khó khăn, tài chính lại eo hẹp; sinh hoạt của các đồng chí tại biện sự xứ rất kham khổ. Bữa ăn thường chỉ có rau do cơ quan tăng gia tự túc, ít đậu tương rang, một bát canh bí. Họa hoằn mới có một chút thịt. Trong khi chia ngọt sẻ bùi, bao giờ các đồng chí Trung Quốc cũng dành phần ưu tiên cho anh em chúng tôi.

Một bữa, các đồng chí Trung Quốc vui mừng báo cho chúng tôi là sắp có xe. Thấy chúng tôi chờ quá lâu, chưa có chuyến xe từ Diên An về, các đồng chí đã quyết định thuê một chuyến xe riêng. Mỗi người chúng tôi được phát một bộ quần áo của Thập bát tập đoàn quân, có băng đeo tay và phù hiệu trên túi ngực. Còn ít tiền, chúng tôi ra phố sắm áo rét và ít đồ cần dùng trước khi đi.

Giữa tháng 6, một hôm giờ báo ra xem, thấy tin Pa-ri thất thủ, Pháp đầu hàng. Cũng biết là Pháp yếu, nhưng không ngờ bọn tư bản cầm quyền Pháp đã khuất phục sớm thế. Ngay ngày hôm sau, chúng tôi nhận được điện của đồng chí Hồ Quang báo ở lại, đợi tại Quế Lâm. Chúng tôi biết là do Pháp mất nước, tình hình biến chuyển, nên có quyết định mới.

Máy hôm sau, các anh Phùng Chí Kiên, Vũ Anh cùng đến Quế Dương. Các anh cho biết, trước tình hình mới, Pháp đã đầu hàng, tất cả chúng tôi cùng đi Quế Lâm để tìm cách về nước.

Chúng tôi tới Quế Lâm. Lần này, chúng tôi không ở lại biện sự xứ mà thuê một căn phòng ở ngoại ô, lấy danh nghĩa Việt Nam giải phóng đồng minh để hoạt động.

Sinh hoạt văn hóa tại thành phố này khá hơn ở Côn Minh và Quế Dương. Đảng Cộng sản Trung Quốc có tại đây một tờ báo công khai là tờ Cứu vong nhật báo do đồng chí Hạ Diễn làm chủ biên. Những hiệu bán sách, báo tiến bộ rất nhiều. Các đồng chí Trung Quốc thường hay tổ chức những buổi tọa đàm để giáo dục thanh niên. Thanh niên học sinh tới tham gia khá đông. Chúng tôi cũng tới dự một vài lần. Cũng như ở Côn Minh và Quế Dương, các đồng chí Trung Quốc ở đây hết sức giúp đỡ chúng tôi. Đồng chí Hạ Diễn đã tổ chức một buổi họp báo để chúng tôi giới thiệu tình hình và phong trào cách mạng Việt Nam, lấy danh nghĩa là những người thay mặt Việt Nam giải phóng đồng minh.

Trước khi chúng tôi rời Quế Dương, ông Hồ Ngọc Lãm, một người Việt Nam có tinh thần yêu nước, làm võ quan trong quân đội Quốc dân Đảng, đã viết thư giới thiệu chúng tôi với Lý Tế Thâm. Lý là chủ nhiệm Tây Nam hành dinh của Tưởng Giới Thạch. Chúng tôi lấy tư cách là những người của Việt Nam giải phóng đồng minh để giao dịch với Lý. Anh Đồng mang một tên mới: Lâm Bá Kiệt, chủ nhiệm biện sự xứ hải ngoại của Việt Nam giải phóng đồng minh. Anh Hoan thì lấy tên là Lý Quang Hoa. Tôi cũng tự đặt cho mình một tên mới: Dương Hoài Nam.

Nơi Lý ở giống như một cung điện, khi vào phải qua nhiều lần cống có lính gác. Chúng tôi đã biết, khi ở Quảng Châu Lý nổi tiếng về giết cộng sản. Lý làm ra niềm nở khi gặp chúng tôi. Lý hứa giúp đỡ cách mạng Việt Nam. Lý nói, nay mai theo lệnh của Đồng minh, quân Tầu sẽ tiến vào Việt Nam, và yêu cầu chúng tôi làm giúp kế hoạch "Hoa quân nhập Việt". Lý hỏi chương trình điều lệ của Việt Nam giải phóng đồng minh, rồi khuyên chúng tôi: "Muốn cách mạng thành công thì đừng đi theo con đường cộng sản".

Được ít ngày, chúng tôi được tin về sự biến Giang Nam. Quân của Quốc dân Đảng đã thừa lúc Tân tứ quân di chuyển bộ đội, đánh úp. Đảng Cộng sản Trung Quốc lên

tiếng phân đối kịch liệt. Đọc Tân Hoa nhật báo thấy có bốn câu thơ với cả bút tích của đồng chí Chu Ân Lai, lên án hành động phân bội này của Quốc dân Đảng. Liền sau chuyện này, chính quyền Quốc dân Đảng tại Quế Lâm cũng trở mặt. Chúng ngang ngược tịch thu sách báo tiến bộ,

đóng cửa Tân Hoa thư điểm, niêm phong Sinh hoạt thư điểm. Không khí khủng bố căng thẳng.

Tháng 9 năm 1940, chúng tôi được tin thực dân Pháp đã cúi đầu trước phát xít Nhật vào Đông Dương. Sự việc đã diễn ra đúng như dự đoán của Đảng mà anh Hoàng Văn Thụ đã nói với tôi trước khi ra đi.

Vào khoảng đó Bác đến Quế Lâm.

húng tôi tới gặp Bác ở một vùng ngoại ô. Bác cùng chúng tôi đi lững thững như những người nhàn rỗi dạo chơi trên cánh đồng. Tới một bãi cỏ có bóng mát, chúng tôi ngồi lại khai hội. Bác nói: "Tình hình Quốc Cộng hợp tác hiện nay đang trải qua một bước rất gay go. Tân tứ quân vừa bị bọn Quốc dân Đảng cấu kết với Nhật đánh úp. Hồng quân có bị thiệt hại nhưng vẫn giữ được các căn cứ địa ở sau lưng địch tại vùng phụ cận Nam Kinh, Thượng Hải. Từ nay kỷ luật bí mật của Đảng phải được chấp hành triệt để. Sách vở, tài liệu, phải hết sức cẩn thận. Mua sách, báo về chủ nghĩa cộng sản, đọc xong hủy đi trước khi về nhà. Trong lúc giao dịch với bọn Quốc dân Đảng tuyệt đối không để lộ mình là cộng sản".

Khi nghe báo cáo lại tình hình giao dịch với Lý Tế Thâm, Bác nói: "Trong việc giao dịch với Quốc dân Đảng không mong chi nhiều. Điều chủ yếu là làm sao cho chúng không cản trở công việc của ta. Phải hết sức bí mật. Về chuyện "Hoa quân nhập Việt" đừng chỉ nhìn mặt thuận lợi. Hiện nay chỉ có Hồng quân Liên Xô và Hồng quân Trung Hoa mới là những đội quân anh em, mới là đồng minh thực sự của ta. Còn quân đội Tướng Giới Thạch dù có vào Việt Nam để đánh Nhật cũng chỉ là đồng minh tạm thời, về bản chất chúng vẫn là kẻ thù. Phải thấy hết tính chất phản động của nó, nếu không thấy thì nguy hiểm. Chúng nó không vào Việt Nam càng tốt cho ta hơn".

Bác nhận định tình hình chung trên thế giới và ở Đông Dương ngày càng có lợi cho ta, không nên ở Quế Lâm lâu, phải chuyển về biên giới tìm cách trở về nước ngay để hoạt động.

Ai cũng nóng ruột muốn mau chóng trở về, nhưng chưa có liên lạc với trong nước. Việc về nước lúc này chẳng phải dễ dàng. Ở lại Quế Lâm cũng nguy hiểm. Cơ quan tập trung đông và ở đã lâu. Chỉ cần một người sợ ý để lộ tung tích là lập tức bọn địch sẽ bất bỏ, khủng bố.

Một hôm, các báo ở Quế Lâm đăng nhiều tin về cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ tại Việt Nam. Không hiểu tình hình ra sao, ai nấy đều nóng lòng sốt ruột. Trong một buổi họp, Bác nhận định: "Tình hình chung thế giới và Đông Dương ngày càng có lợi cho ta, nhưng thời cơ chưa đến, chưa thể khởi nghĩa được. Song nay đã nổ ra rồi, thì cần tổ chức rút lui cho khéo để duy trì phong trào".

Bác viết ngay một bức điện, nhưng sau đó, không tìm ra cách nào để chuyển bức điện ấy về Đảng bộ Nam Kỳ.

Trong những ngày ở Quế Lâm, có lần Bác bàn với chúng tôi: Trước tình hình mới, vấn đề đoàn kết toàn dân giải phóng dân tộc càng quan trọng. Ta phải nghĩ đến việc lập một hình thức mặt trận thật rộng rãi, có tên gọi cho thích hợp. Việt Nam giải phóng đồng minh? Việt Nam phản đế đồng minh? Hay là Việt Nam độc lập đồng minh, có thể gọi tắt là Việt Minh cho nhân dân dễ nhớ. Những ý kiến Bác nói hồi đó, sau này, đã được thảo luận tại Hội nghị Trung ương mở rộng lần thứ tám của Đảng ở Pắc Bó.

Tin tức về phong trào tại nước nhà ngày càng thúc giục, nhưng vẫn chưa tìm ra cách để liên lạc với Trung ương ở trong nước. Bác chủ trương là nên chuyển về hoạt động ở sát biên giới, rồi tính cách về nước sau.

Lúc này, Lý Tế Thâm đã giới thiệu chúng tôi với tướng Trương Phát Khuê, tư lệnh trưởng quan của Đệ tứ chiến khu. Trương Phát Khuê vừa được giao nhiệm vụ lập một đội công tác biên khu, chuẩn bị đưa quân vào Việt Nam theo kế hoạch của Đồng minh. Khuê dùng Trương Bội Công, một người Việt Nam làm sĩ quan trong quân đội Tưởng, tiến hành công việc này. Trương Bội Công tập hợp một số Hoa kiểu và Việt kiểu để lập đội công tác. Khi chúng tôi tới Liễu Châu gặp Khuê, Khuê giới thiệu lại với Trương Bội Công. Qua tiếp xúc với Trương Bội Công một vài lần, chúng tôi đã nhìn rõ chân tướng hắn là một tên đặc vụ. Nhưng biết Trương Bội Công sẽ chuyển từ Liễu Châu về Tĩnh Tây cho gần biên giới Việt Nam hơn, chúng tôi cũng tìm cách lợi dụng hắn để mượn xe cộ đi về biên giới cho dễ dàng.

Một hôm, chúng tôi được tin Trương Bội Công về Tĩnh Tây đã đón được một số thanh niên các dân tộc ở Cao Bằng vì bị đế quốc Pháp khủng bố mạnh, phải vượt biên giới chạy ra ngoài. Bác đã nhìn thấy một cơ hội tốt để tổ chức đường liên lạc về nước. Bác nói: "Chúng ta sẽ tổ chức một lớp huấn luyện cho các anh em, sau đó, đưa anh em trở về cũng cố và mở rộng phong trào Cao Bằng và tổ chức đường liên lạc về nước". Cũng từ lúc này, Bác đã nhận định về vị trí của Cao Bằng: "Căn cứ địa Cao Bằng sẽ mở ra triển vọng lớn cho cách mạng ta. Cao Bằng có phong trào tốt từ trước, lại kể sát biên giới, lấy đó làm cơ sở liên lạc quốc tế rất thuận lợi. Nhưng từ Cao Bằng còn

phải phát triển về Thái Nguyên và thông xuống nữa mới có thể tiếp xúc với toàn quốc được. Có nỗi phong trào được với Thái Nguyên và toàn quốc thì khi phát động đấu tranh vũ trang, lúc thuận lợi có thể tiến công, lúc khó khăn có thể giữ".

Từ khi chưa đặt chân vào Cao Bằng, Bác đã vạch ra một cách chính xác tính chất quan trọng của căn cứ địa Việt Bắc sau này.

Cuối tháng 11 năm 1940, chúng tôi về đến Tỉnh Tây.

Anh Đồng và tôi tổ chức ngay biện sự xứ của Việt Nam giải phóng đồng minh để duy trì quan hệ với Quốc dân Đảng. Một mặt, các anh Vũ Anh, Cao Hồng Lĩnh cùng tôi tìm cách bắt mối với anh em ta ở chỗ Trương Bội Công. Những thanh niên này đều là cán bộ, quần chúng tốt của Đảng ta, trong lúc vượt biên giới còn ngỡ ngàng chưa biết thế nào, nghe nói bọn Trương Bội Công có tổ chức Đội công tác biên khu thì tạm dựa vào mà thôi. Chúng tôi tìm cách đưa khéo các đồng chí đó ra khỏi sự kiểm soát của Trương Bội Công. Tất cả hơn bốn chục đồng chí, trong đó có các đồng chí Lê Quảng Ba, Hoàng Sâm, Bằng Giang...

Đầu tháng 12, Bác và anh Phùng Chí Kiên về một làng cách Tĩnh Tây năm chục ki-lô-mét. Bác cho người đến gọi anh Đồng và tôi về để mở lớp huấn luyện. Chúng tôi lên đường về nơi Bác hẹn gặp. Từ đó còn phải đi bộ khá xa mới đến địa điểm đã chọn để mở lớp huấn luyện. Đường đi toàn đổi núi. Bác đi bộ rất nhanh, tất cả chúng tôi không ai theo kịp. Dọc đường, thỉnh thoảng Bác lại dừng lại đứng chờ.

Lớp huấn luyện được tổ chức ở một vùng dân tộc Nùng đã từng chịu ảnh hưởng của Hồng quân Trung Hoa trong thời kỳ Hồng quân hoạt động ở Quảng Tây. Nhân dân ở đây rất quý những người cách mạng Việt Nam. Chúng tôi phân chia nhau ở trong hai làng.

Hai việc trước tiên phải lo, là việc chuẩn bị lương thực và làm chương trình huấn luyện.

Nhân dân ở các làng biên giới này rất giàu tinh thần và tình cảm với cách mạng, nhưng đời sống thì còn rất nghèo khổ. Việc lo ăn một lúc cho năm chục con người hàng nửa tháng, không phải là một việc dễ. Đồng chí Cáp được giao nhiệm vụ tiếp tế lương thực, nhưng mọi người đều phải góp sức. Mỗi buổi sáng, chúng tôi đều đi lấy gạo, bắp về giã, kiếm củi để nấu ăn và để giúp đỡ đồng bào. Bác cũng bổ củi rất khỏe.

Các anh Phùng Chí Kiên, Phạm Văn Đồng và tôi được Bác hướng dẫn làm chương trình huấn luyện. Bác phân công mỗi người làm từng mục: Tuyên truyền, tổ chức, huấn luyện, đấu tranh. Khi mỗi người phác xong, tất

cả họp lại thông qua đề cương, rồi mới viết. Viết xong lại họp lại, đọc chung và sửa. Cách làm việc của Bác kiên nhẫn, chu đáo. Nội dung chính trị phải đúng đắn, lời lẽ phải rõ ràng, ngắn gọn, dễ hiểu, hợp với ý nghĩ quần chúng. Bác rất chú trọng đến việc thực hiện sau này. Mục nào, cuối cùng có những câu hỏi: Học xong về địa phương thì làm gì, làm thế nào? - Bước thứ nhất như thế, bước thứ hai làm ra sao?...

Trong khi theo dõi học tập, Bác thường hỏi đi, hỏi lại để kiểm tra sự thâu nhận của mọi người. Nếu còn có những người chưa hiểu thì người giảng phải nói lại, học viên cũng phải trao đổi thêm.

Lần đầu làm việc với Bác, tôi đã nhận thấy cách làm việc của Bác là: Cụ thể, chu đáo, đến nơi đến chốn.

Lễ tốt nghiệp tổ chức giữa một khu rừng vắng về.

Sau những ngày học tập, mọi người phấn khởi, náo nức hẳn lên. Anh em chúng tôi đứng vây quanh Bác, biết rõ ông cụ mảnh khảnh mặc bộ quần áo Nùng giản dị này là người gắn liền với vận mệnh của dân tộc Việt Nam.

Lá cờ đỏ sao năm cánh pháp phới bay trong gió lạnh như một ngọn lửa thiêng sưởi ấm tâm hồn chúng tôi, khi đó còn là những người dân mất nước phải sống xa quê hương. Chúng tôi ngoảnh mặt cả về phía Nam, hoan hô tinh thần khởi nghĩa Nam Kỳ, thề sẽ thẳng tiến không lùi trên con đường cách mạng chông gai, một ngày kia sẽ đem lá cờ thiêng liêng này về nêu cao giữa Thủ đô.

Ngay sau đó, cả bốn mươi đồng chí Cao Bằng lại quay về nước, tìm về những cơ sở cũ. Chúng tôi ở lại, chuẩn bị thêm cho kế hoạch công tác sắp tới.

Ngày Tết đến với chúng tôi tại biên giới. Suốt thời gian qua, bà con dân làng hiểu rõ chúng tôi hơn, càng thêm quý mến. Gần làng có miếu thờ thành hoàng, nhân dân ai cũng đến lễ bái. Bác cũng đi cùng bà con đến viếng đền. Anh em chia nhau đi ăn Tết các nơi trong làng. Bà con ai cũng mời đến nhà, nếu không đến thì không bằng lòng. Có đồng chí trong một ngày phải đi ăn tết tới gần một chục nơi. Đến nhà ai, Bác cũng đều mang theo một tờ giấy hồng điều tự tay Bác đã viết dòng chữ "Cung chúc tân niên".

Nhìn Bác mặc bộ quần áo chàm, quần xắn cao, tay cầm gậy, đi chúc tết nhân dân với dáng nhanh nhẹn, thái độ thoải mái vui vẻ, nhớ lại khi Bác ở Côn Minh mặc âu phục, cổ cồn, mũ phớt, tôi thấy Bác đã hòa vào trong hoàn cảnh mới một cách hết sức tự nhiên.

Sau Tết ấy, các anh Phùng Chí Kiên, Vũ Anh, có anh Lê Quảng Ba dẫn đường, về Cao Bằng tìm cơ sở đặt địa điểm cơ quan rồi ra đón Bác cùng về.

n h Đồng, anh Hoan và tôi trở lại Tĩnh Tây công tác thêm một thời gian sau khi Bác về nước. Chúng ta tiếp tục duy trì biện sự xứ của Việt Nam giải phóng đồng minh, và vẫn giao dịch với bọn Quốc dân Đảng.

Nguyễn Hải Thần cũng đã về Tĩnh Tây, chờ bám gót quân Tầu Tưởng trong chuyến "Hoa quân nhập Việt". Chúng tôi để hắn cùng ở một nhà. Biết rõ bản chất của hắn, nhưng chúng tôi cố gắng giữ quan hệ, dùng hắn để che mắt bọn Quốc dân Đảng một phần nào. Mặc dầu cố tránh, nhưng thỉnh thoảng vẫn có những va chạm về chính kiến. Thấy chuyện trò với chúng tôi chẳng hợp, hắn ngồi ủ rũ suốt ngày tại biện sự xứ, chẳng biết âm thầm tính toán những việc gì.

Chúng tôi nhận thấy nếu phát động vũ trang khởi nghĩa thì sẽ gặp một khó khăn là chúng ta thiếu cán bộ quân sự. Cử người lên Diên An học thì đường đi quá xa và không có điều kiện. Bàn với nhau, thấy là có thể lợi dụng bọn Quốc dân Đảng, nhờ chúng huấn luyện quân sự cho một số đồng chí. Biết trước là nếu bọn chúng làm việc này chắc chắn chúng sẽ đưa thêm vào đó nội dung chính trị phần động của chúng. Nhưng điều đó cũng không đáng lo ngại. Chúng ta sẽ cử một số đồng chí vững vàng đi học. Các đồng chí đó sẽ rút ra từ nội dung học tập những hiểu biết về quân sự cần cho công tác sau này, và vứt bỏ lại cho chúng phần chính trị phần động.

Tháng 4 năm 1941, tôi được chỉ thị trở lại Quế Lâm gặp Lý Tế Thâm, yêu cầu Lý mở cho những người trong Việt Nam giải phóng đồng minh một lớp huấn luyện quân sự. Lý đồng ý. Nhiều đồng chí ở nước nhà được cử sang học như các đồng chí Hoàng Văn Thái, Nam Long, Quang Trung, Thanh Phong... Trương Phát Khuê cũng chỉ thị cho tên tham mưu trưởng họ Trần mở cho chúng ta một lớp huấn luyện về công tác phá hoại tại Tĩnh Tây. Tên tham mưu trưởng họ Trần này lúc nào cũng tỏ ra thân mật, ngọt ngào, hay nói những lời lẽ tiến bộ, nhưng thực ra là một tên đặc vụ lợi hại. Hắn theo dõi điều tra mọi hành vi của chúng tôi.

Thời gian này, chúng tôi thường đi lại giữa Tĩnh Tây và nơi làm việc mới của Bác ở trong nước, tại hang Pắc Bó, huyện Hà Quảng, Cao Bằng.

Lần đầu về nước, tôi đi cùng một đồng chí giao thông.

Qua một quả núi đất khá cao, lồm chồm đá, xuống một con đường mòn nằm quanh co giữa những nương rẫy bên sườn núi, đồng chí giao thông chỉ một phiến đá nhỏ, nói đó là cột mốc biên giới. Tôi dừng chân, đứng nhìn một lúc. Phiến đá có khắc mấy chữ Hán, dựng giữa hai nương ngô. Bên kia, bên

này cây cỏ cũng như nhau. Đồng chí giao thông lại cho biết thêm, nhân dân ở cả hai bên biên giới tại vùng này, đều là bà con dân tộc Nùng, cùng nói chung một thứ

tiếng. Thấy biên giới đúng là một sản phẩm của con người đặt ra.

Thám thoát đã một năm trời xa Tổ quốc, đặt chân lên dải đất quê hương, lòng chẳng khỏi bồi hồi. Mỗi bước đi thấy trong người ấm áp hơn lên. Chỉ vừa mới đi thêm mấy bước chân mà trước đó thì thấy như còn ở rất xa, lúc này lại thấy như đã ở gần nhà.

Vùng này núi đất xen với núi đá, địa thế hiểm trở. Những chòm nhà nhỏ của đồng bào Nùng nằm thưa thớt giữa những nương ngô trên sườn núi hay bên những thửa ruộng nhỏ dưới thung lũng. Sương trắng từng dải đọng trên các đầu núi. Khung cảnh Pắc Bó hiện ra trước mắt như một bức tranh thủy mặc.

Khắp vùng này đều đã có cơ sở. Chúng tôi vừa đi vừa ngắm núi non, đất nước. Nhớ lại lúc vượt sông Nậm Tì hết ngó trước lại ngó sau, cảm thấy vui vui với ý nghĩ, cả nước tuy còn nằm dưới ách thống trị của bọn để quốc, nhưng ở nơi này đã có một mảnh đất tự do.

Đi chẳng bao xa, tôi đã nhận ra Bác đang ngồi trên một phiến đá. Sau bao năm xa nước, hoạt động từ Đông sang Tây, Bác đã trở về góc rừng hoang vắng của Tổ quốc với bộ quần áo chàm giản dị, rất tự nhiên trong vai một ông già người Nùng. Gần chỗ Bác ngồi, dưới chân những khối nhũ đá nhấp nhô, hình thù kỳ dị, nước từ khe núi chảy ra đọng lại trong vắt.

Bác trò dòng nước rồi nói:

- Đây là suối Lênin.

Trèo qua một quả núi đá không cao lắm, lách người đi hết một đám lau rậm, thì thấy hiện ra một cửa hang. Trong hang ẩm lạnh không có đồ đạc gì ngoài chiếc sàn nằm làm bằng những cành cây nhỏ gác ngang, gác dọc. Chính ở đây vào tháng 5 năm đó, Hội nghị Trung ương lần thứ tám đã họp dưới sự chủ tọa của Bác, quyết định thành lập Mặt trận Việt Minh và đề ra chủ trương chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa. Trong hội nghị này, Trung ương đã quyết định duy trì và phát triển cơ sở du kích ở Bắc Sơn - Vũ Nhai, đồng thời ra sức củng cố và mở rộng cơ sở Cao Bằng, xây dựng hai nơi đó làm trung tâm của công cuộc chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa tại Việt Bắc. Cũng tại đây, Bác đã nhân danh nhà cách mạng Nguyễn Ái Quốc viết lá thư kêu gọi đồng bào cả nước: "Việc cứu nước là việc chung, ai là người Việt Nam đều phải kề vai gánh vác một phần trách nhiệm (...) Hỡi các chiến sĩ cách mạng, giờ giải phóng đã đến. Hãy phát cao cờ độc lập, lãnh đạo toàn dân đánh tan

thù chung. Tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc đang vang dội bên tai các đồng chí! Máu nóng của các bậc anh hùng đường sôi sục trong lòng các đồng chí...".

Những lời lẽ tâm huyết của Bác đã gây một tác động lớn trong đồng bào và các đồng chí ta suốt từ Bắc chí Nam.

Cứ khoảng hai tuần lễ, anh Đồng, anh Hoan và tôi lại thay phiên nhau từ Tỉnh Tây về Pắc Bó báo cáo. Con đường đã trở nên quá quen thuộc. Đi dọc đường, gặp trời tối ở đâu, cũng có thể tạt vào bên đường tìm được nhà quen và được đối đãi như bà con thân thuộc.

Có một buổi chiều, trên đường về, gần tới cơ quan thì trời sập tối. Ở miền núi, trời thường chuyển sang tối rất nhanh. Quãng này rậm, đèn đóm không có, không sao tìm ra đường. Đứng một lúc, tôi nhìn thấy có ánh lửa ở lưng chừng núi. Nhận ra đó là nhà của một đồng bào Nùng, tôi bèn cứ chiếu hướng mà leo. Khoảng một giờ sau tới nơi, cành cây và gai đâm rách cả quần áo. Vào nhà, định xin bó đuốc và hỏi thăm đường về, thì gặp lúc gia đình vừa cúng giỗ xong, nhất định giữ lại uống rượu, ăn cơm. Từ chối không được, biết không nhận lời thì đồng bào giận, tôi nán ở lại. Đi đường xa vừa mệt, vừa đói, uống chút rượu vào, tôi bị say, phải nằm ra sàn. Đồng bào chạy lên hang gọi người xuống đón. Anh Vũ Anh xuống công tôi về. Khi tỉnh dậy, anh Kiên đem cháo nóng cho ăn, kể lại, vừa rồi tôi nằm cứ nói luôn: "Mình không biết uống rượu, chóng mặt quá, đừng có phê bình"; Bác nghe vậy đã nói: "Được rồi, tỉnh lại đi, sẽ không phê bình đâu".

Anh Phùng Chí Kiên ở cùng Bác tại Pắc Bó một thời gian thì lên đường về Bắc Sơn.

Cuối tháng 9 năm 1940, khi chúng tôi còn ở Trung Quốc, nhân lúc quân đội Nhật tràn vào Lạng Sơn, bọn Pháp rút chạy, nhân dân Bắc Sơn dưới sự lãnh đạo của một số đồng chí đảng viên tại địa phương đã đứng lên khối nghĩa giành chính quyền. Sau khi cuộc khởi nghĩa bị dịch tập trung đàn áp, Trung ương đã quyết định tăng cường cán bộ, duy trì phong trào tại đây. Vào đầu năm 1941, đội du kích Bắc Sơn đã thành lập. Theo quyết định của Hội nghị Trung ương lần thứ tám tại Pắc Bó, xây dựng Bắc Sơn - Vũ Nhai và Cao Bằng thành hai trung tâm khởi nghĩa tại Việt Bắc, anh Phùng Chí Kiên được cử về cùng các anh Huy, Chu Văn Tấn mở rộng khu căn cứ và chỉ huy đội du kích Bắc Sơn1.

Anh Vũ Anh ở lại Pắc Bó với Bác.

Sáng nào Bác cũng dậy rất sớm và gọi mọi người cùng dậy. Bác tập thể dục rất đều, tập xong lạnh mấy cũng đi tắm suối, rồi bắt đầu làm việc. Khi Bác khai hội, khi Bác nghiên cứu, khi Bác xuống làng nói chuyện với đồng bào, có khi Bác đi lấy củi. Bữa cơm của Bác chỉ có chút thịt muối hoặc con cá con vừa bắt được dưới suối.

Trời tối, trong hang rất lạnh, phải đốt lửa sưởi suốt đêm. Không có đèn, nên buổi tối ít khi làm việc. Anh em thường ngồi quây quanh đống lửa nghe Bác nói chuyện.

Một lần, Bác nhắc lại những cuộc chiến tranh lớn, những cuộc cách mạng từ trước tới nay, rồi Bác phỏng đoán độ bốn, năm năm nữa, chiến tranh sẽ tới bước quyết định, và lúc đó là một cơ hội rất tốt cho cách mạng ta.

Khuya khuya, mọi người ngủ chung cả trên sàn. Những cành cây ngổn ngang dưới lưng, nằm vừa đau vừa lạnh.

Có lần, Bác viết một cuốn lịch Việt Nam bằng thơ lục bát, ghi lại tất cả những phong trào chống ngoại xâm từ trước đến nay. Bác đã viết vào cuối trang mục lục: "Việt Nam độc lập năm 1945". Anh em người nói sớm, kẻ nói muộn. Bác nghe trao đổi chỉ nói: "Để rồi xem".

Về nước một thời gian, Bác chỉ thị cho cơ quan ra một tờ báo để hướng dẫn phong trào. Chuẩn bị cho tờ báo ra đời cũng khá khó khăn. Các đồng chí ở địa phương mày mò mãi mới kiếm về được một cái bia đá. Bác cùng các đồng chí thay nhau mài mấy ngày liền mới hết những chữ nho khắc trên mặt bia. Giấy bản in báo do các chị phụ nữ mua từng ít một trong các phiên chợ đem về góp lại. Tên báo là Việt Nam độc lập, gọi tắt là Việt Lập. Vì khuôn khổ tờ báo nhỏ, chữ, theo chỉ thị của Bác, lại phải viết to để đồng bào đọc dễ dàng, nên các bài viết phải rất ngắn. Có lần tôi ở Tĩnh Tây về, Bác phân công viết một bài về phong trào phụ nữ cho báo Việt Lập. Bác nói:

- Chú viết đúng một trăm chữ, viết hơn thì không có chỗ đăng đâu.

Tôi ngồi viết, cảm thấy khó quá. Thời gian qua ở Tĩnh Tây, chúng tôi cũng ra báo. Cũng chỉ là báo in thạch, nhưng giấy sẵn, khuôn khổ tờ báo rộng, bài viết thoải mái chứ không hạn chế như thế này.

Thấy tôi ngồi viết khó khăn, Bác cười rồi bảo:

- Báo của các chú có gửi về nhưng mình không xem hết, mà ở đây cũng không mấy ai xem. Báo của các chú văn hay, chữ nhiều, nhưng khó đọc, và có đọc được cũng không mấy ai hiểu. Báo Việt Lập tuy đơn giản, nhưng dễ đọc, dễ hiểu.

Về sau có dịp đi công tác tại các địa phương, tôi mới thấy hết tác dụng rất to lớn của tờ báo; đồng bào ở khắp các nơi đều rất hoan nghênh báo Việt Lập.

Ngày 22 tháng 6 năm 1941, phát xít Đức bắt đầu tiến công Liên Xô. Cuộc đại chiến lần thứ hai mở rộng hơn và bước vào giai đoạn quyết liệt. Đảng ta đã phát động một phong trào ủng hộ Liên Xô, tuyên truyền, ca ngợi tinh thần chiến đấu anh dũng của Hồng quân Liên Xô. Bác đã viết nhiều bài, nhiều thơ ca trên báo Việt Lập, phân tích thế nào Đức cũng thua và Liên Xô sẽ thắng.

Công tác của chúng tôi tại Tỉnh Tây không tiến triển được bao nhiêu. Bọn Quốc dân Đảng miệng thì hứa hẹn, nhưng ngoài lớp học quân sự đã mở, chúng chẳng giúp đỡ được gì hơn. Chúng vẫn tiếp tục điều tra xem chúng tôi có phải là cộng sản không, và thăm dò lực lượng của ta. Tên Trần tham mưu trưởng yêu cầu cho người của hắn vào Việt Nam xem tình hình phong trào. Xin ý kiến ở nhà, được đồng ý, một lần về nước, chúng tôi cho hai tên sĩ quan Quốc dân Đảng đi theo. Bọn chúng được ở đây một tuần. Chúng ta bố trí một phái đoàn đi kiểm tra các nơi, cho hai tên võ quan Tưởng đi theo. Đâu đâu, chúng cũng thấy phong trào của ta rất mạnh mẽ, rầm rộ. Nhân dân họp mít tinh đông đảo, đem theo vũ khí, có cả súng, để chào mừng phái đoàn. Khi trở về nước, hai tên võ quan này yên trí là đã được đi qua một vùng rộng lớn tại khu căn cứ của ta, làm cả một bản báo cáo dài để nói về lực lượng và phong trào cách mạng lớn mạnh ở Việt Nam. Thực ra, trong suốt thời gian ở đây, để giữ bí mật cho các cơ sở của ta, bọn chúng chỉ được dẫn đi ban đêm loanh quanh trong một phạm vi nhỏ. Có ít khẩu súng thì đêm nay để ở địa điểm này, đêm sau lại chuyển sang địa điểm khác đón phái đoàn. Sau chuyến đi thăm này, bọn Quốc dân Đảng chuyển cho chúng ta mấy chục quả lựu đạn chày, trong đó có lẫn một số quả bị điếc. Chúng vẫn nghi ngờ chúng ta là cộng sản.

Như đã dự đoán từ trước, tại lớp học của học sinh quân Việt Nam, bọn Quốc dân Đảng một mặt dạy quân sự, một mặt ra sức tìm mọi cách nhồi nhét thứ chính trị phản động của chúng. Các đồng chí của ta để những lời lẽ của chúng ngoài tai. Thái độ lạnh nhạt của anh em ta đối với các luận điệu của chúng, càng làm cho chúng thêm nghi ngờ.

Thỉnh thoảng, tôi lại lên Quế Lâm để thăm anh em. Tháng 11 năm 1941, khi tới Thiên Bảo, thấy pháo nổ ran khắp thành phố. Hỏi ra mới biết nhân dân Trung Quốc đốt pháo ăn mừng vì cuộc chiến tranh giữa Nhật và Mỹ ở Thái Bình Dương đã bắt đầu. Nhật vừa đưa quân tiến đánh Trân Châu Cảng. Lần này, khi tôi đến trường, bọn phụ trách tìm cách kéo dài cuộc tiếp đãi, bao vây khéo không để có thời giờ gặp anh em. Chúng tôi đoán bọn Quốc dân Đảng khác ý.

Khi trở lại Tĩnh Tây ít ngày chúng tôi biết là Nguyễn Hải Thần đã dò được tung tích của chúng tôi, và đã tô giác với bọn Quốc dân Đảng. Chúng đã nắm được tên thực của anh Phạm Văn Đồng và tôi. Bọn Quốc dân Đảng thay đổi thái độ ngay. Các anh lập tức cử tôi về báo cáo lại tình hình với Bác.

Từ ngày Bác về nước, cơ quan đã thay đổi địa điểm mấy lần. Đồng bào Nùng tại đây rất tốt vì đã có cảm tình và liên lạc với cách mạng từ trước. Vùng này rất héo lánh. Nhưng bọn Tây và quân lính ở các đồn phía dưới Sóc Giang vẫn thường kéo lên, khi lùng bắt những người trong làng nấu rượu lậu, khi tìm thổ phỉ, khi dò la tung tích

cách mạng. Nơi ở đầu tiên của Bác tại Pắc Bó tuy ấm lạnh nhưng vẫn là nơi ở tốt nhất. Tại đây, có hang, không sợ mưa nắng. Địa điểm thứ hai là một hốc núi nhỏ ở rất cao và rất sâu trong rừng, bên ngoài chỉ rấp ít cành lau. Những khi trời mưa to, rắn rết chui cả vào chỗ nằm. Có buổi sáng, Bác thức dậy thấy một con rắn rất lớn nằm khoanh tròn ngay cạnh người. Về đây, Bác hay sốt. Nhiều lần, Bác đang ngồi khai hội thì lên cơn sốt, mặt tái ngắt, tay chân run cầm cập. Chúng tôi mời Bác đi nằm, nhưng Bác nói: "Nằm càng mệt, ngồi thế này có đấu tranh đỡ hơn".

Lần này, tôi trở về nước, cơ quan đã chuyển sang một địa điểm mới. Đường đi hiểm trở hơn những lần trước. Phải lội ngược mãi một con suối nằm giữa những ngọn núi cao; gần đến cơ quan lại phải vượt qua ba thác nước, leo một cái thang qua một vách đá, mới vào đến nhà. Lán của cơ quan cắt dưới lùm cây, song, mây chằng chịt, vừa tối, vừa ẩm. Bác chỉ một cái lạch nước mới khơi, tự tay Bác đã xếp than, sôi và cát làm chỗ lọc nước, nói:

- Chú xem, cơ quan ta chuyển về đây lại có cả nước lọc.

Ở đây, héo lánh âm u vô cùng. Tôi biết nhiều ngày các đồng chí trong cơ quan đi công tác, đêm khuya, chỉ có Bác với một đồng chí bảo vệ nằm nghe tiếng gió rừng cùng với tiếng beo gầm.

Sau khi nghe báo cáo tình hình, Bác quyết định, tôi không sang Tĩnh Tây nữa, tin cho anh Đồng ở bên đó cũng trở về, chỉ để mình anh Hoan ở lại duy trì biện sự xứ và liên hệ với anh em học sinh quân. Ít lâu sau, anh Hoan bị bọn Quốc dân Đảng bắt một thời gian.

6

ao Bàng là một tỉnh ở miền biên giới có phong trào cách mạng rất sớm. Từ năm 1929, tại đây, đã có chi bộ của Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí Hội. Khi Đảng Cộng sản Đông Dương mới thành lập, Cao Bằng đã

tô chức chi bô Đảng. Trong những năm khủng bô trắng, cơ sở của Đảng vẫn được duy trì. Đến thời kỳ Mặt trận bình dân, phong trào cách mạng phát triển khá rộng rãi trong nhân dân. Tại mô Tĩnh Túc đã nổ ra nhiều cuộc đấu tranh của công nhân. Đồng bào địa phương tô chức nhiều cuộc biểu tình hưởng ứng Đông Dương đại hội.

Đại chiến thế giới lần thứ hai bùng nổ, Cao Bằng ở biên giới Việt - Trung nên ảnh hưởng chiến tranh càng sâu sắc. Nhân dân Cao Bằng bị bắt đi phu, đi lính, bị áp bức, bóc lột nhiều hơn các tình khác; sinh hoạt thì cực kỳ đất đỏ nhân dân phần sợ Pháp, sợ bọn quan lại, phần sợ bọn thổ phỉ, lại luôn luôn nơm nớp lo Tầu, lo Nhật kéo vào. Sau khi đầu hàng Nhật, Pháp lại quay ra đàn áp phong trào cách mạng. Cao

Bằng bị địch khủng bố rất mạnh. Các cán bộ và đảng viên phải chuyển vào hoạt động bí mật, duy trì cơ sở, giữ gìn phong trào.

Chính vào thời kỳ này, vì bị địch khủng bố, truy lùng ráo riết, một số đảng viên và quần chúng trung kiên của Đảng đã phải trốn ra nước ngoài và đã được gặp Bác tại Trung Quốc.

Sau lớp huấn luyện ngắn ngày tổ chức tại gần biên giới, các đồng chí dự lớp đã trở về ngay trong nước, nắm lại các cơ sở quần chúng, tìm cách phục hồi phong trào. Từ ngày Bác trở về nước, dưới sự lãnh đạo và chỉ đạo trực tiếp của Bác, phong trào Cao Bằng không nhưng đã phục hồi nhanh chóng mà lại còn phát triển rất mạnh mẽ.

Về nhà được ít ngày, một buổi chúng tôi đang cùng Bác tới dự một cuộc hội nghị thì gặp một đồng chí tới báo tin dữ: Dịch tập trung quân càn quét tại Bắc Sơn - Vũ Nhai, anh Phùng Chí Kiên và anh Huy đã hy sinh.

Sau Hội nghị Trung ương lần thứ tám, phong trào Bắc Sơn - Vũ Nhai phục hồi nhanh chóng, trở thành một căn cứ nằm sâu trong lòng Việt Bắc. Dịch đưa quân từ ba mặt Lạng Sơn, Thái Nguyên, Bắc Giang tiến công vào. Anh Phùng Chí Kiên và anh Huy trong khi cùng một số đồng chí rút về phía Cao Bằng, đã hy sinh vì một trận phục kích của địch tại Lũng Sao thuộc châu Ngân Sơn. Một số đồng chí khác vẫn còn ở trong vòng vây của địch, chưa rõ tình hình ra sao.

Nghe tin, Bác đứng lặng một lúc, nước mắt ứa ra. Sau đó, Bác lại tiếp tục đi tới địa điểm hội nghị1.

Tôi về nước được một thời gian thì Bác giao nhiệm vụ về châu Hòa An, còn có bí danh là châu Trần Phú, để mở lớp huấn luyện.

Trước khi lên đường, tôi đã cải trang thành một người dân địa phương với bộ quần áo chàm, chiếc mũ nồi dạ và một chiếc túi dết bằng vải chàm đeo sau lưng. Trong túi, ngoài những tài liệu của lớp huấn luyện tại biên giới, lúc này đã được in lại thành tập với tên Con đường giải phóng, còn có tập Lịch sử Đảng Cộng sản Liên Xô do Bác dịch và đánh máy cho mỗi chúng tôi một bản, để làm tài liệu huấn luyện các đảng viên.

Càng đi càng thấy phong trào của ta đã ăn khá sâu rộng trong nhân dân. Dịch giăng nhiều vọng gác trên dọc đường. Nhưng những anh lính dõng đứng gác không gây khó dễ cho chúng tôi, mà lại còn nhìn chúng tôi với về mặt tươi tỉnh. Có nơi, đồng chí đưa đường vào ngay trạm gác của lính dõng, hỏi mua thức ăn. Phần lớn những người lính dõng này đều là hội viên của các hội cứu quốc. Biết có đoàn cán bộ đi

qua, đồng bào ở các làng cơ sở ra đón đường chúng tôi, tay bắt mặt mừng. Đến bữa ăn, chúng tôi dừng chân, nghỉ lại trên đồi hoặc ven rừng, lát sau là có đồng bào đưa cơm nước lên. Qua thái độ của bà con, biết người cán bộ cách mạng tại đây được quý mến nhường nào. Quang cảnh này, tình hình này thực khác hẳn ngày chúng tôi ra đi. Thấy đồng bào đón tiếp nhiệt tình, quý trọng cán bộ, nghĩ chính mình đang đi trong sự che chở của đồng bào, chính nhờ đồng bào mà mình đang được đi trên những miền của đất nước đã mang màu sắc của ngày mai tự do.

Hết đường núi, đến cánh đồng Hòa An, phải đi đêm. Đồng chí dẫn đường đưa chúng tôi vào một làng nằm trong một thung lũng nhỏ.

Đêm ấy, ở lại gia đình đồng chí Lén. Cả gia đình đồng chí Lén, kể cả các cụ thân sinh, đều tham gia hội cứu quốc. Trời sáng, tôi lánh ra ở một hốc núi đá ngay giáp vườn. Đến bữa ăn, lại vào nhà ăn cơm. Xã này là một xã "hoàn toàn". Trong xã, trừ một vài phần tử tối phần động bị bao vây giám sát chặt chẽ từng bước đi, tất cả nhân dân đã được tổ chức vào các hội cứu quốc.

Lớp huấn luyện được tích cực chuẩn bị. Vùng này nhiều núi đá có cây cối rậm rạp. Các đồng chí ở địa phương đã chọn một hang đá rộng rãi, quang đãng làm địa điểm lớp học. Chừng mươi đồng chí nam, nữ được lựa chọn đi học. Anh chị em mang theo nồi, gạo, thức ăn tới địa điểm với nét mặt rất phấn khởi.

Chúng tôi lấy lá về rải trong hang làm nơi lên lớp, thảo luận. Hết buổi học, các học viên cùng làm bếp, nấu nướng lấy ăn.

Nội dung huấn luyện gồm có: Tình hình thế giới, tình hình trong nước, tại sao phải đánh Tây, đuổi Nhật, rồi đến công tác chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang, cách tổ chức hội cứu quốc, các đội tự vệ, năm bước công tác bí mật; lại học cả cách khai hội, cách phát biểu ý kiến... Trong thời gian học tập, anh

chị em còn đồng thời được tuyên truyền giáo dục về chủ nghĩa cộng sản, về Đảng, về chế độ và đời sống tốt đẹp tại Liên Xô, nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới.

Mọi người rất ham học. Anh chị em thảo luận sôi nổi, nói lên sự áp bức, bóc lột của Tây, Nhật, của bọn quan lại, tổng lý, và những âm mưu thâm độc nhằm chia rẽ các dân tộc của bọn chúng. Tôi nhận thấy, mỗi điều hiểu biết mới về cách mạng đều tác động sâu sắc đến anh chị em. Chúng tôi tìm trong hàng ngũ hội viên trung kiên, những đồng chí đã tham gia phong trào từ lâu, bồi dưỡng thêm, chuẩn bị cho việc phát triển Đảng.

Hang đá này nằm ở một hòn độc sơn. Ngồi trong hang nhìn ra, ngay trước mắt là làng mạc, là cánh đồng. Lớp học tiến hành rất an toàn. Ngày, đêm lúc nào cũng có các anh chị em tự vệ chung quanh. Các đồng chí ở dưới xã luôn luôn lên báo cáo tình hình hoạt động của bọn phân động.

Khi học tập thì giản dị, nhưng lúc kết thúc lại khá "long trọng". Lễ bế mạc được tổ chức tại một thung lũng. Nhiều đồng bào tới tham dự. Dưới lá cờ đỏ sao vàng, ban phụ trách lớp thay mặt đoàn thể giao nhiệm vụ. Đại biểu các hội cứu quốc ở địa phương lên hoan nghênh những đồng chí đã học xong, sắp trở về công tác. Các hội viện sôi nổi hứa hẹn với đoàn thể, với nhân dân trước khi ra về. Một không khí phấn khởi, náo nức, hừng hực khí thế cách mạng bao trùm lấy cả buổi lễ.

Sau một thời gian ở đây, tôi chuyển sang một tổng khác thuộc vùng cảnh đồng của châu Hoà An. Phong trào tại vùng này rất mạnh. Nơi tôi tới công tác và những tổng ở chung quanh đều là tổng "hoàn toàn". Lớp học mở ngay tại giữa làng. Mặc dầu ở gần Nước Hai, không xa tỉnh lỵ bao nhiêu, nhưng chúng tôi tổ chức liên tiếp mấy lớp không gặp trở ngại gì. Tôi được bố trí ở với một gia đình nông dân. Gia đình này nghèo, nhưng hằng ngày, ngoài hai bữa cơm, khi củ khoai, khi bắp ngô, luôn luôn tìm mọi thứ đem ra mời cán bộ. Một lần, giữa lớp huấn luyện, tôi bỗng lên cơn sốt. Nằm không yên, chỉ lo cơn sốt kéo dài, lỡ việc học tập của anh em. Gia đình vội vã đi tìm một hội viên biết thuốc tới. Ông cụ sờ đầu và xem mặt tôi rồi nói: "Đồng chí cán bộ à, lên ban thôi, không việc gì đâu!". Cụ đi kiếm ít lá về sắc một chén nhỏ đưa tôi uống, rồi bảo tôi đắp chăn nằm ngủ. Buổi chiều, tỉnh dậy, thấy hết sốt. Hỏi cụ cho uống thứ lá gì, cụ nói: Lá nụ áo.

Tôi trở về cơ quan. Bác đã chuyển từ Pắc Bó về Lam Sơn. Căn lán của Bác nằm bên một sườn núi khá quang đãng, phía sau, có một mảnh đất nhỏ, sáng sáng Bác vẫn ra để tập thể dục. Tôi báo cáo tình hình công tác tại Hoà An. Bác nhận xét làm tốt, và chỉ thị cho tôi chuyển sang châu Nguyên Bình.

Tình hình Nguyên Bình so với Hòa An có khác hơn. Hòa An là một châu có phong trào cách mạng từ lâu. Nguyên Bình trước kia, chỉ riêng mô Tĩnh Túc có phong trào khá mạnh trong công nhân, các nơi khác thì gần đây mới bắt đầu xây dựng một số cơ sở.

Từ Cao Bằng có đường cái lớn chạy về Tĩnh Túc, nhưng chúng tôi phải đi theo đường núi cho kín đáo. Ngày đầu, phải vượt qua nhiều đèo cao và những triển núi đá. Đường đi rất vắng vẻ. Chập tối, tới một bản mới được tổ chức gần đây, nằm giữa một vùng hèo lánh. Đồng chí giao thông dẫn tôi vào nhà một hội viên. Thấy chúng tôi đến, cả gia đình đều tỏ vẻ mừng rỡ.

Sau bữa cơm, tôi được đưa vào nghỉ trong một căn buồng kín đáo. Nằm một lúc, nghe dưới nhà có nhiều tiếng lao xao. Tuy vậy, chưa nhận thấy có dấu hiệu bất trắc. Một lát, có tiếng kẹt cửa. Một người đẩy cửa buồng tôi, bước vào, rón rén đến bên giường, vén màn lên, đứng nhìn một lát rồi quay ra. Và liên tiếp sau đó, lại có những người khác đẩy cửa buồng vào làm như vậy. Hơi ngạc nhiên, tôi gọi đồng chí hội viên vào, hỏi:

- Tôi ở đây mà đồng chí để nhiều người vào buồng luôn luôn như vậy thì làm sao giữ được bí mật?

Đồng chí hội viên đáp:

- Các anh, các chị ấy cũng là người trong hội cả thôi. Đồng chí "thượng cấp" từ xa đến đây đem ánh sáng cho chúng tôi, anh chị em đều mừng rỡ, nên ai cũng muốn xem mặt một tí.

Hôm sau, chúng tôi tiếp tục đi Gia Bằng. Trước khi đi, tôi nói chuyện với các đồng chí hội viên ở đây, cần chú ý giữ bí mật trong mọi công tác của hội. Mặc dầu chỉ trú chân tại đây một đêm, nhưng khi đi, cả gia đình đều tỏ vẻ quyến luyến.

Gia Bằng là một cánh đồng hẹp nằm giữa một vùng núi đá. Tại đây, một người giao thông khác sẽ đưa tôi đi hết đoạn đường cuối cùng trong đêm hôm đó. Khi gặp đồng chí này, tôi hơi ngạc nhiên vì thấy anh bị mù cả hai mắt. Tên đồng chí đó là An.

Năm giờ chiều, đồng chí An đưa tôi ra đi. Đường toàn đá tai mèo, hết lên lại xuống, lại lắm khe nhiều suối, với người sáng mắt, đi cũng rất khó khăn. Đồng chí An chỉ dùng hai bàn chân dò dẫm và chiếc gậy trúc trong tay, khua khua vào những hòn đá, những thân cây hai bên đường là nói được với tôi ngay, nơi đó là đâu. Trời càng tối, tôi càng thấy đồng chí giao thông hỏng mắt này đi đường giỏi hơn mình rất nhiều. Dọc đường, nói chuyện, mới biết anh An trước kia mắt cũng sáng nhưng đã bị mù từ lâu, sau một trận đau

mắt. Anh có một trí nhớ rất đặc biệt. Có lần, anh vào rừng lấy cùi, khi về đến nhà mới nhớ ra mình đã bỏ quên con dao; anh quay trở lại rừng và tìm được con dao mang về. Anh An kể lại với tôi cuộc đời khổ cực tối tăm của mình sau ngày hông mắt, và nói, anh đã tìm lại được ánh sáng từ khi biết hội, anh nguyện sẽ đem cả cuộc đời mình để hiến cho cách mạng. Về sau, tôi biết thêm, anh là một hội viên trung kiên hoạt động rất tích cực. Tối hôm đó, vừa đi với anh, tôi vừa ngẫm nghĩ về sức mạnh kỳ lạ của phong trào cách mạng đã cuốn hút được vào cuộc đấu tranh quyết liệt này cả những người như anh An. Hình ảnh đồng chí giao thông mù trong những năm tranh tối tranh sáng đó, đã gây cho tôi một ấn tượng rất sâu.

Đêm hôm đó, anh An dẫn tôi đến nhà đồng chí Xích Thắng, Bí thư Châu ủy.

Tôi ở lại nhà đồng chí Xích Thắng một thời gian và mở mấy lớp huấn luyện tại Nguyên Bình trong một hang núi. Sau mỗi lớp huấn luyện, tôi giúp các đồng chí châu ủy đặt kế hoạch công tác phát triển và cũng cố phong trào.

Theo chương trình đề ra từ nhà, tôi sẽ lên mở tiếp một lớp huấn luyện tại vùng đồng bào Dao trắng. Một buổi sớm, có đồng chí trên vùng Dao trắng về đón. Đồng chí này mặc quần áo chẽn, đầu chít khăn, một con dao rừng giắt chéo qua chiếc dây lưng thắt bó lấy người, trông như một nhà hiệp sĩ thời xưa. Đồng chí Xích Thắng giới thiệu với tôi, đó là đồng chí Hồng Trị, một trong hai đảng viên đầu tiên của Đảng Cộng sản Đông Dương tại khu Thiện Thuật, tức là vùng Dao trắng. Đồng chí Hồng Trị nói bằng tiếng Kinh:

- Chào đồng chí, đồng chí về thế này thì chúng tôi rất hoan nghênh.

Đồng chí Hồng Trị đưa tôi đi. Đúng là đi theo đường chim. Vừa đi chúng tôi vừa phải lách lá rừng, phát mây gai để mở đường trên những triển núi đá tai mèo. Mỗi lần tôi hỏi đi về đâu, thì đồng chí Hồng Trị lại chỉ một ngọn núi cao vòi vọi trước mặt. Buổi trưa, chúng tôi nghỉ chân một lúc tại nhà một đồng chí Dao. Rồi lại tiếp tục leo ngược núi. Vắt nhiều vô kể. Đi miết cho đến chiều, mới hết triển núi đá, trước mặt, hiện ra một khu rừng đại ngàn, cây cối rậm rạp, mây đước chằng chịt. Tôi nhìn thấy mấy đồng bào Dao đang ngồi trong một chiếc lán nhỏ làm bám vào một gốc cây cổ thụ. Đồng chí Hồng Trị nói với tôi, lớp học sẽ mở tại đây, và những người ngồi đó là các đồng chí học viên. Các đồng chí nhìn chúng tôi với vẻ mặt mừng rỡ. Đến lúc nói chuyện, mới hay không đồng chí nào biết tiếng Kinh. Lát sau, lại có thêm mấy chị đến, đầu vấn khăn tròn, áo hoa, váy trắng, mặc đẹp như những người đi hội. Các chị cũng là những đồng chí được cử đi học.

Chúng tôi tươi cười gật đầu chào nhau, nhưng đến khi nói chuyện thì không bên nào hiểu. Chiều hôm đó, đồng chí Bình Dương cũng tới. Đồng chí Bình Dương là người châu Hòa An, được cử lên công tác tại vùng này. Anh nói thạo tiếng Tày, tiếng Kinh, và cũng biết một ít tiếng Dao.

Từ khi đi làm công tác huấn luyện đã nhiều lần tôi gặp khó khăn về việc giải nghĩa những danh từ mới, nhất là những danh từ chính trị. Đồng bào phần lớn, lần đầu làm quen với những danh từ mới này, lại phải nhớ nhiều quá trong một lúc. Chúng tôi đã có kinh nghiệm đem một số danh từ đặt tên bí danh cho các đồng chí, để học viên dễ nhớ. Từ đó đã hiện nhiều tên mới: Minh Khai, Âu Triệu, Đấu Tranh, Độc Lập, Đề Thám, Hồng Phong... Nhưng ở lớp huấn luyện đầu tiên trên rẻo cao này, thì việc giảng bài khó khăn một cách đặc biệt. Đồng chí Hồng Trị biết tiếng Kinh

nhưng chỉ nói được những tiếng thông thường trong sinh hoạt hằng ngày, khi gặp những danh từ chính trị thì bản thân đồng chí cũng không hiểu. Tôi cố gắng tìm hiểu tình hình áp bức, bóc lột tại địa phương, một mặt khai thác khả năng phiên dịch của đồng chí Hồng Trị và đồng chí Bình Dương, một mặt, dùng thêm những hình vẽ để giảng bài. Khi nói đến Tây, Nhật áp bức bóc lột dân ta, thì tôi vẽ hình thằng Tây, thằng Nhật đánh đập đồng bào, vẽ người dân trên lưng chồng chất sưu cao, thuế nặng. Khi giảng về vấn đề đoàn kết để đánh Tây, đuổi Nhật thì vẽ người Dao, người Thổ, người Kinh cùng nắm tay nhau... Cách này đã giúp anh chị em hiểu được dễ dàng hơn.

Đồng bào Dao trắng vốn đã có một tinh thần cách mạng rất cao, một lòng tin từ trước, hết sức cố gắng tìm hiểu những lời cán bộ nói, vì tin tưởng chắc chắn đó là chân lý. Cuối cùng, kết quả lớp học khá tốt. Trong lễ tốt nghiệp, một chị đã nói bằng một giọng rất cảm động:

- Chúng tôi ở núi cao, rừng rậm bao đời nay không có ánh sáng, hội đã đưa đồng chí giáo viên đến chỉ cho chúng tôi con đường độc lập, tự do. Anh chị em chúng tôi như những người thức đêm, nhà có ngọn đèn dầu đã cạn, sắp tắt, giờ cấp trên cử người đến đem dầu đổ thêm vào, làm cho đèn lại sáng ra. Đầu óc chúng tôi trước kia tối tăm, bây giờ nhờ hội đã sáng tỏ.

Đồng bào miền núi thường hay dùng hình ảnh và sự so sánh để diễn tả những ý nghĩ của mình. Cũng trong lớp huấn luyện này, tôi còn nhớ một câu nói vui vui của một đồng chí phát biểu về kết quả học tập:

- Chúng tôi làm nương làm rẫy, muốn ngô lúa tốt thì phải có phản. Đồng chí giáo viên đến đây như người đem phân bón cho ngô lúa, thế nào phong trào cũng xanh tốt.

Trước khi ra về, các đồng chí tham dự học tập đều được giao nhiệm vụ tuyên truyền, phát triển thêm hội viên mới để mở rộng các hội cứu quốc.

Tôi đã cùng đồng chí Bình Dương tôi tham dự một cuộc mít tinh giải thích chủ trương của Việt Minh: Đoàn kết các dân tộc đánh Tây, đuổi Nhật. Đồng bào các bản kéo tới rất đông. Ai nấy đều mặc quần áo đẹp, nô nức, vui mừng như đi dự một ngày hội.

Qua những lớp huấn luyện tại Hòa An và Nguyên Bình, càng thấy rõ, trong khi vận động quần chúng làm cách mạng, nếu nói lên được những nguyện vọng nóng bỏng của quần chúng, những điều liên hệ mật thiết đến đời sống của quần chúng, thì quần chúng rất dễ tiếp thụ, công tác vận động sẽ trở nên có một sức hấp dẫn đặc biệt, sẽ thúc đẩy mạnh mẽ quần chúng tiến lên con đường đấu tranh. Một điều

khác tôi đã nhận thấy là, với những tâm hồn rất chất phác, trong trẻo của đồng bào miền núi khi cách mạng đã đem đến cho họ một lòng tin, thì không có sức nào lay chuyển được lòng tin đó.

ang năm 1942, trong các châu ở Cao Bằng đã có những châu "hoàn toàn". Đây là một hiện tượng mới trong lịch sử phong trào cách mạng của ta. Ngoài ra, ở tất cả các châu khác, cách mạng đều đã xây dựng được nhiều cơ sở quần chúng.

Đồng bào Tày, Nùng nô nức tham gia các hội cứu quốc. Thanh niên dẫn đầu phong trào. Chị em phụ nữ vào hội rất đông. Các em nhi đồng cũng đều vào hội, tham gia công việc liên lạc, canh gác. Một thứ chính quyền hai mặt đã xuất hiện ở nông thôn. Trong các xã "hoàn toàn", Ban Việt Minh xã giải quyết hầu hết các vấn đề sinh hoạt hằng ngày trong nhân dân, từ việc cưới xin đến việc tranh chấp ruộng rẫy. Ta đã tranh thủ được phần lớn các hương lý. Những người này hoặc đã tham gia các hội cứu quốc, hoặc có cảm tình với cách mạng. Trước khi lên châu, lên tỉnh, các chức việc thường đến xin chỉ thị của Ban Việt Minh xã, khi về cũng tới báo cáo lại mọi việc đã làm với "quan trên".

Phong trào lan rộng trong hàng ngũ lính dông. Hồi này, bọn Pháp ra lệnh tăng cường canh gác nghiêm ngặt. Mỗi xã có hai, ba điểm canh. Nhưng phần lớn các điểm canh của địch đã biến thành trạm liên lạc hoặc nơi theo dõi tình hình của ta.

Trên những vùng cao, phong trào cũng phát triển mạnh. Đồng bào dân tộc Dao vào hội rất đông, yêu quý cán bộ như ruột thịt.

Trong khi tiến hành công tác vận động chính trị, giáo dục lòng yêu nước cho đồng bào, chúng ta còn đồng thời giáo dục, tuyên truyền một cách rộng rãi về chủ nghĩa cộng sản, về Đảng, về Liên Xô. Ảnh hưởng của Đảng trong quần chúng rất rộng. Đồng bào đã hiểu Đảng Cộng sản là Đảng lãnh đạo cách mạng, Đảng sẽ giành lại độc lập, tự do cho nước nhà, sẽ đem lại ấm no hạnh phúc cho quần chúng công nông lao khổ, cho toàn thể các dân tộc. Nhiều đồng bào đã coi Đảng như chính là của mình. Nhiều hội viên trung kiên được chọn lựa, giáo dục rồi kết nạp vào Đảng. Phần lớn các xã có phong trào đều đã thành lập chi bộ.

Phong trào cách mạng dần dần xua tan những ảnh hưởng chia rẽ dân tộc của bọn phong kiến, để quốc tự bao nhiêu đời nay. Các dân tộc đã đoàn kết lại, kề vai sát cánh bên nhau trong Mặt trận Việt Minh. Nhiều cuộc đi lại thăm hỏi giữa các dân tộc vùng cao và vùng thấp đã được tổ chức. Đại biểu các dân tộc Thổ, Dao, Nùng, Kinh, Hoa kiều... cùng nắm tay nhau trong những cuộc liên hoan cảm động.

Sau khi Bác về nước, Tỉnh ủy Cao Bằng được củng cố lại. Tháng 11 năm 1942, Đại hội đại biểu Việt Minh toàn Cao Bằng đã họp và bầu ra Ban Việt Minh tỉnh chính

thức. Hệ thống tổ chức của Mặt trận Việt Minh đã thông suốt từ xã qua các châu, huyện đến tỉnh. Trong các châu, các tổng "hoàn toàn", các ban Việt Minh đều do bầu cử dân chủ từ xã lên. Tiếp sau đó, Liên tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng được chỉ định, do đồng chí Là làm Bí thư. Anh Đồng, anh Vũ Anh và tôi được giao nhiệm vụ giúp Liên tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng.

Nhiều lớp huấn luyện ngắn kỳ được tổ chức ở các châu, huyện. Để học viên khôi phải đi xa làng, bản, vừa mất công ăn việc làm vừa dễ bị lộ, liên tỉnh đã phân phối giáo viên về các địa phương mở những lớp huấn luyện. Mỗi lớp huấn luyện hồi đầu thường tổ chức cho khoảng mươi người trong mươi lăm ngày. Bác đã chỉ thị rút ngắn thời gian huấn luyện xuống bốn, năm ngày, và ở những nơi phong trào mới lên, thì không cần đợi đồng bào tập trung đủ mười người, cứ vài ba người là cũng có thể tiến hành huấn luyện ngay. Ban Liên tỉnh đặt kế hoạch mở những lớp huấn luyện mới với trình độ cao hơn, đồng thời cũng mở rộng phạm vi huấn luyện tới các thanh niên nam nữ không ở trong các ban chấp hành. Các lớp huấn luyện cho cán bộ, cho những phần tử trung kiên trong các hội cứu quốc mở liên tiếp khắp nơi, vẫn không sao đáp ứng được yêu cầu của quần chúng tham gia phong trào cách mạng ngày một đông.

Liên tỉnh ủy phụ trách huấn luyện cho đảng viên. Đối với một số cán bộ cấp tỉnh, thì ngoài nghị quyết của Trung ương và các chủ trương công tác của Liên tỉnh ủy, còn huấn luyện thêm sơ lược về lịch sử của Đảng Cộng sản Liên Xô.

Vào năm 1941, tại Pắc Bó, Bác đã ra chỉ thị tổ chức đội vũ trang đầu tiên ở Cao Bằng, đội gồm có các đồng chí: Lê Quảng Ba, Hoàng Sâm, Bằng Giang, Lê Thiết Hùng, Đức Thanh, Thế An, v.v... do đồng chí Lê Quảng Ba chỉ huy. Đội có nhiệm vụ bảo vệ cơ quan lãnh đạo của Đảng, củng cố và giữ vững đường giao thông, đồng thời làm công tác tuyên truyền và giúp việc huấn luyện tự vệ và tự vệ chiến đấu.

Tại khắp các nơi có phong trào, đều đã tổ chức ra các đội tự vệ và tự vệ chiến đấu.

Ván đề huấn luyện quân sự trở nên cấp thiết. Nhưng cán bộ thì rất thiếu. Đồng chí nào biết chút ít quân sự đều phải đi huấn luyện. Bác tự tay biên soạn một số tài liệu về chiến thuật du kích, rồi cho in li-tô thành những cuốn sách nhỏ bỏ túi như các quyển: Chiến thuật du kích, Kinh nghiệm du kích Nga, Kinh nghiệm du kích Tầu... Những cuốn sách đơn giản ấy là những tài liệu quý giá, bổ ích cho các đội tự vệ và những hội viên cứu quốc các giới. Trong thời gian này, anh Đồng cũng viết cuốn Người chính trị viên, tôi thì lược dịch cuốn Chiến tranh du kích kháng Nhật của đồng chí Chu Đức và viết cuốn Công tác chính trị trong quân đội cách mạng.

Liên tỉnh chỉ thị soạn chương trình huấn luyện quân sự và định ra các khẩu lệnh thống nhất. Mọi việc đều rất mới mẻ. Chỉ có việc như hô "một, hai" mà khi ra tập, người hô cũng chưa quen, quần chúng lại càng bỡ ngỡ. Tuy vậy, cùng với phong trào học tập chính trị, phong trào học tập quân sự cũng lên mạnh. Hễ việc đồng áng hơi rỗi là lại tập luyện. Mỗi kỳ tập từ năm đến bảy ngày. Từ phong trào tự vệ này, qua một vài đợt cũng cố, luyện tập, chúng ta tổ chức ra những đội tự vệ chiến đấu. Thành phần của đội tự vệ chiến đấu gồm những đội viên tự vệ dũng cảm nhất trong xã.

Hầu hết thanh niên nam nữ trong các xã "hoàn toàn" đều tham gia tổ chức tự vệ và đã trải qua luyện tập một hai kỳ. Mỗi một xã đều có một hay hai trung đội tự vệ chiến đấu được tổ chức và luyện tập khá chặt chẽ.

Ít lâu sau, Liên tỉnh tổ chức ra những lớp huấn luyện để đào tạo cán bộ quân sự. Mỗi khóa học tập trong một tháng. Thường thường một khóa triệu tập khoảng năm, sáu chục cán bộ về học.

Ngoài công tác huấn luyện, lại phải lo sắm vũ khí đạn dược. Vấn đề này rất quan trọng và cũng rất khó khăn. Sau phải dựa vào quần chúng để giải quyết. Mỗi đội viên tự vệ phải tự sắm một thứ vũ khí, giáo, mác, súng kíp, súng hỏa mai. Có nơi, đồng bào góp tiền mua súng thổ tạo ở bên kia biên giới. Mỗi đội viên tự vệ lại phải có một cuộn dây thừng để bắt Việt gian.

Tiểu đội vũ trang do anh Lê Quảng Ba phụ trách có một khẩu "pạc-hoọc" và một khẩu súng lục. Khẩu súng lục này là của một đồng chí Hồng quân Trung Quốc. Khi chuyển lên phía bắc, Hồng quân đã giao cho một đồng chí ở lại một khẩu súng lục. Khi anh em chúng ta đi ngang, biết chúng ta là những người cách mạng Việt Nam đang cần vũ khí, đồng chí đó đã đem khẩu súng tặng cho chúng ta.

Để góp phần giải quyết khó khăn về vũ khí, Liên tỉnh quyết định lập một cơ sở lò rèn nhỏ, thí nghiệm đúc lựu đạn, địa lôi. Đồng chí Cáp được phân công phụ trách công tác này. Nguyên liệu gồm nồi, chậu thau, mâm đồng, sắt vụn... toàn những thứ do đồng bào ủng hộ. Đồng chí cùng năm, sáu anh em công nhân làm việc ngày đêm trong một thung lũng rất sâu, sau mấy dãy núi đá ở vùng Lô Cốt Đỏ. Một hôm, tôi đang đi công tác, thì được tin anh Đồng và anh Vũ Anh nhắn về Lô Cốt Đỏ để dự cuộc thử quả địa lôi đầu tiên vừa chế tạo xong. Địa điểm thử ở một vùng chung quanh toàn núi đá cao. Quả địa lôi được đặt vào một hốc đá ở chân núi. Một sợi dây thừng dài khoảng gần một trăm thước buộc từ quả địa lôi kéo dài tới chỗ người giật. Các anh cho biết, khi thử từng phần, các bộ phận đều tốt. Tất cả những người đến dự, ngồi trên núi cao, nấp cẩn thận sau những tầng đá to ngó ra, để phòng mãnh gang bắn phải. Ai nấy đều hồi hộp. Anh Cáp ra lệnh:

- Giật đi!

Mọi người chăm chú nhìn về chỗ đặt quả địa lôi, thấy khói phụt lên. Nhưng rồi đợi mãi, đến khi tan khói cũng không có tiếng nổ. Anh Lê Quảng Ba hôm đó cũng có mặt, phì cười, nói:

- Te nàng du tỳ!"

Sau cuộc thí nghiệm này, anh Cáp và những anh em công nhân lại kiên nhẫn tiếp tục nghiên cứu, và cuối cùng đã thành công. Lò rèn này về sau, trong thời kỳ kháng chiến, được mở rộng thành binh công xướng Lam Sơn. Có thể nói lò rèn ở Lô Cốt Đỏ là binh công xướng đầu tiên của chúng ta.

au một thời gian ở Nguyên Bình, tôi được chỉ thị cùng anh Thiết Hùng chuyển xuống phía Nam gây phong trào tại tổng Kim Mã, một nơi chưa có tổ chức Việt Minh. Bác và Liên tỉnh ủy muốn tổ chức cơ sở ở vùng này làm chỗ đứng chân, phát triển phong trào về dưới xuôi, mở đường Nam tiến.

Chúng tôi giao nhiệm vụ cho các đồng chí ở Gia Bằng bắt mối với một vài thanh niên hăng hái ở tổng Kim Mã, đưa anh em về Gia Bằng mở lớp huấn luyện. Sau khi anh em đã học tập, chúng tôi cùng anh em thảo luận kế hoạch đưa chúng tôi về địa phương hoạt động. Mấy anh em này đều sốt sắng, hẹn về nhà thu xếp xong một thời gian ngắn, sẽ lên đón chúng tôi. Trong số các anh em đó có đồng chí Lạc.

Ít ngày sau, đồng chí Lạc trở lại Gia Bằng. Đồng chí nói mọi việc ở địa phương đã thu xếp xong. Một đêm, chúng tôi cùng vượt đường cái lớn và bắt đầu trèo núi. Dọc đường đi rất vắng lặng, đồi gianh triền miên nối tiếp nhau. Thỉnh thoảng mới nhìn thấy một bản nhỏ với dăm ba ngôi nhà heo hút trên đầu núi. Đồng chí Lạc cho biết, trên rèo cao này là vùng của đồng bào Dao tiên. Đi cả ngày hôm sau, sắm tối mới tới cánh đồng Kim Mã. Nhìn cánh đồng rộng, lúa rất tốt, cảm thấy như đây đã gần miên xuôi. Chúng tôi vượt qua một quả núi nhỏ sau làng Phai Khất rồi vào nhà đồng chí Lạc.

Sáng hôm sau, đồng chí Lạc đưa tôi đi xem địa điểm đã chọn để mở lớp huấn luyện. Tôi nhìn quả đồi chỉ có những cây con lưa thưa, nằm bên một khe suối, thấy chỗ này trống trải quá. Đồng chí Lạc nói: "Ở vùng chúng tôi chưa có cách mạng hoạt động bao giờ, mở lớp tại đây bất ngờ, không ai chú ý đâu".

Bây nam nữ thanh niên được các đồng chí giới thiệu đến dự lớp đầu tiên. Đồng bào tại đây ít người biết tiếng Kinh. Thời gian qua, tôi đã tranh thủ học tiếng Tày, tiếng Dao dần dần đã nói được, nên việc giảng dạy cũng đỡ khó khăn. Tôi vừa làm công tác huấn luyện vừa tìm hiểu tình hình địa phương. Chúng tôi rút ngắn thời gian học tập để có thể nhanh chóng mở thêm nhiều lớp sau. Việc học tập ở đây không

gặp gì trở ngại, duy chỉ có một lần, mấy người dân đi lấy củi tình cờ sục vào chỗ chúng tôi, họ tỏ vẻ ngạc nhiên, không hiểu lại sao ở quả đồi hoang này lại có người. Để để phòng, tôi nói với đồng chí Lạc chuyển địa điểm vào sâu trong núi cho những lớp sau.

Qua các lớp huấn luyện, chúng tôi đã nắm được rõ tình hình địa phương. Vùng này ở xa thị trấn, tương đối hẻo lánh, từ lâu đến nay chưa có phong trào, nên bọn để quốc ít chú ý, và những tên đại gian ác trong hàng ngũ tay sai của chúng cũng chưa lộ mặt. Ở đây, cũng như tại Hòa An hay Nguyên Bình, đồng bào đã bị bọn để quốc, phong kiến bòn rút đến xương tủy từ bao đời nay. Với cơ sở của cái thực tế rất sâu sắc đó, khi được chỉ dẫn phân tích cần phải đấu tranh đánh đổ kẻ thù để giành lấy một cuộc sống độc lập, tự do, thì đồng bào nhận thức được rất nhanh chóng.

Các đồng chí đi huấn luyện trở về hoạt động rất hăng hái. Những nhận thức mới của anh em, đầu tiên, lan ra trong gia đình, rồi tỏa tới họ hàng, thân thuộc. Mỗi làng chỉ có vài dòng họ lớn, người trong làng đều là bà con thân thích đã ăn ở, chung sống với nhau từ bao đời, nên rất tin nhau. Chẳng bao lâu tư tưởng cách mạng đã tràn lan khắp nơi, thu hút được cảm tình của nhiều người. Các hội cứu quốc phát triển rất nhanh.

Trong công tác huấn luyện, tôi cũng rút thêm cho mình được một số kinh nghiệm.

Một lần, trong một lớp học, nhân khi giảng về tình hình thế giới, tôi đã nói cho anh chị em nghe về bốn mâu thuẫn lớn trên thế giới hiện nay. Trước kia, hoạt động ở xuôi, mỗi khi làm công tác tuyên truyền, huấn luyện thường quen phát triển, mở rộng vấn đề; lên đây, dựa vào bài giảng soạn rất ngắn gọn, tôi vẫn nghĩ là mình đã nói rất đơn giản. Đến lễ tốt nghiệp, anh chị em hăng hái nói lên kết quả học tập, hứa hẹn ra về sẽ tích cực hoạt động cho hội. Khi tôi tưởng mọi người đã nói xong thì thấy đồng chí Đề Thám giơ tay xin phát biểu.

- Xin đồng chí cho em ra hội.

Đồng chí này vốn là một thanh niên tốt, hăng hái. Tôi ngạc nhiên hỏi lại:

- Vi sao đồng chí lại xin ra hội?
- Vào hội thì làm việc gì khó khăn, nguy hiểm đến đâu em cũng làm được chỉ có mỗi cái học như thế này khó quá, không nhớ được, sợ không làm tròn nghĩa vụ của người hội viên. Em không hiểu bốn mâu thuẫn là gì.

Tôi nhớ đến lời Bác nhận xét về tờ báo của chúng tôi làm tại Tỉnh Tây, và những yêu cầu Bác giao cho mỗi khi kết bài đăng báo Việt Lập.

Sau khi được giải thích, người hội viên cốt nhất là có tinh thần yêu nước, trung thành với hội, trong khi đấu tranh thì không sợ hiểm nghèo, không sợ hy sinh, còn học thế này là để về tuyên truyền, giác ngộ cho bà con, lần này chưa hiểu thì lần khác học tập thêm sẽ hiểu chứ hội không bắt buộc phải

hiểu cả, nhớ cả ngay trong một lúc... thì đồng chí Đề Thám hết sức vui lòng. Đồng chí nói:

- Tưởng bắt buộc phải nhớ hết thì em chịu.

Vê sau, đồng chí Đề Thám vào bộ đội, được kết nạp vào Đảng, trở thành một cán bộ tốt của quân đội, một chiến sĩ thi đua trong thời kỳ kháng chiến.

Lần ấy, bản thân tôi đã rút ra được một bài học thấm thía: Một điều cơ bản trong công tác vận động quần chúng là muốn đưa quần chúng, đưa phong trào lên, thì phải hiểu rõ trình độ quần chúng, có đi sát với trình độ quần chúng thì mới đưa quần chúng lên được.

Sau những thời gian huấn luyện, anh Thiết Hùng và tôi lại cùng các đồng chí ở địa phương đi các làng, bán làm công tác vận động quần chúng, tham gia những cuộc sinh hoạt của các giới nông dân, thanh niên, phụ nữ, nhi đồng. Nhiều nơi đã bắt đầu tổ chức những cuộc mít tinh có hàng trăm người tham dự.

Phong trào tại Kim Mã phát triển tốt. Chẳng bao lâu các hội cứu quốc đã lan ra các xã trong tổng, các ban Việt Minh xã, tổng được thành lập.

Lúc này, chúng tôi đã nhận thấy, tình hình phong trào hiện nay đang tốt, nhưng Kim Mã ở cạnh đường cái, bọn địch có thể kéo đến rất nhanh; xung quanh đều là núi, trên núi lại là đồng bào dân tộc khác; nếu không tổ chức được cả đồng bào trên rẻo cao, thì khi bị địch khủng bố có thể gặp nhiều khó khăn. Mặt khác, sau này còn phải mở đường về phía Bắc Kạn, Lạng Sơn, như vậy càng cần phải tổ chức đồng bào trên núi.

Khi bàn với các đồng chí hội viên, mọi người đều nhận thấy vấn đề tổ chức đồng bào trên rẻo cao cần được tiến hành ngay. Một hội viên trung kiên là đồng chí Trọng Khánh, nói mình có người anh em đồng canh, người Dao tiền ở trên xã Cẩm Lý, xin đi tuyên truyền vào hội. Từ bao nhiêu đời nay, bọn phong kiến, để quốc đã tìm mọi cách chia rẽ các dân tộc, gây nên những mối thù hằn truyền kiếp, nhưng giữa một số người của dân tộc này với dân tộc khác vẫn có những mối quan hệ mật thiết với nhau. Chúng tôi đồng ý giao cho đồng chí Trọng Khánh đi làm nhiệm vụ này.

Sau mấy lần đi tuyên truyền, vận động, đồng chí Khánh về báo cáo, người bạn đồng ý vào hội mời cán bộ lên để kết nạp, nhưng đòi phải làm lễ ăn thê. Tôi hỏi lại tình hình phong tục và tập quán của đồng bào Dao tiền, nhận thấy sự chia rẽ lừa lọc của bọn thống trị đã gây nên giữa các dân tộc một sự nghi kỵ sâu sắc, muốn giải quyết được lòng tin tuyệt đối, đồng bào Dao thường dùng cách ăn thê. Tôi nói với đồng chí Khánh:

- Ân thê để càng tin nhau, để suốt đời trung thành với hội, thì càng tốt chứ sao!

Tôi cùng đồng chí Khánh lên Cẩm Lý và gặp người bạn của đồng chí bên bờ một con suối. Tôi trình bày mục đích, tôn chỉ của hội. Người bạn đồng chí Khánh đồng ý xin vào hội. Đồng chí Khánh đánh diêm thắp mấy nén hương và ra bờ suối múc một bát nước, rồi làm lễ ăn thề. Chúng tôi cùng nói: "Chúng tôi tên là... cùng nhau vào hội để cùng đồng bào đấu tranh đánh Pháp, đuổi Nhật, giành độc lập, tự do cho nước nhà, mưu hạnh phúc cho con cháu, dù sau này, trong khi đấu tranh có bị để quốc khủng bố thế nào thì cũng một lòng trung thành với hội, không phân bội, không bố hội... Ai trái lời thề thì sẽ như cây hương này". Chúng tôi cùng dúng ba nén hương đang cháy vào bát nước.

Đồng chí người Dao tiền vào hội đầu tiên tại đây được đặt tên là đồng chí Đồng Minh. Đồng chí Đồng Minh quen biết rất nhiều bà con trên vùng cao. Qua đồng chí Đồng Minh, chúng tôi bắt tay vào phát triển phong trào trên réo cao.

Những bản ở trên này thưa thớt, héo lánh. Đồng bào Dao tiền rất chất phác. Cách sống của đồng bào giản dị, còn mang nhiều tập tục, tàn tích của thời kỳ bộ lạc. Kinh tế của đồng bào Dao là một thứ kinh tế tự nhiên. Đồng bào tự túc lấy hầu hết mọi nhu cầu sinh hoạt trong gia đình, từ cái ăn đến cái mặc. Bà con tự trồng bông, kéo sợi, dệt vải và thêu thùa lấy những thứ quần áo khá đẹp. Với những công cụ sản xuất còn thô sơ, sự làm ăn sinh sống của đồng bào còn rất nặng nhọc. Sống trong một hoàn cảnh vắng vẻ, bà con phải luôn luôn dựa vào nhau. Mối quan hệ từ đời này sang đời khác, giữa những con người thuần phác như vậy, đã tạo nên một mối tình rất khăng khít. Hết mùa làm nương rẫy, đồng bào Dao tiền thường đi săn bắn hươu, nai và vui chơi với nhau. Đồng bào rất thích hát lượn. Có những người bạn từ các bản xa tìm đến chơi nhà nhau, ở lại hàng tháng trời, thân mật, tự nhiên như người trong một gia đình. Tuy ở những nơi héo lánh xa xôi như thế này, nhưng bọn thống trị vẫn với tay tới. Đi đâu cũng vẫn thấy xuất hiện bóng dáng của những tên tuần tổng, những tên lính dõng. Đồng bào Dao tiền phải chịu nhiều tầng áp bức bóc lột của để quốc, phong kiến, của cả các dân tộc đông người hơn ở vùng thấp. Mọi thứ sưu thuế đều rất nặng.

Chúng tôi hơi ngạc nhiên là mặc dầu luôn luôn nhắc nhở vấn đề giữ bí mật, nhưng đi tới bất cứ bản nào, chỉ một lát sau, tất cả người quen, người lạ đều biết mình là cán bộ về hoạt động. Tôi đoán, chính các đồng chí hội viên

đã lộ bí mật với các bạn bè. Tôi hỏi các đồng chí đó tại sao không giữ bí mật? Các đồng chí trả lời: "Có việc gì mà phải giấu! Toàn là bà con, họ hàng, cùng ghét Tây, ghét Nhật, một bụng một dạ với nhau cả thôi!"

Phong trào tại vùng cao này cũng phát triển rất nhanh. Có nơi vào hội cả bản. Chúng tôi cùng đồng bào tổ chức những lễ ăn thê tập thê, khi thắp hương, khi chặt đầu gà, có khi chích máu nhỏ vào rượu cùng uống để ăn thê. Chẳng bao lâu, ở làng bản nào cũng có các tổ chức nông dân, phụ nữ, thanh niên, tự vệ, tự vệ chiến đấu. Hội viên đều được qua một lớp huấn luyện năm ngày. Cán bộ và các tự vệ chiến đấu được huấn luyện thêm lần thứ hai. Các hội viên, rồi cả các bà con dần dần hiểu chủ nghĩa cộng sản, hiểu Đảng. Trong hàng ngũ trung kiên đã có những người được nhắm bồi dưỡng để kết nạp vào Đảng.

Một thời gian không lâu, phong trào từ Kim Mã đã lan ra các nơi chung quanh như Cẩm Lý, Khuổi Mán, Nậm Ti và nhiều làng bản ở Ngân Sơn, Chợ Rã.

Ôm đó, người tôi gây gây rét, đang gượng ngồi lên lớp cho anh chị em ở gần bản Nà Dú, thì một đồng chí hót hải đến nói:

- Tây đưa lính về rất đông để bắt cán bộ người Kinh... Chúng nó nói ai vào hội mà ra thú thì chúng sẽ tha, nếu để phải đi lùng, bắt được sẽ đem đi từ hết.

Biết là điều chúng tôi dự kiến từ lâu nay đã đến. Đồng bào ở đây mới bị khủng bố lần này là lần đầu. Một lát, có thêm các đồng chí khác đến báo tin, địch từ các phía đang tiến vào rất đông. Nhìn anh chị em hội viên, thấy trên mặt một số người có dấu hiệu xao xuyến. Có đồng chí giục tôi nên lánh ngay khỏi đây để tránh nguy hiểm. Tôi nghĩ lúc này mình không nên đi ngay, mặc dầu địa điểm lớp huấn luyện ở gần làng. Nhìn con suối từ phía làng sang, thấy nước lên to vì trời mưa liền mấy hôm, biết bọn địch chưa thể đến ngay được, tôi nói với anh chị em:

- Ta cứ bình tĩnh ngồi đây một lúc nữa nghe giảng cho hết bài. Chưa việc gì đâu!

Tôi nói với các chị phục vụ lớp học, tiếp tục nấu cháo. Nhưng một mặt, tôi cũng thu gọn bài giảng lại và vừa nói vừa nghĩ cách làm thế nào để chống sự khủng bố của quân địch.

Trong tất cả các lần huấn luyện, chúng tôi đều đã nói với anh chị em hội viên: "Mình làm cách mạng để đánh đổ để quốc phong kiến, thì việc chúng khủng bố để

phá phong trào cách mạng là một chuyện tất nhiên". Để đồng bào dễ hiểu và dễ nhớ, chúng tôi thường hay tìm những thí dụ trong công việc làm ăn sinh sống của đồng bào tại địa phương: "Người làm nương, làm rẫy muốn có hạt thóc, hạt ngô, cũng phải đốt rừng, xói đất, gieo hạt, chăm bón, chống thú rừng, phải đổ mồ hôi, phải khó nhọc như vậy mà vẫn có mùa không được ăn. Làm cách-mạng để tiêu diệt bọn đế quốc, bọn thống trị là một việc rất to lớn và khó khăn hơn rất nhiều, không thể mau chóng, dễ dàng đi đến thắng lợi. Trên rừng có con lợn, con beo phá hoại mùa màng, bắt giết trâu bò. Muốn giết được thú rừng để bảo vệ trâu bò, bảo vệ mùa màng thì những người đi săn cũng phải hết sức can đảm. Khi đi săn thú, cũng có người không giết được thú mà lại bị thú dữ ăn thịt. Nhưng nếu có tinh thần dũng cảm, không sợ khó khăn nguy hiểm mà trừ được thú dữ thì sẽ được tất cả dân làng biết ơn. Bọn đế quốc, phong kiến còn dữ hơn con lợn, con beo rất nhiều. Ta định tiêu diệt chúng, nhất định chúng sẽ không chịu ngồi yên. Vậy làm cách mạng thì không thể nào tránh khỏi bị địch khủng bố. Nhưng nếu mọi người đều một lòng thương yêu nhau như ruột thịt, không sợ khó khăn, không sợ nguy hiểm, dám đấu tranh đến cùng với kẻ địch, thì thế nào cách mạng cũng sẽ thắng lợi và sẽ giành được độc lập, tự do".

Tôi nói lại vấn tắt với anh chị em một lần nữa: "Có đấu tranh cách mạng tất nhiên là có sự khủng bố của kẻ địch", và góp ý kiến về cách chống khủng bố để duy trì phong trào chung. Tôi dặn dò thêm một số trung kiên, những việc cần làm để giữ vững tinh thần của đồng bào.

Khi đồng chí Lạc và đồng chí Khánh đưa chúng tôi ra đi thì anh Thiết Hùng và tôi đều lên cơn sốt.

Tin từ dưới làng đưa lên, bọn địch đang lùng sục ráo riết. Chúng tôi đi về hướng núi. Lúc này càng thấy rõ tầm quan trọng của việc xây dựng cơ sở trên vùng cao.

Chập tối, đến nhà đồng chí Thượng, một hội viên trung kiên người Dao. Ở đây, đồng bào đã biết tin dịch đang khủng bố dưới chân núi. Gia đình đồng chí Thượng tỏ ra rất bình tĩnh. Ông cụ thân sinh ra đồng chí Thượng bảo chúng tôi: "Mặc chúng nó, bà con đều là hội viên một bụng một dạ cả, chúng nó không làm được gì đâu!". Rồi cụ đi giết gà làm cơm vì biết chúng tôi yếu mệt.

Thấy ở đây gần địch quá, không lợi, hôm sau chúng tôi lại cùng các đồng chí Lạc, Khánh đi quành sang xã Cẩm Lý. Bà con ở Cẩm Lý đã biết tin dịch

đang khủng bố dưới làng, và sắp lùng lên trên này. Một vài gia đình tỏ vẻ sợ hãi. Có người đến nói: "Cùng một bụng với nhau cả thôi, nhưng bây giờ đang lúc "nóng"

như thế này, các đồng chí hãy lánh đi nơi khác. Khi nào bớt "nóng" chúng ta sẽ lại tiếp tục việc hội".

Cùng hôm ấy, đồng chí Quang Hưng ở ngoài vào. Bác đã được tin địch khủng bố to nên phái đồng chí Quang Hưng tới đây để đón anh Thiết Hùng và tôi. Lần này, địch chia quân từ ba mặt Nguyên Bình, Mang Động, Gia Bằng kéo vào bao vây Kim Mã. Mấy đồng chí cùng đi cũng lo nguy hiểm cho chúng tôi, lại khuyên chúng tôi nên tạm lánh ra ngoài. Tôi bàn với anh Thiết Hùng, nhận thấy cơ sở tại vùng này mới xây dựng, đồng bào lại chưa có kinh nghiệm chống khủng bố, nếu cán bộ rút đi thì cơ sở chắc chắn sẽ dễ bị vỡ. Chúng tôi nói với đồng chí Quang Hưng về báo cáo lại với Bác, cho chúng tôi được ở lại để duy trì phong trào.

Buổi chiều, bỗng thấy mấy đồng chí người Tày ở Kim Mã tìm lên. Các đồng chí tôi hỏi ý kiến về cách đối phó với địch. Khi lánh lên đây, chúng tôi không nói với ai. Cẩm Lý nằm cũng khá xa lớp huấn luyện. Tôi hỏi:

- Tại sao các đồng chí lại biết chúng tôi ở đây mà tìm tới?

Một đồng chí nói:

- Khó gì đâu. Chúng tôi đến lớp huấn luyện thấy không còn ai, biết là các đồng chí đi rồi. Chúng tôi bảo nhau cứ dò dấu gậy mà đi theo, thế nào cũng gặp các đồng chí. Thế là chúng tôi đến được đây.

Tôi thoáng nghĩ: Thật là nguy hiểm, nếu kẻ địch từ ngày hôm qua cũng biết tìm chúng tôi theo dấu gậy...

Nhận thấy không nên ở lại Cẩm Lý, chúng tôi bàn bạc với đồng bào về cách đối phó với địch, và nói chúng tôi tạm lánh ra ngoài một thời gian rồi sẽ trở lại.

Chiều hôm ấy, chúng tôi từ Cẩm Lý đi về phía ngoài. Đi khuất khỏi làng một quãng xa, chúng tôi nói với đồng chí Lạc và đồng chí Khánh dẫn vòng trở lại, quay về rặng núi ở phía Bắc cánh đồng.

Suốt đêm, trời tối đen, mưa tầm tã. Các đồng chí Lạc và Khánh đều không nắm vững đường, chỉ đoán chừng phương hướng, nơi nào rậm rạp thì đánh dao phát mở đường mà đi. Hết núi lại khe, hết khe lại núi. Cơn sốt đêm nay xem chừng nặng hơn. Nhiều quãng anh em phải dìu chúng tôi lên dốc.

Hết đêm, cảm thấy đi đã được khá xa. Trời sáng, chúng tôi nhận ra đang đi trên một quả đồi gianh. Bốn chung quanh là biển sương mù dày đặc. Có

ánh sáng, đường đi dễ hơn, nhưng anh Thiết Hùng và tôi đều đã mệt lắm. Chúng tôi bàn cùng các đồng chí đi lát nữa, tìm được khu rừng kín đáo nào, sẽ nghỉ chân.

Đi mãi vẫn là đồi gianh. Sương mù vẫn trắng xóa, chẳng biết đâu là đồi, đâu là rừng. Trời mỗi lúc một oi ả. Quá nữa buổi, sương bỗng tan rất nhanh, trời hứng nắng. Chúng tôi nhìn sang bên phải, chợt nhận thấy đang ở lưng chừng một quá đồi trọc nằm ngay giáp làng. Nhìn thấy rõ bọn lính mặc quần áo vàng đang đi lại từng tốp trong làng và trên cánh đồng. Chúng tôi nhìn xuống thấy rõ bọn chúng, trời nắng thế này, chắc hẳn bọn chúng nhìn lên cũng thấy rõ chúng tôi. Mọi người vội bảo nhau nằm ép mình xuống sườn đồi.

Nhưng chả lẽ cứ nằm mãi đây, nếu bọn địch lùng lên đồi thì sao? Phía trên, khá xa có một khu rừng. Chúng tôi bảo nhau bò dần về phía đó. Sau nhiều ngày mưa, có nắng mới, hơi nóng từ dưới đất bốc lên hầm hập. Bò như vậy, khá lâu, mới đến được khu rừng.

Lúc này, ai nấy đều mệt, cơ hồ đứng không vững. Quần áo mọi người rách toạc nhiều chỗ, bết đất và mồ hôi. Đồng chí Lạc tìm ra một nương ngô, bẻ mấy bắp, mỗi người nhai một chút ngô sống cho lại sức, rồi lại tiếp tục đi. Ở gần làng rất nguy hiểm vì có thể kẻ địch lên đồi nhìn ra những vết bò, trườn của chúng tôi. Chúng tôi phải cố gắng đi cho xa.

Xé chiêu, đến một đỉnh núi cao. Anh Thiết Hùng và tôi ngồi nghỉ lại ở một gốc cây cổ thụ. Các đồng chí Lạc, Khánh đi chặt ít cành cây gác lên mặt đất, làm tạm một chiếc sàn nằm cho dõ lạnh lưng. Buổi chiều đó không có gì ăn. Cơn sốt kéo dài liên miên. Đồng chí Lạc và đồng chí Khánh để chúng tôi nằm nghỉ tại lán, lần mò xuống làng nắm tình hình khủng bố và kiếm ít lương thực. Cơ quan tạm đặt tại đây.

Phong trào được thử thách. Một số nhỏ dao động chạy ra đầu thú. Phần lớn đồng bào nằm yên, gắng chịu đựng cho qua cơn khủng bố. Các phần tử trung kiên xuất hiện rất nhiều. Đồng chí Lạc và đồng chí Khánh nổi lại được nhanh chóng liên lạc với các đồng chí trung kiên ở trong làng. Có những tối, đồng chí Lạc mò về gần làng hẹn gặp một, hai đồng chí, khi tới địa điểm thấy lố nhố một đám đông, tưởng dịch phục, hóa ra toàn anh chị em ở trong làng nóng ruột, kéo ra để trực tiếp gặp các đồng chí liên lạc hỏi thăm tin tức các cán bộ. Đồng chí Lạc về nhà, ông cụ nói: "Con cứ đi theo cán bộ mà làm việc hội, con ở nhà chúng nó cũng không để yên, ở đâu thì phải cẩn thận". Gia đình vét gạo, muối, cá khô, đưa cả chảo con, bát ăn để đồng chí Lạc đem lên cơ quan bí mật. Một bữa đồng chí Khánh về nhà, trời sáng một lúc vẫn chưa lên. Chúng tôi đều lo đồng chí bị bắt, vì gia đình đồng chí Khánh ở liên

nhà một tên tay sai gian ác của địch. Mọi người đang ngồi chờ rất sốt ruột chợt nghe phía chân dốc có người thì thầm. Hôm qua, đã hẹn đồng chí Khánh không

đưa ai lên địa điểm bí mật, chẳng lẽ đồng chí Khánh dẫn người lên mà lại không hỏi ý kiến cơ quan. Đồng chí Lạc lấy khẩu súng kíp giương cò sẵn, chạy ra hỏi:

- Ai?

Tiếng đồng chí Khánh đáp:

- Còn ai nữa, Trọng Khánh đây.
- Mấy người?

Một thân một mình thôi, lấy đâu ra mà mấy người.

Đồng chí Khánh đội chiếc nón rách, rẽ lau bước vào, mặt đỏ bầm, mồ hôi nhễ nhại. Chúng tôi đều hôi, tại sao về muộn và vừa đi lại vừa nói một mình. Đồng chí Khánh bực dọc thuật lại:

Về gần làng, chờ mãi, canh ba vợ mới ra. Vợ tôi nói từ tối đến giờ chó cứ sủa, bên nhà thằng tổng đoàn Lý có nhiều tiếng động, chắc là nó rình mò nhà mình. Hôm qua, cả bố con chúng nó cùng sang nhà bảo, phải khuyên tôi ra thú không thì nhà tan cửa nát hết. Nó là tổng đoàn, nó sẽ bảo đảm cho. Rồi vợ tôi bảo tôi: "Anh về đi thú đi, không nghe em thì anh mang con đi theo anh mà nuôi". Tôi bực quá, ngồi giải thích một thôi, rồi sợ trời sáng, vác các thứ lên vai, chạy một mạch bây giờ mới tôi đây.

Đồng chí Lạc rót một bát nước đưa đồng chí Khánh. Đồng chí Khánh uống hết bát nước, nằm ngủ luôn.

Thời gian này, tôi và anh Thiết Hùng đều bị ốm nặng. Thuốc uống chỉ có lá nụ áo. Nhưng lần này lá nụ áo đối với chúng tôi đều không có hiệu quả. Anh Thiết Hùng có lẽ bị sốt thương hàn, những lúc mê man cứ luôn mồm chửi Tướng Giới Thạch. Mấy nữ đồng chí dưới làng lên thăm, thấy chúng tôi mỗi ngày mỗi mệt hơn, lo lắng, đòi chúng tôi đưa áo để đem đi bói, may ra khỏi bệnh. Lúc đầu, tôi từ chối vì ngại nếu đem áo đi, thầy mo nói bệnh tôi khó cứu chữa thì các đồng chí đó lại thêm lo. Sau các đồng chí cứ nói mãi, tôi đành phải đưa ra một cái áo. Nhưng rồi bệnh cũng không khỏi.

Một bữa, các đồng chí đi công tác, cơ quan chỉ còn tôi và anh Thiết Hùng. Mấy ngày hôm nay anh Thiết Hùng không ăn gì và không dậy được. Các đồng chí đã kiếm mọi thứ lá sắc cho anh uống nhưng bệnh vẫn không thuyên giảm. Chúng tôi đoán bệnh anh khó qua khỏi. Phần tôi, hơn hai tháng qua, cơn sốt vẫn kéo dài, lúc này cảm thấy trong người sức cũng đã

kiệt. Tôi ngồi một mình, nhìn anh Thiết Hùng nằm mê mệt trong lán, nhớ đến Bác, đến các anh, nhớ tới gia đình, tới bạn bè...

Tôi nhận thấy trong thời gian qua, mình cũng đã cố gắng làm tròn nhiệm vụ Đảng giao. Nghĩ vậy, bỗng thấy đầu óc thanh thản, trong lòng vui hẳn lên.

Máy hôm sau, một buổi sớm, các đồng chí đêm qua đi công tác về đã ngủ cả, tôi ngồi gác, chợt nghe nhiều tiếng lao xao trong đám lau ở quá núi trước mặt. Nghe kỹ, đúng là tiếng chân nhiều người đang phá lối đi lại đây. Tôi lập tức đánh thức các đồng chí dậy. Mọi người vội vàng cất giấu các tài liệu, đồ đạc của cơ quan. Các đồng chí Lạc và Khánh thì cầm súng chạy ra phía có tiếng động. Một lát sau, hai đồng chí vui vẻ đưa mấy người vào theo. Hóa ra anh Cáp ở chỗ Bác vào cùng đồng chí Quang. Chúng tôi ôm choàng lấy nhau. Nỗi mừng thật khó tả. Anh Cáp nhìn chúng tôi rất ngạc nhiên. Về sau này anh nói lại, chúng tôi lúc đó như những con ma. Anh Cáp có đem theo bốn viên ký ninh vàng. Chúng tôi chia nhau mỗi người uống hai viên. Có lẽ trận ốm cũng đã đến thời kỳ thuyên giảm, có thêm thuốc, bệnh chúng tôi đỡ dần.

Nhận thấy trong đợt thử thách vừa qua, có nhiều đồng chí đã tỏ rõ một tinh thần trung kiên, tận tụy đối với cách mạng. Anh Thiết Hùng và tôi bàn nhau nên tổ chức một số đồng chí vào Đảng, định trong đợt đầu sẽ tổ chức đồng chí Lạc. Một buổi sáng, đồng chí Quang và đồng chí Lạc đi công tác dưới làng về, tôi nói nhỏ cùng đồng chí Quang ra một chỗ khác hội ý về việc định giới thiệu đồng chí Lạc vào Đảng. Khi quay về, thấy đồng chí Lạc ngồi mặt mày ủ rũ. Sau này mới biết, lúc đó, đồng chí Lạc thấy chúng tôi đi nói chuyện riêng, cho là có điều gì không tin ở mình, nên suy nghĩ. Khi chúng tôi nói rõ ý định muốn giới thiệu đồng chí vào Đảng, thì đồng chí Lạc thay đổi hẳn nét mặt. Trong buổi lễ kết nạp giữa khu rừng hoang vắng, ở một gốc cây cổ thụ, nước mắt đồng chí Lạc cứ trào ra. Vừa xong buổi kết nạp, đồng chí Lạc phá chạy xuống phía dưới, nhặt hai ống nứa, múa tít một hồi như người đang đấu võ.

Cơn sóng gió ở dưới làng lúc đó cũng đã tạm qua. Thực ra, lần này chỉ là một đợt khủng bố nhỏ. Địch bắt một số đồng bào, nhưng sau chúng lại thả. Chúng chỉ mới dọa dẫm, bắt ép mọi người ra đầu thú. Tôi lại cùng các đồng chí xuống làng tiếp tục tham gia những cuộc sinh hoạt của hội, của các giới, cùng với bà con và anh chị em.

Phút đầu gặp lại bà con rất cảm động. Mọi người hết sức mừng rỡ. Có người nói: "Cán bộ còn thì cách mạng còn". Mặc dầu đã dặn giữ bí mật, nhưng người nọ thì thào với người kia, chẳng mấy lúc tin đã loang ra khắp

nơi. Các hội viên túi tít kéo đến mang theo quà bánh. Có người vừa câu được con cá cũng đem đến cho cán bộ.

Phong trao dan dan phuc hoi lai, qua dgt thü thach nay, lai lon manh hon truoc. Cac can b, cac doi tu v, cac hoi vien duqc ren luyen qua dau tranh trö nen cüng ran hon. Biét cuoc khung bo cüa ke dich mdi chi là bat dau chüng toi tiep tuc cüng co va phát trien co so, dac biet chu trong cac dong bao tren vung cao. Nhung ldp huan luyen lai mô. Dé tien viec tuyen truyen, chüng toi dem chuong trinh Viet Minh soan thanh van van: Viet Minh ngu tu kinh. Toi dich ra tieng Tay, tieng Dao tien va cung dong chí Binh Duong dich ra tieng Dao trang. Nho the chuang trinh Viet Minh duqc truyen di rat rong va nhanh. Co ban, dong bao mdi duqc to chuc vao hoi, khi chung toi den khai hoi, da nghe cac chi phu nü va cac em nhi dong vira can bong, gia gao, vira hat Viet Minh ngu tu kinh. Nhiêu bài hát luon cach mang bang tieng Tho, tieng Dao xuat hien.

Môt lân, trong môt lóp hôc, các đồng chí giôi thiêu vói tôi, có đồng chí Đoàn Kết làm bài hát luôn rất giôi. Đồng chí Đoàn Kết trước kia đi làm công cho môt tên chánh Dao, đã làm môt bài hát luôn kể lại cuộc đời khổ cực của mình, hát lên, nhiều người nghe rớt nước mắt. Đồng chí Đoàn Kết nhà rất nghèo, nhưng khi đến lớp lại mang theo nhiều gạo, ngoài phần mình, còn đem thêm để giúp đỡ các anh em khác. Tính tình đồng chí rất tốt, hồn nhiên, vui vẻ. Tôi gọi ý đồng chí nên đem nội dung học tập làm thành bài bát. Đồng chí Đoàn Kết lấy ít tàu lá chuối về, cắt ra từng mảnh đặt xuống mặt đất. Anh ngồi rung đùi, tay cầm con dao Dao vạch trên lá, viết những bài hát luôn bằng môt thứ chữ giống như chữ nôm. Những bài hát của anh được các hội viên rất thích. Đồng chí Đoàn Kết hồi đó, là nhà thơ Bàn Tài Đoàn ngày nay.

10

hôi bênh ít lâu, tôi trô vê nôi Bác ô. Môi lân di cong tác vê cơ quan cam thay nhu dang trô vê vói gia dinh. Chuyên vira rôi, tôi xa cơ quan tuông dôi lau ngày.

Duoc o gan Bac mot thai gian, toi da nhan thay qua cai be ngoai vo cuing gian di cua Bac, con nguoi Bac that vi dai, va chinh ban than cach song gian di do cung la mot dieu vi dai trong con nguoi cua Bac.

Từ ngày tôi về nước, cơ quan lại thay đổi địa điểm thêm nhiều lần. Dịch càng khủng bố, sinh hoạt của cơ quan càng khó khăn hơn. Khi Bác ở hang,

khi ở hốc núi, khi ở trong một bụi rậm. Giường nằm là dăm ba cành cây, đôi lúc chỉ một mớ lá. Sức khỏe của Bác có phần giảm sút. Bác sốt rét luôn. Thuốc men gần

như không có gì ngoài ít lá rừng lấy về sắc uống theo cách chữa bệnh của đồng bào địa phương. Cái ăn cũng rất thiếu. Món ăn quý giá anh Lộc dành riêng bồi dưỡng cho Bác hàng ngày là ít nước cơm chất. Có thời gian, cơ quan chuyển vào vùng núi đá trên khu đồng bào Dao trắng, gạo cũng không có, Bác cũng như các anh khác phải ăn toàn cháo bẹ hàng tháng ròng.

Ở bất cứ hoàn cảnh sinh hoạt nào, tôi cũng thấy Bác thích nghi một cách rất tự nhiên. Chẳng hiểu Bác được rèn luyện từ bao giờ, như thế nào, mà mọi biến cố đều không mảy may lay chuyển được. Tôi nhớ mãi một lần ở Tĩnh Tây... Hôm ấy, có cuộc hẹn gặp người từ trong nước ra. Bác và chúng tôi đều cải trang thành những người Nùng để đi tới nơi hẹn tại chợ Lộc Tùng. Đồng chí liên lạc vừa tới, trông thấy Bác nói ngay: "Thưa Bác, đồng chí X. bị bắt rồi". Bác điểm nhiên bảo tất cả hãy vào hàng nghỉ ngơi như mọi người trong vùng này đi chợ. Khi ăn phở, ăn bún xong, ngồi uống nước Bác mới nói: "Bây giờ chú báo cáo đầy đủ mọi việc đi. Không nên vội vã". Bác khi nào cũng bình thản, bình thản trước mọi khó khăn. Mỗi lần về họp, cán bộ các nơi báo cáo tình hình, phong trào nơi này lên, nơi kia xuống, có khi nhiều nơi cùng bị khủng bố, Bác vẫn bình thản. Trong sự bình thản của Bác còn toát ra một tinh thần rất lạc quan. Bác đúng là hiện thân của người dân trên đất nước Việt Nam nhỏ bé, đói nghèo vì bị áp bức bóc lột cùng cực bao đời nay, nhưng anh dũng và bất khuất, không chịu lùi bước trước bất cứ sức mạnh nào, và hoàn toàn tin tưởng ở tương lai tốt đẹp của cách mạng, của nhân dân, của dân tộc. Gần Bác, chúng tôi như luôn luôn được nhắc nhở: Cách mạng phải gian khổ, việc cách mạng là việc lâu dài, cách mạng nhất định sẽ thắng.

Bác thường nói: "Muôn việc lấy Đảng làm gốc, Đảng là gia đình của người cộng sản". Ở bên Bác, bao giờ chúng tôi cũng thấy một không khí đầm ấm, gần gũi, chỉ có được trong một gia đình cách mạng. Thái độ điểm đạm, bình tĩnh và những sự chăm sóc, yêu thương của Bác đã giáo dục, rèn luyện và tiếp sức cho chúng tôi trên con đường hoạt động cách mạng. Qua bao biến cố có tính chất quyết định vận mệnh của dân tộc từ đó cho tới ngày nay, tôi thấy Bác vẫn vậy, vẫn như ngày chúng tôi được sống cùng Bác tại chiến khu Cao - Bắc - Lạng.

Suốt thời gian qua, Bác luôn luôn chú ý chỉ đạo việc phát triển và củng cố phong trào. Bác rất chú trọng công tác tuyên truyền và công tác tổ chức, Bác theo dõi thật tỉ mỉ cán bộ, đảng viên và các phần tử trung kiên. Bác hay nói:

"Phong trào cách mạng như nước thủy triều khi lên khi xuống, trung kiên cũng như những hàng cọc, cọc đóng có chắc thì mới giữ được phù sa, phòng khi nước xuống". Gần như thành lệ, mỗi khi nghe báo cáo phong trào, bao giờ Bác cũng hỏi: "Đã được bao nhiêu cán bộ, bao nhiêu phần tử trung kiên, đã chọn được bao nhiêu

người tốt để tổ chức vào Đảng?". Mỗi lần Bác nhắc đi, nhắc lại như thế, giúp cho chúng tôi thấy rõ hơn giá trị của các thành phần cốt cán, nhất là các tổ chức chỉ bộ đối với phong trào. Và mỗi lần Bác đã hỏi hoặc nói lại, thì công việc và vấn đề lại được đề ra với những cách giải quyết mới, không phải cứ theo nếp cũ, mà rất linh hoạt, thích hợp với hoàn cảnh mới. Với những cán bộ ở miền xuôi lên, Bác đặc biệt hay nhắc nhở chú trọng vấn đề đoàn kết dân tộc. Vấn đề to lớn này được Bác nói tới với những việc cụ thể, thiết thực, để mọi người có thể làm được ngay. Bác nói, phải chú ý đến phong tục, tập quán của các dân tộc, phải gắng học các tiếng nói của địa phương.

Lần này về cơ quan, tôi nhận một quyết định mới.

Theo chỉ thị của Bác và quyết định của Liên tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng, công tác Nam tiến được đặt ra một cách rất khẩn trương.

Ngay từ khi về biên giới, Bác đã luôn luôn chú trọng vấn đề liên lạc với Trung ương dưới xuôi. Hội nghị Trung ương lần thứ tám quyết định lấy miền rừng núi Việt Bắc để xây dựng căn cứ vũ trang. Sau hội nghị, hai đồng chí Trung ương ở với Bác tại Cao - Bắc - Lạng. Các đồng chí khác trở về miền xuôi để lãnh đạo phong trào. Vấn đề liên lạc giữa Cao Bằng với vùng xuôi trở nên đặc biệt quan trọng. Bác thường nói: "Việc liên lạc là một việc quan trọng bậc nhất trong công tác cách mệnh, vì chính nó quyết định sự thống nhất chỉ huy, sự phân phối lực lượng và do đó bảo đảm thắng lợi".

Trước tình hình phát triển của phong trào cách mạng trong cả nước, Bác thấy ngoài lối liên lạc thường dùng bằng giao thông bí mật, phải cấp tốc tổ chức những con đường quần chúng từ Cao Bằng đi về miền xuôi. Có thể, khi dịch khủng bố mới giữ được liên lạc, những hoạt động vũ trang của các đội du kích mới có thể tiến hành thuận lợi, và nhất là mới tranh thủ kịp khi thời cơ biến chuyển tốt, cách mạng có thể tiến lên Tổng khởi nghĩa.

Chúng tôi được phân công như sau: Anh Hoàng Văn Hoan cùng một số cán bộ có nhiệm vụ đánh thông con đường từ Đông Khê về Đình Cả; tôi và anh Thiết Hùng phụ trách ban xung phong Nam tiến, có nhiệm vụ mở con đường từ Nguyên Bình qua Ngân Sơn, Chợ Rã để nối liền với Chợ Chu, Đại Từ. Đó là bước đầu của nhiệm vụ Nam tiến.

Tôi được biết Bác chuẩn bị đi xa. Sau khi trao nhiệm vụ Nam tiến cho chúng tôi, Bác nói: "Chú Văn phải chú trọng thêm quân sự, chú Hùng chú trọng thêm chính trị".

Khi chúng tôi quay trở về tiến hành công tác thì Bác lên đường ra nước ngoài.

Tôi về Kim Mã xúc tiến công việc. Chi bộ Nam tiến thành lập gồm các đồng chí Quang, Lạc, Thiết Hùng và tôi. Đồng chí Quang làm thư ký chi bộ.

Được ít lâu thì có tin anh Chu Văn Tấn tới cơ quan Liên tỉnh. Tôi quay về Lam Sơn gặp anh Chu Văn Tấn trong một hang đá giữa rừng sâu.

Các anh Phạm Văn Đồng, Hoàng Văn Hoan, Vũ Anh và anh Lã đều đã có mặt. Sau ngày anh Phùng Chí Kiên hy sinh, tin tức về khu căn cứ Bắc Sơn - Vũ Nhai rất ít, chỉ biết địch vẫn tiếp tục càn quét. Nghe chuyện về các đồng chí du kích Bắc Sơn, về các anh Huy, Chu Văn Tấn từ lâu, lần này gặp nhau sau những phút hiểm nghèo, ai nấy đều câm động.

Chúng tôi ngồi quây quanh đống lửa nghe anh Tấn nói chuyện. Anh Tấn kể lại quá trình xây dựng, hoạt động của Cứu quốc quân, những cuộc đàn áp của địch, những tháng chiến đấu anh dũng và gian lao ở Tràng Xá - Vũ Nhai, và cuộc hành quân luồn ra khỏi vòng vây của địch đi về phía biên giới Việt - Trung. Chúng tôi cùng trao đổi với nhau những kinh nghiệm chống khủng bố, xây dựng phong trào và đều thống nhất với nhau, nếu xây dựng được cơ sở nhân dân tốt, dựa chắc vào nhân dân thì quân địch không thể nào tiêu diệt được lực lượng cách mạng.

Cuộc họp đã đi đến quyết định: Anh Chu Văn Tấn sẽ trở lại Bắc Sơn - Vũ Nhai cùng cố và tổ chức quần chúng mở đường liên lạc với Cao Bằng. Tôi thì trở về tiếp tục nhiệm vụ Nam tiến.

Anh Tân cùng tôi bàn với nhau một số đường liên lạc. Anh Tân để lại các đồng chí Hiền, Quyền, Thơ, Thịnh giúp tôi và mấy đồng chí khác giúp anh Hoan trong công tác Nam tiến. Sau một bữa cơm liên hoan đâm ấm, chúng tôi siết chặt tay nhau, hẹn ngày gặp lại không xa, khi hai con đường đã được đánh thông.

Trước lời kêu gọi của Đảng và của Mặt trận Việt Minh, một phong trào xung phong tham gia các đội Nam tiến rầm rộ khắp nơi. Hàng trăm cán bộ, thanh niên nam nữ tình nguyện thoát ly gia đình, vào các đội Nam tiến. Mười chín đội xung phong Nam tiến được tổ chức. Những đồng chí tham gia vào các đội xung phong, tự mình sắm lấy vũ khí. Với những nơi chưa có phong trào, quần chúng còn e sợ sức mạnh của quân địch, một khẩu súng,

một quả lựu đạn đều có tác dụng cổ vũ tinh thần quần chúng. Anh Thiết Hùng và tôi cũng mang vũ khí. Anh Thiết Hùng mang một khẩu súng sáu, bắn phát nổ phát không. Tôi có một quả lựu đạn, một quả lựu đạn điếc, nhưng đi đâu cũng đeo bên người.

Mỗi đội xung phong được phân công đi một địa phương. Các tổ xung phong phát triển đi trước, hoạt động theo lối vũ trang tuyên truyền, bắt mối điều tra, tuyên truyền gây cơ sở. Các tổ xung phong cũng cố đến tiếp sau, chọn cốt cán trong quần chúng, mở lớp huấn luyện ngắn kỳ, rồi dựa vào cán bộ địa phương mới được đào tạo mà phát triển phong trào. Để cho cơ sở quần chúng được rộng rãi, cùng một lúc, chúng tôi mở thông nhiều con đường tiến về phía Nam. Cách phát triển cũng không nhất định phải tiến hành tuần tự từ xã này sang xã khác, khi có điều kiện thì thực hiện phát triển cách quãng. Có những tổ xung phong được phái bí mật vượt qua những chặng đường dài, đến một địa phương quần chúng tương đối tốt, gây cơ sở ở đó rồi dần dần nối liền các cơ sở lại với nhau. Tổ xung phong phát triển do đồng chí Quang, thư ký chi bộ Nam tiến phụ trách, đi xa nhất, xuống tận vùng Chợ Đồn để gây cơ sở. Một số tổ khác có các nữ đồng chí Cầm Hữu, Tín... cũng hoạt động rất tích cực, có khi đi rất sâu, xuống quá Phủ Thông. Chúng tôi gọi cách phát triển này là lối "nhảy dù".

Theo tình hình tiến triển của phong trào, tôi đi dần từ tổng Kim Mã qua tổng Hoàng Hoa Thám, xuống phía Ngân Sơn để kiểm tra công tác và mở lớp huấn luyện.

Trên dọc đường, có những khu mới đã thành lập. Đồng bào dân tộc Dao tiền ở vùng giáp giới hai tỉnh Cao Bằng - Bắc Kạn, đã được tổ chức thành khu Quang Trung. Khi qua vùng này, tôi vào ở tại nhà đồng chí Hoan, người đảng viên đầu tiên của dân tộc Dao tiền. Gia đình tiếp đón rất niềm nở. Để giữ bí mật cho cán bộ, vợ chồng đồng chí Hoan đã nhường buồng riêng cho chúng tôi. Theo tục lệ lâu đời, đồng bào Dao tiền rất kiêng, không bao giờ để người lạ ở trong buồng riêng của vợ chồng. Đêm nằm nghe các em ở những nhà bên vừa giã gạo vừa ê a học Việt Minh ngũ tự kinh, vui vui, thấy tư tưởng cách mạng đã được truyền đi khá xa, các ban xung phong Nam tiến đã tiến hành công tác khá tốt.

Đi quá Hà Hiệu, các đồng chí trong đội công tác Nam tiến báo cáo, đường đã chạy xuống tới gần Phủ Thông, nhưng ở vùng giáp Ngân Sơn bị tắc một quãng ở Khuổi Ha, thời gian qua đã cố gắng nhiều nhưng vẫn chưa tổ chức được. Hỏi khó khăn vì đâu, anh em nói lại, khi đội xung phong đến vùng này gây cơ sở, có một đồng chí hỏi tên đồng bào rồi ghi vào một tờ giấy để nhớ, từ

đó đồng bào không tin ở hội nữa. Bọn tổng đoàn, chánh Mán vốn vẫn thường đến các làng, bản ghi tên mọi người để thu sưu, thu thuế và bắt đi xâu. Đồng bào nói: "Đây là "hội giả" nên mới ghi tên, nhất định không vào, đợi bao giờ "hội thật" đến thì sẽ vào". Qua kinh nghiệm công tác, tôi biết rõ muốn giác ngộ được đồng bào Dao, trước hết phải gây được lòng tin.

Có lần hẹn đồng bào tới khai hội, sắp đi thì trời nổi mưa to, gió lớn, nước lũ đổ về dâng lên ngập suối. Việc cũng chưa gấp, có thể để lui đến ngày hôm sau. Nhưng không muốn lỡ hẹn với đồng bào, tối hôm đó, phải đội mưa, vượt suối lũ, lần mò trong rừng, rất khuya mới tới nơi. Một số đồng bào vẫn ngồi đợi, thấy cán bộ đến hết sức mừng rỡ. Chỉ lát sau đồng bào đã gọi nhau dậy, kéo tới đầy nhà. Qua lần đó, thấy rõ đồng bào tin và quý mến thêm nhiều. Tôi đã rút ra được một điều, đối với đồng bào miền núi rất chất phác, phải hết sức chú ý giữ sao cho được lòng tin trong bất cứ việc lớn hay việc nhỏ.

Sau khi hôi lại tình hình kỹ lưỡng, tôi nói cùng các đồng chí đưa tôi đến Khuổi Ha.

Nghe nói đường đi rất nhiều vắt, trước khi đi mỗi người chuẩn bị một ống vòi. Từ hồi về công tác tại Cao Bằng, đã làm quen với những nơi nhiều vắt, nhưng chưa bao giờ lại thấy ở đâu vắt nhiều như ở đây. Vắt ở dưới đất, vắt ở trên cây. Đụng tới đâu cũng là vắt. Loại vắt xanh ở trên cây nhỏ hơn vắt đen ở dưới đất, nhưng bám vào người rất chặt. Các đồng chí đi đường gọi vắt đen là Tây và vắt xanh là Nhật. Đi một quãng, chúng tôi lại dừng để gõ vắt. Kéo ống quần lên thì vắt đã bám đen đặc một khoảng, như một cái lá. Phải cầm ống vòi quét cho vắt rơi xuống đường. Ở những chỗ vắt cắn, máu cứ ri rỉ chảy mãi.

Các đồng chí đưa tôi vào gia đình đã có đồng chí cán bộ "ghi tên" bữa trước. Chủ nhà đi vắng. Trời mưa to. Chúng tôi ngồi tại nhà dọi khá lâu, anh mới về. Anh còn trẻ, quần áo ướt sũng. Đồng chí Dao đi cùng tôi, giới thiệu với anh, tôi là cấp trên ở hội xuống. Thấy anh cứ mặc nguyên quần áo ướt, tôi hỏi tại sao không thay, mặc như vậy ngắm nước mưa không tốt. Anh nói, những quần áo khác cũng đều ướt cả. Tôi lấy bộ quần áo chàm đem theo trong túi dết, đưa anh mặc tạm, rồi ngồi thăm hỏi tình hình gia đình, nói chuyện làm ăn. Khi nói đến việc hội, anh kể lại chuyện đồng chí cán bộ đã ghi tên mình vào giấy, rồi nói:

- Đã một bụng một dạ với nhau thì còn phải ghi tên làm gì?

Tôi nói:

- Vào hội là để đấu tranh chống áp bức bóc lột, chống thu sưu, thu thuế, đánh Tây, đuổi Nhật giành lấy độc lập, tự do, những người có một lòng một

dạ như thế thì mới được tổ chức vào hội. Biết đồng chí là người tốt, nên bữa trước mới có cán bộ đến đây để tổ chức đồng chí vào hội. Còn việc ghi tên thì không phải ghi tên thật, đã tin nhau thì ghi tên làm gì, đó chỉ là ghi cái tên bí danh, rồi sẽ đem đốt trước mặt nhau để ăn thề. Nếu đồng chí đã rõ, thì lần này chúng ta sẽ tổ chức ăn thề để cùng nhau vào hội...

Được giải thích một lát, anh đồng ý, và yêu cầu viết tên trên giấy bùa cúng ma. Tôi có một chiếc bút chì xanh đỏ, bèn lấy ra, ghi tất cả tên chúng tôi trên một lá bùa, rồi làm lễ ăn thê. Sau đó ít lâu qua đồng chí mới được tổ chức, cả bản này và những bản gần đó cùng vào hội. Con đường thông xuống tận Phia Bioóc.

Tôi chuyển về một bản gần châu ly Ngân Sơn, chuẩn bị đi tiếp xuống phía Nam. Bản này ở trên đỉnh núi. Từ đó nhìn xuống thấy rõ châu ly với những đồn bốt của quân Pháp. Tình hình công tác phát triển thuận lợi. Đoàn quân chính trị đi tới đâu là phong trào cách mạng ở đó bốc lên. Anh em chúng tôi đều rất phấn khởi. Một hôm, có đồng chí liên lạc ở chỗ anh Đồng tới, đưa một lá thư hóa tốc. Mở thư ra, anh Đồng viết: "Anh về ngay cơ quan có việc cần bàn". Tôi vội vã quay trở lên Cao Bằng.

Về tới cơ quan, được một tin sét đánh. Anh Đồng và anh Vũ Anh cho biết: Bác đi Trung Quốc chuyến vừa rồi bị bọn Quốc dân Đảng bắt giam và đã mất ở trong ngục. Mọi người đau đớn vô hạn. Chúng tôi biên thư báo cáo về Trung ương, rồi bàn làm lễ truy điệu, phân công anh Đồng chuẩn bị điếu văn. Anh Cáp mang cái va-ly mây của Bác ra, chúng tôi cùng tìm xem còn những thứ gì có thể giữ lại làm kỷ niệm. Tuy nhiên, muốn biết một cách thật chắc chắn, chúng tôi vẫn định phái anh Cáp sang Trung Quốc lần nữa, để nghe lại tin này cho rõ ràng, và cũng để tìm xem phần mộ Bác ở đâu.

Sau mấy ngày đau đớn, bối rối ấy, tôi lại quay xuống châu Ngân Sơn. Dọc đường, rẽ vào nghỉ tại cơ quan đồng chí Xích Thắng, người cứ thẫn thờ, nhưng phải cố sao để các đồng chí chung quanh không nhận thấy.

Tại đây, có nữ đồng chí Sinh, biết chúng tôi là đoàn cán bộ xung phong Nam tiến, nhất định đòi đi theo để làm công tác. Thời gian này, phong trào Nam tiến trong nam nữ thanh niên đang rất sôi nổi. Thấy đồng chí Sinh còn ít tuổi, chúng tôi nói rõ, công tác này có nhiều khó khăn, hoạt động tại địa phương chưa bị lộ thì nên cứ ở lại địa phương hoạt động. Nhưng đồng chí Sinh nói: "Đoàn thể đã kêu gọi ai có tinh thần thì tham gia vào đội Nam tiến, nam giới đã được đi thì phụ nữ cũng phải được đi". Thấy chúng tôi không đồng ý, đồng chí Sinh ngồi khóc. Sớm hôm sau, chúng tôi dậy để lên đường, thì đồng chí Sinh về nhà đã lên, mang theo khăn gói quần áo, ngồi

đợi đó để cùng đi. Thấy đồng chí Sinh sốt sắng, anh Xích Thắng cũng đồng ý để đồng chí đi. Đồng chí Sinh sau này công tác rất tích cực và trở thành một cán bộ tốt của Đảng.

Đêm hôm ấy, đồng chí giao thông đưa chúng tôi đi qua một chặng đường toàn núi gianh. Mọi người rất vui. Riêng tôi vẫn nghĩ đến Bác. Nếu Bác mất, thì thật là một

cái tang lớn, một sự tổn thất không gì bù đắp lại được cho Đảng ta và toàn thể nhân dân ta. Đi trong đêm vắng lặng và lạnh buốt, nhìn những triền núi gianh man mác kéo dài vô tận, những ngôi sao sáng như đọng trên những ngọn cỏ gianh bơ xò, một vài chấm lửa của những ngôi nhà ở cô đơn trên các ngọn núi, lòng cảm thấy bơ vơ, buồn vô hạn, hai hàng nước mắt cứ rưng rưng.

11

on đường Nam tiến kéo dài trên nhiều triền núi và cánh đồng, qua các làng bản của đồng bào Thổ, Dao tiền, Dao đồ... Tại nhiều nơi, quần chúng được tổ chức khá rộng rãi, tinh thần lên rất cao. Một không khí chuẩn bị khởi nghĩa sôi nổi trên suốt dọc đường. Đồng bào các dân tộc đón tiếp cán bộ như những người ruột thịt đi xa lâu ngày trở về.

Từ Ngân Sơn, chúng tôi đi chín, mười đêm ròng, tiến về Phủ Thông, qua cánh đồng Hà Vỹ, vượt những vách đá dựng đứng của dãy núi Phia Bioóc, qua những triền núi, những cánh đồng nối tiếp nhau, qua chợ Đồn, rồi đến xã Nghĩa Tá. Chúng tôi nghĩ lại nhà đồng chí Dương ở bản Băng, đợi anh Chu Văn Tấn cho người lên đón.

Vài ngày sau, anh Tấn cử đồng chí giao thông lên. Anh Tấn chờ chúng tôi gần Chợ Chu.

Chúng tôi đi khoảng hai, ba đêm qua những vùng đồng bào Dao Ô Gang sống rất nghèo khổ. Chặng đường đêm cuối cùng phải qua làng Cóc. Ở đây, địch đóng đồn ngay giáp đường. Chúng tôi bàn nhau đi vượt qua đồn ban đêm. Tối hôm đó, tôi đi cùng đồng chí Hiền và một đồng chí giao thông. Đến gần đồn, sắp qua chỗ đường ngoặt, chợt nghe phía trước có tiếng lách cách. Liền ngay đó, nhìn thấy ánh đuốc và nghe tiếng người. Tôi đoán là bọn lính đi tuần. Chúng đã đến gần quá. Tôi kéo áo đồng chí giao thông đi trước, cùng nhảy vào một bụi cây ven đường, nằm im. Đồng chí Hiền đi sau, cũng lao theo. Vừa khi đó, năm tên lính dõng đi tuần tới, theo sau là một số đồng bào

cảm đóm, đuốc. Chỉ lo vì có đuốc sáng mà bọn dõng nhận ra chúng tôi. Ánh đuốc soi vào đô cả bụi cây. Nhưng bọn dõng nghếch mắt đi qua, và đồng bào mải nói chuyện cưới xin không ai chú ý đến hai bên vệ đường.

Anh Chu Văn Tấn và đồng chí Dục Tôn đợi chúng tôi tại một cái lán của đồng bào làm để canh lúa ở ven rừng. Sau đó, những đồng chí trong đội Nam tiến do đồng chí Quang phụ trách cũng tới. Gặp nhau giữa rừng sâu, mừng vô kể. Hai con đường cùng được đánh thông, và bây giờ đã hợp lại thành một con đường quần chúng của

cách mạng ôm vòng lấy Cao - Bắc - Lạng, con đường đã được vạch ra sau Hội nghị Trung ương lần thứ tám.

Chúng tôi lấy những tàu lá cọ, rải trong rừng, ngồi họp mặt trao đổi kinh nghiệm, kể chuyện đến khuya. Tôi giới thiệu những kinh nghiệm của Cao Bằng, Bắc Kạn. Anh Tấn kể lại tình hình phong trào đang lên mạnh ở Bắc Sơn, Thái Nguyên và miền xuôi; cơ sở của chúng ta tại Bắc Sơn, Vũ Nhai đã được cũng cố và đang mở rộng sang Chợ Chu, Đại Từ. Địch vẫn tiếp tục chính sách khủng bố để hòng dập tắt ngọn lửa cách mạng đã nhen nhóm khắp nơi. Anh Tấn cho tôi biết, đã bắt được liên lạc với Trung ương ở miền xuôi.

Cách đó ít ngày, các đồng chí Cứu quốc quân đã bắn được một con nai. Anh Tấn vẫn để dành một chiếc chân nai chờ chúng tôi. Tối hôm đó, anh em thui lại chân nai để ninh làm tiệc liên hoan.

Đêm khuya, cùng rải lá cọ nằm ngủ với nhau giữa rừng.

Để kỷ niệm lần gặp gỡ đáng ghi nhớ ấy, chúng tôi đặt tên xã Nghĩa Tá là xã Thắng Lợi.

Chúng tôi trở về Nghĩa Tá, ở lại một thời gian. Anh Tấn cho biết, đã báo cáo về Trung ương và sẽ có đồng chí ở Trung ương lên gặp. Tôi nán ở lại đợi. Trong thời gian này, tổ chức một lớp huấn luyện cho các đồng chí hội viên tại đây. Tôi tranh thủ thời giờ viết cuốn Kinh nghiệm Việt Minh tại Việt Bắc.

Chờ khoảng nửa tháng vẫn chưa thấy đồng chí ở Trung ương lên. Để khỏi lỡ hẹn với các anh ở nhà, tôi biên thư cho anh Tấn biết, chúng tôi trở về Cao Bằng rồi sẽ quay xuống sau.

Dọc đường đi lên, qua Đông Viên, chợ Đồn, tình hình không có gì thay đổi. Tới Nà Lùm tôi nhận được thư của đồng chí Đức Xuân. Đồng chí Đức Xuân là Đội trưởng một đội tuyên truyền xung phong Nam tiến được giao nhiệm vụ tổ chức phong trào tại tổng Hà Vỹ gần Phủ Thông. Đồng chí Đức Xuân báo cáo tình hình phong trào đang lên, đề nghị tôi xuống cánh đồng nói chuyện với một số đồng chí trung kiên và dự một cuộc mít tinh đã được chuẩn bị.

Đi hết một cái dốc dài tám ki-lô-mét, xuống tới cánh đồng. Đã đến bữa ăn, chúng tôi vào nghỉ tại một nhà trong làng. Đang dỡ bữa thì có người đến báo, đồng chí Đức Xuân đã bị địch bắn chết, chúng chặt đầu đồng chí đem về treo tại Bắc Kạn. Chúng tôi biết tình hình bắt đầu thay đổi và trở nên xấu. Lúc đó một tên chánh tổng vào nhà này chơi. Lát sau, lại có một người lạ mặt đến, chủ nhà giới thiệu là hội viên, nhưng một hội viên khác lại nói nhỏ để chúng tôi biết, người này chưa

vào hội. Làng này ở gần Phủ Thông. Nhận thấy cần phải rút nhanh, mọi người ăn cho chóng xong. Chúng tôi nói chuyện với các hội viên về cách đối phó khi địch khủng bố, rồi quay trở lại Nà Lùm.

Bà con tại Nà Lùm đã được tin đồng chí Đức Xuân bị hại, tỏ vẻ lo ngại. Một số đồng bào khuyên chúng tôi nên lánh vào rừng. Nà Lùm là một bản héo lánh ở trên triền núi Phia Bioóc cao hơn mặt biển hàng nghìn thước. Nà Lùm theo tiếng địa phương là: Ruộng bị bỏ quên. Chúng tôi rút lên rừng vầu, ở lại ít ngày, đợi điều tra rõ tin tức về đồng chí Đức Xuân. Đêm đến, trời lạnh cắt da cắt thịt. Quần áo, chăn màn thiếu thốn, đêm nằm như có muôn vàn chiếc kim từ trên châm xuống, từ dưới châm lên.

Sau vài ngày điều tra, biết đích xác đồng chí Đức Xuân đã bị địch hại, mọi người đều rất thương xót. Đồng chí Đức Xuân là một đảng viên rất tích cực vận động quần chúng giỏi, có tài sáng tác những bài ca và bài hát lượn cách mạng, vui tính, được anh em quý mến. Chúng tôi tiếp tục đi trở về Cao Bằng. Để đề phòng sự bất trắc, chúng tôi không theo đường cũ, mà đi ngược theo dãy núi Phia Bioóc.

Đồng chí Dao dẫn đường chiếu hướng Bắc, dùng dao phát cây mở lối đi dọc trên những đỉnh núi. Tiết trời đã về cuối Đông, trên núi cao càng giá buốt. Nhiều lúc cả đoàn đang đi trong mưa mau, rét tê tái, nhìn xuống chân núi lại thấy nắng vàng rực trải ra trên những cánh đồng. Nghĩ đến một ngày mai tươi sáng được tự do đi lại trên những nẻo đường bằng phẳng của đất nước, câm thấy người ấm lại.

Ngày đi miết. Đêm tìm hốc đá nằm nghỉ. Có buổi sáng tỉnh dậy, sờ tay lên mặt thấy một con vắt tròn mọng nằm bám ở mi mắt.

Một buổi chiều, chúng tôi nghĩ lại ở một khu rừng đại ngàn âm u toàn cây cổ thụ già cỗi, rêu xanh phủ khắp nơi, có lẽ từ xưa đến nay chưa hề in dấu chân người. Tối hôm đó, nằm khó ngủ, nghĩ đến Bác. Tôi bỗng nhiên cảm thấy, Bác chưa thể nào mất được, Bác vẫn ở đâu đây, rất gần với chúng tôi.

Nửa đêm trời nổi mưa to gió lớn. Gió hú từng hồi trên các vòm cây. Thỉnh thoảng, gió lại làm đổ một cây cổ thụ đã chết khô mục nát từ lâu, khu rừng rung chuyển, tiếng động vang ẩm.

Cuối cùng, cả đoàn chúng tôi đã vượt qua hết dãy núi Phia Bioóc. Đồng bào ở Lũng Mán dưới chân núi đón đoàn cán bộ vừa đi xung phong Nam tiến về bằng một bữa cơm rất linh đình, mặc dầu ở các vùng chung quanh địch đang lùng sục ráo riết.

Tới Hà Hiệu, rẽ vào nhà đồng chí Hoan, gia đình nói cho biết, đồng chí Hoan đã bị bắt, có lẽ chúng đã giải về Bắc Kạn.

Chúng tôi về tới nhà, thì ngày Tết cũng đã đến. Đúng tôi Ba mươi tháng Chạp, phần lớn cán bộ của mười chín đội vũ trang xung phong Nam tiến đã đánh thông đường, đều về tập trung liên hoan mừng thắng lợi. Tổng bộ Việt Minh và Đảng bộ Cao - Bắc - Lạng trao tặng đoàn cán bộ Nam tiến lá cờ "Xung phong thắng lợi".

Cũng vừa khi đó, chúng tôi được tin con đường bị đứt nhiều quãng. Đợt khủng bố lớn của địch đã bắt đầu.

à o năm 1943, Cao - Bắc - Lạng đã trở thành một kho thuốc súng sắp bùng nổ. Tại Cao Bằng, ngoài các châu Hà Quảng, Hòa An, Nguyên Bình đã thành những châu "hoàn toàn", ở tất cả những châu khác, phong trào cứu quốc ngày càng lan rộng và cũng đã có những xã, tổng "hoàn toàn". Ở Bắc Kạn, phong trào đã mở rộng trong bốn châu. Ban cán sự của Đảng tại Bắc Kạn được chỉ định, do đồng chí Bằng làm Bí thư và một thời gian sau, Tỉnh ủy lâm thời được thành lập. Từ các làng, bản đồng bào Tày, Nùng dưới cánh đồng lên đến các làng, bản đồng bào Dao trắng, Dao đỏ trên vùng cao qua các đợt khủng bố của địch, phong trào vẫn giữ vững. Tại Lạng Sơn, phong trào từ Thất Khê đang phát triển về phía Bắc Sơn - Vũ Nhai.

Tất cả những thanh niên hội viên các hội cứu quốc đều tham gia tổ chức tự vệ. Châu nào cũng có hàng chục đội tự vệ chiến đấu. Liên tỉnh ủy đã mở nhiều khóa đào tạo cán bộ quân sự.

Các châu tổ chức nhiều cuộc duyệt binh, tập trận, có những cuộc huy động đến hàng nghìn người tham dự. Những cuộc duyệt binh và tập trận này nhằm tạo điều kiện cho cán bộ học tập chỉ huy, huấn luyện thêm cho các

đội tự vệ chiến đấu, đồng thời biểu dương lực lượng cách mạng, gây tin tưởng trong quần chúng, lôi kéo những người lừng chừng và uy hiếp bọn phản động tại địa phương.

Sau vụ gặt tháng 8, tháng 9, theo kế hoạch chuẩn bị khởi nghĩa, nhân dân tích trữ lương thực trong núi, thực hiện vườn không nhà trống từng bộ phận. Hầu hết các xã đều có kho thóc du kích. Đồng bào đào những hầm bí mật trong rừng sâu, đốt củi nung đất cho thật khô rắn, lát gỗ phủ một vài lần có rồi mới đem chứa thóc.

Việc mua sắm vũ khí đã trở thành một cao trào. Nhiều gia đình bán cả thóc, cả trâu để mua súng của quân Tướng bên kia biên giới. Các lò rèn mọc lên khắp nơi, rèn gươm, dao, kiếm, sửa chữa súng kíp, súng hỏa mai. Đồng bào nô nức quyên sắt, đồng, lưỡi cày, chậu thau, mâm đồng... để đúc vũ khí.

Chị em phụ nữ thi đua trồng rau, trồng dâu nuôi tằm, lấy tiên ủng hộ cán bộ bí mật.

Cao - Bắc - Lạng từ trước đến nay vẫn bị bọn đế quốc đặc biệt chú ý, coi là những cơ sở của phong trào cách mạng tại Việt Bắc. Trước tình hình phát triển mạnh mẽ của phong trào cách mạng, đế quốc Pháp đã trở thành tay sai cho phát xít Nhật tại Đông Dương, quyết định ra sức đàn áp, ngăn chặn cuộc khởi nghĩa từ trước khi bùng nổ. Mặt khác, chúng cũng lo chuẩn bị một hậu phương an toàn để khi biến có thể lui quân đợi thời.

Cuộc khủng bố lan rất nhanh ra khắp các nơi, tại Cao Bằng và Bắc Kạn. Khác với lần trước, địch chỉ hăm dọa và dụ dỗ những người hoạt động ra đầu thú, lần này chúng kết hợp dụ dỗ với đàn áp dữ dội.

Sau cuộc liên hoan mừng mở đường thắng lợi, các tổ xung phong lập tức trở về cơ sở cũ để lãnh đạo nhân dân đấu tranh chống khủng bố.

Quang cảnh điêu tàn hiện ra trên khắp dọc đường.

Nhiều bản không còn ai. Đồng bào đã lánh vào rừng. Những ngôi nhà sàn lạnh lẽo dán đầy thông cáo, yết thị của địch. Chúng cấm nhân dân không được đi theo người Kinh, phải ở lại làng bản làm ăn, những ai trót dại đi theo Việt Minh thì trở về nhà sẽ được bảo đảm tự do, những cán bộ hoạt động bí mật nên quay về quy phục, làm việc cho "chính phủ". Có bản, nhà bị dỡ hết chuyển đi nơi khác. Có bản đã bị đốt trụi, còn trơ lại những cột kèo đen thui trên những nền nhà đầy tro than.

Như lần khủng bố trước, đêm đêm các cán bộ lại lần về gần làng, gặp các đồng chí cơ sở, nắm tình hình và truyền lại những ý kiến chỉ đạo của cấp trên. Liên tỉnh ủy đã quyết định động viên quần chúng đấu tranh chống

khủng bố. Các làng, bản đều tổ chức ban xung phong chống khủng bố, gồm những đảng viên, hội viên cứu quốc trung kiên. Mỗi lần có lính để quốc về bắn phá, thanh niên nam nữ trong những ban chống khủng bố chia nhau đi khắp nơi giải thích, tuyên truyền, giữ vững tinh thần của đồng bào. Các cơ sở đều được nhắc nhở chú ý để phòng bọn phản động chui vào các tổ chức cứu quốc.

Đồng bào đã được rèn luyện qua kỳ khủng bố trước, lần này có kinh nghiệm hơn. Thời gian đầu phong trào tại các nơi vẫn vững, không ai ra đầu thú, không một cơ sở nào của cán bộ bí mật bị tiết lộ.

Địch đã nhìn thấy một sợi dây vô hình nối liền giữa nhân dân trong các làng, bản với những cán bộ bí mật bên ngoài. Chúng ra lệnh dồn làng. Các làng bản lẻ đều phải chuyển đến những địa điểm tập trung do chúng chỉ định. Ở những vùng có phong trào cao, chúng quy định những làng dưới hai mươi nhà, có nơi dưới bốn mươi nhà, cũng phải dồn đến những chỗ tập trung. Ở miền núi, ruộng ít, người

thưa, mỗi làng bản thường chỉ có từ năm đến mười nóc nhà. Chỉ trong một thời gian ngắn, không biết bao nhiêu làng bản bị tàn phá. Nhiều nhà dồn không kịp đều bị chúng đốt.

Mỗi làng tập trung đều có ba lớp lũy tre bao quanh và rất nhiều hồ chông. Bọn lính dõng canh gác suốt ngày đêm. Mỗi ngày đồng bào phải điểm mặt một lần. Lệnh giới nghiêm cấm ngặt từ sáu giờ tối đến sáu giờ sáng không được một ai ra khỏi làng. Những tên phân động đại gian ác xuất hiện ở các nơi.

Cuộc khủng bố của địch ngày càng quyết liệt. Đồng chí Vĩnh Quang và một số đồng chí khác bị địch bắn chết giữa lúc đang đi công tác. Trong khi khám xét một bản của đồng bào Dao, bọn địch tìm được trong nhà một hội viên một cuốn Việt Minh ngũ tự kinh. Đồng chí hội viên này bị bắn chết ngay. Địch chặt đầu và tay, chân đem về bêu tại châu lỵ Nguyên Bình. Một hôm, tôi đang giảng bài tại một lớp huấn luyện ở Cẩm Lý thì bọn địch sục tới. Lớp học kịp thời rút lui vào rừng. Nhưng địch bắt được một đồng chí Dao đứng gác, chúng chặt đầu đem đi. Nhiều nhà chúng tình nghi liên quan với cách mạng bị tịch thu tài sản. Có những nơi cả làng bị triệt hạ. Không ngày nào bình lính địch không kéo về bắn phá, cướp đốt ở các làng, bắt buộc đồng bào phải đi thú và làm tờ cam kết không vào Việt Minh nữa. Từ trên núi cao, luôn luôn nhìn thấy những đám cháy dưới cánh đồng. Không riêng tại Nguyên Bình, Hà Quảng, Hòa An mà các châu khác, ở tất cả các nơi có phong trào cách mạng, cuộc khủng bố của quân địch đều diễn ra tàn khốc như vậy. Địch bêu đầu những người cộng sản tại Cao Bình,

Nước Hai, Sóc Giang, thị xã... Tại Bắc Kạn, đồng chí Bằng, Bí thư Ban cán sự Đảng, bị địch bắn trong một cuộc bao vây, sau đó đã hy sinh. Đồng chí Xích Thắng và nhiều đồng chí khác chết hụt trước mũi súng của quân địch.

Đợt khủng bố quyết liệt kéo dài. Trước những thủ đoạn tàn khốc của quân thù cũng có nơi nao núng.

Thanh niên nam nữ bỏ làng chạy vào rừng khá đông. Có nơi quần chúng yêu cầu tạm nghỉ công tác hội. Việc liên lạc với các phần tử trung kiên còn ở trong làng, trở nên rất khó khăn.

Một hôm, các đồng chí đi công tác về nói, bà con ở dưới làng thắc mắc không hiểu ai đi lại trên đỉnh ngọn núi cao mà nhìn thấy rõ một vệt đường giữa đám cỏ gianh. Ngọn núi bà con nói, chính là nơi cơ quan đóng. Thời gian qua, anh em chúng tôi đi lại nhiều nên cỏ gianh đã bị xéo nát thành đường; chúng tôi chỉ xuống làng ban đêm, trời sáng đã về náu trong lán, nên không ai nhìn thấy. Ngay ngày hôm sau, cơ quan phải rời địa điểm sang một ngọn núi khác cách xa hẳn chỗ cũ.

Lần này, vấn đề bí mật được đặc biệt chú trọng. Chúng tôi ở tại một miếng đất bằng, kín đáo, nằm cạnh đình một thác nước. Muốn vào cơ quan phải đi dọc mãi theo một con suối. Các cán bộ đi lại không được dùng giầy và gậy. Trong khi đi dọc suối trở về cơ quan, phải tránh đặt chân trên những hòn đá có rêu, vì qua những chỗ đã bị mất rêu, địch có thể biết nơi này thường vẫn có người qua lại. Đến đoạn đường cuối cùng, trước khi vào cơ quan, tuyệt đối không ai được đi trên đất khô ở hai bên, mặc dầu trời giá lạnh thế nào cũng cứ phải lội ngược giữa thác nước để vào nhà. Mỗi lần ra vào cơ quan, quần áo đều bị ướt hết.

Thời gian này, Liên tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng ra chỉ thị cho tất cả cán bộ, đảng viên còn hoạt động công khai tại các địa phương, phải hết sức đề phòng, không để lọt vào tay địch, và đều phải "chuẩn bị đi bí mật". Tối, không ai được ngủ nhà, ban ngày đi đâu phải có tự vệ; mỗi người tích trữ sẵn hai ba tháng lương thực, giữ liên lạc chặt chẽ với các đồng chí phụ trách, nếu động thì kịp thời rút vào bí mật.

Số đồng chí "đi bí mật" tăng lên khá nhanh. Để tổ chức các đồng chí này lại làm nòng cốt giữ vững phong trào, Liên tỉnh ủy ra chỉ thị dùng hình thức "Tiểu tổ bí mật". Hình thức này vốn đã xuất hiện từ lâu tại Cao - Bắc - Lạng nhằm đối phó với những đợt khủng bố của địch. Mỗi tiểu tổ bí mật gồm các đồng chí trong một hai xã, có cả đảng viên và những hội viên trung

kiên, đã thoát ly gia đình lánh vào rừng núi. Trong mỗi tiểu tổ bí mật lại có tổ Đảng. Mỗi tiểu tổ bí mật có một cơ quan riêng, tức là một chiếc lán náu kín trong rừng sâu hay trên đỉnh núi. Từng nơi đều tích trữ lương thực. Các đồng chí bí mật phải sống theo một quy tắc nhất định, vừa tiếp tục tiến hành công tác quần chúng vừa nghiên cứu học tập. Sinh hoạt các tiểu tổ bí mật đều triệt để "quân sự hóa" và "du kích hóa" tài liệu, súng đạn, quần áo bao giờ cũng phải hết sức gọn gàng, có lệnh, chỉ cần nhắc gói lên vai là di chuyển được ngay. Việc học tập quân sự được tiến hành song song với học tập chính trị. Kỷ luật đặt ra rất nghiêm khắc. Các tiểu tổ bí mật được triệt để "quân sự hóa" và "du kích hóa" đã trở thành một màng lưới vây quanh tất cả các làng bản.

Ban ngày, học tập chính trị, quân sự và tăng gia sản xuất. Bữa cơm chiều thường ăn sớm vào khoảng bốn giờ. Mặt trời lặn khỏi đầu núi là những "người bí mật" dời cơ quan vượt qua những đoạn đường rừng hiểm trở, đi tới những địa điểm đã hẹn trước. Một tiếng huyệt sáo, và tiếng tặc lưỡi, tiếng vỗ tay, theo những quy định với nhau trước, từ một chỗ ẩn náu kín đáo, những đồng chí đảng viên hay hội viên trung kiên đáp mật hiệu rồi ra bắt liên lạc. Mặc dầu dịch bắn giết, đốt phá, dồn làng, vây lũy, canh gác, giới nghiêm, các đồng chí ở dưới làng vẫn không quân hiểm nghèo, không sợ hy sinh tính mệnh, đêm đêm vẫn ra báo cáo tình hình, mang theo

lương thực cho các đồng chí hoạt động bí mật và để nhận những chỉ thị của cấp trên. Trời khuya, các đồng chí trong làng trở về. Những "người bí mật" ngã mình bên dòng suối hay trên bờ ruộng chợp mắt một lúc, trời tảng rạng là trở về cơ quan. Phải làm sao vào rừng trước khi tan sương mới khỏi bị phê bình và không để ảnh hưởng tới bà con trong làng.

Những tiểu tổ bí mật gan góc, bên bỉ bám sát lấy cơ sở, bám sát lấy quân chúng, truyền cho họ sức mạnh của Đoàn thể, của cách mạng, tiếp thêm nghị lực cho họ trước những giờ phút hiểm nghèo. Nhờ đó mà phong trào vẫn được duy trì.

Để quốc đã nhận thấy phải tìm mọi cách để tiêu diệt những người cách mạng đang bí mật hoạt động, lãnh đạo nhân dân chống lại chúng. Chúng đóng một loạt đồn trại khắp nơi, bao vây lấy những dãy núi hiểm yếu, nơi chúng đánh hơi thấy có những người cách mạng nương náu. Thời gian này dịch tăng thêm quân lính cho các đồn bốt cũ và đóng thêm một loạt đồn bốt mới ở khắp nơi trong tỉnh như: Nước Hai, Cao Bình, Hào Lịch, Nà Ngần, Phai Khất, Phúc Tăng, Đào Ngạn, Mò Cắt, Nậm Nhũng, Pắc Bó... Chúng tung những tên tổng đoàn và bọn chó săn đi đánh hơi tìm kiếm khắp nơi.

Trời tối, binh lính chia nhau đi sục các đầu bò, khe suối. Rồi những cuộc càn quét bắt đầu.

Địch treo giải thưởng rất to cho những kẻ đi lấy đầu những người hoạt động bí mật. Đầu cán bộ, cái nào rẻ cũng đáng giá bạc nghìn với hàng trăm đầu muối, có cái hai, ba vạn đồng.

Từ chưa tan sương, những tên tuần tổng gian ác đã có mặt ở quanh làng. Chúng lần mò khắp bờ bụi, đường ngang, lối tắt, cố tìm ra vài lỗ gậy bên bờ ruộng, hoặc một vết chân trên hòn đá rêu phủ. Có tên tinh khôn lần theo những bãi cô đọng đầy sương đêm. Những đồng chí xuống làng khi quay về cơ quan đã đi trên cô để giấu vết chân, nhưng không chú ý là giữa những ngọn cô đọng sương đêm, chỉ cần bước chân của mình làm rớt những giọt nước trong, nhỏ, nhẹ đó, cũng đủ để vạch một con đường cho bọn địch tìm đến ven rừng nơi mình đã ra đi.

Các cuộc "sao đông"1 bắt đầu. Bọn binh lính lùa dân làng đi đầu, che chở cho chúng trước mũi tên hòn đạn, chúng cầm súng đi theo sau. Bọn chó săn mặt người đánh hơi khắp nơi. Chúng soát từng hốc núi, từng búi cây. Những ngày nắng hạ, chúng đốt cháy từng khu rừng. Chỉ cần chúng tìm thấy một vài cái lán bí mật không có người trong rừng là các làng gần đấy có thể bị triệt hạ. Cơ quan của Liên tỉnh tại vùng Lô Cốt Đô bị địch bao vây và tiến công bằng súng cối.

Phong trào quần chúng lại tạm thời bị thu hẹp.

Đồng bào vẫn tốt, nhưng e ngại trước sự khủng bố tàn bạo của kẻ địch, phần lớn hẹn đến ngày khối nghĩa sẽ nhất tề đứng dậy giết hết quân thù, còn nay thì muốn tạm ngừng sự hoạt động.

Tổng Hoàng Hoa Thám là nơi phong trào rất cao, hai phần ba nhân dân đã bỏ làng chạy vào rừng.

B ưa ấy, tôi về cơ quan hội báo tình hình thì thấy anh Đồng, anh Vũ Anh và anh Lã đang xúm xít quanh một tờ báo. Các anh chuyển tờ báo cho tôi và hỏi tíu tít:

- Anh xem có đúng là chữ của Bác không?

Đó là một tờ báo ở Trung Quốc mới gửi về, bên mép trắng có mấy hàng chữ Hán viết tay. Tôi nhận ra ngay đúng là chữ Bác. Bác viết: "Chúc chư huynh ở nhà mạnh khỏe và cố gắng công tác. Ở bên này bình yên".

Phía dưới lại có một bài thơ:

Vân ủng trùng sơn, sơn ủng vân

Giang tâm như kính tịnh vô trần;

Bồi hồi độc bộ Tây phong lĩnh,

Dao vọng Nam thiên ức cố nhân.

Dịch nghĩa:

Mây ôm dãy núi, núi ôm mây

Lòng sông như gương không chút bụi;

Một mình dạo bước trên núi Tây Phong trong dạ bồi hồi

Nhìn về trời Nam xa xăm nhớ bạn cũ.

Tôi xem xong hết sức ngạc nhiên. Chữ viết này, lời lẽ này, những câu thơ này, đúng là của Bác. Tờ báo này mới xuất bản.

Chúng tôi gọi anh Cáp đến, xúm lại chất vấn. Anh Cáp là người dạo nọ đã đem tin Bác mất ở Trung Quốc về. Chúng tôi hỏi:

- Thế này là thế nào? Sao lại thế này?

Anh Cáp xem xong mừng rỡ, ngắn người ra một lúc rồi nói:

- Cũng không rõ là thế nào. Khi tôi sang bên ấy thì chính tên quan Quốc dân Đảng đã nói với tôi là Bác mất rồi.

Hỏi đi hỏi lại một lúc, một anh nói với anh Cáp:

- Anh thử nói lại câu anh hỏi nó và nó trả lời anh bằng tiếng Trung Quốc xem.

Anh Cáp nói lại. Chúng tôi đoán, có lẽ trong lúc anh Cáp nói chuyện với tên sĩ quan Quốc dân Đảng, anh đã nghe lầm hai tiếng "sư tờ, sư tờ" (phải, phải) ra tiếng "xử lờ, xử lờ" (chết rồi, chết rồi).

Mọi người khôn xiết vui mừng. Trong màn đêm ẩm đạm của đợt khủng bố trắng vô cùng khốc liệt tại Cao - Bắc - Lạng, tin Bác bình yên về với chúng tôi như những tia nắng rực rỡ vừa xuất hiện ở chân trời, báo hiệu một ngày mai tươi sáng sắp đến.

oi quay vê dja phương ít ngày thì các anh gùi cho một tờ báo Đông Pháp trong có đăng tin Hông quân Liên Xô chiến thắng lớn tại Xta-lin-grát. Tôi hôm ấy, cán bộ đi xuống cơ sở đã báo tin này cho các đồng chí, và bảo các đồng chí tìm cách truyền tin ngay cho đồng bào. Mỗi tin thắng lợi của Liên Xô là một sự cố vũ cho nhân dân trong những ngày khó khăn này.

Ít ngày sau, tôi nhận được thư của các anh viết, cố tìm mọi cách để nổi lại đường Nam tiến vì tình hình đang biến chuyển có lợi cho ta. Nhiều tổ xung phong công tác đã được liên tiếp phái đi giúp quần chúng trên dọc đường chống khủng bố và giữ vững cơ sở. Nhưng đánh thông được quãng này thì quãng khác lại bị đứt.

Tôi cùng anh Hoàng Sâm chọn một số đồng chí trong các đội vũ trang địa phương, tổ chức thành một trung đội Nam tiến. Trong thời gian này, đồng chí Thanh Quang ở Chợ Rã lên cho biết, tại chân núi Phia Biooc vẫn còn một số bản có cơ sở rất tốt. Chúng tôi quyết định sẽ đi hẳn về chân núi Phia Biooc, cũng cố vùng này, đặt cơ quan tại đây rồi đánh thông đường về phía Nam. Chúng tôi mang theo một phiến đá in định về đó sẽ ra báo.

Trung đội Nam tiến luôn rừng bí mật đi về phía Nam. Đêm đi, ngày nghỉ, đến chiều, sắm tối lại đi. Trời dạo này, về đêm hay mưa. Nhiều đêm mưa tắm tã, đường rừng biến thành suối, mọi thứ mang trên người ướt hết. Trời tạnh, tạt vào một hang núi kín đáo, đốt lửa hơ quần áo cho khô, rồi lại tiếp tục đi. Mỗi khi qua những làng bản có cơ sở, chúng tôi chỉ cử người vào hôi thăm tình hình đường sá, sự hoạt động của dịch, rồi đi ngay.

Nhiều quãng vì đường độc đạo, không có chỗ tránh, buộc phải đi giáp những làng bản tập trung, có lính địch canh gác nghiêm ngặt. Các bốt canh của địch trên dọc đường gõ mõ lốc cốc suốt đêm. Có đêm phải lội những con suối nằm giáp với bốt canh. Cả đoàn im lặng, cẩn thận đặt từng bước chân xuống bùn, tay chống gậy phải thật nhẹ để khỏi phát ra tiếng động.

Đi khoảng sáu, bảy đêm liền, vượt qua Chợ Rã đến chân núi Phia Bioóc. Đã đến đích, ai nấy đều vui mừng. Trung đội nghỉ ở một rừng vầu. Những ngày trước, hễ đến địa điểm là mọi người tranh thủ ngủ ngay, nhưng hôm đó phấn khởi quên mệt, anh em dẫn cây làm lán xong xuôi mới đi nghỉ.

Trong khi đó, đồng chí Thanh Quang đi bắt liên lạc với cơ sở.

Buổi chiều, đồng chí Thanh Quang phò phạc quay về cho biết, địch đang tiến hành khủng bố tại vùng này, nhiều đồng chí vừa bị bắt. Chúng tôi hỏi lại đồng chí Thanh Quang cặn kẽ, và cứ người đi tìm gặp một số trung kiên ở địa phương để nắm rõ thêm tình hình. Khi về, các đồng chí đều nói, cuộc khủng bố của địch đang rất gắt gao, bình lính địch vẫn đóng tại các làng bản, nhiều đồng chí bị bắt, nhiều nhà cửa bị đốt. Anh Hoàng Sâm và tôi thảo luận với nhau, nhận thấy tình hình đã thay đổi, cơ sở như vậy là không còn, đội không có điều kiện để ở lại đây.

Trung đội cử người canh gác các ngả đường. Tất cả các anh em đang ngủ được gọi dậy. Ấn xong bữa cơm chiều, cả đoàn lại lên đường quay về Cao Bằng. Trước khi đi phải đánh dấu rồi chôn phiến đá in lại ở chân núi.

Lương thực chỉ chuẩn bị cho chuyến đi, suốt dọc đường về toàn ăn cháo. Nhiều đồng chí ốm.

Về Hà Hiệu, chúng tôi dừng lại, cử người vào hỏi thăm tin đồng chí Hoan. Bà mẹ đồng chí Hoan theo đồng chí liên lạc ra rừng gặp chúng tôi. Cụ vừa khóc vừa kể lại, đồng chí Hoan bị địch bắt đem về Bắc Kạn, chúng tra tấn anh mười một lần chết đi sống lại để truy tìm tung tích cách mạng, anh vẫn không khai một lời, cuối cùng, chúng đã bắn chết anh. Cụ nhất định đòi chúng tôi phải vào nghĩ trong nhà.

Bản này chỉ có vài ba gia đình, hết thảy đều tốt. Chúng tôi theo cụ vào nhà. Chị Hoan kể lại cho chúng tôi... Trước ngày anh Hoan bị bắn, chị có lên Bắc Kạn thăm. Anh Hoan nói với chị: "Có lẽ nó sẽ bắn tôi, nhưng ở nhà đừng lo, cách mạng thế nào cũng thành công. Ở nhà phải trung thành với Đoàn thể, giúp đỡ anh em cán bộ hoạt động". Rồi anh đưa lại cho chị một miếng cao và nói: "Tôi còn miếng cao hổ cốt này, đem về giữ lấy cẩn thận, gặp đồng chí Văn thì nói tôi có lời hỏi thăm, và nhớ đưa miếng cao cho đồng chí dùng để giữ sức khỏe mà làm công tác". Tôi nhìn miếng cao trong tay chị Hoan, nước mắt muốn trào ra.

Bà mẹ đồng chí Hoan trò cum lúa nếp để trên gác bếp, nói:

- Bây giờ Hoan đã mất, mùa màng lại kém, nhưng mùa nào mẹ cũng để dành thóc nếp cho các con đấy, cứ chờ đợi du kích mãi. Các con cố gắng giết sạch bọn Tây, bọn Nhật thời người Dao mới sống được.

Kết quả của cuộc đại khủng bố của quân địch là như vậy. Càng ra tay tàn sát, địch càng khơi sâu thêm trong nhân dân mỗi hận thù, thúc đẩy mọi người quyết tâm đứng lên chiến đấu tiêu diệt bọn chúng để tìm lấy con đường sống.

Sau chuyến đi này về, phần lớn anh em đều ốm, có những đồng chí bị sốt thương hàn. Một bữa tôi đi công tác xuống gần làng thì bắt đầu lên cơn sốt. Các đồng chí dìu tôi ra nằm ở một chiếc lán nhỏ làm bất ngờ trong một lùm cây cạnh cánh đồng. Tôi nằm tại đây hơn một tuần lễ. Sớm sớm, các chị trong làng đem ra một nồi cháo bắp. Các đồng chí đi công tác về được tin Tây sắp càn đến vùng này, vội tới tìm, ngạc nhiên thấy tôi đang giữa cơn sốt, xé rách cả áo và bứt lá đắp đầy trên người. Các đồng chí dìu tôi vào rừng. Khi lội suối thấy hai chân tê dại, rét buốt lên đến tận ngực. Tôi đoán mình bị sốt ác liệt. Nhưng cũng không hiểu sao, về tới cơ quan chưa uống thuốc men gì, thì bệnh đã khỏi.

15

ich khung bo cang manh, so dong chi "di bi mat" ngay cang nhieu. Viec kiem luong thuc cho mot so nguoi kha dong nhu vay tir thang nay qua thang khac, tro nen rat kho khan. Bon dich biet ro nhung nguoi hoat dong bi mat an nau tren rung nui, song dya chu yeu vao nguon luong thuc trong cac lang. Chung ra lenn cam ngat không ai duoc mang mot chut thoc gao, ngu c6c ra khoi lang. Co nhung ba con da nghI ra cach, khi gat dap lua xong thi dê lai mot it ngay tai ruong. Chung toi luqm ve, gia giap vo ngoai, sang qua trau, dem nâu, hat ccm cung va kho nhu rang. Tir ngay co mot ba ganh gao ra cho ban va mot chi dem thoc giong di ngam bi chung bat va ban chet ngay tai chô, nhieu ba con hoang so. Mot so cac dong chi trung kien, trong do co ca nhung em nhi dong, van bat chap su tan sat cua dich, dem dem vut qua mui sung dua gao, dua bap ra ngoai lang cho chung toi. Nhung do cuoc khung bo kéo dai, ba con trong lang luc nay cung rat thieu thon, mot chut gao, chut bap dum tum giáu trong nguoi dem den cho chung toi, chang la may so voi mieng an cua bao nhieu con nguoi.

Có tháng chỉ ăn toàn cháo bắp. Một thời gian dài thức ăn hầu như chỉ có chuối rừng. Được cái chuối rừng ở đây rất nhiều. Chặt cây chuối về, bóc lần vỏ ngoài lấy nõn trắng bên trong, rút hết xơ, thái nhỏ, bỏ lên chảo cho chút nước và muối, nấu chín là xong. Thỉnh thoảng để cho khác vị, các đồng chí lấy hoa chuối về thái nhỏ, bóp muối rồi bỏ vào ống nứa đem nướng cho hoa chuối có thêm mùi vị của nứa. Các đồng chí gọi đùa món này là "thịt lợn rừng xào mỡ thiên nhiên". Nước uống thì nấu với lá cây gò vàng, uống đăng đắng, nhưng các đồng chí địa phương bảo lá cây này bổ máu. Ăn uống như

vậy một thời gian, nhiều khi leo núi thấy đầu gối bùn rủn. Nhiều đồng chí ốm. Những bệnh phổ biến là lên ban và sốt nóng. Một buổi sáng có con tê tê chui vào nằm ngay sau lán. Một đồng chí reo lên: "Thuốc đây rồi!" và cầm khúc gỗ đập mạnh vào lưng nó. Con vật cuộn tròn ngay lại, bị anh em tóm luôn. Lâu lắm, bữa ăn của cơ quan lại mới có chút thịt. Ăn xong bữa, chúng tôi đều cảm thấy như người khỏe lên.

Xuống làng gặp quần chúng rất khó khăn, nhiều lần đi không lại về rồi, một số đồng chí bắt đầu chán nản và e ngại. Người ùn lại cơ quan khá đông. Lương thực thì hầu như không có.

Có buổi ngồi bàn bạc công tác, một số đồng chí cứ im lặng. Rồi một đồng chí nói:

- Bây giờ nên nghĩ một thời gian rồi hãy xuống làng. Chúng tôi đi lại nhiều lần nhân dân cứ lánh mặt. Cố tìm gặp được ai thì người ấy cũng nói: "Tôi vẫn một bụng một dạ với hội thôi, nhưng bây giờ "nóng" quá, đồng chí hãy trở về cấp trên, đợi khi nào "nguồi nguội" sẽ quay trở lại. Gặp đồng chí một lát cũng chưa làm được công việc gì cho hội, mà địch biết thì hại đến cả làng".

Chúng tôi đều biết là hầu hết bà con vẫn rất tốt, nhưng không chịu được những ngày kéo dài chờ đợi cuộc khởi nghĩa trong khi bọn địch thắng tay tàn sát. Nhưng nếu bây giờ ngừng mọi hoạt động thì sẽ không duy trì được cơ sở quần chúng, mà không có cơ sở quần chúng thì sẽ không bao giờ khởi nghĩa được. Tôi đã nói với các đồng chí:

- Chính trong lúc này chúng ta lại càng phải bám chắc lấy cơ sở. Nếu phó mặc quần chúng cho kẻ địch, chỉ ngồi ở đây giữ bí mật thì cơ sở sẽ hẹp dần lại, quần chúng sẽ bị địch lung lạc, rồi ra cơ quan bí mật cũng sẽ khó tồn tại. Dù khó khăn đến đâu, vẫn phải nắm lấy quần chúng, giữ vững cơ sở quần chúng. Cuộc khủng bố của địch là ngọn lửa thử vàng để chúng ta thấy được những người thực sự là trung kiên đối với cách mạng.

Sau mỗi cuộc họp như vậy, chúng tôi lại chia nhau đi các địa phương. Mỗi người một túi lương khô, một ống muối nhỏ, đứng đợi gần các nương lúa, nương ngô, hoặc trên những đoạn đường đi tới chợ, đón các hội viên, các đồng bào tốt. Chúng tôi nói với đồng bào, làm cách mạng thì nhất định kẻ địch phải khủng bố, địch khủng bố điên cuồng là vì chúng thấy phong trào cách mạng lên mạnh, chúng sợ, nhưng khủng bố của kẻ địch nhất định không thể nào cản được cách mạng. Chúng tôi nói với đồng bào, phong trào dưới xuôi đang lên cao, Liên Xô và Đồng minh đang thắng lớn, bọn phát xít

Đức - Nhật đang thất bại. Rồi chúng tôi hướng dẫn cho đồng bào tiếp tục công việc của hội. Mỗi lần về gặp lại nhau báo cáo tình hình và thảo luận công tác, có khi vắng đi một vài đồng chí. Thường thường những đồng chí đến hẹn mà không thấy về là đã bị hy sinh. Nhưng với ngọn lửa tin luôn luôn rực cháy trong đầu, với quyết tâm hy sinh vì sự nghiệp cách mạng, mặc thiếu thốn, mặc hiểm nghèo, ai nấy vẫn kiên quyết tiến tới, những lần gặp mặt nhau vẫn rất vui.

Cơ quan chúng tôi di chuyển luôn, từ đầu ngọn núi này sang đỉnh ngọn núi khác. Một lần, chúng tôi mới chuyển đến một ngọn núi gianh, bỗng thấy chung quanh tự nhiên bốc lửa. Lửa cháy giần giật mỗi lúc một gần, tàn bay khắp trên đầu, lại có tiếng người chạy, tiếng chó sủa. Mọi người vội vỡ tài liệu, xách khẩu súng kíp lên cò sẵn, chạy xuống chân núi. Vừa đến suối thì thấy một số đồng bào Dao đi sân. Những đồng bào này đều là hội viên, nhưng từ lâu không có liên lạc. Đồng bào nhận ra chúng tôi, tỏ vẻ rất mừng rỡ. Có người nói:

- Tìm các đồng chí mãi không thấy. Hôm nay biết các đồng chí ở đây rồi!

Đồng bào ngừng cuộc đi săn, quây quanh hồi chuyện. Biết đây là những hội viên tốt, chúng tôi đặt kế hoạch liên lạc và bàn cùng bà con cách về tiếp tục công việc hội. Khi về, đồng bào nói: "Chúng tôi sẽ không cho ai biết các đồng chí ở đây đâu".

Nhưng vẫn phải đề phòng, ngay ngày hôm sau chúng tôi lại phải rời địa điểm.

Một bữa, anh em trong cơ quan đi công tác gần hết, ở nhà chỉ còn có anh Thiết Hùng và tôi. Đã sắp hết mùa Xuân mà tiết trời vẫn giá buốt như giữa mùa Đông.

Tôi ngồi nhìn những quả núi gianh hoang vu nổi tiếp nhau chạy dài, nhớ tới bao nhiêu thay đổi lớn lao đã đến trong những năm qua. Núi rừng đối với chúng tôi lúc này đã trở nên quá thân thuộc. Buổi chiều, chỉ nghe tiếng ve kêu là biết trời sắp tối. Những đêm nằm không ngủ đã phân biệt được tiếng hoẵng, tiếng nai. Mỗi khi thức giác, chỉ qua thời tiết cũng biết còn đêm hay trời sắp sáng. Với sự cưu mang, đùm bọc, che chở của nhân dân, núi rừng đã trở thành một giang sơn kỳ diệu của những người hoạt động cách mạng. Bọn địch biết rất rõ chúng tôi chỉ ở quanh vùng này, nhưng chúng đã bị bưng tai, bưng mắt, và đã không thể làm gì nổi.

Bỗng tôi nhận thấy đám cỏ gianh ở quả núi ngay trước mặt bị lay động. Rồi tôi nhìn thấy hai con gấu đen. Có lẽ là một con gấu mẹ và một con gấu

con, con lớn đi trước, con nhỏ theo sau. Chúng có thể đi sang đây. Cơ quan chỉ có mỗi khẩu súng lục của anh Thiết Hùng và quả lựu đạn của tôi. Quả lựu đạn của tôi là một quả lựu đạn hông, còn khẩu súng của anh Thiết Hùng bắn chưa chắc đã nổ. Biết loài thú đi với con thường rất dữ, chúng tôi bàn nhau, tốt nhất là trèo lên cây.

Thế là hai người cùng leo vội lên một cây cao ở gần lán ngồi nhìn. Hai chú gấu đen thân nhiên đi qua. Chúng vẫn yên trí đây chỉ là giang sơn của chúng, không hề biết tại nơi này còn có chúng tôi, những người cách mạng sống bí mật.

Với tinh thần dũng cảm kiên trì của các đồng chí trong các tiểu tổ, những đường dây liên lạc với các cơ sở lần lần được nối lại. Phong trào dần dần phục hồi với một khí thế mới. Cuộc khủng bố của đế quốc đã thu hẹp cơ sở cách mạng, nhưng những cơ sở của cách mạng vẫn tồn tại qua cuộc đấu tranh, rắn chắc lên rất nhiều.

Sau một thời gian, tại khắp các địa phương, những hội viên trung kiên lại tới tấp đến bắt liên lạc. Trong nhiều chuyến thư hỏa tốc gửi đến các tổ bí mật, mở ra toàn những thư xin cán bộ, xin người về mở lớp huấn luyện.

Những lớp huấn luyện lại được mở tiếp trong rừng. Số người xin học rất đông. Và những người đến lớp lần này ít nhiều đã được rèn luyện qua cuộc đấu tranh với kẻ địch.

Phong trào lên, tình hình sinh hoạt cơ quan cũng được cải thiện hơn. Đã bắt đầu có bắp, có gạo ăn. Thức ăn vẫn là hoa chuối, nõn chuối, nhưng đã có tí mỡ.

Trước sự đàn áp tàn khốc của quân thù, những lực lượng tự vệ và tự vệ chiến đấu được tổ chức tại Cao Bằng từ cuối năm 1941 phát triển rất nhanh chóng trong hai năm 1942, 1943 lúc này trải qua những thử thách, càng được tôi luyện. Hàng ngũ các đội tự vệ có thu hẹp hơn đôi chút, nhưng vẫn còn rất đông đảo, và trở nên vững chắc hơn nhiều. Tại Hà Quảng, trước khi dịch khủng bố, trong năm nghìn rưỡi hội viên có trên một nghìn tự vệ, sau một thời gian dài dịch khủng bố, vẫn còn bốn nghìn hội viên, trong đó có gần một nghìn tự vệ. Các châu đã tổ chức ra những đội tự vệ thoát ly. Châu nào cũng đã có từ một tiểu đội đến một trung đội. Các tổng cũng tổ chức ra đội tự vệ thoát ly của tổng.

Các đội vũ trang thoát ly tích cực hoạt động chống khủng bố, tiêu diệt bọn phản động đầu sổ, phục kích các đội tuần tiểu nhỏ của giặc, bước đầu thực hiện chủ trương "làm chủ rừng núi".

Cùng với những đợt tuyên truyền bắt mỗi, gây cơ sở, các đội vũ trang địa phương cùng tiến hành một loạt hoạt động: Thuyết phục, cảnh cáo, tiêu diệt

những tên phần động đại gian ác không chịu hối cải. Tại Hòa An, lực lượng vũ trang địa phương đã tiêu diệt hàng chục tên phần động lợi hại. Tại Kim Mã, đội vũ trang cũng quyết định hạ thủ tên tổng đoàn Lý, một tên chó săn của đế quốc đã phá nhiều cơ sở của ta. Sau hai lần phục kích trượt, các đồng chí tự vệ đã bắt gặp nó trong một buổi chợ, bắn chết ngay tại chỗ.

Các chiến sĩ của những đội vũ trang địa phương khi ẩn, khi hiện trên những đường ngang ngõ tất của các làng, bản; những đội viên tự vệ, tự vệ chiến đấu vẫn ở cùng với bà con trong cơn giông tớ, đã cổ vũ, nâng đỡ tinh thần chiến đấu của đồng bào, và đã ngăn chặn được phần nào bàn tay cuồng bạo của kẻ địch.

Tại các châu, huyện trong liên tỉnh, những lớp huấn luyện quân sự vẫn mở liên tiếp. Các anh Thiết Hùng, Lê Quảng Ba, Bằng Giang, anh Cáp... thời gian này rất bận rộn.

Anh Hoàng Sâm và tôi cũng mỏ liền mấy lớp đào tạo cán bộ quân sự tại địa phương. Trường học được dựng lên một cách khá quy mô tại một khu rừng thuộc tổng Hoàng Hoa Thám. Những ngôi nhà lớp lá cọ làm giảng đường, nơi ăn, nơi ngủ chứa được tới trăm người.

Chương trình học tập gồm có hai phần: Chính trị và quân sự.

Về chính trị, học viên được học tập chương trình của Việt Minh, sơ giải về chủ nghĩa cộng sản, công tác chính trị trong quân đội cách mạng, công tác vũ trang tuyên truyền. Nhà trường ra một tờ báo tường, đặt tên là "Hồn nước". Tất cả học viên, có đông các đồng chí Dao, đều tham gia viết bài, viết những câu hát; người nào không biết chữ thì đọc cho người khác viết hộ.

Về quân sự, học kỹ thuật cá nhân chiến đấu: Bắn súng, đâm lê, ném lựu đạn, các chiến thuật tập kích, phục kích. Việc học tập đi đôi với những cuộc diễn tập. Chúng tôi thường chia làm hai bộ phận, một bộ phận giả làm dịch. Một bộ phận làm quân đội cách mạng tiến đánh. Các đồng chí người Tày, người Dao tỏ ra có những khả năng rất đặc biệt về chiến thuật tập kích trong rừng. Trong đêm khuya, giữa rừng sâu, các đồng chí đó có những cặp mắt rất tinh, những bước chân rất nhẹ. Nhiều lần, chúng tôi được phân công giả làm dịch, rất chăm chú nghe ngóng phát hiện các anh em khi tiến vào, nhưng chỉ đến khi anh em đã lọt vào tận nơi, chúng tôi mới biết...

Nhiều thanh niên từ xưa tới nay vẫn sống rất phóng khoáng tự do nơi non cao rừng thẳm, lúc này bắt đầu làm quen với nền nếp sinh hoạt chặt chẽ trong quân ngũ. Tôi còn nhớ trong một lớp huấn luyện có một đồng chí Dao, tên là Minh. Minh rất khỏe, da dẻ hồng hào, trời rét mấy, áo ngực cũng cứ để phanh. Anh bắn giỏi, có thể đi đêm trong rừng, chỉ nghe tiếng nai kêu mà

bắn trúng. Ngày nào không được đi bắn thì hầu như Minh không chịu được. Mỗi ngày, nhà trường cho Minh đi bắn hai giờ, vừa để giải quyết cái "nghiện" của anh, vừa để góp phần cải thiện sinh hoạt cho lớp học. Minh nghiện thuốc lào. Nhiều bữa chúng tôi đang ngồi họp, khi quay lại đã thấy Minh ngồi bó gối bên cạnh lán tự lúc

nào. Chúng tôi hỏi anh đến làm gì? Minh cười, lấy tay chỉ vào cái điếu thuốc lào. Minh thèm thuốc quá, nhưng lại biết kỹ luật đã quy định, học sinh không được vào chỗ họp khi cán bộ đang bàn bạc công tác, nên đến đây rồi, Minh cứ ngồi ở ngoài. Nhiều lần Minh gặp tôi, tâm sự là anh không thích học động tác đội ngũ: "Cấp trên bảo làm thì phải làm thôi, chứ học thế này, gò bó, khó chịu quá!". Tuy miệng nói vậy, nhưng đồng chí Minh vẫn chịu khó học tập.

Khi lớp đào tạo cán bộ quân sự mở đến khóa thứ ba thì bọn địch đánh hơi thấy. Một sớm tình sướng, chúng từ nhiều ngã kéo quân vào bao vây. Các đồng chí canh gác đã kịp thời phi báo trước khi địch tới. Lớp học tạm giải tán. Một đồng chí trung kiên người Dao, tên là Hy Sinh, đưa anh Hoàng Sâm và tôi lánh lên đỉnh núi Thế Dục. Địch ở chung quanh chân núi. Trên này không có nước, phải chặt cây vầu lấy nước thổi cơm. Ngày hôm sau tôi bàn với các đồng chí cùng đi:

- Ta nên xuống làng xem tình hình thế nào?

Đồng chí Hy Sinh bấm đốt ngón tay một lúc rồi nói:

- Giờ này đi không tốt đâu!

Tuy sốt ruột về tình hình địch dưới làng, nhưng biết không nên để các đồng chí phải làm một việc gì miễn cưỡng, tôi nói:

- Ta hãy rời sang một chỗ khác, đợi giờ tốt sẽ đi.

Khi sang chỗ trú chân mới một lúc, tôi hỏi đồng chí Sinh:

- Đồng chí thử xem đã đi được chưa?

Đồng chí Sinh lại bấm đốt ngón tay. Lần này đồng chí nhoẻn miệng cười, đáp:

- Đi được rồi!

Trời tối, chúng tôi xuống núi. Đứng ở chỗ hẹn tại ven rừng chờ đồng chí Sinh về làng liên lạc.

Khuya khuya, chúng tôi đang ngồi, chợt nghe hai tiếng gõ vào thân cây, tiếng nặng tiếng nhẹ, biết là đồng chí Hy Sinh đã trở về. Chúng tôi ra đón, gặp đồng chí Hy Sinh rất tươi cười. Đồng chí thuật lại:

- Đồng bào nói, địch nó vào đến nhà trường, nó thấy nhà trường to có nhiều giá súng quá, nó chỉ đi sâu thêm một quãng nữa, đến nhà cơ quan thấy có con chó, nó bắt lấy rồi quay vội ra.

Chúng tôi cùng vào giáp làng. Đồng bào mang cơm nước ra. Có những chị lấy cả bát đũa đem cho vì sợ chúng tôi đã đánh mất hết cả đồ dùng khi đi lánh quân địch. Một

lát, đồng bào nhất định đòi chúng tôi vào cả trong làng. Các cụ già, các em nhỏ thấy chúng tôi rất mừng rỡ. Có gia đình đã thổi xôi gà để chờ. Một cụ già nói:

- Các con khó nhọc quá! Cả làng không ai việc gì đâu. Nó thấy cái trường của hội to, nó sợ quá, chỉ vào qua một lúc là nó rút lui ngay.

Cũng vào thời gian này, để động viên tinh thần chuẩn bị khởi nghĩa trong nhân dân, nhân dịp kỷ niệm Cách mạng tháng Mười Nga, các châu, huyện ở vùng giáp giới Cao Bằng - Bắc Kạn đã tổ chức một đại hội chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa tại khu rừng Phan Thanh thuộc tổng Trần Hưng Đạo. Mặc dầu không khí khủng bố vẫn bao trùm các làng bản, mấy trăm đại biểu của các dân tộc khắp các châu, huyện vẫn nô nức kéo về dự đại hội. Mười đội tự vệ chiến đấu đã tham gia cuộc biểu diễn quân sự tại đại hội.

16

iữa năm 1944, cuộc khủng bố trắng tàn khốc của đế quốc Pháp đã lên đến cực điểm. Nhân dân Cao - Bắc - Lạng nóng lòng mong đợi tiếng súng của cách mạng để chặn bàn tay cuồng bạo của kẻ thù.

Trên thế giới, chủ nghĩa phát xít đã bị dồn đến bên bờ vực thẳm. Bên châu Âu, sau thất bại lớn của Đức ở Xta-lin-grát, cuộc phản công lớn của Liên Xô đã bắt đầu. Anh - Mỹ phải mở mặt trận thứ hai để chớp thời cơ trước phát xít Đức đã lâm vào thế cùng đường. Tại Thái Bình Dương, sau những trận đánh nhau lớn trên mặt biển ở đảo Trung Đô và quần đảo Xa-lô-mông, phát xít Nhật mất dần các căn cứ hải quân quan trọng ở ngoại vi, bắt đầu bị nguy khốn.

Đầu tháng 7 năm 1944, Chính phủ Pháp do Pê-tanh cầm đầu sụp đổ, Đò Gôn theo sau quân Anh - Mỹ trở về Pháp lập chính phủ mới. Mâu thuẫn giữa Nhật và Pháp ở Đông Dương ngày càng nghiêm trọng. Một cuộc đảo chính để tiêu diệt thế lực của Pháp tại Đông Dương không thể tránh khỏi.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, phong trào cách mạng ở trong nước lan rộng, các tổ chức của Việt Minh ngày càng bành trướng. Nhân dân đã thấy rõ thế nào cũng có và phải có một cuộc thay đổi.

Trong thời gian qua, do địch khủng bố dữ dội, sự liên lạc với Trung ương ở miền xuôi rất khó khăn, có lúc bị gián đoạn. Trước tình hình đã trở nên rất

khẩn trương, tháng 7 năm 1944, Liên tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng triệu tập một cuộc hội nghị cán bộ để thảo luận về vấn đề khởi nghĩa. Đây là cuộc hội nghị đông đủ nhất từ ngày địch tiến hành khủng bố. Cán bộ phụ trách các địa phương, các đồng

chí trong Liên tỉnh ủy: Anh Lã, anh Tòng, anh Ba... đều về họp. Anh Đồng, anh Vũ Anh cũng có mặt. Điểm lại các mặt quen thuộc, thấy là sự nỗ lực của đế quốc không có kết quả bao nhiêu: Hầu hết các cán bộ lãnh đạo của ta đều bảo toàn được.

Hội nghị họp trong một hang núi cao, rộng giữa một khu rừng đại ngàn. Hội trường được bố trí rất chu đáo. Từ ngoài vào có cổng chào, cột cờ. Bên trong là những dãy bàn họp, nơi ăn, chốn ngủ tươm tất. Các đội vũ trang của các châu đã được điều về phối hợp với các đồng chí Dao ở địa phương canh gác trên khắp các ngã đèo, thành ba lớp ở chung quanh để bảo vệ cho hội nghị. Sau bao nhiêu tháng chống chọi với địch, cùng vào sinh ra tử, bây giờ được họp mặt để bàn về một vấn đề mong đợi từ lâu, niềm hân hoan của mọi người thực không có bờ bến. Trong niềm hân hoan đó có lẫn đôi chút tự hào, tự hào cho nhân dân ta, tự hào cho Đảng ta: Rõ ràng sự khủng bố của kẻ địch đã không thể nào thắng được cách mạng.

Bản báo cáo chính trị đọc trong hội nghị đã nêu lên nhận định: "Căn cứ vào tình hình thế giới, tình hình trong nước và tình hình phong trào Cao - Bắc - Lạng, các điều kiện đã chín muối để phát động chiến tranh du kích trong Liên tỉnh".

Chúng tôi thảo luận về chủ trương khởi nghĩa rất sôi nổi, mặc dù còn những vấn đề công tác cụ thể chưa có cách giải quyết như: Những nơi đã được giải phóng, nếu sau đó lại bị dịch chiếm lại thì chống giữ như thế nào, phải có những biện pháp và làm những công tác gì để đánh lâu dài..., nhưng cuộc thảo luận vẫn nhanh chóng đi tới nghị quyết khởi nghĩa. Nhận định của bản báo cáo chính trị đã phù hợp với nguyện vọng nóng bỏng của nhân dân, của cán bộ từ lâu đến nay và tình hình chung đang phát triển thuận lợi cho ta. Một đại biểu Nùng thốt ra: "Con đói sữa đã bao lâu rồi, bây giờ mẹ mới cho bú. Phen này nhất quyết tiêu diệt quân thù".

Để đề phòng những nhận thức sai trong cán bộ và quần chúng. Sau khi thảo luận, hội nghị quyết định dùng danh từ "phát động du kích chiến tranh" thay cho mấy tiếng "khởi nghĩa". Mọi công tác chuẩn bị được quy định phải gấp rút tiến hành trong khoảng thời gian hai tháng.

Các địa phương phải hoàn thành chương trình huấn luyện cho các đội trưởng và chính trị viên theo kế hoạch của Liên tỉnh ủy. Ngoài số đội trưởng và chính trị viên hiện đã ở trong hàng ngũ các đội vũ trang, phải huấn luyện

thêm một số đội trưởng và chính trị viên để làm lực lượng hậu bị. Tất cả các đồng chí bí mật là nam nữ thanh niên khỏe mạnh đều phải qua lớp huấn luyện này. Liên tỉnh ủy phụ trách huấn luyện cho các trung và đại đội trưởng.

Mỗi xã lựa chọn từ ba đến năm hội viên trung kiên, có uy tín trong quần chúng về dự lớp huấn luyện công tác hậu phương kháng Nhật và công tác chính quyền,

chuẩn bị khi phát động sẽ thành lập chính quyền nhân dân làm thời.

Toàn thể lực lượng tự vệ chiến đấu đều gia nhập các đội du kích. Các đội du kích chia làm hai bộ phận: Một bộ phận tham gia ngay lúc phát động, một bộ phận làm hậu bị. Tất cả đều ghép sẵn thành tiểu đội, trung đội ráo riết luyện tập, vũ khí, lương thực sẵn sàng.

Phong trào mua sắm và chế tạo thêm vũ khí, nhất là lựu đạn, lại càng sôi nổi. Mỗi khẩu súng kíp dự trữ sẵn 150 liều đạn. Lương thực tích trữ đủ sáu tháng, một phần làm thành lương khô, đủ ăn từ mùa lúa năm nay đến mùa lúa năm sau.

Các châu ủy và huyện ủy chính đốn lại những đường giao thông bí mật, các ban trình sát tiến hành huấn luyện tình báo phổ thông cho nhân dân.

Nhân dân Cao - Bắc - Lạng trong suốt mấy năm qua trước sự khủng bố dã man của giặc, đã có nhiều kinh nghiệm làm vườn không nhà trống ở miền rừng núi cũng như ở miền cánh đồng. Nhiều nơi đồng bào đã tìm ra cách giấu thóc dưới hầm hai năm liền không bị mục. Lần này, Liên tỉnh ủy đã chỉ thị chính đốn lại các ban vườn không nhà trống hàng xã và hàng tổng. Các tổ chức này sẽ nắm tình hình người và của tại địa phương, chuẩn bị chu đáo trước một kế hoạch vườn không nhà trống triệt để khi phát động. Một nguyên tắc để ra cho việc tân cư nhân dân là phải tổ chức sao cho đồng bào có điều kiện tham gia sản xuất và ủng hộ mặt trận.

Các đội vũ trang nhận lệnh đánh lui những cuộc tiến công của địch, thực hiện nghị quyết làm chủ các vùng rừng núi.

Liên tỉnh thành lập Ủy ban quân sự để đôn đốc công việc chuẩn bị, thu thập tài liệu về địch tỉnh, và nghiên cứu kế hoạch phát động.

Cán bộ và đảng viên đều dốc sức vào công việc chuẩn bị.

Cách mạng quả là ngày Tết của những người bị áp bức. Nhân dân các nơi reo mừng khi nghe phổ biến nghị quyết phát động chiến tranh du kích.

Một luồng gió phấn khởi nổi lên khắp Cao - Bắc - Lạng. Trước mắt quân địch, các làng bản, các rừng núi vẫn yên lặng, âm thầm cam chịu những đau thương, tai họa do chúng gây nên. Nhưng bên trong, từng làng, từng bản,

mọi công việc chuẩn bị đang được tiến hành rất khẩn trương, sôi nổi. Đồng bào góp thóc cho du kích vượt quá mức dự định. Có bà cụ bán phần lớn gia sản để mua súng cho con giai và con gái. Ở nhiều châu, huyện, các cụ cao tuổi họp lại biểu quyết toàn thể thanh niên nam nữ phải tòng quân lúc Đoàn thể kêu gọi, phụ nữ và người già ở lại hậu phương sẽ đảm đương nhiệm vụ tăng gia sản xuất.

Nhân dân sống những giờ phút hy vọng, hồi hộp của thời tiền khởi nghĩa.

Tại Kim Mã, chúng tôi đã họp nhiều cuộc mít tinh để giải thích cho đồng bào rõ, phát động không phải sẽ thành công ngay, mà còn phải phấn đấu, còn phải hy sinh, lắm khi từng nơi sẽ gặp những thất bại tạm thời, sau khi phát động, nhân dân sẽ gặp nhiều khó khăn thiếu thốn trong đời sống, sẽ còn phải lầm than khổ sở nhiều.

Tháng 9.

Mùa gặt sắp xong.

Kế hoạch chuẩn bị đã thực hiện được một phần lớn. Tiếng súng vũ trang hành động đã nổ ở nhiều nơi. Nhân dân Cao - Bắc - Lạng đang ở trong một tình trạng chờ đợi căng thẳng. Liên tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng đang trù tính một cuộc hội nghị cuối cùng để quyết định ngày giờ phát động cuộc chiến tranh du kích, thì lúc ấy có tin Bác về nước.

17

Ôi cùng anh Vũ Anh lên Pắc Bó. Những ngày qua đã được tin chắc chắn Bác thoát khỏi tù ngục của bọn Quốc dân Đảng Tưởng Giới Thạch, và đã trở về nước. Nhưng trên đường đi vẫn hồi hộp. Khi được nhìn thấy Bác ở trong căn lán nhỏ trên sườn một quả đồi, mới thật tin là sự thực.

Bác vẫn như xưa với bộ quần áo chàm của đồng bào Nùng. Nhìn lâu, thấy Bác có gày và già hơn trước. Không biết lấy gì so sánh với nỗi mừng khi được gặp lại Bác.

Hai năm trước đây, Bác lấy danh nghĩa là người đại diện của Việt Nam độc lập đồng minh sang Trung Hoa để gặp nhà đường cục Quốc dân Đảng, nhưng thật ra là Bác đi gặp Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc. Dọc đường, bọn Quốc dân Đảng khám xét, thấy đồng chí Trung Quốc đi cùng Bác không có giấy tờ, chúng bắt cả hai người. Chúng buộc cho Bác tội Hán gian. Trong hơn một năm trời rơi vào tay bọn Tưởng, chúng đã chuyển Bác qua

hàng chục nhà giam, bắt Bác phải chịu đựng mọi sự hà khắc của chế độ nhà tù Quốc dân Đảng. Có thời gian mất Bác mờ đi, chân bước không vững. Sau nhờ những kinh nghiệm đấu tranh dày dạn của Bác, kết hợp với phong trào đấu tranh của các đoàn thể trong nước và của Việt kiều, bọn Tướng cũng không tìm được chứng cớ gì để buộc tội, đành phải trả lại tự do cho Bác. Từ Liễu Châu, Bác tìm cách trở về nước.

Những chuyện về thời kỳ Bác bị bắt, sau này chúng tôi mới biết nhiều, lúc đó Bác chỉ kể qua rồi hỏi ngay về tình hình cách mạng ở trong nước.

Anh Vũ Anh báo cáo về phong trào trong liên tỉnh, nói rõ những khó khăn rất lớn trong việc liên lạc với Trung ương ở miền xuôi, và ngay cả với khu căn cứ Bắc Sơn - Vũ Nhai từ sau khi anh Tấn tới Lam Sơn liên lạc trở về; sau đó, báo cáo về nghị quyết vũ trang khởi nghĩa của liên tỉnh Cao - Bắc - Lạng. Tôi cũng báo cáo tình hình con đường Nam tiến bị gián đoạn sau ngày gặp anh Tấn tại vùng giáp giới hai tỉnh Thái Nguyên - Tuyên Quang, rồi trình bày về tình hình đấu tranh chống khủng bố trong thời gian qua, cơ sở Đảng, cơ sở quần chúng, cơ sở vũ trang lúc đó.

Chúng tôi báo cáo xong, Bác nói: "Phong trào lên, địch khủng bố là chuyện tất nhiên, nhưng có phần vì ta bộc lộ lực lượng". Bác nhắc lại những cuộc duyệt binh huy động đến hàng nghìn người.

Sau đó, Bác nhận xét nghị quyết của Liên tỉnh ủy: "Chủ trương phát động chiến tranh du kích ở Cao - Bắc - Lạng là mới chỉ căn cứ vào tình hình địa phương mà chưa căn cứ vào tình hình cụ thể trong toàn quốc, mới chỉ thấy bộ phận mà chưa thấy toàn cục. Trong điều kiện bây giờ, nếu phát động ngay nhân dân nhất tề nổi lên đánh du kích theo quy mô và phương thức đã định trong nghị quyết, thì sẽ gặp nhiều khó khăn, có thể còn khó khăn hơn thời kỳ bị khủng bố vừa rồi. Bởi vì, các địa phương khác trong toàn quốc tuy phong trào cách mạng đang lên cao nhưng hiện chưa nơi nào có điều kiện vũ trang chiến đấu để sẵn sàng hưởng ứng. Tình hình khu căn cứ Bắc Sơn - Vũ Nhai ra sao, cũng chưa nắm được. Quân khởi nghĩa Cao - Bắc - Lạng đơn độc dấy lên, nhất định để quốc sẽ mau chóng tập trung lực lượng đàn áp. Riêng về mặt quân sự, thì cũng không theo đúng nguyên tắc tập trung lực lượng; cán bộ, vũ khí đều phân tán, thiếu hẳn một lực lượng nòng cốt".

Những nhận xét của Bác đã giúp chúng tôi nhìn rõ vấn đề. Thực ra, trong những ngày qua, tiến hành chuẩn bị phát động chiến tranh du kích, tuy mọi người đều phấn khởi, nô nức, nhưng cũng đã thấy xuất hiện khá nhiều câu hỏi quan trọng chưa giải đáp được. Cho đến nay, cuộc đàn áp của binh lính

dịch vẫn nhằm chủ yếu vào những người hoạt động cách mạng và những người chúng nghi có liên quan với cách mạng: Nói chung, trong khi chúng khủng bố, nhân dân vẫn ở lại làng bản làm ăn. Nhưng nếu phát động chiến tranh du kích toàn dân, chúng sẽ tiến công vào từng làng, từng bản, từng địa phương, khi đó sẽ giải quyết vấn đề bảo vệ nhân dân, tấn cư nhân dân ra sao? Nếu đưa nhân dân vào rừng thì tổ chức cuộc sống mới tại đây như thế nào? Làm cách nào để nhân dân có thể tiếp tục tăng gia sản xuất nếu cuộc khủng bố kéo dài ngày?... Những vấn đề này tại hội nghị liên tỉnh đều chưa được bàn bạc kỹ lưỡng và chưa đề ra những giải pháp cụ thể.

Bác nhận định: "Bây giờ thời kỳ cách mạng hòa bình phát triển đã qua, nhưng thời kỳ toàn dân khối nghĩa chưa tới. Nếu bây giờ chúng ta vẫn chỉ hoạt động bằng hình thức chính trị thì không đủ để đẩy mạnh phong trào đi tới. Nhưng phát động vũ trang khối nghĩa ngay thì quân địch sẽ tập trung đối phó. Cuộc đấu tranh bây giờ phải từ hình thức chính trị tiến lên hình thức quân sự. Song hiện nay chính trị còn trọng hơn quân sự. Phải tìm ra một hình thức thích hợp thì mới có thể đẩy phong trào tiến lên. Nếu phát động đấu tranh mà mỗi khi địch đến, nhân dân lại phải tấn cư cả vào rừng núi, thì sẽ gặp rất nhiều khó khăn. Phải làm sao, cứ hoạt động vũ trang mà dân ở đâu cứ ở đấy sản xuất, chỉ cần tăng cường canh gác để phòng không để địch bắt, hại những người hoạt động...".

Rồi Bác đề ra một cách giải quyết: "Lực lượng vũ trang của ta hiện nay đã ít lại phân tán quá. Bây giờ nên tập hợp những cán bộ, chiến sĩ anh dũng nhất, những vũ khí tốt nhất, tổ chức thành một đội vũ trang tập trung để hoạt động. Ta sẽ dùng hình thức vũ trang để gây ảnh hưởng cách mạng sâu rộng trong quần chúng. Tác chiến phải nhằm gây được ảnh hưởng tốt về chính trị, do đó mà mở rộng cơ sở, phát triển lực lượng vũ trang. Chúng ta sẽ lập đội Quân giải phóng...".

Ngay trong buổi họp đó, tôi được chỉ định đảm nhiệm công tác này.

Rồi Bác hỏi:

- Việc này chú Văn phụ trách, chú Văn có thể làm được không?

Tôi đáp:

- Có thể được.

Tôi trình bày cơ sở chính trị và vũ trang tại vùng giáp giới hai tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn, từ Nguyên Bình đến Ngân Sơn, Chợ Rã, từ Tĩnh Túc, Phia U Ắc đến Phia Bioóc. Cơ sở quần chúng tại vùng này rất tốt, qua suốt thời gian khủng bố của địch vẫn vững vàng, cơ sở lực lượng vũ trang cũng tốt.

Trước khi quyết định, Bác hôi:

- Có thể tìm được một căn cứ "tiến khả dĩ công, thoái khả dĩ thủ", mình còn yếu, địch mạnh, nhưng nhất định không để địch tiêu diệt, có thể như thế được không?

Tôi đáp:

- Có thể. Nhất định quân địch không thể tiêu diệt ta được.

Khi trả lời Bác như vậy, tôi đã nghĩ đến sức mạnh vô cùng to lớn của đồng bào, nghĩ đến lòng yêu nước tha thiết, có thể hy sinh tất cả vì Tổ quốc, của những người dân

đã được Đảng giác ngộ. Lòng yêu nước và tinh thần hy sinh đó, tôi cũng thấy rõ hơn sau những ngày khủng bố đẫm máu của quân thù.

Đêm hôm ấy, chúng tôi nằm nghe Bác nói chuyện rất khuya. Trên núi cao, cái rét của mùa Đông đến sớm hơn. Trong căn lều lạnh giá, không đèn đóm, Bác và chúng tôi, mỗi người gối đầu trên một khúc gỗ cứng. Bác phác ra những nét chính về Đội Việt Nam Giải phóng quân, từ tổ chức đến phương châm hành động, và vấn đề cung cấp lượng thực, đạn dược. Bác hướng dẫn cho tôi làm một bản kế hoạch. Bác dặn đi dặn lại nhiều lần: "Phải dựa vào dân, dựa chắc vào dân thì kẻ địch không thể nào tiêu diệt được. Tổ chức của đội phải lấy chi bộ Đảng làm hạt nhân lãnh đạo". Chuyện trò hào hứng đến hai, ba giờ sáng.

Sáng hôm sau, tôi cùng anh Lê Quảng Ba lên môm núi sau cơ quan trao đổi làm kế hoạch. Chúng tôi thấy lúc đầu nên tổ chức ra một trung đội gồm ba tiểu đội. Lực lượng sẽ rút ra từ các đội vũ trang các châu Hà Quảng, Hòa An, Nguyên Bình. Chúng tôi trao đổi từng tên các chiến sĩ. Phần lớn các học sinh quân ở Trung Quốc sắp về cũng sẽ được đưa vào đội. Cán bộ phụ trách thì chọn trong các đội vũ trang châu và học sinh quân. Những hoạt động đầu tiên của đội sẽ nhằm đánh vào một vài đồn địch, cướp súng đạn của giặc, phải đánh thắng thật giòn giã để khuếch trương thanh thế. Nguồn cung cấp sẽ dựa vào nhân dân.

Buổi chiều, cuộc họp lại tiếp tục. Chúng tôi báo cáo lại bản kế hoạch đã dự thảo. Nghe xong, Bác nói:

- Được. Tình hình quốc tế đang có nhiều điều kiện thuận lợi. Trong vòng một tháng phải có hoạt động. Trận đấu nhất định phải thắng lợi.

Đúng vào dịp này, anh chị Tống Minh Phương và bà con Việt kiều ở Côn Minh lại mới gửi về một số vũ khí: Một khẩu tiểu liên Mỹ Sub Machinegun và 150 viên đạn, sáu quả bom lửa, một hộp bom nổ chậm. Cùng với số vũ khí này, chúng tôi còn được nhận thêm 500 đồng để chi phí về quân nhu.

Sau khi suy nghĩ, Bác đề nghị thêm hai chữ "tuyên truyền" vào tên đội Quân giải phóng cho đúng với nhiệm vụ hiện tại của nó.

Chúng tôi được giao trách nhiệm điều động tất cả 34 đội viên và cán bộ trong các đội vũ trang địa phương, hai khẩu súng thập, 17 khẩu súng trường vừa giáp năm, giáp ba, vừa khai hậu và súng Tầu chế tạo, 14 khẩu súng kíp.

Thế là Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân ra đời.

Như vậy, trong toàn khu Cao - Bắc - Lạng sẽ có ba hình thức tổ chức của lực lượng vũ trang: Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân là đội chủ lực, các châu có

đội vũ trang của châu, tại xã có những đội tự vệ nửa vũ trang.

Chúng tôi có hỏi Bác: "Đội tuyên truyền hoạt động theo kế hoạch của liên tỉnh, khi tới một địa phương thì quan hệ giữa đội chủ lực và các lực lượng vũ trang địa phương ra sao?".

Bác nói: "Thống nhất chỉ đạo cả chủ lực và địa phương. Ba lực lượng ấy đoàn kết phối hợp chặt chẽ với nhau. Đội chủ lực có nhiệm vụ dù dắt, giúp đỡ các đội địa phương trưởng thành". Điều Bác nói đó, chính là phương châm xây dựng lực lượng vũ trang của Đảng, chúng ta đã thực hiện trong suốt cuộc kháng chiến lâu dài, gian khổ của toàn dân và đã thấy được những hiệu lực vô cùng mạnh mẽ.

Anh em trong cơ quan mấy ngày trước đã nghe ngóng thấy Bác không đồng ý với nghị quyết phát động chiến tranh du kích của Liên tỉnh ủy, kém phần phấn khối, lúc này được biết quyết định mới của Bác, vui hẳn lên.

Một buổi sớm đầu tháng 12, chúng tôi từ giã Bác, trở về. Bác căn dặn chúng tôi một lần nữa: "Nhớ bí mật: Ta ở đông, địch tưởng ta ở tây. Lai vô ảnh, khứ vô hình".

Trong đầu chúng tôi đã hiện lên một viễn ảnh huy hoàng về tương lai của đội quân cách mạng, và thấy cần làm sao cho viễn ảnh đó sẽ trở thành sự thật chứ không phải chỉ là một hình ảnh nằm trong mơ ước. Dọc đường, tôi nghĩ đến những lời tuyên thệ đội Quân giải phóng sẽ đọc dưới cờ. Tôi nhớ tới những lời thề danh dự của đội du kích Pháp chống phát xít Đức do Đảng Cộng sản Pháp lãnh đạo.

Qua Hà Quảng, ghé vào gặp đội vũ trang châu để điều động một số đồng chí theo kế hoạch đã định tại Pắc Bó. Tại đây, chúng tôi gặp anh Hoàng Văn Thái và một số học sinh quân mới từ Trung Quốc về nước. Những đồng chí được điều động rất phấn khởi. Anh em gặp nhau trong một khu rừng già. Chúng tôi ngồi cả trên một phiến đá lớn và phẳng, dưới một vòm cây cổ thụ,

nói chuyện. Một đồng chí đi bắn mấy con khỉ, đem về làm thức ăn cho bữa cơm liên hoan.

Số người đã hơi đông, đi cả đoàn không tiện, chúng tôi chia thành mấy nhóm nhỏ cùng về liên tỉnh.

Trong thời gian tiến hành công cuộc chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa, liên tỉnh cũng đã nhìn thấy những khó khăn, khi nghe chúng tôi phổ biến lại quyết định của cuộc họp tại Pắc Bó, các đồng chí đều hoan nghênh và rất vui mừng. Chúng tôi cùng Liên tỉnh ủy trao đổi kế hoạch về việc điều động lực lượng. Liên tỉnh ủy lập tức ra chỉ thị cho các châu tích cực đóng góp, giúp đỡ mọi mặt trong việc xây dựng đội tuyên truyền, và gấp rút điều tra tình hình các đồn địch tại địa phương.

Khi chúng tôi về qua Lam Sơn, vào gặp đội vũ trang để điều động một số đồng chí, thì các đồng chí ở đây biết tin từ trước, đã sẵn sàng đón đội chúng tôi đến để cùng lên đường.

18

húng tôi trở về tổng Hoàng Hoa Thám. Các đồng chí đi trước đã chọn một địa điểm trú quân tại trong rừng. Anh em làm cấp tốc mấy cái lán. Đồng bào địa phương giúp đỡ hoàn toàn về lương thực, cơm nước. Ba, bốn trạm đón tiếp được tổ chức trên mấy đỉnh núi, giáp giới Cao Bằng, Bắc Kạn để đón cán bộ, đội viên từ các châu tiếp tục về tập trung.

Chi bộ Đảng của Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân thành lập, lúc đầu gồm các đồng chí: Xích Thắng, Hoàng Sâm, Hoàng Văn Thái và tôi. Đồng chí Xích Thắng làm thư ký chi bộ.

Ban chỉ huy đội được chỉ định: Đồng chí Hoàng Sâm, Đội trưởng; đồng chí Xích Thắng, Chính trị viên.

Để thi hành đúng chỉ thị của Bác: "Trong vòng một tháng phải có hoạt động để gây tin tưởng cho các chiến sĩ và gây truyền thống hành động tích cực nhanh chóng cho bộ đội", chúng tôi họp bàn kế hoạch tác chiến, và quyết định sẽ chiến đấu ngay sau khi thành lập đội.

Vấn đề đặt ra là đánh đâu? Có ý kiến nêu lên là không nên đánh vào những nơi có cơ sở của ta để tránh cho cơ sở bị địch khủng bố. Nhưng khi bàn, thấy đánh vào nơi không có cơ sở thì chuẩn bị sẽ rất khó khăn, không

nắm được địch tình, khi đánh thiếu sự giúp đỡ của nhân dân, khó bảo đảm thắng lợi. Chúng tôi nhận thấy trận đánh đầu tiên chỉ có thể thành công nếu đánh vào những nơi có cơ sở nhân dân thật tốt, giúp đỡ cho đội chuẩn bị thật chu đáo. Các đồng chí tại các địa phương có địch đóng, đều yêu cầu cứ đánh, còn đối với sự khủng bố của kẻ địch, chỉ cần có một kế hoạch để phòng cho nhân dân.

Một điều rất quan trọng khác phải bàn bạc là đánh cách nào? Trong trận đầu chúng ta phải giành được thắng lợi mà không để bị tổn thất nặng nề về người cũng như về vũ khí. Lực lượng của ta trong thời kỳ trứng nước này còn rất mỏng manh. Vũ khí đã thiếu, đạn dược càng thiếu hơn. Mỗi khẩu súng trường chỉ có trung bình hai mươi viên đạn. Chỉ cần đánh một hai trận, là sẽ bắn đến viên đạn cuối cùng, và khi đó khẩu súng trường, thứ vũ khí chủ lực của đội, sẽ trở nên vô dụng. Khi bàn bạc thấy, nếu đánh phục kích các đội quân lưu động của địch thì tương đối dễ đạt thắng lợi và bộ đội cũng đỡ bị tổn thất. Nhưng cũng lại thấy, đánh phục kích thì chỉ

có thể thu được một số súng mà không giải quyết được vấn đề đạn dược. Bọn chỉ huy người Pháp vốn không tin ở bình lính người Việt, khi đi tuân tiễu chúng chỉ phát cho mỗi tên lính từ năm đến mười viên đạn. Về vũ khí lúc này, súng chưa quan trọng bằng đạn dược. Mặt khác, muốn đánh phục kích phải có thời gian mới gặp hoặc tạo nên được cơ hội, như vậy sẽ khó hoàn thành nhiệm vụ trong vòng một tháng. Cuối cùng chúng tôi đi đến quyết định, trong mấy trận đầu phải tập kích vào đồn trại của địch để chiếm lấy đạn dược, mặc dầu đánh tập kích khó khăn hơn.

Một số đồn trại địch đóng trên dưới một trung đội trong vùng Kim Mã và Cẩm Lý được chọn để tiến hành công tác điều tra: Đồn Phai Khất và đồn Nà Ngần.

Các đồng chí Hồng Quân, Đức Long được phái đi trình sát. Thực ra, các làng địch đóng đồn là quê của nhiều đồng chí trong đội. Địch ở Phai Khất đóng chính ngay tại nhà đồng chí Lạc. Anh em có thể vẽ lấy sơ đồ đồn địch, rồi phái một số đồng chí đến nơi đối chiếu lại, là biết rõ địa hình. Việc khó khăn hơn là làm sao đột nhập đồn địch, điều tra cách bố trí, sắp đặt bên trong, và mọi quy luật hoạt động, sinh hoạt hằng ngày của chúng. Người trình sát đầu tiên của đội lọt vào đồn là em bé Hồng.

Hồng mới mười hai tuổi. Ngày ngày, em phải mang bánh và rượu vào cho tên quan Tây trong đồn. Em đã lăn la trò chuyện với lính địch, xem kỹ kho lương, kho đạn, nơi ăn nơi ngủ, nơi canh gác, giờ giấc sinh hoạt, tập họp của địch. Đêm đêm, em luồn ra khỏi lũy tre làng đến báo cáo với đội.

Căn cứ vào những quy luật hoạt động của dịch tại vùng này, chúng tôi bàn nhau thấy có thể tìm cách cải trang làm lính dông để đột nhập đồn dịch.

Các đồng chí trung kiên dưới làng đi tìm gặp những hội viên là lính dông hoặc trước kia đã đi lính dông, mượn ba chục bộ quần áo. Cũng phải tìm một số hội viên cựu binh sĩ, mượn thêm mấy bộ quần áo ka-ki để cải trang thành lính tập vì những đoàn lính dông đi tuần bao giờ cũng có lính tập đi kèm. Ngoài ra, còn phải chuẩn bị một số nón lính. Các chị ở dưới làng lên, mang theo vải chàm và kim chỉ để khâu áo nón. Nón của dông bọc vải chàm, có viên vành trắng và điểm một miếng tròn trắng trên chóp. Khi qua cơ quan in báo Việt Nam độc lập, tôi đã mượn máy chữ ngồi đánh mấy tờ "giấy đi tuần" giả. Các đồng chí tại cơ quan đã cắt củ khoai, trổ một con dấu rất khéo, đóng đỏ chót bên cạnh chữ ký. Hồi đó, những giấy giới thiệu đánh bằng máy chữ là loại giấy có giá trị.

Ba chiếc lan ben suon nui da lam xong. Cac dong chi nhan lenh dieu dong da ve day du. Ba con hoi vien o dudoi lang co nhiep vu di lai noi tru quan de giup do doi, lan

dau thay quan cach mang tap trung dong dao nhu vay, sung ong lai nhieu, due het suc phan khai. Khong khi tap nap nhu ngay hoi.

Chúng tôi tiếp tục hoàn thành việc thảo những lời thề và những điều kỷ luật của đội.

Mọi việc chuẩn bị đã xong.

Một ngày trước lễ thành lập đội, chúng tôi nhận được một bức thư nhỏ của Bác đặt trong một bao thuốc lá. Giữ ra, đó là chỉ thị của Bác về việc thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân.

"1. Tên: Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân. Nghĩa là chính trị trọng hơn quân sự: Nó là một đội tuyên truyền. Vì muốn hành động có kết quả thì về quân sự, nguyên tắc chính là nguyên tắc tập trung lực lượng, cho nên, theo chỉ thị mới của Đoàn thể sẽ chọn lọc trong hàng ngũ những đội du kích Cao - Bắc - Lạng số cán bộ và đội viên kiên quyết, hăng hái nhất và sẽ tập trung một phần lớn vũ khí để lập ra đội chủ lực.

Vì cuộc kháng chiến của ta là cuộc kháng chiến của toàn dân, cần phải động viên toàn dân, vũ trang toàn dân, cho nên trong khi tập trung lực lượng để lập một đội quân đầu tiên, cần phải duy trì lực lượng vũ trang trong các địa phương, cùng phối hợp hành động và giúp đỡ về mọi phương diện. Đội quân chủ lực trái lại có nhiệm vụ dìu dắt cán bộ vũ trang của các địa phương, giúp đỡ huấn luyện, giúp đỡ vũ khí nếu có thể được, làm cho các đội này trưởng thành mãi lên.

1. Đối với các đội vũ trang địa phương: Đưa các cán bộ địa phương về huấn luyện, tung các cán bộ đã huấn luyện đi các địa phương, trao đổi kinh nghiệm, liên lạc thông suốt, phối hợp tác chiến.

Về chiến thuật: Vận dụng lối đánh du kích, bí mật, nhanh chóng, tích cực, nay đông mai tây, lai vô ảnh, khứ vô hình.

Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân là đội quân đàn anh, mong cho chóng có những đội quân đàn em khác.

Tuy lúc đầu quy mô của nó còn nhỏ, nhưng tiền đồ của nó rất vẻ vang. Nó là khởi điểm của Giải phóng quân, nó có thể đi suốt từ Nam chí Bắc, khắp đất nước Việt Nam chúng ta".

19

22 tháng 12 năm 1944.

5 giờ chiều. Lễ thành lập đội cử hành trong một khu rừng nằm giữa hai tổng Trần Hưng Đạo và Hoàng Hoa Thám. Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân đã ra đời dưới sự che chở của anh linh hai đấng anh hùng dân tộc.

Giữa mùa Đông, khí trời nơi non cao lạnh buốt. Trong khu rừng đại ngàn với những hàng cây cao thẳng tắp, Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân, lần đầu tập họp đội ngũ chính tế, dưới lá cờ sao đỏ thắm.

Đại diện Liên tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng cùng với rất đông đại biểu nhân dân Tày, Dao, Nùng của hai tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn đến tham dự, đứng thành hai hàng hai bên bộ đội.

Tôi được ủy nhiệm thay mặt Đoàn thể tuyên bố thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân và vạch rõ nhiệm vụ của đội đối với Tổ quốc.

"Các đồng chí!

Nhiệm vụ mà Đoàn thể ủy thác cho chúng ta là nhiệm vụ quan trọng và nặng nề. Chính trị trong hơn quân sự, tuyên truyền trong hơn tác chiến, nhiệm vụ ấy có tính chất là một nhiệm vụ giao thời. Vận dụng vũ trang tuyên truyền để kêu gọi toàn dân đứng dậy, chuẩn bị cơ sở chính trị và quân sự cho cuộc khởi nghĩa sau này.

Thế là từ phút này trở đi, chúng ta cùng nhau tiến lên con đường vũ trang tranh đấu. Chúng ta nêu cao tinh thần anh dũng hy sinh. Chúng ta quyết tiến tới để làm tròn nhiệm vụ. Bao nhiêu căm hờn của dân tộc, bao nhiêu sự tàn khốc thê thâm đang chờ đợi một cuộc thanh toán. Chúng ta

nguyện đem xương và máu ra làm công việc đó. Chúng ta sẽ vạch cho toàn dân con đường sống duy nhất là con đường đoàn kết để vũ trang đứng dậy. Quân Giải phóng sẽ tỏ rằng mình là một đội quân của dân, của nước, đi tiên phong trên con đường giải phóng của dân tộc.

... Quân Giải phóng là một đội quân rất trọng kỷ luật, tuyệt đối phục tùng thượng lệnh, là một đội quân giàu tinh thần đoàn kết, đồng cam cộng khổ. Kinh nghiệm chúng ta còn non, nhưng có làm mới có kinh nghiệm và làm tất nhiên sẽ có kinh nghiệm. Chúng ta tin tưởng ở thắng lợi.

... Theo chỉ thị của Đoàn thể, dưới lá cờ đỏ sao vàng năm cánh, tôi xin tuyên bố: Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân thành lập và hạ lệnh cho các đồng chí tiến lên con đường vũ trang tranh đấu.

Từ giờ phút này, các đồng chí sẽ noi theo ngọn cờ tiến lên trên con đường máu. Chúng ta tiến, tiến mãi cho đến ngày giải phóng của toàn dân".

Đồng chí đại diện Liên tỉnh ủy đọc thư chúc mừng, tin tưởng đội sẽ hoàn thành nhiệm vụ về vang mà Đoàn thể giao phó. Đại diện các tổ chức nông dân, thanh niên, phụ nữ, các đội vũ trang địa phương đều lên chúc mừng đội Quân giải phóng bằng những lời lẽ cảm động, đầy tin tưởng và thương yêu.

Rồi đến lễ tuyên thệ.

Đứng dưới cờ, lòng tràn đầy tin tưởng, chúng tôi đồng thanh đọc mười lời thề danh dự:

"Chúng tôi, đội viên Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân, xin lấy danh dự của một người chiến sĩ cứu quốc mà thể dưới lá cờ đỏ sao năm cánh:

Xin thê:

1. Hy sinh tat ca vi To quoc Viet Nam, chien dau den giot mau cuoi cung de tieu diet bon phat xit Nhat, Phap va bon Viet gian phan quoc, lam cho nuoc Viet Nam tron men mot nuoc doc lap va dan chu, ngang hang voi cac nuoc dan chu tren the gioi.
2. Tuyệt đối phục tùng mệnh lệnh của cấp chỉ huy, khi nhận được mệnh lệnh gì, sẽ tận tâm, tận lực thi hành cho nhanh chóng và chính xác.
3. Bao giô cũng kiên quyết chiến đấu, dù gian lao khổ sở cũng không phàn nàn, vào sống ra chết cũng không sờn chí, khi ra trận quyết chí xung phong, dù đầu rơi máu chảy cũng không lùi bước.
4. Lúc nào cũng khẩn trương, hoạt bát, hết sức học tập để tự rèn luyện thành một quân nhân cách mạng, xứng đáng là một người chiến sĩ tiên phong giết giặc cứu nước.
5. Tuyệt đối giữ bí mật cho bộ đội về nội dung tổ chức, về các cấp chỉ huy, tuyệt đối giữ bí mật cho tất cả các đoàn thể cứu quốc.
6. Khi ra trận nếu bị quân địch bắt được, thì dù bị cực hình tàn khốc thế nào cũng cương quyết một lòng trung thành với sự nghiệp giải phóng của toàn dân, không bao giờ cung khai phản bội.
7. Hết sức ái mộ bạn chiến đấu cũng như bản thân, hết lòng giúp đỡ nhau lúc thường cũng như lúc ra trận.

8. Hết sức giữ gìn vũ khí, không bao giờ để vũ khí hư hỏng hay rơi vào tay quân thù.
9. Khi tiếp xúc với dân chúng sẽ làm đúng ba điều răn: Không lấy của dân - không dọa nạt dân - không quấy nhiễu dân, và ba điều nên: Kính trọng dân - giúp đỡ dân - bảo vệ dân để gây lòng tin cậy đối với dân chúng, thực hiện quân dân nhất trí, giết giặc cứu nước.
10. Bao giờ cũng nêu cao tinh thần tự phê bình, giữ tư cách cá nhân mô phạm, không làm điều gì hại đến thanh danh Giải phóng quân và quốc thể của Việt Nam".

Sau từng lời thề, những tiếng hô "Xin thề!" lại đồng thanh cất lên mạnh mẽ, vang động cả khu rừng.

Tâm tư của chúng tôi trong những giờ phút thiêng liêng đó thực khó tả. Bao nhiêu chiến công oanh liệt của ông cha đời trước, của các chiến sĩ cách mạng, của nhân dân ta, phút chốc bỗng hiện ra rực rỡ trong ký ức. Nợ nước, thù nhà, oán hờn dân tộc, căm thù giai cấp, làm cho máu nóng trong người như sắp sôi lên. Chúng tôi quên đi chúng tôi là ba mươi tư con người với những súng ống thô sơ, mà thấy đây là cả một đoàn quân gang thép, rắn chắc, không sức mạnh nào khuất phục nổi, sẵn sàng quật nát kẻ thù. Tin tưởng, náo nức, câm động.

Nhân dân và các đoàn thể đem tới rất nhiều quà ủy lạo. Nhưng bữa chiều hôm đó, theo yêu cầu của số đông anh em, chúng tôi đã ăn một bữa cơm nhạt, không rau không muối, để nêu cao tinh thần khắc khổ của những người chiến sĩ cách mạng.

Tối hôm đó là đêm du kích đầu tiên.

Bộ đội và đồng bào quây quần chung quanh ngọn lửa hồng đỏ rực giữa khu rừng đầy sương mùa Đông với những trận gió heo may lạnh lẽo. Cuộc liên hoan bắt đầu trong một không khí đầm ấm và cảm động. Tất cả các chiến sĩ Giải phóng quân lần lượt giới thiệu bí danh, tiểu sử của mình và phát biểu những nguyện vọng đầu tiên trong giờ phút mới tòng quân.

Thực là một đội quân kỳ lạ. Không người nào là không mang một mối hận thù với đế quốc. Hoặc nhà cửa bị đốt, của cải bị tịch thu, hoặc cha anh chị em bị bắt, bị bắn, còn chính mình nếu chưa trải qua lao tù thì cũng là những kẻ đang bị truy nã, đầu bị treo thường hàng vạn đồng, hàng trăm đầu muối.

Đội trưởng Hoàng Sâm, thoát ly gia đình từ nhỏ tham gia hoạt động cách mạng, đã qua Xiêm La1, Trung Quốc rồi lại trở về nước hoạt động. Qua nhiều năm bị đế quốc truy nã, anh vẫn lăn lộn trong đồng bào Kinh, Thổ, Dao, Nùng, nhiều lần vũ trang

chiến đấu đánh vào các đội quân tuần tiểu của Pháp, làm cho bọn thổ phỉ cũng phải kinh sợ.

Chính trị viên Xích Thắng, con của một gia đình nông dân, dân tộc Thổ, hoạt động từ lâu trong phong trào bí mật, nhà cửa bị tịch thu, gia đình bị truy nã, đã nhiều lần chết hụt trước mũi súng của quân đội đế quốc.

Đồng chí Hoàng Văn Thái, xuất thân từ một gia đình nông dân, một đồng chí cách mạng lâu năm đã hoạt động trong vùng Đình Cả - Bắc Sơn, phụ trách học sinh quân ở nước ngoài mới về.

Đồng chí Lâm Cẩm Như, vốn là cháu đích tôn của cụ Nguyễn Thượng Hiền, sinh ra và lớn lên nơi đất khách, mặc dầu chưa thạo tiếng Việt, nhưng tấm lòng vẫn gắn liền với Tổ quốc Việt Nam.

Các đồng chí Xuân Trường, Thu Sơn, Quốc Chủng, Vũ Lập... những thanh niên lúc nào cũng tươi cười, vui vẻ, không hề nao núng khi nghe tin làng mạc bị đốt, phá, nhà của bị tan, sẵn sàng xung phong giết giặc cứu nước. Cùng trong hàng ngũ những thanh niên trung dũng này còn các đồng chí Nam Long, Quang Trung, Nam Tuấn đến sau đó vài ngày.

Các đồng chí Lương Quân, Nam, dân tộc Thổ, là những người sống sót của những gia đình bị địch tàn sát hoặc truy nã.

Đồng chí Quý, dân tộc Dao tiền, một cán bộ của tổng Hoàng Hoa Thám; nơi bị đế quốc khủng bố ghê gớm nhất, bao nhiêu làng mạc bị đốt trụi, một đồng chí có tiếng là giỏi chính trị được mọi người yêu mến.

Lão đồng chí Văn Tiên, một nông dân miền núi, được phân công làm quản lý cho đội, yêu quý các đồng chí trong đội như con, như em, coi trọng từng đồng xu, từng hạt gạo của công quỹ, chỉ có một nguyện vọng là được trao lại nhiệm vụ quản lý cho một đồng chí khác để trực tiếp cầm súng chiến đấu.

Các nữ đồng chí Cẩm, Loan, Thanh là những đồng chí đã thoát ly hoạt động bí mật từ lâu, đã có mặt trong phong trào xung phong Nam tiến, đã được thử thách qua nhiều lần khủng bố gắt gao của kẻ thù.

Lòi tự thuật của từng người là một bản cáo trạng về bọn để quốc. Lòng căm giận quân thù bốc lên cao độ. Ai cũng thấy chỉ còn cách dùng lưỡi gươm, viên đạn để thanh toán món nợ nước, thù nhà với bọn chúng. Từ trước đã cùng chung chí hướng, lúc này lại thấy rõ thêm là cùng chung cảnh ngộ, một thứ tình cảm thiêng liêng đã đúc chúng tôi lại thành một khối rắn chắc không thể nào tách rời. Cuộc liên hoan mỗi lúc một thêm mặn nồng tha thiết.

Nguyện vọng của ba mươi tư con người đều thống nhất: Mong sao giết được nhiều giặc, lấy được nhiều súng Tây thay súng kíp, mong sao Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân chóng trổ nên một đội quân mạnh mẽ, mong sao ngọn cờ đỏ sao vàng trong tương lai gần đây sẽ pháp phới bay giữa Thủ đô.

Một nữ đồng chí chúc đội một câu rất thiết thực và rất có ý nghĩa:

- Nhân dân trong toàn thể hai tổng đều mong sao từ giờ đến Tết, đội từ một trung đội sẽ lớn lên thành một đại đội và sẽ chiến thắng trở về ăn Tết vui vẻ với nhân dân Trần Hưng Đạo và Hoàng Hoa Thám.

Cuộc liên hoan kéo dài đến nữa đêm.

Suốt đêm, các tiểu đội thay phiên nhau túc trực dưới cờ, tâm niệm mười lời thề danh dụ.

Trong mấy hôm đó, dưới cánh đồng Kim Mã và trên khắp những ngọn đồi xã Cẩm Lý, các đội quân tuần tiễu của đế quốc do tên quan hai đồn Nguyên Bình và tên bố chánh Nguyễn Văn Tòng đích thân chỉ huy, đang đi từ làng nọ sang làng kia, đốt nhà, cướp của, tiếp tục cuộc khủng bố.

Giữa rừng sâu, tràn ngập gió heo may, trong đêm đông giá lạnh và hùng tráng của Cao - Bắc - Lạng, Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân đã ra đời.

hiểu 24 tháng 12, hai ngày sau khi thành lập, bộ đội được lệnh lên đường đi chiến đấu.

Mấy ngày qua, sau khi hiểu rõ ý nghĩa quan trọng "Trận đầu nhất định phải thắng" và nghiên cứu kỹ lưỡng kế hoạch tác chiến, tất cả các tiểu đội đều xin nhận nhiệm vụ xung phong đầu tiên vào đồn địch.

Nắng chiều vàng rực trên các ngọn núi. Một lá cờ sao tươi thắm dẫn đầu hàng quân. Bộ đội trang bị tê chỉnh đi hàng một theo đội hình chiến đấu

trên con đường quanh co khúc khuỷu ở sườn núi. Tôi đi sau tiểu đội đầu tiên. Mặc dầu chỉ có một trung đội, nhưng từ trước tới nay chưa bao giờ có bộ đội tập trung đông như thế này, tôi nhìn trước, ngó sau, thấy đoàn quân dài tít tắp.

Trước khi xuống cánh đồng, chúng tôi tạt vào một khu rừng thay đổi quần áo, cải trang thành một đội lính dõng. Trời tối, bộ đội tiến xuống cánh đồng Kim Mã. Cơm nước xong, mọi người ngả lưng ngủ một giấc ngay trên bờ ruộng mới gặt còn thơm mùi lúa. Nửa đêm, chúng tôi trở dậy, lặng lẽ kéo lên ẩn náu trên một quả núi ở sau lưng đồn địch, cách đồn khoảng một ki-lô-mét.

Đêm ấy, tôi nằm thao thức khó ngủ. Kế hoạch đã chuẩn bị chu đáo, nhưng vẫn phải tính đến những chuyện bất ngờ có thể xảy ra.

Làng Phai Khất thuộc xã Tam Lộng có khoảng mươi nóc nhà, nằm bên cạnh một con suối, phía trước là cánh đồng rộng, sau lưng là những núi đồi lúp xúp. Đây là một làng "hoàn toàn", tức là một làng mà tất cả nhân dân đều tham gia các hội cứu quốc. Từ ngày địch khủng bố đến nay, không một ai bị địch lung lạc, lôi kéo. Đồng bào vẫn giữ liên lạc và tích cực tiếp tế lương thực cho các cán bộ hoạt động bí mật. Địch đã chiếm nhà đồng chí Lạc để đóng quân. Bọn địch đóng ở trong làng nên từ ngoài vào đồn, phải qua hai lần rào. Vòng ngoài địch bắt nhân dân thay phiên canh gác. Vòng trong, là hàng rào của chính đồn địch, do binh lính canh gác. Địch có tại đây gần hai chục tên đặt dưới quyền chỉ huy của một tên đồn trưởng người Pháp.

Chúng tôi đã nắm được kỹ lưỡng cách bố trí trong đồn, kho súng, buồng tên chỉ huy, nhà ngủ, nhà ăn và các hoạt động hằng ngày của địch. Em bé Hồng cho đội biết, trong khi ăn bọn địch gác cả súng vào giá.

Đội đã đặt kế hoạch, cải trang thành một toán lính dõng ở châu đi tuần về để đột nhập đồn địch; khi lọt vào đồn sẽ chiếm luôn kho súng, bắt tất cả bọn địch đầu hàng, nếu chúng chống cự sẽ dùng vũ khí tiêu diệt. Chúng tôi nhận thấy thời cơ hoạt động tốt nhất là vào khoảng 5 giờ chiều, khi địch đang ăn cơm. Lúc đó trời còn sáng, ta cải trang đi ban ngày, bọn địch ít nghi hoặc. Và khi giải quyết xong đồn, trời đã tối, nếu bọn Việt gian có phi báo lên Nguyên Bình, cũng phải sáng hôm sau địch mới điều binh lính đến kịp, chúng ta có hẳn một đêm để thu dọn chiến trường, chuẩn bị cách đối phó cho đồng bào, và rút xa hẳn nơi đã hoạt động.

Suốt ngày hôm sau, bộ đội vẫn ở trên quả núi nhỏ sau làng Phai Khất. Một số Giải phóng quân mặc giả dân, đứng canh gác các ngả đường. Các đồng chí tự vệ địa phương dàn ra thành một màng lưới quanh vị trí trú

quân. Một số trường hợp có thể xảy ra... Nếu địch đem quân sục lên núi, chúng ta phải bí mật rút lui, không để lộ vết tích. Nếu gặp dân làng lên núi kiếm củi, dẫn gỗ; các đồng chí tự vệ địa phương có nhiệm vụ đưa đồng bào đi sang một hướng khác.

Sáng sớm, các chị dưới làng đã đem cơm nước lên. Buổi trưa, đúng như đã dự kiến, một vài người dân định lên núi lấy củi. Các đồng chí tự vệ đã khéo léo hướng cho họ đi sang một quả núi khác.

Mấy đồng chí trinh sát luôn luôn báo cáo tình hình địch. Em Hồng cho biết, thằng Tây đồn đã đi ngựa lên châu. Chúng tôi đã hụt mất một đối tượng.

Buổi chiều, mới hơn hai giờ các chị dưới làng đã đưa cơm lên. Sau bữa cơm, đảng viên, cán bộ chia nhau đi gặp chiến sĩ, dặn dò lại tỉ mỉ nhiệm vụ và động viên quyết tâm hoàn thành tốt đẹp cuộc chiến đấu đầu tiên của đội.

Năm giờ chiều hôm ấy, nhân dân làng Phai Khất bỗng nhiên thấy một toán lính dõng, đầu đội nón bọc vải xanh, vành trắng, mình mặc quần áo chàm, chân cuốn xà cạp, đi đầu là một viên đội "sếp" và hai lính khổ xanh, từ phía châu Nguyên Bình tiến vào làng. Đến cổng làng, một người chìa giấy cho tên gác xem, rồi chia thành ba toán đàng hoàng đi thẳng vào đồn của quan Tây.

Anh chị em hội viên trong xã ngờ rằng địch tăng quân và nay mai lại có khủng bố lớn. Có những người đã cùng nhau bàn tính cách để báo tin cho các đồng chí bí mật.

Tiểu đội trưởng Thu Sơn, mặc bộ ka-ki lính tập, xách tiểu liên đi đầu, đến trước mặt tên lính gác cổng đồn địch, hỏi bằng một giọng hách dịch:

- Quan Tây có nhà không? Chúng tao đi tuần.

Anh rút mảnh giấy, chìa trước mặt tên gác cho hắn xem cái dấu đỏ chói, rồi gạt luôn hắn sang bên, đi thẳng vào đồn. Cả tiểu đội 1 đi đầu bám sát sau anh. Đồng chí Thu Sơn dẫn tiểu đội tiến thẳng vào kho địch để súng. Tiểu đội 2 cũng đi liền sau đó, vừa lọt vào đồn lập tức bao vây lấy chung quanh nhà bình lính ỏ.

Bình lính địch, đứa ăn cơm trong nhà, đứa thu dọn quần áo phơi ngoài sân.

Tiểu đội trưởng Thu Sơn hô dõng dạc bằng tiếng Pháp:

- Rát-xăm-măng1!

Anh ra lệnh cho binh lính trong đồn tập họp để đón quan ở châu về.

Mười bảy tên lính và một tên cai tập họp lại giữa sân. Đồng chí Thu Sơn lập tức chĩa ngang khẩu tiểu liên, hô lớn:

- Chúng tôi là quân cách mạng, anh em giơ tay đầu hàng, sẽ không giết ai hết, giơ tay lên!

Tất cả các nòng súng đều chĩa vào quân địch.

Bị hoàn toàn bất ngờ, không kịp đối phó, tất cả binh lính địch trong đồn giơ tay đầu hàng. Giữa lúc đó, một đồng chí trong tổ canh gác cách đồn ba ki-lô-mét, trên đường đi Nguyên Bình, phóng ngựa vào tới nơi báo cáo, tên đồn trưởng người Pháp đang đi ngựa trở về, đi theo hắn có mấy tên lính không mang súng.

Chúng tôi nhận thấy phải xử trí nhanh và bắt nốt tên Tây đồn này. Một bộ phận nhận lệnh đưa binh lính bị bắt về phía sau đồn và buộc chúng phải yên lặng. Anh em cắt dọn những vũ khí đạn dược, quân dụng chiến lợi phẩm để ngổn ngang trên sân. Các tổ cảnh giới được lệnh ấn nắp kín đáo. Một tổ mai phục ngay ở dưới mái hiên, đợi khi tên đồn trưởng vào tận nơi, sẽ chĩa súng buộc hắn đầu hàng, quyết định bắt sống, trừ trường hợp địch chống cự thì mới nổ súng. Các tổ bố trí ở ngoài đồn được lệnh, nếu tên Tây đồn nhận ra ta, bỏ chạy, thì lập tức đuổi bắn.

Tôi nằm cùng các đồng chí Hoàng Sâm, Thu Sơn và Luận ở dưới mái hiên. Tôi nói nhỏ với các đồng chí:

- Khi nó vào thì tôi sẽ hô "giơ tay lên". Nếu nó giơ tay, các đồng chí lập tức xông ra bắt sống. Có lệnh thì mới nổ súng.

Tên đồn trưởng người Pháp ngồi trên mình con ngựa hồng cao lớn, đùng đình đi vào đồn như ngày thường. Hắn định xuống ngựa thì nghe tiếng thét:

- Gid tay lên!

Bong mOt loat dan nO. Ca ten don trung va con ngua deu trung dan, lan xung san. Dong chi Luan da nO sung. Dieu chung toi chua du kien duoc het, la cac dong chi ta se kho nen duoc cam thu luc nhin thay mat quan dich.

Đồng bào ở chung quanh khi nghe thấy tiếng súng mới biết có chuyện đã xảy ra trong đồn, bảo nhau chạy tới, nhận ra chúng tôi, vừa ngạc nhiên vừa hết sức mừng rỡ. Nhiều người reo lên, nắm lấy tay các chiến sĩ. Bà con nhìn xác thằng Tây và con ngựa nằm giữa sân tỏ ra rất hả dạ. Nhưng cũng có một số người lo lắng, địch sẽ khủng bố dân làng để trả thù.

Kể ra nếu bắt sống tên đồn trưởng, sau khi làm công tác địch vận, giải thích kỹ lưỡng, rồi tha thì có thể gây ảnh hưởng chính trị và hạn chế một phần nào phản ứng của kẻ địch. Nhưng sự việc đã xảy ra rồi, phải tìm cách giải quyết tình hình cụ thể này.

Anh em được lệnh thu dọn chiến lợi phẩm, quét sạch chiến trường - quét thực sạch không để lại một thứ gì có thể dùng được. Lợn, gà, chăn, màn, bát đĩa... thì đem phân phát hết cho đồng bào. Một mặt, cho khiêng xác thằng Tây và con ngựa đi chôn, và xoá sạch vết máu trên sân.

Chúng tôi giải thích và động viên đồng bào, đặt kế hoạch cho đồng bào khai khi để quốc đưa lính về tra hỏi, chỉ cần nói: "Thấy có một toán lính ở trên châu về vào trong đồn, rồi thấy tất cả lính trong đồn kéo theo toán lính này đi đâu không biết".

Cũng bàn thêm với đồng bào. Trong thời gian này các thanh niên nam nữ nên tạm lánh khôi làng, để phòng trước sự khủng bố của kẻ địch.

Chúng tôi bảo tất cả bình lính trong đồn, họ sẽ tới một địa điểm khác nghe nói chuyện, sau đó, ai muốn đi theo quân cách mạng sẽ được chấp nhận, ai muốn trở về quê quán sẽ cấp giấy cho về.

Sau khi để lại trước cửa đồn một mảnh giấy viết bằng tiếng Pháp: "Chúng tôi đã cùng Việt Minh đi đánh Nhật rồi", toàn đội ra khỏi đồn, dong theo tù binh và mang theo chiến lợi phẩm. Tất cả các đồng chí mang súng kíp đã đổi lấy súng trường và trao súng kíp lại cho tự vệ ở các địa phương. Số chiến lợi phẩm thu được trong trận đầu này, về súng ống cũng kha khá, đủ để trang bị cho nửa trung đội. Nhưng có một điều làm cho mọi người không vui lắm, tại đồn này địch cũng chỉ có rất ít đạn. Một nhiệm vụ mới đã đặt ngay ra: Làm sao trận sau phải lấy được thật nhiều đạn.

Trận chiến đấu đã diễn ra hết sức mau lẹ, kết thúc trong vòng mười phút. Nửa giờ sau đội đã giải quyết xong mọi công việc, kéo ra ngoài đồn địch.

Một số đồng chí đi thẳng về phía Nguyên Bình, đến một nơi khá xa làng mới đi vòng trở lại, để làm lạc hướng theo dõi của kẻ địch. Đại bộ phận kéo xuống cánh đồng Kim Mã thì trời sập tối. Tại các trạm đọc đường, các chị em hội viên trung kiên, gánh cơm nước đứng chờ, rất vui mừng thấy chúng tôi chiến thắng trở về. Cơm và thức ăn đã gói từng phần một. Chúng tôi chỉ dừng lại vài phút nhận phần cơm, uống hớp nước rồi tiếp tục đi ngay. Những đồng chí tự vệ trung kiên đã tổ chức một màng lưới trên dọc đường chuyển quân ngăn chặn tất cả những người không có nhiệm vụ không được đi vào con đường này, để phong tỏa tin tức, giữ bí mật hành tung của bộ đội.

Nửa đêm, chúng tôi tới một quả đồn thuộc xã Cẩm Lý cách Phai Khất khoảng 15 ki-lô-mét. Cả đơn vị dừng lại đây để chấn chỉnh đội ngũ, kiểm điểm vắn tắt cuộc chiến đấu ban chiều, nêu gương các đồng chí hoàn thành tốt nhiệm vụ. Sau đó, ban chỉ huy phổ biến lại kế hoạch tác chiến, nhắc nhở toàn đội quyết tâm tiếp tục giành thắng lợi trong cuộc chiến đấu vào buổi rạng đông ngày hôm sau. Chiến thắng đầu tiên làm cho mọi người hết sức phấn khởi.

Ngoài những thứ súng đạn đã được phân phối, tất cả các chiến sĩ không ai giữ lại riêng cho mình, một viên đạn, một mảnh giấy, hoặc một thứ đồ dùng nhỏ nào đã thu được trong đồn địch. Các đồng chí tự vệ ở địa phương chuyển vận nốt những chiến lợi phẩm về nơi an toàn.

Trừ tổ cảnh giới, tất cả bộ đội được lệnh đi ngủ.

Ba giò sáng, chúng tôi lại tiếp tục cuộc hành quân chiến đấu. Riêng đồng chí Trọng Khánh phải ở lại Cẩm Lý cùng hai chục tù binh. Anh sẽ chọn một số người tốt trong những người tình nguyện xin ở lại để bổ sung vào đội, giải thích cho một số người khác rồi cho về quê hương, và giữ lại đây một số trong vài ngày để phong tỏa tin tức, khi nào bộ đội đi thật xa mới thả cho về.

21

M ục tiêu của cuộc chiến đấu thứ hai là đồn Nà Ngần, cách Phai Khất khoảng 25 ki-lô-mét. Đồn này có 22 lính khô đồ do hai tên sĩ quan người Pháp chỉ huy. Chúng tôi hy vọng bổ sung đạn dược cho đội tại đây.

Địch đã chọn nhà của tên lý trưởng, ngôi nhà kiên cố nhất trong làng này, đào hào, đắp lũy, rào kín mấy lớp xung quanh biến thành đồn. Chúng tôi đến cách Nà Ngần nửa ki-lô-mét, trời vẫn còn tối. Để bọn địch không nghi, ban chỉ huy ra lệnh cho anh em dừng lại hút thuốc, và phái người đi trước theo dõi tình hình hoạt động của địch.

Đội sương sớm tan hẳn, trời sáng rõ, cả đội tiến thẳng về phía đồn. Còn xa, đã nhìn thấy chòi canh của địch.

Toàn đội đã thay quần áo cải trang từ chiều hôm trước bằng những bộ quần áo lính dõng và lính tập, mới lấy được tại Phai Khất. Lão đồng chí Toàn, một đồng chí người Dao rất tốt, còn có bí danh là "Phạm Ngũ Lão",

cùng hai hội viên trung kiên khác, đóng vai ba đồng bào Dao bị bắt với sợi dây thừng trói ở khuỷu tay.

Vị trí địch ở trên một đỉnh đồi. Đường đi chạy men theo sườn một quả đồi trước đồn địch, đổ xuống một con suối rồi lại từ bờ suối bên kia chạy ngược lên đỉnh đồi tới cửa đồn.

Khi tới quả đồi trước đồn, trông thấy rõ tên lính gác đứng trên chòi, và bình lính đi lại trong sân. Các chiến sĩ được lệnh nói chuyện ầm lên, để bọn lính trong đồn chú ý đến y phục của đồi và những người bị bắt được dẫn đi trước. Toàn đội ung dung qua suối, tiến lên đồn.

Tiểu đội trưởng Thu Sơn đi với tổ xung phong đầu tiên, chìa giấy cho tên lính gác xem. Đồng chí Đắc đi sau anh, rút một điếu thuốc lá mời tên gác và đánh diêm châm lửa cho hắn. Bọn gác và bốn năm tên lính ở trong đồn chạy ra, trố mắt nhìn mấy người bị trói, hỏi tíu tít:

- Lại bắt được Dao cộng sản à?

Tiểu đội trưởng Thu Sơn và tiểu đội trưởng Mậu tiến thẳng vào đồn. Đồng chí Đắc và một đồng chí khác đứng lại trước cửa đồn, dềnh dàng nói chuyện với hai tên lính gác.

Hôm ấy, cả hai tên Pháp đều mới lên tỉnh, giao quyền chỉ huy lại cho một tên quản khổ đồ nổi tiếng phản động.

Khi bộ đội tiến vào, một số binh lính đang thu dọn chăn màn tại nhà ngủ, một số đang đi rửa mặt. Súng còn gác tại giá. Tên quản khổ đồ dậy sớm, đã ngồi ở bàn làm việc.

Bốn chiến sĩ Giải phóng quân tiến lại án ngữ cửa kho súng. Đồng chí Thu Sơn và đồng chí Mậu đang nói chuyện với một tên đội, bất thần chĩa ngang súng, hô lớn:

- Chúng tôi là quân cách mạng đến lấy súng của Tây, tất cả giơ tay lên, không thì bắn!

Ngoài cổng đồn, đồng chí Đắc giật luôn khẩu súng trường trong tay tên gác. Anh chĩa súng lên chòi canh, bắt tên gác thứ hai đứng trên đó phải thả ngay súng xuống.

Nghe tiếng hò, cả đồn nhốn nháo. Phần lớn hốt hoảng giơ tay, đứa quỳ, đứa đứng. Mấy tên nhảy qua hàng rào định chạy trốn. Riêng tên quân chụp ngay khẩu súng ngắn đặt trên bàn, lên đạn, bóp cò. Khẩu tiểu liên trong tay đồng chí Thu Sơn nổ giòn, kết liễu đời hắn.

Tiểu đội 2 vào sau đã chẹn các cửa đồn và chia thành từng tổ bao vây bắt tù binh. Sáu phát súng nổ giết luôn bốn tên lính cố ý kháng cự. Tiểu đội 3

cũng xông vào tiếp viện, vừa bắn chỉ thiên vừa kêu gọi binh lính địch đầu hàng. Anh Hoàng Văn Thái giương lá cờ đỏ sao vàng, phát mạnh giữa đốn địch.

Trận đánh kết thúc trong vòng dâm phút. Toàn bộ binh lính địch đầu hàng. Về phía ta, đồng chí Bè bị thương ổ ngón tay vì viên đạn của tên quân.

Bộ đội nhanh chóng thu thập súng đạn, tài liệu, phát truyền đơn và dán biểu ngữ. Tù binh được tập hợp lại giữa sân. Chị Loan, chị Cầm và chị Thanh giải thích cho họ bằng tiếng Thổ. Họ rất ngạc nhiên khi thấy hai nữ chiến sĩ vai mang súng, lưng đeo đạn, nói năng rất lưu loát, phân tích cho họ về tình hình trong nước và nghĩa vụ của những người dân, kêu gọi toàn thể binh sĩ quay súng lại giết giặc.

Phần lớn binh lính xin trở về quê quán. Các chiến sĩ trả lại túi dết, chăn màn, đồ đạc thu nhằm của họ. Mọi người đều được cấp giấy. Những người ở xa, ai thiếu tiền ăn

đường, được cấp thêm một ít lộ phí. Hôm đó, đội đã chi mất mấy trăm đồng. Số tiền này vay của một đồng chí hội viên, hẹn sẽ trả lại bằng súng chiến lợi phẩm.

Bình lính đều rất câm kích về lượng khoan hồng và thái độ đối xử rất tốt của bộ đội cách mạng. Chúng tôi giảng giải cho họ rõ, mỗi khi gặp Giải phóng quân thì nên làm thế nào để khỏi bắn giết lẫn nhau, để cùng nhau giết giặc cứu nước. Họ đều thể sẽ không bao giờ nổ súng vào quân cách mạng.

Chúng tôi nói chuyện với đồng bào trong làng, dặn đồng bào khi quân địch tới thì nói, quân cách mạng đến, binh lính đã giao súng cho họ và kéo đi cả rồi.

Hai mươi phút sau bộ đội rút khỏi đồn, mang theo chiến lợi phẩm. Mỗi người mang hai, ba khẩu súng. Lần này, thu được khá nhiều đạn. Anh em vừa đi vừa hát bài Tiếng súng reo. Núi rừng vang vọng lại những tiếng ca hùng tráng như muốn chia vui cùng đội quân chiến thắng. Đi ngang quả đồi trước đồn, ngoảnh lại thấy nhân dân và binh lính giơ cao tay chào tiễn biệt.

Những hội viên trung kiên ở cơ sở đã được giao nhiệm vụ giữ đồng bào lại làng, không để đi theo bộ đội. Đoàn quân đi về phía nam. Nhưng đi khuất khỏi làng, chúng tôi quành lại, đi ngược lên phía bắc. Bây giờ phải rút sao cho thật nhanh. Hai trận đánh liên tiếp chắc đã làm rung chuyển bọn địch và chúng sẽ có phản ứng. Ánh nắng vừa lên, ngày mới bắt đầu. Phải thực hiện lời Bác đã dặn: "Lai vô ảnh, khứ vô hình". Các đồng chí trung kiên đón đường đưa cơm. Mỗi người nhận một nắm cơm, một phần thức ăn, rồi tiếp tục đi ngay. Toàn đội đi ngược lên khu Dao trắng. Lão đồng chí Tiên như

biết trước yêu cầu của anh em, nấu một nồi nước nóng, đón đợi giữa đường. Chúng tôi không để lại một dấu chân trên những đường mòn hẻo lánh. Buổi chiều, dừng chân bên rẫy nghỉ một lát, lại tiếp tục đi. Tối vượt qua đường Cao Bằng - Nguyên Bình đến triển núi đá vôi Gia Bằng. Ngày hôm đó, chỉ ăn có một bữa. Nhưng không hề một ai kêu ca. Có đồng chí đã thốt ra những lời lẽ rất tự hào: "Quân cách mạng chúng tôi, ăn thì mỗi ngày một bữa, đánh thì mỗi ngày hai trận".

Bộ đội đi suốt đêm đó trên những núi đá tai mèo. Trưa hôm sau, đội tới vùng đồng bào Dao trắng, quê hương của đồng chí Hồng Trị.

Hai ngày sau khi đồn Phai Khát bị diệt, địch mới kéo quân tới. Chúng dọa dẫm truy hỏi đồng bào, để tìm hiểu vì sao tất cả binh sĩ cùng mọi thứ quân trang quân dụng trong đồn bỗng nhiên biến mất. Đồng bào trong làng, già trẻ lớn bé, ai cũng nói một lời. Cuối cùng, chúng đành chịu, chỉ điều một bọn lính khác thay thế và cũng không bắt bỏ một ai.

ia điểm trú quân mới của đội nằm trong một thung lũng tại vùng núi đá tổng Thiện Thuật. Lòng thung lũng khá bằng phẳng có thể san làm bãi tập. Chung quanh là những ngọn núi cao vút hiểm trở, những khu rừng già âm u chỉ có tiếng chim rừng kêu và vượn hú. Đồng bào địa phương gọi lũng này là Lũng Dê (nghĩa là lũng thành) và đã có những lần lợi dụng bức thành thiên nhiên này để chống bọn thổ phỉ. Mấy trăm năm về trước, nhà Mạc đã từng nương náu ở đây để chống cự với nhà Lê. Quân Cờ Đen cũng đã đóng quân tại đây trong thời kỳ đánh nhau với Pháp.

Chúng tôi viết thư về báo cáo với Bác và Liên tỉnh ủy những chiến thắng đầu tiên của Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân, đề nghị với Liên tỉnh ủy chỉ thị cho các châu, chọn lựa một số đồng chí bổ sung cho Đội tuyên truyền sẽ phát triển thành một đại đội.

Anh em được phổ biến sẽ ở lại đây mười ngày nghỉ ngơi, kiểm điểm và tiếp tục luyện tập. Các chiến sĩ dẫn gỗ làm lán, sửa soạn bãi tập, vét sạch các mô nước.

Vài ngày sau, đội nhận được thư của anh Đồng chúc mừng thắng trận. Thư từ và quà ủy lạo từ khắp các nơi tới tấp gửi đến: Khăn vuông thêu khẩu hiệu, quần áo, giày, chăn, màn, gạo, thịt, bánh trái. Anh Lã, Bí thư Liên tỉnh

ủy Cao - Bắc - Lạng thân tới thăm đội, đem theo thư chúc mừng của Liên tỉnh ủy cùng với một số quà quý: Mấy tấm chăn len, mấy hộp sữa cho các đồng chí yếu mệt, và một số đạn Mỹ vừa mới mua được. Cùng trong lúc ấy, cán bộ, chiến sĩ được các châu tuyển lựa bổ sung cho đội, tấp nập kéo về. Nghe các đồng chí thuật lại mới biết ở các địa phương, trong hàng ngũ du kích đang có một phong trào rầm rộ, yêu cầu "đi Giải phóng"; người nào được cấp trên chuẩn y, đều coi đó là một điều vinh dự và cũng là một điều may mắn.

Chỉ trong một tuần, việc bổ sung đã xong. Đại đội đã hình thành.

Đại đội trưởng: Đồng chí Hoàng Sâm.

Chính trị viên: Đồng chí Xích Thắng.

Ban công tác chính trị đại đội do đồng chí Xích Thắng phụ trách.

Đồng chí Hoàng Văn Thái phụ trách công tác tình báo và chuẩn bị kế hoạch chiến đấu. Ban quản lý đại đội cũng được tổ chức.

Ban chỉ huy các trung đội gồm có các đồng chí Quang Trung, Nam Long, Quốc Chủng, Vũ Lập, Nam Tuấn, Mai Trung Lâm.

Chẳng còn bao lâu nữa là đến Tết. Chúng tôi chủ trương chỉ nghĩ ngơi, luyện tập một thời gian ngắn, rồi lại lên đường đi chiến đấu. Một chương trình hoạt động trong dịp Tết được đề ra với cái tên "Mùa Tết chiến đấu" của đội. Tổ chuẩn bị chiến trường khẩn trương lên đường đi về phía châu Bảo Lạc, gần biên giới Việt - Trung.

Mấy ngày trước khi xuất phát, toàn đơn vị tập trung dưới cờ, làm lễ chính thức thành lập đại đội. Đại diện các hội cứu quốc và nhân dân tới dự lễ rất đông. Dưới lá cờ đỏ tươi thắm, bộ đội đã đông đảo hơn, sau hai cuộc chiến đấu, súng đạn khá đầy đủ, lưỡi lê tuốt trần sáng quắc trên đầu súng. Màu cờ như rực rỡ hơn, khung cảnh núi rừng càng thêm hùng vĩ. Bằng những lời lẽ danh thép, cán bộ, chiến sĩ hứa hẹn trước các đại biểu và trước nhân dân, quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ. Nhớ tới công ơn của Bác và Đoàn thể, toàn thể đại đội quyết nghị kính tặng Bác thanh kiếm Nà Ngần, thanh kiếm đầu tiên đoạt được của giặc, để nói lên lời hứa hẹn kiên quyết thực hiện chỉ thị của Bác, nỗ lực chiến đấu đến cùng để giành thắng lợi. Nhân dân và bộ đội đều hết sức phấn khởi.

Vài ngày sau, chúng tôi lại lên đường.

Một bộ phận do anh Thái phụ trách, đi về phía Nậm Tì hoạt động mở rộng cơ sở.

Đại bộ phận đi về phía Bảo Lạc, tiến hành một cuộc tập kích mới.

Cuộc hành quân chiến đấu lần này khá gian khổ. Đường xa, phải qua nhiều triền núi đá tai mèo và nhiều bản làng có bọn phản động canh gác. Toàn đi đêm. Những đêm tối trời, cả đoàn quân, vũ khí, hành trang buộc chặt vào người, nín lặng vượt qua những điểm gác. Tiếng mõ cầm canh của bọn dõng phân động lốc cốc khua trên đầu. Một đêm trời tối như mực, đi luồn trong rừng, người sau không nhìn thấy người trước, lại được lệnh không nói to, em bé Hồng đã nghĩ ra một sáng kiến, lượm một cái lá mục có lân tinh, gài vào lưng người đi trước. Sáng kiến của em được phổ biến cho toàn đội, và có một tác dụng thật đặc biệt không những trong đêm đó mà còn cho các cuộc hành quân đêm về sau. Trời về dạo này mưa luôn. Đi đêm trên núi đá tai mèo đã khó khăn, qua núi đất, đường lầy lội, đi cũng chẳng dễ dàng hơn.

Sau một đêm hành quân, trời sáng, tôi hỏi đồng chí Dao đưa đường, sắp tới nơi có cơ sở của ta chưa. Đồng chí vui vẻ đáp:

- Sam cây thinh, nửa ngãi1.

Đi miết tới trưa vẫn chưa đến. Bộ đội dừng lại nghỉ giữa vùng núi đá tai mèo. Biết không nên làm người đưa đường rối trí, tôi nói với đồng chí nên bình tĩnh, nhớ kỹ

lại đường. Lát sau, đoàn quân lại tiếp tục đi. Đến gần chiều, mới ra khỏi vùng núi đá, đến những đồi đất. Nhìn phía trước, thấy thấp thoáng có làng. Tôi hỏi:

- Có phải làng cơ sở đây rồi không?
- Chưa phải đâu. Làng này có phản động.
- Đồng chí đã nhận ra đường chưa?
- Đi qua làng này thì biết đường rồi.

Như thế là đội buộc phải vượt qua làng. Thấy sương chiều đang xuống nhiều, chúng tôi quyết định đi vòng qua những quả đồi, vượt nhanh sang bên kia làng để đồng chí giao thông nắm lại đường.

Bộ đội đi được một quãng, bỗng sương tan hết. Cả đoàn quân lộ ngay ra trước làng. Không thể quay lại, cũng không thể tránh sang lối khác. Ban chỉ huy hạ lệnh cho bộ đội đi thẳng qua làng, làm như một đội quân để quốc đi tuần tiểu. Mấy chiến sĩ vào nhà tổng đoàn, vò xét hỏi người lạ mặt và hàng buôn lậu. Bộ đội cứ ung dung qua làng. Đồn địch ở cách ba ki-lô-mét. Về sau, chúng tôi biết, cách đó năm hôm, nhân một phiên chợ, người làng thuật chuyện cho nhau nghe, bọn Tây trên đồn mới biết là có bộ đội cách mạng đi qua, và bấy giờ mới cho quân tuần tiểu.

Qua khỏi làng này, đồng chí giao thông nhận ra đường. Gần tối, chúng tôi đến một bản Dao có cơ sở. Đồng bào ở đây rất thiếu thốn. Không có ruộng nương, phải đi xa lấy đất về đổ vào những hốc đá để trồng ngô. Nhưng thái độ tiếp đón bộ đội cách mạng thì đặc biệt ân cần. Đồng bào chia sẻ cùng bộ đội những bữa ăn chỉ có bột ngô đổ, với canh rau.

Vài ngày sau, chúng tôi đến gần Đồng Mu, mục tiêu của trận tập kích lần này. Tổ trình sát tiến hành điều tra đôn địch lần cuối.

So với các dôn Phai Khát, Na Ngân, dôn Dông Mu rán hôn. Dịch dông trên một ngon dôi cao, nàm chơ vơ giữa cánh dông. Vi ô giáp biên giới Việt - Trung thường phải dôi phó vói bọn thô phi, nên địch xây dựng công sự khá vững chắc. Dôn có nhiêu lô cốt, tường trình dày vói lô châu mai, giao thông hào và dây thép gai bọc quanh. Quân địch gôm hơn bốn chục tên khô dô do ba si quan Pháp chi huy.

Lần này, không thể cứ dùng cách cải trang để vào đồn vì bọn địch chắc chắn đã rút được kinh nghiệm. Chúng tôi chủ trương bí mật đột nhập đồn trong đêm tối để tiêu diệt địch.

Khi nắm lại tình hình, thấy có khó khăn. Các đồng chí ở địa phương báo cáo, cách đây ít ngày bọn địch được tin sắp có thổ phỉ bên kia biên giới tràn qua, nên chúng

đã tăng cường thêm bình lính, báo động bộ đội và đề phòng cẩn mật. Nhưng sau đó, cơ sở của ta ở trong đồn ra báo cáo lại, địch đọi thổ phỉ một thời gian không thấy, cho là hoang báo, việc đề phòng đã bắt đầu chểnh mảng. Ban chỉ huy đại đội quyết định đánh.

Đêm 22 tháng 12 ta, bộ đội xuất kích. Khi đi ngang cánh đồng, chó trong làng sủa ran. Nhờ điều tra kỹ lưỡng từ trước, cán bộ và các chiến sĩ đã nắm vững địa hình đồn địch. Bộ đội chia làm hai mũi, vượt qua những mô đá sắc nhọn, tiến lên đỉnh đồi. Theo kế hoạch đã định, chúng ta sẽ bí mật đột nhập, chiếm nhà bọn chỉ huy, các mặt cùng đánh vào, kết hợp với nội ứng tiêu diệt quân địch.

Hai tổ xung phong đi đầu, im lặng vượt qua rào dây thép gai, đến sân đồn trước cửa trại lính.

Tổ các đồng chí Quang Trung, Nam Long, Xuân Trường... đang tiến vào, bỗng nghe từ lô cốt tiếng một tên lính hỏi:

- Ai?

Đồng chí Nam Long nói nhỏ:

- Im đi! Chúng tôi là Việt Minh đến lấy súng của Tây, không đánh các anh em đâu.

Trường hợp này, không bàn với nhau ở nhà trước khi đi.

Địch lập tức ném lựu đạn xuống tới tấp và bắn ra một loạt đạn. Đồng chí Quang Trung hội ý với tôi:

- Lô rồi, đề nghị anh và anh Hoàng Sâm hãy ở lại vị trí chỉ huy. Chúng tôi vào đồn sẽ cử người bắt liên lạc.

Địa điểm chỉ huy đã quy định ở sau một bờ đất, sát đồn địch. Một lát sau, một chiến sĩ liên lạc bò dưới làn đạn của địch từ trong đồn ra báo cáo, các tổ xung phong đã lọt vào đồn.

Trên đồn, tiếng súng nổ rát, điểm những tiếng lựu đạn. Các chiến sĩ chiến đấu giáp lá cà quyết liệt với kẻ địch.

Anh em trong đồn tiếp tục báo cáo, quân địch tại nhà tên chỉ huy và chỗ ở của bọn lính bắn súng ra như mưa. Cuộc chiến đấu diễn ra từ 11 giờ đêm đến 2 giờ sáng. Các chiến sĩ vừa chiến đấu vừa hát. Tiếng hát lúc này có tác dụng động viên sĩ khí và giúp cho việc bắt liên lạc dễ dàng, nhưng đồng thời cũng làm lộ các vị trí chiến đấu của ta, để cho quân địch phát hiện được mục tiêu.

Chúng ta đã diệt được khoảng hai chục tên địch, nhưng bọn còn lại vẫn dai dẳng chống cự. Thấy kéo dài cuộc chiến đấu không lợi, ban chỉ huy hạ lệnh rút khỏi đồn trước khi trời sáng, mặc dầu nhiều chiến sĩ yêu cầu tiếp tục xung phong để tiêu diệt toàn bộ quân địch.

Trong trận chiến đấu rất anh dũng này, Tiểu đội trưởng Xuân Trường hy sinh. Một mình đồng chí Quang Trung đã dùng súng và dao giết năm tên địch. Địch thiệt hại rất nặng. Chúng ta thu năm khẩu súng, một số đạn dược và bắt ba tù binh.

Bộ đội rút dần ngang cánh đồng về một khu rừng có những cây nhỏ, cách đồn địch khoảng ba trăm thước. Tầng sáng, mọi người có mặt đồng đủ. Quân địch từ Bảo Lạc có thể tiếp viện lên. Bộ đội lợi dụng các lùm cây, đi sâu vào phía trong, nghỉ một lát bên sườn núi, rồi chuyển hướng về phía Nam.

Trận tập kích đêm vào Đồng Mu tuy không thắng lợi theo như kế hoạch đã trình, nhưng đã rèn luyện cho đội rất nhiều, và đã xây dựng cho đội một truyền thống anh dũng chiến đấu. Qua bọn tù binh, mới biết vì sao ta đã gặp khó khăn.

Buổi trưa hôm ta tập kích, tên đồn trưởng người Pháp bắt được một lá thư của bọn thổ phỉ biên giới dọa, tôi hôm ấy, chúng sẽ kéo đến hạ đồn.

Vì vậy, bọn chỉ huy đã báo động binh lính chuẩn bị đối phó, súng lên đạn sẵn, quần áo nai nịt gọn gàng. Đêm đó, một nửa binh tình địch thức để để phòng. Trường hợp bất ngờ và đặc biệt này, anh em binh sĩ nội ứng không kịp báo cho chúng tôi biết trước.

a i đô i đ i vê hư ớng nam. Các chiến sĩ đư ợc lệnh tuyệt đối giữ bí mật, hết sức tránh để lại dấu vết trên dọc đư ờng. Đi qua các đồn trại địch hoặc các làng mạc không có cơ sở của ta, phải im lặng hoàn toàn, tránh để lộ một tiếng ho, một dấu gậy. Ở những nơ i trú quân, bộ đô i thư ờng lấy lá về rải nằm trư ớc lúc đi, mọi ngư ời phải xóa sạch vết tích chỗ ăn, ngủ, nấu nư ớng. Ngay cả khi dừng lại dọc đư ờng để ăn cơm hoặc ngồi nghỉ, lúc đi, cũng phải nhặt từng chiếc lá gói thức ăn, từng hạt cơm rơ i, không để lại dấu chỗ ngồi trên bờ cỏ. Đến trú quân ở một địa phương nào, cán bộ và chiến sĩ lập tức chia nhau đi giáo dục nhân dân vấn đề giữ bí mật, phải thực hiện đúng ba không: "Không có, không biết, không thấy"; dặn đi dặn lại cặn kẽ từ ngư ời già đến các em, và kiểm tra lại xem đồng bào đã thực hiểu chư a.

Một số đồng bào gần biên giới thoáng thấy bộ đội tưởng nhằm là thổ phỉ, hoảng hốt bỏ chạy. Bộ đội đã thu thập tất cả những đồ đạc, của cải nhân dân bỏ rơ i dọc bờ ruộng, đem trả lại. Đồng bào rất cảm kích vì từ xư a tới nay chư a hề thấy một bộ đội nào lại tốt như vậy.

Nhiệm vụ của trận đánh chưa hoàn thành, lần đầu trong đội có đồng chí hy sinh, anh em không khỏi có những suy nghĩ. Cán bộ đã giải thích cho các chiến sĩ: "Trong cuộc chiến đấu dài lâu, tất nhiên là phải có lúc thành lúc bại, qua trận đánh lần này, chúng ta đã rút được nhiều kinh nghiệm để sau này chiến thắng lớn hơn".

Tiết trời về cuối mùa Đông, rét cắt da cắt thịt. Nhiều đồng chí bị đau chân. Các cán bộ đã nêu cao tinh thần thương yêu săn sóc chiến sĩ. Đồng chí Vũ Lập cõi chiếc áo ấm của mình, đưa cho một chiến sĩ bị mệt. Nhiều cán bộ nhường giày cho những anh em đau chân. Có đồng chí cán bộ bị thương ở chân, cũng nhịn đau, vui vẻ hành quân, cố gắng theo kịp bộ đội, do đó đã có tác dụng động viên các chiến sĩ.

Một tôi, chúng tôi tới một bản Dao có cơ sở của ta. Các cụ già chạy ra cầm tay bộ đội, nói:

- Bây giờ các con mới đến, các mẹ đợi đã bao lâu nay rồi. Phải ở lại đây vài ngày.

Anh em chúng tôi đáp:

- Chúng con chỉ ở lại một đêm nay, sớm mai phải đi công tác rồi.
- Các con khổ cực quá! Phải ở lại đây nghỉ ngơi ít hôm để dân bản chăm nom.

Tại vùng này, đồng bào sợ thổ phỉ, của cải đều cất giấu rất sâu trong rừng. Đồng bào biết là không thể giữ chúng tôi lại lâu, ngay đêm đó, cùng

nhau vào rừng sâu bắt lợn, bắt gà về. Sáng hôm sau, khi chúng tôi thức giác, thì lợn đã thịt, cơm canh đã xong xuôi. Sự săn sóc của nhân dân vùng biên giới héo lánh xa xôi này, đã làm cho cả đội rất cảm động.

Khi đã đi khá xa châu Bảo Lạc, cuộc hành quân biến thành một cuộc vũ trang tuyên truyền. Chúng tôi tung truyền đơn, dán biểu ngữ, viết khẩu hiệu lên các đền chùa, đình chợ, nhà trường, và họp mít tinh tuyên truyền các tin chiến thắng.

Vê dén vùng Thông Nong vào ngày cuôi nam. Cơ sô vùng này rât tôt. Biêt bô dôi vê, anh em tư vê canh gác kháp nôi. Nam giô chiêu, bô dôi dã hành quân, chi cách dôn dîch vài ba ki-lô-mét. Dôc duông, dông bào bày cô, dôt duôc dôn bô dôi, dem câ ghê ra cho bô dôi ngôi nghî. Anh em chúng tôi ai nây dêu thây rô, mình là con dê cùa nhân dân, đang sông trong sự châm nom, bảo vê cùa nhân dân.

Nửa đêm, chúng tôi trú quân lại trên một đỉnh núi ở gần làng. Đồng bào hẹn sáng sớm hôm sau sẽ đưa cơm nước lên. Sáng 30 Tết, bất chợt có người lên báo, Tây kéo về càn. Toàn thể bộ đội phải bố trí chiến đấu. Tây sục sạo dưới làng.

Một lát, nghe có tiếng súng nổ, tưởng như đánh nhau to ở đâu. Trong đội, có đồng chí Đức Cường đêm qua hành quân đau chân tụt lại sau, chưa về, mọi người đều sốt ruột. Buổi sáng hôm đó, không có cơm nước gì. Đồng bào dưới làng vẫn luôn luôn lên báo cáo tình hình. Đến chiều, đồng chí Chủ nhiệm Việt Minh xã lên nói, Tây đã rút hết rồi. Đồng chí đó kể lại: Tây vào rừng lùng đến một cái hang thì thấy bên trong có người. Thằng quan hai cho lính vào định bắt, nhưng ở trong hang bắn ra. Chúng ở ngoài bắn vào. Hai bên bắn nhau một lúc. Thằng quan hai bảo lính về làng lấy rơm chất đầy cửa hang, rồi đốt. Bên trong lại bắn dữ, và có người xông ra, thế là tất cả chúng nó bỏ chạy. Chính thằng quan hai Tây hốt hoảng chạy đến ôm lấy cổ đồng chí Chủ nhiệm Việt Minh xã, nói: "Ê... ê công quan lớn!". Ít hôm sau, đồng chí Đức Cường về, chúng tôi biết, chính đồng chí Đức Cường đã bị vây ở trong hang, đồng chí đã chiến đấu với mười hai tên lính do thằng quan hai chỉ huy, bắn bị thương hai tên và đuổi chúng chạy tán loạn. Lần ấy, đồng chí Đức Cường bị đội phê bình vì hành quân chậm trễ, nhưng lại được đồng bào địa phương tặng rất nhiều quà vì tinh thần chiến đấu dũng cảm.

Để bù lại bữa sáng hôm đó không ăn, các chị dưới làng đem lên rất nhiều bánh trái.

Tôi 30, bộ đội tới vùng rẻo cao của đồng bào Dao trắng. Đồng bào được tin bộ đội về, đã chuẩn bị bò, lợn để khao quân. Ngày mồng 1, đang liên hoan cùng đồng bào thì anh Đồng tới. Anh Đồng suốt thời gian qua bị sốt luôn,

nước da xanh tái, thay mặt cơ quan chúc Tết, mừng bộ đội liên tiếp thắng trận, và nói cho anh em nghe tình hình phong trào các nơi. Mọi người hết sức phấn khởi.

Sáng mùng 2 Tết, trở về tổng Hoàng Hoa Thám, nơi khoảng hai tháng trước đây đội đã làm lễ thành lập. Bộ phận của anh Hoàng Văn Thái đi hoạt động mở rộng cơ sở vùng Nậm Ti, từ Tỉnh Túc đến Phia U Ác, cũng vừa về tới nơi. Đồng bào đã mổ trâu, giết lợn đội từ mấy hôm trước. Đúng như lời chúc mừng của một số đồng chí trong ngày thành lập đội, trung đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân đã lớn lên thành một đại đội, đã lập nên được chiến công, và bây giờ trở về đây ăn Tết với đồng bào.

Phong trao tai hai tong Tran Hung Dao, Hoang Hoa Tham da soi noi hon truoc nhieu. Tren doc mot con suoi trong rung sau, dong bao da cat san may ngai nha vau, mai lop la chudi, co san nua cao rao, chd bo doi, va chuan bi san bo, lgn, banh trai. Qua cua nhan dan guri ve tang doi do cac tram chuyen den rat nhieu. Nhung gói gio, nhung thanh che lam, nhung ong tre dung day thit muoi de lam luong kho, nhung doi giay vai do tu tay cac me, cac chi khau, cung voi gao, ngo, vai vdc. Moi món qua due mang nang tinh thuong yêu cua dong bao voi nhung ngudi con bo doi cach mang. Nhung ngay dau Kuan nam do thit tung bung, phan khdi.

Thi hành chỉ thị của Bác, đội luôn luôn nhớ đến nhiệm vụ của mình: "Chính trị trọng hơn quân sự, tuyên truyền trọng hơn tác chiến". Cho nên, trước khi đánh đã nghĩ đến mục đích tuyên truyền; sau khi đánh lại tận dụng thắng lợi để mở rộng công tác tuyên truyền. Bấy giờ, tin thắng lợi của đội đã đền ra khắp các châu, huyện. Nhận thấy, nếu cuộc thắng lợi ấy chỉ có một trăm người biết thì chỉ có ảnh hưởng đối với một trăm người; nhưng nếu làm cho một nghìn người biết, thì về mặt chính trị, chẳng khác gì ta đã thu được mười cuộc thắng lợi hay là một cuộc thắng lợi lớn gấp mười. Chúng tôi cùng liên tỉnh đặt một kế hoạch mở rộng tuyên truyền đi đôi với một kế hoạch mở rộng tổ chức cơ sở chính trị và lực lượng vũ trang. Trên báo Việt Nam độc lập, mấy số liền đều có những bài đặc biệt thuật lại các trận đánh của Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân.

Và lai không phải chi đánh mới tuyên truyền được. Ngoài tác chiến ra, chúng tôi còn trực tiếp tiến hành công tác vũ trang tuyên truyền trong nhân dân. Vũ trang tuyên truyền là dùng lực lượng vũ trang để tuyên truyền chính trị, làm cho nhân dân tin tưởng ở sức mạnh của cách mạng, rồi từ đó đưa đến chỗ giác ngộ chính trị. Nhân dân khi thấy quân cách mạng có vũ khí, thì hay tin tưởng vào vũ khí. Các cán bộ, chiến sĩ đã chú ý dùng những lời lẽ đơn giản để nói cho đồng bào hiểu, sức mạnh của vũ khí chỉ là một sức

mạnh phụ thuộc, sức mạnh tinh thần của toàn dân đoàn kết mới là sức mạnh quyết định. Chúng tôi đã coi đó là một yêu cầu cơ bản của công tác tuyên truyền vũ trang. Nếu không làm cho nhân dân hiểu rõ điều đó, thì không đạt được mục đích của công tác vũ trang tuyên truyền.

Nhân dịp Tết, đội đã in những thiếp mừng trên giấy hồng, gửi cho các hội cứu quốc, các trường học, các thân hào thân sĩ, chúc sang năm mới, nhân dân được hưởng muôn sự tốt lành, nước nhà sẽ giành được độc lập, tự do. Đoàn thể tổ chức nhiều cuộc mít tinh đông đảo để báo tin thắng lợi, hô hào nhân dân ủng hộ đội quân cách mạng. Từ chợ đến quê, đâu đâu cũng đầy khẩu hiệu của Giải phóng quân "Kính trọng dân, giúp đỡ dân, bảo vệ dân", những tờ biểu ngữ "Mỗi viên đạn là một tên giặc". Truyền đơn hô hào bình lính "Quay súng lại bắn vào đầu quân giặc, đi theo Giải phóng quân" được phát khắp nơi.

Ảnh hưởng của các cuộc chiến thắng khá sâu rộng. Bọn Tây đồn, binh lính ta trong quân đội Pháp đâu đâu cũng bàn tán, phục tài dùng binh của cán bộ cách mạng, sợ lực lượng hùng hậu của quân đội cách mạng. Binh lính nhắc nhiều đến các nữ chiến sĩ du kích bằng một thái độ đặc biệt khâm phục. Họ khuyên nhau, nếu gặp quân cách mạng thì không nên chống cự, cứ theo hàng là tức khắc được đối đãi tử tế. Nhiều tên Việt gian phản động mới trước đây còn ra sức khủng bố cách mạng,

nay bảo nhau kéo đến tìm cán bộ Việt Minh để ký giấy nhận tội, nguyện đem trả lại những tiền bạc, lễ vật đã đục khoét của nhân dân. Những người lừng chừng, phần lớn ngã về phía cách mạng và ủng hộ cách mạng. Bà con hội viên thì hăng hái bội phần. Số cán bộ tình nguyện đi công tác thoát ly ngày càng tăng. Phong trào đấu tranh vũ trang sôi nổi trong nhân dân.

Đến mỗi địa phương, sau khi tiến hành tuyên truyền, đội bắt tay ngay vào công tác tổ chức. Đội chọn một số thanh niên hăng hái tiến hành huấn luyện, rồi giao nhiệm vụ cho họ tiếp tục công tác tại địa phương. Ngoài ra, đội còn lựa chọn một số thanh niên để đưa vào đội. Các anh em này sẽ được giáo dục, rèn luyện dần trong quá trình ở bộ đội để sau này, khi cần thì sẽ đưa trở về địa phương công tác, làm nòng cốt cho phong trào.

Chúng tôi quyết định: Đi đôi với việc tác chiến phải dùng vũ trang tuyên truyền trực tiếp để gây dựng một khu vực rộng rãi từ các vùng rừng núi giáp giới Hòa An, gần tỉnh ly Cao Bằng cho đến các châu Nguyên Bình, Ngân Sơn, Chợ Rã, vùng phụ cận các triển núi Phia U Âc, Phia Giả, Phia Bioóc.

Sau mấy ngày Tết ngắn ngủi, đội gấp rút tiến hành công tác huấn luyện một thời gian, rồi phân tán đi hoạt động ở các nơi, vừa xây dựng cơ sở, vừa tranh thủ tác chiến với địch. Anh Hoàng Văn Thái đi về phía Phia U Âc, điều

tra mô Tĩnh Túc. Một trung đội ở lại vùng Ben Le chờ cơ hội tiêu diệt địch. Một trung đội bố trí phục kích tại vùng Khâu Áng, Ngân Sơn. Tôi tranh thủ thời gian viết lại những kinh nghiệm của các cuộc chiến đấu tại Phai Khất, Nà Ngần, Đồng Mu để trao đổi với các nơi.

Các hoạt động của chúng tôi phần lớn hướng về phía nam.

B ước sang đầu năm 1945, cuộc giao chiến giữa Đồng minh và bọn phát xít xâm lược đã đi vào giai đoạn cuối cùng. Phát xít Đức đang ngắc ngoài giữa hai gọng kìm siết chặt của Hồng quân Liên Xô và quân đội Anh - Pháp. Tại Thái Bình Dương, sau khi mất Phi Luật Tân, đường liên lạc trên mặt biển của Nhật đã hầu như bị cắt đứt. Trước tình hình quân đội Đồng minh sớm muộn cũng sẽ vào Đông Dương, Nhật phải tiêu diệt Pháp để trừ một mối lo về sau. Phong trào cách mạng ở miền xuôi và trên cả nước ngày càng sôi nổi. Nhưng do sự khủng bố của địch, liên lạc giữa căn cứ địa Cao - Bắc - Lạng với Trung ương ở miền xuôi thường bị gián đoạn.

Liên tỉnh ủy gấp rút kêu gọi nhân dân chuẩn bị đón lấy thời cơ, và chỉ thị cho các đội vũ trang, các đội tự vệ sẵn sàng mở rộng đấu tranh vũ trang.

Để kịp với sự phát triển của tình hình, Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân tích cực thi hành kế hoạch tiến về phía Nam. Một bộ phận đi trước khôi phục và mở rộng những cơ sở trên dọc đường từ Ngân Sơn, qua Chợ Rã, Chợ Đồn tiến về phía Chợ Chu.

Trong khi đợi cùng cố đường giao thông, đại bộ phận đẩy mạnh hoạt động tại khắp vùng tiếp giáp hai tỉnh Cao Bằng - Bắc Kạn. Những hoạt động vũ trang tuyên truyền đã đi vào nền nếp, phát triển thuận lợi. Nhiều nơi, trên những bản làng tan nát, phong trào phục hồi nhanh chóng, trở lại sôi nổi, phấn khởi như trước thời kỳ địch khủng bố. Nhưng việc tác chiến trở nên khó khăn hơn. Thanh thế của bộ đội cách mạng đã lớn, buộc kế địch phải để phòng cắn mật. Với những trang bị thô sơ và trình độ bộ đội mới bước đầu xây dựng, còn nhỏ bé, ta chưa thể cường tập tiêu diệt đồn địch. Trong khi di chuyển, bọn địch cũng rất tinh khôn, biết tìm cách né tránh các cuộc phục kích của ta. Có lần, một trung đội do đồng chí Quang Trung chỉ huy, bắt gặp một bọn lính đi tuần, đã sẵn sàng nổ súng tiêu diệt quân địch, nhưng vì địch biết lợi dụng sương mù để di chuyển, nên ta nghe rõ tiếng giày đình của chúng mà không nhìn thấy, đành để chúng đi thoát.

Một hôm, tôi mở cuốn "Chiến tranh du kích kháng Nhật" của đồng chí Chu Đức ra đọc lại chương "Nguyên tắc căn bản của chiến thuật du kích", thấy đồng chí có viết một câu đại ý như sau: "Phải hành động cho rõ tích cực mà bị tổn thất ít nhiều, cũng còn hơn là hành động không tích cực", tôi đã có cảm tưởng như câu nói đó, đồng chí đã viết để tặng riêng cho chúng tôi. Đã nhiều lần, các đơn vị rất quyết tâm tiêu diệt địch lập công, nhưng hoặc tìm không thấy giặc, hoặc có lúc được tin giặc đến thì quân ta chưa chuẩn bị sẵn sàng, hành quân chậm trễ, thành thử cũng không đánh được giặc. Lúc này càng thấm thía phương châm Bác đã chỉ thị ngay từ ngày mới thành lập đội: "Bí mật, nhanh chóng, tích cực...". Bộ đội ta mới chỉ là một lực lượng du kích tập trung nhỏ bé, vũ khí ít, lương thực không có nhiều, nếu không hết sức tích cực, chủ động tìm địch mà đánh, thì không thể nào tiêu diệt được lực lượng địch, bồi dưỡng được lực lượng ta. Đơn vị quyết tâm thực hiện phương châm "tích cực", lúc nào cũng sẵn sàng vũ khí lương thực, tìm nơi đóng quân thuận lợi, tăng cường công tác tình báo, thông tin nhanh chóng, liên lạc kịp thời, hành quân nhẹ nhàng... để không bỏ lỡ thời cơ tiêu diệt địch.

Đội đã điều tra quy luật di chuyển của quân địch trên đường từ Nà Ngần đi Ben Le và chuẩn bị đánh địch trên con đường này. Khi được tin chắc chắn có đội vận tải của địch sắp đi qua, một trung đội do đồng chí Hoàng Sâm chỉ huy, đã hành quân cấp tốc cả một buổi chiều và suốt một đêm đến địa điểm phục kích. Trung đội được bố trí kín đáo trên quãng đường, một bên là thành vại, cây cối rậm rạp, một bên cô

gianh mọc um tùm. Anh Hoàng Sâm và tôi đã chọn địa điểm chỉ huy ở trên một quả đồi có thể nhìn xa khoảng ba ki-lô-mét, theo dõi sự vận chuyển của địch. Bố trí từ sáng đến ba giờ chiều địch mới về tới nơi. Đọi địch lọt vào giữa vòng vây, anh Hoàng Sâm bắn một phát súng ra hiệu lệnh xung phong. Quân địch không tên nào kịp chống cự. Trận này, ta bắt sống gần một trung đội địch, thu 16 khẩu súng và khá nhiều lương thực, đạn dược.

Bộ đội ta tuyên truyền giải thích cho tù binh, rồi thả một số cho trở về đồn Nà Ngần. Quân địch còn đóng tại đây hết sức hoang mang. Ngay đêm ấy, bộ đội ta tiến theo đường núi tới bao vây đồn. Tiếng súng, tiếng hò xung phong xen lẫn với tiếng loa kêu gọi. Tình thần binh lính địch trong đồn tan rã, một số bỏ chạy, một số mang súng ra hàng. Chúng ta thu được gần 30 khẩu súng. Trời tảng sáng, bộ đội vào chiếm đồn, thu tất cả đạn dược và đồ quân dụng.

Sau mỗi lần chiến thắng, đội lại điều động một số cán bộ và phân phối những vũ khí thu được về các châu để xây dựng lực lượng vũ trang địa phương. Châu Hòa An đã thành lập trung đội Giải phóng quân. Các châu, huyện khác cũng đều sửa soạn thành lập những trung đội Giải phóng quân.

Thượng tuần tháng 3, anh Phạm Văn Đồng và anh Vũ Anh tới thăm bộ đội tại tổng Hoàng Hoa Thám. Các anh nói: Tình hình rất khẩn trương, nhiều triệu chứng Nhật sắp lật Pháp, đội phải đi xuống phía Nam sớm, mở nhanh đường liên lạc với vùng xuôi.

Hai ngày sau, đồng bào đi chợ Nguyên Bình về nói chuyện, xe Nhật chở quân từ tỉnh lỵ đến đánh chiếm đồn Nguyên Bình và bắt Tây làm tù binh.

Chúng tôi đoán có xung đột lớn. Nếu đợi thảo luận với các anh thì sợ lỡ thời cơ, theo kế hoạch Nam tiến đã bàn bạc bữa trước, chúng tôi quyết định cho Giải phóng quân xuất phát ngay.

Cả đại đội từ trong rừng Phan Thanh, tổng Hoàng Hoa Thám kéo xuống cánh đồng Kim Mã giữa ban ngày. Lần đầu, lá cờ đỏ sao vàng ngang nhiên phấp phới tung bay giữa cánh đồng, trong tay những chiến sĩ Giải phóng quân. Đồng bào các làng, bản đổ ra đón chào, hoan hô bộ đội.

Sau bao năm hoạt động bí mật, sinh sống trong rừng sâu, núi hiểm, mỗi khi qua các làng mạc đều phải đi đêm, nén từng tiếng ho, nhẹ từng bước chân, đến bây giờ, chúng tôi bỗng ra khỏi rừng, giữa ban ngày ung dung đi trên đường cái, trên cánh đồng, được đồng bào nhiệt liệt đón mừng, ai nấy đều hết sức cầm động, sung sướng. Các cổng làng, các điểm gác mất hẳn dáng về kinh sợ ngày xưa. Những làng, bản, những mái nhà lúc này như mới trở về tay nhân dân. Trời như cao hơn, nắng

như ấm hơn, ngọn tre, nhành lúa đều có vẻ tươi sáng hơn mọi ngày. Hương vị tự do, độc lập tràn khắp núi rừng, làng mạc. Thực không thể nào tả được cái không khí thơm nhẹ, cái cầm tưởng hớn hở của những người lần đầu được hưởng những hương vị độc lập, tự do...

Chúng tôi tổ chức mít tinh, giải thích với đồng bào: "Nhật - Pháp đã đánh nhau, đây là thời cơ tốt để đứng dậy chuẩn bị khối nghĩa", và hạ lệnh cho tất cả các lính dõng phải nộp súng.

Ngày hôm sau, chúng tôi biên thư báo cáo, rồi kéo thẳng đường cái, tiến xuống châu Ngân Sơn. Dọc đường, một trung đội do đồng chí Sơn Cương chỉ huy được phân công ở lại tổng Hoàng Phài, bắt tên tổng đoàn phân động, tịch thu vũ khí của các lính dõng, và tuyên truyền giải thích cho nhân dân. Có tin, tên Pháp chỉ huy đồn Ngân Sơn không chịu rút quân ra khỏi đồn, hình như muốn nắn ná ở lại, đợi Nhật đến. Chúng tôi lập tức biên thư cho hắn: "Nếu muốn cùng hợp tác với Việt Minh để đánh Nhật thì phải kéo quân vào ngay khu du kích, sẽ được giúp đỡ, trái lại, nếu ở lại để nộp khí giới cho Nhật thì Việt Minh sẽ đánh lấy đồn".

Chiều hôm ấy, tên chỉ huy đồn cùng mụ vợ to béo, đưa theo toàn bộ binh sĩ đóng tại đồn Ngân Sơn, đến một địa điểm được chỉ định gần nơi bộ đội ta đóng quân. Chúng tôi tiếp nhận bộ phận binh lính này.

Các anh Hoàng Sâm, Quang Trung cùng một đơn vị theo dọc đường quốc lộ tiến xuống Phủ Thông đi về phía Bắc Kạn tước vũ khí lính dõng, phát triển bộ đội và chiến đấu với Nhật.

Đại bộ phận tiến về phía Chợ Rã.

Trên suốt dọc đường, đồng bào tấp nập đổ ra đón mừng, hoan hô bộ đội. Thấy các lý trưởng, quản chiếu trước kia hằng ngày vẫn lên đồn trình bẩm, bây giờ mang gà, gạo đến ủy lạo bộ đội, gọi chúng tôi là "đồng chí", viên Tây đồn hết sức kinh ngạc, hỏi:

- Những người này đối với các ngài là thế nào?

Chúng tôi đáp:

- Đó là những hội viên ở trong các hội cứu quốc của Việt Minh.

Tên Tây đồn ngắn người ra rồi nói:

- Đất đai dưới chân tôi biến mất hết từ bao lâu nay mà tôi không hề hay biết! Không ngờ Việt Minh lại có lực lượng to lớn như thế này!

Hắn nói không hiểu tại sao bộ đội Pháp trước kia đi đến đâu nhân dân cũng trốn tránh, mà bộ đội Việt Minh đi đến đâu, nhân dân cũng đón chào.

Chúng tôi đã nắm được tình hình tư tưởng binh lính tại đồn Ngân Sơn, chỉ một số rất ít muốn đi theo bộ đội cách mạng, phần lớn muốn trao súng lại để trở về nhà. Tới Chợ Rã, tên quan đồn ngô ý muốn chia tay chúng tôi để kéo quân sang Trung Hoa; nhưng toàn thể binh lính không ai chịu theo hắn, xin nộp khí giới cho bộ đội cách mạng rồi trở về nhà. Hai vợ chồng tên Pháp xin ta cấp giấy để đi về phía biên giới Việt - Trung.

Bộ đội ta gửi thông tri cho tên tri châu và tên đồn trưởng người Pháp đang lẩn lút ở chung quanh Chợ Rã biết, chúng ta sẽ vào giải phóng Chợ Rã. Tên tri châu này nổi tiếng là phản động, chạy trốn, định đi báo tin cho Nhật, lập tức bị đuổi bắt lại và tuyên án xử bắn trước nhân dân. Tên chỉ huy đồn xin nộp lại bốn trung đội lính khổ xanh cùng toàn bộ vũ khí cho quân cách mạng.

Quân đội Pháp còn trong địa hạt tỉnh Bắc Kạn lúc bấy giờ khoảng trên dưới năm trung đội, trong đó có một số sĩ quan Pháp, do một tên quan năm chỉ huy. Các đơn vị này được lệnh cấp trên của chúng, tiến hành những hoạt động quấy nhiễu Nhật trong khi còn ở lại đây đội lệnh mới. Có tin, bọn chỉ huy Pháp định tập trung quân ở miền sông Thao, gây căn cứ du kích đánh Nhật, và đang liên lạc với Bộ tham mưu Đồng minh ở Trung Hoa.

Chúng tôi viết thư cho tên chỉ huy Pháp khuyên hắn cùng Việt Minh đánh Nhật với các điều kiện:

1- Phải tôn trọng chủ quyền của ta. 2- Binh lính của hắn không được quấy nhiễu nhân dân. 3- Ta sẽ để nhân dân bán cho hắn lương thực. Nhưng

thực ra bọn chỉ huy Pháp không có ý muốn chống cự với Nhật, chúng chỉ mong thoát thân. Hầu hết binh sĩ của chúng đến gặp ta, nộp súng, rồi xin trở về quê quán.

Sau này, chúng tôi biết, bọn Pháp mặc dầu có hàng vạn quân trong tay, nhưng khi bị Nhật lật, chỉ làm có hai công việc: Chạy trốn và đầu hàng. Đại bộ phận quân Pháp ở Cao Bằng rút chạy sang Trung Hoa, một bộ phận dồn về Bắc Kạn. Bọn tàn quân ở Lạng Sơn kéo về Bắc Kạn, hợp nhất với bọn ở đây, rồi chạy cả về Pắc Nậm, qua Nậm Quét sang Trung Hoa. Bình lính của chúng ở Bắc Giang, Thái Nguyên, Sơn Tây... đều rút lên Tuyên Quang, men theo đường rừng dọc sông Gâm, đến Nậm Quét hay tới Hà Giang để vượt biên giới. Chúng đi hốt hoảng, vội vã, quên cả dặn dò những tên tay chân tổng đốc, tuần phủ đón chúng ở dọc đường. Nhưng chúng không quên dùng hơi ngạt giết chết những người cách mạng bị giam giữ tại Cao

Bằng, Yên Bái. Trên dọc đường rút lui, chúng cướp bóc nhân dân hết sức tàn tệ. Có nơi, đồng bào bỏ chạy vào rừng; một tháng sau, cán bộ Việt Minh đến giải thích rồi, vẫn chưa dám trở về làm ăn. Hầu hết các binh lính người Việt bị dồn đi theo, đều bỏ rơi chúng, đem vũ khí nộp cho bộ đội cách mạng, rồi trở về làng. Một số xin gia nhập hàng ngũ Quân giải phóng để kháng Nhật.

Khi chúng tôi vào Chợ Rã thì cờ sao đã đỏ rực trên suốt dọc phố, trên mái đình, trên trường học. Nhân dân trông chờ bộ đội, nhà nào cũng chuẩn bị cơm nước để đón bộ đội.

Lâu lắm mới thấy lại đường phố. Chợ Rã chỉ là một châu ly nhỏ ở miền thượng du, nhưng trước mắt chúng tôi lúc này phố xá nhà cửa đã có vẻ to lớn. Các đồng chí liên lạc đưa chúng tôi vào nghỉ tại một gia đình cơ sở ở trong phố. Chủ nhà là một người miền xuôi, trước kia đã là độc giả của báo Tin tức trong thời kỳ Mặt trận bình dân.

húng tôi ở lại Chợ Rã một hôm, tổ chức mít tinh nhân dân để tuyên truyền, giải thích những chính sách của Việt Minh, tước súng của lính dõng, tổ chức lục lượng vũ trang châu, tuyển mộ một số thanh niên để mở rộng bộ đội và nhằm đào tạo cán bộ cho địa phương về sau. Chính quyền địch đã hoàn toàn tan rã. Mọi việc từ tổ chức các đoàn thể cứu quốc, chống cự với Nhật khi chúng kéo lên, cho tới việc tranh chấp ruộng, rẫy... nhân dân

đều đến hỏi cán bộ. Đội giao nhiệm vụ cho đồng chí Mai Trung Lâm ở lại địa phương, rồi tiếp tục tiến về phía Nam. Anh Hoàng Văn Thái chỉ huy một đơn vị đi về phía Lục An Châu. Đại bộ phận của đội đi xuống Chợ Đồn.

Bộ phận tiến xuống phía Chợ Đồn phải qua Hồ Ba Bể. Từ trước, đã nhiều lần nghe nói Hồ Ba Bể là một thắng cảnh. Lần này, lại được đến nơi trong những ngày đất nước bắt đầu đổi mới, thấy thật là một thắng cảnh tuyệt vời. Hồ Ba Bể do ba cái hồ rất lớn hợp thành. Giữa những núi non hùng vĩ đột ngột hiện ra một dải nước mênh mông, rất nhiều ngòi, lạch tia ra xung quanh, giống như một Vịnh Hạ Long thu nhỏ ở ngay giữa đất liền. Tại vùng này, việc giao thông chủ yếu phải dùng thuyền, bè, hay ca-nô, vì đường qua núi rất ít néo đi thông.

Giữa hồ có một dải đất nổi lên như hòn đảo. Tại đây, thực dân Pháp trước kia đã xây một khách sạn khá lớn để phục vụ cho những "ông Tây, bà đầm" đi nghĩ mát và xem cảnh đẹp. Tây từ lâu không đến, nhưng những người phục vụ tại khách sạn vẫn còn. Chúng tôi điều tra xem Pháp có cất giấu súng đạn ở chung quanh đây không. Anh chị em làm việc tại khách sạn dẫn chúng tôi đi lấy được một số đạn giấu ở hốc đá. Đội triệu tập đại biểu nhân dân các xã chung quanh tới để tuyên

truyền, giải thích chính sách và tuyển một số thanh niên vào đội. Nhân dân nô nức đến chào mừng bộ đội, mang theo nhiều lượng thực và sốt sắng cho con em gia nhập hàng ngũ Quân giải phóng. Đội quyết định tịch thu mọi thứ đồ đạc của bọn thực dân còn để tại khách sạn như chăn, màn, vải vóc... chia cho đồng bào nghèo, và tặng lại những gia đình có con em đi Giải phóng quân.

Sáng hôm sau, chúng tôi dậy sớm, chuyển vào một làng ở ven hồ. Mặt trời đỏ thắm nhỏ dần lên khỏi mặt nước. Một đoàn thuyền độc mộc chở bộ đội nổi theo nhau lướt trong gió mát lạnh ban mai. Chúng tôi thấy rõ ràng mình đang đi giữa một kỳ công của thiên nhiên. Đồng bào đang quăng chài, kéo lưới, đều ngừng làm việc để nhìn bộ đội đi qua. Mấy chị người Tày đem những con cá tươi vừa đánh được, tặng bộ đội.

Từ khi ở Chợ Rã ra đi, có một điều làm tôi hết sức suy nghĩ... Cho đến lúc đó, vẫn chưa nắm được rõ ràng tình hình chung. Bọn Pháp có nói Nhật đã đánh chúng, nhưng chính chúng cũng không rõ tình hình tại Hà Nội ra sao. Tuy vậy, chúng tôi vẫn đoán chắc chắn là có sự biến chuyển lớn. Vấn đề chính làm tôi băn khoăn là: Pháp đã bỏ chạy, chính quyền cũ hoàn toàn tan rã, lúc này đã nên thành lập chính quyền cách mạng chưa? Trường hợp này, khi chúng tôi còn ở cơ quan, chưa có dịp bàn đến. Tôi nghĩ đến những điều đã đọc trong các tác phẩm của Lê-nin, đại ý như: Khi tình thế cách mạng trực tiếp đã xuất hiện thì phải kiên quyết đứng lên... Phải luôn luôn tiến

công... Phải hết sức cân nhắc những điều kiện khởi nghĩa, nếu đã chín muối thì phải hành động ngay, nhưng nếu manh động thì thất bại... Điều kiện như thế này là đã chín muối chưa? Vấn đề này chưa có chỉ thị của Trung ương mà Liên tỉnh cũng chưa có nghị quyết. Lại nhớ đến lần Bác phê bình những nghị quyết về khởi nghĩa của Liên tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng. Rồi lại nghĩ, ngày đó Bác phê bình là rất đúng, nhưng hiện nay tình hình đã khác hẳn trước rồi. Năm trước, chúng tôi xuống Chợ Rã, phải đi lén lút trong rừng sâu, e ngại từng vọng gác nhỏ của dịch; lần này, cả đoàn quân kéo đi trên đường cái, giữa ban ngày, không gặp sức mạnh nào cản trở. Cuối cùng, tôi nhận thấy, với chủ trương chung cho tất cả các nơi thì phải đợi chỉ thị của trên, nhưng riêng trong vùng này thì nên thành lập chính quyền cách mạng.

Tôi quyết định để đại bộ phận tiếp tục tiến về Chợ Đồn, mình cùng một số đồng chí quay lại Chợ Rã.

Khi họp để trao đổi về ý định này tại Chợ Rã, các cán bộ đều nhất trí. Tại châu lỵ Chợ Rã và mấy xã lân cận, cơ sở cũ của ta không có mấy. Chúng tôi tiến hành điều tra, chọn một số người từ trước đến nay vẫn tỏ ra có cảm tình đối với cách mạng,

được nhân dân tại đây tin cậy, thành lập Ủy ban nhân dân lâm thời Chợ Rã. Cán bộ triệu tập mít tinh, giới thiệu Ủy ban ra mắt nhân dân. Chính quyền mới tuyên bố sẽ thực hiện Mười chính sách của Việt Minh đã ban hành. Chúng tôi cùng thảo luận với cán bộ địa phương kế hoạch tuyên truyền, tổ chức Ủy ban nhân dân lâm thời tại các xã trong toàn châu, kế hoạch xây dựng các hội cứu quốc, các đội tự vệ, chia công điền, và chuẩn bị trước một địa điểm ở nơi an toàn để tạm rút nếu quân Nhật kéo lên đông, ta chưa đủ sức chống cự. Tôi biên thư cho đồng chí Sơn Cương, nêu ý kiến cần thành lập ngay chính quyền nhân dân ở trên đó.

Ngay hôm sau, chúng tôi lại quay xuống Chợ Đồn. Bộ đội dừng lại ở bản Chi Ấn, một nơi chưa có phong trào. Sau khi chúng tôi tước vũ khí của lính dõng, thành lập Ủy ban nhân dân lâm thời, nhân dân địa phương hôi ngay đến vấn đề ruộng đất. Cán bộ đội đã tiến hành điều tra vấn đề ruộng đất, nợ lãi tại đây, sau đó đem chia tất cả những công điển.

Đến Chợ Đồn, thì nhận được thư của các anh.

Ngay sau khi Nhật đảo chính Pháp, Liên tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng đã ra nghị quyết:

1. Đánh đổ chế độ thống trị của Pháp ở hương thôn, rồi tùy nơi, sẽ thành lập chính quyền nhân dân từ cấp xã đến cấp châu, huyện, phủ, hoặc đến cấp tỉnh.
2. Phân phối cán bộ của Đội tuyên truyền về cùng các đội vũ trang địa phương tổ chức thêm những đơn vị Giải phóng quân mới, chuẩn bị trực tiếp đánh Nhật.
3. Phá hoại đường sá, cầu cống, dân chúng tích cực làm vườn không nhà trống khắp nơi.
4. Đối với quân đội Pháp bị Nhật đánh đuổi, chủ trương không khiêu chiến với họ trong lúc họ rút lui, mà tích cực kêu gọi họ cùng nhau thành lập mặt trận chống Nhật.

Các đội Giải phóng quân ở Cao Bằng đã được lệnh đi về nhiều hướng khác nhau. Anh Thiết Hùng chỉ huy một đơn vị tiến sang chiến đấu tại phía Bảo Lạc, sau đó tiến về mạn Thất Khê, Bình Gia cùng các đồng chí Đàm Ninh Viễn, Hoàng Minh Thảo đẩy mạnh mọi hoạt động. Anh Lê Quảng Ba đã chỉ huy một đơn vị tiến về biên giới Việt - Trung, phía Sóc Giang, sau khi giao nhiệm vụ chiến đấu lại cho anh Bằng Giang, tiếp tục tiến sang phía Bắc Quang.

Các đơn vị vũ trang tại Cao Bằng đã hạ một loạt đồn trại, thu súng của lính dõng, gọi tước vũ khí của các đoàn quân Pháp nổi tiếp nhau vượt qua biên giới Việt -

Trung từ Trùng Khánh đến châu Bảo Lạc, đã thu được hàng nghìn súng trong đó có nhiều súng máy, có cả súng cối và đại bác; ngoài ra còn thu được khá nhiều lừa ngựa. Một số sĩ quan Pháp không đáp lời kêu gọi của ta cùng hợp tác chống Nhật, còn quay lại bắn vào ta, như ở Trà Lĩnh, Mã Phục, đã bị các lực lượng vũ trang của ta đánh bại, phải nộp toàn bộ vũ khí.

Vói những lục lượng cách mạng không ngừng được tôi luyện suốt mấy năm qua, trong tình hình chuyển biến mới có lợi, phong trào cách mạng Cao Bằng như nước vỡ bờ tràn lan nhanh chóng khắp nơi. Không đầy một tháng sau khi Nhật đảo chính, toàn bộ các châu Hòa An, Nguyên Bình, Hà Quảng, tại Thạch An và một phần các châu Bảo Lạc, Quảng Uyên, Trùng Khánh... chính quyền đã về tay nhân dân ta. Các ban Việt Minh tổng và xã đều ra công khai; mọi thứ thuế má cũ đều bãi bỏ; ra đường mọi người đều chào nhau bằng "đồng chí". Thanh niên, đặc biệt là những người ở trong các đội tự vệ, tự vệ chiến đấu nô nức tòng quân. Vói những vũ khí đoạt được của địch, các châu tại Cao Bằng đã dần dần thành lập trên mười đại đội Giải phóng quân. Anh Vũ Anh cùng một đơn vị tiến xuống phía Bắc Sơn, Đình Cả. Những đại đội Giải phóng quân mới được tổ chức di chuyển về phía Nam, sẵn sàng đợi lệnh.

uôi tháng 3 năm 1945, chúng tôi về tới Chợ Chu.

Ngay sau ngày Nhật đảo chính, các đơn vị Cứu quốc quân đã nổi lên hoạt động, chặn đánh quân Pháp tại Đèo Khế, tước khí giới, đoạt những vũ khí quân đội Đồng minh thả dù tiếp tế cho Pháp, bao vây hạ một loạt đồn bốt châu ly: La Hiên, Chợ Chu, Chiêm Hóa, Đại Từ... Đấng bộ Thái Nguyên và Ủy ban quân chính Thái - Tuyên đã lãnh đạo nhân dân ở các xã giành chính quyền từng bộ phận. Cuối tháng 3 năm 1945, chính quyền ở các xã trong toàn tỉnh hầu hết đã về tay ta.

Về phía Tuyên Quang, Cứu quốc quân hạ đồn Đảng Châu, chiếm đóng huyện Sơn Dương. Chính quyền nhân dân đã thành lập ở nhiều châu, huyện từ bờ sông Lô đến đường quốc lộ số 3, và về phía Nam tới gần tỉnh ly Vĩnh Yên.

Trong khi chúng tôi gặp nhau tại Chợ Chu thì các đơn vị Cứu quốc quân, Giải phóng quân khác cũng gặp nhau tại Đại Từ (Thái Nguyên), Chợ Đồn (Bắc Kạn), Đầm Hồng, Bản Thi, Chiêm Hóa, Sơn Dương (Tuyên Quang), Văn Mịch (Lạng Sơn).

Những người bạn chiến đấu gặp nhau lần này trong vận hội mới của cách mạng, tay bắt mặt mừng giữa ban ngày tại phố xá đông đúc, khác hẳn lần gặp trước trong rừng sâu, đêm khuya cách đây hơn một năm. Chúng tôi kể lại cho nhau nghe tình hình phong trào cách mạng trong những vùng đã công tác từ ngày đó đến nay. Anh

Chu Văn Tấn cho biết phong trào tại Tuyên - Thái đang phát triển mạnh, và đã bắt được liên lạc với Trung ương ở miền xuôi.

Bộ đội đóng quân ngay tại chợ. Công việc dồn dập. Cuộc hàn huyên không thể kéo dài. Sau một đêm liên hoan tưng bừng, các cán bộ, chiến sĩ Cứu quốc quân, Giải phóng quân chia nhau đi làm công tác dân vận.

Về đến đây, chúng tôi biết, ngay sau khi Nhật bắt đầu đảo chính, Trung ương Đảng đã ra bản chỉ thị: "Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta", ấn định đường lối, sách lược của Đảng trước tình hình mới. Khẩu hiệu: "Đánh đuổi Nhật, Pháp" nay đổi thành "Đánh đuổi phát xít Nhật". Đảng chủ trương "Phát động một cao trào kháng Nhật cứu nước mạnh mẽ, làm tiền đề cho cuộc Tổng khối nghĩa".

Ít ngày sau, tôi nhận được thư của anh Trường Chinh triệu tập về họp Hội nghị quân sự Bắc Kỳ. Tôi viết thư lên Cao Bằng báo cáo tình hình với các anh, rồi lên đường đi họp.

Hết đường rừng, phải bỏ ngựa lại, bắt đầu đi bộ. Các đồng chí đã kiếm cho tôi đủ bộ, quần trắng, áo the, khăn xếp, làm hành trang đi đường. Qua Đại Từ, Cát Nê, Ký Phú, phố Nĩ... mỗi lúc một thấy gần miền xuôi. Đã mấy năm nay mới lại nhìn thấy cánh đồng xanh chạy dài tít tắp đến chân trời. Chưa kịp vui vì được nhìn lại những cánh đồng quê hương thì lòng đã se lại khi thấy đồng bào lam lũ, đói rách quá chừng. Người đói từ miền xuôi kéo lên, nằm rải rác suốt dọc đường, da bọc lấy xương. Mấy năm qua ở Cao - Bắc - Lạng trong thời gian dài địch khủng bố, đồng bào cũng sống rất thiếu thốn, nhưng không đến nỗi cơ cực như thế này. Nghe nói, ở miền xuôi nạn đói còn hoành hành dữ dội hơn nhiều. Có những làng ở Thái Bình, Nam Định dân bỏ đi hết không còn ai. Tại Hà Nội, mỗi sáng, xe chở rác đầy chặt những xác người nhặt trên các hè phố. Cùng với những tội ác đẫm máu của giặc tại Cao - Bắc - Lạng mấy năm qua, lại còn tội ác tẩy trời chúng đang gây nên ở đây. Sự bóc lột của giặc đã lên tới mức cùng cực. Với lòng cảm phẫn tột độ, nhân dân đã đứng dậy cả rồi. Cách mạng không thể nào đi bước một. Tình hình đã cấp bách đòi một sự đổi thay đến tận gốc rễ.

Đến Bắc Giang, thấy mình thật đã đặt chân lên cánh đồng màu mỡ kéo liền một dải của đồng bằng. Từ đây về đến Hà Nội chẳng còn đèo dốc nào. Cảm thấy đã gần nhà quá chừng.

Đồng chí giao thông đưa chúng tôi qua những quả đồi thông xinh xắn, tới một làng cơ sở. Tại đây, chúng tôi gặp các anh Trường Chinh, Trần Đăng Ninh, Lê Thanh Nghị, Văn Tiến Dũng...

Cuộc họp kéo dài bốn ngày dưới sự điều khiển của anh Trường Chinh. Anh Chu Văn Tấn báo cáo trước hội nghị tình hình phong trào và những hoạt động của Cứu quốc quân tại Thái Nguyên, Tuyên Quang. Tôi báo cáo tình hình phong trào và những hoạt động của Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân tại Cao Bằng, Bắc Kạn. Qua hội nghị, biết rõ một cao trào kháng Nhật đang lên mạnh từ Bắc chí Nam. Nhiều nơi trên Việt Bắc, đã thành lập chính quyền công khai. Nhiều vùng tại trung du đã có Ủy ban Giải phóng dân tộc, tức là một thứ chính quyền nữa công khai của cách mạng. Tại miền xuôi cũng đã diễn ra nhiều cuộc tuần hành vũ trang rầm rộ. Ngoài những lực lượng vũ trang của Đảng tại Việt Bắc, còn rất nhiều những đội tự vệ, tự vệ chiến đấu ở trung du, ở miền xuôi và ngay ở trong lòng các thành phố lớn. Tại miền Trung, du kích đã nổi dậy ở Quảng Ngãi (sau này chúng tôi mới biết là Đội du kích Ba Tơ)1. Tại Nam Kỳ, những hoạt động của Việt Minh đang phát triển mạnh ở Mỹ Tho và miền Hậu Giang.

Hội nghị nhận định trong tình thế hiện nay, cần phải phát động chiến tranh du kích và chuẩn bị Tổng khối nghĩa.

Vê quân sự, hội nghị quyết nghị chia toàn quốc ra bảy chiến khu, đề ra nhiệm vụ xây dựng Việt Bắc thành căn cứ địa kháng Nhật kiểu mẫu để mở rộng chiến tranh du kích; thống nhất Cứu quốc quân và Giải phóng quân lại, đồng thời thành lập Bộ Tư lệnh miền Bắc. Hội nghị quyết định sáp nhập một số tỉnh trung du vào căn cứ địa Việt Bắc để làm vùng hoạt động du kích ngoại vi, bảo vệ cho căn cứ. Nhiệm vụ vũ trang Nam tiến được chú ý đặc biệt: Một bộ đội tinh nhuệ phải tiến gấp về hướng Nam. Hội nghị bầu ra một Ủy ban quân sự cách mạng để trực tiếp điều khiển công việc cho đến lúc khôi nghĩa.

Về chính trị, hội nghị đề ra nhiệm vụ đoàn kết toàn dân, lôi cuốn cả các thành phần tầng lớp trên vào phong trào cứu quốc, đẩy mạnh phong trào đi tới bằng cách kêu gọi nhân dân vũ trang tuần hành trong những vùng chưa phát động du kích. Theo chỉ thị của Bác, hội nghị ra nghị quyết đề nghị triệu tập một cuộc đại hội đại biểu toàn quốc gồm các giới, các đảng phái, các thân sĩ trong toàn quốc để thành lập Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam và tiến tới thành lập Chính phủ lâm thời.

Từ ngày lên đường đi họp, tôi hy vọng về đây gặp các anh sẽ được biết tin nhà. Mấy năm qua, không được tin tức gì về gia đình. Tôi có đôi lần gửi thư về nhà nhưng không rõ có đến nơi hay không. Tôi cảm thấy ngày chúng tôi gặp lại nhau không còn xa nữa.

Buổi đầu gặp lại anh Trường Chinh và các anh sau bao năm xa cách, thật là vui mừng khôn xiết. Tôi đang ngồi nghe các anh kể chuyện địch khủng bố gắt gạo dưới xuôi, cơ quan luôn phải di chuyển địa điểm, thì anh Trường Chinh nói:

- Chị Thái chỉ vì gửi cháu chưa được, chưa kịp đi bí mật thì đã bị chúng bắt. Cũng không ngờ chị lại bị mất ở trong tù...

Tôi lặng người đi.

Lát sau, tôi hỏi:

- Anh nói sao, Thái mất rồi ư?

Anh Trường Chinh có vẻ ngạc nhiên, hỏi lại:

- Anh chưa biết tin à?

Khi ở Cao Bằng, các anh cũng đã có lần nghe tin đâu như chị Thái bị bắt, nhưng vẫn giấu chưa muốn cho tôi biết. Tôi bàng hoàng đi sang buồng bên, vẫn chưa tin hẳn điều các anh nói là sự thật.

Tôi nằm nhớ lại ngày chúng tôi mới gặp nhau ở Huế trong khi cùng hoạt động bí mật, nhớ đến những lời hứa hẹn sẽ cùng nhau phấn đấu trọn đời cho chủ nghĩa cộng sản, nhớ lại những điều đã dặn dò nhau khi chia tay, nghĩ đến Hồng Anh... Sau này tôi mới biết trong thời gian tôi đi xa, Thái vẫn tiếp tục hoạt động, làm liên lạc cho Trung ương; sau chuyến đi Sài Gòn để gặp chị Minh Khai lần cuối cùng trước lúc chị bị để quốc đem xử bắn, trở về nhà được ít lâu thì bị bắt. Trong nhà tù, bọn để quốc đã dùng mọi cực hình tra tấn để truy tìm mối dây liên lạc với anh Hoàng Văn Thụ, Thái đã quyết không khai một lời, giữ tròn khí tiết của người đảng viên cộng sản, và đã mất tại nhà giam Hóa Lò Hà Nội.

Liên hôm đó, cuộc họp lại tiếp tục. Các anh hết sức tìm cách an ủi tôi. Cho đến mãi về sau, trong không khí nô nức của những ngày tiến khởi nghĩa, mỗi lúc nghĩ đến Thái, tôi vẫn không tin được là chúng tôi sẽ không bao giờ gặp nhau trở lại. Nợ nước, thù nhà, oán hòn giai cấp, đối với người đảng viên cộng sản chỉ có thể trả bằng cách: Vượt lên những khó khăn, đau thương, kiên quyết tiến lên trên con đường Đảng đã chỉ rõ, dốc hết sức mình chiến đấu tiêu diệt quân thù, hy sinh tất cả cho sự nghiệp của Đảng, của nhân dân, của dân tộc.

27

Y ê đên Chç Chu đúng vào ngày 1 tháng 5, chúng tôi dùng lại đây làm mít tinh kỷ niệm ngày Quôc tê Lao động. Môt sô tin mùng đên. Bên chiên truông châu Âu, phát xit Đuc sáp hoàn toàn guc ngã truôc Hông quân Liên Xô và Đông minh. Cùng lúc áy, đucç tin Bác đi xa môi vê, đang tù biên giôi xuông vôi chùng tôi. Truôc đó, có tin Bác djnh vê duôi này, chùng tôi đã đê nghj Bác đi theo con duông Nam tiên Bác đã vach ra cho Đôi tuyên truyên Viêt Nam Giài phóng quân ngày truôc.

Tôi vội vã đi đón Bác. Dọc đường, ngựa phóng nhanh quên nghỉ. Lên Đèo De, qua Nghĩa Tá, tôi Nà Kiên thì vừa gặp Bác đang đi về. Bác ngồi trên mình ngựa, có vẻ mệt sau một chặng đường xa, mặt võ, râu để dài, duy đôi mắt Bác vẫn tinh anh như bất cứ lúc nào.

Từ ngày Bác giao nhiệm vụ xây dựng Đội tuyên truyền Việt Nam Giải phóng quân đến bây giờ tôi mới được gặp lại Bác. Tôi không nén được xúc động, báo cáo với Bác:

- Vùng giải phóng đã mở rộng...

Tôi trình bày với Bác tình hình phong trào nhân dân trong những vùng rộng lớn mà chúng tôi đi qua, từ ngày Bác chỉ thị thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân. Tôi báo cáo đã liên lạc được với Trung ương, đã gặp anh Trường Chinh và các anh, phong trào cách mạng ở miền xuôi đang lên mạnh. Bác chăm chú nghe, bình tĩnh, điểm đạm, trong đôi mắt Bác có ánh vui.

Bác kể chuyện tình hình bên ngoài, thời cơ cũng đang có lợi cho ta. Bác nói, cần chọn ngay trong vùng Cao - Bắc - Lạng hoặc Tuyên Quang, Thái Nguyên một địa điểm có dân tốt, có cơ sở cách mạng tốt, địa hình tốt, có thể thuận tiện làm một trung tâm liên lạc với miền xuôi, miền ngược và ra nước ngoài.

Tôi trở về Kim Quan Thượng bàn với anh Song Hào. Chúng tôi nhận thấy nên chọn vùng Tân Trào. Tân Trào là một vùng rừng núi hiểm trở, giữa Tuyên Quang và Thái Nguyên, rất xa đường cái lớn. Từ ngày các anh Song Hào, Tạ Xuân Thu thoát ngục Chợ Chu, đã về đây cùng các đồng chí Dục Tôn, Lê Trung Đình... xây dựng cơ sở và thành lập chính quyền cách mạng. Nhân dân và cơ sở tại đây rất tốt.

Anh Chu Văn Tấn mấy hôm trước tưởng Bác về theo đường Chợ Đồn, đã đưa bộ đội lên bố trí tại Đèo So để đón Bác, được tin Bác đi đường khác, vội vã quay về Sơn Dương.

Bác về Tân Trào vào một buổi trưa. Anh Chu Văn Tấn và anh Song Hào cùng một số đồng chí cán bộ đón Bác trước đình Hồng Thái.

Bác ô lại ít ngày tại một gia đình cơ sở xóm Kim Lộng rồi chuyển lên một chiếc lán nhỏ làm trên sườn một quả đồi. Tiếng đồn bay đi khắp nơi: "Có ông Cụ đã cao tuổi, sao mà nhanh nhẹn, tài giỏi, tốt đến thế. Dân mình lắm người tài, phen này nhất định lấy lại được nước".

Thời gian này anh Cả1 ở xuôi lên và anh Hoàng Quốc Việt ở nước ngoài mới về, cũng đến Tân Trào. Tôi báo cáo lại với Bác và các anh những nghị quyết của Hội nghị quân sự Bắc Kỳ. Bác nhận xét hội nghị tiến hành rất tốt, nhưng Bác nói: "Chia các tỉnh ra làm nhiều chiến khu như thế rườm rà quá, không lợi cho việc chỉ huy

chung. Nay vùng giải phóng ở miền ngược đã bao gồm các tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Hà Giang, Tuyên Quang, Thái Nguyên, địa thế nổi liền với nhau, nên lập thành một khu căn cứ lấy tên là Khu giải phóng. Thống nhất các lực lượng vũ trang lại là rất đúng, nên đặt tên là Quân giải phóng!". Bác bàn với chúng tôi làm dự thảo nghị quyết về việc thành lập Khu giải phóng và quyết định triệu tập hội nghị cán bộ toàn khu để thống nhất lãnh đạo và triển khai công tác.

Theo nghị quyết của hội nghị cán bộ ngày 4 tháng 6 năm 1945, được triệu tập theo chỉ thị của Bác, Khu giải phóng phải trở thành một căn cứ địa vững

chắc về mọi mặt chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa để làm bàn đạp Nam tiến, giải phóng toàn quốc.

Tân Trào được chọn làm thủ đô của Khu giải phóng.

Ủy ban chỉ huy lâm thời Khu giải phóng được thành lập. Tình hình cụ thể của các chiến khu, các địa phương trong Khu giải phóng bấy giờ rất khẩn trương. Ủy ban chỉ huy lâm thời khu chưa kịp họp lần nào. Tôi được chỉ định làm Thường trực của Ủy ban, một mặt giữ liên lạc với Trung ương dưới xuôi, với các anh Lê Thanh Nghị, Trần Đăng Ninh tại Bắc Giang, một mặt giữ liên lạc với Cao Bằng, Bắc Sơn.

Trên đất nước còn mang đầy vết thương và những bóng đen ẩm đạm sau gần một trăm năm bị đô hộ, đã xuất hiện hình ảnh tươi sáng của nước Việt Nam ngày mai.

Chính quyền nhân dân trong toàn Khu giải phóng được chỉnh đốn lại bằng bầu cử, theo phổ thông đầu phiếu.

Lần đầu, người dân được trao lại những quyền tự do dân chủ đã bị cướp đoạt, tự mình lựa chọn những người đứng ra đại diện bảo vệ quyền lợi cho mình. Ý nghĩa của việc bầu cử được tuyên truyền, giải thích sâu rộng. Ngoài những cuộc mít tinh hàng châu, hàng tổng, hàng xã để nghe cán bộ giải thích, còn có những đội kịch đi khắp các nơi làm công tác tuyên truyền. Đồng bào Khu giải phóng là những người đầu tiên được cầm lá phiếu của tự do. Nhân dân bầu ra người đại diện và cũng chính nhân dân phê truất những người không còn xứng đáng để đại diện cho mình. Tại châu Sơn Dương, một ủy viên châu làm trái phép, nhân dân đã vận dụng quyền bãi miễn, các xã phái đại biểu đi họp hội nghị, biểu quyết cách chức ủy viên ấy.

Về kinh tế, cũng có nhiều chuyển biến tốt. Trong vòng khói lửa, ngày nào cũng nghe tiếng súng nổ, công việc tăng gia sản xuất vẫn tiến hành đều đặn. Những đám đất hoang đều được vỡ. Các bà, các chị đua nhau phát rẫy tập thể. Tại Chợ Chu đã mở một cuộc hội nghị tăng gia sản xuất, bàn kế hoạch phát nương, giống rau,

nuôi gà, lợn... của đại biểu các nhà nông, có một kỹ sư canh nông cùng tham gia bàn bạc. Nhiều hợp tác xã mua bán được tổ chức. Các hợp tác xã tại Chợ Rã chuyên vài xuống, các hợp tác xã từ Tuyên, Thái tài muối lên.

Những hoạt động văn hoá cũng triển khai mạnh mẽ. Phong trào chống nạn mù chữ phát triển rất nhanh chóng, phần lớn các xã đều có trường dạy quốc ngữ. Lần đầu, các cụ già, các bà mẹ cấp sách đến trường. Nhiều châu mở trường cứu quốc sơ cấp. Chợ Đồn mở trường sư phạm. Chiêm Hóa mở hội nghị văn hóa. Châu, huyện nào cũng bắt đầu có tờ báo của địa phương. Cao - Bắc - Lạng vẫn ra tờ Việt Nam độc lập. Toàn khu có tờ Nước Nam mới và Quân giải phóng.

Mỗi xã đều có một nhà Hội đồng cứu quốc. Nhân dân thường đến họp để nghe tình hình và bàn bạc những công việc chung.

Nghĩ lại thấy bộ máy thống trị của tên để quốc cáo già Pháp thật là khe khắt độc ác và tinh vi. Nó đã chăng bùa khắp đất nước ta biết bao tầng lưới sắt chằng chịt. Từ thành thị đến nông thôn các cõi rễ của nó ăn sâu một cách lạ thường. Bây giờ, cái cây già cỗi đó bao năm che lấp cả ánh sáng mặt trời, phút chốc bỗng đổ nhào trước cơn gió lốc. Cửa nhà, làng mạc như lúc này mới được hiện ra dưới ánh sáng ấm áp. Rừng sâu, núi cao, đêm tối không phải là nơi làm việc tốt nhất nữa. Trên các đường lớn, ngõ hẻm, bỗng dưng khôi phục lại cái quyền ung dung đi lại, không phải lắm lét xa gần để tránh người lạ mặt. Nhớ lại lúc đi giày, đi dép chẳng được đã đành, ngay đi chân không cũng còn e sợ để lại dấu vết trên rêu xanh, sôi trắng... Cả bộ máy thống trị đàn áp ghê gớm của kẻ địch xây dựng từ gần một thế kỷ nay, lúc này đã tan tành trước sức mạnh của nhân dân.

Trong thời gian này, mỗi chiến sĩ Giải phóng quân đều trở nên một cán bộ chính trị. Hầu hết các chiến sĩ trước khi gia nhập bộ đội đều đã hoạt động công tác quần chúng tại địa phương, bây giờ thành những cán bộ tuyên truyền, tổ chức đắc lực. Các chiến sĩ đã giúp vào việc lập ủy ban nhân dân, tổ chức đội vũ trang địa phương, thành lập các hội quần chúng thanh niên, nông dân, phụ nữ, đào tạo cán bộ địa phương. Một số cán bộ Giải phóng quân được phép ra khỏi bộ đội để tham gia vào công tác chính quyền hay công việc các hội cứu quốc.

Về quân sự, theo nghị quyết của hội nghị ngày 4 tháng 6, Giải phóng quân Việt Nam và các lực lượng tự vệ đều được chỉnh đốn lại về các mặt: Biên chế, huấn luyện, kỷ luật; tổ chức chính trị viên trong quân đội được quy định.

Việc xây dựng các lực lượng vũ trang tiến hành hết sức khẩn trương.

Với sự thống nhất các lực lượng vũ trang, Giải phóng quân lúc này khá đông đảo, đã tổ chức thành những chi đội. Hầu hết các đội viên của những đơn vị Giải phóng

quân, Cứu quốc quân trước đây, bây giờ đều trở thành những cán bộ chỉ huy.

Ván đề đào tạo, huấn luyện cán bộ trở nên rất khẩn thiết. Chúng tôi đã mở những lớp huấn luyện ngắn hạn để bổ túc cho cán bộ tiểu đội, trung đội. Các đồng chí chỉ huy đơn vị thay phiên nhau đi học. Đầu tháng 7 năm 1945, theo Nghị quyết của Hội nghị quân sự Bắc Kỳ, Trường Quân chính kháng Nhật ra đời.

Nhà trường được dựng lên trong một làng Dao, bên bờ một con suối, gần Tân Trào. Học sinh được tuyển lựa trong hàng ngũ Giải phóng quân và những thanh niên ở miền xuôi được các đoàn thể cứu quốc giới thiệu lên. Trường do anh Hoàng Văn Thái phụ trách, nhằm đào tạo các trung đội trưởng và chính trị viên trung đội. Trong học tập lấy việc rèn luyện tinh

thần cách mạng làm đầu. Học sinh quân sống ở nhà trường như những chiến sĩ trong một đội du kích lúc đi hoạt động. Anh em tự mình giao dịch với nhân dân. Anh em cùng dân làng đi dẫn gỗ, chặt lá, xây dựng lấy trường. Anh em tự san lấy bãi tập, tự đi chuyển vận thóc gạo về, nấu nướng lấy mà ăn. Trong lúc học tập, mọi việc học sinh đều phải tham gia, phải suy nghĩ, phải tìm cách giải quyết.

Lúc đầu, đã có những người tiếc rằng: Thời giờ học tập ít quá. Nhưng sau này anh em mới thấy rõ cách học tập thực tế ấy, trong khoảng thời gian rất ngắn, đã rèn luyện cho anh em trở thành những người cán bộ tốt của quân đội cách mạng.

Trong việc xây dựng bộ đội, công tác chính trị được coi là linh hồn của quân đội cách mạng, bước đầu đi vào nền nếp. Từ cấp trung đội trở lên, bên cạnh người chỉ huy quân sự đều có một chính trị viên là người chăm nom về mặt tinh thần, tư tưởng của bộ đội. Các chiến sĩ đều được giáo dục Mười lời thể danh dự, Năm điều kỷ luật của quân đội. Trước mỗi cuộc chiến đấu, chính trị viên họp đơn vị vạch rõ mục đích, nêu những điều kiện thắng lợi và khó khăn để động viên tinh thần đơn vị. Khi gặp những bước hiểm nghèo, chính trị viên thuật lại những gương quyết tử, nhắc nhở mọi người làm đúng nhiệm vụ và tự mình đứng ra làm gương. Sau mỗi cuộc chiến đấu thắng lợi cũng như gặp khó khăn, đều tiến hành kiểm điểm, khen thưởng, kỷ luật, làm cho bộ đội nuôi giữ nhuệ khí, thắng không kiêu, bại không nản.

Chính trị viên là người giáo dục đoàn kết đơn vị, làm cho những anh em khá có trách nhiệm dìu dắt anh em kém, những chiến sĩ tích cực có trách nhiệm lôi cuốn mọi người cùng hăng hái hoàn thành mọi nhiệm vụ của đội, làm cho các cán bộ, chiến sĩ mặc dầu thuộc các dân tộc, các tầng lớp, các lứa tuổi khác nhau, đều thương yêu nhau như anh em ruột thịt. Chính trị viên là người có trách nhiệm duy trì, thực hiện các chính sách dân vận, địch vận.

Các chính trị viên thường được nhắc nhở là phải làm cho công tác chính trị trở nên một công tác quần chúng, tất cả mọi người cùng tham gia thì mới phát huy được hiệu lực mạnh mẽ, phải tiến hành công tác chính trị không ngừng trong mọi trường hợp; phải nhớ lúc cần làm công tác chính trị nhất cũng là lúc khó làm nhất, những khi bộ đội tác chiến khó khăn, hành quân mệt mỏi, người chính trị viên phải hết sức tự rèn luyện mình.

So với ngày nay thì quan niệm về công tác chính trị khi đó còn đơn giản, nhưng cũng đã góp phần vô cùng lớn lao vào việc rèn luyện tư tưởng và tinh thần quân đội cách mạng trong những ngày đầu.

Bộ đội phát triển nhanh chóng. Có những đơn vị chưa đủ điều kiện để thành lập chi bộ. Công tác đảng thời kỳ này chú trọng bồi dưỡng những đồng

chí trong hàng ngũ trung kiên đã được thử thách, rèn luyện trong công tác và trong chiến đấu để kết nạp vào Đảng. Các đảng viên rất gương mẫu, đi đầu trong chiến đấu cũng như trong mọi công tác, sinh hoạt hàng ngày.

Đồng thời với việc xây dựng bộ đội, công tác cũng cố lực lượng tự vệ và các tiểu tổ du kích ở xã được đặc biệt coi trọng. Các chiến sĩ Giải phóng quân luôn luôn nhớ rằng, tổ chức tự vệ, du kích tại địa phương là một lực lượng vô cùng quan trọng để bổ sung cho chủ lực, để bảo vệ nhân dân và góp phần với chủ lực chiến thắng quân địch. Thái Nguyên, Cao Bằng... đánh du kích nổi tiếng, có một nguyên nhân là vì ở các nơi đó tự vệ và du kích địa phương rất mạnh.

Cách bổ sung vũ khí, đạn dược duy nhất vẫn là phải giành lấy ở trong tay quân địch. Mỗi chiến sĩ Giải phóng quân đều chú trọng giữ gìn vũ khí và ghi nhớ khẩu hiệu: "Mỗi viên đạn là một tên giặc". Nguồn cung cấp lương thực vẫn hoàn toàn dựa vào nhân dân.

Chiến đấu liên tục tại rừng núi trong một hoàn cảnh cực kỳ thiếu thốn, sức khỏe của các chiến sĩ bị giảm sút nhiều. Bệnh sốt rét hoành hành dữ dội.

Có đơn vị, số người sốt rét lên tới một phần ba, có khi lên tới một nửa. Túi thuốc của các đồng chí y tá, chỉ toàn lá và rễ cây, thỉnh thoảng nhận được tiếp tế của vùng xuôi, mới có ít viên ký ninh vàng. Trước tình hình đó phòng bệnh hơn là chữa bệnh, kỷ luật vệ sinh đề ra rất nghiêm ngặt. Phương châm giữ gìn vệ sinh để phòng ngừa bệnh tật có kết quả rất lớn. Các chiến sĩ tự bắt tay vào việc tăng gia sản xuất để giải quyết một phần vấn đề lương thực. Nên nếp tăng gia này đã có từ ngày địch khủng bố lớn, tại các cơ quan bí mật.

Trong khi mọi mặt công tác xây dựng của Khu giải phóng cùng một lúc triển khai, thì ở nhiều nơi, Giải phóng quân đã trực tiếp chiến đấu với quân Nhật.

Ngay từ hạ tuần tháng 3, quân đội của phát xít Nhật đã từ các tỉnh ly Việt Bắc đột nhập vào nhiều châu, huyện. Lúc đầu, địch phái những đội nhỏ đi do thám, tuần tiểu từng địa phương một; chúng chỉ đi qua rồi trở về tỉnh. Những đội lê tê đó thường bị chúng ta chặn đánh, như ở Phủ Thông (Bắc Kạn), Tĩnh Túc (Cao Bằng), Văn Lăng, Đèo Khế (Thái Nguyên)... Chúng bị phục kích nhiều lần trên con đường từ Thái Nguyên sang Tuyên Quang. Sau những cuộc tuần tiểu không có hiệu quả, quân đội Nhật một mặt kêu gọi "anh em Việt Minh" hợp tác, một mặt cho máy bay rải nhiều truyền đơn của chính phủ bù nhìn Trần Trọng Kim nói xấu cách mạng và tuyên truyền cho chính quyền thân Nhật.

Trung tuần tháng 5, địch mở một cuộc tiến công tương đối lớn.

Địch chia quân làm ba mặt, tiến sâu vào khu căn cứ ở giữa sông Lô và đường quốc lộ số 3. Một mặt từ Bắc Kạn tiến lên Chợ Rã sang Chợ Đồn; một mặt từ Vĩnh Yên, Thiện Kế tiến lên Sơn Dương, từ Tuyên Quang tiến vào rồi

cùng nhau kéo lên hướng Thanh La; một mặt từ Thái Nguyên, Phan Mễ và Chợ Mới tiến đánh Chợ Chu.

Tát cả mấy đường tiến quân của Nhật đều bị bộ đội và du kích địa phương bố trí phục kích, làm cho quân địch bị tổn thất khá nặng. Trong trận Đèo Chắn gần Thanh La, chúng ta chỉ có một tiểu đội phối hợp cùng một trung đội dân quân, tất cả chỉ có mấy khẩu súng trường, nhưng vì biết lợi dụng địa hình nên đã tiêu diệt gần 60 tên địch.

Bây giờ, có một số đồng chí chủ trương cứ để Nhật yên, không đánh, mong rằng Nhật sẽ để ta yên. Nhưng thật ra, chủ trương như vậy sau khi Nhật đã diệt Pháp thì chỉ là một ảo tưởng, một sai lầm nghiêm trọng, không nhận rõ bản chất của kẻ địch. Ủy ban chỉ huy làm thời Khu giải phóng đã kịp thời ra một chỉ thị: "Quân sự chính trị đi đôi, cùng cố phát triển đi đôi".

Bộ đội Giải phóng quân được lệnh tiến công ráo riết quân Nhật ở khắp các tỉnh Việt Bắc, nhất là ở Thái Nguyên và Bắc Kạn. Giặc ở Bắc Kạn bị bao vây trong tỉnh ly, ra khỏi tỉnh lỵ nửa ki-lô-mét là đã chạm vào vị trí của quân du kích. Quân ta thường đột nhập vào thị xã. Bộ phận quân địch tiến lên chiếm Chợ Chu bị ta quấy rối năm đêm liền, đường tiếp tế bị cắt đứt, địch phải rút về Thái Nguyên. Giải phóng quân tiến công vào quân địch đóng ở Đình Cả, chiếm được đồn sau một trận huyết chiến, truy kích quân địch đến khỏi La Hiên. Những nơi cuộc chiến đấu diễn ra ác liệt

nhất, ngoài Bắc Kạn, Chợ Chu ra là dọc đường số 3 từ Thái Nguyên lên Bắc Kạn, rồi đến bến đò Bình Ca và vùng lân cận ven bờ sông Lô.

Giải phóng quân tiếp tục đánh chiếm Lục An Châu, phố Bình Gia, Yên Thế, đồn Mẹt, tràn về Bắc Giang. Sang tháng 7, hạ đồn Tam Đảo, tiêu diệt quân Nhật đóng tại đó, giải phóng một số thường dân Pháp bị cầm giữ. Đội Nam tiến do đồng chí Hiến Mai và đồng chí Phong chỉ huy tiến về Phủ Đoàn đến gần Phú Thọ. Một bộ phận Giải phóng quân tiến sang Đông Triều, Lục Ngạn, hướng về phía Cẩm Phả, Hồng Gai. Một số cán bộ của Giải phóng quân được phái về Hà Đông, Hòa Bình, Ninh Bình, Thanh Hóa liên lạc với các cơ sở vũ trang của chiến khu Quang Trung do các anh Văn Tiến Dũng, Trần Tử Bình, Vương Thừa Vũ đang ra sức xây dựng.

Cuộc chiến đấu chống phát xít Nhật của Giải phóng quân ngày càng vang dội khắp nước, đồng thời đã vang dội ra nước ngoài. Một số phi công Đồng minh sang đánh Nhật tại Đông Dương, bị nạn được chúng ta cứu thoát. Sách lược của ta lúc bấy giờ là khôn khéo sử dụng những kẻ Đồng minh tạm thời vào công cuộc kháng Nhật. Cuối tháng 6, một sĩ quan Mỹ đã được phép nhảy dù xuống một địa điểm trong Khu giải phóng. Máy bay Đồng minh đã thả dù một ít vũ khí cho ta. Lúc đó Mỹ coi Việt Minh là một tổ chức chính trị có thể lực gồm những người có tinh thần dân tộc, đứng lên chống Nhật nên muốn có

liên lạc. Chúng cũng đã bắt đầu có mưu đồ cùng bọn Quốc dân Đảng Trung Hoa gạt Pháp Đò Gòn ra khỏi Đông Dương, khi chiến tranh đi đến thắng lợi.

Khu giải phóng ngày càng cũng cổ và phát triển. Giải phóng quân không ngừng chiến thắng, làm cho bọn Nhật bắt đầu e sợ. Thanh thế của Việt Minh và Giải phóng quân ngày càng to. Thanh niên từ vùng xuôi lên xin gia nhập Giải phóng quân mỗi ngày mỗi đông. Liên lạc với Trung ương ở miền xuôi đã giữ được rất đều. Mỗi chuyến giao thông, ngoài những tài liệu bí mật còn có rất nhiều sách báo của Trung ương và các địa phương, những báo công khai xuất bản tại Hà Nội. Từ ngày lên Việt Bắc về, anh Cả luôn luôn gửi cho những tiếp tế của vùng xuôi, đặc biệt là thuốc men. Thời gian này, tại cơ quan của Ủy ban chỉ huy làm thời Khu giải phóng đã có máy chữ, và một máy điện thoại, chiến lợi phẩm thu được trong trận hạ đồn Tam Đảo.

ôi làm việc ở dưới làng, hằng ngày vẫn lên cơ quan của Bác để báo cáo. Các đồng chí ở địa phương đã làm cho Bác một căn lán khá xinh xắn náu kín trong khu rừng nứa ở sườn đồi. Lán chia làm hai gian nhỏ, một bên là nơi Bác nằm nghỉ, một bên vừa là chỗ làm việc vừa là chỗ để tiếp khách.

Bác làm việc không mấy lúc nghỉ ngơi. Lần nào tôi lên cũng thấy Bác đang cặm cụi với công việc. Mọi giấy tờ, chỉ thị, Bác đều tự tay đánh máy và đánh số cẩn thận, rõ ràng.

Cao trào kháng Nhật cứu nước bấy giờ đã cuồn cuộn từ Bắc chí Nam. Ngay ở các đô thị lớn, như ở Hà Nội, thợ thuyền, học sinh, các giới trí thức, người buôn bán đều tham gia rất đông đảo vào công cuộc kháng Nhật. Ảnh hưởng của chính phủ Trần Trọng Kim ngày càng tiêu tan, không thể giúp Nhật ngăn cản phong trào. Toàn thể nhân dân đang hướng về Việt Minh, trông chờ một cuộc chuyển biến lớn. Phát xít Nhật ngày càng thua lụn bại. Không khí khôi nghĩa nóng rực.

Trung ương đã quyết định cần tích cực chuẩn bị cho cuộc họp Hội nghị toàn quốc của Đảng và Quốc dân đại hội đại biểu. Bác giục chuẩn bị cho kịp họp hai hội nghị quan trọng này từ tháng 7. Tình hình đã khẩn trương lắm. Bác nói: "Có thể còn thiếu một số đại biểu nào đó chưa về kịp cũng họp, nếu không thì không kịp được với tình hình chung". Nhưng, dù chuẩn bị rất gấp, các đại biểu của Đảng và các đảng phái dân chủ trong Mặt trận Việt Minh ở toàn quốc vẫn không thể về đúng hẹn.

Giữa lúc công việc bề bộn như thế, Bác bỗng bị mệt. Đã mấy hôm liền, Bác sốt nóng. Song Bác vẫn gượng làm việc. Mỗi khi tôi tới thảo luận công

việc, hỏi thăm sức khỏe, Bác chỉ nói: "Chú cứ xuống làm công tác, tôi không việc gì". Nhưng tôi thấy Bác yếu nhiều, người hốc hác hẳn. Có hôm tôi đến, Bác đang lên cơn sốt, miệng toàn nói mê. Thuốc men chẳng có, chỉ kiếm được vài viên thuốc câm và ký ninh, Bác đã uống, mà không thấy đỡ. Thường khi, nếu không phải lúc nghỉ, không bao giờ Bác nằm, thế mà bây giờ Bác phải chịu nằm, lại mê sảng luôn. Bấy giờ trong các đồng chí thường gần Bác, chỉ còn lại mình tôi ở Tân Trào. Hôm ấy Bác mệt lắm, tôi rất lo. Tôi nói "Hôm nay tôi cũng thong thả, xin ở lại với Bác đêm nay". Bác mở mắt và hơi gật đầu.

Đêm ấy, tôi nghĩ lại với Bác trên cái lán ở giữa rừng. Lúc nào tỉnh, Bác chỉ nói chuyện tình hình: "Lúc này thời cơ thuận lợi đã tới, dù hy sinh tới đâu dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập". Mỗi lúc nhớ ra điều gì, Bác lại dặn. Bác lúc ấy chắc cũng thấy mình yếu quá, có ý muốn dặn lại công việc. Chỉ có công việc! Bác nói về công tác cũng cố phong trào "Lúc nào cũng phải chú trọng xây dựng chi bộ, bồi dưỡng cán bộ, đảng viên và các phần tử trung kiên. Trong chiến tranh du kích, lúc phong trào lên, ta phải hết sức phát triển, vừa phát triển vừa chú trọng xây dựng căn cứ cho thật vững chắc, để để phòng lúc khó khăn mới có chỗ đứng chân được".

Suốt đêm ấy, Bác vẫn lúc tỉnh, lúc mê. Hôm sau, tôi viết thư hỏa tốc về Trung ương. Tôi lại tìm hỏi bà con địa phương xem có thứ thuốc men gì không. Bà con nói gần đây có một ông lang quen trị bệnh sốt nóng. Tôi cho người cưỡi ngựa đi đón ông thày về. Ông cụ lang già người Tày xem mạch, sờ trán Bác, rồi đốt cháy một thứ củ vừa đào trong rừng về, hòa vào cháo loãng đưa Bác ăn. Sau đó Bác tỉnh. Hôm sau, Bác ăn thêm vài lần với cháo loãng nữa, cơn sốt nhẹ dần. Bác lại gượng dậy tiếp tục làm việc ngay.

Mặc dầu Bác đã chỉ thị viết nhiều thư hỏa tốc, tung giao thông đặc biệt đi các hướng để thúc giục các đại biểu, nhưng vì đường sá trắc trở, liên lạc khó khăn, nhiều đại biểu đã cố gắng đi cho chóng, mà mãi tới 13, 14 tháng 8 mới lên tới Tân Trào. Có những đoàn đại biểu 16, 17, 18 mới đến kịp.

Trung ương và Tổng bộ Việt Minh quyết định không thể đợi lâu hơn nữa.

Ngày 11, 12, tin vô tuyến điện cho biết có hiện tượng nguy ngập tan rã trong quân đội Nhật.

Ngày 13 tháng 8, có tin Nhật đầu hàng Đồng minh, quân đội Nhật ở các nơi đã ngừng chiến đấu.

11 giờ đêm 13, Ủy ban chỉ huy làm thời Khu giải phóng hạ mệnh lệnh khởi nghĩa cho nhân dân và bộ đội. Mệnh lệnh khởi nghĩa có mấy điểm chính:

1. Tập trung lực lượng đánh vào các đô thị mỗi một khi có điều kiện thắng lợi, đánh chặn những đội quân rút lui của Nhật.
2. Sau mỗi một cuộc chiến đấu, lập tức bổ sung và cũng cố bộ đội, để lại một phần ba hoạt động trong địa phương; hai phần ba thì chuẩn bị sẵn sàng, đợi lệnh điều động đi tác chiến nơi khác.
3. Củng cố các căn cứ bí mật; quân lương, quân giới đều lập kho tàng, có xướng bí mật; chuẩn bị kháng chiến một khi quân Pháp trở lại.

Nửa đêm nhận lệnh, bộ đội và nhân dân reo mừng, sẵn sàng chiến đấu hy sinh để thực hiện nhiệm vụ lớn. Các đơn vị Giải phóng quân đóng tại Chợ Chu, Tuyên Quang được lệnh chuyển gấp về tập trung tại Tân Trào.

Ngày 14 tháng 8, Hội nghị toàn quốc của Đảng họp. Bác vừa dứt cơn sốt, gượng tới họp, người còn võ vàng. Hội nghị nhận định: "Cơ hội rất tốt cho ta giành quyền độc lập đã tới". Hội nghị quyết định mục đích của cuộc chiến đấu là giành quyền độc lập hoàn toàn cho đất nước, thành lập chính quyền nhân dân, thi hành Mười chính sách của Việt Minh, định chính sách ngoại giao đối với Đồng minh. Để đạt mục

đích đó, phải huy động toàn thể nhân dân, gồm tất cả các giới, các đảng phái tham gia phong trào cứu quốc phải gấp rút vũ trang nhân dân chống Nhật và mở rộng Giải phóng quân Việt Nam. Hội nghị định ra nhiệm vụ quân sự cần kíp, những nguyên tắc của kế hoạch tác chiến, thống nhất các lực lượng vũ trang thành Giải phóng quân Việt Nam; gấp rút cùng cổ và phát triển bộ đội, thống nhất biên chế, kỷ luật, tăng cường công tác chính trị; tổ chức Đảng trong quân đội lấy trung đội làm đơn vị cơ sở; củng cố các tổ chức chiến đấu và tiểu tổ du kích để lập những đơn vị Giải phóng quân mới ở ngoài Khu giải phóng.

Sang ngày 15, được tin đích xác Nhật hoàng đã ra lệnh cho quân đội hắn đầu hàng, Hội nghị toàn quốc của Đảng đang họp quyết định thành lập Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc để lãnh đạo Tổng khởi nghĩa và lập Bộ Tư lệnh Giải phóng quân Việt Nam.

Một số chúng tôi ngừng họp và nhận nhiệm vụ mới. Tôi sẽ cùng Giải phóng quân tiến về phía Nam. Anh Song Hào về phía Tuyên Quang cùng các đồng chí ở đấy lãnh đạo nhân dân giành chính quyền các tỉnh phía Tây.

Chiêu 16 tháng 8, một đơn vị Giải phóng quân tập họp dưới cờ làm lễ xuất phát tiến về Nam. Các đại biểu về dự Quốc dân đại hội đều có mặt dưới cây đa cổ thụ, cạnh ngôi nhà Hội đồng cứu quốc xã Tân Trào để tiễn đưa bộ đội lên đường chiến đấu. Chưa bao giờ Tân Trào lại đón tiếp một đoàn người nhiều màu sắc như vậy. Cùng với màu chàm rừng núi quen thuộc, còn có màu nâu dày dạn của đồng bằng, và những màu sắc tươi sáng của đô thị. Những chiến sĩ Giải phóng quân, quần áo đủ kiểu, mang trên người dấu vết của những cuộc vật lộn ác liệt với quân thù trên các nẻo đường rừng, trên

các triển núi đá Việt Bắc, tê tựu nghiêm trang dưới cờ nghe đọc bản Quản lệnh số 1' của Ủy ban khởi nghĩa:

"Hỡi quân dân toàn quốc!

12 giờ trưa ngày 13 tháng 8 năm 1945, phát xít Nhật đã đầu hàng Đồng minh, quân đội Nhật đã tan rã tại khắp các mặt trận. Kẻ thù chúng ta đã ngã gục.

Giờ Tổng khối nghĩa đã đánh!

Cơ hội có một cho quân dân Việt Nam vùng dậy giành lấy quyền độc lập của nước nhà!

Mang nhiệm vụ lãnh đạo cuộc khởi nghĩa toàn quốc cho đến toàn thắng, Ủy ban khởi nghĩa đã thành lập.

Hỡi các tướng sĩ và đội viên Quân giải phóng Việt Nam!

Dưới mệnh lệnh của Ủy ban khởi nghĩa, các bạn hãy tập trung lực lượng, kíp đánh vào các đô thị và trọng trấn của quân địch, đánh chặn các đường rút lui của chúng, tước võ khí của chúng! Đạp qua muôn trùng trở lực, các bạn hãy kiên quyết tiến!

Hỡi nhân dân toàn quốc!

Dưới mệnh lệnh của Ủy ban khởi nghĩa, đồng bào hãy đem hết tâm lực ủng hộ đạo Quân giải phóng, sung vào bộ đội, xông ra mặt trận đánh đuổi quân thù.

Chúng ta phải hành động cho nhanh với một tinh thần vô cùng quả cảm, vô cùng thận trọng!

Tổ quốc đang đòi hỏi những hy sinh lớn lao của các bạn!

Cuộc thắng lợi hoàn toàn nhất định sẽ về ta!.

ỦY BAN KHỎI NGHĨA'

Trong lòng chúng tôi khi đó rạo rực lạ thường. Trước mắt chúng tôi là lá cờ đỏ sao vàng rực rỡ hào quang, xa xa là nền trời xanh cao lồng lộng, tươi sáng vô cùng của nước Việt Nam giải phóng.

Đoàn Quân giải phóng, áo vải chân đất, rầm rập tiến về phía Nam trước những bàn tay vẫy chào chúc mừng thắng lợi, cắt cao lời ca hùng tráng.

Cờ giải phóng phất cao, mau thẳng tiến!

Trời phương Nam, dân chúng đang ngóng chờ...

Tại Tân Trào, lần đầu từ khi về, Bác ra mắt các đại biểu đồng bào Trung, Nam, Bắc. Quốc dân đại hội đã lập ra Ủy ban dân tộc giải phóng toàn quốc chuẩn bị khi cần có thể trở thành Chính phủ nhân dân lâm thời.

iải phóng quân tiến về Thái Nguyên, đô thị đầu tiên nằm trên đường tiến quân về Hà Nội. Tình hình đã đổi khác, cần tranh thủ thời gian, đoàn quân bỏ lại sau lưng những đốn trại lê tê của Nhật. Đồng thời với đơn vị Giải phóng quân xuất phát từ Tân Trào, các đơn vị đóng ở vùng lân cận đều được lệnh tiến về phía Nam, cùng gặp nhau trên đường về tỉnh Thái.

Giải phóng quân đến thời kỳ này không phải chỉ có nhiều hơn về số lượng, trang bị cũng đã khá hơn; ngoài những súng trường, trung liên đoạt được của địch còn có thêm một số vũ khí tinh xảo: Tiểu liên, ba-dô-ca, súng cối. Trưa ngày 19 tháng 8,

bộ đội tới làng Thịnh Đán, phía Tây tỉnh Thái Nguyên, tổng số đã đến trên một chi đội khoảng 450 người.

Trên khắp các tỉnh thuộc Khu giải phóng, thi hành Quân lệnh số 1 của Ủy ban khởi nghĩa, các đơn vị Giải phóng quân đều gấp rút hành động. Giải phóng quân ở Cao Bằng tiến đánh thị trấn Cao Bằng và Hà Giang. Giải phóng quân Bắc Kạn tiến đánh vào thị xã. Các bộ đội mặt Lục An Châu, Yên Bình, Bắc Mục, tiến đánh Tuyên Quang, rồi được lệnh kéo về Phú Thọ.

Thái Nguyên là một vị trí có ý nghĩa chiến lược, nằm ở phía Nam Việt Bắc, giữa triển núi Tam Đảo và triển núi Đình Cả, Yên Thế, một bàn đạp để tiến về đồng bằng Bắc Bộ. So với lực lượng của Giải phóng quân lúc đó, quân địch tại đây khá mạnh. Địch gồm hai bộ phận: Một bộ phận là bảo an binh, quân số độ 400 với 600 súng trường và một số súng máy đóng tại trại lính Tây cũ, gần bến Tượng, cạnh dinh tỉnh trưởng; một bộ phận là lính Nhật; theo tình báo thì tất cả độ 120 tên, trong đó có từ 60 đến 70 lính chiến đấu, đóng tại trại khố xanh cũ và dinh công sứ cũ, giáp cầu Gia Bẩy.

Mặc dầu về mặt số lượng, Giải phóng quân không đủ để tiêu diệt địch, lại lần đầu tập trung tương đối đông, đánh vào một thị trấn quân địch có nhiều công sự kiên cố, nhưng căn cứ vào tình hình đặc biệt lúc bấy giờ, vào tinh thần bối rối, tan rã của kẻ địch, chúng tôi quyết định hành động.

Cờ đỏ sao vàng đã xuất hiện trên bờ tre, mái đình những làng dọc đường tiến quân. Nhân dân nô nức vui mừng như đang đón chào một ngày hội lớn. Lúc này chỉ còn có một công việc: Tổng khởi nghĩa. Mọi công việc khác hầu như đã ngừng hẳn lại.

Chúng tôi đến Thịnh Đán thì được tin một Đội tuyên truyền xung phong từ Vũ Nhai tiến xuống hôm trước, đã đột nhập thị xã, tổ chức quần chúng tuần hành thị uy. Một đội quân của Phủ Bình, Phổ Yên cũng đã vào thị xã lùng bắt một số tay chân của địch. Tình hình bảo an binh đang hết sức hoang mang.

Gần Thịnh Đán, một số thanh niên và công chức tỉnh Thái Nguyên đang tổ chức một cuộc mít tinh nhỏ. Bộ chỉ huy Giải phóng quân ra lệnh cho tất cả những người nào là dân ở tỉnh đều đến gặp tại trụ sở xã, một mặt ra lệnh không cho người ở ngoài vào tỉnh để phong tỏa tin tức. Chúng ta tiến hành điều tra tình hình thị xã qua hơn hai chục thanh niên và công chức đến trụ sở. Mấy người làm việc tại sở công chính tình nguyện về giúp những bức địa đồ tỉ mỉ của thị xã.

Mười giờ đêm, Bộ chỉ huy ấn định xong kế hoạch tác chiến.

Mười hai giờ đêm, bộ đội được lệnh xuất quân. Sương đêm phủ trắng xóa các núi, đồi. Chúng tôi đi trên những con đường bằng phẳng rộng rãi, tiến về phía thị xã Thái Nguyên đang nằm yên trong ánh đèn điện, nhiều lúc tưởng như đang tiến quân giữa đồng bằng. Nhiều chiến sĩ từ lâu lắm mới nhìn thấy ánh đèn điện của đô thị.

Theo đúng kế hoạch đã định, 4 giờ sáng, toàn thể bộ đội đều đến các địa điểm và bố trí xong xuôi. Đồn trại địch rất yên lặng. Những ngôi nhà gạch cao, thấp nhấp nhô, cửa vẫn đóng im lìm, ngủ say trong đêm. Các đầu phố, tự vệ, thanh niên Thái Nguyên nhộn nhịp đắp chiến lũy để ngăn quân địch. Những đội dân quân từ các huyện lân cận tiếp tục kéo về mang theo dao, kiếm, giáo, mác, cả những chiếc búa đình và những chiếc gậy vát nhọn. Tầng sáng, cuộc chiến đấu sẽ bắt đầu, một cuộc chiến đấu đặc biệt mới mẻ đối với chúng tôi. Nhưng chúng tôi tin chắc sẽ thắng. Khắp bốn chung quanh tỉnh Thái nhân dân đã nổi dậy cả rồi. Chúng tôi không phải chỉ có bốn, năm trăm người đương đầu với trên năm trăm quân địch. Quân địch đã trở nên bé nhỏ giữa vòng vây trùng trùng điệp điệp của nhân dân.

Chi đội Giải phóng quân đặt dưới quyền chỉ huy của Chi đội trưởng Lâm Cẩm Như. Đại đội Vy bố trí chung quanh trại bảo an binh. Đại đội Quang Trung, được trang bị các thứ vũ khí tốt, siết chặt vòng vây xung quanh trại Nhật, từ Đồi thông đến cầu Gia Bẩy. Đại đội Quốc Chủng làm dự bị đội. Chỉ huy sở của Giải phóng quân đặt tại tòa thị chính của thị xã.

Năm giờ rưỡi sáng, một cán bộ của Giải phóng quân tiến vào gặp viên tỉnh trưởng Thái Nguyên, đưa tối hậu thư, đòi trao chính quyền lại cho Ủy ban khởi nghĩa và khuyên binh sĩ bảo an phải nộp khí giới cho quân cách mạng, nếu chống cự, Giải phóng quân sẽ tiến công tiêu diệt. Bộ đội ta đã bao vây

chặt quanh tại bảo an binh, sẵn sàng nổ súng. Viên tỉnh trưởng buộc phải chấp nhận tất cả các yêu cầu của Ủy ban khởi nghĩa. Trước áp lực của Giải phóng quân và của nhân dân, toàn thể lính bảo an đều phục tùng lệnh, trao lại khí giới. Một số xin gia nhập hàng ngũ Quân giải phóng. Số đông xin trở về quê quán. Phái viên của Bộ chỉ huy Quân giải phóng đưa các thanh niên tự vệ Thái Nguyên vào trại thu gần 600 khẩu súng. Các chiến lợi phẩm đều được chuyển về địa điểm thứ hai của Bộ chỉ huy đặt tại Nhà máy điện Thái Nguyên do anh Trần Đăng Ninh phụ trách. Tại đây, anh Ninh lo việc tuyên truyền, động viên nhân dân trong thị xã tiếp tế đạn dược, lương thực cho bộ đội đang chiến đấu, và tổ chức, trang bị những chi đội tân binh vừa thành lập.

Cũng vào thời gian này, trời vừa rạng sáng, Đại đội trưởng Quang Trung hạ lệnh nổ súng vào đám quân Nhật tụ tập trong sân trại. Một số địch bị chết ngay tại chỗ, sau

loạt súng đầu tiên. Lập tức từ bốn phía, liên thanh, phóng lựu, ba-dô-ca cùng bắn vào. Sau những phút hoang mang, bọn Nhật lập tức chống trả dữ dội.

Tám giờ, Giải phóng quân được lệnh ngừng bắn.

Chúng ta dùng loa báo cho bọn chỉ huy Nhật biết sẽ có người mang thư của Giải phóng quân vào nói chuyện. Từ trong trại, mấy sĩ quan Nhật cầm cờ trắng ra đón đại biểu Giải phóng quân, và nhận lá thư của Ủy ban khởi nghĩa.

"Các bạn quân quan và binh sĩ Nhật Bản!

Chính phủ Nhật đã đầu hàng Đồng minh. Quân đội Nhật đã lần lượt bị tước khí giới tại khắp các mặt trận.

Trước khi quân Đồng minh kéo vào Đông Dương, các bạn hãy trao khí giới lại cho Việt Minh cho Đội quân Giải phóng Việt Nam.

Giờ phút cuối cùng định đoạt số phận của các bạn đã đến! Các bạn chớ trù trừ. Trù trừ sẽ không có lợi cho các bạn. Chúng tôi đợi thư trả lời của các bạn đến... giờ".

QUÂN GIẢI PHÓNG VIỆT NAM "VIỆT MINH"

Bọn Nhật cử hai phái viên ra một địa điểm ở gần Bộ chỉ huy của ta để thảo luận các điều kiện. Cuộc đàm phán kéo dài hơn một giờ đồng hồ. Chúng tôi hiểu rõ bọn Nhật muốn tranh thủ thời gian, đợi quân từ Hà Nội tiếp viện lên. Chúng tôi nói:

- Nếu muốn được an toàn, các ông chỉ có một cách duy nhất là trao toàn bộ vũ khí cho Quân giải phóng. Từ giờ đến hai giờ chiều nếu bộ chỉ huy quân đội Nhật tại đây không trả lời dứt khoát, cuộc tiến công sẽ tiếp tục.

Chúng tôi bảo hai viên sĩ quan Nhật trở về trại.

Tại thị xã Thái Nguyên, ngoài trại Nhật, quân Nhật còn đóng thêm ba điểm lẻ trong những ngôi nhà gạch lớn. Từ những vị trí bí mật, trên một mái nhà hay sau một cửa sổ, bọn địch bắn những viên đạn xuyên suốt dọc phố, cản trở sự giao thông tại một số nơi. Bộ chỉ huy phái trinh sát đi điều tra đích xác các vị trí địch, sử dụng những tổ xung phong dùng ba-dô-ca và lựu đạn lửa tiêu diệt cả ba ô tác chiến của quân địch. Sau đó, sự đi lại trong thị xã mới được dễ dàng.

Hai giờ chiều, bọn chỉ huy Nhật chưa trả lời. Giải phóng quân thông cáo cho nhân dân biết cuộc tiến công sắp bắt đầu.

Ba giờ chiều, Đại đội Quang Trung được lệnh sử dụng toàn bộ hỏa lực gồm cả một số súng cối bắn vào trại Nhật. Địch cũng lập tức bắn trả. Tiếng liên thanh ran ran, đạn súng cối của ta, của địch nổ liên tiếp làm rung chuyển cả thị xã.

Nhân dân dựng chiến lũy khắp các đường phố, bất chấp đạn địch, mang cơm nước, đạn dược đến cho bộ đội. Tiếng súng đạn không làm đồng bào khiếp sợ, mà trái lại làm cho mọi người đều hớn hở vui mừng. Lần này không phải là tiếng súng đạn của quân thù tàn sát nhân dân, mà lại là tiếng súng của Quân giải phóng nổ vào đầu bọn phát xít xâm lược.

Chiều 20 tháng 8, trong khi trận đánh vẫn tiếp diễn, Ủy ban khởi nghĩa tổ chức mít tinh tuyên bố bãi bỏ chính quyền của Nhật, thành lập chính quyền nhân dân, và bắt đầu thi hành chính sách của Chính phủ lâm thời trong thị xã và trong toàn tỉnh.

Bấy giờ, nước lụt đang tràn ngập từ Phúc Yên sang Bắc Giang, ngăn cản tất cả sự đi lại từ Hà Nội lên Thái Nguyên. Quân tiếp viện của Nhật không thể kéo lên được.

Cuộc chiến đấu tiếp diễn suốt bảy ngày sau. Giải phóng quân tiếp tục bao vây quân địch cho đến khi phái viên của Bộ Tham mưu ta và phái viên của bộ tư lệnh quân đội Nhật ở Hà Nội lên. Quân Nhật tại Thái Nguyên buộc phải nhận các điều kiện ta nêu ra, trao lại toàn bộ vũ khí cho Giải phóng quân, còn binh sĩ thì được chúng ta phụ trách đưa về Hà Nội.

húng tôi không đợi được đến khi trận đánh Thái Nguyên kết thúc. Sang ngày thứ ba thì tin khởi nghĩa ở Hà Nội đã truyền đến. Làn sóng khởi nghĩa không những chỉ có ở Hà Nội mà còn dấy lên trên khắp đất nước từ cửa Nam Quan cho đến mũi Cà Mau. Thấm nhuần chủ trương của Đảng

từ trước, thấy thời cơ đến, đảng bộ tất cả các địa phương đã phát động ngay toàn thế nhân dân đứng lên khởi nghĩa. Đồng bào tại Thủ đô Hà Nội, dưới sự lãnh đạo của Xứ ủy Bắc Kỳ đã giành được chính quyền ngày 19 tháng 8. Nhiều thành phố lớn trên toàn quốc cũng đã giành được chính quyền. Trung tâm công việc bấy giờ không còn ở Thái Nguyên nữa. Các anh Trường Chinh, Lê Đức Thọ, Nguyễn Văn Trân từ Tân Trào đến Thái Nguyên bàn với chúng tôi, nên về ngay Hà Nội, cùng các đồng chí ở Hà Nội chuẩn bị đón Chính phủ làm thời. Một bộ phận Giải phóng quân được lệnh ở lại bao vây Thái Nguyên, còn chúng tôi thì tiến thẳng về Hà Nội.

Đêm ấy, từ ngoại ô Thái Nguyên ra đi, qua các cánh đồng bát ngát về Lữ Vân, ngước trông lên đầu những hàng cột điện cao liên tiếp ven đường là một vòm trời sao sáng, tưởng đang đi trong đêm hội tưng bừng đón chào ngày giải phóng của dân tộc. Trời sáng, nhìn lại núi rừng Việt Bắc hùng vĩ, đã khuất sau màn sương, nhớ đến đồng bào ở những nơi chúng tôi đã công tác mấy năm qua. Những người nông

dân nghèo khổ đủ các dân tộc, chất phác mà dũng cảm lạ thường, không biết sợ hãi là gì trước quân thù hung bạo, thương yêu những người cách mạng nhiều khi hơn cả ruột rà, những người dân rất xứng đáng với nhân dân ta, vô cùng vĩ đại.

Suốt các phố xá, các làng mạc hai ven đường đi, đâu đâu cũng rực rỡ cờ đỏ sao vàng. Lá cờ đổ chói như ngọn lửa tin của những người chiến sĩ cách mạng, xuất hiện lần đầu trong cuộc Khôi nghĩa Nam Kỳ và sau đó lại tung bay trên núi rừng Việt Bắc, bây giờ đã tỏ thắm cho cả đất nước, báo tin cách mạng thành công.

Tới Thị Cầu, nước lụt mênh mông. Cả thị xã chìm trong làn nước trắng. Đê Trung Mầu bị vỡ. Cùng với nạn đói vừa cướp đi của chúng ta hai triệu người, đây cũng là một di sản bọn thống trị để lại cho nhân dân ta ngày mới giành chính quyền. Chúng tôi phải chuyển sang đi thuyền.

Cửa sông Cái đây rồi. Nước sông Hồng lên rất to, sắp ngập hết con bơn giữa sông. Bên kia là Thủ đô chói chan cờ đỏ. Nhìn quang cảnh nước nhà đổi thay, nhân dân vừa thoát ách đau thương của gần một trăm năm bị đỏ hộ, nô nức đón chào ngày giải phóng dân tộc, vui sướng trào lên trong người chúng tôi, mừng muốn ứa nước mắt.

Anh Trường Chinh và nhiều anh đã về cả Hà Nội. Trong những ngày đầu chúng tôi ở một căn nhà tại phố Hàng Đào. Trung ương liên tiếp nhận điện các địa phương báo cáo đã giành được chính quyền. Đến ngày 25 tháng 8, đã có tin giành được chính quyền tại các tỉnh Hà Đông, Phủ Lý, Nam Định, Hưng Yên, Tuyên Quang, Phúc Yên, Việt Trì, Bắc Giang, Kiến An, Hà Tĩnh, Nghệ An, Quảng Ngãi... Vài ngày sau tiếp tục nhận được tin Huế, Sài Gòn cùng một số tỉnh ở Nam Bộ cũng đã giành được chính quyền.

Ngày 26 tháng 8, chi đội Giải phóng quân đầu tiên tiến vào Thủ đô, giữa tiếng reo mừng dậy đất của đồng bào. Các nam, nữ chiến sĩ lần đầu mặc quần áo đồng phục, chân bước chưa đều, nước da phần lớn tái sạm, nhưng tràn đầy khí thế chiến thắng của một đoàn quân dày dạn trong chiến đấu, mang đến cho đồng bào niềm tin, đã có một chỗ dựa vững chắc bên cạnh đội ngũ vũ trang của hàng nghìn chiến sĩ tự vệ của Thủ đô.

Bác từ Tân Trào về Hà Nội. Chúng tôi ra đón Bác tại làng Phú Thượng. Bác còn yếu sau trận sốt nặng vừa qua, vẫn giản dị với bộ quần áo vải vàng cũ và đôi giày vải. Đến 30 tháng 8, trên cả nước, chính quyền đã về tay nhân dân, trừ một đôi nơi bọn phản động Quốc dân Đảng gây khó khăn như ở Vĩnh Yên.

Ngày mồng 2 tháng 9, Bác ra mắt trước mấy chục vạn đồng bào Thủ đô lại quảng trường Ba Đình với bản Tuyên ngôn độc lập lịch sử. Nước Việt Nam dân chủ cộng

hòa ra đời. Cờ cách mạng nên đỏ sao vàng trở thành cờ của Tổ quốc. Hà Nội trở thành Thủ đô của nước Việt Nam độc lập. Đội quân Giải phóng Việt Nam, sau ngày cách mạng thành công, đã xuất hiện trên khắp các miền của đất nước. Bên cạnh những chiến sĩ Cứu quốc quân, Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân, Du kích Ba Tơ và hàng vạn chiến sĩ tự vệ, du kích của phong trào cách mạng tại khắp các chiến khu, đã có thêm hàng trăm nghìn thanh niên tình nguyện đứng dưới cờ làm người chiến sĩ bảo vệ Tổ quốc.

Ngày vui chưa đến hẳn, cuộc chiến đấu gian khổ còn phải dài lâu. Phía Bắc, quân Tầu Tưởng tiến vào Việt Nam. Nguyễn Hải Thần bám theo đoàn quân phù thũng đang rêu rao 13 điều thảo phạt, định dâng đất nước ta cho bọn Quốc dân Đảng Trung Hoa. Miền Nam, thực dân Pháp bám gót sau quân Anh, đã trở lại Sài Gòn. Tiếng súng xâm lược lại nổ. Cuộc kháng chiến thần thánh của nhân dân miền Nam đã bắt đầu.

Các chiến sĩ Giải phóng quân ở miền Nam, những người con yêu của khởi nghĩa Nam Kỳ, của Cách mạng Tháng Tám đã đứng ở hàng đầu cùng nhân dân, với những chiếc gậy tầm vông vát nhọn, kiên quyết thực hiện lời thề của người chiến sĩ Giải phóng quân: Chiến đấu đến giọt máu cuối cùng để tiêu diệt bọn xâm lược...

Không một chút nghĩ ngơi, những chiến sĩ Giải phóng quân ở miền Bắc, lại cùng hàng nghìn thanh niên ưu tú lên đường tiếp tục cuộc Nam tiến. Cuộc Nam tiến lần này đã khác hẳn, không còn là vài trung đội hoặc mấy chục người đi lén lút trong rừng sâu, giữa đêm khuya, mà đây là những đoàn tàu dài dằng dặc, chật ních những chiến sĩ, đi giữa tiếng hoan hô và hàng vạn cánh tay vẫy chào của đồng bào.

"Nam Bộ là thịt của thịt Việt Nam, là máu của máu Việt Nam", lời nói của Bác Hồ luôn luôn vang dội bên tai mọi người. Kẻ thù đụng vào Nam Bộ là đụng đến lẽ sống còn của toàn dân Việt Nam, xúc phạm đến tình cảm

thiêng liêng của mỗi người dân Việt Nam. Quân thù đã trở lại. Cuộc chiến đấu của nhân dân ta ở miền Nam đã bắt đầu. Đồng bào miền Bắc và đồng bào cả nước quyết không thể ngồi yên, trên khắp miền Bắc, những người nông dân tạm gác tay cày, những thanh niên học sinh tạm xếp sách vở, nô nức tòng quân, xin tiếp tục lên đường Nam tiến.

Trong cuộc chiến đấu lâu dài, bến bỉ của Đảng ta và nhân dân ta mấy chục năm qua, cuộc chiến đấu của Giải phóng quân Việt Nam, sau này là Quân đội nhân dân Việt Nam, khi đó mới chỉ là bắt đầu.

ì ì

NHỮNG NĂM THÁNG KHÔNG THỂ NÀO QUÊN

HỮU MAI thế hiện

(Theo bản in năm 1974 của Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, Hà Nội)

gày 19 tháng 5 lại đến với chúng ta. Hôm nay, cả dân tộc ta đang tưởng nhớ đến Người.

Tôi muốn ghi lại một số hình ảnh của Bác trong những năm tháng không thể nào quên của thời kỳ đầu mới giành được chính quyền, khi vận mệnh của Tổ quốc đã có lúc như "ngàn cân treo sợi tóc".

Bàn tay chèo lái của Bác, sự lãnh đạo tài tình của Trung ương Đảng ta do Bác đứng đầu, khí thế của nhân dân ta từ thành thị đến làng quê, từ Bắc chí Nam..., tất cả những điều lớn lao đó cùng với tình hình "thù trong giặc ngoài" cực kỳ rồi ren phức tạp, những chương sau đây chắc là chỉ nói lên được một phần nào.

Nhân Kỷ niệm lần thứ tám mươi ngày sinh của Bác, đây là những dòng thành kính để góp phần cùng đồng bào và các đồng chí hồi tưởng đến Người, đến công ơn to lớn của Người đối với dân tộc và đất nước, đến những lời Người dặn lại chúng ta trước lúc ra đi1.

"... CON THUYÊN CÁCH MẠNG ĐANG LUÔN NHỮNG MỘM ĐÁ GHÊNH ĐỂ LƯỚT TỚI".

Chỉ thi của Ban Thường vụ Trung ương Đảng ngày 9 tháng 3 năm 1949

1

Y e Hà Nội, chúng tôi ở phố Hàng Ngang. Thành ủy đã bố trí cho chúng tôi ở tại một gia đình cơ sở. Ít hôm sau, có tin Bác đã về. Mấy ngày trước đó, một trung đội Quân giải phóng thuộc Chi đội Quang Trung chiến đấu tại Thái Nguyên, đã được lệnh quay gấp lại Tân Trào để đi bảo vệ Bác. Đồng chí đến báo tin nói dọc đường có những lúc Bác phải dùng cáng. Như vậy, chắc Bác còn yếu lắm. Bác vốn không bao giờ muốn làm bận đến người khác ngay cả những khi yếu mệt.

Tình hình đang khẩn trương. Các anh rất mừng. Anh Thọ được cử lên chiến khu đón Bác thì Bác đã về. Anh Ninh và tôi cùng đi lên Phú Gia gặp Bác.

Xe nhanh chóng ra khỏi thành phố. Rặng ổi ven đè quen thuộc. Những làng quanh Hồ Tây phấp phới cờ đỏ. Nhớ lại ngày đi đón Bác ở Đèo De. Khi đó, Bác ở Cao Bằng về Tân Trào. Ít ngày sau, Tân Trào đã trở thành Thủ đô của cách mạng.

Trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Bác, lênh đênh góc bể chân trời, đã có những ngày vui lớn. Đó là ngày Bác tìm thấy con đường giải phóng dân tộc khi đọc "Luận cương của Lê-nin về các vấn đề dân tộc và thuộc địa". Đó là ngày thành lập Đảng Cộng sản Pháp năm 1920 mà Bác là một thành viên. Và ngày lịch sử mồng 3 tháng 2 năm 1930, ngày thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương.

Đây lại là một ngày vui lớn nữa đang đến với Bác, đang đến với cách mạng Việt Nam.

Mới đêm nào còn ngồi bên chiếc giường tre, trong căn lán nhỏ, những ngày Bác mệt nặng tại Tân Trào. Vào những giây phút đó mới thấy hết được tấm lòng khát khao cháy bỏng của Bác đối với nền độc lập, tự do của dân tộc. Không phải chỉ ở những lời Bác dặn dò về công tác cán bộ, cách giữ vững phong trào, "dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải giành cho được độc lập, tự do". Tấm lòng của Bác còn hiện lên rất rõ qua mỗi cử chỉ nhỏ, qua cái nhìn khi Bác chợt tỉnh giữa những cơn sốt, qua sự đấu tranh với bệnh tật hiểm nghèo để giành từng phút, từng giây cho cách mạng.

Theo lời hiệu triệu của Đảng, của Bác, suốt mấy ngày nay, cả dân tộc ta từ Bắc chí Nam đã vùng dậy với một sức mạnh như triều dâng, thác đổ. Tại Hà Nội, quần chúng cách mạng đã vượt qua hàng rào sắt, xông vào chiếm Bắc Bộ Phủ. Đồng bào già, trẻ, gái, trai, lớn, bé đã siết thành đội ngũ, giương cờ Việt Minh, tiến vào trước họng đại bác xe tăng Nhật ở trại bảo an binh. Xe tăng, súng máy và lưỡi lê của quân Nhật phải lùi. Bọn Nhật đành phải trao cho cách mạng toàn bộ kho vũ khí của bảo an binh đóng tại đây. Tin khởi nghĩa thắng lợi ở khắp các địa phương đang dồn dập bay về...

Chúng tôi vào làng Gạ.

Bác ở một ngôi nhà gạch nhỏ nhưng sạch sẽ. Chúng tôi bước vào, nhìn thấy ngay Bác đang ngồi nói chuyện với cụ chủ nhà.

Ngày nào ở Việt Bắc, Bác còn là một ông kẻ Nùng. Bữa nay, Bác đã trở thành một cụ nông dân miền xuôi, rất thoải mái, tự nhiên trong bộ áo quần nâu. Bác vẫn gầy nên đôi gò má cao. Những đường gân hằn rõ trên trán và hai thái dương. Nhưng với vầng trán rộng, bộ râu đen, và đôi mắt, nhất là đôi mắt, luôn luôn ngời sáng, một sức mạnh tinh thần kỳ lạ toát ra từ hình dáng mảnh dê của Bác. Dù sao, so với những ngày dự hội nghị ở Tân Trào, Bác đã khá hơn nhiều.

Cụ chủ nhà thấy chúng tôi tới, giữ ý, mời thế nào cũng không ngồi lại, nói vài câu chào hỏi rồi lánh đi chỗ khác.

Bác tươi cười nhìn chúng tôi, nói:

- Trông các chú bữa nay ra dáng người tình thành rồi.

Chúng tôi sôi nổi báo cáo với Bác tình hình khởi nghĩa ở Hà Nội và các tỉnh. Bác ngồi lắng nghe, về mặt điểm đạm. Tính Bác như vậy, khi vui khi buồn đều vẫn bình thản.

Chúng tôi nói với Bác ý Thường vụ muốn tổ chức sớm lễ ra mắt của Chính phủ. Theo quyết định của Hội nghị toàn quốc họp tại Tân Trào, Ủy ban dân tộc giải phóng do Bác làm Chủ tịch sẽ trở thành Chính phủ lâm thời.

Với một vẻ vui vui, Bác nói như hỏi lại chúng tôi:

- Mình làm Chủ tịch à?

Thực ra, một thời kỳ rất vẻ vang nhưng cũng cực kỳ hiểm nghèo của dân tộc đã bắt đầu. Bác đã nhận sứ mệnh khó khăn: Lái con thuyền quốc gia Việt Nam vừa mới hình thành, vượt qua những thác ghềnh nguy hiểm. Bác đã đón nhận nhiệm vụ đó trước lịch sử, trước nhân dân đúng như Bác đã trả lời các nhà báo nước ngoài ba tháng sau đó: "Tôi tuyệt đối không ham muốn công danh phú quý chút nào. Bây giờ phải gánh chức Chủ tịch là vì đồng bào ủy thác thì tôi gắng phải làm, cũng như một người lính vâng mệnh lệnh quốc dân ra trước mặt trận".

2

húng tôi trở về Hàng Ngang trước để chuẩn bị. Anh Nhân1 lên sau, ở lại đến chiều cùng về với Bác.

Đây là lần đầu tiên Bác đến Hà Nội. Chặng đường ba trăm ki-lô-mét từ ngôi nhà tranh nhỏ hẹp tại làng Kim Liên tới đây, Bác đã đi mất ngoài ba mười lăm năm.

Con đường Bác đã đi không giống bất cứ con đường của một người Việt Nam yêu nước nào đã đi trước Bác.

Bác đã một mình lặn lội, xông pha trên những nẻo đường của hầu khắp các miền khác nhau trên trái đất. Chủ nghĩa tư bản đã bước vào giai đoạn phát triển tột cùng của nó, trở nên vô cùng xấu xa. Nó tìm mọi cách xóa nhòa ranh giới giữa trắng, đen, giữa thiện, ác. Nó xuyên tạc mọi giá trị tinh thần chân chính mà loài người đến đó đã thành đạt được. Nó đang bưng bít mọi ánh sáng của công lý, tự do.

Bác đã đi giữa những ngày Đông ấm đạm, vòm trời châu Âu, châu Á bị những đám mây đen chiến tranh của chủ nghĩa để quốc che phủ.

Thế gian hỗn loạn, đau thương; tội ác của chủ nghĩa để quốc chồng chất. Giữa lúc vàng thau lẫn lộn, giả thật khó phân, Bác đã nhanh chóng tìm thấy ánh sáng của chân lý. Bác đã đến với chủ nghĩa Lê-nin. Bác đã thấy học thuyết Lê-nin chính là "mặt trời đưa lại nguồn sống tươi vui". Bác đã thấy ngọn cờ Lê-nin là "tượng trưng cho lòng tin và đuốc sáng của hy vọng". Từ năm mươi năm trước đây, người yêu nước Việt Nam vĩ đại đã tìm được ở chủ

nghĩa Mác - Lê-nin cho đồng bào ta và những người cùng hội cùng thuyền - những dân tộc bị đọa đày vì chủ nghĩa để quốc - một con đường giải phóng duy nhất: "Đường kách mệnh".

Một sự thay đổi lớn lao đã đến trong đời sống của dân tộc.

Máy ngày trước đây, Hà Nội còn giữ nguyên vẹn bộ mặt một sản phẩm của chế độ thực dân thối nát thời chiến. Cả thành phố chìm đắm trong những hoạt động chợ đen. Cuộc sống tính từng ngày. Những chiếc xe chở rác không đủ để đưa xác những người chết đói ra ngoại ô, đổ xuống những hố chung. Trong khi đó, ở các cửa ô, người đói khắp làng quê vẫn ùn ùn kéo vào. Họ đi vật vò như những chiếc lá khô buổi chiều Đông. Nhiều khi, chỉ một cái gạt tay của viên cảnh sát, cũng đủ làm họ ngã xuống không bao giờ trở dậy.

Lại thêm tháng 8 năm nay, nước các triển sông đều lên to. Cơn "hồng thủy" đã phá vỡ những đê điều từ lâu không được bọn thống trị nhòm ngó tói. Sáu tỉnh đồng bằng, vựa thóc của cả miền Bắc, bị chìm dưới làn nước trắng. Dịch tả hoành hành. Bao nhiêu tai họa của chế độ thực dân cùng một lúc dồn đến.

Cùng với bọn đầu cơ kinh tế, bọn đầu cơ chính trị cũng đua nhau nổi lên. Chúng vừa hô "Việt Nam độc lập", vừa hô "Đại Nhật Bản vạn tuế". Thay vào những tên đội xếp Pháp mang dùi cui là những tên hiến binh Nhật đeo kiếm dài, lệt xệt đôi ủng đi trên các hè phố.

Không phải chỉ riêng Hà Nội mà cả dân tộc ta đang sống những giờ phút đau thương.

Thắng lợi vĩ đại của Hồng quân Liên Xô đánh tan đạo quân Quan Đông của Nhật vào giữa tháng 8, đã đưa lại cho dân tộc ta một thời cơ lớn.

Cách mạng nổi lên như một cơn lốc.

Chỉ trong vài ngày, những vết nhơ, những nỗi nhục nhằn, khổ đau của chế độ nô lệ đã được quét đi khá nhiều.

Sức hồi sinh của cách mạng thật lạ thường. Hôm trước, cả thành phố còn tê liệt vì nạn đói, vì bệnh dịch, vì sự khủng bố. Hôm sau, tất cả những đường to, ngõ hẻm đã sôi lên. Hàng vạn, hàng vạn con người ầm ầm kéo đi với sức mạnh như những dòng thác.

Chính quyền nhân dân cách mạng vừa mới thành lập. Phần lớn đồng bào còn chưa biết những ai là người thay mặt cho chính quyền mới. Nhưng mọi người đã tự động tạo nên một trật tự mới, trật tự của cách mạng. Nạn cướp giật mất hẳn. Trộm, cắp hầu như không xảy ra. Những người ăn xin cũng không còn. Hoạt động buôn bán, hoạt động chủ yếu của thành phố, đã nhường chỗ cho một hoạt động mới: Hoạt động cách mạng.

Một người đi xe đạp đến đầu phố cầm loa hô lớn: "Mời đồng bào đến tập trung ở địa điểm X. tham gia biểu tình". Không biết người đó là ai, nhưng lời hô hào lập tức được truyền đi. Nhiều người dân tự động vác loa ra đứng giữa đường, làm công tác thông tin.

Ai đang làm dở việc gì cũng để lại đấy. Tất cả ào ào kéo đi. Chỉ chốc lát, hàng vạn người đã có mặt ở địa điểm biểu tình. Họ sẵn sàng làm bất cứ việc gì mà cách mạng cần đến.

Không khí Hà Nội trở nên trong lành, náo nức. "Đoàn quân Việt Minh đi, chung lòng cứu quốc...", những bài ca cách mạng vang lên rộn ràng từ sớm tới khuya. Cờ sao mỗi lúc một nhiều hơn, đẹp hơn. Cờ bay đỏ nhà, đỏ phố. Cách mạng đúng là ngày hội của những người bị áp bức.

Chập tối, Bác đến nhà. Chúng tôi ra đón, nhận thấy trên nét mặt của Bác những dấu hiệu xúc động.

Bác đã về đến Hà Nội. Ít ngày nữa, Hà Nội sẽ trở thành Thủ đô của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên tại Đông Nam châu Á. Hà Nội chưa được cùng san sẻ với chúng tôi hôm nay niềm vui đón Bác trở về. Ngay cả đồng chí lái xe bữa ấy cũng vậy. Mấy ngày sau, anh xin phép nghỉ, lên Thái Nguyên dẫn bố về dự Tết Độc lập để xem mặt cụ Chủ tịch nước. Đến quảng trường Ba Đình, anh mới biết Chủ tịch Hồ Chí Minh chính là cụ già bữa trước mình đã đánh xe đi đón ở làng Gạ.

3

Ị ai Hội nghị Pôt-xđam cuối tháng 7 năm ấy, Đồng minh đã quyết định chia Đông Dương thành hai khu vực để tiến vào tước vũ khí quân đội Nhật Bản, khi Nhật đầu hàng. Việc giải giáp quân đội Nhật từ vĩ tuyến 16 trở vào, do quân Anh phụ trách.

Từ vĩ tuyến 16 trở ra, sẽ do quân đội Tưởng Giới Thạch chịu trách nhiệm. Đương nhiên, trong việc hệ trọng đó, dân ta không được hỏi ý kiến. Do áp lực của Mỹ, Pháp đã bị gạt ra ngoài.

Bọn Tướng chưa tới thì chiều ngày 22 tháng 8, đã thấy xuất hiện một số võ quan Pháp bên cạnh phái bộ Mỹ vừa đáp máy bay xuống Hà Nội.

Các viên võ quan Pháp được bọn Nhật đưa tới khách sạn "Mê-tơ-rô-pôn". Nhiều kiểu dân Pháp còn trú ngụ tại đây. Đồng bào ta nhận ra chúng qua bộ quần áo nhà bình Pháp, lập tức ùa tới phân đối. Người kéo đến mỗi lúc một đông. Bất chấp lưỡi lê của bọn lính Nhật đứng gác, những dây chắn trước khách sạn bị phá đứt tung. Trước sự phẫn nộ của quần chúng, những tên

hiến binh Nhật vội vã hộ tống bọn võ quan Pháp trở về phủ toàn quyền cũ, lúc đó còn là tổng hành dinh của quân đội Nhật.

Từ mấy tháng trước, khi còn ở chiến khu, chúng tôi đã nghe tin Đò Gòn đưa ra một bản tuyên bố về quy chế mới cho chế độ chính trị của Pháp tại Đông Dương. Theo bản tuyên bố này, Đông Dương sẽ trở thành một liên bang gồm năm "nước" khác nhau (ngoài Lào, Cam-pu-chia, chúng chia Việt Nam ra làm ba "nước": Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ). Các nước này sẽ được hưởng một chế độ gọi là "chế độ tự trị ở bên trong". Liên bang này sẽ có một chính phủ liên bang đứng đầu là một "quan toàn quyền" đại diện cho nước Pháp, có cả quyền hành pháp lẫn quyền lập pháp. Qua bản tuyên bố này, chính sách thực dân của đế quốc Pháp đối với ta vẫn không thay đổi.

Nghe tin Nhật hoàng sắp đầu hàng, Chính phủ Pháp lập tức có những hoạt động. Nhiều toán gồm những võ quan, những quan cai trị, những tên tình báo ở Trung Hoa, ở Xây-lan, ở Ma-đa-gát-xca được lệnh tìm mọi cách đột nhập Đông Dương. Chúng nhảy dù xuống nhiều địa điểm ở khắp Trung, Nam, Bắc. Có bọn vào ta bằng đường biển. Chúng chưa biết những đổi thay sâu sắc đã diễn ra ở đây trong thời gian qua. Nhiều tên còn đi tìm các quan lại, hương lý cũ để cho xem giấy tờ. Hầu hết bọn chúng đã rơi vào tay ta, một số vào tay Nhật.

Về Hà Nội ít ngày, chúng tôi được tin: Ngay khi Nhật đầu hàng, Chính phủ Pháp đã lệnh cho đạo quân viễn chinh Pháp ở Viễn Đông, được tổ chức từ khá lâu trước đó, lên đường gấp sang Đông Dương. Lọ-cléc, một viên tướng có tên tuổi trong cuộc chiến đấu giải phóng nước Pháp, được chỉ định làm tổng chỉ huy, Đác-giăng-li-ơ, thủy sư đô đốc, một thầy tu phá giới, người thân cận của Đò Gòn, được bổ nhiệm chức cao ủy. Những chiếc tàu chiến của Pháp còn lại sau cuộc đại chiến lần thứ hai,

hướng mũi về Đông Dương. Từ đầu bên kia trái đất, những nòng súng đã chĩa về phía cách mạng.

Sự xuất hiện của một phái đoàn gồm trên một chục võ quan người Pháp ở Hà Nội, là một điều làm cho Bác và các anh rất quan tâm. Tại sao bọn Pháp tới được đây trước cả khi quân Tưởng vào. Thái độ của Đồng minh, đặc biệt là của Mỹ và Tưởng đối với Pháp trong vấn đề Đông Dương ra sao? Đó là điều chúng ta đang cần biết.

Chúng tôi nhân danh một phái đoàn của chính quyền nhân dân gặp phái bộ Mỹ. Qua cuộc gặp này, chúng ta biết dứt khoát việc giải giáp quân đội Nhật ở phía Bắc vĩ tuyến thứ 16 vẫn do quân Tưởng đảm nhiệm. Chúng ta lại nhận thấy nhóm người Mỹ và nhóm người Pháp ở Hà Nội dường như không ưa nhau. Trong khi Pháp đang ráo riết tìm cách quay lại Đông Dương thì viên sĩ quan người Mỹ Pát-ti, với một động cơ nào đó còn chưa hiểu được, lại bày tỏ cảm tình với cuộc chiến đấu chống Nhật của Việt Minh.

Trước cao trào khởi nghĩa của toàn dân từ Bắc chí Nam, bọn Nhật thua trận hoang mang. Những trận đánh của ta ở Việt Bắc, ở các nơi làm cho chúng phải suy nghĩ. Nếu chống lại cách mạng, số phận chúng sẽ ra sao sau khi chúng đã bị quân Đồng minh tước khí giới? Bọn Nhật đã thấy chẳng có lợi gì cho chúng, nếu chúng cản trở cách mạng.

Tại Huế, ngày 23 tháng 8, mười lăm vạn đồng bào nội, ngoại thành tuần hành thị uy trên các đường phố. Ủy ban khởi nghĩa đưa thư đòi Bảo Đại thoái vị. Các lực lượng vũ trang khởi nghĩa chiếm các công sở và lùng bắt bọn Việt gian. Trước áp lực to lớn của cách mạng, Bảo Đại tuyên bố sẵn sàng từ giã ngôi vua.

Ngày 25 tháng 8, cuộc khởi nghĩa bùng ra trên phần lớn các tỉnh ở Nam Bộ. Tám mươi vạn đồng bào Sài Gòn, Chợ Lớn xuống đường. Viên khâm sai của Bảo Đại vừa phải vào mấy ngày trước đó, buộc phải từ chức. Trước sức mạnh của quần chúng, mấy vạn quân Nhật phải ngoảnh mặt làm ngơ.

Anh Trần Huy Liệu, anh Nguyễn Lương Bằng và anh Cù Huy Cận được cử vào Huế. Ngày 30 tháng 8, cửa Ngọ Môn tại hoàng thành mở rộng đón phái đoàn của cách mạng. Bảo Đại đọc chiếu thoái vị, trao lại ấn kiếm để trở thành người công dân của một nước tự do. Hàng vạn đồng bào hân hoan chứng kiến những giờ phút cuối cùng của triều Nguyễn.

Thế là dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương lúc bấy giờ có khoảng năm nghìn đảng viên, Mặt trận Việt Minh được toàn dân ủng hộ, đã giành thắng lợi vĩ đại trong cuộc Tổng khởi nghĩa suốt từ Bắc chí Nam. Cách mạng Tháng Tám đã thành công rực rỡ. Chỉ trong khoảng mười ngày, chính quyền cách mạng đã được

thành lập trên cả nước. Chế độ thực dân kéo dài tám mươi năm cùng với chế độ phong kiến hàng nghìn năm sụp đổ tan tành. Người ta nhổ những lá cờ quê ly vàng úa, một sản phẩm của thời kỳ Nhật thuộc ngắn ngủi, như bứt đi những chiếc lá sâu. Nó chìm nhanh vào sự lãng quên không để lại một dấu vết.

4

nh chj chü nha ô phô Hàng Ngang dä danh cho chüng tôi tang gác hai. Bac duqc môi len tang ba lam viqc cho tinh. Nhung Bac khong thich ô môt mình, cuing ô vói chüng tôi. Luc dó, theo su phan cong cüa Bac, anh To' và anh Hoan con ô lai Tan Trao it lau. Doi vói nhüng nguôi giup viqc

trong gia đình và hàng xóm thì Bác và chúng tôi là "các cụ và các ông ở nhà quê ra chơi". Anh Ninh hồi đó có bộ râu rậm lười cạo nên cũng được coi lầm là một "ông cụ".

Tầng gác này vốn là phòng ăn và buồng tiếp khách nên không có bàn viết. Bác ngồi viết ở cái bàn ăn rộng thênh thang. Chiếc máy chữ của Bác được đặt trên cái bàn vuông nhỏ, mặt bọc nỉ xanh, kẻ ở góc buồng.

Hét giò làm việc, mỗi người kiếm một chỗ nghỉ luôn tại đó. Người nằm ở đi-văng. Người ngủ trên những chiếc ghế kê ghép lại. Bác nghĩ trên một chiếc ghế xếp bằng vải trước kia vẫn dựng ở góc buồng.

Ngay từ hôm Bác mới về, những toán quân Tướng đầu tiên đã xuất hiện ở Hà Nội. Đó là những tên thám báo và tiền trạm. Đứng trên bao lơn, chúng tôi nhìn thấy những toán quân Tướng lê tê vẫn tiếp tục kéo đến.

Thật khó mà tin được đây lại là một quân đội vừa chiến thắng. Mặt mũi chúng bùng beo, ngơ ngác. Những bộ quân phục màu vàng nghệ rách rưới, bẩn thỉu. Chúng gồng gánh lễ mễ. Có những toán đem theo cả đàn bà và trẻ con. Nhiều đứa kéo lê không nổi cặp chân voi. Chúng xuất hiện như những vết nhơ trên thành phố vừa quét sạch được mùi hôi tanh của bọn thực dân. Nhìn chúng lần này thâm hại hơn nhiều so với lần chúng tôi đã nhìn thấy chúng năm năm trước tại Côn Minh, Quế Lâm.

Bác chủ tọa phiên họp đầu tiên của Thường vụ tại Hà Nội. Cách mạng đã thành công ở hầu khắp các tỉnh. Nhưng chính quyền cách mạng Trung ương vẫn chưa thành lập. Tình hình trong, ngoài lại rất khẩn trương. Thường vụ nhận thấy phải sớm công bố danh sách Chính phủ làm thời và tổ chức lễ ra mắt của Chính phủ. Những việc này cần làm ngay trước khi đại quân của Tướng kéo vào.

Các tỉnh ở phía trên nhận được chỉ thị nhân lúc nước lụt, lấy cớ huy động thuyền bè khó khăn, làm chậm việc chuyển quân của Tướng thêm ngày nào hay ngày ấy.

Một số chi đội Quân giải phóng đã được lệnh điều động gấp từ Thái Nguyên về Hà Nội. Nước lụt làm hư nhiều đoạn đường nên anh em về chậm. Hà Nội giành chính quyền đã hơn một tuần lễ. Nhưng lực lượng vũ trang cách mạng mới chỉ có những đơn vị tự vệ chiến đấu và một số lính bảo an vừa theo cách mạng. Đó cũng là một điều phải quan tâm.

Sáng ngày 26, có tin hai chi đội Quân giải phóng đã về đến Gia Lâm. Anh Nguyễn Khang cùng anh Vương Thừa Vũ sang đón.

Phải trải qua một cuộc dàn xếp khó khăn, bọn Nhật mới đồng ý để các đơn vị Quân giải phóng vào Hà Nội.

Đội nhạc binh cử những khúc quân hành khi đoàn quân vượt cầu Long Biên. Các chiến sĩ dàn thành hai hàng dọc hai bên đường, súng cầm tay, đạn lên nòng, đi theo tư thế sẵn sàng chiến đấu.

Sự có mặt ở Hà Nội của những lực lượng vũ trang cách mạng đã trải qua tôi luyện, thử thách làm cho mọi người phấn khởi. Một cuộc duyệt binh của Quân giải phóng và tự vệ thành được tổ chức tại quảng trường Nhà hát lớn trước niềm hân hoan, tin tưởng của đồng bào.

Ngày 28, danh sách Chính phủ lâm thời được công bố trên các báo chí tại Hà Nội. Thành phần của Chính phủ nói lên chủ trương đoàn kết rộng rãi các tầng lớp nhân dân của Mặt trận Việt Minh trong công cuộc xây dựng đất nước.

Hôm trước đó, Bác đã gặp các vị bộ trưởng trong Chính phủ lâm thời tại Bắc Bộ Phủ. Ông Nguyễn Văn Tố, Bộ trưởng Bộ Cứu tế xã hội, nhìn thấy ở phòng khách một cụ già, mặc chiếc quần "soóc" nhuộm nâu, đội cái mũ bọc vải vàng đã móp, đứng chống cây gậy, tươi cười gật đầu chào mình. Lát sau, ông mới biết đó chính là Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Thường vụ đã quyết định ngày ra mắt của Chính phủ lâm thời cũng là ngày nước Việt Nam chính thức công bố giành quyền độc lập và thiết lập chính thể dân chủ cộng hòa. Ngoài đường lối, chính sách của Chính phủ, phải chuẩn bị cả những lời thể để đưa ra trước nhân dân. Bác và Thường vụ trao đổi về một việc hệ trọng cần bắt tay vào làm ngay: Thảo bản Tuyên ngôn Độc lập.

Trong căn buồng nhỏ thiếu ánh sáng của ngôi nhà sâu thẳm, nằm giữa một trong ba mươi sáu phố phường cổ kính của Hà Nội, Bác ngồi làm việc, khi thì viết, khi thì đánh máy.

Những người giúp việc trong gia đình không biết ông cụ có cặp mắt sáng, chiếc áo nâu bạc thường để hỗ khuy ngực, hay hút thuốc lá, ngồi cặm cụi đó làm gì. Mỗi lần họ tới hỏi cụ có cần gì, cụ quay lại mỉm cười, chuyện trò đôi câu. Lần nào cụ cũng nói không có gì cần phải giúp đỡ. Họ không biết là mình đang chứng kiến những giờ phút lịch sử.

Một buổi sáng, Bác và anh Nhân gọi anh em chúng tôi tới. Bản Tuyên ngôn lịch sử đã thảo xong, Bác mang đọc để thông qua tập thể. Như lời Bác nói lại sau này, đó là những giờ phút sảng khoái nhất của Người.

Hai mươi sáu năm trước, Bác đã tới Hội nghị hòa bình Véc-xây, nêu lên những yêu cầu cấp thiết về dân sinh, dân chủ cho những người dân thuộc địa. Cả những yêu cầu tối thiểu đó cũng không được bọn để quốc mây may chấp nhận. Người đã thấy rõ một sự thật là không thể trông chờ ở lòng bác

ái của các nhà tư bản. Người biết chỉ còn trông cậy vào cuộc đấu tranh, vào lực lượng của bản thân dân tộc mình.

Giò phút này, Người đang thay mặt cho cả dân tộc, hái quả của tám mươi năm đấu tranh.

Bữa đó, chúng tôi đã nhìn thấy rõ niềm vui rạng rỡ trên khuôn mặt còn võ vàng của Người.

5

Ông 2 tháng 9 năm 1945.

Hà Nội tưng bừng màu đỏ. Một vùng trời bát ngát cờ, đèn và hoa. Cờ bay đỏ những mái nhà, đỏ những rặng cây, đỏ những mặt hồ.

Biểu ngữ bằng các thứ tiếng Việt, Pháp, Anh, Hoa, Nga chăng khắp các đường phố: "Nước Việt Nam của người Việt Nam", "Đá đảo chủ nghĩa thực dân Pháp", "Độc lập hay là chết", "Ứng hộ Chính phủ lâm thời", "Ứng hộ Chủ tịch Hồ Chí Minh", "Hoan nghênh phái bộ Đồng minh"...

Các nhà máy, các cửa hiệu buôn to, nhỏ đều nghỉ việc. Chợ búa không họp. Mọi hoạt động buôn bán, sản xuất của thành phố tạm ngừng. Đồng bào thủ đô già, trẻ, gái, trai đều xuống đường. Mọi người đều thấy mình cần phải có mặt trong ngày hội lớn đầu tiên của đất nước.

Những dòng người đủ mọi màu sắc, từ khắp các ngã tuôn về vườn hoa Ba Đình.

Đội ngũ của những người thợ quần xanh, áo trắng, tràn đầy sức mạnh và niêm tin. Người lao động bình thường hôm nay đến ngày hội với tư thế đường hoàng của những người làm chủ đất nước, làm chủ tương lai.

Hàng chục vạn nông dân từ ngoại thành kéo vào. Những chiến sĩ dân quân mang theo côn, kiếm, mã tấu. Có những người vác theo cả những quả chùy đồng, những thanh long đao rút từ những giá vũ khí bày để trang trí các điện thờ. Trong hàng ngũ của các chị em phụ nữ nông thôn với những bộ quần áo ngày hội, có những người vấn khăn vàng, mặc áo tứ thân, thắt lưng hoa lý. Cũng chưa bao giờ người nông dân ở những làng xóm nghèo quanh Hà Nội, đi vào thành phố với một niềm tự hào như ngày hôm ấy.

Những cụ già về mặt nghiêm trang. Những cô gái thủ đô hớn hở, áo màu rực rỡ.

Rộn ràng là các em thiếu nhi. Dù sự giàu nghèo của mỗi gia đình chưa đổi khác, nhưng từ ngày hôm nay, tất cả các em đều trở thành những người

chủ nhỏ của đất nước độc lập. Theo nhịp còi của các anh, các chị phụ trách, các em khua rền trống ếch, giậm chân bước đều, hát vang những bài ca cách mạng.

Những nhà sư, những ông cố đạo cũng rời nơi tu hành, xuống đường, xếp thành đội ngũ đến dự ngày hội lớn của dân tộc.

Náng mùa Thu rất đẹp trên quảng trường Ba Đình, từ giờ phút này đã đi vào lịch sử. Đội danh dự đứng nghiêm trang chung quanh lễ đài mới dựng. Các chiến sĩ Quân giải phóng bữa trước theo Quân lệnh số 1 của Ủy ban khởi nghĩa, từ Tân Trào tiến về phía Nam "đánh vào các đô thị và trọng trấn của quân địch". Hôm nay, họ đã đứng sát cánh cùng các đội tự vệ của công nhân, thanh niên và lao động thủ đô bảo vệ Chính phủ lâm thời.

Sau bao năm bôn ba khắp thế giới, mang án tử hình của đế quốc Pháp, qua mấy chục nhà tù và những ngày dài gối đất nằm sương, Bác đã trở về ra mắt trước một triệu đồng bào. Sự kiện lịch sử này mới hôm nào còn ở trong ước mơ.

Ba tiếng HỒ CHÍ MINH không bao lâu đã vang đi khắp thế giới với những truyền thuyết mà người ta thường dành cho các bậc vĩ nhân. Nhưng vào ngày hôm ấy, cái tên mới của Bác vẫn còn mới lạ với nhiều đồng bào. Số người biết Bác chính là đồng chí Nguyễn Ái Quốc khi đó không nhiều.

Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị Chủ tịch của Chính phủ lâm thời nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, đã ra mắt đồng bào như một lãnh tụ lần đầu xuất hiện trước đồng đảo quần chúng.

Đó là một cụ già gầy gò, trán cao, mắt sáng, râu thưa. Cụ đội chiếc mũ đã cũ, mặc áo ka-ki cao cổ, đi dép cao-su trắng.

Máy ngày hôm trước, một vấn đề được đặt ra là phải có một bộ quần áo để Bác mặc khi Chính phủ ra mắt đồng bào. Cuối cùng, Bác đã chọn bộ quần áo này. Hai mươi bốn năm làm Chủ tịch nước, trong những ngày lễ lớn của dân tộc, trong những cuộc đi thăm nước ngoài, Chủ tịch Hồ Chí Minh bao giờ cũng xuất hiện với một hình ảnh giản dị, không thay đổi. Vẫn bộ quần áo vải, trên ngực không một tấm huân chương, y như lần đầu Bác đã ra mắt đồng bào.

Ông cụ có dáng đi nhanh nhẹn. Dáng đi này cũng làm cho đôi người lúc đó hơi ngạc nhiên. Họ đã không nhìn thấy ở vị Chủ tịch dáng đi trang trọng của những người "sang". Giọng nói của ông cụ phảng phất giọng nói của một miền quê đất Nghệ An.

Bác đã xuất hiện trước một triệu đồng bào ngày hôm đó như vậy.

Lời nói của Bác điểm đạm, đầm ấm, khúc chiết, rõ ràng. Không phải là cái giọng hùng hỗn người ta thường được nghe trong những ngày lễ long trọng. Nhưng người ta tìm thấy ngay ở đó những tình cảm sâu sắc, ý chí kiên quyết; tất cả đều tràn đầy sức sống; từng câu, từng tiếng đi vào lòng người.

Đọc bản Tuyên ngôn Độc lập đến nửa chừng, Bác dừng lại và bỗng dưng hỏi:

- Tôi nói, đồng bào nghe rõ không?

Một triệu con người cùng đáp, tiếng dậy vang như sấm:

- Co...o...ó!

Từ giây phút đó, Bác cùng với cả biển người đã hòa làm một.

Đây là bản Tuyên ngôn của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa vừa giành được độc lập bằng cuộc chiến đấu suốt tám mươi năm của dân tộc. Đây còn là những lời lẽ tâm huyết, đầy cảm kích của đội tiên phong giác ngộ nhất của giai cấp cách mạng nhất, có những người con tuyệt đối trung thành với lợi ích của giai cấp và của dân tộc, trước máy chém, trước miệng súng của quân thù, đã từng giật tấm băng đen bịt mắt, hô lớn: "Việt Nam độc lập muôn năm!".

Buổi lễ kết thúc bằng những lời thề Độc lập:

- Chúng tôi, toàn thể dân Việt Nam xin thề: "Kiên quyết một lòng ủng hộ Chính phủ lâm thời Việt Nam dân chủ cộng hòa, ủng hộ Chủ tịch Hồ Chí Minh".

- Chúng tôi xin thề: "Cùng Chính phủ giữ nền độc lập hoàn toàn cho Tổ quốc, chống mọi mưu mô xâm lược, dù có phải chết cũng cam lòng".
- Nếu Pháp đến xâm lược lần nữa thì chúng tôi xin thề:

"Không đi lính cho Pháp,

Không làm việc cho Pháp,

Không bán lương thực cho Pháp,

Không đưa đường cho Pháp!".

Một triệu con người, một triệu tiếng hô cùng hòa làm một. Đó là lời thề của toàn dân kiên quyết thực hiện lời Chủ tịch Hồ Chí Minh vừa đọc để kết thúc bản Tuyên ngôn:

"Nước Việt Nam có quyền được hưởng tự do và độc lập và sự thật đã thành một nước tự do, độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mệnh và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy".

"Bản án chế độ thực dân Pháp" đã có từ ba mươi năm trước đây. Nhưng hôm nay mới chính là ngày chế độ thực dân Pháp bị đưa ra cho toàn dân Việt Nam công khai xét xử.

Lịch sử đã sang trang. Một kỷ nguyên mới bắt đầu: Kỷ nguyên của Độc lập, Tự do, Hạnh phúc.

Bản đồ thế giới phải sửa đổi lại vì sự ra đời của một Nhà nước mới: Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

Cùng với cuộc Tổng khởi nghĩa nổ ra trong suốt hạ tuần tháng 8, Ngày Độc lập mồng 2 tháng 9 đã có một ý nghĩa cực kỳ trọng đại trong đời sống chính trị, tinh thần của dân tộc.

Điều lo lắng của Bác trước đây ba mươi năm: "Đông Dương đáng thương hại! Ngươi sẽ nguy mất nếu đám thanh niên già cỗi của ngươi không sớm hồi sinh", hôm nay, không còn là điều khiến cho Người phải băn khoăn. Cả dân tộc đã hồi sinh.

Độc lập, tự do đã đến với mỗi người dân. Mỗi người đã thấy được giá trị thiêng liêng của nó, thấy trách nhiệm phải bảo vệ. Vô vàn khó khăn còn ở trước mắt. Nhưng đối với bọn đế quốc, muốn phục hồi lại thiên đàng đã mất, mọi việc cũng không còn dễ dàng như xưa.

Ôi phó với các quân Đồng minh vào giải giáp quân đội Nhật là một khó khăn lớn lúc này mà Đảng ta phải đương đầu. Ở miền Bắc, có tin Tưởng Giới Thạch sẽ đưa vào một số quân rất đông. Căn cứ vào nghị quyết của Hội nghị toàn quốc của Đảng hợp tại Tân Trào, Thường vụ đã bàn sách lược đối với bọn Tưởng.

Dã tâm của bọn Quốc dân Đảng Trung Hoa, chúng ta đã rõ. Chúng là kẻ thù không đội trời chung của cách mạng. Ta phải cảnh giác để phòng chúng lật ta để thay thế bằng bọn tay sai. Tuy nhiên, lúc này cần phải hòa hoãn với chúng, phải khôn khéo, tìm mọi cách tránh xung đột. Chính quyền cách mạng vừa thành lập đang cần có thời gian để cũng cổ và xây dựng lực lượng. Khẩu hiệu đề ra là "Hoa - Việt thân thiện".

Thực hiện đổi sách này với bọn Tưởng thật không dễ dàng. Đồng bào ta được sự giáo dục của Đảng từ lâu, đã biết Hồng quân Trung Hoa mới là bạn của ta. Quân đội Quốc dân Đảng của Tưởng Giới Thạch chính là kẻ thù của

nhân dân và cách mạng Trung Quốc; chúng cũng là kẻ thù của nhân dân và cách mạng Việt Nam. Đồng bào ta vốn rất cảm ghét chúng. Quân Tướng lại là một đội quân mang nhiều tính chất thổ phỉ. Chắc chắn, khi tràn vào ta, chúng sẽ có nhiều hành động khiến cho đồng bào phẫn nộ, dễ xảy ra xung đột. Thường vụ đã phải cử người lên các tỉnh phía trên, phổ biến chủ trương, cùng các đồng chí lãnh đạo ở địa phương chuẩn bị tư tưởng cho cán bộ và nhân dân trước khi quân Tướng kéo vào.

Sau khi Nhật đầu hàng, Hà Ứng Khâm, tổng tham mưu trưởng quân đội Quốc dân Đảng Trung Hoa, một tên chống cộng khét tiếng, đã thúc Lư Hán điều quân vào miền Bắc Việt Nam cho thật nhanh. Kế hoạch "Hoa quân nhập Việt" đã được chuẩn bị từ lâu. Bọn quân phiệt Quốc dân Đảng tin rằng đây là một thời cơ rất thuận lợi để thôn tính miền Bắc Việt Nam. Chúng tính ít nhất cũng đặt được từ vĩ tuyến 16 trở ra, một chính quyền tay sai ngoan ngoãn thực hiện mọi chỉ thị của chúng.

Bọn quân phiệt Quốc dân Đảng sắp sẵn những con bài, gồm những tên tay sai người Việt ở Trung Hoa như: Nguyễn Hải Thần, Vũ Hồng Khanh, Nguyễn Tường Tam... Chúng thuộc hai tổ chức: Việt Nam cách mạng đồng minh Hội và Việt Nam Quốc dân Đảng, sống từ lâu ở nước ngoài, không có liên hệ gì với phong trào trong nước. Chúng tự nhận là những người Việt Nam yêu nước theo chủ nghĩa quốc gia, nhưng thực ra là một bọn phản động mưu toan dựa vào Quốc dân Đảng Tướng Giới Thạch và mũi súng quân Tướng để kiếm sống. Quân Tướng đi vào Việt Nam bằng hai đường, nên bọn này cũng chia làm hai bộ phận đi theo chúng.

Vì tổ chức luộm thuộm, thiếu phương tiện vận chuyển phải đi bộ, không có hậu cần đi cùng, đến đâu cũng phải xoay ăn, lại thiếu cả quân số, vừa đi vừa vét quân

lính dọc đường, nên chúng đi khá chậm.

Phía Vân Nam, quân đoàn 93 thuộc đệ nhất phương diện quân của Lư Hán, theo kế hoạch sẽ đi dọc sông Hồng đến Hà Nội, cuối tháng 8 mới tới Lào Cai. Phía Quảng Tây, quân đoàn 62, lực lượng của quân đội Quốc dân Đảng trung ương, có tướng Tiêu Văn đi cùng, sẽ đi đường Lạng Sơn, Cao Bằng xuống Hà Nội, mãi đầu tháng 9 mới vượt qua biên giới.

Hai quân đoàn khác, quân đoàn 52 của trung ương và quân đoàn 60 của Vân Nam đi tiếp theo, sẽ chia nhau xuống Hải Phòng, vào Vinh và Đà Nẵng.

Tổng quân số của chúng vào miền Bắc là mười tám vạn người. Các quân đoàn Vân Nam nhiều binh lính ốm đau, ô hợp, kém huấn luyện. Những quân đoàn của trung ương mạnh hơn, về tổ chức cũng đỡ luộm thuộm. Bốn quân đoàn này được đặt dưới quyền chỉ huy chung của tướng Lư Hán.

Tiêu Văn, một phó tướng của Trương Phát Khuê, từ lâu theo dõi vấn đề Việt Nam, lãnh trách nhiệm với bọn quân phiệt Quốc dân Đảng trong việc sắp xếp chế độ chính trị tại miền Bắc.

Nguyễn Hải Thần theo quân đoàn 62 vào Lạng Sơn, thì được tin Chính phủ lâm thời nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đã ra mắt trước một triệu đồng bào tại Thủ đô Hà Nội.

Những tên chỉ huy quân đoàn 62 đòi tước vũ khí các lực lượng vũ trang ta tại Lạng Sơn, Cao Bằng. Bộ đội ta không chịu. Chúng đem quân tới chiếm các doanh trại của Quân giải phóng. Bọn Việt Nam cách mạng đồng minh Hội núp sau lưỡi lê quân Tướng, xông vào trụ sở của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Để tránh xô xát lớn, các cơ quan chính quyền, đoàn thể và các lực lượng vũ trang ta phải tạm giãn ra vùng chung quanh. Nhân dân lập tức thực hiện "vườn không, nhà trống". Thị xã trở nên vắng ngắt.

Bọn Việt Nam cách mạng đồng minh Hội đi lùng khắp nơi không kiếm ra đủ số người để làm một cuộc mít tinh nhỏ cho Nguyễn Hải Thần ra mắt. Chúng đành phải in một số truyền đơn phần đối việc Việt Minh thành lập Chính phủ lâm thời và nêu lên mười ba điều thảo phạt Chính phủ Hồ Chí Minh. Không có ai mà phân phát, chúng đem truyền đơn rải khắp đường ngang lối tắt.

Bọn Việt Nam Quốc dân Đảng do Vũ Hồng Khanh và Nguyễn Tường Tam cầm đầu, đi theo quân đoàn 93 Vân Nam. Cũng dựa vào mũi súng của quân Tướng, chúng tới đâu là tìm cách lật đổ chính quyền của nhân dân ta tại đó. Chúng lập trụ sở, tập họp bọn phần động ở địa phương, quấy nhiễu, phá phách, cướp của, giết người.

Thầy nào tớ nấy, bọn quân ô hợp của Long Vân hoạt động giống y như những tên thổ phỉ.

Tại một số nơi chưa được phổ biến kỹ chủ trương, những cuộc xung đột giữa các lực lượng vũ trang của nhân dân ta với quân Tưởng đã xảy ra.

Các cơ quan chính quyền và bộ đội ta được lệnh tạm rút ra ngoài một số thị trấn, thị xã ở vài tỉnh miền biên giới và dọc đường xe lửa từ Vân Nam về.

Trong nửa đầu tháng 9, gần hai chục vạn quân Tưởng đã tràn ra hầu khắp các tỉnh miền Bắc như một bệnh dịch. Theo gót chúng là những bọn tay sai tức tối vì thấy khó có cơ hội kiếm ăn to. Trước mắt chúng là lực lượng cách mạng rất lớn mạnh, một chính quyền rất đàng hoàng với những cơ sở chính trị vững chắc, được nhân dân hết lòng ủng hộ. Chúng càng trở nên trơ tráo, lộ rõ nguyên hình bọn lưu vong mất gốc, được che chở bằng lưỡi lê quân đội phản động nước ngoài.

Ngày 11 tháng 9, tướng Lư Hán đáp máy bay đến Hà Nội.

Máy hôm sau, những bản bố cáo dài dằng dặc được dán khắp nơi. Bọn quân phiệt Quốc dân Đảng Trung Hoa coi như chúng tới một nơi không có chính quyền. Chúng tự cho chúng quyền giữ trị an trong thành phố. Chúng quy định giá trị của tiền quan kim, tiền quốc tệ, những thứ tiền giấy từ lâu đã trở thành mớ giải lộn. Chúng đề ra cả những quy định để kiểm soát xe cộ đi lại trong thành phố.

Lư Hán tới được vài ngày thì A-lét-xăng-đơ-ri cũng xuất hiện ở Hà Nội. Viên tướng chỉ huy quân đội lê dương Pháp tại Bắc Kỳ, đã đem bọn tàn quân chạy trốn sang Côn Minh trước cuộc tiến công của quân đội Nhật đêm mồng 9 tháng 3 năm nay, tại sao cũng đến được đây? Tình ý giữa bọn Tưởng và bọn Pháp ra sao là vấn đề cần được chú ý.

7

áng ngày mồng 3 tháng 9.

Một ngày sau lễ ra mắt, các vị bộ trưởng trong Chính phủ lâm thời tới dự phiên họp Hội đồng Chính phủ đầu tiên.

Ngôi nhà thâm nghiêm nằm trong hàng rào sắt sơn màu xanh lá cây trước vườn hoa Cóc phun, nguyên là dinh thụ của viên thống sứ người Pháp tại Bắc Kỳ. Hôm nay, đôi cánh cổng hình vòm cung mở rộng đón chào những người đại biểu của nhân dân. Đúng nữa tháng trước đó, nhân dân Hà Nội khởi nghĩa đã kéo tới đây. Bất chấp mũi súng của binh lính bảo an, một bác công nhân già đã vượt qua rào sắt, leo lên nóc nhà, nhổ lá cờ quê ly, thay vào đó bằng lá cờ sao của cách mạng.

Gian phòng họp trên tầng gác trống trải. Trên dãy bàn ngồi họp không có một lọ hoa. Những người đại biểu cho chính quyền mới biết là mình đang bắt tay vào một công việc không dễ dàng gì. Chưa bao giờ lời giáo huấn của Lê-nin có ý nghĩa như bây giờ: "Giành chính quyền đã là khó khăn, nhưng giữ chính quyền còn khó hơn".

Chế độ kinh tế thuộc địa của chủ nghĩa thực dân Pháp, suốt tám mươi năm đô hộ, đã bóc lột tận xương tủy mỗi người dân lao động. Thêm vào đó là những năm Chiến tranh thế giới lần thứ hai. Một tên đế quốc hung bạo nữa là đế quốc Nhật ập vào. Cả hai tên đế quốc đều cùng thi nhau gấp gáp bòn rút. Chúng đã hút của dân ta tới giọt máu cuối cùng. Trên một triệu nông

dân kiệt sức vì đói, ngã ngay trên biển lúa tươi xanh của mình. Gần một triệu người nữa chết đói sau khi đã thu hoạch xong mùa lúa chín. Tiếp đó là nạn lụt. Một nạn đói không kém phần trăm trọng đang là nguy cơ trước mắt. Người dân vừa được sức mạnh thần kỳ của ánh sáng Độc lập, Tự do vực dậy, không thể đứng vững mãi với cái dạ dày lép kẹp.

Gia tài cách mạng vừa giành lại trong tay bọn thống trị thật là tiêu điều: Mấy ngôi nhà trống rỗng, gạo không, tiền cũng không.

Cùng với di sản về kinh tế như vậy, một di sản khác của bọn thống trị để lại về mặt văn hóa cũng khá nặng nề: 95% nhân dân còn mắc nạn mù chữ. Đó là kết quả của chính sách "nhà tù nhiều hơn trường học", chính sách "ngu dân".

Nhưng những điều đó vẫn chưa phải là những khó khăn lớn nhất.

Khó khăn lớn nhất lúc này là các quân đội nước ngoài từ bốn phương cùng dồn dập kéo tới. Bọn ở gần, bọn ở xa. Chúng khác nhau về màu da, về tiếng nói, nhưng rất giống nhau ở một dã tâm: Muốn thôn tính đất nước chúng ta, muốn đẩy chúng ta trở về với cuộc sống nô lệ.

Đúng giờ làm việc, Chủ tịch Hồ Chí Minh từ căn phòng bên đi ra.

- Chào các cụ, chào các chú.

Lời chào của Bác đã mở đầu một không khí thân mật cho phiên họp.

Sớm nay, Bác đi một đôi giày vải màu chàm đem từ chiến khu về. Đôi giày này, đồng bào Nùng đã khâu tặng Bác và được Bác dùng trong nhiều buổi tiếp khách nước ngoài. Bác nhanh nhẹn đi đến bên bàn làm việc. Bằng một cử chỉ cởi mở quen thuộc, Bác giơ rộng hai tay mời các đại biểu cùng ngồi.

Cuộc họp không có diễn văn khai mạc. Bác lấy trong túi ra một mảnh giấy nhỏ ghi những ý kiến đã chuẩn bị. Phá bỏ những nghi thức thông thường, Bác đi ngay vào

nội dung của cuộc họp.

- Thưa các cụ và các chú,

Sau tám mươi năm bị áp bức, bị bóc lột, và dưới chính sách ngu dân của thực dân Pháp, các bạn và tôi, chúng ta đều chưa quen với kỹ thuật hành chính.

Nhưng điều đó không làm cho chúng ta lo ngại. Chúng ta vừa làm vừa học, vừa học vừa làm. Chắc rằng chúng ta sẽ phạm khuyết điểm, nhưng chúng ta sẽ sửa chữa, chúng ta có can đảm sửa chữa khuyết điểm.

Với lòng yêu nước và yêu nhân dân sâu sắc, tôi chắc chúng ta sẽ thành công.

Hiện nay những vấn đề gì là vấn đề cấp bách hơn cả. Theo ý tôi có sáu vấn đề...

Vẫn với những lời lẽ rất giản dị như vậy, Bác nêu lên trước Hội đồng Chính phủ những vấn đề cấp bách nhất. Bác nói:

Một là phải phát động một phong trào tăng gia sản xuất để chống nạn đói. Trong khi chờ đợi thu hoạch ngô, khoai khoảng ba, bốn tháng, sẽ mở một cuộc lạc quyên. Mười ngày một lần, tất cả đồng bào nhịn ăn một bữa. Gạo tiết kiệm được sẽ góp lại phát cho người nghèo.

Thứ hai là mở một phong trào chống nạn mù chữ.

Thứ ba là tổ chức càng sớm càng hay cuộc tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu, thực hiện quyền tự do, dân chủ cho nhân dân.

Thứ tư là mở một phong trào giáo dục cần, kiệm, liêm, chính để bài trừ những thói hư tật xấu do chế độ thực dân để lại.

Thứ năm là bỏ ngay ba thứ thuế: Thuế thân, thuế chợ, thuế đò; tuyệt đối cấm hút thuốc phiện.

Thứ sáu là ra tuyên bố tự do tín ngưỡng và lương giáo đoàn kết...

Tất cả mọi vấn đề được Bác nêu ra trong vòng nữa tiếng. Những khó khăn chồng chất, phức tạp của chế độ thực dân để lại suốt tám mươi năm, những vấn đề sinh tử, cấp bách của dân tộc đã được Bác nêu lên một cách ngắn gọn, rõ ràng, cùng với những phương hướng, đôi lúc cả những biện pháp để giải quyết. Những đồng chí đã có dịp gần Bác đều thấy đây là nếp làm việc quen thuộc của Người.

Các bộ trưởng thảo luận những điều Bác đã nêu lên, và đều vui vẻ tán thành. Có những điều Bác nêu ra từ phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời hôm đó, đến nay vẫn là những chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước ta.

Phiên họp đã kết thúc trong buổi sáng. Không khí giản dị, tự nhiên, thân mật của buổi họp đã rất mới lạ và gây một ấn tượng sâu sắc với một số người lần đầu làm việc với Bác.

Ít ngày sau, Bác viết một bức thư gửi đồng bào cả nước: "Từ tháng Giêng đến tháng Bảy năm nay, ở Bắc Bộ ta đã có hai triệu người chết đói. Kế đó lại bị nước lụt, nạn đói càng tăng thêm, nhân dân càng khốn khổ. Lúc chúng ta nâng bát cơm mà ăn, nghĩ đến kẻ đói khổ, chúng ta không khỏi động lòng. Vậy tôi đề nghị với đồng bào cả nước, và tôi xin thực hành trước: Cứ mười ngày nhịn ăn một bữa, mỗi tháng nhịn ba bữa. Đem gạo đó (mỗi bữa một bơ) để cứu dân nghèo..."

Bác viết thư gửi các nhà nông: "Thực túc thì binh cường, cấy nhiều thì khôi đói. Chúng ta thực hiện "tác đất, tác vàng" thì chúng ta quyết thắng lợi trong hai việc đó. "Tăng gia sản xuất! Tăng gia sản xuất ngay! Tăng gia sản xuất nữa!". Đó là khẩu hiệu của ta ngày nay. Đó là cách thiết thực của chúng ta để giữ vững quyền tự do, độc lập...".

Đầu tháng 9, Chính phủ ra sắc lệnh hạn trong một năm tất cả mọi người Việt Nam đều phải biết chữ quốc ngữ. Bác viết lời kêu gọi chống nạn thất học: "Những người chưa biết chữ hãy gắng sức mà học cho biết. Vợ chưa biết thì chồng bảo, em chưa biết thì anh bảo, cha mẹ không biết thì con bảo... Phụ nữ lại càng cần phải học...'".

Tháng 9 còn là tháng khai trường, Bác gửi thư căn dặn các em "hãy cố gắng siêng học tập, ngoan ngoãn, nghe thấy, đua bạn".

Tháng 9 cũng là tháng có Tết Trung thu của các cháu nhỏ. Thư Bác Hồ viết cho các cháu nhân dịp Tết Trung thu năm Độc lập đầu tiên, chan hòa niềm vui: "Cái cảnh trăng tròn, gió mát, hổ lặng, trời xanh của Trung thu, lại càng làm cho các cháu vui cười hớn hở. Các cháu vui cười hớn hở, Bác Hồ cũng vui cười hớn hở với các cháu. Đố các cháu biết vì sao? Một là vì Bác rất yêu mến các cháu, hai là vì Trung thu năm ngoái nước ta còn bị áp bức, các cháu còn là một bầy nô lệ trẻ con, mà Trung thu năm nay nước ta đã được tự do, và các cháu đã thành những người tiểu chủ nhân của một nước Độc lập"... "Đêm Trung thu năm sau, chúng ta sẽ tổ chức một cuộc vui cả già lẫn trẻ. Các cháu nghĩ thế nào? Trung thu này, Bác không có gì gửi tặng các cháu. Chỉ gửi tặng các cháu nhiều cái hôn thân ái".

Các cháu nhỏ năm ấy chắc chắn không biết ngoài niềm vui của Bác trong thư, Bác Hồ đang có trăm nghìn công việc và vô vàn những mối lo toan vì dân tộc, vì đất nước.

Từ ngày về Hà Nội, Bác chưa bị sốt trở lại lần nào. Nhưng người Bác vẫn gầy. Những vết nhăn trên vầng trán và ở đuôi mắt ngày càng nhiều và đậm.

Ở Bắc Bộ Phủ, sáng nào Bác cũng dậy từ năm giờ tập thể dục. Bác đã viết một bức thư kêu gọi tất cả đồng bào gắng tập thể dục. Cuối thư, Bác viết: "Tự tôi ngày nào tôi cũng tập".

Hết giờ làm việc, đến bữa, Bác xuống nhà ăn với chúng tôi và các chiến sĩ cảnh vệ. Bác cháu ngồi cùng bàn, có gì ăn nấy. Một hôm, Bác bận việc về muộn. Anh em người nọ tưởng người kia, quên để phần thức ăn. Mọi người đều băn khoăn. Bác vẫn vui vẻ ngồi vào bàn, ăn đủ mấy bát cơm thường lệ.

Sau bữa trưa, Bác ngã đầu trên chiếc ghế ở phòng khách, chợp mắt mươi lăm phút. Tỉnh dậy, Bác đọc báo, xem tin.

Hồi còn ở chiến khu, không có dầu đèn, buổi tối, Bác đi nằm sớm. Về đây, Bác hay làm việc khuya. Các chiến sĩ nhiều đêm đứng gác, thấy trên buồng Bác, đèn vẫn sáng. Bác dùng thời giờ ban đêm để đọc sách, xem tài liệu.

Giờ làm việc buổi sáng của Bác bắt đầu bằng cuộc hội ý của Thường vụ. Bác rất coi trọng nếp làm việc tập thể. Bác nói với các đồng chí Thường vụ hàng ngày, sáu giờ, tới chỗ Bác, có gì trao đổi rồi đi đâu hãy đi.

Hai buổi làm việc của Bác thường là khẩn trương. Việc Đảng, việc nước bê bộn. Lo giải quyết giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm. Lo đối phó ở miền Bắc, lo kháng chiến ở miền Nam. Lo việc nội trị. Lo việc ngoại giao.

Các cơ quan Chính phủ mới tổ chức, còn rất đơn sơ, chưa đi vào nền nếp. Bác thường trực tiếp nghe các đồng chí phụ trách từng mặt công tác, hoặc cán bộ ở địa phương lên báo cáo tình hình để bàn cách giải quyết. Đội ngũ cán bộ còn mỏng lại chưa quen công việc. Nhiều việc Bác nghĩ và thảo ra, tự mình đánh máy, rồi làm phong bì gửi đi.

Bác viết nhiều thư, nhiều lời kêu gọi, nhiều bài báo để giải thích, động viên, cổ vũ các tầng lớp nhân dân thực hiện các chủ trương, chính sách của Chính phủ lâm thời, tham gia vào các tổ chức cứu quốc.

Mọi việc Bác nêu ra đều thiết thực, ngắn gọn, cụ thể. Lời lẽ của Bác là những lời lẽ quen thuộc, mộc mạc, nhân dân thường dùng từ xưa đến nay trong sinh hoạt hàng ngày. Chỉ có khác ở chỗ Bác đã đưa vào đó một nội dung mới. Nhưng dù mới đến đâu, người nghe vẫn thấy dễ hiểu, hợp lý, hợp tình.

Các việc Bác nêu lên để yêu cầu đồng bào thực hiện đều là những điều Bác đã làm bền bỉ trong suốt cuộc đời. Nếu là những điều bây giờ mới đề ra thì Bác gương mẫu làm trước. Ví dụ như việc hô hào nhân dân mười ngày nhịn ăn một bữa để cứu đói. Mỗi tháng ba lần, đến bữa không ăn, Bác tới lấy phần gạo của mình, tự tay đổ vào

hòm gạo chống đói. Một hôm, đúng vào bữa cơ quan nhịn ăn để gom gạo thì Tiêu Văn mời Bác đến dự chiêu đãi. Khi Bác về, anh em báo cáo đã đem gom phần gạo của Bác rồi. Bác vẫn quyết định nhịn ăn một bữa vào ngày hôm sau.

Đối với Bác, việc lớn, việc nhỏ, việc nào cũng có tầm quan trọng của nó. Bác thường dặn cán bộ "tự mình phải làm gương mẫu cho đồng bào", "miệng nói tay phải làm", "chớ vác mặt làm quan cách mạng cho dân ghét, dân khinh, dân không ủng hộ".

Bác dành nhiều thời giờ đi thăm các nơi xa gần. Nhiều cuộc đi thăm, Bác không cho báo trước. Khi Bác đi thăm hội nghị thanh niên, khi thăm cơ quan Ủy ban hành chính Hà Nội, Trưởng Quân chính Việt Nam... Khi Bác đi Nam Định, thăm nhà máy dệt, khi đi Bắc Ninh, Thái Bình. Ngoài việc động viên, giáo dục, Bác còn muốn tìm hiểu tình hình đời sống, tư tưởng, tình cảm của nhân dân và cách thức làm việc của cán bộ.

Hằng ngày, Bác phải tiếp rất nhiều khách.

Những người khách đó rất khác nhau. Những ông tướng của quân đội Tưởng đến để đòi gạo, đòi rất nhiều gạo. Nhưng không phải chỉ có gạo. Chúng còn đòi tiền, đòi nhà ở, đòi từ chiếc bóng đèn, cân đường đến cả thuốc phiện, đòi tất cả những gì chúng còn chưa cướp được của nhân dân ta.

Có khi đó chỉ là một tên liên trường1. Hắn khắn khoản yêu cầu được gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh vì một việc riêng mà hắn nhất định không chịu nói với người khác. Việc riêng mà hắn chỉ có thể trình bày với Bác đó là: Hắn muốn bán vài trăm khẩu súng.

Có khi là đại biểu của những phái đoàn "Đồng minh", Mỹ có, Anh có. Các cuộc đến thăm này mang những mục đích khác nhau. Nhưng tất cả đều không phải là thiện ý.

Có khi là những nhà báo nước ngoài đến xin gặp để tìm hiểu phong trào Việt Minh, tìm hiểu đường lối, chính sách của Chính phủ ta. Cũng có khi là những kẻ giả danh nhà báo đến mượn cớ phỏng vấn để thăm dò thái độ, điều tra tình hình.

Nhiều nhất vẫn là khách trong nước. Đó là đại diện của các đoàn thể cứu quốc, công nhân, nông dân, thanh niên, phụ nữ... Đó là những người đại biểu các tôn giáo, các tầng lớp công thương hoặc các nhân sĩ. Một đoàn cán bộ, chiến sĩ vừa ở Nam Bộ ra, xúc động đến trào nước mắt trong buổi đầu gặp Bác, mang theo tình cảm dạt dào của hàng triệu đồng bào ruột thịt đang chiến đấu. Một đoàn đại biểu của đồng bào các dân tộc miền núi đã san sẻ cháo bẹ, rau măng với cách mạng, ở Khu giải phóng về thăm Thủ đô... Có khi là một cụ già râu dài "nay nước nhà đã

được độc lập, đến để góp vài ý kiến xây dựng quốc gia". Có khi chỉ là một người kiếm cớ đến xin giải thích một điều gì về chính sách để được gặp Bác.

Nhiều buổi Bác mải tiếp khách, quá bữa mới xuống nhà ăn. Thấy Bác mệt và bận quá, có lần anh em chúng tôi để nghị với Bác bớt những cuộc gặp gỡ không thật cần thiết. Bác nói:

- Chính quyền ta mới thành lập. Đồng bào, cán bộ có nhiều điều muốn biết, cần hỏi. Đây cũng là dịp để nói rõ chủ trương, chính sách của Chính phủ, của đoàn thể cho mọi người rõ. Ta không nên để đồng bào câm thấy gặp những người trong Chính phủ bây giờ cũng khó khăn như đến cửa quan ngày trước.

Các chiến sĩ Quân giải phóng làm nhiệm vụ cảnh vệ ở Bắc Bộ Phủ, các đồng chí lái xe ở gần Bác là những người được hưởng nhiều sự chăm sóc. Đối với anh em, Bác không chỉ là đồng chí Chủ tịch nước. Bác còn là một người cha. Anh em đều thấy phần mình giúp đỡ được cho Bác quá ít so với phần Bác đã dành cho mình.

Mặc dù bận, Bác vẫn dành thời giờ chuyện trò, hòi han anh em, từ bữa ăn có đủ no không, đến những vui, buồn trong gia đình. Bác hay chú ý đến trật tự nội vụ và việc giữ vệ sinh của các chiến sĩ.

Buổi tối, cơ quan không làm việc. Thấy các chiến sĩ nằm dưới nhà nóng, Bác bảo lên gác ngủ cho mát. Một hôm, anh em vật nhau làm vỡ chiếc mặt bàn đá. Đồng chí quản trị bực mình, bắt tất cả xuống dưới nhà. Bác về thấy vậy, lại gọi anh em lên. Bác nói:

- Các chú là bộ đội, là thanh niên, phải sinh hoạt cho vui, cho khỏe. Chơi vật cũng tốt. Nhưng muốn vật nhau phải tìm bãi cỏ, chỗ rộng. Người ngã không đau và không làm đổ vỡ, thiệt hại đến của công. Lần này đã lỡ, phải rút kinh nghiệm cho lần sau. Hôm nào các chú có chơi vật dưới vườn, nói Bác đến coi cho vui.

Đồng chí lái xe ít xem sách báo. Những buổi anh rồi việc, Bác gọi lên, bảo ngồi ở buồng bên, rồi đưa sách báo cho đọc. Thỉnh thoảng. Bác qua kiểm tra. Có lần Bác vào, thấy tờ báo mở trên bàn, đồng chí lái xe tựa lưng vào ghế ngủ. Bác nhẹ nhàng đi ra. Lúc khác, Bác nói: "Mới đọc chưa hiểu, dễ buồn ngủ. Đọc ít lâu, hiểu rồi sẽ ham. Ham rồi sẽ không buồn ngủ nữa".

Mùa Đông tới. Đoàn thể phụ nữ ở nhiều nơi đã nghĩ tới tấm áo ấm của Bác trong những ngày gió lạnh. Những cô gái Hà Nội, các chị phụ nữ cứu quốc ở Quảng Yên... mang đến Bắc Bộ Phủ những chiếc áo len dày dặn. Lần nào cũng vậy, Bác đều câm ơn và bảo hãy mang hộ về cho một người già nhất và nghèo nhất ở địa phương.

Một buổi sớm, trời rét. Một đồng chí đến làm việc với Bác, chỉ có chiếc áo mùa Hè phong phanh. Bác vào buồng, lấy chiếc áo len của mình, đem ra đưa cho đồng chí cán bộ.

Về Hà Nội ở Bắc Bộ Phủ, trong cương vị Chủ tịch nước, cuộc sống của Bác vẫn giản dị, thanh đạm như những ngày hoạt động bí mật ở chiến khu.

9

a i Nam Bộ, tình hình đã trở nên căng thẳng từ đầu tháng 9. Mồng 2 tháng 9, hơn một triệu đồng bào Sài Gòn, Chợ Lớn rước cờ và giương cao những biểu ngữ chào mừng Ngày Độc lập. Bọn khiêu khích người Pháp đã bắn vào đoàn biểu tình.

Bốn ngày sau, phái bộ Anh bắt đầu đến Sài Gòn. Chúng ra lệnh cho bọn Nhật làm nhiệm vụ cảnh sát trong thành phố, và đòi các lực lượng vũ trang của ta phải nộp vũ khí. Ngay từ ngày đầu, quân Anh đã lộ rõ bộ mặt can thiệp.

Những đơn vị quân Anh, Ấn đầu tiên thuộc sư đoàn 20, dưới quyền chỉ huy của viên tướng Anh Gơ-ra-xây, lục tục kéo đến bằng máy bay.

Ngày 20 tháng 9, tướng Gơ-ra-xây ra bản thông cáo số 1. Y khẳng định quyền duy trì trật tự của quân Anh. Y ra lệnh cấm mang vũ khí và tuyên bố những ai vi phạm các quy định của y sẽ bị trừng trị nghiêm khắc, kể cả xử bắn. Bọn Anh tới chiếm trại giam, thả tất cả những tên Pháp nhảy dù xuống Nam Bộ sau ngày khởi nghĩa bị ta bắt và giữ tại đó. Một nghìn rưỡi lính lê dương Pháp của trung đoàn bộ binh thuộc địa số 11, đã được bọn Anh đưa ra khỏi trại tù binh Nhật và trang bị lại.

Sáng sớm ngày 23 tháng 9, bọn lính Pháp của trung đoàn 11 cùng một đơn vị lê dương mới từ Pháp sang, được quân Anh, quân Nhật yểm trợ, đổ xô ra các ngả đường. Chúng đánh chiếm các đồn cảnh sát của ta và bắn giết đồng bào. Bọn quan cai trị cũ và những kiều dân Pháp cũng được trang bị vũ khí. Những tên lính lê dương ở thuộc địa và những tên thực dân Pháp trước đây mấy tháng, ngoan ngoãn đầu hàng quân Nhật, đã tỏ ra vô cùng dã man trong việc tàn sát, ngược đãi những người dân tay không.

Cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc ta chống thực dân Pháp xâm lược đã bùng nổ trên chiến trường Nam Bộ.

Đồng bào Nam Bộ vừa giành được chính quyền chưa tròn một tháng, đã anh dũng đứng lên chống kẻ thù. Đó là những người dân đầu tiên của đất nước tự do đã đem xương máu thực hiện những lời thề trong Ngày Độc lập.

Cuộc chiến đấu thần thánh của nhân dân miền Nam đến nay kéo dài suốt một phần tư thế kỷ, đã bắt đầu từ đó.

Chiêu ngày 23 tháng 9, nhân dân Sài Gòn triệt để tổng đình công, bất hợp tác với giặc Pháp. Các công sở, hăng buôn, nhà máy đều đóng cửa. Chợ búa không họp. Xe cộ ngừng chạy. Chướng ngại vật mọc lên khắp nơi.

Trong không khí cảm thù sôi sục, các chiến sĩ tự vệ và đồng bào Sài Gòn với mọi thứ vũ khí có trong tay, gậy tầm vông, súng khai hậu, súng bắn chim, lập tức chiếm các vị trí chiến đấu, kiên quyết đánh trả bọn xâm lược.

Tại Hà Nội, cả ngày 25 tháng 9 cho đến thâu đêm, Bác và Thường vụ đã theo dõi từng giờ tình hình Nam Bộ, nhận được những báo cáo đầu tiên và ra những chỉ thị kháng chiến đầu tiên cho Đảng bộ và đồng bào Nam Bộ.

Từ ngày 24 trở đi, một loạt nhà máy, kho tàng của địch ở Sài Gòn bị đánh phá. Điện, nước bị cắt. Các đội tự vệ xung phong công đoàn đột nhập sân bay Tân Sơn Nhất, đốt cháy tàu Pháp vừa cập bến, phá khám lớn, giải thoát cho đồng bào bị giặc giam giữ.

Ngày 26 tháng 9, đứng trên vị trí chiến đấu của mình giữa thành phố, quân và dân Sài Gòn đã nghe những lời thống thiết của Chủ tịch Hồ Chí Minh được Đài Tiếng nói Việt Nam từ Thủ đô Hà Nội truyền đi:

"Tôi tin và đồng bào cả nước đều tin vào lòng kiên quyết ái quốc của đồng bào Nam Bộ.

"... Thà chết tự do còn hơn sống nô lệ!

"Tôi chắc và đồng bào Nam Bộ cũng chắc rằng Chính phủ và đồng bào toàn quốc sẽ hết sức ủng hộ những chiến sĩ và nhân dân đương hy sinh đấu tranh để giữ vững nền độc lập của nước nhà.

"... Chúng ta nhất định thắng lợi, vì chúng ta có lực lượng đoàn kết của toàn dân. Chúng ta nhất định thắng lợi vì cuộc đấu tranh của chúng ta là chính nghĩa..."

Cuộc chiến đấu để bảo vệ thành phố Sài Gòn đã mang một ý nghĩa mới. Không bao lâu, một khẩu hiệu được nêu lên: "Chiến đấu để bảo vệ Thành phố Hồ Chí Minh", và rất nhanh chóng trở thành quyết tâm, thành hành động của mỗi người. Chính là từ tấm lòng từ hành động của các chiến sĩ, của đồng bào tại Mặt trận Sài Gòn - Chợ Lớn mà thành phố bắt đầu mang một tên mới quang vinh: Thành phố Hồ Chí Minh.

Đầu tháng 10, những đơn vị của trung đoàn bộ binh thuộc địa số 9 tiếp tục đến bằng đường biển. Mồng 5 tháng 10, tướng Lơ-clc tới Sài Gòn giữa lúc tiếng súng tạm im. Bọn thực dân Pháp, Anh đang dùng kế hoãn binh để

chò quân tăng viện. Chúng đã phải yêu cầu gặp đại diện của ta để điều đình. Theo sau Lơ-cléc, một bình đoàn xe bọc thép thuộc sư đoàn thiết giáp số 2 của Pháp, đổ bộ vào Sài Gòn. Bọn thực dân lại nổ súng. Chúng có đánh rộng ra vùng ven.

Trung ương quyết định tăng cường lực lượng vào Nam Bộ để cùng quân và dân Nam Bộ chiến đấu, giành những thắng lợi đầu tiên cho cuộc kháng chiến chống xâm lược.

Các đội quân Nam tiến được tổ chức nhanh chóng. Nhiều đơn vị Quân giải phóng cùng với những đồng chí chỉ huy ưu tú nhận lệnh lên đường. Nhiều đoàn cán bộ cũng được tăng cường cho Nam Bộ.

Chủ trương của Đảng là triệt để áp dụng chiến tranh du kích, làm thất bại bước đầu âm mưu "đánh nhanh, thắng nhanh" của kẻ thù.

Đi đòi với việc tăng cường lực lượng cho Nam Bộ là việc phát động một phong trào ủng hộ kháng chiến Nam Bộ sôi nổi trên cả nước, tích cực chuẩn bị đề phòng kẻ thù mở rộng chiến tranh.

Cả nước hướng về Sài Gòn, sục sôi ý chí chống xâm lược, bảo vệ Tổ quốc.

Trong những ngày cuối tháng 9, tại Hà Nội, trước những loa phóng thanh, lúc nào cũng đông nghịt đồng bào đón đợi từng tin tức của Nam Bộ.

Thanh niên nô nức tòng quân để được vào Nam chiến đấu tiêu diệt kẻ thù. Có những gia đình, hai cha con cùng một lúc viết đơn xin vào bộ đội. Có những nhà sư cũng cởi bô áo tu hành, đòi được đi giết giặc. Lực lượng Quân giải phóng phát triển rất nhanh.

Từ các tỉnh miền duyên hải đồng bằng Bắc Bộ đến các tỉnh miền núi thuộc căn cứ địa Việt Bắc, từ Hà Nội, Thủ đô của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa vừa thành lập đến Huế, kinh đô cũ của nhà Nguyễn, các chiến sĩ sôi nổi ra đi. Riêng tại miền Bắc, nhiều chi đội Quân giải phóng cùng một lúc lên đường.

Thắng lợi mới của cách mạng đã làm cho những cuộc ra quân Nam tiến lần này rất khác trước. Không phải là những đội quân áo vải, chân đất được lệnh tiến về phía nam ngày Tổng khởi nghĩa. Chính quyền mới và nhân dân đã chăm sóc chu đáo cho những người con hôm nay lên đường ra trận. Những vũ khí tốt nhất của chúng ta lúc bấy giờ. Quân trang mới. Mũ ca-lô rực rỡ sao vàng. Áo trấn thủ. Giày da.

Biến người đưa tiễn tràn ngập các sân ga. Đồng bào miền Bắc, miền Trung cống hiến những giọt máu của mình cho miền Nam, gửi gắm vào những người con ra đi nghĩa tình ruột thịt.

Cuộc Nam tiến vì miền Nam của cả dân tộc đã bắt đầu. Những chuyến tàu tốc hành chạy ngày đêm không nghỉ. Những chi đội Quân giải phóng Nam tiến đầu tiên đã đến kịp thời. Họ được giao nhiệm vụ giữ mặt trận đông bắc Sài Gòn. Cả đất nước đã sát cánh với đồng bào Sài Gòn, đồng bào Nam Bộ trong những ngày kháng chiến đầu tiên của dân tộc.

Với sự trợ lực của quân Anh, Ấn và quân Nhật, bọn thực dân Pháp dự tính bình định Nam Bộ trong ba tuần.

Quân và dân Sài Gòn mặc dầu không có thời gian chuẩn bị, được sự giúp đỡ của đồng bào các tỉnh Nam Bộ và sự chi viện của cả nước, đã anh dũng chiến đấu, kìm chặt kẻ địch suốt một tháng trong thành phố, gây cho chúng những tổn thất nặng nề.

Ngày 25 tháng 10, Hội nghị toàn xứ Đảng bộ Nam Kỳ họp tại một địa điểm thuộc tỉnh Mỹ Tho. Bác Tôn, anh Ba1 và một số đồng chí vừa thoát nhà ngục Côn Đảo trở về, đã có mặt. Đây là cuộc hội nghị lớn của Đảng bộ Nam Bộ. Anh Hoàng Quốc Việt được Trung ương và Tổng bộ Việt Minh cử vào Nam từ trung tuần tháng 8, đã dự hội nghị. Hội nghị đã quyết định nhiều vấn đề quan trọng để lãnh đạo đồng bào Nam Bộ đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống xâm lược, và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với các lực lượng vũ trang.

10

"hi những tên "lam y" đầu tiên của quân Tướng đến Hà Nội, chúng tìm tới cơ quan chính quyền ta, xin cấp giấy phép mang vũ khí. Trật tự nghiêm ngặt của thành phố đã làm chúng phải e nể. Anh em hỏi ý kiến Bác xem có nên cấp giấy cho chúng không. Bác nói: "Làm một con dấu, cấp giấy cho chúng thôi. Sắp đến lúc chúng không cần đến giấy tờ của ta nữa đâu".

Lư Hán tới được vài ngày, lập tức đòi ta phải báo cáo quân số và tổ chức quân đội. Để che giấu lực lượng của ta, Bác chỉ thị đổi tên Quân giải phóng thành Vệ quốc đoàn. Chữ "đoàn" gợi cho chúng nghĩ đến những tổ chức vũ trang nhỏ của địa phương, làm cho chúng bớt chú ý.

Một số chi đội Vệ quốc đoàn được lệnh giãn ra vùng chung quanh Hà Nội để tránh va chạm với quân Tướng. Những chiến sĩ làm nhiệm vụ canh gác

tại các cơ quan chính quyền và công sở thỉnh thoảng lại bị quân Tưởng tới khiêu khích. Có lúc chúng đến định tước vũ khí. Anh em rất cảm tức, chống lại. Cuối cùng, ta phải giải quyết bằng cách cho anh em đứng lui vào phía trong hàng rào.

Cuối tháng 9, Lư Hán tuyên bố thời gian quân đội của hắn làm nhiệm vụ ở Việt Nam sẽ không có hạn định. Rõ ràng là bọn Tưởng vào đây không chỉ để giải giáp quân đội Nhật.

Đầu tháng 10, Hà Ứng Khâm cùng Mắc Lơ-ơ, viên chỉ huy lục quân Mỹ tại Trung Hoa, từ Trùng Khánh đáp máy bay đến Hà Nội.

Cuộc diễu hành hoan nghênh phái bộ Đồng minh, với mục đích chính là để biểu dương lực lượng, chỉ kịp báo cho nhân dân biết trước vài giờ. Nhưng ba chục vạn người, đội ngũ tế chính, với những băng, cờ, biểu ngữ rợp trời, đã rầm rộ kéo qua phủ toàn quyền cũ, hô vang các khẩu hiệu: "Nước Việt Nam của người Việt Nam", "Ứng hộ Chính phủ lâm thời nước Việt Nam dân chủ cộng hòa", "Ứng hộ Việt Nam độc lập đồng minh", "Ứng hộ Chủ tịch Hồ Chí Minh"...

Sự đón tiếp khá bất ngờ. Đứng trên bậc thềm đáp lễ đồng bào ta, viên tổng tham mưu trưởng mồ hôi nhỏ giọt.

Sau này, bọn tay sai đã để lộ ra: Hà Ứng Khâm đến Hà Nội với chủ trương "diệt cộng cầm Hồ" của Trùng Khánh. Nhưng tới đây, viên tổng tham mưu trưởng biết không thể dùng sức mạnh của hai chục vạn quân để thực hiện ý định này trong chốc lát. Hà Ứng Khâm rời Hà Nội vài ngày sau khi đã dặn dò bọn tướng lĩnh Tưởng ở Hà Nội những việc cần làm.

Tiêu Văn bắt đầu công việc của hắn. Hắn đặt vấn đề phải cải tổ lại Chính phủ, đòi ta phải dành nhiều Bộ và chức vụ quan trọng cho Việt Nam Quốc dân Đảng và Việt Nam Cách mạng đồng minh Hội.

Bọn tay sai thấy không thể lập lại được ở Hà Nội tất cả những việc chúng đã làm ở một số tỉnh ly miền biên giới. Việc đầu tiên của chúng là lập trụ sở, treo cờ, ra sức lôi kéo các phần tử phản động trong giai cấp địa chủ, bọn quan lại cũ và những tên côn đồ lưu manh. Chúng khống chế đồng bào Ngũ Xã và gọi đó là "khu tự trị".

Nguyễn Hải Thần cho người đi rải truyền đơn và dùng loa phóng thanh nói Việt Minh là độc tài, đã làm trái những điều thỏa thuận của các đoàn thể tại Liễu Châu.

Ba năm về nước, trong một chuyến đi ra ngoài để tìm gặp các đồng chí lãnh đạo Đảng Cộng sản Trung Quốc, Bác đã bị bọn Quốc dân Đảng Trung Hoa

bắt giữ. Chúng đã đưa Bác qua hơn ba chục nhà tù. Các đoàn thể chính trị trong nước đã kịp thời đấu tranh, đòi bọn Quốc dân Đảng phải thả nhà hoạt động cách mạng Việt Nam. Tuy vậy, Bác vẫn bị chúng giữ lại Liễu Châu. Bác đã tìm ra vì đâu bọn Tưởng không trả lại tự do cho mình. Chính là vì ở Liễu Châu, bọn chúng có một tổ chức chính trị tay sai là Việt Nam Cách mạng đồng minh Hội do Trương Bội Công và Nguyễn Hải Thân cầm đầu. Bọn này đã vu cho Bác sang đây để phá tổ chức của chúng.

Sau một thời gian khá lâu, Bác mới được trả lại tự do. Bác đòi trở về nước và đưa theo một vài hội viên của Cách mạng đồng minh do mình lựa chọn. Trương Phát Khuê đồng ý. Nhưng Trương Bội Công và Nguyễn Hải Thân phản đối. Do đó, khi Bác trở về nước, không có người của bọn này đi theo.

Nguyễn Hải Thần tuyên bố hắn được quân Tướng nâng đỡ, nếu ta không cải tổ Chính phủ hiện thời, hắn sẽ dùng sức mạnh lật đổ. Để biểu dương sức mạnh đó, lão thầy đoán số tử vì này xuất hiện trên đường phố Hà Nội trong một chiếc xe ô-tô con. Trên nóc xe, hai tên tay sai nằm phủ phục với khẩu trung liên. Ở đầu xe, hai tên khác ngồi trên chắn bùn với khẩu tiểu liên kẹp ở nách.

Hoạt động của bọn Việt Nam Quốc dân Đảng có phần nguy hiểm hơn. Dựa vào bọn tướng tá của Tướng ở Hà Nội, chúng kiếm được một nhà máy in; chúng tập họp một nhóm bồi bút, xuất bản tờ báo "Việt Nam". Tiếp sau đó, là một loạt những tờ báo khác: "Liên hiệp", "Thiết thực"... xuất hiện. Bằng những luận điệu trắng trợn, láo xược, chúng khích động, chia rẽ nhân dân với tổ chức lãnh đạo của mình. Chúng tập trung mũi nhọn đả kích vào chính quyền ta, công kích mọi chủ trương, chính sách của Việt Minh và của Chính phủ. Chúng bắc một chiếc loa lớn ngay trước tỏa báo "Việt Nam" tại đường Quán Thánh; mặc dầu không ai buồn nghe, chúng vẫn nói ra rả suốt ngày. Đi đôi với hoạt động tuyên truyền vu cáo đó là những hoạt động thổ phỉ: Giết người, bắt cóc, tống tiền.

Dân dân bọn Mỹ đã nhận ra chúng ta không phải là những người "quốc gia" thân phương Tây như chúng chờ đợi. Mắc Lơ-rơ đã ra lệnh cho tất cả các võ quan Mỹ ở Hà Nội không được tham dự vào những cuộc hội họp đông người do Việt Minh tổ chức. Nhiều toán người Mỹ khác lục tục tới. Chúng viện lý do đến hỏi cung bọn tù binh Nhật và tìm xác những người Mỹ chết trong chiến tranh. Nhưng thực ra, chúng tìm cách thăm dò tình hình chính trị, tài nguyên của ta, nghiên cứu các đường giao thông chiến lược và những sân bay, bến cảng.

Phái bộ Pháp được sự đồng ý của Mỹ và Tướng, đã kiếm được một trụ sở không chính thức tại Hà Nội. Thời gian đó, người Pháp đã nhiều lần gặp Nguyễn Hải Thần

và tìm cách liên lạc với bọn Việt Nam Quốc dân Đảng. Phái bộ Pháp cũng tìm gặp Vĩnh Thụy nhiều lần. Vì e ngại ta, Vĩnh Thụy đã lánh mặt.

Quân Tưởng đóng rải khắp thủ đô. Chúng bố trí những trạm canh gác, những trạm kiểm soát trên khắp các đường phố, các đầu ô. Tất cả xe ô-tô qua lại đều phải mang giấy phép của chúng. Chúng ngang nhiên coi như tới để chiếm đóng thành phố.

Một bữa, tôi có việc phải đi về phía Hà Đông. Mặc dầu trên kính chắn gió phía trước xe đã dán một tờ giấy phép đóng con triện đồ rất to do chúng cấp, đến Ngã Tư Sở, một tên lính trưởng vẫn ra đứng ngáng đường, giơ súng chặn lại. Chúng lật đệm xe lên, lục soát. Chúng tìm thấy trong người đồng chí vệ sĩ một khẩu súng ngắn. Chúng lập tức giữ chiếc xe lại và đưa cả hai người vào một nhà dân chúng đã chiếm làm trạm gác. Chúng hỏi tôi làm việc ở đâu. Không muốn nói rõ với chúng công tác của mình, tôi đáp:

- Ở Ban liên lạc Hoa - Việt.

Khi đó có một người quen đi qua. Đồng chí này vội tìm người công tác tại Ban liên lạc Hoa - Việt tới. Hai giờ sau, bọn lính Tưởng mới để chúng tôi đi.

Hầu như đêm nào cũng có thư của bọn tướng tá quân đội Tưởng gửi cho chính quyền ta, khi thì hạch sách khi thì dọa dẫm.

Bắc Bộ Phủ không còn là một nơi thật an toàn. Bác phải thay đổi chỗ nghỉ, thay đổi quy luật đi lại. Có hôm Bác nghỉ ở ngôi nhà số 8 Bờ Hồ, hôm Bác nghỉ ở Bưởi, hôm Bác nghỉ ở một ngôi nhà phía Ngã Tư Sở. Cả ba ngôi nhà này sau chiến tranh đều không còn nữa.

Một buổi tối, xe của Bác vừa ra khỏi Bắc Bộ Phủ một quãng, thì đồng chí vệ sĩ báo cáo có một chiếc xe lạ theo sau. Bác bảo đồng chí lái xe:

- Chưa ra ngoài vội. Cho xe chạy vòng quanh Bờ Hồ.

Xe đi một vòng quanh Bờ Hồ. Nhìn lại phía sau, chiếc xe lạ vẫn bám sát. Bác bảo đồng chí lái xe cho xe đột ngột rẽ ngoặt sang một con đường ngang, trở về Bắc Bộ Phủ.

Các đồng chí cảnh vệ mở cửa đón, không hiểu tại sao Bác vừa đi lại quay về. Tối đó, Bác nghỉ lại Bắc Bộ Phủ.

Thù trong giặc ngoài, tình hình hết sức rối ren.

Bác và Thường vụ đã nhìn thấy qua số quân đông và sự hung hăng bề ngoài của quân đội Tưởng, những chỗ yếu bên trong của chúng. Khó khăn

lớn nhất của bọn chúng là trước sức mạnh đoàn kết nhất trí của nhân dân ta, chúng không thể tạo ngay được một chỗ dựa về chính trị. Chúng muốn lật ta, nhưng vẫn nhận thấy nếu không có sự giúp đỡ của chính quyền ta, chúng không thể nào giải quyết được những nhu cầu rất lớn về vật chất cho đội quân đông đảo bị nhân dân ta xa lánh, căm ghét. Chúng còn phải tính đến cả những nguy cơ nghiêm trọng khác có thể xảy ra cho chúng.

Một hôm, bộ tư lệnh quân đội Tướng đề nghị Bác đến gặp. Bác về muộn, lặng lẽ ngồi vào bàn ăn. Bữa ấy, Bác buông đũa sớm hơn thường lệ. Thái độ đó, chúng tôi ít thấy ở Bác. Bác nói:

- Về quá bữa, ăn mất ngon.

Bác kể lại sáng nay bọn Tướng đòi Bác ký giấy nhận cung cấp cho chúng một số gạo rất lớn. Bác đã từ chối. Chắc chúng còn tiếp tục làm rầy về chuyện gạo. Bác nói:

- Gạo đâu mà đưa chúng nhiều thế. Dân mình có đủ gạo ăn đâu!

Thấy về bất bình của chúng tôi, một lần nữa, Bác nhắc lại cần phải biết kiên nhẫn chịu đựng, giữ hòa hoãn với quân Tướng để có thể tập trung mũi nhọn vào kẻ thù chính.

Bác kiên quyết trong nguyên tắc và linh hoạt về sách lược. Và khi sách lược đã định ra rồi, Bác cũng rất kiên quyết thực hiện sách lược.

11

Hi một sự việc đã xảy ra rồi, người ta thường dễ nhìn thấy những . gì tất yếu đã dẫn dắt nó từ chỗ còn là khả năng đến chỗ trở thành hiện thực. Ta cũng dễ nói một cách đơn giản: Đúng là nó phải xảy ra như thế, không thể khác được.

Thực ra, trong lĩnh vực xã hội, trong cuộc đấu tranh giữa những con người có ý thức, mỗi đổi thay đều trải qua những quá trình diễn biến thường là hết sức phức tạp. Người lãnh đạo cách mạng phải tìm ra được quy luật chung và quy luật riêng của sự vật giữa một mớ hỗn độn những hiện tượng giả, thật khó phân, giữa vô vàn mối liên hệ chẳng chịt, tất cả đều vận động phát triển không ngừng. Việc dụ kiến chính xác, khoa học chiều hướng phát triển của sự vật, những tình huống lớn sẽ xảy ra trong tương lai, vô cùng quan trọng trong công tác cách mạng. Thực tế cùng với thời gian sẽ là nhà kiểm nghiệm nghiêm khắc. Những điều tiên tri đó thuộc về những thiên tài.

Cuối năm 1939, Chiến tranh thế giới lần thứ hai bắt đầu. Quân đội phát xít Đức tràn qua nhiều nước châu Âu. Chúng ngôn gọn nước Pháp trong vài tuần. Nước

Anh tới bời dưới những trận mưa bom của các máy bay mang chữ thập ngoặc. Tại châu Á, quân phát xít Nhật đã chiếm đóng một phần đất đai rộng lớn trên lục địa Trung Hoa mênh mông. Chính vào thời kỳ cường thịnh nhất đó của chủ nghĩa phát xít, Bác Hồ và Đảng ta đã tiên đoán sự thất bại của chúng và nhìn thấy cơ hội cho nước Việt Nam giành lại độc lập đang tới. Bác đã quyết định tìm cách trở về nước.

Mùa Xuân năm 1941, trong hang rừng ẩm lạnh Pắc Bó, Hội nghị Trung ương lần thứ tám họp dưới quyền chủ tọa của Bác. Hội nghị đã nhận định: "Nếu cuộc chiến tranh để quốc lần trước đã đề ra Liên Xô, một nước xã hội chủ nghĩa, thì cuộc để quốc chiến tranh lần này sẽ đề ra nhiều nước xã hội chủ nghĩa, do đó mà cách mạng nhiều nước thành công".

Trung ương Đảng và Bác đã đặt vấn đề giải phóng dân tộc thành nhiệm vụ cách mạng cần kíp. Trung ương đã chỉ ra những điều kiện khách quan thuận lợi cho cuộc khởi nghĩa thành công, trong đó có trường hợp quân Đồng minh tràn vào Đông Dương, và nêu lên: "Chuẩn bị khởi nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của Đảng và dân ta trong giai đoạn hiện tại".

Mùa Hè năm đó, phát xít Đức bất thần tiến đánh Liên Xô. Sức mạnh của chúng như vũ bão. Trong vài tuần, chúng tiến sâu vào quê hương Cách mạng tháng Mười hàng trăm ki-lô-mét.

Sang mùa Đông, phát xít Nhật tung quân ào ạt đánh ra vùng Thái Bình Dương. Trên nước Trung Hoa, Hồng quân đang cùng một lúc vừa phải chiến đấu với quân phát xít Nhật xâm lược, vừa phải đối phó với quân đội Quốc dân Đảng của Tướng Giới Thạch phân bội. Cờ mặt trời mọc đã cắm trên Đông Dương thuộc Pháp, trên Hương Cảng, Miến Điện, Mã Lai thuộc Anh, trên Phi Luật Tân được "Huê Kỳ bảo trợ". Trong những đêm đông lạnh, tránh bọn lính dõng đi lùng càn tại vùng Pắc Bó, Bác Hồ đã tiên đoán ngày cách mạng thành công:

45, sự nghiệp hoàn thành.

Đó là câu thơ kết thúc tập Việt Nam lịch sử diễn ca Bác đã làm, và được in đá từ hồi đó. Gần đây, các đồng chí sưu tầm của Viện bảo tàng Cách mạng đã kiếm được một tập trong ống bương của một ngôi nhà sàn ở vùng Pắc Bó. Chủ nhà vốn là một hội viên cứu quốc ngày trước.

Bác không bao giờ nhắc lại câu thơ này. Từ đó đến nay, bị lôi cuốn vì công việc, anh em chúng tôi cũng chưa ai có dịp hỏi lại Bác vì sao Bác đã có được một sự tiên đoán như vậy. Điều đó đã trở thành một trong những điều ta

chưa hiểu hết được về con người và cuộc đời hoạt động cách mạng vĩ đại gần sáu mươi năm của Bác.

Hôm nay giỏ lại những văn kiện của Đảng trong thời kỳ lịch sử này, chúng ta lại tìm thấy những lời tiên tri.

Từ cuối năm 1941 và đầu năm 1942, nhiều thông báo, chỉ thị của Đảng đã bắt đầu nêu lên những sách lược đối với "Anh - Mỹ - Trung Hoa" và những thuận lợi, khó khăn khi quân Đồng minh kéo vào.

Tháng 2 năm 1943, Thường vụ Trung ương chỉ thị "phải gấp chuẩn bị khởi nghĩa" để "cơ hội đến, kịp thời đưa quần chúng nhân dân ra chiến đấu".

Một đêm mùa Xuân năm 1945, cuộc đảo chính Nhật - Pháp nổ ra. Cơ đồ tâm mươi năm của thực dân Pháp ở Đông Dương phút chốc tan tành. Điều bất ngờ làm bọn Pháp trở tay không kịp, Đảng ta đã dự đoán trước đó một năm. Báo Cờ giải phóng số ra ngày 15 tháng 2 năm 1944 đã viết: "Nhật sẽ hành động để truất quyền giặc Pháp", sẽ "làm đảo chính bất bọn thực dân Pháp và bọn Việt gian thân Pháp, giam lại".

Ba ngày sau cuộc đảo chính, Thường vụ Trung ương trong bản chỉ thị "Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta", đã vạch rõ thời cơ tổng khối nghĩa khi quân Đồng minh kéo vào Đông Dương và những trường hợp "dù quân Đồng minh chưa đổ bộ, cuộc tổng khối nghĩa của ta vẫn có thể bùng nổ và thắng lợi".

Nghị quyết của Hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kỳ họp hồi trung tuần tháng 4, trong khi nêu lên nhiệm vụ quân sự là quan trọng hàng đầu và những chủ trương cụ thể để chuẩn bị cuộc Tổng khối nghĩa, đã vạch ra việc quân Đồng minh vào Đông Dương là không thể tránh khỏi.

Đảng ta đã xác định đường lối ngoại giao là phải "lợi dụng sự mâu thuẫn của Trung Hoa - Mỹ và Anh - Pháp Đỏ Gòn". Trong khi đó, về nội bộ, "phải tích cực chuẩn bị thực lực, không được ý lại vào người".

Nghị quyết của Hội nghị toàn quốc Đảng Cộng sản Đông Dương họp tại Tân Trào ngày 14, 15 tháng 8 năm 1945 khẳng định: "Cơ hội rất tốt cho ta giành quyền độc lập đã tới".

Về vấn đề "quân Đồng minh sắp vào nước ta", Trung ương chủ trương:

"Chống lại mưu mô Pháp làm le khôi phục lại địa vị cũ ở Đông Dương và mưu mô của bọn quân phiệt Trung Hoa định chiếm nước ta".

Đảng ta nhấn mạnh thêm việc cần phải lợi dụng mâu thuẫn giữa hai phe Đồng minh Anh - Pháp và Mỹ - Tưởng về vấn đề Đông Dương, nhưng đồng thời cũng chỉ ra:

"Sự mâu thuẫn giữa Anh - Pháp - Mỹ và Liên Xô có thể làm cho Anh - Mỹ nhân nhượng với Pháp và để cho Pháp trở về Đông Dương".

Đáng chủ trương cần tránh trường hợp một mình đối phó với nhiều lực lượng Đồng minh cùng tràn vào và nhắc lại: "Dù sao chỉ có thực lực của ta mới quyết định được sự thắng lợi giữa ta và Đồng minh".

Nhu lôi Le-nin đã nói: "Lịch sử nói chung và lịch sử cách mạng nói riêng luôn luôn diễn ra một cách phong phú hơn, nhiều về hơn, nhiều mặt hơn, sinh động hơn, "tài giỏi hơn" so với sức tưởng tượng của các chính đảng ưu tú nhất", cuộc cách mạng trên đất nước ta, sau đó đã diễn ra đúng như vậy. Điều đáng cho chúng ta tự hào hôm nay là Đảng ta đã nhìn thấy trước chiều hướng phát triển cơ bản của tình hình. Những dự đoán kịp thời và những chủ trương chính xác của Đảng đã đưa cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám đến thắng lợi, đưa nước Việt Nam dân chủ cộng hòa còn trứng nước vượt qua những khó khăn to lớn buổi đầu. Tại miền Nam, âm mưu "đánh nhanh, thắng nhanh" của thực dân Pháp và bọn can thiệp Anh đã bước đầu thất bại. Trên miền Bắc và miền Trung, bọn quân phiệt Tưởng Giới Thạch và nhóm tay sai, với một số quân mấy chục lần đông hơn các lực lượng vũ trang của ta, trang bị bằng vũ khí Mỹ, đã không làm được việc lật đổ chính quyền cách mạng non trẻ như chúng đã dự tính.

Tuy vậy, khó khăn, nguy hiểm còn nhiều. Trước ngày giành chính quyền, trên đất nước chỉ có một quân đội nước ngoài là sáu vạn quân Nhật. Ta vừa giành được độc lập thì gần hai chục vạn quân Tưởng đổ xuống, nữa vạn quân Anh, Ấn kéo vào, mấy vạn quân viễn chinh Pháp vẫn đang tiếp tục dồn sang. Hàng nghìn binh lính thực dân Pháp thua trận ở Đông Dương đang được trang bị lại; bọn lẩn trốn ở Trung Hoa cũng đang kéo về. Mấy vạn quân Nhật vẫn còn và cũng là một mối lo. Nước Nhật đã đầu hàng, nhưng quân Nhật tại Đông Dương chưa hề bị tổn thất nặng. Còn quân Tưởng, quân Pháp, quân Anh thì dù sao cũng là những đội quân vừa chiến thắng.

Vào hạ tuần tháng 11, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã nhận định tình hình và quyết định chủ trương trước tình thế mới. Trung ương đã ra bản chỉ thị "Kháng chiến kiến quốc" đề ngày 25 tháng 11 năm 1945:

"Việc giành chính quyền càng dễ bao nhiêu thì việc giữ chính quyền càng khó bấy nhiêu. Chính phủ dân chủ cộng hòa mới thành lập đã phải đối phó với một tình thế

vô cùng phức tạp".

Trung ương đã nêu lên những nhiệm vụ trong nước lúc này là "phải cũng cố chính quyền, chống thực dân Pháp, bài trừ nội phản, cải thiện đời sống nhân dân".

Trong hoàn cảnh hết sức rối ren của đất nước, thù trong giặc ngoài bốn bề như rươi, việc xác định đâu là kẻ thù chủ yếu trở nên vô cùng quan trọng. Đảng đã phân tích tình hình của kẻ địch. Mỹ tuy miệng nói giữ thái độ trung lập trong vấn đề Đông Dương, nhưng đã ngầm giúp đỡ Pháp bằng cách cho mượn tàu chở quân sang ta. Trong quan hệ với Pháp, Anh - Mỹ gặp phải mâu thuẫn: Một mặt muốn tranh giành quyền lợi ở Đông Dương và ở Đông Nam Á, một mặt lại muốn hòa hoãn để cùng lập mặt trận bao vây Liên Xô. Bọn Tưởng kéo quân sang ta với âm mưu lúc đầu là lật đổ chính quyền do Đảng ta tổ chức ra, thay vào đó một chính phủ bù nhìn tay sai. Nhưng chúng thấy toàn dân đoàn kết ủng hộ Chính phủ, chúng đành phải đặt quan hệ với ta. Chúng vẫn sợ ta là cộng sản và sợ "cộng sản Đông Dương liên minh với cộng sản Trung Quốc xích hóa Hoa Nam", nên chúng âm mưu cải tổ Chính phủ lâm thời, đưa tay chân của chúng vào.

Trung ương đã nêu lên một nhận định mới:

"... Trước sau, Trùng Khánh sẽ bằng lòng cho Đông Dương trở về tay Pháp, miễn là Pháp nhường cho Trung Hoa nhiều quyền lợi quan trọng".

Từ những phân tích, nhận định trên, nhiệm vụ của giai cấp vô sản và của dân tộc đã được xác định, đối tượng chủ yếu của cách mạng đã được chỉ ra rõ ràng:

"Khẩu hiệu vẫn là "Dân tộc trên hết", "Tổ quốc trên hết". Kẻ thù chính của ta lúc này là thực dân Pháp xâm lăng. Phải tập trung ngọn lửa đấu tranh vào chúng".

Nhiệm vụ của Đảng đề ra là:

"Động viên lực lượng toàn dân kiên trì kháng chiến, tổ chức và lãnh đạo cuộc kháng chiến lâu dài, phối hợp chiến thuật du kích với phương pháp bất hợp tác triệt để".

Tình hình còn đang diễn biến phức tạp và rất khẩn trương.

Tôi viết những dòng này vào những ngày tháng 5 năm 1970. Đã rất xa, cái ngày mà người nước ngoài không sao tìm ra nước Việt Nam trên những tấm bản đồ. Tổ quốc có bốn nghìn năm lịch sử của chúng ta cùng với hai nước láng giềng Cam-pu-chia, Lào khi đó chỉ là một dải đất ở ven Thái Bình Dương, giữa Ấn Độ và Trung Hoa, mang một cái tên mơ hồ do bọn thực dân đặt ra: Ấn Độ, Chi Na thuộc Pháp.

Cũng đã xa rồi, cái ngày nước Việt Nam dân chủ cộng hòa còn là một hòn đảo của Tự do, hiện lên giữa những lớp sóng cồn, trên biển cả mênh mông của chủ nghĩa tư bản ở miền Đông Nam châu Á. Anh em bè bạn còn chưa mấy ai nhận ra ta. Cũng chưa mấy ai thấy hết ý nghĩa quan trọng của sự kiện lịch sử này.

Thời kỳ làm mưa làm gió của chủ nghĩa đế quốc đã qua.

Ngày nay, mỗi hành động kể cướp của chúng trên bán đảo Đông Dương này, đều trở thành những bước đi phiêu lưu và không tránh khỏi bị trừng phạt. Mỗi tội ác của chúng gây ra tại đây đều động tới lương tri, tới tình cảm của hàng trăm triệu con người, ở các miền khác nhau trên trái đất. Mọi cách tô son trát phấn cực kỳ tốn kém của chủ nghĩa thực dân đối với bọn ngụy quyền tay sai đều hoài công, vô ích. Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ra đời giữa lửa đạn ác liệt, lập tức được sự hân hoan chào đón của cả loài người tiến bộ từ lâu đã trông chờ. Chính phủ Vương quốc đoàn kết dân tộc Cam-pu-chia vừa công bố thành lập, đã được hàng chục nước gần xa công nhận.

Ngày nay, khi mấy trăm vạn quân Quốc dân Đảng Trung Hoa chỉ còn là những bóng ma trong dĩ vãng, Tưởng Giới Thạch đang sống nốt những ngày tàn trên đảo Đài Loan, ta thật khó hình dung lại những giờ phút hiểm nghèo khi gần hai chục vạn quân Tưởng từ mấy ngã àp vào miền Bắc.

Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa mới sinh, nằm giữa bốn bề hùm sói, phải tự dốc sức mình đấu tranh dũng cảm, mưu trí, phải tìm mọi cách để sống còn. Trước hoàn cảnh gay go và cấp bách ấy, như Bác đã nói sau này, theo cách nói riêng của Người: "Đảng phải dùng những phương pháp - dù là những phương pháp đau đớn - để cứu vãn tình thế". Ở Người, mọi vấn đề, mọi chuyện của Đảng, của nước, của dân đều trở thành những rung động sâu xa trong tình cảm.

Đảng của giai cấp công nhân mới mười lăm tuổi đã giành được chính quyền. Trên dải đất của ông cha để lại, mùa Xuân của dân tộc từ hôm nay, đã bắt đầu. Tin vui lớn lao đó, chưa thể báo với bè bạn xa gần một cách trọn vẹn.

Tháng 8 năm 1945, Bác nhân danh nhà cách mạng Nguyễn Ái Quốc viết thư kêu gọi Tổng khởi nghĩa. Đầu tháng 9, Bác ra mắt nhân dân với danh hiệu Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đó là một bí danh Bác đã dùng mấy năm trước để che mắt bọn Quốc dân Đảng Trung Hoa. Những người cách mạng đã qua thời kỳ ấn náu, lẫn tránh, về sống giữa đồng bào. Nhưng mọi hoạt động của Đảng vẫn tiến hành theo phương thức bí mật. Những cán bộ của Đảng chưa

ra làm việc công khai. Hầu hết các đảng viên đều công tác dưới danh nghĩa những cán bộ Việt Minh. Đảng ta chủ trương hết sức tránh kích thích kẻ thù của dân tộc

và của giai cấp. Nhưng, kẻ thù vẫn nhận ra ta.

Chính quyền cách mạng thành lập nhiều ngày, vẫn chưa được nước nào công nhận. Bọn tướng lĩnh Tướng buộc phải giao dịch với ta để có lương thực, có nhà của. Khi tới gặp Bác, trong lúc xưng hô, chúng phải dùng danh hiệu và chức vụ của Bác là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nhưng, trong mọi giấy tờ gửi Bác, chúng chỉ đề là: "Hồ Chí Minh tiên sinh" (Thưa ngài Hồ Chí Minh). Chúng coi chính quyền ta là một chính quyền chỉ tồn tại trên thực tế, không phải là một chính quyền tồn tại về pháp lý.

Tình hình kinh tế hết sức khó khăn. Phần lớn ruộng đất ở Bắc Bộ bỏ hoang. Hết nạn lụt, đến nạn hạn hán kéo dài. Một số nhà máy Nhật trao trả chưa thể cho chạy được. Việc buôn bán với nước ngoài đình trệ. Nạn khan hiếm hàng hóa nghiêm trọng.

Về tài chính, ta chưa phát hành được tiền Việt Nam. Kho bạc giành được từ tay chính quyền cũ, chỉ có một triệu bạc rách. Một triệu bạc tiền giấy đang xuống giá để xây dựng chính quyền và cuộc sống mới! Chưa kể đến ngân hàng Đông Dương của bọn Pháp luôn luôn gây rối loạn về mặt tiền tệ. Lại thêm quân Tướng tung rất nhiều tiền quan kim trên thị trường, làm cho tài chính và việc buôn bán của ta càng nguy ngập.

Đời sống của nhân dân rất thấp. Số người không có công ăn việc làm tăng nhanh. Nhiều nơi, đồng bào phải ăn cháo. Lác đác, lại có người chết đói. Dịch tả đã phát sinh. Quân Tướng vào, đem thêm dịch cháy rận.

Cuộc xâm lăng của giặc Pháp nổ ra rất sớm tại Nam Bộ, làm cho tất cả những khó khăn trên càng thêm trầm trọng.

Trong hoàn cảnh như vậy, ta phải làm những gì để xây dựng xã hội mới, một công việc còn khó khăn hơn là phá bỏ nền móng của xã hội cũ. Công việc đó, giai cấp công nhân lại chỉ mới bắt tay làm lần đầu.

Dù sao, tình hình cũng đã khác trước. Cách mạng đã giành được chính quyền. Chính quyền đã cung cấp cho cách mạng những phương tiện, những khả năng mới để giữ gìn lấy nó.

Vấn đề đặt ra cấp bách lúc này là phải củng cố và giữ vững chính quyền cách mạng.

Từ thượng tuần tháng 9, nhiều sắc lệnh, nghị định của Chính phủ lâm thời được ban hành.

Hệ thống quan lại cũ bị giải tán. Bộ máy chính quyền của thực dân, phong kiến bị hoàn toàn đập tan. Chính phủ quyết định sẽ mở tổng tuyển cử

trong cả nước để bầu ra Quốc dân đại hội. Tiếp theo đó, là sắc lệnh tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính các cấp theo lối phổ thông đầu phiếu. Hội đồng nhân dân sẽ do chính nhân dân lựa chọn, trực tiếp bầu ra. Đó là cơ quan thay mặt cho dân. Ủy ban hành chính do Hội đồng nhân dân bầu ra là cơ quan hành chính vừa thay mặt cho dân, vừa thay mặt cho Chính phủ. Qua những cuộc bầu cử này, chính quyền nhân dân được củng cố vững chắc ở cơ sở, vừa mở rộng khối đoàn kết của toàn dân, vừa bảo đảm sự thực hiện công nông chuyên chính.

Bản dự án Hiến pháp được công bố, để mỗi công dân đều có thể đóng góp ý kiến của mình vào Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

Chính phủ quyết định địa chủ phải giảm tô 25%. Tất cả những món nợ lâu đời ở nông thôn đều xóa bỏ.

Chế độ lao động ngày làm tám giờ được ban hành. Chủ xí nghiệp, chủ hãng buôn phải báo trước khi thải công nhân; tiền phụ cấp cho công nhân bị thải hồi được ấn định. Công nhân có quyền theo học các lớp huấn luyện quản sự và được hưởng lương trong thời gian học tập.

Việc học chữ quốc ngữ trở thành bắt buộc và không mất tiền. Mọi sắc lệnh đặt ra Bình dân học vụ trong toàn cõi Việt Nam, lập cho thợ thuyền và nông dân những lớp học bình dân buổi tối, bỏ tiền thi và tiền học ở tất cả các bậc.

Ngay từ đầu tháng 9, thuế thân, thứ thuế thực dân Pháp đánh hằng năm vào mỗi đầu người từ mười tám tuổi trở lên, cùng với nhiều thứ thuế vô lý khác đều bị bãi bỏ.

Trong tình hình kinh tế, tài chính khó khăn, Chính phủ làm thế nào có tiền để giải quyết các khoản chi phí cần thiết, nhất là những chi phí to lớn về quốc phòng?

Trước mắt, chỉ còn trông vào sự đóng góp tự nguyện của đồng bào.

Ngày 4 tháng 9, Chính phủ lập Quỹ Độc lập.

Một tuần lễ sau, Bác kêu gọi đồng bào cả nước tích cực hưởng ứng Tuần lễ vàng. Nhiều người sốt sắng đem tới góp cả những vật kỷ niệm thân thiết nhất của mình. Đó là đôi khuyên của một bà cụ đã sắm từ ngày còn con gái. Đó là hai chiếc nhẫn cưới của một cặp vợ chồng. Một cụ già tám mươi tuổi mang tới một gói lụa điều, bên trong là nén vàng gia bảo nặng mười bảy lạng. Có gia đình quyên góp toàn bộ tư trang của những người trong nhà.

Chỉ trong một thời gian ngắn, các tầng lớp nhân dân đã quyên góp vào Quỹ Độc lập và Tuần lễ vàng được hai mươi triệu đồng và ba trăm bảy mươi ki-lô-gam vàng.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến việc xác định mối quan hệ giữa những người làm việc trong bộ máy chính quyền mới với nhân dân. Tháng 10, trong bức thư gửi cho các ủy ban nhân dân ở các tỉnh, huyện và làng, Người viết: "Các cơ quan của Chính phủ từ toàn quốc cho đến các làng là đầy tớ của dân".

Ngày xưa, Trần Hưng Đạo khuyên vua chước giữ nước hay hơn cả là "lúc bình thời, khoan sức cho dân để làm kế sâu rễ bên gốc". Nguyễn Trãi chê Hồ Quý Ly để mất nước vì chỉ biết đóng cọc ngăn sông cản giặc, mà không biết lấy sức dân làm trọng. Các đấng anh hùng dân tộc lập nên công lớn, đều rất coi trọng sức dân để giữ nước, chống giặc.

Ngày nay, Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi: "Diệt giặc đói, diệt giặc dốt, diệt giặc ngoại xâm". Người nói: Phải "dựa vào lực lượng của dân, tinh thần của dân". Khác với người xưa, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: Làm những việc đó là "để mưu hạnh phúc cho dân".

Trong thư gửi cho các ủy ban nhân dân, Người viết: "Nước độc lập mà dân không được hưởng hạnh phúc thì độc lập cũng không có nghĩa lý gì".

"Hạnh phúc cho dân", đó là điều Người đã nêu lên trong bản Tuyên ngôn Độc lập: "Dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do".

Hạnh phúc mà Người muốn đem lại cho dân là một niềm hạnh phúc trọn vẹn. Hạnh phúc đó không chỉ ở những thành quả mà hôm nay cách mạng vừa đem lại cho toàn dân. Hạnh phúc đó còn đang tiếp tục đến với nhân dân lao động trong cuộc đấu tranh để tiêu diệt tận cùng nguồn gốc mọi nỗi khổ đau của con người, xây dựng nên một xã hội mà mọi hiện tượng người bóc lột người đều hoàn toàn bị xóa bỏ. Trong cuộc đấu tranh vĩ đại ấy, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chọn cho nhân dân ta một con đường ngắn nhất.

"Hạnh phúc cho dân", đó là mục đích của việc giành lấy chính quyền và giữ vững, bảo vệ chính quyền ấy. Đó là lý tưởng của Người. Đó cũng là tấm lòng của Người.

Trong bức thư gửi cho các ủy ban nhân dân, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra một số khuyết điểm của những người làm việc tại các cơ quan chính quyền như là: Trái phép, cậy thế, tư túng, kiêu ngạo... Người kết thúc lá thư: "Vì hạnh phúc của dân tộc, vì lợi ích của nước nhà mà tôi phải nói: chúng ta phải ghi sâu những chữ công bình, chính trực vào lòng...".

Tháng 1 năm 1946, Bác viết một bài Tự phê bình cho đảng lên các báo.

"Vì yêu mến tôi và tin cậy tôi mà đồng bào giao vận mệnh nước nhà cho tôi gánh vác. Phận sự tôi như một người cầm lái phải chèo chống thế nào để

đưa chiếc thuyền Tổ quốc vượt khỏi những cơn sóng gió, mà an toàn đi đến bờ bến hạnh phúc của nhân dân...

"Tuy ta tranh được quyền độc lập đã năm tháng, song các nước chưa công nhận ta.

"Tuy các chiến sĩ ta đánh rất oanh liệt, song kháng chiến chưa thắng lợi.

"Tuy những người trong ban hành chính làm việc tốt và thanh liêm, song cái tệ tham ô những lạm chưa quét sạch.

"Tuy Chính phủ ra sức chỉnh đốn, song nhiều nơi chính trị vẫn chưa vào nền nếp.

"Có thể cho rằng những khuyết điểm đó vì thời gian còn ngắn ngủi, vì nước ta còn mới, hoặc vì lẽ này lẽ khác.

"Nhưng không, tôi phải nói thật: Những sự thành công là nhờ đồng bào cố gắng. Những khuyết điểm kể trên là lỗi tại chúng tôi...".

Người dân lao động bình thường đã nhận thấy rõ Nhà nước hôm nay đúng là Nhà nước của mình. Đây là một điều hết sức mới lạ. Trong lịch sử đất nước, những triều đình phong kiến, những bộ máy đô hộ bao giờ cũng là công cụ của một số ít những kẻ cầm quyền thuộc giai cấp bóc lột, để thực hiện sự thống trị với số đông là dân, là những người lao động. Nó bao giờ cũng chỉ mang lại lợi ích cho số ít, và đem lại khổ nhục cho số đông. Ngày nay, Nhà nước đã trở thành của số đông, của nhân dân lao động. Nó đang hằng ngày, hằng giờ bảo vệ quyền lợi và mang lại hạnh phúc cho dân. Những gì hiện nay nó chưa làm được, thì nhất định nó sẽ làm được trong tương lai.

Đồng bào ta đã nhận thấy ở Bác Hồ, hình ảnh tượng trưng cao đẹp nhất của dân, của nước, của cách mạng, của chính quyền mới, chế độ mới.

13

ây là Tiếng nói Việt Nam, phát thanh từ Hà Nội, Thủ đô nước Việt Nam dân chủ cộng hòa...

Mùa Thu năm ấy, câu nói đó mỗi lần vang lên từ máy thu thanh, cứ ngân nga mãi, dọng lại mãi một dư âm.

Nước Việt Nam đã tái sinh. Những đám mây mù nặng trĩu của chế độ thực dân đã bị xua tan. Trời Việt Nam dân chủ cộng hòa xanh ngắt. Thủ đô

Hà Nội bội phần đẹp hơn Thăng Long, Đông Đô xưa, tưng bừng khí thế cách mạng, sẵn sàng đương đầu với sóng gió.

Những quyền tự do, dân chủ mới ban bố, giống như trận mưa rào tưới xuống cánh đồng khô hạn lâu ngày. Đồng bào ta đón những trái chín đầu mùa của cách mạng, như người "đang khát mà có nước uống, đang đói mà được cho ăn". Trước kia, chỉ nhặt một tờ truyền đơn, hô một khẩu hiệu đấu tranh cũng đủ để bọn thống trị nhốt vào nhà tù. Hôm nay, treo lá cờ của Tổ quốc trước mái nhà, ngẩng cao đầu đi trên các đường phố đã là của ta, hát thật vang một bài ca cách mạng cũng đã là những niềm vui, có khi đến trào nước mắt.

Ngày nào Bác và Đảng nhen ngọn lửa cách mạng, nay nó đã bùng cháy mãnh liệt trên cả nước. Người dân đã nhận thức được trách nhiệm đối với việc cũng cố và bảo vệ chính quyền mới. Đó cũng chính là để bảo vệ lấy thành quả cách mạng, những quyền tự do vừa có được hôm nay, giữ gìn lấy những hy vọng, những ước mơ tươi sáng nhất của mình.

Trong cao trào cách mạng sôi nổi đó của toàn dân, vấn đề lúc này là tiếp tục tổ chức quần chúng, tiếp tục đưa đông đảo quần chúng vào những cuộc đấu tranh ngày một cao hơn. Bác rất chú trọng tới công tác vận động, tổ chức công nhân, nông dân và trí thức. Ngay cả trong những bức thư gửi các cụ phụ lão ở Thủ đô, gửi giới công thương, gửi các cháu học sinh nhân ngày khai trường, Bác đều nhấn mạnh sự cần thiết phải tổ chức giới của mình, phải tham gia vào các đoàn thể cứu quốc.

Chỉ sau một thời gian ngắn, hàng chục triệu đồng bào già, trẻ, gái, trai trên cả nước đã thành đội ngũ. Ngay cả ở những thành phố có quân Tướng đóng, trước mũi súng của chúng, những tổ chức cứu quốc của ta vẫn rầm rộ phát triển. Từ thành thị đến làng quê, đâu đâu cũng cờ mở trống giong, ngày mít tinh, đêm khai hội. Vùng nông thôn Việt Nam lâu đời yên tĩnh chưa bao giờ sôi nổi, rộn ràng như vậy.

Đất nước nằm giữa vòng vây của bọn đế quốc, từ các phía đều bị kẻ thù đe dọa. Hội nghị toàn quốc của Đảng họp tại Tân Trào đã nhận định: "Chỉ có thực lực của ta mới quyết định được sự thắng lợi". Trong chỉ thị viết từ tháng 12 năm 1944, Bác đã nêu rõ tính chất cuộc chiến đấu để bảo vệ đất nước của ta "là cuộc kháng chiến của toàn dân", do đó "cần phải động viên toàn dân, vũ trang toàn dân". Chỉ thị của Người đã đề ra những điều cơ bản nhất trong đường lối kháng chiến và xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng. Hội nghị Tân Trào trước ngày Tổng khởi nghĩa, đã đồng thời nêu ra nhiệm vụ "Võ trang nhân dân" và nhiệm vụ "Phát triển Quân giải phóng Việt Nam".

Qua thuc tien cua hai cuoc khang chien lau dai chong de quoc Phap va de quoc My, duong loi khang chien, duong loi to chuc luc luong vu trang cua ta, trong do co moi quan he giua cac luc luong vu trang cua quan chung va bo doi tap trung, da gop phan quyet dinh vao thang loi cua dan toc. Ngay nay, on lai nhung nghj quyet, chi

thi ve cac van de nay, chung ta nhan thay Dang va Chu tjch Ho Chi Minh da de ra nhung phuong huong, chu truong dung ngay tur dau.

Việc quân sự hóa các đoàn thể cứu quốc trước ngày Tổng khởi nghĩa, chỉ mới thực hiện ở các chiến khu, nay được mở rộng ra cả nước. Các hội viên cứu quốc, đặc biệt là thanh niên, ngày đêm hăng hái học quân sự, luyện tập côn, quyền.

Phong trào tìm kiếm, chế tạo, mua sắm vũ khí rất sôi nổi. Những lò rèn ở nông thôn trở thành nơi sản xuất giáo mác, mã tấu cho các đội tự vệ, dân quân. Các em nhỏ đua nhau đi lượm nhặt sắt, thép vụn. Người lớn đem tới góp những đồ dùng hằng ngày trong nhà như mâm thau, nồi đồng..., cả những đồ thờ cúng như lu hương, đình đồng để đúc thành vũ khí.

Dưới thời đô hộ, mọi thứ vũ khí đều bị coi là đồ quốc cấm. Trong những cuộc lùng tìm cách mạng của bọn thống trị, một con dao găm để trong nhà có thể dẫn tới việc cả gia đình bị chúng tàn sát. Nói sao cho rõ được nỗi khát khao của mỗi người dân có được một vũ khí để bảo vệ nền độc lập vừa giành lại được.

Với thanh mã tấu, ngọn giáo dài trong tay, tinh thần, khí phách thượng võ của dân tộc đã trỗi dậy mạnh mẽ hơn bao giờ hết trong anh tự vệ hôm nay, đứng bên trống canh tại trạm gác đầu làng.

Các tổ chức tự vệ, du kích có từ trước Cách mạng Tháng Tám, đã phát triển rất nhanh.

Chu tich Ho Chi Minh da coi do la "buc tuong sat cua To quoc", vo luan ke dich hung bao the nao dung vao cung phai tan. Nhung ngay Tong khai nghia vira qua, no da la luc luong xung kich ho tro cho nhan dan cac dia phuong noi day gianh chinh quyen. Khi cuoc khang chien no ra 0 Nam Bo, va sau nay, buing lan ra ca nuoc, no da bien moi duong pho, moi lang mac thanh mot phao dai.

Đến cuối năm 1945, hầu hết các thôn, xã, đường phố, nhà máy đều có lực lượng tự vệ. Nơi nhiều, thì một, hai đại đội; nơi ít cũng có một trung đội. Lực lượng tự vệ được sự lãnh đạo chặt chẽ của Đảng, được chính quyền giúp đỡ huấn luyện về quân sự, nhưng hoàn toàn tự cấp và tự túc về sinh hoạt và trang bị vũ khí.

Tại những nơi chiến tranh chưa xảy ra, đó là một công cụ chuyên chính đắc lực của chính quyền cách mạng để bảo vệ các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận, các cơ sở kinh tế, quốc phòng, giữ gìn trật tự, trị an, trấn áp bọn phản động. Ở phần lớn vùng nông thôn, nạn trộm cắp không còn. Một cảnh tượng rất đẹp: Những ngôi nhà ban ngày, người đi làm vắng, ban đêm, mọi người yên giác ngủ say, cửa vẫn để ngỏ, cánh cổng chẳng cài then.

Ở Hà Nội, tổ chức tự vệ thành thu hút đông đảo các tầng lớp thanh niên của Thủ đô. Anh em đã khéo tìm cách tự túc được khá nhiều loại vũ khí khác nhau, từ dao găm, súng săn đến bom ba càng, đại liên Nhật.

Làm nòng cốt cho tự vệ thành có những đơn vị tự vệ chiến đấu. Đó là những chiến sĩ tuyển lựa từ các công nhân, dân nghèo, học sinh, sinh viên trong hàng ngũ thanh niên cứu quốc. Anh em được Bộ Quốc phòng trang bị vũ khí và trong tình hình lúc bấy giờ, phần lớn đều ở tập trung. Những nhu cầu về mặt sinh hoạt vật chất của tự vệ chiến đấu đều phải dựa vào đồng bào. Đi đôi với công tác bảo vệ chính quyền cách mạng, trấn áp bọn phản động, các chiến sĩ tự vệ chiến đấu còn làm công tác tuyên truyền chủ trương, chính sách của Mặt trận, Nhà nước, tổ chức và huấn luyện những đội tự vệ thành.

Tự vệ ở Hà Nội có một trường huấn luyện là Trường Tự vệ Hồ Chí Minh. Bác tới thăm trường nhiều lần. Anh Nhân và chúng tôi thường đến đây giảng bài. Nhiều đồng chí tự vệ chiến đấu sau này trở thành những cán bộ ưu tú của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Đồng thời với việc phát triển các lực lượng vũ trang của quần chúng rộng khắp, chúng ta ra sức đẩy mạnh việc xây dựng lực lượng vũ trang tập trung.

Các đội Cứu quốc quân, Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân, Du kích Ba Tơ... thống nhất thành Quân giải phóng Việt Nam, đã trải qua một bước phát triển nhảy vọt, đã được tổ chức thành những chi đội, đại đội, phân đội trước ngày Tổng khởi nghĩa. Với chủ trương của Đảng, trong tình hình mới, bộ đội ta tiếp tục phát triển rất nhanh. Chỉ trong vòng một tháng, số lượng quân đội ta đã đông gấp mười lần Quân giải phóng ngày cách mạng vừa giành được chính quyền.

Tất cả các đơn vị Vệ quốc đoàn đều đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, thông qua tổ chức của Đảng trong quân đội, thông qua các chi bộ và những cán bộ là đảng viên giữ những vai trò quan trọng.

Những cán bộ, đội viên các đội vũ trang đầu tiên của Đảng ngày trước, nay trở thành nòng cốt của các đơn vị Vệ quốc đoàn ở Trung ương và ở địa phương.

Trường Quân chính kháng Nhật mở từ hồi ở chiến khu, chuyển thành Trường Quân chính Việt Nam, quy mô rộng hơn, mỗi khóa huấn luyện tập trung hàng mấy trăm cán bộ. Bác thường đến trường nói chuyện. Để che mắt bọn Tưởng, Bác cho đổi tên trường thành Trường Cán bộ Việt Nam.

Phong trào tòng quân sôi nổi khắp cả nước. Các hội cứu quốc tấp nập đưa những hội viên của mình vào bộ đội. Các đội tự vệ bổ sung cho Vệ quốc đoàn những chiến

sĩ ưu tú của mình; ở một số địa phương, đã chuyển toàn đơn vị thành Vệ quốc đoàn. Tại Hà Nội, nhiều khu phố lập bàn thờ Tổ quốc, đón nhận những người muốn tòng quân. Không riêng thanh niên, mà cả nhiều người lớn tuổi cũng tới ghi tên.

Ngày Tổng khởi nghĩa, đã có những đơn vị bảo an binh đi theo cách mạng. Chúng ta chủ trương thu nhận những cá nhân sĩ quan, binh lính có tinh thần yêu nước, tự nguyện tham gia quân đội cách mạng. Nhiều người sau này đã trở nên những chiến sĩ, cán bộ tốt của quân đội ta.

Tại phần lớn các nơi, việc nuôi dưỡng bộ đội vẫn phải dựa vào đồng bào. Đoàn thể Phụ nữ cứu quốc đóng góp một vai trò đặc biệt trong việc chăm sóc các chiến sĩ.

Ta chủ trương tìm mọi cách để có được thêm nhiều vũ khí cho bộ đội. Ngoài số súng thu được tại các trại bảo an binh, hoặc của binh lính Nhật trong một số trận chiến đấu, chúng ta dùng tiền và vàng nhân dân đã quyên góp, mua thêm súng của Nhật và của quân Tưởng. Tuy vậy, vẫn không sao đáp ứng được những nhu cầu rất lớn về vũ khí và trang bị của quân đội đang phát triển từng ngày. Có được thứ nào thì dùng thứ ấy, nên súng đạn đã ít, lại rất nhiều loại. Cùng với những khẩu súng tiểu liên nhỏ, nhẹ mới ra đời trong Đại chiến lần thứ hai, do các quân đội nước ngoài vừa đem vào, là những khẩu súng trưởng nòng dài lêu nghêu, chế tạo từ hồi vua Nga còn trị vì, những khẩu súng kíp sản xuất trong những lò rèn thủ công. Nếu như ngày nay, bộ binh ta đã được trang bị khá hiện đại với ba thứ súng bắn thẳng cùng một cỡ đạn thống nhất, thì hồi đó chúng ta đã phải dùng đến trên bốn chục thứ súng với nhiều cỡ đạn khác nhau. Riêng về súng trưởng, một bản thống kê đã nêu lên tới hai mươi loại súng do tám nước chế tạo:

Việt Nam:

- Súng trưởng Phan Đình Phùng không có khương tuyến,
- Súng kíp.

Pháp:

- Súng Mút-cơ-tông giáp ba,
- Súng Mút-cơ-tông giáp năm.
- Súng Anh-đô-si-noa,
- Súng khai hậu,
- Súng Mát 7,5mm,

- Súng Mát nửa tự động,
- Súng trường Tờ-rông-bỏ-lông phóng lựu đạn,
- Súng sân cõ 12,
- Súng sân cõ 16,
- Súng sân cõ 20.

Nhật:

- Súng trường Nhật nòng ngắn, dùng cho kỵ binh,
- Súng trường Nhật nòng dài, dùng cho bộ binh.

Anh:

- Súng trường Anh 7,7mm.

Mỹ:

- Súng Rơ-manh-tông 1903,
- Súng Rơ-manh-tông 1917.

Nga (thời Nga hoàng):

- Súng trường Nga nòng dài, 7,9mm.

Trung Hoa (thời Tưởng Giới Thạch):

- Súng Thất cửu.

Đức (quốc xã):

- Súng Mô-de.

Trên thao trường, mặc nắng cháy, mưa dầm, anh Vệ quốc, gây nhiều hơn súng, say sưa ngày đêm luyện tập. Các mẹ, các em khi mang nước, lúc đem cơm, hoa quả địa phương mùa nào thức ấy. Dọc đường hành quân ra trận, bộ đội đi dân nhớ, ở dân thương, tới đâu cũng được săn sóc, chăm nom với nghĩa tình ruột thịt.

Một quân đội mới lần đầu xuất hiện trong lịch sử của dân tộc, quân đội con em của nhân dân, từ nhân dân mà ra, được nhân dân nuôi dưỡng, vì nhân dân mà chiến đấu. Quân đội ấy do Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, nên ngay từ những ngày đầu, nó đã mang đậm đà bản chất của Đảng và những đức tính của Người. Ngày nào, khi nói đến Đảng ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dịch hai câu thơ của Lỗ Tấn:

Trọn mắt xem khinh nghìn lực sĩ,

Cúi đầu làm ngựa các nhi đồng.

Và Người giải thích: "Nghìn lực sĩ" có nghĩa là những kẻ địch mạnh, thí dụ: Lũ thực dân Pháp, bọn can thiệp Mỹ; cũng có nghĩa là những sự khó khăn, gian khổ. "Các nhi đồng" nghĩa là quần chúng nhân dân hiền lành, đông đảo; cũng có nghĩa là những công việc ích quốc lợi dân".

Đó cũng chính là hình ảnh của Quân đội ta. Anh Vệ quốc rất xứng đáng với những tiếng thân thiết mà đồng bào cả nước đã sớm dành cho mình: Bộ đội Cụ Hồ.

Quân đội ta và các lực lượng vũ trang quần chúng ra đời trong ngọn lửa đấu tranh cứu nước của dân tộc, vừa xây dựng vừa chiến đấu, vừa nâng cao phẩm chất chính trị bằng sự giáo dục của Đảng, của Chủ tịch Hồ Chí Minh, vừa tôi luyện trong lửa đạn ác liệt của chiến trường. Các lực lượng vũ trang đó đã lớn lên từng ngày và đã đáp ứng kịp thời những đòi hỏi lớn lao, cấp bách của đất nước.

14

rong thòi gian ò nước ngoài, Bác đã sống nhiều năm tại Trung Quốc. Mạng lưới dày của bọn đặc vụ Quốc dân Đảng luôn luôn bủa vây quanh Người. Bác đã có mặt trong những ngày đau thương hàng chục vạn đảng viên cộng sản và quần chúng cách mạng bị bọn Tướng Giới Thạch tàn sát ở Quảng Châu. Người đã trải qua những ngày sống trong ngục tù của chúng. Sau khi Nhật đầu hàng, Mỹ thúc bọn quân phiệt Tướng thanh toán gấp mỗi nguy cơ đối với chúng, là lực lượng Hồng quân ngày càng lớn mạnh dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Tướng Giới Thạch đang chuẩn bị trận đánh cuối cùng, một mất một còn, hòng tiêu diệt cách mạng.

Bác hiểu sâu sắc bản chất giai cấp của bọn Quốc dân Đảng. Hơn ai hết, Người thấy rõ mối nguy cho cách mạng Việt Nam khi quân Tướng tràn vào miền Bắc. Chúng là những tên chống cộng cực kỳ tàn bạo. Trong khi cũng để giải giáp gần ba vạn quân Nhật tại miền Nam, Anh chỉ cần đến dăm ngàn quân, thì cũng với công việc ấy, ở miền Bắc, bọn Tướng đã đưa vào mười tám vạn quân. Dã tâm của quân Tướng đã rõ ràng. Chúng muốn tiêu diệt chính quyền cách mạng, muốn thôn tính nước ta.

Sách lược của ta lúc này là hòa hoãn với Tướng, chĩa mũi nhọn vào bọn thực dân Pháp cướp nước. Nhưng hòa hoãn với Tướng không phải dễ dàng.

Bác nhiều lần dặn cán bộ: "Phải hết sức tránh khiêu khích, không để xây ra xung đột với quân Tướng. Nếu đã xảy ra xung đột thì phải biến xung đột

lớn thành xung đột nhỏ, biến xung đột nhỏ thành không có xung đột". Không phải mọi người đều thấy hết ý nghĩa quan trọng của chỉ thị đó.

Một số cán bộ của Đảng cũng chưa nắm vững được sách lược lúc này. Cũng vì vậy mà những vụ va chạm đáng lẽ không xảy ra, vẫn xảy ra. Những vụ này đã gây cho ta khá nhiều khó khăn trong việc dàn xếp. Bác có thái độ rất nghiêm đối với những tư tưởng và hành động sai lầm chỉ thấy bộ phận, không thấy toàn cục, trong việc thực hiện sách lược của Đảng.

Một mặt, ta cổ tìm mọi cách hòa hoãn, hạn chế những hoạt động phá hoại của kẻ thù. Mặt khác, phát hiện những mâu thuẫn, những vết rạn nứt dù nhỏ trong hàng ngũ của chúng lúc này để lợi dụng, là rất quan trọng.

Trong Chính phủ lâm thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh kiêm thêm công tác ngoại giao. Ngoại giao khi đó là một công việc cực kỳ khó khăn và phức tạp.

Bọn tướng lĩnh Quốc dân Đảng Trung Hoa và miền Bắc, thuộc nhiều phe cánh khác nhau. Có những tên thuộc tập đoàn địa phương Vân Nam. Có tên thuộc tập đoàn địa phương Lưỡng Quảng (Quảng Đông, Quảng Tây). Nhiều tên thuộc tập đoàn trung ương của Trùng Khánh. Chúng giống nhau ở chỗ cùng chống cộng. Nhưng, vì bên trong chúng có mâu thuẫn, nên thái độ phản động của chúng đối với cách mạng Việt Nam cũng ít nhiều khác nhau.

Ngoài ý định can thiệp vào Việt Nam, Trùng Khánh còn muốn nhân dịp này, thanh toán một số tên quân phiệt cứng đầu ở Tây Nam và Hoa Nam. Ngay từ khi Lư Hán kéo quân sang ta, Bác đã nói: "Đây là kẻ "điệu hổ ly sơn" của Tưởng Giới Thạch. Nội bộ chúng không ổn định là một điều ta có thể lợi dụng", Tưởng Giới Thạch từ lâu, muốn trị Long Vân, tỉnh trưởng Vân Nam.

Chỉ sau đòi lần gặp Bác, Lư Hán đã tỏ ra cảm phục. Y ngạc nhiên về sự hiểu biết sâu rộng của Bác. Bác trao đổi với y về tình hình chính trị ở Việt Nam, ở Trung Hoa và trên thế giới. Bác làm cho y hiểu cuộc đấu tranh giành độc lập và chủ trương Hoa - Việt thân thiện của ta. Đòi lúc, Bác cũng nói cho y biết phần nào những hoạt động xấu xa của bọn Việt Nam Quốc dân Đảng và Việt Nam Cách mạng đồng minh Hội, Lư Hán gọi Bác một cách trân trọng là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nghe báo tin Bác tới, y ra đón. Khi Bác về, y tiễn chân đến tận cửa. Dường như đã cảm thấy số phận bấp bênh của mình, y thường có vẻ tư lụ.

Tiêu Văn là chủ nhiệm chính trị của chiến khu thứ tư do Trưởng Phát Khuê chỉ huy. Y nắm một vai trò chủ chốt trong cái gọi là "Việt Nam cách mạng chỉ đạo thất" (Phòng chỉ đạo cách mạng Việt Nam) do Trưởng lập ra.

Tướng Giới Thạch vốn không ưa Trương và phe cánh của y. Nhưng Tướng vẫn phải dùng Tiêu Văn, vì Tiêu Văn theo dõi tình hình Việt Nam từ lâu, và đang nắm bọn tay sai Nguyễn Hải Thần.

Tiêu Văn vào Việt Nam với một sự đoàn quân Quảng Tây. Sự đoàn quân Quảng Tây vừa vượt biên giới thì được lệnh của Trùng Khánh quay trở về. Tiêu Văn hết quân, phải đi với các quân đoàn trung ương của Chu Phúc Thành. Theo sự chỉ định của Trùng Khánh, Tiêu Văn có trách nhiệm giải quyết những vấn đề chính trị ở miền Bắc Việt Nam.

Tới Hà Nội, chính quyền cách mạng đã thành lập, viên tướng "lam y" thấy mình bị đặt trước một việc đã rồi. Y rất bực bội.

Bác đã bảo chọn cho Tiêu Văn một ngôi nhà sang trọng. Lúc đầu, y không chịu tới, đưa bọn tay sai về đóng tại nhà một viên bang trưởng ở phố Cửa Đông.

Thấy Bác định đi thăm Tiêu Văn, nhiều anh ngăn. Y mới đến, ta chưa biết thái độ ra sao. Bác nói: "Nó vừa tới, chưa rõ tình hình, ta đến cũng có cái hay". Trong việc giao tiếp, Bác thường hay chủ động và chú ý đến cái ấn tượng lúc ban đầu.

Bác chỉ định mấy đồng chí cùng đi. Thấy một đồng chí mang dép, Bác bảo về nhà thay giày. Bác nói: "Khi nào gặp "người ta", tôi ăn mặc thế nào cứ mặc tôi, nhưng các chú thì phải cho tê chỉnh".

Mấy đồng chí theo Bác tới phố Cửa Đông. Đến nơi Tiêu Văn ở, Bác bảo hai đồng chí đợi bên ngoài, rồi cùng hai đồng chí đi vào. Qua hàng rào sắt, mọi người nhận ra ở đây ngoài bọn lính Tướng, còn có thêm mấy tên tay sai Việt Nam Quốc dân Đảng. Chúng mặc quân phục, đeo súng, vào ra với về mặt lầm lì.

Tiêu Văn đang ở nhà trong. Nghe báo Chủ tịch Hồ Chí Minh tới, y lật đật đi ra. Chỉ sau vài câu thăm hỏi của Bác, y đã tỏ ra vui vẻ, niềm nở như gặp lại một người quen biết lâu ngày. Thái độ kính nể của Tiêu Văn đối với Bác, làm cho mấy tên tay sai Việt Nam Quốc dân Đảng ngạc nhiên.

Bác nhắc lại những chuyện ở Liễu Châu, rồi bảo Tiêu Văn hãy bỏ qua những hiểu lầm trước đây, hợp tác với ta để cùng giải quyết mọi vấn đề trong mối quan hệ Hoa - Việt. Tiêu Văn hứa sẽ đặt quan hệ với Chính phủ ta. Sau lần gặp này, Tiêu Văn dọn đến ở tại ngôi nhà ta đã dành cho y, gần hồ Bảy Mẫu. Bác đã dùng y để giải quyết một phần nào những va chạm, mắc míu với quân Tướng.

Lư Hán đến Hà Nội được vài tuần thì Tướng Giới Thạch đem quân đánh úp Vân Nam và lừa bắt Long Vân. Trùng Khánh tuyên bố: Sau khi hoàn

thành nhiệm vụ ở Việt Nam, Lư Hán trở về Vân Nam, sẽ thay Long Vân làm tỉnh trưởng. Nhưng chúng lại điều hai quân đoàn của Lư Hán về trước, đưa lên Đông Bắc đánh nhau với Hồng quân. Các quân đoàn này được quân trung ương sang thay thế. Cuộc tranh giành quyền lực trong nội bộ bọn quân phiệt Tưởng diễn ra quyết liệt.

Bọn tướng lĩnh trực thuộc với Trùng Khánh, đứng đầu là Chu Phúc Thành, là những tên phản động nhất. Chúng đã trực tiếp điều khiển lũ tay sai trong những hoạt động phá hoại. Nhiều lần, chúng ra mặt bắt giữ một số cán bộ của ta. Tuy vậy, trong bọn chúng, vẫn có những tên không thể bịt mắt trước thực tế to lớn của cách mạng Việt Nam. Viên sư trưởng sư đoàn 2 đóng quân tại Nam Định, có lần bày tỏ sự đồng tình với cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta. Khi Bác về Nam Định, Bác ghé thăm y. Một viên sư trưởng khác đến nhờ ta cung cấp tài liệu, giúp đỡ y viết một cuốn sách về phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc của Việt Nam.

Trong hàng ngũ quân đội Tưởng, nhiều tên chỉ giữ chức phó quan hoặc xứ trưởng, là những chức thấp, nhưng lại có quyền hành và thế lực. Có tên nhờ người vợ đẹp, lịch thiệp, tiêm thuốc phiện khéo, các tướng lĩnh thường lui tới nhà nên trong nhiều việc, y đều có thể trở thành người môi giới đắc lực. Không hiểu tại sao Bác phát hiện ra rất sớm những viên quan nhỏ thuộc loại này. Bác chỉ thị cho các cán bộ làm công tác ngoại giao có đối sách thích hợp với từng tên. Chính nhờ bọn này mà một số vụ va chạm với quân Tưởng đã được giải quyết.

Với Bác, chân lý cách mạng là cụ thể. Vận dụng sách lược, cũng là cụ thể. Tuy tất cả bọn Tưởng đều là những tên phần động, nhưng với từng đối tượng cụ thể, ta cần có cách đối xử cụ thể. Đương nhiên, thực lực cách mạng là cơ sở của việc vận dụng mọi sách lược. Đây là một kinh nghiệm quan trọng Bác thường nhắc nhở cho cán bộ.

Cao trào cách mạng đang dâng lên mạnh mẽ trên khắp nước Trung Hoa. Quân Tưởng tiến đánh các khu giải phóng với ý định tiêu diệt Hồng quân, đã vấp phải những thất bại liên tiếp. Bọn quân quan được lệnh điều động về nước tỏ ra lo lắng. Những tên ở lại hoặc mới kéo sang, đều mang tâm trạng không ổn định.

Với một sự nhạy cảm lạ thường, Bác dường như thấu hiểu mọi trạng thái tư tưởng, tình cảm của kẻ thù. Bác đã vận dụng một cách vô cùng sắc bén những đối sách cụ thể với từng loại kẻ địch, với từng tên.

Con người Bác là hiện thân sức mạnh của chính nghĩa. Nhiều chính khách nước ngoài gặp Bác hồi đó, cũng như sau này, đều nói lên ý nghĩ cảm

phục. Ngay cả những kẻ thù, những tên khét tiếng chống cộng, khi tiếp xúc với Bác, đều phải tỏ ra kính nể. Đứng trước Bác, dường như chúng cũng bớt hung hãn đi nhiều.

Nhiêu người nước ngoài đã bàn về sức cảm hóa kỳ lạ trong con người của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Có người cho đó là do sự hiểu biết sâu rộng, do tài trí thông minh tuyệt vời, do ý chí nghị lực phi thường của Người. Có người nói đó là do đức khiêm tốn, giản dị, do sự lạc quan, tin tưởng, do tính tình thẳng thắn, cởi mở, do sự từng trải, lịch thiệp... của Người.

Những điều ấy đều đúng. Nhưng bao trùm lên tất cả ở Chủ tịch Hồ Chí Minh, chính là sự quên mình vì mọi người, chính là sự ham muốn, "ham muốn duy nhất, ham muốn tột bậc" của Người là làm sao mang lại thật nhiều hạnh phúc cho dân, cho nước. Cuộc sống hoàn toàn không một chút bận riêng tư, đã tạo nên ở Người một cái gì vô cùng trong sáng.

Vói tám lòng nhân ái bao la, ngay cả trong khi thực hiện sách lược, Người vẫn mong muốn thức tỉnh lại phần lương tri dù chỉ còn ít ỏi ở một số con người.

Sức mạnh chính trị, tinh thần của nhân dân ta cùng với sự vận dụng tài giỏi đường lối sách lược của Đảng và của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã làm tê liệt một phần ý chí xâm lược của bọn quân phiệt Tưởng, có dưới tay gần hai chục vạn quân.

15

Thông đầy một tuần sau khi nước Việt Nam dân chủ cộng hòa thành lập, Chính phủ lâm thời đã ra sắc lệnh tổ chức Tổng tuyển cử trên cả nước, để bầu ra Quốc dân đại hội.

Trong lịch sử của các dân tộc vừa đấu tranh giành độc lập, chưa bao giờ một sắc lệnh về Tổng tuyển cử được ban hành sớm như thế.

Trước hết, đây là lòng tin của Đảng vào tinh thần yêu nước, vào trình độ giác ngộ của nhân dân. Đồng bào ta vừa trải qua gần một thế kỷ sống dưới ách đô hộ của thực dân Pháp. Tổng tuyển cử sẽ là một cuộc vận động chính trị rộng lớn và sâu sắc. Qua việc thực hiện quyền làm chủ của mình, mỗi người dân sẽ nâng cao thêm ý thức trách nhiệm đối với đất nước. Ở vào một tình hình trong, ngoài đều phức tạp, rối ren, một quốc hội do nhân dân chính thức cử ra, một chính phủ chính thức thành lập theo đúng nguyên tắc dân chủ sẽ có đủ uy tín, danh nghĩa và sức mạnh động viên tinh

thần, lực lượng của nhân dân để kháng chiến kiến quốc, để giao dịch với các nước ngoài.

Sắc lệnh ngày 8 tháng 9 của Chính phủ lâm thời đã ấn định cuộc Tổng tuyển cử sẽ được mở trong vòng hai tháng. Pháp trở lại Nam Bộ. Chiến tranh mỗi ngày một lan rộng. Trở ngại lớn không phải chỉ có riêng cuộc xâm lược của giặc Pháp. Trên miền Bắc, bọn Việt Nam Quốc dân Đảng và Việt Nam Cách mạng đồng minh Hội chống phá Tổng tuyển cử một cách điên cuồng. Chúng ngày càng biết rõ một cuộc tuyển cử công bằng sẽ không mang lại gì cho chúng.

Báo chí của bọn phản động đòi Chính phủ lâm thời phải từ chức ngay. Chúng lớn tiếng rêu rao chính quyền hiện nay là chính quyền độc tài của cộng sản. Chúng tìm mọi cách khích động một số tư sản, quan lại cũ, gia chủ, phú nông, hòng lôi kéo họ theo chúng chống lại ta. Chúng hy vọng Trùng Khánh sẽ mạnh tay với ta hơn.

Nhóm quân phiệt Tưởng ở Hà Nội đã nhận thấy việc dùng sức mạnh để lật đổ chính quyền Trung ương của ta lúc này, là không thể nào thực hiện được. Tiêu Văn đề nghị với Bác tổ chức một chính quyền gồm ba lực lượng: Việt Nam Cách mạng đồng minh Hội, Việt Nam Quốc dân Đảng và Việt Minh. Y muốn có một chính phủ trong đó, bọn tay sai chiếm số đồng.

Ta đã nhiều lần nói rõ cho những người cầm đầu Việt Nam Cách mạng đồng minh Hội và Việt Nam Quốc dân Đảng, Tổng tuyển cử là một việc nhất thiết phải làm. Đó là nguyện vọng và cũng là quyền lợi của quốc dân. Người của các đảng phái ra ứng cử, sẽ được tạo mọi dễ dàng để trình bày đường lối chính trị của mình. Ta cũng nêu rõ sự mong muốn đoàn kết với mọi lực lượng để xây dựng đất nước, và đẩy mạnh cuộc kháng chiến đang diễn ra ngày càng ác liệt ở miền Nam.

Hạ tuần tháng 11, một cuộc họp liên tịch giữa các đảng phái được tổ chức. Những người cầm đầu Việt Nam Cách mạng đồng minh Hội và Việt Nam Quốc dân Đảng đến họp đã đồng ý: Sẽ thành lập chính phủ thống nhất quốc gia; sẽ thực hiện thống nhất quân đội; chấm dứt mọi sự xung đột; ngừng đả kích nhau trên báo chí.

Nhưng chỉ vài ngày sau, chiếc loa mắc tại tòa báo "Việt Nam", đường Quán Thánh, lại kêu ra rả ngày đêm, đòi Chính phủ lâm thời phải từ chức. Chắc các quan thầy Tướng đã chỉ cho bọn phản động là chúng không được lợi gì, qua những điều mới thỏa thuận. Cùng với những hoạt động bắt cóc, giết người, tống tiền, chúng tiến lên tổ chức những cuộc biểu tình, gây hỗn loạn trong thành phố.

Đồng bào Thủ đô căm phần, muốn Chính phủ thẳng tay trừng trị bọn phần động. Nhiều người viết thư, gửi bài đăng báo, tổ cáo những hành động phá hoại và bất

lương của chúng. Nhiều đơn vị tự vệ chiến đấu và tự vệ thành làm kiến nghị, ra tuyên bố quyết tâm trừng trị bọn chúng khi được lệnh.

Lưỡi lê của quân Tưởng và những khẩu Pạc-hoọc của những tên cảnh bị có mặt khắp nơi trong thành phố, là chỗ dựa cho bọn phản động. Cho tới đó, vì đồng bào và các lực lượng vũ trang của ta cổ tránh khiêu khích, nên bọn chúng chưa bị những vụ trừng trị nào đáng kể.

Trước tình hình đó, Thường vụ chủ trương: Hết sức tránh khiêu khích, nhưng phải đưa quần chúng ra đấu tranh, vạch mặt và cô lập bọn phản động, làm cho những tên cầm đầu quân Tưởng nhận rõ: Chúng càng dùng bọn tay sai phá phách thì bọn này càng bị nhân dân chống lại.

Anh Trần Quốc Hoàn cùng tôi bàn kế hoạch thực hiện chủ trương trên, nhằm ngăn chặn những hoạt động phá hoại đang hằng ngày gây rối loạn trong thành phố.

Làm việc này phải cân nhắc kỹ. Bọn biểu tình bao giờ cũng có những tên mang vũ khí đi kèm. Chúng có chỗ dựa là bình lính Tưởng. Quân Tưởng lại đang tự cho chúng quyền giữ gìn an ninh trong thành phố. Ta phải trừng trị bọn phá hoại, nhưng nhất thiết phải hết sức tránh khiêu khích, tuyệt đối không để dẫn đến xung đột lớn.

Chúng tôi thấy có thể huy động lực lượng tự vệ chiến đấu cùng một số hội viên các đoàn thể cứu quốc làm công việc này. Tự vệ chiến đấu khi đi hoạt động, sẽ mặc thường phục, hòa lẫn vào đồng bào, giữ bí mật các vũ khí mang theo. Tốt nhất, ta nên tổ chức những cuộc đấu tranh xa nơi có binh lính Tưởng.

Nhiệm vụ đánh một trận nhỏ đầu tiên để rút kinh nghiệm, được trao cho một tổ tự vệ chiến đấu.

Bữa đó, anh em đang làm việc ở trụ sở chính của tự vệ chiến đấu tại phố Trần Hưng Đạo, thì có tin bọn khiêu khích vừa tập trung ở phố Hàng Đậu. Ba đồng chí được phân công, lập tức giắt vũ khí vào người, chạy đi làm nhiệm vụ.

Tổ tự vệ chiến đấu tới Hàng Giấy, thì gặp bọn chúng. Chúng đông chừng vài chục tên, đang dùng loa kêu gọi và phân phát báo trước chợ Đồng Xuân. Hai đầu đường có bọn lính Tưởng đứng gác.

Một đồng chí tự vệ xông vào giữa bọn chúng, hỏi một tên khiêu khích:

- Báo gì đấy?

Nó đáp:

- Báo "Việt Nam".
- Việt Nam gì? Báo của chúng mày là báo Việt gian!

Đồng chí tự vệ giật chồng báo trong tay nó, quẳng xuống đất.

Cuộc xung đột bất đầu. Đồng bào cũng chỉ chờ có thể, lập tức đổ xô lại. Bị trừng trị bất ngờ, bọn chúng chạy tán loạn. Nhiều đứa lao cả vào nhà dân để trốn. Một đồng chí tự vệ rượt theo một tên. Người trong nhà đưa mắt, chỉ cho anh chỗ nó nấp bên xó cửa. Anh tới lôi nó ra. Nó lạy van xin tha. Ông chủ nhà bảo nó:

- Lần sau thì phải chừa đi! Cứ phá phách, nói xấu Chính phủ như thế thì dân phố người ta không để yên đâu!

Những tên lính Tưởng đứng gác thấy náo động, giương súng lên trời bắn đoàng đoàng. Không đứa nào rồi khỏi ụ cát.

Bọn khiêu khích bị đánh tan. Mấy đồng chí tự vệ chiến đấu hoàn thành nhiệm vụ, làm như người đang dạo chơi, ung dung đi ngang các trạm gác của bọn Tưởng.

Qua vụ này, ta đánh giá được tinh thần của bọn phản động. Ta cũng đo được chừng nào mức độ can thiệp của bọn lính Tưởng. Trước những hành động căm phẫn mà chúng tưởng là phản ứng tự phát của nhân dân đối với bọn tay sai, chúng đối phó một cách bị động và tiêu cực.

Vài ngày sau, bọn phản động lại tổ chức một cuộc biểu tình lớn tại Bờ Hồ. Lần này, lực lượng của ta huy động đông hơn. Chúng ta phát hiện ra chúng sớm. Nhưng bọn phản động cũng đã chuẩn bị đối phó. Chúng bắn một đồng chí tự vệ. Tội ác của chúng đã gây một sự phẫn nộ lớn. Đồng bào ầm ầm đổ tới. Ai nấy gặp cái gì, vớ cái ấy làm vũ khí, có người giật cả những chiếc khung xe đạp sơn dở trong cửa hàng, xông vào trừng trị bọn phản động. Chúng phải giấu súng, vứt cờ biển và loa, chạy tháo thân.

Những cuộc biểu tình thưa đi.

Nhưng bọn phản động lại tăng thêm những vụ bắt cóc, ám sát. Chúng nhằm những người sắp ra ứng cử, những đảng viên cộng sản, cán bộ Việt Minh, những người thuộc tổ chức của chúng nhưng lại tỏ ra có cảm tình với ta, hoặc đã tách khỏi bọn chúng, đi theo cách mạng.

Bọn quân phiệt Tưởng, sau những lần đề nghị không kết quả với ta về việc cải tổ Chính phủ, cũng ra mặt gây thêm áp lực.

Cuối tháng 11, một Pháp kiều bị bắn chết trước nhà máy A-vi-a. Ta cho mở ngay cuộc điều tra. Từ trước, Chính phủ ta vẫn có một chính sách nhân

đạo và khoan hồng đối với Pháp kiều. Trong bức thư gửi cho những người Pháp ở Đông Dương hồi tháng 10, Bác đã nói rõ những người Pháp làm ăn lương thiện và sống yên ổn sẽ được coi như bè bạn.

Ngày hôm sau, bộ tư lệnh quân đội Tưởng gửi thư mời Bác tới. Các anh bàn xem Bác có nên đi không. Bác nói:

- Nó đã mời mình, mình cứ tới. Lúc này chúng chưa dám làm gì ta đâu!

Chín giờ sáng, Bác lên xe đi cùng mấy đồng chí bảo vệ.

Bác đến nhà Tiêu Văn. Chu Phúc Thành đã cho người đón, mời Bác tới chỗ làm việc của hắn ở phía nhà thương Đồn Thủy. Đến nơi, bọn sĩ quan Quốc dân Đảng yêu cầu các đồng chí bảo vệ ngồi đợi phía ngoài, và mời Bác lên gác gặp Chu.

Chúng tôi ở nhà đợi, đến bữa trưa, vẫn chưa thấy Bác về. Chúng tôi tin vào kinh nghiệm ứng phó của Bác, nhưng vẫn lo.

Quá trưa, một đồng chí bảo vệ mang thư của Bác về. Thư để ngỏ. Bác viết vắn tắt bằng chữ Hán: "Anh em ở nhà cứ làm việc. Tôi còn bận một chút!"

Rõ ràng là có chuyện rắc rối. Bác biết ở nhà sốt ruột, nên tìm cách báo cho chúng tôi hiểu qua tình hình. Đồng chí cầm thư về, nói Bác vẫn ngồi trên gác với Chu.

Chúng tôi bàn cách đối phó trong trường hợp cần thiết, và cử người đến chỗ Chu theo dõi xem sao.

Lát sau, các đồng chí cùng đi với Bác gọi điện thoại về, bảo đưa một chiếc xe đến đón. Không hiểu tại sao lại như vậy? Chiếc xe Bác đi sáng nay đâu?

Mãi đến gần hai giờ chiều, Bác mới về. Mọi người mới hết lo lắng.

Sự việc xảy ra cũng khá rắc rối. Sáng hôm đó, Chu Phúc Thành khăng khăng vu cho một cán bộ của ta đã bắn chết tên Pháp kiều. Người mà chúng buộc tội là anh Sơn, một cán bộ của ta, có chân trong Ban lãnh đạo Việt Nam Cách mạng đồng minh Hội từ hồi ở Liễu Châu. Bọn tay chân của Chu còn trắng trợn hơn, chúng quả quyết rằng chiếc xe mà "hung thủ" đã dùng chính là chiếc xe của Bác.

Bác đã vạch rõ những chỗ vô lý trong các lời vu cáo của bọn chúng. Người chúng nói là hung thủ thì từ bốn hôm nay, đã về Nam Định công tác. Chu chuyển sang trách cứ chính quyền ta không bảo đảm được trật tự, an ninh. Rồi hắn lại mang chuyện cung cấp gạo nước ra, phàn nàn ta không chịu giải quyết đủ số gạo hắn đã

yêu cầu. Chu tìm cách dây dưa hết chuyện này đến chuyện khác, gây một không khí căng thẳng.

Cuối cùng, Chu đuối lý, phải kết thúc câu chuyện. Muốn cho đỡ bề mặt và cũng để kéo dài tình hình căng thẳng, hắn đặt vấn đề giữ lại chiếc xe và cả anh Hảo, lái xe, viện lẽ đó là những chứng cớ để tìm ra hung thủ. Mặc dầu ta liên tiếp đấu tranh, mãi đến ba tháng sau, chúng mới chịu thả đồng chí lái xe, còn chiếc xe thì chúng vẫn giữ.

16

ác và Thường vụ thấy cần có một giải pháp với bọn Tưởng. Chúng không hy vọng gì nếu đưa lũ tay sai ra ứng cử. Như vậy, nhất định chúng sẽ còn chống phá Tổng tuyển cử đến cùng. Chúng đang đòi ta cải tổ Chính phủ. Ta có thể đồng ý thành lập một Chính phủ liên hiệp lâm thời với sự tham gia của một số người trong bọn chúng. Điều kiện của ta đặt ra là: Chính phủ này phải tổ chức tốt cuộc Tổng tuyển cử, thống nhất các lực lượng vũ trang lại và sẽ từ chức khi triệu tập Quốc dân đại hội. Còn việc Việt Nam Quốc dân Đảng và Việt Nam Cách mạng đồng minh Hội không dám ra ứng cử, thì ta sẽ đề nghị với Quốc hội sau này dành cho chúng một số ghế.

Ta nêu những điều kiện này với Tiêu Văn. Đang bí cách giải quyết, Tiêu Văn ưng thuận. Nguyễn Hải Thần cũng phải bằng lòng. Riêng bọn Việt Nam Quốc dân Đảng, lúc đầu không nghe. Nhưng rồi khi ý kiến của tất cả các quan thầy đã là như thế, chúng cũng phải theo. Việt Nam Cách mạng đồng minh Hội và Việt Nam Quốc dân Đảng hứa sẽ không phá tổng tuyển cử nữa.

Ngày 19 tháng 12, Chính phủ lâm thời công bố tổng tuyển cử sẽ được tiến hành vào mồng 6 tháng 1 năm 1946.

Chúng ta đã vượt qua một khó khăn lớn. Nhưng một số cán bộ không hoàn toàn thông suốt với cách giải quyết này. Có đồng chí khi nghe tin Nguyễn Hải Thần sẽ giữ một chức vụ cao trong Chính phủ, vội chạy tới, xin được gặp Bác, nêu thắc mắc. Bác không giải thích nhiều, chỉ hỏi:

- Phân có dơ không? Nhưng dùng bón lúa tốt, thì có dùng không?

Mồng 1 tháng 1 năm 1946, danh sách Chính phủ liên hiệp lâm thời được công bố trên các báo chí. Nguyễn Hải Thần giữ chức Phó Chủ tịch. Người của Việt Nam Quốc dân Đảng và Việt Nam Cách mạng đồng minh Hội giữ hai bộ: Bộ Kinh tế và Bộ Vệ sinh.

Chiều hôm đó, Chính phủ mới làm lễ tuyên thệ nhậm chức tại Nhà hát lớn thành phố.

Bác đọc bản tuyên ngôn đoàn kết của các đảng phái, và nêu lên những chính sách của Chính phủ, trong đó có các điểm:

- Làm cho cuộc tuyển cử trên toàn quốc đạt được kết quả mỹ mãn.
- Thống nhất các cơ quan hành chính theo nguyên tắc dân chủ.
- Thống nhất các bộ đội vũ trang dưới quyền chỉ huy của Chính phủ. Các đảng phái không được có quân đội riêng...

Trong lời tuyên bố ra mắt, Nguyễn Hải Thần nói: "Là một người lãnh đạo quốc dân mà ngày nay mới đoàn kết thực là có lỗi tới quốc dân". Y hứa "sẽ mang quân bản bộ vào Nam Bộ cùng đồng bào chống xâm lăng".

Ba vạn nhân dân Thủ đô đã kéo tới tập trung kín cả quảng trường Nhà hát lớn. Bác mời các vị trong Chính phủ cùng ra gặp đồng bào. Những tiếng hô "Hồ Chủ tịch muôn năm" vang lên không ngót, khi Bác xuất hiện ở bao lớn.

Bác chúc mừng đồng bào nhân ngày đầu năm dương lịch và nói về việc thành lập Chính phủ liên hiệp lâm thời. Sau đó, Bác giới thiệu với đồng bào Phó Chủ tịch mới.

Nguyễn Hải Thần bước ra nói chuyện. Không hiểu lúng túng thế nào, y buột miệng tuôn ra mấy tiếng bạch thoại.

Tôi đứng gần đó, giật áo y, hỏi:

- Cụ nói cái gì thế?

Anh Trần Huy Liệu cũng đứng đẩy, kéo tay tôi, nói nhỏ: "Anh mặc hắn! Hắn nói gì cứ để cho hắn nói".

Bác chỉ thị tìm ngôi nhà thật tốt cho Nguyễn Hải Thần. Bác nhường luôn cả cho y chiếc xe ô-tô Bác vẫn dùng hằng ngày.

Mấy hôm sau, Chính phủ liên hiệp lâm thời ra mắt các viên chức Nhà nước tại Bắc Bộ Phủ.

Nguyễn Hải Thần đi xe tới. Theo sau y là một trung đội lính hộ vệ, súng cầm tay, đạn đeo đầy người, chân cũng quấn xà cạp y như quân của Lư Hán.

Trong buổi tiệc trà liên hoan, bằng một giọng thân mật, Bác nói:

- Hôm nay, tôi vui mừng giới thiệu với gia đình ta một cô dâu mới: Cụ Phó Chủ tịch Nguyễn Hải Thần...

Nguyễn Hải Thần đứng lên với vẻ thỏa mãn hiện ra mặt.

- Tôi bôn ba hải ngoại mấy chục năm, giờ về đây, có cái nhà cao, cái cửa rộng lúc này thật sung sướng quá...

Đang lúc say sưa, dường như cũng muốn mua vui cho mọi người, y lại nói:

- Tới đây... tôi cũng ra mắt làm một quê bói giúp cụ Hồ Chí Minh xem hậu vận ra sao.

Không một ai hưởng ứng câu nói lạc lõng của y.

17

À Nội tưng bừng chuẩn bị ngày Tổng tuyển cử đầu tiên trong lịch sử đất nước.

Các đoàn thể chính trị mở những cuộc tuyên truyền rầm rộ cho những ứng cử viên của mình. Khẩu hiệu vận động xuất hiện trên tường, trên các băng vải chăng khắp nơi. Những chiếc xe hoa làm rộn ràng cả thành phố. Trên xe, các nam nữ thanh niên mặc quần áo trá hình đánh trống, hòa nhạc, gọi loa giới thiệu các ứng cử viên với đồng bào. Báo chí liên tiếp ra những số đặc biệt vận động tuyển cử.

Từ nhiều nơi, đồng bào viết thư về, đề nghị Bác không cần ra ứng cử ở một tỉnh nào, nhân dân cả nước sẽ bỏ phiếu cử Bác vào Quốc dân đại hội. Ai cũng muốn được ghi tên Bác đầu tiên trên lá phiếu của mình. Bác đã viết một bức thư ngắn trả lời đề nghị này:

"... Tôi là một công dân của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa nên tôi không thể vượt khỏi thế lệ của Tổng tuyển cử đã định.

Tôi ra ứng cử ở Hà Nội, nên cũng không thể ra ứng cử ở nơi nào nữa.

Xin cảm tạ các đồng bào đã có lòng yêu tôi và yêu cầu toàn thể đồng bào hãy làm tròn nhiệm vụ người công dân trong cuộc Tổng tuyển cử sắp tới".

Sáng mồng 6 tháng 1 năm 1946. Thành thị, xóm thôn, đâu đâu cũng rực rỡ cờ, đèn và hoa.

Nhân dân không phân biệt giàu, nghèo, già, trẻ, gái, trai nô nức đi tới các nơi bỏ phiếu.

Chẳng phải một sớm một chiều mà có được lá phiếu hôm nay. Lá phiếu của tự do, giành được từ cuộc đấu tranh lâu dài, bằng biết bao máu và nước mắt. Cho tới ngày hôm qua, vì những lá phiếu này, máu vẫn còn phải đổ. Bốn mươi hai cán bộ đã hy sinh tại miền Nam, trong công tác vận động Tổng tuyển cử.

Đó là ngày mà những người chủ mới của đất nước sử dụng quyền làm chủ thực sự của mình. Tại thị xã Phúc Yên, một cụ già ngót một trăm tuổi bảo

cháu dắt tới nơi bầu cử. Cụ yêu cầu ban tổ chức kể cho nghe lai lịch và thành tích của từng ứng cử viên. Cụ nâng niu lá phiếu, cân nhắc hồi lâu, rồi mới quyết định bỏ cho những ai. Những người trẻ tuổi thấy giá trị lá phiếu của mình ở chỗ nó chứa đựng những hy vọng, những ước mơ, ở tất cả những gì nó sẽ đem lại trong tương lai. Người già còn biết thêm ý nghĩa sâu sắc của lá phiếu tự do với những nỗi tủi nhục của những năm dài sống cuộc đời nô lệ.

Có người mù vẫn đòi đưa tới tận nơi bầu cử, để hướng trọn vẹn niềm hạnh phúc, tự tay bỏ vào hòm phiếu, lá phiếu của mình.

Tổng tuyển cử thực sự là ngày hội của mọi người. Nhiều nơi, đồng bào tổ chức những cuộc rước đèn, rước đuốc, rước ảnh Bác Hồ, diễn kịch, liên hoan.

Tuy vậy, các lực lượng tự vệ vẫn phải ráo riết để phòng bọn phá hoại.

Ngay tại Hà Nội, mặc dầu những điều đã thỏa thuận, bọn Việt Nam Quốc dân Đảng vẫn mang cả tiểu liên đến Ngũ Xã, ngăn không cho đặt hòm phiếu. Chúng cấm cả nhân dân treo cờ. Đồng bào Ngũ Xã đã kéo sang khu phố Nguyễn Thái Học ở gần đó, để bỏ phiếu.

Tại Nam Bộ và miền Nam Trung Bộ, cuộc tuyển cử diễn ra dưới bom phá, bom lửa và đạn liên thanh của quân thù. Ở các vùng tạm chiếm như Sài Gòn, Chợ Lớn, Mỹ Tho, cũng đều có người ra ứng cử. Một số đồng bào ở Tân An, Khánh Hòa bị thương và bị chết vì máy bay dịch ném bom vào nơi bỏ phiếu. Ngay cả nhiều nơi địch khủng bố, trên dưới chín mươi phần trăm cử tri vẫn dũng cảm thực hiện quyền lợi và nghĩa vụ công dân của mình.

Bác bỏ phiếu ở một ngôi nhà trước Trường Hàng Vôi, phố Bắc Ninh1, Hà Nội.

Buổi sáng, trời lạnh se.

Bác xuất hiện với bộ ka-ki giản dị giữa những cử tri mặc quần áo mùa Đông ngày hội. Người bước vào phòng bỏ phiếu, nét mặt tươi vui. Sau ba mươi lăm năm cùng với cả dân tộc lao mình vào cuộc đấu tranh quyết liệt với kẻ thù, hôm nay, Người cùng với đồng bào nhận lá phiếu đầu tiên của người công dân một nước độc lập.

Nghe tin Chủ tịch Hồ Chí Minh đến, chỉ phút chốc, nhân dân ở chung quanh đã kéo tới, đứng kín trước phòng bỏ phiếu. Khi Người bước ra, tiếng vỗ tay và hoan hô nổi lên hồi lâu. Bác giơ tay vẫy chào đồng bào, rồi tiếp tục đi thăm một số nơi bầu cử tại

các phố Hàng Bạc, Hàng Gai, Hàng Trống và làng Hồ Khẩu ở ngoại thành. Người muốn hòa mình vào với đồng bào trong một ngày vui lớn của đất nước.

Quyền lợi và nghĩa vụ công dân đó, Bác rất coi trọng. Tháng 3 năm ngoái1, Hà Nội tiến hành bầu cử Hội đồng nhân dân. Mặc dầu hồi đó Bác đã yếu, Bác vẫn cố gắng đi đến nơi đặt hòm phiếu tại khu phố Ba Đình. Mọi người ùa cả lại. Trước khi viết phiếu, Bác tươi cười nói đồng bào hãy lui ra để bảo đảm nguyên tắc bí mật đã quy định. Người đã bỏ lá phiếu để tuyển lựa những đại biểu Hội đồng nhân dân khu phố vào Mùa xuân lần thứ bẩy mươi chín của Người.

Trong cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên của đất nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ứng cử tại Hà Nội và đã thu được 98,4% số phiếu.

Nhân dân cả nước từ Bắc chí Nam, đã cử ra 333 đại biểu vào Quốc dân đại hội đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

18

iữa tháng 1, tôi được Chính phủ phái vô Nam công tác một chuyến ngắn ngày. Để bảo vệ chính quyền còn non trẻ của ta, Trung ương nhận thấy cần phải đẩy mạnh kháng chiến chống Pháp tại Nam Bộ và Nam Trung Bộ, giành cho được những thắng lợi quan trọng. Đồng thời, nhân dân ta trong cả nước phải chuẩn bị thật tích cực cho một cuộc kháng chiến lâu dài, đề phòng kẻ thù mở rộng chiến tranh. Chuyến đi này cũng là để truyền đạt quyết tâm lớn của Trung ương.

Báo chí ở Hà Nội vừa ra số đặc biệt về một trăm ngày kháng chiến.

Trước ngày 23 tháng 9, bọn quan cai trị cũ tại Sài Gòn quả quyết: Cứ nổ súng là dân "bân xứ" mà chúng biết rõ từ lâu, sẽ tan tác như bầy chim sẻ. Cũng với ý nghĩ đó, những tên lính bộ binh thuộc địa vừa ra khỏi trại tù của Nhật, lập tức xả súng bắn vào đồng bào ta. Một số tướng lĩnh thực dân coi cuộc hành quân tại bán đảo Đông Dương này chỉ là một cuộc diễu binh.

Sự thử thách rất quyết liệt.

Một bên, là đội quân nhà nghề của một tên để quốc già đời, do một trong những viên tướng có tiếng tăm của nước Pháp chỉ huy. Chúng có đủ vũ khí hiện đại: Máy bay, tàu chiến, xe bọc thép, đại bác, liên thanh. Cái "đội quân viễn chinh dẹp đường kia" như lời Đác-giăng-li-ơ đã nói, lại được bọn can thiệp Anh và mấy vạn quân Nhật giúp sức.

Một bên, là những người dân chỉ có vũ khí thô sơ và một quyết tâm chiến đấu đến cùng, để bảo vệ đất nước.

Qua một trăm ngày trong lửa đạn, Nam Bộ và Nam Trung Bộ vẫn đứng vững. Gậy tầm vông vát nhọn của nhân dân ta dưới chính thế dân chủ cộng hòa đã tỏ ra mạnh gấp bội những khẩu súng thần công của vua quan triều Nguyễn.

Trong cuộc cướp nước lần trước, quân Pháp chỉ cần dùng những viên đại bác bắn thủng mấy bức thành, là có thể thu phục cả một vùng đất đai. Lần này, chúng đã vấp phải bức tường thép không thể phá vỡ của những người dân không chịu trở lại cuộc đời nô lệ.

Với sức mạnh của những đoàn xe bọc thép, chúng có thể đi đến một số tỉnh tại Nam Bộ và miền Nam Trung Bộ. Nhưng điều quan trọng là: Cuộc kháng chiến không hề bị dập tắt. Nó vẫn nổi lên mạnh mẽ khắp nơi, nó tiếp diễn ngay ở trong lòng các thành phố, thị trấn mà địch tưởng là đã thu phục được.

Trước giờ phút sống còn của Tổ quốc, nhân dân ta đã nhanh chóng tìm ra cách đánh của mình. Kẻ thù ngơ ngác trước những hiện tượng mới của chiến tranh. Đó là những thành phố, thị trấn do chính bàn tay những người đã xây dựng nên phá trụi, những xóm làng dân cư thực hiện bất hợp tác triệt để, chỉ còn vườn không nhà trống, những chiếc cầu bị sập, những con đường bị băm nát. Đó là những chiến sĩ quyết tử chiến đấu bằng bất cứ thứ vũ khí gì họ có trong tay, mặc bom rơi, đạn nổ, vẫn bám sát từng góc phố, từng chiến hào. Điều khó chịu nhất đối với chúng là những địch thủ thường là vô hình, luôn luôn ở chung quanh, có thể bất cứ lúc nào kết liễu đời chúng.

Vùng nông thôn rộng lớn ở Nam Bộ vẫn nằm trong tay ta. Nhiều khu căn cứ du kích được xây dựng. Ta đã có những căn cứ lớn tại vùng Đồng Tháp Mười và rừng U Minh. Một số căn cứ ở sát ngay các thành phố, đô thị.

Quân địch đổ bộ ra Nha Trang hồi cuối tháng 11, bị bộ đội và nhân dân địa phương cùng một số chi đội Nam tiến vây chặt trong thành phố. Âm mưu địch định tiến công ra Khánh Hòa bị chặn đứng.

Đồng bào Kinh, Thượng cùng với các đội quân Nam tiến đã giành giật từng buôn, làng với địch tại Tây Nguyên. Bộ đội ta đã chiếm lại thị xã Buôn Ma Thuột trong tay giặc Pháp, làm chủ suốt mười ngày vào trung tuần tháng 12.

Chiến tranh du kích diễn ra khắp nơi, ở mỗi làng, mỗi xóm, dọc các đường giao thông chiến lược, ở ngay cả những thành phố, thị trấn nằm sâu trong lòng địch.

Một số nhà quân sự thực dân trước đây rất lạc quan đối với tiền đồ của cuộc chiến tranh xâm lược. Chúng đã cả tin vào một bài toán số học: "Những người kháng chiến chỉ có rất ít súng. Về đạn dược, họ càng có ít hơn. Khi họ bắn hết đạn - chắc là

chỉ trong một thời gian ngắn - thì mọi cuộc chống cự sẽ kết thúc". Qua hơn ba tháng trời chiến đấu của nhân dân ta, tương lai đối với bọn xâm lược đã ngả sang màu xám. Chúng bắt đầu nhận ra thế nào là sức mạnh của cả một dân tộc vùng lên chiến đấu cho sự sống còn của đất nước.

Kẻ địch đã nhìn thấy nguy cơ của một cuộc chiến tranh kéo dài. Chúng đang xin gấp viện binh từ Pháp sang. Từ đầu năm 1946, địch liên tiếp mở những cuộc càn quét dữ dội vào vùng cơ sở của ta tại Nam Bộ. Chúng đang dồn sức để lấn chiếm thêm một số tỉnh ở Nam Trung Bộ, chuẩn bị thực hiện những âm mưu mới.

Tôi rời Hà Nội ngày 18 tháng 1, một buổi chiều có nắng ấm. Trước khi chúng tôi lên đường, một lần nữa, Bác dặn nhớ chuyển lời thăm của Bác tới đồng bào chiến sĩ, cán bộ, hẹn khi có dịp, Bác sẽ vô thăm. Bác dặn phải cảnh giác và giữ bí mật. Đó cũng là điều Bác thường nhắc nhở chúng tôi trước mỗi lần đi công tác.

Ra khỏi Hà Nội, đã thấy không khí đổi khác. Vắng bóng lưỡi lê của quân Tưởng, đất nước hiện ra trong lành, rạng rỡ, chan hòa ánh sáng độc lập, tự do. Biểu ngữ, khẩu hiệu "Ứng hộ cuộc kháng chiến anh dũng của đồng bào Nam Bộ" xuất hiện khắp nơi. Mặc dầu không phải ngày hội, nhưng các làng xóm, phố xá, trên cá những cánh đồng, đâu đâu cũng thấy cờ đỏ sao vàng. Ở mỗi ngã ba, thị trấn dọc đường đều có trạm gác của dân quân.

Lâu ngày lại mới có dịp trở về phần đất ở phía Nam của Tổ quốc. Chuyến đi này khác với những chuyến vào Nam trước đây, hồi còn hoạt động bí mật. Cùng với cả nước, miền Nam đã đổi mới và đang chiến đấu. Xe phóng nhanh trên quốc lộ số 1. Mùi xăng, tiếng còi xe gọi nhớ những chặng đường xa. Nghĩ đến đồng bào, chiến sĩ đang lao vào cuộc chiến đấu quyết liệt với kẻ thù phía trước, mà lòng rộn ràng.

Dọc đường, gặp nhiều đoàn quân Nam tiến. Những người con của miền Bắc, miền Trung vẫn tiếp tục ra đi. Cán bộ, chiến sĩ nhiều lứa tuổi khác nhau. Hầu hết các chiến sĩ mặt trẻ măng. Với số đông, đây là lần đầu đi chiến đấu. Và chắc đây cũng là lần đầu, nhiều người được đi tới những miền xa xôi của đất nước. Những giờ phút quan trọng này đối với cuộc đời của mỗi con người, chắc chắn sẽ trở thành những kỷ niệm không bao giờ phai lạt. Trên đường tới các sân ga, các chiến sĩ, súng đạn, hành lý trĩu nặng trên vai,

vừa đi vừa hát. Những đoàn tàu tốc hành chở đầy bộ đội, ầm ầm chạy về phía Nam, mang theo tiếng hát, tiếng cười và những bàn tay vẫy gọi. Những ngày vui ra trận đang sống lại trong đời sống của dân tộc. Nhiều lần, tôi dừng xe lại dọc đường, nói chuyện với anh em các đoàn quân Nam tiến.

Hôm sau, tới Nghệ An. Sông Lam, núi Hồng Lĩnh đẹp như tranh. Khắp thành phố Vinh, đâu đâu cũng thấy tập quân sự, múa đại đao, ném lựu đạn, bắn súng. Già, trẻ, gái, trai, súng gỗ trên vai, sắp hàng đi đều "một, hai". Phải chăng đây là những người xích vệ mười lăm năm trước, hôm nay, đang đứng chung hàng với con em của mình.

Các đồng chí ở Nghệ An đều hỏi thăm bao giờ Bác vô.

Bác có một tình cảm rất sâu sắc đối với quê hương. Người yêu từ chiếc quạt lá cho đến hàng rào bông bụt của quê nhà. Chúng ta có thể đo được tình yêu đó, qua lần Bác trở về làng Sen. Sau năm mươi hai năm trời đằng đẵng xa quê. Bác vẫn tìm thấy ngay con đường cũ, cái cổng ngày xưa giữa xóm làng, nhà cửa đã đổi mới. Bác nhớ từ cây cột treo chiếc võng trong nhà, mẹ vẫn thường nằm, đến vị trí của từng cây chanh, cây bưởi ngoài vườn.

Tất cả chúng tôi khi đó không ai nghĩ còn phải tới mười hai năm sau, Bác mới có dịp trở lại quê nhà.

Hôm sau, lên đường sớm. Qua Đèo Ngang, lại nhìn thấy những cánh đồng quen thuộc, dài và hẹp, những cồn cát trắng của Quảng Bình, những cồn cát rất đẹp, rất miên Trung.

Đồng Hới nhỏ xinh, nhiều kỷ niệm, nằm bên dòng sông Nhật Lệ, đang rộn ràng tiếp đón những đoàn quân Nam tiến đi vô, và tiễn đưa chính những con em của mình ra trận. Tại đây, gặp lại rất đông anh em, bà con. Chuyện nước, chuyện nhà suốt chiều và tối không dứt.

Ngày 20, vô Huế.

Vùng ngoại ô của thành phố hiện ra với những ngôi nhà xinh xắn, những vườn chè tươi tốt. Xe chạy giữa hai rặng cây ngô đồng mọc rất đều và thẳng, như sắp hàng bên đường nhựa.

Đi khỏi quãng thành ngoài ở mặt Tây môn, đã nhìn thấy sông Hương êm đềm dưới ánh nắng chiều. Núi Ngự cao cao sau khu người Âu ở cũ. Sông núi này đã là của ta. Cờ đỏ sao vàng tung bay trên đỉnh cột cờ cao ngất ở thành nội, sau Phú Văn Lâu. Vệ quốc quân đứng gác trước cửa thành.

Trong thành, những dinh thự, những ngôi nhà trọ của các quan thị lang, tham tri ngày trước, đã trở thành những cơ quan của chính quyền, mặt trận. Tôi gặp anh Nguyễn Chí Thanh tại trụ sở Việt Minh. Tôi nói lại anh Thanh

rõ chủ trương của Bác và Thường vụ. Hai anh em cũng trao đổi ý kiến, bàn bạc công việc, hàn huyên kể lại cho nhau nghe những đổi thay của đất nước từ sau ngày gặp nhau lần đầu, ở Đại hội Tân Trào.

Huê phong kiên dã trô thành dĩ văng. Nhũng dam reu xanh tren tuông lục bô vân con, nhung cach mang dã dem dên biêt bao thay dôi. Cai hu bai, cai be tre dã nhirong burc cho cai môi, cai tien bô. Huê dôc lap xinh dep, turoi sang.

Tới đây, đã thấy hừng hực không khí kháng chiến. Huế lúc này là hậu phương trực tiếp của nhiều mặt trận. Cán bộ ở mặt trận Nam Bộ, Nam Trung Bộ, mặt trận Lào về. Người ra công tác. Người ra chữa bệnh. Thương binh cũng được chuyển về đây. Nhiều người, bệnh chưa thực khỏi, vết thương chưa lành hẳn, đã nâng nặc đòi trở ra mặt trận. Vệ quốc quân luyện tập ngày đêm, tranh thủ từng giờ, từng phút trước khi đi chiến đấu. ở bất cứ cơ quan nào, nhà nào, người nào, cũng thấy sự bận rộn chăm lo cho kháng chiến. Tại đây, bọn đảng phái phản động không có đất để hoạt động. Các quân quan Tướng cũng tỏ ra biết điều hơn, không dám giở những trò ngang ngược.

Anh chj em xum quanh hôi tham suc kh6e cua Bac, tin tuc mien Bac, tinh hinh ch6ng pha cua quan Tu6ng va bqn phan d6ng tai Thu do. Nhiêu nguoi n6i lai khi duqc tin Bac trung cU tai Ha N6i v6i s6 phi6u cao nhat, d6ng bao Hu6 rat phan kh6i.

Huê là nơi Bác đã ở trong những ngày thơ ấu và buổi thiếu thời.

Vào những năm cuối của thế kỷ trước, khi còn là một cậu bé đầu để trái đào, Bác đã tới Huế với gia đình. Cụ Phó bảng sinh ra Bác ngày đó mới thi đỗ, được gọi vào kinh đô. Cũng tại đây, năm 1900, trong một căn nhà nhỏ trước Viện đô sát, cậu Cung - tên gọi của Bác lúc còn nhỏ - đã chứng kiến những phút cuối cùng của bà mẹ. Sau khi mẹ mất, cậu Cung trở về Nam Liên.

Năm năm sau, trở lại Huế, cậu Cung đã trở nên anh thanh niên Nguyễn Tất Thành.

Vào thời kỳ này, phong trào đấu tranh tại Huế rất sôi nổi. Pháp buộc Thành Thái phải nhường ngôi cho con là Duy Tân, khi đó mới lên tám tuổi. Đồng bào các nơi kéo về Huế biểu tình mấy ngày liền, đòi giảm thuế. Pháp đưa lính Tây từ đồn Mang Cá lên, xả súng bắn vào những người dân tay không. Nhiều người bị đẩy xuống sông. Máu đổ đỏ loang trên cầu Tràng Tiền.

Ở đây, anh thanh niên Nguyễn Tất Thành bắt đầu ra đi chặng "đường xa muôn dặm".

Trước ngày tôi tới Huế một tháng, anh Lê Văn Hiến cũng được Chính phủ phái vào Nam công tác, đã qua Huế. Theo lời căn dặn của Bác, anh Hiến đã tới thăm bà Thành Thái và bà Duy Tân.

Hai bà vợ của những ông vua nhà Nguyễn bị thực dân Pháp truất phế, rất bất ngờ và câm kích trước sự quan tâm của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Bà Thành Thái nói từ khi Chính phủ ta lên, hàng ngày tụng kinh, bà đã thay những lời cầu chúc cho hoàng tộc bằng lời cầu chúc cho Chính phủ và cụ Hồ. Người con dâu của bà, vợ vua Duy Tân, nói là từ ngày chồng bị Pháp đưa đi đày đến giờ, bà không hề được hoàng tộc nhòm ngó tới.

Tôi ở lại Huế hai ngày, bàn bạc với các anh việc thi hành những chỉ thị của Trung ương, thực hiện quyết tâm đẩy mạnh cuộc kháng chiến ở Nam Bộ và miền Nam Trung Bộ, ráo riết chuẩn bị trường kỳ kháng chiến, để phòng giặc Pháp mở rộng chiến tranh ra cả miền Trung.

19

Quót dọc đường đi vào, đâu đâu đồng bào cũng yêu cầu nói về tình hình sức khỏe và những hoạt động của Bác, tình nào cũng hỏi thăm bao giờ Bác vô. Các đồng chí lãnh đạo địa phương thì băn khoăn về sự chống phá của quân Tưởng và bọn tay sai ở Hà Nội, e ngại những nguy hiểm có thể xây đến với Bác và Trung ương. Trong các buổi mít tinh, nơi nào cũng có những thanh niên và thiếu niên hỏi vì sao mình chưa được tòng quân, các chiến sĩ hỏi vì sao đơn vị mình chưa được lệnh Nam tiến.

Càng đi về phía Nam, không khí kháng chiến càng sôi nổi.

Tinh thần của đồng bào hai tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi rất cao. Ai cũng nói quyết tâm đánh Pháp, cũng đòi ra mặt trận diệt quân thù. Các cô gái đều cắt tóc ngắn. Hoạt động của kẻ địch, của bọn phản động, cái tơ cái tóc cũng không qua mắt nhân dân.

Tại Quảng Nam, cứ một trăm Vệ quốc quân thì đã có ba mươi bảy người đi chiến đâu ở miền Nam.

Quảng Ngãi là nơi bộ đội đi chiến đấu đạt tỷ lệ cao nhất. Cứ một trăm chiến sĩ thì có tám mươi nhăm người đã đi các mặt trận, chỉ còn mười lăm người ở lại tỉnh.

Tiếp sau buổi làm việc với các đồng chí lãnh đạo Quảng Ngãi, là cuộc mít tinh rất sôi nổi của đồng bào tại sân vận động. Tối hôm ấy, tôi ghi vào nhật

ký đi đường: "Đó là tinh thần độc lập bất tử của dân Việt. Với một dân khí như thế, nước Việt Nam ta nhất định phải hoàn toàn độc lập và thống nhất".

Quảng Nam và Quảng Ngãi rất phấn khởi khi nghe truyền đạt những chỉ thị mới của Bác và Trung ương. Đồng thời với việc tích cực chuẩn bị kháng chiến lâu dài khi chiến tranh lan tới, các đồng chí lãnh đạo ở hai tỉnh, bàn bạc ngay việc gửi thêm bộ đội ra mặt trận.

Mỗi làng xóm nho nhô bên đường đều như trỗi dậy, quật cường hẳn lên với những hoạt động của dân quân.

Đâu đâu cũng thấy dân quân. Áo vải, quần nâu bình dị. Trong tay khi thì khẩu súng, khi là thanh mã tấu, khi chỉ một cây tre vát nhọn, nhưng khí thế lạ thường.

Ngày 23, tôi tiếp tục từ Quảng Ngãi đi vào cùng anh Dực. Gần tới Bình Định, thoáng thấy một đồng chí dân quân đứng chĩa súng bên đường. Chắc là ở đây có trạm gác. Xe đang chạy nhanh. Cũng nghĩ là qua lại đã quen, anh Dực bảo đồng chí lái cứ tiếp tục đi. Chợt nghe đạn réo và tiếng súng nổ phía sau. Biết không thể vội được, chúng tôi cho xe dừng lại.

Mọi người vừa xuống xe thì hai anh dân quân chạy tới, hỏi tại sao dám vượt qua trạm gác, và đòi xem giấy tờ. Chúng tôi nhận khuyết điểm. Anh Dực đưa giấy giới thiệu, trong đó có ghi chức vụ của anh là Chủ tịch Ủy ban hành chính Trung Bộ. Đồng chí dân quân cầm giấy xem hồi lâu, rồi hỏi với một giọng dường như vẫn còn bực:

- Xã "Trung Bộ" ở mô?

Chúng tôi phải giải thích một lúc. Khi nghe xong, anh dân quân mới dịu nét mặt, trả lại giấy để chúng tôi đi. Lên xe vừa vui vừa cắm phục. Để nâng cao trình độ văn hóa cho những người dân vừa thoát khỏi chế độ nô lệ, cách mạng còn phải có thời gian. Nhưng về mặt đem lại tinh thần, khí phách cho những người chủ mới, thì đúng là nó đã làm được khá nhiều.

Phong trào tòng quân tại Bình Định rất sôi nổi. Trong thành phố Quy Nhơn, có cả một đơn vị thủy quân gần một trăm chiến sĩ. Nhiều thanh niên gái cũng vào bộ đội. Bình Định có hai xưởng chế tạo, sửa chữa vũ khí; một trăm rưỡi công nhân làm việc ngày đêm.

Tôi đi Ninh Hòa với anh T.2[1]. Ở Ninh Hòa đã thấy không khí mặt trận. Giặc Pháp vừa huy động một vạn rưỡi quân, trong đó có binh đoàn xe bọc thép, từ hai phía Sài Gòn và Buôn Ma Thuột tiến đánh Di Linh và Đà Lạt.

Tôi tới trụ sở Ủy ban quân sự Khu VI giữa lúc đồng chí Khu trưởng ra lệnh cho một đội dân quân cảm tử lên tăng viện cho Mặt trận Ma-đơ-rắc. Suốt ngày hôm đó, địch tiến công. Những xe bọc thép của chúng đang định thọc qua Ma-đơ-rắc, tiến xuống

Ninh Hòa. Các đơn vị ở mặt trận báo cáo về bằng điện thoại. Các đồng chí Nam Long và Hữu Thành đang chiến đấu tại Ma-đơ-rắc. Nghe tin tôi tới đây, đồng chí Nam Long gọi điện thoại về. Chúng tôi chưa kịp nói chuyện thì địch đánh tới, đường dây bị cắt.

Hai ngày sau, chúng tôi tới Khánh Hòa vào buổi chiều.

Giặc Pháp đang tiến công phía Nha Trang. Máy bay địch lượn ở Khánh Hòa, thả bom và bắn liên thanh xuống thành phố. Pháo cao xạ ta bắn lên. Các đồng chí chỉ huy mặt trận về báo cáo tình hình, bàn kế hoạch tác chiến, rồi lại vội vã ra đi. Nhà bên cạnh, một phân đội Vệ quốc đoàn hát Tiến quân ca. Trẻ con vẫn nô đùa trên sân. Chỉ những khi máy bay địch rít ngay trên đầu, các em mới chịu nhảy xuống những hố cá nhân đào còn nông hoên. Những chiếc xe vận tải ngụy trang bằng lá cây, chở bộ đội ra tăng viện. Các chiến sĩ ngồi trên xe hô vang khẩu hiệu: "Quyết chiến! Quyết chiến!". Phía Nha Trang, đại bác địch vẫn nổ ầm ầm, xen lẫn những tiếng súng cối của ta bắn trả. Ở Khánh Hòa, chúng tôi đã nhận được thêm nhiều tin tức về tình hình khẩn trương của Mặt trận Nam Bộ.

Đúng là địch đang tìm cách giải vây cho Nha Trang, cố gắng đánh chiếm thêm một số tỉnh dọc bờ biển Nam Trung Bộ, cắt con đường tiếp viện từ miền Bắc vào.

Ở đây, đã thấy rõ vì sao Nam Bộ và Nam Trung Bộ đã đứng vững qua bốn tháng trời trước lửa đạn. Về cách đánh địch, chúng ta đã rút được, và dĩ nhiên còn phải tiếp tục rút thêm, những kinh nghiệm xương máu. Nhưng điều đã thấy được rõ ràng, là cái tinh thần "thà chết tự do hơn sống nô lệ" ở mỗi người dân. Nam Trung Bộ đang ở vào những giờ phút khó khăn. Với tinh thần đó, nhất định Nam Trung Bộ sẽ cùng Nam Bộ mãi mãi đứng vững và sẽ chiến thắng.

Tôi chỉ mới tới được Khánh Hòa thì có điện của Bác gọi quay ra.

Trở lại Sông Cầu, tới Quy Nhơn, chúng tôi rẽ lên thăm Mặt trận Tây Nguyên.

Tới An Khê, một vùng cao nguyên mênh mông hiện ra trước mắt. Nơi đây, xưa kia, Nguyễn Huệ đã dựng cờ khởi nghĩa.

Qua đèo Mang Giang, đến Plei Ku'. Đồng bào tỉnh Plei Ku phần lớn là người dân tộc Gia Rai. Tại tỉnh ly, có nhiều người Kinh. Bộ đội đã chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu, đóng quân dã chiến ngoài thị xã. Chúng tôi dừng lại

Plei Ku nói chuyện với đồng bào và bộ đội. Các chiến sĩ đều sục sôi khi nghe kể những gương chiến đấu ở mặt trận, và tỏ vẻ nóng lòng chờ đón giờ phút được tiêu diệt quân thù.

Buổi trưa, đi tiếp lên Kon Tum. Một năm trước, vùng núi non hiểm trở này còn là nơi giặc Pháp giam cầm những người hoạt động cách mạng. Đồng bào Kon Tum thuộc các dân tộc Ê Đê, Gia Rai, Xẻ Đăng... Bộ đội đóng quân một phần trong thị xã, một phần ở ngoài. Đồng bào các dân tộc kéo tới gặp đại biểu Chính phủ ở tòa sứ cũ tại thị xã, cạnh một con suối. Trong những người đến dự mít tinh, có cả một linh mục. Mọi người đều nói đến Bác Hồ và hỏi thăm sức khỏe của Bác. Hình ảnh Bác Hồ đã đến sớm với đồng bào Tây Nguyên chất phác, và sẽ ngày càng sâu, đậm trong lòng các dân tộc.

Tại đây tôi gặp lại đồng chí Đức Thanh, một thanh niên dũng cảm của núi rừng Pắc Bó, đã từng được Bác Hồ trực tiếp dạy dỗ. Anh tới Tây Nguyên với bộ đội Nam tiến. Ít lâu sau, được tin đồng chí Đức Thanh đã hy sinh trong một trận chiến đấu để cùng với đồng bào các dân tộc ở đây bảo vệ rừng núi Tây Nguyên.

Chúng tôi nghĩ lại Kon Tum đêm hôm đó; sáng sau, quay ra sớm theo đường An Khê.

Tôi Ba mươi Tết, xe đến chân đèo Hải Vân. Nhìn qua cửa kính, là bể, là sương. Giữa cảnh biển trời bao la vô định, lập lòe ẩn hiện một ánh đèn. Không biết đó là ánh đèn của một chiếc thuyền chài ra khơi về muộn hay là ngọn đèn của một túp lều tranh trên đảo Tiên Chà.

Xe lên đèo, trời bắt đầu mưa. Một bên là vực sâu. Một bên là vách đá dựng đứng. Gió rừng hun hút. Đèo này nổi tiếng hiểm trở: "Một người giữ ải, muôn người khó qua". Trong thế kỷ trước, Nguyễn Xuân Ôn, Nguyễn Thông, những sĩ phu yêu nước Việt Nam ôm hận chống Pháp không thành, khi qua đây đã để thơ. Một tên lính Tưởng hiện ra bên đường, yêu cầu dừng xe lại để kiểm soát. Xem giấy xong, chúng để xe đi. Ở các tỉnh miền Trung này, các quân quan Tướng đều giữ một thái độ phải chăng.

Sương mù dày đặc. Trời mưa mỗi lúc một to. Đèn pha ô-tô rọi không quá mũi xe năm, sáu mét.

Chỉ mấy tháng trời mà biết bao đổi thay. Một người nước ngoài biết những hoạt động của ta tại chiến khu trước ngày Tổng khởi nghĩa, đã nói: "Cuộc đời của các anh thật là ly kỳ, đẹp đẽ. Một tuần trước còn là những người bí mật, len lôi trong chốn rừng xanh. Một tuần sau, đã về giữa Thủ đô, người làm việc này, người làm việc kia. Nếu tôi có tài viết văn, tôi sẽ viết câu chuyện của các anh". Bánh xe lịch sử dường như quay tít. Đối với mỗi người

cách mạng, mỗi ngày, mỗi giờ lúc này, sao quá ngắn. Bước chân của thời gian đang vội vã. Mùa Xuân đến với chúng tôi cập rập trên lưng đèo, trong đêm mưa.

Không biết giờ này, Bác và các anh đang làm gì. Tết Độc lập đầu tiên ở Thủ đô chắc là vui lắm. Mười ngày trước, đã nghe thư Bác kêu gọi đồng bào và các đoàn thể làm thế nào chia sẻ cuộc vui chung với các chiến sĩ ngoài mặt trận, với gia đình các chiến sĩ. Chiều hôm nay, khi qua Đà Nẵng, được đọc thư chúc Tết của Bác, Bác đã dành những tình cảm thắm thiết cho các chiến sĩ đang "đốt thuốc súng để giữ gìn Tổ quốc trong khi đồng bào đốt pháo mừng Xuân". Trong thư, Bác có mấy câu thơ:

Bao giờ kháng chiến thành công,

Chúng ta cùng uống một chung rượu đào.

Tết này ta tạm xa nhau,

Chắc rằng ta sẽ Tết sau sum vây.

Lá thư đầu Xuân Bác viết chung cho cả nước đó, mỗi người đọc, đều tưởng như Bác viết cho chính mình.

Hôm sau, ra tới Huế. Chúng tôi cùng dự buổi mít tinh lớn đón Xuân với đồng bào tại bến Thương Bạc. Rừng người, cờ và biểu ngữ bát ngát. Chiều Xuân chan hòa nắng ấm. Tất cả Huế đều có mặt. Đồng bào Huế sôi nổi khi nghe nói tình hình mặt trận, quyết tâm của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chính phủ là đẩy mạnh kháng chiến, tích cực chuẩn bị kháng chiến lâu dài để phòng địch mở rộng chiến tranh. Những khẩu hiệu "Việt Nam độc lập muôn năm!", "Hồ Chủ tịch muôn năm!", "Chuẩn bị trường kỳ kháng chiến!", "Ứng hộ kháng chiến Nam Bộ!" vang lên như sấm dậy kết thúc buổi mít tinh. Lần đầu trong lịch sử của Huế, đồng bào ta đón chào mùa Xuân bằng những lời hô "Quyết chiến".

20

"Ọt năm mở đầu bằng mùa Xuân". Bác đã viết ba lá thư gửi đồng bào, chiến sĩ, thanh niên và nhi đồng nhân dịp Xuân Bính Tuất. Xuân này lại là Xuân mở đầu của những mùa Xuân độc lập, tự do trên đất nước. Tết này, theo ý của Bác, là Tết thực hành Đời sống mới, Tết chia sẻ niềm vui chung của mọi người từ giàu đến nghèo, từ giàu đến trẻ, Tết nghĩ đến các chiến sĩ đang chiến đấu ngoài mặt trận.

Tối 30 Tết, tại Hà Nội. Như thường lệ, những đêm cuối năm, hai bên hè phố, các ngôi nhà, cửa đều khép kín. Đời sống vật chất còn nhiều khó khăn. Nhưng không khí của Tết Độc lập đã đến với mỗi căn nhà.

Dù giàu hay nghèo, nhà nào cũng đều có một bàn thờ Tổ quốc, có cờ nước, chân dung Chủ tịch Hồ Chí Minh, có đèn và hoa. Không còn ai phải lo đến chuyện lễ Tết các "quan trên", các nhà chức trách, một mối lo phổ biến của những người dân

thành thị dưới thời Pháp thuộc. Sau bữa cơm cúng gia tiên, câu chuyện ở mỗi gia đình đã là những câu chuyện mới, chuyện chính trị, chuyện về cuộc mít tinh lớn toàn thành để mừng Xuân ngày mai, chuyện kháng chiến ở miền Nam. Mấy hôm trước, các khu đội tự vệ đã viết những bức thư chúc Tết, nhắc nhở đồng bào luôn luôn nhớ tới các chiến sĩ đang đem xương máu hy sinh chiến đâu ở tiền tuyên, ăn Tết Độc lập thật tươi vui nhưng tiết kiệm, dành tiền gửi cho các ủy ban Ủng bộ kháng chiến Nam Bộ.

Đồng chí Chủ tịch Ủy ban hành chính thành phố vừa ăn cơm tối ở nhà riêng xong, thì Bác tới. Bác đến đột ngột, không báo trước. Bác muốn đi chúc Tết đồng bào Thủ đô nhân dịp đầu năm.

Trời mưa lâm thâm. Đường phố lúc này vắng về, thơm mùi thuốc pháo. Những lá cờ ban đêm thắm lại dưới ánh đèn.

Anh Hưng đưa Bác tới một gia đình ở phố Cửa Nam. Chủ nhà là đại đội trưởng tự vệ. Cả gia đình này đều hăng hái tham gia các hoạt động cứu quốc.

Ở nhà này ra, Bác muốn đến thăm một xóm lao động. Bác nói hãy đưa Bác tới một gia đình thật nghèo. Người nghèo trong thành phố còn nhiều lắm, nhưng đưa Bác đến nhà ai bây giờ?

Bác bảo dừng xe trước một ngõ nhỏ ở phố Sinh Từ: Ngõ Hàng Đũa. Những ngõ, xóm này là cái mặt sau của thành phố mà bọn thực dân gần một trăm năm qua, không bao giờ nghĩ đến chuyện sửa sang, dù chỉ là xây một chiếc máy nước, hay bắc một ngọn đèn.

Trời tối. Đường mấp mô, lầy lội vì mưa. Những lá cờ treo trước các mái nhà lụp xụp, đụng cả vào đầu khách qua đường. Bác đi sâu vào trong ngõ. Một căn nhà cửa để ngỏ, có ánh đèn dấu. Bác dừng chân, rồi rẽ vào.

Nhà khá đông người. Đây là nơi ở chung của mấy gia đình. Giữa nhà, trên vách có treo quốc kỳ, ảnh Bác và những dây hoa giấy. Mọi người đang ngồi nói chuyện vui vẻ. Câu chuyện tạm ngừng khi một ông cụ mặc chiếc áo ka-ki cao cổ, chống gậy bước vào.

Thoạt đầu, ai nấy nhìn nhau, người gia đình này tưởng ông cụ là khách của gia đình kia. Bác hỏi thăm việc chuẩn bị Tết. Những người trong nhà trả

lời Bác vui vẻ. Nổi bánh chưng đặt ở góc sân, nước đang sôi. Đôi mắt Bác hiện lên ánh vui, Bác nói mấy lời chúc Tết. Mọi người bỗng nhận ra cụ già hồn hậu đến với các gia đình họ tối nay, chính là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đúng như là một giấc mộng đẹp: Người từ trên bức ảnh trên kia, bước ra, đứng giữa ngôi nhà nghèo nàn của họ.

Khác với khi Bác tới, lúc này không ai nói nên lời. Mọi cặp mắt đều ngước nhìn Bác. Người nói:

- Nước nhà mới được độc lập. Miền Nam còn đang kháng chiến. Đồng bào lao động ta làm ăn bây giờ còn vất vả. Nhưng có độc lập rồi thì sẽ có tất cả.

Bác đi ra giữa lúc những người trong nhà còn bàng hoàng vì xúc động. Họ đã quên cả mời Người và các đồng chí cùng đi uống nước. Tất cả đổ ra cửa, đứng trông theo.

Tối hôm đó, Bác đi thăm khá nhiều nơi. Xuân độc lập đầu tiên, Người muốn mang lại niềm vui cho nhiều gia đình trong thành phố. Khi Bác tới nhà một viên chức nghèo ở phố Hàng Lọng, thì trời đã khuya. Người trong nhà sửa soạn đi ngủ. Những chiếc màn đã được căng lên. Chiếc dây thép chăng giữa nhà, đầy quần áo. Không ai trong gia đình nghĩ có khách tới vào giờ này, và đó lại là cụ Chủ tịch nước.

Chương trình đi chúc Tết đồng bào của Bác đêm 30 đã xong. Ngày mai, mồng 1, Bác còn rất nhiều công việc. Bác sẽ tiếp các đồng chí trong Trung ương, trong Chính phủ và các đại biểu đoàn thể tới chúc Tết. Bác sẽ đi dự cuộc mít tinh đầu Xuân của nhân dân toàn thành tổ chức tại Nhà hát lớn. Bác sẽ đến thăm và nói chuyện với một đơn vị Vệ quốc đoàn, vui chơi với các cháu thiếu nhi tại Âu Trĩ Viên, dự bữa cơm liên hoan với các chú cảnh vệ tại Bắc Bộ Phủ...

Tiễn Bác về xong, đồng chí Chủ tịch Ủy ban quay trở lại nhà. Sắp đến giao thừa, anh ra Bờ Hồ đón Xuân. Phố xá lúc buổi tối vắng về, giờ đã trở nên rất đông đúc. Người nào cũng muốn được hưởng không khí trong lành của mùa Xuân độc lập đầu tiên. Chưa bao giờ, ở Hà Nội, lại có một đêm giao thừa đông vui, nô nức như vậy.

Tiếng pháo đón Xuân bắt đầu nổ ran khắp thành phố. Vui chân theo những người hái lộc, anh Hưng đến trước cổng đến Ngọc Sơn. Đang đi vào chùa, anh chợt nhìn thấy trong đoàn người tấp nập trên cầu Thê Húc, có một cụ già mặc áo dài, quấn chiếc khăn len quanh mặt. Chỉ thoáng nhìn đôi mắt sáng của ông cụ, anh đã nhận ngay ra đúng là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Bác bước đi chầm chậm giữa những người đang chen chúc nhau vào chùa. Đồng chí Chủ tịch Ủy ban lại nhìn thấy một người đứng gần đó, đưa mắt ra

hiệu cho mình. Đó là đồng chí bảo vệ của Bác. Bác không muốn để người chung quanh nhận ra.

Bác đã thấy mùa Xuân tại một gia đình hăng hái tham gia công tác cách mạng. Bác đã thấy mùa Xuân ở một xóm lao động, ở gia đình một viên chức nghèo. Bác còn muốn biết những giờ phút đón Xuân độc lập tại đây, giữa đồng bào, trên đường

phố, trong một ngôi chùa rất thân thuộc với người Hà Nội, nằm giữa hồ Hoàn Kiếm.

Đồng bào đi đón giao thừa ở đền Ngọc Sơn đêm ấy, có thấy những cành Xuân của mình hái năm nay đầy lộc?

Những chuyện này khi trở về Hà Nội, tôi được biết qua lời thuật lại của các đồng chí cùng đi với Bác đêm 30 Tết. Và hầu như nhiều đêm 30 Tết sau này của Bác, cũng đều như vậy. Bác vẫn đi chúc Tết đồng bào. Những nơi Bác tới, vẫn là những gia đình có công với cách mạng, có con em đi bộ đội, những gia đình lao động, thường là những nhà neo đơn. Những cuộc đến thăm của Bác bao giờ cũng bất chạt. Người muốn đem lại cho các gia đình niềm hạnh phúc mà họ không chờ đợi. Người còn muốn hiểu không khí thật sự ở mỗi gia đình trong những ngày vui. Tất cả những việc làm đó đều đã trở thành những thói quen bình dị trong đời sống rất mực bình dị và vô cùng vĩ đại của Người.

21

Ôi trở lại Hà Nội giữa lúc đồng bào đang xôn xao, căm phẫn vì quân Pháp tràn vào Lai Châu. Đây là đám tàn quân của A-lét-xăng-đơ-ri chạy Nhật hồi đảo chính mồng 9 tháng 3 năm trước. Từ đó, bọn chúng vẫn bị chính phủ Tưởng Giới Thạch giữ ở một vùng gần biên giới Hoa - Việt. Thực ra, đám quân này đã qua biên giới từ cuối tháng 1. Ngay trong những ngày Tết âm lịch, một số đơn vị Vệ quốc đoàn đã nhận được lệnh tiến gấp lên Tây Bắc, ngăn chặn quân địch.

Vào thời gian này, ngày càng có nhiều lời đồn đại tại Trùng Khánh, Pháp và Tướng đang đàm phán về vấn đề Đông Dương. Tin đó do các hãng thông tấn phương Tây tung ra. Trùng Khánh vẫn giữ thái độ im lặng, không hề đả động đến chuyện đàm phán, nhưng cũng không cải chính.

Các báo ở Hà Nội kéo tới phỏng vấn Lư Hán. Lư Hán tuyên bố: Số binh lính Pháp vào Lai Châu đã được Trùng Khánh cho phép. Y nói thêm: Quân

Pháp phải đi theo đúng một con đường đã được ấn định. Khi các báo hỏi những tin tức về cuộc điều đình Hoa - Pháp là thực hay hư, Lư Hán trả lời: Không biết gì về chuyện này.

Cũng vào lúc bấy giờ, phái bộ Pháp ở Hà Nội nhờ một người trung gian đến đề nghị ta cho gặp lại.

Đầu tháng 9 năm trước, một hôm, có một người nước ngoài đến trước cửa Bắc Bộ Phủ, xin vào. Các đồng chí cảnh vệ tưởng là nhân viên trong phái bộ Mỹ. Khi được

đưa tới phòng thường trực, người ấy tự giới thiệu là sĩ quan Pháp, có việc xin gặp một đại diện của Chính phủ ta. Anh Hoàng Minh Giám đã ra tiếp.

Viên sĩ quan chuyển lời của Xanh-tơ-ni đề nghị được nói chuyện với một người thay mặt có thẩm quyền trong Chính phủ. Anh ta than phiền là phái bộ Pháp gần như bị quân Nhật giam giữ tại phủ toàn quyền; anh ta đã phải tìm mọi cách mới ra được đến đây.

Ta cũng thấy cần tìm hiểu thêm về thái độ của Pháp. Anh Giám đã tới tổng hành dinh của quân đội Nhật để gặp Xanh-tơ-ni. Y ngỏ ý muốn trình bày với Chính phủ ta lập trường của chính phủ Pháp về vấn đề Đông Dương.

Ít lâu sau, theo lời đề nghị của Xanh-tơ-ni, anh Giám đưa y tới Bắc Bộ Phủ. Bác và các anh chỉ định tôi ra tiếp.

Xanh-tơ-ni đã nêu lên những ý kiến về mối quan hệ Pháp - Việt. Trong thái độ, y tỏ ra mềm mỏng, biết điều. Nhưng nội dung các lời lẽ thì vẫn không khác gì mấy so với những điều Đờ Gòn đã tuyên bố trước đây. Bữa ấy, Xanh-tơ-ni có phàn nàn là khi đi qua cổng Bắc Bộ Phủ, người chiến sĩ đứng gác đã có một cử chỉ không thân thiện. Thực ra, đấy là kiểu chào bằng súng có lắp lưỡi lê của bộ đội ta lúc ấy.

Từ đó, những cuộc trao đổi ý kiến giữa phía ta và phía Pháp thỉnh thoảng lại tiếp tục.

Lập trường của ta là: Nước Pháp phải công nhận nền độc lập và sự toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam trước khi bàn đến các vấn đề khác.

Pháp trở lại xâm lăng Nam Bộ; chiến tranh ngày càng lan rộng. Có những lần, cuộc nói chuyện trở nên căng thẳng. Bác thường nhắc nhở: Cần giữ lập trường chính nghĩa của ta, nói rõ lý lẽ phải trái, nhưng nên có thái độ ôn tồn. Các cuộc trao đổi không đi đến sự thỏa thuận nào, và đã bị gián đoạn.

Lần này gặp lại ta, phái bộ Pháp báo tin một bản hiệp ước Hoa - Pháp về vấn đề Đông Dương sắp được ký kết nay mai. Họ nói muốn thương lượng với

ta một giải pháp chính trị; nếu ta không chấp thuận thì có thể xảy ra những chuyện phương hại đến mối quan hệ Việt - Pháp sau này.

Ngày 20 tháng 2, tại Pa-ri, Mu-tê, Bộ trưởng Bộ nước Pháp ở hải ngoại, công bố những điều khoản của Hiệp ước Pháp - Hoa. Điều khoản quan trọng nhất là: Trùng Khánh bằng lòng cho Pháp đem quân ra miền Bắc Đông Dương, thay thế quân Tưởng sẽ rút đi. Hãng Roi-tơ đưa tin này kèm thêm một lời dọa dẫm: "Có lẽ Chính

phủ Pháp sẽ không ngần ngại gì mà không dùng đến vũ lực, nếu Việt Nam không chịu nhận một bản thỏa hiệp".

Điều đã rõ là kẻ thù bắt đầu hòa hoãn với nhau. Việc Tướng để cho một số quân Pháp trở về Lai Châu là một biểu hiện cụ thể.

Chính phủ Pháp và cả phái bộ Pháp ở Hà Nội mong dùng Hiệp ước Hoa - Pháp - đến lúc đó vẫn chưa được ký kết - để gây sức ép với ta trong khi nói chuyện.

Bọn Việt Nam Quốc dân Đảng đột nhiên có những hoạt động chống phá dữ dội.

Chúng tung người đi rải truyền đơn khắp các phố, hô hào đồng bào Hà Nội tổng đình công, tổng bãi thị để phần đối Chính phủ. Chúng đã nhận ra trong việc mua bán hiện nay, cả Trùng Khánh lẫn Pháp đều không đếm xỉa gì tới chúng. Chúng lại đánh hơi thấy Pháp muốn dàn xếp với ta. Trước tình hình mới, số phận tay sai của chúng đang bị đe dọa. Chúng giãy giụa bằng cách chĩa mũi nhọn về phía chúng ta. Đây còn là ý muốn của nhóm quân phiệt Tướng trực tiếp chỉ huy bọn tay sai ở Hà Nội.

Sáng ngày 20 tháng 2, bọn côn đổ đứng chặn ở một số cửa ô. Chúng ngăn không cho bà con nông dân ngoại thành mang hàng vào bán trong thành phố. Có tên nhảy lên tàu điện, khóa máy lại, cắm người lái không được cho tàu chạy. Có tên tới công sổ, giật chùm chìa khóa ở tay người gác, không cho mở cửa để các viên chức vào làm việc. Một số tên xông vào chợ Đồng Xuân. Chúng leo lên đứng trên những quầy hàng, hô hào mọi người đang mua bán hãy giải tán. Các chị em bán rau, quả rút đòn gánh đuổi đánh khiến chúng phải tháo chạy.

Cũng sáng hôm đó, chừng một trăm tên đầu trâu mặt ngựa tập hợp tại đường Quán Thánh. Chúng trương lên một lá cờ vàng có hai chữ "dân chúng". Rồi chúng vừa đi vừa hò hét. Những tên mặc quần áo ka-ki, đeo kính râm, dận ủng, giơ súng bắt những người ở dọc đường phải đi theo. Chúng hô "Đả đảo Chính phủ", "Đả đảo Việt gian thân Pháp", "Thành lập chính phủ mới dưới sự lãnh đạo của cố vấn Vĩnh Thụy"... Chúng lãng mạ

những người đứng ở các nhà hai bên hè phố, đang nguyên rùa chúng hoặc nhìn chúng bằng cặp mắt khinh bỉ.

Bọn phản động kéo ra Bò Hồ, đi về phía Tòa thị chính.

Đồng bào từ các ngả đường, đổ về quanh Bò Hồ rất đông.

Một thanh niên tới rút lá cờ đỏ sao vàng treo trước nhà Việt Nam thông tấn. Anh giương lá cờ lên. Mọi người ùa lại, tự động sắp thành đội ngũ. Một cuộc biểu tình

hình thành, đông hàng nghìn người. Đồng bào vừa đi vừa vung tay hô vang những khẩu hiệu ủng hộ Chính phủ.

Những tên vác chiêu bài "dân chúng" đã tới trước cửa Tòa thị chính. Chợt ngay trong đám người này, vang lên những tiếng hô: "Ừng hộ Chính phủ Hồ Chí Minh!". "Đã đảo bọn phá hoại!". Đồng bào đứng chung quanh, lập tức hưởng ứng các khẩu hiệu này bằng những tiếng hô vang dậy. Một cuộc ẫu đả nổ ra ngay trong hàng ngũ của chúng. Những người bị bọn phản động bắt ép đi theo, được đồng bào giúp sức, đã quay lại trừng trị chúng.

Cũng lúc đó, đoàn biểu tình của đồng bào rầm rộ kéo tới. Bọn phản động hốt hoảng cuốn băng cờ, bỏ chạy. Đồng bào đi ngang Tòa thị chính, đến đầu phố Duy Tân1, rồi tiến về Bắc Bộ Phủ. Thiếu niên, nhi đồng các phố quanh đó, cũng đã tập hợp kịp thời. Các em khua trống ếch, dẫn đầu đoàn người vừa chiến thắng.

Đoàn người biểu tình dồn đến trước Bắc Bộ Phủ mỗi lúc một đông.

Bác Hồ xuất hiện ở cửa sổ. Bác giơ tay vẫy chào đồng bào. Những tiếng hô "Hồ Chủ tịch muôn năm!" nổi lên như sấm rền không ngót.

Ngày 21, bọn Quốc dân Đảng lại tổ chức một cuộc biểu tình nữa, khoảng vài trăm người. Chúng tiếp tục la hét, đòi Vĩnh Thụy lên nắm chính quyền. Chúng kéo tới trước cửa nhà Vĩnh Thụy tại phố Trần Hưng Đạo. Bọn phần động cử người vào xin yết kiến cố vấn để bày tỏ nguyện vọng của "dân chúng". Vĩnh Thụy tránh không gặp.

Tại các phố bọn phản động kéo qua, đồng bào đều treo cờ trước nhà và đóng cửa sầm sầm để tỏ thái độ. Những người đi đường hô những khẩu hiệu phản đối chúng. Các em thiếu nhi tự động rủ nhau chạy trước đám biểu tình, hô: "Hồ Chủ tịch muôn năm!". Chốc chốc lại xảy ra một cuộc xô xát giữa đồng bào và những tên khiêu khích. Từ những ngõ hẻm, những tầng gác, từng lúc, gạch, đá lại bay vụt tới những tên đeo kính râm, đi ủng, đang giơ tay hò hét.

Cũng có thể bấy giờ Vĩnh Thụy đã ấp ủ những ý đồ mở ám, nhưng, đáp lại lời bọn phản động yêu cầu mình lên nắm chính quyền, ngày hôm sau, Vĩnh Thụy nói với các nhà báo: "... Tôi tưởng một nhóm người không phải là toàn thể dân chúng. Việc bầu Chủ tịch cho nước Việt Nam sẽ do Quốc hội định đoạt vì chỉ Quốc hội mới chính thức là đại biểu của dân chúng cả nước. Không phải một nhóm người muốn cho ai là Chủ tịch là người ấy được làm Chủ tịch ngay".

Những hoạt động để chuẩn bị kháng chiến về mọi mặt đã được tiến hành từ trước, lúc này càng được đẩy mạnh.

Kho khăn nhất hiện thời là làm thế nào cho nhân dân hiểu rõ hoàn cảnh hiểm nghèo mà không ảnh hưởng tới chí khí chiến đấu? Làm thế nào để động viên một tinh thần chuẩn bị kháng chiến thật cao mà vẫn tránh được những hành động khiêu khích đối với quân đội Tưởng? Làm thế nào cho nhân dân không hoang mang trước những luận điệu tuyên truyền xảo trá, rất nguy hiểm của kẻ thù từ bốn phía bay tới, vẫn vững tin ở Chính phủ và bình tĩnh ứng phó trước mọi tình hình rối ren, thậm chí nghiêm trọng, có thể xảy ra?

Ngày 22 tháng 2, dưới hình thức "Lời hiệu triệu giữ vững và đẩy mạnh cuộc kháng chiến Nam Bộ", Bác viết:

Hiện nay, ngoài chiến tranh bằng quân sự, bọn thực dân Pháp đang dùng chiến tranh bằng tinh thần, chúng phát truyền đơn, dán khẩu hiệu, phao tin nhằm, mong cho dân ta hoang mang nghĩ ngợi, lo ngại: Đó là nó tiến công tinh thần chúng ta.

"Người xưa có nói rằng: "Đánh vào lòng là hơn hết, đánh vào thành trì là thứ hai". Vậy một dân tộc đang chiến đấu như dân tộc ta bây giờ là phải luôn luôn chuẩn bị, đồng thời phải luôn luôn trấn tĩnh, cương quyết, sẵn sàng đối phó với mọi tình thế...

"Quân địch sắp tới đâu thì dân vùng đó triệt để làm vườn không nhà trống, khiến quân địch không có thức ăn, không có chỗ ở, không có đường đi mà phải tiêu hao mòn mỏi. Còn một tấc đất, còn một người dân thì còn chiến đấu, lúc nào cũng sẵn sàng mà không bao giờ do dự hoang mang...".

Chủ tịch Hồ Chí Minh còn nêu lên các vấn đề cơ bản: Cuộc kháng chiến phải lâu dài, toàn dân; ta phải đánh địch bằng cả quân sự, chính trị, kinh tế,

ngoại giao... Người nhấn mạnh: "Trước hết là bằng tinh thần, bại không nản, thắng không kiêu, thua trận này đánh trận khác..., chung sức, đồng tâm, nhất trí, giữ gìn trật tự, tuân theo mệnh lệnh của Chính phủ".

Đây chính là lời Bác hiệu triệu đồng bào cả nước chuẩn bị sẵn sàng đi vào một cuộc chiến đấu trường kỳ, toàn dân, toàn diện chống mọi kẻ thù ở trước mặt, ở sau lưng và ở cạnh nách chúng ta.

Các báo ở Hà Nội tới phỏng vấn Chủ tịch Hồ Chí Minh về bản hiệp ước Hoa - Pháp. Bác trả lời: "Một là Trung Quốc chưa tuyên bố, hai là tin này do hãng Roi-tơ đưa ra, nên chưa có thể phê bình...". Người nhắc đến chủ nghĩa tam dân của Tôn Trung Sơn và cuộc kháng chiến của nhân dân Trung Quốc để bảo vệ độc lập dân tộc. Tuy

không trực tiếp lên án chính phủ Tưởng Giới Thạch, nhưng Người đã vạch cho nhân dân ta thấy rõ việc làm lật lọng và phản động của Trùng Khánh.

Trong những giờ phút khó khăn, báo chí của ta đã làm tốt nhiệm vụ hướng dẫn dư luận. Về cuộc đàm phán với Pháp, báo Cứu quốc, cơ quan ngôn luận chính thức của Tổng bộ Việt Minh viết "Chúng ta có được hoàn toàn độc lập hay không là do sức chiến đấu của chúng ta ở mặt trận... Lúc Pháp đang muốn điều đình là lúc chúng ta phải chiến đấu kịch liệt, càng phải chuẩn bị chiến đấu cho đầy đủ để đòi hoàn toàn độc lập... Chúng ta không từ chối một cuộc điều đình, nhưng chúng ta quyết không nên để cho cuộc điều đình trở thành một kế hoãn binh có lợi cho quân địch. Chúng ta cũng quyết không để cho cuộc điều đình trở thành một bài hát ru ngủ chí phấn đấu của dân tộc... Vận mệnh của dân tộc bao giờ cũng do sức chiến đấu của ta định đoạt..."

Tại Hà Nội, lực lượng tự vệ chiến đấu, các đội tuyên truyền của Thành bộ Việt Minh và Thanh niên cứu quốc chia nhau tới các khu phố. Anh chị em làm công tác giải thích cho nhân dân và cùng các đội tự vệ thành tiến hành chuẩn bị chiến đấu. Trong khi quân Tướng có mặt ở khắp nơi, mọi hoạt động đều phải kín đáo. Ta chưa thể đào hào, đắp lũy trước mặt chúng. Các chiến sĩ tự vệ học cách dùng mìn, để có thể nhanh chóng tạo nên những vật chướng ngại trong thành phố nếu chiến tranh nổ ra.

Các đơn vị Vệ quốc đoàn được lệnh kiểm tra lại mọi công việc chuẩn bị chiến đấu.

Ủy ban hành chính Hà Nội vận động người già và trẻ em tạm rời khỏi thành phố. Báo chí và các đoàn thể lên tiếng kêu gọi đồng bào nông thôn có thái độ thân ái và hết sức giúp đỡ những người ở thành phố tản cư về địa phương của mình.

Cùng với công cuộc chuẩn bị kháng chiến ở khắp nơi, ta vẫn xúc tiến việc thành lập Chính phủ liên hiệp để phát huy thắng lợi của Tổng tuyển cử. Cho tới đó, những cuộc hiệp thương với các đảng phái phản động vẫn không đạt kết quả. Bọn Việt Nam Quốc dân Đảng đòi ta phải dành cho chúng bây trong mười Bộ của Chính phủ mới, cùng với nhiều chức vụ quan trọng khác. Ngay cả các quan thầy của chúng cũng nhận thấy những yêu sách này là quá đáng.

Ngày triệu tập Quốc dân đại hội sắp tới. Mặc dầu bọn phân động hàng ngày chống phá quyết liệt, ta vẫn nhẫn nại, cố gắng hạn chế những hoạt động khiêu khích của chúng. Tình hình hết sức khẩn trương. Một cuộc chiến tranh rộng lớn có thể bùng nổ nay mai. Bác đã gặp Tiêu Văn và tìm cách thuyết phục. Ta nêu ra cần phải tổ chức ngay một chính phủ liên hiệp kháng chiến gồm những người của các đảng phái và những người không đảng phái. Cuối cùng, Tiêu Văn cân nhắc thiệt hơn,

thấy cũng chẳng còn cách giải quyết nào có lợi, bèn bắt ép bọn tay sai phải nhận giải pháp của ta.

Chỉ còn không đầy một tuần là đến ngày họp Quốc dân đại hội. Khi đó bọn phản động mới chịu thỏa thuận thành lập Chính phủ liên hiệp kháng chiến. Chính phủ mới sẽ gồm mười bộ. Hai bộ quan trọng là Bộ Nội vụ và Bộ Quốc phòng sẽ trao cho những người trung lập. Mặt trận Việt Minh và Đảng Dân chủ sẽ giữ bốn bộ. Việt Nam Cách mạng đồng minh Hội và Việt Nam Quốc dân Đảng giữ bốn bộ. Ngoài ra, bọn chúng cũng đồng ý với ta thành lập Ủy ban kháng chiến toàn quốc và Đoàn Cố vấn quốc gia.

Cụ Huỳnh Thúc Kháng được mời từ trong Trung ra để tham gia vào Chính phủ mới.

Tôi đã được biết cụ Huỳnh từ hồi còn làm báo Tiếng dân ở Huế. Cụ là một nhà nho có tinh thần yêu nước cao, có khí tiết, nhưng chưa hoàn toàn tin tưởng ở đường lối cách mạng của Đảng ta. Khi chúng ta cứ người tới mời, lúc đầu, cụ tỏ ra ngần ngại. Một phần, vì cụ thấy mình tuổi đã quá cao. Một phần, vì cụ chưa hiểu những người lãnh đạo mới "thuộc lớp trẻ này" ra sao. Đến lúc nghe nói rõ Chủ tịch Hồ Chí Minh chính là đồng chí Nguyễn Ái Quốc, cụ mới quyết định ra Hà Nội. Cụ muốn biết nhà cách mạng Nguyễn Ái Quốc mà cụ đã nghe tiếng từ lâu là người như thế nào.

Tới Hà Nội, gặp chúng tôi, cụ Huỳnh tỏ ý lo lắng về cái mà cụ gọi là tình hình "đảng tranh" hiện thời. Theo ý của cụ thì Việt Minh, Việt Nam Cách mạng đồng minh đều tranh đấu cho dân, các vị lãnh đạo đều là những người yêu nước đã bôn ba hải ngoại, giờ phải đặt quyền lợi quốc gia lên trên, phải đoàn kết lại, không nên xung đột vì chuyện đảng phái.

Giây phút gặp gỡ đầu tiên giữa Bác và cụ Huỳnh thật là cầm động. Hai người đều bước vội tới, ôm lấy nhau; cả Bác và cụ Huỳnh bỗng dưng đều ứa nước mắt. Bác và cụ Huỳnh đã nhắc tới cụ phó bảng ngày xưa, bao phen lận đận ra Bắc vào Nam giữa những năm dài đen tối. Và ngay từ phút đầu, cụ Huỳnh đã thấy ở nhà cách mạng lừng danh mà từ lâu mình khát khao được gặp, một người rất thân thiết. Sau buổi gặp Bác, cụ Huỳnh đã nói với một người bạn: "Dân ta có được Cụ Hồ, quả là hồng phúc". Cụ đã đặt vào Người một sự tin cậy hoàn toàn. Mặc dầu cụ hơn tuổi Bác nhiều, nhưng mỗi khi nhắc tới Chủ tịch Hồ Chí Minh, cụ thường nói đó là vị "Cha già của dân tộc".

Cụ Huỳnh đã nhận giữ chức Bộ trưởng Bộ Nội vụ trong Chính phủ liên hiệp kháng chiến sắp thành lập.

hững chuyển biến sâu sắc của xã hội Việt Nam cùng với cuộc kháng chiến anh dũng của đồng bào ta ở Nam Bộ, dần dần đã làm thay đổi những suy nghĩ của một số người thức thời trong hàng ngũ các tướng tá Pháp. Những người này cảm thấy bản tuyên bố của Đờ Gôn ngày 24 tháng 3 năm 1945 đã lạc hậu hàng chục năm so với tình hình tại đây.

Theo tài liệu của Pháp, sau khi chiếm được một số tỉnh ở Nam Bộ, cơ quan tham mưu Pháp tại Sài Gòn đã dự thảo một kế hoạch quân sự để trở lại miền Bắc. Kế hoạch đó về đại cương như sau: Dùng các đơn vị xe bọc thép của Mát-xuy, những đơn vị khinh quân của Van-luy, với sự yểm hộ của pháo binh, đổ bộ vào Hải Phòng. Dùng lính nhảy dù chiếm một số địa điểm xung yếu tại Hà Nội, làm tê liệt chính quyền Trung ương của ta, giải thoát năm ngàn binh lính Pháp bị cầm tù trong thành, nhanh chóng vũ trang lại cho chúng, giao cho chúng nhiệm vụ cùng với lính dù giữ Hà Nội đến khi các đơn vị xe bọc thép kéo lên; rồi từ đó, chiếm đóng tất cả các vị trí chiến lược...

Nhưng Bộ chỉ huy Pháp tỏ vẻ e ngại trước kế hoạch này. Nó mang nhiều tính chất mạo hiểm. Số quân viễn chinh Pháp tại Nam Bộ đã lên tới ba vạn rưỡi người. Nhưng thực tiễn của cuộc chiến tranh đã chứng tỏ: Dù các tướng lĩnh Pháp có một số quân đông gấp mấy lần, họ cũng không thể làm cho Nam Bộ trở lại tình trạng những ngày trước khi Pháp bị lật đổ.

Trong tình hình đó, nếu mở rộng chiến tranh ra toàn cõi Việt Nam tức là phải đương đầu với sức mạnh của cả một dân tộc. Các tướng tá Pháp còn biết

chắc chắn là sẽ gặp trên miền Bắc những lực lượng kháng chiến lớn mạnh gấp bội những lực lượng họ đã gặp ở miền Nam. Để khôi phục lại nền thống trị thực dân tại đây, Lơ-clc dự tính phải cần tới một đạo quân viễn chinh ba mươi lăm vạn, gồm toàn người da trắng. Đó là một điều mà nước Pháp kiệt quệ sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai, không thể nào có được. Và dù cho có một đội quân lớn như vậy, thì Lơ-clc cũng vẫn nhận thấy việc xây dựng lại cơ đồ này sẽ đòi hỏi nhiều thời gian và còn gặp nhiều khó khăn, trở ngại lớn.

Mặt khác, tại miền Bắc, hiện còn có mười tám vạn quân Tướng đang làm nhiệm vụ giải giáp quân đội Nhật. Đưa quân ra Bắc, Pháp rất có thể đụng đầu với quân Tướng. Như vậy sẽ hết sức nguy hiểm.

Những tướng tá ít nhiều thức thời của Pháp đã nhận thấy giải pháp thích hợp với tình hình Đông Dương, phải là một giải pháp chính trị: Thương lượng với Trùng Khánh để Tướng rút quân đi, cho quân Pháp vào thay thế; điều đình với Chính phủ

Việt Nam dân chủ cộng hòa để tránh một cuộc chiến tranh lâu dài, khó tìm ra lối thoát.

Chính phủ Pháp cũng đã sớm tìm cách thương lượng với Trùng Khánh. Làm việc này tuy gian khổ nhưng không phải chỉ toàn là khó khăn.

Trước kia, Trung Hoa vốn cũng là một nạn nhân của đế quốc Pháp. Ngày nay, Trung Hoa về danh nghĩa đã trở thành một trong năm nước mạnh trên thế giới. Nhưng trên thực tế, chính quyền Tướng Giới Thạch vẫn phụ thuộc vào Mỹ về nhiều mặt. Pháp với Mỹ không ưa nhau. Nhưng cả Mỹ, Anh, Pháp đang có chung một mối lo: Đó là sự phát triển hùng mạnh của Liên Xô sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai. Nguyên nhân của mối "hiểm họa" này, nhiều nhà chiến lược phương Tây đã chua chát cho là do quân Đồng minh đã chiến thắng chủ nghĩa phát xít trong Đại chiến lần thứ hai. Mỹ đang ra sức tập hợp lực lượng các nước tư bản ở châu Âu để đối phó với cái gọi là "nguy cơ Nga". Như vậy, Mỹ không thể quá thờ ở với những quyền lợi của Pháp.

Cuối tháng 8 năm 1945, Đờ Gôn qua Mỹ đã gọi ý Tơ-ru-man giúp đỡ Pháp trong vấn đề Đông Dương.

Mặt khác, nội tình Trung Hoa cũng đang làm Tướng bối rối. Sau khi phát xít Nhật đầu hàng, trước phong trào cách mạng đang dâng lên mạnh mẽ, bọn quân phiệt Quốc dân Đảng buộc phải ký với Đảng Cộng sản Trung Quốc bản "Hiệp định mồng 10 tháng 10". Đôi bên thỏa thuận: Tránh nội chiến, lấy thống nhất, đoàn kết, dân chủ, hòa bình làm cơ sở, mở Hội nghị chính trị hiệp thương. Hiệp định ký chưa ráo mục, Tướng Giới Thạch đã tung một triệu tám mươi vạn quân ào ạt tiến đánh các khu căn cứ của cách

mạng. Bằng hành động phân bội bất ngờ này, chúng hy vọng nhanh chóng đè bẹp lực lượng Hồng quân. Nhưng, chúng đã vấp phải sự phân công quyết liệt ở khắp các mặt trận. Chiến sự diễn ra trên mười một tỉnh. Trong vòng một tháng, mười một vạn quân Tướng đã bị tiêu diệt. Ngọn lửa cách mạng bùng cháy trên khắp lục địa Trung Hoa. Tướng lại buộc phải tìm kế hoãn binh để tiếp tục chuẩn bị lực lượng, bằng cách ký hiệp định đình chiến mồng 10 tháng 1 năm 1946 và bắt đầu Hội nghị chính trị hiệp thương.

Tướng Giới Thạch đang gặp nhiều khó khăn. Có thể trong tình hình này, hắn sẽ phải rút một phần lớn số quân ở miền Bắc Đông Dương về, để lo cùng cố hậu phương.

Vào đầu tháng 1 năm 1946, Lô-cléc đã cử người thương lượng đến Trùng Khánh. Đó là tướng Xa-lăng, người được chỉ định thay thế A-lét-xăng-đo-ri, chỉ huy quân

đội Pháp ở miền Bắc Đông Dương. Xa-lăng đã đạt được kết quả đầu tiên, xin Trùng Khánh cho số quân Pháp bị cầm giữ tại Trung Hoa trở về Lai Châu.

Vào khoảng trung tuần tháng 1, nhân một phiên họp của Liên Hợp Quốc, Chính phủ Pháp đã phái Mu-tê đến gặp đại diện của Tướng Giới Thạch để đưa ra các điều khoản thương lượng cụ thể. Tướng Giới Thạch nhận được báo cáo, tổ về ứng thuận. Pa-ri lập tức cử viên đại sứ mới, Me-ri-ê, tới Trùng Khánh. Me-ri-ê nhận chỉ thị của Chính phủ Pháp cố gắng đạt thỏa thuận trong thời hạn ngắn nhất. Nhưng Trùng Khánh lại muốn kéo dài cuộc điều đình, làm cao để kiếm thêm lời.

Điều đình với Tướng, thì tất cả bọn thực dân Pháp đều nhất trí tán thành. Nhưng điều đình với ta, thì nhiều tên thực dân ra mặt phản đối. Đó Gôn vẫn muốn duy trì để quốc Pháp trong tình trạng gần như cũ. Ông ta không thể nghe lọt tai lời khuyên nhủ của những người có khuynh hướng gọi là "tự do". Đác-giăng-li-ô, cao ủy, là một tên tướng thực dân rất thủ cựu, trung thành với chủ trương, chính sách của Đô Gôn, muốn giữ nguyên mọi đặc quyền đặc lợi của nước Pháp. Những tên thực dân Pháp có quyền lợi ở Đông Dương, đặc biệt là bọn quan cai trị cũ, đều tức tối khi nghe nói đến chuyện điều đình với nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Đối với chúng, chỉ có một vấn đề đặt ra là phải phục hồi chủ nghĩa thực dân cũ trước ngày mồng 9 tháng 3 năm 1945. Chúng coi việc điều đình với ta là một sự đầu hàng nhục nhã.

Ngày 20 tháng 1 năm 1946, tình hình chính trị ở nước Pháp có sự thay đổi. Đô Gôn từ chức. Phê-lích Go-ăng, một đảng viên Đảng Xã hội, lên thay. Kế hoạch của Lo-cléc về một cuộc thương lượng với Chính phủ

Việt Nam được Pa-ri coi là thích hợp. Đác-giăng-li-ơ thấy cần trở về Pháp để bảo vệ chủ trương của mình. Ngày 13 tháng 2, y rời Sài Gòn. Trong khi tạm thời thay thế Đác-giăng-li-ơ, Lơ-cléc đã chỉ thị cho phái đoàn Pháp ở Trùng Khánh cố gắng thỏa thuận sớm với Tưởng, mặt khác, thúc Xanh-tơ-ni xúc tiến cuộc điều đình với Chính phủ ta.

Lập trường thương lượng của Chính phủ Pháp do phái bộ Pháp tại Hà Nội trình bày với ta lần này, đã có phần nào khác trước. Tuy nhiên, Pháp vẫn chưa chịu nhận những yêu cầu cơ bản của ta là: Độc lập và toàn vẹn lãnh thổ. Thái độ trước sau như một, ôn tồn nhưng rất kiên quyết của Bác, đã làm cho những nhà thương lượng Pháp phải suy nghĩ.

Tại Trùng Khánh, cuộc mặc cả giữa Chính phủ Pháp với bọn Tưởng Giới Thạch cuối cùng đã ngã giá.

Pháp đồng ý trả lại cho Tưởng các tỏ giới ở Thượng Hải, Thiên Tân, Hán Khẩu, Quảng Đông, trả lại đất mướn Quảng Châu Loan, bán lại đường sắt ở Vân Nam. Không đếm xỉa gì đến chủ quyền của ta, chúng nhận với bọn Tưởng là Hải Phòng sẽ trở thành một cảng tự do, hàng hóa của Tưởng chuyển vận qua miền Bắc sẽ được miễn thuế. Để đổi lấy những quyền lợi đó, Tưởng Giới Thạch đồng ý cho quân Pháp thay thế quân đội Tưởng tại miền Bắc Đông Dương, trong khoảng thời gian từ mồng 1 đến 15 tháng 3, chậm lắm là 31 tháng 3 năm 1946.

Đó là nội dung bản Hiệp ước Hoa - Pháp được ký kết ngày 28 tháng 2 năm 1946, Hiệp ước ký xong, Xa-lăng vội vã quay về Hà Nội, chuẩn bị cho quân Pháp trở lại miền Bắc. Cơ-rê-panh ở lại Trùng Khánh, tiếp tục bàn với phía Tưởng về các thể thức tiến hành việc thay quân.

Ngày 1 tháng 3, Lơ-cléc nhận được tin từ Trùng Khánh báo về là mọi việc đều đã được thỏa thuận.

Hạm đội Pháp đã đợi trên bến nhiều ngày.

Cũng theo những tài liệu của Pháp mà sau này ta được biết, Lơ-cléc lập tức đặt bọn lính dù trong tình trạng báo động và ra lệnh cho đoàn tàu nhỏ neo rời bến.

24

Ủy áu tháng trước, Trùng Khánh đưa quân ào ạt vào miền Bắc. Sức mạnh chính trị, tinh thần của nhân dân ta cùng với đường lối, sách lược của Đảng và của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã làm thất bại bước đầu âm mưu

xâm lược của kẻ thù. Chúng vẫn là một nguy cơ. Nhưng, chính quyền cách mạng đã không ngừng được cũng cố. Hòa hoãn được với Tưởng, về một mặt nào, ta đã biến quân đội của chúng thành một bức rào để tạm thời ngăn quân Pháp trở lại miền Bắc.

Trong khi chuẩn bị đề phòng Pháp mở rộng chiến tranh, Bác và Trung ương đã chủ trương huy động sức mạnh cả nước để cùng với đồng bào miền Nam vượt qua những giờ phút khó khăn đầu tiên của cuộc kháng chiến. Nhân dân ta đã triệt để làm theo điều Đảng đã chỉ rõ trong Hội nghị toàn quốc lại Tân Trào: "Chỉ có thực lực của ta mới quyết định được sự thắng lợi". Giành cho được những thắng lợi quan trọng trên mặt trận, đó là cách tích cực nhất để bảo vệ chính quyền cách mạng.

Cùng một thời gian, kẻ địch mở một loạt những cuộc tiến công trên các mặt trận khác nhau. Về quân sự, chúng tăng cường những hoạt động "bình định" ở Nam Bộ, lấn chiếm thêm các tỉnh ở Nam Trung Bộ để giành lợi thế, đồng thời chuẩn bị kế hoạch trở lại miền Bắc. Về ngoại giao, chúng cố mặc cả với Tưởng, âm mưu đặt

nhân dân ta trước một việc đã rồi. Trong khi nói chuyện với ta, chúng luôn luôn tung ra những tin tức về Hiệp ước Hoa - Pháp, hòng lung lạc tinh thần nhân dân ta. Bọn phản động Việt Nam Quốc dân Đảng với những ý đồ đen tối riêng của chúng, đã phối hợp với hoạt động chiến tranh tâm lý của Pháp một cách khá chặt chẽ.

Tình hình bắt đầu đổi khác.

Trước kia, ta tìm mọi cách lợi dụng mâu thuẫn giữa Pháp và Tưởng để tập trung mũi nhọn chĩa vào Pháp. Nay, hai kẻ thù đã tạm dàn xếp. Chúng đã bắt tay với nhau trong một âm mưu mới chống lại ta.

Cách mạng đang đứng trước một tình thế khó khăn và cấp bách.

Ngay sau khi Hiệp ước Hoa - Pháp được công bố, Thường vụ đã nhận định, đây không phải là chuyện mua bán riêng giữa Tưởng và Pháp. Đây chính là sự nhân nhượng giữa Mỹ, Anh, Tưởng với Pháp về vấn đề Đông Dương. Chúng tạm dẹp mâu thuẫn bộ phận để cứu vãn quyền lợi chung, đang bị những cao trào cách mạng mới đe dọa.

Tưởng sẽ ép nhân dân ta phải nhận những điều khoản chúng đã ký kết với Pháp. Trước khi rút quân đi, chúng sẽ cố thay đổi thành phần trong Chính phủ ta, đưa bọn phản động tay sai của chúng vào. Mặt khác, nhóm tướng lĩnh của Tưởng tại đây, sẽ tìm cách ngăn cản cuộc đàm phán giữa ta với Pháp, đã dây đưa ở lại miền Bắc, tranh thủ vơ vét.

Rát nguy hiểm lúc này là bọn Việt Nam Quốc dân Đảng và Việt Nam Cách mạng đồng minh Hội. Chúng làm ra bộ những người cách mạng hăng hái nhất. Chúng cố tìm cách khích động quần chúng bằng những khẩu hiệu: "Không điều đình với ai hết", "Thắng hay là chết"... Chúng muốn phá cuộc đàm phán giữa ta và Pháp. Âm mưu của chúng là cố đẩy ta chống lại Hiệp ước Hoa - Pháp. Đó chính là cái cớ cho cả Tưởng và Pháp câu kết với nhau để diệt cách mạng. Chúng sẽ vu cho ta là chống Đồng minh, chống hòa bình. Trong lúc ta ngăn quân Pháp tiến vào miền Bắc, bọn phản động sẽ nhanh chóng lập một chính phủ bù nhìn chống ta, và tùy cơ thay thây đổi chủ. Quân Tưởng cũng sẽ nhân đó, nán ở lại Đông Dương1.

Tình hình đổi thay mau lẹ.

Nhưng, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh với cái nhìn xa rộng đã thấy trước sự biến chuyển này. Từ hạ tuần tháng 11 năm 1945, trong bản chỉ thị Kháng chiến kiến quốc, Trung ương đã nhận định là bọn đế quốc sẽ nhân nhượng với nhau, cho Pháp trở lại. Và sớm hơn nữa, điều này đã được nêu ra từ Hội nghị toàn quốc của Đảng họp tại Tân Trào, trước ngày Cách mạng Tháng Tám thành công.

Đối với Bác và Trung ương, đây chỉ là một tình hình diễn ra đúng như ta đã dụ kiến. Trong thời gian ngắn ngủi vừa qua, Đảng ta đã tích cực chuẩn bị để đối phó với tình thế đó. Dù muốn hay không, để quốc Pháp cũng phải nhìn thấy một thực tế mới: Cả dân tộc Việc Nam đã đoàn kết đứng dậy trong cuộc chiến đấu một mất một còn chống lại kẻ thù xâm lược. Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đã có một chính phủ có đầy đủ sức mạnh để động viên, tổ chức toàn dân kháng chiến, có đầy đủ thẩm quyền, uy tín và khả năng quyết định mọi vấn đề thuộc về chủ quyền, tương lai, vận mệnh của dân tộc mình.

Và thực dân Pháp đã không thể nhắm mắt làm ngơ trước sự thật đó, ngay cả khi cuộc dàn xếp của chúng với Tướng đã xong. Một dấu hiệu rõ rệt là phái bộ Pháp ở Hà Nội, đã phải nhiều lần xin gặp chính quyền ta.

Vấn đề lúc này là đánh hay hòa với Pháp.

Câu trả lời đã được Bác và Thường vụ nêu ra:

Có thể nói phút ngay rằng: Nếu Pháp giữ chủ trương Đông Dương tự trị theo bản tuyên ngôn ngày 24 tháng 3 năm 1945, thì nhất định đánh và rất có thể đánh dẻo dai theo lối du kích; nhưng nếu Pháp công nhận Đông Dương tự chủ thì có thể hòa, hòa để phá tan âm mưu của bọn Tướng, bọn

phân động Việt Nam và bọn phát xít Pháp còn lại, chúng định hãm ta vào tình thế cô độc, buộc ta phải đánh với nhiều kẻ thù một lúc...

Lập trường của ta trong cuộc đàm phán là giành cho được Độc lập, đồng thời có thể liên minh với Pháp. Pháp phải thừa nhận quyền dân tộc tự quyết của ta và sự thống nhất quốc gia của ta. Ta có thể đồng ý cho Pháp tạm thời đưa một số quân vào miền Bắc để làm nhiệm vụ tiếp phòng, thay quân đội Tưởng rút đi. Nhưng quân Pháp chỉ được phép ở lại trong một thời hạn nhất định.

Hòa với Pháp, ta sẽ "giành được giây phút nghỉ ngơi để sửa soạn cuộc chiến đấu mới, phối hợp với cuộc chiến đấu của nhân dân Pháp, tiến tới giành được độc lập hoàn toàn".

Một điều quan trọng được Thường vụ nhấn mạnh:

"Điều cốt từ là trong khi mở cuộc đàm phán với Pháp, không những không ngừng một phút công việc sửa soạn, sẵn sàng kháng chiến bất cứ lúc nào và ở đâu, mà còn hết sức xúc tiến việc sửa soạn ấy, và nhất định không để cho việc đàm phán với Pháp làm nhụt tinh thần quyết chiến của dân tộc ta"1.

Từ những tư tưởng chỉ đạo đó của Trung ương, trong suốt quá trình đàm phán, quân và dân miền Nam đã không ngừng đẩy mạnh cuộc kháng chiến trên các mặt trận. Đồng bào cả nước đã ráo riết chuẩn bị về cả tinh thần và tổ chức để đi vào một cuộc kháng chiến lâu dài, kể cả trong trường hợp xấu nhất, hai kẻ thù Pháp, Tưởng câu kết với nhau hòng tiêu diệt cách mạng.

25

uốc dân đại hội đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa được triệu tập vào ngày mồng 2 tháng 3. Đại hội họp sớm hơn một ngày so với thời gian đã định từ trước.

Tình hình rất khẩn trương. Ban tổ chức đại hội đã chuẩn bị một địa điểm họp thứ hai tại Đình Bảng, tỉnh Bắc Ninh. Cuối cùng, Thường vụ quyết định đại hội cứ họp ở Hà Nội. Bác đã nói với các đồng chí trong Ban tổ chức phải làm cho tốt và gọn, hoàn thành được chương trình đề ra và kết thúc trong một buổi.

Đêm trước, Bác thức khuya, hút thuốc lá nhiều. Sáng nay, ngồi trong xe, Bác vẫn hút thuốc. Nét mặt Bác lặng lẽ, bình thản. Riêng đôi mắt Bác, rất sáng, nói lên Người đang suy nghĩ. Từ ngày Bác về Hà Nội, đồng bào đã bàn nhiều về đôi con mắt của Bác. Đôi con mắt mà người ta đã nhìn thấy có hai chấm sáng qua các tấm ảnh. Bác đang đem cả nghị lực, cả thiên tài để cống hiến cho đất nước một quyết định trước một bước ngoặt lịch sử. Ngày nào, khi còn ở trong nhà ngục, Bác đã làm những câu thơ:

Phải nhìn cho rộng, suy cho kỹ,

Kiên quyết, không ngừng thể tấn công;

Lạc nước, hai xe đành bỏ phí,

Gặp thời, một tốt cũng thành công1.

Con thuyền Tổ quốc đang lao tới một ngọn thác cực kỳ nguy hiểm. Người cầm lái không được phép sai lầm dù chỉ là tơ tóc.

Nhà hát lớn rực rỡ cờ nước. Lá cờ xuất hiện từ cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ, thấm máu bao chiến sĩ cách mạng, đã trở thành thiêng liêng, tượng trưng cho tinh thần đấu tranh quật cường của cả dân tộc. Mấy ngày vừa qua, trong những cuộc hiệp thương, bọn phản động vẫn lớn tiếng đòi phải thay đổi quốc kỳ và quốc ca. Ta đã cự tuyệt yêu sách của chúng.

Quốc dân đại hội đã cử hai người thay mặt, một đại biểu cao tuổi nhất, cụ Ngô Tử Hạ và một đại biểu ít tuổi nhất, anh Nguyễn Đình Thi, đứng chờ đón Bác trước cửa Nhà hát lớn.

Những người của Việt Nam Cách mạng đồng minh Hội, Việt Nam Quốc dân Đảng còn ở cả buồng chờ. Một đám người quần áo sang trọng, đứng ngồi lố nhố, ngơ ngác như những con dê lạc bầy. Họ phải chờ sự ưng thuận của đại hội mới được phép vào phòng họp. Đấy chính là những kẻ đến tận ngày hôm qua, vẫn tiếp tục gây rối loạn khắp nơi. Họ cố vơ vét đưa đến đủ số người, lấp hết bảy mươi ghế ta đã định đề nghị với Quốc hội dành cho họ.

Bác mỉm cười, gật đầu chào, rồi dẫn đầu Chính phủ liên hiệp lâm thời bước vào hội trường. Nguyễn Hải Thân cáo ốm không đến họp. Không hiểu có phải vì y ngại nổ ra những cuộc tranh cãi tại đại hội, buộc y phải dùng đến tiếng mẹ đẻ.

Khóa họp Quốc hội lịch sử này vắng mặt các đại biểu của Nam Bộ đang chiến đấu chưa ra kịp.

Gần ba trăm đại biểu cùng với nhiều khách và các nhà báo trong nước, ngoài nước, đứng dậy hoan hô không ngót. Trăm cặp mắt đều đổ dồn về phía

ông cụ trán cao, mặc bộ đồ ka-ki. Nhiều đại biểu chưa được gặp Bác bao giờ, nhưng đã nhận ngay ra Người. Tiếng vỗ tay và tiếng hoan hô chỉ dứt khi ban âm nhạc Vệ quốc đoàn mặc đồng phục trắng, bắt đầu cử quốc ca.

Bác bước đến trước máy phóng thanh. Người đứng im lặng một lát, đưa cặp mắt trìu mến nhìn các đại biểu thay mặt cho các tầng lớp nhân dân miền xuôi, miền ngược về họp đại hội. Bằng một giọng xúc động, Người nói:

- Quốc dân đại biểu đại hội này là lần đầu trong lịch sử của nước Việt Nam ta. Nó là kết quả của cuộc Tổng tuyển cử ngày mồng 6 tháng 1 năm 1946, mà cuộc Tổng tuyển cử lại là kết quả của sự hy sinh tranh đấu của tổ tiên ta. Nó là kết quả của sự đoàn kết toàn thể đồng bào không kể già, trẻ, lớn, bé, gồm tất cả các tôn giáo, tất cả các dân tộc trên bờ cõi Việt Nam đoàn kết chặt chẽ thành một khối, không sợ hy sinh, nguy hiểm tranh lấy nên độc lập cho Tổ quốc...

Bác chuyển lời đề nghị của Chính phủ với đại hội xin mở rộng số đại biểu thêm bảy mươi người nữa, số ghế này dành cho Việt Nam Quốc dân Đảng và Việt Nam Cách mạng đồng minh Hội. Lời đề nghị này được đại hội chấp thuận.

Đại biểu của Việt Nam Quốc dân Đảng và Việt Nam Cách mạng đồng minh Hội lục tục kéo vào. Họ ngồi ở những ghế còn trống. Trong khi chuẩn bị đại hội, có ý kiến

đề nghị chia chỗ ngồi thành hai bên tả, hữu, và để nhóm bảy mươi người này ngồi sang bên hữu, Bác đã nói là không cần thiết.

Chờ những người mới vào ngồi yên chỗ, Bác nói tiếp:

- Trước hết tôi xin thay mặt Chính phủ lâm thời cảm ơn Quốc hội đã chuẩn y lời thỉnh cầu của Chính phủ. Hai là tôi xin thay mặt Chính phủ hoan nghênh tất cả các đại biểu các nơi. Trong cuộc toàn quốc đại biểu đại hội này, các đảng phái đều có đại biểu, mà đại biểu không đảng phái cũng nhiều, đồng thời phụ nữ và đồng bào dân tộc ít người cũng đều có đại biểu. Vì thế cho nên các đại biểu trong Quốc hội này không phải đại diện cho một đảng phái nào mà là đại biểu cho toàn thể quốc dân Việt Nam.

Chủ tịch Hồ Chí Minh báo cáo lại với Quốc hội những công việc Chính phủ đã làm. Người nói:

- Vừa giành được chính quyền, vừa lập nên Chính phủ thì chúng ta gặp nhiều sự khó khăn, miền Nam bị nạn xâm lăng, miền Bắc bị nạn đói khổ. Song nhờ sự ủng hộ nhiệt tình của toàn thể đồng bào và lòng kiên quyết phấn đấu của Chính phủ, chúng ta đã làm được đôi việc:

Việc thứ nhất là ra sức kháng chiến.

Việc thứ hai là giảm bớt sự đói kém bằng cách thực hành tăng gia sản xuất.

Việc thứ ba là Chính phủ đã tổ chức cuộc Tổng tuyển cử.

Việc thứ tư là do kết quả của cuộc Tổng tuyển cử ấy mà có Quốc hội hôm nay...

Những việc làm to lớn của Chính phủ suốt trong sáu tháng trời đầy biến động vừa qua, đã được Bác nói gọn trong mấy câu. Người chuyển sang nói về nhiệm vụ quan trọng trước mắt:

- Việc hệ trọng nhất bây giờ là kháng chiến. Từ tháng 9 năm ngoái xây nạn xâm lăng miền Nam, một mặt Chính phủ đã hô hào quốc dân sẵn sàng chuẩn bị cuộc trường kỳ kháng chiến, và một mặt đã điều động bộ đội để tăng viện cho những nơi bị xâm lăng. Từ giờ về sau, Quốc hội và Chính phủ còn có những gánh nặng nề, phải bước qua nhiều sự khó khăn nhưng tôi chắc rằng quốc dân sẽ nhất trí, dựa vào sức đoàn kết mà làm việc, và như thế thì dù có khó khăn đến đâu, kháng chiến sẽ thắng lợi và kiến quốc sẽ thành công. Bây giờ Chính phủ lâm thời xin giao lại quyền cho Quốc hội để tổ chức một Chính phủ mới: Một chính phủ kháng chiến kiến quốc.

Hồ Chủ tịch kết thúc bản báo cáo cô đọng và hết sức giản dị của Người giữa những tràng pháo tay nổ ran.

Từ ngày Bác về Hà Nội, chưa bao giờ có một cuộc gặp mặt đông đảo các đại biểu trong nước - kể cả những người thuộc các đảng phái phản động - và nhiều khách khứa nước ngoài như lần này. Ngay ở cuộc gặp mặt này, Người vẫn giữ nguyên những lời nói, những cử chỉ quen thuộc thường ngày. Phong thái đó mà chỉ riêng Người mới có, đã tạo cho đại hội một không khí đặc biệt, không khí đoàn kết, đầm ấm, thân mật như ở gia đình. Đó là điều rất khó có trong một cuộc họp đông đảo lần đầu của các đại biểu cả nước, lại rất phức tạp vì sự có mặt của bọn phản động. Không khí đó cũng là không khí của những phiên họp Quốc hội về sau và trong tất cả những cuộc họp mỗi lần Bác xuất hiện.

Đại hội chấp nhận lời xin từ chức của Chính phủ liên hiệp lâm thời và nhất trí cử Chủ tịch Hồ Chí Minh làm Chủ tịch Chính phủ liên hiệp kháng chiến, Nguyễn Hải Thần làm Phó Chủ tịch.

Quốc hội nhiệt liệt tán thành khi cụ Chủ tịch tạm thời của Quốc hội đề nghị mời Chủ tịch Hồ Chí Minh thành lập Chính phủ mới. Chủ tịch Hồ Chí Minh đi qua phòng Hội đồng giữa những tiếng hoan hô.

Đại hội tạm nghĩ một lát, rồi họp trở lại. Chủ tịch Hồ Chí Minh ra mắt cùng với các vị trong Chính phủ mới. Người nhanh nhẹn đi đến bên máy phóng thanh. Người nói:

- Bây giờ tôi xin báo cáo về việc lập Chính phủ liên hiệp kháng chiến. Chắc Quốc hội cũng biết rằng Chính phủ này ra mắt gồm có đại biểu các đảng phái và anh em không đảng phái trước đây đã thương lượng và thỏa thuận với nhau, vì vậy, sự tổ chức mới được nhanh chóng như thế...

Bác giới thiệu danh sách của Chính phủ, Bộ Nội vụ và Bộ Quốc phòng được trao cho những người trung lập. Hai bộ dành cho Nam Bộ, vì các đại biểu của Nam Bộ chưa ra kịp, nên tạm trao cho các đảng phái. Mặt trận Việt Minh và Đảng Dân chủ giữ bốn bộ: Tài chính, Giáo dục, Tư pháp, Giao thông, Việt Nam Quốc dân Đảng và Việt Nam Cách mạng đồng minh Hội giữ bốn bộ: Ngoại giao, Kinh tế, Xã hội, Canh nông.

Bác nói tiếp:

- Phó Chủ tịch do Quốc hội cử ra là cụ Nguyễn Hải Thần. Còn Chủ tịch là tôi đây.

Tiếng hoan hô lại nổi lên.

Danh sách Chính phủ được Quốc hội thông qua.

Bác giới thiệu tiếp với Quốc hội việc lập Ủy ban kháng chiến toàn quốc chịu trách nhiệm điều khiển quân và dân đánh giặc cứu nước, và thành lập Đoàn Cố vấn quốc gia do Vĩnh Thụy đứng đầu.

Chính phủ liên hiệp kháng chiến, Ủy ban kháng chiến và Đoàn Cố vấn lần lượt đứng ra tuyên bố nhậm chức.

Đại hội chuyển sang thảo luận về quyền hạn của Ủy ban thường trực Quốc hội. Cuộc tranh cãi bắt đầu diễn ra giữa những ý kiến khác nhau của các đại biểu. Giải quyết được các vấn đề này là một khó khăn trong khi còn chưa có Hiến pháp.

Bác ngồi nghe chăm chú. Thỉnh thoảng Bác giơ tay xin phát biểu. Đôi lúc, một đại biểu có ý kiến khác. Bác lắng nghe, và khi cần, Người từ tốn nói rõ thêm. Bao giờ cũng vậy, trong công việc, Bác luôn luôn tạo một không khí thoải mái, khuyến khích mọi người mạnh dạn nói lên ý kiến của mình.

Hạm đội Pháp đang rong ruổi trên Biển Đông với những nòng đại bác hướng về miền Bắc.

Nhiều đại biểu chưa hiểu được giá trị của từng phút, từng giây trong lúc này. Bác đã nhiều lần nhắc nhở cho người điều khiển những vấn đề nên rút ra đã sớm đi đến biểu quyết.

Một giờ trưa, đại hội đã có thể kết thúc. Trong vòng bốn tiếng đồng hồ, đại hội đã thông qua việc lập Chính phủ mới, lập Ủy ban kháng chiến, lập Đoàn Cố vấn của Chính phủ, quyết định quyền hạn của Ủy ban thường trực Quốc hội, và thành lập Ủy ban dự thảo Hiến pháp.

Các đại biểu cần trở về địa phương ngay để tiếp tục công việc chuẩn bị kháng chiến. Giờ phút chia tay đã tới. Bác trở lại máy phóng thanh, kết thúc đại hội bằng mấy lời vấn tắt:

- Bây giờ Quốc hội tạm thời bế mạc để cho tất cả anh em chúng ta đem một không khí đoàn kết, một không khí kháng chiến, một không khí

kiên quyết, một không khí nhất định thành công về các địa phương mà công tác. Trước khi bế mạc, tôi xin thay mặt Chính phủ cảm ơn các đại biểu. Đồng thời, chúng ta cùng hứa với nhau rằng: Quốc hội họp lần này là Quốc hội kháng chiến mà Chính phủ cử ra là Chính phủ kháng chiến. Tôi mong rằng Quốc hội họp lần sau sẽ là Quốc hội thắng lợi, mà Chính phủ sẽ là Chính phủ thắng lợi.

Vào những giờ phút khó khăn, Bác muốn truyền cho tất cả mọi người một tinh thần đoàn kết, kiên quyết chiến đấu. Bác còn muốn truyền tới mọi người niềm lạc

quan, niềm tin tưởng vào thắng lợi, vào tương lai.

Những ngày đầu tháng 3, cuộc đàm phán giữa ta với Pháp vẫn chưa đi tới thỏa thuận.

Bọn thực dân Pháp vẫn ngoan cố, không chịu nhận những yêu cầu cơ bản của ta. Những tên thực dân mù quáng còn cho rằng, với những hoạt động quân sự mấy tháng vừa qua, chúng đã chiếm lại được phần lớn Nam Bộ. Mặt khác, chúng còn tin, với Hiệp ước Hoa - Pháp, chúng đã có cơ sở pháp lý và điều kiện thuận lợi để trở lại miền Bắc.

Tướng Lơ-clc và những người thương lượng Pháp ở Hà Nội có thể hiểu biết tình hình thực tế ít nhiều, thấy hiểm họa của một cuộc chiến tranh kéo dài, nếu cuộc điều đình thất bại. Nhưng họ vẫn đàm phán theo những chỉ thị của Chính phủ Pháp ở Pa-ri; tại đó, những xu hướng ngoan cố của chủ nghĩa thực dân cũ vẫn chiếm ưu thế.

Về phía ta, nếu cuộc kháng chiến toàn quốc nổ ra vào lúc này, thì ta sẽ gặp khó khăn lớn, cùng một lúc phải đương đầu với nhiều kẻ thù. Nhưng ta không thể nhân nhượng trên những vấn đề có tính nguyên tắc. Nay mai, nếu chưa đi đến một hiệp nghị, mà quân Pháp đổ bộ vào Cảng Hải Phòng, thì dù chúng đã được phép của quân Tướng, bộ đội và nhân dân ta nhất định sẽ kiên quyết kháng chiến. Tình hình sẽ trở nên rất phức tạp.

Sau khi Hiệp ước Hoa - Pháp được chính thức công bố, các báo tại Hà Nội tới xin gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh, đề nghị Người cho biết ý kiến. Chủ tịch Hồ Chí Minh trả lời: "Hiệp ước này có thể chia làm hai phần. Một phần là Pháp chịu trả lại các đặc quyền ở Trung Hoa. Một phần khác liên quan đến nước ta. Với phần trên, không những dân chúng Trung Hoa bằng lòng mà dân Việt Nam chúng ta cũng hoan nghênh. Còn phần dưới thì hiện giờ chưa phải là lúc phê bình". Rồi Bác nói: "Dù sao mặc lòng, hầu hết người Trung Quốc từ nhỏ tới lớn, từ trước tới nay, đều biểu đồng tình với phong trào quốc gia của ta".

Khi các báo hỏi về tình hình kháng chiến, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói vắn tắt: "Điều mà chúng ta chú trọng đến nhất là chuẩn bị, bình tĩnh, giữ vững tinh thần".

Các báo đều công khai tỏ thái độ với Hiệp ước Hoa - Pháp bằng một loạt bài phân đối.

Báo Cứu quốc viết: "Không ai có thể mặc cả nên độc lập của Việt Nam". Về những quyền lợi kinh tế mà Pháp hứa sẽ dành cho Tưởng tại miền Bắc Việt Nam, một bài báo viết: "Chỉ có Chính phủ Việt Nam mới đủ tư cách để định đoạt những quyền lợi

này". Chúng ta đã công khai nói rõ cho kẻ thù biết: "Từ chỗ hiệp ước đó ký đến chỗ hiệp ước đó thi hành, còn có dân tộc Việt Nam đang chiến đấu...".

Toàn thể các lực lượng vũ trang, đặc biệt là ở những nơi quân Tướng đóng hoặc quân Pháp có thể tiến vào, được lệnh sẵn sàng chiến đấu và hết sức cảnh giác. Các cơ quan trọng yếu đều đã chuẩn bị chu đáo.

Tại Hà Nội, một số đông người già và trẻ em đã rời khỏi Thủ đô. Những chiến sĩ tự vệ thành đã dục lỗ đặt mìn ở các thân cây và chuẩn bị đánh gãy những cột đèn, lật đổ những toa xe điện khi có lệnh. Việc điều tra các vị trí đóng quân trọng yếu của Tướng tại Hà Nội cũng đã tiến hành. Những đội tự vệ chiến đấu đều có kế hoạch tác chiến.

Trong khi đó, tại Trùng Khánh, một chuyện lùng cũng đã xảy ra giữa Pháp và Tướng.

Tôi mồng 1 tháng 3, viên đại tá Cơ-rê-panh tới bộ tổng tham mưu quân đội Quốc dân Đảng để ký kết những thế thức về việc thay quân. Bọn cầm đầu bộ tổng tham mưu Quốc dân Đảng đã lánh mặt. Một viên phụ tá báo cho phái đoàn Pháp biết: Quân đội Tướng chỉ có thể chấp nhận việc thay quân nếu có lệnh của tướng Mắc Ác-tơ1.

Những người thương lượng Pháp ở Trùng Khánh đã ký được bản Hiệp ước Hoa - Pháp với sự thỏa thuận của Tướng Giới Thạch và bộ ngoại giao của Tướng. Nhưng việc thay quân lại do bộ tổng tham mưu của Tướng thi hành. Hà Ứng Khâm và bọn tướng lĩnh tại đây có quyền lực riêng của chúng. Chúng thấy chả dại gì mà cho quân đội chúng vội vã rời khỏi miền Bắc Đông Dương... Lu Hán khi ấy vừa được gọi về họp, đang có mặt tại Trùng Khánh. Có người nói chúng muốn nắn ná ở lại qua vụ thu hoạch thuốc phiện.

Hạm đội Pháp đang trên đường ra Bắc. Ngày mồng 2, Cơ-rê-panh vội cử người về, báo cáo tình hình mới cho Xa-lăng biết. Xa-lăng lập tức đến thương lượng với bọn Tướng ở Hà Nội.

Chu Phúc Thành thay Lư Hán vắng mặt, nói hắn chưa hề nhận được lệnh để quân Pháp vào thay thế tại miền Bắc, nếu quân Pháp đổ bộ vào Hải Phòng thì hắn sẽ ra lệnh nổ súng. Ngoài ra, hắn còn bịa thêm một cớ khác: Phía Pháp chưa đạt được thỏa thuận với Chính phủ Việt Nam, nên hắn không thể cho quân Pháp vào. Vì nếu làm như vậy, khi quân đội Tướng rút đi, những Hoa kiều ở lại miền Bắc có thể bị người Việt Nam trả thù (!).

Cuộc thảo luận giữa bọn quân phiệt Tưởng với các tướng tá Pháp kéo dài cả đêm mồng 4 tháng 3, vẫn không kết quả.

Ngày mồng 5, hạm đội Pháp do Lơ-cléc chỉ huy đã tới Vịnh Bắc Bộ.

Lơ-cléc bảo viên trung tá Lơ-công-tơ viết cho Xanh-tơ-ni một bức thư với giọng hốt hoảng:

"... Biết rằng tình hình đang nghiêm trọng và cuộc xung đột có thể xảy ra sẽ rộng lớn... Tôi yêu cầu ông làm mọi việc ông có quyền làm để đi đến một hiệp ước trong thời gian nhanh nhất...".

Các tướng tá Pháp lại tới gặp Chu Phúc Thành và bọn cầm đầu cơ quan tham mưu của quân đội Tưởng tại Hà Nội. Cuộc thảo luận, mặc cả giữa hai bên tiếp tục. Nếu không thỏa thuận được, ngày mai, hạm đội Pháp vào Hải Phòng, chắc chắn bọn chúng sẽ có va chạm.

Cũng trong ngày mồng 5 tháng 3, Ủy ban kháng chiến toàn quốc vừa được thành lập, ra lời kêu gọi:

"Đồng bào hãy đứng dậy chống giặc!

"... Giờ nghiêm trọng của Tổ quốc đã đánh!

"... Toàn quốc kháng chiến ủy viên hội gồm có đủ đại biểu các đảng phái có trách nhiệm thống nhất quân đội, điều khiển quân dân xông ra giết giặc, chống giữ bờ cõi cho Tổ quốc.

Đồng bào hãy nhiệt liệt ủng hộ nó, sẵn sàng nghe theo mệnh lệnh của nó, để đem thắng lợi cho quân dân, giành độc lập cho Tổ quốc".

gay tôi hôm đó, bọn Tưởng đến xin được gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh. Chúng tin cho ta biết, hạm đội Pháp đã vào Vịnh Bắc Bộ. Lần đầu, chúng hỏi vì sao ta và Pháp chưa thỏa thuận với nhau. Chúng khuyên ta không nên quá găng. Chúng nói nếu ta ký một bản thỏa ước để Pháp đưa quân vào làm nhiệm vụ tiếp phòng, thì chúng sẽ ủng hộ.

Bọn Tướng ra về, thì tới lượt những người thương lượng Pháp kéo đến. Họ đề nghị được thảo luận tiếp về những điều còn vướng mắc. Phái bộ Pháp bày

tô nguyện vọng muốn thỏa thuận với Chính phủ ta ngay trong tối hôm đó để đi đến ký kết một bản Hiệp định Sơ bộ.

Rõ ràng là có chuyện gì mới xảy ra giữa Tưởng và Pháp.

Từ khi Hiệp ước Hoa - Pháp ký kết, quan hệ giữa Tướng và Pháp ở Hà Nội đã có lúc căng thẳng. Bọn Tướng cho quân lính chuẩn bị. Chúng nói với ta là sẽ không rút quân. Có những tên sư trưởng tuyên bố, nếu Pháp đổ bộ vào miền Bắc, thì chúng sẽ đánh. Mặt khác, chúng tung lũ tay sai đi tìm mọi cách phá những cuộc nói chuyện giữa ta và Pháp. Trong khi đó, người Pháp vẫn luôn luôn lui tới cơ quan chỉ huy của quân đội Tướng tại Hà Nội.

Với cái nhìn sâu sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Người đã thấy rõ sự căng thẳng trong bọn chúng lúc này có chăng cũng chỉ là rất tạm thời. Những tên cầm đầu đã mua bán với nhau xong ở Trùng Khánh. Dù thế nào, cũng không thể có xung đột lớn giữa Pháp và Tướng. Sớm muộn, chúng cũng sẽ dàn xếp với nhau. Tuy nhiên, chừng nào mà những mâu thuẫn, dù nhỏ, của chúng vẫn còn, thì ta vẫn cần lợi dụng.

Đến nay, quả nhiên giọng lưỡi của bọn Tướng đã đổi khác. Điều làm Bác chú ý là thái độ vội vã trong cùng một lúc ở cả Tướng và Pháp.

Cuộc trao đổi giữa ta và Pháp tôi hôm đó lại xoay quanh hai vấn đề lớn: Độc lập và toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt Nam.

Tiếng độc lập đối với nhà cầm quyền Pháp là một điều đáng sợ. Bọn thực dân lo nó sẽ gây một phản ứng dây chuyền, làm nổi lên một phong trào đấu tranh đòi độc lập trên toàn bộ các nước thuộc địa. Chính phủ Pháp chỉ đồng ý thừa nhận ta là một nước "tự trị". Pháp muốn kìm ta trong một khuôn khổ nhất định của chủ nghĩa thực dân.

Về vấn đề thống nhất ba "kỳ", thực dân Pháp có thái độ rất phản động. Bản tuyên ngôn của Đờ Gôn trước đây đã chia Việt Nam làm ba "nước": Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ. Trước mắt, chúng đang cố khôi phục lại nền thống trị thực dân ở Nam Bộ và tìm mọi cách tách Nam Bộ ra khỏi Việt Nam.

Đối với chúng ta, độc lập và thống nhất là nguyện vọng thiết tha, là tình cảm sâu sắc của cả dân tộc. Ta không thể nhận "tự trị", vì như thế có nghĩa là từ bỏ một phần những quyền tự do chúng ta đã đổ bao máu xương mới giành lại được, là chấp nhận ở một mức độ nào đó, trở về cuộc sống nô lệ. Nam Bộ là một phần đất của Việt Nam - là máu của máu Việt Nam, là thịt của thịt Việt Nam - không thể để bất cứ kẻ thù nào có thể cắt rời. Dù ở hoàn cảnh hiểm nghèo hiện nay, tất cả những mục tiêu đấu tranh cơ bản đó đều không thể nào nhân nhượng.

Lập trường trước sau của ta là phải đi tới một giải pháp toàn bộ: Pháp phải thừa nhận nền độc lập và sự toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam. Lập trường có tính nguyên tắc đó đã được Bác khẳng định lại một lần nữa, tối hôm đó.

Trong suốt quá trình cuộc đàm phán, Pháp đã nhiều lần tìm cách né tránh thảo luận vấn đề Nam Bộ. Chính phủ Pháp chỉ mới chịu công nhận nước Việt Nam là một quốc gia có chính phủ, nghị viện, quân đội và tài chính của mình. Cuối cùng, về vấn đề thống nhất ba "kỳ", Pháp cam kết là sẽ thừa nhận kết quả của một cuộc trưng cầu ý dân.

Nhưng Pháp vẫn chưa chịu thừa nhận nền độc lập của ta. Vấn đề này lại dẫn cuộc thảo luận tối hôm đó tới bế tắc.

Đến khuya, những người thương lượng Pháp ra về. Trước khi từ biệt, họ ngỏ ý mong Chủ tịch Hồ Chí Minh cân nhắc thêm về những đề nghị của họ. Thái độ của họ tỏ ra rất lo lắng.

28

gày mồng 6 tháng 3 năm 1946. Sáng sớm, hạm đội Pháp từ Vịnh Bắc Bộ bắt đầu tiến vào Cảng Hải Phòng. 8 giờ 30, chiếc tàu đổ bộ đầu tiên của chúng xuất hiện trên sông Cửa Cấm. Quân Tướng đóng ở dọc sông nổ súng. Mười lăm phút sau, bọn Pháp bắn trả. Kho đạn của quân Tướng ở Cảng bốc cháy. Một số tàu Pháp bị bắn thủng. Nhiều lính Pháp chết và bị thương. Cuộc đấu súng kéo dài đến gần 11 giờ trưa.

Bọn quân phiệt Tướng và lũ tay sai muốn lợi dụng sự xung đột giữa ta với Pháp. Nhưng trớ trêu, kẻ đầu tiên xung đột với Pháp lại chính là chúng. Việt Nam Quốc dân Đảng và Việt Nam Cách mạng đồng minh Hội đã chuẩn bị những hoạt động phá phách lớn, nếu ta và Pháp đi đến dàn xếp. Nhưng sự dàn xếp giữa ta và Pháp lúc này, đã trở thành một yêu cầu của chính quan thầy chúng. Sáng hôm đó, bọn Tướng lại đề nghị với ta một lần nữa, nên sớm thỏa thuận với Pháp để tránh một cuộc chiến tranh rộng lớn có thể xảy ra.

Trước mắt, vẫn là bế tắc lớn: Ta kiên quyết gạt bỏ chữ "tự trị" của Pháp đưa ra; nhưng độc lập còn là một điều mà chính phủ Pháp chưa chịu thừa nhận.

Chủ tịch Hồ Chí Minh thấy đã đến lúc cần đi đến một quyết định. Sau khi hội ý với Thường vụ, Người đưa ra cách giải quyết: "Nước Pháp công nhận nước Việt Nam là một quốc gia tự do..."

Phái bộ Pháp ưng thuận.

Những người thương lượng Pháp sau này kể lại: Đó là những giây phút chờ đợi rất căng thẳng họ đã phải chịu đựng.

Thế là trong tình hình hết sức rối ren, phức tạp lúc bấy giờ, cuộc đàm phán giữa ta và Pháp đã đạt được một Hiệp định Sơ bộ. Đây là bản hiệp

định quốc tế đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ký với một nước ngoài.

Lê ký kết được cử hành vào 4 giờ chiều tại ngôi nhà số 38 phố Lý Thái Tổ.

Những người thay mặt cho nước Pháp, những người đứng đầu bộ tư lệnh quân đội Tướng ở miền Bắc Đông Dương, đại diện phái bộ Mỹ, lãnh sự Anh lục tục kéo đến ngôi biệt thự ở cách Bắc Bộ Phủ một khu vườn hoa.

Gian phòng nhỏ bài trí đơn giản, không có cờ.

Chủ khách đều đứng chung quanh một chiếc bàn lớn.

Có đủ mặt tại đây, những người thuộc tất cả những "cường quốc" của thế giới tư bản sau Đại chiến lần thứ hai. Hình dáng một cụ già mảnh khảnh, râu đen, mặc bộ ka-ki đã phai màu, đi đôi giày vải chàm, nổi bật lên giữa đám người to béo, sang trọng, số đông là quân nhân. Một hình ảnh thu gọn: Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa giữa vòng vây trùng điệp của chủ nghĩa để quốc.

Anh Hoàng Minh Giám lần lượt đọc to bản Hiệp định Sơ bộ và bản phụ khoản.

Nội dung tóm tắt như sau:

- Nước Pháp công nhận nước Việt Nam dân chủ cộng hòa là một nước tự do, có chính phủ, có nghị viện, có quân đội, tài chính của mình, ở trong Liên bang Đông Dương và khối Liên hiệp Pháp.
- Chính phủ Pháp cam đoan sẽ thừa nhận những quyết định của cuộc trưng cầu ý dân về vấn đề thống nhất ba "kỳ".
- Nước Việt Nam thuận để 15.000 quân Pháp vào Bắc Việt Nam làm nhiệm vụ thay thế quân đội Trung Hoa. Số quân Pháp này sẽ phải rút hết sau một thời gian được quy định.
- Hai bên đình chiến để mở một cuộc đàm phán chính thức. Trong khi đàm phán, quân hai bên ở đâu vẫn cứ đóng đẩy.

Bản Hiệp định và các phụ khoản được đọc xong.

Mọi người đều hướng về phía Chủ tịch Hồ Chí Minh. Người nhìn lướt các điều khoản của bản hiệp định. Với cương vị là Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký đầu tiên.

Sau đó, Người chuyển bản hiệp định cho Vũ Hồng Khanh đứng gần đấy. Trước áp lực của quan thầy Tưởng, Vũ Hồng Khanh phải ngậm bồ hòn làm ngọt, ký tiếp theo, dưới danh nghĩa người đại diện đặc biệt cho Hội đồng Chính phủ.

Xanh-tơ-ni, người được ủy quyền thay mặt Chính phủ nước Cộng hòa Pháp, ký sau cùng.

Sáu mươi ba năm trước đây, với ít cỗ đại bác và mấy ngàn quân xâm lược, một tên Hác-măng nào đó, đã đưa cho nhà Nguyễn bản dự thảo hòa ước gồm 27 điểm, buộc triều đình Huế hoặc chấp nhận cả, hoặc bác cả, chứ không được thay đổi điểm nào. Vua tôi nhà Nguyễn đã phải cúi đầu nhận bản hòa ước sỉ nhục năm 1883. Một năm sau, triều đình Huế ký tiếp bản hòa ước Pa-tơ-nốt. Đó là bản hòa ước bán nước, đặt nước ta hoàn toàn dưới sự đô hộ của chủ nghĩa thực dân Pháp. Từ đó, mọi quyền tự do, độc lập của dân tộc đã mất, kể cả quyền bang giao với nước ngoài.

Cách mạng Tháng Tám đã mang lại những đổi thay kỳ lạ. Cả dân tộc Việt Nam từ bùn lấy, ngục tù, đau thương đứng dậy. Người Việt Nam nô lệ trở thành người Việt Nam tự do. Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa mới sinh đã đứng vững trong bão táp phong ba.

Hôm nay, kẻ thù có sau lưng những đội quân đông đảo với đủ máy bay, tàu chiến, xe bọc thép, đã phải tiến hành cuộc đàm phán với ta một cách bình đẳng. Chính phủ Pháp đã buộc phải chấp nhận cả những điều mà thâm tâm họ không muốn.

Kẻ đầu tiên thừa nhận nước Việt Nam tự do, lại chính là kẻ sáu mươi ba năm trước đây đã tước mọi quyền tự do của nước ta.

Ta nhận cho mười lăm nghìn quân Pháp vào miền Bắc Việt Nam trong một thời gian được quy định, để tống đi khỏi đất nước mười tám vạn quân Tướng tàn ác, đã từng tuyên bố ở lại đây vô thời hạn.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thay mặt nhân dân ta bày tỏ với nhân dân thế giới nguyện vọng chân thành mong muốn có hòa bình, một nền hòa bình chân chính, trong độc lập và tự do. Và nếu hòa bình chưa thể có được vì lòng tham và sự mù quáng của chủ nghĩa để quốc thì đây là những giây phút hòa hoãn để chuẩn bị cho một cuộc kháng chiến lâu dài, mà chúng ta tin nhất định sẽ giành được thắng lợi.

Lễ ký kết đã xong.

Đại diện nước Pháp nâng cốc chúc mừng Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngộ ý vui mừng vì đã đẩy lùi được bóng ma của một cuộc xung đột vũ trang. Bằng một giọng điểm đạm mà kiên quyết, Người nói: "Chúng tôi không thỏa mãn vì chưa giành được hoàn toàn độc lập, nhưng rồi chúng tôi sẽ giành được độc lập hoàn toàn". Kẻ thù đã

chịu lùi một bước cơ bản. Nhưng với ta, thắng lợi này chỉ mới là thắng lợi đầu tiên. Bến bờ thành công hãy còn xa. Người đã nói cho đối phương biết là cuộc chiến đấu của chúng ta sẽ tiếp tục cho đến thắng lợi cuối cùng.

"CỐ RÁN SỨC QUA KHỎI MÙA ĐÔNG LẠNH LẼO THÌ TA SẼ GẶP MÙA XUÂN".

"Công việc khẩn cấp bảy giờ" Bút ký của Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày 5 tháng 11 năm 1946

1

au buổi lễ ký Hiệp định Sơ bộ, Bác trở về Bắc Bộ Phủ.

Các nhà báo trong và ngoài nước được tin này đã kéo đến khá đông. Thấy Bác về, mọi người đổ xô tới chung quanh. Chủ tịch Hồ Chí Minh cho biết ta đã ký một bản Hiệp định Sơ bộ với Pháp. Bằng một giọng chậm rãi, Người thông báo vắn tắt những điều khoản chính của bản Hiệp định. Người nhấn mạnh đây mới chỉ là những thỏa thuận bước đầu; cuộc đàm phán chính thức giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Pháp sẽ được mở nay mai tại Hà Nội, Sài Gòn hoặc Pa-ri. Người cho các nhà báo biết là đại biểu Mỹ, Anh và Trung Hoa đã có mặt tại buổi ký kết.

Cách mạng lại chuyển sang một chặng đường mới. Cuộc đấu tranh tiếp tục chắc chắn sẽ không kém phần gay go, phức tạp. Hàng loạt công tác mới mẻ cùng một lúc đòi hỏi nhanh chóng được triển khai.

Thường vụ trao đổi thêm ý kiến về việc giải thích bản Hiệp định trong Đảng và trong nhân dân. Cần phải làm cho toàn Đảng và toàn dân hiểu rõ đường lối đúng đắn của ta, thắng lợi của cách mạng, đồng thời nhận thấy tình hình còn hết sức phức tạp, nêu cao tinh thần cảnh giác, sẵn sàng đối phó ngay nếu quân Pháp giở giáo. Chiếu hôm đó, Bác và các anh bàn cử người đi các nơi để thực hiện thỏa thuận ngừng bắn. Anh Hoàng Quốc Việt sẽ dẫn đầu một phái đoàn vào Nam Bộ khi có phương tiện giao thông. Sáng hôm sau, anh Hoàng Minh Giám đáp máy bay đi Đà Nẵng. Tôi được phân công xuống Hải Phòng ngay tối hôm đó. Lơ-cléc đã đề nghị cho gặp người

thay mặt Chính phủ ta. Theo ý Bác, tôi sẽ dự buổi mít tinh giải thích hiệp định tại Hải Phòng, nơi quân Pháp được phép đổ bộ đầu tiên trên miền Bắc.

Hà Nội vắng hơn mọi ngày vì lệnh tân cư. Tối hôm đó, trên các đường phố im lặng bỗng vang lên những tiếng loa. Các đội viên tuyên truyền xung phong hô hào đồng bào đón đọc báo Cứu quốc sáng hôm sau có đăng những tin quan trọng. Quá nữa

đêm, tiếng gõ cửa làm thức giấc những nhân viên tòa soạn báo Cứu quốc. Mấy anh tự vệ đi tuần tra ghé vào yêu cầu cho biết tin quan trọng vừa loan báo đó là tin gì.

Đồng bào ta nói chung còn chưa biết rõ về cuộc thương lượng giữa ta và Pháp. Mấy hôm đó, những làn sóng mít tinh nổi lên ở các tỉnh; thư và điện tới tấp bay về Thủ đô nhiệt liệt hoan nghênh việc thành lập Chính phủ liên hiệp kháng chiến đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Một khí thế chiến đấu hùng hực dâng lên khắp nơi. Ai nấy đều bày tỏ quyết tâm sẵn sàng hy sinh đến giọt máu cuối cùng để bảo vệ đất nước.

Mờ sáng mồng 7, nhiều người đã đứng ở các ngả đường chờ mua báo. Tin về bản Hiệp định Sơ bộ vừa ký giữa Chính phủ ta và Chính phủ Pháp được đưa trên tờ Cứu quốc bằng những hàng chữ lớn. Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam dân chủ cộng hòa là một quốc gia tự do. Đôi bên sẽ ngừng chiến. Một đội quân gồm 10.000 người thuộc Quân đội Việt Nam sẽ cùng 15.000 quân Pháp làm nhiệm vụ tiếp phòng thay cho 180.000 quân Tưởng rút về nước.

Cũng trên tờ báo hôm đó, có đăng lời hiệu triệu của Ban thường trực Quốc hội nhân dịp thành lập Chính phủ liên hiệp kháng chiến. Ban thường trực kêu gọi đồng bào đã chuẩn bị càng phải chuẩn bị hơn nữa, đã đoàn kết càng phải đoàn kết hơn nữa, cần trấn tĩnh, tránh mọi sự khiêu khích, triệt để tuân theo mệnh lệnh của Chính phủ. Trong tình hình mới, những lời kêu gọi này vẫn giữ nguyên giá trị.

Hành động xâm lăng của thực dân Pháp tại Nam Bộ đã gây căm phẫn từ lâu trong nhân dân. Mọi người đều mong mỏi cơ hội chiến đấu tiêu diệt lũ giặc nước. Tin mười lăm nghìn quân Pháp sẽ tới miền Bắc có phần đột ngột đối với đồng bào ta. Và mặc dầu có chữ ký của Vũ Hồng Khanh ở bên dưới, bản hiệp định vẫn bị bọn Việt Nam Quốc dân Đảng xuyên tạc. Tuy nhiên, không hề có dấu hiệu của một sự xao xuyến lớn trong nhân dân. Đồng bào đã thấy người thay mặt chính của nhân dân ta ký hiệp định này là Chủ tịch Hồ Chí Minh. "Chắc là Cụ Hồ đã tính kỹ rồi", đó là ý nghĩ đầu tiên của đồng bào.

Buổi sáng, Xanh-tơ-ni lấy tư cách người thay mặt Chính phủ Pháp tới Bắc Bộ Phủ thăm Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đây là cuộc thăm viếng chính thức phản ánh mối quan hệ mới giữa nước Việt Nam và nước Pháp.

Một cuộc mít tinh lớn toàn thành được triệu tập vào 4 giờ chiều.

Tôi từ Hải Phòng về, tới địa điểm mít tinh trước cửa Nhà hát lớn thì thấy đồng bào đã đứng tràn khắp các ngả đường chạy vào quảng trường. Các đồng chí công an, tự vệ giữ trật tự phải vất vả mới mở được một lối cho đoàn xe của Chính phủ. Khác với mọi lần, trên nét mặt những người dự mít tinh đều biểu lộ về chờ đợi. Thực ra

không mấy ai hiểu rõ hết tình thế phức tạp và hiểm nghèo của đất nước vào lúc đó. Mặc dù đã đặt mọi niềm tin tuyệt đối vào người lãnh đạo của mình, đồng bào ta vẫn có những băn khoăn, suy nghĩ. Tại sao Pháp mới chỉ công nhận nước ta là một "Quốc gia tự do"? Liên bang Đông Dương là thế nào?... Liệu quân Tưởng có chịu rút thật hay không? Từ trước tới giờ chúng làm như sẽ ở lại mãi mãi trên đất nước này... Những băn khoăn đó đều chính đáng và cũng dễ hiểu.

Biển người im lặng. Tin tức về cuộc xung đột ở Hải Phòng sáng hôm qua đã bay về Hà Nội. Có những người biết lúc này đây, hạm đội Pháp đã thả neo trên sông Cửa Cám. Cũng có tin Lư Hán đã rời Trùng Khánh đáp máy bay sang Việt Nam. Mọi người đều hướng về phía bao lớn Nhà hát lớn, chờ đoàn chủ tịch buổi mít tinh ra mắt. Bỗng phía bên trái quảng trường xôn xao. Một tên phá hoại đã tung ra một trái lụu đạn. Vì hoảng hốt, nó quên mở chốt hãm. Thủ phạm bị tóm ngay tại chỗ. Theo lời khai của nó, bọn phản động đã đưa tới bốn nhóm tay sai để phá cuộc mít tinh. Thấy một tên trong bọn vừa hành động đã bị bắt quả tang, những tên kia vội vàng lẫn trốn.

Chủ tịch Hồ Chí Minh và Thường vụ nhận thấy cần nói rõ với đồng bào vì sao chúng ta đã ký Hiệp định Sơ bộ mồng 6 tháng 3. Đại diện của Chính phủ trình bày trước cuộc mít tinh những thuận lợi và những khó khăn của ta trong hoàn cảnh quốc tế rất phức tạp lúc đó. Do cuộc chiến đấu anh dũng của đồng bào ta, bọn thực dân phải từ bỏ ý định trước đây chỉ coi Việt Nam là một nước tự trị. Chính phủ Pháp buộc phải thừa nhận nước ta là một "Quốc gia tự do". "Tự do" khác nhiều với "tự trị". Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tự do có Chính phủ, Quốc hội, tài chính và quân đội của mình. Có thể nói là chúng ta đã giành được những quyền cơ bản về nội trị. Một khi quyền tự do đã giành được, chúng ta sẽ tiến tới giành độc lập, giành lấy độc lập hoàn toàn. Pháp muốn chiếm giữ Nam Bộ, coi đó là một chuyện đã rồi. Chính phủ ta đã vạch trần âm mưu này và kiên quyết lên án. Cuối cùng, Pháp chịu sẽ mở một cuộc trưng cầu ý dân về vấn đề thống nhất ba "kỳ" và cam đoan sẽ thừa nhận những kết quả của nó. Chúng ta đặt lòng tin vững chắc vào nhân dân ta, vào những người đang cầm vũ khí anh dũng đánh trả bọn cướp nước. Cuộc đấu tranh còn phải tiếp tục. Nhưng Nam Bộ nhất định sẽ trở về trong lòng Tổ quốc. Việc quân Pháp vào miền Bắc thay thế quân

Tư ợng là một điều đư ợc thỏa thuận giữa các nư ớc đồng minh. Ta không muốn có bất cứ một quân đội nư ớc ngoài nào trên đất nư ớc ta. Như ng hơn một vạn quân Pháp vào thì gần hai chục vạn quân Tư ợng sẽ phải rút đi. Và quân Pháp cũng sẽ phải rút khỏi nư ớc ta. Chúng ta điều đình với Pháp để tạo những điều kiện thuận lợi mới cho cuộc đấu tranh sẽ còn phải lâu dài, chúng ta sẽ tìm mọi cách cũng cổ và

phát triển vị trí chính trị, lực lượng quân sự và kinh tế của ta để tiến tới giành độc lập và thống nhất hoàn toàn cho đất nư ớc.

Đồng bào nghe giải thích rõ chủ trương ký Hiệp định Sơ bộ mồng 6 tháng 3 đã biểu lộ sự đồng tình bằng những tràng vỗ tay kéo dài.

Sau đó, đến lượt Vũ Hồng Khanh phát biểu ý kiến. Y chậm chạp bước ra trước máy phóng thanh. Đứng trước đồng bào, Khanh buộc phải hô hào dân chúng ủng hộ những hoạt động ngoại giao của Chính phủ. Giọng nói của y rời rạc, lạt lẽo. Người nghe đáp lại bằng những tiếng vỗ tay lê tê, chiếu lệ.

Đột nhiên, tiếng hò reo vang dậy cả quảng trường. Chủ tịch Hồ Chí Minh với vầng trán cao, chòm râu đen, dáng người mảnh khảnh, vừa xuất hiện trên bao lớn Nhà hát lớn. Trong chương trình, không báo trước sự có mặt của Người. Tiếng vỗ tay hoan hô kéo dài rất lâu. Người phải nhiều lần giơ tay ra hiệu để nghị đồng bào im lặng.

Người chỉ nói ít lời ngắn gọn.

Nước ta đã tuyên bố độc lập từ tháng 8 năm 1945. Nhưng tới nay chưa một cường quốc nào công nhận nên độc lập của ta. Cuộc điều đình với nước Pháp sẽ mở ra con đường làm cho quốc tế thừa nhận ta. Nó sẽ dẫn ta đến một vị trí ngày càng chắc chắn trên trường quốc tế. Đó là một thắng lợi lớn về mặt chính trị. Chúng ta đã trở thành một quốc gia tự do trên thế giới. Theo hiệp định thì quân Pháp sẽ lần lượt phải rút hết khỏi Việt Nam. Điều đình với Pháp là chứng tỏ sự khôn ngoan về chính trị của chúng ta. Đồng bào hãy nên bình tĩnh, đoàn kết, trong kỷ luật. Chúng ta luôn luôn coi người Trung Hoa là anh em. Chúng ta có nhiều bè bạn... Và trên hết, chúng ta có một Chính phủ được toàn dân ủng hộ. Tuy vậy, chúng ta phải cảnh giác và sẵn sàng...

Người im lặng giây lát rồi nói tiếp:

- Tôi, Hồ Chí Minh, suốt cuộc đời đã cùng đồng bào chiến đấu cho độc lập của Tổ quốc. Tôi thà chết chứ không bao giờ bán nước.

Đồng bào chăm chú lắng nghe từng lời của Bác. Nhiều người ứa nước mắt. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói trước dân tộc một lời thề. Cuộc đấu tranh vô cùng phức tạp, có quan hệ lớn đến vận mệnh của dân tộc đang

còn diễn biến. Những người lãnh đạo không thể nói công khai tất cả mọi tình hình, mọi chủ trương. Trước một hoàn cảnh như vậy, vấn đề chủ yếu là giữ vững lòng tin.

Đồng bào ta đã biểu lộ một niềm tin tuyệt đối ở Chủ tịch Hồ Chí Minh. Những tiếng hô khẩu hiệu dồn dập vang lên trên quảng trường: "Kiên quyết tranh đấu giành độc lập và thống nhất hoàn toàn", "Kiên quyết tuân theo mọi mệnh lệnh của Chính phủ và Hồ Chủ tịch", "Chủ tịch muôn năm"...

2

SỐI mồng 6 tôi xuống Hải Phòng.

Thành phố Cảng còn khét mùi thuốc súng. Kho đạn của quân Tướng ở bến thỉnh thoảng vẫn phát ra tiếng nổ. Buổi sáng, khi cuộc xung đột bắt đầu, đồng bào tự động khiêng giường, tủ, bàn ghế ra chặn các ngả đường. Ở vùng ngoại ô, các đội tự vệ đã chặt cây cối, dựng vật chướng ngại. Xe chúng tôi chạy qua những phố vắng lặng. Nhiều ngôi nhà, cửa đóng im lìm. Tự vệ mặc quân phục màu nâu, đứng gác ở đầu phố. Hải Phòng sẵn sàng đi vào cuộc chiến đấu.

Chúng tôi về Thành bộ Việt Minh. Bí thư Thành ủy hồi đó là anh Lê Quang Đạo. Các đồng chí ở Thành ủy cho biết buổi chiều, bọn Quốc dân Đảng tại trụ sở xế cửa Nhà hát thành phố Hải Phòng đã treo cờ và dùng loa phóng thanh om sòm quảng cáo "chiến công" của quan thầy Tướng.

Tại đây cũng giống như ở Hà Nội, từ hồi tháng 9 năm trước, để tránh va chạm với quân Tướng, các đơn vị Vệ quốc đoàn đã tạm giãn ra vùng chung quanh. Trong thành phố chỉ có những đồng chí cảnh vệ và các đội tự vệ. Lực lượng tự vệ phần lớn gồm anh em công nhân và dân nghèo, được tổ chức theo từng khu phố. Nơi nhiều, có một đại đội. Nơi ít, có một trung đội. Vũ khí do anh em tự xoay xổ, mua của Nhật, của Tướng hoặc tìm cách lấy của chúng. Có những đội tự vệ được trang bị khá mạnh như đội tự vệ khu Bảy. Các đoàn thể công nhân cứu quốc, thanh niên cứu quốc... cũng tổ chức ra những đội vũ trang tự vệ. Toàn thành có một đại đội tự vệ chiến đấu gồm hai trăm người, ở tập trung. Ngoài ra, nhiều đồng bào không đứng trong các tổ chức tự vệ, cũng tự động mua súng ngắn, lựu đạn phòng khi giặc đến.

Hải Phòng nhận được thông báo của Thường vụ về tình hình nghiêm trọng từ mấy ngày trước. Nhiều người già và trẻ em đã tản cư. Thành ủy chuẩn bị kế hoạch đưa toàn bộ đồng bào ra ngoài và tiến hành tiêu thổ khi

có lệnh. Những mũi súng đã sẵn sàng ở khắp nơi, chờ đợi quân địch xuất hiện. Khi cuộc xung đột Tướng - Pháp nổ ra, thái độ mọi người rất bình tĩnh. Anh em tự vệ ở Cảng đã nhân lúc kho đạn của quân Tướng bị cháy, kiếm thêm một số vũ khí.

Sáng mồng 7, phía Pháp chưa tổ chức kịp cuộc tiếp xúc giữa đại diện Chính phủ ta với tướng Lơ-cléc, đề nghị chuyển đến chiều. Nhưng tôi mắc dự mít tinh với đồng bào Hải Phòng và sau đó phải trở về ngay Hà Nội theo lời dặn của Bác, nên hẹn hôm sau. Anh Phan Mỹ ở lại làm công việc chuẩn bị.

Cuộc mít tinh của đồng bào Hải Phòng được tổ chức tại bến xe cạnh sông Lấp. Một lễ đài khá cao đã được dựng lên. Thành phố vắng về nhưng người đến dự mít tinh rất đông. Đây là những người có nhiệm vụ ở lại để bảo vệ thành phố. Dân Hải Phòng gồm phần lớn là những người lao động. Đội ngũ của những người đến dự mít tinh ít màu sắc nhưng rắn chắc và đầy khí thế chiến đấu. Tôi trình bày với đồng bào vì sao Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chính phủ đã đồng ý mở cuộc điều đình với Pháp, giải thích nội dung bản hiệp định và yêu cầu đồng bào đoàn kết chặt chẽ, hết sức cảnh giác, triệt để chấp hành mọi mệnh lệnh, chính sách của Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Những tiếng hô "Hồ Chủ tịch muôn năm" vang tới sông Cửa Cấm nơi có những tàu chiến Pháp. Vũ Hồng Khanh cùng đi với tôi xuống Hải Phòng, hôm đó cũng đến dự cuộc mít tinh. Khanh được mời phát biểu, nhưng y từ chối với cớ là ít thời giờ.

Chiều hôm đó, anh Phan Mỹ gặp Lơ-cléc. Viên tướng này đã nói một cách ngạo mạn: "Chúng tôi đã ra đi và chúng tôi vẫn cứ đến mặc dầu có sự ưng thuận của các ông hay không". Y nói bọn Tướng tại đây đã đồng ý cho quân Pháp đổ bộ và yêu cầu phía Việt Nam cũng sẽ làm như vậy. Anh Phan Mỹ đã từ chối trả lời mọi đề nghị của Lơ-cléc.

Ngày mồng 8, tôi trở lại Hải Phòng...

Một số quân Pháp do được bọn Tướng thỏa thuận cho lên bờ, căng lều ở dọc sông. Chúng đổ bộ nhiều xe tăng và xe bọc thép. Hầu hết trang bị của quân Pháp đều do Mỹ chế tạo, từ xe bọc thép, pháo lớn đến quần áo, ba-lô. Rồi đây nếu cuộc kháng chiến nổ ra, chúng ta sẽ đánh với quân đội viễn chinh Pháp được trang bị bằng vũ khí Mỹ.

Một viên tướng đứng tuổi, dáng người to lớn, thái độ mềm mỏng, lịch thiệp lên bến đón đại diện của Chính phủ ta. Đó là Van-luy.

Một chiếc tàu nhỏ đưa tôi ra gặp Lơ-cléc. Viên tổng chỉ huy của quân đội viễn chinh Pháp là một trong số những viên tướng hiếm hoi nổi tiếng ở nước

Pháp trong mấy năm vừa qua. Báo chí Pháp ca ngợi y đã cầm đầu một sư đoàn xe bọc thép đổ bộ vào bò biển Noóc-măng-đi và sau đó đã chiến đấu tại Đức. Y là người

được Đò Gôn trao trách nhiệm mang quân chiếm lại các thuộc địa cũ của Pháp ở Đông Dương.

Lô-cléc đứng đợi trên boong con tàu Xê-nê-ga-le được thả neo ở sông Cửa Cấm. Viên tướng bốn sao này từ dáng dấp đến lời ăn tiếng nói đều biểu thị một phong cách nhà binh chuyên nghiệp. Lô-cléc cao và gầy trong bộ quân phục dã chiến. Trên khuôn mặt xương xương, một cặp mắt sâu, một bộ râu mép lấm tấm điểm bạc. Nét mặt tươi cười của y dường như dễ nhanh chóng chuyển sang cau có.

Sau cái bắt tay và mấy câu nghi lễ xã giao, với một giọng không lấy gì làm nhã nhặn, Lô-cléc nói:

- Tôi yêu nước Pháp. Tôi muốn bất kỳ ở đâu danh dự của nước Pháp cũng được tôn trọng.

Tôi thấy khó chịu, tự kiềm chế, đáp:

- Tôi là một người cộng sản chiến đấu cho độc lập của đất nước chúng tôi. Tôi nghĩ rằng những người yêu nước chân chính thì bao giờ cũng biết tôn trọng lòng yêu nước của những người khác.

Không khí cuộc nói chuyện dịu dần. Tôi nhắc đến cuộc chiến đấu cực kỳ anh dũng của nhân dân ta chống phát xít Nhật để tự giải phóng khỏi xiềng xích nô lệ, rồi nói tiếp:

- Ông đã từng chiến đấu chống phát xít Đức, tất nhiên cũng có chỗ để chúng ta hiểu nhau.

Lô-cléc đưa tôi vào căn buồng khách của con tàu. Y giới thiệu những sĩ quan có mặt. Cuộc trao đổi ý kiến tiếp tục. Lô-cléc hứa sẽ cố giữ vững tình giao hảo Pháp - Việt. Y hay nhấn mạnh đến vai trò cá nhân của mình. Chúng ta bàn với Lô-cléc việc thi hành Hiệp định Sơ bộ về mặt quân sự. Trong lúc chờ đợi một hiệp nghị chính thức giữa hai chính phủ, cần phải xác định những địa điểm, ấn định số quân Pháp được tới ở từng nơi khi quân Pháp cùng bộ đội Việt Nam tiếp phòng quân Tướng.

Qua cuộc gặp này, chúng ta và Bộ chỉ huy quân đội Pháp đã đồng ý sẽ mở những phiên họp liên tịch để đi tới những thỏa thuận về tổ chức, hoạt động của các lực lượng làm nhiệm vụ tiếp phòng và vấn đề thực hiện ngừng bắn.

11 on thuyền cách mạng đang luôn những mỏm đá ghềnh...". Những dự kiến đề ra trong bản chỉ thị "Tình hình và chủ trương" ngày 3 tháng 3 đã được thực tế chứng minh là hoàn toàn chính xác. Với Hiệp định mồng 6 tháng 3, cách mạng lại đứng trước một khúc ngoặt. Ngay sau khi ký hiệp định, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã họp để đánh giá lại tình hình và đề ra chủ trương mới.

Những nguyên nhân nào đã dẫn tới việc Pháp phải từ bỏ bản tuyên ngôn ngày 24 tháng 3 năm 1945 của Đô Gôn để ký hiệp định này?

Trước hết là do sức mạnh đoàn kết chiến đấu của nhân dân ta. Đó là nhân tố quyết định quan trọng bậc nhất. Những năm đánh Nhật của ta, cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám vĩ đại và cuộc kháng chiến anh dũng tại Nam Bộ gần sáu tháng qua đã làm cho kẻ thù nhận thấy sức mạnh mới đó. Đứng trước cả một dân tộc đã vùng dậy khởi nghĩa giành lấy chính quyền, cầm vũ khí quyết tâm chiến đấu bảo vệ độc lập, tự do, ngay cả những viên tướng của thực dân như Lơ-clc cũng phải suy nghĩ trước khi có những hành động phiêu lưu quân sự mới. Mặt khác, cần kể tới những khó khăn của bản thân chủ nghĩa để quốc Pháp. Giai cấp tư sản Pháp đã bị suy yếu sau những năm Chiến tranh thế giới lần thứ hai. Trong nước, chúng phải đương đầu với phong trào đấu tranh ngày càng lớn mạnh của các lực lượng dân chủ. Tại Đông Dương, mâu thuẫn giữa Pháp và Tưởng nhìn chung có chiều dịu đi, nhưng vẫn làm cho Pháp e ngại. Tình hình trên đã buộc Pháp trước mắt phải tìm một giải pháp mới với chúng ta.

Hiệp định mồng 6 tháng 3 đối với chúng ta mới chỉ là thắng lợi bước đầu. Cuộc đàm phán giữa ta và Pháp đang tiếp tục. Toàn Đảng, toàn dân cần phải làm gì trong lúc này?

Pháp chưa chịu công nhận nền độc lập của các nước Đông Dương. Cuộc cách mạng giải phóng dân tộc tại các nước Đông Dương chưa hoàn thành. Mục tiêu của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn này vẫn là hoàn toàn giải phóng Tổ quốc, thống nhất đất nước, củng cố chế độ dân chủ cộng hòa. Muốn hoàn toàn giải phóng Tổ quốc, phải chống chủ nghĩa thực dân. Nay Chính phủ Pháp đã ký Hiệp định Sơ bộ, tình hình có chỗ khác. Về sách lược, chúng ta cần xác định rõ kẻ thù cụ thể lúc này để tập trung mũi nhọn vào chúng.

Ba tháng trước đây, trong bản chỉ thị "Kháng chiến và kiến quốc" ngày 25 tháng 11 năm 1945, Ban Chấp hành Trung ương Đảng sau khi

phân tích tình hình đã xác định: Kẻ thù chính của ta lúc này là thực dân Pháp xâm lược. Trong tình hình mới, Thường vụ chỉ ra: Kẻ thù cụ thể trước mắt lúc này là bọn phản động Pháp. Bọn phản động này đang tìm mọi cách chống phá phong trào dân chủ tại Pháp. Chúng chủ trương câu kết với đế quốc Mỹ và đế quốc Anh để bao vây Liên Xô. Chúng vẫn mưu toan đặt lại nền thống trị thực dân tại Đông Dương. Trước mắt, chúng đang phá hoại sự thống nhất của Việt Nam, ngăn cản cuộc đấu tranh giành độc lập hoàn toàn của nhân dân ta.

Từ khi Pháp quyết định dùng võ lực để đánh chiếm Nam Bộ, ta đã nêu lên việc tổ chức Mặt trận dân tộc thống nhất chống thực dân Pháp xâm lược. Trước tình thế mới, Mặt trận dân tộc thống nhất phải chĩa mũi nhọn vào bọn phản động Pháp.

Một số khẩu hiệu mới được nêu lên: "Liên hiệp và bình đẳng với nước Pháp mới", "Hai dân tộc Việt - Pháp liên hiệp chống bọn phản động Pháp".

Về quân sự, chúng ta phải ra sức giữ vững và bồi đắp thực lực, đề phòng mọi bất trắc. Đồng thời, ta phải đẩy mạnh cuộc đấu tranh trên các mặt trận mới: Chính trị, kinh tế và văn hóa.

Từ sự chuyển hướng về chiến thuật nói trên, Ban Thường vụ dự kiến những điều có thể xảy ra và nêu lên một số công tác.

Cần phải giải thích thật sâu rộng để cho đồng bào hiểu rõ ký Hiệp định Sơ bộ là một chủ trương đúng đắn, thấy đây là một thắng lợi của ta. Lại phải chống tư tưởng cho rằng ký xong với Pháp là đã hết mọi khó khăn, lơ là việc chuẩn bị chiến đấu.

Ta phải thiết thực đề phòng thực dân Pháp bội ước.

Chúng có thể không chịu thi hành những điều khoản đã cam kết hoặc xuyên tạc nội dung của bản hiệp định. Cũng có thể là sau khi quân Pháp đổ bộ, đóng tại một số căn cứ rồi, bọn thực dân sẽ trở mặt kiếm chuyện tiến công ta nhằm lật đổ chính quyền nhân dân. Bảo vệ những thành quả mà cách mạng đã giành được là một nhiệm vụ cơ bản hết sức trọng yếu. Thường vụ nhấn mạnh phải tiếp tục những việc chuẩn bị kháng chiến lâu dài. Ở những nơi quân Pháp đến đóng, ta nên giữ thái độ bình tĩnh và tổ chức ra ủy ban liên lạc để giải quyết những vấn đề có liên quan giữa hai bên. Ta phải nhanh chóng tổ chức, giáo dục nhân dân địa phương luôn luôn cảnh giác đề phòng, đồng thời đẩy mạnh cuộc vận động binh lính Pháp làm cho quân Pháp hiểu được cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân ta.

Đối xử với bọn Tưởng lúc này cần hết sức khéo léo. Hiệp định mồng 6 tháng 3 đã đặt chúng trước một tình thế mới. Chúng thấy rõ sẽ không duy

trì được như cũ các quyền lợi của chúng ở Đông Dương. Ta phải chống lại mưu mô của chúng nhằm kéo dài thời gian đóng tại đây, muốn biến Đông Dương thành một xứ nằm dưới quyền quản trị của quốc tế.

Bọn phản động trong nước đang có những thủ đoạn và mưu đồ mới. Chúng ra sức xuyên tạc việc ký hiệp định. Chúng tìm cách gây ra những vụ khiêu khích, tạo điều kiện cho thực dân Pháp kiếm cớ lấn bước ta hoặc xóa bỏ những điều đã ký kết. Bọn Quốc dân Đảng tay sai của Tưởng vẫn mưu toan tiến hành một cuộc đảo chính phản cách mạng. Nhân lúc bọn chúng hoang mang vì cảm thấy sắp bị Tưởng bỏ

rơi, ta cần tìm cách phân hóa chúng, kéo những người lầm đường quay trở về với nhân dân. Bọn Việt gian thân Pháp có thể ngóc đầu dậy, câu kết với Pháp phá hoại cuộc đấu tranh giành độc lập của ta. Ta phải tìm mọi cách có hiệu lực ngăn ngừa không để chúng làm hại sự nghiệp chung.

Ban Thường vụ đã chỉ ra dã tâm của thực dân Pháp đối với vấn đề Nam Bộ.

Chúng sẽ cho rằng Hiệp định mồng 6 tháng 3 chỉ áp dụng cho Bắc Bộ và phần lớn Trung Bộ. Chúng sẽ xúc tiến trò hề "đòi tự trị", cố gắng tạo nên một chính phủ bù nhìn ở Nam Bộ nhằm tiếp tục chia cắt nước ta, đặt chúng 'a trước một "việc đã rồi".

Đối với cuộc trưng cầu ý dân ở Nam Bộ đã nêu trong hiệp định, chúng sẽ tìm cách kéo dài thời gian trước khi tiến hành để đàn áp phong trào kháng chiến, tăng cường lực lượng của bọn ngụy quân, ngụy quyền. Đồng bào ta sẽ không còn được tự do bày tỏ nguyện vọng của mình trong một cuộc trưng cầu ý dân dưới lưỡi lê của bọn xâm lược.

Chúng sẽ lợi dụng tình hình tranh tối tranh sáng trước khi hiệp định đình chiến được thực tế thi hành trong Nam Bộ mà lấn bước về quân sự và tiến công về chính trị. Chúng sẽ làm cho đồng bào ta chán nản, tạo cơ hội cho bọn phản cách mạng hoạt động.

Chủ trương của ta là kiên quyết đòi Pháp phải thi hành nghiêm chỉnh hiệp định đình chiến, phải thừa nhận quyền hoạt động của Việt Minh ở các vùng do quân Pháp tạm chiếm trong khi chờ đợi hiệp ước chính thức giữa ta và Pháp. Tại các thành phố tạm chiếm, sẽ dấy lên một phong trào đấu tranh chính trị mạnh mẽ đòi thống nhất đất nước.

Việc ký Hiệp định Sơ bộ đã tạo ra một thời kỳ hòa hoãn. Ta cần hết sức lợi dụng thời gian quý báu này để củng cố và phát triển lực lượng về mọi mặt làm cơ sở cho cuộc đấu tranh lâu dài.

Những điều trên đây đã được đề ra trong bản chỉ thị "Hòa để tiến", của Ban Thường vụ Trung ương ngày 9 tháng 3 năm 1946. Bản chỉ thị kết thúc bằng câu:

"Các đồng chí!

Tô quôc dang gap nhung buôc kho khan. Nhung con thuyen cach mang dang luon nhung mom da ghenh dê luct tôi. Chung ta HOA voi nuoc Phap dê gianh lay thai gian, bao toan thuc luc, giu vung lap truong dang mau TIEN tôi doc lap hoan toan".

ác-giăng-li-ơ trở về Pháp từ trung tuần tháng 2. Trong giới cầm quyền Pháp đã có những thay đổi trái với mong muốn của y. Tướng Đờ Gôn, quan thầy của Đác-giăng-li-ơ người trao cho y chức cao ủy ở Đông Dương, đã từ chức. Phê-lích Go-ăng, một đảng viên Đảng Xã hội được trao nhiệm vụ làm Chủ tịch Chính phủ lâm thời. Bộ thuộc địa trước kia do một người thân cận của Đờ Gôn nắm giữ, đã trở thành Bộ nước Pháp ở hải ngoại và chuyển sang tay Ma-ri-uýt Mu-tê cũng là người của Đảng Xã hội. Chính phủ Go-ăng với thành phần đa số là người thuộc Đảng Xã hội đã chấp thuận kế hoạch điều đình với Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa do Lơ-cléc đề nghị. Đác-giăng-li-ơ hoạt động ráo riết, tìm cách câu kết với những phần tử thuộc phái hữu trong giới cầm quyền mới của Pháp. Đến đâu, y cũng rêu rao: "Việt Minh là một đảng bài Pháp, không thể tin cậy; ông Hồ Chí Minh và các lãnh tụ Việt Minh đều là những kẻ phiến loạn cộng sản". Đầu tháng 3, viên cao ủy trở lại Sài Gòn.

Ngay sau khi Hiệp định Sơ bộ mồng 6 tháng 3 được công bố, Đác-giăng-li-ơ tung ra trên đài Sài Gòn một bài diễn văn. Viên cao ủy ca ngợi tinh thần quân đội Pháp trong những ngày Nhật làm đảo chính. Y nói Nhật chính là thủ phạm đã gây nên "những dục vọng xấu xa của những người dân bản xứ"; y muốn nói đến nguyện vọng đấu tranh giành độc lập của nhân dân Đông Dương. Viên cao ủy bày tỏ lòng biết ơn quân đội Anh đã giúp đỡ Pháp trở lại Nam Bộ. Y buộc phải nhắc tới điều đã ghi trong Hiệp định: "Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa có Chính phủ, Quốc hội, tài chính và quân đội của mình". Nhưng y lại nói thêm: "Tôi xin nhắc là Cao Miên cũng có chính phủ riêng, quân đội riêng, tài chính riêng và sắp có nghị viện riêng". Đác-giăng-li-ơ ca tụng những việc người Pháp làm ở Nam Bộ như là đã lập một hội đồng tư

vấn. Cuối cùng, y "chúc các giới ở Đông Dương sinh con đề cái nhiều và làm ăn thịnh vượng".

Bài diễn văn sặc mùi thực dân này lập tức bị các báo chí của ta đập lại mạnh mẽ.

Mồng 9 tháng 3 năm 1946, tại Pa-ri, Mu-tê - Bộ trưởng Bộ nước Pháp ở hải ngoại, trình Hiệp định Sơ bộ Việt - Pháp lên Hội đồng Chính phủ. Bản Hiệp định được Hội đồng Chính phủ Pháp phê chuẩn. Nhưng chỉ mấy hôm sau, ngày 14 tháng 3, chính Mu-tê lại tuyên bố là xứ Nam Kỳ sẽ có hiến pháp tự do và sẽ được "hưởng một chế độ riêng như nước Việt Nam dân chủ cộng hòa". Điều này cho thấy ta không nên trông chờ gì nhiều ở những người mệnh danh là đảng viên Đảng Xã hội đang nắm giữ quyền hành trong Chính phủ Pháp.

Đối với bản hiệp định mà Chính phủ Pháp vừa phê chuẩn, người Pháp tại Đông Dương có những lời nói và việc làm rất trái ngược nhau.

Ngày 13 tháng 3, Lô-cléc ra lời kêu gọi quân đội Pháp và người Pháp cần tỏ thái độ thân thiện với người Việt Nam. Xanh-tơ-ni viết trên tờ báo L'Entente xuất bản tại Hà Nội: "Không phải với sự tiếc thương vô ích một quá khứ đã lỗi thời mà có thể xây đắp được một tương lai tốt đẹp đầy đủ". Nhưng cùng thời gian đó, tại Nam Bộ, Pháp cho máy bay rải truyền đơn đòi quân đội Việt Nam phải mang vũ khí tới nộp. Ngày mồng 9 tháng 3, Pháp ấp trung quân ở Cà Mau, Rạch Giá... Chúng đem quân đánh úp nhiều vị trí của bộ đội ta. Các lực lượng vũ trang của ta kiên quyết chiến đấu để tự vệ. Tiếng súng vẫn tiếp tục nổ ở Nam Bộ. Trên miền Bắc, bọn Pháp vừa được đổ bộ ở Hải Phòng đã có những lần tự ý di chuyển không xin phép ta.

Trung tuân tháng 3, nhung ngudi cam dau Viet Nam Cach mang dong minh Hoi va Viet Nam Quoc dan Dang thoa thuan vdi ta ra ban Thong lenh ve viec thong nhat hanh chinh va thong nhat quan doi. Cac dang phai se thanh that hop tac, khong cong kich, bat b6 lan nhau, khong doa nat dan, tu do tuyen truyen trong vong phap luat, va tuyeet doi tuan theo mehn lenh Chinh phu.

Bản Thông lệnh vừa được công bố trên các báo hôm trước thì ngay hôm sau, 16 tháng 3, bọn Quốc dân Đảng cho một lũ tay sai kéo đi trên đường phố hò la những khẩu hiệu phản đối và xuyên tạc việc ký Hiệp định Sơ bộ. Khi chúng tới vườn hoa Hàng Đậu thì cảnh sát của ta bắt giải tán. Ba đồng chí công an bị thương trong khi làm nhiệm vụ. Quốc dân Đảng vẫn tiếp tục tổ chức những cuộc bắt cóc trong thành phố.

Tình hình diễn ra không ngoài những điều Thường vụ đã dự kiến trong chỉ thị "Hòa để tiến". Một giai đoạn đấu tranh mới phức tạp và không kém phần quyết liệt đã mở đầu.

Hai ngày sau khi ký Hiệp định Sơ bộ, Chủ tịch Hồ Chí Minh gặp các khu trưởng và đại đội trưởng tự vệ thành Hà Nội tại tòa thị chính. Bác nói: "Ký hiệp định đình chiến này không phải là đã hết chiến tranh đâu. Thái độ ôn hòa, nhã nhặn của ta đối với quân đội Pháp không phải là thái độ nhu nhược, thụ động. Trái lại, hơn bao giờ hết, ta phải luôn luôn chuẩn bị để bồi dưỡng lực lượng, nâng cao tinh thần kháng chiến của toàn dân để đối phó với những việc bất ngờ bất cứ lúc nào cũng có thể xảy ra. Tình thần kháng chiến, sự chuẩn bị chu đáo phải là thường trực, tiếp tục không một giây, một phút nào ngừng...". Người đã nói chuyện với anh em trong suốt một giờ rưỡi.

Trong thư gửi cho đồng bào và các chiến sĩ Nam Bộ ngày 11 tháng 3, Bác viết:

"Trong thời kỳ đình chiến này, nhất là trong lúc quân đội hai bên cần phải đứng lại vị trí hiện thời, sự chuẩn bị, sự cũng cố lực lượng, sự tôn trọng kỷ luật là cần thiết

hơn lúc nào hết. Và rồi đây, khi hòa bình đã thực hiện được thì tinh thần phấn đấu của anh em là những lực lượng quý báu để bảo đảm cho nền độc lập hoàn toàn của nước nhà sau này".

Ngày 13 tháng 3, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết thư gửi đồng bào, gửi các chính phủ và nhân dân thế giới tối cáo phía Pháp có những hành động trái với tinh thần hiệp định. Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi đồng bào bình tĩnh, sẵn sàng chờ lệnh. Người kêu gọi nhân dân và các chính phủ trên thế giới, nhất là nhân dân Pháp hãy ủng hộ chính nghĩa, đấu tranh đòi Chính phủ Pháp phải thi hành hiệp định. Cùng ngày, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thông điệp nhắc phía Pháp về việc mở cuộc đàm phán chính thức, vì theo như đã thỏa thuận thì cuộc đàm phán sẽ phải bắt đầu ngay.

Những làn sóng mít tinh lại nổi lên khắp các nơi. Tại Hà Nội, mười vạn người họp mặt ở Việt Nam học xá yêu cầu Pháp phải đình chỉ những hành động trái hiệp định, phải lập tức mở cuộc đàm phán chính thức ở Pa-ri. Quần chúng hô vang những khẩu hiệu: "Ủng hộ Hồ Chủ tịch", "Sẵn sàng tuân theo mệnh lệnh của Chính phủ", "Nam Bộ là đất Việt Nam"...

Mặc dầu những hoạt động chống phá của bọn phản động, ta vẫn kiên trì chính sách đoàn kết các đảng phái. Một cuộc liên hoan lớn giữa Việt Minh, Việt Nam Cách mạng đồng minh Hội và Việt Nam Quốc dân Đảng được tổ chức tại Nhà hát thành phố ngày 17 tháng 3. Anh Đồng thay mặt cho Việt Minh trình bày lại sự cần thiết phải đoàn kết chung quanh Chính phủ liên hiệp kháng chiến và bày tỏ nguyện vọng đoàn kết của Việt Minh. Giữa buổi liên

hoan thì Bác tới. Tiếng hoan hô vang động cả hội trường. Toàn thể đại biểu đều đứng dậy. Ban âm nhạc Vệ quốc đoàn cử bài "Hồ Chí Minh muôn năm".

Những phần tử phản động của Việt Nam Quốc dân Đảng trong Chính phủ liên hiệp chủ trương nên tìm chỗ dựa ở Tưởng và Mỹ. Ngày 12 tháng 3, Nguyễn Tường Tam tới Bộ Ngoại giao nhận chức, tuyên bố: "Trung Hoa và Mỹ có nhiệm vụ duy trì nền hòa bình ở Viễn Đông". Y luôn luôn nhắc tới việc cần liên hệ với Mỹ, cần tranh thủ sự giúp đỡ của Mỹ và Tưởng về mọi mặt. Nguyễn Tường Tam đề nghị tổ chức ngay một phái đoàn thân thiện sang Trùng Khánh để thắt chặt tình thân hữu Hoa - Việt. Chắc chắn đây là ý của các quan thầy y. Vĩnh Thụy khi đó là người đứng đầu Ngoại giao ủy viên hội, có nhiệm vụ đề đạt ý kiến với Chính phủ về công tác ngoại giao, tán thành đề nghị của Tam. Vĩnh Thụy ngỏ ý muốn được đi Trùng Khánh. Bọn Tưởng ở Hà Nội cũng gợi ý với ta nên để cho Vĩnh Thụy đi. Về sau ta được biết là khi đó Mác-xan đang có mặt ở Trùng Khánh. Có thể là để quốc Mỹ đã nhìn thấy ở Vĩnh Thụy con bài một ngày kia chúng sẽ dùng tới. Việc cử một phái đoàn đi Trùng Khánh trước mắt cũng có tác dụng hòa hoãn mâu thuẫn giữa ta với bọn Tưởng.

Chính phủ ta đồng ý. Đây là một thử thách rất nghiêm trọng đối với Vĩnh Thụy. Ông ta đã có được một câu nói hay hồi tháng 8 năm ngoái: "Thà làm công dân một nước tự do còn hơn làm vua của một nước nô lệ". Mai đây, ông ta sẽ lại đứng trước hai ngả đường: Tiếp tục đi với nhân dân hay trở lại cuộc đời hại dân, hại nước? Trước khi quân Pháp đến Hà Nội thì Vĩnh Thụy rời Thủ đô để sang Trung Hoa trên một chiếc máy bay của Mỹ. Chặng đường ngắn ngủi đi với nhân dân của ông vua cuối cùng triều Nguyễn đã kết thúc. Sau ngày cuộc kháng chiến toàn quốc nổ ra ít lâu, Bác cử người sang Hồng Công gặp Vĩnh Thụy, mời y trở về nước tham gia kháng chiến. Vĩnh Thụy chối từ. Đầu tháng 12 năm 1948, Vĩnh Thụy thuê một chiếc máy bay Ca-ta-li-na về Vịnh Hạ Long để gặp Bô-la-e, người thay Đác-giăng-li-ơ giữ chức cao ủy của Pháp tại Đông Dương. Cuộc mặc cả của Vĩnh Thụy với "ông chủ cũ" để trở lại cuộc đời bù nhìn nô lệ bắt đầu.

5

Ộ tụ t uần sau khi bản Hiệp định Sơ bộ được ký tại Hà Nội, bộ tổng tham mưu quân đội Quốc dân Đảng Tướng Giới Thạch mới đi đến thỏa thuận để quân Pháp thay thế quân Tướng làm nhiệm vụ tiếp phòng tại miền Bắc Đông Dương. Bản thỏa ước này được công bố ngày 13 tháng 3 ở

Trùng Khánh. Thời hạn Tướng rút quân sẽ bắt đầu từ ngày 15 tháng 3 và kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 1946. Về mặt pháp lý, hai chục vạn quân Tướng đã không còn có gì để tiếp tục ở lại trên miền Bắc Đông Dương.

Tại Hà Nội, lần đầu tiên từ sau khi quân Tướng vào, các chiến sĩ tự vệ thành mang vũ khí nay mới lại xuất hiện. Ở các đầu phố hôm trước chỉ có những tên lính Tướng của quân đoàn 53, đội mũ sắt in hình mặt trời trắng có đường viên răng cưa, đứng gác trong u cát. Hôm nay, có thêm những anh tự vệ đội mũ ca-lô gắn phù hiệu vuông nền đỏ sao vàng, đứng giữ trật tự, tư thế đàng hoàng, súng cầm tay, lựu đạn giắt ngang hông. Hình ảnh đó nói lên một sự đổi thay. Thành phố đã có một sắc thái mới, một khí thế mới.

Ngày 18 tháng 3, một nghìn hai trăm binh lính Pháp được phép đến Hà Nội chuẩn bị thay thế quân Tướng. Phía ta và phía Pháp đều ra thông cáo yêu cầu nhân dân Việt Nam và người Pháp phải có thái độ bình tĩnh, tránh để xảy ra những hành động đáng tiếc.

Dọc đường quân Pháp đi qua, đồng bào và các lục lượng vũ trang ta chuẩn bị sẵn sàng, để phòng trường hợp bất trắc.

Theo quy định của ta, mỗi đoàn xe Pháp đều phải cắm cờ Việt Nam và có sĩ quan liên lạc của ta đi kèm. Súng gắn trên xe phải bọc vải kín. Khi tới Hà Nội, các xe phải đi vào từng tốp một.

Hai trăm chiếc xe nhà binh Pháp rời Cảng Hải Phòng từ buổi sớm, nhưng mải đến gần trưa những chiếc xe đầu tiên mới tới đầu cầu Long Biên. Đoàn xe quân sự Pháp với nhiều xe bọc thép có sĩ quan liên lạc ta đi kèm, vẫn bị chặn lại trước những cây tre chắn đường ở các trạm gác của dân quân ta.

Ở những phố quân Pháp kéo qua, nhà nào nhà ấy cửa đóng kín. Trên đường, không có ai ngoài những đồng chí công an giao cảnh ở các ngã ba và những chiến sĩ tự vệ đứng gác. Đập vào mắt đoàn quân viễn chinh là những băng vải căng ngang đường mang những khẩu hiệu: "Nước Việt Nam của người Việt Nam", "Nam Bộ là đất Việt Nam"... bằng chữ Việt và chữ Pháp. Một số kiểu dân Pháp tự tập dọc đường Tràng Thi không làm thay đổi được không khí lạnh nhạt của cả thành phố giống như người chủ nhà đang ngoảnh đi trước người khách mà mình không muốn tiếp.

Năm giờ chiều hôm đó, Lơ-clc dẫn đầu một phái đoàn gồm có: Xanh-tơ-ni, Pi-nhông, Xa-lăng, Van-luy tới Bắc Bộ Phủ. Lơ-clc nhanh nhâu bước lên bậc thêm, chào Chủ tịch Hồ Chí Minh, và tươi cười mở đầu cuộc nói chuyện bằng câu:

- Thưa Chủ tịch, người Việt Nam và người Pháp chúng ta bây giờ đã trở thành những người bạn.

Bác mời Lô-clc cùng ngồi trên chiếc ghế dài ở phòng khách. Viên tổng chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp nâng cốc chúc mừng sức khỏe Chủ tịch Hồ Chí Minh. Lô-clc bày tỏ lòng mong muốn cuộc đàm phán chính thức giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Pháp sớm mở ngày nào hay ngày ấy để hai dân tộc Việt Nam và Pháp có thể cộng tác mưu hòa bình và cùng hưởng hạnh phúc.

Vài hôm sau, để biểu lộ tinh thần hợp tác và thân thiện, Lô-clc đề nghị với ta cùng tổ chức một cuộc duyệt bình chung giữa quân đội Việt Nam và quân Pháp.

Một tiểu đoàn Vệ quốc quân với đầy đủ trang bị được điều từ ngoại thành vào. Bộ đội ta mặc dầu chưa có nhiều thời giờ tập về đội ngũ, đã tỏ ra rất tề chính và hùng dũng. Các chiến sĩ mặc đồng phục màu lá cây, đi giày da, vác súng cắm lưỡi lê trần. Cán bộ chỉ huy đeo kiếm dài dẫn đầu đơn vị của mình. Đoàn quân rầm rập tiến bước vừa đi vừa hát. Những lời ca trầm hùng bốc lên từ những con tim hừng hực ngọn lửa cách mạng đã gây nên một sự xúc động mạnh mẽ. Người Pháp lần đầu nhìn thấy một đơn vị chính quy của ta, đã có cặp mắt vì nể.

Sau buổi duyệt binh, bộ đội ta đi một vòng trên các phố lớn trước khi quay về doanh trại. Từ lâu, đồng bào Hà Nội lại mới thấy một đoàn Vệ quốc quân với đầy đủ vũ khí xuất hiện giữa Thủ đô. Người đi đường dừng bước, người trong nhà đổ ra đứng chật hai bên hè phố. Tiếng hò reo hân hoan nổi lên suốt dọc đường đoàn quân diễu qua.

6

rong tháng 3 quân Tướng vẫn chưa chịu rút. Một số lớn quân Nhật chưa được hồi hương. Lại có thêm mấy nghìn quân Pháp. Quân Pháp gồm những tên mới sang, chiêu mộ ở nhiều nước: Pháp, Đức, các nước Bắc Phi và những lính Pháp ở đây từ trước, bị Nhật bắt hồi ngày mồng 9 tháng 3 năm 1945 vừa được thả ra và trang bị lại. Trên các đường phố Hà Nội, quân lính nước ngoài đông hơn hồi cách mạng mới thành công.

Nhưng tình hình cũng đã khác với khi quân Tướng mới kéo vào.

Trước kia, bộ đội ta phải chuyển ra đóng ở ngoại thành. Muốn chuyên chở một vài chục khẩu súng qua thành phố, anh em ta phải đặt trong xe bò phủ chiếu lên trên. Bây giờ từng đơn vị Vệ quốc quân với đầy đủ trang bị đã có thể hiên ngang tiến bước trên khắp các đường phố Thủ đô. Các chiến sĩ Vệ quốc quân canh gác tại những cơ quan trong thành phố, trước đây đã có lúc

được lệnh tạm lui vào trong hàng rào, bây giờ đàng hoàng cầm vũ khí đứng trước công sở mà không bị quân Tưởng đến gây chuyện. Ngoài những trạm gác của quân Tưởng, xuất hiện thêm nhiều trạm mới của bộ đội ta và những trạm hỗn hợp, bộ đội ta cùng gác với lính Pháp. Các chiến sĩ tự vệ thành mang vũ khí có mặt ở khắp nơi, sẵn sàng làm nhiệm vụ giữ nhà, giữ nước, bảo vệ nhân dân.

Quân Tướng tuy chưa công khai thừa nhận ta nhưng qua việc ký Hiệp định Sơ bộ giữa Chính phủ ta và Chính phủ Pháp, chúng buộc phải coi ta là một nước có chủ quyền. Chúng không thể can thiệp vào công việc trị an của ta như ngày trước. Chúng cũng biết là chúng sắp khăn gói ra đi. Còn bọn lính Pháp thì đã hiểu rõ Việt Nam không còn là thuộc địa của chúng, chúng không thể muốn làm gì thì làm.

Tình hình tuy găng hơn vì sự có mặt của quân Pháp, nhưng không khí lại dễ thở hơn. Quân địch đông hơn trước nhưng không còn kẻ nào dám phủ nhận chủ quyền của ta.

Qua những người đến gặp ta trong những cuộc họp bàn về việc tổ chức tiếp phòng quân Tướng, Lơ-cléc đã nhấn là y sẽ tôn trọng những lời cam kết và mong Chính

phủ Việt Nam cũng làm như vậy. Một lần gặp tôi, Lơ-cléc ngỏ ý muốn biết thái độ của dân chúng Việt Nam đối với người Pháp ra sao. Tôi hỏi lại:

- Chúng ta đều là những quân nhân, ông có muốn nghe nói thẳng không?
- Có chứ! - Lơ-cléc đáp.
- Các ông miệng nói hòa bình nhưng hành động của các ông thì lại giống hành động của những kẻ đi xâm lược. Đó là dư luận của dân chúng Việt Nam đối với các ông.

Lơ-cléc rời Hà Nội ngày 23 tháng 3.

Quyền chỉ huy quân Pháp ở miền Bắc Đông Dương được trao cho Van-luy.

Từ ngày quân Pháp tới Hà Nội, giữa ta và Pháp chưa xảy ra những vụ va chạm lớn. Quân Tướng còn ở đây, Pháp buộc phải dè dặt. Chúng ta cũng thấy cần lợi dụng mâu thuẫn tại chỗ giữa Tướng và Pháp lúc này, một mặt tìm cách đẩy quân Tướng đi cho nhanh, một mặt đòi Pháp phải thực hiện đúng đắn những điều chúng đã cam kết.

Đột nhiên, sáng 27 tháng 3, mấy ngày sau khi Lơ-cléc rời Hà Nội, Pháp cho một phân đội xông vào Sở tài chính Việt Nam. Bình lính Pháp cất cờ Việt Nam đi và ngăn không cho các nhân viên của Sở vào làm việc. Công sở này nằm tại một ngã tư xung yếu trên con đường từ cổng thành chạy ra phủ toàn

quyền cũ. Sau này, ta biết là Van-luy đã được lệnh của Sài Gòn cho binh lính Pháp chiếm ngôi nhà để làm dinh cơ cho viên cao ủy khi y ra Hà Nội.

Đây là vụ khiêu khích đầu tiên.

Các sĩ quan của ta trong Ủy ban liên lạc kịch liệt phản đối việc làm của Pháp, đòi phải mở ngay cuộc điều tra tại chỗ. Tôi đã gặp Van-luy phản kháng hành động vi phạm chủ quyền của ta, đòi quản Pháp rút ngay, trả lại việc canh gác cho bộ đội Việt Nam.

Ngày 29 tháng 3, trên toàn miền Bắc, đồng bào phần nộ bãi công, bãi chợ, không hợp tác với Pháp. Bà con Hoa kiểu cũng hưởng ứng. Chợ không họp. Các nhà buôn, hàng ăn đều đóng cửa. Tại Hà Nội, ở các phố Tràng Tiền, Triệu Quang Phục... nơi có nhiều hiệu buôn, tiệm ăn và giải khát của Pháp kiểu, những người bỏ việc đứng tụ tập đầy đường. Khẩu hiệu bất hợp tác với Pháp dán đầy trên cánh cửa. Bọn nhân viên của sở quân nhu Pháp đi mua thực phẩm đều phải quay xe về không. Lính Pháp được phép đi chơi phố, đứng ngơ ngác trên vỉa hè. Chúng nhận thấy thái độ

của người dân ta từ trước đối với chúng vốn lạnh nhạt, giờ đây lại trở nên quyết liệt.

Sự phản kháng kiên quyết của ta làm cho Pháp phải tính toán lại. Chúng phải trao trả ta Sở tài chính. Cờ Việt Nam lại được treo lên. Các nhân viên của Sở trở lại làm việc bình thường. Riêng về mặt canh gác tại đây, chúng vẫn ngoan cố đòi tổ chức một bộ phận hỗn hợp mỗi bên mười hai người.

Đồng bào Thủ đô và bà con Hoa kiều đã bất hợp tác với Pháp cho tới khi Ủy ban hành chính Hà Nội ra thông báo yêu cầu mọi người tiếp tục buôn bán như thường lệ.

Đại biểu của quân đội ta và quân đội Pháp gặp nhau bàn bạc việc thi hành Hiệp định Sơ bộ mồng 6 tháng 3 về mặt quân sự. Phía Pháp cử tướng Xa-lăng và tướng Van-luy. Tôi và Vũ Hồng Khanh với danh nghĩa Chủ tịch và Phó Chủ tịch Quân sự ủy viên hội, thay mặt cho phía Việt Nam. Sau nhiều buổi họp kéo dài, hai bên đi đến một bản hiệp định tạm thời vào ngày mồng 3 tháng 4.

Theo hiệp định này, binh lính Pháp làm nhiệm vụ tiếp phòng phải là người Pháp, những binh lính không phải là người nguyên quán Pháp chỉ được dùng vào việc canh gác tù binh Nhật. Điều kiện này do ta đưa ra nhằm gạt bọn lê dương ra ngoài quân tiếp phòng.

Bộ đội Việt Nam làm nhiệm vụ tiếp phòng là một bộ phận của Quân đội Việt Nam. Quân tiếp phòng Việt Nam có Bộ Tư lệnh của mình, trực tiếp nhận mệnh lệnh của Bộ Tham mưu Quân đội Việt Nam và do Bộ Tham mưu Quân đội Việt Nam quản lý.

Quân Pháp sẽ cùng Quân đội Việt Nam tới làm nhiệm vụ tiếp phòng quân Tướng tại Hà Nội, Nam Định, Huế, Đà Nẵng... và một số địa điểm ở biên giới. Ở những nơi khác như Thái Bình, Ninh Bình, Thanh Hóa, Đồng Hới, Quảng Trị..., quân Pháp sẽ tiếp phòng quân Tướng về danh nghĩa rồi trao trả lại cho Quân đội Việt Nam.

Kế hoạch di chuyển của các đội quân tiếp phòng Việt Nam và Pháp phải được thảo luận và quyết định thống nhất giữa Bộ Tư lệnh quân tiếp phòng của hai bên. Kế hoạch này phải được trình Chính phủ Việt Nam ít nhất là bốn mươi tám giờ trước khi thi hành. Các xe nhà binh dùng vào việc tiếp tế cho quân tiếp phòng chỉ được đem theo nhiều nhất mỗi xe là bốn người có khí giới; tổng số người mang vũ khí trong một đoàn xe không được quá con số sáu mươi.

Một ủy ban liên lạc và kiểm soát trung ương Việt - Pháp được thành lập tại Thủ đô Hà Nội để kiểm soát việc thi hành. Nếu cần, thì sẽ thành lập thêm những ủy ban tương tự tại địa phương.

Hai bên thỏa thuận phải một ủy ban đình chiến vào Nam Trung Bộ.

Cuộc thảo luận về thể thức thực hiện đình chiến tại Nam Bộ diễn ra rất găng trong nhiều phiên họp. Đại biểu ta kịch liệt phản kháng những cuộc tiến công trái phép của quân Pháp ở Nam Bộ. Ta đòi phải cử một ủy ban đình chiến vào Nam Bộ để thi hành điều khoản III của Hiệp định Sơ bộ. Xa-lăng lẩn tránh yêu cầu chính đáng của ta, viện lý do vấn đề đình chiến thuộc thẩm quyền của hai chính phủ. Lý do này bị ta bác bỏ. Do thái độ tiêu cực của phía Pháp, cuộc thảo luận đã không đạt được kết quả.

Ở nhiều nơi Pháp tới đóng quân cũng xây ra những cuộc va chạm.

Tại Hải Phòng, ngày 11 tháng 4, Pháp ngang nhiên kéo quân tới chiếm nhiều ngôi nhà của một số cơ quan. Đồng bào Hải Phòng lập tức bãi công, bãi chợ để phân đối. Đại biểu ta trong Ủy ban liên lạc Việt - Pháp can thiệp mạnh mẽ. Pháp buộc phải rút khỏi những nơi chúng đã lấn chiếm trái phép. Mấy ngày sau, giữa lúc nhân dân Hải Phòng đang tổ chức mít tinh, thì có tin Pháp tự tiện điều năm trăm quân lên Hà Nội mà không báo cho ta biết. Cùng lúc đó, một số binh lính Pháp kéo tới phá trụ sở Đảng Dân chủ ở cầu Hạ Lý. Cuộc mít tinh lập tức biến thành một cuộc tuân hành thị uy. Hàng vạn đồng bào kéo đi trên các đường phố dưới trời mưa, thét vang những lời phản đối phẫn nộ. Ngày hôm sau, toàn thành lại tổng bãi công, bãi chợ để phân đối Pháp. Thành phố vắng tanh. Các hiệu buôn đều đóng cửa. Xe khách xếp hàng trên bến. Phà không sang sông. Pháp lo sợ, đưa nhiều xe bọc thép ra các đầu phố để phòng. Cuối cùng, phía Pháp đã phải nhận lỗi. Cuối

tháng 4, cũng tại Hải Phòng, đã xảy ra một cuộc xung đột giữa quân Pháp và các lực lượng tự vệ. Pháp dùng xe tăng, xe bọc thép tiến công vào phố Trần Hưng Đạo, phố Ga và đại lộ Hồ Chí Minh. Tự vệ ta đánh trả rất mạnh. Ty Liên kiểm Việt - Pháp ở Hải Phòng phải mất nhiều giờ mới phục hồi lại trật tự.

Trung tuần tháng 4, anh Hoàng Quốc Việt dẫn đầu một phái đoàn cùng với một số sĩ quan Pháp đáp máy bay vào Nha Trang để thực hiện việc đình chiến. Tại đây, Pháp gọi những quan lại, hào lý cũ ra làm việc cho chúng. Ai không nghe thì chúng khủng bố. Chúng đang có âm mưu khôi phục chế độ bảo hộ tại khắp vùng tạm bị chiếm ở miền Nam Trung Bộ. Phái đoàn ta đã nhiều lần phân kháng với nhà cầm quyền Pháp ở đây. Sau bấy ngày làm việc không kết quả vì thái độ ngoan cố của Pháp, đoàn ta bỏ ra về.

a tuân tháng 3, Dac-giang-li-o ngo y muon co cuoc gap go voi Chu tich Ho Chi Minh de ban ve quan he giua hai nuoc. Noi gap do y de nghi la Vinh Ha Long, tren mot chiec tuan duong ham cua Phap.

Vừa mới tuần trước, báo Cứu quốc còn có bài bình luận phê phán gay gắt những luận điệu thực dân của Đác-giăng-li-đ. Lập trường của viên cao ủy đã bộc lộ khá rõ. Vậy y có chuyện gì thực sự muốn giải quyết với ta? Tại sao địa điểm gặp gỡ không phải ở Hà Nội hay Sài Gòn mà lại là trên một chiến hạm nằm ngoài biển?... Toàn bộ hoạt động của Đác-giăng-li-đ từ khi sang Đông Dương đến giờ, nhất là từ sau ngày mồng 6 tháng 3, khiến cho Bác và các anh phải cân nhắc. Nhưng dù sao, bản Hiệp định Sơ bộ cũng vừa được Hội đồng Chính phủ Pháp phê chuẩn. Việc ký kết hiệp định này đã có tiếng vang trên thế giới. Nhiều báo chí nước ngoài coi đây là một cách điều giải tốt cho những cuộc xung đột hiện nay giữa các nước thuộc địa và các nước có thuộc địa. Điều quan trọng là: Làm hậu thuẫn cho cuộc gặp gỡ này còn có hàng chục triệu nhân dân ta ở cả hai miền Nam, Bắc. Bác cũng thấy nên gặp viên cao ủy để đòi tiến hành ngay cuộc đàm phán chính thức, và phải họp tại Pa-ri, nơi bọn phản động Pháp ở Đông Dương khó bề bưng bít dư luận. Bác nhận lời mời của viên đỏ đốc.

Sáng 24 tháng 3, Bác ra xe với chiếc mũ chống nắng rộng vành và cây gậy Người thường dùng hằng ngày. Đi theo Bác có anh Hoàng Minh Giám và Nguyễn Tường Tam. Xanh-tơ-ni đón Chủ tịch Hồ Chí Minh ở sân bay Gia Lâm với một chiếc thủy phi cơ của Pháp.

Khoảng mười giờ sáng, máy bay tới Vịnh Hạ Long. Chiếc Ca-ta-li-na đáp nhẹ nhàng xuống mặt biển. Viên đô đốc cao ủy cùng với Lơ-cléc đã đứng đợi trên tuần dương hạm Ê-min Béc-tanh.

Cuộc đón tiếp diễn ra rất long trọng.

Những loạt súng chào nổ vang. Chủ, khách bắt tay nhau. Đác-giăng-li-ơ giới thiệu những quan khách ra đón Chủ tịch Hồ Chí Minh. Bác giới thiệu những người đi theo. Chiếc chiến hạm mở máy ra khơi. Một tiệc rượu được tổ chức trên tàu. Viên đô đốc nâng cốc nói:

- Cuộc hội kiến này là một cuộc hội kiến đầu tiên để thất chặt tình thân thiện giữa nước Pháp và nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Tôi xin chúc mừng sức khỏe của Chủ tịch và chúc nước Việt Nam dân chủ cộng hòa cường thịnh.

Đác-giăng-li-ơ đã nhấn mạnh đây là cuộc hội kiến đầu tiên. Y có ý tự cho mình mới là người thay mặt nước Pháp tại Đông Dương chứ không phải là Lơ-cléc, người đã gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Hà Nội.

Đáp lời viên đô đốc, Bác nói rất thẳng thắn:

- Sở dĩ có cuộc hội kiến này cũng là vì có ngày 6 tháng 3 năm 1946. Về phần Chính phủ Việt Nam, chúng tôi đã thi hành đúng bản Hiệp định Sơ bộ rồi. Còn về phần nước Pháp, chúng tôi mong ngài cũng nên thành thực để đi đến thể hiện tình thân thiện giữa nước Việt Nam và nước Pháp.

Đác-giăng-li-ơ mời Chủ tịch Hồ Chí Minh duyệt hạm đội. Chiếc chiến hạm chạy lướt trước những con tàu có nhiều khẩu pháo lớn ghếch cao nòng, đứng sắp thành hàng dài trên mặt biển. Sau đó, nó bắt đầu thả neo. Chủ tịch Hồ Chí Minh buông quai mũ chống chiếc gậy tre đứng cùng Đác-giăng-li-ơ trên boong duyệt hạm đội Pháp. Những con tàu lần lượt diễu qua. Thủy binh Pháp hô vang những tiếng "hua-ra" chào mừng vị Chủ tịch của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

Về cuộc hội kiến này, có người cho rằng Đác-giăng-li-ơ phải gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh vì bị Lơ-cléc thúc ép, vì Chính phủ Pháp chỉ thị cho y cần mở một cuộc đàm phán trù bị tại Việt Nam trước khi tiến hành cuộc đàm phán chính thức. Có người lại nói đó là một mưu mô của viên cao ủy nhằm kéo dài thời gian. Chính Đác-giăng-li-ơ đã gọi ý cho Chính phủ Pháp là cần có một hội nghị trù bị ở Đà Lạt. Đác-giăng-li-ơ cho rằng tình hình chính trị không ổn định tại nước Pháp lúc đó sẽ dẫn tới những sự nhượng bộ quá đáng với Việt Minh. Y vẫn hy vọng trong một thời gian Đờ Gôn sẽ trở lại nắm chính quyền. Và trước mắt, y chưa kịp nặn xong những tên bù nhìn cho nước Nam

Kỳ tự trị... Nhân cuộc hội kiến này, Đác-giăng-li-ơ mượn có chào mừng Chủ tịch Hồ Chí Minh, đem hạm đội của y ra diễu võ dương oai.

Duyệt hạm đội xong, Chủ tịch Hồ Chí Minh và viên cao ủy bắt đầu trao đổi ý kiến.

Bác đòi mô ngay cuộc đàm phán tại thủ đô nước Pháp. Đác-giăng-li-ơ không muốn họp sớm mà cũng không muốn họp ở Pa-ri. Viên cao ủy nói Chính phủ Pháp chưa nắm được tình hình nên phải có một cuộc họp trù bị tại chỗ. Y đề nghị địa điểm họp hội nghị trù bị là Đà Lạt, vì Đà Lạt sau này có thể trở thành thủ đô của liên bang Đông Dương. Bác thấy rõ viên cao ủy muốn trì hoãn cuộc đàm phán chính thức. Người nói một cuộc họp trù bị như vậy không thật cần thiết. Đác-giăng-li-ơ vẫn giữ ý kiến là chừng nào Chính phủ Pháp còn chưa nắm được các vấn đề thì chưa thể có cuộc đàm phán chính thức.

Về địa điểm và ngày giờ mở cuộc đàm phán chính thức cũng phải trao đổi ý kiến khá lâu. Bác đòi họp ở Pa-ri. Lơ-cléc và Xanh-tơ-ni ủng hộ ý kiến này với lý do: Họp ở thủ đô Pháp sẽ tránh được sự phá rối của các phần tử cực đoan (họ muốn nói bọn Quốc dân Đảng). Cuối cùng, Đác-giăng-li-ơ phải nhận. Ngày phái đoàn Việt Nam

qua Pháp mở cuộc đàm phán chính thức được ấn định vào hạ tuần tháng 5. Bác cũng đồng ý là sẽ có một cuộc đàm phán trù bị tại Đà Lạt. Nhưng Bác đặt điều kiện với phía Pháp là những người dự cuộc đàm phán này phải do Chính phủ Pháp cử từ bên nước sang. Hai bên thỏa thuận: Vào trung tuần tháng 4, cùng lúc phái bộ Pháp sang Việt Nam dự hội nghị đàm phán trù bị, phía Việt Nam sẽ cử một phái đoàn Quốc hội đi thăm thiện chí Quốc hội và nhân dân Pháp.

Theo lời Xa-lăng thuật lại sau này, thì cuộc gặp gỡ tại Vịnh Hạ Long đã dẫn đến một sự đổ vỡ không thể dàn xếp được giữa viên tổng chỉ huy quân đội viễn chinh và viên cao ủy Pháp.

Chiêu hôm đó, Xa-lăng đang ngắm nước ngắm trời ở boong tàu phía sau, bỗng có người gọi vào gặp đô đốc cao ủy. Đác-giăng-li-ơ ngồi trong ca-bin mặt tái nhợt, đang run lên vì tức giận. Viên đô đốc nói với Xa-lăng: "Tướng Lơ-cléc vừa có một hành vi khiếm nhã đối với tôi, tôi yêu cầu ông hãy làm cho ông ấy trở về với lẽ phải. Nhiều tuần qua, ông ấy tha hồ mà trò chuyện với ông Hồ Chí Minh, rõ ràng bây giờ là đến lượt tôi. Tôi không muốn chạy theo một cuộc hội nghị "Muy-ních" ở Đông Dương, không thể đi hết từ nhượng bộ này đến nhượng bộ khác. Nếu tôi nhận Pa-ri thì ông Hồ sẽ nói thêm nữa..." Xa-lăng quay ra tìm Lơ-cléc và thuật lại câu chuyện. Ngay chiều hôm đó, Lơ-cléc bỏ về Sài Gòn.

Trên máy bay trở về Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói với Xa-lăng: "Nếu đô đốc muốn đem tàu bè ra để lung lạc tôi thì ông ta đã lầm to. Những tàu đó không thể nào đi ngược các dòng sông của chúng tôi".

gày 11 tháng 3, Bác gửi thư cho đồng bào Nam Bộ nói về việc Chính phủ Pháp đã thừa nhận nước ta là một quốc gia tự do. Bác viết: "Ấy cũng là nhờ sự chiến đấu rất anh dũng của tất cả đồng bào toàn quốc, nhất là đồng bào Nam Bộ và Nam Trung Bộ và của hết thảy anh em chiến sĩ trong sáu tháng nay". Người đã chỉ ra là cuộc đàm phán "sẽ tạo những điều kiện chính trị mà chúng ta phải biết lợi dụng để đạt tới mục đích Việt Nam hoàn toàn độc lập".

Sau này, tại Đại hội lần thứ hai của Đảng năm 1951, trong báo cáo chính trị, Người có nhắc đến việc ký Hiệp định mồng 6 tháng 3 và nói là chính đồng bào và các đảng viên ở Nam Bộ đã nhận thấy làm như thế là đúng.

Quả vậy, đối với đồng bào Nam Bộ và Nam Trung Bộ, bản Hiệp định đã đem lại một niềm tin. Những người đang chiến đấu với bọn cướp nước thấy rõ thắng lợi lớn khi Chính phủ Pháp buộc phải công nhận Việt Nam là một quốc gia tự do. Đồng bào càng phấn khối trước việc toàn bộ quân Tướng sẽ phải rút về nước. Có những người đã nói: "Chỉ bằng một chữ ký, Cụ Hồ đã xua đi khỏi đất nước gần hai chục vạn quân

của Tướng Giới Thạch". Bản Hiệp định đã tạo ra một thời cơ mới cho đồng bào trong cuộc đấu tranh sẽ còn phải tiếp tục lâu dài.

Ở đây, chính kẻ địch lại hoang mang, bối rối trước bản Hiệp định vừa được ký kết. Những tên quan cai trị cũ và bọn tay sai xôn xao, tức tối trước từng câu từng chữ trong bản Hiệp định. Chúng đưa ra nhiều câu hỏi: Vì sao lại gọi "nhà cầm quyền Hà Nội" là Chính phủ Việt Nam? Tại sao Chính phủ Pháp lại chính thức thừa nhận nước Việt Nam dân chủ cộng hòa là một quốc gia tự do? Tại sao chính phủ Pháp lại cam kết sẽ thừa nhận quyết định của một cuộc trưng cầu ý dân về việc hợp nhất ba kỳ?... Đối với chúng, Nam Bộ chỉ là một thuộc địa của Pháp.

Trong cuộc họp hội đồng tư vấn ngày 12 tháng 3, Xê-đin - Ủy viên Cộng hòa Pháp tại Nam Kỳ đã giải thích: "Hiệp định mồng 6 tháng 3 chỉ là một bản hiệp định tại địa phương giữa nhà cầm quyền Hà Nội với Ủy viên Cộng hòa Pháp tại Bắc Bộ. Nếu có nói đến một Chính phủ Việt Nam chẳng qua

chỉ vì phép lịch sự, chứ không hề có ý thừa nhận một chính phủ duy nhất cho cả Bắc, Trung, Nam. Rồi đây, Nam Kỳ cũng sẽ có chính phủ, có nghị viện, có quân đội, có tài chính riêng, có mọi quyền lợi như các nước khác trong liên bang...".

Những lời nói đó của Xê-đin đã phần ánh thái độ và ý đồ của Đác-giăng-li-đ. Ngày 8 tháng 3, khi Van-luy nhân danh tướng Lơ-cléc đến thông báo cho viên cao ủy bản Hiệp định mồng 6 tháng 3 vừa được ký kết, Đác-giăng-li-đ đã nói ngay: "Tôi ngạc nhiên, thực vậy tướng quân ạ, tôi ngạc nhiên là nước Pháp có một đội quân viễn chinh đẹp dường kia mà những vị chỉ huy thì chỉ thích điều đình không muốn đánh...".

Sự chống đối của bọn phản động ở Sài Gòn đối với tinh thần và lời văn của bản hiệp định đã được chính kẻ thay mặt cao nhất cho nước Pháp tại Đông Dương chủ trương và khuyến khích. Đáng lẽ phải thi hành hiệp định bằng cách ngừng xung đột, mở cuộc trưng cầu ý dân theo như các điều khoản đã ký kết thì Đác-giăng-li-đ lại đốc thúc thành lập càng sớm càng hay một "chính phủ Nam Kỳ tự trị", thực hiện chủ trương tách Nam Bộ ra khỏi Việt Nam.

Sau ngày ký hiệp định, tại một số nơi như ở Ninh Thuận, Bình Thuận, quân Pháp vở bắt liên lạc với bộ đội ta để bàn việc đình chiến, rồi bắt thần đem quân đánh úp. Có lần, vì mất cảnh giác, một đơn vị của ta đã bị thiệt hại.

Đối với lực lượng vũ trang ta, Bộ chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp đưa ra những yêu cầu rất ngang ngược. Chúng đòi các đơn vị Nam tiến của ta phải rút về miền Bắc, bộ đội ta ở Nam Bộ phải tập trung vũ khí nộp cho chúng, rồi trở về quê quán của mình.

Bộ mặt bội ước của kẻ địch tại miền Nam đã lộ rõ. Đồng bào và các chiến sĩ ta ghi nhớ lời Chủ tịch Hồ Chí Minh là cần phải đứng vững trên vị trí chiến đấu của mình. Chúng ta lập tức quật lại mọi hành động phản bội của bọn xâm lược.

Với việc điều sư đoàn bộ binh thuộc địa số 9 và binh đoàn xe bọc thép ra Bắc, Pháp chỉ còn lại ở miền Nam, sư đoàn bộ binh thuộc địa số 3. Quân Pháp đã ít hơn trước lại bị phân tán ra nhiều nơi. Bộ máy ngụy quyền mới được phục hồi còn rất yếu.

Đồng bào ta từ miền đồng bằng đến miền rừng núi đã cùng một lúc nổi dậy như nước vỡ bờ, quét sạch từng mảng hội tế, lập lại chính quyền cách mạng. Nhân dân sôi nổi đứng lên với mọi thứ vũ khí có trong tay, cùng bộ đội đánh địch. Hàng loạt đốn bốt bị tiêu diệt, bao vây hoặc bức rút. Nhiều đường giao

thông thủy, bộ quan trọng của dịch bị đánh phá, cắt đứt. Bộ đội kết hợp với cán bộ địa phương, tổ chức ra các đội vũ trang tuyên truyền. Lực lượng vũ trang ta nhanh chóng đi sâu vào vùng tạm bị chiếm. Mỗi lần bộ đội diệt tê là nhân dân lập tức nổi trống mõ, kéo đến nhà việc, bất hội tê nhận tội và trả lại những tiền của đã bị chúng tước đoạt. Trong khoảng một thời gian ngắn, những vùng rộng lớn ở Nam Bộ và Nam Trung Bộ đã thoát khỏi sự kiểm soát của quân dịch. Toàn miền Nam đã có một khí thế chiến đấu mới.

Chiến tranh du kích phát triển rộng rãi. Mít tinh, biểu tình nổi lên rầm rộ khắp nơi.

Với trang bị còn thô sơ, một cách đánh khá phổ biến của quân và dân Nam Bộ là dùng mưu mẹo để diệt dịch.

Bốt Kinh Sáng ở huyện Cái Bè, nằm bên một dòng kênh... Bọn lính thường xuyên kiểm soát thuyền bè qua lại. Giữa ban ngày, một đơn vị nhỏ của ta đóng giả những người lái buôn chèo thuyền đi ngang. Bọn lính xuống bến, bắt thuyền ghé vào bờ để kiểm soát. Anh em mời chúng xuống thuyền, rồi dùng mã tấu và dao găm tiêu diệt. Sau đó, anh em xông lên tiêu diệt nốt những tên trong bốt.

Ở huyện Cao Lãnh, tỉnh Sa Đéc, một trung đội lính ngụy đóng bốt ở gần chợ. Các phiên chợ, bọn lính thường kéo ra kiểm chác. Một buổi sáng, bọn lính vừa đi khỏi, bộ đội ta ập vào bốt. Những tên ở nhà vội nộp súng xin hàng. Đồng bào đang mua bán nghe súng nổ, bỏ chạy. Khi thấy im tiếng súng, mọi người quay về; hàng hóa, tiến bạc vứt lại giữa chợ không hề suy suyển. Bộ đội mang chiến lợi phẩm và giải tù binh đi ngang. Đồng bào hết sức khen ngợi.

Ở nhiều nơi, phụ nữ cũng tham gia diệt địch, lấy vũ khí. Có những chị em dùng đòn gánh giết địch giữa chợ. Có chị lấy nơm chụp vào đầu lính địch rồi cướp súng.

Bọn ngụy quân, ngụy quyền đã đứng trước một tình hình mới. Lực lượng cách mạng mỗi ngày một lớn mạnh. Với Hiệp định mồng 6 tháng 3, Chính phủ Pháp đã phải thừa nhận chấm dứt chế độ thực dân. Rồi đây, sau cuộc trưng cầu ý dân, số phận tay sai bán nước, hại dân của chúng sẽ ra sao. Điều kinh hãi trước mắt là lưỡi lê của binh lính Pháp đã trở thành bất lực, không che chở nổi cho chúng. Con đường tốt đối với chúng lúc này là con đường quay trở về với nhân dân. Nhiều tề và nhân viên ngụy quyền đi tìm cán bộ ta nộp triện và số sách, xin chịu tội. Lính ngụy từng người, từng tốp mang súng ra hàng. Có những người xin làm nội ứng để tiêu diệt đồn bốt.

Tại Sài Gòn và các vùng đô thị dấy lên một phong trào đấu tranh chính trị sôi nổi. Đồng bào ta tổ chức mít tinh, biểu tình, đình công phản đối những hành động phá hoại hiệp định của Pháp. Báo chí công khai vạch trần trò hề "đòi tự trị" do thực dân Pháp giật dây, lên án bọn phản bội Tổ quốc câu kết với địch trong âm mưu chia cắt đất nước.

Hoạt động vũ trang được tiến hành ngay cả giữa thành phố Sài Gòn. Ngày 8 tháng 4, một tổ công tác đặc biệt của ta vượt sông vào phá nổ kho đạn lớn của địch. Một trung đội lính Pháp gác tại đây bị tiêu diệt. Bốn nghìn tấn đạn bị phá hủy. Tiếng nổ rung chuyển cả thành phố. Nhà của cơ quan tổng chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp, trong đó có buồng làm việc của Lô-cléc, cũng bị hư hại nặng.

Đoàn đàm phán của Pháp đi dự hội nghị trù bị Đà Lạt vừa tới Sài Gòn. Chiều hôm đó, Lô-cléc thết tiệc đoàn. Mắc Ăng-đơ-rê, trưởng đoàn, tổ về bất bình vì vụ nổ kho đạn buổi sáng. Y nói với Lô-cléc:

- Tôi nghĩ rằng những người chịu trách nhiệm về vụ nổ này sẽ phải bị trừng trị về sự thiếu cẩn mật của họ.

Lô-cléc cáu kỉnh đáp:

- Người duy nhất chịu trách nhiệm ở đây là tôi.

Phải chăng viên tướng bốn sao này đã thấy lời mình nói một tháng trước đây: "Nam Bộ đã bình định xong" là một nhận xét hoàn toàn sai lầm. Mọi việc đối với y đều phải làm lại từ đầu.

ân thỏa ước Hoa - Pháp ký ngày 13 tháng 3 ở Trùng Khánh đã ấn định việc thay quân giữa Pháp và Tướng sẽ bắt đầu từ 15 tháng 3 và kết thúc vào 31 tháng 3 năm 1946.

Chiều 18 tháng 3, sau khi tới Hà Nội, Lô-cléc đến phủ toàn quyền cũ, gặp Lư Hán. Những người cùng đi thuật lại khi viên tổng chỉ huy quân đội viễn chinh sôi nổi ca

ngợi tình thân thiện Pháp - Hoa, thì Lư Hán chỉ đáp lại bằng một câu lạnh nhạt: "Chúng tôi thi hành mệnh lệnh của Tướng thống chế".

Bọn lính mặc quần áo xám thuộc quân đoàn 53 vẫn đắp thêm những bao cát vào công sự ở các ngã ba, ngã tư. Trong khi bọn quân cảnh Pháp đội mũ sắt sơn trắng thỉnh thoảng lại phóng một chiếc mô-tô qua đường Tràng Thi

để nhắc nhở sự có mặt của chúng, thì Lư Hán cũng tung những toán cảnh bị mặc quần áo vàng, mang súng Pạc-hoọc báng gỗ, đi lang thang trên hè phố. Lính Tưởng nhìn lính Pháp bằng cặp mắt gầm ghè của những kẻ đang ăn bị kẻ khác đến tranh phần.

31 tháng 3, thời hạn rút quân cuối cùng của quân đội Tưởng đã đến. Cuộc xung đột đầu tiên giữa quân Tưởng và quân Pháp nổ ra. Nguyên nhân rất giản đơn. Mấy tên lính Pháp quyt tiền đi xe, bị người kéo xe níu áo lại bắt phải trả. Đôi bên co kéo nhau. Quân Tưởng đứng gác ở gần đó nổ súng vào tốp lính Pháp. Lính Pháp bắn trả. Tiếng súng lập tức nổ ran.

Cuộc dàn xếp chưa xong thì ngày hôm sau, mồng 1 tháng 4, lại xảy ra việc hai chiếc ô-tô, một của quân Tưởng, một của Pháp chẳng may va phải nhau. Quân Tưởng nổ súng luôn. Các tướng tá Pháp ở Hà Nội cổ nhịn nhục, tìm cách dàn xếp cho qua chuyện.

Trong những cuộc va chạm này, đồng bào và các lực lượng vũ trang của ta tỏ ra rất bình tĩnh và có kỷ luật. Thái độ của ta là không can thiệp, mặc cho chúng va chạm nhau và đi dàn xếp với nhau.

Tình hình giữa quân Tưởng và quân Pháp trở nên căng thẳng. Cuộc xung đột dường như lúc nào cũng sắp xảy ra. Lính Tưởng chỉ chờ có cơ hội là nổ súng.

Bọn tay sai của Tưởng ngoài việc tuyên truyền chống lại Hiệp định Sơ bộ, còn tổ chức bắt cóc, thủ tiêu những tên lính Pháp đi lê cướp súng lấy tiền. Nhưng mục đích chính của chúng là muốn tạo nên một tình hình lộn xộn, đẩy ta và Pháp đến chỗ xung đột với nhau. Nhờ có những hoạt động của Ủy ban liên lạc và kiểm soát Việt - Pháp nên phần lớn những vụ khiêu khích do bọn phá hoại gây ra trong quan hệ giữa ta và Pháp đã giải quyết được.

Cuộc xung đột lớn nhất giữa quân Tưởng và quân Pháp xảy ra vào ngày 21 tháng 4. Cũng giống như lần trước, nó đã bắt đầu bằng một sự việc nhỏ: Hai chiếc ô-tô của Tưởng và của Pháp húc phải nhau trước cửa hàng bán hoa ở ngã tư Tràng Tiền. Chiếc xe của quân Tưởng bẹp mũi. Một số lính Tưởng ngồi trên xe bị thương. Quân Tưởng nổ súng rồi quân Pháp bắn lại. Tiếp theo tiếng súng ở Tràng Tiền là những

tiếng súng ở nhà thủy tạ Bờ Hồ, phố Hàng Da, đường Cột Cờ, phố Mai Hắc Đế. Cuộc nổ súng kéo dài hơn một giờ đồng hồ. Cùng với tiếng súng trường, súng liên thanh nổ ran trong thành phố, có xen cả tiếng đại bác. Hơn 5 giờ chiều, hai bên mới tạm dàn xếp. Pháp và Tướng đều có hàng chục tên lính chết và bị thương.

Quân Tướng tại đây đang cố tìm ra một cái cơ để dây dưa ở lại. Cái cơ đó chúng không tìm được ở những va chạm giữa ta với Pháp thì chúng tạo ra bằng những cuộc xung đột nhỏ giữa chúng với Pháp.

Nhưng tình hình hai bên Trung Hoa lại có rất nhiều biến chuyển mới không lợi cho Tưởng Giới Thạch. Cuối tháng 3, Hồng quân Trung Quốc mở cuộc tiến công lớn ở Đông Tam Tỉnh, tiến quân vào thủ phủ của Hắc Long Giang. Đây đến lúc bộ tổng tham mưu quân đội Tưởng dù tiếc rẻ đến mấy, của nả không thể cứ trùng trình đến mãi hai chục vạn quân ở bên này.

Trung tuần tháng 4, tướng Giỏang, tổng tham mưu trưởng quân đội Pháp tới Trùng Khánh, được Chính phủ Pháp trao nhiệm vụ đi thuyết phục Tưởng về việc thi hành hiệp ước 13 tháng 3. Giỏang đến vào lúc chính quyền Tưởng Giới Thạch đang ròi đó về Nam Kinh. Y phải đuổi theo và chờ đợi nhiều ngày. Cuối cùng, Giỏang đã gặp Bạch Sùng Hy và Vương Thế Kiệt. Nhà cầm quyền Quốc dân Đảng Trung Hoa đổng ý sẽ rút quản khỏi miền Bắc Đông Dương trong một thòi gian ngắn nhất. Cuối tháng 4, Lu Hán được triệu tập về Nam Kinh nhận chì thi rút quản tù Đông Dương về để đua lên miền Đông Bắc Trung Hoa.

Nhưng cũng phải đến trung tuần tháng 5, Lư Hán mới cho quân rút khỏi Thanh Hóa. Và một tháng sau đó, vào trung tuần tháng 6, quân đội Tưởng mới bắt đầu rời Hà Nội.

Rõ ràng là chúng rất lưu luyến cái dãi đất ở phương nam, nơi chúng có thể sống sung túc, yên ổn, tránh khỏi bị trừng phạt trong một cuộc chiến tranh chống lại nhân dân Trung Quốc. Chúng cố vơ vét đem theo những gì chúng có thể vơ vét được. Có những tên lính Tưởng phá cả cầu thang gác nơi chúng ở, lấy gỗ đem ra chợ bán.

Cuộc rút quân của chúng kéo dài và chỉ hoàn toàn kết thúc vào ngày 18 tháng 9 năm đó. So với thời hạn ký kết giữa Pháp và Tưởng về việc rút quân thì Tưởng đã dây dưa ở lại gần sáu tháng. Ngày này mùa Thu năm trước, chúng ào ạt kéo vào nước ta, cho bọn tay sai giành chính quyền ở các thị xã trên dọc đường chúng đi

qua. Chúng tưởng rằng vận hội của chúng đã tới. Chính phủ Trùng Khánh vẫn nhớ lời hứa của cố Tổng thống Mỹ Ru-dơ-ven là sẽ dành cho chúng cái bán đảo màu mỡ này sau khi chiến tranh thế giới kết thúc. Tất cả những ảo vọng về một thiên đường mới đã tan tành. Trận gió mùa Thu năm đó đã xua hết chúng khỏi đất nước ta như xua đi những xác lá khô.

Đẩy ra khỏi đất nước mười tám vạn tên chống cộng khét tiếng là tàn bạo, cùng với những mưu đồ đen tối, hiểm độc, cách mạng đã gạt đi một kẻ thù hết sức nguy hiểm, đã trút đi một gánh nặng về cả vật chất lẫn tinh thần.

11 hướng trình của Chính phủ ta là làm như thế nào cho đồng bào cả nước ai cũng có ăn, có mặc, có học". Trong thư gửi cho anh chị em giáo viên Bình dân học vụ đầu tháng 5 năm đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh một lần nữa nhắc lại điều này. Mục tiêu cao cả của cách mạng cuối cùng là để giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, là để mang lại cho nhân dân một đời sống vật chất ấm no, đầy đủ, một đời sống tinh thần tốt đẹp, phong phú. Có độc lập, tự do, lại có ấm no, hạnh phúc. Lý tưởng cách mạng đối với Người không phải là những gì xa xôi, trừu tượng mà là những cái rất gần gũi, cụ thể gắn liền với đời sống hàng ngày của quần chúng nhân dân.

Với Hiệp định mồng 6 tháng 3, trước mắt lại có thêm một thời gian hòa hoãn ở miền Bắc. Trong khi tiến hành cuộc đấu tranh đòi phía Pháp phải thi hành những điều khoản đã ký kết, mọi mặt công tác xây dựng đất nước vẫn tiếp tục một cách khẩn trương.

"Tăng gia sản xuất" và "Chống nạn mù chữ" vẫn là những khẩu hiệu lớn mà Bác đề ra.

Lời Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi tăng gia sản xuất để chống giặc đói vào cuối năm trước đang phát huy tác dụng to lớn. Để thúc đẩy sản xuất và tạo thêm điều kiện làm ăn dễ dàng cho nông dân nghèo, Chính phủ đã ban hành sắc lệnh giảm tô hai mươi lăm phần trăm.

Bác hết sức chăm lo đến việc chống giặc dốt. Nạn mù chữ còn là một di sản nặng nề do chế độ thực dân để lại. Theo lời kêu gọi của Bác, gần chục vạn giáo viên Bình dân học vụ và hàng triệu đồng bào đang lao vào trận đánh để đẩy lui giặc dốt.

Bác không những quan tâm một cách đặc biệt đến việc mở mang hiểu biết cho người dân một nước độc lập mà còn đặt vào đó những tình cảm thiết tha. Nha Bình dân học vụ gửi tới Bác cuốn "Phương pháp và cách thức dạy võ lòng chữ quốc ngữ". Bác xem rồi tự tay viết vào đầu cuốn sách: "Anh chị em giáo viên Bình dân học vụ cố gắng đọc kỹ sách này, rồi tận tâm dạy bảo đồng bào thất học, làm cho nạn mù chữ chóng hết. Thế là làm tròn một nhiệm vụ thiêng liêng của mình đối với Tổ

quốc". Tối 13 tháng 4, Bác đến thăm một lớp học ở phố Hàng Trống. Bàn học là những cánh cửa kê tạm. Giáo viên, một người trẻ tuổi đeo kính trắng đang cầm phấn viết mấy chữ mẫu trên tấm bảng đen. Người học thuộc nhiều lứa tuổi, ăn mặc khác nhau. Những mái đầu cặm cụi. Mái tóc bạc phơ của một cụ già vận áo dài ta bên bộ tóc đen nhánh của một chú bé mặc quần cộc. Bác đứng chống cây gậy tre

nhìn quang cảnh này tỏ vẻ rất xúc động. Bác khuyến khích mọi người và nói: "Cả người dạy và người học đều là những chiến sĩ trên mặt trận chống giặc dốt". Trong thư gửi các giáo viên Bình dân học vụ, Người viết: "Tôi mong rằng trong một thời gian rất ngắn, lòng hăng hái và sự nỗ lực của anh chị em sẽ có kết quả về vang: Đồng bào ta ai cũng biết đọc và biết viết. Cái vinh dụ đó thì tượng đồng bia đá nào cũng không bằng".

Trong tình hình khẩn trương lúc đó, để bảo vệ những thành quả của cách mạng, chống lại giặc ngoài, thù trong, Đảng ta chủ trương: Ra sức xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, củng cố quốc phòng, tiếp tục vũ trang cho quần chúng cách mạng, tích cực xây dựng quân đội nhân dân.

Lực lượng tự vệ đã phát triển tới một số lượng rất đông, giăng thành một màng lưới dày khắp các nơi, nhất là ở các thành phố, thị xã có quân Pháp đóng. Tự vệ giữ vai trò nòng cốt trong cuộc đấu tranh của nhân dân chống lại các hành động khiêu khích, vi phạm hiệp định của quân đội Pháp. Binh lính Pháp bắt đầu e ngại những "Việt Minh đeo phù hiệu vuông". Tại Hà Nội, Trường Cán bộ tự vệ Hồ Chí Minh mở tiếp khóa II trong tháng 4.

Với việc thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, quân đội ta đã có những điều kiện để phát triển nhanh chóng. Chỉ thị của Thường vụ Trung ương Đảng ngày 9 tháng 3 nêu ra: Đặc biệt chú ý đào tạo cán bộ chính trị và quân sự để lãnh đạo phong trào mới.

Tháng 3 năm 1946, Đảng mở Trường Quân chính Bắc Sơn. Tháng 5, Bộ Quốc phòng khai giảng Trường Võ bị Trần Quốc Tuấn. Tháng 6, Ủy ban kháng chiến miền Nam mở Trường Lục quân trung học Quảng Ngãi. Các trung đoàn cũng tổ chức trường quân chính bổ túc và đào tạo cán bộ trung đội, tiểu đội.

Nội dung giáo dục chính trị có: Tình hình nhiệm vụ, chính sách Việt Minh, cộng sản sơ giải, sơ lược về duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, công tác chính trị trong quân đội cách mạng. Trường Quân chính Bắc Sơn được các đồng chí Trung ương tới trực tiếp giảng các bài chủ yếu.

Về quân sự, các trường huấn luyện chiến thuật du kích và động tác đội ngũ, động tác chiến đấu từ cá nhân lên tới đại đội. Chiến thuật du kích học theo tài liệu "Cách

đánh du kích" được soạn từ hồi đánh Nhật ở chiến khu. Về cách đánh chính quy, vì chưa có kinh nghiệm, còn phải học góp nhật chiến thuật của nước này, nước khác.

Ngày 22 tháng 5 năm 1946, Bác lên Sơn Tây dự lễ khai giảng Trường Võ bị Trần Quốc Tuấn. Tự vệ, thanh niên của tỉnh ra đón Bác, đứng dàn suốt dọc đường.

Trên chiếc sân rộng của nhà trường, học sinh quân mặc quân phục ka-ki đồng màu, tập hợp chờ nghe Chủ tịch Hồ Chí Minh huấn thị.

Sau khi căn dặn các học viên phải thực thà đoàn kết, cố gắng học tập, hết sức tôn trọng kỷ luật, Bác nói: "Trung với nước, hiếu với dân là một bổn phận thiêng liêng, một trách nhiệm nặng nề nhưng cũng là vinh dự của người chiến sĩ trong đạo quân quốc gia đầu tiên của nước ta...".

"Trung vôù nöôùc hieàu vôùi dân", caâu noùi cuûa Ngöôøi giôø ñaây ñaõ trôû thaønh lòch söû. Ngay töø nhöõng ngaøy coøn thoù aáu, quaân ñoäi ta ñaõ ñöôïc Ngöôøi chæ roõ ranh giôùi raïch roøi giöõa nhöõng quaân ñoäi cuõ ñaõ töøng xuaát hieän trong quaù khöù vaø quaân ñoäi môùi cuûa caùch maïng. Lôøi noùi lòch söû ñoù ñaõ ñöôïc theâu thaønh nhöõng chöõ vaøng treân laù quaân kyø daãn ñöôøng caùc chieán só ta tieán leân hoaøn thaønh moïi nhieäm vuï veû vang. Traêm traän daùnh traêm traän thaéng.

Từ những ngày cuối tháng 11 năm 1945, tình hình rất căng thẳng, các hoạt động của Đảng tạm rút vào bí mật, Bác đã nêu ý kiến với Thường vụ là đồng thời với việc chăm lo cũng cổ và mở rộng Mặt trận Việt Minh, cần tổ chức một mặt trận dân tộc thống nhất thật rộng rãi để thu hút tất cả những tầng lớp và những cá nhân đến lúc đó còn đứng ngoài Việt Minh. Tư tưởng đoàn kết mọi lực lượng có thể đoàn kết được để chống lại kẻ thù là một tư tưởng lớn, quán xuyến trong suốt quá trình hoạt động cách mạng của Người.

Bác đề nghị đặt tên cho tổ chức mới này là Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam. Mục tiêu hoạt động của hội là: Độc lập, thống nhất, dân chủ, phủ cường. Tất cả mọi người Việt Nam không phân biệt dân tộc, tôn giáo, thành phần xã hội đều có thể tham gia vào hội. Các đảng phái đấu tranh cho độc lập và dân chủ đều đứng trong Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam. Về cách gọi tên hội, Bác nói có thể gọi tắt là Liên Việt cho dễ nhớ cũng như trước đây ta đã gọi Việt Nam độc lập đồng minh là Việt Minh.

Ngày 27 tháng 5, Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam chính thức tuyên bố thành lập. Chủ tịch Hồ Chí Minh được bầu làm Chủ tịch danh dự. Ban Chấp hành hội do cụ Huỳnh Thúc Kháng làm Chủ tịch, Bác Tôn làm Phó Chủ tịch. Các đoàn thể chính trị tham gia Liên Việt gồm có: Việt Minh, Đảng Dân chủ, Việt Nam Cách mạng đồng

minh Hội và Việt Nam Quốc dân Đảng. Các đoàn thể tôn giáo, công đoàn cũng đứng trong hội. Ngoài ra, còn có nhiều cá nhân yêu nước trước đây chưa ở đoàn thể nào, giờ cũng vào Liên Việt. Mặt trận thống nhất dân tộc được mở rộng theo sáng kiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh từ đó đã ngày càng phát huy tác dụng to lớn trong sự nghiệp đấu tranh cho độc lập và dân chủ của nhân dân ta.

Aíy ngày sau cuộc gặp gỡ giữa Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đác-giăng-li-ơ trên Vịnh Hạ Long, đầu tháng 4, hăng thông tấn Roi-tơ tung tin: Đác-giăng-li-ơ được cử làm người cầm đầu phái đoàn đàm phán với Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa... Thành phần của phái đoàn này gồm có đại diện của các bộ kinh tế, tài chính, quốc phòng và bộ thuộc địa...

Nếu tin này đúng thì đây là một âm mưu của bọn phần động Pháp. Đác-giăng-li-ơ là tín đồ trung thành của chủ nghĩa thực dân cũ xấu xa nhất. Cuộc nói chuyện giữa chúng ta với y sẽ không thể nào dẫn tới kết quả tốt. Việc chúng đưa đại biểu Bộ thuộc địa vào trong phái đoàn có hàm ý Việt Nam vẫn bị coi như một thuộc địa của Pháp.

Báo chí ta lập tức lên tiếng tô cáo đây là thủ đoạn của bọn phần động nhằm phá hoại Hiệp định. Chúng ta đòi cuộc đàm phán chính thức cần được tiến hành ở Pa-ri theo nguyên tắc bình đẳng. Người Pháp phải từ bỏ ý định cử vào trong phái đoàn một đại biểu của Bộ thuộc địa. Người có quyền thay mặt cho Chính phủ Pháp trong cuộc nói chuyện với nước Việt Nam đã tự giải phóng phải là người của Bộ Ngoại giao Pháp... Tin của hãng Roi-tơ không được xác nhận, cũng không bị cải chính.

Bác và các anh bàn việc tổ chức các phái đoàn đi Pháp và đi Đà Lạt. Phái đoàn Quốc hội đi thăm hữu nghị quốc hội và nhân dân Pháp do anh Đồng làm Trưởng đoàn. Tôi được chỉ định làm Phó Trưởng đoàn trong phái đoàn Chính phủ tới Đà Lạt để dự cuộc đàm phán trù bị.

Đoàn này do Nguyễn Tường Tam, Bộ trưởng Ngoại giao trong Chính phủ liên hiệp làm Trưởng đoàn.

Ngày 16 tháng 4, hai phái đoàn cùng lên đường một lúc. Phái đoàn đi Đà Lạt khởi hành từ Bắc Bộ Phủ lúc 6 giờ sáng. Bác có mặt từ sớm để tiễn đưa đoàn. Một lần nữa. Bác nhắc chúng tôi: "Cần đặt vấn đề Nam Bộ và vấn đề đình chiến lên đầu chương trình nghị sự". Bác bắt tay từng người trước khi ra đi.

Trời mưa lâm thâm. Phố xá còn yên tĩnh. Vì đồng bào được báo giờ lên đường của hai phái đoàn quá muộn nên không kịp đi tiễn. Từ mấy ngày hôm trước, khắp nơi đã tổ chức những cuộc mít tinh lớn để ủng hộ các phái đoàn sắp sửa lên đường.

Một số nhà báo kéo đến phỏng vấn phái đoàn về triển vọng của cuộc đàm phán. Thực khó trả lời. Mọi câu trả lời còn ở phía trước. Ta muốn đi đến một giải pháp chính trị với Pháp nếu Pháp thành thật thì hành những điều đã

cam kết, tôn trọng những quyền cơ bản của nước Việt Nam tự do. Nhưng sự thành công của cuộc đàm phán không chỉ tùy thuộc vào ta mà còn ở cả đối phương. Cuộc đấu tranh giữa hai lực lượng tiến bộ và phản động tại Đông Dương và tại nước Pháp đang diễn ra gay gắt. Những dấu hiệu đầu tiên không hứa hẹn gì nhiều. Đã có tin phái đoàn đàm phán của Pháp do Mắc Ăng-đơ-rê làm trưởng đoàn. Chính phủ Pháp đã chịu làm theo yêu cầu của ta cử những người thay mặt từ nước Pháp sang. Nhưng Mắc Ăng-đơ-rê lại là người của nhà băng, một người thuộc phong trào cộng hòa bình dân. Phong trào này vốn là Đảng Thiên chúa giáo Pháp trước kia. Cầm đầu phong trào là những đại biểu của giới tư bản lũng đoạn có liên hệ với Mỹ và Tòa thánh Va-ti-căng. Với một người đối thoại như vậy, không thể trông đợi hội nghị sẽ diễn ra một cách thuận buồm xuôi gió. Còn về phía ta, thành phần phái đoàn đàm phán không thuần nhất. Nguyễn Tường Tam, tháng trước đã không chịu ký tên vào bản Hiệp định. Đến giờ phút chót, Vũ Hồng Khanh phải ký thay. Ngoài ra, một số đại biểu Nam Bộ, tên đã được công bố trong danh sách phái đoàn, nhưng vào giờ phút lên đường vẫn chưa có mặt.

7 giờ, máy bay cất cánh. Từ trên cao nhìn xuống, dưới các tầng mây, lúc là màu xanh ngọc lấp lánh của biển với những gợn sóng trắng, lúc là màu xanh lá cây rậm rì của núi rừng Trường Sơn trùng điệp. Có lúc là một dòng sông vàng rực ánh mặt trời, quanh co lượn khúc. Người xưa nói: Non sông gấm vóc. Đó chính là hình ảnh đất nước của ta hiện ra dưới cánh bay.

Ngày hôm đó, chúng tôi chỉ tới được Pắc Xế. Chiếc đa-kô-ta dừng lại đây để lấy xăng, nhưng khi sắp cất cánh đi tiếp thì máy móc trục trặc. Đoàn phải ở lại chờ máy bay dự bị ở Sài Gòn lên thay. Chúng tôi đi dạo quanh các phố, vào thăm một ngôi chùa cổ, rồi ra bờ sông Mê Kông. Dòng sông rộng, đỏ quánh phù sa chia đôi hai nước Lào, Thái Lan, ở cả đôi bờ đều là những dải đất bằng phẳng. Việt kiểu trong thành phố nghe tin phái đoàn Chính phủ qua, kéo đến thăm rất đông. Những cuộc gặp gỡ không chờ đợi, rất cảm động.

Ngày hôm sau, máy bay bay tiếp đến Đà Lạt. Xuống sân bay, thấy thời tiết khác hẳn. Khi chúng tôi ở Pắc Xế, trời nóng bức. Không khí ở đây thì mát lạnh như một ngày cuối Thu. Đà Lạt là một nơi nghỉ mát, một thành phố du lịch dành cho người Pháp và những người Việt Nam thuộc giới gọi là "thượng lưu". Khắp nơi đều thấy những biệt thự lớn, nhỏ, những khách sạn, những con đường để dạo chơi ngắm

cảnh. Chung quanh thành phố là những đổi thông nổi tiếp. Một thành phố xinh đẹp.

Đoàn ta ở khách sạn Lang Biang. Khách sạn này trông ra một cái hồ yên tỉnh, có những hàng cây bao quanh. Hồ đẹp, nhưng lại mang tên do người Pháp đặt là Hồ Than Thở (Lac des soupirs). Bên kia hồ là núi.

Ngày 18 tháng 4, hồi 9 giờ sáng, phía Pháp cứ người tới báo với ta: 10 giờ 15 phút, Đác-giăng-li-ơ sẽ gặp các trưởng đoàn của hai phía tại dinh thụ của y, sau đó, viên cao ủy sẽ gặp cả hai đoàn để giới thiệu phái đoàn Pháp và trưởng đoàn mới được chỉ định là Mắc Ăng-đơ-rê. Việc này phía Pháp không hề bàn bạc trước với ta. Viên đô đốc đã chơi lối trịch thượng. Y muốn lấy danh nghĩa cao ủy Pháp để tiếp hai đoàn đại biểu trong một dinh thụ của liên bang Đông Dương. Người Pháp còn nói thêm, sau khi các đoàn đại biểu gặp nhau thì cao ủy sẽ khai mạc ngay phiên họp toàn thể đầu tiên. Việc này cũng do phía Pháp tự ý định ra. Lẽ tất nhiên, chúng ta không thể tán thành.

Để đáp lại, chúng ta cứ đồng chí thư ký của phái đoàn sang báo với phía Pháp là Trưởng đoàn đại biểu Việt Nam đề nghị gặp Đác-giăng-li-ơ để thương lượng về những vấn đề do phía Pháp vừa nêu ra.

10 giờ, phái đoàn Pháp đã có đủ mặt tại dinh thụ của Đác-giăng-li-ơ. Phóng viên các báo cũng kéo tới đông. Tất cả cứ ngồi đó đợi ta đến 11 giờ trưa. Đoàn ta kiên quyết bác bỏ cuộc gặp mặt trịch thượng của ông đô đốc. Không khí trở nên căng thẳng.

Phía Pháp thấy khó xử, bèn nghĩ ra một cách giải quyết cho đỡ bề mặt là mời đoàn ta tới dự một bữa tiệc. Thế là cuộc gặp gỡ đầu tiên của hai phái đoàn và ông cao ủy diễn ra quanh bàn ăn. Đác-giăng-li-ơ hết cơ hội lấy danh nghĩa cao ủy để khai mạc hội nghị.

Tôi gặp Đác-giăng-li-ơ lần đầu. Ông thầy tu phá giới này có cặp mắt nhỏ sắc sảo, tinh ranh nằm dưới vầng trán đầy nếp nhăn, và đôi môi mỏng dính. Ngồi với y một lát đã thấy ngay y là một con người từng trải và xảo quyệt, tự phụ và nhỏ nhen. Một con người như vậy chỉ có thể là con người của dĩ vãng, của chính sách thực dân.

Đác-giăng-li-ơ tự khoe là đã biết nhiều về chúng tôi. Y hỏi thăm tôi về gia đình, về những năm hoạt động bí mật, về thời kỳ Nhật khủng bố và hẹn sẽ còn gặp để nói chuyện nhiều. Y rủ tôi chủ nhật tới sẽ cùng đi trèo núi. Hai bên cùng đề cập đến tương lai cuộc bang giao Việt - Pháp. Tôi nói: "Thế nào cũng còn gặp nhiều khó khăn nhưng đó là những khó khăn để mà vượt qua. Chúng tôi sẽ vượt qua những khó khăn đó nếu có được sự cố gắng của cả hai bên".

Trong câu chuyện, Đác-giăng-li-ơ nói có người đã gọi y là "con người của im lặng và khổ hạnh". Chắc viên cao ủy muốn khoe mình vốn là một nhà chân tu. Thực ra, y là một chính khách nham hiểm hơn là một kẻ tu hành.

Qua cuộc gặp này, hai bên thỏa thuận sẽ họp phiên toàn thể vào ngày hôm sau. Phiên khai mạc sẽ do người của phái đoàn Việt Nam chủ tọa. Đây

là sự nhượng bộ đầu tiên của Pháp. Nhưng sự nhượng bộ này hoàn toàn không có ý nghĩa là những khó khăn đã giảm bớt, đôi bên đã nhích lại gần nhau.

Hội nghị đàm phán trù bị giữa Việt Nam và Pháp họp phiên toàn thể đầu tiên vào sáng ngày 19 tháng 4 tại Trường trung học Y-éc-xanh. Trong đoàn Pháp có mặt nhiều viên quan cai trị cũ như: Mét-xme, Bút-xkê, Pi-nhông... Một số người đã tới Đông Dương từ hồi đầu Cách mạng Tháng Tám. Riêng Mét-xme, được thả dù xuống miền Bắc hồi tháng 9 năm 1945, bị dân quân ta bắt nhưng sau đó đã trốn thoát.

Ngày 20 tháng 4, tiểu ban chính trị họp. Chúng tôi đòi phải ghi ngay vào chương trình nghị sự vấn đề thực hiện một không khí chính trị thuận tiện cho cuộc đàm phán, và vấn đề đình chiến tại Nam Bộ. Phía Pháp bắt đầu có những luận điệu quanh co. Họ lẩn tránh yêu cầu của ta bằng cách nói những vấn đề này vượt quá thẩm quyền của hai phái đoàn. Ta đã viện những cơ sở pháp lý trong Hiệp định Sơ bộ mồng 6 tháng 3 và những lẽ phải thông thường buộc Pháp phải nhận. Tranh cãi hồi lâu, Pháp nhượng bộ một phần. Họ đồng ý ghi vấn đề: "Thực hiện một không khí chính trị thuận tiện cho cuộc đàm phán". Ta đòi phải ghi nốt cả vấn đề đình chiến tại Nam Bộ.

Trong giờ giải lao, người Pháp bàn bạc với nhau. Khi cuộc họp tiếp tục, Pi-nhông, cố vấn chính trị của đoàn Pháp, lại nói là họ không có đủ quyền hạn để xét vấn đề đình chiến tại Nam Bộ. Chúng tôi hỏi lại Pi-nhông:

- Ông hãy cho biết phái đoàn Pháp có quyền hạn để thảo luận những vấn đề ghi trong Hiệp định mồng 6 tháng 3 không?

Pi-nhông đáp lại một cách miễn cưỡng:

- Có.
- Vậy trong Hiệp định phải chăng là đã ghi: "Hai chính phủ lập tức quyết định mọi phương sách cần thiết để đình chỉ cuộc xung đột"?

Người Pháp bị đẩy vào một thế lúng túng. Chờ đến hết giờ làm việc buổi sáng, họ vẫn chưa tìm ra cách trả lời. Vấn đề đành để gác lại.

Buổi chiều, tôi đi dạo một lát trên bờ suối Cam Ly. Đã có thể thấy rõ thái độ phản động của người Pháp. Không thể trông đợi gì nhiều ở cuộc đàm phán này. Dù sao, cuộc thương lượng giữa ta và Pháp vẫn còn tiếp tục... Đường đi ngập lá thông. Bên bờ suối, nhiều hoa sim dại. Thành phố yên tĩnh, không khí trong lành, phong cảnh lại đẹp. Đà Lạt thật là một thắng cảnh của đất nước ta. Chỉ muốn đi mãi trên con đường có gió mát và tiếng thông reo. Trời sấp tối, tôi quay về khách sạn. Ngồi vào bàn làm việc vừa

ghi chép được một chút thì có tiếng gõ cửa gấp. Tôi chưa kịp đứng dậy, cửa đã mở. Một đồng chí ngó đầu vào, nói vội vàng:

- Mời anh lên phòng trên, anh Thạch tới rồi!

Đồng chí Phạm Ngọc Thạch đang chiến đấu tại Nam Bộ. Tên anh đã được công bố trong danh sách của phái đoàn, nhưng chúng tôi vẫn nghĩ là anh sẽ không có mặt trong cuộc đàm phán. Không hiểu anh Thạch đã tìm cách nào tới được đây đúng vào lúc cuộc họp bắt đầu. Bọn Pháp cũng chưa biết anh tới.

Chỉ một lát, cả đoàn, trừ Nguyễn Tường Tam, đều kéo đến. Người anh Thạch đen sạm, gầy, nhưng rắn rỏi. Chúng tôi ôm chầm lấy anh. Mừng rỡ, cầm động. Giọng nói của anh còn mang khí thế chiến đấu của Nam Bộ. Anh Thạch kể lại chuyến đi từ Sài Gòn lên. Một cuộc đi mạo hiểm. Anh nói về tình hình Nam Bộ, những gương hy sinh dũng cảm của chiến sĩ và đồng bào. Chúng tôi hàn huyên với nhau đến rất khuya.

Ngày hôm sau, anh Thạch bị bọn Pháp bắt trước khách sạn Parc. Đoàn ta phân kháng mạnh mẽ. Chính phủ ta đã lên tiếng phân đối việc làm trái phép của Pháp. Đồng bào ở nhiều nơi họp mít tinh đòi Pháp phải trả lại tự do cho anh Thạch. Nhưng anh Thạch chỉ được chúng thả ra sau khi cuộc đàm phán kết thúc.

12

Ôi nghị đã tiến hành khẩn trương. Ngoài những phiên họp toàn thế, những phiên họp ở các tiểu ban, còn có nhiều cuộc trao đổi ngoài hành lang. Mắc Ảng-đơ-rê, Mét-xme, Buốc-goanh... đôi khi có cả Đác-giăng-li-ơ cũng dự vào những cuộc trao đổi ý kiến không chính thức này. Tuy vậy, trên tất cả các vấn đề được đặt ra, cuộc đàm phán hầu như không tiến triển.

Đoàn ta đã giữ được sự nhất trí trong tất cả các buổi thảo luận. Riêng Nguyễn Tường Tam đã lẩn tránh phần lớn các phiên họp, và cũng ít tham gia vào các cuộc bàn bạc trong đoàn.

Vấn đề đình chiến dây đưa nhiều buổi. Không khí hội nghị trở nên nặng nề. Phía Pháp biết rằng nhất định đoàn ta sẽ không bỏ qua. Chúng ta đã nêu lên vấn đề đình chiến tại Nam Bộ một cách kiên quyết, và có lý lẽ. Người Pháp tỏ ra khó xử, bối rối. Buốc-goanh, một chuyên viên về kinh tế ở Đông Dương, phải thốt ra: "Vấn đề đó gây phiền toái cho chúng tôi ghê quá!

Họ (y muốn chỉ chúng ta) rất có lý". Một vài người Pháp cũng có ý nghĩ như Buốc-goanh.

Sau mấy phiên họp, người dân ở Đà Lạt bắt đầu bàn tán xôn xao về những lập luận vô lý của phía Pháp. Ngay trong phái đoàn Pháp cũng có người nói thẳng với chúng ta: "Các ông có những nhà biện chứng đáng gờm".

Phía Pháp không viên được lý lẽ gì để bác bỏ yêu cầu của ta, nhưng vẫn không chịu ghi vấn đề này vào chương trình nghị sự. Rõ ràng là Pháp không muốn đình chiến tại Nam Bộ.

Một câu hỏi được đặt ra trong đoàn ta: Nên tiếp tục cuộc đàm phán hay nên cắt đứt?

Ngày 23 tháng 4, hai phái đoàn họp phiên toàn thể. Đoàn ta lại đưa vấn đề đình chiến ở Nam Bộ ra trước cuộc họp. Người Pháp có một nhượng bộ. Họ đề nghị thành lập một ủy ban hỗn hợp hạn chế, gồm những người không có chân trong hai phái đoàn hiện nay, để thực hiện ngừng bắn ở Nam Bộ đồng thời giải quyết những vấn đề có tính cách cấp bách khác. Ủy ban này lúc đầu sẽ đóng ở Đà Lạt, sau đó sẽ đóng ở Hà Nội.

Ta biết đây là một cách trì hoãn. Tuy nhiên, cũng do sự nhượng bộ này của phía Pháp mà các phiên họp vẫn được tiếp tục.

Cuối tháng 4, tướng Gioăng, tổng tham mưu trưởng quân đội Pháp trên đường từ Nam Kinh trở về Pa-ri, ghé thăm hội nghị Đà Lạt. Trong cuộc gặp Gioăng khoảng hai mươi phút, tôi đã nói thẳng:

- Người Pháp phải thực hiện đình chiến ở Nam Bộ theo đúng tinh thần của bản Hiệp định. Nếu không, nhân dân Việt Nam sẽ tiếp tục chiến đấu đến cùng. Tôi muốn nói với ông điều này với tư cách là một người kháng chiến.

Ngoài những cuộc tranh luận gay gắt tại tiểu ban chính trị, ở tất cả các tiểu ban quân sự, kinh tế, văn hóa đều có những cuộc tranh cãi giằng co.

Về kinh tế, ta chủ trương giữ vững những quyền lợi kinh tế cơ bản của ta, bảo đảm điều kiện cho kinh tế Việt Nam phát triển, đồng thời có những nhân nhượng nhất

định đối với quyền lợi kinh tế Pháp ở Đông Dương. Những vấn đề được đặt ra trong tiểu ban này là:

- Vấn đề thuế quan.
- Vấn đề tiền tệ.
- Vấn đề những doanh nghiệp hiện tại của Pháp ở nước ta.

Những bất đồng lớn xoay quanh vấn đề tiền tệ và việc kinh doanh của người Pháp tại Việt Nam.

Về văn hóa, hai bên đã đạt được một số thỏa thuận. Ta chỉ còn không đồng ý về việc Pháp đòi đặt một số cơ quan văn hóa ở Đông Dương trực thuộc với liên bang và đề nghị dùng tiếng Pháp làm tiếng chính thức thứ hai sau tiếng Việt.

Về quân sự, qua nhiều buổi trao đổi, không giải quyết được gì. Vấn đề quân sự phải phụ thuộc vào vấn đề chính trị. Không thể nào có được những thỏa thuận về quân sự chừng nào vấn đề chính trị còn chưa giải quyết xong.

Vấn đề chính trị là vấn đề cơ bản, gay go, chiếm nhiều thời gian nhất trong suốt quá trình đàm phán.

Lập trường có tính nguyên tắc của ta là: Nước Việt Nam phải là một nước tự do. Liên bang Đông Dương chỉ mang tính chất kinh tế không được phương hại đến những quyền cơ bản của Việt Nam.

Về mối quan hệ giữa các nước trong liên bang Đông Dương với Pháp, đoàn ta tuyên bố chấm dứt chế độ toàn quyền. Ta chủ trương tổ chức một liên bang thực tế chỉ có tính chất kinh tế. Đại diện của Pháp ở liên bang có tính cách một nhân viên ngoại giao. Liên bang Đông Dương sẽ phối hợp về chính sách thuế quan và tiền tệ, về việc đặt kế hoạch kiến thiết cho các nước trong liên bang theo nguyên tắc không làm phương hại đến chủ quyền của các nước này.

Phía Pháp chủ trương viên cao ủy Pháp vừa là đại diện cho liên hiệp Pháp vừa là chủ tịch liên bang Đông Dương. Họ đòi các ngành tư pháp, ngoại thương, tài chính, hối đoái, vận tải, y tế, các cơ quan nghiên cứu và phát minh về văn hóa, khoa học, kinh tế, viện thống kê, nhà bưu điện và vô tuyến điện, cơ quan phụ trách di dân đều phải thuộc về liên bang... Với chủ trương này, người Pháp đã để lộ rõ ý đồ muốn làm sống lại chế độ toàn quyền trước đây.

Người Pháp đề nghị Việt Nam công nhận bản tuyên ngôn về những quyền lợi của người dân trong liên hiệp Pháp. Ta hoan nghênh những nguyên tắc dân chủ của bản tuyên ngôn nhưng chưa công nhận nó. Chính dân chúng Pháp cũng chưa công

nhận bản tuyên ngôn này. Thực ra, người Pháp cũng chưa xác định được cái "liên hiệp Pháp" họ đưa ra là thế nào.

Về ngoại giao, lập trường của ta là Việt Nam sẽ có đại sứ ở Pháp và viên cao ủy Pháp ở đây là đại điện ngoại giao của Pháp ở Việt Nam. Nước Việt Nam tự do phải có quyền đặt đại sứ ở các nước trong liên hiệp Pháp và ở các nước ngoài. Pháp chủ trương người đại diện Pháp ở Việt Nam là một viên chức Pháp do viên cao ủy Pháp cử ra và nước Việt Nam chỉ có đại diện ngoại giao với các nước khác thông qua liên hiệp Pháp.

Về vấn đề Nam Bộ, Hiệp định Sơ bộ mồng 6 tháng 3 đã đề ra sẽ giải quyết bằng một cuộc trưng cầu ý dân. Ta chủ trương: Mục đích bỏ phiếu không phải là để hỏi chủ quyền Nam Bộ thuộc về đâu vì lãnh thổ Việt Nam gồm có ba kỳ; cuộc đầu phiếu chỉ nhằm hỏi ý kiến nhân dân Nam Bộ có muốn giữ giới hạn "kỳ" hay không trong khuôn khổ của nước Việt Nam thống nhất. Pháp chủ trương đầu phiếu để hỏi cả chủ quyền Nam Bộ thuộc về đâu.

Theo quan điểm của ta, và đó cũng là lẽ đương nhiên, cuộc trưng cầu ý dân chỉ tiến hành ở Nam Bộ. Nhưng Pháp đòi phải bỏ phiếu ở cả Trung Bộ và Bắc Bộ để hỏi chủ quyền từng kỳ thuộc về đâu.

Muốn cho cuộc bỏ phiếu được hợp pháp, công bằng, ta chủ trương bảo đảm tự do cho những người bỏ phiếu. Ta đề nghị một chế độ chấp chính tạm thời của một hội đồng ba mươi người ở Nam Bộ. Hội đồng bầu lên ủy ban chấp hành, có nhiệm vụ trong một thời gian ngắn thực hiện đình chiến triệt để, thả hết tù chính trị, đình chỉ hết khủng bố, làm cho các tổ chức chính trị của nhân dân được hoạt động tự do. Phía Pháp trả lời một cách mơ hồ là sẽ bảo đảm tự do cho cuộc trưng cầu ý dân ở Nam Bộ; họ không đồng ý để người Việt Nam tham gia vào việc chấp chính hiện thời ở Nam Bộ.

Lập trường của ta và của Pháp rõ ràng là khác xa nhau. Những người thay mặt cho nước Pháp mới tới dự cuộc đàm phán đã tỏ ra rất lạc hậu trước tình hình đã đổi thay tận gốc trên bán đảo này. Họ vẫn còn mang nặng tư tưởng chủ nghĩa thực dân cổ truyền của đế quốc Pháp. Trưởng đoàn của Pháp là Mắc Ảng-đơ-rê ngày càng bộc lộ bản chất phản động. Có lần trong một bữa tiệc, y đã nói: "Với Việt Nam, người Pháp đã tỏ ra rất rộng rãi; Pháp nhượng bộ như thế là đã quá lắm rồi, không thể cứ nhượng bộ mãi, không thể theo truyền thống Muy-ních".

Cũng vào những ngày đầu tháng 5 này, tại Pháp, bản dự thảo hiến pháp mới đã bị bác bỏ trong cuộc trưng cầu ý dân. Đây lại là một khó khăn lớn nữa đối với phong trào đấu tranh cho các quyền dân chủ ở nước Pháp. Phái hữu đã giành được một

thắng lợi. Bọn phần động Pháp ở thuộc địa sẽ ngóc đầu dậy. Cuộc đấu tranh của chúng ta sẽ gặp nhiều khó khăn hơn.

Ngày 10 tháng 5, lại họp phiên toàn thể. Đoàn ta tiếp tục nêu lên chủ trương của mình về việc thực hiện trưng cầu ý dân tại Nam Bộ. Các đại biểu Pháp vẫn giữ thái độ ngoan cố. Chúng ta đã nói thẳng với họ là một số người Pháp có âm mưu tách Nam Bộ ra khỏi Việt Nam, âm mưu đó không thể dung thứ, nhất định sẽ thất bại. Sau một cuộc tranh luận gay go, cả đoàn ta đứng dậy bỏ phòng họp.

Đêm hôm đó, sau buổi hội ý trong đoàn, tôi thức khuya. Nhìn ra cửa sổ, trời tối đen. Không còn nhận ra đâu là hồ, đâu là núi. Những quả đồi thông xinh đẹp, những cánh rừng hoang vu của cao nguyên Lang Biang chìm trong bóng đêm. Cuộc chiến đấu của đồng bào ta, của các chiến sĩ du kích trên những môm núi cao, những khu rừng rậm nơi xa kia đang tiếp tục và sẽ còn phải tiếp tục. Từ hôm đi đến giờ, chúng tôi vẫn thường xuyên báo cáo tình hình hội nghị với Bác và các anh. Báo chí và đài phát thanh của ta đã phản ánh kịp thời cuộc đấu tranh của phái đoàn ta tại hội nghị. Bác và các anh ở nhà theo dõi rất sát diễn biến của cuộc đàm phán. Trong phiên họp sáng nay, tôi đã nói với phái đoàn Pháp: "Các chiến sĩ Việt Nam đã trải qua nhiều khó khăn trong cuộc chiến đấu giành tự do cho Tổ quốc, chỉ có thể chấp nhận hòa bình trong công bằng và danh dự... Nhân danh một dân tộc đã có hàng nghìn năm tôi luyện trong lao động và đấu tranh, tôi khẳng định với các ông rằng: Ngày nào Nam Bộ còn bị tách khỏi Việt Nam thì ngày ấy mỗi người dân Việt Nam còn không ngừng dốc hết nghị lực của mình vào cuộc đấu tranh để đưa Nam Bộ trở về trong lòng Tổ quốc. Nếu tiếng nói của chúng tôi không được đáp lại, bản Hiệp định không được tôn trọng thì chúng tôi sẽ không chịu trách nhiệm về tất cả những gì xảy ra trong tương lai... Lịch sử sẽ chứng minh lời nói của chúng tôi là đúng...". Chúng ta đã nói với người Pháp những điều cần nói. Nhưng người Pháp vẫn giữ nguyên lập trường thực dân của họ. Ta đã đánh giá thêm được sức chống đối quyết liệt của bọn phần động. Qua cuộc đàm phán này, càng thấm thía một điều: Trong đấu tranh chính nghĩa đòi độc lập, tự do cho đất nước, ngoại giao nhất thiết phải dựa trên lực lượng của nhân dân. Mọi người dân Việt Nam cần phải có đầy đủ nghị lực và quyết tâm bồi bổ thực lực của mình. Dân tộc ta phải mạnh. Đất nước ta phải mạnh. Công việc ngoại giao phải bắt đầu từ đó. Lại nhớ lời Bác nói hôm nào: "Thực lực như cái chiêng, ngoại giao như cái tiếng; chiêng có to tiếng mới lớn"...

Phiên họp sáng nay đã trở thành phiên họp cuối cùng của Hội nghị Đà Lạt. Dù sao cuộc đàm phán này cũng chỉ mới là một cuộc đàm phán tại chỗ có tính cách trù bị. Sợi dây liên lạc giữa ta với Pháp chưa hoàn toàn bị cắt đứt.

húng tôi ở Đà Lạt về tới Hà Nội ngày 13 tháng Năm. Phái đoàn Quốc hội của ta đi thăm quốc hội và nhân dân Pháp vẫn chưa về. Một tuần sau khi phái đoàn Quốc hội ta rời Hà Nội, các hãng thông tấn Sài Gòn đưa

tin: "Một phái bộ Nam Kỳ đã lên đường qua Pháp để gặp Chính phủ Pháp báo cáo tình hình và xin cho Nam Kỳ được tự trị". Nhóm người này do Nguyễn Văn Xuân cầm đầu. Đây lại là một thủ đoạn mới nữa của viên cao ủy.

Ngày 18 tháng 5, báo Cứu quốc xuất bản ở Thủ đô có bài "Cụ Hồ Chí Minh với dân tộc Việt Nam".

Bài báo viết:

"Ngày 19 tháng 5 này, năm mươi sáu năm trước đây (1890) đã ra đời một người: Hồ Chí Minh.

Bằng bàn tay khéo léo và quả quyết, chính ông đã khai sinh, đã nuôi nấng nhiều đoàn thể cách mạng Việt Nam. Tình thân hoạt động của hầu hết các chiến sĩ Việt Nam đều do bàn tay tài tình của ông hun đúc..."

Bài báo đã nói tới những công hiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với cách mạng, ca ngợi Người là linh hồn, là hiện thân của Cách mạng Việt Nam và nêu ý nghĩa lớn của ngày 19 tháng 5.

Lần đầu tiên, toàn dân tộc Việt Nam được biết ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Người đã có công lớn đổi đòi cho cuộc sống của nhân dân ta. Chúng ta chuẩn bị tổ chức kỷ niệm ngày sinh của Người. Anh em đều biết ý Bác nên đã làm thật đơn giản.

Cũng ngày hôm đó, Đác-giăng-li-ơ tới Hà Nội. Đây là lần đầu tiên, viên cao ủy Pháp đến Thủ đô nước ta. Mục đích của cuộc viếng thăm này cũng mở ám như những mưu đồ của y. Trong cuộc gặp gỡ ở Vịnh Hạ Long, viên cao ủy thỏa thuận với Chủ tịch Hồ Chí Minh muộn nhất vào ngày 31 tháng 5, phái đoàn đàm phán chính thức của Chính phủ ta sẽ lên đường sang Pháp. Ngày 31 tháng 5 sắp tới. Tình hình chính trị tại nước Pháp còn bê bối. Các đảng phái đang lao vào cuộc vận động tranh cử. Chức chủ tịch chính phủ lâm thời Pháp trong thời gian tới chưa biết vào tay ai. Đác-giăng-li-ơ không muốn để phái đoàn của Chính phủ Việt Nam tới đàm phán ở nước Pháp trong một tình hình như vậy. Mặt khác, các vai tuồng của Xê-đin chưa sẵn sàng để diễn trò "Nam Kỳ tự trị". Chính phủ Pháp cũng chưa chính thức phê chuẩn giải pháp chính trị này của viên cao ủy ở Nam Kỳ. Do những lẽ đó, Đác-giăng-li-ơ muốn đề nghị với Chủ tịch Hồ Chí Minh hoãn ngày lên đường của phái đoàn Chính

phủ ta qua Pháp. Y còn gian ngoan định nhân chuyển ra Hà Nội này, đánh tiếng trước với ta về việc "nước Nam Kỳ tự trị" sắp thành lập nay mai...

6 giò chiêu hôm đó, Đác-giăng-li-ơ cùng tướng Van-luy và Cơ-rê-panh đến Bắc Bộ Phủ để chào Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Cụ Huỳnh, cụ Tố và một vài anh em chúng tôi cùng dự buổi tiếp khách với Bác. Khi nâng cốc chào mừng ông cao ủy, Bác nói:

- Thủ đô của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa mới lấy làm sung sướng được đón tiếp người thay mặt nước Pháp. Sau cuộc hội thương tại Vịnh Hạ Long, hội nghị trù bị tại Đà Lạt và cuộc giao hảo của phái đoàn Quốc hội Việt Nam với Quốc hội Pháp tại Pa-ri, hôm nay, với việc ngài đến thăm Hà Nội, cuộc bang giao Việt - Pháp chắc chắn sẽ có bước phát triển mới.

Đác-giăng-li-ơ đáp lại với một thái độ rất nhã nhặn:

- Ngày mai là lễ sinh nhật của Chủ tịch, tôi xin chúc mừng Chủ tịch trường thọ, và tôi tin rằng từ đây tình thân thiện của nước Pháp và nước Việt Nam sẽ càng ngày càng chặt chẽ thêm và càng thân mật hơn nữa.

Sáng ngày 19 tháng 5, các đồng chí trong Thường vụ và trong Chính phủ tới chúc thọ Bác. Đây cũng là một dịp hiếm hoi mà chúng tôi được quây quần đông đủ bên Bác vào đúng ngày sinh của Người. Trong một bài thơ tướng niệm Người làm hồi đầu Xuân năm 1970, anh Tố Hữu có viết:

Chắc như thường lệ, Người đi vắng

Để mọi lời ca tặng nước non...

Bác thường vắng nhà trong những dịp kỷ niệm ngày sinh của Người.

Bác đã cố gắng từ chối, cố gắng gạt bỏ những vinh quang mà mọi người dành cho riêng Bác. Người không thích nói về những việc làm của mình và cũng không thích nghe ca ngợi công lao của Người.

Tiếng trống ếch rộn ràng trước cửa Bắc Bộ Phủ. Các cháu đã tới. Bác Hồ ra đón các cháu vào. Hơn một chục em bé gái, trai thay mặt cho toàn thể thiếu nhi nội, ngoại thành đến chúc thọ Bác. Trong các em, có em hằng ngày vẫn phải đi bán báo, có em là trẻ mồ côi ở trường trẻ con mồ côi Hàng Bột. Các em đua nhau gắn huy hiệu măng mọc thẳng lên áo Bác, tặng Bác những chữ "i", "t" tượng trưng cho phong trào Bình dân học vụ, những tập sách nhỏ in điều lệ và bài hát của Hội nhi đồng cứu quốc.

Quà của Bác Hồ cho các cháu bé năm đó là một cây bách tán. Bác trỏ cái cây nhỏ lá rất xanh, trồng trong chậu nói:

- Bác có cây này tặng các cháu. Mai sau cái cây này sẽ mọc ra một trăm cái tán. Các cháu về chăm cho cây lớn, cây tốt thế là các cháu yêu Bác lắm đấy!

Các em vui mừng hát một bài cảm ơn Bác. Khi các em vừa khênh chậu cây bách tán đi ra thì một đoàn hơn năm chục anh, chị bước vào phòng. Các

anh đều mặc quần áo ka-ki, các chị vận quần áo bà ba đen. Đây là những người thay mặt cho miền Nam đang chiến đấu tới chúc thọ Bác.

Sau khi nghe lời chúc mừng của các anh, các chị, Bác nói:

- Tôi xin cảm ơn các anh, các chị Nam Bộ đã đến chúc thọ tôi. Thật ra, các báo ở đây đã làm to cái ngày sinh của tôi, chứ tuổi năm mươi sáu chưa có gì đáng được chúc thọ, cũng hãy còn như là thanh niên cả, mà trước các anh, các chị, trước cảnh êm vui ở Bắc đây, tôi thật lấy làm xấu hổ vì trong Nam chưa được thái bình.

Hai giọt lệ chảy trên gò má Bác. Các anh, chị Nam Bộ đều rưng rưng nước mắt.

Lát sau, Ban vận động Trung ương Đời sống mới vừa được thành lập tháng trước theo sắc lệnh của Chính phủ, đến chúc thọ Bác. Nhân được gặp Bác, các đại biểu đề nghị Bác nêu ra cho cuộc vận động một khẩu hiệu. Bác nói:

- Các chú muốn có một khẩu hiệu u! "Cần kiệm liêm chính", "Chí công vô tư". Khẩu hiệu đó!

Một đại biểu thưa với Bác khẩu hiệu này đã quen thuộc, xin Bác một khẩu hiệu mới cho hợp với cuộc vận động Đời sống mới.

Bác cười rồi nói:

- Hằng ngày ta phải ăn cơm, uống nước, phải thở khí trời để mà sống. Những việc đó, ngày xưa ông cha ta phải làm, bây giờ chúng ta phải làm, con cháu ta sau này cũng phải làm. Vậy ăn cơm, uống nước và thở khí trời để đem lại cuộc sống cho con người thì đó là những việc không khi nào trở thành cũ cả. "Cần kiệm liêm chính", "Chí công vô tư" đối với Đời sống mới cũng như vậy.

Cũng ngày hôm đó, một phóng viên của hãng thông tấn Pháp AFP tới xin phỏng vấn Bác về cuộc hội nghị đã bị đứt quãng ở Đà Lạt. Bác trả lời:

- Đại biểu của hai nước đã nói rõ lập trường của mình một cách trung thực, thẳng thắn đôi khi đến tàn nhẫn. Đó là một phương pháp hay. Vì nhờ vậy, bây giờ chúng ta hiểu nhau hơn trước. Về một vài điều, hai bên đã thỏa

thuận. Vẫn còn có những sự bất đồng ý kiến. Nhưng cuộc hội nghị vừa qua chỉ là một cuộc hội nghị trù bị. Nhiệm vụ của hội nghị ở Pa-ri là phê chuẩn những thỏa thuận đã thực hiện được ở Đà Lạt và dung hòa các quan điểm xung đột nhau. Các cuộc xung đột ý kiến không đến nỗi không giải quyết được. Hai dân tộc phải thỏa thuận với nhau để thực hiện một cuộc hợp tác thân thiện. Chúng ta sẽ đặt một nền tảng vững chắc cho cuộc đàm phán sau này.

Trước những hoạt động phá hoại của bọn phản động Pháp, Người vẫn tìm mọi cách ngăn chặn để nếu không tránh được một cuộc chiến tranh thì ít nhất cũng kéo dài được thời gian hòa hoãn.

Suốt mấy ngày ở Hà Nội, Đác-giăng-li-ơ ra sức trình bày với Chủ tịch Hồ Chí Minh là nên lui lại một thời gian nữa ngày lên đường của phái đoàn Việt Nam đi sang Pháp để mở cuộc đàm phán chính thức, Đác-giăng-li-ơ cố chứng minh rằng sở dĩ phải làm như vậy chính là vì lợi ích của cuộc đàm phán và của nước Việt Nam. Trong câu chuyện, Đác-giăng-li-ơ đã khéo đã động tới một "khó khăn" hiện tại là y "không thể cứ tiếp tục cản trở nguyện vọng đòi tự trị của người dân Nam Kỳ". Y muốn biện bạch trước cho việc làm phần bội của mình nay mai đối với bản Hiệp định mồng 6 tháng 3.

Tất cả những lời lẽ khôn khéo không che đậy được những mưu mô và những việc làm xấu xa đã quá lộ liễu của y. Chúng ta biết rõ một ngày chậm đi đến cuộc đàm phán chính thức là thêm một ngày cho Đác-giăng-li-ơ và bọn phản động tại Đông Dương thực hiện chính sách "việc đã rồi". Bác kiên quyết đòi viên cao ủy phải để nguyên thời hạn lên đường của phái đoàn Việt Nam như đã thỏa thuận từ trước tại Vịnh Hạ Long: Chậm nhất là vào cuối tháng 5 năm 1946.

Công việc thuyết khách làm không xong, ngày 22 tháng 5, Đác-giăng-li-ơ thất vọng trở về Sài Gòn.

Các báo tại Hà Nội đưa tin: Ngày 31 tháng 5, phái đoàn Việt Nam sẽ lên đường đi Pháp dự cuộc đàm phán chính thức.

Thời giờ đối với viên cao ủy không còn nhiều. Mọi cố gắng của bọn phản động ở Sài Gòn là phải đưa kịp lên sân khấu tấn trò "Nam Kỳ tự trị" trước khi phái đoàn đàm phán của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đặt chân lên đất Pháp.

14

on đe quoc phai che giau bq mat xau xa cua chung trudc loai nguoi bang cach giang khap noi mot tam man doi tra. Khi dien tich thuc dia Phap da rong toi gan hai

mudi lan nuoc Phap, Co-le-mang-xo, Bq truong Bq Chien tranh, mot chinh khach co ten tuoi van ra suc chung minh voi the gioi nuoc Phap khong phai la mot de quoc. Tong thong Poang-ca-re thi tu nhin Phap la cuong quoc thuc dan so 1 biet cach thuc dan. Viec bon rut nguoi dan thuc dia toi xong tuy, dau doc ho bang rupu va thuc phien, kim

hăm họ trong tối tăm, qua lời nói của các nhà thực dân, đã trở thành một sự nghiệp hết sức nhân đạo: Khai hóa và đem lại văn minh cho các dân tộc chậm tiến.

Bọn thực dân và bọn quan cai trị ở thuộc địa thi hành "chính sách của loài đà điểu"1, ra sức vơ vét với một lòng tham không đáy, trực tiếp nhúng tay vào vô vàn tội ác đã quay lại lừa dối đồng bào mình và đôi lúc lừa dối cả những kẻ cầm quyền ở chính quốc. Trong những năm ở nước ngoài, Bác đã thấy rõ điều đó. Đành rằng người dân Pháp không hiểu gì về việc làm của những kẻ thay mặt cho nước Pháp ở nơi xa xôi, nhưng ngay cả nhiều người trong Chính phủ Pháp nhiều khi cũng chỉ hiểu về việc làm của bọn này một cách mơ hồ. Bác đã nhận xét là "giai cấp vô sản ở cả hai đàng đều không hiểu biết lẫn nhau, nên đã xảy ra những thành kiến" và "chủ nghĩa để quốc và chủ nghĩa tư bản không bỏ lỡ dịp lợi dụng sự nghi kỵ lẫn nhau đó... để ngăn cản việc tuyên truyền và để chia rẽ những lực lượng đáng lẽ phải đoàn kết lại". Đối với Người, chủ nghĩa để quốc là "con đĩa hai vòi", một vòi ở các nước thuộc địa, một vòi ở chính quốc; muốn tiêu diệt chủ nghĩa để quốc ta phải cắt cả hai cái vòi của nó.

Vì muốn xé toang tâm màn dối trá của chủ nghĩa để quốc, nên từ lâu nhà cách mạng Nguyễn Ái Quốc đã trở thành nhà báo, nhà diễn thuyết, có khi thành cả người viết kịch. Riêng về mặt báo chí, Bác đã có những hoạt động phong phú và độc đáo. Những bài báo sắc bén viết bằng chữ Pháp của Người đã lột trần lớp phấn son dày cộp của chủ nghĩa thực dân. Nhưng bọn thống trị với mọi phương tiện tuyên truyền hiện đại trong tay và những mảnh khóe xảo quyệt vẫn không ngừng tung ra vô vàn điều dối trá.

Sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai, để quốc Pháp đã tung ra luận điệu: Người Pháp trở lại Đông Dương để giải phóng cho dân ở đây thoát khỏi ách nô lệ của phát xít Nhật. Bọn thực dân còn dựng đứng lên rằng chính Việt Minh là một tổ chức của những kẻ phiến loạn làm tay sai cho phát xít Nhật. Phái đoàn Quốc hội ta vừa ở Pháp về, cũng cho biết không riêng nhiều người Pháp chưa hiểu ta, mà ngay cả nhiều kiểu bào ta ở Pháp cũng chỉ hiểu một cách sơ sài về tình hình nước nhà.

Trong hoạt động cách mạng, Bác luôn luôn chỉ rõ phải dựa vào sức mình là chính, nhưng đồng thời, Người cũng rất chú ý giành lấy sự đồng tình, giúp đỡ của bạn bè.

Người đặt lòng tin sâu sắc ở nhân dân nước mình và Người rất tin vào nhân dân lao động các nước. Ngay sau ngày cách mạng thành

công, Bác thường nhắc cần làm thế nào cho nhân dân các nước hiểu cách mạng Việt Nam và ủng hộ cuộc đấu tranh chính nghĩa của ta. Bác đã gặp hầu hết những nhà báo nước ngoài tới thăm Hà Nội. Những nhà báo đã được gặp Bác đều tỏ ra rất cảm phục, và qua Người, họ hiểu chúng ta hơn.

Vói việc ký Hiệp định Sơ bộ, Bác đã nhìn thấy một cơ hội mà ta cần hết sức tranh thủ để mở rộng sự tuyên truyền quốc tế. Chỉ thị của Ban Thường vụ Trung ương ngày 9 tháng 3 còn nêu ra: "Liên lạc mật thiết ngay với Đảng Cộng sản Pháp để thực hiện sự hành động chung giữa ta và các đồng chí Pháp". Trong những năm nước Pháp bị chiếm đóng, những người cộng sản Pháp đã dẫn đầu phong trào nhân dân chiến đấu chống bọn phát xít Đức để giải phóng đất nước. Đảng Cộng sản Pháp đã có uy tín lớn trong quần chúng. Mặc dù vấp phải sức chống trả mạnh mẽ của lực lượng phản động, cuộc đấu tranh cho dân chủ và tiến bộ ở nước Pháp đang giành được những thắng lợi. Bác hiểu rõ phong trào đấu tranh của nhân dân Pháp có liên quan mật thiết với cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của ta.

Vì những lý do trên, Thường vụ đã nhận thấy cần đòi Pháp phải mở đàm phán chính thức ở Pa-ri. Cuộc đàm phán mở ra tại Pa-ri chắc chắn sẽ giành được sự đồng tình ủng hộ của dư luận tiến bộ Pháp, sẽ đỡ được sự gây rối của một số tên thực dân và bọn quan cai trị mà quyền lợi gắn liền với chế độ thuộc địa. Dù cho cuộc đàm phán không đạt kết quả mong muốn thì cũng là một dịp để có thêm nhiều người hiểu cách mạng Việt Nam. Điều đó sẽ có lợi cho cuộc đấu tranh lâu dài của ta về sau này.

Tuy nhiên, chọn Pa-ri làm nơi mở đàm phán, ta cũng có những khó khăn. Nhiều đồng chí lãnh đạo phải đi xa trong cùng một thời gian. Cuộc đàm phán chắc sẽ kéo dài trong khi tình hình ở nhà có thể xảy ra những đột biến. Bác đã trao đổi với các anh về việc Bác có nên đi Pháp trong dịp đàm phán này không. Trước đây, Bác đã có lần bị bọn phản động Pháp kết án tử hình. Trong trường hợp cuộc điều đình gặp khó khăn, nếu Pháp trở mặt, thì không phải không đáng ngại. Sau khi cân nhắc, Bác và các anh nhất trí, Bác sẽ cùng đi với phái đoàn.

Đoàn đại biểu của ta do anh Phạm Văn Đồng làm Trưởng đoàn gồm các anh: Hoàng Minh Giám, Phan Anh, Tạ Quang Bửu, Nguyễn Văn Huyên, Trịnh Văn Bính... Nguyễn Tường Tam có tên trong phái đoàn nhưng cuối cùng y cáo bệnh không đi. Mấy ngày sau, Quốc dân Đảng giải thích Tam làm như vậy là để tỏ thái độ không đồng tình của chúng đối với việc thương lượng giữa ta và Pháp.

Bác cùng đi nhưng không ở trong phái đoàn. Bác tới nước Pháp với tư cách là thượng khách do Chính phủ Pháp mời.

Ngày lên đường của Bác và phái đoàn đã tới.

Ngày 30 tháng 5. Dưới trời mưa tầm tã, năm vạn đồng bào Thủ đô đội ngũ chính tế, kéo tới Việt Nam học xá dự cuộc mít tinh. Mọi người giương cao những khẩu hiệu: "Việt Nam hoàn toàn tự chủ", "Nam Bộ là đất Việt Nam", "Đất nước Việt Nam toàn vẹn", "Ứng hộ Hồ Chủ tịch", "Ứng hội phái bộ", "Gửi lời chào nhân dân Pháp"...

Lần đầu, trong một chuyến Người đi xa, đồng bào đến tiễn đưa Người.

7 giờ 30 phút, Bác và phái đoàn tới. Cùng dự mít tinh hôm đó có Xa-lăng, người đã được cao ủy Pháp chỉ định đi theo Bác trong cuộc hành trình. Bác nói:

- Theo mệnh lệnh của Chính phủ và ý chí của quốc dân, tôi cùng đoàn đại biểu sẽ đi Pa-ri để mở cuộc đàm phán chính thức... Cả đời tôi chỉ có một mục đích là phấn đấu cho quyền lợi của Tổ quốc và hạnh phúc của quốc dân. Những khi tôi phải ấn nắp nơi núi non, hoặc ra vào chốn tù tội, xông pha sự hiểm nghèo, là vì mục đích đó. Đến lúc nhờ quốc dân đoàn kết tranh được chính quyền, ủy thác cho tôi gánh việc chung, tôi lo lắng đêm ngày, nhẫn nhục cố gắng, cũng vì mục đích đó. Bất kỳ bao giờ, bất kỳ ở đâu, tôi cũng chỉ theo đuổi một mục đích là làm cho ích nước lợi dân. Lần này, tôi xin hứa với đồng bào rằng: Tôi cùng anh em đại biểu sẽ gắng làm cho khỏi phụ lòng tin cậy của quốc dân...

Bác đề ra bốn điều cần làm để giúp cho cuộc đấu tranh ngoại giao thắng lợi:

- Một là đoàn kết chặt chẽ, tránh một sự chia rẽ.
- Hai là ra sức cần kiệm cho khỏi nạn đói khó.
- Ba là ra sức giữ gìn trật tự, tuyệt đối tuân theo mệnh lệnh của Chính phủ.
- Bốn là đối với các kiều dân nước ngoài phải tử tế, ôn hòa.

Suốt buổi chiều và đêm hôm đó, những đoàn xe từ các ngả đường nổi nhau chạy vào Hà Nội. Các tỉnh cử đại biểu về Thủ đô tiễn Bác và phái đoàn Chính phủ sớm hôm sau lên đường. Mỗi xe đều mang ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh và dán đầy khẩu hiệu.

Sáng 31, Bác dạy rất sớm. Người viết một bức thư gửi đồng bào Nam Bộ:

"... Đồng bào Nam Bộ là dân nước Việt Nam. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý đó không bao giờ thay đổi!

Tôi khuyên đồng bào đoàn kết chặt chẽ và rộng rãi. Năm ngón tay cũng có ngón ngắn ngón dài. Nhưng ngắn dài đều hợp nhau lại nơi bàn tay. Trong mấy triệu người cũng có người thế này người thế khác, nhưng thế này hay thế khác đều là dòng dõi tổ tiên ta. Vậy nên ta phải khoan hồng đại độ, ta phải nhận rằng đã là con Lạc cháu Hồng thì ai cũng có ít nhiều lòng yêu nước. Đối với những đồng bào lạc lối lầm đường, ta phải lấy tình thân ái mà cảm hóa họ. Có như thế mới thành đoàn kết, có đại đoàn kết thì tương lai chắc chắn sẽ vẻ vang.

Các anh trong phái đoàn đến Bắc Bộ Phủ với trang phục tế chính. Bác ở buồng bên đi ra, vẫn bộ quần áo vải vàng thường ngày, chỉ khác một chút là bữa đó Bác đi một đôi giày da màu đen.

Từ mở sáng, đồng bào mang theo cờ, ảnh nườn nượp kéo sang Gia Lâm. Cờ bay đỏ cầu Long Biên. Thời tiết vẫn xấu. Bầu trời mây phủ kín dường như cũng chia sẻ nỗi lòng của người dân đất nước sáng nay tiễn Bác đi xa.

Sân bay đông nghịt người. Chủ tịch Hồ Chí Minh đi một vòng chào các đại biểu và đồng bào. Đồng bào vẫy cờ, vỗ tay hoan hô và chen lấn nhau ra phía trước để được nhìn rõ Người trước khi ra đi.

Sắp đến giờ lên máy bay, Bác tới nắm tay cụ Huỳnh nói:

- Tôi vì nhiệm vụ quốc dân giao phó phải đi xa ít lâu, ở nhà trăm sự khó khăn nhờ cậy ở cụ cùng với anh em giải quyết cho. Mong cụ "dĩ bất biến ứng vạn biến" (lấy cái không thay đổi để đối phó với muôn sự thay đổi).

Cụ Huỳnh rất cảm động, cảm tay Bác hồi lâu. Bác đã ủy nhiệm cụ Huỳnh làm quyền Chủ tịch nước trong thời gian Bác đi vắng.

Bỗng Bác gọi các đại biểu trong phái đoàn lại. Các anh tới đứng vây quanh Người. Một phút im lặng trang nghiêm. Bác nói:

- Anh em chúng ta mang trọng trách ra đi, đứng trước mặt quốc dân đồng bào đây, chúng ta phải hứa dù gặp gian nan thế nào, chúng ta cũng phải nhất trí đoàn kết để làm tròn nhiệm vụ đối với Tổ quốc.

Các anh cùng giơ tay hô to: Xin thề!

Đất nước tiễn đưa Người ra đi, gửi gắm vào Người một niềm tin toàn vẹn.

Hai chiếc máy bay quân sự chở phái đoàn nổi nhau rời sân bay, khuất dần vào nền trời đầy mây.

Riêng chúng tôi hôm ấy còn có thêm một nỗi lo lắng mà không ai dám nói ra. Hồi đó luôn luôn xảy ra những tai nạn máy bay. Duy Tân khi được Pháp đưa về nước

cũng bị tai nạn máy bay ở dọc đường.

Dường như Bác hiểu rõ nỗi lo âu canh cánh của đồng bào và chúng tôi nên qua mỗi chặng đường Bác lại gửi điện về. Bức điện đầu tiên của Bác đề ngày 2 tháng 6 năm 1946, khi Bác tới Ấn Độ. Bác viết: "Chúng tôi đã tới Can-quýt-ta được bình yên cả sau một đêm ngủ ở Pê-gu (Răng-gun). Hôm tới chúng tôi sẽ lại lên đường. Chúng tôi nhờ Chính phủ cảm ơn đồng bào ta và các bạn người Pháp đã tiễn chúng tôi ở Gia Lâm. Tôi gửi những cái hôn cho các cháu...".

15

Ôi tháng 4, tổng tham mưu trưởng Pháp là Gioăng trên đường đi Trùng Khánh, dừng chân ở Can-quýt-ta. Đác-giăng-li-ơ ngầm cử người đem thư cho Gioăng yêu cầu triệu hồi Lơ-clcé với lý do là viên tổng chỉ huy không chịu tuân lệnh cấp trên. Vì có đề nghị này, Gioăng đã phải quyết định điều Lơ-clcé về làm tổng thanh tra quân đội Pháp ở Bắc Phi. Thế là viên đô đốc đã gạt xong đối thủ chủ yếu của mình tại Đông Dương để có toàn quyền hành động.

Tuy bọn phản động Pháp ở Sài Gòn đã tìm mọi cách để trì hoãn cuộc hành trình, nhưng hai chiếc máy bay chở Bác và phái đoàn đã ở trên đường bay tới thủ đô nước Pháp. Thời giờ đối với viên cao ủy đã trở nên cấp bách. Y chỉ còn cách tiếp tục chính sách "việc đã rồi". Đác-giăng-li-ơ không đợi chính phủ Pháp trả lời, đưa ngay lên sân khấu tấn tuồng "Nam Kỳ tự trị" mà Xê-đin đã chuẩn bị rất vội vàng.

Mồng 1 tháng 6, chỉ một ngày sau hôm Bác lên đường, cái gọi là "chính phủ lâm thời của nước cộng hòa Nam Kỳ" ra mắt tại Sài Gòn, đứng đầu là đốc tờ Thinh. Để tạo nên sự lẫn lộn trắng đen, cũng có một hiệp định ký giữa người thay mặt nước Pháp với người thay mặt cộng hòa Nam Kỳ. Trong bản hiệp định này, viên cao ủy đã cho sao lại gần như nguyên văn điều khoản I của Hiệp định Sơ bộ mồng 6 tháng 3: "Chính phủ Pháp công nhận nước cộng hòa Nam Kỳ là một quốc gia tự do có chính phủ của mình, nghị viện của mình, quân đội của mình, tài chính của mình và là một bộ phận trong liên bang Đông Dương và trong khối liên hiệp Pháp". Bản hiệp định này cũng được kèm theo một bản phụ khoản. Nếu có điều không thể che giấu được bộ mặt tay sai của cái "chính phủ lâm thời nước cộng hòa Nam Kỳ" thì đó là ở chỗ nó có một viên cố vấn người Pháp là Xê-đin, được tuyên bố công khai là người chịu trách nhiệm về sự an ninh bên trong và bên ngoài của nước "cộng hòa".

Thường vụ nhận thấy rõ ràng là bọn phản động Pháp ở Đông Dương đang trắng trợn đẩy mạnh những hoạt động phá hoại nhằm gây trở ngại cho cuộc đàm phán, nhất là trong khi tình hình nước Pháp không ổn định về mặt chính trị. Cuộc đấu

tranh trong những ngày sắp tới chắc chắn sẽ diễn ra rất phức tạp. Chúng ta càng phải hết sức cảnh giác.

Ta đã biết là Đác-giăng-li-đ sẽ không chịu dừng lại ở đây.

Buổi sáng ngày 21 tháng 6, tôi đang làm việc tại Bắc Bộ Phủ thì có người vào báo Van-luy đến yêu cầu cho gặp.

Van-luy bước vào, giơ tay chào theo kiểu nhà binh rồi nói luôn:

- Tôi là một người lính có nhiệm vụ phải chấp hành mệnh lệnh của cấp trên. Tôi tới để chuyển giao cho Chính phủ Việt Nam một bức công hàm.

Tôi đã nhiều lần gặp và làm việc với Van-luy trong những cuộc họp bàn về quân sự. Van-luy là một con người thâm độc nhưng bề ngoài lúc nào cũng tỏ ra hòa nhã, cởi mở, lịch thiệp. Trong bữa tiệc tiễn đưa Bác lên đường. Van-luy đã đưa con gái mới từ Pháp sang, tới để giới thiệu. Hôm đó, y tự nhận mình đã già rồi và vui vẻ nói: "Chúng ta hãy để những người trẻ tuổi cùng ngồi với nhau".

Thái độ của Van-luy lần này hơi khác thường. Cảm thấy đây lại là một chuyện khiêu khích, tôi nói:

- Ông hãy đưa bức công hàm cho tôi.

Van-luy trao tôi phong thư rồi vẫn đứng chờ. Tôi mở thư ra xem. Đó là một bức công hàm gửi cụ quyền Chủ tịch Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa, lời lẽ rất vấn tắt: "Ông cao ủy Pháp ở Đông Dương, đỏ đốc Đác-giăng-li-đ đã ra lệnh cho quân đội Pháp chiếm đóng cao nguyên Mọi như ông đã nói với Chủ tịch Hồ Chí Minh khi ông ở Hà Nội".

Van-luy dường như chăm chú theo dõi thái độ của tôi trong khi xem thư. Đây lại là một bước xâm lược mới của lão thầy tu phá giới nham hiểm. Tôi nói với Van-luy:

- Nếu ông chỉ tới để làm nhiệm vụ của cấp trên giao, thì công việc của ông đã xong.

Van-luy ra về.

Tôi hôm đó, chúng ta được tin 4 giờ sáng, Pháp đã bất thần điều quản lên đánh Tu Bông gần Đèo Cả. Máy bay của chúng bay rất thấp, bắn phá. 10 giờ, chúng đổ quân vào Đại Lãnh. Gặp sức kháng cự mạnh của ta, địch đã phải rút lui.

Ngày hôm sau, 22 tháng 6, Pháp đưa quân đánh các vị trí của ta ở Cùng Sơn, bị ta đánh trả, địch lại rút lui.

Ngày 23 tháng 6, quân Pháp đánh úp bộ đội ta ở Pleimedden trên đường từ Plei Ku sang Cam-pu-chia.

Chiến sự đã lan rộng tại Tây Nguyên.

Mưu mô lấn chiếm vùng Tây Nguyên của Đác-giăng-li-ơ để chuẩn bị tiếp tục cho ra đời một "nước cộng hòa Tây Kỳ" đã rõ ràng. Các lục lượng vũ trang của ta ở Tây Nguyên đã được lệnh kiên quyết đánh trả mọi hành động kể cướp của quân đội Pháp. Cụ quyền Chủ tịch gửi công hàm bác bỏ luận điệu xảo trá của Pháp và kiên quyết phản đối việc làm trái phép của chúng. Bức công hàm viết: "Hồ Chủ tịch không bao giờ được người Pháp cho biết trước là người Pháp sẽ chiếm đóng miền Tây Nguyên và Chủ tịch cũng không hề bao giờ, bằng bất cứ cách nào, lại đồng ý cho một sự chiếm đóng như vậy".

Cũng trong thời gian này, ngày 25 tháng 6 tại Hà Nội, xảy ra vụ Pháp cho quân chiếm giữ phủ toàn quyền cũ.

Từ trước khi Tưởng rút quân khỏi đây, chúng ta và phía Pháp đã nhiều lần trao đổi về việc tiếp quân khu vực này. Van-luy thỏa thuận với ta là sẽ chờ quyết định của cuộc đàm phán chính thức tại Pa-ri. Nhưng khi Lư Hán vừa rời phủ toàn quyền cũ, thì lập tức phía Pháp điều quân đội tới đóng. Ta phân kháng với Van-luy. Van-luy chối quanh, nói rằng đó chỉ là một bộ phận tới để làm công việc bảo quản.

Pháp lấn chiếm phủ toàn quyền cũ đã gây nên một sự phẫn nộ lớn trong nhân dân.

"Không thể để cho bọn phần động Pháp, thực dân Pháp được đằng chân lân đằng đầu, phải chặn tay chúng lại", ngày 27 tháng 6, các đằng phái, các đoàn thể kêu gọi đồng bào tổng bãi công, bãi chợ ở Hà Nội, Hải Phòng và các nơi có mặt quân Pháp. Chính phủ ta đồng ý để nhân dân tỏ thái độ phẫn đối việc làm trái phép của quân đội Pháp. Riêng các công sở và các ngành điện, nước được lệnh tiếp tục làm việc.

Ngày phản đối Pháp đã diễn ra cùng một lúc trên tất cả các nơi có quân Pháp đóng. Thái độ kiên quyết của Chính phủ và nhân dân ta làm cho phía Pháp lo ngại. Van-luy buộc phải tuyên bố là quân Pháp tới phủ toàn quyền cũ chỉ là để nhận bàn giao khi quân đội Tưởng rút đi, sau thời gian này, phủ toàn quyền sẽ do quân đội đôi bên cùng canh gác cho tới khi có quyết định tại cuộc đàm phán chính thức ở Pa-ri.

háng 7 năm đó, nhân ngày kỷ niệm cách mạng Pháp 14 tháng 7, Bộ chỉ huy quân đội Pháp đề nghị với ta cho tổ chức duyệt binh trên các đường phố lớn ở Hà Nội.

Ta chưa trả lời thì ngày 11 tháng 7, Thường vụ được các đồng chí ở Nha công an báo cáo: Bọn phân động Việt Nam Quốc dân Đảng đang chuẩn bị những hành động khiêu khích rất nghiêm trọng. Chúng dự định sẽ cho tay chân phục sẵn dọc đường

quân Pháp diễu qua, bắn súng, ném lựu đạn vào binh lính Pháp. Chúng kiếm có cho Pháp gây sự với ta, rồi tung truyền đơn hô hào lật đổ chính quyền và đứng ra bắt tay với Pháp. Hiện chúng đang in truyền đơn, sửa soạn vũ khí và ráo riết chuẩn bị.

Chúng ta đã biết bọn Quốc dân Đảng bề ngoài điên cuồng công kích những cuộc điều đình giữa ta và Pháp nhưng bên trong thì vẫn tìm mọi cách để bắt tay với Pháp. Chúng đã có liên hệ với Pháp từ lâu. Còn phía Pháp đã tiến hành đàm phán thương lượng với ta, nhưng vẫn nuôi những ý đồ đen tối. Trong bọn phản động Pháp không phải không có những kẻ mưu toan dùng bọn Việt gian để tính những chuyện phiêu lưu...

Các đồng chí công an đã được chỉ thị theo dõi thật chặt chẽ mọi hoạt động của bọn phản cách mạng.

Tổ chức Việt Nam Quốc dân Đảng hồi đó vốn là sự câu kết của hai nhóm phân động. Một nhóm do Vũ Hồng Khanh cầm đầu; bọn này ra nước ngoài từ lâu, được quan thầy Tướng nuôi nấng, không có liên hệ gì với trong nước. Một nhóm thuộc bọn Đại Việt thân Nhật tổ chức từ năm 1939, trong đó có Nguyễn Tường Tam, Chu Bá Phượng... Vào khoảng đầu năm 1945, nhóm Đại Việt biết là Nhật sắp thua nên kéo sang Vân Nam tìm gặp Vũ Hồng Khanh. Chúng hợp nhất lại dưới chiêu bài Việt Nam Quốc dân Đảng để dễ bể làm ăn với Quốc dân Đảng Tướng Giới Thạch. Những tên cầm đầu Đại Việt tuy đi theo bọn tay sai của Tướng, nhưng vẫn coi thường bọn này. Chúng chỉ tạm tìm chỗ ẩn núp để khỏi bị truy tố về tội thân phát xít Nhật, và vẫn có những mưu đồ riêng. Khi Lu Hán rút quân, cánh thân Tướng theo chân quan thầy chạy ra nước ngoài. Cánh Đại Việt phần lớn vẫn ở lại trong nước. Chúng nằm chờ cơ hội, rắp tâm thay thầy đổi chủ. Âm mưu mới do bọn này chủ trương.

Sau khi đã nắm được rõ âm mưu của bọn phản động, Thường vụ chủ trương: Một mặt, lấy lý do an ninh khước từ cuộc diễu binh của Pháp; một

mặt, chỉ thị cho Nha công an nhanh chóng hành động, dập tắt từ trong trứng những mưu đồ của bọn phản cách mạng.

Mờ sáng ngày 12 tháng 7, một đơn vị công an xung phong bất thần vào khám trụ sở Việt Nam Quốc dân Đảng tại số nhà 132 phố Minh Khai. Bọn phản động bị bắt tại chỗ cùng với những tang vật: Một chiếc máy in và những đống truyền đơn còn chưa ráo mực.

7 giờ sáng, Sở công an Bắc Bộ cùng một lúc khám xét nhiều trụ sở của Việt Nam Quốc dân Đảng ở Hà Nội. Tại ba trụ sở của chúng ở hồ Thiền Quang, bọn phản động

dùng trung liên chống lại. Tự vệ chiến đấu hợp sức với công an đặt hỏa lực từ các nhà chung quanh, uy hiếp, buộc chúng phải đấu hàng.

Tại căn nhà số 7 phố Ồn Như Hầu1, ta tìm thấy một nơi làm giấy bạc giả và một căn buồng có nhiều dụng cụ tra tấn như máy phát điện, kìm, búa... cùng với những vết máu trên tường. Công an ta đào ở vườn sau lên bảy xác chết. Có những xác chết bị chặt thành nhiều khúc. Hai người bị bắt cóc để đòi tiền chuộc, được cứu thoát vào đúng lúc chúng sắp đem thủ tiêu.

Anh em kể lại khi đang khám xét khu nhà này thì một tên mặc quần soóc, đeo kiếm Nhật bước vào. Hắn làm bộ lớn tiếng tự xưng là một lãnh tụ của Việt Nam Quốc dân Đảng, có chân trong Quốc hội, không ai được quyền xâm phạm. Một người bị bắt cóc đã chỉ vào mặt tên này, nói chính hắn hôm qua đã kể gươm vào cổ mình, bắt viết thư về nhà đòi đem tiền chuộc.

Đồng bào nghe tin đào được nhiều xác chết, kéo tới xem rất đông. Có người nhận ra người trong gia đình đã bị mất tích. Thật khó mà tưởng tượng ra hết những nguyên nhân đã dẫn bọn phản động tới chỗ giết người. Ngoài những cán bộ của ta bị chúng bắt nhầm thủ tiêu, còn có những chị phụ nữ đi ngang cửa bị chúng kéo vào hãm hiếp, móc túi lấy hết tiền, rồi giết chết. Có người kéo xe cho chúng đi dạo mát, nửa đêm về tới đây thì bị chúng giết đi để khôi phải trả tiền thuê.

6 giờ sáng hôm sau, công an ta tiếp tục khám những trụ sở của Việt Nam Quốc dân Đảng ở đường Quán Thánh. Khu vực này nằm sát nơi Pháp đóng quân. Bọn phản động tin rằng sẽ được Pháp che chở. Khi anh em ta tới, chúng dựa vào những bức tường dày, dùng trung liên và tiểu liên chống lại. Cuộc chiến đấu kéo dài. Hai giờ sau, Pháp đưa xe bọc thép đến để uy hiếp lực lượng an ninh ta. Đại biểu ta tại Ủy ban liên kiểm lập tức tới can thiệp.

Quản Pháp đành phải rút xe bọc thép về thành. Anh em ta xông vào nhà, thu được nhiều tài liệu mà chúng chưa kịp thủ tiêu.

Tại trụ sở trung ương Việt Nam Quốc dân Đảng ở phố Đỗ Hữu Vị (nay là phố Cửa Bắc), ta còn tìm được thêm nhiều xác đàn ông, đàn bà và cả những tử thi của binh lính Pháp. Bọn phản động đã giết những tên lính Pháp này để tạo ra những chuyện rắc rối giữa Pháp với chính quyền ta. Trong số tài liệu tịch thu, chúng ta tìm được một bản kế hoạch ám sát và bắt cóc. Bọn Quốc dân Đảng đã định tiến hành một đợt ám sát các sĩ quan, binh lính Pháp và bắt cóc phụ nữ, trẻ con Pháp ở ngay tại nội thành. Công việc này được trao cho một nhóm đặc vụ thực hiện trong khoảng thời gian từ ngày 10 đến ngày 11 tháng 7.

Cụ Huỳnh cùng chúng tôi tới xem căn nhà của Việt Nam Quốc dân Đảng tại phố Ôn Như Hầu.

Vài ngày sau, mấy người trong Việt Nam Quốc dân Đảng kéo tới Bắc Bộ Phủ, xin gặp cụ quyền Chủ tịch để thanh minh cho đường lối cách mạng của đảng mình. Khi cán bộ vào báo cáo, cụ Huỳnh hỏi ngay:

- Chúng nó đâu?

Và cụ đứng dậy, chống ba-toong đi ra. Vừa nhìn thấy bọn họ ở cầu thang, cụ chỉ gậy vào mặt quát to:

- Đồ kẻ cướp! Đồ vô lại! Quốc gia dân tộc gì chúng mày!

Và cụ quay lưng lại, chống gậy trở về nơi làm việc.

Sau vụ Ôn Như Hầu, những người ngây thơ nhất về chính trị, từ trước đến nay vẫn còn ít nhiều tin vào các luận điệu tuyên truyền bịp bợm của bọn Việt Nam Quốc dân Đảng, cũng đều tỉnh ngộ.

Ngày 16 tháng 7, trong cuộc họp với các nhà báo, cụ Huỳnh nhân danh quyền Chủ tịch Chính phủ tuyên bố:

- Đoàn kết là cần... để xây dựng nền dân chủ cộng hòa, nhưng không thể vìn vào "đoàn kết" mà làm những điều phi pháp. Tôi khuyên mọi đảng phái, mọi phần tử quốc dân đoàn kết. Nhưng cũng vì quyền lợi của quốc gia, tôi phải đem ra trước pháp luật những kẻ làm điều phi pháp. Những đảng viên Việt Nam Quốc dân Đảng chân chính, được bảo đảm sự tự do hoạt động trong vòng pháp luật. Pháp luật là pháp luật chung. Những kẻ bất cóc, tống tiền, ám sát thì phải đem ra pháp luật nghiêm trị. Và mười điều trong Quốc lệnh mà cụ Hồ và cụ Nguyễn (Hải Thần) đã cùng ký có nói đến những trường hợp này, nay tôi chỉ theo đó mà thì hành. Đây không phải là vấn đề đảng phái. Việc khám xét vừa rồi là việc phải làm để bảo vệ trị an...

Từ ngày Bác lên đường đi Pháp, trong các cuộc họp và hội ý của Thường vụ, anh Nhân và các anh thường xuyên trao đổi về tình hình cuộc đàm phán tại Pháp và tình hình trong nước mỗi ngày càng khẩn trương. Sự liên lạc của Bác và phái đoàn với chúng tôi ở nhà, đều phải qua tay người Pháp. Các điện của Bác gửi về đều đến rất chậm. Có bức điện để ngày 5 mà đến ngày 15 chúng tôi mới nhận được. Đó là những khoảng thời gian căng thẳng. Ta đã nhiều lần phản kháng với Pháp về chuyện này. Do đó, chúng tôi thường phải theo dõi tình hình qua các đài phát thanh, các báo chí Pháp và phương Tây, những bản thông cáo chung rất vắn tắt về các phiên họp. Qua những tài liệu Bác còn để lại và các câu chuyện của một số đồng

chí có may mắn được đi theo Người, chúng tôi giới thiệu sau đây một phần những hoạt động nhiều mặt, rất phong phú của Người cũng như những diễn biến chính tại cuộc đàm phán. Mong rằng sau này, khi có dịp, các anh sẽ kể lại đầy đủ hơn với chúng ta.

Bác trở lại con đường Người đã ra đi cách đây ba mươi lăm năm. Từ đó đến nay, dòng thác cách mạng không ngừng tuôn chảy. Người thanh niên Việt Nam mất nước, trên con tàu La-tút-xơ Tơ-rê-vin đã trở thành vị Chủ tịch đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

Ngày 31 tháng 5, vì thời tiết xấu, các máy bay chở Chủ tịch Hồ Chí Minh và phái đoàn ta dừng lại ở Miến Điện. Hôm đó, Bác nghỉ lại ở Pê-gu, một trường bay gần Răng-gun.

Ngày 1 tháng 6, máy bay đến Can-quýt-ta. Đại biểu toàn quyền Anh và lãnh sự Pháp ra sân bay đón chào Người, đưa Người về Khách sạn lớn Phương Đông (The Great Eastern Hotel), khách sạn lớn nhất của tỉnh. Chủ tịch Hồ Chí Minh nghỉ lại Can-quýt-ta hai ngày. Kiều bào ta ở khắp nơi tại Ấn Độ nô nức kéo tới xin được gặp Bác, có những người đã phải đi xa hàng nghìn ki-lô-mét. Nhiều chị khi ra về đã khóc.

Ngày 4 tháng 6, Chủ tịch Hồ Chí Minh tới A-gra. Bác cùng các anh trong phái đoàn đi thăm những thắng cảnh nổi tiếng của thành phố.

Ngày 5 tháng 6, Bác tới Ka-ra-xi. Viên tổng đốc ở đây nói rằng ông đã được Chính phủ Anh ở Luân-đôn tin cho biết Chủ tịch Hồ Chí Minh sắp đi qua và chỉ thị cho ông đón cụ Chủ tịch.

Ngày 6 tháng 6, Bác tới Ha-ba-nha, thuộc I-rắc. Thời tiết tại đây nóng đến nỗi cây cỏ không mọc được. Người ta phải làm những cây cỏ bằng kẽm, sơn màu xanh biếc để nhìn cho dịu mắt.

Ngày 7 tháng 6, trên đường đi Lơ Ke, máy bay lượn một vòng trên Giê-ruy-da-lem để Chủ tịch Hồ Chí Minh xem kinh đô cố của xứ Pa-le-xtin. Đoàn nghỉ lại Lơ Ke ba ngày. Người Ai-cập đang đấu tranh đòi quân đội Anh rút đi. Thành phố đẹp đẽ, phong quang, trên bến dưới thuyền, nhưng không khí có vẻ căng thẳng. Tại đây, Bác nhận được một bức điện từ Pa-ri gửi tới: "Mời Hồ Chủ tịch đến Bi-a-rít nghỉ tạm, chờ Chính phủ Pháp thành lập xong sẽ đón Người về Pa-ri".

Ngày 11 tháng 6, máy bay từ Lơ Ke bay tới Bít-kra thuộc An-giê-ri.

Ngày 12 tháng 6, máy bay hạ cánh xuống Bi-a-rít. Đây là một nơi nghĩ mát phong cảnh rất đẹp, trên bờ biển phía tây nước Pháp, gần Tây Ban Nha. Tại sân bay chỉ có

những người thay mặt chính quyền địa phương ra đón, vì khi đó Chính phủ Pháp đã từ chức, chỉ còn ở lại để xử lý những công việc hằng ngày. Chủ tịch Hồ Chí Minh về nghĩ tại khách sạn Các-lơ-tông. Người ở lại đây trong khi đoàn đàm phán của ta tiếp tục đi thẳng tới Pa-ri.

Ngay hôm sau, kiêu bào ta từ nhiều nơi trên nước Pháp kéo tới Bi-a-rít chào Chủ tịch Hồ Chí Minh. Có người đưa theo cả vợ con. Nhiều đồng bào quyên tiền nhờ phái đoàn chuyển về giúp nước. Điện chào mừng Chủ tịch Hồ Chí Minh của kiêu bào từ khắp các nơi gửi về tới tấp, từ Anh, từ Mỹ, từ Tân Ca-lê-đô-ni...

Nhiều đoàn thể chính trị tại nước Pháp tới Bi-a-rít gặp Bác như Đảng Cộng sản Pháp, Tổng công hội Pháp, Hội Pháp - Việt vừa được thành lập cách đó mấy hôm... Bác gặp lại trong đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Pháp một số đồng chí đã cùng hoạt động trước đây. Bác đã nói cho đoàn rõ những chính sách của Đảng ta trong tình hình phức tạp mấy năm qua và những chủ trương hiện nay.

Báo chí Pháp bắt đầu đưa những tin tức về Việt Nam và bàn tán về cuộc đàm phán Việt - Pháp.

Trong những ngày ở Bi-a-rít, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất chú ý tìm hiểu tình hình xã hội Pháp lúc đó.

Đòi sống của người dân Pháp gần hai năm sau khi chiến tranh kết thúc, còn rất khó khăn. Khẩu phần bánh mì hàng ngày là 300 gam. Mỗi người một tuần mới có 100 gam thịt, cả tháng mới có 50 gam bơ... Những người làm việc trong khách sạn nói với Bác, từ lúc chiến tranh đến giờ, họ chỉ mua được một bộ quần áo và một đôi giày. Người lao động Pháp đang đấu tranh quyết liệt đòi tăng lương 25%...

Mười ngày sau khi Bác tới Bi-a-rít, Chính phủ Pháp mới thành lập xong. Chức chủ tịch chính phủ lâm thời đã chuyển sang tay Bi-đôn, một thủ lĩnh của Cộng hòa bình dân. Mu-tê vẫn giữ chức Bộ trưởng Bộ nước Pháp ở hải ngoại và phụ trách những vấn đề thuộc khối liên hiệp Pháp.

Ngày 22 tháng 6, Chính phủ Pháp mời Bác tới Pa-ri.

Máy bay chở Chủ tịch Hồ Chí Minh mang cờ Việt Nam và cờ Pháp. Lá cờ đỏ sao vàng xuất hiện lần đầu tiên trên bầu trời của nước Pháp.

Tới Pa-ri, máy bay luọn một vòng quanh thành phố. Từ trên máy bay nhìn xuống, Bác đã nhận ra chiếc tháp sắt Ép-phen, lăng vua Na-pô-lê-ông với cái nóc tròn màu kim nhũ, nhà thờ đạo Xa-cơ-rê Cơ trên đỉnh gò Mông-mác, Cửa Khải Hoàn với nhiều con đường châu lại. Người đã lặng lẽ rời khỏi thành phố rất quen thuộc này

một ngày mùa Hè năm 1923. Pa-ri vẫn còn nguyên vẹn. Trong Chiến tranh thế giới lần thứ hai, nước Pháp đã tuyên bố thủ đô của mình là một thành phố bỏ ngỏ.

Người ra đón Chủ tịch Hồ Chí Minh trên sân bay Lơ Buốc-giê rất đông. Một lá cờ đỏ sao vàng lớn phấp phới trên cột cờ cao nhất của sân bay. Xen lẫn với cờ ba sắc, rất nhiều cờ đỏ sao vàng.

Máy bay vừa đỗ xuống, Bộ trưởng Bộ nước Pháp ở hải ngoại, vụ trưởng lễ tân thay mặt cho Chính phủ Pháp, các tướng lĩnh thuộc hải, lục, không quân Pháp ra đón Chủ tịch Hồ Chí Minh, đưa Người vào ga. Qua việc nước Pháp cứ Bộ trưởng nước Pháp ở hải ngoại ra đón Chủ tịch Hồ Chí Minh, chúng ta có thể thấy được một phần thái độ của những nhà cầm quyền mới đối với vấn đề Việt Nam. Tuy nhiên, mọi thứ lễ nghi vẫn được tiến hành trọng thể. Thâm nhung đỏ trải từ nhà ga ra đến xe hơi. Đại biểu các đảng phái, các đoàn thể quần chúng Pháp, kiều bào ta đứng đầy trên thềm ùa lại hoan nghênh Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đại biểu của phụ nữ Pháp mang hoa tới tặng Chủ tịch Hồ Chí Minh và ôm hôn Người.

Quốc thiểu Việt Nam và quốc thiểu Pháp nổi lên. Nhiều kiểu bào ta ra đón Bác tại sân bay đã không cầm được nước mắt khi nghe quốc thiểu của ta lần đầu vang lên trên đất Pháp. Chủ tịch Hồ Chí Minh và đại biểu Chính phủ Pháp đứng chào cờ rồi đi duyệt đội danh dự. Hàng nghìn người thuộc đủ các tầng lớp nhân dân Pa-ri tung hoa, vẫy chào, hò reo hoan hô Người. Khi đi tới chỗ của đại biểu các đoàn thể Việt kiểu gồm những người thay mặt cho công nhân, sinh viên, trí thức..., Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dừng lại rất lâu, chuyện trò thăm hỏi nhiều người, quên cả các quan chức Pháp đang đi theo phía sau. Những chiếc máy ảnh và máy quay phim hướng vào vị nguyên thủ quốc gia tới thủ đô Pháp với bộ quần áo vải thô màu vàng giản dị.

Một phóng viên của hãng thông tấn Pháp đưa máy ghi âm lại, xin Chủ tịch Hồ Chí Minh nói mấy lời với dân chúng Pháp. Người nói: "Cảm ơn Chính phủ và dân chúng Pháp tiếp đón tôi một cách long trọng. Mong sau này hai dân tộc Việt và Pháp cộng tác một cách bình đẳng thật thà và thân thiết".

Đoàn xe hơi và mô-tô đưa Chủ tịch Hồ Chí Minh về khách sạn Roay-an Mông-xô, một khách sạn lớn ở gần phủ tổng thống Pháp. Suốt dọc đường, những người dân thủ đô Pháp vẫy cờ, vẫy khăn, hoan hô chào đón Người...

18

uòi môt ngày sau khi Chü tich Hô Chí Minh dên Pa-ri, Chính phü Pháp lam lê tiêp don chính thüc. Sçi chäm trê nay là môt dâu hiêu không thuan loi dôi vói cuôc dam

phán.

Đến đây, chúng ta hãy nhìn lại tình hình chung của nước Pháp vào thời kỳ đó.

Chính quyền nước Pháp, từ nhiều năm, vẫn nằm trong tay một nhóm tư bản giữ vị trí độc quyền trong các ngành ngân hàng, kỹ nghệ và thương mại, chủ yếu là bọn trùm tư bản tài chính.

Trước đây, Lê-nin đã từng nhận xét: "Khác với chủ nghĩa đế quốc thực dân Anh, chủ nghĩa đế quốc Pháp có thể gọi là chủ nghĩa đế quốc cho vay nặng lãi".

Những chính sách cổ truyền của Pháp là chú trọng đầu tư ngày càng nhiều tư bản ra nước ngoài để lấy lãi, bao vây thị trường Pháp và các nước thuộc địa bối một hàng rào thuế quan rất chặt chẽ, ngăn hàng hóa các nước tư bản khác vào để cạnh tranh. Cách khai thác thuộc địa của Pháp là vơ vét tài nguyên ở các nước phụ thuộc đưa về chính quốc, bóc lột người bản xứ bằng đồng lương rẻ mạt và thuế khóa nặng nề. Chúng chủ trương duy trì nên kinh tế của các thuộc địa trong tình trạng lạc hậu.

Giới đại tư bản Pháp vốn có tiếng là già đời, nhiều thủ đoạn, mảnh lới. Trước khi Chiến tranh thế giới lần thứ hai nổ ra, thái độ chính trị của giới cầm quyền Pháp là ủng hộ phát xít Đức và Ý. Chúng thấy ở chủ nghĩa phát xít con đường đàn áp người dân lao động Pháp vốn rất giàu tinh thần đấu tranh cách mạng. Chúng tán thành việc Hít-le và Mút-xô-li-ni can thiệp vào Tây Ban Nha, giúp phát xít Phơ-răng-cô đàn áp phong trào cộng hòa. Cùng với giai cấp tư sản Anh, chúng tính chuyện dùng bọn phát xít để tiêu diệt Liên Xô. Nhà cầm quyền Pháp đã để mặc cho Đức chiếm các nước Áo, Tiệp Khắc, Ba Lan với âm mưu hướng bọn phát xít về phía Đông. Nhưng trước khi tiến xa hơn nữa về phía Đông, phát xít Đức đã quay lại phía sau, ngốn gọn nước Pháp trong vài tuần lễ.

Trong những năm Đức chiếm đóng, bọn đại tư bản Pháp giữ thái độ hai mặt. Một mặt, chúng bắt tay chặt chẽ với phát xít Đức, giúp cho Hít-le tiếp tục chiến tranh xâm lược châu Âu; một mặt, chúng bắt tay với Anh, Mỹ, chờ đón thời cơ khi Đồng minh thắng trận. Người tổ chức lãnh đạo nhân dân Pháp kiên quyết chống lại phát xít Đức xâm lược là Đảng Cộng sản Pháp. Không những chính quyền tay sai Vi-xi giúp bọn phát xít đàn áp những người du kích, mà cả Đờ Gòn cũng tìm cách kiềm chế phong trào kháng chiến tại nước Pháp.

Sau đại chiến, Pháp tuy đứng trong hàng ngũ Đồng minh chiến thắng, nhưng thực tế là một nước đã từng thua trận, kiệt quệ vì bị chiếm đóng. Giai cấp tư sản Pháp suy yếu, ảnh hưởng chính trị giảm sút. Sản xuất công nghiệp giảm nhiều so với trước chiến tranh. Các thiết bị từ lâu không được cải tiến, trở nên lạc hậu. Còn quân

đội Pháp, như lời một nhà bình luận chính trị Pháp, đã trở thành "một cái bào thai nằm trong quân đội Mỹ". Thị trường Pháp ở châu Âu thu hẹp vì một số nước thoát ra ngoài quỹ đạo của chủ nghĩa tư bản. Bọn đại tư bản Pháp mất nhiều nhà máy, hầm mỏ, nhà băng tại các nước Tiệp Khắc, Ba Lan... Trong khi đó, Đảng Cộng sản được tôi luyện thêm sau nhiều năm chiến đấu chống phát xít Đức, có uy tín lớn trong nhân dân. Lực lượng dân chủ đang phát triển không ngừng dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, đã trở thành mối lo âu của bọn đại tư bản. Đó cũng là mối lo của các đế quốc Anh, Mỹ trước tình hình mới ở châu Âu.

Đờ Gòn, người luôn luôn tự nhận là đứng trên các đảng phái, và cũng thường được nhiều báo chí tư sản tuyên truyền như vậy, thực ra chính là người đại diện quyền lợi của bọn tư bản tài phiệt. Dựa vào lưỡi lê của hàng chục vạn quân đội Mỹ và Anh trên đất Pháp, Đờ Gòn đã giải giáp lực lượng vũ trang cách mạng đã được tổ chức để chiến đấu chống phát xít Đức trong thời kỳ Pháp bị chiếm đóng. Mọi cố gắng của ông ta đều nhằm tiêu diệt thể chế dân chủ, dựng nên một chế độ độc tài. Đảng Cộng sản Pháp đang ra sức lãnh đạo cuộc đấu tranh của những người lao động để bảo vệ lợi ích kinh tế và các quyền tự do dân chủ. Cuộc đấu tranh giữa họ và bọn tư bản độc quyền thất thế đang tìm mọi cách trỗi dậy diễn ra rất gay gắt.

Tháng 10 năm 1945, Đờ Gôn buộc phải tổ chức tổng tuyển cử bầu ra Quốc hội lập hiến. Quốc hội này có nhiệm vụ dự thảo hiến pháp của nền Cộng hòa thứ tư. Một chính phủ lâm thời được thành lập do Đờ Gôn làm Chủ tịch. Các thành phần chủ yếu của chính phủ này thuộc ba tổ chức chính trị lớn nhất tại Pháp: Phong trào cộng hòa bình dân, Đảng Cộng sản và Đảng Xã hội.

Đầu năm 1946, Đờ Gôn đột ngột xin từ chức. Y định gây nên một sự rối loạn về chính trị tại nước Pháp, tạo cơ hội trở lại cầm quyền với chế độ độc tài. Một chính phủ lâm thời được thành lập do Phê-lích Go-ăng, người của Đảng Xã hội làm Chủ tịch. Chính phủ này đã chuẩn y bản Hiệp định Sơ bộ ký giữa Pháp và Việt Nam. Đảng Cộng sản Pháp chủ trương nắm lấy cơ hội này liên minh với đảng Xã hội, tổ chức một chính phủ gồm những người cộng sản và xã hội, gạt phái hữu thân Đờ Gôn ra ngoài. Việc này đã trở thành khả năng thực tế vì hai đảng chiếm được đa số ghế trong Chính phủ Pháp. Nhưng những người cầm đầu Đảng Xã hội đã từ chối đề nghị này.

Tháng 3 năm 1946, Chính phủ Go-ăng cử Lê-ông Blum, một lãnh tụ Đảng Xã hội sang Oa-sinh-tơn để vay tiền. Sau mười một tuần lễ đàm phán, Mỹ thỏa thuận cho Pháp vay 650 triệu đô-la với điều kiện Pháp phải phá bỏ hàng rào quan thuế cổ truyền để cho hàng hóa Mỹ ùa vào đất Pháp. Dư luận rộng rãi còn cho rằng Mỹ đã đòi Pháp hứa phải gạt những nghị sĩ cộng sản ra khỏi Chính phủ trong vòng một

thời gian ngắn. Để chống lại nhân dân Pháp, cứu vãn nền thống trị suy yếu của chúng, bọn tư bản tài phiệt chọn con đường dựa vào Mỹ, một để quốc làm giàu trong Chiến tranh thế giới lần thứ hai, đã trở thành tên để quốc đầu sổ.

Tháng 5 năm 1946, bản dự thảo hiến pháp đầu tiên được đưa ra trong một cuộc trưng cầu ý dân. Đây là một bản hiến pháp dân chủ có chứa đựng nhiều điểm tiến bộ. Trước ngày dân chúng bày tỏ ý kiến, Đờ Gôn mặc dù đã tuyên bố rút lui khỏi vũ đài chính trị, đã lên tiếng đã kích bản hiến pháp. Do cuộc vận động ráo riết của lực lượng phản động cùng với áp lực của Đờ Gôn, bản hiến pháp này đã bị bác bỏ. Chính phủ Go-ăng đổ. Người dân Pháp lại phải tiến hành một cuộc tuyển cử mới để bầu ra một quốc hội lập hiến khác.

Trong cuộc bầu cử đầu tháng 6, Đảng Cộng sản Pháp vẫn giữ một vị trí vững vàng. Đảng Xã hội do thái độ ngả nghiêng mất đi khá nhiều phiếu. Nhưng điều đáng chú ý là Phong trào cộng hòa bình dân, chịu nhiều ảnh hưởng của Đờ Gôn cũng giành thêm được một số ghế. Do đó, chức Chủ tịch Chính phủ lâm thời cộng hòa Pháp rơi vào tay Bi-đôn, một người cầm đầu Cộng hòa bình dân, đã từng cộng tác nhiều năm với Đờ Gôn trong cương vị Bộ trưởng Ngoại giao. Chính phủ này mặc dù còn có một số đảng viên Đảng Cộng sản tham gia, đã thiên về phía hữu với chiều hướng ngày càng lệ thuộc vào Mỹ. Nhà cầm quyền mới của nước Pháp đang tìm một cách để phá hoại Hiệp định Sơ bộ mồng 6 tháng 3, không thực hiện những cam kết giữa Pháp với nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, những điều mà bọn tư bản tài phiệt cho là rất nguy hiểm, có thể dẫn tới sự suy sụp của cả để quốc Pháp...

Tuy vậy, chương trình tiếp đón Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn được tổ chức theo những nghi thức trọng thể.

11 giờ sáng ngày 2 tháng 7, Bò trưởng Bò lễ tân và các quan chức cao cấp của Pháp đến khách sạn Roay-an Mông-xô đón Chủ tịch Hồ Chí Minh tới dự tiệc chiêu đãi của Chính phủ Pháp.

Một đoàn xe hơi, xe mô-tô đi hộ tống Người trên những con đường cấm xe cộ không được qua lại.

Lâu đài Ma-ti-nhông treo cờ đỏ sao vàng và cờ ba sắc. Đội nhạc binh cử quốc thiểu Việt Nam và quốc thiểu Pháp. Chủ tịch Hồ Chí Minh duyệt đội danh dự trước khi vào nhà. Chủ tịch Bi-đôn ra đón, đưa Người vào giới thiệu với các bộ trưởng trong Chính phủ đã tế tựu đông đủ.

Trước tiệc chiêu đãi, Chủ tịch Chính phủ Pháp đọc lời chào mừng:

- Thưa Chủ tịch,

Thay mặt dân chúng Pháp, tôi rất sung sướng được tiếp vị Chủ tịch của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Tôi tiếc rằng những việc ngoài ý muốn chúng tôi đã làm chậm trễ cuộc tiếp rước mà chúng tôi định dành cho Ngài, ngay từ khi Ngài mới đặt chân đến đất Pháp. Sự có mặt của Ngài ở đây đã làm cho dân Pháp thỏa mãn vô cùng. Sự có mặt ấy chứng thực tình thân thiện cổ truyền giữa hai dân tộc. Tình thân thiện ấy tuy có lúc bị mờ tối đi, nhưng nó phải trở lại mạnh mẽ hơn và thành thực hơn...

Bi-đôn ca ngợi Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có "những lời lẽ nhã nhặn và mặn mà rất thích hợp với sự tiếp rước mà Pa-ri và nước Pháp muốn dành cho những nước bạn", ca ngợi khối liên hiệp Pháp là "một sáng tạo đặc biệt và rất nhân đạo". Y nói đến "khung cảnh nên thơ và oanh liệt" của lâu đài Phông-ten-no-blô, nơi phái đoàn Việt Nam và phái đoàn Pháp sẽ gặp nhau. Y nhắc tới sự gặp nhau của Khổng giáo và triết học phương Tây, tới những quan niệm mới mẻ về những quan hệ giữa người tự do, đến lẽ tiến hóa và lý tưởng của loài người, v.v.

Trước những lời lẽ hào nhoáng, trừu tượng, không chứa đựng một điều gì cụ thể của Chủ tịch Chính phủ Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh đáp lại:

- Sự tiếp đón ân cần của nhân dân và Chính phủ Pháp làm cho tôi rất cảm kích... Pa-ri là thành phố bất hủ đã tìm ra những lý tưởng bất hủ cách mạng 1789, Pa-ri vẫn trung thành với lý tưởng của mình trong cuộc đổ máu giữa khối dân chủ và khối phát xít... Chắc hẳn nhiều khó khăn đang chờ đợi ở hội nghị Phông-ten-no-blô là hội nghị có nhiệm vụ đặt nền móng cho sự giao thiệp giữa nước Pháp và nước Việt Nam mới. Nhưng sự thành thật và

sự tin cậy lẫn nhau sẽ san phẳng được hết thảy những trở ngại. Triết lý phương Đông và triết lý phương Tây đều tán dương một nguyên tắc đạo đức: "Chớ làm cho người những điều mà mình không muốn người làm cho mình". Tôi tin rằng trong những điều kiện ấy, hội nghị sắp tới sẽ đi tới những kết quả tốt đẹp...

Ngày mồng 3, Chủ tịch Hồ Chí Minh tới đặt vòng hoa tại mồ Người chiến sĩ vô danh ở Cửa Khải Hoàn. Cùng ngày, Bác đến thăm cung điện Véc-xây. Mùa Hè năm 1919, Người đã có mặt ở đây khi các nước Đồng minh đang họp để ký hòa ước kết thúc Chiến tranh thế giới lần thứ nhất; Người đã đưa kiến nghị đòi cho nước Việt Nam được độc lập.

Ngày mồng 4, Chủ tịch Hồ Chí Minh tới viếng đài liệt sĩ trên đồi Va-lê-riêng. Đây là nơi nhiều chiến sĩ du kích Pháp đã bị quân Đức mang xử bắn trong những năm kháng chiến. Đứng trên đồi Va-lê-riêng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tỏ về rất xúc động. Chúng ta có thể hiểu được tình cảm của Người lúc đó qua những dòng bút ký

sau đây: "Trông thấy nghĩa sĩ Pháp vì độc lập, tự do mà bị người Đức tàn sát, khiến cho người thêm nỗi cảm động ngậm ngùi. Quyền độc lập, tự do ở nước nào cũng vậy, đều do xương máu của những nghĩa sĩ và đoàn kết của toàn quốc mà xây dựng nên. Vậy nên những người chân chính ham chuộng độc lập, tự do của nước mình thì phải kính trọng độc lập, tự do của dân tộc khác".

19

uộc đàm phán chính thức giữa hai phái đoàn Việt Nam và phái đoàn Pháp chỉ bắt đầu vào ngày 6 tháng 7 tại lâu đài Phông-ten-nơ-blô, cách Pa-ri 60 ki-lô-mét.

Đác-giăng-li-ơ vội vã trở về nước trước khi Chủ tịch Hồ Chí Minh tới thủ đô Pháp một tuần lễ.

Với việc chính phủ Go-ăng đổ, Bi-đôn vừa lên cầm quyền, Đác-giăng-li-ơ cầm thấy đã có cơ hội thuận lợi để thực hiện đường lối chính trị của Đờ Gôn đối với các thuộc địa. Y đã chạy chọt khắp nơi, xin gặp những người lãnh đạo mới trong Chính phủ để tranh thủ sự đồng tình của họ đối với những việc y đã làm ở Đông Dương. Đác-giăng-li-ơ đã yêu cầu nhà cầm quyền Pháp cử y làm người khai mạc cuộc đàm phán tại Phông-ten-nơ-blô. Viên cao ủy muốn chứng tỏ quyền lực của mình không những chỉ có ở Đông Dương mà còn ở cả thủ đô nước Pháp. Phái đoàn ta đã kiên quyết phản đối, không đồng ý để cho

Đác-giăng-li-ơ tới khai mạc hội nghị, một việc trước đây viên cao ủy đã không làm được tại Đà Lạt. Nhà cầm quyển Pháp e ngại phía ta có thể vì thế mà khước từ cuộc nói chuyện. Họ cũng nhận thấy làm như vậy không có lợi với dư luận trong khi Chủ tịch Hồ Chí Minh đang ở Pa-ri với tư cách là thượng khách của Chính phủ Pháp. Họ đành khuyên viên cao ủy tốt nhất là hãy tạm lánh đi. Sau đó, Đác-giăng-li-ơ hậm hực trở về Sài Gòn.

Mãi tới mồng 5 tháng 7, một ngày trước phiên khai mạc, Chính phủ Pháp mới chỉ định xong danh sách những người tham dự cuộc đàm phán. Cầm đầu đoàn Pháp vẫn là Mắc Ăng-đơ-rê, trưởng đoàn đàm phán Pháp tại hội nghị trù bị Đà Lạt. Thành phần của đoàn phần lớn gồm những nhân vật cũ, đã có mặt tại Đà Lạt: Mét-xme, Pi-nhông, Tô-ren, Gô-nông... Thêm một nhân viên quân sự tham gia phái đoàn cạnh tướng Xa-lăng, đô đốc Bác-giô. Viên đô đốc này vốn là một người tin cẩn của Đô Gôn. Để hạn chế bớt những lời chỉ trích, Chính phủ Pháp đã đưa thêm vào phái đoàn ba nghị sĩ thuộc ba đảng chính trong chính phủ là Đảng Cộng sản Pháp, Đảng Xã hội và Cộng hòa bình dân. Đại diện cho đảng Xã hội là giáo sư Pôn Ri-vê, một người có tư tưởng tiến bộ. Sau khi dự cuộc trao đổi riêng của đoàn để chuẩn bị cho phiên khai mạc, vị giáo sư này đã xin rút lui. Ông nói là không muốn trở thành

đồng lõa với những kẻ định phân bội lại các điều khoản mà người thay mặt nước Pháp đã ký kết ngày mồng 6 tháng 3 năm 1946. Theo lời thú nhận của chính Mắc Ăng-đơ-rê sau này thì trước khi đến Phông-ten-nơ-blô, y đã được Bi-đôn chỉ thị: "Giành cho được mọi sự bảo đảm để cho trên lãnh vực đối ngoại Việt Nam không thể trở thành một quân cờ mới trong ván cờ xô-viết".

10 giờ sáng, Đoàn đàm phán của ta và đoàn Pháp bước vào sân danh dự của lâu đài Phông-ten-nơ-blô.

Lâu đài Phông-ten-nơ-blô treo cờ Việt Nam và cờ Pháp.

Mắc Ăng-đơ-rê đọc diễn văn khai mạc, chào mừng các vị khách thay mặt cho nước Việt Nam và cầu chúc hội nghị đạt được kết quả tốt đẹp. Chiến thuật của đoàn Pháp là dùng những lời lẽ chung chung, không đề cập đến một điều gì cụ thể.

Trong lời đáp, anh Phạm Văn Đồng đã nói:

"... Trong lúc nhân dân Việt Nam ra sức chống Nhật thì chính phủ Vi-xi bán Đông Dương cho kẻ thù. Tháng 8 năm 1945, nhân dân Việt Nam đã nổi dậy giành chính quyền, thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Từ ngày đó, nước Việt Nam đã là một nước độc lập... Dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân Việt Nam đã bắt tay vào công việc kiến thiết Tổ quốc trong hòa bình...".

Đoàn ta đã vạch rõ chính vì việc Pháp đưa quân đội viễn chinh đến Việt Nam nên đã làm cho chiến tranh lại bùng nổ. Sau đó nước Pháp đã ký Hiệp định mồng 6 tháng 3 với nước Việt Nam dân chủ cộng hòa...

"Nhưng hiệp ước này, nước Pháp có tôn trọng nó hay không? Chính là với sự phiền lòng sâu sắc mà chúng tôi phải nói với các ngài rằng, một số điều khoản đình chiến của bản Hiệp định đã không được các nhà chức trách Pháp ở Việt Nam thì hành...".

Đoàn ta đã tô cáo Pháp tiếp tục chiến tranh ở miền Nam, đưa quân lấn chiếm vùng Tây Nguyên, có nhiều hành động bạo lực ở miền Bắc, rõ ràng nhất mới đây là hành động chiếm dinh toàn quyền cũ tại Hà Nội. Đặc biệt, đoàn ta phân kháng kịch liệt âm mưu chia cắt Tổ quốc Việt Nam, việc nhà chức trách Pháp ở Sài Gòn vừa cho ra đời một "nước Nam Kỳ tự trị" và tuyên bố thừa nhận cái gọi là "chính phủ lâm thời" của nó. Cuối cùng đoàn ta nói thẳng:

"Hiệp định ngày mồng 6 tháng 3 không phải là để cho quân đội Pháp bình yên kéo vào miền Bắc Việt Nam và chính sách "việc đã rồi" của người Pháp ở Đông Dương không thể làm dễ dàng cho cuộc thương lượng...".

Lời phát biểu đanh thép của đoàn ta đã nói lên sự thật về tình hình Việt Nam và gây nên một chấn động lớn. Bọn phản động kêu đó là những lời lẽ không ngoại giao, không thân thiện. Những người tiến bộ thấy thái độ của đoàn ta một mặt tỏ rõ quyết tâm bảo vệ nền độc lập dân tộc và sự thống nhất Tổ quốc của mình, một mặt vẫn muốn đi tới giải quyết tốt mối quan hệ giữa nước Việt Nam và nước Pháp.

Phải mất mấy ngày sau, đôi bên mới thỏa thuận được nội dung chương trình nghị sự gồm các điểm chính:

- Vị trí của Việt Nam trong liên hiệp Pháp và các mối quan hệ của nước Việt Nam với các nước ngoài.
- Thống nhất ba kỳ bằng hiệp thương và trưng cầu ý dân.
- Soạn thảo hiệp ước giữa Pháp và Việt Nam.

Ngoài tiểu ban chương trình nghị sự, hội nghị lập ra các ban chính trị, quân sự, kinh tế tài chính, văn hóa để thảo luận.

Qua các cuộc thảo luận, phái đoàn Pháp đã để lộ rõ chính sách của Pháp đối với các lãnh thổ hải ngoại. Tuy về tên gọi hoặc về hình thức tổ chức có ít nhiều thay đổi, chính sách đó về thực chất vẫn là duy trì chế độ thuộc địa cũ, ở Đông Dương thì đặt nhân dân ba nước trên bán đảo này dưới sự thống trị của một thứ chính phủ liên bang, đứng đầu là một viên toàn quyền.

Trước những vấn đề cấp thiết do ta đưa ra như: Đình chiến tại Nam Bộ, thời hạn và cách thức tổ chức trưng cầu ý dân tại Nam Bộ..., đoàn Pháp đều tìm một cách lẫn tránh. Hội nghị giẫm chân tại chỗ nhiều ngày. Có buổi, một nửa số đại biểu của đoàn Pháp không tới dự.

hủ tịch Hồ Chí Minh không dự cuộc đàm phán ở Phông-ten-nơ-blô. Với tư cách là thượng khách của Chính phủ Pháp, Người ở lại Pa-ri.

Bác làm việc gần như không nghĩ. Theo lời các anh trong phái đoàn kể lại, nhiều ngày Bác làm việc tới mười bốn tiếng đồng hồ.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gặp và nói chuyện với hầu hết các đoàn thể chính trị lớn tại nước Pháp. Ba đảng lớn đang cầm quyền đều cử những người thay mặt tới gặp Người. Đoàn đại biểu của Đảng Cộng sản Pháp khi đó có năm mươi vạn đảng viên, gồm những đồng chí lãnh đạo quan trọng: Đồng chí Tô-rê (khi đó là Phó Chủ tịch Chính phủ Pháp), đồng chí Duy-cơ-lô, đồng chí Ca-sanh, đồng chí Bi-u... Nhiều

đồng chí đã quen biết Bác từ những năm hai mươi, ba mươi trước đây tại Đại hội Tua, tại Mát-xơ-va, tại những cuộc họp của Quốc tế cộng sản. Bác đã gặp nhiều tổ chức quần chúng quốc tế như Tổng liên đoàn lao động thế giới, Liên đoàn thanh niên dân chủ thế giới, Liên đoàn phụ nữ thế giới. Người đã giới thiệu những hoạt động của công nhân, thanh niên và phụ nữ Việt Nam. Các đoàn thể quần chúng này đều tuyên bố kết nạp các tổ chức của lao động, thanh niên và phụ nữ Việt Nam làm thành viên của mình. Nhiều thanh niên các nước được gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh hồi đó đã gọi Người bằng hai tiếng đầy kính yêu: Bác Hồ.

Bác đã gặp rất nhiều nhân vật tai mắt ở Pa-ri, những nhà hoạt động chính trị, những nhà kinh tế, tài chính, những quân nhân, những nhà trí thức lớn, trong đó có nhiều nhà báo, nhà văn như: Luy A-ra-gông, I-ly-a E-ren-bua, A-na Xê-góc, En-xa Tơ-ri-ô-lê, Ri-sa Bơ-lôc, Pi-e Ma-nuy-en...

Bác đã nhận thấy điều quan trọng lúc này là làm cho mọi người hiểu biết về nước Việt Nam, về phong trào cách mạng và nguyện vọng độc lập, thống nhất chính đáng của nhân dân ta. Công việc đó không thể chỉ làm trong một ngày, một tháng. Những người thay mặt cho nước Việt Nam mới đã có mặt ở Pa-ri. Nhưng làm được cho mọi người hiểu đúng những vấn đề cấp bách và những nguyện vọng chính đáng của nhân dân ta thật không dễ dàng trong

khi bọn phản động không ngừng tung ra những luận điệu tuyên truyền xuyên tạc.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có một ảnh hưởng lớn đối với giới báo chí Pa-ri. Phóng viên của báo Chiến đấu (Combat) đã kể lại cuộc gặp Người như sau:

"Cụ Hồ Chí Minh, Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, tiếp tôi một cách rất giản dị, cử chỉ của cụ bao giờ cũng giản dị như vậy. Cụ là một người đã có tuổi. Một cặp mắt tinh anh và hiền hậu. Nét mặt hiền lành nhưng có vẻ kiên quyết. Một bộ râu đen lại làm cho vẻ mặt cụ thêm Á Đông. Cụ mặc một bộ quân phục, không có trang sức gì cả, làm cho người ta nghĩ đến những người của Cách mạng Tháng Mười. Cụ nói thong thả, rất thạo tiếng Pháp, biết cả mọi cái nhuần nhụy của nó. Giọng nói rõ ràng, minh bạch, không trau chuốt, không kiểu cách. Chung quanh cụ có những người thanh niên thông minh và yêu nước. Cụ mang vững vàng trên vai cả vận mệnh của một dân tộc mà cụ là đại biểu những đức tính đặc biệt của dân tộc đó...".

Một số người viết báo xưa nay hay xuyên tạc cuộc đấu tranh của ta, qua đôi lần gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã có những bài đúng đắn hơn.

Sau này, một nhà báo Pháp đã viết: "Vì ông (Chủ tịch Hồ Chí Minh) sử dụng tài khéo léo, tài hùng biện trữ tình và uy tín của mình, nên lời nói của ông vang mạnh và

bay xa. Một số báo tán thường ông, một số khác chỉ trích ông. Nhưng toàn thế giới đều nói đến ông".

Hình ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh mà các nhà báo thường tả lại một cách rất giống nhau: Cặp mắt sáng, vừng trán rộng, chòm râu thưa, bộ quần áo vải thô cùng với những cử chỉ giản dị của Người, đã chỉnh phục tình cảm và để lại những nét sâu đậm trong lòng người dân Pháp. Hồi này, có đồng bào Việt kiểu nhận thấy Chủ tịch Hồ Chí Minh từ ngày tới nước Pháp, chỉ mặc một bộ quần áo vải xuênh xoàng, đã vội hỏi thăm kích thước, định đi may biếu Người một bộ quần áo mới cho hợp với thời trang và cương vị của Người. Nhưng Bác biết kịp và ngăn không cho làm.

Nhà cầm quyền Pháp không thể kiếm cớ gì ngăn cản những cuộc tiếp xúc giữa một vị thượng khách của Chính phủ với các đoàn thể chính trị, với những người tai mắt và giới báo chí.

Một tuần sau khi hội nghị Phông-ten-nơ-blô khai mạc, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho tổ chức họp báo tại Pa-ri. Chủ tịch Chính phủ Pháp Bi-đôn muốn bưng bít vấn đề Việt Nam, nên đã viện lý do cần chọn một nơi yên tĩnh cho cuộc nói chuyện để đưa hội nghị ra xa thủ đô Pháp 60 ki-lô-mét. Các nhà báo, nhà quay phim, nhà chụp ảnh không tìm được gì trước những hàng rào của cung cấm Phông-ten-nơ-blô, kéo tới rất đông.

Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu ra sáu điểm trong lập trường đàm phán của Việt Nam:

1) Việt Nam đòi quyền độc lập, độc lập nhưng không phải là hoàn toàn tuyệt giao với Pháp, mà ở trong liên hiệp Pháp, vì như thế lợi cho cả hai nước. Về mặt kinh tế và văn hóa, Việt Nam vui lòng cộng tác với Pháp.

2) Việt Nam quyết không chịu có một chính phủ liên bang.

3) Nam Bộ là một bộ phận của nước Việt Nam, không ai có quyền chia rẽ, không lực lượng nào có thể chia rẽ.

4) Việt Nam sẽ bảo hộ tài sản của người Pháp. Nhưng người Pháp phải tuân theo luật lao động của Việt Nam và Việt Nam giữ lại quyền mua lại những tài sản có quan hệ đến quốc phòng.

5) Nếu cần đến cố vấn, thì Việt Nam sẽ dùng người Pháp trước.

6) Việt Nam có quyền phái đại sứ và lãnh sự đi các nước.

Chủ tịch Hồ Chí Minh nói:

- Về phần chúng tôi, chúng tôi rất thật thà. Chúng tôi mong rằng, người khác cũng thật thà với chúng tôi. Chúng tôi quyết không chịu hạ thấp chúng tôi. Mà chúng tôi cũng không muốn hạ thấp nước Pháp. Chúng tôi không muốn đẩy người Pháp ra khỏi Việt Nam. Nhưng chúng tôi muốn nói với họ: Các người hãy phái đến nước chúng tôi những người biết yêu chuộng chúng tôi... Chỉ có lòng tin cậy lẫn nhau và sự cộng tác thật thà, bình đẳng, thì mới đi đến kết quả thân thiện giữa hai nước.

Trong khi cuộc đàm phán tại Phông-ten-nơ-blô còn bị bưng bít, thì những lời tuyên bố của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đưa vấn đề ra trước ánh sáng. Giới báo chí bàn tán rất sôi nổi. Phần lớn các báo nhận xét lời phát biểu của Chủ tịch Hồ Chí Minh là đúng đắn và chân thành. Một tờ báo viết: "Những lời nói đó tỏ ra rằng Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chính phủ Việt Nam quyết tâm dàn xếp mọi quan hệ Việt - Pháp bằng cách hiểu nhau với lòng hữu ái giữa hai dân tộc". Dư luận tiến bộ Pháp đứng về phía ta. Họ phê phán những luận điệu khiêu khích của một vài tờ báo phản động.

Qua hơn nữa tháng trời, cuộc đàm phán tại Phông-ten-nơ-blô vẫn không tiến triển. Ngày 23 tháng 7, các báo ở Pa-ri bỗng đưa tin: Cao ủy Pháp tại Đông Dương Đác-giăng-li-ơ triệu tập một hội nghị liên bang ở Đà Lạt vào ngày 1 tháng 8. Thành phần hội nghị này gồm các đại biểu của Lào, Cam-pu-chia, Nam Kỳ, Nam Trung Kỳ và Tây Nguyên... Với thành phần hội nghị đã công bố, Đác-giăng-li-ơ không những muốn tách Nam Bộ ra khỏi Việt Nam, mà còn muốn chia Việt Nam ra thêm thành nhiều "nước", nhiều vùng

khác nhau. Ngay sáng hôm đó, đoàn ta đưa ra tại hội nghị Phông-ten-nô-blô lời phản kháng kịch liệt. Người Pháp lại lẩn tránh vấn đề bằng cách nói sẽ chuyển lời phản kháng đó lên chính phủ của họ.

Do hành động của viên cao ủy với sự cố ý làm lơ của Chính phủ Pháp, tình hình hội nghị vốn đã căng thẳng càng trở nên bế tắc.

Trưa ngày 26 tháng 7, Chủ tịch Hồ Chí Minh tới thăm Phông-ten-nô-blô. Đoàn Việt Nam và đoàn Pháp cùng đại diện của chính quyền và nhân dân địa phương mang hoa ra đón Người. Sau bữa tiệc chào mừng của những người đứng đầu quận, ông giám đốc cung Phông-ten-nô-blô đưa Chủ tịch Hồ Chí Minh đi xem tòa lâu đài với kiểu kiến trúc thời xưa rất xa hoa, tráng lệ. Thăm lâu đài xong, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói muốn ra dạo chơi ngoài rừng; ông giám đốc dẫn Người đi.

Ở rừng Phông-ten-nô-blô về, Bác hỏi tình hình hội nghị, trao đổi ý kiến với các anh trong đoàn đàm phán của ta.

Hội nghị đã thật sự bế tắc. Những người thay mặt cho Chính phủ Pháp tại cuộc đàm phán, theo chỉ thị của nhà cầm quyền, đã ra mặt trốn tránh việc thực hiện Hiệp định, viện lý do không thể tạo ra một tiền lệ cho những thuộc địa khác của nước Pháp chống lại chính quốc. Họ vẫn bám lấy những tư tưởng phản động lỗi thời về vấn đề thuộc địa. Chế độ mà họ muốn thiết lập ở Đông Dương không khác mấy với cái chế độ mà người Pháp đã áp dụng tại đây trước Chiến tranh thế giới lần thứ hai.

Chiều hôm đó, Bác trở về Pa-ri.

Chính phủ Pháp vẫn im lặng trước lòi phản kháng của phái đoàn ta về việc Đác-giăng-li-ơ triệu tập cái gọi là "hội nghị liên bang" ở Đà Lạt ngày mồng 1 tháng 8. Đúng ngày mồng 1 tháng 8, đoàn ta tuyên bố cần đình chỉ phiên họp cho tới khi lòi phản kháng của ta được giải quyết thỏa đáng. Đoàn đàm phán của ta rời lâu đài Phông-ten-nô-blô và không bao giờ quay trở lại đây nữa.

Thời kỳ của những lời chúc tụng và hứa hẹn hào nhoáng đã qua.

Hội đồng liên bộ Pháp về vấn đề Đông Dương họp dưới quyền chủ tọa của Bi-đôn từ ngày 10 đến 12 tháng 8 do bàn về cuộc đàm phán đã bị bỏ dở. Trước ngày đó, Va-ren, một viên toàn quyền cũ ở Đông Dương, Quốc vụ khanh của Chính phủ Bi-đôn, mới được bổ nhiệm làm Chủ tịch hội đồng liên bộ về Đông Dương, đưa ra một lời tuyên bố với báo chí:

"Nên đệ tam cộng hòa đã sáng tạo được ở phía bên kia biển cả một sự nghiệp tráng lệ làm vinh hiển cho thiên tài nước Pháp. Chúng ta sắp từ bỏ và phá hoại sự nghiệp này chăng? Làm như vậy đối với người Pháp sẽ là một

thảm họa không sao cứu chữa được. Chúng tôi là một số người hoàn toàn thông hiểu điều mà chính mình đang nói và sẽ làm mọi việc để tránh cho được thảm họa đó".

Ít ngày sau, chính Đô Gôn cũng lên tiếng. Trong khi công kích bản dự thảo hiến pháp sắp được đưa ra để trưng cầu ý dân, Đô Gôn đã chỉ trích mạnh mẽ quy chế về liên hiệp Pháp được ghi trong bản dự thảo. Ông ta cho rằng nguyên tắc "tự quyết tự do" chỉ có thể đưa các lãnh thổ của Pháp ở hải ngoại đến chỗ rối loạn, phân liệt và cuối cùng rơi vào sự thống trị của nước ngoài.

Mọi cuộc họp hành, bàn bạc, trao đổi suốt cả tháng 8 đã không giúp cho hội nghị Phông-ten-nơ-blô họp trở lại.

àu tháng 8, các hăng thông tấn Pháp đưa tin không chính thức: Chủ tịch Hồ Chí Minh sắp lên đường về nước. Tin này được đưa ra đồng thời với tin phái đoàn ta tuyên bố ngừng họp hội nghị Phông-ten-nơ-blô. Chiều hướng cuộc đàm phán đã rõ ràng là không tốt.

Cũng trong những ngày này, quân Pháp liên tiếp gây những vụ khiêu khích trên dọc đường Hà Nội - Lạng Sơn. Theo thỏa thuận giữa đôi bên, quân đội Pháp được lên Lạng Sơn tiếp phòng quân Tưởng rút đi. Thế thức về việc tiếp tế cho quân Pháp ở những nơi xa Hà Nội, đã được đề ra rõ ràng. Nhưng các toán quân Pháp đi làm công việc tiếp tế cứ liên tiếp vi phạm những quy định. Chúng thường không chịu mang theo giấy phép. Chúng đưa theo trong đoàn tiếp tế cả những xe bọc thép. Và chúng luôn luôn gây chuyện với các trạm gác của bộ đội ta trên dọc đường.

Ngày mồng 1 tháng 8, một chiếc xe vận tải nhà binh Pháp từ Lạng Sơn chạy về Hà Nội. Trạm gác của ta ở Cầu Đuống hôi giấy. Bọn Pháp nói không mang theo. Các đồng chí gác yêu cầu chúng dừng lại, và điện báo cáo về Ủy ban liên kiểm Việt - Pháp Trung ương. Nhưng bọn Pháp cứ cho xe chạy qua cầu. Anh em ta thổi còi bắt dừng lại. Bọn Pháp nổ súng làm cho năm chiến sĩ Vệ quốc quân cùng với hai người dân bị trúng đạn. Bộ đội ta bắn trả. Chiếc xe lao vội qua cầu, phóng về phía Gia Lâm.

Chúng ta biết rõ bọn phản động Pháp ở Đông Dương đang cố tạo nên những chuyện rắc rối để phá vỡ cuộc đàm phán vốn đã gặp rất nhiều khó khăn tại Phông-ten-nơ-blô. Vấn đề quan trọng lúc này là Bác và phái đoàn

ta đang còn ở ngay trên đất Pháp. Trước những hành động khiêu khích của quân Pháp, ta một mặt kiên quyết đối phó, một mặt cố gắng tìm cách dàn xếp. Tuy nhiên, nhân dân ta căm thù giặc Pháp từ lâu, trước những hoạt động khiêu khích của binh lính Pháp, thường chống lại ngay, nhất là khi kẻ dịch đã gây ra thiệt hại tới sinh mệnh và tài sản của đồng bào.

Hai hôm sau vụ khiêu khích ở Cầu Đuống, ngày 3 tháng 8, một đoàn hai mươi chiếc xe của Pháp chạy từ Hà Nội lên Lạng Sơn. Qua Cầu Đuống, lính Pháp chĩa súng bắn lung tung trên dọc đường. Cách Bắc Ninh hai ki-lô-mét, chúng bắn vào một trạm gác của ta. Một chiến sĩ Vệ quốc quân hy sinh. Đoàn xe tiếp tục chạy vào thị xã Bắc Ninh, vừa chạy vừa nổ súng. Bộ đội và tự vệ ta bắn trả. Cuộc xung đột kéo dài từ 7 giờ 30 phút sáng đến trưa.

Bộ chỉ huy Pháp ở Hà Nội không những không cùng ta tìm cách giải quyết mà còn điều thêm một đoàn quân tiếp viện có nhiều xe bọc thép đi kèm. Dọc đường, lính Pháp bắn cháy nhiều nhà ở Cầu Đuống, Yên Viên, Từ Sơn. 10 giờ sáng, bọn này tới

Bắc Ninh làm cho cuộc xung đột càng mở rộng. Buổi chiều, Ủy ban liên kiểm Việt - Pháp Trung ương tới can thiệp không có kết quả.

Mông 4 tháng 8, viên quan tư người Pháp chỉ huy cuộc hành quân yêu cầu chính quyền ta ở Bắc Ninh để quân Pháp vào đóng ở trại lính khổ xanh cũ. Ta bác bỏ đòi hỏi vô lý đó. Vài giờ sau, bốn chiếc máy bay Pháp tới ném bom vào trong thành và những nhà dân. Quân đội Pháp vẫn không chịu rút khỏi thị xã.

Ngày mồng 6, Cơ-rê-panh, ủy viên cộng hòa Pháp ở miền Bắc, được ủy quyền thay Xanh-tơ-ni đã về Pháp, tới Bắc Bộ Phủ gặp chúng tôi. Y phân kháng ta đã gây nhiều thiệt hại về sinh mạng cho binh lính Pháp tại Bắc Ninh. Chúng ta nói: Vụ xung đột này xảy ra là do sự khiêu khích của quân đội Pháp. Phía Việt Nam đã đồng ý cử một ủy ban hỗn hợp đến điều tra tại chỗ để giải quyết. Việc rắc rối kéo dài là vì quân đội Pháp không chịu rút khỏi thị xã Bắc Ninh, vì phạm nghiêm trọng những điều đã ký kết trong Hiệp định.

Cơ-rê-panh nói:

- Nếu các ông cứ để cho những hành động như thế này tiếp tục thì nhất định sẽ đánh nhau thôi.

Câu nói của y có vẻ là một lời dọa dẫm. Tôi đáp lại:

- Các ông biết rất rõ nguyên nhân của các vụ xung đột loại này, kẻ chịu trách nhiệm chính là quân đội Pháp. Chúng tôi đã nhiều lần tỏ rõ thiện chí.

Các ông muốn hòa bình thì sẽ có hòa bình, muốn chiến tranh thì sẽ có chiến tranh.

Trước thái độ kiên quyết của ta, Cơ-rê-panh đấu dịu, nói qua chuyện khác. Y ngỏ ý muốn chuyển giúp ta một số gạo từ Nam Bộ ra.

Cuộc xung đột ở Bắc Ninh lập tức được Đác-giăng-li-ơ xuyên tạc và khuếch đại, báo cáo về Pa-ri như một sự biến gây nhiều tổn thất cho quân đội Pháp, "liên can đến trách nhiệm của Chính phủ Việt Nam".

Vài ngày sau, những vụ khiêu khích mới lại nổ ra dọc biên giới Việt Hoa. Mồng 10 tháng 8, quân Pháp vô cớ tiến công bộ đội ta ở Tiên Yên, Đầm Hà. Ngày 13, chúng đưa bọn thổ phỉ về đóng tại Lạng Sơn. Chúng khiêu khích đồng bào ta ở Vịnh Hạ Long và vùng ven biển Hòn Gai. Cùng thời gian, lại có tin quân Pháp từ Sơn La tiến xuống phía nam. Không lâu trước đó, Đác-giăng-li-ơ đã để lộ ý muốn lập ngay tại miền Bắc một "nước cộng hòa Nùng Thái", cùng một kiểu với "nước cộng hòa Tây Kỳ" ở Tây Nguyên. Những hoạt động của địch cùng lúc xảy ra chạy dài theo biên giới, từ vùng biển đến miền núi, từ Đông sang Tây, nói lên âm mưu này đang bắt đầu.

Ngày 18 tháng 7, Lơ-clc, viên tướng Pháp tỏ ra ít nhiều thức thời trong vấn đề Việt Nam, đã về Pháp. Người được Chính phủ Pháp chỉ định thay thế Lơ-clc là Van-luy. Trung tuần tháng 8, Van-luy rời Hà Nội. Cho đến lúc đó, mặc dù những vụ khiêu khích của quân Pháp đã liên tiếp nổ ra, Van-luy vẫn giữ một thái độ mềm mỏng. Tới Sài Gòn, y còn điện ra cảm ơn ta về cuộc tiễn đưa và chúc tình giao hào thân thiện giữa nước Việt Nam và nước Pháp.

Ngày 17 tháng 8, người thay Van-luy ở miền Bắc đáp máy bay tới Hà Nội. Đó là Moóc-li-e. Viên trung tướng này đã có mặt nhiều năm ở Bắc Kỳ thời Pháp thuộc, sau đó trở về Pháp tham gia kháng chiến chống phát xít Đức. Ông ta đã có ít nhiều thành tích trong thời kỳ quân Đồng minh giải phóng nước Pháp.

Tôi gặp Moóc-li-e ở sân bay. Viên tướng tỏ vẻ cảm kích về sự có mặt của đại biểu Chính phủ Việt Nam. Moóc-li-e nói trước khi rời nước Pháp, ông ta đã có vinh hạnh được gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh và có đem theo một thư giới thiệu của Người gửi cho chúng tôi; ông ta đến Việt Nam với tinh thần của nước Pháp mới và rất tán thành công cuộc giải phóng Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo. Ông ngỏ ý tin tưởng cuộc đàm phán Phông-ten-nơ-blô sẽ đạt kết quả mỹ mãn.

Qua các cuộc tiếp xúc với chúng tôi, viên tướng già này luôn nói đến sự mong muốn làm cho quan hệ giữa Pháp và Việt Nam ngày càng tốt lên. Ông

ta hay tự giới thiệu mình có nhiều cảm tình với người dân Việt Nam và rất hiểu những đức tính của họ. Để chứng minh điều đó, có lần nói chuyện với tôi, ông ta ca ngợi những người "lính tập" Việt Nam trong đội quân thuộc địa ngày trước, và hết lời khen một người đã giúp việc cho mình; đó là một anh "bếp" nấu nướng rất khéo và thực thà (!). Vài tháng sau, Moóc-li-e là người liên tiếp trao cho ta những tờ tối hậu thư. Đã có thời gian, Moóc-li-e được gọi bằng danh hiệu "viên tướng của những bức tối hậu thư". Chính trong thời kỳ Moóc-li-e làm ủy viên cộng hòa Pháp kiêm chỉ huy quân đội Pháp ở miền Bắc Đông Dương, đã nổ ra vụ xung đột ở Hải Phòng, và sau đó, chiến tranh lan rộng ra cả nước ta.

Ngày nay, chúng ta đã có những tài liệu để hiểu về viên tướng này hơn. Một bản báo cáo của Moóc-li-e về các cuộc xung đột tại Hải Phòng và Hà Nội, viết hồi tháng 1 năm 1947, đã được công bố gần đây trên các sách báo của người Pháp. Qua bản báo cáo đó, có thể thấy mặc dù trong cách nhìn và nếp nghĩ của Moóc-li-e còn nặng hơi hướng của những "ông tây" ở thuộc địa lâu năm, viên tướng này vẫn là một người Pháp có thiện chí, muốn hòa bình. Trong cương vị công tác của mình, ông ta đã cố tìm cách ngăn bọn thực dân chủ chiến ở Đông Dương làm nổ ra cuộc chiến tranh rộng lớn. Cũng chính vì lý do đó mà Moóc-li-e đã bị triệu hồi về Pháp và bị "treo giò" một thời gian dài. Ông ta chỉ được thăng cấp và trao nhiệm vụ thích đáng

khi Chính phủ Pháp đã nhận ra sai lầm vì theo đuổi đường lối chiến tranh ở Đông Dương.

Cuối tháng 8, vụ rắc rối về thuế quan đầu tiên nổ ra ở Hải Phòng. Như đã nói ở trên, người Pháp rất chú trọng đến hàng rào thuế quan tại nước Pháp và các nước phụ thuộc. Vấn đề này đã được đoàn đại biểu Pháp đặt ra tại các cuộc hội nghị Đà Lạt và Phông-ten-nơ-blô. Những quan điểm trái ngược của đôi bên chưa đi đến chỗ giải quyết. Sự có mặt của quân Pháp tại một cửa biển ở miền Bắc đã cho phép chúng có điều kiện tính chuyện lấn ta trong vấn đề thuế quan.

Ở Hải Phòng, những người buôn bán nước ngoài đem hàng vào, theo thường lệ, vẫn đóng thuế cho Nha thương chính của ta. Do sự can thiệp của quân Pháp, một số nhà buôn vin vào Hiệp ước Hoa - Pháp đã quy định Hải Phòng là một cảng tự do để trốn nộp thuế. Trong tháng 8, ta giữ lại một ngoại kiều mang theo một số tiền Pháp mới, chưa được phép lưu hành, và tịch thu của y một trăm hòm thuốc lá lậu thuế. Ngày 15 tháng 8, quân Pháp can thiệp, đòi ta phải thả người bị giữ, trả lại số tiền và thuốc lá tịch thu. Bộ chỉ huy quân đội Pháp ở Hải Phòng báo cho chính quyền ta tại đây: "Hải Phòng là một cửa biển liên bang, chỉ người Pháp mới có quyền kiểm soát thuế quan. Quân đội Pháp sẽ không để yên những vụ tịch thu, khám xét

người nước ngoài. Nếu những việc trên cứ tiếp tục xảy ra thì quân đội Pháp sẽ can thiệp bằng quân sự". Đương nhiên, ta không thể chấp nhận đòi hỏi vô lý của chúng, vì chưa hề có một sự thỏa thuận nào giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Pháp về thuế quan liên bang.

Máy hôm sau, chiếc tàu Hải Âu của Sở thuế quan Hải Phòng đang làm nhiệm vụ ở cảng, thì bị một chiếc tàu binh Pháp áp vào. Lính Pháp nhảy sang tàu ta, xô xát với các nhân viên thuế quan. Sau đó, chúng cướp luôn tàu và đưa người của ta đi.

Chiều 29 tháng 8, viên đại tá Đép-bò ở Hải Phòng, huy động xe tăng, xe bọc thép và binh lính tới bao vây Nha thương chính và trạm công an ở cảng. Chúng bắt một số cảnh binh của ta, đoạt hàng ở Nha thương chính, rồi cho quân chiếm đóng luôn cả hai nơi này. Ta điều bộ đội tới. Hai bên bắn nhau. Ty liên kiểm Việt - Pháp Hải Phòng đến dàn xếp. Ta kiên quyết đòi Pháp phải thả những người bị bắt và rút khỏi các nơi chúng đã chiếm giữ trái phép.

Nhiều cuộc biểu tình phản đối Pháp nổi lên ở Hải Phòng. Bọn Pháp khủng bố đồng bào ta quanh những vùng chúng đóng quân. Người già và trẻ em bắt đầu tản cư khỏi thành phố. Những cuộc đấu tranh của ta vẫn tiếp tục. Gần nữa tháng sau,

Đép-bò mới chịu trả lại ta những người chúng đã bắt và rút quân khỏi Nha thương chính và trạm công an bến.

Tuy nhiên, đây chỉ mới là vụ xung đột nhỏ đầu tiên về vấn đề thuế quan.

22

Ông 2 tháng 9 năm 1946.

Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa vừa đầy một tuổi.

Những người dân đầu tiên xây dựng nên cộng hòa dân chủ tự tay trang điểm nhà cửa, đường phố chào mừng năm đầu tiên của chế độ mới. Phố xá chìm ngập trong biển cờ và hoa. Đâu đâu cũng thấy cờ, ảnh Bác Hồ, đèn lồng, dây hoa và cổng chào.

Ngày này mùa Thu năm trước, cách mạng vừa thành công. Đêm dài thế kỷ của người nô lệ chấm dứt. Bác Hồ về trong ánh bình minh rạng rõ của đất nước, mở đầu kỷ nguyên mới của Độc lập, Tự do. Một năm đã trôi qua với bao nhiêu biến cố lịch sử. Một năm đã nói lên sức sống của chế độ dân chủ cộng hòa, nói lên tài chèo lái của Người đã đưa con thuyền Tổ quốc vượt qua bao nhiêu ghềnh thác hiểm nghèo. Hôm nay, những người chủ mới của đất

nước đã hiểu mình là ai, hiểu rõ trách nhiệm của mình, biết rõ khả năng của mình... Con đường cách mạng trước mắt còn dài và lắm gian nan. Nhưng ngọn lửa của hy vọng và niềm tin ngày càng rực sáng.

Ngày kỷ niệm Quốc khánh đầu tiên đến trong lúc Bác Hồ đi xa. Những lời Người dặn lại trước lúc lên đường đã được toàn dân ra sức thực hiện. Cuộc đàm phán giữa ta và Pháp đang trải qua những giờ phút rất khó khăn. Sắp đến ngày lễ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi điện về nhắc nhở đồng bào hết sức tránh va chạm với người Pháp, để tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc nói chuyện hiện nay giữa các đoàn đại biểu.

7 giờ sáng, một hồi còi dài vang lên. Cả Thủ đô quay mặt về phương nam, hướng về phần đất nước đang chiến đấu. Một phút im lặng để tưởng nhớ những người đã hy sinh vì nền độc lập và thống nhất của Tổ quốc. Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa vừa tròn một tuổi thì miền Nam của đất nước cũng sắp trải qua một năm chiến đấu. Ngày đầu khó khăn đã qua. Cuộc rút lui tạm thời trước sức tiến công ở ạt của kẻ thù chấm dứt. Cả miền Nam đã lớn lên sau một năm chiến đấu, vùng dậy quật trả kẻ địch; chúng ngày càng có thêm nhiều sơ hở vì mở rộng phạm vi chiếm đóng và chia sẻ lực lượng kéo ra Bắc. Đoàn quân viễn chinh địch, lúc đầu, từ Sài Gòn tỏa về các đô thị rồi lan ra vùng nông thôn. Bây giờ, chúng đang bị đẩy lùi khỏi vùng nông thôn rộng lớn về các đô thị, đến tận Sài Gòn. Địch đã phải thú nhận chúng

không kiểm soát được gì ngoài tầm súng những tên lính gác. Ảo vọng của một số ngài chỉ huy quân sự Pháp về một cuộc đánh nhanh thắng nhanh tan vỡ. Miền Nam đã biết cách đánh địch, đang làm quân viễn chinh Pháp sa lầy vào một cuộc chiến tranh lâu dài.

Mô đầu ngày vui lớn hôm nay, cả nước hướng về miền Nam, biết ơn miền Nam một năm qua đã chứng minh sức mạnh của chế độ mới, sức mạnh không thể nào khuất phục được của cả một dân tộc đã thức tỉnh, cầm vũ khí nhất tê đứng lên chiến đấu cho độc lập, tự do. Mở đầu cho ngày vui lớn này, cả nước đang hứa giữ trọn lời thê sắt son, chiến đấu đến cùng để bảo vệ nền độc lập, thống nhất của Tổ quốc.

Dứt hồi còi, những dòng người trên các đường phố lại cuồn cuộn đổ về phía hồ Hoàn Kiếm, nơi sáng nay sẽ có một cuộc duyệt bình nhân ngày Quốc khánh. Một lễ đài lớn đã được dựng lên tại vườn hoa Chí Linh. Năm ngoái, trên lễ đài ngày 2 tháng 9, ở vườn hoa Ba Đình, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng với Chính phủ ra mắt đồng bào. Người dân lần đầu được gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh và những người lãnh đạo mới. Chính phủ còn là Chính phủ lâm thời, khách khứa nước ngoài hôm đó chưa có ai. Năm nay, thay mặt

Chủ tịch Hồ Chí Minh trên lễ đài là cụ quyền Chủ tịch Huỳnh Thúc Kháng, cùng với các bộ trưởng trong Chính phủ do toàn dân bầu ra, đã trở thành quen thuộc với đồng bào. Ngoài ra, còn có các đại biểu Anh, Mỹ, Hoa, Pháp... Moóc-li-e cùng với một số võ quan Pháp đến dự lễ. Ban tổ chức dẫn họ vào vị trí đã quy định như những người khách nước ngoài khác. Ủy viên cộng hòa Pháp ở miền Bắc Đông Dương, một người đã sống qua nhiều năm trong thời kỳ hoàng kim của chế độ thực dân, không tỏ vẻ khó chịu.

Sau khi nghe Nhật lệnh của Quân ủy hội gửi bộ đội và dân quân, tự vệ, các lực lượng vũ trang bắt đầu cuộc biểu dương lực lượng.

Từ ngày thành lập chế độ cộng hòa, đây là lần thứ hai có một cuộc duyệt binh lớn. Mồng 2 tháng 9 năm ngoái, trước lễ đài, một chi đội Quân giải phóng vừa ở chiến khu về, cầm trong tay các vũ khí chiến lợi phẩm đủ loại, đứng sắp hàng sẵn từ trước. Một cuộc diễu binh lúc đó chưa thể nào tổ chức được. Các chiến sĩ đã trải qua nhiều trận đánh, nhưng chưa có dịp làm quen với điều lệnh đội ngũ. Năm nay, cùng với cuộc duyệt binh, lần đầu ta tổ chức diễu binh. Một trung đoàn Quân đội quốc gia Việt Nam trang bị tê chỉnh, quần áo màu xanh lá cây, mũ ca-lô gắn sao vàng, chân đi giày da, súng trên vai, hiên ngang rầm rập diễu qua lễ đài trong nhịp kèn mạnh mẽ của đội nhạc binh. Đi đầu mỗi đơn vị là sĩ quan chỉ huy đeo kiếm dài, đội trưởng sát cánh bên chính trị viên.

Chỉ sau một năm vừa xây dựng vừa đánh giặc, quân đội ta đang báo cáo với chính quyền mới, báo cáo với đồng bào mình đã lớn lên vượt bậc, sẵn sàng đi vào một cuộc chiến đấu lâu dài nếu kẻ thù mở rộng chiến tranh. Thực ra, bộ đội ta ngày hôm đó chỉ mang toàn vũ khí nhẹ. Ngoài súng trường, mỗi đại đội có từ một tới hai khẩu trung liên, vài khẩu tiểu liên. Và đây đã là cố gắng cao nhất của ban tổ chức cuộc duyệt binh. Sự ra mắt của một trung đoàn quân chính quy hôm nay cũng giống như sự xuất hiện kịp thời của một chi đội Quân giải phóng ở Hà Nội sau ngày cách mạng vừa thành công. Nó có những ý nghĩa đặc biệt khi những tên lính lẻ dương mũ đỏ đang gõ giày đinh trên vỉa hè và những xe bọc thép của sư đoàn thiết giáp số 2 hằng ngày nghiến xích sắt trên các đường phố Hà Nội.

Và đây cũng là lòi báo cáo của quân đội ta trước khi bước vào cuộc kháng chiến toàn quốc trường kỳ. Cuộc diễu binh lần thứ hai tại Thủ đô chỉ được tổ chức chín năm sau đó, khi trận đánh cuối cùng với quân đội viễn chinh Pháp kết thúc thắng lợi tại Điện Biên Phủ.

Buổi chiều là cuộc mít tinh lớn. Các đoàn người với những rừng cờ, biển đã nổi theo nhau dồn về quảng trường Nhà hát lớn thành phố. Những chiếc

xe hoa mọi hình dáng, mọi màu sắc xuất hiện, biến quảng trường thành một vườn hoa. Năm mươi vạn đồng bào miền xuôi, miền ngược đến đây hôm nay để nghe chính quyền mới kiểm điểm những gì đã làm được sau một năm đoạn tuyệt với chế độ cũ, xây dựng cuộc sống mới.

Bản báo cáo của Chính phủ cũng là sự kiểm điểm kết quả một năm toàn dân thực hiện ba nhiệm vụ lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề ra: Chống giặc đói, chống giặc dốt, chống giặc ngoại xâm để xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng.

Chính quyền mới hôm nay đã có thể nêu ra trước nhân dân nhiều điều khá cụ thể.

Chính sách bắt nộp thóc lúa của Pháp - Nhật đã cướp không của nhân dân ta hàng chục vạn tấn thóc, gây ra nạn đói khủng khiếp. Cách mạng thành công khi nước sông Hồng lên tới 12 mét 60, một mức nước cao trước đó chưa từng thấy. Nạn lụt tháng 8 lại cướp thêm của đồng bào ta ở miền Bắc 40 vạn tấn thóc nữa. Diện tích trồng lúa thu hẹp nhiều vì việc Nhật bắt trồng đay và thầu dầu.

Công thương nghiệp hoàn toàn đình đốn. Thủ công nghiệp phá sản.

Chính quyền mới thành lập khi ngân khổ Đông Dương còn 1.230.000 đồng thì một nửa là tiền hào giấy nát. Mùa thuế trực thu đã qua. Thuế quan trước kia chiếm phần lớn tổng thu của toàn Đông Dương thì nay gần như không còn gì vì thương nghiệp đình trệ. Trong khi đó, giá trị của một đồng bạc Đông Dương trước kia là

500 đồng tiền đồng Thanh Hóa1 nay chỉ còn bằng 10 đồng. Tháng 11, ngân hàng Đông Dương của người Pháp đã không chịu ứng tiền trước cho Chính phủ ta, còn hủy bỏ giá trị của đồng bạc 500 đồng một cách bất hợp pháp. Cộng thêm vào khó khăn đó là việc lưu hành tiền quan kim của quân Tướng không có kiểm soát.

Nhân dân ta đứng trước một nạn đói trầm trọng, lại phải nuôi thêm gần hai chục vạn quân Tướng và sáu vạn quân Nhật.

Đó là tình hình kinh tế tài chính của ta vào những ngày đầu xây dựng chế độ mới. Giữa lúc đó, trên miền Bắc, bọn Việt gian phân động dựa vào lưỡi lê của quân Tướng lâm le lật đổ chính quyền cách mạng; tại miền Nam đất nước, cuộc xâm lăng của đế quốc Pháp bắt đầu.

Hướng ứng lời kêu gọi của Chính phủ, đồng bào ta đã xây đắp, bổ trợ thêm cho những con đè dài hàng trăm ki-lô-mét, đẩy lùi nạn lụt.

Lời kêu gọi tăng gia sản xuất chống giặc đói của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đem lại những kết quả diệu kỳ. Diện tích trồng lúa mở rộng gấp rưỡi. Diện tích trồng khoai tăng gấp ba, số khoai thu hoạch tăng gấp năm. Diện tích trồng ngô tăng gấp năm, số ngô thu hoạch tăng gấp bốn. Tháng 7 năm nay, giá gạo tại Bắc Bộ từ bảy trăm đồng trước đây, đã hạ xuống hai trăm đồng một tạ. Cách mạng đã chiến thắng nạn đói: Một kỳ công của chế độ dân chủ cộng hòa ngay từ những ngày đầu xây dựng.

Vói sự sửa đổi thuế khóa cho nhẹ và công bằng, với sự kêu gọi lòng hy sinh của anh em viên chức và bộ đội, với việc lạc quyên và gần đây, với việc cho lưu hành giấy bạc Việt Nam, chính quyền ta đã có thể trang trải được các món chi tiêu, đặc biệt là những chi tiêu to lớn về quốc phòng.

Về giáo dục, cuộc chiến đấu chống giặc dốt đã đạt được một kết quả chưa từng thấy. Tám vạn giáo viên nam nữ không lấy tiền lương, phụ trách sáu vạn lớp học, đã giúp cho một triệu rưỡi người thoát khỏi nạn mù chữ.

Cuộc đấu tranh chống giặc ngoài thù trong đã được tiến hành một cách rất quyết liệt và giành được những thắng lợi lo lớn. Hai chục vạn quân Tướng bị đẩy lùi về nước. Những mưu đổ đen tối của bọn tay sai phản động đã tan vỡ hoàn toàn. Tại miền Nam, quân dân ta càng đánh càng mạnh, đã làm thất bại âm mưu đánh nhanh thắng nhanh của địch. Chính quyền cách mạng vẫn đứng vững tại hai mươi tỉnh trong số hai mươi mốt tỉnh ở Nam Bộ.

Nền dân chủ cộng hòa đã được củng cố. Chính quyền mới trong một năm đầy khó khăn và biến động, đã tổ chức thành công cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên trong lịch sử của đất nước, đã triệu tập Quốc hội, thành lập Chính phủ chính thức của nước

Việt Nam dân chủ cộng hòa. Bản Hiến pháp dân chủ đầu tiên trong lịch sử của đất nước đã được khởi thảo xong chỉ còn chờ Quốc hội thảo luận và thông qua. Hầu hết các Ủy ban hành chính và Hội đồng nhân dân từ xã đến tỉnh ở Trung và Bắc Bộ đã bầu lại chính thức. Nhân dân được hưởng các quyền tự do, dân chủ. Báo chí ở Trung và Bắc Bộ trước cách mạng chỉ có trên hai mươi tờ, nay đã tăng lên tới một trăm hai mươi tờ. Hơn mười triệu người đã gia nhập các đoàn thể và tổ chức cứu quốc.

Không phải là với một niềm vui bình thường mà mọi người dân hôm nay, mặc những bộ quần áo đẹp nhất của mình, đến dự ngày hội lớn kỷ niệm một năm thành lập nền cộng hòa dân chủ.

Sau buổi mít tinh, là cuộc tuần hành của năm mươi vạn đồng bào kéo dài trên năm ki-lô-mét. Chiếc xe hoa của Tổng bộ Việt Minh với lá cờ đỏ sao vàng dựng nước vĩ đại dẫn đầu. Một chiếc xe hoa mang mô hình đài Độc lập

năm trước, nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh lần đầu ra mắt quốc dân, đọc bản Tuyên ngôn lịch sử. Trên xe hoa của Tổng liên đoàn lao động Việt Nam là mô hình trái đất, nói lên phong trào rộng lớn của giai cấp công nhân và lao động toàn thế giới. Một chiếc xe hoa có con chim vàng dang rộng đôi cánh, tượng trưng hình ảnh chế độ mới đang đà phát triển. Rất nhiều xe hoa mang khẩu hiệu: "Hoan nghênh Việt Minh, biết ơn Mặt trận đã giải phóng dân tộc, dựng nền độc lập cho đất nước". Trời đang nắng bỗng đổ mưa. Nhưng những rừng người mang theo cờ, biểu ngữ, ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh và hoa, không kể nắng mưa, vẫn cuồn cuộn kéo đi mang niềm vui bất tận đến các đường phố của Thủ đô cũng đầy cờ, hoa và ảnh Bác Hồ.

Trời tối, cả thành phố bừng lên một màu hồng với hàng vạn chiếc đèn lồng treo trước mỗi hiên nhà. Một đoàn thanh niên của Thủ đô giương cao cây đuốc tượng trưng cho ngọn lửa cách mạng, chạy quanh Hồ Gươm giữa những tiếng hò reo hoan hô. Đồng bào bày tiệc liên hoan ngay trên hè phố. Những người ở tỉnh xa về, đi ngang đường, được mời vào dự bữa cơm vui. Cả Thủ đô biến thành một phòng tiệc liên hoan khổng lồ vẫn không chứa hết được niềm vui lớn của dân tộc trong ngày kỷ niệm Quốc khánh đầu tiên. Những cuộc biểu diễn văn nghệ tại các khu phố: Hòa nhạc, ca múa, diễn kịch, tuồng, cải lương... kéo dài đến rất khuya.

Như khi ăn trái chín nhớ đến kẻ trồng cây, uống nước ngọt nhớ người xây giếng, trong niềm vui lớn hôm nay, mỗi người không thể không nghĩ tới cội nguồn hạnh phúc của mình. Đó chính là những lúc mà hình ảnh của Chủ tịch Hồ Chí Minh lại hiện ra, một hình ảnh đậm đà màu sắc dân tộc, giản dị và đầm ấm, mộc mạc mà sáng tươi. Trong ngày vui lớn này, Người còn đang ở phương xa bận rộn với muôn ngàn nỗi lo toan vì dân tộc, vì đất nước.

23

Từ cuối tháng 8, báo chí phương Tây đã đưa tin Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi cho Pháp một bức công hàm. Sau đó, lại có tin Mu-tê và Va-ren tuyên bố: "Hội nghị Phông-ten-nô-blô có thể họp lại".

Nhưng đầu tháng 9, cuộc họp vẫn chưa tiếp tục được vì quan điểm giữa ta và Pháp còn có nhiều chỗ rất xa nhau. Điều này đã được xác nhận qua bức công hàm của Chính phủ Pháp trả lời công hàm của Chủ tịch Hồ Chí Minh ít ngày sau đó: "Những sự khác nhau quá sâu xa giữa hai quan điểm về những vấn đề căn bản làm cho hội nghị không họp được vì có họp lại cũng không đi đến kết quả nào".

Trường hợp mà chúng tôi vẫn thường lo ngại đã tới. Nếu đôi bên không đi đến thỏa thuận, bọn phản động Pháp tất nhiên biết rõ chiều hướng sự việc sẽ xảy ra ở Đông Dương, chắc sẽ gây khó khăn cho Bác và phái đoàn ta khi trở về. Nhưng chúng tôi vẫn nghĩ là Bác sẽ tìm ra một cách giải quyết.

Máy ngày sau, tin tức đến dồn dập. Ngày 10, báo chí Pháp đưa tin Chủ tịch Hồ Chí Minh và phái đoàn sửa soạn về nước vào ngày 14 tháng 9. Ngày 12 và 13 có tin phái đoàn Việt Nam và phái đoàn Pháp đang nghiên cứu để ký một bản hiệp định đại cương. Nhưng hôm sau, 14 tháng 9, các hãng thông tấn Pháp đều nói phái đoàn ta gồm mười lăm người đã đi cảng Tu-lông từ ngày 13 để xuống tàu về nước. Đồng thời cũng có tin Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày 14 sẽ rời Pa-ri trở về Việt Nam bằng một chiến hạm của Pháp. Như vậy, bản hiệp định đại cương mà chúng tôi dự đoán là một việc làm để hòa hoãn của phái đoàn ta trước khi về, sẽ không có.

Ngày 15, theo tin cuối cùng của hãng thông tấn Pháp thì một bản hiệp định giữa nước Việt Nam và nước Pháp đã được ký kết vào đêm thứ bảy 14 tháng 9, và sáng thứ hai, 16 tháng 9, Chủ tịch Hồ Chí Minh rời Pa-ri. Tuy nội dung hiệp định chưa được công bố nhưng chúng tôi đều cảm thấy phần nào nhẹ nhõm.

Vài ngày sau, báo Người du kích (Franc - Tireur) đăng một bài tường thuật về việc ký Tạm ước 14 tháng 9. Bài báo viết đại khái như sau:

Cuộc tiếp xúc giữa Chủ tịch Hồ Chí Minh và ông Mu-tê đêm 14 tháng 9 đã diễn ra rất gay go. Những khó khăn lớn đều do vấn đề Nam Bộ. Mỗi lần Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu yêu cầu hai bên Việt Nam và Pháp cùng tham gia vào việc dàn xếp vấn đề Nam Bộ thì người thay mặt cho Chính phủ Pháp trả lời: "Như vậy là một điều vi phạm tới chủ quyền của nước Pháp, không thể nhận được". Mu-tê tỏ vẻ rất kiên quyết, ông nói: "Ngài ký cho, nếu không là tan vỡ". Đáp lời ông Mu-tê, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhắc lại Người đã quyết lên đường về nước vào 8 giờ sáng thứ hai, rồi

đứng dậy ra về. Chủ tịch Hồ Chí Minh và ông bộ trưởng lạnh lùng chia tay nhau lúc 11 giờ đêm.

Tình hình đã trở nên rất căng. Các nhân viên cùng đi với Chủ tịch Hồ Chí Minh đều cho rằng bản hiệp định sẽ không được ký kết.

Ô nhà ông Mu-tê trở về, Chủ tịch Hồ Chí Minh vào phòng riêng suy nghĩ. Hồi 12 giờ rưỡi đêm, khi tất cả các nhân viên đã yên nghỉ thì Người và ông Mu-tê lại gặp nhau. Người lại kiên quyết nêu lên vấn đề Nam Bộ. Người đã giải thích cho ông Mu-tê bằng cái giọng dễ cảm kích của Người. Chủ tịch Hồ Chí Minh đặt ra nhiều câu hỏi.

- Tại sao Chính phủ Pháp lại không nhận cho các đại biểu Chính phủ Việt Nam cộng tác trong việc tổ chức đình chiến ở Nam Bộ?

Và nguyên tắc sẽ có một đại diện Việt Nam bên cạnh ông Đác-giăng-li-ơ đã được thỏa thuận. Người lại hỏi:

- Như vậy thì tại sao lại không thể đồng ý được là người đại diện ấy có nhiệm vụ cộng tác để thi hành bản Tạm ước?

Điểm này cũng đi đến thỏa thuận.

- Nhưng người đại biểu ấy rồi đây có quyền đi đến Nam Bộ hay không?

Ông Mu-tê im lặng. Nhưng về một mặt khác, ông Mu-tê đã thỏa thuận là người Việt Nam có quyền tự do đi lại ở Nam Bộ và quân đội Việt Nam sẽ vẫn ở Nam Bộ. Tuy vậy, việc định rõ sự đi lại của người đại diện Việt Nam bên đó đốc Đác-giăng-li-ơ vẫn chưa giải quyết dứt khoát. Nhưng cuối cùng đôi bên đi đến ký kết bản Tạm ước...

Chúng tôi đọc bài báo này qua bản tin của một hãng thông tấn Pháp, chưa hiểu thực hư thế nào. Sau đó hai ngày, bản Tạm ước được công bố. Những điều báo Người du kích đã đưa không có gì trái với nội dung. Nhưng tình hình ký kết đã diễn biến ra sao thì phải tới khi Bác và các anh về nói lại mới rõ. Cuộc đàm phán giữa ta và Pháp đã trải qua những ngày hết sức căng thẳng. Và cũng như lần ký Hiệp định Sơ bộ nữa năm trước đây, Bác đã đi tới quyết định vào những giây phút cuối cùng.

Cuộc đấu tranh cho tự do, dân chủ ở Pháp đang còn gặp rất nhiều khó khăn. Trước mỗi thắng lợi mới của lực lượng dân chủ thì sự trỗi dậy của bọn phản động càng mạnh. Bọn tư bản tài phiệt trước sau vẫn không hề buông lỏng bộ máy chính quyền. Ngay sau khi Đờ Gôn từ chức, chúng vẫn nắm chắc các vị trí chủ chốt trong Chính phủ Pháp. Với việc Bi-đôn lên cầm quyền trong tháng 6 vừa qua, quyền thống trị của chúng càng được củng cố. Riêng về vấn đề các lãnh thổ của Pháp ở hải ngoại thì tất cả các chính phủ kế tiếp đều chưa hề nêu lên một sửa đổi gì trong

chính sách của Pháp ngoài những điều Đờ Gôn đã tuyên bố ngày 24 tháng 3 tại Bờ-ra-gia-vin. Đặc biệt, hội đồng liên bộ về Đông Dương, từ trước tới nay, vẫn nằm trong tay các phần tử tán thành chính sách của Đờ Gôn đối với các thuộc địa, như là Bi-đôn, Mi-sơ-lê..., rất gần đây là Va-ren. Đó cũng chính là chỗ dựa của Đác-giăng-li-ơ sau khi Đờ Gôn rút lui khỏi chính phủ.

Tình hình đó nói lên tại sao cuộc đàm phán giữa ta và Pháp trước đây tại Đà Lạt đã không giải quyết được gì, tới hội nghị Phông-ten-nơ-blô càng bế tắc. Trong một hoàn cảnh như vậy, Bác đã ký bản Tạm ước 14 tháng 9, một bản "Modus vivendi" (tiếng la-tinh, có nghĩa là một sự thỏa thuận tạm thời giữa hai bên đang có tranh chấp). Các điều khoản của bản Tạm ước đúng như tên gọi của nó chỉ có tính cách tạm thời. Nó không đề ra những quyết

định có tính nguyên tắc. Những quyết định này đôi bên đồng ý sẽ tiếp tục bàn vào đầu năm 1947 giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Pháp. Một điều quan trọng là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đòi được ghi vào trong văn bản: "Pháp cam kết thi hành những quyền tự do dân chủ ở Nam Bộ, sẽ đình chỉ mọi hành động võ lực".

24

gày 16 tháng 9 năm 1946, chiếc chiến hạm Đuy-mông Đuyếc-vin chuẩn bị rời cảng Tu-lông sang Đông Dương. Viên chỉ huy bỗng được lệnh chuyển ngay tất cả những người đi tàu và hàng lên bờ để nhận nhiệm vụ mới.

Chính phủ Pháp đã quyết định dùng chiếc tàu này đưa Chủ tịch Hồ Chí Minh về nước. Cùng đi với Bác, ngoài những đồng chí phục vụ còn mấy anh em Việt kiều.

Sáng ngày 18 tháng 9, chiếc chiến hạm nhổ neo chạy ra Địa Trung Hải.

Lá cờ đỏ sao vàng bay pháp phới trên chiến hạm Pháp, còn lạ mắt đối với người dân ở các nước châu Phi.

Tàu qua kênh đào Xuy-ê rồi vào Biển Đô. Nhiều hải cảng trên dọc đường bắn súng chào vị nguyên thủ quốc gia đầu tiên của nước Việt Nam tự do.

Bác thăm Gi-bu-ti theo lời mời của viên toàn quyền Pháp đã được Chính phủ Pháp báo trước chuẩn bị đón tiếp Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tàu ghé cảng Cô-lôm-bô nằm giữa Ấn Độ Dương. Bác lên bờ thăm Xây-lan một ngày. Cụ Găng-đi và ông Nê-ru cứ người thay mặt tới thủ đô Xây-lan gặp Bác, trao tặng Bác lá cờ của Quốc hội Ấn. Tháng trước, nhân dân Ấn vừa mừng kỷ niệm lần thứ bảy mươi bảy ngày sinh của cụ Găng-đi, Bác đã gửi điện chúc cụ sống hai lần bảy mươi bảy tuổi.

Chiếc chiến hạm chạy khá chậm. Dường như người Pháp muốn kéo dài thời gian đi đường của Bác. Có nơi tàu ghé vào nghỉ hàng mấy ngày để "bảo quản". Nó tiến hành cả những cuộc bắn tập trên biển, gọi là "tập dượt thường kỳ". Trước việc trì hoãn này, Bác vẫn giữ thái độ bình thản, ung dung.

Các thủy thủ trên tàu đều ngạc nhiên vì sự giản dị lạ lùng của vị Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Người đi thăm nước Pháp không đem theo hành lý. Người chỉ có hai bộ quần áo thay đổi và Người nói là mình tự

giặt lấy. Những thủy thủ Pháp phục vụ Chủ tịch Hồ Chí Minh thấy Người hầu như không bao giờ sai bảo gì mình. Chủ tịch Hồ Chí Minh bỏ nhiều thời giờ để trò chuyện với các sĩ quan và binh lính trên tàu, thăm hỏi hoàn cảnh gia đình từng người. Qua các câu chuyện của Người, họ hiểu biết thêm về cuộc đấu tranh giành độc lập của nhân dân Việt Nam hơn.

Suốt thời gian ở trên tàu, gần như ngày nào cũng vậy, Bác dành ba buổi, sáng, chiều và tối để nói chuyện với anh em Việt kiều. Có người sau này nghĩ lại, mới nhận ra trong thời gian đó mình đã được dự một lớp học đặc biệt do chính Chủ tịch Hồ Chí Minh hướng dẫn.

"Học viên" có bốn người. Anh em đều là trí thức sống xa đất nước từ lâu. Đây là những người may mắn nhất trong số rất đông kiều bào ở Pháp đã bày tỏ nguyện vọng được theo Bác và phái đoàn trở về phục vụ Tổ quốc. Bài giảng là những câu chuyện. Tàu qua xứ nào, Bác nói chuyện về xứ ấy. Tàu tới Gi-bu-ti, Bác nói về sự bóc lột của thực dân Pháp ở châu Phi, về đời sống của người da đen và cuộc đấu tranh của họ. Tàu tới Cô-lôm-bô, Bác nói về những chính sách khác nhau đối với thuộc địa của thực dân Pháp và thực dân Anh, về phong trào đấu tranh đòi giải phóng của nhân dân Xây-lan. Tàu qua biển Ấn Độ, Bác nói về sự đồng lõa của đế quốc Anh và đế quốc Pháp trong việc đàn áp cuộc đấu tranh giành độc lập của người dân Ấn Độ. Ở một vài nơi, Bác nói cách mạng tại đây hiện thời chưa mạnh lắm, nhưng tương lai nhất định sẽ phải mạnh. Ngày nào Bác cũng nói về cuộc đấu tranh giành độc lập ở nước nhà. Bác kể rất nhiều chuyện về Cách mạng Tháng Tám. Bác nêu gương những người lao động nghèo khổ đi theo cách mạng, được tôi luyện và trưởng thành trong đấu tranh, đã trở nên những cán bộ xuất sắc, lập nên sự nghiệp về vang.

Bác không chỉ chú ý đến sự hiểu biết mà còn săn sóc cả sinh hoạt, tác phong của anh em. Ở tàu, không có việc gì làm, mọi người hay dậy muộn. Sáng sớm, Bác đến, tất cả còn nằm. Bác hỏi thăm đêm qua ngủ thế nào. Từ đó, cứ tâng sáng là mọi người gọi nhau dậy. Bác hay nhắc chú ý làm công tác quần chúng. Việc này đối với

anh em rất mới. Mọi người đều cảm thấy khó. Bác dẫn anh em đi gặp gỡ thủy thủ. Bác nói chuyện với họ để mọi người rút kinh nghiệm rồi theo cách đó mà làm.

Một hôm, Bác hỏi anh Phạm Quang Lễ:

- Chú về nhà sẽ có cơ hội phục vụ tốt, song sẽ phải chịu khổ, chịu khó nhiều, có chịu nổi không?
- Thưa Bác chịu nổi.
- Có thể có kháng chiến. Cơ sở vật chất của ta còn khó khăn rất lớn, có quyết tâm giải quyết nổi không?
- Thưa Bác, cháu quyết tâm.

Máy tháng sau, anh Lễ trở thành Cục trưởng Cục Quân giới của quân đội ta.

Trước khi tàu ghé bến Hải Phòng, lớp học đã hoàn thành.

Những người trí thức lâu năm xa Tổ quốc, xa phong trào cách mạng trong nước, đều cảm thấy mình bớt bỡ ngỡ nhiều, đều mong muốn bắt tay vào làm việc ngay.

Đúng một tháng sau khi rời cảng Tu-lông, chiếc chiến hạm Duy-mông Duyếc-vin đi vào vùng biển miền Trung Việt Nam. Đác-giăng-li-ơ, viên thủy sư đô đốc, lại tổ chức lần thứ hai, một cuộc đón tiếp Chủ tịch Hồ Chí Minh trên biển.

Tàu Duy-mông Duyếc-vin ghé vào Vịnh Cam Ranh. Đác-giăng-li-ơ và cả Moóc-li-e mới từ Hà Nội vào, đã có mặt trên tuần dương hạm Xấp-pho-rơn để đón Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nhiều nhà báo cũng được mời đến đây.

Thủy thủ Pháp, đứng xếp hàng trên boong hô "hua-ra" nhiều lần khi Chủ tịch Hồ Chí Minh bước lên tàu. Viên thủy sư đô đốc tiến lại chào Người. Chủ tịch Hồ Chí Minh duyệt đội hải quân danh dự, rồi vào dự tiệc chiêu đãi.

Đác giăng-li-ơ nâng cốc rượu chúc mừng sức khỏe của Chủ tịch Hồ Chí Minh, rồi hỏi thăm Người về hành trình. Chủ tịch Hồ Chí Minh nói:

- Xin lỗi đô đốc, tôi nói tiếng Pháp không thạo nhưng tôi chắc lời tôi nói rất thành thật. Tôi đặt hy vọng vào cuộc hội đàm sắp tới. Dân chúng Pháp đã hiểu chúng tôi nhiều, kể cả giới báo chí. Cũng có một vài tờ báo công kích tôi nhưng điều đó cũng chẳng làm hại gì cho tôi.

Chủ tịch Hồ Chí Minh trao đổi với viên cao ủy trong hai giờ liền về việc thì hành Tạm ước 14 tháng 9. Người đã yêu cầu Đác-giăng-li-ơ tổ chức ngay những ủy ban hỗn hợp để giải quyết vấn đề xung đột tại Nam Bộ như trong điều khoản của Tạm

ước đã quy định. Đác-giăng-li-ơ thỏa thuận với Người về việc cử một đại biểu của Chính phủ Việt Nam cạnh viên cao ủy.

Sau cuộc nói chuyện, Chủ tịch Hồ Chí Minh và viên cao ủy cùng gặp các nhà báo. Chủ tịch Hồ Chí Minh khuyên các báo hãy góp phần vào việc làm ngừng những cuộc xung đột hiện nay và thi hành các điều đã được thỏa thuận trong Tạm ước để chuẩn bị tốt cho cuộc đàm phán sẽ tiếp tục vào tháng Giêng năm sau.

Sau lời phát biểu của Chủ tịch Hồ Chí Minh với các nhà báo, viên cao ủy tươi cười nói bằng một giọng ngọt ngào: "Tôi tin rằng đã có một bước tiến thật sự trên con đường hợp tác".

P hái đoàn đàm phán của ta rời cảng Tu-lông trước Bác hai hôm, đã về đến Hải Phòng vào ngày mồng 5 tháng 9. Chúng tôi ở nhà đã biết được rõ hơn tình hình cuộc đàm phán. Sự sốt ruột của mọi người càng tăng khi thấy mười ngày sau, chiếc chiến hạm Duy-mông Duyếc-vin vẫn còn chậm chạp trên Ấn Độ Dương. Tin con tàu đưa Bác trở về đã đi vào bờ biển Việt Nam và chẳng còn bao lâu nữa sẽ cập bến Hải Phòng, làm vợi nỗi lo âu trong lòng mọi người. Cả nước rộn ràng lên trong niềm vui sướng.

Đoàn đại biểu Chính phủ và các đoàn thể xuống Hải Phòng đón Bác từ chiều ngày 19. Cùng đi với chúng tôi có viên đại diện của tướng Moóc-li-e, Ủy viên cộng hòa Pháp tại Bắc Đông Dương. Dọc đường 5, các thành phố, thị trấn, làng mạc đâu đâu cũng đỏ rực màu cờ.

Các đồng chí ở Hải Phòng đã chuẩn bị đón Bác khá chu đáo. Trong chương trình nghi lễ có phần của bộ đội. Một đơn vị quân đội Pháp tham gia lễ đón tiếp dưới quyền chỉ huy của ta. Toàn bộ lực lượng vũ trang tại Hải Phòng được huy động để làm nhiệm vụ giữ trật tự và để phòng mọi chuyện bất trắc.

Chiều 20 tháng 9, khi chúng tôi ra bến, đồng bào Hải Phòng, Kiến An và các vùng quê chung quanh đã đứng kín hai bên dọc các phố Phạm Hồng Thái, Hồ Chí Minh, Trần Phú. Tự vệ và công an sắp thành hàng rào suốt dọc đường.

4 giờ chiều, tàu chạy vào Bến Ngự. Lá cờ đỏ sao vàng bay phấp phới bên lá cờ ba sắc trên cột tàu cao chót vót. Con tàu rúc một hồi còi dài. Chưa bao giờ ở bến cảng này lại có một hồi còi tàu làm rung động trái tim của hàng chục vạn con người như chiều hôm ấy.

Đồng chí Thứ trưởng Bộ Nội vụ, đồng chí Chủ tịch thành phố, viên đại tá Đép-bờ chỉ huy quân đội Pháp ở Hải Phòng xuống tàu chào Bác và báo cáo về lễ đón tiếp.

Hình dáng quen thuộc của Bác với bộ quần áo ka-ki bạc trắng hiện ra trên cầu tàu. Bác kia rồi! Tiếng hò reo, tiếng hò "Hồ Chủ tịch muôn năm!" lập tức rền vang.

Hồi còi Nhà hát lớn Hải Phòng dông dạc cất lên, báo tin vui đi khắp thành phố giờ phút Bác rời cầu tàu, đặt chân lên đất Cảng. Sau những ngày dài trên biển, nước da Bác đỏ thắm. Bác có vẻ khỏe. Bác tươi cười gật đầu chào đoàn đại biểu Chính phủ và các tỉnh đứng chờ Người.

Quốc thiểu Việt Nam và quốc thiểu Pháp nổi lên. Bác dự lễ chào cờ rồi đi duyệt đội danh dự. Các chiến sĩ ta giản dị trong bộ quân phục xanh, đầu đội

ca-lô, súng cắm lưỡi lê, cùng với những sĩ quan mũ gắn sao vành vàng, tay cầm gươm tuốt trần đã có vinh dự được chuyển tới Bác lời chào mừng của đất nước hôm nay được gặp lại Người. Sau đó, Bác đi tới chỗ quân đội Pháp. Theo tiếng hô của một sĩ quan Việt Nam, đội danh dự Pháp mặc lễ phục trắng hạ ngang lá cờ ba sắc để chào Người.

Phần nghi lễ đã xong, Bác quay lại Bến Ngự cầm ơn các đoàn đại biểu, nhận bó hoa của nhân dân Hải Phòng và ôm hôn hai em thiếu nhi chạy tới đón Bác.

Tiếng hò reo nổi lên như sấm rền trên suốt các đường phố xe Bác đi qua. Nhiều người trào nước mắt khi nhìn thấy Bác.

Bác vê Uy ban hành chính thành phô. Sau büa côm chiêu, Bác kê lai ván tât cho anh em chúng tôi nghe vê cuôc hành trình. Thái dô cüa Bác bình dì, thanh thân nhu thü'ong khi Bác ô nha ngôi nói chuyên vói chúng tôi sau môi büa côm. Bác hôi tham sü'c khôe cüa các anh và tình hình ô nha. Vì Bác mói đi vê nên chü'ong trình tôi dó là dê Bác nghî ngôi, không có tiê'p khách. Bác đang ngôi vói chúng tôi trên gác thì một dông chí cán bô trong Uy ban lên báo cáo, có một cu già hông mât nhat dinh xin du'oc lên gäp Bác. Bác nói vói dông chí cán bô môi ông cu lên. Trôi hôm dó không lanh, nhung ông cu mäc một bô quân áo dä la mât, giông nhu một bô lê phuc nha binh. Vüa nhìn thay ông cu, Bác vôi düng lên ra dón, dât ông cu lai ngôi xuông ghe. Cu già ba mudi lam nam tru'óc dä có thôi gian cùng làm viêc vói Bác duti tàu biên. Hôm nay du'oc tin Bác trô vê, qua Hái Phòng, cu mäc lai bô quân áo hôi còn làm viêc duti tàu và bât dü'a cháu dân tôi dê gäp Ngudi. Ong cu vü'a nói: "Thua Hô Chu ti'ch..." thì Bác ngât lôi: "Cú' gọi tôi là Ba nhu tru'óc". Bác ngôi vói ông cu hôi lâu. Ong cu câm dông quá hâu nhu không nói du'oc gì.

5 giò sáng ngày hôm sau, Bác đi dạo một vòng quanh thành phố. Trở về, Bác tiếp khách. Khách tới rất đông. Đại biểu các đoàn thể, đảng phái từ Hà Nội xuống. Đại biểu các cơ quan, đoàn thể ở Hải Phòng. Đại biểu của các tỉnh Kiến An, Hòn Gai, Quảng Yên, Thái Bình, Nam Định, Bắc Ninh... Một cụ phụ lão tặng Bác một bức

thêu trên có bốn chữ: "Nhất ngôn hưng bang". Một cụ khác tặng Bác cây gậy làm bằng một trăm đốt xương của một con trăn.

10 giò sáng, chuyến tàu dặc biệt dưa Bác vê Hà Nội bắt đầu chuyến bánh.

Suốt dọc đường xe lửa, chỗ nào cũng có đồng bào đứng đón. Mỗi ga là một cuộc mít tinh với rừng người, rừng cờ và biểu ngữ: "Hồ Chủ tịch muôn năm!", "Cách mạng thành công muôn năm!", "Nam Bắc thống nhất!"... Nơi nào cũng thấy cổng chào. Tàu dừng lại ở thị xã Hải Dương. Đồng bào Hải

Dương tổ chức một cuộc mít tinh lớn ngay tại sân ga để đón Bác. Trên đoạn đường sắt dài một trăm ki-lô-mét, con tàu đặc biệt đã chạy mất năm giờ đồng hồ. Bác đứng suốt thời gian đó, bên cửa sổ mở rộng, vẫy chào mọi người.

Hà Nội lại có một ngày mùa Thu rất đẹp. Nắng vàng rực rỡ. Cờ bay đỏ thắm trên những mái nhà rêu phủ và những lùm cây xanh ngắt. Hơn 3 giờ chiều, đoàn tàu nổi một hồi còi dài khi bắt đầu chạy qua cầu Long Biên. Các cụ phụ lão đã bày hương án trên cầu. Chiếc lư trầm bốc khói nghi ngút. Bác chắp tay đáp lễ mấy cụ già tóc bạc phơ, mặc áo thụng lam, đứng kính cẩn chào Người.

15 giờ 30 phút, tàu đến ga Hàng Cô. Cả Hà Nội hôm nay nghỉ việc để đi đón Người. Cụ Huỳnh dẫn đầu đoàn đại biểu Chính phủ, Quốc hội và các đoàn thể đứng đón Bác trên sân ga. Đồng bào đứng kín trước cửa ga và trên dọc hai bên đường về Bắc Bộ Phủ. Nỗi lên giữa rừng người là những chiến sĩ mang quân phục màu lá cây, đội nhạc binh với những chiếc kèn đồng, các cô thanh nữ mặc theo kiểu đời sống mới, áo trắng, váy xanh.

Moóc-li-e mới từ Cam Ranh trở về, đã có mặt ở sân ga. Bộ chỉ huy Pháp cũng cứ tới một đội danh dự và một đội nhạc binh.

Bác dự lễ đón mừng ở ga rồi lên xe trở về Bắc Bộ Phủ. Đoàn xe chạy trên những con đường đầy cổng chào. Hà Nội thay mặt cho cả nước hò reo, vẫy cờ, tung hoa đón chào Người.

Cả nước đang trào lên một niêm vui. Niêm vui đó cũng rạng rỡ trên khuôn mặt của Người. Người đã bình an, mạnh khỏe trở về! Có bàn tay chèo lái của Người, con thuyền Tổ quốc sẽ vững vàng lướt tới bất chấp mọi phong ba! Nắng vàng rực rỡ hơn. Màu cờ tươi thắm hơn. Những lùm cây xanh hơn. Vòm trời cao rộng hơn.

Bác gặp anh Nhân và đông đủ các đồng chí Thường vụ tại Bắc Bộ Phủ. Hồi này vì cuộc đấu tranh đang diễn biến phức tạp nên có những đồng chí lãnh đạo còn chưa ra hoạt động công khai. Đã gần bốn tháng nay, chúng tôi lại mới có dịp quây quần chung quanh Bác. Bác ân cần thăm hỏi trò chuyện với từng người.

Chỉ trong chốc lát, đồng bào đã dồn đến trước Bắc Bộ Phủ. Bác ra đứng bên cửa sổ, vẫy chào đồng bào. Người kéo đến mỗi lúc càng đông. Các em thiếu nhi diễu qua, đánh trống, hô to: "Bác Hồ đã về! Bác Hồ đã về!" Tiếng hô của các em hay chính là lời đất nước vang vọng trong ngày vui lớn đón Người về.

Ngày 23 tháng 10, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời tuyên bố với quốc dân:

"... Tôi qua Pháp đáp lại thịnh tình của Chính phủ Pháp đã mời tôi, mục đích cốt để giải quyết vấn đề Việt Nam độc lập, cùng Trung Nam Bắc thống

nhát. Vì hoàn cảnh hiện thời ở nước Pháp mà hai vấn đề chưa giải quyết được, còn phải chờ. Nhưng không trước thì sau, tôi dám quyết rằng: Việt Nam nhất định độc lập, Trung Nam Bắc nhất định thống nhất..."

Người đã nói với đồng bào Nam Bộ và miền Nam Trung Bộ:

"Trung Nam Bắc đều là đất nước Việt Nam.

"Chúng ta đều có chung một tổ tiên, dòng họ, đều là ruột thịt anh em. Nước có Trung Nam Bắc cũng như một nhà có ba anh em.

"Không ai có thể chia rẽ con một nhà,... thì cũng không ai có thể chia rẽ nước Việt Nam ta...

"Một ngày mà Tổ quốc chưa thống nhất, đồng bào còn chịu khổ, là một ngày tôi ăn không ngon, ngủ không yên. Tôi trân trọng hứa với đồng bào rằng: Với quyết tâm của đồng bào, với quyết tâm của toàn thể nhân dân, Nam Bộ yêu quý nhất định trở lại trong lòng Tổ quốc..."

26

từ ngày Hiệp định Sơ bộ mồng 6 tháng 3 được ký kết, hơn bảy tháng đã qua. Tiếng súng xâm lăng trên đất nước ta chưa lúc nào ngừng nổ. Lợi dụng tình hình chính trị rồi ren tại chính quốc, dựa vào các thế lực tài phiệt có quyền lợi ở thuộc địa, những phần tử "gô-lít" tại Đông Dương, đứng đầu là Đác-giăng-li-ơ, tiếp tục thực hiện mưu đồ xâm lược, theo đuổi chính sách "việc đã rồi". Đác-giăng-li-ơ đã vi phạm nghiêm trọng nhiều điều khoản của Hiệp định mồng 6 tháng 3; và chưa bao giờ vì vậy mà y bị Chính phủ Pháp khiển trách, ngay cả sau khi Đờ Gôn rời khỏi vũ đài chính trị. Chắc chẳng khó khăn gì mà viên thầy tu phá giới xảo quyệt lại không nhận thấy mọi hoạt động của mình tại Đông Dương không hề đi ngược lại chủ trương của những nhà cầm quyền mới tại nước Pháp. Y đã tìm được một sự đảm bảo vững vàng tại hội đồng liên bộ về Đông Dương dưới quyền điều khiển của Bi-đôn.

Trên miền Bắc, sau khi Tướng rút quân, Đác-giăng-li-ơ bắt đầu thực hiện chính sách "tầm ăn lá", lấn chiếm từng bước lãnh thổ của ta. Y ra sức củng cố và mở rộng những địa bàn đứng chân, đồng thời ráo riết tìm kiếm bọn phản động tay chân cũ ở các địa phương, mưu toan lập nên những khu vực tư trí để hình thành thế vây ép lực lượng cách mạng, tạo thời cơ lật đổ chính quyền ta. Tại miền Nam, Đác-giăng-li-ơ tiếp tục mở rộng chiến tranh xâm lược. Y công khai phủ nhận các điều khoản nói về Nam Bộ trong bản Hiệp

định, trắng trợn tuyên bố Nam Bộ về mặt pháp lý vẫn là một thuộc địa của Pháp. Y đã ra lệnh cho Ny-ô, chỉ huy quân đội viễn chinh ở miền Nam Đông Dương, phải tìm mọi cách đánh phá chính quyền cách mạng; đàn áp dân chúng, nhanh chóng lập lại bộ máy cai trị thực dân theo kiểu trước năm 1939.

Trong thời gian qua, chúng ta một mặt đã đấu tranh đòi đối phương phải tôn trọng Hiệp định, ngăn chặn kẻ địch thực hiện âm mưu gặm dần, một mặt kiên quyết giáng trả mọi hành động xâm lược của chúng. Vừa tranh thủ hòa hoãn, vừa chiến đấu kiên quyết, chúng ta đã chú trọng cũng cố và phát triển lực lượng về mọi mặt, sẵn sàng đối phó với mọi tình thế.

Cuộc nổi dậy liên tục và rộng khắp của nhân dân miền Nam trong những tháng qua đã làm cho cục diện chính trị, quân sự tại Nam Bộ và Cục Nam Trung Bộ thay đổi.

Kháng chiến vẫn tiếp tục tại miền Nam.

Tại Nam Bộ, lực lượng vũ trang của ta phát triển rất nhanh. Trong tháng 5, tháng 6 và tháng 7, ta đã xây dựng thêm nhiều chi đội mới. Cũng như ở miền Bắc, bộ đội Nam Bộ phần lớn là nông dân. Riêng tại miền Đông Nam Bộ, nơi có nhiều xí nghiệp và đồn điền cao su, anh em công nhân tham gia bộ đội rất đông. Có chi đội như chi đội 13, toàn thể cán bộ, chiến sĩ đều là công nhân. Cán bộ các chi đội phần lớn là cán bộ chính trị được các đảng bộ cử ra để nắm lực lượng vũ trang. Một số đồng chí đã hoạt động từ hồi Nam Kỳ khởi nghĩa năm 1940.

Nam Bộ ít rừng núi, không có nhiều địa thế hiểm trở. Nhưng Đảng ta đã chỉ ra từ đầu: Địa thế thuận lợi là quan trọng nhưng điều căn bản là lòng người. Vì được nhân dân ủng hộ, biết dựa chắc vào dân nên các lực lượng vũ trang của ta có thể đứng vững trên mọi địa bàn hoạt động và ngày càng lớn mạnh về tổ chức, trang bị. Với phương châm đoạt súng giặc giết giặc, nhiều đơn vị đã thay đổi hầu hết các vũ khí lúc ban đầu.

Kháng chiến đã có những căn cứ lớn nằm trên nhiều tỉnh như Chiến khu Đ, Đồng Tháp Mười, Rừng U Minh. Các tỉnh đều có những căn cứ vừa và nhỏ, chạy dài trên

hai, ba huyện hoặc năm, sáu xã. Ở nhiều vùng, những căn cứ lớn, nhỏ liên hoàn với nhau. Sài Gòn trở thành nơi cung cấp cho các chiến khu từ vũ khí, thuốc nổ, máy móc, thuốc men, dụng cụ y tế đến những công nhân kỹ thuật, nhân viên y tế, bác sĩ. Lực lượng vũ trang ta vẫn thường xuyên có mặt ngay tại đây. Đồng bào đô thị tổ chức ra những hội đỡ đầu từng đơn vị bộ đội. Các chiến khu, các trung đoàn đều xây dựng xưởng quân giới.

Tại các tỉnh Cục Nam Trung Bộ, với những đơn vị tăng cường thêm từ vùng tự do Khu 5, Khu 6 vào hồi tháng 7, chúng ta đã thành lập một số trung đoàn.

Ô Tây Nguyên, trung đoàn chủ lực đầu tiên hoạt động ở đây, đã có một tiểu đoàn gồm toàn anh em các dân tộc ít người: Tiểu đoàn N' Trang-lơn.

Nhiều căn cứ du kích nhỏ mọc lên ở vùng nông thôn đồng bằng và vùng rừng núi các tỉnh Cục Nam Trung Bộ.

Các lực lượng vũ trang của ta đẩy mạnh chiến tranh du kích khắp nơi. Bộ đội phối hợp cùng du kích, tự vệ tập kích, phục kích, chống giặc càn quét, tiêu hao, tiêu diệt địch, giữ gìn người và của của ta, mở rộng vùng giải phóng. Lực lượng vũ trang ta không chế nhiều đường giao thông chiến lược, đột nhập vào các đô thị, các trung tâm quân sự, chính trị, kinh tế của địch.

Chiến tranh du kích phát triển mạnh buộc địch đối phó ở khắp các nơi. Quân địch phải tuân tiểu ngày đêm chung quanh những căn cứ đóng rải rác. Lực lượng quân cơ động của địch không nhiều, phải chuyển từ vùng này qua vùng khác trong những cuộc càn quét liên miên để làm công việc "bình định" một cách vô hiệu quả.

Cách đánh địch của các lực lượng vũ trang ta cũng dần dần phát triển. Nhiều đơn vị đã có kinh nghiệm đánh các đồn bốt nhỏ bằng lối tập kích bất ngờ, phục kích địch trên bộ, trên sông. Chúng ta tiến lên đánh bại những trận càn quét lớn và chặn đứng nhiều cuộc tiến công của quân địch ra vùng tự do.

Tại Nam Bộ, ngày 26 tháng 9, địch kéo hai nghìn quân có máy bay, xe tăng, xe bọc thép yếm hộ, mở trận càn ở Đức Hòa. Bộ đội và du kích chặn đánh địch suốt một ngày, từ sáng đến tối, phá hàng chục xe tăng, xe vận tải, giết nhiều địch, thu nhiều súng và bắn rơi một máy bay (phải chăng đây là chiếc máy bay đầu tiên của quân địch bị bắn rơi bằng súng bộ binh trên chiến trường Việt Nam?). Tại Vĩnh Lộc, địch định vây bắt một bộ phận của chi đội 12. Ta biết trước, lặng lẽ rút ra ngoài. Chờ cho địch vào rồi, ta bao vây lại, đánh địch, làm cho chúng thiệt hại nặng nề. Tại miền Cục Nam Trung Bộ, bộ đội cùng nhân dân ta bẻ gãy các trận tiến công của giặc ở Đèo Cả (An Khê) và Kon Tum. Tiếp đó, ta mở nhiều đợt tiến công vào các hệ thống

đồn bốt địch mới lập nên; đáng kể là các trận vùng Kim-bơ-rai, trận Vạn Giã. Ở Tây Nguyên, chiến tranh du kích bước đầu phát triển.

Có thể nói là cuộc kháng chiến ở miền Nam đã bắt đầu chuyển sang một thời kỳ mới.

Ngày 13 tháng 9, Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa ban hành Sắc lệnh số 182 quyết định cải tổ Ủy ban kháng chiến miền Nam Việt Nam để

lãnh đạo cuộc kháng chiến tại Nam Bộ và Nam Trung Bộ. Hơn một tuần sau, ngày 22 tháng 9, Ủy ban kháng chiến lâm thời miền Nam Việt Nam tuyên bố thành lập và là chính quyền hợp pháp duy nhất tại miền Nam Việt Nam. Ủy ban tuyên bố sẵn sàng thành thật thi hành những điều khoản trong Tạm ước 14 tháng 9 mới được ký kết giữa Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa và Chính phủ Pháp.

Vói bản Tạm ước 14 tháng 9, Chính phủ Pháp đã cam kết sẽ thực hiện đình chiến, thực hiện những quyền tự do, dân chủ tại Nam Bộ và mở cuộc trưng cầu ý dân ngay sau khi có điều kiện. Cũng giống như Hiệp định Sơ bộ mồng 6 tháng 3 trước đây, bản Tạm ước này một lần nữa lại gây những hoang mang lớn trong hàng ngũ bọn Việt gian làm tay sai cho địch. Phong trào đấu tranh chính trị từ sau ngày mồng 6 tháng 3 vốn đã mạnh, giờ lại có thêm điều kiện mới để phát triển. Báo chí mở những đợt công kích dữ dội vào bọn chính phủ bù nhìn. Hàng trăm trí thức, trong đó nhiều người có tên tuổi, hô hào đánh đổ Nguyễn Văn Thinh. Cuộc đấu tranh mạnh mẽ đến nỗi không đầy hai tháng sau đó, Nguyễn Văn Thinh phải tự thất cổ kết liễu đời mình. Pháp và tay sai hoảng hốt trước cao trào đấu tranh chính trị tại các đô thị, vội ra lệnh cấm tất cả những cuộc rước xách, hội họp, biểu tình.

Đồng thời với phong trào đấu tranh chính trị, các lực lượng vũ trang ta ở miền Nam mở một đợt tiến công ở khắp mọi nơi. Nhiều mảng tề ngụy rộng lớn bị quét sạch. Thêm nhiều tế và ngụy binh bỏ hàng ngũ địch chạy ra đầu hàng cách mạng. Cuộc vận động binh lính người Âu đã có những kết quả tốt. Tại Thủ Đức, Gia Định, ta đã tổ chức được một đại đội gồm các hàng binh Âu - Phi. Ở Hóc Môn, có lần cả một tiểu đội người Âu cùng kéo ra hàng ta.

Trong cuộc gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Vịnh Cam Ranh, Đác-giăng-li-ơ tất nhiên không đã động tới những hoạt động phá hoại điên cuồng Hiệp định mồng 6 tháng 3 và Tạm ước 14 tháng 9 của phía quân đội Pháp, nhưng y đã nói: "Sự khủng bố (tức là những hoạt động diệt tê trừ gian của ta) đã tăng gia lên một mức ghê gớm tại Nam Kỳ từ sau ngày ký Tạm ước". Viên cao ủy đã thú nhận sự lo lắng của y trước cuộc tiến công mới của đồng bào miền Nam.

Tuy vậy, đúng ngày 30 tháng 10, theo thỏa thuận giữa đôi bên về đình chiến, Bộ Quốc phòng ta đã ra lệnh cho quân dân ta ở miền Nam ngừng bắn. Mệnh lệnh đã được thi hành nghiêm chỉnh tại khắp Nam Bộ và miền Nam Trung Bộ. Một lần nữa kẻ địch lại bị bất ngờ và hoang mang. Chúng đã thấy chính quyền tại miền Nam hiện thời nằm trong tay ai. Điều mà chúng vẫn

rêu rao "Hà Nội không kiểm soát được gì ở Nam Bộ" nếu không phải là bịp bơm thì cũng là mù quáng.

27

au khi vê nư ớc, Bác đã cùng Thư ờng vụ điểm lại tình hình đấu tranh của nhân dân ta về mọi mặt quân sự, chính trị, ngoại giao trong cả thời gian qua.

Những hành động phá hoại hiệp định có hệ thống của bọn cầm đầu quân đội viễn chinh Pháp tại Đông Dương, tiếp tục chiến tranh xâm lược ở miền Nam, đẩy mạnh lấn chiếm trên miền Bắc, rõ ràng là được sự đồng tình, khuyến khích của nhà cầm quyền Pháp. Cuộc điều đình giữa ta và Pháp đã bế tắc chính vì bọn đại tư bản Pháp chưa từ bỏ tham vọng duy trì quyền thống trị của chúng trước đây tại các nước thuộc địa và phụ thuộc. Chiều hướng chính trị hiện nay tại nước Pháp càng tạo thêm điều kiện cho bọn phần động ở Đông Dương mở rộng chiến tranh. Nhưng ta vẫn thấy cần tranh thủ mọi khả năng để duy trì sự hòa hoãn. Bọn tư bản tài phiệt Pháp đang gặp phải nhiều khó khăn. Cuộc đấu tranh của các lực lượng dân chủ tại Pháp còn tiếp diễn. Tình hình chính trị ở nước Pháp vẫn chưa ổn định. Chính phủ Pháp hiện nay còn là một chính phủ lâm thời. Bản Tạm ước ký kết giữa ta và Pháp vừa qua tuy không chứa đựng những quyết định có tính nguyên tắc, nhưng đã buộc Pháp một lần nữa phải khẳng định lại tinh thần "hòa giải và hợp tác" của Hiệp định mống 6 tháng 3 trước đây, phải cam kết thực hiện những quyền tự do, dân chủ ở miền Nam và hứa sẽ cùng với chúng ta ấn định thời gian và thể thức cuộc trưng cầu ý dân tại Nam Bộ.

Ta chủ trương kiên trì đấu tranh buộc kê địch phải tôn trọng và thực hiện những điều chúng đã cam kết, đồng thời kiên quyết đánh trả mọi hành động phá hoại, lấn chiếm của chúng. Chúng ta đã động viên đông đảo nhân dân ráo riết xây dựng và phát triển lực lượng của ta về chính trị, quân sự, kinh tế, luôn luôn theo dõi sát âm mưu của địch, sẵn sàng đối phó với mọi tình thế, kể cả trường hợp địch mở rộng chiến tranh ra cả nước.

Vấn đề triệu tập Quốc hội được đặt ra khẩn trương.

Rất nhiều sự kiện quan trọng đã xảy ra từ sau cuộc họp hồi đầu tháng 3 đến giờ. Nhiều hoạt động của Chính phủ cần được báo cáo trước Quốc hội. Bản Hiến pháp dân chủ đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đã được khởi thảo xong, đang chờ Quốc hội họp để thông qua. Chính phủ liên

hiệp kháng chiến thành lập đầu tháng 3 đã được tổ chức ra trong một hoàn cảnh đặc biệt. Thành phần của Chính phủ đã đáp ứng yêu cầu lúc đó, nhưng một số người có chân trong Chính phủ không hề được nhân dân bầu ra. Sau khi quân Tướng rút, nhiều phần tử Việt Nam Quốc dân Đảng và Việt Nam cách mạng đồng minh Hội bỏ chạy theo quan thầy, đã để lại trong Chính phủ và Quốc hội những chỗ trống. Hơn bảy tháng qua, tình hình đất nước thay đổi nhiều. Bác và Thường vụ nhận thấy đã đến lúc phải có một chính phủ mạnh, đủ uy tín, năng lực để làm tròn nhiệm vụ lãnh đạo quốc dân trước tình hình mới.

Quốc hội họp vào sáng ngày 28 tháng 10 tại Nhà hát lớn của thành phố.

Sự sắp xếp chỗ ngồi trong phiên họp lần này hơi khác với phiên trước. Phòng họp chia làm ba khu: Tả, hữu và giữa. Ngồi đầu phía tả, là nhóm mác-xít gồm một số đảng viên Đảng Cộng sản Đông Dương lúc bấy giờ đã hoạt động công khai. Rồi đến những đại biểu đảng Xã hội đeo ca-vát đỏ và những đại biểu thuộc đảng Dân chủ. Ngồi ở hàng giữa là những người không đảng phái đã tham gia Mặt trận Việt Minh. Bên cánh hữu, là những đại biểu của Việt Nam Quốc dân Đảng và Việt Nam cách mạng đồng minh Hội. Việt Nam Quốc dân Đảng ngồi ở đầu cùng phía hữu. Số bảy mươi ghế dành cho các tổ chức này trong kỳ họp Đại hội đầu tiên, nay đã để trống gần một nửa.

Khách nước ngoài gồm các lãnh sự Anh, Mỹ, Hoa, người thay mặt cho tướng Moóc-li-e cùng ngồi với các nhà báo trong các lô dành riêng ở tầng hai.

Chương trình làm việc gồm có:

1. Nghe báo cáo của Ban Thường trực Quốc hội và Chính phủ.
2. Thảo luận và thông qua dự thảo Hiến pháp.
3. Thành lập Chính phủ mới.

Bác Tôn, đại biểu của Nam Bộ, được bầu làm Trưởng đoàn Chủ tịch của Đại hội.

Đại biểu của tỉnh Rạch Giá, đồng chí Nguyễn Văn Tạo, lên diễn đàn thay mặt Nam Bộ chào mừng Đại hội. Anh nhắc tới các đại biểu của miền Nam hôm nay vắng mặt: Luật sư Thái Văn Lung đã bị địch tra tấn chết trong khám lớn Sài Gòn, kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát và nhiều nhà yêu nước khác đang còn bị giam cầm tại địa ngục

Côn Đảo. Khi đồng chí Tạo bước xuống diễn đàn, Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng dậy ôm hôn anh. Những giọt nước mắt chảy ròng trên gò má của Người.

Đại biểu Nam Bộ đề nghị toàn thể Quốc hội bày tỏ lòng tín nhiệm và ủng hộ Chủ tịch Hồ Chí Minh, Người công dân thứ nhất đã sáng suốt đưa nước nhà ra khỏi vòng nô lệ. Toàn thể các đại biểu đứng lên vỗ tay hoan hô hồi lâu.

Đại hội nghe báo cáo của Chính phủ về những công việc đã làm từ ngày thành lập, trong đó có cuộc đàm phán giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Pháp tại Phông-ten-nơ-blô và việc ký Tạm ước 14 tháng 9.

Ngày 31, các đại biểu chất vấn Chính phủ. Có 88 câu hỏi nêu lên thuộc các vấn đề quốc phòng, ngoại giao, kinh tế, tài chính, tư pháp, nội vụ. Những câu hỏi được chuyển tới các Bộ hữu quan. Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ trả lời về chính sách ngoại giao của Chính phủ, việc ký Tạm ước 14 tháng 9, việc Nguyễn Hải Thần, Nguyễn Tường Tam, Vũ Hồng Khanh tự ý bỏ đi...

Người nói:

- Về chính sách ngoại giao của Chính phủ và bản Tạm ước ký kết ngày 14 tháng 9... trong các báo cáo trước đã nói nhiều... Tóm lại, đối với các nước dân chủ, hết sức gây thiện cảm. Các nước ấy tuy chưa công khai thừa nhận ta, nhưng rất có thiện cảm với ta. Còn về ngoại giao với Pháp thì từ khi ký kết Hiệp định mồng 6 tháng 3, qua các Hội nghị Đà Lạt và Phông-ten-nơ-blô đến Tạm ước 14 tháng 9, Chính phủ quyết tâm giữ vững nền độc lập và thống nhất của Việt Nam, đồng thời cộng tác thật thà và thân thiện với Pháp. Cố nhiên người Pháp cũng phải cộng tác lại với chúng ta trên nguyên tắc bình đẳng...

Bác nói tiếp:

- Tạm ước này có ảnh hưởng đến các hiệp ước ký sau không?... Trong xã hội loài người, cái gì mà không có ảnh hưởng tới cái khác. Tuy vậy, những sự điều đình sau đây không thể vì bản Tạm ước này mà bị ràng bó. Bản Tạm ước này, tùy theo sự thi hành thế nào, sẽ tạo điều kiện đẩy cho những cuộc điều đình sau chóng đạt tới kết quả...

Người chuyển qua vấn đề khác.

- Về ông Phó Chủ tịch Nguyễn Hải Thần, ông Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Tường Tam và về ông Phó Chủ tịch Quân ủy hội Vũ Hồng Khanh... Các ông ấy không có mặt ở đây... Lúc nước nhà đương gặp bước khó khăn, quốc dân tin ở người nào trao cho người ấy công việc lớn mà các ông ấy lại bỏ đi thì

các ông ấy phải hỏi lương tâm thế nào? Những người đã bỏ việc đi kia, họ không muốn tránh việc nước nhà hoặc họ cũng không đủ năng lực mà gánh vác! Nay chúng ta không có họ ở đây, chúng ta cũng cứ gánh vác được như thường.

Tiếng vỗ tay nổi lên. Bác lại nói tiếp:

- Nhưng nếu các anh em ấy biết nghĩ lại, đối không nổi với lương tâm, với đồng bào, với Tổ quốc mà trở về, thì chúng ta vẫn hoan nghênh.

Trước khi bước xuống, Người lại nói với các đại biểu:

- Nếu trong Chính phủ có những người khác lầm lỡ, thì lỗi ấy tôi xin chịu, xin gánh và xin lỗi với đồng bào.

Buổi chiều và buổi tối, các bộ trả lời những điều Đại hội đã hòi. Nhưng khi các bộ đã giải đáp xong, nhiều đại biểu vẫn tiếp tục chất vấn. Chờ một người nêu hết những câu hỏi, một lần nữa, Chủ tịch Hồ Chí Minh lên thay mặt Chính phủ để trả lời. Vẫn bằng những lời lẽ giản dị, ôn tồn, Người nói:

- Về vấn đề quốc kỳ, Chính phủ không bao giờ dám đòi thay đổi quốc kỳ. Có một vài người trong Chính phủ đề nghị việc ấy, nên Chính phủ phải đệ qua Thường trực Quốc hội xét. Tình thế từ ngày ấy đến giờ biến chuyển nhiều, lá cờ đỏ sao vàng đã nhuộm bao nhiêu máu chiến sĩ Việt Nam ở Nam Bộ và Nam Trung Bộ, đã đi từ Á sang Âu, lại từ Âu sang Á, tới đâu cũng được chào kính cẩn.

Đôi mắt sáng rực, bằng giọng nói nhấn mạnh, Người tiếp:

- Bây giờ thì trừ hai mươi lăm triệu đồng bào ra còn không ai có quyền gì mà đòi thay đổi quốc kỳ.

Cả hội trường vang lên tiếng vỗ tay, Bác nói tiếp:

- Về vấn đề liêm khiết của Chính phủ thì Chính phủ hiện thời đã cố gắng liêm khiết lắm. Nhưng trong Chính phủ từ Hồ Chí Minh cho đến những người làm việc ở các ủy ban làng đông lắm... Dù sao Chính phủ đã hết sức làm gương. Và nếu làm gương không xong thì sẽ dùng pháp luật mà trị những kẻ ăn hối lộ, đã trị, đương trị và sẽ trị cho kỳ hết.

Tiếng vỗ tay hoan nghênh lại nổi lên.

- Còn có đại biểu nói rằng bản Tạm ước 14 tháng 9 là bất bình đẳng thì Chính phủ không dám nhận như thế. Với bản Tạm ước ấy, mỗi bên đều nhân nhượng ít nhiều, ta bảo đảm cho Pháp một phần những quyền lợi kinh tế và văn hóa ở đây thì Pháp cũng phải bảo đảm thi hành tự do dân chủ ở Nam Bộ

và thả các nhà ái quốc bị bắt bớ. Còn nói Pháp có thành thật thi hành Tạm ước hay không thì ta cần phải hiểu rằng Pháp cũng có người tốt, có người xấu. Tôi có thể nói quyết rằng nhân dân Pháp bây giờ đại đa số tán thành ta độc lập và thống nhất lãnh thổ...

Bằng lời nói thật giản dị nhưng cũng thật sáng rõ, khúc chiết, chặt chẽ, Bác tiếp tục trả lời tất cả những vấn đề các đại biểu đã nêu ra. Người nói xong, không ai hỏi gì thêm. Cuộc chất vấn Chính phủ kết thúc vào đúng nửa đêm.

Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ tuyên bố xin tổ chức, trao quyền lại cho Quốc hội. Quốc hội chấp thuận đề nghị từ chức của Chính phủ, và sau đó, nhất trí ủy nhiệm Người đứng ra lập Chính phủ mới.

Bác trở lại diễn đàn cảm ơn sự tín nhiệm của Quốc hội rồi nói:

- Lần này là lần thứ hai quốc hội giao phó cho tôi phụ trách lập Chính phủ. Việt Nam chưa được độc lập, chưa được thống nhất thì bất kỳ Quốc hội ủy cho tôi hay cho ai cũng phải gắng mà làm. Tôi xin nhận. Giờ tôi xin tuyên bố trước Quốc hội, trước Quốc dân và trước thế giới rằng: Hồ Chí Minh không phải là kẻ tham quyền cổ vị, mong được "thăng quan phát tài". Chính phủ sau đây phải là một Chính phủ toàn dân đoàn kết và tập hợp nhân tài không phân đẳng phái... Tuy trong quyết nghị của Quốc hội không nêu lên hai chữ liêm khiết, tôi cũng xin tuyên bố trước Quốc hội, trước Quốc dân và trước thế giới: Chính phủ sau đây phải là một chính phủ liêm khiết. Theo nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ sau đây phải là một chính phủ biết làm việc, gan góc, quyết tâm đi vào mục đích vừa kiến thiết vừa tranh thủ độc lập, thống nhất cho nước nhà. Anh em trong Chính phủ mới sẽ dựa vào sức của Quốc hội và Quốc dân, dầu nguy hiểm mấy, cũng đi vào mục đích mà Quốc dân và Quốc hội trao cho.

1 giờ đêm hôm đó, buổi họp này mới kết thúc.

Từ ngày 1 tháng 11, Đại hội bắt đầu thảo luận về bản dự thảo Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Những cuộc tranh luận diễn ra sôi nổi.

Chiêu mông 2 tháng 11, Đại hội được Chủ tịch Hồ Chí Minh báo tin đã lập xong Chính phủ.

5 giờ chiều, Chủ tịch Hồ Chí Minh tới Đại hội. Người bước lên diễn đàn giữa những tiếng hoan hô. Người nói:

- Chính phủ này tuy chưa được mười phần như ý nguyện của Quốc hội nhưng cũng gần đúng phương châm Quốc hội đã vạch ra. Chính phủ mới gồm đủ

nhân tài Trung, Nam, Bắc tham gia. Cụ Huỳnh vì tuổi già sức yếu xin rút lui nhưng do lời tôi đề nghị đã vui lòng ở lại tham gia thêm một nhiệm kỳ nữa.

Quốc hội đón bản danh sách Chính phủ do Chủ tịch Hồ Chí Minh trình bày bằng những tràng vỗ tay kéo dài. Bác báo cáo tiếp chương trình làm việc của Chính phủ.

Toàn thể Đại hội bỏ phiếu tán thành Chính phủ mới. Không đầy bảy tuần sau đó, do chính sách xâm lược của kẻ thù, chiến tranh đã lan rộng trên cả nước. Chính phủ đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh thành lập đầu tháng 11 là

Chính phủ sẽ đảm đương lãnh đạo quốc dân trong cuộc kháng chiến toàn quốc kéo dài suốt tám năm sau này.

Quốc hội tiếp tục thảo luận bản dự thảo Hiến pháp. Ngày mồng 8 tháng 11 năm 1946, bằng 240 phiếu thuận đối với hai phiếu chống, Quốc hội đã chuẩn y Hiến pháp chính thức của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

Trong buổi kết thúc cuộc họp của Quốc hội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói về bản Hiến pháp mới:

"Sau khi nước nhà mới tự do được mười bốn tháng, Quốc hội đã thông qua bản Hiến pháp dân chủ đầu tiên trong lịch sử... Bản Hiến pháp đó tuyên bố với thế giới nước Việt Nam đã độc lập. Hiến pháp đó tuyên bố với thế giới, dân tộc Việt Nam đã có đủ mọi quyền tự do. Hiến pháp đó tuyên bố với thế giới, phụ nữ Việt Nam đã được đứng ngang hàng với đàn ông để hưởng mọi quyền của công dân. Hiến pháp đó đã nêu một tinh thần đoàn kết chặt chẽ giữa các dân tộc Việt Nam..."

28

rong Tam ước 14 tháng 9, Chính phủ Pháp đã nhận thi hành những điều chính sau đây tại Nam Bộ:

1. Thả những người Việt Nam bị bắt vì chính trị và vì kháng chiến.
2. Người Việt Nam ở Nam Bộ được hưởng các quyền tự do dân chủ như là tổ chức, hội họp, viết báo, đi lại...
3. Hai bên thôi đánh nhau.

Ngày 26 tháng 10, Quân ủy hội của ta gửi thư cho tổng chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp đề nghị quân đội Việt Nam và quân đội Pháp sẽ cùng ngừng bắn vào 0 giờ ngày 30 tháng 10. Vài ngày sau, Van-luy trả lời đã hạ lệnh cho quân đội Pháp ở miền Nam ngừng bắn vào đúng thời gian ta đã đề ra. Đầu tháng 11, Đác-giăng-li-ơ tuyên bố với các báo chí ở Sài Gòn, các cuộc xung đột đã đình chỉ từ 0 giờ ngày 30

tháng 10. Y nói đã trả lại tự do cho hơn hai trăm "tù chính trị", hồ sơ của những người khác đang được tiếp tục xét và y đã phải tướng Ny-ô ra Hà Nội gặp Chính phủ Việt Nam, bàn việc thành lập một ủy ban quân sự Việt Pháp. Đác-giăng-li-ơ gửi Chủ tịch Hồ Chí Minh một bức thư xác nhận lại những điều trên.

Ngày 4 tháng 11, Moóc-li-e đưa Ny-ô đến chào Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Bắc Bộ Phủ. Cùng tiếp khách với Bác có tôi và đồng chí Thứ trưởng Bộ Nội

vụ. Ny-ô được giới thiệu là trưởng phái đoàn quân sự Pháp do cao ủy chỉ định. Bác và chúng tôi đã thỏa thuận với Moóc-li-e sẽ thành lập ngay ủy ban quân sự hỗn hợp và tiến hành gấp những cuộc trao đổi nhằm thực hiện và kiểm soát đình chiến ở Nam Bộ.

Nhưng đồng thời với việc Ny-ô ra Bắc, có tin quân Pháp lại nổ súng ở nhiều nơi tại Nam Bộ và Nam Trung Bộ. Các lực lượng vũ trang ta buộc phải có những hành động tự vệ.

Ngày 7 tháng 11, Ủy ban quân sự Việt Pháp họp phiên đầu tiên tại phòng thương mại cũ. Ny-ô cầm đầu phái đoàn Pháp. Phía ta đã lên án những hành động vi phạm lệnh ngừng bắn của Pháp, tô cáo quân đội Pháp ở miền Nam không những đã không ngừng những hoạt động khủng bố mà lại còn tiếp tục với một quy mô ngày càng rộng lớn. Ta chủ trương ổn định tình hình bằng cách đưa vào Nam Bộ và Nam Trung Bộ một ủy ban đình chiến hỗn hợp. Ny-ô khước từ. Ta nêu tiếp việc cử người đại diện Chính phủ Việt Nam bên viên cao ủy như tạm ước đã quy định; việc này cũng đã được thỏa thuận giữa Chủ tịch Hồ Chí Minh và cao ủy Pháp trong cuộc trao đổi tại Vịnh Cam Ranh. Ny-ô nói vấn đề đó vượt qua thẩm quyền của y. Cuộc họp không giải quyết được gì. Hai bên đồng ý sẽ bàn tiếp vào những ngày sau.

Cũng ngày hôm đó, Chính phủ ta nhận được thư của Đác-giăng-li-ô. Viên cao ủy phản kháng về việc có một ủy ban hành chính lâm thời của ta ở miền Nam Việt Nam. Y cho đó là một điều không hợp với tinh thần Tạm ước 14 tháng 9, những hoạt động của ủy ban này có thể phương hại đến sự thi hành tạm ước.

Chủ tịch Hồ Chí Minh trả lời viên cao ủy:

"Ủy ban hành chính lâm thời Nam Bộ thành lập từ tháng 8 năm 1945 dưới quyền chỉ huy của Chính phủ Trung ương và vẫn tiếp tục làm việc cho tới ngày nay. Ủy ban đó lại đã từng giao thiệp chính thức với các nhà cầm quyền quân sự Đồng minh và Pháp hồi tháng 10 năm ngoái.

Việc ở Nam Bộ vừa có quân đội chiếm đóng vừa có các cơ quan hành chính và quân sự Việt Nam được bản Hiệp định Sơ bộ mồng 6 tháng 3 và bản Tạm ước 14 tháng 9

công nhận. Theo các bản thỏa hiệp đó thì tình hình Nam Bộ phải để nguyên cho đến ngày trưng cầu ý dân. Những hoạt động của Ủy ban hành chính lâm thời và các cơ quan quân sự Việt Nam chỉ là để đi đến sự thi hành triệt để các điều khoản về chính trị và quân sự của khoản 9 trong bản Tạm ước nói về Nam Bộ và chỉ có thể giúp cho chính sách hợp tác thân thiện mà cả hai chính phủ ta đều mong muốn có thể thực hiện dễ dàng".

Ngày 12 tháng 11, Moóc-li-e chuyển cho ta một thông điệp của Đác-giăng-li-ơ. Theo viên cao ủy thì Nam Bộ là đất của Pháp, chính thế Nam Bộ chỉ nghị viện Pháp mới có thể quyết định thay đổi được bằng cách duyệt y kết quả cuộc trưng cầu ý dân. Ủy ban hành chính Nam Bộ là một tổ chức bất hợp pháp mà hồi tháng 10 năm 1945, Xê-đin đã phải giao thiệp vì muốn tránh đổ máu. Chính phủ Việt Nam thi hành những thỏa hiệp đã ký thì phải ngừng ngay những hành động kia hoặc là phủ nhận những hành động đó.

Trước những luận điệu trắng trợn của viên cao ủy, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi cho Đác-giăng-li-ơ một bản thông điệp lời lẽ vắn tắt:

"Chính phủ Việt Nam nhắc lại cho ông cao ủy Pháp biết ủy ban hành chính đó không vượt ra ngoài phạm vi điều 9 của bản Tạm ước 14 tháng 9 năm 1946 mà mục đích chỉ là để theo đuổi việc lập lại cho Nam Bộ một nền hòa bình theo công lý và bền vững mặc dầu gặp trở lực khó khăn thế nào và bất cứ ở đâu lại.

Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tin rằng muốn thực hiện nền hòa bình hằng mong ước đó cho hai dân tộc thì những phương pháp vũ lực không những hoàn toàn vô ích mà chỉ đe dọa đưa đến chỗ đình chỉ việc thi hành tạm ước và trách nhiệm đó Chính phủ Việt Nam hoàn toàn không nhận".

Thái độ của những người cầm quyền Pháp tại Đông Dương đối với việc thi hành tạm ước đã bộc lộ khá rõ ràng.

Theo tài liệu của những người viết sử Pháp ghi lại sau này thì vào đầu tháng 11, Đác-giăng-li-ơ đã có những ngày rất bận rộn. Viên cao ủy phải chuẩn bị để đối phó với một tình hình có thể bất lợi cho y nếu các lực lượng dân chủ tiến bộ Pháp giành được thắng lợi trong cuộc tuyển cử sắp tới. Vào trường hợp đó, những chính sách của Đồ Gôn chỉ có thể tiếp tục bằng cách làm nổ ra tại Đông Dương một cuộc chiến tranh rộng lớn. Y gặp gỡ lần lượt tất cả các quan chức hành chính và quân sự ở Sài Gòn để khẳng định: Chỉ có một tình thế quân sự mới cho phép ngăn chặn được sự bại hoại của tình hình có lợi cho Hà Nội.

Người tiếp thụ đầy đủ ý đồ của viên cao ủy là Van-luy. Van-luy đã viết trong chỉ thị mật gửi cho cấp dưới của mình: "Những mưu toan thỏa hiệp đáng kính không còn

thích hợp nữa rồi mà phải cần đến một "bài học khắc nghiệt". Ngày 21 tháng 11, khi Van-luy báo cho ta biết y đã hạ lệnh cho quân đội Pháp tại Nam Bộ ngừng bắn thì cũng là lúc y chỉ thị cho Đép-bò ở Hải Phòng phải thực hiện quyền kiểm soát thành phố này và làm tê liệt sự đề kháng của ta tại đây.

gày 11 tháng 11, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi cho chính phủ Bi-đôn lời phân kháng kiên quyết về việc Pháp đơn phương tổ chức phòng thuế quan và kiểm soát ngoại thương tại Hải Phòng.

Trước khi tạm ước được ký kết, ngày 10 tháng 9, từ Sài Gòn, Đác-giăng-li-ơ đã ra lệnh chỉ Moóc-li-e phải thiết lập quyền kiểm soát thuế quan trong khu vực Hải Phòng kể từ ngày 15 tháng 10 trở đi.

Trong cuộc đàm phán tại Phông-ten-nơ-blô, Pháp đã nhiều lần nêu lên vấn đề thuế quan. Vấn đề này cũng được Mu-tê nêu ra trong những cuộc trao đổi với Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Pa-ri. Thuế quan vốn trước kia chiếm tỷ lệ rất lớn trong tổng thu nhập của toàn Đông Dương. Bác đã nói với Mu-tê đó không phải là một vấn đề không thể giải quyết được bằng thương lượng. Cuộc trao đổi giữa Bác và người thay mặt cho Chính phủ Pháp đã dẫn đến điều 6 trong bản Tạm ước:

"Nước Việt Nam cùng với các nước trong Liên bang hợp thành một thuế quan đồng minh... Một ủy ban dung hợp về thuế quan và ngoại thương sẽ nghiên cứu những phương sách thi hành cần thiết và chuẩn bị việc tổ chức thuế quan Đông Dương..."

Điều khoản này lập tức bị nhà cầm quyền Pháp ở Sài Gòn xuyên tạc. Chúng tuyên bố là nước Việt Nam đã thừa nhận tính chất liên bang của những vấn đề thuế quan. Ủy ban dung hợp sẽ chỉ có nhiệm vụ ấn định những thể thức kiểm soát việc trao đổi và phân tích các khoản thuế đã thu được. Ngày 14 tháng 10, một tháng sau khi bản Tạm ước được ký kết, bọn Pháp ở Sài Gòn lại cho ra một bản thông tri nhắc lại quyết định ngày 10 tháng 9 của viên cao ủy về thuế quan sẽ có hiệu lực từ ngày 15 tháng 10. Bất chấp các điều khoản của bản Tạm ước, phía Pháp tự ý đơn phương quy định nhiều thứ hàng của ta như: than, quặng, xi măng, kim khí, gỗ, ngũ cốc, muối, giấy, v.v... nếu đem xuất cảng đều phải được phép của chúng. Việc làm của chúng hết sức thô bạo. Hồi đó Bác chưa về, cụ Huỳnh nhân danh quyền Chủ tịch đã gửi cho Pháp một lời phản kháng kịch liệt. Trong cuộc gặp tại Vịnh Cam Ranh, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trao đổi với Đác-giăng-li-ơ về vấn đề thuế quan. Người cho rằng chuyện này có thể giải quyết với những ủy ban dung hợp đã đề ra trong Tạm ước. Người thấy cần họp ngay các ủy ban này tại Hà Nội. Đác-giăng-li-ơ đòi họp ở Đà Lạt để kéo chuyện này vào khuôn khổ các vấn đề liên bang. Cuối cùng, Đác-giăng-li-ơ phải đồng ý sẽ họp ở Hà Nội. Nhưng từ đó, các ủy ban này chưa họp được lần nào.

Biết bọn phân động ở Sài Gòn mưu toan gây ra một việc đã rồi, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi cho chính phủ Bi-đôn lời phân kháng ngày 11 tháng 11. Nhận được bản thông điệp này, Moóc-li-e chuyển về Sài Gòn. Nhưng nó đã bị giữ lại ở Sài Gòn một thời gian. Lời phân kháng của Chính phủ ta chỉ được chuyển về Pháp vào ngày 26 tháng 11. Sự chậm trễ này không phải là vô tình. Cuộc gây hấn ở Hải Phòng đã xảy ra sáu ngày trước đó.

Sự việc bắt đầu từ một cuộc va chạm nhỏ.

Sáng 20 tháng 11, một chiếc ca-nô của người Trung Hoa có giấy phép của Sở thuế quan Việt Nam, chở xăng vào bến Cửa Cấm Hải Phòng. Quân Pháp kéo xuống ca-nô lục soát, giữ ca-nô lại, tuyên bố tịch thu số xăng trong đó, lấy cớ là hàng lậu thuế. Hành động này vi phạm chủ quyền của ta. Nhân viên công an trật tự của ta tới can thiệp. Như chỉ chờ có một cơ hội, quân Pháp nổ súng. Một đồng chí công an hy sinh. Các chiến sĩ tự vệ của ta ở gần đó bắn trả. Cuộc xung đột bắt đầu.

11 giờ trưa, một đơn vị xe bọc thép của quân đội Pháp tiến đánh vào khu vực nhà ga. Địa điểm này cách xa nơi có chuyện rắc rối về thuế quan buổi sớm. Quân Pháp gặp sức kháng cự của các lực lượng tự vệ. Tiếng súng bắt đầu nổ ran khắp thành phố.

Những vụ xô xát giữa quân đội Pháp và các lực lượng tự vệ ta không phải mới xảy ra lần đầu ở Hải Phòng. Mọi lần, Ty liên kiểm Việt Pháp đều dàn xếp được một cách ổn thỏa. Nhưng lần này, khi nhân viên liên kiểm tới, viên đại tá Đép-bò, chỉ huy quân đội Pháp ở Hải Phòng, tổ một thái độ rất ngang ngược. Y đòi ta phải thả hết những lính Pháp bị bắt, đòi triệt bỏ các trạm công an và phá hết những chướng ngại vật ở các phố; láo xược hơn nữa, y đòi các lực lượng vũ trang của ta phải rút khỏi các vị trí ở phố Hoa kiểu.

Buổi trưa, Đép-bò gửi một tối hậu thư đòi ta phải thi hành những điều kiện y để ra trước lúc 14 giờ. Ta trả lời đồng ý thả năm binh lính Pháp bị bắt trong cuộc xung đột sáng nay, nhưng Pháp cũng phải trả lại ta mười người chúng đã bắt cóc từ mấy ngày hôm trước. Những yêu cầu vô lý khác của Đép-bò bị ta bác bỏ.

2 giờ chiều, quân Pháp lại tiến công. Lần này, chúng huy động lực lượng lớn. Quân đội Pháp có xe tăng trợ lực, tiến đánh vào Nhà hát lớn ở trung tâm thành phố. Các chiến sĩ tự vệ giữ Nhà hát lớn Hải Phòng đã chiến đấu rất anh dũng, đánh bật nhiều đợt xung phong của quân dịch có xe bọc thép yểm hộ.

Bọn Pháp vu cho ta đã bắn chết Ca-moăng, trưởng ty liên kiểm của Pháp, để cự tuyệt mọi cuộc điều đình. Viên thiếu tá này từ trước tới nay vẫn tỏ ra có tinh thần hiểu biết.

Tại Hà Nội, chúng tôi được tin về cuộc xung đột này ngay sau khi mới xảy ra. Đại diện ta ở Ủy ban liên kiểm trung ương đã yêu cầu bộ chỉ huy quân đội Pháp can thiệp, tránh để cuộc xung đột lan rộng. Người Pháp tỏ về ngạc nhiên, nói ta không nên quan trọng hóa sự việc này, và cuộc xung đột sẽ không thể nào lan rộng. Nhưng chiều hôm đó, cuộc xung đột tại Hải Phòng đã thực sự lan rộng.

Để tạo điều kiện cho cuộc dàn xếp, 3 giờ chiều hôm đó, Bộ Quốc phòng ta một mặt điều thêm lực lượng bộ đội ở vùng chung quanh về tăng viện cho Hải Phòng, một mặt ra lệnh cho bộ đội chỉ nên có những hoạt động tự vệ.

Buổi chiều, Mooc-li-e cử viên đại tá La-mi đến gặp ta. La-mi là người phụ trách vấn đề chính trị của quân đội Pháp. Đồng chí trưởng phái đoàn quân sự của ta gặp La-mi bàn việc đình chỉ xung đột ở Hải Phòng. Đôi bên đi tới một bản thỏa thuận gồm các điều: Ngừng bắn ngay. Bộ đội Việt Nam và quân đội Pháp phải trở về vị trí cũ trước cuộc xung đột. Một ủy ban hỗn hợp được thành lập do đồng chí Hoàng Hữu Nam và La-mi cầm đầu sẽ có mặt vào sáng hôm sau ở Hải Phòng.

Mooc-li-e tán thành những thỏa thuận này và thông báo những quyết định trong đó cho Đép-bò.

8 giờ tối hôm đó, các đồng chí ở Hải Phòng báo cáo là bộ đội ta đã ngừng nổ súng. Nhưng quân đội Pháp vẫn không chịu ngừng bắn. Chúng dùng cả đại bác ở Cát Bi. Tiếng súng nổ rải rác suốt đêm.

Sáng ngày 21, phái đoàn hỗn hợp Việt Pháp dùng ô-tô-ray xuống Hải Phòng. Đến ki-lô-mét 0, lính Pháp báo hiệu cho xe dừng lại vì đường không đi được. Đoàn phải dùng xe ô-tô đi từ Thượng Lý vào thành phố. Cả Hải Phòng sặc mùi thuốc súng. Tiếng súng vẫn nổ ở nhiều nơi. Phái đoàn tới cơ quan chỉ huy của Đép-bò và nhận thấy đúng là lệnh ngừng bắn vẫn chưa được chấp hành. Đoàn thấy cần phải thực hiện ngừng bắn ngay và cho bộ đội của hai bên rút về vị trí cũ.

Đại diện của ta tới cơ quan Thành ủy, được biết bộ đội và tự vệ của ta đã nghiêm chỉnh thực hiện lệnh ngừng bắn từ tối hôm trước. Những tên lính Pháp bị ta bắt cũng đã được trao trả lại cho phía Pháp. Chúng ta gọi điện báo cho La-mi biết.

Mãi tới 2 giờ chiều, tiếng súng trong thành phố mới tạm ngừng. Nhưng Đép-bò không chịu cho quân đội trở về các vị trí cũ trước khi xảy ra xung đột. Hắn nói không thể thi hành mọi mệnh lệnh của cấp trên ở Hà Nội vì Hà Nội không nắm được tình hình. Quân đội Pháp không thể rời bỏ những nơi mà họ đã phải đổ máu mới giành được. Người thay mặt cho Mooc-li-e không

thuyết phục được viên đại tá. Thái độ ương ngạnh của hắn đối với mệnh lệnh của cấp trên có phần khó hiểu.

Trong khi chờ đợi những chỉ thị mới của Chính phủ, đại diện của ta trao đổi với La-mi và thỏa thuận về một số điểm cụ thể:

1. Cấm ngặt đôi bên không vì bất cứ một lý do nào mà nổ súng.
2. Quân đội Pháp đưa hết xe bọc thép về trại.
3. Hạn chế sự đi lại ban đêm.
4. Tổ chức một bộ đội hỗn hợp làm nhiệm vụ canh gác tại nhà ga Hải Phòng để bảo đảm giao thông như cũ.

Đép-bò từ chối thi hành điểm thứ tư. Hắn còn đòi để quân đội Pháp chiếm Nhà hát lớn Hải Phòng và bộ đội ta phải rút khỏi khu phố người Âu đã ở ngày trước. Đại diện của ta bác bỏ yêu cầu đó. Cuối cùng, hai bên chỉ thỏa thuận được ai hiện ở đâu cứ ở đó, không được di chuyển vị trí hoặc có hành động khiêu khích.

Tuy vậy, từ chiều ngày 21, tiếng súng ở Hải Phòng đã ngừng.

Chiều ngày 22, phái đoàn hỗn hợp trở về Hà Nội để báo cáo tình hình. Dọc đường, La-mi nói với ta là người Pháp muốn dàn xếp.

Cũng trong ngày 20 tháng 11, giữa lúc cuộc xung đột nổ ra ở Hải Phòng thì Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp Đô-la Sa-ri-e, người được Sài Gòn cử ra để bàn về vấn đề thuế quan. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu ý kiến là ủy ban hỗn hợp về thuế quan và ngoại thương cần họp ngay tại Hà Nội. Sa-ri-e đã chuyển gấp đề nghị này về Sài Gòn.

30

Inh hình Hải Phòng có chiều hướng đi tới chỗ dàn xếp.

Đột nhiên, 7 giờ sáng ngày 23 tháng 11 Đép-bò gửi cho Ủy ban hành chính Hải Phòng một bức tối hậu thư. Hắn đòi quân đội Việt Nam phải rút ngay khỏi phố Hoa kiều, khu phố người Âu ở trước kia và đòi tước vũ khí của các đội tự vệ tại khu phố Lạc Viên (Khu Bảy), nơi chúng đã bị đánh những đòn đau. Hắn đòi những yêu cầu này phải được thi hành trước 9 giờ, nếu không, quân đội Pháp sẽ tiến công. Những yêu sách này đều bị ta bác bỏ. Pháp gia hạn thêm bốn mươi lăm phút.

Đúng 9 giờ 45 phút, trọng pháo của quân Pháp nổ. Quân Pháp với sự yểm trợ của xe tăng và xe bọc thép tiến công vào khu phố Hoa kiều. Máy bay của

chúng giội bom xuống thành phố và thị xã Kiến An. Bộ đội và tự vệ nấp sau những chiến lũy làm bằng giường, tủ, bàn ghế ở các đầu phố, bắn vào quân địch. Những chai cháy, những trái lựu đạn từ trên tầng gác, trên sân thượng ném xuống các xe bọc thép. Cuộc chiến đấu diễn ra ở từng góc phố, từng khu nhà.

Tại Hà Nội, 9 giờ sáng ngày 23, đồng chí trưởng đoàn quân sự của ta tới Bộ chỉ huy quân đội Pháp đòi gặp Moóc-li-e. Moóc-li-e lánh mặt, cử viên đại tá chỉ huy quân đội Pháp ở Hà Nội ra tiếp. Ta yêu cầu y giải thích về bức tối hậu thư của Đép-bò sáng nay ở Hải Phòng. Viên đại tá nói bức thư đó đã được cấp trên ở Sài Gòn chuẩn y. Viên đại tá nói thêm, nếu phía Việt Nam không thuận thì quân đội Pháp ở Hải Phòng được phép dùng võ lực. Bộ chỉ huy quân đội Pháp ở Hà Nội đã đột ngột thay đổi thái độ.

Theo những tài liệu đã được công bố sau này, chúng ta biết sự việc xảy ra như sau. Từ chiều ngày 21, Van-luy ở Sài Gòn đã chỉ thị cho Đép-bò cần lợi dụng tình hình hiện tại để mở rộng phạm vi chiếm đóng của quân đội Pháp ở Hải Phòng. Với chỉ thị này, Đép-bò đã kiên quyết bác bỏ những điều Moóc-li-e ở Hà Nội đã thỏa thuận với người đại diện của ta. Ngày 22, Van-luy chỉ thị cho chính Moóc-li-e đòi các lực lượng vũ trang của ta phải hoàn toàn rút khỏi thành phố Hải Phòng. Moóc-li-e nhận thấy yêu cầu này là một "tối hậu thư", có thể dẫn đến một cuộc xung đột lớn. Moóc-li-e không truyền đạt điều đó cho Chính phủ ta mà đề nghị Van-luy cần cân nhắc kỹ những hậu quả và do sự việc này có thể đem lại. Moóc-li-e chưa biết là đồng thời với chỉ thị gửi cho mình, viên tổng chỉ huy mới của quân đội viễn chinh Pháp cũng trực tiếp ra lệnh cho Đép-bò phải dùng mọi phương tiện có trong tay để làm chủ hoàn toàn thành phố Hải Phòng. Đác-giăng-li-ơ đã trở về nước trước đó một tuần. Những việc làm của Van-luy chỉ là sự thực hiện những chỉ thị chặt chẽ của viên cao ủy trước khi ra đi.

Trưa ngày 23, Chủ tịch Hồ Chí Minh trực tiếp kêu gọi trên Đài Tiếng nói Việt Nam:

"Tôi kêu gọi tướng Van-luy, tổng chỉ huy quân đội Pháp kiêm chức cao ủy và các tướng lĩnh Pháp ở Việt Nam phải lập tức đình chỉ việc đổ máu giữa người Pháp và người Việt.

"Tôi kêu gọi toàn thể đồng bào phải trấn tỉnh, các bộ đội và tự vệ phải sẵn sàng bảo vệ chủ quyền của Tổ quốc, bảo vệ tính mệnh, tài sản của ngoại kiều.

"Chính phủ luôn đứng sát với toàn thể đồng bào để giữ gìn đất nước.

"Việt Nam độc lập và thống nhất muôn năm!".

Cuộc tiến công của quân Pháp ở Hải Phòng mang một tính chất tàn bạo. Bình lính Pháp được lệnh thiêu trụi những ngôi nhà mà chúng gặp phải sức

kháng cự trên đường tiến quân. Nhưng trong ngày đầu chúng đã bị chặn lại, Đép-bờ phải cầu cứu đến cả sự chi viện của hải quân bằng trọng pháo.

3 giò chiều, bô dôi ta mô dô't phân công, xung phong vào giành lại Nhà hát lớn đã bị quân Pháp chiếm giữ trước đó mấy ngày. Cuộc chiến đấu diễn ra quyết liệt trên từng đường phố, từng ngõ ngách, từng ngôi nhà. Các đội tự vệ, đặc biệt là tự vệ Khu 7 đã chiến đấu rất dũng cảm.

Ngày 25 tháng 11, ta mô một trận tấn công lớn vào trường bay Cát Bi. Các chiến sĩ ta phá kho đạn, đốt kho xăng, hoàn toàn làm chủ sân bay.

Trận chiến đấu anh dũng tại Hải Phòng đã có tác dụng của một cuộc tổng diễn tập thực sự chuẩn bị cho trận đánh kéo dài nhiều ngày ở Thủ đô Hà Nội xảy ra sau đó một tháng. Ngày 28 tháng 11, bộ đội ta và các lực lượng tự vệ rút về tuyến chiến đấu mới bên ngoài thành phố. Ở một số nơi, nhiều ngày, sau khi các đội tự vệ đã rút đi, những toán tuần tiễu Pháp vẫn chưa dám lui tới.

Ngày 27 tháng 11, Moóc-li-e gặp chúng tôi. Y truyền đạt yêu cầu của Bộ tổng chỉ huy quân đội Pháp đòi chúng ta phải phá bỏ những vật chướng ngại trên các đường nối liền những đồn binh Pháp với nhau, bảo đảm cho quân đội Pháp được tự do đi lại trên đường Đồ Sơn - Hải Phòng. Moóc-li-e nói tất cả những việc quân đội Pháp đã làm ở miền Bắc Đông Dương đều là những chỉ thị của cấp trên. Tôi nhớ lại lần Van-luy đến gặp ta trao bản thông điệp báo tin quân Pháp bắt đầu đánh chiếm Tây Nguyên, y đã nói mình đến để thi hành một mệnh lệnh của cấp trên. Giờ đây, Moóc-li-e lắp đúng lời của Van-luy. Cấp trên của Van-luy ngày ấy là Đác-giăng-li-ơ. Cấp trên của Moóc-li-e ngày nay lại chính là Van-luy.

Sáng ngày 28, Moóc-li-e gửi tới Bộ Quốc phòng một bản thông điệp với những lời lẽ y đã nói với chúng tôi hôm trước: "Hôm nay tôi xác nhận với ngài những điều kiện quân sự do Bộ tổng chỉ huy Pháp đặt ra..." trong đó, Moóc-li-e nêu ra vùng giới hạn những nơi quân Pháp đã chiếm đóng ở Hải Phòng bao gồm cả thành phố và một số khu lân cận. Y nhắc lại yêu cầu bảo đảm tự do đi lại cho quân đội Pháp trên những con đường nối liền các đồn binh và đường Hải Phòng - Đồ Sơn.

Tình hình đã trở nên nghiêm trọng. Để tranh thủ thêm thời gian chuẩn bị cho bộ đội và đồng bào Hải Phòng, chúng ta đã trả lời vắn tắt là đề nghị của quân đội Pháp có tính chất rất quan trọng nên hai bên cần lập một ủy ban hỗn hợp để thảo luận.

Chiêu hôm ấy, Moóc-li-e gửi tiếp cho chúng ta một bức thông điệp khác, bức thông điệp thứ hai trong một ngày: "... Tôi xin báo để Ngài biết rằng những điều kiện định trong thư ngày 28 tháng 11 của tôi là do những chỉ thị rất rõ ràng mà tôi đã nhận được. Vậy không thể lập ủy ban hỗn hợp xét những điều như Ngài để nghị và tôi cho rằng ủy ban đó lập ra vô ích trừ phi để định rõ những phương thức thi hành các điều kiện mà tôi đã đưa ra".

Đáp lại những bản thông điệp cùng với yêu cầu mở rộng phạm vi chiếm đóng của quân đội Pháp, chúng ta đã ra lệnh cho bộ đội và dân quân tự vệ bao vây chặt chẽ địch trong thành phố Hải Phòng, phá hoại triệt để những con đường liên lạc giữa các đồn binh Pháp, đặc biệt là con đường từ Hải Phòng đi Đồ Sơn.

Trận Hải Phòng là trận đánh mở đầu cho một quy mô mới của cuộc chiến tranh cướp nước. Kẻ thù đã mở rộng chiến tranh xâm lược trên nửa phần phía nam của đất nước ra toàn cõi Việt Nam, đồng thời ra toàn bán đảo Đông Dương.

31

Pháp trong tháng 10, cuộc đấu tranh giữa các lực lượng dân chủ, tiến bộ và bọn tư bản phân động tiếp tục diễn ra quyết liệt chung quanh việc thông qua hiến pháp của nền Cộng hòa thứ tư.

Bản dự thảo hiến pháp này so với bản dự thảo đã bị bác bỏ trong cuộc trưng cầu ý dân hồi tháng 5 là một bước thụt lùi. Tuy nhiên, nó vẫn còn chứa đựng nhiều điểm tiến bộ. Nó chủ trương quyền lập pháp thuộc về quốc hội do dân chúng bầu ra bằng phổ thông đầu phiếu; các hội đồng cộng hòa do đại biểu của các hội đồng hàng xã, hàng quận cử ra chỉ có quyền tư vấn. Nó bảo đảm những quyền lợi mới về xã hội và kinh tế của người dân, quyền bình đẳng giữa đàn ông và đàn bà trên mọi lĩnh vực. Nó chống lại những cuộc chiến tranh cướp phá và sự đàn áp ở thuộc địa; nó cam kết tôn trọng quyền tự quyết của các dân tộc phụ thuộc. Nếu bản dự thảo này được thông qua thì vẫn có thể nói đây là hiến pháp dân chủ tư sản tiến bộ nhất từ khi nước Pháp thành lập chế độ Cộng hòa.

Do đó, giai cấp tư sản Pháp tìm mọi cách chống lại việc thông qua hiến pháp. Chúng muốn kéo dài tình trạng lâm thời. Một tình hình không ổn định sẽ tạo ra tâm lý lo lắng trong quần chúng, chứng minh sự bất lực của nền dân chủ, mở đường cho chúng dựng nên một chế độ độc tài. Đồ Gôn lại

tiếp tục lên tiếng đã kích rất mạnh bản hiến pháp mới. Ông ta cho rằng quyền của quốc hội được quy định quá to, quyền hành chính không còn gì, những nguyên tắc tự do về khối liên hiệp Pháp sẽ dẫn đến sự tan vỡ của đế quốc Pháp. Thậm chí, ông

ta còn nói: "Nếu bản hiến pháp được thừa nhận sẽ có nội loạn ngay". Lời đe dọa của Đô Gôn đã có ảnh hưởng đến các tầng lớp trung gian trong dân chúng Pháp.

Đảng Cộng sản Pháp chủ trương đẩy mạnh cuộc vận động quần chúng đấu tranh duy trì và bảo vệ thế chế dân chủ.

Ngày 23 tháng 10, bản hiến pháp được đưa ra trưng cầu ý dân. Gần một phần ba cử tri không đi bỏ phiếu. Tuy vậy, bản hiến pháp đã được thông qua: Chín triệu năm mươi vạn phiếu thuận trên tám triệu mười vạn phiếu trống. Lực lượng dân chủ đã thắng một keo chật vật.

Đa số cử tri Pháp ở các thuộc địa bỏ phiếu không tán thành bản dự thảo hiến pháp. Riêng ở Đông Dương, số cử tri Pháp theo Đô Gôn chống lại hiến pháp mới rất đông. Cả Đông Dương chỉ có một nghìn bảy trăm linh một phiếu thuận đối lại với tám nghìn ba trăm mười ba phiếu trống. Điều này đã nói lên xu hướng chính trị phản động của những người Pháp ở thuộc địa nói chung và ở Đông Dương nói riêng.

Ngày 10 tháng 11, nước Pháp mở cuộc tổng tuyển cử để bầu ra quốc hội. Nhiệm kỳ của quốc hội này là năm năm. Đảng Cộng sản Pháp lại dẫn đầu số phiếu, giành thêm được 24 ghế. Đảng Xã hội mất 20 ghế. Thắng lợi của Đảng Cộng sản khá rõ rệt. Nhưng sự trỗi dậy của các lực lượng phản động cũng mạnh hơn trước. Nhiều tổ chức phản động như: Cộng hòa tự do, Liên minh tả đảng (hữu)... giành được thêm khá nhiều phiếu. Các lực lượng chính trị của nước Pháp đã tập trung thành hai khối đối lập.

Trước tình hình đó, vấn đề Đông Dương không những đã không bị lu mờ đi mà còn nổi lên thành một vấn đề quan trọng hàng đầu trong chính sách của Pháp. Các lực lượng tiến bộ chủ trương phải tôn trọng nguyên tắc dân chủ và tự quyết trong mối quan hệ với các nước liên kết, phải thay đổi chính sách bạo lực, đàn áp bằng chính sách "hòa giải và hợp tác". Các lực lượng phản động cho rằng nếu nước Pháp muốn phục hồi sức mạnh và uy tín của mình trên trường quốc tế, thì phải giữ cho được các thuộc địa; do đó, cần áp dụng một đường lối cứng rắn để duy trì quyền thống trị của Pháp tại các lãnh thổ ở hải ngoại.

Điều đáng chú ý là bọn đại tư bản và những chính khách của chúng đang nắm giữ quyền hành ở nước Pháp, hầu như không hiểu biết gì về những sự biến đổi to lớn và sâu sắc đã diễn ra tại Đông Dương mấy năm qua. Chúng

vẫn còn say sưa với giác mộng vàng để chế. Đông Dương về đất đai tuy chỉ chiếm một phần mười sáu toàn bộ diện tích thuộc địa Pháp, nhưng lại có một dân số bằng hai phần năm tổng số dân của tất cả các thuộc địa của Pháp. Đó là nơi hằng năm đã cung cấp cho bọn tư bản độc quyền trên một tỷ phơ-răng tiền lời. Từ năm 1900 đến

năm 1945, số tiền lãi của ngân hàng Đông Dương đã tăng lên gấp ba mươi ba lần. Trước Chiến tranh thế giới lần thứ hai, Đông Dương là nơi được bọn tư bản đặc quyền đầu tư nhiều nhất: Trên năm mười hai tỷ phơ-răng.

Bọn tư bản tài phiệt tin tưởng một cách mù quáng là với sự giúp đỡ tiền bạc và vũ khí của các nước để quốc đồng minh, chúng sẽ không gặp khó khăn gì nhiều trong việc văn hồi lại trật tự ở Đông Dương. Thái độ của Mỹ, Anh trong vấn đề Đông Dương đang có chiều hướng thuận lợi đối với Pháp. Sau khi hất cẳng Pháp ra khỏi Xi-ri và Li-băng, Anh đã quay lại dàn hòa với Pháp, giúp đỡ quân Pháp trong bước đầu trở lại Đông Dương. Tại Mỹ, Ru-dơ-ven chết; Tơ-ru-man lên cầm quyền đang tìm cách vỗ về Pháp: Đờ Gôn đã được mời sang Oa-sinh-tơn, Chính phủ Pháp được cử người tham dự lễ đầu hàng của Nhật Bản, và sau đó là việc Mỹ cho Pháp vay tiền. Thực ra lúc này, Mỹ đang có âm mưu tìm cách nô dịch Pháp bằng kế hoạch viện trợ kinh tế Mác-xan, nhằm biến nước Pháp thành một căn cứ chống cộng ở châu Âu. Riêng về vấn đề Đông Dương, Mỹ đã nhòm ngó dải đất ở Đông Nam Á này từ lâu. Mỹ đã nhiều lần công kích chính sách của Pháp tại Đông Dương, khi thì đòi Pháp phải mở rộng quyền hạn cho các nước ở đây, khi thì đòi quốc tế hóa bán đảo này trong năm mươi năm. Các đề nghị này bị Pháp phản đối, còn Anh thì không đồng tình. Mỹ đã tính chuyện dùng Tưởng để hất cẳng Pháp, nhưng Tưởng bất lực. Lúc này, Mỹ muốn giúp Pháp đàn áp phong trào cách mạng ở Đông Dương trong khi Mỹ cần có thời gian để chuẩn bị một âm mưu lâu dài.

Bọn đại tư bản Pháp đã ngả theo con đường lệ thuộc vào Mỹ.

Sau cuộc tổng tuyển cử, Bi-đôn phải trao lại quyền của nội các cho quốc hội. Bản hiến pháp đã được thông qua đến giữa tháng 1 năm 1947 mới bắt đầu có hiệu lực. Trong khi chờ đợi thành lập chính phủ chính thức, quốc hội phải cử ra một chính phủ làm thời để điều khiển công việc. Các đảng phái chính trị lại lao vào chuẩn bị cho cuộc tranh giành chiếc ghế chủ tịch chính phủ làm thời sẽ diễn ra vào thượng tuần tháng 12.

Trung tuần tháng 11, Đác-giăng-li-ơ về Pháp. Bản Tạm ước ngày 14 tháng 9 được Chính phủ Pháp thông qua về mặt nào đó đã giảng một đòn khá nặng vào chính sách của bọn thực dân phản động ở Đông Dương. Chính phủ Pháp

đã nhắc lại sự tôn trọng đối với tinh thần và một số điều khoản của Hiệp định Sơ bộ mồng 6 tháng 3. Điều này đã làm cho bọn tay sai ở Sài Gòn một lần nữa hết sức hoang mang. Những việc diễn ra liên tiếp gần đây tại chính quốc: Bản hiến pháp mới được thông qua, Đảng Cộng sản Pháp dẫn đầu số phiếu trong tổng tuyển cử... đã làm cho Đác-giăng-li-ơ và bọn phản động ở Đông Dương lo lắng. Viên cao ủy đã bàn tính kỹ lưỡng công việc với Van-luy trước khi rời Sài Gòn.

Trong khi chờ chính phủ mới thành lập, Chính phủ Bi-đôn tuy đã từ chức nhưng vẫn còn ở lại để giải quyết công việc hàng ngày. Viên cao ủy vẫn tìm được những chỗ dựa cũ. Đác-giăng-li-ơ đã sớm cảm thấy cái tâm trạng lo lắng trong giới cầm quyền về sự suy yếu và vai trò mờ nhạt của Pháp trên trường quốc tế. Phụ họa với luận điệu của những thế lực phản động Pháp, viên cao ủy cổ làm cho nhiều người tin rằng Việt Minh đang tìm mọi cách để tống cổ người Pháp ra khỏi Đông Dương; chỉ có một chính sách cứng rắn mới duy trì được để quốc Pháp; một sự nhân nhượng với cộng sản ở Đông Dương, với Chủ tịch Hồ Chí Minh sẽ đe dọa cả khối liên hiệp Pháp.

Vụ xung đột ở Hải Phòng đem lại cho Đác-giăng-li-ơ một cơ hội tốt. Hành động xâm lược của Van-luy được viên cao ủy trình bày như một bằng chứng về việc người Việt Nam đang dùng sức mạnh để đẩy người Pháp đi. Các báo chí phái hữu ở Pháp lập tức làm rùm beng. Chúng la ó: Quân đội viễn chinh Pháp lại một lần nữa là nạn nhân của một âm mưu Việt Minh! Cần phải có một chính sách cứng rắn thay thế cho chính sách thỏa hiệp, chính sách rút lui...

Ngày 23 tháng 11, hội đồng liên bộ về Đông Dương, vẫn ở dưới quyền điều khiển của Va-ren, được triệu tập. Sau khi nghe viên cao ủy báo cáo, hội đồng quyết định khi cần có thể dùng đến sức mạnh để đối phó với sự vi phạm các thỏa hiệp. Đác-giăng-li-ơ lập tức đánh điện báo tin cho Van-luy là đường lối chính trị cứng rắn ở Đông Dương đã được chính phủ và tất cả các đảng phái tán thành...

32

rong cuoc chien dau 0 Hai Phong, chung ta da lay duoc mot ban thong tri quan trong cua dich de ngay mong 10 thang 4 nam 1946. Cac vien chi huy quan su cua Phap da duoc lenn ngay sau khi toi don tru 0 mot dia phương, phai hoach dinh mot ke hoach an ninh bao gom viec bao ve

nơi đóng quân và nhất là việc di chuyển quân trong khắp thành phố. Kế hoạch ban đầu này phải được nhanh chóng bổ sung bằng sự nghiên cứu một loạt biện pháp để chuyển hình thức từ một kế hoạch tấn công thuần túy quân sự thành "dàn cảnh của một cuộc đảo chính" (Scénario de coup d' Etat). Các viên chỉ huy quân sự đã được chỉ thị phải thu thập những tài liệu về các cơ cấu tổ chức trong thành phố, điều tra, theo dõi thật chặt chẽ những người lãnh đạo của ta từ lý lịch, thói quen đến nơi ăn chốn ở, lập ra những đội biệt kích cải trang để khi có lệnh sẽ bất thần bắt hoặc bí mật thủ tiêu các cán bộ của ta... Bản thông tri mật này đã bộc lộ dã tâm của bọn phản động Pháp và phơi bày ra ánh sáng những hành vi đen tối của chúng từ trước đến giờ.

Vói việc Van-luy cho quân đánh chiếm Cảng Hải Phòng, thành phố lớn thứ hai trên miền Bắc, cuộc xâm lăng của quân Pháp đã bước sang một thời kỳ mới. Những đám mây đen báo hiệu một cuộc chiến tranh rộng lớn đã hiện ra ở chân trời. Những ngày sau đó, sự việc diễn ra dồn dập, tác động tới nhau giống như một phản ứng dây chuyền.

Các nhà viết sử sau này sẽ đi sâu vào nghiên cứu các sự kiện, phân tích đầy đủ chủ trương và hành động của quân thù, nêu rõ đường lối sáng suốt cũng như những chỉ thị cụ thể, kịp thời của Đảng ta, tinh thần yêu nước cao độ và công cuộc chuẩn bị kháng chiến rộng lớn của nhân dân và quân đội ta. Tôi không có ý định làm thay công việc của người viết sử. Tôi chỉ điểm lại những diễn biến chính mà phần đông chúng ta đã biết, trên bối cảnh đó, nói lên hoạt động của Bác trong tháng 12 năm 1946, tháng cuối cùng của giai đoạn lịch sử trọng đại này.

Bản thông điệp Moóc-li-e trao cho ta ngày 28 tháng 11, rõ ràng mang tính chất của một tôi hậu thư. Những điều kiện quân sự mà Bộ chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp nêu lên trong đó, ta không thể nào chấp nhận. Và Moóc-li-e đã từ chối mọi cuộc dàn xếp.

Đầu tháng 12, Xanh-tơ-ni tới Hà Nội. Y đến Bắc Bộ Phủ chào Chủ tịch Hồ Chí Minh. Từ ngày Xanh-tơ-ni về Pháp, chức ủy viên cộng hòa tại miền Bắc luôn luôn nằm trong tay bọn võ quan. Đác-giăng-li-ơ không muốn dùng những người trực tiếp liên quan đến việc ký kết Hiệp định mồng 6 tháng 3. Xanh-tơ-ni trở lại Đông Dương là do một quyết định của Mu-tê hồi tháng 11. Trước khi đến Hà Nội, y đã bị lưu lại ở Sài Gòn một thời gian.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói là chúng ta nghiêm chỉnh thực hiện những điều đã thỏa thuận trong Tạm ước 14 tháng 9. Người đòi quân đội Pháp ở Hải Phòng và Lạng Sơn phải quay về vị trí của chúng trước ngày xảy ra

xung đột. Xanh-tơ-ni hứa báo cáo gấp về nước và sẽ chuyển cho ta sớm những quyết định mới của Chính phủ Pháp.

Quân Pháp bắt đầu đẩy mạnh những hoạt động khiêu khích tại Hà Nội. Bọn lính lê dương mũ đỏ kéo đi hàng bầy trên phố Tràng Tiền. Chúng xông vào các hiệu buôn, cướp hàng hóa. Chúng xé báo, xé ảnh trưng bày tại Nhà thông tin. Có lần chúng giật cả một lá cờ Việt Nam treo trên tường. Lính tuần cảnh Pháp phóng mô-tô bừa bãi giữa các phố đông. Chúng cố tình gây ra tai nạn và khiêu khích công an giao cảnh của ta. Một chiếc xe jeép đang chạy, bắt thần dừng lại. Bọn lính Pháp đội mũ nồi đen nhảy xuống, lôi tuột một người đi đường lên xe. Chúng cho xe chạy vụt vào thành... Những vụ bắt cóc đã chấm dứt sau khi quân Tưởng rút khỏi miền Bắc, giờ

được quân Pháp diễn lại. Có tên lính Pháp còn đứng trên nhà gác, chĩa súng xuống, bắn vào tàu điện đang chạy qua. Vòng xích xe bọc thép của Pháp ngày đêm nghiến mặt đường. Dường như bất cứ lúc nào cũng có thể nổ ra xung đột.

Ngày 7 tháng 12, quân Pháp ở Hải Phòng tiến hành một cuộc tiến công mới để mở đường ra Đồ Sơn. Quân ta chặn đánh kịch liệt. Cuộc tiến công thất bại.

Ngày 8, Pháp tăng quân trái phép ở Hải Dương.

Ngày 9, Pháp đổ bộ trái phép 800 lính lê dương vào Đà Nẵng. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi công hàm phân đối cho Đác-giăng-li-ơ và Chính phủ Pháp.

Ngày 12, quân Pháp tiến công bộ đội ta ở Tiên Yên và Đình Lập. Tiếng súng đã lan rộng tại vùng Đông Bắc.

Ngày 13, một tuần dương hạm lớn của Pháp cập bến Đà Nẵng.

Ngày 14, Pháp đưa thêm 400 lính lê dương vào Hải Phòng.

Ngày 15, hãng AFP báo tin nhiều binh lính Pháp ở An-giê-ri đang được chuyển gấp về cảng Mác-xây để xuống tàu sang Đông Dương...

Đảng ta đã nhận thấy với chiều hướng phát triển của tình hình hiện nay, một cuộc chiến tranh rộng lớn là khó tránh. Trong khi vẫn hết sức tranh thủ khả năng hòa hoãn, chúng ta đồng thời đẩy mạnh công tác chuẩn bị mọi mặt đã được tiến hành từ trước cho một cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện và trường kỳ.

Ngày mồng 7 tháng 12, phóng viên báo Pa-ri - Sài Gòn tới xin phỏng vấn Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong khi trả lời, Người đã nói: "Đồng bào tôi và tôi muốn hòa bình, thành thật mong muốn hòa bình. Chúng tôi không muốn chiến tranh, và tôi biết nhân dân Pháp cũng không muốn chiến tranh. Nhưng nếu người ta bắt buộc chúng tôi, thì chúng tôi phải kháng chiến...

Cuộc chiến đấu sẽ tàn khốc, nhưng nhân dân Việt Nam sẵn sàng chịu đựng tất cả chứ không chịu mất tự do".

Trên cả nước, từ Bắc chí Nam, đã dấy lên một phong trào phản đối bọn phản động Pháp gây hấn tại Sơn La, Lạng Sơn, Hải Phòng, Kiến An... Tổng bộ Việt Minh thay mặt chín triệu hội viên, gửi thư ngỏ tới Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chính phủ, yêu cầu Chính phủ kiên quyết bảo vệ chủ quyền, và tuyên bố sẵn sàng đem xương máu để giữ gìn từng tấc đất của ông cha. Các đoàn thể phụ nữ, thanh niên, giáo viên... đều ra hiệu triệu kêu gọi các hội viên hăng hái góp phần cùng toàn dân phá tan âm mưu xâm lược của quân đội Pháp.

Những khẩu hiệu: "Toàn dân kháng chiến", "Trường kỳ kháng chiến", "Tích cực chuẩn bị kháng chiến", "Kháng chiến là sống, không kháng chiến là chết"... xuất hiện hằng ngày trên báo Cứu quốc. Các ủy ban bảo vệ với thành phần quân, dân, chính được tổ chức ở các khu, tỉnh, thành phố (những ủy ban này về sau trở thành ủy ban kháng chiến). Điện văn của nhân dân từ khắp nơi tới tấp gửi về Thủ đô, bày tỏ niềm tin tuyệt đối ở Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chính phủ, nguyện chiến đấu đến cùng để bảo vệ Độc lập, Tự do của Tổ quốc.

Người già và trẻ em bắt đầu rời Hà Nội và những thành phố có quân Pháp đóng, đề phòng kẻ địch bắt thần mở cuộc tiến công.

Bộ đội ta lúc này đã phát triển khá rộng lớn. Vệ quốc đoàn được củng cố, chấn chỉnh về tổ chức, biên chế để trở thành Quân đội quốc gia của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Đơn vị pháo binh đầu tiên đã thành lập.

Từ trung tuần tháng 10, Đảng ta đã triệu tập Hội nghị quân sự toàn quốc. Hội nghị đã đánh giá tình hình quân sự trên cả nước, đề ra nhiều nghị quyết quan trọng nhằm nâng cao chất lượng và tăng cường sức chiến đấu của lực lượng vũ trang.

Hệ thống tổ chức Đảng trong quân đội được kiện toàn. Từ trước, Trung ương đã lập ra Quân ủy Trung ương để lãnh đạo lực lượng vũ trang. Đồng thời với việc thành lập các chiến khu, các quân khu ủy được tổ chức. Nhiều đảng viên và cán bộ của Đảng được điều thêm vào quân đội.

Chế độ đội trưởng cùng chính trị viên phụ trách đơn vị được thực hiện trong toàn quân. Ở Khu có chính trị ủy viên. Từ trung đoàn đến trung đội đều có chính trị viên. Hệ thống cơ quan công tác chính trị được kiện toàn từ trên xuống dưới. Sau đó, một thời gian, anh Văn Tiến Dũng đã được chỉ định phụ trách công tác chính trị trong quân đội.

Đảng ta giữ vững quyền lãnh đạo tuyệt đối các lực lượng vũ trang và thực hiện sự lãnh đạo trực tiếp đối với quân đội. Các cấp ủy ở địa phương có trách nhiệm lãnh đạo các lực lượng vũ trang địa phương.

Hàng ngũ dân quân du kích được củng cố. Số lượng dân quân du kích lúc này đã phát triển khá đông, tới gần một triệu người. Công việc xây dựng làng chiến đấu được tiến hành khẩn trương.

Bộ đội và dân quân du kích luyện tập ngày đêm, ra sức nâng cao trình độ chiến đấu, sẵn sàng ứng phó với tình thế nếu chiến tranh sớm nổ ra.

Chúng ta đã kịp thời rút kinh nghiệm những trận đánh ở Nam Bộ, đặc biệt là cuộc chiến đấu mới đây tại Hải Phòng, Lạng Sơn để vạch ra một kế hoạch kháng chiến

chung và chỉ đạo việc chuẩn bị kháng chiến ở các địa phương. Chúng ta cũng đã đề ra một kế hoạch phá hoại đường sá, cầu cống, "làm vườn không nhà trống", quyết không để cho một thứ gì lọt vào tay quân dịch nếu chúng mở rộng chiến tranh.

Nhiều nhà máy, xưởng cơ khí của thực dân Pháp trước đây được chuyển thành xưởng quân giới. Với tinh thần của những người chủ mới, anh em công nhân cùng với những cán bộ kỹ thuật phần lớn xuất thân từ các trường kỹ nghệ thực hành của Pháp, hăng say lao vào việc sửa chữa các loại súng và pháo hư hỏng. Chúng ta cũng bắt đầu sản xuất một số vũ khí cần thiết cho bộ binh, đạn, lựu đạn, mìn, bom ba càng...

Theo chỉ thị của Bác, căn cứ địa Việt Bắc vẫn được tiếp tục củng cố. Nhiều nhà máy, kho tàng của ta ở thành phố được đưa dần về vùng căn cứ. Bác trao nhiệm vụ cho anh Sao Đồ1 trở về Việt Bắc chuẩn bị mọi mặt cho việc di chuyển các cơ quan lãnh đạo của Đảng và Nhà nước khi cần.

Một hôm, sau cuộc họp của Hội đồng Chính phủ, khi mọi người đã ra về, Bác hỏi tôi:

- Nếu địch mở rộng chiến tranh trên miền Bắc, Hà Nội có thể giữ được bao lâu?

Tôi thưa với Bác:

- Có thể giữ được một tháng.

Bác lại hỏi:

- Các thành phố khác thì sao?
- Các thành phố khác thì ít khó khăn hơn.
- Còn vùng nông thôn?
- Vùng nông thôn nhất định ta giữ được.

Người suy nghĩ giây lát rồi nói:

- Ta lại trở về Tân Trào.

Y án để chiến đấu bảo vệ Thủ đô được nêu ra gấp rút từ tháng 11, khi tình hình Hải Phòng đã trở nên căng thẳng. Trung ương quyết định thành lập Đảng ủy Mặt trận Hà Nội, do anh Nguyễn Văn Trân làm Bí thư; ủy viên có anh Đạo, anh Tiến... Anh Trần Quốc Hoàn được cử về làm phái viên chỉ đạo và trực tiếp tham gia Đảng ủy. Khu 11, tức khu Hà Nội, được thành lập. Anh Vương Thừa Vũ được chỉ định làm Chỉ huy trưởng; anh Trần Độ là Chính trị ủy viên.

Lực lượng quân Pháp tại đây gồm các đơn vị lính lê dương mới từ Pháp sang đến Hà Nội sau ngày ký Hiệp định mồng 6 tháng 3, và bọn lính lê dương ở thuộc địa bị Nhật cầm tù đã được quân Đồng minh giải phóng. Trang bị của chúng gồm nhiều súng tự động mới của Mỹ. Dịch còn có pháo nặng, xe tăng, xe bọc thép và máy bay.

Phần lớn quân Pháp đóng tại khu thành. Ngoài ra, chúng còn đóng tại nhà thương Đồn Thủy, phủ toàn quyền cũ, trường Bưởi (nay là trường Chu Văn An) và sân bay Gia Lâm. Theo điều tra của ta thì chúng còn bố trí một số quân ở khách sạn Mê-tơ-rô-pôn (nay là khách sạn Thống Nhất). Ngôi nhà này ở ngay xế cửa Bắc Bộ Phủ. Bọn lính Pháp ở đây mặc giả thường dân. Theo sự thỏa thuận giữa đôi bên, với danh nghĩa quân tiếp phòng, quân Pháp còn có những đơn vị nhỏ gác chung với bộ đội ta ở nhiều nơi xung yếu như: Cầu Long Biên, nhà ga, nhà máy điện, nhà máy nước, nhà băng Đông Dương... Tất cả các gia đình Pháp kiều với tổng số khoảng tám nghìn người, ở những khu phố người Âu cũ và rải rác trong thành phố, đều được quân đội Pháp phát súng đạn.

Cách bố trí quân của Pháp không dày đặc, vòng trong vòng ngoài như quân Tướng trước đây. Nhưng nếu không đề phòng cẩn mật, khi trở mặt, chúng có thể bất thần đánh vào các cơ quan, đầu não của ta và gây thiệt hại nặng cho bộ đội. Với sức cơ động của xe tăng, xe bọc thép, chúng có thể nhanh chóng bít các đường ra vào của Thủ đô và chia cắt thành phố ra nhiều khu vực để tiêu diệt dần lực lượng để kháng.

Lực lượng ta ở Hà Nội lúc bấy giờ bao gồm các đơn vị bộ đội, các tổ chức tự vệ chiến đấu, tự vệ thành, các đội bảo vệ mới thành lập ở khắp các khu phố.

Bộ đội ta bố trí một bộ phận ở bên trong thành phố, một bộ phận ở ngoài. Số lượng bộ đội ở trong thành phố tuy không lớn lắm nhưng là những đơn vị đã được lựa chọn, trong đó có những đơn vị đã từng tham gia kháng Nhật ở

chiến khu làm nòng cốt. Các cán bộ chỉ huy tiểu đoàn đều là những người đã được thử thách trong chiến đấu. Tuy vậy, số đông các chiến sĩ là những thanh niên nhập ngũ chưa lâu.

Bộ đội ta đóng tập trung ở Bắc Bộ Phủ, trại Vệ quốc đoàn Trung ương và một số trọng điểm khác; ngoài ra, còn có những đơn vị phải phân tán để bảo vệ các cơ quan Nhà nước, các công xưởng và canh gác chung với quân Pháp.

Trong thời gian qua, chúng ta đã có nhiều cố gắng nhằm tăng cường trang bị cho bộ đội. Tuy nhiên, trong tình hình chung, súng đạn vẫn còn thiếu thốn. Với số pháo thu được của Pháp và của Nhật, chúng ta đã tổ chức ra những đại đội pháo binh đầu tiên. Một số pháo cao xạ 75mm được chuyển thành pháo mặt đất. Trước

ngày nổ súng, quân giới cung cấp cho bộ đội được tám chục trái bom ba càng để phá xe tăng.

Lực lượng tự vệ của ta ở Hà Nội khá mạnh, gồm tự vệ chiến đấu, tự vệ thành, khoảng tám nghìn rư ới ngư ời. Anh em có mặt ở khắp nơi trong thành phố, rất thông thạo đư ờng đi lối lại và các ngõ ngách. Với tinh thần yêu nư ớc hết sức sôi nổi, những ngư ời thanh niên thuộc mọi tầng lớp này của thành phố, ngày đêm ra sức luyện tập, có tinh thần kỷ luật và tinh thần chiến đấu cao, đư ợc trang bị phần lớn bằng vũ khí do anh em tự mua sắm hoặc chế tạo, hăng hái học hỏi, cố tìm ra những cách đánh địch có hiệu lực tốt. Từ lâu, các chiến sĩ "sao vuông" đã trở thành đối thủ đáng gờm của binh lính địch.

Việc xây dựng các trận địa chiến đấu ở Hà Nội chủ yếu do tự vệ cùng với nhân dân đảm nhiệm.

Quân và dân Hà Nội được trao nhiệm vụ nếu kẻ địch làm nổ ra chiến tranh, thì phải tiêu hao một bộ phận quan trọng quân địch, chia cắt và bao vây chúng, tìm mọi cách giam chân địch trong một thời gian nhất định, tạo điều kiện cho hậu phương hoàn thành công việc chuẩn bị và tổ chức lực lượng chuyển vào trạng thái thời chiến. Để đạt được mục đích đó, cần phải tiêu diệt từng bộ phận quân địch, lợi dụng địa hình thành phố mà chặn những bước tiến của chúng, gây tổn thất cho sinh lực của chúng, đồng thời giữ gìn và phát triển lực lượng của ta, giữ vững một số khu vực và vị trí then chốt, thực hiện cho được chủ trương phối hợp tác chiến giữa các đơn vị chiến đấu ở trong thành phố và các đơn vị từ ngoài đánh vào, gây cho kẻ địch thế lúng túng vì phải đối phó cả hai mặt; do đó mà kéo dài cuộc chiến đấu giam chân kẻ địch,

Một kế hoạch chiến đấu để bảo vệ Hà Nội đã được vạch ra khá cụ thể.

Thành bộ Việt Minh Hoàng Diệu hiệu triệu các hội viên và toàn thể đồng bào đoàn kết chặt chẽ hơn nữa, tích cực chuẩn bị hơn nữa để sẵn sàng đứng

lên khi có lệnh. Các khu phố ở nội thành, các làng xã ở ngoại thành đều họp mít tinh ra quyết nghị đòi quân Pháp phải rút về các vị trí trước ngày 20 tháng 11, yêu cầu Chính phủ kiên quyết đối phó với cuộc xâm lăng của phân động Pháp, báo cáo với Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh là nhân dân Hà Nội đã chuẩn bị để bảo vệ từng góc phố, từng ngôi nhà của Thủ đô.

Những lời hiệu triệu và kêu gọi chuẩn bị kháng chiến của Tổng bộ Việt Minh đưa ra hàng ngày trên báo Cứu quốc được toàn thể đồng bào Thủ đô sôi nổi hướng ứng. Khẩu hiệu xuất hiện trên tường, trên cửa mỗi căn nhà: "Thà chết không làm nô lệ!", "Chết vinh hơn sống nhục!"... Người đã có súng rồi cố tìm thêm cho nhiều đạn.

Người chưa có súng thì kiếm lựu đạn, rèn giáo, mác, mã tấu... Hằng ngày, đồng bào kéo đến các ủy ban khu phố đông nghịt, xin ghi tên vào các đội bảo vệ, cứu thương, hỏa thực (nấu ăn). Phụ nữ cắt bỏ những chiếc áo dài tha thướt, cắt tóc ngắn, mặc quân phục, vác súng, đeo gươm tham gia các cuộc tuần tra canh gác. Theo lệnh của Ủy ban tân cư, người già và trẻ em phải rời khỏi Thủ đô. Nhưng nhiều cụ già vẫn đòi ở lại. Các cụ lập thành những nhóm phụ lão, đi khắp nơi động viên con cháu chuẩn bị chiến đấu. Các bà mẹ, các chị quyên bông, vải len, sợi may chăn, đan áo gửi tới các chiến sĩ đang sẵn sàng diệt giặc. Người chở thóc, gạo, kẻ mang thuốc men tấp nập kéo đến góp vào quỹ kháng chiến.

Cuộc chuẩn bị chiến đấu tại Liên khu 1, nằm tiếp giáp với nơi Pháp đóng quân, đặc biệt sôi nổi. Ngày đêm vang lên khắp nơi tiếng búa, tiếng choòng cậm kịch. Những con đường mới xuất hiện trong lòng các ngôi nhà với những bức tường đục xuyên thông. Sân thượng, bao lơn, cửa sổ trở thành những vị trí bắn. Tường nhà được khoét ra làm lỗ châu mai. Nền nhà được đào lên làm hố chiến đấu và nơi ẩn nấp. Các gia đình nhắm trước những đồ đạc để khi cần là tung ngay ra mặt đường, lập thành những chiến lũy cản địch. Đồng bào trong Liên khu chuẩn bị ba tháng lương ăn. Liên khu 1 được phân phối một nửa tổng số vũ khí của Hà Nội.

Đầu tháng 12, các đội quân quyết từ tổ chức lễ tuyên thệ, nhận vũ khí, sẵn sàng làm nhiệm vụ. Các chiến sĩ này sẽ ôm bom ba càng lao vào phá xe tăng, xe bọc thép địch.

Cơ quan Nhà nước, kho tàng, các xí nghiệp như Nhà bưu điện, Nhà in giấy bạc, Viện bào chế Trung ương, các xưởng công binh... lần lượt bí mật chuyển ra ngoài. Những bệnh viện, quân y viện cũng được đưa ra vùng chung quanh.

Tuy vậy, ta vẫn chủ trương không tạo thêm cớ cho chúng vìn vào đó gây chuyện với ta. Việc xây đắp các chiến lũy chỉ làm vào những ngày tình hình

đã trở nên khá gay go. Ngay cả đến khi đó, chúng ta cũng chỉ mới bít những con đường ra vào ở các khu phố quân đội Pháp không cần phải qua lại. Tuy nhiên, Bộ chỉ huy quân đội Pháp đã phản ứng mạnh khi thấy những ụ đất với những cột gỗ, những thanh sắt tua tủa dựng lên ở nhiều nơi trong thành phố. Chúng đã nhiều lần viết công văn phản kháng. Một bữa, Moóc-li-e gặp đồng chí Chủ tịch Ủy ban hành chính Hà Nội. Y hỏi mát:

- Ông thị trưởng, có phải ông đang xúc tiến việc sửa sang các đường phố ở Thủ đô?

Đồng chí Chủ tịch đáp:

- Vâng. Vì xe xích của các ông đi lung tung quá!

Các cây to dọc hè phố đã được khoan lỗ đặt mìn. Công nhân xe lửa và xe điện chuẩn bị sẵn những toa xe khi cần sẽ đánh đổ bít kín nốt những con đường vẫn còn để chừa cho quân Pháp qua lại.

34

Trước tình hình rất nguy hiểm do bọn phản động Pháp ở Đông Dương gây nên, Bác đã tìm mọi cách để ngăn chặn bàn tay tội ác của chúng.

Ngày 6 tháng 12, Đài Tiếng nói Việt Nam phát đi lời Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi Quốc hội Pháp. Người nhắc lại một lần nữa sự mong muốn thành thật hợp tác của nhân dân Việt Nam với nhân dân Pháp. Chủ tịch Hồ Chí Minh tố cáo một số người Pháp ở Đông Dương đang phản lại tinh thần bản Tạm ước 14 tháng 9, theo đuổi chính sách dùng võ lục. Người kêu gọi Quốc hội và Chính phủ Pháp ra lệnh cho nhà chức trách Pháp ở Việt Nam phải rút quân về các vị trí trước ngày 20 tháng 11 để có thể thực hiện các điều khoản của bản Tạm ước, tránh một cuộc đổ máu vô ích.

Một tuần đã qua, lời kêu gọi khẩn thiết của Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn không được đáp lại.

Ở Pháp đang diễn ra cuộc tranh đua gay gắt giữa các đảng phái để chiếm chiếc ghế chủ tịch chính phủ làm thời.

Trong cuộc bỏ phiếu lần đầu ngày 4 tháng 12, đồng chí Tô-rê, ứng cử viên của Đảng Cộng sản Pháp dẫn đầu, nhưng không trúng cử vì chưa được quá nữa số phiếu. Lần bỏ phiếu thứ hai cũng không có ứng cử viên nào giành được đủ số phiếu cần thiết. Đảng Cộng sản Pháp không đưa người ra tranh

cứ nữa, nhưng tuyên bố sẽ không tham gia một chính phủ nào do Cộng hòa bình dân cầm đầu.

Đảng Xã hội đưa Lê-ông Blum ra ứng cử. Trước ngày bỏ phiếu, Blum phát biểu chính kiến của mình về vấn đề Đông Dương: "Chỉ có một cách duy trì nền văn minh Pháp ở Đông Dương là thỏa hiệp thành thật trên lập trường độc lập với nhân dân Đông Dương (...), quyền định đoạt về vấn đề Việt Nam không phải ở các quân nhân và kiểu dân Pháp ở Việt Nam mà phải ở trong tay Chính phủ Pa-ri". Ông Blum đòi Chính phủ Pháp phải được thành lập ngay để giải quyết vấn đề Việt Nam. Đảng Cộng sản Pháp tuyên bố: "Chúng tôi sẽ bỏ phiếu cho ông Blum nhưng không phải là sau này thái độ của chúng tôi nhất định là tán thành ông Blum".

Ngày 13 tháng Chạp, Quốc hội Pháp bỏ phiếu lần thứ ba. Blum thắng cử, nhưng chỉ hơn Su-man, ứng cử viên của Cộng hòa bình dân do bọn đại tư bản đưa ra, bây phiếu.

Ngày 15, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi một bức thông điệp cho chủ tịch mới của Chính phủ Pháp. Người nhắc lại lập trường cơ bản của chúng ta và đề ra một số điều kiện cụ thể để giải quyết tình hình bế tắc trước mắt:

- Phía Việt Nam: Đưa dân chúng tân cư trở lại các thành phố, ngừng tiến hành những biện pháp phòng ngừa tự vệ, khôi phục lại tình trạng bình thường trên các trục đường giao thông Hà Nội - Hải Phòng và Hà Nội - Lạng Sơn.
- Phía Pháp: Đưa bộ đội Pháp trở về những vị trí cũ trước ngày 20 tháng 11 tại Hải Phòng và Lạng Sơn, rút những viện binh đổ bộ trái phép vào Đà Nẵng, đình chỉ càn quét, khủng bố tại Nam Bộ và miền Nam Trung Bộ.
- Cả đôi bên: Lập ngay những ủy ban đã dự kiến để thi hành tạm ước, ngừng công kích nhau trên đài và trên báo chí...

Nhưng bức điện này cũng như tất cả những bức điện khác của Người gửi Chính phủ Pháp đều bị Bộ chỉ huy quân đội viễn chinh giữ lại ở Sài Gòn một thời gian. Nó chỉ được chuyển về Pa-ri mười một ngày sau, khi chiến tranh đã lan rộng.

Lê-ông Blum sẽ làm ăn ra sao để thực hiện những lời tuyên bố của mình về vấn đề Đông Dương?

Ngay sau khi Blum vừa trúng cử, một tờ báo phái hữu ở Pháp đã viết: "Thực tế sẽ vượt qua lý thuyết và ông Lê-ông Blum khi nắm quyền, sẽ không dám bỏ rơi Đông Dương cũng như Cơ-lê-măng-xô mới lên cầm quyền cũng không dám bỏ rơi Ma-rốc, trái với lý tưởng mà ông ta đã có". Chúng ta cũng

chẳng trông chờ gì ở Blum. Đảng Xã hội của ông ta đang ở trên đường đi ngược lại quyền lợi của người lao động Pháp... Blum tuy đôi lúc đã nói những lời tương đối tiến bộ đối với chính sách thuộc địa nhưng lại là một người ra mặt chống Đảng Cộng sản. Nửa năm trước đây, chính Blum đã được bọn đại tư bản cử đi Mỹ đàm phán để vay tiền.

Blum vâp phâi sü phân dôi tü nhiêu phía trong viêc thành lâp chính phü môi. Dâng Công sân yêu câu môt sô diêu chinh trong chutong trinh cüa ông ta. Các dâng phái hüu dôi ông ta phâi có môt duông lôi chính tri cüng rân dôi vói vân dê khôi liên hiêp Pháp. Dü kiên phân chia các bô cüa Blum bj Công hòa bình dân bác bô.

Sang ngày 17, Blum đưa ra thông qua trước quốc hội một chính phủ với toàn bộ thành phần là người của Đảng Xã hội. Mu-tê vẫn giữ Bộ nước Pháp ở hải ngoại. Lần đầu tiên từ ngày Đờ Gòn tổ chức tuyển cử đến giờ, Đảng Cộng sản không có chân trong chính phủ, mặc dù trong cuộc tổng tuyển cử vừa rồi, Đảng Cộng sản đã giành được số ghế nhiều nhất so với các chính đảng khác tại quốc hội. Phải chăng những dư luận về chuyện mặc cả hồi tháng 3 giữa Blum với Mỹ không phải là không có căn cứ.

Có tin Đác-giăng-li-ơ đã rời Pa-ri để trở lại Sài Gòn. Y vẫn tiếp tục được trao nhiệm vụ làm cao ủy tại Đông Dương. Mu-tê tuyên bố: "Tôi có cảm giác là chưa bao giờ đỏ đốc Đác-giăng-li-ơ tỏ dấu hiệu bất đồng với tôi về chính sách mà chúng tôi vẫn thi hành để giải quyết vấn đề này...'".

Cái chính sách mà Mu-tê đã nói, một lần nữa được Đác-giăng-li-ơ khẳng định lại trước đông đảo các nhà báo: "Phải cho dân Đông Dương biết rằng nước Pháp muốn có mặt ở Đông Dương. Nếu nước Pháp lưỡng lự hay trù trừ thì sẽ mất lòng tin ấy. Chúng ta phải đánh dấu ý muốn bằng cách duy trì lực lượng của ta ở đó". Viên cao ủy đã nhắc đến chủ trương "biểu dương lực lượng" của Ly-ô-tây, một viên tướng của thực dân Pháp khét tiếng tàn bạo trong cuộc chiến tranh xâm lược ở Ma-rốc.

Vẫn là những con người cũ và những chính sách cũ.

Vừ trung tuần tháng 12, sự khiêu khích của quân Pháp ở Hà Nội chuyển sang một bước mới.

Ngày 15 tháng 12, quân Pháp nổ súng ở nhiều nơi trong thành phố. Chúng bắn vào các chiến sĩ công an quận 8 tại vườn hoa Hàng Đậu. Chúng

ném lựu đạn làm bị thương hai chiến sĩ Vệ quốc đoàn ở phố Hàm Long. Chúng khiêu khích anh em tự vệ ở phố Trần Quốc Toản, và cướp một chiếc xe tay ở đây mang về nhà thương Đồn Thủy.

Sang ngày 17, máy bay thám thính của Pháp lượn suốt buổi trên bầu trời Hà Nội.

Mười giờ sáng, lần đầu, quân đội Pháp cho xe bọc thép tới phá những công sự của ta tại phố Lò Đúc. Chúng khuân những cột gỗ lên xe đưa đi. Người của Ty liên kiểm đến can thiệp. Lính Pháp trả lời chúng thi hành lệnh của cấp trên.

Cùng thời gian đó, tại đầu phố Hàng Bún, một chiếc xe nhà binh thả xuống một toán lính lê dương. Bọn này nhảy lên ụ đất, xả súng bắn vào đồng bào. Tự vệ của ta đánh trả. Lính Pháp kéo tới đông thêm, ùa vào những nhà dân, tàn sát đàn bà trẻ em. Hàng chục người chết và bị thương. Có người bị lính Pháp dùng dao găm cứa cổ rồi để nằm thoi thóp trên vũng máu. Chúng bắt một số đàn bà đưa đi. Lát sau,

những toán lê dương lại kéo tới phố Yên Ninh ở gần đó. Chúng lùng sục các nhà dân, bắn chết và làm bị thương thêm nhiều đồng bào.

Buổi trưa, Pháp dàn quân từ cổng thành đến cầu Long Biên. Chúng cho quân bao vây đồn công an quận 2.

Tại nhà máy điện Yên Phụ, nơi một tổ canh gác hỗn hợp vừa được tổ chức cách đây vài ngày, một lính Pháp bất thần quay súng bắn chết đồng chí bộ đội cùng đứng làm nhiệm vụ. Tất cả công nhân trong nhà máy lập tức rầm rộ biểu tình lên án hành động của quân Pháp.

Buổi chiều, quân Pháp bắn nhiều phát súng cối vào phố Hàng Bún. Bọn lính lê dương kéo đi từng toán trên đường phố, đập phá cửa kính nhiều ngôi nhà.

Bộ đội và các chiến sĩ tự vệ nghiêm chỉnh chấp hành lệnh chưa nổ súng. Anh em tiếp tục đắp thêm những vị trí phòng thủ, bình tĩnh theo dõi mọi hoạt động của địch.

Sau này, chúng ta được biết trong ngày 17, Van-luy đột ngột từ Sài Gòn ra Hải Phòng gặp Đép-bò. Moóc-li-e và Xanh-tơ-ni cũng được gọi xuống đó để nhận những chỉ thị mới.

Sang ngày 18. Cả buổi sáng, thành phố có vẻ yên tĩnh. Những cán bộ của ta làm việc tại Ty liên kiểm Hà Nội không bị bận rộn vì những hồi chuông điện thoại khẩn cấp từ các nơi gọi về như ngày hôm trước. Cuối giờ làm việc,

bỗng viên đại úy Đờ Sa-ti-ông, trưởng ty liên kiểm của Pháp chuyển cho ta một lá thu. Lời lẽ trong thư như sau:

"Bộ chỉ huy quân đội Pháp ở đây sẽ bắt buộc phải dùng những phương tiện để bảo đảm sự an toàn của quân đội, của thường dân Pháp và của ngoại kiều. Vì vậy, Bộ chỉ huy Pháp sẽ đem quân đến đóng ở Sở tài chính và nhà viên giám đốc giao thông ở đường Pát-ki-ê"1.

"Những thứ gì có thể làm cản trở sự đi lại của quân đội Pháp sẽ phải phá hủy nếu không thì quân đội Pháp sẽ tự phá lấy".

Đây là bức tối hậu thư thứ nhất của quân Pháp ở Hà Nội.

Hai giờ sau, ngay giữa trưa, những xe ô-tô chở binh lính Pháp có nhiều xe tăng và xe bọc thép đi kèm, kéo ra nhiều phố gần khu thành. Chúng bao vây khu Hồng Hà, Cửa Đông và phố Hàng Chiếu. Chúng dùng xe bọc thép phá chiến lũy và những hầm hố của ta ở phố Hàng Bút.

Buổi chiều vào cuối giờ làm việc, liên kiểm Pháp chuyển cho ta lá tối hậu thư thứ hai của Bộ chỉ huy quân đội Pháp.

"Trong ngày 18 tháng 12 năm 1946, công an thành phố Hà Nội đã không làm tròn nhiệm vụ. Nếu tình trạng đó kéo dài thì quân đội Pháp sẽ tự mình đảm nhiệm việc trị an ở Hà Nội chậm nhất là vào sáng 20 tháng 12 năm 1946".

Liên kiểm của ta lập tức trả lời:

"Cái cớ bảo rằng Công an Việt Nam không làm tròn nhiệm vụ là hoàn toàn vu khống. Quân đội Pháp không thể vin vào cớ ấy để phạm đến quyền trị an của chúng tôi, quyền tối cao của nước Việt Nam tự do".

Cũng vào những ngày đó, trong lúc máy bay trình sát dịch bắt đầu bay lượn trên bầu trời Hà Nội, tại một làng nằm bên một con sông nhỏ thuộc tỉnh Hà Đông, Trung ương Đảng ta đã có một cuộc hội nghị quan trọng để đánh giá tình hình và đề ra chủ trương mới.

Trước khi vào cuộc họp. Bác hỏi chúng tôi:

- Tình hình mùa màng năm nay ra sao? Dân có đói không?

Các anh đáp:

- Năm nay mưa nắng thuận, nhiều nơi được mùa lớn. Dân no hơn năm ngoái.

Người có vẻ vui, hỏi tiếp:

- Nếu chiến tranh nổ ra, các chiến sĩ có đủ gạo ăn không?
- Các huyện quanh Hà Nội và ở các tỉnh đều đã lập kho lương thực để cung cấp cho bộ đội. Các làng đều có ủy ban tiếp tế.
- Công tác phá hoại giao thông đã làm đến đâu?
- Các đường lớn quanh Hà Nội đều được phá hoại, cơ giới của dịch không thể đi được. Riêng những đường đè ta không phá mà chỉ đắp ụ nên phải có thêm thời gian.

Sau khi phân tích tình hình mọi mặt, Người nhận định:

- Âm mưu của Pháp mở rộng chiến tranh nay đã chuyển sang một bước mới. Thời kỳ hòa hoãn đã qua. Chúng ta đã nhân nhượng nhưng càng nhân nhượng thì kẻ địch càng lấn tới. Nhân dân ta không thể trở lại cuộc đời nô lệ một lần nữa. Cuộc kháng chiến của nhân dân ta sẽ trường kỳ và gian khổ song nhất định sẽ thắng lợi...

Sáng sớm ngày 19, chúng ta nhận được một tối hậu thư nữa của Bộ chỉ huy quân đội Pháp, bức tối hậu thư thứ ba trong vòng hai ngày. Những yêu cầu chúng đặt ra cho ta là: - Phải tước vũ khí của tự vệ tại Hà Nội - Phải đình chỉ mọi hoạt động chuẩn bị kháng chiến - Phải trao cho quân đội Pháp việc duy trì an ninh trong thành phố.

So với những điều mà chúng đã nêu với chúng ta chiều hôm trước, quân Pháp đã tiến thêm một bước: Đòi tước vũ khí lực lượng tự vệ của ta.

Những gì đã xảy ra ở Hải Phòng hồi hạ tuần tháng 11 đang diễn lại ở đây. Tại Hải Phòng, Đép-bờ cũng nêu ra cho ta một số điều kiện mà chúng biết là ta không thể nào chấp nhận được trước khi chúng mở cuộc tiến công chiếm đoạt thành phố.

Chủ tịch Hồ Chí Minh viết cho ủy viên cộng hòa Pháp tại miền Bắc Đông Dương một lá thư ngắn:

"Những ngày vừa qua tình hình trở nên căng thẳng hơn. Thực là rất đáng tiếc. Trong khi chờ đợi quyết định của Pa-ri, tôi mong rằng ông sẽ cùng ông Giám tìm một giải pháp để cải thiện bầu không khí hiện tại.

Bác trao thư này cho anh Hoàng Minh Giám. Liên kiểm ta báo với liên kiểm Pháp: Anh Giám yêu cầu gặp ủy viên cộng hòa Pháp ngay chiều hôm đó. Xanh-tơ-ni khước từ, nói phải đợi đến ngày hôm sau.

Ngày hôm sau, 20 tháng 12, là ngày Moóc-li-e đã tuyên bố quân đội Pháp sẽ "hành động" nếu ta chưa trao quyền trị an cho chúng. Phải chăng là Pháp muốn từ chối mọi việc dàn xếp? Trong một bài trả lời phỏng vấn của báo Pa-ri - Sài Gòn cách đó ít hôm, ủy viên cộng hòa Pháp đã nói là Pháp đứng trên thế mạnh và sẽ bình tĩnh chờ đợi với cái thế của những kẻ mạnh.

Từ nửa tháng nay, toàn thể binh lính Pháp, trừ những tên được tung ra các phố để phá phách, khiêu khích, đều được lệnh cấm trại. Thời gian đang trôi đi rất nhanh. Chúng sẽ bắt đầu vào lúc nào? Ngày mai - hay sớm hơn nữa?

Chiêu ngày 19, tôi cùng anh Trần Quốc Hoàn và anh Vương Thừa Vũ đi thăm bộ đội và nhân dân chuẩn bị chiến đấu.

Dọc phố Ô Chợ Dừa, nhiều nhà cửa đóng kín. Tàu điện vẫn chạy. Những toa tàu từ phía Hà Đông chạy về, khách vắng tanh. Một số cụ già và em nhỏ tiếp tục rời Hà Nội bằng xe tay. Trên xe, những gói quần áo, chăn màn chất đống trước, sau. Những người đi tản cư kia chắc không mấy ai nghĩ còn phải nhiều năm họ mới trở lại những đường phố thân yêu này. Mấy anh tự vệ, người treo trên vai một khẩu

súng bắn chim, người giắt ở thắt lưng một trái lựu đạn lọ mực, đang đi kiểm tra lại những lỗ đặt mìn dục ở các thân cây.

Đến đầu Ô, chúng tôi phải treo qua một ụ đất khá cao để vào trong phố Khâm Thiên. Khác với phố Ô Chợ Dừa vắng vẻ, đường phố Khâm Thiên hiện ra đông vui, tấp nập. Những nhóm tự vệ có xen một, hai đồng chí Vệ quốc quân, mũ ca-lô gắn sao vàng, vừa đi vừa trao đổi. Từ trong ngõ, những chiếc xe bò chở đất đang tiếp tục được đẩy ra. Thanh niên trai, gái vừa đun xe vừa vui về la hét mọi người tránh đường. Một số ngôi nhà ăn, giải khát vẫn còn mở cửa.

Chiến lũy ở đầu phố Khâm Thiên, phía nhà ga, rất nhộn nhịp. Thành đất đắp cao. Những thanh đường sắt đâm tua tủa về phía trước. Hai anh tự vệ cầm súng đứng gác trong công sự. Nhà dầu Sen ở trước mặt họ mấy chục mét, có quân Pháp đóng. Không xa đó là nhà ga, cũng có bọn Pháp. Các chiến sĩ tự vệ đóng những cọc gỗ và tiếp tục đắp đất vào chiến lũy. Những chị phụ nữ gánh đất và khuân thêm những phiến tà-vẹt đến. Một tổ úy lạo đang hát để động viên họ. Từ phía nhà ga, thỉnh thoảng lại vọng đến tiếng rú của xe bọc thép.

Chúng tôi đến xem những vị trí bắn, rồi hỏi chuyện các đồng chí tự vệ. Anh em vui vẻ kể lại trưa nay, một chiếc háp-tơ-rắc của Pháp đến đây. Khi tên lái xe nhìn thấy những chiếc nồi đất úp trước chiến lũy của ta, nó đã phải cho xe lùi lại.

Lớp người trẻ tuổi này đang khẩn trương chuẩn bị cho một cuộc chiến đấu quyết liệt với kẻ thù, còn rất xa lạ với chiến tranh. Nhưng qua câu chuyện với anh em, tôi đã thấy mọi người đang đón nó với niềm lạc quan, tin tưởng. Họ chưa biết những gì sẽ đến với họ ngày mai. Nhưng nhìn về mặt của họ, ta biết rồi đây họ sẽ vượt qua mọi thử thách.

Hoàng hôn xuống nhanh. Các đường phố im ắng lạ thường. Trời rét khô. Những ngôi nhà như thu mình lại đứng sưởi ấm dưới ánh điện màu vàng nhạt.

Bê ngoài, thành phố như có vẻ ngại tiết trời giá lạnh, đi ngủ sớm. Nhưng bên trong, đang dấy lên những đợt sóng ngầm. Các chiến sĩ đều có mặt tại chiến lũy. Có tin báo cáo về, ở các tiệm ăn uống, giải khát và trên khắp các đường phố, đều không còn bóng một tên lính Pháp. Những xe bọc thép của dịch đã tiến ra đứng chặn ở một số ngã đường...

36

ột tối mùa Đông, lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh đề ngày 20 tháng 12 năm 1946 được Đài Tiếng nói Việt Nam truyền đi từ một địa điểm tạm thời, cách Hà Nội không xa, trên đường di chuyển về khu căn cứ.

"Hời đồng bào toàn quốc!

"Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta đã nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa.

"Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ.

"Hời đồng bào! Chúng ta phải đừng lên!

"Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc, hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp, cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng, ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuống, gậy gộc, ai cũng phải ra sức chống thực dân cứu nước.

"Hời anh em binh sĩ, tự vệ, dân quân!

"Giò cứu nước đã đến! Ta phải hy sinh đến giọt máu cuối cùng để giữ gìn đất nước.

"Dù phải gian lao kháng chiến, nhưng với một lòng kiên quyết hy sinh, thắng lợi nhất định về dân tộc ta.

"Việt Nam độc lập và thống nhất muôn năm!

Kháng chiến thắng lợi muôn năm!".

Từ đêm hôm trước, đêm 19 tháng 12 lịch sử, chiến tranh đã lan rộng ra cả nước ta. Hơn một năm sau ngày Nam Bộ đứng lên kháng chiến, tiếp theo các cuộc chiến đấu của quân và dân ta ở Sơn La, Lạng Sơn, ở thành phố Cảng Hải Phòng, nay đến lượt quân và dân ta ở Hà Nội nổ súng đánh trả quân xâm lược. Nam Định, Hải Dương, Bắc Ninh, Bắc Giang, Huế, Đà Nẵng... cũng đã vùng dậy chiến đấu cứu nước diệt thù. Cuộc kháng chiến toàn quốc đã bùng nổ.

-
    -
    -

Ngày nay, tại Viện bảo tàng Cách mạng Việt Nam, chúng ta có thể đọc một bản bút tích của Chủ tịch Hồ Chí Minh với tiêu đề "Công việc khẩn cấp bảy giờ" có ghi ngày mồng 5 tháng 11 năm 1946. Với bản tài liệu quý giá này, chúng ta có thể biết, ngay sau khi ở Pháp trở về nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận thấy nhân dân ta rất khó tránh một cuộc chiến tranh rộng lớn do để quốc Pháp gây ra. Người đã tự tay vạch ra những điều cơ bản để đối phó với tình hình có thể đột biến, một kế hoạch vừa kháng chiến vừa kiến quốc.

Về cuộc Trường kỳ kháng chiến, Người đã viết:

"Ta phải hiểu và phải cho dân hiểu rằng: Cuộc kháng chiến sẽ rất gay go cực khổ.

"Dù địch thua đến 99 phần trăm, nó cũng ráng sức cắn lại. Vì nó thất bại ở Việt Nam, thì toàn bộ cơ nghiệp để quốc nó sẽ tan hoang (...).

"... Khi chỉ có hai bàn tay trắng, với một số đồng chí bí mật leo lói trong rừng, ta còn gây nên cơ sở kháng Nhật, kháng Pháp. Huống gì bây giờ, ta có quân đội, có nhân dân. Nam Bộ, địa thế khó, chuẩn bị kém, mà kháng chiến đã hơn một năm. Nhìn chung cả nước thì địa thế tốt, lực lượng nhiều hơn, nhất định kháng chiến được mấy năm, đến thắng lợi".

-
    -
    -

"Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta đã nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng thực dân Pháp càng lấn tới...". Tất cả những cố gắng của Người cho đến những giờ phút cuối cùng đã không ngăn chặn được bàn tay tội ác của kẻ thù. Ngọn lửa chiến tranh xâm lược đã lan rộng khắp đất nước ta.

"Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nó lệ. Hỡi đồng bào, chúng ta phải đứng lên!..."

Mùa Đông năm ấy, năm mươi sáu tuổi, với cây gậy trúc và đôi dép cao su, Người lên đường đi kháng chiến, cuộc kháng chiến thần thánh lần thứ nhất.

"Có rán sức qua khỏi mùa Đông lạnh lẽo thì ta sẽ gặp mùa Xuân".

Cả dân tộc ta đã đứng lên theo tiếng gọi của Người, với một quyết tâm lớn, một khí thế mạnh, một tinh thần diệt thù cứu nước, hy sinh dũng cảm tuyệt vời, lập nên những chiến công lớn ngay trong những ngày mùa Đông giá lạnh đầu tiên của cuộc kháng chiến toàn quốc.

Từ đó, dưới ngọn cờ của Chủ tịch Hồ Chí Minh, của Đảng, dân tộc ta đã vượt qua muôn vàn gian khổ trong suốt ba nghìn ngày đêm chiến đấu, càng đánh càng mạnh, càng thắng, tiến lên mãi trên con đường dẫn tới một mùa Xuân của dân tộc, tới chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ.

37

áp bút ký này được viết từ mùa Xuân năm 1970, không lâu sau ngày Bác Hồ qua đời. Tôi đã không có điều kiện để hoàn thành cuốn sách sớm hơn.

Với những tư liệu thu thập được và sự đóng góp nhiệt tình của nhiều đồng chí, tôi đã cùng bạn đọc ôn lại những hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong một thời kỳ lịch sử, tuy ngắn nhưng rất quan trọng, của cách mạng ta.

Những năm đầu của thế kỷ hai mươi, người con ưu tú của dân tộc Việt Nam mang trái tim nồng cháy đi giữa đêm dày của chủ nghĩa đế quốc, tìm con đường cứu nước cứu giống nòi, đã nhìn thấy ánh sáng của vững đông ở chân trời. Kỷ nguyên mới của loài người đã bắt đầu với Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại. Nguyễn Ái Quốc là người dân thuộc địa đã sớm tìm ra con đường cứu nước trong thời đại mới là con đường cách mạng vô sản, con đường của chủ nghĩa Lê-nin.

Hơn bốn chục năm đấu tranh cách mạng của ta đã chứng tỏ "Đường kách mệnh" Người đã lựa chọn cho dân tộc là con đường duy nhất đúng đắn để giành độc lập, tự do, hạnh phúc thực sự. Đó cũng là con đường giải phóng của biết bao dân tộc đang còn sống đọa đày dưới ách thực dân, đế quốc.

Bác Hồ là Nhà yêu nước vĩ đại. Tình yêu nước thương nòi của Người sâu sắc, bao la, không thể lấy gì so sánh được. Bác đã cống hiến trọn cuộc đời mình cho sự nghiệp cứu nước cứu dân.

Bác Hồ là Người cộng sản Việt Nam đầu tiên. Tình yêu thương đồng bào của Bác gắn liền với tình yêu thương những người lao động, những người nghèo khổ. Sự nghiệp giải phóng dân tộc ở Bác không tách rời sự nghiệp giải phóng giai cấp, giải phóng loài người đang còn rên xiết vì những nỗi bất công trong một xã hội còn bóc lột, áp bức.

Bác Hồ là Lãnh tụ của Đảng ta, của nhân dân ta. Những hoạt động cách mạng của Người trong sáu mươi năm qua đã chứng tỏ Bác là nhà chiến lược vô cùng sáng suốt, là con người của những bước ngoặt vĩ đại. Những quyết định của Người và của Đảng có tầm quan trọng lịch sử về chính trị cũng như về quân sự, đã đưa cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác ngày càng to lớn, rực rỡ hơn.

Những cuộc tiến công vũ bão của Hồng quân Liên Xô, trên đường đuổi đánh bọn phát xít Đức đến tận sào huyệt cuối cùng của chúng, đã tạo điều kiện cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động ở nhiều nước Đông Âu khởi nghĩa giành chính quyền. Bọn đế quốc điên cuồng lên trước sự xuất hiện của hệ thống xã hội chủ nghĩa rộng lớn, trước bước phát triển của trào lưu cách mạng xã hội chủ nghĩa. Chúng đã tính đến chuyện trang bị lại những đạo quân phát xít bại trận, chuẩn bị cho một cuộc chiến tranh thế giới mới nhằm tiêu diệt chủ nghĩa cộng sản. Chiến tranh lạnh của phương Tây với phương Đông bắt đầu.

Vào lúc đó, Đảng ta mới mười lăm tuổi, với năm nghìn đảng viên, đã lãnh đạo toàn dân làm Cách mạng Tháng Tám thắng lợi, giành lấy chính quyền từ bọn phát xít Nhật và lũ tay sai, thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á.

Lá cờ đỏ giải phóng dân tộc tung bay trên nước Việt Nam giải phóng, hiên ngang xuất hiện giữa vùng đất cấm mênh mông của chủ nghĩa đế quốc, trước đó còn chưa ai có thể xâm phạm. Cách mạng Việt Nam đã báo hiệu với năm châu sự sụp đổ của hệ thống thuộc địa, sự phát triển mới của dòng thác

cách mạng giải phóng dân tộc. Đây không những là một sự thách thức mà còn là một mối đe dọa đối với chủ nghĩa đế quốc.

Những đạo quân đủ mọi màu da, những kẻ thù của độc lập, tự do của dân tộc cùng một lúc ùn ùn kéo tới, có mặt trên khắp đất nước ta. Mười tám vạn quân Tưởng, những tên lính chống cộng hèn hạ nhất, đóng dày đặc tại Thủ đô ta và các thành phố lớn, nhỏ trên miền Bắc. Chúng đã chuẩn bị cả một lũ tay sai nguy hiểm, rắp tâm lật đổ chính quyền cách mạng đang còn non trẻ. Đạo quân viễn chinh Pháp được đế quốc Mỹ trang bị, đế quốc Anh mở đường, bắt đầu cuộc xâm lăng, mưu chiếm lại miền Nam bằng một cuộc tiến công chớp nhoáng. Sáu vạn quân phát xít Nhật hung bạo, đã từng lật đổ chính quyền của thực dân Pháp trên bán đảo này trong một đêm, vẫn còn nằm rải suốt từ Bắc chí Nam.

Có lẽ chưa bao giờ lời nói của Lê-nin có ý nghĩa như lúc này: "Giành chính quyền đã là khó khăn nhưng giữ chính quyền còn khó hơn".

Vận mệnh của Tổ quốc từng ngày từng giờ bị đe dọa, có lúc như ngàn cân treo sợi tóc. Chỉ cần thiếu tỉnh táo một chút, chỉ cần chần chừ trong giây lát, cách mạng sẽ khó vượt qua được những giờ phút cực kỳ khó khăn. Đây chính là lúc mà tình thế đòi hỏi một sự lãnh đạo hết sức sáng suốt và vô cùng nhạy bén:

Tán công, thoái thù nhanh như chớp

Chân lẹ, tài cao ắt thắng người1.

Có Đảng, có Bác Hồ bấy giờ là một hồng phúc cho nhân dân ta, cách mạng ta.

Đường lối chính trị của Đảng và của Bác vừa cứng rắn về nguyên tắc vừa mềm dẻo về sách lược đã được thực tiễn lịch sử chứng minh là vô cùng đúng đắn. Đúng như đồng chí Lê Duẩn đã nói: "Lúc thì tạm hòa hoãn với Tưởng để rảnh tay đối phó với thực dân Pháp, lúc thì tạm hòa hoãn với Pháp để đuổi cổ quân Tưởng và quét sạch bọn phản động tay sai của Tưởng, giành thời gian củng cố lực lượng, chuẩn bị toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, điều mà Đảng ta đã biết chắc là

không thể nào tránh khỏi. Những biện pháp cực kỳ sáng suốt đó đã được ghi vào lịch sử cách mạng nước ta như một mẫu mực tuyệt vời của sách lược lê-nin-nít

về lợi dụng những mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ địch và về sự nhân nhượng có nguyên tắc"1.

Nếu chế độ sở hữu của giai cấp tư bản đã có lúc "biến chúng từ chỗ là những bạn đồng minh trở thành những con dã thú đối với nhau"2 thì ở đây, người cộng sản Hồ Chí Minh với trí tuệ của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, với đạo đức, tác phong cao thượng đã làm cho những con thú hết sức hung dữ, độc ác có lúc trở thành những con vật có thể ở chung với người, và đôi khi sử dụng được chúng vào những việc đem lại lợi ích cho cách mạng. Do đó, Người đã bảo vệ được nước Việt Nam dân chủ cộng hòa mới sinh giữa bầy sói dữ, qua khỏi được thời kỳ trứng nước.

Nhờ có sự lãnh đạo của Đảng và của Người, cách mạng Việt Nam đã đứng vững trước những thử thách hiểm nghèo buổi đầu, tiến lên hoàn thành những nhiệm vụ trọng đại mà lịch sử đã trao cho nhân dân ta.

-
    -
    -

Bọn đế quốc và những kẻ đại diện quyền lợi cho chúng ở chính quốc cũng như ở thuộc địa đã không muốn nhận thấy mà cũng không thể nhận thấy được những đổi thay tận gốc trên bán đảo này trong những năm Chiến tranh thế giới lần thứ hai.

Đờ Gôn tướng là đã "ban rất nhiều ơn mưa móc" cho nhân dân các nước Đông Dương với bản tuyên ngôn ngày 24 tháng 3 năm 1945. Số đông chính khách, tướng lĩnh tư sản Pháp tin là có thể dùng sức mạnh quân sự để lập lại nền thống trị của chúng ở Đông Dương, chúng chủ trương cứu vãn địa vị suy yếu của Pháp trên trường quốc tế bằng cách cố duy trì các thuộc địa. Trong khi đông đảo nhân dân Pháp lên án chủ nghĩa thực dân, ủng hộ cuộc đấu tranh giành độc lập, thống nhất chính đáng của nhân dân ta, thì trong hàng ngũ của bọn thực dân, những kẻ nhìn ra được phần nào tình hình mới ở đây, chủ trương bảo vệ quyền lợi của chúng bằng một cách khác, như Lơ-cléc, khi đó còn rất hiếm. Chỉ đến lúc đội quân viễn chinh Pháp đã hoàn toàn thất trận, Đờ Gôn mới chịu thú nhận là đối với vấn đề Đông Dương, trước đây, y đã lầm.

Chủ nghĩa để quốc tham lam, tàn bạo và mù quáng đã trở thành một vết nhơ mà loài người cần rửa sạch. Toàn thể dân tộc Việt Nam ta muôn người như một, quyết

không để cho kẻ thù cướp nước ta một lần nữa. Mùa Đông năm đó, Người đã nói lên nguyện vọng sâu xa và cũng là ý chí của cả dân tộc:

"Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ.

Hỡi đồng bào! Chúng ta phải đứng lên!".

Cuộc chiến đấu mà kẻ thù buộc chúng ta phải chấp nhận cũng là cuộc chiến đấu đào mồ chôn chúng. Bài học thật thích đáng đã đến với đế quốc Pháp tám năm sau đó ở Điện Biên Phủ. Chúng ta đã chứng minh một chân lý mới của thời đại mới: "Một dân tộc dù nhỏ bé, khi đã có một đường lối đúng, quyết tâm cầm vũ khí đứng lên đánh trả bọn xâm lược, hoàn toàn có khả năng đánh bại cả những tên đế quốc hùng mạnh".

Người thương lượng với nhà cầm quyền Pháp mùa Thu năm 1946 tại Pa-ri, đã trở thành "Người đánh đắm chủ nghĩa thực dân Pháp".

Vói chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, nhân dân ta đã giành lại được nửa nước. Miền Bắc giải phóng vững bước tiến lên trên con đường của chủ nghĩa xã hội, làm thành trì vững chắc của sự nghiệp cách mạng cả nước.

Đế quốc Pháp già nua bị loại ra ngoài vòng chiến. Giờ cáo chung của chủ nghĩa thực dân cũ đã điểm. Nhưng trận đánh lâu dài và gian khổ giữa nhân dân ta với chủ nghĩa đế quốc chưa kết thúc. Đế quốc Mỹ, tên đế quốc đầu sò, vẫn quyết bám lấy miền Nam đất nước ta. Với tiềm lực kinh tế và quân sự khổng lồ, chủ nghĩa thực dân mới của đế quốc Mỹ, gian ngoan hơn và cũng bội phần tàn bạo hơn, còn chưa rút ra được bài học cần thiết. Cuộc chiến tranh trên bán đảo này bắt đầu bằng những loạt súng của bọn binh lính Pháp được quân đội Anh đưa ra khỏi các nhà tù của Nhật ở Sài Gòn, đã không chấm dứt với thất bại nhục nhã của đội quân viễn chinh Pháp; nó vẫn còn tiếp diễn trên một nửa đất nước của ta và ngày nay, đã trở thành cuộc chiến tranh lớn nhất, quyết liệt nhất, kéo dài nhất kể từ sau Đại chiến lần thứ hai.

Để thực hiện chiến lược toàn cầu của chúng, đế quốc Mỹ đã huy động cho cuộc chiến tranh xâm lược ở miền Nam nước ta trên một triệu rưỡi quân Mỹ, chư hầu và tay sai. Chúng muốn dập tắt phong trào cách mạng

giải phóng dân tộc ngày càng sôi sục ở đây, đang thổi luồng gió mạnh vào ngọn lửa đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân đã bùng cháy ở khắp nơi, đe dọa làm sụp đổ toàn bộ cơ đồ của bọn đế quốc. Chúng đã huy động tới đây những phương tiện giết người hiện đại nhất của thế giới phương Tây. Chúng đã trút xuống bán đảo này

một số lượng bom đạn lớn hơn số bom đạn chúng đã ném xuống các chiến trường trong Chiến tranh thế giới lần thứ hai. Những tên rợ "hung nô" của thế kỷ này đã tiến hành trên đất nước ta một cuộc chiến tranh xâm lược tàn bạo nhất trong lịch sử của loài người.

Lời hịch chống Mỹ của Chủ tịch Hồ Chí Minh lại vang dậy núi sông:

"Chúng có thể đưa 50 vạn quân, 1 triệu quân hoặc nhiều hơn nữa để đẩy mạnh chiến tranh xâm lược ở miền Nam Việt Nam. Chúng có thể dùng hàng nghìn máy bay, tăng cường đánh phá miền Bắc... chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ! Không có gì quý hơn độc lập, tự do...".

Đáp lại lời kêu gọi của Người và của Đảng, toàn quân và dân ta không sợ gian khổ, không ngại hy sinh, nêu cao tinh thần chiến đấu anh dũng tuyệt vời, quyết tâm thực hiện lời dạy của Người: "Hễ còn một tên xâm lược trên đất nước ta, thì ta còn phải tiếp tục chiến đấu, quét sạch nó đi".

Miên Nam đi trước về sau, bên bí kiên cường, xứng đáng với danh hiệu "Thành đồng của Tổ quốc", càng đánh càng mạnh, càng thắng, đã làm cho đạo quân xâm lược được trang bị đến tận răng, ngày càng lún sâu trong vũng lầy của cuộc chiến tranh tội lỗi. Từ trong ngọn lửa chiến đấu trường kỳ quyết liệt, chính quyền cách mạng ở miên Nam đã ra đời, Chính phủ cách mạng làm thời Cộng hòa miên Nam Việt Nam đang làm nhiệm vụ lịch sử lãnh đạo quân và dân ta đánh đuổi đế quốc Mỹ, giải phóng miên Nam, tiến tới hòa bình thống nhất Tổ quốc.

Miên Bắc đứng vững trước những trận mưa bom, đánh tan tác bọn giặc trời đến gây tội ác, dốc lòng dốc sức chi viện miên Nam, tiếp tục tiến lên từng bước vững chắc trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Chúng ta đã liên tiếp đánh bại những chiến lược chiến tranh cướp nước của kẻ thù. Những đạo quân xâm lược thừa thải đạn bom của đế quốc Mỹ

chắc chắn sẽ không tránh khỏi số phận bi thâm đã dành cho những đội quân xâm lược trên đất nước này.

Hơn bốn chục năm đấu tranh cách mạng của nhân dân ta từ ngày có Đảng sẽ mải mãi được khắc bằng những chữ vàng chói lọi trong lịch sử đấu tranh oanh liệt hàng nghìn năm dựng nước và chiến đấu giữ nước của dân tộc ta. Sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc của Đảng ta và nhân dân ta đã vượt lên trên ý nghĩa của

một cuộc chiến đấu chống xâm lược ở một nước vì nó chứng minh những chân lý mới của thời đại mới.

Trong sự nghiệp vĩ đại đó hiện lên hình ảnh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, hùng vĩ mà giản dị, thiêng liêng mà gần gũi, rực rỡ mà thuần khiết như ánh ban mai.

Khoảng thời gian ngắn từ ngày Cách mạng Tháng Tám thành công năm 1945 đến ngày Toàn quốc kháng chiến 19 tháng 12 năm 1946 là một thời kỳ rất quan trọng trong lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng ta, của nhân dân ta. Chỉ riêng trong những năm tháng không thể nào quên đó, chúng ta có thể thấy được một hình ảnh khá trọn vẹn của Bác Hồ.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là Người con ưu tú nhất của Tổ quốc Việt Nam.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là Người chiến sĩ lỗi lạc của phong trào cộng sản quốc tế.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là Nhà chiến lược vĩ đại đã đưa con thuyền cách mạng Việt Nam vượt qua biết bao bảo táp phong ba, đi đến những bến bờ thắng lợi.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là con người mới Việt Nam. Bác là lãnh tụ, là người thầy, là đồng chí. Ở Bác tập trung những phẩm chất, đạo đức của con người mới của một xã hội mới vừa bắt đầu hình thành.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là con người mới của thời đại mới.

Với Đảng, với Chủ tịch Hồ Chí Minh, một thế hệ đã ra đời: Thế hệ Hồ Chí Minh.

Thế hệ đó đã đảm đương nhiệm vụ làm người chiến sĩ xung kích chiến đấu cho một kỷ nguyên mới của đất nước, của loài người: Kỷ nguyên của độc lập, tự do, của chủ nghĩa xã hội.

Thế hệ đó được rèn luyện theo gương Bác Hồ vĩ đại, đang không ngừng tiến lên thực hiện lý tưởng của Người, của Đảng là: "Xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới".

Thế hệ đó đang tiếp tục đi lên theo tiếng gọi của Người:

"Tiến lên!

Toàn thắng ắt về ta!"

Mùa Xuân 1972

CHIẾN ĐẤU TRONG VÒNG VÂY

HỮU MAI thể hiện

(Theo bản in lần thứ hai của Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1998)

Cảm ơn Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, Ban Tổng kết - Biên soạn lịch sử Bộ Tổng Tham mưu, Thư viện Quân đội; các anh Lê Văn Hiển, Trần Văn Trà và các đồng chí Phan Văn Cẩn, Nguyễn Văn Hiếu, Nguyễn Thế Nguyên, Lê Trung Toản, Nguyễn Tâm và nhiều đồng chí khác đã có đóng góp tư liệu trong quà trình hoàn thành cuốn sách này.

NGUYÊN ÁI QUỐC VIỆT MINH VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA

A o những thập niên cuối thế kỷ này, những biến cố lịch sử diễn ra với tốc độ chóng mặt.

Liên bang Xô-viết, quê hương và thành trì của chủ nghĩa xã hội, tồn tại trên bảy mươi năm, bỗng sụp đổ một sớm một chiều. Chiến tranh lạnh cũng đã kết thúc! Sau sự kiện vùng Vịnh, người ta tuyên bố: Một trật tự thế giới mới, một kỷ nguyên hòa bình bắt đầu. Thì liền đó, những xung đột sắc tộc liên tiếp bùng nổ. Những nhà chính trị vừa hôm trước trở nên sáng giá nhất, thì hôm sau đã thành những "ông vua bị lột trần". Với đà phát triển vũ bão của cách mạng kỹ thuật, tin học, sinh học, những báo hiệu của một nền văn minh mới: Văn minh trí tuệ, nhiều nhà khoa học tên tuổi cách đây không lâu dự đoán một thiên đàng trên trái đất khi loài người bước sang thế kỷ XXI. Nhưng giờ đây ai mà không lo âu, không phải chỉ với những nghịch lý xuất hiện ngày càng nhiều trong mối quan hệ giữa người với người, mà ngay đến cả với sự sống trên hành tinh trước những thảm họa môi trường, đất, biển, bầu không khí bị ô nhiễm, tầng ô-zôn bị phá vỡ.

Hai nghìn năm trăm năm trước, một nhà hiền triết đứng ngắm dòng sông tự hỏi: "Trôi chảy mãi thế ư, ngày đêm không ngừng ư?". Dòng sông chưa khô cạn thì không hề ngưng nghĩ. Nó có lúc hiền hòa, có lúc hung dữ, có lúc đổi chiều. Năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: "Con thuyền cách mạng đang luồn qua những mỏm đá ghềnh lướt tới". Trên con thuyền là vận mệnh của cả dân tộc. Người hằng mong đưa thuyền tới một bến bờ hạnh phúc. Con thuyền ngày nay cũng đang lướt trên dòng sông lịch sử đầy bão tô.

Ở thời điểm cực kỳ xáo động và biến động như hiện nay, người ta có xu hướng xét lại mọi giá trị. Cần khẳng định những giá trị lâu bền. Có những

giá trị đã thay đổi. Xác định những giá trị mới là điều không dễ dàng. Mọi đổi mới đều không thể thoát ly nền tảng lịch sử của dân tộc, những thành, bại trong quá khứ.

Tôi muốn dành một thời gian nhớ lại và suy nghĩ về những gì mình đã chứng kiến, những việc đã trải qua, mong tìm được đôi điều có ích cho công cuộc đổi mới của Đảng và nhân dân ta.

Thời gian không có nhiều, tôi đặt cho mình một yêu cầu chừng mực: Cố gắng nói được những điều thật cần nói.

1. Nguyễn Ái Quốc

Trong tập Từ nhân dân mà ra, tôi đã kể lại những ấn tượng lần đầu gặp Nguyễn Ái Quốc ở Thúy Hồ, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc, cách đây hơn nửa thế kỷ. Ở Bác là sự chừng mực trong lời nói, việc làm. Không khi nào quá vui. Buồn lo ít lộ trên nét mặt. Trong cái vẻ bình dị của Bác chứa đựng một sự tiềm ẩn sâu lắng.

Nhiều năm làm việc gần Người, rất ít khi nghe Bác nói về những gì đã trải qua suốt ba thập niên đi tìm đường cứu nước. Trong tiểu sử Chủ tịch Hồ Chí Minh về thời kỳ này có nhiều chỗ trống, mà gần đây qua những dữ kiện, tư liệu dần dần được phát hiện, chúng ta mới hiểu thêm được một phần.

Nguyễn Ái Quốc đến với chủ nghĩa quốc tế vô sản có những nét không giống với nhiều người cùng thời. Chính theo lời Người kể lại, khi đó Người chưa hiểu bao nhiêu về Quốc tế II, III, "Quốc tế nào ủng hộ giải phóng các dân tộc thuộc địa thì tôi theo". Luận cương về các vấn đề dân tộc và thuộc địa của Lê-nin chỉ ra những dân tộc thuộc địa muốn giải phóng phải đi với cách mạng của giai cấp vô sản. Nguyễn Ái Quốc gia nhập Đảng Cộng sản là để cứu dân tộc mình.

Ngay từ năm 1921, Nguyễn Ái Quốc viết trên tạp chí Cộng sản: "Ngày mà hàng trăm triệu người dân châu Á bị đầy đọa, áp bức sẽ nổi dậy gạt bỏ sự bóc lột ti tiện của những tên thực dân tham lam vô độ, họ sẽ hình thành một lực lượng khổng lồ và sẽ có thể, qua việc thủ tiêu một trong những điều kiện tồn tại của chủ nghĩa tư bản tức là chủ nghĩa để quốc, giúp cho những người anh em của họ ở phương Tây trong nhiệm vụ giải phóng hoàn toàn". Cũng vào thời gian này, bản tuyên ngôn của Hội Liên hiệp thuộc địa do Người khởi thảo, có những câu: "Anh em phải làm thế nào để được giải phóng? Vận dụng công thức của Các Mác, chúng tôi xin nói với anh em rằng, công cuộc

giải phóng anh em chỉ có thể thực hiện được bằng sự nỗ lực của bản thân anh em". Những điều này không có trong những văn kiện của Quốc tế Cộng sản. Cho tới năm 1928, trong Hội nghị lần thứ sáu, Quốc tế Cộng sản vẫn giữ nguyên nhận định: Những dân tộc thuộc địa chỉ có thể được giải phóng sau khi cách mạng vô sản ở chính quốc thành công.

Ngay từ thời đó, người cộng sản Nguyễn Ái Quốc đã có sắc thái riêng. Cái mãi mãi không đổi ở Người là lòng yêu nước thương nòi, tinh thần tự lực tự cường của dân tộc Việt Nam.

Những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc mà chúng ta đã biết đều gắn với sự nghiệp giải phóng đất nước, giải phóng các dân tộc thuộc địa. Ngày nay, chúng ta nhận thấy một số luận điểm của Nguyễn Ái Quốc là những phát kiến quan trọng có tầm vóc lịch sử. Nhưng vào thời đó, Nguyễn nếu không hẳn là một người lữ hành cô đơn thì cũng gặp không ít khó khăn. Chính cương Đảng Cộng sản, cũng như tên Đảng, do Người soạn thảo và lựa chọn, không được chấp nhận. Trong đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Đông Dương dự Đại hội lần thứ bảy của Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc chỉ có mặt những ngày cuối với tư cách một đại biểu tư vấn. Có thời gian Người làm công việc rất bình thường là duy trì mối liên hệ giữa Quốc tế với các đồng chí trong nước. Nhưng tất cả những điều đó không ngăn cản Người trở thành một cán bộ xuất sắc của phong trào cộng sản quốc tế, và tiếp tục con đường giải phóng dân tộc của mình.

"Đem sức ta mà tự giải phóng cho ta", Nguyễn Ái Quốc bắt đầu bằng việc lập Thanh niên Cách mạng đồng chí Hội. Bao giờ Người cũng chú ý tới thanh niên, vì họ là ngày mai của dân tộc. Đầu năm 1930, Người thống nhất các tổ chức cộng sản trong nước thành Đảng Cộng sản Việt Nam. Những năm sau đó, vai trò của Người đối với phong trào cách mạng trong nước không rõ rệt. Khi có tin Người bị đế quốc cầm tù. Khi có tin Người đã mất vì bệnh lao. Những hoạt động của Đảng cũng lắng xuống sau thất bại khởi nghĩa Xô-viết Nghệ Tĩnh. Chúng tôi nghĩ đến Người như một tấm gương sáng, một nhân vật huyền thoại. Phong trào cách mạng trỗi dậy từ năm 1935 nhân lúc Mặt trận Bình dân ở Pháp lên cầm quyền. Năm 1938, Nguyễn Ái Quốc có liên lạc với phong trào cách mạng trong nước. Thời gian làm báo ở Hà Nội, chúng tôi liên tiếp nhận được bài của Nguyễn Ái Quốc dưới những bút danh khác nhau. Sự xuất hiện trở lại của Nguyễn Ái Quốc là một nguồn khích lệ to lớn. Tháng 5 năm 1940, trước ngày tôi rời đất nước, anh Hoàng Văn Thụ cho biết ra nước ngoài có thể sẽ gặp Nguyễn Ái Quốc. Tôi nghĩ Nguyễn Ái Quốc có vai trò quyết định đối với vận mệnh của Tổ quốc, của dân tộc.

Bác đã sang tuổi năm mươi. Bề ngoài, Bác khác nhiều với những tấm ảnh chụp thời trẻ. Bác đã để râu. Vầng trán bắt đầu cao, nhưng râu, tóc đều còn đen. Đôi mắt đặc biệt tinh anh trên khuôn mặt bình thản, có phần trầm lặng. Bác cho tôi xem tấm danh thiếp với cái tên mới: "Hồ Chí Minh, Ký giả Tân Thanh nhật báo". Tôi không hề nghĩ đây là tính danh Người đã lựa chọn cho cả giai đoạn mới sau này.

Từ cuối năm 1923, Ô-xíp Man-đen-xtam, nhà thơ Liên Xô, đã có nhận xét: "Từ Nguyễn Ái Quốc tỏa ra một nền văn hóa, không phải như văn hóa châu Âu, mà có lẽ là một nền văn hóa tương lai". Nhiều người phương Tây gặp Bác sau ngày Cách mạng Tháng Tám, thường miêu tả Chủ tịch Hồ Chí Minh có phong thái một nhà hiền triết phương Đông. Tôi muốn nói cụ thể hơn. Bác mang đậm màu sắc của người xuất thân từ một gia đình nho học nghèo ở Việt Nam, nơi mà các trào lưu văn minh châu Á: Ấn Độ, Trung Hoa... từ lâu du nhập đã hòa đồng với nền văn hóa dân tộc. Những năm bôn ba ở phương Tây, Nguyễn Ái Quốc dùng tiếng Pháp viết những bài văn luận chiến nảy lửa. Khi bị cầm tù trên đất Trung Hoa, Người làm những bài thơ chữ Hán để bày tỏ nỗi niềm. Ba mươi năm xa Tổ quốc, qua hai mươi bảy quốc gia trên bốn châu lục, Nguyễn Ái Quốc vẫn giữ trọn vẹn cốt cách dân tộc Việt Nam, cái mà không một nền văn minh nào có thể đồng hóa. Bác thường nhắc lời Khổng Tử, một nhà đạo đức học vĩ đại phương Đông, nhưng không cùng chung suy nghĩ với nhiều môn đệ đạo Khổng. Bác có cách sống thanh bạch, vui với cô cây, hòa quyện cùng thiên nhiên như Lão Tử, coi trọng lời dạy "Tri túc" của nhà hiền triết ẩn dật này, nhưng lại không giống ở chỗ vô vi, phó thác mọi việc cho trời đất chuyển vấn.

Ở Bác là sự gặp gỡ giữa phương Đông cổ xưa với phương Tây đương đại, giữa tinh thần yêu nước thương nòi Việt Nam với Cách mạng Tháng Mười dưới sự lãnh đạo của Lê-nin. Nhà yêu nước Nguyễn Ái Quốc tiếp nhận từ chủ nghĩa Mác học thuyết đấu tranh giải phóng loài người thông qua cuộc đấu tranh giải phóng giai cấp để lật nhào giai cấp thống trị với vai trò lãnh đạo có tính quyết định của một đảng tiền phong. Ở người cộng sản Nguyễn Ái Quốc vẫn nguyên vẹn tính nhân hậu bất nguồn từ lòng nhân ái Việt Nam "thương người như thế thương thân", từ đạo lý phương Đông từ bi, kiêm ái, "năm châu bốn biển một nhà". Ở Người, phép biện chứng của chủ nghĩa Mác được vận dụng nhuần nhuyễn hòa quyện với phép biến dịch của Dịch học phương Đông, "dĩ bất biến ứng vạn biến".

Người xưa nói: "Ở tuổi năm mươi biết mệnh trời". Điều này rất đúng với Bác. Khi gặp chúng tôi ở Thúy Hồ, Người đã chuẩn bị đầy đủ hành trang cho công cuộc trường chinh giải phóng dân tộc.

2. Việt Minh

Những ngày ở Quế Lâm, theo lời dặn của anh Hoàng Văn Thụ, tôi hỏi Bác về việc tổ chức Hội Liên hiệp những dân tộc bị áp bức ở châu Á. Bác nói: "Việc này chưa có điều kiện... Hiện thời ở trong nước cần có một tổ chức tập hợp thật rộng rãi những người đấu tranh giành độc lập dân tộc, nên đặt tên gọi là Việt Nam độc lập đồng minh Hội, có thể gọi tắt là Việt Minh". Cái tên mới nghe lần đầu còn xa lạ, chẳng

bao lâu không những đã đi vào lịch sử Việt Nam mà còn được biết tới trên khắp thế giới.

Nguyễn Ái Quốc sớm có lòng tin vững chắc: Sức mạnh là ở dân. Dân chúng nếu được giác ngộ, được tổ chức lại, sẽ trở thành một sức mạnh vô bờ. Đây là bài học Người đã tiếp nhận từ truyền thống đấu tranh quật cường của dân tộc trong quá khứ và trực tiếp rút ra từ Cách mạng Tháng Mười. Người luôn luôn nghĩ tới việc tập hợp lực lượng. Một lực lượng rộng rãi những người cùng khổ, những người bị áp bức, với nòng cốt là công - nông. Báo Le Paria, Hội Liên hiệp thuộc địa, Hội Liên hiệp những dân tộc bị áp bức, Hội Liên hiệp những dân tộc bị áp bức ở châu Á..., những tổ chức của Nguyễn Ái Quốc trước sau đều mang đậm màu sắc dân tộc và cũng thấm nhuần tinh thần quốc tế. Vận mệnh Việt Nam gắn liền với vận mệnh những dân tộc thuộc địa khác. Không thể chờ đợi, các dân tộc thuộc địa hãy đoàn kết lại, đấu tranh đánh đổ thực dân thống trị, góp phần vào sự nghiệp giải phóng các dân tộc, giải phóng loài người.

Ô nhũng thập niên đầu thế kỷ này, tư tưởng của Nguyễn Ái Quốc là quá mới. Không mấy ai tin những dân tộc thuộc địa có thể tự giải phóng trong lúc giai cấp vô sân ở chính quốc chưa làm được việc đó. Nguyễn Ái Quốc vẫn kiên trì và quyết tâm thực hiện chủ định ngay tại Tổ quốc mình. Nó chỉ được phép thành công. Sự thành công sẽ mở ra con đường giải phóng cho những nước thuộc địa. Thực hiện chủ trương đó trên đất nước mình, đối với Nguyễn Ái Quốc, cũng không dễ dàng. Năm 1940, khi nước Pháp đầu hàng, Liên Xô đang phải dồn toàn lực đối phó với họa xâm lăng của chủ nghĩa phát xít, có lẽ là thời cơ thuận lợi để Nguyễn Ái Quốc thể nghiệm con đường cứu nước cứu dân của mình.

Đầu năm 1941, Bác về Pắc Bó. Đảng vừa bị tổn thất nặng nề sau thất bại Nam Kỳ khởi nghĩa. Nhiều đồng chí lãnh đạo bị bắt hoặc bị sát hại. Hội nghị Trung ương lần thứ tám, do Bác chủ trì, đã giải quyết đúng đắn quan hệ giữa giai cấp và dân tộc, đặt vấn đề giải phóng dân tộc thành vấn đề số một của chương trình nghị sự. Trung ương quyết định tạm gác những khẩu hiệu cách mạng ruộng đất và thành lập Mặt trận Việt Minh, thực hiện đoàn kết dân tộc, lãnh đạo toàn dân đấu tranh đánh đuổi bọn cướp nước.

Ngày thành lập Việt Minh, 19 tháng 5 năm 1941, trùng hợp với ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh được công bố lần đầu năm 1946.

Việt Minh là một sáng tạo, một biểu hiện tập trung của thiên tài Hồ Chí Minh. Nó mở ra con đường mới cho đội tiền phong của giai cấp vô sản ở một nước thuộc địa có thể tập hợp được toàn dân, từ hai bàn tay trắng đứng lên, đập tan ách thống trị của chủ nghĩa để quốc trước đó chưa một lần thất bại.

Việt Minh chứa đựng tư tưởng chính yếu của Chủ tịch Hồ Chí Minh: Đại đoàn kết dân tộc. Đoàn kết vừa là mục tiêu, vừa là động lực của Cách mạng, với khẩu hiệu nổi tiếng: "Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết! Thành công, thành công, đại thành công!". Đoàn kết dân tộc, đoàn kết giai cấp, đoàn kết quốc tế. Người không quên đấu tranh. Nhưng đấu tranh là để đoàn kết. Đại đoàn kết dân tộc không phải là sách lược, mà là chiến lược lâu dài, trước sau như một của người cộng sản yêu nước Hồ Chí Minh.

Từ hang Pắc Bó, những bản làng heo hút với những lớp học dăm bảy người, với những bài báo nhỏ trên tờ Việt Lập, 10 chính sách của Việt Minh là tiếng chim gọi đàn vang tới khắp thành thị, nông thôn. Hễ là người dân yêu nước, ai ai cũng có chỗ đứng, cũng được góp phần vào cuộc đấu tranh giành độc lập, tự do. Người trước súng sau, có dân là có tất cả. Những tổ tự vệ, những tiểu đội du kích tự tìm lấy vũ khí, tự tìm ra cách đánh để chống khủng bố trắng, tiêu diệt đồn địch, đã nhanh chóng trở thành lực lượng vũ trang làm nòng cốt cho Tổng khởi nghĩa toàn dân, lật nhào ách thống trị.

Đảng Cộng sản trong sứ mệnh lịch sử đối với dân tộc, đã nhanh chóng tập hợp được các giai cấp, các tầng lớp nhân dân, vì đã nói lên những nguyện vọng thiết tha, cháy bỏng của họ. Vai trò lãnh đạo của Đảng thông qua Việt Minh, ngày càng củng cố với những đảng viên không ngại gian khổ, hy sinh, luôn luôn dẫn đầu trong mọi nhiệm vụ khó khăn.

Chủ nghĩa Mác - Lê-nin được vận dụng vào Việt Nam từ ngày Nguyễn Ái Quốc trở về nước, mang sắc thái đặc biệt, một sắc thái Việt Nam, kể cả về mục tiêu, hình thức tổ chức, cũng như biện pháp đấu tranh. Nó đã hòa đồng với truyền thống dân tộc. Tất cả đều thấm được tư tưởng yêu nước, thương dân Hồ Chí Minh.

Việt Minh là bài học lâu bền. Tư tưởng mặt trận thống nhất dân tộc không chỉ có tác dụng to lớn trong cách mạng giải phóng dân tộc, mà còn có tác dụng quyết định cho sự thành công của công cuộc đổi mới và xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện nay và sau này.

3. Việt Nam dân chủ cộng hòa

Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời trong cái chớp mắt của lịch sử. Đó là khoảng thời gian rất ngắn: Ngày 13 tháng 8 đến ngày 28 tháng 8 năm 1945, từ lúc Nhật hoàng tuyên bố đầu hàng tới khi quân Đồng minh kéo vào miền Bắc Việt Nam. Nếu ta bỏ qua thời cơ này thì cục diện sẽ khác. Việt Nam sẽ vẫn là một nước gồm ba xứ: Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ nằm trong Đông Dương thuộc Pháp. Trước mắt, trên miền Bắc sẽ có một chính quyền thân Tưởng, tại miền Nam, Pháp sẽ

phục hồi bộ máy cai trị cũ. Cuộc chiến đấu giành lại độc lập của nhân dân ta sẽ bị xếp vào những "hoạt động phiến loạn do Cộng sản cầm đầu"! Ai biết dòng chảy của lịch sử sẽ đi về đâu, với tốc độ nào?

Chính quyền mới được bầu ra thông qua tổng tuyển cử là chính quyền đại đoàn kết toàn dân. Trong cơ cấu Nhà nước không chỉ có đại diện của các đoàn thể cách mạng, mà còn có cả những đảng phái khác. Có chí sĩ yêu nước như cụ Huỳnh Thúc Kháng. Có những người của chế độ cũ như các ông Phan Kế Toại, Bùi Bằng Đoàn... Có "công dân Vĩnh Thụy" (vua Bảo Đại mới thoái vị), giám mục Lê Hữu Từ ở chức vụ cố vấn. Một thời gian Quốc hội Việt Nam đã dành cho những người thuộc Việt Nam Quốc dân Đảng, Việt Nam Cách mạng đồng minh Hội thân Tướng tới một phần năm số ghế, không qua bầu cử, vì họ không có hy vọng trúng cử qua tổng tuyển cử tự do. Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương thực thà đoàn kết lâu dài với những người thuộc mọi xu hướng, miễn là có tinh thần yêu nước để cùng mưu cầu độc lập, tự do, hạnh phúc cho dân. Ngay cả sau ngày kháng chiến toàn quốc bùng nổ, Vĩnh Thụy đã bỏ nước sang Hồng Công, Bác vẫn cử cán bộ đi mời về để cùng tiến hành kháng chiến.

Trong chế độ mới, mọi công dân không phân biệt nam nữ, dân tộc, tín ngưỡng, giàu nghèo đều bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ. Nông dân nghèo chiếm đại đa số trong xã hội, được giảm tô, giảm tức. Lần đầu tiên người lao động làm chủ vận mệnh của mình. Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi nhân tài tích cực góp phần xây dựng đất nước. Tệ tham ô, những lạm của những "quan cách mạng" chớm nhủ đã bị lên án, đấu tranh. Chính sách tăng gia sản xuất đã chấm dứt nạn đói khủng khiếp. Quân đội quốc gia và dân quân, tự vệ, chỗ dựa và niềm tin của chế độ mới nhanh chóng phát triển, đã lập tức chứng tỏ tinh thần và sức mạnh của mình trên chiến trường.

Việt Minh sau khi đã hoàn thành sứ mệnh lịch sử lãnh đạo Tổng khởi nghĩa thắng lợi, đã tự nguyện đứng chung hàng cùng với các tổ chức chính

trị, xã hội khác trong Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam, một mặt trận đoàn kết dân tộc hết sức rộng rãi.

Ché dô mói ô thai ky phoi thai, chinh quyên mói con non tre, tô chüc lai rât phüc tap, nhung dä düng vüng truôc thü thach hiêm nghèo. Trên miên Bác, hai chuc van quan Tuông dä không the giúp bon tay sai nguoi Viet lat dô chinh quyên cach mang. Ô miên Nam, hang chuc nghin quan Pháp, duoc trang bi vu khi hiên dai, bat dâu sa lay vao nhüng chiên dich binh dinh vo vong tren kháp các lang que tiep giáp voi dô thi.

Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ngày đó chưa được một quốc gia nào trên thế giới công nhận. Nhưng sự tồn tại của nó trên thực tế thì không mấy ai có thể phủ nhận. Quân đội Tướng Giới Thạch vào miền Bắc buộc phải tiếp xúc với Chính phủ ta. Hiệp định mồng 6 tháng 3 năm 1946, hiệp định quốc tế đầu tiên của nước Việt Nam mới, được ký giữa Chính phủ ta và đại diện Chính phủ Pháp. Quốc kỳ Việt Nam đã tung bay tại thủ đô Pa-ri, trên kênh đào Xuy-ê, và những biển lớn nổi liền Việt Nam với Pháp.

Trải qua gần nữa thế kỷ với bao nhiêu biến thiên, càng thấy rõ những gì Chủ tịch Hồ Chí Minh đã làm trong công cuộc tái sinh nước Việt Nam và xây dựng chế độ mới từ thời đó, đã đặt nền tảng vững chắc cho dân tộc ta tiến lên một tương lai tươi sáng. Bản Tuyên ngôn độc lập, Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam, trên những vấn đề cơ bản, vẫn giữ nguyên giá trị. Ở đây chứa đựng những khát vọng, những yếu tố của thời đại mới, mà vẫn gắn liền với dân tộc, với con người, với truyền thống Việt Nam. Và điều có tính quyết định là chế độ mới đã chứng tỏ tính hơn hẳn của mình trong thực tiễn đời sống, đáp ứng nhu cầu bức thiết trước mắt cũng như nguyện vọng lâu dài của người dân.

Có thể hiểu vì sao tuyệt đại đa số nhân dân ta đã tự nguyện đứng lên chiến đấu tới cùng cho sự tồn tại của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, cho những mục tiêu: Độc lập, tự do, hạnh phúc.

Sự ra đời của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa là nhân tô cơ bản không thể thiếu, bảo đảm cho sự toàn thắng của hai cuộc kháng chiến cứu nước.

4. Hòa hay chiên

Năm 1985, một nhà khoa học Pháp tới Hà Nội, chuyển cho tôi câu hỏi của con gái cố Thống chế Lô-cléc: "Cuộc chiến tranh giữa Việt Nam và Pháp có thể tránh được không?". Gia đình Lô-cléc cũng như gia đình Đô Lát đờ Tát-xi-nhi, hai thống chế đã từng là Tổng chỉ huy quân viễn chinh Pháp ở

Đông Dương, đều là nạn nhân của chiến tranh. Mỗi gia đình có một người con trai hy sinh trên chiến trường Việt Nam. Hai người mẹ đau khổ đã có lần mặc áo tang đến gặp Thủ tướng Plê-ven hỏi vì sao kéo dài cuộc chiến tranh phi nghĩa?

Hàng chục năm sau ngày nổ ra chiến tranh, nhiều nhà sử học trên thế giới vẫn còn nêu câu hỏi: "Ai là kẻ đã châm ngòi cho nó?". Những năm 1987, 1988, Xtên Tôn-nét-xơn, nhà sử học trẻ Na Uy, và Phi-líp Đò-vi-le, trên cơ sở hồ sơ của các nước phương Tây, đều đi tới một kết luận: Van-luy và Pi-nhông trung thành với chủ trương tái lập quyền thống trị của Pháp trên bán đảo Đông Dương bằng sức mạnh,

đã tìm mọi cách làm sớm nổ ra cuộc chiến khi thấy Lê-ông Blum trở thành người cầm đầu Chính phủ Pháp. Nếu phía Việt Nam không chịu cung cấp cho họ "cái cớ mong đợi" thì họ cũng sẽ "chủ động tiến hành kế hoạch tác chiến". Như vậy, nguyên nhân trực tiếp dẫn tới sự kiện đêm 19 tháng 12 năm 1946 đã rõ ràng. Tuy nhiên, cả hai nhà sử học đều còn băn khoăn: Chủ tịch Hồ Chí Minh, như họ thấy, đã làm mọi cách để tránh chiến tranh, nhưng đêm đó, vì sao quân đội và tự vệ Việt Nam lại là người nổ súng trước?

Tháng lợi của Liên Xô và Đồng minh trong Chiến tranh thế giới thứ hai, với sự xuất hiện một loạt nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu, đã đánh dấu khởi đầu thời kỳ Chiến tranh lạnh giữa Tây và Đông. Chủ nghĩa đế quốc vừa đẩy mạnh phong trào chống cộng, vừa tăng cường đàn áp những dân tộc đang vùng dậy đòi tự do. Việt Nam là nước thuộc địa đầu tiên giành lại được độc lập trước mưu đồ trở lại của đế quốc Pháp. Việt Nam cũng là quốc gia đầu tiên thuộc thế giới thứ ba có một chính quyền do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Nước Việt Nam vừa tái sinh, đẩy rẫy thù trong giặc ngoài, nằm giữa vòng vây trùng điệp của những thế lực thù địch.

Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận rõ tình thế ngặt nghèo. Giờ phút bàng hoàng của chủ nghĩa đế quốc nhanh chóng qua đi, nước Việt Nam sẽ phải đương đầu với một cuộc tái xâm lược có sức mạnh ghê gớm. Người đã tìm mọi cách tránh cho dân tộc cuộc kháng chiến lâu dài mà Người biết sẽ "vô vàn cực khổ".

Cho tới nay, nhiều người vẫn coi ngày 19 tháng 12 năm 1946 là ngày khôi đầu chiến tranh Đông Dương, cuộc chiến tranh dài nhất thế kỷ. Nhưng trong thực tế, nó đã bắt đầu từ mười lăm tháng trước đó, ngày 23 tháng 9 năm 1945, khi quân Pháp nổ súng đánh chiếm thành phố Sài Gòn. Chiến tranh không chỉ nhanh chóng lan ra khắp miền Nam, mà còn ở Tây Bắc nước ta, ở Lào và Cam-pu-chia.

Đầu tháng 10 năm 1945, những chi đội Giải phóng quân, những đơn vị từ Cao Bằng, tỉnh địa đầu miền Bắc, đến cố đô Huế, Quảng Ngãi ở miền Trung, đã lên đường vào Nam chiến đấu. Cuộc Nam tiến lần thứ nhất trong thời đại mới của dân tộc đã bắt đầu. Sau đó là những cuộc Tây tiến. Nước Việt Nam đã bước vào chiến tranh chống xâm lược.

Với Hiệp định Sơ bộ Việt - Pháp ngày 6 tháng 3 năm 1946, nước Việt Nam độc lập chỉ còn là một "quốc gia tự do" nằm trong Liên hiệp Pháp. Chúng ta cũng chấp thuận mở trưng cầu dân ý ở Nam Bộ để quyết định phần đất máu thịt này của Việt Nam là thuộc về ta hay Pháp (!). Tạm ước 14 tháng 9 năm 1946 ký ở Pa-ri, khi Đác-giăng-li-ơ đã lập "Nam Kỳ quốc" đưa quân lấn chiếm Tây Nguyên, Tây Bắc, lại là một sự nhân nhượng nữa của ta. Với tạm ước này, ta chỉ cố đạt được ngừng bắn ở Nam Bộ, và một số quyền tự do, dân chủ cho người dân vùng tạm chiếm.

Những sự kiện trên đây sử sách đã nhắc tới nhiều lần.

Trung tuần tháng 4 năm 1946, tôi dự đàm phán trù bị Việt - Pháp tại Đà Lạt. Ở đây, tôi gặp Đác-giăng-li-ơ, cao ủy Pháp tại Đông Dương. Khi ra về, tôi cảm thấy chiến tranh là khó tránh. Người Pháp cũng không che đậy ý đồ của mình là nhất định lập lại quyền thống trị ở Đông Dương. Suốt thời gian cuộc đàm phán diễn ra ở Phông-ten-no-blô, tại Việt Nam những cuộc lấn chiếm, gây hấn của quân Pháp liên tiếp diễn ra. Chúng ta không còn cách nào khác là gấp rút xây dựng lực lượng chuẩn bị kháng chiến.

Hạ tuần tháng 11 năm 1946 quân Pháp ngang nhiên đánh chiếm Hải Phòng, thành phố Cảng duy nhất trên miền Bắc, và Lạng Sơn, một tỉnh địa đầu của nước ta.

Từ đầu tháng 12, tình hình Thủ đô Hà Nội mỗi ngày càng căng thẳng. Xe tăng, xe bọc thép của Pháp tràn ra trên các đường phố. Lính mũ nồi đỏ, mũ nồi đen xé cờ Việt Nam, bắt cóc cán bộ, thường dân, bắn vào tàu điện... Sự kiện Hải Phòng có thể lặp lại bất cứ lúc nào. Chúng ta quyết định tiến hành những biện pháp tự vệ: Kêu gọi dân chúng tấn cư, xây dựng chiến lũy để bảo vệ một số khu phố tiếp giáp với nơi quân Pháp đóng. Sự khiêu khích của quân Pháp chuyển sang một bước mới. Họ bắn vào chiến lũy, vào chiến sĩ Vệ quốc đoàn trong đội canh gác hỗn hợp ở Nhà máy điện Yên Phụ. Họ tung quân tàn sát dân chúng ở Hàng Bún và Yên Ninh...

Bác vẫn muốn "còn nước còn tát" để tránh mở rộng chiến tranh, hay chí ít cũng trì hoãn nó. Người liên tiếp viết thư kêu gọi Chính phủ, Quốc hội, Thủ tướng Pháp, gặp gỡ, trao đổi với những người cầm đầu quân đội Pháp ở Hà Nội nhằm cứu vãn tình thế. Bộ đội, tự vệ được lệnh giữ bình tĩnh, nín nhịn, không sa vào âm mưu khiêu khích.

Ngày 13 tháng 12 năm 1946, Bộ Quốc phòng - Tổng chỉ huy triệu tập các khu trưởng từ Khu 4 trở ra, kiểm điểm tình hình và xây dựng kế hoạch tác chiến đối phó với trường hợp quân Pháp chủ trương gây hấn. Quy ước nổ súng được trao riêng cho các khu trưởng.

Ngày 16 tháng 12 năm 1946, Moóc-li-e, chỉ huy quân đội Pháp ở miền Bắc Đông Dương, gửi liền cho Chính phủ ta hai tối hậu thư, tuyên bố "Quân Pháp sẽ tự mình đảm nhiệm trị an tại Hà Nội chậm nhất là vào sáng 20 tháng 12 năm 1946".

Tất cả những hoạt động khiêu khích như tàn sát dân chúng, bắn chết bộ đội đã không mang lại cho quân Pháp "cái cờ mong đợi", lần này họ buộc phải công khai tuyên bố thời hạn "chủ động tiến hành kế hoạch tác chiến!". Tại Hải Phòng, ngày 23 tháng 11 năm 1946, chỉ ba giờ sau khi gửi thư cho Ủy ban Hành chính đòi rút hết

bộ đội, tự vệ, mặc dù đồng chí Chủ tịch trả lời phải thỉnh thị ý kiến của Hà Nội, quân Pháp đã nổ súng đánh chiếm thành phố.

Thủ đô nước Việt Nam không thể nhanh chóng rơi vào tay quân xâm lược. Sẽ là một trách nhiệm lớn đối với lịch sử nếu để quân và dân ta ở các thành phố, thị xã một lần nữa lại trở thành nạn nhân của một cuộc "đảo chính". Cũng trong trận Hải Phòng, chúng ta đã bắt được một thông tri mật để ngày 10 tháng 4 năm 1946 của Van-luy gửi những đơn vị đồn trú, chỉ thị phải chuẩn bị kế hoạch hành động, khi có cơ hội thì lập tức tung quân đè bẹp sự để kháng của lực lượng vũ trang ta và nhanh chóng làm chủ thành phố, mà họ gọi là "kịch bản của cuộc đảo chính" (scénario de coup d'Etat). Đây chính là cái mà quân Pháp đã làm ở Hải Phòng và Lạng Sơn.

Sáng 19 tháng 12 năm 1946, sau khi trao đổi lần cuối cùng ở Vạn Phúc, Hà Đông, Ban Thường vụ Trung ương Đảng gửi các mặt trận và các khu bức điện: "Giặc Pháp đã hạ tôi hậu thư đòi tước vũ khí của quân đội, tự vệ và công an ta. Chính phủ đã bác bức tôi hậu thư ấy. Như vậy chỉ trong 24 giờ là cùng, chắc chắn giặc Pháp sẽ nổ súng. Chỉ thị của Trung ương: Tất cả hãy sẵn sàng!".

Chiêu 19 tháng 12 năm 1946, từ Bộ Tổng Tham mưu một bức điện được gửi cho các khu 1, 2, 3, 4, 11, 12 và Đà Nẵng: "Lệnh nổ súng lúc 20 giờ ngày 19 tháng 12 năm 1946".

Chúng ta cần có một đêm để đưa cả nước chuyển sang một thời kỳ mới khốc liệt của chiến tranh. Nhưng rất có thể lệnh nổ súng vào 20 giờ là quá muộn! Moóc-li-e đã báo "chậm nhất là vào sáng 20 tháng 12 năm 1946"; quân Pháp sẽ tước vũ khí của lực lượng vũ trang ta tại Hà Nội. Như vậy, họ tự cho quyền được làm việc này bất cứ lúc nào sau khi tối hậu thư đã gửi đi!

Những người nghiên cứu hồ sơ chiến tranh Đông Dương đã chỉ ra: Van-luy và Pi-nhông, cầm đầu quản viên chinh vào thời điểm đó, cần mở rộng ngay chiến tranh để đặt Chính phủ Blum trước một việc đã rồi... Nhưng không thể quên Đác-giảng-li-ơ, người nắm quyên cao nhất trong quản đội viên chinh, mặc dù trong những ngày đó viên cao ủy không có mặt. Ông thầy tu mặc quản phục này nói nảng mềm mông khi tiếp xúc với ta, nhưng là kên goan cốn hất trong các cuộc đàm phán. Ông tỏ ra rất ít hiểu thời thể, và càng ít hơn, tinh thần bá cái của Chúa Ki-tỏ. Củng không nên quên Đác-giảng-li-ơ là môn đệ trung thành của Đờ Gôn, người quyết tâm dùng vũ lực khôi phục những thuộc địa của nhầm tiếp tục khai thác để cứu vãn nên kinh tế Pháp kiệt quệ sau chiến tranh. Chỉ tói sau ngày thất bại ở An-giê-

ri, Đờ Gôn mói chiu thú nhận là mình đã sai lầm. Cũng không thể quên Tơ-ru-man, người vừa thay thế Ru-dơ-ven cầm đầu thế giới tụ do, nổi tiếng vì tư tưởng chống cộng.

Ngày đó, trong giới cầm quyền Pháp, chúng ta cũng gặp những người thức thời, nhìn thấy trước viễn cảnh đen tối của cuộc chiến tranh xâm lược. Nhưng lời nói của họ bị chìm đi giữa khoảng không. Chủ nghĩa để quốc vẫn tin có thể chiến thắng dễ dàng những dân tộc nhược tiểu bằng sức mạnh quân sự.

Cũng không phải không thể dập tắt ngọn lửa chiến tranh sau khi nó đã bùng lên. Chủ tịch Hồ Chí Minh, những ngày sau đó, đã nhiều lần kêu gọi Chính phủ Pháp cùng phía Việt Nam gấp rút thực hiện một cuộc dàn xếp. Có thể nói trong suốt cuộc chiến, Người đã không bỏ lỡ bất cứ cơ hội nào sớm mang lại hòa bình cho cả hai dân tộc. Nhưng ngọn lửa chiến tranh không thể dập tắt từ một phía.

Trong bối cảnh lịch sử ấy, sự kiện đêm 19 tháng 12 năm 1946, cũng như chiến tranh Việt Nam, là không thể tránh khỏi.

Năm năm chiến đấu trong vòng vây là một cuộc đọ sức toàn diện, vô cùng quyết liệt giữa dân tộc ta, chế độ Việt Nam dân chủ cộng hòa với quân xâm lăng trong thời đại mới. Vì thời gian và điều kiện làm việc có hạn, trong tập sách này, tôi có chú ý đến tính toàn diện, nhưng chỉ thể hiện được một phần nào. Chủ yếu, tôi đề cập đến những vấn đề lớn về quân sự, và ngay về mặt này, cũng không nêu được đầy đủ những thành tích và chiến công của các chiến trường.

Mong rằng sẽ có những tác phẩm, những công trình nghiên cứu về những vấn đề lớn của các lĩnh vực, các địa phương về thời kỳ này. Tôi nghĩ rằng những tập hồi ức của các đồng chí lãnh đạo ở Trung ương, ở các địa phương, các chiến trường những năm đó sẽ là những đóng góp rất quan trọng.

Chuong mot 19 THANG 12 NAM 1946

"... Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Những chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta một lần nữa.

Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ.

Hỡi đồng bào!

Chúng ta phải đứng lên!"

(Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh)

Qau này nhìn lại mới biết ngày đầu Toàn quốc kháng chiến chúng ta đã làm một điều mà theo nhiều nhà lý luận quân sự kinh điển thì khó mà làm được.

Do hoàn cảnh đặc biệt, theo thỏa thuận giữa Đồng minh với sự chấp nhận của Chính phủ ta, quân Pháp được vào miền Bắc làm nhiệm vụ tiếp phòng thay thế quân đội Tướng rút về nước; lúc này, những đơn vị viễn chinh đã có mặt ở Thủ đô Hà Nội, tất cả những thành phố lớn, nhiều thị xã và những vị trí xung yếu như các sân bay, bến cảng.

Cuộc tổng giao chiến đầu tiên giữa bộ đội ta với quân viễn chinh đương nhiên bắt đầu từ Thủ đô Hà Nội và nhiều thành phố, thị xã.

Lịch sử chiến tranh giữ nước của ta kể từ sau cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng những năm 40 đầu Công nguyên, chưa hề có cuộc chiến đấu chống ngoại xâm nào khởi đầu cùng một lúc từ kinh đô và các thành thị. Những cuộc chặn đánh ngoại xâm cũng hiếm diễn ra ở Thăng Long. Thời Trần hưng thịnh, ở thế kỷ XIII, trong cả ba lần chống quân xâm lược Mông - Nguyên,

tuy trình độ trang bị vũ khí giữa ta và giặc tương đương, nhưng trước thế giặc mạnh như nước, lửa, ông cha ta đều tạm thời rút quân khỏi kinh đô, chọn nơi hiểm yếu đánh lại quân địch. Nửa thế kỷ trước, năm 1873 và năm 1882, thành phố Hà Nội với hơn nữa vạn quân đã nhanh chóng thất thủ, lần thứ nhất, trước hai trăm quân Pháp, lần thứ hai, trước năm trăm quân Pháp. Đây là điều làm cho tôi suy nghĩ nhiều trong những năm dạy sử ở trường Thăng Long.

Trong các cuộc chiến tranh cách mạng, chưa có trường hợp một lực lượng vũ trang yếu kém đương đầu thắng lợi với một quân đội chính quy tại thành phố. Ăng-ghen đã có nhận xét: "Dù cho không đông về số lượng, quân đội vẫn có ưu thế về trang bị và huấn luyện, về chỉ huy thống nhất, về việc sử dụng lực lượng chiến đấu một cách có kế hoạch và kỷ luật. Do đó, ngay cả trong những trận chiến đấu bằng chướng ngại vật trong đó xuất hiện chủ nghĩa anh hùng vĩ đại nhất của lực lượng vũ trang cách mạng (ở Pa-ri tháng 6 năm 1848, ở Viên tháng 10 năm 1848, ở Drét-xđen tháng 5 năm 1849) cũng kết thúc bằng sự thất bại". Sau đó, ông còn nói thêm với sự xuất hiện của pháo binh, tình thế ngày càng bất lợi cho những người khởi nghĩa trong cuộc chiến đấu ở thành phố. Chúng ta đã biết, trong chiến tranh kháng Nhật, Hồng quân Trung Hoa đã nhận chỉ thị là không xâm nhập vào "những thành thị lớn, những ga xe lửa và một số miền đồng bằng nào đó mà địch dùng một lực lượng lớn mạnh để khống chế". Mao Trạch Đông có lần đã nói: "Ma-drít của Trung

Quốc ở đâu? Trước kia ta chưa có một Ma-drít nào, từ nay về sau phải tranh thủ tạo ra mấy chỗ như thế, nhưng hoàn toàn phải xem điều kiện như thế nào".

Như vậy, lịch sử chưa để lại cho chúng ta tiền đề chiến thắng trong những trận đánh sắp tới. Chúng ta phải tự tìm lấy qua những kinh nghiệm không nhiều từ trận đánh ở Thái Nguyên trong Tổng khối nghĩa, từ trận đánh anh dũng, kiên cường nhưng không có thời gian chuẩn bị ở Sài Gòn, sau đó là Nha Trang, và gần đây nhất là Hải Phòng. Chúng ta phải xây dựng một kế hoạch chiến đấu cho bộ đội và nhân dân lần đầu chiến đấu với một kẻ địch bội phản mạnh hơn mình.

Chúng ta đã sớm nghĩ tới việc chuẩn bị chiến đấu bảo vệ Hà Nội và các thành phố.

Ngày 19 tháng 10 năm 1946, khi cuộc đàm phán ở Phông-ten-nơ-blô không đạt kết quả, Hội nghị cán bộ Trung ương đã có nhận định: Trước sau Pháp cũng đánh ta, ta phải cảnh giác, phải chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu. Sau Hội nghị, Bộ Tổng Tham mưu được chỉ thị nghiên cứu ba vấn đề: Cách đánh trong thành phố, lấy Hà Nội làm trọng tâm; cách đánh xe tăng, thiết

giáp; cách phá hoại đường sá. Cơ quan tham mưu thành lập một tổ nghiên cứu ba vấn đề trên, trọng tâm là vấn đề đánh địch trong thành phố. Tôi thường xuyên dự những buổi thảo luận của tổ. Khi anh Văn Tiến Dũng được Đảng điều về Bộ phụ trách Cục Chính trị, tôi trao đổi với anh sớm nghiên cứu cách tiến hành công tác chính trị trong trường hợp chiến tranh bùng nổ trên cả nước.

Ngày 16 tháng 9 năm 1946, Bác rời cảng Tu-lông (Pháp) trở về nước. Ngày 16 tháng 10, Bác gặp Đác-giăng-li-ở vịnh Cam Ranh. Thỏa thuận ngừng bắn trong Tạm ước 14 tháng 9 không được thực hiện ở Nam Bộ. Ngày 5 tháng 11, Bác viết bản bút ký nổi tiếng "Công việc khẩn cấp bây giờ" mà mãi sau này ta mới biết. Trung tuần tháng 11, trong một buổi làm việc, Bác hỏi tôi:

- Nếu vạn nhất không tránh được chiến tranh thì Hà Nội có thể giữ trong bao lâu?

Tôi đáp:

- Phải cố giữ ít nhất là nữa tháng. Thời gian qua, cơ quan tham mưu đã chuẩn bị xây dựng một kế hoạch chiến đấu ở thành phố trong trường hợp địch gây chiến.

Sau khi địch chiếm thành phố Hải Phòng ngày 23 tháng 11, Thường vụ nhận định nhất định địch sẽ gây hấn ở Thủ đô, chiến tranh trên cả nước là không thể tránh khỏi. Bác và Thường vụ quyết nghị: Nếu quân Pháp tái diễn ở Hà Nội việc chúng đã làm ở Hải Phòng thì cả nước sẽ nhất tế đứng lên chiến đấu chống quân xâm lược.

Chủ trương quân sự trong thời gian đầu Toàn quốc kháng chiến là tiêu hao, tiêu diệt một bộ phận địch, bảo tồn lực lượng ta, giam chân cô lập quân địch càng lâu càng tốt ở từng thành phố, tạo điều kiện cho cả nước chuẩn bị kháng chiến lâu dài. Bác nhấn mạnh: "Quân Pháp chỉ chờ có cơ hội là lập tức đánh ta. Ta cần tìm mọi cách để tránh nổ ra chiến tranh. Trong khi hết sức tích cực, khẩn trương chuẩn bị kháng chiến, tuyệt đối không sa vào âm mưu khiêu khích để địch lợi dụng đánh ta sớm. Ở thành thị, biến mỗi đường phố thành một chiến hào, ở nông thôn, mỗi làng thành một pháo đài. Kháng chiến của ta sẽ là toàn dân kháng chiến, toàn diện kháng chiến, trường kỳ kháng chiến".

Sau cuộc họp, Bộ Tổng Tham mưu và Bộ chỉ huy Mặt trận Hà Nội được trao nhiệm vụ gấp rút xây dựng một kế hoạch tác chiến cho cả nước và riêng tại Thủ đô Hà Nội. Với tư cách là người được Đảng phân công phụ trách công tác quân sự, tôi triệu tập nhiều cuộc họp cán bộ dân, chính, đảng của Thủ đô để phổ biến chủ trương chuẩn bị kháng chiến của Thường vụ.

Cuối tháng 11, Thường vụ họp mở rộng với Bộ chỉ huy và Ủy ban Bảo vệ Chiến khu đặc biệt Hà Nội (Khu 11) mới thành lập. Các anh Nguyễn Quyết, Vương Thừa Vũ, Lâm Kính, Quang Trung, Lê Quảng Ba đã lần lượt làm Khu trưởng Vệ quốc đoàn Hà Nội từ sau ngày Cách mạng Tháng Tám thành công. Anh Lê Trung Toản phụ trách tự vệ chiến đấu, tự vệ thành và dân quân tự vệ toàn thành. Sau khi các anh Nguyễn Quyết, Quang Trung lần lượt đi Nam tiến, anh Lê Quảng Ba về Khu 12, Bộ chỉ huy Chiến khu Hà Nội lúc này gồm anh Vương Thừa Vũ - Chỉ huy trưởng, anh Trần Độ - Chính ủy. Trong phòng khách lớn tại Bắc Bộ Phủ, nay là phòng tiệc, ngoài Bộ chỉ huy Khu còn các anh: Trần Quốc Hoàn - phái viên của Trung ương theo dõi Mặt trận Hà Nội, anh Nguyễn Văn Trân - Chủ tịch Ủy ban Bảo vệ.

Tôi trình bày vấn tắt tình hình khẩn trương do Pháp quyết tâm tái chiếm nước ta bằng vũ lực, và nêu rõ nhiệm vụ bảo vệ Thủ đô theo nghị quyết của Bác và Thường vụ: Một là, phải tiêu hao, tiêu diệt một bộ phận quân địch, chiến đấu giam chân chúng càng lâu càng tốt tại Hà Nội cũng như những thành phố khác, tạo điều kiện về thời gian cho cả nước chuyển sang chiến tranh. Hai là, đi đôi với tiêu diệt địch cần thấu triệt chủ trương gìn giữ lực lượng của ta, theo dõi sát tình hình mặt trận để lúc cần thì chủ động rút lực lượng ra ngoài cùng toàn quân và toàn dân tiến hành cuộc kháng chiến lâu dài. Ba là, Thủ đô phải nêu cao tinh thần anh dũng và sáng tạo chiến đấu làm gương cho cả nước, đoàn kết chặt chẽ giữa bộ đội, tự vệ chiến đấu, tự vệ thành, lực lượng công an, đoàn kết và giúp đỡ đồng bào chưa kịp tản cư và ngoại kiều.

Từ những đặc điểm địch, ta trên cả nước và ở Thủ đô, tôi nêu lên biện pháp tác chiến chủ yếu là "phải sử dụng những lực lượng nhỏ, triệt để lợi dụng địa hình, địa vật ở từng khu, dựa vào những ngôi nhà có cấu trúc kiên cố, xây dựng nhiều chướng ngại vật trên các đường phố đánh địch bằng mọi hình thức, tránh tung lực lượng vào những trận quyết chiến lớn, gây khó khăn, lúng túng cho địch bằng nhiều chiến thắng nhỏ...".

Ông số quân viễn chinh Pháp ở Đông Dương lúc này đã lên tới 90.000. Về phía ta, lực lượng bộ đội cả nước khoảng 82.000. Không có chênh lệch lớn về số lượng. Nhưng về trình độ tổ chức trang bị, kỹ thuật, thì đây là một khoảng cách có tính thời đại.

Quân viễn chinh Pháp là một quân đội nhà nghề, với những đơn vị bộ binh, thiết giáp, pháo binh, không quân, hải quân vừa chiến thắng trong Chiến tranh thế giới thứ hai. Họ có những trang bị hiện đại nhất của phương Tây. Chỉ riêng sự xuất hiện khẩu tiểu liên Thôm-xơn cũng đủ làm nản lòng những đơn vị bạch binh kiêu dũng của Nhật hoàng năm trước trên quần đảo Xa-lô-mông. Còn quân đội ta, đơn thuần là bộ binh, hầu hết là người dân mới khoác áo lính, trang bị yếu kém. Mỗi đơn vị, nhiều nhất là một phần ba chiến sĩ có súng, toàn là súng cũ đủ loại với rất ít đạn. Mỗi trung đoàn có từ ba đến bốn khẩu trung liên hoặc đại liên, vài ba khẩu súng cối. Những đơn vị ít nhiều rèn luyện trong chiến tranh chống Nhật ở Việt Bắc thì hoặc đã lên đường Nam tiến, hoặc phân tán đi làm cán bộ ở những đơn vị mới tổ chức. Vì phải bắt tay ngay vào làm nhiệm vụ tiếp phòng với quân Pháp, nên các chiến sĩ ít được huấn luyện về kỹ thuật, số đông chưa qua bắn đạn thật. Bộ đội ta được tổ chức thành trung đoàn, mỗi trung đoàn gắn với một, hai hoặc ba tỉnh. Ở Bộ Tổng chỉ huy và các khu, ngoài đại đội cảnh vệ chưa có một đơn vị chủ lực nào.

Theo Hiệp định Sơ bộ mồng 6 tháng 3 năm 1946, Pháp được đưa ra miền Bắc, tính từ Đà Nẵng trở ra, 15.000 quân. Nhưng họ đã tăng cường trái phép lên 30.000, gồm những đơn vị lính Pháp, lính lê dương tinh nhuệ nhất và một lực lượng lớn những binh chủng kỹ thuật. Những thành phố như Nam Định, Hải Dương, Huế, mỗi nơi Pháp có một tiểu đoàn, đặc biệt Đà Nẵng có hai tiểu đoàn. Ở cả hai thị xã Bắc Ninh, Bắc Giang, có một tiểu đoàn; riêng thị xã Vinh chỉ có một trung đội.

Thủ đô Hà Nội là nơi quân Pháp tập trung đông, gồm một trung đoàn bộ binh, một trung đoàn xe tăng, thiết giáp, một tiểu đoàn pháo, một bộ phận biệt kích, một bộ phận dù, cùng với không quân và thủy quân. Tất cả khoảng 6.500 người. Ở đây còn phải kể tới 7.000 Pháp kiều đã được phân phát vũ khí. Một cuốn sách của Pháp viết là ở Hà Nội lúc đó có 4.500 binh lính và 7.000 Pháp kiều được trang bị súng và lựu

đạn; có thể là không kể số quân Pháp bị Nhật bắt làm tù binh, được thả ra sau ngày Nhật đầu hàng.

Lực lượng ta ở Hà Nội có năm tiểu đoàn vệ quốc quân, 2.515 người, khoảng trên 8.000 tự vệ, gồm tự vệ chiến đấu cứu quốc, tự vệ các xí nghiệp, tự vệ thành Hoàng Diệu và một lực lượng công an xung phong. Bộ Tổng chỉ huy đã chỉ thị tăng cường trang bị chiến đấu cho Hà Nội nhưng cũng không hơn những nơi khác bao nhiêu.

Trên miền Bắc, lúc này còn có những đơn vị tàn quân Pháp chạy sang Trung Hoa hồi Nhật đảo chính tháng 3 năm 1945, từ Vân Nam đã trở về Tây Bắc và từ bờ biển Quảng Đông trở về bờ biển Đông Bắc nước ta. Với sáu

vạn quân còn lại, trong đó có nhiều quân ngụy, Bộ chỉ huy quân Pháp rải ra chiếm đóng ở miền Nam (Nam Bộ, Cục Nam Trung Bộ, Tây Nguyên), Lào và Cam-pu-chia đối phó với chiến tranh du kích.

Bộ Tổng chỉ huy quyết định: Chiến khu Hà Nội không thể bị rơi vào thế bất ngờ, nếu địch đánh trước, ta có thể quật lại ngay. Trận đánh ở Thủ đô nước Việt Nam dân chủ cộng hòa phải tiêu biểu cho tinh thần kháng chiến của cả nước. Hà Nội cần giam chân quân địch ít nhất là một tháng tạo điều kiện cho cả nước chuyển sang chiến tranh.

Tại những nơi địch tương đối yếu như Nam Định, Hải Dương, Bắc Ninh, Bắc Giang, Vinh, các chiến khu 2, 3, 4, 12 được trao nhiệm vụ tiêu diệt hoặc gây thiệt hại nặng những đơn vị đồn trú.

Các chiến khu 6, 7, 8, 9 ở Nam Trung Bộ và Nam Bộ được lệnh đẩy mạnh chiến tranh du kích phối hợp với các chiến khu khác, gây khó khăn cho địch trong việc đưa quân tăng viện cho miền Bắc và miền Trung.

Trong trường hợp có quyết định Toàn quốc kháng chiến của Trung ương, tín hiệu sẽ được phát đi từ Bộ Tổng chỉ huy cho tất cả các chiến khu. Lần đầu, chúng ta có một kế hoạch tác chiến trên quy mô cả nước.

Mặt trận Hà Nội được coi là chiến trường chính trong trận tổng giao chiến đầu tiên.

Trong quá trình bàn bạc cách đánh ở Hà Nội, mặc dù mục tiêu, biện pháp tác chiến đã được phổ biến, vẫn có đồng chí đề nghị tập trung một số đơn vị bộ đội và tự vệ thành gan dạ bí mật đột nhập thành Hà Nội, đánh thẳng vào đại bản doanh của quân Pháp. Đây là cách quân Nhật đã làm đêm mồng 9 tháng 3. Kế hoạch này có nhiều tính phiêu lưu, vì quân viễn chinh Pháp hoàn toàn không giống đội quân thuộc địa Pháp đầu năm 1945, và các chiến sĩ ta còn xa mới có được những trang bị và trình độ thiện chiến của quân đội Nhật. Một sĩ quan cũ của Nhật đã sang hàng

ngũ ta, nêu ý kiến nên thiết lập ba phòng tuyến bằng công sự vững chắc bao quanh Hà Nội để ngăn chặn quân địch từng bước. Đây là cách phòng ngự cổ điển. Ta không chủ trương phòng ngự theo cách này và cũng không đủ người và cơ sở vật chất để thực hiện.

Tôi lưu ý Bộ chỉ huy Hà Nội trường hợp một tiểu đội Vệ quốc quân và một tiểu đội Xung phong tuyên truyền đã cầm chân quân Pháp suốt cả một ngày tại Nhà hát lớn Hải Phòng. Những công thự có cấu trúc vững chắc và cần được bảo vệ như Bắc Bộ Phủ, Tòa thị chính, Nhà bưu điện... cùng với Trại bảo an binh cũ có thể kết hợp thành một khu vực chiến đấu liên hoàn cầm cự với quân địch một thời gian. Những khu vực có nhiều đường phố nhỏ và nhiều ngõ ngách như Liên khu 1 rất thuận lợi cho việc xây dựng chiến lũy,

tạo vật chướng ngại ngăn cản xe tăng, xe cơ giới và bộ binh địch đột nhập để kéo dài cuộc chiến đấu. Một vị trí hỏa lực xuất hiện bất ngờ từ những ngôi nhà cao có tác dụng rất lợi hại. Trong trận đánh Thái Nguyên, tôi đã chứng kiến một khẩu súng máy quân Nhật đặt trên ngôi nhà hai tầng đã kiểm soát suốt dọc phố. Cần đặc biệt nghiên cứu cách đưa bộ đội rút ra an toàn khi có lệnh, nên tìm hiểu hệ thống cống ngầm; trường hợp cấp bách, những con đường nằm dưới lòng đất này có thể giúp ích cho ta. Cán bộ đi điều tra về báo cáo những cửa cống thông ra cửa sông đều bị ngăn bằng song sắt. Ta đã chuẩn bị để khi cần sẽ phá bỏ ngay những song sắt này.

Nửa năm qua, người Hà Nội đã làm quen với chiến thuật ba-ri-cát những lần Pháp gây hấn. Qua bàn bạc, thấy những vật chướng ngại như bàn, ghế, giường, tủ... chất đống giữa đường, ngả cây, cột điện, đầy xe ô-tô, toa xe lửa, toa tàu điện... chấn ngang cũng chỉ gây cản trở cho quân địch một thời gian ngắn. Cần phải xây dựng nhiều lớp chiến lũy, kết hợp với đào chiến hào và bố trí lực lượng chặn đánh thì mới có thể chống xe tăng, cơ giới và bộ binh địch có hiệu quả. Vì đường phố đã có những chiến lũy chấn ngang nên cần đục tường nhà nọ thông sang nhà kia để bảo đảm sự cơ động lực lượng của ta.

Từ ý định xây dựng nhiều tầng lớp chiến lũy, mọi người nhận thấy có thể tổ chức chiến đấu cổ thủ ngay trong lòng thành phố dài ngày, hạn chế địch từ trung tâm đánh ra ngoại ô.

Sau khi cân nhắc kỹ lưỡng, Bộ chỉ huy Khu 11 trình bày kế hoạch "Trong đánh - Ngoài vây", theo cách nói của đồng chí Vương Thừa Vũ là "trùng độc chiến". Liên khu 1 của Hà Nội với những đường phố cổ tiếp giáp Thành Hà Nội, nơi tập trung quân Pháp, được chọn làm khu vực cổ thủ bên trong thành phố. Ngày đầu nổ súng, năm tiểu đoàn Vệ quốc quân cùng với tự vệ sẽ tiêu diệt những vị trí lề của địch, phá

hoại những cơ sở vật chất quan trọng như Nhà máy điện, Nhà máy nước, Kho xăng dầu, phá cầu Long Biên, đánh sân bay, chiến đấu bảo vệ một số cơ quan tiêu biểu như Bắc Bộ Phủ, Tòa thị chính, Nhà bưu điện... Sau vài ngày chiến đấu, một tiểu đoàn Vệ quốc quân sẽ rút vào Liên khu 1, cùng với lực lượng tự vệ cổ thủ tại đây. Bốn tiểu đoàn khác cùng với tự vệ Liên khu 2 và 3 sẽ giãn ra các đầu ô dựa vào chiến lũy tiếp tục chiến đấu, thường xuyên đột kích để yểm trợ cho Liên khu 1 và ngăn chặn quân Pháp đánh ra ngoại thành.

Tôi tán thành kế hoạch này, một kế hoạch "nội công ngoại kích" gây cho quân địch sự lúng túng phải đối phó ở cả hai mặt, bên trong và bên ngoài, đồng thời bảo đảm tính cơ động của lực lượng ta, không bị cố định trong những phòng tuyến cứng nhắc.

Kế hoạch chiến đấu tại Hà Nội được hoạch định cụ thể, tính kỹ số lượng đạn dược, lương thực, nước uống của bộ phận cố thủ tại Liên khu 1. Khó khăn nhất vẫn là sự chênh lệch quá lớn về trang bị, kỹ thuật giữa ta và địch. Toàn mặt trận, tính cả tự vệ, có khoảng 2.250 cây súng, hầu hết là súng trường, với nhiều súng khai hậu. Đạn rất ít. Trung bình, hai chiến sĩ có một quả lựu đạn.

Chúng ta quyết định tiến hành một cuộc nghi binh lớn, suốt một tuần, hàng nghìn dân quân, tự vệ từ những vùng chung quanh, rầm rập kéo vào thành phố, tăng cường những vị trí đóng quân, quá nửa đêm lại lặng lẽ rút đi.

Kế hoạch chiến đấu được các khu phố thực hiện rất khẩn trương. Có những thanh niên trước đây thờ ơ, nay cũng hăng hái tham gia xây dựng chiến lũy. Đồng bào ngoài việc đóng góp dụng cụ: Cuốc, xẻng, xà beng, cọc sắt, tham gia đắp lũy, đào hào, còn tích cực lập những đội cứu thương, hỏa thực và dự trữ lương thực để chiến đấu. Bộ mặt thành phố thay đổi hằng ngày. Những đường phố xinh đẹp nhanh chóng trở thành chiến lũy. Một lần đi thăm khu Hoàn Kiếm, nhìn những thanh niên đang dựng cọc sắt, đào chiến hào, khoét lỗ ở những thân cây chuẩn bị đặt mìn, tôi nhận thấy chính những cuộc gây hấn của quân Tưởng và quân Pháp trong thời gian qua đã chuẩn bị tốt cho họ bước vào cuộc chiến.

Trung tuần tháng 12 năm 1946, tôi báo cáo với Bác có thể giữ được Hà Nội từ một tháng trở lên.

Bộ Tổng chỉ huy quyết định nổ súng vào 20 giờ ngày 19 tháng 12 năm 1946, nhưng chỉ có Hà Nội thực hiện mệnh lệnh đúng thời gian. Những nơi khác đều chậm từ hai đến bảy giờ. Có nơi bộ đội ta bị địch tiến công trước.

Kế cả Hà Nội, quân Pháp cũng không hoàn toàn bị bất ngờ. Tác giả cuốn "Lịch sử Việt Nam"1 đã kể lại, 18 giờ ngày 19, một người Pháp lai, nhân viên phân gián của

Pháp trà trộn trong hàng ngũ ta, đã báo tin: "Ba đại đoàn Việt Nam (!) và lực lượng tự vệ đã được lệnh tiến công vào tối nay". Moóc-li-e, tư lệnh quân viễn chinh ở miền Bắc Đông Dương, lập tức đặt toàn bộ quân Pháp trong trạng thái báo động cao.

Như vậy, ở tất cả mọi nơi, quân Pháp đều sẵn sàng. Điều bất ngờ đối với họ chỉ ở chỗ: Có lẽ nào một đội quân non trẻ với những trang bị yếu kém lại dám nổ súng vào quân viễn chinh? Đó là lợi thế duy nhất mà ta giành được khi khởi đầu chiến tranh trên cả nước.

iệu lệnh nổ súng ở Hà Nội là đèn điện tắt, đại bác của pháo đài Láng bắn những phát đầu tiên. Chúng ta cần bóng tối trợ lực khi khởi sự. Làm được việc này không dễ. Trung tâm phát điện là nhà máy điện Yên Phụ do một lực lượng hỗn hợp Việt, Pháp cùng canh gác. Cần bí mật đưa vào nhà máy một lượng thuốc nổ đặt vào nơi cần thiết sát giờ nổ súng. Nếu địch phát hiện, quân Pháp có cớ chiếm ngay nhà máy và tiến công trước vào bộ đội trên toàn thành phố.

Từ làng Tây Mỗ, cách Hà Nội mười ki-lô-mét, tôi chờ đợi giờ phút này. Anh Hoàng Văn Thái túc trực tại tổng đài điện thoại của Bộ đặt ở thị xã Hà Đông, nắm tình hình tác chiến, theo quy định cứ hai giờ báo cáo với tôi một lần.

20 giờ...

20 giờ 3 phút. Đèn điện Hà Nội phụt tắt. Đại bác từ pháo đài Láng gầm lên. Công nhân nhà máy điện Yên Phụ do đồng chí Giang phụ trách đã hoàn thành nhiệm vụ một cách tuyệt vời! Ngay sau đó cả Hà Nội rền vang tiếng súng. Chớp lửa đại bác. Hóa châu. Luống sáng của đạn vạch đường. Chân máy dần dần đỏ rực màu hồng của những đám cháy. Những người có mặt ở Hà Nội đêm Nhật đảo chính nói đêm nay mới thật sự là chiến tranh.

Có thể thấy dịch lập tức đối phó. Phần lớn những tiếng súng lúc này là của dịch. Các chiến sĩ ta được lệnh tiết kiệm đạn ngay từ khi khởi đầu tiến công.

Anh Thái kịp thời thông báo những diễn biến đầu tiên từ mặt trận. Quân ta diệt nhiều ổ chiến đấu lẻ, nhiều tiểu đội dịch trong các bộ phận gác hỗn hợp và đang vây đánh nhà Để-lê-vô.

Một tin làm tôi rất quan tâm là chỉ sau nữa giờ nổ súng, từ trong Thành quân Pháp đã chia mấy cánh đánh ra. Một cánh từ Cửa Bắc tiến theo đường Hàng Đậu. Một cánh từ Cửa Nam đi theo đường Tràng Thi, đã chiếm được bốt công an Hàng Trống và tiếp tục đi về hướng Nhà hát lớn...

Quân Pháp sẽ đánh vào Bắc Bộ Phủ, tôi nghĩ. Đại đội Vệ quốc quân làm nhiệm vụ canh gác đã tuyên thệ quyết tử. Tôi nhắc Bộ chỉ huy Hà Nội lệnh cho đơn vị ở Bắc Bộ Phủ sẵn sàng chiến đấu và sử dụng pháo binh chi viện khi dịch bắt đầu tiến công.

Ở ngã ba Hồng Phúc, Hàng Đậu, vệ quốc quân và tự vệ chiến đấu tổ chức phục kích, giật bom phá xe tăng rồi xung phong diệt hàng chục dịch. Như vậy, ngay giữa thành phố vẫn có thể tổ chức phục kích! Đây là một chiến công do quần chúng sáng tạo.

Trong đêm, được tin Nam Định, Hải Dương, Bắc Ninh, Bắc Giang, Vinh và Huế đã lần lượt nổ súng. Bộ đội Đà Nẵng 21 giờ mới nhận được lệnh, đề nghị cho nổ súng vào 8 giờ 30 phút ngày hôm sau.

Nhìn chung, ta đã giành được lợi thế trong những giờ giao chiến đầu tiên.

4

áng sớm ngày 20, tôi cùng anh Trần Quốc Hoàn, phái viên của Trung ương và anh Hoàng Văn Thái có mặt ở Sở chỉ huy Mặt trận Hà Nội. Phái viên từ các nơi liên tiếp về báo cáo tình hình chiến đấu đêm qua. Những bộ mặt trẻ măng. Ai cũng muốn nói nhiều về chiến tích đầu tiên của khu mình.

Đang ngồi nghe các phái viên kể chuyện thì có báo cáo rất đông quân Pháp, với xe tăng mở đường, tiến công vào Nhà hát lớn, Bắc Bộ Phủ và Nhà bưu điện.

Tôi bảo anh Vũ ra lệnh pháo binh bắn yểm hộ cho bộ đội ta ở Bắc Bộ Phủ. Anh Vũ cầm điện thoại, rồi phắt tay nói:

- Bán đi!

Tôi ngạc nhiên hỏi vì sao không chỉ rõ mục tiêu. Anh đáp:

- Báo cáo anh, tất cả mục tiêu đều được đo đạc tính sẵn phần tử từ trước. Nếu bây giờ chỉ thị một mục tiêu mới, đạn có thể rơi vào bộ đội hoặc đồng bào ta.

Mọi người đang phải làm một nhiệm vụ vượt quá xa sức mình!

Tôi yêu cầu đi thăm mặt trận. Anh Vũ đưa trở lại phố Khâm Thiên. Lần này, không đi trên đường, chúng tôi chui qua những lỗ đục tường từ nhà nọ thông sang nhà kia. Những căn buồng đổ đạc vẫn nguyên vẹn. Chiếc chăn bông xếp ngay ngắn ở cuối giường. Trong bể non bộ, đàn cá vàng vẫn lượn lờ. Người dân nghèo hay giàu, đều bỏ lại tài sản ra đi.

Ở đầu phố, đối diện với vị trí địch tại nhà dầu Shell, chiến lũy của ta vẫn đứng vững. Mùi thuốc súng khét lẹt. Trong tự vệ, lẫn với học sinh, dân nghèo, có những công nhân xe lửa với bộ mặt rám nắng và bộ quần áo xanh bạc màu. Không ít người chỉ có trong tay một quả lựu đạn lọ mực, một thanh sắt hoặc con dao.

Chúng tôi đang đứng quan sát bên một ngách tường thì một viên đạn cối không biết từ đâu lao tới, nổ cách đó mấy nhà. Tiếp theo là những loạt liên thanh của quân Pháp. Anh Vũ đề nghị tôi xuống giao thông hào.

Giữa những loạt súng nổ ran, chọt nghe tiếng hát của chiến sĩ ta. Tôi định nói tiếng hát sẽ làm lộ mục tiêu, nhưng lại thôi. Trận dạ tập Đồng Mu trước ngày Tổng khởi nghĩa, giữa giờ phút khó khăn thì tiếng hát của quân giải phóng bật lên. Năm trước, ở Nha Trang, tôi gặp các chiến sĩ trên đường ra trận vừa đi vừa hát. Sau này đọc một cuốn sách của Pháp, tác giả kể lại khi quân Pháp tiến công vào Bắc Bộ Phủ, những người bảo vệ đã chiến đấu tới viên đạn, quả lựu đạn cuối cùng trong tiếng hát và tiếng đàn măng-đô-lin. Vào những giờ phút ác liệt của chiến tranh, tiếng hát có tác dụng kỳ lạ.

Tôi nói với anh Vũ cần xây dựng tiếp vài lớp chiến lũy và đào thêm nhiều hầm hào. Bộ đội không chỉ chặn địch trước mặt mà phải có bộ phận cơ động bí mật đánh vào sườn. Nên phổ biến kinh nghiệm tự vệ đường Tràng Thi từ trên mái nhà ném lựu đạn, bắn súng xuống, học kinh nghiệm phục kích ở ngã ba Hồng Phúc tối qua. Nếu ta biết đánh, địch không dễ gì chiếm chiến lũy.

Cùng với mặt trời dần lên cao, tiếng súng từ trung tâm thành phố dội về mỗi lúc một dữ dội. Máy bay địch bay lượn trên bầu trời Hà Nội bắn phá một số nơi. Súng cao xạ của ta từ dưới bắn lên để lại trên cao những đám khói trắng.

Trên đường về tôi cảm thấy yên lòng về tinh thần chiến đấu của bộ đội và tự vệ, nhưng cũng rất băn khoăn vì lực lượng bộ đội ta quá mỏng. Cả Khu 11 chỉ có năm tiểu đoàn! Bộ Tổng chỉ huy không có lực lượng dự bị nào... Tôi nảy ra ý nghĩ có thể sáp nhập Khu 11 vào Khu 2. Hà Nội cùng với hai tỉnh Sơn Tây, Hà Đông sẽ trở thành khu vực tiền phương của Chiến khu 2. Như vậy, mặt trận Hà Nội có nguồn bổ sung bộ đội và một hậu phương tương đối rộng để huy động sức người, sức của kéo dài cuộc chiến đấu.

Tôi hôm đó, tại cơ quan Trung ương ở Do Lộ, anh Trường Chinh và tôi cùng nghe Bộ Tổng Tham mưu tổng hợp tình hình chiến sự ngày đầu để chuẩn bị báo cáo với Bác.

Ở Hà Nội, ta đánh 30 trận vừa tiến công vừa chặn địch, diệt nhiều vị trí nhỏ và ổ chiến đấu lẻ. Ta không giải quyết được những nơi địch tập trung đông như ở

trường Bưởi, Đồn Thủy... Cuộc chiến đấu ở Bắc Bộ Phủ diễn ra từ 5 giờ sáng đến 18 giờ. Vệ quốc quân đánh lui nhiều đợt xung phong. Buổi chiều, Lê Gia Định - Chính trị viên Đại đội thấy không giữ được Bắc Bộ Phủ nữa, đã ra lệnh cho hai trung đội do anh chỉ huy rút sang Nhà bưu điện. Anh ở lại với một trái bom, định giật nổ để tiêu diệt toán quân Pháp đầu tiên xông vào. Bom không nổ, Chính trị viên Lê Gia Định đã anh dũng hy sinh. Tại Nhà hát lớn, hai tiểu đội do Trung đội trưởng Đát chỉ huy đã đánh lui các đợt xung phong của quân Pháp suốt đêm 19. Sáng 20, chỉ còn lại 12 chiến sĩ. Bắn hết đạn, họ dùng lưỡi lê, báng súng tiếp tục quần nhau với quân địch. Những người bị địch bắt nhất định không chịu đầu hàng, quân Pháp đưa họ ra bắn. Ở phố Nhà Thờ, Đại đội trưởng tự vệ thành Trịnh Sĩ Bình, một công nhân Công giáo đã lớn tuổi, một mình ở lại chặn đánh quân địch

cho đơn vị rút lui đã anh dũng hy sinh. Ngay trong ngày đầu kháng chiến toàn quốc, ở Thủ đô đã có biết bao tấm gương chiến đấu oanh liệt. Ta tiêu diệt hàng trăm quân địch, phá hủy một số xe tăng, xe bọc thép. Phía ta, bốn mươi chiến sĩ hy sinh. Ta đã giật một quả bom 250 ki-lô-gam ở cầu Long Biên nhưng không phá được cầu, không đánh được vào sân bay Gia Lâm vì địch canh phòng cẩn mật.

Các tỉnh đều có điện về báo cáo: Tại Hải Dương, diệt hai trung đội địch ở trường nữ học và cầu Phú Lương, đang bao vây quân Pháp ở Nhà máy chai; ở Nam Định, diệt một số tiểu đội tại nhà ga, Nhà máy tơ, chiếm một bộ phận Nhà máy dệt. Trung đội địch đóng tại sân bay Vinh đã đầu hàng. Ở Huế, bộ đội ta diệt một số điểm lẻ ở Ngã Năm, khách sạn Thanh Minh, trường Khải Định. Ở Bắc Giang, Bắc Ninh, đang vây địch, mới diệt được một tiểu đội. Riêng tại Đà Nẵng, vì chuẩn bị chậm, định nổ súng vào 8 giờ 30 phút ngày 20 tháng 12, nhưng từ 5 giờ sáng địch đã tiến công trước; lực lượng vũ trang ta có nguy cơ bị đẩy ra ngoài thành phố.

Sau khi nghe báo cáo, chúng tôi trao đổi và nhất trí là qua một ngày đêm chiến đấu có thể thấy, nhìn chung, tuy ta yếu hơn địch nhiều, nhưng vì giành được bất ngờ nên ta ở thế có lợi, còn địch ở vào thế bị động đối phó. Ở Hà Nội, không thể tiếp tục tiến công vào những vị trí lớn, mà nên đánh nhỏ, đánh du kích. Sau ba ngày chiến đấu, các liên khu có thể co lực lượng về khu vực tác chiến đã chuẩn bị. Ở Hải Dương, Nam Định, Huế, ta còn nhiều lực lượng, cần tiếp tục tiến công tiêu diệt địch.

Tôi quyết định điều ngay hai tiểu đoàn của Khu 2 tăng cường cho Hà Nội, gấp rút xây dựng một trung đoàn chủ lực trực thuộc Bộ, và mỗi chiến khu đều phải nắm chắc một tiểu đoàn chủ lực.

Ngày 25 tháng 12, Thường vụ Trung ương họp nghe báo cáo tình hình chiến đấu ở Thủ đô. Anh Trưởng Chinh công bố quyết định sáp nhập Chiến khu 11 vào Chiến

khu 2. Anh Hoàng Sâm và anh Lê Hiến Mai vẫn là Chỉ huy trưởng và Chính ủy. Anh Vương Thừa Vũ và anh Trần Độ là Chỉ huy phó và Phó Chính ủy của Chiến khu 2, nhưng vẫn là Chỉ huy trưởng và Chính ủy của Mặt trận Hà Nội.

5

gày 12 tháng 1 năm 1947, Hội nghị quân sự lần thứ nhất họp ở gần Hà Nội.

Kháng chiến toàn quốc đã hơn ba tuần. Bộ đội và tự vệ Hà Nội đã vượt qua cái mốc 15 ngày cầm chân quân Pháp để ra lúc ban đầu. Không riêng

Hà Nội, tại nhiều thành phố khác, lực lượng vũ trang ta vẫn đứng vững. Một tiểu đoàn thuộc trung đoàn bộ binh lê dương thứ 3 (3è REI) đã bỏ Bắc Ninh, Bắc Giang rút về Hà Nội.

Hướng ứng mệnh lệnh kháng chiến toàn quốc, ở Nam Bộ, ngày 20 tháng 12 năm 1946, tự vệ thành và những đội cảm tử đồng loạt nổ súng tại Sài Gòn, gây náo loạn cả thành phố. Ở Nam Trung Bộ, đêm 30 tháng 12 năm 1946, một đoàn tàu quân sự với 20 toa xe chở gần 200 sĩ quan và binh lính Pháp bị đánh lật nhào ở sông Phan. Tại Tây Nguyên, từ 29 đến 30 tháng 12 năm 1946, bộ đội ta liên tiếp phục kích quân tiếp viện địch trên đường An Khê - Gia Hội, An Khê - Thượng An, đánh một đoàn xe địch, loại 70 sĩ quan và binh lính khối vòng chiến đấu.

Về phía địch, sau hai chục ngày tác chiến, Bộ chỉ huy Pháp vẫn chưa thoát khỏi thế bị động, lúng túng. Tướng Moóc-li-e chỉ huy quân Pháp ở Bắc Bộ mất chức, Đép-bơ, người chỉ huy đánh chiếm Hải Phòng tháng 11 năm 1946 lên thay. Tổng chỉ huy quân viễn chinh Pháp Van-luy kêu gọi binh lính: "Nghiến răng chịu đựng trước cuộc xung đột đang diễn ra ác liệt... Chẳng bao lâu nữa các bạn sẽ được tăng viện tiếp tế". Tuy nhiên, ở một số mặt trận xa, quân Pháp nhanh chóng mở rộng phạm vi chiếm đóng. Ở Tây Bắc, địch chiếm Sơn La, Hát Lót, Yên Châu. Ở biên giới Việt - Lào, địch làm chủ tuyến sông Mã. Ở Đông Bắc, địch đã nổi liền Tiên Yên, Đình Lập, Lạng Sơn và đang tiến từ Đình Lập xuống Phả Lại, nhằm chiếm đóng khu tứ giác Lạng Sơn - Móng Cái - Hải Phòng - Phả Lại. Có thêm quân tăng viện, địch sẽ còn những âm mưu mới.

Hội nghị quân sự lần này nhằm bàn kế hoạch đối phó với tình hình mặt trận sẽ có những biến chuyển lớn nay mai.

Cuộc họp kéo dài từ ngày 12 đến 16 tại Trúc Sơn, nơi năm thế kỷ trước đã diễn ra trận Chúc Động - Tốt Động lịch sử.

Anh Trường Chinh tới dự hội nghị. Các khu trường từ Khu 4 trở ra đều có mặt. Về bố ngõ lần trước cách đây đúng một tháng, ngày nhận nhiệm vụ, đã nhường cho sự hiểu biết, tự tin hơn sau ba tuần thử lửa.

Tôi đọc bản báo cáo đánh giá những thành tích quân và dân ta đã thu được từ ngày nổ súng và nêu lên những khuyết, nhược điểm cần khắc phục về mặt tổ chức, chỉ huy và cách đánh của bộ đội.

Ta nhận định sau một thời gian bị động đối phó, địch đang chuyển sang phân công và tiến công. Dự đoán có thêm viện binh, địch sẽ chiếm và kiểm soát khu Hà Nội - Hải Phòng và Hà Nội - Ninh Bình - Phát Diệm, cùng cố đường số 1, đường sông Hồng, phát triển mặt trận Sơn La, đổ bộ lên

Đà Nẵng để có đủ lực lượng giải vây cho Huế, nối liền Huế - Đà Nẵng, và từ Sê Pôn (Lào) uy hiếp phía sau lưng quân ta.

Ta chủ trương kiên quyết nắm quyền chủ động trên khắp các mặt trận, kịp thời chuyển sang thời kỳ mới không để lâm vào thế bị động. Cần tránh đưa lực lượng đối chọi với các mũi tiến công lớn. Dựa vào trận địa đẩy mạnh hoạt động du kích, ngăn chặn không cho địch phát triển mau lẹ. Tập trung lực lượng tiến công tiêu diệt từng bộ phận nhỏ để động viên cả nước chiến đấu. Cần tiếp tục vây hãm quân địch ở các thành phố thêm một thời gian, có kế hoạch đánh địch giải vây, chủ động rút lui đúng lúc và có tổ chức để bảo toàn thực lực, sẵn sàng đối phó với cuộc tiến công lan rộng của địch. Ta quyết định tổ chức mặt trận Tây tiến nhằm phá thế uy hiếp ở phía tây, buộc địch phải phân tán đối phó, và mở rộng căn cứ địa.

Cách đó sáu ngày, Đảng bộ Liên khu 1 Hà Nội có điện đề nghị thống nhất tất cả các bộ phận Vệ quốc đoàn, tự vệ chiến đấu, công an xung phong, tự vệ thành trong Liên khu 1 thành một trung đoàn, lấy tên là Trung đoàn Liên khu 1. Bộ Tổng chỉ huy đã đồng ý. Tại Hội nghị quân sự lần này, tôi đề nghị tặng Trung đoàn Liên khu 1 danh hiệu "Trung đoàn Thủ Đô". Hội nghị nhiệt liệt hoan nghênh.

Anh Vương Thừa Vũ báo cáo những kinh nghiệm phong phú tại mặt trận Hà Nội: Tác chiến dựa vào chiến lũy, phục kích, cơ động lực lượng trong thành phố, sử dụng lực lượng dự bị. Khu 2 giới thiệu cách đánh quân nhảy dù và quân tăng viện đường thủy tại Nam Định ngày 6 và 7 tháng 1 năm 1947. Đồng chí Trần Đại Nghĩa, Cục trưởng Cục Quân giới, báo cáo về việc chế tạo súng và đạn ba-dô-ca để thay thế cho loại bom ba càng khó sử dụng và dễ đưa chiến sĩ tới tử vong. Đồng chí Hoàng Đạo Thúy, vừa nhận chức Cục trưởng Giao thông Công chính, báo cáo về công tác phá hoại cầu đường.

Giờ nghỉ, tôi gặp anh Vũ trao đổi về những diễn biến sắp tới tại Mặt trận Hà Nội. Chúng tôi dự kiến địch sẽ đẩy lui lực lượng ta ra khỏi các cửa ô trước, sau đó mới quay về đánh Liên khu 1. Do đó, cần điều chỉnh lại, bố trí và tăng cường thêm chiến lũy, động viên bộ đội và tự vệ chiến đấu tích cực chặn địch trên các trục phố dẫn ra cửa ô. Đồng thời, củng cố những công trình phòng thủ tại Liên khu 1 sẵn sàng đánh địch và rút lui đúng lúc.

Hội nghị họp sáng ngày thứ hai thì có tin dịch lại tiến công ra các cửa ô, anh Vũ xin về sớm để chỉ huy chiến đấu.

Chúng ta vừa chiến đấu vừa phải kịp thời rút kinh nghiệm trong chiến đấu. Cuộc họp lần này đã trở thành một lớp học mà tất cả những người tham dự vừa là giảng viên, vừa là học viên. Đây chính là những lớp học ngắn ngày góp phần khắc phục trình độ non trẻ của cán bộ ta.

iêu biểu cho trận tổng giao chiến đầu tiên phải nói đến Thủ đô Hà Nội. Hà Nội chia thành ba liên khu. Theo đúng kế hoạch, sau ba ngày giao chiến trên khắp thành phố và tổ chức cho đồng bào tân cư khỏi nội thành, lực lượng vũ trang các liên khu 2, 3, bắt đầu giãn dần ra cửa ô, nơi đã được xây dựng chiến lũy để ngăn chặn quân địch. Bộ đội và tự vệ Liên khu 1 cũng thu hẹp phạm vi chiến đấu, rút vào khu vực cố thủ nằm tiếp giáp với Thành Hà Nội.

Từ ngày 30 tháng 12, địch mở liên tiếp nhiều cuộc tiến công ra các cửa ô. Mỗi cuộc đều có xe tăng, xe bọc thép đi kèm và máy bay, pháo binh phối hợp.

Vệ quốc đoàn và tự vệ với súng trường, lựu đạn, dao kiếm, giáo mác, chai xăng krếp, bom ba càng, dựa vào chiến lũy, chướng ngại vật, công sự, hầm hố, lợi dụng nhà gác, mái nhà đã đánh chặn, giành giật từng quãng đường, từng ngôi nhà.

Ở Khâm Thiên, Hàng Bột, Đội Cấn, địch bị thiệt hại nhiều mà vẫn không vượt qua được chiến lũy. Quân Pháp cuối cùng phải bỏ ý định đánh thẳng vào chiến lũy mà đi vòng theo đường khác. Thiếu sót của ta ở một số nơi là chưa tính tới trường hợp địch đi theo đường vòng.

Trận đánh ở nhà thương Vọng ác liệt nhất. Lực lượng vũ trang ta dùng bom ba càng phá xe tăng, rồi rút lên gác đánh lui nhiều đợt xung phong của địch. Địch bị loại khỏi vòng chiến hàng trăm tên và bị phá một số xe tăng, xe cơ giới. Phía ta, hai trung đội Vệ quốc đoàn và năm mươi tự vệ hy sinh.

Một số trận phục kích diễn ra ở Đống Đa, Hòa Mục, đường Nguyễn Công Trứ diệt từng trung đội địch. Kinh nghiệm trận ngã ba Hồng Phúc đã được vận dụng.

Cho đến ngày 25 tháng 1 năm 1947, địch mới đẩy lực lượng Liên khu 2 và Liên khu 3 ra tới ngoại ô. Từ trung tâm thành phố ra tới đây chỉ khoảng năm ki-lô-mét nhưng quân Pháp đã đi mất 27 ngày, với tốc độ bình quân 200 mét một ngày theo cách nhận xét của một nhà báo Pháp.

Khi bàn về trận đánh Hà Nội, nhiều người đã quên hoặc ít nói tới Liên khu 2 và 3. Ở hai liên khu này, cuộc chiến đã diễn ra 38 ngày đêm, trong đó có 27 ngày đánh địch trên các trục đường ra ngoại ô kết hợp với những tổ luồn vào khu vực địch đã kiểm soát thường xuyên tập kích địch. Nếu không có sự phối hợp này, chiến sĩ Liên khu 1 khó trụ sát nách địch một thời gian dài như vậy.

Tuy nhiên, Liên khu 1 vẫn là tiêu biểu nhất cho cuộc chiến đấu ở Thủ đô.

Liên khu 1 nằm kề đại bản doanh của Bộ chỉ huy Pháp giữa lòng Hà Nội giống như một cái "chốt chặn" hay cái "nhọt tụ độc" ta thường gặp trong chiến tranh. Đây là một lực lượng những chiến sĩ quyết tử có nhiệm vụ thu hút, ngăn chặn địch, sẵn sàng hy sinh tính mệnh cho lợi ích toàn cục trong một trận đánh quan trọng.

Theo kế hoạch, sẽ có một tiểu đoàn Vệ quốc quân cùng ở lại với tự vệ tại liên khu. Nhưng ngay từ những giờ đầu, tiểu đoàn này đã bị cắt làm đôi. Một đại đội ở khu vực phố Yên Phụ, không rút vào được khu vực cố thủ. Như vậy, trong Liên khu 1 chỉ có hai đại đội Vệ quốc đoàn cùng với một bộ phận tự vệ chiến đấu, lực lượng vũ trang trung kiên được Thành ủy Hà Nội tổ chức sau ngày Tổng khởi nghĩa. Họ là nòng cốt cho cuộc chiến đấu của hàng nghìn tự vệ gồm những người dân thuộc mọi thành phần, lứa tuổi, phần lớn là thanh niên, lần đầu làm quen với chiến trận. Hạt nhân lãnh đạo của liên khu, với hàng vạn dân chưa kịp tản cư, là ba chục đảng viên cộng sản, cả nam lẫn nữ, được chỉ định ở lại. Điều đáng ngạc nhiên là các chiến sĩ Liên khu 1, từ em nhỏ, cô gái đến anh Vệ quốc quân, ngay giờ phút đầu tiên, đã hiên ngang tiến hành trận đánh "mặt đối mặt" với kẻ thù mạnh hơn mình gấp nghìn lần.

Ngày 23 tháng 12 năm 1946, anh Trần Quốc Hoàn và anh Lê Quang Đạo được Trung ương cử vào Liên khu 1 để xem xét tình hình tại chỗ. Khi trở về, các anh báo cáo với Bác và Thường vụ: Nếu được tiếp tế đều dặn về lương thực, dạn dược, trung đoàn vẫn có thể trụ lại vượt thời gian dự định.

Tinh thần căm thù quân cướp nước, sẵn sàng hy sinh tính mệnh cho Tổ quốc đã mang lại cho các chiến sĩ sự lạc quan, bình tĩnh, sáng tạo, sớm tìm ra cách bảo vệ mình và tiêu diệt địch. Họ rút kinh nghiệm qua mỗi trận đánh. Từ chia quân khắp nơi ngăn chặn địch với công sự chiến đấu giản đơn, nhanh chóng chuyển sang chiến đấu cơ động dựa vào chiến hào, đánh địch cả trước mặt, bên sườn và phía

sau. Họ biết nghi binh, nhử địch, biết tổ chức và sử dụng lực lượng dự bị. Một chiến thuật mới cùng với hình thức tổ chức thích hợp đã hình thành. Bộ đội chia thành những tổ nhỏ, dựa vào những đường hào, đường luồn trong nhà, thường xuyên di động. Họ không khi nào lộ mặt trước quân địch và luôn luôn reo rắc những tai họa bất ngờ. Một kẻ thù vô hình bao giờ cũng đáng sợ hơn một kẻ thù hữu hình. Những chai cháy, quả lựu đạn, phát súng trường, súng săn lê tê nhưng rất trúng đích, không biết xuất hiện từ đâu. Các chiến sĩ cố thủ không chịu bó hẹp phạm vi chiến đấu của mình bên trong chiến lũy. Họ thường xuyên kéo nhau đi đột

kích những bộ phận quân Pháp đóng lẻ. Nhờ thông thuộc địa hình, đường ngang lối tắt, họ thoắt hiện, thoắt ẩn khiến kẻ địch thường không kịp đối phó và càng ít cơ hội chụp bắt họ. Họ được sự giúp đỡ, cổ vũ của hàng vạn đồng bào, những người chưa kịp tân cư cũng như những người quyết tâm ở lại.

Tuy vậy, không phải không có những khó khăn mới đã nảy sinh. Khi lực lượng vũ trang ta thu hẹp phạm vi chiến đấu vào khu vực cố thủ thì dân chúng ở vùng chung quanh cũng ùa vào theo, đưa số dân tại đây lên tới hàng vạn người. Số nhân khẩu đông đảo này đã nhanh chóng làm cạn nguồn lương thực dự trữ trù liệu cho năm nghìn người trong vòng ba tháng. Con đường bí mật nằm ở ven sông Hồng, nối liên khu với hậu phương trong những đêm tối trời, đã bị địch chú ý. Không thể để tình hình này kéo dài. Chúng ta thống nhất với lãnh sự Trung Hoa, Anh và Mỹ thỏa thuận cùng phía Pháp một thời gian ngừng bắn 24 giờ, đưa Hoa kiều, Ấn kiều và thường dân ra khỏi khu vực chiến sự. Bộ Tổng chỉ huy quyết định chỉ để lại Liên khu 1 một bộ phận nhỏ của Trung đoàn Thủ Đô là 500 người, gồm những chiến sĩ chọn lọc, đại bộ phận sẽ rút ra cùng với dân trong ngày ngừng bắn. Nhưng qua ngày đó trung đoàn báo cáo ra, vẫn còn lại 1.200 người, trong số này có cả 200 phụ nữ và 75 em nhỏ. Điều ta không dự kiến được là có những người đã trốn ở lại để được tiếp tục chiến đấu.

Vòng vây các vị trí địch quanh liên khu ngày càng dày thêm. Sau khi ngoại kiều đã rời khỏi đây, máy bay, trọng pháo không còn dè dặt trong những trận oanh tạc. Van-luy ra lệnh: "Đừng ngần ngại gì mà không đánh mạnh bằng bom và đại bác! Phải kết thúc sớm đi! Phải làm cho kẻ thù hiểu rõ ưu thế áp đảo của chúng ta". Ngày 16 tháng 1 năm 1947, tại khu Đông Thành, một tổ súng trường do đồng chí Bạch Ngọc Liễn chỉ huy đã bắn rơi một máy bay Xpít-phai đang lao xuống bắn phá. Đây là chiếc máy bay đầu tiên bị hạ bằng súng bộ binh tại Hà Nội. Bộ Tổng chỉ huy đã tặng Huân chương Chiến sĩ hạng Ba cho chiến công này.

Con đường tiếp tế từ ngoài vào liên khu có thể bị địch phát hiện và cắt đứt bất cứ lúc nào. Khu Đông Thành có hai khẩu trung liên đều ọc ạch, vừa bắn vừa phải sửa.

Càng chiến đấu kéo dài càng thiếu đạn. Một tiểu đội ở phố Cầu Gỗ chỉ có một khẩu súng khai hậu, anh em gọi đùa là khẩu "thần công". Các chiến sĩ bắt đầu chia nhau từng viên đạn.

Tết Đinh Hợi (năm 1947) mở đầu cho nhiều cái Tết tiếp theo trong chiến tranh. Tiếng súng ở mặt trận đã thay tiếng pháo mừng Xuân. Đồng bào ở giáp mặt trận vẫn có mâm cơm cúng gia tiên chiều tất niên, nén hương thắp trên bàn thờ lúc giao thừa, và đặc biệt không quên những chiếc bánh chưng,

cây giò, gói mứt gửi người đang chiến đấu ở mặt trận. Các chiến sĩ Liên khu 1 nhận được cả một cành đào Tết Nhật Tân và những bó hoa tươi. Đêm 30 Tết, họ mở một đợt tiến công ở nhiều nơi trong thành phố và cắm cờ đỏ sao vàng trên Tháp Rùa để khẳng định sự có mặt của mình tại Thủ đô.

Bài thơ mừng Xuân Đinh Hợi của Bác đầy hào khí:

Cờ đồ sao vàng tung bay trước gió,

Tiếng kèn kháng chiến vang dậy non sông.

Toàn dân kháng chiến, toàn diện kháng chiến

Chí ta đã quyết, lòng ta đã đồng.

Tiến lên chiến sĩ! Tiến lên đồng bào!

Sức ta đã mạnh, người ta đã đông.

Trường kỳ kháng chiến, nhất định thắng lợi!

Thống nhất độc lập, nhất định thành công!

Những tình cảm của Bác mùa Xuân này dành phần lớn cho các chiến sĩ đang chiến đấu giữa vòng vây tại Liên khu 1. Trong thư gửi các chiến sĩ quyết tử quân Thủ đô, Bác viết:

"Các em ăn Tết thế nào?... Tôi và nhân viên Chính phủ vì nhớ đến các em cho nên không ai nỡ ăn Tết. Còn 90 phần trăm đồng bào ở hậu phương cũng giảm bớt 90 phần trăm mâm cỗ tiệc tùng, ai cũng tiết kiệm để dự bị công cuộc trường kỳ kháng chiến.

Các em là đội cảm tử. Các em quyết tử để cho Tổ quốc quyết sinh. Các em là đại biểu cái tinh thần tự tôn tự lập của dân tộc ta mấy nghìn năm để lại, cái tinh thần quật cường đó đã kinh qua Hai Bà Trưng, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung, Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám truyền lại cho các em...

Các em hăng hái tiến lên, lòng Già Hồ, lòng Chính phủ và lòng toàn thể đồng bào, luôn luôn ở bên cạnh các em...".

Sau Tết Nguyên đán, ngày 29 tháng 1 năm 1947, tôi tới gặp Bộ chỉ huy Mặt trận Hà Nội ở Tây Mỗ, nêu vấn đề phải tính ngay tới việc đưa bộ phận còn lại của Trung đoàn Thủ Đô ra ngoài. Tôi nhắc anh Vũ đặc biệt chú ý hai vị trí ở phía đông Liên khu là Nhà Xô-va và trường Ke, nằm trên đường bộ đội sẽ rút qua. Tôi biết việc rút khỏi liên khu sẽ tác động lớn tới tư tưởng, tình cảm của chiến sĩ. Chừng nào còn một lực lượng chiến đấu dù nhỏ tại liên khu thì Hà Nội vẫn chưa phải là rơi vào tay quân địch.

Ừ đầu tháng 2, có thêm viện binh, quân Pháp mở những đợt tiến công quyết liệt vào Liên khu 1. Những trận đánh dữ dội diễn ra ngày 6 tại Nhà Xô-va (nay là trường Nguyễn Huệ), ngày 7 tại trường Ke (nay là trường Trần Nhật Duật). Đây là hai vị trí nằm gần bờ sông Hồng, kiểm soát con đường duy nhất nối liên khu với bên ngoài, đã được chỉ thị phải bảo vệ bằng mọi giá. Ở cả hai nơi, dịch đã phải bỏ dở cuộc tiến công. Tại Nhà Xô-va, địch để lại bốn chục xác chết. Tại trường Ke, quân dịch kéo tới đông, Trung đội trưởng Cát Văn Soan cứ liên lạc về tiểu đoàn xin tăng viện. Liên lạc viên là em Lai, 12 tuổi. Gặp tiểu đoàn báo cáo xong, Lai quay trở về trung đội thì trúng đạn hy sinh. Cái chết của em Lai đã động viên toàn thể trung đội không chờ có quân tăng viện, đánh lui tám đợt xung phong của quân Pháp, giữ vững vị trí. Khi được tin, tôi đã gửi điện biểu dương những đơn vị vừa chiến thắng.

Chiều ngày 7 và sáng ngày 8, quân Pháp tiến công vào phố Hàng Nón, Hàng Thiếc, Hàng Bút. Dãy nhà số chẵn phố Hàng Thiếc, nơi quân ta bố trí chặn đánh địch, bị bắn phá tan hoang. Trung đội phó Trần Đan bị thương, vẫn tiếp tục chỉ huy bộ đội giữ vững trận địa.

Suốt ba ngày liền, 11, 12, 13 tháng 2, máy bay oanh tạc dữ dội, tập trung vào khu vực chợ Đồng Xuân. Sáng 14, từ 5 giờ, các loại súng của dịch nổ rung chuyển cả liên khu. Máy bay ném bom dọc theo trục đường Hàng Mã, Hàng Chiếu, Ô Quan Chưởng. Từ nhiều hướng, xe tăng, xe bọc thép xuất hiện. Phía Hàng Giấy, xe bọc thép tiến về cửa chợ. Phía Ô Quan Chưởng, xe bọc thép phải dừng lại trước bãi cọc sắt và bao cát. Riêng sau chợ Đồng Xuân, bốn xe tăng dẫn đầu một đám đông lính mũ đỏ vượt qua bãi đá bóng. Súng trung liên của ta đặt trên những ngôi nhà cao bắn chặn quyết liệt. Lính mũ đỏ vào gần chợ thì vấp phải hỏa lực tiểu liên, lựu đạn, chai cháy, chai đựng sôi và vôi bột từ trong ném ra. Dịch phải ngừng tiến công.

Khoảng 9 giờ, dịch mở cuộc tiến công thứ hai vẫn nhắm vào chợ Đồng Xuân. Máy bay bà già lượn vòng chỉ điểm mục tiêu cho pháo binh. Các loại súng thi nhau trút đạn vào chợ. Chiến sĩ ta và quân dịch quần nhau trong từng căn nhà, trên những

mái nhà. Hết đợt tiến công này, quân dịch vẫn chưa lọt vào chợ, nhưng đã chiếm được một số nhà gác đặt súng trung liên uy hiếp ta.

12 giờ trưa, dịch mở đợt tiến công thứ ba. Nhờ xe tăng mở đường, lính mũ đỏ lọt vào chợ. Trong chợ, ta chỉ có hai tiểu đội của Tiểu đoàn 101. Quân ta

và quân địch xen vào nhau. Bộ đội ta dùng tiểu liên, lựu đạn, chai xăng krếp... quần nhau với địch quanh những quầy bán thịt. Cuộc chiến đấu giáp lá cả ác liệt, không cân sức, kéo dài tới 13 giờ. Một số chiến sĩ hy sinh. Một số rút ra ngoài, chiếm những nhà cao bắn vào bên trong chợ.

Trận đánh chỉ dừng khi trời sẫm tối. Địch thương vong gần một trăm. Ba xe bọc thép bị phá hủy. Ta hy sinh 15, trong đó có em Tuyến, nữ liên lạc viên 14 tuổi; 10 người khác bị thương.

Sau trận đánh, địa bàn chiến đấu của Liên khu 1 bị thu hẹp nhiều. Tối 14, theo báo cáo của trung đoàn, đạn chỉ còn trung bình mỗi khẩu súng tám viên. Lương thực ăn dè sên được năm ngày. Trung đoàn đề nghị sẽ chiến đấu tới cùng. Trung đoàn Thủ Đô đã trụ lại giữa thành phố hai tháng, vượt mấy lần dụ kiến ban đầu. Quân ủy họp gấp và thống nhất cần ra lệnh cho trung đoàn rút ngay. Bác và Thường vụ phê chuẩn. Ngay đêm 14, tôi điện lệnh cho trung đoàn rút ra vào đêm 17 tháng 2 năm 1947.

Việc rút lui của trung đoàn được trù liệu từ đầu nhưng vào lúc này trở nên hết sức khó khăn. Đường theo đè lên Yên Phụ và xuống Đồng Nhân đều bị bít kín. Khi bàn kế hoạch đã tính tới đường cống ngầm. Nhưng đường cống ngầm ở Hà Nội hoàn toàn không đáp ứng một cuộc chuyển quân hàng nghìn con người với cả thương binh.

Tối 16, trung đoàn điện ra đề nghị cho thuyền đón ở Tầm Xá đưa qua sông Hồng đến bến Long Tựu thuộc huyện Đông Anh.

Tôi nhắc anh Thái bàn kỹ với mặt trận việc huy động thuyền đò, tổ chức thật chu đáo việc vượt sông. Lực lượng ở bên ngoài được lệnh mở một đợt tiến công mạnh vào Ô Cầu Dền, Ô Cầu Giấy, Ô Chợ Dừa và tung nhiều phân đội luôn sâu vào nội thành tập kích, phá hoại, thu hút sự chú ý của địch trong hai đêm 16 và 17.

Nửa đêm 17 tháng 2 năm 1947, tiếng súng nổ ran khắp Thủ đô. Nhiều đám cháy bùng lên từ Liên khu 1. Quân Pháp vẫn cho là lại diễn ra một đợt quấy rối lớn của bộ đội ta. Chính lúc đó, 1.200 chiến sĩ, gồm cả phụ nữ, trẻ em, thương binh chia thành nhiều nhóm nhỏ bí mật luôn qua gầm cầu Long Biên dưới họng súng của những lính gác đứng bên trên. Họ vượt sông Hồng trên những chiếc thuyền gỗ.

Trưa ngày 18, anh Thái tới vui vẻ báo cáo cuộc rút lui của Trung đoàn Thủ Đô đã thành công trọn vẹn, trung đoàn rút ra không thiếu một người, không thiếu một khẩu súng. Trong nỗi mừng khôn xiết, tôi viết ngay một bức thư ngắn gửi trung đoàn:

"... Các chiến sĩ đã chiến đấu hai tháng ròng rã để giữ vững ngọn cờ nước Việt giữa Thủ đô Hà Nội. Các chiến sĩ đã nêu cao tinh thần oanh liệt của dân Việt và thanh danh rực rỡ của Quân đội quốc gia Việt Nam.

Các chiến sĩ lại mở được con đường máu vượt qua vòng vây quân địch để thực hiện chỉ thị bảo tồn chủ lực. Các chiến sĩ sẽ tiếp tục chiến đấu cho Tổ quốc Việt Nam. Chúng ta sẽ chiến đấu 10 năm hay lâu hơn nữa nếu cần.

Cho đến ngày Tổ quốc độc lập, thống nhất.

Cho đến ngày Thủ đô Hà Nội được làm thủ đô một nước độc lập, thống nhất. Ta thể Thủ đô sẽ chiến thắng quân thù!".

Ngày 22, tôi cùng các anh Trần Quốc Hoàn, Hoàng Văn Thái, Vương Thừa Vũ đến thăm trung đoàn đã chuyển về làng Thượng Hội, huyện Đan Phượng, tỉnh Hà Đông.

Toàn thể cán bộ, chiến sĩ tập trung ở đình làng.

Chưa bao giờ tôi gặp một đoàn quân nhiều màu sắc phong phú đến như vậy. Đủ mọi lứa tuổi, từ em nhỏ nhi đồng, đến những người tóc đã hoa râm. Khá đông các chị. Quần áo đủ kiểu. Hàng quân danh dự hiên ngang với đồng phục ka-ki, mũ ca-lô gắn phù hiệu nền đỏ sao vàng, khăn quàng đỏ quyết tử quân và súng tiểu liên. Số đông bộ đội mặc quần áo dân thường. Những bộ quần áo xanh công nhân, áo vét tông, áo blu-dông, mũ cát, mũ phớt. Những đôi giày dân sự màu đen, màu nâu. Lác đác màu áo lá cây của chiến sĩ Vệ quốc đoàn. Chỉ giống nhau là mọi người đều mang vũ khí, thắt túi đạn hoặc lựu đạn ngang lưng. Những bộ mặt được khói lửa chiến trường tôi rắn lại vẫn chưa mất đi những nét tài hoa, son trẻ của lớp thanh niên, học sinh Thủ đô.

Tôi siết chặt tay các đồng chí lãnh đạo, chỉ huy trung đoàn, tiểu đoàn, các anh Lê Trung Toản, Hoàng Siêu Hải, Hoàng Phương, Vũ Yên, Vũ Lăng, Đỗ Tần, Hoàng Đức Nghi, Bùi Nguyên Cát... chị Tuyết Minh, một bí thư chi bộ khu. Tất cả đều quân phục chỉnh tế, mũ đính sao vành vàng, đeo phù hiệu cán bộ quân sự, chính trị.

Anh Lê Trung Toản giới thiệu với tôi người chiến sĩ trẻ tuổi nhất, em Trương Công Lũy mới bảy tuổi - Lũy đã ném lựu đạn làm chết ba lính lẻ dương - và một số chiến sĩ vốn là văn nghệ sĩ của Thủ đô. Đồng chí Tiến Lợi, chủ hiệu Bella photo, tay cầm

chiếc máy ảnh Rô-lây-phếch. Đồng chí Lương Ngọc Trác, nhạc sĩ đã từng biểu diễn ở những phòng trà, tiệm nhảy, ôm trước ngực một chiếc phong cầm.

Tới đây, tôi được biết thêm, trong cuộc rút lui an toàn của trung đoàn có công lớn của đội Du kích Hồng Hà. Tiểu đội Nguyễn Ngọc Nại đã giữ vững

đường dây liên lạc giữa trung đoàn với Bộ chỉ huy Mặt trận suốt hai tháng qua. Cũng chính họ đã dẫn đường đưa trung đoàn vượt khỏi vòng vây. Thuyền ít, đến 8 giờ 30 phút ngày 18, bộ đội vẫn tiếp tục vượt sông nhờ buổi sáng có sương mù.

Trưa 18, khi trung đoàn đã đi khỏi bến Long Tựu, quân Pháp mới phát hiện bộ đội ta đã rút khỏi Liên khu 1. Địch huy động lực lượng đuổi theo. Nguyễn Ngọc Nại ra lệnh cho tiểu đội nổ súng từ bãi Tầm Xá thu hút sự chú ý của quân địch để bảo đảm cho sự an toàn của trung đoàn. Cả tiểu đội dàn ra chặn đánh địch. Tám trong số mười chiến sĩ của tiểu đội du kích anh hùng đã hy sinh, kể cả Tiểu đội trưởng Nguyễn Ngọc Nại, người đảng viên cộng sản mới 18 tuổi đời.

Bờ bên kia sông Hồng, khi những chiếc xe tăng kéo tới thì bến bãi đều vắng lặng, bộ đội ta đã có mặt gần sông Đuống.

150 năm trước, sông Hồng ngày đó còn gọi là Nhị Hà, đã chứng kiến cuộc rút chạy của đạo quân Tôn Sĩ Nghị với hàng nghìn binh lính chết đuối, xác ngập đầy sông. Hôm nay, sông Hồng một lần nữa chứng kiến một chiến công của dân tộc với cuộc rút lui thần kỳ của Trung đoàn Thủ Đô vượt qua vòng vây dày đặc của quân địch, một mẫu mực của lòng dũng cảm, khả năng tổ chức và tính kỷ luật với sự phối hợp và đùm bọc của nhân dân các xã ven sông Hồng.

Tôi chuyển lời khen của Bác tới trung đoàn rồi nói chuyện với anh chị em và thay mặt Bộ Quốc phòng - Tổng chỉ huy tặng lá cờ thêu bốn chữ vàng "Trung đoàn Thủ Đô" để đánh dấu ngày vui này.

Toàn thể cán bộ, chiến sĩ đồng thanh hô lớn:

"Ta thê Thù đô sê chiên tháng quân thù!".

Tiếng nhạc tưng bừng nổi lên. Tất cả mọi người say sưa hát bài ca của một chiến sĩ vừa sáng tác:

"... Rồi ngày mai sẽ quay về đây

Sông Hồng reo sóng đón mừng đoàn quân quay về

Vang hát phố phường đỏ thắm say xuân mới

Hà Nội ơi! Hà Nội ơi!

Ngày mai ca vang đời mời huy hoàng...".

Ngày đó chỉ tới vào bảy năm sau, ngày 10 tháng 10 năm 1954. Tới đây, trung đoàn mới vượt qua thử thách đầu tiên trên con đường vạn dặm của cuộc kháng chiến lâu dài.

ai Đà Nẵng, theo Hiệp định Sơ bộ mồng 6 tháng 3 năm 1946, Pháp chỉ được đóng một tiểu đoàn. Ngày 9 tháng 12 năm 1946, Pháp đã đổ bộ trái phép thêm một tiểu đoàn của bán lữ đoàn lê dương thứ 13, đưa số quân tại Đà Nẵng lên 1.800 người. Tại đây Pháp có lợi thế sử dụng được hỏa lực mạnh của những tàu chiến đóng ở cảng. Bộ đội ta có hai trung đoàn của Chiến khu 5. Do nhận lệnh chậm, thời gian chuẩn bị quá gấp, bị địch tiến công trước, không nắm được quyền chủ động nên sau ba ngày chiến đấu, bộ đội ta phải rút ra ngoài. Nhân dân các huyện Hòa Vang, Điện Bàn, Duy Xuyên, Đại Lộc cùng với lực lượng vũ trang xây dựng những phòng tuyến, lập vành đai vây chặt thành phố, tiếp tục cắt đứt liên lạc giữa Đà Nẵng với Huế. Bộ đội, tự vệ liên tiếp đột nhập thành phố, quấy rối, phá hoại, mở những đợt "tổng nhiều loạn". Địch phải mất một tháng để ổn định bên trong thành phố và càn quét vùng bán đảo Sơn Trà. Lực lượng vũ trang Đà Nẵng được Chiến khu 5 tặng cờ "Giữ vững".

Tại Huế, Pháp có 750 lính viễn chỉnh thuộc trung đoàn bộ binh thuộc địa thứ 21 (21è RIC) và trung đoàn thiết giáp thứ 6. Vệ quốc quân Chiến khu 4 tập trung ở đây gồm hơn hai trung đoàn và một nghìn tự vệ thành. Số lượng tuy đông nhưng trang bị, vũ khí rất thiếu thốn. Quân Pháp cụm lại trong thành phố, dựa vào một số ngôi nhà vững chãi cổ thủ. Lực lượng vũ trang ta hình thành thế bao vây xung quanh khu vực địch đóng quân. Ta nhiều lần tiến công địch không thành công. Nhưng những đợt tiến công giải vây của địch bằng xe tăng, xe bọc thép cũng đều bị ta đẩy lùi. Quân Pháp bị vây chặt phải dùng máy bay thả dù tiếp tế lương thực, đạn, thuốc men.

Trong Hội nghị quân sự lần thứ nhất, ngày 12 tháng 1 năm 1947, Bộ Tổng chỉ huy chỉ đạo Khu 4: Phải ngăn chặn từng bước, tiêu hao, tiêu diệt địch, tránh đem lực lượng quyết chiến với địch và phải rút khỏi thành phố đúng lúc để bảo toàn lực lượng. Bộ không chấp thuận đề nghị của Khu xin tập trung thêm lực lượng, điều động nhiều đội cầm tử của các huyện để cố tiêu diệt quân địch trước khi viện binh kéo tới. Thực hiện chủ trương của Bộ, Trung đoàn Thừa Thiên đã điều chỉnh lại sự bố trí, chỉ để hai tiểu đoàn bao vây địch ở thành phố, rút các đơn vị khác ra ngoài. Từ hạ tuần tháng 1, Pháp dùng lực lượng lớn giải vây cho Huế. Những trận đánh chặn của bộ đội ta trên đường số 1, số 9, trong đó có trận Đầu Mầu đã ngăn chặn địch có hiệu quả.

Ngày 4 tháng 2 năm 1947, quân Pháp có máy bay, pháo chi viện, kết hợp nhảy dù với đổ bộ đường biển từ nhiều hướng cùng tiến công giải vây cho

Huế. Chiều ngày 8 tháng 2, chúng tôi nhận được báo cáo của Khu 4: "Mặt trận Huế bị vỡ"; "Bộ đội không giữ được hàng ngũ, các cấp chỉ huy không nắm được đội viên, các cơ quan bắt đầu mất liên lạc... dân chúng mất tin tưởng".

Phải mất một thời gian, tình hình Bình - Trị - Thiên mới ổn định dần. Anh Nguyễn Chí Thanh và nhiều đảng viên cộng sản đã có vai trò quan trọng trong việc cứu vãn tình hình khó khăn sau khi vỡ mặt trận Huế.

Tuy nhiên, quân và dân Huế đã cầm chân quân địch gần 50 ngày đêm tại cố đô. Đây là những ngày chiến đấu khá hào hùng. Nếu ta thực hiện được rút lui đúng lúc thì Mặt trận Huế coi như đã hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian đầu kháng chiến. Trận đánh ở Huế đã được những người viết sử chiến tranh Đông Dương coi trọng. Một nhà sử học Pháp đã viết: "Huế đã bị bao vây 46 ngày đêm. Bộ binh, quân dù, không quân và hải quân Pháp đã mất 18 ngày chiến đấu chật vật để giải vây cho Huế".

Tại Nam Định, Trung đoàn 34 của Chiến khu 2 và một nghìn tự vệ thành đã bao vây chặt tiểu đoàn 2 của trung đoàn thuộc địa thứ 6 (2/6e RIC).

Ba đột tiến công của bộ đội ta trong mười ngày đầu đã gây cho địch nhiều thương vong. Quân Pháp chiến đấu cổ thủ tại Nhà máy sợi và trại Ca-rô tinh thần sút kém.

Đầu tháng 1, phòng tình báo của ta báo tin địch chuẩn bị một bộ phận từ Hải Phòng đi theo đường biển đến tăng viện cho Nam Định. Bộ Tổng chỉ huy lệnh cho Khu 2 điều lực lượng đánh địch trên sông từ cửa Ba Lạt vào, đồng thời cũng ra lệnh cho Khu 3 đưa một lực lượng đến phối hợp tác chiến bên phía tả ngạn.

Tôi mông 7, chúng tôi nhận được báo cáo đêm 5 tháng 1, bộ đội Nam Định tiêu diệt năm chục lính nhảy dù, và trong ngày 6 đã đánh thiệt hại nặng quân đổ bộ theo đường sông Đào. Số còn lại buộc phải chạy vào khu Nhà máy sợi. Đây là lần đầu bộ đội ta cùng lúc đánh thắng cả quân dù, quân thủy và bộ binh. Tôi điện cho Khu 2 cử ngay cán bộ về báo cáo.

Ngày 9 tháng 1, anh Lâm Kính, Tham mưu trưởng Chiến khu 2 và một phái viên của Bộ tới cơ quan Bộ Tổng Tham mưu tại Trúc Sơn. Anh Trưởng Chinh, anh Hoàng Hữu Nam cùng tôi nghe báo cáo. Chúng tôi rút ra một số vấn đề. Bộ đội ta với súng trường không thể ngăn cản thủy quân địch di chuyển trên những sông rộng như sông Hồng. Chỉ khi quân địch đổ bộ lên bờ, ta mới có cơ hội đánh. Vậy phải tính cách nào để ngăn chặn tàu trên sông. Có thể học kinh nghiệm của ông

cha ta ngày xưa cắm cọc làm kè ngăn sông không?... Tại Nam Định, lần đầu quân và dân ta chạm trán với quân dù. Lúc mới nhảy xuống, quân dù không mạnh. Không chỉ riêng bộ đội, tự

vệ, mà một cụ già với chiếc dao thái chuối trong tay cũng tiêu diệt được quản dịch. Có lính dù bị cành cây đâm lòi ruột. Như vậy, nếu ta cắm nhiều cọc ở những nơi dịch có thể nhảy dù thì sẽ gây khó khăn cho quân dịch.

Chỉ một thời gian sau đó khắp nơi đã dấy lên một phong trào làm kè ngăn sông và cắm cọc chống quân nhảy dù.

Dự kiến quân Pháp sớm muộn cũng phải giải vây cho Nam Định và hoàn thành việc đánh chiếm vùng tứ giác Đông Bắc, ta chủ động đề ra kế hoạch đối phó.

Bộ Tổng chỉ huy trao nhiệm vụ cho Khu 2: Bố trí lực lượng dọc đường số 1 và trên đê sông Hồng; Trung đoàn 34 đang bao vây Nam Định chỉ để lại một lực lượng trong thành phố, khi cần phải rút kịp thời, chuyển đại bộ phận ra bố trí dọc đê sông Hồng trên địa phận hai tỉnh Hà Nam, Nam Định. Khu 3 được trao nhiệm vụ dùng lực lượng khoảng một trung đoàn đánh vào khu vực tây nam Hải Phòng, uy hiếp thành phố Cảng, kéo lực lượng dịch đang đánh lên Phả Lại quay về. Đồng thời, đẩy mạnh chiến tranh du kích trên đường số 5.

Ngày 6 tháng 3, quân Pháp từ Hà Nội với 200 xe cơ giới tiến về phía Nam Định theo dọc sông Hồng. Họ không chọn đường số 1 vì đường này bị phá hoại nặng. Trung đoàn 34 liên tiếp phục kích, tập kích diệt nhiều dịch, phá bốn xe.

Tối 11 tháng 3, chúng tôi được báo cáo tiểu đoàn cuối cùng của Trung đoàn 34 rút khỏi thành phố Nam Định đúng lúc.

Như vậy, trên Mặt trận Nam Định, quân và dân ta đã bao vây địch 83 ngày đêm, thời gian giam chân địch dài nhất trong những thành phố. Lực lượng vũ trang Nam Định đã thực hiện chiến thuật "Vây thành diệt viện" có hiệu quả, tiêu diệt hàng trăm quân địch, bảo toàn thực lực. Theo đề nghị của Bộ Tổng chỉ huy, Bác đã tặng Trung đoàn 34 của Chiến khu 2 danh hiệu "Trung đoàn Tất Thắng".

Cũng trong thời gian này, chúng ta mở mặt trận Tây tiến. Tháng 8 năm 1945, nước bạn Lào đã tuyên bố độc lập. Từ đó, Liên quân Lào - Việt đã sát cánh chiến đấu chống thực dân Pháp muốn lập lại quyền thống trị. Quân Pháp đã chiếm được nửa nước Lào. Chính phủ độc lập Lào do Hoàng thân Phết-xa-rạt đứng đầu, đang lưu vong trên đất Thái. Mặt trận Tây tiến có nhiệm vụ vừa phá thế uy hiếp địch ở phía tây nước ta, vừa làm nhiệm vụ quốc tế, góp phần vào sự nghiệp giải phóng dân tộc

Lào anh em. Anh Hoàng Sâm và anh Lê Hiến Mai được chỉ định làm Chỉ huy trưởng và Chính ủy mặt trận.

Bộ Tổng Tham mưu điều động ba tiểu đoàn của Hà Nội, Khu 2, Khu 3 hợp thành lực lượng vũ trang của mặt trận, với địa bàn hoạt động là Sầm Nưa. Khu 4 cũng đưa một tiểu đoàn của Thanh Hóa sang Sầm Nưa và một tiểu đoàn của Nghệ An tiến về Xiêng Khoảng. Trong thư gửi bộ đội Tây tiến trước ngày lên đường, tôi căn dặn cán bộ, chiến sĩ: "Phải đứng trên lập trường bình đẳng, tương trợ giúp đỡ cuộc vận động giải phóng của bạn mà tiếp xúc và giải quyết mọi vấn đề". Mối liên minh đoàn kết chiến đấu Việt - Lào từ đó tới nay vẫn trong trẻo như ánh sáng ban mai.

Sự xuất hiện của bộ đội ta trên chiến trường phía tây đã tạo sự bất ngờ. Quân ta nhanh chóng giải phóng Sông Mã, Sầm Tớ và tiến sâu vào Sầm Nưa. Bộ đội chấp hành tốt các chính sách, được nhân dân Lào hoan nghênh và hết lòng ủng hộ. Người dân Lào chỉ cho bộ đội biết những nơi có quân địch, dẫn đường, tiếp tế lương thực, tải thương cho bộ đội trong những trận đánh. Để cứu nguy cho Sầm Nưa và thay quân ở Tây Bắc, Bộ chỉ huy Pháp ở miền Bắc Đông Dương phải mở một cuộc hành binh từ Hà Nội theo đường số 6 lên Hòa Bình, Mộc Châu, Sầm Nưa.

Hướng ứng Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh và chấp hành mệnh lệnh của Bộ Tổng chỉ huy, các mặt trận miền Nam tiếp tục hoạt động mạnh phối hợp với miền Bắc.

Tại Chiến khu 6, sau trận lật nhào một đoàn tàu trên sông Phan đêm 31 :háng 12 năm 1946 là những trận phục kích ở Bản Nham, Phương Cần, Bầu Đá, chặn đánh địch ở Đèo Cả, tập kích một tiểu đoàn ở Phú Lâm... trong tháng 1 năm 1947, diệt hàng trăm địch.

Ở Tây Nguyên, cơ sở quần chúng được xây dựng tại nhiều nơi. Bộ đội và nhân dân An Khê phá đường sá cầu cống, cắm chông, gài thò, lập buôn làng chiến đấu.

Ô Nam Bộ, nhiều trận phục kích, tập kích đạt kết quả tốt, như các trận Cổ Cò (Sa Đéc), Long Mỹ (Rạch Giá) trong tháng 1. Đầu tháng 2 năm 1947, Xứ ủy lâm thời Nam Bộ ra chỉ thị đẩy mạnh chiến tranh du kích, "đánh địch ở khắp các mặt trận". Phong trào đấu tranh chính trị lan rộng trong các đô thị. Lực lượng vũ trang tiếp tục củng cố và phát triển. Hạ tuần tháng 2, Xứ ủy phát động một cuộc "Tổng tiến công quấy rối phá hoại". Khắp nơi diễn ra những trận giao thông chiến, kinh tế chiến. Nhiều quãng đường bị băm nát, cầu cống bị phá hủy, cơ sở hậu cần bị đốt cháy. Nhân dân dựng kè trên sông, rạch. Ở miền Đông, những cánh rừng cao su bị đốt. Công nhân Sài Gòn đốt nhà máy xay, hãng cao su, không cho địch vơ vét thóc

gạo và nguyên liệu xuất cảng. Quân Pháp gặp rất nhiều khó khăn trong việc vận chuyển và cơ động lực lượng.

Một cuộc phối hợp chiến trường kịp thời đã diễn ra trên khắp miền Nam. Trừ hai tiểu đoàn thuộc bán lữ đoàn lê dương thứ 13 được điều từ Tây Nguyên ra Đà Nẵng tham gia trận đánh Huế, dịch không hề đưa được một đơn vị quân Pháp nào từ Nam Bộ, cũng như Cục Nam Trung Bộ ra Bắc. Xa-lăng, phó tư lệnh đạo quân viễn chinh đã nhận xét: "Tại Nam Bộ, mặc dù tướng Ny-ô có trong tay 21 tiểu đoàn bộ binh, chín tiểu đoàn thiết giáp với 25.000 lính Âu, 3.000 lính Phi, 10.000 lính ngụy địa phương,... nhưng lực lượng đó còn quá ít, binh lính quá mệt mỏi".

9

ột nhà sử học phương Tây đã viết là trong chiến tranh Việt Nam, quân viễn chinh Pháp luôn luôn đi tìm một trận đánh dàn trận, cuối cùng, họ đã gặp nó ở Điện Biên Phủ. Thực ra, họ đã gặp nó ngay từ khi chiến tranh khởi đầu trên quy mô cả nước, mà lại ở ngay những thành phố giữa đồng bằng.

Trên cố đô Thăng Long, đây là cuộc giao chiến lần thứ ba giữa ta với xâm lược Pháp.

Khởi đầu cuộc chiến lần này ở Sài Gòn, Hà Nội, trang bị của chúng ta so với 60 năm trước cũng không khác bao nhiêu. Ngược lại, kẻ thù đã mạnh hơn xưa bội phần. Cầm đầu quân xâm lược ở Hà Nội không còn là một vài viên sĩ quan cấp úy, mà là một trung tướng Pháp có chiến tích trong Thế chiến thứ hai. Về phía ta, Chỉ huy trưởng Mặt trận Hà Nội, anh Vương Thừa Vũ, là một công nhân hòa xa, trước cách mạng chỉ mới được học ở một trường đào tạo hạ sĩ quan.

Trừ Hải Dương, hầu hết những thành phố có giao tranh, quân và dân ta đều cầm giữ quân địch trên dưới hai tháng. Riêng tại Huế, vào những ngày cuối, khi địch có nhiều viện binh, do không thực hiện rút kịp thời, ta đã bị một số tổn thất. Ở những nơi khác, không những quân địch bị tiêu hao đáng kể, mà bộ đội ta còn được rèn luyện, phát triển về số lượng. Khởi đầu trận đánh ở Hà Nội, ta chỉ có năm tiểu đoàn Vệ quốc quân, qua 60 ngày chiến đấu, lực lượng này đã lớn lên thành hai trung đoàn: Thủ đô và Thăng Long, không kể một tiểu đoàn rút ra tham gia Mặt trận Tây tiến.

Trận đánh ở Thủ đô đã trở thành biểu tượng của thời kỳ này.

Những năm qua, một số cán bộ làm công tác tổng kết quân sự đã nêu lên nhiều câu hỏi về chiến thuật được áp dụng trong trận đánh tại Hà Nội:

Đánh như vậy là tiến công hay phòng ngự? Đây có phải là trận địa chiến không? Hay là đánh du kích trong thành phố? Hay chỉ là một đợt tập kích chiến lược? Có chiến thuật du kích trận địa chiến không? v.v...

"Ở vào trường hợp này cũng như những trường hợp tương tự luôn luôn xảy ra, theo ý tôi, điều nên tránh trước tiên là không vội mở từ điển quân sự tra cứu xem có những từ về chiến thuật nào thích hợp với loại hình chiến tranh mà chúng ta đã tiến hành. Việc cần làm ngay là phải đi sâu vào bản thân cuộc chiến đấu, tìm hiểu mọi yếu tố phức tạp của nó, rồi xem ta đã sử dụng con người và binh khí, kỹ thuật (những lực lượng tham chiến) theo cách như thế nào để có thể chiến thắng".

Trên đây là lời của Áng-ghen.

Khi chuẩn bị trận đánh, chúng ta đã ý thức rõ sự bất lợi trong so sánh lực lượng giữa ta và địch. Lực lượng vũ trang ta rất giống với những đội quân khởi nghĩa. Nếu dàn toàn bộ lực lượng trong một trận đánh mặt đối mặt với quân viễn chinh Pháp, nó có thể bị tan võ sau vài giờ chiến đấu.

Chúng ta đã nghĩ tới một cách đánh mới: Kết hợp lối đánh trận địa với cách đánh du kích. Đây không phải là lặp lại chiến thuật ba-ri-cát trên đường phố đã có từ xưa. Ta xây những chiến lũy tưởng đối vững chắc, tạo nhiều vật chướng ngại, hầm hào để hạn chế sức cơ động của xe tăng, thiết giáp, cũng như sức mạnh của bom, đại bác và các loại vũ khí. Khác với trận địa chiến thông thường, hoặc những trận đánh bằng ba-ri-cát trước kia, lực lượng vũ trang ta không tập trung ngăn chặn dịch ở những vị trí cố định. Hình thức tác chiến chủ yếu của ta là dùng những phân đội nhỏ hoặc rất nhỏ. Tính cơ động, nhanh chóng, bí mật, tích cực của nó được đặc biệt coi trọng. Ta kiên quyết không đánh những trận lớn, mà tiến hành hàng loạt trận đánh nhỏ. Mỗi trận đều được chuẩn bị kỹ lưỡng. Bộ chỉ huy Mặt trận Hà Nội đã chỉ thị cho bộ đội: "Không đánh trận địa với dịch, không có kế hoạch rõ ràng, chắc chắn, không nên đánh". Trong 60 ngày chiến đấu, quân Pháp mở ba chục trận, còn lực lượng vũ trang ta đã tiến công, chặn đánh dịch cả thảy trên một trăm trận. Chúng ta đồng thời phát huy mọi sáng kiến của từng người, phù hợp với số trường, số đoàn của họ, nhằm mục đích duy nhất: Tiêu diệt dịch, bảo tồn mình.

Tự vệ chiến đấu và bộ đội ta đã trở thành nòng cốt của một cuộc chiến tranh toàn dân. Dân chúng đã biến đường phố thành một trận đổ bát quái. Họ tự tìm ra cách đánh của mình. Một cô gái, một em nhỏ cũng có thể tiêu diệt được lính lê dương. Chỉ sau một thời gian ngắn, nhân dân đã hòa vào với bộ đội, đã thực sự trở thành chiến sĩ.

Bộ chỉ huy Pháp có sức mạnh bình khí áp đảo trong tay, đã lúng túng một thời gian dài, không biết dùng sức mạnh đó vào đâu. Khó khăn đối với quân Pháp không phải là những chiến lũy tại Liên khu 1 cũng như các cửa ô. Địch thủ chủ yếu của họ là rất nhiều đội quân nhỏ thoát hiện, thoát biến ở khắp trong thành phố, những hỏa lục lướt sườn xuất hiện bất ngờ, những phát súng trường, những trái lụu đạn nổ lẻ tẻ nhưng rất trúng đích. Hoạt động của những phân đội nhỏ và rất nhỏ này còn khiến kẻ địch tin rằng ta giữ lại lục lượng chính quy chờ cơ hội tung vào một trận đánh lớn.

Một phóng viên hăng thông tấn Pháp AFP có mặt tại Hà Nội đã miêu tả cuộc chiến đấu như sau: "Tôi đã thấy những người Pháp chết như thế nào dưới súng đạn Việt Nam ở hậu tuyến Hà Nội hay ở những trận kỳ dị giữa trung tâm thành phố, ở một góc đường dưới những làn đạn tiểu liên bắn dọc theo đại lộ. Trong cuộc chiến tranh kỳ dị" này, người ta có thể chết một cách dễ dàng ở bất kỳ nơi nào, lúc nào mà người ta không thể biết được (...). Trong đơn vị đóng ở Nhà thờ để chống giữ mặt Hàng Bông, một trung úy chỉ huy đã tính có tới 35 người chết. Quân Pháp đóng nơi nào cũng phải chiếm tầng gác ba, còn dưới nhà thì để trống, và phải đốt nhà bên cạnh. Phải đóng như vậy để phòng ngừa Việt Minh biệt kích. (...) Ban đêm, họ len lôi vào các phố một cách nhanh nhẹn, không một tiếng động, không một bóng người. Từ trên gác cao, quân Pháp ném lựu đạn xuống. Họ vẫn tiến công một cách hăng hái và bền bỉ với những tiếng hò hét gây khủng khiếp. Đến sáng, họ lại biến đi như mây khói. Ban ngày, họ tìm nơi chắc chắn nhất, chĩa súng vào các vị trí của đối phương. Tiếng súng nổ cả ban ngày, không phải chỉ ở những nơi có giới tuyến rõ rệt, mà cả những khu quân Pháp cho là đã quét sạch. Những nơi mà tôi mới đi qua thì một giờ sau, người ta đã thấy những xác lính Pháp chết gục ở đấy rồi...".

Ngày đó, cách đánh của ta ở Hà Nội được gọi là "du kích trận địa chiến". Về từ ngữ, thuật ngữ này có vẻ như không ổn, vì nó kết hợp hai chiến thuật rất khác nhau. Du kích thường được hiểu là "đi để đánh", đặc điểm của nó là "đi". Trận địa chiến là đánh dựa vào chiến hào, công sự, đặc điểm của nó là sử dụng trận địa "cố định". Nhưng trong thực tế, ta đã kết hợp cả hai chiến thuật này là tạo cho nó một dạng mới trong nghệ thuật chiến tranh nhân dân. Nó trực tiếp bắt nguồn từ tư tưởng chiến tranh toàn dân, từ cách đánh du kích của Chủ tịch Hồ Chí Minh, từ những trận đánh ở Sài Gòn, Hải Phòng; xa hơn, là tư tưởng "lấy yếu thắng mạnh", "lấy ít địch nhiều" của ông cha ta.

Sau này đọc luận văn quân sự của Lê-nin, tôi ngạc nhiên khi thấy đoạn văn sau đây: "Đi theo với sự cải tiến kỹ thuật quân sự, phương thức và phương pháp đánh đường phố đang thay đổi và cần phải thay đổi. (...) Cuộc khởi nghĩa Mát-xcơ-va đã

đề ra chiến thuật chướng ngại vật mới - chiến thuật chiến tranh du kích. Những đội ngũ đặc biệt nhỏ và cơ động là tổ chức do chiến thuật như vậy tạo ra".

Ở đây, một lần nữa cần nhấn mạnh, những cuộc chiến đấu ở nội thành Hà Nội, Huế, Nam Định... sẽ không thể kéo dài nếu chúng ta không giành quyền chủ động tiến công địch, nếu không có sự chiến đấu phối hợp tích cực của chiến trường cả nước, đặc biệt là ở Nam Bộ và Cục Nam Trung Bộ.

Có được sự chủ động chiến lược này là nhờ Đảng ta đã sớm nhìn thấy "nhất định Pháp sẽ đánh ta, và ta sẽ phải đánh Pháp". Do đó, chúng ta đã có một thời gian chuẩn bị. Lệnh nổ súng toàn quốc ban hành chiều 19 tháng 12 năm 1946 là một quyết định sáng suốt, quả cảm và đầy trách nhiệm của Bác và Thường vụ. Quyết định này đã làm sai lệch sự phán đoán của Pháp, khiến cho họ phải chuyển từ ý định tiến công nhanh chóng đè bẹp lực lượng ta giành quyền kiểm soát tại Thủ đô sang cách đánh cầm cụ để đối phó, chờ viện binh tới rồi mới chuyển sang phân công lớn.

Có người coi những trận đánh đêm 19 là một cuộc tiến công chiến lược, hoặc tập kích chiến lược. Tôi nghĩ cách đánh giá này không phù hợp. Những trận đánh ngày khởi đầu kháng chiến toàn quốc với tất cả tính quyết liệt, rộng lớn của nó, vẫn nhằm che giấu lực lượng và ý đồ chiến lược của ta là tiêu hao và cầm chân quân địch một thời gian để chuyển cả nước sang chiến tranh. Khi kẻ địch phát hiện thì ta đã hoàn tất những mục tiêu đề ra, sẵn sàng đi vào cuộc kháng chiến trường kỳ. Đúng ra, đây là nghệ thuật khởi đầu cuộc kháng chiến toàn dân trên cả nước trước một kẻ thù bội phần mạnh hơn ta, đã có mặt ở Thủ đô và tất cả những thành phố lớn.

Yếu tô quyết định hàng đầu trong trận tổng giao chiến đầu tiên là sức mạnh tinh thần, sức mạnh yêu nước của nhân dân ta.

Cũng vẫn là người dân ấy, nhưng đã có một cuộc đổi đời từ ngày Cách mạng Tháng Tám. Công dân nước Việt Nam dân chủ cộng hòa khác xa với lẻ dân nước An Nam triều Nguyễn lòng còn vương vấn với nhà Lê, bất bình vì những cuộc đàn áp nông dân, vì sự trả thù tàn bạo những tướng Tây Sơn có công đánh đuổi giặc ngoại xâm.

Tinh thần thượng võ của dân tộc đã sống lại.

Đó là bao chàng trai đã thay hai chữ "Sát Thát" chích trên cánh tay bằng lời thê "Quyết tử", sẵn sàng ôm bom ba càng lao vào xe tăng địch.

Đó là những em nhỏ tiếp bước Trần Quốc Toản, trốn mẹ cha ở lại thành phố trong vòng vây, chiến đấu dài ngày với lính lê dương hung hãn.

Đó là những cô gái noi gương Bà Trưng, Bà Triệu "giặc đến nhà đàn bà cũng đánh". Có thể nhắc ở đây chuyện Hà Nhật của Liên khu 1. Đó là một cô gái trạc đôi mươi, nước da trắng, mắt một mí, mặt trái xoan phúc hậu, ít nói, ít cười, lúc nào cũng mặc bộ quân phục ka-ki, đầu không rời chiếc mũ sắt. Hà Nhật được chỉ định rời liên khu trong ngày ngừng bắn, nhưng cô đã trốn ở lại. Cô khâu vá quân trang, đi trinh sát, tham gia giữ chốt. Một lần đi trinh sát, Hà Nhật tạt vào một ụ chiến đấu ở ngã tư Hàng Mã - Hàng Đồng mượn một khẩu súng leo lên gác bắn tỉa. Cô hạ được một lính Pháp xuất hiện ở phố Hàng Mã. Khi cô tụt xuống định trả súng thì một loạt liên thanh từ Cổng Đục bắn tới. Hà Nhật ngã gục trên vũng máu. Đồng đội khiêng cô về Trạm quân y phố Hàng Buồm. Biết cô không thể qua khỏi, một người hỏi họ tên và chỗ ở của người thân. Khá nhiều người chỉ hiểu nhau qua những hành động chiến đấu chứ không biết từng người từ đâu tới. Người ta quen gọi "Hà Nhật" vì cô luôn luôn đội chiếc mũ sắt Nhật. Cô chỉ trả lời: "Tên em là Hoàng Hà, chiến sĩ Việt Nam", rồi từ từ nhắm mắt... Trong số chiến sĩ ở lại Liên khu 1, có những người là ba chị em ruột, hai chị em ruột, có người ở lại để được chiến đấu bên cạnh người yêu.

Có thể nói Du kích trận địa chiến là một sáng tạo đầu tiên về nghệ thuật chiến tranh toàn dân của ta tại thành phố. Tuy nhiên, như mọi loại hình chiến thuật, chiến thuật này cũng có những khả năng hữu hạn của nó. Với so sánh lực lượng như vậy, chúng ta không thể tiếp tục kéo dài cuộc chiến đấu ở thành phố. Đã tới lúc ta chuyển sang một loại hình chiến thuật mới để đi vào trận đánh trường kỳ...

Chương hai TRỞ LẠI TÂN TRÀO

hững tháng đầu năm 1947 các cơ quan Trung ương vẫn di chuyển trong vòng bán kính hai chục ki-lô-mét của Hà Nội để tiện việc chỉ đạo mặt trận chính. Trước ngày Toàn quốc kháng chiến, Bác đã giao cho anh Trần Đăng Ninh chỉ huy nhiều đội công tác đi chuẩn bị xây dựng cơ sở ở những nơi cơ quan dự kiến sẽ tới làm việc tại phía tây nam Hà Nội.

Bác đã từ Vạn Phúc về Thanh Hồi, một làng ven sông Đáy gần ngã ba Ba Thá, phía tây con đường Ba La Bông Đô - Vân Đình. Người ở trong một gian nhà chứa thóc chặt chội của đồng bào. Ban ngày, Bác làm việc dưới ánh sáng của một ô cửa nhỏ, hầu như không đi ra ngoài. Buổi chiều, khi trời sẫm tối, Bác mới lặng lẽ rồi lũy tre làng, tới một số cơ quan Trung ương. Sự cẩn thận này không thừa. Sau này chúng ta được biết, chính vào thời gian đó, quân Pháp mưu tính một cuộc nhảy dù biệt kích nhằm nơi Bác ở, mà họ tưởng lắm là Chùa Trầm.

Sự kiện đêm 19 tháng 12 gây chấn động lớn tại nước Pháp. Đác-giăng-li-đ đang có mặt tại Pa-ri. Giới chủ chiến nhân cơ hội này la ó: "Việt Minh phần bội!", "Đội quân

viễn chinh Pháp đã trở thành nạn nhân của một âm mưu Việt Minh đã trù liệu từ lâu!". Thủ tướng mới của Pháp Lê-ông Blum vừa lập xong chính phủ ngày 16. Ông đã quyết định cử Mu-tê, Bộ trưởng Bộ Pháp quốc hải ngoại, sang Đông Dương với sứ mệnh đặc biệt là tìm sự thông cảm bằng mọi giá với Chủ tịch Hồ Chí Minh trong khi tình hình đã trở nên căng thẳng. Mu-tê vừa rồi nước Pháp khi cuộc chiến đã bùng nổ. Blum, một thành viên kỳ cựu của Đảng Xã hội, là người không tán thành chủ nghĩa thực dân, yêu chuộng hòa bình, bối rối trước sự kiện vừa xảy ra ở Đông Dương. Ngày 23 tháng 12, ông phát biểu trước Quốc hội: "Chế độ thực dân cũ nhằm khai thác đất đai và sức lao động của người dân bị chinh phục đã lỗi thời... Cần

phải hoạt động một cách trung thực để tiếp tục sự nghiệp đã lỡ dở, có nghĩa là tổ chức một nước Việt Nam tự do trong một Liên hiệp Đông Dương tự do kết hợp với Liên hiệp Pháp. Nhưng trước hết phải lập lại trật tự để làm cơ sở cần thiết cho việc thực hiện những thỏa thuận". Trước đó một ngày, Blum đã trao cho Lô-clc nhiệm vụ thị sát tình hình Đông Dương với tư cách đại diện cá nhân Thủ tướng Pháp. Ngày 25 tháng 12, Lô-clc rời nước Pháp.

Ngày 29 tháng 12, Đài Tiếng nói Việt Nam truyền đi thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi Thủ tướng Lê-ông Blum yêu cầu quân Pháp trở về vị trí của họ trước ngày 19 tháng 12 năm 1946 cùng với thực hiện ngừng bắn và bày tỏ sự vui mừng nhân dịp Mu-tê sang Đông Dương. Vài ngày sau, Bác lại ngỏ ý sẵn sàng có cuộc hội kiến với Mu-tê tại Hà Nội và cũng muốn gặp Lô-clc, đặc phái viên của Thủ tướng Blum. Trong thư gửi Mu-tê, Bác viết: "Tôi lấy làm vui mừng được biết ngài tới Hà Nội. Xin có lời chào mừng ngài, vì ngài vừa là bạn cũ, vừa là đại diện cho nước Pháp mới, vừa là sứ giả hòa bình. Tôi rất mong và rất sung sướng được gặp ngài để tỏ rõ ý muốn thành thật hòa bình và cộng tác của chúng tôi và để nói với ngài những đề nghị của chúng tôi về việc lập lại sự giao hảo giữa hai nước chúng ta". Ta trao thư này cho lãnh sự Mỹ và Trung Hoa tại Hà Nội. Nhưng nó lại được gửi về Oa-sinh-tơn rồi chuyển tới Pa-ri, khi Mu-tê đã trở về Pháp. Cũng như trước đây, Lê-ông Blum chỉ nhận được bức thông điệp ngày 17 tháng 12 năm 1946 của Bác sau khi chiến sự đã bùng nổ trên toàn cõi Việt Nam. Van-luy và Pi-nhông đã trì hoãn để vô hiệu hóa những văn thư ngoại giao của ta gửi nhà cầm quyền Pháp.

Lô-clc không thể gặp Bác vì việc tiếp xúc với Chính phủ ta đã được trao cho Mu-tê. Mu-tê ngay từ khi tới Sài Gòn đã bị Đác-giăng-li-ô, Van-luy và Pi-nhông hoàn toàn thuyết phục. Ông ta trở về Pháp với đề nghị: "Chừng nào quân đội đã lập lại được trật tự, chừng đó mới có thể xem xét lại những vấn đề chính trị". Lô-clc vẫn tin vào sự lượng định của mình trước đây: Muốn tái chiếm Đông Dương bằng sức mạnh phải có 350.000 quân; cuối cùng vẫn phải đi tới một giải pháp chính trị khó khăn

và lâu dài với 24 triệu dân Việt Nam. Trước mắt, để có "một hoạt động mạnh trong mùa đông 1947 - 1948" phối hợp với hoạt động chính trị, tạo ra thế mạnh để thương lượng, cần nâng quân số viễn chinh lên 115.000 người. Ý kiến của Lô-clc và Mu-tê lúc này dường như gặp nhau. Riêng Lô-clc nhìn thấy một giải pháp cho Đông Dương trong hiện tình đã trở nên cực kỳ khó khăn, nên đã hai lần khước từ đề nghị của Chính phủ Pháp trở lại Đông Dương tiếp tục công việc.

Chính phủ Blum chỉ tồn tại được một tháng. Giới chủ chiến ở Đông Dương và ở Pháp có thể yên tâm thực hiện ý đồ của mình.

Bác đã di chuyển chỗ ở nhiều lần. Từ Vạn Phúc, Bác về Xuyên Dương (Thanh Oai), sang Cần Kiệm (Thạch Thất, Sơn Tây), rồi về Chùa Một Mái, Sài Sơn (Quốc Oai, Hà Đông). Ngày 16 tháng 2 tại Chương Mỹ, Bác chủ tọa phiên họp thường kỳ của Hội đồng Chính phủ, nghe báo cáo của Bộ Kinh tế, Bộ Ngoại giao và bàn công việc kháng chiến. Cuộc họp kéo dài tới 4 giờ rưỡi sáng mới xong.

Thời gian này, Bác cùng Thường vụ và Chính phủ, một mặt chỉ đạo sát sao việc tác chiến trong thành phố, một mặt chỉ đạo chặt chẽ việc chuyển đất nước sang thời chiến. Di chuyển các cơ quan lãnh đạo, cơ sở vật chất, kho tàng về các khu căn cứ một cách chủ động, bí mật, an toàn, bảo đảm được sự lãnh đạo và chỉ huy thông suốt là một thành công lớn trong giai đoạn khởi đầu chiến tranh. Bác đặc biệt chú ý tới gạo và muối là hai nhu cầu thiết yếu của nhân dân. Bác đã trao cho anh Cả (đồng chí Nguyễn Lương Bằng) chỉ đạo việc vận chuyển hai vạn tấn muối từ Văn Lý (Nam Định) lên Việt Bắc. Mặc dù bị địch phong tỏa chặt chẽ miền biển, khi mở Chiến dịch Biên Giới 1950, chúng ta vẫn còn bốn chục tấn muối để chuyển lên Cao Bằng.

Bác rất quan tâm đến vấn đề đưa dân tản cư. Ngày 31 tháng 12 năm 1946, Người đã ký sắc lệnh thành lập Ủy ban Tản cư Trung ương. Người quy định mỗi tỉnh, huyện, làng đều phải có một ủy ban tản cư, các địa phương phải có trạm đón tiếp, bố trí nơi ăn ở, giúp đỡ vận chuyển hành lý, giúp đồng bào tản cư tăng gia sản xuất để sinh sống. Ngày 17 tháng 2 năm 1947, trong thư gửi đồng bào tản cư, Người viết: "Tản cư cũng là kháng chiến", "Tản cư cũng phải sản xuất". Người kêu gọi đồng bào hậu phương: "Nhiều điều phủ lấy giá gương/Người trong một nước phải thương nhau cùng".

Công việc bận rộn, nhưng Bác vẫn tranh thủ thời gian đi thăm nhiều nơi. Đầu tháng 2, Bác vào Ninh Bình, dự hội nghị bàn việc tổ chức giúp đỡ đồng bào tản cư. Từ ngày 18 đến ngày 20 tháng 2, Người vào Thanh Hóa. Cũng như ông cha thời xưa, Người rất chú ý tới hai châu Hoan, Diễn trong cuộc chiến đấu chống xâm lược. Người coi hai xứ Thanh, Nghệ là căn cứ địa thứ hai của kháng chiến trên miền Bắc.

Tại Thanh Hóa đang có đôi chuyện khúc mắc giữa chính quyền tỉnh với một số châu ở vùng Thượng du. Trong điện gửi cho tỉnh trước ngày đi, Bác yêu cầu triệu tập một cuộc họp có đông đủ cán bộ, đại biểu nhân dân các huyện, châu, đại biểu các dân tộc thiểu số, tôn giáo, điền chủ, thương gia, nhà giàu... Trong cuộc nói chuyện chiều ngày 20 tháng 2 ở Rừng Thông, huyện Đông Sơn, Bác mong muốn Thanh Hóa phải trở thành "một tỉnh mô phạm" về nhiều mặt kháng chiến và kiến quốc. Về

kinh tế, Người nói: "Muốn tăng gia sản xuất... phải đem sức dân, tài dân, của dân làm cho dân", phải "làm cho người nghèo thì đủ ăn; người đủ ăn thì khá, giàu; người khá, giàu thì giàu thêm. Người nào cũng biết chữ. Người nào cũng biết đoàn kết, yêu nước". Nhiều bà con tỉnh Thanh tới nay vẫn còn nhớ những lời căn dặn của Bác. Người đã tới viếng Vĩnh Lăng, lăng của vị anh hùng giải phóng dân tộc Lê Lợi. Trên đường về, Bác vào nhà máy in giấy bạc của Bộ Tài chính tại Chi Nê, nói chuyện với công nhân, tự vệ, và đi thăm một số gia đình đồng bào dân tộc thiểu số.

Một hôm, anh Vũ Kỳ, thư ký của Bác, viết thư cho tôi, nói Bác cần có một cuốn Lịch sử Việt Nam. Thật khó tìm được cuốn sách này khi mọi người đã rời thành phố với một chiếc ba-lô trên vai. Sau đó, tôi được biết anh Kỳ đã tìm được một cuốn "Việt Nam sử lược" của Trần Trọng Kim. Bác đánh dấu những đoạn viết về các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh chống ngoại xâm, đặc biệt là chiến tranh chống Mông - Nguyên và Khởi nghĩa Lam Sơn, và dặn anh Kỳ nhắc anh Thận và tôi nên đọc lại những đoạn đó.

2

rong tháng 1 năm 1947, quân Pháp đã đẩy mạnh hoạt động quân sự trên nhiều chiến trường, kể cả những trận đánh giải vây cho các thành phố và mở rộng phạm vi chiếm đóng. Từ trung tuần tháng 2, bắt đầu xuất hiện một hiện tượng mới: Vỡ mặt trận.

Sau khi Mặt trận Huế vỡ, tiếp đến Mặt trận Sơn La. Trung đoàn Sơn La sau nhiều tháng cầm cự với quân địch, bị đánh bật khỏi Tây Bắc, lùi về đến Lai Đồng, Thu Cúc thuộc tỉnh trung du Phú Thọ. Ở Mặt trận Đông Bắc, Trung đoàn Tiên Yên cũng phải rời bỏ miền đất biên giới tỉnh Hải Ninh, lui về tới Bắc Giang.

Những vùng đất rộng lớn, có vị trí chiến lược quan trọng, cùng với dân cư đã trở thành vùng tạm chiếm.

Võ mặt trận hoàn toàn khác với trường hợp bộ đội ta chủ động rút lui. Nó kéo theo hàng loạt hệ quả tiêu cực. Nhiều đơn vị mất liên lạc. Sự dao động xuất hiện trong

tư tưởng cán bộ, chiến sĩ. Đã có những cán bộ chạy dài, những chiến sĩ tự động bỏ ngũ. Dân chúng cũng hoang mang, cho rằng kẻ địch quá mạnh. Hiện tượng này chắc sẽ không dừng lại nếu không có chủ trương, biện pháp đối phó kịp thời.

Những tư tưởng lớn chỉ đạo kháng chiến đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh phác thảo trong bản bút ký đề ngày 5 tháng 11 năm 1946 với tiêu đề "Công việc khẩn cấp bây giờ".

Bác nhận định là địch sẽ đánh ta tới cùng, "vì nó thất bại ở Việt Nam, thì toàn bộ cơ nghiệp để quốc nó sẽ tan hoang". Địch sẽ mang nhiều viện binh, tàu bay, xe tăng sang ta tàn phá, khủng bố dữ dội mong làm dân ta hoảng sợ, nhưng lực lượng địch chỉ có hạn. Nếu ta kiên quyết chống chọi qua giai đoạn chiến tranh chớp nhoáng, "cố rán sức qua mùa Đông lạnh lẽo, thì ta sẽ gặp mùa Xuân". Cuộc kháng chiến của ta phải kết hợp với kiến quốc. Đó là cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện và trường kỳ. Điều quan trọng bậc nhất là "phải làm cho dân ta có Tín tâm và Quyết tâm". Dù có phải rút khỏi các thành phố, ta cũng không cần, ta sẽ giữ vững tất cả thôn quê.

Một năm kháng chiến ở Nam Bộ đã khẳng định: Kẻ địch dù rất mạnh cũng không thể nào tiêu diệt được lực lượng vũ trang ta nếu ta triệt để dùng chiến thuật du kích. Quân và dân Nam Bộ còn chứng minh là có thể tiến hành chiến tranh du kích ở vùng nông thôn đồng bằng và ngay cả ở thành thị nếu ta biết dựa vào dân. "Núi người", "biển người" ở đồng bằng có thể thay thế rừng núi che chở hữu hiệu cho những chiến sĩ du kích. Vì vậy, chỉ thị Toàn dân kháng chiến của Ban Thường vụ Trung ương Đảng ngày 22 tháng 12 năm 1946 đã nêu lên khẩu hiệu đối với toàn dân là "Triệt để dùng chiến thuật du kích".

Đối với bộ đội chủ lực, tuy đã tổ chức đến quy mô trung đoàn, tiểu đoàn, nhưng với trình độ trang bị và kỹ thuật chiến đấu như hiện nay không thể dàn thành trận tuyến để ngăn chặn bước tiến của quân địch. Vì vậy, bản chỉ thị đã chỉ rõ cách đánh của bộ đội ta là "Triệt để dùng du kích vận động chiến".

Hội nghị quân sự lần thứ nhất vào trung tuần tháng 1 năm 1947 tại huyện Chương Mỹ, Hà Đông đã nhận định Pháp đang tính đến những cuộc phản công và tiến công hòng "nuốt trôi nước ta". Để giành lại vai trò chủ động trên các mặt trận, bộ đội ta cần có sự chuyển hướng về chiến thuật, lấy du kích vận động chiến làm chiến thuật căn bản.

Du kích vận động chiến không còn là du kích chiến vì lực lượng huy động tương đối lớn, vì mục đích nhằm tiêu diệt hơn là tiêu hao. Nhưng du kích vận động chiến cũng chưa phải là vận động chiến vì chưa phải là tác chiến của những binh đoàn lớn, phạm vi tác chiến không rộng lớn, hình thức có khi là bao vây, vu hồi, nhưng

có khi là tập kích, phục kích, mà cũng có khi phối hợp tất cả những hình thức ấy. Trong quá trình chiến tranh, du kích

chiến phải phát triển thành vận động chiến. Hai chiến thuật đó khác nhau ở trình độ và quy mô. Chiến thuật du kích vận động chiến của bộ đội ta ở vào quãng giữa trên quá trình phát triển ấy.

Sau hội nghị, tôi đã trao đổi với Bộ Tổng Tham mưu ra bản huấn lệnh cho bộ đội phải chuyển sang vận dụng chiến thuật "du kích vận động chiến". Ngày 1 tháng 2 năm 1947, huấn lệnh của Bộ Tổng Tham mưu được gửi tới các đơn vị. Huấn lệnh nhận định, địch luôn luôn vận động, tập trung được lực lượng để tiến công ta nhiều mặt; trái lại bộ đội ta thì thường dàn thành trận địa, vận động rất nặng nề, do đó thường ở vào thế bị động và bỏ lỡ nhiều cơ hội để tiêu diệt địch. Bản huấn lệnh chỉ rõ nguyên nhân của tình hình này là: Liên lạc trong bộ đội không được chu đáo; trình sát và tình báo kém, tin tức không được chính xác, rõ ràng; địa thế và đường sá nhiều nơi ngay trong khu vực hoạt động cũng không thành thuộc; bộ đội không quen cơ động, cách đánh không được linh hoạt, và đề ra những biện pháp cụ thể để khắc phục. Huấn lệnh yêu cầu ở tiến phương bộ đội phải luôn thay đổi sự bố trí, không bố trí theo kiểu trận địa chiến, chiến thuật phải linh động, sẵn sàng đối phó với sự biến chuyển của mặt trận; ở hậu phương, bộ đội phải luôn luôn thay đổi nơi đóng quân, thường vận động khi tập trung, khi phân tán. Nhờ có vận động mà cán bộ, chiến sĩ hằng ngày được thao luyện, tập dượt. Hơn nữa, qua thường xuyên vận động mà xiết chặt quan hệ với dân quân và dân chúng ở nhiều địa phương.

Trung tuần tháng 2, các ngày 14, 15 và 16, Hội nghị các chính trị ủy viên khu và các chính trị viên trung đoàn được triệu tập. Với cương vị là Bí thư Quân ủy, tôi chủ trì hội nghị cùng với anh Văn Tiến Dũng.

Đây là hội nghị toàn quốc về công tác chính trị lần đầu tiên của quân đội ta. Tại hội nghị này, tôi đã trình bày bản báo cáo "Về tình hình quân sự, vấn đề chiến lược, chiến thuật và nhiệm vụ công tác chính trị trong quân đội". Hội nghị đánh giá "Cuộc kháng chiến bước vào thời kỳ nghiêm trọng... thời kỳ thử thách gian khổ" cần phải đẩy mạnh công tác chính trị, phát triển lên một trình độ mới, "đưa Quân đội quốc gia đến thắng lợi và giúp một phần vào thành công của cuộc chiến tranh giải phóng nước ta".

Hội nghị đã đề ra mười nhiệm vụ của công tác chính trị mà nội dung chủ yếu là: Nâng cao tinh thần chiến đấu của bộ đội và lòng tin vào thắng lợi của cuộc kháng chiến, có tinh thần "tự lập chiến đấu trong lúc gian nguy"; đẩy mạnh phong trào nghiên cứu và rèn luyện về kỹ thuật và chiến thuật, thực hiện đúng đắn phương

châm chiến lược về quân sự; rèn luyện tinh thần kỷ luật; đoàn kết nội bộ, đoàn kết quân dân; thực hiện tốt công tác dân vận và công tác địch vận.

Hội nghị đã thảo luận những vấn đề quan trọng của công tác chính trị, đặc biệt là công tác cán bộ; vấn đề kiện toàn hệ thống cơ quan chính trị trong quân đội và xác định nhiệm vụ và quyền hạn của các chính trị ủy viên khu, của các chính trị viên từ trung đoàn đến trung đội. Hội nghị nhấn mạnh "phải coi đại đội làm đơn vị căn bản của công tác chính trị trong bộ đội". Có thể nói hội nghị công tác chính trị lần này đánh dấu một bước quan trọng trong việc xây dựng nên một chế độ công tác chính trị, một nền nếp công tác chính trị trong quân đội ta.

"Mười hai điều kỷ luật" do hội nghị đề ra cùng với "Mười lời thề danh dự" được cán bộ, chiến sĩ học thuộc lòng và đọc dưới cờ trong các buổi tập hợp điểm danh đã có tác dụng lớn đối với việc giáo dục bộ đội và siết chặt tình quân dân cá nước trong suốt những năm kháng chiến. Tiêu chuẩn để đánh giá thành công của công tác chính trị chính là "bộ đội đánh thắng và đi đến đâu cũng được dân chúng hoan nghênh".

Ngay sau Hội nghị công tác chính trị, chúng tôi họp Hội nghị Quân ủy Trung ương mở rộng. Hội nghị đã xác lập hệ thống tổ chức Đảng từ Quân ủy Trung ương đến các chi bộ. Hội nghị xác định nhiệm vụ của đảng viên trong quân đội phải: Giữ vững và thực hiện được chủ trương đường lối của Đảng trong quân đội, củng cố và mở rộng cơ sở Đảng, nắm vững được bộ đội và hoàn thành tốt nhiệm vụ quân sự. Hội nghị quyết định cho đến hết tháng 5 năm 1947 phải có chi bộ ở đại đội và tổ đảng ở trung đội nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng.

Ngày 2 tháng 3, tôi trực tiếp chứng kiến cuộc hành binh lớn đầu tiên của quân Pháp từ Hà Nội đánh ra. Xe tăng, xe bọc thép, bộ binh cơ giới mở những mũi thọc sâu theo hai cánh: Từ tây nam Hà Nội đi Hà Đông, Mai Lĩnh, sau đó thọc lên Trúc Sơn, Chùa Trầm, Sơn Lộ, Quốc Oai, Chùa Thầy; từ Chèm theo đê sông Hồng, sông Đáy xuống cầu Phùng đánh vào vùng Đan Phượng. Đài phát thanh địch công khai nói cuộc hành binh này có nhiệm vụ chụp bắt cơ quan đầu não của Việt Minh được phát hiện ở trong vùng.

Nhiều cơ quan Trung ương ở mấy huyện phía tây nam Hà Nội nằm trên đường tiến quân của địch. Mấy tiểu đoàn vừa thành lập để bảo vệ cơ quan Trung ương và Trung đoàn Thủ Đô mới từ Liên khu 1 rút ra, đều kéo lên bờ đê hoặc bố trí sau lũy tre làng sẵn sàng chiến đấu nếu địch đánh vào.

Điều khiến tôi băn khoăn là tất cả những ụ chướng ngại vật đồng bào ta mất rất nhiều công sức dựng trên mặt đê, đã không làm chậm đáng kể đà tiến của xe tăng,

xe cơ giới. Tiếng gầm rú của xe tăng rung chuyển khắp vùng. Từ trên mặt đê cao, những nòng pháo vươn dài, có thể khạc lửa bất cứ lúc nào vào những làng xóm.

Từ đầu kháng chiến, vấn đề đánh xe tăng, xe bọc thép luôn luôn nhức nhối. Không thể để các chiến sĩ của ta tiếp tục ôm bom ba càng lao vào xe tăng địch. Cuối tháng 1, được báo cáo anh Trần Đại Nghĩa vừa chế tạo thành công súng ba-dô-ca ở huyện Ứng Hòa, tôi đã cử ngay anh Phan Mỹ, Chánh Văn phòng của Bộ tới Cục Quân giới. Anh Mỹ trở về với hai khẩu ba-dô-ca và mười viên đạn. Hai khẩu súng này được trao ngay cho bộ đội ở Mặt trận Hà Nội. Tôi nóng lòng chờ kết quả thử nghiệm trong chiến đấu. Chiều ngày 2 tháng 3, được báo cáo bộ đội ta đã dùng ba-dô-ca diệt hai xe tăng địch ở Sơn Lộ trong khi địch từ Trúc Sơn thọc lên Chùa Trầm, Quốc Oai. Lần đầu, ba-dô-ca Việt Nam bắn hạ xe tăng Pháp. Chiến công này làm nức lòng bộ đội.

Ngay chiều mồng 2, tôi tới Viên Nội báo cáo tình hình chiến sự với Bác và đề nghị Bác di chuyển trong đêm.

Tôi hôm đó, Bác rời Viên Nội. Anh Trần Đăng Ninh được Thường vụ phân công từ trước, cùng đi với Bác. Trên đường, chiếc xe Pho dở chứng nhiều lần. Sáng mồng 3, Bác mới tới thị xã Sơn Tây. Rất đông người tản cư. Đồng chí lái xe không còn cách nào làm cho xe chạy tiếp. Anh Trần Đăng Ninh đề nghị Bác dùng xe ngựa. Đồng bào không ai nhận ra cụ già trùm đầu bằng chiếc khăn mặt ngồi trên xe ngựa lại chính là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tối đó, Bác qua sông Đà. Sang bên kia Trung Hà, gặp anh Hoàng Văn Thái lên thăm địa điểm mới quay về. Anh Thái nhường xe để Bác đi tiếp.

Bác ở lại Cổ Tiết, bên ghềnh Bà Triệu một thời gian. Chính tại đây, Bác đặt tên: Trường, Kỳ, Kháng, Chiến, Nhất, Định, Thắng, Lợi cho các đồng chí cùng đi với Bác. Đây là nguyên tắc giữ bí mật Người thường làm. Nhưng lần này, Bác còn nói: "Các chú là khẩu hiệu sống của Bác". Suốt những năm kháng chiến chống Pháp, cơ quan giúp việc của Bác vẫn có chừng ấy người.

Tôi còn ở lại Thạch Thán (huyện Quốc Oai) thêm mấy ngày. Cuộc hành binh của Pháp trên Mặt trận Hà Nội càng chứng tỏ bộ đội ta chưa đủ sức ngăn chặn và đánh bại những mũi dùi tiến công của địch. Cách dàn trận địa, lập phòng tuyến án ngữ chờ địch tới, bám đất hoàn toàn không thể ứng phó với những cuộc hành binh đông, mau lẹ, linh hoạt, hết đánh bao vây lại đánh vu hồi của địch, dẫn tới "vỡ mặt trận", gây cho bộ đội ta rất nhiều khó khăn. Tôi thấy cần tạo ra một biến chuyển mạnh trong nhận thức, tư tưởng của cán bộ để ứng phó kịp thời trước tình hình đang biến chuyển nhanh.

Ngày mồng 6 tháng 3, tôi viết bản huấn lệnh: "Sự cần thiết phải chuyển sang du kích vận động chiến". Đây là bản huấn lệnh thứ hai về cùng một vấn đề trong vòng không đầy năm tuần lễ. Bản thứ nhất do Tổng Tham mưu trưởng ký được quy định phổ biến tới tiểu đội. Huấn lệnh lần này của

Bộ Tổng chỉ huy nội dung cấp thiết hơn, giống như một thư riêng gửi cán bộ cấp khu và trung đoàn.

Huân lênh nhâc lai su phan doan dung cac cuoc tien cong cua dich 0 Hue - Quang Tri, 0 Mat tran Hai Phong va Mat tran Ha Noi, va nhieu chi thi cho bo doi phai chuyen sang du kich van dong chien de doi pho voi nhung cuoc tien cong, nhung nhieu noi bo doi van ap dung cach dan tran dia danh nhau voi quan dich trong nhung dieu kien vo cung bat loi. Huân lênh nhan manh: "Phai dung ngay chien thuat du kich van dong mot cach bao dan, nghia la: - Phai tap trung bo doi, cung co tinh than bo doi, dung loi hanh binh rat nhanh chong, rat bi mat ma danh manh vao nhung chô dich tuong doi yêu hay moi chiem dong chua cung co vi tri, xong do lap tirc rut luc luong di danh noi khac. Lam nhu vay thi co noi phai bo dat, không phai dau cung dan tran ma giu... - Tap trung chu luc de danh tung tran lon va phan tan mot so bo doi de phoi hop voi dan quan. - To chuc nhung doi quan danh chien xa. - Don doc viec ngan song, pha duong, dap chutong ngai vat tren cac duong de...".

Huân lênh nhân mạnh bộ đội phải có quyết tâm chuyển sang du kích vận động chiến.

Trong tháng 3, hiện tượng "vỡ mặt trận" đã chấm dứt. Không bị vỡ mặt trận vì bộ đội ta không còn dàn trận địa để ngăn chặn cuộc tiến công của kẻ địch.

Hình thức dàn trận địa trong thời gian đầu Toàn quốc kháng chiến cũng có lý do của nó. Đó là lúc quân địch tập trung ở những thành phố được tung ra để chiếm đất, mở rộng phạm vi kiểm soát. Bộ đội ta đã được tổ chức thành những trung đoàn, họ không thể gặp địch mà không đánh để giữ đất, bảo vệ dân. Do đó, cách dàn trận địa ngăn chặn địch tự nhiên hình thành. Mặc dù chiến đấu dũng cảm, nhưng bộ đội ta với những khẩu súng trường rất ít đạn, những trái lựu đạn do ta sản xuất và những thanh mã tấu không đủ sức ngăn bước tiến của xe tăng. Mặt trận vỡ vì những người bảo vệ trận địa không thấy hết tình hình kịp thời thay đổi cách đánh.

Cũng trong tháng 3, bộ đội bắt đầu thực hiện chiến thuật du kích vận động chiến. Nó đã đạt được kết quả rõ rệt ở Nam Định và Hải Phòng. Nhưng ta đã bị tổn thất ở thị xã Hà Đông. Bộ chỉ huy Mặt trận Hà Nội muốn có một chiến thắng vang dội sau

khi buộc phải rút khỏi Liên khu 1. Trong đêm 20 tháng 3, đồng thời với cuộc tiến công của 10 đại đội Vệ quốc quân Chiến khu 3 vào thành phố Hải Phòng, Bộ chỉ huy Mặt trận Hà Nội đã sử dụng một lực lượng hỗn hợp tương đương với một trung đoàn đánh vào thị xã Hà Đông, một nơi địch mới chiếm đóng. Với quyết tâm chiến thắng, hầu hết những

người được đưa vào trận đánh đều là cán bộ. Cán bộ trung đoàn chỉ huy tiểu đoàn, cán bộ tiểu đoàn chỉ huy đại đội, cán bộ đại đội chỉ huy trung đội... và cán bộ tiểu đội làm nhiệm vụ của chiến sĩ. Quân địch bị đánh bắt ngờ, nhiều binh lính còn mặc quần đùi vội vã cầm vũ khí chống cự. Nhưng rồi dựa vào công sự và hỏa lực mạnh, quân Pháp dần dần chặn được đà tiến công của ta. Mờ sáng, bộ đội phải rút ra. Số thương vong của ta và địch tương đương, nhưng phía ta có nhiều cán bộ. Ta mất gần một trăm cây súng các loại. Sai lầm của ta là đã chủ trương tiêu diệt hoàn toàn quân địch tại thị xã trong khi tình hình thực tế chỉ cho phép tiến hành một trận tập kích, tiêu diệt một bộ phận địch rồi nhanh chóng thu quân. Chủ nghĩa anh hùng yêu nước tự nó chưa đủ để làm nên chiến thắng. Tôi có ấn tượng mạnh với trình độ trang bị, kỹ thuật hiện thời, bộ đội ta chưa thể đánh địch ở quy mô trung đoàn. Trong thời gian này một tiểu đoàn của Trung đoàn Thủ Đô đã chặn đánh địch tốt ở Cầu Dặm, Chương Mỹ, Hà Đông.

Trận thị xã Hà Đông đã kết thúc một thời kỳ chiến đấu của quân và dân ta trên Mặt trận Hà Nội.

3

Tôi rồi Mặt trận Hà Nội sau Bác khoảng một tuần.

Từ ngày nổ súng ở Hà Nội, các cơ quan Trung ương Đảng, Chính phủ, Mặt trận vẫn ở quanh một số làng như Đại Mỗ, Tây Mỗ, Mai Lĩnh, Trúc Sơn, Sài Sơn, Cần Kiệm, Viên Nội... Tất cả đều nằm ở phía tây nam Hà Nội. Đài Tiếng nói Việt Nam hằng ngày phát sóng chỉ cách Hà Nội 10 ki-lô-mét. Sự bố trí này khiến cho địch phỏng đoán chúng ta sẽ tiếp tục di chuyển về phía tây nam, nơi có vùng đất rộng đông dân với nhiều địa phương chưa có quân địch. Cuộc tiến công đầu tháng 3 của quân Pháp đã nhắm vào vùng này.

Nhưng trong thực tế, ta đã đi về phía tây bắc. Một cuộc di chuyển không vội vàng. Những đơn vị bảo vệ được bố trí thành một vành đai bảo vệ chung quanh cơ quan. Thực ra cách bảo vệ tốt nhất lúc này là giữ bí mật. Lực lượng ta chưa đủ sức ngăn chặn xe tăng, xe bọc thép, chưa nói tới những trận oanh tạc bằng máy bay và đại bác. Anh Trần Đăng Ninh đã tổ chức nhiều đội công tác với nhiệm vụ tuyên truyền

kháng chiến, giáo dục nhân dân giữ bí mật, phòng gian, giúp đỡ địa phương xây dựng các đoàn thể và dân quân tại những vùng cơ quan di chuyển qua.

Nhiều người dân từ Hà Nội tấn cư ra cũng đi về hướng này. Khá đông là gia đình cán bộ. Cuộc kháng chiến đã hòa mọi tầng lớp nhân dân thành một khối. Những người tấn cư chỉ có một tay nải hoặc chiếc ba-lô. Họ chưa biết nơi sẽ tới là chỗ nào. Nhưng đi tới đâu cũng thấy ấm áp, yên lòng. Mọi nhà đều mở rộng cửa đón họ như những người thân.

Dọc đường Sơn Tây - Trung Hà, tôi gặp chị Tôn Thất Tùng ngồi trên một chiếc xe kéo. Anh Tùng là giáo sư Trường Đại học Y khoa Hà Nội. Nhiều giáo sư ở đây như anh Vũ Đình Tụng, anh Hồ Đắc Di, anh Đặng Văn Chung... những người trí thức được thực dân Pháp trọng nể, đều đi kháng chiến. Các anh đã thu thập đưa theo những tài liệu để mở tiếp trường đại học nhằm đào tạo những y sĩ, bác sĩ rất cần cho cuộc kháng chiến lâu dài. Phần lớn, nếu không nói là hầu hết giới trí thức, nhà khoa học, văn nghệ sĩ có tên tuổi, những nhân sĩ, và cả một số nhà đứng đầu tôn giáo đều lên đường đi kháng chiến.

Từ đầu thập niên bốn mươi, trên báo chí ở Hà Nội đã xuất hiện lời chế giễu thực dân Pháp, nếu phát xít Nhật xâm lược Đông Dương thì sẽ áp dụng chiến thuật "rút sâu vào nội địa" giống như người Trung Hoa đã làm. Clau-dơ-vít khi tổng kết chiến thuật này từ cuộc chiến đấu của Cu-tu-dốp đánh bại đạo quân xâm lược bách chiến bách thắng của Na-pô-lê-ông trên đất nước Nga, đã rút ra kết luận: Để áp dụng nó cần phải có một không gian rộng lớn. Nước ta không rộng, kẻ thù đã có mặt ở nhiều nơi trên suốt chiều dài của đất nước. Những phương tiện chiến tranh mới của địch đã thu ngắn khoảng cách không gian. Chúng ta không chủ trương một cuộc rút lui chiến lược. Phần lớn các đơn vị vẫn bám sát quân địch tiếp tục chiến đấu. Chỉ những cơ quan lãnh đạo của Trung ương, khu và tỉnh là chuyển về vùng căn cứ. Những căn cứ xa nhất của ta cũng chỉ cách địch một ngày hành quân cơ giới, hay nửa giờ với quân đổ bộ đường không. Trong cuộc chiến tranh này, ta không có hậu phương an toàn. Những cuộc rút lui của ta trong thực tế là xoay vần cùng với kẻ địch. Hơn một năm kháng chiến ở Nam Bộ đã cho thấy, ngoài những căn cứ rộng lớn ở bưng biển đứng vững qua mọi thử thách, chúng ta còn duy trì được cả những căn cứ ở ngay chung quanh Sài Gòn và Chợ Lớn.

Sau khi các cơ quan Trung ương đã rời Mặt trận Hà Nội, ngày 21 tháng 3, Bộ chỉ huy Pháp mở một cuộc hành binh lớn vào khu vực chúng ta đã đóng quân. Quân Pháp lùng sục nhiều nơi, rõ ràng là muốn chụp bắt bộ phận đầu não của kháng chiến đang trên đường di chuyển. Những mũi quân địch xuất phát từ nhiều hướng. Một đoàn bộ binh cơ giới từ Hà Đông tiến nhanh về Vân Đình. Hai tiểu đoàn bộ

binh cùng với một đoàn tàu chiến xuôi theo sông Hồng, đổ bộ vào Phú Lý, đánh lên Chi Nê, rồi cũng tiến về Vân Đình.

Từ Vân Đình, quân địch thọc vào Miếu Môn. Phía Nam Định, một tiểu đoàn bộ binh khác của Pháp cùng với tàu chiến, ca-nô tiến vào Ninh Bình, rồi vòng lên Nho Quan. Trong cuộc hành binh này, địch đã huy động tới năm nghìn bộ binh, nhiều xe tăng, tàu chiến, máy bay. Họ tin là các cơ quan ta đang đi về hướng tây nam. Họ không biết con đường được lựa chọn từ lâu cho cuộc di chuyển lại nằm về hướng tây bắc. Bác đang trở lại Tân Trào.

Cũng có thể nói chúng ta đã thực hiện một cuộc "thiên đô" hiếm có trong lịch sử chiến tranh. Sau ba tháng chiến đấu tại Hà Nội với những thất bại nặng nề, quân Pháp chỉ chiếm được những đường phố chết. Không người. Không điện, không nước. Cơ quan, nhà máy, bệnh viện, trường học... tất cả những gì làm nên sức sống của một thủ đô đều biến khỏi đây. Chính Xa-lăng đã phải thốt lên: "Hà Nội trở thành một khoảng không hầu như tuyệt đối".

4

hị xã Phú Thọ nằm bên bờ sông Thao đã trở thành một thủ đô thu nhỏ với những phòng trà có ca nhạc, nhà hát với chương trình biểu diễn của đoàn kịch tự do, và những tấm áo dài của người Hà Nội. Tất nhiên cũng đã có một vài dấu hiệu của chiến tranh. Đó là những khẩu hiệu địch vận bằng tiếng Pháp, tiếng Đức kẻ trên tường và những cọc tre chống quân nhảy dù cắm ở những bãi trống.

Không khí tấp nập, vui vẻ của thị xã chứng tỏ nhiều người còn chưa hiểu những thử thách chiến tranh nay mai. Chính phủ đã ra lệnh phá hoại. Chẳng bao lâu thị xã sẽ không còn một ngôi nhà gạch.

Trong thời gian tạm dừng ở đây, tôi thấy cần triệu tập hội nghị quân sự để kiểm điểm tình hình ba tháng chiến đấu vừa qua và đề ra chủ trương mới. Từ Phú Thọ vẫn còn đường tàu hỏa lên Lào Cai. Tôi nẩy ra ý muốn đi thăm và tìm hiểu tình hình chuẩn bị kháng chiến ở những tỉnh vùng Tây Bắc trong khi chờ đại đại biểu các nơi về họp.

Thời Pháp thuộc, Lào Cai là một trong năm đạo quan binh của chính quyền thực dân ở biên giới phía Bắc. Gọi là quan binh có nghĩa là một tỉnh do quân đội nắm quyền cai trị. Sớm muộn quân Pháp sẽ tìm cách quay lại vị trí trọng yếu này.

Tôi lên Lào Cai với anh Bằng Giang, Khu trưởng Khu 10.

Tàu chạy qua Yên Bái, Bảo Hà, Phố Lu..., những địa danh nay mai sẽ gắn liền với chiến công của quân ta. Dọc đường, rừng núi mỗi lúc càng hoang

vu, cao hơn và rậm rạp hơn. Sông Thao, thượng nguồn sông Hồng, nhỏ dần. Đã nhìn thấy những tảng đá nổi lên giữa dòng sông.

Thị xã Lào Cai ở miền biên giới xa xôi cũng đã mang màu sắc của thủ đô. Tà áo màu của cô gái tân cư. Những anh thanh niên đứng mơ mộng bên bờ Nậm Ti ngắm cái thị trấn Hồ Kiều xa lạ bên kia sông. Nhớ lại ngày nào vượt sông Nậm Ti chỉ lo bị bọn cảnh sát phát hiện.

Chúng tôi đi tiếp lên Sa Pa, một ngọn của dãy Hoàng Liên Sơn quanh năm phủ đầy mây trắng. Đây là mái nhà của đất nước Việt Nam. Người Pháp đã chọn Sa Pa làm nơi nghỉ mát vì thời tiết quanh năm giống như ở nước Pháp. Người Sa Pa, không riêng các cô gái, cả ông Chủ tịch ra tiếp đón chúng tôi, hai má cũng đỏ hồng.

Lào Cai là thị xã cuối cùng trên miền Bắc thoát khỏi sự khống chế của Việt Nam Quốc dân Đảng thân Tưởng. Người dân đã có kinh nghiệm đấu tranh với địch. Từ thị xã đến vùng núi cao, đâu đâu cũng nhộn nhịp chuẩn bị kháng chiến. Chỉ ít tháng sau đó, Lào Cai đã trở thành một trong những vùng địch hậu đau thương trên chiến trường Tây Bắc.

Tôi từ Lào Cai trở về Tiên Kiên thuộc tỉnh Phú Thọ, nơi họp Hội nghị quân sự lần thứ hai, mang theo một cành đào để tặng Bác.

Khác với lần trước cách đây hơn hai tháng, ý kiến trong cuộc họp rất phong phú. Tất cả đều có thêm kinh nghiệm trong chiến đấu.

Lần đầu, chúng tôi nhận thấy rõ quân Pháp không những có vũ khí, trang bị rất mạnh, mà lại thành thạo trong cách dùng binh. Không phải bỗng dưng từ lâu nước Pháp đã tự hào về lục quân của mình.

Chiến thuật chủ yếu của Pháp trong thời gian qua là đánh vận động bằng cơ giới. Khi xác định mục tiêu tiến công, địch tập trung cơ giới từ các nơi lại, chọn hướng tiến quân ở những tuyến đường ta phòng thủ sơ sài, như đường đê, hay đồng ruộng khô. Họ chia nhiều hướng để đánh vào mục tiêu. Ở những nơi ven biển hoặc có đường sông, bao giờ họ cũng tận dụng các phương tiện đổ bộ đường sông hoặc đường biển. Thường thì họ dùng bộ binh, xe tăng, xe cơ giới có máy bay và pháo yểm trợ đánh ở chính diện, rồi bắt thần dùng xe lội nước hoặc ca-nô bọc thép đổ quân vào sau lưng hoặc cạnh sườn, từ hai mặt dồn quân ta vào giữa. Đó là cách đánh của họ trên đường số 5 và ở Huế. Dựa vào ưu thế tuyệt đối về bộ binh cơ giới, xe tăng, xe thiết giáp, họ đột phá những nơi ta phòng ngự trận địa, phá vỡ đội hình

ta, hòng làm rối loạn và tan rã quân ta. Hình thức gọng kìm, bao vây, vu hồi luôn được áp dụng trong những cuộc tiến công.

Ngoài những trận đánh lớn, ở một số nơi địch sử dụng cả chiến thuật du kích một cách khôn ngoan. Tại Sơn La, quân Pháp chia thành những phân đội nhỏ, từ mười tới mười hai người, thay đổi vị trí ngày ở một nơi, đêm một nơi. Chúng bất ngờ tập kích bộ đội ta từ phía sau lưng hoặc cạnh sườn. Ở Huế, có những toán địch một đêm thay đổi vị trí mấy lần. Chúng thắp đèn sáng ở những nơi không đóng quân. Có lần địch cải trang thành dân thường hoặc bộ đội gây cho ta nhiều trường hợp bất ngờ.

Tổ chức phòng ngự của quân Pháp khá nên nếp. Di chuyển tới đâu cũng làm ngay công sự phòng ngự, đào hầm hố, giao thông hào, xếp bao cát, xây dựng hỏa điểm, chăng dây thép gai, buộc ống bơ, cắm chông nhọn để phòng ta tập kích. Bố trí lưới lửa mạnh, dự trữ đạn dược, lương thực, nước uống để có thể cầm cụ lâu dài khi bị tiến công. Dùng chó béc-giê và cả khỉ để canh gác, dùng Việt gian dò la, cảnh giới vòng ngoài.

Rõ ràng là một đội quân nhà nghề thiện chiến.

Từ những hành động của địch, chúng ta nhìn ra hàng loạt thiếu sót, nhược điểm của một quân đội mới tổ chức, chưa qua rèn luyện, vừa thiếu vũ khí, vừa thiếu người chỉ huy có kinh nghiệm. Đây chính là thời kỳ ấu trĩ mà bất kỳ một quân đội cách mạng nào cũng phải trải qua.

Chúng tôi xác định trường học tốt nhất hiện nay là chiến trường, cần phải học tập ngay trong thực tiễn chiến đấu; người giúp chúng ta nhanh chóng rút ngắn thời gian bổ ngõ này lại chính là kẻ thù của ta.

Hội nghị sôi nổi thảo luận những biện pháp ứng phó với các chiến thuật của địch. Chiến thuật của ta cần giành chủ động và tích cực tiến công. Muốn tiến công phải hiểu rõ địch, có kế hoạch và không quá mạo hiểm. Không chỉ đánh để tiêu hao quân địch, mà phải có những trận tiêu diệt, bắt tù binh, thu vũ khí thì mới xây dựng được lực lượng, càng đánh càng tăng cường sức mạnh quân sự của ta.

Cũng trong hội nghị đã bàn tới một vấn đề cấp bách là xây dựng căn cứ địa. Trước ngày nổ súng kháng chiến toàn quốc, vấn đề này đã được đặt ra. Trung ương, các khu, các tỉnh đều đã nhắm trước những nơi có thể trở thành căn cứ địa khi những thành phố, thị xã bị trực tiếp uy hiếp.

Một câu hỏi được nêu lên: "Cần có những điều kiện nào để xây dựng căn cứ địa?". Hai điều kiện về địa hình và nhân dân được trao đổi nhiều nhất. Kinh nghiệm nước

ta cũng như nhiều nước, có địa hình rừng núi là tốt nhất. Còn địa hình đồng bằng thì thế nào? Đồng bằng của ta không rộng, mỗi chiều của tam giác châu thổ Bắc Bộ chỉ một vài trăm ki-lô-mét, quân địch đã có mặt ở nhiều nơi, vậy có thể xây dựng được căn cứ địa không?

Từ cuối năm 1945, sau khi chiến tranh lan rộng ở Nam Bộ, ngày 5 tháng 11, tôi đã viết trên báo Cứu Quốc: "Du kích ở nơi rừng núi thì dựa vào rừng núi để tiến thoái, còn ở đồng bằng thì tuy không có rừng núi thiên nhiên, nhưng lại có nhân sơn, nhân hải, nghĩa là nếu như nhân dân muôn người đều một lòng thì đội du kích cũng có thể lẩn lút ở trong mà hành động, tuyệt đối bí mật, xuất quỷ nhập thần như ở chốn rừng núi vậy. Không có rừng núi làm chướng ngại thì người ta có thể đắp đất, chặt cây đặt chướng ngại, chặn sông ngòi làm trở ngại để đối phó với cuộc tiến công của địch".

Hội nghị nhất trí cho rằng nếu có dân thì vẫn có thể xây dựng được căn cứ địa. Quân và dân Nam Bộ đã chứng minh điều đó ở những tỉnh đồng bằng sông Cửu Long. Ta cần xây dựng căn cứ địa ở cả rừng núi và đồng bằng. Bất cứ ở đâu, khi xây dựng căn cứ địa đều phải coi trọng cả ba mặt quân sự, chính trị và kinh tế, cần chú ý bộ phận chỉ huy và liên lạc. Mọi căn cứ của ta đều có thể bị địch đánh xuyên qua. Mỗi khu, mỗi tỉnh đều phải có ba địa điểm dự bị. Rất cần tổ chức và xây dựng những tiểu tổ bí mật để tiếp tục hoạt động khi căn cứ bị địch chiếm. Ở đồng bằng lại càng phải chú trọng tổ chức tiểu tổ bí mật và chuẩn bị kỹ lưỡng nhiều địa điểm dự bị.

Về phần chiến thuật, hội nghị đã đi tới kết luận: "Hơn ba tháng chiến đấu, từ một quân đội còn non kém, chúng ta đã có một ít kinh nghiệm bằng sắt và máu. Những thắng lợi và thất bại của ta, những hành động của địch đều là những bài học quý báu. Chúng ta luôn luôn học tập ở quân địch, học tập trong chiến đấu".

Học tập ở sách vở, ở những trường, lớp ngắn ngày chưa đủ. Học tập trong thực tiễn chiến đấu, học tập ở quân địch là vấn đề lớn được rút ra từ hội nghị quân sự lần này. Những kẻ xâm lược có biết đâu khi tiến hành chiến tranh, họ đang dạy những người yêu nước cách đánh lại họ.

àu tháng 4 năm 1947, việc "thiên đỏ" lên Việt Bắc và di chuyển cơ quan chỉ huy các khu, tỉnh về các căn cứ đã hoàn thành. Chỉ tính từ Bình - Trị - Thiên trở ra, khoảng bốn chục nghìn tấn máy móc, nguyên liệu đã được đưa tới nơi an toàn. Riêng ở Bắc Bộ, gần hai phần ba số máy móc của các xí nghiệp được di chuyển kịp thời. Với những máy móc này, ta xây dựng được 57 cơ sở sản xuất quân giới trong kháng chiến. Ta di chuyển cả những máy in báo, in giấy bạc, những trường học, những bệnh viện.

Đài Tiếng nói Việt Nam vừa di chuyển vừa tiếp tục phát sóng, không để tiếng nói của kháng chiến bị gián đoạn; đài được chia làm hai bộ phận để thay thế nhau khi cần thiết.

Việt Bắc là một vùng rừng núi hiểm trở gồm các tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Hà Giang. Sau ngày Cách mạng Tháng Tám thành công, Bác đã trao nhiệm vụ cho anh Phạm Văn Đồng và một số cán bộ ở lại một thời gian để cũng cố khu căn cứ. Cuối tháng 10 năm 1946, sau khi vừa ở Pháp về, Bác lại phái anh Nguyễn Lương Bằng lên Việt Bắc để lãnh đạo việc chuẩn bị các mặt. Một số đội công tác của anh Trần Đăng Ninh đã tới đây chuẩn bị các an toàn khu (ATK).

Các huyện Sơn Dương, Chiêm Hóa, Na Hang (thuộc Tuyên Quang), Định Hóa, Đại Từ, Phú Lương (thuộc Thái Nguyên), Chợ Đồn, Chợ Rã (thuộc Bắc Kạn) được chọn làm an toàn khu. Bộ Tổng Tham mưu chịu trách nhiệm phân chia các khu vực trong ATK cho các cơ quan Trung ương, Chính phủ, Bộ Tổng chỉ huy và các đoàn thể.

Thời gian đầu, Bác và Thường vụ ở vùng Chợ Chu, thuộc châu Định Hóa. Bác chưa trở lại Tân Trào ngay, thủ đô của Cách mạng Tháng Tám, thuộc huyện Sơn Dương, còn ở bên kia một dãy núi.

Những huyện này vốn là những nơi đèo heo hút gió, có nhiều vùng còn nổi tiếng là ma thiêng nước độc, nay có nhiều cơ quan, đơn vị bộ đội, lại thêm những gia đình từ Hà Nội tấn cư lên, nhanh chóng trở nên tấp nập, đầm ấm. Nhiều tên đất trước đây ít người biết đến nay trở nên quen thuộc: Bình Ca, Đa Năng, Đèo Khế, Cao Vân, Phú Minh, Quảng Nạp, Quán Vuông, Ba Giăng, Cù Vân, Bờ Đậu... Có nơi chưa được đặt tên, nhưng vì có một ông già mở quán nước nên nhanh chóng mang cái tên là "Quán Ông Già".

Chúng tôi gặp lại những khuôn mặt chất phác, trung hậu của các pò, các mê, các noọng... Cái vốn tiếng Tày, tiếng Dao, tiếng Mông ngày trước lại có dịp được sử dụng.

Bác gửi thư cho đồng bào thượng du biểu dương truyền thống yêu nước, tinh thần tích cực tham gia kháng chiến và kêu gọi sẵn sàng giúp đỡ bộ đội, ra sức tăng gia sản xuất, làm ra nhiều lúa, bắp, khoai. Bác đề ra 12 điều răn để nhắc nhở cán bộ, chiến sĩ những việc cần làm, những điều cần tránh để được dân yêu, dân tin, dân phục.

Từ tháng 3 năm 1947, anh Trường Chinh bắt đầu viết một loạt bài trên báo Sự thật, cơ quan ngôn luận của Đảng, giải thích và cụ thể hóa đường lối kháng chiến

của ta được nêu trong Chỉ thị Toàn dân kháng chiến. Những bài viết với các tiêu đề: "Chúng ta đánh ai?", "Tính chất cuộc kháng chiến

của ta", "Hình thái cuộc chiến tranh chống Pháp", "Ba giai đoạn của cuộc kháng chiến lâu dài", "So sánh hơn thua"... sau đó được bổ sung và in thành sách với tên gọi "Kháng chiến nhất định thắng lợi". Đây là một đóng góp quan trọng vào việc giáo dục, tổ chức, động viên quân và dân cả nước giữ vững ý chí kháng chiến tới thắng lợi cuối cùng.

Ngay sau khi tới căn cứ địa Việt Bắc, ngày 3 tháng 4, Thường vụ triệu tập Hội nghị cán bộ Trung ương lần thứ hai. Hội nghị họp bốn ngày, đề cập một cách toàn diện mọi vấn đề chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa của cuộc kháng chiến và nêu lên những chủ trương, biện pháp để thực hiện đường lối kháng chiến lâu dài: Vừa kháng chiến, vừa kiến quốc.

Về chính trị, hội nghị chủ trương cũng cổ và mở rộng mặt trận thống nhất chống thực dân phản động Pháp, tổ chức thêm một số đoàn thể quần chúng mới, tranh thủ đồng bào Công giáo và dân tộc thiểu số...

Về quân sự, hội nghị nhận định: "Việt Nam, không thể chuyển từ phòng ngự đến phân công như ở Nga, trái lại phải trải qua một thời kỳ lâu dài, gian khổ để vừa đánh vừa cố gắng bồi bổ vũ khí và bộ đội, chuyển thế yếu của ta thành thế mạnh, chuyển thế hơn của địch thành thế kém".

Ta dự kiến cuộc kháng chiến lâu dài sẽ phải trải qua ba giai đoạn. Trong giai đoạn thứ nhất, địch dùng quân cơ giới mở những cuộc hành binh quy mô rộng lớn, mau lẹ, mở rộng phạm vi chiếm đóng. Ta cần tiêu hao lực lượng địch, làm chậm bước tiến của chúng, bảo tồn chủ lực, tránh những trận đánh bất lợi, rút lui tới một mức nào đó, tuy vẫn tiến công bộ phận để tiêu diệt bộ phận địch. Sang giai đoạn thứ hai, địch sẽ dùng khủng bố, "quét sạch", phong tỏa ta, cố lập chính phủ bù nhìn và dụ ta hàng. Ta phải bồi bổ lực lượng, bộ đội tiến lên mở rộng du kích vận động chiến, toàn dân thì phát động chiến tranh du kích ngay trong vùng địch kiểm soát, cả trong những thành phố lớn, vừa tiêu hao vừa tiêu diệt địch để chuẩn bị chuyển sang phản công. Giai đoạn thứ ba là lúc lực lượng địch đã suy yếu, lực lượng ta trội lên, điều kiện chủ quan và khách quan đều thuận tiện, ta sẽ tập trung lực lượng, dùng vận động chiến là chính, có du kích chiến, trận địa chiến hỗ trợ, phản công khắp các mặt trận, tiêu diệt địch, lấy lại các vùng đã mất.

Dự kiến tiến trình phát triển của cuộc kháng chiến phải trải qua ba giai đoạn là cơ bản phù hợp với quy luật phát triển của so sánh lực lượng. Nó giúp quân và dân ta xác định đúng đắn nhiệm vụ xây dựng và tác chiến của từng giai đoạn, phát huy sự

nỗ lực chủ quan để đi tới chiến thắng, đồng thời không để tư tưởng chủ quan, nôn nóng chi phối. Tuy nhiên, dự kiến này được đặt trong bối cảnh cuộc chiến đấu diễn ra giữa ta và quân xâm lược Pháp, một để quốc đã suy yếu nhiều sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai. Ta chưa

nhìn thấy âm mưu thâm độc của đế quốc Mỹ, dẫn tới việc Mỹ sẽ can thiệp ngày càng sâu vào chiến tranh Đông Dương và trở thành kẻ thay thế khi Pháp đã thất bại. Dự kiến này rất đúng với giai đoạn đầu của kháng chiến, nhưng sự diễn biến sau đó thì phức tạp hơn nhiều.

Một lần nữa, ta xác định "Chiến thuật căn bản của bộ đội là du kích vận động chiến", đồng thời đề ra phải phát động phong trào dân quân du kích và võ trang toàn dân, xây dựng làng kháng chiến, chuyển một phần bộ đội thành dân quân du kích (nhất là ở những nơi bị địch tạm chiếm).

Một lần nữa, vấn đề căn cứ địa lại được nêu lên và thảo luận sôi nổi. Hội nghị đã đi đến quyết nghị: "Việt Nam không thể có căn cứ địa rộng rãi và vững chắc như Trung Quốc. Những căn cứ địa ở Việt Nam đều có thể bị đánh xuyên mũi dùi vào hoặc bị bao vây. Nhưng Việt Nam đã có một mặt trận đoàn kết toàn dân, nhân dân được hưởng chế độ dân chủ rộng rãi và liều chết giữ vững chế độ ấy. (...) Việt Nam vẫn có thể kháng chiến và nắm chắc thắng lợi bằng cách mở mặt trận ở bất cứ nơi nào có bóng địch, đánh ngay cả sau lưng địch, trong ruột địch, và tổ chức căn cứ địa không những ở rừng núi mà ở cả đồng bằng".

Về kinh tế, hội nghị đề ra phải phá kinh tế của địch, đồng thời phải xây dựng nền kinh tế của ta, và lập nền kinh tế tự túc để vừa kháng chiến vừa kiến quốc.

Về văn hóa, hội nghị chủ trương phải động viên tất cả giới trí thức, văn nghệ tham gia kháng chiến, mở mang nền giáo dục kháng chiến, xây dựng nền văn hóa mới dân tộc, khoa học, đại chúng.

Năm tháng sau ngày Toàn quốc kháng chiến, Đảng ta đã hoạch định được đường lối tổng thể cho công cuộc kháng chiến và kiến quốc, đề ra những biện pháp lớn và vạch rõ tiến trình đi tới thắng lợi.

Tháng 5 năm 1947, Bộ Tổng chỉ huy triệu tập Hội nghị dân quân lần thứ nhất tại Việt Bắc.

Sau ngày kháng chiến toàn quốc bùng nổ, Bác và Thường vụ nhận thấy cần có sự chỉ huy thống nhất các lực lượng vũ trang. Ngày 12 tháng 2 năm 1947, Bộ Tổng chỉ huy quyết định thành lập Phòng Dân quân trực thuộc Bộ để giúp việc lãnh đạo và chỉ huy dân quân, tự vệ. Anh Khuất Duy Tiến và anh Lê Liêm được phân công làm

Trưởng phòng và Phó phòng Dân quân. Cũng trong tháng 2, Bộ Quốc phòng ra thông tư tổ chức mọi công dân từ 18 đến 45 tuổi đều vào dân quân, tự vệ; dân quân ở thôn xã, tự vệ ở các xí nghiệp, cơ quan, đường phố; quy định nhiệm vụ của dân quân tự vệ và các đội du kích địa phương. Tháng 3 năm 1947, Chính phủ quyết định đổi tên Bộ Tổng chỉ huy Quân đội quốc gia thành Bộ Tổng chỉ huy Quân đội quốc

gia và dân quân tự vệ, thành lập các ban chỉ huy tỉnh đội, huyện đội, xã đội dân quân thuộc ủy ban kháng chiến các cấp. Tháng 4 năm 1947, Trung ương Đảng ra nghị quyết: "Mỗi làng, mỗi địa phương phải phái ngay đồng chí hoặc cán bộ cứu quốc có năng lực ra đảm nhiệm việc phát triển dân quân".

Từ chỗ là những tổ chức vũ trang quần chúng của các đoàn thể cứu quốc trong Mặt trận Việt Minh xây dựng ở từng địa phương, dân quân, tự vệ, du kích đã trở thành một bộ phận cấu thành lực lượng vũ trang của Nhà nước do Bộ Tổng chỉ huy và những cơ quan quân sự các cấp ở địa phương lãnh đạo và chỉ huy. Lực lượng này trên cả nước, vào mùa Hè năm 1947, đã lên tới một triệu người. Hội nghị dân quân toàn quốc được triệu tập nhằm mục đích thống nhất việc tổ chức và chỉ huy, xác định rõ địa vị chiến lược của dân quân, tự vệ và du kích trong kháng chiến. Nhân dịp này, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư cho các chiến sĩ dân quân cả nước. Bác viết: "Dân quân, tự vệ và du kích là lực lượng của toàn dân tộc, là một lực lượng vô địch, là một bức tường sắt của Tổ quốc. Vô luận kẻ địch hung bạo thế nào, hễ đụng vào lực lượng đó, bức tường đó, thì địch nào cũng phải tan rã".

Tiếp sau đó, trong tổng kết sáu tháng đầu Toàn quốc kháng chiến, Bộ Tổng chỉ huy đã kết luận: Chỉ có thực hiện "vũ trang toàn dân", "phối hợp sự chiến đấu của bộ đội và sự chiến đấu của dân quân và toàn dân, có những đội du kích khắp nơi, các làng mạc trở nên các pháo đài" thì mới "làm cho giặc bị tê liệt, bị vây hãm, bị đánh lúc chúng không muốn đánh, bị khốn cùng về cả mọi mặt".

"Làng kháng chiến", còn gọi là "làng chiến đấu" xuất hiện từ trước tổng khối nghĩa trong thời gian đánh Nhật. Nó đã phát triển mạnh ở Nam Bộ sau ngày 6 tháng 3 năm 1946 dưới hình thức những căn cứ kháng chiến. Các tỉnh, huyện sau lưng địch ở Nam Bộ đều có những căn cứ liên hoàn nằm trên hai, ba huyện hoặc năm, sáu xã. Trong "Chỉ thị Toàn dân kháng chiến", Thường vụ đã nêu khẩu hiệu: "Mỗi làng là một pháo đài!". Nay làng kháng chiến đang phát triển theo tỷ lệ thuận với phong trào phát triển dân quân. Đã có hàng nghìn làng kháng chiến được bước đầu xây dựng. Hội nghị cán bộ Trung ương tháng 4 năm 1947 đã nhận định tinh thần "nhiệt liệt tham gia dân quân, tổ chức làng kháng chiến, giúp đỡ bộ đội tác chiến,

phá hoại, cản địch..." ở quảng đại nông thôn chính là một phong trào cách mạng của nông dân.

Nửa năm sau ngày kháng chiến toàn quốc, chúng ta đã có được những nghị quyết và những hình thức tổ chức khá cơ bản thể hiện tinh thần và tư tưởng của một loại hình chiến tranh mới: Chiến tranh toàn dân.

Pháp, Pôn Ra-ma-đi-ê đã thay Lê-ông Blum làm Thủ tướng chính phủ. Ngày 13 tháng 3 năm 1947, Ra-ma-đi-ê tuyên bố trước Quốc hội Pháp: "Không thể giải quyết vấn đề Đông Dương bằng vũ lực". Ra-ma-đi-ê cử một viên cao ủy mới sang thay Đác-giăng-li-ô bị triệu hồi vì bộ mặt hiếu chiến quá lộ liễu. Nhưng Van-luy vẫn ở lại giữ chức tổng chỉ huy quân viễn chinh.

Ngày 19 tháng 3, Đảng Cộng sản Pháp ra nghị quyết về chiến tranh Đông Dương: "Ban Chấp hành Trung ương khẳng định một lần nữa sự cần thiết hoàn toàn phải chấm dứt những hành động cửu nghịch ở Đông Dương, phải nổi ngay những cuộc đàm phán với Chính phủ Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh trên cơ sở Hiệp định mồng 6 tháng 3 năm 1946, phải tôn trọng độc lập và thống nhất của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa trong khuôn khổ Liên bang Đông Dương và Liên hiệp Pháp".

Ngày 21 tháng 3, từ căn cứ địa Việt Bắc, Đài Tiếng nói Việt Nam truyền đi lời phát biểu của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Chúng tôi trịnh trọng tuyên bố rằng nhân dân Việt Nam chỉ mong muốn độc lập và thống nhất trong khối Liên hiệp Pháp, chúng tôi cam kết tôn trọng quyền lợi kinh tế và văn hóa của Pháp ở Việt Nam... Nếu Chính phủ Pháp tuyên bố chính thức và thành thật công nhận độc lập và thống nhất của Việt Nam, và bảo đảm thực hiện đường lối chính trị đó, tất cả mọi vấn đề khác đều có thể giải quyết dễ dàng. (...) Nếu người Pháp không đếm xỉa tới nguyện vọng thành thật muốn hòa bình của chúng tôi mà cứ tiếp tục chiến tranh thì họ sẽ mất tất cả mà không được gì hết".

Đầu tháng 4, Bô-la-e, người thay Đác-giăng-li-ô đến Sài Gòn.

Ngày 19 tháng 4, Bác gửi một bức thông điệp hòa bình cho nhân dân và Chính phủ Pháp. Bức thông điệp viết: "Nước Việt Nam chiến đấu cho độc lập, thống nhất của mình. Nước Pháp như lời tuyên bố của Thủ tướng Ra-ma-đi-ê không chống lại độc lập và thống nhất của Việt Nam. (...) Chiến tranh kéo dài chỉ có thể làm tăng thêm hận thù, dẫn tới những hy sinh về sinh mạng. (...) Với việc cử Cao ủy mới của nước Pháp ở Đông Dương, Chính phủ Pháp dường như đã biểu lộ ý định chuyển đường lối chính trị đối với nước Việt Nam vào một con đường mới, xứng đáng với nước

Pháp. (...) Để biểu lộ sự thành thật quan tâm của Việt Nam đối với hòa bình và hữu nghị với nhân dân Pháp, Chính phủ Việt Nam đề nghị với Chính phủ Pháp ngừng

ngay mọi hành động cửu nghịch và mở cuộc đàm phán để giải quyết hòa bình cuộc xung đột".

Sau ngày kháng chiến toàn quốc, không còn những cuộc tiếp xúc giữa ta và Pháp. Tuy nhiên, do phía Pháp để nghị, thỉnh thoảng ta cũng cứ đại diện gặp gỡ những lãnh sự Mỹ, Anh và đại biểu Hội Chữ thập đỏ, chủ yếu là để giải quyết "vấn đề tù binh Pháp".

Đầu tháng 5, anh Hoàng Minh Giám gặp lãnh sự Anh ở gần Cầu Đuống. Sau ít phút trao đổi, lãnh sự Anh hỏi:

- Ông có biết ông Pôn Muýt không? Ông ấy đã có dịp gặp ông ở Hà Nội và đã được yết kiến Chủ tịch Hồ Chí Minh trước ngày 19 tháng 12 năm 1946.
- Có, đúng như vậy.
- Ông Pôn Muýt muốn được gặp ông. Ông ấy đã đi theo tôi tới bên kia cầu Đuống, cách đây độ một ki-lô-mét, và đang chờ ở đó. Nếu ông đồng ý tiếp, thì ông ấy sẽ tới ngay.
- Về việc gì vậy, ông có biết không?
- Một việc rất quan trọng, ông ấy tha thiết gặp ông. Hiện giờ ông ấy là người giúp việc thân cận, một cố vấn của Cao ủy Bô-la-e.
- Được. Nhờ ông báo cho ông Pôn Muýt biết tôi sẵn lòng gặp.

Chỉ lát sau, Pôn Muýt tới. Sau khi chào hỏi, ông ta vào đề ngay.

- Tôi có một việc quan trọng, bí mật và gấp, muốn gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tôi được ủy nhiệm chuyển trực tiếp tới Chủ tịch một thông điệp của Cao ủy Bô-la-e. Nếu có thể, tôi sẵn sàng đi theo ông ngay bây giờ.
- Rất tiếc không thể làm như vậy. Tôi sẽ báo cáo với Chủ tịch và trả lời về quyết định của Người. Ông cho biết có thể trả lời cách nào vừa nhanh chóng vừa bảo đảm bí mật.
- Cảm ơn. Đề nghị ông trả lời cho tôi bằng điện đài.

Pôn Muýt trao đổi quy ước liên lạc với anh Giám.

Bác chấp nhận gặp Pôn Muýt. Pôn Muýt đã có mặt từ những năm 30 ở Đông Dương với tư cách một giáo sư khảo cổ. Ông biết chữ Hán và thông thạo tiếng Việt. Sau

ngày mồng 6 tháng 3 năm 1946, Pôn Muýt trở lại Hà Nội trong cương vị cố vấn chính trị của Lô-cléc. Đầu trung tuần tháng 5, người của ta đón Pôn Muýt ở Cầu Đuống. Ông giáo sư hăng hái đi bộ ban đêm theo người dẫn đường tới thị xã Thái Nguyên.

Tối 12 tháng 5 năm 1947, Bác Hồ gặp Pôn Muýt.

Theo lời anh Giám kể lại, sứ giả của Bô-la-e sững sờ khi nhìn thấy Chủ tịch Hồ Chí Minh dưới ánh sáng xanh của ngọn đèn măng-sông trong ngôi nhà duy nhất còn lại giữa thị xã đã biến thành đồng gạch vụn. Bác vẫn giản dị, lịch sự như khi tiếp khách ở phòng khách Chính phủ phố Ngô Quyền - Hà Nội.

- Thưa Chủ tịch, - Pôn Muýt nói - tôi xin cảm ơn Chủ tịch đã vui lòng cho tôi được gặp để làm nhiệm vụ do Cao ủy trao, là chuyển trực tiếp tới Chủ tịch một bản thông điệp.

Khi Bác bảo đưa bức thông điệp thì Pôn Muýt nói tiếp:

- Thưa Chủ tịch, vì những lý do không tiện trình bày ở đây, bản thông điệp của Cao ủy trả lời bức thư đề nghị ngừng bắn của Chính phủ Việt Nam không được ghi vào giấy. Tôi đã nhớ kỹ nội dung, xin được nhắc lại đúng từng lời trong văn bản.

- Tôi săn sàng nghe.

Pôn Muýt đọc một hoi:

- Để thực hiện một cuộc ngừng bắn, về phần mình, Cao ủy Pháp ở Đông Dương xin nêu với Chủ tịch bốn điều kiện: Thứ nhất, quân đội Việt Nam phải nộp vũ khí cho Pháp. Thứ hai, quân đội Pháp được quyền tự do đi lại trên đất nước Việt Nam. Thứ ba, Chính phủ Việt Nam phải trả lại cho Pháp tất cả những người đã bị bắt. Thứ tư, Chính phủ Việt Nam phải trao trả cho Pháp tất cả những người nước ngoài đã chạy sang phía Việt Nam.

Bác nghiêm nét mặt, nhưng giọng vẫn ôn tồn:

- Ông Muýt, tôi biết ông đã tham gia kháng chiến của nhân dân Pháp chống chủ nghĩa phát xít Hít-le, điều đó có đúng không?

- Thưa Chủ tịch, đúng.

- Vậy ông hãy trả lời: Nếu ở địa vị tôi, ông sẽ có thái độ thế nào với bản thông điệp của ông Bô-la-e? Ông có nhận những điều kiện đó không?

Pôn Muýt lúng túng.

Bác nói tiếp:

- Tôi nghe nói ông Bô-la-e cũng đã tham gia kháng chiến chống Hít-le và có thành tích. Những điều kiện ông ấy đưa ra để ngừng bắn có ý nghĩa gì? Có nghĩa là ông ấy đòi chúng tôi phải đấu hàng! Ông Muýt, bản thân ông có nghĩ rằng chúng tôi có thể đấu hàng không? Lại còn điều kiện liên quan tới những người nước ngoài đứng trong hàng ngũ Việt Nam chống thực dân! Phải là một con người hèn mạt mới chấp nhận những điều kiện như vậy.

Bác nhìn Pôn Muýt. Pôn Muýt ngồi im lặng rồi gật đầu nói:

- Tôi hiểu, thưa Chủ tịch, tôi hiểu...

Chuyện bức thông điệp không được nhắc tới nữa. Bác nói về lập trường của Chính phủ và nhân dân ta: Yêu chuộng hòa bình, muốn có quan hệ tốt với nhân dân Pháp, nhưng kiên quyết kháng chiến để bảo vệ độc lập và thống nhất của Tổ quốc mình. Pôn Muýt thừa nhận rằng đó là những tình cảm và ý chí chính đáng. Và hứa sẽ về báo cáo lại đầy đủ những điều Bác đã nói với Bô-la-e.

Trước lúc ra về Pôn Muýt tỏ ra xúc động thật sự. Ông chúc sức khỏe Bác, rồi hỏi:

- Thưa Chủ tịch, như vậy là chiến tranh vẫn tiếp diễn?
- Chúng tôi muốn hòa bình, nhưng không phải là hòa bình với bất cứ giá nào! Mà phải là hòa bình trong độc lập, tự do.
- Thưa Chủ tịch, chúc Người lòng dũng cảm.
- Tất nhiên, bao giờ cũng như vậy.

Đồng chí phục vụ bưng ra mấy ly sâm-banh. Pôn Muýt uống cạn ly chia tay rồi khuất vào bóng đêm.

Năm năm sau, trong cuốn sách của mình, "Việt Nam, cuộc chiến tranh xét về xã hội", Pôn Muýt đã phê phán nội dung bản thông điệp mà ông phải chuyển cho Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Thái Nguyên.

Mười ba ngày sau khi gặp Pôn Muýt, cùng với thư gửi nhân dân Pháp, Bác viết thư gửi đồng bào ta:

"Vì nhân đạo, vì hòa bình, vì muốn giữ tình cảm với Pháp, Chính phủ ta đã đề nghị với Chính phủ Pháp, căn cứ vào nguyện vọng thống nhất và độc lập của nhân dân ta, tìm cách dàn xếp cuộc chiến tranh. Song bọn quân phiệt thực dân Pháp, quen thói hung tàn, bất nhân, vô lễ. Chúng khinh miệt bộ đội và nhân dân ta. Chúng đưa ra những điều kiện kiêu hãnh, ngang ngược. (...) Thế là chúng đòi chúng ta đầu

hàng. (...) Chúng ta quyết không chịu làm vong quốc nô. Vì vậy, tôi thay mặt Chính phủ, kêu gọi toàn thể đồng bào, phải ra sức kháng chiến, giúp đỡ bộ đội đánh giặc. Tôi ra lệnh cho toàn thể bộ đội, dân quân, tự vệ kiên quyết chiến đấu, xung phong giết giặc.

Mỗi công dân phải là một chiến sĩ. Mỗi làng phải là một chiến hào.

Chúng ta phải kiên quyết hy sinh chiến đấu để đánh tan bọn quân phiệt thực dân, để tranh lấy thống nhất và độc lập".

Đây là lần tiếp xúc cuối cùng giữa Bác với đại diện của phía bên kia trong kháng chiến chống Pháp.

Chương ba MÙA HÈ YÊN TĨNH

ào mùa Hè, tình hình các mặt trận có phần lắng dịu.

Dọc đường số 5, Pháp mở những cuộc càn quét nhỏ với ý định dồn các đội du kích ra xa những làng nằm sát trục đường, hình thành một vành đai an toàn cho những cuộc hành quân, vận chuyển quân sự.

Trung tuân thang 5, mOt tiêu doan Phap nhay du xuong thi xa Phu Tho. Ngay hom sau, tau chien va ca-no di ch tir Ha Noi do bO len thi xa Viet Tri vai tram quan. Ca hai thi xa nay vira duqc triet de pha hoai, khong con bong nguoi. Chi may ngay sau, ca hai toán quan nay deu rut.

Tháng 6, bộ binh Pháp kết hợp với quân dù tiến lên chợ Bờ Hòa Bình - nhưng không ở lại đây lâu.

Có thể là những cuộc hành quân tập dượt?

Tại Trung Bộ, quân Pháp rút khỏi Hồi Xuân, đánh vài trận nhỏ ở Bình Trị - Thiên. Địch mở hai cuộc tiến công vào Phú Đa và An Khê, gặp lục lượng ta đánh trả, địch lại rút về.

Ở Khu 6, Pháp mở một số cuộc tiến công nhỏ ở Cùng Sơn.

Đã thấy hiện tượng của chiến tranh mùa. Ở miền Bắc, mùa Hè là mùa mưa, nước các triền sông lên to, ngăn trở những cuộc hành binh lớn phải sử dụng lực lượng cơ giới. Mặt khác, quân Pháp đã bị tổn thất, mệt mỏi sau những trận đánh ở thành phố và hàng loạt cuộc tiến công, cần nghỉ ngơi, củng cố và chờ viện binh.

Vê phía ta, bô dôi cung can duqc chan chinh to chuc, bo sung, huan luyen, bôi bo lục luqng. Tuy nhien, ta cung gang mô mot so tra^ danh lam cho quan dich khong

ranh tay chuan bi cuoc tien cong sap toi.

Trên miên Bắc, bô dôi các khu 2, 3, 12 nhiêu lân phuc kích dich diet nhiêu xe cô giói, hai lân dôt nhâp thj xa Ha Dong. Khu 4 danh dch ô My Chanh,

An Phú, Ưu Điểm... Khu 5 nhiều lần phục kích trên đèo Hải Vân, bẻ gãy gọng kìm tiến công lớn của địch ở Phú Phong. Khu 6 ba lần đột nhập thị xã Phan Thiết. Quân và dân Nam Bộ, sau khi có nghị quyết ngày 28 tháng 2 năm 1947 của Xứ ủy, đã vùng lên đều khắp, mạnh mẽ suốt mùa Hè, chống càn, đánh giao thông, đánh đốn, bao vây quấy rối các châu thành, phá cơ sở kinh tế, hậu cần của địch.

Nhìn chung cả nước, nổi bật trong hoạt động mùa Hè là chiến trường Nam Bộ, Khu 6, Khu 3; Nam Bộ đạt được hiệu suất chiến đấu cao. Tuy vậy, kết quả hoạt động mùa Hè còn hạn chế vì ở nhiều nơi bộ đội chưa nắm được phương thức hoạt động, lực lượng ta còn có hạn, đội ngũ cán bộ còn thiếu đào tạo.

Chúng ta biết khoảng thời gian lắng dịu này sẽ nhanh chóng qua đi. Cơn giông tổ đợi ở phía trước, sẽ bùng nổ khi mùa khô tới. Địch đã bị bắt ngờ trong những đợt giao chiến đầu tiên, nhưng đã hiểu ta hơn, về thực lực cũng như những nhược điểm của một quân đội non trẻ. Pháp sẽ dồn mọi cố gắng vào trận đánh quyết định để mong kết thúc sớm chiến tranh. Về phía ta, chỉ có thể tồn tại bằng cách đánh trả địch những đòn hiệu quả. Đánh cách nào đây? Phải trả lời được câu hỏi đó trước khi mùa mưa kết thúc.

Ngày mới được Bác trao nhiệm vụ tổ chức đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân, tôi thường tự hỏi: Sức mạnh nào giúp cho người chiến sĩ bật dậy xung phong trước làn đạn của kẻ thù? Qua các trận đánh, đã thấy đó là lòng dũng cảm bắt nguồn từ một lý tưởng chiến đấu. Trên khắp các mặt trận, quân và dân ta đã chứng tỏ một tinh thần cực kỳ dũng cảm. Nhưng cũng đã có những hiện tượng buộc ta phải suy nghĩ. Một số cán bộ, chiến sĩ có quá trình rèn luyện, nhưng khi mặt trận bắt thần vỡ đã hốt hoảng bỏ đồng đội, bỏ đơn vị chạy dài. Trong khi đó, các chiến sĩ Trung đoàn Thủ Đô, phần lớn là những người dân mới cầm vũ khí, được lệnh rút khỏi thành phố đã tình nguyện xin ở lại giữa vòng vây tiếp tục chiến đấu. Điều cần rút ra là tinh thần dũng cảm càng thật sự bền vững khi người chiến sĩ có một phương pháp đánh địch và bảo vệ mình có hiệu quả. Người chỉ huy không thể chỉ đòi hỏi, trông chờ ở tinh thần dũng cảm của chiến sĩ hay cán bộ cấp dưới, mà phải luôn luôn tìm ra trong những tình huống biến động của chiến tranh, biện pháp hiệu quả để giành chiến thắng với tổn thất ít nhất. Đó chính là cách nuôi dưỡng và phát huy tinh thần dũng cảm của bộ đội. Quá trình chỉ huy chính là quá trình tìm hiểu, phát hiện và sáng tạo những cách đánh địch có hiệu quả nhất.

Những tháng vừa qua, mỗi lần gặp cán bộ quân sự có trình độ, anh Trường Chinh thường hỏi: "Đồng chí đã đọc Clau-dơ-vít chưa?". Nhà lý luận quân sự người Phổ này khi mất cách đây hơn một trăm năm, đã để lại một

tập bản thảo viết về chiến tranh. Vợ ông tập hợp những di cào đó in thành sách với tiêu đề "Bàn về chiến tranh". Lê-nin coi Clau-dơ-vít là tác giả viết về quân sự sâu sắc nhất, lớn nhất, mà những ý kiến chủ yếu đã trở thành di sản không thể không thừa nhận. Anh Trường Chinh đọc rất kỹ "Bàn về chiến tranh" của Clau-dơ-vít và "Đánh lâu dài" của Mao Trạch Đông.

Từ thời làm báo Tiếng Dân, tuy chưa hề có ý nghĩ sẽ trở thành một nhà quân sự, tôi thường chăm chú theo dõi cuộc chiến đấu oanh liệt của Hồng quân Trung Hoa. Tôi đọc nhiều tài liệu viết về Mao Trạch Đông và Chu Đức. Những năm làm báo ở Hà Nội, 1935 - 1940, ngoài những bài viết thường xuyên trên mục "Thế giới thời đàm" về Bát lộ quân, Tân tứ quân, Biên khu Tấn Ký Sát, tôi còn viết cuốn sách "Tìm hiểu tình hình quân sự Tàu" bên trong có khá nhiều bản đồ. Tôi làm công việc này với ý nghĩ đồng bào ta nên vận dụng kinh nghiệm chiến đấu của cách mạng Trung Quốc.

Trong những tài liệu tôi đem theo ngày rời Hà Nội có cuốn "Bàn về chiến tranh", một bản dịch bằng tiếng Pháp của Đo-ni-dơ Na-vin-lơ. Tập sách khá đồ sộ, đề cập tới nhiều vấn đề về bản chất chiến tranh, những lý luận về chiến lược, chiến thuật quân sự. Gần ngày kháng chiến tôi mới thật chú ý tôi cuốn sách này. Trước đó tôi nghĩ Clau-dơ-vít bàn về chiến tranh trong thế kỷ trước và không đồng tình với nhận định của tác giả là phải có không gian rộng lớn như nước Nga mới thực hiện được chiến tranh du kích.

Những tối không bận việc, bên bếp lửa nhà sàn, khi là đồng chí thư ký, khi là Bích Hà (chúng tôi mới lập gia đình mấy tháng) đọc cho tôi nghe một số trang "Bàn về chiến tranh". Có lúc cảm thấy như tác giả đang ngồi trước mặt luận bàn về những sự việc diễn ra ngày hôm nay. Clau-dơ-vít hiểu sâu sắc tính cực kỳ biến động của chiến tranh. Vì nó chứa đựng quá nhiều yếu tố ngẫu nhiên, ông ví chiến tranh giống như một canh bạc. Tôi đặc biệt thích chương "Vũ trang nhân dân", một chương tương đối ngắn trong tác phẩm. Tôi cứ tự hỏi: Vì sao một sĩ quan của đề chế Phổ lại có được những nhận định rất triết học về một hình thức đấu tranh vũ trang của nhân dân? Clau-dơ-vít phải có một tinh thần thiết tha yêu Tổ quốc, không chịu để đất nước mình bị khuất phục dưới vó ngựa quân xâm lược mới viết lên được những điều như thế. Tôi chú ý tới đoạn tác giả bàn về cái ông gọi là "chiến tranh nhỏ" (petite guerre). Nó rất phù hợp với những điều ông cha ta đã nói "lấy yếu thắng mạnh", "lấy ít địch nhiều", "dùng đoản bình thắng trường trận". Ông viết:

"Chiến tranh nhỏ biểu hiện những đặc tính: Những phân đội nhỏ có thể đi qua mọi nơi, tự tiếp tế không khó khăn, giữ bí mật, di chuyển nhanh chóng, rút lui ngay cả khi không có đường sá v.v..".

Phải chăng những gì ta đang làm cũng có chỗ giống loại hình này...?

rư ớc ngày Tổng khởi nghĩa, Bác đã mấy lần không tán thành những cuộc khởi nghĩa chư a có đủ điều kiện, dấy lên đơn độc ở từng địa phương. Ngư ời cho rằng làm như vậy nhất định thất bại vì kẻ thù sẽ tập trung lực lượng đàn áp. Cách mạng chỉ có thể thành công nếu động viên đư ợc sức mạnh toàn dân và chớp đư ợc thời cơ. Suốt năm qua, Ngư ời cố tránh mở rộng chiến tranh vì tình hình quốc tế ở thời điểm này không có lợi cho ta. Liên Xô đang phải hàn gắn vết thư ơ ng chiến tranh, ổn định tình hình những nư ớc Đông Âu, đối phó với Chiến tranh lạnh. Tại Trung Hoa, từ tháng 6 năm 1946, Tư ớng Giới Thạch tập trung mấy triệu quân tiến công khu giải phóng, Hồng quân phải rút khỏi Diên An. Các đơn vị du kích lớn bị càn quét dữ dội. Nư ớc Việt Nam kháng chiến sẽ đơn độc trong vòng vây của chủ nghĩa chống cộng, không thể trông cậy vào sự hỗ trợ của quốc tế về cả hai mặt vật chất và tinh thần. Như ng mọi sự nhân như ợng đều không cho ta tránh khỏi chiến tranh.

Khẩu hiệu của ta là: "Vừa kháng chiến vừa kiến quốc". Ai cũng biết xây dựng chế độ mới trong kháng chiến là vô cùng khó khăn. Như ng chúng ta quyết tâm làm đồng thời cả hai việc. Vì quân và dân ta muốn tiến hành kháng chiến lâu dài để đánh bại quân địch thì cần phải có ăn, có mặc và có súng đạn.

Mùa Hè năm đó, chúng ta đã làm được khá nhiều việc.

Chính phủ kháng chiến phải đặt những cơ sở ban đầu cho nền kinh tế tự túc trong chiến tranh. Không thể để sản xuất đình đốn. Phải đảm bảo nhu cầu ăn mặc cho nhân dân và lực lượng vũ trang.

Chính sách giảm tô 25 phần trăm và chia ruộng đất vắng chủ cho nông dân nghèo đã gắn bó nông dân với chế độ mới. Với khẩu hiệu "Toàn dân tăng gia sản xuất", sản xuất lương thực trở thành nghĩa vụ của mọi người. Các hình thức đổi công, hợp công, vần công góp phần giải quyết khó khăn thiếu nhân công do thanh niên đầu quân hoặc tham gia du kích thoát ly sản xuất.

Bộ Quốc phòng dành hẳn một lực lượng bộ đội trực tiếp tăng gia sản xuất, và tổ chức những nông trường đầu tiên. Bộ đội ở đâu đều tổ chức sản xuất ngay ở đó với quy mô nhỏ. Vấn đề bảo vệ sản xuất trở nên khẩn trương. Giặc Pháp phá hoại mùa màng, cướp thóc lúa, nông cụ, giết trâu bò để triệt nguồn lương thực của ta. Bộ đội, du kích có nhiệm vụ đánh địch hỗ trợ nhân dân thu hoạch mùa màng, cắt giấu thóc lúa.

Bác gửi thư nhắc đồng bào giữ gìn đê điều: "Chúng ta phải ra sức ngăn giặc lụt cũng như chống giặc ngoại xâm...

"Lụt thì lút cả làng,

Muốn cho khỏi lụt thiếp chàng cùng lo".

Trong năm 1947, nhân dân ta đã đắp 1.300.000 mét khối đất để bảo vệ đê. Vì nhiều vùng có chiến sự nên diện tích trồng lúa bị thu hẹp. Nhưng lượng thóc trong cả nước so với năm trước không giảm bao nhiêu, diện tích trồng màu lại tăng khá nhiều.

Chính phủ chủ trương mở mang, khuyến khích thủ công nghiệp và tiểu công nghiệp, đặc biệt chú trọng kỹ nghệ chế tạo vũ khí và khai thác nguyên liệu. Phương châm phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp lúc này là: "Tổ chức quy mô nhỏ, phân tán, dùng công cụ sản xuất thô sơ kết hợp với máy móc, dựa vào dân, dựa vào nguyên liệu trong nước, địa phương tự lập, sản xuất tự cấp, tự túc".

Đến đầu tháng 6, ta đã tổ chức được gần hai trăm trại sản xuất nông nghiệp, thủ công nghiệp, tiểu công nghiệp, thu hút bốn vạn đồng bào tân cư. Được sự giúp đỡ của các địa phương, nhiều đồng bào tân cư đã tổ chức những trại, những tập đoàn sản xuất quy mô nhỏ, có phương hướng làm ăn lâu dài.

Bộ Tổng chỉ huy xác định phương hướng tổ chức các nhà máy quốc phòng là: Xây dựng một hệ thống các xưởng chế tạo và sửa chữa vũ khí. Ngoài ra còn có những xưởng vũ khí của dân quân, của công an, của Tổng liên đoàn ở các khu, các tỉnh. Cán bộ, chiến sĩ quân giới đã "tái sinh" nhiều máy móc hư hỏng, cải biến những máy móc không thích hợp, khai thác nguyên liệu làm thuốc đen, thu nhặt bom đạn chưa nổ của địch, mò vớt súng đạn, thủy lôi của Nhật, Pháp dưới lòng sông. Sáu tháng cuối năm 1947, công nhân quân giới từ Khu 5 trở ra sản xuất được 133.101 tấn vũ khí các loại. Ở Nam Bộ các cơ sở sản xuất vũ khí đã được tổ chức từ năm trước và được tiếp tục duy trì, trong điều kiện hết sức khó khăn.

Ngày 15 tháng 5, Chính phủ ra sắc lệnh lưu hành giấy bạc Việt Nam trên cả nước.

Một số cơ sở của những trường đại học, trung học từ Hà Nội chuyển lên Việt Bắc tiếp tục hoạt động trong đó có các lớp y và dược khoa. Tháng 4, Chính phủ ra nghị định mở kỳ thi trung học và tiểu học trên cả nước. Phong trào bình dân học vụ được duy trì và phát triển khá mạnh. Cuối năm 1947, toàn quân thanh toán xong nạn mù chữ.

Bác rất quan tâm làm cho hậu phương trở thành chỗ dựa vững chắc cả về tinh thần lẫn vật chất cho tiền tuyến. Người động viên toàn dân thương yêu bộ đội như con

em mình. Theo sáng kiến của Người, trong nhân dân đã tổ

chức "Hội mẹ chiến sĩ", đã có phong trào "Mùa Đông binh sĩ", "Hũ gạo nuôi quân". Bản thân Người cũng có một hũ gạo nuôi quân.

Chính phủ quyết định lấy ngày 27 tháng 7 làm ngày Thương binh toàn quốc để "là một dịp cho đồng bào ta tỏ lòng hiếu nghĩa, bác ái và tỏ lòng yêu mến thương binh" như Bác đã viết trong thư gửi đồng bào trong cuộc mít tinh ngày 27 tháng 7 năm 1947 tại Đại Từ, Thái Nguyên.

Phong trào chăm sóc thương binh trở thành một phong trào quần chúng. Thương binh từ Mặt trận Hà Nội lên Việt Bắc được đồng bào sốt sắng đón về nhà chăm sóc, nhận làm con. Nhiều cô gái kết hôn với thương binh.

Tinh thần thương yêu đùm bọc chiến sĩ của đồng bào hậu phương không những là nguồn động viên vô tận đối với những người ở tiền tuyến mà còn thúc đẩy phong trào thanh niên tham gia đầu quân.

Tổng số Vệ quốc quân ngày Toàn quốc kháng chiến là 85.000 người đã tăng lên 120.000 người.

Ngày 26 tháng 8, Chính phủ ra sắc lệnh thành lập Đại đoàn Độc lập, trực thuộc Bộ Tổng chỉ huy.

Quân đội ta đã tăng lên đáng kể về mặt số lượng, nhưng trang bị vẫn chưa cải tiến được bao nhiêu. Ngoài một số vũ khí ta mới sản xuất như ba-dô-ca, súng cối, lựu đạn chống tăng, bộ đội vẫn sử dụng những súng cũ, đạn rất ít. Toàn quân lúc này có khoảng ba vạn khẩu súng, hầu hết là súng trường với gần hai chục kiểu. Quân áo bộ đội phần lớn do anh em mang từ gia đình đi. Nhiều đơn vị thành lập một thời gian dài vẫn không đủ quần áo cấp cho bộ đội. Các chiến sĩ tự sắm dép cao su, làm lấy mũ nan, bi-đông bằng ống tre, bát bằng ống bương, ba-lô, giỏ lựu đạn bằng tre mây. Từ Việt Bắc, cho đến Khu 4, Khu 5 và Nam Bộ, ngành Quân nhu đã cố gắng sản xuất tự túc được một phần nên sinh hoạt của chiến sĩ có khá hơn.

Tháng 8, Bộ Tổng chỉ huy mở lớp bổ túc cán bộ trung cấp toàn quân tại xã La Bằng, huyện Đại Từ, Thái Nguyên. Bác tới dự lễ khai mạc và huấn thị cho lớp học. Bác căn dặn: "Người làm tướng phải có trách nhiệm đối với kỹ luật, đối với binh sĩ, đối với dân, đối cả với địch". "Cán bộ phải thương yêu sân sóc đội viên, lúc bình cũng như lúc chiến... Đội viên chưa có cơm ăn, chưa có áo mặc, chưa có chỗ ngủ... thì cán bộ không được ăn no, không được mặc ấm, không được ngủ yên. Bản thân cán bộ phải chăm lo học tập: Học tập chính trị, học tập chiến lược, chiến thuật, học cách cầm

quân... làm sao đánh thắng giặc mà đỡ tốn xương máu của chiến sĩ, của đồng bào, rút ngắn lại những ngày đau khổ".

hông lâu sau ngày Bác gặp Pôn Muýt, chúng ta hiểu giới cầm quyền Pháp đang muốn gì.

Vói việc chấp nhận kế hoạch Mác-xan, Pháp đã lệ thuộc hoàn toàn vào Mỹ. Ra-ma-đi-ê lên thay Blum, chính quyền Pháp ngả hẳn về phía hữu. Đò Gôn tái xuất hiện trên vũ đài chính trị với Phong trào Tập hợp dân chúng Pháp. Thượng tuần tháng 5, những đảng viên cộng sản Pháp phụ trách một số bộ đều bị đưa ra khỏi chính phủ. Cốt Phlo-rê, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Pháp, nói trắng trước Ủy ban Đông Dương của phong trào Cộng hòa bình dân: "Pháp từ chối điều đình với Chính phủ Hồ Chí Minh không phải vì biến động ngày 19 tháng 12 năm 1946 mà vì mối quan hệ của ông Hồ với Mạc Tư Khoa".

Tuy nhiên, Chính phủ Pháp cũng không thể làm ngơ trước sự đấu tranh của Đảng Cộng sản Pháp, một bộ phận của Đảng Xã hội và dư luận tiến bộ trong nhân dân Pháp đòi tôn trọng hiến pháp mới, chống sự đò hộ theo kiểu thực dân cũ, đòi để người Việt Nam tự định đoạt vấn đề chính trị của mình, kể cả vấn đề độc lập và thống nhất trong khối Liên hiệp Pháp. Ra-ma-đi-ê buộc phải hứa sẽ đàm phán với những người đại diện đủ tư cách của Việt Nam. Thủ tướng Pháp chỉ tránh một điều không nói rõ những người đó là ai.

Bức thông điệp hòa bình ngày 19 tháng 4 của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã làm cho Chính phủ Pháp lúng túng. Ra-ma-đi-ê không thể khước từ một đề nghị có lý có tình của Chính phủ Việt Nam. Nhưng yêu cầu trong bản thông điệp "ngừng ngay những hành động cừu nghịch" là điều mà giới thực dân Pháp ở Đông Dương lúc này rất không muốn. Những cuộc hành binh của binh đoàn thiết giáp Mát-xuy và tàu chiến, ca-nô Pháp trên chiến trường Bắc Bộ mấy tháng qua đã mang lại cho Van-luy ảo tưởng một chiến thắng quân sự đang tới gần. Ngừng bắn sẽ giúp cho đối phương cơ hội để cải thiện tình hình quân sự. Cái mà Van-luy đang cần là có lực lượng mở một cuộc tiến công lớn và chớp nhoáng đi đôi với một mưu đổ chính trị để đi tới kết thúc chiến tranh Đông Dương.

Cao ủy Bô-la-e đã đổi phó bằng cách cử Pôn Muýt tới gặp Bác với những điều kiện mà chúng ta không thể chấp nhận. Những đề nghị này chỉ được thuật bằng miệng. Pôn Muýt hứa ít ngày sau sẽ gửi văn bản chính thức, nhưng chúng ta sẽ không bao giờ nhận được.

Ngày 14 tháng 5, Bô-la-e ra Hà Nội. Màn kịch bắt đầu. Ba "cựu nghị sĩ phe đối lập trong Quốc dân đại hội Việt Nam" (trong số 70 người mà quân

đội Tướng ép ta đưa vào Quốc hội không thông qua tổng tuyển cử) nay đã chạy theo Pháp, đưa ra đề nghị: Nước Pháp chỉ có thể đàm phán với cựu hoàng để Bảo Đại, và trao cho Bảo Đại thành lập một chính phủ quốc gia với những người có khả năng và có uy tín trước dân chúng (?).

Ngày 20 tháng 5, ở Sài Gòn, Nguyễn Văn Tâm nhân danh "Mặt trận thống nhất quốc gia" ca ngợi Vĩnh Thụy là "nhà yêu nước nồng nhiệt, một người đứng trên các đảng phái", đã kích Chính phủ ta đã tiến hành một đường lối chính trị đảng phái và độc đoán.

Ngày 24, Bô-la-e tới Huế. Một số quan lại cũ của triều đình Huế cũng tiếp ông Cao ủy với cùng một điệu đàn.

Tại Sài Gòn, dưới sự giật dây của Đi-đi-ê Mi-sen, cố vấn chính trị mới của Bô-la-e, bản hòa tấu có phần phong phú hơn. Một số rùm beng: "Cựu hoàng đế Bảo Đại là người đại diện xứng đáng của Việt Nam để đàm phán với nước Pháp". Một số lớn tiếng phản đối "thống nhất ba kỳ", đòi cho "Nam Kỳ tự trị", "Nam Kỳ phải được vĩnh viễn tách khỏi Việt Nam"...

Ngày 5 tháng 7, Vĩnh Thụy lên tiếng ở Hồng Công trong một cuộc phỏng vấn: "Nếu toàn dân Việt Nam đặt lòng tin vào tôi, (...) tôi sẽ sung sướng trở về Đông Dương. Tôi không ủng hộ cũng không chống lại Việt Minh. Tôi không thuộc một đảng phái nào".

Nhưng không phải Bô-la-e không gặp sự chống đối ở nhiều nơi. Ngay tại Sài Gòn, một phái đoàn do Nguyễn Văn Tỵ cầm đầu, tới Nha Cao ủy đem theo bản tuyên ngôn có ba trăm chữ ký của những nhà trí thức đòi phải mở cuộc đàm phán với Chính phủ Hồ Chí Minh. Báo chí Sài Gòn cũng nhiều lần lên tiếng như vậy. Đầu tháng 8, Lê-ông Blum và Clốt Buốc-đê lên tiếng trên báo Le Populaire và báo Combat đòi Bô-la-e phải tiếp tục cuộc đàm phán với Chủ tịch Hồ Chí Minh. Blum viết: "Vài ngày mới đây, tôi đã nhận được theo đường chính thức một thư riêng của ông (Hồ Chí Minh). Ông vẫn là đại diện chân chính và xứng đáng của nhân dân Việt Nam và (...) ngay cả lúc này ông đã cung cấp cho chúng ta bằng chứng chắc chắn, hiển nhiên về tính thận trọng, về tinh thần yêu nước, sự hy sinh quên mình của ông. (...) Đã có ánh sáng ở Đông Dương. Ánh sáng đó phải trở thành bình minh rồi sau đó là ban ngày".

Ngày 15 tháng 9, Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị: "Bô-la-e nói gì? Ta phải làm gì?". Bản chỉ thị viết:

"Toàn thể bộ đội và nhân dân Việt Nam càng nhận rõ rằng không dùng bạo lực mà đè bẹp ý chí xâm lược của thực dân Pháp thì không thể có độc lập và thống nhất

được". "Con đường đã vạch. Phải tự tin ở sức mình. Muốn tự

do, đọc lập, phải kiên quyết kháng chiến". "Rồi đây, không phải những kẻ như Bô-la-e có thể ra điều kiện cho ta, mà chính sức đoàn kết và đấu tranh mạnh mẽ của dân tộc ta và dân tộc Pháp sẽ buộc bọn thực dân phản động Pháp phải hàng phục".

Trong suốt thời gian Bô-la-e thay mặt Chính phủ Pháp để tìm giải pháp chính trị ở Việt Nam, Bác lên tiếng nhiều lần. Những lời lẽ hợp lý, hợp tình, những biện pháp cụ thể mà Người nêu ra nhằm giải quyết cuộc xung đột, như một nhà sử học đã viết: "Có lúc dồn Chính phủ Ra-ma-đi-ê đến chân tường".

Chính phủ Pháp đã tỏ rõ quyết tâm khôi phục quyền thống trị trên bán đảo Đông Dương. Cùng với việc chuẩn bị lá bài chính trị của Bô-la-e, viện binh Pháp tiếp tục kéo sang.

4

a tuân tháng 8, tôi đi Bắc Kạn và Cao Bằng. Từ những ngày đầu Chính phủ lâm thời mới thành lập, tôi là Bộ trưởng Nội vụ, về Đảng được phân công đặc trách vấn đề quân sự và làm Bí thư Đảng đoàn Chính phủ, anh Lê Văn Hiến là Phó Bí thư. Mặc dù chuyên trách về quân sự, với nhiệm vụ được Thường vụ phân công là Bí thư Đảng đoàn các cơ quan Chính phủ, Bác và các anh vẫn cử tôi đi làm việc với các khu, các tỉnh về những công việc chung của Đảng và chính quyền. Lần này tôi còn được trao nhiệm vụ thay mặt Chính phủ phát biểu trên làn sóng Đài Tiếng nói Việt Nam nhân dịp kỷ niệm Quốc khánh lần thứ hai. Cả hai bộ phận chính và dự bị của Đài đều được đặt ở gần Bắc Kạn.

Đường số 3 và 3b từ Thái Nguyên lên Bắc Kạn, Cao Bằng còn chưa phá hoại. Chiếc xe Pho cũ giấu kín trong rừng sâu lại được đem ra dùng. Lần đầu từ khi lên Việt Bắc, tôi trở lại hai tỉnh Bắc Kạn, Cao Bằng. Đường nhựa nhiều quãng bị hỏng, xe rất xóc. Nhưng so với đường Nam tiến ngày dịch khủng bố trắng, giá đầu người chỉ bằng đấu muối, thì đã khác xa. Bao nhiêu kỷ niệm cũ sống lại. Tôi nhớ tới đồng chí Đức Xuân bị dịch bêu đầu giữa chợ và anh chị em bị dịch bắt, đã hy sinh.

Tại thị xã Bắc Kạn, tôi gặp lại nhiều người thân. Chủ tịch tỉnh, anh Thạch vốn là Chính trị viên đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân. Anh Hằng, Thường vụ Tỉnh ủy, đã tham gia Ban cán sự Đảng tỉnh Bắc Kạn từ trước Tổng khởi nghĩa. Chị Thanh, cán bộ phụ nữ, cũng là một nữ chiến sĩ

Giải phóng quân, đã cùng hoạt động trong một tiểu đội bí mật với tôi từ năm 1942. Thị xã Bắc Kạn đã có những bãi cấm cọc tre chống nhảy dù, nhưng vẫn mang không khí một đại hậu phương ở xa mặt trận.

Từ Bắc Kạn đi lên luôn luôn nhìn thấy dãy núi Cứu Quốc cao ngất trời. Chưa hết mùa Hè. Tiết trời Việt Bắc còn oi á. Nhưng qua khỏi Nà Phạc, khí hậu cao nguyên mỗi lúc càng trong trẻo, tươi mát. Những bông hoa sử quân tử, hoa cúc dại nở rộ hai bên đường.

Tới thị xã Cao Bằng, tôi cảm thấy như trở lại quê nhà. Các đồng chí cũ và bà con cơ sở từ nhiều nơi được tin kéo tới rất đông. Cao Bằng bắt đầu phá hoại nhà cửa và có nhiều bãi cấm chông. Không khí có vẻ khẩn trương. Tôi tranh thủ đi thăm Nước Hai và một số bản gần Lô Cốt Đỏ, nơi đóng cơ quan thời hoạt động bí mật. Tôi được biết con đường từ Thất Khê lên đã được phá hoại triệt để. Trong buổi làm việc với Tỉnh ủy, Ủy ban và chỉ huy quân sự tỉnh, tôi nhấn mạnh khả năng sớm muộn quân Pháp sẽ đánh chiếm Cao Bằng để bít kín biên giới phía bắc nước ta, cần tiến hành gấp việc phá hoại thị xã, triệt để thực hiện "vườn không nhà trống" khi địch tới, bộ đội và nhân dân Cao Bằng phải chiến đấu xứng đáng là cái nôi cách mạng của Việt Bắc, được Bác Hồ trực tiếp đào luyện. Tôi cũng nói nếu địch chiếm Cao Bằng, con đường số 4 đoạn từ Thất Khê lên rất hiểm trở, sẽ thuận lợi cho những trận phục kích.

Từ Cao Bằng trở về tới Bắc Kạn, đúng ngày mồng 2 tháng 9, tôi tới thăm Đài Tiếng nói Việt Nam. Đài đặt trong rừng, tại một địa điểm cách Bắc Kạn tám ki-lô-mét. Ăng-ten phát sóng nằm giữa những vòm cây cao. Quốc thiều mở đầu buổi phát thanh là tiếng đàn banjo của anh Đỗ Lạc. Phòng bá âm là một gian nhà lá thưng bằng phên nứa có dán thêm những tờ giấy báo. Giữa lúc tôi đang nói trước mi-crô thì có tiếng gà rừng gáy rất to. Tôi biết tiếng gà này sẽ được truyền đi khắp nơi cùng với lời phát biểu của mình. Một cán bộ của Đài nói vui: "Ngày Quốc khánh năm nay báo hiệu bình minh của kháng chiến".

Ở Cao Bằng về, tôi yên tâm với sự chuẩn bị Thu Đông ở biên giới phía bắc. Nhưng chưa biết điều bất ngờ chính trong mùa khô đang chờ ở Bắc Kạn.

Từ trung tuần tháng 6 đến cuối tháng 9, Bộ Tổng chỉ huy liên tiếp triệu tập hai hội nghị quân sự.

Trong cuộc chiến tranh này, hội nghị quân sự chính là hình thức tập huấn ngắn ngày đối với những người chỉ huy. Những cuộc họp chỉ vài ba ngày, rất ít khi kéo dài. Mỗi lần họp lại phát hiện thêm những vấn đề mới. Người ta hy vọng khi tới, và vui vẻ khi ra về vì có những băn khoăn được giải quyết, vì thấy mình lại lớn lên một chút.

Ô hội nghị lần thứ hai, tháng 4, chúng ta đã nhận thấy sự hiểu biết quản sự của mình quá ít ỏi. Chúng ta đã ra nghị quyết phải học tập ngay ở những hành động

quản sự của kẻ thù. Nhưng dù có học hết mọi mảnh lới chiến thuật của kẻ thù, ta cũng không thể nào áp dụng, vì quản đội ta còn rất xa mới có những vũ khí, trang bị và trình độ tác chiến của một đội quản nhà nghề. Ta học địch là để tìm ra cách đánh của ta. Ta đã phát hiện biện pháp ứng phó với một số chiến thuật của địch, nhưng vẫn còn chưa đi được vào những vấn đề cơ bản, chưa đề ra được những nguyên tắc chỉ đạo tư tưởng và hành động của cán bộ trong vận dụng chiến lược chiến thuật của ta.

Hội nghị quân sự lần thứ ba, trung tuần tháng 6, đã từ đường lối và thực tiễn cuộc kháng chiến đi đến nhận định tính chất của giai đoạn chiến tranh, đối chiếu giữa hai chiến lược, chiến thuật đối địch, từ đó xác định những nguyên tắc tác chiến của ta.

Hội nghị đã thống nhất nêu lên 11 nguyên tắc chính.

Nguyên tắc thứ nhất: "Giữ vững chủ động".

Thực tế chiến đấu suốt thời gian qua ở khắp nơi nơi đều chứng tỏ, cũng với so sánh lực lượng như vậy, nhưng kết quả chiến đấu sẽ hoàn toàn khác nếu quyền chủ động thuộc về ta. Bị động thường gắn với tổn thất. Chủ động trong tiến công cũng như trong rút lui, nếu không đem lại thắng lợi thì cũng hạn chế tới mức thấp nhất những tổn thất. Nghị quyết viết: "Về chiến lược cũng như về chiến thuật chúng ta phải đi đến chỗ giữ vững quyền chủ động; cuộc tác chiến của bộ đội chỉ một phần là đối phó với các cuộc hành binh của địch, còn phần lớn là phải do một kế hoạch ta định trước để phá tan những kế hoạch của địch và thực hiện những nhiệm vụ của ta".

Ô đây cũng nên nói thêm. Suốt ba mươi năm kháng chiến sau này, có thể thấy rõ đó là một quá trình giành và giữ vững quyền chủ động về chiến lược, chiến thuật giữa ta và quân địch, thắng lợi sẽ đến với bên nào giữ vững được quyền chủ động. "Giữ vững chủ động" chính là biểu hiện tập trung của tư tưởng và tinh thần tiến công địch. May thay, đây chính là nguyên tắc đầu tiên chỉ đạo tư tưởng và hành động cho cán bộ ta trong vận dụng chiến lược và chiến thuật. Cũng chính nguyên tắc đầu tiên này đã chi phối hầu hết những nguyên tắc tiếp theo. Có thể nói đây là một tư tưởng chi phối nghệ thuật quân sự Việt Nam trong cả hai cuộc kháng chiến.

Nguyên tắc thứ hai: "Hiểu rõ lực lượng của ta và lực lượng của địch".

Trong tác chiến, cán bộ chỉ huy của ta đã bộc lộ rõ hai nhược điểm: Không rõ tinh thần, năng lực của bộ đội, hiệu lực của những vũ khí hiện có; không

nắm vững địch. Nghị quyết nhấn mạnh: "Hai khuyết điểm này cần phải chú ý sửa chữa ngay, nếu không thì không thể có một sự dùng bình hợp lý".

Đây chính là điều ông cha ta đã nói từ xưa: "Biết mình biết người, trăm trận đánh trăm trận thắng". Lúc này nó càng cần, do so sánh lực lượng quá chênh lệch giữa ta và địch, một sự chênh lệch nhân dân ta chưa từng gặp trong lịch sử chống xâm lăng.

Nguyên tắc thứ ba: "Biết dùng lực lượng dự bị".

Muốn giữ được quyền chủ động trong tác chiến thì phải có lực lượng dự bị và phải biết sử dụng lực lượng đó. Nghị quyết quy định: "Mỗi đơn vị trong lúc tác chiến đều phải có một bộ phận dự bị. Mỗi khu phải có chủ lực tức là lực lượng dự bị của khu. Bộ Tổng chỉ huy phải có chủ lực của Bộ điều khiển, tức là lực lượng dự bị toàn quốc".

Nguyên tắc thứ tư: "Biết tập trung bình lực khi cần, biết điều động rất nhanh chóng và kịp thời".

Nguyên tắc thứ năm: "Phải giấu lực lượng của mình, làm sai lạc phán đoán của địch".

Nguyên tắc thứ sáu: "Phải đánh bắt thân, xuất kỳ bất ý, lợi dụng những nhược điểm của địch".

Nguyên tắc thứ bảy: "Phải thực hiện sự phối hợp về chiến lược và chiến thuật".

Nguyên tắc thứ tám: "Phải phối hợp bộ đội chủ lực với dân quân du kích, tự vệ".

Nguyên tắc thứ chín: "Phải nặng về tiêu diệt chiến".

Nguyên tắc thứ mười: "Phải có kế hoạch thiết thực, rành mạch".

Nguyên tắc thứ mười một: "Phải tiến cho kịp địch và hơn địch".

Cuộc chiến đấu quá không cân sức không cho phép ta phạm sai lầm ngay từ đầu trên những nguyên tắc lớn. Ngày nay nhìn lại, có thể nói rằng tất cả những nguyên tắc lớn đề ra từ những tháng đầu kháng chiến toàn quốc, đã được chúng ta vận dụng trong suốt hai cuộc chiến tranh.

Hội nghị quân sự lần thứ tư được triệu tập vào ba ngày 27, 28, 29 tháng 9. Mùa khô đã tới. Cuộc tiến công lớn có thể nổ ra bất cứ lúc nào. Hội nghị này có nhiệm vụ khó khăn là phán đoán ý đồ tiến công của địch và bàn kế hoạch làm thất bại âm mưu đánh nhanh thắng nhanh của chúng.

Chúng ta đã chú ý sớm đến công tác tình báo, nhưng vì thiếu kinh nghiệm, tổ chức chưa ổn định nên chưa đáp ứng yêu cầu tìm hiểu âm mưu chiến lược

của địch. Nguồn tin tức chủ yếu vẫn là dựa vào báo chí, đài phát thanh của Pháp và phương Tây, hoạt động của những chính khách, tướng lĩnh Pháp và sự động tĩnh của quân viễn chinh trên các chiến trường. Tới tháng 9, chúng ta có tin địch đưa thêm 20.000 quân tăng viện, trong đó có quân dù và binh lính Bắc Phi. Xa-lăng đã thay Đép-bơ làm chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp ở miền Bắc Đông Dương. Xa-lăng đã có mặt ở Đông Dương từ thời Pháp thuộc, khá am hiểu vùng rừng núi phía Bắc Việt Nam. Có tin Xa-lăng nhiều lần đi máy bay thị sát biên giới phía Bắc, vùng Đông Bắc và vùng Trung du; quân dù, quân Bắc Phi và quân ngụy đang được huấn luyện để có thể đánh sâu vào rừng núi Bắc Bộ.

Tôi báo cáo tình hình các mặt trận, so sánh lực lượng giữa ta và địch, những phán đoán về địch mà ta đã nắm được, rồi nêu lên một số nhận định và dụ kiến.

Hội nghị nhanh chóng thống nhất nhận định cuộc tiến công của địch trong Thu Đông này nhằm chụp bắt cơ quan đầu não của kháng chiến, đánh quy bộ đội chủ lực ta, phá các căn cứ để tạo điều kiện cho một chính quyền tay sai ra đời, sau đó sẽ biến dần chiến tranh xâm lược thành một cuộc chiến tranh dùng người Việt đánh người Việt. Như vậy, Bắc Bộ sẽ trở thành chiến trường chính. Ở Trung Bộ, địch có thể chia cắt chiến trường thành nhiều đoạn rồi càn quét. Ở Nam Bộ, quân Pháp và quân ngụy sẽ mở những trận càn quét lớn.

Nhưng khi phán đoán cuộc tiến công chiến lược chính của địch nhắm vào đâu thì ý kiến phân tán giữa ba hướng: Đồng bằng, Việt Bắc và Khu 4.

Một số người cho rằng địch sẽ đánh đồng bằng vì đây là vùng đông dân, nhiều lương thực, nằm bao quanh Hà Nội, phát huy được sức mạnh tối đa của cơ giới, sẽ tạo nhiều thuận lợi cho Pháp lập một chính quyền bù nhìn. Một số khác cho rằng địch sẽ đánh Việt Bắc vì muốn kết thúc nhanh chiến tranh, chúng phải đánh thắng vào cơ quan đầu não và nơi tập trung bộ đội chủ lực của ta. Có những người cho rằng Pháp sẽ đánh Khu 4 là vùng tự do rộng lớn của ta hiện nay để mở rộng phạm vi chiếm đóng nối liền miền Bắc với miền Trung. Nhiều ý kiến cho rằng đánh đồng bằng hoặc Khu 4, địch sẽ giành thắng lợi với ít khó khăn hơn nhiều so với chiến trường Việt Bắc toàn rừng núi và là nơi ta tập trung chủ lực.

Sau khi thảo luận tiếp, đa số cho rằng địch có thể đánh đồng bằng trước, nếu mạo hiểm mới đánh lên Việt Bắc. Ở Việt Bắc chỉ còn một số thị xã chưa phá hoại, trong đó có Bắc Kạn. Nhiều ý kiến cho rằng quân Pháp không nhảy dù xuống đây, vì Bắc Kạn ở quá xa và nằm sâu trong vùng căn cứ của ta giữa rừng núi.

Hội nghị chuyển sang bàn cách đối phó với cuộc tiến công mới của dịch.

Với so sánh lực lượng, ta không thể tiếp nhận một trận đánh quyết định với chủ lực của dịch, mà cần làm thất bại âm mưu của dịch tiêu diệt chủ lực ta. Do đó, ta chủ trương kiên quyết nắm vững bộ đội, giữ gìn chủ lực đi đôi với tiêu diệt từng bộ phận quân dịch, bảo vệ căn cứ nhưng không cố thủ, thực hiện phối hợp chiến đấu giữa các khu và trên toàn quốc, phá tan âm mưu lập ngụy quyền.

Về cách đánh, Hội nghị nhấn mạnh: Kiên quyết phát động chiến tranh du kích, tập trung bộ đội để đánh vận động, vừa dùng đơn vị đại đội để hoạt động trên chiến trường của mỗi địa phương, vừa tập trung chủ lực đánh vận động. Bộ đội ta cần tránh phòng ngự chính diện, phải ở lại vùng sau lưng địch để chiến đấu, tập trung và phân tán nhanh chóng. Lực lượng vũ trang ta nhất định không để kẻ địch tiêu diệt, bao giờ cũng phải bảo tồn lực lượng chứ không giữ đất bằng mọi giá.

Hội nghị đã giải đáp một câu hỏi được nêu lên: Thế nào là thắng trong trận đánh sắp tới?

"Nếu chúng ta đối phó với cuộc tiến công mùa Đông mà giữ gìn được phần lớn lực lượng là ta nắm phần thắng. Việc tiêu hao và tiêu diệt dịch sẽ làm gia tăng phần thắng".

5

Quy Hội nghị quân sự lần thứ tư, theo dự tính tôi sẽ đi thăm Tuyên Quang, Chiêm Hóa trước khi bước vào mùa khô. Nhưng trong những ngày hội nghị, anh Nguyễn Khang, Bí thư Khu 12, đã nói tới những hiện tượng mới về cuộc chiến đấu của ta ở vùng đất bị chiếm Nam phần Bắc Ninh khiến tôi rất quan tâm. Tôi quyết định lên đường đi thăm Khu 12 trước. Chiến khu 12 lúc này gồm các tỉnh Lạng Sơn, Bắc Giang, Bắc Ninh, Hải Ninh, Hòn Gai, Quảng Yên (kể cả Đông Triều và Chí Linh).

Đây là chuyến về trung du đầu tiên của tôi kể từ ngày lên Việt Bắc. Trải qua mấy tháng, quang cảnh đã thay đổi nhiều. Tôi cùng với mấy đồng chí giúp việc cho ngựa đi nước kiệu. Dọc đường, chỉ dăm ba ki-lô-mét lại gặp một "thị trấn" mới: Phú Minh, Ba Giăng, Cù Vân, Đại Từ, Quán Triều... Những cửa hàng xén, hàng cơm, hàng giải khát, hiệu ảnh, hiệu cắt tóc, chỉ nhìn qua cũng biết là của người dưới xuôi tản cư lên. Khách hàng phần lớn là bộ đội. Những cán bộ, chiến sĩ trẻ măng, đã có màu da mai mái của núi rừng.

Không khí các phố mới này đầm ấm, vui vẻ. Trước ngày Tổng khởi nghĩa, mọi người gặp nhau ở đây đều gọi nhau là "đồng chí". Cách gọi thời tiền khởi nghĩa này

không còn phổ biến nữa. Nhưng hình như ai nấy đều có niềm tự hào kín đáo mình đang có mặt tại đất thánh của cách mạng.

Trên những nền nhà phá hoại của thị xã Thái Nguyên đã mọc lên nhiều ngôi nhà bằng tre nứa, khá sáng sủa. Lại có những ngôi hàng với những tên thanh lịch, nổi tiếng của Thủ đô. Cuộc sống vẫn cứ sinh sôi. Trong cửa hàng, những cô gái tân cư đang chuyện trò cùng với những anh bộ đội trẻ.

Qua thị xã Thái Nguyên, bắt đầu nhìn thấy chân trời. Núi rừng lùi dần về phía sau. Những quả đồi thấp dần. Những cánh đồng lúa của vùng trung du trải dài trước mắt. Chúng tôi đi theo đường sông Máng về Yên Thế. Quê hương của cụ Đê Thám đang mùa cam. Những vườn cam xanh mướt trĩu quả vàng. Bắc Giang vẫn là một tỉnh tự do.

Sau khi nghe tình hình chung, tôi yêu cầu Khu ủy cử cán bộ báo cáo kỹ về cuộc chiến đấu tại Nam phần Bắc Ninh.

Đây là vùng đất ở phía đông bắc sông Hồng, tiếp giáp với Hà Nội. Lại nghe nhắc tới những tên quen thuộc: Cầu Long Biên, cầu Đuống, cầu Bảy, cầu Chui, Gia Lâm, Trâu Quỳ... Địch càn quét bốn huyện ở Nam phần rất quyết liệt. Từ cuối tháng 4, bộ đội của Trung đoàn Bắc Bắc đã bị bật khôi đây.

Tôi chú ý tới một hiện tượng lạ: Một đại đội chủ lực độc lập của tỉnh từ đó tới nay vẫn ở lại trong vùng tạm chiếm!

Đơn vị này gốc gác là một trăm cán bộ và chiến sĩ của Đại đội tự vệ Ngọc Thụy (Gia Lâm), trong đó có nhiều công nhân Nhà máy xe lửa Gia Lâm đã tham gia những đội quyết tử chiến đấu từ đêm 19 tháng 12. Tỉnh đã bổ sung vào đây một trung đội tự vệ của thị xã Bắc Ninh và gần một trăm chiến sĩ du kích được tuyển lựa từ các xã. Đại đội được tổ chức thành năm trung đội, trong đó có tiểu đội tự vệ Công giáo làng Ái Mộ và một tiểu đội nữ, được đặt tên là Tiểu đội Trưng Trắc.

Đại đội được phối thuộc chiến đấu với một tiểu đoàn chủ lực của Trung đoàn Bắc Bắc. Khi địch tiến công lớn, tiểu đoàn trưởng ra lệnh cho toàn thể bộ đội rút lui. Người liên lạc mang lệnh cho đại đội bị thương. Vì vậy, họ mất liên lạc với tiểu đoàn, nằm lọt lại giữa vòng vây. Trung đoàn tưởng rằng đại đội này đã bị địch tiêu diệt. Ít lâu sau, được tin họ vẫn tồn tại và tiếp tục cuộc chiến đấu trong lòng địch, trung đoàn ra lệnh cho đại đội rút lui. Nhưng cả đơn vị từ cán bộ đến chiến sĩ đều xin ở lại tiếp tục chiến đấu để giữ gìn phong trào. Họ đoán chắc với cấp trên là kẻ địch không thể nào tiêu diệt

được mình. Dân quân, du kích, nhân dân các huyện Nam phần, nhất trí đề nghị với tỉnh cho đại đội ở lại và hứa sẽ chăm lo về đời sống cho các chiến sĩ.

Đại đội này tồn tại vì đã bám chắc vào dân, dựa vào những làng chiến đấu, khi tập trung, khi phân tán thành từng trung đội, tiểu đội chiến đấu với quân địch. Kẻ địch biết một bộ phận quân ta còn ở lại, ráo riết lùng sục, tìm mọi cách để tiêu diệt hoặc đẩy ta ra ngoài. Nhưng chúng đã không làm được việc đó. Với đại đội này, phong trào chiến tranh du kích không những được duy trì mà còn phát triển. Những toán quân địch hành quân lẻ bị tiêu diệt. Chính quyền địch ở nhiều thôn xã rất e sợ bộ đội và du kích. Nhiều tên tế ác bị trừ khử. Số khá đông trở thành tề hai mặt, bề ngoài nhận làm việc cho địch, nhưng bên trong vẫn chịu sự chi phối, điều khiến của ta. Nhờ có đại đội này, bộ đội chủ lực của tỉnh lại có điều kiện thuận lợi vào ra vùng tạm chiếm, tổ chức những trận tập kích, phục kích ở sâu trong lòng địch.

Với tinh thần hăng hái chiến đấu bảo vệ dân và giữ gìn kỷ luật quần chúng, đại đội được nhân dân các huyện Nam phần Bắc Ninh yêu mến và tin cậy. Các đồng chí ở tỉnh đã chọn cho đại đội một cái tên thích hợp: Đại đội Nghĩa quân.

Bắc Ninh đã có truyền thống tổ chức làng kháng chiến từ trước ngày Tổng khởi nghĩa. Quân Nhật và lính bảo an không dễ gì lọt vào những làng này. Sau ngày 19 tháng 12 năm 1946, làng kháng chiến được phát triển khá rộng rãi. Đi đầu là Đình Bảng, Tú He, Làng Giàng. Mỗi làng có một trận địa hầm hào, công sự tác chiến, mìn, chông, cạm bẫy. Dân quân tự vệ canh phòng cắn mật, kiểm soát chặt chẽ người ra vào. Mặc dù chỉ là những trận địa đơn độc, nhiều khi nằm lọt giữa những trận càn lớn, dân quân, du kích với vũ khí, đạn dược không nhiều, dựa vào hầm hào đã không ít lần cầm chân được quân địch. Làng chiến đấu xã Ái Quốc, làng Cam nằm giáp đè sông Đuống, đã gây cho địch nhiều thương vong, buộc địch phải bỏ dở cuộc càn. Riêng làng chiến đấu Đình Bảng, ở Bắc phần Bắc Ninh trong suốt sáu tháng chiến đấu chưa lần nào để kẻ địch lọt qua lũy tre xanh.

Như vậy là không ít vấn đề nêu trong nghị quyết đã được thực hiện với nhiều sáng tạo ở cơ sở. Những khả năng rất to lớn đã mở ra cho cuộc kháng chiến lâu dài.

Tôi bàn với các anh ở Khu ủy và trong Bộ chỉ huy tiếp tục phát triển những đại đội độc lập kiểu Đại đội Nghĩa quân, đem kinh nghiệm của đại đội này vận dụng ở những vùng địch mới lấn chiếm, đồng thời mở rộng việc xây dựng làng chiến đấu.

huc té chién dâu ò Nam phan Bac Ninh nhu mot trang sach moi mo ra truoc mat toi. Nhung ngay chien dâu chong Nhat ò Cao - Bac - Lang, toi dä nhan thay don vi trung doi rat thich hop voi cong tác vän dong vu trang tuyen truyen, nhung phai là don vi dai doi moi du suc manh dê ton tai và tien hanh nhung hoat dong quan su

co hieu qua hon trong vung dich kiem soát. Hoi nghj quan su lan thú tu dä co quyet dinh "dé lai don vi dai doi hoat dong ò vung sau lung dich". Quyet dinh nay rat chinh xác. Muon phát dong chien tranh du kich rong khap không the thieu vai tro dai doi dọc lap ò moi dia phuong. Doc duong ve, toi chi con ban khoan su dung nhung don vi chu luc ò quy mo nào là thich hop néu dich tien cong len Viet Bac?

Từ sau ngày có chính quyền cách mạng, chúng ta dự kiến sẽ xây dựng hai đại đoàn chủ lực. Các khu đều hăng hái lựa chọn tiểu đoàn khá nhất, những vũ khí tốt nhất đưa lên Bộ để đóng góp vào việc xây dựng đại đoàn. Nhưng rồi chiến tranh sớm nổ ra và lan rộng rất nhanh. Những chi đội lên đường Nam tiến, những trung đoàn phải gắn với các chiến khu, các mặt trận. Chưa thể có điều kiện tập trung lực lượng dự bị chiến lược để đối phó với những cuộc tiến công lớn của địch.

Hạ tuần tháng 8 vừa qua, Chính phủ ban hành sắc lệnh tổ chức Đại đoàn Độc lập trực thuộc Bộ Tổng chỉ huy, dự kiến anh Hoàng Văn Thái, Tổng Tham mưu trưởng sẽ kiêm nhiệm Đại đoàn trưởng. Công tác chuẩn bị ở Bộ đang được xúc tiến.

Trong khi nghĩ đến không khí nô nức chuẩn bị thành lập đại đoàn, thì hình ảnh sinh động của Đại đội Nghĩa quân sống giữa vùng hậu dịch Nam phần Bắc Ninh mỗi lúc một in đậm trong đầu. Ngựa bắt đầu lên dốc. Đây là một đèo nhỏ báo hiệu ranh giới giữa Trung du và Việt Bắc. Trên đỉnh đèo, những lùm tre vàng rượi nắng Thu. Những luồng gió mang theo hơi lạnh từ Thái Nguyên thổi về. Tâm hồn cảm thấy thư thái, lâng lâng. Ngồi trên mình ngựa, một ý nghĩ mới nẩy ra. Nó lóe lên như một ánh chớp soi rọi vào những chỗ trước đây còn mờ nhạt trong suy tư...

Chính lúc này, tôi chợt nhận ra muốn đưa cuộc kháng chiến tiến lên vững chắc chưa phải là lúc tập trung bộ đội thành đại đoàn, chuẩn bị những trận đánh lớn, mà phải có một quá trình rèn luyện thích hợp cho bộ đội ta từ thấp đến cao, một quá trình kiên nhẫn, lâu dài. Những sự kiện lần lượt hiện lên trong óc tôi: Mặt trận Huế võ, trận đánh trung đoàn vào thị xã Hà Đông không thành công, sự tồn tại của Đại đội Nghĩa quân giữa địch hậu

Bắc Ninh... đều chứng minh việc cần làm ngay chưa phải là tập trung bộ đội để xây dựng đại đoàn; mà ngược lại phải mạnh dạn phân tán một bộ phận bộ đội thành những đại đội đi sâu vào địch hậu để phát động chiến tranh du kích. Bộ đội chủ lực ta thì cần được rèn luyện tác chiến ở quy mô tiểu đoàn, rồi trung đoàn, trước khi tác chiến quy mô lớn hơn.

Qua thị xã Thái Nguyên, tôi quyết định rẽ lên Chợ Chu vào nơi Bác ở. Cơ quan của Bác đã chuyển về Điểm Mạc.

Sau bữa cơm chiều, bên bếp lửa nhà sàn, tôi báo cáo với Bác về Hội nghị quân sự lần thứ tư và chuyến đi Chiến khu 12, rồi nói:

- Địch đang chuẩn bị một trận đánh lớn tiêu diệt chủ lực ta để sớm kết thúc chiến tranh. Bộ đội ta với trình độ trang bị, kỹ thuật như hiện nay chưa thể tập trung đánh lớn được. Để nghị Bác và Thường vụ cho hoãn việc thành lập đại đoàn một thời gian. Ta đề ra kháng chiến toàn dân, toàn diện, nhưng phong trào chiến tranh du kích của ta ở địch hậu phát triển chưa mạnh. Tôi thấy cần đưa ngay một bộ phận chủ lực phân tán thành đại đội về những địa phương ở địch hậu để phát động chiến tranh du kích. Bộ đội chủ lực ở khu và Bộ hiện nay chỉ nên tổ chức tập trung ở quy mô tiểu đoàn; tiểu đoàn không phải là quá nhỏ, người Pháp coi tiểu đoàn là "một bình đoàn tác chiến nhỏ"; tác chiến ở quy mô tiểu đoàn là phù hợp với chiến thuật du kích vận động chiến. Tôi xin đề nghị một công thức cụ thể: "Đại đội độc lập, tiểu đoàn tập trung". Theo phương châm Bác đề ra trước đây, dân quân du kích là nguồn bổ sung dồi dào cho chủ lực. Khi phong trào địa phương mạnh thì chủ lực sẽ rút, địa phương càng mạnh thì lại càng phải tiếp tục bổ sung cho chủ lực. Trong vài ba năm trước mắt, cần phải hoạt động chiến tranh du kích rộng khắp. Cuối cùng, muốn chiến thắng quân địch, nhất định phải có một đội quân chủ lực thật mạnh...

Bác chăm chú nghe rồi nói ngay:

- Phân tán một bộ phận chủ lực để phát động chiến tranh du kích là rất cần. Không phải chỉ đưa đại đội vào địch hậu mà đưa cả về những địa phương nay mai chiến sự sẽ lan tới. Công thức "Đại đội độc lập, tiểu đoàn tập trung" là phù hợp với tình hình hiện nay. Số lượng các đại đội đưa về địa phương do Thường vụ quyết định. Sau khi Thường vụ nhất trí, cần thực hiện ngay.

Gia đình nhà chủ đem lại một rổ sắn và một ít mật mía.

Bác ngồi hút thuốc về trầm ngâm rồi nói:

- Địch đưa sang thêm nhiều viện binh. Nay mai chiến sự lan rộng và ác liệt hơn, dân mình còn phải cực khổ nhiều... Thu Đông này các chú chuẩn bị tốt chưa?

Tôi báo cáo đã có chỉ thị gửi các nơi, đã tiến hành việc cất giấu kho tàng, lương thực, làm vườn không nhà trống khi địch đến và phá hoại những đường giao thông quan trọng. Cả nước đã có trên một triệu dân quân, du kích. Bộ đội được bổ sung chấn chỉnh suốt mùa Hè, đã được lệnh sẵn sàng chiến đấu.

Sáng hôm sau, tôi sang chỗ anh Trường Chinh báo cáo lại ý kiến của Bác. Anh Trường Chinh nhất trí từ Khu 4 trở ra có thể đưa một phần ba bộ đội chủ lực phân tán thành đại đội độc lập về địa phương làm nhiệm vụ phát động chiến tranh du kích; ở các khu, mỗi trung đoàn chỉ để lại bộ chỉ huy trung đoàn và một tiểu đoàn chủ lực tập trung; riêng ở Bộ, các tiểu đoàn chủ lực vẫn giữ nguyên, và sẽ được bố trí từng tiểu đoàn tác chiến trên một địa bàn hoặc một hướng.

Anh mỉm cười nói:

- Bây giờ đã hiểu vì sao bộ đội cứ thích dàn trận địa đông người. Với đại đội độc lập, tiểu đoàn tập trung thì toàn quân nhất định phải dùng du kích và du kích vận động chiến.

Anh Trường Chinh chuẩn bị lên đường đi thị xã Bắc Kạn. Không ai nghĩ là có một nguy hiểm đang chờ anh ở phía trước.

Trô vê cơ quan, Phòng 2 vẫn chưa có tin tức gì mới vê cuôc tiên công của dịch. Vê sau, chúng tôi mới biêt dùng vào thôi gian đó, cơ sô ta ô Ha Nôi báo tin dịch tập trung rât dông quân ô Gia Lâm, có nhiêu quân dù, chuân bị cho môt trân đánh lôn. Vì sô suât trong tô chức giao thông liên lạc nên tin tức cực kỳ quan trọng này đã không đến với chúng tôi kịp thôi.

Bộ Tổng Tham mưu đã dự thảo xong mệnh lệnh gửi các khu trong cả nước về kế hoạch đối phó với cuộc tiến công mùa khô của địch. Mệnh lệnh khẳng định Bắc Bộ sẽ là chiến trường chính. Địch có thể "quét đồng bằng Bắc Bộ, đánh lên căn cứ địa Việt Bắc". Mệnh lệnh đề ra kế hoạch đối phó với địch trong cả hai trường hợp.

Bản mệnh lệnh này chưa quán triệt những quyết định mới của Bác và Thường vụ về hình thức tổ chức mới của bộ đội. Tôi nghĩ tới một bản huấn lệnh bổ sung riêng về vấn đề này. Đã là mồng 4 tháng 10. Thời gian cấp bách. Tôi sửa một đôi chỗ trong mệnh lệnh rồi ký để kịp gửi các khu.

Chuong bôn VIET BAC, THU DONG 1947

uôi mùa Hè, cơ quan Bộ Tổng chỉ huy dời về Yên Thông, không xa Điểm Mạc nơi Bác ở.

Hồi này, chúng tôi vẫn còn ở chung với đồng bào. Vùng này ruộng ít, dân nghèo. Những ngôi nhà nằm rải rác trên những vạt đất bằng, phía sau là đồi cọ hoặc rừng vầu, phía trước là những mảnh ruộng nhỏ. Xa xa, dãy núi Hồng chạy dài tới Phú Minh. Để giữ bí mật, cơ quan thường di chuyển. Có khi tôi phải làm việc trong một căn buồng chứa nông cụ của đồng bào.

Vào cuối Thu, chuẩn bị đối phó với cuộc tiến công lớn có thể xảy ra bất cứ lúc nào, tư tưởng có phần căng thẳng. Một đêm trăng đẹp ở núi rừng Điểm Mạc, Bác đã viết những câu thơ:

Tiếng suối trong như tiếng hát xa,

Trăng lồng cổ thụ, bóng lồng hoa,

Cảnh khuya như vẽ, người chưa ngủ,

Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà.

Ngày 6 tháng 10, theo chương trình đã định, tôi tranh thủ đi Tuyên Quang và Chiêm Hóa. Tại Chiêm Hóa có mấy trường đại học với những nhà trí thức kháng chiến tiêu biểu và một số xưởng máy, kho tàng quan trọng của ta. Đây cũng là một điểm xung yếu của Việt Bắc. Tôi đã nhiều lần hẹn anh Nguyễn Văn Huyên, anh Tôn Thất Tùng... lên thăm Chiêm Hóa, biết là các anh đang mong khi sắp bước vào mùa khô.

Đường lên Chiêm Hóa cũng chưa phá hoại. Xe đưa chúng tôi từ Yên Thông qua Phú Minh sang Tuyên Quang rồi ngược đường số 2. Con đường trước đây vắng vẻ, nay từng quãng lại có một quán hàng, một dãy phố kháng chiến. Cư dân mới của những ngôi nhà tre nứa ẩn dưới lùm cây, hầu hết là gia đình cán bộ từ xuôi lên. Mỗi ngôi nhà đơn sơ này vừa là trạm liên lạc đối

với những cán bộ từ xa về bồ ngõ, vừa là trạm kiểm soát với những kẻ lạ mặt tới dò la. Mạng lưới bảo vệ lồng lẻo này thực ra rất hữu hiệu.

Tới Chiêm Hóa, vừa bàn với các anh về việc sơ tán cơ quan, kho tàng khi có chiến sự và tổ chức những trạm quản y để phục vụ mặt trận thì có điện khẩn: Ngày 7 tháng 10 quân Pháp đã nhảy dù xuống thị xã Bắc Kạn. Cuộc tiến công mùa khô của địch đã bắt đầu từ một thị xã nằm sâu giữa lòng Việt Bắc! Mọi người tỏ vẻ lo lắng. Trước khi mượn được mấy con ngựa để trở về gấp, tôi nói với anh Huyên và anh Tùng: "Theo kinh nghiệm của ông cha ta, khi giặc tới ào ào như nước, như lửa, thì không đáng sợ!".

Đầu tháng 10, Bộ Tổng chỉ huy đã trao nhiệm vụ tác chiến cho các khu ở Bắc Bộ trong trường hợp địch đánh lên Việt Bắc. Trong mệnh lệnh, dự kiến hướng chính của cuộc tiến công sẽ là Thái Nguyên qua Phúc Yên, và Tuyên Quang qua Vĩnh Yên, Phú Thọ; hướng kiềm chế phối hợp sẽ là Bắc Giang, Lạng Sơn ở phía đông và Hòa Bình, Sơn La ở phía tây. Nhiệm vụ được phân công cho bộ đội chủ lực của Bộ và của Khu 1, Khu 10 là đánh địch ở hướng chính. Còn các khu khác thì có nhiệm vụ đánh

địch trên các hướng kiểm chế, đồng thời đẩy mạnh hoạt động để phối hợp khắp chiến trường, nhất là trên đường số 5.

Những đơn vị của Bộ và các khu đang lên đường chuẩn bị làm nhiệm vụ.

Cuộc tiến công của địch bắt đầu từ Bắc Kạn là ngoài dự kiến của ta. Một số cơ quan tập trung ở thị xã và vùng ven: Ty Ngân khổ, cơ sở in giấy bạc, trường Võ bị Trần Quốc Tuấn, bộ phận dự bị Đài Tiếng nói Việt Nam và một số nhà máy, kho tàng. Điều khiến tôi đặc biệt lo lắng là anh Trường Chinh vừa lên đây công tác và anh Hoàng Văn Thái cũng đang có mặt ở thị xã. Những con đường nổi liền với Bắc Kạn đều chưa phá hoại.

Trên đường về, tôi gặp Tỉnh ủy và Ủy ban tỉnh Tuyên Quang nhắc hoàn thành gấp việc phá hoại thị xã, đường sá, kiểm tra kế hoạch tác chiến dọc sông Lô và đường bộ lên Tuyên Quang. Tôi tạt vào Thanh La chỉ thị cho anh Phan Mỹ và anh Trần Duy Hưng bàn với các anh trong Chính phủ thực hiện quân sự hóa cơ quan và chuẩn bị phân tán di chuyển.

Sáng ngày 8, tôi về tới Sở chỉ huy. Không khí cơ quan khẩn trương. Những tài liệu quan trọng đang được bỏ vào hòm sắt.

Đồng chí Trưởng phòng Tác chiến báo cáo: 8 giờ 15 phút và 10 giờ sáng ngày 7 tháng 10, quân Pháp đã nhảy dù hai đợt xuống thị xã Bắc Kạn, trình sát đã đếm được khoảng tám trăm dù. 14 giờ 30 phút, khoảng hai trăm quân Pháp nhảy dù xuống Chợ Mới, chỉ cách an toàn khu hai chục ki-lô-mét

đường chim bay. Tham mưu đã thông báo tin tức cụ thể về địch cho tất cả các quân khu, các tỉnh, các đơn vị chủ lực và chỉ thị báo cáo ngay về Bộ những diễn biến mới của tình hình. Trong buổi hội ý, đồng chí Trần Hiệu, phụ trách công tác tình báo cũng có mặt nhưng không cung cấp được thêm tin tức gì về địch. Công tác này đối với ta còn quá mới mẻ. Đài phát thanh các nước phương Tây cũng không hề đưa tin tức gì về cuộc tiến công của Pháp.

Thường vụ đã có điện cho Tỉnh ủy Bắc Kạn phải lãnh đạo các lực lượng vũ trang tích cực đánh địch, bảo vệ cơ quan, sơ tán kho tàng, lãnh đạo nhân dân làm vườn không nhà trống và đã điện cho các địa phương trên cả nước báo tin cuộc tiến công Việt Bắc bắt đầu, các khu ủy và quân khu ủy phải lãnh đạo bộ đội đánh mạnh để chia sẻ lực lượng địch, phá kế hoạch tiến công của chúng.

Cách đây nửa tháng, ngày 20 tháng 9, ở phía Tây Bắc, quân Pháp đã mở một cuộc tiến công trên toàn tuyến: Từ Phong Thổ đánh ra Bát Xát, từ Bình Lư tiến chiếm Sa Pa sắp tới Lào Cai, từ Mường Chiên, Vạn Yên đánh ra, kết hợp với nhảy dù Than

Uyên, Khâu Cọ, đã chiếm Thượng Bằng La, sắp tiến đến Nghĩa Lộ... Bây giờ thì đã rõ: Tây Bắc là hướng nghi binh, kiềm chế; Việt Bắc mới là hướng tiến công chính của địch.

Tôi chỉ thị cơ quan tham mưu cử ngay người lên Bắc Kạn tìm anh Trường Chinh và anh Hoàng Văn Thái, tập trung mọi khả năng, phương tiện theo dõi địch, phát hiện kịp thời ý đồ và kế hoạch cuộc tiến công; ra lệnh cho Trung đoàn 72 đang ở Bắc Kạn cùng với một tiểu đoàn chủ lực của Bộ làm nhiệm vụ bảo vệ cơ quan, phát động chiến tranh du kích, đánh địch khi chúng lấn ra và vận động trên các đường Bắc Kạn - Chợ Mới, Bắc Kạn - Phủ Thông.

Tôi thông qua dự thảo Quân lệnh tiêu diệt địch để bảo vệ Việt Bắc và Nhật lệnh của Bộ Tổng chỉ huy kêu gọi quân và dân cả nước chiến đấu phá tan kế hoạch tiến công mùa Đông của giặc Pháp. Sau đó, tôi đi gấp sang Điểm Mạc.

Bác và Thường vụ đang rất lo lắng vì chưa có tin anh Trường Chinh và một số cán bộ bị kẹt ở thị xã.

Tôi báo cáo về tình hình mới diễn biến trong ngày và một số việc đã làm của Bộ Tổng chỉ huy. Với tin mới về cánh quân lớn của địch xuất hiện trên đường số 4 trưa nay, dự đoán địch sẽ đánh chiếm Cao Bằng rồi bắt liên lạc với quân dù ở Bắc Kạn. Cao Bằng đã có chuẩn bị sẽ không rơi vào tình thế bị động như Bắc Kạn. Căn cứ địa Việt Bắc đang ở thế bị uy hiếp từ hai phía đông và tây. Hướng tây, địch sẽ chiếm Lào Cai và Hà Giang để

phong tỏa biên giới phía bắc nước ta. Có thể sẽ có một cánh quân tiến theo đường số 2 và sông Lô lên Tuyên Quang, bộ đội Khu 10 đã bố trí đánh địch ở hướng này.

Bác hỏi: Dịch có thể huy động bao nhiêu quân vào cuộc tiến công?

Tôi đáp: Theo tin tức gần đây, Van-luy được tăng viện hai vạn quân.

Bác nói: Nước Pháp không đủ sức để theo đuổi một cuộc chiến tranh lâu dài. Chúng phải cố gắng đánh một đòn quân sự quyết định tạo điều kiện cho Bô-la-e đưa Bảo Đại về để tìm cách kết thúc chiến tranh. Dù Van-luy có huy động được cả hai vạn quân vào cuộc tiến công này thì với địa bàn rừng núi hiểm trở của Việt Bắc, với tinh thần cách mạng của đồng bào các dân tộc ở căn cứ địa, cũng không có gì đáng ngại...

Chiêu mông 9, anh Thái từ Bắc Kạn trở về. Dịch nhảy dù trong lúc anh đang nói chuyện với bộ đội và học sinh trường Võ bị trên sân vận động thị xã. Lực lượng bộ đội ở đây chỉ có một tiểu đoàn tân binh. Lần đầu gặp quân dù, mặc dù còn bỡ ngỡ, lúng túng, bộ đội đã chiến đấu bảo vệ cho các cơ quan và nhân dân rút ra ngoài.

Trên đường về, anh Thái đã ghé vào những cơ sở sản xuất của quân giới, quân y và Đài dự bị Tiếng nói Việt Nam chỉ đạo việc di chuyển gấp. Khi về tới cơ quan Bộ, anh mới biết anh Trường Chinh cũng có mặt tại Bắc Kạn.

Chúng tôi trao đổi dự kiến về những diễn biến sắp tới. Sau khi nổi liền Cao Bằng với Bắc Kạn, địch sẽ từ đó đánh lan rộng, có thể đánh xuống hướng nam, nơi có an toàn khu. Tôi chỉ thị điều động gấp những lực lượng của Bộ ở Trung du về để chuyển lên hướng bắc, lệnh cho trường Võ bị Trần Quốc Tuấn bế giảng và đưa cán bộ về các đơn vị kịp thời tham gia chiến đấu.

Tôi nói: "Dịch mở đầu cuộc tiến công lớn bằng nhảy dù xuống Bắc Kạn nhằm chụp bắt và tiêu diệt cơ quan đầu não của kháng chiến. Chúng lầm tưởng Bắc Kạn là thủ đô chính trị mới của ta. Chúng gây cho ta một số thiệt hại nhưng đã không đạt được mục đích mà lại mất thế bất ngờ ở trên cả chiến trường Việt Bắc. Nhiệm vụ hàng đầu là bảo vệ cơ quan lãnh đạo bằng mọi giá. Cần bám sát mọi động tĩnh của địch để điều chỉnh kế hoạch tác chiến, giành lại chủ động. Trước mắt đòn đốc đánh địch trên đường số 4, số 3 và sẵn sàng chiến đấu trên hướng đường số 2 và sông Lô".

Tôi hôm đó, cơ quan tham mưu gọi điện thoại mừng rõ báo tin một đơn vị bộ đội đã gặp anh Trường Chinh ở phía nam Chợ Đồn. Sáng hôm sau, anh Thái sẽ cùng một tiểu đội vệ binh đi đón đồng chí Tổng Bí thư. Tôi thở phào nhẹ nhõm.

Nửa đêm mồng 9, anh Trường Chinh mới về tới nhà. Anh Thái lên tới Thành Cóc thì gặp đồng chí Tổng Bí thư Trường Chinh đang ngồi nghỉ cùng một đơn vị bộ đội địa phương bên bờ suối. Theo anh nói lại, khi máy bay tới ném bom, bắn phá, anh đang làm việc với Tỉnh ủy phải tạm lánh xuống hầm. Lát sau, địch nhảy dù xuống đúng khu vực trú ẩn. Chúng đi lại nhiều lần trên nóc hầm mà không biết có người bên dưới. Trời tối, anh cùng với cán bộ và đồng bào tìm đường rút ra ngoài. Kinh nghiệm nhiều năm hoạt động bí mật đã giúp đồng chí Tổng Bí thư thoát hiểm.

2

gày 8 tháng 10, quân Pháp chiếm Chợ Đồn. Ngày 9 tháng 10, một tiểu đoàn quân dù nhảy xuống thị xã Cao Bằng.

Ngày 10 tháng 10, 35 tàu chiến địch từ Hà Nội theo sông Hồng tiến lên Sơn Tây.

Cùng ngày, trên đường số 4, quân Pháp tiến tới Thất Khê.

Bộ Tổng chỉ huy điện gấp cho Khu 10 tích cực đánh địch trên sông, đồng ỉhời điều một tiểu đoàn chủ lực của Bộ, Tiểu đoàn 18, tiến nhanh về phía Bình Ca, kiên quyết

bảo vệ cửa ngõ phía tây của Việt Bắc, cũng là của an toàn khu. Tôi gửi cho Tiểu đoàn trưởng Vũ Phương và Chính trị viên Tiểu đoàn Hồng Cư một mệnh lệnh viết tay: "Tiểu đoàn 18 sống chết với con đường Bình Ca - Thái Nguyên".

Ngày 11, Hội đồng Chính phủ do Bác chủ tọa họp giữa tiếng máy bay địch gầm rú bắn phá. Tôi báo cáo tình hình chiến sự. Toàn thể thành viên Chính phủ biểu thị quyết tâm kháng chiến và niềm tin vào thắng lợi.

Ngày 12, bộ binh Pháp hành quân tiến đến thị xã Cao Bằng. Tàu chiến, ca-nô địch cũng lên tới thị xã Tuyên Quang.

Đài phát thanh phương Tây vẫn chưa hề đã động đến cuộc tiến công.

Trong tuần đầu, bộ đội thiên về đánh tập trung, vận động từ xa tới, chuẩn bị vội vã, đánh địch không đạt nhiều hiệu quả. Pháo binh mấy lần bỏ lỡ cơ hội tiêu diệt tàu địch trên sông Lô. Ở Phan Dư, pháo để xa, báo động chậm, cơ động tới gần bờ sông thì tàu địch đã đi qua. Ở Ngọc Chúc, pháo mới bắn được hai phát thì gục nòng. Riêng ở Bình Ca, ngày 12, pháo ta bắn chìm một tàu LCVP. Đây là chiến công đầu tiên trên sông Lô. Cùng ngày, Tiểu đoàn 18 đánh bại cuộc tiến công đổ bộ của địch tại bến Bình Ca.

Ô thị xã Cao Bằng, ta đã kịp thời di chuyển cơ quan, tài sản ra ngoài; nhưng khi địch nhảy dù, Trung đoàn 74 đang phân tán làm nhiệm vụ phá hoại nhà cửa, không có bộ phận trực chiến nên chỉ đánh nhỏ tiêu hao địch. Đặc biệt, bộ đội Cao Bằng bắn rơi được một máy bay.

Dân quân du kích đã có một số hoạt động đánh địch nhảy dù và phục kích những toán địch nông ra như ở Thanh Mai (Bắc Kạn), Đề Thám (Cao Bằng). Những "tổ chim sẻ" đã mang cái chết bất ngờ cho quân địch. Tuy nhiên, phong trào du kích còn chưa phát triển mạnh.

Cường độ phát triển từng ngày của cuộc tiến công chứng tỏ tính chiến lược và quy mô rộng lớn chưa từng có của nó. Địch đang đi tìm một trận đánh quyết định ở ngay tại căn cứ địa của ta.

Lực lượng bộ đội ở khu căn cứ lúc này không quá ít. Nhưng trừ Trung đoàn Thủ Đô và Trung đoàn Lạng Sơn đã được thử thách ít nhiều, tất cả những đơn vị khác đều chưa qua chiến đấu. Trình độ trang bị, tổ chức của ta chưa cho phép tiến hành những trận đánh lớn để ngăn chặn quân địch, hoặc tiêu diệt quân địch tại những thị xã chúng vừa chiếm đóng. Những trận tập kích đầu tiên của bộ đội ta vào những vị trí đóng quân của địch tới lúc đó đều chưa đạt được kết quả đáng kể. Mấy ngày qua, các khu, các tỉnh đều báo cáo về, ở những nơi có bộ đội, nhân dân rất

bình tĩnh chuẩn bị chiến đấu, ở những nơi nào chỉ có du kích, mặc dù anh em hăng hái, nhưng đồng bào tỏ ra lo lắng.

Tôi đã nhận thấy cách đối phó thích hợp nhất với cuộc tiến công chiến lược của địch là thực hiện ngay công thức "đại đội độc lập, tiểu đoàn tập trung". Việc này cần làm ở tất cả các khu, trước hết là ngay tại Việt Bắc. Cần đưa gấp những đại đội độc lập về các địa phương để làm nòng cốt phát động chiến tranh du kích khắp nơi. Các tiểu đoàn chủ lực thì lưu động tác chiến trên chiến trường từng địa phương, trước mắt là tập trung vào những đường giao thông huyết mạch.

Tôi trao đổi những điều trên với anh Thái và giao nhiệm vụ cho Bộ Tổng Tham mưu dự thảo gấp một bản huấn lệnh về "Đại đội độc lập, tiểu đoàn tập trung".

Tôi 13, cán bộ Phòng 2 mang tới cho tôi một tài liệu vô giá trong lúc này: Bản kế hoạch tiến công Việt Bắc của Pháp kèm theo bản đồ.

Sáng ngày 9 tháng 10, khi quân Pháp nhảy dù xuống Cao Bằng, đại đội trợ chiến của Trung đoàn 74, bố trí trên đồi thiên văn, đã bắn rơi một máy

bay Junker-52. Xác máy bay rơi xuống xã Đề Thám. Máy bay này chở một số sĩ quan tham mưu của Bộ chỉ huy chiến dịch Việt Bắc đi thị sát chiến trường. Những người đi trên máy bay đều chết, trong đó có thiếu tá Lăm-be, đặc phái viên của Bộ chỉ huy quân đội viễn chinh ở miền Bắc Đông Dương. Trong số những tài liệu thu được từ máy bay có bản kế hoạch tiến công Việt Bắc. Một chiến sĩ liên lạc, đồng chí Nguyễn Danh Lộc, đã chạy bộ xuyên rừng suốt bốn ngày đêm đưa tài liệu này về Bộ Tổng Tham mưu.

Anh Hoàng Văn Thái gọi điện thoại báo cáo vắn tắt những nhận xét của cơ quan tham mưu sau khi nghiên cứu bản kế hoạch. Tôi bảo anh Thái chuẩn bị cuộc họp của các cơ quan tham mưu, chính trị vào sáng hôm sau và nhắc anh Văn Tiến Dũng, Cục trưởng Cục Chính trị, tặng thưởng huân chương cho đại đội trợ chiến Trung đoàn 74 đã bắn hạ máy bay địch, thu được bản kế hoạch quan trọng, và khen thưởng đồng chí Nguyễn Danh Lộc.

Tôi cho thấp thêm một ngọn đèn dầu thứ hai trên bàn làm việc.

Tài liệu gồm một bản kế hoạch tiến công và một bản đồ Việt Bắc.

Kế hoạch tiến công Việt Bắc gồm hai cuộc hành binh lớn mang mặt danh là Lê-a và Clô-clo.

Cuộc hành binh bước một lấy tên là Lê-a hình thành hai gọng kìm bao vây toàn bộ khu căn cứ địa Việt Bắc, bao gồm năm tỉnh: Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Tuyên

Quang, Thái Nguyên. Bình đoàn B xuất phát ở hướng đông, từ Lạng Sơn tiến lên Cao Bằng, rồi vòng xuống hợp vây với cánh quân hướng tây, bắt liên lạc với cánh quân Bắc Kạn. Bình đoàn C ở hướng tây, xuất phát từ Hà Nội theo sông Hồng, đến Việt Trì, theo sông Lô lên Tuyên Quang, rồi theo sông Gâm tiến lên gặp Bình đoàn B. Sau này chúng tôi biết, Bình đoàn B do Bô-phrê chỉ huy; binh đoàn C do Com-muy-nan chỉ huy; hợp điểm của hai gọng kìm này sẽ là Đài Thị. Tiếp đó là cuộc hành binh bước hai lấy tên là Clô-clo, quân dịch sẽ tập trung càn quét khu tam giác: Bắc Kạn - Chợ Chu - Chợ Mới và phía tây đường số 3.

Theo tính toán của cơ quan tham mưu ta, gọng kìm phía tây dài 270 ki-lô-mét, gọng kìm phía đông dài tới 420 ki-lô-mét. Bộ chỉ huy Pháp dự kiến hai cánh quân sẽ gặp nhau vào ngày 13 ở Đài Thị.

Hôm ấy đã là ngày 13! Cả hai cánh quân Pháp đều còn ở khá xa Đài Thị. Cánh phía đông chỉ mới đến gần hồ Ba Bể, còn phải qua Bản Thi rồi mới tới Đài Thị. Còn cánh quân phía tây mới đến Tuyên Quang, cách Đài Thị xa.

Như vậy, kế hoạch Lê-a của địch đã không được thực hiện đúng thời gian. Kế hoạch Clô-clo do đó, sẽ phải chậm lại. Khoảng thời gian này là vô cùng quý giá đối với ta.

Chắc chắn trên các mặt trận khác, Pháp cũng có những cuộc hành binh phối hợp với Việt Bắc. Ta chưa rõ binh lực dùng cho cuộc tiến công mùa Đông này là bao nhiêu. Nhưng qua bản kế hoạch đã thấy đây là một cuộc tiến công chiến lược với những tham vọng rất lớn nhằm chụp bắt cơ quan đầu não của kháng chiến và đánh bại chủ lực ta.

3

Qáng 14, anh Trường Chinh tới Văn phòng Bộ Tổng chỉ huy. Nét mặt anh tươi lên khi biết chúng ta đã có trong tay bản kế hoạch hành binh của địch. Anh trao đổi với chúng tôi về âm mưu của địch được thể hiện trong bản kế hoạch, tình hình các mặt trận, chủ trương của ta để chuẩn bị cho cuộc họp Thường vụ buổi chiều.

Chúng tôi nhận định địch đã huy động một lực lượng lớn nhất mà chúng có thể huy động được gồm những đơn vị bộ binh tinh nhuệ, lính dù, cơ giới, pháo binh, công binh, máy bay, tàu chiến vào trận đánh quyết định này. Địch đã tạo được sự bất ngờ, gây cho ta những thiệt hại về vật chất ở Bắc Kạn, Cao Bằng, Chợ Đồn, Tuyên Quang. Khuyết điểm của ta là không đánh giá thật đúng âm mưu và cách đánh của địch. Chiến tranh du kích tại các địa phương chưa mạnh. Bộ đội chưa đánh được trận nào đáng kể. Việc phá hoại các đường sá và thị xã, thị trấn ở trong khu căn cứ chưa triệt để. Ở một số nơi nhân dân có phần hoang mang.

Tuy nhiên, kẻ địch đông không có nghĩa là chúng mạnh. Địch đã thất bại ngay từ đầu trong âm mưu chủ yếu là muốn chụp bắt cơ quan lãnh đạo của kháng chiến. Cuộc tiến công của địch không diễn ra cùng một lúc, nên trừ thị xã Bắc Kạn bị bất ngờ, ở những nơi khác ta đều đã có đề phòng. Lực lượng của địch bị rải ra trên một địa bàn quá rộng, lại là chiến trường rừng núi, tiếp tế khó khăn, các phương tiện kỹ thuật khó phát huy được sức mạnh, sẽ bộc lộ nhiều sơ hở. Hai gọng kìm tiến công của địch quá dài không thể thực hiện được nhiệm vụ bao vây căn cứ địa. Chủ trương hợp vây của địch so với kế hoạch đã bị chậm lại nhiều. Nếu ta phá hoại đường sá triệt để thì việc di chuyển của cơ giới sẽ gặp nhiều khó khăn. Những gọng kìm của địch trải dài theo trục đường, trục sông rất dễ bẻ gãy. Điều cần đề phòng là kế hoạch Clô-clo, những mũi dùi lùng sục địch dự kiến đều nằm trong khu căn cứ của ta.

Tôi đề nghị:

- Phân tán hai phần ba bộ đội chủ lực, đưa các đại đội về địa phương. Cùng dân quân du kích phát động chiến tranh du kích rộng rãi, bao vây và tiêu hao địch ở những nơi chúng mới đặt chân tới. Tiếp tục động viên và giúp đỡ nhân dân gặt hết lúa mới chín, phân tán kho tàng, triệt để làm vườn không nhà trống, phá hoại các đường giao thông quan trọng, hình thành phong trào chiến tranh toàn dân rộng khắp.
- Bố trí các trung đoàn và tiểu đoàn ở những địa bàn hiểm yếu, trước hết là dọc đường số 4, dọc đường số 2 ven sông Lô và đường số 3, sẵn sàng tập kích, từng bước làm tê liệt và bẻ gãy hai gọng kìm chủ yếu của địch.
- Cơ quan chỉ huy chia thành hai bộ phận: Bộ phận nặng ở lại căn cứ đi sâu vào phía núi, bộ phận nhẹ chuyển ra ngoài khu vực bị uy hiếp, vừa chỉ đạo các chiến trường toàn quốc, vừa chỉ đạo ba mặt trận ở Việt Bắc. Tôi phụ trách bộ phận chỉ huy nhẹ và sẽ đi Mặt trận Đường số 4; anh Thái đi Mặt trận Đường số 3; anh Trần Tử Bình và anh Lê Thiết Hùng đi Mặt trận Sông Lô; anh Văn Tiến Dũng phụ trách bộ phận nặng ở lại căn cứ.

Bác và Thường vụ Trung ương sẽ ở lại an toàn khu vì nhân dân tại đây đã có truyền thống và kinh nghiệm bảo vệ cán bộ từ thời hoạt động bí mật. Trước mắt, chuyển lên vùng cao và khi cần thiết sẽ chuyển tới nơi an toàn hơn, về phía Bản Cóc.

Anh Trường Chinh nhất trí với những đề nghị của Bộ Tổng chỉ huy. Trước khi anh Thái ra về, tôi nhắc thảo gấp một huấn lệnh mới về nhiệm vụ tác chiến Thu Đông cho Khu 1 và Khu 10, và hoàn chỉnh ngay bản huấn lệnh về "Đại đội độc lập, tiểu đoàn tập trung".

Cuộc họp Thường vụ Trung ương chiều 14 có Bác cùng dự. Sau khi nghe báo cáo âm mưu của địch, kiến nghị của Bộ Tổng chỉ huy, dự thảo chỉ thị của Thường vụ do anh Trường Chinh trình bày, hội nghị nhận định: Cuộc tiến công lần này của Pháp không chứng tỏ địch mạnh, mà vì yếu nên phải mạo hiểm. Địch sẽ gặp nhiều khó khăn to lớn, nếu ta biết lợi dụng khai thác những chỗ yếu của địch thì nhất định cuộc tiến công sẽ thất bại. Thường vụ nhất trí thực hiện ngay công thức "đại độc độc lập, tiểu đoàn tập trung", tổ chức ba mặt trận, cơ quan lãnh đạo sẽ ở lại khu căn cứ.

Anh Trường Chinh nói:

- Chúng ta vừa đánh vừa học, kể cả học cái hay của địch để sửa chữa sai lầm của ta, phát triển những ưu điểm của ta, lợi dụng triệt để những nhược điểm của địch, nhằm trúng vào chỗ yếu của địch mà đánh, làm cho kẻ địch

bị thiệt hại đến mức không thể gượng lại sau chiến dịch này và buộc chúng phải chuyển sang thế thủ.

Bác kết thúc cuộc họp:

- Tình hình cực kỳ rối ren về chính trị ở Pháp và phong trào đấu tranh ở các nước thuộc địa đã dẫn Pháp đến chỗ muốn sớm kết thúc chiến tranh Đông Dương. Chúng chỉ tiến công ổ ạt lúc đầu. Nếu ta thực hiện được đánh địch khắp nơi, buộc chúng dàn mỏng lực lượng đối phó, chúng sẽ thất bại. Giữ gìn được chủ lực qua mùa Đông này là coi như thắng lợi. Nếu chuyến này chúng không thắng nhanh để kết thúc chiến tranh thì cục diện sẽ đổi mới có lợi cho ta.

Ngày hôm sau, 15 tháng 10, theo tinh thần buổi họp, Thường vụ Trung ương ra bản chỉ thị "Phải phá cuộc tiến công mùa Đông của giặc Pháp" cho quân và dân cả nước.

Cùng ngày, Bộ Tổng chỉ huy ra Huấn lệnh ĐB/101, nêu những nguyên tắc mới về tổ chức bộ đội, và bố trí lực lượng, về nhiệm vụ của các đại đội độc lập và tiểu đoàn tập trung: "Cuộc tiến công Việt Bắc lần này, địch hành binh táo bạo bằng quân nhảy dù chiếm đóng ngay hậu phương ta làm tình hình chiến sự thay đổi. Về chiến lược hiện nay không có phân biệt hậu phương và tiền phương... Vì sự cần thiết phát động du kích chiến tranh rộng rãi nên kế hoạch bố trí và tác chiến cần phải thích hợp với tình thế... Thực hiện ngay việc lấy đại đội làm đơn vị bố trí trên các chiến trường địa phương... Bộ đội chủ lực thì đặt ở những nơi cơ động gần mặt trận hoặc đường giao thông quan trọng và nguyên tắc là nên tập trung từng tiểu đoàn phụ trách từng khu vực một". Nhiệm vụ của đại đội độc lập là: "Quấy rối tiêu diệt từng

bộ phận nhỏ của địch, đôn đốc phá hoại trong địa phương, giúp đỡ vũ trang tuyên truyền và phối hợp tác chiến với dân quân trong địa phương mình khi địch đến. Phối hợp với bộ đội lưu động đánh những trận lớn". Nhiệm vụ của các tiểu đoàn tập trung là: "Phối hợp với các đại đội độc lập và du kích địa phương tiêu diệt địch ở những vị trí lẻ hay khi đang vận chuyển trên đường giao thông".

Cũng trong ngày 15, Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi quân và dân Việt Bắc ra sức đánh bại cuộc hành binh của địch, quân dân cả nước tích cực đánh địch để phối hợp với Việt Bắc. Bác viết: "Địch hội quân ở Bắc Kạn tạo thành cái ô bọc lấy Việt Bắc, rồi cụp ô xuống, dưới đánh lên, trên đánh xuống, phá cho được cơ quan đầu não của kháng chiến... Chúng mạnh ở hai gọng kìm, gọng kìm mà gãy thì cái ô cụp xuống sẽ thành ô rách và cuộc tiến công thất bại".

Ngày 16 tháng 10, tôi ký các bản mệnh lệnh gửi Khu 1, nêu rõ: Tất cả các trung đoàn của khu chỉ giữ lại bộ chỉ huy trung đoàn và một tiểu đoàn tập trung, các tiểu đoàn khác thì giải thể thành đại đội, đưa các đại đội về các huyện được chỉ ra trong mệnh lệnh. Cuối lệnh ghi rõ: "Mệnh lệnh phải được thi hành xong trước ngày 16 tháng 11 năm 1947 và báo cáo kết quả về Bộ". Bộ Tổng Tham mưu phái cán bộ đi trực tiếp giúp đỡ những đại đội độc lập ở một số huyện trọng điểm thuộc Bắc Kạn, Lạng Sơn và Tuyên Quang. Chỉ một thời gian rất ngắn sau đó, hai phần ba lực lượng các trung đoàn đã được đưa về huyện làm nhiệm vụ bộ đội địa phương.

Từ ngày 13, đài phát thanh của địch mới bắt đầu loan tin quân đội Pháp đánh chiếm Cao Bằng, Bắc Kạn, cùng với hàng loạt vị trí khác ở Việt Bắc. Quan chức Pháp ở Sài Gòn giải thích những cuộc tiến công đang diễn ra là nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc điều đình với Bảo Đại. Chúng tuyên truyền rầm rĩ về thắng lợi trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Thực dân Pháp đặt kỳ vọng vào cuộc tiến công vào căn cứ địa Việt Bắc mà họ cho là đang diễn tiến thuận lợi. Sau này, chúng ta được đọc bản báo cáo ngày 17 tháng 10 năm 1947 của Xa-lăng gửi Bộ Tổng chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp, trong đó Xa-lăng đã nhận định: "Con đường tiếp tế chính nối liền Việt Minh với Trung Quốc qua Cao Bằng đã bị cắt đứt. Sự tan rã của căn cứ quốc gia Việt Minh bắt đầu nghiêm trọng trong khu vực đông bắc (Bắc Kạn, Chợ Mới, Chợ Đồn)... Quân Pháp đang ở thế tiếp tục càn quét mạnh và làm tan rã căn cứ... Không còn nghi ngờ gì nữa, kết quả của đòn đánh mãnh liệt và trực tiếp đã gây nên hậu quả đáng kể đối với tiềm lực và tinh thần đối phương".

gày 17, tôi cùng bộ phận chỉ huy nhẹ rời Yên Thông sau khi đã điện lệnh cho Trung đoàn 74 (Cao Bằng) và Trung đoàn 11 (Lạng Sơn) phải tổ chức phục kích địch trên đường số 4, đồng thời chỉ thị cho Khu 10 chuyển gấp pháo lên thượng nguồn sông Lô, nơi có địa hình kín đáo thuận lợi cho việc phục kích tàu địch. Anh Hoàng Văn Thái, anh Trần Tử Bình và anh Lê Thiết Hùng cũng lên đường đi Mặt trận Đường số 3 và Mặt trận Sông Lô.

Chúng tôi đi xuôi xuống Bờ Đậu, rẽ qua xã Trung Lương về Đồn Đu. Tiểu đội thông tin rải đường dây điện thoại và mang theo điện đài để duy trì liên lạc thường xuyên với các mặt trận.

Các bản làng đều vắng vẻ. Đồng bào ở đây đã thực hiện vườn không nhà trống, triệt để sơ tán vào rừng, mang theo cả thóc lúa, trâu bò, gia súc. Không nghe thấy tiếng gà gáy, chó sủa. Nơi nào cũng có khẩu hiệu: "Đập tan cuộc tiến công mùa Đông của giặc Pháp". Chỉ còn du kích, dân quân ở lại canh gác làng bản. Nhớ lại những ngày chạy địch lùng càn ở chiến khu trước Cách mạng Tháng Tám thì ngày nay, kẻ địch mạnh hơn nhiều lần. Có tin trong các binh đoàn của Pháp, có cả những đội quân được huấn luyện đặc biệt để đánh rừng. Nhưng lần này chúng tôi tới đâu cũng được ủy ban kháng chiến báo cáo tình hình địch, cử giao thông dẫn đường. Đồng chí giao thông huyện Phú Lương đưa chúng tôi đi tiếp về phía La Hiên.

Ngày 20 tới địa phận huyện Vũ Nhai. Buổi chiều, chúng tôi đi hết cánh đồng Tràng Xá rồi rẽ vào một bản nhỏ của đồng bào Dao đã được chọn để đặt Bộ chỉ huy nhẹ. Trước nhà là một bãi cỏ dẫn tới một khu rừng có suối trong, chung quanh nhiều núi đá. Gia đình nhà chủ không biết chúng tôi là ai. Đã lâu mới có cán bộ tới, bác chủ nhà để nghị làm lễ kết nghĩa. Lại nhớ tới những ngày trước Tổng khối nghĩa cùng đồng bào chích máu gà uống rượu ăn thề suốt đời hoạt động và hy sinh cho cách mạng.

Sang tuần thứ hai, tính từ khi quân Pháp nhảy dù xuống Bắc Kạn, những hoạt động chiến đấu của ta đã tăng lên đáng kể.

Ngày 15, hai tiểu đoàn chủ lực của Bộ có một khẩu pháo phối hợp tiến công vào 200 quân địch đóng tại Chợ Mới. Ngày 21, trên Mặt trận Đường số 3, một tiểu đoàn của Trung đoàn Thủ Đô tiến công một đại đội địch đóng tại Chợ Đồn. Ở cả hai nơi, bộ đội ta chỉ tiêu hao quân địch, không thực hiện được nhiệm vụ tiêu diệt. Nhưng hai trận đánh này cùng với 17 trận phục kích nhỏ trên đường Phủ Thông - Bắc Kạn, Chợ Mới - Bắc Kạn đã làm cho quân địch thấy bắt đầu gặp sự chống trả mạnh, không dám sục ra ngoài thị xã và những vị trí đóng quân. Máy bay phải thả dù tiếp tế xuống Bắc Kạn.

Ở phía tây, một tiểu đoàn chủ lực của Trung đoàn Hà Tuyên do đồng chí Lê Thùy chỉ huy tích cực bám sát gọng kìm Com-muy-nan, liên tiếp tập kích địch, khiến chúng phải tiến quân dè dặt, ngày 20 mới tới Đầm Hồng và phải dừng lại chờ có thêm lực lượng. Ngày 22, tự vệ thị xã Tuyên Quang dùng địa lôi do ta chế tạo đánh một trận ở ki-lô-mét số 7 trên đường số 2, diệt và làm bị thương gần một trăm quân địch. Một tiểu đoàn quân Pháp đang tiến lên phía Chiêm Hóa buộc phải quay trở lại.

Cuộc hành binh của quân Pháp đã bị chậm nhiều so với kế hoạch.

Hàng ngày, tôi vẫn báo cáo kịp thời những diễn biến chiến sự với Bác và anh Trường Chinh. Để phòng quân địch nhảy dù bất ngờ, Bác đã từ Điểm Mạc lên Khuổi Tát.

Ngày 22, có tin quân của Bô-phrê đã có mặt ở Đài Thị và quân của Com-muy-nan cũng sắp tới đây. Như vậy kế hoạch Lê-a sẽ kết thúc, và kế hoạch Clô-clo có thể sẽ bắt đầu với cuộc vây ép khu tứ giác Tuyên Quang - Đài Thị - Bắc Kạn - Thái Nguyên, mà điểm trung tâm là Chợ Chu. Tôi viết thư hóa tốc đề nghị Bác và anh Trường Chinh di chuyển ngay theo kế hoạch đã bàn trong Thường vụ. Đúng lúc Bác đang mệt. Anh Trường Chinh rất phân vân. Nhưng Bác nói cứ làm theo kế hoạch. Đường lên làng Cóc rậm rạp, Bác phải bỏ ngựa, ở nhiều đoạn phải rẽ lau vạch cỏ mà đi. Bản Cóc là một cơ sở cách mạng lâu ngày của ta ở vùng cao, có nhiều đồng chí người Dao trung kiên. Được tin Bác đã lên tới nơi, tôi rất yên tâm.

Tôi quyết định đi gấp lên Mặt trận Đường số 4.

on đường từ Đình Cả lên Bình Gia nằm giữa hai triển núi đá. Những ngọn núi đá nổi tiếp nhau, xanh xanh nhấp nhô. Bản làng rải rác ở chân núi với những ngôi nhà sàn bốn mái. Cảnh đẹp và thanh bình đôi lúc làm quên đi tình hình gay gắt của chiến tranh.

Suốt dọc đường, mỗi lần nghỉ chân, cán bộ tác chiến lại dùng điện thoại liên lạc với các mặt trận để nắm tin tức.

Chiều ngày 25, qua Bắc Sơn, trong lúc chúng tôi đang nghĩ chân thì đồng chí cán bộ tác chiến chạy tới:

- Báo cáo anh, có tin chiến thắng lớn trên Mặt trận Sông Lô.

Từ ngày địch đánh lên Tuyên Quang, tôi luôn trông chờ tin chiến thắng từ phía sông Lô. Địa hình hiểm trở của con sông rất thuận lợi cho những trận phục kích bằng pháo binh. Chúng ta đã có kế hoạch chuẩn bị từ trước. Nhưng cho tới nay, pháo ta sau nhiều lần phát hỏa vẫn chưa gây cho địch những tổn thất đáng kể. Anh

em báo cáo là chiến thuyền địch cơ động nên khó bắn trúng mục tiêu. Cũng có lý do là pháo của ta đều chấp vá, không bảo đảm kỹ thuật. Tại Bình Ca, khẩu pháo vừa bắn được một phát thì đổ gục; bánh pháo do ta tự chế không chịu nổi sức giật nên bị gãy. Có khẩu pháo được ghép từ những bộ phận ta thu được ở sáu tỉnh, được đặt tên là "Khẩu đội Lục tỉnh". Có khẩu riêng nòng pháo đã phải ghép nổi từ hai chiếc nòng khác nhau, anh em thường gọi là pháo nổi nòng.

Đồng chí cán bộ tác chiến báo cáo, trưa nay pháo binh ta đã bắn chìm hai tàu chiến địch tại Đoan Hùng và bắn trọng thương hai chiếc khác.

- Nhắc lại! - Tôi nói.

Đồng chí cán bộ tác chiến nói rành rọt:

- 12 giờ trưa nay, một đoàn tàu địch năm chiếc từ Tuyên Quang xuống lọt vào trận địa phục kích của Trung đội Xuân Canh (tức trung đội trước ở pháo đài Xuân Canh ngoại thành Hà Nội) và Trung đội Lục tỉnh, anh em đã bắn chìm tại chỗ hai chiếc, toàn bộ quân địch chết đuối, bắn hỏng nặng hai chiếc khác, chỉ có một chiếc quay đầu chạy rất chậm trở lại Tuyên Quang. Theo báo cáo địch chết hàng trăm tên.
- Đánh bằng cách nào? Sao những lần trước bắn ít trúng, mà trúng cũng không chìm?
- Báo cáo anh, những lần trước, anh em sợ địch lao lên bò cướp mất pháo nên đặt pháo ở xa bắn cầu vồng, đạn chỉ rơi gần mục tiêu. Trận này, anh em đặt pháo ngay sát bò, có bộ binh bảo vệ, ngắm bắn tàu địch trực tiếp qua nòng pháo nên bắn trúng.

Sau trận này, tuyến đường thủy sông Lô của địch bị cắt mười ngày. Địch phải thả dù tiếp tế cho Tuyên Quang và Chiêm Hóa. Báo chí và đài phát thanh của Pháp gọi đây là "thảm họa Đoan Hùng".

Tin chiến thắng Đoan Hùng như một luồng gió mát thổi lan khắp Việt Bắc trong những ngày nóng bỏng nhất của chiến tranh. Bộ Tổng chỉ huy lập tức gửi điện cho Khu 10 biểu dương chiến công của pháo binh trên Mặt trận Sông Lô và nhắc cố gắng tiếp tục sáng tạo những cách đánh mới, tiêu diệt nhiều tàu chiến và tàu vận tải của địch trên sông Lô, sông Gâm, góp phần vào việc bê gãy gọng kìm phía tây. Chiến thắng Đoan Hùng mở đầu cho những chiến thắng oanh liệt của bộ đội chủ lực ta trong Chiến dịch Việt Bắc.

Buổi tối ngày 25, chúng tôi tới cơ quan tỉnh Lạng Sơn ở Bình Gia. Đồng chí Hoàng Văn Kiểu, Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Trần Minh Tước, Chủ tịch tỉnh đã tổ chức ngay

một buổi làm việc, các đồng chí chỉ huy Trung đoàn 11 cũng có mặt.

Đoạn đường số 4 từ Lạng Sơn tới Cao Bằng nằm giữa rừng núi cao hiểm trở, rất thuận lợi cho những trận phục kích. Lực lượng ta trên quãng đường này có Trung đoàn 74 của Cao Bằng và Trung đoàn 11 của Lạng Sơn. Theo phân công, Trung đoàn 11 đánh địch từ Đồng Mỏ qua Lạng Sơn tới Đông Khê; từ Đông Khê lên Cao Bằng thuộc trách nhiệm của Trung đoàn 74. Bộ đã điện lệnh cho hai trung đoàn sớm tổ chức những trận đánh địch vận chuyển trên đường số 4. Cách đây ít ngày, tôi đã cử anh Đào Văn Trường, Trưởng phòng Tác chiến của Bộ lên đây để nắm tình hình và đôn đốc việc đánh địch.

Thực hiện Huấn lệnh 101, cả hai trung đoàn Lạng Sơn, Cao Bằng đều đã phân tán thành những tiểu đoàn tác chiến trên từng khu vực và đưa một số đại đội độc lập về các địa phương trọng yếu để phát động chiến tranh du kích. Lạng Sơn và Cao Bằng đều là những vùng căn cứ địa lâu ngày của cách mạng, nhân dân giác ngộ sớm, nên phong trào chiến tranh du kích phát triển khá tốt. Vừa tới Lạng Sơn, đã được tin ở Cao Bằng, công nhân quân giới xưởng Lê Tố và dân quân xã Hào Lịch, Hưng Đạo, Hùng Việt đánh lui một cuộc tiến công của Pháp, diệt gần 100 địch. Tuy nhiên, bộ đội chủ lực còn chưa đánh được trận phục kích nào đáng kể.

Các đồng chí ở Trung đoàn 11 báo cáo quân địch để phòng rất cẩn mật trên đường vận chuyển, các đoàn xe luôn luôn có xe thiết giáp hộ tống, đơn vị đang tích cực đi tìm địa điểm phục kích.

Tôi nhấn mạnh, với việc đánh chiếm thị xã Cao Bằng và Bắc Kạn, đường số 4 đã trở thành con đường huyết mạch của địch. Chúng ta phải biến đường số 4 thành con đường chết đối với kẻ thù, không phải chỉ trong thời gian trước mắt, mà lâu dài trong suốt quá trình địch còn chiếm đóng vùng Đông Bắc của Tổ quốc. Địa hình đường số 4 từ Thất Khê tới Cao Bằng hoàn toàn phù hợp với những trận phục kích ở quy mô tiểu đoàn, ta có thể gây những thiệt hại lớn cho quân địch, chủ động khi đánh cũng như khi rút, bảo tồn được lực lượng và tăng cường thêm trang bị với những vũ khí cướp được. Điều quan trọng hiện nay là cần nắm vững quy luật những cuộc hành quân vận chuyển và tiến hành một số trận đánh để rút kinh nghiệm.

Tôi ở lại Bình Gia trong một bản của người Nùng. Nhà sàn ở đây khá rộng rãi, mái lợp ngói, sạch sẽ. Chủ nhà tiếp đón rất ân cần. Người Nùng và người Tày cùng nói chung một thứ tiếng, nhưng trang phục, tập quán có khác nhau. Người Tày nhuộm răng đen, phụ nữ mặc áo dài. Người Nùng, cả nam lẫn nữ đều mặc áo ngắn, để răng trắng. Trước kia, giữa người Nùng và người Tày có sự chia rẽ, trai gái Nùng, Tày

thường ít khi lấy nhau. Từ ngày có cách mạng, tình hình đã khác hẳn, người Nùng và người Tày như anh em một nhà.

Ngày 27 tháng 10, tôi gửi điện lệnh cho cả ba mặt trận:

- Mặt trận Đường số 4: Kiên quyết tổ chức một số trận phục kích đánh tiêu diệt địch.
- Mặt trận Đường số 3: Bao vây, cắt tiếp tế, bức địch rút khỏi khu vực Chợ Đồn, Chợ Rã.
- Mặt trận Sông Lô: Đưa pháo lên đánh địch trên sông Gâm, bức địch rút khỏi Chiêm Hóa, Đầm Hồng.

Bốn ngày sau, sáng 31 tháng 10, tôi vừa thức dậy, thì có điện thoại từ đường số 4 báo tin chiến thắng lớn ở Bông Lau. Người báo cáo là đồng chí Thế Hùng, Chính trị viên Trung đoàn 11, được phân công đi sát chỉ đạo một tiểu đoàn chiến đấu trên đường Đông Khê - Thất Khê. Mười bảy giờ chiều hôm trước, Tiểu đoàn 374 đã phục kích một đoàn ba chục chiếc xe địch trên đèo Bông Lau, phá hủy 27 xe, diệt 104 địch, bắt 101 tên, thu toàn bộ vũ khí, 600 chiếc dù và nhiều quân trang, quân dụng.

Đây là tin vui lớn thứ hai trong vòng một tuần lễ. Nó đã khẳng định chủ trương mở ba mặt trận nhắm vào những tuyến vận chuyển thiết yếu của dịch là chính xác. Trong chiến tranh, không ít khi xảy ra trường hợp chủ trương đúng đắn của người chỉ huy không trở thành hiện thực. Vì chiến thắng chỉ có được với những hành động mưu trí, dũng cảm của những người trực tiếp chiến đấu trên chiến trường. Những triển vọng tươi sáng đã mở ra cho bộ đội chủ lực ta trong chiến dịch này qua hai chiến thắng Sông Lô và Bông Lau.

Tiểu đoàn 374 gồm những đơn vị trước đây phân tán làm nhiệm vụ xây dựng cơ sở ở những bản làng trong tỉnh Lạng Sơn mới tập trung lại, với toàn bộ chiến sĩ là người dân tộc Tày, Nùng. Vũ khí, trang bị của tiểu đoàn không có gì đặc biệt. Tiểu đoàn chưa hề có kinh nghiệm đánh tập trung. Tôi cử ngay đồng chí phái viên Đặng Văn Việt xuống tiểu đoàn đem theo thư khen của Tổng chỉ huy, và nghiên cứu kỹ những kinh nghiệm, nguyên nhân thành công của trận đánh.

Trận phục kích đã được bố trí rất khéo. Các chiến sĩ là người địa phương nên rất thông thuộc địa hình, thời tiết và quy luật vận chuyển của những đoàn xe địch. Trận đánh nổ ra vào 5 giờ chiều, là lúc ở vùng cao về mùa Đông trời đã gần tối. Đoàn xe ba chục chiếc từ Đông Khê xuống, sau khi qua đỉnh đèo Bông Lau hiểm trở, yên trí đổ dốc về phía Thất Khê, nơi binh lính sẽ được nghỉ ngơi. Giữa lúc đó, một

trái bom 25 ki-lô-gam bắt thần nổ ở lưng chừng đèo, lật nhào chiếc xe thứ hai. Chiếc đi đầu chạy thoát. Chiếc xe thứ ba bị trúng đạn ba-dô-ca bốc cháy. Đoàn xe bị đánh bắt ngờ ùn tắc lại. Tiểu đội công binh tiếp tục giật địa lôi. Xe địch chiếc lao xuống vực, chiếc quay ngang đâm vào vách núi. Đại liên, trung liên, ba-dô-ca của ta trút đạn vào đoàn xe. Sau mười phút nổ súng, ba đại đội xung kích của ta từ ven rừng Khau Phia đồng loạt xung phong. Quân địch già nữa là Âu - Phi chống cự yếu ớt. Binh lính ngụy bỏ chạy vào rừng sâu. Cả đoàn xe, có xe bọc thép hộ vệ, với khoảng hai trăm rưỡi binh lính đi trên xe đều bị diệt hoặc bị bắt làm tù binh. Bộ đội thu chiến lợi phẩm rồi đốt cháy các xe. Bên ta chỉ có một

chiến sĩ hy sinh và năm người khác bị thương. Số vũ khí, đạn dược thu được trong trận đánh khá lớn.

Xa-lăng sau này viết trong hồi ký: "Họ còn đánh những trận phục kích lớn hàng mấy trăm người, bằng những quả mìn điều khiển từ xa kết hợp với súng máy trên những đoạn đường dài khiến cho quân Pháp bị tổn thất nặng nề".

Sau sông Lô đến lượt đường số 4 bị cắt đứt nhiều ngày. Địch phải dùng máy bay thả dù tiếp tế cho Bắc Kạn, Cao Bằng, đóng thêm một số đồn bốt nhỏ dọc đường và huy động bây đại đội càn sâu vào phía tây nam Đông Khê, Thất Khê 11 - 12 ki-lô-mét. Tiểu đoàn 374 vừa lập công ở Bông Lau, lại có dịp cùng một đại đội độc lập và dân quân du kích chặn đánh địch ở Áng Mò, Văn Mịch diệt gần tám chục quân địch, đánh lui một cuộc càn quét.

Kinh nghiệm trận đánh Bông Lau được phổ biến nhanh chóng đi các nơi. Đây là một trận đánh tiêu diệt giòn giã, diệt gọn cả một đơn vị phần lớn là lẻ dương mà ta chỉ thương vong rất ít. Thắng lợi Bông Lau mở đầu cho hàng loạt trận phục kích lớn sau này. Bộ Tổng chỉ huy quyết định tặng danh hiệu "Tiểu đoàn Bông Lau" cho Tiểu đoàn 374. Bài hát Bông Lau, "Bông Lau, Bông Lau, rừng sâu pha máu", ra đời.

Từ đó, đường số 4 trở thành con đường máu của quân địch.

6

Qua trận Bông Lau, từ Bình Gia, tôi và cơ quan chỉ huy trở lại Tràng Xá. Đồng chí Đào Văn Trường ở lại Mặt trận Đường số 4 làm phải viên đốc chiến. Tôi đánh điện cho anh Thái trao lại quyền chỉ huy Mặt trận Đường số 3 cho Trung đoàn Bắc Kạn và trở về cơ quan.

Những xáo trộn do bị bắt ngờ ngày đầu chiến dịch đã được khắc phục. Bình lực ta đã bố trí xong và các mặt trận đang đánh dịch một cách chủ động. Đã tới lúc Bộ Tổng chỉ huy một mặt phải tiếp tục chỉ đạo đánh bại cuộc tiến công chiến lược của

dịch ở Việt Bắc, một mặt phải giải quyết nhiệm vụ của toàn quân trên cả nước, trước mắt và lâu dài.

Tin chiến thắng từ các mặt trận vẫn tiếp tục bay về. Ngày 10 tháng 11, pháo binh Khu 10 lại chiến thắng lớn trên sông Gâm, đánh đắm bốn trong số năm tàu địch trên đường từ Chiêm Hóa về Tuyên Quang, diệt 200 quân địch. Trận đánh này là một biểu hiện trưởng thành của pháo binh về cách đánh, có kế hoạch, biết nghi binh, phối hợp với bộ binh, dân quân vừa diệt

được tàu địch, vừa thu được chiến lợi phẩm. Trong trận đánh này, lần đầu ta thu được của địch hai khẩu lựu pháo 105mm.

Ngày 19, công an và tự vệ thị xã Tuyên Quang đánh địa lôi diệt gần một trăm tên địch ở ki-lô-mét số 6 đường Hà Tuyên.

Do những trận đánh liên tiếp của ta trên sông Gâm và đường số 2, các cơ quan thông tấn địch đã gọi "Tuyên Quang là một nghĩa địa không lồ". Báo cáo của quan tư Lơ-giốt ngày 13 tháng 11 năm 1947 viết: "Vì trận đại bại của thủy binh, nên binh lính rất chán nản. Sĩ quan ra sức giữ vững tinh thần, nhưng không nên đưa họ ra trận nữa vì tinh thần sẽ suy sụp mau... Những hạ sĩ quan và đội trưởng tốt nhất đều bị thương".

Từ đầu tháng 11, quân Pháp buộc phải đóng thêm nhiều đồn bốt nhỏ bảo vệ các tuyến đường tiếp tế số 4 và số 3. Trước khi có một đoàn xe qua, địch phải tung quân lùng sục hai bên đường, vẫn không tránh khỏi những trận phục kích bất ngờ diễn ra chỗ này hay chỗ khác.

Ngày 23 tháng 10, cánh quân của Bô-phrê đến Đài Thị. Ngày 26, quân của Com-muy-nan tới Đài Thị thì Bô-phrê đã lui quân trở lại Chợ Đồn. Cuộc gặp gỡ của hai cánh quân ở hợp điểm Đài Thị đã không diễn ra. Từ cuối tháng 10, cả hai gọng kìm đều bắt đầu co lại. Phía tây, Com-muy-nan rút khỏi Đầm Hồng, Chiêm Hóa. Phía đông, Bô-phrê rút khỏi Bản Thi, Chợ Đồn, Chợ Rã.

Nhiều chiến trường trên cả nước đã có những hoạt động chiến đấu phối hợp với quân và dân Việt Bắc.

Khu 14, bộ đội Tây tiến giải phóng Chiềng Sai. Công tác vận động quần chúng ở Sơn La đạt nhiều kết quả. Nhiều lính Thái đào ngũ.

Ở Hà Nội, biệt động hoạt động mạnh tại nội thành, diệt trừ Trương Đình Tri, thủ hiến Bắc phần Việt Nam. Du kích quấy rối Chèm, Cầu Giấy, Văn Điển, Vĩnh Tuy. Đại đội độc lập phối hợp với du kích tập kích địch ở Đan Phượng, Hoài Đức, Cần Kiệm.

Cuộc tổng phá tê ở ngoại thành Hà Nội đã bắt giữ gần 300 tên tê gian ác. Ở Nam phần Bắc Ninh, toàn bộ tê bị phá. Quần chúng nổi dậy như hồi Tổng khởi nghĩa.

Khu 5 và Khu 6 đánh địch khá mạnh. Những trận tập kích ở Ninh Hòa, Trại Dầu, Cam Ranh gây cho địch nhiều thiệt hại. Trên đường lộ 19, chiến sĩ Ngô Mây dùng bom diệt gọn một trung đội địch, anh dũng hy sinh.

Nam Bộ phối hợp với Việt Bắc tốt hơn cả. Bộ đội Gia Định phục kích ở Gò Nổi. Nửa đêm 14 tháng 11 năm 1947, tất cả các vị trí ven Sài Gòn đều bị tập kích: Thị Nghè, Gia Định, Gò Vấp, Bến Cát, Bà Quẹo, Bà Điểm, Phú Lộc, Phú Thọ, Ngã Năm... Các ban công tác thành ném lựu đạn vào trại lính, vào những nơi ăn chơi dành riêng cho binh lính. Bộ đội Thủ Dầu Một phục kích ở

Phú Văn Hưng. Trận phục kích trên đường Thủ Dầu Một - Phú Riềng phá 10 xe, diệt 60 địch, bắt một số.

Ờ Biên Hòa, Lộc Ninh, Tây Ninh, Tân An, Mỹ Tho, Vĩnh Long, Cần Thơ, nhiều vị trí quân địch bị tập kích, nhiều toán quân đi lẻ bị đánh. Hàng trăm binh sĩ ngụy mang súng trở về với kháng chiến.

Qua một tháng đối phó với cuộc tiến công chiến lược của địch, cùng với những thắng lợi đã nổi lên một số nhược điểm:

Quân đội ta phát triển nhanh về số lượng, có tinh thần chiến đấu cao, nhưng phần lớn chưa qua huấn luyện cơ bản, trình độ chiến thuật, kỹ thuật thấp, chưa đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ trước mắt và sắp tới.

Kháng chiến của ta là kháng chiến toàn dân, lấy chiến tranh du kích làm chính, nhưng trong thực tế đến nay chiến tranh du kích của ta chưa phát triển rộng khắp, hiệu quả còn hạn chế.

Ngày 10 tháng 11, Bộ Tổng chỉ huy ra Huấn lệnh "Luyện quân lập công" nhằm rèn luyện, nâng cao trình độ kỹ thuật, chiến thuật của bộ đội.

Ngày 14 tháng 11, Bộ Tổng chỉ huy ra tiếp Huấn lệnh "Phát động chiến tranh du kích, nhiệm vụ quân sự cơ bản trong giai đoạn này" nhằm khẳng định lại vị trí của chiến tranh du kích trong cuộc kháng chiến.

Kế hoạch Clô-clo đã không diễn ra như địch dự kiến.

Ngày 17 tháng 11, tôi trở về Lục Giã.

inh đoàn Com-muy-nan đã tập trung lại ở thị xã Tuyên Quang. Phần lớn Binh đoàn Bô-phrê cũng dồn vê thị xã Bắc Kạn. Hai đạo quân lớn vẫn nằm ở hai sườn căn cứ

địa. Có cơ sở để phán đoán quân địch sẽ phải rút. Những tuyến tiếp tế cho hai đạo quân, đường bộ cũng như đường sông, đều bị uy hiếp nặng. Không quân Pháp không đủ khả năng bảo đảm việc tiếp tế. Nhưng bao giờ quân Pháp sẽ rút? Rút theo đường nào? Và cũng không thể không tính đến một âm mưu của địch nhằm vào khu căn cứ! Đây chính là một mục tiêu quan trọng của cuộc tiến công mà quân Pháp chưa đạt được.

Ngày 18 tháng 11, Bộ Tổng chỉ huy nhận được điện của Khu 10: "Dịch rất hoang mang rêu rã. Đề nghị cho tập trung bộ binh và pháo binh tiến công tiêu diệt địch ở Tuyên Quang".

Tôi thấy tinh thần địch tuy kém sút sau những thất bại liên tiếp, nhưng quân địch rất đông, vũ khí còn mạnh, bộ đội ta với trình độ trang bị, kỹ

thuật như hiện nay không có khả năng mở một trận đánh lớn vào thị xã Tuyên Quang. Bộ Tổng chỉ huy ra lệnh cho Khu 10: Theo dõi thật sát mọi hoạt động của địch, sẵn sàng đánh địch khi chúng rút lui.

Sáng 21, Bộ Tổng chỉ huy được báo cáo lúc 2 giờ sáng, quân Pháp đã bí mật rời thị xã Tuyên Quang. Địch chia làm hai bộ phận, một bộ phận nhỏ đi tàu xuôi dòng sông Lô, còn đại bộ phận tiến sang Bình Ca đi về phía đông. Địch bỏ lại toàn bộ quân trang quân dụng vì không dám đốt phá. Ta bỏ lỡ cơ hội đánh địch khi chúng rời thị xã. Bộ đội đã tiến vào thị xã.

Chúng tôi phán đoán cuộc rút lui của địch đã bắt đầu, trong khi rút có thể quân Pháp sẽ kết hợp lùng sục đánh phá những cơ quan đầu não của ta.

Tôi chỉ thị cho Bộ Tổng Tham mưu viết điện, lệnh cụ thể cho các đơn vị chuẩn bị đánh địch trên đường rút lui và bố trí bảo vệ các cơ quan.

Ngày 22, đại bộ phận Bình đoàn Bô-phrê từ Bắc Kạn chuyển về Chợ Mới; sau đó, vì đường sá đã bị phá hoại, phải bỏ xe đi bộ về Thái Nguyên, cùng lúc, một tiểu đoàn luôn rừng qua Quán Vuông tiến về hướng Chợ Chu.

Bình đoàn Com-muy-nan rút về Sơn Dương rồi chia làm hai bộ phận: Một bộ phận theo đường đèo Kháng Nhật đi về Vĩnh Yên, một bộ phận vượt Đèo Khé tiến sang Phú Minh.

Như vậy, ngày 25 hai bộ phận, quân của Bô-phrê ở Chợ Chu và quân của Com-muy-nan ở Phú Minh từ hai phía đang tới gần khu vực ngoại vi ATK của ta. Ở đây, ta đã bố trí các đơn vị chủ lực mạnh do đồng chí Phạm Ngọc Mậu, đồng chí Thái Dũng, đồng chí Vũ Lăng... chỉ huy để tiêu diệt các cánh quân tiến sâu của địch.

Tất cả các đơn vị bộ đội, cán bộ, nhân viên cơ quan, dân quân đều sẵn sàng chiến đấu.

Anh Trường Chinh gọi điện cho Bộ Tổng Tham mưu hỏi tình hình:

- Liệu quân địch có thể vào ATK không?

Anh Hoàng Văn Thái báo cáo:

- Dọc đường hành quân cho tới nay, địch không lùng sục quá sâu vào hai bên đường. Bộ đội nhất định không để quân địch lọt vào ATK của Trung ương.

Ngày 26, một tiểu đoàn quân dù Pháp nhảy xuống La Hiên và Tràng Xá, thuộc huyện Võ Nhai, nơi bộ phận cuối cùng của cơ quan ta vừa rút đi. Quân Pháp lùng sục vùng xung quanh chỉ thấy bản làng vắng lặng.

Chúng tôi được tin thêm, ngoài cánh quân từ Phả Lại tiến lên Phủ Lạng Thương, Nhã Nam, còn một cánh quân từ Hà Nội tiến lên Vĩnh Yên. Rõ ràng là những cánh quân này có nhiệm vụ đón và yểm trợ cho những binh đoàn rút lui từ Việt Bắc về.

Dọc đường số 3, đường số 13, đường Phú Minh - Chợ Chu, quân của Bô-phrê cùng quân dù chỉ sục sạo hai bên đường, không dám tiến sâu. Nhiều cơ quan của ta chỉ cách địch một, hai ki-lô-mét. Có lúc tôi đang làm việc ở Lục Giã thì có tin quân địch đã tới gần. Tất cả cán bộ, chiến sĩ trong cơ quan đều cầm vũ khí ra sát rìa rừng cùng với bộ đội chủ lực bố trí ở những nơi địch có thể đột nhập, nhưng đã không phải nổ súng.

Quân Pháp chỉ lướt qua những nơi này một cách chiếu lệ. Trời sắp tối là họ vội dừng chân, tổ chức canh phòng cẩn mật. Ban đêm, họ đốt đèn, lửa một nơi, giấu quân một nơi. Nhiều lúc binh lính Pháp đội nón lá, mặc quần áo giả dân địa phương.

Mặc dù tinh thần địch sút kém, nhưng chúng có trang bị mạnh, lại tổ chức hành quân thận trọng và chặt chẽ, còn quân ta trang bị kém, thiếu phương tiện thông tin cho nên không có điều kiện đánh tiêu diệt lớn mà chỉ có thể bám địch tiêu diệt từng bộ phận nhỏ.

Những tiểu đoàn chủ lực của ta bám sát hai binh đoàn rút lui và quân dù tăng viện, đánh địch ở quán Ông Già, Mỹ Trạng, cầu Huy Ngạc, Phú Ninh, Quảng Nạp, Lục Giã, La Hiên, Quân Quang, Trại Cà, La Khê, Dào Vuông, Nà Nội... Một bộ phận của Trung đoàn 174 phục kích ở Đèo Khế đã làm cho lai cánh quân của Com-muy-nan và Bô-phrê không liên lạc được với nhau.

Ở Mặt trận Sông Lô lại diễn ra một số trận phục kích trên bộ, trên sông ở xình Ca, ki-lô-mét số 5, Lã Hoàng, đánh đắm một số tàu, diệt một bộ phận quân địch rút lui.

Trên đường số 3, đường số 4 đã có những hoạt động tác chiến phối hợp. Bộ đội ta diệt một trung đội địch ở Phủ Thông, phục kích ở Đèo Giàng, phá hủy 17 xe, diệt hai trung đội địch. Một tiểu đoàn của Trung đoàn Cao Bằng phục kích trên đường Đông Khê - Cao Bằng làm thiệt hại nặng một đại đội Âu - Phi.

Những đại đội độc lập phối hợp với dân quân du kích đánh địch khắp nơi. Tự vệ thị xã Thái Nguyên đánh du kích diệt hàng trăm địch. Du kích Phú Xuân đánh 20 trận nhỏ làm cho quân địch không dám sục vào làng, được tặng thưởng huân chương. Du kích Đại Từ phục kích ở Khương Linh, Cù Vân, Đình Đôi, Cầu Giốc.

Trên chiến trường trung du, dân quân du kích và đại đội độc lập đánh địch ở Đông Anh, Thiện Kế, Phù Lỗ, An Đạo, Chợ Vàng, Yên Thế. Tiểu đoàn tập trung Việt Yên phục kích ở Tam Lộng diệt gần hai trung đội địch. Đại đội địa phương Đáp Cầu diệt 30 quân địch trên đường đi Bắc Giang. Một lão dân quân ở Nhã Nam dùng nô bắn gục sáu địch trong một trận đánh.

Các thị xã, thị trấn Tuyên Quang, Thái Nguyên, Bắc Giang, Đáp Cầu, Việt Trì, Vĩnh Yên, Phúc Yên... lần lượt trở về tay ta.

Ngày 19 tháng 12, đúng một năm sau ngày Toàn quốc kháng chiến, cuộc tiến công chiến lược của Pháp nhắm vào căn cứ địa Việt Bắc kết thúc. Chỉ còn một lực lượng địch ở thị xã Bắc Kạn, thị xã Cao Bằng và những vị trí nhằm bảo vệ giao thông trên dọc đường số 4 từ Lạng Sơn tới Cao Bằng và đường số 3 từ Cao Bằng xuống Bắc Kạn.

Hàng nghìn binh lính địch đã chết và bị thương trên các nẻo đường Việt Bắc. 270 lính ngụy rời bỏ hàng ngũ địch trở về với nhân dân. 18 máy bay bị bắn hạ. 16 tàu chiến và 38 ca-nô bị đánh chìm. 255 xe các loại bị phá hủy.

Phía ta, 260 chiến sĩ hy sinh, 168 người bị thương. Ta phải phá hủy một khẩu pháo 75mm, mất bốn trung liên, 40 súng trường. Ta thu được hai lựu pháo 105mm, ba sơn pháo 75mm, 16 pháo 20mm, 42 súng cối, 377 súng liên thanh các cỡ, 45 ba-dô-ca, 1.660 súng trường và hàng chục tấn quân trang quân dụng.

Hai mươi ba năm sau, năm 1971, trong tập hồi ký của mình, tướng Xa-lăng đã dành một đoạn dài viết về cuộc tiến công Việt Bắc. Xa-lăng cũng thấy đây là một chủ trương mạo hiểm. Nhưng với tin tức tình báo thu lượm được và hai binh đoàn quân viễn chinh gồm toàn những đơn vị thiện chiến trong tay, ông ta tin tướng có thể nắm chắc phần thắng lợi.

Xa-lăng coi cuộc hành binh Lê-a, ngày 7 tháng 10 năm 1947 là một đòn quyết định "đánh thẳng vào tim kê thù". Ông ta đã ngồi trên máy bay trực tiếp thị sát cuộc nhảy dù xuống thị xã Bắc Kạn. Lúc 11 giờ 35 phút, Xô-va-nhắc từ mặt đất báo cáo qua vô tuyến điện: "Ông Hồ Chí Minh bị bắt đã yêu cầu chấm dứt chiến tranh". Xa-lăng vội vã bay về Hà Nội báo tin mừng với Sài Gòn. Cao ủy Bô-la-e và quyền Tổng chỉ huy Bát-tê hấp tấp bay ra Hà Nội. Xa-lăng lúc đó đã biết mình lầm, đành phải thú nhận: "Tôi - chúng ta đã bị đánh lừa". Cũng theo lời Xa-lăng, hai vị cấp trên đã bỏ bữa cơm chiều, quay trở về ngay Sài Gòn sau khi đã tặng cho ông ta những lời "không phải là... biểu dương!".

Phía Pháp đã cho điều tra tin trên mà cho đến nay vẫn chưa kết luận. Ta biết rõ hôm ấy, bọn lính dù bắt được một cụ già trông chững chạc, nói tiếng Pháp, yêu cầu chấm dứt chiến tranh xâm lược. Lúc biết không phải là Chủ tịch Hồ Chí Minh, chúng đã bắn chết khi ông già tìm cách chạy thoát. Đó là cụ Nguyễn Văn Tố, Trưởng ban Thường trực Quốc hội, một nhân sĩ yêu nước tâm huyết và uy tín. Cụ Tố hy sinh là một tổn thất lớn cho ta.

Những ngày cuối tháng 10, Xa-lăng cùng với Bô-la-e nhiều lần bay thị sát chiến trường, đã rút ra kết luận:

1. Quân Pháp chiếm được một số thị trấn, thị xã, nhưng lực lượng đã bị dàn mỏng trên những vị trí cô lập quá xa nhau, thường xuyên bị đối phương bao vây, quấy rối, tiến công.

2. Tuy quân Pháp lùng sục vào một vài kho tàng ở Bắc Kạn, Chợ Đồn, nhưng mục tiêu chủ yếu của chiến dịch còn quá xa vời.

3. Quân Pháp thiệt hại quá nhiều về người và phương tiện, nhất là trên các trục đường giao thông trên bộ và trên sông, đến nỗi việc tăng viện và tiếp tế chỉ còn dựa vào đường không là chính, vừa rất tốn kém vừa rất khó khăn vì không đủ máy bay.

Xa-lăng không đề cập tới kế hoạch Clô-clo mà chúng ta đã có trong tay, nhưng lại nói tới một kế hoạch mới với tên gọi là Xanh-tuya, có nghĩa là "Siết vành đai", bắt đầu từ ngày 19 tháng 11 đến 30 tháng 11 năm 1947, nhằm dồn sức vào khu tứ giác Tuyên Quang - Thái Nguyên - Phủ Lạng Thương - Việt Trì để tiêu diệt lực lượng ta, nhưng đã không đạt được mục tiêu. Như chúng ta đã thấy, những cuộc hành quân "đèn cù" hạ tuần tháng 11 của quân Pháp chỉ nhằm nghi bình, hạn chế mức thiệt hại của hai binh đoàn Bô-phrê, Com-muy-nan trên đường rút lui.

au khi địch rút khỏi Việt Bắc, tôi đi gặp Bác và anh Trường Chinh để báo cáo.

Bác đã từ Bản Cóc trở về Khuổi Tát. Người đã qua cơn yếu mệt, nhưng còn gầy và xanh. Ánh lửa lại reo vui trong ngôi nhà sàn giữa rừng sâu. Đôi mắt Người lấp lánh. Người đưa tôi xem bài viết tổng kết một năm kháng chiến vừa thảo xong.

"Từ ngày đầu, bọn quân phiệt thực dân khoe miệng rằng: Chóng thì dâm tuần, chậm thì ba tháng chúng sẽ chinh phục ta, nhưng nay đã trải qua mấy lần dăm tuần, mấy lần ba tháng, chúng đã được kết quả gì? Chúng mất hơn ba vạn lính Pháp chết và ba vạn bị thương. Chúng tốn hơn 3.000 triệu bạc, chúng chiếm mấy thành thị đã hóa ra đống tro tàn... Mặc dầu gian nan cực khổ, nhân dân ta ngày càng đoàn kết, càng hăng hái, càng kiên quyết kháng chiến cho đến thắng lợi cuối cùng. Chiến sĩ ta ngày càng nhiều kinh nghiệm, càng thêm rèn luyện, càng thêm dũng cảm... Lực lượng của chúng cũng như mặt trời vào lúc hoàng hôn, hống hách lắm nhưng đã gần tất nghĩ... Lực lượng của ta ngày càng thêm mạnh, như suối mới chảy, như lửa mới nhen, chỉ có tiến, không có thoái..."

Sáng hôm sau, tôi chào Bác lên đường sang Tuyên Quang dự lễ mừng chiến thắng.

Hơn hai tháng qua là những ngày cực kỳ căng thẳng và bận rộn. Lo bảo vệ an toàn cho cơ quan Trung ương, lo đánh địch, lo di chuyển cơ quan, nhà máy, kho tàng, lo bảo vệ sinh mệnh và đời sống cho đồng bào. Người nào cũng gầy đi vì thiếu ăn, mất ngủ và luôn luôn hành quân di chuyển. Nhiều người khổ sở vì bệnh nấm phát triển do trời mưa, quần áo giặt không kịp khô, đôi chân lở loét vì lội suối nhiều.

Ngồi trên mình ngựa lũng thũng ra khỏi rừng, thấy đất trời như vừa qua một cơn bão. Những ngôi nhà đổ rụi, những đống tro than, những ngôi mộ mới. Nhưng không gian yên tĩnh lạ lùng. Không còn tiếng máy bay, tiếng pháo, tiếng bom. Rừng cây xanh hơn. Những dải sương trắng trên sườn núi cũng mượt mà hơn.

Đồng bào sơ tán lục tục quay về làng, bản, mang theo những vác tre, nứa, chuẩn bị dựng lại nhà mới. Nét mặt ai nấy đều tươi tỉnh.

Dòng sông Lô sau những ngày gầm thét, chan hòa máu giặc, đã trở lại màu xanh bất tận, êm đềm chảy giữa núi rừng Việt Bắc.

Sông Lô đang trôi mau

Tin mừng về với bao người

Sông trôi quanh co về

Mừng một mùa chiến công...

Bản Trường ca sông Lô của nhạc sĩ Văn Cao đã ra đời trong dịp này cùng với những bài hát khác ca ngợi những dòng sông Lô, sông Gâm đầy chiến công của các anh Nguyễn Đình Phúc, Lương Ngọc Trác.

Thị xã Tuyên Quang đổ nát, sực mùi tanh tưởi của những thứ giặc Pháp còn để lại.

Đồng bào lũ lượt từ khắp nơi kéo về dự lễ mừng chiến thắng.

Một kỳ đài lớn, khẩu hiệu, cờ xí rực rỡ đã được dựng trên sân vận động. Vũ khí thu được của địch xếp từng đống trong các gian phòng triển lãm.

Các anh trong Khu ủy và Bộ Tư lệnh Khu 10, Tỉnh ủy, Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh và Tỉnh đội dân quân Tuyên Quang... cùng các chiến sĩ bộ binh, pháo binh, dân quân tự vệ đã chiến thắng quân địch trên sông Lô, sông Gâm, đường Hà Tuyên, ki-lô-mét số 7 đều có mặt.

Hàng nghìn bó đuốc sáng rực xua tan sương giá và gió lạnh mùa Đông, làm rạng rỡ khuôn mặt những chiến sĩ mang các vũ khí tự động mới thu được của địch, nước thép xanh bóng rầm rập diễu qua lễ đài.

Tôi đọc bản Nhật lệnh của Bộ Tổng chỉ huy nhân kỷ niệm một năm Toàn quốc kháng chiến, ba năm ngày thành lập Giải phóng quân, và lễ mừng chiến thắng quân giặc trong cuộc tiến công Thu Đông đầu tiên vào Việt Bắc, chuyển lời khen ngợi của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chính phủ.

Sau đó, tôi thay mặt Bộ Tổng chỉ huy gắn huân chương lên quân kỳ những đơn vị đã lập chiến công.

Trong vinh quang của chiến thắng Việt Bắc lại nổi lên những cái tên mới: Trung đoàn Sông Lò, Tiểu đoàn Bông Lau, Tiểu đoàn Bình Ca, Tiểu đoàn pháo binh 410.

uộc tiến công chiến lược vào Việt Bắc, ngày nay nhìn lại, là cuộc tiến công mang nhiều tham vọng nhất của Pháp trong suốt quá trình chiến tranh xâm lược Đông Dương. Nó đã diễn ra trong thời kỳ lực lượng vũ trang ta còn ở độ tuổi ấu thơ.

Tác giả của nó là Van-luy, tham mưu trưởng quân đoàn 1 của Đờ Lát trong Thế chiến thứ hai, và là người được Lọ-cléc chọn để kế nhiệm ở Đông Dương. Tôi đã gặp Van-luy nhiều lần ở Hà Nội. Cả Lọ-cléc và Van-luy đều có phong cách nhà binh Pháp. Nhưng tính cách cũng như hình dáng của hai người rất khác nhau. Lọ-cléc cao gày, có cặp mắt thông minh, tươi cười, nói năng thẳng thắn. Van-luy dáng người vững chãi, lịch thiệp nhưng thâm trầm.

Van-luy nhận xét nước Việt Nam không còn là những cộng đồng riêng rẽ như trong quá khứ, cho phép đánh chiếm bằng chiến lược bình định cổ truyền, chiếm tuần tự

từng vùng đất đai. Xã hội Việt Nam ngày nay là một cấu trúc hình tháp (pyramide) cổ kết bằng một ý thức hệ, được lãnh đạo chặt chẽ từ bên trên. Muốn tái chiếm Việt Nam trước hết phải "đập nát cái đầu" (écraser la tête) là Việt Minh, tức là tách cái đỉnh khỏi đáy hình tháp. Để làm việc này, cần tiêu diệt "khu cổ thủ Việt Minh" (réduit Viet-minh) nằm ở thượng du Bắc Bộ, bao gồm: Chụp bắt cơ quan đầu não, loại trừ quân đội thường trực và phá hủy mọi tiềm năng chiến tranh. Xa-lăng, người đã chứng tỏ tài năng khi còn là chỉ huy sự đoàn thuộc địa thứ 9 trong chiến dịch giải phóng nước Pháp, đã có mười ba năm ở Đông Dương, rất quen thuộc vùng thượng du Bắc Bộ được trao nhiệm vụ này. Với những binh lực hùng hậu trong tay, trước ngày mở cuộc tiến công, Xa-lăng tuyên bố sẽ hoàn tất mọi mục tiêu trong ba tuần.

Xa-lăng quá chủ quan với những kinh nghiệm từ khi còn là đồn trưởng một đồn binh ở thượng du thời Pháp thuộc, khi một viên quan Tây với vài chục lính khổ xanh, khổ đỏ có thể khống chế cả một vùng dân cư rộng lớn. Lần này, quân Pháp không được những thổ ti, chành mán đem rượu và gái ra đón, mà chỉ thấy những bản làng hoang vắng, không lương thực, không gia súc. Họ thú nhận: "Dân chúng lẫn tránh chúng ta như tránh dịch hạch".

Sĩ quan và binh lính Pháp trên chiến trường nhận thấy sớm hơn rất nhiều so với Tổng chỉ huy của họ về những khó khăn, nguy hiểm và thất bại mà họ phải đương đầu trong cuộc chiến tranh này. Những thư từ, nhật ký mà ta thu được trong chiến dịch nhòa máu và nước sông đã nói lên nỗi khiếp sợ của họ:

"Chúng tôi bị bao vây bốn phía. Đi ra ngoài một bước là lập tức bị đạn bắn tỉa từ trên núi xuống" (viên đội Gát-xtông Va-ren). "Bọn Việt Minh đông không thể tưởng tượng được. Chúng tôi bị phục kích nhiều lần và thua thiệt khá nhiều... Chúng tôi không càn quét được gì hết, vì vừa đi qua, địch liền trở lại ngay" (quan ba Ti-bô). "Đây là cuộc chiến đấu của những toán quân nhỏ trên rừng núi. Nó đã gây cho ta những tổn thất nặng nề..." (đại úy Buốc-đô). Anh lính Péc-nô trong thư gửi vợ ngày 15 tháng 11 năm 1947, viết: "Nếu chúng ta có con, sẽ không để cho chúng đi vào cái xứ khủng khiếp này". Quan hai Lô-giê viết trong nhật ký: "Người ta tự hỏi những sự hy sinh và cố gắng của mình sẽ vô ích chăng?...".

Thất bại lớn của quân Pháp không phải ở số lượng binh lính bị tiêu diệt, những dụng cụ chiến tranh bị mất hay bị phá hủy, mà ở chỗ không những không tiêu diệt được khu cố thủ Việt Minh mà còn không đạt được một mục tiêu chủ yếu nào đã đề ra cho cuộc tiến công.

Xa-lăng đã không chụp bắt được cơ quan đầu não của kháng chiến. Cuộc hành binh Lê-a táo bạo quả có gây cho ta sự bất ngờ. Nhưng Van-luy đã lầm lẫn lớn khi cho

rằng thị xã Bắc Kạn nhỏ bé đã trở thành "thủ đô mới" của kháng chiến. Trong suốt cuộc kháng chiến chống Pháp, không khi nào có một cơ quan Trung ương của ta ở tại một thị xã, thị trấn. Tất cả đã chia thành những bộ phận nhỏ thường xuyên di chuyển, hòa vào với nhân dân ở những bản làng héo lánh, được sự che chở của nhân dân, khiến địch khó có thể phát hiện, trong khi vẫn duy trì mọi hoạt động lãnh đạo điều khiển cuộc kháng chiến trên cả nước.

Địch đã không đánh quy được quân chủ lực ta. Không những thế, qua cuộc tiến công, bộ đội ta còn được rèn luyện trong tác chiến, trưởng thành thêm một bước và được bổ sung thêm khá nhiều trang bị, vũ khí.

Địch tuy có phá được một số kho tàng, thu được mười triệu bạc Việt Nam của Ty Ngân khố, nhưng còn quá xa với mục tiêu "phá hủy tiềm năng chiến tranh", vì những kho tàng của ta đều bố trí phân tán, và tiềm năng kháng chiến chủ yếu nằm ở trong dân.

Địch cũng không bịt kín được biên giới phía bắc. Những thị xã, thị trấn địch mới chiếm và một loạt đồn bốt dựng lên dọc biên giới chỉ là những vị trí cô lập giữa vùng kiểm soát rộng lớn của ta, trổ thành mục tiêu cho những trận đánh tiêu diệt của bộ đội sau này.

Mặc dù bị tiến công bất ngờ và gặp khó khăn trong những ngày đầu, chúng ta đã sớm giành lại quyền chủ động trong quá trình đối phó, làm thất bại cuộc tiến công đầy tham vọng của địch, với những nguyên tắc chiến lược, chiến thuật đề ra từ mùa hè. Chúng ta đã sớm tìm ra được cách đánh với một kẻ thù nhiều lần mạnh hơn mình.

Về nghệ thuật quân sự, cũng đã hình thành cơ sở cho một hình thức chiến dịch phản công, phối hợp các lực lượng quân và dân, ba thứ quân, với sự chỉ huy trực tiếp các hướng của chiến trường dưới sự chỉ đạo của một cơ quan chỉ huy gọn nhẹ sau này thường gọi là Bộ chỉ huy tiền phương.

Nếu như thắng lợi lớn về quân sự trong những ngày đầu Toàn quốc kháng chiến là do ta chủ động buộc địch phải chấp nhận, sớm hơn một đêm, cuộc tổng giao chiến tại những đô thị, thì lần này, ta lại giành được thắng lợi do chủ động khước từ trận đánh lớn mà kẻ địch cố tình tìm kiếm với ý định đánh quy chủ lực ta. Một kinh nghiệm được rút ra trong chiến tranh cách mạng là khi lực lượng còn yếu thì trì hoãn trận đánh quyết định là điều cần thiết, sử dụng những đơn vị vừa và nhỏ nhằm những nơi hiểm yếu mà tiến công tiêu diệt địch.

Ngay từ buổi đầu cuộc chiến, đã có những mệnh lệnh chỉ thị cho bộ đội phải kiên quyết tránh dàn tuyến đánh những trận lớn mà chỉ tiêu hao, tiêu diệt với những

trận phục kích, tập kích trên đường vận chuyển, những nơi địch mới đóng quân bằng những lực lượng tương đối nhỏ, kết hợp với hoạt động rộng khắp của dân quân du kích, quấy rối, bắn tia, phá hoại, làm vườn không nhà trống... Quyết định kịp thời phân tán bộ đội thành tiểu đoàn tập trung hoạt động trên từng khu vực và đại đội độc lập gắn liền với từng địa phương để đẩy mạnh chiến tranh nhân dân, là tổ chức bảo đảm cho phương châm tác chiến này.

Những nhát búa tiến công của địch đã giáng vào chân không.

Bộ chỉ huy Pháp đã phạm sai lầm cơ bản khi đem 12.000 quân mở hai gọng kìm tiến công bao vây trên một vòng cung quá rộng, ôm cả năm tỉnh Việt Bắc. Với chiến thuật "con trăn" này, dù có một lực lượng quân đông gấp bội cũng sẽ thất bại, vì ở chiến trường rừng núi nó dễ bộc lộ nhiều nhược điểm. Chúng ta đã kịp thời khai thác đúng chỗ yếu nhất của cuộc tiến công là những đoàn quân xa, những chiến thuyền buộc phải thường xuyên di chuyển trên những trục đường bộ, đường sông nhất định để duy trì sức sống cho một đạo quân lớn không thể tìm ra lương thực, đạn dược ở địa phương. Nó cho phép những đơn vị nhỏ của ta với trình độ, trang bị hạn chế có thể giáng trả quân dịch những đòn hiệu quả. Lần đầu tiên, tàu chiến và tàu đổ bộ của Pháp, tưởng là bất khả xâm phạm, đã bị pháo binh dũng cảm và sáng tạo của ta đánh chìm.

Thời tiết, khí hậu, muỗi rừng Việt Bắc cũng là một thứ cường toan nhanh chóng gặm mòn lực lượng quân viễn chinh trên chặng đường dài hành quân; hai binh đoàn Bô-phrê và Com-muy-nan chưa gặp nhau đã mất dần sức chiến đấu. Lực lượng quân Pháp hùng hậu lúc đầu, không thể tìm được một trận giao chiến quyết định với chủ lực ta, buộc phải xé nhỏ thành những đội quân chiếm đóng ở một số thị xã, thị trấn, những đồn bốt nhỏ rải rác trên dọc đường giao thông để đối phó với những trận phục kích có cường độ ngày càng cao, không biết xảy ra lúc nào. Và cuối cùng, quân địch chỉ còn cách co lại để tìm đường rút lui.

Đồng bào các dân tộc, quân và dân ta ở Việt Bắc đã làm sống lại hào khí của dân binh, thổ binh các làng bản, hang động thời Trần, cùng quân các lộ, quân triều đình, ba lần đánh thắng quân xâm lược Mông - Nguyên. Đội lão du kích Cao Bằng do một cụ già 70 tuổi chỉ huy, anh dũng đánh giặc giữ làng bản được Bác tặng bài thơ:

"Tuổi cao chí khí càng cao

Múa gươm giết giặc ào ào gió thu

Sẵn sàng tiêu diệt quân thù

Tiếng thơm Việt Bắc ngàn thu lấy lừng".

Có thể hiểu vì sao trong suốt cuộc kháng chiến chống Pháp, mặc dầu Bộ chỉ huy quân đội viễn chinh chưa chịu từ bỏ mưu đồ, đã không diễn ra cuộc tiến công chiến lược lần thứ hai vào căn cứ địa Việt Bắc.

Cuộc tiến công Thu Đông của Pháp là một thất bại chiến lược nặng nề, ảo tưởng dùng hành động quân sự quy mô lớn hòng sớm kết thúc chiến tranh đã tan thành mây khói.

Với ta, thắng lợi Việt Bắc trước hết là thắng lợi của đường lối chiến tranh toàn dân, của sức mạnh đoàn kết chiến đấu của quân và dân, của khối đoàn kết keo sơn các dân tộc Kinh, Tày, Nùng, Dao, Mông... tại căn cứ địa cách mạng với sự phối hợp của các chiến trường toàn quốc.

Thắng lợi ấy là một cái mốc lịch sử, động viên cổ vũ cả nước, tạo ra tiền đề và điều kiện để chuyển cuộc kháng chiến sang một giai đoạn mới.

Chương năm HẬU PHƯƠNG ĐỊCH - TIỀN PHƯƠNG TA

	None	None
	None	None

Tôi trao đổi với Cục Chính trị tập hợp tư liệu, đặc biệt là những điển hình chiến đấu và thư từ lấy được của dịch, giao cho anh Tạ Quang Bửu và anh Trần Công Tường nhanh chóng biên soạn cuốn "Cuộc tiến công của địch vào Việt Bắc" bằng tiếng Pháp (Offensive française contre le Viet Bac) để tác động đến dư luận Pháp và quốc tế.

Ngày 15 tháng 1 năm 1948, nửa tháng sau chiến thắng Việt Bắc, Trung ương triệu tập hội nghị mở rộng tại khu căn cứ.

Trời mưa. Cán bộ về họp phải lội qua mười khúc suối trước khi tới nhà hội trường nằm giữa rừng cây, tre nứa còn tươi. Nhiều người xúng xính chiếc áo chiến lợi phẩm. Quần áo ướt lướt thướt nhưng bộ mặt ai nấy đều vui tươi.

Hội nghị phân tích về những biến chuyển mới trong tình hình quốc tế. Nhiều nước Tây Âu đã chấp nhận kế hoạch Mác-xan. Căn cứ quân sự Mỹ xuất hiện ở nhiều nơi nhằm bao vây Liên Xô và đe dọa phong trào dân chủ và hòa bình đang hình thành và lan rộng trên thế giới. Cuộc đấu tranh giành độc lập của nhiều dân tộc vẫn sôi

nổi, đặc biệt là ở Ma-đa-gát-xca và In-đô-nê-xi-a. Hồng quân Trung Hoa đang mở những trận phản công lớn. Tại Pháp, sau khi gạt được những người Cộng sản ra khỏi chính phủ, giới cầm quyền Pháp quyết lao sâu vào chiến tranh duy trì thuộc địa.

Với đà phát triển của chiến tranh du kích ở Nam Bộ và của kháng chiến trên cả nước, đặc biệt là sau chiến thắng Việt Bắc, hội nghị thống nhất với nhận định của Thường vụ là "Lực lượng so sánh giữa ta và địch đã biến

chuyển. Nếu ta tích cực và mau lẹ phát triển ưu điểm, sửa chữa nhược điểm thì Chiến dịch Việt Bắc là một cái đà cho ta nhảy sang giai đoạn thử hai của cuộc kháng chiến lâu dài". Hội nghị dự kiến, trước mắt dịch sẽ chuyển sang bình định và càn quét dữ dội vùng tạm chiếm, dồn nỗ lực vào Nam Bộ và Nam Trung Bộ, lập ra những vùng tự trị, tổ chức thêm chính quyền tay sai ở các cấp, chuẩn bị đưa Bảo Đại về nước.

Về quân sự, với quyết tâm đẩy cuộc kháng chiến sang giai đoạn mới, hội nghị Thường vụ nhận thấy cần "phát triển dân quân, phát triển chiến tranh du kích khắp nơi, nhất là trong vùng dịch kiểm soát" và "tập trung đánh vận động tiêu diệt địch, quét những đồn lê của địch, bắt địch thu hẹp địa bàn lại, đột kích những thành phố nhỏ".

Ngày nay nhìn lại, thấy những nhận định, chủ trương trên đây là chính xác, thể hiện sự nhạy cảm và trưởng thành của Đảng ta qua hai năm lãnh đạo kháng chiến.

2

gày 19 tháng 1 năm 1948, Hội đồng Chính phủ họp. Sau chiến thắng Việt Bắc, Bác đã bàn với Trung ương nhân dịp này để động viên tinh thần bộ đội, đánh dấu sự trưởng thành của lực lượng vũ trang qua hơn hai năm chiến đấu, cần thành lập Bộ Tổng Tư lệnh Quân đội quốc gia Việt Nam, phong quân hàm cho một số cán bộ quân đội và tặng thưởng huân chương cho những người đã lập được chiến công. Chủ trương của Đảng được toàn thể thành viên trong Hội đồng Chính phủ hoan nghênh.

Ngày 20 tháng 1 năm 1948, Bác ký sắc lệnh phong quân hàm cho một số cán bộ lãnh đạo, chỉ huy quân đội. Tôi được trao quân hàm Đại tướng. Các anh Nguyễn Sơn, Lê Thiết Hùng, Chu Văn Tấn, Hoàng Sâm, Hoàng Văn Thái, Lê Hiến Mai, Văn Tiến Dũng, Trần Đại Nghĩa, Trần Tử Bình được phong Thiếu tướng2. Đối với Nam Bộ, quân và dân Nam Bộ chiến đấu sớm nhất, đã trên hai năm. Bác và Trung ương đã cân nhắc; cuối cùng, đi tới quyết định phong quân hàm Trung tướng cho anh

Nguyễn Bình. Ngoài ra, một số cán bộ cấp cục hoặc chỉ huy các liên khu được phong cấp Đại tá.

Việc phong quân hàm chỉ mới tiến hành cho những cán bộ chủ chốt, chưa thực hiện với toàn quân.

Hội đồng Chính phủ dự định tổ chức lễ phong quân hàm Đại tướng vào ngày 27 tháng 5 năm 1948.

Máy ngày này trời mưa rất to.

Ngày 27 tháng 5, trời vẫn mưa, các sông suối nước lớn không qua lại được. Các đại biểu chưa đến đủ. Cụ Bùi đại diện Quốc hội cũng chưa đến được. Hội đồng Chính phủ tranh thủ họp phiên toàn thể để giải quyết một số vấn đề quan trọng: Đánh giá tình hình trong nước, âm mưu của bọn thực dân phản động Pháp, nhất là âm mưu chia rẽ của bọn chúng và cách đối phó; lập quy chế công chức mới thay cho chế độ công chức thời thuộc Pháp và giao cho Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính nghiên cứu thang lương công chức; ra sắc lệnh thành lập Ban thi đua toàn quốc và chọn ngày 19 tháng 6 năm 1948, ngày kỷ niệm 1.000 ngày kháng chiến làm ngày phát động phong trào thi đua toàn quốc.

Cuộc họp kéo dài tới nửa đêm vẫn chưa xong, phải tiếp tục họp vào sáng hôm sau.

Ngày 28 tháng 5, vào lúc 1 giờ chiều, lễ phong quân hàm được tổ chức trọng thể.

Một hội trường mới dựng bên dòng suối lớn, dưới tán cây rừng, dựa vào sườn núi, vách mới đan còn thơm mùi nứa. Phía trong đặt một bàn thờ Tổ quốc trang hoàng giản dị, có cờ đỏ sao vàng và lọ hoa cắm một chùm hoa núi; xung quanh là các băng đỏ ghi khẩu hiệu: Trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi; Thống nhất độc lập nhất định thành công. Bác và cụ Bùi Bằng Đoàn, Trưởng ban Thường trực Quốc hội đứng hai bên bàn thờ, các thành viên Chính phủ đứng trước bàn thờ. Bác, tay cầm sắc lệnh gọi tôi lên. Bằng giọng trang nghiêm và xúc động, Bác nói: "Hôm nay thay mặt Chính phủ và nhân dân..." rồi bỗng ngừng lời, rút khăn tay lau nước mắt. Giây phút đó làm cho cả hội trường vô cùng xúc động. Lát sau, Bác nói tiếp: "... Nhân danh Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, trao cho chú chức vụ Đại tướng để chú điều khiển binh sĩ làm trọn sứ mạng mà quốc dân phó thác cho...". Bác trao cho tôi sắc lệnh. Cụ Trưởng ban Thường trực thay mặt Quốc hội, anh Phan Anh thay mặt Hội đồng Chính phủ phát biểu chúc mừng. Anh Tạ Quang Bửu thay mặt Bộ Quốc phòng bày tỏ lời chúc mừng và lời hứa của toàn thể bộ đội sẽ nêu cao tinh thần chiến đấu anh dũng dưới sự chỉ huy của Đại tướng. Tôi xúc động phát biểu mấy lời, từ đáy lòng vô cùng nhớ tiếc các

anh hùng liệt sĩ, chân thành biết ơn Bác, Quốc hội và Chính phủ đã dành cho tôi vinh dự cao cả. Tôi hứa sẽ đem hết tinh thần và nghị lực làm trọn nhiệm vụ, góp phần khiêm tốn của mình vào sự nghiệp đấu tranh cho độc lập và thống nhất của Tổ quốc.

Sau buổi lễ, chúng tôi ngồi quây quần bên Bác. Bác nói: Việc phong tướng cho chú Giáp và các chú khác hôm nay là kết quả biết bao hy sinh chiến đấu của đồng bào, đồng chí... Các thế hệ đi trước chiến đấu cho độc lập mà sự nghiệp không thành, nhắm mắt vẫn còn chưa thấy độc lập, tự do. Chúng ta ngày nay may mắn hơn, nhưng trước mắt vẫn còn nhiều khó khăn. Nghĩ tôi hàng nghìn, hàng vạn người đã ngã xuống cho ngày hôm nay, chúng ta càng phải cố gắng giành cho được độc lập, tự do để thỏa mãn vong linh những người đã khuất... Cuộc nói chuyện trở thành buổi ôn lại truyền thống yêu nước, chống ngoại xâm, truyền thống cách mạng của dân tộc ta.

Sau đó các thành viên Chính phủ chụp chung một bức ảnh kỷ niệm.

Khi sự kiện này được công bố trên Đài Tiếng nói Việt Nam, một phóng viên phương Tây hỏi Bác vì sao một lúc phong nhiều tướng, tá như vậy, việc phong cấp này được tiến hành dựa theo những tiêu chuẩn nào. Bác trả lời giản dị: Đánh thắng đại tá phong đại tá, đánh thắng thiếu tướng phong thiếu tướng; thắng trung tướng phong trung tướng; thắng đại tướng phong đại tướng.

Tháng 8 năm đó, tại Hội nghị quân sự lần thứ năm, Bác nói về "tư cách một người tướng": "Trong quân đội, nhiệm vụ của người tướng là phải: Trí, Dũng, Nhân, Tín, Liêm, Trung". Đối với kỷ luật, "mệnh lệnh từ trên xuống dưới, phải thấm tới mỗi đội viên... Báo cáo từ dưới lên trên phải thật thà, nhanh chóng, thiết thực... Phải thưởng phạt cho công minh. Chớ vì ưa ai mà thưởng, ghét ai mà phạt. Ai hầu với mình thì dùng, ai trực tính nói ngay thì bỏ". Đối với binh sĩ, thì "từ lời ăn tiếng nói, niềm vui, nỗi buồn, tới cái ăn cái mặc, nhất thiết phải biết rõ và hết sức chăm nom. Có đồng cam cộng khổ với binh sĩ thì khi dẫn họ đi đâu, dù nguy hiểm mấy họ cũng vui lòng đi; khi bảo đánh, họ sẽ hăng hái đánh... Bộ đội ta, tuy còn trẻ mà tiến bộ rất mau, nếu người tướng không chịu học hỏi, cứ đứng một chỗ thì nhất định bị lạc hậu". Đối với dân, "bộ đội được dân yêu, dân tin, dân phục thì nhất định thắng lợi". Đối với địch, thì "tuyệt đối chớ khinh địch... Khinh địch thì nhất định sẽ thất bại".

Mồng 7 tháng 2 năm 1948, nhân dịp Tết Nguyên đán, Bác và Thường vụ mời cán bộ Đảng và Nhà nước có mặt ở khu căn cứ tới dự một Tết đoàn kết. Tết kháng chiến đơn sơ nhưng đầy phấn chấn sau chiến thắng Việt Bắc và

tin Hồng quân Trung Hoa đang tiến hành phản công chiến lược từ khu giải phóng sang khu của chính quyền Quốc dân Đảng. Bác nói trong buổi liên hoan: "Pháp khôn ngoan thì nên tìm cách kết thúc chiến tranh. Nếu Pháp dùng Bảo Đại để tiếp tục chiến tranh thì càng sớm thất bại, Bảo Đại không đại diện cho ai".

ước sang năm 1948, quân Pháp đã mở rộng phạm vi chiếm đóng trên nhiều vùng khá rộng của lãnh thổ nước ta.

Ở miền Nam, chúng đã chiếm tất cả những thành phố, thị xã. Tại miền Trung, ta còn giữ Thanh - Nghệ - Tĩnh và ba tỉnh ở Liên khu 5. Thu Đông 1947, Pháp lại chiếm thêm Bắc Kạn, Cao Bằng, Lào Cai, Thất Khê, Nghĩa Lộ. Dịch kiểm soát hầu hết miền Tây Bắc và phần lớn miền Đông Bắc, tạo sức ép vào căn cứ địa Việt Bắc.

Để đưa cuộc kháng chiến sang giai đoạn mới, chúng ta kiên quyết thực hiện đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện và trường kỳ đã được đề ra từ những ngày đầu kháng chiến toàn quốc. Sớm hơn nữa, trong chỉ thị thành lập quân đội năm 1944, Bác đã nói: "Cuộc kháng chiến của ta là cuộc kháng chiến của toàn dân, cần phải động viên toàn dân, vũ trang toàn dân".

Ngược dòng lịch sử, dân tộc Việt Nam từ thời lập quốc bốn nghìn năm trước ở lưu vực sông Hồng, đất hẹp người thưa, vốn đã có truyền thống cả nước quật cường chung sức đánh giặc, thể hiện trong những cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Bí, Mai Thúc Loan, Phùng Hưng... Các thời Lê, Lý, Trần đều thực hiện "trăm họ là binh", "ngụ binh ư nông". Ông cha ta đã biết tổ chức ra cấm quân, du binh của triều đình, quân các lộ và hương binh, thổ binh, dân binh các xã, các hang động để thực hiện "cả nước đánh giặc". Thời Trần, trước ba lần xâm lược của quân cường địch Mông - Nguyên, nhà vua đã quy định thôn, xã nào giặc đi qua không đánh thì sẽ bị xóa tên.

Chiến thắng vĩ đại đầu năm 1789 của quân Tây Sơn dưới sự chỉ huy của anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ đánh bại quân Thanh đã chấm dứt thời kỳ đương đầu với các đội quân xâm lược hùng mạnh của phong kiến phương Bắc, tuy nước lớn hơn, quân đông hơn, nhưng về kinh tế xã hội thì vẫn ở một trình độ phát triển như nước ta.

Bước vào thời kỳ cận hiện đại, nhân dân ta, cũng như những dân tộc nhược tiểu khác, bắt đầu phải đối phó với chiến tranh xâm lược của những

cường quốc tư bản không những có số dân đông hơn, mà còn vượt xa về trình độ phát triển kinh tế, kỹ thuật.

Từ giữa thế kỷ XIX, những cuộc nỗi dậy chống thực dân Pháp xâm lược của Trương Công Định, Nguyễn Trung Trực ở Gia Định, Phan Đình Phùng ở Hương Sơn, Đốc Ngữ ở sông Đà, Nguyễn Quang Bích ở Tây Bắc, Nguyễn Thiện Thuật ở Bãi Sậy, Đinh Công Tráng ở Ba Đình, Hoàng Hoa Thám ở Yên Thế..., có cuộc kéo dài mười năm, ba mươi năm, nhưng đều diễn ra đơn độc ở một địa phương và cuối cùng đều thất bại.

Trong lịch sử cận đại của thế giới, chưa hề có tiền lệ thắng lợi trong cuộc đối đầu giữa các dân tộc nhược tiểu với các cường quốc để quốc thực dân hùng mạnh.

Chúng ta cần tìm ra những phương thức hữu hiệu để thực hiện "cả nước đánh giặc" trong thời đại mới với những điều kiện hết sức ngặt nghèo: Nước nhỏ, dân không đông, thiếu ăn, thiếu mặc, thiếu vũ khí, thiếu cán bộ và tri thức quân sự hiện đại, chiến đấu giữa vòng vây, hoàn toàn không có nguồn tiếp tế từ bên ngoài.

Để thực hiện chiến lược toàn dân kháng chiến, Đảng ta đã đề ra: "Triệt đề dùng chiến thuật du kích".

Chiến thuật du kích đã xuất hiện rất sớm trong lịch sử chiến tranh của .oài người. Vì đây là cách đánh của kẻ yếu chống lại một dịch thủ mạnh hơn mình. Chiến thuật du kích đã trở thành quen thuộc với nhiều dân tộc, với những quan niệm và cách áp dụng khác nhau.

Ô đây, tôi muốn xuất phát từ thực tiễn cuộc đấu tranh giải phóng và giữ nước của nhân dân ta mà nêu lên những đặc điểm cơ bản của chiến tranh du kích ở nước ta, của chiến tranh du kích Việt Nam.

Trước hết, nói đến đặc điểm chiến trường. Có những nhà lý luận kinh điển về quân sự của thế giới, như Clau-do-vít, đã từng nói đến cách đánh du kích và khẳng định rằng, cách đánh ấy chỉ có thể tiến hành được ở những nước không gian rộng lớn như nước Nga. Mao Trạch Đông khi nói đến chiến tranh du kích cũng cho rằng, chiến tranh du kích chỉ có thể thực hiện thắng lợi trên những nước có không gian bao la như Trung Quốc chẳng hạn; còn đối với những nước nhỏ như nước Bí thì không thể đánh du kích được.

Khi Đảng ta đề ra chủ trương dùng chiến thuật du kích, thì nhân dân ta đều hướng ứng; đó là do lòng tin ở Đảng và do chí khí quật cường nhất định phải đứng lên đánh kẻ địch xâm lược. Tuy nhiên, trong hàng ngũ cán bộ cũng có người tự đặt câu hỏi: Nước ta là một nước nhỏ, chiến trường hẹp, có

khả năng thực hiện chiến thuật du kích để giành thắng lợi hay không? Cũng đã có những cuộc trao đổi ý kiến, những cuộc thảo luận trong phạm vi hẹp và thường không đi đến kết luận, nói chung vẫn tôn trọng chủ trương của Đảng. Trong không

khí hào hùng của cả nước kháng chiến, sự tồn vong của dân tộc động viên và thôi thúc toàn thể đồng bào đứng lên đánh du kích, không còn ai đặt nghi vấn gì hết. Và thực tiễn lịch sử đã chứng minh một chân lý mới: Chiến tranh du kích Việt Nam, chiến tranh du kích của một nước nhỏ đã đi đến thắng lợi.

Đứng về lực lượng tác chiến, thì đối với ta, đánh du kích chủ yếu là cách đánh của người dân, có súng và không có súng, có khi chỉ dùng giáo mác gây gộc; như vậy bất kỳ đàn ông, đàn bà, người già, người trẻ đều có thể đánh được, tạo nên một hình thái chiến tranh thực sự của toàn dân. Những đơn vị bộ đội nhỏ cũng tham gia đánh du kích, thường ở mức tiểu tổ, tiểu đội, trung đội, có khi đến đại đội.

Quần chúng nhân dân rộng rãi sẽ tiến hành những hoạt động chiến đấu thích hợp với khả năng của mình, trong đó không ít hoạt động mà chỉ họ, những người dân, mới làm được.

Đây là một đặc điểm rất cơ bản trong kháng chiến toàn dân của ta. Nó cho phép ta duy trì cuộc chiến đấu ngay ở những vùng tạm chiếm, ở những nơi không có quân đội, hoặc quân đội đã rút đi.

Một số nhà nghiên cứu về chiến tranh Đông Dương cho tới nay vẫn cho rằng, du kích của ta thường dùng số đông áp đảo số ít, lấy mười chọi một, giống như cách đánh của những binh đoàn du kích Trung Quốc: "Tập trung lực lượng lớn đánh bộ phận nhỏ của địch là một trong những nguyên tắc chiến trường của chiến tranh du kích". Ta không chủ trương và hoàn toàn không có điều kiện để tổ chức ra những binh đoàn du kích lớn như ở Trung Quốc hay trong chiến tranh Vệ quốc Liên Xô. Nguyên tắc tác chiến của chiến tranh du kích ta xuất phát từ những nguyên tắc truyền thống chung: Lấy yếu đánh mạnh, lấy ít đánh nhiều; một trung đội, một tiểu đội, một tiểu tổ, một người chiến sĩ, một người dân thường cũng lao vào cuộc chiến đấu, dũng cảm và sáng tạo, tìm ra cách đánh địch và thắng địch.

Những đặc điểm nói trên về phạm vi chiến trường và lực lượng tác chiến đưa đến một đặc điểm nữa. Nếu trong chiến tranh cách mạng Trung Quốc, du kích được hiểu là "đi đè đánh" với đặc điểm là "đi", thì những đội du kích của ta luôn luôn gắn với làng, xã, xí nghiệp. Trong những trận đánh lớn nó làm nhiệm vụ phối hợp với bộ đội. Mỗi người dân, mỗi người du kích, không "đi để đánh", mà nhiệm vụ là trụ bám tại địa phương, có di chuyển cũng chỉ

trong địa phương; vì tình làng nghĩa xóm lại quen thuộc địa hình địa vật, am hiểu đến từng cảnh cây ngọn cỏ, họ hoàn toàn có khả năng tiến hành vô vàn những hoạt động nhỏ, có tiếng súng và không có tiếng súng, những hoạt động chiến đấu

muôn hình muôn vẻ, những hoạt động toàn diện, không phải chỉ là thuần túy quân sự.

Những đặc điểm cơ bản của chiến tranh du kích Việt Nam trong kháng chiến toàn dân cho phép ta phát động và duy trì cuộc chiến đấu ở ngay vùng tạm bị chiếm, ở cả những nơi không có quân đội. Đó là cách đánh du kích sáng tạo, phù hợp với dân tộc mình, tại một nước đất không rộng, người lúc đó chưa đông, kẻ thù lại đã có mặt khắp nơi. Nó là tấm lưới vô hình bao la, giăng khắp nơi, níu chặt lấy quân viễn chinh và làm cho một bộ phận lớn của chúng ngày càng bị tiêu hao và sa lầy, không có lối thoát.

Từ lâu, chúng ta đã nghe nói đến chiến thuật du kích mà nhiều nước phương Tây gọi bằng một từ Tây Ban Nha "ghê-ri-la" có nghĩa là đánh nhỏ. Theo cách gọi này, du kích được hiểu là những hoạt động quấy rối, phục kích, tập kích của nghĩa quân, kể cả của bộ đội chủ lực. Từ lúc nhân dân Trung Hoa đứng lên kháng Nhật, chúng ta cũng đã từng theo dõi những hoạt động của Bát lộ quân, Tân tứ quân. Lúc kháng chiến toàn quốc bùng nổ, thì ở Việt Nam đã có cuốn sách "Trì cứu chiến" của Mao Trạch Đông và cuốn "Chiến tranh du kích kháng Nhật" của Chu Đức. Chúng ta cũng đã có những cuốn sách nhỏ về du kích Nga, du kích Pháp, du kích Nam Tư. Những kinh nghiệm của Trung Quốc, Liên Xô và các nước đã giúp chúng ta nhiều về kiến thức quân sự. Vấn đề là không tiếp thu máy móc những kinh nghiệm ấy mà phải biết vận dụng sáng tạo, từ thực tiễn chiến trường nước ta mà đi đến một kiểu chiến tranh du kích thích hợp, chiến tranh du kích Việt Nam.

Trong cuốn "Cách đánh du kích" dùng để huấn luyện cho các cán bộ ở Pắc Bó từ năm 1941, Bác đã viết: "Du kích là đánh úp hay đánh lén, đánh lúc kẻ thù không ngờ, không phòng. Du kích là cách đánh giặc của dân tộc bị áp bức chống đế quốc. Đế quốc có khí giới tốt, có quân đội đàng hoàng; quân du kích không có khí giới tốt, chưa thành quân đội đàng hoàng, nhưng quân du kích được dân chúng ủng hộ, thuộc địa hình, địa thế, khéo lợi dụng đêm tối, mưa nắng, khéo xếp đặt kế hoạch nên quân du kích vẫn có thể đánh được đế quốc".

Đó là quan niệm về "du kích" của ta, cách đánh của đông đảo những người dân, của cả một dân tộc. Có người có súng; tuyệt đại đa số là những người không có súng. Tất cả cùng chung một điểm xuất phát: Là người dân, không am hiểu về quân sự quyết không cam tâm tiếp tục sống cuộc đời nô lệ.

Từ giữa năm 1947, dân quân, tự vệ, du kích đã trở thành một bộ phận cấu thành của Quân đội quốc gia Việt Nam.

Đầu năm 1948, để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phát triển chiến tranh du kích, ở Bộ Tổng chỉ huy, Phòng Dân quân được đổi thành Cục Dân quân do anh Lê Liêm làm Cục trưởng. Các quân khu bắt đầu có phòng dân quân. Từ tỉnh trở xuống có ban chỉ huy tỉnh đội, huyện đội, xã đội dân quân thuộc ủy ban kháng chiến các cấp. Dân quân ở làng, xã lúc này gồm hai lục lượng: một bộ phận nhỏ là du kích thoát ly không tham gia sản xuất, đại bộ phận là dân quân, tự vệ không thoát ly sản xuất...

Ngày 15 tháng 4, Hội nghị Dân quân toàn quốc lần thứ hai khai mạc. Anh Trường Chinh cùng tôi và anh Văn Tiến Dũng trực tiếp chỉ đạo hội nghị. Giữa hội nghị, Bác tới thăm. Sau khi ân cần thăm hỏi các đại biểu Bắc, Trung, Nam, biểu dương các ưu điểm của dân quân, nêu lên những khuyết điểm cần khắc phục, Bác chỉ thị: Phải lấy dân quân du kích làm nền tảng, đồng thời kiện toàn các đội du kích thoát ly sản xuất... phải phối hợp chặt chẽ với Vệ quốc quân..., luôn giữ quyền chủ động, tìm dịch mà đánh, cộng những thắng lợi nhỏ thành thắng lợi to...

Trước Tổng khởi nghĩa, Bác đã viết một cuốn sách nhỏ: Kinh nghiệm du kích ở Trung Hoa.

Vào dịp này, Bác lại viết tiếp Kinh nghiệm du kích Pháp, và một bài thơ hô hào mọi người đánh du kích với mọi thứ vũ khí trong tay:

Bất kỳ trẻ hay già

Đàn ông hay đàn bà

Đều ra sức tham gia

Đánh du kích

Không có súng

Ta dùng dao

Ta dùng cuốc

Ta dùng cào

Ta lấy đòn gánh

Ta nhổ cọc rào...

Đánh cho chúng nhào.

Nhớ lại trong những năm chuẩn bị Tổng khởi nghĩa, tôi cũng đã soạn cuốn "Việt Minh ngũ tự kinh" gồm mười bài thơ năm chữ trong đó có bài nói

vê cách đánh du kích, để làm tài liệu tuyên truyền đồng bào tham gia các hội cứu quốc trong hàng ngũ Việt Nam độc lập đồng minh. Cuốn sách soạn bằng tiếng Kinh; tôi đã miệt mài dịch ra ba thứ tiếng dân tộc, cũng bằng thơ năm chữ: Tiếng Tày, tiếng Dao, tiếng Mông1. Những bài của Bác cũng như cuốn "Việt Minh ngũ tự kinh" được phần lớn đồng bào các dân tộc Cao - Bắc - Lạng, từ đồng bằng cho đến vùng cao hẻo lánh học thuộc lòng; không ít trường hợp gặp những cô gái dân tộc vừa đi lấy cúi hoặc giã gạo vừa hát thơ ca đánh du kích.

Trong hội nghị, tôi giải thích thêm về huấn lệnh: "Phát động du kích chiến tranh, nhiệm vụ quân sự căn bản trong giai đoạn này". Nhiệm vụ của các đội dân quân, du kích được xác định cụ thể như sau:

Một là quấy rối: Một chiếc pháo sáng, một mảnh gang giả địa lôi, một phát súng kíp, mấy cái bẫy cạm trên đường hành quân của địch, một quả lựu đạn, một trái địa lôi giết một vài tên địch là những việc cần làm cho phổ biến. Các trận lê tê cướp được một khẩu súng, một vài viên đạn cần phải khuyến khích.

Hai là phá hoại đường sá, cắt điện tín, điện thoại của địch. Điều này, quan trọng vô cùng có thể làm giảm sức tiến công của địch rất nhiều và thêm hiệu lực cho hoạt động của quân ta. Những thành tích về phá hoại phải được coi là những chiến công.

Ba là trừ gian, phòng gian.

Bốn là tìm cách tiêu diệt từng bộ phận nhỏ của địch và cùng bộ đội tác chiến.

Phương châm hoạt động của du kích là: "Tích cực - bí mật - nhanh chóng - tránh mạo hiểm, thực hiện phương châm càng đánh càng mạnh".

Đây chính là những gì quân và dân ta đã thực hiện ở miền Nam, làm sa lấy gần một nửa đội quân viễn chinh Pháp với năm trăm đồn bốt và những cuộc càn lớn, nhỏ liên miên. Đây cũng là những gì quân và dân ta đã thực hiện trong những trận đánh ở các thành phố và vùng tạm bị chiếm suốt một năm qua. Nếu trở thành phố biến, nó sẽ làm mất sức quân viễn chinh, biến Việt Nam thành một vực sâu không đáy với quân xâm lược.

Chúng ta cần một bà đỡ để đường lối kháng chiến toàn dân phát động chiến tranh du kích trở thành hiện thực. Những đại đội độc lập và các đội vũ trang tuyên truyền được trao sứ mệnh nặng nề này:

- Tuyên truyền vận động dân, bảo vệ dân, giúp dân sản xuất.

- Phá tê trừ gian, diệt địch; vận động ngụy quân, giải tán các hội tê hoặc biến họ thành chính quyền hai mặt; ở những nơi có điều kiện thì lập lại chính quyền nhân dân;
- Vừa hoạt động vừa xây dựng lực lượng chính trị và vũ trang; tổ chức dân quân du kích, và bộ đội địa phương để khi cần thì rút các đại đội độc lập trở về tập trung với chủ lực.

Với việc đưa chiến tranh vào vùng sau lưng địch, biến hậu phương đích thành tiền phương ta, năm 1948 chúng ta thực sự triển khai một cuộc phản công chiến lược, với hình thức độc đáo, quy mô rộng khắp, đánh vào toàn bộ quân viễn chinh và bộ máy tay sai trên toàn cõi Việt Nam.

uà xuaân naêm 1947, nhieàu ñôn vò, töøng trung ñoaøn, tieåu ñoaøn cuûa ta laàn löôït bò baät ra khoûi vuøng taïm chieám, vì hoï khoâng theå tìm ñöôïc moät choã ñöùng chaân yeân oån. Coù khi hoï phaûi ruùt ra chæ vì thieáu löông thöïc, ñaïn döôïc. Nhieàu ñôn vò ñaõ ñöôïc leänh quay trôû veà ñòa baøn cuõ. Nhöng nhöõng ñoaøn quaân daøi daøng daëc raát khoù traùnh tai maét cuûa ñòch. Môùi laàn bò loä, hoï laâm vaøo nhöõng traän ñaùnh baát lôïi, vaø cuoái cuøng laïi bò baät ra.

Từ đầu mùa xuân năm 1948, với những đại đội độc lập, các đội vũ trang tuyên truyền và các đội công tác, đông đảo bộ đội ta đã quay về vùng tạm chiếm một cách khá êm thấm, lặng lẽ vượt qua vành đai đốn bốt, mạng lưới tê điệp của địch. Họ có khả năng đi rất sâu vào vùng địch hậu mà vẫn giữ được an toàn vì không bị kẻ địch phát giác.

Ô nhũng vùng cơ sở bị mất trắng, công việc phải tiến hành dài ngày và rất gian khổ. Đêm đêm cán bộ, chiến sĩ từ một miếu hoang, một bãi tha ma ngoài cánh đồng, hoặc một hang sâu, bụi cây bên bờ suối, lần vào làng, bản bắt mối với từng người dân, từng gia đình, thăm hỏi, tìm hiểu tình hình. Có lúc họ bắt thần xuất hiện giữa đám đông, một phiên chợ, một buổi cầu kinh, một ngày hội chùa, dùng loa vạch tội ác của quân Pháp, tuyên truyền kháng chiến, kêu gọi đồng bào đứng lên đấu tranh, rồi biến mất trước khi quân dịch kéo tới. Bộ đội ta trở về với cách làm của nhũng đội tuyên truyền vũ trang trước ngày Tổng khởi nghĩa. Dân dà họ gây lại được cơ sở, phục hồi nhũng tổ chức quần chúng, nhũng tổ chức du kích bí mật. Họ bắt đầu có chỗ đứng chân. Nhũng cán bộ, đảng viên, du kích trước kia bị bật khỏi địa phương giờ lại theo lực lượng vũ trang trở về làng xóm cũ.

Đến cuối năm 1948, trừ những trung đoàn chủ lực của Bộ, các trung đoàn khác trong toàn quân giữ lại ban chỉ huy trung đoàn với một tiểu đoàn tập trung, còn đều giải thể thành các đại đội độc lập; tổng số có 103 đại đội tiến vào vùng tạm bị chiếm và vùng tranh chấp, làm nhiệm vụ đại đội địa phương của các huyện. Như

vậy, hai phần năm chủ lực các khu, chứ không phải một phần ba như dự kiến, đã trở thành đại đội độc lập.

Từ lâu trên chiến trường miền Bắc, mối quan tâm của chúng ta là vùng rừng núi Tây Bắc và Đông Bắc, đặc biệt là Tây Bắc. Đứng về hình thái chiến trường, Tây Bắc là địa bàn chiến lược quan trọng không những đối với Việt Bắc mà cả Đông Dương. Từ những ngày chuẩn bị Tổng khởi nghĩa, tôi đã nghĩ tới khả năng hình thành hai cánh quân: cánh quân phía tây từ Việt Bắc qua Yên Bái, Hòa Bình; cánh thứ hai ở phía đông qua Tiên Du (Hà Bắc) bao vây Hà Nội trong trường hợp quân Pháp chiếm trước Thủ đô nước ta. Những ngày đầu toàn quốc kháng chiến, ta đã sớm đưa những đơn vị lên mặt trận miền tây chiến đấu và xây dựng căn cứ địa ở vùng rừng núi giáp với Lào. Một người chiến sĩ trẻ tài hoa trong đoàn quân Tây tiến ngày đó, sau này là nhà thơ Quang Dũng, đã có những câu thơ:

Tây tiến đoàn quân không mọc tóc

Quân xanh màu lá dữ oai hùm

Mắt trừng gửi mộng qua biên giới

Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm...

Khi trở lại Việt Bắc, tôi đã nhiều lần trao đổi với anh Trần Tử Bình, lúc bấy giờ là Ủy viên Quân ủy Trung ương và một số cán bộ chủ chốt về một kế hoạch chiến lược quy mô lớn. Bước thứ nhất là giải phóng Tây Bắc, Hòa Bình

và giúp bạn giải phóng Thượng Lào, tạo nên một bàn đạp để từ đó mở ra một hướng vu hồi chiến lược, đưa chủ lực lớn của ta theo sông Mê Kông tiến vào Nam Bộ.

Trong những lần bàn bạc với các anh Bùi Quang Tạo, Song Hào, Lê Trọng Tấn, chúng tôi nhận thấy chưa có khả năng đưa đơn vị lớn trở lại Tây Bắc. Lai Châu vẫn còn là tỉnh duy nhất ta chưa lập được chính quyền trong Cách mạng Tháng Tám; Sơn La lập được chính quyền một thời gian ngắn thì bị địch chiếm lại. Quân Pháp đã tạo ra cái gọi là khu tự trị Thái, bình định ráo riết, xây dựng một hệ thống đồn bốt dày đặc và sử dụng bọn phìa, tạo, thổ ty không chế khá chặt chẽ đồng bào dân tộc thiểu số. Cần phải tiến hành từng bước có chuẩn bị chu đáo. Tôi gợi ý các anh vận dụng những kinh nghiệm đội quân Nam tiến trước Tổng khối nghĩa. Bắt đầu bằng những đội tuyên truyền vũ trang mở đường, gồm đa số những người am hiểu địa phương, nhất là các chiến sĩ người dân tộc. Đội tuyên truyền đi trước, bắt mối, xây dựng cơ sở ở những vùng sâu, mở đường cho những đại đội độc lập đi tiếp theo. Từng đại đội độc lập sẽ gắn bó với địa phương, phát triển phong trào ở từng vùng

nổi liền với nhau thành những căn cứ liên hoàn. Phối hợp với các hoạt động này, các tiểu đoàn tập trung sẽ đánh một số trận có tiếng vang để mở rộng căn cứ.

Ngày 20 tháng 1 năm 1948, sau Hội nghị Trung ương, tôi ký bản chỉ thị giao nhiệm vụ cho Liên khu 10 (Khu 10 và Khu 14 hợp thành) tổ chức các Ban xung phong tuyên truyền tiến vào bốn tỉnh ở Tây Bắc xây dựng cơ sở, lập chỗ đứng chân, mở rộng căn cứ Tây Bắc, mở đường quốc tế sang Lào, chuẩn bị sau này để tiến vào Nam.

Một thời gian ngắn, Liên khu báo cáo bốn đội vũ trang xung phong tuyên truyền Quyết Thắng, Trung Dũng, Quyết Tiến và Lào Bắc do những cán bộ chính trị và quân sự tin cậy phụ trách đã được tổ chức xong, sẵn sàng lên đường.

Tôi về Liên khu 10 làm việc với Liên khu bộ tại một vùng rừng cọ tỉnh Phú Thọ. Rồi đi qua Đào Giả, Vũ Ên, vượt sông Thao, lại đi một chặng đường nữa qua vùng đồi cọ và đầm lầy, tới huyện Cẩm Khê gặp anh Lê Trọng Tấn cùng với cán bộ và chiến sĩ Trung đoàn Sơn La vừa rút về, trong đó có những cán bộ vừa được chỉ định tham gia các ban xung phong.

Nhiệm vụ của cán bộ, chiến sĩ ta lần này rất nặng. Họ sẽ phải vượt hàng trăm ki-lô-mét đường rừng toàn là vùng trắng, quân địch kiểm soát chặt chẽ. Những ngày dài gian khổ, hiểm nghèo, bệnh tật, đói rét đang chờ họ. Nhưng trên gương mặt trẻ măng của mỗi người, từ cán bộ tới chiến sĩ, đều

ánh lên niềm tin ở thắng lợi. Họ cảm thấy vinh dự lớn của thế hệ trẻ được lựa chọn làm người mở đường giành giật lại những vùng đất quan trọng của Tổ quốc.

Tôi nói chuyện với anh em về vị trí nhiệm vụ của Tây Bắc đối với kháng chiến của ta và cách mạng các nước Đông Dương, sự cần thiết phải giải phóng đồng bào các dân tộc Tây Bắc khỏi cuộc sống đọa đầy, và nhắc lại nhiệm vụ Bác trao cho các đội là phải xây dựng tốt cơ sở quần chúng, cắm bằng được lá cờ đỏ sao vàng trên đất Điện Biên Phủ.

Trong không khí xúc động đưa tiễn anh em lên đường thực hiện một nhiệm vụ rất khó khăn, tôi ứng khẩu đọc tặng anh em mấy câu thơ:

Sông Đà, sông Mã uốn dòng,

Ghềnh rêu, thác bạc ghi công anh hào.

Con vàn' tung cánh bay cao

Ngọn cờ chỉ hướng, ngôi sao dẫn đường.

Sau một thời gian, căn cứ Tây Bắc được mở rộng.

Thìn vào bố trí quân sự của Pháp trên chiến trường Bắc Bộ thì ngoài miền Tây Bắc, Đông Bắc và một tuyến chiếm đóng Lạng Sơn - Cao Bằng - Bắc Kạn luôn bị uy hiếp, trục đường số 5 là một chiến trường có ý nghĩa cực kỳ quan trọng.

Đối với địch, đây là con đường huyết mạch nối liền căn cứ đầu não và căn cứ hậu cần chủ yếu của quân Pháp trên miền Bắc là Hà Nội và cảng Hải Phòng. Đối với ta, phần lớn nguồn nhân lực, vật lực từ đồng bằng Bắc Bộ và một phần từ Thanh - Nghệ chuyển lên căn cứ địa Việt Bắc và tỏa từ các nơi đều phải vượt qua hành lang này.

Ngay từ những ngày đầu kháng chiến toàn quốc, quân Pháp đã thường xuyên dồn mọi cố gắng để giải tỏa đường số 5. Những đơn vị lê dương thiện chiến và quân ngụy mở hàng trăm cuộc càn quét dữ dội những xã ven đường, đóng nhiều đồn bốt ở những nơi hiểm yếu và thực hiện "đốt sạch, giết sạch, phá sạch" để lập vành đai trắng. Địch lập hội tế và tuần tra, canh gác suốt

ngày đêm. Một trung đoàn pháo binh đêm đêm bắn chặn những ngả đường quân ta có thể tiếp cận. Địch ráo riết đánh phá vùng tranh chấp để mở rộng vành đai bảo vệ đường số 5 tại địa phận Hải Dương.

Mùa hè năm 1947, trong một cuộc họp riêng với các đồng chí chỉ huy quân khu đồng bằng tại Yên Giã, huyện Đại Từ để bàn chủ trương hoạt động ở khu vực đường số 5, tôi đã nói với anh Hoàng Minh Thảo, Tư lệnh Chiến khu 3 rằng: "Đây sẽ là nơi giành giật ác liệt giữa ta và địch. Cần dùng các tổ du kích bí mật và các đội võ trang tuyên truyền để xây dựng và giữ vững cơ sở, tổ chức chính quyền hai mặt, phát động một cuộc chiến tranh giao thông bằng mọi hình thức, đặc biệt là phục kích và đánh địa lôi, giữ vững các tuyến liên lạc và vận chuyển của ta".

Tháng 2 năm 1948, thực hiện chủ trương của Bộ Tổng chỉ huy, Mặt trận 5 được thành lập để thống nhất và trực tiếp chỉ đạo các lực lượng tác chiến ở khu vực đường số 5. Ban chỉ huy Mặt trận do đồng chí Dương Hữu Miên, Trung đoàn trưởng Trung đoàn 42 làm Chỉ huy trưởng, đồng chí Nguyễn Năng Hách, Chủ tịch tỉnh Hải Dương làm Chính ủy. Anh Đỗ Mười và anh Nguyễn Khai thay mặt Liên khu ủy Liên khu 3 trực tiếp chỉ đạo mặt trận.

Đầu tháng 5, Mặt trận 5 mở đợt "Tổng công kích đường 5" lần thứ nhất. Đợt tổng công kích không đạt được kết quả như mong muốn là do dựa vào hoạt động quân sự đơn thuần của bộ đội chủ lực, thiếu phối hợp chặt chẽ với mọi lực lượng ở địa phương, chưa gắn liền hành động quân sự với hoạt động đánh địch về cả chính trị, kinh tế.

Lúc này, các cán bộ, du kích cùng các đơn vị bộ đội vũ trang tuyên truyền đã trở về thâm nhập vùng địch hậu gây dụng cơ sở, nắm dân, sống chết cùng nhân dân đấu tranh với địch. Ngay ở khu tập trung đông dân như Kẻ Sạt, địch đóng hơn một chục vị trí, nhân dân vẫn nuôi dưỡng, che chở cán bộ, giúp bộ đội nắm địch, cất giấu thương binh. Nhân dân các xã Ái Quốc (Nam Sách), Như Quỳnh (Văn Lâm), Bình Định (Cẩm Giàng) đã đào hàng trăm hầm bí mật, có gia đình đào tới sáu hầm bí mật ở trong nhà, ngoài vườn, ngay cạnh hàng rào vị trí địch để che giấu cán bộ. Ở thôn Kim Huy (Mỹ Hào), gia đình ông Nguyễn Huy Cường cho một nửa tiểu đội bộ đội ở chuẩn bị trận đánh mìn trên đường số 5. Địch đánh hơi thấy, sục vào nhà tìm hầm bí mật. Chúng ra lệnh cho ông bà Cường: "Nếu không chỉ hầm, cứ 15 phút bắn chết một đứa con". Sau 45 phút, địch bắn chết cả ba người con của gia đình. Ông Cường phanh ngực áo thách địch bắn tiếp. Địch khiếp đảm phải kéo ông về bốt. Các chiến sĩ ta được bảo vệ an toàn. Những tấm gương bất khuất, anh dũng hy sinh bảo vệ cán bộ, bộ đội ở vùng địch hậu dọc đường số 5 cũng như trên cả nước không sao kể xiết.

Tháng 10 năm 1948, Ban chỉ huy Mặt trận 5 mở đợt "Tổng công kích đường 5" lần thứ hai. Du kích xã Trần Hưng Đạo đánh địa lôi phá hủy một đầu máy và tám toa xe, làm chết và bị thương hàng trăm quân địch. Nữ du kích Nguyễn Thị Ái giật mìn lật đổ một đầu tàu ở Kim Thành, diệt 30 lính Pháp. Đại đội Vũ Hổ, bộ đội Văn Lâm, bộ đội Kim Thành cũng đánh đổ nhiều đoàn tàu địch.

Trong năm 1948, 26 đoàn tàu của địch bị đánh đổ liên tiếp trên đường số 5, chủ yếu là vào những tháng cuối năm. Một số chiến sĩ như Quách Phù, Nguyễn Văn Sóc - chuyên đánh mìn, được coi là: "Vua mìn đường 5". Lực lượng vũ trang huyện An Dương (Hải Phòng), được sự phối hợp của công nhân nhà ga Hải Phòng đánh nhiều trận, phá hủy nhiều đoàn tàu địch, được tặng danh hiệu "Con sư tử đường 5".

Cuối tháng 11 năm 1948, tôi chủ trì hội nghị Mặt trận Hà Nội - Đường 5 Hải Phòng do Bộ Tổng chỉ huy triệu tập gồm đại biểu ủy ban kháng chiến và ủy ban bao vây kinh tế của các tỉnh, thành Hà Nội, Hải Dương, Kiến An, Hải Phòng, cán bộ chỉ huy dân quân du kích ven đường số 5, chỉ huy các đại đội độc lập, các đội biệt động, các đơn vị chủ lực khu. Kết luận hội nghị, tôi nhấn mạnh tầm quan trọng của mặt trận đã nêu trong huấn lệnh:

"Chiến lược của ta trong lúc này không những nhằm mục đích đánh tan mưu mô chính trị và kinh tế của địch nói chung, mà phải đánh rất mạnh vào vùng sau lưng địch để phá hủy lực lượng chính trị, kinh tế của địch, quấy rối hậu phương của chúng... Đem chiến lược này áp dụng vào chiến trường Bắc Bộ thì Hà Nội phải được coi là mặt trận địch hậu quan trọng nhất về chính trị và quân sự, Hải Phòng và

đường số 5 là một mặt trận địch hậu quan trọng nhất về quân sự và kinh tế. Nhiệm vụ của chúng ta là biến Hà Nội và Hải Phòng thành một chiến trường cắt đứt đường số 5".

Đường số 5 đã trở thành "Con đường khủng khiếp" đối với kẻ địch. Trong lời tuyên dương của Bộ Quốc phòng - Tổng chỉ huy năm 1948, Mặt trận Đường số 5 được coi là "Mặt trận điển hình thứ nhất đánh vào địch hậu, vùng biển và miền đồng bằng".

Bình - Trị - Thiên là một chiến trường dài và hẹp, không phải là trọng tâm hoạt động của địch. Nhưng về phía ta, vùng cán xoong này lại có tầm quan trọng nối liền Thanh - Nghệ - Tỉnh với Khu 5, miền Bắc với miền Nam. Với quyết tâm lớn của Liên khu ủy và Bộ Tư lệnh Khu 4, theo khẩu hiệu "Tất cả cho Bình - Trị - Thiên", hàng chục đại đội độc lập, đội vũ trang tuyên truyền cùng hàng trăm cán bộ, đảng viên đã tiến vào sau lưng địch, khôi phục cơ sở, phát động chiến tranh du kích, đẩy mạnh kháng chiến trong

những ngày "quật khởi". Trận đánh vận động ở Đồng Dương đã diệt gọn một đại đội Âu - Phi. Trận phục kích Hói Mít phá hủy toàn bộ đoàn tàu địch với 80 tấn vũ khí, tiêu diệt và bắt sống đại đội hộ tống đã gây tiếng vang trên cả nước. Một nhà báo phương Tây viết là "cái chết treo lơ lững trên đầu binh lính viễn chinh, thậm chí có lúc một tiếng gió thổi, tiếng nước chảy cũng làm cho họ giật mình...".

Trên chiến trường Khu 5 và Cục Nam Trung Bộ, phương thức "Đại đội độc lập, tiểu đoàn tập trung" cùng các tổ vũ trang công tác thuộc trung đoàn 120, 80, 83, 108... đã được vận dụng có kết quả rõ rệt. Chiến tranh du kích phát triển ven các thành phố Đà Nẵng, Nha Trang, Ninh Hòa. Ta đánh nhiều trận tập kích và phục kích trên đèo Hải Vân và dọc đường sắt Nha Trang - Phan Thiết, diệt cai đội Tabo ở Quảng Nam... kết hợp địch vận, tiêu diệt và bức hàng nhiều vị trí, giải phóng hàng chục vạn dân ở Đại Lộc và Duy Xuyên.

Bộ đội ta đã theo cán bộ tiến lên Tây Nguyên, kết hợp tiến công quân sự với vận động gây cơ sở, lập các khu căn cứ ở Kon Tum, Đắk Lắk...

Cùng với sự phát triển của chiến tranh du kích, công tác vận động binh lính địch là cuộc chiến đấu phối hợp không có tiếng súng, đi vào lòng người để thức tỉnh tinh thần yêu nước ở mỗi người Việt, vì lẽ này hay lẽ khác phải cầm súng cho địch. Đảng ta coi công tác địch vận là một công tác có ý nghĩa chiến lược, nhất là từ khi địch mở rộng hàng ngũ ngụy quân, ngụy quyền. Trong năm 1948, công tác địch vận đã làm một ruỗng những đồn bốt, những đơn vị thân binh. Ở nhiều vùng nông thôn, ngụy quyền địch mới dựng lên đã trở thành người giúp đỡ kháng chiến, được nhân dân gọi là "tề hai mặt", "tề cứu quốc". Cuối năm 1948, theo mệnh lệnh của Trung

ương, cuộc tổng phá tề đã diễn ra trên khắp các vùng địch hậu, đập tan bộ máy chính quyền địch ở cơ sở và khôi phục chính quyền ta ở nhiều nơi.

Đưa chiến tranh vào sau lưng địch tất yếu phải đối phó với những cuộc càn quét ngày càng dữ dội của chúng; do đó, từ những ngày đầu kháng chiến toàn quốc ở Bắc Bộ cũng như trước nữa, ở Nam Bộ đã xuất hiện những "làng chiến đấu", "áp chiến đấu".

Ông cha ta đã có truyền thống rào làng, tổ chức hương binh để chống giặc cướp cũng như giặc ngoại xâm. Làng xã vốn có từ nghìn xưa trong cộng đồng người Việt cư trú ở lưu vực sông Hồng, đã trở thành một đơn vị hành chính từ thời lập quốc. Sự gắn bó huyết thống của một hay vài dòng họ trong một làng ngày càng thêm bền chặt qua cuộc đấu tranh lâu dài với thiên nhiên khắc nghiệt và những cuộc chống ngoại xâm liên tiếp để tồn tại. Chính từ

đây đã hình thành nền văn hóa Việt Nam. Nằm trong lũy tre xanh, sau những rặng dừa, hệ thống đường sá, vườn tược, ao hồ và kênh rạch bình yên từ lâu đã trở thành trận địa hiểm nghèo với quân xâm lược.

Lũy tre, gò đống, mương lạch, hố ao bao quanh làng cùng với hào giao thông, hầm hố chiến đấu trở thành phòng tuyến chặn địch. Nhiều làng xóm được chia thành tuyến, thành các khu vực có ổ tác chiến, các đường hào, hầm bí mật nhiều tầng nổi thông nhau để tiện cơ động chiến đấu. Một hệ thống canh gác và báo động từ xa được thiết lập cả trong và ngoài làng. Từ những làng chiến đấu riêng rẽ, ở một số nơi đã hình thành cụm làng chiến đấu liên hoàn.

Nhân dân dựng làng chiến đấu để bám trụ ngay tại quê hương, vừa sản xuất vừa đánh giặc, chống càn, làm bàn đạp tiến công dịch, đấu tranh chính trị, dịch vận. Làng chiến đấu đã trở thành mục tiêu chủ yếu của các cuộc tiến công càn quét vào khu du kích. Trong hai năm 1948 và 1949 số lần càn quét đánh vào làng chiến đấu chiếm hơn ba phần tư tổng số hàng nghìn cuộc hành quân càn quét của dịch ở đồng bằng Bắc Bộ.

Dịch có khi dùng đơn vị nhỏ đánh biệt kích, nhiều khi dùng lực lượng lớn bao vây hợp kích có đại bác, xe tăng, máy bay bắn phá, ném bom dữ dội. Chúng bao vây phục kích ngoài làng để chặn bắt cán bộ, bộ đội và du kích. Khi tiến công vào được trong làng, chúng lùng sục, đốt phá, giết chóc...

Quân dân các làng, ấp được tập dượt theo nhiều phương án chiến đấu, từ ngoài làng, địch đã bị tiêu hao vì mìn chông, cạm bẫy và hỏa lực từ các tuyến ven làng bắn ra. Lợi dụng địa hình tự nhiên và nhân tạo phức tạp trong làng cùng hệ thống chiến lũy, công sự, hầm ngầm chuẩn bị sẵn, bộ đội và dân quân, du kích ẩn hiện bất

ngờ, dùng lựu đạn, súng trường, giáo mác... đánh gần, tiêu diệt địch khi chúng lọt vào làng.

Bắt đầu nổi lên những lá cờ: Đình Bảng (Bắc Ninh), Chi Lăng (Lạng Sơn), Vật Lại (Sơn Tây), Cảnh Dương, Cự Nẫm (Quảng Bình), Khu Xi-tơ của anh hùng Núp (Gia Lai), Tân Phú Trung với những địa đạo tiền thân của Củ Chi nổi tiếng sau này...

Làng chiến đấu là một biểu hiện của tinh thần bất khuất của dân tộc ta, một thách thức với kẻ thù xâm lược. Làng chiến đấu trở thành pháo đài kiên cố của chiến tranh nhân dân ở địa phương, một đặc điểm của chiến tranh Việt Nam.

Đưa chiến tranh vào vùng sau lưng địch là một chủ trương đúng đắn và sáng tạo trong lãnh đạo chiến tranh của ta. Chỉ một năm sau ngày kháng chiến toàn quốc, lực lượng vũ trang còn rất non trẻ đã cùng toàn dân mở một cuộc phản công chiến lược "mềm" nhằm vào sào huyệt địch trên cả nước.

Với việc "biến hậu phương địch thành tiền phương ta", chúng ta đã đào lộn thế cờ tạo sự bình ổn cho hậu phương ta, biến hậu phương địch thành chiến trường. Chiến trường mới này đã ghim chân quân địch tại chỗ, buộc địch phải chuyển những cuộc tiến công vào chủ lực ta thành những cuộc càn quét không có hiệu quả. Mặt trận mới này cho phép chúng ta đánh những đòn trực diện vào chính sách cơ bản của thực dân xâm lược Pháp là "lấy chiến tranh nuôi chiến tranh", "dùng người Việt đánh người Việt".

Đây là thành công lớn nhất của ta trong năm 1948. Phát động chiến tranh du kích rộng khắp ở vùng sau lưng địch đã mang lại cho cuộc chiến tranh toàn dân, toàn diện sự chuyển biến về chất, đưa cuộc kháng chiến vững vàng bước sang một giai đoạn mới.

6

a i Nam Bô, dúng như ta đã nhận định, trong năm 1948 Pháp tập trung lực lượng đẩy mạnh hoạt động quân sự nhằm hậu thuẫn cho giải pháp chính trị bắt đầu bằng việc xây dựng một chính quyền bù nhìn thân Pháp với lá bài Bảo Đại.

Nam Bô đã tiến hành chiến tranh du kích ngay sau khi Pháp mở lại cuộc xâm lăng lần thứ hai. Qua hơn hai năm chiến đấu, chiến tranh du kích ở Nam Bô đã phát triển có chiều rộng và chiều sâu. Du kích xã, liên xã, liên huyện ở Nam Bô có khả năng đối phó với những cuộc càn quét nhỏ. Với những trận càn lớn thì kinh nghiệm của lực lượng vũ trang Nam Bô là phải "xoay vần" cùng với quân địch.

Căn cứ Đồng Tháp Mười năm cách Sài Gòn hai chục ki-lô-mét là mục tiêu của nhiều cuộc tiến công đánh phá của địch. Tháng 2 năm 1948, diễn ra cuộc hành quân Vê-ga với tính chất giống như cuộc tiến công vào Việt Bắc Thu Đông 1947. Bộ chỉ huy Pháp huy động 11 tiểu đoàn, trong đó có hai tiểu đoàn dù và hai đơn vị thủy quân lục chiến, nhiều đơn vị thiết giáp, xe lội nước. có máy bay và đại bác yểm hộ nhằm tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến và các chi đội của Nam Bộ. Quân Pháp từ ba phía nam, bắc, và đông siết dần vòng vây quanh vùng căn cứ Đồng Tháp Mười. Từ sáng đến trưa ngày 14 tháng 2 vòng vây đã hoàn tất ở khu vực trung tâm cánh đồng trên một chu vi đường tròn dài 80 ki-lô-mét. Những tiểu đoàn quân Pháp có xe lội nước thực hiện cuộc càn quét, lùng sục suốt bốn ngày trên cánh đồng ngập

nước, đầy cỏ dại và những cây tràm. Một số cuộc đụng độ đã diễn ra chứng tỏ đối phương đang có mặt ở đây. Nhưng tới ngày cuối cùng, khi vòng vây đã siết chặt thì họ thấy chỉ có cánh đồng trống. Tất cả cơ quan chỉ huy, những chi đội, binh công xưởng, bệnh viện, đài phát thanh... đều đã biến khỏi đây.

Cuộc tiến công lớn nhất của địch ở Nam Bộ đã thất bại.

Cuối tháng 7 năm 1948, Xứ ủy Nam Bộ họp mở rộng do đồng chí Lê Duẩn và đồng chí Phạm Hùng chủ trì. Hội nghị nhận định: đối với địch, "Nam Bộ đã trở nên trung tâm hoạt động chính trị và cũng là vị trí quân sự quan trọng". Pháp đang dùng võ lực để lập ngụy quyền và mở cuộc tiến công chiến lược vào nguồn dự trữ của ta, hòng làm cho ta hết người, hết lương thực, hết vũ khí "thì đội quân chủ lực phải bị tiêu diệt". Hội nghị quyết nghị mở rộng phong trào dân quân, để bảo vệ dự trữ của ta, phá hoại dự trữ của địch và gây phong trào tạo làng chiến đấu rộng rãi. Đồng thời "phải có chủ lực mạnh mẽ để đánh những trận lớn".

Sau hội nghị, Xứ ủy đã điện đề nghị Bác và Trung ương tăng cường cho Nam Bộ một cán bộ quân sự có khả năng xây dựng và chỉ huy bộ đội chủ lực. Bác và Thường vụ nhận thấy nên cử một phái đoàn đại diện Đảng và Nhà nước vào thăm Nam Bộ để trao đổi kinh nghiệm chiến đấu giữa hai miền. Thường vụ trao nhiệm vụ cho Bộ Tổng chỉ huy thảo một huấn lệnh gửi Nam Bộ.

Anh Lê Đức Thọ - Ủy viên Thường vụ Trung ương Đảng được cử dẫn đầu phái đoàn. Về mặt công khai, anh Phạm Ngọc Thạch - Thứ trưởng Phủ Chủ tịch, là trưởng đoàn vì Đảng lúc này còn hoạt động bí mật. Trong đoàn có anh Lê Hiếm Mai và một số cán bộ quân đội vào tăng cường cho Nam Bộ.

Bản huấn lệnh gửi Nam Bộ viết: "Cuộc kháng chiến Nam Bộ mạnh chính là ở tự động, không ỷ lại, tự lực cánh sinh". "Từ không có núi rừng hiểm trở mà tạo nên

rừng người, núi người, xây dựng những căn cứ kháng chiến lâu dài". "Chiến tranh du kích Nam Bộ mạnh chính là ở chỗ lấy dân làm gốc".

Huấn lệnh nêu lên những nhiệm vụ căn bản của Nam Bộ. Về chính trị, tranh thủ nhân dân ở cả thành thị và nông thôn, chú trọng các tôn giáo, đồng bào Khơ-me, các tầng lớp người Hoa. Về quân sự, tiếp tục đẩy mạnh chiến tranh du kích, vấn đề mấu chốt là thực hiện "đại đội độc lập, tiểu đoàn tập trung". Hết sức coi trọng căn cứ địa ở khu rừng núi miền Đông, khu Đồng Tháp Mười và khu rừng U Minh, trong đó khu rừng núi miền Đông là quan trọng nhất. Ở thành thị, nhất là Sài Gòn, lấy đấu tranh chính trị là chủ yếu, kết hợp với hoạt động của các đội biệt động, đội công tác trên nguyên tắc bảo vệ cơ sở nội thành. Du kích chiến phải tiến lên vận động

chiến. Vì thế trên cơ sở xây dựng dân quân du kích ở thôn ấp, bộ đội địa phương ở huyện, tỉnh phải tiến tới tập trung mỗi khu một tiểu đoàn, rồi một trung đoàn chủ lực khi có điều kiện.

Trung tuần tháng 9, phái đoàn anh Lê Đức Thọ lên đường mang theo nhiều tài liệu, trong đó có tác phẩm Kháng chiến nhất định thắng lợi của anh Trường Chinh, Huấn lệnh Nam Bộ, và một số văn kiện quan trọng của Bộ Tổng Tư lệnh như: huấn lệnh "Phát động du kích chiến tranh, nhiệm vụ quân sự căn bản trong giai đoạn này", huấn lệnh "Đại đội độc lập, tiểu đoàn tập trung", "Để án xây dựng quân giới"...

Ngày 21 tháng 9, cơ quan tham mưu báo tin ngày 20 tháng 9, quân Pháp dùng 20 máy bay thả quân dù xuống Vân Đình ở Hà Đông, đồng thời khá đông quân địch từ thị xã Hà Đông cũng tiến ra Vân Đình. Được tin này, Bác và chúng tôi đều lo lắng. Một phái đoàn đại biểu của Nam Bộ từ đồng bằng sông Cửu Long ra thăm miền Bắc đang có mặt ở Vân Đình. Phái đoàn của anh Lê Đức Thọ đã có kế hoạch gặp phái đoàn Nam Bộ tại đây... trước khi tiếp tục đi vào Nam1.

Cuối tháng 9, đoàn đại biểu của Nam Bộ tới Việt Bắc.

Anh Trần Văn Trà, khu trưởng Khu 8 là Trưởng đoàn, cùng anh Trần Bửu Kiếm, chị Nguyễn Thị Định, anh Lương Văn Trọng, đại diện của anh Nguyễn Bình, một đại biểu của Bình Xuyên, một vị linh mục đại diện cho công giáo Nam Bộ, và họa sĩ Diệp Minh Châu. Chị Định đã ra Bắc một lần năm 1946, xin vũ khí chở vào Nam theo đường biển. Những người khác đều mới ra Bắc lần đầu.

Cuộc hành trình gian khổ của đoàn từ Nam Bộ ra Việt Bắc kéo dài tám tháng. Khi đoàn đi ngang Vân Đình, địa phương tổ chức một cuộc mít tinh chào mừng trọng thế, có cả đèn điện sáng trưng. Cơ sở ta từ nội thành báo ra, quân Pháp định chụp bắt phái đoàn rất quan trọng này, nhưng chúng đã vô hụt...

Bác chủ trì buổi tiếp đoàn tại hội trường Phủ Chủ tịch, một ngôi nhà lá lớn nằm giữa rừng sâu, bên cạnh một dòng suối. Các bàn đều trải vải hoa trên đặt những bó hoa rừng. Cùng đón đoàn với Bác có các thành viên của Hội đồng Chính phủ, Bác Tôn, lúc này là Hội trưởng Hội Liên Việt, ông Phan Kế Toại, linh mục Phạm Bá Trực và anh Trần Duy Hưng.

Đoàn mang ra những tặng phẩm của đồng bào miền Nam gửi tặng Bác và Chính phủ. Bác rất cảm động khi họa sĩ Diệp Minh Châu đưa tặng Bác

một tác phẩm được vẽ bằng chính máu của mình, có hình ảnh Bác và ba em bé tượng trưng cho ba miền Bắc, Trung, Nam đứng vây quanh, một em đang giơ tay trìu mến vuốt râu của Bác.

Ngày hôm sau, anh Trà báo cáo tình hình kháng chiến ở Nam Bộ từ sau ngày ký Hiệp định mồng 6 tháng 3. Bác, anh Trường Chinh và tôi cùng nghe. Với báo cáo của anh Trà, chúng tôi nắm cụ thể hơn tình hình chiến trường Nam Bộ, trước đây chỉ theo dõi qua những bức điện.

Cuối buổi báo cáo, anh Trà xúc động bày tỏ nguyện vọng của cán bộ, chiến sĩ và đồng bào Nam Bộ mong được đón Bác vào Nam.

Bác nói:

- Mình cũng có nguyện vọng đó từ lâu. Nếu cán bộ, chiến sĩ cùng đồng bào cả nước đều cố gắng thì ngày Bắc, Trung, Nam sum họp sẽ không xa.

Lúc đó không ai nghĩ là ngày Bắc Nam sum họp một nhà lại vắng Bác.

Hôm sau, anh Trà sang làm việc với Bộ Tổng chỉ huy. Tôi cùng anh Thái, anh Dũng dành nhiều thời gian trao đổi với anh về tình hình tổ chức và phương thức hoạt động của lực lượng vũ trang Nam Bộ.

Cuộc kháng chiến ở Nam Bộ có nhiều đặc điểm riêng.

Sài Gòn khởi nghĩa thành công chưa đầy một tháng thì quân Pháp đã gây hấn, tiếp đó quân viễn chinh ồ ạt kéo vào. Lực lượng vũ trang kháng chiến lúc đầu gồm phần đông là bảo an binh, những đơn vị của chính quyền Sài Gòn cũ, của Bình Xuyên, của các giáo phái Cao Đài, Hòa Hảo..., tuy đông, có nhiều người yêu nước, nhưng trang bị kém, tổ chức quá phức tạp, chỉ huy không thống nhất, đã không đứng vững trước những đòn tiến công mạnh mẽ của kẻ thù. Nhân dân, đa số là thanh niên công nhân, nông dân với súng lửa, gậy tầm vông, mã tấu đã lập vành đai, tổ chức mặt trận, ngăn sông, chặn từng bước tiến của quân địch, đã đánh những trận vang dội ở cầu Thị Nghè, cầu Bông, cầu Bến Phan, Chợ Đầm... Sau khi võ mặt trận,

lực lượng kháng chiến này tản rộng về vùng nông thôn, phân tán nhỏ ra đánh du kích khắp nơi. Những đơn vị Nam tiến, như chỉ đội Nam Long từ Bắc vào, đã sát cánh cùng quân và dân Nam Bộ đánh địch ở Lái Thiêu và tiếp tục chặn đánh địch từ Bắc Sài Gòn tới Phan Thiết, Phan Rang. Đảng ta đã quyết định chia Nam Bộ ra làm ba chiến khu, tổ chức lại lực lượng vũ trang, cải tổ những đơn vị cộng hòa vệ binh, Bình Xuyên thành chỉ đội giải phóng quân, phân công toàn bộ đảng viên, nhiều người vừa thoát khỏi ngục tù Côn Đảo về lãnh đạo kháng chiến ở các khu, tỉnh, đặc biệt là nắm các đơn vị vũ trang, kể cả những đơn vị của các giáo phái.

Cuộc kháng chiến ở Nam Bộ đã vượt qua những ngày đầu vô cùng gian nan và tiếp tục đứng vững là nhờ ở tinh thần yêu nước rất cao và lòng tin tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Bác Hồ.

Một phong trào đấu tranh có tính chất nhân dân, với những hình thức phong phú đã diễn ra rộng khắp ở Nam Bộ. Đấu tranh chính trị ở đô thị lên rất cao, công nhân bãi công, học sinh bãi khóa, chị em buôn bán bãi thị, hàng nghìn trí thức kiến nghị phản đối chính quyền bù nhìn, nhiều người xuống đường đòi xử tử Bảo Đại. Lực lượng vũ trang Nam Bộ coi trọng chống càn, đánh phá giao thông, đánh phá kinh tế địch, xây dựng căn cứ, xây dựng làng chiến đấu. Những đơn vị phân tán nhỏ hòa vào dân đánh du kích đã bắt đầu được tổ chức thành một số tiểu đoàn mạnh. Tiểu đoàn 307 đã đánh những trận vây đốn diệt viện ở Mộc Hóa, La Bang. Trên đường ra Bắc, anh Trà đã được tin bộ đội chiến thắng ở La Ngà trên đường số 20 và ở Tầm Vu, đồng bằng sông Cửu Long. Đây là những trận phục kích xuất sắc của bộ đội chủ lực ở Nam Bộ (sẽ được đề cập tới ở chương sau).

Trong điều kiện hết sức khó khăn vì không hề có thời gian chuẩn bị, với tinh thần anh dũng và sáng tạo tuyệt vời, phong trào kháng chiến của nhân dân Nam Bộ đã đứng vững và phát triển trong suốt ba năm đương đầu với một kẻ thù mạnh hơn mình nhiều lần.

Chương sáu DU KÍCH VẬN ĐỘNG CHIẾN VỚI CHIẾN LƯỢC CHIẾN TRANH ĐỒN BỐT

Từ ngày đầu kháng chiến toàn quốc, quân đội quốc gia Việt Nam đã có khoảng 85.000 người, được tổ chức thành những trung đoàn, tiểu đoàn. Những đơn vị này thực chất do địa phương tổ chức, nuôi dưỡng, trang bị yếu kém, chưa hề được rèn luyện trong đánh tập trung, nhưng vẫn là nòng cốt của lực lượng vũ trang toàn dân. Chúng ta đã sớm nghĩ tới việc sử dụng lực lượng này khi cả nước bước vào chiến tranh. Nếu tung vào những trận đánh lớn, nó rất dễ bị tan vỡ. Chỉ thị "Toàn quốc kháng chiến" của Ban Thường vụ Trung ương Đảng ngày 22 tháng 12 năm

1946 đã chỉ ra cách đánh của bộ đội chủ lực là "Triệt để dùng du kích vận động chiến".

Vận động là phương thức duy nhất làm cho ta tránh khỏi thế bị động, thoát được những đòn tiến công quyết định của địch nhằm tiêu diệt lực lượng vũ trang non trẻ của ta. Vận động giúp ta giành lại quyền chủ động với những trận đánh có lựa chọn, có chuẩn bị, giành thế bất ngờ, nhằm vào những nơi địch thiếu phòng bị, những lúc địch sơ hở. Nó cho phép một quân đội yếu kém đánh lại có hiệu quả một quân đội xâm lược mạnh hơn nhiều lần, mà vẫn bảo tồn được lực lượng theo đúng phương châm càng đánh càng mạnh.

Vận động có khi chỉ là di chuyển bộ đội đến một địa điểm dễ ngụy trang hay có đầy đủ lượng thực, để bộ đội nghỉ ngơi và huấn luyện trong điều kiện tương đối an toàn. Vận động trong trường hợp như vậy chỉ là một sự chuyển quân, một sự "cơ động" như ta thường nói, không nằm trong kế hoạch tác chiến.

Nếu như đặc điểm chủ yếu trong chiến tranh du kích do nhân dân và bộ đội nhỏ tiến hành là bám trụ, ấn hiện ngay tại địa phương, thì trong tác

chiến của bộ đội chủ lực là thường xuyên vận động, đánh địch bất ngờ. Cả hai lực lượng phối hợp chặt chẽ với nhau, nhất là từ khi ta thực hiện phương thức bố trí bộ đội chủ lực thành đại đội độc lập và tiểu đoàn tập trung kẻ địch đứng trước một loại hình chiến tranh mới chúng chưa hề gặp phải, cũng chưa hề được mô tả trong bất cứ sách giáo khoa quân sự nào của các học viện quân sự, một cuộc chiến tranh không có mặt trận, không có mục tiêu, với những đòn tiến công bất ngờ từ những hướng mà địch cho là hoàn toàn yên tĩnh.

Những tháng đầu kháng chiến toàn quốc, quân đội ta chưa quen với chiến thuật "du kích vận động chiến" nên đã dẫn tới "vỡ mặt trận" ở một số nơi. Sau khi được uốn nắn, bộ đội ta đã vận dụng tốt chiến thuật này trong vận động phục kích gây thiệt hại nặng cho quân địch tới giải vây tại mặt trận Nam Định, trong vận động tập kích vào thành phố Hải Phòng khi quân địch vừa tung quân đi càn quét buộc chúng phải rút về. Trong cuộc tiến công Thu Đông của địch vào Việt Bắc, bộ đội ta đã vận động đánh địch có hiệu quả lớn với những trận phục kích ở Mặt trận Đường số 4, Mặt trận Sông Lô, Mặt trận Đường số 3.

Mùa xuân 1948, bô đôi ta đã tiến hành nhiều trận phục kích và vận động phục kích thắng lợi trên những trục giao thông quan trọng. Nhiều trận có hiệu suất chiến đấu cao. Đường số 4 ở Bắc Bộ đã trở thành con đường lửa đối với địch. Nhiều trận phục kích đã diễn ra dọc đường quốc lộ, trên đèo Hải Vân, trên các nẻo đường ở Tây Nguyên... Bộ đội Nam Bộ đã đánh được những trận phục kích xuất sắc.

Ngày 7 tháng 3 năm 1948, Trung đoàn Biên Hòa phục kích một đoàn xe 70 chiếc tại La Ngà, trên đường Sài Gòn đi Đà Lạt, tiêu diệt hoàn toàn 60 xe. Viên quan năm Pa-ruýt, tổng tham mưu phó quân viễn chinh chết tại trận. Viên quan năm Đò Xê-ri-nhê chỉ huy bán lũ đoàn lê dương thứ 13 vừa càn quét ở Đồng Tháp Mười về, bị bắt. Trận La Ngà làm xôn xao dư luận Pháp vốn coi Nam Bộ là một chiến trường đã bình định xong. Hơn hai chục năm sau, trong tập hồi ký của mình, khi nhắc tới trận La Ngà, Xa-lăng coi đây là một trận đánh "tuyệt diệu cả về tổ chức và chỉ huy nắm thời cơ nổ súng" của đối phương, là "trận đánh bất hạnh" đối với quân viễn chinh Pháp. Hơn một tháng sau đó, ngày 18 tháng 4 năm 1948, bộ đội Khu 9 đánh tiếp trận Tầm Vu, nhanh chóng tiêu diệt một đoàn 24 xe địch, thu nhiều vũ khí, trong đó có một khẩu lựu pháo 105 mm. Điểm nổi bật của trận Tầm Vu là bộ đội ta đã giành chiến thắng trong một trận phục kích giữa vùng đồng bằng có nhiều kênh rạch.

Trong những năm đầu, bộ đội ta còn tiến hành một kiểu vận động chiến mang nặng tính chất du kích thì vấn đề địa hình địa vật, vấn đề đánh ngày hay đánh đêm, đánh địch từ xa hay đánh gần đã được đề ra để cân nhắc nghiên cứu. Hướng giải quyết các vấn đề ấy đều nhằm một mục đích là hạn chế đến mức cao nhất chỗ mạnh tuyệt đối của địch về vũ khí và phương tiện chiến tranh, đặc biệt là hỏa lực của pháo binh, xe tăng và máy bay. Những trận thắng giòn giã của quân ta lúc bấy giờ phần lớn đã diễn ra trên chiến trường rừng núi, được tiến hành ban đêm và phát huy hiệu quả của cách đánh gần. Đánh trên chiến trường rừng núi thì "rừng che bộ đội, rừng vây quân thù". Sức mạnh của địch về hỏa lực các loại khó phát huy. Đánh đêm thì ta có điều kiện tiếp cận, còn địch thì khó phát hiện ra. Đánh gần thì ta khai thác được thế mạnh về tinh thần chiến đấu, còn địch thì khó sử dụng các loại hỏa lực tầm xa của chúng. Bồi vậy, khả năng đánh địch trên chiến trường rừng núi, đánh đêm và đánh gần đã trở thành sở trường của quân đội ta, cả mãi về sau này. Ở đây, tôi muốn nói đến vấn đề triển khai bộ đội tương đối lớn, tác chiến thời gian tương đối dài trên địa hình đồng bằng. Đây là một vấn đề quan trọng, suốt những năm kháng chiến chống Pháp đã được đặt ra để nghiên cứu giải quyết và đã từng là một hạn chế lớn đối với khả năng tác chiến của bộ đội ta. Trong nhiều năm, trên địa hình trống trải, bộ đội ta chỉ có thể đánh những trận nhỏ, khéo ngụy trang, khéo tạo bất ngờ, đánh nhanh rút nhanh. Phải đội đến những ngày bộ đội ta xây dựng trận địa tiến công và bao vây trên chiến trường Điện Biên Phủ thì vấn đề dùng bộ đội lớn đánh liên tục suốt ngày đêm mới được giải quyết.

Như vậy, du kích vận động chiến của ta rất khác vận động chiến quy mô lớn trong chiến tranh hiện đại, với cách đánh của những binh đoàn lớn vận động từ xa, tiến quân thật sâu, bao vây chia cắt, đi đến tiêu diệt những binh đoàn lớn đang vận

động hoặc mới đóng quân của địch, tiêu diệt lực lượng lớn của đối phương trên một chiến trường rộng. Du kích vận động chiến của ta là hình thức tác chiến của một đội quân non trẻ, hoạt động với những đơn vị tiểu đoàn, trung đoàn; là hình thức tác chiến quá độ của một giai đoạn. Thực tiễn đã chứng minh, cách đánh sáng tạo ấy đã phát huy hiệu lực trên chiến trường, tránh được những thất bại có thể xảy ra, mang lại những thắng lợi có ý nghĩa cho bộ đội ta. Nó bao gồm những trận phục kích, tập kích, tiêu diệt địch đang vận động hoặc ở những nơi địch mới lấn chiếm chưa kịp cũng cố công sự. Nó chính là vận động đánh nhỏ. Con đường phát triển của nó là từ vận động đánh nhỏ tiến lên vận động đánh lớn, bao gồm cả đánh địch ngoài công sự và trong công sự.

Do vậy, bước sang năm 1949, khi ta đề ra nhiệm vụ tích cực chuẩn bị để chuyển sang giai đoạn mới thì ranh giới giữa tác chiến của dân quân du kích và tác chiến của bộ đội, nhất là bộ đội chủ lực, ngày càng rõ rệt. Ta đã đề ra phương châm tác chiến: du kích chiến là cơ bản, vận động chiến là phụ trợ1.

2

eu chien tranh toan dan cua ta co nhung diem dac thu thi chien tranh xam luoc cua thuc dan Phap cung khong phai dien ra nhu cac cuoc chien tranh thong thuong. Ngay sau khi cai goi la "cuoc dieu hanh quan su" (promenade militaire) cua tuong Lo-clec that bai, chien tranh du kich phat trien 0 Nam Bo, thi quan doi vien chinh Phap da phai quay ve voi nhung chien thuat co truyen cua mot quan doi xam luoc la chiem dong va binh dinh. Viec chiem dat bat dau bang mot cuoc hanh binh co xe tang, trong phao mot duong, may bay, tau chien yem trq cho nhung don vi bo binh tien danh. Tiep do, luc luong tien cong rut di, sau khi de lai mot bo phan nh6 binh linh va nhung si quan cap thap chia nhau dong thanh nhung don bot tien hanh viec "quan quan". Chung phuc hoi nhung chuc sac cua thai ky thuc dan truoc day voi nhung ngudi trong bo may tay sai cu, to chuc "than binh" voi nhiem vu loai trv moi luc luong khang chien, bao ve su an ninh tai vung dat mói chiem.

Những đồn bốt này đã xuất hiện trên đất nước ta từ cuộc xâm lược lần thứ nhất với Ly-ô-tây và Ga-li-ê-ni. Dựa vào những đồn bốt, chúng đã xúc tiến việc bình định, thực hiện cái gọi là "vết dấu loang". Ngày nay, trong tình hình mới, chiến thuật ấy lại được cải tiến tùy theo trình độ trang bị và năng lực tác chiến của lực lượng vũ trang ta ở từng vùng.

Tại Nam Bộ, lúc đầu quân Pháp chiếm những đình chùa hay những ngôi nhà gạch kiên cố làm nơi đóng quân. Với Đò La-tua, người thay thế Ni-ô làm tư lệnh quân Pháp ở Nam Bộ, nó trở thành những "tháp canh" (tuor de garde). Đó là những chòi

cao khoảng năm, sáu mét, xây bằng gạch hoặc những vật liệu tre, gỗ kiếm được ở địa phương, chứa từ nửa đến một tiểu đội do một sĩ quan hoặc hạ sĩ quan Pháp chỉ huy. Với "hệ thống tháp canh" dày đặc, quân Pháp đã kiểm soát những vùng đồng bằng rộng lớn, phát hiện mọi hoạt động của ta, bảo

vệ những đoàn quân xa di chuyển hoặc tìm bắt cán bộ, xây dựng mạng lưới tê điệp.

Sau ngày kháng chiến toàn quốc, Pháp mở rộng phạm vi chiếm đóng, những đồn bốt mới xuất hiện ở Bắc Bộ. Tại đây nó trở thành những cứ điểm với số quân đông hơn, hòa lực mạnh hơn, và cách bố phòng cẩn mật hơn. Lực lượng đồn trú mỗi nơi từ một trung đội tới một đại đội. Ở những vị trí trọng yếu, quân đồn trú toàn là lính Âu - Phi. Những cứ điểm được bố trí thành hệ thống nằm trong lưới lửa bảo vệ của hòa lực pháo binh, khi cần thì sẽ được cứu viện bằng lực lượng ứng chiến.

Hiểu rõ trình độ trang bị yếu kém của bộ đội ta, công thức Bộ chỉ huy quân Pháp dùng lúc này là "cứ điểm nhỏ, đội quân ứng chiến nhỏ". Hệ thống cứ điểm nhỏ vừa có nhiệm vụ khống chế những vùng trọng yếu, hình thành thế chia cắt, bao vây, ngăn chặn bộ đội ta từ xa, vừa làm nhiệm vụ chỗ dựa cho hội tế, gián điệp hoạt động, lùng sục cơ sở cách mạng, vây bắt cán bộ, o ép nhân dân địa phương. Đội ứng chiến nhỏ vừa là lực lượng ứng cứu cho những đồn bốt khi bị quân ta tiến công, vừa là lực lượng đánh phá những vùng địch nghi có cơ quan, bộ đội, công xưởng, kho tàng của ta.

Đối với quân đội viễn chinh thì biện pháp chiến lược có tầm quan trọng bậc nhất là quyết sách do tướng Van-luy đề xướng: tập trung lực lượng lớn tiến công tiêu diệt khu cổ thủ Việt Minh, đặc biệt là cơ quan đầu não.

Chiến tranh đồn bốt (guerre des postes) là biện pháp chiến lược có tầm quan trọng không kém; nó có tác dụng quyết định đối với nhiệm vụ chiếm đất và bình định, nhằm hoàn thành mục tiêu của cuộc chiến tranh xâm lược. Người Pháp ví nó với "chiến tranh chiến hào" (guerre des tranchées), trong chiến tranh thế giới lần thứ nhất.

Vận chuyển trên đường giao thông là một nhược điểm lớn của địch trong chiến tranh mà ta cần triệt để khai thác. Nhưng chỉ với những trận phục kích không đủ để buộc quân địch phải thu hẹp địa bàn chiếm đóng, để mở rộng vùng giải phóng, giành lại nhân lực vật lực là nguồn dự trữ cơ bản cho cuộc kháng chiến lâu dài. Và chính là với chiến thuật những tháp canh, cứ điểm nhỏ, địch sẽ hạn chế những trận phục kích của ta. Trong năm 1948, tại Nam Bộ, Đô La-tua đã nâng con số tháp canh từ 500 lên 2.000. Trên những đường giao thông quan trọng, mỗi ki-lô-mét lại có một tháp canh. Bình lính ở từng tháp canh nhìn thấy nhau, kịp thời báo hiệu khi

bộ đội, du kích xuất hiện. Những đoàn quân xa đều có xe bọc thép mở đường và bình lính hộ tống. Với những biện pháp này, người Pháp tuyên bố ở đồng bằng Nam Bộ,

số những trận phục kích của ta đã xuống thấp hơn số tai nạn xe cộ trên đường giao thông.

Chiến tranh du kích phát triển mạnh có khả năng thu hẹp phạm vi kiểm soát của những đồn binh, nhưng ít có khả năng loại trừ chúng. Và chính những đồn binh này lại là trở ngại cho phát triển chiến tranh du kích. Nhờ những đồn binh, quân địch với số lượng không đồng vẫn không chế được những địa bàn chiến lược quan trọng, đồng dân, nhiều tài nguyên.

Từ sau cuộc tiến công lên Việt Bắc, số cứ điểm nhỏ của Pháp phát triển rất nhanh. Ở Cao - Bắc - Lạng, từ 68 vị trí đầu năm 1948 đã tăng lên 79 vị trí vào giữa năm, với số quân chiếm đóng tăng từ 2.500 lên 6.900. Vùng Tây Bắc và Đông Bắc, địch đóng thêm 100 cứ điểm, Liên khu 3 thêm 53 cứ điểm, đưa số quân chiếm đóng từ 12.000 lên 25.000. Điều này chứng tỏ sau khi mở rộng đáng kể phạm vi chiếm đóng ở Bắc Bộ, địch đang chuyển sang thực hiện chiến thuật "siết chặt và vết dầu loang".

Nghị quyết Hội nghị Trung ương mở rộng trung tuần tháng 1 năm 1948 đã đề ra: "Quét những đồn lẻ của giặc, bắt địch thu hẹp địa bàn lại". Cùng với những trận phục kích, tiêu diệt những đồn bốt là cách chặn đứng quá trình bình định, hoàn tất nhiệm vụ tái chiếm thuộc địa của quân viễn chinh. Nó cho phép ta giành lại những vùng đất đã mất cùng với nhân dân, tài nguyên và cả những vị trí quan trọng về chiến lược.

Mặt khác, hệ thống cứ điểm nhỏ, đặc biệt là những cứ điểm ở vùng rừng núi, đã bộc lộ những nhược điểm mới của địch. Đây chính là một khâu yếu của địch trong chiến tranh. Những cứ điểm nhỏ với số quân không đông, hỏa lực có hạn, đóng cố định tại một vị trí, hầu như hoàn toàn cô lập, ban đêm cho phép ta tập trung một lực lượng nhất định, tiến hành những trận đánh có chuẩn bị kỹ lưỡng, tiêu diệt quân đồn trú và giải quyết vấn đề thương binh trong một đêm và rút lui trước khi trời sáng, không phải đối phó với máy bay, thiết giáp và quân cơ động của địch. Mỗi cứ điểm nhỏ còn là một kho tiếp tế súng đạn, đặc biệt là đạn, rất cần cho bộ đội ta lúc này.

Đánh bại chiến lược "chiến tranh đồn bốt" là một việc không thể không làm đem tới chiến thắng trong cuộc chiến tranh. Trước mắt, đi đôi với những trận phục kích và vận động phục kích, thì tiêu diệt những cứ điểm nhỏ sẽ góp phần làm thất bại một biện pháp chiến lược của địch, đưa cuộc kháng chiến chuyển sang giai đoạn

mới. Đây cũng là một sự tập dựct cần thiết để chuẩn bị cho bộ đội ta ngày càng nâng cao khả năng đánh địch trong công sự. Địch càng lún sâu vào phòng ngự thì càng dồn nhiều binh lực vào các cứ điểm, từ cứ điểm nhỏ đến cứ điểm lớn, với lực lượng trung đội, đại đội, rồi

tiểu đoàn, trung đoàn, cho đến hình thức tập đoàn cứ điểm vào thời kỳ cuối của cuộc chiến tranh.

Nhiệm vụ khai phá một con đường tiến tới đánh bại chiến lược chiến tranh đốn bốt được trao cho những tiểu đoàn chủ lực của Bộ.

3

uối năm 1947, giữa Chiến dịch Việt Bắc, Bộ Tổng Tham mưu đã bắt đầu nghiên cứu cách đánh cứ điểm nhỏ.

Làm được nhiệm vụ này, đối với bộ đội ta, không dễ dàng. Chúng ta chưa có kinh nghiệm đánh địch trong công sự, đặc biệt là đánh cứ điểm. Một nhược điểm lớn chưa có khả năng khắc phục trong lúc này là bộ đội ta rất thiếu vũ khí. Qua một năm chiến đấu, ta đã thu được một số vũ khí, trang bị của địch, nhưng số chiến lợi phẩm này hoàn toàn không đáp ứng yêu cầu của bộ đội đang phát triển nhanh về số lượng. Bộ đội Liên khu 10 được trang bị khá hơn cả trong toàn quân, nhưng số người có súng trong một đơn vị chỉ mới là 52 phần trăm. Những tiểu đoàn chủ lực của Bộ chỉ đạt được 41 phần trăm. Chúng ta hoàn toàn không có thuốc nổ để mở hàng rào, thiếu súng trường, rất ít súng liên thanh, đặc biệt là tiểu liên cần cho lúc xung phong.

Trong quá trình nghiên cứu, một chiến sĩ "Việt Nam mới" (trước đây là sĩ quan tình báo của Nhật) đề nghị, với trình độ trang bị của bộ đội hiện nay, nên chọn cách đánh kỳ tập. Với cách này, cần tổ chức những đại đội, tiểu đoàn đặc biệt tinh nhuệ, dùng bạch binh, tìm cách bí mật đột nhập đốn, tiêu diệt địch bằng đánh giáp lá cà. Ta đã có kinh nghiệm về kỳ tập qua những trận Phai Khất, Nà Ngần trước Tổng khối nghĩa. Đây là cách đánh phù hợp với trình độ trang bị, sự thông minh và tinh thần dũng cảm của bộ đội. Nhưng cần tính tới trường hợp địch để phòng cắn mật, cũng cố công sự, kỳ tập không giải quyết được. Tôi chỉ thị đi đôi với nghiên cứu cách đánh kỳ tập ta phải nghiên cứu một cách đánh thứ hai: cường tập, có nghĩa là diệt đốn địch bằng sức mạnh, dùng hỏa lực mở cửa đột phá, sau đó bộ binh xung phong tiêu diệt quân đốn trú. Như đã nói, ta chưa có kinh nghiệm về cách đánh này, và có một nhược điểm lớn là thiếu hỏa lực.

Mùa xuân và mùa hè năm 1948, Tiểu đoàn 45 của Bộ được trao nhiệm vụ đánh một vài cứ điểm nhỏ trong hệ thống phòng ngự của địch ở vùng rừng núi để rút kinh nghiệm. Những trận đánh cứ điểm Tu Vũ (18-3-1948), Phố Chùng (10-6-1948) ở Yên Bình Xã đều không thành công. Đánh địch trong

công sự khác xa với những trận phục kích khi địch không có công sự che chở. Quân Pháp vốn có nhiều kinh nghiệm bố trí công sự và lưới lửa phòng ngự.

Mùa hè 1948, một số nơi đã áp dụng cách đánh kỳ tập thành công. Tiêu diệt đồn Cẩm Lý ở Bắc Giang là một trận khá tiêu biểu. Một đại đội độc lập cải trang thành phụ nữ gánh gạch vào đồn, rồi bất thần tiến công quân địch. Đại đội trưởng Ngô Ngọc Dương trong khi vật lộn với viên đồn trưởng Mu-lay, mặc dù tầm vóc nhỏ bé nhưng đã làm cho y chết vì tắc thở. Bộ đội diệt và bắt sống cả trung đội đồn trú, thu toàn bộ vũ khí rồi rút lui an toàn. Sau vài lần bị lừa, địch đã thông báo cho nhau cảnh giác để phòng, cách đánh kỳ tập gặp khó khăn.

Chúng tôi quyết định chọn một vài tiểu đoàn đã qua rèn luyện trong chiến dịch Việt Bắc, nghiên cứu cách tiêu diệt cứ điểm nhỏ bằng sức mạnh, có thể kết hợp cả hai cách kỳ tập và cường tập. Cơ quan Bộ Tổng Tham mưu chỉ đạo việc thực hiện. Các tiểu đoàn được bổ sung cán bộ, quân số, tăng cường vũ khí trước khi đi vào học tập chiến thuật và kỹ thuật.

Đầu mùa hè năm 1948, trên một trái đồi gần ngã ba Phú Minh (huyện Đại Từ) nằm giữa khu căn cứ, xuất hiện một "cứ điểm" có lô cốt, ụ súng và hàng rào lông nhím bao quanh.

Đây là sáng kiến của đồng chí Vũ Yên.

Tiểu đoàn 11 do anh chỉ huy, đã được lệnh chuẩn bị tiêu diệt cứ điểm Phủ Thông do một đại đội lẻ dương đóng giữ trên đường số 3 bảo vệ cho thị xã Bắc Kạn. Đồng chí tiểu đoàn trưởng nhiều lần cùng cán bộ đi trình sát. Anh quyết định cho bộ đội dựng lên công trình này, rập đúng theo mẫu đồn địch.

Phương pháp dựng mô hình cứ điểm địch để bộ đội diễn tập trước khi ra trận lần này là lần đầu, sau này được vận dụng phổ biến trong bộ đội ta.

Bộ đội đào hào, đắp ụ súng, xây lô cốt, cắm hàng rào lông nhím bao quanh. Họ đã hiểu vị trí địch cùng với chỗ mạnh, chỗ yếu của nó. Khi "đồn" đã xây dựng xong, cán bộ, chiến sĩ lần lượt vào đó đóng vai quân xanh đối phó thực sự với cuộc "tiến công" của quân đỏ. Qua nhiều lần tập dượt, họ biết sẽ gặp những khó khăn nào và cần phải làm gì trong trận đánh sắp tới.

Súng đạn vẫn là vấn đề nan giải. Mặc dù Bộ Tổng Tham mưu đã chỉ thị tập trung vũ khí cho những đơn vị sẽ đánh cứ điểm, nhưng mỗi đại đội chỉ có từ hai đến ba trung liên. Tiểu liên không đủ cho các tiểu đội trưởng. Một nửa số chiến sĩ phải trang bị bằng mác búp đa để đánh giáp lá cà. Ta không đủ đạn để bịt các hỏa điểm của địch khi bộ đội xung phong, anh em bàn khắc phục bằng cách bí mật bò sát lô cốt, ném lựu đạn vào lỗ châu mai. Ta không đủ thuốc nổ để phá hàng rào, các chiến sĩ đã có sáng kiến làm những thang

gấp bằng tre, lót phên nứa ở phía sau, vắt qua hàng rào lông nhím để trèo vào đồn dịch. Loại thang này còn được dùng mãi về sau trong những trận đánh đồn khi dịch đã thay thế lớp rào lông nhím bằng những cọc sắt, dây thép gai và bãi mìn.

Hạ tuần tháng 7, Tiểu đoàn 11 lên đường. Mỗi chiến sĩ buộc một sợi chỉ đỏ ở cổ tay để ghi nhớ lời hứa không lùi bước trước khó khăn, quyết tâm tiêu diệt đồn dịch.

Để trợ lực cho tiểu đoàn, Bộ Tổng Tham mưu điều một khẩu sơn pháo 75mm từ Liên khu 10 sang phối hợp. Đây là một khẩu đội đã bắn chìm tàu dịch trên sông Lô.

Sau mây phát đại bác mồ đầu nhằm uy hiếp tinh thần địch, đạn súng máy, súng trường của ta bắn khá trúng lô cốt, ụ súng, buộc quân địch phải chúi đầu sau lỗ châu mai bắn bừa bãi ra ngoài. Bộ đội ta lập tức tiến lên vất thang qua rào lông nhím cho các chiến sĩ xung kích cầm mác vượt qua.

Mặc dù địch chống cự quyết liệt, hai mũi xung kích vẫn lọt vào đồn.

Sau hai giờ kịch chiến, bộ đội chiếm được ba phần tư đồn và sở chỉ huy. Nhưng rồi họ bị chặn lại trước lô cốt cuối cùng. Đạn tiểu liên và lựu đạn đem theo đã sử dụng hết. Các chiến sĩ với cây mác trong tay không thể tiến lên trước những luồng đạn súng máy bắn chặn. Trời gần sáng, tiểu đoàn trưởng Vũ Yên cho bộ đội rút lui.

Trận Phủ Thông nằm trong một đợt hoạt động của bộ đội ta trên đường số 3 từ tháng 7 đến tháng 9, bao gồm những trận phục kích, tập kích, quấy rối, bắn tía. Đôn Phủ Thông bị cô lập suốt ba ngày và bị tập kích liên tiếp hai đêm sau. Mãi đến chiều 28 tháng 7, lực lượng địch từ Cao Bằng mới mở được đường tới ứng cứu.

Gần đây, tình cờ tôi được đọc một cuốn sách của Pháp mới xuất bản năm 1992, trong đó tác giả viết khá chi tiết về trận Phủ Thông.

Đôn Phủ Thông do đại đội 2 của trung đoàn lê dương thứ 3 bảo vệ. Quân số gồm 102 người. 19 giờ 30 phút ngày 25 tháng 7 năm 1948 bất thần một hóa lực mạnh trút xuống đốn. Đạn súng cối, những tràng liên thanh, pháo 75mm bắn thẳng làm tê liệt quân phòng thủ. Hàng rào và cửa lô cốt phía tây bị phá vỡ, bố trí phòng thủ nhanh chóng bị rối loạn. Ngay giờ đầu, đại úy đốn trưởng và trung úy đốn phó đều

bị tử thương. Bộ đội Việt Nam hò hét xung phong chiếm các khu 1, 2, 3; chỉ còn khu 4 là còn chống cự trong tình trạng tuyệt vọng. Đại đội đã bị loại khỏi vòng chiến đấu một nửa quân số (14 chết, 33 bị thương).

Riêng vê lục lượng tiên công của ta, tác giả viết là "gồm năm, sáu tiểu đoàn, với 3.000 người"! Trong khi đó, quân số của Tiểu đoàn 11 không quá 400 người!

Trận đánh không thành công trọn vẹn, nhưng đã mang lại cho chúng ta nhiều kinh nghiệm và một niềm tin mới; nếu chuẩn bị đầy đủ hơn thì đã tiêu diệt đồn địch. Cũng phải thấy rằng trong một trận thí điểm, lẽ ra ta nên chọn một mục tiêu phù hợp hơn với trình độ tác chiến của bộ đội ta.

Tiểu đoàn 11 được nhận danh hiệu: "Tiểu đoàn Phù Thông".

Tiểu đoàn đã mở đầu cho truyền thống đánh cứ điểm của quân đội ta và trở thành một đơn vị đánh cứ điểm nổi tiếng sau này.

Âu năm, chúng ta dự kiến Pháp có thể tiến công Việt Bắc lần thứ hai hoặc đánh vào Thanh Hóa. Xa-lăng đã yêu cầu tăng viện, với lời lẽ khiếm nhã, để mở cuộc tiến công mới lên Việt Bắc, nên đã bị triệu hồi vào giữa tháng 5, và thay thế bằng tướng bốn sao Bơ-lê-dô. Với một số tiểu đoàn chuyển vào Nam Bộ, lực lượng quân viễn chinh Pháp tại Bắc Bộ lại trở về với con số trước mùa Đông 1947. Sự tăng viện từ Pháp sang nhỏ giọt, Bộ Tổng chỉ huy nhận thấy Pháp ít có khả năng mở một cuộc tiến công chiến lược vào đại hậu phương ta khi mùa khô tới. Nhưng địch vẫn có thể tiến công lên trung du. Để chuẩn bị đối phó với tình huống này, Bộ quyết định tổ chức Mặt trận Trung Du (được gọi tắt là Mặt trận 3) do anh Hoàng Văn Thái trực tiếp làm chỉ huy trưởng.

Những hoạt động Xuân - Hè 1948 của Pháp trên miền Bắc không có gì đặc biệt. Địch mở rộng phạm vi chiếm đóng ở Tây Bắc, chiếm Nghĩa Đô, Bảo Hà, Phố Lu. Ở đồng bằng, quân Pháp lấn ra một số vùng chung quanh Hà Nội như Văn Điển, Thường Tín. Từ cuối tháng 4 đến hết tháng 6, dịch tổ chức hai cuộc càn quét ở huyện Lang Tài, khu căn cứ du kích tỉnh Bắc Ninh và huyện Ân Thi tỉnh Hưng Yên, mỗi cuộc sử dụng vài nghìn quân. Đồng thời, có những mũi quân dịch thọc lên Sơn Tây và tiến ra Xuân Mai, Hà Đông.

Trong thời gian này, chúng ta hoạt động mạnh trên các đường giao thông. Bốn tháng đầu năm, đường số 4 nổi lửa. Những trận phục kích Lũng Vài Khuổi Ngọa, Nậm Mười, Bản Na, Đông Khê liên tiếp nổ ra diệt hàng trăm

xe địch. Từ tháng 5 tới tháng 9 ta đánh mạnh trên đường số 5 và đường số 3. Nhiều đoàn xe, đoàn tàu bị lật đổ, những đồn bốt bị tập kích. Giao thông đường bộ, đường

sắt của địch thường bị gián đoạn.

Căn cứ địa Việt Bắc và những tỉnh vùng xung quanh tương đối yên tỉnh. Bộ đội ở đây tranh thủ được một thời gian luyện tập.

Chúng tôi quyết định giành chủ động ngay từ đầu mùa Thu bằng cách mở những chiến dịch tiến công vào những hướng xung yếu ở địch hậu, do những tiểu đoàn chủ lực của Bộ phối hợp với những lực lượng của khu tiến hành, buộc địch phải bị động đối phó.

Trong thời kỳ vận động đánh nhỏ, ngoài những trận phục kích, tập kích, chống càn, đánh cứ điểm nhỏ, chúng ta chủ trương mở những chiến dịch để tích cực rèn luyện bộ đội chuẩn bị tiến lên vận động đánh lớn. Khác những chiến dịch trong chiến tranh hiện đại với những đơn vị tham gia thường là tập đoàn quân, chúng ta tổ chức những chiến dịch nhỏ với một số tiểu đoàn, trung đoàn, nhằm những mục tiêu nhất định gồm cả quân sự, chính trị và kinh tế. Những chiến dịch này nhằm tập dượt cho cán bộ, chiến sĩ, nhân dân làm quen với công tác điều tra, trình sát, chuẩn bị địa bàn, điều động lực lượng, tổ chức hành quân, tổ chức chỉ huy và phối hợp tác chiến, giải quyết thương binh, tiếp tế lương thực, đạn dược. Những chiến dịch này sẽ làm rối loạn hậu phương dịch, đánh mạnh vào âm mưu xây dựng khối ngụy quân và chính quyền bù nhìn ở cơ sở và phá hoại dịch về kinh tế.

Mùa thu này có hai hướng để lựa chọn.

Quân địch đã trải rộng binh lực trên chiến trường Tây Bắc và Đông Bắc, bộc lộ những sơ hồ. Chiến trường rừng núi là nơi có điều kiện thuận lợi để bộ đội chủ lực của Bộ tập dượt trong một chiến dịch tiến công đầu tiên. Sau khi bàn bạc, cân nhắc, chúng tôi quyết định chọn địa bàn mở chiến dịch là một khu vực ở vùng sâu Đông Bắc. Địch sẽ bất ngờ vì vẫn coi đây là một vùng an toàn. Tại Đông Bắc có một đơn vị du kích của Đảng Cộng sản Trung Quốc hoạt động ở vùng Thập Vạn Đại Sơn, bị quân Quốc dân đảng càn quét, đang tạm thời nương náu ở Vị Loại. Bạn cũng mong bộ đội ta về mở rộng vùng tự do ở đây.

Tôi xuống Trại Cau bàn với các đồng chí trong Bộ chỉ huy Liên khu 1 thực hiện quyết định của Bộ.

Tháng 3 vừa qua, quân Pháp huy động một nghìn rưỡi quân càn quét vùng Thanh Mai, Bến Tắm ở Hồng Quảng. Lực lượng du kích ta đã đứng vững. Sau một thời gian phá phách các kho tàng, địch rút lui.

Đường chuyển quân từ Việt Bắc về Đông Bắc phải vượt qua một hệ thống đồn bốt dày đặc. Các đồng chí ở Liên khu bàn sẽ dùng nhiều thuyền nhỏ, ban đêm bí mật

luồn qua hành lang kiểm soát. Địa phương hứa khắc phục mọi khó khăn làm tốt công việc này. Rõ ràng là nhân dân Đông Bắc từ lâu trông chờ bộ đội trở về.

Nhưng có một tuồng ai lón là vấn đề tiếp tế lương thực cho bộ đội. Đây là vu`ng đồng bào dân tộc Nu`ng, it ruộng đất, ngày xưa vốn đã thiếu ấn, tư` khi chiến tranh nổ ra lai bi càn quét liên miên, lương thực càng hiếm hoi. Trong những cuộc càn quét, một mục tieu của quấn Pháp là phá hiện, đốt phá những kho thóc, kho dự trữ lương thực. Nhiều noi không thể tìm ra lương thực. Nếu chiến dịch kéo dài, vấn đề gao của bộ đội sẽ tư` nên nan giải. Liên khu ủy và ủy ban đến un hát trít a dân h vào Đông Bắc dịch sẽ hoàn toàn bất ngờ. Các anh hứa sẽ cố gắng giải quyết vấn đề tiếp tế lương thực cho bộ đội trong thời gian chiến dịch.

Một đội võ trang tuyên truyền và một đội trình sát của Trung đoàn 308, chủ lực Bộ, được lệnh lên đường đi Đông Bắc chuẩn bị cơ sở quần chúng và nắm tình hình dịch.

Vì khó khăn về lương thực, số lượng đơn vị huy động vào chiến dịch chỉ có ba tiểu đoàn: hai tiểu đoàn chủ lực của Bộ và một tiểu đoàn chủ lực của Liên khu 1. Phối hợp tác chiến sẽ có trung đoàn Hồng Quảng đã được chia thành những đại đội độc lập hoạt động tại địa phương. Hình thức tác chiến sẽ gồm những trận đánh cứ điểm và những trận phục kích trên đường giao thông. Nhiệm vụ tiêu diệt cứ điểm được trao cho những tiểu đoàn chủ lực của Bộ.

Để phối hợp với Chiến dịch chính Đông Bắc trong mùa thu này, chúng ta quyết định sẽ đánh mạnh trên Mặt trận Đường số 5 và Đường số 3, đồng thời mở một chiến dịch nhỏ ở Tây Bắc; chiến dịch này sẽ được tiến hành sớm hơn để làm lạc hướng quân dịch.

Sau này, có nhà sử học quân sự Pháp đã nhận xét: mùa Thu năm 1948, bộ đội Việt đã "phát động trên khắp Bắc Bộ một loạt cuộc chiến đấu du kích mà sự liên tục của nó đã nhanh chóng biến thành một cuộc tiến công thực sự".

iữa mùa hè, một bộ phận tiền phương của Bộ chuyển lên đỉnh Tam Đảo dãy núi cao hùng vĩ ngăn đôi Việt Bắc với Trung du. Những tiểu đoàn chủ lực của Bộ đang tập luyện ở cả hai bên dãy núi Tam Đảo. Tại chính

thị trấn Tam Đảo đã bị phá hoại triệt để cũng có một trường quân chính của ta. Từ đây xuống thăm bộ đội ở Đại Từ hay Lập Thạch chỉ một vài giờ đi ngựa. Cơ quan trú quân trong một rừng vầu. Khi trời trong, nhìn xuống chân núi thấy rừng cọ và

cánh đồng trung du, màu xanh của lúa hòa với màu sáng bạc của nước trải ra tới chân trời, cảm thấy Hà Nội rất gần.

Tôi đã thăm bộ đội luyện tập đánh điểm ở vùng đồi huyện Lập Thạch. Ấn tượng sâu sắc là tình hình trang bị kém côi của bộ đội ta. Trong các đại đội xung kích, nhiều chiến sĩ còn trang bị bằng mác búp đa. Nhưng tinh thần cán bộ, chiến sĩ hết thảy đều phấn chấn. Không một ai kêu ca về những nguy hiểm, khó khăn đang chờ đội. Họ còn thấy tự hào với nhiệm vụ được trao. Đại đội nào cũng muốn được trên chọn làm đơn vị chủ công. Những buổi chiều ở phố Me, bộ đội đi tập về, bà con ở trong nhà đổ xô ra cửa khi xuất hiện những chiến sĩ mặc quần áo tiện y, lưng đeo lựu đạn, tay cầm cây mác xung kích hoặc vác trên vai những chiếc thang vượt rào. Đây chính là những người nay mai ra trận, sẽ xung phong đánh giáp lá cà với quân địch.

Ở đại đội xung kích của tiểu đoàn Lũng Vài có một tiểu đội phó người Đức. Anh được đặt cái tên Việt Nam là Hồ Sĩ Thắng. Thắng đã bỏ đơn vị lẻ dương Pháp chạy sang hàng ngũ ta với một khẩu tiểu liên Tôn-sơn. Anh còn rất trẻ, mắt xanh, tóc vàng, hơi nhỏ nhắn so với tầm vóc người Âu. Trong những trận đánh, anh thường lao lên trước. Thắng sống kham khổ với bộ đội, ăn cơm nắm muối vừng, uống nước cơm cháy đựng trong ống bương. Tôi muốn hỏi Thắng nghĩ gì về cuộc kháng chiến của ta, vì sao có thể chịu đựng được cuộc sống kham khổ, muốn nói chuyện lâu với người thanh niên này, nhưng không kịp làm trước khi anh lên đường đi chiến dịch.

Lần đầu bộ đội chủ lực ta mở một chiến dịch tiến công vào vùng sâu hậu dịch, tôi muốn được cùng đi với bộ đội, nhưng Bác và Thường vụ thấy không nên vì có thể phải đối phó với những diễn biến phức tạp về quân sự khi mùa khô tới.

Ngày mồng 2 tháng 9 năm 1948, theo chỉ thị của Bác, ta sẽ tổ chức một cuộc duyệt binh lớn tại Đổi Me, huyện Lập Thạch, vừa để mừng ngày quốc khánh, vừa để động viên nhân dân hăng hái kháng chiến. Ta cũng có ý đồ thu hút sự chú ý của địch về hướng này.

Đồng bào từ những vùng xung quanh đổ về khá đông.

Cuộc duyệt binh đã diễn ra trên một bãi rộng; kỳ đài, cờ, khẩu hiệu được chuẩn bị đàng hoàng.

Diễu qua lễ đài, bước đều theo tiếng kèn đồng và nhịp trống của đoàn quân nhạc, là khối học sinh khóa 4 Trường lục quân Trần Quốc Tuấn. Tiếp theo là các tiểu đoàn sắp tới sẽ đi làm nhiệm vụ. Sĩ quan cũng như binh sĩ đều mặc quần áo tiện y màu nâu, đội mũ lá. Trong các đội xung kích, trung liên, tiểu liên, súng trường xen với

những cây mác búp đa. Đây là hình ảnh thực sự của người dân Việt hy sinh chịu đựng, vững vàng đi vào trận đánh trường kỳ.

Ngay đêm hôm đó, những tiểu đoàn chủ lực của Bộ lặng lẽ rời những thôn xóm vùng đồi cọ Lập Thạch dưới ánh trăng thu, đi về phía Bắc Giang. Tại đây, họ dùng thuyền bí mật luồn qua vành đai đồn bốt, tiến sâu vào vùng địch hậu Đông Bắc.

6

êm 9 tháng 10, Chiến dịch Đông Bắc mở màn.

Hai tiểu đoàn chủ lực của Bộ đồng thời tiến công hai vị trí địch trên đường số 13. Tiểu đoàn Lũng Vài được tăng cường thêm đại đội xung kích của tiểu đoàn Bình Ca, đánh An Châu, vị trí tiểu khu do một đại đội bảo vệ. Hai đại đội của tiểu đoàn Bình Ca đánh cứ điểm Đồng Dương cũng thuộc tiểu khu này.

Trận đánh An Châu kéo dài suốt đêm. Quân địch tại đây đóng thành hai khu, một trung đội đóng trên đồi, hai trung đội cùng với bộ phận chỉ huy đóng phía dưới. Hai đại đội xung kích dùng thang vượt qua rào lông nhím, tiêu diệt quân địch đóng dưới chân đồi, trong đó có viên thiếu tá chỉ huy tiểu khu. Nhưng khi xung kích xung phong lên đồi thì bị hỏa lực liên thanh chặn lại. Cục diện lại diễn ra như ở Phủ Thông. Sau khi phá hủy ba khẩu trọng liên, hai xe GMC, thiêu hủy một kho đạn và một kho lương thực, trời gần sáng, bộ đội phải rút lui với một số thương vong.

Trận Đồng Dương thắng giòn giã. Toàn trung đội địch đóng tại đây bị tiêu diệt gọn trong nửa tiếng. Ta thu ba trung liên, ba mươi súng trường, bắt một số tủ binh.

Vấn đề lương thực khó khăn đã hạn chế những hoạt động tiếp theo của bộ đội ta.

Một tháng sau, tiểu đoàn Lũng Vài đánh tiếp vị trí Đồng Khuy. Trung đội tăng cường của địch ở đây đóng trên ba mồm đồi theo hình tam cấp.

Rút kinh nghiệm trận An Châu, lần này bộ đội đánh chiếm mồm cao nhất trước, rồi từ đó phát triển xuống những mồm bên dưới. Hỏa lực của ta phát huy tác dụng tốt. Toàn bộ quân địch bị chết hoặc bị ta bắt. Ta thu toàn bộ vũ khí.

Sau đó, ta đánh tiếp Trại Thán, một ổ thổ phỉ rất nguy hiểm được quân Pháp trao nhiệm vụ trấn giữ con đường xuyên rừng từ Bắc Giang xuống. Hồ Sĩ Thắng hy sinh trong trận này.

Chiến dịch Đông Bắc kết thúc ngày 26 tháng 12 năm 1948. Nó đã gây chấn động vì địch coi Đông Bắc là đại hậu phương an toàn. Quân Pháp buộc phải bỏ bảy vị trí

trên các tuyến phòng ngự trong vùng. Khu căn cứ của ta mở rộng. Hàng trăm ngụy binh bỏ hàng ngũ ra hàng. Bộ máy ngụy quyền ở xã rất hoang mang.

Hình ảnh cây mác búp đa in đậm trong các bài hát, bài thơ:

... Trút, trút cả căm hòn lên mũi mác

Hõi những chàng trai trẻ áo quần nâu

Rừng búp đa về mở hội cò lau...

Các nhà nghệ sĩ đều say sưa với hình ảnh cây mác búp đa.

Chúng ta đang rất cần súng trường cắm lưỡi lê cho các chiến sĩ xông vào đồn địch nếu chưa phải là tiểu liên. Cây mác xung kích chỉ được đưa ra khỏi trang bị của bộ đội chủ lực vào đầu năm 1951 khi mỗi chiến sĩ xung kích đã có một khẩu súng trường. Tuy nhiên, qua những trận Phủ Thông, An Châu, Đồng Dương, Đồng Khụy... Thu Đông năm 1948, đã thấy rõ với trang bị chiến đấu lúc đó, bộ đội ta không những có khả năng tiêu diệt các đoàn xe, các đơn vị ứng chiến bằng phục kích, mà còn hoàn toàn có khả năng tiêu diệt cứ điểm trung đội, đại đội của địch, làm phá sân chiến thuật cứ điểm nhỏ, đội ứng chiến nhỏ. Điều này đã được chứng minh ngay sau đó vào mùa xuân năm 1949 với hàng loạt trận đánh trên Mặt trận Sông Thao, mặt trận Đường số 4, những đơn vị chưa thành công trọn vẹn trong các trận Phủ Thông, An Châu chỉ cần một giờ, hoặc 45 phút để tiêu diệt cứ điểm đại đội Âu - Phi.

Gần một tháng sau khi ta mở Chiến dịch Đông Bắc, quân Pháp mới bắt đầu phân ứng. Đầu tháng 11, Pháp dùng hải quân và máy bay đánh vào bờ biển Thanh Hóa. Ngày 7 tháng 10 năm 1948, quân Pháp nhảy dù xuống Việt Trì và Vĩnh Hộ (Vĩnh Yên). Hôm sau, tàu chiến và ca-nô đưa tiếp quân đổ bộ lên Việt Trì. Từ đây quân Pháp lấn ra một số vùng xung quanh, tiến lên Tam Nông, Hưng Hóa, La Phù, nhưng chỉ dừng lại những nơi này ít ngày rồi quay trở về vị trí xuất phát. Đây là cuộc tiến công chính của Pháp ra vùng tự do trong Thu Đông 1948. Khó có thể hiểu Bơ-lê-zô định làm gì với những cuộc hành binh này.

Chiến dịch Đông Bắc đã mang lại nhiều kinh nghiệm, với những đội vũ trang tuyên truyền đi trước dọn đường, cuộc hành quân vào dịch hậu giữ được hoàn toàn bí mật, công tác vận động và tranh thủ nhân dân được tiến hành tốt, lần đầu dân công được huy động đông đảo phục vụ chiến dịch; bộ đội chủ lực với những trang bị yếu kém như hiện nay vẫn có khả năng tiêu diệt nhanh chóng những cứ điểm nhỏ do một trung đội, hoặc trung đội tăng cường bảo vệ và nếu khắc phục được

một vài nhược điểm, khuyết điểm, tiểu đoàn chủ lực của ta chắc chắn đã tiêu diệt được cứ điểm đại đội của dịch.

Ngày nay nhìn lại càng thấy rõ, trong năm 1948, với việc đẩy mạnh chiến tranh du kích ở vùng sau lưng địch, biến hậu phương địch thành tiền phương ta, với việc đẩy mạnh vận động đánh nhỏ, vận động phục kích, chống càn, đánh vào những hệ thống đốn bốt nằm ở vùng sâu, ta đã thực sự tranh chấp quyền chủ động với quân địch. Và Thu Đông năm 1948, lần đầu tại Bắc Bộ từ khi nổ ra chiến tranh, ta đã giành được quyền chủ động trên một hướng.

Với việc triển khai toàn diện chiến lược chiến tranh toàn dân, mặc dù lực lượng quân sự của ta về nhiều mặt còn yếu hơn dịch, cuộc kháng chiến chống Pháp đã vững vàng bước sang một giai đoạn mới.

Chương bày KHÁNG CHIẾN KIẾN QUỐC

V ha nước Việt Nam dân chủ cộng hòa non trẻ, trải qua nhiều thử thách trong mười lăm tháng đầu tiên của thời kỳ hòa hoãn, phải đương đầu với thử thách mới: chiến tranh đã lan rộng trên cả nước.

Từ một chính phủ cách mạng lâm thời, chỉ ba tháng sau, chúng ta đã có một chính quyền dân cử trên cả nước theo phổ thông đầu phiếu. Đầu tháng 3 năm 1946, trước nguy cơ chiến tranh có thể nổ ra do việc Pháp đưa quân ra miền Bắc theo Hiệp ước Pháp - Hoa, ta mở rộng chính phủ cho những người hân Tưởng không qua bầu cử, thành lập Chính phủ liên hiệp kháng chiến. Cuối tháng 6, quân Tưởng rút về nước, nhiều phần tử thân Tưởng chạy theo để lại những chỗ trống trong chính phủ và quốc hội. Đầu tháng 11, Quốc hội họp thông qua Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ mới được thành lập để đối phó với tình hình rất khẩn trương sau khi quân Pháp chiếm thành phố Hải Phòng. Bốn chục ngày sau, Chính phủ mới đã phải lãnh đạo cuộc kháng chiến diễn ra trên cả nước. Chiến tranh gắn liền với tàn phá, hy sinh, mất mát, đói khổ, bệnh tật.

Bản chất của chiến tranh hoàn toàn mâu thuẫn với việc xây dựng đất nước đòi hỏi phải có hòa bình, ổn định. Những khó khăn của ta càng gay gắt trong hoàn cảnh một nước thuộc địa với nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, người dân từ xưa vẫn thiếu ăn, quân thù đã có mặt trên hầu khắp lãnh thổ, lại bị bao vây bốn phía, hoàn toàn không có nguồn chi viện vật chất từ bên ngoài. Những thành phố, thị trấn, những cơ sở vật chất về kinh tế, tài chính, công nghiệp, giao thông,... nơi thì bị quân địch chiếm đóng, nơi thì bị chúng tàn phá.

Pháp là một để quốc già đời có nhiều kinh nghiệm trong chiến tranh xâm lược những nước nhược tiểu. Cuộc tái xâm lược Việt Nam lần này được tiến hành với hình thức một cuộc chiến tranh về nhiều mặt, bao gồm cả quân sự, chính trị, ngoại giao, kinh tế, tài chính.

Ngay từ đầu kháng chiến toàn quốc, Pháp luôn luôn trù tính một cuộc tiến công chiến lược nhằm tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến và làm tan rã lực lượng chủ lực của ta, đi đôi với tổ chức một chính quyền tay sai. Với những phương tiện thông tin đại chúng mạnh mẽ và quan hệ quốc tế rộng rãi của một cường quốc phương Tây, Pháp đã bóp méo hình ảnh chính phủ ta thành những kẻ cầm đầu phiến loạn "cộng sản". Pháp tiến hành hàng loạt chính sách phá hoại ta về kinh tế, tài chính. Dịch dùng nhiều biện pháp phong tỏa kinh tế ta: chiếm các hải cảng, sân bay, kiểm soát thuế quan, cố gắng kiểm soát những tuyến đường bộ quan trọng và biên giới. Dịch chiếm Thủ đô và các thành phố lớn vốn là những trung tâm chính trị, văn hóa, kinh tế của ta. Dịch chiếm mô than Hòn Gai, vùng đồn điền cao su ở Nam Bộ, mở rộng phạm vi kiểm soát tại những tỉnh đồng bằng sông Cửu Long và sông Hồng là hai vùng trồng lúa chủ yếu để bóp nghẹt ta về lương thực. Trong những cuộc tiến công lớn và những trận càn, ngoài việc lùng tìm bộ đội chủ lực, du kích, đánh phá cơ sở, quân Pháp còn đốt phá lương thực, phá hoại mùa màng, giết trâu bò là sức kéo canh tác chủ yếu của ta. Dịch tung những hàng xa xỉ từ vùng tạm chiếm ra vùng tự do để lũng đoạn kinh tế ta, đồng thời kiên quyết ngăn chặn không để lọt ra ngoài lương thực, thuốc men và những hàng cần cho quốc phòng.

Ngay từ sau khi trở lại Việt Nam, địch đã kiên quyết tiến công ta về mặt tiến tệ. Đầu tiên, Pháp tuyên bố hủy bỏ tờ bạc 500 đồng, tờ bạc to nhất của Ngân hàng Đông Dương đang được lưu hành, cướp trắng một phần tài sản to lớn của nhân dân ta. Trước khi tiến công vào Việt Bắc bốn ngày, Pháp tuyên bố đổi hết những tờ bạc Đông Dương 100 đồng trong vòng một tháng. Một lần nữa Pháp lại cướp đi những đồng tiền ít ỏi của nhân dân vùng tự do, đặc biệt là làm cho ta không thể mua được ở vùng địch những thứ hàng thiết yếu cho kháng chiến.

Để ngăn chặn quân Pháp nhanh chóng mở rộng phạm vi chiếm đóng, chúng ta đã phá hoại tất cả những tuyến đường bộ, đường sắt, và buộc phải phá những thành phố, thị xã và một số cơ sở kinh tế mà Pháp đã xây dựng. Công việc này là cần thiết trong chiến tranh trước một kẻ địch bội phần mạnh hơn, nhưng cũng mang lại những ảnh hưởng tiêu cực trong xây dựng của ta. Những cuộc tiến công mở rộng phạm vi kiểm soát đất đai của quân Pháp đã kéo theo làn sóng ồ ạt những người tản cư và di cư. Người sản xuất bị tách khỏi môi trường sản xuất, không còn điều kiện tiếp tục hoạt động. Nhiều ngành sản xuất không còn nơi tiêu thụ, buộc người

sản xuất phải bỏ nghề hay đổi nghề. Những xáo động trong thời kỳ đầu chiến tranh gây nên

tâm lý không ổn định đối với người sản xuất, buôn bán. Những người có tiền không dám bỏ vốn làm ăn vì sợ chiến tranh lan tới.

Nha nước của chúng ta là một nhà nước do dân, vì dân, phải chăm lo cho độc lập, tự do, hạnh phúc của dân. Nhiệm vụ trước mắt là bảo đảm kháng chiến thành công, nhưng không thể không chú trọng xây dựng đất nước, xây dựng chế độ mới. Hai nhiệm vụ liên quan mật thiết với nhau. Vì người dân chỉ dốc hết tâm lực của mình vào công cuộc kháng chiến, nếu họ gắn bó với chế độ. Đường lối cơ bản của ta trong chiến tranh là: Vừa kháng chiến vừa kiến quốc.

Ngày 26 tháng 12 năm 1946, Hội đồng Chính phủ họp phiên khoáng đại dưới sự chủ tọa của Chủ tịch Hồ Chí Minh tại thị xã Hà Đông. Tham dự phiên họp, ngoài các thành viên chính phủ còn có các cụ Bùi Bằng Đoàn, Tôn Đức Thắng và linh mục Phạm Bá Trực trong Ban Thường vụ Quốc hội, các anh Phan Anh, Bùi Công Trừng, thành viên Ủy ban Kiến thiết.

Sau khi nghe Bộ Ngoại giao và Bộ Quốc phòng báo cáo, ai nấy đều tán thành kháng chiến đến cùng để giành lại nền độc lập hoàn toàn cho đất nước. Trong gian phòng kín, dưới ánh sáng nhỏ của ngọn đèn dầu, tất cả mọi người đều nắm tay giơ lên biểu thị ý chí của cả dân tộc đáp lại lời tuyên bố quyết chiến của Bác: "Chúng ta đem lực lượng của 20 triệu đồng bào chống lại mấy vạn thực dân Pháp. Chúng ta nhất định thắng lợi. Dù ta cần hy sinh bốn triệu hoặc tám triệu người mà nước ta được độc lập, dân ta được tự do, tổ tiên ta được về vang, con cháu ta được hạnh phúc, cũng còn hơn cúi đầu mà chịu làm nô lệ cho thực dân Pháp muôn đời".

Đây cũng chính là lời kêu gọi mà Người đã viết để gửi đồng bào ngày hôm trước.

Cuộc họp kéo dài đến 1 giờ sáng. Phía Hà Nội lửa cháy rực trời và rền vang tiếng súng.

àn đầu tiên chúng ta có một chính quyền do dân bầu. Công việc thật bỡ ngỡ. Trong cuộc họp Chính phủ đầu tiên, ngày 3 tháng 9 năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: "Các bạn và tôi, chúng ta đều chưa quen với kỹ thuật hành chính... Chúng ta vừa làm vừa học, vừa học vừa làm, chắc rằng chúng ta sẽ phạm khuyết điểm, nhưng chúng ta sẽ sửa chữa, chúng ta có can đảm sửa chữa khuyết điểm".

Bác rất coi trọng tăng cường sức mạnh và hiệu lực của chính quyền, làm cho chính quyền trở nên "mạnh mẽ, nhanh chóng, quyết đoán, thống nhất, tập trung", "đủ

khả năng điều khiển chiến tranh và kiến thiết chế độ dân chủ". Việc củng cố chính quyền các cấp là mối quan tâm thường xuyên của Bác và Trung ương.

Mặc dù hoàn cảnh kháng chiến đi lại khó khăn nhưng hằng năm chính phủ đều tổ chức hội nghị kháng chiến hành chính toàn quốc. Năm 1947 họp tại thị xã Sơn Tây đang tiêu thổ kháng chiến. Từ năm 1948 trở đi hội nghị hằng năm đều được tổ chức tại an toàn khu (ATK) ở Việt Bắc.

Tại các cuộc hội nghị này các bộ trình bày chủ trương, chính sách của Chính phủ về ngoại giao, quân sự, kinh tế, tổ chức chính quyền. Chúng tôi bàn bạc để thực hiện các chủ trương như phát triển sản xuất, đấu tranh kinh tế với địch, nghĩa vụ tòng quân, lệnh động viên sức người sức của, chăm lo công tác an ninh tình báo... Chính phủ cũng bàn với các khu, các tỉnh chấn chỉnh bộ máy chính quyền, sửa đổi lề lối làm việc, giải quyết mối quan hệ giữa trung ương và địa phương.

Tôi nhớ nhất là cuộc Hội nghị kháng chiến hành chính toàn quốc năm 1948, được tổ chức từ 21 đến 31 tháng 7. Hội nghị phải họp nhờ ở trong nhà dân chật chội. Vừa đúng vào mùa mưa rừng Việt Bắc, nước ngập mênh mông, địa điểm họp phải di chuyển. Tuy vậy 60 con người vẫn tập trung, khẩn trương làm việc.

Hội nghị đã nghe báo cáo của đồng chí Nguyễn Duy Trinh thay mặt cho Khu 5 và Nam Bộ, đồng chí Hồ Tùng Mậu báo cáo về tình hình Khu 4. Đây là hai báo cáo có giá trị, có nhiều kinh nghiệm về xây dựng chính quyền địa phương qua hơn 1.000 ngày kháng chiến, có nhiều tài liệu bổ ích và lý thú. Chúng tôi cũng phát hiện ra rằng tổ chức chính quyền từ trung ương đến địa phương có nhiều lủng củng.

Với tư cách là Bí thư Đảng đoàn Chính phủ, tôi được Bác ủy nhiệm đọc diễn văn bế mạc hội nghị. Hội nghị tuy dài ngày, nhiều khuyết điểm về chi tiết, nhưng đem lại nhiều kết quả. Thay mặt hội nghị, tôi hứa với Bác thực hiện nghiêm chỉnh các mệnh lệnh và chỉ thị của Chính phủ.

Các đại biểu ra về với niềm hứng thú vì những bài học bổ ích thu hoạch được tại hội nghị.

Bác rất quan tâm rèn luyện, giáo dục đạo đức cách mạng cho cán bộ chính quyền các cấp. Người luôn luôn nhắc cán bộ, đảng viên phải "cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư". Đầu năm 1947, Bác đã viết thư gửi các đồng chí Bắc Bộ và các đồng chí Trung Bộ. Người cần dặn phải đấu tranh

sửa chữa những căn bệnh của các cán bộ chính quyền thời đó. Đó là địa phương chủ nghĩa, bè phái hẹp hòi, quan liêu quân phiệt, ham chuộng hình thức, xa rời quần chúng, vô kỷ luật, ích kỷ, hù hóa. Cuối năm, Người viết cuốn "Sửa đổi lối làm

việc" dưới bút danh X.Y.Z. Đây là một cuốn sách rất bổ ích. Mọi người đều coi là cuốn sách gối đầu giường của mình. Ngay nhiều đồng chí cán bộ cao cấp trong chính phủ cũng chỉ đoán già, đoán non theo văn phong của Bác. Không ai nghĩ trong hoàn cảnh kháng chiến lúc ấy, cơ quan chính phủ còn đang di chuyển nay nơi này, mai nơi khác, công việc mọi mặt bộn bề, Bác lại có thể dành thời gian viết được cuốn sách như vậy để giáo dục mọi người.

Tác phong trong cuộc sống hằng ngày của Bác là tấm gương mẫu mực cho mọi người. Nhiều năm làm việc gần Bác cả trong những lúc khó khăn gian khổ đến những ngày sống giữa Thủ đô, tôi chưa hề bao giờ thấy Bác phàn nàn về cái nóng, cái lạnh. Có lẽ trong Người vẫn tâm niệm điều mà Người đã dạy cho cán bộ quân đội ta "Khi bộ đội còn chưa được ăn, cán bộ không được kêu mình đói. Khi bộ đội còn chưa đủ mặc, cán bộ không được kêu mình rét. Khi bộ đội chưa có chỗ ở, cán bộ không được kêu mình mệt".

Từ ngày rời Hà Nội, dù trong thời gian di chuyển dần lên Việt Bắc hay khi đã ổn định ở khu căn cứ an toàn, Chính phủ vẫn duy trì những cuộc họp Hội đồng Chính phủ hằng tháng. Có những tháng họp tới hai lần. Phiên họp nào cũng do Bác chủ trì. Địa điểm họp ban đầu là nhà của dân, sau này có hội trường riêng, tuy mái tranh phên nứa, nhưng đàng hoàng, trang trọng.

Bác thường ở xa nơi họp. Có khi phải băng rừng, leo đèo, lội suối hàng chục ki-lô-mét nhưng không khi nào Bác đến trễ giờ. Một lần dọc đường Bác lên cơn sốt, phải dùng võng để tới kịp giờ họp. Để đảm bảo bí mật, Bác thường cải trang và xuất hiện một cách bất ngờ. Nghệ thuật cải trang của Bác thật tài tình, lúc là một ông nông dân miền xuôi, lúc là một ông kẻ miền ngược khiến người quen cũng khó nhận ra.

Công việc kháng chiến bộn bề nhiều mặt. Cơ quan Chính phủ lại đóng phân tán nhiều nơi. Vì vậy, các cuộc họp Hội đồng Chính phủ thường phải kéo dài vài ba ngày, có ngày họp tới 2 - 3 giờ sáng mới xong công việc.

Ngày nay nhớ lại thấy khi đó hội họp cũng nhiều. Nhưng ở buổi ban đầu đó việc bàn bạc để đi đến nhất trí trong mọi thành viên của Hội đồng Chính phủ là cần thiết.

Thường thường, trước khi họp Hội đồng Chính phủ, tôi hội ý với anh Trường Chinh, xin ý kiến của Thường vụ Trung ương Đảng. Đảng đoàn họp trước để thống nhất ý kiến trong nội bộ và phác định chương trình. Những

khi bản phải đi mặt trận thì anh Lê Văn Hiến thay tôi chủ trì các cuộc họp này. Sau Đảng đoàn là họp Việt Minh đoàn. Đây là một tổ chức coi như nòng cốt của Hội

đồng Chính phủ. Do được chuẩn bị kỹ lưỡng nên những vấn đề nêu ra ở Hội đồng Chính phủ dễ đi đến nhất trí và được giải quyết nhanh chóng.

Một nghi thức cho đến nay vẫn để lại trong tôi ấn tượng sâu sắc, đó là các buổi lễ tuyên thệ. Mỗi bộ trưởng, thứ trưởng mới được bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng Chính phủ đều làm lễ tuyên thệ trước khi vào họp hội đồng. Lễ tuyên thệ tuy đơn giản nhưng trang nghiêm. Mọi người chứng kiến lời hứa hết lòng vì nước vì dân của một thành viên mới của Hội đồng Chính phủ.

Cuộc họp Hội đồng Chính phủ ngày 30 tháng 4 năm 1949 gây nhiều xúc động. Lần đầu tiên, Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa họp trong rừng của khu căn cứ an toàn, cùng một lúc truy điệu hai thành viên Hội đồng Chính phủ. Cụ Huỳnh vừa mất ở miền Trung và anh Hoàng Hữu Nam bị nước cuốn trên dòng sông Lô. Như vậy là Bộ Nội vụ cùng một lúc mất cả bộ trưởng và thứ trưởng. Anh Hoàng Hữu Nam là một cán bộ có nhiều triển vọng, từng cộng tác đắc lực với tôi khi tôi còn giữ chức Bộ trưởng Bộ Nội vụ. Chúng tôi làm lễ mặc niệm trên một nhà sàn. Mắt Bác rớm lệ. Bác nói qua tiểu sử và thành tích của hai người. Giọng Bác đau đớn như cùng một lúc vừa mất đi một người anh và một người con. Hội đồng Chính phủ đã nhất trí cử Bác Tôn và đồng chí Trần Duy Hưng làm Bộ trưởng và Thứ trưởng Bộ Nội vụ.

Những cuộc họp Hội đồng Chính phủ thời đó cũng là những buổi gặp gỡ lý thú. Anh em mỗi người ở một nơi, mỗi người đi công tác ở một vùng chiến trường. Đây là một dịp gặp mặt chuyện trò, trao đổi với nhau về tình hình, về công việc, về gia đình. Trong những ngày lễ, ngày Tết, gặp phiên họp Hội đồng Chính phủ, cuộc họp thường kết thúc bằng một tối liên hoan lửa trại "cây nhà lá vườn" do Bác chủ trì. Các bộ trưởng đều góp tiết mục: hát chèo, ngâm thơ, kể chuyện... Anh Phan Anh thường tập Kiều, anh Lê Văn Hiến thường được Bác yêu cầu hát bội.

Để đẩy lùi âm mưu của địch chia rẽ Bắc, Trung, Nam, chia rẽ dân tộc, lương giáo, giàu nghèo, Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam, khối đại đoàn kết toàn dân ngày càng được củng cố. Bác thường nhắc cán bộ phải chống xu hướng hẹp hòi, "nhất là thái độ hẹp hòi đối với phú hào, nhân sĩ, trí thức", "phải gây một không khí tin cậy, thân mật, đoàn kết thật thà, gian nan cùng chịu, vinh dự cùng chia".

Cùng với việc củng cố mặt trận, củng cố chính quyền, Bác và Thường vụ đặc biệt coi trọng công tác xây dựng Đảng. Số đảng viên sau Tổng khối nghĩa

rất ít. Để đáp ứng yêu cầu lãnh đạo ở mọi ngành, mọi cấp, từ trung ương tới địa phương, đặc biệt là trong lực lượng vũ trang, ngày 1 tháng 6 năm 1948, Thường vụ ra chỉ thị thi đua xây dựng Đảng. Đối tượng phát triển Đảng là những cán bộ, chiến

sĩ ưu tú đã được rèn luyện, thử thách trong kháng chiến. Trong hai năm 1948, 1949, Đảng ta đã có thêm nữa triệu đảng viên. Cuộc vận động thi đua ấy đã đem lại những kết quả tốt, nhưng cũng không tránh khỏi những nhược điểm và khuyết điểm.

Để nghiên cứu kế hoạch kháng chiến toàn diện đệ trình Chính phủ duyệt và thực hiện kế hoạch, từ ngày 19 tháng 8 năm 1948, Nhà nước đã thành lập Hội đồng Quốc phòng tối cao. Bác là Chủ tịch hội đồng, anh Lê Văn Hiến là Phó Chủ tịch, tôi và mấy anh khác là ủy viên hội đồng. Nhờ có hội đồng những hoạt động của mọi ngành trong kháng chiến phối hợp nhịp nhàng, có kế hoạch và tăng thêm hiệu lực. Công việc của Bác ngày càng bận rộn.

Qua mấy năm kháng chiến, chế độ mới ngày càng củng cố. Chúng ta đã có một nhà nước dân chủ nhân dân thực sự của dân, vì dân, một khối đoàn kết dân tộc rộng rãi và vững chắc, một nếp sống văn hóa lành mạnh. Đó là bảo đảm vững chắc cho lực lượng vũ trang hoàn thành nhiệm vụ ngày càng lớn của mình.

Sau thất bại của cuộc tiến công Việt Bắc, trong một cuộc họp báo ở Hà Nội, một viên sĩ quan Pháp đã giải thích là không hề có chính phủ Việt Minh như người Pháp vẫn lầm tưởng, chỉ có những căn nhà lá tồi tàn với những bộ trưởng ba lô trên lưng, hồ sơ đựng trong xà cột, sẵn sàng lẩn trốn vào rừng khi quân Pháp xuất hiện. Về bề ngoài, anh ta không quá nói ngoa. Nhưng điều rất lớn mà viên sĩ quan không hiểu, chính là ở trong những ngôi nhà lá với những ông bộ trưởng như vậy, những quyết định quan trọng của nhà nước Việt Nam đã ra đời và sẽ chôn vùi số phận quân đội viễn chinh.

3

inh tế là một bộ phận quan trọng của cuộc kháng chiến toàn diện của dân tộc ta. Những cuộc họp Hội đồng Chính phủ, ngoài những vấn đề về quân sự, ngoại giao, lần nào cũng có bàn về kinh tế, tài chính, nội thương, ngoại thương, xây dựng và củng cố hậu phương.

Trung ương rất kiên trì chủ trương ngoài Việt Bắc là căn cứ địa chính của cả nước, cần xây dựng hậu phương thứ hai ở đất Hoan - Diễn. Vì vậy đã bố trí ở Thanh Hóa những cán bộ có năng lực và uy tín: anh Đặng Thai Mai,

anh Tô Hữu, anh Đặng Việt Châu. Và kể từ đầu kháng chiến cho tới sau này, Bác đã sáu lần về thăm, sáu lần viết thư giao nhiệm vụ, 13 lần viết thư khen.

Hậu phương vững chắc là một nhân tố cơ bản của thắng lợi. Đất ta hẹp, ta không có khả năng xây dựng những căn cứ địa bao la rộng lớn như Trung Quốc. Trung ương

Đảng ta chủ trương xây dựng những hậu phương quy mô thích hợp trên những địa bàn chiến lược quan trọng, xây dựng về chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa; coi trọng cả những căn cứ du kích sau lưng địch. Chúng ta coi hậu phương vững chắc nhất là ở trong lòng dân.

Chúng ta bước vào kháng chiến với một nền kinh tế dân chủ nhân dân đang ở giai đoạn ban đầu. Ba thành phần kinh tế: kinh tế nhà nước, kinh tế hợp tác xã, kinh tế tư nhân thì hai thành phần kinh tế đầu mới chỉ hình thành, thành phần kinh tế tư nhân chiếm đa số thì lại bị ảnh hưởng của chiến tranh. Nền kinh tế đó lại bị giặc Pháp phong tỏa, bao vây.

Địch phong tỏa và bao vây ta về kinh tế, ta đề ra chính sách tự túc tự cấp trong toàn quốc và ở từng địa phương để kháng chiến lâu dài.

Ta giúp đỡ sản xuất của tư nhân vì kinh tế tư nhân là bộ phận lớn nhất và có ảnh hưởng mạnh nhất của nền kinh tế lúc bấy giờ.

Thiếu một nền công nghiệp chế tạo, ta chủ trương phát triển ngành nghề thủ công, sử dụng nguyên liệu địa phương để sản xuất, đáp ứng những nhu cầu thiết yếu cho chiến đấu, sản xuất và sinh hoạt.

Hoàn cảnh kháng chiến buộc ta phải phân tán, phải phá hoại, nhưng ở nơi hậu phương ta cũng vẫn khuyến khích mở chợ, sửa đường, phát triển vận tải để phân phối điều hòa nguyên liệu, sản phẩm, kích thích sản xuất.

Vấn đề lương thực được đặt lên hàng đầu. Bác kêu gọi:

Ruộng rẫy là chiến trường.

Cuốc cày là vũ khí

Nhà nông là chiến sĩ,

Hậu phương thi đua với tiền phương.

Những cải cách về ruộng đất của chính phủ như triệt để giảm tô, thực hiện giảm tức, tạm cấp ruộng đất vắng chủ cho dân nghèo, cho nông dân vay tiền sản xuất làm cho đại đa số nông dân ở vùng tự do phấn khôi.

Chính phủ lại chăm lo tu bổ đề điều, đắp đập khai mương, đẩy mạnh công tác khuyến nông, phổ biến các biện pháp thâm canh: nước, phân, cần, giống, nhờ đó mà mùa màng ổn định, năng suất tăng cao.

Ta lai dng vien toan dan tang gia san xuat. Cac uy ban tu tuc tu cap ve an mac duoc lap ra khap noi. B doi, co quan, xi nghiep, truong hoc deu phai danh thai gian san

xuat nham tu tuc lay luong thuc, vua giai quyet mot phan nhu cau cua ban than, vua giam nhe ganh nang dong gop cua nhan dan.

Nhiêu nơi sẵn trồng bạt ngàn trên nương rẫy, mía ngô phủ kín bãi ven sông. Nương của bộ đội, nương của cơ quan, xí nghiệp được mở ra san sát, bên cạnh nương của đồng bào.

Nhò vậy, ruộng vườn có bị chiến tranh thu hẹp, đất đai bị chia cắt, nhưng sản lượng lương thực không giảm. Nạn đói không xảy ra nghiêm trọng ở bất cứ đâu trong vùng tự do. Đòi sống của những người nghèo khổ so với trước cách mạng đã khá hơn nhiều.

Chúng ta khuyến khích trồng bông, trồng dâu, nuôi tầm. Nghề kéo sợi, dệt thủ công được phục hồi và phát triển, nhờ đó vấn đề mặc được giải quyết một phần. Chỉ riêng Liên khu 4, năm 1949 đã dệt được 12 triệu 812 nghìn thước vải. Liên khu 5 đã tự túc được về mặc. Những bộ quân phục xi-ta bên đẹp đã trở thành niềm tự hào của liên khu.

Địch tìm cách phá hoại các cơ sở công nghiệp, thủ công nghiệp của ta. Ta chủ trương thực hiện sản xuất quy mô nhỏ, phân tán. Quy mô nhỏ không những có lợi về mặt đề phòng giặc ném bom phá hoại mà còn thích hợp cho việc huy động vốn của dân lúc đó. Ta cũng chú trọng mở rộng dần cơ sở của kinh tế nhà nước và gây dựng cơ sở ban đầu của kinh tế hợp tác xã.

Ngay trong những ngày đầu kháng chiến, Chính phủ đã chủ trì nhiều cuộc họp với các nhà trí thức và kỹ sư tại Vân Đình để bàn việc mở mang công nghiệp của đất nước. Ai nấy đều tỏ ra sốt sắng tham gia vào công việc kiến thiết ở hậu phương. Sau này một số anh em được trưng dụng vào quân giới đã có nhiều đóng góp cho việc sản xuất vũ khí của quân đội.

Cùng với công nghiệp quốc phòng phát triển vượt bậc, các ngành công nghiệp khác hướng vào nhu cầu quốc phòng và đời sống dân sinh, thay thế hàng ngoại cũng hoạt động mạnh. Trong ba năm đầu kháng chiến ta đã khai thác được hơn hai vạn tấn than, 6.000 tấn phối phát, 300 tấn diêm tiêu; đã sản xuất được một số hóa chất cơ bản: axít, xút, cồn 90 độ; đã đặt vấn đề nghiên cứu luyện kim theo quy mô nhỏ.

Các ngành thủ công nghiệp dần dần được khôi phục: nghề muối, nghề dệt, đường mật... Đặc biệt nghề giấy phát triển mạnh trên cả nước. Toàn quốc có 553 xưởng giấy, đã sản xuất trong năm 1949 được 1.587 tấn. Từng địa phương, với thế mạnh về nguyên liệu của mình đã có những mặt hàng trao đổi trên thị trường của từng vùng. Lưu thông hàng hóa ngày một phát triển.

Cùng với việc xây dựng nền kinh tế tự chủ, chúng ta đã xây dựng một nền tài chính độc lập. Bằng cách phát hành đồng bạc Việt Nam, ta đã loại trừ ảnh hưởng của đồng tiền Đông Dương do Pháp phát hành.

Với sự thận trọng và khôn khéo, chúng ta đã từng bước cho ra đời tỏ bạc đầu tiên của Việt Nam.

Ngày 2 tháng 2 năm 1946, tờ bạc Việt Nam được phát hành hầu khắp các tỉnh Nam Trung Bộ từ vĩ tuyến 16 trở vào, nơi không có sự phá rối của quân đội nước ngoài.

Ngày 3 tháng 11 năm 1946, để đối phó với mưu mô lũng đoạn tiền tệ của thực dân Pháp, Chính phủ ra sắc lệnh lưu hành tờ bạc Việt Nam trên toàn quốc.

Tháng 4 năm 1948, Hội đồng Chính phủ đã ra sắc lệnh bắt đầu từ ngày 22 tháng 5 năm 1948 thủ tiêu giấy bạc Đông Dương thay thế bằng giấy bạc Việt Nam, cắt đứt cái ràng buộc cuối cùng của thực dân Pháp.

Việc đảm bảo cung cấp một lượng giấy bạc đáp ứng nhu cầu của kháng chiến là một cố gắng lớn của cán bộ, công nhân ngành tài chính .

Cơ sở vật chất nhỏ bé, lại bị địch đánh phá nhiều lần. Có khi sản xuất ngưng trệ cả tháng vì máy móc hư hỏng, vật tư thiếu thốn. Tờ bạc 500 đồng in được một mặt thì hết hóa chất bicromat amôn. Mua ở vùng địch tạm chiếm thì không có, gửi mua ở Hồng Kông thì chưa biết bao giờ về. Giám đốc nhà máy phải nhờ anh em cán bộ kỹ thuật quân giới Bộ Quốc phòng nghiên cứu điều chế giúp.

Qua ba năm kháng chiến, mặc dù chiến trường chia cắt, tiền tệ vẫn thống nhất. Ban đầu ta dự kiến có thể các địa phương sẽ tự động phát hành giấy bạc để tự cấp theo nhu cầu. Tình trạng ấy sẽ làm cho trong nước có nhiều tờ giấy bạc khác nhau với các giá trị khác nhau. Chuyện đó đã không xảy ra. Trên toàn quốc chỉ lưu hành một loại giấy bạc do Trung ương phát hành, trừ Khu 5 có thêm một thư tín phiếu. Mặc dầu không có trữ kim và ngoại tệ mạnh bảo đảm, nhưng với tinh thần yêu nước, lòng tin vào tiền đồ kháng chiến của nhân dân, đồng bạc Việt Nam trong những năm đầu vẫn giữ được tương đối ổn định. Đó là một thành công lớn.

Nếu không kể những cuộc ném bom, bắn phá của máy bay địch, căn cứ địa Việt Bắc đã có hai năm yên tĩnh. Sau khi địch rút khỏi Bắc Kạn, khu căn cứ không còn bị đe dọa. Dọc những đường lớn, hàng quán mọc lên nhiều, không khí buôn bán trở lại nhộn nhịp. Nhưng riêng về lương thực, do Pháp mở rộng lấn chiếm đồng bằng và trung du nên tình hình trở nên rất gay gắt. Bộ đội thiếu ăn. Bữa cơm ở cơ quan thường là sắn công cơm. Do địch bao vây

ta ráo riết về lương thực, giá gạo tăng vọt. Đồng bạc Việt Nam bắt đầu mất giá. Ngoài việc bao vây lương thực, địch còn tiến công trực tiếp vào đồng bạc Việt Nam bằng cách in tiền giả tung vào vùng tự do, đánh phá những nơi chúng nghi là cơ sở in giấy bạc của Bộ Tài chính. Trong năm 1949, những cơ sở của Bộ Tài chính đã hai lần bị địch ném bom.

Để khắc phục tình hình này, Bộ Tài chính có hai đề nghị được Hội đồng Chính phủ bàn bạc rất nhiều, thảo luận rất sôi nổi. Một là chuyển sang thu thuế bằng thóc và ban hành công trái kháng chiến. Nếu thu thuế bằng thóc, ta sẽ có được một phần lương thực để cấp phát cho bộ đội và những người làm việc cho Nhà nước, làm dịu những khó khăn gay gắt về lương thực lúc này. Thu thuế bằng thóc sẽ góp phần ổn định đồng tiền Việt mà ta không muốn in nhiều và cũng không có khả năng in nhiều. Nhưng phải tính tới kho chứa thóc, điều kiện bảo quản, khả năng vận chuyển và hệ số an toàn rất thấp trong điều kiện chiến tranh hiện nay. Hai là phát hành tờ 500 đồng bạc Việt Nam. Việc phát hành tờ 500 đồng cho phép ta có được một khoản dự trữ mà ta đang rất cần. Nó hợp với khả năng in ấn có hạn của ta. Nhưng tung một tờ bạc lớn ra trong điều kiện đồng tiền đang mất giá có thể làm cho tình hình càng trầm trọng hơn. Đồng tiền lớn sẽ khó sử dụng trong chi tiêu, thanh toán. Và địch càng có cơ hội phá giá đồng tiền của ta với cách in tiền giả mà chúng đang làm... Cuối cùng, ta vẫn phải quyết định thu thuế bằng thóc và phát hành đồng 500 sau khi đã tính một số biện pháp về tổ chức để phòng ngừa.

Về phía địch, âm mưu lấy chiến tranh nuôi chiến tranh gặp nhiều khó khăn. Cùng với chính sách tiêu thổ kháng chiến, ta chủ trương kiên quyết bao vây kinh tế địch. Ta ngăn chặn không cho hàng địch đưa vào vùng ta, nhất là các hàng xa xỉ phẩm. Đồng thời ta tổ chức thống nhất việc tiếp liệu để có thể mua được các hàng cần thiết từ vùng địch. Có lúc, có nơi việc bao vây kinh tế địch làm quá chặt, ảnh hưởng đến ta, Trung ương phải uốn nắn. Nhìn chung, chủ trương bao vây kinh tế của địch có điều chỉnh là cần thiết. Những nơi buôn bán nhộn nhịp như Cống Thần, Chợ Đại dần dần xuất hiện.

Kế hoạch phục hồi kinh tế Đông Dương của địch cũng phá sản. Địch không thực hiện được kế hoạch chiếm đóng và xây dựng lại những vùng kinh tế quan trọng, những khu vực có khả năng về công nghiệp và nông nghiệp. Tứ giác Lạng Sơn, Móng Cái, Hà Nội, Hải Phòng, vùng Tây Nguyên, khu vực từ Cam Ranh vào Nam Bộ không lúc nào vắng tiếng súng kháng chiến.

Phong trào đấu tranh của công nhân trong vùng cách kiểm soát ngày một phát triển, lúc thì gây phong trào lãn công, lúc thì bí mật phá hoại máy móc

vật tư, nguyên liệu, gây cho địch không ít tổn thất. Sản xuất than, cao su... không đạt yêu cầu, xuất khẩu giảm sút. Nhất là từ năm 1949, sau khi có một kế hoạch thống nhất giữa Bộ Quốc phòng - Tổng tư lệnh với Tổng liên đoàn lao động Việt Nam, việc phá hoại kinh tế địch lại càng đi vào chiều sâu. Tóm lại, khó khăn của ta là khó khăn của bước đường đi đến thắng lợi, khó khăn của địch là khó khăn trên con đường đi xuống, không thể nào khắc phục được.

4

rong phiên hqp đầu tiên của Hội đồng Chính phủ ngày 3 tháng 9 năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: "Nạn dốt là một trong những phương pháp độc ác mà bọn thực dân Pháp dùng để cai trị chúng ta. Hơn 95 phần trăm đồng bào chúng ta mù chữ... Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu". Sắc lệnh số 20/SL của Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa bắt buộc mọi người học chữ quốc ngữ và không mất tiền, hạn trong một năm tất cả mọi người từ tám tuổi trở lên đều phải biết đọc, biết viết chữ quốc ngữ.

Sau ngày kháng chiến toàn quốc, nhiều người có quan niệm: Việc học chữ không cấp bách bằng đánh giặc, kháng chiến thành công rồi học cũng chưa muộn. Đảng ta đã sớm uốn nắn quan niệm này. Nha Bình dân học vụ đề ra những khẩu hiệu: "Đi học là kháng chiến", "Có học thì kháng chiến mới thành công!... Ngày 1 tháng 8 năm 1948, Nha Bình dân học vụ phát động trong cả nước một chiến dịch diệt dốt quyết huy động toàn lực giành một thắng lợi quyết định trong công tác xóa nạn mù chữ. Đến giữa năm 1949, cả nước đã có trên 10 triệu người thoát nạn mù chữ, bao gồm đồng bào ở các vùng đồng bằng, miền núi, vùng dân tộc ít người, vùng Thiên chúa giáo và cả vùng dịch hậu, chín tỉnh tuyên bố hoàn thành về cơ bản việc thanh toán nạn mù chữ: Hà Tĩnh, Thái Bình, Hà Nam, Ninh Bình, Hưng Yên, Phúc Yên, Quảng Ngãi, Phú Yên và Bình Định. Hà Tĩnh dẫn đầu phong trào được Bác gửi thư khen.

Từ năm 1947, Bộ Giáo dục đã gấp rút khôi phục và mở thêm một số trường phổ thông, mở những hội nghị bàn về sửa đổi chương trình, cải cách giáo dục, cải tổ hệ thống trường học cho phù hợp với những yêu cầu và điều kiện của kháng chiến. Từ Liên khu 5 trở ra, có khá nhiều trường tiểu học, trung học. Tới năm 1949, ta đã có Trường Đại học Y khoa, lớp dự bị đại học văn khoa, lớp dự bị đại học về toán. Quân đội mãi mãi nhớ ơn Trường Đại

học Y khoa, đặc biệt là các anh Hồ Đắc Di, Tôn Thất Tùng, Phạm Ngọc Thạch, Đặng Văn Ngữ... đã đào tạo đội ngũ cán bộ quân y, quân dược. Chúng ta cũng ghi nhớ công lao ngành giáo dục đã cung cấp cho quân đội những thanh niên có trình độ

văn hóa phục vụ cho việc xây dựng các bình chủng kỹ thuật trong thời kỳ bộ đội ta chuyển lên đánh lớn.

Chiến tranh đã đẩy rất đông người kháng chiến về những miền trung du, rừng núi, nhiều nơi chưa được khai phá, trước đây còn bị coi là "ma thiêng nước độc". Lương thực khó khăn, thuốc men cực kỳ thiếu thốn, lại thêm nếp sinh hoạt hằng ngày của người dân nhiều vùng còn lạc hậu. Chính quyền kháng chiến cùng với các ngành chuyên môn đã có nhiều cố gắng trong việc chăm lo bảo vệ sức khỏe cho nhân dân.

Vói phuong cham "phong benh la chinh", cuoc van dong nep song ve sinh voi phong trao ba sach: "an sach, uong sach, o sach" da phat trien rong rai o nhiêu dia phuong. Khau chua benh duoc chu y, tur dao tao can bo chuyen mon, san xuat thuoc den xay dung co so y te. Cac lien khu deu co mot he thong y te tur tinh den xa. Trong bo doi, he thong quan y co toi co so trung doi. Tinh toi nam 1950, rieng nganh dan y cua Lien khu Viet Bac co 17 benh vien, mot tram giai phau, 135 tram cnu thuong, 77 nha ho sinh, 173 phong phat thuoc. O cap xa co 128 tu thuoc, 224 can bo ve sinh. Tinh hinh nay dap ung mot, phan nhu cau chua benh cua nhan dan. Chi voi nhung dung cu tho so va vat lieu tai chô, bac si Dang Van Ngu da nghien cnu va san xuat thanh song thuoc khang sinh Pe-ni-xi-lin dang don gian... va bac si Ton That Tung da tim ra nhung phuong phap dieu tri moi cho mot so benh gan, mat... Viec chua benh bang Dong y va su dung cay thuoc Nam cung duoc nhiêu dia phuong chu y va thu duoc nhiêu ket qua.

Trong nhung nam khang chien, 8 vung tq do khong co dich benh lon. Chung ta da han che duoc dang ke nhung benh sot ret, kiet ly 8 vung rung nui khong de anh huong lon toi nhiem vu chien dau va phuc vu chien dau.

Đê cương văn hóa năm 1943 của Đảng với phương châm "dân tộc - khoa học - đại chúng" đã thu hút nhiều nhà văn hóa, nhà văn, nhà nghệ sĩ từ bỏ tháp ngà lên đường đấu tranh cách mạng. Hai tác phẩm: "Kháng chiến nhất định thắng lợi", "Chủ nghĩa Mác và vấn đề văn hóa Việt Nam" của đồng chí Trường Chinh những năm đầu kháng chiến đã đặt nền móng cho một nền văn hóa Việt Nam mới trong chiến tranh cách mạng giải phóng dân tộc. Đường lối văn hóa của Đảng đưa văn hóa Việt Nam trở về với cội nguồn dân tộc, chống lại những xu hướng duy tâm, mê tín lạc hậu; và đặc biệt đưa văn hóa trở về với số đông, là đại bộ phận nhân dân, sẽ quyết định thắng lợi của

sự nghiệp cách mạng. Với nền văn hóa mới, văn nghệ sĩ trở thành những người "chiến sĩ trên mặt trận tư tưởng", văn học nghệ thuật trực tiếp góp phần vào công cuộc đấu tranh giành độc lập, tự do. Đây là những thay đổi rất cơ bản so với nền văn hóa trước cách mạng trong xã hội thực dân phong kiến.

Với những phương tiện cực kỳ eo hẹp, những tờ báo tường, báo in đá, tạp chí, truyện in với số lượng ít trên giây giang, những bản nhạc chép tay, truyền miệng... văn nghệ kháng chiến vẫn có mặt trên khắp nẻo đường kháng chiến. Đâu đâu cũng có liên hoan, hát múa. Tiếng đồng ca vang vang khắp xóm vắng, hang cùng. Văn hóa kháng chiến đã đáp ứng nhu cầu tình cảm của chiến sĩ, nhân dân ta trong chiến tranh. Nhân dân thương yêu, chăm sóc, che chở cho bộ đội như con, em. Người ở mặt trận nhớ tới người ở hậu phương. Đồng bào miền xuôi, miền ngược coi nhau như người trong một gia đình. Văn hóa, văn nghệ kháng chiến đã có những cống hiến to lớn trong suốt ba mươi năm chiến tranh.

Trong năm 1948, tôi đã gặp lại một thầy học cũ, cụ Võ Liêm Sơn. Những năm hai mươi thầy Võ Liêm Sơn dạy ở trường Quốc học Huế. Năm 1927, tôi tham gia cuộc tổng bãi khóa của học sinh ở Huế. Sau đó cùng với mấy người bạn đi vào Đà Nẵng, Quy Nhơn để tìm đường xuất dương. Khi tôi quay lại Huế, vì giới cầm quyền thành phố để ý nên khó tìm nơi tá túc. Chính thầy Sơn đã bảo tôi về ở tại nhà thầy. Ở đây tôi đã được đọc cuốn sách đầu tiên viết về chủ nghĩa Mác.

Cụ Võ Liêm Sơn ghé qua Bộ Tổng chỉ huy sau khi đi dự Đại hội văn hóa toàn quốc về. Hai mươi năm mới gặp lại thầy Sơn, tôi rất xúc động. Thầy đứng lặng nhìn tôi một lúc, rồi lấy khăn tay lau nước mắt. Ngày ấy tôi là một cậu học trò nghèo, được thầy cứu mang lúc khó khăn và tạo điều kiện cho hiểu thêm về cách mạng.

Tôi biết những giọt nước mắt của thầy hôm nay là những giọt nước mắt hạnh phúc.

ân xuất quốc phòng là mối quan tâm hàng đầu của nhà nước non trẻ trong vòng vây của đế quốc. Chỉ 13 ngày sau khi tuyên bố độc lập, Bác đã quyết định thành lập tổ chức ban đầu của ngành quân giới với hai nhiệm vụ: thu thập, mua sắm vũ khí và tổ chức cơ sở sản xuất vũ khí.

Ngày 25 tháng 9 năm 1945, với danh nghĩa Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, theo lệnh của Bác, tôi ký giấy ủy nhiệm cho đồng chí Nguyễn Ngọc Xuân "có đủ quyền trưng thu các xưởng và tất cả các vật liệu cần thiết cho kỹ nghệ bình khí để cũng cố việc quốc phòng".

Với nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, các ngành công nghiệp vật liệu, công nghiệp chế tạo chưa có, lại bị chiến tranh tàn phá, chúng ta chưa có cơ sở vật chất cho ngành công nghiệp sản xuất vũ khí ra đời. Vì vậy, khi Chính phủ hỏi ý kiến một số các nhà trí thức cao cấp trong nước để sản xuất vũ khí thì nhiều anh em cho là ta không làm được.

Nhưng trong điều kiện bị bao vây bốn bề, chúng ta phải nhất thiết vượt qua mọi khó khăn trở ngại, tổ chức sản xuất bằng được những thứ vũ khí có thể sản xuất được để cung cấp cho bộ đội và dân quân chiến đấu với quân thù.

Hàng loạt các tổ sửa chữa vũ khí và chế tạo vũ khí ở các chi đội bộ đội ở Nam Bộ, các binh công xưởng ở các tỉnh, các khu từ Bắc chí Nam ra đời. Máy móc, nguyên liệu lấy từ cơ sở công nghiệp dân dụng nhỏ bé. Lực lượng nòng cốt là đông đảo công nhân từ các cơ sở công nghiệp, học sinh các trường kỹ nghệ, các trí thức yêu nước. Công việc thì từ nhồi nạp lại đạn, sửa chữa các loại súng, rèn dao găm, mã tấu, đến sản xuất lựu đạn, địa lôi, súng kíp. Tháng 12 năm 1945, trong chuyến đi công tác miền Nam, tôi đã đến thăm xưởng quân giới Đồng Trăng của Khánh Hòa. Xưởng này dựa vào nhà máy sơ chế cao su của đồn điền Đồng Trăng và máy móc, vật liệu lấy từ ga Phú Xuân Long. Với khoảng 50 cán bộ, công nhân, trước hết rèn giáo, mác, về sau sửa chữa súng trường, súng máy, sản xuất lựu đạn nhằm đáp ứng cho mặt trận ngày một lan rộng.

Kháng chiến toàn quốc bắt đầu. Tôi chỉ thị cho ngành quân giới tổ chức những xướng vũ khí nhỏ, gọn, theo phương châm "tiểu quy mô, cơ động, linh hoạt, dễ di chuyển khi cần thiết" phù hợp với hoàn cảnh kháng chiến; để thực hiện quan điểm chiến tranh nhân dân, vũ trang toàn dân phải chuyển mạnh sang sản xuất những vũ khí thô sơ, thông dụng, chủ yếu là lựu đạn, mìn để tiến hành đánh du kích. Loại vũ khí thông dụng này ngành sản xuất vũ khí của ta có thể sản xuất nhanh, nhiều, cung cấp kịp thời cho các mặt trận.

Sản xuất vũ khí luôn luôn là một nhiệm vụ được nhắc nhở trong các hội nghị quân sự cũng như các nghị quyết của Trung ương. Tôi còn nhớ tại Hội nghị quân sự toàn quốc lần thứ ba tổ chức tại Trúc Sơn, huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Đông, một vấn đề được trao đổi sôi nổi là việc sản xuất vũ khí. Một điều khiến hội nghị quan tâm đến nhiều là phải có một thứ vũ khí nào đó có thể chiến đấu có hiệu quả với xe tăng, cơ giới của địch. Tôi mời

đồng chí Trần Đại Nghĩa, người vừa được Bác bổ nhiệm làm Cục trưởng Cục Quân giới phát biểu ý kiến. Anh Trần Đại Nghĩa là một trí thức Việt kiều ở Pháp được Bác đưa về nước tham gia kháng chiến. Chính anh là người đã đem lại cho đội ngũ cán bộ khoa học trẻ của ta lúc bấy giờ những kiến thức cơ bản về lý luận và công nghệ sản xuất vũ khí.

Anh Nghĩa cho biết anh đang chỉ đạo một nhóm cán bộ thí nghiệm để hoàn chỉnh đạn ba-dô-ca trong thời gian ngắn nhất. Đây là một nhiệm vụ ta đã đề ra từ trước. Trong chuyến đi thăm xuống quân giới Giang Tiên ở Thái Nguyên, tháng 3 năm 1946, tôi đã giao cho Cục Quân giới sản xuất súng và đạn ba-dô-ca theo mẫu khẩu

súng của Mỹ thả dù cho ta ở Tân Trào trước Tổng khởi nghĩa. Trong nước, anh em quân giới đã sản xuất được súng, nhưng riêng quả đạn thì chưa thành công. Vừa từ Pháp về, anh Nghĩa bắt tay ngay vào nghiên cứu đạn ba-dô-ca, tính toán để sử dụng các thuốc đẩy, thuốc phóng ta sẵn có thay thế các nguyên liệu của Mỹ.

Ngày 5 tháng 3 năm 1947, lần đầu tiên ba-dô-ca do ta chế tạo đã bắn cháy xe tăng của địch, góp phần bẻ gãy cuộc hành quân vây quét vùng Chương Mỹ - Quốc Oai.

Tôi được biết rằng, sau đó anh Nghĩa và anh em quân giới còn phải mất một thời gian tiếp tục nghiên cứu mới có được súng đạn ba-dô-ca hoàn chỉnh để trang bị cho bộ đội.

ở Nam Bộ không có điều kiện để sản xuất ba-dô-ca, kỹ sư Lê Tâm đã nghiên cứu ra ba-dô-min (một loại mìn lõm) để đánh cơ giới địch. Ba-dô-min đã được sử dụng có hiệu quả trong trận La Ngà cũng như trong các trận diệt tháp canh của địch. Sau này các anh đã nghiên cứu chế tạo thành công súng và đạn SS với nhiều loại khác nhau. SS cũng theo nguyên lý không giật, kết cấu đơn giản, tiết kiệm được thuốc phóng.

Phương hướng sản xuất vũ khí được chỉ rõ trong Nghị quyết của Hội nghị Trung ương tháng 4 năm 1947 "Chú trọng chế tạo các vũ khí chống xe tăng, chống ca-nô (ba-dô-ca, địa lôi, v.v.), và vũ khí thô sơ như lựu đạn, súng kíp; phải chống khuynh hướng coi thường vũ khí thô sơ mà chỉ chú trọng vũ khí tối tân; đồng thời chống khuynh hướng thiên về chế tạo vũ khí thô sơ mà không để ý hay không gắng sức chế tạo và học dùng vũ khí "tối tân". Phổ biến cách chế tạo lựu đạn và súng kíp đơn giản cho dân theo và tự vũ trang".

Cùng với việc phát triển mạnh mẽ sản xuất lựu đạn, mìn với kỹ thuật ngày càng hoàn thiện, ngay năm đầu toàn quốc kháng chiến, năm 1947, ta đã thành công trong sản xuất vũ khí chống chiến xa địch như ba-dô-ca, AT và súng đạn bắn cầu vồng các loại như cối, lựu phóng.

Năm 1948, ở Bắc Kạn, trước khi dự hội nghị chuyên môn quân giới toàn quốc, tôi đã dự cuộc bắn thử súng cối cỡ 187mm. Súng được làm bằng vô bình ô-xy, đạn nặng 30 ki-lô-gam, tầm bắn xa nhất được hai ki-lô-mét. Kết quả ban đầu cho thấy độ tản mát quá lớn, còn phải tiếp tục nghiên cứu hoàn chỉnh. Sau này cỡi 187mm được trang bị làm pháo đi cùng với các đơn vị bộ binh.

Nói về sản xuất vũ khí không thể không nói đến một thành công lớn của quân giới nước ta trong những năm chiến đấu trong vòng vây. Đó là việc chế tạo thành công súng không giật SKZ 60. Đây là loại vũ khí công đồn. Súng SKZ 60 chỉ nặng có 26 ki-lô-gam lại có thể tháo rời để dễ mang vác. Đạn SKZ 60 là đạn lõm, nặng 9 ki-lô-

gam, có khả năng xuyên bê tông dày 60 xăng-ti-mét (gấp ba lần ba-dô-ca 60). Xuất trận lần đầu ở chiến dịch Lê Hồng Phong I, trong trận Phố Lu, SKZ 60 đã tỏ ra có hiệu quả trong phá lô cốt địch. SKZ 60 nhanh chóng trở thành vũ khí trợ chiến có hiệu lực của các đơn vị bộ binh. Sau này trong cuốn "Chiến tranh Đông Dương", Luy-xiêng Bô-đa viết: "Nhưng, cái thứ gây khó khăn cho chúng tôi, cái thứ xuyên thủng bê tông dày 60 xăng-ti-mét là những quả đạn SKZ 8 ki-lô-gam mà người Việt chế tạo trong các hang núi ở Chi Nê... chỉ cần vài quả là đủ tiêu diệt tháp canh của chúng tôi".

Được tin về những thành tích chiến đấu của SKZ 60, tôi cho gọi đồng chí Hoàng Đình Phu, lúc đó là Phó Giám đốc Nha Nghiên cứu kỹ thuật của Cục Quân giới lên báo cáo. Anh Phu cho biết súng SKZ 60 dựa trên nguyên lý pháo không giật bắn đạn lõm của phương Tây. Anh em cán bộ của Nha Nghiên cứu kỹ thuật dưới sự chỉ đạo trực tiếp của anh Phu, được anh Trần Đại Nghĩa hướng dẫn đã tự mình tính toán thiết kế không theo một mẫu nào có sẵn.

Nghe báo cáo, tôi lại nhớ đến chuyến tôi đi thăm Nha Nghiên cứu kỹ thuật vào tháng 12 năm 1947 tại Khe Khao. Đây là một ngọn núi cao, từ Bản Thi còn phải đi bảy ki-lô-mét đường núi mới tới. Đến thăm anh em, tôi muốn biểu lộ sự quan tâm của Trung ương, của Bộ Quốc phòng và Quân ủy Trung ương đối với một cơ quan nghiên cứu khoa học kỹ thuật đầu tiên của quân đội và của đất nước, đối với đội ngũ trí thức trẻ mà lúc bấy giờ tôi vẫn gọi vui là "les étudiants du Quân giới". Đa số anh em vừa rời ghế nhà trường, hăng hái theo tiếng gọi của Tổ quốc đi vào cuộc kháng chiến trường kỳ. Từ cái nôi khoa học kỹ thuật này nhiều đồng chí đã trưởng thành, sau này trở thành những cán bộ khoa học kỹ thuật chủ chốt của quân đội và của Nhà nước.

Cũng phải kể đến công lao của anh Tạ Quang Bửu. Là một nhà khoa học, giữ chức Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, ngay từ những ngày chiến đấu còn đầy

gian khô khó khăn anh đã quan tâm đến công tác khoa học trong các lực lượng vũ trang, chẳng những đối với ngành quân giới mà cả đối với quân y và các ngành khác. Sau này trên cương vị phụ trách Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước và sau đó là Bộ trưởng Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp anh đã có đóng góp quan trọng vào việc phát triển công tác nghiên cứu khoa học và xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật của Nhà nước.

Ngày nay, nhìn lại, thấy chúng ta đã đi đúng hướng. Chúng ta chủ trương tập trung đẩy mạnh sản xuất các loại vũ khí thô sơ: lựu đạn, mìn để cung cấp cho hàng triệu chiến sĩ của cuộc chiến tranh toàn dân trên cả nước. Với một nền công nghiệp lạc hậu, không có khả năng sản xuất ra một khẩu súng trường mà các nước công

nghiệp tiên tiến đã sản xuất hàng loạt trước đó hàng trăm năm, mà chúng ta lại sản xuất được các vũ khí hiện đại, nòng trơn, các vũ khí dùng nguyên tắc phân lực và đạn lõm, như ba-dô-ca, SKZ... Đó là những vũ khí tối tân lúc bấy giờ. Về mặt chiến thuật nó đáp ứng yêu cầu tiêu diệt những phương tiện mạnh nhất của địch: xe tăng, cơ giới, phá tan các lô cốt, boong-ke của chúng góp phần làm thất bại chiến lược chiến tranh đốn bốt của bọn thực dân. Về mặt chế tạo, các vũ khí ấy không cần đến vật liệu phức tạp, lại không yêu cầu độ chính xác quá cao, thích hợp với khả năng của ta về vật liệu, với trình độ sản xuất và thiết bị công nghệ lúc bấy giờ.

Một kỳ tích nữa của cán bộ, công nhân ngành quân giới là đảm bảo nguyên liệu, vật liệu và kỹ thuật, những yếu tố hàng đầu của sản xuất vũ khí.

Nhận định giặc Pháp nhất định sẽ tiến công ta, ngay từ đầu tháng 11 năm 1946, Bộ Quốc phòng đã lệnh cho Cục Quân giới bí mật sơ tán, di chuyển các kho tàng, xí nghiệp ra khỏi các thành phố lớn, mang lên vùng rừng núi. Sớm hơn nữa, ngay từ tháng 5 năm ấy, Bác đã chỉ thị cho đồng chí Đặng Văn Cáp về Cao Bằng mở công binh xưởng chế tạo vũ khí chuẩn bị cho kháng chiến.

Trong cuộc tổng di chuyển cuối năm 1946 đầu năm 1947, khoảng 4 vạn tấn máy móc, dụng cụ, nguyên liệu được đưa từ các đô thị về nông thôn, lên rừng núi (tính từ Khu 5 trở ra) với quãng đường từ 50 đến 500 ki-lô-mét, là một thắng lợi lớn lao của ngành quân giới.

Nguồn nguyên liệu vật liệu sản xuất vũ khí được tạo từ nhiều hướng, bằng nhiều con đường, với tất cả lòng dũng cảm, trí thông minh và cả sự hy sinh của công nhân và cán bộ. Ta không sản xuất được thuốc nổ. Ngoài một số thuốc nổ còn dự trữ ở các kho, phần lớn các thuốc nổ quý như tổ-lít, mê-li-nít, đi-na-mít được khai thác từ các kho vũ khí của địch, từ bom, đạn pháo, đạn

cối không nổ. Việc tìm kiếm bom địch không nổ để tháo bỏ ngòi lấy thuốc nổ là công việc thường xuyên. Đây là một việc làm rất nguy hiểm, đòi hỏi cả lòng dũng cảm và trình độ kỹ thuật. Tuy có những trường hợp không may xảy tai nạn, nhưng anh em vẫn không chùn bước.

Thiếu sắt thép chế tạo, ta có nguồn sắt thép rải rác trong cả nước. Đó là hàng nghìn ki-lô-mét đường ray, hàng trăm đầu máy xe lửa, hàng nghìn vành, bánh, trục xe lửa, hàng nghìn tấn sắt thép cũ ở hàng trăm cầu, hàng chục tàu lăn đường, hàng trăm xe cũ nằm rải rác trên các tuyến đường, chưa kể tới vô đầu đạn đại bác, vô bom chưa nổ.

Thiếu đồng, ta kêu gọi sự đóng góp của nhân dân. Nồi đồng, mâm thau, lư hương, tiền Bảo Đại, tiền Khải Định đều được đem hiến cho kháng chiến để rèn đúc vũ khí.

Số nguyên liệu, vật liệu mua được từ vùng địch tạm chiếm, nhất là ở Nam Bộ đã góp phần quan trọng để duy trì và phát triển việc sản xuất. Riêng năm 1948, Nha mậu dịch của Cục Quân giới trực tiếp mua được hơn 27 tấn ka-li clo-rát, hơn một vạn bánh thuốc đi-na-mít gôm, gần 12 vạn ống nổ, hoặc như quân giới Khu 8 cũng trong hai năm 1948 - 1949 đã mua được 17 tấn diêm tiêu, 1,6 tấn a-xít các loại, 500 ki-lô-gam sun-phua ăng-ti-moan, bảy tấn đồng lá...

Tuy nhiên, để chủ động, ngành quân giới đã tổ chức sản xuất gần như trên cả nước thuốc gọi nổ, diêm tiêu, thuốc đen, các a-xít cơ bản.

Hàng trăm tấn diêm tiêu được sản xuất bằng phương pháp cổ truyền với những dụng cụ thô sơ từ phân dời trong các hang động trên vùng núi cao kết nọp với tro bếp huy động từ hàng chục nghìn gia đình.

A-xít và các hóa chất cơ bản để chế tạo chất nổ, nhất là điều chế phu-mi-nát thủy ngân được sản xuất bằng các lò thủ công, phương pháp thủ công, nhiều khi nguy hiểm đến tính mạng con người.

Trong công nghệ chế tạo, anh chị em cán bộ, công nhân quân giới cũng có nhiều sáng tạo. Tôi thường được anh Nguyễn Duy Thái báo cáo về những sáng kiến cải tiến kỹ thuật của các xưởng quân giới trong cả nước, nhất là các xưởng từ Khu 4 trở ra.

Tôi đã gửi thư khen ngợi bộ phận chuyên nghiên cứu dập đạn DAM. Thành công này cùng với việc luyện được đồng thau theo kinh nghiệm của các nghệ nhân đúc đồng làng Ngũ Xã (Hà Nội) đã mở ra khả năng sản xuất được nhiều đạn. Trong hai năm 1949 - 1950 ta đã sản xuất được khoảng hai triệu viên đạn DAM. Hai triệu viên đạn được sản xuất trong điều kiện khó khăn thiếu thốn đủ thứ có một ý nghĩa cực kỳ quan trọng. Một sáng kiến nổi

bật là anh em đã chế tạo nòng súng cối các cơ bằng vỏ các đầu đạn đại bác 105mm, 155mm của lịch ghép nổi lại.

Viết những dòng này tôi không thể không nhớ tới các cán bộ và công nhân đã hy sinh trong nghiên cứu - thử nghiệm, trong chế tạo vũ khí, trong điều chế hóa chất... Đây thực sự là một mặt trận thầm lặng không thiếu những sáng tạo và chiến công, nhưng cũng đầy khó khăn gian khổ, thiếu thốn và hy sinh.

Hơn hai vạn anh chị em cán bộ và công nhân ngành quân giới, với những người tiêu biểu như anh hùng Ngô Gia Khâm, anh hùng Trần Đại Nghĩa, đã đem hết tinh thần cách mạng của giai cấp công nhân, tinh thần lao động sáng tạo và khoa học của người trí thức yêu nước, trong hoàn cảnh cực kỳ khó khăn, làm ra một khối

lượng lớn vũ khí và đạn dược1, góp phần xứng đáng vào những thắng lợi của quân và dân ta trong cuộc kháng chiến lâu dài. Đây cũng là cơ sở quan trọng cho nền công nghiệp quốc phòng và phần nào của nền công nghiệp dân dụng của chúng ta.

6

au chiến thắng Việt Bắc, trong một cuộc họp Thường vụ, Bác đề ra cần phát động trên toàn quốc, trong tất cả các ngành ở hậu phương cũng như tiền tuyến một phong trào "Thi đua ái quốc" để đẩy cuộc kháng chiến tiến nhanh qua giai đoạn mới.

Ngày 27 tháng 3 năm 1948, Thường vụ Trung ương ra chỉ thị phát động phong trào Thi đua ái quốc.

Nhân dịp kỷ niệm 1.000 ngày kháng chiến toàn quốc, Bác ra lời kêu gọi. Với những lời lẽ giản dị, Người viết:

"Mục đích thi đua ái quốc là gì?

Diệt giặc đói khổ,

Diệt giặc dốt nát,

Diệt giặc ngoại xâm.

Cách làm là dựa vào:

Lực lượng của dân,

Tinh thần của dân.

Để gây

Hạnh phúc cho dân,

Kết quả đầu tiên của thi đua ái quốc là:

Toàn dân sẽ đủ ăn đủ mặc.

Toàn dân sẽ biết đọc biết viết.

Toàn bộ đội sẽ đầy đủ lượng thực khí giới
để giết giặc ngoại xâm".

Trong thơ chúc Tết Xuân Kỷ Sửu 1949, Người viết:

Người người thì đua

Ngành ngành thi đua

Ngày ngày thi đua

Ta nhất định thắng

Dịch nhất định thua.

Phong trào Thi đua ái quốc là một sáng kiến vĩ đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nó đã có những tác động cực kỳ lớn trong suốt ba mươi năm chiến tranh. Có thể nói những kỳ tích của quân và dân ta trong hai cuộc kháng chiến ở tiến tuyến cũng như hậu phương đều gắn với Thi đua ái quốc.

Cũng như nhiều phong trào do Người phát động, Thi đua ái quốc bắt đầu từ vài câu nói, ít dòng viết rất giản dị của Người.

Chuông tám CHUẨN BỊ TỔNG PHẢN CÔNG[1]

ước sang năm 1949, tình hình quốc tế và Đông Dương có nhiều sự kiện bất lợi cho Pháp. Cách mạng Trung Hoa phát triển mạnh: Quân giải phóng Trung Quốc liên tiếp giành thắng lợi lớn qua các chiến dịch Liêu Thắm, Bình Tân, Hoài Hải, đang chuẩn bị vượt sông Dương Tử. Ở vùng Hoa Nam giáp biên giới nước ta, phong trào du kích nổi lên khá mạnh chuẩn bị đón Quân giải phóng, nhưng đang phải chống trả những trận càn quét dữ dội của quân Quốc dân đảng. Thực dân Pháp ở Đông Dương cũng như giới cầm quyền ở chính quốc rất lo lắng trước tình hình biến chuyển trên lục địa Trung Hoa.

Đầu năm có cuộc họp Thường vụ Trung ương Đảng. Trong giấy triệu tập, Bác dặn nên suy nghĩ, chuẩn bị ý kiến bàn việc đẩy mạnh kháng chiến, có thể phải quyết định vấn đề quan trọng.

Bác đã từ Điểm Mạc trở lại châu Tự Do. Tôi đi ngựa qua đèo De sang Tân Trào. Thu Đông vừa qua, Đảng và Chính phủ đã lãnh đạo quân và dân

chuẩn bị đối phó với cuộc tiến công lần thứ hai của giặc Pháp lên Việt Bắc. Nhưng địch không tổ chức được cuộc tiến công, căn cứ địa vẫn hoàn toàn yên tĩnh. Tình hình cuộc kháng chiến, so với hai năm trước, đã sáng sủa hơn. Những thắng lợi dồn dập của cách mạng Trung Hoa sẽ tạo nhiều thuận lợi mới cho ta. Tôi nghĩ trong cuộc họp lần này, Thường vụ sẽ có những quyết định quan trọng để đẩy mạnh cuộc kháng chiến.

Qua một cánh đồng hẹp, lội một con suối, đi vào phía núi lại gặp suối Lê. Nơi ở của Bác lúc này đã khang trang hơn, tuy vẫn là nhà tranh vách nửa. Anh Trường

Chinh, anh Hoàng Quốc Việt và anh Lê Văn Lương đã có mặt. Anh Lương ra suối lấy nước về đun, vì hôm nay vừa có người biếu Bác gói trà ngon.

Sau tuần trà, cuộc họp Thường vụ bắt đầu, do Bác chủ trì. Anh Trường Chinh điểm tình hình kháng chiến năm qua, tôi báo cáo tình hình quân sự cụ thể hơn. Đại thể chiến tranh du kích đã phát triển rộng khắp ở vùng sau lưng địch, khiến cho quân Pháp không thể tập trung lực lượng để mở cuộc tiến công lần thứ hai lên Việt Bắc. Chúng buộc phải tiến hành nhiều cuộc càn quét để cũng cố hậu phương. Ta đã thực sự chuyển sang giai đoạn mới và đang tranh quyền chủ động với quân Pháp ở Bắc Bộ. Tuy được tăng viện thêm ba vạn quân, đưa tổng quân số cuối năm 1948 lên 16 vạn, tỷ lệ quân ngụy chiếm 46 phần trăm, nhưng Pháp vẫn ở trong tình trạng thiếu quân nghiêm trọng, lực lượng lại bị căng ra để đối phó với những cuộc tiến công ngày càng tăng của bộ đội ta. Pháp vẫn chưa lập được chính quyền bù nhìn với Vĩnh Thụy (tức Bảo Đại). Những thắng lợi lớn của cách mạng Trung Hoa đang làm cho đối phương rất đau đầu.

Bác nêu ý kiến: qua hai năm cả nước kháng chiến, lực lượng ta đã khá hơn trước, bộ đội có nhiều tiến bộ, nhân dân rất tin tưởng ở kháng chiến. Do những tiến bộ của ta, quân Pháp lâm vào thế lúng túng, cả năm 1948 không mở được cuộc tiến công quan trọng nào ra vùng tự do. Quân ngụy tăng nhiều là một mối nguy hiểm tiềm tàng trong nội bộ địch. Với đà tiến mạnh mẽ như hiện nay, chắc không bao lâu nữa, Quân giải phóng sẽ tới sát biên giới nước ta. Tình hình đó nhất định sẽ ảnh hưởng tốt đến cuộc kháng chiến, tạo những thuận lợi mới cho ta. Nếu thất bại ở lục địa Trung Hoa, chắc chắn Mỹ và Anh sẽ tăng cường nỗ lực chiến tranh để giữ Đông Dương, gây những khó khăn rất lớn cho ta. Bác nêu vấn đề có thể đề ra nhiệm vụ tích cực cầm cự, ra sức chuẩn bị về mọi mặt để chuyển sang tổng phản công.

Thường vụ thảo luận rất kỹ, cân nhắc thận trọng tình hình mọi mặt. Có hai ý kiến. Ý kiến thứ nhất cho rằng cần đặt vấn đề tích cực cầm cụ, chuẩn bị tổng phản công; tổng phản công là nhiệm vụ của cả một giai đoạn chiến lược. Ý kiến thứ hai cho rằng do so sánh lực lượng dịch ta và sự phát triển không đồng đều giữa các chiến trường, nên cần tập trung lực lượng tiến hành những trận phản công trên chiến trường Bắc Bộ, trong khi các chiến trường khác ra sức kiềm chế địch.

Bác kết luận: cần đề ra nhiệm vụ tích cực cầm cụ và chuẩn bị tổng phản công để động viên sự nỗ lực vượt bậc của quân và dân cả nước, sẵn sàng khai thác triệt để những thuận lợi khi thời cơ mới xuất hiện.

Thường vụ quyết định triệu tập Hội nghị cán bộ Trung ương lần thứ sáu và phân công anh Trường Chinh chuẩn bị báo cáo chính trị, tôi chuẩn bị báo cáo quân sự để trình bày tại hội nghị.

Tôi thấy thì giờ rất khẩn trương, nhiệm vụ mới hết sức quan trọng, nên lên ngựa về ngay cơ quan Bộ Tổng chỉ huy. Tôi mời anh Văn Tiến Dũng, anh Hoàng Văn Thái và một số cán bộ chủ chốt của cơ quan đến, phổ biến nội dung hội nghị Thường vụ và bàn chuẩn bị báo cáo quân sự.

Sau đó, tôi lên đường sang khu vực cơ quan Chính phủ ở Thanh La thuộc châu Tự Do để hợp Đảng đoàn Chính phủ. Đây là một khu rừng nứa rậm rạp, rất ít ánh nắng mặt trời. Mấy hôm nay rét đậm. Mọi người đã đến đủ, lần này có anh Cả tức Sao Đô (bí danh của anh Nguyễn Lương Bằng) đại diện Trung ương. Anh Lê Văn Hiến, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Phó Bí thư đảng đoàn, mới dứt cơn sốt rét, người còn rất mệt, cũng cố gắng đến. Đáng lẽ hội nghị bắt đầu buổi chiều, nhưng có đồng chí ở xa đến muộn, nên sau bữa cơm tối mới họp.

Tôi báo cáo tình hình thế giới, trong nước và đề ra nhiệm vụ mới theo tinh thần hội nghị Thường vụ Trung ương. Hội nghị thảo luận khá lâu, mãi đến 12 giờ đêm mới tạm dừng.

Hai ngày sau, hội nghị tiếp tục làm việc, nhất trí nhận định tình hình thế giới, trong nước và xác định nhiệm vụ mới.

Hội nghị kiểm điểm công việc đã làm trong năm 1948, bao gồm phần chung của Chính phủ và phần riêng của mỗi bộ, rồi bàn chương trình hoạt động trong năm 1949.

Anh Lê Văn Hiến gặp riêng tôi trao đổi: Bộ Quốc phòng mới đưa dự trù ngân sách đến để xét. Ngân sách làm theo kế hoạch mới, thật là con số khổng lồ. Tình hình tài chính đang có rất nhiều khó khăn do chính sách phong tỏa, bao vây kinh tế của địch. Tôi nói đã cùng anh Tạ Quang Bửu xem xét kỹ và cắt

đi nhiều rồi, đây là con số tối thiểu, anh cố gắng thu xếp cho. Anh Hiến gật đầu nói: "Anh yên tâm, dù thế nào cũng phải cố gắng đáp ứng, để nghị anh dặn anh em hết sức tiết kiệm".

Chúng tôi họp đến 3 giờ sáng, có nhiều cuộc tranh luận sôi nổi. Sau hai ngày ba đêm làm việc liên tục, mọi người đều mệt nhoài, nhưng rất phấn khởi vì sự tiến triển của cuộc kháng chiến, đồng thời có nhiều lo lắng vì cảm thấy nhiệm vụ mới rất nặng nề.

Sáng hôm sau, mấy anh có trách nhiệm vội vã lên đường đến địa điểm họp Việt Minh đoàn và các anh trong Đảng Dân chủ trước khi họp Hội đồng Chính phủ.

Qoi nghj can bo Trung uong Dang lan thu sau hop tur ngay 14 den ngay 18 thang 1. Sang 14, cac dai biêu den dia diem hoi nghj. Dai biêu cac dia phương va cac nganh da co mat, Lien khu 3 va Lien khu 4 cung co dai biêu mac dau duong di co nhieu kho khan va nguy hiem.

Hoi truong la mot ngoi nha lon bang tre, nua, la, nhung kha dang hoang. Co phong hop chung cho tat ca cac dai biêu va co chô hop rieng cho cac to, co anh sang dien chay bang may no, co co do sao vang va co bua liem, co chan dung cua Bac, dong chi Xta-lin, dong chi Mao Trach Dong va co nhieu khau hieu chü vang tren vai do.

Một giờ chiều hội nghị bắt đầu. Sau khi chào cờ, hát quốc ca, hát quốc tế ca và mặc niệm các chiến sĩ, Bác Hồ nói lời khai mạc.

Anh Trường Chinh trình bày Báo cáo chính trị, đánh giá tình hình trong nước và ngoài nước, nêu lên những điều kiện thuận lợi mới, những khó khăn mới, chủ trương của Đảng để đẩy cuộc kháng chiến tiến tới, tích cực cầm cự và chuẩn bị tổng phản công.

Vì quá nhiều việc, hội nghị phải làm việc cả ban đêm. Riêng tối 14 có liên hoan văn nghệ, nhưng thời tiết rét buốt, mọi người lo suối lửa nhiều hơn dự cuộc vui.

Sáng 15, tôi trình bày Báo cáo quân sự "Nhiệm vụ quân sự của chúng ta trong giai đoạn hiện tại". Bản báo cáo có ba phần: 1) Từ Việt Bắc, chiến tranh đã bước vào giai đoạn thứ hai. 2) Giai đoạn thứ hai sẽ tiến triển như thế nào? 3) Nhiệm vụ quân sự cần kíp của chúng ta.

Bản báo cáo nêu lên hai đặc điểm của giai đoạn mới. Đặc điểm thứ nhất là giai đoạn mới bắt đầu với chiến thắng Việt Bắc 1947 - một thắng lợi của

ta, môt thât bai cüa dîch. Dac diêm thü hai là giai doan môi bât dâu chua duqc môt nam thi có su biên chuyên cüa tinh hinh the gioi, su nguy khôn cüa Pháp vê kinh té tài chinh và nhât là nhüng tháng lqi to lôn cüa cách mang Trung Hoa. Ngay bây giò, trong chién luqc câm cü, nhiêm vu tích cüc chuân bj dê chuyên sang tong phan cong càn duqc dê ra.

Cần thực hiện phương châm chiến lược của giai đoạn mới một cách tích cực hơn, kịp thời hơn, với nhịp độ mạnh và nhanh hơn, chú trọng nhiệm vụ chuẩn bị tổng phần công để giành lấy thắng lợi cuối cùng.

Sau báo cáo quân sự là bản Báo cáo kinh tế tài chính do anh Lê Văn Hiến trình bày. Bản báo cáo nêu rõ những việc đã làm được và những vấn đề cần tập trung giải quyết trong giai đoạn mới.

Hội nghị hoan nghênh các báo cáo, thảo luận sôi nổi và nhất trí thông qua nghị quyết.

Nghi quyet Hoi nghi can bo Trung uong lan thur sau la mot van kien quan trong, giai quyet kip thoi nhung yêu cau cap bach cua cuoc khang chien. Nhung nhiem vu quan su can kip la tiep tuc pha tan chien dich thu dong cua dich, thuc hien mot the cam cg ngay cang co lqi cho ta, no luc thuc hien phương cham chien luoc cua giai doan moi va tich cuc chuan bi tong phan cong.

Danh manh hon nüa vao hau phuong dich, danh cac vi tri chien luoc, cat cac duong giao thong lon.

Mô một số chiến dịch tiến công ở những hướng có tác dụng chiến lược quan trọng nơi địch yếu và có nhiều sơ hồ, từ chủ động chiến dịch đi đến chủ động chiến lược từng bộ phận một cách mạnh bạo hơn.

Tích cực giúp cách mạng Lào - Miên, mở rộng mặt trận Lào - Miên, thực hiện Việt - Lào - Miên là một chiến trường.

Phương châm chính vẫn lấy du kích chiến là căn bản, vận động chiến là phù trợ. Nhưng cần mạnh bạo đẩy vận động chiến đi tới và khi đủ điều kiện thì kịp thời nâng vận động chiến lên địa vị quan trọng để tiến sang giai đoạn phản công1.

Sau Hoi nghj can bo Trung uong, Bac trieu tap hop Hoi dong Chinh phu hai ngay vao cuoi thang 1.

Các bộ trưởng, thứ trưởng đến đông đủ từ chiều hôm trước. Sáng 25 Bác đến hội ý với chúng tôi. Một giờ chiều bắt đầu họp. Với tư cách là Chủ tịch nước kiêm Thủ tướng Chính phủ, Bác báo cáo tình hình thế giới, trong nước và nhiệm vụ trong năm 1949.

Buổi tối có đốt lửa trại và tổ chức lễ truy điệu đức cha Hồ Ngọc Cẩn, cố vấn của Chính phủ. Chủ đề đoàn kết dân tộc được nêu đi nêu lại nhiều lần trong buổi lễ.

Ngày 26, các bộ lần lượt báo cáo hoạt động của mình trong năm 1948, đồng thời nêu các điểm chính trong chương trình hoạt động năm 1949. Nhiều vấn đề quan trọng đã được giải quyết.

Tôi 26 có một bữa tiệc nhỏ long trọng để tiễn phái đoàn Nam Bộ trở về, đồng thời cũng là bữa "ăn Tết" của Chính phủ. Bữa tiệc rất cảm động. Sau khi ăn xong, là tổ chức lửa trại, nhiều tiết mục văn nghệ được trình diễn. Màn kịch ngày kháng chiến thành công, Bác vào "thành phố Hồ Chí Minh" và nói chuyện trước máy phóng

thanh chào mừng đồng bào Nam Bộ, mọi người cười nhiều, có lúc Bác cười đến chảy nước mắt.

Hội đồng Chính phủ họp xong, Bác triệu tập Hội đồng Quốc phòng tổ cao, họp trong một ngày. Hội đồng giải quyết nhiều vấn đề quan trọng liên quan tới những vấn đề bí mật quân sự. Buổi chiều Bác ra về. Chúng tôi tiếp tục làm việc đến gần tối mới xong.

Để động viên toàn Đảng, toàn quân, toàn dân hăng hái thực hiện nghị quyết Hội nghị cán bộ Trung ương và nghị quyết Hội đồng Chính phủ, theo sáng kiến của Bác, đầu tháng 2, Ban Thường vụ Trung ương ra "Chỉ thị đẩy mạnh phong trào thi đua ái quốc nhằm mục đích tích cực cầm cự, chuẩn bị tổng phản công".

Ngày 30 tháng 4, nhân kỷ niệm ngày Lao động quốc tế, Bác viết bài "Nhiệm vụ chính trong giai đoạn mới", nêu lên 10 nhiệm vụ thiết thực, cụ thể cần làm về các mặt quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa cho các giới binh, sĩ, nông, công, thương và cho toàn dân để đẩy mạnh cuộc cầm cự và tích cực chuẩn bị tổng phần công.

nghị quyết Hội nghị cán bộ Trung ương lần thứ sáu, bàn sâu thêm nhiệm vụ quân sự, thảo luận kỹ phương châm chiến lược và kế hoạch tác chiến.

Tôi trình bày kế hoạch quân sự năm 1949, nội dung chủ yếu của kế hoạch là nhằm hướng yếu nhất của địch và có tác dụng chiến lược lớn đối với ta, tập trung mở một số chiến dịch tiến công với mục đích tiêu diệt sinh lực địch, đánh tan các khối lĩnh ngụy, thu hẹp phạm vi chiếm đóng của địch, giành chủ động chiến lược từng bộ phận.

Ở chiến trường chính là Bắc Bộ, hướng tác chiến chủ yếu là Cao - Bắc - Lạng và Tây Bắc, hướng tác chiến tiếp theo là phá thế uy hiếp của địch sau lưng Liên khu 3 ở Hòa Bình.

Ở Liên khu 5, hướng chủ yếu là Tây Nguyên, nhất là Bắc Tây Nguyên.

Ở Nam Bộ, hướng chủ yếu là vùng Long Châu Sa và sông Tiền, sông Hậu.

Đối với Lào, Liên khu 10 có nhiệm vụ giúp bạn xây dựng và phát triển một số căn cứ du kích ở Bắc Lào, tiến tới lập khu giải phóng chính ở Bắc Lào. Liên khu 4 có nhiệm vụ giúp bạn xây dựng căn cứ ở Trung Lào. Liên khu 5 có nhiệm vụ giúp bạn phát triển cơ sở ở Hạ Lào, nhằm xây dựng căn cứ Bô-lô-ven.

Đối với Miên, Bộ Tư lệnh Nam Bộ có nhiệm vụ tăng thêm cán bộ chính trị và lực lượng vũ trang vào nội địa, giúp bạn mở rộng cơ sở và căn cứ du kích, tiến tới nổi liền căn cứ đông nam với đông bắc.

Để thực hiện nhiệm vụ, chủ trương và kế hoạch tác chiến, tôi cho rằng vấn đề quan trọng nhất cần giải quyết hết sức khẩn trương là vấn đề xây dựng lực lượng, cấp bách nhất là xây dựng bộ đội chủ lực. Tôi hướng dẫn Bộ Tổng Tham mưu tổ chức hội nghị xây dựng lực lượng do anh Hoàng Văn Thái, Tổng tham mưu trưởng chủ trì, để nghiên cứu vấn đề tổ chức, biên chế trang bị đại đoàn chủ lực của Bộ và trung đoàn chủ lực của các liên khu.

Ở Bắc Bộ và Trung Bộ, mỗi liên khu có một trung đoàn chủ lực. Ở Nam Bộ, mỗi liên khu có một tiểu đoàn chủ lực. Căn cứ vào nhu cầu tác chiến và khả năng thực tế của ta lúc đó, mỗi trung đoàn có ba tiểu đoàn bộ binh và một số đơn vị pháo binh, công binh, thông tin, vận tải. Mỗi tiểu đoàn có ba đại đội bộ binh và một đại đội trợ chiến.

Đi đôi với việc xây dựng bộ đội chủ lực, việc xây dựng bộ đội địa phương và dân quân cũng được coi trọng. Theo đề nghị của chúng tôi, Ban Thường vụ Trung ương ra chi thị xây dựng bộ đội địa phương và phát triển dân

quản, gửi cho các cấp ủy địa phương và các cơ quan của Đảng. Bản chỉ thị nói rõ địa vị quan trọng của bộ đội địa phương và dân quân trong giai đoạn mới, nêu lên mấy khuyết điểm trong thời gian qua và chỉ rõ những việc phải làm trong thời gian trước mắt.

Việc huấn luyện cán bộ và bộ đội có tầm quan trọng quyết định để nâng cao trình độ chính trị, quân sự và khả năng tác chiến của các đơn vị. Tôi bàn với anh Hoàng Văn Thái và anh Văn Tiến Dũng xác định nội dung huấn luyện cho các đơn vị theo yêu cầu của nhiệm vụ chiến đấu.

Vê kỹ thuật, các đơn vị đều tập bắn súng, ném lựu đạn, đâm lê, đào công sự. Vê chiến thuật, các đơn vị đánh vận động phải học đánh tập kích, phục kích, đánh quân nhảy dù. Các đơn vị vào hoạt động ở vùng sau lưng địch, phải học đánh du kích và kinh nghiệm chống càn. Các đơn vị đánh đổn phải học trình sát chiến đấu, phá gỡ vật chướng ngại, đánh lô cốt vệ tinh và lô cốt mẹ, đánh địch phòng ngự bên trong.

Việc học tập kinh nghiệm chiến đấu được đặc biệt coi trọng. Căn cứ vào kinh nghiệm chiến đấu của các đơn vị trên mặt trận Cao - Bắc - Lạng và mặt trận Tây Bắc, Bộ Tổng Tham mưu biên soạn được một số tài liệu huấn luyện tương đối tốt, như "Chiến thuật đánh vào bên trong một cứ điểm", "Kinh nghiệm sử dụng các loại vũ khí hiệp đồng trong đánh đồn và đánh giao thông thủy bộ".

Bộ Tổng Tham mưu tổ chức lớp học "rèn cán, chỉnh quân" cho hơn hai trăm cán bộ cao cấp và trung cấp của các liên khu, các cơ quan và các trường ở Soi Mít thuộc

huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Nội dung là học tập tình hình và nhiệm vụ, phương châm chiến lược, những vấn đề chiến thuật của tiểu đoàn và trung đoàn, kinh nghiệm các trận đánh và kinh nghiệm công tác chính trị. Tôi cùng với anh Hoàng Văn Thái, anh Văn Tiến Dũng và một số đồng chí phụ trách trực tiếp giảng bài và chỉ đạo lớp học.

4

ân cứ vào kế hoạch quân sự năm 1949, Bộ Tổng chỉ huy ra các mệnh lệnh, chỉ thị cho các liên khu và các mặt trận. Trong Xuân Hè, một số chiến dịch được mở ra trên các hướng.

Ở Tây Bắc, Liên khu 10 mở hai đợt hoạt động ở sông Đà và Sơn La, dồn hẹp phạm vi chiếm đóng của địch, mở rộng vùng tự do, nối Sơn La với Lai Châu và phát triển sang Bắc Lào.

Ở Cao - Bắc - Lạng và Đông Bắc là hướng chính, Liên khu 1 mở hai chiến dịch: chiến dịch chính ở Cao - Bắc - Lạng, chiến dịch phối hợp ở Đông Bắc.

Chiến dịch chính Cao - Bắc - Lạng có nhiệm vụ tiêu diệt sinh lực địch, làm tê liệt đường số 4, buộc địch phải rút khỏi Bắc Kạn.

Chiến dịch phối hợp Đông Bắc có nhiệm vụ kiềm chế và đánh quân tiếp viên, nghi binh, đánh lạc hướng phán đoán của địch.

Chiến dịch Đông Bắc nổ súng trước. Ta phục kích một đoàn xe địch ở Điền Xá, diệt và bắt hơn 100 tên, đánh chiếm vị trí Ba Sơn, uy hiếp thị xã Lạng Sơn, tập kích thị trấn Móng Cái, nhiều lính ngụy hoảng hốt bỏ chạy.

Ở hướng chính Cao - Bắc - Lạng, đêm 15 tháng 3, ta tiến công tiêu diệt Bản Trại - một vị trí kiên cố do một đại đội Âu - Phi chiếm đóng.

Mấy năm nay, địch dùng hệ thống đồn bốt, cứ điểm để thực hiện nhiệm vụ chiếm đất và bình định, đồng thời dùng các đơn vị ứng chiến để chi viện, bảo vệ hệ thống chiếm đóng. Muốn đẩy mạnh kháng chiến, một nhiệm vụ cụ thể hết sức quan trọng đặt ra cho bộ đội chủ lực là phải tiêu diệt được cứ điểm có công sự phòng ngự vững chắc của địch. Năm 1948, ta đánh cứ điểm Phủ Thông có một đại đội lẻ dương và một trung đội trợ chiến, nhưng trận đánh chưa thành công. Năm nay, ta quyết tâm tiêu diệt cứ điểm Bản Trại. Trước trận đánh tôi chỉ thị cho đơn vị làm các công tác chuẩn bị thật tỉ mỉ, chu đáo và trực tiếp lên mặt trận kiểm tra công tác chuẩn bị và thông qua kế hoạch chiến đấu trên bàn cát. Khi chiến dịch kết thúc, tôi nghe tiểu đoàn trưởng Thái Dũng báo cáo cụ thể trận đánh.

Trong trận Bản Trại, rút kinh nghiệm của các trận Phủ Thông, An Châu và một số trận khác, lần này các chiến sĩ lấy khăn tẩm dầu đặt ở hàng rào, đốt sáng soi rõ vị trí cho pháo và các loại súng bắn vào mục tiêu. Pháo đặt rất gần, pháo thủ ngắm bắn từng lỗ châu mai, khiến cho quân địch không thể ngóc đầu lên trong lúc chiến sĩ xung kích xông lên vượt qua cửa mở. Trận Bản Trại diễn ra trong 37 phút. Toàn bộ quân địch bị tiêu diệt.

Vị trí Bản Trại bị diệt, cầu Bản Trại bị phá, đường số 4 bị cắt đứt.

Cùng thời gian này, ta tiến công đánh chiếm mấy vị trí nữa và buộc địch rút mấy vị trí khác.

Cuối tháng 4, ta đánh trận phục kích Bông Lau - Lũng Phẩy trên đường số 4 và giành thắng lợi lớn. Sau chiến dịch, tôi nghe đồng chí chỉ huy trực tiếp báo cáo cụ thể. Nắm vững quy luật vận chuyển của địch, cứ 5 ngày một đoàn xe hơn 100 chiếc lại xuất phát từ Lạng Sơn đi Cao Bằng, quân ta tổ chức trận địa phục kích trên đoạn đường giữa đồn Bông Lau và đồn Lũng Phẩy. Khi đoàn xe hơn 100 chiếc lọt vào trận địa, bộ đội đồng loạt xung

phong đánh giáp lá cà; một bộ phận pháo binh bắn kiềm chế các vị trí xung quanh, yểm hộ cho bộ đội đánh đoàn xe. Bị đánh bất ngờ, địch hốt hoảng vừa chống đỡ, vừa bỏ chạy. Hơn 500 quân địch phần lớn là Âu - Phi bị chết, bị thương và bị bắt. Ta phá hơn năm chục xe và 500 thùng xăng, thu hàng trăm súng.

Sau đó ta diệt đồn Bản Phát trên đường Cao Bằng đi Trà Lĩnh. Địch phải rút bỏ hai vị trí Phò Mã, Phò Pheo.

Đường số 4 trở thành "con đường không vui", "con đường máu" và sau này là "con đường chết" đối với dịch.

Đường số 4 - con đường vận chuyển tiếp tế duy nhất có tầm quan trọng chiến lược của địch ở Đông Bắc bị tê liệt. Địch phải luôn luôn thay đổi quy luật vận chuyển, tăng cường tuần tra lùng sục những nơi hiểm yếu, bảo vệ cầu cống, cũng cố các vị trí hai bên đường. Nhưng đêm cũng như ngày, không đoàn xe nào của địch không bị tổn thất. Trung đoàn bộ binh thuộc địa Ma-rốc có nhiệm vụ chuyên lo ứng cứu trên con đường nguy hiểm này, bị thiệt hại nặng. Binh sĩ nói một cách mỉa mai: RICM (régiment de l'infanteric coloniale marocaine), trung đoàn bộ binh thuộc địa Ma-rốc là "trung đoàn những người vô tội bị kết án tử hình" (Regiment des Innocents Condamnés à Mort).

Trong chiến dịch này, trình độ đánh cứ điểm có công sự vững chắc của bộ đội tiến bộ rõ rệt. Các trận đánh phục kích giao thông giành thắng lợi liên tiếp. Địch lo sợ

phải thay đổi viên chỉ huy liên khu biên thùy. Tướng A-lét-xăng-đơ-ri, tư lệnh lục quân Đông Dương rồi tướng Cốc, tư lệnh Bắc Bộ hối hả từ Hà Nội bay lên thị sát chiến trường, tìm cách chống đỡ.

Cuối tháng 2 có cuộc họp Đảng đoàn Chính phủ.

Bác đến từ chiều 28 hội ý với chúng tôi.

Sáng ngày 1 tháng 3, các ủy viên đến gần đủ. Để tranh thủ thời gian Bác đề nghị họp ngay vì có nhiều công việc cấp bách. Sau khi xem chương trình nghị sự, Bác thấy cần bàn trước hết vấn đề đối phó với việc Pháp đưa Vĩnh Thụy (tức Bảo Đại) về nước và tuyên truyền rầm rộ đánh lừa dân chúng. Để tổ thái độ cương quyết của ta, đồng thời cũng để cho dân không mắc lừa, Bác cùng chúng tôi thảo ngay một tài liệu giải thích.

Đảng đoàn họp hơn hai ngày hai đêm để giải quyết các vấn đề chính trị, quân sự, kinh tế, tài chính.

Làm việc hết sáng mồng 3 mới hoàn tất chương trình. Văn phòng đánh máy tài liệu giải thích vấn đề Vĩnh Thụy gửi cho tất cả các cơ quan. Bản giải thích cô đọng và đầy đủ.

Nội dung như sau:

Ta: càng kháng chiến lâu dài, lực lượng của ta càng mạnh. Sự đoàn kết dân tộc ngày càng chặt chẽ.

Kế hoạch đánh nhanh thắng nhanh của Pháp thất bại. Âm mưu Mỹ giúp Pháp cũng thất bại.

Trung Quốc: cách mạng thắng lợi, phe dân chủ thế giới thêm mạnh, thuận lợi cho kháng chiến của ta.

Ta không ỷ lại. Từ trước đến nay, tự sức ta, ta đánh, ta thắng. Để giành thắng lợi cuối cùng, vẫn do lực lượng của dân ta quyết định.

Mỹ: giúp phản động chống dân chủ. Kết quả: Ở châu Âu, phản động Hy Lạp thất bại, nhân dân Hy Lạp thắng lớn ở châu Á, quân Tưởng đại bại, Quân giải phóng đại thắng.

Pháp: về quân sự, đánh đã mấy năm vẫn loay hoay trong mấy thành phố. Về chính trị, mưu mô chia rẽ hoàn toàn thất bại. Thỉnh tự tử, Hoạch chuồn, Xuân ngắc ngoài. Vĩnh Thụy là con bài cuối cùng.

Vĩnh Thụy: 20 năm làm bù nhìn cho Pháp rồi cho Nhật. Bây giờ được Pháp nuôi, Pháp đưa về nước, Pháp bảo vệ. Vĩnh Thụy đem hai tiếng "độc lập, thống nhất" giả hiệu về lừa dân.

Quân sự dưới quyền Pháp Ngoại giao bị Pháp hạn chế và chỉ huy. Kinh tế tài chính phụ thuộc vào Pháp. Vĩnh Thụy đã phân quốc, phần dân.

Quân Pháp vẫn giày xéo đất nước ta, cướp giết đồng bào ta. Pháp vẫn muốn bắt dân ta làm nô lệ.

Kết luận: dân ta quyết không bị lừa. Quyết đánh và quyết thắng.

Âu tháng 4, chấp hành nghị quyết của Ban Thường vụ Trung ương, Bộ Tổng Tư lệnh ra lệnh chuẩn bị chiến dịch Sông Thao ở Tây Bắc là nơi địch yếu và có nhiều sơ hở1.

Mục đích của chiến dịch là tiêu diệt sinh lực địch, mở rộng căn cứ địa Tây Bắc, phá thế uy hiếp đối với Việt Bắc từ phía tây, cũng cố bàn đạp tiến sang Thượng Lào.

Thi hành lệnh của Bộ, các đơn vị đang chuẩn bị cuộc tiến công giải phóng Bắc Kạn và đang chiến đấu trên đường số 4, khẩn trương hành quân lên Tây Bắc.

Giữa lúc đó, Bộ chỉ huy Pháp mở cuộc hành quân lên Phú Thọ rồi lên Tuyên Quang. Hành động này của địch nằm trong dự kiến của ta. Mục đích của địch là quấy rối hậu phương ta, thu hút chủ lực ta về, gây thanh thế trước việc tướng Rơ-ve sang thanh tra và việc Vĩnh Thụy về nước.

Lúc này, trong cơ quan Bộ Tổng Tư lệnh có hai ý kiến. Ý kiến thứ nhất đề nghị nên tiếp tục cho bộ đội lên Tây Bắc tiến hành chiến dịch Sông Thao. Ý kiến thứ hai đề nghị nên cho bộ đội quay trở về đánh địch ở Tuyên Quang. Tôi và các đồng chí phụ trách cân nhắc, đồng ý với ý kiến thứ nhất. Chúng tôi cho rằng dù địch lên Tuyên Quang với mục đích gì, tình thế cũng không cho phép địch đóng quân lâu ở Tuyên Quang. Rõ ràng là mặt trận đường số 4 đã tạo nên sức ép quá nặng đối với địch. Rồi đây, phòng tuyến Sông Thao bị đánh, nhất định chúng sẽ càng lúng túng hơn. Bộ Tổng Tư lệnh ra lệnh cho bộ đội tăng tốc độ hành quân lên Tây Bắc, mở Chiến dịch Sông Thao theo kế hoạch đã định.

Mặt khác, tôi cho rằng địch hành quân lên Tuyên Quang là tạo cơ hội cho ta đánh địch ngoài công sự, nên quyết định thành lập Bộ chỉ huy chiến dịch Sông Lô. Anh Bằng Giang được cử làm chỉ huy trưởng, anh Vương Thừa Vũ và anh Lâm Kính làm chỉ huy phó. Chúng tôi khẩn trương điều động sáu tiểu đoàn chủ lực của Bộ và ba tiểu đoàn của Liên khu 10 tham gia chiến dịch.

Bộ Tổng Tư lệnh chủ trương tập trung chủ lực tiêu diệt địch. Biện pháp là triệt tiếp tế bằng đường bộ, đường thủy, đường không; phát triển mạnh mẽ chiến tranh du kích; chủ lực sẵn sàng vận động kịp thời và tập trung binh lực tiêu diệt địch khi chúng rút lui.

Đúng như ta dự đoán, địch chỉ ở thị xã Tuyên Quang được ba tuần. Tiếng súng chiến thắng 19 tháng 5 của quân ta trên Mặt trận Sông Thao đã buộc địch phải vội vã rút quân. Trận truy kích diễn ra trên hai bờ sông Lô, nhất là bên hữu ngạn. Có đơn vị đuổi kịp và đánh tốt ở Tràng Sảo, Lệ Mỹ, Tiên Du, Núi Hét.

Trong trận này, Bộ Tổng Tư lệnh đã phán đoán đúng, hạ quyết tâm chính xác, tác phong chỉ huy khẩn trương, nhưng việc chỉ huy gặp nhiều khó khăn, chủ yếu vì thiếu phương tiện thông tin vô tuyến để điều quân, nên "trận đánh quyết định" đã không diễn ra.

Qua trận này, tôi thấy rõ từ đánh vận động quy mô nhỏ tiến lên tập trung đánh vận động quy mô lớn, chúng ta còn phải giải quyết nhiều vấn đề về tổ chức, trang bị và chỉ huy.

Khi Chiến dịch Sông Lô còn đang chuẩn bị thì Chiến dịch Sông Thao đã bắt đầu. Trong Chiến dịch Sông Thao, anh Lê Trọng Tấn được cử làm chỉ huy trưởng, anh Cao Văn Khánh làm chỉ huy phó.

Ngày 19 tháng 5, hai tiểu đoàn của ta đồng thời tiến công tiêu diệt hai cứ điểm Đại Bục, Đại Phác, lập chiến công xuất sắc mừng ngày sinh của Bác. Dịch vội vã điều quân từ Lào Cai, Phong Thổ đến đối phó.

Cuối tháng 6, ta tiến công tiêu diệt cứ điểm chỉ huy phân khu Phó Ràng và một số vị trí ở tả ngạn sông Thao. Phòng tuyến Sông Thao bị phá vỡ một mảng dài 30 ki-lô-mét từ Bảo Hà đến Bắc Cuông. Đường liên lạc của địch giữa Bảo Hà với Lào Cai, giữa Bảo Hà với Nghĩa Đô bị cắt đứt.

Giữa tháng 7, ta tiến công tiêu diệt đốn Dóm và buộc địch rút bỏ một số vị trí khác. Phòng tuyến Sông Thao bị vỡ thêm một mảng lớn từ Ba Khe đến Bảo Hà dài 70 ki-lô-mét.

Chiến dịch Sông Thao kết thúc thắng lợi. Ta tiêu diệt và bức rút gần 30 vị trí. Tuyến phòng thủ Sông Thao bị phá vỡ từng mảng lớn. Cơ sở chính trị và vũ trang của ta trong vùng dịch tạm chiếm được mở rộng. Trong chiến dịch này, bộ đội chủ lực tiến bộ vượt bậc về chiến thuật đánh cứ điểm. Lần đầu tiên, ta tiêu diệt hoàn toàn một tiểu khu của dịch gồm nhiều vị trí lớn, nhỏ, có công sự phòng ngự tương đối vững chắc.

Sau khi chiến dịch kết thúc, tôi nghe các đồng chí chỉ huy trực tiếp báo cáo các trận Đại Bục, Đại Phác, Phó Ràng.

Tiểu đoàn trưởng Vũ Lăng báo cáo trận Đại Bục. Địch có một đại đội bố trí trên hai môm đồi. 16 giờ 30 phút ta nổ súng. Pháo binh ngắm bắn trực tiếp. Súng phóng bom lần đầu ra trận. Một đám lửa phụt lên đỏ rực cả cứ điểm, tiếp theo là một tiếng nổ lớn. Nhiều ngôi nhà trong cứ điểm bùng cháy. Anh Phốc Kê, một chiến sĩ người Đức trong đội phóng bom, đứng bật dậy, giơ cao hai tay hô lớn: "Việt Nam, Việt Nam muôn năm"!. Trong trận này, đơn vị mang theo một chiếc trống. Tiểu đoàn trưởng hạ lệnh nổi trống cho bộ đội xung phong. Nhà văn Nguyễn Tuân cùng ra trận với đơn vị, đứng cạnh tiểu đoàn trưởng, vội giành lấy dùi để đánh trống. Các chiến sĩ đi chân đất, cầm mác, đạp qua lớp rào lông nhím đang cháy, xông vào cứ điểm, cái đốn đã được viên sĩ quan chỉ huy treo ở cổng chính một tấm biển để mấy chữ tiếng Pháp "Villa des roses" (Biệt thụ hoa hồng). Ba mươi phút sau, quân ta tiêu diệt hoàn toàn Đại Bục.

Tiểu đoàn trưởng Vũ Yên báo cáo trận Đại Phác. Vị trí này là sở chỉ huy tiểu khu, quân số đông hơn Đại Bục. Tiểu đoàn trưởng quyết định không chờ

pháo, ra lệnh cho súng cối bắn vào đồn và dùng mọi hỏa lực bắn thẳng bịt các lỗ châu mai, yếm hộ cho bộ đội bắc thang vượt qua lớp rào lông nhím để xung phong. Từ các lô cốt, ụ súng chưa bị phá, quân địch bắn ra dữ đội. Rút kinh nghiệm trận Phủ Thông, lần này cùng đi với các chiến sĩ xung kích cầm mác vào đồn, có cả những chiến sĩ mang tiểu liên, súng trường, ba-dô-ca. Các hỏa điểm trong đồn lần lượt bị dập tắt. Bộ đội xung phong tiêu diệt các ổ đề kháng. Đại Phác bị tiêu diệt sau một giờ chiến đấu.

Đồng chí Vũ Yên và đồng chí Vũ Lăng báo cáo trận Phố Ràng. Trận đánh diễn ra quyết liệt suốt 40 giờ. Quân địch dựa vào địa hình phức tạp, chống cự rất ngoan cố. Náu mình dưới công sự vững chắc, chúng dựng những khẩu súng cối gần như thằng đứng bắn chiến sĩ ta đã đột nhập vào đồn. Cuối cùng, Tiểu đoàn 11 và Tiểu đoàn 54 cùng phối hợp chiến đấu vẫn tiêu diệt hoàn toàn quân địch.

6

Ừ cuối tháng 7, do những khó khăn không khắc phục được, địch phải rút bỏ một loạt vị trí nhỏ xung quanh thị xã Cao Bằng, tăng cường cùng cố những cứ điểm dọc đường số 4 .

Ngày 9 tháng 8, địch rút quân khỏi thị xã Bắc Kạn, sau đó tiếp tục rút một số vị trí khác ở Cao Bằng.

Được tin Bắc Kạn giải phóng, Bác chỉ thị nên tổ chức mít tinh tại thị xã Bắc Kạn để tuyên truyền chiến thắng, động viên tinh thần kháng chiến của quân và dân cả nước.

Cuộc mít tinh tổ chức ngày 24 tháng 8. Tôi được ủy nhiệm thay mặt Chính phủ đến dự và đọc nhật lệnh.

Bản nhật lệnh có đoạn viết:

"Từ đầu năm đến nay, theo lệnh chuẩn bị tổng phản công của Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh, quân ta đã mở những trận tiến công mãnh liệt và đã liên tiếp chiến thắng trên chiến trường Cao - Bắc - Lạng, Đông Bắc, Sông Lô, Sông Thao và Tây Bắc.

Trong lúc đó, khắp toàn quốc, trên các mặt trận đường số 5 và Hà Nội, Hải Vân, Bình - Trị - Thiên và Bắc Quảng Nam, Tây Nguyên, Đèo Cả, Đồng Tháp Mười và các mặt trận khác ở Nam Bộ, quân và dân ta đều đã lập được nhiều chiến công.

Chúng ta đã tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực của địch, đã tiêu diệt nhiều đồn trại và toán quân lưu động của chúng.

Chúng ta đã giải phóng nhiều vùng đất đai, đặc biệt ở Đông Bắc và Tây Bắc.

... Ngày 9 tháng 8, chiến trường Cao - Bắc - Lạng lại ghi thêm một thắng lợi mới: Bắc Kạn giải phóng và một phần Cao Bằng cũng vừa giải phóng. Đồng thời trong mấy ngày qua, quân ta đã quét sạch quân giặc khỏi một số châu, huyện ở ven sông Thao và sông Đà. Đó là những thắng lợi quan trọng trong bước đầu tích cực cầm cự chuẩn bị tổng phần công của quân và dân ta.

... Thế là kế hoạch hoàn toàn khống chế căn cứ địa Việt Bắc của giặc đã tan vỡ, âm mưu lợi dụng đồng bào miền núi của chúng lại thêm một thất bại nặng nề.

Ngày nay, hơn lúc nào hết, Cao - Bắc - Lạng và cả Việt Bắc nói chung đã trở thành căn cứ địa vững chắc của ta để giữ vững và đẩy mạnh cuộc kháng chiến đi tới thắng lợi..."

Ngày 25 tháng 8, sau khi dự lễ mừng Bắc Kạn giải phóng, tôi viết thư gửi đồng chí Bí Thư tỉnh ủy và đồng chí Chủ tịch Ủy ban kháng chiến tỉnh Cao Bằng, góp ý kiến về kinh nghiệm thu hồi thị xã mới giải phóng và một số việc trước mắt:

"1. Việc chuẩn bị vào thị xã phải được đầy đủ. Bên trong thị xã, cơ sở của ta phải được củng cố... Bên ngoài, quân dân chính phải có kế hoạch thống nhất...

1. Khi vào, cần giải quyết ngay các việc cấp tốc về quân sự: tổ chức giới nghiêm, tìm cạm bẫy của địch, bắt Việt gian, phân gián, tịch biên tài sản của Việt gian, giữ trị an, lập chính quyền lâm thời cho thị xã.

Trong mấy ngày đầu, bộ đội phải phụ trách rồi trao lại cho chính quyền địa phương.

... Nguyên tắc là lúc ta vào, phải luôn luôn đề cao uy tín của chính quyền ta; ảnh hưởng lúc đầu rất quan trọng.

- Tình hình biên giới biến chuyển nhanh... Chúng ta phải trù liệu trường hợp quân Tướng vượt biên giới tràn sang phía ta.

Tôi đã có gửi thẳng cho các đồng chí một chỉ thị quân sự về vấn đề đối phó ở biên giới, theo chủ trương của Trung ương. Sở dĩ tôi không gửi qua khu là để công việc được nhanh chóng. Các đồng chí cần cấp tốc điều động cán bộ ngay tuần lễ sắp tới và báo cáo lên khu...

- Việc liên lạc giữa Cao Bằng với Trung ương cũng như liên khu rất cần. Trung đoàn 74 sẽ để lại đài vô tuyến cho Cao Bằng (tỉnh đội bộ). Mỗi ngày đài phải liên lạc với Bộ một lần để báo cáo tình hình biên giới. Đường dây điện thoại phải mắc lại qua Bắc Kạn. Đường liên lạc bằng người phải được chỉnh đốn...
- Mô Tinh Túc cứ để y nguyên, sẽ có người của Cục Quân giới và của Bộ Kinh tế lên nghiên cứu. Đừng cho nhân dân phá.
- Tôi nhắc lại, các đồng chí chú ý vấn đề liên lạc. Liên lạc có nhanh, bộ đội mới đổi phó kịp thời".

7

Ủ 1948, tôi được Thường vụ phân công chỉ đạo giúp cách mạng Lào và theo dõi việc giúp cách mạng Miên.

Tháng 3 năm 1948, Bộ Tổng chỉ huy ra chỉ thị "Về phương châm, phương hướng hoạt động trên các mặt trận Lào và Miên"; nhấn mạnh giúp bạn gây cơ sở chính trị là việc cần thiết trước nhất. Muốn gây cơ sở chính trị, có thể cử những cán bộ chính trị bí mật đi sâu vào vùng địch tạm chiếm, hoặc dùng vũ trang tuyên truyền mà hoạt động. Nơi nào đã có cơ sở chính trị khá rộng thì phát động chiến tranh du kích đi đến thành lập căn cứ địa kháng Pháp hay khu giải phóng. Coi trọng nguyên tắc bảo tồn lực lượng, càng đánh càng mạnh. Hết sức chú trọng giúp bạn đào tạo cán bộ.

Tôi dặn các anh phụ trách Khu ủy và Bộ Tư lệnh Khu 1, Khu 10, Khu 12, chú ý tìm thanh niên người Lào để đào tạo thành cán bộ giúp cách mạng nước bạn.

Một hôm, tôi nhận được báo cáo của anh Nguyễn Khang, Bí thư Khu ủy Khu 12, cho biết có một số sinh viên người Lào sơ tán lên Bắc Giang, thường nói chuyện đánh Tây, chưa biết xu hướng như thế nào. Tôi yêu cầu anh Khang thông báo ý kiến của Bộ Tổng chỉ huy mời người phụ trách nhóm sinh viên Lào lên gặp tôi.

Giữa năm 1948, tôi đến Văn Lãng thuộc huyện Đại Từ tỉnh Thái Nguyên gặp anh Cay-xôn Phôm-vi-hân. Người sinh viên trẻ tuổi mới gặp lần đầu, đã để lại trong tôi ấn tượng về sự chân thành, thông minh và nghị lực của mình. Anh bày tỏ nguyện vọng muốn được bộ đội Việt Nam giúp đỡ để trở về tổ quốc. Cuộc kháng chiến ở Lào đang thời kỳ khó khăn. Anh tin rằng về nước sẽ tìm được những người cùng chí hướng tập hợp thành đội ngũ chiến

đấu. Tôi nói bộ đội ta đang chuẩn bị mở một con đường xuyên qua vùng địch tạm chiếm ở Tây Bắc tới biên giới Việt - Lào. Anh yêu cầu được cùng tham gia; anh biết tiếng Thái, có thể tiếp xúc với nhiều đồng bào ở miền Tây dễ dàng. Anh ý thức rõ những khó khăn, nguy hiểm đang chờ đợi mình, nhưng rất lạc quan và tin tưởng. Anh nói người Lào theo đạo Phật, rất yêu hòa bình, rồi nhắc một câu của Bác: "Nhưng phải là hòa bình trong độc lập, tự do". Vì thế họ sẽ đoàn kết với người Việt Nam chiến đấu để giải phóng nước Lào khỏi ách xâm lược.

Tôi hoan nghênh ý kiến của anh và dành ba ngày giới thiệu với anh những kinh nghiệm công tác vận động quần chúng, gây cơ sở chính trị, tổ chức dân quân, đào tạo cán bộ, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng khu giải phóng. Sau đó, tôi cử cán bộ đưa anh đến đơn vị anh Bế Sơn Cương ở hướng Mộc Châu đang mở đường về Sầm Nưa, khuyên anh chú ý vùng Xiềng Khọ.

Cũng vào thời gian này, ở Liên khu 5, anh Phạm Văn Đồng đại diện Chính phủ ta tại Nam Trung Bộ hội đàm với ông Thao Xổm đại diện Chính phủ Lào Ít-xa-la. Hai bên hoàn toàn nhất trí về chủ trương và các biện pháp phối hợp hoạt động ở vùng Hạ Lào. Sau đó, anh Phạm Văn Đồng lại hội đàm với các anh Khâm-tày Xi-phân-đon, Xi-thôn Com-ma-đam về các biện pháp Việt Nam giúp Lào đẩy mạnh xây dựng căn cứ địa và phát triển chiến tranh du kích ở các tỉnh thuộc Hạ Lào.

Một thời gian sau đó, anh Cay-xôn Phôm-vi-hân cùng anh Thao Ma lãnh đạo một đội vũ trang tuyên truyền gồm mấy chục chiến sĩ người Lào từ Tây Bắc Việt Nam vào Thượng Lào hoạt động và lập đơn vị vũ trang Lát-xa-vông. Chiến tranh du kích phát triển ở nhiều địa phương.

Sang năm 1949, cuộc kháng chiến của nhân dân Lào có nhiều chuyển biến. Ngày 20 tháng 1, tại đơn vị Lát-xa-vông ở Xiêng Khọ (Sầm Nưa), anh Cay-xôn Phôm-vi-hân tuyên bố thành lập quân đội Lào Ít-xa-la, tiền thân của quân đội giải phóng nhân dân Lào ngày nay.

Sau này, tôi còn có nhiều dịp tiếp xúc cộng tác chặt chẽ và thân thiết với anh Cay-xôn Phôm-vi-hân ở Sầm Nưa, Việt Bắc, Hà Nội, Viêng Chăn, lúc anh làm Bộ trưởng Bộ Quốc phòng trong Chính phủ kháng chiến Pathet Lào, cũng như lúc anh làm Tổng bí thư Đảng Nhân dân cách mạng Lào, Chủ tịch nước và Thủ tướng Chính phủ Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào. Giữa chúng tôi có nhiều kỷ niệm sâu sắc về tình bạn chiến đấu, tình đồng chí thân thiết, trong sáng, thủy chung.

Tháng 3, khu giải phóng Hạ Lào thành lập, sau đó Ủy ban kháng chiến tỉnh Viêng Chăn cũng được thành lập. Bộ đội Lào và bộ đội tình nguyện

Việt Nam đoàn kết chặt chẽ, phối hợp hoạt động ở các địa phương, thu nhiều thắng lợi. Bộ đội Lào - Việt còn phối hợp với bộ đội Việt Nam trong chiến dịch Sông Mã, tập kích tiêu diệt đồn Xiềng Khọ, buộc địch rút một số vị trí nhỏ, phát triển cơ sở chính trị và vũ trang.

Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng và Chính phủ, Xứ ủy và Ủy ban kháng chiến Nam Bộ thành lập Ban Ngoại vụ với nhiệm vụ nghiên cứu kế hoạch, tổ chức lực lượng giúp cách mạng Cam-pu-chia. Theo sự phân công của Ban Ngoại vụ và theo yêu cầu của bạn, các khu 7, 8, 9 lần lượt cử nhiều đoàn cán bộ dân vận và các đơn vị vũ trang sang Cam-pu-chia, giúp bạn xây dựng cơ sở chính trị, phát triển lực lượng và hoạt động du kích.

Khu 9 đưa lực lượng sang phối hợp với bạn hoạt động ở Ta-keo, Kam-pôt. Tại đây, ông Sơn Ngọc Minh, một nhà yêu nước nổi tiếng của Cam-pu-chia, đã tập hợp tổ chức nhân dân, xây dựng lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang khá mạnh, có căn cứ kháng chiến tại bốn huyện.

Khu 8 đưa cán bộ và lực lượng sang giúp bạn xây dựng cơ sở Prây Veng, Cảng Đan, mở rộng hoạt động tới Ta-keo và Svây-riêng, xây dựng tổ chức Ít-xa-rắc, thành lập ủy ban dân tộc giải phóng ở nhiều nơi.

Khu 7 đưa cán bộ và lực lượng sang cùng cán bộ và chiến sĩ Cam-pu-chia thành lập đơn vị hỗn hợp lấy tên là bộ đội Si-vô-tha hoạt động ở Svây-riêng. Bộ đội Si-vô-tha đánh một số trận, giải phóng nhiều phum (làng), đánh giao thông, làm gián đoạn nhiều lần đường thủy và đường bộ từ Sài Gòn đi Phnôm Pênh.

Khu 5 đưa cán bộ và lực lượng sang giúp bạn xây dựng cơ sở ở hai tỉnh Stung-treng và Kra-chê.

Đến cuối năm 1949, phong trào kháng chiến Cam-pu-chia đã phát triển tương đối đều khắp trong các vùng tây nam, đông nam, đông bắc và tây bắc. Mười bốn trong số mười lăm tỉnh đã có vùng giải phóng và căn cứ du kích. Phong trào đang từng bước phát triển xuống đồng bằng, buộc bộ chỉ huy Pháp phải điều sáu nghìn quân từ Nam Bộ sang Cam-pu-chia đối phó. Chúng đóng thêm nhiều đốn bốt dọc biên giới Việt Nam - Cam-pu-chia, nhằm ngăn chặn sự phối hợp chiến đấu giữa lực lượng vũ trang cách mạng của hai nước.

ừ đầu kháng chiến toàn quốc, chúng ta đã có quan hệ mật thiết với Nam lộ Bát lộ quân Trung Quốc ở Hoa Nam và Bộ Tư lệnh biên khu Điền Quế.

Đầu năm 1948, đồng chí Trang Điển được chỉ thị của đồng chí Chu Ân Lai, sang Việt Bắc gặp các đồng chí lãnh đạo ta. Bác và Thường vụ tiếp phái viên ở Lục Giã. Đồng chí Trang Điển thông báo tình hình chiến tranh giải phóng ở Trung Quốc. Quân Tướng tăng cường càn quét những lực lượng vũ trang cách mạng ở Hoa Nam để cũng cố hậu phương. Những đơn vị du kích của bạn ở vùng biên giới đang gặp khó khăn và thiếu lương thực. Bác và chúng tôi bàn với phái viên của bạn về sự phối hợp chiến đấu, giúp đỡ lần nhau giữa hai quân đội cách mạng.

Đầu tháng 3, quân Tướng ở Quảng Tây tiến công dữ dội hai khu Trấn Biên, Tĩnh Tây. Một bộ phận bộ đội du kích và cơ quan hậu phương của hai khu này tạm thời chuyển qua biên giới Việt Nam.

Bộ Tư lệnh biên khu Điền Quê và Đảng ủy biên khu Việt Quê thường xuyên có quan hệ với chúng ta1. Tháng 4 năm 1949, lãnh đạo phong trào du kích ở Quảng Tây giáp biên giới Đông Bắc nước ta đề nghị quân đội Việt Nam phối hợp chiến đấu, giúp đỡ đánh quân Tường để giải phóng khu Ung - Long - Khâm. Sau khi có sự đồng ý của Trung ương, ngày 23 tháng 4 năm 1949, Bộ Tổng Tư lệnh ra mệnh lệnh giao nhiệm vụ cho Bộ Tư lệnh Liên khu 1 "giúp Quân giải phóng xây dựng một khu giải phóng ở vùng Ung - Long - Khâm liền với biên giới Đông Bắc của ta", "đồng thời hoạt động ở Đông Bắc để mở rộng khu tự do Đông Bắc ra tận biên giới và thông ra biển, liền với khu giải phóng Việt Quê" của bạn.

Mệnh lệnh nói rõ phải giáo dục chính trị cho bộ đội trước khi lên đường, phải xây dựng tình đoàn kết giữa hai nước Trung Hoa mới và Việt Nam mới, giữa Quân giải phóng Trung Quốc với bộ đội ta. Cán bộ, chiến sĩ ta cần thấy rõ những điều kiện thuận lợi và nhất là những khó khăn; phải tôn trọng phong tục, tập quán của nhân dân địa phương, nêu cao kỷ luật chính trị, chú trọng công tác dân vận. Cần đứng

trên lập trường đoàn kết giữa hai dân tộc, căn cứ vào lợi ích cách mạng của hai nước mà giải quyết các vấn đề, tuyệt đối tránh "bản vị chủ nghĩa".

Bộ chỉ huy chiến dịch chung được chỉ định: anh Lê Quảng Ba, Phó Tư lệnh Liên khu 1 là tư lệnh chiến dịch; đồng chí Trần Minh Giang, cán bộ của bạn, là chính trị ủy viên. Bộ chỉ huy chiến dịch lấy danh hiệu là Bộ Tư lệnh khu Thập Vạn Đại Sơn.

Chiến dịch chia làm hai mặt trận: Mặt trận Điền Quê do anh Nam Long làm chỉ huy trưởng, đồng chí Hoàng Bình, cán bộ của bạn, làm chỉ huy phó,

anh Đỗ Trình làm chính trị viên; Mặt trận Long Châu do anh Thanh Phong làm chỉ huy trưởng, anh Chu Huy Mân và anh Long Xuyên làm chỉ huy phó.

Bộ Tổng Tham mưu cử một đoàn cán bộ tác chiến giúp Bộ Tư lệnh khu Thập Vạn Đại Sơn về công tác tham mưu, theo dõi diễn biến của chiến dịch, thường xuyên báo cáo với Bộ Tổng Tư lệnh.

Đầu tháng 6, bộ đội ta xuất phát theo hai hướng: Long Châu và Khâm Châu - Phòng Thành.

Ngày 12 tháng 6, mặt trận Long Châu nổ súng diệt vị trí Thủy Khẩu và Hạ Đống, trong khi hướng phối hợp tiến công địch từ Bằng Tường xuống Nam Quan. Quân Tưởng co lại, biến Long Châu thành một cụm cứ điểm mạnh. Bộ chỉ thị cho bộ đội chuyển sang vây hãm Long Châu, đánh viện, chặn đường tiếp tế, tiến công Ninh Minh và Thượng Kim, giúp bạn mở rộng và củng cố vùng mới giải phóng quanh Long Châu.

Hướng Điền Quế và Thập Vạn Đại Sơn, đường đi khó khăn hơn. Bộ đội ta phải hành quân trèo dèo, lội suối mất gần một tháng dưới nắng hè gay gắt mới đến nơi. Phát hiện bộ đội ta, quân Tưởng rút bỏ nhiều vị trí, co về các thị trấn lớn như Nà Lường, Phòng Thành, Đông Hưng. Đầu tháng 7, bộ đội ta tiến công Trúc Sơn, một thị trấn có bốn đại đội quân Tưởng bảo vệ. Bộ đội ta phối hợp với bạn củng cố vùng giải phóng đã mở rộng ở khu Thập Vạn Đại Sơn, đánh địch càn quét, tiểu phỉ ở vùng Khâm Châu. Ta tiêu diệt hơn một trung đoàn địch, diệt và bức địch rút 10 vị trí trong số 12 vị trí ở huyện Phòng Thành, làm cho các khu căn cứ nổi liền một dải, thu hẹp phạm vi chiếm đóng của quân địch ở huyện Khâm Châu.

Tháng 10 năm 1949, khi lực lượng vũ trang của bạn ở hai biên khu Điền Quế và Việt Quế đã liên lạc được với chủ lực Quân giải phóng, bộ đội ta được lệnh rút về nước. Ta để lại một đại đội tiếp tục phối hợp với lực lượng của bạn để xây dựng cơ sở, củng cố và mở rộng vùng giải phóng. Ta trao lại cho bạn những vũ khí thu được của quân Tưởng gồm hơn 500 khẩu súng các loại.

Bộ Tư lệnh khu Thập Vạn Đại Sơn nhận định "thắng lợi về quân sự đã quan trọng, nhưng thắng lợi về chính trị còn lớn hơn nhiều". Bộ đội ta đã để lại ấn tượng tốt đẹp trong nhân dân địa phương về tinh thần quốc tế của một quân đội cách mạng.

Một số cán bộ, chiến sĩ Việt Nam đã vĩnh viễn nằm lại trên đất Trung Quốc trong thời gian làm nhiệm vụ quốc tế này. Nhà văn quân đội Trần Đăng, một cây bút rất nhiều triển vọng, sau khi từ Chiến dịch Sông Thao trở về hăng hái đi tiếp lên đường số 4 cùng bộ đội qua biên giới làm nhiệm vụ, đã hy sinh trong một trận dụng độ với quân Tướng.

Pháp, tình hình ngày càng rối ren. Nội bộ giới cầm quyền có nhiều mâu thuẫn gay gắt và xung đột quyền lợi giữa phe tư bản tài chính và phe tư bản công nghiệp. Nội các Hăng-ri Cơi không giải quyết nổi những khó khăn của nước Pháp và những nhu cầu quá sức chịu đựng của cuộc chiến tranh với chiến lược "đánh nhanh thắng nhanh" đã kéo dài bốn năm ngoài ý muốn của Pháp.

Ở Đông Dương, người chỉ huy quân sự cao nhất và người cầm quyền chính trị cao nhất có những ý kiến trái ngược nhau về điều hành chiến tranh. Tướng Bơ-lê-zô, Tổng chỉ huy quân viễn chinh, chủ trương phải chiếm đóng và giữ Bắc Bộ bằng bất cứ giá nào, vì Bắc Bộ là "cái nút" của cuộc chiến tranh. Ngược lại, Cao úy Pi-nhông muốn dồn nỗ lực quân sự cao nhất vào Nam Bộ, tập trung lực lượng để giữ và làm chủ Nam Bộ, vì Nam Bộ là cái "nhài quạt", của toàn bán đảo Đông Dương.

Gặp khó khăn lớn về kinh tế, tài chính và bị sa lầy ở Đông Dương, Chính phủ Pháp phải dựa vào Mỹ và ngày càng phụ thuộc vào chính sách của Mỹ. Bị thất bại ở lục địa Trung Hoa, Mỹ lợi dụng những khó khăn của Pháp, nắm cơ hội can thiệp sâu vào chiến tranh Đông Dương, nhằm bám lấy Đông Dương hòng bố trí lực lượng ngăn cản phong trào cách mạng tràn xuống Đông Nam Á.

Sau nhiều lần thương lượng, dàn xếp, Pháp phải nhượng bộ trước sức ép của Mỹ. Tháng 3 năm 1949, "Hiệp ước Ê-li-dê" được ký kết giữa Tổng thống Pháp Vạnh-xăng Ô-ri-ôn, Bộ trưởng Pháp quốc hải ngoại Cốt Phlo-rê với Bảo Đại (tức Vĩnh Thụy) tại Pa-ri. Pháp công nhận Việt Nam "độc lập", nhưng thực chất Pháp vẫn nắm quyền chỉ huy quân sự, điều hành ngoại giao và chi phối kinh tế tài chính. Với hiệp ước này, Pháp tiến thêm một bước trong âm mưu "lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt".

Tháng 5 năm 1949, trong tình thế bị động và khó khăn, Chính phủ Pháp cử đại tướng Rơ-ve, tổng tham mưu trưởng quân đội Pháp, cầm đầu một phái đoàn sang Đông Dương để nghiên cứu tình hình và vạch kế hoạch đối phó. Trong phái đoàn,

ngoài một số thượng nghị sĩ, còn có tướng Van-luy - người có "thành tích" mở rộng chiến tranh ra toàn Đông Dương năm 1946 - lúc đó đã lên cấp đại tướng.

Rơ-ve ở Việt Nam hơn một tháng. Ông đi nhiều nơi, các báo đưa tin ông đến cả Bắc Kạn và Cao Bằng. Ông tiếp xúc với các cơ quan tham mưu, gặp các đơn vị viễn chinh, trao đổi ý kiến với những người có trách nhiệm dân sự

và quân sự. Cuối cùng Rơ-ve đi đến một nhận định tổng quát về tình hình và rút ra kết luận là không thể có một giải pháp quân sự và cũng không còn hy vọng lật lại tình thế để đạt những điều kiện có lợi trong một cuộc điều đình. Chiến thắng của Quân giải phóng Trung Quốc đã làm thay đổi cán cân lực lượng ở Viễn Đông, tạo ra một tình hình nghiêm trọng cho quân đội Pháp.

Rơ-ve thấy cần xác định cụ thể đường lối chính trị và chiến lược quân sự của Pháp ở Đông Dương. Rơ-ve coi Bắc Bộ là chiến trường chính, chủ trương tăng quân cho Bắc Bộ, mở rộng phạm vi chiếm đóng ở trung du và đồng bằng Bắc Bộ, tăng cường phòng thủ trung du và khu tứ giác Lạng Sơn - Tiên Yên - Hải Phòng - Hà Nội; gấp rút củng cố tuyến biên giới, nhưng do lực lượng có hạn nên chủ trương phòng thủ có trọng điểm, cụ thể là tập trung sức để giữ đoạn từ Lạng Sơn đến Móng Cái, còn đoạn từ Na Sầm trở lên thì có thể rút bỏ. Rơ-ve đặt trọng tâm vào việc phát triển quân ngụy, dùng quân ngụy làm nhiệm vụ bình định, tập trung quân Âu - Phi để tổ chức lực lượng cơ động.

Rơ-ve cho rằng kế hoạch phòng thủ Đông Dương của Pháp nhằm ngăn cản "làn sóng đỏ" từ lục địa Trung Hoa tràn xuống Đông Nam Á. Kế hoạch này nằm trong kế hoạch chống Cộng chung của phe "dân chủ". Vì vậy Pháp cần tích cực tranh thủ viên trợ của Mỹ.

Những ý kiến của Rơ-ve không phải được những nhà chỉ huy quân sự và những người cầm quyền chính trị ở Đông Dương đồng tình toàn bộ. Nếu như nhiều người thống nhất với nhận định về tình thế nghiêm trọng sẽ diễn ra nay mai với quân đội viễn chinh thì lại có ý kiến khác về giải pháp cụ thể. Tướng A-lét-xăng-đơ-ri đặc biệt phản đối việc rút quân khỏi Cao Bằng. Tướng Bơ-lê-dô thấy quân Trung Quốc ít có khả năng sớm can thiệp vào Đông Dương, nhưng đồng tình về cơ bản với nhận định của Rơ-ve, và cho rằng cần rút ngay khỏi Cao Bằng. Cao ủy Pi-nhông không coi nhẹ đồng bằng Bắc Bộ, nhưng lại thấy Nam Bộ rất quan trọng và cần được ưu tiên. Một cuộc tranh cãi nổi lên quanh những ý kiến của Rơ-ve.

Trở về nước, Rơ-ve nhanh chóng soạn thảo xong một kế hoạch đệ trình Chính phủ Pháp.

Tháng 7, Chính phủ và Hội đồng Quốc phòng Pháp thông qua chủ trương của Rơ-ve về phòng thủ có trọng điểm ở tuyến biên giới, cụ thể là tập trung sức để giữ đoạn từ Lạng Sơn trở xuống, còn đoạn từ Na Sầm trở lên thì có thể rút bỏ. Song những người có quyền lực lớn nhất ở Đông Dương và Bắc Bộ là cao ủy Pi-nhông, tổng chỉ huy Các-păng-chi-ê và chỉ huy Bắc Bộ A-lét-xăng-đơ-ri phân đối và trì hoãn không thi hành.

Sang tháng 8, tình hình tuyến biên giới ngày càng xấu đi. Bộ chỉ huy Pháp buộc phải cho rút quân khỏi thị xã Bắc Kạn và một số vị trí khác. Còn đối với Cao Bằng, Đông Khê, Thất Khê, họ vẫn cố chiếm giữ và tăng cường phòng thủ.

Kế hoạch Rơ-ve đánh dấu một bước ngoặt trong chiến tranh Đông Dương. Lần đầu tiên, người đứng đầu quân đội Pháp khẳng định Pháp không còn khả năng giành thắng lợi trong chiến tranh. Rơ-ve cũng là người đầu tiên nhận thấy lối thoát khỏi tình thế khó khăn là "đưa chiến tranh Đông Dương vào kế hoạch chiến lược của Mỹ", cũng có nghĩa là bước đầu chuyển giao cuộc chiến tranh cho Mỹ.

Vào đầu mùa thu, chúng ta có trong tay bản kế hoạch Rơ-ve. Ta quyết định công bố nội dung bản kế hoạch trên Đài phát thanh Tiếng nói Việt Nam. Kế hoạch Rơ-ve trở thành "nổi tiếng" vì nó dẫn tới một vụ án trong đó Rơ-ve bị tố cáo là làm lộ bí mật quân sự.

Theo tin tức báo chí, từ giữa tháng 9, vụ án Rơ-ve - Mát - một vụ bê bối lớn có liên quan đến nhiều nhân vật trong chính giới Pháp - đã phơi bày trước dư luận Pháp và nước ngoài những âm mưu, thủ đoạn tranh giành quyền lực và lợi nhuận hết sức xấu xa, bỉ ổi, giữa các phe phái cầm quyền ở Pháp. Tổng tham mưu trưởng Rơ-ve sang Đông Dương, ngoài việc quan sát nghiên cứu tình hình và lập kế hoạch mới, còn có mưu đồ tìm cách lật Cao ủy Pi-nhông để thay thế bằng Mát lúc ấy làm giám đốc Học viện quốc phòng tối cao Pháp, là người cùng phe nhóm. Nhưng việc này không thành. Lợi dụng việc kế hoạch Rơ-ve bị lộ, phe cánh Pi-nhông đã đưa vụ việc ra trước pháp luật. Rơ-ve và Mát bị cách chức.

Rơ-ve bị cách chức, song hầu hết những gì người Pháp làm sau đó đều không ở ngoài những điều đã được nêu lên trong kế hoạch Rơ-ve.

Chương chín ĐẠI ĐOÀN QUẢN TIÊN PHONG

au Hội nghị cán bộ Trung ương lần thứ sáu đề ra nhiệm vụ chuẩn bị tổng phần công, Hội nghị cán bộ quân sự và chính trị cao cấp họp vào trung tuần tháng 1 năm 1949 đã đặt vấn đề phát triển và xây dựng lực lượng vũ trang, đặc biệt là xây dựng bộ đội chủ lực thành một nhiệm vụ quan trọng bậc nhất và coi vấn đề đào tạo cán

bộ là có ý nghĩa quyết định. Lực lượng vũ trang của ta sinh ra và phát triển từ lực lượng chính trị của quần chúng, từ phong trào đấu tranh của nhân dân. Chỉ thị thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân, đội quân chủ lực đầu tiên, lần đầu đã nêu rõ vị trí của đội quân chủ lực, trong khi đồng thời phát triển bộ đội địa phương và dân quân tự vệ.

Ngay từ những ngày xô-viết Nghệ Tĩnh với các đội Tự vệ đỏ, khởi nghĩa Bắc Sơn và khởi nghĩa Nam Kỳ với các đội Cứu quốc quân và nghĩa quân Nam Kỳ, cũng như khi phát triển rộng rãi các lực lượng dân quân tự vệ và các đội vũ trang thoát ly ở Cao - Bắc - Lạng, Đảng ta luôn luôn coi trọng vấn đề đào tạo cán bộ, coi đó là một vấn đề trung tâm.

Bác đã từng chỉ ra rằng: "Muôn việc thành công hoặc thất bại đều do cán bộ tốt hoặc kém", "Cán bộ là cái gốc của mọi công việc. Vì vậy, huấn luyện cán bộ là công việc gốc của Đảng".

Bác đặc biệt coi trọng việc đào tạo đội ngũ cán bộ, trong đó có cán bộ quân sự. Người đã sớm nghĩ tới việc đưa cán bộ đi đào tạo về quân sự ở nước ngoài. Bác đã cử các anh Lê Hồng Phong, Lê Hồng Sơn, Phùng Chí Kiên, Lê Thiết Hùng, Nguyễn Sơn, Trương Văn Lĩnh sang học ở trường Hoàng Phố. Anh Lê Hồng Phong sau đó được cử sang Liên Xô học tiếp ở trường không quân. Bác cũng đã có dự kiến gửi cán bộ đi học Trường quân chính kháng Nhật ở Diễn An. Nhưng tình hình thế giới thay đổi, phong trào cách mạng trong nước đang cần người nên chỉ anh Cao Hồng Lĩnh đi được.

Việc đào tạo cán bộ quân sự ở trong nước thực sự được đặt ra từ sau Hội nghị Trung ương lần thứ tám, tháng 5 năm 1941, khi Đảng ta đề ra chủ trương chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang. Để huấn luyện cán bộ, Bác đã biên soạn các tài liệu "Cách đánh du kích", "Kinh nghiệm du kích Tàu", "Kinh nghiệm du kích Pháp". Ngoài ra Bác còn dịch "Phép dùng binh của Tôn Tử" và sách dạy làm tướng của Khổng Minh và đặt dưới một đầu đề hoàn toàn mới là "Cách huấn luyện cán bộ quân sự". Người luôn luôn nhắc nhở chúng tôi rằng, muốn cho phong trào phát triển vững mạnh thì phải khéo phát hiện những phần tử trung kiên, đào tạo thành cán bộ nòng cốt cho các tổ chức cứu quốc. Thời gian này, ở liên tỉnh Cao - Bắc - Lạng, các anh Lê Thiết Hùng, Lê Quảng Ba, Bằng Giang mở lớp huấn luyện quân sự ở các châu, huyện; anh Hoàng Sâm và tôi mở liền mấy lớp đào tạo cán bộ quân sự địa phương. Lớp học được tổ chức khá quy mô. Học viên có tới trăm người.

Theo quyết định của Hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kỳ, tháng 6 năm 1945, Trường quân chính kháng Nhật được thành lập tại khu Giải phóng. Bác giao cho tôi trực tiếp phụ trách và chỉ định anh Hoàng Văn Thái làm giám đốc, anh Thanh

Phong làm Phó Giám đốc. Trường đặt tại một làng người Dao bên con suối, gần Tân Trào. Trường có nhiệm vụ đào tạo trung đội trưởng, sau khi học xong chương trình, một số học viên được giữ lại để bồi dưỡng thành chính trị viên. Về quân sự, trường dạy các kỹ thuật cá nhân chiến đấu, chiến thuật tiểu đội, trung đội theo những tài liệu huấn luyện do anh Trương Văn Lĩnh trưởng ban tu thư soạn ra. Trường đặc biệt coi trọng huấn luyện chiến thuật du kích, dựa theo cuốn "Cách đánh du kích" của Bác và kinh nghiệm các trận đánh đầu tiên. Phần giáo dục chính trị, nội dung cơ bản là học tập đạo đức tác phong cách mạng, đường lối, chính sách của Đảng, công tác vận động quần chúng, công tác vũ trang tuyên truyền. Số học viên được chọn đào tạo chính trị viên thì học thêm cuốn "Người chính trị viên" của anh Phạm Văn Đồng và cuốn "Công tác chính trị trong quân đội cách mạng" do tôi viết. Đây là những cuốn sách chúng tôi viết từ năm 1941, trong thời kỳ xây dựng các đội tự vệ và tự vệ chiến đấu ở Cao Bằng.

Trường ở gần Tân Trào. Để giữ bí mật, Bác giả dạng làm "ông Ké" người Nùng ra chỗ học sinh tấm dễ gặp anh em. Bác nói chuyện tự nhiên, ân cần thăm hỏi tình hình mọi mặt từ ăn, ở, học tập tới công việc làm ăn của đồng bào dưới xuôi. Anh em khi đó chỉ coi là câu chuyện của một ông già người Nùng sôi tiếng Kinh. Sau này, khi về Hà Nội mọi người mới biết đó là Bác Hồ.

Trong khoảng thời gian hai tháng, trước Tổng khởi nghĩa, trường Quân chính kháng Nhật đã mở được ba khóa, đào tạo được 234 cán bộ chỉ huy và

chính trị viên. Tuy số lượng đào tạo chưa nhiều, thời gian huấn luyện ngắn, nhưng đây là một vốn quý làm nòng cốt để phát triển lực lượng vũ trang thời kỳ ban đầu.

Cách mạng Tháng Tám thành công. Trường quân chính kháng Nhật chuyển về Hà Nội và được đổi tên thành Trường quân chính Việt Nam. Trường đặt địa điểm tại trường trung học Đỗ Hữu Vị, nay là Trường phổ thông trung học cấp III Phan Đình Phùng ở phố Cửa Bắc. Anh Trương Văn Lĩnh được bổ nhiệm làm Giám đốc. Trường đang học thì kháng chiến ở Nam Bộ bùng nổ. Tôi đến thăm và động viên anh em tích cực học tập để chuẩn bị lên đường ra mặt trận. Hai tuần sau khóa học bế giảng. Một trăm phần trăm học viên xung phong Nam tiến.

Quân Tưởng tràn vào miền Bắc. Để tránh mọi sự khiêu khích, tháng 10 năm 1945, Bác đổi tên trường Quân chính Việt Nam thành Trường huấn luyện cán bộ Việt Nam và chuyển về khu Việt Nam học xá. Anh Trần Tử Bình được bổ nhiệm làm Chính trị ủy viên của trường. Sau đó một thời gian trường dời lên Sơn Tây.

Tháng 3 năm 1946, theo quyết định của Trung ương, trường Quân chính Bắc Sơn được thành lập. Học viên là những thanh niên và cán bộ đã hoạt động trong phong

trào Việt Minh do các tỉnh bộ Việt Minh lựa chọn, nhiều người là đảng viên. Khóa đầu do Tổng bộ Việt Minh phụ trách, sau chuyển cho Bộ chỉ huy Khu 1 tổ chức khóa 2.

Chính phủ liên hiệp kháng chiến thành lập. Chấp hành chỉ thị của Bác Hồ và nghị quyết của Quân ủy hội, ngày 17 tháng 4 năm 1946. Bộ Quốc phòng ra quyết định thành lập Trường võ bị Trần Quốc Tuấn trên cơ sở Trường huấn luyện cán bộ Việt Nam. Anh Hoàng Đạo Thúy, một nhà giáo yêu nước, đã tham dự Đại hội đại biểu quốc dân ở Tân Trào, được bổ nhiệm làm Giám đốc, anh Trần Tử Bình làm Chính ủy.

Đi dự hội nghị Đà Lạt về, tôi tới thăm Trường võ bị Trần Quốc Tuấn. Do chưa hình dung đầy đủ cách đánh của ta trong một cuộc chiến tranh không cân sức, nhất là cách đánh du kích, nên chương trình đào tạo có nhiều điểm không phù hợp. Thời gian huấn luyện dành nhiều cho động tác đội ngũ, nghi thức và các khoa mục lái ô tô, đi mô tô, cưỡi ngựa v.v... Tôi chỉ thị cho đồng chí Cục trưởng Cục Quân huấn và Ban chỉ đạo nhà trường cần nghiên cứu bỏ bớt những nội dung không cần thiết. Việc đào tạo cán bộ phải thiết thực nhằm đáp ứng yêu cầu của quân đội đang cùng toàn dân chuẩn bị sẵn sàng bước vào cuộc kháng chiến trong cả nước. Tôi cũng nhấn mạnh tới việc tăng cường giáo dục chính trị cho các học viên trước tình hình mới.

Ô phía Nam, Trường lục quân trung học Quảng Ngãi thành lập tháng 6 năm 1946, do anh Nguyễn Sơn làm giám đốc, anh Nguyễn Chính Giao làm chính ủy, sau đó anh Đoàn Khuê về thay. Trường đào tạo được một khóa 5 tháng với 500 học viên. Do chiến tranh mở rộng, khóa học kết thúc đồng thời cũng kết thúc nhiệm vụ của nhà trường.

Trước sự phát triển của quân đội, việc nâng cao trình độ cán bộ cấp tiểu đoàn, chỉ đội (trung đoàn) trở nên cấp thiết. Thường vụ Trung ương Đảng đã chỉ thị mở lớp bổ túc cán bộ trung cấp. Lớp học khai giảng tháng 7 năm 1946 tại Tông (Sơn Tây). Lớp bổ túc được hai khóa và kết thúc vào những ngày đầu toàn quốc kháng chiến.

Trong suốt quá trình chuẩn bị bước vào cuộc kháng chiến toàn quốc, chúng ta đã coi trọng việc đào tạo và bổ túc cán bộ cơ sở. Ta đã có một đội ngũ cán bộ đông đảo, nhất là cán bộ cấp trung đội đến tiểu đoàn, để triển khai rộng rãi việc huấn luyện bộ đội và dìu dắt các lực lượng vũ trang địa phương. Trong cuộc hội nghị các khu trường họp ngày 13 tháng 12 năm 1946 tại thị xã Hà Đông, đồng chí Tổng tham mưu trưởng Hoàng Văn Thái đã báo cáo: do tích cực mở lớp bồi dưỡng và đào tạo cán bộ nên tình trạng thiếu cán bộ đã căn bản được khắc phục.

Kháng chiến toàn quốc bùng nổ. Do Trường võ bị Trần Quốc Tuấn có một thời gian chuyển vào Khu 4, anh Nguyễn Sơn khu trưởng Khu 4 làm Giám đốc, nên tháng 3 năm 1947 Bộ Quốc phòng quyết định thành lập Phân hiệu võ bị Trần Quốc Tuấn Bắc Bộ do anh Hoàng Đạo Thúy làm Giám đốc. Tháng 9 năm 1947, Trường võ bị Trần Quốc Tuấn lại trở ra Việt Bắc, nhập thêm Phân hiệu Bắc Bộ và đổi tên thành Trường lục quân trung học Trần Quốc Tuấn. Anh Lê Thiết Hùng được bổ nhiệm làm Giám đốc kiêm Bí thư, hiệu ủy trưởng được củng cố và kiện toàn để vừa đào tạo cán bộ bộ binh, vừa đào tạo cán bộ một số binh chủng cho lục quân.

Kháng chiến đã gần một nghìn ngày. Chúng ta đã có một số kinh nghiệm chiến đấu. Học viên được học về chiến tranh du kích, nhiệm vụ cơ bản của quân đội trong giai đoạn này, phương châm đại đội độc lập và tiểu đoàn tập trung, cách đánh cứ điểm nhỏ. Anh em còn được học kinh nghiệm của chiến dịch phân công Việt Bắc, những trận phục kích trên đường số 4, đường số 5, trận Hói Mít, trận La Ngà...

Các phân khoa pháo binh và công binh được thành lập. Nhà trường chọn một số học viên vừa tốt nghiệp bộ binh có sức khỏe, có trình độ văn hóa khá để chuyển tiếp đào tạo thành cán bộ binh chủng.

Tuy kiến thức về binh chủng được bồi dưỡng chưa nhiều, nhưng đây là lần đầu tiên chúng ta tự đào tạo với phương thức "chuyển loại" từ cán bộ tốt

nghiệp chỉ huy bộ binh sang đào tạo thành cán bộ binh chủng. Kinh nghiệm này được áp dụng có kết quả trong thời kỳ xây dựng quân đội nhân dân tiến lên chính quy và hiện đại, cũng như sau này trong cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của không quân và hải quân Mỹ ở miền Bắc.

Giữa năm 1949, Bộ Quốc phòng quyết định thành lập Phân hiệu lục quân Nam Bộ và Phân hiệu lục quân Trung Bộ. Trường lục quân trung học Trần Quốc Tuấn được giao nhiệm vụ cử giáo viên góp phần xây dựng hai phân hiệu này.

Trong khi chú trọng đào tạo cán bộ trung đội và cán bộ đại đội, chúng ta nhận thấy cán bộ tiểu đoàn, trung đoàn còn là một khâu yếu. Trước yêu cầu khẩn trương xây dựng lực lượng vũ trang, giữa năm 1947, Bộ Quốc phòng đã quyết định mở lớp bổ túc cho cán bộ cấp tiểu đoàn trưởng và trung đoàn trưởng về phương pháp tổ chức bộ đội, phổ biến những kinh nghiệm chiến đấu sau sáu tháng kháng chiến, quán triệt đường lối quân sự của Đảng. Lớp học khai giảng đầu tháng 8 năm 1947 tại La Bằng, Đại Từ, Thái Nguyên, có 83 học viên. Anh Hoàng Văn Thái trực tiếp chỉ đạo lớp học. Học viên được tổ chức thành một đại đội do anh Phan Từ Lăng làm Đại đội

trưởng, anh Trần Từ Bình làm Chính trị viên. Đến tháng 2 năm 1948 ta đã tổ chức được ba khóa học với 148 học viên.

Để chuẩn bị cho việc xây dựng các trung đoàn mạnh, tiến tới thành lập các đại đoàn, việc cấp thiết là phải đào tạo cán bộ quân sự, chính trị trung cấp. Ngày 12 tháng 3 năm 1948, Bộ Quốc phòng ra Nghị định số 88/BCH thành lập trường Quân chính trung cấp.

Khóa đầu tiên khai giảng tại Soi Mít, Tân Cương, Đồng Hỷ, Thái Nguyên, có 110 học viên. Chương trình bao gồm: đường lối kháng chiến, xây dựng căn cứ địa, xây dựng và tổ chức huấn luyện dân quân du kích, chiến lược, chiến dịch, chiến thuật, tổ chức chỉ huy chiến đấu, quản lý bộ đội. Đến tháng 5 năm 1950 nhà trường đã liên tục mở được năm khóa học với 675 học viên.

Với thời gian bốn năm (từ 7-1946 đến 5-1950) chúng ta đã liên tiếp mở 10 khóa, bồi dưỡng trên một nghìn cán bộ chỉ huy trung cấp, góp phần quan trọng vào công cuộc xây dựng và chiến đấu của quân đội ta trong những năm đầu kháng chiến. Nhiều đồng chí sau này trở thành tướng lĩnh, cán bộ cao cấp giữ những trọng trách trong hai cuộc kháng chiến của dân tộc như Vũ Lăng, Vũ Yên, Thái Dũng, Nam Hà, Trần Văn Nghiêm, Anh Đệ...

Ngoài các trường đào tạo cán bộ chỉ huy, chúng ta còn tổ chức một số trường khác như: trường cán bộ dân quân Lê Bình, trường quân y sĩ Việt Nam, trường bổ túc văn hóa cán bộ, trường thiếu sinh quân. Các lớp đào tạo bồi dưỡng,

nghiệp vụ cũng được mở theo yêu cầu của nhiệm vụ công tác như nghiệp vụ tham mưu, tình báo, cơ yếu.

Các trường đào tạo cán bộ quân sự của ta đều đặt dưới sự lãnh đạo chặt chẽ của Bộ và Quân ủy Trung ương. Nội dung học tập bao giờ cũng gồm phần quân sự và phần chính trị.

Trong công tác đào tạo cán bộ những năm đầu kháng chiến, đội ngũ giáo viên của ta là các đồng chí đã từng học các lớp dài ngày hoặc ngắn ngày ở Trung Quốc, phần lớn là vào thời Tưởng Giới Thạch. Ngoài ra, chúng ta còn sử dụng một số cựu binh sĩ yêu nước và một số sĩ quan Nhật tự nguyện theo ta. Do đó, nội dung giáo trình quân sự ít nhiều mang dấu ấn của đội ngũ giáo viên nhiều nguồn ấy. Điều thành công là ta đã sử dụng những kiến thức đó trong huấn luyện kỹ thuật chiến đấu cá nhân, trong động tác đội ngũ, trong nghiệp vụ chuyên môn quân sự. Còn về chiến thuật thì ta đã sớm đưa vào chương trình giảng dạy nội dung nghị quyết các hội nghị quân sự và kinh nghiệm tác chiến của quân đội ta trên các chiến trường, coi trọng giảng dạy những chiến lệ thành công. Công tác đảng và công tác chính trị

cũng được coi trọng. Học viên được học về đường lối kháng chiến, các nghị quyết của Đảng. Đảng cũng đã cử những cán bộ ưu tú phụ trách các trường.

Bác Hồ rất quan tâm tới việc đào tạo ở các trường quân sự. Bác đã nhiều lần tới thăm hoặc gửi thư động viên các trường. Đối với khóa 5 Trường huấn luyện cán bộ Việt Nam, đã đến khai giảng và dự lễ tốt nghiệp, Bác vẫn cho là còn ít. Đối với khóa 1 Trường võ bị Trần Quốc Tuấn, Bác đã ba lần đến thăm.

Lời dạy của Bác ngày 26 tháng 5 năm 1946 trong lễ khai giảng khóa 1 võ bị "trung với nước, hiếu với dân" trở thành lời thề của tất cả các thế hệ cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang của ta.

Người cán bộ quân sự không bao giờ quên lời dặn: "Một người cán bộ tốt phải có đạo đức cách mạng. Quân sự giỏi song nếu không có đạo đức cách mạng thì khó thành công".

Các tướng lĩnh ghi nhớ "nhiệm vụ" là phải:

Trí, Dũng, Nhân, Tín, Liêm, Trung.

Bốn năm chiến đấu trong vòng vây, với đường lối đào tạo cán bộ đúng đắn, phương thức đào tạo phong phú linh hoạt vừa đào tạo ở trường, vừa đào tạo trong thực tiễn chiến đấu, chúng ta đã có một đội ngũ cán bộ quân sự, chính trị, chuyên môn đáp ứng được nhu cầu của kháng chiến và phục vụ cho nhiệm vụ xây dựng các trung đoàn mạnh và các đại đoàn chủ lực, sự phát triển của lực lượng vũ trang trong giai đoạn mới.

au khi có quyết định chuẩn bị tổng phản công, Bác và Thường vụ thấy cần tăng cường cán bộ lãnh đạo ở các cơ quan Trung ương. Những ngày đầu kháng chiến, một số đồng chí đã được Trung ương phản công đến những vùng quan trọng trên cả nước. Anh Lê Duẩn, anh Phạm Hùng ở Nam Bộ. Anh Phạm Văn Đồng vào Khu 5, đại diện cho Trung ương Đảng và Chính phủ, với các anh Nguyễn Duy Trinh, Nguyễn Chánh. Cụ Hồ Tùng Mậu, anh Nguyễn Chí Thanh, anh Trần Hữu Dực ở Khu 4 và mặt trận Bình - Trị - Thiên... Qua mấy năm chiến đấu, cán bộ các khu đã trưởng thành. Bác và Thường vụ quyết định rút một số anh về trung ương, trước mắt là điều anh Đồng từ Khu 5 ra.

Đầu tháng 6 năm 1949, anh Đồng ra tới Việt Bắc sau hơn ba tháng đi đường. Đường đi vất vả không những vì phải trèo đèo, lội suối theo dọc dài Trường Sơn mà còn phải vượt qua nhiều vùng địch kiểm soát.

Sau khi báo cáo khá đầy đủ với Bác và Thường vụ, đến Lục Giã thăm anh Trường Chinh và Văn phòng Trung ương, anh Đồng sang thăm Bộ Tổng Tư lệnh ở Bao Biên.

Chúng tôi vui mừng gặp lại nhau sau hơn hai năm trời xa cách. Anh kể lại chuyến đi từ Khu 5 ra Việt Bắc, nhất là đoạn đường gian khổ của Bình - Trị - Thiên. Liên U, Ba Rền, U Bò, Cao Mại, những địa danh quen thuộc đối với những cán bộ ra Bắc vào Nam. Những cái tên dân dã, đầy hình tượng đó đủ nói lên nỗi vất vả của đoạn đường. Chỉ riêng từ Quảng Bình ra Hà Tĩnh, đường đi đã mất 15 - 20 ngày chưa kể những khi mưa ngàn, lũ suối. Dừng lại ở Nghệ An tham dự đại hội đảng bộ tỉnh, anh gặp anh Nguyễn Chí Thanh để nắm tình hình Liên khu 4. Ra Thanh Hóa, anh gặp các anh Đặng Thai Mai, Đặng Việt Châu ở Thọ Xuân.

Ngày 14 tháng 6 năm 1949, Hội đồng Chính phủ họp nghe anh Đồng báo cáo về tình hình Khu 5 và nhận xét của anh về các tình trên đường đi từ Khu 5 ra Việt Bắc. Hàng năm, Trung ương vẫn nhận được tình hình Khu 5. Có lần anh Nguyễn Duy Trinh trực tiếp ra báo cáo, lần này, anh Đồng ra Việt Bắc sau khi vừa cùng các anh Nguyễn Duy Trinh, Nguyễn Chánh chủ trì hội nghị chính trị viên toàn liên khu lần thứ nhất.

Tình hình Khu 5 vẫn còn một số khó khăn, nhưng đã đạt được thành tích khả quan. Phối hợp với chiến trường toàn quốc, Khu 5 đã phát động được chiến tranh du kích, đánh bại một bước âm mưu "bình định" vùng tạm chiếm của địch. Vững tự do được củng cố về mọi mặt, bước đầu đáp ứng những nhu cầu của kháng chiến và đời sống của nhân dân. Quân và dân

Khu 5 đã thực hiện được lời dặn của Trung ương và Bác Hồ khi anh Đồng đi vào là: "Kiên trì chiến đấu và quyết tâm thắng dịch ngay trên các mặt trận Nam Trung Bộ".

Vào đầu năm 1948, khó khăn tưởng chừng không vượt qua nỗi. Lương thực thiếu thốn, nhiều đơn vị đứng chân trong vùng sau lưng địch phải ăn trái cây, củ rừng hàng tháng thay cơm. Quần áo mỗi người một bộ vá chằng vá đụp. Đau ốm không có thuốc, dụng cụ mổ xẻ có khi phải dùng cả cưa gỗ, kéo thợ may. Súng đạn thiếu thốn.

Chiến trường chia cắt, quân thù bao vây bốn mặt, sự chi viện của hậu phương chiến lược không còn, Liên khu 5 đã tự lực vươn lên.

Vùng tự do Nam - Ngãi - Bình - Phú với gần hai triệu dân, có núi rừng hiểm trở, nhiều tài nguyên, có đồng bằng tuy hẹp nhưng trù phú. Liên khu ủy đã chủ trương đẩy mạnh tăng gia tự túc, thực hiện khẩu hiệu "Toàn dân canh tác". Mọi người già, trẻ, lớn, bé đều thi đua thực hiện chỉ tiêu trồng 10 mét vuông rau xanh, nuôi một con gà. Mỗi gia đình trồng 10 cây dâu để nuôi tầm hoặc 10 cây bông để lấy sợi dệt vải.

Nhân dân đã đào đắp, xây dựng hàng chục công trình thủy lợi. Kênh Bầu Súng ở Mộ Đức xuyên qua gần một nghìn mét núi đá ong. Kênh Sơn Tịnh, kênh Phú Sơn, đập ngăn mặn Tuy Phước... tưới tiêu cho hàng chục nghìn héc ta lúa. Sắn ngô được trồng ở mọi nơi, lương thực đã tự túc được.

Dọc các con sông Tam Kỳ, Trà Khúc, sông Vệ, sông Côn đều được trồng dâu. Đất trồng bông có trên một vạn héc ta.

Nghê dệt lụa, dệt vải phát triển mạnh và đạt đến trình độ khá cao. Hơn một vạn khung dệt thủ công, hàng trăm khung dệt của xí nghiệp quốc doanh Việt Thắng, xí nghiệp dệt quân đội đã cung cấp đủ quân trang cho bộ đội và bình quân mỗi người dân một năm hai mét vải.

Nghề làm giấy, nấu xà phòng, làm đồ gốm, nấu thủy tinh đều được mở mang.

Hai mươi mốt xưởng quân giới có khả năng sản xuất được một số vũ khí có yêu cầu kỹ thuật phức tạp theo thiết kế từ Việt Bắc gửi vào như ba-dô-ca 60, súng phóng lựu 50,8mm, súng phóng bom và SKZ60.

Được phép của Trung ương, Khu 5 đã cho phát hành tín phiếu. Tín phiếu không những lưu hành ở vùng tự do mà còn được sử dụng cả ở một số vùng địch kiểm soát. Cuộc đấu tranh tiền tệ thắng lợi thế hiện sức mạnh của kháng chiến và nền sản xuất ngày một ổn định ở vùng tự do.

Giáo dục phổ thông không ngừng mở rộng. Học sinh cấp 2 và cấp 3 tăng 40 lần so với thời thực dân Pháp đô hộ. Vùng tự do không còn người mù chữ.

Một thành công lớn của Khu 5 là đảm bảo giao thông thông suốt. Do có chủ trương phá hoại đúng đắn, chỉ sau nửa năm khôi phục, tháng 6 năm 1948, tuyến đường sắt 300 ki-lô-mét từ An Tân (Tam Kỳ, Quảng Nam) đến La Hai (Đồng Xuân, Phú Yên) đã bắt đầu hoạt động và duy trì cho đến hết cuộc kháng chiến (có khi và có đoạn phải dùng lô ri). Đường liên lạc từ vùng tự do Phú Yên vào Cục Nam và Nam Bộ thông suốt từ cuối năm 1946. Đường hành lang từ vùng tự do Quảng Nam ra vùng tự do Khu 4 được cũng cổ vào giữa năm 1948. Cũng từ đây bắt đầu con đường giao thông trên biển vào chiến trường phía Nam.

Khu 5 đã thành công bước đầu trong việc bám đất, giành dân ở Tây Nguyên, từng bước làm thất bại "ba chính sách" lớn của thực dân Pháp ở vùng này, làm cơ sở cho đòn tiến công chiến lược lên cao nguyên sau này.

Tây Nguyên là một vùng đất có vị trí chiến lược quan trọng. Trong huấn lệnh về "Nhiệm vụ chiến lược của miền Nam Trung Bộ trong khi chiến tranh bước vào giai đoạn mới" ngày 23 tháng 8 năm 1948 tôi đã nhấn mạnh: "Quan trọng hơn hết là

vùng Tây Nguyên. Không chế vùng Tây Nguyên tức là khống chế cả miền Nam (đó là chưa nói đến khả năng kinh tế)...

Trong vùng Tây Nguyên, hai trọng điểm cần chú ý đặc biệt: Buôn Ma Thuật trung tâm quân sự và Đà Lạt - trung tâm chính trị".

Hai mươi bảy năm sau, mùa xuân 1975, Buôn Ma Thuột được chọn làm điểm đột phá của cuộc tiến công chiến lược lớn vào chiến trường Nam Tây Nguyên. Đòn tiến công đã làm rung chuyển toàn bộ hệ thống phòng ngự của địch, làm xuất hiện thời cơ lớn: giải phóng toàn bộ miền Nam trong năm 1975.

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, tôi đã nhiều lần vào Tây Nguyên công tác. Tôi đã đến căn cứ Xitơ của anh hùng Núp, đến Đắc Tô - Tân Cảnh, khu vực Sa Thầy... Càng đi, càng thấy Tây Nguyên hùng vĩ, thấy tinh thần bất khuất, lòng thủy chung với cách mạng, lòng thành kính đối với Bác Hồ của đồng bào các dân tộc.

Tôi vô cùng cảm phục các cán bộ, chiến sĩ của ta trong những ngày gian khó đã đi sâu vào buôn rẫy, lặn lội tìm bắt liên lạc với từng người dân, đem ánh sáng của cách mạng đến với đồng bào. Nhiều cán bộ, chiến sĩ người Kinh đã tự động cà răng, căng tai, phơi mình ngoài nắng cho da đen để hòa mình trong đồng bào. Cuộc chiến đấu trên mặt trận thầm lặng này không đồn bốt, không hàng rào, không trận địa nhưng vô cùng gian khổ và không ít hy sinh.

Giữa tháng 7 năm 1949, Thường vụ Trung ương họp: Kháng chiến đang trong thời kỳ chuyển giai đoạn. Công việc của Bác rất bận. Các chiến dịch

quân sự cũng liên tiếp mở ở Tây Bắc và Đông Bắc. Thường vụ đã cử anh Đồng làm Phó Thủ tướng và Bí thư Đảng đoàn Chính phủ để tôi tập trung vào công việc quân sự.

Sáng 25 tháng 7 năm 1949 họp Hội đồng Chính phủ, các bộ trưởng lần lượt đến. Bác cho mời từng vị đến gặp để thăm dò ý kiến về vấn đề Phó Thủ tướng. Mãi đến 11 giờ cuộc họp mới khai mạc. Anh Đồng làm lễ tuyên thệ. Anh Lê Văn Hiến cũng đề nghị với Bác để anh Đồng kiêm chức Phó Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng tối cao.

Hội đồng Chính phủ lần này thảo luận và giải quyết các vấn đề lớn về quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa... chuẩn bị để đón thời cơ thuận lợi do tình hình mới đưa đến.

3

d quan Bộ Tổng Tư lệnh lúc này ở Điểm Mạc. Tôi và Văn phòng ở Bao Biên. Bộ Tổng Tham mưu ở Đồng Dau.

Các nẻo đường Việt Bắc đâu đâu cũng có khẩu hiệu "Tích cực cầm cự chuyển mạnh sang tổng phân công". Không khí sôi sục. Dọc đường gặp rất nhiều bộ đội. Người từ Mặt trận Sông Lô, Sông Thao trở về. Người lên Mặt trận Đường số 3, Mặt trận Đường số 4. Ai ai cũng vội vã.

Dịch đang bao vây rất gắt gao về kinh tế. Chúng cố không để thóc gạo lọt ra vùng tự do. Dịch tung nhiều giấy bạc Việt Nam giả vào vùng tự do, khiến giá gạo tăng vọt, bộ đội rất thiếu ăn. Cân bộ phụ trách phải hằng ngày chạy tới các cơ quan, đoàn thể ở địa phương để vay gạo. Nhiều bữa, bộ đội phải ăn củ khoai, củ sắn cầm chừng, ai cũng biết sắp tới sẽ lao vào những trận đánh quyết liệt. Nhưng không khí vẫn hồ hởi.

Trung tuần tháng 8, lại có cuộc họp Thường vụ.

Tôi từ Điểm Mạc qua nhà chủ tịch Chanh sang châu Tự Do. Núi rừng Việt Bắc gần đây đâu đâu cũng ấm hơi người. Nhưng đường rẽ vào Tân Trào vẫn hoang vắng như xưa. Cảnh vật được cố giữ nguyên để bảo đảm bí mật cơ quan. Nghe tiếng vó ngựa, những chú khỉ vàng ríu rít gọi nhau chuyển cành chạy trốn.

Bản Tân Trào sạch sẽ hơn trước nhưng vẫn im ắng. Hai cây đa cổ thụ, ngôi đình gỗ kiểu vùng xuôi vẫn y như ngày họp Quốc dân đại hội lần đầu. Không một dấu hiệu nào tỏ ra quanh đây có một cơ quan. Trong suốt chiến

tranh chống Pháp, bọn gián điệp không bao giờ phát hiện được chỗ ở cụ thể của Bác.

Máy ngày qua trời mưa, thượng nguồn sông Đáy đục ngầu. Một sân bóng chuyền ở giữa rừng. Qua sân bóng chuyền, tới máy cái lán nhỏ ở bìa rừng là cơ quan Bác.

Bác đang ngồi đánh máy. Có người vào báo, Bác ngước mắt nhìn ra, mỉm cười:

- Chú Văn!

Người bỏ kính, đóng chiếc máy chữ, đứng lên bắt tay tôi, không để tôi kịp hôi thăm sức khỏe, Bác nói luôn:

- Chú hoi xanh.
- Thưa Bác, tôi khỏe.

Bác mỉm cười. Lát sau, anh Trường Chinh và anh Phạm Văn Đồng tới.

Trong cuộc họp này, tôi báo cáo về những tiến bộ của bộ đội ở các chiến trường, sự phối hợp chiến đấu của ta với bạn mở rộng căn cứ của bạn ở biên giới Việt - Trung,

kế hoạch thành lập đại đoàn chủ lực đầu tiên của Bộ nay mai để chuẩn bị tiến lên đánh lớn.

Thường vụ bàn về những biến chuyển mới của cách mạng Trung Quốc tác động tới cuộc kháng chiến, những tư tưởng nảy sinh trong bộ đội và đồng bào sau khi có chủ trương chuẩn bị Tổng phân công, dự kiến âm mưu địch sau chuyến đi của Rơ-ve, khả năng Mỹ can thiệp sâu hơn vào chiến tranh Đông Dương...

Bác và các anh nhận thấy phải cùng cố vững chắc căn cứ địa Việt Bắc, làm giảm áp lực địch ở Đông Bắc, khai thông biên giới, phá vỡ thế bao vây của quân Pháp. Địch đang tăng quân, chiến tranh sẽ diễn ra ác liệt, nhưng trước mắt có nhiều triển vọng. Thường vụ quyết định phát động toàn dân, toàn quân đẩy mạnh mọi hoạt động của kháng chiến, cố gắng mở những cuộc phân công lớn đánh bại quân Pháp trước khi Mỹ can thiệp sâu hơn. Bác nhắc trong công tác tuyên truyền chưa nên dụng tới Mỹ chừng nào Mỹ chưa trực tiếp nhúng vào chiến tranh Đông Dương.

Đến bữa cơm, Bác và chúng tôi cùng tất cả các đồng chí làm việc tại cơ quan ngồi quây quần quanh mấy chiếc bàn tre. Rá cơm đưa lên, phần lớn là sắn cơ quan tăng gia, gạo chỉ loáng thoáng. Thức ăn duy nhất là măng rừng chấm muối. Biết có cuộc họp, mấy đồng chí vệ bình đã ra suối và vào rừng định tìm vài món cải thiện. Cuộc đi săn thất bại, cá suối cũng không chịu đớp mỗi câu vì trời mưa, nước lớn, thức ăn nhiều, cá đã ăn no.

Bác quay lại bảo đồng chí thư ký của Bác, ngồi bàn bên:

- Hôm nay có khách, chú lấy món đặc biệt ra!

Món đặc biệt đựng trong một ống tre. Bác mở nắp chia đều cho mỗi bàn một thứ thức ăn màu đỏ. Đó là thịt lợn thái nhỏ trộn với rất nhiều ớt và muối. Bác thường dùng món này trên đường đi công tác. Bác dặn:

- Chú nào không ăn được cay nhiều thì đừng dùng món này lẫn với măng. Các chú nên tập ăn ớt vì ớt rất nhiều sinh tố.

Đây là những giờ phút đầm ấm mỗi lần chúng tôi về họp, quây quần bên Bác.

4

háng 5 năm 1947, bộ đội chủ lực của Bộ đã được củng cố một bước quan trọng, lực lượng ở Bộ lúc này đã có hai trung đoàn và bốn tiểu đoàn. Bộ Tổng chỉ huy nhận thấy cần có một lực lượng tập trung mạnh để đối phó với những đòn tiến công của quân địch. Tháng 7 năm 1947, sau khi có sắc lệnh của Chính phủ, Bộ Tổng chỉ huy đã giao cho Bộ Tổng Tham mưu xây dựng đại đoàn chủ lực đầu tiên của Bộ.

Ngay trong chiến dịch Việt Bắc, ta đã kịp thời nhận ra chưa thể tổ chức ngay những đơn vị lớn. Ngược lại, cần phân nhỏ những đơn vị đã tập trung để phát động chiến tranh toàn dân và tiến hành vận động đánh nhỏ thì mới chống lại được chủ trương chiếm đóng và tiến công ở ạt vào căn cứ địa của quân thù. Các trung đoàn đã chia thành những đại đội độc lập đưa về địa phương. Những đơn vị được giữ lại chỉ tác chiến ở quy mô tiểu đoàn.

Quân đội ta đã trải qua hai năm thực hiện phương châm đại đội độc lập, tiểu đoàn tập trung. Các lực lượng vũ trang đều có nhiều tiến bộ. Dân quân du kích nhiều xã được rèn luyện trong tác chiến. Bộ đội địa phương huyện ở nhiều nơi đã có khả năng thay thế đại đội độc lập. Các tiểu đoàn tập trung đã trưởng thành qua nhiều trận đánh và những chiến dịch. Bộ đội qua phong trào luyện quân lập công năm 1948, rèn cán chỉnh quân năm 1949 và nhất là qua thử lửa chiến trường đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm chiến đấu. Để đón thời cơ mới, phương châm chiến lược đề ra trong Hội nghị Trung ương hồi đầu năm là: "Cần mạnh bạo đẩy vận động chiến đi tới và khi đủ điều kiện thì kịp thời nâng vận động chiến lên địa vị quan trọng để tiến sang giai đoạn phản công" và "cần phải có kế hoạch rút dần các đại đội tập trung trở lại..."

Rút các đại đội độc lập chắc chắn sẽ tạo nên chỗ trống ở những nơi bộ đội địa phương chưa trưởng thành. Nghị quyết Hội nghị cán bộ Trung ương lần thứ sáu và Hội nghị Dân quân lần thứ ba (tháng 4 năm 1949) đã nêu lên tầm quan trọng của việc xây dựng bộ đội địa phương và phát triển dân quân du kích.

Ngày 7 tháng 4 năm 1949, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh thành lập bộ đội địa phương ở tỉnh và huyện.

Ngày 18 tháng 8, Thường vụ ra chỉ thị: "Xây dựng bộ đội địa phương và phát triển dân quân trong giai đoạn cầm cự và chuẩn bị tổng phân công". Chỉ thị nêu rõ: Ta phải có bộ đội chủ lực mạnh và bộ đội địa phương mạnh, hai lực lượng này có mối quan hệ khăng khít, hỗ trợ cho nhau chiến đấu, hỗ trợ cho nhau trưởng thành. Vì vậy, muốn xây dựng một đội quân chủ lực mạnh, cần phải có sự phát triển rộng rãi của phong trào dân quân và những bộ đội địa phương đã trưởng thành.

Sau Hội nghị cán bộ Trung ương lần thứ sáu, Đảng ta chủ trương phải tổ chức một số đại đoàn, trước mắt thành lập ngay đại đoàn chủ lực đầu tiên của Bộ.

Đầu tháng Tư, Bộ Tổng Tư lệnh đã lựa chọn xong số cán bộ chỉ huy cũng như những đơn vị sẽ đứng trong đội hình của đại đoàn. Những đơn vị của Bộ được dồn lại thành hai trung đoàn: 88 và 102. Trung đoàn thứ ba sẽ là trung đoàn 36 của Bắc Ninh và Bắc Giang.

Tư lệnh kiêm chính ủy đại đoàn là anh Vương Thừa Vũ, đã từng là khu trưởng Chiến khu 11, Phó Tư lệnh lực lượng vũ trang Liên khu 4. Đại đoàn phó Cao Văn Khánh là khu trưởng Chiến khu 5, mới ra Bắc hồi đầu mùa hè. Tham gia đại đoàn gồm những đơn vị đã chiến đấu ở mặt trận Hà Nội, Hải Phòng, Hà Tu, Cẩm Phả, Kiến An, Hà Đông, Sơn Tây, Hà Nam, Bắc Ninh, Bắc Giang. Đơn vị nào cũng đã lập nhiều chiến công.

áng ngày 28 tháng 8, tôi và anh Trần Đăng Ninh tới Đồn Du, huyện ly huyện Phú Lương, nằm trên đường số 3 từ Thái Nguyên lên Bắc Kạn. Mùa đông năm 1947, những tiểu đoàn chủ lực của Bộ đã xoay vần với binh đoàn Bô-phrê trên con đường này. Dạo này trời mưa, khí hậu ẩm ướt, sương mù giăng khắp núi đồi. Dọc đường, gặp đồng bào người Kinh, người Tày, người Nùng, người Trại nô nức kéo đi dự lễ thành lập đại đoàn.

Qua phô huyên Đôn Du một quãng, nhìn bên đường thấy một cổng chào kết bằng lá, bên trên có một bức vẽ lớn. Hình ảnh một chiến sĩ xung kích mặc quần áo nâu, đầu đội mũ lá, đi chân đất, tay cầm cây mác đứng trên một bức thành rực lửa. Đó là biểu tượng của Đại đoàn 308.

Trên một bãi cỏ rộng cạnh đường cái đá, xuất hiện một kỳ đài lớn kết bằng lá xanh, trên nóc, pháp phới lá cờ đỏ sao vàng. Trước kỳ đài là lễ đài, màu nửa lá xanh nguyên, lợp bằng mấy chiếc dù chiến lợi phẩm.

Trên bãi cô còn bạc sương đêm, bộ đội xếp hàng thành từng khối. Những khẩu đại liên, trung liên, súng cối đặt trước hàng quân. Trang phục của bộ đội không giống nhau. Có đơn vị mặc quân phục màu lá cây. Nhiều đơn vị mặc quần áo tiện y màu nâu, màu đen. Thống nhất là chiếc mũ nan bằng tre bọc vải, có lưới cài lá ngụy trang. Vũ khí không giống nhau. Có những khối bộ binh, pháo binh, công binh, thông tin. Đội nhạc binh do anh Đinh Ngọc Liên chỉ huy, cũng có mặt đầy đủ với bộ kèn đồng vàng óng sau ngày bị địch nhảy dù vô hụt ở Bắc Kạn.

Đại đoàn trưởng kiêm chính ủy, người cao gầy, mặc bộ quân phục bằng ka ki dày, ống quần bó trong ủng, đi nghiêm đến trước lễ đài, rút kiếm chào đại diện của Chính phủ và Bộ Tổng Tư lệnh rồi mời chúng tôi đi duyệt hàng quân.

Cán bộ chỉ huy, đội trưởng và chính trị viên đứng trước từng đơn vị. Nét mặt cán bộ, chiến sĩ đều lộ về xúc động. Tất cả đều rất trẻ. Người lớn tuổi nhất đại đoàn là anh Vương Thừa Vũ, ba mươi chín tuổi. Người ít tuổi nhất là em Trương Công Lũy, chiến sĩ trung đoàn Thủ đô, mới 11 tuổi.

Nhiều cán bộ đối với tôi đã khá quen thuộc. Đồng chí Vũ Yên, người cao lớn, cân đối, vững chãi như một pho tượng. Trước cách mạng, anh là một người thợ đồng

thời là vận động viên bơi lội. Đồng chí Thái Dũng với nét mặt kiên nghị, đã mất bàn tay phải trong trận Bản Phải. Đồng chí Vũ Lăng nhỏ nhắn, cặp mắt sắc, bộ râu quai nón mới cạo xanh xanh. Đồng chí Doãn Tuế, bộ mặt chất phác, hiền lành, đứng trước những khẩu sơn pháo cũ kỹ nhưng đầy chiến công.

Chúng tôi bước lên lễ đài. Anh Trần Đăng Ninh chuyển tới cán bộ và chiến sĩ đại đoàn lời khen của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chính phủ về thành tích chiến đấu trong mấy tháng qua, nhắc đơn vị cố gắng phục vụ nhân dân, khiêm tốn học hỏi, không quản ngại khó khăn, xứng đáng là con chim lớn đầu đàn, làm tròn nhiệm vụ một đơn vị cơ động chiến lược đầu tiên của nước nhà.

Tôi đọc Nhật lệnh của Bộ Tổng Tư lệnh, nói lý do cần thiết phải thành lập đại đoàn chủ lực đầu tiên, nhắc lại truyền thống và chiến công về vang

của các đơn vị từ các địa phương về xây dựng đại đoàn, nhấn mạnh nhiệm vụ cơ bản của đại đoàn:

"... Đại đoàn có nhiệm vụ cùng với các binh đoàn chủ lực khác, đi tiên phong trên con đường tiêu diệt sinh lực địch, trên con đường chính quy hóa...

Đại đoàn phải: hễ đánh là thắng

Đã đánh là tiêu diệt sinh lực địch

Ngày càng lớn mạnh

Quyết định chiến trường..."

Tôi trao cho đại đoàn lá cờ "Chiến thắng" của Bộ Tổng Tư lệnh, và gắn huân chương cho một số cán bộ, chiến sĩ vừa lập chiến công xuất sắc trong thời gian qua.

Âm thanh hùng tráng từ những chiếc kèn đồng của đoàn quân nhạc vang lên.

Những khối bộ binh đứng im phăng phắc bắt đầu chuyển động. Bộ đội diễu qua lễ đài.

Đi đầu là ba chiến sĩ cao lớn, người đi giữa giương cao lá cờ Chiến thắng, hai người cầm tiểu liên bảo vệ hai bên.

Đồng chí Vũ Yên dẫn đầu khối ba tiểu đoàn 54, 18, 79 sẽ hợp thành Trung đoàn 102, Trung đoàn Thủ Đô.

Đồng chí Thái Dũng dẫn đầu khối Trung đoàn 88. Anh giơ tay trái chào khi đi ngang lễ đài.

Cuối cùng tới đơn vị pháo binh. Những khẩu pháo trong các trận chiến đấu được di chuyển bằng những chiếc đòn khiêng đặt trên vai các chiến sĩ pháo binh, đã từng làm khiếp đảm quân thù, hôm nay được kéo bằng ngựa. Tôi nhớ lại một bức tranh về những trận đánh thời Na-pô-lê-ông. Nhìn bề ngoài, những khẩu pháo của ta chưa hiện đại được bao nhiêu so với thời đó.

Sự trưởng thành của quân đội ta ngày nay, trước hết và quyết định là sự trưởng thành của đội ngũ cán bộ, những người đang dẫn đầu các đơn vị diễu qua lễ đài. Tôi biết rõ xuất thân của nhiều người. Họ có thành phần giai cấp không giống nhau: thợ thuyền, dân cày, học sinh, sinh viên, cựu binh sĩ, nhà giáo, viên chức... Có những người xuất thân từ tầng lớp trên, từ những gia đình giàu có.

Một số đơn vị của đại đoàn không có mặt trong ngày lễ thành lập, vì đang trên đường đi chiến đấu. Họ được trao vinh dự lập những chiến công đầu để chào mừng ngày ra đời của đại đoàn.

Quốc hội nước Việt Nam dân chủ cộng hòa gửi tới tặng đại đoàn thanh kiểm khắc bốn chữ: "Mã đáo thành công". Tổng bộ Việt Minh cũng tặng đại đoàn một thanh kiểm mang tên "Dân tộc".

Thư và điện tử khắp nước, kể cả Khu 5, Nam Bộ xa xôi tới tấp gửi về chào mừng đại đoàn chủ lực đầu tiên, chúc đại đoàn tiến lên làm tròn nhiệm vụ "con chim đầu đàn".

Ít lâu sau, tin chiến thắng đã từ các mặt trận bay về. Tiểu đoàn 29 đánh một trận vận động xuất sắc trên Mặt trận Vĩnh Yên, tiêu diệt hai trăm địch tại Thanh Vân, Hữu Thủ. Tiểu đoàn 23 đánh trận phục kích thứ hai trên đường số 4, cùng với một tiểu đoàn của Trung đoàn 174 diệt gọn 93 xe địch tại Lũng Phẩy. Lũng Phẩy đã thực sự là "lũng lửa".

Trong buổi lễ thành lập đại đoàn đầu tiên, không khí bộ đội cũng như đại biểu nhân dân địa phương đều tràn đầy phấn khởi. Nhưng có lẽ không mấy ai, kể cả anh Ninh là người đồng chí cộng tác rất gần gũi hiểu hết những cảm nghĩ của tôi. Tôi thấy chúng ta đã đi được một bước lớn đầy ý nghĩa trong công cuộc xây dựng bộ đội chủ lực; nhìn lại cả con đường đã trải qua thực không phải là thẳng tấp và đơn giản mà đầy khúc khuỷu, phức tạp.

Ngay từ ngày nước Việt Nam dân chủ cộng hòa mới ra đời, chúng tôi đã cho rằng đã có nhà nước độc lập, thì đương nhiên phải có một quân đội tương xứng. Và quân đội ấy không phải chỉ có những đại đội hay tiểu đoàn, trung đoàn, mà nhất định phải có đại đoàn. Đó là một ý nghĩ về mặt nào đó có phần hợp lý, nhưng cũng phản ánh phần nào sự thiếu kinh nghiệm trong chiến tranh.

Thế rồi, với tư cách là Bộ trưởng Bộ Nội vụ, đồng thời đặc trách công tác quân sự - ít lâu sau là bí thư Quân ủy Trung ương từ khi mới thành lập, tôi đã đề nghị thành lập hai đại đoàn chủ lực. Đề nghị ấy được chấp nhận. Đến khi tình hình đất nước diễn ra khẩn trương, qua các cuộc xung đột lớn nhỏ đầu tiên với quân đội Pháp ở Lạng Sơn hay ở Hải Phòng, thì thấy rõ ngay là quân ta không có trình độ tác chiến với đơn vị đại đoàn. Kháng chiến toàn quốc bùng nổ, hai đại đoàn đầu tiên đã được nhập vào hai quân khu. Lúc bấy giờ quân đội ta chỉ còn gồm những trung đoàn là đơn vị cao nhất.

Trải qua các cuộc chiến đấu trong và sau những ngày toàn quốc kháng chiến, trong các trận đánh ở các thành phố và các cuộc chiến đấu tiếp theo, qua thực tiễn lại thấy bộ đội ta vẫn chưa có khả năng tác chiến thắng lợi với đơn vị trung đoàn tập trung. Như các chương trên đã trình bày, do phát hiện thực tế diễn ra trên chiến trường, tôi đã đề nghị và được Trung ương chấp

nhận là trước mắt còn phải lùi một bước nữa về tổ chức bộ đội: kiên quyết áp dụng rộng rãi công thức "đại đội độc lập, tiểu đoàn tập trung".

Vói hình thức thích hợp ấy, trong một thời gian không lâu, bộ đội ta đã phát huy tác dụng to lớn. Các đại đội và tiểu đoàn không những đã dạn dày kinh nghiệm chiến đấu, mạnh lên với vũ khí và phương tiện chiến tranh cướp được từ tay địch, mà còn gây dựng lại chính quyền cơ sở, phát động chiến tranh du kích rộng rãi đưa đến sự ra đời của đông đảo dân quân du kích. Những trung đội và đại đội bộ đội địa phương được thành lập và dần dần có khả năng hoàn toàn thay thế vai trò của các đại đội độc lập. Tình hình đó đã đánh dấu một bước trưởng thành vượt bậc của ba thứ quân, và đến lúc nào đó, đã cho phép ta rút các đại đội độc lập tập trung các tiểu đoàn lại. Cùng thời gian đó, các tiểu đoàn đã được tôi luyện và trưởng thành trong những trận đánh bằng tiểu đoàn, rồi nhiều tiểu đoàn, bằng trung đoàn hay trung đoàn tăng cường trong hàng loạt chiến dịch nhỏ. Đến lúc bấy giờ, ta đã có điều kiện tổ chức ra những trung đoàn chủ lực mạnh, những đại đoàn chủ lực với đầy đủ chức năng hiện thực của nó. Và đại đoàn đầu tiên là đại đoàn Quân tiên phong đã ra đời. Đây là một bài học lớn về tổ chức, không những trong lĩnh vực quân sự mà cả trong các lĩnh vực khác. Với nhân tố con người và nhất là cán bộ như thế nào, với nhân tố vật chất, tức là vũ khí và phương tiện chiến tranh như thế nào - hai nhân tố cơ bản nhất và cách mạng nhất như Ăngghen đã nhận định, thì với hình thức kết hợp thích hợp hai nhân tố ấy, với hình thức tổ chức bộ đội hợp lý nhất mới có được một hoạt động tác chiến có hiệu quả nhất, đưa lại thắng lợi tương xứng. Hình thức tổ chức và trình độ tác chiến kết hợp với nhau một cách hữu cơ, đó là một quy luật. Làm sai quy luật, theo ý muốn chủ quan, duy ý chí chỉ

đưa đến thất bại. Làm đúng quy luật sẽ đưa đến thắng lợi. Sự thành lập đại đoàn Quân tiên phong là một bước tiến vững chắc, đánh dấu sự trưởng thành của quân đội ta trong chiến tranh. Những cảm nghĩ nói trên hôm ấy đã đưa lại cho tôi một sự phấn khởi đặc biệt, một niềm tin lớn.

Để đáp ứng nhiệm vụ mới, Bộ Tổng Tư lệnh đang chuẩn bị sớm thành lập ba đại đoàn, rồi năm đại đoàn. Trước mắt, ở Bộ cũng như ở các liên khu được lệnh xây dựng các trung đoàn chủ lực mạnh với một tiểu đoàn mạnh trong từng trung đoàn, đồng thời kiểm tra và xúc tiến tổ chức các đơn vị bình chủng. Bộ Tổng Tham mưu và Cục Chính trị chuẩn bị gấp các phương án cán bộ.

Trung đoàn Sông Lô, chủ lực của Liên khu 10, được bổ sung và tăng cường trở thành Trung đoàn 209, sẽ là trung đoàn mạnh của Đại đoàn 312.

Các trung đoàn Cao Bằng, Lạng Sơn, Bắc Kạn được tổ chức lại thành Trung đoàn 174, sẽ là trung đoàn mạnh của Đại đoàn 316. Các trung đoàn này trực thuộc Bộ.

Liên khu 1 cũng cố Trung đoàn 62. Liên khu 3 hai trung đoàn 64 và 66. Liên khu 4, các trung đoàn 9, 57 và 103 thuộc Thanh - Nghệ - Tỉnh; các trung đoàn 101, 95 và 18 thuộc Bình - Trị - Thiên. Khu 5 cũng cố trung đoàn 210. Nam Bộ kiện toàn các tiểu đoàn 307, 304, 302.

Các lực lượng binh chủng cũng đã phát triển một bước. Đến cuối năm 1949, từ Liên khu 4 trở ra, công binh có một tiểu đoàn và 16 đại đội, pháo binh có 7 tiểu đoàn và 7 đại đội. Các lực lượng thông tin, quân y, quân nhu đều được kiểm tra và kiện toàn.

Ngày 10 tháng 3 năm 1950, Đại đoàn 304 chính thức thành lập tại Thọ Xuân, Thanh Hóa. Anh Hoàng Minh Thảo được cử giữ chức Đại đoàn trưởng, anh Trần Văn Quang giữ chức Chính ủy đại đoàn. Đại đoàn gồm có Trung đoàn 66 chủ lực của Liên khu 3, Trung đoàn 57 và Trung đoàn 9 chủ lực của Liên khu 4.

Đại đoàn 312 với các trung đoàn: 209 chủ lực của Bộ, 165 thuộc mặt trận Tây Bắc và 141 hình thành từ sau chiến dịch Biên Giới, chính thức thành lập ngày 25 tháng 12 năm 1950. Anh Lê Trọng Tấn là Đại đoàn trưởng, anh Trần Độ là Chính ủy đại đoàn.

Đại đoàn 320 dự kiến thành lập sớm với các trung đoàn 48, 64 của Liên khu 3 và Trung đoàn 52 Tây Tiến. Nhưng do chiến sự lan rộng ở đồng bằng Bắc Bộ nên đến ngày 16 tháng 4 năm 1951 mới chính thức thành lập. Anh Văn Tiến Dũng là đại đoàn trưởng kiêm chính ủy.

Đại đoàn 325 lấy chiến thắng trận Thanh Hương ngày 11 tháng 3 năm 1951 làm ngày truyền thống của đại đoàn, nhưng phải tới đầu năm 1953 đại đoàn mới có điều kiện tập trung ra vùng tự do Liên khu 4 để xây dựng và huấn luyện. Anh Trần Quý Hai làm Đại đoàn trưởng kiêm Chính ủy.

Đại đoàn 316 thành lập ngày 1 tháng 5 năm 1951, nòng cốt là Trung đoàn 174, cùng với Trung đoàn 176 thuộc tỉnh Lạng Sơn và Trung đoàn 98 thuộc mặt trận Đông Bắc. Anh Lê Quảng Ba là Đại đoàn trưởng, anh Chu Huy Mân là Chính ủy.

Về binh chủng, Đại đoàn công pháo 351 được thành lập ngày 27 tháng 3 năm 1951, gồm Trung đoàn sơn pháo 75, Trung đoàn lựu pháo 105 và Trung đoàn công binh 151. Anh Đào Văn Trường quyền Đại đoàn trưởng, anh Phạm Ngọc Mậu là Chính ủy.

Mùa xuân năm 1950, trên chiến trường Bắc Bộ, lục lượng cơ động của Bộ Tổng Tư lệnh với các đại đoàn 308, 304 và hai trung đoàn 209, 174, đó là chưa kể một số trung đoàn mạnh của các liên khu, đã lớn hơn lục lượng cơ động chiến lược của địch.

Cho tôi tháng 9 năm 1950, trước chiến dịch giải phóng biên giới thì lực lượng cơ động chiến lược của ta lại tiếp tục tăng thêm. Trên tổng quân số hơn 20 vạn trong cả nước, bộ đội chủ lực đã chiếm hơn 16 vạn với những đại đoàn và trung đoàn mạnh, bộ đội địa phương có bốn vạn rưỡi. Dân quân du kích thì ước khoảng hai triệu.

Chúng ta đã có điều kiện để mở những chiến dịch tiến công, tiến tới giành chủ động trên chiến trường chính.

Chuông mười TIẾN TỐI GIÀNH CHỦ ĐỘNG TRÊN CHIẾN TRƯỜNG CHÍNH

Từ tháng 7 năm 1949, người Pháp ra sức làm những điều ghi trong kế hoạch Rơ-ve. Tổng chỉ huy Bơ-lê-dô một mặt tập trung đánh chiếm Bắc Ninh, Bắc Giang, Phúc Yên, Vinh Yên, mặt khác rút quân khỏi thị xã Bắc Kạn và các vị trí: Phủ Thông, Nà Phạc, Ngân Sơn trên đường Bắc Kạn - Cao Bằng.

Tháng 9, tướng Các-păng-chi-ê sang thay tướng Bơ-lê-dô làm Tổng chỉ huy Đông Dương. Các-păng-chi-ê quyết định thực hiện chủ trương của Rơ-ve là "làm tròn đồng bằng Bắc Bộ". Với những đơn vị mới được tăng viện từ Pháp sang và lực lượng quân ngụy mới phát triển, trong thu đông 1949 và xuân hè 1950, Bộ chỉ huy Pháp mở nhiều cuộc hành quân liên tiếp, lần lượt đánh chiếm Bùi Chu, Phát Diệm, nam phần Hải Dương, Hưng Yên, Thái Bình, nam Hà Đông, Ninh Bình, Phủ Lý.

Tháng 10 năm 1949, trước âm mưu địch mở rộng phạm vi chiếm đóng đồng bằng Bắc Bộ, Trung ương Đảng và Bộ Tổng Tư lệnh đã kịp thời tăng cường cán bộ lãnh đạo cho Đảng bộ và Bộ chỉ huy Liên khu 3, trong đó có anh Lê Thanh Nghị, anh Văn Tiến Dũng và một số anh khác. Anh Lê Thanh Nghị được cử làm Bí thư Liên khu ủy. Anh Văn Tiến Dũng được cử làm Chính ủy Liên khu và Ủy viên thường vụ Liên khu ủy.

Trước những hoạt động liên tục, ráo riết của địch, Bộ Tư lệnh Liên khu 3 chủ trương phát động chiến tranh du kích rộng rãi để tiêu hao lực lượng, cản bước tiến của địch, đồng thời dùng các đơn vị chủ lực của liên khu bám đánh, chống địch càn quét bình định. Các đơn vị của Liên khu 3 đánh được một số trận ở Tiên Hưng, Thái Ninh, Quỳnh Côi thuộc tỉnh Thái Bình và một trận vận động xuất sắc ở Ứng Hòa thuộc tỉnh Hà Đông.

Đồng bằng Bắc Bộ bị chiếm đóng, nhưng thực dân Pháp không sao bình định được vùng chúng kiểm soát. Nhờ chủ trương chuyển hướng đấu tranh

kíp thời, đúng đắn của Liên khu ủy 3, những vùng mới bị đánh chiếm đã khắc phục được một phần tình trạng lúng túng ban đầu, từng bước khôi phục và phát triển phong trào kháng chiến, gây cho địch nhiều tổn thất, buộc chúng phải chống đỡ khắp nơi. Đồng bằng Bắc Bộ sẽ trở nên một chiến trường du kích nổi tiếng với du kích Nguyên Xá anh hùng, với Trung đoàn 42 anh hùng mà địch thường gọi là "trung đoàn ma", với nhiều căn cứ du kích ngay trong lòng địch.

Quân và dân đồng bằng Bắc Bộ bước vào một thời kỳ thử thách mới vô cùng gian khổ, một thời kỳ chiến đấu hết sức quyết liệt; phải chịu nhiều hy sinh to lớn, đồng thời cũng lập nhiều chiến công rất vẻ vang, sản sinh ra nhiều tấm gương anh dũng, kiên cường, bất khuất. Cuộc chiến tranh du kích, chiến tranh nhân dân ở một trình độ cao chưa từng có của quân và dân đồng bằng Bắc Bộ đã làm "thối ruỗng" hệ thống chiếm đóng và bình định của địch, làm tê liệt các đường giao thông, kìm chân và gây thiệt hại nặng cho các binh đoàn cơ động của địch, có tác dụng phối hợp đắc lực và hỗ trợ mạnh mẽ cho các chiến địch của bộ đội chủ lực trên các chiến trường. Cuộc đấu tranh toàn diện tàn khốc ở đồng bằng Bắc Bộ, lúc âm thầm bền bỉ, lúc sôi nổi quyết liệt, kéo dài suốt cho đến khi miền Bắc hoàn toàn giải phóng.

Để kịp thời đối phó với âm mưu mới của địch, tháng 9, Bộ Tổng Tư lệnh ra mệnh lệnh chuẩn bị Chiến dịch Lê Lợi ở Hòa Bình. Bộ chỉ huy chiến dịch được chỉ định: anh Hoàng Sâm là Chỉ huy trưởng, anh Lê Quang Hòa là Chính ủy, anh Lê Trọng Tấn và một đồng chí đại diện Bộ Tư lệnh Liên khu 4 làm Chỉ huy phó.

Mục đích của chiến dịch là tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, phá thế uy hiếp của địch ở sau lưng Liên khu 3, mở rộng đường giao thông liên lạc giữa Việt Bắc với Liên khu 3.

Phôi hqp với chiến dịch Lê Lqi, Bộ Tư lệnh Liên khu 10 mở liên tiếp Chiến dịch Sông Mã và Chiến dịch Yên Bình Xã - Nghĩa Đô.

Sau một thời gian chuẩn bị, cuối tháng 11, chiến dịch Lê Lợi bắt đầu. Lúc này, anh Văn Tiến Dũng làm Chính ủy Bộ chỉ huy chiến dịch, thay anh Lê Quang Hòa.

Chiến dịch mở màn bằng trận nội ứng diệt gọn vị trí Gốt ở nam đường số 6. Trung đoàn 66 tiến công vị trí Đồng Bến, đánh nhanh diệt gọn một đại đội địch trong công sự. Tiếp theo, ta phục kích diệt một đại đội địch ở làng Lum (giữa Suối Rút và Mô Hẻm), đột kích vào Phố Đúng ở thị xã Hòa Bình, phục

kích ở Bến Bưởi bắn chìm hai phà và ba thuyền chở quân của địch. Sau đó, ta tiêu diệt các vị trí Suối Rút, Mô Hẻm, Tử Mễ. Địch phải dùng hơn 30 xe chở gần 1.000 quân từ Hà Đông lên chi viện cho Hòa Bình; Trung đoàn 48 cùng bộ đội Hà Nội tiến công thiêu hủy cả đoàn xe.

Đầu tháng 12, bằng cách vây điểm diệt viện, Trung đoàn 209 tiêu diệt hai đại đội ứng chiến tinh nhuệ trong trận phục kích trên đường số 6, giữa Chợ Bờ và Mô Hẻm.

Sau chiến dịch, tôi nghe anh Lê Trọng Tấn, Trung đoàn trưởng 209, báo cáo cụ thể. Để cứu nguy các vị trí đang bị uy hiếp, địch phải dùng máy bay đánh phá, thả dù tiếp tế, đưa lực lượng mới lên đóng lại vị trí Mô Hẻm. Ta phán đoán quân địch ở vị trí này là lực lượng cơ động, chúng không thể chiếm đóng lâu và nhất định sẽ có đơn vị khác lên thay thế. Trung đoàn 209 tập trung lực lượng bố trí phục kích trên đường số 6, chỉ để lại một bộ phận vây hãm, buộc địch phải rút để ta tiêu diệt. Đúng như ta phán đoán, ngày 6 tháng 12, địch rút bỏ Mô Hẻm. Khi địch đến gần Chợ Bờ, bộ phận chặn đầu của ta nổ súng bắn chết ngay một trung úy, một thiếu úy và tiểu đội tiền vệ. Quân ta xung phong đánh vào giữa đội hình địch, tiêu diệt một số lớn. Bộ phận còn lại của địch chạy về Mô Hẻm định đóng bè qua sông; quân ta truy kích tiêu diệt và bắt toàn bộ. Nghe anh Tấn báo cáo xong, tôi nói đây là một trận đánh hay, cần phổ biến kinh nghiệm kịp thời cho các đơn vị nghiên cứu.

Cuối tháng 12, Trung đoàn 66 dùng lối đánh cường tập, tiêu diệt vị trí Đầm Huống. Lính ngụy ở đồn Toàn Thắng và đồn Cổ Lũng nổi dậy giết chết đồn trưởng rồi đầu hàng quân ta.

Cuối tháng 1 năm 1950, Trung đoàn 48 dùng địch vận tiêu diệt vị trí Mát, thu toàn bộ vũ khí.

Chiến dịch Lê Lợi kết thúc cuối tháng 1 năm 1950. Ta tiêu diệt được một bộ phận sinh lực địch, diệt 10 vị trí, bức rút 13 vị trí khác, phát triển chiến tranh du kích ở địa phương, đánh mạnh vào kế hoạch lập xứ Mường tự trị và tinh thần lính ngụy người Mường. Ta đã phá được một phần thế uy hiếp của địch đối với phía tây Liên khu 3, bước đầu mở rộng được đường giao thông liên lạc giữa Việt Bắc với Thanh - Nghệ.

Trên chiến trường phối hợp, bộ đội tình nguyện Việt Nam phối hợp với bộ đội Lào tiêu diệt vị trí Xiềng Khọ, phá vỡ phòng tuyến địch từ mường Xiềng Khọ đến Sốp Hào, mở rộng khu giải phóng Thượng Lào.

àu năm 1950, Trung Quốc rồi Liên Xô, Mông Cổ, Triều Tiên, Tiệp Khắc Cộng hòa dân chủ Đức, Hung-ga-ri, Ru-ma-ni, Ba Lan, Bun-ga-ri, An-ba-ni chính thức công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với nước ta. Thắng lợi của cách mạng Trung Hoa mang lại cho cuộc kháng chiến của ta những thuận lợi to lớn. Vòng vây bên ngoài bị phá vỡ ở phía Bắc. Bên kia biên giới là lục địa Trung Hoa, nối liền một dài với Liên Xô và các nước anh em.

Ban Thường vụ Trung ương triệu tập Hội nghị toàn quốc lần thứ ba, họp từ cuối tháng 1 đến đầu tháng 2 năm 1950. Hội nghị lần này tổ chức khá đàng hoàng. Mỗi đại biểu đều có số ghế ngồi ở hội trường, số phòng ở và số giường ngủ. Theo sự phân công của Thường vụ, anh Trường Chinh đọc báo cáo chính trị, tôi đọc báo cáo quân sự, anh Phạm Văn Đồng đọc báo cáo công tác chính quyền. Hội nghị nhận định trong hai năm cầm cự và chuẩn bị tổng phản công, thế cầm cự về mọi mặt giữa ta và địch diễn ra rõ rệt và ngày càng có lợi cho ta. Hai năm cầm cự đã chỉ cho ta thấy rõ những khả năng cũng như những khó khăn của ta và của địch.

Hiện nay thế của ta mạnh hơn địch, lực của ta còn kém địch về vật chất, nhưng hơn địch về tinh thần. Thế mạnh có thể chuyển thành lực mạnh. Ta phải tích cực phát huy khả năng của ta, triệt để lợi dụng nhược điểm của địch, làm cho thế và lực của ta lớn mạnh hơn, để trong năm 1950 có thể chuyển sang tổng phản công.

Muốn chuyển sang tổng phản công, ta cần chiếm ưu thế quân sự trên chiến trường chính, trong khi ở các chiến trường khác, ta đủ sức kiềm chế địch. Ưu thế quân sự đó phải được giữ vững và phát triển để tiếp tục phản công cho đến toàn thắng.

Tổng phản công là phản công trong cả một giai đoạn chiến lược theo một kế hoạch chung cho chiến trường Đông Dương, là phản công từng đợt cho đến khi địch hoàn toàn thất bại, ta hoàn toàn thắng lợi.

Năm 1950, ta cần gấp rút hoàn thành việc chuẩn bị, chuyển mạnh sang tổng phản công.

Ngày 12 tháng 2, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh quyết định tổng động viên. Tất cả nhân lực, vật lực, tài lực của toàn thể nhân dân đều đặt dưới chế độ pháp luật đặc biệt trong thời kỳ chiến tranh. Vì lợi ích của quốc gia và nhu cầu kháng chiến, Nhà nước có quyền huy động và sử dụng mọi lực lượng của dân tộc, thực hiện khẩu hiệu "Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng".

Một nhiệm vụ quan trọng trước mắt là phải phá vỡ thế bao vây của quân Pháp ở biên giới phía Bắc, giải tỏa thế uy hiếp ở hai sườn căn cứ địa Việt Bắc.

Chúng ta đã có quan hệ ngoại giao với Trung Quốc, Liên Xô, và các nước anh em, nhưng con đường từ nước ta ra quốc tế chưa được khai thông. Pháp còn chiếm các thị xã Lai Châu, Lào Cai, Cao Bằng, Lạng Sơn, Móng Cái, khống chế tất cả những đường vận chuyển cơ giới sang Trung Quốc. Trong thực tế, với những đồn binh đóng rải rác, quân Pháp chưa bao giờ bịt kín được biên giới phía Bắc. Song những đường mòn xuyên rừng dùng cho người đi bộ và đi ngựa, không cho phép tiếp nhận dễ dàng và nhanh chóng sự giúp đỡ vật chất của quốc tế nay mai.

Đầu tháng 1, Ban Thường vụ Trung ương ra chỉ thị mở Chiến dịch Tây Bắc và chuẩn bị chiến trường Đông Bắc. Lúc này ở Bắc Bộ, Tây Bắc là nơi yếu nhất và sơ hở nhất của dịch. Đông Bắc là chiến trường quan trọng đối với ta cũng như đối với dịch suốt từ nay cho đến khi chuyển sang tổng phản công.

Bộ Tổng Tư lệnh quyết định mở một chiến dịch tiến công ở Tây Bắc, đồng thời đẩy mạnh những trận vận động phục kích trên đường số 4. Đông Bắc là nơi dịch có phòng tuyến rắn chắc nhất, không chế những con đường sắt, đường bộ nối liền Việt Nam với Trung Quốc. Chúng ta cần phá vỡ phòng tuyến này mới giải quyết được về cơ bản sự giao lưu quốc tế. Nhưng cần có sự chuẩn bị chu đáo. Trong xuân hè này, ta tích cực chuẩn bị chiến trường ở Đông Bắc, nhưng tạm thời chưa dụng tới hệ thống đồn bốt của dịch.

3

hi hành chỉ thị của Trung ương, Bộ Tổng Tư lệnh ra lệnh mở chiến dịch Tây Bắc mang mật danh là Chiến dịch Lê Hồng Phong 1.

Mục đích của chiến dịch là tiêu diệt sinh lực địch, tiêu diệt một số vị trí, tối thiểu là làm tan rã các đơn vị lính ngụy, tối đa là giải phóng Lào Cai, mở thông đường liên lạc quốc tế.

Hướng chính của chiến dịch là mặt Lào Cao, hướng phụ là mặt Điện Biên Phủ và Sầm Nưa, hướng nghi binh kiểm chế là Sơn La.

Bộ chỉ huy chiến dịch gồm có anh Bằng Giang là Chỉ huy trưởng, anh Song Hào là Chính ủy, anh Cao Văn Khánh là Chỉ huy phó.

Trong khi ta đang chuẩn bị mở chiến dịch thì ở bên kia biên giới giáp với Lào Cai, Quân giải phóng Trung Quốc đã chiếm Mông Tự, Hồ Kiều và đang

tiến tới kiểm soát khu vực đối diện với Phong Thổ, Lai Châu. Quân Pháp ra sức câu kết với tàn quân Quốc dân đảng, cũng cố phòng thủ dọc biên giới.

Ô hướng chính, ta tiến công Phố Lu, một thị trấn có hai đại đội, được tổ chức phòng ngự vững chắc. Trận đánh có nhiều tình huống gay go, quyết liệt. Sau ba đợt chiến đấu kéo dài bốn ngày đêm, ta hoàn toàn làm chủ Phố Lu. Địch bị tiêu diệt, nhưng ta bị thương vong nhiều, có đại đội bị thiệt hại tới hai phần ba.

Sau chiến dịch, tôi nghe anh Vũ Yên, Trung đoàn trưởng Trung đoàn Thủ Đô báo cáo cụ thể trận Phố Lu. Vị trí này là sổ chỉ huy phân khu do một đại đội lính Pháp, một đại đội lính khổ đồ và 80 lính ngụy địa phương đóng giữ. Đây là vị trí quan trọng còn lại trên tuyến phòng thủ Sông Thao sau chiến dịch mùa hè năm trước, án ngữ con đường tiến lên thị xã Lào Cai.

Phô Lu là một thị trấn chưa phá hoại, với những đường phô, những ngôi nhà gạch một tầng, hai tầng còn nguyên vẹn. Địch đã đuổi tất cả dân chúng ra ngoài để xây dựng một đồn binh kiên cô. Quanh thị trấn có tường thành khá dày từ một đến hai mét. Bốn góc có lô cốt vững chãi. Bao quanh phía ngoài là hàng rào dây thép gai và bãi mìn. Cạnh căn cứ là một sân bay dã chiến. Viên chỉ huy phân khu coi Phô Lu là một vị trí bất khả xâm phạm.

Hai đợt tiến công đầu không thành, xung kích bị chặn trước hàng rào dây thép gai. Đợt thứ ba, ta rút kinh nghiệm, tập trung cả tiểu đoàn pháo về một hướng, bắn vỡ một góc tường, mở được cửa đột phá cho bộ đội xung phong. Chiến sĩ mang ba-dô-ca đi cùng chiến sĩ xung kích, tiêu diệt từng hỏa điểm. Các chiến sĩ pháo binh cũng đẩy pháo vào trong vị trí, ngắm bắn trực tiếp vào những ổ đề kháng. Viên chỉ huy đồn Phố Lu tử trận, để lại cuốn nhật ký có ghi dòng chữ: "Chao ôi! Kẻ thù của chúng ta có tinh thần của những người chiến thắng".

Ô hướng thứ yếu, tình hình diễn biến phức tạp. Ta tiến công Nghĩa Đô ba lần đều không thành công. Địch đưa lực lượng từ Hà Nội lên ứng cứu cho Nghĩa Đô, nhưng ta vẫn bao vây uy hiếp mạnh, nên địch phải rút bỏ Nghĩa Đô. Sau đó, ta tiêu diệt vị trí Bản Lầu và tiến công một số vị trí khác.

Địch phải dùng quân nhảy dù tăng cường cho Lào Cai, chiếm lại Phố Lu và Nghĩa Đô. Nhận thấy địch đã tăng cường phòng thủ, sức chiến đấu của bộ đội ta đã giảm

sút, tiếp tế lương thực khó khăn, Bộ Tổng Tư lệnh quyết định tạm ngừng chiến dịch.

Địch bị thiệt hại nặng và buộc phải phân tán quân nhảy dù là lực lượng cơ động chiến lược lên đối phó với cuộc tiến công của ta ở vùng rừng núi

Tây Bắc, nhưng ta cũng bị tổn thất và chưa đạt mục đích chiến dịch. Cục diện chiến trường về căn bản chưa có gì thay đổi.

Sau khi các đơn vị kiểm điểm, nhân danh Tổng Tư lệnh kiêm Tổng chính ủy, tôi gửi thư cho Bộ chỉ huy chiến dịch, nhận xét ưu điểm, khuyết điểm của trận Phố Lu và trận Nghĩa Đô. Thư có đoạn:

"Kiểm điểm cho đúng là một việc làm cần thiết để tiến bộ, để tránh sai lầm về sau.

Trước đây, tôi đã phê bình nghiêm ngặt trận Cầu Rầm. Năm 1948, tôi đã chỉ thị phê phán nghiêm ngặt trận Phù Thông, không được gọi là đánh tiêu diệt. Năm 1949, tôi đã phê bình trận Sông Lô...

Trận Phố Lu thì khác, là một trận tiêu diệt thị trấn quan trọng của địch, thu được vũ khí, đạn dược, có những tấm gương anh dũng vô song của chiến sĩ và cán bộ. Nhưng cách dùng bình đã đi đến kết quả lực lượng ta bị tiêu hao nặng, nên cần phê bình, nêu khuyết điểm bên cạnh ưu điểm. Trận Nghĩa Đô thì phải nêu là một trận thất bại. Công tác chính trị không phải chỉ nêu thắng lợi và ưu điểm mới động viên được, mà lại cần nêu thất bại, khuyết điểm để học tập, sửa chữa...

Chúc các đồng chí thắng lợi và luôn luôn nhớ tự kiểm điểm nghiêm ngặt, nhất là trong lúc thắng lợi".

Trong năm 1949 và mùa xuân năm 1950, những chiến dịch nhỏ liên tiếp diễn ra trên chiến trường cả nước.

Bộ chỉ huy Liên khu 4 do anh Nguyễn Sơn làm Tư lệnh, anh Trần Văn Quang làm Chính ủy, chủ trương "đánh mạnh ở Bình - Trị - Thiên". Tháng 1 năm 1949, Trung đoàn 101 do anh Trần Sâm làm Trung đoàn trưởng, anh Trần Quý Hai làm Chính ủy, đã phục kích một đoàn tàu quân sự tại Hói Mít trên đường sắt Đà Nẵng - Huế, phá đoàn tàu chở 80 tấn vũ khí, đạn dược, tiêu diệt đại đội bảo vệ.

Tháng 8, bộ đội ta vừa tổ chức chống càn, vừa đánh vận động, tiêu diệt một đại đội lính lê dương ở Mỹ Chánh, Mỹ Xuyên. Đây là thắng lợi giòn giã của bộ đội Bình - Trị - Thiên ở địa hình đồng bằng.

Đầu năm 1950, Mặt trận Bình - Trị - Thiên được thành lập, do anh Hà Văn Lâu làm Chỉ huy trưởng, anh Trần Quý Hai làm Chính ủy, anh Trần Sâm làm Chỉ huy phó.

Mặt trận mở chiến dịch Lê Lai ở nam Quảng Bình phối hợp với chiến dịch Lê Lợi ở Hòa Bình. Ta tiêu diệt một đại đội lính Âu - Phi ở Vạn Xuân, Thạch Xá Hạ, tiêu diệt và bức rút nhiều vị trí, giải phóng nhiều vùng ở bắc và nam Quảng Bình.

Tháng 6, mặt trận mở chiến dịch Phan Đình Phùng. Ta dùng cách đánh linh hoạt, lúc tập trung, lúc phân tán, phát động chiến tranh du kích, giải phóng một số làng ở đồng bằng, mở rộng căn cứ du kích nam Quảng Bình. Trung đoàn 95 và Trung đoàn 101 phục kích đoàn xe hơn một trăm chiếc từ Đồng Hới chạy đến khu vực Chấp Lễ - Hạ Cờ, diệt hơn 300 tên, phá 40 xe quân sự.

Bộ chỉ huy Liên khu 5 do anh Nguyễn Chánh làm Chính ủy, anh Nguyễn Thế Lâm làm quyền Tư lệnh. Cuối năm 1948, một đơn vị của liên trung đoàn 80 - 83 do anh Lư Giang làm Trung đoàn trưởng, anh Nguyễn Đường làm Chính ủy, tiêu diệt đốn Phước Thuận ở bắc thị trấn Ninh Hòa. Sau đó, ta tiêu diệt các cứ điểm Trại Cá, Đại Điền Trung, Phú Khê, Phú Cốc, đánh chìm chiến hạm A-mi-ran Véc-nông ở vùng biển Hòn Khói, tiêu diệt một đại đội lính Âu - Phi trên đường số 1 ở bắc thị trấn Vạn Giã.

Đầu năm 1949, Trung đoàn 108 do anh Nguyễn Bá Phát làm Trung đoàn trưởng, anh Nguyễn Quyết làm Chính ủy, đánh phục kích trên đường sắt và đường bộ từ Quảng Nam ra Huế, đánh hỏng nhiều đoàn tàu hỏa, phá nhiều xe vận tải và xe bọc sắt.

Ở Tây Nguyên, Trung đoàn 120 do anh Trương Cao Dũng làm Trung đoàn trưởng, phối hợp với lực lượng vũ trang địa phương, đánh thắng nhiều trận trên đường số 14 và đường số 7, mở vùng căn cứ du kích lớn trong khu tam giác Cheo Reo - Buôn Hồ - Madrắc và dọc nam bắc đường số 19 từ phía tây đèo Măng Giang tới sát thị xã Plei Ku.

Đầu năm 1950, ở hướng Quảng Nam, Trung đoàn 210 do anh Đàm Quang Trung làm Trung đoàn trưởng, anh Nguyễn Đôn làm Chính ủy, tiêu diệt một đoàn xe và một đại đội lính lê dương ở Thanh Quýt, diệt hai vị trí Cẩm Lệ và Hòn Báng. Bộ đội ta phục kích đánh đổ ba đoàn tàu quân sự trên đèo Hải Vân, giải phóng phần lớn huyện Duy Xuyên và tây huyện Đại Lộc, mở rộng căn cứ du kích ở Điện Bàn, Hòa Vang.

Ô Nam Bô, sau khi Xử ủy phê phán "chủ nghĩa du kích", mỗi khu xây dựng được một trung đoàn chủ lực. Bộ Tư lệnh Nam Bộ mở chiến dịch Mùa Xuân, đẩy mạnh hoạt động ở Trà Vinh, Mỹ Tho, Sóc Trăng, đánh phá các đường giao thông thủy bộ, tiêu diệt nhiều vị trí nhỏ, đột nhập thị trấn, bức rút nhiều đôn bốt. Khu 7 mở chiến dịch Dầu Tiếng. Khu 8 mở chiến dịch Cầu Ngang. Khu 9 tiêu diệt và bức rút nhiều

đôn. Sự vận chuyển của dịch trên đường Sài Gòn - Lộc Ninh gần như bị tê liệt. Sự vận chuyển đường sông đi Vũng Tàu cũng bị tắc sau khi ta đánh chìm một tàu vận tải trên sông Lòng Tàu, cách Sài Gòn 20 ki-lô-mét.

Phong trào đấu tranh chính trị ở Nam Bộ, đặc biệt ở Sài Gòn rất sôi nổi. Trước "giải pháp Bảo Đại" của thực dân Pháp theo lệnh của đế quốc Mỹ, nhiều cuộc bãi công, bãi thị, bãi khóa của các tầng lớp nhân dân thành phố đã liên tiếp nổ ra. Cuộc tổng bãi công của tám xí nghiệp lớn do Liên hiệp Công đoàn Sài Gòn tổ chức và cuộc tổng bãi khóa của học sinh, sinh viên nhiều trường vào những ngày cuối tháng 11 năm 1949 đã châm ngòi cho hàng loạt cuộc đấu tranh tiếp theo.

Cuộc biểu tình của học sinh, sinh viên Sài Gòn ngày 9 tháng 1 năm 1949 đòi thả những người bị bắt đã được đông đảo nhân dân hưởng ứng. Địch cho binh lính và cảnh sát đàn áp dã man, bắn chết học sinh Trần Văn Ơn, làm bị thương hàng chục người. Đám tang học sinh Trần Văn Ơn ngày 12 tháng 1, với khẩu hiệu:

"Chết vì Tổ quốc, chết cũng như sống;

Sống kiếp Việt gian, ô nhục muôn đời"

đã biến thành cuộc biểu dương lực lượng, thể hiện tinh thần đoàn kết đấu tranh của nhân dân và có tiếng vang lớn.

Nhiều nhân sĩ, trí thức, nhà báo, nhà tu hành, tiểu thương đã xuống đường. Công nhân của nhiều xưởng, nhiều hãng, viên chức của nhiều công sở đều tham gia. Hai đoàn đại biểu học sinh, sinh viên miền Bắc và miền Trung đã đi máy bay vào để kịp dự lễ tang. Các của hàng, các trường công và tư, một số công xưởng đóng cửa. Chợ búa không họp. Hơn nữa triệu người đã xuống đường đấu tranh. Chưa bao giờ Sài Gòn - Chợ Lớn có một cuộc tổng bãi công, bãi thị, bãi khóa rộng lớn như vậy.

Ngày 9 tháng 1 đã đi vào lịch sử và chính thức trở thành ngày đấu tranh của học sinh, sinh viên toàn quốc cho độc lập và thống nhất Tổ quốc.

Sự can thiệp trực tiếp của đế quốc Mỹ vào vấn đề Đông Dương ngày càng lộ rõ. Đại sứ Gơ-ríp-phiin của Mỹ đến Sài Gòn. Hai chiến hạm của Mỹ cập bến cảng thành phố, một tàu sân bay chở 70 máy bay lớn vốn ngoài khơi Vũng Tàu để uy hiếp tinh thần đấu tranh của nhân dân ta.

Để kịp tỏ rõ ý chí của nhân dân ta chống Mỹ can thiệp. Khu ủy Sài Gòn - Chợ Lớn chủ trương tiến hành một cuộc đấu tranh lớn. Biệt động Sài Gòn ném lựu đạn vào khách sạn Công-ti-năng-tan, nơi đại sứ Mỹ ở. Tối 18 tháng 3, giữa lúc Mỹ, Pháp mở tiệc trên tàu, các chiến sĩ của tiểu đoàn Quyết tử 950 đã bắn súng cối vào khu vực có chiến hạm Mỹ.

Ngày 19 tháng 3, hơn 30 vạn đồng bào Sài Gòn - Chợ Lớn đã xuống đường biểu tình; luật sư Nguyễn Hữu Thọ cùng một số nhân sĩ, trí thức yêu nước

của thành phố dẫn đầu. Cờ đỏ sao vàng được quần chúng giương cao dọc theo các phố xá. Cờ Mỹ, cờ Pháp, cờ bù nhìn, ảnh Bảo Đại bị xé nát. Các khẩu hiệu "Đá đảo đế quốc Mỹ!", " Đế quốc Mỹ cút đi!", "Đá đảo bù nhìn Bảo Đại", "Hồ Chủ tịch muôn năm!" được quần chúng hô vang. Các đoàn biểu tình làm chủ trung tâm thành phố từ sáng đến trưa. Ngay đêm ấy, hai chiến hạm Mỹ không kèn, không trống rút khỏi bến cảng Sài Gòn.

Đây là cuộc đụng độ đầu tiên giữa nhân dân ta và đế quốc Mỹ. Với cuộc biểu tình này, đồng bào thành phố Sài Gòn - Chợ Lớn mang danh hiệu vinh quang thành phố Hồ Chí Minh - đã đi tiên phong trong phong trào chống Mỹ ở nước ta. Chính từ sự kiện lịch sử này, ngày 19 tháng 3 trở thành ngày toàn quốc chống Mỹ của nhân dân ta.

Ở Hà Nội, hưởng ứng chủ trương của Thành ủy, học sinh mở một đột đấu tranh trong suốt một tuần lễ. Học sinh toàn thành phố tổ chức để tang các học sinh Sài Gòn đã hy sinh. Tại chùa Quán Sứ, sáng 20 tháng 1, đồng bào và học sinh tổ chức rất trọng thể lễ cầu hỗn cho học sinh Trần Văn Ơn và các bạn đã bị địch sát hại. Đêm 18 tháng 1, các dũng sĩ Hà Nội tập kích sân bay Bạch Mai, phá 22 máy bay và đốt cháy 60 vạn lít xăng. Ngày 21 tháng 1, Bảo Đại và đại sứ Mỹ vừa đến Hà Nội, ta phá 15 trong số 42 trạm biến thế điện của toàn thành phố. Trong máy ngày đầu tháng 3, ta còn phá 16 đầu tàu ở sở xe điện Thụy Khuê, phá một kho đạn lớn ở Đồn Thủy.

Phong trào đấu tranh của nhân dân các thành phố lớn Sài Gòn, Hà Nội là đòn tiến công mạnh mẽ đánh thẳng vào trung tâm sào huyệt của địch. Nó làm cho kẻ thù khiếp sợ, lúng túng, làm cho nhân dân càng tin tưởng ở thắng lợi và quyết tâm đẩy mạnh kháng chiến.

rên đường số 4, từ cuối tháng 7 năm 1949, địch rút bỏ nhiều vị trí xung quanh thị xã Cao Bằng, ra sức củng cố các cứ điểm và tăng cường bảo vệ các đoàn xe vận chuyển tiếp tế. Tuy vậy, chúng vẫn không thoát khỏi các trận phục kích của ta.

Đầu tháng 9, tại Lũng Phẩy, Trung đoàn 174 và Tiểu đoàn 23 thuộc trung đoàn 88 phục kích một đoàn xe hơn 120 chiếc từ Thất Khê lên Cao Bằng, diệt 200 tên, phá hơn 90 xe.

Giữa tháng 9, tại Lũng Vài - Bố Cùng, bộ đội ta đánh đoàn xe chở 800 quân trên đường từ Thất Khê về Na Sầm, diệt nhiều địch, phá gần 30 xe.

Đầu tháng 10, Trung đoàn 174 và Tiểu đoàn 23 lại phục kích đoàn xe 100 chiếc, phá 42 xe, đồng thời tiến công buộc dịch rút hai vị trí Bố Cũng, Lũng Vài.

Tong hop tinh hinh chien su tren duong so 4, Cuc tác chien báo cáo doan duong tur Tien Yen toi That Khe dia hinh trong trai không thuan loi cho nhung trän phuc kich lon. Nhung khu vuc nguy hiem déu nam tren doan duong tur That Khe len Cao Bang. Quan Phap da nghien cüu kyluong các trän danh cua bô doi ta, de ra nhung bien phap de phong rat can mat. Moi doan xe duoc to chuc chat che nhu mot cuoc hành binh.

Mô sáng, môt tiêu doàn Âu - Phi mô duông tù Thât Khê lên dèo Bông Lau, chia quân chiêm linh các môm núi cao. Phía Đông Khê, hai đại đội bô binh cũng triển khai quanh bân Lũng Phây, sẵn sàng ứng cứu. Đoàn xe ở Thất Khê chỉ xuất phát khi những bô phận sục sạo phát tín hiệu: "Đường đã mở".

Tuy vậy, những trận phục kích của bộ đội ta vẫn không ngừng nổ ra: Bố Củng - Lũng Vài lần thứ nhất..., Bông Lau - Lũng Phẩy lần thứ hai..., Bố Củng - Lũng Vài lần thứ ba... rồi Bông Lau - Lũng Phẩy lần thứ tư.

Sau trận phục kích đầu tháng 10, trung đoàn trưởng 174 của Đặng Văn Việt được gọi về Bộ, báo cáo trực tiếp với tôi về từng trận đánh vừa qua trên đường số 4. Khi nghe xong, tôi hỏi tại sao trung đoàn lại có thể phục kích nhiều lần ở cùng một đoạn đường?

Anh Việt báo cáo: "Sau mỗi lần bị đánh, địch lại thay đổi cách hành quân, nên cách đánh của ta cũng phải thay đổi. Mỗi cuộc vận chuyển của địch thế nào cũng có sơ hở, ta cần nhè trúng sơ hở của địch mà đánh. Nếu địch không có sơ hở thì phải làm cho nó có sơ hở.

Máy tháng nay, trung đoàn không còn phục kích tại chỗ theo kiểu cũ, giấu sẵn quân ở ven đường chờ địch tới là xông ra đánh. Đơn vị đã vận dụng chiến thuật vận động phục kích, ém quân xa đường, không để địch phát hiện, rồi vận động ra đánh khi thời cơ xuất hiện. Nguyên tắc bí mật được đặt lên hàng đầu. Công việc trình sát, giấu quân, bố trí thông tin, không được để lại dấu vết khiến địch nghi ngờ. Có khi ém quân chờ địch hai, ba ngày. Bộ đội phục kích phải có tính tổ chức và kỷ luật cao".

Hạ tuần tháng 5 năm 1950, tôi bỗng nhận được điện báo cáo Trung đoàn 174 vừa tiêu diệt gọn cứ điểm Đông Khê. Tin này hoàn toàn bất ngờ. Đông Khê là một cứ điểm trọng yếu của dịch nằm giữa Cao Bằng và Thất Khê, do một tiểu đoàn Âu - Phi thiếu một đại đội cùng một đại đội ngụy chiếm đóng. Tổ chức phòng ngự ở đây được bố trí thành một hệ thống liên hoàn trên những môm núi cao, có công sự

vững chắc. Trung đoàn 174 đánh phục kích giỏi, nhưng chưa hề đánh cứ điểm. Bộ đội ta đã làm thế nào để tiêu diệt được

Đông Khê với số thương vong rất thấp?... Mặt khác, Đông Khê nằm trong dự kiến của Bộ trong thu đông tới, khi ta mở đầu chiến dịch lớn. Bộ chủ trương trong xuân hè này, tạm thời chưa đánh những cứ điểm dịch trên đường số 4. Điều này tôi chỉ mới trao đổi với anh Hoàng Văn Thái.

Tôi điện cho anh Phan Phác, Tổng Tham mưu phó đang có mặt trên đường số 4, cùng với Trung đoàn trưởng Trung đoàn 174 về Bộ ngay để báo cáo.

Tôi hỏi riêng anh Phan Phác, vì sao trước khi đánh Đông Khê không xin ý kiến của Bộ. Anh Phác trả lời đã báo cáo về Bộ trước khi đánh mấy ngày, không thấy Bộ có ý kiến gì nên mới đồng ý cho đơn vị đánh. Tôi thấy đây lại là một vấn đề về nguyên tắc xin chỉ thị cần sớm rút kinh nghiệm.

Sau đó, tôi nghe anh Việt báo cáo cụ thể trận Đông Khê, một trận đánh tốt, lần đầu tiên ta tiêu diệt cứ điểm có công sự vững chắc do một tiểu đoàn địch chiếm giữ. Nghe báo cáo xong, tôi biểu dương những tiến bộ của trung đoàn, rồi nói với anh Việt: "Anh chuyển lời tôi hỏi thăm sức khỏe anh Mân và khen ngợi toàn thể cán bộ, chiến sĩ của trung đoàn".

Trận Đông Khê tiếp tục thu được những kinh nghiệm thành công và không thành công của những trận đánh cứ điểm trước đây, là một trong những trận đánh cách phòng ngự có công sự vững chắc tiêu biểu của quân đội ta trong kháng chiến chống Pháp.

5

Âu năm 1950, Bác ra nước ngoài.

Từ lâu, Bác đã là một cán bộ của Quốc tế Cộng sản. Trong quá trình hoạt động, Bác luôn gắn bó với phong trào và cơ quan lãnh đạo của nó. Trước ngày Tổng khởi nghĩa, Bác đã sang Trung Hoa định tìm Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, qua đó thông báo những dự kiến của Đảng ta với Quốc tế Cộng sản. Việc không thành vì giữa đường Bác bị chính quyền Tướng bắt giữ. Cách mạng Việt Nam tiến hành trong một hoàn cảnh rất đặc biệt, đã phải vận dụng những chiến lược, sách lược riêng để tồn tại và đi lên giữa muôn vàn khó khăn, thù trong, giặc ngoài. Có lúc Đảng ta phải tuyên bố tự giải tán. Như lời Bác nói, đây là một biện pháp "đau đớn" mà Đảng ta buộc phải làm. Rồi kháng chiến toàn quốc bùng nổ. Không riêng mối liên hệ với phong trào cộng sản mà mối liên hệ của ta với thế giới bên ngoài hầu như bị gián đoạn. Kháng chiến đang chuyển qua một khúc ngoặt mới.

Ta cần thông báo với phong trào về tình hình cách mạng Đông Dương trong những năm qua cùng với những biến chuyển mới, để tranh thủ sự đồng tình và sự giúp đỡ, phối hợp.

Trước ngày lên đường, Bác bảo tôi làm một bản tường trình về tình hình quân sự. Bác nói: "Chú viết ngắn, cần nêu được những vấn đề lớn, người nghe thông báo sẽ là đồng chí Xta-lin". Tôi viết một tờ trình tám trang. Đọc xong, Bác nói: "Được".

Đây là một chuyến đi bí mật. Quân Pháp vẫn đóng dọc biên giới. Bên nước bạn, tàn quân Tưởng còn có mặt ở nhiều nơi tại Hoa Nam. Sẽ có những chặng đường dài phải đi bộ qua rừng núi. Về danh nghĩa, đây là một phái đoàn của Trung ương Đảng ta qua gặp Đảng Cộng sản Trung Quốc. Dọc đường, khi quan hệ với các địa phương, anh Trần Đăng Ninh sẽ đóng vai trưởng đoàn.

Bác đã bước sang tuổi sáu mươi. Thời gian qua, Bác lại hay yếu mệt. Anh Ninh bày làm một chiếc cáng để Bác dùng khi đi đường. Cơ quan quân nhu nghiên cứu một loại cáng đặc biệt, khi người khiêng cáng cần nghỉ thì vẫn không phải đặt cáng xuống đất. Anh em hào hứng bàn bạc góp nhiều sáng kiến. Biết chuyện này, Bác hỏi anh Ninh:

- Nghe nói các chú đang làm cho mình một cái kiệu?
- Thưa Bác, một chiếc cáng, đề phòng khi Bác mệt phải dùng tới.
- Tôi mệt thì các chú cũng mệt. Nếu lại phải cáng tôi thì còn mệt biết mấy? Chú chuẩn bị cho tôi một chiếc ba lô. Đồ dùng của ai người nấy mang. Tất cả đều hành quân như bộ đội.

Ý Bác đã quyết, anh Ninh phải bỏ kế hoạch làm cáng.

Ngày lên đường, Bác mặc bộ quần áo chàm, đầu đội chiếc mũ rộng vành, trùm chiếc khăn mặt trắng che bộ râu đã có những sợi điểm bạc, sau lưng là một chiếc ba lô như mọi người trong đoàn. Chắc Bác rất vui. Chuyến đi này sẽ mở ra những triển vọng mới của kháng chiến. Mười năm rồi Bác mới lại thăm quê hương Cách mạng tháng Mười, nơi Bác có nhiều đồng chí, bạn bè.

Trong thời gian Bác đi vắng, anh Đồng chủ trì những phiên họp Hội đồng Chính phủ. Sự vắng mặt của Bác khiến một số bộ trưởng phân vân. Tết năm đó, cơ quan Trung ương vắng Bác, không khí giảm phần ấm cúng. Giới thông tấn phương Tây rất nhanh nhạy, không biết thu thập từ nguồn nào, loan tin Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sang Trung Quốc và có lẽ đã tới Mát-xcơ-va.

Thượng tuần tháng 4, được tin Bác từ nước ngoài trở về, sắp tới cơ quan Bộ Tổng Tư lệnh. Chúng tôi ra đón Bác ở của rừng. Bác rất nghiêm trong

việc giữ bí mật. Đồng chí phó văn phòng Tổng chính ủy được cử đi về phía ki-lô-mét 31 đường Thái Nguyên - Bắc Kạn, báo tin trước với Bác. Sợ Bác quên mặt anh Cương mới về Bộ công tác, tôi nói chị Hà đi cùng. Gần tới Quán Vuông thì nhìn thấy Bác đang rảo bước. Những người trong đoàn, kẻ trước người sau rải rác, như những khách bộ hành tình cờ cùng chung đường. Bác nhận ra ngay anh Cương. Bác nói nhỏ: "Chú đi một quãng nữa rồi quay trở lại, để cô Hà đi cùng tôi".

Trang phục Bác vẫn như ngày ra đi. Người Bác hơi gầy hơn sau ba tháng công du. Bác ở lại cơ quan Bộ một hôm. Bác nói chuyện vắn tắt với chúng tôi về tình hình đi làm việc ở Trung Quốc, Liên Xô. Hôm sau, Bác về sớm để nắm tình hình và chuẩn bị họp Thường vụ.

Trong tháng 4, Ban Thường vụ Trung ương họp nghe Bác thông báo về chuyến đi công tác ở nước ngoài và báo cáo với Bác tình hình trong nước từ sau Hội nghị toàn quốc lần thứ ba.

Bác đã đến Bắc Kinh, rồi đi luôn sang Mát-xcơ-va. Nhờ chuyến đi này, các lãnh tụ của hai đảng bạn hiểu ta hơn, và đều hứa sẽ chi viện cho kháng chiến Việt Nam.

Sang Trung Quốc, lần đầu Bác gặp Chủ tịch Đảng Cộng sản Trung Quốc Mao Trạch Đông. Chủ tịch Mao Trạch Đông cảm động khi nghe Bác nói về cuộc kháng chiến gian khổ và anh dũng của nhân dân ta. Đồng chí cho rằng trước đây chưa có điều kiện giúp đỡ cách mạng Việt Nam, hứa sẽ hết sức chi viện cho kháng chiến của ta, và khuyên ta kiên trì chiến đấu lâu dài. Những người cộng sản Trung Quốc đón tiếp ta rất nhiệt tình. Trong khi trao đổi, có đồng chí chỉ huy quân sự nhận xét là quân đội Việt Nam có nhiều tiến bộ, khuyên ta nên tiếp tục xây dựng thêm một số sự đoàn.

Qua Liên Xô, Bác gặp đồng chí Xta-lin. Những thiệt hại của Liên Xô trong chiến tranh chống phát xít vô cùng to lớn. Hai mươi triệu người hy sinh. Nhiều thành phố trở thành đồng tro tàn. Nhưng nền kinh tế Liên Xô đã phục hồi với một nhịp độ nhanh chóng. Liên Xô đang tiếp tục đối phó với chiến tranh lạnh của phương Tây và phải ra sức tăng cường lực lượng quốc phòng. Trước đây, Liên Xô không hiểu rõ nội tình cách mạng Việt Nam. Sau khi nghe Bác trình bày tình hình, Xta-lin đã đồng ý với đường lối chiến lược, sách lược của Đảng ta trong những năm qua. Về quân sự, Xta-lin khuyên ta chú trọng toàn bộ vùng rừng núi phía tây, nắm được vùng này thì sẽ nắm được quyền làm chủ cả nước.

Buổi tối, khi xung quanh đã yên tĩnh, Bác ngồi trầm ngâm rồi nói với chúng tôi:

- Liên Xô phê bình ta chậm làm cách mạng thổ địa. Đồng chí Xta-lin trỏ hai chiếc ghế rồi hỏi mình: "Ghế này là ghế của nông dân, ghế này là của địa chủ, người cách mạng Việt Nam ngồi ghế nào?". Tới đây, chúng ta phải làm cách mạng ruộng đất. Trung Quốc hứa sẽ giúp ta kinh nghiệm về phát động quần chúng tiến hành cải cách ruộng đất.

Rồi Bác kể thêm, trong một buổi làm việc, thấy có cuốn họa báo Liên Xô đặt trên bàn, Bác cầm đưa Xta-lin, đề nghị ký một chữ làm kỷ niệm. Xta-lin vui vẻ ký rồi chuyển cho các đồng chí Mô-lô-tốp, Ka-za-nô-vích ngồi bên ký tiếp. Bác mang tờ báo về nhà khách. Nhưng hôm sau, không còn thấy tờ báo.

Bác không bình luận gì về những chuyện này. Liên Xô đã công nhận nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, nhưng có thể còn đang cân nhắc mức độ công khai hóa mối quan hệ mật thiết với ta.

Vê sçi chi viên cüa ban, Bác cho biêt triróc mât Liên Xô cho ta môt trung doàn pháo cao xa 37 mm, môt sô xe vân tài Mô-lô-tô-va, và thuc quan y; Trung Quoc se trang bi vu khí cho môt sô dai doàn bô binh và môt don vi pháo binh, se vân chuyên hang viên trç cüa Liên Xô cho ta. Trung Quoc se cü cô van quan su sang giói thieu nhüng kinh nghiem chien dau cüa giai phong quan, và dông y cho ta dua Trirong luc quan sang dat Van Nam de dao tao và bô tuc can bô. Bac nhac can süa duong sa gap ô phía Bac de don nhan su chi viên cüa ban.

Hôm sau, Thường vụ tiếp tục làm việc. Anh Trường Chinh báo cáo tình hình phổ biến nghị quyết Hội nghị toàn quốc lần thứ ba và tình hình công tác tổng động viên. Tôi báo cáo âm mưu và hành động của dịch trong việc thực hiện kế hoạch Rơ-ve, kết quả một số chiến dịch và tình hình chiến sự trên các chiến trường.

Thường vụ trao đổi nhận thấy việc phổ biến nghị quyết làm rất tích cực. Đại đa số cán bộ, đảng viên, chiến sĩ và nhân dân rất phấn khởi, nhưng nói chung còn có một số biểu hiện nhận thức, tư tưởng chưa đúng xung quanh vấn đề chuẩn bị tổng phản công, cần phải tiếp tục giải thích, uốn nắn và lãnh đạo. Sắc lệnh tổng động viên được các tầng lớp nhân dân hưởng ứng và hăng hái thực hiện, nhưng cán bộ địa phương phạm một số thiếu sót, đặc biệt là ở vùng tự do Liên khu 4.

Bác kết luận Thường vụ cần có chỉ thị giải thích rõ thêm vấn đề chuẩn bị tổng phản công, uốn nắn những thiếu sót trong công tác tổng động viên;

Bác sẽ có thư phê bình và tự phê bình gửi Liên khu 4, anh Trường Chinh viết bài đăng Tạp chí Cộng sản giải thích rõ quan điểm của Đảng.

Máy ngày sau, tại cuộc họp của Hội đồng Chính phủ, trong không khí phấn khởi chung, sau khi thông báo nhiệt tình giúp đỡ ta của Liên Xô và Trung Quốc, Bác lại khẳng định: "Tổng phản công của ta sẽ là một giai đoạn lâu dài. Rồi đây, có sự chi viện của Liên Xô và Trung Quốc về vật chất, vũ khí, trang bị, ta sẽ đỡ khó khăn hơn, nhưng giành được thắng lợi là phải do sự nỗ lực của chính bản thân ta quyết định".

6

au cuộc họp tháng 4, Ban Thường vụ Trung ương ra văn bản nhắc các địa phương và các cơ quan tuyên truyền cần phải tiếp tục giải thích thêm về vấn đề chuyển sang tổng phần công, để tránh mọi sự hiểu lầm trong nhân dân. Muốn chuyển sang tổng phần công, phải chuẩn bị đầy đủ mọi mặt, càng chuẩn bị đầy đủ chừng nào, thắng lợi của ta càng chắc chắn chừng nấy. Trái lại, chuẩn bị không tích cực thì sẽ chậm chuyển sang tổng phần công; chuẩn bị không chu đáo, tổng phần công sẽ khó khăn.

Chuẩn bị tổng phân công không phải là việc riêng của Chính phủ, của bộ đội của cán bộ các đoàn thể chính trị, mà là nhiệm vụ chung của toàn dân. Mỗi người dân đều phải nhận rõ điều này, ra sức làm tròn nghĩa vụ của mình, để góp sức vào hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị chuyển mạnh sang tổng phân công.

Hiện nay, có người tưởng rằng cách mạng Trung Hoa đã thắng lợi, Liên Xô và các nước anh em đã công nhận ta thì ta có thể nhờ vào sự giúp đỡ của các nước cùng đổ máu đánh bại thực dân Pháp. Do đó sinh ra tinh thần ỷ lại mà tự mình thiếu phần cố gắng. Phải giải thích cho mọi người hiểu rằng điều kiện thắng lợi căn bản vẫn là sự cố gắng của bản thân ta, còn sự giúp đỡ của các nước bạn chỉ là điều kiện phụ.

Bác viết thư gửi đồng bào Liên khu 4. Trong thư, Bác phê bình cán bộ và tự phê bình trước nhân dân về những khuyết điểm để xảy ra trong công tác tổng động viên. Ban Thường vụ Trung ương ra chỉ thị cho các cấp từ Liên khu ủy đến chi bộ học tập thư của Bác. Nơi gương Bác và dựa vào những ý kiến trong thư, cán bộ đảng viên đã tự kiểm điểm, nhận rõ sai lầm khuyết điểm, tích cực sửa chữa và bước đầu có những chuyển biến tốt, nhất là về quan điểm, lề lối, tác phong vận động quần chúng.

Ít lâu sau, anh Trường Chinh đã viết hai bài đăng trên Tạp chí Cộng sản, tiếp tục giải thích và lãnh đạo tư tưởng về vấn đề tổng phân công: bài "Nhận định đúng để hành động đúng. Hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị, chuyển mạnh sang tổng phân công" và bài "Chúng ta đã làm gì và còn phải làm gì để chuyển sang giai đoạn mới". Nội dung đại thể như sau: Tổng phân công là một quá trình chiến đấu gay go, quyết

liệt; những thắng lợi và thất bại có thể xen kẽ nhau, nhưng thất bại là phần nhỏ, thắng lợi là chủ yếu, thất bại là tạm thời, thắng lợi là quyết định.

Ta có các nước bạn ủng hộ, giúp đỡ. Nhưng muốn thắng lợi, trước hết tự ta phải cố gắng. Có gắng của ta là chính, sự giúp đỡ bên ngoài rất quan trọng, nhưng chỉ thêm vào mà thôi. Cho nên ta không thể ủ lại vào sự giúp đỡ bên ngoài. Nhớ rằng các nước bạn không đem quân tới đánh thay cho ta đâu.

Trong nửa năm qua, ta cố gắng chưa đủ để giành ưu thế quân sự trên chiến trường chính; còn trên các chiến trường phụ, trừ một vài vùng, ta cũng chưa đủ sức kiềm chế lực lượng địch. Về tư tưởng, bệnh chủ quan của ta vẫn còn nặng: coi nhẹ việc thiết thực chuẩn bị tổng phân công.

Trung ương ra thông tri cho các cấp và các địa phương nói rõ hai bài báo này được coi là chỉ thị của Trung ương.

háng 5, sắp tới kỷ niệm ngày sinh của Bác. Năm trước, vào dịp này, Thường vụ đề nghị Bác cho tổ chức lễ sinh nhật, Bác từ chối và làm một bài thơ:

Vi nước chưa nên nghĩ đến nhà,

Năm mươi chín tuổi vẫn chưa già.

Chờ cho kháng chiến thành công đã,

Bạn sẽ ăn mừng sinh nhật ta.

Trong những năm kháng chiến, mỗi dịp 19 tháng 5, quân dân cả nước đều lập những chiến công chúc thọ Bác, nhưng ở cơ quan Trung ương chỉ tổ chức một buổi họp mặt đơn giản. Năm nay Bác tròn sáu mươi tuổi. Nhiều quốc gia lại vừa công nhận Việt Nam, những vị nguyên thủ chắc chắn sẽ có điện mừng Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa trong ngày này. Chúng tôi thấy cần tổ chức lễ mừng sinh nhật Bác trọng thể. Những lời đề nghị trong các cuộc họp Thường vụ Trung ương và Hội đồng Chính phủ đều bị Bác khước từ. Nhưng cuối cùng thấy mọi người vẫn tiếp tục đề đạt nguyện

vọng, Bác chấp nhận sẽ có một buổi tiếp đại biểu Quốc hội, Chính phủ, các đoàn thể và quân đội nhân cuộc họp Hội đồng Chính phủ sẽ được triệu tập vào dịp này.

Ban tổ chức lễ sinh nhật Bác họp nhiều lần trao đổi về nội dung, muốn sao cho buổi lễ long trọng và mang nhiều ý nghĩa. Nhiều bộ trưởng nhận được đề nghị của Ban tổ chức chuẩn bị tiết mục văn nghệ đóng góp vào chương trình.

Cuộc họp Hội đồng Chính phủ được Bác án định vào 21 tháng 5, hai ngày muộn hơn sinh nhật Bác.

Buổi sáng, khi chúng tôi tới địa điểm họp, Bác đã có mặt. Bác hẹn sẽ tiếp các đoàn đại biểu vào 4 giờ 30 phút chiều. Ban tổ chức cũng như các đoàn có thêm thời gian hoàn tất việc chuẩn bị.

Đúng giờ, các đại biểu đảng, chính, dân, quân, y phục chỉnh tề, đã tề tựu đông đủ, nghiêm trang tại phòng họp. Ngôi nhà bằng tre nứa giữa rừng sâu, bữa nay bừng sáng với những ngọn đèn điện chạy bằng máy nổ. Đồng chí trưởng ban tổ chức cầm trong tay một bản chương trình dài gồm những nghi thức và trình tự những người phát biểu, hát, đọc thơ. Nhưng khi Bác xuất hiện thì cả chương trình bị phá vỡ. Bác vui vẻ thăm hỏi từng đại biểu, yêu cầu những ai Bác mới gặp lần đầu tự giới thiệu, sau đó chuyện trò thân mật với mọi người. Không còn chỗ cho những nghi thức long trọng, kể cả những lời chúc tụng, ca ngợi công đức mà các đoàn đã dày công chuẩn bị.

Bác nói về vận hội mới của cách mạng thế giới, cách mạng Việt Nam, những khó khăn mới mà nhân dân ta phải đương đầu vì sự can thiệp ngày càng sâu của Mỹ vào chiến tranh Đông Dương sau khi bị đẩy khỏi lục địa Trung Hoa. Cần hết sức tranh thủ viện trợ quốc tế, nhưng tổng phần công sẽ lâu dài, và chỉ có thể giành thắng lợi với sự nỗ lực vượt bậc của bản thân quân và dân ta.

Nhân lúc Bác ngừng lời, linh mục Phạm Bá Trực trong Ban Thường trực Quốc hội, đứng lên đọc những lời chúc thọ Bác bằng tiếng Latinh.

Bác tươi cười tiếp lời linh mục:

- Tôi có mấy câu thơ, cũng chỉ là khoai khoai, sắn sắn, xin đọc ra đây:

Sáu mươi tuổi hãy còn xuân chán,

So với ông Bành vẫn thiếu niên.

Ăn khỏe, ngủ ngon, làm việc khỏe.

Trần mà như thế kém gì tiên.

Buổi chúc thọ Bác sáu mươi tuổi thân mặt, đầm ấm như trong không khí gia đình, đã để lại cho mọi người những ấn tượng sâu sắc. Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đang ở độ thiếu niên, Bác vẫn khỏe, sẽ dắt dẫn nhân dân ta đi tới thắng lợi.

Sáng hôm sau, Bác dành cho các đoàn đại biểu thêm một cuộc gặp và chụp ảnh trước khi ra về. Đoàn đại biểu quân đội được Bác gặp riêng.

Hai giờ chiếu, Hội đồng Chính phủ họp dưới sự chủ tọa của Bác. Cuộc họp kéo dài tới 2 giờ đêm hôm sau. Trong khi họp, liên tiếp nhận được điện báo những chiến công của bộ đội vừa lập mừng ngày sinh của Bác.

Để thay kết luận

hưa tới lúc đề cập tới nguyên nhân thắng lợi của cuộc chiến tranh mà không ai nghĩ đã kéo dài tới 30 năm. Nhưng nhìn lại 5 năm kháng chiến trong vòng vây, nếu kể từ ngày cả nước kháng chiến là gần bốn năm, ta cần tìm hiểu vì sao lực lượng vũ trang non trẻ của ta bắt đầu chiến đấu với gây tầm vông, mã tấu, mác búp đa... lại đủ sức đối địch với đạo quân viễn chinh hiện đại của Pháp, trong cuộc xâm lược lần thứ hai; vì sao quân và dân ta không những đã trụ vững mà còn ngày càng lớn mạnh; hơn thế nữa, đã làm thất bại mưu đồ của thực dân Pháp tái chiếm nước ta bằng quân sự. Giai đoạn đầu này đặc biệt quan trọng. Vì không có nó sẽ không có những giai đoạn tiếp theo.

Mùa hè năm 1949, Quân ủy Trung ương đã triệu tập một cuộc Hội nghị cán bộ quân chính cao cấp, có anh Trường Chinh dự, với mục đích đánh giá những thành tựu và sơ kết kinh nghiệm của những năm chiến đấu vừa qua. Cuộc kháng chiến của nhân dân ta trong giai đoạn này đã được tiến hành trong thời kỳ lịch sử cận đại, cục diện thế giới đã có nhiều đổi thay sau đại thắng của Hồng quân Liên Xô và các quân đội Đồng minh, mà dân tộc ta thì lại chiến đấu hầu như hoàn toàn không có quan hệ với bên ngoài. Cuộc Hội nghị đã diễn ra trong không khí tự hào và tin tưởng, tự hào về sức mạnh tự lực tự cường không lường được của dân tộc, về tinh thần độc lập tự chủ và nghị lực sáng tạo của Đảng ta, của nhân dân Việt Nam. Sau cuộc Hội nghị, tôi đã viết cuốn "Chiến tranh giải phóng và Quân đội nhân dân".

Không gì khó khăn và phức tạp hơn là phân tích nguyên nhân thành bại của một cuộc chiến tranh, dù chỉ là một giai đoạn chiến tranh. Chiến tranh là một khoa học, đồng thời là một nghệ thuật. Thành bại của nó bao giờ cũng là kết quả tổng hợp sự vận động nhiều quy luật và nhiều yếu tố khác nhau, cơ bản và không cơ bản, tất nhiên và ngẫu nhiên. Những nhân tố quyết định đôi khi lại ẩn náu dưới một cái gì đó của cuộc sống và chiến đấu hằng ngày, quá quen thuộc, nên thường dễ bị lẫn lộn, dễ bị bỏ qua trong vô vàn những sự kiện liên quan tới chiến tranh.

Nói như trên không có nghĩa chiến tranh là một hiện tượng không thể lí giải được. Chúng ta vẫn có thể nghiên cứu mọi yếu tố cụ thể của một cuộc chiến tranh để tìm ra những quy luật riêng của nó. Người nghiên cứu cần có cách làm việc khách quan, khoa học, bám sát thực tiễn phức tạp và luôn biến đổi trên chiến trường và có tinh thần khám phá, sáng tạo. Khoa học và sáng tạo ở đây là từ thái độ, từ công

phu nghiên cứu, không dừng lại ở những giáo điều, không bằng lòng với những định lý, những kết luận đã ghi trong sách giáo khoa nào đó của các viện hàn lâm quân sự. Cần dám đào sâu suy nghĩ để phát hiện ra những kết luận mới, đúng đắn, những chân lý mới. Đây là một vấn đề có ý nghĩa quyết định đối với giá trị nghiên cứu, đặc biệt là đối với cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc của Việt Nam, một cuộc chiến tranh không những mang trong nó những quy luật chung của chiến tranh mà còn có những quy luật độc đáo.

Tôi đã ôn lại những tư tưởng chỉ đạo của Bác Hồ, những nghị quyết của Đảng, của quân đội về thời kỳ đầu kháng chiến, những sự việc đã làm, đã chứng kiến hoặc đã biết, và một số ký ức, với hy vọng làm sáng tỏ một số vấn đề được nhiều người quan tâm.

Thành tựu của 5 năm chiến đấu giữa vòng vây bắt nguồn từ truyền thống hàng nghìn năm đấu tranh bất khuất, từ tinh thần độc lập tự chủ, tự lực tự cường của nhân dân Việt Nam, mà Nguyễn Ái Quốc là người đại diện tiêu biểu ở đầu thế kỷ này. Người có một tư tưởng quán xuyến trong mọi sự nghiệp cách mạng: nhân dân là sức mạnh chủ yếu, sức mạnh quyết định. Cần phải tổ chức, phải đoàn kết lâu dài mọi người dân Việt Nam trong một mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi với nòng cốt là công, nông và lao động trí óc, dưới sự lãnh đạo của một đảng cách mạng chân chính. Như Người đã nói: muốn lật đổ ách thống trị nô dịch của đế quốc, không chỉ là việc giết một vài tên vua quan, cũng không thể là những cuộc khởi nghĩa dấy lên đơn độc, mà phải huy động sức mạnh của cả dân tộc và một cuộc vũ trang tổng khởi nghĩa nổ ra đúng thời cơ. Phải thức tỉnh người dân làm cho họ thấy rõ cái nhục mất nước, con cháu Lạc Hồng không thể tiếp tục sống kiếp đọa đày. Phải đấu tranh giành lại Tổ quốc, giành lại độc lập, tự do. Thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ. Và phải chỉ cho dân biết có thể giành thắng lợi lớn với "cách đánh của dân tộc bị áp bức": Cách đánh du kích, cách đánh du kích Việt Nam.

Giữa những ngày khó khăn thất bại của khởi nghĩa Nam Kỳ, khởi nghĩa Bắc Sơn, cùng với nghị quyết lịch sử chuẩn bị vũ trang Tổng khởi nghĩa Việt Nam độc lập đồng minh, mặt trận dân tộc thống nhất của nước Việt Nam đã

ra đời tại núi rừng Pắc Bó năm 1941. Những "làng hoàn toàn", "tổng, huyện hoàn toàn"1 cùng với những đội du kích, đội vũ trang đã hình thành và đứng vững trước khủng bố trắng ở Cao - Bắc - Lạng. Và Khu Giải phóng cùng với đội Quân Giải phóng đã sớm xuất hiện - hình ảnh thu nhỏ của nước Việt Nam ngày mai trước Tổng khối nghĩa. Đây chính là tiền đề cho cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện và trường kỳ

sau này. Nó mang lại niềm tin cho những người cộng sản, khi đó mới có 5.000 đảng viên, có thể đưa cách mạng giải phóng dân tộc tới thắng lợi hoàn toàn.

Vói thành công của Cách mạng Tháng Tám, 25 triệu đồng bào ta trong cả nước nhất tề vùng lên với một khí thế ngút trời, trong một khoảnh khắc lịch sử đã cùng nhau đoàn kết thành lực lượng chính trị hùng hậu của cả dân tộc. Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời. Nhà nước dân chủ nhân dân đã dựa trên nền tảng lực lượng đại đoàn kết dân tộc ấy, động viên và tổ chức đồng bào ta đứng lên chiến đấu để bảo vệ quyền độc lập mới giành được, bảo vệ quyền sống thiêng liêng và quyền mưu cầu hạnh phúc của mình.

Mặc dù không được chuẩn bị, đồng bào ta ở Nam Bộ bắt đầu chiến đấu với gậy tầm vông, đã đứng vững hơn một năm khi quân viễn chinh Pháp ổ ạt mở cuộc xâm lăng để cùng toàn dân tiếp tục kháng chiến suốt 30 năm liền đến ngày toàn thắng.

Tiếp đó, trong cuộc tổng giao chiến đầu tiên với quân đội viễn chinh Pháp, khi kháng chiến toàn quốc bùng nổ, quân và dân ta đã kết hợp những hình thức đánh nhỏ với trận địa hào lũy, kìm chặt quân địch tại các thành phố một thời gian, tạo điều kiện cho cả nước chuyển sang trạng thái chiến tranh, lập nên một chiến công hiếm có trong lịch sử chiến tranh cách mạng của những dân tộc nhược tiểu.

Chỉ một năm sau ngày cả nước kháng chiến, quân và dân Việt Bắc vận dụng những nguyên tắc chiến tranh toàn dân đã đánh bại cuộc tiến công lớn đầu tiên, cũng là cuối cùng của các binh đoàn tinh nhuệ Pháp vào căn cứ địa kháng chiến. Cùng với chiến công đánh bại những cuộc tiến công của những binh đoàn Pháp vào căn cứ Đồng Tháp Mười, chúng ta đã làm phá sản chiến lược "đánh nhanh, thắng nhanh" của địch.

Trong năm 1948, triển khai chiến lược chiến tranh toàn dân biến hậu phương địch thành tiến phương của ta, với những trận phục kích, diệt đồn, quấy rối của dân quân du kích và bộ đội địa phương, hoạt động nhiều mặt

của các đội tuyên truyền xung phong và hàng trăm đại đội độc lập, những đợt phá tề trừ gian, những cuộc đấu tranh chính trị của đồng bào vùng địch hậu, lập lại chính quyền nhân dân, đã nhấn hơn một chục vạn quân Pháp vào thế bị động, sa lấy.

Sự trưởng thành của lực lượng vũ trang tập trung với những chiến dịch nhỏ, mở ra liên tiếp trên cả nước, đánh vào các đường giao thông, vào những hệ thống đồn bốt nhỏ cô lập ở miền rừng núi đã làm cho chiến lược chiến tranh đồn bốt của địch trở thành khó cứu vãn, đẩy quân Pháp vào thế bị động lâu dài, không tìm ra lối thoát cho chiến tranh tái chiếm thuộc địa.

Trên cơ sở đoàn kết đấu tranh của toàn dân, chúng ta đã từ lực lượng chính trị giải quyết vấn đề tổ chức và phát triển lực lượng vũ trang nhân dân, từ hàng triệu dân quân đến đông đảo bộ đội địa phương, và những trung đoàn, những đại đoàn chủ lực. Vấn đề đào tạo cán bộ chính trị, quân sự và kỹ thuật được coi là một nhiệm vụ trung tâm. Công tác chính trị, công tác đảng được coi trọng; chế độ chính trị viên và chính ủy, chế độ lãnh đạo của Đảng được xác lập, bảo đảm cho bản chất cách mạng và tinh thần quyết chiến của bộ đội ta.

Với tinh thần quốc tế trong sáng, trong bối cảnh cực kỳ khó khăn gian khổ, hạt gạo cắn đôi, cọng rau bẻ nữa, quân và dân ta đã hết lòng giúp đỡ quân và dân hai nước anh em Lào và Cam-pu-chia, coi sự nghiệp giải phóng của bạn như sự nghiệp của bản thân.

Chúng ta đã hết lòng giúp đỡ các đơn vị du kích Điền - Việt đã có lúc tạm thời chuyển sang vùng căn cứ Việt Bắc; các đơn vị của Quân đội nhân dân ta đã sát cánh với các đơn vị của Quân giải phóng Trung Quốc phối hợp chiến đấu, mở rộng vùng giải phóng ở Ung Châu và Thập Vạn Đại Sơn trước khi đại quân của bạn tiến sát biên giới.

5 năm chiến đấu trong vòng vây đã nói lên tinh thần quật khởi, sức sống mới của cả dân tộc được hồi sinh sau bao thế kỷ bị nô dịch. Chúng ta đã tiến hành cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện và lập được chiến công và thành tích to lớn về mọi mặt.

Tổ quốc ta mãi mãi ghi công biết bao anh hùng, liệt sĩ đã ngã xuống trên chiến trường, biết ơn biết bao bà mẹ anh hùng đã có những hy sinh vô giá. Tổ quốc ta mãi mãi tự hào về tinh thần xả thân vì nước và dũng khí sáng tạo của đồng bào và chiến sĩ ta trong cả nước, trong những năm tháng vừa khó khăn thiếu thốn, vừa thiếu kinh nghiệm chiến đấu lúc bấy giờ.

Ở đây tôi chỉ muốn nêu lên một thành tựu sáng tạo quan trọng vào bậc nhất là nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của

Đảng ta đã từng bước xây dựng nên những nhân tố cơ bản cho một nghệ thuật chiến tranh giữ nước và giải phóng của dân tộc nhược tiểu, đất không rộng, người chưa nhiều, có thể gọi là nghệ thuật chiến tranh nhân dân Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh: nghệ thuật chiến tranh toàn dân.

Tính chất toàn dân và toàn diện của cuộc chiến tranh là một sự phát triển sáng tạo lớn, chỉ có thể có được dưới sự lãnh đạo của một đảng tiên phong. Tính chất ấy được thể hiện rõ nét, cụ thể hóa thành phương châm hành động, với lời lẽ giản dị

mà hào hùng, đi ngay vào lòng của mỗi người dân, trong Lời hịch kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày 19 tháng 12 năm 1946.

"... Hỡi đồng bào! Chúng ta phải đừng lên. Bất kỳ đàn ông đàn bà, bất kỳ người già người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc, hễ là người Việt Nam thì phải đừng lên đánh thực dân Pháp, cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng, ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuống, gậy gộc, ai cũng phải ra sức chống thực dân cứu nước".

Hai năm về trước, Người đã nói đến cuộc kháng chiến toàn dân, cần phải động viên toàn dân, vũ trang toàn dân, trong bản Chỉ thị thành lập đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân ngày 22 tháng 12 năm 1944.

Chính với nghệ thuật chiến tranh toàn dân ấy, ngay những năm đầu của cuộc kháng chiến, ta đã làm thất bại những biện pháp chiến lược chủ yếu của địch, đẩy quân đội xâm lược hiện đại của thực dân Pháp vào thế bị động, làm thất bại mưu đồ tái chiếm Việt Nam bằng vũ lực của chúng.

Chúng ta có thể tự hào với sức sống tự lực lớn lao biết đường nào của dân tộc ta, nhân dân ta, qua những kỳ tích giành được trong 5 năm chiến đấu trong vòng vây.

Khó có những nhận định đúng đắn về một cuộc chiến tranh nếu chỉ nhìn từ một phía.

Trách nhiệm và quyền lợi của những quốc gia tham chiến, những người chỉ huy, yêu cầu khắc nghiệt giành chiến thắng buộc đòi bên tham chiến phải che giấu sự thật không chỉ trong mà cả sau khi những hành động cửu nghịch đã chấm dứt. May thay thời gian bốn mươi năm đã giúp chúng ta khắc phục được một phần nhược điểm này. Thời kỳ chỉnh phục thuộc địa ở Pháp đã đi vào quá khứ. Hồ sơ chiến tranh Đông Dương dần dần được mở ra.

Công trình nghiên cứu của một số nhà sử học mấy năm gần đây đã cho chúng ta thấy được nội tình của đối phương trong cả cuộc chiến tranh để kiểm nghiệm lại đường lối, chủ trương của mình.

Trong chiến tranh Đông Dương, những chính phủ Pháp kế tiếp thường bị phê phán là không có một đường lối rõ rệt đối với cuộc chiến tranh này. Ngày nay, có thể thấy rõ những người cầm đầu chính phủ Pháp suốt những năm đó từ Sác-lơ Đờ Gôn tới Rơ-nê May-ê đều thống nhất một chủ trương rõ rệt: quyết tâm giành lại những thuộc địa đã mất, duy trì bằng mọi giá ba nước Đông Dương dưới quyền thống trị của Pháp, với hình thức một Liên bang Đông Dương thuộc Pháp. Do đó, họ không thể có bất cứ sự nhân nhượng nào đối với chính phủ Hồ Chí Minh, một chính phủ

kiên quyết đòi độc lập, tự do, nhưng không hề bỏ qua một cơ hội nào để giải quyết vấn đề bằng thương lượng hòa bình. Những người cộng sản và xã hội cánh tả kiên trì đấu tranh đòi tôn trọng Hiệp định mồng 6 tháng 3 và điều đình với chính phủ ta bao giờ cũng là thiểu số trong cơ quan hành pháp và lập pháp. Còn đối với phong trào rộng lớn của nhân dân tiến bộ Pháp chống lại cuộc chiến tranh bẩn thủ thì đương nhiên tập đoàn thực dân chủ chiến không hề đếm xỉa đến mà có khi còn thẳng tay đàn áp. Những cao ủy, tổng chỉ huy quân đội viễn chinh chỉ là người thừa hành một nhiệm vụ cụ thể được trao; nếu không phải Van-luy và Pi-nhông đã trực tiếp châm ngòi làm bùng nổ chiến tranh ra cả nước thì sẽ có những người khác. Như A-lanh Ruýt-xic đã nhận xét: Độc lập cho Đông Dương là điều "không thể có trong cả tưởng tượng ở Pa-ri". Nước Việt Nam chỉ còn cách duy nhất là cầm vũ khí chiến đấu bảo vệ độc lập, tự do. Đây là sự lựa chọn của lịch sử.

Tự cho là một cường quốc công nghiệp với một quân đội hiện đại, để quốc Pháp nhận định rằng: dù suy yếu sau chiến tranh thế giới thứ hai, họ vững tin có thể nhanh chóng tái chiếm Việt Nam bằng vũ lực, nhanh chóng đè bẹp chính quyền Việt Nam non trẻ về cả các mặt quân sự, ngoại giao, tài chính. Họ cho rằng, chủ trương kháng chiến của Việt Nam chỉ là ảo tưởng. Chính sự đánh giá hoàn toàn sai lầm đó đã đưa họ từ thất bại này đến thất bại khác, mãi cả về sau. Đối với họ, vũ khí hoàn toàn có thể thắng con người, nhất là trong điều kiện đối đầu với họ chỉ là những đội du kích kém còi về mọi mặt; họ không hề mảy may có nhận thức rằng đương đầu với họ là cả một dân tộc. Đánh giá thấp sức mạnh của các dân tộc đứng lên chiến đấu vì độc lập, tự do, đã trở thành một thuộc tính đối với chủ nghĩa để quốc, kể cả để quốc Mỹ sau này.

Van-luy là người đầu tiên đệ trình Chính phủ Pháp, từ trung tuần tháng 2 năm 1947, một quyết sách quân sứ coi như có tính quyết định nhằm kết thúc chiến tranh Đông Dương bằng một đòn tiến công lớn, đòn tiến công chớp nhoáng đánh vào căn cứ địa Việt Bắc với ba mục tiêu: tiêu diệt cơ quan đầu não, đập tan lục lượng vũ trang kháng chiến, phá hủy tiềm năng chiến tranh. Sau thất bại của cuộc tiến công Việt Bắc, quân Pháp vẫn chưa nhận ra là đã vấp phải một loại hình chiến tranh mới. Tại cơ quan tham mưu Pháp ở Hà Nội, người ta đã đưa ra kết luận: những cái gọi là "chính phủ", "quân đội" chỉ là "trò bịp Việt Minh". Không còn có "quân đội thường trực Việt Minh"!

Họ coi quyết sách quân sự nói trên là kế hoạch chiến lược đúng đắn duy nhất để tạo điều kiện cho công tác bình định, thực hiện có hiệu quả chủ trương sử dụng chính phủ bù nhìn cùng con bài độc lập giả hiệu, thực hiện chiến lược "dùng người Việt đánh người Việt", "lấy chiến tranh nuôi chiến tranh". Vì vậy, Van-luy còn cố gắng

lần thứ hai, tiếp đó là Xa-lăng lần thứ ba, Bơ-lê-dô lần thứ tư, đều nhằm chuẩn bị cho một cuộc tiến công tiêu diệt căn cứ địa Việt Bắc, nhưng trước sự lớn mạnh của quân ta, cuộc tiến công chiến lược thứ hai vào Việt Bắc không hề xảy ra. Và từ tháng 6 năm 1949, phái đoàn Rơ-ve, tổng tham mưu trưởng quân đội Pháp, sau khi nghiên cứu tình hình chiến sự ở Đông Dương đã đi đến kết luận: không còn có khả năng giải quyết chiến tranh bằng quân sự, và cần từ bỏ cuộc tiến công trực tiếp vào khu căn cứ; quân đội viễn chinh Pháp chỉ còn con đường cũng cố những tuyến phòng ngự, quay về những cuộc càn quét lớn ở đồng bằng, kiên trì cổ thủ, chờ đợi một sự can thiệp của Mỹ nhằm quốc tế hóa chiến tranh.

Trong tác phẩm "Lịch sử cuộc chiến tranh Đông Dương" xuất bản năm 1972, tướng Yvo Gra, đã cho rằng nguy cơ thất bại đã đến sớm hơn với quân đội viễn chinh Pháp. Theo tác giả, thì từ tháng 9 năm 1948, người Việt đã bắt đầu ra tay trước bằng một loạt trận đánh du kích liên tục trên khắp Bắc Bộ. Và từ đầu năm 1949, tám mươi nghìn bộ đội chủ lực Việt Minh, mặc dù trang bị còn yếu kém, cộng với một bộ phận dân chúng chiến đấu dưới sự điều khiển của họ đã làm lệch cán cân1. Những cuộc tiến công thực sự diễn biến theo một kế hoạch có quy mô nhất định, phối hợp những trận đánh đồng thời của nhiều tiểu đoàn, trung đoàn, trên khắp Bắc Bộ, chứng tỏ bộ đội Việt Minh đã đạt những tiến bộ lớn qua một năm. Cục diện chiến sự trên các chiến trường khác không có gì sáng sủa đối với quân Pháp.

Tháng 12 năm 1949, Tổng thống Pháp Vanh-xăng Ô-ri-ôn hỏi tổng chỉ huy quân đội viễn chinh Các-păng-chi-ê vê những khả năng chiến lược ở Đông Dương. Tướng Các-păng-chi-ê đáp: "Không còn có khả năng chiến thắng quân sự. Chỉ còn một giải pháp chính trị". Nhưng, như chúng ta đã biết, giải pháp chính trị từ "Nam Kỳ quốc" cho đến "con bài Bảo Đại" cũng đang đi đến phá sản.

Ngày nay, bốn mươi năm sau, những nhà sử học Pháp gần như thống nhất với nhận định: vào đầu năm 1950, "nước Pháp đã thất bại trong ý đồ tái chinh phục Việt Nam bằng quân sự và "đã sa lầy trong một cuộc chiến tranh không có kết thúc và không thể chiến thắng".

5 năm chiến đấu đầu tiên giữ một vị trí đặc biệt trong chiến tranh giải phóng và giữ nước hiện đại của Việt Nam.

Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa bị bao vây bốn bề vẫn đứng vững và lớn lên trong lửa đạn. Chế độ dân chủ mới đưa lại độc lập, tự do và những quyền sống thiêng liêng của con người ngày càng được củng cố từ trung ương đến cơ sở và phát huy hiệu lực lớn lao trong kháng chiến. Cùng với kỹ nghệ quốc phòng có nhiều tiến bộ, nền kinh tế tự túc tự cấp đã vượt qua vô vàn khó khăn, đáp ứng những nhu cầu tối thiểu về ăn, mặc của nhân dân và bộ đội. Giáo dục và y tế được chú trọng. Nạn mù

chữ bị đẩy lùi. Đồng bào vùng tự do có một đời sống văn hóa lành mạnh. Nhân dân kể cả trong vùng tạm chiếm, ai cũng thương anh bộ đội, căm thù quân cướp nước, kiên quyết kháng chiến tới thắng lợi cuối cùng. Một hậu phương như vậy đã cổ vũ người chiến sĩ hăng hái, dũng cảm chiến đấu ở tiền tuyến.

Từ những người nô lệ phá bỏ gông xiêng đứng dậy với đôi bàn tay trắng, nhân dân ta đã lao vào cuộc chiến đấu không khoan nhượng với kẻ thù. Chỉ qua 5 năm, chúng ta đã làm cho quân xâm lược lâm vào thế khốn quẫn, tiến thoái lưỡng nan. Chúng ta bắt đầu tích cực chuẩn bị lực lượng, tạo thời cơ giáng trả kẻ địch những đòn quyết định, điều mà chúng không làm được đối với ta.

Với sự thành lập nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa tháng 10 năm 1949, so sánh lực lượng giữa Đông và Tây đã thay đổi theo chiều hướng có lợi cho cuộc kháng chiến. Một chân trời mở rộng bên kia biên giới ở phía Bắc nước ta, báo hiệu một thời cơ mới, thế bị bao vây sẽ bị phá vỡ. Tuy nhiên, chiến tranh lạnh giữa Tây và Đông sẽ càng tăng. Thất bại trên lục địa Trung Hoa sẽ đẩy Mỹ can thiệp sâu vào chiến tranh Đông Dương để duy trì một tiến đốn chống cộng ở Đông Nam Á bằng cách giúp đỡ và tiến tới hất cẳng Pháp đã suy yếu sẽ gây cho ta những khó khăn mới trên con đường đi tới thắng lợi.

Chúng ta đã có một nghệ thuật chiến tranh toàn dân, toàn diện, một nhà nước của dân, do dân và vì dân, một mặt trận chiến tranh nhân dân rộng khắp từ Nam chí Bắc, một lực lượng vũ trang bước đầu trưởng thành trong chiến đấu với sự phát triển đều của ba thứ quân. Chúng ta bắt đầu xây dựng những đại đoàn.

Những thành tựu và kinh nghiệm đã đạt được không những nói lên sức mạnh tự lực to lớn của dân tộc ta, mà còn nói lên tính chất độc lập tự chủ của lãnh đạo, hoàn toàn phù hợp với chiến tranh cách mạng ở nước ta. Những thành tựu và kinh nghiệm ấy cho phép chúng ta xây dựng một đường lối chiến tranh, một đường lối quân sự ngày càng hoàn chỉnh, đúng đắn và sáng tạo. Vừa tiếp tục phát huy lên chất lượng mới sức mạnh hy sinh chiến đấu và tự lực tự cường của dân tộc, vừa tiếp thu có lựa chọn và vận dụng có hiệu quả những kinh nghiệm quý giá, tranh thủ sự chi viện và giúp đỡ to lớn của các nước anh em, nhất là Trung Quốc và Liên Xô, sự đồng tình ủng hộ vô cùng rộng lớn của nhân dân thế giới, kể cả nhân dân Pháp, chúng ta đã biết tạo nên sức mạnh tổng hợp to lớn, kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại để chiến thắng mọi kẻ thù.

Thắng lợi hoàn toàn và trọn vẹn của cuộc chiến tranh giữ nước và giải phóng 30 năm là thắng lợi vĩ đại đầu tiên trong lịch sử thế giới cận hiện đại, của một nước nhỏ thắng hai đế quốc to, của một dân tộc vốn là thuộc địa và nửa phong kiến, kinh tế lạc hậu ở phương Đông đánh thắng những đạo quân hiện đại của các cường quốc

phương Tây. Những thành tựu và kinh nghiệm của quân và dân ta trong 5 năm chiến đấu trong vòng vây là tiền đề và cơ sở đầu tiên của thắng lợi vĩ đại ấy.

Sẽ không có những kỳ tích của những năm chiến đấu trong vòng vây, nếu không có truyền thống đấu tranh bất khuất, tinh thần tự lực tự cường của dân tộc, không có sự lãnh đạo độc lập, tự chủ đúng đắn và sáng tạo, ngày càng dạn dày kinh nghiệm của Đảng ta, không có tự tưởng Hồ Chí Minh:

Dựa vào sức ta để tự giải phóng cho ta.

Có dân thì có tất cả.

Trên đây là đôi điều tôi muốn nói khi kết thúc tập sách này.

Hang Pắc Bó (Cao Bằng), nơi ở bí mật của Chủ tịch Hồ Chí Minh dấu năm 1941
Theo chỉ thị của Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, đồng chí Võ Nguyên Giáp tuyên bố thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân, ngày 22 tháng 12 năm 1944. (Trong ảnh: Đồng chí Võ Nguyên Giáp và Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân)

QUẢN LỆNH SƠ 1

HỘI QUẢN DẠN TOÀN QUỐC
12 GIỚI TRỤA NGÀY 13 THÁNG 8 NĂM 1945 PHÁT XỊT NHẤT ĐA
ĐẠI HÀNG ĐỒNG MINH, QUẢN ĐỘI NHẤT ĐẠI BÍ TẢN RẠ TẠI KHÁP CÁC MẶT
TRẠN KẾ THỤ CHÍNH CỦA CHUNG TẠ ĐA NGÀ GỨC
GIỚI TỔNG KHỞI NGHĨA ĐA ĐÁNH!
CÓ HỘI CƠ MỘT CHO QUẢN DẠN VIỆT NAM VÙNG DẠY GIÁNH
LẠY QUYỀN ĐỘC LẠP CỦA NƯỚC NHÀ!
MẠNG NHIỆM VỤ LẠNH ĐẠO CUỘC KHỞI NGHĨA TOÀN QUỐC CHO
ĐEN TOÀN THÁNG. ỦY BAN KHỞI NGHĨA ĐÀ THÀNH LẠP
HỘI CÁC TUỒNG SỸ VÀ ĐỘI VIỆN QUẢN GIÁI PHÒNG VIỆT - NAM
DƯỚI MẠNH LỆNH CỦA ỦY BẢN KHỞI NGHĨA CÁC BẢN HAY
TẠP TRUNG LỰC LUỒNG. KÍP ĐÁNH VÀO CÁC ĐỘ THỊ VÀ CÁC TRỌNG
TRẠN CỦA QUẢN DỊCH. ĐÁNH CHẾN LÁC ĐƯỜNG RÚT LỰI CỦA CHUNG
TUỌC VỎ KHỞI CỦA CHUNG. ĐÁP QUẢ MƯỜN TRỤNG TRỌ LỰC. CÁC BẢN
HAY KIỆN QUYẾT TIỀN
HỘI NHẬN DẠN TOÀN QUỐC!
DƯỚI MẠNH LỆNH CỦA ỦY BẢN KHỞI NGHĨA ĐỒNG BẢO HAY
ĐỘM HẾT TẠM LỰC ỨNG HỘ GẠO QUẢN GIÁI PHÒNG XƯNG VÀO BỘ ĐỘI XƠNG
RẠ MẠT TRẠN DƯỚI QUẢN THỤ. CHUNG TẠ PHẢI HÀNH ĐỒNG CHO NHÁNH VỚI

MỘT TÌNH THẦN VỚ CỦNG QUẢ CẢM. VỎ CÙNG THẦN TRỌNG
TỔ QUỐC ĐẢNG ĐỘI HỘI NHỮNG HỦY SINH LỚN LÀO CỦA CÁC BẢN!
CUỘC THÁNG LỚI HOÀN TOÀN NHẤT ĐỊNH SẼ VỀ TẠ

Vương Lý thuyết về quản trị
11.10.1959
Lý BẢN KHỞI NGHĨA

Lệnh Tổng khởi nghĩa

Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn độc lập, ngày 2 tháng 9 năm 1945

Chi đội 4 Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân tại Quảng trường Ba Đình, ngày 2 tháng 9 năm 1945
Chính phủ kháng chiến nước Việt Nam dân chủ cộng hòa do Quốc hội khóa I cử ra ngày 2 tháng 3 năm 1946
Ngôi nhà ở làng Vạn Phúc (Hà Đông), nơi Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp Hội nghị bất thường ngày 17 và ngày 18 tháng 12 năm 1946 quyết định phát động cả nước kháng chiến

Bút tích Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh
Chiến sĩ cảm từ Thủ đô Hà Nội tháng 12 năm 1946
Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Võ Nguyên Giáp thăm Trung đoàn Thủ Đô vừa từ Hà Nội rút ra (ngày 22 tháng 2 năm 1947 tại Thượng Hội, Đan Phượng, Hà Đông)
Đại tướng Võ Nguyên Giáp nghe đồng chí Trần Đại Nghĩa giới thiệu về súng và đạn SKZ 60 do quân giới Việt Nam sản xuất
Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Đại Từ (Thái Nguyên), Thu Đông năm 1947
Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa sau phiên họp quyết định kỷ niệm 1.000 ngày kháng chiến, ngày 27 tháng 5 năm 1948
Việt Bắc năm 1949
Đại tướng Võ Nguyên Giáp trao lá cờ chiến thắng cho Đại đoàn trường Đại đoàn 308 Vương Thừa Vũ trong buổi lễ thành lập đại đoàn, ngày 28 tháng 8 năm 1949
Thường vụ Ban Chấp hành Trung ương Đảng nghiên cứu kế hoạch Chiến dịch Biên Giới, năm 1950
Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đại tướng Võ Nguyên Giáp trên đường ra mặt trận
Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng năm 1951
Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp bàn kế hoạch Đông Xuân 1953-1954
Đại tướng Võ Nguyên Giáp báo cáo tình hình và nhận chỉ thị của Bác Hồ
Bô Tông Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam bàn kế hoạch tác chiến Đông Xuân 1953-1954

Đại tướng Võ Nguyên Giáp trao nhiệm vụ chiến đấu cho các đơn vị trên sa bàn tại Sở chỉ huy Mặt trận Diện Biên Phủ
Đại tướng Võ Nguyên Giáp quan sát chiến trường tại Sở chỉ huy Mường Phăng
Sở chỉ huy Mặt trận Điện Biên Phủ tại hang Thẩm Púa
Tại Sở chỉ huy Mường Phăng, Đại tướng Võ Nguyên Giáp chỉ thị về trận địa tiền công và bao vây
Kéo pháo vào Diện Biên Phủ
Đại đội trưởng đại đội chủ công của Đại đoàn 312 nhận cờ Quyết chiến quyết thắng trước khi đánh đốn Him Lam
Bộ đội trước giữ xuất kích ở Điện Biên Phủ
Đánh dịch trên đổi A1
Trung tâm để kháng Him Lam bị quân ta tiêu diệt
Chiếm sở chỉ huy tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ
Tương Đô Cát-xtơ-ri và bộ tham mưu tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ bị bắt
Quân dịch ở Điện Biên Phủ lũ lượt ra hàng
Đại tướng Võ Nguyên Giáp đi thị sát chiến trường Điện Biên Phủ sau khi quân ta đại thắng
Lễ duyệt bình các đơn vị chiến thắng tại Điện Biên Phủ
Đại tướng Võ Nguyên Giáp về thăm đồng bào ở Điện Biên Phủ, năm 2004

ĐƯỜNG TỚI ĐIỆN BIÊN PHỦ

HỮU MAI thế hiện

(Theo bản in lần thứ hai, có sửa chữa, bổ sung, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2001)

Chương một VẬN HỘI MỜI

âm năm chiến đấu trong vòng vây, từ ngày 23 tháng 9 năm 1945 đến mùa Hè năm 1950, đã đưa dân tộc thoát khỏi hiểm họa mất nước lần thứ hai. Nếu như nhiều sử gia về chiến tranh Đông Dương có chung nhận định: Từ đầu năm 1950, Pháp đã thất bại trong ý đồ tái chiếm Việt Nam bằng quân sự, thì đó chỉ là điều rút ra sau cuộc chiến. Giới cầm quyền Pháp lúc này chưa hề câm thấy đã tới lúc đạo quân xâm lược phải cuốn gói ra đi.

Tháng 7 năm 1949, Ro-ve, Tổng Tham mưu trưởng quân đội Pháp, báo cáo với chính phủ những khó khăn mà quân viễn chinh sẽ phải đương đầu khi Quân giải phóng Trung Quốc tiến xuống biên giới Việt - Trung. Nhưng Ro-ve vẫn tin có thể cứu vãn tình hình bằng cách rút bỏ Cao Bằng và Đông Khê, thu hẹp hành lang

Đông Tây, rút ngắn những đường nội tuyến để bảo vệ vững chắc đồng bằng Bắc Bộ, và đưa chiến tranh Đông Dương vào chiến lược của Mỹ.

Các-păng-chi-ê, Tổng chỉ huy quân Pháp ở Đông Dương cho rằng việc rút khỏi Cao Bằng và Đông Khê là không cần thiết, bộ đội Việt Minh dù có thêm vũ khí mới của phe cộng sản cũng chưa trở thành đe dọa với những tiền đồn vững chắc như Cao Bằng. A-lét-xăng-đri, chỉ huy quân Pháp ở Bắc Bộ, còn dự tính cả một cuộc tiến công Việt Bắc với quy mô và phương tiện lớn hơn cuộc tiến công mùa Đông năm 1947. Từ Đờ Lát tới Na-va, đều nung nấu quyết tâm tìm một trận đánh quyết định với chủ lực ta. Tất cả những người chỉ huy quân viễn chinh không bao giờ có ý nghĩ là sẽ thua trong cuộc chiến tranh này.

Về phía chúng ta, niềm tin vào thắng lợi cuối cùng đã hoàn toàn củng cố, nhưng chặng đường phía trước vẫn còn rất dài và lắm chông gai.

Tuy nhiên, từ đây những biến cố lớn trên chiến trường bắt đầu diễn ra dồn dập hơn.

Việt Bắc bước vào mùa Hè năm 1950 trong không khí khẩn trương.

Sau khi đánh chiếm những tỉnh đồng bằng và trung du, quân Pháp đã áp sát của ngõ tỉnh Thái Nguyên ở hướng tây - nam. Tiếng bom đạn từ Vĩnh Yên, Phúc Yên vọng về. Những chiếc Spitfire, King Cobra lồng lộn trên bầu trời như tức giận vì những con đường phá hoại ở khu căn cứ đang được sửa chữa lại. Máy bay trình sát bay thấp dọc theo rặng núi Hồng, nơi có nhiều cơ quan của Trung ương. Một vùng khoảng 10 ki-lô-mét vuông ở tỉnh Tuyên Quang bị địch ném hàng trăm trái bom và bắn phá liền trong một giờ. Thỉnh thoảng lại có tin đồn địch đã chiếm Tam Đảo, đến xuống Khuôn Chu, hay tiến lên Tuyên Quang. Đồng chí Lê-ô Phi-ghe, Ủy viên Trung ương Đảng Cộng sản Pháp, tới Việt Bắc vào trung tuần tháng 5 đã khuyên ta để phòng một cuộc tiến công đại quy mô của quân Pháp nhắm vào khu căn cứ.

Vào những mùa Hè khác, bộ đội thường đầy ấp khu căn cứ, vì đây là thời gian luyện quân. Nhưng năm nay, phần lớn các đơn vị chủ lực của Bộ đang chiến đấu tại các chiến trường Trung du, Bắc Bắc, trên đường số 4, một số đơn vị sang Trung Quốc nhận trang bị mới. Sự vắng mặt của Đại đoàn 308 sẽ là khó khăn nếu địch mở cuộc tiến công lớn vào khu căn cứ. Nhưng mọi người vẫn bình tĩnh vì đã có kinh nghiệm đối phó với địch trong Chiến dịch Việt Bắc. Các cơ quan đều triệt để quân sự hóa và thường xuyên di chuyển địa điểm. Lực lượng vũ trang còn lại ở khu căn cứ chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu cầm chân quân địch, bảo đảm cho bộ đội yên tâm tác chiến trên chiến trường chính.

Điều gây căng thẳng lúc này lại là khó khăn gay gắt về mặt lương thực. Những tỉnh miền núi ít đất trồng trọt, dân cư thưa thót. Từ ngày kháng chiến phải đón nhận nhiều cơ quan Trung ương và đồng bào từ miền xuôi tân cư lên. Bộ đội tập trung về Việt Bắc mỗi năm càng đông. Địch chiếm đóng các tỉnh trung du dồn thêm lên Việt Bắc một số đồng bào chạy giặc. Cư dân miền núi vốn không đông lại phải tham gia mọi công tác chính quyền, đoàn thể, đi bộ đội, đi dân công làm đường, phục vụ chiến dịch. Số người không sản xuất nông nghiệp quá nhiều. Những lương thực, thực phẩm chính là gạo, muối phải trông cậy vào miền xuôi. Địch biết rõ điều này. Từ giữa năm 1949, chúng đẩy mạnh bao vây chặt chẽ ta về kinh tế, lương thực, đặc biệt là gạo và muối. Chúng thực hiện chính sách đốt sạch, phá sạch trong những cuộc càn, dùng máy bay đánh phá những đập nước, pháo binh, xe lội nước cận trở việc sản xuất lương thực. Trong năm 1949, giá gạo bắt đầu tăng vọt. Ở Thái Nguyên, đầu năm giá một ki-lô-gam gạo là 4,3 đồng, giữa năm tăng lên 14,2 đồng,

cuối năm lên 22 đồng. Tiền sinh hoạt phí của bộ đội chỉ đủ mua bảy đến tám ki-lô-gam gạo. Đến mùa Hè này thì hầu như có tiền cũng không mua được gạo. Cán bộ từ các tỉnh lên làm việc với cơ quan Trung ương phải mang gạo theo, hoặc là mang thuốc lào, vải vóc để có thể đổi lấy gạo. Đồng tiền Việt Nam mất giá rất nhanh. Một quả chuối, giá 15 đồng, một quả dứa, giá 60 đồng! Nhìn bữa ăn của bộ đội, cán bộ, thật đau lòng.

Tuy vậy, trong mùa Hè năm 1950, tình hình các chiến trường nhìn chung vẫn yên tĩnh.

Quân viễn chinh Pháp đã mở phạm vi chiếm đóng ra phần lớn các tỉnh đồng bằng Nam Bộ, đồng bằng Bắc Bộ. Tại Trung Bộ, dịch làm chủ vùng đồng bằng từ Quảng Bình tới Quảng Nam. Pháp vẫn chiếm những tỉnh địa đầu tiên biên giới phía Bắc, từ Lai Châu, Lào Cai đến Cao Bằng, Lạng Sơn, Hải Ninh. Pháp đã vơ vét được thêm từ chính quốc 13 tiểu đoàn để tăng cường sang Đông Dương và bắt lính ở vùng tạm chiếm, đưa quân số lên 180.000 người. Đội quân viễn chinh Pháp gồm lục, hải, không quân với hỏa lực mạnh và phương tiện cơ động nhanh vẫn hoàn toàn làm chủ vùng trời, vùng biển, không chế chiến trường ban ngày và có thể mở những cuộc hành binh lớn bất cứ lúc nào vào vùng tự do của ta. Tuy nhiên, vì chiến tranh nhân dân đã triển khai rộng khắp vùng tạm bị chiếm, quân dịch phải lo bảo đảm an toàn hậu phương, nên chúng chỉ có 12 tiểu đoàn cơ động chiến lược trong tổng số 124 tiểu đoàn. Ba phần tư lực lượng cơ động chiến lược của dịch (chín tiểu đoàn) được tổ chức thành ba binh đoàn1 bố trí trên chiến trường Bắc Bộ.

Chúng ta vẫn làm chủ vững chắc vùng căn cứ địa Việt Bắc, ba tỉnh tự do Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, vùng đồng bằng Liên khu 5 gồm các tỉnh Quảng Ngãi,

Bình Định, Phú Yên. Lực lượng bộ đội trên cả nước đã lên tới con số 166.542 người, trong đó có 45.000 bộ đội địa phương. Dân quân du kích ước lượng trên hai triệu người. Bắc Bộ đã trở thành chiến trường chính, khối chủ lực cơ động chiến lược đã sớm hình thành ở đây. Bộ Tổng Tư lệnh có 30 tiểu đoàn trực thuộc, với quân số 53.921 người. Nhìn chung, về số quân, ta không thua kém dịch nhiều (166.000/180.000); lần đầu, ta có một lực lượng cơ động chiến lược đông hơn dịch. Tuy nhiên, Quân đội ta vẫn đơn thuần là bộ binh, trang bị còn rất yếu kém, phương tiện di chuyển vẫn là đôi chân, mọi thứ vũ khí, kể cả sơn pháo, đều nằm trên vai chiến sĩ.

Để kiện toàn bộ máy chỉ đạo quân sự, từ tháng 6 năm 1950, các cơ quan Bộ Quốc phòng - Tổng Tư lệnh được tổ chức lại thành ba bộ phận: Bộ Tổng

Tham mưu, Tổng cục Chính trị, Tổng cục Cung cấp. Ban Thường vụ Trung ương Đảng cử anh Nguyễn Chí Thanh làm Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, anh Trần Đăng Ninh làm Chủ nhiệm Tổng cục Cung cấp. Anh Hoàng Văn Thái vẫn đảm nhiệm chức Tổng Tham mưu trưởng.

Trong nam 1949, bô đôi chü lüc ta dã tiên bô nhiêu trong danh vân dông táp kích, phuc kích, tiêu diêt nhüng dôn binh do dai dôi Âu - Phi chiêm dông. Dê dáp úng yêu câu cüa' thôi kỳ môi, cân phái tiêu diêt nhüng khu, hoac phân khu cüa dich. Hoa lüc nhüng dôn vi cong dôn lúc này vân rât thiêu thôn. Phân lôn xung kích còn phái trang bj bang mác búp da. Súng láy duoc cüa dich hông hóc nhiêu và rât ít dan. Súng côi do ta chê tao thuông thiêu dô chinh xác.

Cách mạng Trung Hoa thành công đặt ra cho chúng ta nhiệm vụ trước mắt phải nhanh chóng giải phóng một vùng biên giới phía Bắc tiếp giáp với khối xã hội chủ nghĩa. Đây sẽ là hậu phương lớn của cách mạng ba nước Đông Dương. Chỉ có mỡ thông đường giao lưu quốc tế, ta mới có điều kiện tiếp nhận sự chi viện từ các nước anh em.

Đầu năm 1950, Bộ Tổng Tư lệnh quyết định mở Chiến dịch Tây Bắc (Lê Hồng Phong I) nhằm khai thông biên giới ở hướng Lào Cai, một khâu yếu trong tuyến phòng ngự của Pháp ở biên giới Việt - Hoa. Bộ đội ta đã tiêu diệt thị trấn Phố Lu, đồn Bản Lầu, buộc địch phải rút khỏi Nghĩa Đô, nhưng cũng bị tiêu hao nhiều (trận Phố Lu hy sinh 100, bị thương 180, trong đó có 13 cán bộ), chiến dịch phải tạm ngừng. Hạ tuần tháng 4 năm 1950, Bộ Tổng Tư lệnh quyết định chuẩn bị chiến trường để tiếp tục Chiến dịch Tây Bắc vào tháng 6, nhằm tiêu diệt phân khu Lào Cai, giải phóng thị xã Lào Cai, nơi có con đường xe lửa chạy sang Vân Nam. Từ rất sớm, ta luôn luôn coi trọng chiến trường Tây Bắc tiếp giáp với Lào và Trung Hoa.

Sau khi đi Trung Quôc và Liên Xô về, Bác trao dôi trong Thường vụ nên chuyển hướng từ giải phóng Lào Cai sang Cao Bằng. Ngay từ cuôi năm 1940, khi mới về nước, Bác đã đặc biệt chú ý tới vị trí chiến lược của tỉnh cực bắc Cao Bằng. Cao Bằng có biên giới chung với tỉnh Quảng Tây, Trung Quôc, đường giao lưu quôc tế rất thuận lợi. Cao Bằng là đầu môi những trục đường chiến lược cực kỳ quan trọng: Đường số 4 chạy dọc Biên thùy Đông Bắc tới miên duyên hải vịnh Bắc Bộ, dọc đường có ba cửa khẩu thông sang Trung Quôc; đường số 3 nôi liên với Bắc Kạn, Thái Nguyên, Hà Nội. Địa thế hầu hết là núi rừng trùng điệp, hiểm trở. Người dân được thử thách, tôi luyện từ ngày thành lập Việt Minh và qua những năm kháng chiến. Bác coi Cao Bằng là một căn cứ chiến lược "tiến khả dĩ công, thoái khả dĩ thủ". Mở chiến dịch ở Cao Bằng, ta có khả năng tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch quan trọng, chiến thắng ở đây sẽ tạo đà thuận lợi chuyển qua giai đoạn mới.

Cao Bằng nằm trong Khu Biên thùy Đông Bắc, là nơi có tỷ lệ quân Âu - Phi cao và thuộc loại tinh nhuệ nhất Đông Dương. Bình lực địch gồm 11 tiểu đoàn và chín đại đội bộ binh, 17 khẩu pháo các loại, tám máy bay, bốn đại đội cơ giới và bốn đại đội công binh. Công trình phòng ngự ở đây rất vững chắc. So với hướng Tây Bắc thì địch ở Đông Bắc mạnh hơn rất nhiều.

Đầu tháng 7 năm 1950, Thường vụ Trung ương Đảng quyết định chuyển hướng chiến dịch từ Tây Bắc sang Đông Bắc, tập trung chủ yếu vào khu vực Cao Bằng - Lạng Sơn. Bộ Tổng Tư lệnh trao cho Bộ Tổng Tham mưu và Tổng cục Cung cấp triển khai công tác chuẩn bị cho tới đầu tháng 9 năm 1950. Có nhiều ý kiến nên đánh thị xã Cao Bằng để mở đầu chiến dịch khi lực lượng ta còn nguyên vẹn sung sức. Anh Trần Đảng Ninh, rồi anh Hoàng Văn Thái lên đường chuẩn bị chiến dịch.

Ngày 25 tháng 7 năm 1950, Thường vụ Trung ương Đảng quyết định thành lập Đảng ủy Mặt trận Biên Giới và Bộ chỉ huy chiến dịch. Tôi được chỉ định làm Bí thư Đảng ủy và Chỉ huy trưởng kiêm Chính ủy chiến dịch. Đảng ủy viên gồm các anh: Trần Đảng Ninh, Hoàng Văn Thái, Bùi Quang Tạo, Lê Liêm. Anh Hoàng Văn Thái là Tham mưu trưởng, anh Lê Liêm là Chủ nhiệm Chính trị, anh Trần Đảng Ninh là Chủ nhiệm Cung cấp của chiến dịch.

Không khí cơ quan hết sức nhộn nhịp. Mọi người nô nức chuẩn bị nhanh chóng lên đường. Quyết định của Trung ương mở một chiến dịch lớn đã xua tan sự căng thẳng một thời gian dài chờ đợi từ ngày có chủ trương chuẩn bị chuyển sang Tổng phân công.

Tôi biết là có rất nhiều thử thách đang đợi ở phía trước.

Nhu đã nói ở tập Chiến đấu trong vòng vây, ngay từ đầu năm 1948, Đảng ta đã tiếp xúc với Đảng Cộng sản Trung Quốc. Qua những phái viên, đôi bên đã thông báo cho nhau tình hình phát triển cách mạng ở mỗi nước và cùng phối hợp hoạt động khi điều kiện cho phép.

Nhu đã nói ở tập Chiến đấu trong vòng vây, ngay từ đầu năm 1948, Đảng ta đã tiếp xúc với Đảng Cộng sản Trung Quốc. Qua những phái viên, đôi bên đã thông báo cho nhau tình hình phát triển cách mạng ở mỗi nước và cùng phối hợp hoạt động khi điều kiện cho phép.

Không đầy một tháng sau khi tuyên bố thành lập nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, Trung Quốc báo tin sắp công nhận Việt Nam dân chủ cộng hòa, và đề nghị ta sớm cử đại sứ tới Bắc Kinh. Tiếp theo Trung Quốc là

Liên Xô, rồi tất cả các nước xã hội chủ nghĩa công nhận ta. Thường vụ Trung ương thấy cần sớm có cuộc gặp gỡ giữa Bác với những nhà lãnh đạo của hai đảng lớn, sẽ góp phần quan trọng vào thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Dọc đường, để giữ bí mật, Bác đóng vai một thành viên trong đoàn. Nhưng thái độ tôn kính của mọi người đối với Bác, đã làm cho các bạn Trung Quốc phát hiện Chủ tịch Hồ Chí Minh đang có mặt trong đoàn, và kịp thời thông báo về Nam Ninh. Khi Bác tới Nam Ninh, đồng chí Trương Quân Dật, Ủy viên Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, nguyên Tư lệnh Tân tứ quân, là Bí thư kiêm Chủ tịch tỉnh Quảng Tây ra tận bờ sông đón Bác. Đồng chí Trương nói Quảng Tây sẵn sàng làm bất cứ gì mà Việt Nam cần sau khi Bác đã gặp Mao Chủ tịch.

Những ngày ở Nam Ninh, Bác gặp đồng chí Trần Canh, Phó Tư lệnh Đại Quân khu Tây Nam, Tư lệnh Quân khu Vân Nam đi công tác qua đây. Bác biết Trần Canh từ cuối năm 1924, khi làm phiên dịch cho phái đoàn cố vấn của Chính phủ Liên Xô, do M.M. Bô-rô-đin dẫn đầu, đến giúp Chính phủ Quốc dân Đảng Trung Quốc. Ngày đó, Trận Canh còn là một học viên trẻ tại trường Hoàng Phổ ở Quảng Châu. Trần Canh rất xúc động, không ngờ đồng chí Vương thời đó lại là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trần Canh rất quyến luyến, gọi ý Bác đề nghị Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc cho mình sang Việt Nam làm cố vấn quân sự.

Bác tói Bắc Kinh chỉ gặp và làm việc với các đồng chí Lưu Thiếu Kỳ, Chu Ân Lai, Chu Đức. Mao Trạch Đông đã qua Liên Xô trước đó một thời gian. Các đồng chí Trung Quốc nói Bác sẽ gặp Mao Chủ tịch ở Liên Xô. Bác lưu lại Bắc Kinh ít ngày, rồi đi tiếp sang Liên Xô.

Trong một buổi làm việc ở Mát-xcơ-va cùng với Xta-lin, có cả Mao Trạch Đông, Bác đề nghị Liên Xô giúp trang bị cho 10 đại đoàn bộ binh và một trung đoàn pháo cao

xạ. Xta-lin nói: "Yêu cầu của Việt Nam không lớn. Nên có sự phân công giữa Trung Quốc và Liên Xô. Liên Xô hiện đang phải lo nhiều cho các nước Đông Âu. Trung Quốc sẽ giúp Việt Nam những thứ đang cần. Những thứ gì Trung Quốc chưa có, thì hãy lấy trong số hàng Liên Xô đã viện trợ cho Trung Quốc chuyển cho Việt Nam, và sẽ được Liên Xô hoàn trả". Xta-lin nói vui: "Trung Quốc sẽ không thiệt vì trao cho Việt Nam những thứ đã dùng rồi, sẽ nhận lại ở Liên Xô những thứ mới. Trong quan hệ quốc tế phải có đi có lại. Liên Xô viện trợ Trung Quốc một xe tăng, Trung Quốc trả lại một con gà, một khẩu pháo, trả một quả trứng. Việt Nam trả Trung Quốc thế nào, thì tùy...". Mao Trạch Đông nói: "Việt Nam cần trang bị 10 đại đoàn để đánh thắng Pháp, trước mắt hãy trang bị cho sáu đại đoàn có mặt ở miền Bắc. Việt Nam có thể đưa ngay một số đơn vị sang nhận vũ khí trên đất Trung Quốc. Tỉnh Quảng Tây sẽ là hậu phương trực tiếp của Việt Nam".

Khi trở về Bắc Kinh, Bác đề nghị Trung Quốc cử cổ vấn sang giúp Việt Nam nay mai sẽ đi vào đánh lớn. Bác gọi ý bạn cử đồng chí Trần Canh. Phía Trung Quốc trả lời đồng chí Trần đã được bố trí công tác rồi, và đưa ra danh sách gồm bốn người: La Quý Ba - Ủy viên Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, Trưởng đoàn cổ vấn, Vi Quốc Thanh - Trưởng đoàn cổ vấn về quân sự, Mai Gia Sinh - cổ vấn về công tác tham mưu, Mã Tây Phu - cổ vấn về công tác hậu cần.

Ngay sau khi Bác trở về nước cuối tháng 3 năm 1950, các bạn Trung Quốc đã nhanh chóng thực hiện những cam kết. Tháng 4 năm 1950, hai trung đoàn của Đại đoàn 308 đi theo đường Hà Giang qua Mông Tự (Vân Nam) nhận vũ khí. Tiếp đó, một trung đoàn của Đại đoàn 312 đi theo đường Cao Bằng qua Hoa Đồng (Quảng Tây). Bạn cũng chớ gấp vũ khí sang Cao Bằng để trang bị tiếp cho hai trung đoàn khác phải ở lại chiến trường đối phó với quân địch.

Những đơn vị sang Trung Quốc, ngoài việc trang bị lại vũ khí còn được bạn huấn luyện thêm về chiến thuật công kiên, đặc biệt là kỹ thuật đánh bộc phá, trước đây vì không có thuốc nổ ta chưa hề sử dụng kỹ thuật này. Qua ba tháng luyện tập, được bắn đạn thật, các chiến sĩ tiến bộ khá nhanh. Nhiều đồng chí Trung Quốc rất ngạc nhiên khi thấy bộ đội ta, từ cán bộ tới chiến sĩ, nghe giảng bài đều ghi chép rất nhanh, tỏ vẻ nghi ngại là trong quân đội Việt Nam có quá nhiều phần tử trí thức! Ta phải cố gắng làm cho bạn hiểu số đông cán bộ ta là học sinh, còn hầu hết chiến sĩ là thanh niên nông thôn, nhiều người chỉ bắt đầu học chữ sau khi vào bộ đội.

Các tỉnh Quảng Tây, Vân Nam là những tỉnh miền núi của Trung Quốc giải phóng chưa lâu, còn gặp rất nhiều thiếu thốn. Nhưng nhân dân hai tỉnh đã hết lòng giúp đỡ bộ đội Việt Nam (được gọi bằng bí danh: Bộ đội Lưỡng Quảng). Mỗi khi bộ đội ta tới đâu, nam nữ thanh niên Trung Quốc nhảy ương ca đón chào.

Lần đầu, cây mác xung kích được đưa ra khỏi đội hình chiến đấu của những trung đoàn chủ lực. Giải phóng quân Trung Quốc còn thiếu những vũ khí hiện đại. Bạn không có một số vũ khí mà ta đang rất cần, đó là súng chống tăng và súng phòng không. Trung liên Bru-nô, đại liên Ma-xim nặng và cổng kênh, không thích hợp với tầm vóc bé nhỏ của bộ đội. Trung đoàn 174 mấy năm qua chiến đấu trên đường số 4, thu được nhiều vũ khí chiến lợi phẩm của Pháp, Mỹ nhẹ và hiện đại, đề nghị giữ lại những trang bị đã có. Bộ Tổng Tham mưu đã chỉ thị cho các đơn vị chủ lực của Bộ đều phải nhận vũ khí mới để thống nhất việc cung cấp đạn dược. Những năm qua, mỗi chiến sĩ chỉ ước mơ có một khẩu súng trong tay. Bây giờ không chỉ có súng, mà đạn dược cũng khá dồi dào. Sức mạnh hòa lực của trung đoàn bộ binh ta đã hoàn toàn thay đổi so với trước.

Tháng 6 năm 1950, đồng chí La Quý Ba tới Việt Bắc với cương vị vừa là Đại sứ Trung Quốc vừa là Trưởng đoàn cố vấn Trung Quốc tại Việt Nam.

Cuối tháng 7, ba cơ quan tiền phương của Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị, Tổng cục Cung cấp đều có mặt ở biên giới.

Tôi bàn giao các công việc ở nhà cho anh Nguyễn Chí Thanh, rồi sang Tân Trào chào Bác trước khi lên đường. Đây là chiến dịch lớn đầu tiên của quân đội ta. Bác đã bàn trong Thường vụ lần này Bác sẽ đi chiến dịch. Ngoài Đoàn cố vấn quân sự Trung Quốc, Bác đã mời đồng chí Trần Canh cùng tham gia chiến dịch.

Bác hẹn cuối tháng 8 hoặc đầu tháng 9 sẽ có mặt ở Cao Bằng.

Khi chia tay, Bác nói:

- Chiến dịch này hết sức quan trọng, chỉ được thắng không được thua!

à ba năm tôi mới trở lại Cao Bằng. Lần trước lên đây, năm 1947, còn làm việc với các đồng chí lãnh đạo tĩnh ngay trong thị xã. Lần này, thị xã đã trở thành vùng tạm chiếm. Có cảm giác như đi trên đường về giải phóng quê hương. Đối với tôi cũng như những người đã hoạt động ở chiến khu trước Tổng khối nghĩa, Việt Bắc nói chung, đặc biệt là Cao Bằng, đã trở thành quê hương thứ hai.

Từ đầu tháng 7, một số trục đường ở Việt Bắc, Thái Nguyên - Cao Bằng, Thái Nguyên - Tuyên Quang - Phú Thọ, Tuyên Quang - Hà Giang - Lào Cai đã sửa xong. Những con đường này đều bị phá hoại triệt để từ ngày đầu kháng chiến để làm chậm bước tiến cơ giới địch. Việc sửa đường được giao cho Liên khu ủy Việt Bắc. Anh Trần Đăng Ninh, một lần nữa lại được Bác cử làm đặc phái viên của Chính phủ đôn đốc công tác này.

Hàng trăm đội sửa đường của công binh, giao thông công chính và dân công các địa phương, giữa mùa mưa lũ, đã lấp hố, san mặt đường, bắc cầu, làm ngầm qua suối, rất vất vả, nhưng cũng rất phấn khởi. Kháng chiến đang chuyển qua một giai đoạn mới. Sau ba tháng, công việc sửa hàng trăm ki-lô-mét đường đã hoàn thành. Đồng bào các dân tộc Việt Bắc lúc này đều thiếu ăn. Chiến thắng đang vẫy gọi, đã giúp cho chiến sĩ, đồng bào vượt qua cực nhọc và thiếu đói.

Chiếc xe du lịch cất giấu trong rừng sâu lâu ngày, được kéo ra sửa chữa lại để đi mặt trận. Ban ngày, máy bay địch kiểm soát chặt chẽ những tuyến

đường mới sửa xong. Không thể che giấu ý đồ của ta, vì tất cả các con đường mới phục hồi đều hướng về biên giới phía Bắc. Xe phải đi ban đêm. May đúng tuần trăng. Núi rừng Việt Bắc mở ảo. Dọc đường gặp bộ đội, dân công mang vác nặng, cùng đi lên phía bắc. Nhiều người đứng dừng nhìn chiếc xe rồi hò reo. Sự xuất hiện trở lại phương tiện giao thông cơ giới này tại khu căn cứ, báo hiệu những ngày chạy giặc đen tối đã qua, đường thắng lợi bắt đầu mở ra phía trước, mang lại niềm vui cho mọi người đêm nay.

Đến Nà Phạc, để bảo đảm bí mật, chúng tôi bỏ xe, đi ngựa về Nguyên Bình, rồi vòng lên phía bắc thị xã nơi quân địch còn chiếm đóng, đi tới Quảng Uyên nằm ở đông - bắc thị xã 25 ki-lô-mét. Tại đây có đường xe chạy thẳng tới biên giới Việt - Trung sang Hoa Đồng, Trịnh Tây, nơi mấy trung đoàn của ta đang tập kết trên đất bạn đợi lệnh trở về nước.

Dọc đường, nghĩ về nhiệm vụ, tôi cảm thấy có điều gì chưa ổn. Mục tiêu đặt ra cho chiến dịch có vượt quá sức của bộ đội ta hiện nay không? Ta có thể huy động đủ lượng thực cho một số lượng rất lớn bộ đội, dân công trong một chiến dịch dài ngày không?

Lực lượng ta trong chiến dịch gồm năm trung đoàn chủ lực của Bộ, đều là những đơn vị được thử thách qua nhiều chiến dịch, ba tiểu đoàn chủ lực của Liên khu Việt Bắc và những đơn vị vũ trang của hai tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn. Có thể nói ta đã tập trung những vốn quý vào trận đánh sắp tới. Quân dịch ở Khu Biên thùy Đông Bắc cũng có số lượng xấp xỉ với bộ đội chủ lực ta, phần lớn là lính Âu - Phi thiện chiến. Khi chiến dịch nổ ra, lực lượng dịch có khả năng lên tới trên 20 tiểu đoàn.

Nhìn chung, ta không có ưu thế về quân số, và dịch có những vũ khí, phương tiện chiến tranh ưu việt hơn ta rất nhiều.

Địch chỉ có một nhược điểm lớn mà ta có thể khai thác, đó là toàn bộ binh lục, hỏa lục của chúng đều phân tán, hình thành những vị trí cô lập cách nhau hàng chục ki-lô-mét, rải thành tuyến dài hàng trăm ki-lô-mét giữa vùng rừng núi hiểm trở,

khó bề ứng cứu lẫn nhau vì điều kiện đường sá cũng như thời tiết. Ta chỉ có khả năng giành thắng lợi nếu biết khoét sâu vào nhược điểm của địch, và khai thác tối đa tính năng cơ động của bộ đội chủ lục ta.

Lấy thị xã Cao Bằng làm điểm đột phá để mở đầu chiến dịch có phải là sự lựa chọn đúng không?

Cao Bằng là một vị trí đột xuất nằm sâu trong hậu phương ta ở phía bắc. Ở đây địch có hai tiểu đoàn. Nếu đánh thắng, ta sẽ giải phóng được một thị xã quan trọng ở biên giới, ảnh hưởng chính trị sẽ rất lớn. Nhưng bộ đội ta chưa hề đánh một vị trí hai tiểu đoàn Âu - Phi! Cao Bằng như tôi đã biết,

nằm giữa hai con sông và có ngôi thành cổ rất vững chắc. Đánh Cao Bằng sẽ thực sự là một trận công kiên lớn mà chúng ta còn chưa có kinh nghiệm.

Trong tư tưởng của tôi từ trước, điểm đột phá trên chiến trường này phải là Đông Khê. Ở đây địch đóng một tiểu đoàn, nằm trong khả năng tiêu diệt của bộ đội ta. Mất Đông Khê, Cao Bằng sẽ trở nên hoàn toàn cô lập. Địch nhất định phải chiếm lại Đông Khê. Bộ đội ta sẽ có điều kiện tiêu diệt bộ binh địch trên địa hình rừng núi. Tôi đã nói với Bộ Tổng Tham mưu, tạm thời chưa đụng vào những vị trí địch trên đường số 4, chưa đánh động chúng.

Trận đánh Đông Khê của Trung đoàn 174 ngày 25 tháng 5 năm 1950 vừa qua nằm ngoài ý định của Bộ Tổng Tư lệnh. Bộ đội ta tiêu diệt Đông Khê đã làm rung động Khu Biên thùy Đông Bắc. Địch đã rút hầu hết những vị trí nhỏ về tổ chức thành những cụm cứ điểm, với lực lượng chiếm đóng từ hai đại đội trở lên, với hỏa lực tăng cường, công sự vững chắc, hệ thống giao thông hào, hầm ngầm, một số nơi có cả sân bay.

Mặc dù công tác chuẩn bị giải phóng Cao Bằng đã được triển khai, nhưng tôi vẫn rất phản vân. Nếu trận đánh không thành công, những trung đoàn ưu tú của Bộ sẽ bị tiêu hao ngay từ khi mở đầu chiến dịch!

Cao Bằng đã có không khí giải phóng với những bản làng yên vui, chợ búa nhộn nhịp, nơi nào cũng gặp bộ đội, dân công. Phố Nước Hai chỉ cách thị xã 10 ki-lô-mét, vẫn có nhiều hàng quán, người mua bán qua lại tấp nập. Rõ ràng là quân Pháp ở đây với lực lượng rất mạnh vẫn không thể lập lại bộ máy thống trị cũ ngay chung quanh những đồn binh lớn.

Chiều ngày 3 tháng 8 năm 1950, tôi tới Quảng Uyên, một vùng nhiều núi đá nhỏ giống như một vịnh Hạ Long trên cạn. Sở chỉ huy chiến dịch nằm ở bản Tả Phày Nưa không xa đường cái nhưng vẫn kín đáo.

Ta chủ trương giữ bí mật mục tiêu mồ màn chiến dịch, nhưng thấy bộ đội về đông, nhiều người tin là sắp đánh Cao Bằng.

Tôi gặp anh Hoàng Văn Thái và anh Trần Đăng Ninh để nắm tình hình. Anh Hoàng Văn Thái báo cáo đang gấp rút hoàn chỉnh kế hoạch giải phóng thị xã Cao Bằng. Việc điều tra tình hình địch gặp một số khó khăn. Tỉnh không có đội trinh sát chuyên môn, chỉ tổ chức nắm tình hình thông qua những tổ chức quần chúng ở thị xã, thị trấn chung quanh những vị trí địch. Phương tiện thông tin rất thiếu, phải dựa vào đường dây bưu điện không bảo đảm bí mật, dùng liên lạc chạy chân thì mất nhiều thời gian. Lực lượng trình sát của Bộ Tổng Tham mưu vừa phải khẩn trương hướng dẫn về chuyên môn cho cán bộ địa phương, vừa phải tổ chức nắm tình hình trực

tiếp. Trình sát của Bộ đã kết hợp với quân báo Liên khu 1 bố trí những đài quan sát để nắm các mục tiêu, làm bình yếu địa chí và bám sát các vị trí địch.

Ngày hôm trước, mồng 2 tháng 8, Bộ Tổng Tham mưu đã triệu tập các đơn vị tham gia chiến dịch từ cấp trung đoàn trưởng trở lên, phổ biến sơ bộ nhiệm vụ trên sa bàn. Dự kiến trong đợt 1 chiến dịch, ta sẽ tập trung ưu thế binh hóa lực tiêu diệt thị xã Cao Bằng, đồng thời diệt quân viên bằng đường không và đường bộ. Đại đoàn 308, Trung đoàn 174 và trung đoàn pháo binh mới thành lập, đảm nhiệm tiến công tiêu diệt quân địch ở thị xã và quân nhảy dù tại khu vực chung quanh thị xã. Trung đoàn 209 và Tiểu đoàn 246 có nhiệm vụ tiêu diệt quân viên bằng đường bộ và đường không từ Đông Khê đến Cao Bằng.

Anh Thái cho biết khi thảo luận, một số cán bộ băn khoăn về việc chọn Cao Bằng là mục tiêu mở màn chiến dịch. Ban tham mưu tổ chức cho các trung đoàn trưởng đi trình sát thực địa. Cùng đi, có cả một số cố vấn Trung Quốc của Đại đoàn 308.

Anh Trần Đăng Ninh dự kiến số người trực tiếp chiến đấu và phục vụ chiến dịch sẽ có khoảng 30.000. Như vậy, yêu cầu vật chất sẽ lên tới 3.000 tấn, trong đó có 2.700 tấn gạo và 200 tấn vũ khí, đạn dược.

Tinh thần phục vụ chiến dịch của đồng bào dân tộc hai tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn rất cao. Việc vận chuyển lương thực, đạn dược phải qua nhiều con đường nhỏ hẹp, hiểm trở, nhiều dốc cao, suối sâu lại lầy lội, sụt lở vì đang mùa mưa, và luôn luôn bị đại bác, máy bay địch cản trở. Vừa qua, đại đội dân công của Bắc Sơn khi vượt đường số 4 bị máy bay địch phát hiện, oanh tạc làm chết và bị thương 71 người. Đại đội dừng lại một ngày mai táng các liệt sĩ, cấp cứu người bị thương, rồi lại lên đường tiếp tục chuyển gạo tới Pò Mã. Đồng bào đã bán cho bộ đội hàng trăm tấn lương thực, nhưng hoàn toàn không có khả năng đáp ứng yêu cầu rất to lớn về

lương thực của chiến dịch. Ta có thể chuyển một số lương thực từ trung du lên, nhưng đường vận chuyển quá xa.

Anh Trần Đăng Ninh đã đề nghị với tỉnh Quảng Tây chi viện cho ta một số lương thực. Tỉnh Quảng Tây mặc dù cũng đang gặp khó khăn về lương thực, đã sốt sắng nhận lời.

Anh Trần Đăng Ninh chuẩn bị sang Quảng Tây đón Đoàn cố vấn quân sự Trung Quốc.

Tôi yêu cầu anh Hoàng Văn Thái tổ chức gấp cho mình đi trình sát vị trí Cao Bằng.

Chập tối, cùi chụm trên bếp nhà sàn vừa bén lửa thì các anh, chị lãnh đạo tỉnh tới. Toàn những đồng chí trung kiên của Chiến khu Cao - Bắc - Lạng trước đây. Gặp lại nhau, tay bắt mặt mừng. Lần nào gặp lại các đồng chí cũ tôi cũng cảm thấy ấm lòng. Các anh, chị cho biết Cao Bằng đang ở thời kỳ giáp hạt, nhưng đồng bào các dân tộc đã vét từng cân thóc, cân ngô bán cho bộ đội. Hai phần ba số cán bộ của tỉnh Cao Bằng và Lạng Sơn được cử đi huy động dân công và thóc gạo phục vụ chiến dịch. Nhiều đồng bào người Mông, người Dao lần đầu xuống núi đi vận chuyển gạo, đạn. Khi lội suối, lúc gặp trời mưa, dân công thà chịu ướt người, chứ không chịu để ướt gạo, ướt đạn... Các đồng chí lãnh đạo tỉnh đều mong khi kết thúc chiến dịch sẽ gặp lại chúng tôi ở thị xã Cao Bằng.

Chương hai ĐIỂM ĐỘT PHÁ

áng ngày 5 tháng 8 năm 1950, đoàn nghiên cứu thực địa lên đường rất sớm. Sương mù dày đặc. Chúng tôi phóng ngựa trên con đường đá chưa có người qua lại. Đoàn khá đông. Ngoài Phan Phác - Tham mưu phó chiến dịch, Trưởng phòng Quân báo, Phó Văn phòng Bộ, còn có anh Lâm Kính - Tham mưu trưởng Đại đoàn 308, và anh Nguyễn Huy Tưởng - nhà văn, anh Vũ Năng An - nhà nhiếp ảnh. Nhiều văn nghệ sĩ sớm có mặt ở chiến dịch. Anh Lê Liêm - Chủ nhiệm Chính trị đã đề nghị với Bộ cho hai văn nghệ sĩ cùng đi. Năm trước, Trần Đăng, một nhà văn trẻ rất có triển vọng của ta, đã hy sinh tại mặt trận này.

Mặt trời đứng bóng, chúng tôi tới đèo Mã Phục. Ở đây có ngã ba Quảng Uyên - Trà Lĩnh - thị xã Cao Bằng. Đồng chí Quốc Trung, Trưởng đài quan sát đã đứng đón. Chúng tôi để ngựa lại, bỏ đường cái, bắt đầu đi theo đường rừng.

Trời không mưa, nhưng đường rất lầy lội. Trèo đèo, lội suối, qua nhiều khu rừng rậm rịt, mãi nữa buổi chiều mới tới một đỉnh núi ở ngoại vi thị xã Cao Bằng. Đài quan sát đặt tại đây với một kính viễn vọng có bội số quang học lớn. Trưởng đài nhắc mọi người chú ý ngụy trang, không đi lại, không đứng lố nhố, vì ngọn núi này

nằm ngay cạnh sân bay, trong vòng lượn của máy bay. Tiểu đội bảo vệ nhanh chóng bố trí cảnh giới.

Tôi tới vị trí quan sát nhìn xuống phía dưới chỉ thấy một biển sương mù. Tôi hỏi Trưởng đài:

- Từ đây tới thị xã bao xa?
- Báo cáo anh, khoảng 1.000 mét theo đường chim bay. Khi trời quang nhìn thị xã bằng mắt thường rất rõ. Ngọn núi này nằm ở phía đông thị xã.

Chúng tôi đứng chờ khá lâu. Chưa nhìn thấy chút bóng dáng thị xã.

Tôi nói:

- Đi trình sát thời tiết này có một ưu điểm: Bảo đảm bí mật. Địch không thể nhìn thấy mình!

Mọi người đều mỉm cười. Tôi hỏi Quốc Trung:

- Phải chờ tới khi nào?
- Nếu trời có gió là nhìn rõ thị xã ngay.

Bỗng nghe tiếng hát và tiếng đàn từ đâu đây vọng lại rất gần. Quốc Trung nói:

- Đó là tiếng máy hát ở một đồn tiền tiêu.

Người chiến sĩ đứng gác máy quan sát bỗng quay lại nói:

- Trời bắt đầu có gió to. Sắp nhìn thấy thị xã.

Tôi trở lại vị trí đặt kính viễn vọng. Sương mù phía dưới đang trôi đi. Thung lũng hiện ra với những mỏm đồi đỏ loét, rồi vệt sáng lấp lánh ánh vàng của một con sông. Một người nói:

- Sông Bằng Giang!

Cả thị xã đã nằm trước mắt. Tôi đã nhiều lần qua lại Cao Bằng nhưng lúc này nhìn từ trên cao, qua kính viễn vọng, Cao Bằng rất khác.

Hai con sông Bằng và sông Hiến như đôi cánh tay ôm vòng lấy ba mặt thị xã. Những đường phố hầu như nguyên vẹn với hai dãy nhà quét vôi trắng và những hàng cây xanh. Một chiếc Đa-kô-ta nằm trên sân bay dưới chân núi, bên tả ngạn sông Bằng. Nổi bật lên ở một góc thị xã là tòa thánh cũ, bộ đội thường gọi là pháo đài, có tường cao và dày bao bọc. Cái tôi mới nhìn thấy lần đầu là ngoài hai con sông còn có một hệ thống những đồn tiền tiêu địch đã xây dựng trên những quá

đồi bao quanh thị xã. Màu đỏ ổi của những vị trí này và những hàng rào dây thép gai như đập vào mắt. Tôi lần lượt đếm được 15 vị trí.

Đồng chí Phan Phác bước lại đứng bên tôi, trỏ con đường số 4 nằm quanh co bên sườn núi chạy vào thị xã, sân bay Nà Cạn, chiếc cầu màu đen nằm vắt ngang sông Bằng. Đây là một trục đường mà quân ta có thể tiến vào thị xã. Anh lại trỏ tiếp lần lượt từ trái qua phải, pháo đài Cao Bằng, trại lính lê dương, trại lính ngụy, phố xá, cổng ra vào thị xã, trụ sở ngụy quyền...

Tôi hỏi đồng chí Cao Pha, Trưởng phòng Quân báo:

- Trinh sát của ta đã vào tới sân bay và bờ sông chưa?

Tổ trưởng trình sát báo cáo đã cho hai trình sát viên hai lần lợi dụng ban đêm tiềm nhập nhưng đều chưa tới được sân bay và bờ sông, vì cách sân bay

500 mét địch đã lập một hệ thống đồn bốt ngăn chặn, ngày đêm có quân cảnh lẻ dương đi tuần tra.

Tôi quay lại hỏi tiếp Phan Phác:

- Đồng chí đã trực tiếp quan sát phía nam pháo đài và phía tây thị xã lần nào chưa?
- Tôi đã hai lần đến thực địa quan sát cả hai phía ấy. Ở phía tây thị xã, địa hình và cách bố phòng của địch cũng như hướng này, có sông, có công sự kiên cố và chướng ngại vật vững chắc. Ở phía nam thì có thành dựng đứng với nhiều lỗ châu mai, hai bên đều có lô cốt và tháp canh, bên ngoài là bãi trống bằng phẳng, chằng chịt dây thép gai. Ở cả hai hướng này, đường từ ngoài đi vào thị xã có nhiều đồi trọc nổi tiếp nhau.

Tôi lần lượt quan sát từng vị trí, hỏi kỹ số lượng và thành phần bình lính, cách bố phòng, những con đường bộ đội có thể tiến vào, thử hình dung những khó khăn mà các mũi sẽ gặp trên thực địa, và nghĩ xem có thể vượt qua bằng cách nào.

Tôi đã hiểu vì sao Bộ chỉ huy Pháp chưa chịu rút quân khỏi Cao Bằng. Với một vị trí được phòng thủ như thế này, địch chưa phải lo ngại một cuộc tiến công của ta.

Đèn ở thị xã đã bật sáng.

Đồng chí Trưởng đài quan sát nhắc tôi ra về vì mùa này ban đêm hay mưa. Chúng tôi chợt nhớ ra khi đi không ai đem theo áo mưa.

Trời tối rất nhanh, và bắt đầu mưa lâm thâm. Xuống tới lưng chừng núi thì mưa như trút. Quốc Trung đề nghị vào lán của tổ trình sát nghỉ tạm, chờ tạnh mưa sẽ đi

tiếp.

Chiếc lán quá chặt. Anh em bảo vệ đều phải đứng ngoài. Mưa vẫn không hề ngớt. Nhìn đồng hồ thấy đã hơn 7 giờ tối, tôi quyết định cứ đi tiếp.

Các chiến sĩ bảo vệ đốt hai bó đuốc. Nhưng đi được một quãng thì hai bó đuốc đều tắt ngắm. Không còn nhìn thấy lối đi. Chúng tôi mỗi người cài lên mũ một mảnh tre mục để người đi sau nhận ra người đi trước qua những đốm sáng lân tinh. Người chiến sĩ dẫn đường quyết định đi lần theo dòng nước từ trên núi đổ xuống. Cuối cùng, xuống tới chân núi, chúng tôi gặp lại con suối đã đưa tới đây. Đã nhận ra đường về. Nhưng dòng suối không còn êm đềm nên thơ như buổi sáng. Nó trở nên hung dữ. Nước chảy xiết. Lòng suối lốn nhốn đá đầy rêu trơn. Mọi người đều ngã lên ngã xuống. Riêng tôi ngã nhiều nhất. Không phải vì tôi chưa quen lội suối; sáng nay, đồng chí cần vụ khuyên tôi nên đi giày da để chống gai. Có lần ngã, nước ngập tới thất lưng.

Chúng tôi bì bõm hết lội suối lại lội bùn suốt đêm trong rừng. Quần áo ướt sũng. Gần sáng ghé vào một bản bỏ hoang nghỉ tạm. Đồng bào ở đây đã rời đi nơi khác. Các chiến sĩ kiếm củi nhen một đống lửa. Chúng tôi đều cởi quần áo, vắt cho hết nước rồi hong trên lửa. Cả đoàn công tác ngồi kín ngôi nhà sàn. Chưa lần nào có cuộc đi trình sát đông đảo thành phần như lần này. Tôi nói với nhà văn Nguyễn Huy Tưởng:

- Ngày hôm nay, trong bulletin của nó chắc lại nhận xét: Không có hiện tượng gì đáng kể chung quanh Cao Bằng!

Tác giả "Vũ Như Tô" nổ một nụ cười dễ thương.

Sau chuyến đi trình sát, mọi người có vẻ trầm ngâm. Tôi nói tiếp:

- Không chuẩn bị kỹ không bảo đảm thắng lợi!

Trời sáng, khi trở về Trà Lĩnh, chúng tôi đã có được bộ quân phục khô ráo.

Người và ngựa lại rong ruổi trên con đường về Quảng Uyên.

Tôi nói với các đồng chí Phan Phác, Lâm Kính trước khi chia tay:

- Chuyến đi trình sát lần này vất vả một chút, nhưng rất hữu ích: Thấy rõ thực địa, nắm được thực chất!

Cùng thời gian này, chỉ huy trưởng các trung đoàn cũng đi trình sát thực địa.

Tôi yêu cầu cơ quan tham mưu mang tới một bản đồ Cao Bằng tỷ lệ lớn. Nhưng chỉ có loại bản đồ 1/500.000.

Qua chuyển đi nghiên cứu thực địa Cao Bằng, tôi càng nhận thấy không thể chọn thị xã này làm thêm đột phá cho chiến dịch. Quân địch ở Cao Bằng không quá đông, nhưng địa hình núi, sông hiểm trở đã tạo cho chúng cái thế như người xưa nói: "Một người giữ ải, muôn người khó vượt qua". Đánh Cao Bằng sẽ phải giải quyết một loạt vấn đề chiến thuật mà bộ đội ta còn ít kinh nghiệm. Phải tổ chức vượt sông. Nhiều khả năng phải đột phá tung thâm sâu, dẫn tới đánh ban ngày, đánh dài ngày. Phải đối phó với quân dù, hỏa lực máy bay, đại bác trên những địa hình trống trải. Phải tiêu diệt những công trình phòng ngự rất kiên cố trong khi bộ binh ta chỉ hầu hết là vũ khí nhẹ... Và phải chăng chúng ta làm trái lời dạy của người xưa: Đánh thành là hạ sách!

Trước đây ta dự kiến tiến công Cao Bằng sẽ có điều kiện đánh quân viên để giành một thắng lợi lớn. Nhưng lúc này nhìn trên bản đồ, tôi thấy ít có khả năng địch đưa viện binh lớn lên Cao Bằng theo đường bộ. Đoạn đường từ Thất Khê lên Cao Bằng đã trở thành quá nguy hiểm đối với quân địch. Những tháng qua, Cao Bằng chỉ nhận được tiếp tế bằng máy bay. Đoạn đường này cũng quá xa đối với những binh đoàn tăng viện nếu phải mở một con đường máu! Như vậy, trong trường hợp Cao Bằng bị uy hiếp mạnh, có nhiều khả năng địch sẽ hy sinh đội quân đồn trú ở đây, và rút những lực lượng ở Đông Khê, Thất Khê về Lạng Sơn một cách an toàn trong khi hầu hết chủ lực ta đang tập trung để giải quyết Cao Bằng!

Đánh Cao Bằng sẽ khó bảo đảm nguyên tắc "trận đầu phải thắng" của quân đội ta. Và nếu đánh thắng, cũng khó tránh khỏi tổn thất lớn trong khi ta chỉ tiêu diệt được một bộ phận nhỏ quân địch: Hai tiểu đoàn!

Mục tiêu của chiến dịch là tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực dịch và giải phóng Cao Bằng. Làm cách nào để đạt được mục tiêu này?

Tôi nghĩ cách mở đầu chiến dịch tốt nhất vẫn là đánh Đông Khê. Đông Khê là cứ điểm quan trọng nối liền Thất Khê với Cao Bằng. Cứ điểm Đông Khê mặc dù đã được củng cố, vẫn nằm trong khả năng tiêu diệt của bộ đội ta. Mất Đông Khê, dịch hoặc sẽ phải chiếm lại, hoặc sẽ phải rút khỏi Cao Bằng. Ta sẽ có điều kiện tiêu diệt sinh lực dịch ngoài công sự. Nếu dịch không chiếm lại Đông Khê, ta sẽ đánh tiếp Thất Khê. Cuối cùng, ta sẽ chấn chỉnh lực lượng quay lên giải phóng Cao Bằng. Khi đã mất cả Đông Khê và Thất Khê, tinh thần quân dịch sẽ khác, đánh dịch sẽ thuận lợi hơn hiện nay nhiều. Tùy tình hình, không nhất định phải giải phóng Cao Bằng bằng một số trận công kiên, mà cũng có thể bao vây buộc quân dịch đầu hàng.

Tôi quyết định nêu vấn đề này trong cuộc hội ý Đảng ủy Mặt trận ngày hôm sau. Đảng ủy đều nhận thấy đánh Cao Bằng không chắc thắng, nên chuyển sang đánh Đông Khê. Nhưng cũng có ý kiến: "Thường vụ đã có quyết định đánh Cao Bằng, mọi

công tác chuẩn bị về tham mưu, hậu cần đã hướng cả về Cao Bằng, nếu bây giờ thay đổi, chiến dịch sẽ bị chậm lại".

Tôi kết thúc cuộc hội ý:

- Thường vụ quyết định mục tiêu chiến dịch là tiêu diệt một bộ phận sinh lực dịch quan trọng, giải phóng Cao Bằng để mở thông biên giới. Chủ trương mở đầu chiến dịch bằng đánh Cao Bằng là do Tổng Quân ủy đề xuất. Nếu thấy mở đầu chiến dịch như vậy không bảo đảm thực hiện mục tiêu chiến dịch, ta cần báo cáo để xin quyết định của Thường vụ. Trong khi chờ sự chỉ đạo của Trung ương, mọi công tác chuẩn bị vẫn tiếp tục.

Các đơn vị bắt đầu phân ánh ý kiến của cán bộ sau khi đi trình sát về.

Đại đoàn 308 được trao nhiệm vụ tiến công tiêu diệt pháo đài, nhận thấy công sự của địch quá vững chắc, lo khó giành thắng lợi. Trung đoàn 209 phải vượt sông Bằng, ngại khó khăn vì sông sâu, nước chảy xiết, và không giải quyết được hóa lực bắn chéo sườn của địch. Trung đoàn 174 đề nghị nên đánh Đông Khê, chưa nên đánh Cao Bằng.

Ngày 12 tháng 8, anh Trần Đăng Ninh sang Quảng Tây đã trổ về cùng với Đoàn cố vấn quân sự Trung Quốc. Đoàn gồm các đồng chí Vi Quốc Thanh, Mai Gia Sinh, Đặng Nhất Phàn... đã có mặt ở Tả Phày Tử. Đồng chí Vi Quốc Thanh, Trưởng đoàn, bắt đầu cuộc gặp các chuyên gia Trung Quốc đã sang trước cùng với cán bộ Đại đoàn 308 để nắm tình hình.

Ngày 15 tháng 8, tôi nhận được điện của Bác chấp thuận chuyển hướng chiến dịch sang Đông Khê. Tôi thấy cần triệu tập ngay cuộc họp liên tịch Đảng ủy và Bộ chỉ huy chiến dịch mở rộng tới một số trưởng phòng chủ chốt của ba cơ quan tham mưu, chính trị, cung cấp.

Ngày 16 tháng 8, cuộc họp được tiến hành.

Anh Hoàng Văn Thái nói Chỉ huy trưởng chiến dịch đã trực tiếp đi nghiên cứu thực địa Cao Bằng, và báo cáo dự kiến kế hoạch, nêu lên những thuận lợi, khó khăn và sự cân nhắc của Đảng ủy Mặt trận nên chọn Cao Bằng hay Đông Khê để mở đầu chiến dịch.

Hội nghị trao đổi xung quanh vấn đề nên đánh Cao Bằng hay Đông Khê. Nhiều ý kiến ngả sang nên đánh Đông Khê. Mọi người nhận thấy đánh Đông Khê không khó, tuy nhiên, công tác chuẩn bị sẽ phải làm lại từ đầu. Đông Khê cách Cao Bằng 45 ki-lô-mét về phía nam. Không chỉ điều tra vị trí Đông Khê, đã thay đổi nhiều sau trận đánh hồi tháng 5 năm 1950, mà còn phải điều tra đoạn đường số 4 từ Thất

Khê lên Đông Khê, và từ Đông Khê lên Cao Bằng. Hậu cần chiến dịch thay đổi nhiều. Phải di chuyển toàn bộ hệ thống kho, trạm, bệnh viện đã được bố trí hướng về Cao Bằng, nay đưa sang phía Đông Khê, Thất Khê. Riêng đường vận tải ô-tô từ Trung Quốc sang mới thông tới Quảng Uyên, nay phải sửa thêm đường từ Quảng Uyên qua Phục Hòa lên tới Thủy Khẩu dài hơn 30 ki-lô-mét. Ngoài ra còn có ý kiến đánh Đông Khê không tạo nên sự bất ngờ đối với quân địch, cũng không đạt được chiến thắng vang dội mở đầu chiến dịch.

Tôi kết luận:

- Đảng ủy và Bộ chỉ huy chiến dịch đã nghe các cấp chỉ huy đi trình sát Cao Bằng về báo cáo. Sau khi phân tích và cân nhắc kỹ mọi mặt, thấy muốn đạt được những mục tiêu chiến dịch của Trung ương đề ra, cần phải thay đổi phương án tác chiến. Phương án tác chiến mới đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh

phê chuẩn. Mở đầu chiến dịch, tập trung lực lượng tiêu diệt Đông Khê, đồng thời tiêu diệt quân tiếp viện, đặc biệt là quân dù. Sau đó tập trung lực lượng tiêu diệt Thất Khê. Nếu dịch ở Thất Khê chưa tăng viện thì nhanh chóng chuẩn bị tiêu diệt Thất Khê ngay. Nếu dịch đã kịp tăng viện cho Thất Khê thì có thể chưa đánh Thất Khê mà chuyển sang đánh các cứ điểm nhỏ và quân cơ động dịch ở phía nam Thất Khê trước. Sau khi đã tiêu diệt Đông Khê, Thất Khê và một bộ phận quân ứng chiến, bộ đội ta sẽ nghỉ ngơi một thời gian để chấn chỉnh, rồi tập trung toàn bộ lực lượng tiến công Cao Bằng. Phương án cũ đánh Cao Bằng trở thành kế hoạch nghi binh.

Tôi biết quyết định này không chỉ đảo lộn công tác chuẩn bị đã triển khai rất vất vả một tháng qua, mà còn làm mất đi hào hứng của nhiều người muốn được tham gia vào trận đánh đầu tiên giải phóng một thị xã. Nhưng không thể khác. Chiến thắng đòi hỏi sự táo bạo. Nhưng nó không chấp nhận bất cứ hành động phiêu lưu nào.

Sau cuộc họp, tôi tới Tả Phày Tử gặp Đoàn cố vấn. Đồng chí Vi Quốc Thanh hơn tôi chừng vài tuổi, từ vẻ mặt đến tác phong đều biểu lộ sự chân tình, chín chắn, chừng mực của một cán bộ cách mạng lâu năm. Anh Vi là Tư lệnh Bình đoàn, đang chuẩn bị đi làm đại sứ ở Anh thì được cử sang Việt Nam. Chúng tôi có cảm tình với nhau ngay từ lần gặp đầu tiên. Anh Vi là Cố vấn Bộ trưởng Bộ Quốc phòng - Tổng Tư lệnh cho tới hết kháng chiến chống Pháp. Tôi trình bày về tình hình chuẩn bị chiến dịch. Anh Vi lắng nghe nhưng chưa phát biểu, và nói đang chờ đồng chí Trần Canh sang.

Trong tổ chức giải phóng quân Trung Quốc lúc đó, cao nhất là dã chiến quân (tương đương với phương diện quân của Liên Xô), rồi tới binh đoàn (tương đương với tập đoàn quân). Đồng chí Trần Canh là Phó Tư lệnh dã chiến quân, và là Trung ương Ủy viên dự khuyết của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Tôi nghĩ thời gian này đồng chí Vi dành quyền phát biểu cho đồng chí Trần Canh.

Sau hội nghị liên tịch, mọi người khẩn trương bắt tay vào công việc không một lời kêu ca. Quan hệ giữa ba cơ quan với bộ phận lãnh đạo trong Bộ Tổng Tư lệnh những năm chống Pháp là quan hệ mẫu mực giữa những người đồng chí cùng chung trách nhiệm, vừa nghiêm túc, vừa thân thiết như những người con trong một gia đình.

Ngày 21 tháng 8, Đảng ủy và Bộ chỉ huy chiến dịch đã họp lại để nghe ba cơ quan báo cáo kế hoạch chuẩn bị. Anh Thái trình bày dự thảo kế hoạch tác chiến Đông Khê. Anh Lê Liêm báo cáo kế hoạch công tác chính trị. Anh Ninh báo cáo kế hoạch cung cấp. Mọi người đều biểu thị quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ mới. Tôi nhắc anh Thái nhanh chóng hoàn chỉnh kế hoạch dự thảo tác chiến thành phương án chính thức để đưa lên phê duyệt.

Hai ngày 25 và 26 tháng 8 năm 1950, Đảng ủy Mặt trận triệu tập hội nghị cán bộ từ cấp trung đoàn trở lên. Hội nghị họp ở bản Nậm Tấu, cách huyện lỵ Quảng Uyên 6 ki-lô-mét.

Đây là hội nghị trao nhiệm vụ chiến đấu nên các đơn vị đều có mặt. Tôi biết rõ khả năng và tính cách những người ngồi đây. Họ đều được thử thách, rèn luyện trong lửa đạn suốt mấy năm qua. Các anh Vương Thừa Vũ, Lê Quảng Ba, Cao Văn Khánh, Lê Trọng Tấn, Quang Trung, Vũ Yên, Thái Dũng, Vũ Lăng, Hồng Sơn, Đặng Văn Việt, Doãn Tuế... lần đầu đi vào một trận đánh hiệp đồng lớn, mỗi người đều như mang tới đây niềm tự hào của đơn vị và lời hẹn ước thi đua chiến đấu lập công.

Ban chü huy Mặt trận Dông Khê được chü định gim các dong chí: Hoàng Văn Thái - Chü huy truong, Le Liêm - Chinh üy, Le Trong Tan - Chü huy phó. Lực luong danh Dong Khe gom hai trung doan: 174 và 209.

Nhiệm vụ đánh viện trao cho Đại đoàn 308.

Thời gian các đơn vị vào vị trí tập kết là ngày 14 tháng 9 năm 1950.

Sau khi trao nhiệm vụ cho các đơn vị, tôi nói thêm:

- Tiêu diệt Thất Khê xong, bộ đội nghỉ ngơi, chỉnh đốn từ 10 đến 15 ngày sẽ lên đánh Cao Bằng. Nếu sau khi tiêu diệt Đông Khê, địch bỏ Cao Bằng rút chạy về phía nam thì ta tập trung lực lượng tiêu diệt địch rút chạy trên

quãng đường Cao Bằng - Đông Khê... Thay đổi mục tiêu mở màn chiến dịch như vậy là: Trước đánh cứ điểm nhỏ, sau đánh cứ điểm lớn, trước đánh cứ điểm yếu, sau đánh cứ điểm mạnh, vừa đánh vừa rèn luyện bộ đội. Nếu Đông Khê bị mất và quân ứng chiến bị tiêu diệt, địch ở Cao Bằng sẽ lâm vào tình thế không thể giữ được mà chỉ có tìm cách chạy. Ta sẽ có khả năng tiêu diệt nhiều sinh lực địch hơn và tạo điều kiện căn bản để giải phóng Cao Bằng hoàn thành các mục tiêu của chiến dịch.

3

hững ngày đầu tháng 9 hết sức khẩn trương.

Ngày 1 tháng 9 năm 1950, Đảng ủy Mặt trận đang họp nghiên cứu địch trên đường số 4 thì có điện tử Cục 2 ở hậu phương lên báo cáo từ ngày 23 tháng 8, địch mở cuộc hành binh "Con nhộng" (Chrysalide) lên Phú Thọ và đang tập trung quân ở Lạng Sơn. Chúng tôi thấy phải xúc tiến nhanh công tác chuẩn bị, tham mưu cần phải thảo xong mệnh lệnh tác chiến

và mọi chi thị trước ngày 3 tháng 9. Nhưng chỉ ngày hôm sau mệnh lệnh tác chiến đã được trình duyệt và gửi đi các đơn vị.

Ngày 3 tháng 9 năm 1950, Ban chỉ huy Mặt trận Đông Khê đi thực địa về báo cáo pháo đài trung tâm chỉ huy của địch có một số thay đổi, ở hướng bắc, dọc đường bộ đội ta sẽ tiến vào bám đầu cầu, cây cối trên đổi đã bị chặt trụi không còn chỗ ẩn nấp.

Ngày 9 tháng 9 năm 1950, Đảng ủy và Bộ chỉ huy chiến dịch triệu tập cuộc họp cán bộ chỉ huy từ trung đoàn trở lên thông qua kế hoạch đánh Đông Khe lần cuối.

Chua có tràn danh nào được chuẩn bị kỹ lưỡng như lần này. Kế hoạch tiến công được hoạch định đến từng chi tiết. So với tràn đánh hồi tháng 5, ta đã huy động một lực lượng gần gấp ba. Trung đoàn 174 chiến thắng ở Đông Khê lần trước được chọn làm đơn vị chủ công. Phối hợp tác chiến là Trung đoàn 209. Lực lượng sơn pháo phối thuộc với từng trung đoàn cũng mạnh hơn. Ta còn điều thêm những đội súng không giật giỏi của Đại đoàn 308 sang tăng cường cho các mũi xung kích.

Sắp hết giờ làm việc buổi sáng thì được tin Bác đã tới Tả Phày Tử.

Tôi thúc ngựa phóng nhanh trên con đường lây lội tới nơi Bác đang chờ.

Bác gầy và đen sau một tuần lễ đi đường. Bác nói:

- Dự cuộc họp Hội đồng Chính phủ ngày 2 tháng 9 xong, mình đi ngay, không ai biết mình lên đây. Năm nay ở cơ quan Trung ương không tổ chức kỷ niệm ngày Độc lập. Trên này chắc các chủ cũng quên?
- Thưa Bác, không quên, nhưng không tổ chức gì!

Tôi mời Bác về Sở chỉ huy.

Bác trùm chiếc khăn bông che bộ râu, đội mũ rồi lên ngựa cùng tôi về Sở chỉ huy.

Buổi trưa, tôi báo cáo với Bác quyết tâm của Bộ chỉ huy chiến dịch: Mở đầu bằng tiêu diệt Đông Khê, tiếp theo là diệt quân viện, đánh Thất Khê, cuối cùng là tập trung lực lượng giải phóng Cao Bằng.

Người giơ từng ngón tay, nói:

- Một là, đánh Đông Khê. Hai là, đánh quân viện. Ba là, đánh Thất Khê. Bốn là, đánh Cao Bằng. Tất cả là bốn bước.
- Dạ.
- Đông Khê không lớn nhưng rất quan trọng, vì mất Đông Khê thì Cao Bằng hoàn toàn bơ vơ. Địch buộc phải cho quân ứng cứu, bộ đội sẽ có cơ hội đánh vận động.
- Chúng tôi đã có dự kiến.
- Nhưng bộ đội ta chưa quen đánh vận động lớn.
- Thưa Bác, mùa Hè vừa rồi được luyện tập, anh em tiến bộ nhiều. Cao Bằng là địa hình rừng núi, tôi nghĩ sẽ thuận lợi.

Bác trầm ngâm rồi nói:

- Mình muốn gặp một cán bộ cấp tiểu đoàn.
- Thưa Bác, cán bộ về họp toàn cấp trung đoàn. Nhưng tôi sẽ nói đơn vị cử một tiểu đoàn trưởng lên gặp Bác vào tối mai.

Hội nghị làm việc sang ngày thứ hai. Buổi chiều, không khí sôi nổi hẳn lên khi thấy Bác xuất hiện với chiếc áo bộ đội bạc màu. Sự có mặt hoàn toàn bất ngờ của Bác nói lên tầm quan trọng đặc biệt của chiến dịch.

Bác nhìn mọi người với cặp mắt đầm ấm rồi nói:

- Bộ chỉ huy chiến dịch nói là các chú họp lần cuối cùng để chuẩn bị trận đánh. Đây chưa phải là lần cuối cùng. Chưa đánh thắng thì chưa được coi là

đã chuẩn bị xong. Quân sự thì phải chuẩn bị mãi. Thắng xong trận này cũng mới chỉ là chuẩn bị xong một đợt. Khi nào toàn thắng mới là chuẩn bị xong... Trong quân sự phải kiên quyết và bạo dạn. Bạo dạn, dũng cảm không phải là liều. Liều là dại. Dũng cảm là khôn. Không phải chỉ một người kiên quyết và bạo dạn, mà phải toàn bộ, tất cả mọi người. Muốn toàn bộ kiên quyết, dũng cảm thì phải có kỷ luật. Kỷ luật là động lực giữ sức mạnh cho bộ đội... Các chú đã nghe Bộ chỉ huy chiến dịch phổ biến quyết tâm của Trung ương Đảng mở Chiến dịch Biên Giới. Các chú đã được trao nhiệm vụ cụ thể. Bác không có gì phải nói thêm. Chỉ nhắc các chú: Thời gian lúc này vô cùng quý báu, cần tranh thủ thời gian thật tốt để chuẩn bị chiến đấu cho đầy đủ. Chỉ có chuẩn bị đầy đủ thì mới giành được chiến thắng lớn mà đỡ tốn xương máu chiến sĩ. Chiến dịch Cao - Bắc - Lạng rất quan trọng, chúng ta phải quyết tâm đánh thắng trận này. Các chú có quyết tâm không?

Tiếng trả lòi ran ran:

- Thưa Bác có ạ!
- Bác chúc các chú thành công.

B uổi tối Bác và tôi đi gặp đồng chí Trần Canh.

Đồng chí Trần từ Vân Nam đi thẳng sang đây đã tới Tả Phày Tử, trong khi chờ gặp Bác đã tranh thủ thời gian làm việc với Đoàn cố vấn. Về danh nghĩa đồng chí Trần là khách mời của Bác.

Bác nói với tôi:

- Trong những năm chiến tranh ở Trung Quốc, đồng chí Trần Canh thường được cử tới những nơi nào có khó khăn. Đồng chí Trần là khách, nhưng mình cố gắng tranh thủ ý kiến và kinh nghiệm.

Trần Canh chưa tới năm mươi tuổi, vóc người đậm, nước da sáng, đeo kính trắng, thoạt nhìn có vẻ nghiêm nghị.

Sau khi giới thiệu chúng tôi với nhau, Bác nói từ nay để giữ bí mật mọi người sẽ gọi đồng chí Trần là đồng chí Đông.

Trần Canh hỏi tôi:

- Nghe nói Võ Tổng biết cả chữ Hán?
- Tôi chỉ nhớ chút ít vì học từ ngày còn nhỏ.
- Võ Tổng có biết vì sao Hồ Chủ tịch đặt tên cho tôi là Đông không?

Tôi mỉm cười đáp chưa hiểu.

Trần Canh nói:

- Hồi còn là học viên trường Hoàng Phố, tôi rất nghịch ngợm. Chữ Trần có bộ "nhĩ" đứng bên, bỏ bộ "nhĩ" thành chữ Đông. Sang Việt Nam, tôi bị Hồ Chủ tịch "cắt tai".

Bác và tôi cùng phì cười.

- Trước khi sang Việt Nam, nhìn bản đồ thấy nơi nào cũng có quân Pháp, tưởng không còn đường mà đi. Nhưng một tháng đi qua hàng trăm ki-lô-mét vẫn thấy đất trời thênh thang. Có nơi chợ họp, người mua bán tấp nập, không khí đại hậu phương, hôi "cách địch bao xa?". Đồng chí dẫn đường nói: "10 ki-lô-mét?". Chỗ này cách thị xã Cao Bằng bao xa?
- 25 ki-lô-mét.
- Hồ Chủ tịch cũng ở đây, có mạo hiểm không?
- Lần này thì không. Vì phía sau chúng tôi là đại hậu phương.

Trần Canh cười rồi nói:

- Đồng chí La Quý Ba mới về nước. Chúng tôi đã biết rõ khó khăn trước mắt về lương thực của Việt Nam. Chắc từ nay đến cuối năm sẽ có thêm lương thực gửi sang.

Tôi mở bản đồ trình bày về tình hình địch, những lực lượng của ta tham gia chiến dịch, rồi nói về phương án tác chiến, những lý do mở đầu chiến dịch bằng đánh Đông Khê.

Trần Canh nhìn trên bản đồ, hỏi về binh lực, địa hình, công sự phòng ngự của địch tại Cao Bằng, Đông Khê, Thất Khê, rồi nói:

- Tôi thấy Hồ Chủ tịch và Bộ chỉ huy chiến dịch đã có quyết định đúng. Bình lực Việt Nam trong chiến dịch không nhiều, chọn Đông Khê làm điểm đột phá là đúng. Đánh Đông Khê để kéo viện binh dịch lên là chiến thuật "đánh điểm diệt viện" Giải phóng quân Trung Quốc thường dùng trong chiến tranh chống quân Tưởng. Việt Nam nên vận dụng nhiều chiến thuật này. Đánh Đông Khê, sẽ có điều kiện tiêu diệt sinh lực dịch. Vì muốn giải phóng đất đai thì trước hết phải tiêu diệt được nhiều sinh lực dịch. Võ Tống định dùng bao nhiêu binh lực trong trận Đông Khê?

- Địch phòng ngự một tiểu đoàn. Lực lượng tiến công của ta sẽ là chín tiểu đoàn. Lần đầu chúng tôi sử dụng ưu thế binh lực cao như vậy trong một trận công kiên.
- Cũng chưa phải là nhiều. Hãy chờ xem sau khi Đông Khê bị tiêu diệt, dịch sẽ phản ứng như thế nào. Tôi tin là với sự có mặt của Hồ Chủ tịch, chiến dịch sẽ thành công.

Đêm hôm đó, hướng phối hợp Tây Bắc bắt đầu nổ súng. Trung đoàn 165 đánh đồn Bắc Hà, Lào Cai.

Ngày 12 tháng 9, Bác gặp đồng chí Hoàng Cẩm, Tiểu đoàn trưởng của Trung đoàn 209. Bác nghe báo cáo về tình hình chuẩn bị chiến đấu của tiểu đoàn, rồi hỏi:

- Chú có tin trận này ta nhất định thắng không?

Đồng chí Hoàng Cẩm trả lời:

- Báo cáo Bác, tin ạ.

Ngày 13 tháng 9, Sở chỉ huy tiền phương của chiến dịch di chuyển về Nà Lạn, cách Đông Khê 10 ki-lô-mét theo đường chim bay.

Bộ chỉ huy chiến dịch quyết định duy trì đài quan sát ở Cao Bằng, để đồng chí Quốc Trung ở lại đây với nhiệm vụ báo cáo kịp thời khi dịch có triệu chứng rút quân.

hông hiểu vì đâu tin Bác đi chiến dịch đã lan truyền rất rộng. Có thể là do trên dọc đường Bác đã nhiều lần đi cùng bộ đội và dân công. Người rất thích chuyện trò với chiến sĩ và đồng bào, cả miền ngược và miền xuôi. Bác vẫn đóng vai một cán bộ lớn tuổi đi công tác tại mặt trận. Dù Bác đã chú ý cải trang, nhưng có người vẫn nhận ra Bác.

Người ta rì rầm với nhau những câu chuyện về Bác. Người nói: "Bác đi bộ từ Thái Nguyên lên Cao Bằng mất tám ngày". Người nói: "Bác thường đi chân đất, chỉ nơi nào nhiều đá mới xô dép". Người nói: "Bác đem theo cả chiếu và cũng đeo gạo như chúng ta"... Những câu chuyện khó xác định đúng, sai.

Có những chuyện ngộ nghĩnh.

Một chiến sĩ nhìn thấy Bác đi dọc đường cứ lẽo đẽo đi sau. Bác đi nhanh anh ta cũng theo nhanh. Bác đi chậm, anh ta cũng đi chậm. Bác e lộ bí mật, khi lội qua một con suối, Bác dừng lại giữa dòng và lấy xà phòng ra giặt chiếc khăn tay. Anh chiến sĩ đi tới sau lưng Bác, cũng dừng lại vốc nước rửa mặt. Bác quay lại nhìn. Anh chiến sĩ nói: "Bác cho cháu xin một tí xà phòng!". Bác nói: "Xà phòng của chú đâu mà lại xin

xà phòng của người ta!". Bác đưa anh chiến sĩ miếng xà phòng: "Chú cầm lấy đem đi mà dùng". Bấy giờ anh chiến sĩ mới chịu đi vượt lên trước.

Một người còn kể lại chính mình đã gặp Bác và được ngồi nói chuyện với Bác hẳn hoi. Buổi trưa, anh ta ghé vào một ngôi nhà bỏ không bên đường để nghĩ chân, thì thấy Bác và đoàn tùy tùng đã ngồi trong đó. Anh hỏi Bác: "Thưa Cụ, đã có lệnh Tổng phân công từ lâu, sao mãi tới bây giờ vẫn chưa bắt đầu?". Bác hỏi lại: "Chú đã có con chưa?". Anh chiến sĩ thưa là mình chưa có vợ. Bác nói: "Như vậy thì đúng là chú chưa biết rồi! Người phụ nữ khi mang thai cũng phải mất chín tháng mười ngày mới để. Ta muốn Tổng phân công cũng phải có chuẩn bị. Đâu phải cứ nói "Tổng" là làm được ngay!"...

Mọi chuyện về Bác Hồ đều được chăm chú lắng nghe. Người kể, người nghe đều cảm thấy hạnh phúc. Nhưng có điều ít được nói tới là những ngày đi chiến dịch cũng đem lại cho Bác một niềm vui rất lớn.

Đó là khi trời vừa rạng sáng, Bác đi ngang một bản nhỏ, thấy nhiều cô dân công ngồi dựa lưng vào nhau ngủ trên những thửa ruộng bậc thang. Bác hỏi một cô đang nhóm lửa thổi cơm sáng: "Các cô ngủ cả đêm ngoài trời ư?" Cô gái đáp: "Nhà dân chật chỉ đủ chỗ chứa lương thực cho khỏi ướt. Chúng cháu ngủ ngoài đồng càng vui!".

Đó là cảnh hàng vạn đồng bào, đủ các dân tộc, từ những bản làng heo hút trong rừng sâu, trên núi cao, từ vùng địch hậu trung du lên, người nối người với những bó đuốc tạo thành những con rồng lửa trong đêm sương giá, trườn qua những vùng núi đá tai mèo tái đạn, tái gạo cho bộ đội.

Từ những năm mười lăm triệu đồng bào còn chìm đắm trong kiếp nô lệ, Nguyễn Ái Quốc đã nhìn thấy sức mạnh văn hóa tiềm ẩn trong mỗi con người, và vững tin vào chân lý: "Có dân là có tất cả".

Thu Đông này, Người đang chứng kiến những thành quả sau năm năm kháng chiến, đang hòa và với cái văn mới, cái đức mới của dân tộc mà mình đã góp phần tạo thành.

Dọc đường đi chiến dịch, Bác đã làm một bài thơ tặng Thanh niên xung phong:

"Không có việc gì khó

Chỉ sợ lòng không bền

Đào núi và lấp biển

Quyết chí ắt làm nên".

Trong những ngày ở Mặt trận Đông Khê, cơ quan đã kiếm một ngôi nhà sàn sạch sẽ ở liền với Sở chỉ huy tại Nà Lạn, dành cho Bác. Nhưng Bác lại muốn ở và làm việc trong lán ven rừng. Anh em vệ bình dựng một chiếc lán nhỏ lặp cỏ tranh bên sườn núi có cây cao gần đó. Ở miền núi, trời đã trở lạnh. Khí hậu trong rừng ẩm thấp, chúng tôi lo cho sức khỏe của Bác. Nhưng thấy Bác làm việc đều, sáng dậy vẫn tập thể dục, tắm suối, chúng tôi tạm yên tâm.

Sau trận Đông Khê, những ngày chờ địch, Bác nói: Dân mình ghé thật! Chỉ năm năm sau tám chục năm mất nước mà đã như thế này! Người ta tính sau ba trăm năm bị đô hộ thì một dân tộc sẽ bị đồng hóa. Giao Chỉ bị đô hộ một ngàn năm! Hai ngón chân cái thay đổi, nhưng dân Việt vẫn tồn tại. Bèn trên thay đổi gì thì thay, dưới thôn, làng vẫn thế! Vẫn đến miếu thờ phụng Hai Bà Trưng, Bà Triệu... Lần này sẽ có một trận như Chi Lăng!...

Sự có mặt của Bác là một nhân tố quan trọng cho thành công của chiến dịch.

áng ngày 15 tháng 9 năm 1950, trực ban tác chiến chiến dịch truyền thư của Bác tới từng đơn vị tham chiến theo đường dây điện thoại:

Hỡi các chiến sĩ yêu quý!

Chiến dịch Cao - Bắc - Lạng rất quan trọng.

Chúng ta quyết đánh thắng trận này.

Để thắng trận này, các chiến sĩ ở mặt trận ấy phải kiên quyết, dũng cảm trăm phần trăm; các chiến sĩ các khu, các mặt trận khác phải ra sức thi đua

giết giặc lập công để hết sức tiêu diệt địch, kiểm chế địch, không cho chúng tiếp viện Mặt trận Cao - Bắc - Lạng...

Tôi đang chờ để khen thưởng các chú'.

Đêm hôm đó, các mũi tiến công của ta bí mật tiếp cận đồn địch.

Anh Hoàng Văn Thái, Chỉ huy trưởng Mặt trận, bất thần bị một cơn sốt rét. Sáng hôm sau đã nổ súng, tôi rất lo.

Sáng ngày 16, Bác và tôi dậy sớm đi lên đài quan sát mới bố trí trên một mồm núi liền với bản Nà Lạn. Ngọn núi này cách Đông Khê khoảng 10 ki-lô-mét theo đường chim bay. Từ đây có thể theo dõi tình hình chung của trận đánh qua ống nhòm.

Trên đài quan sát có đặt máy điện thoại và điện đài. Vệ binh đã dựng máy chiếc lều cô để tạm trú mưa.

Trời sáng. Sương mù tan dần. Qua ống nhòm đã nhìn thấy Đông Khê nằm trên đường số 4 với đồn to, những vị trí Phìa Khóa, Cặm Phầy, đồi Yên Ngựa và những dãy nhà dọc phố.

Đúng 6 giờ, pháo 75 của ta bắt đầu nổ nhấm vào đồn chính. Sau đó, tất cả các loại pháo của ta nổ giòn giã vào các mục tiêu. Cả Đông Khê chìm trong khói pháo. Thung lũng Đông Khê như sôi lên.

Giờ đầu, địch chưa kịp phản ứng trước đòn tiến công bất ngờ.

Ban chỉ huy Đông Khê báo cáo về, ở hướng bắc và đông - bắc, Trung đoàn 174 làm nhiệm vụ chủ công đã chiếm lĩnh đầu cầu. 9 giờ, Trung đoàn 174 chiếm đổi Yên Ngựa. 10 giờ 30 phút, chiếm tiếp Phìa Khóa. Địch chưa phản kích. Nhưng vẫn chưa có báo cáo của Trung đoàn 209 ở hướng đông - nam.

Máy bay địch xuất hiện. Từ đài quan sát nhìn rõ sáu chiếc Hellcat lồng lộn trên bầu trời, nổi nhau lao xuống bắn phá. Quân địch trong vị trí đã trấn tĩnh. Từ pháo đài ở đồn to, địch bắn dữ dội vào đội hình tiến công của Trung đoàn 174. Tôi bắt đầu lo. Vì hướng đông - nam chưa hoạt động nên quân địch có thể dồn toàn bộ sức mạnh đối phó với Trung đoàn 174. Trận đánh kéo dài giữa ban ngày. Địch có công sự vững chắc và được máy bay yểm hộ. Ta đang lâm vào thế bất lợi. Tôi đã nhắc anh Thái ra lệnh cho Trung đoàn 209 đánh mạnh ở hướng đông - nam, nhưng hướng này vẫn im ắng.

Buổi trưa, anh Thái báo cáo: Một bộ phận của Trung đoàn 209 hành quân lạc, nên trung đoàn không kịp bố trí trận địa tiến công. Đề nghị tạm ngưng trận đánh, chấn chỉnh đội hình ở phía đông - nam, chờ khi trời tối, cả hai mũi sẽ cùng phối hợp tiến công giải quyết vị trí địch.

Mặc dù chuẩn bị kỹ lưỡng, nhưng trận đánh ngay từ những giờ đầu đã có sự trục trặc. Tôi chấp nhận đề nghị.

Bác ngồi trên đài quan sát, nhìn những vị trí máy bay địch lao xuống bắn phá rồi đối chiếu với bản đồ. Người tỏ vẻ xúc động khi những tin vui từ mặt trận báo về. Khi trận đánh gặp trắc trở, Người bình thân để cán bộ chỉ huy giải quyết công việc. Nhưng lúc này không ai biết trong đầu Người đang nảy ra những tứ thơ.

Những trận công kiên kéo dài thường gây nhiều thương vong. Không khí sở chỉ huy có chiều căng thẳng. Một cán bộ muốn Bác yên lòng, nói với người đứng bên:

- Tôi nay, chỉ cần hai tiếng là giải quyết xong.

Bác quay lại nói nhẹ nhàng:

- Chú đừng chủ quan.

Cuộc chiến đấu diễn ra ác liệt suốt đêm ngày 16. Địch dồn sức đối phó với hướng tây bắc. 4 giờ sáng ngày 17, Trung đoàn 174 mới chiếm thêm Cặm Phầy. Ở phía nam, Trung đoàn 209 cũng chỉ chiếm được khu phía nam Đông Khê, gồm Phủ Thiện, Nhà cũ và Trường học thì vấp phải những hỏa điểm ngầm và hỏa lực súng cối bắn chặn phải dừng lại. Cả hai mũi đều không phát triển được nữa.

Đồng chí Trần Canh nói: "Không nên để trận đánh kéo dài". Bác nhấn mạnh: "Dù khó khăn thế nào, trận đầu cũng phải thắng".

Bộ chỉ huy chiến dịch chỉ thị cho Ban chỉ huy Đông Khê: "Lệnh cho hai trung đoàn chấn chỉnh lại bộ đội, rút kinh nghiệm để khắc phục những thiếu sót về chiến thuật, kỹ thuật, đặc biệt là về quan hệ hợp đồng chiến đấu giữa các mũi xung kích, giữa bộ binh với pháo binh. Cần dứt điểm trong đêm 17 tháng 9".

Trung đoàn trưởng 174 Đặng Văn Việt đề nghị Bộ cho chuyển hướng đột phá của Trung đoàn 209 qua phía đông pháo đài, bỏ hướng bắc vì dịch tập trung đối phó, và chỉ thị cho Trung đoàn 209 đánh một mũi từ phía nam lên, một mũi vào phía sau lưng pháo đài. Đề nghị của đơn vị chủ công được chấp thuận.

8 giờ 30 phút ngày 17 tháng 9, đồng chí Hoàng Văn Thái ra lệnh tổng công kích. Sau khi pháo binh chế áp các mục tiêu, một mũi tiến công của Trung đoàn 174 chiếm đầu cầu phía đông pháo đài, mũi ở phía bắc chiếm Nhà thương, thọc sâu đến lô cốt số 7 thì bắt liên lạc được với một tiểu đoàn của Trung đoàn 209, cùng phối hợp đánh vào sau lưng pháo đài. Bộ binh các hướng phối hợp nhịp nhàng cùng tiến công vào đồn lớn.

Đã xuất hiện nhiều gương chiến đấu cực kỳ dũng cảm. Phía Trung đoàn 174, Tiểu đội trưởng La Văn Cầu chỉ huy tổ bộc phá đánh lô cốt đầu cầu, anh em đều bị thương, Cầu vẫn hăng hái ôm bộc phá tiếp tục xông lên. Vượt đến giao thông hào thứ ba, Cầu trúng đạn ngất đi. Khi tỉnh dậy, nhận thấy một cánh tay đã gãy nát, nhưng nhiệm vụ chưa hoàn thành, Cầu bảo đồng đội chặt bỏ cánh tay mình cho khỏi vướng, rồi lại ôm bộc phá lao tới đánh tan lô cốt, mở đường cho toàn đơn vị xung phong. Phía Trung đoàn 209, Đại đội trưởng Trần Cừ dẫn xung kích vượt qua một lô cốt vừa bị tiêu diệt bằng bộc phá, thì một tên lính còn sống sót bất thần từ trong bắn ra. Khẩu liên thanh ào ạt nhả đạn chặn đứng đợt xung phong. Trần Cừ bị thương nặng, nhưng vẫn cố lết về phía lô cốt, bất ngờ nhoài lên ép thân mình vào lỗ châu mai, tạo ra khoảnh khắc ngừng tiếng súng cho xung kích ta ào ạt vượt qua, xông lên tiêu diệt đồn cao. Chị Đinh Thị Dậu, dân công hỏa tuyến, dầm mình trong lửa đạn, công thương binh từ trận địa về nơi an toàn. Chị đã đưa bảy thương binh

ra khỏi đồn địch. Chị Triệu Thị Soi, một cô gái Nùng vốn rất sợ máu, làm nhiệm vụ chuyển đạn ra trận địa pháo, khi trở về đã dùng thắt lưng lụa buộc thương binh nặng trên lưng, vượt những dốc núi đá cheo leo. Máu chiến sĩ ta đổ khiến chị xót xa, quên cả sợ.

4 giờ 30 phút ngày 18 tháng 9 năm 1950, bộ đội ta đánh vào Sở chỉ huy Đông Khê bắt viên đại úy đồn trưởng và các sĩ quan tham mưu. 10 giờ, trận đánh kết thúc.

Trận Đông Khê đã toàn thắng. Địch chết và bị bắt 300 tên. Một số chạy thoát về Thất Khê. Ta thu toàn bộ vũ khí.

Số thương vong của ta lớn hơn dự kiến. Trận đánh phải kéo dài tới 52 giờ.

Ban chỉ huy Mặt trận Đông Khê được giải tán để các đơn vị nhanh chóng chuyển sang chuẩn bị đánh viên.

Bác viết một bức thư gửi các chiến sĩ bị thương: "Chính phủ, đồng bào đều biết ơn các chú. Tôi gửi lời khen ngợi các chú và chúc các chú mau lành mạnh để trở lại hàng ngũ tiếp tục chiến đấu giết giặc".

Chương ba GIẢI PHÓNG BIÊN GIỚI

ai ngày sau khi Đông Khê giải phóng, địch tăng cường bằng đường không lên Cao Bằng một tiểu đoàn lê dương, và ném xuống Thất Khê một tiểu đoàn dù.

Chúng tôi cho rằng vì trận Đông Khê kéo dài, dịch biết ta tập trung bộ đội chủ lực trên chiến trường Đông Bắc, nếu muốn chiếm lại Đông Khê, không thể chỉ sử dụng quân dù như hồi tháng 5. Ta dự kiến dịch sẽ đưa bộ binh từ Thất Khê lên theo đường số 4 và đường Pò Mã - Bố Bạch, phối hợp với quân dù nhảy thẳng xuống Đông Khê và vùng phụ cận. Lực lượng đi theo đường bộ có thể từ hai đến ba tiểu đoàn. Lực lượng dù có thể là một tiểu đoàn.

Các đơn vị tham gia chiến dịch được chia làm hai bộ phận. Một bộ phận đánh quân dù gồm hai trung đoàn 174 và 209, ém quân ngay tại Đông Khê. Một bộ phận đánh bộ binh địch, gồm cả ba trung đoàn 36, 88, 102 của Đại đoàn 308 chưa tác chiến, hãy còn đầy sinh lực. Đại đoàn 308 cơ động trong khu tam giác Lũng Chà - Bình Xiển - Nà Pá, chuẩn bị tiêu diệt địch tại Nà Pá, Lũng Phẩy, Khâu Luông.

Bộ chỉ huy chiến dịch ra lệnh cho lực lượng vũ trang địa phương tạm ngưng mọi hoạt động phá đường, phục kích, quấy rối trong khu vực từ Lạng Sơn lên Thất Khê để cho địch lên.

Ta bô trí lực lượng trinh sát chung quanh Thất Khê và Cao Bằng. Bộ phận trinh sát kỹ thuật Ban 2 có nhiệm vụ bám sát các làn sóng vô tuyến điện của địch, kịp thời báo cáo với Bộ chỉ huy mọi dấu hiệu điều động lực lượng.

Những ngày chờ đợi căng thẳng. Một hôm có tin ba tiểu đoàn địch vừa ra khỏi Thất Khê đi về hướng Đông Khê. Tôi điện gấp cho anh Vương Thừa Vũ,

Đại đoàn trưởng Đại đoàn 308. Anh Vũ lập tức trao nhiệm vụ cho anh Cao Văn Khánh, Đại đoàn phó, đưa ba tiểu đoàn đi đón lõng quân địch. Sau đó mới biết là hoang báo.

Cả tuần chưa hề thấy động tĩnh của quân địch. Hậu cần thông báo nếu thời gian chờ đợi kéo dài, sẽ không đủ gạo và muối cho bộ đội. Anh Trần Minh Tước, Ủy viên Ban Cung cấp chiến dịch nói với Bộ chỉ huy: "Lương thực chưa phải cạn kiệt, đồng bào còn nhiều ngô, nhưng khó huy động vì nằm rải rác mỗi nhà một ít ở những nơi xa, đường rất khó đi". Một dấu hiệu đáng lo ngại là bộ đội nằm lâu chờ địch trong rừng ẩm thấp, nhiều muỗi vắt, sức khỏe giảm sút, nhiều người yếu mệt.

Đồng chí Trần Canh nói với tôi:

- Võ Tống thấy thế nào? Hay là thu quân thôi! Viện binh địch không lên. Quân địch ở Thất Khê đã tăng lên bốn tiểu đoàn. Bộ đội Việt Nam đánh công kiên quá kém. Không thể đánh Thất Khê. Cũng không thể đánh Cao Bằng. Muốn đánh Cao Bằng phải xây dựng một trận địa chiến hào như Giải phóng quân đánh Hoài Hải!

Tôi nói:

- Trận Đông Khê ta sử dụng nhiều binh lục, nhưng chọn hướng đột phá chưa đúng, các mũi phối hợp kém nên đánh kéo dài. Hồi tháng 5, chỉ một mình Trung đoàn 174 đã nhanh chóng diệt gọn Đông Khê, tổn thất rất ít. Tôi thấy nên kiên trì chờ viện, đồng thời, chuẩn bị tiêu diệt Thất Khê theo như kế hoạch.

Kết quả chiến dịch sẽ ra sao nếu dừng lại ở Đông Khê? Đại đoàn 308 với những trung đoàn mạnh nhất của Bộ còn chưa được sử dụng. Ta chưa phải đã hết hy vọng giải phóng Cao Bằng. Chúng không thể rút bằng máy bay vì lực lượng quá đông, ngoài ba tiểu đoàn còn gia đình binh lính ngụy và bọn tay sai ở thị xã mà chúng không thể bỏ lại. Nếu địch rút Cao Bằng thì cũng sẽ là thời cơ để ta tiêu diệt sinh lực địch.

Cuối cùng, Bác và đồng chí Trần Canh đồng ý trong khi chờ đợi quân viện, dùng một bộ phận nhỏ đánh những đơn vị nhỏ của địch, và chuẩn bị giải phóng Thất

Khê.

Ngày 25 tháng 9 năm 1950, Bộ chỉ huy chiến dịch ra Mệnh lệnh số 5, gấp rút chuẩn bị bộ đội, chuẩn bị chiến trường để khi có điều kiện thì tập trung tiêu diệt Thất Khê. Cùng với mệnh lệnh là quyết định thành lập Mặt trận Thất Khê do anh Vương Thừa Vũ làm Chỉ huy trưởng kiêm Chính ủy, các

anh Cao Văn Khánh, Lê Trọng Tấn làm Chỉ huy phó, anh Trần Độ là Phó Chính ủy. Thời gian hoạt động bắt đầu từ ngày 1 tháng 10 năm 1950.

Để chuẩn bị đánh Thất Khê, lực lượng tham gia chiến dịch được bố trí lại. Đại đoàn 308 ở Bản Máu, Bản Niêm, Pò Mã. Trung đoàn 209 ở Nà Gianh. Trung đoàn 174, lực lượng dự bị chiến dịch, chuyển xuống vùng Thiên Lãnh, phía nam Thất Khê, Trung đoàn 174 sẽ hoạt động mạnh đánh lạc hướng quân địch, và chuẩn bị chiến trường, sẵn sàng cùng các đơn vị khác tập trung tiêu diệt Thất Khê.

Trung đoàn 174 bắt đầu hành quân xuống phía nam. Cùng lúc, Đại đoàn 308 đưa một số cán bộ cấp trưởng đi nghiên cứu chiến trường Thất Khê, và cho hai phần ba quân số tới Thủy Khẩu lấy gạo chuẩn bị cho nhiệm vụ mới.

Một điều chúng tôi chưa lường trước là cán bộ, chiến sĩ sau nhiều ngày nằm im chờ đợi, nhận được lệnh mới hầu như quên nhiệm vụ tiếp tục chờ viện, mà chỉ còn nghĩ tới việc sắp đánh Thất Khê. Các đơn vị của Đại đoàn 308 đưa hai phần ba quân số đi lấy gạo, chỉ để lại những người yếu mệt làm nhiệm vụ trông coi vũ khí. Suốt trận địa đánh quân viện của đại đoàn bỗng chốc không có cả người trực chiến.

Giữa lúc đó cả Bình đoàn Lơ-pa-giơ luồn rừng êm ả vượt qua trận địa phục kích của Đại đoàn 308.

2

hững cuốn sách Việt Nam và Pháp viết về chiến tranh Đông Dương đã đề cập nhiều đến sự kiện mà người Pháp gọi là "thảm họa Cao Bằng". Ngày nay, đã có điều kiện nhìn rõ cả hai phía trong cuộc đỏ sức mở đầu một thời kỳ mới của chiến tranh.

Hội đồng Quốc phòng Pháp đã có quyết định rút Cao Bằng và Đông Khê trước đó hơn một năm. Nhưng những người chỉ huy quân viễn chỉnh ở Đông Dương không thi hành, vì thấy không có gì đe dọa Cao Bằng. "Nó có những công sự tốt nhất để chống cự cuộc tiến công của 15 tiểu đoàn dù được pháo binh yểm trợ", A-lét-xăng-đri đã nói như vậy. Họ đều đồng ý với nhau nếu giữ Cao Bằng sẽ ngăn chặn được người Trung Hoa tiếp xúc với Việt Minh, và kìm hãm việc chuyển giao vũ khí cho Việt Minh. Nhưng bắt đầu từ tháng 7 năm 1950, vấn đề này được xem xét lại. Các

đồn binh trên đường số 4 không còn khả năng bít kín những con đường sang Trung Hoa, cũng không thể ngăn vũ khí Trung Hoa lọt vào miền Bắc. Chúng chẳng kiểm soát mà cũng

chẳng bảo vệ biên thùy! Từ đầu năm 1950, cả Cao Bằng và Đông Khê đều phải tiếp tế bằng máy bay. Những tiền đồn quá cô lập nằm lọt giữa vùng Việt Minh trở nên tốn kém, vô ích và nguy hiểm.

Ngày 2 tháng 9 năm 1950, Cao ủy Pi-nhông và Tổng chỉ huy Các-păng-chi-ê đi tới quyết định bỏ Cao Bằng, Đông Khê, và bù lại bằng việc chiếm Thái Nguyên.

Ngày 16 tháng 9 năm 1950, Các-păng-chi-ê ra mật lệnh rút các tiền đồn Cao Bằng, Đông Khê và đánh chiếm vĩnh viễn Thái Nguyên, hình thành một tuyến mới để bảo vệ đồng bằng Bắc Bộ chạy từ Kép qua Bố Hạ, Thái Nguyên tới Trung Giã. Thời gian thực hiện là đầu tháng 10 năm 1950. Trước đó, sẽ tăng cường cho Cao Bằng một tiểu đoàn. Lộ trình được chọn cho cuộc rút lui là đường số 4. Con đường này tuy khó đi và dễ bị phục kích nhưng là đường ngắn nhất.

Cũng chính ngày hôm đó bộ đội ta tiến công Đông Khê.

Đại tá Công-xtăng, chỉ huy Khu Biên thùy Đông Bắc, yêu cầu lập tức đưa một tiểu đoàn dù tới giải tỏa cho Đông Khê. Người chỉ huy quân dù coi đó là một công việc quá nguy hiểm sẽ dẫn tới sự hy sinh vô ích, vì tại Đông Khê chỉ có một khu vực nhảy dù duy nhất đã được sử dụng vào cuối tháng 5 năm 1950, yếu tố bất ngờ không còn. Tướng Mác-xăng, quyền chỉ huy Bắc Bộ (thay A-lét-xăng-đri về Pháp nghỉ phép) đành cho đưa một tiểu đoàn dù tới Thất Khê.

Ngày 18 tháng 9, giữa lúc Tổng chỉ huy Các-păng-chi-ê đang có mặt ở Lạng Sơn thì nhận được tin Đông Khê thất thủ. Các-păng-chi-ê càng quyết tâm rút Cao Bằng đồng thời đánh chiếm Thái Nguyên, như mệnh lệnh ông ta đã ký ngày 16 tháng 9.

Các-păng-chi-ê nói rõ chủ trương của mình với Công-xtăng, và đưa ra những chỉ thị tại chỗ. Chiêm Thái Nguyên và rút Cao Bằng sẽ được thực hiện cách nhau ba ngày. Trước khi rút, phải tăng cường cho Cao Bằng một tiểu đoàn Ta-bo, Công-xtăng sẽ đưa bình đoàn Lô-pa-giơ từ Thất Khê lên đón cánh quân của Sác-tông từ Cao Bằng rút về. Cánh quân Cao Bằng không được mang theo đồ lê cồng kềnh, đi thật nhanh để gặp cánh quân của Lô-pa-giơ, tốt nhất là sau chặng hành quân đêm đầu tiên. Công-xtăng sẽ quy định những thể thức và ấn định thời gian tùy theo điều kiện thời tiết tại địa phương. Các-păng-chi-ê căn dặn phải tuyệt đối giữ bí mật về dự kiến, để tạo nên những hành động nhanh chóng và bất ngờ.

Sau đó, Các-păng-chi-ê lên ngay Cao Bằng báo cho Sác-tông biết sẽ được tăng cường tiểu đoàn 3 Ta-bo bằng đường không, và cho sơ tán thường dân trong chuyến máy bay quay về. Tổng chỉ huy không hề đã động tới việc

rút khỏi thị xã. Các-păng-chi-ê đã quy định với Mác-xăng và Công-xtăng, việc rút khỏi Cao Bằng chỉ được thông báo cho những người thực hiện vào phút chót.

Ngày 20 tháng 9 năm 1950, ở Hà Nội, Các-păng-chi-ê thông báo quyết định của mình với A-lét-xăng-đri vừa từ Pháp quay về, nắm lại quyền chỉ huy Bắc Bộ từ tay Mác-xăng. A-lét-xăng-đri phản ứng dữ dội. Các-păng-chi-ê khẳng định là những biện pháp chủ yếu đều được nghiên cứu tỉ mỉ, và mệnh lệnh đã phát đi.

Ngày hôm sau, Các-păng-chi-ê trở về Sài Gòn. Với cương vị Tổng chỉ huy, ông ta thấy mình làm như vậy là quá nhiều, và không còn gì phải lo lắng. Thực ra, Các-păng-chi-ê đã tính toán một cách rất đơn giản. Ông ta coi việc rút lui khỏi Cao Bằng chỉ là một cuộc hành binh bình thường. Trên chiến trường Bắc Bộ, chưa hề có một binh đoàn tác chiến nào của quân Pháp bị Việt Minh tiến công. Hai binh đoàn với những tiểu đoàn thiện chiến nhất trong quân đội viễn chinh, được sự yểm trợ của không quân, sẽ khiến cho bộ đội Việt Minh phải lẫn tránh như mọi khi. "Và nếu ông ta có nhấn mạnh đến tầm quan trọng của sự giữ bí mật, đến tính bất ngờ và nhanh chóng nhằm bảo đảm thắng lợi của cuộc hành binh, thì không phải do linh cảm khả năng một thâm họa mà chỉ nhằm tránh những trận đánh và những thiệt hại không cần thiết"1. Ngày 29 tháng 9, A-lét-xăng-đri mở cuộc tiến công lên Thái Nguyên. Hầu như toàn bộ quân ứng chiến còn lại ở Bắc Bộ, gồm sáu tiểu đoàn bộ binh, được tung vào chiến dịch mang tên "Hải cẩu" (Phoque). Quân Pháp đi theo đường số 3 từ Phủ Lỗ lên, và từ Vĩnh Yên lên qua Đèo Nhe. Một hải đoàn xung kích cũng tiến lên theo sông Cầu. Một tiểu đoàn dù nhảy xuống phía bắc sông Cầu thiết lập một đầu cầu. Ngày 1 tháng 10, quân Pháp chiếm thị xã Thái Nguyên không người. Ngày 30 tháng 9, Lơ-pa-giơ được lệnh của Công-xtăng đưa binh đoàn từ Thất Khê tiến lên Đông Khê, và phải có mặt ở Đông Khê vào sáng ngày 2 tháng 10 để có thể nhận tiếp nhiệm vụ mới.

Binh đoa n cua Lo-pa-giơ duoc to chirc ngày 19 thang 9 nam 1950, luc dau gom ba tieu doan Bac Phi (1 er Tabor, 11e Tabor, 1/8RTM) tai Lang Son, di That Khe duoc bo sung them tieu doan 1 du (1 er BEP) da co mat tai do ngày 20 thang 9, thanh b6n tieu doan. Binh doan mang ten Bay-a - nguoi "Hiep si khong biet so va khong co dieu gi dang che trach" hoi dau the ky thir XVI. Lo-pa-giơ linh cam thay nhung moi nguy hiem dang ch6 minh phia tru6c, de nghj hoan cuoc hanh binh 24 gi6 dqi thai ti6t tot hon, co su yem trq cua khong quan. Nhung Lang Son chi tra loi ngan gon "Thi hanh dung me nh lenh".

13 giò, Lơ-pa-giơ cho binh đoàn hành quân về hướng Đông Khê, với tiểu đoàn dù làm nhiệm vụ mở đường. Địch tiến quân rất thận trọng, và đi suốt đêm. Sau 28 giò hành quân, binh đoàn mới vượt được chặng đường 28 ki-lô-mét từ Thất Khê đến Đông Khê. Dọc đường, chúng không gặp sự kháng cự vì cả trận địa dài 10 ki-lô-mét của Đại đoàn 308 đã bị bỏ trống.

Tối ngày 1 tháng 10, anh Lê Trọng Tấn khẩn cấp báo cáo với Bộ chỉ huy chiến dịch, rất đông quân địch đã xuất hiện trước Đông Khê. Địch gồm lính dù và lính Bắc Phi (Tabor). Trung đoàn 209 đã nổ súng đánh địch.

Tôi hỏi:

- Chúng từ đâu tới?
- Từ phía Thất Khê lên. Chắc là chúng muốn chiếm lại Đông Khê.
- Trung đoàn 209 bằng mọi giá không được để địch chiếm lại Đông Khê. Đây là quân viên mà ta chờ đợi. Ngăn địch lại, chờ Đại đoàn 308 đến hợp vây để tiêu diệt.

Cả Sở chỉ huy vui mừng. Sự xuất hiện quân địch đã làm tiêu tan những căng thẳng suốt thời gian qua. Nhưng không hiểu vì sao địch ở Thất Khê lên, lại an toàn lọt qua trận địa của Đại đoàn 308?

Tôi gọi điện thoại ngay cho anh Vương Thừa Vũ.

- Đồng chí có biết quân viên của địch vừa đi qua trận địa của Đại đoàn 308 không?
- Báo cáo anh... một số cán bộ cấp trưởng đi chuẩn bị chiến trường. Hai phần ba bộ đội đi lấy gạo. Anh em ở nhà sơ suất, mất cảnh giác nên không phát hiện quân địch qua ban đêm. Bộ Tư lệnh Đại đoàn xin nhận khuyết điểm.
- Các đồng chí dồn mỗi tiểu đoàn thành một đại đội, chỉ định người chỉ huy, cho anh em tiến về phía Đông Khê đánh địch ngay. Đồng thời cử người chạy đi các nơi gọi cán bộ và bộ đội đi lấy gạo quay về. Có bao nhiêu lực lượng, đánh bấy nhiêu. Không cho địch quay trở lại Thất Khê. Chú ý những điểm cao xung quanh Đông Khê, đặc biệt là Cốc Xá và Khâu Luông. Nếu không vào được Đông Khê, có thể địch sẽ trú quân tại đây. Không được bỏ lỡ thời cơ tiêu diệt quân viên!
- Xin chấp hành mệnh lệnh. Nội nhật ngày mai, đại đoàn sẽ nổ súng.

Bộ chỉ huy chiến dịch nhận định: Địch đánh lên Thái Nguyên nhằm kéo chủ lực ta về để giải tỏa cho Đông Bắc. Tình hình Thái Nguyên không đáng lo ngại. Các cơ quan và nhân dân đã đề phòng từ lâu. Đồng bào Việt Bắc có nhiều kinh nghiệm đối phó với những cuộc tiến công loại này. Trung đoàn 246 cùng với lực lượng vũ trang của tỉnh sẽ ngăn chặn nếu địch tổ chức

càn quét rộng ra chung quanh thị xã. Việc địch đưa quân lên Đông Khê có thể nhằm mục đích: - Địch muốn giành lại Đông Khê. - Hoặc lên đón quân từ Cao Bằng rút về. Dù ý định của địch như thế nào, chúng điều quân lên Đông Khê là hoàn toàn có lợi cho ta. Thời cơ tiêu diệt sinh lực địch đã xuất hiện. Ta cần hình thành nhanh chóng thế bao vây và tiêu diệt toàn bộ quân địch.

Bác nói: "Cơ hội rất tốt đã xuất hiện, không được bỏ lỡ".

Ò ô chï huy chiïn dïch ra lïn:h: "Täp trung lïc liïng tiïu diït toàn bô quan dïch tiïn lïn Dông Khï, trïng diïm tiïu diït tï Dông Khï tói Keo Ái. Trung doàn 209 kiïn quyït không cho dïch chiïm lai Dông Khï. Trung doàn 88 chän dïch ò Keo Ái không cho chúng rút vï. Trung doàn 36 có nhiïm vï chiïm däy diïm cao Khâu Luông không chï cï khu vïc, näm trên dïrng sö 4 ò phía nam Dông Khï. Trung doàn 102 là lïc liïng dï bi chiïn dïch".

Toàn mặt trận diễn ra một không khí sôi động và hào hùng. Các chiến sĩ rời những dãy lán lợp lá chuối đã khô héo trong rừng sâu, cầm vũ khí nổi nhau chạy trên những con đường mòn đổ ra đường số 4 đang bị những chiếc máy bay hoảng hốt nã súng ngăn chặn. Từ những kho, trạm quân lượng, bộ đội đi lấy gạo, người nhận được điện báo tin, người chỉ nghe súng nổ, đều lũ lượt chạy suốt đêm trở về vị trí, vội cầm lấy súng đạn rồi đuổi theo đơn vị đã xuất kích. Có những cán bộ, chiến sĩ bị thương vì máy bay địch, băng bó xong lại cầm súng đi tiếp.

Chiêu ngày 1 tháng 10, sau khi tiểu đoàn dù số 1 bị chặn đứng trước Đông Khê, Lọ-pa-giơ đã ra lệnh ngừng tiến công, đưa các đơn vị chiếm những điểm cao ở phía nam Đông Khê, đồn trú qua đêm đợi trời sáng. Những vị trí đóng quân của địch kéo dài trên 10 ki-lô-mét dọc đường số 4, từ Đông Khê xuôi về phía nam qua Khâu Luông, Nà Pá, Trọc Ngà tới Lũng Phầy.

Sáng ngày 2 tháng 10, Lọ-pa-giơ dùng hai tiểu đoàn tiến công Đông Khê. Tiểu đoàn 11 Ta-bo chiếm được những mỏm núi phía tây và cứ điểm bảo vệ sân bay Đông Khê, rồi bị Trung đoàn 209 chặn lại. Tiểu đoàn dù cũng bị chặn đứng trên dãy núi đá phía nam.

Lọ-pa-giơ cầm thấy việc chiếm lại Đông Khê không dễ dàng. Cùng lúc, máy bay trinh sát phát hiện những cánh quân của Việt Minh đang di chuyển trên con đường

mòn Bố Bạch về phía Nà Pá. Lọ-pa-giơ yêu cầu thả dù ngay trung đội pháo của binh đoàn còn để lại Na Sầm.

14 giờ 30, máy bay truyền xuống cho Lô-pa-giơ mệnh lệnh của Công-xtăng, chỉ huy Khu Biên thùy Đông Bắc: Lô-pa-giơ phải đưa lực lượng về phía Nậm Nàng, bắc Đông Khê 15 ki-lô-mét, đón bình đoàn Sác-tông, rồi cùng rút về. Khi hai bình đoàn gặp nhau, Lô-pa-giơ sẽ chỉ huy chung.

Lúc này Lô-pa-giơ mới biết rõ mục đích chủ yếu của cuộc hành binh Tê-re-dơ là đón quân đồn trú từ Cao Bằng về. Lô-pa-giơ ra lệnh ngừng tiến công Đông Khê. Y quyết định để lại phía nam Đông Khê một nửa binh đoàn, gồm tiểu đoàn dù 1 và tiểu đoàn 11 Ta-bo, tiếp tục duy trì sức ép thu hút quân đối phương vào nhiệm vụ bảo vệ Đông Khê. Lực lượng này sẽ chiếm các điểm cao quan trọng trên đường số 4, từ Đông Khê tới Lũng Phẩy, đảm bảo an toàn cho hai binh đoàn khi rút về. Trong lúc đó, Lô-pa-giơ trực tiếp dẫn hai tiểu đoàn vòng sang tây Đông Khê, đi lên phía bắc đón Sác-tông. Theo mệnh lệnh, cánh quân của Lô-pa-giơ phải có mặt trước, ở Quang Liệt, đúng trưa ngày 3 tháng 10 năm 1950.

Bộ phận tin kỹ thuật của ta theo dõi sát những cuộc liên lạc của địch qua vô tuyến điện. Trong tình hình gấp gáp, phần lớn những mệnh lệnh đều không dùng mật mã.

Buổi chiều, trung đội pháo binh của Lô-pa-giơ được thả dù xuống Nà Pá, nơi được Đen-crốt đặt sở chỉ huy. Những chiếc King Cobra cổ dài lồng lộn trút bom xuống con đường đèo đá cạnh Bản Xiển ngăn chặn bộ đội ta tiến ra đường số 4.

Chúng ta đã dự kiến nếu địch dùng viện binh để chiếm lại Đông Khê, sẽ diễn ra cuộc tranh chấp giành quyền kiểm soát những điểm cao ở phía nam nằm dọc đường số 4, chủ yếu là những núi Khâu Luông và Trọc Ngà. Khâu Luông (có nghĩa là Núi Lớn) cao nhất khu vực, gồm nhiều mỏm nối tiếp, chạy từ phía đông ra tới đường thì cao lên đột ngột. Địa hình núi rất phức tạp, chỗ cây cối rậm rạp, chỗ cô tranh cao lút đầu người. Riêng bốn mỏm cao nhất chụm vào nhau ngay bên đường số 4 khống chế cả một khu vực rộng lớn. Trọc Ngà ở lui về phía nam Khâu Luông, chân núi nhiều cây cối, đỉnh núi rất tròn, trọc lốc, chỉ có bốn cây thông, nhìn xa như chiếc đầu hói. Núi này tuy nhỏ hơn nhưng lại án ngữ con đường xuất kích của bộ đội ta tập trung ở phía đông đường số 4. Đầu chiến dịch, một số đơn vị của Đại đoàn 308 đã trú quân dưới chân núi Trọc Ngà và bố trí đánh quân dù trên đỉnh Khâu Luông nên đã làm quen với địa hình hai núi này.

16 giờ ngày 2 tháng 10 năm 1950, cuộc tiến công của Đại đoàn 308 bắt đầu. Số người đi lấy gạo vẫn chưa về kịp, các tiểu đoàn được tổ chức lại thành những đại

đội kiên quyết vượt qua đoạn đường đang bị máy bay địch ngăn chặn tiến ra đường số 4. Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 29 Hùng Sinh chỉ có trong tay một đại đội, quyết định cho các chiến sĩ ngụy trang thật kỹ,

bí mật tiếp cận quân địch ở Trọc Ngà. Quân địch cũng bí mật phòng ngự trên núi. Không gian hoàn toàn im ắng, chỉ nghe tiếng chim kêu. Những loạt lựu đạn, tiểu liên bất thần nổ. Trước sự xuất hiện đột ngột của chiến sĩ ta, quân địch đông gấp đôi hoảng loạn tháo chạy lên đỉnh núi. Bộ đội ta nhanh chóng đuổi theo. Chỉ sau 10 phút, một trung đội của Tiểu đoàn 29 đã có mặt trên đỉnh Trọc Ngà. Quân địch bị dồn xuống phía dưới. Vừa lúc đó phía bên kia núi cũng rộ lên tiếng lựu đạn và tiểu liên. Tiểu đoàn 18 đã kịp thời đánh lên phối hợp. Cả đại đội của trung đoàn bộ binh Ma-rốc số 8 bị loại khỏi vòng chiến đấu, viên quan ba chỉ huy chết, những tên sống sót tháo chạy về Khâu Luông. 17 giờ, trận đánh Trọc Ngà kết thúc.

18 giờ, Trung đoàn 36 bắt đầu tiến công Khâu Luông. Pháo binh ta bắn chế áp quân địch đóng trên hai môm núi cao nhất cho bộ đội xung phong. Lực lượng tiến công là hai tiểu đoàn 80 và 84, đã được rút gọn thành hai đại đội. Những đơn vị của Trung đoàn 36 từ trung du mới lên, lần đầu chiến đấu trên địa hình rừng núi, Tiểu đoàn 84 đi lạc đường nên chỉ có Tiểu đoàn 80 tiến đánh một trong hai môm núi. Tiểu đoàn 11 Ta-bo đóng tại đây lợi dụng thế cao đối phó quyết liệt. Từ chiều tới nữa đêm, Tiểu đoàn 80 tổ chức ba đợt xung phong đều bị quân địch đẩy lui.

Sáng ngày 3 tháng 10, Lô-pa-giơ ra lệnh cho viên quan tư Đen-crốt chỉ huy những lực lượng ở lại bảo vệ Nà Pá, Khâu Luông và điểm cao 615. Lô-pa-giơ đi trước với một tiểu đoàn của trung đoàn bộ binh Ma-rốc số 8 về phía tây đường số 4 để đón Sác-tông. Tiểu đoàn 1 Ta-bo phải dựa vào sự yểm trợ của máy bay khu trục rút ra khỏi sân bay Đông Khê, để đi theo Lô-pa-giơ. Chúng lập tức bị Trung đoàn 209 truy kích. Sau 10 giờ hành quân, Lô-pa-giơ chỉ đi được cách Nà Pá năm ki-lô-mét.

Sáu giờ sáng ngày 3 tháng 10, Tiểu đoàn 80 lại tiếp tục tiến công môm núi cao nhất ở Khâu Luông. Pháo ta bắn dồn dập dọn đường cho bộ đội xung phong. Sườn núi dốc ngược, cỏ tranh rất trơn. Các chiến sĩ phải bám vào cỏ kéo theo những khẩu đại liên, súng cối. Cuộc chiến lần này diễn ra bằng lựu đạn và lưỡi lê. Trận địa khét lẹt và sặc sụa mùi bom đạn, cỏ tranh cháy, ngổn ngang xác người và những hố bom đạn. Buổi trưa, Tiểu đoàn 80 đã bị tiêu hao và mệt mỏi, được lệnh rút lui. Tiểu đoàn 11 Ta-bo vẫn còn bám lại trên bốn môm núi nhưng đã mất dần sức chiến đấu.

Trước tình hình Binh đoàn Lô-pa-giơ đã chia làm hai bộ phận: Hai tiểu đoàn ở với sở chỉ huy Lô-pa-giơ, hai tiểu đoàn tách ra ở Nà Pá, Khâu Luông, Bộ chỉ huy chiến dịch nhận thấy cần chia cắt quân địch không để chúng yểm trợ cho nhau, và tiêu diệt. Trước hết phải diệt bộ phận ở Khâu Luông, Nà Pá.

Những cán bộ, chiến sĩ đi lấy gạo đã trở về. Đội hình các đơn vị của Đại đoàn 308 lại đầy đủ.

15 giò chiêu, bô dôi ta tiêp tuc tiên cong Khâu Luông. Sôn pháo, súng côi, các cô dan lien thanh cüa ta cüng nô dôn dap. Lân dâu, trên chiên truong Dong Dương quân dch tháy xuat hien một hôa lüc manh nhu vay. Tiêng kèn xung phong nôi len. Hai tiêu doàn 11 và 84 dông thôi danh len hai môm núi. Tiêu doàn dù 1 dä tü Dong Khe rut vê tang cuông cho tiêu doàn 11 Ta-bo ô Khâu Luông ra süc chong cü. Nhan luc trôi trong, máy bay dch nem bom và bán phá gân 3 giò lien dây lùi cuôc tiên cong cüa ta.

17 giò 30 phút, vừa tắt tiếng máy bay địch, pháo hỏa chuẩn bị của ta lại dồn dập trút lửa xuống tất cả trận địa địch. Trời tối, tiếng kèn xung phong nổi lên. Những đợt xung phong hết sức quyết liệt. Chớp lửa đạn giần giật trên các đỉnh đồi. Không còn phân biệt được âm thanh các loại đạn. Bọn lính lẻ dương la hét bằng mọi thứ tiếng. Lần này, Tiểu đoàn 84 chiếm mồm núi cao nhất, không chế được quân địch ở ba mồm còn lại.

Tiểu đoàn 1 dù và tiểu đoàn 11 Ta-bo bị thiệt hại nặng sau một ngày chiến đấu. Khâu Luông đứng trước nguy cơ bị tràn ngập. Đen-crốt đề nghị với Lơ-pa-giơ cho toàn bộ lực lượng rút chạy về Lũng Phầy trước khi quá muộn. Lơ-pa-giơ không dám quyết định, chuyển đề nghị này về Lạng Sơn, Công-xtăng buộc phải chấp thuận với điều kiện Bình đoàn Lơ-pa-giơ vẫn phải hoàn tất nhiệm vụ đón Bình đoàn Sác-tông rút về an toàn (!).

Nửa đêm, tiểu đoàn Ta-bo còn khoảng một đại đội, bắt đầu rời Khâu Luông. Tới Trọc Ngà, chúng bị những loạt đạn của các chiến sĩ quân báo ta từ trong rừng bắn ra. Tưởng rơi vào ổ phục kích, những tên lính Ta-bo nổ súng loạn xạ rồi chạy quay lại với tiểu đoàn 1 dù đi phía sau. Viên quan tư chỉ huy tiểu đoàn dù Xơ-crê-tanh quyết định đưa tất cả, cùng với những cáng thương binh, luồn rừng đi về điểm cao 765, nơi Lơ-pa-giơ đang trú quân. Mỗi giờ chúng chỉ đi được vài trăm mét. 1 giờ chiều chúng mới tới điểm cao 765, kiệt sức vì đói, khát và ba ngày chưa được ngủ.

Trước thất bại của các tiểu đoàn dù và Ta-bo trong ngày 8 tháng 10, Lơ-pa-giơ quyết định không đi tiếp lên phía bắc, mà chỉ đưa toàn bộ lực lượng do mình chỉ huy nhích dần về phía Cốc Xá, gần với điểm hội quân đã được quy định là dãy điểm cao 477, nơi có con đường chạy về Thất Khê.

14 giò, Lơ-pa-giơ ra lệnh hành quân. Đêm 4 tháng 10, binh đoàn đến vùng rừng núi Cốc Xá trong tình trạng rêu rã. Tiểu đoàn 1 dù bị rớt lại, phải hành quân thâu đêm, và chỉ tới Cốc Xá vào trưa hôm sau.

Qua tin tức thu thập được của địch, chúng ta đã biết Sác-tông sẽ rút khỏi Cao Bằng. Từ đầu chiến dịch, cơ quan tham mưu chiến dịch đã bố trí một tổ điện đài nằm gần thị xã theo dõi mọi động tĩnh của địch. Nhưng vẫn chưa

có tin tức từ Cao Bằng. Tôi rất sốt ruột. Trưa ngày 4 tháng 10 năm 1950, bỗng nhận được báo cáo của bộ đội địa phương Cao Bằng qua điện thoại: Sáng ngày 3 tháng 10, Sác-tông đã đưa quân rút về phía nam, đến ki-lô-mét 21, chúng bỏ đường số 4 đi theo đường rừng! Tính ra Sác-tông đã rời Cao Bằng được 36 giờ! Sau này, hỏi đồng chí cán bộ được trao nhiệm vụ ở lại phụ trách tổ điện đài, mới biết ta bị địch đánh lừa! Suốt các đêm 3 và 4, đèn điện ở thị xã vẫn sáng, điện đài của địch tiếp tục hoạt động bình thường. Bộ đội địa phương nhìn thấy quân địch rút trên đường số 4, không có điện đài, phải về trạm bưu điện báo tin nên chậm thời gian.

Bộ chỉ huy lập tức ra lệnh cho Trung đoàn 209 cấp tốc hành quân lên Quang Liệt làm chậm bước tiến cánh quân Sác-tông, và hạ lệnh cho Đại đoàn 308 tranh thủ thời gian tiêu diệt Binh đoàn Lớ-pa-giơ đã dồn cả vào Cốc Xá trước khi cánh quân Cao Bằng về tới nơi. Tiêu diệt Binh đoàn Lớ-pa-giơ xong, sẽ chuyển sang tiêu diệt Binh đoàn Sác-tông. Đại đoàn 308 được tăng cường thêm một tiểu đoàn của Trung đoàn 209.

Cũng lúc này, trình sát kỹ thuật của Bộ báo cáo tin tức thu được qua vô tuyến điện, Sác-tông và Lớ-pa-giơ hẹn gặp nhau ở "phía tây núi đá vôi" (Ouest calcaire) trên điểm cao 477.

Chúng tôi chụm đầu trên bản đồ. "Núi đá vôi" chắc là Cốc Xá rồi! Còn 477? Nó đây rồi! Rất gần với Cốc Xá, và đúng là ở phía tây.

Tôi gọi điện cho đồng chí Hồng Sơn, Trung đoàn trưởng Trung đoàn 36. Trung đoàn đã có mặt ở Khâu Luông, ngọn núi cao nhất khu vực này.

- Anh đang ở đâu đây?
- Thưa anh, tôi đang ở 765, trước Cốc Xá.
- Chỗ anh có nhìn thấy điểm cao 477 không?
- Đứng ở đây có thể nhìn thấy nhiều điểm cao chung quanh. Nhưng báo cáo anh, tôi không đem theo bản đồ.
- Nhìn trong bản đồ thì 477 nằm ở phía tây Cốc Xá, khoảng ba ki-lô-mét...
- Phía đó có một dãy núi đất, bên trên khá đông lính Pháp, chân núi có đường mòn đi về Thất Khê.

- Như vậy là đúng rồi. Anh quan sát kỹ địa hình rồi báo cáo với tôi ngay.

Lát sau, Hồng Sơn cho biết đó là một dãy núi đất trên đỉnh toàn cỏ tranh, nhìn xa giống như núi trọc, nhưng dưới chân núi có rất nhiều cây to và rậm.

Bộ chỉ huy chỉ thị tiếp cho Đại đoàn 308: Ngăn không cho Lớ-pa-giơ từ Cốc Xá sang 477 để hội quân với Sác-tông".

Bình đoàn Lớ-pa-giơ đã bị một đòn chí mạng ở Khâu Luông sẽ khó gượng dậy trong những ngày sắp tới.

inh đoàn Sác-tông rời thị xã Cao Bằng vào 5 giờ 30 phút sáng ngày 3 tháng 10 năm 1950.

Khác với Lô-pa-giơ chĩ được thông báo nhiệm vụ vào giờ phút cuối cùng, A-lét-xăng-đri tới Cao Bằng đã nói với Sác-tông mọi ý đồ của Các-păng-chi-ê vê cuộc hành binh Tê-re-dơ. Lục lượng Pháp ở Cao Bằng phải rút thật bất ngờ và nhanh chóng để tránh mọi rủi ro. Theo kế hoạch, chỉ sau một đêm hành quân, Sác-tông sẽ gặp Lô-pa-giơ cách Cao Bằng 35 ki-lô-mét, rồi cùng kéo về Thất Khê. Nhưng Sác-tông đã thực hiện cuộc rút quân theo ý của mình.

Sác-tông rất lo những trận phục kích trên dọc đường số 4 hiểm trở, từ lâu những đoàn quân xa Pháp không dám qua lại. Để phòng ngừa mọi bất trắc, Sác-tông đưa một tiểu đoàn đi trước chiếm những mỏm núi cao, sục sạo hai bên ven đường tạo một hành lang an toàn cho cả binh đoàn vượt qua từng chặng theo kiểu sâu đo. Với kiểu hành quân này, cả ngày đầu đoàn quân chỉ đi được 17 ki-lô-mét.

Sáng ngày 4 tháng 10, Sác-tông nhận điện của Công-xtăng ra lệnh bỏ ngay đường số 4, chuyển sang đường mòn Quang Liệt ở phía tây, và chiều ngày 4, phải có mặt ở Lũng Phẩy. Tại đây sẽ được quân Lô-pa-giơ trên các điểm cao 760, 765 bảo vệ. Sác-tông buộc phải bỏ lại pháo, đạn đại bác, và toàn bộ xe cộ trên đường số 4. Con đường mòn in hình rõ nét trên bản đồ, từ lâu không có người qua lại, nhiều quãng đã bị cây cối phủ kín. Bình lính phải phát cây mở đường, mỗi giờ chỉ đi được 300 mét. Mặc dù Công-xtăng luôn luôn thúc giục, nhưng ngày hôm đó, đoàn quân chỉ đi thêm được bảy ki-lô-mét.

Ngày 5 tháng 10, Sác-tông tìm mãi trên bản đồ không ra cái đèo dẫn tới thung lũng Quang Liệt. Đội hình ba tiểu đoàn và 500 người dân sự, trong đó có viên tỉnh trưởng Cao Bằng, đã kéo rất dài. Vừa tới Khâu Né, phía tây Đông Khê, thì chạm bộ đội ta. Một bộ phận của Trung đoàn 209 đã kịp có mặt để làm chậm bước tiến quân địch, lập tức nổ súng. Sác-tông phải bỏ đường mòn, đi vòng trên những đỉnh núi tới Tân Bể. Ở đây quân địch lại vấp phải trận địa của Đại đội Tô Văn, Trung đoàn 88. Một lần nữa, Sác-tông phải tìm đường vòng đi tiếp. Buổi chiều, Tiểu đoàn 3 Ta-bo

đi đầu, tới Nà Lạn. Bình đoàn chỉ đi được thêm sáu ki-lô-mét. Nhưng cái đuôi còn ở mãi Pò La.

Ngày 6 tháng 10, tiểu đoàn 3 Ta-bo bắt đầu đặt chân lên dãy núi 477, địa điểm hội quân. Đội hình của binh đoàn kéo dài năm ki-lô-mét. Tiểu đoàn ngụy binh đi sau không có liên lạc vô tuyến với sở chỉ huy, tự động đi về phía Tân Bể, bị Tiểu đoàn 18 đánh chặn, phải quay lại. Trong ngày hôm đó, Binh đoàn Sác-tông chỉ đi thêm được bốn ki-lô-mét.

Sau bốn ngày hành quân, Sác-tông mới vượt qua 34 ki-lô-mét, dù sao cũng đã tới điểm hẹn với binh lực hầu như nguyên vẹn. Nhưng Lơ-pa-giơ đâu? Sao y không có mặt ở đây đón mình? Sác-tông không biết cách đó hai ngày, ngay khi tới Cốc Xá, Lơ-pa-giơ đã ra lệnh cho tiểu đoàn 1 dù tới chiếm 477, nhưng không thể vượt qua một phân đội của Tiểu đoàn 18 chặn đường chúng bằng trung liên và lựu đạn, buộc phải quay lại Cốc Xá. Và cũng đã hai ngày nay, Binh đoàn Lơ-pa-giơ bị bao vây chặt tại dãy núi đá vôi này.

Năm giờ chiều ngày 6 tháng 10, lần đầu Sác-tông bắt được liên lạc vô tuyến điện với Lơ-pa-giơ, người chỉ huy chung hai binh đoàn khi đã hội quân. Sác-tông tưởng mình sắp thoát nạn. Nhưng người đang bị nguy khốn lúc này lại chính là Lơ-pa-giơ! Lơ-pa-giơ nói với Sác-tông: "Hãy chờ tôi ở 477 và 538!".

Chúng ta nhận định: Cả hai binh đoàn Lơ-pa-giơ và Sác-tông đã dồn lại trong khu vực Cốc Xá và 477, gồm năm tiểu đoàn. Lực lượng địch tuy còn đông nhưng tinh thần rất sa sút. Hai tiểu đoàn (1er BEP, 1er Tabor) của Lơ-pa-giơ ở Cốc Xá, đều bị thiệt hại nặng qua các trận giao chiến, chỉ còn lẩn tránh quân ta. Ba tiểu đoàn (3è Tabor, III/3è REI, tiểu đoàn ngụy) của Sác-tông ở 477 tuy chưa bị tổn thất, nhưng mệt mỏi nhiều sau những ngày luồn lách trong rừng sâu, chỉ còn nghĩ tới chuyện nhanh chóng rút lui. Chúng đều ở trong thế bị bao vây.

Bộ đội ta đã vận động đánh địch liên tục sáu ngày đêm, thiếu ngủ, cũng rất mệt mỏi, nhưng tinh thần phấn chấn vì đang ở thế thắng, nhiều đơn vị, chiến sĩ còn chưa có cơ hội gặp địch, khao khát lập công.

Thời tiết đang chuyển xấu, mưa và sương mù nhiều hạn chế hoạt động không quân địch, có lợi cho ta.

Sở chỉ huy cũng trải qua nhiều ngày căng thẳng vì phải bám sát tình hình mặt trận biến động từng giờ. Phái viên đi về không kể ngày đêm. Tuy không thể so với sự vất vả của những người đang trực tiếp đánh nhau với quân địch, nhưng ai nấy mắt đều sâu trũng vì thiếu ngủ, có những đồng chí giọng khản đặc vì hò hét nhiều qua máy điện thoại.

Có ý kiến nên cho bộ đội nghỉ một ngày lấy lại sức trước trận quyết định. Bác nói: "Sao lại nghỉ lúc này! Mình mệt một thì địch mệt mười. Chạy thi gần tới đích sao lại nghỉ?".

Bộ chỉ huy chiến dịch quyết định chuyển phần lớn lực lượng sang bao vây địch ở 477, để lại một bộ phận ở Cốc Xá nhanh chóng kết liễu số phận của Binh đoàn Lơ-pa-giơ.

Thế trận của bộ đội ta đã hình thành, trải dài từ Quang Liệt tới Thất Khê. Phía bắc, hai tiểu đoàn của Trung đoàn 209 từ Quang Liệt áp xuống.

Phía nam, Trung đoàn 174 đã tiến lên Cốc Tồn - Khâu Pia cắt đứt đường về của quân địch. Vòng vây của Đại đoàn 308 đang nhanh chóng siết chặt chung quanh Cốc Xá và 477.

Bác viết một lá thư ngắn cho bộ đội: "Hiện nay tình hình rất có lợi cho ta. Vậy các chiến sĩ phải quyết tâm tiêu diệt địch cho kỳ hết để giành lấy toàn thắng".

Tất cả lực lượng chiến dịch đã được huy động vào những trận đánh quyết định. Trong cuộc chạy đua giữa rừng rậm và núi đá tai mèo, nếu dịch có buổi sáng chỉ đi được 300 mét, thì bộ đội ta cũng có đêm chỉ đi được một ki-lô-mét. Chúng ta thường chỉ tới đích trước quân dịch một, hai giờ. Nhiều đơn vị vừa hành quân vừa tổ chức chiến đấu, vừa đi vừa ăn, vừa đi vừa ngủ, vừa hành quân vừa tìm đường, tìm dịch. Không chỉ có những chiến sĩ cầm súng tham gia cuộc chạy đua. Sau lưng họ còn có những đoàn rất dài anh nuôi, dân công đuổi theo tiếp tế cơm nước và đạn dược. Trong những đoàn này cũng có đôi ba người mang vũ khí để phòng gặp dịch, gặp những tàn quân rải rác trong rừng. Anh nuôi là những chiến sĩ dịch vận đã lập nhiều thành tích. Họ giơ cao những nắm cơm trong khi đi trên dọc đường rừng để dụ những tên dịch đói khát ra hàng. Những nắm cơm đã có tác dụng hơn những lời kêu gọi, giải thích.

Trước trận Cốc Xá và 477, tôi viết bản Nhật lệnh truyền tới bộ đội qua đường dây điện thoại:

"Đêm qua trời mưa, các đồng chí ướt, nhưng lửa của người chiến sĩ vệ quốc, của người chiến sĩ cách mạng luôn hun nấu tinh thần xung phong của các đồng chí.

Quân địch chắc đòi rét hơn ta, bị thương và chết rất nhiều, chúng lại chỉ có tinh thần một lũ bại binh xâm lược, cho nên ta phải cố lên nữa, tiêu diệt cho thật nhiều địch. Mưa, mù càng có lợi cho ta.

Phía nam, có bộ đội của ta sau khi tiêu diệt liên tiếp mấy đồn địch đã gấp rút tiến lên ngang Thất Khê để phối hợp tác chiến.

Các đồng chí tiến lên!".

Có Xá cách tây - nam Đông Khê sáu ki-lô-mét, là một khu vực địa hình rất hiểm trở, có thung lũng, lòng chảo với núi đá vôi dốc đứng bao quanh. Hai tiểu đoàn của Lơ-pa-giơ cùng với bộ phận tàn binh từ Khâu Luông chạy về, dựa vào một số hang làm nơi trú ẩn, và lợi dụng những hẻm núi, mỏm đá

bố trí một khu phòng thủ với hỏa lực nhiều tầng. Từ dãy núi đá đi xuống thung lũng Cốc Xá chỉ có một con đường duy nhất nằm giữa hẻm núi giống như hình lưỡi kiếm. Đầu con đường là điểm cao 765. Ngày 3 tháng 10, Lơ-pa-giơ đã đứng chân ở đây, nhưng khi chuyển vào khu vực núi đá, y đã quên để lại một lực lượng bảo vệ điểm cao này. Một phân đội của Đại đoàn 308 đã nhanh chóng chiếm ngay điểm cao bít kín con đường chạy xuống thung lũng.

Những đơn vị của Đại đoàn 308 và Trung đoàn 209 từ đường số 4 đổ về Cốc Xá. Với tinh thần sớm có mặt ở trận địa, nhiều chiến sĩ cứ nhắm hướng máy bay địch đang thả dù tiếp tế rồi phát bụi, chặt cây mở đường mà đi. Các trung đoàn trưởng thấy đơn vị nào, chiến sĩ nào tới là xếp vào đội hình chiến đấu ngay. Ba cánh quân đã nhanh chóng hình thành siết chặt vòng vây chung quanh Cốc Xá.

Theo kế hoạch dự kiến, Đại đoàn 308 sẽ dùng toàn bộ lực lượng ba trung đoàn tiến công tiêu diệt Cốc Xá. Nhưng bình đoàn Sác-tông đã về tới 477, phần lớn lực lượng được chuyển sang phía đó. Trước giờ tiến công, ở Cốc Xá chỉ còn lại ba tiểu đoàn. Trung đoàn trưởng Hồng Sơn được trao nhiệm vụ chỉ huy các đơn vị này ngăn chặn không cho quân địch chạy sang 477, và nhanh chóng tiêu diệt chúng tại chỗ.

Hồng Sơn quyết định sử dụng Tiểu đoàn 11 tiến công chính diện cắt đứt con đường độc đạo dẫn sang 477, Tiểu đoàn 154 của Trung đoàn 209 sẽ đánh xuống từ hướng bắc. Riêng Tiểu đoàn 89 của Trung đoàn 86, do Tiểu đoàn trưởng Sơn Mã chỉ huy, tiến công từ hướng đông - nam, sẽ dùng một đại đội leo qua những đỉnh núi đánh từ trên xuống đúng khu trung tâm của quân địch. Tối ngày 5, các tiểu đoàn chiếm lĩnh trận địa ban đêm, và sẽ nổ súng vào 5 giờ sáng ngày 6 tháng 10.

Cũng chính đêm đó, Lơ-pa-giơ quyết định bỏ tất cả thương binh lại Cốc Xá với hai bác sĩ, toàn bộ lực lượng mở một con đường máu tiến sang 477.

Suốt đêm ngày 5 tháng 10, tiểu đoàn 1 dù, bốn lần mở đường tiến ra đều bị Tiểu đoàn 11 ta đánh bật trở lại, thương vong rất nhiều.

Sáng ngày 6, lợi dụng sương mù còn dày đặc, tiểu đoàn dù lặng lẽ dẫn đầu cả bình đoàn đi trên con đường nhỏ hẹp gồ ghế tiến xuống thung lũng Cốc Xá. Bất thần phía trước từ trong sương mù, đạn trung liên và lựu đạn trút về phía chúng. Tất cả

đoàn quân bị đẩy lui về phía trong. Tiểu đoàn 11 của ta tiến vào nhưng không thể phát triển nhanh vì đường hẹp và quân địch nấp sau những mỏm đá bắn ra dữ dội.

Phía trong bỗng xuất hiện những chớp lửa cùng với những tiếng nổ. Đại đội 395 của Tiểu đoàn 89 đã từ trên đỉnh núi liên tiếp lao những trái

đạn cối 60mm và lụu đạn xuống giữa đội hình tiểu đoàn 1 Ta-bo đang tập trung đông đặc bên dưới. Quân địch trở nên cực kỳ rối loạn. Lính Ma-rốc bỏ hàng ngũ chạy ra nắm dây leo và bám những búi cây bên thành vách đá phía bắc tụt xuống thung lũng. Tiểu đoàn 154 của ta đang chờ chúng ở đây.

Lô-pa-giơ hạ lệnh cho tất cả chạy về phía trước, trên con đường độc đạo Tiểu đoàn 11 đang tiến vào. Hơn mười khẩu trung liên của Tiểu đoàn 11 nhà đạn liên hồi. Địch chết và bị thương rất nhiều, nhưng chúng vẫn không ngừng lao ra vì phía trong còn ghê rợn hơn. Lô-pa-giơ cũng trà trộn trong số quân cùng đường này.

Buổi trưa, những binh lính sống sót của Binh đoàn Lô-pa-giơ lần lượt đến 477 trong tình trạng thê thâm. Lô-pa-giơ điểm lại hàng ngũ. Chỉ còn 650 trên tổng số 2.500 người của binh đoàn. Riêng tiểu đoàn 1 dù còn chín sĩ quan và 121 binh lính.

Cũng từ 6 giờ sáng ngày 6 tháng 10, tất cả các vị trí của Sác-tông tại 477 đều bị tiến công.

477 là một dãy núi đất gồm năm mồm nằm cách Cốc Xá ba ki-lô-mét về phía tây và cách Thất Khê 20 ki-lô-mét về phía tây - bắc. Ở đây có con đường đi về Bản Ca xuôi xuống Thất Khê.

Lực lượng đánh 477 của ta có năm tiểu đoàn, các tiểu đoàn 23, 18, 29 của Đại đoàn 308 và 130, 166 của Trung đoàn 209. Sáng ngày 6 tháng 10, hai đại đội của ta đã nhanh chóng làm chủ ba môm đồi, trong đó có điểm cao 500 nằm trên con đường chạy về Thất Khê, hy vọng cuối cùng của cả Sác-tông và Lô-pa-giơ. Sác-tông đốc thúc binh lính với sự yểm trợ của sáu máy bay khu trục, cố giành lại những điểm cao đã mất, nhưng tới buổi trưa, chỉ chiếm được hai môm, riêng điểm cao 500 vẫn nằm trong tay Đại đội 261 của Tiểu đoàn 18. Sác-tông đang bối rối thì đám tàn quân của Lô-pa-giơ từ Cốc Xá kéo sang, mang tới cho binh lính ở đây nỗi khiếp đâm. Tiểu đoàn 1 dù lừng danh cùng với cả Binh đoàn Lô-pa-giơ đã coi như bị xóa sổ!

Sác-tông đề nghị Lạng Sơn cho nhảy dù ngay xuống Bản Ca một tiểu đoàn để mở đường về Thất Khê. Nhưng Công-xtăng chỉ nhắc đi nhắc lại lối thoát duy nhất lúc này là luồn rừng về phía tây, rồi lợi dụng đêm tối lao nhanh xuống phía nam, tới cho được Na Cao, nơi La-bôm đang chờ. Sáng hôm đó, Công-xtăng đã vét được bốn

đại đội trao cho viên quan tư La-bôm chỉ huy, với mệnh lệnh đi về phía tây Lũng Phầy tới điểm cao 515 và Na Cao bảo vệ sườn cho đoàn quân rút lui. Y biết ném một tiểu đoàn dù xuống Bản Ca lúc này chỉ là nướng quân vô ích!

Bốn giờ chiều, điểm cao 477 bỗng trở nên rối loạn. Bình lính tiểu đoàn 3 Ta-bo tưởng đối phương sắp tiến công, tự động bỏ vị trí chạy về đổi Yên Ngựa, nơi có tiểu đoàn 3 lê dương.

Sác-tông biết tình hình đã trở nên tuyệt vọng. Bây giờ chỉ còn cách tự cứu. Y thu thập khoảng vài trăm bình lính lặng lẽ rời 477, đi luồn rừng để tránh những vị trí của ta. Với lực lượng này, y hy vọng khi cần có thể mở một con đường máu chạy về Na Cao. Nhưng khi y quay lại nhìn thì phần lớn bình lính đã bỏ trốn. Sác-tông cùng với những sĩ quan tham mưu và một số bình lính còn lại phải đối chiếu bản đồ, theo đường rừng đi về phía nam. Nhưng tới đâu y cũng thấy có người. Phần lớn là những anh cấp dưỡng, những chị dân công. Một số người có đem theo súng. Sự lo ngại của y không thừa. Một cô dân công chợt nhìn thấy dấu giày. Cô gọi các anh cấp dưỡng, và bảo giơ cơm nắm lên gọi hàng. Nhưng hai anh cấp dưỡng đã hăng hái cầm súng lao lên rừng. Một loạt đạn từ trong rừng bắn ra. Hai anh cấp dưỡng lùi lại và gọi những người khác tới vừa dàn trận bao vây, vừa chạy đi gọi bộ đội.

Nghe tiếng súng nổ, một tiểu đội của Đại đội 263, Tiểu đoàn 18 của Trung đoàn 102 đang phối thuộc với Trung đoàn 88 ở Bản Ca vội vã lao tới, đánh thốc lên rừng. Phía trên có người nói tiếng Việt lơ lở: "Đừng bắn nữa! Chúng tôi xin hàng". Một viên sĩ quan đeo kính trắng nhô ra khỏi gốc cây, cũ cao hai tay trên đầu, nói:

- Trên đó có "ông Năm"!
- Lơ-pa-giơ phải không?
- Thưa ông, không. Ông Sác-tông.

Khi bộ đội ta chạy lên thì thấy vũ khí, đạn dược đã xếp đống. Sác-tông đứng giữa những viên sĩ quan, mặt vàng, đôi môi khô trắng. Y nói:

- Chúng tôi không muốn đổ máu vô ích. Tôi bị thương.

Trong số những người bị bắt có cả Hai Thu, viên tỉnh trưởng Cao Bằng.

Từ 13 giờ, Lơ-pa-giơ mất liên lạc vô tuyến điện với Sác-tông. Y tập hợp chỉ huy các tiểu đoàn tuyên bố chờ khi trời tối, từng người hãy tìm cách chạy về Thất Khê. Lơ-pa-giơ chọn một số tùy tùng cùng đi với mình. Y đã qua một đêm hãi hùng giữa rừng. Đi tới đâu cũng nghe tiếng súng nổ. Trong bóng tối lúc nào cũng như có người sắp lao tới chộp lấy cổ mình. Khi trời sáng, Lơ-pa-giơ nghĩ ra một lối thoát

thân khôn ngoan bằng cách đi trên những đỉnh núi. Từng nửa giờ, y lại liên lạc với Đò La-bôm. Lơ-pa-giơ đã lọt qua "cái đó" của ta ở Bản Ca. Sáng ngày 8, nhìn trên bản đồ, y chỉ còn cách La-bôm vài ki-lô-mét. Tiếng súng của quân La-bôm rất gần. Nhưng giữa

lúc đó thì tên ngụy binh mang điện đài biến mất. Y đoán nó đã nộp mình cho đối phương, và tai họa sẽ áp tới. Bỗng chung quanh có tiếng người lao xao. Những tên lính Ta-bo nhớn nhác nhìn nhau. Một viên sĩ quan liên lạc leo lên cây quan sát, rồi hốt hoảng tụt xuống nói: "Bị vây rồi, xung quanh rất đông!".

Lơ- pa-giơ ra lệnh:

- Đánh mở đường sang 515!

Nhưng tất cả sĩ quan và binh lính đi theo y không ai nhúc nhích. Y nghĩ "thế là hết".

Đại đội trưởng Trần Đăng Khiêm, chỉ huy Đại đội 41 của Trung đoàn 36, đang đứng bên một hàng binh Pháp, hướng dẫn cho y gọi các sĩ quan và binh lính Pháp còn lẩn trốn trong rừng ra hàng, thì chợt nhìn thấy một viên sĩ quan Pháp nhô ra khỏi rừng, khum tay làm loa, nói to:

- Chúng tôi muốn gặp ông chỉ huy!
- Hãy xuống đây. - Khiêm đáp.

Viên sĩ quan đi xuống. Y đeo lon đại úy. Y giơ tay chào, rồi đưa cho anh một quyển sổ:

- Thưa ông, đây là số nhân sự của Binh đoàn Bay-a, và đề nghị ông nhận sự đầu hàng của đại tá Lơ-pa-giơ.

Khiêm đi theo viên đại úy lên rừng cùng với mấy chiến sĩ.

Anh nói với Lơ-pa-giơ và các sĩ quan:

- Tôi chấp nhận sự đầu hàng của đại tá Lơ-pa-giơ. Tất cả bỏ vũ khí!

Lơ-pa-giơ đưa nộp khẩu súng ngắn và nói:

- Tôi và các người của tôi ở đây, từ giờ dưới quyền chỉ huy của ông. Ông đại úy ạ, tôi tin rằng ông sẽ được thăng chức thiếu tá.
- Ông Sác-tông và cơ quan chỉ huy đã tới đây từ chiều hôm qua.

Lơ-pa-giơ quay lại nhìn các sĩ quan Pháp, thở dài rồi nói:

- Sác-tông lại gặp chúng ta ở nơi mà chúng ta không muốn tới!

Sáng ngày 8 tháng 10, cả hai binh đoàn Lơ-pa-giơ và Sác-tông đã hoàn toàn bị xóa sổ. Trong ngày, các đơn vị trên toàn mặt trận nhận được thư Bác.

Bác viết:

"Các chú không quản nhọc mệt, đói rét, chỉ ra sức thi đua giết địch, các chú đã đánh tan đoàn quân tinh nhuệ của địch.

... Bác và Tổng Tư lệnh đã ra lệnh khao các chú một bữa thịt bò. Bác hôn tất cả các chú".

au khi Lo-pa-giơ và Sác-tông bị bắt, Bộ chỉ huy chiến dịch quyết định chỉ để lại một bộ phận nhỏ thu dọn chiến trường, truy quét tàn binh dịch, đại bộ phận nhanh chóng chuyển xuống bao vây Thất Khê và tiêu diệt một số đồn ở ngoại vi, triệt đường rút của quân dịch về phía nam. Nhiệm vụ bao vây và tiến công Thất Khê được trao cho Đại đoàn 308 và hai trung đoàn 174, 209.

Ngày 7 tháng 10, Các-păng-chi-ê đư ợc Công-xtăng báo cáo Thất Khê đang bị đe dọa, cần tăng viện ngay một tiểu đoàn dù.

Ngày 8 tháng 10, Các-păng-chi-ê ném tiểu đoàn 3 dù (3è BCCP) xuống Thất Khê. Tiểu đoàn này vừa chân ướt chân ráo từ chiến trường Lào về Hà Nội, quân số chỉ còn 280 người, phải bổ sung thêm một đại đội lê dương dù mới từ An-giê-ri sang.

Ngày 9 tháng 10, Tiểu đoàn 79 của Trung đoàn 102 tiêu diệt đồn Bản Ne, phía bắc Thất Khê năm ki-lô-mét.

Buổi tối, cầu Bản Trại trên đường số 4, phía nam Thất Khê sáu ki-lô-mét bị đánh sập.

Quân của La-bôm rút về cùng với tiểu đoàn dù vừa tăng viện, đưa quân số địch tại Thất Khê lên 1.500 người. Nhưng một số binh lính sống sót qua các trận Cốc Xá, 477 chạy về đã làm cho tình hình thị trấn trở nên hỗn loạn. Các-păng-chi-ê cho rằng những vị trí trên đường số 4 không thể đứng vững trước những cuộc tiến công của đối phương, cần tránh cho Thất Khê một thảm họa giống như Cao Bằng, ra lệnh cho Đò La-bôm rút ngay khỏi Thất Khê. Công-xtăng đưa một tiểu đoàn dù lê dương từ Lạng Sơn lên Na Sầm đón đoàn quân từ Thất Khê rút về.

Ngày 9 tháng 10, Bác và tôi xuống thăm Trung đoàn 88, đơn vị đã bắt được Lô-pa-giơ ở Lũng Phầy. Tình hình mặt trận vẫn còn đang khẩn trương, Bác chỉ gặp một số cán bộ và ban chỉ huy trung đoàn. Ban đêm, đơn vị bố trí cho Bác và tôi một chỗ nghỉ ấm cúng trong một hốc đá. Hôm sau, được báo cáo quân Pháp đã rút khỏi

Thất Khê. Tôi gọi điện thoại về Sở chỉ huy ra lệnh gấp rút cho các đơn vị truy kích địch. Bác quay trở về Sở chỉ huy, tôi đi cùng bộ đội vào Thất Khê.

Kho tàng của địch còn nguyên vẹn, chứng tỏ chúng sợ ta phát hiện nên không dám phá hủy trước khi rút. Dân chúng cho biết quân Pháp bắt đầu rút từ sáng, nhưng những tên lính cuối cùng mới rồi khôi đây.

Tôi vào sổ chỉ huy của Đò La-bôm. Tài liệu mật vứt bừa bãi khắp nơi. Một cán bộ mở chiếc tủ trong phòng ăn, thấy một chiếc đùi gà rán không hiểu vì sao vẫn còn nóng.

Vừa ra khỏi sở chỉ huy của địch thì nghe nhiều tiếng nổ. Một cán bộ chạy tới báo cáo kho đạn bị cháy, khuyên tôi nên rời khỏi đây ngay. Tôi nhắc anh em làm tốt việc quân quân, canh gác các kho tàng, tìm hiểu vì sao lại có vụ nổ, rồi trở về Sở chỉ huy chiến dịch.

Các tiểu đoàn 322, 11, 79 của Đại đoàn 308, Tiểu đoàn 130 của Trung đoàn 209 và toàn Trung đoàn 174 đã được lệnh truy kích địch về phía Na Sầm. Khi đó chúng ta chưa biết trong ngày quân địch đã dừng lại nhiều giờ cách Thất Khê sáu ki-lô-mét, trước cầu Bản Trại mới bị phá, để lỡ một cơ hội tiêu diệt sinh lực địch.

Hàng nghìn binh lính của La-bôm và dân chúng đã dồn lại ở bờ bắc sông Kỳ Cùng. Công binh Pháp chỉ có sáu chiếc xuống nên tổ chức vượt sông rất chậm. Những đơn vị lẻ dương dẫn đầu, cùng quân đồn trú sau khi qua sông chỉ còn nghĩ làm sao đi cho nhanh về phía nam. Tiểu đoàn dù 3 mới tăng viện bị bỏ quên bên bờ bắc.

Những lính dù phải xoay xỏa tự tìm cách qua sông. Chúng bị rớt lại phía sau khá xa. 9 giờ tối, tới Đèo Khách. Bình sĩ trong đồn đã chạy theo La-bôm. Tiểu đoàn bộ đội địa phương 428 làm chủ cứ điếm. Bị bộ đội ta chặn đánh, viên quan ba chỉ huy ra lệnh cho binh lính chạy vào rừng. Chúng lang thang suốt đêm trong rừng tre rậm rạp dưới trời mưa như trút. Chúng đi tiếp cả ngày hôm sau, mỗi lúc một bị các đơn vị lẻ dương đi trước bỏ xa. Khi tới đồn Lũng Vài thì các chiến sĩ Trung đoàn 174 đã chờ ở đó. Cả tiểu đoàn, một lần nữa lại lao vào rừng. Nhưng lần này chúng không thoát vì đây là chiến trường quen thuộc của Trung đoàn 174. Chỉ có hai sĩ quan và ba tên lính tiểu đoàn dù 3 chạy về tới Đồng Đăng.

Ngày 13 tháng 10, quân địch rút khỏi Na Sầm.

Ngày 17 tháng 10, địch bỏ Đồng Đăng.

Bốn giờ sáng ngày 18 tháng 10, địch bắt đầu rút quân khỏi Lạng Sơn. Điều này nằm ngoài dự kiến của chúng ta. Trước đó, Bộ chỉ huy quân Pháp chưa bao giờ tính đến chuyện bỏ Lạng Sơn. Lạng Sơn là một bộ phận quan trọng trong hình chữ nhật lệch

của kế hoạch Rơ-ve, tuyến phòng ngự cơ bản để bảo vệ đồng bằng Bắc Bộ. Bình lực địch ở đây gồm sáu tiểu đoàn cùng với những đơn vị thiết giáp, pháo binh. Lạng Sơn có địa hình hiểm trở không kém Cao Bằng, được bảo vệ rất cẩn mật, và dễ tăng viện từ đồng bằng lên khi bị tiến công.

Bộ chỉ huy chiến dịch ra lệnh cho các tiểu đoàn độc lập 426, 428 và 888 truy kích dịch trên dọc đường Đồng Đăng - Lạng Sơn - Lộc Bình, Trung đoàn 98 tiếp cận ngay đường số 4 trên đoạn Lạng Sơn - Tiên Yên. Nhưng Trung đoàn 98 không tới kịp vì tình hình chuyển biến quá nhanh.

Cũng trong ngày 18, địch rút khỏi Lạng Giai.

Thâm họa Cao Bằng tiếp đến tiểu đoàn 3 dù vừa được tăng cường cho Thất Khê bị tiêu diệt đã khiến cho Công-xtăng mất hết tinh thần. Là người trực tiếp điều khiển cuộc hành binh Tê-re-dơ, Công-xtăng đã nghe những tiếng kêu cứu tuyệt vọng của Lơ-pa-giơ và Sác-tông. Y biết rõ những cuộc điều binh cực kỳ mau lẹ của ta, và khả năng giáng những đòn sấm sét của "quân đoàn tác chiến Việt Minh" mới được tổ chức. Y cho rằng 18 tiểu đoàn chủ lực của đối phương trên đà thừa thắng, đang đe dọa Lạng Sơn. Công-xtăng đã đề nghị với Các-păng-chi-ê phải cho toàn bộ lực lượng ở Khu Biên thùy Đông Bắc rút lui khi còn có thời gian. Bức điện báo cáo của Công-xtăng đã khiến Các-păng-chi-ê nhận xét: "Những tin tức mà chúng ta nhận được đêm thứ bảy và sáng chủ nhật thật kinh hoàng... Đã có sự đột khởi của quân phản nghịch ở vùng Lạng Giai, trên quốc lộ 1. Đường số 4 và đường số 1 đã bị phong tỏa, người chúng ta ở Lạng Sơn đã bị nhốt cùng với tất cả pháo binh và những đại đội vận tải, có nguy cơ sa vào bẫy chuột...". Chiều ngày 16 tháng 10, Các-păng-chi-ê cùng bàn bạc với Pi-nhông và đi tới quyết định cho Công-xtăng rút khỏi Lạng Sơn từ sáng ngày 17.

Trước đà đổ vỡ của toàn bộ Khu Biên thùy và tình hình hoảng loạn của uân địch, tôi định ra lệnh cho bộ đội tiếp tục truy kích tới Tiên Yên. Nhưng tổng chí Trần Canh góp ý kiến là không nên. Vĩnh Yên ở xa, chiến dịch đã thành công lớn, ta cần giữ một chiến thắng trọn vẹn. Trần Canh đã chỉ huy nhiều trận đánh lớn nên có kinh nghiệm về vấn đề này.

Ngày 20 tháng 10, địch rút khỏi Lộc Bình và Đình Lập. Đình Lập là vị trí bảo vệ cho vùng bờ biển Tiên Yên.

Ngày 23 tháng 10, địch rút khỏi An Châu.

Có tin thị xã Móng Cái nằm ở mút đường số 4 bên bờ biển cũng chuẩn bị di tân.

Chỉ trong mười ngày, từ ngày 13 đến ngày 23 tháng 10 năm 1950, địch đã rút khỏi phòng tuyến dài 100 ki-lô-mét trên đường số 4 từ Đồng Đăng, Lạng Sơn, Đình Lập, An Châu tới sát Tiên Yên. Số chỉ huy Khu Biên thùy Đông Bắc đã chuyển về vùng bờ biển Tiên Yên.

Một vùng rộng lớn ở Đông Bắc không còn quân giặc. Bên kia biên giới là cả một hậu phương vô cùng rộng lớn, chạy dài từ Á sang Âu. Lúa chín vàng trên cánh đồng Thất Khê. Bộ đội giúp dân gặt lúa, cắt dây thép gai, gỡ mìn do địch để lại. Bản làng yên vui, nhộn nhịp tiếng chày giã gạo, những cô gái Tày gánh lúa từ đồng về bước chân thoăn thoắt.

Tôi từ Thất Khê trở về Nà Lạn. Bác ngỏ ý muốn gặp cán bộ, chiến sĩ Đại đoàn 308. Đại đoàn đã chuyển về gần Thất Khê chuẩn bị làm nhiệm vụ trao trả tù binh bị thương. Dọc đường, gương mặt Người lộ về vui trước không khí một vùng vừa giải phóng kẻ địch không còn hy vọng quay trở lại.

Trời tối, tới đơn vị. Đại đoàn 308 vừa được tặng thưởng Huân chương Quân công hạng Nhì. Anh Vương Thừa Vũ chuẩn bị đón Chủ tịch nước theo đúng nghi thức. Các chiến sĩ quân phục tế chỉnh xếp thành ba khối trên bãi cỏ rộng, đứng chờ Bác từ phía đường cái đi vào. Bác bảo người dẫn đường đi vòng ra sau, rồi từ trong núi đi ra. Những người đứng phía trong nhìn thấy Bác trước, bất thần cất tiếng hoan hô. Những người đứng phía ngoài nhớn nhác quay lại, khi nhìn thấy Bác cũng hoan hô vang dậy. Các chiến sĩ vẫy mũ, tung mũ, đặt mũ trên đầu súng giơ cao quay tròn để mong Bác nhìn thấy. Bác đi tới đâu tiếng hò reo như sấm tới đó. Những chiến sĩ đứng sau cố nhảy lên để được nhìn rõ Bác. Nghi thức đón tiếp bị phá vỡ. Đồng chí Đại đoàn trưởng đành đi tới chào Bác, và mời Bác tới chỗ đã được bố trí để Bác đứng nói chuyện. Bác mỉm cười lắc đầu, đi thẳng xuống giữa bãi cỏ. Tôi ra hiệu cho bộ đội đứng thành vòng tròn chung quanh. Tiếng cười, tiếng hò reo từng đợt, từng đợt lại nổi lên. Bác ra hiệu mọi người ngồi xuống, rồi bắt đầu nói chuyện.

Bác thay mặt Đảng và Chính phủ khen ngợi đại đoàn đã chấp hành mệnh lệnh tốt, vượt nhiều khó khăn, chiến đấu dũng cảm, chiến đấu tốt.

Bác đi đi lại lại giữa vòng người, hỏi chiến sĩ này "Vì sao ta thắng to?", hỏi chiến sĩ khác "Có chấp hành các chính sách không?", "Có giữ vệ sinh không?"... Mỗi câu trả lời của chiến sĩ là một tràng cười rộ lên.

Bác trao cho Đại đoàn trưởng một gói quà nhỏ có những ngôi sao đỏ để tặng cho cán bộ, chiến sĩ xuất sắc.

Trung đoàn trưởng Thái Dũng, thay mặt cán bộ, chiến sĩ hứa hẹn tiếp tục chiến đấu lập công. Bác bước lại ôm hôn Thái Dũng trong tiếng hò reo đầy hân hoan. Ai cũng thấy cái hôn đó Bác dành cho tất cả mọi người.

Bác quay nhìn một vòng các cán bộ, chiến sĩ rồi nói:

- Bây giờ Bác bận, không thể ở lâu với các chú được. Bác chúc các chú khỏe và cố gắng. Cố gắng luôn luôn để khi Bác bảo đi là từ, Bác bảo đánh là đánh thắng!

Bộ đội tiễn Bác bằng những tiếng vỗ tay. Bác đi một quãng lại dừng, quay lại vẫy tay. Khi Bác đi khuất, cán bộ, chiến sĩ còn đứng ngẩn ngơ hồi lâu nhìn theo.

húng ta mất thêm ít ngày để truy quét số tàn binh còn lẩn trốn trong rừng. Không có sự cố gì xảy ra. Khi gặp bộ đội hoặc dân công, những binh lính Âu - Phi cao lớn, vẫn còn vũ khí trong tay, đều ngoan ngoãn đầu hàng. Trung đội trưởng Nguyễn Quốc Trị dẫn một toán tù binh về trại, khi điểm lại bỗng nhận thấy số người đã tăng lên gấp rưỡi! Hóa ra trên dọc đường rừng, một số binh lính còn ẩn náu đã "bí mật" tham gia hàng ngũ tù binh. Những chiến sĩ đi bắt tàn quân đã bắt chước sáng kiến của anh nuôi, cắm một nắm cơm lên đầu cây gậy tre giơ cao thay những lời kêu gọi bằng tiếng Pháp mà họ không biết. Cử chỉ binh vận thiện chí và hòa bình này tỏ ra có nhiều sức thuyết phục.

Dọc đường rút chạy, địch không hề phá phách. Không còn thấy sự hung dữ và thái độ nghênh ngang của chúng trước đây trong những trận càn. Đời Trần, nhân dân ta đã có lần gọi quân Mông - Nguyên trên đường rút chạy là "giặc Phật".

Trung đoàn phó Vũ Lăng gặp viên quan tư Xô-crê-tanh, chỉ huy tiểu đoàn 1 dù lê dương, đang nằm trên cáng thương, hỏi:

- Anh có biết chúng tôi là ai không?

Viên quan tư nhìn anh rồi lắc đầu.

- Mùa Xuân năm 1949, chúng ta đã gặp nhau ở Hạ Bằng.

Xô-crê-tanh kêu lên một tiếng kinh ngạc, rồi giơ hai tay lên trời, nhắm mắt lại, nói:

- Thưa ông, tôi nhớ ra rồi! Vâng, tôi nhớ ra rồi!

Mùa Xuân một năm trước đó, tiểu đoàn dù này đã gây cho Tiểu đoàn 54 của Vũ Lăng không ít khó khăn ở Hạ Bằng.

Số tù binh rất đông, lại có nhiều người bị thương, là một gánh nặng quá lớn đối với ngành hậu cần. Bác đã chỉ thị phải cứu chữa thương bệnh binh, và không được để tù binh thiếu ăn. Trong khi đó, lương thực và thuốc men cho bộ đội ta không hề dư

dật. Chúng ta đồng ý trao trả cho phía Pháp tất cả những tù binh bị thương tại Thất Khê.

Chiến sĩ công binh của ta và một số hàng binh phải làm công việc gỡ mìn trên sân bay Thất Khê cho máy bay Pháp hạ cánh. Đầu sân bay, nổi bật lên một chiếc lều căng bằng dù trắng với lá cờ đỏ sao vàng và lá cờ hồng thập tự bay phấp phới. Tám trăm thương binh địch nằm trong những chiếc lều bạt gần sân bay. Chúng ta đã điều trị bước đầu cho những người thương binh

này, với mong muốn họ không quay trở lại cầm súng, và sẽ trở thành những người đấu tranh cho hòa bình ở Việt Nam.

Anh Cao Văn Khánh, Đại đoàn phó Đại đoàn 308, được phân công làm nhiệm vụ trao trả thương binh cho Hồng thập tụ Pháp.

Trước ngày trao trả, ta tổ chức một tối lửa trại. Hầu hết thương binh địch đều có mặt. Có những thương binh nặng nằm trong lều khi nghe tiếng hát, tiếng đàn, tiếng vỗ tay và tiếng cười vui từ ngoài vọng vào, đã đề nghị các chị hộ lý khiêng cáng ra để được cùng dự cuộc vui. Quanh ngọn lửa hồng bốc cao, các chiến sĩ, bác sĩ, hộ lý, dân công hát những bài ca cách mạng với niềm tha thiết, tự hào. Thương binh hát những bài ca của quê hương mình bằng tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng một số nước châu Phi. Bất thần những tiếng "Vive Ho Chi Minh!... Vive Ho Chi Minh!" (Hồ Chí Minh muôn năm!) nổi lên. Tất cả đều hô theo. Rồi một thương binh ôm cánh tay cụt đứng dậy, nghẹn ngào nói: "Tôi là người Đức bị Pháp bắt rồi vào lính lê dương. Năm năm rồi, tôi sống rất khổ mà không thèm khóc. Bây giờ tôi khóc vì tôi rất sung sướng. Tôi sẽ không quên buổi hôm nay... mãi mãi, nhớ đến nó tôi sẽ lại khóc. Cảm ơn Chủ tịch Hồ Chí Minh". Những tiếng "Vive Ho Chi Minh!" lại rộ lên hưởng ứng câu nói của anh thương binh Đức.

Người tới Thất Khê đón thương binh là đại tá quân y Huy-a. Ông mặc thường phục, thái độ rất khiêm nhường. Huy-a gặp lại ở đây những người sinh viên cũ ở trường Đại học Y khoa Hà Nội mà ông đã từng là giảng viên. Họ đã trở thành những y bác sĩ trong Quân đội Việt Nam. Mấy năm sau đó, ông sẽ còn gặp lại họ ở Điện Biên Phủ trong một hoàn cảnh tương tự.

Một thương binh đã được khiêng ra đường băng xin được ở lại đi chuyến sau, và đề nghị gặp ông chính trị viên đeo kính trắng. Đó là đồng chí Nguyễn Duy Liêm, Phó ban Địch vận của Đại đoàn 308. Anh đã từng tranh luận với người thương binh này về vấn đề "dân chủ tư sản và dân chủ vô sản". Khi anh tới, người thương binh nói: "Tôi biết mình chỉ còn sống mấy ngày nữa thôi ông ạ. Suốt đời, tôi sống cô đơn, chung quanh tôi chỉ là sự lừa gạt, tôi căm ghét tất cả, kể cả đàn bà đẹp. Vì thế mà tôi

đi lính lê dương để bắn giết, để trả thù đời! Đêm hôm qua, tôi không ngủ. Tôi kêu khát năm lần. Cả năm lần cô y tá đều mang nước cho tôi, vẻ mặt dịu hiền. Tôi hỏi: "Vì sao cô không căm ghét tôi?". Cô trả lời: "Nếu gặp anh ở mặt trận, tôi sẽ bắn anh như bắn một con chó dại. Nhưng ở đây anh là kẻ bại trận, anh đã bị thương, chúng tôi đối xử với anh như với những con người". Tôi chỉ còn sống ít ngày nữa, nhưng chính thời gian ngắn ngủi đó lại là quãng đời tốt đẹp nhất của

tôi. Quân đội ông sẽ thắng quân đội Pháp. Ông hãy tự hào. Xin ông nhận lấy lời chúc tụng đầy kính trọng của một kẻ bại trận, bại trận mà sung sướng! Vĩnh biệt ông!"

Tôi thấy cần tranh thủ thời gian đi xem những vị trí địch trên đường số 4. Chúng ta sẽ còn gặp nhiều công trình phòng ngự kiểu này trong những trận đánh sắp tới. Tôi nghĩ nếu có thời gian sẽ cho các đơn vị diễn tập đánh công kiên ngay tại đây. Trong cuộc chiến tranh này, dù muốn hay không, cũng khó tránh những công trình phòng ngự ngày càng mạnh của địch.

Tại Đông Khê, tôi nhận thấy một công trình phòng ngự bằng cụm cứ điểm gây cho bộ đội những khó khăn lớn hơn rất nhiều so với đánh một cứ điểm riêng lê cũng có quân số tương tự. Trận đánh Đông Khê kéo dài và thương vong nhiều là do ta đã chọn hướng đột phá chủ yếu đúng vào chỗ mạnh nhất của địch. Tôi rẽ sang phía tây thăm Cốc Xá, thấy rõ những gian lao của bộ đội ta trong cuộc chiến đấu trên vùng núi đá tai mèo, và sự dại dột của Lơ-pa-giơ đã dấn thân vào một "tử địa".

Những vị trí khác trên dọc đường cho thấy cách phòng ngự theo tuyến như thế này bộc lộ nhiều nhược điểm mà ta có thể khai thác trên cơ sở chiến tranh nhân dân phát triển.

Vị trí địch ở Đồng Đăng gây nhiều ấn tượng với tôi nhất. Công sự ở đây kiên cố hơn Đông Khê và Thất Khê nhiều. Hệ thống hỏa lực rất chặt chẽ. Tôi tự hỏi: Vì sao một vị trí như thế này mà địch lại bỏ? Nếu chúng cố thủ ở đây thì bộ đội ta sẽ gặp không ít khó khăn.

Thị xã Lạng Sơn cũng như thành phố Hải Phòng là những nơi bị quân Pháp chiếm đóng đầu tiên trên miền Bắc. Thị xã với những ngôi nhà cũ kiểu Pháp, trên đường phố có hai hàng cây phượng vĩ, vẫn như khi chưa có chiến tranh nếu địch không biến nó thành một đồn binh. Chợ Kỳ Lừa vẫn có người họp. Thị xã đầy ắp bộ đội. Dân chúng hổ hởi. Xe ô-tô vận tải của ta bật đèn pha ra vào thâu đêm, chuyển vận chiến lợi phẩm ra ngoài để phòng địch oanh tạc.

Địch vội vã bỏ chạy khỏi Lạng Sơn để lại nhiều kho tàng nguyên vẹn. Lần đầu ta tiếp quân một thị xã mới giải phóng nên khá lúng túng, nhiều thứ bị thất thoát.

Theo tài liệu của Pháp thì Công-xtăng đã để lại Lạng Sơn: "1.500 tấn trang bị, 2.000 tấn quân nhu, 4.000 khẩu tiểu liên, 10.000 viên đạn pháo, 150 tấn thuốc nổ, ước tính đủ trang bị cho tám trung đoàn đối phương".

Tôi nhắc hậu cần đặc biệt chú ý thu thập và bảo quản đạn pháo, chúng ta hiện rất thiếu, và bạn cũng không có nhiều để viện trợ cho ta. Số đạn pháo

lấy được ở Lạng Sơn đã rất có ích cho ta sau này. Tôi cũng nói với ủy ban tiếp quản duy trì những công sự phòng thủ đề phòng dịch trở lại Lạng Sơn.

Tham Lang Sơn xong, toi quay lai Cao Bang de kip chuan bi hoi nghj tong ket. Doc duong cur tu hoi: Vi sao quan Phap voi va rut lui? Chien thang cua ta rat lon nhung phai chang la do mot loat sai lam cua quan dich. Chung chu quan, qua coi thuong lye luong ta, khi that bai thi chung qua hoang hot. Ngay dau chien dich, mot tieu doan quan dich 0 Dong Khe da cam cu tren 50 giu voi lyc luong cua ta dong hon chung chin lan. Nhung cuoi chien dich chi co nam tieu doan hon hop cua ta, lyc luong da sut me qua mui ngay giao chien, da bao vay tieu diet nam tieu doan cua dich 0 477, trong do bon tieu doan cua Sac-tong lyc luong con nguyen ven! Tran 477 không phai la truong hop ca biet. 0 Co'c Xa, ba tieu doan hon hop cua ta da tieu diet hai tieu doan cua Lo-pa-gio phong ngv tai mot dia hinh nui da hiem tr6. Tren dinh Troe Nga chi mot trung doi cua Trung doan 88 da danh bai mot dai doi Ma-ro'c phong ngv, duoc trang bi ca dai lien va sung coi... Va neu dich không rut Dong Dang, Lang Son...? Chac chan chung ta lai phai co mot Chien dich Le Hong Phong III de day quan dich ra khai duong so 4. Su phan ung day chuyen tur mot chien thang nhu vira qua mang lai cho ta bai hoc gi trong chien tranh?

Trên chặng đường cuối cùng từ Đông Khê về Cao Bằng, lần đầu từ ngày đi chiến dịch, tôi bỗng cảm thấy mệt, đầu óc nặng trĩu. Nhẩm tính đã mười một đêm không ngủ, nhiều đêm ngồi trên lưng ngựa. Những ngày chiến dịch khẩn trương kéo dài suốt ba tháng đã qua. Niềm vui chiến thắng đã nhường chỗ cho một câu hỏi lớn: Sau chiến dịch này sẽ tiếp tục đánh địch ở đâu? Chợt nghe từ một bản nhỏ bên đường vắng ra những tiếng đàn. Tôi ngỡ ngàng cứ như lần đầu nghe thấy những âm thanh này. Những âm thanh thật kỳ lạ. Những mệt mỏi tiêu tan, đầu óc trở nên trong suốt. Nó giống như một lần leo sườn dốc đứng ngột ngạt từ Khuôn Chu lên tới đỉnh Tam Đảo, bỗng được tắm mình trong hơi sương mát lạnh và luồng gió lành đầy sinh khí nơi non cao. Cũng từ đó tôi yêu âm nhạc. Hình như Pi-ta-go một nhà hiền triết Hy Lạp ở thế kỷ V trước Công nguyên, đã nói âm nhạc có khả năng thanh lọc tâm hồn con người, thậm chí tác động tốt tới cả những bệnh tật trong cơ thể con người! Phải chăng tôi đã có cơ hội nhận biết điều đó.

Tôi dừng ngựa, bàn với anh em vào bàn tìm một nhà dân xin nghỉ lại đêm nay, sáng mai dậy sớm đi tiếp. Chúng tôi thu xếp xong chỗ nghỉ thì tiếng đàn đã ngưng. Tôi nói với một cán bộ văn phòng đi tìm người vừa đánh đàn, và mời xem có thể mang đàn tới đây chơi một vài bài. Lát sau, một chiến sĩ trẻ ôm cây ghi-ta bước vào. Tình hình chung thời gian này không có gì khẩn trương, tôi bảo văn phòng tạm ngừng liên lạc điện đài với các nơi trong một giờ, cùng nhau ngồi nghe âm nhạc.

Trước khi về Lam Sơn, Cao Bằng, nơi sẽ họp hội nghị tổng kết, tôi rẽ sang Thủy Khẩu. Đồng chí Lý Thiên Hữu, Phó Tư lệnh Quân khu Quảng Tây và Đoàn cố vấn Trung Quốc cũng đang có mặt tại đây.

Suốt thời gian chiến dịch, các đồng chí lãnh đạo và nhân dân tỉnh Quảng Tây đã giúp đỡ chúng ta tận tình. Đồng chí Lý Thiên Hữu đã xuống tận Thủy Khẩu giáp biên giới Việt Nam nhiều ngày, đôn đốc việc vận chuyển gạo.

Cuộc gặp đồng chí Lý và Đoàn cố vấn sau chiến thắng được đánh dấu bằng một bữa rượu khiến tôi nhớ mãi. Tôi không uống được rượu, nhưng hôm đó đã uống một chén đầy và biết như thế nào là say rượu.

8

ác đơn vị tham gia chiến dịch đã tập trung về Cao Bằng để tiến hành tổng kết bước đầu. Đây là chiến dịch lịch sử lớn đầu tiên của quân đội ta, nên công việc tổng kết được đặc biệt coi trọng. Tổng Quân ủy chỉ đạo tiến hành từ cơ sở trở lên. Các cơ quan tham mưu, chính trị, cung cấp ngoài việc tổng kết công tác cơ quan mình, còn phải cử cán bộ xuống cơ sở theo dõi, chuẩn bị cho một hội nghị tổng kết lớn hơn của Bộ Tổng Tư lệnh sẽ được mở tại Thái Nguyên. Bác gửi thư nhắc nhở cán bộ, chiến sĩ "triệt để lợi dụng vũ khí tốt nhất là phê bình và tự phê bình một cách dân chủ", "phát triển thêm ưu điểm, sửa chữa khuyết điểm" để "thắng to hơn nữa".

Đoàn cố vấn Trung Quốc đã có mặt ở Cao Bằng. Lần này, đồng chí Vi Quốc Thanh ở lại Sở chỉ huy cùng với tôi.

Tại hội nghị, đồng chí Trần Canh đã phát biểu, nêu lên những nguyên nhân thành công của chiến dịch. Đồng chí đánh giá rất cao chiến thắng Biên Giới, rút ra những bài học quan trọng, và nói nhiều về bản chất của quân đội cách mạng. Sau hội nghị, đồng chí Trần Canh, đồng chí Vi Quốc Thanh và tôi ngồi trao đổi với nhau trên sàn nhà quanh một tấm bản đồ trải rộng.

Đồng chí Trần nói:

- Chiến dịch này, bộ đội Việt Nam tiêu diệt và bắt khoảng 8.000 quân địch. Điều quan trọng là trong đó có năm tiểu đoàn Âu - Phi, quân ứng chiến tinh nhuệ nhất của Pháp bị tiêu diệt gọn.

Đồng chí Trần trỏ ngón tay vào con đường số 3 chạy thẳng từ Cao Bằng về Hà Nội, ước lượng:

- 200 ki-lô-mét?... Quá gần!

Rồi đồng chí vạch ba vòng tròn ở trung du, phía bắc và phía nam Hà Nội, nói tiếp:

- Phải ba chiến dịch như Chiến dịch Biên Giới. Thời gian khoảng một năm.

Chúng tôi nhìn nhau mỉm cười.

Đồng chí Trần Canh chuẩn bị rời Việt Nam. Đồng chí nhìn tôi, nói:

- Chiến dịch đã kết thúc đại thắng lợi, nay mai Quân đội Việt Nam Nam hạ, tôi muốn mời Võ Tống cùng qua chơi Quảng Châu mấy ngày.
- Tôi đang lo chuẩn bị phương án tác chiến mới. Mong rằng một thời gian không lâu nữa gặp đồng chí ở Bắc Kinh, chúng ta cùng đi thăm Vạn Lý Trường Thành.

Sau đó, Trần Canh sang chiến đấu ở Triều Tiên với cương vị Phó Tư lệnh Chí nguyện quân Trung Quốc. Khá lâu, đồng chí Trần mới trở lại Việt Nam, đến Hà Nội với những vết bỏng bom na-pan trên mặt. Mỗi lần có dịp qua Trung Quốc, tôi thường tới thăm gia đình đồng chí Trần. Đồng chí để lại cho tôi ấn tượng đẹp về một soái tướng trong quân đội cách mạng "trí dũng song toàn", giàu tinh thần quốc tế và luôn luôn lạc quan, yêu đời.

Phối hợp với Chiến dịch Biên Giới, các chiến trường đã đồng loạt tiến công dịch.

Trên hướng phối hợp Tây Bắc, từ ngày 12 tháng 9 năm 1950, các trung đoàn 165 và 148 đã chủ động đánh địch khắp nơi, buộc chúng phải bỏ thị trấn Bắc Hà, Si Ma Cai, Hoàng Su Phì, Bản Tấu, Bản Phiệt dồn về thị xã Lào Cai. Ngày 2 tháng 11 năm 1950, Các-păng-chi-ê ra lệnh bỏ thị xã Lào Cai, rút về Than Uyên. Cửa ngõ biên giới Tây Bắc thông sang tỉnh Vân Nam, Trung Quốc, được tiếp tục mở rộng.

Ở Thái Nguyên, sáu tiểu đoàn địch bị giam chân tại thị xã. Trung đoàn 246 cùng bộ đội địa phương và dân quân du kích đã chủ động đánh nhiều trận tiêu hao địch. Ngày 10 tháng 10 năm 1950, địch buộc phải nhanh chóng rút khỏi Thái Nguyên. Tại Liên khu 3, Đại đoàn 304 cùng với chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích đã liên tiếp đánh địch ở Phát Diệm, Hà Nam, Hà Đông, tiêu diệt và bức rút trên 50 vị trí địch, phục kích chống càn, bắt 600 quân địch, thu nhiều vũ khí.

Bộ đội Bình - Trị - Thiên mở Chiến dịch Phan Đình Phùng, đột nhập thị xã Quảng Trị, đánh mìn trên đường Huế - Đà Nẵng, thực hiện tiêu hao và giam chân quân địch tại chỗ. Liên khu 5 mở Chiến dịch Hoàng Diệu. Trung đoàn 108 và bộ đội địa phương đột nhập đánh địch ở thị xã Đà Nẵng, lật đổ một đoàn tàu trên đường Đà Nẵng - Huế. Trung đoàn 803 tiến sâu vào

Ninh Hòa, Khánh Hòa phát động chiến tranh du kích, diệt hàng chục tháp canh, thu hàng trăm súng các loại.

Tại Nam Bộ, để chia lửa với Chiến dịch Biên Giới, Khu 7 mở Chiến dịch Bến Cát ở Thủ Dầu Một, cũng gọi là Chiến dịch Lê Hồng Phong, nhằm cắt đứt đường số 7 và đường liên tỉnh 14, đẩy mạnh chiến tranh du kích, mở thông đường tiếp tế về đồng bằng sông Cửu Long. Bộ chỉ huy chiến dịch gồm các đồng chí Tô Ký - Chỉ huy trưởng, Lê Đức Anh - Tham mưu trưởng, Nguyễn Duy Hanh - Chính trị viên. Đây là chiến dịch đầu tiên được tiến hành ở miền Đông Nam Bộ trong kháng chiến chống Pháp. Sau hơn một tháng tiến hành chiến dịch, các lực lượng vũ trang ta đánh 38 trận tiến công cứ điểm, hai trận phục kích chặn viện, 43 trận đánh cơ giới, hai trận chống càn, 204 lần đánh quấy rối, tiêu diệt 509 tên địch, làm bị thương 155 tên, bắt 120 tên, đánh sập hàng chục tháp canh, đồn bốt, 12 cầu cống, phá hủy 84 xe quân sự, năm đầu máy xe lửa, bảy thuyền máy và tàu đỗ bộ, thu nhiều súng đạn, trang bị quân sự, lượng thực. Đồng chí Lê Duẩn - Bí thư Xứ ủy đã đánh giá: "Chiến dịch Bến Cát đánh dấu bước trưởng thành quan trọng của lực lượng vũ trang Khu 7, đưa phong trào kháng chiến của quân và dân miền Đông Nam Bộ hòa nhịp với cuộc kháng chiến trên chiến trường cả nước"1.

Khu 8 mở Chiến dịch Cầu Ngang ở Trà Vinh, diệt hàng chục tháp canh, lô cốt, nhấn chìm 16 tàu thuyền trên sông Vàm Cô Đông, phía đường 1 bis và đường 13, giao thông có lúc tắc nghẹn ba ngày liền. Tại xã Long Sơn, bộ đội chặn đánh hai tiểu đoàn dịch đi tăng viện, diệt và làm bị thương 200 tên. Các tỉnh trong khu cũng đánh 93 trận lớn nhỏ, diệt 12 tháp canh, làm chết và bị thương hơn 500 quân dịch, thu gần 500 súng.

Quân và dân Khu 9 đánh mạnh ở Long Châu, diệt 30 tháp canh và 180 địch. Ta còn phá kế hoạch lập ngụy quyền, ngụy quân ở các vùng Hòa Hảo, Cao Đài.

Ô Lào, liên quân Lào - Việt tiến công vị trí Sầm Tớ.

Những hoạt động đều khắp trên các chiến trường đã ghìm chân quân địch ô khắp mọi nơi. Trong mùa Đông năm 1950 "bảy tiểu đoàn dù của đội quân viễn chinh, từ cuối tháng 9, đã được rải ra khắp bốn phương tại Đông Dương: Tiểu đoàn 1 đi với Binh đoàn Lơ-pa-giơ, tiểu đoàn 2 lê dương dù ở Bắc Hà, tiểu đoàn 10 dù thuộc địa

tăng cường cho Phát Diệm, tiểu đoàn 3 dù thuộc địa ở Lào chỉ trở về Hà Nội vào ngày 5 tháng 10 lại được tức tốc đưa lên Thất Khê và bị tiêu diệt; sau một tháng mệt nhoài vì những cuộc hành binh cảnh sát, tiểu đoàn dù 6 thuộc địa ở Trung Bộ, tiểu đoàn dù 1 thuộc địa

ô Nam Bộ, và cuối cùng tiểu đoàn dù 7 thuộc địa đều được đưa về Hà Nội ngày 28 tháng 9 để chiếm thị xã Thái Nguyên. Tổng chỉ huy không còn một lực lượng dự bị nào để đưa lên đường số 4 nếu cuộc chiến đấu chuyển sang hướng xấu"1.

Riêng tại Chiến dịch Biên Giới, ta đã diệt và bắt trên 8.000 quân địch, gồm tám tiểu đoàn Âu - Phi tỉnh nhuệ, và hai tiểu đoàn ngụy. Số đơn vị Âu - Phi bị diệt chiếm 55% lực lượng cơ động trên chiến trường Bắc Bộ, tức 41% lực lượng cơ động trên toàn chiến trường Đông Dương.

Trên hướng Đông Bắc, ta đã hoàn toàn làm chủ 200 ki-lô-mét đường số 4, gấp ba độ dài dự kiến trong kế hoạch, mở thông đường giao thông quốc tế ở hướng quan trọng này, đồng thời mở rộng và củng cố căn cứ địa Việt Bắc. Ta đã giải phóng 17 thị trấn, năm thị xã ít nhiều có tầm quan trọng về chiến lược, là: Cao Bằng, Lạng Sơn, Lào Cai, Thái Nguyên, Hòa Bình. Riêng trên vùng núi Bắc Bộ, với việc tiêu diệt và bức rút 110 vị trí lớn, nhỏ, ta đã giải phóng hai phần ba biên giới Việt - Trung với trên 4.000 ki-lô-mét vuông.

9

Từ ngày đầu chiến tranh, trường học lớn, trường học đích thực của bộ đội ta, là chiến trường. Chiến dịch nào cũng kết thúc bằng một cuộc tổng kết. Chiến dịch lần này khá thuận lợi. Đã xuất hiện ở nhiều cán bộ, chiến sĩ tư tưởng đánh địch quá dễ, tự bằng lòng. Bộ Tổng Tư lệnh chỉ đạo công tác tổng kết chiến dịch phải tiến hành thật nghiêm túc, làm thật kỹ từ đại đội trở lên.

Ngày 27 tháng 11 năm 1950, Hội nghị tổng kết Chiến dịch Biên Giới được tổ chức tại Chợ Đồn, Thái Nguyên. Những đơn vị đã tham dự chiến dịch trên mặt trận chính, các mặt trận phối hợp với miền Bắc đều dự đông đủ. Chúng ta còn mời thêm đại biểu từ Liên khu 5 và Bình - Trị - Thiên ra, đồng chí Nguyễn Chánh và đồng chí Trần Quý Hai.

Mọi người gặp nhau rất phấn khởi. Sau những trận mưa dầm dề, thời tiết Việt Bắc đã trở nên khô ráo. Nhiều cán bộ xúng xính chiếc vét ca-na-đi-ên (veste canadienne) xanh rêu láng bóng, đi giày da, đeo súng Mỹ thu được từ những kho chiến lợi phẩm còn nguyên vẹn. Mùa Đông lạnh lẽo của chiến tranh đã qua. Núi rừng Việt Bắc sạch bóng quân thù. Chân trời mở ra phía

trước với những cánh đồng thẳng cánh cò bay. Hà Nội đã hiện lên không còn xa.

Đồng chí Tổng Bí thư Trường Chinh thay mặt Đảng khen ngợi toàn thể cán bộ, chiến sĩ và đồng bào trên các mặt trận đã hoàn thành nhiệm vụ về vang, tiếng các chiến sĩ ở Mặt trận Cao - Bắc - Lạng đã làm vượt mức "chiếm giải quán quân trong phong trào thi đua giết giặc lập công". Về nguyên nhân thắng lợi, đồng chí chỉ rõ: Đó là do "Quân dân nhất trí, trên dưới một lòng. Bộ đội anh dũng hy sinh giết giặc. Nhân dân ta hăng hái phục vụ bộ đội, tham gia chiến tranh. Ta có chiến lược, chiến thuật đúng, lại được Trung ương trực tiếp chỉ huy chiến dịch, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra trận tuyến lãnh đạo động viên tinh thần, đồng thời ta được nhân dân nước bạn tận tâm giúp đỡ".

Những tràng pháo tay nổi lên không ngót khi Chủ tịch Hồ Chí Minh xuất hiện. Bác đã có mặt ở biên giới từ trước ngày mở chiến dịch. Người cùng đi với dân công, thanh niên xung phong. Người tìm hiểu tâm tư cán bộ, chiến sĩ trước trận đánh. Người ở Sở chỉ huy chiến dịch, lên đài quan sát, theo dõi từng giờ những diễn biến của mặt trận, và có những quyết định, chỉ thị kịp thời. Trong suốt chiến dịch, với những lời hiệu triệu, những bức thư ngắn gửi bộ đội, đồng bào, mọi người lúc nào cũng như thấy Bác ở bên. Sau chiến thắng, Bác đi thăm thương binh, thăm bộ đội, gặp cả Lô-pa-giơ, Sác-tông trong bộ quần áo cải trang, chuyện trò tìm hiểu tâm trạng của những viên chỉ huy thất trận...

Bác chính là linh hồn của chiến dịch, linh hồn của chiến thắng.

Bác đã có một bài phát biểu rất quan trọng với hội nghị.

"... Chiến dịch này có nhiều kinh nghiệm, tốt xấu đều có, cần phải tổng kết, phổ biến và học tập. Tóm lại có mấy điểm chính: Trung ương lãnh đạo sáng suốt. Các cấp địa phương chỉ đạo đúng đắn. Các cơ quan quân, dân, chính đoàn kết, phối hợp chặt chẽ, hành động nhất trí.

Chiến sĩ ta hăng hái, anh dũng. Những gương chặt nốt tay bị thương cho dễ xung phong, ôm thuốc nổ nhảy vào công sự địch, nhịn đói ba, bốn ngày vẫn cứ hăng, tích cực và quả cảm chiến đấu, v.v... đã tỏ rõ điều đó.

Nhân dân ta rất tốt. Chưa bao giờ có những đoàn phụ nữ Kinh, Dao, Thổ, Nùng, v.v... đi tiếp tế vận tải đông đảo như vậy. Khó nhọc, khổ sở, nguy hiểm, mà vẫn hăng hái, vui vẻ, dũng cảm. Thật là đáng khâm phục...

Giặc chủ quan, khinh địch, không ngờ ta mạnh như vậy và tiến bộ nhanh như vậy, nên chúng hớ hênh không đề phòng cẩn thận.

Chớ chủ quan tếu, cho rằng từ nay về sau sẽ thắng lợi mãi, không gặp khó khăn thất bại nữa. Trận thắng này mới chỉ là một thắng lợi bước đầu. (...)

Từ nay cho tới khi hoàn toàn thắng lợi, ta còn gặp nhiều khó khăn, có thể còn phải trải qua nhiều thất bại. Đánh nhau có thắng bại là thường. Điều cốt yếu là ta giành được thắng lợi cuối cùng.

... Chớ khinh địch. Không phải địch co lại để nằm yên, mà co lại để nhảy ra.

Chúng đang cố tranh thủ thời gian chuẩn bị để trả thù.

... Ta phải tranh thù thời gian chuẩn bị. Đó là một điều kiện để thắng đối phương. Trong quân sự, thời gian là rất quan trọng... Có tranh thù thời gian, mới bảo đảm được yếu tố thắng địch. Cũng để tranh thù thời gian mà hội nghị này phải họp ngắn. Báo cáo phải gọn gàng nêu cho được điểm chính cần thiết không nên nói dài dòng, mất thì giờ vô ích...".

Những điều Bác căn dặn không chỉ có giá trị quan trọng trong thời gian sắp tới mà trong cả cuộc chiến tranh.

Chúng ta đã rút ra nhiều bài học lớn từ Chiến dịch Biên Giới.

Về chỉ đạo chiến dịch, có ưu điểm là chọn đúng điểm đột phá chiến dịch, kiên trì chờ viện, tập trung lực lượng tiêu diệt từng bộ phận quân viện, tiến tới tiêu diệt hoàn toàn. Khuyết điểm là không dự kiến được sự tan vỡ của quân dịch trên toàn tuyến đường số 4 nên bỏ lỡ thời cơ tiêu diệt quân dịch khi rút chạy.

Trong tác chiến, bộ đội đánh vận động lớn lần đầu rất tốt, chỉ sử dụng những lực lượng không nhiều mà vẫn tiêu diệt được những bộ phận đông quân địch, và ít bị tiêu hao. Tuy nhiên, có một số khuyết điểm. Trận Đông Khê, công tác điều tra chưa tốt, không nắm được những hỏa điểm ngầm trong đồn địch, chọn hướng đột phá không đúng, ngày đầu một mũi tiến công đi lạc, nên mặc dù lực lượng ta đông, quân địch trong cứ điểm thấp hơn mức dự kiến (chỉ có hai đại đội tăng cường) mà trận đánh kéo dài, bộ đội tiêu hao nhiều. Nguyên nhân là do tư tưởng chủ quan vì vị trí này mới bị Trung đoàn 174 tiêu diệt không khó khăn hối tháng 5. Đại đoàn 308 để trống trận địa một ngày bỏ lỡ cơ hội tiêu diệt quân viện khi chúng đi qua. Tham mưu không nắm kịp thời địch rút Cao Bằng nên ta không kịp tổ chức đánh địch trên đường di chuyển.

Vấn đề nổi bật trong chiến dịch là chiến thuật đánh điểm diệt viện. Các bạn Trung Quốc đặc biệt coi trọng chiến thuật này. Trước đây do trang bị vũ khí yếu kém, ta chủ trương tránh lực lượng cơ động của địch, chúng bao giờ cũng có hỏa lực mạnh và thường được không quân và pháo binh yểm trợ. Chúng ta chỉ đánh những trận

phục kích nhanh ban ngày nhắm vào những đoàn quân xa, hoặc những đơn vị nhỏ di chuyển. Những trận đánh cứ điểm nhỏ của ta đều phải kết thúc trong đêm. Ở Tây Bắc, nhờ địa hình

thuận lợi, anh Lê Trọng Tấn đã vận dụng đánh điểm diệt viện thành công trong trận Mô Hẻm. Nhưng cũng tại Tây Bắc, trong trận Phố Lu, ta bao vây quân địch dài ngày, nhưng chỉ bố trí một lực lượng nhỏ chờ quân viện tới, xua chúng quay trở lại mà không có kế hoạch tiêu diệt!

Công tác tham mưu đã có một bước trưởng thành trong chiến dịch. Tuy cán bộ chỉ được đào tạo, rèn luyện qua thực tế chiến đấu, còn mang tác phong của chiến tranh du kích, phương tiện thông tin và trình sát thiếu thốn, nhưng cơ quan tham mưu đã có nỗ lực lớn trong đánh giá tình hình dịch, quán triệt đường lối quân sự của Đảng, phát huy sự hiểu biết và kinh nghiệm giúp Bộ chỉ huy chỉ đạo chiến dịch và hạ quyết tâm kịp thời.

Công tác hậu cần trong chiến dịch giữ một vai trò quan trọng góp phần vào thắng lợi. Đây là lần đầu tiên ngành Hậu cần bảo đảm một chiến dịch quy mô lớn và dài ngày trên một địa bàn dân cư thưa thớt và rất thiếu lương thực. Trong toàn chiến dịch, cơ quan hậu cần đã cung cấp 1.886 tấn gạo, thực phẩm, 41 tấn đạn, cấp cứu 1.200 thương binh, nuôi dưỡng 3.500 tù binh. Các địa phương ở Việt Bắc, đặc biệt là hai tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn, đã có đóng góp rất lớn. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư khen đồng bào ba tỉnh Cao - Bắc - Lạng với lời cảm ơn: "Tôi trân trọng thay mặt Chính phủ và Quân đội cảm tạ đồng bào". Anh Trần Đăng Ninh, Chủ nhiệm Tổng cục Cung cấp, trực tiếp phụ trách công tác hậu cần chiến dịch, được Bác biểu dương trong Hội nghị tổng kết chiến dịch.

Nhân dân tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc, mặc dù được giải phóng chưa lâu còn gặp nhiều khó khăn, nhưng đã hết lòng đóng góp lương thực cho chiến dịch. Những đoàn xe vận tải của Quân giải phóng Trung Quốc chạy thâu đêm cả tháng ròng trên những con đường cửa khẩu Việt Nam - Trung Quốc.

Cho tới hết năm 1950, ta đã tiếp nhận của Trung Quốc: 1.020 tấn vũ khí đạn dược, 180 tấn quân trang quân dụng, 2.634 tấn gạo, 20 tấn thuốc và dụng cụ quân y, 800 tấn hàng quân giới, 30 ô-tô, 120 tấn xăng dầu và phụ tùng ô-tô. Viện trợ của Trung Quốc là nguồn cung cấp quan trọng và hiệu quả cho chiến dịch.

Chiến dịch Biên Giới xứng đáng mở đầu một thời kỳ mới, thời kỳ chuyển sang phân công và tiến công của quân đội ta. Đây là một chiến dịch vận động và tiến công điển hình trong kháng chiến chống Pháp. Đã có một sự trưởng thành trong chỉ đạo chiến dịch, trong nghệ thuật quân sự thể hiện từ khâu chọn điểm đột phá, bày trận

chờ dịch, điều binh, chuyển hóa thế trận nhanh chóng, tập trung giải quyết những trận then chốt. Chúng ta đã biết khai thác tối đa những sai lầm của dịch, vận dụng tối đa sức mạnh binh lực

còn hạn chế của ta, biến kẻ địch mạnh thành kẻ địch yếu, biết khắc phục những sơ suất, những nhược điểm của bỏ đội ta lần đầu tiến hành một trận đánh lớn, để cuối cùng giành toàn thắng.

Trong chiến dịch, hôm lên đài quan sát theo dõi trận Đông Khê, Bác đã làm một bài thơ chữ Hán:

ĐẢNG SƠN

"H u ê t r u ộ n g d ặ n g s ơ n q u a n t r ậ n d ị a

Vạn trùng sơn ủng vạn trùng vân

Nghĩa binh tráng khi thốn ngưu đầu

Thê diêt sai lang xâm luôc quân".

Nhà thơ Xuân Diệu dịch như sau:

LÊN NÚI

Chống gây lên non xem trận địa

Vạn trùng núi đỡ vạn trùng mây

Quân ta khí mạnh nuốt ngưu đầu

Thê diêt xâm lăng lũ sói cây".

Bản dịch hay, chỉ tiếc hai chữ "sài lang" tách thành "sói cây" chưa ổn.

Qua bài thơ thể hiện hình ảnh quen thuộc của Người, phong thái ung dung, tự tại giữa chiến trường, hào khí chiến đấu của các chiến sĩ hòa quyện với khí thiêng sông núi. Được làm ra giữa trận đánh mở màn đang gặp khó khăn, nó là sự tiên đoán chiến thắng to lớn trong chiến dịch. Bài "Đăng sơn" gọi nhớ những câu thơ bất hủ của Lý Thường Kiệt sau khi đánh thắng giặc Tống 900 năm trước, được coi là Tuyên ngôn Độc lập lần thứ nhất của Việt Nam: "Nam quốc sơn hà Nam để cư".

Ít ngày sau chiến thắng Cao - Lạng, chúng tôi nhận được mấy câu thơ chúc mừng chiến thắng bằng chữ Hán của Chủ tịch Mao Trạch Đông:

Thanh niên đích Việt Nam quân

Nhất minh kinh nhân".

Tạm dịch:

Quân đội Việt Nam trẻ tuổi Cắt một tiếng người người kinh sợ".

Sở Trang Vương thời Đông Chu lên làm vua đã ba năm, chỉ ham mê sản bắn, vui chơi với mỹ nữ trong cung. Một triều thần kể với nhà vua câu chuyện: "Có một con chim lớn, lông đủ năm sắc, đậu trên gò cao nước Sở, đã ba năm mà không bay, cũng không kêu, không biết là con chim gì?". Sở Trang Vương hiểu ý, nói: "Con chim ấy không phải chim thường, ba năm không bay, bay tất cao đến tận trời; ba năm không kêu, kêu tất làm cho người ta khiếp sợ (Tam niên bất minh. Nhất minh kinh nhân)". Sau đó, Sở Trang Vương được xếp vào một trong "ngũ bá" thời Xuân Thu. Chủ tịch Mao chỉ mượn bốn chữ của người xưa, mà nói lên được chiến thắng vang dội lần đầu của quân và dân ta trong Chiến dịch Biên Giới. Chiến dịch Biên Giới cũng chính là trận đánh vận động lớn của ta khơi luồng đi tới trận đánh quyết định sau này.

Chương bốn ĐẢNG LAO ĐỘNG VIỆT NAM

àu năm 1951 diễn ra một sự kiện lịch sử trọng đại trong đời sống chính trị của dân tộc: Đại hội Đảng Cộng sản Đông Dương lần thứ II. Đây là đại hội đầu tiên được tổ chức trên đất nước ta.

Từ ngày thành lập 3 tháng 2 năm 1930 cho tới lúc đó, Đảng ta vẫn hoạt động bí mật. Sự xuất hiện đảng của giai cấp công nhân ở một nước phong kiến và thuộc địa, với nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, nông dân chiếm 90% số dân, là đối tượng nghiên cứu của nhiều nhà sử học. Hơn hai mươi năm qua Đảng giữ vai trò có tính quyết định đối với vận mệnh dân tộc. Đến với chủ nghĩa cộng sản, Nguyễn Ái Quốc quyết đi tới tận cùng con đường đấu tranh cho độc lập, tự do, hạnh phúc của mọi người. Nhưng những người cộng sản Việt Nam không chỉ là kẻ tử thù của chính quyền thực dân, phong kiến trong nước, mà còn là đối tượng bị theo dõi, đàn áp, săn đuổi ở nhiều nước tư bản, thuộc địa trên các châu lục. Đảng phải tính toán, cân nhắc từng đường đi nước bước của mình. Mặt trận Việt Minh là cách lựa chọn đúng đắn của Nguyễn Ái Quốc để giành lại độc lập, tự do cho dân tộc. Ngày Tổng khởi nghĩa năm 1945 mới có 5.000 đảng viên, nay đã thành một đội ngũ đông đảo: 760.000 người. Trong kháng chiến, mọi hoạt động của Đảng, cũng như những sinh hoạt của đảng viên, vẫn tiến hành bí mật. Chỉ đôi khi những người cộng sản mới xuất hiện dưới danh nghĩa "hội viên Hội Nghiên cứu chủ nghĩa Mác".

Đầu năm 1950, sau khi gặp các đảng bạn Liên Xô và Trung Quốc trở về, Bác bàn với Trung ương, đã tới lúc Đảng ra hoạt động công khai. Tình hình cách mạng trong nước cũng như trên thế giới đã thay đổi nhiều. Qua những năm lãnh đạo cách mạng, lãnh đạo kháng chiến, uy tín của Đảng trong nhân dân đã trở thành tuyệt đối. Các nước xã hội chủ nghĩa đã công nhận nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Sự xuất hiện công khai của Đảng sẽ mang lại

một nguồn động viên mới trong nhân dân thúc đẩy cuộc kháng chiến sớm tới thắng lợi. Nhưng xét cả về bối cảnh quốc tế cũng như tình hình trong nước, để tập hợp quần chúng thật rộng rãi như chủ trương của Đảng nhiều năm qua, và hạn chế sự tuyên truyền xuyên tạc của kẻ thù, Đảng cần có một cái tên mới. Bác đề nghị lấy tên Đảng Lao động Việt Nam. Việc thay đổi tên Đảng không phải là vấn đề riêng của cách mạng Việt Nam mà còn liên quan đến cách mạng Lào và Cam-pu-chia. Những vấn đề lớn này phải do Đại hội Đảng Cộng sản Đông Dương quyết định.

Tuy nhiên, tổ chức một đại hội Đảng giữa thời kỳ chiến tranh ác liệt và rất khẩn trương, là điều không dễ dàng. Trung ương quyết định triệu tập đại hội vào tháng 2 năm 1951.

Tôi được Bác và anh Trường Chinh phân công trình bày báo cáo về tình hình quân sự ở đại hội. Nhưng suốt những tháng chuẩn bị đại hội, tôi đều ở mặt trận. Tôi biên thư ngỏ ý lo không có thời gian viết một bản báo cáo đầy đủ. Bác điện trả lời: "Cứ chuyên tâm đánh giặc; báo cáo cho Đại hội thì có dàn bài là được, sau sẽ thêm".

Chiến dịch Trung Du kết thúc sớm hơn dự kiến. Từ mặt trận, tôi đi thẳng về chỗ Bác, không ngờ được gặp anh Trường Chinh và cả anh Lê Duẩn mới từ Nam Bộ ra dự đại hội. Bác và anh Trường Chinh nhắc tôi làm gấp báo cáo quân sự.

Anh Lê Duẩn cùng hoạt động với chị Nguyễn Thị Minh Khai ở Nam Kỳ. Chị Minh Khai và chị Quang Thái1 là hai chị em ruột. Anh Duẩn kể với tôi một câu chuyện về chị Thái. Trước ngày chính quyền thực dân Pháp xét xử những người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ, chị Thái từ Hà Nội vào Sài Gòn thăm chị Minh Khai (thời gian này tôi đã qua Trung Quốc). Chị Thái gặp chị Minh Khai và anh Lê Duẩn ở phiên tòa đại hình. Trong khi nói chuyện, chị Minh Khai ném cho anh Duẩn một lá thư gấp nhỏ. Đúng lúc đó viên cảnh sát quay lại. Chị Thái lập tức cúi xuống nhặt mẩu giấy bỏ vào mồm nhai và nuốt luôn. Viên cảnh sát đành chịu. Sau đó, chị Minh Khai bị kết án tử hình. Anh Duẩn nói: "Nếu bữa đó chị Thái không nhanh trí thì tôi khó gặp anh hôm nay". Sau này cùng làm việc với nhau nhiều năm, anh Lê Duẩn vẫn còn nhắc lại với tôi và một số đồng chí khác chuyện này.

Tết Tân Mão đến trước đại hội vài ngày. Cuộc họp Hội đồng Chính phủ được triệu tập đúng ngày mồng 1 Tết.

Sáng mồng 1, anh em chúng tôi có người còn ngủ thì Bác đã tới từng phòng chúc Tết. Bác tặng mỗi người một tờ thiếp hồng có bài thơ Xuân:

"Xuân này kháng chiến đã năm xuân,

Nhiều xuân thắng lợi càng gần thành công.

Toàn dân hăng hái một lòng

Thi đua chuẩn bị Tổng phản công kịp thời".

Trong cuộc họp Hội đồng Chính phủ, tôi thay mặt quân đội chúc Tết Bác, cảm ơn Quốc hội và Chính phủ đã hết lòng chăm sóc bộ đội, và hứa hẹn sang năm mới quân đội sẽ cố gắng giành những thắng lợi mới trên chiến trường.

Để chuyển sang giai đoạn mới, Đảng ta đã có chủ trương củng cố bộ máy chính quyền. Trong phiên họp, Bác nhấn mạnh phải vận động nhân dân phê bình cán bộ, phê bình chính quyền, như vậy là thực hiện dân chủ một cách thiết thực và sâu sắc. Người nói: "Trong lúc thực hiện phê bình và tự phê bình, có thể cán bộ sợ bị trù và dân thì có lúc phê bình mười câu chỉ đúng hai, nhưng ta cứ phải để dân phê bình, nếu không ta sẽ khóa cửa sự phê bình".

Chiều mồng 2 Tết, phiên họp kết thúc. Bác và một số đồng chí lên đường tới địa điểm đại hội. Tôi quay về cơ quan dự cuộc họp Đảng ủy Mặt trận Hoàng Hoa Thám phiên đầu tiên, và tới đại hội vào đúng ngày khai mạc.

2

Quu môt thôi gian hop tru bi, Dai hôi dai biêu toàn quôc cua Dang Cong san Dong Dương lan thur II chinh thuc khai mac ngay 11 va ket thuc ngay 19 thang 2 nam 1951 tai xa Vinh Quang, huyen Chiem Hoa, tinh Tuyen Quang. Co 158 dai biêu chinh thuc va 53 dai biêu du khuyet. Dang Cong san Trung Quoc, Dang Cong san Phap va Dang Cong san Xiem (Thai Lan) la khach moi. Rieng doan dai biêu Dang Cong san Phap toi cham khong kip du dai hoi.

Những đại biểu về họp đã trải qua nhiều năm dài chiến tranh, bị đặt ra ngoài vòng pháp luật, tù đày, có người đã nằm trong xà lim án chém. Họ đều là những đảng viên đi đầu phong trào đấu tranh trước Tổng khởi nghĩa, cũng như kháng chiến hiện nay. Số đông vào tuổi trung niên. Một số ít mái đầu chớm bạc.

Hội trường và nhà ở của đại biểu bằng nứa lá nhưng cao ráo, hòa hợp với khung cảnh thiên nhiên nơi rừng núi, rõ ràng có bàn tay của một nhà kiến trúc tài hoa. Trước hội trường có sân rộng, ở bìa rừng là cánh đồng. Thời tiết khô ráo, ấm áp, về đêm lại có trăng. Cuộc họp mặt rất hiếm có trong chiến tranh, vận hội mới của cách mạng đã làm cho mọi người như trẻ lại. Giờ nghỉ, Bác và các đại biểu cùng với khách nước ngoài cầm tay nhau nhảy múa trên sân, ngồi xem phim "Bá Linh sụp đổ", hoặc đi dạo trên cánh đồng. Tôi cảm thấy mình như trở lại tuổi thanh niên, và không khôi chạnh lòng nghĩ tới chị Minh Khai, chị Quang Thái, anh Lê Hồng Phong... và bao nhiêu đồng chí khác đầu rơi trên máy chém, chết trong chốn lao tù, không có mặt hôm nay.

Tại đại hội, Bác trình bày Báo cáo Chính trị điểm lại quá trình hoạt động của Đảng từ khi thành lập, nêu lên những nhiệm vụ trong thời kỳ cách mạng mới để đưa kháng chiến đến thắng lợi. Bác nói:

"...Lúc bắt đầu kháng chiến, Quân đội ta là một quân đội thơ ấu, tinh thần dũng cảm có thừa, nhưng thiếu vũ khí, thiếu kinh nghiệm, thiếu cán bộ, thiếu mọi mặt.

Quân đội địch là một quân đội nổi tiếng trên thế giới. Chúng có hải quân lục quân, không quân. Chúng lại có đế quốc Anh - Mỹ giúp, nhất là Mỹ.

Lực lượng ta và địch so le nhiều như thế, cho nên lúc đó có người cho ráng: Cuộc kháng chiến của ta là "châu chấu đá voi".

Chỉ nhìn về vật chất, chỉ nhìn ở hiện trạng, chỉ lấy con mắt hẹp hòi mà xem, thì như thế thật, vì để chống máy bay và đại bác của địch, lúc đó ta phải dùng gậy tầm vông. Nhưng Đảng ta theo chủ nghĩa Mác - Lê-nin, chúng ta không những nhìn vào hiện tại, mà lại nhìn vào tương lai, chúng ta tin chắc vào tinh thần và lực lượng của quân chúng, của dân tộc. Cho nên chúng ta quả quyết trả lời những người lừng chừng và bi quan kia rằng:

Nay tuy châu châu đâu voi

Nhưng mai voi sẽ bị lòi ruột ra.

Sự thật đã chứng tỏ rằng "voi" thực dân đã bắt đầu lòi ruột, mà bộ đội ta đã trưởng thành như con hổ oai hùng...".1

Người chỉ rõ cách mạng nước ta đã đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác vì: "Ta có một đảng to lớn, mạnh mẽ. To lớn, mạnh mẽ là vì có chủ nghĩa Mác - Lê-nin, vì sự cố gắng không ngừng của toàn thể đảng viên, vì được toàn quân và toàn dân thương yêu, tin cậy, ủng hộ".

Báo cáo Chính trị nêu lên hai nhiệm vụ chính:

1. Đưa kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn.

2. Tổ chức Đảng Lao động Việt Nam.

"Đảng Lao động Việt Nam phải là một đảng to lớn, mạnh mẽ, chắc chắn, trong sạch, cách mạng triệt để.

Đảng Lao động Việt Nam phải là người lãnh đạo sáng suốt, kiên quyết, trung thành của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, của nhân dân Việt Nam, để đoàn kết và lãnh đạo dân tộc kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn, để thực hiện dân chủ mới.

Trong giai đoạn này, quyền lợi của giai cấp và nhân dân lao động và của dân tộc là một. Chính vì Đảng Lao động Việt Nam là đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, cho nên nó phải là đảng của dân tộc Việt Nam.

Nhiệm vụ thứ nhất, nhiệm vụ cấp bách nhất của Đảng ta ngày nay là phải đưa kháng chiến đến thắng lợi. Các nhiệm vụ khác đều phải phụ thuộc vào đó".

"Kiên quyết xây dựng một nước Việt Nam độc lập, thống nhất dân chủ, phú cường, một nước Việt Nam dân chủ mới"1.

Anh Trường Chinh trình bày bản báo cáo "Bàn về cách mạng Việt Nam". Đây là cương lĩnh cách mạng trong thời kỳ mới. Trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm thực tiễn hơn hai mươi năm lãnh đạo cách mạng của Đảng, đồng chí Tổng Bí thư nêu lên trước đại hội toàn bộ đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tiến lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam:

"Vấn đề lớn mà tình hình khách quan của xã hội Việt Nam đề ra là: Giải quyết mâu thuẫn giữa chế độ dân chủ nhân dân với những lực lượng phản động, khiến cho chế độ dân chủ nhân dân Việt Nam phát triển mạnh mẽ và tiến lên chủ nghĩa xã hội".

"Nhiệm vụ cơ bản của cách mạng Việt Nam là tiêu diệt bọn để quốc xâm lược, làm cho nước Việt Nam hoàn toàn độc lập và thống nhất, xóa bỏ hình thức bóc lột phong kiến, làm cho người cày có ruộng, tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Nhiệm vụ chống đế quốc và nhiệm vụ chống phong kiến khăng khít với nhau. Nhưng trọng tâm của cách mạng trong giai đoạn hiện tại là giải phóng dân tộc. Kẻ thù cụ thể trước mắt của cách mạng là chủ nghĩa đế quốc

xâm lược và bè lũ tay sai. Mũi nhọn của cách mạng chủ yếu chĩa vào bọn để quốc xâm lược"1.

Báo cáo đề ra 12 chính sách để đưa cách mạng đến thắng lợi: Đẩy mạnh kháng chiến đến toàn thắng. Thi hành từng bước chính sách ruộng đất, tiến tới thực hiện khẩu hiệu "Người cày có ruộng". Xây dựng, củng cố và phát triển chế độ dân chủ nhân dân về chính trị, kinh tế và văn hóa. Củng cố Mặt trận dân tộc thống nhất chống để quốc xâm lược. Xây dựng và phát triển quân đội nhân dân. Chính sách dân tộc. Chính sách tôn giáo. Chính sách đối với vùng tạm bị chiếm. Chính sách đối với ngoại kiều. Chính sách đối ngoại. Ra sức ủng hộ cách mạng Cam-pu-chia và cách mạng Lào. Tích cực góp phần vào cuộc đấu tranh vì hòa bình, dân chủ và độc lập dân tộc của nhân dân thế giới.

Đại hội dành ba ngày nghe và thảo luận Báo cáo Chính trị, Luận cương Cách mạng Việt Nam.

3

rong thôi gian hop trù bị, Bác đã luôn luôn nhắc các đại biểu: "Nhiệm vụ chính của đại hội là đẩy mạnh cuộc kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn và xây dựng Đảng Lao động Việt Nam, khi thảo luận cần đặt trọng tâm vào hai việc đó!". Nhưng vào đại hội vẫn diễn ra những cuộc thảo luận kéo dài về việc đổi tên Đảng, Đảng của ai? Giai cấp nào lãnh đạo? Chủ nghĩa Mác - Lê-nin là gì?...

Một vài đại biểu kiên trì viện dẫn những điều trong sách vở, nói Đảng Cộng sản phải là đảng của giai cấp công nhân, không thể là của nhân dân lao động nói chung, những phần tử tu sản, thân sĩ, đặc biệt là địa chủ, dù có yêu nước, tiến bộ cũng không thể nằm trong thành phần nhân dân lao động... Cuộc tranh luận có lúc trở nên căng thẳng. Bác ngồi điểm đạm lắng nghe những ý kiến khác nhau, bằng những lời lẽ bình dị Bác khéo léo hướng một số đại biểu đi vào trọng tâm hội nghị. Khi cuộc tranh luận "chủ nghĩa Mác - Lê-nin là gì?" kéo dài, Bác nhẹ nhàng nói: "Chủ nghĩa Mác - Lê-nin là cái gì lợi cho cách mạng thì làm!". Câu nói của Bác làm rộ lên những tiếng cười và những tràng vỗ tay kết thúc cuộc tranh cãi. Khi đó Bác không thể nói: "Cách mạng Việt Nam đã làm nhiều điều chưa có trong sách vở!".

Sang ngày thứ tư, các tiểu ban họp riêng. Trung ương họp mở rộng bàn về quân sự dưới sự chủ tọa của Bác và anh Trường Chinh. Tôi báo cáo về tình hình quân sự, âm mưu của địch, chủ trương của ta, phương châm chiến lược và công tác chuẩn bị các chiến dịch sắp tới. Các liên khu Việt Bắc, 3, 4, 5 và Nam Bộ lần lượt phát biểu. Trước yêu cầu phát triển của giai đoạn mới, các nơi nêu lên rất nhiều khó khăn. Bác nói: "Bộ đội ta ngày nay cũng như chú bé Phù Đổng ngày xưa. Từ chỗ là một hài nhi

đang nằm trong nôi, đột nhiên lớn vụt, vì vậy mà thiếu áo, thiếu quần, thiếu ăn, thiếu mặc, thiếu các nhu cầu khác, có thể thiếu vợ nữa... Những khó khăn này lớn thật, nhưng chỉ là khó khăn vì trưởng thành. Chú thần đồng bộ đội ta sẽ có khả năng hoạt động và có rất nhiều triển vọng, tiền đồ sẽ rất rực rỡ".

Thời gian ở Đại hội tôi tranh thủ tìm hiểu tình hình những chiến trường xa. Các đồng chí Khu 5 cho rằng nếu được tăng cường vũ khí sẽ có nhiều khả năng đánh lớn và sẽ có rất nhiều triển vọng. Khu 5 có ba tỉnh tự do, địa hình rừng núi nhiều, dân chúng rất quật cường, Tây Nguyên là một chiến trường có nhiều thuận lợi mà ta còn chưa khai thác. Tôi có những buổi trao đổi với anh Lê Duẩn. Anh Duẩn nói Pháp sẽ cố gắng bình định miền Nam để dồn sức đối phó với chủ lực ta đang lớn mạnh ở miền Bắc. Từ sau khi có lệnh chuẩn bị phân công, ở Nam Bộ đã thành lập những trung đoàn, liên trung đoàn chuẩn bị đánh lớn, nhưng khi ta tập trung chủ lực lại, phong trào đấu tranh du kích ở cơ sở lại sa sút. Anh dự kiến Nam Bộ sẽ còn trải qua nhiều thử thách gay gắt. Tôi nói năm 1947, Bộ cũng đã triển khai thành lập một đại đoàn chủ lực, lấy tên là Đại đoàn Độc lập, những đơn vị từ các khu đã được tập trung về, nhưng trước cuộc tiến công chiến lược của địch vào Việt Bắc, ta đã kịp phân tán thành những đại đội độc lập, tiểu đoàn tập trung nên đối phó thắng lợi với cuộc tiến công. Anh Duẩn hỏi về kinh nghiệm xây dựng bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương ở miền Bắc và kể những chuyện "xoay vần đánh giặc", những sáng tạo trong cách đánh du kích ở miền Nam, những kinh nghiệm đấu tranh chính trị rất phong phú ở đô thị, đặc biệt là Sài Gòn.

Chiều ngày 14 tháng 2, tôi trình bày báo cáo quân sự tại Đại hội. Báo cáo nêu lên quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh vũ trang, kiểm điểm sự chủ quan trong đánh giá địch, lượng định những khó khăn của ta trong thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị Tổng phân công, như chậm chỉ đạo vận động chiến, coi nhẹ du kích chiến; nêu lên những tiến bộ lớn lao trên chiến trường biên giới và trung du; xác định phương châm chiến lược hiện nay: Trên chiến trường chính, đẩy mạnh vận động chiến, phát triển du kích chiến nhằm tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch, tiến tới giành ưu thế quân sự

chuyển sang Tổng phân công, trên các chiến trường Trung Bộ và Nam Bộ lấy du kích chiến là chính, vận động chiến là phụ.

Báo cáo đề cập một số vấn đề xây dựng quân đội. Về tổ chức biên chế của quân đội, cần giảm bớt thành phần cơ quan để tăng cường cho lực lượng chiến đấu thích hợp với yêu cầu của chiến trường và chiến thuật, giảm nhẹ sự đóng góp của nhân dân, nâng cao hiệu suất chiến đấu của bộ đội. Cần cải tiến nội dung huấn luyện quân sự cho thích hợp với phương châm chiến lược chiến thuật của ta. Về trang bị cần chú

trọng cả hai nguồn: Vũ khí đoạt được của giặc và vũ khí của ta tự sản xuất; lấy vũ khí của giặc trang bị cho mình vẫn là nguồn chính, nhưng phải ra sức phát triển sản xuất của quân giới nhất là đối với những vũ khí cơ bản. Về cấp dưỡng, cần kiên quyết cải tiến quy định chế độ cấp dưỡng thích hợp với nhu cầu của quân đội và khả năng đảm phụ của nhân dân. Về công tác chính trị, phải lấy việc giáo dục chính trị, lãnh đạo tư tưởng làm trọng tâm, giáo dục mục đích và tính chất của chiến tranh, đường lối và chính sách của Đảng và Chính phủ cho quân đội, đề cao trình độ giác ngộ, rèn luyện tinh thần chiến đấu, củng cố sự đoàn kết trong và ngoài quân đội, do đó rèn luyện cho mỗi người chiến sĩ đều có quan điểm nhân dân, quan điểm quần chúng sâu sắc và vững chắc. Trong xây dựng quân đội, việc xây dựng Đảng phải đặt lên hàng đầu. Cần thiết lập chế độ đảng ủy thay vào chế độ chính ủy tối hậu quyết định. Đề cao tính đảng, đề cao ý thức giai cấp, giáo dục đường lối chính sách của Đảng, kiện toàn chi bộ, đề cao tác dụng lãnh đạo của chi bộ. Việc xây dựng đội ngũ cán bộ là vấn đề then chốt trong công cuộc xây dựng quân đội nhân dân. Cần tăng cường sự giáo dục cho cán bộ về chính trị, năng lực công tác, tổ chức việc đào tạo và bổ túc cho cán bộ trong các trường huấn luyện cũng như tại chức, mạnh dạn cắt nhắc các cán bộ hay chiến sĩ có thành tích chiến đấu lâu năm, chú trọng cắt nhắc cán bộ công nông, nâng cao trình độ cán bộ công nông để có khả năng đảm đường những công việc ngày càng quan trọng, đồng thời cải tạo cán bộ trí thức, biến họ thành những người luôn luôn trung thành với quyền lợi của giai cấp và dân tộc...

Tinh thần chiến đấu của bộ đội trên các mặt trận, những chiến thắng lớn trong thời gian qua đã mang tới cho Đại hội một niềm hưng phấn tột độ. Anh Hoàng Quốc Việt chạy tới ôm lấy tôi hôn, nước mắt chảy ròng. Bác nhìn chúng tôi rồi nói vui:

- Đó là "quân dân nhất trí"!

Khi đó anh Hoàng Quốc Việt được phân công phụ trách công tác dân vận của Đảng. Tiếng vỗ tay lại tiếp tục rộ lên xen những tiếng cười.

Bác đứng lên biểu dương những gương chiến đấu của bộ đội Việt Nam và nói vì sao chúng ta có một quân đội như thế. Đó là do kế tục tinh thần quật cường của ông cha ta ngày trước, tinh thần tự lực, sáng tạo của ta ngày nay, và sự học tập kinh nghiệm chiến đấu của các nước anh em, chiến tranh Vệ quốc ở Liên Xô, chiến tranh giải phóng ở Trung Quốc, nên bộ đội ta đã trưởng thành nhanh chóng và vượt bậc.

Báo cáo quân sự tại Đại hội được thông qua.

Đại hội đã ra nghị quyết về quân sự tiếp tục khẳng định đường lối kháng chiến "toàn dân, toàn diện, trường kỳ và tự lực cánh sinh".

Nghị quyết nhấn mạnh phải kiên trì lãnh đạo chiến tranh. Đảng chủ trương xây dựng một quân đội nhân dân mạnh mẽ, chân chính với ba đặc điểm: Dân tộc, nhân dân và dân chủ. Khẩn trương xây dựng bộ đội chính quy, cũng cố bộ đội địa phương và phát triển dân quân du kích.

Phương châm tác chiến vẫn là "lấy du kích làm chính, vận động chiến là phụ, nhưng phải đẩy mạnh vận động chiến tiến lên để vận động chiến trở thành chủ yếu". Tuy vậy, do đặc điểm chiến tranh phát triển không đều nên chỉ đạo phải dựa vào điều kiện cụ thể của mỗi chiến trường mà vận động phương châm cho thích hợp. "Phải nắm vững nguyên tắc tiêu diệt chiến".

Về mối quan hệ chiến đấu của nhân dân ba nước Đông Dương, Đại hội nghị quyết: "Vì Đông Dương là một chiến trường và cách mạng Việt Nam có nhiệm vụ phối hợp với cách mạng Miên - Lào nên lúc này phải tích cực giúp đỡ cuộc kháng chiến Miên - Lào: Phát triển chiến tranh du kích, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng căn cứ địa".

Với sự kiện Đảng ta ra hoạt động công khai, liên minh chiến đấu của ba nước Việt - Miên - Lào chuyển sang một thời kỳ mới. Để quốc Pháp xâm lược Đông Dương đã cố kết các dân tộc trên bán đảo trong cuộc chiến đấu chống kẻ thù chung. Từ năm 1941, trong Hội nghị Trung ương lần thứ tám thành lập Việt Nam độc lập đồng minh, Bác đã nêu ý kiến: "Ở Lào và Miên có thể thành lập Ai Lao độc lập đồng minh và Cao Miên độc lập đồng minh để chuẩn bị Tổng khối nghĩa". Người cho rằng việc tổ chức một mặt trận đoàn kết dân tộc thật rộng rãi là thích hợp với cả ba nước Đông Dương trong cuộc đấu tranh giành tự do. Tuy nhiên, tình hình phát triển cách mạng ở ba nước không đều. Tại Lào và Cam-pu-chia, cơ sở đảng mới xuất hiện ở một số thành phố, thị trấn có đông Việt kiểu, chưa phát triển được xuống nông thôn. Ngay sau khi thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ ta đã ký Hiệp định Liên minh quân sự với Chính phủ Ít-xa-la Lào, cùng với Hiệp định thành lập Liên quân Việt - Lào. Chính phủ ta cũng ký với Ủy ban

Cao Miên độc lập tuyên bố chung "Đoàn kết Việt - Miên - Lào chống Pháp", và tổ chức lực lượng vũ trang hỗn hợp Liên quân Miên - Việt. Trong những năm kháng chiến, ta đã đưa những đơn vị quân tình nguyện Việt Nam sang hoạt động ở Lào và Cam-pu-chia cùng với Liên quân Lào - Việt, Liên quân Miên - Việt bộ đội giải phóng Ít-xa-la Lào và bộ đội Ít-xa-rắc Cam-pu-chia, dưới sự lãnh đạo của Chính phủ Kháng chiến Lào và Ủy ban Dân tộc giải phóng Cam-pu-chia. Do chiến trường bị địch chia cắt, ba nước đã tổ chức những mặt trận liên minh chiến đấu hỗn hợp:

Liên khu 10 với Thượng Lào, Liên khu 4 với Trung Lào, Liên khu 5 với Hạ Lào, Đông - Bắc Nam Bộ với Tây và Tây - Bắc Cam-pu-chia Những chiến thắng hồi đầu kháng chiến toàn quốc ở Sầm Tớ, Na Pê, Sê Pôn Thà Khẹc, Xiêm Riệp... là những biểu hiện về sức mạnh của khối liên minh chiến đấu ba nước Đông Dương.

Trước đây Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo chung phong trào cách mạng ở cả ba nước. Tại Đại hội, anh Cay-xôn Phôm-vi-hân thay mặt những người cộng sản Lào, anh Sơn Ngọc Minh thay mặt những người cộng sản Cam-pu-chia tham gia Đoàn chủ tịch. Nhưng sau đây, cách mạng của mỗi nước nằm dưới sự lãnh đạo độc lập tự chủ của từng đảng, liên minh chiến đấu của ba nước Đông Dương sẽ được tiến hành bàn bạc thống nhất, phối hợp hành động chung giữa ba đảng. Một loạt công việc đặt ra: Phải tổ chức Ban vận động thành lập Đảng ở Lào và Cam-pu-chia, phải thành lập ngay Mặt trận Đoàn kết Liên minh Việt - Miên - Lào1, tổ chức Hội nghị Liên minh ba nước trên bán đảo Đông Dương2... Yêu cầu trọng tâm ở Lào và Cam-pu-chia lúc này là phải đẩy mạnh phong trào kháng chiến: Phát triển chiến tranh du kích, xây dựng lực lượng vũ trang và xây dựng các khu căn cứ để đáp ứng với yêu cầu của tình hình mới.

Gặp lại anh Cay-xôn ở Đại hội, tôi thấy cảm giác của mình lần đầu tiếp xúc với anh năm 1948 không lầm. Người sinh viên lúc đó tới Việt Bắc chính là hình ảnh của thế hệ mới nhân dân Lào quyết tâm dấn bước trên con đường đấu tranh cho độc lập, dân chủ. Tôi nói với anh Cay-xôn, thời gian qua phải tập trung đối phó với những hoạt động của địch, bộ đội Việt Nam chưa làm được gì nhiều cho cách mạng Lào, nay đã có điều kiện hơn. Lào cần gấp rút xây dựng một căn cứ địa thật vững chắc, địa điểm thuận tiện hiện nay là Thượng Lào. Anh Cay-xôn cho rằng với sự tham gia của Hoàng thân Xu-pha-nu-vông, trong giai đoạn mới, cách mạng Lào có điều kiện phát triển

nhanh, cần công khai thành lập Chính phủ Kháng chiến Lào. Hoàng thân Xu-pha-nu-vông đang có mặt ở Việt Bắc, chuẩn bị cho việc thành lập Mặt trận Đoàn kết liên minh Việt - Miên - Lào. Sau khi được gặp Bác, Hoàng thân đã có những tình cảm và sự kính trọng rất đặc biệt.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam do đồng chí Hồ Chí Minh làm Chủ tịch, và đồng chí Trường Chinh làm Tổng Bí thư.

Đại hội lần thứ II của Đảng được coi là Đại hội kháng chiến. Những đại biểu của lực lượng vũ trang về đây đều như còn mang theo khói súng của chiến trường. Giữa cuộc họp, nhiều đại biểu quân đội đã phải rời Đại hội lên đường đi chiến dịch.

Tôi không ở lại Đại hội được tới ngày bế mạc, vì phải về cơ quan để kịp dự cuộc họp Đảng ủy Mặt trận lần thứ hai được triệu tập vào ngày 19 tháng 2 năm 1951, quyết định lựa chọn phương án đánh địch trong chiến dịch sắp tới.

Đại hội lần thứ II của Đảng mở ra một thời kỳ cách mạng mới trên bán đảo Đông Dương. Với Đảng Lao động Việt Nam, Đảng ta đã trở về với tổ chức ban đầu, được quyết định trong hội nghị hợp nhất những người cộng sản ở Đông Dương ngày 3 tháng 2 năm 1930 (Đảng Cộng sản Việt Nam), dưới sự chủ trì của Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc. Đảng ta ra hoạt động công khai đã chính thức làm nhiệm vụ của đảng cầm quyền chịu trách nhiệm trước dân tộc. Đại hội cũng mở ra thời kỳ hoạt động mới của hai đảng anh em Lào, Cam-pu-chia, một hình thức liên minh chiến đấu mới giữa ba nước trên bán đảo Đông Dương, dẫn tới thắng lợi cách mạng ở mỗi nước sau này.

Chương năm XUỐNG TRUNG DU

hu Đông năm 1950, trên chiến trường cả nước, khoảng 10.000 quân địch đã bị loại khỏi vòng chiến đấu. Riêng tại Chiến dịch Biên Giới, chúng ta đã tiêu diệt những đơn vị tinh nhuệ của địch. Các tiểu đoàn dù được coi là chủ bài của quân viễn chinh. Lính lê dương, từ ngày đầu chiến tranh đã là chỗ dựa chủ yếu của tướng lĩnh Pháp. Các đơn vị Ta-bo, từng nổi danh ở Bắc Phi, là những đơn vị đầu tiên vượt sông Rhin trong cuộc chiến giải phóng nước Pháp. Số sĩ quan bị chết và bị bắt khá đông: 90 sĩ quan, 200 hạ sĩ quan, trong đó cả một trường hạ sĩ quan dù đi thực tập, cả bộ máy chỉ huy hai binh đoàn và cụm cứ điểm Đông Khê. Những chiến lược quan trọng của địch: Phong tỏa biên giới phía bắc, khu tứ giác bảo vệ đồng bằng Bắc Bộ, hành lang đông - tây nhằm cắt đứt Việt Bắc với miền xuôi... đều bị phá sản.

Thất bại hoàn toàn bất ngờ gây một chấn động lớn trong giới cầm quyền Pháp ở Đông Dương.

A-lét-xăng-đri, viên tướng đến giờ phút cuối cùng còn phản đối việc rút lui khỏi Cao Bằng, lúc này lại để nghị rút khỏi Móng Cái, Tiên Yên và Hòn Gai để có thêm bốn tiểu đoàn bảo vệ Hà Nội. Van-luy đồng tình với ý kiến rút khỏi Đình Lập, Tiên Yên. Tổng chỉ huy Các-păng-chi-ê còn tính tới trường hợp nếu áp lực Việt Minh quá mạnh, sẽ bỏ Hà Nội về cổ thủ ở Hải Phòng.

Tin tức từ Hà Nội báo ra, cả thành phố đang nơm nớp lo sợ một cuộc tiến công. Lực lượng thiết giáp tập trung ở phía bắc thành phố đề phòng những bình đoàn Việt Minh từ Cao Bằng, Lạng Sơn đổ về. Đường phố lúc nào cũng có cảnh sát vũ trang đứng gác trong công sự dã chiến vừa xây dựng. Pháp kiểu được lệnh di tản.

Những tin không lành từ Bắc Việt Nam lại gây xáo trộn tại thủ đô Pháp.

Phản ứng đầu tiên của Chính phủ Pháp là cử ngay một đoàn điều tra sang Đông Dương, đồng thời cấp tốc tăng viện bảy tiểu đoàn bộ binh cùng với một trung đoàn thiết giáp, hai cụm pháo binh, một phi đội máy bay ném bom, một số lượng khá lớn đại bác các loại và xe bọc thép để đối phó với cuộc tiến công lớn của Việt Minh. Chính phủ Pháp đã rất cố gắng. Nhưng Bộ chỉ huy quân sự Pháp ở Đông Dương đòi hơn thế rất nhiều: Cần có thêm 500.000 quân tinh nhuệ, phải tăng cường lực lượng không quân lên gấp ba, và vẫn phải rút hẹp phạm vi chiếm đóng ở đồng bằng!

Vấn đề chiến tranh Đông Dương thời gian qua tạm lắng xuống trước những khó khăn về kinh tế (ngân sách thiếu hụt 247 tỷ phơ-răng giờ lại gây sóng gió trong chính phủ, quốc hội, báo chí và dư luận dân chúng.

Tướng Gioăng, thành viên của phái đoàn điều tra từ Đông Dương về, nói với Tổng thống và Thủ tướng Pháp: "Sớm muộn Pháp cũng phải bỏ Đông Dương vì quá xa xôi và tốn kém. Cách tốt nhất là điều đình với ông Hồ Chí Minh hoặc quốc tế hóa cuộc chiến". Nghị sĩ Pháp Măng-đét Phrăng nhiều lần phát biểu tại Quốc hội về bế tắc không thể giải quyết cả về quân sự và chính trị trong chiến tranh Đông Dương, cần phải đi tới "giải pháp tìm kiếm một thỏa hiệp chính trị, một thỏa hiệp tất nhiên là với người đang chiến đấu chống chúng ta!".

Với Quốc hội Pháp, có hai giải pháp: Một, tiếp tục chiến tranh với những điều kiện rất khó khăn của nước Pháp, hoặc dựa vào Mỹ. Hai, chấm dứt cuộc chiến bằng cách điều đình với Chính phủ Hồ Chí Minh, một giải pháp mà chính Măng-đét Phrăng cũng cho là "nặng nề, xót xa, bất công" nhưng phải lẽ.

Chính phủ Plè-ven tìm ra giải pháp thứ ba.

Từ tháng 6 năm 1949, tại vịnh Hạ Long, Cao ủy Pháp Bô-la-e đã ký với Nguyễn Văn Xuân và Bảo Đại một tuyên bố chung, trong đó long trọng thừa nhận "độc lập" và "thống nhất" của Việt Nam. Nhưng chỉ ba ngày sau đó, Bộ trưởng Bộ Pháp quốc hải ngoại đã tuyên bố tại Quốc hội: Chính phủ Pháp vẫn duy trì sự thống nhất về ngoại giao và quốc phòng trong khối liên hiệp, Việt Nam chỉ có lực lượng cảnh sát chịu trách nhiệm về nội an, trước mắt quy chế "ba kỳ" trong những hiệp ước ký với triều đình Huế vẫn không thay đổi, kể cả quy chế về Nam Kỳ, nếu chưa có quyết định của Quốc hội Pháp (!).

Với sự thúc ép của Mỹ, hai tháng sau, ngày 3 tháng 8 năm 1949, Hiệp ước Ê-ly-dê giữa Tổng thống Pháp Vanh-xăng Ô-ri-ôn, Bộ trưởng Bộ Pháp quốc hải ngoại Cốt Phơ-lô-rê và Bảo Đại mới ra đời. Pháp công nhận Việt Nam

độc lập, có một quân đội 50.000 người với những sĩ quan người Việt, nhưng do người Pháp huấn luyện và điều khiển. Về ngoại giao, Việt Nam chỉ được đặt đại sứ ở Xiêm (Thái Lan), Trung Hoa (Tưởng Giới Thạch), Ấn Độ và Tòa thánh Va-ti-căng. Về vấn đề thống nhất Việt Nam, hiệp ước ghi: "Nước Pháp sẽ không chống lại sự thống nhất ba kỳ...".

Nhưng suốt những năm qua, các nhân vật trong "chính phủ Việt Nam" vẫn là những tên bù nhìn thâm hại. Thâm họa của quân Pháp trên đường số 4 đem lại cho chúng một dịp quấy phá, công khai phê phán tư tưởng chủ nghĩa thực dân của những viên chức Pháp trong các cuộc đàm phán.

Ngày 22 tháng 10 năm 1950, Thủ tướng Plê-ven bất thần đề nghị Quốc hội thông qua một bản hiệp ước trao cho các nước Đông Dương chủ quyền, độc lập, có chính quyền, ngoại giao và quân đội, chấm dứt sự bảo trợ của Pháp, và chuyển giao quyền hành chính cho người Việt trước ngày 1 tháng 1 năm 1951.

Vì đâu chủ nghĩa thực dân Pháp cực kỳ bảo thủ lại bỗng nhiên trở nên hào phóng dù chỉ là với bọn bù nhìn? Pháp đã thấy không còn lực lượng để tiếp tục cuộc chiến. Hiệp ước này sẽ cho phép có thêm 500.000 quân ngụy do Mỹ trang bị vũ khí và góp phần nuôi dưỡng! Đây là cách duy nhất đối phó với tình hình đã trở nên cực kỳ bất lợi với quân viễn chinh, cùng với sức ép ngày càng tăng trong Quốc hội cũng như dư luận Pháp.

Giới cầm quyền Pháp thừa biết quyết định này sẽ mở đường cho Mỹ nắm ngụy quyền và quân đội của nó. Không phải ngẫu nhiên Mỹ nhiều lần thúc ép Pháp làm việc này. Họ cũng biết không thể dựa vào những tên bán nước bị đồng bào mình khinh bỉ để chống lại cả một dân tộc chiến đấu cho độc lập, tự do thực sự, đang trên đà thắng lợi. Nhưng họ không còn sự lựa chọn nào khác.

Một quyết định nữa của Chính phủ Pháp là thay thế Các-păng-chi-ê đã quá mất tinh thần!

Những người đầu tiên được mời là Gioăng và Kơ-ních đều thoái thác. Tổng thống Vanh-xăng Ô-ri-ôn gọi ý chọn Đờ Lát đờ Tát-xi-nhi. Theo ông, viên tướng 5 sao đã chỉ huy tập đoàn quân 1 tiến từ bờ biển Địa Trung Hải miền Nam nước Pháp đến sông Đa-nuýp cuối Thế chiến thứ hai, là người duy nhất có tầm cỡ đưa đội quân viễn chinh thoát khỏi hiểm họa. Nhưng không phải không có người phân bác. Thủ tướng Plê-ven nói: "Một nửa sĩ quan sẽ bỏ đi vì ông ta nổi tiếng nướng quân!". Cuối cùng, Chính phủ đồng ý với Tổng thống.

Các tướng lĩnh Pháp đã rõ những khó khăn, bế tắc trên chiến trường Đông Dương. Có người cho là Đờ Lát thích những công việc mà mọi người từ nan. Đờ Lát đã

nhanh chóng nhận nhiệm vụ chỉ với một điều kiện: Phải trao cho mình cả quyền dân sự và quân sự. Ông ta không tin có thể xoay chuyển tình hình nếu còn ai đó ở trên mình.

Ngày 6 tháng 12 năm 1950, Hội đồng Bộ trưởng Pháp bổ nhiệm Đờ Lát chức Cao ủy kiêm Tổng chỉ huy ở Đông Dương. Lần đầu có người đảm đương một lúc cả hai nhiệm vụ này.

uối năm 1950, tổng quân số của ta là 238.884 người. So với mùa Hè thì lực lượng của ta tăng nhanh. Nhưng cùng thời gian đó, lực lượng địch cũng tăng lên 239.000 người. Đây là năm duy nhất trong suốt cuộc chiến tranh, về mặt số quân, ta và địch có số lượng tương đương.

Trên chiến trường cả nước, lực lượng ta phân chia không đều: Bắc Bộ: 66%. Riêng chủ lực trực thuộc Bộ Tổng Tư lệnh chiếm 38%.

Trung Bộ: 19%.

Nam Bộ: 12%.

Thượng Lào: 3%.

Chúng ta không thể phát triển lực lượng nhanh vì gặp khó khăn về trang bị, cấp dưỡng, và những vùng dân cư đông vẫn nằm dưới sự kiểm soát của địch.

Nhiệm vụ giai đoạn mới đòi hỏi ta phải có một khối chủ lực mạnh trên miền Bắc đã trở thành chiến trường chính.

Ngoài Đại đoàn 308 và Đại đoàn 304 đã được tổ chức từ trước, cuối năm 1950, ngày 25 tháng 12, Bộ quyết định thành lập Đại đoàn 312. Nòng cốt của đại đoàn là Trung đoàn 209 trực thuộc Bộ, cộng thêm Trung đoàn 165 điều từ Mặt trận Tây Bắc về, Trung đoàn 141 mới thành lập với hai tiểu đoàn 11 và 16 của Đại đoàn 308, và một tiểu đoàn độc lập của Liên khu Việt Bắc.

Đầu năm 1951, ta thành lập thêm ba đại đoàn bộ binh, một đại đoàn công binh và pháo binh, thường được gọi là đại đoàn công pháo.

Đại đoàn 320 thành lập ngày 16 tháng 1 năm 1951, gồm hai trung đoàn chủ lực của Liên khu 3 (48 và 64) và Trung đoàn Tây Tiến 52.

Đại đoàn 325 thành lập ngày 11 tháng 3 năm 1951 trên cơ sở của ba trung đoàn chủ lực của Mặt trận Bình - Trị - Thiên.

Đại đoàn 351 (đại đoàn công pháo) thành lập ngày 27 tháng 3 năm 1951 gồm Trung đoàn sơn pháo 75mm với tiểu đoàn pháo của Đại đoàn 308, các đại đội pháo

của Trung đoàn 209 và Trung đoàn 174 ghép lại; Trung đoàn lựu pháo 105mm (vốn là Trung đoàn bộ binh 34 của Liên khu 3, chuyển binh chủng ở Trung Quốc, tới Chiến dịch Điện Biên Phủ mới có mặt trong đội hình); và Trung đoàn công binh 151 đã có từ trước.

Đại đoàn 316 được thành lập ngày 1 tháng 5 năm 1951, với Trung đoàn 174 trực thuộc Bộ làm nòng cốt, Trung đoàn 98 thuộc Mặt trận Đông Bắc, và Trung đoàn 176 của tỉnh Lạng Sơn.

Khối chủ lực của Bộ gồm sáu đại đoàn: 304, 308, 312, 316, 320, 325 được giữ nguyên vẹn cho tới kết thúc chiến tranh chống Pháp. Đây chỉ là tổ chức lại những đơn vị đã có sẵn với chất lượng không đồng đều. Mạnh hơn cả là Đại đoàn 308 được thành lập từ trước, đánh tập trung sớm, nên cả ba trung đoàn đều đánh giỏi. Đại đoàn 308 được kể địch mệnh danh là "sự đoàn thép". Tiếp đó là Đại đoàn 312, có hai trung đoàn đánh tốt. Các đại đoàn khác có từ một tới hai trung đoàn đánh tốt. Riêng Đại đoàn 320 có nhiều kinh nghiệm hoạt động ở đồng bằng địch hậu.

Do chủ lực các liên khu được đôn lên thành đại đoàn nên ở liên khu chỉ còn bộ đội địa phương.

Việc trang bị vũ khí vẫn gặp nhiều khó khăn. Trung Quốc đã đưa Chí nguyện quân sang chiến đấu ở Triều Tiên. Để trang bị cho sáu đại đoàn bộ binh, nhu cầu vũ khí của ta lên tới 1.200 tấn. Trong năm 1950, bạn chỉ giao được 20%. Nguồn vũ khí của ta lúc này một phần dựa vào bạn, nhưng phần chủ yếu vẫn là lấy của địch và do ta tự sản xuất.

Trong tổng số quân viễn chinh vào cuối năm 1950 là 239.000 người, chỉ có 117.000 lính Âu - Phi. So với trước Chiến dịch Biên Giới, quân số địch tăng lên năm vạn, chủ yếu là lính ngụy. Tính đơn vị, địch có 118 tiểu đoàn bộ binh, 13 tiểu đoàn pháo binh, ba trung đoàn thiết giáp; về không quân, địch có 143 máy bay các loại; về hải quân, địch có 263 tàu các loại, trong đó có một tuần dương hạm (Duguay Troin), một thông báo hạm hạng nặng (La Grondière), một thông báo hạm hạng nhẹ (La Moqueuse).

Phân chia lực lượng địch trên các chiến trường như sau:

Bắc Bộ: 54%, với 64 tiểu đoàn: 28 tiểu đoàn làm nhiệm vụ chiếm đóng (10 tiểu đoàn Âu - Phi, 18 tiểu đoàn ngụy), 20 tiểu đoàn cơ động chiến lược (17 tiểu đoàn Âu - Phi, ba tiểu đoàn ngụy), 16 tiểu đoàn cơ động chiến thuật (14 tiểu đoàn Âu - Phi, hai tiểu đoàn ngụy). Về binh chủng có: Sáu tiểu đoàn pháo binh, hai trung đoàn cơ giới, một tiểu đoàn công binh.

Trung Bộ: 17%, với 20 tiểu đoàn: 16 tiểu đoàn làm nhiệm vụ chiếm đóng (10 tiểu đoàn Âu - Phi, sáu tiểu đoàn ngụy), bốn tiểu đoàn cơ động chiến thuật đều là Âu - Phi. Về bình chủng: Một tiểu đoàn pháo binh, bốn trung đoàn cơ giới, một tiểu đoàn công binh.

Nam Bộ: 19%, với 23 tiểu đoàn: 21 tiểu đoàn chiếm đóng (20 tiểu đoàn Âu - Phi, một tiểu đoàn ngụy). Hai tiểu đoàn cơ động chiến lược toàn là Âu - Phi.

Lào: 6%, với bảy tiểu đoàn chiếm đóng toàn là người Lào.

Cam-pu-chia: 4%, với một tiểu đoàn Âu - Phi và ba tiểu đoàn người Khơ-me làm nhiệm vụ chiếm đóng.

Trong năm 1950, địch tích cực phát triển quân ngụy, một phần để bù đắp số thiếu hụt trong đội quân viễn chinh, một phần để xây dựng quân ngụy theo chương trình "quân đội các quốc gia liên kết", chúng đã tuyển mộ trên lính ngụy, đại bộ phận (30.000) là lấy ở Nam Bộ.

Quân đội ngụy lúc này đã có 30 tiểu đoàn.

Để đối phó với khối chủ lực của Bộ, địch gấp rút xây dựng bảy binh đoàn cơ động (groupement mobile, gọi tắt là GM). Mỗi binh đoàn này tương đương với một trung đoàn, gồm ba tiểu đoàn bộ binh, một cụm pháo binh, một đại đội công binh. Lúc này mới có bốn đến năm binh đoàn đủ khả năng hoạt động.

Các binh đoàn cơ động đều bố trí ở bắc và đông - bắc Hà Nội: Binh đoàn cơ động số 1 ở Bắc Ninh. Binh đoàn cơ động số 2 ở Gia Lâm. Binh đoàn cơ động số 3 ở Vĩnh Yên, Việt Trì. Binh đoàn cơ động số 4 ở Hải Dương. Binh đoàn cơ động số 5 ở Bắc Giang. Binh đoàn cơ động Bắc Phi ở Phủ Lỗ. Binh đoàn cơ động số 7 ở Đông Triều.

Các tiểu đoàn dù đều đóng chung quanh Hà Nội.

Nghiên cứu cách bố trí lực lượng của địch, có thể thấy chúng đề phòng một cuộc tiến công lớn của ta về hướng trung du.

uộc chiến ở Triều Tiên nổ ra vào cuối tháng 6 năm 1950. Chỉ một thời gian ngắn, quân đội Bắc Triều Tiên đã chiếm đóng phần lớn Nam Triều Tiên. Mọi người đều vui mừng vì cuộc chiến của Việt Nam không còn đơn độc. Riêng Bác giữ thái độ dè dặt. Bác nói với chúng tôi: "Quân đội Bắc Triều Tiên vượt giới tuyến tạm thời tiến xuống phía Nam, nơi có quân Mỹ đóng, chắc chắn Mỹ sẽ có phản ứng, nhất là sau khi Mỹ bị đẩy khỏi lục địa

Trung Hoa. Cuộc chiến đấu của nhân dân Triều Tiên sẽ khó khăn và lâu dài". Khi Chiến dịch Biên Giới bắt đầu nổ súng thì được tin quân Mỹ đổ bộ vào Triều Tiên,

không chỉ ở Nam Triều Tiên mà cả bên trên vĩ tuyến 38. Sau đó, quân đội Bắc Triều Tiên buộc phải rút lui. Một bộ phận quân Mỹ tiến sát sông Ấp Lục. Cuối tháng 10 năm 1950, Trung Quốc đã phải đưa Chí nguyện quân sang Bắc Triều Tiên. Cuộc chiến đấu diễn ra rất quyết liệt. Chiến trường Triều Tiên trở thành nơi đối đầu quân sự giữa Đông và Tây, giữa quân đội Trung Quốc, quân đội Bắc Triều Tiên, máy bay Liên Xô, với quân đội Mỹ và nhiều nước chư hầu. Những tổn thất về người của hai bên rất lớn.

Đối với Bác, độc lập và thống nhất của Việt Nam là nguyên tắc không thay đổi. Nhưng suốt quá trình mưu tìm độc lập, tự do bao giờ Người cũng tính cách giành thắng lợi với tổn thất ít nhất bằng những sách lược khôn khéo. Từ đầu năm 1950, nước Việt Nam dân chủ cộng hòa được tất cả các nước xã hội chủ nghĩa công nhận. Sự kiện này mở ra một triển vọng mới cho cách mạng Việt Nam. Nhưng chúng ta cũng có thêm nghĩa vụ mới, và đứng trước những thử thách mới. Nước Việt Nam trở thành một tiền đồn của phe xã hội chủ nghĩa ở Đông Nam Á. Bác suy nghĩ rất nhiều.

Trong bản huấn thị ở hội nghị tổng kết Chiến dịch Biên Giới, Người đã nhấn mạnh hai điều. Một, "trận thắng lợi này chỉ là một thắng lợi bước đầu". Hai, "phải tranh thủ thời gian".

Những sa sút tinh thần của đội quân viễn chinh là điều cần sớm khai thác.

Chủ trương chiến lược của ta là nhanh chóng khuếch trương thắng lợi ở biên giới, liên tục tiến công tiêu diệt sinh lực dịch để giữ vững quyền chủ động, giải phóng từng vùng đất đai tiến tới giải phóng vùng đồng bằng Bắc Bộ làm thay đổi cục diện chiến trường.

Cũng tại hội nghị Chợ Đồn, anh Trường Chinh đã nhắc lại nhiệm vụ quân sự của Đảng năm 1950 trên chiến trường Bắc Bộ là:

"1. Giải phóng biên giới, mở thông đường giao thông vận tải quốc tế.

1. Đánh dân trung du, cũng cố căn cứ địa chính, chọc thủng hành lang đông - tây.
2. Phát triển du kích đến cao độ sau lưng địch, phá hoại kế hoạch chiếm đóng đồng bằng Bắc Bộ của chúng".

Lúc này, ở Bắc Bộ, đại bộ phận quân địch, gồm 51 tiểu đoàn, tập trung tại 15 tỉnh, thành ở đồng bằng và trung du, có diện tích 21.000 ki-lô-mét vuông và 8.000.000 dân. Ở Tây Bắc, địch chỉ có ba tiểu đoàn.

Nếu muốn tranh thủ thời cơ khi địch đang dao động lại chưa kịp cũng cố phòng ngự tại đồng bằng, ta phải mở những chiến dịch nhắm vào trung du và đồng bằng, trước hết là trung du.

Đánh trung du sẽ có điều kiện tiêu diệt những sinh lực địch quan trọng, đẩy lui địch khỏi những vùng tương đối đông dân và trù phú giáp với Việt Bắc, góp phần cũng cố và mở rộng căn cứ địa. Người dân các tỉnh trung du rất gắn bó với cách mạng đang trông đọi bộ đội về giải phóng. Một thuận lợi nữa là tại đây ta đã chuẩn bị được một số lượng thực cho chiến dịch.

Nhứng đ́anh hứng dula`dungvaopho`ngtuýnvongngoa`ib́aov`e Ha`Nội.Nhứngd́ainúicao`ViệtB́ac,T́ayB́acđổd`anvẽch́authổ sỏngHổngtơiđ́aychỉcỏnla`nhứnggỏdổitrọc,ćaycỡilúpxúp,t iệpđ́enla`nhứngćanhổngb`angph́angkhỏngćodịahinhchobộ dộíanńaukhit́acchíen.Trungdućomộtmạngđu`ongśa,sỏng ngỏikh́athuạntiệnchoviệcdichuýenxethíetgíapva`nhứngt hủydội.Địahinhna`ychophẹpdịchph́athuysưcmạnhcứakhỏn gqúan,ph́aobinhva`nhứngbinhdo`ancơdộng.Đ́ola`nhứngth ứth́achmơid́angch`obộdội ta.

Tôi trao đổi với đồng chí Vi Quốc Thanh về những thuận lợi và khó khăn khi bộ đội trở về tác chiến ở trung du và đồng bằng. Bạn giới thiệu với chúng ta về chiến thuật "bôn tập" của Giải phóng quân Trung Quốc. Bộ đội sẽ đóng quân cách địch khoảng 15 ki-lô-mét, ngoài tầm pháo của chúng, bất thần tiếp cận địch ban đêm, tiêu diệt quân địch và giải quyết chiến trường trong vài giờ, quay trở về căn cứ xuất phát trước khi trời sáng. Cách đánh này cho phép ta hạn chế hỏa lực máy bay, đại bác địch, đặc biệt là hỏa lực máy bay. Nhưng chỉ có thể vận dụng nó trong đánh điểm. Nó rất phù hợp với cách đánh của ta trước đây là: Giải quyết gọn cứ điểm địch trong một đêm để hạn chế ưu thế áp đảo của máy bay và pháo, vô hiệu hóa lực lượng tăng viện của địch. Chỉ có khác là lần này đánh các cứ điểm ở đồng bằng nên phải tiếp cận địch xa hơn, bộ đội sẽ tiêu hao nhiều hơn về thể lực.

Từ cuối tháng 9, Bộ Tổng Tham mưu đã cử cán bộ xuống phối hợp với Liên khu Việt Bắc chuẩn bị chiến trường. Hạ tuần tháng 11 năm 1950, Ban Thường vụ Trung ương phê chuẩn phương án tác chiến của Bộ Tổng Tư lệnh, quyết định mở Chiến dịch Trần Hưng Đạo, tiến công địch ở trung du, vùng duyên hải Đông Bắc và Liên khu 3, nhằm mục đích: - Tiêu diệt sinh lực địch. - Mở rộng khu lương thực, phát triển du kích chiến tranh. - Tranh thủ thời gian phá kế hoạch củng cố của địch.

Lực lượng tham gia chiến dịch gồm hai đại đoàn, năm trung đoàn chủ lực, bốn đại đội pháo binh, bốn tiểu đoàn bộ đội địa phương và dân quân, du kích. Hướng chính là vùng trung du từ Việt Trì tới Bắc Giang, đòn tiến công

chủ yếu nhằm vào khu vực Vĩnh Yên - Phúc Yên, có hai đại đoàn. Hướng phụ là vùng duyên hải Đông Bắc có hai trung đoàn, và Liên khu 3 với ba trung đoàn.

Đảng ủy Mặt trận được chỉ định ngày 30 tháng 11 năm 1950 gồm năm đồng chí: Võ Nguyên Giáp, Nguyễn Chí Thanh, Chu Văn Tấn, Trần Hữu Dực, Đào Văn Trường. Tôi là Bí thư và Chỉ huy trưởng mặt trận.

Chiến dịch sẽ chia thành hai đợt hoạt động.

Đợt 1 nhằm thu hút quân viện và thăm dò cách đối phó của địch. Ta chủ trương từng tiểu đoàn đứng chân trên địa bàn cách địch 10-15 ki-lô-mét, vận động thật nhanh tới, đánh đồng loạt một số cứ điểm đột xuất trên tuyến trung du đối diện với ta. Lực lượng ta được bố trí trên những khu vực dự kiến để tiêu diệt quân viện. Các đơn vị đánh điểm cần giải quyết chiến trường nhanh, rút nhanh, trước khi trời sáng đã trở về căn cứ.

Tới đợt 2, ta sẽ căn cứ vào cách đối phó của địch, tập trung lực lượng về một hướng địch yếu và sơ hở, vận dụng chiến thuật "đánh điểm diệt viện" từ tiêu diệt cứ điểm nhỏ, diệt viện nhỏ tiến tới tiêu diệt cứ điểm lớn và diệt viện lớn.

Dự kiến những khó khăn lớn trên chiến trường, Đảng ủy chủ trương làm công tác tư tưởng cho bộ đội hiểu rõ: Không nhất thiết trận đánh sau sẽ lớn hơn trận đánh trước, mà có thể góp nhiều chiến thắng nhỏ thành một chiến thắng lớn. Vận dụng kinh nghiệm của Chiến dịch Biên Giới, Đảng ủy yêu cầu từng đơn vị vừa phát huy cao độ tính chủ động linh hoạt sáng tạo trong chiến đấu, vừa tuân thủ sự chỉ đạo, chỉ huy theo một kế hoạch chung.

Để giữ bí mật về hướng và thời gian mở chiến dịch, hai đại đoàn 308, 312 được lệnh ở lại biên giới cho tới gần ngày N.

Sở chỉ huy chiến dịch thời gian đầu chuyển về Khuôn Chu, chân núi Tam Đảo, sau chuyển lên đỉnh núi Tam Đảo. Tại đây có thể theo dõi tình hình mặt trận trên cả hai hướng Thái Nguyên và Vĩnh Yên.

Trước ngày lên đường đi chiến dịch, các đơn vị nhận được thư Bác. Từng phân đội cho đến tổ ba người đều động viên nhau thực hiện lời dặn dò của Bác:

"Mỗi một người, mỗi một đơn vị, mỗi bộ phận đều phải:

Bi mật hơn

Nhanh chóng hơn

Kien quyet hon!".

Tổng số quân tham dự Chiến dịch Trần Hưng Đạo là 27.638 người. Trong đợt 1 chiến dịch, chúng ta chỉ đánh một số cứ điểm đại đội, hoặc đại đội tăng

cường. Mục tiêu của đợt này là tiêu diệt từ hai đến ba tiểu đoàn. Một mục tiêu khá khiêm tốn so với Chiến dịch Biên Giới.

Chúng ta vừa tiêu diệt hai binh đoàn địch trong vòng 13 ngày tại biên giới trong những trận đánh mặt đối mặt. Nhưng chỉ hai tháng sau, hôm nay, lại phải quay về cách đánh nhỏ trước đây! Chắc chắn không phải như vậy. Thời kỳ né tránh những cuộc tiến công của kẻ thù đã qua. Chúng ta bắt đầu đi tìm một trận đánh quyết định. Ta đã nhìn thấy những trở ngại khi đưa bộ đội về chiến đấu trên địa hình đồng bằng với một kẻ thù tuy đang dao động nhưng vẫn mạnh hơn ta rất nhiều về vũ khí và phương tiện.

Nhưng khi vào chiến dịch ta mới thấy chưa lường trước hết mọi khó khăn.

4

hiến dịch Trần Hưng Đạo thường được gọi là Chiến dịch Trung Du vì trung du được chọn là chiến trường chính, là nơi diễn ra những hoạt động chủ yếu của chiến dịch.

Lực lượng ta ở đây có hai đại đoàn 308, 312 (thiếu một trung đoàn), ba liên đội sơn pháo 75mm, mỗi liên đội có bốn khẩu sơn pháo, bốn tiểu đoàn bộ đội địa phương của tỉnh Vĩnh Phúc (Vĩnh Yên - Phúc Yên), Bắc Ninh, Bắc Giang, và hai đại đội công binh.

Lực lượng của địch ở ba tỉnh trung du: Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Bắc Giang có 14.806 người, bao gồm 9.326 quân Âu - Phi, 5.480 lính ngụy và thổ phỉ. Binh đoàn cơ động số 3 của địch trú quân ngay tại Vĩnh Yên - Việt Trì. Các binh đoàn cơ động khác đóng ở Bắc Ninh, Gia Lâm, Bắc Giang, Hải Dương, Đông Triều có thể nhanh chóng can thiệp khi một nơi bị tiến công.

Địch tuy đông nhưng phải phân tán để làm nhiệm vụ giữ đất. Đa số dân chúng trong vùng vẫn thuộc về ta. Trong 705 ban tế địch đã lập ở ba tỉnh chỉ có 203 ban tế phân động, còn 502 ban đều có liên hệ với kháng chiến. Riêng tỉnh Vĩnh Phúc, được chọn làm hướng chủ yếu, là nơi địch tương đối yếu. Tại dây chúng có 4.300 người, với 2.400 Âu - Phi, 1.900 lính ngụy, năm pháo 105mm và bốn pháo 75mm. Địch đã lập 175 ban tế, nhưng chỉ có 20 ban tế phân động, 135 ban tế đã theo ta, 20 ban khác giữ thái độ lưng chừng. Có tình trạng này là do ta đã phát động được

chiến tranh nhân dân. Trước áp lực mạnh của địch, lực lượng kháng chiến vẫn tồn tại bằng cách ẩn mình tại chỗ, khi có điều kiện lại xuất hiện phục hồi và phát triển phong trào. Mở

những chiến dịch lớn thu hút lực lượng dịch vào mặt trận chính là cách hỗ trợ tích cực cho chiến tranh nhân dân ở hậu dịch phát triển.

Hạ tuần tháng 12 năm 1950, hai đại đoàn chủ lực của ta từ Cao Bằng, Lạng Sơn bí mật di chuyển về phía nam. Bộ đội đã xa khu căn cứ hơn một năm. Những làng bản, phố xá trên dọc đường đối với họ xiết bao thân thuộc. Dưới những mái nhà tranh leo lét ngọn đèn dầu kia có những người thân đang trông chờ họ. Để giữ bí mật không một cán bộ, chiến sĩ nào ghé qua nhà. Đoàn quân xuất hiện bất thần, đi mải miết, như một cơn lốc tràn qua khu căn cứ. Sau hai tháng học tập, cũng cố, được nuôi dưỡng tốt với nguồn lương thực do Trung Quốc viện trợ, các chiến sĩ ta lại tràn đầy sinh lực, phấn khởi vì chiến thắng và mặt trận đang chuyển mình về phía nam.

Ngày 25 tháng 12 năm 1950, cả hai đại đoàn có mặt ở vị trí tập kết. Bộ đội đã hành quân mười bốn đêm liền từ biên giới Cao - Lạng về tới trung du. Tới nơi là nổ súng đánh dịch ngay để tạo thế bất ngờ...

Ta đã giữ được hoàn toàn bí mật trong chuyển quân. Nhưng kẻ địch vẫn tung ra một số hoạt động thăm dò. Từ trung tuần tháng 12 năm 1950, Bộ Tổng Tham mưu đã thông báo cho các chiến trường xa, Bộ sẽ mở chiến dịch, các khu cần có hoạt động phối hợp, không cho dịch đưa quân từ Nam tăng viện ra Bắc. Sau này chúng ta mới biết, nguồn tin tình báo quan trọng nhất mà dịch thu thập được, lại chính là những bức điện mật mã của ta chuyển đi các địa phương.

Theo kế hoạch Chiến dịch Trần Hưng Đạo sẽ mở màn tại trung du vào đêm 26 tháng 12 năm 1950.

Sáng ngày 26 tháng 12, anh Lê Trọng Tấn, Đại đoàn trưởng Đại đoàn 312, báo cáo với Bộ chỉ huy chiến dịch: Một cánh quân dịch ước chừng một binh đoàn đang tiến về Liễn Sơn, Xuân Trạch thuộc huyện Lập Thạch, Vĩnh Phúc, là nơi hai trung đoàn của Đại đoàn 312 đang tập kết. Anh Tấn đề nghị cho đơn vị nổ súng tiêu diệt lực lượng này. Đây là điều đáng mừng. Ta đang định kéo quân dịch ra khỏi công sự đi vào những khu vực ta đã chuẩn bị thì chúng lại tự ý tiến sâu vào vùng tự do đang có lực lượng ta!

Tôi đồng ý ngay với đề nghị của đại đoàn, và nói với đồng chí đại đoàn trưởng: "Không bỏ lỡ cơ hội tốt này. Coi như đơn vị các đồng chí nổ súng mở màn chiến dịch. Trận đấu phải thắng thật giòn giã!".

Anh Lê Trọng Tấn chỉ huy ba tiểu đoàn đánh vận động, tiêu diệt gọn một tiểu đoàn da đen và tiêu hao nặng một tiểu đoàn khác. Dịch hốt hoảng rút chạy bỏ lại cả trận địa pháo. Đại đoàn ngại lộ mục tiêu chiến dịch, không ra lệnh cho bộ đội truy kích. Không thấy ta đuổi theo, dịch quay lại kéo pháo về Vĩnh Yên.

Viên quan tư tiểu đoàn trưởng bị bắt tại trận cùng với 300 quân, khai tên y là Pi-xca chỉ huy tiểu đoàn 1, trung đoàn 24 bộ binh người Xê-nê-gan (1/24 RMTS), thuộc binh đoàn cơ động số 3 do đại tá Muy-le chỉ huy, đang tham gia vào một chiến dịch càn quét có tên là "Con dê giun" (Bécassine).

Đại đoàn 312, vì bận tác chiến không có điều kiện tổ chức lễ thành lập đại đoàn, sau đó đã quyết định lấy ngày chiến thắng Liễn Sơn - Xuân Trạch (ngày 27 tháng 12 năm 1950) làm ngày truyền thống của đại đoàn. Chiến thắng Liễn Sơn - Xuân Trạch tạo đà phấn khởi cho chiến dịch. Tình thần quân địch rõ ràng là chịu ảnh hưởng những thất trận ở biên giới.

Theo đúng kế hoạch, từ đêm ngày 26 đến đêm ngày 29 tháng 12 năm 1950, bộ đội ta đồng loạt tiến công nhiều vị trí địch ở cả Trung du và Đông Bắc.

Hướng Trung du, các tiểu đoàn thuộc Đại đoàn 308 tiêu diệt gọn các vị trí: Hữu Bằng, Thần Lần, Tú Tạo, Gò Sôi, Ấp Cà Phê, Gò Âu và Yên Phụ. Riêng trận Chợ Thá phải dừng lại giữa chừng vì trời sáng. Trung đoàn 209 của Đại đoàn 312 đánh Chợ Vàng hai lần không thành công.

Hướng Đông Bắc, Trung đoàn 174 tiêu diệt vị trí Bình Liêu. Địch đưa viện lên Bình Liêu, nhưng Trung đoàn 98 bỏ lỡ cơ hội đánh viện. Bị uy hiếp mạnh, địch vội vã rút các vị trí Châu Sơn, Khe Mo, Phong Dụ, Hoành Mô co về cố thủ ở Tiên Yên.

Bộ đội ta lần đầu tiên tiêu diệt hàng loạt cứ điểm địch trên địa hình trung du, thực hiện thành công cách đánh bôn tập. Các trận đánh đều được giải quyết trong một đêm, tiến hành cùng lúc ở nhiều nơi, hạn chế khả năng chi viện bằng pháo binh, can thiệp bằng máy bay và những đội quân ứng chiến, khi trời sáng, bộ đội ta đã ra khỏi tầm kiểm soát của pháo binh địch.

Ngày 30 tháng 12 năm 1950, Bộ chỉ huy chiến dịch cho kết thúc đợt 1. Chúng ta đã hoàn thành nhiệm vụ để ra cho đợt này, loại khỏi vòng chiến đấu 1.200 tên địch, trong đó có hai phần ba là Âu - Phi.

Qua khai thác tù binh, ta biết địch đã phần nào phán đoán đúng hướng tiến công. Chúng dự kiến hướng thứ nhất của ta sẽ tiến công từ Việt Trì tới Vĩnh Yên, nếu thắng sẽ tiến về Sơn Tây và Hà Nội. Hướng thứ hai sẽ tiến đánh vào Bắc Ninh, Bắc Giang, rồi đánh thắng về Hải Dương cắt đứt đường số 5. Đồng thời địch cũng để

phòng hướng Hải Ninh. Tuy nhiên, khi cuộc tiến công nổ ra, chúng vẫn lúng túng trong cách đối phó. Tinh thần của địch khá sút kém. Tại Xuân Trạch khi bị bao vây, từng trung đội ra hàng. Ở các vị trí địch chống cự yếu ớt, thường rút vào hầm cố thủ chờ quân ứng cứu. Ở Bình Liêu, quân viện lên thấy đồn bị tiêu diệt lập tức rút lui.

Ngoài tiến bộ trong đánh tiêu diệt cứ điểm, công tác hậu cần chiến dịch cũng có bước phát triển. Ta đã đưa những kho gạo nhỏ vào sát mặt trận khoảng sáu ki-lô-mét, bảo đảm tiếp lương nhanh chóng cho bộ đội khi tác chiến. Bộ đội có lương khô mang theo. Các đại đội được cấp phiếu "Vận động chiến" có thể lấy lương thực, thực phẩm ngay tại chỗ, ở các xã vùng tạm bị chiếm trên địa bàn chiến dịch. Mỗi trung đoàn đều được phối thuộc từ 250 đến 300 dân công làm nhiệm vụ tài thương. Để tập trung lực lượng phục vụ chiến dịch, các trường trung cấp, sơ cấp quân y tạm thời nghỉ học; 10 bác sĩ, 91 y sĩ, dược sĩ, 264 y tá cứu thương lên đường ra tiền tuyến. Các ban quân y, trạm sơ cứu, đội phẫu thuật của đơn vị đều được bổ sung thêm thuốc men, dụng cụ.

Số thương vong đợt 1 của ta bằng hai phần ba của địch: 218 người hy sinh, 630 người bị thương.

5 gày 17 tháng 12 năm 1950, Đờ Lát cùng Lơ-tuốc-nô, Bộ trưởng Bộ Quốc gia liên kết, đi máy bay riêng tới Sài Gòn.

Đờ Lát đã khẳng định uy quyền của mình ngay từ giây phút đầu tiên. Ông ta xuất hiện một mình ở khung cửa máy bay với bộ lễ phục màu trắng nổi bật. Dừng lại giây lát, tay chống can, đưa mắt nhìn đám đông, rồi ông ta mới chậm rãi bước xuống cầu thang. Đờ Lát không giấu giếm thái độ lạnh nhạt và coi thường hai người tiền nhiệm về dân sự và quân sự ra đón mình. Ông ta tuyên bố cách chức tại chỗ viên tư lệnh địa phương đã tổ chức một cuộc duyệt binh thảm hại.

Ngay ngày hôm sau, 18 tháng 12, tại Bộ Tổng Tham mưu, Đờ Lát quyết định trả về Pháp hầu hết những người đang điều hành các bộ phận, và thay thế bằng bộ sậu do mình đem theo: Xa-lăng, vì quen biết Đông Dương, được chỉ định làm Phó tổng chỉ huy; các đại tá An-la, Bô-phrơ, Cô-nhi, Gra-xi-ơ đều là những sĩ quan đã phục vụ tại tập đoàn quân 1 dưới quyền của Đờ Lát.

Viên tướng 5 sao rất nhiều tự tin, đã 62 tuổi, không có ý định chôn vùi sự nghiệp của mình trên chiến trường xa xôi tại một thuộc địa cũ của Pháp. Đờ Lát biết nhà cầm quyền Pháp muốn trao chức vụ này cho mình từ trước khi có lời đề nghị chính thức, ông ta đã cân nhắc mọi khó khăn. Và ông ta cho rằng mình hoàn toàn có khả

năng khôi phục lại tình thế, thậm chí giành chiến thắng bằng việc giữ chắc đồng bằng Bắc Bộ, và xây dựng một đội quân

bản xứ thật mạnh với sự giúp đỡ của Mỹ. Ông ta sẽ làm được một việc mà tất cả các giới chính trị, quân sự ở nước Pháp đều coi là bế tắc, góp thêm vào thành tích bình nghiệm của mình lúc cuối đời.

Cũng trong ngày, Đò Lát được tin những bình lính ở Đình Lập, vị trí cuối cùng còn lại trên đường số 4 nối liền Lạng Sơn với Tiên Yên, đã tự động bỏ đền rút chạy trước sức ép của đối phương.

Ngay hôm sau, ngày 19 tháng 12, Đò Lát bay ra Hà Nội. Đúng ngày này bốn năm trước, Vạn-luy đã làm nổ ra trận đánh trên toàn chiến trường Đông Dương. Dưới bầu trời ảm đạm một buổi chiều đông mưa phùn, tám tiểu đoàn quân viễn chinh trong những bộ trang phục cũ kỹ tổ chức một cuộc diễu bình ỉu xìu đón chào tân Tổng chỉ huy. Đò Lát rời lễ đài tiến lại gần bình lính, chăm chú đứng nhìn họ với cặp mắt thông cảm. Chờ cuộc diễu bình kết thúc, Đò Lát triệu tập các sĩ quan tới gặp mình. Ông ta nói với họ bằng một luận điệu hoàn toàn mới: "Cuộc chiến của chúng ta không vụ lợi, chính vì toàn bộ nền văn minh mà chúng ta chiến đấu bảo vệ Bắc Kỳ. Chúng ta không chiến đấu thống trị, mà cho sự nghiệp giải phóng. Chưa bao giờ chiến tranh lại cao quý như vậy. Tôi mang tới cho các bạn chiến tranh cùng với sự cao thượng cho nó... Tôi đoán chắc với các vị, quân sự cũng như dân sự, từ nay các vị sẽ được chỉ huy". Ngày tiếp theo, Đò Lát xuống Hải Phòng. Ông ta lặp lại cách làm ở Hà Nội. Đò Lát cảnh cáo không thương tiếc những sĩ quan thất trận ở biên giới.

Kiểu cách riêng của Đò Lát đã tác động đáng kể đến tinh thần sa sút của quân viễn chinh.

Ngày 27 tháng 12, bộ trưởng Lơ-tuốc-nô chuyển giao cho Đò Lát một văn thư 23 trang trình bày những chính sách chủ yếu của Pháp ở Đông Dương và thu tóm tư tưởng của chính phủ nhằm định hướng hành động cho Đò Lát. "Toàn bộ hành động của ngài phải dựa trên nguyên tắc: Làm cho nền độc lập của các quốc gia liên kết có hiệu lực chừng nào hay chừng ấy, không coi nhẹ bất cứ điều gì có thể cần cho sự điều khiển một cuộc chiến khó khăn. Phải đem lại cho các quốc gia liên kết những phương tiện và ý chí đảm nhận lấy trách nhiệm chiến đấu chống Việt Minh, đòi hỏi chính phủ của họ cầm quyền và dẫn dắt họ theo một chương trình hành động cho phép ngay tức khắc thành lập những đội quân quốc gia".

Về quân sự, nhiệm vụ của Đò Lát là "phải nâng cao tinh thần suy sụp của quân đội vì những thất bại trên đường số 4, phải thích ứng với sự gia tăng chất lượng khó

lường trước ô kẻ thù, và một cuộc can thiệp Trung Hoa

có thể xảy ra. Trước mắt, theo quyết định của Hội đồng Quốc phòng thì nhất thiết phải bảo vệ Bắc Kỳ, kiên quyết bảo vệ xứ Thái. Nhưng tất nhiên, sự bảo vệ đội quân viễn chinh vẫn quan trọng trên hết. Trong trường hợp cuối cùng, có thể tính đến khả năng di tản bộ phận về Hải Phòng và chung quanh căn cứ Đà Nẵng. Ngược lại, sự có mặt của quân đội Pháp ở Nam Kỳ, nơi vẫn còn những lợi ích chính trị, kinh tế Pháp, là có "tầm quan trọng sống còn".

Đó là những chỉ thị mang nặng tính phòng ngự, dè chừng những biến cố xấu nhất có thể xảy ra, xác định sứ mệnh chủ yếu của Đò Lát là không để cho đội quân viễn chinh bị tiêu diệt và duy trì một số quyền lợi của Pháp ở Nam Bộ.

Nhưng Đò Lát có những tham vọng lớn hơn nhiều.

Ông ta không thể bắt đầu sự nghiệp trên chiến trường Đông Dương bằng một cuộc rút lui có giới hạn. Rút lui khỏi miền Bắc sẽ kéo theo sự suy sụp về tinh thần của quân viễn chinh, của quân đội các quốc gia liên kết, và sẽ là sự ra đi vĩnh viễn của Pháp. Vùng vựa lúa châu thổ của sông Hồng với tám triệu dân nếu bị Việt Minh giành lại, cùng với những vũ khí do Trung Quốc và Liên Xô viện trợ, sẽ là hiểm họa lâu dài đối với Đông Nam Á. Đồng bằng Bắc Bộ chính là chiếc then cửa (verrou) của Đông Dương. Nó phải trở thành nơi ngăn chặn những đợt sóng đỏ từ phía bắc tràn xuống. Trái với ý định của Chính phủ Pháp, Đò Lát chủ trương dồn mọi nỗ lực chiến tranh vào miền Bắc, chủ yếu là đồng bằng Bắc Bộ, để xoay chuyển tình hình, giành lại quyền chủ động trên chiến trường, cuối cùng sẽ đi tới phân công. Hiểu rõ tính bảo thủ của bọn quan cai trị thực dân cũ tại Đông Dương, Đò Lát đã đòi Chính phủ Pháp trao toàn bộ quyền lực về quân sự và chính trị cho mình, vì ông ta biết muốn đạt được ý đồ phải dựa vào Mỹ, và không thể bỏ qua một số yêu cầu của Mỹ.

Đò Lát quay về Sài Gòn thì Chiến dịch Trung Du nổ ra.

Đề nghị của Đò La-tua xin rút quân khỏi Tiên Yên và Móng Cái khiến Đò Lát hết sức tức giận. Từ Sài Gòn, Đò Lát ra lệnh phải ngừng tất cả những cuộc rút lui. Sau đó là những mệnh lệnh liên tiếp: Xa-lăng phải bay ngay ra Hà Nội nắm quyền chỉ huy Bắc Bộ từ tay Đò La-tua. Lấy từ Nam Bộ và Trung Bộ ba tiểu đoàn bộ binh, một cụm pháo tăng cường cho Bắc Bộ. Phải điều ngay từ đồng bằng Bắc Bộ bốn tiểu đoàn bộ binh, một binh đoàn cơ động, một dàn pháo tập trung vào Tiên Yên, Móng Cái để bảo vệ khu vực này bằng mọi giá. Hạm đội của đô đốc Oóc-tô-li phải di chuyển tới vùng biển ngoài khơi Tiên Yên, dùng trọng pháo yểm hộ cho bộ binh. Riêng Hà Nội sẽ được bảo vệ bằng ba binh đoàn cơ động.

Ngày 31 tháng 12, Đò Lát trực tiếp tới Tiên Yên vận động binh lính phải đứng vững trước mọi cuộc tiến công. Chiếc máy bay Mo-ran đưa Đò Lát tới mặt trận. Tại đâu cũng có những cuộc duyệt binh, gắn huân chương và những lòi khích lệ. Như vậy, ở hướng phối hợp Đông Bắc, hai trung đoàn 174 và 98 của ta đã thu hút được một bộ phận quan trọng quân địch.

Sang đợt 2 chiến dịch, Bộ chỉ huy hạ quyết tâm trên hướng chính Trung du sẽ tiêu diệt thị xã Vĩnh Yên, là nơi binh đoàn cơ động số 3 của địch đang chiếm giữ. Binh đoàn này đã bị thiệt hại nặng trong đợt 1. Vĩnh Yên là nơi địch yếu so với những nơi khác trên tuyến trung du. Ta sẽ tiêu diệt cứ điểm lớn, đồng thời chuẩn bị tiêu diệt quân viên. Lực lượng sử dụng là ba trung đoàn 36, 88, 102 của Đại đoàn 308; hai trung đoàn 209, 141 của Đại đoàn 312; hai tiểu đoàn địa phương của Vĩnh Phúc và Phú Thọ cùng với ba liên đội sơn pháo 75mm.

Hướng phụ từ Đông Bắc sẽ chuyển về Bắc Giang với hai trung đoàn 174 và 98 cùng với ba tiểu đoàn địa phương Bắc Ninh, Bắc Giang, Quảng Yên và một liên đội sơn pháo 75mm. Hướng phối hợp là Liên khu 3: Mặt trận Sơn Tây do Đại đoàn 320 và tiểu đoàn địa phương Sơn Tây - Hà Đông phụ trách. Đại đoàn 304 và lực lượng địa phương chịu trách nhiệm Mặt trận Ninh Bình. Mặt tả ngạn giao cho Trung đoàn 42 và lực lượng địa phương.

Ngày 10 tháng 1 năm 1951, Bộ Tổng Tham mưu tổ chức hội nghị trao nhiệm vụ cho các đơn vị ở hướng chính tại Sở chỉ huy chiến dịch ở Khuôn Chu, huyện Đại Từ, chân núi Tam Đảo. Tôi nói với hội nghị: "Quyết tâm của Đảng ủy trong đợt 2 chiến dịch là tập trung ưu thế binh hòa lực trên chiến trường Vĩnh Yên đánh điểm diệt viện. Đò Lát, tổng chỉ huy kiêm cao ủy Đông Dương sang nhận chức vào trung tuần tháng 12 năm 1950 đã tuyên bố: "Không bỏ một tấc đất nào!". Nên ta đánh điểm, địch sẽ viện, viện nhanh và mạnh!".

Sở chỉ huy chiến dịch chuyển từ Khuôn Chu lên đỉnh Tam Đảo. Chúng tôi ở lại thị trấn trên bình độ 800. Thị trấn đã bị phá hoại hoàn toàn, nhưng vẫn có thể lợi dụng những căn hầm còn lại ở các nhà nghỉ mát của viên toàn quyền Pháp cũ và Bảo Đại. Giữa mùa Đông, Tam Đảo lạnh buốt, thường có sương mù. Những khi trời trong, có thể theo dõi qua ống nhòm những trận đánh trên chiến trường Vĩnh Yên.

Đò Lát không ngồi đợi đợt tiến công mới của ta. Ông ta đã nghĩ ngay tới cách giành lại quyền chủ động chiến dịch. Bô-phrơ đề nghị cuộc hành binh "Hình thang" (Trapèze) sử dụng năm binh đoàn cơ động đánh lên Thái Nguyên, nhắm vào cơ sở hậu cần của ta, theo phán đoán là ở chân núi Bắc Sơn. Đò Lát cảm thấy kế hoạch này quá nguy hiểm. Ông ta quyết định thay nó bằng một cuộc hành binh hạn chế,

sử dụng hai binh đoàn cơ động do viên quan tư Rơ-đông chỉ huy hướng về phía Chũ vào ngày 15 tháng 1 năm 1951.

Nhưng Đò Lát chưa thực hiện được kế hoạch này, thì cuộc tiến công đợt 2 của Chiến dịch Trung Du đã bắt đầu.

ê nghi binh thu hút dich, dem 12 tháng 1 nam 1951, tren huong thü yeu ô Bác Bác, cac trung doan 98 và 174 nô sung truoc. Trung doan 174 tiêu diet don Dong Ke. Trung doan 98 danh Cam Ly không thanh cong.

Đêm ngày 13 tháng 1, ở hướng chính, Trung đoàn 141 đánh vị trí Bảo Chúc nằm ở tây - bắc Vĩnh Yên 11 ki-lô-mét. Đây là một cứ điểm mạnh bảo vệ thị xã Vĩnh Yên, có hệ thống lô cốt, hầm hào vững chắc, bao bọc bằng bảy lớp vật cản, do năm trung đội địch chiếm giữ. Các trung đoàn 88, 36 và 209 chiếm lĩnh trận địa ở khu vực Cẩm Trạch, Thanh Vân, Đạo Tú chuẩn bị sẵn sàng đánh viên từ Vĩnh Yên lên.

Quân địch ở Bảo Chúc chống giữ quyết liệt. Từ nửa đêm đến 4 giờ sáng ngày 14 tháng 1, ta mới mở hết hàng rào. Trận đánh chỉ kết thúc vào buổi trưa, ta tiêu diệt và bắt toàn bộ quân địch. Sáng ngày 14, binh đoàn cơ động số 3 từ Vĩnh Yên chia làm hai cánh lên ứng cứu cho Bảo Chúc. Muy-le, hỉ huy binh đoàn, bị cách chức sau trận Liễn Sơn, đã được thay thế bằng Va-nuy-xem. Tiểu đoàn 8 Mường đi đầu tới Thủy An thì bị Trung đoàn 209 chặn đánh, vội co về dãy đồi Cẩm Trạch chống đỡ. Trong khi đó, những tiểu đoàn phía sau của GM3 vẫn tiếp tục dồn lên. Chờ đại bộ phận quân địch lọt vào khu vực dự kiến, các trung đoàn 36 và 88 nhanh chóng xuất kích, vừa vận động tiếp cận địch, vừa hình thành thế bao vây và chia cắt. Bộ đội ta và quân địch quần nhau trên một cánh đồng giữa vùng gò đồi trống trải. Quân địch có máy bay và pháo binh hỗ trợ, nhưng lâm vào thế bị động ngay từ đầu, nên dần dần tan vỡ. Binh đoàn số 3 sau trận Liễn Sơn đã được củng cố, lần này lại bị thiệt hại nặng. Quân địch tháo chạy về Vĩnh Yên. Bộ đội ta truy kích tới thị xã Vĩnh Yên thì dừng lại vì trời đã tối. Trên đường ta truy kích, quân địch ở một số đồn như: Tam Lộng, Mậu Thông, Quất Lưu, Mậu Lâm bỏ vị trí rút chạy.

Trong đêm ngày 14, cơ quan tham mưu báo cáo với tôi, bộ phận kỹ thuật thu được điện của Va-nuy-xem gửi Bộ chỉ huy Bắc Bộ: "Vĩnh Yên thực sự bị bao vây" (nguyên văn: Vinh Yên est pratiquement encerclé). Ga-li-be, chỉ huy phân khu Vĩnh Phúc, cũng xin gửi gấp quân tăng viện. Dịch ở thị xã Vĩnh Yên đang rất hoang mang. Nửa đêm tôi gọi điện cho anh Lê Trọng Tấn, rồi anh Vương Thừa Vũ, hỏi có thể điều ngay một trung đoàn tập kích

vào Vĩnh Yên? Nhưng cả hai đại đoàn đều không nắm được các đơn vị đang vận động, xin cho đánh vào đêm 15.

Ô hướng phối hợp: Đại đoàn 320 diệt chín vị trí nhỏ trên đường số 11 Sơn Tây - Trung Hà, tiêu diệt một đại đội Âu - Phi, thu một khẩu pháo. Đại đoàn 304 tiêu diệt sáu vị trí nhỏ ở Ninh Bình.

Bộ đội địa phương ở năm tỉnh trung du phối hợp tác chiến từ ngày 20 tháng 12 năm 1950 đến ngày 11 tháng 1 năm 1951 thu được một số kết quả. Riêng bộ đội địa phương ở Vĩnh Tường tiêu diệt một đồn, chín tháp canh, bức rút vị trí Chợ Vàng mà trong đợt 1 Trung đoàn 209 đánh hai lần không thành công.

Ô Hà Nội, Xa-lăng ra lệnh cho binh đoàn cơ động số 1 tiến lên Phúc Yên, sẵn sàng thọc vào sườn đối phương, và một tiểu đoàn dù chuẩn bị nhảy xuống Đồng Đau cách Vĩnh Yên năm ki-lô-mét vào hôm sau.

Bốn giờ chiều ngày 14, Đờ Lát đang tổ chức họp báo ở Sài Gòn tuyên truyền về cuộc chống giữ ở Cẩm Lý, thì được tin dữ ở Vĩnh Yên. Đờ Lát lập tức giải tán các nhà báo, tự mình tính cách đối phó. Ông ta chỉ thị cho Xa-lăng và viên quan tư Rơ-đông phải tới ngay Vĩnh Yên để lượng định tình hình tại chỗ, phối hợp hoạt động các lực lượng. Đêm hôm đó, Đờ Lát quyết định rút binh đoàn cơ động số 2 từ Lục Nam về tung vào chiến trường Vĩnh Yên, và ra lệnh cho tham mưu trưởng An-la lấy từ Nam Bộ và Trung Bộ năm tiểu đoàn đưa ra Bắc, lập ra một cầu hàng không bảo đảm việc vận chuyển. Đờ Lát chỉ thị cho Ma-ri-cua, đại tá chỉ huy không quân, sử dụng ngay loại bom na-pan Mỹ vừa gửi tới Hải Phòng, và huy động toàn bộ máy bay chiến đấu vào Vĩnh Yên. Vẫn lo sợ Việt Minh thu hút sự chú ý của quân Pháp về Vĩnh Yên rồi bắt thần mở cuộc tiến công từ Tam Đảo về Hà Nội, Đờ Lát ra lệnh tập trung một lực lượng bộ binh quan trọng và chiến xa, do Bô-phrơ chỉ huy, tại bắc thành phố về phía cầu sông Đuống.

Đêm ngày 14, tại Vĩnh Yên, ngoài tiểu đoàn Mường bị thiệt hại nhẹ, Va-nuy-xem chỉ còn thu thập được 240 lính kỵ binh An-giê-ri và 280 lính Ma-rốc, đều kiệt sức, đạn dược đã cạn, thấp thỏm chờ đợi từng phút một đợt tiến công mới của bộ đội ta.

Sáng ngày 15, binh đoàn cơ động số 1 tiến lên Vĩnh Yên vấp phải trận địa của Trung đoàn 102 ở Ngoại Trạch, Khai Quang, Mậu Thông, phía đông - nam thị xã. Bộ đội ta đánh bật cánh trái của quân địch phải lùi về Hương Canh, đồng thời chia cắt bao vây hai đại đội của tiểu đoàn 3 trung đoàn 1 bộ binh An-giê-ri (III/1er RTA). Quân ta dồn cả binh đoàn 1 vào thế chống đỡ. Giữa lúc đó máy bay địch xuất hiện và thả bom cháy xuống trận địa. Các chiến sĩ ta lần đầu gặp bom na-pan chưa biết đối phó. Trong ngày hôm đó, máy bay địch xuất kích 70 lần, ném xuống trận địa rất nhiều bom cháy.

Bộ đội dùng vải nhựa, chăn trấn thủ trùm lên người để tránh na-pan. Quân địch nhân lúc đó phản công mở một con đường về phía Vĩnh Yên, nhưng suốt ngày chúng không tiến được quá một ki-lô-mét.

Từ trên đỉnh Tam Đảo, những lúc quang mây, không phải dùng ống nhòm cũng nhìn rõ những chiếc máy bay lao xuống trút bom lửa ở phía Vĩnh Yên.

Binh đoàn số 3 vẫn bị Trung đoàn 209 bao vây chặt trong thị xã. Quân dịch nhiều lần tổ chức đánh giải vây để bắt liên lạc với binh đoàn 1 nhưng đều bị đẩy lùi.

4 giờ 30 chiều, một chiếc Mo-ran đưa Đò Lát và Xa-lăng tới thị xã Vĩnh Yên chật ních người bị thương.

Đứng trên đài quan sát, Đò Lát hỏi viên chỉ huy:

- Thế nào Rơ-đông, vẫn chưa kết thúc vụ rắc rối này ư?

Viên đại tá cãi lại, nếu coi đây chỉ là một "vụ rắc rối" thì không đúng. Với 18 tiểu đoàn của hai đại đoàn 308 và 312, nếu trận đánh ở đây thất bại thì mục tiêu sắp tới của Việt Minh sẽ là Hà Nội! Đò Lát tỏ vẻ ngạc nhiên. Nhưng Va-nuy-xem đồng tình với Rơ-đông. Đò Lát quay về phía Xa-lăng, trách:

- Xa-lăng, hoặc là ông đánh lừa tôi, hoặc là ông đã lạc quan tếu!

Rồi ông ta hỏi Rơ-đông:

- Ông sợ cái gì và ông cần những phương tiện gì?
- Xin tăng cường cho binh đoàn số 1, tôi cần một lực lượng dự trữ bảo đảm, có nghĩa là thêm sáu tiểu đoàn cùng với pháo binh.
- Ông sẽ có tất cả.

Về tới Hà Nội, Đò Lát viết cho Rơ-đông: "Trong sáng mai, ông sẽ có 12 tiểu đoàn và ba cụm pháo. Tôi nghĩ như vậy, công việc có thể tiến triển"1.

Buổi tối, vì phải cứu chữa thương binh và chuẩn bị đạn dược cho trận đánh ngày hôm sau, các đơn vị được lệnh rời trận địa. Vòng vây dân ra. Đêm hôm đó, binh đoàn cơ động số 1 tới được thị xã Vĩnh Yên.

Sáng ngày 16, hai binh đoàn cơ động số 1 và số 3 chia làm ba mũi đánh chiếm khu núi Đanh.

Núi Đanh là một dải núi đất chạy dài vượt lên khỏi các triển đồi trọc ở phía bắc và đông - bắc thị xã sáu đến bảy ki-lô-mét, mỏm cao nhất là điểm cao 210 nằm sát con

đường từ thị xã lên thị trấn Tam Đảo, có khả năng quan sát và khống chế rộng một vùng chung quanh.

Trên núi Đanh đã có một bộ phận của Trung đoàn 209 chiếm giữ. Khi địch tiến công lên, cán bộ, chiến sĩ ta anh dũng đánh trả, nhưng trước sức mạnh

áp đảo của bộ binh, máy bay và pháo binh địch, cuối cùng, bộ đội ta bị chúng đánh bật ra khỏi trận địa. Binh đoàn cơ động số 1 chiếm toàn bộ núi Đanh, trong khi đó, binh đoàn cơ động số 3 cũng lần lượt chiếm giữ một số mồm đồ ở phía đông - bắc thị xã.

Trư ớc tình hình trên, Bộ chỉ huy chiến dịch nhận định: Vĩnh Yên đư ợc tăng viện nhiều quân, địch đã cũng cố phòng ngự, điều kiện đánh viện không còn, vì lực lượng của địch chia nhau chiếm giữ những điểm cao bên ngoài thị xã tạo nên một phòng tuyến liên hoàn đối phó với cuộc tiến công của ta. Những điểm cao địch mới chiếm đều chư a có công trình phòng ngự vững chắc. Ta cần bỏ phương án tiến công thị xã Vĩnh Yên, chuyển sang đánh quân địch ở dãy núi Đanh khi chúng còn chư a có thời gian cũng cố công sự. Bộ đội ta đã có kinh nghiệm đánh những điểm cao địch mới lấn chiếm trong Chiến dịch Biên Giới.

Bộ chỉ huy chiến dịch quyết định tập trung lực lượng tiến công địch tại khu vực núi Đanh. Lực lượng được bố trí như sau: Trung đoàn 36, Trung đoàn 88 và Trung đoàn 209 chia làm nhiều mũi tiến công quân địch. Trung đoàn 141 làm nhiệm vụ chặn đường rút lui của địch về thị xã. Trung đoàn 102 làm lực lượng dự bị chiến dịch.

Sau môt buôi sang chuan bi gadr rut, 13 giu 30 ngày 16 thang 1, cac don vi bat dau xuat kich. Cuoc chien dau dien ra quyet liet ngay tur luc bo doi ta van dong tiep can dih cho toi khi xung phong chiem muc tieu. May bay va cac tran dia phao, duroi su chi diem cua may bay trinh sat, khong ngung trut bom na-pan, dan dai bac vao doi hinh quan ta. Song voi tinh than dung cam phi thuong va ky thuat tiep can kheo leo, cac don vi da vuct qua duoc luroi lua day dac cua dich, tien hanh cong kich. Trung doan 209 chiem duoc cac diem cao 70, 103. 5 giu chieu, Trung doan 36 tien lien diem cao 157. Mot canh quan viên cua binh doan co dong so 3 tur Vinh Yen len, bi Trung doan 209 chan danh phai quay lui ve thi xa. Truoc khi trdi toi, binh doan co dong so 1 va tieu doan du 10 thuoc dia (10e BCP) dong tren day nui Danh chan chinh lai luc luong, bo tri thanh doi hinh vong tron tren cac diem cao.

Đêm ngày 16, các đơn vị của Đại đoàn 308, 312 lại mở một đợt tiến công mới vào các cụm quân địch trên núi Đanh. Địch thả pháo sáng cho máy bay ném bom và bắn đại bác dữ dội ngăn chặn những đợt xung phong của quân ta. Cuộc chiến đấu

diễn ra quyết liệt trên những điểm cao 47, 101, 210. Hai giờ sáng ngày 17, ta chiếm được điểm cao 101, đánh thiệt hại nặng một tiểu đoàn Ma-rốc (II/6 RTM), chọc thủng tuyến phòng ngự của địch, nhưng lực lượng đã bị tiêu hao nhiều. Riêng ở điểm cao 210, vì thiếu hiệp đồng chặt chẽ giữa các hướng, các đợt xung phong của ta đều bị đẩy lùi.

Mai giờ sáng ngày 17 tháng 1 năm 1951, thấy cuộc tiến công nhiều khó khăn, Bộ chỉ huy chiến dịch hạ lệnh thu quân.

Yếu tố bất ngờ không còn. Đờ Lát đã vơ vét những lực lượng trên toàn chiến trường Đông Dương để tập trung đối phó với năm trung đoàn chủ lực của ta ở hướng trung du.

Lần đầu, bộ đội ta trực tiếp đọ sức với nhiều binh đoàn cơ động Pháp trong những trận đánh mặt đối mặt, cả ban ngày và ban đêm, trên địa hình đồi núi thấp và đồng bằng. Pháp đã sử dụng lực lượng tinh nhuệ nhất, phát huy tối đa các loại vũ khí do Mỹ viện trợ. Bộ đội ta đã chiến đấu 23 ngày đêm liên tục. Ta loại khôi vòng chiến đấu 5.000 quân địch, trong đó có hơn 2.000 tên bị bắt, tiêu diệt 30 vị trí, trong đó có 10 vị trí đại đội, thu được hơn 1.000 súng các loại đủ trang bị cho một trung đoàn. Một phần phía bắc các tỉnh Vĩnh Yên, Phúc Yên ở trung du, hai huyện Bình Liêu, Hoàng Mô ở Đông Bắc được giải phóng, vùng tự do tỉnh Hải Ninh được mở rộng đến sát Tiên Yên, Móng Cái. Chiến tranh du kích trong vùng địch hậu trung du và Liên khu 3 bắt đầu phục hồi.

Đây là trận đánh vận động lớn thứ hai của quân đội ta. Nếu như trong trận thứ nhất trên chiến trường rừng núi biên giới, bộ đội ta đã chứng tỏ tính ưu việt của mình, thì trận thứ hai này ở vùng đồi núi thấp không có địa hình hiểm trở, không có cây cối che phủ, nhiều cánh đồng bằng phẳng, bên cạnh những ưu điểm được phát huy đã bộc lộ những nhược điểm khá rõ.

Cơ động nhanh là một yêu cầu không thể thiếu trong đánh vận động. Trong cuộc chạy đua giữa núi rừng Cao - Bắc - Lạng, ta thường tới trước địch một vài giờ, và đặt chúng vào tình thế bị động. Ở trung du tình hình đã diễn ra ngược lại. Với máy bay và xe cơ giới, quân địch thường di chuyển nhanh hơn ta. Tình hình địch biến đổi cực kỳ mau lẹ. Hướng đông - bắc khi ta bắt đầu nổ súng hoàn toàn sơ hở, chỉ một thời gian ngắn địch đã có thêm hai binh đoàn cơ động. Thị xã Vĩnh Yên đêm hôm trước, binh đoàn cơ động số 3 chỉ còn lại dăm trăm lính Âu - Phi kiệt sức và tuyệt vọng, đêm sau đã thành vị trí đầy ắp quân lính.

Trong đánh vận động, lượng tiêu thụ đạn dược rất cao. Một khẩu súng tối tân nhất cũng trở thành vô dụng khi không còn đạn! Toàn bộ công việc tiếp tế đạn của ta

đều dựa trên đôi chân và đôi vai của những anh, chị dân công!

Chúng ta thiếu nhiều vũ khí cần cho đánh vận động. Ta không đủ vũ khí nặng để chế áp những trận địa pháo của địch. Ta hoàn toàn không có vũ khí

phòng không. Do đó, những mũi tiến công và đội hình xung phong của ta trở thành mục tiêu của máy bay cường kích và những khẩu pháo được điều chỉnh bởi máy bay "bà già".

Các chiến sĩ ta đã đánh tơi tả binh đoàn cơ động số 3 ở Liễn Sơn, Xuân Trạch, ở Thanh Vân, Đạo Tú, bẻ gãy những mũi tiến công của binh đoàn số 1 có máy bay yểm trợ trên đường Phúc Yên - Vĩnh Yên và đẩy quân địch vào thế phải chống trả suốt cả một ngày, nhưng họ không thể đối phó được với bom na-pan và những loạt đạn pháo rơi trúng đội hình trong những đợt xung phong.

Chúng ta chưa có khả năng khắc phục những nhược điểm này.

Sáng ngày 17 tháng 1 năm 1951, chúng tôi quyết định kết thúc Chiến dịch Trung Du.

8

V trung du trô vê, tôi tôi gap Bac va anh Trirong Chinh, báo cáo tinh hinh chien dich. Cach doi pho cua Do Lat rat kien quyet, kip thai, khac han vdi nhung tong chi huy Phap ta da gap. Toi de nghj Trung uong tiep tuc mô tiep mot chien dich moi. Ta can day manh hoat dong quan su trudc mua mua, khong de cho Do Lat có thai gian de cung co luc luong va can quet dong bang. Bac va anh Trirong Chinh noi chuan bi ngay ke hoach. Bac noi se co thu dong vien bô doi nhân dip ket thuc Chien dich Trung Du.

Chĩ còn lại hai mươi ngày nữa là tới Đại hội Đảng, Tổng Quân ủy được mời họp gấp. Cuộc họp có mặt các đồng chí cố vấn.

Trung ương Đảng đã có dự kiến sau Chiến dịch Trung Du sẽ mở chiến dịch ở Liên khu 3 tiến tới giải phóng đồng bằng Bắc Bộ. Chiến dịch Trần Hưng Đạo kết thúc không thuận lợi mang lại sự phân vân. Có ý kiến nên mở một chiến dịch theo hướng Lục Nam, vẫn trên địa hình trung du. Các cố vấn gợi ý nên đánh Móng Cái để hoàn thành giải phóng toàn bộ biên giới phía bắc.

Tôi nhận thấy trung du tuy là chiến trường quen thuộc, thuận lợi về mặt tiếp tế, nhưng phòng tuyến địch ở Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Bắc Giang đã được củng cố, lực lượng địch tại đây rất đông, thường xuyên đề phòng một cuộc tiến công mới của ta. Liên khu 3 có những địa bàn địch yếu, sơ hở, nhưng đường vận chuyển xa lại bị

nhiều sông ngòi chia cắt, khó giải quyết vấn đề tiếp tế lương thực, đạn dược. Liên khu 3 cũng giống trung du là nơi địch có

thê tang viên rat nhanh. Thj xa Mong Cai nam qua sau trong vung djch, duong van chuyen kho, lai 8 gan bo bien dê bi phao cua ham doi khong chê, nêu ta giai phong duoc thj xa nay thi cung kho giu. Tong Quan uy ban bac voi cac co van. Moi nguoi deu nhat tri nen chon mot dia ban xung yeu ma djch co so ho, van tren dia hinh trung du, nhung lai co rung nui phu hop voi nhung dieu kien danh diem diet viên cua bo doi ta. Toi gii mot ban bao cao len Thuong vu va Bac de nghj tam hoan mo chien djch 8 Lien khu 3 va chuyen huong sang Dong Bac. Thuong vu va Bac nhat tri.

Ngày 30 tháng 1 năm 1951, Trung ương Đảng chỉ định Đảng ủy chiến dịch gồm năm đồng chí: Võ Nguyên Giáp, Nguyễn Chí Thanh, Chu Văn Tấn, Hoàng Văn Thái, Trần Hữu Dục. Tôi là Bí thư Đảng ủy kiêm Chỉ huy trưởng chiến dịch. Trung ương xác định mục đích của chiến dịch là tiêu diệt sinh lực dịch, phá kế hoạch chấn chỉnh phòng ngự của chúng và đẩy mạnh chiến tranh du kích. Mục tiêu đề ra là diệt từ sáu đến tám tiểu đoàn. Chiến dịch mang tên anh hùng dân tộc Hoàng Hoa Thám.

Bộ Tổng Tham mưu nhanh chóng xây dựng kế hoạch và cử cán bộ đi chuẩn bị chiến trường.

Cuộc họp Hội đồng Chính phủ được triệu tập đúng ngày Tết Nguyên đán. Theo ý Bác, tôi báo cáo về chiến dịch vừa qua, coi như quà Tết của quân đội nhân phiên họp đầu Xuân. Tôi trình bày những gì bộ đội đã làm được và chưa làm được trên Mặt trận Trung Du. Lần này nghe xong, Bác nhận xét: "Về Trung du, quân đội ta đã tiến bộ nhiều. Chiến đấu với binh đoàn cơ động dịch ban ngày trên địa hình bằng phẳng, đánh quy cả một GM, không phải chiến dịch chưa hoàn thành các mục tiêu đề ra, mà kết quả thu được có phần vượt mức".

Chiến trường Đông Bắc mà ta lựa chọn lần này nằm sâu trong vùng dịch, nơi có những trục đường 17 và 18. Đường 18 chạy từ thị xã Bắc Ninh qua Phả Lại, Đông Triều, Mạo Khê, Uông Bí, vùng than Hòn Gai, Tiên Yên đến tận thị xã Móng Cái tiếp giáp với Trung Quốc. Đường 17 chạy từ Thái Bình qua Hải Dương, Phả Lại, Bến Tắm tới Lục Nam thuộc tỉnh Bắc Giang. Đây là vùng vàng đen của Tổ quốc. Những khu mỏ ở Hòn Gai, Vàng Danh, Mạo Khê... đã được thực dân Pháp khai thác từ lâu. Đường 18 nằm giữa một bên là dãy núi Đông Triều hiểm trở, một bên là con sông Đá Bạch tàu chiến của dịch thường qua lại. Đặc biệt ở đây có Vàng Danh là nơi cung cấp nước ngọt cho Hải Phòng. Vùng giải phóng của ta ở Đông Bắc hẹp, đường sá ít,

dân cư thưa thớt phần lớn là đồng bào thiếu số gốc Hoa, tư tưởng cầu an. Cơ sở của ta tại đây yếu nên công tác chuẩn bị chiến trường khó khăn.

Đảng ủy chiến dịch quyết định phương châm tác chiến là coi trọng đánh công kiên và đánh vận động ngang nhau, tùy theo tình hình phát triển của chiến dịch, sẽ có quyết định mới. Như vậy là ta sẽ dùng cả đánh điểm và diệt viện nhằm tiêu diệt sinh lực dịch, nhưng rút kinh nghiệm Chiến dịch Trung Du, ta sẽ tránh đánh vận động trong những điều kiện bất lợi. Mức tiêu hao của bộ đội vì phi pháo trong những trận đánh ngày 16 tháng 1 năm 1951 ở Vĩnh Yên khá cao.

Bộ Tổng Tham mưu đề ra phương án tác chiến để Bộ chỉ huy chiến dịch lựa chọn. Phương án 1 lấy đường số 17 và 18 làm hướng chính, hướng phụ là đường số 13. Phương án 2 lấy đường số 13 làm hướng chính, hướng phụ là đường 17 và 18.

Sau khi cân nhắc, Đảng ủy quyết định chọn hướng chính của chiến dịch là đường 18, đoạn từ Bãi Thảo đến Uông Bí, dài khoảng 50 ki-lô-mét. Tại vùng này có ba phân khu của địch: Phân khu Núi Đèo, phân khu Quảng Yên, phân khu Phả Lại, hình thành tuyến phòng thủ đường 18, bảo vệ vòng ngoài cho Hải Phòng, Hải Dương và đường số 5. Lực lượng địch trong khu vực kể cả quân chiếm đóng và quân cơ động là 11 tiểu đoàn; trong đó có binh đoàn cơ động số 7, đứng chân ở Phả Lại, thuộc lực lượng cơ động chung của địch. Sau Chiến dịch Trần Hưng Đạo, địch đã tăng cường lực lượng cho một số nơi như Phả Lại, Đông Triều, Mạo Khê, Uông Bí, Quảng Yên. Do vị trí quan trọng của đường 18 nên khi bị tiến công có nhiều khả năng địch sẽ tăng viện nhanh và mạnh bằng đường bộ, đường thủy và đường không để đối phó với ta. Địa hình rừng núi, ruộng đồng đan nhau, những đám sinh lấy mọc đầy sú vẹt nằm xen với những khu đất bằng phẳng nằm dọc đường 18 sẽ cho phép ta đánh vận động lớn tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch.

Ta chủ trương tạo ra cái thế uy hiếp cùng một lúc cả Hà Nội và Hải Phòng ngay từ khi mở đầu chiến dịch.

Đại đoàn 304 được trao nhiệm vụ đánh địch từ Vĩnh Yên tới Việt Trì. Đại đoàn 320 đánh địch ở khu vực Sơn Tây, Hà Đông. Liên khu Việt Bắc tiếp tục đẩy mạnh chiến tranh du kích ở Trung du và Đông Bắc. Liên khu 3 đẩy mạnh chiến tranh du kích ở tả ngạn và hữu ngạn, phá hoại giao thông trên đường số 5, số 1, số 6, số 11. Bộ Tổng Tư lệnh nhắc nhở các tỉnh trung du chú trọng đánh địa lôi, phá hoại đường giao thông, đặc biệt là những cầu trên đường 1, 2, 13 và khi có thời cơ thì tiêu diệt những vị trí ở nam phần Bắc Ninh, nam phần Vĩnh Phúc, quấy rối tiêu hao các lực lượng cơ động của địch.

Lực lượng tham gia chiến đấu lên tới gần 40.000 người. Dự kiến phải huy động trên 50.000 dân công, 1.263 tấn lương thực, 156 tấn đạn dược để bảo

đảm chiến đấu. Đường vận chuyển từ hậu phương ra mặt trận chính dài hàng trăm ki-lô-mét, phải vượt qua nhiều đoạn độc đạo máy bay và pháo địch khống chế ngày đêm.

Thời gian chiến dịch dự tính là một tháng ở cả hướng chính và hướng phụ.

Lực lượng tham gia ở hướng chính gồm hai đại đoàn: 308, 312; hai trung đoàn: 174, 98 cùng bốn liên đội sơn pháo 75mm.

Sau Đại hội Đảng, Bác từ Tuyên Quang lên Bắc Kạn phổ biến nghị quyết của đại hội. Đầu tháng 3 năm 1951, Bác nói với tôi, Người muốn đi thăm một đơn vị công binh. Tôi và anh Trần Đăng Ninh, Chủ nhiệm Tổng cục Cung cấp, đi cùng Người xuống Đại đội 250 bộ đội công binh. Bác nghe cán bộ, chiến sĩ báo cáo tình hình công tác, học tập, rồi hỏi: "Các chú ăn mấy lạng gạo một ngày?". Anh em trả lời: "Thưa Bác, tám lạng". Bác quay lại nói với anh Trần Đăng Ninh: "Các chú công binh lao động nặng nhọc, vất vả cần được ăn no. Từ nay chú cho công binh ăn chín lạng gạo một ngày". Từ sau Chiến dịch Biên Giới, Bác đặc biệt quan tâm tới vấn đề giao thông. Người nhiều lần đi thăm bộ đội và dân công làm đường. Cũng trong tháng 3, Bác đi kiểm tra việc sửa cầu và một số cơ sở vận tải, kho tàng trên đường số 3. Bác đến một đơn vị ô-tô đầu tiên của Cục Vận tải Bộ Quốc phòng mới thành lập. Người nói: "Hiện nay nước ta chưa sản xuất được xe. Xăng dầu cũng vậy, có rất ít. Kháng chiến còn dài, chiến dịch ngày một mở rộng, yêu cầu vận chuyển ngày càng cao... Xe, xăng là mồ hôi, nước mắt, xương máu của nhân dân. Các chú phải chăm sóc xe, yêu xe như con, quý xăng như máu". "Yêu xe như con, quý xăng như máu", câu nói của Người đã khắc sâu trong lòng mỗi chiến sĩ lái xe trong suốt hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ.

Ngày 3 tháng 3, Bác đi dự lễ khai mạc Đại hội thống nhất Việt Minh - Liên Việt. Việt Minh, đứa con tinh thần của Người, một sáng tạo thiên tài đã đi vào lịch sử. Người bày tỏ niềm sung sướng vô hạn vì được thấy "rừng cây đại đoàn kết nô hoa kết quả và gốc rễ nó đang ăn sâu lan rộng khắp toàn dân, và nó có một tương lai "trường xuân bất lão", và "chẳng những là toàn dân Việt Nam đại đoàn kết, mà toàn dân hai nước anh em là Cao Miên và Ai Lao cũng đi đến đại đoàn kết".

Ngày 5 tháng 3 năm 1951, Bộ Tổng Tư lệnh tổ chức hội nghị trao nhiệm vụ cho các đơn vị ở hướng chính tại Điểm Mạc (Định Hóa). Giữa cuộc họp, Bác tới. Bác nói: Các đồng chí sẽ đi qua dải đất lịch sử Bạch Đằng - Vạn Kiếp là dịp các đồng chí tưởng

nhớ lại tấm gương oanh liệt chống ngoại xâm của dân tộc ta, để cùng nỗ lực tiêu diệt được nhiều giặc, giành toàn thắng cho

chiến dịch, kế tục truyền thống anh dũng đòi trước, tiếp tục chiến đấu bảo vệ nhân dân, bảo vệ Tổ quốc.

Những cán bộ cùng lên đường với tôi lần này vẫn là số đồng chí đã tham gia Chiến dịch Trung Du.

àu tháng 3 năm 1951, cơ quan tham mưu Pháp tin rằng Việt Minh đang chuẩn bị tiếp tục một cuộc tiến công mới nhắm vào đồng bằng, với năm đại đoàn họ đang có trong tay, đây sẽ là trận đánh lớn có quan hệ tới số phận Bắc Bộ, nhưng vẫn chưa xác định được nó sẽ nổ ra ở đâu. Nhìn cách bố trí lực lượng của ta, Bộ chỉ huy quân Pháp cho rằng vùng Việt Trì đang bị trực tiếp đe dọa. Trước khi về Pháp đấu tranh đòi tiếp tục tăng viện cho Đông Dương, Đờ Lát đã tính toán mọi mặt nhằm chặn đứng nguy cơ này. Cơ quan tham mưu đang tiến hành những biện pháp dự phòng do Đờ Lát chỉ thị, thì bỗng nhận được tin hai đại đoàn 308, 312 đã đi vòng về phía đông, uy hiếp Phủ Lạng Thương và có thể cả Đông Triều. Đến ngày 19 tháng 3, Xa-lăng nhận được những tin tức cụ thể hơn: hai đại đoàn 308, 312 cùng với hai trung đoàn của Đại đoàn 316 đã tập trung tại dãy núi Đông Triều, và trận đánh có thể diễn ra vào ngày 23 tháng 3 năm 1951. Ở phía tây, hai đại đoàn khác là 304 và 320 đang hình thành một gọng kìm đe dọa Hà Nội.

Quân số ở hướng chính của ta là 25.719 người. Cùng đi với bộ đội ra mặt trận có 30.000 dân công. Bộ đội và dân công tuy đã xuất phát từ nhiều hướng nhưng vẫn tạo ra những dòng người vô tận không dễ lọt qua tai mắt quân địch. Mọi người đều mang vác nặng. Các chiến sĩ có 30 ki-lô-gam súng, đạn, thuốc nổ, lương thực trên vai. Dân công chuyển vận gạo, đạn còn phải gồng gánh nặng hơn.

Riêng những khẩu sơn pháo lần đầu được vận chuyển bằng ngựa.

Những ngày đầu hành quân, thời tiết xấu. Đây lại là một điều may. Không có máy bay cản trở dọc đường. Cả đoàn người lọt vào vùng sau lưng địch không gây chấn động. Trên đường đi chiến dịch, các đơn vị bộ đội và dân công nhận được tờ báo Nhân Dân số 1 loan tin Đại hội Đảng họp, Đảng ta đã ra công khai. Tiếng hoan hô, hò reo nổi lên vang dậy. Nhiều đơn vị đã tổ chức ngay mít tinh để chào mừng. Hàng loạt quyết tâm thư với những lời lẽ nồng cháy gửi về Bộ chỉ huy chiến dịch hứa hẹn khắc phục mọi khó khăn và hoàn thành nhiệm vụ mà Đảng và quân đội giao phó

Ngày 18 và ngày 19 tháng 3 năm 1951, Đảng ủy chiến dịch họp tại Sở chỉ huy mới ở Bãi Đá, Mai Siu, cách Lục Ngạn 14 ki-lô-mét về phía nam. Các đơn vị đi trình sát về báo cáo chưa nắm chắc địch, địa hình đường 18 trong thực tế trống trải, hẹp,

khó tập kết lực lượng lớn, khó giấu quân. Hai phương án tác chiến được nêu lên. Thứ nhất là đánh điểm nhỏ để diệt viện. Ưu điểm của phương án này là chắc thắng, che giấu được lực lượng của ta. Nhưng nhược điểm của phương án là ta đánh điểm nhỏ thì địch sẽ dùng viện nhỏ, và nếu phải đợi lâu thì ta sẽ gặp khó khăn về tiếp tế. Thứ hai là đánh điểm lớn để diệt viện lớn. Phương án này tranh thủ được bất ngờ, địch có thể nhanh chóng đưa viện lớn tới, tạo điều kiện cho chiến dịch thắng lợi ngay từ đầu. Nhưng nhược điểm của nó là không bảo đảm chắc thắng.

Sau khi cân nhắc, Đảng ủy quyết định chọn phương án thứ nhất kết hợp với theo dõi sát tình hình địch, khi thấy xuất hiện điều kiện có lợi sẽ chuyển sang phương án thứ hai. Ta sẽ mở đầu chiến dịch bằng đánh một loạt vị trí bảo vệ hệ thống dẫn nước ngọt từ Vàng Danh về Hải Phòng, cắt con đường từ Quảng Yên đi Uông Bí, đồng thời bố trí hai trung đoàn phục kích tại đây để diệt quân viện.

Nhận thấy các đơn vị nắm địch chưa chắc, Đảng ủy quyết định kéo dài thời gian chuẩn bị thêm ba ngày.

Cuộc hành quân vào vị trí tập kết thật khó khăn. Con đường độc đạo từ lâu hoang phế, nhiều đèo cao, dốc đứng, hoàn toàn không thích ứng với một cuộc chuyển quân lớn. Hơn thế, địch đã đánh hơi thấy sự di chuyển của quân ta, dùng máy bay trút bom ngăn chặn, nhiều đoạn đường lại nằm trong tầm kiểm soát của pháo địch. Trời mưa liên miên đã làm những con suối trở nên hung dữ và những đèo cao càng trở nên hiểm trở tưởng như không thể vượt qua. Chiến sĩ xung kích phải bỏ vải nhựa, chăn trấn thủ bọc thuốc nổ và gạo, bám từng mỏm đá, từng mấu cây để leo lên trên con đường đèo, đất đã biến thành bùn đặc quánh trơn như mỡ. Đoàn quân có lúc phải đứng hàng giờ giữa suối giữa đèo mưa rát mặt, không thể tìm ra chỗ ngồi nghỉ tạm hoặc đặt ba-lô. Quần áo mặc trên người ướt rồi lại khô, khô rồi lại ướt. Đáng sợ hơn là những bao gạo bắt đầu lên men. Cả Đại đoàn 308 và Đại đoàn 312 đều bị máy bay địch ném bom vào đội hình. Sự cản trở của máy bay và pháo địch không gây thiệt hại gì đáng kể giữa địa hình rừng núi. Nhưng điều khiến chúng tôi lo lắng là đường xấu và thời tiết đã làm suy giảm sức khỏe bộ đội trước ngày nổ súng.

Kỳ lạ hơn là sức chịu đựng bên bỉ của hàng vạn dân công phục vụ chiến dịch. Trong hàng ngũ dân công có nhiều người lớn tuổi và những em thiếu niên. Hỏi mới biết nhiều trường học, cả thầy và trò cùng đi dân công! Phục

vụ chiến dịch lần này ngoài đồng bào vùng tự do còn có những đội dân công từ vùng sau lưng địch ra, phần lớn thuộc ba tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang và Quảng Yên. Người lớn tuổi là những bác công nhân khuân vác ở Yên Viên, Gia Lâm, Đáp Cầu, những bác thuyền chài trên sông Cầu, sông Thương, sông Kinh Thầy, Đá Bạch.

Trong hàng ngũ dân công có những anh, chị du kích những cán bộ huyện, xã ở Thủy Nguyên, Kinh Môn, Yên Hưng, Đông Triều, Quế Dương, Võ Giàng... những người đã làm cho vùng tạm chiếm trở nên sôi sục mỗi lần ta tổ chức chiến dịch. Hành trang của những người chiến sĩ dân công ra mặt trận cực kỳ giản dị. Phần lớn không có chăn, màn, vải che mưa. Số đông lại là phụ nữ!... Nhưng không nghe một lời kêu ca, phàn nàn. Bộ đội hễ gặp dân công là rộn ràng lời chào thăm hỏi quê hương, tiếng reo cười khi gặp người cùng quê. Những tiếng hát, câu hò trong trẻo vang lên trong mưa rét, sương mù.

Đèo cao thì mặc đèo cao

Ta leo lên đỉnh, ta cao hơn đèo...

Câu hò không biết của ai cất lên trên đèo Thùng đêm ấy đã đi vào kho tàng văn hóa dân tộc.

Phần thưởng lớn nhất cho bộ đội và dân công là khi leo lên đỉnh đèo, ban đêm, nhìn thấy xa xa ánh đèn điện của thành phố Hải Phòng, ban ngày, khi trời trong, nhìn thấy con đường 18 lượn vòng giữa môm đồi và cánh đồng dưới chân núi.

Sau đêm vượt đèo Thùng, anh Vi Quốc Thanh nói:

- Trung Quốc có nhiều núi cao nhưng hành quân vượt qua không khó. Việt Nam núi không cao nhưng rất hiểm trở. Để quốc đánh nhau với quân đội Việt Nam ở vùng rừng núi nhất định thua.

Sở chỉ huy chiến dịch chuyển về chân núi Yên Tử. Bảy thế kỷ trước, vua Trần Nhân Tông sau khi đánh thắng giặc Nguyên đã về đây tu và trở thành Đệ nhất sự tổ của Thiền tông Trúc Lâm Yên Tử. Trước chiến tranh, tôi đã có lần lên núi Yên Tử. Từ trên đỉnh núi có thể nhìn thấy thành phố Hải Phòng.

10

êm ngày 23 tháng 3 năm 1951, mô đầu chiến dịch, các tiểu đoàn 23, 322 của Trung đoàn 88 Đại đoàn 308 diệt gọn ba vị trí Lọc Nước, Đập Nước, Sống Trâu, không một chiến sĩ nào thương vong; Trung đoàn 174 của Đại đoàn 316 san bằng vị trí Lán Tháp. Toàn bộ những bốt bảo vệ hệ thống

dẫn nước ngọt từ Vàng Danh về Hải Phòng đều bị tiêu diệt. Ta hy vọng nguồn nước ngọt duy nhất của thành phố Cảng bị đe dọa sẽ buộc quân ứng chiến của địch phải kéo tới.

Hai trung đoàn 102 và 36 dàn quân dọc con đường sắt chở than từ Vàng Danh ra Uông Bí. Đại đoàn 312 đón địch từ phía Đông Triều lên. Trung đoàn 98 đánh một số tháp canh, phá cầu ở Biểu Nghi quấy rối thu hút địch.

Đêm ngày 25 tháng 3, Trung đoàn 98 tiêu diệt vị trí Chấp Khê.

Ba ngày chờ đợi đã qua. Quân viện địch vẫn chưa xuất hiện. Bộ chỉ huy chiến dịch quyết định đánh tiếp những cứ điểm lớn trên đường 18 xung quanh Uông Bí, trong đó có những vị trí quan trọng như Bí Chợ, Tràng Bạch.

Đêm ngày 27 tháng 3, các đơn vị đồng loạt nổ súng.

Trung đoàn 102 được hai tiểu đoàn pháo binh chi viện, chia thành bốn mũi tiến công Bí Chợ do 150 quân địch phần lớn là Âu - Phi bảo vệ. Ngay từ loạt pháo đầu, chúng ta đã bắn trúng nhà chỉ huy, phá hủy đài thông tin. Xung kích nhanh chóng dùng bộc phá đánh vỡ lớp tường trình dày 60 xăng-ti-mét và xung phong từ cả bốn phía. Đốn Bí Chợ hoàn toàn bị tiêu diệt sau 45 phút, pháo địch không kịp chi viện. Cùng lúc, Trung đoàn 36 tiêu diệt vị trí Phán Huệ. Bên phía Đại đoàn 312, Trung đoàn 141 cũng tiêu diệt vị trí Tràng Bạch. Quân địch hoang mang bỏ chạy khỏi nhiều tháp canh.

Bộ chỉ huy chiến dịch quyết định đánh thẳng vào thị trấn Uông Bí nằm trên đường 18 giữa khu mỏ than Tràng Bạch, Bí Chợ, Vàng Danh. Nhưng ngay chiều ngày 28 tháng 3, quân địch bỏ Uông Bí chạy về Quảng Yên. Đây là một điều bất ngờ đối với ta.

Cùng thời gian này, Tiểu đoàn Bạch Đằng của tỉnh đã luôn sâu vào địch hậu phát động nhân dân nổi lên bao vây đốn bốt địch, phá tê, trừ gian, phá cầu cống. Các cầu trên đường 18 đều bị phá. Đường 18 bị cắt đứt một đoạn dài 40 ki-lô-mét. Nhân dân hai bên bờ sông Bạch Đằng và Kinh Thầy đánh trống, đánh mõ suốt đêm uy hiếp quân địch.

Chiến dịch Hoàng Hoa Thám diễn ra trong lúc Đờ Lát không có mặt ở Đông Dương. Phát hiện các đại đoàn 308, 312 xuất hiện ở hướng Đông Bắc, và 304, 320 ở hướng Vĩnh Phúc - Sơn Tây, Xa-lăng phán đoán ta sẽ từ hai hướng đánh vào Hà Nội và Hải Phòng, nên điều các binh đoàn cơ động về Trung du và Đông Bắc. Khi cuộc tiến công nổ ra trên đường 18, Xa-lăng không dám tung những binh đoàn cơ động về phía rừng núi nguy hiểm, chỉ điều nhiều thủy đội xung kích đến vùng sông Đá Bạch gần đường 18, và đưa tuần dương hạm Duguay Trouin cùng các tàu hộ tống Brazza, Chevreuil đến

vùng biển Đông Bắc sẵn sàng chi viện tối đa bằng hòa lực để đối phó với những cuộc tiến công.

Vẫn chưa thấy bóng dáng quân viện.

Bộ chỉ huy chiến dịch quyết định tiêu diệt Mạo Khê, vị trí then chốt án ngữ con đường tiến về Đông Triều và ra đường số 5, buộc địch phải sử dụng quân viện. Ở Mạo Khê có hai cứ điểm đại đội: Mạo Khê Mỏ và Mạo Khê Phố, nằm cách nhau hai ki-lô-mét trên địa hình có những đồi thấp xen kẽ với ruộng nước. Ta chủ trương diệt Mạo Khê trước khi địch tăng cường lực lượng phòng ngự. Trung đoàn 209 được trao nhiệm vụ đánh Mạo Khê Mỏ, Trung đoàn 36 đánh Mạo Khê Phố dưới sự chỉ huy chung của Đại đoàn 312. Trận đánh sẽ diễn ra vào đêm ngày 29.

Trong ngày 29, có tin Đờ Lát từ Pa-ri trở lại Hà Nội. Với sự có mặt của Đờ Lát, chắc chắn địch sẽ có những phản ứng mạnh hơn.

Buổi tối, bộ phận kỹ thuật báo cáo dịch vừa tăng cường cho Mạo Khê Phố tiểu đoàn 6 dù thuộc địa (6è BPC). Điều này nằm ngoài dự kiến. Bộ chỉ huy chiến dịch quyết định ngừng đánh Mạo Khê Phố. Nhưng mệnh lệnh không tới kịp Trung đoàn 36 trước giờ nổ súng, trong khi quân dịch ở Mạo Khê Phố tăng từ 150 lên 700 tên. Trung đoàn 209 đánh Mạo Khê Mỏ đã tiêu diệt già nữa quân đồn trú, nhưng phải rút lui vì pháo dịch từ tàu chiến và Đông Triều bắn về gây nhiều thiệt hại. Trung đoàn 86 sau khi đột nhập Mạo Khê Phố nhận thấy ở đây không chỉ có một đại đội ngụy, mà đầy ấp quân dù với cả xe tăng và xe bọc thép, đã chiến đấu với dịch trong từng căn nhà cho tới khi trời sáng mới rút lui.

Bộ chỉ huy chiến dịch nhận thấy các vị trí còn lại trên đường 18 đã được tăng cường, quyết định kết thúc đợt 1.

Công việc tiếp tế cho chiến dịch trở nên khó khăn vì đường từ hậu phương ra mặt trận xa và thường xuyên bị máy bay, đại bác dịch cần trở.

Mặc dù đường 18 bị uy hiếp nặng nhưng các binh đoàn cơ động của dịch vẫn án binh bất động. Chúng tôi quyết định chuyển sang đợt 2, tiếp tục đánh một loạt vị trí do đại đội dịch chiếm đóng. Những mục tiêu được chọn lần này đều nằm trên đường 17.

Đêm ngày 4 tháng 4 năm 1951, bộ đội ta đồng loạt nổ súng. Trung đoàn 102 đánh Bến Tắm, Trung đoàn 88 đánh Bãi Thảo, Trung đoàn 141 đánh Hoàng Gián, Trung đoàn 98 đánh Hạ Chiêu. Nhưng cả bốn trung đoàn đều đột phá không thành công! Đồng chí Vũ Mạnh Hùng, Trung đoàn trưởng Trung đoàn 98, hy sinh vì đạn pháo

của dịch. Thất bại trận đánh không phải do quân đồn trú có công sự phòng ngự vững chắc hoặc kiên quyết đối phó, mà chỉ vì dịch

đã dựng lên một hàng rào lửa bằng đạn đại bác quanh cứ điểm ngăn cản những đợt xung phong của ta.

Sáng ngày 5 tháng 4, tôi gặp đồng chí Vi Quốc Thanh.

- Địch nhất định không tung những binh đoàn cơ động vào khu vực này. Ta cần phải thu quân.
- Đồng ý với Võ Tổng, đoàn cố vấn cũng thấy nên kết thúc chiến dịch.
- Lực lượng ta đã bị tiêu hao.
- Đã nắm được số thương vong chưa?
- Tham mưu dự tính khoảng 2.000 người. Gần 500 đồng chí hy sinh trong đó có một trung đoàn trưởng. Trên 1.500 đồng chí bị thương. Tỷ lệ tiêu hao của địch và ta là 1 trên 1.
- Trong chiến dịch này đã huy động 25.000 bộ đội. Hy sinh chưa đầy 2% không phải là lớn. Nhiều đồng chí bị thương sẽ trở lại đơn vị.
- Ở Việt Nam chưa có chiến dịch nào số thương vong nhiều như thế này!
- Bộ đội Việt Nam đã chuyển sang giai đoạn đánh lớn. Rồi đây còn phải chấp nhận tổn thất lớn hơn nhiều. Pháo binh của đế quốc Pháp rất giỏi!
- Tôi nghĩ là phải tìm ra một cách đánh địch hiệu quả hơn.

Ngày 5 tháng 4 năm 1951 Chiến dịch Hoàng Hoa Thám kết thúc. Chiến dịch để lại cho tôi một ấn tượng nặng nề.

Sau này chúng ta mới biết Chiến dịch Hoàng Hoa Thám tiếp nối ngay sau Chiến dịch Trung Du đã khiến cho Đờ Lát bắt đầu "lo lắng nhận ra khó khăn cực độ trong nhiệm vụ mà mình thực hiện"1. Đờ Lát buộc phải làm trái với tính cách của mình là giữ lại những binh đoàn cơ động tránh một cuộc dụng độ ở vùng rừng núi, kiên nhẫn chờ quân ta cạn lương thực rút lui. Đờ Lát đã tâm sự với viên quan ba tùy tùng Roay-ê: "Thật kinh khủng, cái công việc mà tôi đã dấn thân vào. Đến bây giờ tôi thực sự chưa hoàn toàn biết giải thích ra sao!"2.

Chương sáu VỀ ĐỒNG BẢNG

V ừ Chiến dịch Hoàng Hoa Thám về, tôi tới gặp anh Trường Chinh. Đồng chí Tổng Bí thư vẫn vui vẻ như những lần tôi từ mặt trận trở về. Ở anh, là sự kết hợp giữa tính nguyên tắc cẩn trọng của nhà cách mạng được tôi luyện qua nhiều năm hoạt động bí mật với tính đôn hậu, trung thực gần như bẩm sinh, là một hình ảnh không thay đổi lúc nào cũng mang lại sự ấm áp và tin cậy.

Suốt chiến dịch, báo cáo gửi về Trung ương rất đều đặn. Anh Trường Chinh đã cho biết rõ việc tiêu diệt sinh lực địch trong chiến dịch còn hạn chế. Anh hỏi tôi:

- Anh đã nhận được nghị quyết tháng 3 của Trung ương chưa?
- Tôi đã nhận được.

Hội nghị Trung ương họp lúc tôi đang ở mặt trận. Nghị quyết Trung ương một lần nữa xác định: "Cuộc đấu tranh của ta là cuộc đấu tranh trưởng kỳ và gian khổ" và "tự lực cánh sinh là chính". Đảng ta đã nhìn thấy con đường phía trước còn nhiều chông gai.

Tôi báo cáo với đồng chí Tổng Bí thư những nguyên nhân dẫn tới kết quả rất hạn chế của chiến dịch. Anh Trường Chinh nói:

- Đánh nhau thế nào cũng có trận được, trận không. Mình khôn, nhưng phải nghĩ địch cũng khôn. Mình đã diệt hai binh đoàn của địch ở biên giới, vừa rồi suýt nữa thì diệt gọn GM3 ở Trung Du, địch đã rút kinh nghiệm nên lần này chúng không mắc lừa ta. Có tiếp tục "đánh điểm diệt viện" thì cũng phải biến hoá. Cần tổ chức tổng kết thật kỹ để rút ra bài học.
- Chúng tôi đã triệu tập cán bộ về trước trong khi đơn vị đang rút quân để tiến hành hội nghị tổng kết. Mời anh rải dư.

Anh Trường Chinh nói:

- Cuối tháng 3, Bác và Trung ương đã nhận được báo cáo của anh và anh Nguyễn Chí Thanh đề nghị sau Chiến dịch Hoàng Hoa Thám sẽ mở chiến dịch tại Liên khu 3, không đánh Móng Cái. Liên khu 3 báo lên đã chuẩn bị cả rồi, đồng bào rất mong bộ đội về. Đánh đồng bằng khó, nhưng hiện nay ngoài trung du và đồng bằng chưa có nơi nào khác! Trung ương thấy nên mở một chiến dịch nữa trước mùa mưa. Bộ đội cần củng cố và nghỉ ngơi bao nhiêu thời gian?
- Chiến dịch vừa rồi không tiêu diệt được nhiều sinh lực địch nên cán bộ, chiến sĩ đều mong đánh tiếp. Sẽ mở chiến dịch ở Liên khu 3, nhưng cụ thể là

ở đâu, xin báo cáo với Trung ương sau. Tôi nghĩ chỉ sau vài tuần, bộ đội có thể lên đường.

Anh Trường Chinh hẹn sẽ tới dự hội nghị tổng kết.

Trở về cơ quan, thấy có đoàn cán bộ vừa ở Liên khu 3 về đang báo cáo, tôi vào nghe luôn. Ngay trong thời gian ta tiến hành chiến dịch ở Đông Bắc, Bộ Tổng Tham mưu đã phải cán bộ xuống Liên khu 3 tìm hiểu tình hình.

Qua các báo cáo, tôi được biết vì phần lớn những đơn vị Âu - Phi bị dồn lên phía bắc đối phó với ta, nên lực lượng địch ở phía nam đồng bằng Liên khu 3, hầu hết là ngụy binh. Tại đây, quân cơ động ít, thế bố trí của địch phân tán, công sự chưa được củng cố nhiều. Điều đáng lo ngại là địch đã lợi dụng một số giáo dân lập tế vũ trang ở nhiều nơi, và tổ chức một mạng lưới gián điệp khá nguy hiểm. Sau khi nắm được ý định của Trung ương, Liên khu 3 đã xúc tiến công việc chuẩn bị chiến trường. Đồng chí Văn Tiến Dũng được cử làm Trưởng ban chuẩn bị. Mạng đường sá từ Việt Bắc về Liên khu 3 tới Thanh Hóa đã thông suốt. Về lương thực, đã huy động được 5.000 tấn thóc, một số thực phẩm. Vụ chiêm năm nay lại được mùa. Liên khu ủy đã mở lớp cán bộ phục vụ chiến dịch gồm 200 chi ủy viên và huyện ủy viên.

Theo đánh giá của các đồng chí vừa đi về thì so với các tỉnh ở Liên khu 3, Ninh Bình là nơi địch yếu hơn cả.

Tôi sang Điểm Mạc gặp Bác.

Nghe tôi báo cáo tình hình xong, Bác nói đã trao đổi với đồng chí Trường Chinh. Đờ Lát bê ngoài hùng hổ, nhưng không phải là anh hăng máu vịt mà rất khôn ngoan. Cũng không nên coi thường Xa-lăng. Chính Xa-lăng đã quyết định không đưa viện lên Đông Bắc trong khi Đờ Lát còn ở Pa-ri. Nhưng cũng có thể nói: Cả Đờ Lát và Xa-lăng vẫn còn e chủ lực ta? Trước Chiến dịch Biên Giới, quân địch chỉ mong tìm được chủ lực ta đánh một trận để tiêu diệt. Bây giờ chủ lực ta đi tìm nó, chọc tức nó mà nó vẫn bấm bụng ngồi yên một chỗ không dám giao chiến với ta! Không nói là nó hoàn toàn sợ ta, nhưng nó còn đang chuẩn bị, nó sẽ chờ lúc có lợi, tìm nơi có lợi để quyết chiến với ta.

- Thưa Bác, nhiệm vụ tiêu diệt sinh lực địch lúc này rất cần, nhưng nếu chưa tiêu diệt được nhiều địch thì cũng phải đánh để nâng đỡ phong trào chiến tranh du kích. Mỗi lần ta mở chiến dịch là đồng bào hậu địch đỡ được những trận càn và chiến tranh nhân dân rất lên.
- Chú nói đúng.

Bác trầm ngâm rồi nói tiếp:

- Tình hình Triều Tiên đã tốt hơn. Chí nguyện quân Trung Quốc dùng chiến thuật "nhân hải" nên đã đẩy lùi quân Mỹ về vĩ tuyến 38. Trung Quốc có trên 400 triệu dân mới làm được như vậy. Ta phải đánh theo cách của ta. Phải hết sức tiết kiệm xương máu của chiến sĩ. Quân không cần đông. Dân ta nghèo, quân nhiều lấy gì mà nuôi? Trần Quốc Tuấn nói: "Quân quý ở tỉnh, không quý ở nhiều". Bao giờ thì xây dựng xong năm đại đoàn?
- Cố gắng trong năm nay, vừa tổ chức vừa trang bị xong. Vũ khí một phần dựa vào bạn, một phần lấy của địch, một phần ta sản xuất. Mình nghĩ cũng chỉ cần năm hoặc sáu đại đoàn. - Bác nói.

Trung tuần tháng 4, Bộ Chính trị họp với sự chủ tọa của Bác nghe báo cáo về Chiến dịch Hoàng Hoa Thám và chủ trương mở tiếp một chiến dịch trước mùa mưa. Sau khi báo cáo về kết quả, những khó khăn, những hạn chế của chiến dịch, tôi nói: "Tổng Quân ủy đã quyết định trong tổng kết chiến dịch sẽ tiến hành tự phê bình để rút kinh nghiệm, đề nghị Bác và anh Trường Chinh tới tham dự hội nghị tổng kết chiến dịch".

Bác nói:

- Tự phê bình là cần, nhưng tự phê bình phải tăng cường đoàn kết, rút ra được bài học kinh nghiệm, xây dựng được lòng tin vào chiến dịch sau.

Trong cuộc họp này, Bộ Chính trị quyết định mở Chiến dịch Hà Nam Ninh thuộc Liên khu Nam Đồng Bằng của dịch. Bác lưu ý phải đặc biệt chú ý công tác tranh thủ đồng bào Công giáo vì kẻ địch ở đây có những mưu mô thâm độc nhằm lợi dụng tôn giáo để chống lại kháng chiến, chống lại cách mạng.

Ngày 20 tháng 4 năm 1951, Trung ương ra quyết định mở Chiến dịch Quang Trung (bí danh của Chiến dịch Hà Nam Ninh) ở Liên khu 3, nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực dịch, phá tan khối ngụy binh, đẩy mạnh chiến tranh du kích và tranh thủ nhân dân. Đảng ủy chiến dịch gồm các đồng chí: Võ Nguyên Giáp, Nguyễn Chí Thanh, Lê Thanh Nghị, Văn Tiến Dũng, Hoàng Văn Thái, Hoàng Sâm. Tôi là Bí thư Đảng ủy, Chỉ huy trưởng chiến dịch.

Ngày 26 tháng 4, Hội nghị kiểm điểm Chiến dịch Đường 18 được tổ chức tại khu căn cứ. Bác tới hội nghị.

Người nói:

- Chú trọng phê bình mình trước, phê bình người sau, phê bình mình là chính, phê bình người là phụ. Tự phê bình và phê bình là cốt để thống nhất tư tưởng. Tư tưởng có thống nhất, hành động mới thống nhất.

Tất cả mọi người phải có tinh thần phụ trách. Trước khi làm phải thảo luận cho kỹ, để chủ trương cho đúng và kế hoạch cho sát và khi đã quyết định rồi thì phải tuyệt đối phục tùng, phải vững lòng tin tưởng, phải quyết tâm thực hiện không một chút do dự.

Cán bộ cần phải thương yêu đội viên. "Từ tiểu đội trưởng trở lên, từ Tổng Tư lệnh trở xuống, phải sân sóc đời sống vật chất và tinh thần của đội viên, phải xem đội viên ăn uống như thế nào, phải hiểu nguyện vọng với thắc mắc của đội viên. Bộ đội chưa ăn cơm, cán bộ không được kêu mình đói. Bộ đội chưa đủ áo mặc, cán bộ không được kêu mình rét. Bộ đội chưa đủ chỗ ở, cán bộ không được kêu mình mệt. Thế mới dân chủ, mới đoàn kết, mới tất thắng.

Quân đội đánh giặc là vì dân, nhưng không phải là "cứu tinh" của dân, mà có trách nhiệm phụng sự nhân dân. Phải làm cho dân tin, dân phục, dân yêu. Mỗi quân nhân phải là một cán bộ tuyên truyền bằng việc làm của quân đội. "Dân như nước, quân như cá", phải làm cho dân hết sức giúp đỡ mình thì mình mới đánh thắng giặc".

Sau Chiến dịch Hoàng Hoa Thám, đây là lần thứ hai, Bác nói về mục đích và tác phong phê bình. Bác đã nhìn thấy cái gì sẽ diễn ra sau trận đánh gặp nhiều khó khăn. Trong phê bình trước hết là tự phê bình. Điều này đã mang lại một chất lượng mới trong những cuộc kiểm điểm rút kinh nghiệm, vì không ai hiểu được lỗi lầm của từng người trong một trận đánh bằng bản thân người trực tiếp tham gia chiến đấu. Khi mỗi người đã nói rõ được những ưu điểm, khuyết điểm của mình thì những lời góp ý kiến, phê phán của chung quanh cũng ít đi. Cuộc kiểm điểm rõ ràng là đạt kết quả tốt, vì nó bắt nguồn từ sự tự giác. Mọi người lại phấn khởi lên đường đi vào chiến dịch thứ tư liên tiếp trong vòng tám tháng. Cũng từ đó, ta thường nói "tự phê bình và phê bình" thay cho "phê bình và tự phê bình".

hâu thô song Hong là vùng dông bang lon thü hai cüa ca nuoc chi düng sau dông bang song Cuu Long. Voi 900.000 hec-ta dat nông nghiep và mot phan sau dan so cüa Viet Nam, dông bang Bac Bo duoc coi là kho nguoi, kho cüa. O day co mot he thong duong bo, duong thuy, duong sat,

đường không nổi liền miền Bắc với miền Trung, miền Nam, và thế giới bên ngoài. Gần 200 ki-lô-mét bờ biển với nhiều cửa sông lớn nhỏ, thuận tiện cho tàu, thuyền ra vào. Ngoài khơi có nhiều hòn đảo như Bạch Long Vĩ, Long Châu, Cát Bà, Cát Hải... là những vị trí tiền tiêu lợi hại và bảo vệ đất liền nằm trên Biển Đông.

Đồng bằng Bắc Bộ giữ một vị trí đặc biệt trong chiến tranh vì có Thủ đô Hà Nội, và nằm tiếp giáp với Việt Bắc, căn cứ địa của cả nước. Năm đầu kháng chiến toàn

quốc, quân Pháp mới chiếm Hà Nội và một số thành phố, thị xã như Hải Phòng, Hải Dương, Kiến An, Hà Đông, Nam Định và những vùng phụ cận trên dưới 10 ki-lô-mét. Nhưng Đảng ta đã dự đoán sớm muộn địch sẽ mở rộng chiếm đóng ở đồng bằng Bắc Bộ.

Ngày 25 tháng 11 năm 1948, Chính phủ ra sắc lệnh thành lập Liên khu 3, gồm 12 tỉnh: Hải Phòng, Kiến An, Thái Bình, Hưng Yên, Hải Dương, Hà Nội, Hà Đông, Sơn Tây, Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình và Hòa Bình. Đây là sự hợp nhất các chiến khu 2, 3 và 11. Diện tích liên khu khoảng 16.000 ki-lô-mét vuông. Phía đông giáp với Biển Đông. Phía bắc và tây - bắc giáp với các tỉnh trung du: Quảng Yên, Bắc Ninh, Bắc Giang, Phúc Yên, Vĩnh Yên, Phú Thọ. Phía tây và tây - nam giáp Sơn La, Thanh Hóa. Liên khu ủy 3 được Đảng chỉ định gồm các đồng chí: Nguyễn Văn Trân, Lê Thanh Nghị, Đỗ Mười, Lê Quang Hòa, Nguyễn Khai; đồng chí Nguyễn Văn Trân là Bí thư. Tư lệnh Liên khu là Thiếu tướng Hoàng Sâm, đồng chí Lê Quang Hòa là Chính ủy, đồng chí Hoàng Minh Thảo là Liên khu phó.

Liên khu 3 có sáu trung đoàn chủ lực: 34, 42, 48, 52 (vốn là Trung đoàn Tây Tiến), 64, 66. Lực lượng tuy đông, nhưng trang bị còn rất thiếu thốn. Bộ đội ta hoạt động theo phương thức "đại đội độc lập, tiểu đoàn tập trung" đánh nhỏ, đạt hiệu suất cao. Phong trào dân quân du kích tại đồng bằng rất phát triển. Đến cuối năm 1948, toàn liên khu đã xây dựng được 480 làng kháng chiến. Mỗi làng có lũy tre dày đặc bao quanh, hào giao thông, hầm hổ chiến đấu, hầm cất giấu lương thực, hầm bí mật, trạm canh gác... Trong những đợt càn quét, số lần địch đánh vào làng kháng chiến chiếm ba phần tư tổng số những cuộc tiến công. Địch dùng cả máy bay, đại bác phá hủy các công sự, rào lũy và khi lọt được vào làng chúng thường đốt phá, bắn giết rất dã man. Ở những làng kháng chiến như Vật Lại (Sơn Tây), Tam Hưng (Hà Đông), Mông Hóa (Hòa Bình), Liên Minh (Nam Định), nhiều làng kháng chiến dọc đường số 5 thuộc các huyện Bình Giang, Thanh Hà, Kim Thành (Hải Dương), Ân Thi, Khoái Châu (Hưng Yên)... từng đại đội, tiểu đoàn địch tiến công cả ngày, thậm chí hai, ba ngày liền, bị tổn thất nhiều mà vẫn không lọt được vào làng. Đường số 5 nổi liên Hà Nội với Cảng Hải Phòng trở

thành một mặt trận, thường xuyên "nổi sấm" lật đổ từng đoàn tàu, tiêu diệt nhiều xe vận tải của địch. Kết hợp với những hoạt động quân sự chống càn, đánh giao thông, tiêu diệt những đồn bốt lê..., các cuộc đấu tranh chống giặc bắt lính cùng với công tác địch vận diễn ra trên diện rộng. Mỗi người dân trở thành một cán bộ địch vận. Nhiều binh sĩ, sĩ quan ngụy đã chống lệnh đi bắn giết nhân dân, đào ngũ tập thể, quay súng bắn lại địch và làm nội ứng cho lực lượng vũ trang ta. Chỉ riêng Đông Xuân 1948 - 1949, ta đã đánh 14 trận nội ứng diệt 14 đồn giặc. Hơn 2.000

lính ngụy mang súng ra hàng, hoặc vứt súng trở về quê hương. Quân địch đóng tại những thành phố, thị xã thực tế là nằm trong vòng vây của phong trào chiến tranh nhân dân rộng lớn. Các tuyến đường giao thông của địch từ Hà Nội với một số tỉnh chung quanh, đặc biệt là đường Hà Nội - Hải Phòng luôn luôn bị uy hiếp.

Cuối năm 1949, sau khi Giải phóng quân Trung Quốc tiến xuống Hoa Nam, Pháp đã có chủ trương chiếm đóng toàn thể đồng bằng Bắc Bộ, hình thành một tuyến ngăn chặn chiến lược trên miền Bắc, giành kho người, kho lượng thực, phá cuộc chuẩn bị Tổng phản công của ta, bảo vệ con đường huyết mạch từ Hà Nội xuống cửa biển Hải Phòng, đề phòng trưởng hợp phải rút khỏi miền Bắc. Từ tháng 10 năm 1949 đến tháng 5 năm 1950, địch tổ chức sáu cuộc hành binh lớn đánh chiếm tám tỉnh vùng đồng bằng Liên khu 3. Chúng mở liên tiếp những trận càn quét bình định, càn quét tới đâu, lập ngay ngụy quân, ngụy quyền, xây dựng đồn bốt tới đấy. Đồn bốt địch ken dày các tỉnh đồng bằng, chia cắt vùng châu thổ sông Hồng thành nhiều ô nhỏ. Giặc Pháp dùng nhiều thủ đoạn khủng bố, mua chuộc, khống chế đồng bào ta, làm cho dân chúng sợ không dám ủng hộ kháng chiến. Đặc biệt, chúng lợi dụng sự tín ngưỡng của giáo dân và sử dụng một số cha cố phần động để gây chia rẽ lượng - giáo, phá khối đoàn kết dân tộc, lôi kéo những người có đạo chống phá cách mạng. Tại vùng tạm chiếm, nếu phát hiện nơi nào có lực lượng vũ trang ta, chúng lập tức tung quân bao vây tiến công tiêu diệt hoặc đẩy bật lực lượng ta ra khỏi địa bàn.

Tháng 3 năm 1950, Bộ Tổng Tư lệnh đã có huấn lệnh "Về nhiệm vụ quân sự năm 1950 cho Liên khu 3" (Huấn lệnh số 62 HL/A3 ngày 15 tháng 8 năm 1950) xác định đồng bằng Bắc Bộ là nơi cung cấp phần lớn nhân lực, vật lực cho kháng chiến ở Bắc Bộ, vì vậy địch sẽ mở rộng phạm vi chiếm đóng để gây cản trở cho chuẩn bị Tổng phân công, và dự đoán cuộc chiến đấu ở chiến trường Liên khu 3 sẽ ngày càng trở nên ác liệt hơn, bộ đội, đồng bào Liên khu 3 sẽ gặp nhiều khó khăn gay gắt. Nhưng những khó khăn này chỉ có tính chất tạm thời, bộ đội và nhân dân Liên khu 3 với truyền thống đấu tranh bất khuất, kiên cường và những tiềm năng to lớn nhất định sẽ vượt qua.

Địch chiếm đóng toàn bộ Liên khu 3 gây cho ta nhiều khó khăn mới. Hậu phương trực tiếp của chiến trường đồng bằng bị thu hẹp, chỉ còn lại vùng núi Kim Bảng (Hà Nam), Lạc Thủy, Kim Bôi, Tân Lạc (Hòa Bình), Gia Viễn, Nho Quan (Ninh Bình).

Để chuẩn bị chuyển sang đánh lớn, ba trung đoàn của Liên khu được tập trung để thành lập Đại đoàn 320, một trung đoàn kết hợp với Liên khu 4 thành lập Đại đoàn 304, một trung đoàn khác chuyển sang xây dựng đơn vị lựu pháo 105mm. Bộ đội chủ lực của Liên khu thời gian này chỉ còn lại Trung đoàn 42.

Tháng 9 năm 1950, phối hợp với Chiến dịch Biên Giới, lực lượng vũ trang Liên khu 3 cùng với Đại đoàn 304 đã mở Chiến dịch Trần Hưng Đạo1 ở Ninh Bình và vùng hậu địch, loại khỏi vòng chiến đấu gần 700 quân địch, tiêu diệt và bức rút 44 vị trí, lật đổ ba đoàn tàu và phá hủy nhiều xe quân sự địch. Nhận thấy tinh thần sa sút của quân địch sau thất bại ở biên giới, Liên khu 3 quyết không bỏ lỡ thời cơ. Trong tháng 11 năm 1950, thực hiện chủ trương của Liên khu ủy, các tỉnh đồng bằng đều đẩy mạnh đánh du kích, xây dựng làng kháng chiến, chống địch càn quét. Bộ đội và du kích bao vây quấy rối các đồn bốt địch làm cho chúng mất ăn mất ngủ. Ở một số nơi, đêm đêm du kích tổ chức hành quân với lực lượng rất đông, mang theo khẩu pháo giả làm bằng thân cây chuối kết hợp với việc tung tin "chủ lực Việt Minh" đã về làng. Quân địch hốt hoảng bỏ đồn rút chạy về thị trấn. Phong trào đấu tranh du kích nổi lên như sóng cồn quét đi từng mảng tổ chức ngụy quyền ở cơ sở. Quân địch phải co lại cố thủ ở trong đồn không dám ra ngoài. Ngày 6 tháng 12 năm 1950, địch rút chạy khỏi thị xã Hòa Bình. Bên tả ngạn sông Hồng, mỗi tỉnh đã có hàng chục căn cứ nhỏ sau lưng địch. Đặc biệt tại Hải Dương, Hưng Yên, Thái Bình ta mở được khu du kích và căn cứ du kích Nam - Bắc sông Luộc, trong đó có căn cứ du kích liên hoàn Tiên - Duyên - Hưng trở thành một điểm tựa vững chắc, một bàn đạp tiến công của ta ở đồng bằng. Ở hữu ngạn sông Hồng, quân địch đối phó quyết liệt, nhưng chúng ta cũng khôi phục được nhiều cơ sở, xây dựng được một số khu du kích sau lưng địch ở Hà Đông, Hà Nam, Ninh Bình.

Cuối tháng 12 năm 1950, phối hợp với Chiến dịch Trung Du, lực lượng Liên khu 3 và Đại đoàn 320 mở Chiến dịch Mùa Xuân tại khu vực tây - bắc tỉnh Sơn Tây, qua bây ngày chiến đấu đã tiêu diệt và bắt hơn 700 địch, thu vũ khí đủ trang bị cho một tiểu đoàn chủ lực và một đại đội địa phương, phá vỡ một mảng tề dõng ở khu vực tây - bắc tỉnh Sơn Tây.

Mặc dù phải đương đầu với những cuộc tiến công liên tiếp trên mặt trận chính, nhưng Đờ Lát vẫn coi trọng việc đối phó với chiến tranh du kích đang làm mục ruỗng đồng bằng Bắc Bộ, nơi ông ta đã đánh giá là có vai trò quyết định trong chiến tranh Đông Dương. Đờ Lát chia lại vùng châu thổ sông Hồng thành ba khu. Ngoài khu Nam (zone sud) đã có từ trước, sở chỉ huy đặt tại Nam Định, Đờ Lát đặt thêm khu Tây (zone ouest), với sở chỉ huy ở Hà Nội, và khu Bắc (zone nord), với sở chỉ huy ở Hải Dương. Tư lệnh khu kiêm cả trách nhiệm bảo vệ lãnh thổ và tiến hành tác chiến.

Sau Chiến dịch Trung Du, Đờ Lát lập tức cho những binh đoàn cơ động quay về đồng bằng càn quét, bình định. Những trận càn diễn ra với quy mô lớn hơn trước nhiều. Trong tháng 2 và tháng 3 năm 1951, lực lượng vũ trang và nhân dân Liên

khu 3 phải liên tiếp đối phó với cuộc vây quét của những binh đoàn cơ động. Cường độ đánh phá của địch chỉ giảm đi trong thời gian bộ đội chủ lực của ta mở cuộc tiến công trên đường 18. Nhưng Chiến dịch Hoàng Hoa Thám vừa kết thúc, những cuộc càn lớn lại tiếp tục một cách dữ đội hơn. Đờ Lát rất lo ngại chiến tranh du kích phát triển ở đồng bằng, đe dọa phía sau quân đội viễn chinh. Lo lắng của Đờ Lát tập trung vào vùng Vĩnh Bảo, Hải Dương, nơi Trung đoàn 42 của Liên khu 3 đang đứng chân.

Ngày 18 tháng 4 năm 1951, Đờ Lát huy động 15 tiểu đoàn bộ binh, bốn cụm pháo, hai thủy đội xung kích và xe bọc thép tập trung ở Ninh Giang để mở một cuộc tảo thanh trong vùng. Cuộc hành binh do tướng Đờ Li-na-rét tư lệnh Bắc Bộ chỉ huy. Ngày 19 tháng 4, ba binh đoàn cơ động bắt đầu càn quét khu vực trong khi tàu chiến địch tuần tiểu trên các con sông, xe tăng và những tiểu đoàn địa phương chiếm giữ mọi con đường, chia cắt khu vực thành từng ô. Những toán nhỏ binh lính đi trước thăm dò, nếu gặp bộ đội, du kích ta nổ súng thì đại bộ phận quân địch dồn tới bao vây, dựa vào hỏa lực pháo binh và sức mạnh của xe tăng để tiêu diệt. Đi sau mỗi binh đoàn có một tiểu đoàn chuyên làm nhiệm vụ lùng sục các làng, khống chế dân chúng. Qua một tuần càn quét, ngày 26 tháng 4, binh lính Pháp tới bò biển vẫn chưa phát hiện Trung đoàn 42. Nhưng buổi chiều, binh đoàn cơ động số 1 bị hai tiểu đoàn địa phương chặn đánh ở An Cơ. Sau đó những trận tập kích của Trung đoàn 42 đã diễn ra tại những nơi quân Pháp không hề chờ đợi. Nó bắt đầu cũng như kết thúc rất nhanh khiến lực lượng cơ động của địch rất đông và mạnh không kịp đối phó. Cuối cùng, sau nửa tháng càn quét, ngày 5 tháng 5, Đờ Li-na-rét phát hiện Trung đoàn 42 đang có mặt ở Kẻ Sạt. Đờ Li-na-rét ra lệnh cho tướng Béc-su tập trung lực lượng mở một cuộc hành binh mang tên "Bò sát" (Reptile) để quyết định số phận Trung đoàn 42 và kết thúc cuộc hành binh đã quá kéo dài. Cuộc tiến công được

chuẩn bị kỹ lưỡng và triển khai ban đêm. Nhưng khi tiến vào Kẻ Sặt, thì toàn bộ Trung đoàn 42 cũng như bộ đội địa phương và dân quân du kích đều đã biến khỏi đây.

Quân địch không thể tiêu diệt được lực lượng vũ trang ta rất quen thuộc địa hình lại được nhân dân che chở. Nhưng do tương quan lực lượng quá chênh lệch, sau nhiều trận càn như vậy, hầu hết các khu du kích, căn cứ du kích của ta vừa được xây dựng hoặc phục hồi từ Chiến dịch Biên Giới, lại chuyển thành vùng tạm chiếm.

Jia bàn được lựa chọn trong Chiến dịch Quang Trung là ba tỉnh: Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình thuộc Khu Nam Đồng Bằng của địch.

Đây là vùng quân địch mở rộng chiếm đóng từ tháng 10 năm 1949. Chúng đã nhảy dù xuống Phát Diệm, cho tàu chiến đổ bộ lên Xuân Trường đánh chiếm Hành Thiện, Bùi Chu, sau đó mở rộng chiếm đóng ba huyện phía nam Ninh Bình và sáu huyện phía nam Nam Định, là những vùng tập trung đông đảo giáo dân. Chúng sử dụng giám mục Lê Hữu Từ, đã từng là cố vấn trong Chính phủ ta trước đây, đứng ra thành lập khu "Công giáo tự trị" tổ chức được 22 đại đội vệ sĩ và một tiểu đoàn tự lực. Mỗi nhà xứ đều có một tiểu đội đến một trung đội do linh mục trực tiếp chỉ huy. Tại Bùi Chu, chúng thành lập ra "tỉnh Công giáo tự trị Bùi Chu" gồm các huyện Xuân Trường, Giao Thủy, Hải Hậu, Trực Ninh và một phần huyện Nam Trực. Tòa giám mục Bùi Chu biến thành cơ quan đầu não của ngụy quyền và hệ thống lực lượng vệ sĩ. Linh mục Hoàng Quỳnh được phong là tổng chỉ huy lực lượng tự vệ Công giáo ở Phát Diệm và Bùi Chu. Gác chuông nhà thờ trở thành tháp canh. Mỗi nhà xứ đều có nhà tù, nơi tra tấn. Các cơ quan chỉ đạo của ta, cán bộ và lực lượng vũ trang đều bị bật ra ngoài. Địch đã thực hiện được âm mưu chia rẽ lương - giáo, biến giáo dân thành bia đỡ đạn và lính đánh thuê giết hại đồng bào, chống lại kháng chiến, biến những vùng đất thánh thành những pháo đài quân sự. Bùi Chu và Phát Diệm trở thành trung tâm của lực lượng Công giáo phần động ở Liên khu 3, nơi có 500 nhà thờ và 80 vạn dân.

Địch ý vào vùng này có cơ sở giáo dân, nên lực lượng của chúng ở đây so với toàn khu là nơi yếu hơn cả. Quân chiếm đóng ở Hà Nam Ninh có bốn tiểu đoàn và 27 đại đội, hầu hết là ngụy binh tuyển mộ trong giáo dân. Một tiểu đoàn bộ binh thuộc trung đoàn 6 bù 01m1 thuộc địa (6è RIC) đóng ở Nam

Định làm nhiệm vụ cơ động tại địa phương. Tại Khu Nam Đồng Bằng, địch đóng hơn 100 vị trí, trên 20 vị trí từ đại đội trở lên, riêng tại Ninh Bình có 50 vị trí, trong đó có chín vị trí từ đại đội trở lên.

Bác căn dặn bộ đội: "Tiêu diệt địch nhưng nhất thiết phải lấy được lòng dân. Muốn thế các chú phải đánh thắng, giữ kỷ luật cho nghiêm và tôn trọng dân, yêu mến dân... Đánh thắng, giành lấy thắng lợi quân sự tức là đặt cơ sở cho thắng lợi chính trị".

Lực lượng tham gia chiến dịch gồm ba đại đoàn: 308, 304, 320, năm đại đội pháo binh, một số đơn vị công binh, bốn tiểu đoàn bộ đội địa phương tỉnh và dân quân du kích. Đại đoàn 304 vừa được trang bị lại bằng vũ khí của bạn. Vũ khí của đại đoàn hầu hết là chiến lợi phẩm thu của địch, được bổ sung cho Đại đoàn 320 là đơn vị thường xuyên hoạt động ở hậu địch.

Về mức tiêu diệt địch, Bộ Tổng Tham mưu đề nghị một con số khiêm tốn: Ba tiểu đoàn, vì sắp tới mùa mưa, thời gian chiến dịch không thể kéo dài.

Cuối tháng 4, chúng tôi lên đường đi chiến dịch. Cuộc hành quân từ Quảng Nạp, Thái Nguyên về Liên khu 3 tương đối xa. Cán bộ từ cấp cục trở lên được dùng xe đạp. Đầu tháng 5, tới Nho Quan, Ninh Bình. Các anh Lê Thanh Nghị, Văn Tiến Dũng, Hoàng Sâm trong Đảng ủy Liên khu 3 đón ở Xích Thổ. Kể từ ngày Toàn quốc kháng chiến, đây là chiến dịch lớn đầu tiên của Bộ mở ở đồng bằng. Chúng tôi gặp nhau tay bắt mặt mừng, rồi cùng về Sở chỉ huy chiến dịch tạm thời đặt ở vùng Châu Sơn.

Tình hình địch có thay đổi. Một bộ phận binh đoàn cơ động số 4 vừa được điều về Phủ Lý. Đảng ủy quyết định chọn hướng chính của chiến dịch là thị xã Ninh Bình, tỉnh lỵ của Ninh Bình. Lần đầu bộ đội ta tiến công vào một thị xã ở đồng bằng Bắc Bộ sẽ tạo nên một tiếng vang lớn.

Chúng tôi nhận thấy cuộc tiến công nổ ra bất thần chắc chắn sẽ giành thắng lợi ngay từ đầu, nhưng tình hình địch sẽ biến chuyển mau lẹ, toàn khu vực lại là vùng đồng chiêm ngập nước, rất nhiều sông ngòi và có nhiều đường giao thông, thuận tiện cho việc vận chuyển trên bộ cũng như trên sông của địch dưới sự yểm trợ của máy bay, đại bác, nhưng lại gây nhiều khó khăn cho ta.

Đảng ủy đề ra nguyên tắc chỉ đạo tác chiến: "Đánh ăn chắc, chắc thắng mới đánh, dù đánh lớn đánh nhỏ đều phải đánh với điều kiện nắm chắc phần thắng lợi". Rút kinh nghiệm đánh viện trên đường Đa Phúc - Vĩnh Yên, Đảng ủy nhắc các đơn vị nếu viện binh địch xuất hiện trong điều kiện có lợi cho ta thì vận động tiêu diệt địch. Trước mắt "tranh thủ tiêu diệt nhiều vị trí địch cùng một lúc. Nếu có điều kiện thì tiêu diệt viện".

Ngày 22 tháng 5 năm 1951, Bộ chỉ huy chiến dịch trao nhiệm vụ cho các đơn vị: Đại đoàn 308 và Đại đoàn 304 tiêu diệt một số vị trí ở thị xã Ninh Bình và vùng chung quanh Ninh Bình, Phát Diệm. Đại đoàn 320 hoạt động ở Hà Nam. Tôi nhấn mạnh chỉ thị của Trung ương đối với chiến dịch: Tuyệt đối không được chủ quan khinh dịch. Phải tranh thủ nhân dân, chú trọng vận động ngụy binh, vận động đồng bào Công giáo, thi hành chính sách của Đảng trong các vùng có thể giải phóng. Với chiến dịch này, thắng lợi chính trị cũng quan trọng như thắng lợi quân sự. Trước khi chiến dịch mở màn, Đại đoàn 304 và Đại đoàn 320 đã có mặt ở ngay khu vực chiến dịch. Để tạo cho quân dịch một sự bất ngờ, Đại đoàn 308 được lệnh hành quân từ chiến trường Đông Bắc tới thẳng vị trí tập kết, chuẩn bị sẵn sàng khi tới nơi là có thể nổ súng ngay. Đại đoàn 308 phải vượt một chặng đường dài trên 400 ki-lô-mét từ vùng dịch hậu Đông Bắc qua các tỉnh Bắc Giang, Thái Nguyên,

Phú Thọ, Hòa Bình, Hà Nam, vượt qua ba con sông lớn: Sông Lô, sông Thao, sông Đà. Một lần nữa, nhiều chiến sĩ lặng lẽ đi qua nhà, có lúc ngay trước mắt những người thân. Cuộc hành quân thâu đêm với những trận mưa đầu mùa. Khi trời sáng muôn vàn dấu chân đã biến đi trên con đường đầy bùn nhão.

Hạ tuần tháng 5, nhân dân các thị trấn Đầm Đa, Chi Nẻ, Xích Thổ bỗng thấy xuất hiện một đoàn quân dài vô tận với đầy đủ súng ống, pháo nặng đi rất nhanh trên con đường Đầm Đa, xuyên về bến Đế, Trường Yên. Bộ đội di mải miết dường như không để mất tới những dãy hàng quán nhỏ đèn sáng trưng hai bên đường và đồng bào ùa ra hân hoan thì thào với nhau:

- Quân chủ lực Việt Bắc đã về!

Trời sáng, các chiến sĩ Đại đoàn 308 bắt đầu nhìn thấy những xóm làng nổi lên giữa làn nước bạc mênh mông; những cánh đồng chiêm lúa chín rộ, những rặng núi đá nhấp nhô che kín cả chân trời. Họ biết mình đã tới đích đúng thời gian.

Rất lâu rồi họ mới được thưởng thức hương thơm của gạo mới, bát canh cua đồng, quả cà ghém, ấm nước chè xanh của vùng quê đồng bằng. Những chiếc bánh dày đã se mặt, những cây luồng xếp đống trong làng, những chiếc đò giấu dưới lùm cây ven sông..., họ biết đồng bào Ninh Bình đã chuẩn bị cho ngày này từ lâu.

Bộ đội chỉ có một ngày chuẩn bị cho trận đánh.

Chiều ngày 27 tháng 5 năm 1951, có lệnh xuất quân. Khu vực giấu quân nằm trong thung lũng Hoa Lư, nơi một nghìn năm trước cậu bé Đinh Bộ Lĩnh cưỡi trâu dùng cờ lau tập trận để rồi trở thành Hoàng đế của nước Đại Cồ Việt, lúc này chỉ là những cánh đồng chiêm ngập nước. Từ ven những hốc đá dưới chân Mã Yên Sơn, các chiến sĩ với súng đạn, thang van, bộc phá

rùng rùng ùa ra. Nhân dân phố Trường Yên đứng chật hai bên đường đưa tiễn bộ đội. Hàng trăm chiếc đò nhỏ đã chờ bộ đội ở ven sông. Một khẩu hiệu được tự động dựng lên: "Hoan nghênh bộ đội về đánh Ninh Bình!".

Chỉ riêng kẻ địch lúc này vẫn chưa hề biết gì.

Một cán bộ quân báo tỉnh Ninh Bình hớt hải tới tìm Ban chỉ huy Trung đoàn 102 báo tin:

- Ở thị xã có một sự thay đổi. Ngoài số quân địch đóng trên núi Non Nước, ngày hôm nay vừa có thêm một đại đội biệt kích toàn lính Pháp tới thị xã, hiện chúng đang đóng quân trong nhà thờ Đại Phong!

Trái với thái độ lo lắng của anh, Trung đoàn trưởng Vũ Yên mỉm cười nói:

- Tốt thôi!

Và anh gọi Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 79 tới trao nhiệm vụ tiêu diệt đại đội này.

Đêm ngày 28 tháng 5, Tiểu đoàn 79 được quân báo của tỉnh dẫn đường, tới nhà thờ Đại Phong ở thị xã Ninh Bình. Đại đội com-măng-đô Phrăng-xoa hành quân qua đây, tin là thị xã vẫn yên bình như mọi khi, đã chọn nhà thờ làm nơi nghĩ qua đêm. Trước sự xuất hiện bất thần của bộ đội ta, những tên biệt kích trở tay không kịp, bị tiêu diệt trong vòng 30 phút.

Trận đánh vị trí Non Nước đáng lẽ diễn ra trong đêm hôm đó, nhưng chỉ vì một tiểu đoàn qua sông chậm, phải hoãn tới ngày hôm sau.

Đại đội com-măng-đô Phrăng-xoa bị tiêu diệt đã đánh động quân địch.

Chỉ huy Khu Nam Đồng Bằng, Găm-bi-ê, lập tức điều động lực lượng của khu về phía sông Đáy. Tiểu đoàn bộ binh 1 và hai đại đội biệt kích của hải quân được hải đoàn 3 chở gấp về Ninh Bình. Con trai của Đờ Lát là người chỉ huy một đại đội trong tiểu đoàn này. Mặc dù bị chặn đánh dọc đường, các toán quân vẫn kịp tới vào ngày 29, chiếm lĩnh những mồm núi đá ở phía nam sông Đáy chặn con đường vào thị xã.

Đêm ngày 29 tháng 5, bộ đội ta tiến công hai vị trí Non Nước và Gối Hạc.

Non Nước là một núi đá ở ngã ba sông Đáy và sông Vân giữa thị xã Ninh Bình, chân núi có một ngôi chùa. Nằm soi mình bên dòng sông, Non Nước được coi là một thắng cảnh. Địch chiếm Ninh Bình khi thị xã đã tiến hành "tiêu thổ", chỉ còn lại chùa Non Nước và nhà thờ Đại Phong. Lợi dụng thế núi hiểm trở, bốn bể vách đứng cheo leo, quân Pháp đã biến Non Nước thành một vị trí bảo vệ thị xã lợi hại, với hai tầng phòng ngự. Chân núi có tường khoét lỗ châu mai xây bao quanh kết hợp với rào dây thép gai. Lối lên duy nhất là một con đường bậc thang uốn lượn bên vách đá. Lực lượng bảo vệ đồn khoảng hai đại đội.

Cách Non Nước 100 mét là núi Gối Hạc, đứng án ngữ con đường lớn chạy vào thị xã. Theo địa phương thì trên núi không có địch. Ta dụ kiến khi chiến dịch bắt đầu, địch sẽ chiếm đóng núi này, nên đặt kế hoạch đánh chiếm cả Gối Hạc. Vừa khớp trước khi nổ súng, viện binh địch mới từ Nam Định tới đã chia nhau đóng trên hai mỏm núi đá vôi tại đây.

Sau hai giờ chiến đấu, Tiểu đoàn 54 đã chiếm được vị trí Non Nước, diệt 200 tên địch, bắt chỉ huy. Cùng lúc, Tiểu đoàn 29 tiêu diệt quân địch trên một mỏm núi ở Gối Hạc, địch ở mỏm bên bỏ chạy, ta không biết. Chỉ trong một đêm, bộ đội ta đã tiêu diệt đại bộ phận quân địch tại thị xã Ninh Bình.

Đêm hôm đó, bộ phận tin kỹ thuật của ta báo cáo địch đang hối thúc tìm cho được một tên "Béc-na" nào đó mất tích ở Ninh Bình. Tôi nói với cơ quan tham mưu hối những đơn vị phía trước xem Béc-na là ai, có phải là một sĩ quan cao cấp không? Ngày hôm sau mới biết đó là trung úy Béc-na Đò Lát, con trai của Tổng chỉ huy Đò Lát, đã tử trận ở Gối Hạc.

Cuộc hành quân đường dài của Đại đoàn 308 với việc đánh chiếm thị xã Ninh Bình đã được nêu lên trong một thông báo của bộ tham mưu quân viễn chinh là "cuộc hành binh của Na-pô-lê-ông" đã tạo nên "hai đêm 28 và 29 tháng 5 là những đêm bi đát nhất ở Đông Dương".

Đại đoàn 304 tiêu diệt bốn vị trí nhỏ: Yên Vệ, Chùa Dầu, Yên Mô Thượng, Cổ Đôi trên đường 59 từ Phát Diệm đi Ghềnh.

Bộ đội địa phương Ninh Bình tiêu diệt hai vị trí nhỏ: Bến Xanh, Tuy Lộc.

Hướng Hà Nam, Đại đoàn 320 tiêu diệt ba vị trí: Hưng Công, Cảnh Linh, Võ Giàng, và tiêu diệt một đại đội địch càn quét ở Mai Cầu, Thanh Liêm.

Như vậy là chỉ trong một thời gian ngắn, từ đêm 26 đến ngày 31 tháng 5 năm 1951, bộ đội ta vận dụng yếu tố bất ngờ đã tiến công tiêu diệt và bức rút 26 vị trí lớn nhỏ, phá tan một mảng lớn nguy quyền, làm rạn nứt phòng tuyến sông Đáy, giành thắng lợi giòn giã về quân sự và chính trị trong đợt đầu chiến dịch. Những con đường bộ nổi liền Hà Nội với Ninh Bình đều bị cắt. Một điều khá bất ngờ đối với ta là bình lính nguy Công giáo đối phó khá yếu ớt, và đồng bào ở những vùng trước đây được coi là trung tâm Công giáo phản động, không hề gây trở ngại gì cho bộ đội trong những cuộc tiến quân.

4

Ộ bộ Lát nhận thấy dù đã tạm thời vực dậy tinh thần đội quân viễn chinh suy sụp sau thất bại ở biên giới phía bắc, vẫn không thể có một giải pháp nhanh chóng cho vấn đề chiến tranh Đông Dương. Đội quân viễn chinh

chưa thế mở một cuộc tiến công lớn vào khối chủ lực dày dạn, rất có bản lĩnh chiến đấu của đối phương, và ngay cả nước Pháp cũng không làm được việc này.

Đò Lát quyết xây dựng một phòng tuyến với những lò cốt boong-ke và một vành đai trắng bao quanh đồng bằng Bắc Bộ nhằm ngăn chặn những cuộc xâm nhập, chủ yếu từ phía bắc. Phòng tuyến bê-tông này sẽ chạy qua các tỉnh trung du: Hòn Gai qua Đông Triều, Lục Nam, Bắc Giang, Bắc Ninh, Sơn Tây, tới Hà Đông, Ninh Bình. Những cuộc càn quét với quy mô lớn và dài ngày sẽ tiến hành bên trong đồng

bằng để truy quét lực lượng ta, cũng cố chính quyền bù nhìn, giành trọn vẹn kho người, kho của ở Bắc Bộ...

Nhưng đây chưa phải là lối thoát.

Theo Đò Lát, cách đối phó tốt nhất là "Việt Nam hóa" cuộc chiến tranh, đẩy mạnh quá trình "vàng hóa" (jaunissement) đội quân xâm lược. Người bản xứ phải tự đảm đương trách nhiệm chống Cộng. Cái Đò Lát cần là có ngay bốn sự đoàn quân ngụy để đáp ứng nhu cầu rất lớn về quân số không thể trông chờ ở chính quốc. Đò Lát đã cho lập những trường đào tạo sĩ quan ở Đà Lạt, Thủ Đức, Nha Trang, Huế, Nam Định. Nhưng muốn làm được việc này, trước hết phải nắm được ngụy quyền Bảo Đại.

Trung tuần tháng 4, nhân ngày giỗ tổ Hùng Vương của người Việt, Đò Lát kéo thủ tướng bù nhìn Trần Văn Hữu lên Vĩnh Yên khoe khoang mình đã làm cách nào để chặn đứng những cuộc tiến công quyết liệt của Việt Minh, rồi nói với y: "Sự bảo vệ của những quân nhân chúng tôi chỉ có ý nghĩa nếu nó đem lại cho nước Việt Nam đang lớn lên trong độc lập những phương tiện đủ mạnh để tự cứu, để tập hợp mọi nguồn năng lượng". Người đại diện của Bảo Đại đã bày tỏ với Đò Lát quyết tâm tiến hành một cuộc chiến đấu không khoan nhượng chống Việt Minh, kẻ thù chung của Pháp và Việt Nam (!).

Ngày 27 tháng 4, Đò Lát quyết định mỗi tiểu đoàn trong đội quân viễn chinh phải đỡ đầu một tiểu đoàn ngụy vừa được tổ chức.

Trong tháng 5 năm 1952, ngoài việc thúc đẩy Đò Li-na-rét táo thanh ở đồng bằng, Đò Lát tập trung vào giải quyết vấn đề chính trị với Bảo Đại, ông vua ham chơi, lười biếng, lại quá mệt mỏi vì những cuộc mà cả kéo dài với Pháp về những quyền của một nước "độc lập".

Ngày 5, Đò Lát lên Đà Lạt thăm Bảo Đại. Ngày 7, cả Đò Lát và Bảo Đại cùng về Nha Trang. Trong khi chiếc du thuyền hoàng gia Hương Giang lướt sóng Biển Đông, Đò Lát đã cố làm cho ông vua bù nhìn tin là mình sẽ mang lại cho Việt Nam quyền độc lập thực sự của một quốc gia. Buổi trò chuyện được Đò Lát đánh giá sau đó là có tấm "quan trọng đặc biệt".

Trung tuân tháng 5, Đò Lát tới Xinh-ga-po dự cuộc hội thảo về vấn đề bảo vệ Đông Nam Á. Đò Lát đã trình bày với người Mỹ, người Anh về vị trí chiến lược của đồng bằng Bắc Bộ, đây chính là "chiếc chìa khóa của toàn bộ cấu trúc Đông Nam Á". Lập luận của Đò Lát không phải là không có tính thuyết phục. Mắc Đò-nan, đại diện Mỹ, sau đó đã nói "chiến tuyến phòng vệ Mã Lai bắt đầu từ Bắc Bộ Việt Nam". Những đại diện của Mỹ, Anh, Pháp đều nhất trí sẽ khuyến cáo chính phủ mình tổ chức một lực

lượng dự bị chiến lược bốn sự đoàn, với những phương tiện không quân gấp đôi ở Đông Dương hiện nay, trong trường hợp phải đối đầu với sự đe dọa của Trung Hoa.

Giữa lúc Đò Lát tập trung vào những vấn đề chính trị thì cuộc tiến công của ta nổ ra ở Khu Nam Đồng Bằng.

Hạ tuần tháng 5, cơ quan tham mưu Pháp đã thấy dấu hiệu những cuộc chuyển quân của một số đơn vị thuộc các đại đoàn 304, 320 ở nam đồng bằng. Nhưng họ không mấy quan tâm, vì những đơn vị này đã có mặt từ trước tại khu vực. Các nhà chỉ huy Pháp vốn rất coi trọng những tin tức từ Phát Diệm. Những người Công giáo chưa hề báo cáo sự xuất hiện của quân chủ lực Việt Minh ở trong vùng. Khi những trận đánh bùng lên cùng một lúc, Đò Lát hoàn toàn bị bất ngờ.

Sáng ngày 29, ở Hà Nội, Đò Lát lập tức vạch ra kế hoạch đối phó với cuộc tiến công. Những con đường bộ về phía nam đã bị cắt đứt, chỉ còn lại đường thủy và đường không. Lực lượng tăng viện sẽ tới những vị trí bị đe dọa bằng hai con đường này. Hải đoàn xung kích 3 (dinassaut 3) đang có mặt ở Nam Định sẽ vận chuyển ngay viện binh về Ninh Bình, và chi viện hỏa lực cho các lực lượng đang chống giữ. Đồng thời Đò Li-na-rét phải đưa binh đoàn cơ động số 1 về Ninh Bình, binh đoàn cơ động số 4 về Phủ Lý. Tiểu đoàn 7 dù thuộc địa sẽ được thả xuống bắc Ninh Bình, tiểu đoàn 2 dù thuộc địa sẽ được thả xuống Thái Bình.

Số viện binh từ Nam Định đã kịp tăng cường cho thị xã Ninh Bình trong đêm 29, vẫn không cứu vãn được tình thế, và làm Đò Lát mất đi người con trai duy nhất.

Sáng ngày 30 tháng 5, binh đoàn cơ động số 1 mới tới Ninh Bình. Dịch đã mất 48 tiếng để hoàn tất những cuộc chuyển quân đối phó.

Máy bay, pháo mặt đất, pháo hạm tàu trên sông bắt đầu ngăn chặn những hoạt động của bộ đội ta. Quân địch chiếm lại thị xã Ninh Bình.

Sáng ngày 1 tháng 6, Đò Lát trao lại quyền chỉ huy cho Xa-lăng, rời Hà Nội đem thi thể con về Pháp.

gày 1 tháng 6 năm 1951, Đảng ủy chiến dịch quyết định mở đợt 2 chiến dịch sớm nhằm đẩy mạnh chiến tranh du kích, bảo vệ mùa màng, cũng cố và khuếch trương thắng lợi về mặt chính trị, tranh thủ tiêu diệt thêm sinh lực dịch và đưa một số đơn vị vào hậu dịch.

Nhiệm vụ trao cho các đơn vị như sau:

Đại đoàn 308 tiêu diệt vị trí Chùa Cao và đánh viện từ Ninh Bình đến Chùa Cao, chuẩn bị đánh Hoàng Đan và đánh tiếp thị xã Ninh Bình lần thứ hai.

Đại đoàn 304 đánh địch từ Bến Xanh, Phát Diệm tăng viện cho Chùa Cao bằng đường thủy và đường bộ.

Đại đoàn 320 phân tán hoạt động trên hai tỉnh Hà Nam, Hà Đông để phát triển chiến tranh du kích, đồng thời đưa hai tiểu đoàn vào sâu vùng dịch hậu ở Chợ Cháy (Hà Đông), và Thanh Liêm (Hà Nam).

Ngày 3 tháng 6, Đại đoàn 304 bao vây bức hàng vị trí Núi Sậu buộc địch rút thêm các vị trí Bình Hà, đình Phương Nại, chùa Phương Nại.

Đêm ngày 4 tháng 6, Trung đoàn 88 đánh Chùa Cao. Đây cũng là một ngôi chùa trong nhiều ngôi chùa và nhà thờ ở Ninh Bình đã bị địch biến thành pháo đài. Chùa Cao nằm ở đông - nam thị xã Ninh Bình, ven sông Đáy, trên đường đi Phát Diệm, được coi là vị trí bảo vệ vành ngoài cho giáo khu Phát Diệm. Quân địch đã xây dựng những công sự bằng gạch và xi-măng khá kiên cố, và trao cho một đại đội com-măng-đô bảo vệ. Được pháo chi viện từ xa, đơn vị biệt kích bị thiệt hại nặng nhưng vẫn dai dẳng dựa vào công sự chống cự. Bộ đội ta chiếm được hai phần ba đồn thì trời sáng. Địch đưa hải đoàn 3 và tiểu đoàn dù 7 theo đường sông tới giải vây.

Ngày 5, anh Hoàng Văn Thái xuống Đại đoàn 308 trực tiếp tìm hiểu tình hình chiến đấu ở Chùa Cao.

Đêm ngày 6, Trung đoàn 88 tiếp tục đánh Chùa Cao. Công tác tổ chức chiến đấu chậm. 3 giờ sáng bộ đội mới bắt đầu nổ súng. Đại đội com-măng-đô mất sức chiến đấu đêm trước đã được thay thế bằng một đại đội của tiểu đoàn dù 7. Bình lính dù cố cầm cự đội viện binh. Trời sáng vẫn chưa giải quyết được vị trí, Trung đoàn 88 phải rút lui.

Được tin vị trí Hoàng Đan đã được tăng cường, Bộ chỉ huy ra lệnh cho Trung đoàn 36 ngừng đánh Hoàng Đan.

Trung đoàn 88 là một đơn vị công kiên giỏi của Đại đoàn 308 đã nhiều lần tiêu diệt những vị trí Âu - Phi trên đường số 4 trong vòng một giờ. Tôi nghĩ không phải chỉ vì một số khuyết điểm trong công tác chuẩn bị như phái

viên đã về báo cáo, cũng không phải vì anh em quá mệt mỏi. Khó khăn lớn nằm ở chỗ khác. Đó là do thủ đoạn đối phó của địch thay đổi. Với khả năng bắn chính xác của pháo binh, địch đã tập trung pháo ngăn chặn những đợt tiến công ban đêm vào vị trí, kéo dài cho tới lúc viện binh và không quân can thiệp. Chỉ huy Pháp hiện đang phát huy tối đa sức mạnh của pháo binh và không quân để khắc phục sự sa sút về tinh thần của binh lính.

Khu Nam Đồng Bằng không còn là một địa bàn yếu và sơ hở như khi mở đầu chiến dịch. Chỉ một thời gian rất ngắn, địch đã rải trên dọc tuyến phòng ngự sông Đáy, từ các thị xã Phủ Lý, Nam Định, Ninh Bình tới Phát Diệm ba binh đoàn cơ động, hai tiểu đoàn dù, bốn cụm pháo, một đơn vị thiết giáp, và một hải đoàn xung kích. Tuy nhiên, với lực lượng khá mạnh, chúng chỉ nông ra đóng lại một vài vị trí đã bị tiêu diệt chung quanh thị xã Ninh Bình, mở những cuộc càn quét nhỏ chung quanh khu vực đóng quân. Cũng như ở Chiến dịch Hoàng Hoa Thám, quân địch không dám đi vào vùng núi đá, nơi chúng biết chắc chắn có bộ đội ta. Máy bay và pháo địch cũng ít oanh tạc những vùng này vì chúng biết có nhiều chỗ ẩn náu tốt. Các chiến sĩ ta vẫn có được những giờ phút hàn huyên với đồng bào sau nhiều năm xa đồng bằng, giúp dân gặt mùa, xay thóc, dạy những em bé học hát, múa, thăm đền thờ vua Đinh, Bích Động và ngắm những con thuyền thúng nho nhỏ, mái chèo được điều khiển rất khéo bằng đôi bàn chân, lướt nhanh trên sông.

Trong chiến dịch này, đề phòng địch đánh ra vùng tự do, chúng ta đã để lại Đại đoàn 316 ở Thái Nguyên, Đại đoàn 312 ở Phú Thọ. Hai đại đoàn này vừa huấn luyện vừa sẵn sàng chiến đấu. Đây là những đơn vị đánh công kiên giỏi. Trong ba đại đoàn tham gia chiến dịch, trừ Đại đoàn 308, các đại đoàn 304 và 320 đều chưa được tập huấn cách đánh công kiên đã được bổ sung thêm những kinh nghiệm của bạn. Đại đoàn 304 vừa được trang bị vũ khí mới. Đại đoàn 320 còn phải sử dụng những vũ khí đã có.

Ngày 15 tháng 6, Đảng ủy chiến dịch họp nhận định: Các vị trí trên đường số 1 từ Phủ Lý tới Ninh Bình đều được tăng cường. Ta sẽ chuyển sang đánh nhỏ trước khi kết thúc chiến dịch vì mùa mưa đã bắt đầu.

Trung đoàn 36 đánh địch ở Cẩm Giá, tây - nam thị xã Ninh Bình bốn ki-lô-mét, diệt 60 tên địch, phá chín xe bọc thép lội nước.

Đại đoàn 320 tiêu diệt hai vị trí nhỏ: Phố Cù và Phúc Lâm ở Hà Nam.

Trung tuần tháng 6, một tiểu đoàn của Đại đoàn 320 thâm nhập Chợ Cháy (Ứng Hòa, Hà Đông). Khu vực này trực tiếp uy hiếp quốc lộ 1 nối liền Hà Nội với Ninh Bình. Đò Lát vừa từ Pháp sang, quyết định phải tiêu diệt ngay lực lượng vừa thâm nhập. Địch huy động sáu tiểu đoàn dù, bộ binh cùng với pháo binh và cơ giới mở cuộc bao vây khu vực nhằm "cắt vỏ" lực lượng

ta. Cuộc hành binh tiến hành từ ngày 18 đến ngày 20 tháng 6 dưới trời mưa tầm tã. Nhưng tiểu đoàn của Đại đoàn 320 đã phối hợp với dân quân du kích địa phương tổ chức chống càn, diệt hàng trăm quân địch rồi rút ra an toàn.

Ô hướng phối hợp tả ngạn sông Hồng, Trung đoàn 42 cùng với bộ đội địa phương và dân quân du kích hoạt động suốt mười ngày liền, từ ngày 20 đến ngày 30 tháng 5 năm 1951, đã tiêu diệt 18 hương đồn, bức rút 12 hương đồn khác ở các huyện Phù Cừ, Tiên Lữ (Hưng Yên), Gia Lộc, Bình Giang (Hải Dương), Quỳnh Côi (Thái Bình).

Đợt hoạt động nhỏ cuối chiến dịch đạt được những kết quả đáng kể. Phong trào chiến tranh du kích ở đồng bằng Bắc Bộ sau một thời gian lắng xuống vì những trận càn dữ dội liên tiếp, lại được phục hồi.

Ngày 20 tháng 6 năm 1951, Chiến dịch Quang Trung kết thúc.

Theo tổng kết của Bộ Tổng Tham mưu, tỷ lệ thiệt hại giữa ta và địch là: ta 1, địch 1,2. Trong số quân địch bị loại khỏi vòng chiến đấu, có 40% là Âu - Phi. Vũ khí ta thu được trên 1.000 súng các loại, đủ trang bị cho một trung đoàn mạnh. Ta đã tiêu diệt và bức rút 30 vị trí địch. Phần lớn những thiệt hại của ta là trong những trận đánh điểm, đặc biệt là trong trận Chùa Cao. Theo bạn, tỷ lệ thiệt hại như vậy là thấp. Nhưng với ta, nó khó chấp nhận, vì bộ đội ta vẫn ở trong thời kỳ vừa đánh vừa bồi dưỡng lực lượng.

Các đồng chí cố vấn khi nghe Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 54 báo cáo trên sa bàn về trận đánh đồn Non Nước đã nhận xét: "Đây là một trình độ công kiên có nền nếp". Lần đầu trên chiến trường đồng bằng, ta tiêu diệt được cùng một lúc bốn đại đội địch.

6

Tư trung tuân tháng 9 nam 1950 đến trung tuân tháng 5 nam 1951, ta đã mô liên tiếp bốn chiến dịch lớn huy động từ hai đến ba đại đoàn, có những đại đoàn, trung đoàn tham dự liên ba chiến dịch, riêng Đại đoàn 308 có mặt trong suốt bốn chiến dịch.

Trong hội nghị tổng kết Chiến dịch Quang Trung, đồng chí Vi Quốc Thanh nói: "Bộ đội Việt Nam thực sự là một bộ đội cách mạng. Chỉ có bộ đội cách mạng mới vượt qua được những thử thách lớn như vậy. Không đầy một năm, hành quân nghìn dặm, liên tiếp đương đầu với bom đạn của đế quốc Pháp, dù sắt đá cũng phải mòn!".

Bốn chiến dịch vừa qua trong tám tháng trên những chiến trường rất khác nhau, giống như một chiến dịch kéo dài vì thời gian liên tục của nó, vì những đơn vị tham chiến, cơ quan điều hành, với cả cách đánh hầu như không thay đổi. Chúng ta đã chuyển sang thời kỳ vận động đánh lớn.

Trong ba chiên dịch Trân Hung Dao, Hoàng Hoa Tham, Quang Trung, trên cả hướng chính và hướng phôi hợp, chúng ta đã tiêu diệt chừng 70 vị trí dịch, trong đó có hầu hết quân dịch chiêm đóng tại một thị xã đồng bằng, và nhiều vị trí trên dưới một đại đội. Về đánh viện, quân ta đã tiêu diệt một tiểu đoàn, đánh thiệt hại một số tiểu đoàn, đại đội ứng chiến thuộc các binh đoàn cơ động số 1, số 3 và số 4. Tổng cộng, chúng ta đã loại khôi vòng chiến đấu chừng 10.000 quân dịch (một nửa là cơ động), thu một số lượng quan trọng vũ khí và trang bị kỹ thuật. Các trận đánh vận động ở Liễn Sơn, Xuân Trạch, ở Thanh Vân, Đạo Tú trong Chiến dịch Trân Hung Đạo, trận tiêu diệt cứ điểm Bí Chợ trong Chiến dịch Hoàng Hoa Tham, trận tiêu diệt cứ điểm Non Nước trong Chiến dịch Quang Trung... đã nói lên một bước trưởng thành của bộ đội trong tác chiến trên địa hình trung du và đồng bằng. Nhưng, nỗi cộm lên là thất bại của những trận đánh điểm Bãi Thảo, Bến Tám, Chùa Cao, bộ đội phần lớn thương vong vì pháo bắn chặn từ xa của dịch.

Có những vấn đề đã khiến tôi băn khoăn từ khi kết thúc Chiến dịch Trung Du, tới chiến dịch này đã trở thành một thử thách lớn.

Đò Lát không chỉ vực dậy một bước tinh thần quân đội viễn chinh với những lời động viên mà còn giành được lòng tin của quân lính vì biết tập trung lực lượng nhanh chóng vào những điểm nóng, biết chấp nhận những thiệt hại nhỏ, kiên quyết khước từ giao chiến với ta trong những điều kiện bất lợi. Đò Lát đã phát huy tối đa sức mạnh những binh khí, kỹ thuật hiện đại để ngăn chặn ta trong đánh vận động cũng như trong đánh điểm. Và không phải chỉ có chừng ấy. Trong hoàn cảnh lúng túng của chính quyền Pháp, với uy tín cá nhân và những kinh nghiệm dày dạn của mình, viên tướng 5 sao này đang thực thi tất cả những điểm trong kế hoạch Rơ-ve trước đây, một kế hoạch được ta đánh giá là thực tế và nguy hiểm.

Sau chiến thắng Biên Giới, trước sự suy sụp tinh thần nhanh chóng của quân viễn chinh, Đảng ta cùng với các cố vấn Trung Quốc đã cho rằng chiều hướng phát triển của bộ đội ta trên chiến trường Bắc Bộ là từ chiến trường miền núi tiến xuống trung du và đồng bằng.

Đồng bằng Bắc Bộ sẽ nhanh chóng rắn lại. Tình hình sau đây sẽ ra sao khi đại bộ phận quân chủ lực của ta đã rút đi...?

Những vấn đề mới đã đặt ra trước chúng ta.

Chương bảy MÙA HÈ NĂM 1951

Am 1951 là năm nhiều thiên tai, hạn hán, lũ lụt lớn. Cả nước đều mất mùa. Liên khu 4 mất từ 20 đến 40% hoa màu, 1.000 tấn muối bị ngập nước. Nạn đói đe dọa

bốn tỉnh tự do Liên khu 5. Nam Bộ là nơi sản xuất nhiều lúa gạo cũng có những vùng bị đói.

Nên nông nghiệp của ta trước chiến tranh vốn rất lạc hậu. Sống trên dải đất gió mùa, nhiều thiên tai, người nông dân tuy siêng năng, cần cù, nhưng chỉ biết ngày đêm "trông trời, trông đất, trông mây". Năm mưa thuận gió hòa thì đủ ăn. Năm gặp hạn hán, bão lụt thì đói. Những chính sách hà khắc của bọn thống trị làm cho nạn đói kéo dài triển miên, có năm lúa chín rũ ngoài đồng không người gặt, vì người trồng lúa đều chết đói trước đó.

Kháng chiến của ta dựa trên nền kinh tế tự cấp tự túc về mọi mặt, với khẩu hiệu chính là "Toàn dân tham gia sản xuất". Năm đầu kháng chiến toàn quốc, lòng yêu nước của nhân dân ta đã mang lại một thành tựu mới trong sản xuất lương thực. Nông dân vùng tự do thu được 2.194.000 tấn thóc, tăng hơn 289.000 tấn so với năm 1946, và 474.000 tấn hoa màu. Đời sống người dân kháng chiến tạm đủ no.

Đồng bạc Việt Nam được phát hành từ cuối tháng 1 năm 1946 ở Nam Trung Bộ làm thí điểm, đã nhanh chóng được cả nước sử dụng. Chấp nhận đồng bạc Việt Nam, thường được gọi là "tiền Cụ Hồ", nhân dân ta đã biểu thị niềm tin vững chắc vào thắng lợi cuối cùng.

Lương thực dồi dào. Tiền do Nhà nước in ra theo nhu cầu. Chỉ còn lo việc đánh giặc. Nhưng tình hình thuận lợi này chỉ diễn ra trong những năm đầu Toàn quốc kháng chiến.

Để quốc Pháp vốn là một thực dân cáo già. Chiến tranh xâm lược của Pháp không đơn thuần quân sự, là chiến tranh tổng lực. Pháp triệt để khai thác một nhược điểm cơ bản của ta là về mặt kinh tế, tài chính không có

nguồn hỗ trợ nào từ bên ngoài. Chúng tập trung làm hai việc: Triệt nguồn lương thực và phá giá đồng bạc Việt Nam.

Pháp nhanh chóng chiếm đóng châu thổ sông Cửu Long và châu thổ sông Hồng, là nơi tập trung nguồn nhân lực và lương thực của Việt Nam. Chúng bịt tất cả những con đường vận chuyển thóc lúa từ vùng bị tạm chiếm ra vùng tự do. Ở nhiều nơi, sau vụ gặt, địch bắt đồng bào tập trung thóc tại một chỗ do chúng kiểm soát, và phát lại hằng ngày theo nhu cầu của từng gia đình. Trong những cuộc càn quét, địch coi trọng việc phá hoại các phương tiện sản xuất, mùa màng, thóc lúa cũng như sản lùng Việt Minh. Chúng đánh giá bắn được một con trâu như diệt được hai du kích! Thóc lúa, hoa màu tìm được đều bị đốt hoặc đổ xuống sông. Chúng dùng đại bác, máy bay bắn phá trên những cánh đồng, cản trở nhân dân sản xuất, và dùng xe bọc thép lội nước chà trên ruộng lúa đang lên đòng. Dã man hơn, chúng

ném bom phá hoại các đập nước Thác Huống, Báo Thượng, Phong Lạc, Bàn Thạch, Đô Lương làm cho trên 200.000 héc-ta ruộng đồng bị khô cạn. Trong năm 1951, chúng lập "vành đai trắng" ở nhiều vùng trung du và đồng bằng, rộng từ năm tới 10 ki-lô-mét, biến hàng chục vạn héc-ta đất canh tác màu mỡ thành những vùng đất hoang hóa.

Đồng bạc Việt Nam bị đánh phá bằng rất nhiều thủ đoạn. Địch cấm dân chúng vùng tạm chiếm không được tiêu "tiền Cụ Hồ". Từng thời gian chúng phao tin những đồng bạc lớn 200 đồng, 500 đồng của ta không còn giá trị sử dụng, tạo nên những cơn sốt tiền 100 đồng giả tạo. Thủ đoạn chủ yếu của chúng để phá giá đồng bạc của ta là dùng tiền giả. Riêng một lần đổ bộ vào Phú Yên, chúng đã tung ra thị trường vùng tự do 800.000 tờ bạc giả. Tại Khu 8 và Khu 9 Nam Bộ, ta đã thu tới 100.000.000 tiền giả! Chúng in tiền giả dễ dàng trong khi việc in tiền của ta giữa thời chiến gặp nhiều khó khăn. Những cơ sở chế tạo giấy, cơ sở in thường xuyên phải di chuyển để tránh máy bay địch đánh phá. Tiền in ra thường không kịp để chi phí cho các chiến dịch, kể cả phát sinh hoạt phí cho cán bộ và công nhân viên. Sự thiếu thốn về lương thực cùng với những thủ đoạn phá giá đồng bạc Việt Nam khiến cho đồng tiền của ta trong những năm 1950, 1951 mất giá rất nhanh. Tại Thái Nguyên, gạo lên tới 45 đồng một ki-lô-gam, trong khi sinh hoạt phí của bộ đội là 180 đồng, cộng với năm đồng tiêu vật! Nhiều khi có tiền cũng không mua được gạo và muối, đặc biệt là muối. Như những năm trước, chúng ta lại phải khuyến khích cán bộ, chiến sĩ, đồng bào từ miền xuôi lên Việt Bắc mang theo mỗi người từ hai đến ba ki-lô-gam muối.

Tình hình này ảnh hưởng trực tiếp đến sức chiến đấu của bộ đội. Trong báo cáo trình bày tại Đại hội Đảng lần thứ II, tôi đã đề nghị: "Cần phải kiên

quyết cải tiến việc cấp dưỡng cho bộ đội, quy định chế độ cấp dưỡng thích hợp với nhu cầu quản đội và khả năng đảm phụ của nhân dân".

Những giải pháp Đảng ta đề ra trước đây, từ "Tuần lễ vàng", "Ngày Đồng tâm", "Mùa Đông binh sĩ", "Đảm phụ quốc phòng", "Hũ gạo nuôi quân", cho tới việc phát hành "Công phiếu kháng chiến", lập "Quỹ công lương", đánh "Thuế điền thổ" mặc dù được nhân dân hưởng ứng, nay đã không còn thích hợp. Cách thu thuế bằng tiền tính theo giá thóc, cũng như mua thóc bằng tiền trong tình hình giá đồng tiền của ta luôn thay đổi khiến cho nông dân thường bị thiệt thòi. Đại hội Đảng lần II đề ra là trên cơ sở bồi dưỡng sức dân, cần có những chính sách phù hợp, công bằng và lâu dài để huy động sức người, sức của nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng lớn của kháng chiến.

Từ khi đồng bạc Việt Nam mất ổn định, đã có ý kiến đề ra trong Hội đồng Chính phủ nên thu thuế bằng thóc, nhưng thấy có nhiều khó khăn: Trái với tập quán của nhân dân, phải lập kho, và phải biết cách bảo quản thóc lúa thu về... Các cố vấn Trung Quốc đã giúp chúng ta những kinh nghiệm phong phú qua việc thu thuế nông nghiệp bằng thóc đã được thực hiện ở nước bạn.

Ngày 15 tháng 7 năm 1951, Chính phủ ban hành Sắc lệnh Điều lệ thuế nông nghiệp thu bằng thóc nhằm thống nhất cách thu thuế trên cả nước, đơn giản hóa chế độ đảm phụ của nhân dân, và bảo đảm công bằng. Thuế nông nghiệp được đề ra theo nguyên tắc bảo đảm cung cấp cho nhu cầu kháng chiến, phù hợp với khả năng đóng góp của mỗi tầng lớp nhân dân ở nông thôn, khuyến khích phát triển nông nghiệp. Mức thuế khởi điểm là 65 ki-lô-gam trên một mẫu. Mức thuế của bản nông, trung nông giảm nhẹ hơn so với năm 1950. Các thứ thuế công lượng, điền thổ, thuế gia tăng, việc thu thóc theo định giá trước đây đều bãi bỏ.

Cùng với việc ban hành Sắc lệnh Điều lệ thuế nông nghiệp, Chính phủ còn ra những quy định cụ thể về thống nhất thu chi, cân bằng ngân sách, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tham ô. Sở Kho thóc, Sở Mậu dịch, hệ thống ngân hàng và cơ quan thuế vụ được thành lập. Sở Kho thóc và Sở Mậu dịch là hai ngành có liên quan mật thiết với hậu cần quân đội nhằm đảm bảo những nhu cầu về lương thực và những sinh hoạt tối thiểu cho bộ đội.

Bác đặc biệt quan tâm tới việc ban hành Sắc lệnh Điều lệ thuế nông nghiệp. Bác trực tiếp đi tìm hiểu tình hình, lắng nghe ý kiến dân chúng. Trước khi ban hành sắc lệnh ba tháng, nhiều đoàn cán bộ Chính phủ được phái đi các liên khu Việt Bắc, 3, 4, vận động nhân dân cho Chính phủ vay tạm thuế nông nghiệp vụ chiêm theo dự thảo đã được Hội đồng Chính phủ thông qua đầu tháng 5 năm 1951. Đây cũng là cách thăm dò phần ứng của nhân dân đối với chính sách thuế mới. Kết quả ngoài dự đoán. Đồng bào các

nơi đều hoan nghênh thuế nông nghiệp. Số thóc thu được vượt gấp đôi dự tính ban đầu. Dự tính của ta quá thấp. Một phần, do chúng ta đã dựa trên những con số cũ chính quyền thực dân để lại. Một phần, do chúng ta chưa đánh giá đúng tình hình phát triển của nông nghiệp qua năm năm kháng chiến. Người dân Việt Nam đã thực sự tự túc về lương thực. Sau khi thực hiện vay thuế nông nghiệp vụ chiêm, anh Lê Văn Hiến, Bộ trưởng Bộ Tài chính, vui mừng nói trong cuộc họp Hội đồng Chính phủ: "Riêng số thóc tạm vay ở Việt Bắc đủ cho quân đội ăn tới ngày mùa!".

Không khí nông dân nô nức đóng thuế nông nghiệp được phản ánh trong một bài hát lúc đó (nhạc của Lê Lôi, lời của Huyền Tâm):

"Lúa tháng Năm kén tầm vàng óng

Hạt khô giòn đem đóng thuế nông

Lúa nhiều anh gánh em gồng

Kiu cà kiu kịt qua sông qua đò

Lúa nhiều chiến thắng càng to

Đồn Tây càng đổ, câu hò càng vang...".

Từ cuối năm 1951, thuế nông nghiệp trở thành nguồn thu chính của ngân sách Nhà nước trong kháng chiến, bảo đảm cho bộ đội những nhu cầu chính về lương thực.

Cũng trong năm 1951, Chính phủ ta ban hành chính sách thuế công thương nghiệp, và phát hành tờ giấy bạc "Ngân hàng Việt Nam" thay thế dần đồng bạc của Ngân khổ quốc gia phát hành trước đây. Ngân hàng Việt Nam ra đời là sự tiếp cận những nguyên tắc chính quy về tiền tệ và tài chính của một quốc gia. Anh Nguyễn Lương Bằng được cử làm Giám đốc Ngân hàng Quốc gia. Tờ bạc mới của ta in ở Trung Quốc khá đẹp, được phát hành từ đầu tháng 6 năm 1951. Ai cầm tờ bạc mới cũng thấy phấn khởi.

Bộ máy làm việc của Đảng cũng như của chính quyền từ ngày cả nước kháng chiến chưa được quy định rõ ràng. Số người mỗi ngày càng phình to tại các cơ quan Trung ương cũng như các khu, các tỉnh. Đội ngũ cán bộ, nhân viên là những người tham gia cách mạng từ trước và sau Tổng khởi nghĩa, và những người đi theo kháng chiến. Số đông đã trưởng thành trong công tác thực tế và trở thành những cán bộ, nhân viên có khả năng. Nhưng cũng không ít người không thích ứng với công việc. Từ khi đồng tiền mất giá, số người này đã thành một gánh nặng ở các cơ quan, trong khi tại mặt trận và đơn vị lại rất thiếu người. Vấn đề giản chính được đặt ra từ lâu nhưng chưa làm được vì nhiều lý do, trong đó có sự bịn rịn về tình cảm.

Trong một cuộc họp với Bộ Chính trị, đồng chí Trưởng đoàn cố vấn Trung Quốc, La Quý Ba đã lưu ý chúng ta nên xem lại vấn đề biên chế của các cơ quan và đơn vị. Mỗi nơi đều cần những người đủ năng lực làm việc, không thể thiếu cũng như thừa. Nó liên quan trực tiếp tới sức mạnh chiến đấu cũng như ngân sách Nhà nước.

Từ giữa năm 1951, các cơ quan đã xúc tiến mạnh mẽ công tác tinh giản biên chế để tiết kiệm ngân sách, nâng cao hiệu lực điều hành, và đưa số người dư thừa tăng cường cho lực lượng chiến đấu, sản xuất. Liên khu Việt Bắc, Liên khu 3, Liên khu 4

đều giảm được 40% người dư thừa. Liên khu 5 tiến hành giảm biên chế theo nguyên tắc kiện toàn khu, tỉnh, tinh giản huyện, tăng cường xã, thực hiện phương châm "kiện toàn chất, đơn giản lượng".

Các cơ quan Bộ Tổng Tư lệnh cũng như cơ quan đoàn bộ từ quân khu, đại đoàn, trung đoàn, tiểu đoàn cho tới đại đội đều sắp xếp lại theo đúng nguyên tắc tinh giản, "tinh binh, tinh cán", tăng cường hiệu lực chỉ huy, giảm nhẹ những bộ phận gián tiếp, tăng thành phần trực tiếp chiến đấu. Trong một thời gian ngắn, cơ quan Bộ Tư lệnh Liên khu Việt Bắc đã giảm được 60% quân số đưa xuống tăng cường cho đơn vị. Cơ quan tiểu đoàn bộ chỉ còn 20 cán bộ, chiến sĩ. Phòng Tham mưu của Bộ chỉ huy Bình - Trị - Thiên trước gồm 700 cán bộ, chiến sĩ nay còn 130 người. Ở Liên khu 5, tổng quân số giảm nhưng lực lượng chiến đấu tăng gần 15%, các trung đoàn chủ lực được bổ sung quân số đầy đủ mà vẫn thành lập thêm được những tiểu đoàn mới.

ết thúc Chiến dịch Quang Trung, anh Nguyễn Chí Thanh bàn với tôi, cần tổ chức một đợt chỉnh huấn nhằm nâng cao trình độ giác ngộ chính trị của bộ đội. Anh Thanh có nhận xét mấy chiến dịch gần đây, trong chiến sĩ ngày càng xuất hiện những gương chiến đấu anh dũng, như tổ ba người Khương, Lục, Xá đã đột phá xuyên suốt đồn địch trong trận Non Nước, chiến sĩ Nguyễn Quang Vinh một mình bơi thuyền, dùng bộc phá đánh tàu địch trên sông Đáy... Nhưng ở một số cán bộ đã có dấu hiệu dao động, điều tra địch không đến nơi, bỏ bộ đội khi chiến đấu, tư tưởng ngại gian khổ, ác liệt khá phổ biến. Anh Thanh cho rằng phần lớn cán bộ sơ cấp, trung cấp của ta xuất thân từ tầng lớp tiểu tư sản học sinh, chỉ mới giác ngộ về dân tộc, còn ít giác ngộ giai cấp nên thiếu kiên định. Trọng tâm đợt chỉnh huấn này, nên nhắm vào cán bộ.

Mùa mưa đã bắt đầu. Bộ đội ta sẽ có khoảng hai tháng cũng cổ, học tập và nghỉ ngơi. Một năm liền hành quân, chiến đấu không ngừng đã vượt lên sức chịu đựng của con người. Kháng chiến còn dài. Chúng tôi phải thống nhất nâng cao trình độ cả về chính trị và quân sự cho bộ đội. Trong khi chờ Quân ủy Trung ương quyết định về nội dung chính huấn, cần dành vài ngày cho cán bộ học tập về tình hình và nhiệm vụ. Thời gian qua chiến đấu liên tục, anh em ít hiểu những thay đổi rất nhanh về tình hình trong nước cũng như quốc tế. Đợt học tập này được tổ chức tại Thanh Hóa ngay sau chiến dịch rất có kết quả.

Chỉnh huấn chính trị mùa Hè năm 1951 đánh dấu một mốc biến chuyển về nhận thức, tư tưởng của bộ đội.

Cán bộ trung đội và chiến sĩ học tập tài liệu "Quân đội nhân dân Việt Nam" và "Kháng chiến trường kỳ gian khổ nhất định thắng lợi". Anh em hiểu sâu sắc hơn,

quân đội ta là một quân đội kiểu mới, là con em của các dân tộc Việt Nam chiến đấu dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhằm giải phóng cho nhân dân khỏi mọi sự bất công. Mối quan hệ giữa cán bộ, chiến sĩ trong quân đội là quan hệ giữa những người cách mạng, thương yêu, gắn bó với nhau trong cuộc chiến đấu sống còn với kẻ thù vì hạnh phúc của nhân dân. Kháng chiến dù lâu dài, gian khổ nhưng nhất định sẽ giành thắng lợi vì nhân dân ta có sự lãnh đạo của một đảng tiền phong đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Cuộc học tập ở đại đội đã củng cố niềm tin và tình cảm giữa cán bộ, chiến sĩ trên cơ sở một nhận thức mới.

Cán bộ từ đại đội trở lên được chỉnh huấn về "Cách mạng Việt Nam". Mục đích học tập đối với cán bộ là nâng cao nhận thức về lập trường, quan điểm, phân biệt rõ ta là ai, đâu là bạn, đâu là kẻ thù trong cách mạng dân tộc và dân chủ do Đảng lãnh đạo. Những vấn đề này không mới, vì đa số cán bộ đều là đảng viên. Nhưng đây là một dịp để anh em liên hệ giữa nhận thức với tư tưởng việc làm của mình, phân rõ đúng, sai, kiểm điểm tinh thần quyết tâm chiến đấu, phục vụ nhân dân, thương yêu đồng đội, cũng như tư tưởng ngại khó, ngại khổ, công thần địa vị, quan liêu quân phiệt, lãng phí, tham ô... Những biểu hiện tiêu cực này đã xuất hiện ít nhiều trong quân đội và cần được ngăn chặn bằng tự phê bình và phê bình. Nhiều cán bộ đã thành khẩn liên hệ những khuyết điểm, sai lầm của mình và hứa sẽ quyết tâm sửa chữa. Quyết tâm đó được thể hiện khá rõ trong quá trình chiến đấu sau này.

Đảng ta vốn rất coi trọng tự phê bình và phê bình. Bác Hồ nhiều lần, bằng những lời kê khác nhau và sâu sắc, đã làm cho mọi người hiểu tự phê bình và phê bình là quy luật để tiến bộ. Sự tự giác trình bày khuyết điểm trên cơ sở nhận thức đúng đắn bao giờ cũng được hoan nghênh. Coi nhận

thức là một quá trình, chúng ta biết chờ đợi, không ép buộc. Có điều nên nói là trong chỉnh huấn chúng ta đã tiếp nhận từ những cố vấn về giáo dục chính trị một cách làm khác: Coi kiểm điểm tư tưởng là cuộc đấu tranh không khoan nhượng với mọi sai lầm; những ai không nêu được sai lầm nghiêm trọng sau học tập đều coi như thiếu thành khẩn, và bản tự kiểm điểm không được tập thể thông qua. Những buổi kiểm điểm thường diễn ra căng thẳng với những lời phê phán "đao to búa lớn" nhiều khi gò ép. Có người sợ bị coi là thiếu thành khẩn đã tự nhận những tội lỗi mà mình không hề mắc. Sự động viên, kêu gọi, biểu dương những gương gọi là "thành khẩn" một cách quá đáng trong học tập, đã dẫn tới biểu hiện kỳ lạ. Ở đại đoàn X, một cán bộ tiểu đoàn rất anh dũng trong chiến đấu, tự nhận mình là gián điệp của địch. Khi bị truy hòi, anh khai ra một loạt sự việc có liên quan tới những cán bộ khác. Tổ chức mất rất nhiều thời giờ mới xác định được những điều anh "phản tỉnh" đều là do óc tưởng tượng của một học sinh trước kia đã đọc quá nhiều những

truyện trình thám! Chỉnh huấn chỉ diễn ra trong một thời gian ngắn. Nhận thức mới về cách mạng còn đơn giản làm sao có thể thay đổi hoàn toàn về tư tưởng con người? Cách học tập này tuy mang lại những kết quả trước mắt nhưng sẽ gây những ảnh hưởng xấu trong cuộc vận động chỉnh đốn tổ chức sau này.

Công tác huấn luyện quân sự, nâng cao trình độ kỹ thuật, chiến thuật của bộ đội ngay từ đầu chiến tranh vốn được hết sức coi trọng. Từ năm 1948, chúng ta đã mở liên tiếp những đợt "Luyện quân lập công", những đợt vận động "Rèn cán chỉnh quân". Nội dung và phương pháp huấn luyện luôn luôn được cải tiến sát với yêu cầu thực tế chiến đấu. Sau mỗi mùa khô chiến đấu bao giờ cũng là một đợt huấn luyện về quân sự. Lần này đợt huấn luyện diễn ra khá dài ngày, từ tháng 6 tới giữa tháng 11 năm 1951 mới kết thúc. Về kỹ thuật, các chiến sĩ tiếp tục học năm môn cơ bản: Bắn súng, ném lựu đạn, đâm lê, sử dụng bộc phá và đào công sự. Về chiến thuật, các đơn vị tiếp tục học công kiên, đánh vận động ở đồng bằng, trên địa hình ruộng nước, sông ngòi theo tài liệu của Bộ Tổng Tham mưu dựa vào thực tế kinh nghiệm những chiến dịch vừa qua biên soạn.

quyền hành chính cho chính phủ ngụy quyền. Ông ta nặng lời khiển trách, không giấu sự khinh miệt đối với những chỉ huy thất trận không kể ở cấp bậc nào, nhưng tỏ ra hết sức mềm dẻo, kiên trì trong việc khuyên nhủ Bảo Đại hãy sớm bắt tay vào công việc của một "quốc trưởng". Và ông ta cũng đã thành công.

Giữa tháng 7 năm 1952, Bảo Đại ra sắc lệnh "tổng động viên".

Bảo Đại một lần nữa bộc lộ bộ mặt bán nước chống lại dân tộc.

N h u n g Đò L á t biết là chưa đủ. Ô n g t a đã nhận ra dân chúng vùng tạm chiếm vẫn hoàn toàn thờ ơ với cuộc chiến tranh. Sắc lệnh của Bảo Đại chỉ mới tạo ra cơ sở cho việc buộc thanh niên nằm dưới quyền kiểm soát của quân viễn chinh vào lính thay thế cho những cuộc ruồng bố bắt lính trước đây. N h u n g họ chiến đấu chống Cộng như thế nào mới là vấn đề quyết định! Đò L á t thấy trước hết phải nắm lấy tầng lớp thanh niên có học, những người sẽ trở thành sĩ quan trong đội "quân cộng hòa". Nhân dịp trường trung học Sa-xơ-lúp Lô-ba ở Sài Gòn tổ chức lễ phát thưởng cho học sinh, ông ta tới tận nơi, nói với học sinh: "Các bạn hãy xứng đáng là những con người, có nghĩa: Nếu các bạn là cộng sản, hãy đi theo Việt Minh; ở đó có những kẻ chiến đấu tốt cho một lý do xấu. Còn nếu các bạn là người yêu nước, hãy chiến đấu cho đất nước, vì cuộc chiến tranh này là của các bạn... Quân đội quốc gia chính là biểu hiện của nước Việt Nam độc lập. Và sự phát triển của nó phụ thuộc vào cấp số nhân những cán bộ mà chỉ các bạn mới có thể cung ứng... Các bạn, những người được ưu đãi về văn hóa, phải đòi sự ưu đãi ấy ở vị trí đứng đầu trong chiến đấu". Cách nói như vậy không phải không tác động tới một số thanh niên nhẹ dạ.

Nhân ngày kỷ niệm cách mạng Pháp 14 tháng 7 năm 1952, Đò Lát cho tổ chức một cuộc duyệt binh lớn tại Hà Nội với sự có mặt của Bảo Đại. Những tiểu đoàn quân ngụy mới thành lập nằm trong đội hình những binh lính diễu hành quanh Hồ Gươm, quảng cáo cho sự ra đời của "quân đội Việt Nam".

Cuộc đàm phán đình chiến ở Triều Tiên vừa bắt đầu đã mang lại cho Đò Lát và ngụy quyền một mối lo. Chiến tranh Triều Tiên kết thúc có thể làm cho Trung Cộng rảnh tay, sớm can thiệp vào chiến tranh Đông Dương! Đò Lát đặt nhiều tin tưởng vào tuyến phòng thủ boong-ke quanh đồng bằng, có người đã ví nó như chiến lũy Sicgfried của Đức trong Chiến tranh thế giới thứ hai, nhưng công trình này chỉ có thể hoàn thành vào cuối năm.

Tình hình mới ở Triều Tiên càng thúc đẩy Đò Lát phải nhanh chóng hơn trong vấn đề lập lại an ninh ở đồng bằng Bắc Bộ cũng như những vùng tạm chiếm trên cả nước.

Ô Nam Bộ, từ đầu năm 1951, Đảng ta đã quyết định thành lập Trung ương Cục thay cho Xứ ủy Nam Bộ trước đây. Đồng chí Lê Duẩn là Bí thư, đồng chí Lê Đức Thọ là Phó Bí thư Thường trực. Với địa hình đồng bằng, chằng chịt sông ngòi, nằm trong quyền kiểm soát của quân địch ngay từ thời kỳ đầu chiến tranh, bị phong tỏa chặt chẽ bốn phía, lại xa Trung ương, cuộc chiến đấu của quân và dân ta diễn ra ở Nam Bộ trong hoàn cảnh cực kỳ khó khăn. Gần sáu năm qua, địch đã tập trung mọi cố gắng để đưa Nam Bộ trở lại thời kỳ "vàng son" trước kia, nhằm tính chuyện chia cắt lâu dài. Từ khi Đò Lát sang, tuy có chủ trương tập trung lực lượng đối phó với ta ở miền Bắc, nhưng không hề sao lãng Nam Bộ. Những hoạt động bình định còn được tiến hành ráo riết hơn trước.

Tướng Săng-xông, thay Đò La-tua đã chuyển ra Bắc, quyết tâm đè bẹp phong trào chiến tranh du kích của ta bằng cách đánh không ngừng vào các khu căn cứ, chia cắt lực lượng kháng chiến ở Nam Bộ thành hai vùng dọc theo sông Cửu Long. Địch tiếp tục đóng đốn bốt, dựng thêm những tháp canh, dùng tàu, xuống kiểm soát chặt chẽ mọi tuyến đường giao thông thủy bộ, cô lập hoàn toàn Khu 7, Khu 8. Sông Cửu Long, sông Soài Rạp được cán bộ, chiến sĩ ta gọi là "sông bạc đầu", vì những khó khăn mỗi lần phải vượt qua. Từ Đồng Tháp Mười lên Chiến khu Đ có khi phải đi mất ba, bốn tháng. Hy sinh, mất mát luôn xảy ra trên đường vận chuyển lương thực, liên lạc từ vùng này sang vùng khác. Địch thường xuyên mở những cuộc càn quét chung quanh Sài Gòn, các thị xã, thị trấn, những khu vực có cơ sở quân sự và kinh tế. Những cuộc tiến công liên tiếp nhắm vào Chiến khu Đ, Dương Minh Châu, Đồng Tháp Mười buộc cơ quan chỉ đạo và những kho tàng của ta luôn luôn phải di chuyển. Chúng mua chuộc, lôi kéo khối Cao Đài ở Tây Ninh, đồng bào thiếu số ở bắc

Biên Hòa và Đồng Tháp Mười. Những hoạt động của địch đã làm chiến trường Nam Bộ bị chia cắt manh mún, chỉ đạo, tiếp vận rất khó khăn, nhiều lúc đình trệ.

Đầu năm 1951, Bộ Tư lệnh Nam Bộ chủ trương: Chủ động kiềm chế địch trên chiến trường Nam Bộ và tiến lên kịp với phong trào toàn quốc. Muốn chủ động kiềm chế địch phải giành giật Khu 8, tiến công kiềm chế ở Khu 7, giữ vững Khu 9, giúp cho phong trào Cam-pu-chia phát triển và phối hợp với Tây Nguyên và Cực Nam Trung Bộ. Nắm vững phương châm chiến lược "Du kích là chính, học tập đánh vận động chiến, đẩy mạnh vận động chiến tiến tới"1.

Thời gian này, Trung tướng Nguyễn Bình trên đường ra Việt Bắc bị địch phục kích và hy sinh tại Cam-pu-chia. Đồng chí Nguyễn Bình vốn là Tư lệnh Chiến khu Đông Triều trước Tổng khối nghĩa, được Chính phủ điều động vào Nam ngay sau khi Pháp đánh chiếm Sài Gòn. Hội nghị quân sự Nam Bộ tháng 11 năm 1945 nhất trí cử đồng chí làm Tư lệnh Nam Bộ, đồng chí Hoàng Đình Dong làm Chính ủy1. Đồng chí là một chỉ huy gan dạ, xông xáo, quân địch rất e ngại.

Tại chiến trường Nam Bộ có một sự thay đổi về tổ chức. Đồng chí Lê Duẩn, Bí thư Trung ương Cục trực tiếp giữ chức Chính ủy kiêm Tư lệnh Nam Bộ, đồng chí Dương Quốc Chính là Phó Tư lệnh.

Từ tháng 5 năm 1951, Trung ương Cục quyết định chia lại chiến trường Nam Bộ, thành lập Phân liên khu miền Đông và Phân liên khu miền Tây, lấy sông Tiền làm ranh giới. Một số tỉnh được sáp nhập lại làm cho các địa phương đều có căn cứ, bàn đạp rộng, hành lang liên hoàn có điều kiện hỗ trợ cho nhau, giảm nhẹ bộ máy cấp tỉnh để tăng cường cho cơ sở. Các đồng chí Trần Văn Trà, Phạm Hùng được phân công làm Tư lệnh và Chính ủy Phân liên khu miền Đông. Các đồng chí Phan Trọng Tuệ, Nguyễn Văn Vịnh là Tư lệnh và Chính ủy Phân liên khu miền Tây. Những trung đoàn Đồng Nai, Tây Đô... giải thể. Lực lượng vũ trang tổ chức lại theo hướng tiểu đoàn tập trung của phân liên khu và của tỉnh, đại đội độc lập của huyện, phát triển các binh chủng, thành lập những đội tuyên truyền vũ trang, phát triển chiến tranh du kích xuống từng xã.

Lực lượng vũ trang của ta lập tức phát huy hiệu quả chiến đấu tại Phân liên khu miền Đông.

Tháng 6 và tháng 7 năm 1951, Tiểu đoàn 300 và bộ đội Nhà Bè bắn cháy và bắn chìm 42 tàu địch trên sông rạch, diệt tám trung đội, 13 tiểu đội. Tổ đặc công của Tiểu đoàn 800 đột nhập kho xăng Nhà Bè, do ba đại đội Âu - Phi luân phiên canh gác ngày đêm, dùng mìn điện gây nổ đốt cháy hơn nữa triệu lít xăng. Hai tổ đặc công nước dùng thủy lôi đánh chìm tàu Xanh Lu-béc-bi-ê, chiếc tàu lớn nhất của

địch, trên sông Lòng Tàu. Các tiểu đoàn 302, 303 và những đại đội độc lập cơ động đánh địch trên đường số 4, đường 13, đường 2, đường 20 tiêu diệt hàng trăm quân địch, phá hủy nhiều xe cơ giới, diệt tháp canh, đột nhập thị xã, thị trấn phá hoại, tiêu diệt địch từ bên trong. Nổi bật là trận đánh Trảng Bom ngày 20 tháng 7.

Yếu khu Trảng Bom là một căn cứ quân sự quan trọng nằm trên quốc lộ 1, cách thị xã Biên Hòa 20 ki-lô-mét về phía bắc, gồm một bốt chính và 10 bốt phụ do một đại đội Âu - Phi và một đại đội lính ngụy canh giữ. Đồng chí

Huỳnh Văn Nghệ, Tỉnh đội trưởng Tỉnh đội Thủ Dầu Một - Biên Hòa trực tiếp tổ chức và chỉ huy trận đánh. 75 chiến sĩ và cán bộ của Đại đội 55 Tiểu đoàn 303 và Đội biệt động Thủ Biên cải trang thành những công nhân cao su đi làm về, ngồi trên hai xe vận tải. Khi xe đi ngang căn cứ địch, quân ta lập tức nhảy xuống diệt lính gác cổng, rồi xông thẳng vào đánh chiếm các lô cốt, xe bọc thép. Ở những cứ điểm xung quanh, bộ đội địa phương, đội vũ trang tuyên truyền và du kích các huyện Vĩnh Cửu, Xuân Lộc, Trảng Bom nổ súng phối hợp nhịp nhàng theo kế hoạch hiệp đồng. Bị tiến công bất ngờ, bọn địch trong yếu khu không kịp chống trả. Quân ta diệt 50 lính Âu - Phi, bắt 50 tên khác cùng bọn tê điệp, dùng xe GMC chở toàn bộ chiến lợi phẩm, trong đó có 200 súng các loại, hàng chục tấn đạn dược, thực phẩm, đồ dùng quân sự và năm triệu đồng Đông Dương về căn cứ an toàn.

Ngày 31 tháng 7, Đội biệt động Sa Đéc bắt viên tướng Săng-xông, tư lệnh Nam Bộ, phải đến tội trong khi đến thị xã kinh lý.

Cuối tháng 8, quân ta đánh bại cuộc hành quân Gió lốc (Tourbillon) vào Đồng Tháp Mười. Bộ phận săn tàu của Tiểu đoàn 309 dùng ba-dô-ca bắn chìm và cháy chín tàu, sà-lan. Địch đốt cháy 700 nhà dân. Đêm 4 tháng 9, Đội đặc công tỉnh Mỹ Tho đột nhập thị xã Cái Bè, thiêu hủy trên một triệu lít xăng, 1.000 tấn đạn, diệt hơn 80 lính Âu - Phi.

Trong những cuộc càn quét, nhân dân luôn sát cánh cùng bộ đội chiến đấu tiêu diệt quân địch. Chiến sĩ thi đua của tỉnh Đồng Nai là cụ Mười Tỉnh ở xã Lai Uyên, đã 70 tuổi.

Chiến khu Đ được xây dựng thành căn cứ đứng chân của Trung ương Cục miền Nam.

Tại Phân liên khu miền Tây, trong tháng 5, bộ đội ta mở Chiến dịch Sóc Trăng, nhằm giành dân, giải phóng đồng bào Khơ-me đang bị kìm kẹp, mở rộng vùng giải phóng. Chiến dịch do đồng chí Nguyễn Chánh, Phó Tư lệnh Phân liên khu chỉ huy. Tiểu đoàn 410 sau ba giờ chiến đấu đã tiêu diệt đồn Xẻo Me, sau đó triển khai đánh quân viện. Buổi sáng, quân viện địch từ thị xã Bạc Liêu tới. Đại bác oanh kích và

máy bay thả bom na-pan vào đội hình. Bộ đội ta kiên quyết bám trận địa, tiêu diệt hai trung đội địch, phá hủy bây xe. 15 giờ chiếu, một tiểu đoàn cơ động từ Cần Thơ tiếp tục tới cứu viện. Các chiến sĩ ta chiến đấu dũng cảm dưới sự oanh tạc của máy bay và đại bác, diệt 50 tên địch, buộc chúng phải rút lui. Đánh điểm và hai lần đánh viện, có ba chục đồng chí hy sinh và bị thương. Ở hướng phụ của chiến dịch, Tiểu đoàn 406 đánh lui cuộc càn quét của một tiểu đoàn ngụy, diệt gần 70 tên, bắn rơi một máy bay khu trục. Ta xây dựng lại cơ sở vùng sóc Khơ-me ở hai huyện Thành Trị và Vĩnh Châu.

Tuy vậy, đây là thời kỳ đen tối nhất của Phân liên khu miền Tây. Quân địch đã lấn chiếm toàn tỉnh Bến Tre, phần lớn các tỉnh Vĩnh Long, Trà Vinh, càn quét quyết liệt ở Cần Thơ và Rạch Giá. Có nơi tiểu đoàn chủ lực của tỉnh phải phân tán về các huyện, bám sát các cơ sở, phụ trách xã đội, nhiều chiến sĩ trở thành du kích.

Năm 1951 là một trong những năm khó khăn nhất ở Nam Bộ. Các vùng căn cứ thường xuyên nằm trong tình trạng bị bao vây, chia cắt, phải đối phó với những cuộc càn quét liên tiếp của địch. Quân Pháp chuyển giao các đội quân giáo phái cho bộ tham mưu ngụy để sử dụng vào kế hoạch bình định. Đặc biệt, chúng dùng mọi thủ đoạn bắt hàng vạn thanh niên vào lính, xây dựng được 68 tiểu đoàn ngụy các loại ở toàn miền. Nhờ đó, chúng đã bổ sung được những thiếu hụt do phải đưa bảy tiểu đoàn cơ động và hai cụm pháo từ Nam Bộ ra Bắc hồi đầu năm.

Cách điều chỉnh lại chiến trường và lực lượng đã giúp Nam Bộ đi đúng hướng, cầm chân vững chắc 20% lực lượng địch trên chiến trường Đông Dương.

Ở Trung Bộ, ngày 24 tháng 7, địch tập trung tám tiểu đoàn bộ binh cùng xe tăng, pháo binh, hải quân, không quân càn quét tại Phú Lộc, Thừa Thiên. Trung đoàn 101 vừa chuyển về đây lập tức cùng dân quân du kích tổ chức đánh địch. Qua bốn ngày đêm chiến đấu, trung đoàn đã loại khỏi vòng chiến đấu khoảng 600 quân địch, đánh bại cuộc càn quét.

Ở Bắc Bộ, trong tháng 7 và tháng 8, địch càn hàng trăm lần vào vùng du kích và vùng vành đai trắng. Nhưng điều đáng chú ý không phải ở số lượng mà ở quy mô và phương thức tiến hành những trận càn. Chúng bắt đầu kết hợp chặt chẽ sức mạnh vũ khí, kỹ thuật, những binh chủng hợp thành, khả năng di động nhanh của những binh đoàn cơ động với những thủ đoạn chính trị xảo quyệt của bộ máy ngụy quyền nhằm chia rẽ dân tộc, chia rẽ tôn giáo, mua chuộc đồng bào, cô lập triệt để tiến tới loại trừ những lực lượng kháng chiến. Đồng bào ta chưa sẵn sàng đối phó với những hoạt động kiểu này.

Ở Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình, ngụy quyền kết hợp với các giáo phái phân động mở những cuộc hành quân đánh phá vùng du kích với chiêu bài "diệt du, quét cán, càn thanh" (diệt du kích, quét cán bộ, càn thanh niên) thay cho những cuộc hành binh mang tính quân sự thuần túy trước đây do Pháp tiến hành.

Ở Kiến An, sau khi quân cơ động càn quét, ngụy quân và ngụy quyền tập hợp các phần tử bắt mãn với cách mạng, bọn lưu manh tổ chức những đội đào hầm săm soi khắp nơi bắt cán bộ, du kích nằm vùng. Có ngày chúng đào được 200 hầm bí mật.

Ở Hải Dương, chúng tổ chức những đội "quân thứ hành chính lưu động" (GAMO)1. Với thành phần hỗn hợp sĩ quan, binh lính, gián điệp chỉ điểm, nhân viên hành chính, y tế, giáo dục... chuyên làm nhiệm vụ bình định. Bọn này diệt trừ các cơ sở kháng chiến, tranh thủ nhân dân bằng cách dạy học, dạy hát cho trẻ em, tặng quà cho người già, phát thuốc cho người bệnh... và lập lại ngụy quyền ở cơ sở. Những đội "quân thứ hành chính lưu động" xây dựng được bộ máy chính quyền ở phần lớn các xã ở các tỉnh Hải Dương và Kiến An.

Ở Thái Bình, Hà Nam, Hà Đông, địch lập các tổ chức "cứu tế xã hội", "trại hồi cư", "hội giúp đỡ đồng bào hồi cư" để lôi kéo nhân dân, cán bộ ở vùng tự do về vùng tạm chiếm. Chúng lập những loại "đại xã" dồn dân vào các khu tập trung, cắt mọi liên hệ với kháng chiến. Đại xã Đồng Quan ở Hà Đông, Chợ Bo ở Thái Bình, Đồng Văn ở Hà Nam... là nơi địch giam giữ hàng nghìn đồng bào bị bắt từ những cuộc càn, sống trong cảnh đói khát, nắng mưa, màn trời, chiếu đất.

Tại nhiều nơi, cơ sở của ta gần như mất trắng. Có nơi 80% số cán bộ, đảng viên bị bắt, những khu du kích, xóm làng bị triệt hạ, đồng bào bị giết hại. Vùng du kích bị thu hẹp khá nhiều. Phong trào kháng chiến ở địch hậu giảm sút rõ rệt.

Thực ra, từ sau khi có kế hoạch Rơ-ve năm 1949, địch đã tập trung càn quét ở đồng bằng Bắc Bộ. Chúng không thể để hậu phương mọt ruỗng vì phong trào chiến tranh nhân dân của ta. Gần một năm qua, những cuộc càn quét có lúc chững lại vì địch phải dồn sức chống đỡ những cuộc tiến công liên tiếp. Lúc này, chúng đang lợi dụng triệt để thời gian chủ lực ta ngừng hoạt động để củng cố hậu phương, nhằm rảnh tay đối phó với chủ lực ta khi mùa khô bắt đầu. Điều đáng lo ngại là cường độ càn quét gia tăng mạnh lại được kết hợp với những thủ đoạn về chính trị rất thâm độc.

Trước tình hình khó khăn ở địch hậu, Tổng Quân ủy đề nghị với Trung ương cho mở một chiến dịch nhỏ ở hướng Tây Bắc và phát động một tháng chiến tranh du kích buộc địch phải đối phó.

Ngày 11 tháng 9 năm 1951, Bộ Chính trị ra chỉ thị mở Chiến dịch Lý Thường Kiệt ở Tây Bắc, nhằm: Tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, xây dựng cơ sở đẩy mạnh chiến tranh du kích, phá khối ngụy quân Thái. Hướng chính là Phân khu Nghĩa Lộ. Lực lượng sử dụng là Đại đoàn 312, một liên đội sơn pháo 75mm, hai đội công binh cùng với bộ đội địa phương các tỉnh Phú Thọ, Yên Bái, Tuyên Quang. Quân số tham gia gồm 8.479 người.

Bộ Tư lệnh Đại đoàn 312 được Tổng Quân ủy trao trách nhiệm điều hành chiến dịch.

Chuong tam CAU HOI LON

a tuân tháng 9 nám 1951, Đại đoàn 312 lên đường. Đại đoàn không tham dự Chiến dịch Quang Trung nên đã có thời gian nghỉ ngơi, học tập, đội ngũ được bổ sung đầy đủ, sức khỏe của bộ đội tốt.

Phân khu Nghĩa Lộ thuộc tỉnh Yên Bái. Sông Hồng chia Yên Bái làm đôi. Phía hữu ngạn, hai huyện Bảo Hà, Lục Yên là vùng tự do. Phía tả ngạn, ba huyện Văn Bàn, Trấn Yên, Than Uyên phần lớn bị địch chiếm đóng ngay từ đầu kháng chiến. Sau Chiến dịch Sông Thao năm 1949, các vị trí Phố Ràng, Đại Bục, Đại Phác bị tiêu diệt, vùng tạm chiếm đã thu hẹp một phần. Ở Phân khu Nghĩa Lộ, lực lượng địch có một tiểu đoàn Thái và bốn đại đội bổ sung chiếm đóng phân ra làm bốn điểm: Nghĩa Lộ, Gia Hội, Ba Khe, Thượng Bằng La, mỗi nơi có một đại đội, do một viên quan tư chỉ huy chung.

Ngày 25 tháng 9 năm 1951, Đại đoàn 312 vượt sông Hồng tiến vào Tây Bắc. Đại đoàn chia làm hai cánh tiến về Phân khu Nghĩa Lộ. Cánh phụ do Trung đoàn 165 đảm nhiệm, tiến thẳng theo đường số 13, tiếp cận Nghĩa Lộ ở hướng đông - nam. Cánh chính có hai trung đoàn 141, 209 cùng với Liên đội pháo binh 75mm, đi theo đường mòn giữa núi rừng hiểm trở, thâm nhập vào cánh đồng Nghĩa Lộ theo hướng bắc Đại đoàn 312 hy vọng cánh quân này sẽ tạo được thế bất ngờ. Sau này ta mới biết địch đã phát hiện được Đại đoàn 312 từ khi tới Yên Bái, và đề phòng một cuộc tiến công Nghĩa Lộ.

Ngày 30 tháng 9 năm 1951, phía cánh phụ trên đường số 13, Tiểu đoàn 115 của Trung đoàn 165 nổ súng tiêu diệt Ca Vịnh. Còn phải vượt qua tiến đốn thứ hai là Cửa Nhì mới có đường tiến vào Nghĩa Lộ.

Ngày 1 tháng 10, ở cánh chính, Tiểu đoàn 166 của Trung đoàn 209 đánh chiếm Bản Tú. Con đường từ phía bắc tiến xuống cánh đồng Nghĩa Lộ, vựa thóc lớn thứ hai của Tây Bắc đã được mở ra.

Tiểu đoàn 1 ngụy Thái chia nhau cổ thủ các vị trí Nghĩa Lộ, Gia Hội, Sơn Bục và gọi quân cứu viện.

Ngày 2 tháng 10 năm 1951, Xa-lăng ném tiểu đoàn dù 8 (8è BCP) xuống Gia Hội, tây - bắc Nghĩa Lộ 20 ki-lô-mét, đe dọa phía sau lưng cánh quân của Đại đoàn 312 đang tiến về Nghĩa Lộ.

Theo kế hoạch, cuộc tiến công vào phân khu sẽ bắt đầu khi Trung đoàn 165 đã tiêu diệt tiền đồ ở hướng đông - nam, trở về trong đội hình của đại đoàn cùng hợp sức đánh Nghĩa Lộ. Nhưng lúc này Trung đoàn 165 chưa vượt qua Cửa Nhì. Hai cánh quân chính và phụ của đại đoàn vẫn còn cách nhau 25 ki-lô-mét. Đại đoàn trưởng Lê Trọng Tấn quyết định không chờ đợi Trung đoàn 165, dùng những lực lượng hiện có tiêu diệt Nghĩa Lộ và đối phó với quân dù.

Đêm ngày 2 tháng 10, Trung đoàn 141 tiến công Nghĩa Lộ không thành công.

Mò sáng ngày 8 tháng 10, Trung đoàn 209 bắt gặp tiểu đoàn dù cách Gia Hội tám ki-lô-mét, đang vận động đánh vào sau lưng bộ đội ta. Trung đoàn 209 nổ súng tiêu diệt nhanh đại đội đi đầu. Tiểu đoàn 8 dù rút chạy trở lại Gia Hội.

Ngày 4 tháng 10, Xa-lăng được tin tiểu đoàn 8 dù bị thiệt hại nặng, ném tiếp tiểu đoàn 2 dù (2è BCP) xuống Gia Hội. Cả hai tiểu đoàn dù bị Trung đoàn 209 chặn đánh ở Văn Tông và gần Nậm Mười không liên lạc được với nhau. Đêm đó, 141 tiến công Nghĩa Lộ lần thứ hai. Cùng lúc, Tiểu đoàn 546 của Trung đoàn 165 tiến công đốn Cửa Nhì ở phía đông. Cả hai trận đánh đều không thành công.

Ngày 5 tháng 10, Xa-lăng ném thêm tiểu đoàn 10 dù (10è BCP) xuống Nghĩa Lộ.

Có thêm lực lượng tăng viện, mấy ngày sau đó, Xa-lăng định cắt đường tiếp tế của cánh quân Đại đoàn 312 đang ở trên cánh đồng Nghĩa Lộ. Tiểu đoàn 2 dù và tiểu đoàn 8 dù tiến về phía rừng núi Khâu Vác. Những phân đội của Đại đoàn 312 phát hiện quân dù lập tức nổ súng. Cả hai tiểu đoàn dù đều bị thiệt hại phải rút về Gia Hội.

Nhưng lực lượng của Đại đoàn 312 cũng bị tiêu hao nhiều sau mười ngày chiến đấu liên tục. Lương thực chỉ còn hai ngày. Đại đoàn trưởng Lê Trọng Tấn ra lệnh thu quân.

Trong khi diễn ra Chiến dịch Lý Thường Kiệt, địch mở liên tiếp hai cuộc càn quét lớn ở tả ngạn Liên khu 3.

Suốt những năm qua, chiến trường địch hậu tả ngạn đã phải đương đầu với những cuộc càn quét liên miên. Nhưng trận càn lần này được tiến hành với quy mô rất

lớn, nhằm mục tiêu cụ thể là tiêu diệt bằng được Trung đoàn 42 của Liên khu 3, đã được mệnh danh là "Trung đoàn ma", "Trung đoàn đáng sợ".

Hạ tuần tháng 9, Bộ chỉ huy quân Pháp được tin Trung đoàn 42 ở vùng bắc Ninh Giang. Lần này dịch quyết không bỏ lỡ cơ hội. Ngày 25 tháng 9, Đồ Béc-su, phó của Đờ Li-na-rét, được trao nhiệm vụ triển khai cuộc hành binh "Trái chanh" (Citron). Khu vực càn rộng 100 ki-lô-mét vuông, nằm ở phía bắc sông Luộc và phía tây huyện Ninh Giang. Béc-su chỉ huy bốn binh đoàn cơ động: GM1, GM3, GM4, GM7 và hai thủy đội xung kích, với nhiệm vụ búa lưới từ xa, siết dần vòng vây, dồn Trung đoàn 42 vào một khu vực nhỏ cho máy bay và đại bác oanh tạc hủy diệt. Để không đánh động đối phương, các đơn vị tham chiến đều xuất phát ban đêm từ những căn cứ đóng quân. Nhưng trong quá trình tiến quân, binh đoàn cơ động số 1 đã bị tiểu đoàn 2 địa phương chặn đánh quyết liệt, không tới kịp địa điểm vào chiều ngày 25 tháng 9 như quy ước. Vòng vây của dịch chưa kịp khép chặt. Trung đoàn 42 và các đơn vị bộ đội địa phương đã chia thành những bộ phận nhỏ, được nhân dân chở đò qua bờ nam sông Luộc ra khỏi vòng vây, rút sang địa phận Thái Bình trong ngày 25.

Không chịu thất bại, Đờ Li-na-rét mô tiếp cuộc hành binh "Trái quýt" (Mandarine) tại Thái Bình, lần này do đích thân y chỉ huy. Lực lượng vẫn như trước và được bổ sung thêm ba tiểu đoàn bộ binh, một tiểu đoàn thiết giáp. Ngoài mục đích loại trừ Trung đoàn 42, dịch còn muốn nhân đây triệt hạ khu căn cứ lớn Tiên - Duyên - Hưng, nơi đứng chân của các cơ quan chỉ đạo kháng chiến các tỉnh Thái Bình, Hải Dương, Hưng Yên, Hà Nam, bịt kín con đường cửa ngõ Thái Bình với các tỉnh hữu ngạn sông Hồng.

Khu căn cứ này nằm trên một địa bàn có sông Hồng, sông Luộc, sông Trà Lý và quốc lộ 10 bao quanh. Ngày 30 tháng 9, GM1, GM3 cùng hai tiểu đoàn dù, một tiểu đoàn pháo binh theo đường 39 từ Hưng Yên tiến sang Thái Bình; GM4, GM7 từ quốc lộ 10 đánh lên. GM3 và GM4 được trao nhiệm vụ càn quét thật kỹ trên địa bàn tiến quân nhằm gạt lực lượng ta về phía đông. Mỗi ngày quân dịch chỉ tiến vài ki-lô-mét, cố giữ cho vòng vây trên bộ không bị đứt đoạn. Đồng thời tàu chiến, ca-nô và các hải đoàn xung kích kiểm soát chặt chẽ ba mặt sông. Dịch nã pháo vào những nơi chúng nghi có bộ đội ta, nhằm tiêu hao lực lượng, phá hủy công sự và uy hiếp tinh thần dân chúng. Có lúc chúng tập trung 30 khẩu pháo bắn vào làng nhỏ.

Trung đoàn 42 có mặt tại khu căn cứ, cùng với lực lượng bộ đội địa phương và dân quân du kích quyết định đánh dịch để bảo vệ cho các cơ quan và nhân dân rút dân ra khỏi vòng vây.

Cuộc chiến đấu bắt đầu từ làng Nguyễn, một làng chiến đấu nổi tiếng của Thái Bình. Dịch tập trung một trung đoàn mở cuộc tiến công. Sau những đợt pháo bắn mãnh liệt, bộ binh dịch chia thành nhiều mũi tiến vào. Dân quân du kích dựa vào những hố trú ẩn, những đường hào, lũy tre dùng súng trường, lựu đạn, giật mìn đánh trả, ngăn chặn quân dịch từng bước. Sau một

ngày chiến đấu, địch mới chiếm được nửa làng. Chúng phải đánh thêm cả ngày hôm sau mới chiếm được làng Nguyễn. Trong làng chỉ còn lại những ngôi nhà bị địch hủy hoại, và một số cụ già, em nhỏ. Tất cả những người cầm súng đã biến khôi đây.

Trung đoàn 42 phôi hqp với hai đại đội địa phương 61 và 131 của tỉnh Kiến An tiến công địch ở An Thái, cống Thái Thường (Duyên Hà) diệt gần 400 tên địch thu nhiều vũ khí. Dựa vào làng chiến đấu, lực lượng vũ trang ta ngăn chặn và làm chậm bước tiến của quân địch ở nhiều nơi. Ở Hòa Mỹ, tiểu đoàn dù số 7 (7è BPC) phải gọi máy bay oanh tạc và sau một trận đánh giáp lá cả dữ dội mới chiếm được làng. Ở Nội Thôn, tiểu đoàn 3 lẻ dương có pháo 105mm và 155mm yểm trợ nhiều lần tiến công vào làng nhưng đều bị bộ đội địa phương đánh bật ra. Lũy tre xanh một lần nữa chứng tỏ sức bền vững trước đại pháo, máy bay và những cuộc càn.

Trong khi địch càn lớn ở Tiên - Duyên - Hưng, các nơi khác ở đồng bằng đã đánh mạnh để chia sẻ lực lượng địch. Tiểu đoàn 38 Thái Bình đánh địch ở vùng Thiên chúa giáo huyện Tiên Hải, tiêu diệt vị trí Nội Lang, mở được một số xã tự do, và nhân đà thắng lợi xây dựng thêm nhiều cơ sở ở huyện Tiên Hải.

Ngày 8 tháng 10 năm 1951, cuộc càn Trái Quýt kết thúc. Sau một tuần lễ càn quét và mười lăm ngày tiếp tục sục sạo, chà đi xát lại nhiều lần trên những vùng đất hẹp, địch đã chiếm đóng lại khu vực Tiên - Duyên - Hưng với 363 làng và 280.000 dân. Căn cứ liên hoàn gồm ba huyện Tiên Hưng, Duyên Hà, Hưng Nhân ở phía bắc tỉnh Thái Bình trở thành vùng tạm chiếm. Ngoài hệ thống đồn bốt dày đặc với 195 vị trí trên toàn tỉnh Thái Bình, nay địch cắm thêm 10 vị trí.

Cũng như trước đây, những trận càn lớn của địch không "cất vó" được những đơn vị bộ đội ta ở địch hậu. Đây là cơ hội cho anh em ta rèn luyện trong chiến đấu để trưởng thành. Tất cả các đơn vị bộ đội đều rút ra khỏi vòng vây. Nhưng những gì mà kẻ địch có thể làm với người dân vùng mới bị chiếm thì đúng là điều đáng lo ngại.

hững trận càn quét với quy mô rất lớn diễn ra quyết liệt ở đồng bằng Bắc Bộ trong mùa Thu khiến Bác và Thường vụ rất lo ngại. Thường vụ quyết định triệu tập Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ hai để bàn về tình hình và đề ra những phương châm hoạt động ở hậu địch. Đồng chí Tổng Bí thư phân công tôi chuẩn bị gấp một bản báo cáo.

Cuộc họp kéo dài từ ngày 27 tháng 9 đến ngày 5 tháng 10 năm 1951.

Hội nghị nhận định tình hình chung sau ba chiến dịch ở trung du và đồng bằng, ta đã giữ quyền chủ động trên chiến trường chính, nhưng chưa làm thay đổi được tình thế ở đồng bằng Bắc Bộ, vì chưa có ưu thế về quân sự so với địch, chiến tranh du kích của ta đứng trước nhiều khó khăn mới. Chất lượng của bộ đội còn yếu. Chiến trường sau lưng địch và các chiến trường khác chưa phối hợp đắc lực với chiến trường Bắc Bộ. Cuộc chiến tranh toàn diện cả về chính trị, kinh tế... ở vùng tạm chiếm chưa được coi trọng đúng mức. Địch phải dùng chính sách "lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt" là do chúng không đủ sức chống lại kháng chiến. Chính sách ấy sẽ thất bại vì nó dựa trên áp bức và lừa phỉnh, sẽ làm cho nhân dân cả nước, nhất là nhân dân vùng bị tạm chiếm ngày càng căm thù, càng hăng hái kháng chiến.

Về quân sự, hội nghị đề ra trước mắt phải nâng cao chất lượng bộ đội chủ lực, đẩy mạnh việc xây dựng bộ đội địa phương và dân quân du kích. Ở Bắc Bộ, đẩy mạnh vận động chiến tiêu diệt một phần sinh lực địch. Trong vùng tạm bị chiếm và vùng du kích Bắc Bộ cũng như các chiến trường Trung Bộ và Nam Bộ, phải giữ vững và phát triển chiến tranh du kích để thực hiện việc kiềm chế và phối hợp với chiến trường chính có hiệu quả hơn.

Hội nghị phân tích những khó khăn ta đang gặp phải ở hậu địch một phần do địch gây ra, một phần do ta phạm sai lầm trong chỉ đạo phong trào. Ta đã thiếu một chủ trương toàn bộ, lâu dài, không kịp thời trong chuyển hướng đấu tranh khi địch đã thay đổi thủ đoạn để bảo toàn lực lượng. Sự chỉ đạo phong trào còn giản đơn, máy móc, chưa biết lấy dân làm gốc.

Hội nghị thấy cần chia hậu địch thành hai vùng: Vùng tạm chiếm và vùng du kích, hoạt động theo hai phương châm khác nhau. Vùng tạm chiếm lấy hoạt động hợp pháp là chính, nhằm xây dựng và phát triển cơ sở. Cần lợi dụng mọi tổ chức của địch, nắm tề và lợi dụng tề, dùng mọi khả năng hợp pháp để giác ngộ quần chúng, tập hợp và lãnh đạo quần chúng đấu tranh với địch. Khi có điều kiện thì lãnh đạo nhân dân chuyển lên đấu tranh vũ trang, tránh manh động, tránh trừ gian bừa bãi. Ở vùng du kích phải giữ vững và đấu tranh vũ trang, kiên quyết trừ gian, phá tề, kết hợp đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị và kinh tế, tiến tới mở rộng địa

bàn và xây dựng căn cứ du kích. Nếu lực lượng địch mạnh, có thể tạm thời thu hẹp vùng du kích, và chuyển hướng đấu tranh xuống hình thức thấp hơn. Cả hai vùng đều không có giới hạn cố định mà có thể chuyển hóa lẫn nhau. Do đó, các cấp

lãnh đạo phải nắm chắc cuộc đấu tranh trong từng vùng, ở từng nơi, từng lúc để chỉ đạo kịp thời.

Ba cong tác chính 0 vung sau lung dich là: Dan van, nguy van và day mayn chien tranh du kich. Dan van là cong tác co ban de danh bai am mutu nhàm gianh giat quan chung cua dich. Nguy van là mot nhiem vu chien luc. Day mayn chien tranh du kich là vioc rat quan trong de duy tri và phát trien phong trao đâu tranh 0 vung sau lung dich. Ba cong tác nay gan lien voi nhau.

Bác và anh Trường Chinh chủ trì hội nghị từ đầu đến cuối. Bác nói: "Muốn kháng chiến thành công thì phong trào du kích phải thật mạnh". Nghị quyết Trung ương lần thứ hai là cơ sở chỉ đạo mọi hoạt động đấu tranh ở hậu địch cho tôi hết chiến tranh. Cũng trong dịp này Bác viết lời tựa cho bản dịch cuốn "Tình ủy bí mật" của nhà văn Liên Xô Phê-đô-rốp:

"Làn này là lần đầu tiên tôi viết bài cho một quyển sách, vì quyển sách này ra đúng dịp. Nó ra trong lúc chúng ta đang đẩy mạnh phong trào du kích.

... Du kích là một lực lượng cực kỳ to lớn trong chiến tranh giải phóng dân tộc. Sức du kích thật mạnh thì chiến tranh giải phóng nhất định thắng lợi.

Tô chuc chat che va rong khap, trong vung dich va xung quanh vung dich, lang nao, huyen nao, tinh nao cung phai co du kich, thi no thanh mot tam ludi sat, mot thut "thien la dia vong" ma dich không tai gi thoat ra duoc. Dich di den dau cung bi chan danh. Dich lam cai gi cung bi pha hoai. Du kich lam cho dich co mat nhu mu, co tai nhu diec, co chan tay nhu que. Mot bo phan dich thi bi du kich tia dan tia mon. Bo phan dich con song sot, thi an không yen, ô không yen, nghe gio thôi chim kêu cung hoang sç, rôi cung bi du kich tiêu diet not.

Du kich tô chuc kheo thi toan dan gai trai gia tre, si nông cong thuong, ai cung co the tham gia. Nguoi thi lo danh giac, nguoi thi lo tiep te, tinh báo, lien lac, tuyen truyen. Moi nguoi deu co dip phung su To quoc".

Để triển khai Nghị quyết Trung ương lần thứ hai, như đã dự kiến từ trước, Bộ Tổng Tư lệnh ra chỉ thị phát động một tháng chiến tranh du kích bắt đầu từ trung tuần tháng 10 tới trung tuần tháng 11 năm 1951 tại Trung Du và Liên khu 3 nhằm củng cố, phát triển các cơ sở chính trị và vũ trang, đồng thời bảo vệ thóc gạo, tiến hành thu thuế nông nghiệp. Các liên khu, tỉnh có kế hoạch khôi phục phong trào

chiến tranh du kích ở vùng sau lưng địch, lực lượng vũ trang địa phương và một bộ phận bộ đội chủ lực được trao nhiệm vụ hỗ trợ và phối hợp với cuộc đấu tranh của quần chúng.

Lúc đầu, Bộ Tổng Tham mưu đề nghị đưa hai đại đoàn vào hoạt động ở hậu địch. Tổng Quân ủy trao đổi, có hai ý kiến. Một ý kiến cho rằng đưa lực lượng lớn như vậy vào địch hậu trong tình hình quân cơ động dịch tập trung ở đồng bằng, ta sẽ gặp nhiều khó khăn. Một ý kiến cho rằng có thể đưa vào dịch hậu từng trung đoàn ở những hướng khác nhau. Tổng Quân ủy quyết định đưa một số trung đoàn chủ lực áp sát vành đai Trung Du và Liên khu 3 tham gia đánh điểm nhỏ, diệt viện nhỏ, sau đó phân tán thành đơn vị nhỏ đi sâu vào dịch hậu tiến hành công tác võ trang tuyên truyền và chống dịch càn quét. Đại đoàn 316 sử dụng Trung đoàn 98 hoạt động ở hướng chính Bắc Giang, Trung đoàn 174 ở hướng phụ Bắc Ninh; sau một thời gian, Trung đoàn 176 sẽ thay thế cho Trung đoàn 174, để Trung đoàn 174 về Lạng Sơn chính huấn. Đại đoàn 320 hoạt động ở Hà Nam Ninh, lấy Trung đoàn 64 là lực lượng chính, Trung đoàn 48 là phụ.

Sau một tháng hoạt động chiến tranh du kích, các lực lượng vũ trang ta tiêu diệt 2.678 quân địch (bắt 140). Nhưng ta không đạt được mục đích đề ra là cải thiện tình hình chiến tranh du kích ở địch hậu.

Anh Lê Trọng Tấn từ Tây Bắc về báo cáo với Bộ, Chiến dịch Lý Thường Kiệt thất bại. Ta diệt và bắt khoảng 500 quân địch, không rõ số bị thương, nhưng lực lượng ta tiêu hao rất nhiều: 253 hy sinh, 964 bị thương, 87 mất tích. Anh Tấn tự nhận là lần đầu chỉ đạo một chiến dịch nên có nhiều sai sót.

Tôi thấy cách chọn hướng tiến công của đại đoàn trong chiến dịch là đúng, cách xử trí khi địch tăng viện quân dù khá linh hoạt, hồi kỹ anh Tấn về những nguyên nhân không thành công của chiến dịch. Anh Tấn cho rằng việc di chuyển bộ đội quá chậm nên địch đã biết và chuẩn bị đối phó. Từ Yên Bái vào Nghĩa Lộ, ta mất năm ngày hành quân vất vả, nhưng địch tăng cường quân dù từ Hà Nội lên chỉ mất một giờ! Tây Bắc là địa hình rừng núi, nhưng trong thực tế quân đội ta đánh nhau với quân dù trên đồng ruộng ban ngày như ở Chiến dịch Trung Du.

Ở rừng núi, quân dù chưa phải là đôi thủ của ta, nhưng trên địa hình bằng phẳng, có pháo binh và không quân yểm trợ, chúng vẫn gây cho ta nhiều khó khăn. Một số đơn vị của ta chưa quen đánh điểm. Và khi chiến dịch kéo dài, tiếp tế cho bộ đội đông, bằng quang gánh của dân công trên hàng trăm ki-lô-mét đường rừng, vẫn là vấn đề nan giải. Trước khi mở chiến dịch, đại đoàn chưa nhìn thấy hết những khó khăn này.

Tất cả đều không phải là những vấn đề mới.

Có điều đáng chú ý là một đại đoàn của ta đưa lên Tây Bắc chỉ kéo được ba tiểu đoàn dù khỏi đồng bằng Bắc Bộ một thời gian ngắn. Những hoạt động đẩy mạnh chiến tranh du kích của một số đơn vị thuộc hai

đại đoàn 316, 320 ở Bắc Ninh, Bắc Giang và Hà Nam Ninh không hề làm giảm nhẹ áp lực quân địch ở tả ngạn Liên khu 3. Tình hình địch hậu tiếp tục xấu. Vùng du kích và những căn cứ du kích không ngừng bị thu hẹp.

3

O i đã nhắc Bộ Tổng Tham mưu sớm có kế hoạch tác chiến Đông Xuân 1951 - 1952 để báo cáo với Tổng Quân ủy. Nhưng đầu tháng 10 năm 1951 cơ quan vẫn chưa xây dựng xong kế hoạch.

Mùa Đông năm 1951, khối chủ lực của Bộ đã có sáu đại đoàn bộ binh: 304, 308, 312, 316, 320, 325 và một trung đoàn. Trừ Đại đoàn 325, năm đại đoàn đều đã nhận trang bị mới. Quân số các đại đoàn được bổ sung đầy đủ. Sau chỉnh huấn, cơ quan tham mưu đánh giá trong số 18 trung đoàn chủ lực của Bộ, có bảy trung đoàn khá, bảy trung đoàn trung bình, bốn trung đoàn còn yếu vì chưa quen đánh tập trung. Riêng các đại đoàn 320, 325 phải thường xuyên đảm nhiệm hoạt động ở địa phương nên lực lượng cơ động thực sự của Bộ chỉ có bốn đại đoàn.

Trên chiến trường Bắc Bộ, ngoài các đơn vị chủ lực của Bộ còn 14 tiểu đoàn bộ đội địa phương, 180 đại đội của tỉnh và huyện. Trừ các đơn vị thuộc tả ngạn Liên khu 3, những đơn vị khác tuy đã được bổ sung trang bị nhưng thiếu đạn, huấn luyện kém và ít kinh nghiệm chiến đấu.

Chế độ cung cấp mới được thực hiện trong quân đội. Bộ đội ăn theo định lượng, 800 gam gạo một ngày cộng với tiền thức ăn bằng giá trị 400 gam gạo. Sức khỏe bộ đội tăng lên rõ rệt. Tỷ lệ ốm đau giảm xuống chỉ còn 7-9%. Riêng Đại đoàn 320 vì hoạt động ở địch hậu nhiều, số người đau yếu còn chiếm 39%.

Liên khu 5 có năm trung đoàn bộ binh và bộ đội địa phương với quân số 37.148 người.

Nam Bộ có 11 tiểu đoàn, 51 đại đội, 155 trung đội bộ binh và bộ đội địa phương. Quân số gồm 32.678 người.

Mặt trận Lào có bốn đoàn, gồm 4.431 người.

Tổng quân số của ta là 253.270 người.

Cùng thời gian, tổng quân số của dịch là 338.000 người. Nếu như trước đây một năm, tổng số quân của ta và dịch tương đương, thì nay, quân số dịch đã tăng gần 100.000 tên, tính đơn vị tăng 42 tiểu đoàn.

Trong tổng số 162 tiểu đoàn bộ binh địch, chúng bố trí ở chiến trường Bắc Bộ 86 tiểu đoàn, Trung Bộ 22 tiểu đoàn, Nam Bộ 31 tiểu đoàn, Lào 12 tiểu đoàn ngụy Lào, Cam-pu-chia 11 tiểu đoàn ngụy Miên. Địch vẫn tập trung chủ yếu lực lượng trên chiến trường chính Bắc Bộ.

Về binh chủng, với sự viện trợ của Mỹ, số lượng cũng như chất lượng binh khí, kỹ thuật của địch đều tăng đáng kể. Quân Pháp hiện có 18 tiểu đoàn pháo 105mm và 155mm, bảy trung đoàn cơ giới, bảy tiểu đoàn công binh, 225 máy bay các loại, 230 tàu các loại với chín hải đoàn xung kích.

Tỷ lệ quân ngụy trong hàng ngũ địch đã lên tới 62%. Trong giao chiến quân ngụy chưa phải là đối thủ của ta. Nhưng chúng hơn hẳn quân Pháp trong công việc bình định. Là người Việt, chúng am hiểu đường đi lối lại, các ngõ ngách, biết mọi phong tục, tập quán, phân biệt dễ dàng cán bộ, du kích nằm vùng với người dân thường. Chúng lại có những liên hệ về gia đình, họ hàng, tôn giáo với người địa phương. Trước mắt, có một số đơn vị quân ngụy rất nguy hiểm đối với phong trào đấu tranh nhân dân ở hậu địch.

Đặc biệt ở Bắc Bộ, cuối năm 1951, chúng đã hoàn thành cơ bản tuyến phòng thủ Đờ Lát bao quanh đồng bằng Bắc Bộ. Địch dự tính xây dựng 1.200 lô cốt bê-tông cốt thép ở Bắc Bộ, 500 chiếc ở miền Trung và miền Nam, nhưng lúc này chúng mới hoàn thành 800 chiếc ở Bắc Bộ, chạy dài từ bờ biển Hòn Gai qua các tỉnh Bắc Giang, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc tới ngã ba Ba Thá (Hà Đông). Đây là tuyến công sự vững chắc, lần đầu xuất hiện trên chiến trường Đông Dương, nằm tiếp giáp với vùng tự do. Những khối bê-tông đồ sộ, nằm chỉ hơi nhô lên khỏi mặt đất, đủ sức chịu đựng trước mọi hoả lực công phá của ta, ngoài lưới lửa của bản thân vị trí còn được những trận địa đại bác từ xa bảo vệ. Những hệ thống phòng ngự khác nhau của địch không chỉ gây trở ngại cho bộ đội miền Trung và miền Nam trang bị còn yếu kém, mà còn là thách thức với các đại đoàn chủ lực trên miền Bắc trang bị phần lớn là vũ khí nhẹ.

Nhìn chung cả nước, nửa cuối năm 1951, địch đã giành thắng lợi lớn trên mặt trận địch hậu, một thắng lợi chúng chưa hề giành được những năm trước đó.

Tuy nhiên, địch không khắc phục được nhược điểm cơ bản của một đội quân xâm lược. Trên tổng số 162 tiểu đoàn bộ binh thì ba phần tư đã phải phân tán để làm

nhiệm vụ chiếm đóng, địch chỉ dành được 41 tiểu đoàn cho khối cơ động chiến lược và chiến thuật, khối cơ động chiến lược chỉ còn 21 tiểu đoàn.

Về so sánh lực lượng, ta vẫn ở thế yếu. Địch không những đông về số lượng mà còn hơn hẳn về vũ khí, trang bị mọi mặt. Nhưng với khối chủ lực

hiên có, số lượng tương đương với khối cơ động của địch, chúng ta vẫn có thể tạo thời cơ giành thắng lợi trên chiến trường chính. Chỗ mạnh của ta là hoàn toàn chủ động tiến hành những trận đánh do ta lựa chọn.

Nhung Dong Xuan nay nen mô chien dich dâu? Mô mot chien dich lon thu hút duoc nhieu binh doan co dong cua dich là cach tot nhat dê cüu van tinh hinh xâu di ô hau dich. Va nêu ta châm tiên cong dich, chung se tiên cong ta truôc, dây ta vao the dôi phô bát lqi. Dô Lat dang co trong tay bay binh doan co dong chien luoc, có the tiên cong ta bat cü lúc nào!

Máy bay gầm rú suốt ngày trên bầu trời Việt Bắc. Hậu phương chỉ yên tĩnh khi bộ đội chủ lực mở chiến dịch. Những hoạt động của dịch không chỉ nhằm phá sự chuẩn bị chiến dịch của ta, mà còn mang tính khủng bố. Máy bay ném bom và bắn phá hàng giờ một làng mà chúng nghi ngờ. Chúng lao xuống bắn một chiếc phà qua sông ban ngày ở Phan Lương. Một trái bom rơi đúng nhà giao tế ở Bắc Kạn. Rất may hai cố vấn Trung Quốc vừa tới đó kịp ra hầm trú ẩn. Cụ Hồ Tùng Mậu, một trong những người đầu tiên tham gia Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí Hội, là Tổng Thanh tra Chính phủ, đã hy sinh vì máy bay dịch trên đường vào Khu 4 công tác. Bác rất buồn, Người viết: "Mất chú, đồng bào mất một người lãnh đạo tận tụy. Chính phủ mất một người cán bộ lão luyện. Đoàn thể mất một người đồng chí trung thành, và tôi mất một người anh em chí thiết. Máy nguồn thương tiếc, cộng vào trong một lòng tôi". Tôi trao đổi với đồng chí Vi Quốc Thanh về phương hướng mở Chiến dịch Đông Xuân. Anh Vi nói trong đoàn cố vấn đã bàn bạc nhiều lần. Quân Pháp hiện đang tập trung đông ở trung du và đồng bằng Bắc Bộ. Phòng tuyến của chúng đã được củng cố. Quân Pháp có nhiều phương tiện lại cơ động trên những đường nội tuyến nên chúng tập trung rất nhanh. Đặc biệt, để quốc Pháp hơn hẳn quân Tưởng về hiệp đồng bộ pháo cả ban ngày và ban đêm. Ở Triều Tiên, quân đội Triều Tiên và Chí nguyện quân Trung Quốc có cả máy bay Liên Xô trợ lực, nhưng chủ yếu vẫn thắng dịch bằng số đông. Việt Nam không có máy bay cũng chưa có vũ khí phòng không, đánh địch ở đồng bằng khó đối phó với phi, pháo. Và khó khăn lớn nhất vẫn là Việt Nam ít quân!

Tôi nói:

- Vừa qua ta đã mở những chiến dịch nhỏ cỡ đại đoàn để buộc địch phải phân tán đối phó, hạn chế sức mạnh của máy bay và pháo địch, nhưng ít kết quả. Việt Nam đã có một khối chủ lực sáu đại đoàn, không thể chỉ đánh nhỏ. Đánh nhỏ bộ đội ít tiêu hao, nhưng không tạo được tình hình biến chuyển trong giai đoạn mới.

Đồng chí Vi căn nhắc rồi nói:

- Tôi sắp về Bắc Kinh họp. Chắc lần này Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc sẽ có ý kiến đóng góp với các đồng chí Việt Nam.

Ít lâu sau ngày đồng chí Vi về Bắc Kinh, Trung ương Đảng ta nhận được thư của đồng chí La Quý Ba. Trong thư đồng chí La viết với tình hình hiện nay, tốt nhất là Việt Nam nên quay về chiến tranh du kích, tiến hành chiến tranh nhân dân thật rộng rãi để hạn chế những chỗ mạnh của địch. Bộ đội Việt Nam cần trang bị gọn nhẹ để tăng cường tính cơ động. Đồng chí La cũng gợi ý nên chuyển Đại đoàn công pháo 351 đang thành lập sang Trung Quốc để huấn luyện, khi cần tới lại kéo về.

Có thể các đồng chí Trung Quốc e ngại sẽ tái diễn ở Việt Nam một tình hình giống như ở Triều Tiên, trong lúc Trung Quốc còn chưa sẵn sàng.

Tôi nghĩ nhiệm vụ của bộ đội chủ lực lúc này là phải chứng minh được: Chúng ta có thể chiến thắng trong vận động đánh lớn, cũng như đã từng chiến thắng trong vận động đánh nhỏ, với một kẻ địch bao giờ cũng mạnh hơn ta về trang bị, kỹ thuật.

4

rung tuân tháng 10, anh Hoàng Văn Thái báo cáo với Tổng Quân ủy về dự kiến kế hoạch tác chiến Đông Xuân 1951 - 1952 của Bộ Tổng Tham mưu.

Về tình hình chiến trường Bắc Bộ, cơ quan tham mưu nhận định:

Hướng Đông Bắc địch đã củng cố. Chiến trường này giao thông, tiếp tế khó, cơ sở nhân dân yếu, địa hình phức tạp, gần biển, ta ít có điều kiện tiêu diệt nhiều sinh lực địch.

Hướng Trung Du là nơi địch mạnh, phòng tuyến của địch vững chắc, lại gần những nơi quân địch tập trung đông, ta chưa có khả năng đánh vào tuyến công sự mới.

Hướng Tây Bắc địch bố trí phân tán, phần lớn là ngụy binh, nhưng đường sá rất xấu, địa hình hiểm trở, núi rừng nhiều, nhân dân thưa thớt, cung cấp khó, ít có điều kiện sử dụng binh lực lớn. Thắng lợi ở Tây Bắc sẽ không gây ảnh hưởng lớn về chính trị.

Hướng mở chiến dịch được cơ quan tham mưu lựa chọn là hữu ngạn Liên khu 3. Khó khăn của hướng này vẫn là vấn đề tiếp tế, địa hình có nhiều sông ngòi chia cắt và nhiều cánh đồng chiêm. Nhưng thuận lợi là địch tương đối

yếu, xa các căn cứ chính. Ta có điều kiện đánh công kiên, đánh vận động, tiến sâu vào lòng địch. Thắng lợi ở hướng này sẽ gây được ảnh hưởng lớn về mặt chính trị, tranh thủ được nhân dân, trực tiếp thúc đẩy phong trào chiến tranh du kích ở đồng bằng, có thể phá kế hoạch giành chủ động của địch. Trong chỉnh huấn quân sự vừa qua, bộ đội ta lại vừa học cách đánh trên địa hình ruộng nước.

Bộ Tổng Tham mưu đề nghị lực lượng sử dụng là bốn đại đoàn: 304, 308, 312, 320.

Tổng Quân ủy e ngại sẽ lặp lại tình hình như Chiến dịch Hà Nam Ninh. Cuối cùng, Tổng Quân ủy đi tới quyết định sử dụng nhiều lực lượng cùng lúc hoạt động trên nhiều chiến trường, bắt đầu bằng đánh nhỏ, đánh phân tán để đẩy mạnh chiến tranh du kích và thăm dò cách đối phó của dịch. Hữu ngạn Liên khu 3 là hướng chính, lực lượng sử dụng đông hơn những hướng khác.

Căn cứ vào quyết định của Tổng Quân ủy, Bộ Tổng Tham mưu xây dựng kế hoạch tác chiến:

Ở hướng chính hữu ngạn Liên khu 3 có hai đại đoàn. Đại đoàn 320 hoạt động trong phạm vi Hà Nam, Hà Đông, Sơn Tây đưa từ ba tới năm tiểu đoàn vào địch hậu. Số còn lại hoạt động ngoại tuyến tạo điều kiện cho bộ đội xâm nhập. Đại đoàn 304 hoạt động trong phạm vi Nam Định, Ninh Bình ở ngoại tuyến, có điều kiện thì đưa một số đơn vị vào địch hậu.

Hướng phối hợp là tả ngạn Liên khu 3 và Trung Du. Ở tả ngạn, Trung đoàn 42 và bộ đội địa phương cũng cỡ cơ sở nhân dân, khôi phục những căn cứ vừa bị phá. Ở Trung Du, Đại đoàn 316 đưa hai tiểu đoàn vào dịch hậu Bắc Ninh, Trung đoàn 246 hoạt động ở Phúc Yên.

Các đơn vị còn lại hoạt động ở ngoại tuyến.

Hướng phụ là Tây Bắc do Đại đoàn 312 phụ trách. Trung đoàn 148 và một trung đoàn của Đại đoàn 308 hoặc Đại đoàn 316 hoạt động tại Nghĩa Lộ nhằm tiêu diệt hai đến ba tiểu đoàn dịch, đẩy mạnh chiến tranh du kích.

Theo kế hoạch các hướng bắt đầu hoạt động từ trung tuần tháng 12 năm 1951, đến trung tuần tháng 1 năm 1952 sẽ rút về nghỉ và nhận nhiệm vụ mới.

Tổng Quân ủy phân công anh Nguyễn Chí Thanh, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, cùng với đồng chí Đỗ Đức Kiên, Phó Cục trưởng Cục Tác chiến xuống trao đổi với

Liên khu 3 và các đại đoàn 320, 304 về kế hoạch tác chiến.

Công việc đã triển khai nhưng tôi vẫn rất phân vân. Tôi có thói quen mỗi khi làm việc gì phải nhìn thấy trước kết quả nó sẽ đem lại. Lần này tất cả

đều mờ nhạt. Lực lượng ta trải ra quá rộng mà không có trọng điểm. Ta tập trung hai đại đoàn ở hữu ngạn Liên khu 3. Nhưng tại đây ít có khả năng tiêu diệt nhiều sinh lực địch. Tình hình sẽ diễn ra như ở Bắc Ninh, Bắc Giang vừa qua. Sự có mặt của chủ lực có thể làm cho phong trào chiến tranh du kích rộ lên nhất thời. Nhưng sau khi chủ lực rút thì phong trào lại lắng xuống. Vì kẻ địch co cụm lại để né tránh chủ lực ta một thời gian sẽ tỏa ra đàn áp, không chế quần chúng. Lực lượng địch đang không ngừng phát triển. Ta không thể vực lại phong trào đấu tranh ở địch hậu nếu không tiêu diệt được một số sinh lực địch đáng kể. Tình hình sẽ ra sao nếu trong cả mùa khô này, sáu đại đoàn chủ lực của ta không giành được một chiến thắng tạo nên sự biến chuyển mới!

Nhưng đã sang tháng 11. Ta buộc phải thực hiện phương án này trong khi chưa tìm được một phương án tốt hơn.

Anh Nguyễn Chí Thanh đi phố biến nhiệm vụ ở Liên khu 3 vừa về, lại chuẩn bị lên đường. Trung ương đã chỉ định anh Thanh điều hành chiến dịch ở Liên khu 3.

Giữa lúc đó, chúng tôi được tin Pháp vừa tung ra một cuộc hành binh rất lớn đánh chiếm thị xã Hòa Bình và đường số 6.

Đò Lát đã chủ động tiến công ta trong mùa khô này.

Chương chín CHIẾN DỊCH HÒA BÌNH

ở Lát đò Tát-xi-nhi không phải là người thức thời trong chiến tranh Đông Dương. Ông ta thuộc hệ tư tưởng của Đò Gôn muốn cứu vãn vị trí "cường quốc" của Pháp sau Thế chiến thứ hai, bằng cách duy trì những thuộc địa dưới hình thức này hay hình thức khác. Tham vọng của ông ta không chỉ là lập lại tình thế tại Đông Dương mà phải giành chiến thắng bằng mọi giá. Đầu năm 1951, Đò Lát đã viết cho Chính phủ Pháp: "Chúng ta không được phép thua xét cả về mặt đạo đức và những hậu quả sẽ mang lại cho Liên hiệp Pháp. Mà chúng ta có thể thắng, tôi xin bảo đảm với các ngài điều đó". Đò Lát không phải là người để xuất việc trao quyền "độc lập" và xây dựng một "quân đội quốc gia" cho ngụy quyền. Những điều này đã được nước Pháp thỏa thuận với Bảo Đại bằng văn bản. Nhưng Đò Lát kiên quyết thực thi sự cam kết đó, không để cho nó chỉ nằm trên giấy tờ.

Cuối tháng 7 năm 1951, Đò Lát rời Việt Nam. Việc giải quyết với ngụy quyền Bảo Đại đã tạm xong. Những sự lục đục, tranh chấp quyền lực giữa các phe phái ở Hà Nội và Sài Gòn, kể cả một số phần tử bắt đầu ngả sang Mỹ, không thể giải quyết trong một lúc. Công việc cần phải làm ngay lúc này là với Mỹ. Ông ta không thể là người dâng Đông Dương cho Mỹ, mà chỉ muốn dựa vào sức mạnh của Mỹ để duy trì các nước trên bán đảo trong khối Liên hiệp Pháp. Đò Lát đã ra sức chiều theo ý Mỹ, nhưng sự giúp đỡ của Mỹ vẫn chưa được như ông ta mong muốn. Không chỉ có thế, những hàng Mỹ đã có kế hoạch viện trợ cho quân viễn chinh, cũng như quân đội ngụy, còn không đến đúng thời hạn. Ông ta cần sự giúp đỡ tối đa của Mỹ trong chiến tranh Đông Dương, khi không còn hy vọng gì nhiều ở chính quốc. Họa vô đơn chỉ! Sau khi con trai chết trận tại Ninh Bình, ông ta lại biết mình đã mắc bệnh ung thư!

Chính phủ Pháp đã sắp xếp một cuộc viếng thăm của Đò Lát tại Hoa Kỳ.

Người Mỹ vốn không ưa chủ nghĩa thực dân cổ hù của Pháp. Nhưng Đò Lát đã được đón tiếp với đầy đủ nghi thức ở Ngũ giác đài, gặp gỡ Tổng thống Tơ-ru-man, những nhân vật trọng yếu của Mỹ, và xuất hiện trên vô tuyến truyền hình. Đò Lát không từ chối bất cứ một lời mời, một cuộc phỏng vấn nào, mặc dù bệnh tật hiểm nghèo bất đầu hành hạ ông. Ở đâu, ông cũng cổ làm cho mọi người tin rằng chiến tranh Triều Tiên và chiến tranh Đông Dương chỉ là một, đó là sự bành trướng của chủ nghĩa cộng sản. Đông Dương có một tầm quan trọng về chiến lược. Nó là chìa khóa của Đông Nam Á. Mất Đông Dương sẽ kéo theo những hậu quả khôn lường đối với phương Tây. Chiến tranh Đông Dương cũng cần tới những trang bị, phương tiện như chiến tranh Triều Tiên, nhưng ít hơn nhiều. Nước Pháp không cần sự giúp đỡ nào khác ngoài sự giúp đỡ về vật chất.

Nhưng kết quả Đò Lát gặt hái qua chuyến đi không được bao nhiêu. Mỹ chỉ mới nói sẽ cung cấp những vũ khí hiện đại cho quân đội viễn chinh và quân đội các "quốc gia liên kết". Trước mắt, Mỹ hứa sẽ cố gắng chuyển nhanh hàng viện trợ trong kế hoạch năm 1951 - 1952. Có thể Đò Lát chưa hiểu là Mỹ không muốn để Pháp thua, mà cũng không muốn Pháp thắng trong cuộc chiến tranh này. Một nước Pháp suy yếu sẽ khó đứng vững trên tiền đồn chống cộng quan trọng như Đông Dương. Nhưng Mỹ chưa chuẩn bị xong những lá bài.

Hơn ai hết, Đò Lát biết những việc mình đã làm trên chiến trường chưa đủ. Mặc dù ông ta đã cố gắng biến hóa những cuộc điều quân xuôi ngược đối phó với những cuộc tiến công liên tiếp của đối phương, thành những "chiến công", nhưng mọi người đều nhìn thấy đội quân viễn chinh chưa hề thoát khỏi thế phòng ngự, bị động. Cái ông ta còn thiếu là phải giành lại quyền chủ động, một cuộc tiến công

thực sự của quân Pháp, một chiến thắng trên chiến trường. Cuối tháng 12 năm 1951, Quốc hội Pháp sẽ bỏ phiếu về ngân sách chiến tranh Đông Dương. Chỉ có một cuộc tiến công thắng lợi mới hy vọng Quốc hội dành cho Đông Dương một ngân khoản cùng với số quân tăng viện nào đó. Một chiến thắng như vậy cũng rất cần đối với Mỹ sau chiến tranh Triều Tiên. Và cá nhân Đò Lát, trong những ngày cuối cùng, cũng mong đạt được chiến thắng loại này.

Cuối tháng 10 năm 1951, vừa trở lại Hà Nội, Đò Lát tuyên bố ngay: Đã tới lúc giành lại chủ động trên chiến trường, buộc Việt Minh phải tiếp nhận chiến đấu trên một địa hình do Pháp lựa chọn. Cũng giống như mọi lần, cuộc tranh luận lại nổ ra giữa hai loại ý kiến. Phải thận trọng chủ trương dành ưu tiên cho việc bình định đồng bằng Bắc Bộ. Phải táo bạo yêu cầu một cuộc tiến công quy mô lớn nhằm tiêu diệt quân đoàn tác chiến đối phương.

Đò Lát khẳng định phải chuyển sang tiến công ở bên ngoài đồng bằng. Xa-lăng ngơ ngác, vì biết sau đây tổng chỉ huy sẽ trao lại trách nhiệm cho mình! Không chỉ có riêng Xa-lăng ngạc nhiên. Nhưng không một ai dám phản đối. Họ biết rõ cá tính của Đò Lát. Những phương án bắt đầu được nêu ra. Phương án chiếm lại Lạng Sơn bị gạt đầu tiên, vì quá xa đồng bằng và quá gần biên giới Việt - Trung. Phương án thứ hai là tiến công Thái Nguyên hoặc Phú Thọ. Không ai tỏ thái độ mặn mà, vì nhiều người còn chưa quên cuộc phiêu lưu giữa núi rừng Việt Bắc mùa đông 1947. Cuối cùng, Xa-lăng đề xuất đánh chiếm Hòa Bình. Đò Lát lập tức chấp thuận.

Hòa Bình là một nút giao thông thủy - bộ nối liền Việt Bắc với đồng bằng và miền Trung, rất quan trọng với đối phương. Địa hình Hòa Bình nhiều rừng núi, phức tạp, bộ đội Việt Minh dễ thâm nhập, sức mạnh hóa lực của quân viễn chinh khó phát huy. Đường số 6 nối liền Hòa Bình với Hà Nội chạy giữa vùng rừng núi rậm rạp, khúc khuỷu dễ bị phục kích. Bù lại, Hòa Bình chỉ cách đồng bằng có 20 ki-lô-mét, cách Hà Nội 76 ki-lô-mét, nằm trong tầm hoạt động thuận lợi của máy bay ném bom. Ngoài đường số 6, Hòa Bình còn có sông Đà, tàu chiến qua lại dễ dàng, bảo đảm việc tiếp tế và phát huy hóa lực của thủy quân. Hơn thế, trong tình hình hiện nay, quân Pháp chiếm Hòa Bình sẽ không gặp trở ngại, vì những đại đoàn chủ lực của Việt Minh đều ở xa, tại chỗ chỉ có một lực lượng bộ đội địa phương không đáng kể.

Bộ chỉ huy quân Pháp biết rõ địa hình Hòa Bình có lợi cho ta, nhưng lại cho rằng: Cần phải có miếng mồi ngon thì mới nhử được đối phương chấp nhận trận đánh do mình sắp xếp. Chiếm Hòa Bình rất phù hợp với ý đồ chiến lược lâu dài của Đò Lát. Đây là cắt rời phần đất của Việt Minh ở Việt Bắc đã nối liền với các nước xã hội chủ nghĩa khối phần còn lại rộng lớn ở phía nam Việt Nam. Đó là bước thứ nhất để mở

đường cho bước thứ hai: Đánh chiếm vùng tự do Liên khu 4, và muốn làm được việc này phải dựa vào Mỹ.

Cuộc hành binh "Hoa Tuy líp" (Tulipe) là khúc dạo đầu. Ngày 10 tháng 11 năm 1951, 12 tiểu đoàn bộ binh và năm cụm pháo binh của Pháp bắt thần chiếm Chợ Bến, cắt đường di chuyển của bộ đội ta từ Việt Bắc xuống đồng bằng.

Ngày 14 tháng 11, cuộc hành binh "Hoa sen" (Lotus) tiếp nối, do chính Xa-lăng chỉ huy. Lực lượng sử dụng là 16 tiểu đoàn, tám cụm pháo binh, hai tiểu đoàn công binh, hai đại đội xe tăng cùng với không quân. Buổi chiều, ba tiểu đoàn dù nhảy xuống thị xã Hòa Bình đã bị phá trụi bên sông Đà. Nửa đêm, hai binh đoàn cơ động chia làm hai hướng, một hướng theo đường số 6 tiến về thị xã Hòa Bình, một theo sông Hồng và sông Đà tiến chiếm Tu Vũ.

Chiều ngày 15 tháng 11, Đò Lát đích thân chủ trì cuộc họp báo tại Hà Nội, loan tin "Chiến thắng Hòa Bình". Để tạo cho nó một tầm vóc cần thiết,

Đò Lát lớn tiếng tuyên bố đây là mục tiêu chủ yếu trong chiến lược của mình, ông ta đưa ra sự thách thức với đối phương để xem họ có chấp nhận trận chiến ở đây hay không. Ông ta nói: "Hôm nay với trận tiến công Hòa Bình, ta đã gây khó khăn lớn cho đối phương. Tiến công Hòa Bình có nghĩa là chúng ta đã bắt buộc đối phương phải xuất trận. Trận Hòa Bình sẽ có ảnh hưởng quốc tế lớn"1. Phụ họa với luận điệu của Đò Lát, những phương tiện truyền thông của dịch huênh hoang: "Đây là một chiến thắng quyết định!". "Hòa Bình sẽ là chiếc cối xay thịt nghiền nát Việt Minh!", "Ngài đại tướng Cao ủy sẽ cho Việt Minh biết tài thao lược của mình!"...

Ngày 19 tháng 11 năm 1951, Đò Lát tới Hòa Bình. Đây là cuộc chia tay cuối cùng của tổng chỉ huy với quân viễn chinh. Bệnh tình của Đò Lát vẫn được giữ rất kín.

gày 10 tháng 11, được tin dịch đánh ra Chợ Bến, tôi nói với anh Nguyễn Chí Thanh chưa nên đi Liên khu 3, chờ xem tình hình biến chuyển ra sao, vì có nhiều khả năng dịch sẽ chiếm Hòa Bình.

Khi bàn kế hoạch Đông Xuân, chúng ta đã dự kiến dịch sẽ tiến công trước nếu ta chậm triển khai. Những hướng dịch có thể đánh ra là Thái Nguyên, Lạng Sơn, Hòa Bình. Nhưng ta cho rằng dịch ít có khả năng đánh ra Hòa Bình, vì đây là vùng rừng núi bất lợi cho chúng, nên không chú ý để phòng ở hướng này. Tôi chỉ thị cho tham mưu chuẩn bị ngay kế hoạch tác chiến nếu dịch chiếm Hòa Bình và tranh thủ ý kiến của đồng chí Mai Gia Sinh, cố vấn về tham mưu.

Tối ngày 14, bộ phận tin kỹ thuật báo cáo chiều nay dịch đã nhảy dù xuống Hòa Bình. Tôi cảm thấy nhẹ nhõm. Những bản khoản suốt thời gian qua được giải tỏa.

Đò Lát đã cho ta những cơ hội bằng vàng để tiêu diệt sinh lực dịch và cứu vãn tình hình dịch hậu. Tôi quyết định triệu tập hội nghị Quân ủy vào hôm sau.

Ngày 15 tháng 11 năm 1951, Tổng Quân ủy họp. Anh Hoàng Văn Thái báo cáo ý kiến của Bộ Tổng Tham mưu:

- Bộ Tổng Tham mưu có hai ý kiến. Đa số đề nghị đình chỉ chiến dịch ở Liên khu 3 để mở chiến dịch ở Hòa Bình có lợi hơn vì dịch mới đánh ra chưa kịp cùng cố phòng ngự. Hòa Bình là vùng rừng núi dễ bao vây, chia cắt dịch. Lại

tiếp giáp với Việt Bắc, cơ động lực lượng và tiếp tế thuận lợi. Chủ lực ta lại đang ở gần, có thể tranh thủ thời gian nổ súng sớm. Mặt khác, không thể để địch chia cắt giữa Việt Bắc và các liên khu phía Nam, sẽ gây cho ta nhiều khó khăn lâu dài. Ý kiến thứ hai, tuy thiếu số, nhưng cũng quan trọng. Ý kiến này cho rằng ta cứ tiếp tục kế hoạch đã chuẩn bị, không nên bị động chạy theo địch. Địch đánh ra là địch mạnh, đã có chủ định kéo chủ lực ta về phía này. Ta phải tránh chỗ mạnh, đánh vào chỗ yếu, kéo địch ra nơi khác trên chiến trường do ta lựa chọn mà đánh, không nên đi vào cái bẫy địch đã giảng ra.

- Ý kiến của đồng chí cố vấn về tham mưu như thế nào? - Tôi hỏi.

Anh Thái nói:

- Đồng chí Mai tỏ về dè dặt. Về các chủ trương lớn, các đồng chí cố vấn thường có ý kiến sau khi trao đổi nhất trí với nhau. Đồng chí Mai chỉ nói không nên bị động trước hành động của địch.

Tôi hiểu là những tổn thất của ta qua mấy chiến dịch liên tiếp, đã khiến các đồng chí cố vấn thiên về những hoạt động nhỏ và phân tán để hạn chế sức mạnh của máy bay và pháo địch.

Tổng Quân ủy trao đổi và thống nhất nhận định: Địch đã giành lại quyền chủ động. Đánh Hòa Bình, chúng đã mở rộng phạm vi chiếm đóng, giành được một vị trí chiến lược quan trọng, cắt đứt liên lạc giữa Việt Bắc với Liên chu 3 và miền Nam, sẽ gây cho ta nhiều khó khăn về chính trị và kinh tế. Vương địch phải đưa một lực lượng cơ động lớn ra Hòa Bình, địch hậu sẽ sơ hở, chiến tranh du kích lại có điều kiện phát triển. Địch phân tán một bộ phận cơ động lên chiến trường rừng núi, giao thông không thuận lợi, trong một thời gian nữa mới cũng cố được thế phòng ngự, chúng ta sẽ có cơ hội để tiêu diệt sinh lực địch.

Do đó, Tổng Quân ủy đề nghị Trung ương và Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Cho mở Chiến dịch Hòa Bình, chuyển hướng hoạt động thụ động sang tiến công dịch mới chiếm

đóng. Hòa Bình là hướng chính, các nơi khác là hướng phối hợp". Mục đích của chiến dịch là: "Tiêu diệt sinh lực dịch. Đẩy mạnh chiến tranh du kích".

Để tranh thủ thời gian, trong khi chờ đợi chỉ thị của Trung ương, Bộ Tổng Tham mưu lệnh cho Đại đoàn 312 đang ở Tây Bắc, di chuyển xuống gần Hòa Bình bảo vệ căn cứ tiếp tế, bảo vệ đường vận chuyển. Riêng Trung đoàn 209 bám sát địch, tranh thủ tiêu diệt một bộ phận nhỏ của địch. Những đơn vị ở gần Chợ Bến, chớp thời cơ khi địch chưa kịp cũng cố công sự, chủ động tiêu hao, tiêu diệt những bộ phận quân địch làm nhiệm vụ càn quét. Liên khu 3 lợi dụng sơ hở của địch đẩy mạnh chiến tranh du kích ở

đồng bằng. Bộ Tổng Tham mưu, trao đổi với Tổng cục Cung cấp bố trí các kho lương thực, vũ khí đạn dược ở khu trung tuyến Đồn Vàng, huyện Thanh Sơn, Phú Thọ đủ cho hai đại đoàn bước vào hoạt động.

Những tin chiến thắng đầu tiên từ mặt trận đã bay về.

Ngày 16 tháng 11, Trung đoàn 64 thuộc 320 đang có mặt ở Ngoại Đáy phát hiện hai đại đội Âu - Phi vừa xuất hiện ở Tứ Đền, ngay bên sườn phía nam Chợ Bến. Những đại đội này thuộc tiểu đoàn 2 trung đoàn 3 lẻ dương (2/3è REI). Giữa ban ngày, bộ đội ta từ những khe đá, bụi cây ven thung lũng bất thần tiến công vào giữa đội hình quân địch. Một đại đội lẻ dương bị tiêu diệt, nhiều tên bị bắt. Viên quan tư chỉ huy tiểu đoàn, Đờ Vanh-xăng bỏ mạng, cả cơ quan chỉ huy tiểu đoàn đầu hàng. Sau trận này, chỉ huy phân khu Chợ Bến ra lệnh cho binh lính không được đi ra ngoài căn cứ, và không được gửi thư từ.

Ngày 17 tháng 11 năm 1951, Bộ Tổng Tham mưu tổ chức hội nghị trực tiếp trao nhiệm vụ sơ bộ cho các đại đoàn 308, 312, 316 và Liên khu Việt Bắc: Hai đại đoàn 308, 312 di chuyển xuống sát Hòa Bình. Đại đoàn 316 kết hợp với Liên khu Việt Bắc phát triển chiến tranh du kích ở Trung Du. Đại đoàn 320 kết hợp với Liên khu 3 đẩy mạnh chiến tranh du kích ở Hà Nam Ninh. Cả Đại đoàn 316 và 320 đều chuẩn bị sẵn sàng đưa một số đơn vị vào dịch hậu khi có lệnh. Đại đoàn 304 di chuyển lên đường số 6 tham gia đánh dịch ở Hòa Bình.

Ngày 18 tháng 11, theo sự phân công của Tổng Quân ủy, anh Nguyễn Chí Thanh và Hoàng Văn Thái cùng với một bộ phận nhẹ của Bộ Tổng Tham mưu lên đường đi trước tới Cẩm Khê (Phú Thọ), gần Hòa Bình, để kịp thời chỉ đạo, chỉ huy tác chiến. Đồng chí Vi Quốc Thanh về Bắc Kinh chỉnh huấn chưa trở lại Việt Nam. Tôi nhắc anh Thái mời đồng chí Mai Gia Sinh, cố vấn về tham mưu cùng đi.

Đồng chí Mai nói với anh Thái:

- Đồng chí Tổng Tham mưu trưởng cần lên đường sớm xin cứ đi trước. Tôi nghĩ sau mấy chiến dịch gặp khó khăn về cách đánh, mùa đông này, ta nên đánh nhỏ như kế hoạch trước đây, nhằm phát động chiến tranh du kích. Lần này, Bộ Tổng Tư lệnh có quyết định mới, xin để tôi báo cáo lại với bên nhà.

Tôi biết trong chiến dịch này sẽ không có mặt các cố vấn. Các đồng chí lo trách nhiệm của mình nếu ta gặp khó khăn khi tiếp tục lao vào những trận đánh lớn. Đây là điều lo ngại chính đáng mà ta cần chú ý trong quá trình chỉ đạo tác chiến.

Ngày 20 tháng 11, Bộ Tổng Tư lệnh ra mệnh lệnh tác chiến cho các đại đoàn: Đại đoàn 312 có nhiệm vụ đánh địch từ thị xã Hòa Bình tới Trung Hà và hai bên tả, hữu ngạn sông Đà. Đại đoàn 316 được phối thuộc thêm Trung đoàn 246, phối hợp với bộ đội địa phương hoạt động ở Bắc Giang, Bắc Ninh. Trung đoàn 98 thâm nhập vào địch hậu Bắc Ninh. Trung đoàn 174 đánh từ một đến hai vị trí ở tuyến ngoài. Trung đoàn 176 bố trí giữ mặt Lạng Sơn. Đại đoàn 308 sẵn sàng chiến đấu.

Ngày 23 tháng 11 năm 1951, Bộ Chính trị họp dưới sự chủ tọa của Bác, nhất trí với đề nghị của Tổng Quân ủy chuyển hướng chiến dịch về Hòa Bình. Sau cuộc họp, tôi viết thư cho anh Nguyễn Chí Thanh và anh Hoàng Văn Thái nói lại những ý kiến của Bộ Chính trị, đây là cơ hội rất tốt, thuận lợi để tiêu diệt địch, để phát triển du kích chiến tranh rộng rãi. Cần hết sức tranh thủ thời gian, góp nhiều thắng lợi nhỏ thành thắng lợi lớn, không nên chờ đợi quá lâu. Có thể tiêu diệt ngay một, hai cứ điểm đột xuất như La Phù, Tu Vũ. Nếu Đại đoàn 312 đánh công sự vững chắc chưa bảo đảm thì điều động một trung đoàn thuộc Đại đoàn 308. Tôi hẹn ngày 28 tháng 11 năm 1951 sẽ có mặt ở Sở chỉ huy chiến dịch.

Đêm ngày 23 tháng 11 Trung đoàn 48 của Đại đoàn 320 tiến công vị trí Đổi Sim trên đường số 21, phía nam Hòa Bình. Sau nửa giờ chiến đấu, bộ đội ta lọt vào tung thâm. Hai đại đội vừa tới chiếm đóng, số thương vong, số bỏ chạy, số đầu hàng. Viên quan hai chỉ huy bị bắt.

Ngày 24 tháng 11 năm 1951, Ban Chấp hành Trung ương ra chỉ thị về "Nhiệm vụ phá cuộc tiến công Hòa Bình của địch".

Trung ương khẳng định: "Đây là cơ hội rất tốt để ta tiêu diệt địch". Chủ lực và bộ đội địa phương ở trung du, đồng bằng Bắc Bộ, Bình - Trị - Thiên và chiến trường toàn quốc "phải tìm chỗ sơ hở mà đánh địch trên mặt chính và mặt sau lưng địch". Liên khu Việt Bắc để phòng địch đánh lên trung du và Lạng Sơn. Liên khu 4 để phòng địch đánh vào Thanh Hóa. Nam Trung Bộ và Nam Bộ tùy tình hình cụ thể mà ra sức hoạt động, phát triển chiến tranh du kích để tiêu diệt địch và kìm hãm không cho địch điều động quân ra miền Bắc.

Bác gửi thu cho cán bộ, chiến sĩ bộ đội và dân quân du kích: "Trước kia ta phải lừa địch ra mà đánh. Nay địch tự ra cho ta đánh. Đó là cơ hội tốt cho ta".

Sau khi có chỉ thị của Trung ương, Bộ Tổng Tham mưu cụ thể hóa thêm nhiệm vụ tác chiến của một số đại đoàn. Đại đoàn 304 đánh địch ở phía nam Hòa Bình, tiêu diệt một số điểm cao, cắt đứt vận chuyển của địch trên đường số 6 để phối hợp với các đại đoàn 308, 312 hoạt động trên tuyến sông Đà và

vùng thị xã Hòa Bình. Đại đoàn 320 đưa đại bộ phận vào địch hậu đồng bằng: Trung đoàn 64 vào Duy Tiên, Bình Lục, Lý Nhân (Hà Nam), một trung đoàn hoạt động ở Kim Sơn, Phát Diệm (Ninh Bình), một trung đoàn làm nhiệm vụ dự bị. Các mặt trận phối hợp phải hết sức khẩn trương, tranh thủ thời gian hoạt động sớm chừng nào hay chừng ấy, vừa hoạt động ở chính diện vừa chuẩn bị và mạnh dạn đưa lực lượng vào hoạt động ở địch hậu.

Ô hướng Tây Bắc, phát hiện Trung đoàn 165 của Đại đoàn 312 di chuyển về hướng Hòa Bình, Xa-lăng ra lệnh cho tiểu đoàn Thái số 3 đang càn quét ở Thu Cúc, Lai Đồng đánh vào sau lưng quân ta nhằm trì hoãn bước tiến của đại đoàn. Trung đoàn 165 kịp thời đối phó, vây chặt tiểu đoàn Thái trên hai quả đồi ở Lai Đồng. Máy bay địch phải thả dù dây kẽm gai và lương thực cho tiểu đoàn bị vây. Sang ngày 26 tháng 11, ta diệt và bắt gần hết tiểu đoàn, 550 tên địch. Tuy nhiên, Trung đoàn 165 cũng bị tiêu hao.

Các trận Tứ Đền, Đổi Sim, Thu Cúc, Lai Đồng đã loại khỏi vòng chiến đấu gần 1.000 quân địch.

Trước khi lên đường, tôi viết bản huấn lệnh kêu gọi toàn thể cán bộ, chiến sĩ bộ đội chủ lục, bộ đội địa phương và dân quân du kích: "Tìm địch mà đánh, diệt các cứ điểm mới đóng của địch, diệt các đội càn quét của chúng, cắt đứt đường giao thông liên lạc của chúng, biến sông Đà thành sông Lô năm xưa, đường số 6 thành đường số 4, tiêu diệt sinh lực địch, phá tan âm mưu chiếm đóng Hòa Bình".

Tôi lên đường tư tưởng không một chút hoài nghi, phân vân. Chiến dịch này chỉ có thắng lớn hoặc thắng nhỏ, nhưng nhất định thắng. Đáp số đã hiện lên mồn một: Ta sẽ tiêu diệt được nhiều sinh lực địch, chiến tranh du kích ở đồng bằng Bắc Bộ cũng như các vùng địch hậu khác sẽ được phục hồi.

gày 30 tháng 11 năm 1951, tôi tới Sở chỉ huy tiền phương ở Đồng Lương, thuộc huyện Cẩm Khê, bên bờ sông Thao.

Tại Hòa Bình đã xuất hiện lần đầu một hình thức chiếm đóng quy mô lớn, với những hệ thống cứ điểm mạnh hình thành hai tuyến phòng ngự dọc đường số 6 và

dọc sông Đà.

Địch đã nhanh chóng cấu trúc hệ thống phòng ngự đã chiến gồm 28 cứ điểm lớn, nhỏ với những công sự bằng gỗ, đất và hàng rào dây thép gai vây quanh. Mỗi cứ điểm có từ một tới hai đại đội bộ binh. Ở những vị trí quan

trọng như Pheo, Đồng Hến, Ao Trạch, Chẹ, Đá Chông, Tu Vũ, địch bố trí ba đại đội bộ binh, tăng cường một trung đội xe tăng, một đại đội pháo.

Quân Pháp tô chức thành hai phân khu. Ở phía bắc, phân khu sông Đà - Ba Vì có năm tiểu đoàn bộ binh, một tiểu đoàn dù, một trung đội xe tăng, một tiểu đoàn pháo với sô chi huy đặt ở Đan Thê, do đại tá Đô-đo-li-ê chi huy. Phân khu này bảo vệ con đường sông nối liên thị xã Hòa Bình với đồng bằng. Phía nam là phân khu Hòa Bình - đường số 6, có sáu tiểu đoàn bộ binh, hai tiểu đoàn dù, hai tiểu đoàn pháo binh, một tiểu đoàn thiết giáp, một đại đội xe tăng, với sô chi huy đặt tại Hòa Bình, do đại tá Clê-măng chi huy. Phân khu này bảo vệ con đường bộ huyết mạch nối liên thị xã Hòa Bình với Hà Nội. Một số đơn vị bộ binh, pháo binh, xe tăng chiếm giữ đường số 6. Lực lượng dự bị của địch đóng tại Trung Hà. Phân khu Chợ Bến cũng được tô chức thành một tiền đồn bảo vệ cho Hòa Bình ở phía đông.

Rõ ràng quân Pháp có ý định chiếm đóng Hòa Bình lâu dài, và sẵn sàng chờ đón một cuộc tiến công lớn của bộ đội ta.

Ngày 1 tháng 12 năm 1951, Tổng Quân ủy họp mở rộng thông qua kế hoạch tác chiến.

Tổng Quân ủy nhận thấy trong đợt đầu chiến dịch cần tập trung đánh địch trên tuyến sông Đà - Ba Vì, vừa triệt con đường tiếp tế chủ yếu của địch trên sông, vừa đánh thông hành lang tiếp tế của ta từ hậu phương ra mặt trận, chuẩn bị khi có điều kiện sẽ chuyển phần lớn lực lượng sang đường số 6.

Trên tuyến sông Đà, địch có hai khu phòng ngự then chốt: Khu La Phù - Đan Thê và khu Tu Vũ - Núi Chẹ. Ở La Phù - Đan Thê địch mạnh hơn vì gần các khu căn cứ Trung Hà, Sơn Tây và có nhiều đường giao thông thủy bộ cho việc ứng cứu. Ở Tu Vũ - Núi Chẹ, địch tương đối yếu hơn. Hai vị trí này tuy ở gần nhau nhưng lại nằm trên hai bờ sông, chỉ có thể yểm trợ cho nhau bằng hóa lực khi bị tiến công. So với La Phù - Đan Thê thì khu Tu Vũ - Chẹ có nhiều sơ hở.

Sau khi thảo luận cân nhắc, Tổng Quân ủy quyết định tập trung lực lượng tiêu diệt cụm cứ điểm Tu Vũ - Núi Chẹ, đồng thời đánh địch vận chuyển trên sông Đà.

Nhiệm vụ mở màn chiến dịch được trao cho Đại đoàn 308. Đại đoàn đã tham gia liên bốn chiến dịch. Từ ngày thành lập, đồng chí Vương Thừa Vũ vẫn làm Chính ủy

kiêm Tư lệnh. Sau chiến dịch Hà Nam Ninh, để tăng cường cho đại đoàn, Bộ điều đồng chí Song Hào, Chính ủy Khu 10, về làm Chính ủy Đại đoàn 308. Anh Vương Thừa Vũ và anh Song Hào đều thấy nên chọn Trung đoàn 88 đánh Tu Vũ. Trung đoàn 88 vừa qua không thành công trong trận Chùa Cao, nhưng vẫn là đơn vị được rèn luyện nhiều trong đánh công kiên.

Các đơn vị được trao nhiệm vụ cụ thể như sau: Đại đoàn 308 sử dụng Trung đoàn 88 tiêu diệt vị trí Tu Vũ, Trung đoàn 36 đánh viện cá trên bộ và trên sông, Trung đoàn 102 làm lục lượng dự bị cho Bộ, bố trí nghi binh tại Hưng Hóa. Đại đoàn 312 sử dụng Trung đoàn 209 đánh vị trí Chẹ, một tiểu đoàn hoạt động ở bắc Ba Vì, kiểm chế Đan Thẻ, đánh giao thông trên đường Sơn Tây - Đá Chông, và Trung Hà - Sơn Tây. Thời gian nổ súng là ngày 9 tháng 12 năm 1951.

Bộ Tổng Tham mưu đề ra những yêu cầu về chiến thuật: Hành quân tuyệt đối giữ bí mật, đi vào ban đêm, bố trí cảnh giới nghiêm ngặt. Trú quân xa đường cải lớn, cấm khói lửa ban ngày để phòng máy bay địch. Vượt sông có kế hoạch nghiêm mật để phòng địch phát hiện, đưa bộ phận sang trước lập đầu cầu, qua sông phải trật tự, vượt sông xong phải xóa dấu vết. Đánh công kiên có kế hoạch bám sát địch, để phòng xe cơ giới, kiểm chế pháo binh địch, cố gắng kết thúc trong đêm, nếu kéo dài sang ban ngày thì phải có kế hoạch đánh quân nhảy dù. Đánh viện trên bộ phải tổ chức chống chiến xa, phá hoại cầu đường. Đánh viện trên sông phải phân tán hỏa khí, bố trí thành nhiều chặng trên một tuyến dài, có kế hoạch phòng không tích cực, làm trận địa giả...

Những người dân làm nghề đánh cá trên sông Hồng và sông Đà đã tập trung 200 thuyền lớn, nhỏ ghép thành một cầu phao trên bến Lạc Song, cách thị xã Hòa Bình 19 ki-lô-mét, để đưa Đại đoàn 312 vượt sông. Nhưng cả đại đoàn đã không thể kết thúc cuộc vượt sông trong một đêm. Trận đánh Tu Vũ - Núi Chẹ phải lui lại một ngày.

Sáng ngày 9, tôi được báo cáo đêm qua, Trung đoàn trưởng Nguyễn Bàng và Tham mưu trưởng Nguyễn Tâm của Trung đoàn 209 đi điều tra vị trí Chẹ, rơi vào ổ phục kích của địch, đều hy sinh. Đại đoàn đã cử Trung đoàn phó Hoàng Cầm thay. Tôi linh cảm thấy việc tiêu diệt vị trí Chẹ sẽ khó khăn.

Sáng ngày 10 tháng 12, bộ phận tin kỹ thuật báo cáo địch dùng năm tiểu đoàn chia làm ba cánh càn quét vùng tây - nam Ba Vì, đúng khu vực tập kết của Đại đoàn 312. Bộ chỉ huy chiến dịch ra lệnh cho Đại đoàn 312 đưa Trung đoàn 209 xuất kích tiêu diệt cánh quân địch từ Chẹ càn vào khu vực Đồng Song. Trung đoàn 209 xuất kích chậm, chỉ tiêu diệt được hai đại đội dù; số còn lại bỏ chạy. Các cánh quân khác của địch cũng rút lui bỏ dở cuộc càn.

Vê sau ta mới biết, ngày 9 tháng 12, địch tìm được trong thi thế một sĩ quan ta một cuốn sổ có ghi kế hoạch Đại đoàn 308 và 312 đánh Tu Vũ và Núi Chẹ. Xa-lăng quyết định mở cuộc hành binh "Hoa nhài" (Jasmin) đánh vào phía sau khu vực trú quân của Đại đoàn 312 ở Ba Vì. Binh đoàn số 4 được tăng thêm tiểu đoàn dù 7 từ Văn Mông tiến về Núi Chẹ. Hai tiểu đoàn

dù thuộc địa khác (1er BPC và 8è BPC) tiến theo hai hướng nam, bắc để bảo vệ sườn cho cuộc hành binh. Tiểu đoàn dù 1 đã rơi vào trận địa của Trung đoàn 209 bị thiệt hại nặng. Xa-lăng vội thu quân.

Cùng ngày, địch tăng cường cho vị trí Chẹ một trung đội xe tăng. Sau trận đánh vận động ngày 9, Trung đoàn 209 không còn thời gian chuẩn bị tiến công Chẹ đêm ngày 10 tháng 12, được chuyển sang làm nhiệm vụ kiểm chế trận địa pháo ở Chẹ.

Nhiệm vụ đánh thắng trận đầu tập trung vào Trung đoàn 88.

Trước đó, Bộ chỉ huy chiến dịch đã trực tiếp gặp Ban chỉ huy Trung đoàn 88. Trung đoàn trưởng Thái Dũng đã có mặt trong nhiều chiến dịch của Bộ: Quân Pháp thường gọi anh với vẻ trọng nể là "commandant manchot" (quan tư cụt tay). Tôi nói:

- Tổng Quân ủy đã cân nhắc mới trao nhiệm vụ mở đầu chiến dịch cho Trung đoàn 88, vì thấy các đồng chí có khả năng hoàn thành. Cần nhớ: Trận đầu phải thắng! Chỉ được thắng! Có nhiều khó khăn đấy. Phải quyết tâm vượt qua, vượt qua được thì trung đoàn sẽ trưởng thành.

Lần đầu, một trung đoàn của ta đánh một vị trí tiểu đoàn Âu - Phi tăng cường, tôi hỏi:

- Các đồng chí có đủ lực lượng không?

Trung đoàn trưởng Thái Dũng nói:

- Trung đoàn đã được phối thuộc một liên đội pháo 75, như vậy là đủ. Chỉ cần chọn đúng điểm đột phá. Địch có nhiều pháo, huy động quá nhiều bộ đội không có lợi.

Tôi hỏi Chính ủy Đặng Quốc Bảo:

- Tình thần bộ đội thế nào?
- Lần trước trung đoàn không hoàn thành nhiệm vụ đánh Chùa Cao, nhưng vẫn được Tổng Quân ủy chọn mở màn chiến dịch, bộ đội rất phấn khởi. Đảng ủy sẽ làm thật tốt công tác tư tưởng. Chúng tôi tin trung đoàn sẽ hoàn thành nhiệm vụ.

Tu Vũ là một cứ điểm đột xuất nằm bên tả ngạn sông Đà, cắm sâu vào địa phận tỉnh Phú Thọ, do tiểu đoàn bộ binh Ma-rốc số 1 (1/2è RTM). Một đơn vị thiện chiến, trấn giữ. Vị trí này chạy dài khoảng 300 mét trên bờ sông Đà, chiều ngang hẹp, địa hình bằng phẳng, được chia làm ba khu: Khu A và khu B cách khu C một con ngòi rộng sáu mét. Sở chỉ huy địch ở khu A. Hỏa lực tại đây rất mạnh, gồm năm lô cốt, có trọng liên và ĐKZ, nhiều ụ súng máy và súng cối.

Ngoài ra còn sáu xe tăng và xe thiết giáp tạo thành những ổ để kháng di động trong cứ điểm. Vị trí có hàng rào dây thép gai và bãi mìn, rộng 24 mét bao bọc. Những bãi lau chung quanh vị trí đều được phát quang, rộng 100 mét.

Ngày 10 tháng 12, anh Vương Thừa Vũ báo cáo tối nay sẽ đánh Tu Vũ mặc dù Đại đoàn 312 chưa kịp tiến công Chẹ, để nghị mặt trận cho kiểm chế pháo địch ở Chẹ. Bộ chỉ huy chiến dịch chỉ thị sử dụng cả Trung đoàn 86 làm dự bị, để phòng trận đánh kéo dài sang ban ngày.

Tám giò tôí, bò dòi ta vùa chiêm linh tràn dja thì quân dìch phát hiên. Tù các vị trí Dan Thê, Dá Chông, Chê, pháo dìch câu vê tạo thành môt hàng lùa bao quanh vị trí. Dại dòi chü công Tô Vân lôi dung kê hô giüa nhüng loat pháo, nhanh chóng tiêp càn düçc hàng rào khu A. Các đon vị khác, kê cà sôn pháo di vói bô binh, đêu bị dại bác dìch chän lai. Chî riêng Tiêu doàn 322 cüa 88, ô müi diên kip nô süng düng giò quy dình, chiêm düçc khu C näm bên kia Ngòi Lát. Tói nüa đêm, có thêm môt sô dại dòi bô binh vào düçc tói hàng rào khu B. Ba khâu sôn pháo bị bán hông trong quá trình tiêp càn cứ diêm dìch. Dại doàn quyêt dình diêu dông Trung doàn 36 sän sàng tăng cường cho Trung doàn 88 dê đánh Tu Vü cà ban ngày.

Hai giò sáng ngày 11 tháng 10, ba trong sô bây khâu sôn pháo đi cùng bô binh mói tói được trận địa khu A. Dại dôi chü công Tô Văn đã nằm dôi năm giò liền dưới những trận bão dại bác bên hàng rào dây thép gai. Cuộc tiến công lập tức bắt đầu. Ba khâu pháo cùng lúc phát hóa đánh sập ba lô cốt. Tất cả các loại súng của bộ binh phun đạn vào khu A. Xung kích nối tiếp nhau xông lên dùng bộc phá đánh tan hàng rào dây thép gai, bãi mìn và xung phong.

Ô khu B, trong lúc chò dòi cuộc tiến công, các chiến sĩ Đại dội 209 của Tiểu đoàn 23 đã dùng kim, kéo bí mật cắt phần lớn hàng rào. Nghe tiếng đại bác nổ ô khu A, biết trận đánh đã bắt đầu, bộ dội ta lập tức giật bộc phá thổi bay hàng rào còn sót lại, tiến vào đồn địch. Các chiến sĩ nhanh chóng tỏa ra diệt liên tiếp sáu ụ súng.

Cuộc tiến công nổ ra quá muộn khiến quân địch hoàn toàn bất ngờ. Hàng rào lửa đại bác đã chứng tỏ đối phương không thể nào vượt qua. Chúng tưởng rằng trong năm giờ qua, 29 khẩu pháo đã nghiền nát các đơn vị xung kích. Nhưng họ vẫn xuất

hiện giữa vị trí như từ trên trời rơi xuống! Tất cả những tên địch sống sót đều lao chạy về phía bờ sông trước làn đạn truy kích của bộ đội ta.

Năm giờ sáng, tôi được đồng chí Đặng Quốc Bảo, Chính ủy Trung đoàn 88, báo cáo qua điện thoại, Tu Vũ đã hoàn toàn bị tiêu diệt. Từ lúc này, Trung đoàn 88 bắt đầu có một danh hiệu mới: Trung đoàn Tu Vũ.

Tôi quyết định đi thăm Tu Vũ. Đồng chí Nam Hà, Tham mưu trưởng Trung đoàn 88, người đã trực tiếp chỉ huy mũi diện hoàn thành nhanh chóng nhiệm vụ, đưa tôi đi quan sát chiến trường. Tu Vũ là một cứ điểm lớn, được bảo vệ nghiêm ngặt, nằm trên địa hình hoàn toàn bằng phẳng trên bờ sông. Nhìn mặt đất thấy rõ mặt độ pháo chi viện của dịch dày đặc. Sau này mới biết dịch đã dùng 5.000 trái pháo yếm trợ Tu Vũ. Tôi nhớ tới những trận đánh không thành công ở trung du và đồng bằng. Trung đoàn 88 thất bại ở Chùa Cao, nhưng lần này đã vượt qua lưới lửa bắn chặn, và giành chiến thắng. Rõ ràng qua chỉnh huấn, bộ đội ta tiến bộ nhiều. Cần phải rút kinh nghiệm thật kỹ trận đánh. Nó sẽ rất có ích cho ta trong chiến đấu công kiên sau này trên địa hình trung du và đồng bằng.

4

ác hướng đã nổ súng phối hợp với mặt trận chính diện Hòa Bình sớm hơn chúng tôi chờ đợi.

Hướng đồng bằng, cũng trong ngày 11 tháng 12, các chiến sĩ của Đại đoàn 320 bí mật vượt qua lớp lớp đồn bốt, sông lạch, đồng lầy, và mạng lưới gián điệp, vệ sĩ thâm nhập sâu vào vùng địch hậu Ninh Bình. 2 giờ 30 sáng ngày 12, cuộc tiến công thị trấn Phát Diệm bất thần nổ ra. Chỉ trong vòng hai tiếng, Trung đoàn 48 đã tiêu diệt toàn bộ quân địch đóng tại Phát Diệm. Một trận đánh táo bạo, quả cảm được tính toán kỹ lưỡng. Để bảo vệ đồng bào, trước khi dùng bộc phá đánh vào những nơi địch ngoan cố chống cự, bộ đội ta đã đưa mọi người ở những nhà chung quanh tân qua chỗ khác. Khi trời sáng, thị trấn đã hoàn toàn giải phóng. Phố xá, nhà thờ, tất cả đổ đạc trong nhà, gia súc, những trái cam ủng chín ngoài vườn... đều nguyên vẹn. Những tên lính tiểu đoàn 18 ngụy đã biến mất, thị trấn đầy những anh bộ đội áo xanh. Đồng bào nấu ăn, tổ chức mít tinh mừng bộ đội. Với chiến thuật được đồng chí Văn Tiến Dũng gọi là "Hoa sen nở", Trung đoàn 52 giấu quân ngay sát vị trí Chùa Cao, chờ hai đại đội địch tới tiếp viện cho Phát Diệm lọt vào trận địa phục kích trên đường số 10, mới nổ súng diệt gọn. Địch chưa hết bàng hoàng thì ngày 15 tháng 12, Trung đoàn 48 diệt tiếp hai vị trí Yên Mô Thượng và cầu Xanh. Cùng thời gian, Trung đoàn 64 ở địch hậu Hà Nam diệt vị trí Ngô Khê. Địch hoang mang rút chạy khỏi các bốt An Nông, Thọ Cầu, Ba Đa. Trung đoàn 64 đã phối hợp với bộ đội

địa phương và dân quân du kích cùng đồng bào nổi dậy tiến công quân địch khắp nơi. Hai khu du kích Lý Nhân và Duy Tiên được khôi phục và nổi liền. Hàng trăm ngụy binh bổ ngũ.

Hướng trung du, các đồng chí Lê Quảng Ba, Chu Huy Mân đã nhanh chóng đưa hai trung đoàn của Đại đoàn 316 thâm nhập vùng địch hậu Bắc Ninh. Ngày 9 tháng 12, Trung đoàn 98 của Đại đoàn 316 diệt vị trí Thứa (quận lỵ Lương Tài) do một đại đội và một trung đội ngụy bảo vệ. Bình đoàn cơ động số 7 tới chiếm lại Thứa, bị Trung đoàn 98 diệt thêm 300 tên. Tiếp đó, Trung đoàn 98 diệt bốt Đậu, uy hiếp vùng cầu Đuống và thị trấn Gia Lâm kế cận Hà Nội. Ngày 16 tháng 12, Trung đoàn 174 của Đại đoàn 316 đánh vị trí La-ri-vê do một đại đội da đen và một trung đội ngụy trấn giữ. Đây là lần đầu tiên một tiểu đoàn của ta, Tiểu đoàn 249 do Tiểu đoàn trưởng Nguyễn Hữu An chỉ huy, tiêu diệt một vị trí công sự mới nằm trên phòng tuyến boong-ke của Đô Lát.

Tại Hòa Bình, Tu Vũ thất thủ đã gây cho quân địch nỗi kinh hoàng, vì đây là một vị trí được tổ chức phòng ngự cẩn mật nhất. Chỉ có một số ít quân địch sống sót bơi qua sông chạy về vị trí Chẹ.

Sự xuất hiện của Đại đoàn 312 ở Ba Vì đe dọa vị trí Núi Chẹ. Xa-lăng phải cho tiếp tục cuộc hành binh "Hoa nhài". Ngày 11, Bộ chỉ huy chiến dịch được tin một cánh quân hai tiểu đoàn địch đang càn quét sườn núi phía tây Ba Vì, lệnh cho Đại đoàn 312 xuất kích. Một tiểu đoàn GM4 (1/4 RTM) lọt vào trận địa Trung đoàn 209 ở xóm Sủi và bị bao vây, có nguy cơ bị tiêu diệt. Xa-lăng phải tổ chức một đoàn quân cứu viện tới giải vây. Sang ngày thứ ba, Xa-lăng đành phải kết thúc cuộc hành binh.

Thất bại của cuộc hành binh "Hoa nhài" khiến Xa-lăng ngã lòng. Viên tướng này đã tính trong khu vực Ba Vì chỉ có bốn tiểu đoàn của Đại đoàn 312, Bộ chỉ huy Pháp tin là với sáu tiểu đoàn bộ binh tình nhuệ, được năm cụm pháo và máy bay yểm trợ, có thể đánh bật quân ta ra khỏi đây. Nhưng họ đã thấy các tiểu đoàn viễn chinh hoàn toàn bất lực trước một đối phương thua kém hơn về số lượng và trang bị vũ khí nhưng "rất khó nắm bắt và rất cơ động, vận hành với một tốc độ cực kỳ nhanh chóng và biết tập trung sức mạnh vào thời điểm thích hợp"1.

Nhưng còn một điều đáng lo ngại hơn là sự xuất hiện của một mặt trận thứ hai, chí ít cũng quan trọng bằng mặt trận này, đã được khôi đầu ở châu thổ sông Hồng. Lần đầu, hai đại đoàn chủ lực 316, 320 cùng tiến công ở trung du và đồng bằng Bắc Bộ. Những đồn binh yếu ớt bên trong phòng tuyến Đò Lát không đủ sức đương đầu với những cuộc tiến công, trong khi phần lớn quân cơ động và quân dù bị giam chân ở đây! Xa-lăng quyết định điều hai binh đoàn cơ động số 1 và số 4 đang càn quét ở Ba Vì về trung du để đối phó với Đại đoàn 316 đã lọt vào Bắc Ninh. Được tin này, Bộ chỉ

huy chiến dịch đưa gấp Trung đoàn 102 của Đại đoàn 308 sang hữu ngạn sông Đà phối

hợp với Đại đoàn 312 đánh địch khi chúng rút quân. Các đơn vị của ta không bám sát đường, không nắm chắc địch, nên chỉ tiêu hao được một đại đội ở gần Đồng Tâm trên đường 89.

Trên đường số 6, đoạn từ Xuân Mai đến Bến Ngọc, địch đã rải 11 đại đội Âu - Phi của trung đoàn 4 bộ binh Ma-rốc (4è RTM) và bán lữ đoàn lẻ dương 13 (13è DBLE) chiếm giữ. Ngoài ra, còn một số đại đội ngụy đóng xen kẽ. Ở mỗi điểm cao, địch đóng từ một đến hai đại đội. Các căn cứ Xuân Mai, Ao Trạch, Gò Bùi, Đồng Bái, Đồng Bến, Thịnh Long đều có trận địa pháo sẵn sàng yểm trợ cho cả hệ thống chiếm đóng. Bên đường 21, từ Xuân Mai đến Chợ Bến, địch tổ chức nhiều cụm điểm cao, trong đó có hai điểm cao lợi hại là Gò Mối và Đồng Tâm.

Đại đoàn 304 giao nhiệm vụ cho Trung đoàn 66 phục kích hoạt động trên đoạn Chuộm - Đồng Bái, Trung đoàn 9 chặn viện và đánh địch tuần tiễu, Trung đoàn 57 đánh địch trên đường 21 từ Chợ Bến đến Xuân Mai bảo đảm sườn phía nam mặt trận.

Ngày 2 tháng 12 năm 1951, Trung đoàn 66 phục kích trên quãng đường từ Cầu Dụ đến Hang Đá cách Hòa Bình 15 ki-lô-mét về phía đông - bắc. 11 giờ 45 phút, 30 chiếc xe phủ bạt kín từ phía Xuân Mai đi lên. Cùng lúc, bốn xe chở đầy lính từ thị xã Hòa Bình xuống đón ở Cầu Dụ. Ta nổ súng vào cả hai đầu của đoàn xe. Bị đánh bắt ngờ, địch chống cự yếu ớt. Chỉ trong 20 phút, Trung đoàn 66 đã tiêu diệt xong 34 xe giành thắng lợi trận đầu trên đường số 6. Ngày 7 tháng 2, Tiểu đoàn 353 của Trung đoàn 9 phục kích địch ở Giang Mỗ, phía tây thị xã Hòa Bình tám ki-lô-mét, tiêu diệt 200 địch, phá hủy 10 xe, có cả xe tăng. Trong trận này, Tiểu đội trưởng Cù Chính Lan nhảy lên xe tăng địch, mở nắp thả lựu đạn vào xe. Địch hắt lựu đạn ra ngoài, và quay tháp pháo gạt anh khỏi xe. Cù Chính Lan lấy thêm lựu đạn, đuổi theo xe tăng và lại nhảy lên. Lần này, anh chờ lựu đạn xì khói mới thả vào thùng xe. Chiếc xe tăng bị tiêu diệt. Ngày 11 tháng 12, Tiểu đoàn 375 phối hợp với Tiểu đoàn Cô Tô đánh địch ở vùng Dốc Kẽm tiêu diệt gần hai trung đội, phá 11 xe công binh.

Những hoạt động tích cực của 304 trên đường số 6 khiến dịch la hoảng: Đường số 6 đã bị cắt đứt!

Ở tả ngạn sông Đà, sáng ngày 11 tháng 12, Tiểu đoàn 84 của Trung đoàn 36 phục kích một đoàn ca-nô địch ở Đoàn Hạ, bắn chìm một chiếc, bắn bị thương hai chiếc. Buổi chiều, Tiểu đoàn 16 của Trung đoàn 141 phục kích ở Lạc Song, chặn đánh

đoàn ca-nô từ Trung Hà lên Tu Vũ, bắn bị thương hai chiếc, một chiếc khác kéo cờ trắng chạy vào bờ xin hàng.

Sau bốn ngày chiến đấu, Bộ Tổng Tư lệnh quyết định kết thúc đợt 1 chiến dịch.

Tôi đã yên tâm về phương hướng hoạt động của lực lượng vũ trang ta trong Đông Xuân 1951 - 1952. Chỉ trong bốn ngày, trên cả chiến trường Bắc Bộ, ta đã loại khỏi vòng chiến đấu 23 đại đội địch, phần lớn là Âu - Phi. Riêng tại Hòa Bình, 10 đại đội bộ binh tỉnh nhuệ của địch bị tiêu diệt. Một số vấn đề chiến thuật đã được giải quyết. Điều rất đáng mừng là những trận đánh phối hợp nổ ra đúng lúc ở đồng bằng. Chỉ trong đợt này, Đại đoàn 320 đã tiêu diệt được 800 quân địch, giải phóng hầu hết huyện Yên Mô và một phần huyện Kim Sơn, Ninh Bình. Các khu Công giáo Phát Diệm, Bùi Chu trước đây vốn là vùng Công giáo tự trị, tự bảo vệ bằng những đội quân tự vệ Công giáo. Sau Chiến dịch Hà Nam Ninh, Đờ Lát rất bực tức vì hàng vạn Việt Minh đã lọt vào vùng này mà những người Công giáo không hề báo tin, và các đội quân tự vệ đã bỏ chạy, không đánh khi bị tiến công. Đờ Lát quyết định hủy quyền được tự bảo vệ của hai giáo khu này, điều quân đội tới thay thế. Nhưng lần này những đơn vị "Pháp - Việt" ở Phát Diệm đã nhanh chóng tan tác trước những trận tiến công bất thần của Đại đoàn 320.

Chúng ta đã chấp nhận thách thức của Đờ Lát. Đợt 1 chiến dịch chứng minh là ta đã có quyết định đúng.

Chương mười HAI MẶT TRẬN

Ở chỉ huy chiến dịch đã chuyển từ Đồng Lương về Xóm Giới, Tân Lập, tây Tu Vũ bây ki-lô-mét, nằm sâu hơn về phía thị xã Hòa Bình. Ngày 15 tháng 12 năm 1951, Tổng Quân ủy họp hội nghị mở rộng.

Hội nghị đánh giá đợt 1 chiến dịch đã thành công. Dịch đã thất bại lớn cả về quân sự và chính trị. Khi chủ trương mở Chiến dịch Hòa Bình, chúng ta đã có chủ định kìm chân quân cơ động dịch tại đây để tạo điều kiện phục hồi chiến tranh du kích ở dịch hậu. Qua thực tế chiến đấu đợt 1, chúng ta nhận thấy chiến trường dịch hậu trung du và đồng bằng phải trở thành một mặt trận thực sự, phối hợp với mặt trận chính Hòa Bình, để giành thắng lợi lớn trong Đông Xuân này.

Đánh mạnh trên mặt trận chính cũng như mặt trận phối hợp, buộc đối phương phải đồng thời đối phó cả hai nơi, là cách tốt nhất để tiêu diệt nhiều sinh lực địch, phục hồi chiến tranh du kích ở hậu địch, giữ quyền chủ động trên chiến trường Bắc Bộ.

Tại Hòa Bình, ta dự kiến địch sẽ củng cố các vị trí chiếm đóng, đồng thời mở những cuộc hành binh càn quét đẩy chủ lực ta ra xa. Địch có thể chiếm lại Tu Vũ bảo vệ tuyến tiếp tế trên sông Đà, cũng có thể chuyển lực lượng từ các chiến trường khác về tăng cường cho Hòa Bình. Chúng ta cần tiếp tục tiến công địch trên sông Đà, đường số 6, tiêu diệt sinh lực địch cơ động tại khu vực nam Ba Vì, bắc đường số 6, bắc thị xã Hòa Bình, chuẩn bị đánh điểm, diệt viện trong khu vực Đá Chông, Núi Chẹ. Nhiệm vụ của mặt trận chính trước hết là kiềm chế, giam giữ lực lượng cơ động địch cho chiến trường địch hậu ở trung du và đồng bằng Bắc Bộ đánh địch.

Đại đoàn 308 được giao nhiệm vụ cắt đứt đường vận chuyển chính của địch trên sông Đà, bảo vệ đường vận chuyển của ta, chuẩn bị đánh điểm, diệt viện ở Núi Chẹ, Đá Chông.

Đại đoàn 312, được tăng cường Trung đoàn 66 của Đại đoàn 304, có nhiệm vụ tiêu diệt điểm cao 600 và vị trí Chẹ, diệt viện từ Mỹ Khê lên Ba Vì.

Đại đoàn 304 (thiếu Trung đoàn 66) tiếp tục hoạt động trên đường số 6.

Ô mặt trận phối hợp, Tổng Quân ủy quyết định các đại đoàn 316, 320 chỉ để lại một trung đoàn bảo vệ vùng tự do, đồng thời làm lực lượng dự bị. Đại đoàn 316 đưa thêm một trung đoàn vào vùng sau lưng địch ở Bắc Ninh. Đại đoàn 320 đưa một trung đoàn vào các huyện Nam Trực, Hải Hậu, Nam Định. Như vậy, ở trung du cũng như hữu ngạn sẽ có mỗi nơi hai trung đoàn chủ lực của Bộ cùng với lực lượng vũ trang địa phương đẩy mạnh chiến đấu ở hậu địch.

Các chiến trường xa, Bình - Trị - Thiên, Liên khu 5, Nam Bộ ra sức hoạt động kiềm chế địch, tích cực phối hợp với chiến trường chính.

Chúng ta chấp nhận thách thức của Đò Lát trên Mặt trận Hòa Bình. Tại đây ba đại đoàn chủ lực của ta trực tiếp đương đầu với lực lượng cơ động của địch lên xuống trong phạm vi từ 13 đến 19 tiểu đoàn. Chưa khi nào trên chiến trường Đông Dương, Pháp tập trung một số quân với nhiều phương tiện chiến tranh lớn như vậy vào một trận đánh, do chính bộ chỉ huy quân viễn chinh trực tiếp điều hành. Họ đã đưa tới đây những sĩ quan, chỉ huy giỏi nhất, có những người sẽ trở thành những nhân vật chủ chốt ở Điện Biên Phủ sau này. Một số công trình phòng ngự cũng như chiến thuật đã được áp dụng tại Hòa Bình được coi như mẫu mực trong những bài giảng ở trường quân sự Pháp.

Trên toàn mặt trận, quân địch đóng thành những cụm cứ điểm, hầu hết nằm trên những điểm cao dọc phòng tuyến thị xã Hòa Bình - đường số 6, và phòng tuyến sông Đà, liên kết với nhau bằng một hệ thống hỏa lực bảo vệ từ xa. Chúng không đi tìm những trận đánh lớn với chủ lực ta trong vận động, mà chờ ta tiến công vào

những điểm cao, hoặc vận động ban ngày trên những địa hình trống trải rồi dùng hỏa lực mạnh từ xa để sát thương. Kể cả trong những cuộc càn quét, hễ gặp lực lượng lớn của ta giữa địa hình rừng núi, những binh đoàn cơ động, những tiểu đoàn dù lập tức co lại.

Cách bố phòng của quân địch phản ánh nhược điểm cố hữu của quân xâm lược, chúng luôn luôn phải lo bảo vệ mạng sống của mình, và bảo vệ những con đường tiếp tế. Lực lượng hùng hậu ban đầu của những binh đoàn tiến công nhanh chóng biến thành lực lượng phòng ngự, chỉ còn là những đại đội, tiểu đoàn giam mình trên những quả đổi rải rác thấp thỏm chờ đợi một cuộc tiến công không biết sẽ bắt đầu vào lúc nào. Đờ Lát có thể chưa tính tới trường hợp tung ra hai chục tiểu đoàn vào một cuộc tiến công nhưng lúc này người chỉ huy rất khó rút ra vài binh đoàn cơ động để ném vào một trận đánh.

Đối lại phía trận tuyến của ta không hề có một công trình phòng ngự nào, ngoài một số hầm trú ẩn ở nơi trú quân đề phòng những trận oanh kích bất ngờ. Từ Chiến dịch Biên Giới chiếc xẻng đã nằm trong trang bị của người lính xung kích. Nó được dùng để đào hố tránh đại bác quanh vị trí địch khi chờ đợi trận đánh bắt đầu. Trận tuyến của ta được che phủ bằng tấm lưới ngụy trang khổng lồ, những rừng cây, khe núi, những bản làng và bàn tay đùm bọc của nhân dân. Bộ đội ta hoàn toàn tự do đi lại trên trận tuyến của mình, tiến hành trận đánh với không gian, thời gian do mình lựa chọn.

Với lực lượng không đông hơn đối phương bao nhiêu, trang bị kỹ thuật còn yếu kém, ta chưa có khả năng tiến công tiêu diệt toàn bộ quân địch ở Hòa Bình. Nhưng chỉ riêng việc giam chân hai chục tiểu đoàn địch ở đây trong Đông Xuân 1951 - 1952 cho các chiến trường khác hoạt động, ta đủ giành một thắng lợi quan trọng. Ta biết rõ kẻ địch sẽ không chịu nằm yên một chỗ nếu chúng nhận ra Hòa Bình không có vai trò một cái bẫy thu hút những cuộc tiến công của quân ta!

Các cứ điểm ở Hòa Bình tuy đã được củng cố nhưng vẫn còn là công sự đã chiến, chúng liên kết với nhau thành một hệ thống nhưng vẫn nằm rải trên những tuyến dài, trong khả năng tiêu diệt của bộ đội ta. Trở ngại lớn trong các trận đánh không chỉ là lực lượng chiếm đóng vị trí, mà còn là hỏa lực chi viện từ xa của những trận địa pháo được tính toán rất kỹ lưỡng. Tôi đã nhiều lần trao đổi với Bộ Tổng Tham mưu và các đơn vị tìm cách hạn chế sức mạnh phi pháo địch ban ngày cũng như ban đêm. Nhưng hoạt động kiềm chế sức mạnh pháo địch vẫn chưa hiệu quả. Chúng ta chưa có khả năng dùng pháo binh tiêu diệt những trận địa pháo của địch. Dùng súng cối để kiềm chế pháo địch không dễ dàng. Trong trận Tu Vũ, một trung đoàn đã được phân công kiềm chế pháo địch, nhưng vẫn có hơn năm nghìn trái đại

bác rơi vào đội hình quân ta! Pháo địch vẫn là trở ngại lớn nhất trong những trận công kiên.

Trung đoàn 36 nhiều lần đánh tàu địch trên sông Đà chưa thành công. Cơ quan tham mưu đã chỉ thị cho trung đoàn phải rút kinh nghiệm, sớm cắt đường vận chuyển trên sông của địch.

Trưa ngày 22 tháng 12, tôi được tin sáng nay Trung đoàn 36 vừa bắn chìm một đoàn tàu vận tải của địch cách thị xã Hòa Bình 10 ki-lô-mét, tiêu diệt thủy đội xung kích và đại đội yểm trợ đi trên tàu. Lần này, trung đoàn đã bố trí trận địa phục kích kéo dài 6 ki-lô-mét ở khu vực Lạc Song - Đồng Việt, đón các đoàn tàu từ Bến Ngọc xuôi về Trung Hà. Trung đoàn chiến đấu với sự chi viện của pháo binh. Trận đánh chỉ diễn ra trong vòng 20 phút, bộ đội ta đã tiêu diệt một tàu chiến, bốn ca-nô.

Trận đánh ngày 22 đã làm tê liệt tuyến vận chuyển trên sông được coi là tuyến tiếp tế chính của địch. Xa-lăng vội ra lệnh cắt đứt cuộc hành quân càn quét ở Bắc Ninh, điều gấp hai binh đoàn cơ động số 1 và số 4 trổ lại Ba Vì bên hữu ngạn sông Đà. Từ đầu chiến dịch, ta đã tổ chức một cánh quân, gồm hai tiểu đoàn của Đại đoàn 312, do Trung đoàn trưởng Lê Thùy và Chính ủy Mạc Ninh chỉ huy, luồn sâu vào vùng chân núi Ba Vì, Ba Trại, đường 87 với nhiệm vụ tiêu diệt sinh lực địch, ngăn chặn những cuộc hành quân từ Sơn Tây tiếp ứng cho Chẹ và Tu Vũ, thường xuyên tạo một sức ép tại khu vực này. Hai binh đoàn của địch lại tiếp tục càn quét vùng Ba Trại. Máy bay địch bắn dữ dội vào nơi chúng nghi có quân ta. Có tin Bộ chỉ huy quân Pháp chuẩn bị lập cầu hàng không tiếp tế cho Hòa Bình, vì không riêng tuyến đường thủy, tuyến đường bộ cũng bắt đầu bị uy hiếp nghiêm trọng.

Đêm ngày 29 tháng 12, Trung đoàn 141 của Đại đoàn 312, do Trung đoàn trưởng Nam Long chỉ huy, tiến công điểm cao 400 và 600, hai trong số ba điểm cao trên núi Ba Vì khống chế một phạm vi khá rộng trên phòng tuyến sông Đà. Tại điểm cao 400, chỉ trong vòng 10 phút, Tiểu đoàn 16 đã tiêu diệt xong một đại đội địch, bắt 20 tên, hoàn thành nhiệm vụ. Trận đánh điểm cao 600 do Tiểu đoàn 11 tiến hành, gặp quân địch chống cự quyết liệt, kéo dài tới 3 giờ 30 sáng, 120 địch chết, 135 tên bị bắt. Ngày 30, Pháp cho quân chiếm lại điểm cao 600, nhưng cuối cùng cũng phải rút. Địch mất một chỗ dựa vững chắc trên phòng tuyến sông Đà.

Cũng trong đêm ngày 29, trên đường 21, Trung đoàn 57 của Đại đoàn 304 tiêu diệt Đồi Môi, vị trí tiên tiêu bảo vệ phân khu Chợ Bến, do một đại đội Âu - Phi chiếm giữ.

Đêm ngày 31, Tiểu đoàn 400 của Trung đoàn 9 (304) đánh điểm cao Hàm Voi, tiêu hao một trung đội Âu - Phi.

Đổi Môi và Hàm Voi là những vị trí rất quan trọng trên đường 21 bảo vệ sườn cho tuyến thị xã Hòa Bình - Đường số 6.

Ở trung du và đồng bằng, chúng ta đã có dịp kiểm tra sức mạnh tuyến phòng thủ Đờ Lát và kết quả chính sách bình định của Pháp và ngụy quyền đã dồn công sức tiến hành suốt năm qua.

Tuyến phòng thủ của Đờ Lát đã ngốn của đội quân viễn chinh 25 tiểu đoàn Âu - Phi tỉnh nhuệ, 1.200 khẩu súng cối, 500 khẩu pháo từ 37mm đến 105mm, trên 10.000 súng trường và liên thanh các loại. 800 lô cốt boong-ke, những khối bê-tông thấp lùn với lỗ châu mai sâu hoắm nằm sát mặt đất, như những con quái vật phục trên mọi nẻo đường từ vùng tự do dẫn vào vùng tạm chiếm, sẵn sàng dùng lưới lửa thiêu cháy bất cứ người lính, anh cán bộ, chị dân công nào định vượt qua.

Nếu như trong suốt kháng chiến chống Pháp, chúng ta không có vũ khí đủ mạnh để san bằng những chiếc boong-ke này, cho đến nay chúng vẫn nằm yên giữa đám lau lách ven đường như dấu ấn chiến tích đáng buồn của Đờ Lát ở Đông Dương - thì ngay từ sau khi hoàn thành cuối năm 1951, chúng đã chứng tỏ sự bất lực trong việc ngăn chặn hàng trung đoàn, đại đoàn của ta ra, vào vùng tạm chiếm.

Ở trung du, ngày 15 tháng 12, Trung đoàn 174 cùng với cả đại đội sơn pháo tiến vào địch hậu Bắc Ninh. Đêm ngày 25 tháng 12, một tiểu đoàn của Trung đoàn 98 diệt vị trí Cầu Ngà, một tiểu đoàn của Trung đoàn 174 vừa xâm nhập, với cả trọng pháo tiến công vị trí Phố Mới. Sự có mặt cùng một lúc hai trung đoàn của Đại đoàn 316 gây xáo động vùng hậu phương của địch kế cận với Hà Nội trước đó vẫn yên tĩnh. Quân địch nằm yên trong những đốn bốt dày đặc nơm nớp lo sợ một cuộc tiến công. Trung đoàn 176 của Đại đoàn 316 ở lại vùng tự do, để phòng địch đánh lên Lạng Sơn, thấy chưa có gì đe dọa, đã đưa hai tiểu đoàn vào địch hậu Bắc Giang và Hải Ninh. Một tiểu đoàn luồn sâu tới vùng du kích huyện Yên Dũng, Bắc Giang. Một tiểu đoàn về tận vùng duyên hải Hải Ninh tiểu phỉ và xây dựng cơ sở dọc đường số 4.

Ô hữu ngạn, Đại đoàn 320 và lực lượng vũ trang địa phương khuấy động hai tỉnh Hà Nam và Ninh Bình. Bộ đội địa phương và dân quân du kích bao vây bức hàng hàng loạt vị trí. Ở huyện Lý Nhân, Hà Nam, trong một đêm, bộ đội địa phương diệt bốn vị trí địch, 800 vệ sĩ bỏ hàng ngũ trở về với gia đình. Nhân dân các địa phương hăng hái phá tê xây dựng lại cơ sở đã mất trong năm qua. Chưa đầy một tháng, lực lượng vũ trang ta đã tiêu diệt 45 vị trí tê vũ trang, phá 312 ban tê trong tổng số 380 ban tê ở tỉnh Hà Nam, diệt 115 ban tê trong số 121 ban tê ở tỉnh Ninh Bình.

Lần đầu, hai đại đoàn chủ lực của ta lọt vào địch hậu đồng bằng và trung du. Những vị trí địch đóng ở vòng trong với lực lượng đại đội, tiểu đoàn không đủ sức đương đầu với chủ lực ta. Chỉ trong một thời gian ngắn, tình hình địch hậu đã thay đổi hẳn. Những vị trí địch liên tiếp sụp đổ. Các trận địa pháo mất mục tiêu bắn vu vơ. 12 tiểu đoàn cơ động của Pháp còn lại ở đồng bằng bị điều đi ứng cứu hết nơi này qua nơi khác, chạy xuôi chạy ngược như đèn cù. Hệ thống ngụy quyền, ngụy quân ở trung du và hữu ngạn tan rã từng mảng lớn. Khắp vùng địch hậu diễn ra phong trào nổi dậy của quần chúng. Các khu du kích, căn cứ du kích chẳng những được phục hồi mà còn mở rộng. Căn cứ du kích của ta đã nối liên từ hữu ngạn sang tả ngạn sông Hồng, từ đồng bằng lên trung du.

Cuối tháng 12 năm 1951, Bộ Tổng Tư lệnh quyết định kết thúc đợt 2 chiến dịch.

Trong hai đợt chiến đấu, trên chiến trường Bắc Bộ, chúng ta đã loại khỏi vòng chiến đấu khoảng 8.000 quân địch.

Ừ sau trận Lạc Song - Đồng Việt, tàu chiến và ca-nô địch không còn xuất hiện trên sông Đà.

Những cứ điểm Đá Chông, Chẹ, La Phù có nhiệm vụ bảo vệ con đường tiếp tế trên sông, đã không còn tác dụng. Trong đợt hai, ta đã có quyết định tiêu diệt Núi Chẹ và Đá Chông. Nhưng cả hai trận đều bị hoãn vì bộ đội phải chuyển sang đối phó với quân địch càn quét ở Ba Vì. Việc tiêu diệt những vị trí nằm trên sông Đà lúc này đã không còn cần thiết, và tốt nhất là cứ giữ tình trạng bố trí phân tán của địch như hiện nay. Qua 20 ngày chiến đấu, quân địch tại Hòa Bình đã bị thiệt hại nặng nề. Đường tiếp tế trên sông Đà bị tê liệt. Đường số 6 luôn luôn bị cắt. Có khả năng địch phải tính đến chuyện rút quân để đối phó với tình hình đồng bằng đang ngày càng nguy ngập.

Tổng Quân ủy họp đúng vào ngày đầu năm 1952. Đợt hai của chiến dịch đã phát triển như dự kiến.

Tổng Quân ủy quyết định chuyển hướng chính của chiến dịch sang tuyến thị xã Hòa Bình - Đường số 6, tuyến Sông Đà - Ba Vì trở thành hướng phụ. Ta sẽ cắt đường số 6 tiêu diệt sinh lực địch, tiếp tục kiềm chế quân cơ động địch tại Hòa Bình để các mặt trận phối hợp và vùng sau lưng địch tiếp tục đẩy mạnh hoạt động. Bộ đội sẵn sàng đánh tiêu diệt khi địch rút quân. Một số trung đoàn mạnh của ta vẫn còn sung sức. Ta cần tổ chức một trận đánh lớn trên đường số 6, đoạn kế cận với Hòa Bình tiếp tục uy hiếp quân địch không cho chúng rút lực lượng cơ động về tăng cường cho đồng bằng. Phương châm tác chiến vẫn là "đánh điểm diệt viện", nhưng

tùy tình hình biến chuyển có thể vận dụng linh hoạt. Chủ lực của ta sẽ chuyển sang hữu ngạn sông Đà.

Nhiệm vụ cụ thể trao cho các đơn vị như sau:

Đại đoàn 308, có Trung đoàn 66 của Đại đoàn 304 phối thuộc, phụ trách hướng tiến công chủ yếu bắc đường số 6, tiêu diệt vị trí Pheo, Đầm Huống, và diệt trận địa pháo ở thị xã Hòa Bình.

Đại đoàn 304 (thiếu Trung đoàn 66) hoạt động trên đường số 6, từ Đồng Bến, Ao Trạch đến Xuân Mai, và trên đường 21.

Đại đoàn 312 phụ trách khu vực Núi Chẹ, Đá Chông.

Trung du và đồng bằng chống càn quét, tích cực phối hợp với chiến trường chính.

Tổng Quân ủy đồng ý với đề nghị của Liên khu 3 đưa một trung đoàn của Đại đoàn 320 sang tả ngạn sông Hồng, giúp tả ngạn phát triển cuộc chiến tranh toàn diện.

Thời gian hoạt động chậm nhất là ngày 7 tháng 1 năm 1952.

Những hoạt động trên mặt trận phối hợp đã trở nên đặc biệt quan trọng. Tổng Quân ủy phân công anh Hoàng Văn Thái trở về hậu phương báo cáo với Trung ương và Bác về kế hoạch đợt 3 chiến dịch, sau đó ở lại giúp Tổng Quân ủy chỉ đạo các chiến trường phối hợp tích cực đẩy mạnh chiến tranh du kích. Đồng chí Hà Văn Lâu, Cục trưởng Cục Tác chiến, được cử làm Tham mưu trưởng chiến dịch thay anh Hoàng Văn Thái.

Cũng vào thời gian này, Xa-lăng nhận thấy không có đủ lực lượng để tiếp tục bảo vệ tuyến Sông Đà. Số thương vong của các binh đoàn cơ động quá lớn và không thể bổ sung ngay. Những đại đoàn của đối phương đang di chuyển về hướng đường số 6. Ngày 6 tháng 1 năm 1952, Xa-lăng quyết định rút toàn bộ lực lượng trên tuyến Sông Đà, chỉ để lại cụm cứ điểm Đan Thê - La Phù gần Trung Hà (Sơn Tây). Tất cả những lực lượng rút về sẽ được tăng cường cho tuyến phòng ngự thị xã Hòa Bình - Đường số 6. Quyết định này chưa kịp chực hiện thì cuộc tiến công mới của ta đã nổ ra ở thị xã Hòa Bình và trên đường số 6.

Tôi vẫn rất băn khoăn về vấn đề làm cách nào hạn chế được sự tổn thất vì pháo địch trong những trận công kiên. Từ Chiến dịch Hoàng Hoa Thám tới nay, thủ đoạn đối phó chủ yếu của địch trong những trận công kiên là tận dụng hóa lực pháo chi viện từ xa để bảo vệ những vị trí bị tiến công. Bộ Tổng Tham mưu đề nghị một cách giải quyết: Dùng một lực lượng đặc biệt đánh vào những trận địa pháo. Ta đang chuẩn bị đánh một số cứ điểm trên đường số 6. Tôi trao đổi với anh Vương

Thừa Vũ thử vận dụng cách này trong trận sắp tới. Đại đoàn trao nhiệm vụ cho Trung đoàn 36, đơn vị đã tổ chức cho một tổ xung kích dùng thuyền chở bộc phá, đánh chìm tàu chiến trên sông Đáy trong Chiến dịch Hà Nam Ninh.

Sau mấy ngày nghiên cứu, Trung đoàn 36 báo cáo: Những trận địa pháo chung quanh thị xã Hòa Bình đều được bộ binh bảo vệ cẩn mật. Riêng tại thị xã Hòa Bình, trận địa pháo nằm sâu trong cùng, nên sự canh chừng của địch có phần lỏng lẻo hơn. Trung đoàn có khả năng đưa một phân đội bí mật đột

nhập thị xã, tiêu diệt vị trí pháo ở đây. Nhưng để giữ an toàn cho lực lượng này cần phải tổ chức một số trận phối hợp, vừa kiểm chế vừa tranh thủ tiêu diệt những cứ điểm nằm dọc đường rút ra. Phòng tuyến địch bên ngoài rắn, bên trong thị xã cứ điểm địch tuy dày, nhưng yếu hơn, lực lượng chiếm đóng đều là ngụy binh. Tôi đồng ý với phương án của trung đoàn.

Nhiệm vụ biệt kích pháo được trao cho Đại đội 41, năm xưa vốn là bộ đội địa phương, đã từng đóng giả phụ nữ tiêu diệt đồn Cẩm Lý do một đơn vị Âu - Phi chiếm giữ giữa ban ngày. Trong cuộc họp dân chủ quân sự, chi bộ Đảng của đại đội đã bàn bạc về các tình huống phức tạp có thể xuất hiện trong trận đánh, và đề ra những phương án khắc phục. Một số người chỉ còn lo khi rút ra. Mặc dù các đồn địch đều bị đơn vị bạn kiểm chế, nhưng đường vào đã lộ, lại còn thêm thương binh, liệu có tránh khỏi thương vong? Một đảng viên nói: "Khi đầu đang bị cả tổ ong đối địch còn chú ý gì tới đàn kiến bò dưới chân". Nhận xét có lý, làm mọi người yên lòng. Chi bộ quyết định lựa chọn ra 41 cán bộ, chiến sĩ (vừa đúng với phiên hiệu của đại đội), bỏ lại toàn bộ súng trường cồng kềnh, chỉ trang bị thủ pháo, thuốc nổ, tiểu liên, mác xung kích để đánh giáp lá cả và làm đòn khiêng thương binh khi rút ra... Bộ chỉ huy chiến dịch quyết định những hoạt động của Trung đoàn 36 tại thị xã Hòa Bình sẽ hình thành hướng phối hợp trong khi hai trung đoàn 102, 66 đánh các vị trí Pheo, Đầm Huống ở hướng chính. Cơ quan tham mưu mặt trận được phân công giúp đỡ thêm về trình sát và thông tin cho Trung đoàn 36 hoàn thành nhiệm vụ.

Tôi viết một lá thư tay gửi Đại đội 41 trước giờ xuất kích:

"Các đồng chí được nhận nhiệm vụ xung phong ngay vào trung tâm địch, diệt hỏa lực của chúng, giúp các bạn chiến đấu hoàn thành nhiệm vụ của mình.

Đó là một vinh dự lớn.

Bí mật và bất ngờ,

Anh dũng và kiên quyết

Nhanh và gọn!

Tôi tin các đồng chí sẽ làm tròn nhiệm vụ, và trước khi các đồng chí ra trận, tôi gửi các đồng chí lời chào quyết thắng".

Chúng ta đã huy động ba trung đoàn vào những trận đánh mở đầu đợt 3 chiến dịch đêm ngày 7 tháng 1 năm 1952.

Sắm tối, Đại đội 41 của Tiểu đoàn 84 đã có mặt trước cánh đồng trũng dẫn vào thị xã Hòa Bình, nằm kẹp giữa Xóm Dúng và Đồi Dè đều có quân địch. Ánh trăng đêm rằm giúp họ nhìn thấy trận địa pháo địch nằm sâu

phía trong. Nhưng họ biết trăng sáng sẽ là trở ngại lớn trên đường tiềm nhập. Đại đội trưởng Chu Tấn quyết định để lại bộ phận cáng thương bên ngoài, lệnh cho các chiến sĩ chỉnh đốn trang bị thật gọn nhẹ, bỏ con đường mòn trống trải, lội qua những đám ruộng lầy ít bị quân địch chú ý, tiến thẳng tới mục tiêu. Họ đi qua ruộng bùn không để phát ra tiếng động, rồi vượt qua sân bay. Trước giờ nổ súng, họ đã có mặt bên hàng rào dây thép gai của trận địa pháo.

Cùng thời gian đó, các đại đội 61, 62 của Tiểu đoàn 80 đã áp sát quanh hai vị trí Đồi Cháy và Đồi Dè, các đại đội 42 và 43 của Tiểu đoàn 84 cũng bám sát vị trí Khuỷu và vị trí Rậm nằm dọc con đường rút ra của những chiến sĩ biệt kích pháo.

12 giờ 30 phút. Chỉ sau một ánh chớp bộc phá, hàng rào dây thép gai bảo vệ trận địa pháo bị thổi bay, các chiến sĩ của Đại đội 41 lập tức có mặt bên trong trận địa. Viên quan ba chỉ huy, mặc quần áo ngủ, phân trần với người chiến sĩ đang túm ngực hắn: "Tôi là quan ba chỉ huy pháo binh đây mà!". Hắn tưởng lầm người đứng trước mặt là một ngụy binh. Nhiều pháo thủ bỏ vị trí chạy trốn. Bộ đội ta nhanh chóng nhét bộc phá vào nòng pháo phá xong bốn khẩu 105mm vẫn nằm im trong ụ.

Nghe tiếng nổ phát ra từ trận địa pháo, tất cả các đơn vị xung kích đồng loạt nổ súng. Pháo 75mm của ta cũng bắt đầu trút đạn vào ngôi nhà hai tầng duy nhất của thị xã, nơi viên đại tá Clê-măng đã chọn làm sở chỉ huy.

Bị tiến công bất thần, quân địch hoảng loạn. Những cứ điểm chính Đồi Thông, Ba Vành bị pháo ta kiềm chế thỉnh thoảng mới bắn những loạt đạn vu vơ. Trong vòng không đầy một giờ, hai tiểu đoàn của 36 đã tiêu diệt gọn bốn vị trí: Đồi Cháy, Đồi Dè, Khuỷu, Rậm và một trận địa pháo. Thắng lợi vượt bậc! Những vị trí Khuỷu, Rậm trước đó chỉ giao cho bộ đội kiềm chế, thấy thời cơ thuận lợi, các đơn vị đã tiêu diệt.

Nhưng ở hướng chính, trên đường số 6, hai trận đánh đồn Pheo và Đầm Huống đều không thành công.

Đồn Pheo, trọng điểm của đợt tiến công, là một vị trí mạnh, do tiểu đoàn 2 thuộc bán lữ đoàn lê dương thứ 13 trấn giữ. Cứ điểm chia làm ba khu: Đồi Pheo, làng Pheo và đồi Miều. Ngoài hỏa lực của bộ binh, ở đây địch còn có bốn đại bác 105mm và một trung đội xe tăng phối thuộc, cộng với sự chi viện bằng hỏa lực pháo từ những trận địa chung quanh. Địa hình Pheo khá phức tạp, bất lợi cho phía tiến công. Tuy vậy, Pheo vẫn nằm trong khả năng tiêu diệt của Trung đoàn 102, một trung đoàn công kiên dày dạn kinh nghiệm, từ đầu chiến dịch vẫn được để dành cho nhiệm vụ quan trọng.

Thắng lợi của các đơn vị bạn trong những trận công kiên trước đó đã làm cho Trung đoàn 102 chủ quan. Công tác điều tra cứ điểm quá sơ sài. Khi phổ biến kế hoạch tác chiến, bàn cát của trung đoàn không thể hiện rõ sự bố phòng cẩn mật của địch. Cấu trúc phòng ngự của trung tâm để kháng Pheon sau này được chọn làm thí dụ giảng dạy trong nhà trường quân sự của Pháp. Lực lượng tiến công của ta bị sử dụng phân tán, chia đều ba tiểu đoàn đánh ba nơi. Tư tưởng chủ quan của cán bộ truyền sang chiến sĩ. Đơn vị trợ chiến khi ra trận không mang theo cơ sở đạn dự trữ, vì anh em cho rằng: "Đánh một loáng là xong, mang làm gì cho nặng!". Đại đoàn trưởng Vương Thừa Vũ nói trong tổng kết trận đánh: "Khi chuẩn bị thì tư tưởng chủ quan, đơn giản, kế hoạch đại khái, qua loa. Cho nên khi tiến công thì "đột phá nhập nhằng, tung thâm rối loạn, kiểm chế ma trọi"! Đại đoàn cũng chịu trách nhiệm một phần vì nắm tình hình không sát, không phát hiện kịp thời những sai lầm về tư tưởng và tổ chức của cấp dưới".

Trận Pheo không thành công khiến cho dự kiến đánh viện của ta không thành. Thất bại này cũng có phần trách nhiệm của Bộ chỉ huy chiến dịch. Trong quá trình chuẩn bị, chúng tôi chú ý tới trận biệt kích pháo nhiều hơn, vì đây là một nhiệm vụ mới mẻ, bộ đội phải luồn sâu vào thị xã, vượt qua hàng loạt vị trí dày đặc, hoàn thành nhiệm vụ tiêu diệt địch rồi chỉ có một lối ra. Trung đoàn 36 chuẩn bị rất chu đáo nên đã thành công.

Những hoạt động của Trung đoàn 36 ở thị xã đã khiến cho Clê-măng, chỉ huy phòng tuyến, hoảng hốt yêu cầu Xa-lăng tăng viện gấp một tiểu đoàn Âu - Phi. Ngay hôm sau, Xa-lăng phải ném tiểu đoàn 2 dù (2è BPC) xuống thị xã Hòa Bình. Trong hai ngày 8 và 9 tiếp đó, Xa-lăng gấp rút tiến hành cuộc hành binh "Hoa tím" đã dự kiến, đưa toàn bộ lực lượng trên tuyến Sông Đà về thị xã Hòa Bình và đường số 6.

Đây là màn đầu chuẩn bị cho cuộc rút lui.

heo kế hoạch, trong đợt 8 chiến dịch, Đại đoàn 320 sẽ đưa một trung đoàn vào tả ngạn Liên khu 3. Nhưng Đảng ủy đại đoàn nhận thấy tình hình hữu ngạn đã tạm ổn định, để nghị chỉ để lại đây Trung đoàn 66, đưa cả hai trung đoàn 48 và 52 sang tả ngạn và sẽ ở lại lâu dài. Như vậy cả Đại đoàn 320 đều thâm nhập vào địch hậu ở đồng bằng Bắc Bộ. Riêng ở tả ngạn, từ trước tới đó chỉ có Trung đoàn độc lập 42 và bộ đội địa phương, lần

đầu, với sự xâm nhập của hai trung đoàn của Đại đoàn 320, sẽ có một lực lượng bộ đội chủ lực tương đương với một đại đoàn.

Con đường hành quân của Đại đoàn 320 xuyên qua những đền bốt dày đặc của năm huyện, hai tỉnh, và phải vượt qua ba con sông. Đại đoàn đã cho một bộ phận đi trước đánh mở đường. Trung đoàn 64 hoạt động mạnh ở Phủ Lý thu hút sự chú ý của quân địch. Sau năm ngày luồn lách, cánh quân thứ nhất đã từ phía nam thị xã Nam Định đặt chân lên đất Thái Bình ngày 17 tháng 1 năm 1952. Cánh quân thứ hai phải dừng lại ba ngày ở hữu ngạn sông Hồng vì binh đoàn cơ động số 4 đang càn quét ở khu vực này đã phát hiện Đại đoàn vượt sông, cổ tìm cách ngăn cản. Máy bay địch rà soát và ca-nô tuần tiểu ngày đêm trên sông. Đơn vị phải tổ chức đánh địch ở Hoành Lộ, Đò Quan, cầu Võ Tình, buộc địch phải co về Cố Lễ, tạo thời cơ vượt sông. Các đơn vị địa phương đã huy động hàng trăm con thuyền, hàng trăm chị em phụ nữ chở đò, xóa dấu chân sau khi bộ đội hành quân, giúp bộ phận còn lại của Đại đoàn vượt sông an toàn...

Đảng ủy Mặt trận Tả Ngạn được thành lập gồm các đồng chí: Đỗ Mười, Văn Tiến Dũng, Nguyễn Khai, Dương Hữu Miên. Đảng ủy quyết định huy động toàn bộ lực lượng ảo ạt tiêu diệt sinh lực địch, mở rộng các khu căn cứ du kích, khu du kích, đẩy mạnh chiến tranh du kích phá ngụy quyền, ngụy quân, phục hồi cơ sở nhân dân.

Ngày 31 tháng 1 năm 1952, Đại đoàn 320 tiêu diệt vị trí La Cao trong hệ thống chiếm đóng của địch ở các huyện Kiến Xương, Tiền Hải. Cùng lúc, tiểu đoàn bộ đội địa phương Thái Bình bao vây bức hàng chín vị trí tế vũ trang ở Tiền Hải, sau đó phát triển lên các huyện Kiến Xương và nam huyện Vũ Tiên.

Các tiểu đoàn Thanh Lũng, Kiên Trung, tiểu đoàn pháo binh của Đại đoàn 320 vượt sông Trà Lý giải phóng hai huyện Thái Bình, Thụy Anh. Ngày 8 tháng 2, ta tiến công vị trí Chợ Cống diệt và bắt 132 địch, thu một khẩu pháo 105mm.

Ở bắc Thái Bình, dân quân du kích bức hàng hàng chục vị trí, trong đó có vị trí Tạ Xá huyện Tiên Hưng do một đại đội địch đóng giữ.

Sự có mặt của Đại đoàn 320 đã thúc đẩy phong trào đấu tranh ở tả ngạn Liên khu 3 vùng lên mạnh mẽ. Trong khi bộ đội chủ lực tiến công những vị trí lớn, đồng bào và dân quân du kích kéo tới uy hiếp, gọi hàng, tước vũ khí bọn hương dũng, tổng dũng trong các tháp canh, hàng vạn giáo dân kéo lên đồn kêu gọi con em là "vệ sĩ" trở về. Các gia đình có con em đi lính ngụy kéo vào thị xã, thị trấn đòi cho biết tin người thân, đòi trả chồng con về làm ăn. Có nơi nhân dân dùng gậy tre, đòn gánh đuổi theo quân địch rút chạy. Toàn bộ các hệ thống phòng ngự của địch đều rung chuyển. Vùng địch hậu tả ngạn sống lại không khí những ngày Tổng khởi nghĩa.

Trên Mặt trận Trung Du, Trung đoàn 174 phối hợp với bộ đội địa phương, dân quân du kích ở nam phần Bắc Ninh diệt đồn Vân Thai, diệt đồn Kênh Vàng mở rộng vùng giải phóng Gia Lương, mở đường sang huyện Nam Sách tỉnh Hải Dương.

Ngày 23 tháng 1, hai tiểu đoàn của Trung đoàn 174 vượt sông Thái Bình sang phối hợp với tiểu đoàn chủ lực Quảng Yên tiêu diệt vị trí An Lật và Vân Tài, bắt sống bọn nhân viên ngụy quyền đang họp ở bốt quận. Ngày 24 tháng 1, Tiểu đoàn Bạch Đằng chống càn ở Nam Sách diệt 300 địch, phá các tháp canh dọc đường số 17. Tiểu đoàn 251 của Trung đoàn 174 đánh vị trí Đam Trai, diệt và bắt 55 địch, thu toàn bộ vũ khí.

Một bộ phận của Trung đoàn 98 bao vây bức hàng vị trí Mão Điền bên bờ sông Đuống, thu 30 súng. Tiểu đoàn Thiên Đức của Bắc Ninh diệt đồn Tiên Xá.

Ta cát duong so 38, uy hiep duong so 5, buoc dich mot lan nua lai phai rut quan tu Hoa Binh ve de cnu nguy cho Trung Du.

Ngày 7 tháng 2 năm 1952, Bộ Tư lệnh Đại đoàn 316 trực tiếp chỉ huy cuộc vây hãm vị trí Thiên Thai và bố trí đánh viện cả trên đường bộ và đường sông. Trong hai ngày 7 và 8, ta đánh bại nhiều đợt tiến công của địch, bê gãy cuộc hành binh giải vây Thiên Thai, diệt 300 địch hầu hết là Âu - Phi.

Ở Bắc Giang, Tiểu đoàn 888 của Trung đoàn 176 đã vào vùng địch hậu Yên Dũng, cùng bộ đội địa phương nhiều lần pháo kích vào thị xã Bắc Giang, đánh bật cuộc hành quân càn quét của một tiểu đoàn địch ở An Chư, kiểm soát thuyền bè đi lại trên sông Lục Nam, sông Thương. Ngày 31 tháng 1, tiểu đoàn phối hợp với Tiểu đoàn 61 Bắc Giang phục kích quân địch đi cứu viện, diệt 100 tên, phá năm xe tăng, bốn xe ô-tô, bắt năm lính Âu - Phi.

Hai đại đoàn chủ lực của ta cùng với bộ đội địa phương và dân quân du kích vừa được phục hồi, đã làm mưa làm gió trên mặt trận hậu địch ở cả trung du và đồng bằng. Với gần hai phần ba lực lượng cơ động bị giam hãm ở Hòa Bình, những tiểu đoàn cơ động còn lại ở đồng bằng và trung du nhanh chóng bị tiêu hao, không đủ

sức để bảo vệ hệ thống phòng ngự cũng như bộ máy ngụy quyền ở vùng tạm chiếm.

Trên Mặt trận Hòa Bình, từ sau khi rút phòng tuyến Sông Đà, quân Pháp đã hoàn toàn chuyển sang thế phòng ngự. Mọi cố gắng của địch từ ngày 10 đến ngày 31 tháng 1 năm 1952 đều nhằm khai thông con đường số 6 đã bị Đại đoàn 304 cắt đứt.

Tổng Quân ủy nhận được thư của anh Hoàng Văn Thái từ hậu phương gửi ra. Anh Thái viết: "Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đồng ý với chủ trương đợt 3 của chiến dịch và nhấn mạnh:

- Hướng chủ lực chủ yếu là cắt giao thông, kiềm chế và bao vây Hoà Bình. Lợi thì đánh, không lợi thì cho bộ đội nghỉ, không nên dùng nhiều lực lượng, tránh những trận tiêu hao, tránh điều động nhiều làm cho bộ đội môi mệt. - Thời gian không nhất thiết là tháng 1 năm 1952, có lợi thì có thể kéo dài để giữ chủ lực dịch ở hướng này, để dịch hậu có đủ thời gian phát triển và cũng cố. - Dịch đánh ra Hòa Bình về mặt quân sự căn bản là thất bại. Ta tạm thời mất Hòa Bình nhưng khôi phục lại dịch hậu đó là một thắng lợi lớn". Chủ tịch Hồ Chí Minh dặn: "Ngay lúc này cần có kế hoạch nếu dịch rút Hòa Bình thì ta khuếch trương về quân sự, chính trị như thế nào cũng phải chuẩn bị trước".

Sau đợt tiến công lớn ngày 7 tháng 1 năm 1952, chúng ta chủ trương tiếp tục cắt đường số 6, bao vây thị xã Hòa Bình, đưa thêm pháo vào khống chế thị xã và sân bay, cắt đứt đường hàng không, và tiến hành nhiều hoạt động nhỏ để tiêu hao quân dịch.

Hai chiếc Junker hạ cánh xuống sân bay đã bị pháo ta bắn trúng không thể cắt cánh. Dịch phải kéo xác máy bay ra khỏi đường băng. Đêm ngày 9 tháng 1, hai ngày sau khi tiêu diệt trận địa pháo, Trung đoàn 36 lại phát huy cách đánh này lập thêm một chiến công mới. Một tổ ba người của Đại đội 43, Tiểu đoàn 84, do một trung đội trưởng chỉ huy bí mật tiến qua sáu vọng gác, lọt vào sân bay, dùng bộc phá đánh hỏng chiếc máy bay đậu trên sân, và rút lui an toàn. Lần này quân dịch để mặc chiếc Junker nằm giữa đường băng. Và không còn một chiếc máy bay nào dám hạ cánh. Sau đường thủy đến đường không của Hòa Bình bị cắt đứt.

Hòa Bình rõ ràng là một thị xã bị bao vây. Trước ngày quân Pháp tới, thị xã đã được phá hoại, chỉ còn lại ngôi nhà gạch của "quan lang" Đinh Công Tuân. Ngôi nhà cũng đã bị pháo ta phá hủy đêm ngày 7 tháng 1. Cả thị xã trơ trụi với mấy chiếc máy bay nằm trên đường băng chết lặng. Sỡ chỉ huy của Clê-măng đã chui xuống mặt đất.

Các khẩu pháo và xe tăng đều núp trong ụ đất. Toàn bộ quân dịch phải ăn ngủ dưới hầm. Mỗi lần binh lính đi lại ra bờ sông lấy nước, đều nhớn nhác lo trúng đạn bắn tía của quân ta. Một chiếc xe chở đồ tiếp tế lên Đồi Gai trúng mìn bộ đội ta cài ngay trước cổng đồn. Một tiểu đội của Đại đội 62 đã bí mật bò lên hẳn đồi Dè, dùng thủ pháo đánh sập lô cốt chôn vùi cả số quân dịch bên trong. Thỉnh thoảng từ những cứ điểm lại rộ lên những tràng liên thanh hoảng hốt vì những hoạt động quấy rối của quân ta.

Ngày đầu trung tuần tháng 1 năm 1952, quân báo của Đại đoàn 308 báo cáo ở thị xã Hòa Bình địch treo cờ rũ. Chúng tôi không biết có nhân vật cao cấp nào của nước Pháp vừa qua đời. Hôm sau mới biết Đờ Lát đã chết và được truy tặng Thống chế. Mọi người đều nhận thấy sự ra đi đột ngột của Đờ Lát lúc này sẽ tác động xấu tới tinh thần quân đội viễn chinh.

Sau khi từ Việt Nam về, bệnh tình Đờ Lát đã rất nặng, nhưng ông ta vẫn tiếp tục nghe báo cáo về tình hình chiến sự tại Hòa Bình, trực tiếp gặp Tổng thống Pháp đề nghị mở cuộc họp Thượng Hội đồng Liên hiệp Pháp, và gửi một bức điện cuối cùng cho Xa-lăng chuyển lời yêu cầu Bảo Đại tới Hà Nội ngày 19 tháng 12 năm 1951, vì sự có mặt của Bảo Đại đúng vào ngày kỷ niệm chiến tranh Đông Dương sẽ tạo ra "hiệu quả tâm lý chính trị cao hơn". Khi được biết Bảo Đại sẽ đến thăm Hòa Bình, Đờ Lát vui vẻ nói với vợ: "Cuối cùng, tôi đã thuyết phục được ông ta phải đi thanh tra các binh lính trên chiến trường. Bây giờ ông ta đã nhập cuộc với họ".

Tết Nhâm Thìn sắp tới. Hậu phương năm nay dành những tình cảm trìu mến nhất cho các chiến sĩ ở mặt trận. Đường từ hậu phương ra tiền tuyến nườn nượp những đoàn người gồng gánh quà tết cho bộ đội. Bánh chưng xanh, chè lam Phủ Quảng, đường phèn Nho Quan, thuốc lá Ba Vì, chè búp Đồng Lương, đỗ xanh Phú Thọ, gạo nếp Hòa Bình..., những món quà tình nghĩa này đã phải vượt qua những cung đường lửa. Các đoàn văn công cũng ra mặt trận đưa lời ca, tiếng đàn tới tận chiến hào, tới nơi điều trị thương binh. Cán bộ, chiến sĩ truyền tay nhau tờ thiếp hồng có in bài thơ Xuân Nhâm Thìn của Bác Hồ:

"... Trường kỳ và gian khổ

Chắc thắng trăm phần trăm".

Sẽ là một thiếu sót nếu không nhắc ở đây một sáng kiến đã mang lại sự cải thiện rất quan trọng trong đời sống các chiến sĩ ngoài mặt trận. Khói lửa từ những bếp của anh nuôi đã nhiều lần làm lộ vị trí trú quân, dẫn đến những tổn thất xương máu. Công việc thổi nấu đều phải tiến hành ban đêm để phòng máy bay địch. Bộ đội trong mùa Đông vẫn phải ăn cơm nguội, uống nước lạnh. Một chiến sĩ nuôi quân ở

trạm quân y của Đại đoàn 308, đã có sáng kiến đào những đường rãnh thoát khói bên sườn núi, nổi liền với lò bếp, bên trên rãnh đặt những cành cây và phủ một lớp đất mỏng được tưới nước để giữ độ ẩm. Khói từ trong lò bếp bốc lên qua các đường rãnh, chỉ còn là một dải hơi nước tan nhanh khi rồi khỏi mặt đất. Từ đó anh nuôi có thể thổi nấu ban ngày ngay cả khi máy bay trình sát địch bay trên đầu. Bộ đội bắt đầu được ăn cơm nóng, uống nước nóng. Bếp Hoàng Cầm, mang

tên người sáng tạo ra nó, đã phát huy hiệu quả trong tất cả những chiến dịch sau, kể cả trong những năm chống Mỹ bộ đội trú quân trên dải Trường Sơn. Đồng chí Hoàng Cầm đã trở thành Chiến sĩ thi đua của Đại đoàn 308.

Ngày 27 tháng 1 năm 1952, đúng vào ngày Tết Nguyên đán, Tổng Quân ủy họp quyết định kết thúc đợt 3 chiến dịch.

Tình hình mặt trận đang chuyển biến nhanh. Các binh đoàn cơ động của địch đều bị thiệt hại nặng không còn khả năng tìm kiếm một trận đánh lớn với ta. Với lực lượng rút từ phòng tuyến Sông Đà về hệ thống phòng ngự của địch ở thị xã Hòa Bình và trên đường số 6 đã được củng cố khá chặt chẽ, đặc biệt là hỏa lực pháo binh. Ở đồng bằng, địch không còn đủ lực lượng cơ động đối phó với những hoạt động ngày càng mạnh của các lực lượng vũ trang. Theo tình thế chung hiện nay, dù muốn hay không, Xa-lăng cũng phải rút quân khỏi Hòa Bình.

Tống Quân ủy quyết định: "Tranh thủ tiêu diệt sinh lực địch, tiếp tục kiềm chế lực lượng của chúng, đẩy mạnh chiến tranh du kích ở hậu địch, tranh thủ chấn chỉnh lực lượng nhất là bộ đội chủ lực để khi có thời cơ đánh mạnh trên mặt trận Hòa Bình, đường số 6. Ta chỉ sử dụng một phần ba lực lượng để tiếp tục bao vây Hòa Bình và chia cắt đường số 6".

Phương châm hoạt động là: "Đánh nhỏ, phát triển tột bậc hành động phá hoại, gây rối, tích cực tiêu hao địch, khi ta thực hiện được chấn chỉnh rồi, nếu địch chưa rút khỏi Hòa Bình thì ta có thể tổ chức đánh điểm, diệt viện. Nếu địch rút, tranh thủ tiêu diệt bộ phận cuối cùng của chúng".

Căn cứ vào quyết định của Tổng Quân ủy, Tham mưu xây dựng kế hoạch đánh địch rút chạy:

- Đại đoàn 308 (thiếu Trung đoàn 102) được phối thuộc Trung đoàn 209 thuộc Đại đoàn 312, phụ trách khu vực từ thị xã Hòa Bình tới Ao Trạch, có nhiệm vụ tiêu diệt quân địch rút lui ở quãng đường này, nặng về phía bắc.
- Đại đoàn 312 (thiếu Trung đoàn 209) được phối thuộc Trung đoàn 102 của Đại đoàn 308, phụ trách từ Pheon đến Ao Trạch, nặng về phía nam, sẵn sàng

tiêu diệt địch từ Phương Lâm tới Pheon, phối hợp với Đại đoàn 308 đánh địch từ Pheon đến Ao Trạch, và phối hợp với Đại đoàn 304 ở khu vực Đồng Bái.

- Đại đoàn 304 phụ trách từ Ao Trạch đến Xuân Mai, tiêu hao, tiêu diệt một bộ phận nhỏ của địch. Một trung đoàn chuẩn bị vào hoạt động ở vùng Chợ Cháy, Xuân Mai và Mai Lĩnh.

Ngay sau đó, Bộ Tổng Tham mưu triệu tập các đơn vị trao nhiệm vụ.

hời gian qua, Đại đoàn 304 (thiếu Trung đoàn 66) với nhiệm vụ bám sát đường số 6 đánh điểm nhỏ, diệt viện, đánh giao thông, đã tiêu diệt bảy đại đội Âu Phi, phá hủy nhiều xe cơ giới và pháo binh làm cho tuyến vận chuyển đường bộ của Pháp lâm vào tình trạng tê liệt.

Ngày 10 tháng 1 năm 1952, Bộ chỉ huy chiến dịch nhận được báo cáo, dịch tập trung một lực lượng rất lớn quân cơ động và quân dù ở Xuân Mai. Ngày 11 tháng 1, lực lượng này tiến quân về phía Ao Trạch. Địch tiến quân rất chậm. Chúng chiếm những điểm cao hai bên đường số 6, và cho phát quang tất cả những bụi rậm, lau lách có thể trở thành nơi ẩn núp của quân ta. Mỗi lần bị chặn đánh, chúng không ham chiến đấu, ngừng tiến quân, tìm nơi ẩn nấp và gọi máy bay, đại bác oanh tạc dữ dội vào đội hình của ta. Ba ngày sau, những tiểu đoàn dù đi đầu cuộc hành binh mới tới Ao Trạch. Địch biến vùng Ao Trạch thành một "thị xã Hòa Bình mới" với 13 cụm pháo binh. Từ đây tới Hòa Bình, quân dịch bị Đại đoàn 304 kiên quyết chặn đánh. Các chiến sĩ ta giành giật với quân dịch từng môm đồi. Những tiểu đoàn dù bị thương vong nhiều, phải quay trở lại Ao Trạch. Địch đưa binh đoàn cơ động số 1 lên thay. Bộ binh dịch hết sức tránh những trận dụng độ trực tiếp với quân ta, không tiếc dùng bom đạn đẩy bộ đội ta ra xa trục đường số 6. Mãi tới ngày 13 tháng 1, đoàn quân này mới tới gần thị xã Hòa Bình. Chúng đã phải bỏ ra 21 ngày đêm để vượt một quãng đường dài hơn bốn chục ki-lô-mét.

Trinh sat theo doi quan dich 0 Hoa Binh vAn khong thay dong tinh. Chung toi phan doan dich khai thong duong so 6 de bao ve tuyen vqn chuyen duy nhat con lai, va cung de chuan bi cho truong hop phai rut quan khOi Hoa Binh. B6 chi huy chien dich trao nhiem vu cho quan bao 308 bat tu binh de khai thac. Sau ngay Tet Nguyen dan, anh em dua ve mot linh Phap dong 0 don Pheo. Han bi mot to quan bao cua ta chop bat khi ra gieng ngay gan don lay nuoc. Ten linh tre, co deo chiec thanh gia bang bac, noi rat nhiêu ve cuoc song rat kho cua binh linh Phap 0 Hoa Binh, chui ruc trong cac ham ho... nhung khi hoi toi y do sap toi cua chi huy Phap thi y hau nhut khong biet gi, vi y moi la mot binh nhat. Y noi tur sau khi Do Lat chet, va nhat la gan day, cac si quan to ra buon ba. Ho luon noi voi nhau nhung tin

that bai 0 dong bang, va cho rang nêu không rut khOi Hoa Binh thi co the bi tieu diet...

Đờ Lát chết đã mang theo hy vọng giành chiến thắng ở Đông Dương. Đúng lúc này, Liên minh Bắc Đại Tây Dương yêu cầu nước Pháp phải góp 12 sư đoàn vào việc phòng thủ châu Âu. Chiến tranh Đông Dương mỗi ngày đã

ngôn của nước Pháp một tỉ phơ-răng Những cuộc tranh cãi lại tiếp tục diễn ra trong chính phủ và quốc hội. Những nhà chính trị Pháp vẫn còn chịu ảnh hưởng lời những tướng lĩnh Pháp đã mở đầu cuộc xâm lược Đông Dương. Một số đồng ý với Gan-li-ê-ni: "Ai nắm được Bắc Kỳ, người đó nắm được Đông Dương", một quan điểm được Đò Lát rất ủng hộ. Một số đồng ý với Ly-ô-tây, coi Nam Bộ là "phần đất có ích tại Đông Dương", thấy nên rút về Nam Bộ. Những người cầm đầu nước Pháp nghiêng về giải pháp quốc tế hóa chiến tranh Đông Dương, nhưng họ cho rằng thời cơ chưa đến, cần chờ cho "quân đội Việt Nam" hình thành. Họ hy vọng qua cuộc đàm phán ngừng bắn ở Triều Tiên sẽ có cơ hội tiếp xúc với Trung Quốc, và thuyết phục được Trung Quốc cam kết tôn trọng "độc lập của Việt Nam"! Trừ những người cộng sản Pháp, chiếm 143 ghế ở quốc hội, kiên quyết đòi chấm dứt chiến tranh bằng cách điều đình với Chính phủ Hồ Chí Minh, Chính phủ Pháp cũng như số đông những thành phần ở quốc hội đều nhận thấy không có một giải pháp quân sự ở Đông Dương, nhưng họ cũng không thể chấp nhận một cuộc điều đình với chúng ta, và phải dựa vào Mỹ để tiếp tục chiến tranh cho tới lúc tìm ra một lối thoát có lợi.

Để thay thế cho Đò Lát ở Đông Dương, Chính phủ Ết-ga Phô trao cho tướng Gô-chi-ê và Xa-lăng tạm quyền. Nhưng chính phủ này cũng không còn tồn tại bao lâu.

Ngay sau khi Đò Lát chết, Xa-lăng đã âm thầm chuẩn bị cho việc rút lui khỏi Hòa Bình. Cuộc hành binh "Cái phễu soi" được tiến hành từ ngày 11 đến ngày 31 tháng 1 năm 1952 nhằm đẩy bộ đội ta ra xa đường số 6 chính là bước đầu tiên. Xa-lăng đã vét hầu hết lực lượng cơ động còn lại ở đồng bằng Bắc Bộ, gồm binh đoàn cơ động số 1 của Đò Lát, nhiều tiểu đoàn dù vào cuộc hành binh, và giao cho đại tá Gin chỉ huy.

Quyết định rút khỏi Hòa Bình của Xa-lăng được Lơ-tuốc-nô chấp thuận ngày 5 tháng 2 năm 1952.

Ké hoạch rút quân được hoạch định hết sức thận trọng và tuyệt đối bí mật. Thị xã Hòa Bình và đường số 6 đang nằm trong vòng vây của ba đại đoàn. Ngoài Đò Li-na-rét, chỉ huy quân Pháp ở Bắc Bộ, có hai người được phân công thực hiện kế hoạch là Gin và Duy-cuốc-nô - viên trung tá mới được cử thay đại tá Clê-măng quá mất tinh

thần từ sau cuộc tiến công của bộ đội ta vào thị xã Hòa Bình. Duy-cuốc-nô phải nhảy dù xuống thị xã vì sân bay không còn sử dụng được.

Gin và Duy-cuôc-nô đã chụm đầu vào bàn bạc một kế hoạch rút quân được mệnh danh là "cuộc hành binh Cầu vồng". Nó gồm năm "pha" với năm màu sắc cầu vồng, tương ứng với năm cung độ được chia ra trên đoạn

đường từ thị xã Hòa Bình tới Xuân Mai. Pha màu trắng là khởi đầu cuộc rút quân ở thị xã Hòa Bình. Pha màu đổ là đoạn tiếp theo từ Bến Ngọc tới Xóm Pheo. Pha màu lam là đoạn giữa Đồng Bến và Ao Trạch. Pha màu vàng là đoạn từ Đèo Kẽm tới Mộ Thôn. Pha màu lục là đoạn cuối cùng từ Mộ Thôn tới Xuân Mai.

Với cơ quan tham mưu và những người thực hiện, mọi công việc chuẩn bị cho cuộc hành binh "Cầu vồng" đều được che giấu dưới hình thức hoạt động tăng cường chung cho các vị trí để phòng một cuộc tiến công. Từ ngày 14 đến ngày 20 tháng 2, Gin ra lệnh cho binh đoàn cơ động số 1 càn quét và chiếm đóng khu núi phía đông đường số 6 nằm giữa Xóm Pheo và Bến Ngọc, coi như để nối liền phòng tuyến đường số 6 với thị xã Hòa Bình. Đêm ngày 17 tháng 2, Trung đoàn 141 của Đại đoàn 312 tiến công quyết liệt một trong những điểm cao dịch mới chiếm đóng, nhưng không thành công. Khó khăn lớn nhất đối với Gin là làm cách nào đưa được năm tiểu đoàn ở thị xã Hòa Bình đang bị Trung đoàn 36 bám riết từ bên kia sông Đà sang đường số 6. Với những điểm cao mới chiếm gần Bến Ngọc, những tiểu đoàn ở thị xã sẽ được bảo vệ khi qua sông.

17 giờ ngày 22 tháng 2 năm 1952, năm tiểu đoàn dịch ở thị xã lặng lẽ vượt sông Đà. Tuy nhiên, vẫn lo bị đánh bắt ngờ, Gin ra lệnh cho các trận địa bắn chặn tất cả mọi ngả đường bộ đội ta có thể xuất quân.

Nửa đêm, tôi thức giấc vì tiếng đại bác địch nổ dồn dập. Chỉ khi bị bộ đội tiến công địch mới bắn pháo dữ dội như thế này. Thấy triệu chứng khác thường, tôi nghĩ cuộc rút quân của địch đã bắt đầu. Chúng cần tiêu thụ hết số đạn dự trữ ở các kho để khôi rơi vào tay ta. Tôi bảo cơ quan tham mưu ra lệnh cho các đơn vị theo dõi sát tình hình, sẵn sàng xuất kích ngay nếu địch rút lui.

Trung đoàn 36 ở bắc thị xã Hòa Bình nhận được lệnh nhưng do trời tối và bị pháo bắn chặn, mãi sau khi trời sáng mới tới thị xã. Đại bộ phận quân địch đã qua sông, chỉ còn một bộ phận của tiểu đoàn 2 dù (2è BEP) và tiểu đoàn 3 bán lữ đoàn lẻ dương thứ 13 (III/ 13è DBLE) đang được máy bay và đại bác địch bảo vệ chặt chẽ, tiếp tục qua sông. Các chiến sĩ Trung đoàn 36 kiên quyết tiến công. Trận địa pháo của ta bí mật bố trí ở khu vực Bến Ngọc đồng loạt nhả đạn vào đội hình quân địch đang rút lui ở cả hai bò sông Đà. Một chiếc ca-nô bị bắn chìm, một số xe cơ giới bị

phá hủy. Nhưng do đạn pháo chuẩn bị không đúng yêu cầu, lẫn nhiều đạn khói nên đã tạo một tấm màn che khuất cho địch lợi dụng chạy thoát. Tới buổi trưa, những tên Pháp cuối cùng mới qua sông hết.

Buổi chiều, Trung đoàn 209 tiến công vị trí Xóm Pheo khi binh lính lê dương của GM1 đang rút khỏi đây. Bộ đội ta đánh mạnh vào sau đội hình

của chúng. Máy bay dịch nổi nhau lao xuống trút bom và bắn vào quân ta bảo vệ cho binh lính lao về phía đoàn xe đậu trên đường số 6. Trận địa phòng không 12,7mm của ta bắn rơi tại chỗ một chiếc Bearcat.

Trung đoàn 9 và Trung đoàn 57 của Đại đoàn 304 bố trí trận địa xuất kích xa, lại bị pháo binh và máy bay địch ngăn cản, nên có mặt muộn trên đường số 6. 3 giờ sáng ngày 24, Trung đoàn 9 bắt kịp cái đuôi của quân địch ở phía đông Đèo Kẽm, lập tức nổ súng. Những chiếc xe đi phía sau đều phải dừng lại. Trời sáng, 12 máy bay khu trục do một chiếc Mo-ran chỉ điểm, vừa bắn vừa ném bom vào đội hình quân ta để mở đường cho những chiếc xe cuối cùng rút chạy về Xuân Mai.

Nếu so với việc rút khỏi Cao Bằng của Các-păng-chi-ê thì cuộc rút quân của Xa-lăng khỏi Hòa Bình đã thành công. Bộ đội ta chỉ tiêu diệt được khoảng sáu đại đội địch, phá hủy hai chục xe cơ giới và thu vài trăm tấn đạn. Chúng ta chờ đợi một kết quả lớn hơn nhiều. Quân Pháp đã dùng tới 30.000 viên đạn pháo để yểm trợ cho cuộc rút lui. Đây là "chiến công lớn" duy nhất của đội quân viễn chinh Pháp trong Đông Xuân 1951 - 1952.

ho tới lúc đó, chiến dịch Đông Xuân 1951 - 1952 là chiến dịch dài ngày nhất, địa bàn chiến đấu rộng lớn nhất, tiêu diệt sinh lực địch cao nhất, giải phóng đất đai nhiều nhất. Thời gian chiến dịch dài hơn ba tháng. Đây là một chiến dịch kép. Một chiến dịch gồm hai mặt trận. Mặt trận chính là Hòa Bình, mặt trận phối hợp là vùng địch hậu trung du và đồng bằng Bắc Bộ. Trong suốt quá trình chiến dịch, hai mặt trận này đã gắn bó với nhau một cách hữu cơ, cùng tạo điều kiện cho nhau để giành thắng lợi. Có thể nói nếu không có thắng lợi ở nơi này thì cũng không có thắng lợi ở nơi kia. Tổn thất chung của địch là trên 20.000 tên, 14.030 chết, 7.219 bị bắt. Ta giải phóng 6.000 ki-lô-mét vuông với trên hai triệu dân. Vũ khí của địch bị phá hủy có 13 máy bay, 17 tàu xuồng, 20 khẩu pháo, chín đầu xe lửa và 20 toa xe, 291 xe cơ giới các loại. Tổn thất của ta ở mặt trận chính và mặt trận phối hợp là 11.193 người, trong đó có 2.692 đồng chí hy sinh.

Riêng ở Mặt trận Hòa Bình, ta tiêu diệt trên 6.000 quân địch, thu 788 súng các loại, 88 vô tuyến điện, 24 khẩu pháo cỡi, giải phóng 1.000 ki-lô-mét vuông với 20.000

dân. Thành tích tiêu diệt và giải phóng đất đai ở các mặt trận phối hợp so với mặt trận chính, lớn hơn nhiều. Nhà sử học Béc-na Phôn

đã viết: "Chiến dịch Hòa Bình đối với Pháp cũng tổn thất về sinh mạng và trang bị không kém gì Chiến dịch Biên Giới và Chiến dịch Điện Biên Phủ sau này".

Địch có thể nhanh chóng bổ sung quân số và những trang bị đã bị loại khỏi vòng chiến đấu, cũng như giành lại một số vùng đất đai vừa giải phóng, nhưng không thể cứu vãn được tình thế chiến tranh đã chuyển qua một giai đoạn mới bất lợi. Những hy vọng về chiến thắng vừa nhen nhóm trở lại trong chính giới Pháp đã tàn lụi với cuộc tiến công Hòa Bình. Nhà cầm quyền Pháp ngày càng mệt mỏi vì chiến tranh Đông Dương. Chính sách "Việt Nam hóa chiến tranh" được Đô Lát đặt rất nhiều hy vọng, đã chứng tỏ sự hạn chế của nó ở đồng bằng Bắc Bộ. Người nông dân Việt Nam không dễ bị lừa phỉnh và càng khó khuất phục. Xa-lăng đã phải thú nhận trong hồi ký của mình: "Ngày cũng như đêm từng giờ, từng phút đặt ra cho tôi bao vấn đề nan giải. Việc nỗ lực bình định châu thổ sông Hồng trở nên vô ích...".

Chiến dịch Đông Xuân 1951-1952 là một biểu hiện tập trung của nghệ thuật chiến tranh toàn dân trong kháng chiến chống Pháp. Ba thứ quân trong trận đánh dài ngày trên một chiến trường rộng lớn đã chứng tỏ khả năng phối hợp nhịp nhàng, những cách đánh muôn màu muôn về của chủ lực, bộ đội địa phương, cũng như dân quân du kích đã vô hiệu hóa một đòn tiến công chiến lược của địch, đồng thời làm cho chúng rối tung không biết tìm cách nào đối phó. Trong lúc lực lượng ta vẫn như trước đây, chúng ta đã giành lại quyền chủ động từ tay quân địch. Chiến thắng Hòa Bình cũng cố niềm tin: Với chiến thắng toàn dân, dù lực lượng vũ trang ta còn có hạn, ta vẫn có thể giành quyền chủ động trên chiến trường chính để đi tới chiến thắng. Cả hai nhà sử học Pháp Giảng La-cu-tuya và Phi-líp Đô-vi-le đã nhận xét: "Đô Lát đã phải lao vào một cuộc chiến gay go và tốn kém và cũng từ đây nước Pháp hoàn toàn mất chủ động buộc phải quay về phòng ngự".

Tôi đã đi thăm thị xã Hòa Bình và khu vực Đồng Bến, Đồn Pheo, nơi đã diễn ra những trận đánh không thành công của bộ đội ta trên đường số 6. Trước mắt tôi hiện ra một hình thái phòng ngự mới của quân Pháp ở miền rừng núi. Nó hoàn toàn khác với các cứ điểm của địch trước đây. Khi tiến đánh cứ điểm nằm trong một hệ thống, bộ đội ta lúc nào cũng bị đạn bắn thẳng của địch đe dọa từ nhiều phía, có khi cả từ bốn phía. Thất bại trong trận Đồn Pheo không phải không có những lý do mới.

Cuộc đọ sức quyết liệt giữa quân và dân ta với Đò Lát bắt đầu từ Trung Du đã kết thúc với Chiến dịch Hòa Bình.

Theo lời Đan-nô, một cộng sự viên của Đò Lát, thì vào tháng 10 ở Rô-ma, Đò Lát đã tâm sự: "Phần việc của tôi thế là xong". Đan-nô nói vui: "Vâng, thưa Tướng quân, chỉ còn mỗi việc là thắng trong cuộc chiến tranh này". Đò Lát lắc đầu: "Cái gì có thể làm được, tôi đã làm. Tôi đã vận hành. Phần còn lại đã có binh sĩ và các tướng".

Đò Lát cũng biết cuộc chiến này sẽ khó khăn và lâu dài. Nhưng trong số tổng chỉ huy Pháp ở Đông Dương, Đò Lát là người kiên quyết và nhiều tự tin nhất, muốn theo đuổi nó tới cùng. Khi cuộc đàm phán ngừng bắn ở Triều Tiên bắt đầu, tháng 8 năm 1951, Đò Lát đã nói với Tổng thống Pháp Vanh-xăng Ô-ri-ôn: "Tôi xin thề là nếu bây giờ ngài ra lệnh cho tôi chuẩn bị đàm phán hòa bình, tôi sẽ lập tức xin ngài cho tôi từ chức".

Có thể nói trong một năm nhậm chức, Đò Lát đã xoay chuyển được tình thế, đưa đội quân viễn chinh thoát khỏi tình hình suy sụp sau thảm họa Cao Bằng, làm bộc lộ những nhược điểm của bộ đội ta khi chuyển sang thời kỳ đánh lớn. Ông ta đã chứng minh là người Pháp chưa thể thua trong cuộc chiến tranh này. Đò Lát còn muốn là người sẽ đem lại chiến thắng. Nhưng chủ trương mà ông ta tưởng là khôn ngoan, trao "độc lập" và dựa vào Mỹ để xây dựng một quân đội cho ngụy quyền, đã dẫn đến sự ra đi vĩnh viễn của đội quân viễn chinh. Đó là bi kịch của Đò Lát. Chiến tuyến boong-ke ở đồng bằng Bắc Bộ không phải là khó khăn lớn nhất mà Đò Lát để lại cho ta. Với việc mở đường cho chủ nghĩa thực dân mới vào Việt Nam, Đò Lát đã mang đến cho ta một hiểm họa lâu dài.

Người Pháp nói Đò Lát đã sớm ra đi để khỏi phải chứng kiến sự thất bại của mình. Đây là một tướng tài của nước Pháp trong Thế chiến thứ hai. Ông ta không có điều kiện như Đò Gôn để thú nhận sai lầm của mình sau khi cuộc chiến tranh kết thúc.

Khi đó ta chưa biết trận Hòa Bình là cuộc tập dượt lớn của bộ đội ta chuẩn bị cho trận Điện Biên Phủ sau này.

Chương mười một CHUYÊN HƯỚNG LÊN TÂY BẮC

háng 2 năm 1952, Thủ tướng Êt-ga Phô tuyên bô nư ớc Pháp không thê cùng lúc đư ơ ng đầu với gánh nặng chiến tranh Đông Dư ơ ng và nghĩa vụ đóng góp vào việc phòng thủ châu Âu. Cuối tháng 2, Phô từ chức. Tháng 8 Âng-toan Pi-nay lên thay, khẳng định tiếp tục những chính sách vê Đông Dư ơ ng của những ngư ời tiên nhiệm, sẽ tăng cư ờng ngân sách để tiếp tục chiến tranh bằng cách dựa hẳn vào Mỹ và huy động tối đa sự đóng góp của những quốc gia liên kết.

Ngày 1 tháng 4 năm 1952, Âng-toan Pi-nay quyết định trao quyền cao ủy Đông Dương cho bộ trưởng các quốc gia liên kết Lơ-tuốc-nô kiêm nhiệm, và chính thức

bổ nhiệm Xa-lăng làm tổng chỉ huy lực lượng vũ trang Pháp tại Đông Dương. Nhưng tháng 5, Hội đồng quốc phòng Pháp lại quyết định giảm số lượng quân viễn chinh 15.000 người, như vậy, lực lượng trên bộ 189.170 người sẽ còn 174.170 người. Xa-lăng chỉ có thể tăng cường lực lượng quân sự của mình bằng quân đội các quốc gia liên kết. Từ cuối tháng 2 năm 1952, Lơ-tuốc-nô và Bảo Đại đã đề ra kế hoạch đưa số quân ngụy từ gần 15 vạn lên 40 vạn vào cuối năm 1953. Nhưng Bộ chỉ huy Pháp không tin tưởng vào chất lượng quân ngụy.

Tính đến tháng 1 năm 1952, Mỹ đã viện trợ cho Đông Dương 120.000 tấn phương tiện chiến tranh, trong đó có 178 máy bay, 170 tàu các loại, nhiều chiến xa, đạn dược và phương tiện truyền tin. Mỹ đã đảm nhiệm 40% chiến phí, bằng 146 tỷ phơ-răng, có 86 tỷ là phương tiện chiến tranh. Tuy nhiên, Mỹ chưa thật mặn mà trong việc giúp đỡ Pháp tại Đông Dương. Mỹ đang bận đối phó với chiến tranh Triều Tiên chỉ là một lẽ. Cái Mỹ cần sau khi bị đẩy khỏi lục địa Trung Hoa, là Đông Dương sẽ nằm trong vòng ảnh hưởng của Mỹ.

Từ Chiến dịch Biên Giới, qua năm cuộc đỏ sức trực tiếp với quân địch trong những chiến dịch lớn, ta đã có được bài học quan trọng là biết hơn về địch và về mình.

Trước đây ta thường hiểu sức mạnh của địch là ở vũ khí, trang bị hiện đại, chỗ yếu của địch là tinh thần, một công cụ xâm lược, một đội quân đánh thuê. Nay ta đã thấy rõ thêm cái mạnh của một quân đội nhà nghề. Chỉ huy Pháp đều được đào tạo chính quy theo chuyên ngành từ những trường quân sự có kinh nghiệm lâu đời. Quân đội Pháp có một đội ngũ chuyên môn về binh khí kỹ thuật. Binh sĩ đều được huấn luyện kỹ trước khi tung ra chiến trường. Cách đào tạo này kết hợp với những vũ khí hiện đại phát huy cao độ sức mạnh trong những trận đánh lớn. Công tác tham mưu, tình báo, hậu cần trong quân đội Pháp rất có nền nếp. Địch biết cách khai thác mọi yếu tố để tìm hiểu tình hình và những hoạt động của ta. Quân Pháp đặc biệt giỏi trong bố trí phòng ngự. Tại Đông Khê, không đầy ba đại đội của địch có thể đương đầu với hai trung đoàn chủ lực của ta trong suốt 52 giờ liền. Đôn Pheo trong Chiến dịch Hòa Bình được chính các chuyên gia quân sự Pháp coi là một mẫu mực trong tổ chức phòng ngự cứ điểm. Quân Pháp biết rút kinh nghiệm kịp thời những trận đánh thất bại. Cũng trên địa hình rừng núi nhưng cuộc rút lui của quân Pháp ở Cao Bằng và ở Hòa Bình hoàn toàn khác nhau... Các cố vấn Trung Quốc nhiều lần nói pháo binh Pháp rất giỏi và quân Pháp rất giỏi chiến đấu hiệp đồng binh chủng. Gần đây ta thường nói về tinh thần bạc nhược của binh lính Pháp trong Chiến dịch Biên Giới. Nhưng không thể không nghĩ tới sự chống trả quyết liệt của quân Pháp trong những trận đánh cứ điểm, một số nơi những tên lính cuối cùng chỉ chịu hạ vũ khí sau khi đã bắn hết đạn.

Về phía ta, chúng ta đã thấy rõ những nhược điểm của một quân đội cách mạng đơn thuần là bộ binh khi chuyển sang đánh lớn trên địa hình đồng bằng, nơi địch có thể phát huy tối đa sức mạnh binh khí kỹ thuật và tính cơ động cao của một quân đội hiện đại. Ta không chủ trương khắc phục nhược điểm này bằng cách dùng số lượng đông thay cho chất lượng. Sự phát triển của quân đội ta về mặt số lượng cũng đã tới giới hạn. Tổng quân số của ta trong năm 1952 là 244.800 người, kém năm trước 8.970 người. Chủ lực của Bộ vẫn là sáu đại đoàn, riêng Đại đoàn 325 mới có một trung đoàn được trang bị vũ khí mới. Tình hình kinh tế tự túc tự cấp trong chiến tranh không cho phép ta tổ chức thêm quân đội. Trừ các đại đoàn của Bộ được bạn trang bị vũ khí, các đơn vị khác đều phải sử dụng những vũ khí chiếm được của địch hoặc do ta sản xuất. Sự giúp đỡ của bạn còn có hạn vì Liên Xô còn phải lo đối phó với Chiến tranh lạnh ở châu Âu, Trung Quốc đang tham gia chiến tranh ở Triều Tiên. Trong khi đó, với việc tăng cường quân ngụy được Mỹ trang bị vũ khí, địch đã đưa tổng quân số lên 404.000 người. Nếu vào tháng 12 năm 1950, tỷ lệ quân số giữa ta và địch tương đương, thì nay địch đã vượt lên khá xa, ta: 1, địch 1,65.

Tuy nhiên, sau khi địch phải rút chạy khỏi Hòa Bình, ta phán đoán trong năm 1952, địch chưa có khả năng mở một cuộc tiến công ra vùng tự do Bắc Bộ. Chúng ta cần giữ quyền chủ động trên chiến trường Bắc Bộ. Đồng bằng và trung du không phải là địa bàn thuận lợi để mở chiến dịch lớn trong mùa khô tới. Trước mắt, Tổng Quân ủy chủ trương để các đại đoàn 320 và 316 ở lại địch hậu thêm một thời gian hỗ trợ phong trào chiến tranh du kích, cũng cố các khu và căn cứ du kích, tranh thủ tiêu diệt thêm lực lượng địch và chuẩn bị chống càn. Hướng tiến công chính của bộ đội chủ lực trong Thu Đông 1952 - 1953 sẽ là chiến trường rừng núi.

Ngay từ tháng 3 năm 1952, Tổng Quân ủy đã quyết định sẽ mở một chiến dịch lớn ở Tây Bắc, vùng rừng núi duy nhất địch còn kiểm soát được tại Bắc Bộ. Tây Bắc có vị trí chiến lược lớn trong chiến tranh Đông Dương, có quan hệ tới vận mệnh cách mạng và kháng chiến Lào. Tại Bắc Bộ hiện nay, lực lượng địch ở Tây Bắc mông và yếu nhất. Nhưng đây lại là nơi địch không thể bỏ. Nếu địch đưa lực lượng cơ động từ đồng bằng lên Tây Bắc, chúng ta sẽ có cơ hội tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch tại chiến trường do ta lựa chọn. Quyết định sớm của Tổng Quân ủy đã tạo cho các cơ quan một thời gian dài để chuẩn bị chiến trường. Chúng ta đã có năm tháng rưỡi chuẩn bị cho Chiến dịch Tây Bắc.

Ngày 22 tháng 4 năm 1952, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp hội nghị lần thứ ba. Hội nghị nhận định với hậu phương lớn là các nước xã hội chủ nghĩa, cuộc kháng chiến của ta đã có cái thế vững chắc hơn bao giờ hết, nhưng trong bối cảnh

quốc tế hiện nay, với so sánh lực lượng lúc này còn yếu hơn địch, ta chưa có khả năng giành một thắng lợi quyết định trong chiến tranh. Cuộc kháng chiến của ta vẫn là "trường kỳ kháng chiến" và "tự lực cảnh sinh". Về tác chiến, trên toàn quốc vẫn phải theo phương châm "du kích chiến là chính, vận động chiến là phụ". Đối với bộ đội chủ lực, hoạt động ở địch hậu vẫn chủ yếu là dùng du kích chiến, sử dụng binh lực linh hoạt, khi tập trung mở chiến dịch, khi phân tán luân lưu hoạt động. Phải giữ vững cuộc đấu tranh ở vùng sau lưng địch bằng cách thống nhất bộ máy chỉ đạo, sửa đổi phương thức công tác, nâng cao chất lượng bộ đội địa phương, giải quyết vấn đề tổ chức và cung cấp cho dân quân du kích, đẩy mạnh công tác ngụy vận nhằm phát triển chiến tranh du kích chống địch càn quét như Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ hai tháng 10 năm 1951 đã đề ra. Trên chiến trường toàn quốc, ở cả mặt trận chính và mặt trận sau lưng địch, toàn thể chiến sĩ và đồng bào cần ra sức thi đua tiêu diệt sinh lực địch, phá âm mưu "lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt" của thực dân Pháp.

Để đẩy mạnh công tác chuẩn bị, chuyển sang tổng phần công, Trung ương Đảng quyết định tiến hành chỉnh đốn công tác mặt trận, công tác chính quyền, đặc biệt là mở một đợt chỉnh quân và chỉnh Đảng nhằm nâng cao giác ngộ giai cấp, giác ngộ dân tộc, nâng cao trình độ kỹ thuật, chiến thuật của bộ đội. Quân đội ta thực sự là quân đội cách mạng của nhân dân, vì nhân dân, một quân đội chiến đấu giỏi. Chỉnh quân đi đôi với chỉnh Đảng được coi là nhiệm vụ trọng tâm. Có làm tốt được nhiệm vụ này mới đưa cuộc kháng chiến vượt qua những khó khăn mới, mau đi tới thắng lợi hoàn toàn.

Các cố vấn Trung Quốc không đánh giá cao thắng lợi Chiến dịch Hòa Bình như chúng ta, nhưng hoàn toàn tán thành chủ trương chuyển hướng tiến công về vùng rừng núi với việc mở Chiến dịch Tây Bắc.

Chúng ta đã hiểu, với so sánh lực lượng hiện nay và trong một vài năm tới, phải khai phá một con đường mới, mở ra một phương hướng chiến lược mới để giành thắng lợi. Pháp không còn đủ sức để tự mình tiếp tục chiến tranh, buộc phải dựa vào Mỹ. Sự can thiệp của Mỹ, từ giúp đỡ vũ khí đang chuyển sang nắm quân đội ngụy để chuẩn bị gạt Pháp. Bảo Đại ngày càng lộ rõ bộ mặt bán nước. Nguyễn Văn Tâm vừa thay Trần Văn Hữu làm thủ tướng chính phủ bù nhìn đã công khai tỏ thái độ chống cộng quyết liệt. Mỹ đang cố biến chính quyền tay sai và quân đội ngụy thành công cụ chống cộng mới ở Đông Nam Á, đưa chiến tranh xâm lược Đông Dương vào quỹ đạo chiến tranh chống cộng của "thế giới tự do". Trên cơ sở kháng chiến lâu dài, có cách nào để kết thúc cuộc chiến với Pháp trước khi Mỹ trực tiếp

nhảy vào Đông Dương? Đó cũng là mối quan tâm chính của Đảng ta và Bác từ sau khi Mỹ bị đẩy ra khỏi lục địa Trung Hoa.

2

Thư chúng ta đã dự đoán, sau thất bại Chiến dịch Hòa Bình, Bộ chỉ huy Pháp quay trở về mở những cuộc càn quét lớn để bình định vùng tạm chiếm nhằm tiếp tục chiến lược "Việt Nam hóa" chiến tranh của Đờ Lát. Trong mùa Hè và mùa Thu năm 1952, quân Pháp đã mở 21 trận càn ở Bắc Bộ, 46 trận ở Trung Bộ, 28 trận ở Nam Bộ.

Riêng ở Bắc Bộ, nơi những khu và căn cứ du kích ở vùng tạm chiếm không những đã phục hồi mà còn mở rộng trong mùa Đông năm 1951, địch dồn mọi nỗ lực nhằm giành lại quyền kiểm soát đồng bằng. Những trận càn đều tiến hành với quy mô lớn từ tám tới 20 tiểu đoàn bộ binh, ba đến bảy tiểu đoàn pháo binh, kết hợp với những đơn vị thiết giáp, những thủy đội

xung kích và máy bay. Mỗi trận thường kéo dài từ ba đến bốn tuần, nhằm mục đích nếu không tiêu diệt được lực lượng vũ trang ta thì cũng đẩy ra ngoài phòng tuyến Đò Lát, tạo điều kiện cho các đội "quân thứ hành chính lưu động" lập lại bộ máy thống trị. Sự có mặt những đơn vị chủ lực ta ở địch hậu khiến cho quân Pháp không thể tiến hành công việc bình định như những năm trước đây. Mặt trận hậu địch đã thực sự trở thành chiến trường diễn ra những trận đánh quyết liệt.

Trên dải đất hẹp Bình - Trị - Thiên, từ đầu tháng 8 đến hết tháng 6 năm 1952, Đại đoàn 325 sau khi nhận trang bị mới, đã triển khai một đợt tiến công dài ngày vào khắp vùng hậu địch.

Anh Trần Quý Hai, Đại đoàn trưởng 325 đã mở đầu bằng trận đánh điểm diệt viện tại Nam Đông và trên đường số 74. Đêm ngày 3 tháng 3 năm 1952, Trung đoàn 95 nổ súng tiêu diệt các vị trí Vạn Kim, Nam Tây và Tiền Nam Đông. Ngày 8 tháng 3, bộ đội ta bao vây và tiến công khu đồn chính Nam Đông, đe dọa tiểu khu Quảng Trị và vùng Gio Linh. Ngày 13 tháng 3, địch phải dùng máy bay yểm trợ, đưa hai tiểu đoàn ứng chiến từ Đông Hà lên để giải vây cho Nam Đông. Chúng tiến quân rất thận trọng, cho máy bay bắn phá và bộ binh lùng sục hai bên ven đường. Buổi trưa, quân địch chỉ còn cách Nam Đông 4 ki-lô-mét, bắt đầu chủ quan, tin là ta không dám giao chiến với chúng giữa ban ngày. Đúng lúc đó trận đánh nổ ra. Các khẩu đội ĐKZ thiêu cháy hai xe bọc thép và một ô-tô chở đầy bộ binh. Tiểu đoàn 15 bộ đội địa phương bịt kín đường rút lui của địch. Các chiến sĩ Trung đoàn 95 tổ chức nhiều mũi đồng loạt xung phong, chia cắt quân địch thành những toán nhỏ. Viên thiếu tá chỉ huy cuộc hành quân giải tỏa chết tại trận. Sau bốn giờ chiến đấu, bộ đội ta tiêu diệt 770 quân địch, thu hàng trăm súng các loại và đạn dược. Đêm hôm đó,

Trung đoàn 95 san phẳng đốn Nam Đông. Báo chí Pháp xôn xao bình luận về trận đánh này.

Cũng trong đêm ngày 13, Trung đoàn 101 tiêu diệt vị trí Sơn Tùng ở Bắc Thừa Thiên. Sáng ngày 14, địch đưa một tiểu đoàn ứng chiến từ tiểu khu Thừa Thiên lên định đóng lại Sơn Tùng, nhưng sa vào trận địa phục kích của trung đoàn, bỏ lại hàng trăm xác chết.

Ở Quảng Bình, ngày 15 tháng 3, Trung đoàn 18 vận động tiến công một tiểu đoàn ứng chiến địch đi tiếp viện tại khu vực Vạn Lộc - Hoàn Lão, nơi địch coi là vùng an toàn, diệt 250 tên địch.

Trong tháng 8 năm 1952, bộ đội địa phương, dân quân du kích trên khắp các địa bàn ở Bình - Trị - Thiên dồn dập nổ súng tiến công địch. Hệ thống chiếm đóng của chúng sụp đổ từng mảng. Giao thông trên đường số 1 bị uy

hiếp nghiêm trọng. Trên hướng bắc Thừa Thiên, Trung đoàn 101 san phẳng một hệ thống cứ điểm gồm hơn 10 đốn bốt xung quanh thành phố Huế, mở rộng vùng căn cứ du kích Bao Vinh vào sát cửa ngõ nội thành Huế. Ánh đèn điện ban đêm từ thành phố Huế đã tỏa sáng đến cả khu giải phóng.

Trước tình hình nguy ngập của Bắc Trung Bộ, Xa-lăng buộc phải rút ba tiểu đoàn cơ động ở Bắc Bộ, trong đó có hai tiểu đoàn dù, do đại tá Duy-cuốc-nô chỉ huy, vào tăng viện cho miền Trung. Nhưng cho tới khi phải quay về miền Bắc, cả ba tiểu đoàn này đã không làm được gì để cải thiện tình hình.

Tháng 5 năm 1952, Đại đoàn 325 lại mở một cuộc tiến công mới ở Quảng Bình. Đêm ngày 18 tháng 5, Trung đoàn 95 tiêu diệt vị trí Sen Bàng ở huyện Quảng Trạch. Đêm ngày 30 tháng 5, Trung đoàn 95 đánh vị trí Cửa Phù, Hang Bò và thị trấn Ba Đồn. Trung đoàn 18 đánh vị trí Mỹ Hòa. Lực lượng địa phương vây đánh các bốt Cự Lai, Thuận Anh, Cổ Trai, Gia Viễn... Phía bắc Quảng Bình ầm ầm tiếng súng. Điện kêu cứu tới tấp bay về Đồng Hới. Bọn chỉ huy Pháp ở Quảng Bình không còn biết phải đưa quân tăng viện cho nơi nào. Các vị trí Cửa Phù, Hang Bò, Mỹ Hòa lần lượt bị san phẳng. Các đồn bốt lẻ trong vùng như Cự Lai, Thuận Anh, Cổ Trai, Gia Viễn cũng nổi nhau tan võ trước sự vây đánh của lực lượng địa phương.

Ô khu vực Ba Đồn, cuộc chiến đấu diễn ra ác liệt. Vị trí Ba Đồn nằm sát đường số 1 là vị trí quan trọng nhất trên tuyến phòng thủ bắc sông Gianh. Ở đây có hệ thống công sự nhiều tầng, nhiều lớp do lực lượng hỗn hợp Âu - Phi và ngụy bảo vệ. Trung đoàn 95 sau khi quét sạch các vị trí vành ngoài, đã nhanh chóng tiến vào đánh khu đồn chính nằm giữa thị trấn. Địch dùng pháo 75mm và súng cối chống cự rất quyết liệt. Bộ đội bị thương vong nhiều. Trời sáng, Tư lệnh đại đoàn lệnh cho trung

đoàn chuyển sang bao vây vị trí, củng cố bộ đội chuẩn bị đánh quân tiếp viện. Quân tiếp viện địch chia làm hai cánh, một cánh đi theo đường số 1, có máy bay và xe bọc thép yểm hộ, từ Đồng Hới tiến về Ba Đồn, một cánh đi theo sông Gianh, với năm ca-nô chở đầy quân tiến về thị trấn. Cả hai cánh quân đều bị các chiến sĩ Trung đoàn 95 và 18 chặn đánh. Hai ca-nô bị bắn chìm, nhiều xe cơ giới bị thiêu cháy. Hàng trăm quân địch bị tiêu diệt. Bọn địch sống sót quay đầu tháo chạy về Đồng Hới. Tối hôm đó, Trung đoàn 95 tiêu diệt nốt khu đồn chính tại thị xã Ba Đồn.

Mùa Hè năm 1952, Đại đoàn 325 và lực lượng vũ trang Bình - Trị - Thiên đã có tiến bộ vượt bậc. Thời kỳ đen tối của Bình - Trị - Thiên từ ngày đầu chiến tranh đã thực sự chấm dứt.

Những hoạt động ở Bình - Trị - Thiên cũng như ở các chiến trường địch hậu trong mùa Hè là sự phối hợp không thể thiếu để đối phó với những cuộc

tiến công hủy diệt của quân Pháp nhằm vào những đơn vị chủ lực ta tại vùng địch hậu Bắc Bộ.

Sự có mặt của quân chủ lực ta tại vùng châu thổ sông Hồng tạo một sức ép thường xuyên chung quanh Hà Nội, giam chân lực lượng cơ động của địch, duy trì thế chủ động của ta trên chiến trường chính Bắc Bộ. Chừng nào địch chưa bình định được các tỉnh ở đồng bằng Bắc Bộ, chúng vẫn sa lầy trong thế bị động, không thể tính tới một mưu toan về chiến lược nhằm đảo lộn tình thế chiến tranh.

Ngay sau Chiến dịch Hòa Bình, chúng ta đã tích cực đối phó với những cuộc càn quét lớn của địch. Bộ Tổng Tham mưu chuyển một số tiểu đoàn hoạt động lâu ngày ở hậu địch, bị tiêu hao và mệt mỏi, ra vùng tự do cũng cổ, nghỉ ngơi một thời gian, đồng thời điều động một số đơn vị thay thế. Trung đoàn 57 của Đại đoàn 304 vào địch hậu Nam Định hỗ trợ cho Đại đoàn 320 nằm trên địa phận Thái Bình. Trung đoàn 46, chủ lực của hữu ngạn Liên khu 3, từ Nam Định sang Hà Nam tăng cường cho Trung đoàn 64 của Đại đoàn 320 vẫn đứng chân tại đây. Hai trung đoàn 174 và 98 của Đại đoàn 316 tiếp tục đẩy mạnh hoạt động ở địch hậu Bắc Ninh, đe dọa cửa ngõ phía bắc Hà Nội. Trung đoàn 176 của Đại đoàn 316 đứng ở khu giáp ranh, thường xuyên đột nhập vào vùng địch hậu Vĩnh Yên, Phúc Yên. Để nắm tình hình và chỉ đạo chống càn kịp thời, Bộ Tổng Tham mưu đã tổ chức mạng thông tin trực tuyến với hai đại đoàn 316, 820 và tăng giờ liên lạc với các đơn vị ở địch hậu.

Các đơn vị chủ lực ở đồng bằng cũng chủ động chuẩn bị chiến đấu chống càn. Từ đầu tháng 3 năm 1952, Đảng ủy Đại đoàn 320 đã xây dựng xong kế hoạch, dự kiến âm mưu, khu vực càn quét và lực lượng địch sẽ huy động. Thái Bình và Hà Nam sẽ là hai mục tiêu chính. Địch sẽ tập trung lực lượng đông hơn ta từ 5 tới 10 lần trong

mỗi cuộc càn, và tận dụng ưu thế về không quân, pháo binh, cơ giới và tàu chiến. Đảng ủy chủ trương dàn rộng các đơn vị trên nhiều khu vực, lấy tiểu đoàn làm đơn vị tác chiến chính, kết hợp chặt chẽ đánh trong vòng vây với đánh ngoài vòng vây, đánh địch trong chuyển quân, tiếp tế là chính, dựa vào dân mà đánh, đánh để bảo vệ nhân dân. Đồng bào hậu địch đã có nhiều kinh nghiệm chống càn. Nhân dân Thái Bình góp hàng triệu ngày công đào đường, khơi hào làm tê liệt hai con đường huyết mạch số 10 và số 39. Các thôn xóm cũng cố làng chiến đấu, hầm, hào, chôn giấu thóc lúa, chuẩn bị cơ sở đón thương binh. Nhiều nơi dỡ nhà dìm cột kèo xuống ao, phân tán cả những đồng cỏ lác dành cho bộ đội nấu cơm để phòng địch đốt phá.

Đầu tháng 3 năm 1952, địch mở hai cuộc càn nhỏ, lực lượng mỗi cuộc ba tiểu đoàn, ở Từ Sơn (Bắc Ninh) và Yên Lạc, Vĩnh Tường (Vĩnh Phúc). Tại

những nơi này địch đều vấp phải sự chống trả của bộ đội ta, bị tiêu hao nặng, nên phải rút quân về.

Từ trung tuần tháng 3, Xa-lăng bắt đầu những cuộc hành binh lớn nhắm vào Đại đoàn 320.

Ngày 10 tháng 3, cuộc hành binh "Lội nước" bắt đầu. Tướng Béc-su chỉ huy 15 tiểu đoàn với pháo binh, cơ giới và sự yểm trợ của nhiều máy bay tiến công vào khu căn cứ du kích Lý Nhân và Bình Lục ở Hà Nam, nơi có Trung đoàn 64 đang hoạt động. Bộ Tổng Tham mưu đã thông báo cho Trung đoàn 64 ý đồ của địch, kèm theo những chỉ thị chống càn. Trung đoàn trưởng Lê Ngọc Hiền đã kết hợp với lực lượng vũ trang địa phương kịp thời bố trí trận địa chờ địch. Pháo địch dồn dập nổ dọn đường cho quân cơ động từ bốn mặt tiến vào khu căn cứ. Dân quân du kích và bộ đội địa phương bám sát từng thôn xóm chiến đấu chặn địch. Binh đoàn cơ động số 1, số 4 và số 7 không thể nào chấp được vòng vây. Quân địch gục ngã trước lũy tre làng vì những loạt đạn bắn ra bắt thần. Nhiều tên vấp phải mìn, tụt xuống hố chông. Nơi nào cũng có súng nổ. Địch không phát hiện được bộ đội chủ lực ở đâu, sa lấy giữa cánh đồng chiêm, làm mồi cho những loạt đạn bắn tĩa. Mỗi ngày quân địch chỉ tiến được bốn, năm ki-lô-mét. Trong bốn ngày, từ ngày 10 đến ngày 13 tháng 3, Trung đoàn 64 đánh bốn trận lớn ở Mạc Lũ, Mạc Thượng, Tảo Nha, Thượng Nông và Vạn Thọ. Tiểu đoàn bộ đội địa phương đánh địch ở Cổ Ngựa, Tứ Thanh, Tiên Khoán. Bộ đội địa phương, dân quân du kích bám địch liên tục ở Yên Khê, dọc đường số 62. Hàng ngàn đồng bào ngày đêm phá đường, phá cầu, đắp ụ ngăn cản giao thông trên các trục đường số 1, số 21, số 62, số 63 và đê sông Hồng.

Sau 10 ngày, cuộc càn ở Lý Nhân, Bình Lục kết thúc với 500 tên địch chết và bị thương. Địch phải rút hai vị trí Tảo Nha và Xuân Khê. Các căn cứ du kích của ta vẫn đứng vững. Ta mở thêm khu du kích Nhân Bình ở huyện Lý Nhân.

Ngày 27 tháng 3, Đò Li-na-rét mô tiêp cuôc hành binh "Thûy ngân" ô Thái Bình. Lân này, địch huy động lục lương lớn hơn, gôm năm binh đoàn cơ động số 1, số 2, số 3, số 4 và số 7 (tương đương 20 tiêu đoàn bô binh), hai tiêu đoàn cơ giới, 60 khâu pháo, 500 xe, sáu tàu chiên, 40 ca-nô và ba tiêu đoàn dù nhâm bao vây các huyên Thái Ninh, Kiên Xương, Tiên Hải và môt phân huyên Vü Tiên, nôi có hai trung đoàn của Đại đoàn 320 cùng với Bô Tư lênh đại đoàn và Tinh üy Thái Bình. Khu vực này rông khoâng 700 ki-lô-mét vuông, nâm kep giüa hai con sông, phía bắc là sông Diêm Hô, phía nam là sông Trà Lý, phía đông là biên. Xa-lâng tập trung mọi lục lượng với tham vong giành môt tháng lôi chua bao giô đat đuôc trong chiên tranh là: Xóa sô môt đai đoàn chü lục của ta!

Bộ Tổng Tư lệnh thông báo cho Đại đoàn 320 biết quy mô cuộc hành quân, các hướng tiến công của địch, để đại đoàn kịp thời xử trí. Mặc dầu Đại đoàn 320 có nhiều kinh nghiệm hoạt động địch hậu, nhưng trước quy mô lớn chưa từng thấy của cuộc càn, tôi hết sức lo lắng. Cơ quan tham mưu được chỉ thị theo dõi từng giờ không kể ngày đêm. Tổng Quân ủy điện cho đồng chí Đỗ Mười - Bí thư Khu ủy Tả Ngạn, đồng chí Nguyễn Khai - Tư lệnh khu và đồng chí Văn Tiến Dũng tìm cách đưa đại đoàn vượt ra ngoài vòng vây tiến lên phía bắc Thái Bình và Hưng Yên.

Từ ngày 27 tháng 3, năm binh đoàn cơ động địch chia thành năm mũi tiến vào khu càn. GM1 và GM4 từ phía tây thị xã Thái Bình, GM3 và GM7 từ hướng bắc, GM2 từ hướng nam được hỏa lực pháo binh và không quân dọn đường, cùng xe tăng và xe lội nước hình thành một đường vòng cung, từ ba mặt dồn lực lượng ta về phía biển ở hướng đông, nơi tàu chiến địch đã kiểm soát chặt chẽ.

Đại đoàn 320 chủ trương để một tiểu đoàn của Trung đoàn 48 cùng với dân quân du kích chiến đấu làm chậm bước tiến của GM1 và GM7, đại bộ phận chia làm hai cánh, Trung đoàn 52 ở Thái Ninh men theo bờ biển tiến lên phía bắc Thái Bình ra khỏi vòng vây, bộ phận còn lại của Trung đoàn 48 ở Kiến Xương cùng với cơ quan chỉ huy đại đoàn sẽ vượt sông Hồng vòng lên Tiên - Duyên - Hưng tổ chức đánh địch ngoài vòng vây.

Ngày 28 tháng 3, địch dùng máy bay, đại bác đánh phá dữ dội khu vực Sở chỉ huy đại đoàn. Từng đoàn máy bay Hellcat, B26 thay nhau trút bom phá và bom na-pan xuống làng Lưu Phương, huyện Kiến Xương. Chung quanh Sở chỉ huy đại đoàn đã có 32 hố bom sâu hoắm, đất lấp gần kín cửa hầm chỉ huy. Sở chỉ huy phải chuyển ra gò đất bên ngoài làng.

Rõ ràng quân địch ít nhiều phát hiện khu vực Sở chỉ huy Đại đoàn 320. Tôi điện gấp cho anh Dũng: "Anh Hùng1 vượt vây sang Nam Định bàn với Thanh Giang2 đánh phôi hợp ngoại tuyến. Văn". Bộ Tổng Tham mưu trực tiếp chỉ thị cho Trung đoàn

57 ở Nam Định phải lập tức đẩy mạnh hoạt động để phối hợp với cuộc chiến đấu của Đại đoàn 320 bên tả ngạn. Tôi chỉ yên lòng khi được tin anh Dũng và cơ quan chỉ huy đã vượt sông Hồng quay về Hưng Nhân - Thái Bình tiếp tục chỉ huy chiến đấu. Trong lúc đó, máy bay địch thả truyền đơn xuống Hà Nam và Thái Bình rêu rao: "Đại đoàn 320 không còn nữa... Đã tiêu diệt được tướng Dũng"!

Những cuộc hành binh với lực lượng lớn này một lần nữa lại không tạo được thế bất ngờ. Việc điều động binh lực, xe cộ lớn đã không qua mắt nhân dân ta. Vòng lượn chiếc máy bay thám thính trên bầu trời tổ cáo khu

vực quân địch chú ý. Xe tăng, pháo nặng, phương tiện hành quân cơ giới buộc địch phải lệ thuộc vào những trục đường giao thông ít ỏi ở đồng bằng. Hỏa lực trọng pháo, xe tăng, pháo hạm, máy bay không tìm ra mục tiêu trên cánh đồng trống vắng và những ngôi nhà tre lá nằm sau lũy tre xanh để phát huy sức mạnh hủy diệt của chúng. Với binh lực đông, dù không bị lực lượng vũ trang ta chặn đánh từng bước, quá trình siết vòng vây kết hợp với sân lùng bộ đội, du kích thường diễn ra rất chậm, dành đủ thời gian cho bộ đội ta di chuyển khỏi khu vực nếu không muốn chấp nhận một trận đánh bất lợi. Hơn nữa, với một vòng vây rộng, quân địch dù đông tới đâu cũng không thể lấp kín mọi khoảng trống, đặc biệt là ban đêm, để ngăn những đơn vị nhỏ, trang bị gọn nhẹ, di chuyển bằng chân, thoát ra ngoài. Ở Hà Nam, địch bao vây tiến công một ngôi làng nằm giữa cánh đồng lúa chiêm, khi thấy trong làng im tiếng súng, chúng tiến vào thì bộ đội và dân quân du kích đã biến mất. Các chiến sĩ đã ra khỏi làng ngay trước mũi súng của chúng bằng cách trườn mình giữa cánh đồng chiêm lúa xanh tốt. Khi vượt sông Hồng từ tả ngạn qua hữu ngạn để vòng về phía sau mũi tiến công của GM2, anh Văn Tiến Dũng đã quyết định chọn cửa Ba Lạt là nơi con sông đổ ra biển có tàu chiến và ca-nô địch qua lại như mắc cửi. Địch đã không nghĩ ta lại chọn đoạn sông rộng nhất và nguy hiểm nhất này để vượt qua. 2 giờ 30 phút sáng ngày 29, khi tàu chiến địch vừa buông neo, những chiếc ca-nô ngừng di chuyển là lúc hai chiếc thuyền gỗ to được đồng bào nhẹ nhàng lao xuống nước. Những mái chèo nhịp nhàng lướt sóng, không để nước chảy xiết cuốn thuyền ra biển, đưa cả cơ quan từ bờ bắc qua bờ nam an toàn.

Ngày 29, những mê "cát vô" của GM2, GM1 và GM4 ở hợp điểm La Cao, Trình Phổ đều rỗng tuếch. Khó khăn của những đơn vị luồn càn là có hàng ngàn đồng bào đi theo, trong đó có những thanh niên không muốn bị quân địch bắt đi làm bia đỡ đạn. Hai tiểu đoàn từ Tiên Hải, sau khi vượt sông Trà Lý, đi lên phía bắc thì vấp phải GM3 từ Thụy Anh tiến về Thái Ninh để dồn quân ta vào khu hợp điểm. Bộ đội

và lực lượng địa phương chặn đánh quân địch ở Thần Đẩu, Thần Huống (huyện Thái Ninh) trong ngày 28, cho đồng bào lui về sau đi vòng ra bờ biển.

Đêm ngày 28, các đơn vị quyết định tiếp tục kế hoạch tiến lên phía bắc, bằng cách đi theo mép biển bên sườn binh đoàn cơ động số 3, vượt sông Diêm Hộ ra khỏi vòng vây đánh vào phía sau quân địch. Cuộc hành quân với những cảng thương binh và gần một vạn đồng bào diễn ra chậm chạp trong đêm. Trời sáng, đơn vị đi đầu mới đến ngang thôn Bích Du. Đội hình đã kéo rất dài, cái đuôi còn ở Vọng Hải. Chỉ huy trung đoàn cho ngừng cuộc hành quân, ra lệnh cho các đơn vị bám vào các làng ven biển chuẩn bị chiến đấu

chặn địch bảo vệ nhân dân. Quân ta rơi vào thế bất lợi. Lưng quay ra biển, tàu chiến địch sẵn sàng nhả đạn, những chiếc ca-nô có thể đổ bộ quân lên bờ bất cứ lúc nào. Trước mặt là đường số 39 rất thuận lợi cho quân cơ động địch triển khai tiến công.

Chiêu ngày 29, chỉ huy GM3 phát hiện một lực lượng lớn quân ta đang có mặt dọc theo bò biển. Chúng lập tức chia thành hai cánh quân tiến công vào Bích Du và Vọng Hải. Suốt ngày 30, địch tập trung mọi cố gắng vào Bích Du, nơi chúng nghi có tới hai nghìn quân ta. Thực ra ở đây chỉ có hai đại đội và một trung đội hỗn hợp cùng với cơ quan chỉ huy của Trung đoàn 48. Chín chiếc máy bay B26 trút hàng trăm trái bom, máy bay khu trục thi nhau ném bom na-pan, pháo binh dồn dập nã đại bác dọn đường cho bộ binh tiến công. Thôn Bích Du nhỏ bé ngang dọc mỗi chiều chưa đầy 300 mét, nhà cửa cây cối đều bị phá trụi, không còn một luống rau xanh. Nhưng bốn cuộc tiến công lớn trong ngày đều bị đẩy lui, địch bỏ lại rất nhiều xác chết. Đến chiều tối, quân địch vẫn chưa lọt được vào thôn. Nhưng chúng tin đã siết chặt vòng vây tới mép bò biển chỉ chờ đợi giờ "cất vớ". Ngày hôm sau, địch tiến vào thì trong thôn không còn ai! Ban đêm, thủy triều xuống đã để lại một dải cát, nước rất nông, tạo một con đường êm mịn cho cả tiểu đoàn cùng với hàng nghìn dân tiếp tục đi lên phía bắc và vượt sông Diêm Hộ. Cũng trong đêm đó, tiểu đoàn ở Vọng Hải lợi dụng lúc địch sơ hở, đã vòng ngay bên sườn GM7, vượt vòng vây đi về phía tây bắc tới Đông Quan.

Ngày 1 tháng 4 năm 1952, tất cả các tiểu đoàn của Đại đoàn 320 đã vượt ra khỏi trung tâm của trận càn ở Tiền Hải, bắt đầu chủ động đánh vào sau lưng quân địch. Sáng ngày 14, một đại đội com-măng-đô đi tuần trên đê Trà Lý đến Quán Bóng rơi vào trận địa phục kích của Tiểu đoàn Tiên Yên mới vượt vây từ Kiến Xương ra. Trong một trận đánh chớp nhoáng, cả đại đội địch hoàn toàn bị xóa sổ. Sáng ngày 24, đến lượt một trung đội công binh đi trên tám xe vận tải từ Thái Bình về Tiền Hải bị tiêu diệt. Trên sông Luộc, sông Trà Lý, ba ca-nô và hàng chục tên địch bị chết chìm dưới dòng nước. Tiểu đoàn Yên Ninh diệt liền hai vị trí Duyên Lăng và Phúc

Duyên cùng với 100 tên địch ở huyện Hưng Nhân. Cùng thời gian, Trung đoàn 57 ở địch hậu Nam Định đánh lui hai tiểu đoàn của GM4 ở Ngọc Liễu, bẻ gãy cuộc tiến công của ba tiểu đoàn địch ở Ngọc Giá, Trung đoàn 98 tiến công vị trí Lạc Thổ ở Bắc Ninh, diệt vị trí Làng Hồ, vị trí quan trọng còn lại ở Thuận Thành, buộc địch phải điều động một binh đoàn cơ động về Bắc Ninh.

Trận càn lớn "Thủy ngân" phải kết thúc sau 18 ngày. Trong thời gian này, Đại đoàn 320, bộ đội địa phương và dân quân du kích Thái Bình đã đánh gần 200 trận lớn, nhỏ, loại 1.750 quân địch khỏi vòng chiến đấu. Phong

trào chiến tranh du kích ở địch hậu Thái Bình không hề suy giảm. Đại đoàn 320 vẫn trụ vững ở tà ngạn.

Trong tháng 5 và tháng 6, chúng tôi theo dõi có lúc từng giờ hai cuộc hành binh mang mặt danh "Lạc đà" và "Chuột túi". Cuộc càn Lạc đà gồm bốn binh đoàn do Gin chỉ huy, nhắm vào Trung đoàn 42 ở vùng bắc sông Luộc kéo dài nửa tháng. Cuộc càn Chuột túi, được địch nhắc nhiều đến địa danh Chợ Cháy, nhắm vào Trung đoàn 46 ở vùng Phú Xuyên, Ứng Hòa, Kim Bằng. Các trung đoàn 42 và 46 có kinh nghiệm đối phó với những cuộc hành binh nặng nề và chậm chạp này, đã kết hợp cùng với bộ đội địa phương và dân quân du kích loại khối vòng chiến đấu hàng nghìn quân địch, làm thất bại hoàn toàn âm mưu "cất vó" của chúng.

Sang tháng 7 năm 1952, địch chuyển sang càn quét nhỏ với lực lượng từ hai đến ba tiểu đoàn trong vòng hai, ba ngày, từ một đại đội đến một tiểu đoàn với thời gian từ một đến hai ngày. Những cuộc càn này chỉ nhắm vào bộ đội địa phương và dân quân du kích.

Không phải chỉ do địch nhận thấy những cuộc hành binh lớn tốn kém và ít hiệu quả, mà còn do các binh đoàn cơ động đã bị tiêu hao nhiều và quá mệt mỏi. Sau Chiến dịch Hòa Bình, những binh đoàn này chỉ có ba tuần lễ nghỉ ngơi và băng bó những vết thương rồi tiếp tục lao vào những cuộc hành binh kéo dài suốt mùa Hè, chúng đã kiệt sức.

Những cuộc hành binh lớn ở địch hậu Bắc Bộ đều diễn ra với hình thức vây quét cổ điển. Nhược điểm lớn của địch là không xác định được mục tiêu cụ thể vì lực lượng ta bao giờ cũng bố trí phân tán từng tiểu đoàn và luôn luôn cơ động. Chúng buộc phải chọn một khu vực tương đối rộng, tổ chức vòng vây lớn và tiến hành rà quét khi siết chặt vòng vây.

Tình hình trung du và đồng bằng Bắc Bộ đã hoàn toàn thay đổi từ sau kế hoạch Hòa Bình. Năm 1948, chúng ta phải đưa từng tổ công tác, từng trung đội võ trang tuyên truyền về thôn xóm tìm chỗ đứng chân cho những đại đội độc lập. Năm

1951, địch đã thiết lập được bộ máy hành chính ở vùng nông thôn với sự che chở của những hệ thống đồn bốt trên hầu khắp các tỉnh trung du và đồng bằng, những khu du kích, căn cứ du kích bị thu hẹp tới mức tối thiểu nằm chơ vơ giữa vùng địch kiểm soát. Đưa một đơn vị lớn vào vùng địch hậu lúc này được coi như mạo hiểm. Nhưng sau Chiến dịch Hòa Bình, những khu du kích và căn cứ du kích đã mở rộng rất nhiều. Những khu du kích mới hình thành tạo nên chỗ đứng chân và địa bàn cơ động rộng rãi cho bộ đội chủ lực ở địch hậu. Nếu những trận đánh lớn trên địa hình đồng bằng, trung du thường gây bất lợi cho ta, thì những trận đánh với từng tiểu đoàn diễn ra trong thời gian ngắn, ở những nơi do ta lựa chọn, đã khiến

cho quân địch mất khả năng đối phó. Chúng ta đã quay về chiến thuật vận động đánh nhỏ với những đơn vị được trang bị tốt hơn và thiện chiến hơn. Chiến thuật này hạn chế tới mức thấp nhất sức mạnh binh khí kỹ thuật hiện đại của địch bằng cách làm cho chúng mất mục tiêu và mất cơ hội chộp bắt ta. Tính cơ động cao trên mọi địa hình của "binh đoàn tác chiến nhỏ" (petit corps de bataille) đã khiến cho những binh đoàn cơ động của địch, được tổ chức rất mạnh, trở nên nặng nề, xoay trở chậm, ít có cơ hội giành chiến thắng.

Nhưng không phải kẻ địch không có lần gặp may.

Sau khi quân địch mở những cuộc hành binh lớn ở đồng bằng, Bộ Tổng Tham mưu rất lo lắng cho hai trung đoàn của Đại đoàn 316 đang hoạt động ở trung du. Hai trung đoàn 98 và 174 đều là những đơn vị quen đánh tập trung, chưa có kinh nghiệm chống càn lớn. Giữa tháng 8 năm 1952, Tổng Quân ủy quyết định cho rút cả hai trung đoàn trở về vùng tự do chính huấn, chuẩn bị Chiến dịch Thu Đông. Lệnh được phổ biến ngay cho Bộ Tư lệnh Đại đoàn 316 đang dự hội nghị tổng kết Chiến dịch Hòa Bình ở Bộ. Trung đoàn 174 đã rút ra kịp thời. Riêng Trung đoàn 98, vì ở sâu trong hậu địch Bắc Ninh, đang chuẩn bị tiêu diệt vị trí Lạc Thổ, nên đại đoàn chưa bắt được liên lạc.

Ngày 14 tháng 4 năm 1952, tướng Cô-nhi, thay Béc-xu chỉ huy khu Bắc, mở cuộc hành binh "Poóc-tô" chiếm Thuận Thành nhằm giải tỏa đường số 38, gần nơi Trung đoàn 98 trú quân. Trung đoàn từ phía nam sông Đuống di chuyển lên phía bắc sông, chọn thế có lợi ở phía sau lưng quân địch. Ngày 18, Cô-nhi mở tiếp cuộc hành binh "Pô-lô" với ba binh đoàn cơ động tiến hành càn quét khu vực nằm giữa cầu Đuống và thị xã Bắc Ninh, đặt Trung đoàn 98 vào giữa vòng vây. Trung đoàn quyết định nổ súng đánh địch. Cuộc chiến đấu diễn ra quyết liệt từ chiều ngày 18, tại ba ngôi làng ở Quế Võ (Bắc Ninh), nơi trung đoàn trú quân. Tại Đại Vi Thượng, bộ đội ta tiêu diệt một tiểu đoàn của GM2. Cô-nhi bắt đầu phát hiện Trung đoàn 98 đang nằm trong khu vực và quyết định không bỏ lỡ cơ hội. Ngay trong ngày và đêm

hôm đó, Cô-nhi điều thêm ba binh đoàn cơ động GM1, GM3 và GM7, mở tiếp cuộc hành binh thứ ba "Tuếch-cô" nhằm tiêu diệt lực lượng ta. Ngày 19, Trung đoàn 98 ở trong thế bị bao vây bốn phía, kiên quyết chiến đấu không cho quân địch lọt vào làng. Đêm ngày 19, trung đoàn mở một con đường ở phía tây để trở về vùng tự do. Vì thiếu kinh nghiệm, cả trung đoàn cùng rút theo một con đường. Bộ phận đầu đi lọt. Nhưng bộ phận sau bị quân địch chặn đánh dữ dội. Đáng lẽ phải kiên quyết đánh mở đường để vượt ra, bộ phận này lại quay về vị trí trú quân cũ. Ngày 20, quân địch với lực lượng

đông áp đảo, được máy bay, trọng pháo yểm trợ và xe tăng mở đường, tiến vào ba ngôi làng. Bộ đội ta bị thương vong nhiều nhưng vẫn chặn được quân dịch bên ngoài lũy tre. Đêm ngày 20, trung đoàn lại tổ chức vượt vòng vây. Nhưng phòng tuyến bao vây của địch dày đặc kéo dài ba ki-lô-mét. Chính ủy trung đoàn Lê Quang Ấn và Tham mưu trưởng Bùi Đại hy sinh. Một số chiến sĩ lợi dụng đêm tối, phân tán rút ra vùng tự do. Suốt tám ngày đêm chiến đấu liên tục, Trung đoàn 98 đã loại khỏi vòng chiến đấu gần 1.000 quân dịch, nhưng đây là lần đầu, ta mất 600 cán bộ và chiến sĩ trong một trận càn. Một giá quá đắt cho những sai sót đáng lẽ ra có thể tránh được.

Cuộc chiến đấu mùa Hè mở ra khả năng duy trì chiến tranh du kích ở vùng hậu địch Bắc Bộ ngay cả khi ta không mổ chiến dịch lớn ở chính diện, địch tập trung toàn bộ lực lượng cơ động để đánh phá phong trào. Với những đơn vị chủ lực không đồng, có cách đánh thích hợp, chiến tranh du kích sẽ giữ vững và phát triển ở vùng sau lưng địch đúng với vị trí chiến lược của nó trong giai đoạn mới, tạo một thế uy hiếp thường xuyên trên những địa bàn xung yếu, kìm chân một lực lượng lớn quân địch. Đây chính là cách tạo điều kiện tốt nhất cho những đại đoàn chủ lực giành chiến thắng trên mặt trận chính diện.

Chúng ta dự đoán trong mùa khô tới, với những bình đoàn cơ động quá môi mệt suốt mùa Hè, địch khó có khả năng mở một cuộc tiến công lớn ra vùng tự do.

iên Tây Bắc (Bắc Bộ) gồm bốn tỉnh: Yên Bái, Lào Cai, Sơn La, Lai Châu, rộng khoảng 44.300 ki-lô-mét vuông, dân số ước 440.000 người, là một vùng rừng núi trùng điệp. Nhiều dãy núi cao hơn 1.000 mét, riêng mỏm Phan-xi-păng trên đỉnh Hoàng Liên Sơn, cao 3.142 mét. Phía đông tiếp giáp với căn cứ địa Việt Bắc, phía nam giáp tỉnh Hòa Bình, nổi liền với các tỉnh thuộc Liên khu 3, Liên khu 4, phía bắc giáp tỉnh Vân Nam - Trung Quốc, phía tây giáp Thượng Lào. Tây Bắc có một vị trí chiến lược quan trọng đối với cách mạng ở Đông Dương.

Trừ một phần tỉnh Yên Bái và Lào Cai là vùng giải phóng và mới giải phóng, phần lớn Tây Bắc vẫn nằm dưới sự thống trị của thực dân Pháp và bọn thổ ty, lang, đạo

phản động. Cơ sở chính của ta ở đây còn non yếu. Dân cư Tây Bắc thưa thớt, thuộc nhiều dân tộc, đa số là người Thái, cuộc sống nghèo đói, nhiều người chưa có dịp tiếp xúc với cách mạng.

Mặc dù chúng ta có những đơn vị Tây tiến thời đầu chiến tranh, những đội tuyên truyền xung phong đi rất sâu vào Tây Bắc từ năm 1948, nhưng để tổ chức một chiến dịch lớn thì chiến trường này với cơ quan tham mưu của ta vẫn còn ít nhiều xa lạ. Thời gian chuẩn bị sớm, từ tháng 3 năm 1952, đã giúp ta khắc phục một phần nhược điểm này. Trình sát của Bộ đi nghiên cứu chiến trường về báo cáo, vào Tây Bắc chỉ có hai trục đường chính: Từ Yên Bái vượt sông Hồng, theo đường số 13 vào Ba Khe, Phù Yên, vượt tiếp sông Đà tới Cò Nòi gặp đường số 41 đi lên Sơn La, Lai Châu; từ Hòa Bình theo đường số 6 đi lên Mộc Châu gặp đường số 41 đi tiếp. Những con đường này đều bị phá hoại nhiều, chỉ còn từng đoạn ngắn giữa các đồn bốt địch xe ô-tô còn đi được. Đặc biệt, nhiều đoạn tiếp giáp với vùng tự do của ta bị phá hoại lâu ngày biến thành rừng không dấu vết.

Quân dịch ở Tây Bắc được tổ chức thành Khu tự trị Tây Bắc, gọi tắt là ZANO (Zone autonome Nord - Ouest) gồm tám tiểu đoàn, trong đó có năm tiểu đoàn ngụy Thái và ba tiểu đoàn cơ động người Phi. Ngoài ra có 40 đại đội ngụy Thái làm nhiệm vụ chiếm đóng. Pháo có 11 khẩu các loại. Dịch bố trí thành bốn phân khu: Phân khu Nghĩa Lộ, phân khu Sông Đà, phân khu Sơn La và phân khu Lai Châu. Ngoài ra còn có tiểu khu Tuần Giáo. Toàn khu, dịch đóng 400 cứ điểm phần lớn là trung đội, chỉ có 40 cứ điểm đại đội. Riêng hai vị trí Nghĩa Lộ, Mộc Châu, được coi là hai lá chắn bảo vệ cửa ngõ Tây Bắc, mỗi nơi có một tiểu đoàn, công sự được củng cố vững chắc. Viên quan tư Ti-ri-ông vốn là một sĩ quan thời kỳ thực dân Pháp, đã có mặt ở Tây Bắc từ năm 1940, chỉ huy phân khu Nghĩa Lộ tuyên bố: "Phải năm năm nữa Việt Minh mới đủ khả năng đánh Nghĩa Lộ"! Rõ ràng với cách phòng thủ này, dịch chưa đánh giá được những tiến bộ của quân đội ta mấy năm qua. Chúng vẫn hy vọng vào sự tăng viện nhanh chóng lực lượng cơ động từ đồng bằng như trong Chiến dịch Lý Thường Kiệt.

Khó khăn nổi lên là vấn đề tiếp tế lương thực và đạn dược trong một chiến dịch dài ngày. Những con đường tiếp tế từ Thái Nguyên, Thanh Hóa ra mặt trận đều từ 200 đến 300 ki-lô-mét. Theo dự kiến rất khó huy động lương thực tại chỗ. Cách khắc phục vấn đề này là phải sửa đường để sử dụng xe cơ giới. Và phải huy động một lực lượng lớn dân công. Nhưng số dân công tăng lên thì nhu cầu lương thực cũng tăng theo! Nhu cầu vật chất của chiến dịch ước tính khoảng 9.000 tấn lương thực, thực phẩm, 120 tấn vũ khí, đạn dược và dụng cụ thuốc men cần thiết để cứu chữa cho khoảng 5.000 thương binh.

Kế hoạch giữ bí mật phương hướng chiến dịch được hoạch định tỉ mỉ. Ta cần duy trì sự bố phòng của địch như hiện nay tới trước giờ nổ súng. Phải che giấu mọi hoạt động chuẩn bị và tìm cách đánh lạc hướng Bộ chỉ huy Pháp.

Việc sửa chữa những đường trục vận chuyển bằng ô-tô, đường số 13 từ Chủ Chè đi Yên Bái vào Ba Khe, đường số 6 từ Hòa Bình lên Suối Rút và đường Hồi Xuân lên Suối Rút, được tiến hành từ nơi xa dịch trước. Cơ quan hậu cần không chuyển vật phẩm lên lót ổ, lập chân hàng bên hữu ngạn sông Hồng, mà phải tập kết ở tả ngạn, tổ chức vận chuyển theo sát các mũi tiến công khi chiến dịch mở màn. Ta tiến hành một kế hoạch nghi binh lớn. Trung đoàn 238 ở Bắc Ninh, Bắc Giang mang tên mới: Đại đoàn 316! Trung đoàn 246 ở Vĩnh Yên, Phúc Yên mang tên Đại đoàn 308. Trung đoàn 91 ở Sơn Tây, Phú Thọ được gọi là Đại đoàn 312. Đài thường trực của các đại đoàn chủ lực dự Chiến dịch Tây Bắc đều bố trí ở lại vị trí cũ, tiếp tục phát tin liên lạc định kỳ đúng phiên thường lệ theo mật mã cũ để đánh lừa dịch. Đúng ngày triển khai chiến dịch, Bộ Tổng Tham mưu bất thần thay đổi mật mã, tổ chức tập trung dân quân tiến hành những cuộc chuyển quân rầm rộ ở Vĩnh Phúc, Hà Đông, Hà Nam và Ninh Bình, đồng thời đưa hai đại đoàn 304 và 320 vào hậu dịch cùng lúc các đơn vị tham gia Chiến dịch Tây Bắc lên đường... Ngày 17 tháng 9 năm 1952, Cao ủy Lơ-tuốc-nô trả lời phỏng vấn của các nhà báo Mỹ một cách đầy tin tưởng: "Việt Minh sẽ tiến công đồng bằng"! Đò Li-na-rét vẫn bố trí 29 trong số 32 tiểu đoàn cơ động vào việc phòng thủ hai bờ nam, bắc sông Hồng.

Từ ngày 6 đến ngày 9 tháng 9 năm 1952, Bộ tổ chức hội nghị trao nhiệm vụ cho các đơn vị. Các Liên khu Việt Bắc, Liên khu 3, Liên khu 4 và Mặt trận Tây Bắc đều có mặt. Cấp chỉ huy các đơn vị tham gia chiến dịch từ trung đoàn trở lên được triệu tập.

Bây trung đoàn chủ lực thuộc các đại đoàn 308, 312, 316 cùng với binh chủng phối thuộc có nhiệm vụ tiêu diệt phân khu Nghĩa Lộ mở màn Chiến dịch Tây Bắc. Tiểu đoàn 910 của Mặt trận Tây Bắc luôn sâu vào vùng dịch hậu ở Quỳnh Nhai (tây bắc Sơn La 68 ki-lô-mét) với nhiệm vụ tranh thủ nhân dân, củng cố và mở rộng cơ sở chính trị, xây dựng lực lượng vũ trang địa phương chuẩn bị cho những hoạt động tiếp theo của chiến dịch.

Trung đoàn 176 của Đại đoàn 316 ở lại Phú Thọ phòng ngừa quân dịch đánh ra. Trong trường hợp này, một trung đoàn của Đại đoàn 308 sẽ quay về phối hợp tiêu diệt sinh lực dịch.

Liên khu 3 có nhiệm vụ tăng cường hoạt động kiểm chế lực lượng dịch không cho chúng tăng viện lên chiến trường chính hoặc đánh ra vùng tự do.

Tư tưởng chung của bộ đội lúc này vẫn hướng về đồng bằng. Khi trao nhiệm vụ, tôi nhấn mạnh: "Ở đồng bằng cũng như ở Tây Bắc, ta đều có điều kiện tiêu diệt dịch, nhưng ở Tây Bắc ta có nhiều thuận lợi để tác chiến tập trung và tiêu diệt dịch nhiều hơn. Ở đồng bằng và ở Tây Bắc, ta đều có

nhiệm vụ và điều kiện tranh thủ nhân dân, song ở Tây Bắc việc tranh thủ nhân dân có ý nghĩa đặc biệt hệ trọng. Vì ở đây âm mưu phá hoại đoàn kết, chia rẽ dân tộc của địch rất thâm độc, các thế lực thù địch còn mạnh, còn không chế được đại bộ phận các dân tộc. Giải phóng một bộ phận đất đai ở Tây Bắc là thực hiện một phương châm có ý nghĩa quan trọng về chiến lược, để mở rộng, cũng cố căn cứ địa Việt Bắc, giữ vững đường giao thông quốc tế và tạo những điều kiện mới cho cách mạng Lào. Cả ba nhiệm vụ tiêu diệt địch, giải phóng đất đai, tranh thủ nhân dân đều quan trọng và quan hệ mật thiết với nhau, nhưng nhiệm vụ tiêu diệt sinh lực địch có vị trí đặc biệt, vì có tiêu diệt nhiều sinh lực địch mới làm được tốt hai nhiệm vụ kia. Chúng ta vừa đánh phá hệ thống bình định, kìm kẹp của địch, vừa tổ chức tiến công địch trong công sự, vừa bố trí lực lượng thích đáng đánh địch trong vận động, đánh địch đến cứu viện. Tìm mọi cách kéo địch ra khỏi công sự, lôi viện bình địch đến mà tiêu diệt...".

Bộ Tổng Tư lệnh quy định "10 điều kỷ luật" của quân đội là hết sức tôn trọng, giúp đỡ dân, không xâm phạm tài sản của dân, hết sức tôn trọng tín ngưỡng, phong tục tập quán của dân, giao thiệp với dân không được nói dối, tuyệt đối phải giữ lời hứa...".

Mấy ngày hội nghị, thời tiết xấu, mưa kéo dài. Cuộc họp sắp kết thúc, bỗng thấy Bác tay cầm gậy, hai ống quần xắn cao, từ ngoài tươi cười đi vào. Anh em đã được báo trước Bác sẽ tới, nhưng không ai nghĩ Người lại đến giữa lúc trời mưa lớn, nước suối quanh vùng đều dâng cao. Tiếng hò reo hân hoan vang dậy. Bác kể:

- Trời mưa to, nước lũ đổ về. Khi đến một con suối, nước đang chảy rất mạnh, thấy bờ bên kia có một nhóm đồng bào đang ngồi đợi nước xuống. Mình nghĩ: Cần sang thì phải sang, nếu không đi ngay e các chú phải đợi, mất thời giờ. Thế là mình cùng mấy chú nữa quyết tâm cõi quần áo ngoài, tay sào, tay gậy lần sang được! Thấy vậy, nhóm đồng bào bên kia cũng quyết tâm lội nước sang được bên này... Đó là bài học cho các chú. Bất kỳ việc gì to hay nhỏ, nếu mình có quyết tâm thì đều làm được, mà còn lôi cuốn được người khác cũng quyết tâm như mình...

Bác nói tiếp:

- Trung ương và Tổng Quân ủy đã cân nhắc kỹ chỗ dễ và chỗ khó của chiến trường sắp đến và quyết tâm là chiến dịch này phải đánh cho thắng lợi. Quyết tâm đó từ Trung ương qua các chú mà đến người chiến sĩ. Quyết tâm đó phải thành một khối thống nhất từ trên xuống dưới từ dưới lên trên... Quyết tâm phải thấm nhuần sâu sắc đến mọi người. Gặp thuận lợi thì phải quyết tâm phát triển, gặp khó khăn thì phải quyết tâm khắc phục. Gặp

cái dễ mà không quyết tâm phát triển thì nó có thể biến thành cái khó, gặp cái khó mà quyết tâm khắc phục thì cũng thành dễ...

Trong ngày hôm đó, Trung ương Đảng ra quyết định thành lập Bộ chỉ huy chiến dịch, chỉ định tôi làm Chỉ huy trưởng, anh Hoàng Văn Thái - Tham mưu trưởng, anh Nguyễn Chí Thanh - Chủ nhiệm Chính trị, anh Trần Đăng Ninh - Chủ nhiệm Cung cấp.

Qua chinh huân mua He, tinh than trach nhiem cua can bo len rat cao. Mac du biet Tay Bac la mot chien truong dich yéu, Dai doan truong Vuong Thua Vu van cung mot bo phan can bo Dai doan 308 di trinh sat Nghia Lo theo huong deo Khau Vac. Day la mot nhanh duoi day Hoang Lien Son, quanh nam may phu, da sang mua kho nhung khi hau rat am ute, va dia hinh ctc ky hiem tro. Ba thang truoc, mot to quan bao cua Bo di dieu tra chien truong, mot chien si da say chan sa xudng vuc sau hy sinh. Dai doan truong xac dinh: "Bang moi cach ta phai vao duoc Nghia Lo, khong phai chi toi chan hang rao, ma phai vao tan trong hang rao thu hai cua cü diem dich de dieu tra". Doc duong kho tho nâu, moi nguoi phai mang theo sau nam ccm an dan. Deo cao, rung ram, suo sau, thac du. Muoi nhu trau nem, vat nhu doi. Moi khi ngoi ngh, dung len phai vuot lai tung ngon co tranh ke dich phát hien. Quan ao luon ute sung. Luc doi chia nhau may qua di rung. Nhung tieu doan truong, suc duong trai con phai gang chiu dung. Trong so can bo trung va dai doan lon tuo hon, anh Vu mac bênh da day kinh nien, Trung doan truong Vu Yen dang bi len mot cai nhot o bap dui, Trung doan truong Thai Dung chi con mot canh tay trai, treo doc luon luon bi nga.

Một buổi trưa, ngồi nghỉ trên đèo, nhìn nhau ai nấy mặt mũi đều hốc hác. Cởi giày ra coi, đôi bàn chân nước ăn trắng bệch. Có đồng chí, chân bị loét, nhìn thấy cả thịt. Đại đoàn trưởng bỗng cất tiếng hỏi:

- Các đồng chí vẫn nắm vững bài học quyết tâm của Bác đấy chứ!
- Báo cáo, vẫn nắm vững! - Mọi người cùng bật lên, vui vẻ trả lời. Và họ tiếp tục lên đường, vượt qua những ngày gian khổ, hiểm nghèo đáp ứng những yêu cầu cao nhất trong nhiệm vụ chuẩn bị chiến trường.

Bài học quyết tâm của Bác lại hiện ra mỗi lần các đơn vị gặp khó khăn trong suốt chiến dịch.

Tôi ngày 7 tháng 10 năm 1952, bộ đội bắt đầu vượt sông Hồng tiến vào Tây Bắc.

Mùa mưa ở Tây Bắc năm nay kéo dài, nước sông vẫn to. Hai tỉnh Phú Thọ, Yên Bái huy động hơn 450 chiếc thuyền, phà. Các khu vực Mậu A, Cổ Phúc, Âu Lâu, mỗi nơi đều có bến vượt. Trong bốn đêm liền, trên 30.000

bộ đội, dân công cùng với binh khí kỹ thuật đã được đồng bào đưa qua sông an toàn.

4

Lần đầu cách đây hơn năm năm. Đó là sau khi rút khỏi Hà Nội, trên

Lần đầu cách đây hơn năm năm. Đó là sau khi rút khỏi Hà Nội, trên đường lên Việt Bắc, tôi đã từ Phú Thọ đi thăm Lào Cai và Sa Pa trên một chuyến tàu lửa trước khi phương tiện giao thông này biến mất trong chiến tranh. Và chỉ nữa năm sau đó, phần lớn những nơi tôi đi qua đã trở thành vùng tạm chiếm.

Chúng ta đã chú ý rất sớm tới vị trí chiến lược của Tây Bắc. Giữa lúc còn đang bao vây Hà Nội, trong Hội nghị toàn quốc lần thứ nhất tháng 1 năm 1947, Bộ Tổng chỉ huy đã quyết định mở Mặt trận miền Tây, và bắt đầu có những đoàn quân Tây tiến. Bộ đội ta đã cùng nhân dân Lào chiến đấu, nhanh chóng làm chủ tuyến sông Mã và Sầm Tớ, thọc sâu bao vây Sầm Nua gây cho địch rất nhiều khó khăn. Địch đã phải điều lực lượng giải vây Sầm Nua, thay quân ở Sơn La, rút khỏi Chợ Bờ, Lương Sơn ở Hòa Bình. Sau cuộc tiến công chiến lược Thu Đông năm 1947 vào căn cứ địa Việt Bắc, quân địch đã cố mở rộng phạm vi kiểm soát ở Tây Bắc ra tới hữu ngạn sông Hồng nhằm cô lập Việt Bắc, phong tỏa biên giới Việt - Trung, bảo vệ Thượng Lào.

Từ rất sớm, tôi đã nghĩ tới một đạo quân vu hồi chiến lược từ Việt Bắc qua Tây Bắc, Thượng Lào đi dọc đường sông Mê Kông với những vùng trù phú không thiếu lượng thực, những căn cứ của bạn ở Trung Lào và Hạ Lào, tiến xuống Nam Bộ. Con đường này chắc ít khó khăn hơn so với tuyến đường dọc miền Trung phải vượt qua đầy rẫy quân địch, và nhất là nó sẽ tạo ra thế bất ngờ.

Cuối năm 1947, một đội vũ trang tuyên truyền Lào - Việt do đồng chí Cay-xôn Phôm-vi-hân và đồng chí Thao Ma chỉ huy đã từ Tây Bắc tiến về hoạt động ở Xiêng Khọ, một đội khác gồm 30 chiến sĩ Lào hoạt động ở Hứa Mường, hai nơi này đều thuộc tỉnh Sầm Nua. Đầu năm 1948, Bộ Tổng chỉ huy chỉ thị cho Liên khu 10 phá kế hoạch chiếm đóng Tây Bắc của địch bằng cách đưa các đội xung phong công tác,

đội vũ trang tuyên truyền, và đại đội độc lập vào vùng địch hậu phát động phong trào toàn dân đánh giặc, tiến tới mở rộng căn cứ địa Tây Bắc. Bốn đội Xung phong Quyết Thắng, Xung phong Quyết Tiến, Xung phong Trung Dũng, Xung phong Tây Bắc đã lên đường.

Tháng 2 năm 1948, Tổng Quân ủy đã chỉ đạo Liên khu ủy và Bộ Tư lệnh Liên khu 10 tổ chức Ban xung phong Lào Bắc, hoạt động ở Thượng Lào...

Phải chăng con đường đang thực sự mở ra với chủ trương chuyển hướng chiến lược của ta.

Vượt sông Hồng ở phía bắc thị xã Yên Bái, một đêm không trăng, trời đầy mây. Đứng trên phà, nước sông chảy xiết, nhìn bờ bên kia núi rừng tối đen. Vô ngựa chập chững trên đường số 13 bị bỏ lâu ngày lầy lội, hết xuống dốc lại lên đèo, luôn có những khe núi cắt ngang.

Những bản làng trên dọc đường dân đã bỏ đi, không một ánh lửa, lạnh lẽo.

Một chiến sĩ Trung đoàn 102 đã làm mấy câu thơ:

Một chiều qua bến Âu Lâu

Bản làng hoang vắng, lòng sầu xót xa

Đại quân đã vượt Hồng Hà...

Sau khi qua sông, các đơn vị chia thành nhiều hướng. Mũi tiến công chính, Trung đoàn 88 và Trung đoàn 102 theo đường mòn đi xuyên rừng vượt đèo Khâu Vác vào vị trí xuất phát tiến công Nghĩa Lộ. Trung đoàn 209 và Trung đoàn 165 theo đường Thụy Cường, Nậm Bàng tới bao vây Gia Hội, chặn đường rút của quân địch từ Nghĩa Lộ về Sơn La. Trung đoàn 36 đi theo đường số 13 qua đèo Bụt tiến vào Ca Vịnh, Cửa Nhì là hai tiến đốn của Nghĩa Lộ đứng chặn ở hướng tây.

Trên đường hành quân, bộ đội nhận được thư của Bác:

"Giù các cán bộ và chiến sĩ.

Chiến dịch này là một chiến dịch rất quan trọng. Các chú phải đánh cho thắng.

Tất cả các chú, cán bộ cũng như chiến sĩ, đều phải:

- Quyết tâm chiến đấu, triệt để chấp hành mệnh lệnh.
- Bên bì dèo dai, vượt qua mọi gian khổ, khắc phục mọi khó khăn.
- Thương dân, trọng dân và tốt với dân.

- Tiêu diệt thật nhiều địch, giành cho được toàn thắng.

Bác chờ tin thắng lợi của các chủ đề khen thưởng các chủ".

Trời mưa, phần lớn các con đường đều hẹp, chỉ đi được một người. Nhiều đoạn đèo dốc đứng, mũi người đi sau chạm vào chân người đi trước. Mỗi cánh quân đều có dân công gồng gánh lương thực, đạn dược đi theo, đội hình kéo dài vô tận. Số lượng dân công huy động trong chiến dịch đông hơn bộ

đội. Mũi tiến công chính có đêm chỉ đi được năm, sáu ki-lô-mét! Điều này nằm ngoài dự kiến. Tham mưu đề nghị lui thời gian nổ súng lại hai ngày.

Sô chî huy chiên dich dông ô Khe Lông, dông nam Nghĩa Lô 15 ki-lô-mét. Từ đây, ngoài con đường chạy vào Nghĩa Lô, còn một con đường đi Phù Yên, Gia Phù tói Tạ Khoa bên sông Đà, hướng phát triển chính của chiến dịch.

Bộ phận trình sát của ta bám Nghĩa Lộ báo cáo về quân địch mới tăng cường cho phân khu thêm một đại đội thuộc tiểu đoàn 8 Ta-bo, và dời sở chỉ huy phân khu từ vị trí Nghĩa Lộ Phố về đổi Pú Chạng, đang củng cố thêm công sự phòng ngự. Những thay đổi này chưa có gì đáng kể. Núi rừng Tây Bắc âm u sương mù vẫn im ắng. Tôi không hiểu vì sao cuộc chuyển quân rất lớn trong những ngày qua vẫn chưa bị địch phát hiện. Người Pháp đã viết thời gian này tìm thấy trong xác một sĩ quan Việt Nam tài liệu về một chiến dịch quy mô sẽ mở ra ở Bắc Lào, hướng thứ nhất từ Sơn La, Điện Biên Phủ nhắm vào Luông Pha Băng, hướng thứ hai từ Mộc Châu qua Sầm Nưa nhắm vào cao nguyên Trấn Ninh (?). Bộ chỉ huy Pháp coi đây chỉ là "một động tác tâm lý nhằm che đậy những hoạt động chuẩn bị đánh đồng bằng". Đúng là Bộ chỉ huy Pháp không tính tới sự chuyển hướng tiến công của ta lên Tây Bắc. Nguồn tin chủ yếu của địch vẫn do bộ phận nghe trộm vô tuyến điện cung cấp. Địch tin là các đại đoàn chủ lực của ta còn ở những vị trí cũ phía bắc và phía nam đồng bằng Bắc Bộ. Từ ngày 20 tháng 9 ta chuyển sang mật mã mới thì cơ quan tình báo Pháp hoàn toàn mất phương hướng.

Nghĩa Lộ là một thung lũng chiều rộng từ ba đến tám ki-lô-mét, chiều dài 15 ki-lô-mét. Đây là một trong bốn vựa lúa ở Tây Bắc. Trên cánh đồng rộng, lúa chín vàng, một con ngòi êm đềm chảy ngang, các làng bản đều có hàng rào bao quanh, giống như những trại tập trung. Thị trấn Nghĩa Lộ hiện lên giữa cánh đồng, với những ngòi nhà tranh, nhà ngói xen nhau. Đồn Nghĩa Lộ Phố nằm ở cuối thị trấn lên một gò nhỏ, khá bằng phẳng, vốn là trại lính khổ xanh cũ được củng cố công sự khá vững chắc, do 400 quân bảo vệ. Một sân bay chạy dài từ đây tới hai ngọn núi cao nhọn hoắt, địa hình hiểm trở. Đó là Nghĩa Lộ Đồi, vừa chuyển thành sở chỉ huy phân khu có hơn 300 quân địch. Ngày 14 tháng 10 năm 1952, Chiến dịch Tây Bắc mở màn.

Trung đoàn 174 đánh Ca Vịnh, Trung đoàn 141 đánh Sài Lương, hai vị trí nằm ở phía tây Nghĩa Lộ. Phát hiện lực lượng lớn của ta, quân địch ở hai cứ điểm này đều tháo chạy. Cùng ngày, ở phía nam, trên đường ra sông Đà, Trung đoàn 98 tiêu diệt vị trí Gia Phù.

Mặc dù một loạt vị trí chung quanh phân khu bị tiêu diệt nhưng Bộ chỉ huy Pháp ở Hà Nội vẫn chưa nhìn thấy tầm vóc của cuộc tiến công. Ngày 15, Đờ Li-na-rét điều một tiểu đoàn bộ binh lê dương lên Nà Sản nhằm bảo vệ Sơn La. Trong ngày, Ti-ri-ông chỉ huy phân khu Nghĩa Lộ, ném đại

đội Ta-bo vừa được tăng cường, về phía Khâu Vác thăm dò lực lượng của ta. Một đơn vị của Đại đoàn 312 tiêu diệt gọn đại đội này ở Nậm Mười.

Ngày 16, quân địch ở các vị trí Thượng Bằng La, Ba Khe và một loạt vị trí nhỏ chung quanh những cứ điểm vừa bị tiêu diệt, tự động bỏ đồn rút chạy. Đờ Li-na-rét đã thấy tình hình nghiêm trọng ở Nghĩa Lộ, vội ném tiểu đoàn dù 6 thuộc địa (6è BPC) của Bi-gia xuống Tú Lệ, cách thị trấn hơn 30 ki-lô-mét, hòng làm giảm áp lực nhắm vào phân khu. Đây là cách làm của Xa-lăng trong Chiến dịch Lý Thường Kiệt năm trước. Đại đoàn 312 đã có mặt ở hướng này, đang chuẩn bị đánh Gia Hội.

Bộ chỉ huy chiến dịch lệnh cho Đại đoàn 308 bao vây địch chặt ở Nghĩa Lộ, không cho chúng rút chạy về Sơn La, và nhanh chóng tiêu diệt toàn bộ quân địch.

Ngày 17, trong khi Ti-ri-ông chưa hiểu vì sao đại đội Ta-bo đi về phía Khâu Vác mất tăm, hai trung đoàn của Đại đoàn 308 đã từ đỉnh núi cao 1.500 mét đổ xuống chiếm lĩnh trận địa chung quanh Nghĩa Lộ. Lợi dụng sương mù, từ 9 giờ sáng, các tiểu đoàn xung kích của Trung đoàn 102 cùng với pháo binh và súng phòng không đã có mặt trên những quả đồi đối diện với Pú Chạng đợi giờ nổ súng. Trung đoàn 88 chỉ còn chờ trời tối là sẽ tiến vào Nghĩa Lộ Phố. Phía đông, Trung đoàn 36 đã bao vây Cửa Nhì, tiến đốn cuối cùng của Nghĩa Lộ trên đường từ Yên Bái vào.

Trong hội nghị phổ biến nhiệm vụ chiến dịch, Bác hôi Trung đoàn trưởng Vũ Yên, vừa qua đã đánh Đồn Pheon:

- Lần này chú định thế nào?
- Thưa Bác, trận đánh trước cháu đánh chưa tốt, trận này cháu quyết đánh thắng.

Vũ Yên đã đề nghị Đại đoàn trao cho Trung đoàn 102 nhiệm vụ tiêu diệt cứ điểm Pú Chạng, nơi địch đặt sở chỉ huy phân khu. Anh hứa với Đại đoàn trưởng: "Chúng tôi cố gắng tiêu diệt Pú Chạng chậm nhất là năm tiếng".

14 giờ 30 phút, súng cối 120mm của ta bắt đầu bắn vào trận địa pháo 105mm ở Nghĩa Lộ Phố, tạo điều kiện cho các mũi xung kích của Tiểu đoàn 102 dàn đội hình tiếp cận hàng rào cứ điểm Pú Chạng. Ba tốp máy bay Hellcat, rồi một tốp máy bay B26 nối nhau xuất hiện trên bầu trời. Chúng vừa trút bom phá, bom na-pan, vừa bắn vào trận địa pháo và những nơi chúng nghi có bộ đội ta. Các chiến sĩ phòng không nổ súng bắn rơi hai chiếc Hellcat. Xung kích chờ dứt tiếng bom là băng qua màn khói, bám sát hàng rào, mở cửa đột phá dưới hỏa lực dữ dội từ trong đồn bắn ra. Có người trúng na-pan, lăn mình dập lửa, rồi lại tiếp tục tiến lên. Đại đội chủ công 267 lọt vào đồn,

nhanh chóng thực hiện thọc sâu, chia cắt quân địch. Sau ba giờ tác chiến, trận đánh kết thúc tại hầm ngầm cố thủ giữa cứ điểm. Ta bắt 177 quân địch cùng với tên quan tư chỉ huy phân khu Ti-ri-ông.

Trung đoàn 88 đánh Nghĩa Lộ Phố, vào chiếm lĩnh trận địa chậm, mãi 3 giờ sáng ngày 18 mới nổ súng. Địch dùng máy bay thả pháo sáng, bắn vào trận địa ta. Bộ đội vừa đối phó với máy bay, vừa tiêu diệt những ổ để kháng trong cứ điểm. 8 giờ sáng ngày 18, ta tiêu diệt hoàn toàn Nghĩa Lộ Phố, bắt 285 tên địch, với cả viên đại úy Bác-be chỉ huy quân tăng viện. Trong số vũ khí thu được có hai khẩu lựu pháo 105mm và hàng nghìn viên đạn.

Cũng trong đêm ngày 17, Trung đoàn 98 tiêu diệt sở chỉ huy tiểu khu Phù Yên. Ngày 18, quân địch ở Vạn Yên rút chạy. Đêm ngày 18, Trung đoàn 36 kết thúc số phận đốn Cửa Nhì, diệt và bắt 214 quân địch.

Sau trận Pú Chạng, tôi được tin đồng chí Vũ Phương, Chiến sĩ thi đua của Trung đoàn 102 hy sinh khi đã hoàn thành nhiệm vụ tiêu diệt đồn địch, đi ra thì trúng bom của máy bay. Tôi biết Phương trong một tối lửa trại ở Tiểu đoàn 18. Anh bộ đội bé nhỏ, xinh xắn, xuất hiện với điệu múa Mèo làm rộ lên tiếng cười. Điệu múa đã mang lại cho anh cái tên trìu mến: Phương Mèo. Người cán bộ vui nhộn ấy, đã chiến đấu với quân địch ở bến Bình Ca, đã chỉ huy bộ đội đánh thắng trận Non Nước, và lần này là trận Pú Chạng. Tôi lặng đi một lát với ý nghĩ rồi đây sẽ có nhiều cán bộ, chiến sĩ ưu tú tiếp tục phải hy sinh.

Sự sụp đổ nhanh chóng của Nghĩa Lộ được đánh giá là một bất ngờ bi thảm đối với Bộ chỉ huy Pháp ở Hà Nội, vì nó đặt toàn phân khu vào tình trạng tuyệt vọng, không thể dùng lực lượng dù để cứu nguy, báo hiệu những thất bại tiếp theo còn nghiêm trọng hơn. Xa-lăng từ Sài Gòn vội vã bay ra Hà Nội, ra lệnh cho tiểu đoàn 6 dù rút ngay về Nà Sản. Xa-lăng không thể để mất thêm tiểu đoàn dù con cứng này sau khi Nghĩa Lộ thất thủ. Trước áp lực của Đại đoàn 312 ở hướng tây - bắc, quân địch ở Gia Hội bỏ đốn rút về Tú Lệ, nhập vào lực lượng ở đây, cùng với tiểu đoàn dù

6 chạy về phía sông Đà. Trung đoàn 165 truy kích liền năm ngày đêm, diệt và làm tan rã hàng trăm quân địch. Một tờ báo phương Tây viết về tiểu đoàn dù 6 sau khi rút chạy khỏi Tú Lệ: "Kiệt sức, nhem nhuốc, người đầy vết, run lên vì sợ hãi và sốt rét, lê chân về tới Nà Sản". Tiểu đoàn này phải đưa về Hà Nội cùng cổ vì mất tinh thần.

Ở đông nam Lai Châu, mũi vu hồi của Tiểu đoàn 910 (Trung đoàn 148) tiêu diệt vị trí Nậm Dìn, đánh tan một tiểu đoàn ngụy Thái và tiểu đoàn cơ động 17 Ta-bo tới cứu viện.

Ngày 23 tháng 10, Đại đoàn 312 đã có mặt bên bờ sông Đà.

Chỉ sau 11 ngày đêm chiến đấu, ta đã giải phóng vùng hữu ngạn sông Thao, tả ngạn sông Đà, từ Vạn Yên đến Quỳnh Nhai, làm chủ con đường số 13 nối liên Yên Bái với Nghĩa Lộ. Ta tiêu diệt 500 quân địch, bắt trên 1.000 tên,

trong đó có 300 lính Âu - Phi, nhiều sĩ quan chỉ huy phân khu Nghĩa Lộ và tiểu khu Phủ Yên, thu hàng nghìn súng các loại và nhiều quân trang quân dụng.

Bộ chỉ huy chiến dịch quyết định kết thúc đợt 1.

Sở chỉ huy chiến dịch từ Khe Lóng chuyển về Gia Phù gần Tạ Khoa trên vùng đất vừa giải phóng.

Hướng chiến dịch giữ được bí mật tới giờ phút chót đã giúp ta giành thắng lợi lớn trong đợt đầu, hạn chế được tổn thất. Một vùng đất rộng lớn nối liền sông Hồng với sông Đà đã thuộc về ta. Hai cánh quân của chiến dịch đã có mặt trước Mộc Châu và Sơn La, mũi thọc sâu xuất hiện trước Tuần Giáo đe dọa Lai Châu và đặt Sơn La vào thế bị bao vây. Tuy nhiên, số tiêu diệt sinh lực địch chưa cao. Trừ bộ phận đóng tại phân khu Nghĩa Lộ bị tiêu diệt gọn, những đơn vị khác của địch chỉ bị tiêu hao nặng. Một phần vì địch đánh hỏi thấy quân ta là bỏ vị trí tháo chạy, một phần vì ta chưa thực hiện được bao vây chặt và truy kích địch ban ngày.

Một khó khăn mới xuất hiện. Vùng giải phóng nhanh chóng mở rộng kéo những tuyến tiếp tế giữa núi rừng hiểm trở dài thêm hàng trăm ki-lô-mét. Ngay sau chiến thắng, bộ đội đã thiếu gạo.

Tuyến vận chuyển từ Mậu A qua đèo Khâu Vác vào Nghĩa Lộ theo kế hoạch mỗi ngày vận chuyển 15 tấn, chỉ thực hiện được sáu - bảy tấn, thậm chí có ngày nửa tấn. Bộ đội ở Nghĩa Lộ là nơi gần hậu phương nhất cũng bị đói. Cơ quan tham mưu đề nghị tạm ngừng hoạt động quân sự và tập trung bộ đội đi vận chuyển gạo.

Anh Trần Đăng Ninh, Chủ nhiệm Tổng cục Cung cấp được tin vội từ hậu phương ra mặt trận. Sau khi tìm hiểu tình hình, anh Ninh quyết định bỏ tuyến vận chuyển Khâu Vác, tuy kín đáo, ít bị máy bay đe dọa, nhưng chỉ là đường mòn qua nhiều đèo cao, suối sâu, chuyển sang đường số 13 vận chuyển bằng cơ giới. Những tuyến đường này bị hỏng nặng từ lâu. Công binh ra sức sửa đường dưới bom đạn của máy bay địch, gần một tháng mới thông xe đưa gạo từ Phú Thọ lên. Ta cũng quyết định sửa gấp đường số 14 từ Hồi Xuân lên Xôm Lôm để vận chuyển gạo từ Thanh Hóa cho chiến dịch, và sửa đoạn đường số 6 từ Suối Rút lên Mộc Hạ. Ngoài số ô-tô có hạn, dân công Thanh Hóa còn có sáng kiến dùng xe đạp thổ thay quang gánh. Mỗi xe đạp có thể đưa mức vận chuyển lên từ năm tới mười lần so với quang gánh. Từ sau Chiến dịch Tây Bắc cho tới hết chiến tranh chống Mỹ, xe thổ trở thành một phương tiện vận chuyển quan trọng của bộ đội ta.

Hệ thống phòng ngự bên tả ngạn sông Đà sụp đổ khiến Pa-ri rất lo lắng. Plê-ven thúc giục Xa-lăng nhanh chóng đối phó. Xa-lăng vội vã tăng cường thêm cho Tây Bắc chín tiểu đoàn, cộng với bảy tiểu đoàn còn lại, đưa quân số

ở Tây Bắc lên 16 tiểu đoàn và 32 đại đội. Địch phân tán lục lượng cơ động từ đồng bằng lên Tây Bắc là điều ta mong đợi.

Quân địch ở Tây Bắc dồn về Nà Sân và Lai Châu nằm bên hữu ngạn sông Đà. Hai nơi này được tổ chức thành hai mặt trận. Mặt trận Sơn La, kéo dài từ Mường Sài tới Mộc Châu, do đại tá Gin chỉ huy. Gin là người đã tổ chức cuộc rút lui của Pháp ở Hòa Bình. Lần này Gin được Xa-lăng trao trọng trách lập một phòng tuyến bên sông Đà ngăn chặn bộ đội ta vượt sông, và xây dựng một tập đoàn cứ điểm ở Nà Sân. Lục lượng dành cho phòng tuyến ngăn chặn là năm tiểu đoàn. Gin tổ chức thành ba chi đoàn, chiếm đóng ba khu vực: Hát Tiếu - Mường Lụm, Tạ Khoa, Bản Hoa, là những nơi ta có thể vượt sông. Các chi đoàn này dựa vào những cứ điểm cũ, mở rộng thêm, đưa vị trí tới sát bờ sông. Mặt trận Lai Châu do viên đại tá La-gioa chỉ huy, có bốn tiểu đoàn, chia nhau đóng giữ thị xã Lai Châu, Phong Thổ, Pác Má và Điện Biên Phủ. Ngoài ra, ở Tuần Giáo, Mộc Châu, Thuận Châu, Quỳnh Nhai, mỗi nơi địch đóng một tiểu đoàn.

Riêng việc xây dựng tập đoàn cứ điểm ở Nà Sân đòi hỏi phải có thời gian từ bốn tới năm tuần lễ. Ở đây đã có sẵn một sân bay dã chiến và căn cứ của đơn vị bảo vệ sân bay. Địch phải lập cầu hàng không để vận chuyển vật liệu, phương tiện, vũ khí từ Hà Nội lên, và huy động nhân lực lớn để xây dựng một hệ thống cứ điểm nhiều lớp, nhiều tầng xung quanh sân bay. Xa-lăng quyết định giành thời gian cần thiết này bằng cách mở một cuộc hành binh đánh lạc hướng nhắm vào căn cứ hậu cần chiến dịch ở Phú Thọ.

Trước sự thay đổi bố trí phòng ngự của địch bên hữu ngạn sông Đà, Bộ chỉ huy chiến dịch chủ trương: Trong đợt 2 tập trung lục lượng ở hướng chính, gồm sáu trung đoàn của 308, 312, 316 và Đại đoàn công pháo 351, nhằm tiến công khu vực Tạ Khoa - Ba Lay - Mộc Châu, phá vỡ khu vực phòng thủ chủ yếu của địch trên tuyến sông Đà, tạo điều kiện tiêu diệt địch ở Sơn La, Nà Sân; đồng thời tăng cường lục lượng cho mũi thọc sâu ở hướng phụ đông nam Lai Châu, nhằm giải phóng Quỳnh Nhai, sau đó phát triển xuống Tuần Giáo, Luân Châu, Thuận Châu phối hợp với những hướng chính.

Lực lượng ở hướng phụ gồm Trung đoàn 165, Tiểu đoàn 910 của Trung đoàn 148 cùng với lực lượng vũ trang địa phương. Hướng phụ sẽ nổ súng trước để thu hút sự chú ý của địch.

Tôi trao nhiệm vụ cho đồng chí Bằng Giang, chỉ huy cánh quân thọc sâu, sau khi giải phóng Tuần Giáo, đánh về Thuận Châu để phối hợp với hướng chính, sẽ tách ra một tiểu đoàn cùng với một phân đội pháo mở một mũi vu hồi nhanh chóng tiến vào giải phóng Điện Biên Phủ, nơi quân Pháp mới đưa một tiểu đoàn ngụy Lào tới chiếm giữ. Ta không để các cố vấn biết việc này

vì bạn chưa quen với chiến trường Việt Nam, có thể coi đây là một chủ trương mạo hiểm.

Trong lúc ta đang tích cực chuẩn bị vượt sông Đà thì được tin ngày 5 tháng 11 năm 1952, một lực lượng lớn quân địch do Đờ Li-na-rét, tư lệnh Bắc Bộ, trực tiếp chỉ huy, đánh lên Phú Thọ, đe dọa hậu phương của chiến dịch. Đây là cuộc hành binh Lo-ren. Địch đã huy động vào cuộc hành binh này phần lớn lực lượng cơ động ở Bắc Bộ, gồm 13 tiểu đoàn bộ binh của các binh đoàn cơ động số 1, số 2, số 3, số 4, số 5, ba tiểu đoàn dù, hai hải đoàn xung kích, bốn tiểu đoàn pháo binh, hai tiểu đoàn cơ giới, bảy đại đội công binh. Ta đã dự kiến khi mở Chiến dịch Tây Bắc, địch có thể đánh lên Phú Thọ, nên đã bố trí tại đây Trung đoàn 176, một tiểu đoàn của Trung đoàn 246 cùng với bộ đội địa phương với nhiệm vụ ngăn chặn quân địch, bảo vệ nhân dân, bảo vệ kho tàng. Bộ chỉ huy chiến dịch nhận định cuộc hành binh "Lo-ren" là hoạt động đối phó bị động, nhằm thu hút lực lượng ta về để giảm nhẹ áp lực ở Tây Bắc, địch không có ý định chiếm đóng Phú Thọ. Ta quyết định chỉ rút khỏi đội hình chiến dịch một trung đoàn, nhanh chóng quay về tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, cùng với bộ đội chủ lực và bộ đội địa phương phá âm mưu địch tiến sâu vào hậu phương ta. Đơn vị được trao nhiệm vụ là Trung đoàn 36. Trung đoàn vẫn do tiền phương Bộ Tổng Tư lệnh chỉ huy. Thời gian nổ súng đánh địch ở Phú Thọ được quy định chậm nhất là ngày 14 tháng 11 năm 1952, trước khi đợt 2 chiến dịch bắt đầu.

Mục tiêu và kế hoạch đợt 2 chiến dịch vẫn không thay đổi.

rước sự rút chạy hốt hoảng của địch, các cánh quân ta từ nhiều hướng, ào ạt theo đường lớn đổ về những khu vực quân địch đang dồn lại. Không còn là những chiến sĩ "Tây tiến đoàn binh không mọc tóc" trong bài thơ của Quang Dũng năm xưa, các binh đoàn tràn đầy sinh lực tiến quân với khí thế chiến thắng. Thời gian này đã ra đời bài hát của Nguyễn Thành trong Đội văn công 308:

Qua miền Tây Bắc, núi vút ngàn trùng xa

Suối sâu đèo cao, bao khó khăn ta vượt qua

Bộ đội ta vâng lệnh Cha già

Về đây giải phóng quê nhà...

Bài hát này còn vang lên trong những đêm hành quân mỗi lần bộ đội tiến vào Tây Bắc sau này, kể cả Chiến dịch Điện Biên Phủ.

Ngày 7 tháng 11 năm 1952, Trung đoàn 165 ở hướng thọc sâu nổ súng ở Quỳnh Nhai. Địch lầm tưởng đây là hướng chính, lập tức tăng cường từ đồng bằng lên Lai Châu hai tiểu đoàn. Địch cũng đồng thời tăng cường cho Nà Sản hai tiểu đoàn.

Ngày 8 tháng 11, quân địch ở Tuần Giáo và Lai Châu hoang mang rút chạy. Địch vội điều một tiểu đoàn dù và một tiểu đoàn ngụy tới tiểu khu Quỳnh Nhai. Bị bộ đội ta chặn đánh thiệt hại nặng, chúng rút chạy về Lai Châu và Thuận Châu.

Lúc này, ở Mặt trận Phú Thọ, quân địch đã lên tới Yên Bình, cách căn cứ xuất phát của ta 150 ki-lô-mét. Chúng chỉ chạm trán với những lực lượng nhỏ của quân ta. Chúng không gặt hái được gì ngoài việc phá một vài kho lương thực và súng đạn ta bố trí phân tán trong rừng. Sự có mặt 30.000 quân Pháp ở đây mang lại cho Bộ chỉ huy Pháp một gánh nặng mới. Cuộc hành binh đã giam chân phần lớn lực lượng cơ động ở Phú Thọ trong tình hình địch hậu đồng bằng trở nên nóng bỏng với sự uy hiếp của Đại đoàn 320 và Đại đoàn 304. Nó cũng thu hút hầu hết lực lượng vận tải đáng lẽ phải dùng tiếp tế hằng ngày cho tập đoàn cứ điểm Nà Sản đang hình thành. Mặt khác, có thể đã phát hiện một bộ phận chủ lực của ta ở Tây Bắc đang quay về đe dọa phía sau lưng chúng, trung tuần tháng 11, Xa-lăng ra lệnh rút quân.

Trung đoàn 36 mô một cuộc hành quân thần tốc về Phú Thọ. Nhiều chiến sĩ của ta là con đẻ của miền đất trung du này. Bộ đội đi suốt ngày đêm. Các chiến sĩ nuôi quân dùng đòn gánh khiêng nồi trên vai, vừa đi vừa nấu cháo, nấu nước phân phát cho bộ đội.

Ngày 13 tháng 11, Trung đoàn 36 đã có mặt ở Phú Thọ và khẩn trương chuẩn bị cho trận đánh.

Ngày 17 tháng 11, một đoàn xe của GM4 về tới Chân Mộng trên đường số 2 lọt vào trận địa phục kích của quân ta. Trận đánh diễn ra quyết liệt cả buổi chiều và buổi tối hôm đó. Trung đoàn 36 tiêu diệt và bắt sống 400 quân địch do viên quan tư Kéc-ga-ra-vát chỉ huy và 44 xe cơ giới. Đường số 2 trở thành mồ chôn giặc Pháp. Trong trận này, Tiểu đoàn trưởng Sơn Mã, một cán bộ chỉ huy rất dũng cảm đã hy sinh. Trước khi diễn ra trận đánh, địch bắt được một chiến sĩ tân binh của Trung đoàn 36. Tên anh là Lê Văn Hiến. Mặc dù bị địch tra khảo, Hiến nhất định không chịu khai tên đơn vị nên đã bảo đảm được tính bất ngờ của trận đánh. Bị bộ đội và dân quân du kích đánh chặn liên tiếp trên đường rút quân, ngày 23 tháng 11, quân địch mới về tới Việt Trì. Đêm ngày 24 tháng 11, Trung đoàn 36 truy kích tới nơi, tiêu

diệt vị trí Núi Quyết, một vị trí tiên tiêu của Việt Trì, xóa sổ một đại đội cùng với sở chỉ huy tiểu đoàn 1 nguy Mường.

Tại Tây Bắc, việc tổ chức cho bộ đội vượt sông Đà không dễ dàng. Ta đề ra yêu cầu bí mật, nhanh chóng vượt sông, nhưng đồng thời phải sẵn sàng vượt sông bằng sức mạnh.

Sông Đà khá lớn, nước chảy rất xiết. Thời tiết mùa đông giá lạnh. Bên kia sông là vùng địch kiểm soát, không thể bắc cầu phao qua sông. Lại không có phương tiện vượt sông. Từng đơn vị phải tự làm bè măng. Bộ đội ta nhiều người chưa biết bơi hoặc chỉ biết bơi chút ít. Phải bàn bạc cách qua sông an toàn, bảo vệ được vũ khí, đạn dược lương thực khỏi bị ướt, cách đưa vũ khí nặng sang sông, cách đối phó trong trường hợp bị pháo binh, máy bay và bộ binh địch ngăn chặn.

Các đơn vị đều tổ chức một bộ phận gồm những người bơi giỏi sang sông trước chiếm lĩnh đầu cầu để đảm bảo bến vượt.

Cũng đúng ngày 17 tháng 11, trên hướng chính của chiến dịch, bộ đội ta đã vượt sông Đà và bắt đầu nổ súng.

Trong đêm 17, Trung đoàn 209 tiêu diệt vị trí Bản Hoa. Đêm tiếp theo, Trung đoàn 141 tiêu diệt vị trí Ba Lay. Với hai trận đánh, Đại đoàn 312 đã tiêu diệt gọn tiểu đoàn 3 Ma-rốc và một đại đội ngụy binh, bắt viên tiểu đoàn trưởng Ru-két, xóa sổ chỉ đoàn này.

Ngày 18 tháng 12, Trung đoàn 102 tiêu diệt vị trí Hát Tiếu, Trung đoàn 88 tiêu diệt vị trí Mường Lụm, xóa sổ tiếp chi đoàn Bê-thơ-nốt. Chi đoàn Pha-vrô hốt

hoảng bỏ Tạ Khoa chạy về Cò Nòi. Đại đoàn 308 truy kích quét sạch phòng tuyến địch bên bờ sông Đà.

Ngày 19 tháng 11, địch điều hai tiểu đoàn dù và một tiểu đoàn lê dương từ Nà Sản lên lập một khu phòng thủ mới ở Chiêng Đông, Yên Châu và Cò Nòi để ngăn chặn quân ta phát triển theo trục đường số 41 tiến về Nà Sản, Sơn La. Lực lượng địch tại khu vực đã lên đến năm tiểu đoàn. Trung đoàn 88 tiêu diệt gọn tiểu đoàn ngụy số 55 và một đại đội dù. Khi bộ đội ta tới Chiêng Đông và Cò Nòi thì cả bốn tiểu đoàn có mặt tại khu vực đã bỏ vị trí rút chạy về Nà Sản. Trung đoàn 88 tiếp tục truy kích tới Nà Sản, bị chặn lại trước vị trí tiền tiêu Pú Hồng. Đêm đó, trung đoàn tập kích vị trí Pú Hồng nhưng không thành công.

Cũng trong ngày 19, Trung đoàn 174, có Trung đoàn 98 phối hợp, đánh Mộc Châu. Mộc Châu là chiếc lá chắn trên đường số 6. Trận đánh được chuẩn bị rất kỹ. Bộ chỉ huy chiến dịch theo dõi diễn biến từng giờ. Cuộc chiến đấu diễn ra quyết liệt. Giờ đầu các mũi tiến công ở hướng chủ yếu đột phá không thành công. Nhưng mũi thứ yếu chiếm được hai vị trí tiền tiêu

phát huy các loại hóa khí yếm hộ cho các hướng phát triển. Các mũi lần lượt chiếm các lô cốt, ụ súng, trận địa pháo. Sau 2 giờ 15 phút chiến đấu, quân địch đầu hàng. Viên tiểu đoàn trưởng Vanh-xăng đã từng ở Tây Bắc trên hai mươi năm bị bắt.

Mộc Châu bị tiêu diệt, địch ở vị trí Chiêng Pan, Sông Con, Tạ Say, Sa Phiệt, Tạ Khoa... vội vã rút chạy.

Đường số 6 được khai thông, bảo đảm việc tiếp tế vận chuyển cho chiến dịch. Cửa ngõ vào Tây Bắc đã mở rộng.

Ở hướng thọc sâu đông nam Lai Châu, từ ngày 15 đến ngày 20 tháng 11, các tiểu đoàn của Trung đoàn 165 tiến vào Mường Sài tiêu diệt bốn đại đội địch, sau đó diệt thêm một đại đội ngụy ở Mường Piềng. Địch ở Thuận Châu bỏ chạy. Trung đoàn 165 tiếp quản Thuận Châu, đánh viên diệt hai đại đội Âu - Phi từ Điện Biên Phủ về định tăng cường cho Thuận Châu.

Ngày 18 tháng 11, địch rút Sơn La. Trung đoàn 165 tiếp quân Sơn La, truy quét bắt gần 500 tàn binh địch và trên 100 nhân viên ngụy quyền. Đồng chí Bằng Giang cho một tiểu đoàn truy kích địch về phía Nà Sản, một tiểu đoàn truy kích về Điện Biên Phủ. Tiểu đoàn đi về phía Nà Sản phải dừng lại trước tập đoàn cứ điểm. Tiểu đoàn đi về Điện Biên Phủ đã bắt gọn tiểu đoàn ngụy Lào số 58 (58è BCL) với viên thiếu tá tiểu đoàn trưởng Xi-a.

Hướng phụ hoàn thành vượt mức nhiệm vụ, tiêu diệt trên 400 địch, bắt 1.000 địch, giải phóng một vùng đất rộng lớn gồm sáu huyện: Than Uyên, Quỳnh Nhai, Tuần Giáo, Mường La, Thuận Châu, Điện Biên Phủ và thị xã Sơn La, rộng khoảng 3.000 ki-lô-mét vuông với 100.000 dân. Hành động táo bạo, quả câm của mũi thọc sâu với lực lượng không đông, đã tạo nên sự bất ngờ, mang lại thắng lợi lớn. Theo kế hoạch dự kiến, giải phóng tây bắc Sơn La là nhiệm vụ của đợt 3 chiến dịch.

Sang đợt 2 của chiến dịch, hướng phối hợp ở đồng bằng Liên khu 3 bắt đầu hoạt động mạnh.

Ngày 14 tháng 11, Trung đoàn 48 (Đại đoàn 320) đánh ba vị trí địch ở Phát Diệm, diệt ba tiểu đội Âu - Phi thuộc tiểu đoàn 26 BMTS. Trung đoàn 57 (Đại đoàn 304) phục kích quân địch tăng viện cho Phát Diệm bắn đắm ba tàu chiến, bắn cháy một chiếc khác, diệt 500 lính Âu - Phi thuộc binh đoàn cơ động số 2 đi trên tàu. Tiếp đó, 304 tiêu diệt vị trí Bến Xanh.

Ngày 17 tháng 11, Trung đoàn 57 (Đại đoàn 320) tiến công một vị trí, phục kích tiêu diệt một đại đội địch, phá hủy 19 xe. Trung đoàn 64 mới vào địch hậu Hà Nam, Nam Định, tiêu diệt ba vị trí địch và diệt một đại đội đi càn quét, mở rộng thêm căn cứ ở vùng đồng chiêm.

Ngày 25 tháng 11 năm 1952, đợt 2 Chiến dịch Tây Bắc kết thúc.

Sở chỉ huy chiến dịch chuyển về phía tây Tạ Khoa trên đường đi Cò Nòi. Nhìn chung, trong đợt 2 chiến dịch, các chiến trường đều hoạt động tốt. Riêng ở Tây Bắc, ta đã tiêu diệt thêm khoảng 3.000 quân địch, trong đó có hai tiểu đoàn 3/1 RTM, 3è BAT, phần lớn hai tiểu đoàn ngụy 55 và 56 BVN, một bộ phận tiểu đoàn dù 2è BPC. Ta giải phóng hoàn toàn tỉnh Sơn La trừ Nà Sản, một số vị trí nhỏ ven sông Mã và một bộ phận đất đai quan trọng thuộc tỉnh Lai Châu. Tại Tây Bắc, toàn bộ quân địch đã dồn về Nà Sản và thị xã Lai Châu. Tổng số quân địch ở Nà Sản có khoảng từ 36 tới 38 đại đội, trong đó có bốn tiểu đoàn lẻ dương tương đối nguyên vẹn, hai tiểu đoàn Bắc Phi và hai tiểu đoàn Thái mới phục hồi. Địch đóng trên 24 cứ điểm đại đội và bốn cứ điểm trung đội. Các cứ điểm đều bố trí trên đồi cao, công sự dã chiến, bao bọc chung quanh sân bay, trận địa pháo và sở chỉ huy. Tập đoàn cứ điểm được tổ chức tương đối hoàn chỉnh, nhưng tinh thần binh lính sút kém nhiều do những thất trận vừa qua. Địch chỉ có một cách tiếp tế duy nhất là không quân.

Về phía ta, thương vong trong cả hai đợt chiến dịch tuy ít, nhưng sức khỏe bộ đội giảm sút nhiều vì liên tục chiến đấu và truy kích đường dài. Tinh thần quân và dân đều phấn khối vì đang trên đà thắng lợi. Ta cũng đã giải quyết được vấn đề tiếp tế,

nhờ những tuyến đường vận chuyển cơ giới thông suốt từ hậu phương lên tới gần Nà Sản. Lực lượng ta lúc này còn 36 đại đội, tương đương với lực lượng quân dịch.

Trên cơ sở những nhận định đó, Bộ chỉ huy chiến dịch quyết định triển khai đợt 3 chiến dịch theo đúng kế hoạch. Mục tiêu của đợt 3 là tập trung toàn bộ lực lượng tiến công tiêu diệt dịch ở Nà Sản, giành toàn thắng cho chiến dịch. Phương châm tác chiến là: Đánh chỗ yếu trước, chỗ mạnh sau, bao vây toàn diện, công kích có trọng điểm, đánh ngoại vi trước, tranh thủ mở một mặt rồi đánh vào tung thâm.

Mở đầu đợt 3 chiến dịch, ta chủ trương tập trung lực lượng đột phá vào các điểm tựa ở vòng ngoài, từ đó khống chế pháo binh dịch và sân bay, phát triển chiến đấu vào trong, tạo thời cơ tiêu diệt tập đoàn cứ điểm.

Đêm ngày 30 tháng 11, hai tiểu đoàn của Đại đoàn 308 cùng phối hợp đánh vị trí Pú Hồng (điểm cao 753). Sau 1 giờ 45 phút chiến đấu, bộ đội ta tiêu diệt hoàn toàn bốn trung đội của binh đoàn cơ động số 1 đóng tại đây, bắt viên quan ba chỉ huy Mê-tét. Cùng lúc, một tiểu đoàn của Đại đoàn 312 tiến công vị trí Bản Hòi. Sau hơn một giờ chiến đấu, đại đội dịch đóng tại vị trí bị tiêu diệt. Nhưng ngày hôm sau, dưới sự yểm trợ của máy bay và đại bác, dịch mở nhiều đợt xung phong đánh bật bộ đội ta ra khỏi Pú Hồng và chiếm đóng lại vị trí.

Đêm ngày 1 tháng 12, Trung đoàn 209 tiến công Bản Vây, cứ điểm chính trong cụm cứ điểm phòng ngự ở phía nam Nà Sản, do 2 đại đội lẻ dương bảo vệ. Trung đoàn 174 được phối thuộc một tiểu đoàn của Đại đoàn 308, đánh vị trí Nà Si. Cả hai trận đánh đều không thành công. Trời sáng, địch dùng máy bay oanh tạc vào đội hình quân ta và bắn trên 5.000 quả đạn pháo để cứu nguy cho các cứ điểm.

Trong ngày 2 tháng 12, địch thả dù tăng cường thêm cho Nà Sản hai tiểu đoàn.

Những cứ điểm bộ đội ta đánh trong đợt này chỉ có quân số từ đại đội tăng cường tới hai đại đội. Chúng không mạnh hơn Nghĩa Lộ, Pú Chạng, Mộc Châu... về công sự cũng như địa hình phức tạp. Trong từng trận đánh, ta đều sử dụng những đơn vị có kinh nghiệm, và tập trung ưu thế binh lực. Nhưng vì đâu phần lớn trận đánh đều không thành công? Một nguyên nhân là bộ đội mỏi mệt sau nhiều ngày truy kích, đội hình các đơn vị đều xộc xệch. Nhưng so với Chiến dịch Biên Giới thì sự mệt mỏi và xáo trộn trong đội hình lần này chưa bằng. Trong từng trận đánh, cán bộ và chiến sĩ ta đều có quyết tâm tiêu diệt địch rất cao. Nguyên nhân chính là do những cứ điểm này nằm trong hệ thống cấu trúc chặt chẽ của một tập đoàn cứ điểm. Người Pháp coi đây là một chiến lược ngăn chặn mới. Muốn đánh bại chiến lược này, cần phải có thời gian!

Bộ chỉ huy chiến dịch quyết định kết thúc Chiến dịch Tây Bắc.

Ngày 10 tháng 12 năm 1952, Hội nghị sơ kết chiến dịch được tổ chức ngay tại sở chỉ huy tiền phương, gần Tạ Khoa.

Chiến dịch Thu Đông năm 1952 đã thành công vượt mức dự kiến.

Ở hướng chính Tây Bắc, ta đã tiêu diệt và bắt 6.029 quân địch, trong đó có hơn 1.000 lính Âu - Phi và nhiều sĩ quan. Ta còn thu được thắng lợi quan trọng ở Phú Thọ, tiêu diệt 1.711 quân địch, bắt 173 quân địch. Chúng ta đã thành công trong nhiệm vụ tranh thủ nhân dân và giải phóng đất đai. Vùng mới giải phóng ở Tây Bắc rộng 28.000 ki-lô-mét vuông với 250.000 dân. Ở hướng đồng bằng Liên khu 3, ta đã tiêu diệt 12 vị trí cỡ đại đội, diệt 4.031 quân địch, bắt 1.846 quân địch, mở rộng nhiều khu căn cứ cả ở tả ngạn và hữu ngạn sông Hồng. Tính chung toàn Bắc Bộ sau hai tháng chiến đấu, ta tiêu diệt và bắt 13.850 quân địch, trong đó có nhiều đơn vị tiểu đoàn và đại đội, thu nhiều vũ khí, đạn dược, quân trang, quân dụng và phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh của địch.

Chủ trương của Tổng Quân ủy trong chiến dịch này là đánh vào chỗ yếu và hiểm yếu của địch, buộc chúng phải tăng viện đối phó, tiêu diệt sinh lực, giải phóng một vùng đất chiến lược, đã khẳng định tính đúng đắn của nó.

Với việc chuyển hướng tiến công lên Tây Bắc, ta tiếp tục đánh địch trên cả hai mặt trận: Rừng núi và đồng bằng. Chiến dịch Tây Bắc mùa khô năm 1952 đã khẳng định một phương hướng chiến lược mới được mở ra từ Chiến dịch Hòa Bình. Ta hoàn toàn có khả năng điều động quân địch từ đồng bằng lên rừng núi để chiến đấu giành thắng lợi.

Phần lớn những đơn vị có mặt ở Tây Bắc đã tham gia Chiến dịch Biên Giới. Một lần nữa họ lại chứng kiến cảnh quân địch hốt hoảng rút chạy khỏi những cứ điểm như ong vỡ tổ. Không phải mọi người đều bằng lòng khi có lệnh kết thúc chiến dịch. Tôi nói:

- Ta chủ trương đánh Nà Sản do căn cứ báo cáo và tình huống giữa địch và ta lúc đó. Sau cuộc tiến công không thành công, địch lại tăng viện cho Nà Sản, nếu đánh nữa thì không chắc thắng trong khi đó vùng giải phóng của ta rất rộng mà chưa được củng cố, chủ trương đình chỉ cuộc tiến công Nà Sản là chính xác để tích cực củng cố và phát triển những thắng lợi vừa qua. Ta không đánh Nà Sản, địch có thể đánh lan ra vài nơi trong vùng mới giải phóng. Nhưng tình hình hiện nay ở Tây Bắc khác trước là bọn ngụy quân, ngụy quyền bị tiêu diệt phần lớn, nhân dân Tây Bắc đã giác ngộ và tham gia kháng chiến, chủ lực ta còn ở lại bảo vệ địa phương thì âm mưu địch quay trở lại Tây Bắc sẽ gặp nhiều khó khăn...

Theo chủ trương của Bộ Chính trị, tôi tổ chức một cuộc họp cán bộ Khu Tây Bắc bàn kế hoạch giữ vững và phát huy thắng lợi của chiến dịch. Cuộc họp thống nhất cần chú trọng thực hiện những chính sách dân tộc của Đảng, đoàn kết toàn thể các dân tộc Tây Bắc nhằm xây dựng Tây Bắc thành một căn cứ địa vững chắc của cả nước.

Trung đoàn 174 và một bộ phận pháo binh ở lại Tây Bắc cùng với bộ đội địa phương ngăn chặn quân địch ở Nà Sản. Hai trung đoàn 141, 98 cùng với một bộ phận pháo binh do Đại đoàn trưởng Đại đoàn 312 Lê Trọng Tấn chỉ huy, đi theo đường Cò Nòi, Mường Hét sang nước bạn Lào về Thanh Hóa, vừa khuếch trương chiến quá, vừa làm công tác nghi binh. Các đơn vị còn lại trở về khu căn cứ theo đường số 41 và đường số 13.

Mùa khô chưa kết thúc, Bộ Tổng Tham mưu được trao nhiệm vụ tổ chức ngay hội nghị tổng kết chiến dịch khi về tới căn cứ, và gấp rút chuẩn bị cho một chiến dịch mới.

Trên đường về, xe chạy trên những con đường vừa được phục hồi giữa vùng giải phóng, nhìn những ngôi nhà sàn ấm áp ánh lửa, bộ đội, dân công nhộn nhịp ra vào, tôi cầm thấy một ngày mới của cuộc kháng chiến đang bắt đầu. Nhưng cũng giống như mỗi bước chuyển trong chiến tranh, những thuận lợi bao giờ cũng kèm theo những thách thức. Thách thức mới lúc này là sự xuất hiện của tập đoàn cứ điểm địch tại Nà Sản.

Chương mười hai MÙA XUÂN SẮM NƯA

Ôi vê tôi khu căn cứ vào tháng 1 năm 1953, vừa kịp dự Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ tư. Tại hội nghị, Bác trình bày một bản báo cáo quan trọng.

Vê tình hình kháng chiến, Người nhận định: Đầu năm 1952, địch thất bại to ở Hòa Bình, cuối năm, thất bại to ở Tây Bắc. Càng thất bại chúng càng điên rồ. Muốn chiếm nước ta làm căn cứ quân sự để tiến công Trung Quốc, chúng sẽ cố chết bám lấy Đông Dương, "Từ nay cuộc chiến tranh giữa ta với địch sẽ gay go, phức tạp hơn".

Để duy trì kháng chiến trường kỳ và đưa kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn, Người nêu lên hai vấn đề chính: Một là, lãnh đạo kháng chiến; hai là, phát động quần chúng tiến đến cải cách ruộng đất.

Vê chi dao kháng chiên, Nguoi de ra can tranh chô manh, danh chô yêu de phan tan luc lu'ng dich va tieu diet sinh luc dich, mô rong vung tu do. Tren chien truong Bac Bo, bo doi chu luc phai dung van dong chien mot cach linh hoat de tieu diet tung

mang sinh luc dich, dong thoi dung cong kien chien hut quan dich den ma danh, phan tan luc lu'ng dich, lam roi loan ke hoach dich va tao dieu kien cho van dong chien. Chien truong sau lung dich phai day manh chien tranh du kich de mô rong va cung co nhung can cu' khang chien. Luon luon xem trong vicc huan luyen bo doi, bôi duong can bo, coi do la khau chinh trong cac cong tác. Phai co ke hoach chung ve vicx xay dung bo doi, tang cu'ong va cai thien dan trang bi cho bo doi, coi trong xay dung phao binh...

Vê thuc hien chinh sach ruong dat, Nguoi chi ra: Nên tang cua van de dan toc la nong dan vi nong dan chiem dai da so trong dan toc. Muon khang chien hoan toan thang loi, dan chu nhan dan that tha thuc hien, thi phai

thiết thực nâng cao quyền lợi kinh tế của nông dân, phải chia ruộng đất cho nông dân.

Hội nghị hoàn toàn nhất trí với những điều Bác đã đề ra.

Ban Cháp hành Trung ương Đảng đã nhận định: "Lực lượng ta phát triển không đều, ở Bắc Bộ chủ lực ta trưởng thành nhanh chóng, nhưng chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích Trung Bộ và Nam Bộ phát triển không được mấy... Vì vậy, địch có thể tập trung ở Bắc Bộ đến hai phần ba quân ở Đông Dương để đối phó với ta. Trên các chiến trường Trung, Nam... chúng sơ hở nhiều. Đồng bằng Bắc Bộ là chỗ cứng của địch, các chiến trường khác tương đối mềm... Phương châm chỉ đạo chung của cuộc chiến tranh giải phóng của ta là trường kỳ kháng chiến tự lực cánh sinh, vì vậy ta không chủ quan khinh địch, không nóng vội, không mạo hiểm. Đánh ăn chắc, tiến ăn chắc, chắc thắng thì đánh kiên quyết cho kỳ thắng. Không chắc thắng thì kiên quyết không đánh".

Hội nghị xác định phương châm tác chiến hiện thời là: "Tạm thời tránh chỗ mạnh, đánh chỗ yếu, đánh địch ở những nơi sơ hở, đồng thời phải hoạt động ở sau lưng địch", "Bộ đội chủ lực thì vận động chiến là chính, công kiên chiến là phụ. Trên chiến trường sau lưng địch ở Bắc Bộ và các chiến trường ở Trung Bộ và Nam Bộ du kích chiến là chính".

Nhiệm vụ cơ bản của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn hiện nay là hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Ngay sau ngày cách mạng thành công, Chính phủ đã có thông tư tạm chia ruộng đất vắng chủ cho dân cày nghèo theo nguyên tắc dân chủ và giảm tô 25%. Nhưng sau đó chiến tranh diễn ra quyết liệt, ta chưa có điều kiện làm thêm. Căn cứ vào yêu cầu cấp bách của kháng chiến, Hội nghị quyết định: "Thực hiện chính sách ruộng đất của Đảng: Tiêu diệt chế độ sở hữu ruộng đất của bọn để quốc xâm lược ở Việt Nam", "Thực hiện chế độ sở hữu

ruộng đất của nông dân". Trước mắt, trong năm 1953 "phát động quần chúng nông dân đấu tranh đòi triệt để giảm tô, thực hiện giảm tức, chia lại công điền, chia hẳn ruộng đất của thực dân Pháp và Việt gian cho nông dân, thiết thực chuẩn bị cải cách ruộng đất".

Tiến hành cải cách ruộng đất trong kháng chiến là một chủ trương đúng đắn của Đảng. Nó góp phần quan trọng thúc đẩy sự nghiệp kháng chiến. Tiếc rằng trong quá trình thực hiện sau này ta vận dụng máy móc một số kinh nghiệm của bạn nên phạm phải một số sai lầm.

Năm 1952, ta đã giữ vững quyền chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ. Trong tình hình lực lượng ta còn yếu hơn địch, đây là một thành công

đáng kể. Đạt được thành tựu này là do ta đã mở một mặt trận mới thực sự ở vùng sau lưng địch.

Từ đầu năm 1952, với những cố gắng của Đò Lát trước đây, quân đội ngụy đã có 35 tiểu đoàn bộ binh, trong số đó, 20 tiểu đoàn là do người Việt chỉ huy. Cách đào tạo quân ngụy rập khuôn theo kiểu Pháp. Sĩ quan đều được tuyển mộ từ những trường trung học, huấn luyện tại các trường Đà Lạt, Thủ Đức... rồi tung ra chiến trường. Khi tác chiến, các tiểu đoàn ngụy vẫn do Pháp chỉ huy. Ở Nam Bộ, Pháp cũng từng bước bàn giao cho quân ngụy bảo vệ những địa bàn quân sự, làm công việc bình định. Quân Pháp tập trung vào nhiệm vụ càn quét, tìm diệt lực lượng ta. Chúng bắt đầu thành lập sự đoàn ngụy ứng chiến cơ động hoạt động ở từng vùng. Viện trợ vật chất của Mỹ đã tăng từ 149 tỷ phơ-răng năm 1951, lên 196 tỷ năm 1952. Mỹ gấp rút gửi sang Đông Dương máy bay, chiến xa, vũ khí nặng, đạn dược, tàu đổ bộ, xe cộ, trang bị vô tuyến điện, bom na-pan và chất đốt, một số lấy từ những kho dự trữ tại Nhật Bản và Triều Tiên.

Đông Xuân 1952-1953 là thời kỳ khó khăn nhất trên chiến trường Nam Bộ. Địch vẫn bố trí ở Nam Bộ 25 tiểu đoàn, già nửa là Âu - Phi. Bông-đi thay Săng-xông, tiếp tục gia tăng các hoạt động bao vây, lấn sâu vào vùng căn cứ của ta, chiếm đóng những khu vực tranh chấp, vùng du kích, lập thêm nhiều đồn bốt, tháp canh dọc các đường giao thông, đồng thời tích cực càn quét bình định.

Chính sách bao vây chia cắt của địch gây nên tình trạng thiếu thốn trầm trọng gạo, thực phẩm, nhất là nguyên liệu, hóa chất sản xuất vũ khí ở các khu căn cứ. Trung ương đã thành lập một hành lang vận chuyển chiến lược từ Bắc Bộ vào Nam Bộ. Hàng trăm tấn hàng hóa được Liên khu 5 tiếp vận vào các bến Cù My, La Di, Hàm Tân và Xuyên Mộc. Tuyến hành lang dài 300 ki-lô-mét từ Xuyên Mộc, Bình Thuận về Chiến khu Đ xuyên qua nhiều cánh rừng, sông rộng, suối sâu, quân địch luôn

luôn rình rập, do Tiểu đoàn 320 của Phân liên khu miền Đông đảm nhiệm. Tiểu đoàn còn có thêm nhiệm vụ giữ vững đường liên lạc với Trung ương vào Nam Bộ và ngược lại. Các chiến sĩ với 10, 15 ki-lô-gam hàng trên lưng, vừa đi vừa cảnh giới, đánh địch, qua nhiều đêm mới vượt hết chặng đường. Mỗi chiến sĩ chỉ có một bộ quần áo vá để dành khi tiếp xúc với dân, thường xuyên phải ở trần... Nguyên liệu, hóa chất và các loại súng đạn được kịp thời vận chuyển đã tiếp thêm sinh khí cho các binh công xưởng và những đơn vị chiến đấu trên chiến trường.

Tháng 10 năm 1952, một cơn bão lớn chưa từng thấy bất thần áp đến. Nhà cửa, lán trại, kho tàng, hoa màu, gia súc ở Chiến khu Đ và miền Đông hầu hết bị cuốn trôi. Nước sông Đồng Nai lên cao, có chỗ bảy - tám mét.

Riêng ở căn cứ Dương Minh Châu, nước suối Đôi cao tới 18 mét. Hậu quả trực tiếp và nghiêm trọng nhất của bão lụt là nạn đói. Hàng vạn đồng bào, cán bộ, chiến sĩ vùng căn cứ thiếu ăn. Tiêu chuẩn gạo của bộ đội từ 25 ki-lô-gam một tháng tụt xuống còn 2,5 ki-lô-gam. Mọi người đều phải ăn cháo. Có khi không còn cả gạo nấu cháo, bữa ăn, mỗi người chỉ có năm - bảy hột mít luộc cầm hơi. Thừa lúc ta đang gặp khó khăn, địch mở hàng loạt trận càn quét quy mô vào các vùng căn cứ và vùng tranh chấp. Tiêu biểu là trận càn kéo dài 52 ngày đêm vào Chiến khu Đ. Bộ đội đói ăn, thiếu thuốc chữa bệnh, lại phải thường xuyên di chuyển chống càn.

Khắp nơi, bộ đội địa phương kết hợp cùng du kích và đồng bào đánh địch càn quét. Các tiểu đoàn tập trung tìm những nơi hiểm yếu tiến công buộc địch phải đối phó. Ngày 17 tháng 10 năm 1952, trong khi các lực lượng vũ trang tại Chiến khu Đ đang tập trung đánh địch càn quét, Tiểu đoàn 303 kết hợp với đại đội bộ đội địa phương Lái Thiêu, tiến công đồn Bến Sắn tiêu diệt hoàn toàn một đại đội ngụy. Ta thu được 70 súng các loại, hàng tấn đạn dược, và hơn một tấn gạo đưa về chiến khu. Các tiểu đoàn 300, 306, 307 phối hợp với bộ đội địa phương đánh căn cứ Trảng Bàng, Bà Chợ, diệt hàng loạt đồn bốt ở Thủ Biên. Tiểu đoàn 311 đánh vào vùng Hòa An, Cao Lãnh. Tiểu đoàn 303 tiến vào vùng Lộc Ninh, tiêu diệt các bốt Thuận Lợi, Bù Na. Quân và dân Đồng Tháp Mười đánh bại cuộc càn quét lớn của địch, buộc chúng phải rút lui nữa chừng. Một bộ phận Tiểu đoàn chủ lực 302 của Phân khu cơ động sang hoạt động trên chiến trường Cam-pu-chia, giúp bạn bảo vệ những căn cứ ở miền Đông, xây dựng cơ sở, phát động phong trào chiến tranh du kích.

Tại Phân liên khu miền Tây dày đặc đồn bốt địch, Tiểu đoàn 307 đánh đồn Bảy Ngàn, bắt 95 tên với hai chỉ huy người Pháp, thu trên 150 súng và nhiều quân trang quân dụng. Tiểu đoàn 410 diệt gọn đồn Tràm Chẹt, thu toàn bộ vũ khí. Một trung đội của huyện Giồng Riềng phục kích tiêu diệt hoàn toàn một trung đội biệt kích, chấm dứt hẳn từ đó những hoạt động biệt kích nhấm vào vùng căn cứ của ta.

Đến giữa năm 1953, sau vụ thu hoạch, nạn đói ở vùng căn cứ Phân liên khu miền Đông mới được đẩy lùi.

Trên chiến trường miền Trung, bộ đội chủ lực đã có những tiến bộ lớn. Tại Bình - Trị - Thiên, nhiều hệ thống phòng ngự của địch bị phá vỡ, hàng loạt vị trí bị san phẳng, buộc địch phải rút quân từ miền Bắc và miền Nam tăng cường cho Bình - Trị - Thiên. Bước vào Thu Đông năm 1952, Liên khu 5 mở một đợt hoạt động mạnh trên khắp chiến trường, lấy trọng điểm là An Khê. Tại An Khê, bộ đội ta đã tiến công các cứ điểm Kon Lia, Tú Thủy, Cửa An,

Thượng An... Quân và dân đồng bằng, ven biển Liên khu 5, Tây Nguyên đánh địch đều khắp: Phục kích tàu trên dèo Hải Vân, đánh các đoàn xe vận chuyển ở các đoạn Túy Loan - Ái Nghĩa, Tùng Sơn - Ái Nghĩa, Vĩnh Điện - Bình Long... diệt hàng trăm quân địch. Chiến dịch An Khê kéo dài đến hết tháng 1 năm 1953, buộc địch phải tăng viện trực tiếp cho An Khê sáu tiểu đoàn, và đổ bộ lên Quy Nhơn năm tiểu đoàn để đỡ đòn cho An Khê. Ở đây ta đã diệt 1.600 quân địch, giải phóng 18.000 dân, vũ khí thu được đủ trang bị cho bốn tiểu đoàn.

Những tiến bộ nổi bật trên mặt trận vùng sau lưng địch diễn ra ở đồng bằng Bắc Bộ. Mặc dù hầu hết lực lượng cơ động chiến lược của địch nằm tại đây, cùng với phòng tuyến Đò Lát và hàng trăm đồn bốt, địch vẫn không ngăn được chiến tranh du kích ngày càng phát triển. Những đại đoàn chủ lực của ta tự do ra vào vùng tạm chiếm, chủ động tiêu diệt hàng loạt cứ điểm; trước đây, hiện tượng này chỉ xuất hiện khi ta mở chiến dịch lớn. Cuối năm 1952, Đại đoàn 304 tiêu diệt nhiều cứ điểm quan trọng, trong đó có vị trí Chùa Cao, Trung đoàn 88 đã đánh hai lần không thành công. Trung đoàn 48 diệt vị trí Vô Tình trên đường số 21, địch không biết vẫn cho máy bay thả dù tiếp tế và đưa một đại đội biệt kích tới tăng viện, ta tiêu diệt tiếp đại đội này. Địch buộc phải mở tiếp những cuộc càn quét với quy mô nhiều bình đoàn, nhưng không còn đủ sức kéo dài ngày, mỗi khi bị thiệt hại lớn là vội vã rút lui. Bộ đội chủ lực ta vẫn tiến hành vận động đánh nhỏ ở đồng bằng, nhưng uy lực các trận đánh ngang tầm với những chiến dịch trước đây. Tướng Mác-săng chỉ huy các cuộc hành quân ở đồng bằng Bắc Bộ, phải thừa nhận: "Đại bộ phận các đại đoàn 304 và 320 đã lọt vào khu tứ giác Phủ Lý, Hưng Yên, Thái Bình, Ninh Bình và sau ngày 5 tháng 11 năm 1952 trở đi đã đánh chiếm nhiều đồn bốt (...), nhiều trận phục kích, thiệt hại của ta rất nặng và tình hình có thể trở nên nguy kịch". Chính một số tướng tá Pháp đã phải đánh giá: "Không thể nói là những cuộc hành quân du kích mà phải gọi là mặt trận thứ hai đã được mở ở nam đồng bằng"!

Nhưng chúng ta vẫn chưa có khả năng mở một chiến dịch lớn ở vùng đồng bằng và trung du Bắc Bộ. Bộ đội chủ lực ta giành thắng lợi ở địch hậu là do duy trì được

chiến tranh nhân dân và biết vận dụng có hiệu quả chiến thuật vận động đánh nhỏ. Kẻ thù có sức mạnh áp đảo về vũ khí trang bị, phương tiện cơ động nhanh chóng, và chúng rất khôn ngoan không bỏ lỡ cơ hội sử dụng những ưu thế đó. Chỉ cần một sơ suất là ta phải trả giá rất đắt. Ngoài thất bại của Trung đoàn 98 hồi trung tuần tháng 4 năm 1952 ở vùng Cầu Đuống, Bắc Ninh, không xa Hà Nội, một thất bại đã đến với Trung đoàn 101, sau một thời gian làm mưa làm gió ở Thừa Thiên, đã rơi vào giữa vòng vây của quân địch ở Hải Lăng, bộ đội phải mở một đường máu để rút ra với nhiều thiệt hại.

Chiến trường thuận lợi với ta vẫn là vùng rừng núi. Trừ Chiến dịch Lý Thường Kiệt tháng 9 năm 1951, các chiến dịch ta mở ở đây đều giành thắng lợi.

Nhưng một trở ngại lớn đã xuất hiện ngay tại miền rừng núi.

r năm 1950, để đối phó với sự trưởng thành của bộ đội ta, địch đã xây dựng những cứ điểm đại đội, tiểu đoàn, có công sự vững chắc với lô cốt, hầm ngầm, hàng rào dây thép gai và bãi mìn bao quanh. Nhiều nơi chúng tổ chức thành cụm cứ điểm để hỗ trợ cho nhau. Với lưới hỏa lực bảo vệ từ xa, quân đốn trú cố gắng kéo dài cuộc chiến đấu qua đêm chờ quân cứu viện và máy bay can thiệp trước khi trời sáng. Cách đối phó này tỏ ra hữu hiệu trên địa hình đồng bằng và trung du, nhưng lại khó thực hiện ở vùng rừng núi là nơi bộ đội ta chỉ mong chờ quân viện tới để tiêu diệt. Địch biết rõ điều này. Trong Chiến dịch Hoàng Hoa Thám, chúng chấp nhận để một số vị trí bị bao vây tiêu diệt chứ không đưa quân viện tới vùng rừng núi, vị trí đại đội, tiểu đoàn, tiểu đoàn tăng cường của địch không còn đứng vững trước những cuộc tiến công của ta. Trong Chiến dịch Tây Bắc vừa qua, địch không sử dụng quân viện khi một cứ điểm bị tiến công, cũng không dùng lực lượng cơ động để chiếm lại những vị trí đã mất. Tình hình diễn ra giống như cuối Chiến dịch Cao Bằng, khi một cứ điểm bị tiêu diệt là quân đốn trú ở hàng loạt cứ điểm chung quanh bỏ chạy. Nhưng khác với ở biên giới, những cuộc rút chạy ở Tây Bắc nằm trong ý đồ của chỉ huy Pháp nhằm tránh bị tiêu diệt và co cụm lại để đối phó với cuộc tiến công của ta. Từ những cứ điểm nằm rải rác, chúng đã tập trung lại thành tập đoàn cứ điểm. Bộ đội ta đã mất nhiều thời gian nghiên cứu, rèn luyện, chuẩn bị mới tiêu diệt được cứ điểm trung đội rồi đại đội của địch. Ta chỉ tiêu diệt được cứ điểm tiểu đoàn khi bộ đội không còn phải dùng mác búp đa. Khả năng hiện thời của ta là dùng trung đoàn tiêu diệt vị trí tiểu đoàn địch đóng riêng lẻ. Với tập đoàn cứ điểm như Nà Sản, địch đã có một căn cứ lớn gấp mười lần! Nó không chỉ lớn gấp bội về quân số mà còn có thêm sân bay, trận địa pháo, những đơn vị thiết giáp tại chỗ để đối phó với các cuộc tiến công.

Hình thái tập đoàn cứ điểm xuất hiện lần đầu trên miền Bắc nước ta từ Chiến dịch Hòa Bình. Nó ra đời một cách tự nhiên. Quân dịch chiếm đóng một thị xã giữa rừng núi. Thị xã nằm dưới thung lũng. Những viên chỉ huy buộc phải chiếm những điểm cao chung quanh nếu không muốn thị xã, sở chỉ huy,

sân bay, kho tàng, bến phà... bị đe dọa dưới họng pháo bắn thẳng của đối phương. Những điểm cao này liên kết bằng một lưới lửa, bảo vệ sườn cho nhau khi bị tiến công.

Nhưng lần này, ở Tây Bắc, tập đoàn cứ điểm được xây dựng nhằm mục đích khác. Xa-lăng đã chỉ thị cho Đờ Li-na-rét phải thiết lập cân cứ vững chắc chung quanh một sân bay nằm giữa vùng rừng núi. Nó sẽ "buộc kẻ thù chiến đấu trên một địa hình thuận lợi cho sự phối hợp các loại vũ khí của chúng ta, có một sân bay bảo đảm việc tiếp tế thường xuyên những đơn vị chiến đấu". Đây cũng là cân cứ xuất phát của những cuộc tiến công lớn, đồng thời là nói sẵn sàng đương đầu có lợi với các cuộc tiến công. Lực lượng ở tập đoàn cứ điểm Nà Sản một phần là những đơn vị cơ động tăng cường từ đồng bằng lên, một phần là quân chiếm đóng từ những cứ điểm mở Tây Bắc rút về.

Tập đoàn cứ điểm đã trở thành một biện pháp ngăn chặn mới có tính chiến lược của địch. Người Pháp gọi nó bằng thuật ngữ: "Chiến lược những con nhím". Nó mang hình thái đặc thù của chiến tranh xâm lược Việt Nam. Một kẻ thù xâm lược với một sức mạnh có hạn nhưng biết rõ chỗ mạnh, chỗ yếu của chủ lực ta. Nếu so với phòng tuyến bê-tông của Đờ Lát hết sức tốn kém, giam chân thường xuyên 25 tiểu đoàn tinh nhuệ với rất nhiều vũ khí, thì chiến lược ngăn chặn bằng tập đoàn cứ điểm ở vùng rừng núi của Xa-lăng tỏ ra không kém nguy hiểm. Nó đã hạn chế khả năng giành chiến thắng của bộ đội chủ lực ta ngay trên địa hình chiến trường được coi là thuận lợi từ trước tới nay. Chúng ta chưa thể tiêu diệt một vị trí trong một tập đoàn cứ điểm mà tránh khỏi tổn thất lớn. Chiến thuật đánh điểm diệt viện, đánh địch trong vận động, đánh địch trên đường giao thông đều khó có điều kiện vận dụng. Vì tập đoàn cứ điểm tự nó có thể đương đầu với những cuộc tiến công, quân tăng viện cũng như đồ tiếp tế tới tập đoàn cứ điểm qua đường sân bay được các vị trí bảo vệ vòng trong vòng ngoài. Với tập đoàn cứ điểm, địch còn khai thác một chỗ yếu của ta là không thể duy trì số đông bộ đội tại rừng núi dài ngày, vì thiếu lương thực và khả năng vận chuyển có hạn. Địch chỉ cần chờ khi ta rút quân, lại từ tập đoàn cứ điểm tỏa ra chiếm đóng lại những vị trí đã bỏ. Việc duy trì vùng mới giải phóng sẽ gặp nhiều khó khăn.

Tập đoàn cứ điểm trở thành một thách thức mới trên đường tiến lên của bộ đội ta.

Cuối tháng 2 năm 1958, Bộ Tổng Tham mưu triệu tập hội nghị nghiên cứu cách đánh tập đoàn cứ điểm. Thành phần tham dự là các trung đoàn trưởng thuộc hai đại đoàn 308, 312, những đơn vị chuẩn bị lên đường làm nhiệm vụ mới. Thời gian kéo dài chín ngày.

Hội nghị đã bước đầu đánh giá được chỗ mạnh, chỗ yếu của tập đoàn cứ điểm. Tập đoàn cứ điểm tuy là cấu trúc liên hoàn của nhiều cứ điểm, nhưng vẫn là những cứ điểm riêng rẽ với những công sự đã chiến nằm trong hàng rào dây thép gai và bãi mìn. Những cứ điểm ở tiếp giáp cũng chỉ có thể chỉ viện bằng hỏa lực cho nhau khi bị tiến công. Và giữa chúng vẫn có những khe hỗ mà ta có thể lợi dụng. Khả năng ứng cứu bằng những đơn vị cơ động của bản thân tập đoàn cứ điểm bị hạn chế nếu ta tiến công ban đêm. Trong Chiến dịch Hòa Bình năm 1952, những phân đội nhỏ của Trung đoàn 36 đã vượt qua con đường độc đạo nằm giữa các cứ điểm, tiến công trận địa pháo, sân bay, và những tiểu đoàn của ta đã tiêu diệt nhanh chóng một số điểm cao trong vành đai bảo vệ thị xã.

Tuy nhiên, Hòa Bình chưa phải là Nà Sản. Và đòi hỏi với bộ đội ta trong đánh tập đoàn cứ điểm không phải chỉ là tiêu diệt quân chiếm đóng ở từng cứ điểm, mà phải giữ được vị trí đó để tiếp tục chiếm đóng ở từng cứ điểm, mà phải giữ được vị trí đó để tiếp tục phát triển vào sâu trong suốt quá trình tiến công. Như vậy, bộ đội ta sẽ phải chiến đấu liên tục cả ban đêm và ban ngày, vừa tiến công bộ binh địch vừa phải đối phó với đại bác, xe tăng và máy bay. Điều quan trọng là phải hạn chế được sức mạnh hóa lực của bản thân tập đoàn cứ điểm. Đối với một tập đoàn cứ điểm như Nà Sản, nhất thiết cuộc tiến công của ta phải có thêm sự trợ lực của trọng pháo và cao xạ pháo. Bạn đang giúp ta xây dựng một trung đoàn lựu pháo, và một trung đoàn pháo cao xạ 37mm đầu tiên của Liên Xô, nhưng trong mùa Xuân các đơn vị này đều chưa sẵn sàng.

Còn một công việc quan trọng là chuẩn bị hậu cần. Công tác hậu cần trong Chiến dịch Tây Bắc mang lại nhiều kinh nghiệm. Liên khu 3 và Liên khu 4 huy động cho chiến dịch được 5.000 tấn gạo. Khi chuyển tới Suối Rút, còn 1.250 tấn. Số gạo này chuyển tiếp tới Cò Nòi, bộ đội chỉ còn nhận được 410 tấn. Trên dọc đường vận chuyển, dân công mặc dù khẩu phần hằng ngày rất hạn chế, đã ăn hết 92% số gạo đưa ra mặt trận.

Ta thường huy động lượng thực từ chín tỉnh: Thanh Hóa, Nghệ An, Ninh Bình, Nam Định, Hà Nam, Hòa Bình, Phú Thọ, Vĩnh Yên, Yên Bái. Một nửa số tỉnh này có vùng tạm bị chiếm. Nguồn lương thực chính cho các chiến dịch lấy từ Thanh Hóa. Chiến dịch Hà Nam Ninh, Thanh Hóa cung cấp 98% số gạo. Chiến dịch Hòa Bình và

Tây Bắc, Thanh Hóa cung cấp 70%. Thanh Hóa là tỉnh tự do, diện tích rộng và đông dân nhất trong kháng chiến. Người dân xứ Thanh giàu tinh thần yêu nước và cách mạng. Nhưng Thanh Hóa lại là nơi ở cách xa mặt trận. Trên đường vận chuyển ra mặt trận, người dân công vừa đi vừa về có thể phải sử dụng gần hết số lương thực đem theo.

Đây là một bài toán khó. Anh Trần Đăng Ninh thấy cách tốt nhất là huy động lương thực tại chỗ. Nhưng Tây Bắc là vùng rừng núi, ruộng đất ít, người dân còn quen với tập quán du canh du cư, luôn luôn thiếu ăn. Chỉ còn cách sửa đường để vận chuyển bằng xe cơ giới. Ngoài lương thực còn pháo và đạn. Để đánh một tập đoàn cứ điểm, số lượng đạn dược tiêu hao rất lớn. Và đâu phải chỉ chừng ấy. Còn thuốc men cho thương binh, lương thực cho tù binh... Nhưng muốn sửa hàng trăm ki-lô-mét đường từ hậu phương ra mặt trận cần không ít thời gian.

Khi đó chúng ta chưa biết cơ quan tham mưu Pháp đã tính toán về khả năng mang vác của dân công ta và đi tới kết luận: "Quân đoàn tác chiến Việt Minh" không thể hoạt động dài ngày tại một vùng thiếu lương thực ở cách xa khu căn cứ quá 180 ki-lô-mét! Phòng nhì Pháp đã tìm ra đáp số khá chính xác. Trớ trêu thay sự tính toán này đã góp phần dẫn tới thảm họa của quân viễn chinh Pháp ở Điện Biên Phủ.

3

Đi lần sắp kết thúc chiến dịch, một câu hỏi lại xuất hiện: Sắp tới sẽ đánh đâu?

Sự chênh lệch quá lớn về vũ khí, trang bị đặt ta vào trường hợp một võ sĩ hạng nhẹ phải đọ sức với một võ sĩ hạng nặng, trên vũ đài chật hẹp trong một trận đánh kéo dài, mỗi hiệp là một mùa khô. Khi đối phương đã thuộc những miếng đánh của ta, mỗi lần vào trận càng khó.

Đặc điểm lớn nhất của chiến lược chiến tranh cách mạng là không ngừng tiến công kẻ thù, về tư tưởng chủ yếu là chiến lược tiến công. Bác đã nói điều này từ năm 1942, trong bài thơ "Học đánh cờ": "Kiên quyết, không ngừng thế tiến công". Suốt tám năm qua, dù đánh nhỏ đánh lớn, chúng ta đã duy trì cuộc tiến công không ngừng. Do đó kẻ địch luôn luôn được tăng cường vũ khí trang bị, quân số, vẫn lâm vào thế sa lầy, bị động. Ngay từ những năm đầu kháng chiến, chiến tranh du kích của nhân dân và bộ đội địa phương kết hợp với vận động đánh nhỏ của bộ đội chủ lực, đã làm tiêu tan hy vọng giành một chiến thắng nhanh chóng của kẻ thù. Nhưng nếu muốn kết thúc cuộc chiến đã kéo dài, cần đánh bại đội quân chủ lực của địch trong một trận quyết định. Con đường ta đang khai phá dường như đã bị chặn lại trước sự xuất hiện của tập đoàn cứ điểm.

Chiến dịch Tây Bắc kết thúc sớm hơn dự kiến. Lực lượng ta tuy bị tiêu hao, nhưng việc bổ sung không khó khăn lắm, đa số thương binh có thể trở

lại đơn vị sau một thời gian điều trị. Bộ đội ta hoàn toàn đủ sức mở tiếp một chiến dịch trước mùa mưa: Chúng ta cần duy trì thế tiến công liên tục để ngăn dịch tái chiếm Tây Bắc, càn quét lớn ở đồng bằng hoặc đánh ra vùng tự do. Chiến dịch Tây Bắc mở ra một phương hướng mới. Với 80% đất đai Tây Bắc giải phóng, những con đường từ dây sang Thượng Lào đều được giải tỏa. Từ lâu, chúng ta đã nghĩ tới việc giúp bạn mở rộng căn cứ du kích ở Thượng Lào thành một khu giải phóng, nơi đứng chân của Chính phủ kháng chiến Lào. Nay đã có điều kiện. Một mặt trận mới mở ra trên đất bạn cũng buộc dịch phân tán quân đối phó, lún sâu hơn vào thế bị động trên chiến trường Đông Dương. Kết thúc Chiến dịch Tây Bắc, tôi đã bàn vấn đề này với anh Nguyễn Chí Thanh, rồi chỉ thị cho Bộ Tổng Tham mưu khi về tới Việt Bắc phải gấp rút nghiên cứu nắm tình hình dịch và bình yếu địa chí Thượng Lào để trình với Tổng Quân ủy.

Thượng Lào gồm sáu tỉnh: Luông Pha Băng, Sầm Nưa, Xiêng Khoảng, Viêng Chăn, Phông Xa Lỳ, Huội Sài, rộng khoảng 135.000 ki-lô-mét vuông với một triệu dân. Thượng Lào chia làm hai vùng: Vùng rừng núi ở phía đông giáp với Tây Bắc, vùng đồng bằng ở phía tây, dọc theo lưu vực sông Cửu Long. Thượng Lào với Bắc Bộ Việt Nam núi liền núi, sông liền sông, hai con sông Mã, sông Chu đều từ Sầm Nưa chảy về Thanh Hóa. Từ Bắc Bộ có nhiều con đường chạy sang Thượng Lào: Đường số 6 từ Hòa Bình đi Mộc Châu, Pa Háng, Sầm Nưa, đường ngựa thổ từ Sơn La qua Sốp Nạo, đường từ Thanh Hóa qua Sốp Nạo đều tới Sầm Nưa, đường số 7 từ Vinh đi Xiêng Khoảng, đường từ Điện Biên Phủ qua Tây Trang đi Mường Khoa, Luông Pha Băng. Về quân sự, Thượng Lào được chia thành: Khu thượng lưu sông Cửu Long, khu Trấn Ninh, và địa hạt quân sự Phông Xa Lỳ.

Quân ngụy Lào chiếm 90% tổng số binh lực ở Lào, chất lượng thấp, không có khả năng đương đầu với bộ đội chủ lực ta. Quân tình nguyện Việt Nam ở Thượng Lào được tổ chức thành ba đoàn công tác, mỗi đoàn có từ bốn đến sáu đại đội, phân tán hoạt động tại Sầm Nưa, Xiêng Khoảng và Luông Pha Băng. Lực lượng của bạn Lào có khoảng 1.500 người, được tổ chức thành sáu đại đội và 24 trung đội chia ra hoạt động ở các tỉnh, chỉ có từ hai đến ba đại đội tập trung. Bộ chỉ huy Pháp vẫn coi Thượng Lào là một sân sau an toàn. Sau Chiến dịch Tây Bắc, địch đã chú ý Thượng Lào hơn trước vì khu đệm ở Tây Bắc không còn. Địch tăng cường cho Sầm Nưa hai tiểu đoàn, đưa quân số ở đây lên ba tiểu đoàn, và xây dựng thị xã Sầm Nưa thành một tập đoàn cứ điểm nhỏ. Khu vực Cánh Đồng Chum ở Xiêng Khoảng cũng được tăng thêm một tiểu đoàn.

Ngày 2 tháng 2 năm 1953, Tổng Quân ủy nhất trí mở Chiến dịch Xuân Hè năm 1953 ở Thượng Lào. Tổng Quân ủy đề nghị với Bộ Chính trị và Bác

cho phôi hợp với các bạn Lào mở một chiến dịch ở Sầm Nưa nhằm tiêu diệt từ 2.000 đến 3.000 quân địch, giúp Chính phủ kháng chiến Lào xây dựng hậu phương cho kháng chiến, buộc địch phân tán lực lượng cơ động, ngăn chặn âm mưu địch văn hồi tình hình ở Tây Bắc và bình định đồng bằng Bắc Bộ.

Các đồng chí lãnh đạo Đảng Nhân dân cách mạng Lào và Chính phủ kháng chiến Lào nhiệt liệt tán thành chủ trương của ta, hứa tích cực phối hợp giành toàn thắng cho chiến dịch. Cuối tháng 2, nhiều đoàn cán bộ Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Cung cấp và các đơn vị tham gia chiến dịch lên đường trình sát địa hình, chuẩn bị chiến trường và hoàn chỉnh kế hoạch tác chiến.

Thị xã Sầm Nưa nằm dưới một thung lũng nhỏ giữa vùng rừng núi địa hình giống như Hòa Bình tuy đổi núi xung quanh không cao bằng, cây cối ít rậm rạp hơn. Ở đây trước chỉ có một đồn chính, đồng thời là số chỉ huy khu, với ba đại đội khổ đồ chủ yếu là người Lào. Sau khi được tăng cường, Sầm Nưa đã có ba tiểu đoàn, gồm tiểu đoàn dù Lào số 1 (1er BPL), tiểu đoàn bộ binh Lào số 5 (5è BTL), tiểu đoàn biệt kích Lào số 8 (8è BCL) và một số lính Pháp. Quân số là 1.700 tên, do viên quan tư Man-lép-lát chỉ huy. Rút kinh nghiệm ở Nà Sản, địch đóng thêm 10 vị trí trên những điểm cao chung quanh thị xã, xây dựng công sự kiên cố, có hàng rào dây thép gai bao quanh và hệ thống giao thông hào nổi liền các vị trí. Chúng chặt nhiều cây cối để mở rộng tầm nhìn. Địch sửa chữa sân bay dã chiến ở Nà Thông và bãi nhảy dù ở Nà Viêng, Man-lép-lát thường xuyên cho quân càn quét vùng chung quanh, tung biệt kích thăm dò lực lượng và hướng tiến công của ta.

Sầm Nưa thực sự là một tập đoàn cứ điểm nhỏ. Tiêu diệt Sầm Nưa chính là cơ hội tốt cho bộ đội ta tập dượt để tiêu diệt Nà Sản sau này.

Trở ngại trước mắt vẫn là vấn đề tiếp tế. So với Nà Sản thì đường tiếp tế từ hậu phương tới Sầm Nưa dài gấp đôi. Hệ thống đường sá ở nước bạn còn ít phát triển hơn ở ta. Một số đường lớn trước đây xe chạy được, nay đều hư hỏng nặng. Ở miền núi hầu hết là những đường mòn, đèo dốc nổi tiếp. Tổng cục Cung cấp lập một hệ thống kho tàng, bến bãi trên tuyến đường dài hơn 600 ki-lô-mét từ Lạng Sơn qua Suối Rút, Mộc Châu, Sốp Hào tới Sầm Nưa. Công binh dùng thuốc nổ phá thác ở tuyến thượng lưu sông Mã. Đồng bào địa phương khiêng hàng trăm chiếc thuyền nan vượt núi tới Mộc Châu, qua biên giới thả xuống Sốp Hào để chở hàng vào gần Sầm Nưa. Trong chiến dịch này chúng ta đã huy động 80 xe ô-tô, gần 90 thuyền các loại, 2.000 xe đạp thổ, 180 ngựa thổ ngoài số dân công dùng quang gánh. Các bạn

Lào hứa sẽ tích cực vận động nhân dân ra sức khai thác, huy động lương thực, thực phẩm tại chỗ. Bạn cho biết năm nay tỉnh Sầm Nưa được mùa, riêng huyện

Xiềng Khọ có thể huy động 200 tấn gạo, nhưng phải chuẩn bị muối để đổi cho dân.

Một khó khăn nữa là vấn đề giữ bí mật. Nếu hướng chiến dịch bị lộ sớm, địch có thể tăng cường thế phòng ngự ở Sầm Nưa, đóng thêm một số cứ điểm. Trường hợp này tuy sẽ khó khăn hơn, vẫn nằm trong khả năng giải quyết của bộ đội ta. Nhưng nếu địch biến Sầm Nưa thành một tập đoàn cứ điểm lớn, hoặc rút chạy, thì sẽ là khó khăn thực sự đối với chiến dịch. Về vấn đề này cũng có thuận lợi là địa bàn mở chiến dịch vẫn nằm trên hướng Tây Bắc. Bộ Tổng Tham mưu đã xây dựng một kế hoạch nghi bình đánh Nà Sản từ ba hướng: Sông Đà vào, Sơn La xuống, Yên Châu lên. Mọi hoạt động chuẩn bị cho chiến dịch từ hậu phương lên tới Cò Nòi, nếu lộ, địch vẫn có thể nghĩ ta chuẩn bị đánh Nà Sản. Chỉ cần hết sức giữ bí mật trên đoạn đường từ Cò Nòi sang Sầm Nưa. Kế hoạch nghi bình sẽ được Đại đoàn 316 tiến hành vào cuối tháng 3 và đầu tháng 4 trước ngày mở màn chiến dịch.

Ô hướng chính Sầm Nưa, ta sử dụng sáu trung đoàn, gồm toàn bộ Đại đoàn 308, hai trung đoàn của Đại đoàn 312, và Trung đoàn 98 của Đại đoàn 316. Dự bị cho hướng này là Trung đoàn 174 của Đại đoàn 316 đang làm nhiệm vụ bảo vệ Mộc Châu. Bình chủng phối thuộc có bốn đại đội sơn pháo 75mm (12 khẩu), ba đại đội súng cối 120mm (12 khẩu), hai tiểu đoàn trọng liên phòng không 12,7mm, một tiểu đoàn công binh và một đại đội trình sát.

Về chiến thuật, bộ đội sẽ dùng lối bôn tập chiến dịch, từ xa ập tới bao vây toàn bộ quân địch, khống chế sân bay, bãi thả dù không cho tăng viện, nhổ những điểm cao quan trọng ở ngoại vi, đánh sâu vào tung thâm, chia cắt quân địch để tiêu diệt.

Hướng phối hợp là Điện Biên Phủ. Trung đoàn 148 đảm nhiệm hoạt động tại khu vực sông Nậm Hu, đánh nhô ăn chắc, trường hợp thuận lợi thì mạnh dạn khuếch trương chiến quả.

Hướng Mộc Châu, Yên Châu, Trung đoàn 165 của Đại đoàn 312 dùng các hình thức biệt kích, tập kích vào trận địa pháo binh, sở chỉ huy địch ở Nà Sản, phục kích các đoàn xe, cùng với Trung đoàn 174 của Đại đoàn 316 kiên quyết không cho địch chiếm lại Mộc Châu.

Hướng thứ yếu là Xiêng Khoảng. Đại đoàn 304 sẽ đưa hai trung đoàn theo đường số 7 tiến sang Lào, tiêu diệt các vị trí Noẹng Hét, Bản Ban, phát triển chiến tranh du kích ở Xiêng Khoảng và Khang Khai.

Ngày 17 tháng 3, anh Nguyễn Chí Thanh thay mặt Tổng Quân ủy vào Anh Sơn, Nghệ An, cùng với đồng chí Phu-mi Vông-vi-chít - đại diện Chính phủ Kháng chiến Lào và Mặt trận Lào Ít-xa-la, dự Hội nghị Quân chính của

Đại đoàn 304 quán triệt nhiệm vụ chiến dịch. Sau khi dặn dò các anh Hoàng Minh Thảo, Lê Chưởng, Tư lệnh và Chính ủy Đại đoàn 304, anh Nguyễn Chí Thanh quay trở lại Việt Bắc.

Hai đêm 21 và 22 tháng 3, các đại đoàn 308, 312 lần lượt rồi Phú Thọ lên đường tới địa điểm tập kết tại Mộc Châu. Do khó khăn về cung cấp, các đơn vị đều tỉnh giản tổ chức, tự mang lấy đạn bộ binh. Tuyến vận tải chỉ vận chuyển đạn pháo và đạn trợ chiến cho hướng chính của chiến dịch, ước tính 70 tấn.

Cơ quan tiền phương của Bộ lần này cũng gọn nhẹ, quân số so với Chiến dịch Tây Bắc bớt một nửa. Bộ phận nhẹ đi trước bằng xe vận tải để kịp chuẩn bị địa điểm tổ chức hội nghị trao nhiệm vụ cho các đơn vị.

Bộ chỉ huy chiến dịch gồm có các anh Hoàng Văn Thái, Tham mưu trưởng, anh Nguyễn Chí Thanh, Chủ nhiệm Chính trị, anh Trần Đăng Ninh, Chủ nhiệm Cung cấp, và tôi, Chỉ huy trưởng. Cùng ra mặt trận, về phía bạn, có Hoàng thân Xu-pha-nu-vông - Thủ tướng Chính phủ kháng chiến Lào; đồng chí Cay-xôn Phôm-vi-hân - Tổng Bí thư Đảng Nhân dân cách mạng Lào; Bộ trưởng Quốc phòng Lào; đồng chí Xanh-ga-po - Thứ trưởng Quốc phòng Lào và đồng chí Thao Ma - Bí thư tỉnh Sâm Nưa. Bộ Chính trị cử anh Nguyễn Khang, Trung ương ủy viên đặc trách công tác ở Lào, cùng đi chiến dịch.

Các cố vấn Trung Quốc tán đồng chủ trương của ta mở chiến dịch ở Thượng Lào, tin chắc bộ đội ta và lực lượng vũ trang của bạn sẽ giành thắng lợi lớn.

Ở đồng bằng Bắc Bộ, trung du và các tỉnh hậu phương, ta vẫn để lại lực lượng duy trì các hoạt động tại địch hậu và sẵn sàng đối phó nếu quân địch đánh ra. Tả ngạn Liên khu 3 đã có thêm Trung đoàn 50 bên cạnh Trung đoàn 42. Nhiều tháng qua địch mở những cuộc hành binh vô vọng hòng đẩy các trung đoàn này ra vùng tự do. Bộ chỉ huy Pháp đã coi các đơn vị này là "không thể nắm bắt". Hữu ngạn Liên khu 3 vẫn do Đại đoàn 320 đảm nhiệm. Đại đoàn 320 sẵn sàng đánh địch nếu chúng đổ bộ lên duyên hải Thanh Hóa. Hướng trung du được bố trí hai trung đoàn 238 và 246 (thiếu một tiểu đoàn). Hướng Phú Thọ có Trung đoàn 246 (thiếu một tiểu đoàn) và một tiểu đoàn của Trung đoàn 246. Hướng Hòa Bình có một tiểu đoàn thuộc Trung đoàn 48 cùng với bộ đội địa phương. Phương châm chung ở các hướng này là dùng chiến tranh du kích chống địch càn quét, khi địch đánh ra vùng tự do thì đánh những trận tiêu diệt gọn từng đơn vị nhỏ của địch.

Tình hình Bắc Bộ đã khác nhiều từ sau Chiến dịch Hòa Bình. Tôi cầm thấy an tâm khi cùng bộ đội lên đường sang nước bạn.

au ba tháng, tôi lại quay về Tây Bắc. Tháng 10 năm trước vào Tây Bắc, từ Yên Bái qua sông Thao đã là vùng tạm chiếm. Bộ đội ta phải tiêu diệt những đồn bốt địch mở đường mà đi. Hơn hai tháng sau, chúng ta mới vượt sông Đà giải phóng Mộc Châu. Lần này, ngày nghĩ đêm đi chỉ mất năm ngày. Phần lớn núi rừng Tây Bắc đã là của ta. Đường số 13, đường số 6 đã được sửa, xe chạy thâu đêm, rộn ràng bộ đội dân công.

Các bạn Lào, Hoàng thân Xu-pha-nu-vông, anh Cay-xôn Phôm-vi-hân đều rất phấn khởi. Cả hai nhà trí thức Lào, đều chịu ảnh hưởng của văn hoá Pháp, vì tự do của dân tộc mình đã tự tìm đến với chúng ta, quyết tâm đi tôi cùng theo con đường Nguyễn Ái Quốc đã chọn. Đây là những đồng chí góp phần xây dựng nền móng cho tình chiến đấu sắt son giữa hai dân tộc Việt - Lào. Dọc đường, ta và bạn cùng sát cánh bàn bạc giải quyết những tình huống mới xuất hiện. Chúng tôi đã có những cuộc trao đổi ý hợp tâm đầu về triển vọng của cách mạng Lào. Anh Cay-xôn mong muốn sau chiến dịch này, Sầm Nưa sẽ trở thành "Thái Nguyên", Thượng Lào trong tương lai không xa sẽ là "Việt Bắc" đối với kháng chiến và cách mạng Lào.

Cơ quan tham mưu báo cáo đài phát thanh địch ở Hà Nội đưa tin các đại đoàn 308, 312 đã rời Phú Thọ, Việt Minh chuẩn bị đánh Thượng Lào hoặc Nà Sản! Địch còn nói, ta sẽ tiến công Thượng Lào bằng hai hướng, từ Mộc Châu sang Sầm Nưa, và từ Điện Biên Phủ sang Luông Pha Băng. Từ Sầm Nưa, quân báo của ta báo tin về tình hình địch chưa có gì thay đổi. Trinh sát ta ở Nà Sản báo cáo máy bay địch ráo riết vận chuyển lương thực, đạn dược cho Nà Sản. Đại đoàn 316 bắt đầu triển khai kế hoạch nghi binh. Chúng tôi phán đoán địch rêu rao ta sẽ đánh Thượng Lào, nhưng thực sự để phòng một cuộc tiến công nhắm vào Nà Sản.

Cuối tháng 3 năm 1953, địch mở một cuộc hành binh lớn ở phía nam đồng bằng, nhằm vào vùng tự do hai huyện Yên Mô (Ninh Bình) và Nga Sơn (Thanh Hóa). Đây là cuộc hành binh Hô-tô An-pơ huy động tới bốn binh đoàn cơ động. Địch đóng thêm 18 vị trí quanh Phát Diệm và trên đường số 1 từ Ninh Bình tới Ghềnh, đe dọa tỉnh Thanh Hóa. Chắc chắn Xa-lăng đã phát hiện thêm Đại đoàn 304 đang tiến về phía tây trên đường số 7, muốn kéo bộ đội ta quay về. Chúng ta đã quá quen với kiểu đối phó này. Thực tế những hoạt động của địch không nhắm vào Thanh Hóa. Và ta đã có kế hoạch đối phó nếu địch tiến công Thanh Hóa. Cùng thời gian, một binh đoàn quân dù từ Nà Sản tiến về hướng Mộc Châu. Đây là cuộc hành binh Guýt-ta-vơ. Quân dù bị những lực lượng của Trung đoàn 165 chặn đánh kịch liệt. Binh

đoàn dù chưa tới được Mường Hét thì phát hiện Đại đoàn 308 đã có mặt ở Tạ Khoa. Đò Li-na-rét lập tức ra lệnh cho quân dù và tất cả những đơn vị đóng rải rác đều rút về Nà Sản trong ngày 8 tháng 4 năm 1953.

Ngày 5 và ngày 6 tháng 4 năm 1953, hội nghị phổ biến kế hoạch tác chiến cho các đơn vị được tổ chức tại sở chỉ huy cách Mộc Châu 20 ki-lô-mét. Trừ những cán bộ trực tiếp tham gia chuẩn bị, các đơn vị lúc này mới biết mục tiêu của chiến dịch lần này là Sầm Nưa. Dọc đường, bộ đội vẫn nghĩ sẽ đánh Nà Sản. Ai nấy đều ngỡ ngàng. Nhiều người đã chuẩn bị quyết tâm rửa hận Pú Hồng, Nà Si. Một số cho rằng mục tiêu quá nhỏ so với bình lực được huy động. Cũng có người thấy đây là chủ trương sáng suốt, vì nó hợp với trình độ tác chiến của bộ đội ta. Mọi người chỉ thực sự vui vẻ khi biết đánh Sầm Nưa là cuộc tổng diễn tập để đánh Nà Sản trong chiến dịch sắp tới.

Hội nghị nhận được thư của Bác đề ngày 3 tháng 5 năm 1953. Bác viết: "Lần này là lần đầu tiên mà các chú nhận một nhiệm vụ quan trọng và vẻ vang như nhiệm vụ này, tức là giúp nhân dân nước bạn. Giúp nhân dân nước bạn là tự giúp mình".

Bác yêu cầu bộ đội:

"- Vượt mọi khó khăn, thì đua diệt địch, chiến đấu anh dũng.

- Nêu cao tinh thần quốc tế, tôn trọng chủ quyền, tôn trọng phong tục tập quán, kính yêu nhân dân nước bạn.
- Tuyệt đối giữ gìn kỷ luật, giữ gìn danh tiếng Quân đội nhân dân Việt Nam...".

Đại đoàn 308, được phối thuộc Trung đoàn 98 của Đại đoàn 316 hành quân chiếm lĩnh trận địa chung quanh Sầm Nưa, cứ ba tiểu đoàn đi trước không chế cánh đồng Mường Sầm không cho địch nhảy dù tăng viện, chặn địch ở đường số 6 không cho địch rút chạy về Xiêng Khoảng. Các đơn vị được phân công như sau: Trung đoàn 102 đánh cứ điểm ngoại vi Thou Lou. Trung đoàn 88 đánh hai vị trí Khai Đon 1, Khai Đon 2. Trung đoàn 98 bao vây vị trí Bản Vàn, chuẩn bị đánh vào phố Sầm Nưa cùng lúc Trung đoàn 36 tiến công đồn chính.

Đại đoàn 312 đưa một tiểu đoàn đi trước bao vây kiểm chế sân bay Nà Thông, đông thị xã Sầm Nưa một ki-lô-mét, khống chế sân bay và bãi thả dù. Trung đoàn 209 có nhiệm vụ khống chế sân bay Nà Thông, bao vây và tiêu diệt cứ điểm Nà Thông Ngoài. Trung đoàn 141 có nhiệm vụ tiêu diệt cứ điểm Nà Thông Trong. Trung đoàn 165 tiêu diệt vị trí Nà Viêng, tây Sầm Nưa một ki-lô-mét.

Các đơn vị sẽ có mặt ở vị trí tập kết chiến đấu trước ngày 17 tháng 4 năm 1953. Những trận đánh Nà Thông, Thou Lou, Khai Đon 1 sẽ nổ súng cùng một lúc để mở màn chiến dịch.

Bộ Tổng Tham mưu điều Tiểu đoàn 888 của Trung đoàn 98 đi trước tới sát Sầm Nưa khống chế người ra vào thị xã bao vây tin tức, giữ bí mật các hướng tiến quân trước giờ nổ súng. Ngày 9 tháng 4, Đại đoàn 308 rồi vị trí tập kết vượt sông Mã tiến vào đất bạn Lào.

Ngày 10 tháng 4, các đại đoàn 312 và 304 từ hai hướng cùng tiến quân vào nước bạn. Sở chỉ huy chiến dịch đi theo hướng Đại đoàn 308. Những ngày đầu, cuộc tiến quân diễn ra êm ả. Máy bay địch vẫn hoạt động trên đường số 6 và đường số 41. Ngày 12 tháng 4 tới bờ sông Mã, bộ phận tin kỹ thuật báo cáo một cán bộ trung đội của Tiểu đoàn 888 bị địch bắt ở Sầm Nưa đã để lộ một phần kế hoạch cuộc tiến công. Đây là sự cố đáng lo ngại nằm ngoài dự kiến của ta. Bộ chỉ huy chiến dịch điện gấp cho các đơn vị, trước hết là cho đồng chí Hùng Sinh, Trung đoàn trưởng Trung đoàn 102 đang dẫn đầu đội hình tiến quân của Đại đoàn 308: "Dịch có thể rút Sầm Nưa... Không bỏ lỡ thời cơ, bộ đội tăng tốc độ hành quân".

Ngày 13 tháng 4, quân báo của Bộ bám sát địch ở Sầm Nưa báo cáo về: Địch bắt đầu rút Sầm Nưa đêm ngày 12 tháng 4 năm 1953!

Lúc này, một tiểu đoàn của ta, Tiểu đoàn 888 đi trước, đã có mặt bên ngoài thị xã Sầm Nưa. Các đơn vị khác còn cách Sầm Nưa một ngày đường. Trường hợp địch rút Sầm Nưa nằm trong dự kiến của ta. Từ Sầm Nưa về tới Xiêng Khoảng khá xa, trên 200 ki-lô-mét, chỉ có đường mòn xuyên qua rừng núi, địa hình hiểm trở. Với 1.700 quân, có cả nhân viên ngụy quyền ở Sầm Nưa cùng với gia đình đi theo, chúng tôi cho rằng địch không thể rút nhanh. Cũng có thể chúng cho rằng bộ đội ta chỉ chiếm thị xã đã bị bỏ ngỏ mà không đuổi theo. Chúng ta vẫn còn cơ hội đuổi bắt quân địch. Bộ chỉ huy chiến dịch quyết định cho bộ đội khẩn trương truy kích.

Tôi điện cho các đơn vị: "Các đồng chí! Địch đã bỏ Sầm Nưa chạy. Sầm Nưa đã giải phóng. Nhưng muốn giúp nước bạn củng cố căn cứ địa đó thì chúng ta phải tiêu diệt cho kỳ được sinh lực địch... Đường rút chạy của chúng khá xa, tinh thần chúng càng kém... Chúng ta phải khắc phục mọi khó khăn... chuyển thành quyết tâm diệt địch trong trận truy kích này. Đó là nhiệm vụ phải làm cho kỳ được, vượt lên thực nhanh, bám sát và chia cắt địch chặn đường rút của chúng, tiêu diệt, tiêu diệt cho giòn, cho gọn".

Bộ Tổng Tham mưu ra một loạt mệnh lệnh. Tiểu đoàn 888, đơn vị hiện ở gần địch nhất, lập tức truy kích. Trung đoàn 102 mang theo hai ngày gạo, hai ngày lương

khô, để vũ khí nặng lại, truy kích ngay trong đêm. Đại đội

nào tổ chức xong đi trước, vừa đi vừa điều tra, gặp địch thì tiêu diệt, địch đóng tập trung thì bao vây, ghim chân quân địch, chờ những bộ phận đến sau cùng tiêu diệt. Trung đoàn 102 đi theo đường Khang Khọ ra Nà Thông qua Sầm Nưa truy kích địch tới Bản Ban và Xiêng Khoảng. Trung đoàn 209 được lệnh đi theo Trung đoàn 102. Bộ chỉ huy chiến địch điện cho đồng chí Cao Văn Khánh, Đại đoàn phó Đại đoàn 308, chỉ huy toàn bộ cánh quân này. Đại đoàn 304 ở phía nam, được lệnh đánh mạnh trên đường số 7 ngăn chặn quân địch từ Sầm Nưa chạy về Cánh Đồng Chum.

Bộ chỉ huy chiến dịch cử đồng chí Đỗ Đức Kiên - Trưởng ban Tác chiến chiến dịch, cùng với đồng chí Nguyễn Anh Bảo - phái viên Tổng cục Chính trị, đuổi theo Đại đoàn 308 làm nhiệm vụ đốc chiến. Để bảo đảm cung cấp cho bộ đội truy kích, bạn cử đồng chí Nu-hắc cùng đi với đồng chí Nguyễn Văn Nam để huy động nhân vật lực tại chỗ.

Trưa ngày 14 tháng 4, chúng tôi nhận được báo cáo Tiểu đoàn 888 đã bắt được toàn bộ ngụy quyền Sầm Nưa cùng với 40 lính dông tại Mường Hàm trong đêm 13 tháng 4. Bộ chỉ huy chiến dịch điện tiếp cho Đại đoàn 308 và Trung đoàn 209: "Bộ đội ta còn gặp bọn hành chính của địch đi sau, như vậy chủ lực của địch chưa xa lắm, cần phải đôn đốc bộ đội cố gắng vượt lên đánh địch dân ra hai bên rồi quét trở lại. Cần động viên bộ đội lúc này gắng một bước thì tiêu diệt thêm một tên địch, không vì mệt mỏi, thương hại bộ đội mà bỏ lỡ cơ hội".

Sáng ngày 14 tháng 4, Trung đoàn 98 bắt kịp quân địch ở Nà Noọng, cách Sầm Nưa 30 ki-lô-mét. Man-lép-lát không nghĩ là bộ đội ta lại đuổi theo ban đêm giữa rừng, nên đã cho binh lính nghỉ lại qua đêm ở bản Nà Noọng. Buổi sáng, khi bộ phận đi đầu của đoàn quân vừa ra tới đường thì bộ đội ta ập tới với một trận mưa đạn. Bình lính ngụy Lào không nghĩ tới việc chống cự, tháo chạy hỗn loạn. Bộ đội ta tiêu diệt 50 quân địch trong đó có viên quan ba Rút-xô-lô, chỉ huy phó tiểu đoàn 8 ngụy Lào, bắt sống 15 lính Âu cùng với 206 binh lính ngụy Lào và năm viên quan ba người Pháp: Đò-la Gác, tham mưu trưởng phân khu Sầm Nưa, Ở-gien tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 8 ngụy Lào, Pe-ranh, Rơ-hơ, Moóc-văng, đều là chỉ huy đại đội. Theo tài liệu thì địch đã mất ở Nà Noọng 40% quân số, đại bộ phận tiếp tục chạy về phía tây.

Trung đoàn 102 và Tiểu đoàn 23 của Trung đoàn 88 vừa tới nơi, tiếp tục đuổi theo quân địch.

Trưa ngày 16 tháng 4, quân địch tới Hứa Mường trong tình trạng rêu rã, kiệt sức. Man-lép-lát nghĩ là cuộc truy kích đã kết thúc, quyết định cho binh lính nghỉ lại

hết đêm hôm đó.

Sáng ngày 17 tháng 4, Tiểu đoàn 79, bộ phận đi đầu của Trung đoàn 102 tới Hứa Mường. Được nhân dân cho biết quân địch vừa đi khỏi đây một giờ, Tiểu đoàn trưởng Ngô Ngọc Dương, người đại đội trưởng chỉ huy trận kỳ tập đốn Cẩm Lý năm xưa, lập tức ra lệnh khẩn trương đuổi kịp quân địch. Bao nhiêu nhọc mệt sau ba ngày đêm liên tiếp truy kích trên đường đèo dốc dưới nắng hè dường như tiêu tan. Chỉ hơn một giờ sau, Tiểu đoàn 79 đã bắt kịp quân địch. Ngô Ngọc Dương quyết định mở một mũi thọc sâu vào giữa đội hình quân địch, đánh dạt chúng sang hai bên đường, tiến lên đầu, đóng thành cái "nút" chặn chúng lại, sau đó tiến hành vây quét. Tổ trưởng Đặng Đình Lục dẫn đầu một tổ xung kích đánh xuyên suốt đội hình địch kéo dài hàng ki-lô-mét, xông lên phía trước chặn đầu, cho các đại đội đi sau tiến lên tiêu diệt.

Sự xuất hiện bất thần của bộ đội ta lần thứ hai trên đường rút lui, làm cho quân ngụy Lào mất hết tinh thần. Chúng không còn nghe theo mệnh lệnh những sĩ quan Pháp chỉ huy, ném súng và bao đạn cho nhẹ rồi cắm đầu lao vào rừng. Những sĩ quan Pháp cũng chỉ còn cách chạy theo binh lính đã hoàn toàn tan võ. Bộ đội ta chia thành từng tốp tản vào rừng truy bắt quân địch. Ta tiêu diệt khoảng một đại đội địch trong đó có 40 lính Âu. Viên quan tư Gơ-ru-đê - tiểu đoàn trưởng, và viên quan ba Đen-pho chết tại trận. Bộ đội ta bắt thêm hai viên quan ba người Pháp chỉ huy các đại đội dù.

Đến đây, ba tiểu đoàn địch cùng với bộ máy ngụy quyền tỉnh Sầm Nưa rút chạy coi như đã bị xoá số. Chỉ có 220 tên, trong đó có viên quan tư Man-lép-lát, chạy thoát vào rừng, tập hợp thành những nhóm nhỏ nhiều tuần sau đó mới lẻ tẻ tìm về được tới Cánh Đồng Chum.

Một bộ phận của Trung đoàn 88 truy kích tới Bản Ban, Xiêng Khoảng, nơi Đại đoàn 304 từ Nghệ An sang đã có mặt.

Bộ chỉ huy mặt trận trao nhiệm vụ cho các đồng chí Vương Thừa Vũ, Song Hào chỉ huy và lãnh đạo công tác chiến đấu ở khu vực Sầm Nưa, truy quét tàn binh trao lại cho các bạn Lào, tuyên truyền giác ngộ nhân dân, góp phần xây dựng chính quyền và lực lượng vũ trang địa phương.

hí sau một tuần vận động truy kích địch trên đoạn đường dài 270 ki-lô-mét từ Sầm Nưa về Cánh Đồng Chum, ta đã tiêu diệt, bắt sống và làm tan rã 2.000 quân địch. Đây là trận truy kích trên chặng đường dài

nhất của quân đội ta. Nó giống như một cơn lốc bất thần nổi lên trên chiến trường Lào lâu nay yên tĩnh, cuốn theo cả một hệ thống đồn bốt quân địch mất nhiều công

sức xây dựng. Bộ đội ta đã thực hiện đúng từng lời trong nhiệm vụ được trao "Đuổi địch đến cùng, tiêu diệt bằng được binh đoàn rút lui của địch. Địch chạy xa 200 ki-lô-mét cũng đuổi, 300 ki-lô-mét cũng đuổi, hết lương thực cũng đuổi". Lần đầu đặt chân lên nước bạn, không biết đường đi lối lại, không biết tiếng nói, địa hình rừng núi vô cùng hiểm trở, chính binh lính địa phương cũng phải mất hàng tháng mới tìm về tới Cánh Đồng Chum, bộ đội ta chỉ lần theo vết giày đinh, phát cây mở đường mà đi, bất chấp nắng mưa thất thường, bất chấp đói khát, đã hoàn thành nhiệm vụ. Dân công vận tải, chuyển thương bám sát đơn vị đã dành từng nắm gạo rang, từng bi-đông nước cho bộ đội trên đường đuổi địch. Thật hạnh phúc cho dân tộc có được những người con như vậy trong chiến tranh! Mệnh lệnh của người chỉ huy dù chính xác tới đâu cũng trở thành vô nghĩa nếu không được những người cầm súng trên chiến trường thực hiện một cách chủ động và sáng tạo.

Ở hướng nam, trước sự uy hiếp của hai tiểu đoàn thuộc Đại đoàn 312 và một đơn vị Pa-thét Lào, quân địch đóng ở Mường Sôi, Bản Phiêng, rồi Sầm Tớ lần lượt bỏ đồn rút chạy.

Tại Xiêng Khoảng, sau khi Noẹng Hét bị tiêu diệt, quân địch ở Bản Ban chạy về Khang Khay. Quân địch ở các vị trí Mường Nga, Mường Ngạn cũng bỏ chạy. Trung đoàn 57 của Đại đoàn 304 truy kích địch tới thị xã Xiêng Khoảng. Toàn bộ quân địch ở thị xã vội rút về Cánh Đồng Chum. Tiểu đoàn Pa-thét Lào do đồng chí Thao Tu chỉ huy, làm chủ đoạn đường số 7 từ biên giới Lào - Việt tới Xiêng Khoảng.

Hiệp đồng với trận đánh Sầm Nưa, ở lưu vực sông Nậm Hu, Tiểu đoàn 910 của Trung đoàn 148 cùng với các chiến sĩ Pa-thét Lào hoạt động trên hướng bắc. Trước sự xuất hiện của quân ta, ngày 9 tháng 4, địch bỏ các vị trí Huội Sun, Sốp Sao co về cố thủ ở Mường Khoa. Tiểu đoàn 910 đánh vị trí Mường Khoa không thành công, chuyển xuống phía nam Nậm Hu, ngày 21 tháng 4 diệt vị trí Mường Ngòi, ngày 27 tháng 4 diệt tiếp vị trí Nậm Bạc.

Ngày 25 tháng 4, Bộ chỉ huy chiến dịch ra lệnh cho một tiểu đoàn thuộc Trung đoàn 36 và một tiểu đoàn thuộc Trung đoàn 98 chặn địch rút chạy từ mặt trận Nậm Hu về Luông Pha Băng, đồng thời cùng các đơn vị có mặt tại đây uy hiếp trực tiếp kinh đô Lào. Bộ chỉ huy Pháp phải điều toàn bộ binh đoàn cơ động số 1, một tiểu đoàn dù, hai đại đội súng cối 106mm tới Luông Pha Băng, chuẩn bị đối phó với cuộc tiến công.

Ngày 26 tháng 4, Trung đoàn 98 sau khi tiêu diệt Nà Noẹng, tiến công vị trí Pac Sàng diệt toàn bộ địch ở đây, đồng thời chặn đánh địch ở Bản Sê, làm tan rã và bắt sống nhiều tên.

Quân địch ở Mường Sung nằm giữa sức ép của Tiểu đoàn 910 từ bắc xuống và Trung đoàn 98 từ nam lên, vội vã bỏ vị trí rút chạy.

Ngày 17 tháng 5, Trung đoàn 98 phối hợp với Trung đoàn 148 tiến công vị trí Mường Khoa lần thứ hai. Vị trí này nằm trên hữu ngạn sông Nậm Hu, cách Điện Biên Phủ 50 ki-lô-mét về hướng tây nam. Ta diệt và bắt gần 300 quân địch. Viên đại úy Tơ-li-ê, chỉ huy Mường Khoa bị bắt sống.

Tính chung, trong Chiến dịch Thượng Lào, ta và bạn đã tiêu diệt, bắt sống, làm tan rã gần 2.800 binh lính và sĩ quan địch, chiếm một phần năm tổng số lục lượng địch ở Lào, giải phóng trên 4.000 ki-lô-mét vuông, gồm toàn bộ tỉnh Sầm Nưa, một bộ phận tỉnh Xiêng Khoảng và Phông Xa Lỳ, chiếm một phần năm diện tích Bắc Lào, và hàng chục vạn dân. Cả dải đất thượng nguồn sông Mã, sông Chu đã giải phóng. Lần đầu, kháng chiến Lào có một vùng căn cứ rộng lớn. Hậu phương kháng chiến của cách mạng Lào đã nối liền với vùng tự do Tây Bắc và Khu 4 của ta. Sau khi phần lớn biên giới phía bắc Việt Nam tiếp giáp với Trung Hoa được giải phóng, đến lượt một phần biên giới phía tây giáp với Lào được giải tỏa.

Sau hội nghị tổng kết, là cuộc họp cán bộ trong bộ đội tình nguyện Việt Nam có mặt ở Thượng Lào. Tôi biểu dương tinh thần quốc tế, sự hy sinh, chịu đựng gian khổ bền bỉ của các anh em nhiều năm qua sống xa Tổ quốc, nhắc mọi người hết sức tôn trọng nhân dân Lào, phong tục tập quán của bạn, khi làm việc với các bạn Lào phải có tinh thần hoàn toàn bình đẳng, cùng bàn bạc mỗi khi đưa ra quyết định, giữ vững tình đoàn kết Việt - Lào và hoàn thành nhiệm vụ thiêng liêng là giúp đỡ cách mạng Lào.

Lễ mừng chiến thắng được tổ chức tại một tòa nhà giữa thị xã Sầm Nưa vừa giải phóng. Những cán bộ cao cấp trong quân đội ta và đại diện quân tình nguyện tới dự. Hoàng thân Xu-pha-nu-vông nói trong cuộc mít tinh: "Sầm Nưa giải phóng là kết quả của bao nhiêu năm đấu tranh chống quân xâm lược của các bộ tộc Lào. Sầm Nưa giải phóng là kết quả của tinh thần đoàn kết anh em giữa hai nước Việt - Lào, của sự giúp đỡ không điều kiện của nhân dân, của quân đội Việt Nam tiêu diệt kẻ thù chung". Tiếp theo là tiệc mừng và cuộc vui liên hoan. Bà Xu-pha-nu-vông trực tiếp chuẩn bị bữa ăn cho chúng tôi, với món xôi được nấu theo kiểu của nhà vua. Sau đó mọi người hát Chăm-pa, múa Lăm-vông thâu đêm. Đây là buổi liên hoan quốc tế lớn nhất tôi được dự lần đầu.

Tại Xiêng Khoảng, trong cuộc mít tinh mừng chiến thắng, đồng chí Phu-mi Vông-vi-chít nói: "Thắng lợi của Chiến dịch Thượng Lào là thắng lợi của tinh thần đoàn kết giữa hai dân tộc và hai quân đội Việt - Lào".

Theo yêu cầu của bạn, chúng ta để lại Trung đoàn 98 cùng với các đơn vị tình nguyện ở tại thị xã Sầm Nưa và vùng Nậm Hu. Hướng Xiêng Khoảng, Đại đoàn 304 cũng để lại trên đất bạn hai tiểu đoàn.

Sâm Nua trô thành căn cứ địa vững chắc của cách mạng Lào trong suốt hai cuộc kháng chiến. Các bạn Lào sau đó đặt cho nó thêm một cái tên mới: Văn Xây (có nghĩa là Thắng Lợi). Trong kháng chiến chống Mỹ, năm 1971, Đại hội Đảng Nhân dân cách mạng Lào lần thứ II được tổ chức tại Sâm Nua. Đoàn đại biểu Đảng ta tới tham dự đại hội của bạn có tôi và anh Lê Văn Lương. Các đồng chí lãnh đạo Đảng và Chính phủ Kháng chiến Lào về họp đông đủ trong không khí chan hòa, thắm thiết tình đồng chí. Bác thường nói: Sự đoàn kết trong các đồng chí lãnh đạo ở Lào là cơ sở chắc chắn để bảo đảm thắng lợi. Tôi rất vui mừng được gặp lại nhiều đồng chí đã có mặt trong Chiến dịch Sâm Nua.

Chiến dịch Thượng Lào đã hoàn thành tất cả những mục tiêu đề ra lúc đầu. Mùa xuân năm 1953 mở ra triển vọng lớn cho hai dân tộc Việt - Lào trong chiến tranh, với thế phối hợp chiến lược mới giữa cách mạng hai nước. Đó là dấu son trong lịch sử đoàn kết chiến đấu keo sơn Việt - Lào. Cũng chưa bao giờ bạn và ta giành được chiến thắng lớn với số thương vong ít như chiến dịch này. Trong Xuân Hè năm 1953, chiến trường mở rộng, phương tiện chiến tranh và quân lính dịch bị căng ra khắp nơi, hoạt động phi pháo dịch là không đáng kể. Ở đồng bằng Bắc Bộ ta lại giành thắng lợi lớn, 7.200 quân dịch bị tiêu diệt. Liên khu 5 diệt 970 tên.

Bộ đội ta trên đường chiến thắng trở về, vẫn tràn đầy sinh lực như khi bắt đầu vào trận. Mỗi người đều giữ lại những tình cảm, những hình ảnh tốt đẹp về các bạn chiến đấu, nhân dân và đất nước Lào. Những bản làng nho nhỏ với những ngôi nhà sàn thanh bình, người dân vô cùng thuần phác, những buổi lễ buộc chỉ cổ tay, điệu múa Lâm-vông, bài ca Chăm-pa...

Với Chiến dịch Thượng Lào, chúng ta đã khoét sâu vào nhược điểm của dịch, mở rộng quyền chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ ra cả miền Bắc Đông Dương. Suốt thời gian chiến dịch, Bộ chỉ huy Pháp đã không có một hoạt động đối phó hữu hiệu. Trong thời gian ta mở chiến dịch, dịch chỉ cho một số quân dù nhảy xuống Chợ Bờ, Suối Rút, Hòa Bình (cuộc hành binh Corse) và dùng máy bay ném bom, bắn phá con đường từ Mộc Châu đi Sầm Nua để gây khó khăn cho việc vận chuyển tiếp tế của ta. Dịch không thể mở một cuộc hành binh lớn ở đồng bằng, Tây Bắc hoặc đánh ra vùng tự do. Trên đất Lào, dịch hoàn toàn bị động chạy theo sự điều động binh lực của ta mà vẫn không bảo vệ được những vùng đất chiếm đóng cùng với lực lượng đồn trú. Ở hầu khắp mọi nơi, khi phát hiện bóng dáng chủ lực ta, quân dịch

đều rút chạy co cụm lại thành tập đoàn cứ điểm. Phải chăng đây là trở ngại cuối cùng trên đường đi đến chiến thắng? Trên chiến trường Bắc Đông Dương, vào Xuân Hè năm 1953, Xa-lăng có 37 tiểu đoàn cơ động chiến lược, buộc phải phân tán thành ba nơi: Tây Bắc, tám tiểu đoàn; Thượng Lào, gồm cả Cánh Đồng Chum và Luông Pha Băng, 12 tiểu đoàn; ở đồng bằng Bắc Bộ chỉ còn lại 17 tiểu đoàn. Tất cả đều nằm im chờ đợi cuộc tiến công của chủ lực ta. Những mưu toan giành lại quyền chủ động của Đờ Lát, với Xa-lăng đã trở nên bế tắc. Người Pháp bắt đầu chê trách Xa-lăng cứ tái diễn mãi trò "con nhím"! Bị thất bại trong ba chiến dịch liên tiếp: Hòa Bình, Tây Bắc, Thượng Lào, Chính phủ Pháp buộc phải tính tới chuyện thay thế Xa-lăng. Thượng tuần tháng 5 năm 1953, chúng ta được tin Xa-lăng sẽ bị triệu hồi và thay thế bằng tướng bốn sao Hăng-ri Na-va.

Khởi đầu từ mùa Đông năm 1950 với sự lãnh đạo trực tiếp của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong Chiến dịch Biên Giới, đến mùa Xuân này nhân dân và quân đội ta đã vượt tiếp một thời kỳ mới đầy thử thách, gian lao nhưng rất vinh quang, mở ra con đường đi tới điểm hẹn lịch sử: Diện Biên Phủ nửa năm sau đó, trong Đông Xuân 1953-1954.

ĐIỆN BIÊN PHỦ ĐIỂM HẸN LỊCH SỬ

HỮU MAI thế hiện

(Theo Đại tướng Võ Nguyên Giáp với Chiến dịch Điện Biên Phủ, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2004)

Chân thành cảm ơn các đồng chí:

Trung tư ợng Hồng Cư - nguyên Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị; Đại tá Nguyễn Văn Hiếu - nguyên Chánh văn phòng Tổng Tư lệnh; Đại tá Hoàng Minh Phương - nguyên Phó Tư lệnh Quân đoàn 4, Trưởng đoàn cán bộ phiên dịch Bộ Tổng Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam trong Chiến dịch Điện Biên Phủ; Đại tá Đỗ Đức Kiên - nguyên Cục trưởng Cục Tác chiến; Đại tá, Tiến sĩ Phạm Gia Đức - Giám đốc, Tổng Biên tập Nhà xuất bản Quân đội nhân dân; Đại tá, Giáo sư Ngô Vi Thiện - thành viên Ban Tổng kết chiến lược Bộ Quốc phòng; Thiếu tư ợng Nguyễn Hữu Lê - nguyên Trưởng phòng Tổng kết kinh nghiệm chiến tranh Tổng cục Hậu cần; Đại tá Lê Kinh Lịch - nguyên Trưởng ban Kỳ sự Tổng cục Chính trị; Trung tư ợng, Phó Giáo sư Nguyễn Đình Ước - nguyên Viện trưởng Viện Lịch sử quân sự Việt Nam; Đại tá Trần Trọng Trung - nguyên thành viên Ban Tổng kết Bộ Tổng Tham mưu, đã đọc bản thảo vá góp ý kiến.

Trong sách có tham khảo và sử dụng một số tư liệu trong Lịch sử Bộ Tổng Tham mưu trong kháng chiến chống Pháp, Lịch sử cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), Lịch sử Hậu cần Quân đội nhân dân Việt Nam (1944-1954), lịch sử các đại đoán, trung đoán chủ lực và các quân khu, binh chủng, hối kỳ, tự thuật, tư liệu riêng của một số cán bộ cấp tướng vá cấp tá trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp và nhiều sách của phương Tây.

Xin cảm ơn các tác giả, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân và các nhà xuất bản.

Chuong mot CUOC HOP OTIN KEO

uộc kháng chiến đã sang năm thứ tám. Hạ tuần tháng 5 năm 1953, tôi từ Sầm Nưa về tới khu căn cứ. Những trận mưa đầu mùa đã bắt đầu. Các đơn vị không được nghỉ ngơi, khẩn trương bắt tay vào cuộc luyện quân chuẩn bị cho một mùa khô mới: Mùa khô 1953-1954.

Sap co mot hiep dinh ngung ban tai Trieu Tien. Hinh thai chien tranh tren ban dao Trieu Tien khac han voi chien tranh Viet Nam. Day la cuoc do suc chu yeu giua luc luong nhung quan doi chinh quy, duoc trang bi vu khi hien dai, tren mot dat nuoc khong rong nhung co he thong duong sa tuong doi phat trien. Neu nhu cuoc khang chien cua ta "lay yeu danh manh" thi 0 Trieu Tien la "lay manh danh manh". Chi mot thoi gian ngan, Quan doi Bac Trieu Tien da tien xuong Han Thanh, giai phong phan lon dat dai 0 mien Nam. Nhung 80 ngay sau, khi quan can thiep My do bo len Nhan Xuyen (Inchon), thi Quan doi Bac Trieu Tien buoc phai nhanh chong rut lui. Quan My khong nhung co mat ben tren vi tuyen 38 ma con tien tdi song Ap Luc, de doa nuoc Cong hoa nhan dan Trung Hoa, buoc Giai phong quan Trung Quoc phai can thiep. Quan va dan Bac Trieu Tien cung voi Chi nguyen quan Trung Quoc, duoc Lien XO chi vien da day lui quan My va nhieu nuoc dong minh ve ben kia vi tuyen 38. Hai nam qua, cuoc chien tranh 0 Trieu Tien dien ra duoi hinh thuc chien tranh duong ham, nhung trang dau phao doc vung rung nui 0 vi tuyen 38 va nhung trang danh nhau tren khong. Qua nhieu lan do suc, My da thay phao binh, xe tang, may bay hien dai cua mình khong the gianh ưu the trong cuoc doi dau voi suc manh quan su cua cac nuoc xa hoi chu nghia, viec thiet lap them mot tien don chong cong 0 Dong A la vo cung kho khan, buoc phai tim cach ket thuc chien tranh.

Nhan dip cac cuong quoc dang ban giai phap cho chien tranh Trieu Tien, trong chinh gioi Phap lai xuat hien y kien ve mot cuoc dieu dinh. Ngay 18

tháng 7 năm 1953, An-be Xa-rô - Cựu toàn quyền Đông Dương, nói rõ đây là "cơ hội tốt nhất lúc này để giải quyết vấn đề Đông Dương với người sẵn sàng điều đình

nhất, nghĩa là với Hồ Chí Minh". Số đông người Pháp từ lâu đã hiểu rõ nguyện vọng hòa bình thực sự của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nhưng đó là hòa bình trên cơ sở độc lập và thống nhất của Việt Nam mà giới cầm quyền Pháp trong những năm qua chưa thấy buộc phải chấp nhận.

Pháp không còn đủ sức chịu đựng gánh nặng chiến tranh xâm lược đã kéo dài. Nhưng khác với chiến tranh Triều Tiên, chính quyền Pháp chưa thấy có gì đe dọa số phận quân viễn chinh đang làm chủ vùng trời, vùng biển và hầu hết những thành phố lớn trên bán đảo Đông Dương. Nguy cơ sụp đổ hồi Đông Xuân 1950-1951 đã qua. Với sự giúp đỡ có hạn từ bên ngoài, "quân đoàn tác chiến" (corps de bataille)1 của đối phương sẽ không vượt qua con số sáu đại đoàn bộ binh đơn thuần. Quân viễn chinh vẫn không phải đương đầu với xe tăng, máy bay, tàu chiến, pháo cao xạ và pháo mặt đất hiện đại.

Họ chỉ cần đối phó với chiến tranh du kích trên chiến trường đồng bằng, những đội quân nhỏ thường vội vã rút lui khi những binh đoàn cơ động xuất hiện. Sức mạnh của đối phương là tác chiến ở vùng rừng núi. Nhưng "chiến lược con nhím" cũng đã chứng tỏ hiệu quả. Pháp vẫn còn nhiều khả năng tăng cường lực lượng bằng cách xây dựng quân đội các quốc gia liên kết và bổ sung những trang bị hiện đại do Mỹ viện trợ. Giới cầm quyền Pháp đã hết hy vọng giành chiến thắng, nhưng vẫn tin còn đủ thời gian và điều kiện để tìm cách kết thúc có lợi, theo cái họ gọi là "lối thoát danh dự". Mỹ không thể bỏ mặc Pháp ở Đông Dương. Ngày 13 tháng 7 năm 1953, trong cuộc gặp ngoại trưởng Mỹ Đa-lét tại Oa-sinh-tơn, Bi-đôn, bộ trưởng ngoại giao Pháp nói: "Chúng tôi không thể tiếp tục cuộc thập tự chinh một mình, tuy nhiên chúng tôi cũng không muốn ngừng lại bằng bất kể cách nào. Đặc biệt, không có điều đình trực tiếp với Hồ Chí Minh". Nội các Pháp khủng hoảng liên miên. Những người kế tiếp lên cầm đầu vẫn thuộc phái hữu.

Như chúng ta đã dự đoán, nếu tình hình Triều Tiên tạm ổn định, Mỹ dồn những nỗ lực chống cộng vào Đông Dương.

Ngày 24 tháng 7 năm 1953, thủ tướng chính phủ bù nhìn Nguyễn Văn Tâm được tổng thống Ai-xen-hao mời sang Hoa Kỳ. Cuối tháng 7, Ai-xen-hao quyết định dành 400 triệu đô-la cho Đông Dương để "tổ chức một quân đội Việt Nam thực sự". Pháp đề nghị Mỹ viện trợ 650 triệu đô-la cho niên khóa 1953 và được chấp nhận 385 triệu đô-la. Mỹ hứa năm 1954 sẽ tăng viện trợ cho Pháp tại Đông Dương lên gấp đôi. Mỹ cũng chuyển giao

cho Pháp nhiều trang bị, vũ khí, trong đó có 123 máy bay và 212 tàu chiến các loại.

Ngày 27 tháng 7 năm 1953, Hiệp định ngừng bắn ở Triều Tiên được ký tại Bàn Môn Điểm.

Hăng-ri Na-va tới Sài Gòn ngày 19 tháng 5 năm 1953. Từ khi bắt đầu chiến tranh, nước Pháp đã bảy lần bổ nhiệm tổng chỉ huy đội quân viễn chinh. Tôi chỉ thị cho cơ quan tham mưu tìm hiểu ngay về viên tướng này. Chúng ta chỉ biết được rất ít. Na-va là tướng bốn sao, 55 tuổi, nguyên tham mưu trưởng lục quân Pháp thuộc khối Bắc Đại Tây Dương đóng ở Trung Âu. Na-va đã từng phụ trách công tác tình báo phản gián trong quân đội Pháp và chỉ huy một sự đoàn thiết giáp. Báo chí phương Tây ca ngợi Na-va như một "danh tướng" có thể uốn nắn lại tình hình Đông Dương".

Ngày 3 tháng 7, Na-va trở lại Pa-ri. Chỉ sau hơn một tháng nghiên cứu tình hình tại chỗ, Na-va đã có một kế hoạch đệ trình trước Hội đồng Tham mưu trưởng và Hội đồng Quốc phòng tối cao Pháp. Lần đầu trong chiến tranh Đông Dương, một tổng chỉ huy có kế hoạch chiến lược về quân sự nhằm giành chiến thắng trong hai năm. Na-va đã gây được ấn tượng tốt trong giới quân sự và chính trị Pháp. Trên báo chí Pháp lại xuất hiện từ "chiến thắng" đã biến mất cùng với Đò Lát đờ Tát-xi-nhi. Điều quan trọng hơn, kế hoạch Na-va được Mỹ tán thành. Nó chỉ gặp trở ngại khi bộ trưởng tài chính Phô nêu ra việc thực thi kế hoạch phải chi ít nhất là 100 tỉ phô-răng. Một con số quá lớn! Ở Hội đồng Tham mưu trưởng cũng như Hội đồng Quốc phòng, người ta bàn nên bớt cho Na-va nhiệm vụ bảo vệ nước Lào để ra trong kế hoạch, để giảm bớt chi tiêu. Thống chế Gioăng - Người phát ngôn của các tham mưu trưởng, nhấn mạnh: Cần trao cho Bộ Ngoại giao yêu cầu Mỹ và Anh phải bảo đảm sự toàn vẹn lãnh thổ của Lào, đồng thời lưu ý Liên Xô và Trung Quốc nguy cơ xung đột quốc tế có thể diễn ra nếu Lào bị xâm chiếm. Na-va đề nghị chính phủ có quyết định rõ ràng bằng văn bản. Điều đó liên quan đến trận Điện Biên Phủ và sẽ làm tốn khá nhiều giấy mực sau này.

Ngày 2 tháng 8 năm 1953, Na-va trở lại Sài Gòn.

Cục Quân báo được chỉ thị gấp rút tìm hiểu kế hoạch Na-va.

So với nhũng tướng lĩnh Pháp mà ta đã từng gặp trong chiến tranh như Lơ-cléc, Đò Lát đờ Tát-xi-nhi... thì Na-va là một tên tuổi mới ít gây ấn tượng. Nhưng Na-va được đặc biệt chú ý vì gần với một thời kỳ mới sau cuộc chiến Triều Tiên. Việt Nam đã trở thành nước thứ mười hai của phe xã hội chủ nghĩa, sẽ nổi lên như một điểm nóng duy nhất trong cuộc đối đầu

giữa Đông và Tây. Mỹ chắc chắn sẽ ra sức giúp Pháp để cuối cùng, hất cẳng Pháp khỏi Đông Dương.

Từ năm 1950, chủ nghĩa thực dân mới bắt đầu tranh giành ảnh hưởng với chủ nghĩa thực dân cũ ở vùng bị tạm chiếm. Một số phần tử cơ hội chính trị ngã theo Mỹ. Với việc trao "độc lập", "chủ quyền" cho các quốc gia liên kết, xây dựng một "quân đội quốc gia" bằng tiền và vũ khí Mỹ nhằm mục tiêu chống cộng, Pháp đã đi vào quá trình chuyển giao Đông Dương cho Mỹ.

Sau Chiến dịch Tây Bắc, cuối năm 1952, bộ đội ta đã tập trung nghiên cứu đánh tập đoàn cứ điểm. Ta nhận thấy đây có thể là cách đối phó cuối cùng của dịch trước một cuộc tiến công trên địa hình rừng núi. Nếu diệt được tập đoàn cứ điểm gồm một số tiểu đoàn quân tinh nhuệ của dịch, ta sẽ tạo nên bước chuyển biến mới trong chiến tranh. Bản chất chiến tranh xâm lược buộc quân dịch phải phân tán lực lượng để thực hiện nhiệm vụ chiếm đóng. Một tập đoàn cứ điểm lớn bị tiêu diệt sẽ kéo theo sự phá sản của chiến lược "chiến tranh đồn binh" cổ điển của quân xâm lược.

Tuy nhiên, muốn giải quyết một tập đoàn cứ điểm như Nà Sản, ngoài việc rèn luyện bộ đội, tìm ra chiến thuật thích hợp, cần phải có sự trợ lực của trọng pháo và pháo cao xạ để giảm nhẹ thương vong của bộ đội trong một trận đánh dài ngày. Trong quý I năm 1953, trung đoàn lựu pháo 105mm do bạn trang bị và huấn luyện đã về nước. Việc vận chuyển trọng pháo từ Vân Nam về Việt Bắc phải dùng bè đi theo sông Hồng qua nhiều ghềnh thác. Trung đoàn cao xạ 37mm đang được gấp rút chuẩn bị về nhân sự. Trận đánh Nà Sản chỉ có thể bắt đầu vào mùa khô năm nay. Chúng ta đặt hy vọng vào trận đánh này, trận đánh giải phóng hoàn toàn vùng rừng núi Tây Bắc. Có thể là trận đánh bản lề của chiến tranh.

Ngày 17 tháng 7 năm 1953, trời vừa rạng sáng, hai tiểu đoàn dù Pháp bất thần nhảy xuống thị xã Lạng Sơn. Sau đó một tiểu đoàn dù khác nhảy xuống Lộc Bình trên đường số 4. Những nơi này đều nằm sâu trong hậu phương của ta. Ở thị xã Lạng Sơn, quân địch lùng sục vào một số kho vũ khí phá phách rồi vội vã rút theo đường số 4. Tới Lộc Bình, chúng kết hợp với tiểu đoàn dù ở đây thành một binh đoàn, tiếp tục đi về phía bờ biển. Một đội quân cơ động đã tiến lên đón chúng ở Đình Lập với những xe vận tải. Từ đây chúng hành quân bằng cơ giới về Tiên Yên. Cuộc hành binh chớp nhoáng khiến lực lượng vũ trang ta không kịp phản ứng. Mấy ngày sau, ta biết đây là cuộc hành binh Con nhạn (Hirondelle) do đại tá Đuy-cuốc-nô chỉ huy. Hành động táo bạo của địch chứng tỏ chúng nắm chắc sự bố trí sơ

khoáng của ta ở một tỉnh giáp giới với Trung Quốc đã được giải phóng trước đó ba năm.

Ngày 12 tháng 8 năm 1953, tôi nhận được báo cáo quân địch đã rút khỏi Nà Sản. Một tin hoàn toàn bất ngờ! Toàn bộ quân địch rút bằng đường không cách đó ba

ngày. Địch đã khéo nghi binh đánh lừa ta. Thấy máy bay vận tải xuất hiện nhiều, bộ đội đóng chung quanh Nà Sản lại tưởng lầm địch tăng cường lực lượng để đối phó với cuộc tiến công sắp tới. Na-va giành thắng lợi đầu tiên bằng một cuộc rút lui. Về sau chúng ta mới biết: Tập đoàn cứ điểm Nà sản không được duy trì vì qua Chiến dịch Sầm Nưa, nó đã chứng tỏ không có khả năng ngăn chặn các đại đoàn chủ lực của ta tiến sang Thượng Lào.

Nếu như đòn biệt kích của Na-va nhắm vào Lạng Sơn chỉ nhắc ta đề cao cảnh giác, thì sau khi địch rút quân khỏi Nà Sản, Tổng Quân ủy phải trao nhiệm vụ cho Bộ Tổng Tham mưu nhìn lại toàn cục, nghiên cứu một kế hoạch mới cho mùa khô tới, chủ trương vẫn là chủ động tiến công. Phương hướng có thể là giải phóng Lai Châu, tiến sang giải phóng Thượng Lào, nối liền vùng mới giải phóng với căn cứ địa Sầm Nưa. Ta tiếp tục nghiên cứu tổ chức một cánh quân vu hồi, lần này có thể từ Ba-na-phào đánh sang Trung Lào, tiến xuống Hạ Lào vì ở đây bạn đã có căn cứ địa Lào Ngam khá mạnh.

Mùa khô 1953-1954 chỉ mới bắt đầu.

rước khi vào mùa khô 1953-1954, so sánh lực lượng về quân số, địch đã vượt lên ta khá xa. Tổng quân số của địch là 445.000 người, gồm 146.000 quân Âu - Phi (33 phần trăm) và 299.000 quân nguy (67 phần trăm). Tổng quân số của ta là 252.000 người1. Như vậy, quân địch đông hơn ta 193.000 người. Riêng quân nguy cũng đã đông hơn ta 47.000 người.

Thời gian trước mắt, quân số cũng như trang bị của lực lượng ta đã tới giới hạn. Về phía địch, với hứa hẹn của Mỹ năm 1954 sẽ tăng viện trợ quân sự cho Đông Dương lên gấp đôi, Pháp còn khả năng tăng quân số, có thêm nhiều vũ khí hiện đại và những phương tiện chiến tranh mới. Có thể nói: Trong cuộc chiến chống lại chủ nghĩa để quốc chúng ta sẽ không bao giờ có

được lực lượng vật chất mạnh hơn địch, không chỉ riêng về vũ khí, mà cả số quân. Ta phải chấp nhận thực tế đó để tìm cách giành chiến thắng.

Lực lượng cụ thể của địch và ta lúc này như sau: Về bộ binh, địch có 267 tiểu đoàn. Về pháo binh, Pháp có 25 tiểu đoàn; ngụy có tám tiểu đoàn. Về cơ giới, Pháp có 10 trung đoàn, sáu tiểu đoàn và 10 đại đội; ngụy có một trung đoàn và bảy đại đội. Về không quân, Pháp có 580 máy bay; ngụy có 25 máy bay thám thính và liên lạc. Về hải quân, Pháp có 391 tàu; ngụy có 104 tàu loại nhỏ và ba tàu ngư lôi. Lực lượng ta vẫn đơn thuần là bộ binh, gồm sáu đại đoàn, 18 trung đoàn và 19 tiểu đoàn. Về pháo binh, ta có hai trung đoàn, tám tiểu đoàn và bốn đại đội. Về phòng không, ta có một trung đoàn và hai tiểu đoàn.

Tính theo số tiểu đoàn bộ binh, ta có tổng cộng 127 tiểu đoàn, so với 267 tiểu đoàn của địch. Biên chế tiểu đoàn của ta là 635 người; biên chế tiểu đoàn địch từ 800 đến 1.000 người.

Tuy nhiên, bên cạnh bộ đội chủ lực và địa phương, trên cả nước ta đã có khoảng hai triệu dân quân, du kích. Đây là lực lượng nữa vũ trang, chủ yếu bám sát các làng xã, thị trấn, thành phố ở vùng tạm bị chiếm và vùng tranh chấp, đối phó với bộ máy và lực lượng đàn áp, kìm kẹp của địch, chống càn, hỗ trợ đắc lực cho bộ đội chủ lực trong mỗi trận đánh cũng như các chiến dịch. Theo lời Bác Hồ, đây chính là bức tường sắt mà kẻ địch nào đụng vào cũng phải tan. Lực lượng này còn là nguồn bổ sung vô cùng quý giá cho đội quân chủ lực.

Sự chênh lệch về quân số, vũ khí, trang bị không hoàn toàn phản ánh sức mạnh của đôi bên trong cuộc chiến. Địch tuy có ưu thế vượt trội về binh lực, nhưng chiến tranh nhân dân của ta đã làm cho quân địch phải phân tán trên khắp các chiến trường. Không những chúng không thể tập trung toàn bộ ưu thế đó vào một trận đánh quyết định, mà cũng chưa đủ lực lượng để mở một cuộc tiến công lớn vào các đại đoàn chủ lực ta trên miền Bắc. Trong tổng số 267 tiểu đoàn của địch, thì 185 tiểu đoàn đã phải trực tiếp làm nhiệm vụ chiếm đóng, chỉ còn 82 tiểu đoàn làm nhiệm vụ cơ động chiến thuật và chiến lược. Già nửa lực lượng cơ động địch, 44 tiểu đoàn phải tập trung trên miền Bắc để đối phó với chủ lực ta. Vào thời điểm này, nếu tính chung trên chiến trường Bắc Bộ, lực lượng ta mới bằng 2/3 lực lượng địch (76 tiểu đoàn/112 tiểu đoàn), nhưng tính riêng lực lượng cơ động chiến lược, thì lực lượng ta đã vượt hơn địch về số tiểu đoàn (56/44)1. Điều này rất có ý nghĩa trước khi bước vào mùa khô mới.

Mọi cố gắng của Pháp và Mỹ vẫn chưa cải thiện được tình thế của Pháp trong chiến tranh xâm lược. Phương Tây đã ra sức tô vẽ cuộc chiến tranh bẩn thủ thành cuộc "thập tự chinh chống cộng", nhưng vẫn không vực được sự sa sút về tinh thần của quân viễn chinh, đặc biệt là quân ngụy lúc này đã chiếm tỉ lệ lớn trong hàng ngũ địch. Bình lính không hiểu chiến đấu cho ai và chiến đấu để làm gì! Trong khi đó, những cuộc chinh huấn, chinh quân mùa hè đã nâng cao lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết chiến đấu và ý thức giai cấp trong quân đội, rèn luyện thêm về kỹ thuật, chiến thuật, mang lại cho cán bộ, chiến sĩ tinh thần náo nức thi đua chiến đấu lập công.

Từ năm 1950, chúng ta vẫn giữ quyền chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ.

Hạ tuần tháng 9 năm 1953, các đồng chí cổ văn Trung Quốc chuyển cho ta một bản kế hoạch Na-va với cả bản đồ, do cơ quan tình báo của bạn thu thập được.

Na-va chủ trương xúc tiến chính sách mới của Chính phủ Pháp là trao "chủ quyền" và "độc lập" cho các quốc gia liên kết, nhằm phát triển các "quân đội quốc gia" thành một lực lượng lớn mạnh. Đây là cách duy nhất giúp Pháp giải quyết vấn đề quân số thiếu hụt, không thể lấy thêm từ chính quốc, đồng thời tạo điều kiện cho Na-va gấp rút tổ chức một lực lượng cơ động chiến lược mạnh để thoát khỏi tình trạng phòng ngự bị động, tiến tới giành lại quyền chủ động trên chiến trường chính. Pháp dựa vào Mỹ để tiếp tục chiến tranh vì lợi ích của bản thân mình, chứ không phải để cho Mỹ thay thế Pháp ở Đông Dương. Muốn được như vậy, đội quân viễn chinh phải giành được một thắng lợi quân sự quyết định.

Kế hoạch Na-va về đại thể chia làm hai bước:

Trong Thu Đông năm 1953 và mùa Xuân năm 1954, giữ thế phòng ngự chiến lược ở miền Bắc, tập trung một lực lượng cơ động lớn ở đồng bằng Bắc Bộ để đối phó với cuộc tiến công của ta; thực hiện tiến công chiến lược ở miền Nam nhằm chiếm đóng ba tỉnh tự do ở đồng bằng Liên khu 5[1]; đồng thời đẩy mạnh việc mở rộng quân ngụy và xây dựng một đội quân cơ động lớn đủ sức đánh bại các đại đoàn chủ lực của ta.

Từ Thu Đông năm 1954, sau khi đã hoàn thành những mục tiêu trên, sẽ dồn toàn lực ra Bắc, chuyển sang tiến công chiến lược trên chiến trường chính giành thắng lợi lớn về quân sự, buộc ta phải chấp nhận điều đình theo những điều kiện của Pháp, nếu ta khước từ, quân cơ động chiến lược của địch sẽ tập trung mọi nỗ lực loại trừ chủ lực của ta.

Để có đủ lực lượng thực hiện kế hoạch, Na-va chủ trương dùng ba biện pháp: Phát triển các "quân đội quốc gia" theo quy mô rộng lớn; rút một bộ phận lực lượng chiếm đóng tăng cường cho lực lượng cơ động chiến lược; xin tăng viện từ Pháp sang.

Sau này ta biết thêm, Na-va dự tính tổ chức ngay trong năm 1953, 84 tiểu đoàn khinh quân ngụy và năm 1954, sẽ tăng lực lượng này lên gấp đôi, 168 tiểu đoàn. Như vậy, quân ngụy sẽ có gần 30 vạn, không kể số quân ngụy nằm trong quân viễn chinh, về lực lượng cơ động chiến lược, Na-va dự định trong thời gian 1953-1954, sẽ xây dựng 27 binh đoàn cơ động1, trong đó có một sự đoàn quân nhảy dù.

Ké hoach Na-va là sự cụ thể hóa những ý tưởng của Đò Lát đò Tát-xi-nhi trước đây thành một chương trình hành động trong tình hình mới. Đông Dương đã trở thành điểm nóng duy nhất trong chiến tranh lạnh. Nó mang tầm vóc chiến lược, tiềm ẩn những nguy cơ lâu dài đối với ta và được Mỹ coi như một bước thực hiện những mưu đổ của chính mình sau thất bại tại Triều Tiên. Các phái đoàn quân sự

Mỹ liên tiếp đến Sài Gòn, đốc thúc, giám sát việc thực hiện kế hoạch. Viện trợ quân sự Mỹ cho Pháp đã chiếm 73 phần trăm chi phí chiến tranh Đông Dương. Pháp lợi dụng sự giúp đỡ của Mỹ để duy trì những quyền lợi của mình trên bán đảo Đông Dương. Mỹ dùng viện trợ gạt dần Pháp để trở thành người thay thế Pháp. Lúc này, cả Pháp và Mỹ gặp nhau trong mục tiêu giành một chiến thắng quân sự quyết định, buộc ta phải chấp nhận kết thúc cuộc chiến theo những điều kiện do họ đặt ra.

Đồng chí Vi Quốc Thanh về nước mới sang, cùng tôi lên Khuổi Tát gặp Bác Hồ. Sau khi nghe trình bày kế hoạch của địch, Bác nói: "Na-va rất nhiều tham vọng, muốn giành chiến thắng lớn về quân sự. Địch muốn chủ động, ta buộc chúng phải lâm vào bị động. Địch muốn tập trung quân cơ động thì ta có kế hoạch buộc chúng phải phân tán mà đánh!"

Tôi và đồng chí Vi Quốc Thanh nhất trí mô những cuộc tiến công nhắm vào những chiến trường hiểm yếu mà địch yếu, hoặc tương đối yếu, nhưng lại không thể bỏ, là cách tốt nhất buộc địch phải phân tán lực lượng. Cũng nhất trí về hướng Lai Châu, hướng Trung và Hạ Lào. Sẽ giao cho cơ quan tham mưu bàn cụ thể với các bạn Lào một kế hoạch phối hợp chiến đấu trong mùa khô, nghiên cứu vấn đề điều động và sử dụng lực lượng tương đối hoàn chỉnh, để đưa trình cuộc họp Bộ Chính trị sắp tới.

Ngay sau khi nhậm chức, Na-va đã nêu cao những khẩu hiệu: "Luôn luôn chủ động", "Luôn luôn tiến công".

Trong mùa hè và mùa thu năm 1953, địch liên tiếp mở hàng chục cuộc hành quân càn quét dữ dội vùng tạm bị chiếm ở Bắc Bộ, Bình - Trị - Thiên và Nam Bộ. Chúng ra sức đánh phá những căn cứ du kích, dồn dân vào các khu tập trung để kiểm soát, phá hoại kinh tế, vây bắt thanh niên và dùng mọi thủ đoạn để thực hiện kế hoạch mở rộng quân ngụy. Tuy nhiên, lực lượng vũ trang và nhân dân ta ở vùng hậu địch đã quen đối phó với những cuộc càn quét loại này. Một sĩ quan trong tổng hành dinh của Na-va đã nhận xét: "Tại Bình - Trị - Thiên tháng 7 năm 1953, tướng Lô-blăng tổ chức cuộc càn..., ông ta cắt vó nhưng không thu được kết quả nào. Trung đoàn 95 đã lọt qua lỗ vó chỉ để lại vài chỗ vướng rách... Những cuộc càn quét ở Bắc Bộ... đã thu hút những phương tiện tối đa và tốt nhất, nhưng lại chỉ thu được những kết quả tối thiểu"!

Những hoạt động đầu tiên chứng tỏ Na-va là một tổng chỉ huy năng động, táo bạo, quá tự tin và khá chủ quan. Lúc này ta đã nắm được: Mùa khô 1953-1954, địch sẽ đánh vào ba tỉnh tự do Liên khu 5, để mở đầu cuộc tiến công ở miền Nam như trong kế hoạch. Trên miền Bắc, địch chủ trương giữ thế phòng ngự, nhưng không

có nghĩa chúng chỉ tập trung lực lượng ở đồng bằng chờ đón cuộc tiến công! Chúng ta cần có kế hoạch phá vỡ âm mưu của địch trên chiến trường cả nước. Sau khi địch rút khỏi Nà Sản, cơ quan tham mưu của ta đã gặp khó khăn trong việc chọn hướng tiến công chiến lược.

Trong mùa hè và mùa thu, các đại đoàn chủ lực tiếp tục học tập chiến thuật công kiên và đánh vận động.

Về công kiên, học đánh tập đoàn cứ điểm và đánh công sự boong-ke mới. Từ những kinh nghiệm thu được ở Hòa Bình, Nà Sản, kết hợp với những kinh nghiệm của bạn, đặc biệt là Chiến dịch Hoài Hải, chúng ta đã nhận thấy có hai cách đánh tập đoàn cứ điểm: Một là, dùng toàn bộ lực lượng đánh cùng một lúc. Một mũi đột kích mạnh thọc sâu vào sở chỉ huy của tập đoàn cứ điểm, giống như một lưỡi gươm xọc vào tim địch, tạo nên sự rối loạn ngay từ bên trong. Những mũi khác sẽ nhằm những hướng địch sơ hở, đánh đồng thời, tạo nên sự rối loạn ở cả bên trong và bên ngoài. Ta gọi đó là cách "đánh nhanh, giải quyết nhanh". Hai là, tiêu diệt dần từng trung tâm để kháng, từng cứ điểm từ ngoài vào trong, thu hẹp phạm vi chiếm đóng cho tới lúc địch không còn sức kháng cự. Cách đánh này cần một thời gian chuẩn bị và chiến đấu dài ngày tùy theo khả năng đối phó của địch và sức mạnh công kích của ta, thường gọi là "đánh chắc tiến chắc", cũng còn được gọi là "đánh bóc vỏ". Qua học tập, các đơn vị đã nhận thấy không phải bộ đội ta không có khả năng tiêu diệt "con nhím".

Về vận động, học đánh địch đang vận động hoặc mới chiếm lĩnh trận địa có máy bay, pháo binh, cơ giới yểm hộ chặt chẽ. Bộ đội được luyện tập đánh

cả ban ngày và ban đêm. Trung đoàn lựu pháo 105mm đầu tiên của ta gồm 24 khẩu pháo Mỹ với 3.600 viên đạn, đã có mặt ở Bắc Mục (Tuyên Quang), sẵn sàng nhận nhiệm vụ chiến đấu. Đây là hóa lực mạnh nhất của quân đội ta lúc này. Trung đoàn pháo cao xạ 37mm do Liên Xô trang bị mới thành lập từ tháng 9 năm 1953, chỉ có thể có mặt vào cuối năm.

Sau thời gian học tập, bắt đầu vào mùa khô, các đơn vị đều nóng lòng chờ lệnh lên đường.

Nhung danh djch 0 dau? Suot thang 8, co quan tham mutu tran tro voi cau hoi nay. Tren chien truong chinh Bac Bo chi co hai huong la dong bang va rung nui. Ta chua the mot mot cuoc tien cong lon 0 dong bang, noi Na-va da bay san the tran va ta chua co kha nang han che suc manh cua may bay va phao djch. Do do, 0 dong bang van phai tien hanh chien tranh du kich ket hop voi van dong danh nho cua bo doi chu luc. Con 0 rung nui? Tren toan bo vung thucng du phia bac, chi co hai nghin

quan djch 0 Lai Châu. Khong can toi mot luc luong lon de tieu diet so quan nay. Co the mot tiep mot chien djch 0 Thuong Lao? Nhung sau khi giai phong Sam Nua, tuyen duong tiep te von da xa lai cang xa. Va cung khong the dua phân lon cac dai doan chu luc cua ta sang Thuong Lao, trong luc gia nua so quan co dong cua Na-va dang tap trung 0 dong bang san sang khai thac moi so ho ho ha phucng ta!

Tôi và anh Thái cùng bàn bạc với các đồng chí cố vấn xây dựng một kế hoạch đánh địch ở nhiều hướng buộc địch phải phân tán đối phó, nhằm trước hết là phá thế tập trung bình lực của địch ở đồng bằng.

Cuôi tháng 8 năm 1953, Bộ Tổng Tham mưu báo cáo với Tổng Quân ủy một bản kế hoạch tác chiến với bốn nhiệm vụ: 1. Đẩy mạnh chiến tranh du kích ở địch hậu, phá tan âm mưu bình định của địch, phá kế hoạch mở rộng quân ngụy; 2. Bộ đội chủ lực dùng phương thức hoạt động thích hợp tiêu diệt từng bộ phận sinh lực địch, có thể tác chiến lớn trên chiến trường đồng bằng để rèn luyện bộ đội; 3. Có kế hoạch bố trí lực lượng tiêu diệt địch khi chúng đánh ra vùng tự do; 4. Tăng cường hoạt động lên hướng Tây Bắc (Lai Châu), Thượng Lào và các chiến trường khác để phân tán chủ lực địch.

Vê sử dụng binh lực, Bộ Tổng Tham mutu dự kiến:

- Mặt trận Tây Bắc và Thượng Lào, có Đại đoàn 316 và Trung đoàn 148.
- Mặt trận Trung Du có từ hai tới ba đại đoàn và bộ đội địa phương.
- Mặt trận Hữu Ngạn Liên khu 3 có hai đại đoàn, trong đó một bộ phận vào địch hậu.
- Mặt trận Tây Nguyên có các trung đoàn chủ lực của Liên khu 5.

Đây là phác thảo đầu tiên kế hoạch tác chiến chiến cục Đông Xuân 1953-1954.

Ọt buổi sáng đầu tháng 10 năm 1953, tôi từ cơ quan Bộ Tổng Tư lệnh đi dự cuộc họp bàn về kế hoạch tác chiến Đông Xuân 1953-1954 do Bộ Chính trị triệu tập. Mùa thu năm nay đến với những lo âu và hy vọng. Không khí có phần căng thẳng. Không năm nào vào thời gian này những đoàn cán bộ chuẩn bị chiến trường lại chưa lên đường. Ta vẫn chưa xác định trận đánh lớn trong mùa khô sẽ nổ ra ở đâu.

Từ Điểm Mạc tới Lục Giã, đi ngựa khoảng vài giờ. Trời mưa. Con đường mòn lấy lội chạy dưới chân núi Hồng, qua những rừng vầu, những thửa ruộng bậc thang, những bản nhỏ thưa thót.

Nửa buổi sáng, tới Tín Keo, một bản của thôn Lục Giã, nằm ở chân núi. Từ đây có đường sang Tân Trào qua đèo Gie. Lên một đoạn dốc không xa, đã nhìn thấy ngôi

nhà tre nhỏ lấp ló bên sườn núi, giữa rừng vầu. Bác Hồ ở Khuổi Tát, một bản người Dao, tận trên đỉnh núi. Ngôi nhà này là nơi Bác thường đến họp với Bộ Chính trị. Từ năm 1951, phần lớn các cơ quan Trung ương đều ở Định Hóa, Thái Nguyên. Ở nhiều làng bản, số cán bộ, bộ đội, nhân viên cơ quan đông hơn dân địa phương. Máy bay địch săm soi, đánh phá nhiều lần vẫn không trúng các cơ quan. Chắc chúng không ngờ "chùa rách bụt vàng", những bản làng nghèo nàn, vắng vẻ này lại chứa đựng bộ phận đầu não của kháng chiến.

Những cánh cửa sổ bằng nửa đã được chống cao. Trong nhà có một chiếc bàn tre rộng và mấy chiếc ghế ghép bằng ống bương. Ngồi đây nhìn thấy cánh đồng bậc thang dưới chân núi. Giữa cánh đồng nổi lên một cây cổ thụ. Mỗi lần về họp, nhìn thấy cái cây như gặp lại người quen. Sau hai cuộc kháng chiến, tôi trở lại Tìn Keo. Quanh nền nhà cũ, hàng bông bụt vẫn đơm hoa. Nhưng giữa cánh đồng, cây cổ thụ không còn. Nó đã bị nước cuốn trôi trong một mùa lũ.

Chốc lát, Bác, anh Trường Chinh, anh Phạm Văn Đồng cùng tới. Anh Nguyễn Chí Thanh và anh Trần Đăng Ninh không đến họp được vì đang bị mệt. Riêng anh Ninh đã phải đi điều trị. Các chiến dịch lớn như Biên Giới, Tây Bắc, Thượng Lào, anh Trần Đăng Ninh đã hoàn thành xuất sắc việc huy động nhân lực, vật lực phục vụ chiến dịch và công tác hậu cần bảo đảm cho tác chiến. Sẽ thêm một khó khăn mới trong Đông Xuân 1953-1954 nếu vắng anh. Cuộc họp lần này có triệu tập thêm anh Hoàng Văn Thái - Tổng Tham mưu trưởng.

Tôi bắt đầu trình bày tình hình địch từ tháng 5 năm 1953. Hăng-ri Na-va đã sang thay Xa-lăng làm tổng chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp. Na-va đã

cho mô nhiều cuộc hành binh càn quét lớn tại vùng địch hậu trên cả nước, nhảy dù xuống Lạng Sơn, đặc biệt, trong tháng 8, Na-va bất thần rút quân Pháp khôi tập đoàn cứ điểm Nà Sản.

Nà Sản là một mục tiêu trong mùa khô. Vì so sánh với đồng bằng thì vùng rừng núi vẫn là chiến trường thuận lợi hơn. Tây Bắc lại là hướng ta đã lựa chọn. Địch rút quân khỏi Nà Sản không khỏi ảnh hưởng đến kế hoạch Đông Xuân. Trên chiến trường rừng núi Bắc Bộ, Pháp chỉ còn hai lực lượng nhỏ, một ở Lai Châu, một ở Hải Ninh. Có ý kiến nên tiêu diệt hai bộ phận này để giải phóng hoàn toàn biên giới Việt - Trung. Đây là những chỗ yếu của địch. Nhưng kế hoạch Đông Xuân phải nhằm tiêu diệt một bộ phận quan trọng quân địch, tạo nên một chuyển biến mới trong chiến tranh. Từ ngày học tập về cải cách ruộng đất, các chiến sĩ đều mong mỏi được trở về đồng bằng để giải phóng quê hương. Nhưng đồng bằng lại là chỗ rắn nhất. Phòng tuyến boong-ke của Đò Lát tuy không ngăn cản được bộ đội ta thâm nhập đồng bằng, nhưng vẫn gây khó khăn cho ta trong những trận đánh lớn.

Hiện nay Na-va đã tập trung ở đồng bằng một lực lượng cơ động lớn chưa từng có từ khi khởi đầu chiến tranh, sẵn sàng chờ đón cuộc tiến công của ta...

Bác ngồi họp, thái độ bình thân, điếu thuốc lá kẹp giữa hai ngón tay duỗi thẳng. Thuốc lá là thứ "xa xỉ" duy nhất của Người trong sinh hoạt hằng ngày. Có lúc Người đã nói vui với cán bộ: "Mình có hai khuyết điểm: Một là, không lập gia đình; hai là,... hút thuốc lá". Đôi mắt Người chợt lộ về chăm chú. Bàn tay Bác đặt trên bàn, bỗng giơ lên và nắm lại. Người nói:

- Địch tập trung quân cơ động để tạo nên sức mạnh... Không sợ! Ta buộc chúng phải phân tán binh lực thì sức mạnh đó không còn.

Bàn tay Bác mở ra, mỗi ngón tay trở về một hướng.

Tôi báo cáo tiếp:

- Gần đây, có thêm nguồn tin của bạn, chúng ta đã nắm được những ý đồ của Pháp - Mỹ trong kế hoạch Na-va. Mùa khô này, Na-va chủ trương tiến hành bình định ở miền Nam Việt Nam, tránh giao chiến với chủ lực ta trên chiến trường Bắc Bộ. Quân Pháp sẽ dùng mọi cách đánh phá vùng tự do, đánh sâu vào hậu phương nhằm kìm giữ và tiêu hao chủ lực ta, phá võ kế hoạch tiến công của ta trên chiến trường chính. Đồng thời, Na-va vẫn ra sức tranh thủ xây dựng lực lượng cơ động lớn mạnh để thực hiện ý đồ đè bẹp các đại đoàn chủ lực của ta trong một trận đánh quyết định vào mùa khô sau. Na-va dự tính thực hiện âm mưu này trong vòng 18 tháng.

Tổng Quân ủy đề nghị: Để giữ vững và phát huy quyền chủ động, dùng một bộ phận quân chủ lực, kết hợp với lực lượng địa phương mở cuộc tiến công vào những hướng chiến lược hiểm yếu mà dịch tương đối yếu, nhằm

tiêu diệt sinh lực địch, giải phóng đất đai, buộc địch phải phân tán quân cơ động để đối phó. Tiếp tục khoét sâu vào mâu thuẫn cơ bản giữa tập trung và phân tán binh lực của địch, tạo nên thế trận mới, thời cơ mới. Theo dõi sát tình hình, khi thời cơ xuất hiện, sẽ nhanh chóng tập trung lực lượng, tập trung quân chủ lực, tiêu diệt sinh lực quan trọng của địch, làm chuyển biến cực diện chiến tranh.

Trên chiến trường Bắc Bộ, sẽ mở cuộc tiến công lên hướng Tây Bắc, tiêu diệt quân địch còn chiếm đóng Lai Châu, uy hiếp quân địch ở Thượng Lào. Hướng thứ hai là Trung Lào. Hướng thứ ba là Hạ Lào. Ta sẽ đề nghị Quân giải phóng Pa-thét Lào phối hợp với bộ đội Việt Nam mở cuộc tiến công vào hai hướng này, nhằm tiêu diệt sinh lực địch và giải phóng đất đai. Hướng thứ tư là Bắc Tây Nguyên. Vùng tự do ba tỉnh Liên khu 5 sẽ là mục tiêu chính của những cuộc tiến công đánh chiếm trong mùa khô này. Ta mạnh dạn đưa phần lớn bộ đội chủ lực của Liên khu 5 đánh lên vùng

rừng núi Bắc Tây Nguyên. Đây chính là biện pháp vừa tiêu diệt sinh lực địch, vừa bảo vệ vùng tự do Liên khu 5 một cách hiệu quả. Với các chiến trường Nam Bộ, Cục Nam Trung Bộ và chiến trường sau lưng địch ở đồng bằng Bắc Bộ, phải đẩy mạnh chiến tranh du kích, vừa kìm chân địch, vừa tranh thủ tiêu diệt sinh lực địch trong khi chúng phải điều quân cơ động đi đối phó ở các hướng khác. Tại chiến trường chính Bắc Bộ, ta sẽ có kế hoạch bảo vệ vùng tự do, giấu một số đơn vị mạnh ở những vị trí cơ động, kịp thời tiêu diệt địch khi chúng đánh ra... Chỉ cần phá vỡ thế tập trung binh lực của địch là ta đã làm thất bại về cơ bản kế hoạch Na-va.

Bác hỏi:

- Dự kiến đưa quân lên Tây Bắc thì địch sẽ phản ứng ra sao?
- Chúng có thể tăng cường lực lượng giữ Tây Bắc, hoặc đánh ra vùng tự do kéo quân ta về. Chúng cũng có thể rút quân khỏi Lai Châu, như vậy toàn bộ Tây Bắc sẽ được giải phóng.
- Các hướng khác có khả năng thu hút quân cơ động địch không?
- Ngoài Tây Bắc và Thượng Lào, còn Tây Nguyên và Trung Lào, Hạ Lào là những hướng xung yếu mà địch không thể bỏ. Địch cũng sẽ đánh ra vùng tự do có thể là Phú Thọ hoặc Thanh Hóa. Lúc này ta còn phải nghiên cứu để nắm được những điểm cụ thể trong âm mưu mới của địch, nên phương châm chỉ đạo tác chiến là: Cơ động, linh hoạt.

Hội nghị Bộ Chính trị góp nhiều ý kiến quan trọng, đặc biệt nhấn mạnh phương châm: "Tích cực, chủ động, cơ động, linh hoạt" trước khi thông qua bản đề án tác chiến Đông Xuân 1953-1954 của Tổng Quân ủy.

Bác nói khi kết thúc hội nghị:

- Tổng Quân ủy phải có một kế hoạch lâu dài về mọi mặt để đối phó với kẻ địch trên chiến trường toàn quốc, sau đó phải có một kế hoạch đẩy mạnh những hoạt động du kích tại đồng bằng Bắc Bộ. Về hướng hoạt động, lấy Tây Bắc là hướng chính, các hướng khác là phối hợp. Hướng chính hiện nay không thay đổi, nhưng trong hoạt động có thể thay đổi. Phép dùng binh là phải "thiên biến vạn hóa".

Chương hai CHỈ ĐƯỢC THÁNG

Ê án Đông Xuân đã được Bộ Chính trị cho ý kiến và thông qua. Bộ Chính trị xác định Tây Bắc là hướng chính. Nhưng lực lượng địch ở Lai Châu ít, nếu chúng không tăng viện, ta sẽ không có điều kiện đánh lớn. Bình lực sử dụng tại đây chỉ cần một

đại đoàn. Ta đã trao đổi với các bạn Lào, lực lượng ta sẽ phối hợp với lực lượng bạn và Quân tình nguyện giải phóng ngay tỉnh Phông Xa Lỳ ở Thượng Lào. Như vậy, sẽ hình thành ba hướng tiến công lớn: Hướng Tây Bắc, hướng Trung - Hạ Lào, hướng Tây Nguyên; và hướng phối hợp là trung du và đồng bằng Bắc Bộ.

Bộ Tổng Tham mưu khẩn trương xây dựng kế hoạch tác chiến Đông Xuân 1953-1954. Lần đầu, ta có một kế hoạch tác chiến phối hợp trên quy mô hầu hết bán đảo Đông Dương.

Hướng chính Tây Bắc, bước đầu sử dụng Đại đoàn 316 tiêu diệt địch ở Lai Châu, giải phóng hoàn toàn khu Tây Bắc; bước thứ hai, phối hợp giữa Đại đoàn 316 với Trung đoàn 148 của khu Tây Bắc, bộ đội tình nguyện và Quân giải phóng Pa-thét Lào giải phóng tỉnh Phông Xa Lỳ. Hướng này do các đồng chí Lê Quảng Ba, Chu Huy Mân - Tư lệnh và Chính ủy Đại đoàn 316 phụ trách.

Hướng Trung - Hạ Lào, lực lượng gồm Trung đoàn 66 của Đại đoàn 304, Trung đoàn 101 của Đại đoàn 325, do đồng chí Hoàng Sâm - Tư lệnh Đại đoàn 304 và đồng chí Trần Quý Hai - Tư lệnh kiêm Chính ủy Đại đoàn 325 phụ trách, phối hợp với bạn mở rộng vùng giải phóng, đánh thông hành lang Nam - Bắc Đông Dương. Tại đây sẽ thành lập Bộ chỉ huy Mặt trận Trung - Hạ Lào.

Hướng Tây Nguyên, hai trung đoàn 108 và 803 - chủ lực của Liên khu 5, do đồng chí Nguyễn Chánh - Tư lệnh kiêm Chính ủy Liên khu 5 trực tiếp phụ trách sẽ chiếm bàn đạp Bắc Tây Nguyên, phá âm mưu cũng cố và bình định miền Nam Việt Nam của địch.

Hướng phối hợp trung du và đồng bằng Bắc Bộ, Đại đoàn 320 và các trung đoàn chủ lực của Liên khu 3 sẽ chiến đấu thu hẹp phạm vi chiếm đóng của địch, đánh giao thông, phá hủy các phương tiện vận chuyển đường bộ, đường thủy, đường không, ở khắp các vùng tạm chiếm từ trung du, đồng bằng Bắc Bộ, Trung Bộ và Nam Bộ, đến chiến trường Lào và Cam-pu-chia sẽ đẩy mạnh chiến tranh du kích buộc địch phải căng mỏng lực lượng đối phó với ta.

Khối chủ lực còn lại gồm các đại đoàn 308, 312, 304 (thiếu Trung đoàn 66) Đại đoàn công pháo 351, Trung đoàn 246 bí mật giấu quân tại trung du sẵn sàng cơ động lên Tây Bắc và đánh địch tiến công ra vùng tự do.

Riêng Đại đoàn 325 (thiếu Trung đoàn 101) để lại Trung đoàn 18 hoạt động ở Bình - Trị - Thiên, Trung đoàn 95 ra Nghệ An chỉnh huấn, làm lực lượng dự bị cho Bộ, sẵn sàng cơ động trên các hướng.

Với kinh nghiệm Chiến dịch Thượng Lào mùa xuân năm nay, tôi tin rằng sự bố trí binh lực của Na-va trên chiến trường Đông Dương sẽ bị đảo lộn khi các hoạt động của ta bắt đầu triển khai.

Nhưng Na-va đã nhanh chóng ra tay trước.

Ngày 15 tháng 10 năm 1953, địch huy động 22 tiểu đoàn thuộc sáu binh đoàn cơ động, do tướng Gin chỉ huy, mở cuộc hành binh Hải Âu đánh ra tây nam Ninh Bình. Các tiểu đoàn được tổ chức thành hai đại đoàn nhẹ, một do Đò Cát-xtơ-ri, một do Va-nuy-xem chỉ huy, xuất phát từ Chợ Ghềnh theo đường số 59 đánh chiếm Rịa cách đó 25 ki-lô-mét. Đò Cát chia quân chiếm những điểm cao và đóng thành nhiều vị trí liên hoàn tại Rịa để phòng một cuộc tiến công của ta. Va-nuy-xem rải quân lập những cứ điểm dọc đường số 59. Cũng trong ngày, một cuộc hành binh thứ hai mang tên "Con bồ nông" (Pélican) được hải quân tiến hành tại vùng biển Thanh Hóa. Hàng không mẫu hạm Arromanches và nhiều tàu chiến, máy bay xuất hiện ngoài khói. Ngày 16, địch đổ bộ xuống bờ biển Thanh Hóa 500 quân và tung một bộ phận biệt kích vào đốt phá ở Khoa Trường. Những triệu chứng giống như cuộc tiến công mùa khô của địch đã khởi đầu, với mục tiêu là vùng tự do Liên khu 4.

Từ đầu tháng 10, địch đã có nhiều hoạt động chiến tranh tâm lý ở Liên khu 4. Máy bay thả giấy thông hành cho những ai muốn trở về vùng tạm chiếm và dùng loa phóng thanh loan tin quân Pháp sẽ tiến công Thanh Hóa. Tàu chiến địch lắng vâng ngoài khơi. Biệt kích địch xâm nhập vào vùng Rịa - Nho Quan, Ninh Bình. Bộ Tổng Tư lệnh dự kiến vào đầu mùa khô địch có thể đánh ra vùng tự do Chi Nê, Nho Quan, điện cho anh Văn Tiến Dũng - Tư lệnh kiêm Chính ủy Đại đoàn 320, sẵn sàng đối phó với cuộc tiến công của giặc Pháp ra vùng tự do Chi Nê, Nho Quan. Trước ngày

dịch mở cuộc tiến công ta đã phát hiện một số binh đoàn tập kết ở khu vực Ghềnh (Yên Mô - Ninh Bình) và khu vực Hoàng Đan dọc sông Đáy (Ý Yên - Nam Định).

Đại đoàn 320 đã cùng với lực lượng vũ trang địa phương tích cực chuẩn bị chiến đấu. Để có thể vừa hoàn thành nhiệm vụ huấn luyện vừa sẵn sàng chiến đấu, đại đoàn đã bố trí Trung đoàn 64 ở vùng Rịa, chờ đánh địch trên đường số 59, Trung đoàn 52 ở khu vực thị trấn Nho Quan đánh địch trên đường số 59 và từ đường số 12 lên, Trung đoàn 48 ở Phố Cát (Thạch Thành - Thanh Hóa) làm lực lượng cơ động. Bộ đội địa phương tỉnh và bốn huyện của Ninh Bình được bổ sung quân số, trang bị thêm vũ khí, bố trí đánh địch trên đường số 12, đường số 59. Dân quân du kích chuẩn bị những trận địa mai phục khắp các ngã đường lớn, nhỏ quân giặc có

thể kéo tới. Các kho vũ khí, thóc gạo trong huyện Nho Quan đã được chuyển đến những địa điểm mới.

Trên địa bàn Liên khu 4 lúc này chúng ta có các đại đoàn 320, 304 và một trung đoàn của Đại đoàn 316. Được tin dịch đánh ra tây nam Ninh Bình, các đại đoàn đều náo nức chờ lệnh xuất quân. Nhưng có đúng là dịch muốn chiếm đóng Thanh Hóa không? Hay đây là một đòn thăm dò hòng phá kế hoạch ta đang chuẩn bị? Hoặc chỉ là một hoạt động nhằm gây ảnh hưởng tới cuộc họp Quốc hội Pháp vào hạ tuần tháng 10 sẽ thảo luận về ngân sách chiến tranh Đông Dương, cũng là thời gian phó tổng thống Mỹ Ních-xơn sẽ tới Việt Nam kinh lý...? Trong khi chờ đợi những diễn biến mới ở tây nam Ninh Bình, Bộ Tổng Tư lệnh quyết định chỉ sử dụng Đại đoàn 320 đang có mặt tại chỗ, đối phó với quân dịch, các đại đoàn khác vẫn tiếp tục chỉnh huấn theo kế hoạch.

Sự điều động binh lực lúc này cần hết sức cân nhắc. Kế hoạch Đông Xuân của ta vẫn chưa triển khai. Ta đã nắm được trong mùa khô 1953-1954, Na-va chủ trương duy trì thế phòng ngự chiến lược tại Bắc Bộ. Rất ít khả năng dịch mở rộng phạm vi chiếm đóng ra Liên khu 4. Vì sao dịch đột nhiên đưa hầu hết quân cơ động từ đồng bằng Bắc Bộ ra tây nam Ninh Bình? Những hoạt động rất đột ngột, nhanh chóng vừa qua chứng tỏ viên tổng chỉ huy mới của quân viễn chinh thích những đòn chớp nhoáng với mục đích thăm dò. Khu vực dịch vừa triển khai lực lượng rất gần với phòng tuyến Đò Lát. Muốn mở một trận đánh lớn ở vùng này, cần phải huy động toàn bộ những đại đoàn chủ lực của ta và cũng khó giành thắng lợi trên địa hình đồng bằng, giao thông thuận lợi, liền kề với những căn cứ lớn của dịch. Và nếu sau nhiều ngày, các đại đoàn ta vận động tới nơi, dịch không tiếp nhận chiến đấu, nhanh chóng rút toàn bộ quân cơ động về những vị trí cũ tại đồng bằng. Chỉ cần một vài cuộc điều quân vô ích như vậy, lực lượng ta sẽ bị tiêu hao và mùa khô sẽ qua đi!

Ngay từ những ngày đầu, bộ đội địa phương và dân quân du kích cả huyện Gia Viễn, Yên Mô, Nho Quan mở liên tiếp những trận đánh nhỏ làm chậm bước tiến của địch. Tranh thủ thời cơ quân địch mới đến chưa kịp cũng cổ trận địa, đêm 18 rạng ngày 19 tháng 10, hai tiểu đoàn thuộc Trung đoàn 64 tập kích các vị trí đồi 94 và 201 diệt gọn hai đại đội, đánh thiệt hại nặng hai đại đội khác. Cùng lúc, ở địch hậu Nam Định, Trung đoàn 42, chủ lực của Liên khu 3, cùng các lực lượng vũ trang địa phương tập kích hai vị trí địch ở Văn Lý, Xương Điền, diệt hai tiểu đoàn khinh quân ngụy.

Đài phát thanh của quân viễn chinh rầm rộ tuyên truyền: Đây là cuộc hành binh "lớn nhất, chưa từng thấy từ thời tướng Lơ-cléc đến nay" nhằm mục đích "thọc sâu

vào vùng căn cứ đối phương, nơi có Đại đoàn 320 đóng, cố gắng tiêu diệt phần lớn đại đoàn chủ lực này, đồng thời chặn đứng không cho Đại đoàn 304 thâm nhập sâu vào đồng bằng".

Quân địch đổ bộ xuống bờ biển Thanh Hóa và thọc sâu vào Khoa Trường đã nhanh chóng rút lui. Quân báo của Đại đoàn 320 báo cáo ở tây nam Ninh Bình các đơn vị của địch không tiến quá 10 ki-lô-mét ngoài tầm kiểm soát của pháo binh. Âm mưu của Na-va đã lộ rõ. Cuộc hành binh Hải Âu ra tây nam Ninh Bình chỉ là sự lặp lại cuộc hành binh Hautes Alpes của Xa-lăng hồi mùa xuân, cũng tại chính khu vực này, nhằm kìm chân hai đại đoàn 320, 304 đang có mặt tại Thanh Hóa, Bộ Tổng Tư lệnh chỉ thị cho Đại đoàn 320 tranh thủ cơ hội địch đánh ra mà tiêu diệt chúng bằng cách tập kích, phục kích. Các đại đoàn khác vẫn ở nguyên vị trí tiếp tục học tập quân sự và sẵn sàng lên đường khi có lệnh. Ta tiếp tục chuẩn bị kế hoạch Đông Xuân 1953-1954.

Ngày 21 tháng 10, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra thông báo gửi các cấp ủy nêu rõ mục đích và thủ đoạn tiến công của địch ra vùng tự do Liên khu 3 và Thanh Hóa, chỉ ra cách đối phó của ta là: Ở mặt trận chính diện, tạo cơ hội phục kích tiêu diệt địch trong vận động, lợi dụng lúc địch mới đóng quân chưa kịp cũng cố mà tập kích tiêu diệt, kết hợp vừa đánh địch vừa bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân; ở mặt trận sau lưng địch thuộc đồng bằng Bắc Bộ, phải hết sức lợi dụng khi địch sơ hồ để mở rộng chiến tranh du kích, kết hợp vừa tác chiến vừa vận động binh lính ngụy.

Sau khi đánh chiếm lại các đồi 94, 201 và chiếm thêm một số điểm cao khác, sáng ngày 22 tháng 10, quân địch cho bốn tiểu đoàn bộ binh, hai tiểu đoàn pháo binh và một tiểu đoàn thiết giáp từ Rịa chia làm ba mũi tiến về thị trấn Nho Quan: Mũi chính tiến theo đường số 59, một mũi vòng qua phía đông, một mũi vòng qua phía tây. Các trung đoàn 52, 64 của Đại đoàn 320

sử dụng một số đơn vị nhỏ phối hợp với dân quân du kích mai phục tại nhiều làng, liên tục chặn đánh tiêu hao nặng quân địch, khiến chúng phải tiến quân rất dè dặt, đến chiều tối mới tới được thị trấn Nho Quan không một bóng người. Ngày 24, một cánh quân có 20 xe tăng và xe bọc thép đi kèm, từ Rịa đánh thọc về phía Phủ Đồi - Trại Ngọc. Một đại đội thuộc Trung đoàn 48 đã thực hiện một trận phục kích xuất sắc, bắn hông bảy xe tăng và xe bọc thép, bốn xe vận tải, loại khỏi vòng chiến đấu gần hai trăm tên địch, bẻ gãy mũi tiến công. Ngày 25 tháng 10, bốn tiểu đoàn bộ binh, bốn tiểu đoàn pháo binh và một tiểu đoàn thiết giáp từ khu vực Ghềnh mở cuộc càn quét về phía Bỉm Sơn - Quý Hương, nơi chúng nghi là căn cứ của Đại đoàn 320. Sau ba ngày hành quân lùng sục không kết quả, sáng ngày 27 tháng 10 quân

địch rút lui, bí mật bố trí một tiểu đoàn lẻ dương và một tiểu đoàn ngụy Thái ở lại hòng phục kích quân ta. Một tiểu đoàn thuộc Trung đoàn 48 bám sát địch suốt mấy ngày qua, lợi dụng lúc địch đang dồn quân lại, đội hình lộn xộn, xông ra tập kích. Bị đánh bất ngờ, quân địch hoảng sợ tháo chạy. Tiểu đoàn cho một bộ phận truy kích về phía Giốc Giàng. Một đại đội của Trung đoàn 64 kịp thời đến tăng viện. Máy bay địch bắn cản đường quân ta. Các đơn vị phòng không của đại đoàn nổ súng đánh trả quyết liệt. Sau ba giờ chiến đấu, quân ta tiêu diệt hai tiểu đoàn địch ở khu vực Sòng Cạn - Giốc Giàng, bắn rơi một máy bay khu trục ở Trại Ngọc. Hai trung đội xe tăng từ Rịa tiến vào hòng cứu đồng bọn cũng bị chặn đánh.

Các đơn vị bộ đội chủ lục, địa phương, dân quân du kích của hai quân khu Tả Ngạn, Hữu Ngạn lập tức đẩy mạnh hoạt động ở vùng sau lưng địch, tập kích vào hậu cứ các binh đoàn cơ động và đánh địch khắp nơi.

Ngày 2 tháng 11, quân Pháp lại tung bảy tiểu đoàn mở cuộc hành quân lên thị trấn Nho Quan lần thứ hai. Đây là một hoạt động để đón chào phó tổng thống Mỹ Ních-xơn sắp tới thăm mặt trận. Sợ bị ta phục kích như lần trước, chúng tiến rất chậm. Ban đêm, một đại đội chủ lực cùng dân quân du kích tập kích vào vị trí trú quân của địch. Sáng ngày 3, hai tiểu đoàn đi bảo vệ sườn trái của đoàn quân, từ phía chợ cầu ngoài đường số 59 tiến vào Móng Lá bị một tiểu đoàn chủ lực ta phục kích. Mặc dù quân địch có máy bay, pháo binh yểm hộ, sau 45 phút chiến đấu, bộ đội ta diệt gọn hai đại đội, đánh tan một đại đội khác.

Ngày 4 tháng 11 năm 1953, phó tổng thống Mỹ Ních-xơn tới thăm mặt trận, tư lệnh Bắc Bộ Cô-nhi phải rải quân suốt dọc đường số 1, từ thị xã Ninh Bình tới Ghềnh, để bảo đảm an ninh.

Sau hơn 20 ngày, hàng nghìn quân bị loại khỏi vòng chiến đấu mà không gặt hái được gì, Na-va buộc phải ra lệnh rút lui.

Theo những nhà sử học phương Tây thì Na-va rất lo một cuộc tổng tiến công vào đồng bằng Bắc Bộ, tưởng là nó sắp bắt đầu, nên vội vã đưa quân ra tây nam Ninh Bình để phá sự chuẩn bị của ta. Y-vơ Gra đã viết: "Trong những tuần cuối mùa hạ, một số dấu hiệu và những tin tức nghe trộm khiến cho bộ chỉ huy Pháp tin chắc là Việt Minh sẽ dồn mọi nỗ lực vào đồng bằng Bắc Bộ. Giáp dự định trong thực tế tung ra một cuộc tổng tiến công... Tướng Na-va quyết định đánh trước để loại Đại đoàn 320 khỏi cuộc chiến đấu trước khi nó tiến vào đồng bằng. Ngày 15 tháng 10, đúng ngày mà đại đoàn này phải khởi đầu việc thâm nhập, ông ta đã tung ra một hoạt động tầm cỡ, cuộc hành binh Hải Âu nhằm vào những căn cứ ở phía nam Ninh Bình... Tướng Gin (người chỉ huy cuộc hành binh) tiếp nhận quan niệm về cuộc hành binh từ tổng chỉ huy, thấy nó giống như cuộc hành binh đánh ra Hòa Bình...

Tướng Na-va đã đạt được mục tiêu dự kiến. Đại đoàn 320 đã không thể thực hiện nhiệm vụ thâm nhập vào đồng bằng, ông ta (Võ Nguyên Giáp) đã buộc phải từ bỏ từ tháng 10 cuộc tiến công vào đồng bằng"1. Đây là những điều rất xa sự thật.

Hãy nghe Na-va biện hộ cho chủ trương của mình qua bản nhật lệnh kết thúc cuộc hành binh: "Cuộc hành binh Hải Âu là đòn đầu tiên trong những đòn tôi có ý định đánh vào đối phương... Trong cuộc hành binh đó, chúng ta đã đạt mục tiêu: Lợi thời gian! Chúng ta đã buộc Bộ Tư lệnh Việt Minh phải xét lại kế hoạch tiến công của họ. Chúng ta đã nắm quyền chủ động và chúng ta muốn giữ quyền chủ động đó".

Cô-nhi kém khôn ngoan hơn, đã phơi bày ý định của tổng chỉ huy trong cuộc họp báo ngày 7 tháng 11 năm 1953 tại Hà Nội. Khi có nhà báo hỏi vì sao không ở lại những vùng mới chiếm được, Cô-nhi trả lời: "Tôi xin cải chính, cuộc hành binh Hải Âu không hề nhằm mục đích chiếm đóng vĩnh viễn đất đai. Vùng Nho Quan không có lợi gì cả, ta cũng chưa có ý định chiếm Thanh Hóa. Ta đổ bộ vào vùng duyên hải Thanh Hóa là để đánh lừa Việt Minh mà thôi. Quả nhiên họ đã bị lừa, ta đã đạt được mục đích..."1².

Thất bại của cuộc hành binh Hải Âu đã khiến Na-va bắt đầu lo ngại. Nhà ký giả Pháp Rô-côn đã viết: "Tướng Na-va đã phải rút ra kết luận sau cuộc hành binh Hải Âu là: Quân viễn chinh Pháp kém khả năng chiến đấu khi gặp chiến trường phức tạp và phải đương đầu với những trận tao ngộ chiến. Thí dụ: Binh đoàn cơ động số 4 đã mất đứt một tiểu đoàn trong ngày 27

tháng 10 năm 1953..."1. Na-va cũng đã thú nhận điều đó trong bản tường trình 707 ngày 10 tháng 11 năm 1953 gửi Chính phủ Pháp: "Theo ý kiến của tôi, tướng Cô-nhi và tướng Gin, nếu chúng ta đưa lục quân của chúng ta, với chất lượng như hiện thời, ra khỏi một bán kính 10 ki-lô-mét có pháo binh yểm trợ, nếu chạm trán với bộ binh thì nó sẽ bị đánh bại".

2

rung tuân tháng 11 nám 1953, theo kê hoach, Dai doan 316 tü dja diem tru quan tai Thanh Hoa tien len Tay Bac. Tü dua tháng 11, b phan chuan bi chien truong cua Dai doan 316, do Tham mutu truong Vu Lap dan dau, da len duong.

Ngày 15 tháng 11 năm 1953, Đại đoàn 316 vượt sông Đà.

Trong thuc te, day chi la cuoc hanh quan cua co quan chi huy dai doan cung voi Trung doan 174 ve Thach Thanh, Thanh Hoa chinh huan sau Chien dich Thucng Lao. Hai trung doan khac cua Dai doan 316 van khong roi dia ban Tay Bac. Trung

doan 98 0 lai Sam Nua mot thoi gian, giup ban cung co can cü dia, thang 9 nam 1953 quay ve Son La. Trung doan 176 duoc trao nhiep vu tieu phi, khoang 2.000 ten, do Phap nhen nhom doc hai bo song Da dang quay roi hap phucng ta.

Hội nghị cán bộ phổ biến nhiệm vụ quân sự và kế hoạch Đông Xuân 1953-1954 được Bộ Tổng Tư lệnh triệu tập ngày 19 tháng 11 năm 1953, tại Đồng Đau, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên. Cán bộ từ các chiến trường, trừ Nam Bộ quá xa, đều có mặt. Lâu lâu lại mới có cuộc họp đông đủ thế này. Mọi người gặp nhau tay bắt mặt mừng. Mỗi người mang về đây hỏi hướng của cuộc chiến đấu gian lao và anh dũng trên từng chiến trường. Đêm khuya, những cuộc chuyện trò vẫn râm ran các khu lán.

Tong Quan uy trinh bay chu trutng quan su Dong Xuan cua Trung utng nhim pha ke hoach Na-va.

Máy ngày trước đó, Cục 2 nhận được tin địch đang điều động tập trung các đơn vị nhảy dù. Hội nghị họp sang ngày thứ hai thì trình sát từ Phú Thọ báo cáo về, phát hiện nhiều tốp máy bay, kể cả máy bay vận tải, bay về phía Tây Bắc. Ngày 19, bộ phận đi chuẩn bị chiến trường ở Tây Bắc điện về, máy bay trình sát địch lượn trên bầu trời Điện Biên Phủ.

Tối ngày 20, tôi nhận được tin một số tiểu đoàn dù của Pháp đã nhảy xuống Điện Biên Phủ. Tại đây, trong thời gian này chỉ có một tiểu đoàn cùng với trung đoàn bộ của Trung đoàn độc lập 148 đang đóng quân. Cuộc hội ý Tổng Quân ủy được triệu tập ngay. Chúng tôi nhận định: Địch đã phát hiện Đại đoàn 316 đang tiến quân lên Tây Bắc. Chúng cảm thấy Lai Châu và Thượng Lào bị uy hiếp, nên đưa một bộ phận lực lượng lên Tây Bắc đối phó. Cuộc họp Bộ Chính trị ở Tîn Keo cũng đã dự kiến: Nếu Tây Bắc bị uy hiếp thì địch sẽ tăng viện lên hướng này, hoặc đánh rộng ra vùng tự do để phá cuộc tiến công của ta. Cần xúc tiến nhanh việc đánh Lai Châu, không để cho quân địch đóng ở Lai Châu co về Điện Biên Phủ.

Ngay đêm hôm đó, một bức điện khẩn được gửi cho Đại đoàn 316 đang trên đường hành quân: "Địch nhảy dù xuống Điện Biên Phủ là để che chở cho Lai Châu và Thượng Lào bị uy hiếp. Như vậy là bị động phân tán lực lượng để đối phó với ta, tình hình căn bản có lợi cho ta... Nắm cơ hội tốt, tạo cơ hội tốt để tiêu diệt địch". Mệnh lệnh quy định Đại đoàn 316 tổ chức thành những tiểu đoàn hành quân cho nhanh, chậm nhất ngày 6 tháng 12 năm 1953 phải có mặt ở Tuần Giáo.

Ngày 21, bộ phận tiền trạm của Bộ Tổng Thain mưu đi trước bằng ô-tô lên Tây Bắc bố trí sở chỉ huy tiền phương. Bộ Tổng Tư lệnh thông báo cho các đại đoàn sẵn sàng lên đường chiến đấu. Riêng Đại đoàn 304 (thiếu một trung đoàn) ở Thanh Hóa,

được lệnh hành quân ngay lên hướng Tây Bắc làm nhiệm vụ nghỉ binh, rồi bí mật luồn rừng quay về Phú Thọ. Ta dự kiến nếu tiếp tục điều nhiều đại đoàn lên Tây Bắc, địch có thể tiến công ra vùng tự do để kéo quân ta về.

Hội nghị sắp kết thúc thì Bác Hồ tới. Người khen ngợi các đại biểu đã sôi nổi thảo luận và nhất trí với phương hướng và kế hoạch tác chiến của Trung ương. Bác nhấn mạnh phương châm chỉ đạo tác chiến của Trung ương trong mùa khô này là: "Tích cực, chủ động, cơ động, linh hoạt" và động viên cán bộ vượt mọi khó khăn giành thắng lợi lớn nhất trong Đông Xuân 1953-1954.

Tôi cùng với anh Hoàng Văn Thái làm việc với các đồng chí Hoàng Sâm - Đại đoàn trưởng Đại đoàn 304, Trần Quý Hai - Đại đoàn trưởng Đại đoàn 325, cụ thể hóa nhiệm vụ và hoạt động trên chiến trường Trung - Hạ Lào. Ở hướng này chưa diễn ra hoạt động quân sự lớn, nên kẻ địch sơ hở và chủ quan. Bộ đội ta và Quân giải phóng Pa-thét Lào mở cuộc tiến công có thể tiêu diệt sinh lực địch, mở rộng vùng giải phóng trên đất bạn. Và đây cũng là một hướng nhiều khả năng thu hút quân cơ động của địch. Tôi trực tiếp trao nhiệm vụ cho đồng chí Lê Kích - Phụ trách đơn vị thọc sâu xuống Hạ Lào, nhấn mạnh phải tuyệt đối giữ bí mật trong hành quân để tạo một bất ngờ lớn.

Chỉ huy các chiến trường đều phấn khởi nhận nhiệm vụ tuy biết Đông Xuân này sẽ gặp nhiều khó khăn. Riêng anh Nguyễn Chánh - Tư lệnh Liên khu 5 tổ về băn khoăn. Anh Chánh nói ở liên khu đã được phổ biến tin mùa khô này địch sẽ đánh chiếm các tỉnh tự do ở đồng bằng, sợ khi trở về khó thuyết phục Liên khu ủy nhất trí với chủ trương đưa đại bộ phận bộ đội chủ lực lên Tây Nguyên, chỉ để lại một bộ phận nhỏ cùng với dân quân du kích đối phó với quân địch. Tôi biết đây là vấn đề tâm lý không dễ giải quyết. Đảng bộ và lực lượng vũ trang Liên khu 5 vốn có truyền thống gắn bó chặt chẽ với dân. Bây giờ địch tới mà bộ đội chủ lực lại không có mặt! Nhưng Bộ Chính trị đã tính toán kỹ, mở cuộc tiến công lên Tây Nguyên là cách tốt nhất để bảo vệ vùng tự do Liên khu 5. Tôi bàn với anh Chánh cố gắng làm cho Liên khu ủy thông suốt chủ trương này.

Để kịp thời chuẩn bị tư tưởng cho cán bộ trước tình hình mới, trong buổi kết luận hội nghị ngày 24 tháng 11 năm 1953, tôi nói:

... Địch nhảy dù xuống Điện Biên Phủ, mặc dù ta không phán đoán được cụ thể về địa điểm và thời gian, nhưng cũng nằm trong phạm vi phán đoán trước của ta là: Nếu Tây Bắc bị uy hiếp thì địch sẽ tăng viện lên hướng đó. Như vậy là trước sự uy hiếp của ta, địch đã phải bị động đối phó, phải phân tán một bộ phận lực lượng cơ động lên Điện Biên Phủ để yểm hộ cho Tây Bắc, che chở cho Thượng Lào và phá vỡ kế hoạch tiến công của ta...

Rồi đây, tình hình địch có thể biến hóa như thế nào?

Chúng có thể vừa giữ Điện Biên Phủ vừa giữ Lai Châu, một nơi chính, một nơi phụ, có thể lấy Điện Biên Phủ làm chính.

Nếu bị uy hiếp, chúng có thể co về một nơi và tăng viện thêm một phần nào; cũng chưa nhất định co về nơi nào, nhưng khả năng co về Điện Biên Phủ nhiều hơn.

Nếu bị uy hiếp mạnh hơn, chúng có thể tăng viện nhiều và biến thành một tập đoàn cứ điểm, trong trường hợp này chúng có thể lấy Điện Biên Phủ làm nơi thiết lập trận địa. Nhưng chúng cũng có thể rút.

Vô luận rồi đây địch tình thay đổi thế nào, địch nhảy dù xuống Điện Biên Phủ căn bản là có lợi cho ta...

Không khí hội nghị phấn chấn hẳn lên. Mọi người vui mừng, xôn xao. Kể ra đây cũng là một hiện tượng mới trong chiến tranh: Khi kẻ thù chiếm thêm một vị trí chiến lược quan trọng của ta thì chúng ta lại cho đây là cơ hội tốt đã đến.

Sau cuộc họp, tôi định gặp anh Chu Huy Mân - Chính ủy Đại đoàn 316, thì biết anh đã nhận nhiệm vụ về trước để kịp đuổi theo bộ đội trên đường

hành quân. Tôi gọi điện thoại cho người đón đường nói với anh Mân quay lại. Buổi chiều, anh Mân dắt xe đạp đi vào cơ quan với vẻ ngạc nhiên.

Tôi nói:

- Địch đã ném thêm nhiều quân xuống Điện Biên Phủ. Đồng chí cần đi thật gấp cho kịp bộ đội, đôn đốc đơn vị hành quân cấp tốc lên bao vây Lai Châu. Phải chặn ngay con đường từ Lai Châu về Điện Biên Phủ. Có thể sẽ đánh Điện Biên Phủ.

Ngay tôi hôm đó, anh Mân vội vã ra đi. Sau này, tôi nghe nói lại, anh Mân đã dùng hết bốn đôi má phanh xe đạp để lao dốc đèo khi đuổi theo bộ đội.

3

Bộ Tổng Tham mưu tập hợp các nguồn tin báo cáo: Cuộc hành binh đánh chiếm Điện Biên Phủ có bí danh là "Hải Ly" (Castor). Từ ngày 20 đến ngày 22 tháng 11 năm 1953, địch đã ném xuống cánh đồng Mường Thanh sáu tiểu đoàn dù, khoảng 4.500 quân, tương đương với số quân địch ở Nà Sản trước khi rút lui.

Điện Biên Phủ thuộc tỉnh Lai Châu, không những giữ một vị trí chiến lược quan trọng ở Tây Bắc mà còn trên cả chiến trường Đông Dương. Vùng đất này tiếp giáp với Thượng Lào có những trục đường chạy về phía nam xuống Trung - Hạ Lào,

sang phía tây tới Thái Lan, Miến Điện, lên phía bắc tới Trung Quốc. Đây là vùng đông dân, trù phú, có cánh đồng rộng nhất ở Tây Bắc. Thực dân Pháp đã chiếm Điện Biên Phủ từ năm 1888. Lai Châu vốn là một trong bốn đạo quan binh của Pháp. Từ năm 1939, Điện Biên Phủ đã có một sân bay đã chiến. Trong cuộc Nhật đảo chính Pháp ngày 9 tháng 3 năm 1945, hàng nghìn quân Pháp đã qua con đường Lai Châu chạy sang Trung Quốc. Năm 1945, quân Nhật rồi quân Tưởng đã có mặt ở Điện Biên Phủ. Khi ta ký Hiệp định ngày 6 tháng 3 năm 1946 với Pháp, Pháp đã yêu cầu được đưa hơn 800 quân trở lại vùng này để làm nhiệm vụ tiếp phòng quân Tưởng. Lọ-clc đã trực tiếp đến thăm Điện Biên Phủ.

Sau ngày Cách mạng Tháng Tám thành công, Điện Biên Phủ tiếp tục nằm dưới quyền kiểm soát của Pháp và chỉ mới được giải phóng từ cuối Chiến dịch Tây Bắc năm 1952. Chúng ta đã có những đơn vị của Trung đoàn 148 đóng tại Điện Biên Phủ. Nhưng để mở một chiến dịch lớn thì cơ quan tham mưu biết quá ít về địa hình vùng rừng núi ở tận cùng miền Tây của đất nước. Trên những bản đồ ta hiện có, khu vực Điện Biên Phủ thiếu nhiều chi tiết. Cục Quân báo cử người tới trại tù binh Âu - Phi để tìm hiểu tình hình.

Máy ngày sau, đồng chí Phó Cục trưởng Cao Pha trở về, đưa tôi xem bản sơ đồ vẽ tay của một sĩ quan Pháp đã từng đóng ở Điện Biên Phủ. Viên sĩ quan này nói: Nếu cho y một binh đoàn nhảy dù xuống Điện Biên Phủ, y sẽ đóng quân trên những quả đồi ở phía đông cánh đồng Mường Thanh.

Tháng 11 năm 1953, để tăng cường cơ quan Bộ Tổng Tham mưu, Bộ Chính trị đã quyết định điều anh Văn Tiến Dũng - Đại đoàn trưởng Đại đoàn 320, về làm Tổng Tham mưu trưởng, anh Trần Văn Quang làm Cục trưởng Cục Tác chiến, anh Hoàng Văn Thái trở thành Phó Tổng Tham mưu trưởng.

Bộ phận tiền phương được chỉ định gồm các anh Hoàng Văn Thái - Phó Tổng Tham mưu trưởng, anh Lê Liêm - Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, anh Đặng Kim Giang - Phó Chủ nhiệm Tổng cục Cung cấp, anh Đỗ Đức Kiên - Phó Cục trưởng Cục Tác chiến. Trước đó, anh Đặng Kim Giang đã cùng với một bộ phận cán bộ đi Tây Bắc để chuẩn bị công tác hậu cần.

Tôi trao đổi kỹ với anh Thái về nhiệm vụ giải phóng Lai Châu, phối hợp với bạn ở Thượng Lào, chuẩn bị chiến trường Điện Biên Phủ, đề phòng dịch từ đây rút chạy qua Tây Trang sang Lào, nắm sát tình hình thay đổi của dịch trên đường hành quân, đồng thời chuẩn bị phương án tiến công Điện Biên Phủ đệ trình Tổng Quân ủy. Tôi hẹn sẽ có mặt ở Tây Bắc vào cuối tháng 12 năm 1953, hoặc đầu tháng 1 năm 1954, sau khi có quyết tâm của Bộ Chính trị.

Ngày 26 tháng 11 năm 1953, cơ quan tiền phương của Bộ lên đường đi Chiến dịch Tây Bắc.

Đoàn cố vấn Trung Quốc rất tán đồng chủ trương và kế hoạch tác chiến Đông Xuân của ta chọn Tây Bắc là hướng chính. Đoàn cử đồng chí Mai Gia Sinh - cố vấn tham mưu, cùng đi trước với anh Thái.

Đầu tháng 12 năm 1953, Bộ Tổng Tư lệnh ra lệnh cho Đại đoàn 308 vượt sông Hồng, đưa Trung đoàn 36 đi trước, theo đường tắt, nhanh chóng chốt chặn ở Pom Lót, phía nam - tây nam Điện Biên Phủ, ngăn không cho quân dịch rút chạy sang Lào. Cùng lên đường với Đại đoàn 308, có Trung đoàn sơn pháo 675 của Đại đoàn 351. Pháo và dạn được chuyển bằng ô-tô, các pháo thủ đều đi bộ.

Địch nhảy dù xuống Điện Biên Phủ, Tây Bắc đã thực sự trở thành hướng chính như dự kiến của ta trong kế hoạch Đông Xuân. Tôi cùng với cơ quan tham mưu bàn việc điều chỉnh kế hoạch ở hướng này. Trước đây, quyết tâm của Trung ương Đảng là sau khi giải phóng Lai Châu, sẽ phối hợp cùng với bộ đội Pa-thét Lào giải phóng tỉnh Phông Xa Lỳ trực tiếp uy hiếp Luông Pha Băng, kinh đô của nhà vua Lào. Chiến trường Tây Bắc đã thay đổi và còn tiếp tục thay đổi. Tổng Quân ủy nhận định dịch có thể giữ cả Lai Châu và Điện Biên Phủ, cũng có thể tập trung về Điện Biên Phủ. Nếu quân dịch

không rút như ở Nà Sản, chúng sẽ biến Điện Biên Phủ thành một tập đoàn cứ điểm lớn. Hướng chuẩn bị của ta là đánh công kiên tập đoàn cứ điểm.

Ta phán đoán quân dịch ở Điện Biên Phủ sẽ được tăng cường lên 10 tiểu đoàn. Bộ Tổng Tham mưu dự kiến lực lượng sử dụng tại Điện Biên Phủ là chín trung đoàn bộ binh, cùng với lực lượng công binh, pháo binh và một bộ phận cao xạ pháo.

Thời gian hoạt động ở Tây Bắc sẽ chia làm hai đợt:

Đợt 1: Đại đoàn 316 tiến hành đánh Lai Châu và kết thúc vào cuối tháng 1 năm 1954. Sau đó, bộ đội nghỉ ngơi, chấn chỉnh một thời gian khoảng 20 ngày, tập trung đầy đủ lực lượng để đánh Điện Biên Phủ.

Đợt 2: Tiến công Điện Biên Phủ. Thời gian đánh Điện Biên Phủ ước tính 45 ngày. Nếu địch không tăng cường thêm nhiều quân, có thể rút ngắn hơn. Chiến dịch sẽ kết thúc vào đầu tháng 4 năm 1954. Đại bộ phận lực lượng sẽ rút, một bộ phận ở lại tiếp tục phát triển sang Lào cùng với bạn uy hiếp Luông Pha Băng.

Trong Chiến dịch Thượng Lào mùa hè vừa qua, thị xã Sầm Nưa là một tập đoàn cứ điểm nhỏ, nên ta chủ trương dùng cách tập trung lực lượng "đánh nhanh, giải quyết nhanh". Nhưng kẻ địch đã vội vã rút chạy. Lần này, tuy chưa có phương án

tác chiến cụ thể (đã trao cho Bộ Tổng Tham mưu chuẩn bị), nhưng thời gian chiến dịch được dự tính sẽ đánh dài ngày để chuẩn bị cơ sở vật chất.

Bộ Tổng Tham mưu làm việc với Tổng cục Cung cấp tính toán bước đầu, phải huy động cho chiến dịch 4.200 tấn gạo (chưa kể gạo cho dân công), 100 tấn rau, 100 tấn thịt, 80 tấn muối, 12 tấn đường. Tất cả đều phải vận chuyển qua chặng đường dài 500 ki-lô-mét, phần lớn là đèo dốc hiểm trở, máy bay dịch thường xuyên đánh phá. Số dân công chỉ tính từ trung tuyến trở lên, đã cần tới 14.500 người.

Về chuẩn bị đường sá, các con đường thuộc tuyến chiến dịch đều phải bảo đảm vận chuyển bằng ô-tô. Trước đây, để chuẩn bị đánh Nà Sản, con đường số 13 từ Yên Bái lên Tạ Khoa đã sửa chữa xong, nhưng lúc này cần tiếp tục tu bổ thêm. Đường từ Mộc Châu đi Lai Châu rất xấu, phải sửa chữa nhiều. Phân công cho Bộ Giao thông công chính phụ trách đường số 13 lên tới Cò Nòi và đường số 41 từ Mộc Châu lên Sơn La, bộ đội phụ trách quãng đường số 41 còn lại từ Sơn La đi Tuần Giáo và từ Tuần Giáo đi Điện Biên Phủ (sau này gọi là đường số 42). Thời gian tiến hành từ tháng 12 năm 1953.

Ngày 6 tháng 12 năm 1953, tờ trình của Tổng Quân ủy được gửi lên Bộ Chính trị, nêu: "Thời gian tác chiến ở Điện Biên Phủ ước độ bốn mươi lăm ngày".

Trận đánh có thể khởi đầu vào tháng 2 năm 1954. Đây "sẽ là một trận công kiên lớn nhất từ trước tới nay", sẽ phải sử dụng ba đại đoàn bộ binh, toàn bộ pháo binh, công binh, lực lượng phòng không. Nếu kể cả cơ quan chỉ huy chiến dịch, các đơn vị trực thuộc, bộ đội bảo vệ tuyến cung cấp, bộ đội bổ sung, thì "quân số tổng quát của chiến dịch sẽ là 42.000 người".

Dự kiến đánh Điện Biên Phủ đệ trình Bộ Chính trị được chuẩn bị theo tinh thần "đánh chắc tiến chắc".

4

ùng trong ngày 6 tháng 12, quân Pháp được tin Đại đoàn 316 đã xuất hiện ở Tuần Giáo, trực tiếp uy hiếp Lai Châu. Cô-nhi lập tức ra lệnh cho trung tá Tơ-răng-ca thực hiện cuộc hành binh Pôn-luy ch đưa toàn bộ lực lượng từ Lai Châu về Điện Biên Phủ. Lực lượng chính quy của "Vùng tác chiến Tây Bắc" (Z.O.N.O.)1, tương đương với ba tiểu đoàn, đóng tại thị xã Lai Châu sẽ được không vận về Mường Thanh bằng máy bay. "Binh đoàn biệt kích không vận hỗn hợp (G.C.M.A)2 bảo vệ cho lực lượng chính quy rút lui xong sẽ đi theo đường Pa-vi nối liền Lai Châu với Điện Biên Phủ. Nhưng quyết định quá gấp này không tập hợp được 25 đại đội biệt kích gồm trên hai nghìn người đang ở tân mát trong rừng. Bộ chỉ huy quân Pháp đã

coi việc tổ chức được lực lượng người địa phương này ở Tây Bắc là một thành công lớn. Bọn chúng dễ dàng thâm nhập sâu vào vùng giải phóng, khống chế dân chúng, tạo một vành đai an toàn chung quanh những vị trí đóng quân, tập kích những bộ phận nhỏ và đánh vào tuyến giao thông của ta.

Ngày 7 tháng 12 năm 1953, cơ quan tác chiến báo cáo, qua tin kỹ thuật, địch đang rút các tiểu đoàn đóng ở thị xã Lai Châu về Điện Biên Phủ bằng máy bay, một bộ phận đã tới Mường Thanh. Tôi nói Bộ Tổng Tham mưu thông báo gấp cho sở chỉ huy tiền phương kịp thời xử trí.

Lúc này, lực lượng của Đại đoàn 316 còn chưa tập trung. Trung đoàn 176 đã được lệnh của Bộ đưa một tiểu đoàn cấp tốc tiến vào Điện Biên Phủ, hoạt động tại khu vực Him Lam, Bản Tấu ngăn không cho quân địch đánh ra, một tiểu đoàn qua biên giới giúp các bạn Lào bảo vệ vùng giải phóng Sầm Nưa, một tiểu đoàn ở lại Sơn La, Thuận Châu bảo vệ hậu phương và làm lực lượng cơ động. Hai trung đoàn khác đang trên

đường lên Điện Biên Phủ: Trung đoàn 174 mới tới Tuần Giáo, Trung đoàn 98 còn ở bên kia đèo Pha Đin.

Anh Thái triệu tập cán bộ Đại đoàn 316 về Sở chỉ huy tiền phương tại ki-lô-mét 15 đường Tuần Giáo - Điện Biên Phủ, trao nhiệm vụ cho đại đoàn nhanh chóng giải phóng thị xã Lai Châu theo kế hoạch cũ và kiên quyết cắt đứt con đường Pa-vi, không cho địch co về Điện Biên Phủ. Nếu địch bỏ chạy thì truy kích tới cùng. Anh Lê Liêm nói: "Công tác chính trị của đại đoàn bây giờ là động viên bộ đội đuổi đánh địch thật nhanh".

Đại đoàn 316 vừa trải qua 20 đêm hành quân liên tục. Đại đoàn trưởng Lê Quảng Ba và Chính ủy Chu Huy Mân quyết định đưa Tiểu đoàn 439 của Trung đoàn 98, do Phó Chính ủy trung đoàn Phạm Quang Vinh trực tiếp phụ trách tiến gấp lên phía bắc giải phóng thị xã Lai Châu, một tiểu đoàn khác của Trung đoàn 98 tạm dừng lại Tuần Giáo để phòng địch nhảy dù tập kích phía sau vào hậu phương trực tiếp của chiến dịch, đại bộ phận đơn vị tiến về con đường Lai Châu - Điện Biên Phủ.

Ngày 9 tháng 12 năm 1953, Tiểu đoàn 439 được xe ô-tô vận chuyển hàng cho chiến dịch chở lên Lai Châu. Nhưng xe chỉ chạy được tới Nậm Mức cách Lai Châu 45 ki-lô-mét thì phải dừng lại vì đường quá xấu. Bộ đội tiếp tục hành quân bộ. Tối mùng 10, Tiểu đoàn 439 tới Pa Ham, một đồn nhỏ cách thị xã Lai Châu 32 ki-lô-mét, được tin quân địch ở những vị trí chung quanh mới dồn về đây chừng ba đại đội. Nửa đêm, tiểu đoàn bắt đầu tiến công. Quân địch cầm cự được nửa giờ rồi bỏ chạy. Hôm sau, tiểu đoàn tiến đến đèo Cla- vô cách thị xã Lai Châu 14 ki-lô-mét. Địa

thế đèo này cực kỳ hiểm trở, chỉ cần một đại đội chiếm giữ có thể cầm cự được với cả một trung đoàn. Nhưng Tiểu đoàn 439 dễ dàng vượt qua vì quân địch đang trên đường rút lui, thấy bộ đội ta xuất hiện là hoảng hốt tháo chạy.

Ngày 12 tháng 12 năm 1953, bộ đội ta tiến vào giải phóng thị xã Lai Châu sau gần một thế kỷ nằm dưới ách đô hộ của Pháp. Đèo Văn Long - "quốc vương" của xứ Thái tự trị, cùng với gia đình đã được máy bay Pháp đưa về Hà Nội. Lá cờ đỏ sao vàng lần đầu tung bay trên thị xã đầy những xác xe vận tải và những kho tàng bị phá hủy.

Sau bốn ngày hành quân, lực lượng chủ yếu của Đại đoàn 316 theo đường Tuần Giáo - Điện Biên Phủ đến Nà Tấu, xuyên rừng đi về phía đèo Pa Thông, đã có mặt trên đường Pa-vi nối liền Lai Châu với Điện Biên Phủ. Trung đoàn 174 bố trí ở khu vực Mường Muộn, Mường Pồn đón đánh quân địch từ Lai Châu chạy về. Tiểu đoàn 215 của Trung đoàn 98 đứng chân ở Pu San chặn đánh quân địch từ Điện Biên Phủ lên. Tiểu đoàn 888 của Trung đoàn 176 đã chốt chặn ở Him Lam - Bản Tấu ngay cửa ngõ Mường Thanh.

Sáng ngày 12, Đại đội 674 của Tiểu đoàn 251 Trung đoàn 174 tiến xuống Mường Pồn thì phát hiện trong bản có nhiều quân địch từ Lai Châu rút về đang tập trung tại đây. Đại đội lập tức tiến hành bao vây và nổ súng đánh địch. Quân địch có máy bay yểm trợ, thấy lực lượng ta ít, kiên quyết xung phong đánh bật ta để mở đường đi về Điện Biên Phủ. Cán bộ, chiến sĩ Đại đội 674 chiến đấu rất dũng cảm, kiên quyết không nói lỏng vòng vây. Chiến sĩ liên lạc Bé Văn Đàn mang lệnh đến cho tiểu đội Chu Văn Pù giữa lúc cả tiểu đội chỉ còn bốn người đang phải chặn đánh một cánh quân từ trên cao tràn xuống. Chu Văn Pù có khẩu trung liên trong tay nhưng không biết đặt vào đâu. Bé Văn Đàn lao tới nhắc hai chân súng đặt lên vai mình và giục Pù siết cò trút đạn về phía quân địch. Bé Văn Đàn hy sinh, nhưng đợt tiến công của địch đã bị chặn đứng.

Để hỗ trợ cho cuộc hành binh Pôn-luyỳch, Đò Cát-xtơ-ri (vừa thay Gin) ra lệnh cho Lăng-gơ-le chỉ huy binh đoàn không vận số 2 (Groupement aéroporté N°2, viết tắt là G.A.P.2) tăng cường, gồm tiểu đoàn dù lẻ dương số 1 (1er BEP), tiểu đoàn dù ngụy số 5 (5è BPVN), và tiểu đoàn dù số 8 xung kích (8è BPC)1 hai cụm pháo 105mm, với bốn máy bay ném bom B-26 và hai máy bay trinh sát yểm trợ, đi theo đường Pa-vi lên Mường Pồn đón các đơn vị còn lại từ Lai Châu rút về. Với số lượng những đơn vị và phương tiện được huy động, đây không còn là một cuộc hành binh nhỏ. Cô-nhi đã chỉ thị cho Đò Cát-xtơ-ri cần thực hiện việc ngăn chặn bằng cách mở những cuộc tiến công vào sâu khu vực của đối phương.

7 giờ ngày 11 tháng 12, bình đoàn không vận số 2 lên đường. 11 giờ 30 phút, quân địch đến Bản Tấu cách Mường Thanh khoảng 16 ki-lô-mét. Tiểu đoàn 888 chốt

chặn tại đây lập tức nổ súng, cả ba tiểu đoàn dù bị chôn chân tại chỗ suốt ngày 11. Ba đại đội biệt kích Thái ở Mường Pồn đang bị Đại đội 674 chặn đánh, khẩn thiết kêu gọi cánh quân cứu viện cố mở đường tới giải vây. Suốt từ ngày 11 đến ngày 13, cánh quân cứu viện chỉ tới được đèo Pu San hiểm trổ, cao 1.168 mét, nơi có Tiểu đoàn 215 và Đại đội phòng không 677 chốt giữ. Mặc dù có máy bay B-26 yểm trợ, thả cả bom na-pan, chúng đã không thể vượt qua quãng đường dài 4 ki-lô-mét từ Pu San đến Mường Pồn. Sáng ngày 13, Đại đội 674 bao vây Mường Pồn được Đại đội 317 đến tiếp sức, mở đợt tiến công cuối cùng tiêu diệt toàn bộ quân địch đóng ở Mường Pồn.

Buổi trưa ngày 13, bình đoàn không vận số 2 bỗng thấy tiếng súng phía Mường Pồn im bật. Ngay sau đó, máy bay trinh sát báo tin những đơn vị ở đây đã bị tiêu diệt.

Chúng ta hãy nghe Béc-na Phôn kể tiếp về trận đánh này: "Mặc dù bình đoàn không vận số 2 đã không thực hiện được việc cứu nguy cho quân đồn trú ở Mường Pồn, nhưng trận đánh đối với họ còn xa mới kết thúc. Bộ phận đi đầu do thiếu tá Lơ-cléc và đại úy Tua-rê chỉ huy vừa mới bắt đầu rút về hướng đông nam lúc 16 giờ 50 phút thì bị một hỏa lực dữ dội của địch bắn xâu chuỗi. Theo tường trình trong báo cáo của G.A.P.2 thì Việt Minh chẳng có máy bay quan sát, cũng như những đơn vị tuần tiễu điều chỉnh đường bắn, vẫn thành công trong việc bố trí trọng pháo cách nơi những lính dù vừa hạ trại 500 mét và giội đạn xuống họ một cách cực kỳ chính xác. Chỉ trong ít phút họ đã chịu đựng những tổn thất nghiêm trọng. Họ gọi máy bay ném bom B-26 đến cứu. Sự can thiệp tức thì của hai máy bay có lẽ đã cứu tiểu đoàn dù 5 khỏi bị tiêu diệt hoàn toàn. Nhưng thiệt hại của tiểu đoàn này vẫn không kém nặng nề: Ba chết, 22 bị thương và 13 mất tích.

Và chưa hết! Bộ đội đối phương không còn bị cái nút Mường Pồn chặn lại đã bắt kịp cả G.A.P.2. Trưa ngày 14 tháng 12, pháo 105mm (tác giả lầm sơn pháo 75mm của ta với pháo 105mm - chú thích của người viết) bắt đầu bắn vào đơn vị bảo vệ phía sau gồm những bình lính của tiểu đoàn dù lẻ dương 1. Giống như buổi sáng, Việt Minh tìm cách tiếp cận mục tiêu thật nhanh để tránh những trận oanh kích của không quân. 14 giờ 50 phút, tiểu đoàn dù lẻ dương 1 báo cáo họ đang bị đối phương chiến đấu giáp lá cà dữ dội và yêu cầu máy bay tiêm kích yếm hộ. Không quân lại tiếp tục can thiệp, nhưng lần này đã có một báo hiệu không lành cho những gì sẽ diễn ra ở Điện Biên Phủ sau này; 15 giờ, một máy bay trình sát báo cáo trúng đạn phòng không Việt Minh và 16 giờ, một máy bay tiêm kích và một chiếc Morane khác lần lượt báo cáo trúng đạn...".

Các đơn vị của Tơ-răng-ca hầu hết là người địa phương, chạm trán quân ta lập tức tán vào rừng. Từ chiếu ngày 13 tháng 12 năm 1953, cuộc truy lùng diễn ra trên tất

cả các hướng. Rút kinh nghiệm từ trận truy kích Thượng Lào, Đại đoàn 316 đã đuổi theo quân địch hàng trăm ki-lô-mét đường rừng suốt ngày đêm. Bộ đội ta vừa kết hợp tiến công vừa kêu gọi đầu hàng. Số hàng binh Thái rất đông. Nhiều hàng binh có cả gia đình. Không thể đưa họ theo trên đường truy kích. Cán bộ Đại đoàn 316 đã có sáng kiến tập hợp tù binh cùng với dân tuyên truyền giải thích, nói bộ đội sẽ trả tự do cho tù binh nếu được nhân dân bảo đảm là sẽ không để họ tiếp tục cầm súng giết hại đồng bào. Nhiều người vợ, người mẹ đã hăng hái hứa hẹn quyết không để chồng con theo giặc một lần nữa. Và họ đã làm được như vậy. Không một người Thái nào trong số này sau khi được tha quay trở lại với quân địch. Đại đoàn 316 đã tiêu diệt và làm tan rã 25 đại đội địch, thu nhiều vũ khí, lừa, ngựa, quân trang, quân dụng.

Phon thấy cần có cả một cuốn sách để miêu tả lại số phận của người sĩ quan Pháp trong cuộc hành binh Pôn-luých, và ông ta kết luận: "Bây giờ chỉ còn công việc tính số những thiệt hại trong tuần lễ cuối cùng của cuộc đánh vận động. Khi lực lượng Pôn-luých rời Lai Châu ngày 9 tháng 12, họ gồm 2.101 người, trong đó có ba trung úy và 34 hạ sĩ quan Pháp. Khi những người sống sót của đại đội lừa, ngựa Thái và đại đội nhẹ 428 tới Điện Biên Phủ, ngày 22 tháng 12, chỉ còn 10 người Pháp, trong đó có viên trung úy Un-pát và 175 binh lính Thái. Gần 2.000 lính biệt kích, hàng trăm người dân, cũng như hai sĩ quan, 25 hạ sĩ quan Pháp không còn lên tiếng khi điểm danh. Hơn thế, Việt Minh đã thu được đủ vũ khí để trang bị cho một trung đoàn".

Trong bản báo cáo của mình về trận đánh này, Lăng-gô-le chỉ huy G.A.P.2, đã nhấn mạnh "sự thuần thục lạ lùng của kẻ thù khi bố trí những vị trí pháo binh và vị trí trú quân ngoài tầm quan sát của không quân và lực lượng thám báo mặt đất..."1.

Khúc dạo đầu diễn ra mau lẹ. Bộ đội ta vượt qua đợt 1 dự kiến cho Chiến dịch Tây Bắc.

5

Ủ cuối tháng 11 năm 1953, cùng với cuộc tiến quân lên Tây Bắc, một cánh quân khác của ta cũng lên đường tiến xuống Trung, Hạ Lào.

Tham gia tiến công địch ở hướng này có Trung đoàn 66 của Đại đoàn 304, các trung đoàn 101 và 18 của Đại đoàn 325, cùng với các đơn vị tình nguyện của Liên khu 4, Liên khu 5 đã sang phối hợp với bạn hoạt động từ những năm trước và một số đơn vị Pa-thét Lào. Bộ chỉ huy Chiến dịch Trung Lào, lấy mật danh là "Mặt trận D" được thành lập. Các đồng chí Hoàng Sâm - Tư lệnh Đại đoàn 304, Trần Quý Hai - Tư lệnh kiêm Chính ủy Đại đoàn 325 được cử tham gia Bộ chỉ huy liên quân. Lực

lượng ta tiến vào Trung - Hạ Lào theo ba đường. Các trung đoàn 66, 101, Tiểu đoàn 274 (thuộc Trung đoàn 18), và Đại đoàn bộ Đại đoàn 325 hành quân theo tỉnh lộ Nghệ An vào Chu Lễ, Hương Khê rồi vượt đèo Quắc và dốc Trim - Trọ sang bắc Trung Lào. Trung đoàn 18 (thiếu một tiểu đoàn) theo quốc lộ số 1 tới Kỳ Anh, vượt đèo Móng Gà sang Cố Áng theo đường Ba Rền, U Bò tiến vào phía bắc đường số 9. Tiểu đoàn 436 thuộc Trung đoàn 101 theo đường xuyên Trường Sơn tiến thẳng xuống Hạ Lào.

Trong kế hoạch chiến lược của mình, Na-va đã xác định vĩ tuyến 18 là tuyến ngăn chặn hai miền Nam, Bắc Đông Dương. Các khu vực đường số 12, đường số 9, đường số 8 và cao nguyên Bô-lô-ven ở Trung - Hạ Lào được coi là những địa bàn đặc biệt quan trọng về chiến lược. Nếu để mất những địa bàn này Đông Dương có thể bị cắt làm đôi. Trước khi vào mùa khô, Na-va đã tổ chức tại Trung Lào một bộ máy chỉ huy thống nhất và tăng thêm lực lượng cho chiến trường này.

Ngay từ cuối tháng 11 năm 1953, địch đã phát hiện một lực lượng lớn bộ đội ta đang tiến về hướng Trung Lào. Ngày 1 tháng 12, Na-va vội vã rút binh đoàn cơ động số 2 (GM 2) từ đồng bằng Bắc Bộ vào bịt các cửa ngõ hai tỉnh. Khâm Muộn và Xa-va-na-khét, chủ yếu là ba con đường số 8, số 9 và số 12 nối liền Việt Nam với Trung Lào. Địch phân tán binh lực là điều đáng mừng cho ta. Tuy nhiên, địch sớm để phòng sẽ gây những khó khăn cho ta khi khởi đầu chiến dịch.

Quyết định mở một mặt trận ở Trung, Hạ Lào trong Đông Xuân này, chúng ta đã chọn đúng khu vực xung yếu mà địch không thể bỏ. Tôi theo dõi từng ngày bước đi của từng cánh quân theo những lộ trình khác nhau. Nếu bây giờ, phối hợp với Tây Bắc, một cuộc tiến công khác đồng thời nỗ ra tại Trung Lào tạo được áp lực mạnh, chắc chắn Na-va sẽ phải tiếp tục phân tán lực lượng cơ động về hướng này.

Trinh sát của ta ở Điện Biên Phủ hằng ngày báo cáo về: Địch tiếp tục thả thêm dù người, dù vũ khí và rất nhiều dây thép gai. Chúng ráo riết sửa chữa sân bay. Các tướng lĩnh Pháp tuyên bố cuộc nhảy dù xuống Điện Biên Phủ "không phải là một cuộc nhảy dù biệt kích như ở Lạng Sơn, đây là khởi đầu một cuộc tiến công quy mô...". Đã có những dấu hiệu địch đang xây dựng ở Điện Biên Phủ một tập đoàn cứ điểm với quy mô lớn hơn nhiều so với Nà Sân.

Hạ tuần tháng 12 năm 1953, Bộ Chính trị quyết định chọn Điện Biên Phủ làm điểm quyết chiến chiến lược trong Đông Xuân 1953-1954. Đảng ủy chiến dịch được chỉ định gồm các anh: Hoàng Văn Thái - Tham mưu trưởng, Lê Liêm - Chủ nhiệm Chính trị, Đặng Kim Giang - Chủ nhiệm Cung cấp, tôi là Bí thư Đảng ủy kiêm Chỉ huy trưởng chiến dịch.

Đại đoàn 312, trước đó vẫn giấu mình ở một khu rừng già tại Yên Bái quân địch không sao phát hiện, được lệnh tiến gấp lên Tây Bắc.

Ngày 20 tháng 12 năm 1953, Bộ Tư lệnh Đại đoàn 351 và các trung đoàn trưởng lựu pháo 105mm, cao xạ pháo được triệu tập lên Bộ để nhận lệnh. Tôi trực tiếp trao nhiệm vụ cho đại đoàn: "Trọng pháo ra trận lần đầu sẽ gặp nhiều khó khăn lớn. Trước mắt, phải bảo đảm an toàn và tuyệt đối bí mật

trong hành quân. Đưa được người và xe, pháo tới đích an toàn, coi như đạt 60 phần trăm thắng lợi".

Chỉ một ngày sau khi nhận lệnh cả hai đơn vị lựu pháo và cao pháo đã lên đường.

Ngày 21 tháng 12 năm 1953, Trung đoàn 36 của Đại đoàn 308 đã có mặt ở Pom Lót, gấp rút tổ chức một cái chốt chặn con đường từ Điện Biên Phủ sang Thượng Lào. Sự có mặt một đơn vị đã tham gia tiêu diệt hai binh đoàn Lô-pa-giơ và Sác-tông trong Chiến dịch Biên Giới, trên con đường hiểm yếu từ Mường Thanh đi Tây Trang, sẽ không cho phép quân địch dễ dàng vượt qua.

Tại Trung Lào, những cánh quân và hàng vạn dân công của ta đã không lọt qua mắt quân địch. Tướng Buốc-gun - tư lệnh mới ở miền Trung Đông Dương, bố trí ba cụm phòng thủ nhằm bịt các cửa ngõ phía đông. Một cụm ở khu vực Na-pê, Căm Cót, Lạc Sao trên đường số 8, gồm tiểu đoàn Ta-bo số 9 và một đại đội pháo 105mm. Một cụm ở Ba-na-phào, Nhom-ma-rát trên đường số 12, gồm hai tiểu đoàn bộ binh Ma-rốc, một tiểu đoàn bộ binh An-giê-ri và một tiểu đoàn pháo 105mm. Một cụm ở Nậm Thum, có tiểu đoàn bộ binh cơ giới Xpa-hi số 6 làm lực lượng dự bị.

Bộ chỉ huy liên quân Lào - Việt đề ra trong kế hoạch đợt 1, tiến công cụm cứ điểm phòng ngự then chốt trên đường số 12. Lực lượng sử dụng là hai trung đoàn. Ta sẽ dùng chiến thuật đánh điểm diệt viện. Trung đoàn 66 đánh cứ điểm Mụ Giạ, Ba-na-phào. Trung đoàn 101 phục kích đánh viện trên đường số 12 quãng giữa Thà Khẹc và Ba-na-phào. Tiếp đó, hai đơn vị sẽ theo đường số 12 đánh về Nhom-ma-rát giải phóng phía đông tỉnh Khâm Muộn. Ở hướng thứ yếu của chiến dịch, một tiểu đoàn của Trung đoàn 101 và bộ đội bạn đánh Na-pê, Lạc Sao, Căm Cót. Sau đó phát triển theo trục đường số 8, đánh xuống đường số 12.

Cùng lúc, Tiểu đoàn 436 của Trung đoàn 101, mũi thọc sâu của chiến dịch, đánh xuống Hạ Lào, tạo bàn đạp cho lực lượng lớn của ta phát triển xuống phía nam. Trung đoàn 18 (thiếu một tiểu đoàn) phối hợp với lực lượng vũ trang Bình - Trị - Thiên đánh địch ở đường số 9 - Quảng Trị, cắt đứt tuyến giao thông chiến lược Đà

Nẵng - Huế - Đông Hà - Xa-va-na-khét, tiếp đó, phát triển theo đường số 9 sang đánh địch ở Trung - Hạ Lào.

Theo kế hoạch, ngày 23 tháng 12, Trung đoàn 66 nổ súng tiến công cứ điểm Mụ Giạ, Ba-na-phào mở màn chiến dịch. Nhưng một sự việc bất ngờ đã xảy ra.

Sáng ngày 20, đoàn cán bộ Trung đoàn 101 do Trung đoàn trưởng Trần Bành và Chính ủy Hoàng Văn Thái dẫn đầu, đi trình sát thực địa trên

đường số 12 tìm nơi bố trí trận địa phục kích đánh viện. Tới suối Nậm On, đoàn cán bộ chạm trán với một toán địch đang lùng sục trong vùng. Cuộc tao ngộ chiến diễn ra rất chóng vánh. Ta bắt sống một viên đại úy cùng với bốn lính Âu - Phi. Bọn này khai chúng thuộc cụm phòng thủ trên đường số 12. Qua lời viên đại úy, ta biết cách đây bốn hôm, tiểu đoàn An-giê-ri số 27 (27è BTA) và một đại đội pháo 105mm từ Thà Khẹc, Nhom-ma-rát đã lên đây xây dựng thêm một cứ điểm ở khu vực cầu Khăm He, binh đoàn cơ động số 2 cũng mới thiết lập một sở chỉ huy ở gần cầu Khả Ma trên đường số 12.

Thời cơ đã xuất hiện. Quân địch mới tới, còn đứng chân chưa vững. Trung đoàn trưởng Trung đoàn 101 đánh điện báo cáo bộ chỉ huy liên quân và đề nghị cho chuyển từ nhiệm vụ phục kích sang khẩn trương tập kích tiêu diệt tiểu đoàn Âu - Phi ở cứ điểm Khăm He. Đề nghị của trung đoàn được bộ chỉ huy chấp nhận.

Sự thay đổi nhiệm vụ làm nức lòng cán bộ, chiến sĩ. Mọi người được lệnh bỏ lại trang bị nặng và lập tức lên đường. Trung đội trình sát và một đại đội bộ binh đi đầu mở đường. Cán bộ chỉ huy trung đoàn và các tiểu đoàn trưởng cùng đi với phân đội trình sát để kịp thời hạ quyết tâm chiến đấu. Kế hoạch tiêu diệt Khăm He được hình thành ngay trên dọc đường. Các đơn vị do các cấp phó chỉ huy hành quân nối theo. Xuống tới chân đèo Phu-ắc, đại đội đi đầu gặp một toán Âu - Phi chốt chặn trên một quả đồi ven đường. Đơn vị lập tức hình thành thế bao vây, nổ súng tiến công. Quân địch hốt hoảng bỏ chạy. Trời vừa tối, trung đoàn ra tới đường số 12. Cũng lúc đó, những tên địch thoát chết ở suốt Nậm On và đèo Phu-ắc chạy về cứ điểm Khăm He mang theo tin dữ: Sự xuất hiện bất ngờ của Việt Minh. Bọn chỉ huy cứ điểm ra lệnh báo động và thúc quân hối hả tăng cường bố trí phòng thủ.

Không để cho quân địch có thời gian chuẩn bị đối phó, đêm 21 tháng 12, Trung đoàn 101 bí mật tiếp cận mục tiêu và nổ súng tiến công. Cứ điểm rộng, lực lượng địch đông dựa vào công sự ngoan cố chống cự. Các phân đội hiệp đồng đúng theo kế hoạch, thọc sâu vào giữa đồn địch rồi tỏa rộng chia cắt địch, phối hợp trong đánh ra, ngoài đánh vào. Gần sáng, trận đánh kết thúc. Hầu hết binh lính thuộc tiểu đoàn An-giê-ri số 27 và đại đội pháo 105mm bị tiêu diệt. Ta thu ở Khăm He

nhiều vũ khí, quân trang quân dụng trong đó có bốn khẩu 105mm nguyên vẹn cùng với một nghìn viên đạn pháo. Những người chiến thắng chưa ai ngờ tới là số đạn pháo chiến lợi phẩm này một thời gian sau đó sẽ xuất hiện ở Mặt trận Điện Biên Phủ trong những ngày pháo ta đói đạn trầm trọng.

Hai giờ sau, một đại đội lính Ma-rốc từ Ba-na-phào xuống cứu viện, lọt vào trận địa phục kích của trung đoàn bị tiêu diệt gọn. Thừa thắng, trung đoàn tiến công tiếp vị trí Kha Ma, tiêu diệt tiểu đoàn Ma-rốc vừa tới chiếm đóng.

Đêm 23 tháng 12, theo kế hoạch, Trung đoàn 66 mở cuộc tiến công vào khu vực then chốt ở Trung Lào: Cụm cứ điểm Mụ Gia, Ba-na-phào. Nhưng chiến thắng của ta ở Khăm He, Kha Ma đã làm cho quân địch ở cả hai nơi này rút chạy. Cuộc công đồn biến thành truy kích. Trung đoàn cắt đường rừng, vượt sông, bắt kịp quân địch ở ngã ba Na-ca-cham, tiêu diệt một số tên. Một tiểu đoàn Ma-rốc từ Ba-na-phào rút về, cùng một đại đội ngụy Lào chạy vào đồn Pa Cuội, dựa vào công sự đối phó. Trung đoàn 66 tiến công đồn Pa Cuội, đánh thiệt hại nặng tiểu đoàn Ma-rốc và đại đội ngụy Lào tại đây.

Tướng Buốc-gun với những lực lượng ở rải rác đã không thể ngăn chặn những đợt tiến công của ta.

Cũng trong hai ngày 23 và 24, một đơn vị bộ đội ta và bộ đội bạn tiến công Lạc Sao, Cảm Cót, diệt một loạt vị trí dọc đường số 12, giải phóng thị trấn Nhom-ma-rát, tiến vào Thà Khẹc. Toàn tỉnh Khăm Muộn với 40.000 ki-lô-mét vuông và hàng chục vạn dân được giải phóng.

Cùng lúc trên Mặt trận Điện Biên Phủ ta chốt chặn được quân địch ở Pom Lót, tin vui từ Mặt trận Trung Lào dồn dập bay về.

Phòng tuyến Trung Lào tan vỡ. Trước tình thế "Đông Dương bị cắt làm đôi", Na-va vội điều thêm một binh đoàn cơ động và một binh đoàn không vận từ đồng bằng Bắc Bộ vào, tổ chức Xê-nô, nằm trên đường số 9 gần Xa-va-na-khét, thành một tập đoàn cứ điểm với 10 tiểu đoàn.

Cuối tháng 12 năm 1953, quân địch ở Trung Lào đã lên tới 26 tiểu đoàn, trở thành nơi tập trung quân lớn thứ ba trên chiến trường Đông Dương. Chỉ trong đợt 1 chiến dịch, lực lượng của ta và bạn ở Trung Lào đã làm được những điều vượt dự kiến. 50.000 dân công các tỉnh từ Nghệ An trở vào đã cùng bộ đội lên đường qua nước bạn phục vụ chiến dịch. Ta sẽ còn những bất ngờ khác dành cho quân địch ở Trung và Hạ Lào.

Na-va đã buộc phải phân tán khối cơ động ra ba nơi: Đồng bằng Bắc Bộ, Tây Bắc và Trung Lào.

Tại Điện Biên Phủ, một tập đoàn cứ điểm đã xuất hiện, chạy suốt chiều dài cánh đồng Mường Thanh, hai bên bờ sông Nậm Rốm. Về sau ta mới biết là ngày 3 tháng 12 năm 1953, Na-va đã quyết định "chấp nhận chiến đấu" ở Điện Biên Phủ. Phương Tây coi đây là một sự chuyển hướng có tính chiến lược của Na-va, vì Điện Biên Phủ không nằm trong kế hoạch mùa khô 1953-1954. Ta sẽ có dịp trở lại nhận xét này.

Cuộc chiến Đông Xuân 1953-1954 đã có bước khởi đầu thuận lợi. Một phần ba lực lượng cơ động của địch ở đồng bằng đã phân tán. Rồi đây khi Mặt trận Tây Nguyên mở ra, địch sẽ còn phải tiếp tục phân tán. Không còn phải băn khoăn nhiều về một cuộc tiến công lớn nhằm vào căn cứ địa kháng chiến của ta.

oi lên Khuổi Tát chào Bác Hồ trước khi lên đường đi chiến dịch. Bác hỏi:

- Chú đi xa như vậy, chỉ đạo các chiến trường có gì trở ngại không?
- Các đồng chí Phó Tổng Tham mưu trưởng, Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị đều đã có mặt trên đó. Sẽ tổ chức cơ quan tiền phương của Bộ Tổng Tư lệnh để chỉ đạo chiến trường toàn quốc, kể cả bộ đội tình nguyện ở Lào và Cam-pu-chia. Anh Nguyễn Chí Thanh và anh Văn Tiến Dũng ở lại khu căn cứ, phụ trách mặt trận đồng bằng Bắc Bộ. Chỉ trở ngại là ở xa, khi có vấn đề quan trọng và cấp thiết, khó xin ý kiến của Bác và Bộ Chính trị.
- Tổng Tư lệnh ra mặt trận, "Tướng quân tại ngoại"! Trao cho chú toàn quyền. Có vấn đề gì khó khăn, bàn thống nhất trong Đảng ủy, thống nhất với cố vấn thì cứ quyết định, rồi báo cáo sau.

Khi chia tay, Bác nhắc:

- Trận này rất quan trọng, phải đánh cho thắng. Chắc thắng mới đánh, không chắc thắng, không đánh.

Tôi cảm thấy trách nhiệm lần này rất nặng.

Ngày 5 tháng 1 năm 1954, tôi và một bộ phận cơ quan chỉ huy nhẹ lên đường đi Tây Bắc. Cùng đi, có đồng chí Vi Quốc Thanh - Trưởng đoàn cố vấn quân sự Trung Quốc.

Chương ba ĐƯỜNG RA MẶT TRẬN

au khi chiến tranh Đông Dương kết thúc, một câu hỏi được đặt ra: "Tại sao lại có Điện Biên Phủ?". Những người trực tiếp dính líu đến sự kiện, từ tổng thống, thủ

tướng, tổng chỉ huy, những sĩ quan trên chiến trường, đến những nhà sử học, những phóng viên đã có nhiều năm theo dõi chiến tranh Đông Dương... đã có nhiều ý kiến giải đáp giống nhau và khác nhau.

Nếu coi Điện Biên Phủ là chung cục một cuộc chiến tranh xâm lược lỗi thời, thì vấn đề đã được giải quyết. Nhưng vì sao đôi bên tham chiến bỗng dưng kéo tới một vùng đất xa xôi không định trước, để lao vào cuộc chiến đấu sống còn, quyết định thành bại của chiến tranh, thì cũng nên làm rõ một đôi điều, mặc dù tất cả tới giờ không còn gì là bí mật.

Có thể nói người khai sinh ra "chiến lược con nhím" ở Đông Dương là Xa-lăng. Xa-lăng không phải là một tổng chỉ huy nổi bật trong chiến tranh Đông Dương, không giành được nhiều uy tín, cũng như gây nhiều tranh cãi, nhưng lại là người chỉ huy gắn bó nhiều nhất với chiến trường, trải qua nhiều thăng trầm trong cuộc chiến. Xa-lăng không có sáng kiến gì lớn nhằm giành thắng lợi cuối cùng, nhưng lại biết trì hoãn sự thua trận bằng những giải pháp kịp thời. Xa-lăng am tường đất nước, con người và địch thủ hơn tất cả những tổng chỉ huy khác danh tiếng, tài ba, lỗi lạc hơn. Chính sự xuất hiện tập đoàn cứ điểm ở Nà Sân, Tây Bắc năm 1952, đã chặn cuộc tiến công giành thắng lợi trọn vẹn trong chiến dịch của ta. Xa-lăng đã làm đúng việc cần làm vào thời điểm để cứu vãn và cân bằng lại tình hình trong lúc toàn bộ lực lượng quân Pháp ở Tây Bắc đứng trước nguy cơ bị tiêu diệt. Nhưng cũng tới lúc Xa-lăng phải ra đi. Chính phủ Pháp không cần một tổng chỉ huy có khả năng kéo dài cuộc chiến. Cái nhà cầm quyền Pháp cần là một chiến thắng lớn để tìm một kết thúc có lợi. Xa-lăng không có tham vọng làm điều này.

Rõ ràng không phải Xa-lăng ra đi không để lại gì cho người kế nhiệm. Ở Pháp, có những người dè bỉu chiến lược con nhím, chỉ thấy ở nó tính phòng ngự bị động. Na-va biết đánh giá đúng vai trò của tập đoàn cứ điểm trong tương quan lực lượng lúc này. Người ta không thể tìm cách nào hữu hiệu hơn để đối phó với những chiến dịch tiến công ở vùng rừng núi. Nhưng tập đoàn cứ điểm Nà Sản đã không ngăn được Việt Minh giải phóng Sầm Nua! Hội chứng Thượng Lào, trong đó có kinh đô Luông Pha Băng, luôn luôn ám ảnh Na-va. Nếu cả miền cực Bắc Đông Dương được giải phóng sẽ là một nguy cơ lớn cho cuộc chiến tranh. Nó sẽ mang lại những ảnh hưởng chính trị tai hại vì nước Pháp bất lực trong việc bảo vệ các quốc gia liên kết. Xa-lăng cũng đã nghĩ tới điều này và tìm ra một lối thoát: Đó là di chuyển tập đoàn cứ điểm ở Nà Sản lên Điện Biên Phủ. Cánh đồng phì nhiêu lớn nhất ở Tây Bắc, nằm cách biên giới Việt - Lào 13 ki-lô-mét, chính là nơi có khả năng chặn đứng con đường những đại đoàn chủ lực Việt Minh tiến về kinh đô Lào. Xa-lăng đã nói suy nghĩ của mình với Na-va. Cô-nhi, tư lệnh Bắc Bộ, nhiệt liệt tán đồng ý kiến này. Cô-

nhi nhấn mạnh: Nà Sản không có vị trí chiến lược, chỉ là "vực thẳm nuốt các tiểu đoàn", còn Điện Biên Phủ là một căn cứ bộ binh - không quân (base aéroterestre) lý tưởng, là "chiếc chìa khoá" của Thượng Lào. Phòng nhì của tổng chỉ huy còn bổ sung thêm những nhận định: Tình trạng phương tiện tiếp tế hiện thời của Việt Minh không cho phép quân đoàn tác chiến hoạt động tại một vùng thượng du nghèo quá xa căn cứ và sự có mặt một trung tâm để kháng ở Điện Biên Phủ cho phép quân đồn trú di tản khôi xứ Thái bằng đường bộ trong hoàn cảnh cần thiết, điều mà Nà Sản không thể có... Na-va lắng nghe một cách thận trọng.

Trong kế hoạch Na-va đệ trình Chính phủ Pháp, chiếm đóng Điện Biên Phủ đã được đề cập tới như một giải pháp trong trường hợp phải bảo vệ nước Lào. Để thực hiện, Na-va yêu cầu được cấp thêm người và phương tiện. Chính phủ Pháp không trả lời về điều này khi thông qua kế hoạch, chỉ vì ngân quỹ Pháp, như lời bộ trưởng tài chính: "Không có một xu cho kế hoạch Na-va". Na-va yêu cầu chính phủ phải có một văn bản về vấn đề bảo vệ nước Lào. Na-va cũng nhiều lần thúc giục chính phủ gửi thêm quân tăng viện và vũ khí, đặc biệt là máy bay. Nhưng không có hồi âm. Ngày 22 tháng 10 năm 1953, nước Pháp ký với Thủ tướng Lào Xu-va-na Phu-ma một hiệp ước khẳng định quyền độc lập của Lào trong Liên bang Đông Dương. Na-va cho rằng mình không thể thoái thác nhiệm vụ bảo vệ một quốc gia liên kết. Nhưng ngày 13 tháng 11 năm 1953, Chính phủ Pháp trong cuộc họp Hội đồng Quốc phòng đã quyết định chỉ thị cho Na-va: "Hãy điều chỉnh kế hoạch

với những phương tiện hiện có". Lần đầu, Na-va được chỉ thị rõ bằng giấy tờ mục tiêu nước Pháp đang theo đuổi tại Đông Dương là "đưa địch thủ tới chỗ nhận ra họ không có khả năng giành một thắng lợi về quân sự". Không hiểu vì lý do nào Na-va chỉ nhận được chỉ thị này vào ngày 4 tháng 12 năm 1953, khi đã ném những lực lượng tinh nhuệ nhất của quân viễn chinh xuống Điện Biên Phủ và đã ra quyết định chấp nhận chiến đấu ở đây. Trong hồi ký của mình, Thủ tướng Pháp La-ni-en khẳng định là Na-va đã nhận được chỉ thị trong trường hợp cần thiết thì bỏ một phần nước Lào từ hạ tuần tháng 7 và dẫn chứng điều đó đã được ghi trong biên bản phiên họp Hội đồng quốc phòng ngày 24 tháng 7 năm 1953. Na-va đã lập tức phản bác: "Trước khi đọc cuốn sách của La-ni-en, ông ta không hề biết có tồn tại một biên bản như vậy!"1.

Theo một số nhà sử học Pháp, cơ quan tham mưu của quân viễn chinh đã phát hiện từ cuối tháng 10 năm 1953 những hoạt động chuẩn bị của ta tại Tây Bắc, Đại đoàn 316 trú quân ở nam Hòa Bình bắt đầu tiến lên xứ Thái từ ngày 15 tháng 11, sẽ có mặt ở Tuần Giáo vào khoảng từ ngày 7 đến ngày 10 tháng 12 năm 1953. Và có thể nhiều đại đoàn khác cũng đi tiếp theo.

Phải chăng đây chỉ là sự suy diễn sau khi các biến cố đã xảy ra. Họ muốn chứng minh có những lý do dẫn Na-va tới cuộc hành binh Hải Ly (Castor). Trong thực tế, từ sau Chiến dịch Tây Bắc cuối năm 1952, đại bộ phận của Đại đoàn 316 (hai trung đoàn) chưa hề rời khỏi địa bàn này. Còn cơ quan chỉ huy của đại đoàn cùng với một trung đoàn về chỉnh huấn tại Thanh Hóa, mãi trung tuần tháng 11 mới hành quân lên Tây Bắc, ngày 15 mới vượt sông Đà. Ngày 19 tháng 11, Bộ Tổng Tư lệnh mới mở Hội nghị triển khai kế hoạch Đông Xuân 1953-1954. Cũng đúng ngày đó, quân Pháp nhảy dù xuống Mường Thanh. Trước khi quân Pháp chiếm Điện Biên Phủ, ta chưa hề có ý định đưa nhiều đại đoàn lên Tây Bắc! Vấn đề này cần được chính người Pháp giải đáp.

Với những văn bản đã được công bố, chúng ta biết từ ngày 2 tháng 11 năm 1953, Na-va đã chỉ thị cho Cô-nhi phải đánh chiếm Điện Biên Phủ trong khoảng thời gian từ ngày 15 đến ngày 20 tháng 11, muộn nhất là ngày 1 tháng 12 năm 1953 để thiết lập một điểm ngăn chặn nhằm che chở cho Lai Châu và Thượng Lào khỏi bị uy hiếp và nắm lấy số lúa gạo đáng kể trên

cánh đồng Mường Thanh có thể lọt vào tay đối phương. Điều này không hề có liên quan đến những tin tức về một cuộc tiến công tức thời của bộ đội ta nhắm vào Tây Bắc.

Chủ trương của Na-va ngay từ đầu đã vấp phải sự phản ứng khá gay gắt của cơ quan tham mưu Bắc Bộ dưới quyền Cô-nhi. Đại tá Ba-xti-a-ni tham mưu trưởng lực lượng trên bộ Bắc Việt Nam, kịch liệt phản đối việc chiếm đóng Điện Biên Phủ. Ông ta cho rằng: "Ở đất nước này, không thể ngăn chặn một hướng đi. Đó là một khái niệm châu Âu, không có giá trị ở đây. Người Việt đi khắp nơi. Ta thấy rõ điều đó ở đồng bằng". Tướng Đờ-xô - tư lệnh không quân Bắc Bộ, đặc biệt lưu ý những khó khăn về bảo đảm tiếp tế cho Điện Biên Phủ, vì thời tiết thất thường ở Tây Bắc Việt Nam trong mùa đông. Và chính Cô-nhi, người đã đánh giá Điện Biên Phủ là chiếc chìa khóa bảo vệ Thượng - Lào, sẽ hỗ trợ cho Lai Châu khi bị tiến công, lúc này cũng phản đối đánh chiếm Điện Biên Phủ. Sự thay đổi của Cô-nhi là điều dễ hiểu. Cô-nhi lo chiến dịch đánh chiếm ba tỉnh tự do ở Liên khu 5 của tổng chỉ huy sẽ lấy đi ở đồng bằng nhiều tiểu đoàn, không muốn mất thêm một số tiểu đoàn nữa vào Điện Biên Phủ, trong khi bốn đại đoàn chủ lực của đối phương vẫn chưa rời những cửa ngõ chung quanh đồng bằng.

Ngày 17 tháng 11 năm 1953, Na-va từ Sài Gòn ra Hà Nội cùng với Mác Giắc-kê - bộ trưởng chịu trách nhiệm về điều hành chiến tranh, và Mô-rít Đò-giăng - cao ủy, để quyết định lần cuối về cuộc hành binh Hải Ly đánh chiếm Điện Biên Phủ. Các tướng trực tiếp thi hành nhiệm vụ: Gin, Đờ-xô, Mát-xông vẫn tiếp tục nêu những lý

do về chiến thuật, kỹ thuật phản đối cuộc hành binh. Riêng Cô-nhi, trước đó đã trình riêng với Na-va một tập những phiếu phản đối của cơ quan tham mưu dưới quyền mình, giữ im lặng. Cuối cùng, Na-va vẫn giành quyền quyết định.

Trong các ngày 20, 21, 22 tháng 11 năm 1953, sáu tiểu đoàn dù được ném xuống Điện Biên Phủ.

Cuộc hành binh mà bộ tham mưu của Cô-nhi lo lắng đã không gặp trở ngại lớn, mặc dù cuộc đọ súng với những đơn vị của Trung đoàn 148 đang luyện tập trên cánh đồng Mường Thanh đã diễn ra suốt một ngày, làm quân dù chết và bị thương trên 100 người.

Ngày 26 tháng 11 năm 1953, Na-va quyết định chấp nhận chiến đấu ở Điện Biên Phủ.

Cô-nhi công bố ý định tiến hành chiến đấu phòng ngự chống lại kẻ thù trong khu tam giác Điện Biên Phủ - Lai Châu - Tuần Giáo, trung tâm để kháng sẽ là Điện Biên Phủ.

Ngày 3 tháng 12 năm 1953, Na-va ra chỉ thị về cách điều hành những hoạt động tác chiến ở Tây Bắc và phải bảo vệ Điện Biên Phủ bằng mọi giá.

Ngày 5 tháng 12, Cô-nhi quyết định lực lượng ở Điện Biên Phủ và ở Lai Châu rút về sẽ được thống nhất thành "Bình đoàn tác chiến ở Tây Bắc (G.O.N.O.)1 dưới một sự chỉ huy chung.

Gin, chỉ huy cuộc hành binh Hải Ly, vốn là một sĩ quan dù, thấy mình không thích hợp với nhiệm vụ, đề nghị được thay thế.

Ngày 7 tháng 12, Đờ Cát-xtơ-ri được Cô-nhi và Na-va chỉ định chỉ huy tập đoàn cứ điểm, chuẩn bị đường đầu với một cuộc tiến công.

Ngày 10 tháng 12 năm 1953, lực lượng địch ở Điện Biên Phủ đã là 10 tiểu đoàn.

Ngày 12 tháng 12, Na-va quyết định phải đưa chiến xa lên Điện Biên Phủ, cũng như bố trí những phi đội máy bay chiến đấu ngay trên sân bay Mường Thanh và sân bay Xiêng Khoảng chỉ cách Điện Biên Phủ 200 ki-lô-mét. Tập đoàn cứ điểm sẽ phải có các loại pháo hạng nặng 105 và 155mm. Na-va ra lệnh cho Cre-vô-cô - tư lệnh lực lượng ở Lào, phải càn quét dọc sông Nậm Hu, mở một đường hành lang nối liền Luông Pha Băng với Điện Biên Phủ. Đây cũng chính là con đường rút lui khi cần.

Ngày 15 tháng 12, lực lượng địch ở Điện Biên Phủ tiếp tục tăng lên 11 tiểu đoàn.

Ngày 24 tháng 12, Na-va tới Điện Biên Phủ dự lễ Giáng sinh với quân đồn trú.

Hai chiếc xe tăng Shaffee đầu tiên vừa được lắp xong và đưa vào sử dụng. Bên kia biên giới Việt - Lào, những tiểu đoàn của Cre-vô-cô cũng tới Sốp Nạo. Na-va lặp lại với các sĩ quan những lời ông ta vừa đăng tải trên báo Caravelle: "Tình hình địa hình, những đặc điểm về khí hậu của khu lòng chảo Điện Biên Phủ làm cho nó trở thành một vị trí dễ phòng ngự, một trong những sân bay tốt nhất Đông Nam Á, một đầu cầu hàng không tuyệt hảo. Trận đánh có thể được chúng ta chấp nhận tại đây trong những điều kiện hết sức thuận lợi". Sau khi vạch ra những khó khăn của đối phương về di chuyển lực lượng, tiếp tế bằng chân chậm chạp trên những khoảng cách quá dài, không có đường giao thông... Na-va khẳng định: "Một chiến dịch khởi đầu trong những điều kiện như vậy chỉ có thể chuyển sang hướng có lợi cho chúng ta..., tập trung nhanh chóng trên những điểm bị uy hiếp, ưu thế về lực lượng so với kẻ thù, sự góp phần của biệt kích (maquis), không quân, nhất là những đơn vị nhảy dù, (...) chắc chắn mang lại cho chúng ta thắng

lợi... Những điều kiện chiến thắng đã hội đủ. Tôi tin chắc những điều kiện chính trị cũng sắp tới".

Vì sao Na-va đã quyết định đánh chiếm Điện Biên Phủ? Và chấp nhận trận đánh ở Tây Bắc, phải chăng Na-va đã đi ngược lại chủ định của mình là duy trì thế phòng ngự chiến lược trên miền Bắc mùa khô 1953-1954?

Câu trả lời có thể như sau:

Từ khi nhậm chức, Na-va cổ tránh vết xe đổ của nhiều người tiên nhiệm thụ động chạy theo mỗi hoạt động của đối phương. Na-va đã thực hiện mục tiêu số 1 của mình là mang lại tính chiến đấu và tính cơ động cho quân viễn chinh. Những cuộc hành binh nổi tiếp đều nhằm phá kế hoạch một cuộc tiến công mà Na-va cho rằng đang hướng vào đồng bằng Bắc Bộ hoặc Thượng Lào. Nước "xuất xe" về phía tây nam Ninh Bình không mang lại kết quả mong muốn.

Na-va đã thấy rõ vị trí chiến lược của Điện Biên Phủ ở miền Bắc Đông Dương. Chiến dịch Sầm Nưa đầu năm 1953 báo hiệu kinh đô nhà vua Lào đứng trước sự đe dọa. Nhưng ở thời điểm Na-va tung quân xuống Điện Biên Phủ chưa có dấu hiệu một cuộc tiến công trực tiếp nhắm vào Luông Pha Băng. Và nếu sự đe dọa đó xuất hiện, Na-va vẫn có cách để ngăn chặn như ta đã thấy tháng 2 năm 1954, khi Đại đoàn 308 xuất hiện tại Thượng Lào. Lý do bảo vệ nước Lào được Na-va nhấn mạnh sau khi Điện Biên Phủ thất thủ, chỉ là cách làm nhẹ trách nhiệm.

Quyết định đánh chiếm Điện Biên Phủ liên quan đến những chủ trương lớn trong điều hành chiến cuộc của Na-va. Na-va đã tập trung một số quân cơ động quá đông ở đồng bằng. Viên tổng chỉ huy mới nhậm chức, rất nhiều tự tin, không thể để một

lực lượng lớn như vậy nằm im, chờ đón một cuộc tiến công không nhất thiết sẽ diễn ra. Na-va cần có một đòn tiến công khác trên chiến trường chính, nơi đối phương vẫn để các đại đoàn chủ lực nằm im, chưa bộc lộ ý đồ. Đưa quân lên Việt Bắc, nơi nhiều đại đoàn chủ lực đối phương đang chờ? Tái diễn việc đưa quân về phía Liên khu 4?... Tất cả đều là những việc không nên làm. Na-va đã chọn một cách khác là ném một số tiểu đoàn dù xuống Điện Biên Phủ.

Trước hết, giải pháp này tỏ ra ít nguy hiểm. Cơ quan tham mưu của Na-va ở Sài Gòn tin rằng: "Việt Minh không thể duy trì ở thượng du quá hai đại đoàn và 20.000 dân công, sự bấp bênh về giao thông không cho phép họ mang tới đó pháo trên 75mm cùng với đạn pháo quá bấy ngày chiến đấu". Tập đoàn cứ điểm Nà Sản hồi đầu năm đã vô hiệu hoá hai đại đoàn Việt Minh?

Việc đánh chiếm Điện Biên Phủ có khả năng ngăn chặn được một cuộc tiến công ở Tây Bắc, xa hơn nữa là Thượng Lào. Và nhất là nó có thể thu hút một số đại đoàn Việt Minh, giảm nhẹ áp lực đối với đồng bằng. Na-va chỉ mong cuộc hành binh Hải Ly thu hút được từ một tới hai đại đoàn chủ lực của đối phương về hướng này, làm phân tán khối chủ lực Việt Minh, trì hoãn một cuộc tổng giao chiến trong mùa khô 1953-1954 trên chiến trường chính Bắc Bộ.

Na-va vẫn đặt trọng tâm vào hiệp đấu đầu tiên ở miền Trung, nơi có thể giành thắng lợi bằng một cuộc tiến công quy mô lớn. Vùng ba tỉnh tự do Liên khu 5, dải đồng bằng ven biển này đã tồn tại trong suốt cuộc chiến tranh, tạo thành một khu vực chia cắt hai miền Nam, Bắc Việt Nam. Chiếm được vùng này, nước Việt Nam từ vĩ tuyến 18 trở vào chỉ còn là đối tượng của những cuộc bình định, về lâu dài sẽ do quân ngụy chịu trách nhiệm. Nó cũng sẽ có lợi khi buộc phải chấp nhận một giải pháp chính trị.

Khác với Cô-nhi và những cơ quan tham mưu, Na-va không mong một cuộc đụng đầu ở Điện Biên Phủ. Trận đánh quyết định giữa đội quân viễn chinh với khối chủ lực Việt Minh sẽ nổ ra trên miền Bắc vào mùa khô năm tới, khi miền Nam từ Liên khu 5 vào đã bình định xong và những binh đoàn cơ động đã tập trung đủ số lượng cần thiết.

Tới lúc này, quân đồn trú ở Điện Biên Phủ vẫn có thể mở một con đường rút lui. Quân Pháp đã có những kinh nghiệm rút lui trong trường hợp bị bao vây như ở Hòa Bình, Nà Sản. Vì sao Na-va đã không làm điều đó khi thấy nguy cơ một trận đánh sẽ xảy ra? Vì Na-va vẫn muốn Điện Biên Phủ sẽ làm vai trò "chiếc nhọt tụ độc" trên miền Bắc; đó là cách giúp cho mình rảnh tay để triển khai cuộc tiến công chiến lược ở miền Trung theo đúng kế hoạch.

Trong khi mọi người đều tin vào chiến thắng nếu có một trận đánh lớn ở Điện Biên Phủ, Na-va tỏ ra dè dặt. Ngày 31 tháng 12, Na-va đã bí mật chỉ thị cho Cô-nhi và Cre-vô-cơ phải nghiên cứu một kế hoạch rút lui khỏi Điện Biên Phủ trong trường hợp cần thiết, được mệnh danh là "cuộc hành binh Xê-nô-phôn" (Opération Xénophon). Nhưng nó chỉ được thực hiện vào những ngày cuối cùng ở Điện Biên Phủ khi quân Pháp không còn điều kiện.

Ta thấy rõ sự lo ngại của Na-va qua báo cáo gửi về Pa-ri ngày 1 tháng 1 năm 1954: "... Tất cả đều cho cảm giác lúc này là kẻ thù quyết tâm dùng sức mạnh tiến công Điện Biên Phủ với những phương tiện rất lớn... Trong

trường hợp bị tiến công, cơ may chiến thắng của chúng ta ra sao? Mới hai tuần lễ trước, tôi đánh giá nó là 100 phần trăm... Nhưng, trước sự xuất hiện những phương tiện mới... tôi không thể... bảo đảm chắc chắn thắng lợi... Dù sao đi nữa Điện Biên Phủ sẽ giữ vai trò "chiếc nhọt tụ độc" và sẽ cho phép tránh cuộc tổng giao chiến ở đồng bằng"1. Na-va tóm tắt những ý đồ của mình: "1. Điều hành một cuộc chiến có tính phòng ngự chiến lược (ở đồng bằng Bắc Bộ Trung Lào và bắc Trung Bộ, thượng du và Bắc Lào); 2. Ngược lại, tiến hành tiến công ở miền Nam và Trung Trung Bộ để giải phóng các tỉnh nằm giữa Cap Varella (vịnh Cam Ranh) và Tourane (Đà Nẵng) với 3 triệu dân do Việt Minh nắm giữ từ năm 1945. Cuộc tiến công đó bao giờ cũng là phần chính yếu của kế hoạch tôi đã đệ trình hồi tháng 7 với Hội đồng Quốc phòng - sẽ kéo dài từ tháng 1 tới tháng 7m2.

Đến cuối tháng 12 năm 1953, tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ đã hoàn tất theo mẫu hình Xa-lăng đặt ra ở Nà Sản, nhưng với quy mô rộng lớn hơn nhiều. Người đặt nền móng cho cả hai nơi này vẫn là Gin. Trung tâm đề kháng cuối cùng ở phía nam Mường Thanh đã xây dựng xong. Những đơn vị ưu tú nhất của đạo quân viễn chinh Pháp đều có mặt. Để tránh một cuộc giao chiến lớn như Na-va mong muốn, tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ phải đủ mạnh.

Điện Biên Phủ không hiện diện trong kế hoạch Na-va không có nghĩa nó chỉ là một việc làm mang tính ứng phó nhất thời. Na-va đã bỏ nhiều tâm lực cho quyết định này. Tình hình trên miền Bắc trong Đông Xuân 1953-1954 buộc Na-va phải có một hành động, nếu cuộc hành binh Hải Ly không diễn ra ở Điện Biên Phủ thì nó cũng phải diễn ra ở một nơi khác. Tổng tham mưu trưởng Pháp Ê-ly đã có lý khi viết: "Tôi tin chắc nếu tôi là tổng chỉ huy vào thời điểm đó, tôi sẽ không có quyết định như tướng Na-va (đưa quân lên Điện Biên Phủ), nhưng tới bây giờ tôi vẫn không thể nói sau đó tình hình Lào và Bắc Bộ sẽ ra sao3. Trước sau Điện Biên Phủ chỉ giữ một vai trò thứ yếu trong kế hoạch, nhưng vẫn là một nước có chiến lược đã được Na-va

tính trước những hệ quả một cách tỉnh táo. Công bằng mà nói, tới lúc này Na-va không đáng chê trách như nhiều người sau đó đã lên án.

Trong suốt mùa khô 1953-1954, Na-va vẫn tuyệt đối trung thành với kế hoạch chiến lược của mình.

ôi cùng dì với những đơn vị cuối cùng lên Điện Biên Phủ. Một thán gqua, khu cẩn cứ củng như vùng tự do kháy ên tỉnh. Tiểng máy ba y không ngừng rên rì trên bầu trời, những con đường số 13, số 41 p hía gần mặt trận dã thu hút phần lớn bom dạn. Chúng ta dã tung hầ u hết bộ dội chủ lực ra các chiến trường, dại bộ phận tập trung vào T ây Bắc. Cách bảo vệ khu cẩn cứ lúc này lại chính là dồn thật nhanh c ác dại doàn chủ lực của ta tới chung quanh Điện Biên Phủ.

Chiéc xe jeép, chién lqi phâm tü Chién djch Biên Gi6i, dä oc ach, düa chüng tôi qua dèo Khé di vê phía Tuyên Quang.

Mùa đông kháng chiến đầu tiên, nhân dân ta vác cuốc phá đường. Bây giờ những con đường đã được hàn gắn lại, như vết thương bắt đầu lành lên da non. Chợt nghĩ mình đã qua những thời kỳ ra mặt trận bằng những phương tiện khác nhau: Đi bộ, đi ngựa và bây giờ đã đi xe jeép.

Xe chạy giữa những đoàn người đi cùng chiều, tuôn chảy như nước. Đồng bào vui vẻ hoan hô cán bộ đi xe ô-tô ra mặt trận, nhìn thấy qua đây dấu hiệu trưởng thành của quân đội, của kháng chiến. Đuốc dân công, đèn xe thổ như sao sa trên suốt dọc đường.

Bến Bình Ca đây ứ xe vận tải, hừng hục không khí chiến dịch. Tôi nhớ tới bản mệnh lệnh viết tay cho Tiểu đoàn 42 trong ngày đầu Chiến dịch Việt Bắc, Thu Đông 1947: "Tiểu đoàn 42 sống chết với con đường Bình Ca - Thái - Nguyên", con đường dẫn tới nơi Bác Hồ ở, tại Tân Trào. Sau chiến dịch, Tiểu đoàn 42 đã được tặng danh hiệu "Tiểu đoàn Bình Ca".

Qua Phú Thọ, tôi ghé thăm Đại đoàn 304. Mùa khô này phần lớn các đại đoàn đều đánh tập trung, riêng Đại đoàn 304 sẽ phải chia ra hoạt động ở ba nơi rất xa nhau. Nhiệm vụ của bộ phận ở lại hậu phương cũng rất nặng. Tôi báo cho đơn vị biết Bộ đã quyết định điều Trung đoàn 57 hành quân gấp bằng cơ giới lên Tây Bắc và hỏi có thắc mắc gì không. Tham mưu trưởng Nam Long vui vẻ nói: "Báo cáo, không thắc mắc gì, mà còn rất phấn khởi. Đông Xuân này chỉ có Đại đoàn 304 được làm cùng lúc cả ba nhiệm vụ: Nhiệm vụ quốc tế ở Trung Lào, đánh trên chiến trường Tây Bắc, bảo vệ Trung ương ở khu căn cứ!"

Đêm hôm sau, chúng tôi qua Tạ Khoa, dừng lại bên bờ sông Đà. Chiếc xe thỉnh thoảng không chịu nổ máy, phải nhỏ người đẩy. Con đường Chiến dịch Tây Bắc đã trở thành quá quen thuộc. Nhưng cái khác lần này là mặt đường đã được mở rộng, màu đất mới đỏ tươi dưới ánh đèn pha. Sau Hội nghị Trung ương hồi đầu năm trước, để tạo điều kiện vận động bộ đội, nhân dân ta đã

khôi phục và mở rộng trên 4.000 ki-lô-mét đường, trong đó có 2.000 ki-lô-mét dành cho xe cơ giới. Chỉ nhìn con đường nằm chênh vênh bên bờ vực thẳm, thành vại cao ngất, đã thấy sức mạnh và quyết tâm của nhân dân ta đi vào trận đánh tới.

Các suối phần lớn chưa có cầu. Những người làm đường đã xếp đá thành những "cầu ngầm" cho xe qua. Loại cầu này có ưu điểm đặc biệt là không trở thành mục tiêu đánh phá của máy bay. Khi qua suối, nghe sôi, đá lục cục và nước réo dưới chân, có người nói:

- Cầu Trần Đăng Ninh đây!

Chính anh Trần Đăng Ninh đã chỉ đạo làm loại "cầu gấp" này. Điều đáng buồn là, anh Ninh đã không thể có mặt trong chiến dịch.

Dọc đường, lúc nào cũng nghe tiếng máy bay. Các đỉnh đèo đầy sương mù. Những ngọn đèn dù từ máy bay thả xuống tỏa một thứ ánh sáng xanh ma quái trên các bến phà. Tiếng bom nổ rền từ phía đường số 41 vọng về.

Chúng tôi nghĩ lại một ngày ở Bản Chẹn. Ngày hôm đó máy bay ném bom khá gần nơi trú quân.

Đường ra mặt trận hết núi lại đèo, suối rồi lại suối. Qua những khu rừng âm u rậm rạp, những sườn núi chênh vênh, lại đến những đồi tranh trơ trụi.

Tới ngã ba Cò Nòi, có câm giác như đã ở mặt trận. Đây là nơi gặp nhau của các trục đường số 13 và đường số 41 nối liền với đường số 6 từ Hà Nội lên Suối Rút. Các con đường tới đây đã biến đi dưới những hổ bom. Kể cả những đồi núi chung quanh cũng chỉ còn là một màu đất đỏ. Dân công tiếp tục san đất sửa đường cho xe qua. Công việc luôn luôn bị đứt quãng, vì máy bay tới ném bom, thả pháo sáng. Ngã ba Cò Nòi là một cửa ải tất cả những người ra trận đều phải vượt qua. Theo tài liệu của Pháp thì từ tháng 1 năm 1954, những cuộc oanh tạc các đường giao thông dẫn đến Điện Biên Phủ đã ngày càng ác liệt. Có trận dùng tới 39 máy bay ném bom B-26, năm máy bay bốn động cơ Privateer và 21 máy bay khu trục thuộc hải quân, ném hàng trăm tấn bom trên những đoạn đường bị nghi ngờ. Lần đầu tiên trong các trận oanh tạc, Mỹ đã cho Pháp sử dụng loại máy bay vận tải cõi lớn Packet C-119

(78 chỗ ngồi) để thả bom na-pan. Mỗi chiếc mang được chín thùng chứa 90 bình na-pan.

Từ Cò Nòi tới Điện Biên Phủ là đường độc đạo. Tôi bắt đầu được chứng kiến hình ảnh cả nước ra trận. Người đi như trẩy hội. Những đoàn dân công Việt Bắc, Tây Bắc, Khu 3, Khu 4 đều gặp nhau ở đây. Bộ binh, pháo binh, công binh, vận tải, văn công..., đơn vị này nối tiếp đơn vị khác, các chiến sĩ mặc áo bông mới dài tay, súng đạn, ba lô, bao gạo đầy ấp trên người, đi hàng

một nối nhau bước gấp. Bác Hồ đã nhắc Cục Quân nhu phải may đủ áo bông phát tới chiến sĩ trước khi lên đường đi chiến dịch. Nhìn dáng đi mạnh mẽ của bộ đội, có thể thấy anh em năm nay rất sung sức và công tác tổ chức hành quân của các đơn vị làm khá tốt. Ở Đại đoàn 308, đã xuất hiện phong trào "Ba tốt": Ăn tốt, ngủ tốt, đi tốt. Anh nuôi bảo đảm những bữa cơm nóng. Bộ đội mang theo dỗ xanh làm giá thay rau tươi ngay trên dọc đường. Mọi người chuẩn bị từ chiếc cọc màn, chiếc dây phơi quần áo để tới nơi là có ngay một chỗ ngủ tươm tất. Trước khi đi ngủ, từng tổ ba người khoét một hố nhỏ, lót ni-lông bên dưới rồi đổ nước ấm pha muối để cùng ngâm chân. Phong trào này đã được nhân rộng ra các đơn vị.

Các chiến sĩ qua ngã ba Cò Nòi mới biết một lần nữa chiến dịch lại mở ở vùng rừng núi. Khi vượt sông Hồng ở Yên Bái, đi trên đường số 13, họ vẫn tưởng đang thực hiện một cuộc hành quân nghi binh, tới đây sẽ ngoặt sang đường số 6 quay về đồng bằng.

Từng đoàn xe ô-tô vận tải, xe kéo pháo chậm chạp qua suối, máy rú từng hồi khi lên dốc.

Trên những chiếc cầu tre mảnh khảnh, hoặc những cầu gỗ ghép bằng thân cây của công binh mới bắc qua suối, những chị dân công đòn gánh cong vút vì gạo, đạn, cười nói vui về vượt qua. Những anh dân công xe thổ lầm lùi điều khiển chú "voi con" đi thoăn thoắt trên đường. Vận tải xe thổ đã trở thành binh chủng vận tải quan trọng thứ hai, đứng sau xe cơ giới. Những đoàn ngựa thồ của đồng bào Mông từ rẻo cao xuống, những chị dân công người Tày, người Nùng gánh, người Thái, người Dao gùi, chấm phá thêm màu sắc cho bức tranh liên hoàn dài vô tận. Lại có cả những đàn bò nghênh ngang, những chú lợn chạy lon ton, dưới sự dẫn dắt kiên nhẫn của những chiến sĩ cung cấp, cũng đi ra mặt trận.

Từ hàng ngũ các đoàn dân công bỗng chốc lại vang lên một giọng hò, khi thì trong vắt của một cô gái đồng bằng Bắc Bộ, khi thì trầm ấm của một chàng trai Khu 4. Tiếng hát, câu hò như trả lời, như vượt lên những thách thức của bom đạn mỗi lúc càng nhiều ở phía trước.

Tôi đã đi chiến dịch nhiều, nhưng chưa bao giờ chứng kiến một không khí phấn khởi, hào hùng như lần này. Nhưng đây là điều có thể hiểu được.

Tôi sinh ra và lớn lên từ một làng nghèo tỉnh Quảng Bình, thuộc dải đất thiên nhiên ít ưu đãi ở miền Trung. Gia đình không đến nỗi đói ăn, nhưng những ngày giáp hạt thường thiếu. Từ khi còn là một chú bé, những lần theo mẹ đi vay và trả thóc trước và sau vụ gật, tôi đã được thấy những hạt thóc

lép, thóc mục khi đi vay, những hạt thóc mấy phơi khô, quạt sạch khi phải trả và cách đong vơi, đong đầy của chủ nợ. Tôi sớm hiểu nỗi khổ cực của những người nông dân không có ruộng hoặc ít ruộng đất như thế nào. Năm 1937, khi còn hoạt động trong Mặt trận Dân chủ, tôi đã cùng anh Trường Chinh viết cuốn Vấn đề dân cày. Thời gian trước cách mạng hoạt động ở chiến khu, tôi càng hiểu biết về cuộc sống cơ cực của những người nông dân nghèo khổ luôn luôn sẵn sàng đi theo cách mạng. Nông dân là đội quân chủ lực của cách mạng. Suốt những năm kháng chiến, hy sinh lớn nhất đóng góp lớn nhất, chính là nông dân. Đảng ta đã sớm nghĩ tới vấn đề bồi dưỡng sức dân, mang lại những lợi ích thiết thực cho nông dân nghèo, nhưng chiến tranh gay gắt, hình thái cài răng lược giữa ta và địch, chưa cho phép làm được gì nhiều. Ta chưa đủ mạnh để thực hiện một mục tiêu quan trọng của cách mạng là đem lại ruộng đất cho dân cày. Ngày 4 tháng 12 năm 1953 theo đề nghị của Đảng ta, Quốc hội Việt Nam dân chủ cộng hòa đã ban hành Luật Ruộng đất. Sự kiện trọng đại này đã thổi một luồng sinh khí mới vào hàng ngũ những người kháng chiến, đặc biệt là cán bộ, chiến sĩ trong quân đội vốn phần lớn xuất thân từ nông dân, tạo thành khung cảnh hùng tráng cả nước ra trận hôm nay.

Đây sẽ là bất ngờ lớn nhất đối với quân địch trong mùa khô này, một sức mạnh tinh thần ghê gớm mà chắc chắn Na-va chưa đặt lên bàn cân khi so sánh lực lượng.

3

Ọc đường, tôi tiếp tục theo dõi sự chuyển quân của các đơn vị trên các mặt trận, đặc biệt chú trọng những diễn biến mới ở Điện Biên Phủ. Tôi thường xuyên thông báo tình hình mới ở các chiến trường với anh Vi Quốc Thanh. Giữa chúng tôi tiếp tục có những cuộc trao đổi ý hợp tâm đầu. Anh Vi và tôi đều thống nhất cách tốt nhất để giải quyết tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ là tiến hành tiêu diệt dần từng trung tâm để kháng.

Mối lo chính vẫn là: Liệu địch có thể đón quân từ Lai Châu về, rồi rút khỏi Tây Bắc, như đã làm ở Nà Sân? Với tính cách Na-va đã bộc lộ những cuộc hành quân biệt kích, đưa quân ra tây nam Ninh Bình, rõ ràng đây là một điều cần phải tính đến. Hải Ly có phải là một đòn đánh dứ giống như Hải Âu, nhưng cao tay hơn...?

Tại Bắc Bộ, do địch có những thay đổi lớn, mùa khô này, ta xuất quân muộn. Đã sắp hết mùa đông. Lựu pháo 105mm và cao pháo của ta, kể cả Đại

đoàn 312, đều còn trên đường hành quân! Con đường từ Tuần Giáo vào Điện Biên Phủ chỉ là đường cho xe ngựa thô. Bộ đội ta và công binh suốt thời gian qua đã ra sức mở đường, làm cầu, nhưng vẫn chưa xong. Ta còn chưa đưa được sơn pháo 75mm lên những mỏm núi cao quanh cánh đồng để kiểm soát sân bay. Những máy bay vận tải hạng nặng đã hạ cánh tại đây. Theo báo cáo, quân địch ở Điện Biên Phủ đã lên tới chín tiểu đoàn, nhưng chúng vẫn có thể rút nhanh chóng bằng một cuộc hành binh không vận. Chúng cũng có thể rút qua Lào theo đường hành lang Luông Pha Băng - Điện Biên Phủ, chỉ phải vượt qua một trung đoàn của ta chốt chặn ở Pom Lót... Quân Pháp khá giỏi trong những cuộc rút lui. Ta đã chứng kiến điều đó tại Hòa Bình và Nà Sản.

Mỗi khi phải nghỉ lại dọc đường, các chiến sĩ thông tin lại lập tức căng dây trời, hỏi tin tức Điện Biên Phủ. Một lần, cán bộ quân báo tới báo cáo ngày hôm nay, tại nhiều vị trí địch trên cánh đồng Mường Thanh, xuất hiện những đám lửa. Tôi vội hỏi:

- Chúng đốt gì? Đốt để làm gì?

Đồng chí cán bộ không thể trả lời.

Các chiến sĩ trình sát khi theo dõi địch chưa nắm được điều quan trọng ta đang rất cần biết: Địch định cố thủ ở Mường Thanh hay định rút lui? Những đám lửa làm tôi rất băn khoăn. Chúng đốt nhà dân để làm công sự hay đốt những thứ không thể đem theo trước khi rút quân?

Nếu quân địch ở Điện Biên Phủ rút lui, phần lớn các đại đoàn của ta đã đưa lên Tây Bắc đều phải nhanh chóng chuyển hướng hoạt động. Một bộ phận sẽ theo kế hoạch cũ tiến sang Lào. Chiến trường Thượng Lào chưa thể tiếp nhận một số quân đông, vì đường tiếp tế quá xa. Quân cơ động địch sẽ lại tập trung về đồng bằng. Đành rằng ta sẽ có cách khác để tạo điều kiện tiêu diệt sinh lực địch, nhưng việc thực hiện kế hoạch Đông Xuân trên chiến trường chính càng bị chậm thêm. Chẳng còn bao lâu nữa là tới mùa mưa. Đêm đêm, chỉ mong sao đi sớm tới chỗ nghỉ để nắm tình hình.

Mong môi của ta là địch sẽ ở lại Điện Biên Phủ. Anh Thái báo cáo phương án đánh Điện Biên Phủ đã được chuẩn bị, chờ tôi lên để thông qua. Đây sẽ là lần đầu bộ đội ta mở một cuộc tiến công quy mô lớn vào một tập đoàn cứ điểm với một vạn quân. Cán bộ, chiến sĩ ta đã được chuẩn bị về đánh tập đoàn cứ điểm. Đối tượng lúc đó là Nà Sản. Nhưng bây giờ là Điện Biên Phủ, có số quân đông gấp rưỡi và vũ khí, trang bị mạnh hơn nhiều lần. Trận đánh sắp tới sẽ là một thử thách lớn chưa từng có đối

với ta trong chiến tranh. Ta đã chọn chiến trường rừng núi là nơi có nhiều điều kiện thuận lợi để tiêu diệt địch. Nhưng Điện Biên Phủ không hoàn toàn là rừng núi. Ở đây có cánh

đồng lớn nhất tại Tây Bắc. Rất nhiều cứ điểm nằm trên cánh đồng. Bộ đội ta sẽ phải tiến hành nhiều trận đánh với quân cơ động có máy bay, xe tăng, đại bác yểm trợ trên địa hình bằng phẳng giống như ở đồng bằng. Nếu kẻ địch chấp nhận trận đánh ở Điện Biên Phủ, thì đây cũng là chiến trường do chúng lụa chọn... Trận đánh này ta không được phép thua. Phần lớn tinh hoa của bộ đội chủ lục trong tám năm kháng chiến đều tập trung ở đây. Những vốn liếng vô cùng quý giá, nhưng cũng thực ít ỏi! Từ năm 1950 bắt đầu mở chiến dịch lớn tới mùa xuân này, vẫn là những đơn vị ấy, những con người ấy. Tôi đã thuộc từng trung đoàn, từng tiểu đoàn, từng đại đội chủ công, biết những cán bộ đại đội, trung đội, chiến sĩ đã lập công xuất sắc. Đã thấy rõ mọi người lên đường lần này đều sẵn sàng hy sinh để giành chiến thắng. Nhưng nhiệm vụ của chiến dịch không chỉ là giành chiến thắng mà còn phải giữ được những vốn quý cho cuộc chiến lâu dài.

Tới Sơn La, chúng tôi ghé thăm một trạm xe vận tải nằm ven trục đường. Nhìn bên ngoài chỉ thấy một khu rừng. Vào sâu một chút, xe cộ đứng thành hàng dài ngang, dọc dưới lùm cây. Tôi xem đồng hồ, đã 10 giờ. Lợi dụng sương mù tan chậm, những chiếc xe vận tải phủ đầy lá ngụy trang, vẫn còn từ ngoài đường số 41 nối nhau chạy vào trạm.

Qua phô huyên Thuân Châu môt dem trang dep. Duroi anh trang, nhung trai doi gianh tro nen muot ma hon, rung cay bu xu ban ngay da chuyen thanh nhung mang mau luc sam hien tren nen troi xanh, trang diem nhung mang suong trang. Dong bao chua ngu, dung dong ven duong xem bo doi hanh quan. Day la Dai doan 312. Dai doan bao cao: Don vi hanh quan rat tot, khong ai roi rot doc duong, giu duoc bi mat, khong thiet hai gi vi may bay dich; anh em deu rat phan khai khi duoc lenh xuat quan. Tren duong ra trang, gap dem trang dep, chung toi deu cam thay vui. Giua luc do, may bay toi tha phao sang. Chung toi di khai day mot lat thi may bay toi tha bom.

Hôm sau, chúng tôi nghĩ lại bên này đèo Pha Đin, gần một suối nước nóng. Máy bay đánh phá đèo suốt ngày.

Trời tối, chúng tôi tiếp tục hành trình.

Xe lai phải dừng trước chân đèo Pha Đin. Các đồng chí công binh tới báo cáo: Trên đèo còn bom nổ chậm.

Pha Din dũng sũng sũng che kín mOt vung trOi. Deo nay dai hon ba chuc ki-lô-mét, suOt thOi gian qua bi may bay dich danh phá lien tiep. Dudi anh trang, nhin ro suOn nui trui het cay co, dat da bi xOi lOn. Roi day cuoc chien dau tren deo nay se con ac liet hon.

Máy lân hỏi, các đồng chí bảo vệ đều nói là chưa qua đèo được. Thấy còn phải đợi lâu, các chiến sĩ thông tin căng dây trời, cho điện đài chạy để nắm tình hình. Tôi bảo người đi gọi đồng chí phụ trách đơn vị công binh. Một cán

bộ vóc người tầm thước, chắc nịch, mặt đen sạm tới, tự giới thiệu là Đại đội trưởng công binh. Tôi hỏi:

- Tình hình đường sá thế nào? Có qua đèo được trong đêm nay không?

Đồng chí Đại đội trưởng đáp:

- Báo cáo Đại tướng, trên đèo vẫn còn bom nổ chậm, anh em đang tích cực đào.
- Đào có lâu không?
- Thông thường thì vài giờ, nhưng cũng có những quả nằm sâu, phải đào rất lâu.

Tôi biết người cán bộ đã hiểu rõ tầm quan trọng của việc phải sớm mở thông con đường, nên chỉ đặt tay lên vai anh, nói:

- Mặt trận của các đồng chí ở đây, các đồng chí cố gắng chiến đấu, nay mai dịch sẽ còn phá nhiều hơn.

Quá nửa đêm, đồng chí Đại đội trưởng quay lại báo cáo đường đã mở xong. Quả bom nổ chậm trên đèo vẫn chưa đào lên được. Đơn vị công binh đã quyết định đánh một con đường tránh cho chúng tôi. Riêng xe vẫn phải vượt qua vị trí có bom nổ chậm. Ngay trong lúc bộ đội đang đào bom, nhiều xe vận tải không thể chờ lâu, cứ phải chạy qua.

Về sau tôi mới biết, mở con đường mới này không đơn giản. Những ngày trước đó dịch rắc bom bướm bướm khắp nơi, biến rừng núi hai bên đường thành những bãi mìn. Cánh bom bướm bướm màu xanh, lẫn vào cổ cây, ban ngày cũng đã khó phát hiện! Các chiến sĩ công binh đã phải dùng sào gạt, dùng đá ném, làm nổ những trái bom nằm trên mặt đất. Nhưng vẫn còn những trái mắc trên cành cây. Để bảo đảm cho đường thật an toàn, anh em đã dũng cảm dùng sào khua cho những trái bom nổ ngay trên đầu!

Chúng tôi phải mất nhiều giờ mới đi hết con đường tránh, trong khi đoàn xe leo đèo vượt qua hố bom nổ chậm, đã tới chờ từ lâu.

Xe nhiều lần phải dừng lại giữa đèo vì máy bay tới. Khi xe xuống đến chân dốc, trời đã bắt đầu sáng. Trên đường vẫn còn những chiến sĩ khiêng pháo đi cùng chạy rầm rập để kịp về tới vị trí trước khi sương mù tan.

Phố huyện Tuần Giáo nằm ngay dưới chân đèo. Đây đã thuộc đất Lai Châu mới được giải phóng một tháng nay. Liên lạc chờ sẵn, đưa chúng tôi vào nghỉ ở một bản nhỏ cách xa đường cái. Ngôi nhà sàn của đồng bào Thái hai mái cao vút. Sàn tre đầu hồi có ang nước và những chậu gỗ trồng ít cây hẹ. Chủ nhà niềm nở đun nước pha trà mời khách.

Chúng tôi đã vượt qua cửa ái cuối cùng trên đường tới Điện Biên Phủ.

hợp mắt được một lúc, khi thức giác, thấy anh Hoàng Văn Thái đang ngồi hút thuốc lá, tôi hỏi:

- Anh tôi lâu chưa?
- Cũng chưa lâu. Thấy anh ngủ ngon, không muốn đánh thức.
- Liệu địch có rút khỏi Điện Biên Phủ không?
- Chắc là không. Chúng vẫn tăng quân và tiếp tục củng cố công sự.

Tôi cảm thấy mừng.

Anh Thái báo cáo Điện Biên Phủ có một cánh đồng khá rộng nhưng vẫn nằm giữa địa hình rừng núi, thuận lợi cho ta. Bộ đội đã tập kết chung quanh Mường Thanh. Lúc này, địch không thể rút lui mà không có thiệt hại. Địch ở Điện Biên Phủ hoàn toàn bị cô lập về đường bộ, giao thông, vận tải, tiếp tế đều trông vào máy bay. Lực lượng địch ở đây có chín tiểu đoàn (về sau ta mới biết vào tháng 1 năm 1954, địch đã có 11 tiểu đoàn). Chúng đã ra sức xây dựng công sự, nhưng chỉ mới làm được những công sự dã chiến. Một số mặt của tập đoàn cứ điểm còn sơ hở. Về phía bộ đội ta, các đơn vị đều sung sức, tinh thần chiến đấu lập công rất cao. Ta đã trao đổi với các đồng chí bạn cùng đi chuẩn bị chiến trường, thấy nên dùng cách đánh nhanh để tiêu diệt địch. Sự xuất hiện của pháo binh và pháo cao xạ sẽ tạo một bất ngờ lớn. "Đánh nhanh, giải quyết nhanh", bộ đội còn sung sức, sẽ đỡ tổn thất, và không phải đối phó với khó khăn về tiếp tế đạn dược, lương thực cho hàng vạn chiến sĩ và dân công trong một cuộc chiến đấu dài ngày...

Bản sơ đồ tập đoàn cứ điểm trải rộng. Lần đầu, tôi nhìn thấy những vị trí địch dày đặc đến như vậy. Từ nhiều phía, nhất là phía tây, muốn tiếp cận đều phải vượt qua

cánh đồng rộng. Riêng phía đồng tập đoàn cứ điểm là rừng núi, nhưng đã bị án ngữ bằng một loạt vị trí nằm tiếp giáp nhau trên những môm đôi.

Tôi hỏi:

- Hiện còn phải giải quyết những vấn đề gì?
- Đang sửa gấp đường Tuần Giáo - Điện Biên Phủ. Đường này trước đây chỉ là đường dùng cho ngựa thồ, và đã bỏ lâu ngày, sửa xong đường, đưa pháo vào vị trí là có thể nổ súng.
- Ý kiến các đồng chí chỉ huy đại đoàn như thế nào?
- Anh em đều thấy là nên đánh ngay khi địch chưa đứng chân vững. Bộ đội rất phấn khởi vì lần này có cả đại bác 105mm và pháo cao xạ.

Tôi thấy cần tìm hiểu thêm tình hình. Bộ đội còn mất một thời gian làm đường. Hơn 70 ki-lô-mét đường cho xe kéo pháo! Trong thời gian đó, chắc chắn địch cũng cố thêm công sự và còn có thể tăng quân. Ngay bây giờ đánh nhanh đã khó. Rồi đây hẳn càng khó.

Tôi nói với anh Thái: "Có thể tập kết pháo và cao xạ ở Tuần Giáo, nhưng phải đưa thật nhanh toàn bộ Đại đoàn 312 vào đội hình bao vây quân địch, cần giữ quân địch ở Điện Biên, không để tái diễn trường hợp Nà Sản".

Chuông bốn QUYẾT ĐỊNH KHÓ KHẨN NHẤT

uối chiêu, đi tiếp vào sở chỉ huy. Xe chạy trên con đường mới sửa, cây cối, lau lách hai bên đã phát quang, các "cua" đều mở rộng không còn những ổ trâu, ổ gà. Những suối lớn, nhỏ đều được xếp đá ngầm hoặc bắc cầu gỗ khá chắc chắn. Mặt cầu là những cây gỗ to, buộc néo với nhau bằng dây rừng. Không thể nghĩ đây lại là loại vật liệu có thể thay thế cho những chiếc đình cầu!

Đến ki-lô-mét 15 đường Tuần Giáo - Điện Biên Phủ, xe rẽ vào Thẩm Púa, nơi đặt sở chỉ huy. Vùng này có suối, thác và nhiều núi đá, thoạt nhìn giống như Quảng Uyên, Cao Bằng.

Không khí sở chỉ huy rất nhộn nhịp. Cán bộ tham mưu tấp nập chuẩn bị bản đồ, sa bàn. Tôi gặp lại các anh Lê Liêm - Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, anh Đặng Kim Giang - Phó Chủ nhiệm Tổng cục Cung cấp, những người đã đi trước một tháng.

Trong cuộc hội ý Đảng ủy Mặt trận, đúng như lời anh Thái, ý kiến chung là: Cần đánh ngay trong lúc địch chưa tăng thêm quân và cũng cố công sự, có khả năng

giành chiến thắng trong vài ngày đêm. Dự kiến với tinh thần "mở đường thắng lợi" của bộ đội và dân công như hiện nay, khoảng năm ngày nữa, có thể làm xong đường đưa pháo vào trận địa. Tôi gặp một số cán bộ tìm hiểu thêm tình hình. Ai nấy đều tỏ ra hân hoan với chủ trương "đánh nhanh, giải quyết nhanh". Mọi người cho rằng nếu không đánh sớm, địch tăng cường công sự, tập đoàn cứ điểm sẽ trở nên quá mạnh, và cũng lo chiến dịch kéo dài, sẽ khó giải quyết vấn đề tiếp tế trên tuyến đường từ hậu phương ra mặt trận quá xa, địch còn đánh phá quyết liệt hơn.

Tôi thấy cần gặp Trưởng đoàn cố vấn quân sự của bạn, hy vọng sẽ có sự đồng tình: Lựa chọn phương án "đánh nhanh, giải quyết nhanh" là quá mạo hiểm. Tôi hỏi đồng chí nghĩ gì về ý kiến của bộ phận chuẩn bị chiến trường.

Đồng chí Vi Quốc Thanh nói đã gặp đồng chí Mai Gia Sinh và những chuyên gia cùng đi với cán bộ Việt Nam. Các chuyên gia và các đồng chí Việt Nam đều nhất trí là cần đánh sớm, có nhiều khả năng giành chiến thắng.

Tôi trình bày những suy nghĩ của mình, với so sánh lực lượng giữa ta và địch trên chiến trường, không thể huy động toàn bộ sức mạnh của ta tiêu diệt tập đoàn cứ điểm trong thời gian một vài ngày. Đồng chí Vi cân nhắc rồi nói: "Nếu không đánh sớm, nay mai địch tăng thêm quân và cũng cố công sự thì cuối cùng, sẽ không còn điều kiện công kích quân địch".

Tôi vẫn cho rằng đánh nhanh không thể giành thắng lợi, nhưng chưa có đủ cơ sở thực tế để bác bỏ phương án các đồng chí đi trước đã lựa chọn. Cũng không còn thời gian báo cáo xin ý kiến Bộ Chính trị, tôi đồng ý triệu tập hội nghị triển khai kế hoạch chiến đấu.

Tôi nói với đồng chí Nguyễn Văn Hiếu - Chánh văn phòng của Bộ, sự cân nhắc của mình, dặn theo dõi tình hình, nghiên cứu, suy nghĩ thêm và chỉ được trao đổi riêng với tôi về vấn đề này. Tôi chỉ thị cho đồng chí Cao Pha - Phó Cục trưởng Cục 2, điều tra thật cẩn thận những vị trí trên cánh đồng hướng tây, nơi được coi là sơ hở, ta sẽ dùng mũi thọc sâu đánh vào, và yêu cầu phải báo cáo hằng ngày những hiện tượng như tăng quân, cũng cố công sự của địch.

Ngày 14 tháng 1 năm 1954, mệnh lệnh chiến đấu được phổ biến trên một sa bàn lớn tại hang Thẩm Púa. Cán bộ cao cấp, trung cấp các đại đoàn tham gia chiến đấu đều có mặt. Những tư lệnh, chính ủy đại đoàn: Vương Thừa Vũ, Lê Trọng Tấn, Lê Quảng Ba, Đào Văn Trường, Nam Long, Quang Trung, Cao Văn Khánh, Chu Huy Mân, Phạm Ngọc Mậu... và nhiều cán bộ trung đoàn, tiểu đoàn đã cùng chiến đấu qua rất nhiều chiến dịch.

Nhiệm vụ thọc sâu được giao cho Đại đoàn 308, đại đoàn chủ lực đầu tiên của Bộ. Đại đoàn 308 sẽ đánh vào tập đoàn cứ điểm từ hướng tây, xuyên qua những vị trí nằm trên cánh đồng, thọc thẳng tới sở chỉ huy của Đô Cát. Các đại đoàn 312, 316 nhận nhiệm vụ đột kích vào hướng đồng, nơi có những điểm cao trọng yếu. Dự kiến trận đánh sẽ diễn ra trong hai ngày, ba đêm. Trước mắt, tập trung toàn bộ lực lượng bộ đội hoàn thành đường kéo pháo và đưa pháo vào trận địa dã chiến. Nghe thông báo số lượng pháo 105mm sử dụng trong trận này, nhiều người trầm trồ.

Khi phổ biến quyết tâm chiến đấu, để chuẩn bị phần nào tư tưởng cho cán bộ, tôi nói: "Hiện nay, địch chưa có triệu chứng thay đổi lớn. Chúng ta cần ra sức nắm vững địch tình, để một khi địch có thay đổi thì kịp thời xử trí".

Trước mỗi trận đánh, tôi thường khuyến khích cán bộ nói hết khó khăn, để cùng bàn cách khắc phục. Nhưng lần này, các đơn vị đều hăng hái nhận

nhiệm vụ. Chỉ có những người hôi cho rõ hơn, không một ai thắc mắc gì. Sau này, tôi mới biết có những đồng chí chỉ huy cảm thấy nhiệm vụ quá nặng, lo phải đột phá liên tiếp, trận đánh kéo dài, không giải quyết được thương binh và tiếp tế đạn dược. Nhưng trước không khí hào hùng trao nhiệm vụ, không ai dám nói những băn khoăn của mình.

Một số nhà văn, nhà báo những nước anh em cũng theo bộ đội đi chiến dịch. Vì thời gian chuẩn bị kéo dài, đã tới lúc họ phải trở về nước. Một buổi tối, anh Lê Liêm đề nghị tôi gặp bạn trước khi ra về.

Cơ quan chính trị căng một chiếc dù hoa chiến lợi phẩm bên dòng suối lấp lánh ánh trăng làm nơi tiếp khách.

Nhà văn Ba Lan nói:

- Thiên nhiên của các đồng chí đẹp quá! Khung cảnh thật là thanh bình.

Lúc này không có tiếng đại bác. Dưới ánh trăng, những mồm núi đá nhấp nhô, mờ ảo.

Tôi nói:

- Tôi cũng thấy phong cảnh ở đây rất đẹp. Tôi không phải nhà thơ nhưng cảm thấy cảnh này thật nên thơ. Chúng tôi lại sắp chiến đấu chính là để cho khắp đất nước đêm nào cũng đẹp như đêm nay.

Đồng chí nhà báo Tiệp Khắc nhận xét:

- Quân đội của các đồng chí thật lạ! Tôi không thấy có sự cách biệt nào giữa vị tướng với người lính.

Rồi anh kể lại, sáng hôm nay khi lội dọc suối vào sở chỉ huy, đã nhìn thấy đồng chí Phó Tổng tham mưu trưởng nhường ngựa cho một chiến sĩ đau chân, xách giày trong tay, cùng lội suối với mọi người.

- Quân đội chúng tôi như vậy. Quan hệ giữa chúng tôi trước hết là quan hệ giữa những người đồng chí, những người bạn chiến đấu.

Cuối buổi gặp, đồng chí nhà văn Ba Lan hỏi bằng một giọng vừa lưu luyến vừa băn khoăn:

- Các đồng chí sắp đi chiến đấu, còn chúng tôi thì sắp lên đường trở về nước. Tôi muốn đề nghị đồng chí Tổng Tư lệnh cho biết, sau đây chúng tôi sẽ nhận được tin gì về Điện Biên Phủ?

Tôi trả lời:

- Hoặc là các đồng chí sẽ không nhận được tin tức gì về Điện Biên Phủ nhưng sẽ được tin chiến thắng của chúng tôi trên nhiều chiến trường khác. Hoặc là các đồng chí sẽ được tin chiến thắng ở Điện Biên Phủ, khi đó sẽ là một chiến thắng rất to.

Ở chỉ huy chiến dịch từ ki-lô-mét 15 chuyển vào một khu rừng ngang ki-lô-mét 62 gần bản Nà Tấu.

Các đồng chí trong Bộ chỉ huy và Đảng ủy Mặt trận chia nhau đi kiểm tra và đôn đốc chuẩn bị chiến đấu. Với quyết định đánh nhanh, vấn đề là thời gian. Chậm một ngày tập đoàn cứ điểm lại rắn thêm và địch có thể tăng quân.

Khó khăn lớn lúc này là đưa được pháo vào trận địa. Khi tất cả các khẩu pháo ở yên trong vị trí và sẵn sàng nhà đạn, trận đánh mới có thể bắt đầu. Chúng ta quyết định dành cho kẻ địch 2.000 trái pháo 105mm trong trận mở màn. Khi nghe phổ biến điều này, cán bộ hết sức phấn khởi, coi như sẽ có một tiếng sét giáng xuống đầu quân địch!

Hơn bốn chục vị trí nằm trong ba phân khu của tập đoàn cứ điểm, cũng như các trận địa pháo, đã xuất hiện đầy đủ trên sơ đồ vẽ tay của cơ quan tham mưu chiến dịch. Chúng ta chỉ mới kiếm được loại bản đồ cũ tỷ lệ 1/100.000, thiếu rất nhiều chi tiết.

Trong một tháng "Mở đường thắng lợi", bộ đội ta và thanh niên xung phong đã làm nên một việc thần kỳ. Con đường Tuần Giáo - Điện Biên Phủ, dài 82 ki-lô-mét, trước đây chỉ rộng một mét, đã được mở rộng và sửa sang cho xe kéo pháo vào cách Điện Biên Phủ 15 ki-lô-mét. Từ đây, các khẩu pháo sẽ được kéo bằng tay vào những trận địa trên quãng đường dài 15 ki-lô-mét. Đường kéo pháo rộng ba mét, chạy từ

cửa rừng Nà Nham, qua đỉnh Pha Sông cao 1.150 mét, xuống Bản Tấu, đường Điện Biên Phủ - Lai Châu, tới Bản Nghìu, mở mới hoàn toàn. Để bảo đảm bí mật, nó phải được ngụy trang toàn bộ, không cho máy bay trình sát phát hiện. Thời gian làm đường dự kiến trong một ngày, một đêm. Ta đã rải bộ đội suốt dọc đường, làm xong trong 20 giờ! Việc tiếp theo là đưa lựu pháo và cao xạ pháo vào vị trí bắn. Nhiệm vụ được trao cho Đại đoàn 351 và Đại đoàn 312, dự kiến hoàn thành trong ba đêm.

Bộ chỉ huy chiến dịch quyết định thành lập bộ chỉ huy kéo pháo, do đồng chí Lê Trọng Tấn, Tư lệnh Đại đoàn 312 làm Chỉ huy trưởng, đồng chí Phạm Ngọc Mậu - Chính ủy Đại đoàn 351 làm Chính ủy, đồng thời cử đồng chí Đỗ Đức Kiên - Trưởng ban Tác chiến chiến dịch và một số cán bộ tham mưu xuống cùng bàn kế hoạch và kiểm tra đòn đốc.

Khi đi thăm đường kéo pháo, tôi cảm thấy băn khoăn. Con đường kéo pháo khá dài, nằm trên địa hình hiểm trở, nhiều dốc cao, vực sâu. Tôi thấy rất khó đưa pháo vào trận địa đúng thời gian dự kiến. Và việc tiếp đạn khi chiến đấu sẽ rất khó khăn.

Sau bây đêm, pháo vẫn chưa tới vị trí quy định. Thời gian nổ súng dự định ngày 20 tháng 1 năm 1954, phải lui lại năm ngày. Chúng ta chưa lường hết trở ngại khi dùng sức người kéo những khối thép nặng hai tấn qua những dốc cao 30, 40 độ, có chỗ lên tới 60 độ, lại bị máy bay và pháo địch cản trở. Trong những ngày qua, có những cán bộ, chiến sĩ đã hy sinh để cứu pháo khỏi lăn xuống vực sâu. Trước đó, xe chỉ chuyển pháo tới của rừng Nà Nham, đề phòng vào gần hơn địch phát hiện tiếng động cơ. Bộ chỉ huy chiến dịch buộc phải có một quyết định mới: Cho Đại đoàn 351 dùng xe ô-tô đưa pháo vào khu vực Nà Ten, Nà Hy để giảm khoảng ba đêm kéo pháo bằng tay.

Từ Hội nghị Thẩm Púa tới khi đưa pháo vào trận địa đối với tôi là một thời gian rất dài. Nhiều đêm thao thức. Suy tính, cân nhắc rất nhiều lần, vẫn chỉ tìm thấy rất ít yếu tố thắng lợi. Tôi căn dặn các phái viên đi nắm tình hình, thấy bất cứ điều gì đáng chú ý đều phải báo cáo kịp thời. Mọi người đều phản ánh tinh thần chuẩn bị chiến đấu rất cao của cán bộ, chiến sĩ. Đại đoàn trưởng Đại đoàn 312 Lê Trọng Tấn nói với tôi trong quá trình chiến đấu, sẽ phải đột phá liên tục ba lần mới vào được tung thâm. Nhưng đây chỉ là sự tính toán công việc phải làm. Đại đoàn trưởng Đại đoàn 308 Vương Thừa Vũ, đảm nhiệm mũi thọc sâu, hoàn toàn giữ im lặng. Sang ngày thứ chín, hai ngày trước khi nổ súng, đồng chí Phạm Kiệt - Phó Cục trưởng Cục Bảo vệ theo dõi việc kéo pháo ở phía tây, đề nghị gặp tôi qua điện thoại. Anh Kiệt nhận xét: "Pháo của ta đều đặt trên trận địa dã chiến, địa hình rất trống trải, nếu bị phản pháo, hoặc máy bay đánh phá sẽ khó tránh tổn thất. Một số pháo vẫn

chưa kéo được tới trận địa". Đây là người đầu tiên và cũng là duy nhất phát hiện khó khăn.

Theo quy định, đồng chí Cao Pha - Phó Cục trưởng Cục 2, phản ánh tình hình địch với chỉ huy trưởng chiến dịch hằng ngày, khi có những hiện tượng đột xuất như địch tăng quân, rút quân thì phải báo cáo ngay. Tin tức thu được từ ba nguồn: Các đơn vị đang bao vây, trình sát của Bộ, tin của địch thu qua vô tuyến điện. Tôi được biết ở Mường Thanh, quân địch đã có thêm nhiều xe tăng và trên bốn chục khẩu pháo 105 và 155mm. Ở nhiều cứ điểm, địch đã xây dựng công sự kiên cố. Tôi đặc biệt chú ý hệ thống công sự phụ, những hàng rào dây thép gai và bãi mìn địch không ngừng mở rộng mỗi ngày, có nơi đã rộng tới hơn 100 mét, thậm chí 200 mét. Ngày 24, Cục 2 báo cáo, trong ngày địch vừa tăng cường cho Điện Biên Phủ thêm một tiểu đoàn, đưa lực lượng lên tới 10 tiểu đoàn (thực tế lúc đó địch đã có 12 tiểu đoàn). Những cứ điểm phía tây, nơi mũi chính Đại đoàn 308 sẽ đột phá, tuy không mạnh như một số cao điểm, nhưng nằm trên cánh đồng trống, bộ đội không có địa hình ấn náu, địch dễ sử dụng xe tăng,

pháo binh, máy bay và lục lượng phản kích đối phó. Đồng chí Hiếu nhận xét: "Công tác tư tưởng mới nhắc nhiều tôi quyết tâm mà ít bàn cách khắc phục những khó khăn trong trận đánh". Gần ngày nổ súng, cơ quan tác chiến báo cáo: Trung đoàn trưởng Hoàng Cầm ở Đại đoàn 312, đề nghị trả lại bớt pháo, vì được trao quá nhiều pháo! Đây là hiện tượng cần chú ý. Chưa bao giờ một đơn vị đột kích lại từ chối pháo phối thuộc!

Tôi cảm thấy sốt ruột vì các chiến trường phối hợp chưa nổ súng. Nếu mặt trận chính nổ súng trước trong khi quân cơ động địch còn chưa phân tán nhiều, Na-va có thể tập trung lực lượng đối phó ở Điện Biên Phủ! Như vậy sẽ khó khăn cho việc thực hiện ý đồ chiến lược của ta. Tôi đặc biệt băn khoăn về Liên khu 5, lo anh Nguyễn Chánh không thuyết phục được Liên khu ủy đưa phần lớn chủ lực lên Tây Nguyên. Việc mở Mặt trận Tây Nguyên không chỉ là hoạt động phối hợp với mặt trận chính, mà còn nhằm bảo vệ bốn tỉnh tự do Liên khu 5. Ngày 21 tháng 1 năm 1954, tôi được tin Na-va đã tung khoảng 15 tiểu đoàn mở cuộc tiến công vào nam Phú Yên. Na-va tiếp tục phân tán quân cơ động là điều có lợi cho ta. Nhưng không biết Liên khu 5 đối phó thế nào?

Ngày 22, Cục trưởng Cục Tác chiến Trần Văn Quang báo cáo: Liên khu 5 điện ra tiếp tục tiến hành kế hoạch đã định, chỉ để lại lực lượng vũ trang địa phương đối phó với cuộc tiến công tại vùng ven biển và đồng bằng, đại bộ phận chủ lực đã bắt đầu tiến lên Tây Nguyên. Trên đất bạn, mũi thọc sâu của Tiểu đoàn 436 đã tiến xuống Hạ Lào, đang tích cực chuẩn bị nổ súng sớm.

Nếu Tây Nguyên, Hạ Lào kịp thời đánh địch lúc này thì sẽ rất có lợi cho tình hình.

Sau nhiều ngày đêm chật vật, những khẩu pháo mới xích tới gần trận địa dã chiến. Thời gian nổ súng được quyết định là 17 giờ ngày 25 tháng 1 năm 1954. Gần ngày N., một chiến sĩ của Đại đoàn 312 không may bị địch bắt. Bộ phận thông tin kỹ thuật của ta nghe địch thông báo cho nhau qua điện đài về ngày giờ tiến công của bộ đội ta. Diễn biến đầu tiên ngoài dự kiến. Bộ chỉ huy chiến dịch quyết định hoãn thời gian nổ súng 24 tiếng. Và phân công cán bộ đi nắm lại tình hình sẵn sàng chiến đấu của các đơn vị. Những tài liệu của phương Tây sau này cho biết địch nắm được thời gian nổ súng của ta là do thu được một số bức điện của cơ quan cung cấp mặt trận.

Tôi cảm thấy như cả tháng đã trôi qua. Nhưng tính lại từ khi trao nhiệm vụ chiến đấu tới đó, chỉ mới có mười một ngày. Mỗi ngày, tôi càng nhận thấy rõ là không thể đánh nhanh được. Lời Bác Hồ dặn trước lúc lên đường và

nghị quyết Trung ương hồi đầu năm lại vãng vẳng bên tai: "Chỉ được thắng không được bại, vì bại thì hết vốn"!

Đêm 25 tháng 1 năm 1954, tôi không sao chợp mắt, đầu đau nhức. Đồng chí Thùy - Y sĩ, buộc trên trán tôi một năm ngài cứu.

Tôi đã hiểu vì sao mọi người đều lựa chọn phương án đánh nhanh. Vấn đề tiếp tế khó khăn chỉ là một lý do. Chúng ta không phải hoàn toàn không có cách khắc phục khó khăn này. Lý do chính là e thời gian chuẩn bị kéo dài địch sẽ tăng thêm quân, tập đoàn cứ điểm ngày càng mạnh, sẽ làm ta mất cơ hội tiêu diệt địch! Nhiều người cho rằng sự xuất hiện lần đầu của lựu pháo và cao xạ sẽ làm quân địch choáng váng. Nhưng chúng ta chỉ có vài nghìn viên đạn. Đặc biệt, mọi người đều tin vào khí thế của bộ đội khi xuất quân, tin vào sức mạnh tinh thần. Nhưng sức mạnh tinh thần cũng có những giới hạn. Không phải chỉ với sức mạnh tinh thần cao mà lúc nào cũng chiến thắng quân địch! Chúng ta cũng không thể giành chiến thắng với bất kể giá nào, vì phải giữ gìn vốn liếng cho cuộc chiến đấu lâu dài.

Khi nghe anh Thái nói lần đầu ở Tuần Giáo về khả năng "đánh nhanh, giải quyết nhanh", tôi đã cảm thấy làm như vậy là mạo hiểm. Từ đó đến nay, tình hình địch đã thay đổi nhiều. Chúng đã củng cố công sự phòng ngự, không còn là trận địa dã chiến. Bộ đội sẽ phải tiến hành một trận công kiên vào một tập đoàn cứ điểm phòng ngự vững chắc chưa từng có.

Ba khó khăn hiện lên rất rõ.

Thứ nhất, bộ đội chủ lực ta đến nay chỉ tiêu diệt cao nhất là tiểu đoàn địch tăng cường, có công sự vững chắc ở Nghĩa Lộ. Ở Nà Sản, chúng ta mới đánh vào vị trí tiểu đoàn, dưới tiểu đoàn, công sự dã chiến nằm trong tập đoàn cứ điểm, vẫn có những trận không thành công, bộ đội thương vong nhiều.

Thứ hai, trận này tuy ta không có máy bay, xe tăng, nhưng đánh hiệp đồng binh chủng bộ binh, pháo binh với quy mô lớn lần đầu, mà lại chưa qua diễn tập. Vừa qua, có Trung đoàn trưởng xin trả pháo vì không biết phối hợp thế nào!

Thứ ba, bộ đội ta từ trước tới nay mới chỉ quen tác chiến ban đêm, ở những địa hình dễ ấn náu. Chủ lực ta chưa có kinh nghiệm công kiên ban ngày trên trận địa bằng phẳng, với một kẻ địch có ưu thế về máy bay, pháo binh và xe tăng. Trận đánh sẽ diễn ra trên một cánh đồng dài 15 ki-lô-mét và rộng 6-7 ki-lô-mét...

Tất cả mọi khó khăn đó đều chưa được bàn bạc kỹ và tìm cách khắc phục.

Nhưng giải quyết ra sao? Pháo binh đã vào vị trí, các đại đoàn đều có mặt ở tuyến xuất phát xung phong. Quyết định hoãn trận đánh một lần nữa sẽ tác động tới tinh thần bộ đội như thế nào...?

Tôi nhận thấy phải cho các đơn vị rút khỏi trận địa để nghiên cứu một cách đánh khác dù bộ đội có thắc mắc. Phải chuyển từ phương án "đánh nhanh, giải quyết nhanh" sang "đánh chắc tiến chắc". Thời gian chuẩn bị sẽ kéo dài. Ngoài công tác chuẩn bị đánh địch ở Điện Biên Phủ, bộ đội ta cần có những hoạt động tạo nên bất ngờ mới cho địch. Tôi nghĩ trước mắt sẽ điều ngay một cánh quân sang Thượng Lào thu hút quân địch về hướng này, có thể quét sạch hành lang Điện Biên Phủ - Luông Pha Băng chúng mới lập ở lưu vực sông Nậm Hu. Và cần nhắc Liên khu 5 triển khai nhanh chiến dịch ở Tây Nguyên...

Phải họp ngay Đảng ủy Mặt trận... Suốt đêm tôi chỉ mong trời chóng sáng.

3

áng ngày 26 tháng 1 năm 1954, Văn phòng thông báo cuộc họp Đảng ủy Mặt trận.

Trước cuộc họp, tôi bảo đồng chí Hoàng Minh Phương - Trưởng đoàn phiên dịch của Bộ, chuẩn bị cho tôi gặp ngay đồng chí Trưởng đoàn cố vấn quân sự.

Đồng chí Vi Quốc Thanh ngạc nhiên nhìn nắm ngải cứu trên trán tôi. Đồng chí ân cần hỏi thăm sức khỏe, rồi nói:

- Trận đánh sắp bắt đầu. Đề nghị Võ Tống cho biết tình hình tới lúc này ra sao?

Tôi đáp:

- Đó cũng là vấn đề tôi muốn trao đổi với đồng chí Trưởng đoàn. Qua theo dõi tình hình, tôi cho rằng địch không còn trong trạng thái lâm thời phòng ngự, mà đã trở thành một tập đoàn cứ điểm phòng ngự kiên cố. Vì vậy không thể đánh theo kế hoạch đã định...

Tôi nói tiếp ba khó khăn lớn của bộ đội, rồi kết luận:

- Nếu đánh là thất bại.
- Vậy nên xử trí thế nào?
- Ý định của tôi là ra lệnh hoãn cuộc tiến công ngay chiều hôm nay, thu quân về vị trí tập kết, chuẩn bị lại theo phương châm "đánh chắc tiến chắc".

Sau giày lát suy nghĩ, đồng chí Vi nói:

- Tôi đồng ý với Võ Tống. Tôi sẽ làm công tác tư tưởng với các đồng chí trong đoàn cố vấn.
- Thời gian gấp. Tôi cần họp Đảng ủy để quyết định. Và đã có dự kiến cho Đại đoàn 308 tiến về phía Luông Pha Băng, bộc lộ lực lượng chừng nào, kéo quân địch về hướng đó, không để chúng gây khó khăn khi quân ta kéo pháo ra...

Cuộc trao đổi giữa tôi với đồng chí Vi diễn ra khoảng hơn nữa giờ. Tôi nghĩ đồng chí Vi sẽ không dễ dàng thuyết phục các chuyên gia đã cho rằng chỉ có "đánh nhanh, giải quyết nhanh" mới giành thắng lợi.

Sau này tôi mới biết, bộ phận chuẩn bị đi chiến dịch đã dừng lại ở Nà Sản nghiên cứu địa hình, tìm hiểu vì sao những trận đánh mùa đông năm trước vào ngoại vi của tập đoàn cứ điểm không thành công. Có ý kiến: Vì ta chỉ đánh vào từng cứ điểm nên dịch tập trung toàn bộ hỏa lực pháo, máy bay, lực lượng phân kích, phát huy sức mạnh của cả tập đoàn cứ điểm vào từng nơi để ngăn chặn. Do đó, cách tốt nhất là lợi dụng khi dịch mới tới chưa kịp cũng cố công sự, tập trung toàn bộ binh lực, hỏa lực từ nhiều hướng thọc sâu vào khu trung tâm phòng ngự làm phân tán sự đối phó của dịch, kết hợp từ trong đánh ra, ngoài đánh vào tiêu diệt tập đoàn cứ điểm trong hai, ba ngày đêm liên tục chiến đấu. Bạn gọi đây là "Oa tâm tạng chiến thuật" (chiến thuật thọc vào tim). Đoàn cán bộ đi chuẩn bị chiến trường đều đồng tình. Đồng chí Vi Quốc Thanh lên sau, nghe các cố vấn báo cáo, thấy chủ trương "đánh nhanh, giải quyết nhanh" là hợp lý. Nhưng khi biết tình hình dịch đã thay đổi, người trực tiếp chỉ huy trận đánh không chấp nhận phương án đã lựa chọn, thời giờ lúc này không còn nhiều, đồng chí Vi đã nhanh chóng chuyển ý kiến.

Khi tôi quay về sở chí huy, các đồng chí trong Đảng ủy đã có mặt đông đủ.

Tôi trình bày những suy nghĩ đã có từ lâu chung quanh cách đánh tập đoàn cứ điểm, những thay đổi quan trọng về phía địch từ sau Hội nghị Thẩm Púa tới nay, ta vẫn giữ vững quyết tâm tiêu diệt địch ở Điện Biên Phủ nhưng phải thay đổi cách đánh.

Mọi người im lặng một lúc.

Anh Lê Liêm - Chủ nhiệm Chính trị, phát biểu:

- Đã động viên sâu rộng bộ đội về nhiệm vụ rồi, anh em đều rất tin tưởng quyết tâm chiến đấu rất cao. Giờ nếu thay đổi thì giải thích cho bộ đội làm sao?

Anh Đặng Kim Giang - Chủ nhiệm Cung cấp, nói:

- Tôi thấy cứ giữ vững quyết tâm. Hậu cần chuẩn bị tới bây giờ đã khó khăn. Nếu không đánh ngay, sau này lại càng không đánh được!

Tôi nói:

- Tình thần bộ đội là rất quan trọng, nhưng quyết tâm phải có cơ sở... Hậu cần là điều kiện tiên quyết, nhưng cuối cùng, quyết định là phải có cách đánh đúng.

Đồng chí Hoàng Văn Thái nói:

- Anh Văn cân nhắc cũng phải... Nhưng lần này ta có ưu thế về bình lực, pháo 105mm và pháo cao xạ xuất hiện lần đầu sẽ tạo bất ngờ lớn, lại có kinh nghiệm của bạn, tôi thấy nếu đánh vẫn có khả năng giành thắng lợi.

Trao đổi một hồi chưa đi tôi kết luận, cuộc họp tạm dừng một lát.

Khi cuộc họp tiếp tục, tôi nói:

- Tình hình khẩn trương, cần sớm có quyết định. Vô luận tình hình nào, chúng ta vẫn phải nắm nguyên tắc cao nhất là: Đánh chắc thắng. Trước khi tôi ra đi, Bác Hồ trao nhiệm vụ: "Trận này rất quan trọng, phải đánh cho thắng. Chắc thắng mới đánh, không chắc thắng không đánh". Với tinh thần trách nhiệm trước Bác và Bộ Chính trị, tôi đề nghị các đồng chí trả lời câu hỏi: "Nếu đánh có chắc thắng trăm phần trăm không?".

Anh Lê Liêm nói:

- Anh Văn nêu câu hỏi thật khó trả lời. Ai dám bảo là sẽ chắc thắng trăm phần trăm!

Anh Đặng Kim Giang nói tiếp:

- Làm sao dám bảo đảm như vậy?
- Tôi nghĩ với trận này, ta phải bảo đảm chắc thắng trăm phần trăm.

Bấy giờ anh Hoàng Văn Thái mới nói:

- Nếu yêu cầu chắc thắng trăm phần trăm thì khó...

Lát sau, Đảng ủy đi tới nhất trí là trận đánh có thể gặp nhiều khó khăn mà ta chưa có biện pháp cụ thể để khắc phục.

Tôi kết luận:

- Để bảo đảm nguyên tắc cao nhất là "đánh chắc thắng", cần chuyển phương châm tiêu diệt địch từ "đánh nhanh, giải quyết nhanh" sang "đánh chắc tiến chắc". Nay quyết định hoãn cuộc tiến công. Ra lệnh cho bộ đội trên toàn tuyến lui về địa điểm tập kết, và kéo pháo ra. Công tác chính trị bảo

đảm triệt để chấp hành mệnh lệnh lui quân như mệnh lệnh chiến đấu. Hậu cần chuyển sang chuẩn bị theo phương châm mới.

Sau đó, tôi phân công cho anh Hoàng Văn Thái ra lệnh cho các đơn vị bộ binh, tôi ra lệnh cho pháo binh và trao nhiệm vụ mới cho Đại đoàn 308.

Tôi gọi điện thoại cho pháo binh:

- Tình hình địch đã thay đổi. Quyết tâm tiêu diệt Trần Đình (bí danh của Điện Biên Phủ trong chiến dịch) vẫn giữ vững. Nay thay đổi cách đánh. Vì vậy, ra lệnh cho các đồng chí từ 17 giờ hôm nay, kéo pháo ra khỏi trận địa lui về địa điểm tập kết, chuẩn bị lại. Triệt để chấp hành mệnh lệnh! Không giải thích.

Đầu dây đằng kia, tiếng đồng chí Phạm Ngọc Mậu - Chính ủy Pháo binh, đáp:

- Rõ! Xin triệt để chấp hành mệnh lệnh.

14 giờ 30 phút, mới có liên lạc điện thoại với anh Vương Thừa Vũ - Tư lệnh Đại đoàn 308.

- Chú ý nhận lệnh: Tình hình thay đổi. Đại đoàn các đồng chí có nhiệm vụ hướng về Luông Pha Băng tiến quân. Dọc đường, gặp địch tùy điều kiện cụ thể mà tiêu diệt. Giữ vững lực lượng, có lệnh trở về ngay. Giữ liên lạc vô tuyến điện. Khi được hỏi, mới trả lời.
- Rõ! - Anh Vũ đáp.
- Triệt để chấp hành mệnh lệnh!

- Xin chỉ thị về sử dụng binh lực như thế nào?
- Toàn quyền quyết định, từ một tiểu đoàn đến toàn đại đoàn. Hậu cần tự giải quyết. Đúng 4 giờ chiều nay, xuất phát!
- Xin triệt để chấp hành mệnh lệnh.

Đồng thời, tôi chỉ thị cho một bộ phận nhỏ, mang theo một đài vô tuyến điện, đi về phía Mộc Châu, mỗi ngày ba lần đánh điện báo cáo: "Đại đoàn 308 đã về tới...". Điện mật, xen đôi tiếng không dùng mật mã. Vì có những bức điện này, lúc đầu, địch tưởng Đại đoàn 308 đang quay về đồng bằng.

Tình hình lúc này không cho phép dùng điện đài báo cáo với Trung ương, ngay tối hôm đó tôi viết thư hỏa tốc đề nghị với Bộ Chính trị và Bác cho chuyển sang phương châm "Đánh chắc tiến chắc" quyết giành thắng lợi, nhưng chiến dịch sẽ phải kéo dài, cần khắc phục những khó khăn lớn về hậu cần. Đồng chí Nguyễn Công Dinh - một cán bộ tác chiến, được lệnh dùng chiếc xe jeép duy nhất của cơ quan tham mưu, mang thư đi gấp suốt ngày đêm về khu căn cứ.

Trong ngày hôm đó, tôi đã thực hiện được một quyết định khó khăn nhất trong cuộc đời chỉ huy của mình.

Chỉ mười năm sau, nhân dịp kỷ niệm chiến thắng Điện Biên Phủ, một số đồng chí phụ trách các đại đoàn mới nói thực với tôi ý nghĩ của mình. Chính ủy Đại đoàn công pháo Phạm Ngọc Mậu nói: "Khi có lệnh kéo pháo ra, đúng là: "Được lời như cởi tấm lòng!". Đại đoàn trưởng Đại đoàn 312 Lê Trọng Tấn nói: "Nếu không có quyết định chuyển phương châm ngày đó thì phần lớn chúng tôi sẽ không có mặt trong kháng chiến chống Mỹ". Riêng Đại đoàn trưởng Vương Thừa Vũ nói: "Ở Thẩm Púa, khi nghe phổ biến pháo binh của ta sẽ bắn hai nghìn viên pháo 105mm, ai cũng trầm trỗ, cho rằng quân địch sẽ tan nát. Nhưng tôi hoàn toàn không tin như vậy! Ở Tu Vũ, địch đã bắn năm nghìn quả pháo mà đốn vẫn bị Trung đoàn 88 tiêu diệt. Hai nghìn quả pháo với một tập đoàn cứ điểm rộng nhiều ki-lô-mét vuông như Điện Biên Phủ có là bao! Tôi nghĩ nếu lần đó cứ "đánh nhanh, giải quyết nhanh" thì cuộc kháng chiến có thể lui lại mười năm!".

Thật là một bài học sâu sắc về dân chủ nội bộ!

Chương năm MƯỜNG PHẢNG

gày 31 tháng 1 năm 1954, sở chỉ huy chiến dịch chuyển từ Nà Tấu vào Mường Phăng, rặng núi cao nằm ở phía đông cánh đồng Mường Thanh, sở chỉ huy đóng tại Mường Phăng cho tới kết thúc chiến dịch. Những cuộc họp có tính quyết định trong quá trình tiến công tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ đều diễn ra ở đây.

Mặc dù mọi người còn những băn khoăn, suy nghĩ khác nhau, nhưng mệnh lệnh lui quân đã được triệt để chấp hành, biểu thị một niềm tin, một tinh thần kỷ luật tuyệt vời.

Công việc kéo pháo vào đã vất vả, nhưng đưa pháo ra còn gian nan hơn.

Cuộc tiến công chiều ngày 25 tháng 1 năm 1954 không diễn ra khiến địch chăm chú theo dõi và có lẽ đã phát hiện ta đang chuyển pháo khỏi trận địa. Chúng không bỏ lỡ thời cơ loại trừ một hiểm họa luôn luôn ám ảnh từ khi chấp nhận trận đánh ở Điện Biên Phủ. Máy bay trình sát săm soi tìm mục tiêu cho những chiếc khu trục lao xuống trút bom phá, bom na-pan. Đại bác địch bắn phá ngày đêm những nơi chúng nghi ngờ. Những đỉnh đèo, khu rừng nham nhỏ hố bom, hố đại bác, cây cối đổ gãy, xơ xác như vừa trải qua một cơn lốc xoáy. Các chiến sĩ xông vào giữa đám cháy chiến đấu với lửa không để lan tới nơi đặt pháo. Ở những đoạn đường trống, việc chuyển pháo phải tiến hành ban đêm. Bất thần xuất hiện những ánh chớp giật, tiếp theo là tiếng nổ ầm ầm, mảnh đạn cháy bỏng chém gãy những cành cây, cắm vào vách núi. Chính trị viên hô to: "Các đồng chí! Quyết không rời pháo!". Các chiến sĩ gan dạ bám chặt dây kéo, chân như đóng xuống đất, nghiến răng ghim pháo. Bài "Quốc tế ca" trầm hùng vang lên như tiếp thêm một sức mạnh nhiệm màu giúp họ vượt qua giờ phút hiểm nghèo.

Lại thêm một lần dây kéo pháo đứt, một khẩu pháo cao xạ có nguy cơ lao xuống vực sâu. Khẩu đội trưởng Tô Vĩnh Diện không ngần ngại, ôm chèn lao

vào bánh xe mong chặn khẩu pháo cao xạ nặng hai tấn rưỡi lại. Đây không phải lần đầu có người làm việc này. Chiến sĩ pháo thủ Nguyễn Văn Chức ở lưu pháo đã từng làm như vậy khi kéo pháo vào. Các anh cùng đồng đội cứu được khẩu pháo khỏi lao xuống vực, nhưng đã trở thành liệt sĩ.

Đại đoàn 312, Trung đoàn 57 cùng với các chiến sĩ pháo binh được lệnh cố gắng bằng mọi giá đưa pháo trở về vị trí xuất phát an toàn. Chúng ta sẽ không quên bài "Hò kéo pháo" của Hoàng Vân ở Đại đoàn 312 ra đời trong dịp này:

Hò dô ta... nào!

Kéo pháo ta vượt qua đèo

Hò dô ta... nào!

Kéo pháo ta vượt qua núi

Dốc núi cao cao, nhưng lòng quyết tâm còn cao hơn núi

Vực sâu thăm thẳm, vực nào sâu bằng chí căm thù...

Đúng lúc bộ đội ở Điện Biên Phủ bắt đầu kéo pháo ra, tiếng súng chiến dịch bắt đầu nổ ở Bắc Tây Nguyên.

Tây Nguyên nằm ở Nam Trung Bộ nối liền hai miền đất nước, tiếp giáp với Hạ Lào và Bắc Cam-pu-chia, có vị trí chiến lược quan trọng bậc nhất trên chiến trường Đông Dương. Nếu còn tham vọng chiếm Đông Dương, dịch không thể để mất địa bàn chiến lược cực kỳ lợi hại này. Từ lâu, Tây Nguyên vẫn được quân Pháp coi là một hậu phương an toàn.

Chúng ta đã nhận định chừng nào Tây Nguyên còn bị địch khống chế thì cục diện chiến đấu ở Nam Đông Dương còn khó được cải thiện. Và nếu Liên khu 5 không mở rộng vùng tự do về phía tây thì cũng khó giữ vững được các tỉnh ở đồng bằng hiện nay. Đảng ta đã trao nhiệm vụ quân sự cho Liên khu 5 trong Đông Xuân này là "tranh thủ thời gian, tích cực tăng cường lực lượng võ trang của liên khu về số lượng và chất lượng, phát triển mạnh về hướng Tây Nguyên và Hạ Lào, chủ yếu hiện nay là hướng Bắc Tây Nguyên để tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, mở rộng căn cứ địa (kể cả vùng tự do hiện nay) về phía tây, cũng cố vùng hành lang Bắc Tây Nguyên nổi Liên khu 5 và Hạ Lào và phát triển rộng ra, phá âm mưu của địch cũng cố Tây Nguyên và chiếm rộng ra vùng ven biển"1.

Nghiêm chỉnh chấp hành kế hoạch Đông Xuân, Liên khu ủy 5 đã quyết định trao nhiệm vụ bảo vệ vùng tự do cho lực lượng địa phương, tập trung bộ

đội chủ lực tiến công lên Tây Nguyên. Nhiệm vụ của vùng tự do liên khu được quy định: Địch đánh đến địa phương nào thì nơi đó tự tìm mọi cách đối phó, tiêu hao, tiêu diệt địch, kìm chân không cho chúng nhanh chóng mở rộng phạm vi kiểm soát, hạn chế đến mức thấp nhất những thiệt hại do địch gây ra. Địa phương nào địch chưa đánh tới, phải tích cực động viên, tổ chức nhân dân phục vụ tiền tuyến. Nhiệm vụ của bộ đội chủ lực liên khu gồm hai trung đoàn 108, 803 và hai tiểu đoàn chủ lực độc lập là phối hợp với các lực lượng địa phương mở Chiến dịch Bắc Kon Tum. Cuộc tiến công địch ở Tây Nguyên dự kiến sẽ tiến hành theo hai bước. Bước một, trên hướng chủ yếu sử dụng Trung đoàn 108 và liên đội đặc công diệt hai cứ điểm Măng Đen, Măng Bút, kéo quân tiếp viện của địch từ Kon Tum ra cho Trung đoàn 803 đánh viện trên đường Kon Prây - Măng Đen; tiếp đó tiêu diệt Kon Prây, uy hiếp, thị xã Kon Tum, đánh quân cứu viện trên đường Kon Tum - Kon Prây. Bước hai, tiến công tiêu diệt hoàn toàn hệ thống cứ điểm của địch từ Đắk Tô đến Đắk Lây, hoàn thành nhiệm vụ giải phóng Bắc Kon Tum. Trên hướng thứ yếu của chiến dịch, đường số 19 - An Khê, Trung đoàn địa phương 120 cùng một tiểu đoàn chủ lực tiêu diệt các cứ điểm Kà Tung, Ba Bả - Kà Tu cắt đường giao thông, tiêu diệt sinh lực địch, thu hút giam chân một bộ phận lực lượng của chúng.

Bộ chỉ huy chiến dịch được thành lập do đồng chí Nguyễn Chánh - Bí thư Liên khu ủy trực tiếp làm Bí thư Đảng ủy, Tư lệnh kiêm Chính ủy chiến dịch. Trước đó, bộ đội Liên khu 5 đã được tăng cường vũ khí, đặc biệt là SKZ (súng không giật) để làm nhiệm vụ công đốn.

Những con đường số 19, 21, 7, 11 từ đồng bằng Liên khu 5 lên Tây Nguyên đều bị địch kiểm soát chặt chẽ. Bộ Tư lệnh Liên khu quyết định tổ chức một tuyến đường hành lang bí mật từ đồng bằng lên Tây Nguyên để bảo đảm tình huống bất ngờ. Các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên đều lập kho dự trữ gạo, muối cho chiến dịch. Riêng trong đợt 1, liên khu đã huy động 100.000 dân công làm công tác hậu cần.

Đêm 26 tháng 1 năm 1954, trên hướng thứ yếu của chiến dịch, bộ đội ta tiêu diệt các vị trí Kà Tung, Ba Bả - Kà Tu, Búp Bê.

Đêm hôm sau, 27 tháng 1, trên hướng chủ yếu của chiến dịch, Trung đoàn 108 và tiểu đoàn đặc công tiến công ba vị trí: Măng Đen, Măng Bút, Kon Prây trong hệ thống phòng ngự Bắc Tây Nguyên. Cứ điểm Măng Bút bị diệt gọn trong vòng 30 phút. Tại Kon Prây, Tiểu đoàn 59 hành quân theo đường vòng tới chậm khi ở những nơi khác đã nổ súng, bị mất thế bất ngờ. Quân địch kéo ra ngoài đồn bố trí phục kích bộ đội tới tiến công. Tiểu đoàn 59 kiên nhẫn chờ tới khi quân địch kéo về đồn, bất ngờ nổ súng tiêu

diệt, kết thúc trận đánh lúc 6 giờ 35 phút ngày 28. Riêng trận Măng Đen diễn ra rất quyết liệt. Măng Đen là cứ điểm then chốt trong hệ thống phòng thủ Bắc Tây Nguyên, nằm trên một quả đồi hình yên ngựa, được bố trí thành hai khu A và B, ở giữa có một sân bay nhỏ. Mỗi khu có những lô cốt bê tông nối liền với nhau bằng một hệ thống giao thông hào ngầm, xung quanh có hàng rào dây thép gai rộng từ 30 đến 90 mét. 23 giờ 30 phút, bộ đội ta nổ súng. Tiểu đoàn 19 đánh khu A, bị quân dịch dựa vào hầm ngầm đối phó. Cuộc chiến đấu diễn ra giằng co suốt đêm. Ở khu B, sau sáu giờ chiến đấu, Tiểu đoàn 79 hoàn toàn làm chủ trận địa. Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 79 đề nghị trung đoàn cho đơn vị bí mật vượt qua sân bay đánh vào phía sau lưng dịch. Bị kẹp giữa gọng kìm tiến công của các tiểu đoàn 19 và 79, các ổ đề kháng của dịch ở khu A lần lượt bị tiêu diệt. 7 giờ ngày 28 tháng 1, trận đánh kết thúc.

Chỉ sau một đêm những cứ điểm mạnh nhất trong hệ thống phòng ngự Bắc Tây Nguyên của dịch bị san phẳng. Bộ đội Liên khu 5 đã trưởng thành vượt bậc trong tác chiến công kiên.

Đường vào Kon Tum để ngỏ. Bắc Tây Nguyên đứng trước nguy cơ tan võ. Quân dịch ở miền Trung rúng động. Chiến dịch Tây Nguyên đã nổ ra cực kỳ đúng lúc.

Rạng sáng ngày 30 tháng 1, tiếng súng phối hợp trên chiến trường Hạ Lào xa xôi cũng bắt đầu.

Trong kế hoạch Đông Xuân 1953-1954, ta chủ trương đưa một trung đoàn của Đại đoàn 325 thọc sâu xuống Hạ Lào, tạo thêm cho dịch một bất ngờ nữa về chiến dịch, đồng thời mở ra một địa bàn cho chủ lực phát triển xuống phía nam. Một khó khăn rất lớn ở hướng này là đường tiếp tế quá xa và hầu như không có dân. Từ vùng tự do Thanh Hóa, Nghệ An đến Hạ Lào, bộ đội phải vượt 1.200 ki-lô-mét đường rừng hiểm trở dọc Trường Sơn, cuộc hành quân phải kéo dài khoảng hai tháng. Trong chiến dịch, nếu tiêu thụ hết số đạn mang theo, chỉ còn cách duy nhất là cướp súng đạn của dịch để tiếp tục chiến đấu.

Sau khi bàn bạc với bạn Lào và đại đoàn, Bộ Tổng Tư lệnh quyết định chỉ đưa Tiểu đoàn 436 thuộc Trung đoàn 101 của Đại đoàn 325, do Phó Trung đoàn trưởng Lê Kích chỉ huy, xuống Hạ Lào cùng phối hợp với một đại đội quân tình nguyện Liên khu 5 và bộ đội, du kích Pa-thét Lào tiêu diệt quân dịch. Đơn vị được Bộ tăng cường quân số, hỏa lực, biên chế lên tới 760 người, gồm năm đại đội bộ binh, hai đại đội hỏa lực. Các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị, Thừa Thiên và Liên khu 5 sẽ lo việc tiếp tế, huy động dân công chuyển đạn, gạo tới khu vực tập kết, là một căn cứ du kích của bạn ở tỉnh A-tô-pơ. Chúng ta đã có

nhiều kinh nghiệm vận động chiến đấu với đơn vị tiểu đoàn và hiểu rõ trong những hoàn cảnh cụ thể, mũi thọc sâu của một tiểu đoàn tăng cường vào một hướng hiểm yếu của địch có sức mạnh không kém một cánh quân.

Cuối tháng 11, đồng chí Đồng Sĩ Nguyên được cử làm đặc phái viên của Bộ Tổng Tư lệnh vào Liên khu 4 trao nhiệm vụ cho đơn vị, mang theo ba lá thư của tôi gửi Đảng ủy Tiểu đoàn, gửi toàn bộ cán bộ và chiến sĩ, gửi Ban cán sự Đảng ở Hạ Lào. Phương châm hoạt động của đơn vị được xác định là:

"Quân sự và chính trị song song,

Tác chiến và dân vận song song,

Phát triển và củng cố song song,

Chiến trường không hạn định,

Thời gian không hạn chế,

Tự lực, tự cường, tự túc,

Chịu đựng gian khổ,

Khắc phục khó khăn,

Nêu cao tinh thần yêu nước và tinh thần quốc tế để hoàn thành nhiệm vụ".

Tiểu đoàn 436 bắt đầu rồi Nam Đàn, Nghệ An. Sau gần hai tháng hành quân dọc Trường Sơn, Tiểu đoàn 436 có mặt tại căn cứ của bạn ở tỉnh A-tô-pơ, cực nam Lào.

Lực lượng quân địch ở đây có một tiểu đoàn tăng cường, gồm một nghìn tên. Chúng bố trí thành hai cụm phòng ngự. Cụm thứ nhất là khu vực thị xã A-tô-pơ và sân bay, có bốn đại đội. Cụm thứ hai là cứ điểm Pui, phía tây nam thị xã A-tô-pơ 19 ki-lô-mét, có một đại đội xung kích và một trung đội pháo. Đại đội xung kích này là đơn vị thiện chiến nhất trong khu vực, được đặt ở Pui nhằm án ngữ cửa ngõ khu du kích của bạn.

Kế hoạch của ta và bạn gồm hai bước. Bước một, tập trung toàn Tiểu đoàn 436 đánh cứ điểm Pui, đại đội quân tình nguyện Liên khu 5 và bộ đội, du kích Lào bao vây khu vực thị xã. Bước hai, Tiểu đoàn 436 cùng các đơn vị bạn tiến công giải phóng toàn vùng A-tô-pơ.

Đêm 29 tháng 1 năm 1953, Tiểu đoàn 436 tiến công vị trí Pui. Chỉ sau 30 phút chiến đấu, bộ đội ta đã tiêu diệt hoàn toàn vị trí. Quân địch ở thị xã A-tô-pơ hoảng hốt, tưởng có một cánh quân lớn của ta đang tràn xuống Hạ Lào, vội vã tháo chạy về Pắc Xế. Tình hình Pắc Xế cũng trở nên hoảng loạn. Quân địch đốt cháy kho tàng, phá hủy vũ khí nặng chuẩn bị rút lui. Khi Tiểu đoàn 436 vận động tới Pắc Xế, thấy trong thị xã có nhiều đám

cháy, lập tức cùng bộ đội bạn tiến công thẳng vào thị xã. Quân địch không dám chống cự, bỏ Pắc Xé, chạy về Xa-ra-van.

Cuộc tiến công của ta ở Trung Lào đã khiến báo chí ở Pa-ri la ó: "Đông Dương đã bị cắt làm đôi!". Đòn bồi tiếp chắc chắn sẽ làm cho Na-va thêm đau đầu. Không loại trừ khả năng Na-va sẽ đưa một lực lượng cơ động về hướng này.

ai Thượng Lào, sau khi ném quân xuống thung lũng Mường Thanh, Na-va đã lệnh cho Cre-vô-cô, tư lệnh lực lượng ở Lào, huy động một binh đoàn, gồm sáu tiểu đoàn bộ binh do Vô-đrây chỉ huy, càn quét lưu vực sông Nậm Hu, mở một đường hành lang nối Luông Pha Băng với Điện Biên Phủ. Bị một số đơn vị của Trung đoàn độc lập 148 chặn đánh, địch mới tới Mường Khoa. Việc điều một đơn vị lớn nằm trong đội hình chiến dịch sang Lào lúc này có những điều phải cân nhắc. Địa hình chiến trường chưa được chuẩn bị. Đại đoàn 308 chỉ có trung bình mỗi người hai ngày gạo dự trữ! Mặt khác, muốn đưa pháo ra nhanh chóng, an toàn, cần phải tập trung lực

lượng. Nếu địch phát hiện ta ngừng tiến công rút ra khỏi trận địa, huy động tất cả quân cơ động cùng với pháo binh và không quân đánh vào đường kéo pháo trong khi Đại đoàn 308 không có mặt, ta sẽ gặp khó khăn.

Đáng ủy chiến dịch quyết định đưa Đại đoàn 308 sang Lào vì thấy đây là cách ứng phó tốt nhất trước hiện tình. Sự xuất hiện của "sư đoàn thép" ở Thượng Lào sẽ thu hút không quân và lực lượng cơ động địch, tạo điều kiện cho ta đưa pháo ra an toàn. Để chuyển sang "đánh chắc tiến chắc", cần có một thời gian dài chuẩn bị. Đòn tiến công kịp thời nhắm vào một hướng xung yếu của địch, buộc Na-va phải đối phó. Đại đoàn 308 sẽ vừa thực hiện nhiệm vụ nghi binh chiến dịch làm sai lạc sự phán đoán của địch, vừa tiêu diệt một bộ phận sinh lực, đập tan con đường hành lang nối liền Luông Pha Băng với Điện Biên Phủ, thiết thực chuẩn bị cho trận đánh sắp tới. Nếu Na-va tưởng là ta đã bỏ ý định tiến công Điện Biên Phủ thì y càng mắc thêm sai lầm. Ta sẽ có kế hoạch để phòng địch đánh ra. Và cơ quan chỉ huy chiến dịch cũng sẽ tìm cách tạo điều kiện cho đơn vị làm nhiệm vụ. Đây là một quyết định quả cảm.

Đồng thời với việc đưa Đại đoàn 308 sang Thượng Lào, Bộ chỉ huy chiến dịch cũng ra lệnh cho Trung đoàn 148 nhanh chóng tiến về Phông Xa Lỳ, một tỉnh ở cực bắc Lào tiếp giáp với biên giới Trung Quốc, cùng với lực lượng

vũ trang Pa-thét Lào tiêu diệt sinh lục địch và giải phóng đất đai. Chủ trương sử dụng Trung đoàn 148 giải phóng Phông Xa Lỳ đã được đề ra từ đầu trong kế hoạch đánh địch ở Tây Bắc.

Tuy nhiên, biết khó khăn của Đại đoàn 308 nên khi trao nhiệm vụ, tôi nói: "Có thể sử dụng lực lượng từ một tiểu đoàn đến cả đại đoàn". Anh Vương Thừa Vũ họp Đảng ủy quyết định cho cả đại đoàn lên đường. Cán bộ và chiến sĩ Đại đoàn 308 đã nhiều lần nghe Đại đoàn trưởng nói: "Quân lệnh như sơn". Đúng lúc đơn vị xuất phát, pháo địch cấp tập vào khe Hồng Lếch, nơi đóng sổ chỉ huy đại đoàn. Ta biết vị trí đóng quân của Đại đoàn 308 đã phần nào bị lộ.

Ngay chiêu ngày 26, tôi gọi điện cho anh Nguyễn Thanh Bình tới gặp. Anh Bình là Phó Chủ nhiệm Cung cấp chiến dịch, đặc trách công tác hậu cần hỏa tuyến. Tôi phổ biến vắn tắt chủ trương thay đổi cách đánh và việc đưa Đại đoàn 308 sang Lào, hồi tình hình tổ chức kho tàng của ta ở phía tây và phía nam rồi nói:

- Bộ chỉ huy chiến dịch đã nói với Đại đoàn 308 tự túc về hậu cần, nhưng ta phải tìm mọi cách để giúp đỡ đơn vị. Đồng chí tổ chức một bộ phận đuổi theo, liên lạc với bạn và bộ đội tình nguyện vận động nhân dân, huy động lương thực tại chỗ, tận dụng những kinh nghiệm trong Chiến dịch Sầm Nưa.

Quyết không để cho bộ đội thiếu ăn như ở Khâu Vác. Bộ đội đã đi một ngày đường, theo kịp cũng vất vả đấy.

Chúng tôi cùng ăn một bữa cơm trước khi chia tay. Ngay đêm đó, anh Bình và mười cán bộ hậu cần lên đường; cùng đi có cả một đội dân công gánh gạo đuổi theo đơn vị.

Trước đó, cơ quan tham mưu chiến dịch cũng kịp thời đưa một đại đội trình sát của Bộ đi nắm tình hình địch ở Mường Khoa, hỗ trợ cho đại đoàn.

Chiêu ngày 26 tháng 1 năm 1954, Đại đoàn 308 rời trận địa với mỗi người một túi gạo rang trên vai, đi về hướng tây nam Điện Biên Phủ, nhắm vào phòng tuyến sông Nậm Hu. Tham mưu phó đại đoàn Mai Hữu Thao được cử đi trước cùng với một phân đội quân báo và một số cán bộ hậu cần, vừa dò đường vừa chuẩn bị lương thực.

Ngày 29 tháng 1, Đại đoàn 308 hành quân tới Sốp Nạo. Tại đây, đại đoàn được Bộ chỉ huy chiến dịch thông báo, theo tin kỹ thuật, địch đã phát hiện Đại đoàn 308 tiến về hướng này, số quân đóng ở Mường Khoa và vùng lân cận bắt đầu rút chạy về hướng Mường Sài, Luông Pha Băng. Bộ chỉ huy chiến dịch lệnh cho đại đoàn lập tức truy kích.

Đại đoàn 308 quyết định chia làm hai cánh đuổi theo quân dịch. Đại đoàn trưởng Vương Thừa Vũ và anh Lê Quang Đạo (được Bộ chỉ huy chiến dịch cử

xuống thay anh Song Hào bị mệt không đi chiến dịch) cùng các trung đoàn 36, 88 đi theo hướng Luông Pha Băng. Đại đoàn phó Cao Văn Khánh, và một số chỉ huy nhẹ của đoàn, đi với Trung đoàn 102 về hướng Mường Sài. Cán bộ, chiến sĩ Đại đoàn 308 đã có kinh nghiệm ở Thượng Lào mùa xuân năm trước, biến truy kích dịch đường dài thành một cuộc chạy đua nước rút, bất kể đơn vị nào, người nào có sức khỏe là vượt lên trước, thấy dịch là đánh, gặp đơn vị bạn là chủ động phối hợp. Họ quyết không bỏ lỡ cơ hội.

Lúc này ta chưa biết Vô-đrây đã quyết định rút thật nhanh toàn bộ binh đoàn đóng dọc phòng tuyến sông Nậm Hu về Mường Sài. Ngày 30 tháng 1, Trung đoàn 102 truy kích địch ở hướng này, tới sông Nậm Hu. Thuyền, mảng huy động được ít, chỉ đủ để chỗ vũ khí trợ chiến. Bộ đội chặt bương, dùng vải nhựa gói ba lô làm phao, dìu nhau bơi qua sông theo đội hình từng tổ chiến đấu. Nữa đêm, mọi người vừa ngồi nghỉ trên dọc đường nhai mấy nhúm gạo rang lót dạ thì quân báo từ phía trước quay lại cho biết chỉ còn cách địch 10 ki-lô-mét. Tất cả đều bật dậy. Trung đoàn trưởng Hùng Sinh dẫn đầu trung đoàn đuổi theo. Rạng sáng ngày 31, bắt kịp địch. Phân đội quân báo do Tham mưu phó đại đoàn Mai Hữu Thao chỉ huy, nhanh

chóng tìm đường vượt lên phía trước làm một "cái nút" kiên quyết nổ súng chặn địch lại. Một đại đội Pa-thét Lào đang trên đường hành quân, nghe tiếng súng nổ cũng tới phối hợp.

Binh doàn Vo-dray bi chia cat lam doi. Vo-dray nam cum quan thir nhat gom tieu doan Ta-bo so 5 va ba dai doi nguy. Thieu ta Ca-ba-ri-be va dai uy Lam-be nam cum quan thir hai voi ba dai doi thuoc tieu doan le duong so 2 va mot dai doi nguy. Chung chiem giu mot so diem cao to chuc chong cy hy vong se co may bay toi yem ho. Tieu doan 18 di dau trung doan nghe tieng sung no phia truoc, biet quan dich da bi chan lai, lap tu'c lao toi nhu mot con loc. Trung doan trung Hung Sinh chia tieu doan thanh hai canh di theo hai con duong mon cung tien cong quan dich. Dai doi 261 phat hien tieu doan Ta-bo dang cum lai tren may qua doi. Biet tinh than bac nhuc cua nhung ten linh rut chay, khong doi tieu doan toi du, dai doi chia lam hai mui dung tieu lien, luu dan va luoi le nhat te xung phong. Binh linh Ta-bo bo nhung cong su dang dao do chay vao rung.

Cùng lúc, Đại đội 259 nghe tiếng súng cũng lập tức tiến đánh tiểu đoàn lẻ dương số 2. Bình lính lẻ dương thấy lực lượng ta không đông, ra sức chống cự. Trận đánh kéo dài. Đại bộ phận Trung đoàn 102 đã tới khu vực tác chiến, Trung đoàn trưởng Hùng Sinh quyết định đưa Tiểu đoàn 79, Tiểu đoàn 54 phối hợp cùng Tiểu đoàn 18 tiến công quân địch. Lợi dụng trời tối, bốn đại đội do Ca-ba-ri-be và Lâm-be chỉ huy luồn qua một khe núi rậm rạp tẩu thoát.

Những đơn vị của ta và địch đan vào nhau trên đường truy kích.

Tiểu đoàn 18 vượt lên bám riết toán quân của Vô-đrây đã tẩu thoát từ trước. Chiều ngày 31, Tiểu đoàn 18 đuổi kịp toán quân của Vô-đrây. Chờ lúc quân địch xuống núi, tiểu đoàn lợi dụng thế cao vừa tiêu diệt địch bằng hỏa lực, vừa nhanh chóng xung phong diệt hàng trăm tên, bắt sống 54 tên. Phía sau Tiểu đoàn 18, toán quân của Ca-ba-ri-be và Lăm-be cũng đang bị hai tiểu đoàn 79, 54 đuổi gấp. Quân địch thấy phía trước có tiếng súng nổ vội tạt vào rừng. Các đơn vị 79, 54 lội suối, luồn khe truy tìm quân địch suốt đêm. Mờ sáng ngày 1 tháng 2, Tiểu đoàn 79 phát hiện binh lính lê dương đang tụ tập trong một khu rừng. Tiểu đoàn lập tức chia làm hai cánh, một cánh chốt chặn ở ngã ba suối chặn đường rút lui, một cánh đánh thẳng vào quân địch Những tên lính lê dương sau một đêm mò mầm trong rừng vừa mệt vừa đói không còn nghĩ đến chuyện chống cụ, hoặc vứt súng đầu hàng, hoặc mạnh ai nấy chạy.

Trung đoàn 102 nhanh chóng tổ chức vây quét những binh lính địch tản mát trong rừng. Sau một ngày chiến đấu, tiểu đoàn 2 trung đoàn lẻ dương số 4 (2/4 REI) bị xóa sổ, tiểu đoàn Ta-bo bị thiệt hại nặng. Trong số tù binh ta và bạn bắt

được có viên thiếu tá Ca-ba-ri-be và viên đại úy Lăm-be. Trung đoàn 102 tiếp tục truy kích địch về tới Mường Sài. Tại đây địch đã nhanh chóng lập nên một con nhím với năm tiểu đoàn.

Trên hướng Nậm Bạc, Luông Pha Băng, Trung đoàn 36 dẫn đầu mũi tiến quân. Trung đoàn 88 đang làm nhiệm vụ kéo pháo xuất phát chậm, phải đuổi theo, bộ đội hành quân hết lên đèo lại xuống dốc không gặp một quãng bằng. Những rừng tre, vầu khô xác tiếp nối những rừng đại ngàn.

Trưa ngày 29 tháng 1 năm 1954, Tiểu đoàn 89 đi đầu, vừa dừng chân bên một nương thuốc phiện nổ đẩy những bông hoa trắng, hoa tím chọt nghe tiếng súng. Đại đội đi phía sau dẫn lên hai tên phỉ. Chúng khai thuộc toán biệt kích được quân Pháp trao nhiệm vụ quấy rối bộ đội trên đường tiến quân. Chúng bị bắt khi đang nổ súng nhắm vào những người cưỡi ngựa - Đó chính là Phó Trung đoàn trưởng Ngọc Dương và Phó Chính ủy Hồng Cư được phân công đi với tiểu đoàn. Ta biết quân địch đã phát hiện cuộc tiến quân, chúng sẽ tăng cường phòng ngự hoặc rút chạy khỏi Mường Ngòi, cần phải tăng thêm tốc độ hành quân.

Chiều ngày 30, Tiểu đoàn 89 tôi bản Huổi Sen, cách đồn Mường Ngòi năm ki-lô-mét. Trời sắp tới, bộ đội dừng lại chuẩn bị chiến đấu. Bất thần một toán lính mặc áo vàng khá đông lao vào giữa đội hình. Ta tiêu diệt một số tên chống cự và bắt hai chục tên. Bọn địch khai chúng từ phía Mường Khoa bị đuổi đánh rút chạy về đây. Các đồng chí chỉ huy trung đoàn phán đoán

dịch ở Mường Ngòi có thể rút chạy. Phó Trung đoàn trưởng Ngọc Dương, người đã chỉ huy Tiểu đoàn 79 trong trận truy kích Sầm Nưa, lập tức ra lệnh cho bộ đội tiến quân thật nhanh mặc dù anh em chưa kịp ăn cơm. Nhưng khi họ tới Mường Ngòi thì đồn đã bị dịch đốt cháy rụi, chỉ còn leo lét ánh lửa.

Sáng ngày 31, tiểu đoàn tới bò sông Nậm Hu vắng lặng. Quân địch sau khi qua sông đã hủy hết thuyền bè. Sông không rộng, nhưng sâu. Chung quanh toàn núi đồi hoang. Tổ quân báo đi tìm được mấy người dân. Biết bộ đội Việt Nam đuổi đánh "xắc tây" (giặc Pháp), một cụ già và mấy người trai trẻ mang tới bốn chiếc thuyền độc mộc. Vũ khí nặng, các chiến sĩ quân báo, một số cần đi trước được ưu tiên qua sông bằng thuyền. Những người khác dùng ni-lông, ống bương bơi qua sông nước giá buốt.

Ngày 1 tháng 2, Đại đội 395 đi đầu tiểu đoàn phát hiện khá đông quân địch đóng trên hai quả đồi trước mặt. Đại đội 395 lập tức nổ súng. Súng cối 60mm và súng máy của ta bắn mạnh vào giữa đội hình quân địch. Chúng bỏ lại trên trận địa 60 tên chết và bị thương, tháo chạy vào rừng. Ta biết đây là một tiểu đoàn ngụy lên

đón bọn ở Mường Ngòi rút về. Đại đội 395 tiếp tục truy kích. Dọc đường, đại đội đánh liên tiếp mười trận lớn nhỏ tiêu diệt và bắt thêm khoảng trên 100 quân địch.

Chiêu hôm sau, ngày 2 tháng 2, phía trước tiểu đoàn hiện ra một thung lũng phì nhiêu. Những thửa ruộng bậc thang. Một con sông nhỏ uốn lượn trên cánh đồng trải dài, lúa đã gật. Những ngôi nhà sàn san sát có hàng dừa xanh mướt bao quanh. Nổi lên giữa thung lũng là một khu đồn lớn và sân bay. Họ đã tới Nậm Bạc.

Bộ đội ta đã truy kích địch liên tục sáu ngày đêm. Dọc đường hầu như chỉ ăn toàn gạo rang. Và hôm đó đúng vào ngày 29 Tết Giáp Ngọ1. Thấy binh lính trong đồn chạy đi chạy lại nhốn nháo, Tiểu đoàn trưởng Nguyễn Liệu phán đoán địch chuẩn bị rút, quyết định tiến công luôn. Hàng chục khẩu trung liên của ta nã vào đồn. Quân địch hoảng hốt tháo chạy. Bộ đội ta tiến vào đồn, thấy cả kho vũ khí, quân trang, lương thực còn nguyên vẹn và một bữa cơm vừa mới dọn chưa kịp ăn.

Nhiều làng bản trên dọc đường và những kho gạo chuẩn bị cho trận đánh Phông Xa Lỳ đã bị địch đốt phá. Các đồng chí lãnh đạo địa phương của bạn gặp bộ phận anh Nguyễn Thanh Bình đều sốt sắng hứa sẽ có lương thực cho bộ đội và chia nhau đi các nơi huy động gạo. Phần lớn dân chúng đã mang theo thóc gạo, lợn gà lánh vào rừng sâu. Khi nghe có bộ đội Việt Nam tới đánh Pháp, nhiều người mang lương thực quay trở về. Anh Bình đuổi kịp anh Vũ ở Nậm Bạc thông báo tình hình. Anh Vũ đề nghị nói với nhân dân

mang gạo ra dọc đường, gặp đơn vị đang truy kích là trao, cán bộ để lại giấy biên nhận, rồi bộ đội sẽ thanh toán sau. Có người mang cả lợn từ rừng sâu ra. Nhiều gia đình chỉ có thóc. Dân công ta đã cùng nhân dân Lào xay giã gạo. Lương thực huy động được không thiếu nhưng do bộ đội vận động không ngừng, nên nhiều bữa chỉ ăn gạo rang thay cơm.

Tối 29 Tết, Trung đoàn 36 tiếp tục truy kích. Nửa đêm, trên đường đi Nậm Ngà, gặp một con suối, Ngọc Dương và Hồng Cư quyết định cho tiểu đoàn nghỉ lại đón giao thừa. Không ai biết chính ở nơi đây sẽ diễn ra trận đánh lớn nhất trên đường truy kích.

Sáng hôm sau, ngày 3 tháng 2, đúng mồng Một Tết Giáp Ngọ, các chiến sĩ Đại đội 395 vừa thức giấc thì một toán rất đông quân địch xộc vào nơi trú quân. Mọi người vội xốc ba lô, cầm súng chiến đấu. Một trận tao ngộ chiến. Tiếng súng nổ khắp nơi. Đại đội xông lên một quả đồi chiếm địa thế cao đánh địch. Nhưng càng tiến lên càng thấy đông quân địch. Sau giây phút bàng hoàng, địch dùng đại liên và ĐKZ chống cự. Lực lượng ta rất mỏng. Trung đoàn phó Ngọc Dương trực tiếp chỉ huy súng cối yểm trợ cho bộ đội. Giữa lúc đó, tiếng súng cối 82mm, rồi tiếng súng máy

của ta nổ ran. Những đại đội đi sau, nghe tiếng súng đã kịp thời chạy lên tiếp viện đánh bọc sườn quân địch. Địch bị thương, chết và ra hàng mỗi lúc một đông. Lá cờ rách nát rơi trên trận địa có dòng chữ "1er BAT" - tiểu đoàn ngụy Thái số 1. Tiểu đoàn này từ phía Mường Sài kéo về Nậm Ngà, đến đây thì chạm phải quân ta và bị tiêu diệt.

Cùng lúc các tiểu đoàn 80 và 84 cũng tới nơi. Qua tám ngày truy kích, thực sự chỉ có một tiểu đoàn gặp quân địch và chiến đấu nhiều nhất là đại đội đi đầu. Những cuộc đỏ súng đều diễn ra quá nhanh nên đại bộ phận đi sau không kịp tham dự. Trung đoàn trưởng Hồng Sơn quyết định cho Tiểu đoàn 89 lui về phía sau, đưa các tiểu đoàn 80, 84 còn đầy sinh lực tiến lên trước.

Đại đoàn trưởng Vương Thừa Vũ đến giữa lúc bộ đội thu dọn chiến trường. Trung đoàn 88 đã kịp có mặt trong đội hình. Đại đoàn trưởng ra lệnh cho hai trung đoàn tiếp tục tiến về phía Luông Pha Băng.

Đường từ Nậm Ngà vào Luông Pha Băng rất nhiều mìn. Một số cán bộ, chiến sĩ hy sinh hoặc bị thương. Để tránh thương vong và bảo đảm tốc độ hành quân, Trung đoàn 36 tìm một con đường khác đi men theo sông Nậm Hu. Chiều ngày 7 tháng 2, Tiểu đoàn 80 của Trung đoàn 36 tới Pắc Sương, bắt được liên lạc với Tiểu đoàn quân tình nguyện 970 và bộ đội Pa-thét Lào. Ở Pắc Sương địch có năm đại đội, nhưng đánh hơi thấy quân ta, chúng đã bỏ đồn tháo chạy.

Trung đoàn 36 đi tiếp tới một ngã ba sông. Đây là nơi sông Nậm Hu gặp sông Mê Kông. Mặt sông mênh mang không một bóng thuyền bè. Bên kia sông có thể có địch. Cần một bộ phận sang trước để lập một đầu cầu. Cả đội quân báo đều xung phong. Chiếc bè chuối vượt sông ban đêm. Lát sau, bên kia sông xuất hiện một đám lửa. Dấu hiệu đầu cầu đã được thiết lập. Ngày 11 tháng 2, toàn bộ trung đoàn vượt sông Mê Kông với một số thuyền lớn của nhân dân Lào và những bè do đơn vị tự làm.

Chiều ngày 12, họ gặp một đồn tiền tiêu của Luông Pha Băng ở phía tây. Đây là đồn Bản Na nằm sâu trong hậu phương địch, nên công sự phòng thủ sơ sài. Tiểu đoàn 80 được lệnh công kích. Cuộc chiến đấu diễn ra rất nhanh. Chỉ với súng cối 60mm và hỏa lực đại liên chi viện, Tiểu đoàn 80 đã tiêu diệt gọn một trung đội lê dương và một trung đội ngụy Lào. Tàn quân địch tháo chạy về Luông Pha Băng. Bộ đội ta truy kích bắt thêm một chục lính Âu - Phi và lính ngụy, trong đó có một viên quan hai.

Trung đoàn 36 chỉ còn ở cách kinh đô nhà vua Lào không đây 20 ki-lô-mét.

Bộ chỉ huy chiến dịch ra lệnh cho Đại đoàn 308 dừng lại.

Trước đòn tiến công bất ngờ của ta, đặc biệt là Luông Pha Băng bị uy hiếp, Na-va phải lập một cầu hàng không tăng viện cho Thượng Lào. Ông ta đã vét từ đồng bằng Bắc Bộ binh đoàn cơ động số 7, tiểu đoàn khinh quân ngụy số 301, từ Xiêng Khoảng tiểu đoàn 4 trung đoàn bộ binh thuộc địa số 4, cùng với trung đoàn bộ binh thuộc địa số 11, tiểu đoàn Ta-bo số 10, tiểu đoàn dù thuộc địa số 1, lập thêm hai tập đoàn cứ điểm mới ở Luông Pha Băng và Mường Sài.

Qua hơn mười ngày truy kích địch trên chặng đường dài 200 ki-lô-mét, bộ đội đánh nhiều trận, tiêu diệt và làm tan rã 17 đại đội địch, trong đó có một tiểu đoàn lính lê dương bị tiêu diệt gọn, thu hàng chục tấn vũ khí, đạn dược. Ta giải phóng toàn bộ lưu vực sông Nậm Hu, ước tính 10.000 ki-lô-mét vuông, cô lập hoàn toàn Điện Biên Phủ. Mặc dù hoàn toàn không được chuẩn bị về tham mưu cũng như hậu cần, nhưng Đại đoàn 308 đã dồn mọi nỗ lực biến cuộc hành quân thành một đòn tiến công thực sự, có quy mô như một chiến dịch, và đạt được những hiệu suất chiến đấu rất cao, vượt xa yêu cầu đề ra cho đại đoàn lúc đầu.

Nhân lúc địch hoang mang, Trung đoàn 148 đã cùng bộ đội Pa-thét Lào nhanh chóng giải phóng Bun Tây, Bun Nửa, trực tiếp đe dọa tỉnh ly Phông Xa Ly.

Nhà ký giả Pháp Rô-be Ghi-lanh trong tập "Kết thúc những ảo tưởng" (La fin des illusions) đã nhận xét đó là: "Một cuộc chạy đua sao băng xuyên qua rừng núi đến giữa vương quốc Luông Pha Băng". "Cuộc chiến thứ hai" ở Lào

hút cạn cả nguồn sinh lực của "cuộc chiến thứ nhất" tại Việt Nam. Các mặt trận đồng bằng Bắc Bộ, Ất-lăng ở Liên khu 5 cũng như Trung Lào, đều phải phục vụ cho khu vực nguy hiểm là Mường Sài và Luông Pha Băng"1.

Oa ban bát dâu nô tráng các suòn núi. Nhüng chiéc xe vân tài, xe thô chát nang banh giây, che lam, kco, mût... va rat nhiêu nhüng la thu tü hau phuong, tü nhüng phuong troi xa: Bac Kinh, Binh Nhuong, Mac Tu Khoa... nhac nhô chung toi xuan Giáp Ngo dang toi gan. Tho chuc tet cua Bac Ho da güi toi mat tràn:

"Quản và dân ta nhất trí kết đoàn,

Khang chiên, kiên quôc nhat dinh hoan toan thanh cong.

Hòa bình dân chủ thế giới khắp Nam Bắc Tây Đông,

Năm mới, thắng lợi càng mới, thành công càng nhiều"2.

Suốt đêm 29 Tết, tôi vẫn tiếp tục theo dõi việc kéo pháo ra. Các đơn vị kéo pháo phải báo cáo lên từng giờ. Công tác kéo pháo được coi như nhiệm vụ chiến đấu. Tôi đã thuộc những tên: Dốc Bẩy Tời, vực sâu Vườn Chuối, suối Ngựa, dốc Cây Cụt, cửa

rừng Bản Tố, cửa rừng Nà Nham... Vượt an toàn qua mỗi địa danh này coi như lập được một chiến công. Gần sáng, các đơn vị kéo pháo báo cáo hoàn thành nhiệm vụ. Thực ra, các khẩu pháo mới được đưa ra cửa rừng, ki-lô-mét 62 trên đường số 41, phải tới mồng Ba Tết mới về tới vị trí trú quân. Nhưng đây đã là nơi an toàn. Bộ đội ta đã làm nên một kỳ công.

Những ngày này, cả dân tộc đang thực hiện một cái Tết Quang Trung của thời đại mới. Không chỉ có một đoàn quân rong ruổi từ Thuận Hóa ra Thăng Long Tết Kỷ Dậu năm 1789, mà trên rất nhiều nẻo đường khắp bán đảo Đông Dương, từ nam lên bắc, từ bắc vào nam, từ đông sang tây, những đoàn quân của cả nước đang mải miết ra đi quyết đem về một mùa xuân mới cho dân tộc. Tôi nghĩ tới hàng chục vạn đồng bào đang sát cánh cùng bộ đội ở các mặt trận Tây Bắc, Thượng Lào, Trung Lào, Hạ Lào, Liên khu 5, Tây Nguyên... không được cùng những người thân ngồi bên nồi bánh chưng đón giao thừa tại quê hương. Đợt dân công phục vụ Chiến dịch Điện Biên Phủ đã

kéo dài hơn ba tháng, nhưng khi Tết đến các đoàn dân công đều tình nguyện ở lại chiến trường.

Khu rừng sáng dần. Ngày đầu xuân Giáp Ngọ đã tới. Sương lạnh vẫn bao phủ khắp núi rừng. Tôi đi sang cơ quan tác chiến. Anh em đang chuẩn bị tới chúc Tết Bộ chỉ huy chiến dịch. Tôi nói:

- Chúc các đồng chí năm mới mạnh khỏe, giành nhiều thắng lợi.

Bị bất ngờ, mọi người hơi lúng túng. Một đồng chí nói:

- Chúng tôi bị động rồi!

Cuộc chúc Tết đầu năm thêm vui. Đồng chí Trần Văn Quang - Cục trưởng Cục Tác chiến báo cáo ở Tây Nguyên, bộ đội Liên khu 5 đang tiến về thị xã Kon Tum; ở Thượng Lào, Đại đoàn 308 đang tiến về Luông Pha Băng; ở Hạ Lào, Tiểu đoàn 436 và bạn đã giải phóng Pắc Xé đang tiến về Xa-ra-van. Đây thật sự là những tin vui đầu xuân.

Tôi gọi dây nói chúc Tết các đơn vị.

Văn phòng đưa tới những bức điện từ hậu phương, từ đồng bằng Bắc Bộ, từ Bình - Trị - Thiên, Liên khu 5, Nam Bộ. Bức điện nào cũng mang những lời thắm thiết chúc mừng năm mới giành được thắng lợi to lớn.

Tôi sang lán đồng chí Vi Quốc Thanh chúc Tết Đoàn cố vấn quân sự Trung Quốc vì sự nghiệp kháng chiến của nhân dân Việt Nam phải tiếp tục ăn một cái Tết ở ngay mặt trận, xa Tổ quốc, xa gia đình, và báo tin thắng lợi trên các chiến trường. Đồng

chí Vi vui vẻ chúc mừng năm mới cùng những thắng lợi mới của quân và dân ta. Đồng chí cho biết: Sau khi được phân tích rõ về chỗ mạnh, chỗ yếu của địch và ta, các cố vấn đều nhất trí với chủ trương thay đổi phương châm chiến dịch. Mọi người đều biểu thị quyết tâm đồng cam cộng khổ, đem hết trí tuệ và năng lực giúp bộ đội Việt Nam giành toàn thắng. Đồng chí đã đề nghị Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng Tham mưu Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc gửi sang gấp những tài liệu tổng kết kinh nghiệm chiến đấu mới nhất ở Triều Tiên, nhất là kinh nghiệm xây dựng trận địa và chiến đấu đường hầm, kể cả cuốn sách Thượng Cam Lĩnh, để bộ đội Việt Nam tham khảo.

Đoàn đại biểu đồng bào người Thái, người Mông, người Dao... do đồng chí Lò Văn Hạc dẫn đầu, tới chúc Tết Bộ chỉ huy Mặt trận và bộ đội, nói với chúng tôi quyết tâm của nhân dân các dân tộc Tây Bắc sẽ đứng lên sát cánh cùng bộ đội tiêu diệt giặc.

Trên các chiến trường, bộ đội ta đang ở thế thắng như chè tre. Trận đánh quyết định còn chưa diễn ra, nhưng tôi cảm thấy trong mấy ngày qua, những diễn biến đang nhanh chóng đi vào quỹ đạo.

Ngay sau khi địch vừa nhảy dù xuống Điện Biên Phủ, một tờ báo Thụy Điển, tờ Express, phỏng vấn Bác về tình hình chiến tranh Đông Dương. Bác trả lời: Cuộc chiến tranh ở Việt Nam là do Pháp gây ra. Nhân dân miền Nam phải cầm vũ khí chiến đấu bảy, tám năm nay chống kẻ xâm lược... Nếu Chính phủ Pháp đã rút được bài học trong cuộc chiến tranh mấy năm nay muốn đi đến đình chiến ở Việt Nam bằng cách thương lượng và giải quyết vấn đề theo lối hòa bình thì nhân dân và Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa sẵn sàng tiếp nhận ý kiến đó.

Đây không chỉ là lời đáp chính trị hay ngoại giao. Bác lúc nào cũng mong muốn hòa bình. Người không bỏ lỡ một cơ hội nào có thể đem lại hòa bình. Hồ Chí Minh là một nhà thương lượng có nguyên tắc và biết điều. Người không bao giờ đòi hỏi ở đối phương cái mà dân tộc mình chưa thể có ngay. Người chấp nhận sự chờ đợi. Nhưng kẻ địch chưa hề đáp lại. Cả lần này cũng vậy.

Chỉ còn nửa tháng nữa, ngoại trưởng bốn nước Liên Xô, Anh, Mỹ và Pháp sẽ gặp nhau ở Béc-lin để ra thông báo cuộc họp bàn về vấn đề "lập lại hoà bình ở Đông Dương" tại Gio-ne-vô vào tháng 4 tới. Có thể người Pháp đặt kỳ vọng vào kế hoạch Na-va. Họ muốn ngồi vào bàn thương lượng trên thế mạnh. (sau này, chúng ta mới biết chính Na-va đã yêu cầu Chính phủ Pháp chỉ đặt vấn đề thương lượng khi đã giành được một thắng lợi quyết định trong chiến tranh Đông Dương). Mới ngày hôm trước, đại tướng Mỹ Ô Đa-ni-en[1], người có trách nhiệm đôn đốc giám sát việc thực hiện kế hoạch Na-va, trực tiếp lên Điện Biên Phủ kiểm tra, đã ngỏ ý hài lòng về

tổ chức phòng ngự ở đây. Mỹ đã trở thành trở ngại lớn nhất cho cuộc đấu tranh giành độc lập, thống nhất của ta...

Tôi bỗng thấy cần có ngay một cái gì đó ở Điện Biên Phủ...

Tôi gọi dây nói cho Bộ Tư lệnh Pháo binh. Sau khi chúc Tết đơn vị, tôi hỏi về tình hình sơn pháo. Đồng chí Đào Văn Trường - quyền Tư lệnh trưởng, báo cáo: Khác với lựu pháo quá nặng nề, các khẩu đội sơn pháo đều đã vào vị trí và bố trí xong những trận địa giả để đánh lạc hướng quân địch khi phát hỏa. Tôi hỏi tiếp:

- Có định làm gì để chào mừng năm mới không?
- Báo cáo: Anh em sẵn sàng.
- Được. Cho bắn vào sân bay.
- Rõ. Nhưng xin chờ tôi lúc trời tan sương.
- Đồng ý. Nhắc anh em chuẩn bị đầy đủ. Ngắm thật chính xác mới bắn. Đã bắn là trúng.

10 giờ, biển sương trên cánh đồng Mường Thanh mới tan. Sân bay hiện ra lô lộ với tám chiếc khu trục Hen-cát, hai máy bay thám thính Moran, và hai máy bay vận tải Đa-kô-ta. Trong phút chốc, 10 trái đại bác 75mm giội trúng sân bay. Một chiếc Morane bốc cháy, một số chiếc khác trúng đạn. Bộ chỉ huy Mặt trận quyết định tặng thưởng cho đại đội pháo binh vừa lập công tấm huân chương đầu tiên của chiến dịch.

Những phát pháo nã vào sân bay đã làm quân địch điên cuồng. Chúng chưa tìm ra cách nào để loại trừ hiểm họa đã thực sự xuất hiện, từ nay thường xuyên lơ lửng trên đầu. Mống Hai Tết, Đô Cát dùng máy bay rải truyền đơn thách thức ta tiến công vào Điện Biên Phủ. Phải chăng đây là một cách giải quyết của địch? Địch mong ta sớm lao vào cái bẫy đã được chuẩn bị kỹ? Sự im lặng lúc này là cách trả lời tốt nhất của chúng ta.

Trong những ngày đầu xuân, tôi nhận được điện rồi thư trả lời của Bác Hồ và Trung ương, nhất trí cho rằng "quyết định thay đổi cách đánh như vậy là hoàn toàn đúng". Trung ương Đảng và Chính phủ sẽ động viên toàn dân dốc sức chi viện cho Điện Biên Phủ tới khi giành toàn thắng. Hội đồng Cung cấp Trung ương đã được thành lập, do Phó Thủ tướng Phạm Văn Đồng trực tiếp làm Chủ tịch, sẽ chỉ đạo các địa phương huy động nhân lực, vật lực phục vụ tiền tuyến.

Mông Ba, mông Bốn Tết, tin chiến thắng của bộ đội ta và bộ đội bạn tại lưu vực sông Nậm Hu dồn dập bay về.

Nửa đêm về sáng ngày mông Năm Tết, tôi từ sở chỉ huy đi thăm pháo binh. Đây là cuộc xuất hành đầu năm của tôi.

Trời tối đen. Sương giá phủ khắp rừng núi. Cán bộ của Đại đoàn 351 tập hợp ven một quả đồi, hình như đã chờ đợi từ lâu. Mọi người vỗ tay hoan hô quên cả giữ bí mật. Tôi nhìn anh em ngồi trong bóng đêm, rồi nói:

- Trong khi các đồng chí chuyển pháo ra thì đơn vị bạn đã tiến đến gần sông Mê Kông, đánh tan 17 đại đội địch. Bây giờ các đồng chí còn thắc mắc không?

Mọi người vui vẻ cười ổ. Tôi chúc mừng năm mới, rồi nói chuyện với anh tới khi trời sáng.

Hai cán bộ lựu pháo và cao pháo đứng lên hứa hẹn sẽ làm công sự thật vững chắc và quyết tâm giành thắng lợi ngay trong trận đánh đầu tiên.

ùng ngày mồng Năm Tết, Bộ chỉ huy chiến dịch triệu tập Hội nghị cán bộ ở Mường Phăng quán triệt phương châm tác chiến mới và tiến hành công tác chuẩn bị chiến đấu.

Vùng trời Điện Biên Phủ vắng hẳn tiếng máy bay. Hầu hết lực lượng không quân vận tải và một phần không quân chiến đấu đã bị hút sang Thượng Lào.

Cuộc họp đầu xuân thiếu mặt Đại đoàn 308 đang trên đường truy kích địch.

Tôi thay mặt Tổng Quân ủy chúc Tết toàn quân: "Sang năm mới thu nhiều thắng lợi mới" và biểu dương những đơn vị đã kéo pháo ra an toàn. Tôi thông báo với hội nghị: Trung ương và Bác Hồ đã phê chuẩn chủ trương tác chiến mới của Đảng ủy chiến dịch, hậu phương sẽ dốc sức chi viện cho tiền tuyến tới khi giành toàn thắng.

Tin chiến thắng trên các chiến trường Thượng Lào, Trung Lào, Hạ Lào, Tây Nguyên, trung du, đồng bằng Bắc Bộ và Nam Bộ đã mang lại sự phấn khởi cho hội nghị. Trong hai tháng qua, chúng ta đã loại khỏi vòng chiến đấu 20.000 quân địch, giải phóng nhiều vùng đất rộng lớn có ý nghĩa chiến lược, buộc địch phải đối phó khắp nơi. Các chiến trường hậu địch trên cả nước đều đẩy mạnh chiến tranh du kích làm cho địch không đủ lực lượng để tiến hành bình định. Địch cũng không còn khả năng mở một cuộc tiến công lớn ra vùng tự do...

Câu hỏi lớn đặt ra là ta sẽ làm gì để giành thắng lợi trên mặt trận chính Điện Biên Phủ?

Quân địch ở Điện Biên Phủ hiện có 12 tiểu đoàn và bấy đại đội bộ binh) gồm phần lớn là quân tinh nhuệ bậc nhất của đạo quân viễn chinh, hai tiểu đoàn pháo

105mm (24 khẩu), hai tiểu đoàn súng cối 120mm (20 khẩu), một đại đội pháo 155mm (bốn khẩu), một đại đội xe tăng 18 tấn (10 chiếc). Lực lượng không quân thường trực tại sân bay Mường Thanh có: Bấy máy bay khu trục, năm máy bay trinh sát, bốn máy bay vận tải và một trực thăng. Ngoài ra, địch sẽ dành hai phần ba lượng máy bay ném bom, máy bay tiêm kích toàn Đông Dương và 100 phần trăm máy bay vận tải để yểm trợ trực tiếp cho Điện Biên Phủ trong trường hợp bị tiến công.

Tổng số quân địch tại Điện Biên Phủ khoảng 12.000 người.

Lực lượng ta có chín trung đoàn bộ binh, gồm 27 tiểu đoàn, một trung đoàn sơn pháo 75mm (24 khẩu), hai tiểu đoàn lựu pháo 105mm (24 khẩu),

bốn đại đội cõi 120mm (16 khẩu), một trung đoàn cao xạ pháo 37mm (24 khẩu) và hai tiểu đoàn công binh.

So sánh lực lượng bộ binh, ta hơn địch về số tiểu đoàn (27/12), nhưng quân số mỗi tiểu đoàn của ta chỉ bằng hai phần ba quân số tiểu đoàn địch và trang bị yếu hơn nhiều, về lực lượng pháo yểm hộ trực tiếp cho bộ binh, ta hơn địch về số lượng (64/48 khẩu), nhưng đạn pháo dự trữ của ta rất hạn chế. Ta hoàn toàn không có xe tăng và chỉ có một trung đoàn cao xạ 37mm để đối phó với toàn bộ không quân địch.

Bài toán cũ về so sánh lực lượng lại xuất hiện: Một lần nữa, ta không có ưu thế binh lực trước kế địch. Ngay về số lượng bộ binh đơn thuần, ta cũng không hơn địch bao nhiêu, thông thường, phía tiến công phải có lực lượng từ năm lần trở lên, đông hơn phía phòng ngự. Hầu hết các đơn vị chủ lực của ta đã được tung ra chiến trường. Lúc này, ta chỉ còn để lại một trung đoàn của Đại đoàn 304 để bảo vệ hậu phương chiến dịch và khu căn cứ. Chúng ta vẫn ở vào thế yếu đánh mạnh.

Tuy nhiên, lợi thế của ta ở Điện Biên Phủ khá rõ: Ta chủ động tiến công, địch bị động phòng ngự; ta là lực lượng bao vây, địch là lực lượng bị bao vây. Lợi thế này cho phép ta tự quyết định: Đánh hoặc không đánh, lựa chọn địa điểm, thời gian mở cuộc tiến công. Đánh hay không đánh, đều có lợi cho ta. Nếu kìm giữ những lực lượng cơ động chủ yếu của địch một thời gian dài ở Điện Biên Phủ cho các chiến trường tiêu diệt địch, thì ta đã giành được một thắng lợi lớn trong Đông Xuân này.

Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ gồm ba phân khu yểm hộ lẫn nhau. Mỗi cứ điểm đều có khả năng phòng ngự độc lập. Nhiều cứ điểm được tổ chức lại thành cụm cứ điểm, gọi là "trung tâm để kháng theo kiểu phức tạp", có lực lượng cơ động, hỏa lực của mình, hệ thống công sự vững chắc, chung quanh là hào giao thông và hàng rào dây thép gai, khả năng phòng ngự khá mạnh. Mỗi phân khu gồm nhiều trung tâm

để kháng kiên cố như vậy. Mỗi trung tâm để kháng, cũng như toàn bộ tập đoàn cứ điểm, đều có hệ thống công sự nằm chìm dưới mặt đất, hệ thống công sự phụ (hàng rào, bãi dây thép gai, bãi mìn), hệ thống hỏa lực rất mạnh.

Phân khu trung tâm là bộ phận quan trọng nhất, tập trung hai phần ba lực lượng của địch (tám tiểu đoàn, gồm năm tiểu đoàn chiếm đóng và ba tiểu đoàn cơ động), có nhiều trung tâm để kháng yểm trợ lẫn cho nhau, bao bọc lấy cơ quan chỉ huy, các căn cứ hỏa lực và căn cứ hậu cần, đồng thời bảo vệ sân bay. Phía đông phân khu có cả một hệ thống điểm cao rất lợi hại, đặc biệt là những ngọn đồi A1, C1, D1, E1. Những điểm cao này giữ vai trò trọng yếu trong việc bảo vệ phân khu.

Ô phía bắc, có phân khu bắc, gồm các trung tâm đề kháng: Đổi Độc Lập, Bản Kéo. Đổi Độc Lập có nhiệm vụ án ngữ phía bắc, ngăn chặn con đường từ Lai Châu về Điện Biên Phủ. Trung tâm đề kháng Him Lam, tuy thuộc khu trung tâm, nhưng cùng với các vị trí đổi Độc Lập, Bản Kéo là những vị trí ngoại vi đột xuất nhất của dịch, án ngữ phía đông bắc, ngăn chặn cuộc tiến công của quân ta từ hướng Tuần Giáo vào. Ô phía nam là phân khu nam, còn gọi là phân khu Hồng Cúm, có nhiệm vụ ngăn chặn quân ta tiến công từ phía nam lên, đồng thời giữ đường liên lạc với Thượng Lào.

Hòa lục pháo binh được bố trí thành hai căn cứ: Một ở Mường Thanh, một ở Hồng Cúm, có thể yểm trợ lặn cho nhau và cho tất cả các cứ điểm khác mỗi khi bị tiến công. Ngoài hòa lục chung của tập đoàn cứ điểm, mỗi trung tâm đề kháng còn có hòa lục riêng, bao gồm nhiều súng cối các cỡ, súng phun lửa và các loại súng bắn thẳng bố trí thành hệ thống vừa tự bảo vệ, vừa yểm hộ cho những cứ điểm chung quanh.

Điện Biên Phủ có hai sân bay. Sân bay chính ở Mường Thanh và sân bay dự bị ở Hồng Cúm, nối liền với Hà Nội, Hải Phòng bằng một cầu hàng không, trung bình mỗi ngày có gần 100 lần chiếc máy bay vận tải tiếp tế khoảng 200 - 300 tấn hàng và thả dù khoảng 100 - 150 tấn.

Cuộc chiến đấu ở Điện Biên Phủ sẽ diễn ra trên cả địa hình đổi núi và đồng bằng. Những cứ điểm nằm trên dãy đồi phía đông, tạo thành bức bình phong che chở vững chắc cho khu trung tâm.

Từ lâu, người ta đã nói tới vai trò của một đốn nhỏ bé đặt ở một vị trí hiểm trở, cũng như nhiều đốn như vậy được nối liền với nhau ở vùng rừng núi trong chiến tranh. Clau-dơ-vít, nhà lý luận quân sự kinh điển, mặc dù đã nhấn mạnh vào những nhược điểm cơ bản của một cuộc chiến tranh phòng ngự tuyệt đối, ở vùng rừng núi, cũng đã viết: "Đương nhiên, phải thấy là một số lớn những đốn như vậy

được xây dựng sát bên nhau, tạo thành một mặt trận có sức mạnh to lớn, hầu như không thể công phá được"1. Mọi cuộc tiến công của bộ đội ta trên cánh đồng đều phải vượt qua hỏa lực máy bay, đại bác, xe tăng và sự phản kích của quân cơ động, kể cả quân dù, trước khi đổi đầu với hỏa lực bắn thẳng, hàng rào dây thép gai và bãi mìn của bản thân cứ điểm.

Nhiều nhân vật cao cấp của cả Pháp và Mỹ tới thăm Điện Biên Phủ, đều đánh giá đây là một "pháo đài không thể công phá".

Trung ương Đảng đã hạ quyết tâm tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ để tạo nên một bước ngoặt mới trong chiến tranh, trước khi để quốc Mỹ can thiệp sâu hơn vào Đông Dương. Ta cần tính đến trường hợp trận đánh

kéo dài tới mùa mưa, hậu cần sẽ giải quyết thế nào? Nhưng trước mắt, vấn đề quyết định là phải tìm ra cách đánh thích hợp với trình độ của bộ đội, khoét sâu vào những nhược điểm cơ bản của dịch, hạn chế tới mức thấp nhất sức mạnh phi pháo và phát huy tới mức cao nhất khả năng tác chiến của bộ đội và tính năng các loại vũ khí của ta.

Chúng ta đã nhìn thấy hai nhược điểm lớn của "con nhím Điện Biên Phủ":

Trước hết là tính cứng nhắc và thụ động của hệ thống phòng ngự bằng tập đoàn cứ điểm mà quân dịch đã lựa chọn. Tập đoàn cứ điểm là một kết cấu chặt chẽ của nhiều cứ điểm, nhưng trong thực tế, vẫn là những cứ điểm tách rời. Quân dịch ở đó tuy đông, nhưng khi một cứ điểm bị tiến công thì lực lượng đối phó chủ yếu vẫn là lực lượng của bản thân cứ điểm, cộng thêm với sự yểm trợ hỏa lực từ xa và sự can thiệp của một lực lượng quân ứng chiến không đông mà ta có điều kiện để hạn chế. Nhược điểm này cho phép ta tập trung sức mạnh tiêu diệt từng cứ điểm do ta lựa chọn, vào thời gian thích hợp.

Thứ hai là tính cô lập của bản thân "con nhím Điện Biên Phủ". Điện Biên Phủ nằm chơ vơ giữa vùng rừng núi mênh mông đã hoàn toàn giải phóng, rất xa những căn cứ hậu phương, nhất là những căn cứ không quân lớn của dịch, mọi việc tăng viện và tiếp tế đều phải dựa vào đường không. Nếu đường không bị hạn chế hay cắt đứt, nó sẽ nhanh chóng mất sức chiến đấu. Khống chế sân bay, hoặc cắt đứt sân bay Mường Thanh không còn là điều khó khăn với bộ đội ta hiện nay.

Do đó, ta đã chọn cách "đánh chắc tiến chắc". Thay vì một cuộc tiến công vào toàn bộ tập đoàn cứ điểm, ta sẽ xây dựng trận địa bao vây, chia cắt quân dịch, đưa pháo vào những vị trí an toàn, đặt các cứ điểm trong tầm bắn, khống chế sân bay, tiếp đến sẽ tiến hành một loạt trận công kiên, tiêu diệt từng trung tâm để kháng, bắt đầu từ tiêu diệt phân khu bắc, mở đường đưa bộ đội vào cánh đồng Mường Thanh,

cắt đứt sân bay, tiến tới bóp nghẹt "con nhím Điện Biên Phủ". Cách đánh này phù hợp với trình độ bộ đội ta, cho phép ta khoét sâu những nhược điểm của dịch, biến ưu thế về bình khí kỹ thuật của dịch trên chiến trường thành ưu thế áp đảo của ta trong từng trận đánh quyết giành thắng lợi.

Tôi trình bày bản báo cáo "Tích cực hoàn thành công tác chuẩn bị tiêu diệt toàn bộ quân dịch ở Điện Biên Phủ".

Đảng ủy dự kiến chiến dịch sẽ phát triển qua ba bước. Bước 1, hoàn thành mọi công tác chuẩn bị, gồm làm đường đưa pháo vào trận địa vững chắc, xây dựng trận địa bao vây và tiến công, chuẩn bị hậu cần chiến dịch. Lấy việc xây dựng trận địa pháo làm chuẩn về thời gian, khi nào pháo đã chiếm lĩnh các trận địa bắn, coi như công tác chuẩn bị cơ bản hoàn thành.

Bước 2, tiêu diệt các trung tâm đề kháng ở ngoại vi, thắt chặt trận địa tiến công và bao vây, thu hẹp phạm vi chiếm đóng, tiêu hao, tiêu diệt từng bộ phận quân địch, khống chế sân bay, hạn chế đi tới triệt hẳn nguồn tiếp tế và tiếp viện của tập đoàn cứ điểm. Bước 3, khi điều kiện đã chín muồi chuyển sang tổng công kích tiêu diệt toàn bộ quân địch ở Điện Biên Phủ.

Để tiến hành công tác chuẩn bị, Đảng ủy đề ra một số công việc phải thực hiện ngay:

- Tổ chức đường cơ động cho lưu pháo.
- Tổ chức trận địa lưu pháo thật kiên cố.
- Xây dựng trận địa tiến công và bao vây.
- Chuẩn bị sức khỏe cho bộ đội, quân số chiến đấu, chiến thuật, kỹ thuật (nhất là xây dựng trận địa và hiệp đồng bộ pháo).
- Chuẩn bị công tác cung cấp.

Mọi công tác chuẩn bị cần hết sức giữ bí mật, tránh địch gây cản trở, và tạo thế bất ngờ khi chiến dịch mở màn. Trước mắt, phải tổ chức các chốt bảo vệ khu vực trú quân thật vững chắc, đề phòng địch đánh ra.

Qua cuộc họp, tôi mới biết không phải mọi người đều thắc mắc khi được lệnh kéo pháo ra. Có những người thô phào nhẹ nhõm như cắt được gánh nặng, vì đã nhận thấy những khó khăn mà mình chưa biết giải quyết ra sao.

Mọi người đều thực sự phấn khối sau khi nghe phổ biến phương án tác chiến mới.

Chúng tôi cùng nhau liên hoan chào mừng xuân mới. Đoàn văn công Tổng cục Chính trị là đoàn văn công vừa đi dự Liên hoan Thanh niên và Sinh viên thế giới ở Bu-ca-rét, từ đầu chiến dịch đã đi sát các đơn vị tại hòa tuyến phục vụ liên miên, tối nay lại trở về Mặt trận bộ cùng vui Tết với hội nghị. Lần đầu, giữa núi rừng và ngay tại mặt trận, chúng tôi được xem những điệu múa lượn, múa quạt, múa sạp đầy màu sắc, duyên dáng, đậm đà hương vị quê hương.

5

Đi lần đi chiến dịch, tôi lại trở về "ngôi nhà" quen thuộc. Nó cũng giống như phần lớn những ngôi nhà của các cơ quan ở Việt Bắc trong kháng chiến, chỉ khác là ở mặt trận nó được thu nhỏ tới mức tối thiểu, đúng hơn là một cái lán. Vật liệu gồm cây, tre, luồng, lá móc, lá gồi kiếm

được tại chỗ. Giữa nhà có một chiếc bàn, mặt bàn đủ rộng để trải bản đồ. Hai bên là hai ghế dài, mặt ghế thường ghép bằng những cây vầu bổ đôi. Hai đầu nhà có hai chiếc giường giát nứa, một của tôi, một của đồng chí vệ sĩ. Không biết ai là người đầu tiên nghĩ ra kiểu nhà này. Nó đã ổn định tới mức không cần có sự cải tiến nào.

Ngôi nhà lần này nằm bên sườn núi Mường Phăng, có những cây dê cao vút. Mường Phăng, tiếng Thái có nghĩa là "bản lạnh". Khí hậu nơi núi cao quanh năm có sương, mây, mát mẻ, trong lành. Những cây lan rừng nở hoa không rực rỡ nhưng có một mùi hương đặc biệt, khi thì thoang thoảng đến bất chợt, chú ý tìm không thấy, khi thì nồng nàn. Chiến dịch nào các đồng chí đi trước chọn địa điểm sở chỉ huy cũng cố gắng tìm nơi có cảnh đẹp. Nhưng ở đây, ngoài cảnh đẹp, chỉ cần trèo lên đỉnh núi phía sau, là nhìn thấy cánh đồng Mường Thanh và tập đoàn cứ điểm của dịch. Hạnh phúc lớn nhất đối với người cầm quân là được ở bên bộ đội ngay tại mặt trận. Một nhà lý luận kinh điển về quân sự đã nói: Một mệnh lệnh của người chỉ huy nếu phải qua nhiều nấc thang mới tới được người lính, thì hiệu lực chỉ huy cũng giảm theo với những nấc thang đó. Ở sát bộ đội tất nhiên là cần thiết, nhưng được nhìn tận mắt chiến trường, điều đó theo tôi cũng rất có ý nghĩa, vì nó gợi cho mình nhiều suy nghĩ. Hễ có thời gian, tôi lại lên đỉnh núi, dùng ống nhòm quan sát trận địa, cảm thấy như mình đang được ở chiến hào, bên cán bộ và chiến sĩ.

Cơ quan tham mưu, chính trị cũng tụ tập quanh đây. Những dãy lán, mái lợp cỏ tranh, nằm rải dọc theo con suối. Bảo vệ cho sở chỉ huy vẫn chỉ có một lực lượng cảnh vệ nhỏ. Anh em trèo lên những cây cao quan sát từ xa người ra vào. Các chuyên gia bạn lần đầu sang ta đều nhận xét là ở Việt Nam kẻ địch có những phương tiện và vũ khí hiện đại, nhưng công tác bảo vệ những cơ quan đầu não của

ta quá sơ sài. Để bảo đảm an toàn ở hậu phương cũng như mặt trận chủ yếu vẫn là náu kín dưới tán cây rừng, và dựa vào dân.

Đảng ủy Mặt trận cùng các cán bộ lãnh đạo chia nhau đi các nơi xúc tiến công tác chuẩn bị.

Từ trước Tết, anh Lê Quang Đạo - Cục trưởng Cục Tuyên huấn, đã xuống Đại đoàn 308, anh Nguyễn Thanh Bình - Phó Chủ nhiệm Cung cấp tiền phương, đã sang chiến trường Thượng Lào. Anh Lê Liêm xuống các đơn vị theo dõi việc phổ biến chủ trương "đánh chắc tiến chắc". Anh Hoàng Văn Thái cùng một số cán bộ tham mưu, pháo binh, công binh đi dọc các dãy núi Pú Hồng Mèo, Pú Tà Cọ tìm đường cơ động pháo và trận địa pháo.

Chúng ta đã nhận thấy không thể tiếp tục kéo những khẩu pháo nặng hai tấn lên núi bằng tay và bố trí trận địa pháo trên những địa hình trống trải trong một trận đánh dài ngày, cần phải có đường cho xe kéo pháo vào trận địa; trận địa pháo phải được cấu trúc vững chắc, đủ sức chịu đựng những trận oanh kích của máy bay và pháo binh nếu chẳng may bị lộ. Làm được điều này không dễ dàng. Tập đoàn cứ điểm nằm trong một lòng chảo, chung quanh là núi cao trên dưới 1.000 mét. Những ngọn núi lớn khống chế được sân bay Mường Thanh đều ở cách xa từ 10 đến 12 ki-lô-mét. Nếu đặt pháo ở sườn núi bên ngoài lòng chảo thì mục tiêu cũng ở ngoài tầm bắn. Chúng ta buộc phải bố trí pháo ở sườn núi bên trong lòng chảo. Đây lại chính là điều nằm trong sự tính toán từ trước của địch. Viên chỉ huy pháo binh ở Mường Thanh đã cam kết với Na-va chỉ cần sau ba phát pháo của Việt Minh, hỏa điểm sẽ lập tức bị dập tắt. Ta đã biết khả năng của quân Pháp trong những cuộc phản pháo.

Lúc này chúng ta rất cần một tấm bản đồ chính xác về Điện Biên Phủ. Từ đầu chiến dịch, các đơn vị quân báo, trình sát ở mặt trận đã nhận lệnh phải tìm mọi cách đoạt bản đồ của địch. Sau này mới biết không riêng ta mà cả bộ tham mưu Pháp cũng rất lo lắng vì những tấm bản đồ cũ có nhiều sai sót sẽ ảnh hưởng rất lớn đến việc sử dụng hỏa lực không quân, đặc biệt là pháo binh. Người Pháp đã phải dùng máy bay để chụp bản đồ Điện Biên Phủ.

Ngày 28 tháng 12 năm 1953, một số chiến sĩ quân báo của Đại đoàn 308 do Đại đội trưởng Kim Giao chỉ huy, gan dạ phục kích tại một bản gần đồi Độc Lập, nơi quân địch thường tới tuần tiểu và nghiên cứu chuẩn bị lập một trung tâm để kháng mới. Họ đã nằm tại đây từ nửa đêm. Trời sáng một lúc, nghe có tiếng ô-tô. Và sau đó quân Pháp xuất hiện. Một toán địch đi tới gần trận địa. Chiến sĩ trinh sát Trần Mạnh Phấn phát hiện một sĩ quan to béo đeo lon trung tá, cầm trong tay chiếc cặp đựng tài liệu. Phấn nhả một băng tiểu liên hạ gục viên sĩ quan, xông tới giành lấy

chiếc cặp, rồi cả toán rút lui. Họ đã gặp may. Đó chính là trung tá Guýt - tham mưu trưởng của Đô Cát-xtơ-ri. Trong cặp có nhiều tài liệu quan trọng và một bản đồ về cấu trúc của tập đoàn cứ điểm. Nhưng đây chỉ là một sơ đồ, chưa phải tấm bản đồ chính xác mà pháo binh đang cần.

Đầu tháng 1 năm 1954, tôi nhận được một tấm bản đồ 1/25.000 mới nhất về Điện Biên Phủ. Một tổ trình sát sáu người của Đại đội 62 thuộc Tiểu đoàn trình sát 426 của Bộ, do một trung đội trưởng chỉ huy, trong khi tiềm nhập sân bay Mường Thanh đã thu được một chiếc hòm trong có nhiều tấm ảnh hàng không cỡ lớn và những tấm bản đồ Điện Biên Phủ. Đồng chí

Trần Phận, Trung đội trưởng trình sát lập công, được tặng thưởng ngay Huân chương Chiến công.

Một tấm bản đồ lập tức được gửi về hậu phương nhân bản để kịp thời phục vụ chiến dịch.

Nhưng lúc này, đoàn cán bộ đi điều tra vị trí đặt trận địa pháo và vạch những tuyến đường cho xe kéo pháo, mới chỉ có trong tay tấm bản đồ 1/100.000 thiếu rất nhiều chi tiết, và mấy chiếc ống nhòm, la bàn. Họ vừa đi vừa mồ đường, quan sát địa hình, ước tính độ dốc, bổ sung những ngọn núi, con suối không có trên bản đồ. Sáu trục đường được vạch ra quan hiểu vùng đồi núi cao ốc liên từ phía đông sang phía bắc Mường Thanh. Những khẩu pháo đặt ở đây có thể bắn tới mục tiều xa nhất là Hông Cúm.

Ngoài Trung đoàn công binh 151 làm nòng cốt, phần lớn các đại đoàn 312, 316 và Trung đoàn 675 được huy động vào nhiệm vụ làm đường cơ động pháo. Đại đoàn trưởng Đại đoàn 312 Lê Trọng Tấn dẫn đầu đơn vị mở lối tiến vào rừng sâu nhận cọc dấu và bố những nhát cuốc đầu tiên. Công binh phải làm những cây cầu vượt suối có sức chịu đựng 10 tấn, bảo đảm cho xe qua lại trong mùa mưa lũ. Nhiều vấn đề nảy sinh. Có những chỗ ngoặt theo yêu cầu của pháo binh phải mở rộng 12 mét, nhưng mới tính mở rộng 6 mét thì thành vại đã cao tới 20 mét! Một lần, tôi được báo cáo: Một tuyến đường sắp hoàn thành thì gặp dãy núi đá nằm chắn ngang! Anh Hoàng Văn Thái phải tới tận nơi trực tiếp giải quyết những vấn đề này.

Việc tìm trận địa cho pháo cao xạ cũng gặp khó khăn. Chỉ huy trung đoàn cao xạ báo cáo: Trên những địa hình hiện tại, nếu căn cứ vào bài học ở nhà trường, thì chỉ đạt được một trong tám điều kiện phải có để thiết lập một trận địa pháo cao xạ, là: "Không gần đường dây cao thế quốc gia"! Tôi đã nói: "Đúng là các đồng chí có khó khăn, nhưng cũng đừng lệ thuộc hoàn toàn vào những quy tắc đã học ở nhà

trường. Phải cố gắng phát huy tinh thần sáng tạo của quân đội nhân dân, của pháo binh cách mạng Việt Nam".

Chỉ sau hơn hai chục ngày lao động khẩn trương, cả sáu tuyến đường cơ động pháo, dài 70 ki-lô-mét, đã hoàn thành. Khi trận Điện Biên Phủ kết thúc, đoàn tù binh đi qua những con đường này về trại tập trung, đã nhận xét: "Riêng với việc làm được những trục đường này, các ông cũng đủ thắng chúng tôi rồi!".

Việc xây dựng các hầm pháo tốn khá nhiều công sức. Hầm pháo nằm sâu trong lòng núi, có công sự bắn, công sự ấn nấp riêng, đủ rộng để pháo thủ thao tác dễ dàng khi chiến đấu. Nấp hầm dày trên ba mét, gồm nhiều lớp gỗ, đất, xen với những lớp bó trúc, đủ sức chịu đựng pháo 105mm. Cạnh hầm pháo là hầm chỉ huy và hầm chứa đạn. Cứ bốn khẩu đội lại có chung một

hầm làm nơi hội họp hoặc vui chơi. Nối liền các hầm pháo là hào giao thông khá rộng và sâu, có rãnh thoát nước và hố tránh bom na-pan. Lại có đường hào nổi từ trận địa pháo về tuyến cung cấp, nơi có đủ hầm ăn, hầm ờ, hầm thương binh, hầm nấu ăn, hầm giấu xe... Bên mỗi trận địa thật đều có trận địa giả để thu hút bom đạn địch. Đào một hầm pháo trung bình phải moi từ lòng núi khoảng từ 200 tới 300 khối đất, đá, rồi đổ toàn bộ lên nắp hầm. Gỗ cây lát nóc hầm có đường kính từ 30 phân trở lên. Toàn bộ số gỗ cây này phải lấy từ xa, khoảng 9-10 ki-lô-mét, đưa về để không làm lộ trận địa. Một khối lượng công trình khổng lồ! Có những chiến sĩ một ngày phải bố tới hai ba nghìn nhát cuốc. Tất cả những lưỡi xẻng, lưỡi cuốc đem ra dùng đều mòn vẹt. Các trận địa lựu pháo được bố trí cách khu trung tâm Mường Thanh khoảng bây ki-lô-mét, và cách các vị trí ngoại vi 4 - 5 ki-lô-mét. Do đó, không những cần phải ngụy trang toàn bộ công trình trước con mắt soi mới của máy bay trình sát, mà còn phải không để cho quân địch ở các vị trí ngoại vi nghe được tiếng nổ mìn phá đá, chặt cây, đào đất.

Trong thời gian pháo thủ đánh vật với hầm hào, các chiến sĩ quan trắc, thông tin cũng lăn lộn với đèo dốc, sương mù, đèm tối và bom đạn để hoàn thành việc đo đạc, lập tọa độ các mục tiêu và nổi mạng dây thông tin dài hơn 60 ki-lô-mét của riêng trung đoàn lựu pháo. Có những đồng chí đã hy sinh trong thời gian chuẩn bị.

Để bảo đảm thực hiện phương châm "đánh chắc tiến chắc" thành công, việc xây dựng trận địa bao vây và tiến công có tính quyết định.

Công việc này rất mới mẻ. Trận địa chiến hào của ta không có vật chướng ngại bảo vệ, như dây thép gai, bãi mìn, nhưng nó phải bảo đảm điều kiện cho các hoạt động chiến đấu, cũng như mọi sinh hoạt bình thường và lâu dài của bộ đội. Nó không chỉ giúp cho bộ đội tiếp cận các vị trí địch dưới bom đạn, cả ban đêm và ban ngày, mà

còn là nơi cơ động pháo, vận chuyển thương binh. Nó là cả một hệ thống hầm, hào lớn, nhỏ phức tạp, vừa mang tính tiến công, vừa mang tính phòng ngự, đặc biệt là có chiều dài cả trăm ki-lô-mét. Trong đợt đầu, chúng ta xây dựng một đường hào trục chung quanh cánh đồng Mường Thanh và đường hào tiếp cận những trung tâm để kháng bảo vệ tập đoàn cứ điểm ở phía bắc.

Các cố vấn Trung Quốc giới thiệu với chúng ta kinh nghiệm của bạn trong Chiến dịch Hoài Hải. Tại đây, giải phóng quân đã đào những đường hào cho pháo và ô-tô vận động dưới những trận oanh kích của địch. Các đồng chí cũng nhắc đến kinh nghiệm chiến đấu đường hầm ở Triều Tiên. Quân chí nguyện Trung Quốc và Quân đội Triều Tiên đã kiến thiết những đường hầm trong lòng núi tuyệt đối an toàn trong những trận đấu pháo với địch.

Anh Thái tổ chức cho một đơn vị công binh đào thực nghiệm trên cánh đồng gần Sở chỉ huy Mường Phảng để rút kinh nghiệm. Tôi cùng đồng chí cổ vấn Mai Gia Sinh trực tiếp theo dõi việc đào trận địa chiến hào của một tiểu đội theo những yêu cầu Bộ chỉ huy Mặt trận đã đề ra. Sau đó, Ban Tham mưu Mặt trận ra chỉ thị hướng dẫn cho các đơn vị kích thước tiêu chuẩn các loại hầm, hào và năng suất, khối lượng đất đào trong một ngày.

Cơ quan tham mưu mặt trận cử cán bộ xuống các đại đoàn để chỉ đạo xây dựng trận địa.

Chung quanh Điện Biên Phủ bắt đầu xuất hiện một công trường khổng lồ. Những con đường cơ động pháo nhanh chóng hiện ra dưới rừng cây, hoặc dưới giàn ngụy trang không đổi màu. Rất nhiều chiến hào từ núi cao đổ xuống cánh đồng, không ngừng mọc thêm những nhánh mới, không ngừng lan rộng.

Từ đầu chiến dịch, công tác chính trị đã được tiến hành rất tốt. Dọc đường hành quân, chúng ta đã giải quyết cho bộ đội tư tưởng muốn về đánh đồng bằng, bằng cách giáo dục phương châm "tích cực, chủ động, cơ động, linh hoạt" của Trung ương. Những lúc bộ đội tưởng về xuôi lại hóa lên ngược, đang đi được lệnh dừng, đang dừng được lệnh đi nhanh, anh em không thắc mắc nhiều. Cuối cùng, mọi người đều xác định: "Đời chúng ta đâu có giặc là ta cứ đi"1. Trên con đường dài tới mặt trận, mặc dù luôn luôn bị máy bay dịch cản trở, tinh thần bộ đội không hề xao xuyến, rất ít người rơi rớt dọc đường. Đây là một cuộc hành quân chiến dịch tốt nhất từ xưa tới nay.

Công tác chính trị lúc này triển khai một cách sâu rộng. Trước tập đoàn cử điểm mạnh chưa từng có, chúng ta đã xây dựng cho bộ đội một quyết tâm chiến đấu rất cao. Cán bộ, chiến sĩ đã thấy được chỗ mạnh, chỗ yếu của địch, những điều kiện tất

thắng của ta. Ý nghĩa to lớn của chiến dịch thấm tới từng người: "Tiêu diệt tập đoàn cứ điểm mạnh nhất của địch, đập tan kế hoạch Na-va, đánh bại âm mưu kéo dài chiến tranh xâm lược của đế quốc Pháp - Mỹ, mở ra một cục diện mới cho kháng chiến". Những khẩu hiệu của chiến dịch đã trở thành niềm quyết tâm của mọi người:

- Tiêu diệt toàn bộ quân địch ở Điện Biên Phủ!
- Địch có thủ, kiên quyết đánh!
- Địch bỏ chạy, kiên quyết truy!
- Địch tăng cường, kiên quyết diệt!...

Đợt học tập mới đã giúp mọi người nhận thấy sự chính xác của phương châm tác chiến "đánh chắc tiến chắc" trên cơ sở so sánh mọi khó khăn, thuận lợi của ta và địch. Tổng Quân ủy gửi thư hiệu triệu toàn thể cán bộ, đảng viên hoàn thành nhiệm vụ Trung ương Đảng đã trao.

Nhân ngày kỷ niệm thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam - 22 tháng 12 năm 1953, Bác Hồ đã trao cho mỗi đại đoàn, mỗi quân khu một lá cờ "Quyết chiến quyết thắng" làm giải thưởng luân lưu. Các chi bộ đều mở hội nghị xác định thái độ đảng viên, kêu gọi đảng viên dẫn đầu trong chiến đấu, cắm bằng được lá cờ của Bác trên nóc sở chỉ huy tập đoàn cứ điểm. Lá cờ Quyết chiến quyết thắng đã trở thành một biểu tượng thiêng liêng trong chiến dịch, ngọn đuốc dẫn đường đi tới chiến thắng trong mỗi trận đánh.

Chương sáu CON NHIM ĐIỆN BIÊN PHỦ

hời gian đầu, việc xây dựng công trình phòng ngự ở Điện Biên Phủ do đại đội công binh của binh đoàn không vận số 2 chịu trách nhiệm. Công việc chủ yếu của lính công binh là sửa chữa đường băng sân bay và bắc cây cầu gỗ qua sông Nậm Rốm nối liền sân bay với làng Mường Thanh và đường số 41. Năm ngày sau khi quân Pháp nhảy dù, chiếc Đa-kô-ta đầu tiên hạ cánh xuống sân bay. Những tiểu đoàn dù tự xây dựng công sự phòng thủ bịt con đường phía bắc, từ Lai Châu xuống, cũng như phía tây nam, từ Lào sang, ngăn không cho bộ đội ta tiếp cận sân bay, và trên những môm đồi phía đông sau này là trung tâm để kháng Ê-li-an. Cấu trúc tập đoàn cứ điểm mới được phác họa trên những nét lớn.

Việc xây dựng công trình phòng ngự lâu dài chỉ thực sự bắt đầu khi bộ chỉ huy Pháp biết tin những đại đoàn chủ lực của ta đang vận động lên Tây Bắc. Ngày 4 tháng 12 năm 1953, tiểu đoàn công binh số 31 được đưa lên Điện Biên Phủ thay

thế đại đội công binh dù. Công việc trước tiên của tiểu đoàn là dùng ghi sắt phủ toàn bộ 6.000 mét vuông đường băng cho máy bay vận tải hạng nặng hạ cánh. Những tấm ghi này có thể thay thế hữu hiệu đường băng bê tông trong một thời hạn nhất định. Những ngày sau đó là cuộc không vận tăng viện ồ ạt cho Điện Biên Phủ. Một số đơn vị dù được đưa về Hà Nội làm lực lượng dự bị và thay thế bằng những đơn vị lẻ dương thích hợp với cuộc chiến đấu phòng ngự hơn. Pháo không giật và những khẩu pháo 105mm kém chất lượng chuyển từ Lào sang thời kỳ đầu cũng được thay thế bằng pháo 105mm, 155mm và cối 120mm, nhiều khẩu mới nhận của Mỹ.

Ngày 16 tháng 12 năm 1953, Đò Cát-xto-ri ra lệnh cho tất cả các đơn vị phải cùng cố vị trí chống được pháo 105mm của đối phương. Muốn vậy, nắp hầm phải có hai lớp gỗ cây đường kính 15 xăng-ti-mét cách nhau một mét

đất được lèn chặt, bên trên có những bao tải đất để chống mảnh nổ. Việc bảo vệ một tiểu đội chiến đấu chống lại pháo 105mm cần tới 30 tấn nguyên liệu. Xuy-đơ-rát, chỉ huy tiểu đoàn công binh, tính toán muốn xây dựng một công trình phòng ngự cho 12 tiểu đoàn ở Điện Biên Phủ phải có 36.000 tấn vật liệu.

Quân Pháp ra lệnh phá nhà của dân thu được 2.200 tấn gỗ tốt. Cuộc không vận tăng viện cho Thượng Lào thu hút phần lớn máy bay vận tải. Cuối cùng, bộ chỉ huy Pháp chỉ đáp ứng được con số tối thiểu: 8.000 tấn; trong đó có 3.000 tấn dây thép gai, 510 tấn ghi lát cho sân bay chính ở Mường Thanh và sân bay dự bị ở Hồng Cúm, 44 tấn cấu kiện xây dựng một chiếc cầu be-lây, 70 tấn gồm năm chiếc xe ủi đất, 4,5 tấn thép, 130 khối gỗ và 30.767 trái mìn các loại. Theo Xuy-đơ-rát, số vật liệu này chỉ đủ cho trận địa phân khu trung tâm, trung tâm truyền tin và phòng X.quang trong bệnh viện dưới lòng đất, số còn lại phải do các đơn vị tự xoay xổ bằng cách thu thập tại chỗ!

Tập đoàn cứ điểm hình thành với ba phân khu: Phân khu trung tâm phân khu bắc và phân khu nam.

Phân khu trung tâm nằm chung quanh sân bay Mường Thanh, có năm trung tâm đề kháng: Huy-ghét, gồm một số cứ điểm nằm ở phía tây sân bay, hữu ngạn sông Nậm Rốm: Clô-đin, gồm những cứ điểm nằm ở nam sân bay, hữu ngạn sông Nậm Rốm; Ê-li-an, gồm những cứ điểm ở phía đông phân khu trung tâm, tả ngạn sông Nậm Rốm; Đô-mi-ních, gồm những cứ điểm ở đông sân bay, tả ngạn sông Nậm Rốm; và Ê-péc-vi-ê, cơ quan số chỉ huy tập đoàn cứ điểm.

Hai phần ba quân địch cùng với trên 30 cứ điểm liên kết với nhau thành một khối rắn chắc quanh sân bay và dây đồi ở phía đông cánh đồng. Đây sẽ là nơi quyết định

thành bại của trận đánh.

Một trung tâm đề kháng không nằm trong phân khu trung tâm nhưng lại gắn liền với nó là Bê-a-tơ-ri-xơ1, gồm những cứ điểm ở bắc phân khu 2,5 ki-lô-mét, có nhiệm vụ ngăn chặn quân ta từ Tuần Giáo tiến vào theo đường số 41.

Để bảo vệ cho phân khu trung tâm từ xa ở hướng bắc, trên con đường từ Lai Châu về, có phân khu bắc, gồm hai trung tâm để kháng: Ga-bơ-ri-en, nằm cách xa phân khu trung tâm 4 ki-lô-mét và An-nơ Ma-ri-a, nằm gần sân bay Mường Thanh.

Để bảo vệ phân khu trung tâm ở phía nam có phân khu I-da-ben nằm cách phân khu trung tâm 5 ki-lô-mét trên con đường sang Thượng Lào. I-da-ben với trên hai nghìn quân và một sân bay cùng với phân khu trung tâm Mường Thanh có thể ứng cứu, chi viện cho nhau bằng hóa lực và bộ binh khi bị tiến công.

Bộ chỉ huy Pháp đưa tới sân bay Mường Thanh sáu máy bay trình sát và một phi đội máy bay ném bom - tiêm kích, do thiếu tá Ghê-ranh chỉ huy. Quân Pháp đã xây dựng những nơi trú ẩn cho máy bay khi không làm nhiệm vụ.

Đầu tháng 12, Đô Cát-xtơ-ri thấy cần phải có những xe tăng hạng nhẹ cho Điện Biên Phủ. 10 trong số 18 chiếc M-24 Shaffee của Hoa Kỳ mới viện trợ, được chuyển tới Điện Biên Phủ bằng một cầu hàng không đặc biệt gồm năm chiếc máy bay C-47 và hai máy bay vận tải Bristol của Anh.

Mặc dù biết ta không có máy bay, nhưng thiếu tá Vôn - cố vấn Mỹ ở tập đoàn cứ điểm, khuyên Đô Cát-xtơ-ri nên yêu cầu Hà Nội chuyển cho mình loại trọng liên cao xạ 12,7mm bốn nòng; anh ta nói mình đã chứng kiến những khẩu súng này biến những đợt tiến công của quân địch thành những mảnh vụn trên chiến trường Triều Tiên. Và Đô Cát-xtơ-ri đã được đáp ứng.

2

a tới lúc nên điểm diện những nhân vật và những đơn vị liên quan trực tiếp đến sự thành bại ở Điện Biên Phủ.

Nhiều người trong cơ quan chỉ huy Pháp ở Đông Dương gọi Điện Biên Phủ là "trận đánh của Tổng chỉ huy" (la bataille du Généchef). Đúng là không có Na-va thì không có việc đưa quân lên Tây Bắc trong Đông Xuân 1953-1954. Na-va cũng tự nhận là tác giả con nhím Điện Biên Phủ và mình chịu trách nhiệm về nó. Do đó, mọi quyết định lớn ở Điện Biên Phủ đều thuộc quyền tổng chỉ huy.

Theo báo Times, một quan chức cao cấp ở Oa-sinh-tơn đánh giá "Na-va là một người can đảm, kiên quyết và giàu tưởng tượng. Ông ta biết nghề nghiệp của mình,

có bản lĩnh quân sự và chính trị hạng nhất... Ông ta đứng đầu một ê-kíp mới có vẻ như xuất sắc".

Cô-nhi là người trực tiếp với trận đánh. Cô-nhi lúc đầu không tán thành cuộc hành binh Hải Ly, sau đó lại rất đồng tình với việc xây dựng ở đây một tập đoàn cứ điểm "kiểu Nà Sản" để giành chiến thắng. Lực lượng ở Điện Biên Phủ, trừ ba tiểu đoàn ở Lai Châu chuyển về, đều lấy từ đồng bằng Bắc Bộ. Cô-nhi đã làm tất cả những gì có thể làm được cho canh bạc này.

Tướng Gin là người đã chỉ huy tập đoàn cứ điểm Nà Sản và đánh chiếm Điện Biên Phủ nhưng không có vai trò gì lớn trong trận đánh, ông ta đã khôn ngoan viện lý do mình là sĩ quan dù không thích hợp với nhiệm vụ để sớm rút khỏi sân khấu. Một số người được gọi ý đảm đương trọng trách này đã từ chối, vì không muốn sự nghiệp của mình sẽ tiêu ma. Cuối cùng cả Cô-nhi và Na-va thống nhất chọn Đờ Cát-xtơ-ri.

Sau cuộc chiến, qua lời khai của tù binh cũng như qua sách báo phương Tây, chúng ta có điều kiện hiểu thêm về những nhân vật chủ chốt của tập đoàn cứ điểm.

Đờ Cát-xtơ-ri, chỉ huy trưởng, 52 tuổi, được biết đến trong quân viễn chinh vì nguồn gốc quý tộc của mình và lòng dũng cảm. Đờ Cát-xtơ-ri tham gia nhiều trận đánh ở Pháp, Đức, Ý và Đông Dương. Tháng 4 năm 1940, với 60 binh lính, Đờ Cát-xtơ-ri đã cầm cự suốt ba ngày với một tiểu đoàn quân Đức và chỉ chịu trở thành tù binh khi đã bị thương và bắn hết đạn. Đờ Cát- xtơ-ri ba lần trốn khỏi trại giam và thành công lần cuối bằng cách cùng với hai mươi sĩ quan khác đào một đường hầm. Đờ Cát-xtơ-ri đã vượt một chặng đường dài đầy khó khăn từ Đức trở về Pháp rồi đến với lực lượng kháng chiến Pháp ở Bắc Phi. Riêng với những thành tích này Đờ Cát-xtơ-ri đủ xứng đáng được lựa chọn làm người chỉ huy một công trình phòng ngự quan trọng. Đờ Lát đờ Tát-xi-nhi đã chỉ định Đờ Cát-xtơ-ri sang Đông Dương lần thứ hai và trao nhiệm vụ chỉ huy Khu Nam đồng bằng Bắc Bộ, Na-va đã biết Đờ Cát-xtơ-ri trước đó hai mươi năm ở tập đoàn quân 1, khi Đờ Cát-xtơ-ri còn là sĩ quan hậu cần, và sau đó là đại đội trưởng trong binh đoàn thiết giáp Ma-rốc thứ 3 (3è Spahis Marocain) của Na-va trong chiến dịch Alsace.

Có người hỏi Na-va vì sao lại trao quyền chỉ huy Điện Biên Phủ đáng lẽ phải là một viên tướng, cho một đại tá? Na-va trả lời: "Cả tôi lẫn Cô-nhi đều không trông lon mà xét người nên cũng chẳng sùng bái gì lắm mấy ngôi sao cấp tướng. Tôi khẳng định: Trong số các chỉ huy được lựa chọn, không ai có thể làm giỏi hơn Đờ Cát-xtơ-ri!"1.

Một nhân vật thứ hai giữ vai trò quan trọng tại tập đoàn cứ điểm là Lăng-gơ-le. Sau cuộc chiến, nhiều người nói Lăng-gơ-le mới thực sự là người

chỉ huy ở Điện Biên Phủ, tuy về chức vụ, ông ta chỉ là phó của Đò Cát-xtô-ri. Lăng-gô-le được coi là dũng cảm và quyết đoán trong chỉ huy, đã cùng với binh đoàn không vận số 2 của mình nhảy dù xuống Điện Biên Phủ.

Hai nhân vật này đều là những sĩ quan chuyên nghiệp khá điển hình trong quân đội Pháp, nhưng lại có những xuất xứ và cá tính trái ngược nhau.

Đò Cát-xtô-ri thuộc một dòng họ có quá trình binh nghiệp lâu đòi, ông cha đã nhiều người làm tướng, có người làm tới thống chế, bộ trưởng hải quân. Lăng-gô-le chỉ là một người dân của xứ Brô-ta-nhơ nghèo nàn ở miền tây nước Pháp. Nhưng Đò Cát-xtô-ri lại xuất thân từ một lính kỵ binh thực thụ, sau đó được đưa đi đào tạo thành sĩ quan. Lăng-gô-le trái lại, là một sĩ quan được đào tạo cơ bản từ đầu tại trường quân sự Xanh Xia nổi tiếng. Đò Cát-xtô-ri luôn luôn tỏ ra nhẹ nhàng, lịch thiệp, sống cách biệt với cấp dưới. Lăng-gô-le thích sống cô độc, nói năng cục cằn, hay cáu kỉnh, nhưng lại rất gắn bó với binh lính.

Bi-gia, chỉ huy tiểu đoàn dù thuộc địa số 6, có lẽ là nhân vật tiêu biểu nhất của tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Bi-gia nổi tiếng là một viên chỉ huy bất trị, hay cãi khi cấp trên ra mệnh lệnh không hợp ý mình, nhưng lại biết ứng phó khi gặp khó khăn trong chiến đấu. Bi-gia thường nói với binh lính: "Hãy tập nhìn thẳng vào cái chết". Người ta sinh ra anh để mà chết. Hãy đi đến nơi cái chết đang chờ". Nhiều bạn bè không chịu được, nhưng Bi-gia lại được binh lính mến phục. Bi-gia nhanh chóng trở thành chỉ huy phó của khu trung tâm tập đoàn cứ điểm. Bi-gia và tiểu đoàn dù 6 không xa lạ với bộ đội ta. Ở Nghĩa Lộ trong Chiến dịch Tây Bắc, Trung đoàn 165 đã đánh đuổi tiểu đoàn này đến bờ sông Đà, sau đó nó phải trở về Hà Nội để cùng cố. Bi-gia là nhân vật nhiều lần trực tiếp chạm trán với bộ đội ta ở Điện Biên Phủ trong những trận phản kích quyết liệt. Một thời gian sau Điện Biên Phủ, Bi-gia trở thành bộ trưởng bộ quốc phòng Pháp.

Cả ba viên sĩ quan này đều tới Đông Dương rất sớm. Đò Cát-xtô-ri có mặt từ năm 1946, chỉ huy một đơn vị cơ giới nhẹ, có tiếng là sục sạo giỏi. Lăng-gô-le đã chiến đấu với Vệ quốc đoàn và tự vệ trên đường phố Hà Nội mùa đông năm 1946, đã ở biên giới Việt - Trung, Trung Bộ, Thượng Lào. Bi-gia tới Sài Gòn từ thời tướng Lô-cléc, tháng 10 năm 1945 và suốt tám năm chưa hề rời chiến trường. Bi-gia đã dành nhiều thời gian tìm hiểu cách đánh của ta.

Sau khi nhận chức ngày 8 tháng 12 năm 1953, Đò Cát-xtô-ri đã bắt tay vào việc xây dựng công trình phòng ngự lâu dài và yêu cầu nâng quân số tập đoàn cứ điểm lên 12 tiểu đoàn gồm những đơn vị có chất lượng. Cô-nhi đã nhanh chóng đáp ứng yêu cầu này. Trừ hai tiểu đoàn bộ binh Thái và một

tiểu đoàn dù ngụy là người bản xứ, do những sĩ quan Pháp chỉ huy, số còn lại đều là những đơn vị Âu - Phi được lựa chọn trong các binh đoàn cơ động, gồm năm tiểu đoàn bộ binh và dù lẻ dương, bốn tiểu đoàn Bắc Phi. Tất cả đều là đơn vị có truyền thống lâu đời hoặc đã được thử thách nhiều trong chiến đấu và có chỉ huy tốt.

Tiểu đoàn 1 và Tiểu đoàn 3 của bán lữ đoàn lẻ dương thứ 13 (13è ĐBLE) được coi là một trong những đơn vị huyền thoại của quân đội Pháp, chưa hề thua trận kể cả những ngày đen tối trong đại chiến thế giới thứ hai. Bộ đội ta đã từng chạm trán với bán lữ đoàn này trong Chiến dịch Hòa Bình và những trận càn quét lớn ở đồng bằng Bắc Bộ.

Tiểu đoàn 1 trung đoàn bộ binh lẻ dương số 2 (1/2 REI), tiểu đoàn 3 trung đoàn bộ binh lẻ dương số 3 (3/3 REI) là những tiểu đoàn mạnh gồm phần lớn binh lính người Đức nhưng cũng có cả người Ý, người Tây Ban Nha, người Nam Tư.

Tiểu đoàn dù lẻ dương số 1, tiểu đoàn dù xung kích số 8 thuộc binh chủng con cưng mà người Pháp rất tự hào, vẫn được dùng để quyết định chiến trường. Chúng được chọn làm lực lượng phân kích của tập đoàn cứ điểm.

Các đơn vị lẻ dương vốn được coi là nòng cốt của quân đội viễn chinh.

Tiểu đoàn 2 trung đoàn bộ binh An-giê-ri số 1 (2/1 RTA), tiểu đoàn 3 trung đoàn bộ binh An-giê-ri số 3 (3/3 RTA), tiểu đoàn 5 trung đoàn bộ binh An-giê-ri số 7 (5/7 RTA), tiểu đoàn 1 trung đoàn bộ binh Ma-rốc số 4 (1/4 RTM) là những đơn vị tin cậy từng tham gia những trận đánh ở Nam Bộ, Trung Bộ, đồng bằng Bắc Bộ và ở Lào.

Tiểu đoàn Thái số 2 (BT 2), tiểu đoàn Thái số 3 (BT 3) là những lục lượng đã được thử thách tại Nghĩa Lộ và Nà Sân.

Xuất thân từ pháo binh, Cô-nhi rất coi trọng hòa lực. Từ thời Na-pô-lê-ông, nước Pháp đã tự hào về pháo binh. Người ta quyết định chọn cho Đờ Cát-xtơ-ri một viên phó chỉ huy đặc trách pháo binh. Đó là đại tá Pi-rốt. Pi-rốt đã mất cánh tay trái trong một trận đánh tại Ý năm 1943 và vẫn được giữ lại trong quân đội vì những kinh nghiệm chuyên môn giỏi của mình. Theo ý kiến của Cô-nhi, chàng pháo thủ Pi-rốt là sự bổ sung tuyệt vời cho chàng kỵ sĩ Đờ Cát-xtơ-ri.

Những đơn vị pháo binh giỏi được điều lên Điện Biên Phủ. Đó là Tiểu đoàn 3 trung đoàn pháo thuộc địa thứ 10 (3/10e RAC), một đơn vị pháo phối thuộc với bán lữ đoàn lẻ dương thứ 13. Tiểu đoàn thứ hai thuộc trung đoàn pháo thuộc địa thứ tư (4e RAC), trung đoàn pháo kỳ cựu nhất của Pháp ở

châu Á, đã có mặt tại Bắc Kỳ từ những năm 1883-1885 và trong cuộc xâm lăng vào Trung Quốc năm 1890 ở Thiên Tân, Bắc Bình. Trọng pháo 155mm, loại pháo lớn

nhất của quân đội Pháp tại Đông Dương, được đưa lên Điện Biên Phủ. Ngoài hai tiểu đoàn pháo rất đáng tin cậy, còn có ba đại đội cối hạng nặng 120mm, mặc dù bắn không xa và không thật chính xác, nhưng với cách bắn cầu vồng có thể phá hoại các giao thông hào của đối phương. Loại pháo này được trang bị cho các trung tâm đề kháng trọng yếu.

Theo cách đánh giá của phương Tây thì khu trung tâm tập đoàn cứ điểm chỉ rộng khoảng 2,5 ki-lô-mét vuông đã có tới 12 khẩu 105mm, bốn khẩu 155mm, 24 khẩu cối 120mm và 81mm và một số dự trữ đạn dược đồ sộ (tương đương từ sáu đến chín cơ số đạn trước trận đánh) là quá mạnh.

3

Ọt điều chúng ta còn ít chú ý là ngay từ đầu bộ chỉ huy Pháp đã không coi căn cứ bộ binh - không quân, Điện Biên Phủ là một điểm ngăn chặn đơn thuần; quân Pháp không phòng ngự một cách bị động chờ bộ đội ta tới tiến công.

Mười ngày sau khi nhảy dù xuống Mường Thanh, ngày 30 tháng 11 năm 1953, Cô-nhi chỉ thị cho binh đoàn đồn trú phải tiến hành ngay những cuộc hành binh thọc sâu vào phía sau đối phương, bắt liên lạc với những đơn vị biệt kích tại Tây Bắc, hỗ trợ cho lực lượng này đẩy mạnh các hoạt động quấy rối. Pháp chủ trương đưa cuộc chiến vào hậu phương ta để bảo vệ cho khu vực mới chiếm đóng.

Béc-na Phôn đã ghi lại một cách khá đầy đủ những hoạt động giải tỏa của Đờ Cát-xtơ-ri trong thời gian này. Đầu tháng 12 năm 1954, tiểu đoàn dù xung kích số 8 do Tua-rê chỉ huy, được tăng cường một đại đội ngụy Thái tiến lên phía bắc. Chúng hành quân hai ngày lên tới Mường Pồn và dãy núi Pha Thông không gặp trở ngại. Trong khi đó, tiểu đoàn dù thuộc địa số 1 của Xu-kê và một bộ phận của tiểu đoàn 2 trung đoàn dù tiêm kích số 1 (2/1 RCP)1 của Brê-xi-nhắc tiến thẳng theo đường số 41 về phía đông. Những tên lính dù đi nghênh ngang, không đề phòng gì nhiều vì chúng tin là chưa đơn vị nào của ta kịp có mặt ở vùng này. Ra khỏi Mường Thanh chưa đẩy năm ki-lô-mét, bất thần một loạt dạn súng cối và lựu dạn giáng xuống

giữa đội hình Đại đội 1. Chỉ trong ít phút trung đội đi đầu bị loại khỏi vòng chiến đấu. Tiếp đó là những đợt xung phong liên tiếp của bộ đội ta. Đôi bên chiến đấu giáp lá cả bằng lưỡi lê, dao găm, lựu đạn. Nhờ có những loạt đạn pháo từ Mường Thanh Đại đội 1 thoát khỏi bị tiêu diệt. 14 lính dù chết, 26 tên khác bị thương nằm la liệt trên mặt đất.

Cuối cùng, quân địch phát hiện ra kẻ gieo tai họa là Tiểu đoàn 888 của Trung đoàn 176 Đại đoàn 316. Cô-nhi tới xem xét, quyết định lập ngay một điểm trên môm

506 bên đường số 41, cách phía tây bản Him Lam 300 mét.

Những ngày tiếp theo, những cuộc hành binh khác lại tiếp tục với quân số lớn hơn. Nhưng chúng vẫn rơi vào những trận địa phục kích của ta, buộc phải rút lui.

Sau khi binh đoàn biệt kích không vận hỗn hợp của Tây Bắc từ Lai Châu rút chạy về Điện Biên Phủ bị tiêu diệt, Đò Cát quyết định phải bắt liên lạc với lực lượng của Cre-vô-cơ từ Lào tiến sang. Cánh quân này bị những đơn vị của Trung đoàn độc lập 148 chặn đánh đã dừng lại ở Sốp Nạo.

Ngày 21 tháng 12 năm 1953, bình đoàn không vận số 2, do chính Lăng-gô-le chỉ huy, tiến về phía tây Điện Biên Phủ. Tới Mường Khoa, lực lượng này chạm phải Tiểu đoàn 920 của Trung đoàn 148. Cuộc chiến đấu diễn ra suốt ngày. Và nó còn tiếp diễn gay gắt hơn trên đường đi. Ngày 23 tháng 12, hai cánh quân của Lăng-gô-le và Cre-vô-cô gặp nhau tại Sốp Nạo. Sau đó, Lăng-gô-le quay về Điện Biên Phủ. Sợ vấp Trung đoàn 148 một lần nữa, Lăng-gô-le phải mở một con đường mới xuyên rừng. Để giữ bí mật, máy bay không thả dù tiếp tế dọc đường. Mặc dù đã vứt bỏ lại tất cả những trang bị nặng, binh lính vẫn phải trải qua một cuộc hành quân cực kỳ bi đát, vừa đối vừa khát, chui lùi giữa rừng sâu rậm rịt, đầy muỗi vắt. Ngày 26 tháng 12, cả bọn reo lên khi nhìn thấy Điện Biên Phủ. Nhưng vẫn chưa kết thúc. Một phát súng lê loi không biết từ đâu xuất hiện, quật ngã vĩnh viễn một tên lính dù... Lăng-gô-le rút ra kết luận: Không thể có ảo tưởng thiết lập quan hệ thường xuyên giữa vùng rừng núi cực kỳ hiểm trở với bất cứ một vị trí nào ở gần nhất trên đất Lào.

Chiến thuật thọc sâu vào hậu phương ta đã chấm dứt với cuộc hành binh sang Thượng Lào của Lăng-gô-le.

Đò Cát vẫn trung thành với chủ trương đẩy những hoạt động của bộ đội ta ra xa tập đoàn cứ điểm chừng nào hay chừng ấy, chuyển sang những cuộc hành binh tuần tiễu ở phạm vi hạn chế chung quanh Mường Thanh nhằm phát hiện sự hiện diện của quân ta, những vị trí trú quân đặc biệt là trận địa pháo.

Cuối tháng 12 có những dấu hiệu đối phương đã tiến đến quá gần. Ngày 28, viên trung tá tham mưu trưởng của tập đoàn cứ điểm chết vì một tràng đạn tiểu liên cách Bản Kéo vài trăm mét. Ngày 29, tiểu đoàn 3 của bán lữ đoàn lẻ dương thứ 13 vừa ra khỏi bản Him Lam đã bị hỏa lực của ta chặn lại. Cùng lúc, một tiểu đoàn bộ binh Bắc Phi từ Hồng Cúm đi ra khỏi khu trung tâm để kháng vài ki-lô-mét cũng vấp phải một trận địa của ta.

Đờ Cát biết mình đã bị đối phương bao vây khá chặt, cần gấp rút chuẩn bị cho trận đánh phòng ngự và phải tiến hành ngay những cuộc hành binh giải tỏa.

Ngày 31 tháng 1 năm 1954, lần đầu đường băng sân bay và những cứ điểm ở Ê-li-an và Đô-mi-ních bị oanh tạc bằng những trái đạn sơn pháo 75mm. Một máy bay nằm trên đường băng bị trúng đạn. Quân dịch phát hiện có ít nhất hai trận địa pháo nằm trên những điểm cao ở ngay bên trong thung lũng.

Tiểu đoàn An-giê-ri số 5 và tiểu đoàn ngụy Thái số 3 được lệnh xuất phát từ Ga-bơ-ri-en tiến về điểm cao 633, nằm cách đối Độc Lập không đầy một ki-lô-mét về phía bắc. Quân dịch bị đặt trước hai luồng đạn liên thanh bắn chéo cánh sẽ của những lực lượng ấn náu ngụy trang rất kỹ buộc phải lùi xuống. Buổi sáng dịch mở liên tiếp năm đợt tiến công nhưng đều thất bại. Chúng gọi pháo bắn và máy bay thả bom xuống trận địa của ta. Buổi chiều, quân dịch lại mở tiếp hai đợt tiến công. Tại đây ta chỉ có một trung đội của Đại đội 915 thuộc Tiểu đoàn 542 Trung đoàn 165 (312), với 27 người do Trung đội trưởng Trần Độ chỉ huy. Mặc dù chưa có nhiều kinh nghiệm đánh phòng ngự, nhưng với quyết tâm không để quân dịch lọt vào khu vực trận địa pháo 75mm và Sở chỉ huy trung đoàn ở gần đó, nhiều chiến sĩ đã bị thương vẫn tiếp tục chiến đấu đánh lui quân dịch. Buổi chiều chúng phải rút lui với những thiệt hại nặng nề. Trung đội được Bộ chỉ huy chiến dịch tặng huân chương. Điểm cao 633 từ đó được gọi là đối 75.

Ngày hôm sau, tiểu đoàn dù lẻ dương số 1 tiến về phía đông Mường Thanh, tới dãy điểm cao nằm cách tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ 5 ki-lô-mét. Chúng tiến lên điểm cao 781, một trong những trái đối được bộ đội ta đặt tên là Đồi Xanh vì màu cỏ cây xanh mướt. Chúng vấp phải trận địa phòng ngự của Đại đội 925 Tiểu đoàn 255 Trung đoàn 174 (Đại đoàn 316). Hỏa lực mạnh của ta làm cho đại đội đi đầu chết và bị thương, một số tên phải lùi xuống. Dịch dùng pháo 105mm và cối 120mm bắn dồn dập, và cho một đại đội men theo sườn phía nam tiến lên đỉnh đồi. Ở đây có trận địa một tiểu đội do Tiểu đội trưởng Đinh Văn Niết chỉ huy. Tiểu đội dùng tiểu liên và súng trưởng chống cự với quân dịch. Những tên lính dù đầu tiên tới gần mép hào bị tiểu liên

của Niết bắn gục. Số đi sau dính lựu đạn của tiểu đội. Tuy nhiều tên bị thương vong, nhưng thấy lực lượng ta ít, địch tiếp tục từ hai phía xông lên. Trong lúc trận địa có thể bị mất, Hoàng Văn Nô - một chiến sĩ người Nùng mới hai mươi tuổi, nhảy khỏi giao thông hào dùng lưỡi lê đâm chết một tên địch và đâm tiếp một tên khác. Hành động của Nô cổ vũ cả tiểu đội. Tất cả các chiến sĩ khác cùng nhảy vọt ra khỏi hào lao vào quân địch với những chiếc lưỡi lê tuốt trần. Hoảng sợ trước lối đánh quyết liệt của ta, địch quay đầu tháo chạy. Tiểu đội Niết đuổi theo. Hoàng Văn Nô lần thứ năm lao tới một tên địch to lớn gấp rưỡi mình. Một tên chạy phía trước

ngoái lại nhả một băng tiểu liên ngăn chặn những người truy đuổi. Nô ngã xuống với chiếc lưỡi lê đã cắm sâu vào ngực tên địch khi trận đánh đã kết thúc.

Trong trận này, một tiểu đội của ta đã đánh lui một đại đội địch. Chúng bỏ lại trên Đồi Xanh gần hai chục xác chết. Ta đã bắt địch phải chịu đựng cái chết mà chúng sợ nhất: Chết vì lưỡi lê! Chiến sĩ Hoàng Văn Nô được Bộ chỉ huy chiến dịch truy tặng danh hiệu duy nhất trong chiến tranh: "Dũng sĩ đâm lê".

Quân địch đã phát hiện ra pháo ta không nằm ở sườn núi phía sau như dự đoán, mà nằm một cách thách thức ở sườn núi đối diện với Điện Biên Phủ, trực tiếp đe dọa nhiều cứ điểm bằng đạn bắn thẳng. Những khẩu pháo này đã được ngụy trang rất kỹ. Những trận phản pháo cũng như các loại máy bay B-26, Bearcat đã tỏ ra bất lực trong việc loại trừ chúng. Bộ chỉ huy Pháp trao nhiệm vụ cho tất cả các đơn vị tiến hành những cuộc hành binh trình sát phải làm bằng được việc này.

Ngày 6 tháng 2 năm 1954, Lăng-gô-le chỉ huy một lực lượng gồm binh đoàn không vận số 2, tiểu đoàn Thái số 2, tiểu đoàn bộ binh Ma-rốc số 1, một đơn vị lẻ dương súng phun lửa và một trung đội công binh mang theo rất nhiều chất nổ, tiếp tục mở cuộc tiến công lên điểm cao 781.

Địch tiến quân rất thận trọng. Chúng đi theo đường số 41 về phía đông, tới bản Him Lam, bố trí tiểu đoàn dù lẻ dương 1 ở đây làm lực lượng dự bị và bảo đảm đường rút lui, rồi cho toàn bộ lực lượng vòng lại theo hướng đông nam mở cuộc tiến công. Chúng không gặp trở ngại gì dọc đường. 11 giờ 15 phút tiểu đoàn Ma-rốc đi mở đường lên gần tới đỉnh đồi cháy, nằm trước điểm cao 781, báo cáo về vẫn không thấy bóng dáng Việt Minh. Chúng chưa biết đã tới gần trận địa của Tiểu đoàn 439 Trung đoàn 98 (Đại đoàn 316). Tiểu đội tiền tiêu chờ những tên lính Ma-rốc đến cách 30 mét mới bất thần nổ súng. Mười tên địch bỏ xác tại chỗ. Tiểu đội tiếp tục đánh lui hai đợt xung phong nữa của địch rồi mới rút về trận địa chính trên điểm cao. 13 giờ, Đại đội 3 và Đại đội 4 bị tiến công. 13 giờ 45 phút, đến lượt tiểu đoàn Thái. Các đơn vị này bị đóng đinh tại chỗ. Riêng đại đội Ma-rốc số 1, nhiều lần liều chết vượt qua những luồng đạn súng máy dày đặc xông lên điểm cao 781. Nhưng chúng bị

liên tiếp đánh lui. 16 giờ 30 phút, Lăng-gọ-le phải ra lệnh rút lui về Him Lam. Cả đoàn quân kiệt sức khi trở lại vị trí.

Theo báo cáo của Tiểu đoàn 439 thì ngày hôm đó ta diệt được hơn 60 tên dịch. Nhật ký hành quân trong ngày của Pháp ghi cụ thể hơn: "93 người chết, trong đó có ba sĩ quan và 12 hạ sĩ quan. Riêng tiểu đoàn Ma-rốc chết một người, bị thương

50 người, trong đó có những người bị trúng đạn pháo của Pháp bắn yếm hộ quá gần, mất tích năm người. Đại úy Pha-xti bị thương và chết ngày 11 tháng 2".

Những cuộc không vận tăng viện cấp tốc cho Thượng Lào đã thu hút hầu hết khả năng của không quân vận tải. Số lượng đồ tiếp tế hằng ngày cho Điện Biên Phủ giảm sút ghê gớm. Đờ Cát-xtơ-ri dần dỗi với Cô-nhi là với tình hình đạn dược, lương thực như hiện nay, cần đình hoãn những cuộc tiến công thăm dò ra vùng phụ cận tập đoàn cứ điểm. Cô-nhi coi đó là điều không thể chấp nhận. Na-va không biết giải quyết ra sao. Ngày 2 tháng 2 năm 1954, Na-va gợi ý Cô-nhi nên rút quân số của tập đoàn cứ điểm từ 12 xuống 9, thậm chí sáu tiểu đoàn. Cô-nhi kịch liệt phản đối, với lý do dù Đại đoàn 308 đã sang Lào nhưng ở Điện Biên Phủ đối phương vẫn còn một số lực lượng gấp đôi quân đồn trú, những hoạt động giải tỏa trong thời gian qua của Đờ Cát-xtơ-ri ra vùng chung quanh đều bị chặn đứng. Cô-nhi cho rằng nếu muốn giảm bớt lực lượng quân đồn trú thì tốt hơn cả là rút hết khỏi thung lũng Mường Thanh!

Đờ Cát một mặt ra sức củng cố trận địa phòng ngự, một mặt tiếp tục huy động lực lượng bộ binh, có pháo binh và xe tăng yểm hộ, tiến hành liên tiếp những cuộc hành binh trình sát ra vùng chung quanh cố tìm cách loại trừ những khẩu sơn pháo đã xuất hiện.

Về phía chúng ta, điều quan trọng là phải giữ bí mật công tác xây dựng trận địa đang khẩn trương triển khai không xa quân địch, đồng thời sẵn sàng đánh địch nếu chúng rút lui. Bộ chỉ huy chiến dịch quyết định chỉ sử dụng những đơn vị nhỏ, lợi dụng địa hình, địa vật và công sự, kiên quyết đẩy lùi những cuộc tiến công.

Đại đoàn 316 đã biến khu vực Đồi Xanh gồm nhiều điểm cao 781, 754, 518, 502... thành một bức thành ngăn cánh đồng Mường Thanh với dãy núi Tà Lèng ở phía trong, nơi bộ đội ta đang triển khai xây dựng trận địa. Các đơn vị phòng ngự rút kinh nghiệm những trận đầu tiên, xây dựng trận địa theo thế liên hoàn, cùng cố công sự chắc chắn có mái che chống lại pháo địch. Về mặt chiến thuật không dàn mỏng lực lượng, chỉ để một bộ phận phòng ngự ở phía trước kết hợp với lực lượng cơ động mạnh sẵn sàng phân kích.

Ngày 11 tháng 2, Lăng-gơ-le tung ra một cuộc hành binh nhằm mục đích quét sạch tuyến điểm cao ở phía đông, nơi bị nghi là có những trận địa pháo binh và cao xạ của ta. Lực lượng gồm ban tham mưu của binh đoàn không vận số 2, tiểu đoàn dù lẻ dương số 1, tiểu đoàn 3 trung đoàn lẻ dương số 3, tiểu đoàn 3 trung đoàn An-giê-ri số 3, hai trung đội xe tăng, một bộ phận công binh, một đại đội của tiểu đoàn dù xung kích số 8 và một đại đội ngụy.

Tiểu đoàn bộ binh An-giê-ri số 3 đi theo đường số 41 vòng về phía con đường mòn ở phía đông chiếm điểm cao 477 và tiến đến điểm cao 781. Tiểu đoàn lẻ dương dù 1 chiếm điểm cao 670 để có thể tiến sang điểm cao 781 tiếp theo tiểu đoàn An-giê-ri số 3. Tiểu đoàn 3 lẻ dương tiến lên điểm cao 700.

Ở các hướng, quân Pháp đều bị chặn đánh bằng những hóa lực rất mạnh hoặc những trận phân kích tạt sườn. Bản tổng kết của Pháp trong ngày 11 tháng 2: "Phía Pháp: Chết 5, bị thương 40, mất một khẩu súng; phía Việt Minh: Chết 2".

Ngày 12, lúc 7 giờ, cuộc hành binh tiếp tục với những chiến xa mở đường. Một mũi tiến công hướng lên phía đông bắc nhấm vào trận địa phòng ngự của Đại đoàn 312.

Sự yểm trợ của những máy bay ném bom B-26 đã cổ vũ tinh thần của đoàn quân. 10 giờ, đại đội 2 An-giê-ri tới được sườn phía đông điểm cao 674, nhưng nó đã bị chặn đứng tại chỗ cho tới buổi chiều. Mặc dù bị pháo bắn phá rất dữ dội, đối phương vẫn trụ vững trong những công sự trên đổi 674 ngăn chặn có hiệu quả mọi đợt tiến công. 15 binh lính chết và bị thương. 16 giờ, tiểu đoàn 3 An-giê-ri đóng ở bản Khe Chít được lệnh đưa Đại đội 10 đi đón những lực lượng tham chiến quay về...

Trong thực tế, ngày hôm đó trên điểm cao 674 ta chỉ có một tiểu đội do đồng chí Mai chỉ huy cùng với năm chiến sĩ quân báo của Trung đoàn 141. Họ đã đánh lui bốn đợt xung phong của quân địch.

Theo Béc-na Phôn thì từ ngày 6 tháng 12 năm 1953 đến ngày 13 tháng 3 năm 1954, Đờ Cát-xtơ-ri đã huy động già nửa lực lượng của tập đoàn cứ điểm vào những cuộc hành binh giải tỏa.

Tác giả viết: "Chiều ngày 15 tháng 2 năm 1954, tại sở chỉ huy tập đoàn cứ điểm cũng như ở Hà Nội, người ta tiến hành một bản thống kê nặng nề. Theo những bản thống kê mới nhất từ Điện Biên Phủ gửi về, thiệt hại của binh đoàn đồn trú từ ngày 20 tháng 11 năm 1953 đến ngày 15 tháng 2 năm 1954 đã lên tổng số 32 sĩ quan; 96 hạ sĩ quan và 836 binh lính, tương đương với 10 phần trăm số sĩ quan và hạ sĩ quan và 8 phần trăm binh lính ở thung lũng.

Nói cách khác, số tổn thất của người Pháp tương đương với một tiểu đoàn bộ binh nhưng số cán bộ là của hai tiểu đoàn. Trong tổng số này còn chưa tính đến số thiệt hại của các đơn vị trong cuộc hành binh Pô-luých1.

Người Pháp đã thất bại trong chủ trương đưa cuộc chiến ở Tây Bắc vào sâu trong hậu phương ta và đẩy nó ra xa tập đoàn cứ điểm. Na-va đã thú nhận trong cuốn hồi ký của mình: "Trong thời gian này, đại tá Đô Cát-xtô-ri thực hành những trận chiến

đấu mạnh mẽ có tính thăm dò xung quanh Điện Biên Phủ. Ở khắp nơi, quân Pháp đều vấp phải những đơn vị bộ đội vững vàng và phòng ngự rất giỏi của địch. Chúng ta bị thiệt hại khá nặng nề. Rõ ràng là vòng vây chung quanh tập đoàn cứ điểm không hề bị rạn nứt"2.

Từ thắng lợi của những phân đội nhỏ và rất nhỏ của ta trong chiến đấu phòng ngự có công sự ở vùng rừng núi chống lại quân địch đông hơn gấp bội, có thể dự đoán trước khó khăn trong những trận đánh vào các điểm cao của địch sau này.

4

uy nhiên, từ cuối tháng 2, con nhím Diện Biên Phủ đã sẵn sàng đi vào trận đánh quyết định.

Điện Biên Phủ đã thực sự trở thành một tập đoàn cứ điểm khổng lồ. Màu xanh của cây cỏ, đồng lúa đã hoàn toàn biến mất nhường chỗ cho màu đỏ sậm nhức nhối pha với màu chì dữ dội của đất và dây thép gai, nhưng nhúc những hầm hào, ụ súng chuẩn bị khạc lửa. Những con đường mới xuất hiện, trên đó hàng nghìn con người, xe vận tải, xe tăng, xe ủi đất luôn luôn qua lại làm vẫn lên những đám bụi màu hồng. Những trung tâm để kháng có bãi mìn bao quanh, gồm mìn "cổ điển", mìn "nhảy" sẵn sàng tiêu diệt những đợt xung phong của bộ binh khi họ vừa chạm tới hàng rào. Hơn thế, công binh đã chôn giấu bên sườn núi dựng đứng những thùng đựng bốn mươi lít "nagel", khi chảy ra sẽ thành những làn sóng lửa biến những người tiến công thành bó đuốc sống. Những vị trí chủ yếu đều được trang bị súng có kính ngắm điện tử (fusils à lunette electronique) có thể phát hiện kẻ địch đang tiến gần trong cả những đêm trời tối đen. Bình đoàn đồn trú vẫn tin rằng sức mạnh của con nhím Điện Biên Phủ cùng với sức mạnh không quân Pháp, những tàu sân bay Mỹ trên Biển Đông, sẽ phát huy toàn bộ hiệu lực

tàn phá khi những người lính Việt Minh bé nhỏ ấn náu trong rừng xanh bắt đầu xuất hiện.

Na-va và Cô-nhi không ngừng có mặt ở Điện Biên Phủ. Từ sau khi mở cuộc hành binh Hải Ly, Na-va đã lên Điện Biên Phủ chín lần, Cô-nhi 11 lần.

Người ta nói rất hiếm có một vị trí nằm sâu trong trận tuyến của đối phương lại thu hút sự chú ý của nhiều nhân vật dân sự và quân sự quan trọng đến như vậy. Từ tháng 1 năm 1954, cuộc thăm viếng Điện Biên Phủ bắt đầu. Khi thì Na-va, khi thì Cô-nhi, có lúc cả hai người phải tháp tùng khách. Đó là bộ trưởng quốc phòng Plê-ven - bộ trưởng Các quốc gia liên kết Mác Giắc-kê - bộ trưởng Chiến tranh Đò Sơ-vi-

nhê - tổng tham mưu trưởng Ê-ly... và các tham mưu trưởng lục quân, không quân hải quân...

Không chỉ có người Pháp, trong số khách nước ngoài, thì người Mỹ có mặt sớm nhất. Đó là trung tướng Tơ-ráp-nơn. Ông ta đến ngày 14 tháng 1 năm 1954, là nhân vật thứ ba tới thăm Điện Biên Phủ. Điều đó nói lên sự quan tâm của Mỹ đối với Điện Biên Phủ không kém gì Pháp. Ngày 2 tháng 3, một nhân vật Mỹ quan trọng có mặt: Đó là đại tướng Ô Đa-ni-en, chỉ huy lực lượng bộ binh Mỹ ở Thái Bình Dương, cũng là người cầm đầu phái bộ cố vấn quân sự Mỹ ở Đông Dương. Tổng thống Mỹ Ai-xen-hao đã nhận được từ Ô Đa-ni-en những lời báo cáo ấm lòng.

Còn có cả những quan chức người Anh: Sác Lô-oen - tư lệnh quân đội Anh - Ấn ở Viễn Đông, Mắc Đô-nan - tổng cao ủy Đông Nam Á, Xia Xti-uốt, cố vấn bộ ngoại giao. Mắc Đô-nan tới Điện Biên Phủ ngày 6 tháng 3 khi đường băng sân bay đã bị đe dọa. Người Anh muốn tỏ ra không thờ ở với cục diện Điện Biên Phủ.

Đò Cát-xtô-ri biết cách đón tiếp khách. Hàng rào danh dự tại sân bay là những người lính Ma-rôc quân khăn trắng toát lạ mắt. Đò Cát-xtô-ri tự mình lái xe đưa khách đi thăm những trung tâm đề kháng ngoại vi, thường là Bê-a-tô-ri-xô, nơi có những người lính lê dương của bán lữ đoàn lê dương thứ 13 lừng danh. Khách được mời chứng kiến một vài hình ảnh của Điện Biên Phủ trong chiến đấu: Khi là sự thao tác thành thạo của những pháo thủ An-giê-ri tại một trận địa pháo, khi là một cuộc tuần tra của một đơn vị lê dương dù, khi là sự khởi động những chiếc xe tăng M-24 Mỹ mới ra. Niềm tin vào chiến thắng ở phương Tây được nhân lên qua những chuyến viếng thăm, thực sự là những lần kiểm tra. Đường như muốn làm dịu sự lạc quan quá sớm này, ngày 2 tháng 3, trong một cuộc họp kín tại Sài Gòn, tướng Blăng đã lưu ý cấp trên của mình là Plê-ven và Đò Sơ-vi-nhê không nên có "ảo tướng thuần túy" Điện Biên Phủ là nơi tiêu diệt quân đoàn tác chiến Việt Minh trong nay mai, vì từ nay tới ngày 15 tháng 4, tập đoàn cứ điểm sẽ

trô thành một đầm lầy bị những trận mưa do gió mùa nhấn chìm. Mối bận tâm của người Pháp lúc này chỉ là lúc nào con nhím Điện Biên Phủ sẽ nghiền nát được đội quân chủ lực của đối phương!

Cuộc kiểm tra của Ô Đa-ni-en mở đầu cho hàng loạt cuộc kiểm tra khác của nhiều sĩ quan Mỹ. Một sĩ quan không quân và hai sĩ quan bộ binh Mỹ đã ở ngay tại Điện Biên Phủ cho tới khi trận đánh bắt đầu. Đại úy phi công Rô-bốt Loi nhận nhiệm vụ của không lực Thái Bình Dương nghiên cứu ảnh hưởng pháo cao xạ Việt Minh đối với không quân Pháp. Hai trung tá Ua-nơ và Ri-chát Hiu theo dõi việc chuẩn bị chiến đấu ở đồn tiền tiêu Bè-a-tơ-ri-xơ. Từ đầu tháng 3 năm 1954, sau cuộc viếng

thăm của những nhân vật cao cấp là cuộc viếng thăm của các chuyên gia cấp dưới nhằm hoàn tất việc chuẩn bị đối phó với trận đánh sắp bắt đầu.

Sau này, qua các sách báo phương Tây, xuất hiện nhiều lời chê bai để cập tới những thiếu sót của công trình phòng ngự Điện Biên Phủ, nhưng trước khi trận đánh nổ ra thì chỉ có những lời khích lệ. Nhiều người gọi Điện Biên Phủ là Véc-đoong của Pháp trong chiến tranh Đông Dương. Chính Na-va đã viết: "Chưa có một quan chức dân sự hoặc quân sự nào đến thăm (bộ trưởng Pháp và nước ngoài, những tham mưu trưởng của Pháp, những tướng lĩnh Mỹ) mà không kinh ngạc trước sự hùng mạnh của nó cũng như không bày tỏ với tôi tình cảm của họ"1.

Chương bảy THẾ TRẬN HÌNH THÀNH

gay sau khi chấp thuận đề nghị thay đổi phương châm tác chiến ở Điện Biên Phủ, Bộ Chính trị đã ra chỉ thị "Toàn Đảng, toàn dân tập trung toàn lực chi viên cho tiền tuyến".

Việc huy động toàn bộ sức người, sức của ở hậu phương phục vụ cho tiền tuyến mang một quy mô mới. Hoạt động chiến đấu của ta lần này triển khai trên một phạm vi rộng lớn hầu khắp các chiến trường Đông Dương. Những kinh nghiệm về công tác hậu cần chiến dịch được rút ra sau mỗi mùa khô từ khi bộ đội ta bắt đầu đánh lớn cuối năm 1950, đều được vận dụng trong Đông Xuân 1953-1954.

Hội đồng Cung cấp mặt trận thành lập ở Trung ương do anh Phạm Văn Đồng làm Chủ tịch, anh Nguyễn Văn Trân - Tổng thanh tra Chính phủ làm Phó Chủ tịch. Không riêng ở Trung ương mà các địa phương cũng thành lập Hội đồng Cung cấp mặt trận của liên khu, của tỉnh do đồng chí Chủ tịch Ủy ban hành chính kháng chiến trực tiếp chịu trách nhiệm. Công tác hậu cần chiến dịch lần đầu được phân thành hai tuyến: Tuyến hậu phương và tuyến chiến dịch. Tuyến hậu phương do Tổng cục Cung cấp và Hội đồng Cung cấp mặt trận Trung ương, Liên khu Việt Bắc, Liên khu 3 và Liên khu 4 đảm nhiệm, chuyển hàng từ Việt Bắc tới Ba Khe, từ Liên khu 3, Liên khu 4 tới Suối Rút. Tuyến chiến dịch do Tổng cục Cung cấp tiền phương và Hội đồng Cung cấp mặt trận khu Tây Bắc chịu trách nhiệm, đưa hàng từ Ba Khe, Suối Rút lên Điện Biên Phủ. Tổ chức mới này cho phép bộ phận cung cấp tiền phương tập trung toàn bộ sức lực lo công việc ở phía trước.

Ngay sau khi có nghị quyết, các đồng chí ở cơ quan Trung ương chia nhau đi các nơi. Đồng chí Nguyễn Chí Thanh vào Thanh Hóa, tỉnh có tiềm năng nhất, bàn bạc với Tỉnh ủy việc huy động nhân lực, vật lực phục vụ chiến dịch. Đồng chí Nguyễn Văn Trân lên Sơn La, nơi tiếp giáp giữa tuyến hậu

phương và tuyến chiến dịch, trực tiếp chỉ đạo. Đồng chí Trần Lương - Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, được cử làm Chính ủy Hậu cần chiến dịch. Trước đó, đồng chí Đặng Kim Giang - Phó Chủ nhiệm Tổng cục Cung cấp, đã được cử làm Chủ nhiệm Tổng cục Cung cấp tiền phương. Các cục trưởng của Tổng cục Cung cấp đều lên đường phục vụ chiến dịch. Mỗi người ngoài công việc chỉ đạo ngành chuyên môn của mình, còn được phân công phụ trách một tuyến hậu cần chiến dịch. Cục trưởng Vận tải Đinh Đức Thiện phụ trách công tác vận chuyển hàng, đoạn đường số 41 từ Sơn La lên Tuần Giáo. Phó Cục trưởng Cục Vận tải Vũ Văn Đôn chịu trách nhiệm việc vận chuyển từ Tuần Giáo đến Nà Tấu, ki-lô-mét 62. Cục trưởng Cục Quân nhu Nguyễn Thanh Bình vừa làm Phó Chủ nhiệm Tổng cục Cung cấp tiền phương, vừa đặc trách công tác vận chuyển tại hóa tuyến, từ ki-lô-mét 62 tới các đơn vị. Đồng chí Nguyễn Văn Nam - Cục trưởng Cục Quân khí, cùng đồng chí Bằng Giang - Tư lệnh Quân khu Tây Bắc, bảo đảm tuyến vận chuyển trên sông Nậm Na.

Hơn 300 cán bộ đang làm công tác phát động quần chúng đấu tranh cải cách ruộng đất, được tăng cường cho công tác hậu cần mặt trận. Bộ máy hậu cần chiến dịch lên tới 3.200 người, dân công tuyến chiến dịch có lúc huy động hơn 30.000 người.

Ở Tổng cục Cung cấp tại hậu phương, anh Trần Đăng Ninh mắc bệnh hiểm nghèo phải đi điều trị, suốt thời gian chiến dịch chỉ còn lại anh Trần Hữu Dực - Phó Chủ nhiệm Tổng cục. Đêm đêm, anh Dực thường cùng cán bộ các cơ quan giúp việc giao ban đôn đốc công tác đưa hàng ra tiền tuyến đến 2, 3 giờ sáng. Những đêm công việc gặp trực trặc, hầu hết cán bộ chủ chốt đều được cử ra mặt đường kiểm tra và giải quyết khó khăn tại chỗ. Có lần đèo Cà (Bắc Giang) bị máy bay đánh tắc nhiều ngày, từ cán bộ đến chiến sĩ, nhân viên văn phòng, y tá... đều được huy động đi sửa đường, ở cơ quan chỉ còn lại anh Dực và đồng chí thư ký giúp việc.

Sức sống của chế độ mới được thử thách. Công tác chi viện tiền tuyến lần này chứng minh những thành tựu xây dựng qua tám năm kháng chiến. Hậu phương không chỉ đáp ứng tới mức cao nhất yêu cầu về người, về của cho tiền tuyến mà còn sẵn sàng chiến đấu để tự bảo vệ nếu địch đánh tới trong thời gian bộ đội đang ở mặt trận.

Nhân dân các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình được phân công phục vụ cho những chiến dịch Trung, Hạ Lào. Riêng mặt trận này đã huy động tới 54.000 dân công, với gần hai triệu ngày công, trên hai nghìn xe đạp thổ và một nghìn rưỡi thuyền. Trên miền Bắc, Thanh Hóa trở thành tỉnh cung cấp chính cho chiến dịch.

Ban Tham mưu chiến dịch dành nhiều thời gian làm việc với cơ quan cung cấp, xác định những yêu cầu mới về lương thực, đạn dược. Nhu cầu bảo đảm vật chất dự kiến ban đầu là 434 tấn đạn, 7.730 tấn gạo, 140 tấn muối, 465 tấn thực phẩm khô,

lúc này đã tăng gấp ba! Riêng về gạo, cần tới trên 20.000 tấn. Rút kinh nghiệm chiến dịch trước, ta chủ trương tranh thủ tối đa việc huy động lương thực, thực phẩm tại địa phương và sử dụng phương tiện vận chuyển cơ giới.

Phần lớn Tây Bắc đã được giải phóng từ cuối năm 1952. Bốn cánh đồng Mường Thanh, Mường Lò, Mường Than và Mường Tắc là những vựa lúa lớn. Ta dự định huy động tại Tây Bắc 6.000 tấn lương thực. Số lương thực này nếu đưa từ xa tới sẽ phải huy động nhiều gấp ba, bốn lần. Đồng bào các dân tộc vừa thu hoạch vụ mùa, sôi nổi hưởng ứng nộp thuế và đi dân công. Nhưng việc xay giả thóc thành gạo ở Tây Bắc lại thành một trở ngại lớn. Người dân miền núi xưa nay chỉ quen dùng cối nhỏ, giã thóc bằng sức nước suối, cả ngày mới được một cối gạo từ 3 đến 5 ki-lô-gam! Cơ quan hậu cần chiến dịch phải tìm những người thợ giỏi ở miền xuôi hướng dẫn cách đóng cối, sử dụng cả một đoàn dân công tỉnh Vĩnh Phúc cùng tham gia xay thóc, giã gạo với đồng bào địa phương.

Bộ tham mưu của quân đội viễn chinh đã tính toán khá chính xác khả năng vận chuyển tiếp tế của ta cho những chiến trường xa hậu phương. Trong Chiến dịch Tây Bắc, lương thực từ hậu phương đưa ra mặt trận bằng dân công gánh bộ, tới nơi chỉ còn nộp kho được 8 phần trăm1. So với Chiến dịch Tây Bắc thì tuyến đường cung cấp lần này còn xa hơn nhiều.

Máy năm qua ta đã thấy rõ vai trò của hạ tầng cơ sở, của những tuyến đường trong chiến tranh mỗi lần mở chiến dịch lớn. Chúng ta đã khôi phục và mở rộng 4.500 ki-lô-mét đường, trong đó có trên hai ngàn ki-lô-mét cho xe cơ giới. Bắt đầu mở chiến dịch ta mới sửa những tuyến đường Tuần Giáo - Lai Châu, đoạn đường số 41 Tuần Giáo - Điện Biên Phủ (sau này được gọi là đường số 42). Đặc biệt, đường Tuần Giáo - Điện Biên Phủ nhỏ hẹp, nhiều đoạn sụt lớn hơn một trăm cầu cống đều hư hỏng, giờ phải mở đủ rộng không chỉ để chạy xe vận tải mà còn dùng cho xe kéo pháo. Khi chuyển sang phương châm "đánh chắc tiến chắc" lại xuất hiện thêm một yêu cầu mới là làm đường vận chuyển pháo bằng ô-tô từ ki-lô-mét 62 vào trận địa, dài gần bằng đoạn đường Tuần Giáo, Điện Biên Phủ, qua địa hình rừng núi cực kỳ hiểm trở. Trong thế chiến thứ hai, ở Miến Điện, quân đội Mỹ với cơ sở vật

chất kỹ thuật hiện đại phải mất 18 tháng mới xây dựng gấp rút xong một con đường dài 190 ki-lô-mét (Ledo Road) trong điều kiện không bị kê địch cản trở. Chúng ta chỉ có một thời gian rất ngắn để xây dựng 160 ki-lô-mét đường ở ngay mặt trận dưới sự đánh phá thường xuyên của máy bay, đại bác, mà trong tay chỉ có xẻng, cuốc và một ít thuốc nổ!

Bảo vệ được những con đường trong chiến tranh còn là điều khó khăn hơn. Các tuyến đường vận chuyển chủ yếu trong chiến dịch đều quá dài. Tuyến Thanh Hóa -

Điện Biên Phủ, gần 600 ki-lô-mét. Tuyến Lạng Sơn - Điện Biên Phủ, 800 ki-lô-mét. Bộ tham mưu Pháp đã tìm được hàng chục điểm có thể cắt đứt, tạo ra hiệu quả lớn. Chúng tính đến cả cách dùng mưa nhân tạo để phá đường. Ở hậu phương, dịch đánh rất mạnh vào những trọng điểm: Đèo Giàng, từ Cao Bằng xuống; đèo Cà, từ Lạng Sơn về; đèo Khế, từ Thái Nguyên sang Tuyên Quang, để triệt nguồn tiếp tế của ta ngay từ gốc. Những trận oanh tạc không chỉ nhắm vào đèo núi cao, mà còn chú trọng cả những đoạn đường nằm trên cánh đồng thấp để biến nó thành vũng lầy rất khó sửa chữa. Bác Hồ trực tiếp đi kiểm tra một số nơi dịch thường xuyên đánh phá. Bác gặp gỡ, nói chuyện, động viên anh chị em thanh niên xung phong và dân công bám trụ ở đèo Khế. Trên tuyến chiến dịch, máy bay dịch đánh phá ác liệt các đèo Lũng Lô, Pha Đin và những đầu mối giao thông Cò Nòi, Tuần Giáo ngăn không cho gạo, đạn tới được các đơn vị ở mặt trận. Có ngày, chúng ném xuống Cò Nòi 300 trái bom, Pha Đin 160 trái, gồm bom phá, bom na-pan, bom nổ chậm.

Theo đề nghị của cơ quan tham mưu, tôi đồng ý điều hai tiểu đoàn cao xạ pháo 37mm tại mặt trận về phía sau, cùng với các tiểu đoàn phòng không 12,7mm bảo vệ những đoạn xung yếu trên đường số 41. Nhưng lực lượng phòng không của ta, dù đã tăng cường, chỉ hạn chế được một phần những cuộc oanh kích. Để duy trì sự thông suốt cho các tuyến đường vẫn là công binh, thanh niên xung phong, dân công thường xuyên bám sát các trọng điểm, chờ máy bay dịch ngừng hoạt động lại lao ra mặt đường phá bom nổ chậm, bom bướm bướm, san lấp nhanh những hố bom cho xe ô-tô và dân công vượt qua.

Toàn bộ lực lượng vận chuyển cơ giới của quân đội, gồm 16 đại đội, với 534 xe ô-tô vận tải, đều tập trung phục vụ chiến dịch.

Ta chủ trương vận chuyển bằng phương tiện cơ giới là chính nhưng không quên khai thác sử dụng những phương tiện vận chuyển nửa thô sơ và thô sơ: Xe thô, xe ngựa, xe trâu, xe cút kít, xe quệt, bè măng... Xe đạp thô huy động tới mức tối đa, số lượng lên tới 20.000 xe. Mỗi xe thô được lúc đầu chở 100 ki-lô-gam, sau đó nâng lên 200, 300. Một dân công Phú Thọ - anh Ma Văn Thắng, chở được

tới 352 ki-lô-gam. Năng suất xe đạp thô cao gấp hơn mười lần dân công gánh bộ; gạo ăn dọc đường cho người chuyên chở cũng giảm đi bằng ấy lần. Tính ưu việt của xe thô còn ở chỗ có thể hoạt động trên những tuyến đường mà xe ô-tô không thể đi được. Chính phương tiện vận chuyển này đã gây nên bất ngờ lớn với quân địch, làm đảo lộn những tính toán của chúng trước đây.

Ta chú trọng khai thác những tuyến đường sông. Một đơn vị công binh được đưa về phía Lai Châu khai thông dòng sông Nậm Na. Đây là một tuyến tiếp tế khá quan trọng, nhưng cho tới lúc này chưa khai thác được bao nhiêu, vì trên sông có quá

nhiều ghềnh thác hung dữ. Chúng ta đã có kinh nghiệm khắc phục ghềnh thác trên sông Mã trong Chiến dịch Thượng Lào chuyển lựu pháo từ Vân Nam về trên sông Hồng. Tại đây, đã xuất hiện người anh hùng phá thác Phan Tư. Sau một thời gian phá thác bằng thuốc nổ, trọng tải các mảng tăng lên gấp ba, số người điều khiển mảng từ ba, bốn người, rút xuống còn một người. Những cô gái dân công Thanh Thủy, Phú Thọ, thời gian đầu còn rất sợ thác, nay đã mỗi người điều khiển một mảng xuôi dòng sông Nậm Na. Mảng từ Ba Nậm Cúm cập bến Lai Châu mỗi ngày một nhiều. Riêng tuyến đường này trong chiến dịch đã vận chuyển được 1.700 tấn gạo do Trung Quốc viện trợ.

Chúng ta còn mở thêm tuyến Mường Luân - Nà Sang ở phía nam Điện Biên Phủ. Tuyến này có nhiệm vụ khai thác nhân lực, vật lực ở thượng nguồn sông Mã, bảo đảm cung cấp cho Trung đoàn 57 ở Hồng Cúm và tiếp nhận thương binh ở hướng này chuyển về bệnh viện Sơn La.

Tại hóa tuyến, những nơi các phương tiện giao thông cơ giới không thể sử dụng, vẫn phải dùng dân công gánh bộ là chủ yếu.

Những con đường ra mặt trận nằm giữa những hố bom lở loét, cây cỏ xác xơ, ban ngày vắng lặng, im lìm, nhưng sống lại khi mặt trời vừa xuống núi. Những đoàn người nổi nhau đi như nước hướng về tiền tuyến, đâu đâu cũng vang lên tiếng hò, câu hát nói lên quyết tâm vượt mọi khó khăn và tình cảm dành cho những người đang chiến đấu ở mặt trận. Ngày 9 tháng 2 năm 1954, một đại đội dân công chẳng may trúng bom ở Tuần Giáo. Sau khi chôn cất những anh chị hy sinh, mọi người lại hăng hái tiếp tục quang gánh lên đường quyết hoàn thành nhiệm vụ để trả thù cho những người đã nằm xuống.

Nguyên. Trung đoàn 148 và bộ đội Pa-thét Lào chiếm thị xã Phông Xa Lỳ, giải phóng toàn bộ tỉnh Phông Xa Lỳ rộng 10.000 ki-lô-mét vuông, đưa vùng giải phóng ở Thượng Lào tới sát biên giới Trung Hoa. Tại Hạ Lào, Tiểu đoàn 436 và lục lượng vũ trang của bạn đã giải phóng toàn bộ cao nguyên Bô-lô-ven, trong đó có tỉnh A-tô-pơ, rộng gần 20.000 ki-lô-mét vuông. Na-va lại phải điều lục lượng xuống Hạ Lào tổ chức những cụm cứ điểm bảo vệ các thị xã Xa-ra-van và Pắc Xế.

Tại Tây Nguyên, sau khi giải phóng tỉnh Kon Tum, bộ đội Liên khu 5 truy kích quân địch rút chạy về Plei Ku trên chặng đường dài 200 ki-lô-mét, tiến đến sát đường số 19. Ngày 18 tháng 2 năm 1954, Trung đoàn 803 tiến công cứ điểm Đắc Đoa, cách phía nam Kon Tum 15 ki-lô-mét, loại khỏi vòng chiến đấu hai đại đội địch. Cùng thời gian đó, bộ binh và đặc công tập kích vào các cơ sở kho tàng, cơ quan chỉ huy địch trong thị xã Plei Ku.

Chiến thắng của ta đã giải phóng một địa bàn chiến lược quan trọng ở Bắc Tây Nguyên rộng 16.000 ki-lô-mét vuông, với 20 vạn dân, phá thế uy hiếp của địch đối với phía sau lưng các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi. Vùng tự do từ ven biển Quảng Nam, Quảng Ngãi đến biên giới Việt - Lào, đã nối liền với vùng giải phóng tây nam Bô-lô-ven của nước bạn.

Trước tình hình Tây Nguyên bị uy hiếp nghiêm trọng, Na-va buộc phải ra lệnh cho Đờ Bô-pho tạm ngừng cuộc chiến đấu ở đồng bằng Liên khu 5, rút một số đơn vị lên tăng cường cho Plei Ku và điều chỉnh lại lực lượng ở miền Nam Trung Bộ. Quân Pháp được bố trí thành hai khối lớn. Khối thứ nhất ở Tây Nguyên, 24 tiểu đoàn, có nhiệm vụ bảo vệ Plei Ku và đề phòng ta tiến xuống phía nam đánh vào cao nguyên Đắk Lắk. Khối thứ hai ở đồng bằng, 16 tiểu đoàn, bảo vệ thị xã Tuy Hòa, những vị trí mới chiếm đóng ở Phú Yên và làm lực lượng dự bị ở Nha Trang, Ninh Hòa. Với cách bố trí mới này, có thể thấy Na-va đã chuyển sang dành ưu tiên số một cho việc đối phó với ta trên vùng rừng núi Tây Nguyên. Tuy nhiên, ông ta vẫn chưa từ bỏ kế hoạch Ất-lăng.

Ở đồng bằng Bắc Bộ, từ hạ tuần tháng 12 năm 1953, Liên khu ủy, Bộ Tư lệnh Liên khu 3 và Khu ủy, Bộ Tư lệnh Khu Tả Ngạn họp bàn xác định phương hướng, chủ trương tiếp tục tiến công địch trên toàn địa bàn. Hội nghị cán bộ đảng Liên khu 3 đề ra bốn mục tiêu: - Tập trung lực lượng của liên khu cùng Đại đoàn 320 tiến công đập tan phòng tuyến sông Đáy, mở rộng vùng tự do liên khu nổi liền với các khu du kích sau lưng địch ở đồng bằng; - Triệt để đánh phá giao thông vận tải, uy hiếp hậu phương địch, ngăn chặn tiếp tế cho Điện Biên Phủ và các chiến trường khác; - Tích cực phá kế hoạch bất lính phát triển ngụy quân, đẩy mạnh công tác binh vận làm tan

Ngày 13 tháng 3 năm 1954 đối với tôi là một ngày rất dài.

Trước mặt tôi là tấm bản đồ Điện Biên Phủ trải rộng. Bên cạnh, có bản yếu đồ hóa lực pháo ghi số lượng đạn đại bác được phê chuẩn cho trận đánh mở màn: 2.000 viên!

Trước giờ nổ súng còn hai mối lo: Trung đoàn 141, làm nhiệm vụ ở hướng chủ yếu có vượt qua sông Nậm Rốm an toàn không? Cuộc chiến đấu sẽ tiếp diễn trong tung thâm ra sao giữa bộ đội ta và những tên lính trong bán lữ đoàn lẻ dương 13?...

Tôi gọi điện thoại cho Trung đoàn trưởng Trung đoàn lưu pháo 45, hỏi:

- Pháo binh đã đo đạc, tính toán kỹ, có thể bắn nhanh, bắn mạnh, bắn chính xác ngay từ những loạt đạn đầu không?

- Báo cáo, được ạ.

Nhưng sau đó, Trung đoàn trưởng pháo binh lại nói tiếp:

- Thưa đồng chí, pháo binh ta chưa có điều kiện chuẩn bị bắn theo phương pháp tinh mật, nhưng số liệu đo đạc nhiều lần, bảo đảm độ chính xác cao. Chúng tôi đã chuẩn bị đạn rất cẩn thận. Mỗi đại đội chỉ cần bắn một viên, quan sát kết quả, hiệu chỉnh, rồi chuyển sang bắn hiệu lực ngay!
- Tốt! Đồng ý cho mỗi đại đội bắn thử hai viên trước giờ G, bảo đảm thời gian chỉnh pháo. - Tôi nói tiếp.

Máy bay địch lại lồng lộn trút bom xuống các cửa rừng. Những đường hào nhắm vào các cứ điểm xuất hiện lần thứ hai khẳng định trận đánh Him Lam sắp bắt đầu.

8 giờ sáng, hai máy bay Đa-kô-ta vừa hạ cánh xuống sân bay bị trúng ngay đạn sơn pháo của ta, bốc cháy.

10 giờ 30 phút, súng cối 120mm bắt đầu bắn thử. Một chiếc Đa-kô-ta thứ ba nằm trên sân bay bị gãy đôi.

Ngay sau đó, các đài quan sát của pháo binh và Đại đoàn 312 dồn dập báo cáo: Bộ binh và hai xe tăng địch từ Mường Thanh tiến ra, đánh vào trận địa xuất phát xung phong của ta. Địch vẫn lặp lại công việc đã làm hôm trước. Cùng lúc, Tư lệnh pháo binh và Tư lệnh Đại đoàn 312 đề nghị Bộ chỉ huy Mặt trận cho một bộ phận lựu pháo 105mm bắn chặn quân địch, bảo vệ đường hào xuất phát xung phong.

Nếu để địch chiếm trận địa xuất phát xung phong, dùng xe ủi đất lấp hết những đường hào, chiều nay bộ đội đánh vào Him Lam sẽ gặp khó khăn trong quá trình tiếp cận. Ta định giữ bí mật hỏa lực 105mm đến gần giờ nổ súng vào buổi chiều, nhưng trong tình hình này cần cho anh em phát hỏa sớm. Tôi ra lệnh kết hợp với hiệu chỉnh pháo 105mm, bắn 20 phát vào Him Lam.

Đại đoàn 351 báo cáo: Trừ hai phát đầu không trúng mục tiêu, 18 phát sau đều rơi vào Him Lam, phá vỡ nhiều công sự, khói pháo đang trùm lên đồn địch. Bọn địch từ Mường Thanh ra tháo chạy còn nhanh hơn cả xe tăng.

Lát sau, anh Lê Trọng Tấn báo cáo, trên đồn Him Lam có những tên lính từ trong công sự bò ra quan sát những điểm nổ của pháo ta, chắc chúng đã biết đó là pháo 105mm.

Tôi nói:

- Địch sớm mất tinh thần, bộ đội tiến công chiều nay càng thuận lợi!

Trận địa Him Lam trở lại im ắng.

Riêng máy bay địch tiếp tục lượn vòng trên bầu trời, thỉnh thoảng lao xuống bắn vào rừng cây. Tiếng rú rít của máy bay như nói lên sự hốt hoảng của địch trước một tai họa đang tiến đến gần mà chúng không có cách nào ngăn lại.

Trưa nay, đồng chí Kiểm - anh nuôi của cơ quan tác chiến, đã chuẩn bị cho mỗi người một suất cơm để ăn ngay tại hầm.

Tôi cảm thấy thời gian đi quá chậm.

15 giờ, các đơn vị của Đại đoàn 312 bắt đầu tiến ra trận địa xuất phát xung phong.

Mũi tiến quân của Trung đoàn 209 ở hướng phụ, do Trung đoàn trưởng Hoàng Cầm và Chính ủy Trần Quân Lập chỉ huy, có đường hào ngụy trang kín đáo không gặp trở ngại. 16 giờ 30 phút, Tiểu đoàn 130 đã áp sát cứ điểm số 3.

Ở hướng chủ yếu, hai tiểu đoàn 428 và 11 của Trung đoàn 141, do Trung đoàn trưởng Quang Tuyến và Chính ủy Mạc Ninh chỉ huy, phải vượt qua sông Nậm Rốm và đoạn đường trống trải từ bờ sông đến đồn địch bị pháo bắn chặn, một số chiến sĩ thương vong.

Hai chiếc cầu ngầm công binh bắc qua sông đã bị đại bác bắn hỏng. Ở những bến vượt, mặc pháo địch, cán bộ đại đội vẫn đứng bên bờ sông động viên bộ đội nhanh chóng lội qua. Đại đội trợ chiến của Tiểu đoàn 428 bị pháo địch trùm lên đội hình. Đại đội trưởng, đại đội phó hy sinh, một khẩu ĐKZ bị hỏng. Toàn đại đội vẫn kiên quyết tiến vào chiếm lĩnh trận địa. Tiểu đoàn 428 có mặt tại vị trí xuất phát xung phong cứ điểm số 2 đúng thời gian.

Trời đã hoàng hôn. Chiếc máy bay xuất kích cuối cùng trong ngày từ Hà Nội đã quay về. Các đài quan sát báo cáo sương mù xuống mỗi lúc một nhiều. Đơn vị tiến công đề nghị cho nổ súng sớm hơn giờ quy định.

Tôi gọi điện thoại cho Bộ Tư lệnh Pháo binh:

- Pháo binh đã sẵn sàng chưa?

rã hàng ngũ quân địch; - Động viên mọi lực lượng tập trung sức người, sức của chi viện cho chiến trường chính Tây Bắc - Điện Biên Phủ và các chiến trường khác.

Tháng 1 năm 1954, Đại đoàn 320 tiến công đập tan phòng tuyến sông Đáy, nối liền các khu căn cứ Thanh Liêm (Hà Nam), Ý Yên (Nam Định) với vùng tự do ở đồng bằng Liên khu 3. Sau đó, đại đoàn tiến sâu vào đồng bằng Bắc Bộ, cùng với các trung đoàn 42, 46, 50, 246, 238, các tiểu đoàn địa phương tỉnh và dân quân du

kích tiến công địch trên khắp những vùng quan trọng, phát triển các khu du kích, mở rộng cơ sở cách mạng. Hầu hết đường giao thông thủy bộ, đường sắt của địch đều bị đánh phá. Trên đường số 5 - con đường huyết mạch nối liền Hà Nội với cảng Hải Phòng, dân quân du kích Hải Dương, đặc biệt là huyện Kim Thành, đánh nhiều trận địa lôi táo bạo. Địch phải điều hàng chục tiểu đoàn canh giữ mà vẫn liên tiếp bị phục kích, có khi giao thông tê liệt hàng tuần lễ.

Bộ đội liên khu dùng lực lượng nhỏ nhưng tinh nhuệ tập kích những hậu cứ của địch, thu được nhiều thắng lợi, như trận đột nhập thị xã Đồ Sơn và thành phố Nam Định. Các căn cứ và khu du kích của ta đã chiếm ba phần tư đất đai vùng địch tạm kiểm soát ở châu thổ sông Hồng.

Ô Bình - Trị - Thiên, Cục Nam Trung Bộ, quân ta đánh mạnh trên các đường giao thông, lật đổ nhiều đoàn tàu địch, đập tan những cuộc càn quét mở rộng các căn cứ du kích và khu du kích, tăng cường công tác ngụy vận thu nhiều kết quả. Từ ngày 20 tháng 1 đến ngày 20 tháng 2 năm 1954, quân ta đã phá hủy 17 cầu, 18 cống từ Đông Hà lên Rào Quán trên đường số 9, tiêu diệt và bức rút sáu vị trí, giải phóng hoàn toàn huyện Hướng Hóa. Riêng huyện Vĩnh Linh có tới ba vạn dân sát cánh cùng du kích phá hoại cầu đường. Tại Thừa Thiên, bộ đội địa phương và dân quân du kích chống càn thắng lợi, giữ vững và mở rộng vùng căn cứ, tiêu diệt nhiều địch. Quân ta còn đánh địa lôi liên tiếp trên nhiều đoạn đường ở Hương Thủy, Lăng Cô, Mỹ Chánh, Phú Ốc, Huế - Quảng Trị, Huế - Đà Nẵng... lật đổ hàng chục đoàn tàu quân sự, mỗi lần tiêu diệt từ một trung đội đến một tiểu đoàn. Chỉ riêng trận Lăng Cô (Thừa Thiên) quân ta đã lật đổ hai đầu máy, 19 toa tàu, diệt 400 tên địch. Trận Phó Trạch (Quảng Trị), quân ta tập kích diệt 200 tên địch, thu hai đại bác.

Để phối hợp với cuộc tiến công ở Tây Nguyên, bộ đội và du kích Nam Trung Bộ tập kích thành phố Nha Trang, đốt cháy hàng triệu lít xăng, đột nhập thị trấn Ninh Hòa (Khánh Hòa) gây thiệt hại nặng cho quân địch, đột nhập Suối Dầu đốt cháy một kho xăng lớn. Bộ đội địa phương Quảng Nam, Phú Yên, Khánh Hòa, Bình Thuận đã diệt nhiều cứ điểm đại đội, tiểu đoàn,

tập kích táo bạo vào La Lung (Phú Yên) diệt trên một tiểu đoàn và tiến sâu vào vùng sau lưng địch tiêu diệt nhiều vị trí và tháp canh. Từng vùng rộng lớn được giải phóng như Điện Bàn ở Quảng Nam (có trên bốn vạn dân), vùng Hòn Khói và tây bắc Khánh Hòa. Ở Cục Nam Trung Bộ, kết hợp tiến công quân sự với đấu tranh của quần chúng, nhân dân đã cùng Trung đoàn 812 giải phóng hai huyện Tánh Linh và Lương Sơn ở Bình Thuận.

Tại Nam Bộ, từ giữa năm 1953, địch buộc phải rút quân ở ạt từ Nam Bộ ra chi viện cho chiến trường Trung Bộ và Hạ Lào. Lực lượng Âu - Phi chỉ còn ba tiểu đoàn

không đủ biên chế, trang bị, 12 tiểu đoàn ngụy quân mới thành lập khả năng chiến đấu yếu, tinh thần sút kém. Trung ương Cục chỉ thị "chuẩn bị đón lấy thời cơ".

Từ cuối năm 1953 sang những tháng đầu năm 1954, phong trào chiến tranh du kích không ngừng được giữ vững và phát triển. Bộ đội và du kích tổ chức thành từng phân đội nhỏ đánh tiêu hao địch trên khắp các vùng du kích và vùng địch tạm chiếm. Các tiểu đoàn chủ lực và bộ đội địa phương đã có những trận đánh xuất sắc.

Trong thời gian phối hợp chiến đấu với Điện Biên Phủ, tại Phân liên khu miền Tây, các lực lượng vũ trang giữ vững và phát triển vùng giải phóng, tiêu diệt và bức rút trên 1.000 đồn trại, tháp canh.

Ngày 24 tháng 2 năm 1954, Tiểu đoàn 309 phối hợp với bộ đội địa phương huyện Vàm Cô tổ chức phục kích ở Tâm Vu, tiêu diệt và bắt toàn bộ tiểu đoàn ngụy 502 và đại đội Pháp số 14, thu nhiều vũ khí và đồ dùng quân sự. Trận Tâm Vu táo bạo, tiêu diệt nhanh chóng bốn đại đội địch ban ngày trên địa hình đồng bằng, đã có tiếng vang lớn làm quân địch khiếp sợ. Từ đêm 1 tháng 3 năm 1954, Tiểu đoàn 307 được tăng cường Đại đội 552 tỉnh Bạc Liêu, cùng dân quân du kích tiến hành bao vây quận ly An Biên và toàn bộ những tháp canh từ quận ly ra Xẻo Rô, dùng súng cối pháo kích đồn An Biên, nhằm kéo quân viện từ Rạch Giá tới. Ngày 4, quân địch tại các tháp canh đều bị tiêu diệt, bức hàng, hoặc chạy trốn. An Biên bị cô lập năm ngày đêm liền. Ta đánh bại nhiều đợt quân tăng viện, quân địch ở quận ly liều mạng phá vây bỏ đồn tháo chạy. Ta truy kích diệt một số, bắn chìm một tàu, bắn hỏng một tàu. Cuối tháng 3 năm 1954, ta tiêu diệt tiếp đồn Xẻo Rô, giải phóng hoàn toàn quận An Biên. Nhân dân tổ chức một ngày hội lớn chưa từng có ăn mừng chiến thắng. Ở Mỹ Tho, chỉ một đại đội của tỉnh đã đánh tan một tiểu đoàn địch trong trận vận động ở Kênh Bùi, thu nhiều vũ khí với hàng chục trung liên, đại liên và súng cối.

Phân liên khu miên Đông đánh 2.133 trận lớn nhỏ, tiêu diệt và bức hàng 197 đồn bốt, tháp canh. 4.000 binh lính ngụy rã ngũ, trong đó có nhiều

đại đội, trung đội địch không thể xây dựng lại. Hệ thống đồn bốt bị thu hẹp dần, du kích và vùng căn cứ của ta ngày càng mở rộng. Chiến khu Đ phát triển, phía nam giáp sông Đồng Nai, phía bắc giáp đường số 14, phía tây giáp đường số 16, Chiến khu Dương Minh Châu nối liền với Định Thành, mở sang cả phía đông sông Sài Gòn, phía bắc giáp biên giới Cam-pu-chia. Chiến khu Đồng Tháp Mười mở rộng phía nam xuống sát kênh Nguyễn Văn Tiếp, phía tây ra tới ven sông Tiền, phía đông tới ven sông Vàm Cỏ Đông, phía bắc lên tới đường số 1. Ba chiến khu trên cùng với một số chiến khu khác và hàng trăm căn cứ vệ tinh, đã tạo thành một hệ

thống căn cứ kháng chiến rộng lớn liên hoàn, đan xen nhau trên toàn bộ chiến trường.

Nam Bộ tiếp tục phát huy cách đánh đặc công nhiều sáng tạo và hiệu quả, gây cho địch những tổn thất to lớn. Bộ đội Vĩnh Long đột nhập bến tàu bắn chìm và hỏng nặng bảy tàu chiến. Bộ đội biệt động Sài Gòn đột nhập kho bom Tân Sơn Nhất, một trong những kho bom lớn nhất của địch ở Đông Dương, phá hủy trên 300 tấn bom, tiêu diệt cả đại đội lính Âu - Phi bảo vệ. Bộ đội Bà Rịa - Chợ Lớn đột nhập khách sạn Ô Cấp, diệt hơn một trăm sĩ quan Pháp và Mỹ...

Thực hiện chủ trương phối hợp các chiến trường toàn Đông Dương, toàn bộ Tiểu đoàn chủ lực 302 của Phân liên khu miền Đông, gồm năm đại đội, được điều động sang đông Cam-pu-chia. Tiểu đoàn 302 đã sát cánh cùng bộ đội Ít-xa-rắc và nhân dân bạn phát triển chiến tranh du kích, tiêu diệt đồn An Sông (Prây Veng), đồn Ta Pang Pring, tiến công các đồn Păng Cà Nhây, Kốt Cho, Tà Nốt, chống càn ở Prắc Tô, diệt và bắt nhiều địch, thu nhiều vũ khí.

Tại Hạ Lào, sau khi giải phóng cao nguyên Bô-lô-ven, một bộ phận liên quân Việt - Lào đã phát triển xuống phía nam, phối hợp vối bộ đội Ít-xa-rắc Cam-pu-chia giải phóng Viên Sai, Xiêm Pang, uy hiếp Stung Treng. Ở miền đông Cam-pu-chia, quân tình nguyện Việt Nam cùng bộ đội Ít-xa-rắc giải phóng phần lớn Công Pông Chàm. Căn cứ miền đông và đông bắc Cam-pu-chia đã nổi liền với vùng giải phóng Trung, Hạ Lào và Tây Nguyên của ta.

rong khoâng thai gian mot thang, ke tu ngay ta hoan cuoc tien cong vao Diep Bien Phu den coui thang 2 nam 1954, toan bo ke hoach Dong Xuan 1953-1954 da duoc trien khai tren toan chien truong Dong

Dương. Với những đơn vị không lớn hoạt động ở những hướng khác nhau, quân và dân ba nước Đông Dương đã thực hiện được mục tiêu đầu tiên, rất cơ bản, trong kế hoạch là làm cho lực lượng cơ động địch buộc phải phân tán.

Trước khi vào mùa khô năm 1953, Na-va đã đưa lực lượng cơ động chiến lược và chiến thuật lên tới 82 tiểu đoàn. Với việc phát triển ở ạt quân đội quốc gia liên kết theo chủ trương của Mỹ và quân tăng viên mới đưa từ Pháp sang, từ chiến trường Triều Tiên về, Na-va đã tổ chức được 18 binh đoàn cơ động chiến lược, trong đó có 11 binh đoàn Âu - Phi, bảy binh đoàn ngụy. Na-va tập trung già nữa số quân cơ động, 44 tiểu đoàn, ở đồng bằng Bắc Bộ, trong đó có bảy binh đoàn cơ động mạnh được tổ chức từ trước, để đối phó với cuộc tiến công của ta trên chiến trường chính.

Trong tháng 2 năm 1954, lực lượng cơ động địch đã buộc phải phân tán ra năm nơi:

Tại Trung và Hạ Lào: Có binh đoàn cơ động ngụy số 51, và những tiểu đoàn rút từ binh đoàn cơ động số 1, số 5 và binh đoàn cơ động dù ở Bắc Bộ (GM1, GM5, GM Para). Na-va thành lập thêm một tập đoàn cứ điểm tại Xê-nô, với tên gọi là binh đoàn tác chiến Trung Lào" (GOML), và sau đó một tập đoàn cứ điểm mới tại Xa-ra-van, Hạ Lào.

Tại Thượng Lào: Có binh đoàn cơ động số 7, tiểu đoàn 1 dù thuộc địa, tiểu đoàn 10 Ta-bo, trung đoàn bộ binh 11 thuộc địa, tiểu đoàn 4 trung đoàn bộ binh 4 thuộc địa (GM7, 1er BPC, 10è Tabor, 11è RIC, 4/4è RIC), tiểu đoàn 301 khinh quân ngụy. Trong số này có tám tiểu đoàn cơ động mới điều từ Bắc Bộ sang. Na-va lập thêm hai tập đoàn cứ điểm ở Luông Pha Băng và Mường Sài.

Tại Tây Nguyên, có năm binh đoàn cơ động: Binh đoàn cơ động 100 (GM100) mới từ Triều Tiên về, binh đoàn cơ động 21 (GM21) từ Nam Bộ ra, binh đoàn cơ động 11 (GM11) từ Bình - Trị - Thiên vào, các binh đoàn 41, 42 (GM41, GM42) vốn ở tại chỗ. Thêm một tập đoàn cứ điểm nữa đang xuất hiện ở An Khê. Tại đồng bằng Liên khu 5 có 16 tiểu đoàn, trong đó có binh đoàn cơ động số 10 (GM10) mới từ Pháp sang.

Tại Điện Biên Phủ: Có binh đoàn tác chiến Tây Bắc (12 tiểu đoàn và bảy đại đội) gồm những tiểu đoàn được lựa chọn trong số những đơn vị ưu tú nhất, được coi là "ngọn giáo" (fer de lance) của đội quân viễn chinh.

Tại đồng bằng Bắc Bộ, nơi tập trung khối cơ động nổi tiếng của Na-va hồi đầu mùa khô, theo tính toán của cơ quan tham mưu ta, chỉ còn lại ba binh đoàn cơ động. Phần lớn những đơn vị của các binh đoàn này cũng không còn là cơ động, vì phải chia ra để bảo vệ những khu vực, tuyến đường quan trọng.

Có thể nói chín phần mười trong tổng số 82 tiểu đoàn cơ động chiến lược và chiến thuật của Na-va đã phân tán khi trận đánh chính chưa nổ ra.

Toàn bộ lực lượng địch và ta đều đã triển khai.

Tới lúc này, có thể nói: Thế trận của ta đã hình thành!

Những hoạt động Đông Xuân của ta và bạn không chỉ làm đảo lộn thế bố trí của địch trên các chiến trường, mở rộng vùng giải phóng tại Việt Nam - Lào thêm hàng chục nghìn ki-lô-mét vuông, mà còn tạo điều kiện cho ta tiếp tục phát triển đánh địch ở nhiều hướng, đặc biệt là vùng địch hậu Bắc Bộ, Trung Bộ và Nam Bộ. Điều quan trọng là nó đã tạo ra một điểm quyết chiến chiến lược từ lâu ta hằng mong đợi. Hạ tuần tháng 11 năm 1953, Na-va ném xuống Điện Biên Phủ sáu tiểu đoàn với ý định ngăn chặn một đại đoàn chủ lực của ta đang tiến vào Tây Bắc. Vào lúc đó, Hải Ly chỉ là một cuộc hành binh thứ yếu, một nhiệm vụ quân sự - chính trị có

tính địa phương, nhằm giữ nguyên trạng tình hình trên chiến trường chính với chủ trương phòng ngự chiến lược của Na-va. Chỉ ba tháng sau, từ những cuộc điều binh của ta trên bàn cờ chiến cuộc Đông Xuân, Điện Biên Phủ đã trở thành nơi quyết định vận mệnh chiến tranh.

Tất cả đều đã chín muồi cho trận đánh quyết định. Ta đã ghìm chân quân địch trên khắp các chiến trường, Na-va không còn gì nhiều để cứu nguy cho con nhím Điện Biên Phủ.

Ngoại trừ những cuộc phân kích lê tê của địch, chiến trường Điện Biên Phủ suốt thời gian này hầu như im ắng. Toàn bộ công cuộc chuẩn bị của ta cho phương án "đánh chắc tiến chắc" đều giấu kín dưới màn lá ngụy trang được tạo nên rất công phu. Công bình đã hạn chế tiếng mìn phá đá bằng cách dùng những lượng thuốc nổ nhỏ đặt rất sâu. Một dây xích khổng lồ đã siết chặt chung quanh cánh đồng Mường Thanh. Địch không biết là lúc này, ngay đến chuyện rút lui khỏi đây, chúng cũng đã hết cơ hội.

Đài Tiếng nói Việt Nam đưa tin chiến thắng rầm rộ của ta trên các chiến trường, riêng Điện Biên Phủ thỉnh thoảng mới được nhắc tới với một đôi cuộc giao chiến nhỏ. Các mặt trận điện về Bộ Tổng Tư lệnh hỏi thăm tin tức, đều được trả lời: "Điện Biên Phủ đang giam giữ quân chủ lực địch để tạo điều kiện cho các chiến trường tranh thủ thời cơ tiêu diệt địch".

Hạ tuần tháng 2 năm 1954, Bộ chỉ huy chiến dịch ra lệnh cho Đại đoàn 308 ngừng tiến công ở Thượng Lào, bí mật và nhanh chóng quay về Điện Biên Phủ.

Tại Mường Phăng, bên cạnh cái lán của tôi đã xuất hiện một hệ thống đường hầm nhỏ. Nó chia thành ba nhánh đồng tâm, hình rẽ quạt, chạy xuyên vào trái đồi, dài khoảng 300 mét. Một nhánh có đường giao thông hào nổi liền với cơ quan tham mưu của anh Thái. Một nhánh chạy tới nơi tôi ở.

Một nhánh tới chỗ các đồng chí cố vấn. Hầm được tính toán chống sức ép của bom đạn khi nổ gần. Trong hầm, có nơi hội họp, phòng chỉ huy tác chiến, liên lạc thẳng tới các đơn vị đang chiến đấu tại mặt trận cũng như với chỉ huy trưởng chiến dịch, có điện, bảo đảm làm việc bình thường ngay cả khi máy bay dịch oanh tạc. Chúng ta đã áp dụng một phần những kinh nghiệm chiến đấu đường hầm trong chiến tranh Triều Tiên.

Ngày 28 tháng 2, Bộ chỉ huy chiến dịch triệu tập Hội nghị quân chính từ cấp trung đoàn trở lên để kiểm điểm công tác chuẩn bị. Theo báo cáo của các đơn vị đường cơ động pháo và các trận địa pháo đã làm xong, sẵn sàng đón pháo vào vị trí. Trận địa chiến hào tiến công và bao vây cũng đã hoàn thành, kể cả trận địa của Đại đoàn

308 đi chiến đấu ở Thượng Lào không có điều kiện trực tiếp tham gia xây dựng. Các sổ chỉ huy cũng như trận địa pháo đều được xây dựng kiên cố, đủ sức chịu đựng đạn pháo 105mm, 155mm, kể cả đạn xuyên. Hậu phương đã gửi 2.200 quân bổ sung và còn chuẩn bị thêm 3.000 thanh niên xung phong.

Tôi kết luận hội nghị: Để đối phó với tập đoàn cứ điểm, có hai cách. Một là, kiềm giữ lực lượng địch ở tập đoàn cứ điểm và đánh mạnh ở những nơi địch sơ hồ. Hai là, tiến công tiêu diệt tập đoàn cứ điểm. Tiêu diệt được tập đoàn cứ điểm mới gây cho địch một cục diện khủng hoảng và mới đánh bại được cố gắng lớn nhất của địch... Tiêu diệt tập đoàn cứ điểm là vấn đề tất yếu mà quân đội ta phải trải qua. Chúng ta nhất định phải hoàn thành nhiệm vụ cho kỳ được. Bước vào giai đoạn tiến công thứ nhất, phải khống chế sân bay, tiến tới triệt tiếp tế đường không của địch. Phải tiêu diệt một số trung tâm để kháng ngoại vi, trước hết là phân khu Bắc. Phải thường xuyên phát triển hoạt động nhỏ, như: Biệt kích, phá sân bay, tập kích trận địa pháo và sổ chỉ huy của địch, phá hủy kho tàng, sát thương quân địch. Phải cùng cố trận địa tiến công thật vững chắc, tích cực tiêu diệt, tiêu hao quân địch khi chúng đánh vào trận địa của ta... Ta đánh theo phương châm "đánh chắc tiến chắc" không có nghĩa là khi thời cơ tới, ta không khẩn trương chuyển sang "đánh nhanh, giải quyết nhanh". Nhưng theo phương châm nào cũng phải bảo đảm "đánh chắc thắng".

Bốn yêu cầu được đề ra để giành thắng lợi cho chiến dịch:

- Cán bộ phải có quyết tâm cao.
- Bảo đảm giữ vững lực lượng để chiến đấu liên tục.
- Thực hiện cho được hiệp đồng chặt chẽ.

Bảo đảm xây dựng trận địa tiến công và bao vây đúng yêu cầu.

Đảng ủy và Bộ chỉ huy chiến dịch chia nhau xuống các đơn vị kiểm tra chuẩn bị chiến đấu, đặc biệt là Đại đoàn 308 mới từ chiến trường Lào trở về.

Đầu tháng 3 năm 1954, trong một buổi giao ban, đồng chí Hoàng Xuân Tùy, phụ trách cơ quan thông tin báo chí mặt trận báo cáo: Na-va vừa mới công bố trong một cuộc họp báo: "Ngọn trào tiến công của Việt Minh đã lắng xuống" (La marée offensive du Viet Minh est étale). Điều không may cho Na-va là trận đánh chính của chúng ta trong Đông Xuân này chỉ mới sắp bắt đầu!

Ngày 4 tháng 3 năm 1954, Na-va lên thăm Điện Biên Phủ lần cuối cùng, Na-va vẫn tỏ ra thận trọng. Ông ta gọi ý cho Cô-nhi, nên điều thêm ba tiểu đoàn tăng viện, lập một trung tâm để kháng trên khoảng trống 5 ki-lô-mét giữa Mường Thanh - Hồng

Cúm và tạo thêm chướng ngại hỗ trợ cho những cứ điểm ở phía đông bắc. Cô-nhi không tán thành, với lý do tăng thêm quân sẽ làm đảo lộn kế hoạch hậu cần đã trở nên quá tải vì lúc đầu chỉ dự trù cho tiểu đoàn. Còn một lý do quan trọng khác, Cô-nhi không muốn bị rút thêm những lực lượng từ đồng bằng.

Na-va nhân mạnh:

- Có thêm một trung tâm đề kháng sẽ làm cho đối phương phải điều chỉnh kế hoạch, trì hoãn cuộc tiến công. Chỉ qua một vài lần trì hoãn như vậy là tới mùa mưa, trận đánh sẽ không xảy ra.

Đò Cát-xtò-ri phản đối:

- Chỉ sợ chúng không tới! Cần phải đẩy chúng tiến công để kết thúc cho sớm.
- Giữ được chứ? - Na-va hỏi.
- Cũng khó khăn, nhưng sẽ giữ được nếu ngài có từ hai đến ba tiểu đoàn để gửi cho tôi.
- Cô-nhi nói thêm:
- Không nên làm cho Việt Minh thay đổi quyết định. Cả tập đoàn cứ điểm đều trông đợi một chiến thắng lớn bằng phòng ngự. Sẽ là một thảm họa về tinh thần nếu Việt Minh không đánh!'.

Thực ra, đó không chỉ là ý nghĩ của Cô-nhi, Đò Cát-xtò-ri và quân Pháp đồn trú ở Điện Biên Phủ. Trong khi viên tổng chỉ huy linh cảm những điều không lành có thể xảy ra, thì tất cả các tướng tá Pháp ở Đông Dương, đặc biệt là những sĩ quan ở bộ tham mưu của Na-va và Cô-nhi, đều coi đây chính là cơ hội bằng vàng để đánh quy "quân đoàn tác chiến Việt Minh".

Plê-ven đã báo cáo với Chính phủ Pháp sau chuyến đi thị sát tình hình Đông Dương: "Tôi không tìm được bất cứ ai tỏ ra nghi ngờ về tính vững chắc

của tập đoàn cứ điểm. Nhiều người còn mong ước cuộc tiến công của Việt Minh". Giới quân sự ở Đông Dương lập luận: Người Pháp đã đi tìm một trận đánh dàn trận (bataille rangée) trong suốt cuộc chiến tranh thì lần này đã gặp nó ở Điện Biên Phủ!... Họ chỉ lo ta lại không chấp nhận cuộc đọ sức như ở Nà Sản. Nếu ta tiến công, thì họ đều tin đây sẽ là trận đánh quyết định trong chiến tranh. Những tài liệu chúng ta đọc sau này đều chứng tỏ: Vào lúc đó, Na-va chưa hề muốn có một trận đánh quyết định.

Đêm ngày 4 tháng 3 năm 1954, tại đồng bằng Bắc Bộ, quân ta bí mật đột nhập sân bay Gia Lâm, đốt cháy 12 máy bay và một kho xăng.

Hai ngày sau, đêm ngày 6 tháng 3, bộ đội địa phương Kiến An đột nhập sân bay Cát Bi, phá hủy bốn máy bay B-26 và sáu máy bay Moran. Theo tài liệu của phương Tây thì số máy bay bị tiêu diệt trong hai đêm 4 và 6 tháng 3 năm 1954 là 22 chiếc. Tôi gửi ngay một bức điện tuyên dương công trạng toàn thể cán bộ, chiến sĩ đã tập kích sân bay Gia Lâm và Cát Bi "đánh thắng vào nơi trung tâm quân sự của giặc ở sát Hà Nội và Hải Phòng, đã phá hủy một bộ phận quan trọng không quân địch, tạo điều kiện thuận lợi cho nhiều chiến thắng sắp tới trên chiến trường toàn quốc".

Đêm ngày 8 tháng 3 năm 1954, trọng pháo 105mm và pháo cao xạ của ta bắt đầu vào chiếm lĩnh trận địa chỉ cách Him Lam từ 3 đến 4 ki-lô-mét. Ở một số đoạn đường gấp khúc, vẫn phải kéo pháo bằng tay.

Thành công lớn của đợt chuyển pháo này là kẻ địch không hề hay biết. Tới lúc đó, quân địch vẫn còn chưa thật tin về sự có mặt của lựu pháo ta trên chiến trường Tây Bắc!

Trên đường số 5, cũng trong đêm 8 tháng 3, bộ đội ta san phẳng 13 bốt và tháp canh, làm gián đoạn giao thông suốt đêm. Phần lớn thức ăn của con nhím Điện Biên Phủ được chuyển bằng đường biển, rồi từ cảng Hải Phòng qua đường số 5 lên Hà Nội, và rót xuống Điện Biên Phủ bằng cầu hàng không. Đánh mạnh trên tuyến giao thông này, các chiến sĩ đường số 5 đã trực tiếp phối hợp với Điện Biên Phủ.

gày 11 tháng 3 năm 1954, chúng tôi nhận được thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Bác viết:

"Các chủ sắp ra mặt trận. Nhiệm vụ các chủ lần này rất to lớn, khó khăn nhưng rất vinh quang.

Các chủ vừa được chỉnh quản chính trị và chỉnh huấn quản sự và đã thu được nhiều thắng lợi về tư tưởng và chiến thuật, kỹ thuật. Nhiều đơn vị đã đánh thắng trên các mặt trận. Bác tin chắc rằng các chủ sẽ phát huy thắng lợi vừa qua, quyết tâm vượt mọi khó khăn, gian khổ để làm tròn nhiệm vụ về vang sắp tới.

Bác chờ các chú báo cáo thành tích để thường những đơn vị và cá nhân xuất sắc nhất.

Chúc các chú thắng to.

Bác hôn các chú"1.

Lệnh động viên toàn thể cán bộ, chiến sĩ mở cuộc tiến công vào tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ đã được gửi tới các đơn vị:

"Chiến dịch Điện Biên Phủ sắp bắt đầu! Đây là chiến dịch công kiên quy mô lớn nhất trong lịch sử quân đội ta từ trước tới nay... Đánh thắng ở Điện Biên Phủ, chúng ta sẽ phá tan kế hoạch Na-va hiện đã bị thất bại nặng nề, sẽ giáng một đòn chí từ vào âm mưu mở rộng chiến tranh của bọn để quốc Pháp - Mỹ. Chiến dịch Điện Biên Phủ thắng lợi sẽ có một ảnh hưởng vang đội trong nước và ngoài nước, sẽ là một công hiến xứng đáng vào phong trào hòa bình thế giới đòi chấm dứt chiến tranh ở Việt - Miên - Lào...

Giờ ra trận đã đến!

Tất cả các cán bộ và chiến sĩ, tất cả các đơn vị, tất cả các binh chủng hãy dũng cảm tiến lên, thi đua lập công, giật lá cờ "Quyết chiến quyết thắng" của Hồ Chủ tịch".

Ngày 10 tháng 3 năm 1954, Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa đã chính thức nhận lời mời tham dự Hội nghị Gio-ne-vo bàn về chiến tranh Triều Tiên và Đông Dương, sẽ khai mạc vào ngày 26 tháng 4 năm 1954. Na-va đã từng khuyên Chính phủ Pháp chỉ ngồi vào bàn đàm phán sau khi đã giành một chiến thắng lớn trên chiến trường. Nước Pháp không thể tới hội nghị tử cường với hai bàn tay trắng.

Thời gian đang dồn Na-va đến chân tường.

Chương tâm MỞ CỬA

ho tới giờ phút này có thể thấy Na-va quá tự tin, quá lệ thuộc vào bản kế hoạch nổi tiếng của mình! Kế hoạch đó buộc Na-va phải giữ vững thế phòng ngự chiến lược và không được phép thua trên chiến trường miền Bắc Đông Dương trong Đông Xuân 1953-1954. Na-va đã nhanh chóng ngăn chặn tất cả các hướng tiến quân của ta bằng những con nhím, tránh né những cuộc giao chiến lớn. Na-va không nhận ra các mũi tiến công đó đều nhằm mục đích chủ yếu là phân tán khối chủ lực chiến lược của ông ta ở đồng bằng Bắc Bộ, một phần là để bảo vệ cho những tỉnh tự do Liên khu 5. Tất cả đều chuẩn bị cho trận đánh quyết định ở Điện Biên Phủ. Khi Na-va tưởng những cuộc tiến công của ta đã lên tới mức cao nhất và đang trên đà tàn lụi, thì ở chiến trường chính cuộc tiến công chiến lược của ta bắt đầu.

Ta chủ trương tiếp tục đánh mạnh ở các chiến trường phối hợp, kìm chân những bộ phận quân địch đã phân tán tới đây, cho tới khi hoàn tất nhiệm vụ trên mặt trận chính. Về chiến lược, ta đã thắng địch một bước. Tuy nhiên, kết quả chiến cục Đông Xuân sẽ hạn chế nếu không giành được thắng lợi trên chiến trường chính, thậm

chí có thể trở thành thất bại nếu quân địch thực hiện được ý đồ tận dụng ưu thế phòng ngự tại Điện Biên Phủ đánh quy một số đại đoàn chủ lực của ta.

Đây là trận công kiên lớn nhất trong lịch sử quân đội ta. Một tập đoàn cứ điểm với 12.000 quân được trang bị tới mức tối đa. Lực lượng này sẽ còn tăng thêm. Nếu kẻ địch nhìn thấy vấn đề, chúng vẫn có thể rút quân từ Mường Sài, từ Luông Pha Băng, nơi sức ép của ta đã giảm, về Điện Biên Phủ. Và ngay với số quân địch hiện có, liệu ta có giải quyết được không? Ta đã tìm ra một cách đánh thích hợp với trình độ bộ đội. Nhưng phải kiểm nghiệm nó trên thực tế chiến trường. Mặc dù trận đánh đã được chuẩn bị với tinh thần trách nhiệm cao nhất, ta đã nhìn rõ những yếu tố tất thắng, nhưng vẫn phải

đề phòng những rủi ro mà người trong cuộc thường khi không thể tính trước. Trong trận công kiên này, về so sánh lực lượng tham chiến, quân địch vẫn là kẻ chiếm ưu thế. Y-vơ Gra sau này đã viết: "Vào lúc Việt Minh mở cuộc tiến công ở Điện Biên Phủ, so sánh lực lượng không phải là bất lợi cho quân đồn trú ở tập đoàn cứ điểm, theo cách đánh giá "một chọi hai" đối với một đội quân ở vị thế phòng ngự là chuyện bình thường. Khi đó, người ta có thể nghĩ một cách có lý là bình đoàn tác chiến của đại tá Đò Cát-xtơ-ri sẽ thắng trong trận đánh và chắc chắn ông ta sẽ thắng, mặc dù bị thất thế vì cô lập, nếu ông ta không mắc những lỗi lầm trong sự chuẩn bị và điều hành của mình"1.

Nước Pháp hầu như không còn đủ sức chịu đựng gánh nặng chiến tranh Đông Dương. Cuộc chiến sang năm thứ chín đã chứng tỏ Pháp chỉ còn cách duy nhất là tìm một "lối thoát danh dự", nếu không muốn dâng Đông Dương cho Mỹ. Thời gian này ở tất cả các cấp bộ trong quân đội viễn chinh Pháp đều có cố vấn Mỹ. Người Mỹ có thể đến bất cứ nơi nào kiểm tra tình hình không cần sự chấp thuận của tổng chỉ huy. Nội dung "lối thoát" của Pháp tùy thuộc vào trận đánh trên chiến trường Điện Biên Phủ. Chúng ta cần hết sức cố gắng giành một chiến thắng quyết định trước khi Mỹ trực tiếp can thiệp vào chiến tranh Đông Dương. Trận đánh này đã có thêm một nội dung mới, đặt ra cho quân và dân ta một trách nhiệm chính trị mới.

Nhiệm vụ của bộ đội ta trong đợt tiến công thứ nhất là tiêu diệt ba trung tâm để kháng: Him Lam, đối Độc Lập, Bản Kéo, bảo vệ cho tập đoàn cứ điểm ở hướng bắc và đông bắc, ngăn chặn quân ta từ hai trục đường Lai Châu - Điện Biên Phủ và Tuần Giáo - Điện Biên Phủ tiến vào cánh đồng Mường Thanh.

Các đơn vị đều mong mỏi được đánh trận mở màn. Cả hai đại đoàn 308 và 316 đã trải qua những trận truy kích đường dài hàng trăm ki-lô-mét, lực lượng ít nhiều bị tiêu hao. Đại đoàn 312 tuy phải tham gia kéo pháo, làm đường và xây dựng trận địa

khá mệt nhọc, nhưng lực lượng còn nguyên vẹn, được Bộ chỉ huy Mặt trận chọn làm đơn vị chủ công mở màn chiến dịch.

Các đơn vị được bố trí như sau: Đại đoàn 312 (thiếu Trung đoàn 165) tiến công tiêu diệt trung tâm để kháng Him Lam. Trung đoàn 165 (Đại đoàn 312) và Trung đoàn 88 (Đại đoàn 308) tiêu diệt trung tâm để kháng đối Độc Lập. Trung đoàn 36 (Đại đoàn 308) tiêu diệt trung tâm để kháng Bản Kéo. Trung đoàn 57 (Đại đoàn 304) kiểm chế pháo binh địch ở Hồng Cúm. Đại đoàn công pháo 351 tập trung toàn bộ hóa lực pháo binh trực tiếp yểm hộ cho bộ binh tiến công, kiểm chế pháo binh địch, tập kích vào cơ quan chỉ huy ở Mường Thanh, sân bay và các kho tàng.

Lúc đầu, ta chủ trương đánh cả Him Lam và đồi Độc Lập trong một đêm, sau đó sẽ tiêu diệt nốt trung tâm còn lại là Bản Kéo. Đánh cả hai nơi có lợi là phân tán được hỏa lực chi viện của tập đoàn cứ điểm. Nhưng khi tính toán cụ thể, thấy không đủ sơn pháo 75mm đi cùng một lúc với hai đơn vị xung kích, Bộ chỉ huy chiến dịch quyết định đánh Him Lam trước, ngay sau đó chuyển pháo sang cho đơn vị đánh đồi Độc Lập vào đêm hôm sau.

Trung tâm đề kháng Him Lam nằm ở phía đông bắc, trên con đường số 41 từ Tuần Giáo vào, có nhiệm vụ bảo vệ tập đoàn cứ điểm từ xa. Địch coi đây sẽ là hướng tiến công chính của bộ đội ta. Do tính chất quan trọng của vị trí, chúng đã bố trí tại Him Lam một tiểu đoàn 750 người thuộc bán lữ đoàn lẻ dương 13. Lá cỏ của bán lữ đoàn mang dòng chữ Bir Hakeim quang vinh, nơi nó đã bị quân đội phát xít Đức bao vây khi đang làm nhiệm vụ bảo vệ cho tập đoàn quân 8 của Anh rút lui tại Li-bi, trước cuộc truy đuổi của tướng Đức Rô-meo. Quân Đức nhiều lần kêu gọi nó đầu hàng. Nhưng sau khi tập đoàn quân 8 đi thoát, nó vẫn tìm được cách phá vỡ vòng vây trở về tiếp tục chiến đấu.

Trung tâm Him Lam gồm ba cứ điểm có công sự tương đối vững chắc; một lưới lửa mạnh bố trí rất cẩn mật, vừa yểm hộ lẫn cho nhau, vừa ngăn chặn mọi con đường ta có thể tiến vào; một hệ thống công sự phụ gồm dây thép, vật chướng ngại và bãi mìn, có nơi rộng đến hơn 100 mét. Lực lượng bảo vệ căn cứ được trang bị súng có kính ngắm điện tử phát hiện mục tiêu ban đêm. Him Lam được trọng pháo 105mm và 155mm ở Mường Thanh và Hồng Cúm yểm hộ theo một kế hoạch hỏa lực dày đặc. Đoạn đường số 41 nối liền Him Lam với khu trung tâm đã mở rộng bảo đảm cho mọi phương tiện cơ giới hoạt động. Lực lượng dự bị với xe tăng, pháo binh và không quân chi viện, sẵn sàng tiến hành phân kích trong trường hợp Him Lam bị tiến công. Tất cả những người tới thăm vị trí đều khen công trình phòng ngự được bố trí hoàn hảo. Hai ngày trước khi diễn ra trận đánh, đồng chí Sơn Hà - Trưởng ban Quân báo của Đại đoàn 312 tổ chức một trận đột kích táo bạo vào

trung đội địch cảnh giới ở Him Lam, bắt về một viên trung úy người Đức bị thương nặng. Sau khi được ta tận tình cứu chữa, viên trung úy đã cho ta biết về hệ thống hỏa lực ở Bê-a-tơ-ri-xơ, đặc biệt là cứ điểm 1, nơi đại đội 9 của y đóng quân. Y thành thật khuyên ta "không nên đánh vào Bê-a-tơ-ri-xơ, vì đây là trung tâm đề kháng mạnh nhất của tập đoàn cứ điểm.

Nhược điểm của Him Lam là một vị trí đột xuất, nằm cách phân khu trung tâm khoảng 2,5 ki-lô-mét. Khoảng cách này cho phép ta tập trung sức mạnh cần thiết, cô lập nó trong một thời gian nhất định để tiêu diệt. Nếu trận đánh kết thúc trong đêm, khả năng tăng viện của quân địch có thể bị loại trừ.

Để bảo đảm nguyên tắc "trận đầu phải thắng", cơ quan tham mưu đã bố trí một lực lượng mạnh hơn quân dịch gấp ba lần, nếu kể cả lực lượng dự phòng, gấp năm lần, có kế hoạch phòng pháo, phòng không, phòng dịch phân kích, dự kiến các tình huống cơ bản và cách xử lý trong quá trình diễn biến chiến đấu. Công tác kiểm tra được thực hiện tỉ mỉ.

Hòa lực pháo của ta nhìn chung không mạnh hơn địch, nhưng nếu tập trung vào một số mục tiêu nhất định, cũng đủ mang lại sự bất ngờ. Hơn thế, trừ pháo cao xạ, tất cả pháo nặng đều được bố trí phân tán trong những căn hầm kiên cố, trên thế cao. Pháo của ta nằm trên sườn núi đối diện với Mường Thanh nhưng ngụy trang kín đáo, lại có những trận địa giả đánh lạc hướng quân dịch, nên chúng rất khó phân pháo hoặc dùng máy bay oanh tạc hiệu quả. Và các khẩu pháo của ta tuy bố trí phân tán, nhưng khi tác chiến vẫn bắn tập trung được vào những mục tiêu chỉ định.

Với cách đánh đã lựa chọn, ta có thể tập trung sức mạnh vào những vị trí quyết định trong những thời điểm quyết định, điều mà mọi người chỉ huy quân sự đều mơ ước, cũng là điều Đờ Cát-xtơ-ri không thể làm được ngay từ khi còn toàn bộ binh lực trong tay. Đó chính là điều kiện tất thắng của ta. Những đường chiến hào giúp cho bộ đội tiếp cận đốn địch, bớt bị tiêu hao khi không còn giữ được thế bất ngờ. Nhưng riêng ở Him Lam, ta không thể đẩy đường hào vào giáp tất cả các cứ điểm vì hướng chủ yếu bị dòng sông Nậm Rốm nằm cắt ngang.

Lực lượng trực tiếp tiến công Him Lam là ba tiểu đoàn. Trung đoàn 141 sử dụng một tiểu đoàn đánh cứ điểm số 1, một tiểu đoàn đánh cứ điểm số 2, một tiểu đoàn làm dự bị. Trung đoàn 209 sử dụng một tiểu đoàn tiêu diệt cứ điểm số 3, một tiểu đoàn làm nhiệm vụ dự bị, một tiểu đoàn chặn quân dịch phân kích trên đường số 41.

Khi xem bản sơ đồ Him Lam, tôi liên tưởng tới đồn Pheo trong Chiến dịch Hòa Bình. Lịch sử đang lặp lại. Đồn Pheo cũng do một tiểu đoàn của bán lữ đoàn lê dương 13 chiếm đóng và cũng gồm ba quả đồi có địa hình tương tự. Đầu năm 1952, Trung đoàn 102 không hoàn thành nhiệm vụ tiêu diệt đồn Pheo. Thất bại này trở thành cái hận cho đơn vị công kiên rất giỏi của Đại đoàn 308. Sau trận đánh, ta đã tìm hiểu kỹ nguyên nhân. Không phải do dịch quá mạnh, mà do Trung đoàn 102 rất chủ quan khi nhận nhiệm vụ. Nhưng lần này có nhiều điểm mới cần chú ý. So với đồn Pheo, Him Lam mạnh hơn mọi mặt, về cấu trúc, về hỏa lực, lại là một bộ phận nằm trong hệ thống tập đoàn cứ điểm mà kẻ dịch phải bảo vệ bằng mọi giá. Ngay trong trận mở màn chiến dịch, Đại đoàn 312 đã gặp bán lữ đoàn lê dương 13!

Tôi đã nhắc anh Lê Trọng Tấn phải tiến hành công tác chuẩn bị hết sức chu đáo vì kẻ địch đã có nhiều tháng trời củng cố, chuẩn bị đón đợi cuộc tiến công của ta.

ém 11 tháng 3, bộ đội Đại đoàn 312 tiến hành đào trận địa xuất phát xung phong. Các chiến hào trước đó vẫn nằm ẩn mình dưới tán cây rừng, những chỗ trống đều được ngụy trang cẩn thận nay đổ xuống cánh đồng đâm thẳng vào cứ điểm địch. Lúc này địch mới biết trận đánh nhắm vào Him Lam sắp bắt đầu. Suốt ngày 12, địch cho máy bay, đại bác bắn phá các cửa rừng, nơi chúng nghi ngờ có quân ta và đưa bộ binh, xe ủi đất ra san lấp trận địa chiến hào ta vừa đào.

Cô-nhi đã có mặt kịp thời ở Điện Biên Phủ. Cô-nhi bàn với Đờ Cát-xtơ-ri cách sử dụng lực lượng phản kích khi bị tiến công, rồi tới Him Lam kiểm tra lại công trình phòng ngự và động viên binh lính. Khi chiếc Đa-kô-ta nổ máy, Cô-nhi ngồi trong máy bay giơ tay vẫy chào Đờ Cát-xtơ-ri thì những trái đạn lao xuống đường băng. Một chiếc Morane bùng cháy, một chiếc khác gãy cánh. Trong lúc mọi người nằm rạp trên mặt đất, viên phi công mở hết ga thoát khỏi đường băng. Cô-nhi chưa biết mình đang vĩnh biệt con nhím Điện Biên Phủ, vì từ ngày sau đó mỗi lần xuống sân bay Mường Thanh là một lần đùa giỡn với tử thần.

Những chiếc máy bay trực chiến vội cất cánh bắn vu vơ vì không biết những trái đạn bỗng từ đâu xuất hiện. Theo Giuyn Roa, những chuyên gia chụp ảnh bằng máy bay trình sát giỏi nhất ở Triều Tiên đã được đưa sang Đông Dương. Họ khuyên người Pháp nên chụp cùng lúc cả hai loại phim màu và đen trắng, hoặc dùng tia hồng ngoại. Những chiếc Bearcat đã liều chết bay là là các mỏm núi để làm việc này. Nhưng cho tới ngày 18 tháng 2, vẫn chưa phát hiện được một trận địa pháo nào dưới tán cây rừng.

Đêm 12, Đại đoàn 312 tiếp tục đào trận địa xuất phát xung phong.

Sáng ngày 13 tháng 3 năm 1954, tôi đến cơ quan tác chiến sớm hơn thường lệ. Các phòng trong đường hầm đều sáng ánh đèn. Trong những ô nhỏ khoét vào vách hầm, cán bộ trợ lý tác chiến đã ngồi bên máy điện thoại bắt thẳng tới từng đại đoàn và pháo binh. Trên mặt mọi người lộ về trang nghiêm, sẵn sàng đi vào trận đánh.

Các đồng chí trong Đảng ủy, Bộ chỉ huy chiến dịch, Cục trưởng Cục Tác chiến cũng đã có mặt ở phòng họp năm ở nơi gặp nhau giữa ba nhánh đường hầm. Mở đầu buổi giao ban, Cục trưởng Cục Tác chiến Trần Văn Quang báo tin ngày 12 tháng 3, Na-va đã cho quân đổ bộ lên bò biển Quy Nhơn, tiếp tục thực hiện đợt hai chiến dịch Át-lăng.

Quyết định này hẳn có sự tính toán. Mùa khô 1953-1954 sắp kết thúc, Na-va thấy mình đã lỡ nhiều nước cờ. Cuộc hành binh Hải Ly không bảo vệ được Lai Châu và Thượng Lào. Lực lượng cơ động mạnh chưa từng có tập trung ở đồng bằng Bắc Bộ đã bị phân tán trên khắp các chiến trường. Na-va bắt đầu hoài nghi sức mạnh của con nhím Điện Biên Phủ từ khi có những tin tức đáng tin cậy: "Việt Minh mới nhận được pháo cao xạ 37 mi-li-mét, có thể cả trọng pháo và những dụng cụ chiến tranh cơ giới hóa". Ông ta chỉ còn mong cuộc tiến công sẽ không nổ ra. Kể cả trong trường hợp may mắn đó, mùa khô này, Na-va cũng đã bị thua thiệt quá nhiều! Chưa có tổng chỉ huy nào của quân viễn chinh Pháp nuôi nhiều tham vọng như Na-va. Và cũng chưa một ai ngay từ bước khởi đầu đã nhanh chóng lâm vào thế bế tắc đến như vậy. Na-va buộc phải làm gì để cứu vãn tình hình trước khi nó trở nên xấu hơn. Nếu chiếm được ba tỉnh tự do miền Trung, Na-va sẽ làm được một việc mà tất cả những người tiền nhiệm chưa dám nghĩ tới. Na-va sẽ có vật đối trọng ngay cả khi quân Pháp thua trận ở Điện Biên Phủ. Đợt hai chiến dịch Át-lăng chính là cái có thể đem lại cho Na-va cơ may cuối cùng.

Như một con bạc khát nước, Na-va dồn tắt cả vốn liếng còn lại vào canh bạc Át-lăng!

Tôi vui vẻ nói:

- Đây là một tin mừng. Chúng ta nhất định sẽ thắng lớn!

Anh Lê Liêm xuống Đại đoàn 312 dự cuộc họp Đảng ủy Đại đoàn trước trận đánh mới trở về, nói tinh thần bộ đội rất tốt, từng tổ ba người, từng chiến sĩ đều viết quyết tâm thư hứa kiên quyết hoàn thành nhiệm vụ. Bộ Tư lệnh đại đoàn đã chia nhau xuống các đơn vị. Đại đoàn trưởng xuống Trung đoàn 209, Chính ủy xuống Trung đoàn 141 Đại đoàn phó đi cùng Trung đoàn 165, đơn vị sẽ phối thuộc với Đại đoàn 308 đánh đồi Độc Lập.

Anh Đặng Kim Giang nói đạn và gạo trong các kho đã đủ cho đợt 1.

Anh Hoàng Văn Thái cho biết tình hình địch trong ngày 12 chưa có gì thay đổi và đêm qua, Đại đoàn 312 đã lợi dụng sương mù đào lại trận địa xuất phát xung phong.

Mọi công việc chuẩn bị cho trận đánh chiều nay đã hoàn tất. Tôi trở về hầm chỉ huy.

Quyền Tư lệnh Đào Văn Trường trả lời:

- Báo cáo, tất cả đều sẵn sàng, chỉ còn chờ lệnh Bộ chỉ huy.
- Bộ chỉ huy mặt trận đồng ý với đề nghị của bộ binh cho nổ súng sớm. Tôi hạ lệnh trận mở màn chiến dịch lịch sử bắt đầu. Pháo binh bắn trúng, bắn thật mạnh, cấp tập!

Cùng lúc toàn bộ lực lượng pháo binh của ta, 40 khẩu pháo cỡ từ 75mm đến 120mm, đồng loạt nhả dạn.

Lúc đó là 17 giờ 5 phút.

Ủa sĩ Ku-bi-ác sống sót trong trận Him Lam đã kể lại về trận pháo hóa mở màn chiếu ngày 13 tháng 3 năm 1954 như sau: "Vào lúc đó, dập một cái, ngày tận thế đã đến... Bê-a-tô-ri-xô bay đi, tan thành bụi. Quanh tôi đất, đá tung lên, những người lính lê dương gục xuống, bị thương và chết nằm la liệt. Tất cả đều kinh ngạc và tự hỏi không biết Việt Minh lấy ở đâu ra nhiều pháo đến thế, có thể bắn mạnh đến thế. Đạn đại bác trút xuống không ngừng như một trận mưa đá bất thần buổi chiều thu. Lô cốt, đường hào nổi tiếp nhau đè bẹp, chôn vùi người và vũ khí"1.

Một viên đạn pháo rơi trúng sổ chỉ huy Him Lam tiêu diệt viên tiểu đoàn trưởng Pê-gô cùng với ba sĩ quan khác và cả chiếc điện đài. Him Lam mất liên lạc với Mường Thanh ngay từ giờ đầu trận đánh.

Không riêng trung tâm để kháng Him Lam, cả khu trung tâm cũng rung lên dưới đợt oanh kích.

Bảy chiếc máy bay chiến đấu nằm trên sân bay Mường Thanh thấy tình hình nguy hiểm vội vàng nổ máy định tháo chạy. Một chiếc vừa rời mặt đất thì một luồng lửa phía đầu đường băng phụt lên. Cao xạ ta xuất hiện lần đầu. Sáu chiếc khác không dám cất cánh tiếp, lần lượt trúng đạn đại bác. Một kho xăng bốc cháy. Các trận địa pháo ở Mường Thanh tê liệt. 12 khẩu trọng pháo và súng cối bị đánh hỏng. Đường dây điện thoại từ khu trung tâm tới các cứ điểm đều bị cắt đứt. Nhiều hầm, hào, công sự sụp đổ.

17 giờ 30 phút, Lăng-go-le, chỉ huy các đơn vị phần kích, đang ngồi với tám người khác trong hầm thì một viên đại bác xuyên qua nóc. Căn hầm đổ

rụi. Tất cả không hiểu vì sao thoát chết. Giữa lúc đó, lại nghe tiếng đạn rít. Quả pháo thứ hai vẫn theo đường cũ đi sạt qua vai trung úy Roi chui vào lòng đất nhưng không nổ. Cả bọn đều hú vía. Không phải những người khác cũng gặp may như ở đây. Tiếng chuông điện thoại réo. Lăng-gơ-le cầm máy. Đầu dây là tiếng Đò Cát-xtơ-ri:

- Đại tá Gô-xê vừa chết trong hầm cùng với cả bộ tham mưu, trừ Va-đốt. Cậu thay thế ngay, làm chỉ huy phó phân khu trung tâm. Va-đốt sẽ thông báo tình hình. Bàn giao lực lượng phân kích cho Pa-dít.

Nếu sự bất ngờ chung của tập đoàn cứ điểm là mật độ dày chưa từng có trong chiến tranh Đông Dương của đạn đại bác, rơi rất trúng mục tiêu, thì bất ngờ lớn nhất đối với Pi-rốt - phó chỉ huy tập đoàn cứ điểm, chỉ huy pháo binh, lại ở chỗ không phát hiện được bất cứ vị trí nào của những khẩu pháo đang nhả đạn!

Trong khi pháo ta bắn cấp tập, quân địch chưa kịp phản ứng. Ở cứ điểm số 3, các chiến sĩ sơn pháo đi cùng bộ binh đặt pháo ngay trước cứ điểm, bắn trực tiếp vào các lô cốt, ụ súng đã được đánh số, cùng với đơn vị trợ chiến chi viện cho bộ binh xông lên đặt những ống thuốc nổ mở cửa đột phá. Chỉ sau 40 phút, trung đội bộc phá đã dọn sạch một con đường xuyên qua trên một trăm mét rào dây kẽm gai và bãi mìn. Chiến sĩ thi đua Trần Can cầm lá cờ Quyết chiến quyết thắng đỏ thắm cùng với tiểu đội mũi nhọn vượt qua cửa mở, dẫn đầu Đại đội 366 xông lên đốn địch. Khi quân địch bắt đầu bắn cản thì một trung đội xung kích đã lọt vào cứ điểm, chia thành hai mũi đánh tỏa ra hai bên. Tiểu đội trưởng Trần Can cùng với tiểu đội lao thẳng tới sở chỉ huy đại đội của địch trên đỉnh đồi. Quân địch dựa vào lô cốt chống trả quyết liệt. Tiểu đội bí mật áp sát, giật một khối bộc phá 10 ki-lô-gam tiêu diệt lô cốt cùng với viên quan ba chỉ huy. Lá cờ Quyết chiến quyết thắng tung bay trên cứ điểm số 3. Chỉ sau một giờ chiến đấu, Tiểu đoàn 130 đã hoàn thành nhiệm vụ tiêu diệt gọn đại đội lê dương số 11.

Đại đội chủ công của Tiểu đoàn 428 tiến đánh cứ điểm số 2, vừa mở xong hàng rào cuối cùng thì vấp phải một luồng đạn từ lô cốt tiền duyên không ngừng tuôn ra cửa mở. Đại đội dùng hỏa lực bắn thẳng của đơn vị kiểm chế hỏa lực địch, mở đường cho xung kích. Nhưng mãi vẫn không dập tắt được hỏa điểm. Tiểu đội trưởng Phan Đình Giót mau lẹ trườn lên dưới làn đạn của địch, dùng tiểu liên bắn và ném lựu đạn về phía lô cốt. Khi anh tới gần lô cốt thì đạn và lựu đạn đã hết. Anh lao mình vào lỗ châu mai làm ngừng tiếng súng trong giây lát, tạo thời cơ cho bộ đội xung phong. Hành động anh hùng của Phan Đình Giót đã cổ vũ toàn thể đồng

đội. Các chiến sĩ dùng lựu đạn, lưỡi lê đánh giáp lá cà nhanh chóng tiêu diệt quân địch trong cứ điểm. Một

số tên ngoan cố bám giữ một mỏm đột xuất ở phía tây bắc, dai dẳng chống cự. Quân ta liên tiếp đột phá, xung phong tiêu diệt nốt những tên cuối cùng. 22 giờ 30 phút, Tiểu đoàn 428 đánh chiếm xong toàn bộ cứ điểm số 2.

Tại cứ điểm số 1, Tiểu đoàn 11 phải vượt qua nhiều hàng rào đại bác của địch, lực lượng bị tiêu hao, vào chiếm lĩnh trận địa xuất phát xung phong chậm. Lúc này pháo địch ở Mường Thanh đã hoàn hồn, bắt đầu đổ đạn bắn chặn mong làm ngừng cuộc tiến công vào cứ điểm chủ yếu vẫn còn nằm trong tay chúng. Hỏa lực trong đồn tuôn về phía bộ đội ta mở cửa đột phá. Trung đội bộc phá của Đại đội 243 mở được bây hàng rào thì gặp hai hỏa điểm bắn chéo cánh sẻ, các chiến sĩ lên người nào thương vong người đó. Tiểu đoàn trưởng quyết định sử dụng trung đội bộc phá dự bị và điều một súng ĐKZ lên yểm hộ bắn sập lò cốt tiến duyên. Nhưng hỏa lực trong cứ điểm không biết từ chỗ nào vẫn tiếp tục tuôn ra chặn đứng các chiến sĩ xung kích trước hàng rào cuối cùng. Cuộc chiến trước cửa mở diễn ra quyết liệt suốt bốn giờ liền.

Địch trong đồn dồn sức đổi phó hy vọng cầm cụ kéo dài tôi khi có lực lượng phân kích từ Mường Thanh tới cứu nguy. Tự lệnh Đại đoàn ra lệnh cho các đơn vị đã chiếm được các cứ điểm số 2 và 3, đánh sang phối hợp với Tiểu đoàn 11 tiêu diệt cứ điểm số 1. Cả hai đơn vị đều không tìm ra đường giữa bãi mìn và dây thép gai dày đặc.

Trong đêm, Pi-rốt đã giội 6.000 viên đại bác xuống chung quanh Him Lam.

Thấy trận đánh có chiều hướng kéo dài, tôi gọi điện cho anh Lê Trọng Tấn nhắc gắng kết thúc trận đánh trước khi trời sáng. Những trận công kiên kéo dài thường đưa bên tiến công vào thế bất lợi. Anh Tấn cho biết Tiểu đoàn 11 vẫn báo cáo quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ, nhưng Trung đoàn 141 đã ra lệnh cho tiểu đoàn dự bị vào trận.

Giữa lúc đó, tại cửa mở của Tiểu đoàn 11, Đại đội phó Hiệu bò lên quan sát phát hiện hai hỏa điểm ngầm trong cứ điểm. Anh quay xuống dẫn lên bốn tổ đại liên, đồng loạt tuôn đạn về phía hỏa điểm địch tạo điều kiện cho các chiến sĩ bộc phá mở nốt hàng rào cuối cùng. Tiểu đội trưởng Trần Oanh dẫn đầu mũi nhọn lao lên như một cơn lốc. Họ bị chặn lại trước ba chiếc lô cốt. Trần Oanh phân công năm chiến sĩ đánh các lô cốt nhỏ, riêng anh phụ trách chiếc lô cốt lớn. Oanh bí mật bò tới gần lỗ châu mai, ném vào trong một trái thủ pháo. Lô cốt mẹ bị tiêu diệt. Oanh phát cờ Quyết chiến quyết thắng vẫy toàn đơn vị đánh vào tung thảm.

Trước sức tiến công quyết liệt của các chiến sĩ ta, một số quân địch sống sót ở Him Lam bỏ đồn, chạy vào rừng tìm đường về Mường Thanh.

23 giờ 30 phút đêm 13 tháng 3, đồng chí Lê Trọng Tấn báo cáo Bộ chỉ huy chiến dịch: Đại đoàn 312 đã hoàn thành nhiệm vụ tiêu diệt trung tâm để kháng Him Lam, diệt 300 tên, bắt 200 tên, thu toàn bộ vũ khí, trang bị.

Anh Tấn đề nghị nên có "một cử chỉ nhân đạo", cho phép quân địch ở Mường Thanh được ra lấy xác chết và thương binh.

Tôi nhận thấy đây là một ý kiến hay. Những thương binh này sẽ tác động mạnh tới tinh thần binh linh địch sau trận thảm bại.

- Có thể được. Thông báo với địch bằng cách nào?
- Đề nghị cho một viên sĩ quan bị thương quay về Mường Thanh, thông báo điều này với Đờ Cát-xtơ-ri. Chúng có thể đưa xe hồng thập tự từ Mường Thanh ra nhận thương binh.
- Đồng ý. Việc này do đơn vị phụ trách.

Viên hạ sĩ Ku-bi-ác cùng với những tên lính bỏ chạy khỏi cứ điểm số 1 đã ấn nấp suốt đêm trong rừng đợi trời sáng mới tìm đường về Mường Thanh. Chúng lo xuất hiện ban đêm trước hàng rào chắn sẽ bị bắn hạ bằng những loạt đạn súng máy trước khi đồng đội nhận ra. Tới đường số 41, chúng rơi ngay vào giữa đám lính dù của binh đoàn không vận số 2 đang chuẩn bị đi phân kích. Chúng chỉ được giúi vào tay mỗi người một khẩu súng, một bao đạn và một túi lụu đạn để quay lại Bê-a-tơ-ri-xơ.

7 giờ 30 phút ngày 14 tháng 3 năm 1954, lực lượng phân kích có chiến xa yểm trợ vừa tiến được một đoạn ngắn trên đường số 41 thì bị đẩy lui vì hỏa lực dữ dội của trung liên và đại liên. Rõ ràng phía trước có cả một trận địa đang chờ. Trong khi quân Pháp tập hợp lại để chuẩn bị một cuộc tiến công thì một sĩ quan lê dương cuốn bằng đẩy người, từ phía đối phương tập tễnh đi về phía chúng. Đó là trung úy Tuếch-panh (Turpin) của đại đội 11. Y cầm trong tay lá thư của Bộ chỉ huy Đại đoàn 312 cho phép quân Pháp ra thu lượm xác chết và binh lính bị thương tại Him Lam từ 8 giờ sáng đến 12 giờ trưa. Đờ Cát-xtơ-ri báo cáo với Hà Nội. Cô-nhi điện hỏi ý kiến của tổng hành dinh ở Sài Gòn, rồi trả lời chấp thuận.

9 giờ, một chiếc xe jeép cắm cờ trắng có dấu chữ thập đỏ cùng với một xe vận tải và một xe cứu thương từ Mường Thanh chạy ra Him Lam. Viên đại úy, bác sĩ Lơ Đa-ma-ni xuống xe, xin phép cán bộ ta thu lượm thương binh. Cùng đi với viên đại úy có hai cha tuyên úy và 12 lính lê dương, trong đó có viên hạ sĩ Ku-bi-ác. Đôi mắt

những người mới tới lộ vẻ kinh hoàng. Pháo đài thép Him Lam chỉ còn là một đống đổ nát, lô cốt, ụ súng, đường hào đều bị phá vỡ, sặc mùi thuốc súng. 750 người của tiểu đoàn 3 bán lữ đoàn lê dương 13

chỉ còn là hàng trăm xác chết nằm la liệt khắp nơi. Họ thu lượm được 14 thương binh. Một người chết ngay trong tay cha tuyên úy.

Cuộc phản kích giành lại Him Lam sau đó không diễn ra còn có một lý do khác. Đờ Cát-xtơ-ri cho rằng không nên dùng lực lượng phản kích ít ỏi để giành lại một vị trí đã mất, mà phải dùng nó để bảo vệ những vị trí còn đang nằm trong tay quân Pháp có thể mất tiếp trong đêm nay. Đó chính là Ga-bơ-ri-en. Cô-nhi cũng đồng ý.

Trận đánh mồ màn đã thành công ngoài sự mong đợi. Nếu một trung tâm để kháng như Him Lam không đứng vững trước cuộc tiến công với lực lượng trung đoàn của ta, thì tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ quyết không phải là một pháo đài không thể công phá!

àu chiéc may bay nem bom - khu truc Bearcat bi trung dan phao cua ta näm bat dng tren san bay tur chiêu hom trudc. 14 gid ngay 14, bat than co ba chiéc Bearcat nOi duoi nhau rdi khOi duong bang. Nhin lai tren san van con du sau chiéc. Chung ta khong biet bon thg may da co tim moi cach lam cho nhung chiéc dang näm sua chua trong xudng co the cat canh. De xong mat ba chiéc may bay, phao ta mot lan nua trut dan vao nhung chiéc con näm tren san bay bat chung 0 lai day vinh vien. Them mot chiéc may bay Morane cuoi cung boc chay. Luc luong khong quan tai cho cua Diên Bien Phu da hoan toan bi tieu diet.

14 giò 45 phút, Cô-nhi đáp ứng yêu cầu của Đò Cát-xtơ-ri là tăng cường ngay cho Điện Biên Phủ một tiểu đoàn dù để duy trì số lượng của tập đoàn cứ điểm như trước khi nổ ra trận đánh: 12 tiểu đoàn bộ binh. Những chiếc Đa-kô-ta liều lĩnh vượt qua lưới lửa cao xạ, bay thấp thu ngắn thời gian tiếp đất của những chiếc dù, ném xuống tiểu đoàn dù ngụy số 5 do đại úy Bô-ten-la chỉ huy. Tiểu đoàn này tới Mường Thanh lần thứ hai. Những bãi thả dù cũ đã bị pháo và súng cối của ta khống chế. Những chiếc dù rơi tản mát khắp nơi. Nhiều lính dù chết hoặc bị thương trước khi tiếp đất. 20 giò, những đơn vị của tiểu đoàn mới tập hợp được với nhau ở hai bên bờ sông Nậm Rốm.

Phân khu bắc gồm hai trung tâm để kháng Ga-bơ-ri-en và An-nơ Ma-ri-a do Tơ-răng-ca, viên trung tá đã phụ trách "vùng tự trị Tây Bắc" ở Lai Châu chỉ huy.

Trước ngày nổ súng, Đò Cát-xtơ-ri mở cuộc thi xem trung tâm đề kháng nào của tập đoàn cứ điểm có tổ chức trận địa vững chắc và hoàn thiện nhất về mặt chiến thuật. Ga-bơ-ri-en, do tiểu đoàn 5 thuộc trung đoàn bộ binh An-giê-ri số 7 tổ chức

phòng ngự, được ban chấm thi đánh giá cao nhất. Đò Cát-xtơ-ri trao cho nó một khoản tiền thưởng đủ tổ chức một buổi ăn mừng. Đây là trung tâm đề kháng duy nhất có hai tuyến phòng ngự hoàn chỉnh buộc đối phương khi tiến công phải đột phá hai lần. Ga-bơ-ri-en ở cách xa phân khu trung tâm 4 ki-lô-mét nên được tăng cường bốn khẩu súng cối hạng nặng 120mm. Những người chỉ huy đã bố trí trận địa pháo khá cẩn mật, tính toán kỹ lưỡng những mục tiêu có thể xuất hiện. Bốn đại đội đồn trú đều có công sự vững chắc. Tiểu đoàn 5 An-giê-ri là một tiểu đoàn đáng tin cậy trong chiến đấu. Trước khi đến Điện Biên Phủ, nó được trang bị lại những vũ khí mới, kể cả súng có kính ngắm điện tử.

Ga-bơ-ri-en nằm trên một quả đồi riêng lê ở đầu bắc cánh đồng, dài 500 mét, rộng 200 mét, không một bóng cây, dày đặc những trận địa, đường hào, u súng. Cơ quan tham mưu chiến dịch đặt tên cho nó là đồi Độc Lập. Người Pháp gọi nó là "tàu phóng ngư lôi".

Đúng ngày hôm đó, thiếu tá Các tới Ga-bơ-ri-en thay thiếu tá Méc-cơ-nem mãn nhiệm. Hai viên tiểu đoàn trưởng cùng đi thị sát lại vị trí và thống nhất yêu cầu pháo binh ở Mường Thanh sẽ bắn vào chỗ eo của thung lũng ở phía bắc và những đường hào tiếp cận khá sâu Việt Minh đã đào tới chân đồi. Đạn dược dự trữ được bốn ngày. Không quân hứa sẽ cho một máy bay C-47 thả đèn dù suốt đêm. Pi-nốt cam kết dành cho Ga-bơ-ri-en sự yểm hộ cao nhất của pháo binh. Hai viên chỉ huy vui vẻ chạm cốc hẹn sẽ gặp lại nhau khi trận Điện Biên Phủ kết thúc.

Nhiệm vụ tiến công đổi Độc Lập được giao cho Trung đoàn trưởng Trung tướng 165 Lê Thùy (Đại đoàn 312) và Trung đoàn trưởng Trung đoàn 88 Nam Hà (Đại đoàn 308) dưới quyền chỉ huy của Đại đoàn trưởng Đại đoàn 308 Vương Thừa Vũ. Trung đoàn 165 đảm nhiệm mũi chủ yếu, đột phá từ hướng đông nam, đánh dọc theo chiều dài của cứ điểm. Trung đoàn 88 phụ trách mũi thứ yếu, đột phá từ hướng đông bắc, đồng thời mở một mũi vu hồi ở hướng tây và bố trí lực lượng làm nhiệm vụ chặn viện từ Mường Thanh ra. Cùng lúc, ta sử dụng một phân đội bộ binh và một đại đội trợ chiến của Tiểu đoàn 255 Trung đoàn 174, tiến hành tích cực nghi binh tại A1. Theo kế hoạch, trận đánh đổi Độc Lập sẽ bắt đầu vào 16 giờ 45 ngày 14 tháng 3 năm 1954. Đúng giờ G, bộ phận nghi binh nổ súng bắn cháy ba lều vải trên đồi A1 và xung kích tiến lên mở hàng rào. Pháo 105mm từ Hồng Cúm và cối 120 của địch ở Mường Thanh nã đạn dồn dập vào trận địa của Tiểu đoàn 255.

Nhưng ở đổi Độc Lập, do trời mưa, sơn pháo 75mm và cối 120mm điều tử Him Lam sang, không tới kịp trước giờ nổ súng nên cuộc tiến công chưa bắt đầu. Bộ phận nghi binh được lệnh rút ra.

18 giò, Chỉ huy truông trân đánh Vương Thừa Vũ trao đổi vói Phó Tư lệnh Đại đoàn 312 Đàm Quang Trung quyết định cho pháo binh bắt đầu bắn vào các cứ điểm địch, phá hoại công sự và uy hiếp tinh thần binh lính. Trong khi đó bộ binh tiếp tục chuẩn bị thật chu đáo, chờ sơn pháo và cối 120mm tới mới nổ súng. Những loạt lựu pháo bắn khá trúng đích, làm sập nhiều hầm ở khu vực chứa vũ khí nặng, viên trung úy Mô-rô chỉ huy đại đội 4 chết trong hầm. Sau mỗi đợt oanh kích của pháo ta, Méc-cơ-nem lại yêu cầu pháo binh từ Mường Thanh bắn chặn các đường hào xuất kích và động viên binh lính trong đốn sẵn sàng đổi phó với những đợt xung phong. Nhưng tôi 2 giò sáng ngày 15, vẫn chưa có đợt xung phong nào. Máy bay thả dù pháo sáng suốt đêm trên vị trí. Quân Pháp cho rằng những đợt tiến công của Việt Minh đã bị đạn, bom nghiền nát.

Các chiến sĩ sơn pháo và cối 120mm mò mẫm, khiêng pháo nhích từng bước trong rừng, giữa đêm đen, dưới trời mưa tầm tã. Nửa đêm, họ chỉ còn cách trận địa 700 mét. Bất thần, một loạt bom nổ trên không chụp xuống đội hình. Một số chiến sĩ hy sinh và bị thương. Hầu hết các đòn khiêng pháo đều gãy. Những người còn lại biết bộ binh đang chờ, vẫn quyết tâm đưa pháo tới đích. 2 giờ sáng, các khẩu đội sơn pháo mới đến nơi.

3 giò 30 phút ngày 15, chỉ huy truông trận đánh hạ lệnh tiến công. Sau một thời gian im lặng, cả lựu pháo và sơn pháo lúc này lại lên tiếng. Quân địch không hiểu đây là một đợt tiến công hay vẫn là sự "khiêu khích" của Việt Minh nhằm tiêu hao đạn đại bác của chúng.

Trên hướng chủ yếu, Trung đoàn 165 đột phá thuận lợi. Các chiến sĩ Tiểu đoàn 115 tiến lên cửa mở giữa lúc pháo của ta bắn trúng bãi mìn. Những trái mìn sáng của địch làm cho cửa mở sáng rực như ban ngày. Chỉ sau 40 phút, các chiến sĩ bộc phá đã hoàn thành nhiệm vụ.

3 giò 55 phút, pháo binh được lệnh ngừng bắn, vì cuộc chiến đấu đã diễn ra bên trong cứ điểm. Xung kích ào ạt tiến vào tung thâm. Tiểu đội mũi nhọn do các đồng chí Trần Ngọc Doãn và Mai Văn Các chỉ huy, dẫn đầu Đại đội 501 lao vào đồn giặc. Người trước ngã, người sau tiến lên. Trần Ngọc Doãn được hai tù binh dẫn đường tới trận địa súng cối, nổ súng diệt toàn bộ quân địch, phá hủy bốn khẩu cối 120mm. Xung kích tiến sâu vào đồn, đánh chiếm khu thông tin, tiến thẳng vào sổ chỉ huy.

Trên hướng thứ yếu, Đại đội Tô Văn của Trung đoàn 88 mở cửa sai hướng, tuy đã dọn trên một trăm mét rào dây thép gai, vẫn chưa lọt vào bên trong cứ điểm. Tiểu đội trưởng Nguyễn Văn Ty phát hiện ra sai sót, lấy lò

cốt địch làm điểm chuẩn, chỉ huy các chiến sĩ bộc phá mở nốt những hàng rào cuối cùng, tiến vào trong cứ điểm.

4 giờ sáng, Méc-cô-nem báo cáo tình hình với Mường Thanh qua điện đài. Đò Cát-xtô-ri hứa sẽ yểm trợ pháo tối đa, kể cả pháo 155mm, và sẽ có phản kích nhanh chóng bằng bộ binh và chiến xa. Méc-cô-nem quay về sở chỉ huy nơi Các và cơ quan tham mưu đang điều khiển cuộc chống cự. Giữa lúc đó một trái đại bác của ta rơi trúng hầm. Hai viên tiểu đoàn trưởng Các và Méc-cô-nem đều bị thương rất nặng, rơi vào tay các chiến sĩ Trung đoàn 165.

Hai mũi xung kích của Trung đoàn 165 và Trung đoàn 88 cũng phối hợp tiêu diệt quân địch. Bình lính tiểu đoàn An-giê-ri số 5 ngoan cố chống cự. Pháo địch ở Mường Thanh bắn dữ dội vào ngay trong đồn hòng sát thương bộ đội ta, cứu vãn tình hình. Bộ đội ta giành giật với địch từng ụ súng, từng căn hầm, từng đoạn chiến hào.

6 giờ 30 phút sáng ngày 15, tiểu đội cắm cờ của Trung đoàn 165 hầu hết bị thương. Chiến sĩ Từ, người còn lại của tiểu đội, cắm lá cờ Quyết chiến quyết thắng lỗ chỗ vết đạn trên đỉnh đồi Độc Lập. Trung đoàn 165 và Trung đoàn 88 xóa sổ tiểu đoàn Bắc Phi, diệt 483 tên, bắt 200 tù binh.

5

giờ sáng ngày 15 tháng 3, Đò Cát-xtô-ri triệu tập cuộc hội ý cấp tốc ở sở chỉ huy bàn cách cứu vãn tình hình ở Ga-bơ-ri-en. Lăng-gơ-le đề nghị dùng tiểu đoàn dù Việt Nam số 5 phân kích. Người ta cho rằng Lăng-gơ-le không dùng các tiểu đoàn dù 1, dù 8 thiện chiến vì không muốn hy sinh những lực lượng này vào cuộc phân kích vô vọng. Có ý kiến: Tiểu đoàn dù 5 mới tới chân ướt chân ráo, còn quá mệt mỏi. Lăng-gơ-le đồng ý bổ sung vào đội hình phân kích một đại đội của tiểu đoàn dù 1 do Xê-ganh Pa-dít chỉ huy và một đại đội xe tăng.

5 giờ 30 phút, xe tăng dẫn đầu cuộc phân kích với những đơn vị dù bám theo sau. Khi quân địch tới sườn phía nam đồi Độc Lập, thì trời sáng rõ, cuộc chiến đấu trong đồn đã kết thúc. Một số binh lính Bắc Phi sống sót chạy ra, nhảy lên bám lấy tháp pháo xe tăng mong được cứu sống. Đại đội 213 của Trung đoàn 88 làm nhiệm vụ chặn viện lập tức quét đại liên vào quân địch. Sơn pháo của ta bố trí bí mật trên cánh đồng, nổ súng vào xe tăng. Tiếc là đã hết đạn khoan nên chiếc xe tăng chỉ bị thương. Một viên trung úy của tiểu đoàn dù 5 dẫn đầu đội hình không chịu đi tiếp. Và tất cả những đại đội của tiểu đoàn dù 5 đều dừng lại.

7 giờ 30 phút, toàn bộ xe tăng và quân dù phân kích quay đầu tháo chạy về Mường Thanh. Súng máy, sơn pháo, súng cối của ta đặt trên đồi Độc Lập, và trận địa lựu pháo ở dãy núi phía đông, bắn đuổi theo tiêu diệt thêm một số quân địch.

Cũng sáng hôm đó, Pi-rốt, chỉ huy pháo binh, sau hai đêm không thực hiện được lời hứa bịt miệng các họng pháo của ta, đã tự sát trong hầm của mình bằng một trái lựu đạn. Giăng Pu-giê viết trong hồi ký: "Đại tá Pi-rốt đã dành trọn một đêm (13-3) quan sát hóa lực dần dần bị đối phương phản pháo chính xác một cách kinh khủng vào trận địa pháo của ông, hai khẩu pháo 105mm bị quét sạch cùng pháo thủ, một khẩu 155mm bị loại khỏi vòng chiến đấu...". Đại tá Tơ-răng-ca, chỉ huy phân khu bắc, bạn thân của Pi-rốt kể lại sau trận Ga-bơ-ri-en, Pi-rốt khóc và nói: "Mình đã mất hết danh dự. Mình đã bảo đảm với Đờ Cát-xtơ-ri và tổng chỉ huy sẽ không để pháo binh địch giành vai trò quyết định và bây giờ, ta sẽ thua trận. Mình đi thôi".

Phía bắc tập đoàn cứ điểm lúc này chỉ còn lại trung tâm để kháng An-nơ Ma-ri-a. Trung tâm này gồm bốn cứ điểm. An-nơ Ma-ri-a 1 và An-nơ Ma-ri-a 2 nằm ở vòng ngoài, trên hai mỏm của đồi Bản Kéo. An-nơ Ma-ri-a 3 và 4 nằm ở đầu bắc sân bay ngay lên mặt ruộng, liền kề với phân khu trung tâm. Mấy ngày sau đó, An-nơ Ma-ri-a 3 và 4 được sáp nhập vào phân khu trung tâm, trở thành Huy-ghét 6 và Huy-ghét 7. Tiểu đoàn ngụy Thái số 3 đóng tại đây vốn từ Lai Châu rút về, do thiếu tá Tim-mo-ni-ê chỉ huy, được đánh giá tốt qua những trận đánh ở Nà Sản năm trước. Trong đợt này ta chủ trương tiêu diệt An-nơ Ma-ri-a 1 và 2. Những vị trí này ở gần phân khu trung tâm nên được hỏa lực yểm trợ từ nhiều phía, xe tăng và đơn vị phân kích có thể tăng viện dễ dàng.

Hai ngày qua, những người lính Thái đã chứng kiến sự sụp đổ nhanh chóng của hai trung tâm để kháng mạnh nhất do những đơn vị Âu - Phi sừng sỏ bảo vệ. Họ đã nhìn tận mắt binh lính dù đi cứu viện bị đánh tơi tả và những chiếc xe tăng dính đầy máu từ đồi Độc Lập chạy về Mường Thanh dưới những làn đạn đại bác bắn đuổi. Trung đoàn 36 được phân công tiêu diệt Bản Kéo, nhận thấy có khả năng giải quyết không cần tới một trận đánh.

Trưa ngày 15, viên đại úy Clác-xăm-brơ, chỉ huy những cứ điểm nằm trên đồi Bản Kéo, nhận được một lá thư của đơn vị chiến thắng tại Ga-bơ-ri-en, do một anh lính An-giê-ri bị thương đưa tới. Trong thư hẹn 7 giờ sáng hôm sau (16-3-1954), cứ người tới bãi ruộng bên bờ suối phía đông bắc, nhận những thương binh của tiểu đoàn 5 An-giê-ri sẽ được trao trả, kèm theo lời kêu gọi. "Toàn bộ binh sĩ ở Bản Kéo hãy ra hàng để tránh bị tiêu diệt trong một ngày

sắp tới". Clác-xăm-brơ phải báo cáo điều này với Mường Thanh. Mường Thanh thấy không thể khước từ một đề nghị như vậy.

Ngày 16 tháng 3, một viên trung úy và một số binh lính Thái có mặt đúng giờ ở địa điểm với những chiếc cáng thương. Binh sĩ tiểu đoàn 5 bị thương đã được băng bó cẩn thận, đang nằm chờ. Khi chia tay với người chiến thắng, một số người lính An-giê-ri bỗng hô to: "Hồ Chí Minh muôn năm! Cảm ơn các bạn!"

Tiếng loa vang vang kêu gọi những người con lầm đường hãy trở về mường bản, không theo địch, không dùng súng bắn giết bố mẹ, anh em. Nhiều truyền đơn được tán phát cả bên trong cứ điểm. Dưới chân đồn Bản Kéo, bỗng xuất hiện một bức tranh lớn. Đập vào mắt mọi người là hình ảnh một đoàn binh lính rồi bỏ vị trí kèm theo dòng chữ: "Quay trở về với Tổ quốc, các anh sẽ được đón tiếp từ tẻ"1.

Sáng ngày 17, đồn Bản Kéo xôn xao vì có tin bộ đội sắp tiến công. Buổi trưa, từng đám binh lính Thái kéo tới gặp viên đại úy đồn trưởng, nêu hai yêu sách: "Một, phải phát hết khẩu phần lương thực. Hai, giải tán đồn cho binh lính về quê hương làm ăn". Clác-xăm-brơ kinh hoàng điện cho Mường Thanh: "Chúng tôi buộc phải bỏ vị trí rút về khu trung tâm đây!". Và Clác-xăm-brơ mở cổng đồn, ra lệnh cho binh lính theo mình về sân bay. Nhưng binh lính không còn nghe theo lời chỉ huy, ào ào chạy về phía khu rừng đang vang lên những tiếng loa: "Hỡi các bạn binh sĩ Thái, hãy bỏ hàng ngũ địch, quay về với kháng chiến, quay về với gia đình!...". Viên đại úy vội gọi điện về Mường Thanh, yêu cầu cho pháo bắn chặn đường rút chạy của binh sĩ Thái. Ngay cả đạn đại bác lúc này cũng không ngăn cản được họ! Và lựu pháo của ta cũng lập tức bắn dồn dập vào trận địa pháo địch ở Mường Thanh, yểm hộ cho binh sĩ Thái chạy tới những vị trí trú ẩn an toàn trong rừng.

Trung đoàn 36 không cần nổ súng đã chiếm được Bản Kéo và thừa thắng tiến vào chiếm các ngọn đồi ở phía bắc sân bay.

Chương chín TRẬN ĐỊA CHIẾN HÀO

hĩ sau năm ngày chiến đấu, cánh cửa phía bắc của tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ đã mở toang.

Qua những tập hồi ký của một số tướng tá Pháp, các tác giả tỏ ra ngỡ ngàng trước sự sụp đổ nhanh chóng của hai trung tâm mạnh nhất tập đoàn cứ điểm. Lăng-gô-le viết: "Không hiểu vì lý do gì mà các cứ điểm ngoại vi Bê-a-tô-ri-xô và Ga-bô-ri-en bị tiêu diệt trong vòng từ 6 đến 12 giờ. Các cứ điểm này được bảo vệ bằng một dải phòng ngự phụ rộng, tổ chức hỏa lực bắn chặn tốt, do các đơn vị thiện chiến giữ và được chỉ huy hoàn hảo". Từ thủ tướng Pháp La-ni-en đến Na-va, Cô-nhi đều chuyển sang "thái độ bi quan sâu sắc". Na-va than phiền: "Tổn thất của chúng ta là nặng nề và chúng ta đã tiêu phí một số rất lớn vũ khí: Dự trữ của chúng ta đã bị xuống rất thấp, cần phải nhiều thời gian mới bổ sung được"1. Cô-nhi rêu rao với những sĩ

quan của mình và hai nhà báo Lu-xi-en Bô-đa và Mát-Clô: "Hàng tháng nay tôi đã nói với tướng Na-va rằng Điện Biên Phủ chỉ là một cái bẫy chuột"2.

Vì sao kê thù nhanh chóng thay đổi thái độ như vậy? Trận đánh mới bắt đầu. Ta chỉ mới tiêu diệt được hai trung tâm đề kháng tại Mường Thanh. Những tổn thất về người cũng như về vũ khí của tập đoàn cứ điểm đã được bù đắp ngay sau đó. Nguyên nhân chính là do đợt chiến đấu đầu tiên của ta đã làm bộc lộ những nhược điểm khó khắc phục của "con nhím" Điện Biên Phủ. Những trung tâm đề kháng mạnh nhất không đứng vững trong các cuộc tiến công. Lực lượng phản kích không thể giành lại những vị trí đã mất. Pháo binh dịch tỏ ra bất lực trước pháo binh ta. Đặc biệt, chỗ dựa của tập đoàn cứ điểm là sân bay đã bị uy hiếp nghiêm trọng.

Sân bay bị uy hiếp đặt ra cho bộ chỉ huy Pháp hàng loạt vấn đề nan giải mang tính lâu dài. "Con nhím" Điện Biên Phủ đã mất đi một sức mạnh quan trọng là lực lượng không quân tại chỗ. Nhưng điều còn nguy hiểm hơn nhiều là từ nay sẽ không còn khả năng đưa bộ binh lên đây. Cách duy nhất để tăng cường cho Điện Biên Phủ là dùng những đơn vị dù. Binh chủng này rất hiếm hoi trong đội quân viễn chinh. Cũng không còn khả năng di chuyển thương binh. Cả tập đoàn cứ điểm chỉ có một trạm phẫu thuật với 40 giường! Số thương binh đã lên tới hàng trăm, nay mai sẽ nhanh chóng tăng lên hàng nghìn. Không thể bảo đảm việc tiếp tế lâu dài cho một đội quân 12.000 người chỉ bằng thả dù ở một khu vực vùng trời cũng như các bãi thả dù đã bị cao xạ và pháo mặt đất của đối phương khống chế... Đây chính là cơn ác mộng đối với bộ chỉ huy Pháp.

Mới chưa hết ba ngày chiến đấu, "con nhím" Điện Biên Phủ đã tiêu thụ một số lượng đạn dược khổng lồ: 12.600 viên đại bác 105mm, 10.000 viên đạn cối 120mm, 3.000 viên đạn trọng pháo 155mm, chiếm gần nữa số lượng dự trữ. Một nữa số súng cối 120mm bị phá hủy hoàn toàn và bốn khẩu đại bác 105mm, 155mm hồng cần được thay thế.

Nhưng con nhím Điện Biên Phủ lúc này không chỉ cần có đạn dược và lương thực.

Ngay sau ngày nổ súng đầu tiên, bộ chỉ huy Pháp đã phải tăng cường cho I-da-ben (Hồng Cúm) một trạm phẫu thuật và mười lít máu tươi mà viên bác sĩ trưởng khẩn thiết yêu cầu. Và ba ngày sau, lại phải bổ sung thêm một trạm phẫu thuật thứ ba; trạm này được bố trí bên tả ngạn sông Nậm Rốm, vì những binh lính bị thương tại phía đông không thể vượt qua cầu về khu trung tâm dưới hỏa lực đại bác. Bộ chỉ huy Pháp thừa khôn ngoan để hiểu: Những người lính sẽ không thể tiếp tục chiến đấu nếu thấy những đồng đội bị thương không được cứu chữa.

Ngày 16, Cô-nhi ném tiếp xuống Mường Thanh tiểu đoàn dù tăng viện thứ hai. Đây là tiểu đoàn dù thuộc địa số 6 (6è BPC) do Bi-gia chỉ huy. Nó cũng tới đây lần thứ hai. Sau khi tham gia cuộc hành binh Hải Ly nó được ném vào những trận đánh ở Hạ Lào rồi lại chuyển về Cát Bi làm lực lượng dự bị. Tại đây nó đã thất bại trong trận đánh đêm với lực lượng đột nhập sân bay, để mười máy bay B-26 và máy bay trinh sát bị phá hủy. Sự có mặt của tiểu đoàn dù 6 đã mang lại một chút phấn chấn cho quân đồn trú.

Đò Cát-xtơ-ri điện cho Cô-nhi, số phận Điện Biên Phủ có thể được định đoạt trong những ngày sắp tới, cần thường xuyên dành cho mình một tiểu

đoàn dù dự bị. Cô-nhi nhanh chóng trả lời không giấu giếm: Ở Bắc Bộ chỉ còn một tiểu đoàn dù và trên toàn Đông Dương cũng chỉ còn hai tiểu đoàn dù.

Tinh thần binh lính của tập đoàn cử điểm sa sút đáng kể. Ken-lê, viên trung tá tham mưu trưởng của Đô Cát-xtơ-ri, mất tinh thần, từ chối làm việc, chọn một căn hầm vững chãi, úp chiếc mũ sắt lên mặt, ngồi suốt ngày không nói năng gì. Đô Cát-xtơ-ri phải báo cáo Cô-nhi và yêu cầu triệu hồi y với lý do Hà Nội "gọi về họp". Nhiều lính lê dương thoát chết ở Him Lam bổ sung về các đơn vị từ chối tiếp tục chiến đấu, thậm chí một số bỗng dưng biến mất. Có thể họ đã chạy sang hàng ngũ đối phương, cũng có thể họ đã trở thành những "con chuột Nậm Rốm"1.

Nhiệm vụ chiến đấu đợt 1 đã được cán bộ và chiến sĩ ta hoàn thành với tinh thần quyết chiến quyết thắng dành cho một trận đánh lịch sử. Quyết tâm giành thắng lợi đã thắm tới từng người. Trận đánh là sự giải tỏa tinh thần chiến đấu sau thời gian dài bị dồn nén vì chờ đợi. Không thể kể hết sự dũng cảm, chủ động, sáng tạo của từng người. Thành công của đợt 1 cũng chứng tỏ ta đã tìm ra cách đánh đúng, nên mặc dù kẻ thù hết sức đề phòng, vẫn không tránh khỏi bị tiêu diệt. Chính kẻ địch đã phải công nhận những chiến thắng này là "do đối phương dũng cảm, có ý chí và quyết tâm cao... áp dụng một chiến thuật hoàn hảo, chính xác"2.

Đợt tiến công mở màn đã giáng một đòn chí tử vào hy vọng giành chiến thắng ở Điện Biên Phủ của nhà cầm quyền và giới quân sự Pháp.

Ngày 17 tháng 3 năm 1954, Bộ chỉ huy chiến dịch tổ chức Hội nghị sơ kết đợt 1 tại Sở chỉ huy Mường Phăng. Tôi đã trình bày một bản sơ kết và nhấn mạnh: Hai trận chiến đấu vừa qua là hai trận đầu của một chiến dịch lịch sử, là hai trận đầu đánh vào một tập đoàn cứ điểm của dịch, là hai trận công kiên lớn nhất từ trước đến nay, là hai trận đánh theo lối chính quy. Đánh thắng hai trận đó, chúng ta đã thu được thắng lợi lớn, quân địch đã bị thất bại nặng, nhưng lực lượng của chúng còn mạnh và chúng còn ra sức đối phó. Chúng ta cần phải có một nhận thức đúng đối với

tương quan lực lượng giữa dịch và ta, giữ vững quyết tâm trong những cuộc chiến đấu gay go sắp tới".

Địch đã nhanh chóng bù đắp những thiệt hại về người và vũ khí trong máy ngày qua.

Phía trước chúng ta lúc này là khu trung tâm của dịch với hơn một vạn quân, nằm trên dãy đồi phía đông và ken chặt với nhau trên cánh đồng hai bên bờ sông Nậm Rốm. Hơn ba mươi cứ điểm ở đây được chia thành bốn

trung tâm đề kháng mang tên những cô gái: Huy-ghét, Clô-đin, Ê-li-an, Đô-mi-ních. Mỗi trung tâm đề kháng gồm nhiều cứ điểm. Huy-ghét và Clô-đin gồm khoảng hai chục cứ điểm ở phía tây, nằm trên cánh đồng bằng phẳng bên hữu ngạn sông Nậm Rốm. Ê-li-an và Đô-mi-ních ở phía đông, gồm một chục cứ điểm tiếp giáp nhau bên tả ngạn sông Nậm Rốm, có những điểm cao lợi hại kiểm soát toàn bộ trận địa khu trung tâm. Trong số các điểm cao này, Ê-li-an 2 (ta gọi là đồi A1) giữ vai trò đặc biệt quan trọng vì nó không chế một phạm vi khá rộng gồm cả khu vực sở chỉ huy của Đờ Cát-xtơ-ri và hai chiếc cầu trên sông Nậm Rốm.

Tại Mường Thanh, địch chiếm tất cả những điểm cao quan trọng. Chúng đã xây dựng trận địa hầm hào vững chắc. Đây lại là địa hình quân địch có thể phát huy tối đa ưu thế về không quân, chiến xa và pháo binh kết hợp với những đợt phản kích của lực lượng cơ động thiện chiến. Địch sẽ khai thác những nhược điểm của bộ đội ta khi chiến đấu trên địa hình thiếu chỗ ẩn náu, khi chiến đấu ban ngày... Đây chính là thế trận quân địch đã bày sẵn để chờ ta trên chiến trường do chúng lựa chọn.

Mở đầu trận đánh ta đã tập trung ưu thế binh lực tiêu diệt một số trung tâm để kháng đột xuất để phá vỡ một cánh cửa của tập đoàn cứ điểm, lúc này đứng trước khu vực tập trung sức mạnh chủ yếu của địch, ta phải vận dụng một cách đánh khác thích hợp, nằm trong yêu cầu tổng thể: Tiêu diệt toàn bộ quân địch.

Sự tiêu hao binh lực của ta trong đợt đầu không lớn, có thể được bù đắp nhanh chóng; nhìn chung các đơn vị vẫn sung sức, chưa kể là tinh thần còn được nâng lên sau những chiến thắng vừa qua. Nhưng với tương quan lực lượng hiện nay, con nhím Điện Biên Phủ còn quá mạnh. Cần phải làm cho nó suy yếu trước khi bắt đầu trận quyết định.

Đảng ủy mặt trận đề ra ba nhiệm vụ cụ thể nhằm chuẩn bị cho đợt tiến công thứ hai:

"1. Phải nhanh chóng tiếp cận, bao vây địch bằng cách xây dựng trận địa tiến công và bao vây quân địch khắp các mặt đông, tây, nam, bắc trong cự ly có hiệu quả của tất cả các loại súng lớn, nhỏ của ta, đồng thời chia cắt phân khu Hồng Cúm với khu trung tâm.

1. Tiếp tục đánh "bóc" thêm một số cứ điểm ở ngoài "vỏ" tập đoàn cứ điểm, theo nguyên tắc phải bảo đảm chắc thắng.
2. Phải không chế sản bay của địch cho hiệu quả; chuẩn bị đánh địch phản kích; tăng cường những hoạt động nhỏ, tiêu hao, quấy rối quân địch".

Trong những nhiệm vụ trên, việc xây dựng trận địa tiến công và bao vây là quan trọng bậc nhất.

Tại cuộc họp lần này, Bộ chỉ huy mặt trận quyết định trao cờ Quyết chiến quyết thắng, phần thưởng luân lưu của Bác Hồ trong chiến dịch cho Đại đoàn 351. Đại đoàn trao lại lá cờ cho Đại đội lựu pháo 806 - đơn vị đã bắn những phát pháo đầu tiên vào Him Lam mở màn chiến dịch lịch sử.

Chúng ta dự kiến chiến dịch sẽ gồm ba đợt. Đợt thứ nhất đã hoàn thành. Ta đang bước vào đợt thứ hai, siết vòng vây trận địa chiến hào, tiêu diệt và tiêu hao quân địch, thu hẹp phạm vi chiếm đóng, làm cho kẻ địch suy yếu dần. Đợt này sẽ dài nhất, mang tính quyết định. Và đợt cuối cùng là tổng công kích để giành toàn thắng.

2

hời gian dành cho việc xây dựng trận địa bao vây và tiến công trong đợt 2 là 10 ngày. Những tuyến chiến hào vạch ra trên bản đồ ước tính dài khoảng 100 ki-lô-mét. Và chắc sẽ không dừng lại ở con số này. Việc xây dựng trận địa sẽ còn phải tiếp tục trong suốt quá trình chiến đấu.

Dựa trên những yêu cầu về chiến thuật, chúng ta thấy cần có hai loại đường hào: Đường hào trục dùng cho việc cơ động pháo, vận chuyển thương binh, điều động bộ đội lớn; đường hào tiếp cận địch của bộ binh. Đường hào trục sẽ chạy một đường vòng rộng bao quanh toàn bộ trận địa địch ở phân khu trung tâm. Đường hào bộ binh sẽ chạy từ những vị trí trú quân của các đơn vị trong rừng đổ ra cánh đồng, cắt ngang đường hào trục, tiến vào những vị trí địch mà ta định tiêu diệt. Các loại đường hào đều có chiều sâu 1,7 mét, không quá rộng để bảo đảm an toàn trước bom đạn địch và giữ bí mật cho bộ đội khi di chuyển. Đáy hào bộ binh rộng 0,5 mét, đáy hào trục rộng 1,2 mét. Dọc đường hào bộ binh có hố phòng pháo, hầm trú ẩn, chiến hào và ụ súng để đối phó với những cuộc tiến công. Việc xây dựng trận địa

phải tiến hành ban đêm, làm tới đâu ngụy trang tới đó và triển khai cùng một lúc trên toàn thể mặt trận để phân tán sự chống phá của địch.

Đại đoàn 308 phụ trách phía tây, các đại đoàn 312 và 316 phụ trách phía đông. Trận địa phía tây và phía đông gặp nhau một đầu ở đồi Độc Lập, một đầu ở bản Cò Mị, kết hợp thành một đường vòng rộng ôm lấy cánh đồng Mường Thanh. Trung đoàn 57 của Đại đoàn 304, được tăng cường một tiểu đoàn của Đại đoàn 316, có nhiệm vụ xây dựng một trận địa hình cánh cung, chạy từ đông sang tây, cắt rời phân khu Hồng Cúm khỏi khu trung tâm Mường Thanh.

Theo mệnh lệnh của Bộ Tổng Tư lệnh, nhiệm vụ xây dựng trận địa tiến công và bao vây được quy định cụ thể như sau:

Đại đoàn 308, xây dựng đường giao thông hào trục từ nam vị trí đồi Độc Lập qua Bản Kéo, Pe Nọi, Nậm Bó, Bản Mé, bản Cò Mị tới sông Nậm Rốm, và đường hào trục từ Pe Nọi vào vị trí tập kết của bộ đội phía tây Mường Thanh. Làm trận địa tiến công để chuẩn bị công kích vị trí 106 (cứ điểm Huy-ghét 7 nằm trong trung tâm để kháng Huy-ghét bảo vệ sân bay).

Đại đoàn 312 xây dựng đường hào trục từ nam vị trí đồi Độc Lập nổi liền với đường hào trục của Đại đoàn 308, qua Him Lam, Long Bua nổi liền với đường hào trục của Đại đoàn 316. Làm trận địa tiến công, chuẩn bị công kích các điểm cao D, E (Đô-mi-ních 2, Đô-mi-ních 1, thuộc trung tâm đề kháng Đô-mi-ních ở phía đông) và cứ điểm 105 (Huy-ghét 6, thuộc trung tâm đề kháng Huy-ghét bảo vệ sân bay).

Đại đoàn 316 xây dựng đường giao thông hào trục từ Long Bua nối liền với giao thông hào trục của Đại đoàn 312, đi qua Bản Bánh, Bản Ten tới sông Nậm Rốm ngang bản Cò Mị, nối liền với giao thông hào trục của Đại đoàn 308. Làm trận địa tiến công các điểm cao A1 và C1 (Ê-li-an 2 và (Ê-li-an 1, thuộc trung tâm đề kháng Ê-li-an ở phía đông).

Trước đợt 1 chiến dịch, bộ đội ta đã tiến hành xây dựng trận địa nhưng quy mô lần này rộng lớn hơn rất nhiều. Các đơn vị đều tiến hành một đợt học tập quán triệt nhiệm vụ tới toàn bộ cán bộ, chiến sĩ, dự kiến mọi khó khăn, xác định xây dựng trận địa lần này sẽ là một cuộc chiến đấu thực sự.

Phải có một thời gian biểu hoàn toàn mới cho bộ đội. Buổi sáng là giờ ngủ. Khoảng cách sau bữa cơm trưa với bữa cơm chiều là thời gian chuẩn bị vật liệu xây dựng trận địa, lên rừng đốn gỗ, chặt lá ngụy trang. Sau bữa cơm chiều, từ nơi trú quân tiến ra cánh đồng. Suốt đêm là thời gian đào trận địa. Bộ đội phải lao động cật lực từ 14 tới 18 tiếng mỗi ngày. Những đêm giá rét, đào trận địa mồ hôi vẫn tuôn chảy. Gặp những chỗ đất rắn hay nhiều sỏi, đá, bàn tay các chiến sĩ phồng rộp, rớm máu.

Nhưng khổ nhất vẫn là khi gặp ruộng lầy. Mọi người phải ngập trong bể bùn, dùng tay, dùng xẻng, mũ sắt, có lúc cả áo mưa để đựng bùn đổ đi. Sau đó, lại phải đóng cọc, chèn phên hai bên thành hào phòng sụt lở. Những đêm mưa, ở nơi đất trũng, nước đổ vào đường hào, mọi người bì bõm giữa bùn nước. Nước mưa chảy tràn trên mặt nhưng vẫn không ai ngừng tay.

Sau khi nghe báo cáo về tình hình xây dựng trận địa, ngày 20 tháng 3 năm 1954, tôi viết một bức thư gửi bộ đội:

"... Tôi được báo cáo các đồng chí đã làm trận địa mấy ngày liền lại phải chiến đấu, rồi lại phải liên tục bắt tay vào làm trận địa, như thế có đồng chí mệt nhọc.

Nhưng, tạm mệt nhọc thì cân phải nhớ rằng quân dịch Ở Điện Biên Phủ còn căng thẳng mệt nhọc hơn ta, thương binh không có hầm mà nằm, không dù thuốc dẹ'chùa, công sự mỏ phân bi sup, mỏ phân bi rung chuyện, tiệp tẹ'không dây dù, thình thoẳng lại ẵn mỏ quả đẹ ai bác cùa ta, lại thẹm thương vong.

Nhu vậy chúng ta nên nghìng ơi để cho kê địch có thì giơ màng hìn gơi chấn chình, có thì giơ mà tăng viện, mà thả dù tiệp tế, mà phát huy hiệu lực pháo binh và không quân của chúng, hay chúng ta là chiện sĩ của quân đỡi nhân dân, là đâng viện của Đâng Lao đỡng Việt Nam, lúc này phải nêu cao tinh thân chiu đựng gian khổ, khắc phục khó khân, chiu môi mẹt hơn một phân để gây thẹm mười phân mẹt mô i và khó khân cho địch. Giữa hai con đường đó nên đi con đường nào? Tôi chấc các đông chi đều đông thanh trả lời in ên pháth uy truyện thông chiu đựng gian khổ, khắc phục khó khân, chiện đâu anh dũng của quân đỡi ta để liện tục làm trân địa, liện tục chiện đâu với địch ... ".

Khi đường hào đã kéo dài hàng chục ki-lô-mét trên cánh đồng thì không còn cách nào ngụy trang để che mắt quân địch, mỗi tấc đất chiến hào bắt đầu phải trả bằng máu. Pháo địch bắn suốt đêm vào những đường hào mà chúng đã phát hiện ban ngày. Máy bay liên tiếp thả đèn dù phát hiện những mục tiêu mới cho những trận oanh tạc. Địch ném bom na-pan, bom 1.000 pound xuống trận địa. Ban ngày, địch đưa quân ra những trận địa ở gần, đánh bật bộ phận canh gác, san lấp những đoạn hào, gài mìn ngăn bộ đội ta đào tiếp.

Trước nguy cơ con đường hành lang giữa Hồng Cúm và khu trung tâm bị cắt, tập đoàn cứ điểm tách làm đôi, Đờ Cát-xtơ-ri đưa tiểu đoàn lê dương dù số 1 và xe tăng ra phân kích nhưng không đánh bật được chốt của Trung đoàn 57. Ngày 27 tháng

3, Đờ Cát-xtơ-ri quyết định trao cho Bi-gia làm việc này, đồng thời loại trừ một đơn vị pháo cao xạ mới xuất hiện ở phía tây.

Bi-gia đã rời khỏi tiểu đoàn dù 6, trở thành phó của Lăng-gô-le chỉ huy khu trung tâm, đặc trách lực lượng phân kích. Bi-gia quyết định sử dụng một lực lượng thật mạnh gồm những tiểu đoàn khá nhất vào nhiệm vụ. Đó là tiểu đoàn dù xung kích 8 của Tua-rê, tiểu đoàn dù lê dương 1 của Guy-rô, tiểu đoàn dù lê dương 6 của Tô-mát (người thay Bi-gia), tiểu đoàn bộ binh lê dương số 2 của Clê-măng-xông và đại đội xe tăng của Héc-vu-ê. Cả viên đại tá Vai-lăng, chỉ huy pháo binh thay Pi-rốt, thiếu tá không quân

Ghê-ranh cũng được huy động. Toàn bộ lực lượng tương đương với năm tiểu đoàn.

Bi-gia biết có một trung đoàn của Đại đoàn 308 ở hướng này, mà y tưởng lầm là trung đoàn 36, cho rằng cuộc hành binh chỉ có thể thành công nếu giữ được bất ngờ. Theo kế hoạch, trận đánh sẽ bất thần mở đầu bằng một loạt pháo cấp tập thật trúng mục tiêu. 12 khẩu pháo 105mm, hai khẩu 155mm, 12 khẩu cối 120mm sẽ làm việc này từ 6 giờ ngày 28 tháng 3. Bình lính dù, lẻ dương và xe tăng khai thác tình trạng hỗn độn của địch do pháo gây ra, nhanh chóng tiến công. 6 giờ 30 phút, không quân oanh tạc trận địa ngăn không cho viện binh đối phương tiếp cận. Sẽ lập tức rút lui trước khi kẻ địch chính pháo bắn vào khu vực. Bi-gia đã nhận thấy một nhược điểm của pháo binh ta là các khẩu đội đều bố trí phân tán trong hầm sâu, phải mất nhiều thời gian khi cần chuyển sang một mục tiêu mới.

Sáng ngày 28, một đơn vị của Trung đoàn 102 ở Pe Luông được lệnh di chuyển bàn giao lại trận địa cho Trung đoàn 88. Trung đoàn 88 đưa Đại đội 229 của Tiểu đoàn 322 ra phòng ngự ban ngày để phòng quân địch phân kích. Sương mù còn dày đặc. Cán bộ đại đội đi xem xét chiến hào, đặt kế hoạch tác chiến, điều chỉnh lại các ổ súng máy.

Trung đội 8 bố trí ở tuyến tiền duyên đang sửa sang lại các hầm hố chiến đấu thì đột nhiên tiếng súng máy nổ ran. Từ trong màn sương, quân địch hiện ra rất đông, vừa la hét vừa xông tới.

Thấy trời nhiều sương mù, máy bay không thể hoạt động đúng giờ quy định, Bi-gia thay đổi kế hoạch, cho xe tăng cùng với tiểu đoàn dù lẻ dương 1 dừng lại phía sau làm lực lượng dự bị, chưa sử dụng pháo binh, đưa ba tiểu đoàn dù và lẻ dương bí mật đột kích vào trận địa của ta.

Trung đội 8 phải đối phó với cuộc xung phong của tiểu đoàn dù 6. Các chiến sĩ mặc dù đứng chân chưa vững tại trận địa, đã lập tức nổ súng đánh trả, quật ngã những tên địch đang xông tới. Hỏa lực của ta khá mạnh bắt tiểu đoàn dù 6 phải dán mình

trên mặt đất. Bi-gia buộc phải trở lại kế hoạch cũ. Pháo ở Mường Thanh bắn dữ dội rồi xe tăng tiến lên mở đường. Xe tăng tràn qua trận địa chia cắt trung đội. Những tên lính dù bám theo xe tăng chia thành nhiều toán nhảy xuống chiến hào. Các chiến sĩ kiên quyết không rời trận địa, chụm lại ở một ngã ba chiến hào bố trí trung liên, tiểu liên thành một vòng tròn, mặc cho những chiếc xe tăng vượt qua, nhắm những tên lính dù nổ súng.

Cùng lúc đó, trận địa phòng không trống trải của đại đoàn ở phía sau cũng nằm dưới hỏa lực liên thanh và đạn pháo của xe tăng. Những người

lính phòng không chỉ được trang bị trọng liên bản máy bay, giờ phải dùng vũ khí của mình chiến đấu với xe tăng và bộ binh địch. Đại đội trưởng Quỳ và Chính trị viên Phú của đơn vị phòng không hạ lệnh cho tất cả xạ thủ hạ thấp nòng súng máy cao xạ nhắm vào những chiếc xe tăng và bộ binh địch. Nòng súng đổ rực ngăn chặn hiệu quả những chiếc xe tăng. Nhưng rồi đạn bắt đầu cạn và hết hẳn. Đại đội trưởng và Chính trị viên đều bị thương nặng. Xích xe tăng chà lên chiến hào và ụ súng. Các chiến sĩ, kể cả những người đã bị thương, giật dây lựu đạn chờ xì khói rồi mới ném thẳng vào quân địch. Cuối cùng, lựu đạn cũng hết. Các chiến sĩ dùng búa đanh, kìm, chân súng gãy... lăn xả vào quân địch đánh giáp lá cà. Cuộc chiến đấu không cản sức kéo dài tới 2 giờ chiều.

Trận đánh diễn ra hoàn toàn bất ngờ. Đại bộ phận Tiểu đoàn 322 sau một đêm đào trận địa mệt mỏi đang nghỉ ở hậu cứ, khi có người từ trận địa chạy về báo tin, mới vận động tiến ra phản kích với sự trợ lực của súng cõi 120mm. Bộ đội ta xung phong đánh bật dần quân địch khỏi chiến hào trục. Thấy quân ta kéo tới đông, Bi-gia lập tức ra lệnh rút lui. Trên trận địa cao xạ, từ những ụ súng, hầm đạn nhô lên một số chiến sĩ quần áo nhuốm đầy máu, trong tay chỉ có những dụng cụ sửa chữa pháo dùng làm vũ khí chiến đấu. Tại trận địa của Trung đội 8 ở tiền duyên, mọi người tìm được hai chiến sĩ Nguyễn Hoàng Phương và Bùi Minh Đức. Phương là y tá, đã bị thương gãy cả hai tay. Đức là chiến sĩ, một thiếu sinh quân mười bảy tuổi vừa vào bộ đội, bị thương cả hai mắt không còn nhìn thấy gì. Trong những giờ qua, hai người đã dựa vào nhau tiếp tục chiến đấu. Phương quan sát mục tiêu, Đức dùng tay bóp cò súng. Vừa lúc các đồng đội tới thì Phương thở hơi cuối cùng. Sau trận đánh, Đức được quân y hết lòng điều trị, giữ lại được một con mắt.

Trận phân kích của Bi-gia được quân viễn chinh coi là thắng lợi, một chiến thắng hầu như duy nhất tại Điện Biên Phủ trong suốt thời gian này, nhưng đã cướp đi gần một trăm tên chết và bị thương, trong đó có năm sĩ quan. Nếu cộng với số thiệt hại trước đó trong tuần thứ hai lắng dịu sau đợt tiến công phân khu bắc, quân địch đã mất thêm tổng số 522 người, gần tương đương với một tiểu đoàn1.

Đây là trận phản kích lớn cuối cùng của địch ở Điện Biên Phủ trước khi cuộc tiến công đợt 2 bắt đầu.

Địch đã sử dụng sức mạnh tối đa của bom, đạn và các đơn vị phản kích ngăn cản công việc xây dựng trận địa của chúng ta. Nhưng mỗi ngày qua,

các đường hào lại kéo dài thêm. Phân khu nam Hồng Cúm đã hoàn toàn bị cắt khỏi khu trung tâm. Để bảo vệ trận địa, các đơn vị bộ binh đã chuyển từ nơi trú quân ra ở ngay tại những đường hào mới đào xong.

Không riêng bộ binh xây dựng trận địa chiến hào để tiếp cận quân địch, một số đơn vị lựu pháo cũng rời bỏ những căn hầm rất vững chắc và "tiện nghi" của mình trên các dãy núi Tà Lèng, Pú Hồng Mèo tới những vị trí mới ở gần mục tiêu hơn, chuẩn bị cho đợt tiến công sắp tới. Đại đội lựu pháo 804 chiếm lĩnh vị trí sát Him Lam. Hai đại đội lựu pháo 801, 802 chuyển pháo từ phía đông sang trận địa mới ở phía tây, nằm ngay sau Bản Kéo. Ở phía đông nam, Đại đội lựu pháo 805 cũng cơ động từ trên núi Pú Hồng Mèo xuống gần Hồng Cúm.

A a-va đã lập tức có mặt ở Hà Nội sau trận Him Lam. Không khí bi quan tràn lan sở chỉ huy. Khắp nơi tiếng xì xào: "Số phận Điện Biên Phủ đã được quyết định". Cô-nhi chuyển cho Na-va những bức điện của Đờ Cát-xtơ-ri gửi về đầy giọng điệu bi quan.

Ngoài việc ném thêm cho Đờ Cát-xtơ-ri hai tiểu đoàn dù và cố gắng bảo đảm việc tiếp tế lương thực, đạn dược hằng ngày, Cô-nhi không biết làm gì hơn. Tình hình Điện Biên Phủ đã trở nên bế tắc. Cô-nhi chỉ còn khuyên Đờ Cát cố cầm cụ đến mùa mưa, thời tiết sẽ buộc đối phương phải đình hoãn cuộc tiến công. Để động viên binh đoàn đốn trú, Cô-nhi tới "thăm" bằng cách dùng máy bay lượn trên tập đoàn cứ điểm ngoài tầm với của pháo cao xạ, nói những lời khích lệ qua vô tuyến điện.

Và Na-va lúc này cũng không biết nên làm gì.

Na-va cay đắng cho rằng mình đã bị đánh lừa. Cô-nhi đánh giá sai hoàn toàn những khả năng của đối phương. Anh ta là pháo thủ mà không biết cả cách sử dụng pháo, để pháo của tập đoàn cứ điểm bị đối phương đè bẹp. Không quân trong tay anh ta cũng trở thành vô dụng, không hề ngăn cản được đoàn người đông như kiến suốt ngày đêm tiến lên Điện Biên Phủ tiếp tế đủ mọi thứ cho những người đang bao vây. Giá Cô-nhi biết nghe lời mình tăng thêm cho Điện Biên Phủ từ ba tới năm tiểu đoàn thì trận đánh có cơ may không xảy ra!

Giữa lúc đó Cô-nhi lại yêu cầu tổng chỉ huy, trong vòng tám ngày, phải trả về trước cho Bắc Bộ hai trong ba binh đoàn cơ động đã lấy đi cho Mặt trận

Trung Lào, với lý do để tránh một thảm họa chung sắp diễn ra ở đồng bằng. Cô-nhi lập luận rằng ở đồng bằng Bắc Bộ địch có một Đại đoàn 320 nguyên vẹn và sáu trung đoàn độc lập, tổng cộng 39 tiểu đoàn cơ động, trong khi mình chỉ có 27 tiểu đoàn cơ động, kể cả lực lượng cơ động của địa phương, mà phần lớn những đơn vị này đều phải phân tán để bảo vệ phòng tuyến Đờ Lát và nhiều sân bay, những chiếc cầu và làng mạc. Na-va cho là Cô-nhi lợi dụng tình hình khó khăn bất bí mình. Cô-nhi thiển cận không hiểu rằng nếu thất bại ở Điện Biên Phủ thì Ất-lăng chính là sự cứu nguy duy nhất trong tình hình bi đát hiện nay.

Na-va và Cô-nhi cùng ở trong thành Hà Nội, người trên gác, người dưới nhà, nhưng không thể trực tiếp nói chuyện với nhau, mọi sự trao đổi đều qua giấy tờ hoặc những viên phụ tá.

Nhà Trắng vẫn chưa đánh giá được những gì đang diễn ra ở Điện Biên Phủ. Ai-xen-hao thắc mắc tại sao Đờ Cát-xtơ-ri để mất các trung tâm để kháng ở phân khu bắc mà không chịu giành lại? Thủ tướng Pháp Plê-ven thấy cần thông báo gấp tình hình cho người Mỹ trước khi quá muộn.

Ngày 20 tháng 3 năm 1954, tổng tham mưu trưởng Pháp Ê-ly, một người được coi là có quan hệ tốt với Mỹ, được phái sang Oa-sinh-tơn.

Ê-ly phát biểu công khai: "Pháp không thể thắng được với phương tiện hiện có trong tay" và yêu cầu Mỹ tăng cường giúp đỡ vũ khí, đặc biệt là máy bay ném bom B-26 và can thiệp bằng không quân.

Ngày 22 tháng 3, ngoại trưởng Mỹ Đa-lét vẫn tuyên bố một cách lạc quan "không một lý do nào bác bỏ kế hoạch Na-va đã thấy trước thắng lợi". Trong thời gian ở Mỹ, Ê-ly được gặp tổng thống Mỹ, làm việc với bộ trưởng ngoại giao, giám đốc CIA, chủ tịch Hội đồng liên quân và đặc biệt tham dự cả một cuộc họp của Hội đồng tham mưu trưởng Hoa Kỳ vốn không dành cho sĩ quan nước ngoài. Ê-ly đã nói rõ tình hình bế tắc ở Điện Biên Phủ. Những người Mỹ đều chăm chú lắng nghe, nhưng không đưa ra bất cứ lời hứa hẹn nào cụ thể. Ê-ly cố vớt vát bằng cách mô tả sức mạnh ghê gớm của pháo cao xạ do Trung Cộng và Nga Xô đã viện trợ cho Việt Minh ở Điện Biên Phủ. Chủ tịch Hội đồng liên quân Mỹ Rát-pho nói xa xôi với Ê-ly: Có thể có được một hành động can thiệp hạn chế trong thời gian nhất định của không lực Hoa Kỳ nhằm loại trừ lực lượng cao xạ của Việt Minh, nếu Hoa Kỳ được Chính phủ Pháp yêu cầu.

Không phải nhà cầm quyền Mỹ thờ ở với tình hình nguy hiểm ở Điện Biên Phủ. Trong bộ hồi ký "Những năm ở Nhà Trắng" (The White House Years), Ai-xen-hao

đã viết: "Đầu năm 1951, vấn đề Đông Dương đã được tôi lưu ý đến một cách mạnh mẽ khi tôi làm tư lệnh đồng minh quân đội NATO

với tổng hành dinh đóng tại Pa-ri". Trong chiến tranh lạnh giữa Tây và Đông, chiến tranh Đông Dương được Ai-xen-hao coi như "một cuộc chiến đấu giữa các lực lượng không cộng sản với chủ nghĩa cộng sản". Để giúp Pháp thực hiện kế hoạch Na-va, viện trợ Mỹ đã tăng từ 269 tỷ phơ-răng Pháp lên 420 tỷ, chiếm 75 phần trăm chi phí chiến tranh ở Đông Dương. Ai-xen-hao đã chỉ thị thành lập một ủy ban đặc biệt gồm thứ trưởng quốc phòng Rô-giô Ki-ét, các tham mưu trưởng liên quân và cục trưởng CIA A-len Đa-lét để nghiên cứu những biện pháp mới nhằm yểm hộ cho kế hoạch Na-va... Nhưng lúc này Mỹ vừa ra khỏi chiến tranh Triều Tiên, nên thấy cần cân nhắc đối với một cuộc phiêu lưu mới ở Đông Dương nếu chưa có chuẩn bị.

Sau khi Ê-ly quay vê Pa-ri thì Mỹ thay đổi thái độ. Ngày 27 tháng 3 năm 1954, Đa-lét đọc ò Niu Oóc một bài diên van vê đuòng lôi chính trị của Hoa Kỳ, tuyên bô "muôn ngân chân người ta áp đặt chủ nghĩa cộng sân ò Đông Nam Á cần có một hành động phôi hợp. Điêu này có thể chứa đựng những nguy cơ nghiêm trọng. Nhưng chúng sẽ nhỏ hơn rất nhiều so với những nguy cơ mà chúng ta sẽ phải vượt qua trong những năm tới nếu chúng ta không chứng tỏ bằng những quyết định ngay bây giờ". Đa-lét còn nhắc lại ngày 24 tháng 3, tổng thống Ai-xen-hao đã tuyên bô Đông Nam Á là một "tiên nghiệm quan trọng" cho thế giới tự do.

Đa-lét đã được Ai-xen-hao bật đèn xanh cho một hành động ở Đông Dương. Chính quyền Pháp lại có cái để trông chờ.

Ừ sau khi mất phân khu bắc, địch hoàn toàn giữ thế phòng ngự. Những trận phản kích chỉ nhằm ngăn cản không cho trận địa chiến hào của ta tiến vào gần. Chúng tập trung vào việc tổ chức lại việc phòng thủ ở phân khu trung tâm, củng cố công sự, bố trí thêm vật cản, làm những đường hào nổi liền các trung tâm để kháng để tránh pháo ta khi cần di chuyển, yêu cầu Hà Nội tăng viện người, vũ khí. Hy vọng của địch vẫn là lợi dụng ưu thế về địa hình và bình lực, vũ khí tập trung để đánh bại cuộc tiến công của ta như chúng đã làm được ở Nà Sản.

Địch tăng cường hoạt động của thổ phỉ tại Sơn La để phá hoại hậu phương chiến dịch của ta. Trung tuần tháng 3, Bộ Tổng Tham mưu phải điều Trung đoàn 9 từ Phú Thọ lên Sơn La và đưa Trung đoàn 176 tách khỏi đội hình chiến dịch lên Lai Châu tiễu phỉ. Ta diệt và bắt 700 tên, thu nhiều súng đạn.

Dịch vẫn cố bảo vệ sân bay Mường Thanh bằng mọi giá. Đường ghi bị đại bác phá hỏng lập tức được chữa lại. Việc hạ cánh xuống sân bay Mường Thanh ban ngày không thể tiếp tục. Hệ thống chiếu sáng đã bị pháo ta bắn hỏng. Ban đêm, máy bay

hạ cánh theo dấu hiệu duy nhất là những ngọn đèn dầu đặt ở đầu đường băng. Chúng cần vận chuyển cho binh đoàn đồn trú những thứ tối cần thiết không thể thả bằng dù và di tản thương binh đã làm cho những căn hầm cứu chữa dưới lòng đất bên bờ sông Nậm Rốm trở nên ngột ngạt. Nhưng do chiến hào của ta đã vào gần, đặc biệt là sự tiếp cận của súng máy phòng không, những cuộc hạ cánh ban đêm trở nên hết sức khó khăn.

Pháo cao xa của ta đã trở thành nỗi kinh hoàng đối với những viên phi công trước đó vẫn coi khoảng không là nơi tuyệt đối an toàn. Các loại máy bay chiến đấu, vận tải, kể cả những siêu pháo đài bay của Hoa Kỳ liên tiếp bị bắn rơi trên bầu trời Điện Biên Phủ. Béc-na Phôn gọi đó là "cuộc tàn sát những máy bay" (le massacre des avions). Phôn viết: "Ngày 15, hai chiếc máy bay tiêm kích - ném bom đang được sửa chữa ở Điện Biên Phủ thử chi viện cho Ga-bơ-ri-en đang bị tiến công. Nhưng vừa rời khỏi sân bay nó đã gặp một luồng đạn cao xạ rất dữ dội và rất trúng đích. Cả hai chiếc vội trút bom xuống cách sân bay khoảng 6-7 ki-lô-mét. Nhưng chiếc thứ nhất vẫn trúng đạn nổ tan trên bầu trời, viên phi công A-li Xa-ra-ui, thuộc phi đội chiến đấu 2/22 Languedoc chết ngay. Chiếc thứ hai thoát chết nhưng trong ngày hôm đó, viên phi công thứ hai điều khiển một máy bay ném bom của hạm đội 11F của hải quân bị chết trong khi bổ nhào thả bom"... "Chiều 26 tháng 3, một chiếc Đa-kô-ta do đại úy Bơ-gơ-lin lái bị bắn hạ ở phía tây Huy-ghét, nhưng tổ lái thoát chết. Chiếc máy bay cháy như một ngọn lửa hỏa thiêu khổng lồ trong nhiều giờ. Ngày 17, lúc 7 giờ, đại úy Đác-ti-gơ hạ cánh thành công chiếc Đa-kô-ta số 267... Sau khi hạ cánh xuống Hà Nội an toàn, anh quay lại chuyến thứ hai thì bị bắn rơi lúc 10 giờ tại phía nam Ê-li-an 3. Phi hành đoàn bảy người đều chết... 17 giờ 50 phút, một chiếc Đa-kô-ta trong đội vận tải 2/63 Sénégal đâm đầu xuống đất ở phía tây "Clô-đin" cháy như một bó đuốc... Toàn bộ phi hành đoàn đều chết".

Nếu như thời gian xây dựng trận địa đợt 1 kéo dài hơn một tháng, thì đợt 2 ngắn hơn nhiều. Chỉ sau mười ngày lao động và chiến đấu gian khổ, trận địa tiến công và bao vây của ta đã cơ bản hoàn thành. Trên một trăm ki-lô-mét đường hào cùng với hàng vạn hầm hố bao kín trận địa trung tâm của địch. Những đường hào đặt sân bay và sở chỉ huy Đờ Cát-xtơ-ri trong tầm bắn súng cối của trung đoàn và tiểu đoàn bộ binh ta.

Ta chính thức chấp nhận sự thách thức từ lâu của kẻ thù, chấp nhận một trận đánh "mặt đối mặt".

Bên cạnh tập đoàn cứ điểm cũ của địch đã có một "tập đoàn cứ điểm thứ hai, một tập đoàn cứ điểm di động".

Hình thái chiến tranh trận địa bắt đầu xuất hiện tại Điện Biên Phủ.

Có những người đã viết về chiến tranh chiến hào là nó thường xuất hiện khi lực lượng đôi bên đối địch không chênh lệch, không thể tiêu diệt nhau và cũng là lúc họ không còn muốn mở những cuộc tiến công. Những người lính đôi bờ chiến tuyến đứng nhìn nhau, đôi lúc quên cả ác cảm, và trổ thành những người bạn chốc lát. Trường hợp của chúng ta không có gì giống như vậy.

Các nhà lý luận quân sự thường cho rằng: Kẻ mạnh bao giờ cũng chọn cách tiến công, cũng như kẻ yếu bao giờ cũng chọn cách phòng ngự. Ở đây, Pháp là kẻ mạnh, chúng là quân đội nhà nghề, có trong tay mọi thứ vũ khí hiện đại: Không quân, tàu sân bay, xe tăng, pháo 155mm..., nhưng chúng lại chọn cách phòng ngự! Không phải kẻ địch mù quáng. Chúng biết với những ưu thế hiện nay chưa thể thắng ta trên chiến trường rừng núi. Với sự lựa chọn này, chiếm những điểm cao khống chế, xây dựng trận địa phòng ngự vững chắc, sức mạnh của chúng sẽ tăng gấp bội... Còn chúng ta là kẻ yếu, về cơ bản chỉ là một quân đội bộ binh đơn thuần, nhưng lại chọn cách tiến công!

Lịch sử đã đưa hai đội quân tới trận đánh quyết định tại một nơi không hẹn trước là Điện Biên Phủ, trên cánh đồng Mường Thanh. Chúng ta đã chọn hình thức tác chiến bằng trận địa bao vây và tiến công.

Cũng là những đường hào, những ụ súng, hầm hố, nhưng trận địa ta và địch có những tính chất hoàn toàn khác biệt. Trận địa địch mang tính phòng ngự tuyệt đối. Còn trận địa ta mang tính tiến công. Một bên hoàn toàn cố định, một bên vẫn có tính cơ động. Trận địa của ta không ngừng phát triển. Nó không chỉ là chiến tuyến, cung cấp nơi ẩn náu an toàn của bộ đội. Nó tạo điều kiện cho ta tiếp cận dễ dàng các cứ điểm địch, tung ra những đòn tiến công bất ngờ, cho phép ta đối phó hữu hiệu với những cuộc phân kích, cũng như rút lui an toàn khi cần kết thúc trận đánh giúp cho cán bộ, chiến sĩ có những sáng tạo bất ngờ trong quá trình chiến đấu.

Người ta dễ dàng nhận thấy sự khác biệt của trận địa ta và trận địa địch trên chiến trường.

Trận địa địch là những đường hào, hầm hố đỏ quạch, bố trí rất tập trung, khép kín, nằm chết cứng giữa rừng dây thép gai màu chì và bãi mìn, chi chít những chiếc dù sặc sỡ. Trận địa ta là một đường hào trục chạy dài ngút tầm mắt bao quanh trận địa địch, không có vật cản, thuần một màu đất đỏ tươi, bên trong có nhiều nhánh vươn về phía trận địa địch, trong quá trình phát triển tự nó lại mọc thêm những nhánh mới. Vòng dây khổng lồ, sinh sôi

nhanh chóng này, chính là cái sẽ quyết định số phận của con nhím thép Điện Biên Phủ.

Địch đã phản ứng rất mạnh trước sự phát triển những đường hào, gay gắt hơn cả khi những trung tâm đề kháng của phân khu bắc nổi tiếp nhau sụp đổ. Điều đó chứng tỏ chúng ta đang tiến bước trên con đường chiến thắng.

Vê sau chúng ta biêt, thôi gian này, tai sô chi huy cüa Co-nhi ô Ha Nôi, môt sô si quan có tuôi khi xem nhüng büc anh máy bay chup hang ngày vê sü phát triên nhanh chóng nhüng chiên hào cüa ta, dä liên tucng tôi cuôc dai chiên the gioi thü nhat (1914-1918) mà ho dä tham du. Ho luu y Co-nhi phai chuan bi ngay cho Dô Cat-xto-ri tu tucng dôi phó vói chiên tranh chiên hào (guerre de tranchee). Nhu ho dä biêt, min và vü khí chong min là dac diem cüa loai chiên tranh này. Co-nhi ra lênh ngay cho Dô Cat-xto-ri chuan bi môt cuôc chiên bang chiên hào. Chiêu ngày 22 tháng 3, Dô Cat-xto-ri thông báo bang diên riêng cho Co-nhi là mình không có chuyên gia và cüng không có dung cu cong binh dê tiên hành loai chiên tranh này. Ngày hôm sau, Dô Cat-xto-ri lai diên yêu câu Co-nhi cung cap cho mình nhüng nguyên tác vê tô chüc trân dja, làm thành bôn bân, và nhüng tài liêu khác liên quan tôi chiên tranh chiên hào. Ngày 23, Co-nhi ra lênh cho Dô Cat-xto-ri hay nôi tât ca nhüng cü diem bang duong hâm bão dam su liên lac giüa chüng, dât min, dât bây vào duong hào cüa dôi phucng và dùng lüc luçng nhô tuân tiêu nhüng duong hào kê dich mói dào. Thuc ra, Dô Cat-xto-ri dä làm nhüng viêc này vói tât ca khâ nâng cüa mình và không có vât liêu, phucng tiên, kê ca süc lüc dê làm tiêp nhüng con duong hâm mà Co-nhi dä ra lênh!

Từ mọi hướng, chiến hào của chúng ta vẫn phát triển một cách vững chắc tới gần trận địa trung tâm của địch. Theo đúng kế hoạch, nó đã tiến vào những trung tâm đề kháng mục tiêu của đợt tiến công sắp tới. Ở phía đông, nó đã vào gần các điểm cao E, D1, C1, A1. Ở phía tây, ngày 24 tháng 3, một mũi chiến hào chỉ còn cách hàng rào dây thép gai 106, thuộc cụm cứ điểm trực tiếp bảo vệ sân bay Mường Thanh 50 mét.

5

òng vây tràn dja chiên hào hình thành dä khiên kê dch không còn khá näng rút lui, cüng nhu khó dta them một sô lôn quân tang viên. Quân dch düng trutc sü thât bai chác chán, vì sôm muôn con du'ong tiêp tê bàng máy bay cüng bj cât dút.

Trận địa chiến hào của ta đã phá vỡ cấu trúc cơ bản của tập đoàn cứ điểm, tách hoàn toàn phân khu Hồng Cúm khỏi khu trung tâm. Từ lúc này Đò Cát-xtơ-ri

không thể trông chờ sự cứu viện của những tiểu đoàn đóng ở phía nam cánh đồng Mường Thanh.

Nghiên cứu cách bố trí của phân khu trung tâm, chúng ta thấy rõ trận Điện Biên Phủ sẽ được quyết định trên những điểm cao ở phía đông, bên tả ngạn sông Nậm Rốm.

Tại đây nổi lên một dãy đồi chạy từ bắc xuống nam, hai bên đường số 41 và dọc theo bờ sông. Những trái đồi này khống chế toàn bộ phân khu trung tâm, trong đó có sở chỉ huy Đò Cát-xtơ-ri, các trận địa pháo và sân bay. Địch đã tận dụng lợi thế của dãy đồi, tổ chức thành một khu vực phòng ngự then chốt với hai trung tâm đề kháng mạnh là Đô-mi-ních và Ê-li-an. Mỗi trung tâm gồm nhiều cứ điểm. Những cứ điểm này một phần nằm trên những quả đồi, một phần nằm dưới cánh đồng bên bờ sông. Nhưng quan trọng hơn cả là những điểm cao. Nếu những điểm cao này bị ta chiếm thì những cứ điểm phía dưới không thể tồn tại và toàn bộ các cứ điểm trên cánh đồng bên kia sông Nậm Rốm cũng sẽ bị đe dọa vì hỏa lực bắn thẳng của ta, đặc biệt là pháo binh.

Chủ trương của Đảng ủy mặt trận trong đợt 2 là tập trung ưu thế binh hòa lực đánh chiếm đồng thời các điểm cao phía đông. Trong số này, có năm điểm cao quan trọng. Đó là các điểm cao E, D1 thuộc trung tâm đề kháng Đô-mi-ních, và các điểm cao C1, C2, A1 thuộc trung tâm đề kháng Ê-li-an. Đô-mi-ních 1 và Đô-mi-ních 2 nằm hai bên đường số 41 là những điểm cao cao nhất ở phía bắc, khoảng 70 mét so với mặt đất, trực tiếp kiểm soát sân bay và hai trận địa pháo 105mm ở dưới chân đồi. Ê-li-an 2 ở đầu cùng phía nam, thấp hơn, khoảng 40 mét, nhưng lại đặc biệt quan trọng vì ở sát ngay khu trung tâm, rất gần sở chỉ huy của Đò Cát-xtơ-ri. Ê-li-an 1 và Ê-li-an 4 tiếp giáp với Ê-li-an 2 về phía bắc, là những đồi nhỏ thấp, nhưng đều ở sát khu trung tâm. Các điểm cao E, D1, D2, C1, A1 nằm ở vòng ngoài, liên kề với trận địa tiến công của ta. Những điểm cao khác D3, C2... nằm ở phía trong.

Địch đã thấy rõ một đợt tiến công mới của ta đang nhắm vào dãy đồi phía đông qua những mũi chiến hào.

Sáng ngày 30 tháng 3, Lăng-gô-le tới trực tiếp kiểm tra sự bố phòng ở khu đông. Tại trung tâm đề kháng Đô-mi-ních có tiểu đoàn 3, trung đoàn 8 An-giê-ri, một đại đội Thái, một đại đội pháo 105mm. Lăng-gô-le không hài lòng khi nhận thấy sườn bên trái của Đô-mi-ních 2 có một đơn vị Thái bảo vệ. Lăng-gô-le quyết định chuyển đơn vị Thái này vào phía trong, đưa một

đại đội An-giê-ri đóng ở Đô-mi-ních 1 sang thay thế và điều một đại đội của tiểu đoàn dù 5 tới Đô-mi-ních 1 điền vào chỗ đại đội được rút đi. Tại trung tâm để

kháng Ê-li-an, Lăng-gô-le câm thấy yên tâm. Tiểu đoàn 1 trung đoàn bộ binh Ma-rốc số 4 phòng ngự tại đây với sự hỗ trợ của những tiểu đoàn dù do Bi-gia trực tiếp chỉ huy. Lăng-gô-le quyết định tăng cường cho Ê-li-an 2 ở nơi đầu sóng ngọn gió một đại đội của tiểu đoàn lẻ dương dù 6. Đại bộ phận lực lượng phân kích của tập đoàn cứ điểm, gồm tiểu đoàn dù thuộc địa số 6, tiểu đoàn dù ngụy số 5, một đại đội của tiểu đoàn dù xung kích số 8, hai đại đội người Thái và những lực lượng còn lại của tiểu đoàn Thái số 2 khoảng nửa tiểu đoàn, đều được tập trung tại Ê-li-an. Ngoài ra còn một đại đội công binh. Khi trận đánh nổ ra những đơn vị này sẽ tiến hành phân kích ngay mà không cần vượt qua cầu thường xuyên bị pháo binh địch đe dọa. Lăng-gô-le hài lòng với quyết định của mình, trước khi ra về chỉ thị cho các đơn vị đúng 18 giờ chiều nay phải cho mọi người ăn một bữa cơm nóng.

Nhiệm vụ đề ra cho đợt tiến công thứ hai là: Đánh chiếm các điểm cao phòng ngự phía đông của khu trung tâm, thắt chặt trận địa tiến công và bao vây, khống chế đi đến đánh chiếm sân bay, hạn chế đi tới triệt hẳn đường tiếp tế, tiếp viện của địch, tích cực tiêu diệt và tiêu hao sinh lực địch, thu hẹp phạm vi chiếm đóng và vùng trời của chúng, tạo điều kiện chuyển sang tổng công kích. Nếu tình hình phát triển thuận lợi, ta sẽ chiếm đại bộ phận khu đông của địch.

Để tạo điều kiện cho các đơn vị tiến công các điểm cao, ta chủ trương dùng những mũi thọc sâu vào khu đông tập đoàn cứ điểm, đánh trận địa pháo và những đơn vị cơ động nằm bên tả ngạn sông Nậm Rốm, đặt quân địch trên các điểm cao vào thế bị uy hiếp cả trước mặt và sau lưng.

Ta dự kiến đợt tiến công thứ hai có tính quyết định đối với chiến dịch.

Chương mười DÂY ĐIỂM CAO PHÍA ĐÔNG

vời ngày sau khi về dự Hội nghị sơ kết thắng lợi đợt 1, ngày 27 tháng 3, các cán bộ từ trung đoàn trở lên lại quay về Sở chỉ huy Mường Phăng, nhận nhiệm vụ tác chiến đợt 2.

Nhiệm vụ cụ thể trao cho từng đơn vị như sau:

- Đại đoàn 312, được phối thuộc hai đại đội sơn pháo 75mm, hai đại đội súng cối 120mm, một đại đội súng cối 82mm, có nhiệm vụ tiêu diệt các điểm cao E (Đô-mi-ních 1), D1 (Đô-mi-ních 2), D2 (Đô-mi-ních 3) thuộc trung tâm đề kháng Đô-mi-ních, và dùng một đơn vị thọc sâu đánh vào vị trí pháo binh địch ở điểm cao 210 (Đô-mi-ních 6)1, và tiểu đoàn dù 5 hoặc tiểu đoàn dù 6 cơ động ở khu vực này.

Đại đoàn 316 (thiếu một trung đoàn), được phối thuộc hai đại đội sơn pháo 75mm, hai đại đội súng cối 120mm, có nhiệm vụ tiêu diệt các điểm cao A1 (Ê-li-an 2), C1 (Ê-li-an 1), C2 (Ê-li-an 4) thuộc trung tâm đề kháng Ê-li-an, và phối hợp với các đơn vị khác tiêu diệt lực lượng dù cơ động.

- Đại đoàn 308 có nhiệm vụ dùng hóa lực kiểm chế pháo binh địch ở tây Mường Thanh, dùng bộ đội nhỏ tích cực dương công các cứ điểm 106 (Huy-ghét 7) và 311 (Phrăng-xoa nằm trong cụm Huy-ghét) ở phía tây, cứ một tiểu đoàn tham gia bộ phận thọc sâu vào tung thâm khu đông, tiêu diệt tiểu đoàn ngụy Thái số 2, trận địa pháo binh, phối hợp với Trung đoàn 98 của Đại đoàn 316 tiêu diệt lực lượng dù cơ động.
- Trung đoàn 57 của Đại đoàn 304, được phối thuộc Tiểu đoàn 888 (Đại đoàn 316), một đại đội lựu pháo 105mm, một đại đội súng cối 120mm, 18 khẩu trọng liên cao xạ 12,7mm, có nhiệm vụ kiểm chế các trận địa pháo binh địch

ở Hồng Cúm, chặn quân tiếp viện từ Hồng Cúm lên Mường Thanh và đánh quân nhảy dù ở xung quanh và phía nam Hồng Cúm.

- Đại đoàn 351 trực tiếp yểm hộ bộ binh tiến công các cứ điểm: A1, D1, C1, E, chế áp pháo binh địch, sát thương và tiêu diệt một lực lượng cơ động địch ở tung thâm phía đông Mường Thanh, kiểm chế pháo binh địch. Riêng Trung đoàn pháo cao xạ 367 yểm hộ đắc lực cho bộ binh và pháo binh chiến đấu cả ngày và đêm.

So sánh về bộ binh trong đợt tiến công này, địch: 1/1 ta: 3,6 (5/18 tiểu đoàn). Nếu so với đợt 1 thì mức huy động lực lượng của ta lần này cao hơn. Nhưng mục tiêu cũng nhiều hơn, ngoài năm mục tiêu chính là năm điểm cao phía đông, còn những mục tiêu thứ yếu khác: Đánh lực lượng dù cơ động, trận địa pháo.

Đây là trận công kiên có quy mô lớn nhất từ trước tới nay. Khi mở đầu chiến dịch ta mới chỉ đánh từng trung tâm đề kháng, từng tiểu đoàn đóng riêng lẻ, lần này ta đánh vào một khu vực gồm nhiều trung tâm đề kháng với nhiều tiểu đoàn.

Hội nghị trao nhiệm vụ diễn ra trong không khí hào hứng.

Đại đoàn trưởng Đại đoàn 312 Lê Trọng Tấn, các trung đoàn trưởng Hoàng Cầm, Quang Tuyến, Lê Thùy còn mang khí thế của những chiến thắng vừa qua, báo cáo kế hoạch đánh các cao điểm D và E với sự tin tưởng sẽ làm tròn nhiệm vụ. Riêng đồng chí Lê Trọng Tấn hơi băn khoăn cho các đơn vị làm nhiệm vụ thọc sâu.

Trước cuộc họp, Đại đoàn trưởng Đại đoàn 316 Lê Quảng Ba nói riêng với tôi: "Trung đoàn trưởng Trung đoàn 98 Vũ Lăng đề nghị được đánh A1, nhưng đại

đoàn phải trao cho Nguyễn Hữu An, vì Trung đoàn 174 là đơn vị chủ công". A1 được đánh giá là vị trí quan trọng nhất trong đợt tiến công này. Hai trung đoàn 174 và 98 mới bước vào chiến đấu đều còn sung sức. Trung đoàn trưởng Trung đoàn 174 Nguyễn Hữu An đã hai lần tham gia tiêu diệt Đông Khê, trình bày phương án đánh A1, trả lời mọi câu hỏi một cách rõ ràng, chứng tỏ đã có nhiều kinh nghiệm công kiên. Cuối cùng, tôi hỏi:

- Đồng chí có gì đề nghị với Bộ chỉ huy chiến dịch không?
- A1 là vị trí rất cứng mà trên chi viện có 100 viên đạn pháo 105mm, như vậy ít quá.

Tôi nói vui:

- Được, cho cậu thêm năm viên nữa!

Mọi người cười ổ. Đạn pháo 105mm đã thành vấn đề nan giải. Ta đang tính cách chuyển một số đạn chiến lợi phẩm từ Mặt trận Trung Lào ra, nhưng đường quá xa và cũng không được bao nhiêu.

Tôi muốn gặp các đồng chí chỉ huy trước lúc ra về. Anh em lần lượt tới căn lán nhỏ nơi tôi làm việc.

Nguyễn Hữu An và Vũ Lăng cùng bước vào. Vũ Lăng người bé nhỏ nhưng rắn chắc, có hàm râu quai nón và nụ cười tươi, từ Trung đoàn Thủ đô của Đại đoàn 308 mới chuyển sang Đại đoàn 316. Cả hai đều là những cán bộ chiến đấu dày dạn, đã chỉ huy nhiều trận công kiên, có những trận thành công xuất sắc. Tôi nói:

- Các đồng chí báo cáo quyết tâm đi!

Hai người đều hứa sẽ kiên quyết hoàn thành nhiệm vụ. Tôi hỏi tiếp tình hình tổ chức chiến đấu, tư tưởng bộ đội, tình hình đoàn kết nội bộ và đồng chí chỉ huy đại đội chủ công thế nào... Các anh đều trả lời rất tốt. Tôi lại hỏi:

- Các đồng chí có tin tưởng không?

Vũ Lăng nhanh nhâu:

- Báo cáo anh, tin tưởng nhất định làm được.
- Đánh C1 trong bao lâu?
- Xin anh 45 phút.
- Có thể để hẳn cho đồng chí một tiếng.

Tôi quay sang Nguyễn Hữu An:

- Còn A1? Đồng chí cần bao nhiêu thời gian?

Mức thời gian Vũ Lăng đặt cho đơn vị mình làm cho Nguyễn Hữu An hơi lúng túng.

- A1 khó hơn, hai tiếng, đồng chí làm được không?

Nguyễn Hữu An vui vẻ đáp:

- Báo cáo: Làm được.

Tôi nói thêm về tính chất quan trọng của A1, nhắc đơn vị chú ý hoàn thành việc xây dựng trận địa xuất phát xung phong cho tốt và làm kế hoạch phối hợp thật chu đáo.

Tôi nói với Vũ Lăng:

- C1 cũng rất quan trọng. Tiêu diệt được cứ điểm này, Trung đoàn 98 sẽ tiến một bước dài trong chiến đấu công kiên. Đồng chí còn điều gì bản khoản không?

Vũ Lăng đỏ mặt rồi nói:

- Kể ra, Bộ cho được "tí pháo" thì tốt.

Lần này đánh nhiều cứ điểm một lúc, pháo của ta không thể chia đều, trong kế hoạch đánh C1, đơn vị Vũ Lăng không có pháo yểm hộ.

Tôi cười vỗ vai Vũ Lăng:

- Đơn vị cậu sẽ có hai khẩu 75mm đi cùng và 30 phát pháo 105mm yếm hộ.

Vũ Lăng vui sướng:

- Thế thì xin cam đoan giữ đúng lời hứa với anh.

Sau đó, cơ quan tham mưu thông báo với Vũ Lăng, ngoài pháo 75mm, Bộ sẽ phối thuộc thêm cho Trung đoàn 98 cả một số súng cối 120mm.

M ưa dầm dề mấy ngày liền. Chúng tôi lo mùa mưa năm nay đến M sớm. Tới ngày nổ súng thì mưa tạnh. Lọi dụng trời còn nhiều mây, từ sáng, trợ chiến các đơn vị đã ra chiếm lĩnh vị trí. Buổi trưa, bộ binh xuất phát. Trận địa chiến hào của ta đã bò tới chân các điểm cao. Mặc dù quân địch những ngày gần đây đã nhiều lần dùng bom, đại bác đánh phá và đưa quân ra san lấp chiến hào, nhưng trận địa của ta vẫn được duy trì, và lúc này đã chứng tỏ giá trị của nó. Bộ đội ta vào gần đồn, địch vẫn chưa biết.

18 giờ ngày 30 tháng 3 năm 1954, đợt tiến công thứ hai vào tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ bắt đầu.

Các điểm cao phía đông, một số vị trí bảo vệ sân bay ở phía tây, các trận địa pháo và khu vực quân cơ động địch chìm trong khói lửa. Cũng như đợt tiến công thứ nhất, suốt nửa giờ đầu, pháo binh địch không thể lên tiếng.

Những giờ đầu cuộc chiến đấu tiến triển khá thuận lợi.

Tại điểm cao C1, lần đầu ta mở rào bằng đạn phóng bộc lôi. Các pháo thủ bắn rất chính xác. Bộc lôi nổ phá tung từng đoạn rào. Khi pháo chuyển làn, các chiến sĩ bộc phá chỉ còn giải quyết nốt những đoạn sót lại. Sau 5 phút, Tiểu đoàn 215 của Trung đoàn 98 đã dọn xong cửa mở qua bảy lần rào dây thép gai. Chớp thời cơ hỏa lực địch đang còn tê liệt, Tiểu đoàn trưởng Bùi Hữu Quán hạ lệnh xung phong. Đường dây điện thoại với trung đoàn bị đứt. Nghe tiếng súng bộ binh nổ trên cứ điểm, trung đoàn ra lệnh cho pháo chuyển làn. Chỉ bằng một đợt xung phong mạnh, trong 10 phút, Đại đội 38 đã chiếm được chiếc lô cốt nằm trên mỏm đất cao nhất nhô lên trên đỉnh đồi, được anh em gọi là mỏm Cột Cò. Tiểu đội trưởng mũi nhọn Nguyễn Thiện Cải cắm lá cờ Quyết chiến quyết thắng lên nóc sở chỉ huy của địch. Quân địch dồn về những lô cốt ở khu vực phía tây, gọi pháo bắn vào trận địa ta. Các chiến sĩ xung kích dùng lưỡi lê, lựu đạn lao lên đánh giáp lá cà, đập tan ba

đợt phản kích của địch. Trận đánh diễn ra đúng 45 phút. Toàn bộ một đại đội 140 tên dịch thuộc tiểu đoàn 1 trung đoàn 4 Ma-rốc bị tiêu diệt hoặc bị bắt. Số thương vong của ta là 10 người.

Trung đoàn trưởng Vũ Lăng báo cáo về đầu tiên: "Trung đoàn 98 đã chiếm hoàn toàn C1". Tôi gửi điện khen Trung đoàn 98 và thưởng Huân chương Quân công hạng Ba cho Tiểu đoàn 215 vì đã hoàn thành nhiệm vụ nhanh và gọn nhất mặt trận.

Tại điểm cao E, pháo ta nổ đúng lúc diễn ra cuộc thay quân giữa một đại đội của tiểu đoàn 3 An-giê-ri với đại đội của tiểu đoàn dù 5 tới thay thế theo lệnh của Lăng-gô-le ban sáng. Bình lính với đầy đủ trang bị đang tập trung dọc giao thông hào không có hầm trú ẩn tháo chạy xô vào nhau. Đại đội cối hạng nặng nằm giữa vị trí chưa kịp bắn loạt đạn nào đã bị pháo ta tiêu diệt. Hai mũi tiến công của Tiểu đoàn 16 và Tiểu đoàn 428 mở cửa qua hàng rào dây thép gai và bãi mìn nhanh đến mức những loạt đạn bắn chặn của địch đều rơi khá xa phía sau các chiến sĩ xung kích. Sau một giờ xung phong áp đảo quân địch, bộ đội ta chiếm toàn bộ cứ điểm. Anh em khẩn trương tổ chức phòng ngự và dùng súng ĐKZ, đại liên, súng cối chi viện cho mũi thọc sâu của trung đoàn phát triển, đồng thời khống chế trận địa pháo của địch đặt trên điểm cao 210 ở phía dưới.

19 giờ 45 phút, Trung đoàn trưởng Quang Tuyến báo cáo hoàn thành nhiệm vụ tiêu diệt đồi E.

Tại điểm cao D1, thời gian mở cửa đột phá cũng diễn ra nhanh. Chỉ sau 5 phút, ở hướng chính, Tiểu đoàn 166 đã phá xong ba lượt hàng rào và xung phong vào căn cứ. Bộ đội ta nhanh chóng thọc sâu chia cắt đội hình địch ra từng mảng để tiêu diệt. Chiến sĩ thi đua Trần Can, vừa được đề bạt trung đội trưởng, một lần nữa lại băng lên cùng với tiểu đội đi đầu chiếm từng ủ súng, từng góc chiến hào. Tuy nhiên, ở hướng phụ, giao thông hào ta đào đã bị địch lấp mất 50 mét, Tiểu đoàn 154 tiến vào gặp lầy, mở cửa chậm bị hỏa lực trong đồn khống chế, phải mất gần một giờ mới lọt vào trong đồn. Viên đại úy Ga-răng-đô, chỉ huy tiểu đoàn 3 An-giê-ri, bị pháo vùi chết trong hầm của sở chủ huy. Sau hai giờ chiến đấu, ta chiếm toàn bộ đồi D1.

Những tên lính Bắc Phi, ngụy Thái sống sót từ đồi E và D1 tháo chạy hỗn loạn về phía sông Nậm Rốm.

20 giờ, Trung đoàn trưởng Hoàng Cẩm báo cáo hoàn thành nhiệm vụ tiêu diệt đổi D1.

Thừa thắng, Đại đoàn trưởng Lê Trọng Tấn ra lệnh cho lực lượng dự bị của Trung đoàn 209, Tiểu đoàn 130, đánh xuống điểm cao D2.

Chờ mãi vẫn chưa có tin A1 và các mũi thọc sâu. Hỏi Đại đoàn 316, Đại đoàn trưởng Lê Quảng Ba báo cáo: Từ đầu trận đánh không liên lạc được với Trung đoàn 174 do đường dây điện thoại bị đại bác cắt đứt đang cho nối lại. Chúng tôi đoán các đơn vị làm nhiệm vụ gặp khó khăn.

Trung đoàn 174 mất liên lạc với đại đoàn ngay từ giờ đầu, không nhận được lệnh tiến công. Khi thấy trên những điểm cao khác tiếng súng của bộ binh đã nổ ran, Trung đoàn trưởng Nguyễn Hữu An chủ động ra lệnh cho hỏa lực của trung đoàn bắn vào cứ điểm yểm hộ cho xung kích mở cửa. Nửa giờ đã trôi qua. Lúc này, pháo binh địch đã hồi sức, bắn dữ dội vào cửa mở. Các lô cốt, ụ súng ở tiền duyên dồn đạn về phía các chiến sĩ bộc phá đang lùa những ống thuốc nổ phá hàng rào. Phải mất hơn nửa giờ, hai mũi tiến công của các tiểu đoàn 251 và 249 mới vượt qua một trăm mét rào và bãi mìn lọt vào đồn.

Khi nghiên cứu A1 ta thấy địch đã dựa vào địa thế tự nhiên của quả đồi, bố trí công trình phòng thủ thành ba tuyến. Bên ngoài, ở tiền duyên là tuyến chống cụ chủ yếu. Tuyến trung gian có đặt trận địa hỏa lực. Trên đỉnh đồi là tuyến cổ thủ và sở chỉ huy. Trong cứ điểm có nhiều tuyến chiến hào và giao thông hào liên hoàn. Tất cả các lô cốt và hầm trú ẩn đều có nắp đậy, chịu được đạn súng cối và pháo.

Lực lượng ta bị tổn thất nhiều khi vượt qua cửa mở. Những tên lính Ma-rốc và lẻ dương dù 1 dưới sự chỉ huy của Ni-cô-la chống cự quyết liệt. Ta và địch giành nhau từng ụ súng, từng ngách hào. Địch lùi dần. Tới đỉnh đồi, chúng biến đi sau một ụ đất cao. Giữa lúc ấy đại bác 105mm từ Hồng Cúm và súng cối 120mm từ Mường Thanh dồn dập trút xuống đỉnh đồi. Bộ đội bị thương vong nhiều vì đạn pháo. Trung đoàn trưởng Nguyễn Hữu An quyết định đưa Tiểu đoàn dự bị 255 vào chiến đấu. Lúc này cuộc chiến đấu trên những điểm cao khác đã kết thúc, địch dồn tắt cả hỏa lực đại bác và súng cối vào A1 mong cứu vãn tình hình. Các đợt xung phong của Tiểu đoàn 255 cũng không vượt qua hàng rào lửa đại bác.

Quá nửa đêm, cuộc chiến đấu tại A1 diễn ra giằng co. Ta và địch mỗi bên chiếm nửa đổi.

Tại Mường Thanh, Lăng-gô-le điên đầu khi thấy hầu hết những ngọn đồi phía đông nhanh chóng bị tràn ngập. Lăng-gô-le đã nghĩ tới sự thất thủ của khu trung tâm trong đêm. Đờ Cát nêu ý kiến cần tiến hành phân kích ngay. Nhưng Lăng-gô-le thấy dù tình hình ra sao cũng phải đợi đến khi trời sáng. Những cuộc phân kích thất bại ở Bê-a-tơ-ri-xơ và Ga-bơ-ri-en đã chứng tỏ không thể đưa một số tiểu đoàn dù đi trong đêm thiếu sự yểm hộ của xe tăng và không quân. Không riêng các điểm cao phía đông bị tiến công, một cứ

điểm tiền tiêu của sân bay ở phía tây, Huy-ghét 7 cũng đang đứng trước nguy cơ bị tiêu diệt, khẩn cấp yêu cầu tăng viện. Lăng-gơ-le kiên quyết khước từ vì cho rằng số phận của tập đoàn cứ điểm lúc này đặt trên những điểm cao phía đông. Giữa lúc đó, mất liên lạc với Ni-cô-lát. Lăng-gơ-le toan ra lệnh cho toàn bộ pháo bắn hủy diệt vào Ê-li-an 2, thì Bi-gia từ Ê-li-an 4 dùng bộ đàm gọi về báo tin Ni-cô-la vẫn còn bám giữ được Ê-li-an 2, và sẽ tăng viện thêm cho Ê-li-an 2 một đại đội của tiểu đoàn dù 6 để kéo dài cuộc chiến đấu tới sáng.

Như vậy, trên A1 lúc này địch có ba đại đội, nhưng đại đội 4 Ma-rốc và đại đội dù lẻ dương 1 hầu như đã mất sức chiến đấu.

Phía đồi C1, Tiểu đoàn 215 của Trung đoàn 98 sau khi chiếm C1 đã quyết định điều Đại đội 35 lên thay thế Đại đội 38 vừa hoàn thành nhiệm vụ về phía sau làm lực lượng dự bị, tuy đại đội này mới thương vong nhưng có mười người còn rất sung sức. Ta đã để lỡ thời cơ khi quân địch ở C2 đang hoang mang vì mất C1. Giữa lúc ta đang điều chỉnh lực lượng, bộ đội ùn lại khá đông trên đồi thì pháo địch bắn dồn dập. C1 địa hình hẹp, công sự ít, nhiều anh em phải đứng ở giao thông hào nên số thương vong lên cao. Việc tổ chức tiến công C2 bị chậm lại. Mãi gần 21 giờ, tiểu đoàn mới triển khai chiến đấu.

Đôi C2 khá rộng nổi với C1 bằng một yên ngựa, sườn đồi phía trong thoai thoải đổ xuống đường số 41, rất tiện cho quân cơ động địch lên phần kích. Trên đồi có hệ thống chiến hào liên hoàn với nhiều lô cốt, ụ súng khá kiên cố, phía ngoài là nhiều lớp rào dây thép gai và bãi mìn. Đây là nơi Bi-gia đặt sổ chỉ huy tạm thời.

23 giò, môt trung dôi cüa Dai dôi 35, do dai dôi phó và chính trj viên chI huy, vutq qua yên ngua dOt nhap duqc mOt doan hao cüa C2. Trung dôi nhanh chóng phát triên chiem tren tiép 11 lô cOt và u süng. Nhung lqc lutng phía sau qua nhiêu lân xung phong dêu bj hóa lqc rât manh cüa dich can lai. Tiêu doàn 215 quyêt djnh lui vê C1 tiép tqc chua n bj tao diêu kien tiên cong C2 ban ngày.

Phía đồi D1, Tiểu đoàn 130 của Trung đoàn 209 phát triển xuống D2 vấp phải hỏa lực bắn thẳng từ trận địa pháo trên cứ điểm 210 và hai cổ trọng liên bốn nòng đặt bên kia sông Nậm Rốm, phải ngừng lại để củng cố.

Vê khvya, dai bác dîch càng hoạt động mạnh. Cuộc chiến đấu của bộ đội ta trên những điểm cao phía đông đã chững lại. Tôi nhận thấy đây chính là sự khác nhau giữa chiến đấu ở ngoại vi với khu trung tâm, địch không thể không đối phó quyết liệt. Sau này ta biết trong đêm 31 tháng 3, quân địch đã bắn 13.000 viên đạn 105mm, 855 viên đạn 155mm, 1.200 viên đạn súng cố 120mm.

Sô chI huy nhân djnh: Bô dôi dã hoàn thành phân quan trong nhiêm vu dqt 2, nhung van chua chiem duqc diem cao phong ngut then chOt A1. Trung

đoàn 174 đã sử dụng cả lực lượng dự bị, không còn khả năng giải quyết A1, Trung đoàn 98 đánh xuống C2 không thành công, đã bị tiêu hao, cần điều một đơn vị khác tiếp tục hoàn thành nhiệm vụ tiêu diệt A1 và phòng ngự ở C1 ban ngày. Anh Thái đề nghị sử dụng Trung đoàn 102 của Đại đoàn 308. Vào đầu đợt 2, Đại đoàn 308 vẫn phụ trách mặt trận phía tây, riêng Trung đoàn 102 đã được chọn làm lực lượng dự bị cho khu đông.

Bộ chỉ huy chiến dịch quyết định: Các đơn vị khẩn trương tổ chức trận địa phòng ngư trên các điểm cao C1, D1, E, chuẩn bị đánh địch phân kích ban ngày, quyết không để địch chiếm lại. Đại đoàn 308 đưa Trung đoàn 102 từ phía tây sang phía đông, tiếp tục tiến công tiêu diệt A1 và phòng ngự tại C1. Đồng chí Vương Thừa Vũ chỉ huy trận đánh tại A1 và C1. Các trung đoàn 88, 36 của Đại đoàn 308 chuyển từ nhiệm vụ dương công sang tiêu diệt các cứ điểm 106 và 311 ở phía tây, Trung đoàn 165 của Đại đoàn 312 đánh cứ điểm 105 (Huy-ghét 6) ở phía bắc, uy hiếp mạnh quân địch tạo điều kiện cho các đơn vị ở khu đông hoàn thành nhiệm vụ.

ò sáng ngày 31, Đò Cát-xtò-ri họp với Lăng-gò-le, Pa-dít và Bi-gia, bàn cách đối phó với tình hình. Lăng-gò-le đề nghị tập trung toàn bộ binh đoàn không vận số 2, gồm

tiểu đoàn dù 1, tiểu đoàn dù 8, một bộ phận của tiểu đoàn dù 5, cùng với tiểu đoàn lẻ dương số 3 và xe tăng từ Hồng Cúm tới để tiến hành phân kích. Toàn bộ lực lượng pháo cũng như xe tăng của tập đoàn cứ điểm sẽ được huy động vào cuộc phân kích.

7 giờ 45 phút, tiểu đoàn lẻ dương số 3 với xe tăng dẫn đầu, từ Hồng Cúm tiến ra đường số 41 đi về phía Mường Thanh. Tới bản Long Nhai, cánh quân lọt vào trận ra của Trung đoàn 57, lập tức bị bao vây. Những tên lính lẻ dương liên tiếp gục ngã trước hỏa lực dày đặc của ta. Một xe tăng trúng đạn ĐKZ đã bốc cháy. Lực lượng cứu nguy lại trở thành một gánh nặng cho Mường Thanh. Gần trưa, toàn bộ pháo của tập đoàn cứ điểm phải mở đợt bắn chặn cho tiểu đoàn lẻ dương và xe tăng mở một đường máu quay trở lại Hồng Cúm, mang theo 15 xác chết và 50 binh lính bị thương.

Thời tiết tốt đã giúp không quân địch hoạt động trở lại. Những chiếc C-119 do phi công Mỹ lái, thả dù tiếp tế đạn dược, lương thực, những máy bay oanh tạc Bearcat, Helldiver lao xuống kết hợp với những trận địa pháo đánh phá dữ dội các điểm cao C1, D1, E và A1.

Đò Cát-xtơ-ri khẩn thiết yêu cầu Hà Nội tăng viện.

Sáng ngày 31, Na-va vội vã từ Sài Gòn bay ra Hà Nội. Cô-nhi không ra sân bay đón tổng chỉ huy và cũng không có mặt tại nhiệm sở. Toàn bộ những tiểu đoàn dù của Pháp đã được tập trung ở Hà Nội. Đó là tiểu đoàn 2 của trung đoàn dù tiêm kích số 1, tiểu đoàn lê dương dù số 2, tiểu đoàn dù thuộc địa số 1. Các viên phi công từ Điện Biên Phủ trở về đều báo cáo là mật độ pháo cao xạ của Việt Minh tại khu trung tâm đã trở nên dày đặc khiến nhiều máy bay bị bắn rơi trong những ngày qua, việc thả dù quân tăng viện lúc này là quá nguy hiểm. 7 giờ 45 phút, Cô-nhi mới tới gặp Na-va, và báo cáo tình hình Điện Biên Phủ đã nắm được từ lúc nửa đêm. Na-va nổi xung quở trách. Cô-nhi cãi lại không tiếc lời. Nhưng rồi hai người vẫn phải ngồi với nhau bàn cách giải quyết yêu cầu của Đò Cát-xtơ-ri. Hai viên đại tá Ni-cốt, chỉ huy không quân vận tải và Xô-va-nhắc, chỉ huy lực lượng dù tăng viện đều thấy không thể thả quân dù ban ngày xuống Mường Thanh.

Bi-gia, không còn gì để trông chờ, quyết định tập hợp toàn bộ lực lượng cơ động của Mường Thanh gồm các tiểu đoàn đã sứt mê để tiến hành phân kích. Tiểu đoàn dù xung kích 8 nhận nhiệm vụ chiếm lại Đô-mi-ních 2. Tiểu đoàn dù thuộc địa 6 cùng với một bộ phận của tiểu đoàn dù ngụy 5 được trao nhiệm vụ chiếm lại Ê-li-an 1.

Đơn vị dù xung kích 8 lợi dụng màn khói đại bác bò lên điểm cao D1. Lúc này hầu hết chiến sĩ cảnh giới đã từ thương khi địch bắn phá. Địch tới gần và nổ súng rồi ta

mới biết. Đồng chí Lê Xuân Quảng - Tiểu đoàn phó Tiểu đoàn 154, chỉ huy trận địa phòng ngự hy sinh. Sau 25 phút, địch chiếm lại gần hết đồi D1, dồn đại đội phòng ngự của ta vào một góc. Tình thế trở nên nguy ngập. Chiến sĩ Trần Ngọc Bội - Tổ trưởng Tổ ba người, thét to: "Thà chết không bỏ trận địa!". Những câu nói đúng lúc từ bản thân người lính tại trận địa thường đem lại sức mạnh. Các chiến sĩ vùng lên dùng lửa đạn, lưỡi lê đánh lui những đợt phản kích của địch. Tuy đường dây điện thoại đã đứt, nhưng đài quan sát trung đoàn phát hiện kịp thời sự có mặt của quân địch trên D1. Trung đoàn lập tức dùng pháo bắn chặn và điều lực lượng lên tăng viện. Hai đại đội của ta đã đảo lộn thế trận. Viên đại úy Pi-xơ-lanh, chỉ huy đại đội dù xung kích, ngã gục vì một tràng đạn tiểu liên. Trên cứ điểm D1 đã biến dạng vì bom đạn, ta và địch lao vào những trận đánh giáp lá cà. Thấy tình thế bất lợi, Tua-rê yêu cầu Bi-gia tiếp viện thêm lực lượng. Bi-gia đáp: "Tôi không còn gì trong tay. Nếu không giữ được nữa thì biến!". Sau 1 giờ chiến đấu, những tên địch sống sót tháo chạy về Mường Thanh. Bi-gia đã không chiếm lại được Đô-mi-ních 2 mà còn phải bỏ luôn cả Đô-mi-ních 6 (D3) do một đại đội Thái bảo vệ và rút trận địa pháo tại Đô-mi-ních 5 (210), vì biết những điểm cao này không thể đứng vững nếu đã mất Đô-mi-ních 2.

1 giò 30 phút chiều, Bi-gia trực tiếp chỉ huy hai tiểu đoàn dù 6 và 5 tiến lên C1. Đại đội 273 của Trung đoàn 102 đã có mặt trên điểm cao từ buổi sáng cùng với bộ phận còn lại của Đại đội 35 Trung đoàn 98 đánh lui nhiều đợt phần kích của địch từ C2 lên định đẩy quân ta ra khỏi đồi. Lần này quân địch đông lại có không quân, pháo binh yểm hộ và xe tăng mở đường. Mặc bom đạn giội quanh người, các chiến sĩ không hề nao núng, đợi những tên lính dù tới thật gần mới nổ súng đánh lui nhiều đợt tiến công. Hết lựu đạn, các chiến sĩ dùng bộc phá ống lắp thêm kíp nổ lao vào xe tăng và đội hình địch. Xạ thủ ĐKZ 57mm Vũ Văn Kiểm vác nòng súng trên vai di chuyển trong giao thông hào, bắn vào những vị trí tập trung đông quân địch. Nòng súng cháy bỏng, Kiểm cởi áo trấn thủ lót vai, tiếp tục bắn. Địch lại cho đại bác bắn dữ đội rồi dùng súng phun lửa và xung phong lên đồi. Lần này chúng chiếm được điểm cao Cột Cờ, đẩy những chiến sĩ phòng ngự vào thế bất lợi. Pháo ta không thể tiếp tục yểm hộ vì không phân biệt được vị trí của địch và ta. Các chiến sĩ đã lấy vải dù trắng buộc lên đầu súng làm chuẩn cho pháo binh. Trong lúc pháo ta nổ dồn dập, trung đoàn đưa một bộ phận tăng viện theo đường hào mới đào phía đồi D, cùng với những người phòng ngự đánh bật quân địch khỏi Cột Cờ, khỏi phục lại trận địa.

16 giò, Bi-gia buộc phải ra lệnh rút lui, để lại trận địa gần trăm xác chết. Trong ngày, bộ đội ta đã đánh lui bảy đợt phần kích của hai tiểu đoàn dù. Chiến sĩ ĐKZ Vũ Văn Kiểm được tặng thưởng Huân chương Chiến sĩ hạng Nhất.

Những cuộc phân kích của địch ngày 31 tháng 3 đã hoàn toàn thất bại. Mười giờ tối Lăng-gơ-le gọi điện thoại cho Bi-gia, hỏi có thể giữ được những gì còn lại của Ê-li-an trong đêm nay không? Bi-gia trả lời: "Thưa đại tá, chừng nào còn một người sống sót, tôi sẽ không bỏ Ê-li-an". Ê-li-an lúc này có nghĩa là A1. A1 đã trở thành "thành luỹ cuối cùng" (demier rempart) của tập đoàn cứ điểm!

Trong ngày đã có tin về các mũi thọc sâu. Phần lớn các đơn vị được trao nhiệm vụ đột phá vào bên trong khu đông đều gặp khó khăn. Các mũi không đủ bộc phá mở đường qua hàng trăm mét rào dây thép gai. Chúng ta lại phải trả giá cho công tác chuẩn bị thiếu cụ thể. Riêng một đại đội của Tiểu đoàn 11, Đại đội 243, do Đại đội trưởng Ngọa chỉ huy, đã gây cho địch một bất ngờ lớn. Từ đồi E tiến theo đường số 41, Đại đội 243 đánh xuyên qua tiểu đoàn dù số 5, rồi chia làm hai mũi, một mũi đánh vào khu trận địa pháo, gây cho chúng nhiều thiệt hại, một mũi đánh vào tiểu đoàn dù thuộc địa số 1. Mặc dù bị tổn thất, các dũng sĩ Đại đội 243 vẫn táo bạo phát triển ra tới bờ sông Nậm Rốm và gan góc trụ lại trong lòng địch, đường đầu với chúng suốt ngày hôm sau.

VỪa đêm về sáng ngày 31 tháng 3, ngay sau khi nhận lệnh, Trung đoàn 102 từ phía tây lập tức hành quân theo đường hào trục băng qua cánh đồng Mường Thanh sang phía đông. Riêng Đại đội 273 của Tiểu đoàn 54 được lệnh đi vượt lên trước đã có mặt kịp thời trên đồi C1.

Trưa ngày 31 tháng 3, Ban chỉ huy Trung đoàn 102 có mặt ở Sở chỉ huy Trung đoàn 174, nhận bàn giao về địa hình và tình hình chiến đấu tại A1. Tuy nhiên, vì phải vượt qua cánh đồng trống trải dưới sự ngăn chặn của đại bác và máy bay địch, đường hào trục hẹp lông bông bùn nước, vừa hành quân vừa phổ biến nhiệm vụ cho bộ đội, chiều ngày 31 tháng 3, mới có bốn đại đội của hai tiểu đoàn 54 và 18 kịp tới vị trí. Trung đoàn được tăng cường một đại đội gồm bốn trung đội của Trung đoàn 174 làm lực lượng dự bị. Trung đoàn 102 quyết định tiếp tục tiến công A1.

17 giờ 30 phút, các phân đội chiếm lĩnh trận địa.

18 giờ 15 phút, trong khi pháo binh ta kiêm chế pháo địch và bắn phá A1 các mũi xung kích lợi dụng của mở của Trung đoàn 174 đêm trước, nhanh chóng tiến đánh trận địa tiền duyên của địch. Sau 15 phút, cả hai mũi xung kích đã hoàn toàn làm chủ tầng phòng ngự phía dưới, diệt một số địch, bắt 15 tên. Địch co lên tầng trên. Các chiến sĩ tiếp tục xung phong về phía u đất khó hiểu trên đỉnh đồi. Địch bỗng biến mất và hàng rào lửa đại bác lại xuất hiện trước mặt họ. Các chiến sĩ dũng cảm vượt qua lưới lửa nhằm phát hiện cửa hầm ngầm. Họ chỉ tìm thấy một ngách phụ có quân địch, lập tức sử dụng bộc phá diệt được 20 tên, bắt bốn tên, thu một số

súng đạn. Sau đó, tình hình diễn ra giống đêm trước, bộ đội ta tổ chức bốn đợt xung phong đều không vượt khỏi tuyến hào ngang trước hầm ngầm.

5 giờ sáng ngày 1 tháng 4, hai xe tăng địch và quân tiếp viện xuất hiện. Lực lượng địch ở A1 lúc này gồm những tên lính Ma-rốc, dù lẻ dương sống sót sau đêm trước, những binh lính lẻ dương và binh lính Thái mới được tổ chức lại. Quân địch từ hầm ngầm cùng với quân tăng viện dựa vào xe tăng bắt đầu xông lên phân kích, toan đánh bật quân ta ra khỏi điểm cao. Ta dùng ba-dô-ca bắn cháy một chiếc xe tăng, bắn bị thương một chiếc khác, khiến nó phải chạy lùi. Cả pháo ta và pháo địch cùng tập trung bắn vào đồi để yểm hộ cho mỗi bên. Cuộc chiến đấu diễn ra cực kỳ ác liệt. Hầu hết u súng, các đường chiến hào đều bị đạn, bom nghiền nát. Riêng u đất đỏ vẫn sững sững trên đỉnh đồi.

Dự đoán trong ngày, địch sẽ phản kích lớn, Trung đoàn trưởng Hùng Sinh đề nghị với đại đoàn cho vào đồn trực tiếp chỉ huy đơn vị chiến đấu. Trong ngày 1 tháng 4 năm 1954, ba đợt phản kích của địch đều bị Trung đoàn 102 đẩy lui.

Hàng trăm quân địch bị loại khỏi vòng chiến. Đêm 1 tháng 4, Tiểu đoàn 79, Tiểu đoàn cuối cùng của Trung đoàn 102, đã có mặt trong đội hình trung đoàn. Trung đoàn tiếp tục tổ chức đợt tiến công thứ ba về phía hầm ngầm. Địch chống cự quyết liệt. Các mũi tiến công của ta đột kích rất mạnh vào khu hầm cố thủ, nhưng không sao tìm được cửa hầm. Trước hỏa lực đại bác rất mạnh của địch, ta lại phải rút về tuyến phòng ngự.

Ngày 2 tháng 4, những lực lượng tăng viện của địch từ Mường Thanh lên phối hợp với lực lượng cố thủ, ra sức mở nhiều đợt phản kích đẩy ta ra khỏi A1. Trên trận địa, ta chỉ còn lại hơn năm chục người. Dưới sự chỉ huy trực tiếp của trung đoàn trưởng, cán bộ, chiến sĩ chia thành nhiều tổ phụ trách từng đường hào. Những cán bộ như Phó Tiểu đoàn trưởng Ngô Thế Lương, Phó Tiểu đoàn trưởng Phạm Hưng, Phó Tiểu đoàn trưởng Lê Sơn và cả Trung đoàn trưởng Hùng Sinh, nhiều lần dùng tiểu liên, thủ pháo, bộc phá ống cùng bộ đội đánh địch phản kích như các chiến đấu viên.

Ở sở chỉ huy chiến dịch, theo dõi qua điện đài của địch, chúng tôi thấy quân địch ở A1 luôn luôn kêu cứu khẩn cấp với Mường Thanh và Mường Thanh đã phải rút quân từ những cứ điểm dồn lên cứu viện cho A1. Cán bộ, chiến sĩ ta ở A1 dường như đã làm hết sức mình. Suốt mấy đêm, bộ đội ta vẫn chưa giải quyết được cái ủ ở đỉnh đồi, khi anh em gọi là "lô cốt cố thủ", khi báo cáo là "hầm ngầm"...

Sang ngày thứ tư, mùng 2 tháng 4, anh Vương Thừa Vũ mất liên lạc với Trung đoàn trưởng Hùng Sinh, không nắm được tình hình bộ đội trong đồn ra sao. Quá

trưa, anh Vũ báo cáo, vừa bắt liên lạc được với một chiến sĩ giữ máy điện thanh còn ở trong đồn tiếp tục chiến đấu với địch; đơn vị đã ra lệnh cho đồng chí này đi tìm Trung đoàn trưởng. Buổi chiều, anh Thái sang vui vẻ nói đồng chí Hùng Sinh đã dùng máy điện thanh trực tiếp báo cáo về Bộ. Chính ủy Trung đoàn Lê Linh đã cùng một lực lượng tăng viện nhỏ mang theo lương thực vào đồn. Sau bốn ngày đêm chiến đấu liên tục, bộ đội đã có dấu hiệu mệt mỏi. Tuy nhiên, Hùng Sinh và Lê Linh vẫn xin tăng viện để tiếp tục tiêu diệt cứ điểm.

Các nơi đã hăng hái chiến đấu phối hợp kịp thời với đơn vị bạn trên đồi A1. Ở phía tây, đêm 31 tháng 3, Trung đoàn 36 được lệnh vây ép cứ điểm 106 (Huy-ghét 7), sau khi đào chiến hào tiếp cận hàng rào địch, đã tranh thủ thời cơ đột nhập vị trí, chuyển sang tiến công, chiếm gọn cứ điểm trong 30 phút, loại khỏi vòng chiến đấu một đại đội địch đóng tại đây đã kiệt sức, mở đầu chiến thuật "vây lấn". Trung đoàn 88 nhận nhiệm vụ tiến công tiêu diệt cứ điểm 311 (Huy-ghét F), nhận thấy hai đại đội Thái bảo vệ vị trí đang mất tinh thần vì cứ điểm 106 bị tiêu diệt, chuyển sang kêu gọi làm công tác địch vận. Ngày 2 tháng 4, phần lớn hai đại đội ngụy Thái kéo cờ trắng ra hàng, một số bỏ chạy về Mường Thanh. Ở phía bắc, chiều ngày 3 tháng 4, Trung đoàn 165 tiến công cứ điểm 105 nằm không xa cứ điểm 106 vừa bị tiêu diệt.

Cuộc chiến đấu kéo dài tới sáng, ta chiếm hai phần ba cứ điểm nhưng chỉ tiêu diệt được một bộ phận địch. Trời sáng, Đờ Cát-xtơ-ri tung một tiểu đoàn với năm xe tăng ra phản kích chiếm lại cứ điểm.

Qua báo cáo, tôi nhận thấy cán bộ chỉ huy của ta tại A1 không nắm vững địch, không nắm vững bộ đội, chắc chắn có khó khăn nào đó chưa thể giải quyết được ngay. Tôi nói với anh Thái ra lệnh cho Đại đoàn 308 trao lại nhiệm vụ phòng ngự trên đồi A1 cho Trung đoàn 174; Trung đoàn 174 cũng chỉ cần để lại một bộ phận nhỏ, cũng cố công sự thật vững chắc, bảo vệ phần đồn đã chiếm được, chuẩn bị cho cuộc tiến công sau này, đại bộ phận rút ra ngoài, tạm ngừng chiến đấu.

Tôi quyết định triệu tập Hội nghị sơ kết đợt 2 chiến dịch vào ngày 6 tháng 4 năm 1954 và chỉ định một số cán bộ trực tiếp chiến đấu trên đồi A1 về gấp sở chỉ huy mặt trận.

Sau năm ngày chiến đấu, ở phía đông, ta đã chiếm được bốn ngọn đồi hiểm yếu, làm chủ một phần điểm cao then chốt A1, địch đã phải kéo pháo chạy khỏi cứ điểm 210, ở phía tây, ta chiếm thêm được các cứ điểm 106, 311. Phạm vi chiếm đóng của địch thu hẹp khá nhiều, lực lượng của chúng cũng bị tổn thất lớn. Nhưng ta chưa hoàn thành tất cả những mục tiêu đề ra, đặc biệt là chưa chiếm được hoàn toàn A1. Đây lại chính là một mục tiêu trọng yếu của đợt tiến công này!

áng ngày 3 tháng 4, anh Thái gọi điện thoại báo tin các đồng chí Hùng Sinh, Nguyễn Hữu An cùng với ba cán bộ tiểu đoàn của Trung đoàn 102 và Trung đoàn 174 đã về sở chỉ huy mặt trận. Mọi người đều quá mệt mỏi sau nhiều đêm không ngủ, đồng chí Hùng Sinh muốn được báo cáo ngay. Tôi nói cần để anh em tắm rửa, ăn uống, nghỉ ngơi cho lại sức trước khi làm việc, riêng hai đồng chí trung đoàn trưởng sẽ gặp tôi và anh Thái vào buổi chiều.

Buổi chiều, tôi và anh Thái cùng nghe báo cáo. Hùng Sinh cao lớn bước vào với một chiếc băng trên trán và đôi mắt sâu trũng vì thiếu ngủ.

Tôi hỏi:

- Vết thương thế nào?
- Thưa, vết xước mảnh đạn thôi. Băng để tránh nhiễm trùng.

Tôi nói:

- Tin tức ở đây nắm được thì quân địch ở A1 tổn thất rất nhiều, có lúc bọn chỉ huy ở Mường Thanh tưởng là đã mất A1! Tại sao các đồng chí đánh mãi vẫn không giải quyết được?
- Báo cáo anh, chúng tôi rất cố gắng nhưng vướng phải cái hầm ngầm trên đỉnh đồi! Anh em đã đặt vào đó 80 ki-lô-gam bộc phá giật nổ, nhưng nó vẫn trơ trơ.
- Sao không tìm cửa hầm mà đánh vào?
- Chúng tôi đã tìm nhiều lần, nhưng không thấy cửa hầm. Chắc cửa hầm nằm ở phía trong, anh em không vào được vì pháo bắn chặn, chúng bắn cả trên nóc hầm.

Tôi hỏi cả Hùng Sinh và Nguyễn Hữu An:

- Theo các đồng chí, giờ phải đánh tiếp cách nào thì giải quyết được A1?

Nguyễn Hữu An nói:

- Phải huấn luyện và tổ chức một đội đánh hầm ngầm, do một cán bộ có quyết tâm cao chỉ huy, mang nhiều bộc phá đánh vào cửa hầm.

Hùng Sinh cân nhắc rồi nói thêm là suốt quá trình chiến đấu, bộ đội ta hầu như không lúc nào có ưu thế hơn địch. Địch tăng viện nhanh hơn ta. Ngoài pháo bắn chặn, chúng còn có cả xe tăng.

- Như vậy, vấn đề còn ở chỗ ta không chặn được quân viên từ Mường Thanh lên?
- Thưa đúng. Mình bố trí binh lực để tiêu diệt quân địch ở A1, nhưng trong thực tế, phải đánh với toàn bộ quân viện ở khu trung tâm!
- Địch có khả năng đánh bật ta ra khỏi A1 không?
- Nếu ta tổ chức phòng ngự tốt thì địch không thể đánh bật được ta. Mấy ngày vừa qua, giữa ban ngày, có lúc chúng tôi chỉ còn hơn chục người, giữ cả một hướng phân kích, nhưng địch không vượt được qua.

Cả hai đồng chí trung đoàn trưởng đều hăng hái đề nghị cho đơn vị mình được tiếp tục tiêu diệt A1.

Tôi nói với anh Thái, cần trao nhiệm vụ cho các cơ quan nhanh chóng thu thập toàn bộ ý kiến về trận A1 của cán bộ về dự hội nghị, tìm gặp ở địa phương những người biết về cái hầm đã được xây dựng từ thời Pháp thuộc trên quá đổi này và chuẩn bị một kế hoạch tiêu diệt A1 thật chu đáo, vì chỉ có tiêu diệt được vị trí này mới có khả năng kết thúc sớm trận đánh.

Buổi tối, căn lán nhỏ rực rỡ hơn lên dưới ánh đèn măng xông. Toàn bộ Đảng ủy mặt trận có mặt để chào mừng những chiến sĩ A1. Văn phòng tổ chức bữa cơm với một số đồ hộp chiến lợi phẩm các đơn vị vừa gửi tặng. Mấy đồng chí cán bộ đều bố ngỡ trước quang cảnh này, vì họ tưởng bị Bộ chỉ huy chiến dịch gọi lên để thi hành kỷ luật do không hoàn thành nhiệm vụ!

Sau này, qua những tài liệu của phương Tây, chúng ta biết nửa đêm 30 tháng 8, tại A1 chỉ còn một nhúm lính Bắc Phi và lính dù, chúng đều nghĩ là

sắp bị tiêu diệt. Chúng không tin ở mắt mình khi thấy bộ đội ta tạm ngừng tiến công, rút từ trong đồn ra ngoài. Lăng-go-le, chỉ huy khu trung tâm, đã viết trong hồi ký: "Nếu Điện Biên Phủ đã không bị mất đêm đó là do kẻ thù bị bất ngờ vì giành được những mục tiêu chỉ định quá nhanh chóng nên không đủ khả năng khai thác những thắng lợi ban đầu"1.

Nguyên nhân không tiêu diệt được A1 chủ yếu là do Trung đoàn 174 nổ súng chậm nửa giờ, khi pháo địch đã hoàn hỗn tập trung bắn vào của đột phá tiêu hao nhiều lực lượng ta trước khi lọt vào đồn. Chiếc "hầm ngầm" ở A1, như sau này chúng ta biết, không quá khó đối với Nguyễn Hữu An, người đã từng tiêu diệt cứ điểm boong-ke của Đờ Lát đờ Tát-xi-nhi ở đồng bằng. Trong Hội nghị tổng kết đợt 2, Nguyễn Hữu An đã bị phê bình nghiêm khắc vì mổ cửa đột phá chậm. Đây là thất bại đầu tiên trong những trận đánh công kiên của anh. Nhiều năm sau đó, một lần

tôi vào thăm Sư đoàn 325 ở Đồng Hới, Nguyễn Hữu An lúc này là Sư đoàn trưởng, mới nói:

- Ngày đó anh phê bình oan tôi, vì người chịu trách nhiệm ra lệnh nổ súng là đại đoàn. Khi thấy pháo bắn, tôi gọi điện thoại hỏi đại đoàn thì điện thoại bị đứt, liên lạc bằng vô tuyến điện cũng không được, tôi phải chạy tới sổ chỉ huy tiền phương hỏi tham mưu trưởng, tham mưu trưởng không biết vì ở đây cũng mất liên lạc với sổ chỉ huy cơ bản. Mặc dù không có lệnh của đại đoàn, tôi đã chủ động ra lệnh cho anh em bắt đầu tiến công địch.
- Sao ngày đó cậu không nói ngay?
- Giữa lúc đơn vị chưa hoàn thành nhiệm vụ, nói ra tôi ngại mọi người hiểu: Đã đánh không được lại còn "lý do lý trấu"!

Nhân kỷ niệm ba mươi năm Chiến thắng Điện Biên Phủ gặp lại Nguyễn Hữu An ở Viện Bảo tàng Quân đội (nay là Bảo tàng Lịch sử quân sự Việt Nam), tôi bắt tay anh, nói:

- Mình công nhận hồi ở Điện Biên Phủ cậu bị phê bình oan!
- Tôi cảm ơn anh đã thông cảm. Việc đó đối với tôi đã qua rồi, nhưng được anh nghĩ tới và cư xử công bằng như vậy tôi hết sức trân trọng.

Đó là những điều thường gặp trong chiến tranh. Nếu có kinh nghiệm, ta có thể khắc phục được. Nhưng chúng ta chỉ là một quân đội non trẻ đang phải làm một công việc vượt quá sức mình.

Trận đánh những điểm cao phía đông là những ngày căng thẳng khó quên trong chiến dịch. Tôi không khỏi tự hỏi: Nếu như trước đây ta đã chọn cách đánh nhanh, giải quyết nhanh? Và khi đó cũng chưa nghĩ đợt tiến công thứ hai đang đưa chúng ta tới gần chiến thắng.

Chuông mười một SIẾT VÒNG VÂY LỬA

r đâu chiến dịch, ta đã nhận định một nhược điểm lớn không thể khắc phục của địch là tập đoàn cứ điểm nằm giữa hậu phương ta, cách xa các căn cứ, mọi sự tăng viện và tiếp tế đều trông chờ vào đường không. Chỉ cần triệt con đường này, quân địch sẽ mất sức chiến đấu. Với việc xây dựng trận địa bao vây thành công, chiến thắng của ta chỉ còn là vấn đề thời gian. Chiến thắng sẽ tới sớm hơn nếu ta nhanh chóng tiêu diệt được những trung tâm đề kháng then chốt.

Kiểm điểm đợt chiến đấu vừa qua, ta đã thấy những thiếu sót dẫn tới không hoàn thành tất cả những nhiệm vụ đề ra. Khi điều tra A1, ta không phát hiện ở đây có một hầm ngầm kiên cố, nên không dự kiến cách giải quyết. Cũng do thiếu chuẩn bị đầy đủ phương tiện phá công sự phụ, phần lớn các mũi thọc sâu đều không lọt vào tung thâm. Việc kiểm chế pháo ở Hồng Cúm chưa tốt, nên địch đã chỉ viện pháo hiệu quả cho A1. Cũng phải nói đây là lần đầu các đại đoàn của ta đánh hiệp đồng công kiên quy mô lớn, nên đã bộc lộ một số nhược điểm. Bộ đội ta, mặc dù chiến đấu cực kỳ dũng cảm, nhưng chưa có nhiều kinh nghiệm đánh địch trong công sự vững chắc, đặc biệt là giải quyết hầm ngầm. Thực ra, nếu công tác điều tra, chuẩn bị tiến hành chu đáo, thì không phải ta không đủ khả năng chiếm toàn bộ những điểm cao khu đông.

Kết quả ở khu đông sẽ khác, nếu đêm hôm đó ta chiếm được A1 - "chiếc chìa khóa" của tập đoàn cứ điểm. Nhưng không có từ "nếu" khi trận đánh đã kết thúc.

Tuy nhiên, "con nhím" Điện Biên Phủ đã nhận một đòn tử thương. "Chỉ trong sáu ngày từ ngày 28 tháng 3 đến ngày 2 tháng 4, quân Pháp đã mất 2.098 người. Phân khu Hồng Cúm tuy chưa trực tiếp bị tiến công, từ hai ngàn quân cũng chỉ còn khoảng 1.600 quân. Quân đốn trú ở phân khu trung

tâm bị rút lại còn năm tiểu đoàn dù, không tiểu đoàn nào vượt quá 300 người, hai tiểu đoàn lê dương 600 người và số còn lại gồm những đơn vị người Thái và Bắc Phi. Tổng cộng khoảng 4.300 lính chiến đấu. Cuộc chiến đấu ngốn những kíp xe tăng, pháo thủ, quan trắc và vô tuyến điện với nhịp độ không thể tưởng tượng. Đến ngày 6 tháng 4, dự trữ đạn dược pháo binh chỉ còn 418 viên cho loại pháo 155mm, 616 viên 105mm và 1.422 viên đạn cối 120mm, có nghĩa là gần với số đạn tập đoàn cứ điểm bắn trong một đêm chiến đấu. Không còn cả mìn cho những điểm tựa phía trong mới lập thêm..."1.

Bộ chỉ huy quân Pháp đã nhận thấy không những không thể thả dù tiếp viện ban ngày mà ngay ban đêm cũng không thể thả ngay cùng lúc cả một tiểu đoàn. Họ buộc phải chọn "phương án khả thi duy nhất" do Xô-va-nhắc để ra, là thả dù người ban đêm bằng từng máy bay với khoảng cách về thời gian khác nhau. Phải mất ba đêm, tiểu đoàn 2 của trung đoàn dù tiêm kích số 1 mới tới hết Điện Biên Phủ.

Tính từ lúc bắt đầu chiến dịch, ta đã tiêu diệt khoảng 5.000 quân địch, một lực lượng tương đương sáu tiểu đoàn, trong đó có ba tiểu đoàn bị tiêu diệt gọn. Do được tăng viện, tập đoàn cứ điểm vẫn còn khoảng một vạn quân, tuy không phải tất cả đều là lực lượng trực tiếp chiến đấu. Về địa hình có lợi, chúng ta đã không chế các điểm cao ở phía bắc, phần lớn những điểm cao quan trọng ở phía đông phân khu trung tâm. Trận địa tiến công và bao vây của ta đã tới gần sân bay, vòng vây

thắt chặt thêm. Phạm vi đóng quân cũng như vùng trời của địch bị thu hẹp nhiều. Phân khu nam Hồng Cúm đã bị cắt hoàn toàn khỏi khu trung tâm.

Tuy nhiên, số quân địch ở tập đoàn cứ điểm vẫn là quá lớn đối với ta và chúng còn khả năng tăng viện. Những máy bay và phi công Mỹ mặc thường phục, đã trở thành lực lượng chính vận chuyển tiếp tế cho binh đoàn tác chiến Tây Bắc.

Về phía ta, cũng gặp không ít khó khăn. Phải nhanh chóng bổ sung quân số, đạn dược hao hụt khá nhiều qua đợt chiến đấu vừa rồi. Lương thực cho bộ đội mỗi ngày càng ngặt nghèo, vì mùa mưa tới sớm và địch tăng cường đánh phá các tuyến đường dẫn tới mặt trận. Phải tiếp tục đánh địch bằng cách nào với những chiến sĩ đã qua năm tháng trời liên tục hành quân, lao động và chiến đấu, với những đơn vị sẽ có thêm nhiều người lính mới chưa qua chiến đấu, để vừa khoét sâu hơn nữa chỗ yếu của địch, vừa hạn chế những thương vong của ta, tạo điều kiện chuyển sang tổng công kích kết liễu số phận con nhím Điện Biên Phủ.

Vấn đề đặt ra là: Chúng ta sẽ tiếp tục làm gì?

Quyết tâm của ta là tiêu diệt bằng được tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, dù cuộc chiến đấu phải kéo dài. Đương nhiên, cách tốt nhất là tìm ra phương án tác chiến tối ưu, với sự cố gắng cao nhất về mọi mặt, tiêu diệt tập đoàn cứ điểm càng sớm, càng đúng lúc càng tốt. Một chiến thắng như vậy sẽ phối hợp tốt với đấu tranh ngoại giao của ta ở Gio-ne-vơ, tránh được khó khăn vì những trận mưa lũ mùa hè, lại làm thất bại mọi mưu đồ nham hiểm mới của Pháp và Mỹ.

Trong Hội nghị sơ kết đợt tiến công vào khu đông, Đảng ủy mặt trận quyết định tiếp tục những nhiệm vụ đã đề ra cho đợt 2 chiến dịch. Đó vẫn là hoàn thành việc đánh chiếm các điểm cao phòng ngự phía đông, thắt chặt trận địa tiến công và bao vây, đánh chiếm sân bay trung tâm tiến tới triệt hẳn đường tiếp tế và tiếp viện của địch, tích cực tiêu diệt và tiêu hao sinh lực địch, thu hẹp phạm vi chiếm đóng, tạo điều kiện chuyển sang tổng công kích, tiêu diệt toàn bộ quân địch.

Con đường chắc chắn dẫn tới chiến thắng là nhanh chóng siết chặt vòng vây lửa, đưa trận địa chiến hào vào sát khu trung tâm tập đoàn cứ điểm.

Siết vòng vây sẽ hạn chế được uy lực không quân, pháo binh địch, giảm nhẹ thương vong của bộ đội. Từ đầu chiến dịch, hỏa lực nhẹ của bộ binh ta chiếm ưu thế về số lượng chưa thể phát huy hết hiệu lực do khoảng cách giữa ta và địch còn xa. Siết chặt vòng vây sẽ cho phép ta tiêu diệt và tiêu hao quân địch bằng mọi vũ khí của bộ binh, kể cả súng trưởng và lựu đạn, tạo nên một hỏa lực áp đảo.

Siết chặt vòng vây sẽ tạo điều kiện cho bộ đội ta phá hủy từng ụ để kháng, dỡ bỏ hàng rào dây thép gai, đưa chiến hào vào sâu trong cứ điểm địch, bất thần tiêu diệt quân địch khiến chúng không kịp trở tay như tại vị trí 106. Đây cũng là cách thu hẹp phạm vi chiếm đóng của địch, ít tổn thất về xương máu.

Siết chặt vòng vây sẽ giúp ta tranh đoạt tiếp tế của địch, giành lấy lương thực, nhất là đạn dược mà ta đang cần. Siết chặt vòng vây cũng chính là quá trình thu hẹp không phận, tiến tới triệt hẳn nguồn tiếp tế và tăng viện của địch.

Tại phân khu trung tâm Mường Thanh, nếu không kể Ê-péc-vi-ê là sở chỉ huy của Đò Cát, địch chỉ còn lại bốn trung tâm để kháng. Ở phía đông là Ê-li-an. Số phận của trung tâm này sẽ được quyết định khi ta tiêu diệt xong điểm cao A1. Phía tây bắc là Huy-ghét. Huy-ghét, còn sáu cứ điểm, có nhiệm vụ bảo vệ sân bay và mặt tây bắc phân khu trung tâm. Phía tây nam là Clô-đin và Giuy-nông, ở liền kề với sở chỉ huy, có nhiệm vụ bảo vệ mặt

tây nam của nó. Clô-đin gồm năm cứ điểm (về cuối chiến dịch, địch chia Clô-đin thành hai: Clô-đin và Li-li). Giuy-nông có ba cứ điểm.

Nhiệm vụ trước mắt là phải cắt đứt ngay sân bay Mường Thanh. Tuy không còn máy bay hạ cánh, nhưng sân bay đã trở thành một địa điểm thả dù có bảo vệ, tiếp nhận hằng ngày phần lớn đổ tiếp tế và quân tăng viện. Chiếm được sân bay cũng có nghĩa là ta đã cắt đứt dạ dày con nhím Điện Biên Phủ. Trung tâm để kháng Huy-ghét bảo vệ sân bay còn sáu cứ điểm chạy dài từ bắc xuống nam, dọc con đường từ Lai Châu về, song song với đường băng, là các cứ điểm: H6, ở đầu bắc sân bay, H1 ở giữa, H2 và H9 ở nam sân bay. Riêng H5 và H4 cũng ở nam sân bay nhưng nằm đột xuất về phía tây. Trung tâm để kháng này đã bị mất hai cứ điểm trong đợt tiến công thứ hai.

Các đơn vị được trao nhiệm vụ cụ thể như sau:

Đại đoàn 308: Làm trận địa tiến công và chuẩn bị công kích cứ điểm 206 và các cứ điểm 311A, 311B (thuộc trung tâm để kháng Clô-đin), đưa trận địa tiếp cận sở chỉ huy của Đờ Cát. Làm trận địa chia cắt các cứ điểm 105, 206, 208 (Huy-ghét 2). Phối hợp với Đại đoàn 312 làm giao thông hào cắt ngang sân bay phía nam cứ điểm 206. Đánh địch phân kích để giữ vững trận địa và đánh quân dù trong phạm vi đại đoàn phụ trách.

Đại đoàn 312: Củng cố trận địa phòng ngự ở các đồi E và D, chuẩn bị tiếp tục tiêu diệt cứ điểm 105 ở bắc sân bay, các vị trí 203, 204 và khu tiểu đoàn ngụy Thái số 2, phối hợp với Đại đoàn 308 đào giao thông hào cắt ngang sân bay Mường Thanh.

Đại đoàn 316: Làm trận địa tiến công A1, C2 ở phía đông. Củng cố trận địa phòng ngự ở C1. Chuẩn bị tiến công tiêu diệt A1 và C2.

Trung đoàn 57 (Đại đoàn 304): Củng cố trận địa bao vây Hồng Cúm và trận địa tiến công Hồng Cúm. Kiểm chế pháo binh dịch ở Hồng Cúm.

Đại đoàn 351: Củng cố các trận địa trú quân và trận địa hóa lục, làm thêm một trận địa mới cho đại đội trọng pháo ở tây bắc Mường Thanh.

Toàn bộ các đơn vị tích cực đẩy mạnh những hoạt động nhỏ, dùng mọi loại vũ khí của bộ binh bất kể ngày đêm tập kích, bắn tỉa sát thương quân dịch, bắn máy bay, đoạt dù tiếp tế, làm cho dịch không có lương ăn, nước uống, không còn đạn dược.

Các đơn vị đều phải củng cố trận địa nơi trú quân, trận địa tiến công, và tranh thủ củng cố đơn vị, bồi dưỡng sức khỏe cho bộ đội, học tập, rút kinh nghiệm đợt chiến đấu vừa qua để chuẩn bị cho trận tiến công quyết định sắp tới.

Ngày 8 tháng 4 năm 1954, sau khi được nghe phổ biến chủ trương tác chiến mới, có cán bộ nói: "Cấp trên đã bốc đúng thuốc". Mọi người đều nhận thấy những nhiệm vụ Bộ chỉ huy chiến dịch trao cho đơn vị lần này, sẽ không có điều gì mà bộ đội không làm được.

Tôi gửi "Thư kêu gọi các chiến sĩ Điện Biên Phủ đẩy mạnh cuộc thi đua đánh tỉa quân địch". Trong thư viết:

"Khu trung tâm của địch hiện đã ở vào tâm hoạt động của các cỡ hỏa lực của ta. Để làm cho địch càng ngày càng bị tiêu hao mệt mỏi, tinh thần sút kém, thương vong chồng chất, để làm cho địch luôn luôn lo sợ và căng thẳng, ăn không ngon, ngủ không yên, bất cứ lúc nào cũng có thể bị bắn chết, để tạo điều kiện cho quân ta giành được những thắng lợi lớn hơn, tiến tới tiêu diệt toàn bộ quân địch ở Điện Biên Phủ.

Tôi kêu gọi:

Toàn thể các chiến sĩ bắn súng trường, các chiến sĩ bắn súng máy, các chiến sĩ bắn súng côi, các chiến sĩ pháo binh,

Hãy phát huy cao độ tinh thần tích cực diệt địch, nỗ lực thi đua đánh tỉa quân địch ở Điện Biên Phủ.

Một viên đạn, một tên địch!..."

Ủ có mặt của bộ đội ta trên một số quả đồi phía đông đe dọa những vị trí của phân khu trung tâm hai bên bò sông Nậm Rốm.

Địch biết sớm muộn sẽ xuất hiện những trận địa pháo trên các điểm cao Đô-mi-ních. Nhưng điểm nóng lúc này là Ê-li-an. Tại đây bộ đội ta đã làm chủ C1 và một phần A1. Hai điểm cao nằm kề nhau. Nhưng ở A1, bộ đội ta chỉ mới chiếm một phần đổi thấp phía ngoài. Trước mắt, những người lính của Trung đoàn 98 trên đổi C1 đẩy khu đông vào tình thế rất nguy hiểm. Điểm cao này trực tiếp uy hiếp đổi C2 ở phía trong, thấp hơn nó và A3 (Ê-li-an 3) nằm bên bờ sông, là nơi tập trung lực lượng phản kích. Bình lính địch rời khỏi công sự lập tức trở thành mục tiêu của những tay súng thiện xạ. Súng phóng lựu đạn đặt trên đổi đe dọa cả binh lính đi lại trong chiến hào.

Rút kinh nghiệm cách đánh của ta, Bi-gia ra lệnh đào một đường hào từ C2 lên C1 chuẩn bị một đòn phân kích có tính quyết định.

Đêm 9 tháng 4, Hà Nội tăng viện cho Mường Thanh tiểu đoàn lẻ dương dù số 2 (2è BEP). Vì trời mưa; tiểu đoàn này mới tới được hai đại đội và một bộ phận cơ quan chỉ huy.

5 giò 50 phút ngày 10, Bi-gia ngôi trong hâm trú án ở Ê-li-an 4 với sáu chiếc điện đài quanh người, ra lệnh tiến công. Toàn bộ hai mươi khẩu pháo 105mm còn lại ở Mường Thanh và Hồng Cúm tập trung bắn 1.800 quả đạn vào C1. Máy bay bổ nhào ném bom. Dứt đợt hỏa pháo chuẩn bị, bốn xe tăng tiến lên Ê-li-an 4 chĩa nòng đại bác trút đạn lên đỉnh đồi phối hợp với hai cổ trọng liên bốn nòng đặt tại Ê-péc-vi-ê. Cùng lúc, gần hai chục khẩu đại liên và trung liên của địch từ A1 cũng nhắm vào tất cả những mục tiêu di động trên đồi C1 nhả đạn. Đại bác địch chuyển làn dọn đường cho các đơn vị dù tiến lên. Máy bay bắn chặn những con đường tiếp viện của bộ đội ta. Bi-gia chủ trương dùng sức mạnh hỏa lực tối đa để tiết kiệm sinh mạng số lính dù không còn nhiều.

Trên dôi C1 ta dã có chuân bj. Dêm hôm trước công binh dã chuyên gô ra dê cüng o' cong su. Môt dại dôi cüa Tieâu doàn 439, do Tieâu doàn trudng Hoàng Vutng trüc tiep chi huy, dã san sang dón dôi quân dich. Dai bác cüa ta lap tüc dap xuong nhüng trän dja pháo cüa dich ô Muong Thanh và bán vào bon linh dü dang tie'n len dôi. Dai dôi dü di dâu, do To-rap chi huy, phai dan mình xuong suön dôi phía tây. Dai dôi thü hai cüa Lo-pa-gi6 mang theo sung phun lüa và môt phân dôi sung máy liêu chet vut't qua hôa lüc bán chän cô xông len dôi. Phân dôi sung máy bj tiêu diet. Vien trung úy Côm-ba-nây-ro bj thutng nang. Sung phun lüa cüa dich trum len lô cô't Côt Cô. Bô dôi ta phái lüi xuong giü nüa dôi phía dông. Quân dich rut't theo dinh dây ta khôi C1. Giüa lúc dô, hai trung dôi tang viên cüa trung doàn vut't qua

bom dan cüa dich vüa tôi noi. Toàn bô các chién si nem môt loat luu dan rôi nhát tê xông len vói nhüng khâu sung cam ludi le nhon hoát. Trü'óc khí the dung manh cüa quân ta, dich lui vê phía Côt Cô. 14 giô, Bi-gia phái dieu hai dại dôi cüa tieu doàn dü le dutng so 2 môi tói Muong Thanh dem trü'óc len C1 thay the cho lüc lutng tie'n cong dã bj tôn thát gàn môt nüa.

18 giò 45 phút, nhüng đơn vị dù số 2 đang cüng cố lại nhüng hầm hào võ nát vì nhüng trận đánh ban ngày, thì một cơn bão đạn đại bác và đạn súng cối trùm xuống trận địa. Sau đợt hỏa pháo của chiến dịch, Tiểu đoàn 439 và một tiểu đoàn của Đại đoàn 312 vừa tăng cường chia làm hai cánh xung phong lên chiếm lại Cột Cờ và nhüng lô cốt phía tây. Nhüng tên lính dù bắn hết đạn không ngăn được nhüng đợt xung phong của ta. Viên đại úy Sác-lơ chết tại trận. Viên đại úy Mi-nô bị thương nặng. Cả hai đại đội dù không còn

người chỉ huy tan ra thành những nhóm nhỏ chống cự một cách tuyệt vọng. 21 giờ, Bi-gia vội vét toàn bộ lực lượng dù dự bị tiến lên cứu nguy. Quân ta và quân địch lao vào những trận đánh giáp lá cà quyết liệt. 2 giờ sáng ngày 11, mỏm cao Cột Cờ không còn đường hào, công sự nào nguyên vẹn. Bộ đội ta phải lui về tuyến cũ tổ chức phòng ngự.

Nếu sự có mặt của bộ đội ta trên đôi C1 là không thể chấp nhận đối với quân địch thì ta cüng cần duy trì điểm cao này để làm một bàn đạp cho đợt tiến công cuối cùng. Ngày 11 chỉ diễn ra những cuộc chiến đấu lê tế. Cả quân địch và quân ta đều phải dồn mọi nỗ lực vào việc cüng cố chỗ đứng chân trên trái đổi bom đạn đã hủy diệt toàn bộ các công sự chiến đấu cüng như chỗ ẩn náu. Địch phải đưa đại đội thứ ba của tiểu đoàn dù lê dương 2 vừa chân ướt chân ráo tới Mường Thanh, thay thế cho lực lượng chiến đấu suốt đêm qua đã quá rệu rã.

Trung đoàn 98 làm nhiệm vụ phòng ngự tại C1 cüng được tăng cường Tiểu đoàn 888 của Trung đoàn 176. Tiểu đoàn này trước đó chuyên làm nhiệm vụ tiểu phỉ. Nhưng họ cüng đã có lần gây khó khăn cho những tiểu đoàn dù trên đỉnh Pu San hồi đầu chiến dịch.

Chiều ngày 11 tháng 4, Đại đội 811 của Tiểu đoàn 888, do Đại đội trưởng Lê Văn Dụ chỉ huy, được đưa ra phòng ngự tại C1 thay cho các đơn vị đã chiến đấu suốt hai ngày rút về phía sau. Những người mới tới kinh hoàng vì mùi hôi thối của những thi thể bắt đầu phân hủy, những đám ruồi nhặng đen đặc. Những xác chết này hoặc khô đen, hoặc rữa nát, nhưng lại có những bộ quần áo rất bền chắc, những chiếc áo giáp chống đạn, mà họ không còn cách nào hơn là chuyển đi chỗ khác. Những chiếc khẩu trang bịt chặt không thể ngăn chặn mùi ô nhiễm ngấm vào đất,

đã bám vào áo quần và thân thể họ. Họ phải xây dựng những đường hào, ụ súng, hầm ngủ rồi lấy dây thép gai và mìn của địch để xác định ranh giới giữa ta và địch.

Trận đánh ngày 10 và ngày 11 tháng 4 là cuộc phân kích lớn cuối cùng của Bi-gia lên những trái đồi phía đông. Dịch buộc phải luân phiên đưa từng đại đội lên phòng ngự ở phần đồi phía trong. Ta và dịch đã quá hiểu nhau, chấp nhận tạm thời giữ nguyên trạng. Thỉnh thoảng có những trái lựu đạn, những loạt liên thanh qua lại, những luồng súng phun lửa, những cuộc đột kích chớp nhoáng.

Trung đoàn trưởng Vũ Lăng lên thăm trận địa ngạc nhiên khi thấy trên trái đồi đã bị bom đạn làm biến dạng, cách địch vài chục mét, các chiến sĩ ta vẫn có một cuộc sống đàng hoàng trong những căn hầm lót vải dù, đọc sách, đánh tú-lơ-khơ, chỉ riêng mùi ô nhiễm thì không có cách nào khắc phục.

Đại đội 811 đã phòng ngự tại C1 hai mươi ngày liền, cho tới lúc ta hoàn toàn tiêu diệt cứ điểm này vào cuối tháng 4.

Trên đổi A1, cũng diễn ra tình hình tương tự.

Ngày 2 tháng 4, Trung đoàn 102 rút, trao lại trận địa cho Trung đoàn 174.

A1 có một sườn đồi nhiều cây cối chạy thoai thoải về phía đông mà những sĩ quan Pháp thường gọi là Săng Ê-ly-dê1. Dải đất này nằm dưới sự khống chế của hai quả đồi cao hơn ở bên cạnh. Về phía nam, là Đồi Cháy2. Về phía đông, là đồi F3. Ngay từ khi mới chiếm đóng ở A1, quân Pháp đã thấy dải đất là một nguy cơ nằm cạnh nách. Nhưng chúng biết không thể đưa quân đóng giữ khu vực này nếu không chiếm những trái đồi cao hơn ở chung quanh, một việc làm quá sức của chúng. Đến ngày cuộc chiến ở A1 tạm ngừng, dịch chiếm hai phần ba đồi, một phần ba đồi do ta chiếm nằm trên dải đất này.

Tiểu đoàn 255 của Trung đoàn 174 đã có mặt trong trận đánh đêm 30 tháng 3, được trao nhiệm vụ giữ vững trận địa trên đồi A1. Tiểu đoàn trưởng Đôn Tự đã hiểu kẻ địch ở đây, nhận thấy chỉ có thể bảo vệ phần đất còn lại trên đồi bằng một tổ chức phòng ngự liên hoàn giữa trận địa của ta tại A1 và hai trái đồi ở gần kề với nó. Ta có thể bố trí một đại đội trợ chiến tăng cường trên Đồi Cháy trực tiếp uy hiếp đỉnh đồi A1 và xây dựng trận địa vững chắc trên đồi F tạo thành lưới lửa hỏa lực thật mạnh hỗ trợ cho những chiến sĩ trực tiếp phòng ngự tại A1 khi bị địch tiến công.

Đêm đầu, ngay sau khi bộ đội bạn rút ra, tiểu đoàn cho hai tiểu đội nhanh chóng cắm hai cái chốt tại trận địa làm nơi đứng chân. Đồng thời, hỏa lực của ta được bố trí trên Đồi Cháy và đồi F, sẵn sàng bảo vệ cho phân đội ở tại trận địa. Quả nhiên

ngày hôm sau, một lực lượng quân địch tiến xuống canh đẩy các chiến sĩ ta ra khỏi đồi. Những luồng đạn liên thanh bắn chéo cánh sẻ từ Đồi Cháy, đồi F kết hợp với đạn súng cối, và mưa lựu đạn của các chiến sĩ bám trụ đã bẻ gãy những đợt xung phong của địch.

Những ngày tiếp theo, phân đội phòng ngự nhanh chóng cũng cố trận địa phòng ngự trên đồi. Các đường hào khá sâu đã bị đạn pháo san lấp. Đất đồi A1 rắn như đá non. Đào đường hào mới sẽ tốn nhiều thời gian. Có thể cải tạo lại một số đường hào cũ của địch, nhưng tất cả đều chất đầy từ thi. Bộ đội ta vẫn phải làm công việc họ sợ nhất là tận dụng một số đường hào cũ. Sau đó, ta đào thêm những tuyến hào mới, tổ chức những ụ để kháng, hầm trú ẩn, hầm chứa đạn có nắp chịu đựng được pháo 105mm. Hầm chỉ huy của tiểu đoàn đào gần xong, thì phát hiện trong lòng đất cạnh cửa hầm có xác

một tên lính Pháp. Nếu chuyển nó đi nơi khác thì cửa hầm trở nên quá rộng. Người ta quyết định để nó tại chỗ.

Đình Đồi Cháy là mục tiêu của pháo ở Hồng Cúm và máy bay oanh tạc. Có lần bom rơi xuống sườn đồi, đánh sập hầm nơi Chi ủy Đại đội 174 đang họp. Đúng lúc đó, Đại đoàn trưởng Lê Quảng Ba đi kiểm tra đơn vị vừa tới chân đồi bị đất cát phủ đầy người. Trận địa của ta trên đồi F, thấp hơn A1 và C1, thường xuyên phải chịu đựng hỏa lực bắn thẳng, được bộ đội gọi là "tử địa".

Đặc biệt ở A1, giữa trận địa ta và địch hoàn toàn không có vật cản. Chỉ cần vài chục giây là quân địch có thể nhảy vào chiến hào. Sự canh phòng được tổ chức hết sức cần mật. Phải tổ chức hỏa lực tầm gần, tầm xa đan chéo nhau. Người trực các khẩu đội phải có tinh thần sẵn sàng chiến đấu rất cao. Thông tin giữa những đài quan sát và các trận địa hỏa lực lúc nào cũng thông suốt. Trong ba lần địch tiến công sang, hai lần chúng thất bại vì hỏa lực của ta bắn chặn kịp thời kết hợp với mưa lựu đạn của các chiến sĩ phòng thủ. Một lần, quân địch bất thần lọt được vào chiến hào của ta, nhưng sau đó vẫn bị đánh lui. Mỗi ngày các chiến sĩ bắn tỉa lại hạ thêm một vài tên địch.

Địch biết lực lượng ta trên đồi không đông, nhưng trước sự phòng ngự chặt chẽ của ta, chúng chỉ còn mở những trận đánh thăm dò, không mong đẩy ta ra khỏi đồi. Ta thử đánh lấn để mở rộng phạm vi kiểm soát nhưng thấy địch kiên quyết chống cự nên cũng dừng lại. Bảo vệ vững chắc trận địa của ta trên đồi A1 lúc này chính là chuẩn bị tích cực để tiêu diệt nó. Ta bắt đầu triển khai việc đào một đường hầm để đưa thuốc nổ vào đặt dưới chân hầm ngầm của địch.

Trên đồi E và đồi D1 bắt đầu xuất hiện những trận địa sơn pháo của ta. Khu trung tâm bị đặt dưới những nòng pháo bắn thẳng. Quân địch không dám tiến công lên hai điểm cao này, mà chỉ tiến hành những cuộc phản pháo. Nhưng công sự của ta khá kiên cố, những khẩu sơn pháo vẫn tiếp tục nhả đạn. Không quân địch được huy động với nhiệm vụ đặt những khẩu pháo của Việt Minh "trên miệng núi lửa"! Chúng ném bom lớn, bom na-pan như muốn san bằng cả hai trái đồi. Các chiến sĩ sơn pháo không vì vậy mà rời bỏ vị trí "ngồi trên đầu thù". Cao xạ đã tiến vào gần khu trung tâm, hạn chế có hiệu quả máy bay ném bom bổ nhào. Máy bay địch phải bay cao thường thả bom ra ngoài mục tiêu. Nhưng có lần một trái bom rơi trúng trận địa sơn pháo trên đồi E trong lúc đang diễn ra trận đấu pháo giữa ta và địch. Một khẩu pháo bị hỏng. Khẩu đội trưởng Phùng Văn Khẩu chỉ huy khẩu đội còn lại, quát lên:

- Còn một khẩu cũng đánh!

Anh nhảy vào vị trí ngắm, đưa đường tim chữ thập vào mục tiêu và tự mình giật cò. Chỉ trong vòng 10 phút, lần lượt bốn khẩu 105mm của địch cảm họng. Khẩu đội của Phùng Văn Khẩu đã đứng vững 36 ngày đêm trên miệng núi lửa, luôn luôn đe dọa những vị trí địch trên cánh đồng. Chỉ có điều đáng tiếc là pháo của ta bắt đầu "đói đạn"! Một số pháo thủ đã phải chuyển qua làm nhiệm vụ khác.

Sau này một số nhà quân sự nước bạn tới thăm Điện Biên Phủ, khi đi nghiên cứu địa hình khu đông thường cho rằng điểm cao quan trọng nhất là đồi E. Đồi E và đồi D1 cao nhất trong dãy đồi phía đông, khống chế cả khu trung tâm. Đúng là khi chiếm được những vị trí này ta có một lợi thế trong tay, nhưng lại không có điều kiện triệt để khai thác lợi thế đó. Không quân địch làm chủ vùng trời nên ta không thể đưa nhiều pháo lớn lên đây và cũng không có đủ đạn để uy hiếp quân địch. Đồi A và đồi C tuy thấp hơn nhưng lại có vai trò quan trọng hơn nhiều. Chiếm được hai trái đồi này ta có thể kiểm soát toàn bộ các vị trí bên tả ngạn sông Nậm Rốm và nhiều vị trí bên hữu ngạn bằng súng máy, súng trường, thậm chí súng phóng lựu đạn. A1 và C1 chỉ cách sở chỉ huy của Đờ Cát-xtơ-ri 300 mét, trực tiếp kiểm soát hai chiếc cầu qua sông Nậm Rốm. Mất những điểm cao này, các lực lượng của địch ở hữu ngạn và tả ngạn sông Nậm Rốm sẽ bị cắt làm đôi. Địch cũng coi A1 là thành lũy cuối cùng của tập đoàn cứ điểm, vì nếu mất A1 thì sẽ không thể giữ được đồi C1 và C2 ở thấp hơn, cũng như toàn bộ các cứ điểm Ê-li-an.

3

Từ ngày nổ súng, trước sự xuất hiện pháo cao xạ, địch đã nhiều lần thay đổi thủ đoạn thả dù. Phần lớn việc thả dù tiếp tế cho Điện Biên Phủ đều do phi công Mỹ

mặc áo dân sự đảm nhiệm với loại máy bay vận tải hạng nặng Flying Boxcar C-119.

Ngày 19 tháng 3, máy bay Mỹ ném xuống Điện Biên Phủ những kiện hàng lớn một tấn. Làm như vậy tiện cho những viên phi công chuồn nhanh khỏi khu vực nguy hiểm. Nhưng việc thu lượm và vận chuyển những kiện hàng lớn dưới hỏa lực đại bác thường xuyên đe dọa, đối với tập đoàn cứ điểm lại không dễ dàng. Hơn thế, những kiện hàng này thường chứa chất nổ, nếu rơi vào một bãi mìn hoặc rơi trúng một đường hào hay một vị trí quân Pháp thì tác hại của nó không kém gì một trái bom! Ngay đêm hôm đó,

Diện Biên Phủ yêu cầu Hà Nội từ nay trở đi sẽ không thả dù những kiện hàng nặng quá 100 ki-lô-gam.

Sô' máy bay vận tải bị cao xa ta "tàn sát" một cách ghê gớm, buộc đại tá Ni-cốt ngày 27 tháng 3 phải ra lệnh đưa độ cao thả dù tiếp tế ban ngày từ 2.500 bộ lên 6.500 bộ và sau đó lên 8.500 bộ. Muốn làm như vậy, mỗi chiếc dù phải được gắn thêm bộ phận mở tự động. Nhưng bộ phận này làm việc không tốt, nhiều kiện hàng hoặc rơi vào tay ta hoặc vỡ tan tành trên mặt đất.

Ngày 12 tháng 4, hồi 11 giờ 40 phút, chiếc máy bay thứ 50 bị bắn rơi tại Điện Biên Phủ. Đó là một pháo đài bay ném bom bốn động cơ B-24 (Privateer) với tổ bay chín người, lần đầu bị hạ trên chiến trường Việt Nam. Bom nằm trong khoang chưa kịp thả. Số bom này đã cung cấp cho các chiến sĩ công binh một tấn thuốc nổ đặt trong đường hầm A1 vào đầu tháng 5. Cũng ngay trưa hôm đó, 15 giờ, một máy bay B-26 thả bom trúng vị trí quân Pháp ở Ê-péc-vi-ê, ngay gần sở chỉ huy của Đò Cát-xtô-ri, làm nổ tung một kho đạn và chết nhiều binh lính. Cái khó của những viên phi công không chỉ ở riêng lưới lửa cao xạ mỗi ngày một tập trung hơn, mà còn ở vị trí đôi bên đối địch đã quá gần nhau.

Người Pháp phải chuyển sang thả dù lương thực, đạn dược ban đêm. Có đêm tập đoàn cứ điểm nhận được trên hai trăm tấn đồ tiếp tế. Tình hình lương thực của tập đoàn cứ điểm được cải thiện chút ít. Làm theo cách này những chiếc máy bay vận tải cũng được an toàn hơn. Nhưng việc thu lượm dù vẫn phải tiến hành ban ngày. Chiều ngày 14 tháng 4, một sự cố đã xảy ra. Trong lúc những chiếc xe vận tải, xe jeép cuối cùng dồn tới Ê-péc-vi-ê để nhận số lương thực mới thả dù tập trung tại đây, chở đi phân phối cho các nơi thì một loạt đạn đại bác của ta rót đúng khu vực. Nhiều thứ lương thực, trong đó có 5.080 suất ăn chiến đấu, 300 ki-lô-gam pho-mát, 700 ki-lô-gam chè, 450 ki-lô-gam muối, 110 thanh sô-cô-la... đều bốc cháy. Ngày hôm đó, tập đoàn cứ điểm công bố dự kiến từ ngày 29 tháng 4, khẩu phần của mỗi người sẽ giảm xuống một nửa.

Nhìn chung, sau đợt tiến công vào các điểm cao phía đông, chiến trường nhiều lúc gần như yên tĩnh. Cái yên tĩnh này sẽ không đáng sợ với quân địch đang mong thời gian nhanh chóng trôi qua cho tới mùa mưa nếu không có vô vàn những tiếng cuốc đào đất bất kể đêm ngày rậm rịch chung quanh, mỗi lúc càng rõ. Tiếng cuốc chính là tiếng tích tắc của chiếc đồng hồ báo tử con nhím Điện Biên Phủ. Bộ chỉ huy Pháp cũng rất sợ tiếng cuốc này, nên đã thả dù xuống Mường Thanh một số máy phát hiện tiếng đào đất (géophone). Nhưng bình lính ở đây không cần tới chúng vì không có máy họ vẫn nghe rất

rõ những tiếng cuốc. Họ chỉ cần cái gì có thể ngăn những người đào đất tiếp tục công việc của mình!

Suốt ngày đêm, từng giờ, những chiến hào nổi, chiến hào ngầm của bộ đội ta nhích dần đến gần phân khu trung tâm. Từ những đầu hào chỉ cách địch vài chục mét, các chiến sĩ ta dùng ĐKZ bắn sập dần những lô cốt, ụ súng. Chiến hào tiến vào gần còn mang cho kẻ địch nhiều tai họa khác. Hàng rào dây thép gai và bãi mìn của cứ điểm lúc này lại trở thành những vật chướng ngại bảo vệ an toàn cho chính những người tiến công. Các tổ thiện xạ tìm những vị trí bất ngờ, không tha bất cứ một tên địch nào ló đầu ra khỏi công sự. Việc đi lấy nước dưới sông Nậm Rốm trở thành vô cùng khó khăn. Có những tên địch ở ngay bờ sông cũng không dám xuống lấy nước. Chúng ngồi trong công sự quãng những chiếc can xuống sông, rồi dùng dây kéo lên. Chiến sĩ bắn tia bắn vào can. Chúng chỉ thu về chiếc can rỗng.

Tại khắp các đơn vị nổi lên một phong trào "sân Tây, bắn tia". Con số địch bị diệt trong thời gian này bằng bắn tia rất đáng kể. Chỉ trong vòng mười ngày, các chiến sĩ bắn tia của Đại đoàn 312 diệt 110 tên địch, ngang với số quân địch bị loại khỏi vòng chiến đấu trong một trận công kiên. Chiến sĩ bắn tia Đoàn Tương Líp của Trung đoàn 88 dùng chín viên đạn súng trường tiêu diệt chín tên địch. Chiến sĩ Lục của Trung đoàn 165 trong một ngày bắn tia diệt 30 tên địch. Những tân binh được các chiến sĩ cũ kèm cặp, rèn luyện về chiến thuật và bắn súng trong thực tế chiến đấu ngay trên chiến hào. Họ đều tiến bộ rất nhanh. Có những người sau một thời gian ngắn đã biết sử dụng tất cả các loại súng và trở thành thiện xạ.

Những khẩu đội pháo cao xạ tiến vào gần khu trung tâm, ban đêm lặng lẽ di chuyển trên cánh đồng tới giáp hàng rào dây thép gai, bất thần nhả đạn vào những chiếc máy bay là xuống thấp để thả dù người và dù tiếp tế. Một phần ba đổ tiếp tế rơi vào tay bộ đội ta. Chúng ta thu được nhiều thứ mà ta đang rất cần, như đạn 105mm, đạn súng cối, huyết thanh khô...

Trên đồi A1, các chiến sĩ thu được những bao tải nặng trịch bên trong chứa toàn cát. Chúng cũng được việc cho ta. Một lần tiểu đoàn trưởng thấy bên ngoài bao có

chữ "Sucre"1, vội ngăn không cho anh em đưa ra làm công sự. Chọc lưỡi lê vào bao, rõ ràng là đường trắng, một thứ của quý đối với bộ đội ở mặt trận. Có cả những thứ hàng mà không ai nghĩ tới như một chiếc dù mang toàn những cây nước đá. Giữa ngày hè nóng

bông tại trận địa các chiến sĩ được uống nước đá pha với cà phê, bột chanh, bột cam chiến lợi phẩm. Nhưng đây là thứ hàng không thể bỏ vào kho lâu ngày. Anh em đập đá ra chia nhau rửa mặt mũi, chân tay, thậm chí tắm! Có chiếc dù mang theo toàn rau tươi: Sa lát, hành tây, tôi tây..., và cả húng Láng. Những người từ Hà Nội ra đi lại có dịp nhớ tới những vườn rau ngoại thành.

Tiểu đoàn 225 lượng được một dù toàn sách báo, trong một gói có hai cuốn tiểu thuyết và lá thư của vợ Đờ Cát-xtơ-ri gửi cho chồng. Đơn vị xin ý kiến Bộ chỉ huy mặt trận cách xử lý với lá thư. Chủ nhiệm Chính trị Lê Liêm nói nên chuyển lại cho Đờ Cát-xtơ-ri. Ta thông báo trên bộ đàm. Chỉ một giờ sau, đúng theo quy ước, một tên lính Pháp mang cờ trắng tới địa điểm hẹn, nhận lá thư và hai cuốn sách đem về Mường Thanh. Giữa tháng 4, các chiến sĩ Đại đoàn 312 nhật được một chiếc hòm bên trong có lon tướng, rượu Sâm-panh gửi cho Đờ Cát-xtơ-ri nhân dịp thăng thưởng. Anh em quẳng chiếc lon và mở rượu ra cùng liên hoan.

Một trung đoàn trong một tuần đã thu được 776 dù với đủ cả đạn, gạo, đồ hộp, sữa, dầu hỏa... Với số hàng này địch đã phải dùng khoảng ba chục chuyến Đa-kô-ta để chuyên chở lên đây.

Hằng ngày, ở sở chỉ huy, khi nghe báo cáo số địch chết vì bị bắn tỉa, số lượng thực, đạn dược thả dù bộ đội đoạt được, tôi lại nghĩ, ta đang cho kẻ địch nếm những đòn cay đắng nhất. Quả như vậy, với cách đánh này, ta đang giành thắng lợi mà không tổn phí nhiều xương máu của chiến sĩ, không phải tiêu thụ nhiều đạn dược. Mỗi thứ chiến lợi phẩm này đều có những tác động khác nhau, vừa khiến cho kẻ địch đã khốn khó càng khốn khó thêm, vừa mang lại những cái ta đang cần, sẽ biến thành sức mạnh của ta tiếp tục giáng xuống đầu quân địch, lại đỡ công chuyên chở nhiều ngày trên những chặng đường lửa.

Máy bay địch tăng cường những cuộc ném bom dữ dội. Nhiều vị trí trú quân bị bom địch làm trụi hết cây cỏ. Một buổi, nghe tin địch thả bom vào khu vực Đại đoàn bộ của Đại đoàn 316 liền trong một giờ, tôi gọi điện thoại cho anh Lê Quảng Ba, hỏi thăm tình hình thiệt hại. Anh Ba vui vẻ trả lời:

- Báo cáo anh, không việc gì cả, chỉ cháy mất cái quần đùi của một cậu phơi trên nóc hầm.

Tối hôm đó, địch đưa tin: "Trận oanh tạc trong ngày tại Điện Biên Phủ đã tiêu diệt của Việt Minh một ngàn hai trăm người".

ài phân khu nam I-da-ben (Hồng Cúm), địch có một lực lượng khá mạnh, gồm: Tiểu đoàn lê dương số 3, tiểu đoàn An-giê-ri số 2, tiểu đoàn An-giê-ri số 5 (một đại đội), tiểu đoàn Thái số 3', một tiểu đoàn pháo 105mm, một đại đội súng cối 120mm, một đại đội xe tăng, với tổng số 2.000 người, và một sân bay. Về mặt chiến thuật, I-da-ben giữ vai trò khá quan trọng. Nó vừa bảo vệ phía nam tập đoàn cứ điểm, vừa chi viện cho phân khu trung tâm khi bị tiến công bằng pháo binh, bộ binh, lực lượng cơ giới. Đây cũng là nơi tiếp nhận quân tăng viện và đổ tiếp viện từ Hà Nội trong trường hợp sân bay Mường Thanh bị uy hiếp. Khi tập đoàn cứ điểm có nguy cơ bị tiêu diệt thì nó là cái "cửa sau" mở đường chạy sang Thượng Lào cũng như đón quân từ Lào sang ứng cứu.

Từ đầu chiến dịch, phân khu nam Hồng Cúm được trao cho Trung đoàn 57 của Đại đoàn 304 phụ trách. Nhiệm vụ của trung đoàn, với binh lực hạn chế, là tiến hành bao vây, kiềm chế pháo binh địch ở Hồng Cúm. Trung đoàn đã thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ được trao. Từ đêm 23 tháng 3, giao thông hào và chiến hào của trung đoàn đã hình thành một trận địa liên hoàn siết chặt quanh Hồng Cúm, cắt rời nó với phân khu trung tâm, chấm dứt việc hạ cánh của máy bay trên đường băng tại đây. Địch nhiều lần định nống ra đều bị đánh bật trở lại. Trừ việc chi viện bằng hỏa lực từ xa cho khu trung tâm, những hoạt động khác bằng bộ binh, cơ giới của Hồng Cúm đều bị loại trừ.

Phân khu I-da-ben, dưới quyền chỉ huy của La-lăng, gồm năm cứ điểm nằm trên địa hình bằng phẳng, được đánh số từ 1 đến 5. Các cứ điểm 1, 2, 3, 4 đều ở phía tây đường số 41 liên kết khá chặt chẽ với nhau bằng một hệ thống giao thông hào và chiến hào. Riêng cứ điểm số 5 bảo vệ phía nam sân bay Hồng Cúm, nằm hơi đột xuất về phía đông đường số 41. Chúng ta chia phân khu Hồng Cúm làm ba khu A, B, C. Các khu A, B gồm những cứ điểm ở phía tây đường số 41. Khu C nằm ở phía đông đường số 41 cùng với số chỉ huy phân khu và pháo binh.

Từ đầu tháng 4 năm 1954, trận địa của Trung đoàn 57 bắt đầu lấn dần vào phân khu. Điều này gây bất ngờ với quân địch. Vẫn cho là lực lượng của ta ở đây không nhiều sẽ chỉ làm nhiệm vụ kiềm chế, La-lăng đã yêu cầu máy bay bắn phá dữ dội vào trận địa ta, có lần bom rơi cả vào trong cứ điểm, nhưng những chiến hào của Trung đoàn 57 mỗi ngày càng tiến vào gần.

Chúng đã xuyên qua hàng rào khu C, nhằm thẳng tới những lô cốt. Dịch điên cuồng đổi phó. Ban ngày, chúng đưa xe tăng, bộ binh ra lấp chiến hào rồi cài mìn đánh bẫy quân ta. Ban đêm, chúng tổ chức từng toán nhỏ phục kích ngay ở mũi các

chiến hào. Ta thay đổi giờ hoạt động, thay đổi vị trí đào, khi thì đào từ ngoài vào, khi đào từ trong ra, bố trí lực lượng đánh bọn phục kích.

4 giờ sáng ngày 16 tháng 4, hai đại đội lê dương lợi dụng lúc trời còn tối bộ đội ta sắp quay về nghỉ ngơi, chia thành hai mũi đột nhập vào chiến hào của Đại đội 54. Một toán quân địch đến gần vị trí chỉ huy đại đội. Đại đội đã kịp thời ra lệnh cho các trung đội nhanh chóng tản ra hai bên, dùng súng cốt 60mm và trung liên bắn vào quân địch, bộ đội hình thành hai mũi đánh vòng trở lại. Một trung đội ở phía sau nghe tiếng súng nổ lập tức nhanh chóng tiến ra tiếp viện. Một tổ làm nhiệm vụ bắn tia cũng tự động chạy tới phối hợp đánh địch. Bọn địch đang lo chống đỡ phía trước bất thần bị một mũi đánh thọc sườn, sợ bị sa bẫy hoảng hốt rút chạy về cứ điểm, để lại trận địa hàng chục xác chết. Đại đội 54 từ chỗ bị đột kích bất ngờ, nhưng nhờ bình tĩnh xử trí, các lực lượng linh hoạt và chủ động hiệp đồng yểm trợ nhau, đã chuyển từ bị động thành chủ động tiến hành một trận phản kích, tiến công từ ba phía giành thắng lợi giòn giã.

Phân khu nam của địch tương đối nhỏ, chiến hào ta vào sát, diện tích càng thu hẹp, lại nằm ở cuối cánh đồng, máy bay địch bay với tốc độ chậm cũng chỉ có khoảng mấy giây để thả dù, nên hàng thường rơi ra ngoài mục tiêu. Trung đoàn 57 đoạt được khá nhiều dù tiếp tế, có ngày thu được trên ba tấn hàng các loại. Các ngách hào trên trận địa ta đầy ắp thực phẩm, đồ hộp, đạn dược.

Ngày 15 tháng 4, lúc 16 giờ, một chiếc máy bay C-119 bay đến lượn máy vòng rồi thả xuống một loạt dù, trong đó có một chiếc dù đỏ rơi gần trận địa của ta. Sắm tối, chiến sĩ ta ra lấy dù, thấy có một chiếc hòm. Nó được đưa về trụ sở trung đoàn. Trong hòm toàn những gói quà gồm thuốc lá, rượu, xúc xích, giăm-bông, áo may ô, lưỡi dao cạo râu và một lá thư màu hồng sực mùi nước hoa của vợ Đờ Cát-xtơ-ri gửi cho chồng nhân dịp được thăng thưởng cấp tướng.

Chung quanh cụm cứ điểm Hồng Cúm, các chiến sĩ súng trường, súng máy, sơn pháo, các cỡ súng cối lớn nhỏ sẵn sàng chờ địch xuất hiện. Sau nhiều lần bị ta đánh lừa, ban ngày quân địch không dám đi lại, không dám nhỏ đầu lên khỏi chiến hào. Bộ đội ta chui qua hàng rào cắm cờ, chờ những tên bò ra nhổ cờ là nổ súng. Địch bỏ mặc những lá cờ tiếp tục tung bay trong cứ điểm. Mỗi lần đi thu nhặt dù, địch phải tổ chức như một trận đánh, có xe tăng đi kèm và pháo bắn hợp đồng. Đêm 19 tháng 4, một toán địch nhảy dù rơi đúng vào trận địa của Đại đội 19. Khi đã bị anh em ta xô tới trói lại, chúng vẫn chưa hết ngạc nhiên.

Ngày 24 tháng 4, La-lăng kiểm điểm lại lực lượng của mình thấy vẫn còn tổng số 1.400 người, tám khẩu pháo 105mm và hai chiếc xe tăng..., một lực lượng không nhỏ trong tình hình chung của tập đoàn cứ điểm. Viên đại tá mới được thăng chức

quyết định mở một trận đánh giải tỏa. Ngày 26, bốn trong số những trung đội Bắc Phi khá nhất được lựa chọn tiến công vào những chiến hào tiếp cận của ta ở phía tây bắc I-da-ben 5 (khu C). La-lăng được báo cáo tại đây chỉ có một đường hào của ta. Nhưng khi những người lính của đại đội 9 An-giê-ri đột nhập thì thấy mình lọt giữa hai tuyến chiến hào, họ phải yêu cầu quân cứu viện mới chạy thoát về I-da-ben 4.

La-lăng quyết định phải có hình thức kỷ luật đối với một số kẻ hèn nhất để làm gương. Viên trung úy Ben-ha-bích chỉ huy đơn vị này được gọi tới. La-lăng ra lệnh chọn hai người trong số những kẻ bỏ chạy để xử bắn. Một số sĩ quan Pháp tỏ vẻ đồng tình. Ben-ha-bích trở về đại đội rồi quay lại nói: "Tôi không thể chỉ định ai. Mọi người cho rằng họ đều dũng cảm như nhau và đã chiến đấu hết sức mình. Nếu cần bắn thì bắn tất cả. Khi những người lính lẻ dương của ông cũng không chọc thủng được vòng vây và chạy trốn như thô thì không thể bắn bất cứ ai! Không một người An-giê-ri nào chấp nhận cách đối xử không công bằng đó". Rồi viên trung úy nói thêm: "Thưa đại tá, hãy tin tôi, chúng ta không được phép hoang phí số binh lính ít ỏi hiện có. Tôi đã mất 60 người mà mới được thả dù có một người!".

La-lăng buộc phải hủy quyết định.

Sơ kết đợt hoạt động nhỏ tại Hồng Cúm trong thời gian này, Đại đoàn 304 đã thu được 600 viên đạn pháo 105mm, 3.000 viên đạn cối 120mm và 81mm, hàng tấn đạn các cỡ khác, hàng chục tấn lương thực, thuốc men và diệt trên 200 quân giặc.

Tại Hồng Cúm, chỉ một trung đoàn của ta đã bao vây, vô hiệu hóa, làm suy yếu và kết liễu số phận hai nghìn quân địch phần lớn là Âu - Phi. Không phải như một số người đã nói ở Điện Biên Phủ chúng ta luôn luôn có một số lượng quân đông áp đảo so với kẻ thù.

5

Véu trong trận đánh lớn vừa qua trên những quả đồi phía đông, bộ đội ta đã bộc lộ những nhược điểm về công tác điều tra, về chiến đấu hợp đồng binh chủng, về đánh địch trong công sự vững chắc, thì khi chuyển sang chiến thuật đánh nhỏ, các chiến sĩ ta từ cũ tới mới đã chứng tỏ

một phẩm chất tuyệt vời. Lần này, một bất ngờ mới đang chờ quân địch ở ngay trên cánh đồng Mường Thanh.

Sáng ngày 14 tháng 4 năm 1954, toán địch đầu tiên đi tuần trên sân bay, chợt nhận thấy đường hào ở phía tây đã cắt đứt liên lạc giữa Huy-ghét 1 (cứ điểm 206) và Huy-ghét 6 (cứ điểm 105) với khu trung tâm. Một mũi hào khác đâm thẳng vào sân

bay Mường Thanh. Không chỉ có vậy, Huy-ghét 1 còn báo cáo mặt tây cứ điểm đã bị chiến hào của đối phương bao vây. Buổi trưa, những đơn vị dù 6 và 8 thứ mở đường tới Huy-ghét 1, nhưng bị chặn lại trước những bãi mìn mới rãi và những loạt đạn súng cối.

13 giờ 30 phút, Đò Cát-xto-ri điện cho Cô-nhi: "1. (...) Số phận của G.O.N.O sẽ được định đoạt trước ngày 10/5 (...). 2. Trận địa phát triển đe dọa Huy-ghét 1 và Huy-ghét 6. Mưu toan giải tỏa Huy-ghét 1 tiến hành sáng nay vấp phải nhiều bãi mìn giữa Huy-ghét 1. Huy-ghét 3, Huy-ghét 5 và hỏa lục súng cối và pháo binh. Sẽ tiếp tục khi trời tối đồng thời với việc sửa chữa đường băng..."1.

Theo kế hoạch, hai trung đoàn của Đại đoàn 308 và hai trung đoàn của Đại đoàn 312 đã được triển khai chung quanh phía bắc sân bay. Cứ điểm 206 bảo vệ phía tây sân bay đã bị chiến hào của Trung đoàn 36 cắt rời khỏi Mường Thanh. Cứ điểm 105 ở phía bắc sân bay cũng bị chiến hào của Trung đoàn 165 bao vây. Hai mũi chiến hào của các đại đoàn 308 và 312 đang nhanh chóng đâm thẳng vào giữa sân bay. Đêm 15, chiến hào của Trung đoàn 88 ở phía tây và chiến hào trung đoàn 141 ở phía đông đều vượt qua năm lần rào vào đến sân bay.

Trận đánh quan trọng tiêu diệt trung tâm để kháng bảo vệ sân bay Mường Thanh đã bắt đầu không có hỏa pháo chuẩn bị, không có dấu hiệu nào báo trước.

Nhận thấy sân bay Mường Thanh có nguy cơ bị cắt làm đôi và Huy-ghét 6 ở đầu bắc sân bay sắp bị tiêu diệt, một nửa sân bay Mường Thanh, chiếm một phần năm diện tích tập đoàn cứ điểm sẽ lọt vào tay đối phương, Đò Cát-xto-ri ra lệnh Lăng-gơ-le lập tức tiến hành giải tỏa sân bay, trước hết là tiếp tế cho Huy-ghét 6 ở xa đã bị bao vây chặt chẽ.

Liên trong ba ngày 15, 16, 17 tháng 4, Lăng-gơ-le huy động ba tiểu đoàn dù số 1, số 2 và số 6 mở cuộc hành binh giải tỏa và tiếp tế cho Huy-ghét 6 ở đầu bắc sân bay. Bình lính lê dương ở cứ điểm này không chỉ thiếu đạn dược, mà còn thiếu cả nước uống. Ngày đầu, đoàn quân giải tỏa mới chạm đường hào của Trung đoàn 141 trên sân bay nhưng nó đã phải mất bốn giờ liền để vượt qua. Ngày thứ hai và thứ ba thì quân địch đứng trước cả một trận địa với lớp lớp chiến hào và những ụ súng. Thêm vào đó là xác một chiếc máy

bay, chiếc Curtiss Commando, còn nằm chênh ênh trên đường băng, đã trở thành một công sự nổi giúp cho đối phương đặt liên thanh quét gục những tên lính lẻ dương hăng hái nhất định xông lên. Cuộc hành binh tiếp tế cho Huy-ghét 6 đã mang lại cho Lăng-gơ-le tổn thất về lực lượng ứng chiến lớn hơn cả những đợt phân kích giành lại đồi C1! Hết ngày thứ ba, Đò Cát-xtơ-ri ra lệnh cho viên quan ba

Bi-da, chỉ huy tại Huy-ghét 6, rút quân khỏi đây vào đêm 18. Bi-gia, phó chỉ huy khu trung tâm vơ vét được một lực lượng gồm phần lớn là lính dù và lẻ dương, cùng với hai chiến xa mở đường, đi đón bọn ở Huy-ghét 6 rút lui. Nhưng cả cánh quân này đã mất sức chiến đấu trước trận địa chiến hào của ta sau không đầy nữa giờ đó súng. Bi-gia đành ra lệnh cho viên chỉ huy Huy-ghét 6 "có thể bỏ lại tất cả thương binh, mở một đường tháo chạy về Mường Thanh, hoặc đầu hàng"1.

Lúc này, chiến hào của Trung đoàn 165 từ bốn phía đã luồn vào bên trong hàng rào dây thép gai của cứ điểm 105. Có 15 ý súng ở tiền duyên bị ĐKZ ta bắn sập. Nhiều đám rào bị cắt trụi. Bình lính địch không có cơm ăn, nước uống, ló đầu ra ngoài công sự là trúng đạn bắn tía. Đêm 18, trung đoàn ra lệnh tiến công. Chỉ có một số quân địch chạy thoát về Mường Thanh. Cứ điểm cuối cùng ở đầu bắc sân bay không còn tồn tại.

Nằm sâu bên trong, Huy-ghét 1 cũng bị Trung đoàn 36 bao vây bằng trận địa chiến hào từ ba ngày nay. Sau khi Huy-ghét 7 và Huy-ghét 6 bị tiêu diệt, Huy-ghét 1 trở thành vị trí đột xuất ở phía bắc khu trung tâm. Bảo vệ vị trí là đại đội 4 của bán lữ đoàn lẻ dương 13. Những tên lính lẻ dương ở đây chống cự khá quyết liệt. Các chiến sĩ Bắc Bắc2 đã có kinh nghiệm tiêu diệt vị trí 106, kiên trì chiến thuật vây lấn, quyết tâm giành thắng lợi với tổn thất ít nhất về người và vũ khí.

Suốt thời gian chuẩn bị, cán bộ, chiến sĩ luôn luôn cùng nhau bàn bạc cách khắc phục mọi khó khăn. Họ đã dùng những "con cúi" làm lá chắn, đưa chiến hào từ xa tiếp cận cứ điểm. Những khối rơm bện dài 2 mét, đường kính 1,5 mét đã hút hết đạn thẳng, bảo đảm an toàn cho những người đào trận địa phía sau nó. Sáng ngày 19 tháng 4, ba mũi hào của Trung đoàn 36 đã đâm vào sát hàng rào của địch. ĐKZ bắn sập dần những ụ súng ở tiền duyên. Trong đêm, thỉnh thoảng lại một loạt súng cối nã vào vị trí. Quân địch luôn luôn thấp thỏm tưởng là trận đánh đã bắt đầu. Máy bay phải thả dù tiếp tế trực tiếp xuống cứ điểm. Nhưng những tên lính không dám rời hầm ra lấy dù vì sợ đạn bắn tía. Huy-ghét 1 kêu cứu với Mường Thanh. Không thể để mất tiếp vị trí này, vì mất nó là mất

sân bay, Đô Cát-xtô-ri buộc phải điều hai trung đội bộ binh và hai xe tăng, cùng với một trung đội lẻ dương từ khu trung tâm tiến ra, dưới sự yểm hộ của pháo binh, lấp các chiến hào. Trung đội bảo vệ chiến hào của ta buộc phải lùi ra xa, dùng súng bắn tỉa quân dịch. Chiến sĩ ĐKZ Trần Đình Hùng, máy ngắm bị hỏng, đã bình tĩnh ngắm mục tiêu qua nòng súng, lấp đạn bắn cháy một chiếc xe tăng. Chiến công của anh đã kết thúc công việc lấp đường hào, buộc quân dịch phải rút lui.

Các chiến sĩ Trung đoàn 36 cũng bắt đầu gặp một khó khăn mới. Chiến hào vào gần cứ điểm thì "con cúi" giảm tác dụng, nó không ngăn được hỏa lực lướt sườn cũng

như lựu đạn từ trong đồn ném ra và còn làm lộ vị trí của bộ đội. Một số chiến sĩ bị thương. Tốc độ đào chiến hào chậm hẳn lại. Mấy chiến sĩ tân binh, vốn là du kích ở dịch hậu, để nghị cho đào dũi, khoét ngầm dưới mặt đất vào tới lô cốt dịch, vừa giảm thương vong vừa giữ được bí mật. Lúc đầu, cán bộ ngại làm theo cách này sẽ kéo dài thời gian chuẩn bị. Nhưng khi cho một tổ đào thử, thấy không chậm hơn đào chiến hào lộ thiên, vì có thể đào cả ban ngày. Phương án đào dũi được chấp nhận, tuy có vất vả, nhưng tránh được thương vong.

22 giờ đêm 22 tháng 4, trung đoàn cho lệnh dùng những phân đội nhỏ đánh vào cứ điểm chiếm một số lô cốt đầu cầu. Số đạn lựu pháo dành yểm trợ cho họ cũng giống như mọi đêm, 20 quả. Nhưng khi lựu pháo mới bắn tới phát thứ mười ba, thì xung kích đã yêu cầu ngừng ngay. Ba mũi tiến công cùng lúc từ lòng đất nhô lên, đặt bộc phá giật đổ ba lô cốt đầu cầu. Bình lính bán lữ đoàn 13 kinh hoàng khi thấy những người lính đội mũ lá, cầm súng có lưỡi lẻ đã xuất hiện giữa đồn, chỉ còn cách giơ tay đầu hàng. Không bỏ lỡ cơ hội quý giá, cả ba mũi đánh thốc vào khu sở chỉ huy. 15 phút sau, trung đoàn mới kịp đưa tiếp vào đồn thêm hai trung đội. Trong vòng không đầy một giờ, bộ đội ta đã làm chủ hoàn toàn Huy-ghét 1. Phần lớn số 177 lính lẻ dương bảo vệ vị trí bị bắt. Bộ đội ta đã tiêu diệt được một vị trí quan trọng do một đơn vị lẻ dương sừng sổ bảo vệ, với tổn thất không đáng kể. Nghe tù binh báo cáo viên chỉ huy cứ điểm tử trận và điện đài bị hỏng ngay từ loạt đạn pháo đầu tiên, Trung đoàn trưởng Trung đoàn 36 chỉ thị cho bộ đội sử dụng những khẩu đại liên trong đồn dịch, thỉnh thoảng lại bắn từng loạt ra ngoài như mọi đêm. Mường Thanh yên tâm tưởng chưa có chuyện gì xảy ra với Huy-ghét 1, trong lúc bộ đội ta thu dọn chiến lợi phẩm.

Trận đánh cứ điểm 206 đã hoàn thiện và thực sự khẳng định thành công của chiến thuật được gọi là "đánh lấn", khởi đầu từ khi ta tiêu diệt các cứ điểm 106 và 105, đều thuộc trung tâm để kháng Huy-ghét bảo vệ sân bay,

nằm trên cánh đồng. Một lần nữa, chúng ta càng thấy rõ tác dụng to lớn của cách đánh nhỏ truyền thống, thể hiện sự thông minh, sáng tạo, chủ động của những người chiến sĩ sinh ra từ đồng ruộng, bám đất bám làng chiến đấu trong suốt cuộc chiến tranh. Chiến công ở Cứ điểm 206 chính là một biểu hiện tập trung của cách đánh đó. Cái chết không kịp cất tiếng kêu của Huy-ghét 1 đã làm cho quân địch ở Điện Biên Phủ bàng hoàng. Từ giờ phút đó trở đi, mỗi khi đường hào của ta tới gần, quân địch ở trong cứ điểm không còn chỉ thấy đây là mối đe dọa, mà chính là cái chết đã tới, một cái chết không báo trước, xuất hiện từ lòng đất.

giờ 30 phút sáng 23 tháng 4, vài tên lính lê dương của bán lữ đoàn 13 chạy thoát về tới Mường Thanh, báo tin Huy-ghét 1 đã thất thủ từ nữa đêm. Sau giây phút sững

sờ, Đờ Cát-xtơ-ri đưa ra ý kiến cần phân kích giành lại vị trí đã mất. Lăng-gơ-le và Bi-gia đều không tán thành, cho rằng làm như vậy sẽ hy sinh nốt những lực lượng ứng chiến cuối cùng của tập đoàn cứ điểm, kể cả trong trường hợp phân kích thành công thì cũng không còn lực lượng để duy trì Huy-ghét 1 trước những cuộc tiến công mới sẽ còn tiếp tục. Đờ Cát-xtơ-ri vẫn giữ quyết định của mình. Lăng-gơ-le trao cho Bi-gia nhiệm vụ tổ chức cuộc phân kích.

Bi-gia điều các lực lượng dự bị còn lại thuộc tiểu đoàn 2 trung đoàn dù tiêm kích số 1, tiểu đoàn dù 6, tiểu đoàn 1 trung đoàn lê dương số 2 lên khu trung tâm đề kháng Ê-li-an, rút toàn bộ tiểu đoàn dù lê dương số 2 đang đóng ở đây về Mường Thanh. Tiểu đoàn dù này mới được tăng cường từ ngày 10 tháng 4, tuy đã bị tổn thất, chỉ còn gần 400 người, nhưng vẫn là đơn vị mạnh nhất có thể tiến hành tốt cuộc phân kích. Bi-gia yêu cầu không quân dùng 12 máy bay tiêm kích - ném bom và bốn máy bay ném bom B-26 đánh phá hệ thống chiến hào trước cứ điểm Huy-ghét 1 và một số mục tiêu sẽ được chỉ định từ 13 giờ 45 phút. Pháo binh của tập đoàn cứ điểm được lệnh sẽ bắn 1.200 phát đại bác và súng cối vào Huy-ghét 1 sau khi máy bay oanh tạc.

Buổi trưa, trời nắng to trên cánh đồng Mường Thanh, không gian hoàn toàn yên tĩnh. Các chiến sĩ Đại đội 213 của Trung đoàn 88 phòng ngự trên sân bay, sau bữa cháo nóng ăn với đường phên ngon lành, trừ những người làm nhiệm vụ cảnh giới, đều ngả lưng trong hầm ếch cho giãn gân cốt. Chợt

có lệnh từ sở chỉ huy mặt trận: "Chuẩn bị đánh địch! Tản rộng đội hình. Địch sắp oanh tạc".

Đại đội trưởng Mai Viết Thiêng ra lệnh đánh thức bộ đội, chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu. Chỉ mươi phút sau, đã nghe tiếng động cơ. Máy bay địch xuất hiện rất nhanh. Những chiếc B-26 bay thành từng tốp theo đội hình mũi tên. Các chiến sĩ cao xạ lập tức nổ súng. Những đám khói trắng bao bọc lấy máy bay. Chúng chuyển sang đội hình hàng dọc, nối đuôi nhau lượn vòng và bắt đầu thả bom. Tiếng nổ nhức óc. Những tấm ghi lát đường băng tung lên. Rồi tai ù đi, chỉ thấy những cột đất và bụi đỏ bùng lên. Mặt đất rung chuyển.

Không gian trở lại yên tĩnh. Địch đã thả hàng trăm trái bom nhưng chỉ có một số rơi trúng trận địa và sân bay. Tuy vậy, cũng đã có hơn một chục hố bom trên đường băng. Trên mạng lưới điện thoại của các đơn vị vang lên lời kêu gọi của Bộ chỉ huy mặt trận: "Các đồng chí bộ binh, pháo binh! Địch bắt đầu phản kích! Các đồng chí hãy bình tĩnh, anh dũng, quyết tâm hiệp lực bẻ gãy trận phản kích này".

Bầu trời lại rung lên tiếng động cơ máy bay. Lần này là những chiếc Hen-cát nổi nhau bổ nhào ném bom xuống 206, nơi chúng nghi bộ đội ta đã chiếm lĩnh. Đây chính là cơ hội cho những khẩu đội trọng liên phòng không của ta. Một chiếc Hen-cát trúng đạn lao xuống cắm đầu trên cánh đồng, đùn lên một cột khói đen kịt. Đây là trận oanh tạc dữ đội nhất từ ngày đầu chiến dịch. Dứt đợt oanh tạc của không quân, pháo binh dịch trút đạn vào 206. Những trận địa cối từ các cứ điểm Huy-ghét 3, 4, từ trung tâm Mường Thanh cùng với ba xe tăng đồng loạt nổ súng yểm hộ cho cuộc tiến công.

Tiểu đoàn dù lê dương 2 chia làm hai cánh tiến ra sân bay, cánh chính có xe tăng mở đường tiến về trận địa của Trung đoàn 88, cánh phụ tiến về trận địa của Trung đoàn 141.

Từ sau đợt tiến công khu đông, ta dụ kiến thể nào địch cũng phản ứng quyết liệt mỗi khi mất một vị trí, cần phải có một hỏa lục đủ mạnh để đập tan những đợt phản kích. Năm đại đội lụa pháo và toàn bộ hỏa lục súng cối của hai đại đoàn 308, 312 đã được tổ chức thành lục lượng hỏa lục thống nhất dưới một sự chỉ huy chung. Bộ chỉ huy hỏa lục gồm các đồng chí Vương Thừa Vũ (Đại đoàn 308), Đàm Quang Trung (Đại đoàn 312), Nguyễn Thước (Đại đoàn 351) đặt tại sở chỉ huy của Đại đoàn 308. Các đại đội pháo đã tính toán sẵn phần tử bắn ở các ngã ba, cầu, đường, khu vực tập kết của địch và cùng bộ binh xây dựng kế hoạch tác chiến.

Chờ địch vừa triển khai đội hình xong, Tiểu đoàn trưởng Quốc Trị, chỉ huy Tiểu đoàn 23 phòng ngự trên sân bay, ra lệnh: "Mục tiêu cột đèn số 3, trước 208 (Huy-ghét 2), lựu pháo, bắn!".

Pháo binh ta lúc này mới lên tiếng. Sau những tiếng rít như xé vải, những cột khói đen trùm lên đám đông quân địch. Chúng đã nhận được đòn phủ đầu ngay từ vị trí xuất phát. Nhưng bọn lính dù không chịu lui. Chờ pháo ta ngừng bắn, chúng tiếp tục xông về phía trận địa ta. Một số lọi dụng đường rãnh thoát nước dọc sân bay. Một số lọi dụng những hố bom vừa xuất hiện trên đường băng.

Các chiến sĩ Đại đội 213 nín lặng chờ quân địch tới thật gần mới đồng thời nổ súng. Hàng loạt quân địch đổ gục trước chiến hào. Chúng chạy lùi, tụt xuống những hố bom, rồi gọi pháo từ Mường Thanh và cứ điểm 208 ở gần đó, bắn đại bác và súng cối vào trận địa ta.

Bất thần, quân địch xuất hiện bên sườn trái Đại đội 213. Bọn lính dù này khôn ngoan lọi dụng rãnh thoát nước sân bay, tiến lên bắt gặp một hố bom cắt đứt đường hào của trận địa ta, tạo điều kiện cho chúng thọc vào sườn đơn vị. Bỗng

chốc thế trận trở nên hỗn loạn. Địch và ta dùng tiểu liên, lựu đạn, lưỡi lê giành giật nhau từng đoạn chiến hào.

Tiểu đoàn trưởng Quốc Trị quyết định cho bộ đội rút về tuyến chiến đấu phía sau. Anh ra lệnh cho bộ đội siết lại đội ngũ chuẩn bị xung phong và gọi lựu pháo bắn vào chiến hào tiến duyên, ít phút trước đây còn là của ta. Cán bộ chỉ huy lựu pháo phân vân, vì khoảng cách giữa ta và địch quá gần. Nhưng bộ binh khẩn thiết yêu cầu, với lý do họ đã có công sự vững chắc, không lo trường hợp đạn pháo rơi tản mát. Tại trận địa hóa lực súng cối, Tham mưu trưởng Vũ Yên của Đại đoàn 308, đã nhận thấy quân địch khi tiến, lui, thường lợi dụng những hố bom trên đường băng, ra lệnh cho các khẩu đội chuẩn bị "cả cái" xuống đây khi quân địch rút lui.

Cánh đồng Mường Thanh rung lên dưới hỏa lực của lựu pháo ta. Quân dù bị thương vong nhiều trên trận địa chiến hào chúng vừa chiếm. Cũng lúc này, chúng được lệnh của Bi-gia rút lui. Bi-gia đã nhận thấy không thể để cho tiểu đoàn dù hy sinh một cách vô ích. Chờ pháo ta ngừng bắn, những tên lính dù sống sót bỏ chiến hào tháo chạy về Mường Thanh. Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 23 hạ lệnh cho bộ đội chiếm lại chiến hào 1. Pháo ta bắn đuổi theo quân địch rút chạy. Theo kinh nghiệm cũ, chúng lại lao xuống những hố bom. Những chiến sĩ súng cối chỉ còn chờ lúc này để "cả cái"!

Lăng-gơ-le và Bi-gia đều nhận xét: Tiểu đoàn dù lê dương số 2 trên đường rút về còn thiệt hại nhiều hơn khi tiến công.

Sau trận phân kích ở sân bay Mường Thanh ngày 23 tháng 4, viên chỉ huy tiểu đoàn dù số 2 Li-xăng-pheo bị mất chức. Các tiểu đoàn lẻ dương dù số 1 và số 2 lừng danh đã bị xóa số. Những binh lính còn lại của hai tiểu

đoàn này được sáp nhập với nhau dưới một cái tên mới: "Tiểu đoàn bộ binh lê dương dù" (bataillon de marche du B.E.P.).

Trong một số sách của ta viết về Điện Biên Phủ, khoảng thời gian từ sau cuộc tiến công khu đông tới hết tháng 4, thường được coi là bước chuẩn bị cho đợt tiến công cuối cùng. Thực ra, đây là một đợt chiến đấu tiếp nối rất quan trọng, với nhiều sáng tạo, nhằm hoàn tất những nhiệm vụ đã đề ra cho đợt tiến công thứ hai, có tính quyết định đối với vận mệnh của quân địch ở Điện Biên Phủ. Theo một số nhà sử học phương Tây, "cuộc chiến Huy-ghét" (la bataille des Huy-ghét) đã cướp đi những lực lượng ứng chiến cuối cùng của tập đoàn cứ điểm.

Chương mười hai TẤT CẢ ĐỂ CHIẾN THẮNG

rong chiến dịch này công tác chính trị đã có nhiều tiến bộ nhằm đáp ứng yêu cầu đánh lớn. Khó khăn về tiếp tế buộc phải tính toán chặt chẽ số người ở tiền tuyến. Nhưng một lực lượng đông đảo các văn nghệ sĩ các đoàn văn công đã có mặt hợp thành một binh chủng đặc biệt trong đội hình chiến dịch. Tổng cục Chính trị đưa theo cả một bộ phận nhà in.

Báo Quân đội nhân dân ấn hành đều kỳ ngay tại mặt trận, truyền đạt mọi chủ trương của lãnh đạo, phần ánh các trận đánh kịp thời, trở thành món ăn tinh thần không thể thiếu đối với cán bộ, chiến sĩ. Chúng ta đã có những bài hát, bài thơ được sáng tác ngay tại mặt trận, những thước phim tư liệu quý giá dành cho lịch sử. Văn công biểu diễn tại chiến hào, trong hầm pháo, hát cho bộ đội ở vị trí tiền tiêu nghe qua máy điện thoại. Truyền đơn vận động binh lính địch được tán phát vào tận trong khu trung tâm. Cuối tháng 4, ta đã xây dựng xong một hệ thống loa truyền thanh chung quanh tập đoàn cứ điểm, thường xuyên tác động vào tư tưởng binh lính đang sống trong "địa ngục trần gian". Anh em còn có sáng kiến làm những bè chờ biểu ngữ địch vận, tranh cổ động, thả trôi theo dòng sông Nậm Rốm để những hình ảnh này đập vào mắt quân địch. Bộ phận văn công vừa đi dự Liên hoan Thanh niên và sinh viên thế giới ở Bu-ca-rét về, biểu diễn hay hẳn lên. Tôi hỏi Đội trưởng Lương Ngọc Trác vì sao diễn viên múa của ta có những tiến bộ khác hẳn. Anh cho biết khi qua Liên Xô, một nghệ sĩ nhân dân của bạn dự buổi Đoàn ôn tập, đã cảm ơn vì được xem những điệu múa dân tộc Việt Nam độc đáo, chỉ tiếc là các nghệ sĩ của ta còn thiếu thể hiện tình cảm với người xem, nếu có, những điệu múa này sẽ hay hơn rất nhiều. Nhờ vậy, trong chiến dịch này, bộ đội được thưởng thức những điệu múa đẹp với những ánh mắt, nụ cười! Sự sâu sát đặc biệt của cán bộ tham mưu, chính trị đối với các đơn vị tham chiến là kết quả của đợt chỉnh huấn mùa hè. Các phái viên đã cùng cán bộ cơ sở giải quyết những khó khăn tại chỗ, cũng như

kịp thời báo cáo mọi mặt tình hình với Đảng ủy và Bộ chỉ huy mặt trận. Những đồng chí lãnh đạo ngành hậu cần luôn luôn ở trên mặt đường.

Thời tiết đột ngột thay đổi với những trận mưa như trút nước. Chúng tôi rất lo cho bộ đội phía tây sống tại trận địa chiến hào giữa cánh đồng. Một hôm, sau một trận mưa lớn kéo dài, tôi gọi điện thoại cho Đại đoàn 308 hỏi tình hình. Đầu dây bên kia, tiếng anh Vũ ồm ồm nhưng rành rọt:

- Báo cáo anh, nước đến ngang bụng bộ đội rồi!

Sau mỗi trận mưa, nắng lại dữ dội hơn. Không khí chiến trường oi ả, ngột ngạt, đe dọa bệnh tật kéo tới.

Cơ quan phải mời cán bộ địa phương lên hỏi về tình hình mưa nắng, lụt lội và những bệnh tật thường có trong mùa hè. Nhiều phái viên được cử đi nghiên cứu và giúp đỡ đơn vị cải thiện điều kiện sinh hoạt của bộ đội trong mùa mưa.

Anh Vũ Văn Cẩn - Cục trưởng Cục Quân y, cũng như những phái viên đã phản ánh với tôi về cuộc sống căng thẳng của bộ đội tại trận địa. Khi từ trên núi chuyển xuống cánh đồng chưa ai nghĩ trận đánh sẽ kéo dài nên tổ chức đời sống còn mang tính tạm bợ. Những hầm ếch khoét bên bờ chiến hào không đủ chiều dài duỗi chân. Bữa ăn thường là cơm vắt nguội lạnh, không có rau. Khói thuốc súng, xác quân địch ở những nơi giáp ranh giữa ta và địch không được thu dọn thường xuyên tạo nên sự ô nhiễm...

Trong một cuộc họp cán bộ, tôi nêu vấn đề cần bảo đảm sinh hoạt bình thường của bộ đội tại trận địa. Có ý kiến cho là chiến đấu vốn đã không bình thường, lần này chiến đấu tại chiến hào lại càng không bình thường, cho nên không thể có sinh hoạt bình thường ở trận địa. Tôi nói: Bộ đội chiến đấu liên tục năm tháng liền, chuyện không bình thường đã trở thành bình thường. Quân địch ở Mường Thanh bị bao vây chặt không thể rời khỏi hầm thì khó bình thường hóa sinh hoạt. Nhưng trận địa của ta thoáng rộng, liền kề với hậu phương. Ta vẫn có thể bình thường hóa sinh hoạt của bộ đội, như tổ chức cho anh em luân phiên về phía sau tắm giặt, cố tìm rau xanh, bảo đảm cho anh em ăn cơm nóng, uống nước nóng. Những điều này bộ đội đã làm được ngay trên đường hành quân. Việc tổ chức hầm ngủ cho sạch sẽ, nằm đủ duỗi chân, có cổ bài tú-lơ-khơ, sách báo cho anh em giải trí... đều là những việc hoàn toàn có thể làm được. Không bảo đảm sinh hoạt bình thường cho bộ đội để giữ gìn sức khỏe, sẽ không bảo đảm phương châm "đánh chắc tiến chắc" đi tới thắng lợi. Cuối cùng mọi người đều nhất trí.

Thương binh nặng tại mặt trận không thể chịu đựng được cuộc hành trình dài để trở về hậu phương trên những con đường máy bay đánh phá ác liệt. Họ cần được điều trị tại chỗ. Nhưng có những trường hợp hiểm nghèo,

như vết thương sọ não, vượt quá khả năng của quân y. Sau đợt đầu chiến dịch, tôi đã đề nghị Trung ương đưa một số thầy thuốc giỏi nhất ra mặt trận. Điện về đúng lúc Bác cử một phái đoàn thay mặt Chính phủ lên thăm bộ đội, trong đoàn có bác sĩ Vũ Đình Tụng - Bộ trưởng Bộ Y tế, bác sĩ Tôn Thất Tùng - Thứ trưởng Y tế. Anh Tôn Thất Tùng là bác sĩ phẫu thuật được coi là có đôi bàn tay vàng. Anh Tụng và anh Tùng sau đó đã ở lại. Các bác sĩ Triệu, Huấn là Hiệu trưởng và Hiệu phó Trưởng Quân y cũng đưa một số học sinh lên chi viện. Trong chiến dịch này, đội ngũ bác sĩ, y sĩ, hộ lý đã làm một công việc vượt rất xa sức mình. Quân y báo cáo mặc dù tình

hình thuốc men rất khó khăn, nhưng khoảng 5.000 thương binh, bệnh binh có thể được trả về đơn vị trong chiến dịch.

Địch hy vọng kéo dài cuộc chiến bằng cách đánh mạnh vào các tuyến đường tiếp tế. Chúng biết rõ sau mỗi đợt tiến công, bộ đội ta lại phải chờ đạn, gạo từ hậu phương chuyển lên. Những quãng đường nằm bên sườn đèo cao, những đoạn dễ bị úng nước, những chiếc cầu trên đường độc đạo, trở thành túi bom. Ở tuyến hậu phương, đèo Giàng trên đường từ Cao Bằng xuống, đèo Cà từ Lạng Sơn về, đèo Khế nối liền Thái Nguyên với Tuyên Quang, đèo Lũng Lò nối liền Yên Bái với Sơn La, là mục tiêu của những cuộc oanh kích. Trên tuyến chiến dịch, bom địch vẫn không ngừng trút xuống đèo Pha Đin, các đầu mối giao thông Cò Nòi, Tuần Giáo. Nhưng còn một tai họa khác là: Mưa. Mưa biết khai thác nhược điểm của con đường hơn cả những tên giặc lái. Tất cả đường của ta đều hẹp và xấu, lại bị phá hoại trước đây, mới được khôi phục nhanh bằng cấp phối, ngay khi trời khô ráo xe cơ giới qua lại đã khó khăn. Mưa tạo thành những bãi lầy dài cả chục ki-lô-mét. Mưa dồn đất từ thành vại xuống phủ kín mặt đường. Có khi nó cuốn cả từng mảng đường bên sườn đèo xuống vực sâu. Quân địch đã biết rõ sức phá hoại của mưa đối với những tuyến đường tiếp tế. Ngay từ đầu chiến dịch, chúng đã đề ra làm mưa nhân tạo, nhưng chưa thành công. Mùa mưa tới sớm đã tiếp tay cho chúng.

Pháo đói đạn trầm trọng. Có ngày mỗi khẩu pháo của ta chỉ còn hai, ba viên đạn. Trước đó, một số đơn vị cũng đã sử dụng đạn quá lãng phí. Một trung đoàn qua năm ngày kiêm chế pháo binh địch, bắn hết 2.000 viên đạn súng cối. Một tiểu đoàn phòng không 12,7mm trong một ngày, bắn tới 12.000 viên đạn. Bộ chỉ huy mặt trận buộc phải quy định lại việc sử dụng đạn dược: Bắn quá ba viên 105mm phải xin phép Tham mưu trưởng, quá mười viên phải xin phép Tổng Tư lệnh. Một lần tôi qua Phòng Tác chiến, nghe đơn vị đề nghị bắn năm phát lựu pháo vào sân bay. Anh Thái hỏi lại: "Bắn để làm gì?". Khi biết đơn vị cần bắn tĩa quân địch, anh Thái trả lời: "Một viên"!

Mọi chiến dịch, tôi thường nghe báo cáo tình hình cung cấp từng thời kỳ. Nhưng lần này, công tác hậu cần đã trở nên một vấn đề đặc biệt quan trọng góp phần quyết định thành bại của chiến dịch. Cán bộ tham mưu đã làm một cuốn sổ theo dõi tình hình vận chuyển đạn dược hằng ngày; riêng về gạo, dựng thành một biểu đồ. Mỗi sáng, đã trở thành thói quen, khi mới ngủ dậy, tôi nhìn ngay vào bảng biểu đồ hậu cần treo trên vách liếp bên cạnh bản đồ chiến sự. Cán bộ tham mưu đã ghi số gạo nhập kho đêm trước bằng một gạch đỏ.

Một buổi sớm, tôi bỗng nhìn thấy một đường gạch đỏ dốc gần như thẳng đứng. Đêm hôm trước, gạo nhập kho không đầy một tấn!

Đồng chí phụ trách kế hoạch hậu cần được gọi tới. Anh giải thích:

- Báo cáo anh, đêm qua trời mưa to.
- Mặc dù mưa to, bộ đội vẫn phải có ăn để đánh giặc.

Tôi dành liên mấy ngày ngồi họp cùng các anh Đặng Kim Giang, Nguyễn Thanh Bình, Đinh Đức Thiện và Nguyễn Văn Nam bàn cách giải quyết khâu yếu này. Trong chiến dịch, các đồng chí phụ trách công tác hậu cần đã gặp những trường hợp bất khả kháng. Nhiều đồng chí thức ròng rã suốt tháng, lấy mặt đường làm nơi gặp gỡ cán bộ, bàn bạc giải quyết những khó khăn. Nhưng nhiệm vụ chiến đấu yêu cầu chúng ta còn phải cố gắng hơn nữa.

Sau cuộc họp, một số lớn cán bộ mặt trận được chỉ định đi xuống các tuyến cung cấp đẩy mạnh hoạt động.

Mỗi sáng, đúng 6 giờ, tôi đứng bên máy điện thoại trực tiếp nhận báo cáo số lượng gạo, đạn vận chuyển trong đêm.

Trên cánh đồng phía tây, bộ đội ta khơi rãnh chung quanh công sự và đào những đường thoát nước tại trận địa. Cơ quan tham mưu mặt trận tập trung nghiên cứu cách làm chiến hào nổi để đối phó với nước lũ.

Mỗi khi thấy một đám mây đen hiện trên đầu núi, một ánh chớp lóe trong đêm, tôi lại bồn chồn. Chúng ta đã chuẩn bị mọi mặt để chiến đấu qua mùa mưa. Nhưng tốt nhất vẫn là kết thúc số phận quân địch trước khi mùa mưa tới.

hững ngày đầu tháng 4, Ban Bí thư cử anh Hoàng Tùng ra mặt trận thông báo công việc ở nhà và nắm tình hình. Nghe tin tôi bị mệt, Trung ương gửi ra một ít thuốc bổ. Khi anh Tùng trở về, tôi biên thư

báo cáo với Bộ Chính trị về tình hình Điện Biên Phủ sau hai đợt tiến công, về chủ trương tác chiến sắp tới và nêu sự cần thiết phải khắc phục tư tưởng môi mệt, ngại chiến đấu ác liệt và kéo dài. Ít ngày sau, nhận được nghị quyết cuộc họp ngày 19 tháng 4 năm 1954 của Bộ Chính trị: "Toàn dân, toàn Đảng và Chính phủ nhất định đem toàn lực chi viên cho Chiến dịch Điện Biên Phủ và nhất định làm mọi việc cần thiết để giành toàn thắng cho chiến dịch". Cả nước đang dồn sức cho Điện Biên Phủ, nhất định chúng ta sẽ chiến thắng.

Anh Trường Chinh gửi kèm cho tôi một bức thư. Qua thư anh, tôi biết công việc của Trung ương ở nhà hết sức bận rộn vì chiến dịch. Anh Nguyễn Chí Thanh đi Liên khu 4 để cùng anh Hoàng Anh đẩy mạnh công tác chi viện tiền tuyến. Anh Văn Tiến Dũng đi Liên khu 3 chỉ đạo những hoạt động ở đồng bằng Bắc Bộ phối

hợp với chiến trường chính Điện Biên Phủ. Anh Lê Văn Lương ở nhà lo công việc hằng ngày.

Từ đầu chiến dịch, Trung ương và Chính phủ đã tập trung lãnh đạo quân đội và nhân dân thực hiện kế hoạch tiến công Đông Xuân. Trung ương chưa hề bỏ qua bất cứ một yêu cầu nào dù là hết sức khó khăn của tiền tuyến. Sự chăm lo đặc biệt của Trung ương, của toàn Đảng, toàn dân đối với Điện Biên Phủ khiến cho chúng tôi càng nghĩ đến trách nhiệm của mình.

Các chiến dịch trước đó, từng đơn vị chỉ đánh vài trận, những trận đánh chường diễn ra không quá một đêm. Sau mỗi trận, bộ đội ta rút ngay về vị trí an toàn phía sau, nghĩ ngơi, cũng cố chuẩn bị cho trận khác. Đến chiến dịch này, cuộc chiến đấu đã kéo dài nhiều tháng ròng. Những trận truy kích đường dài, công đồn, phòng ngự, đánh phản kích quyết liệt diễn ra liên tiếp. Ngay sau đó lại bắt tay luôn vào xây dựng trận địa, bản thân công việc này cũng là chiến đấu. Bộ đội ta ăn, ngủ ngay tại công sự trên trận địa đối mặt với quân dịch. Cường độ chiến đấu đã vượt lên sức chịu đựng của con người.

Cơ quan chính trị đi nắm tình hình tư tưởng các đơn vị nhận xét: Qua đợt chiến đấu vừa rồi nổi lên những gương chiến đấu dũng cảm, mưu trí, sáng tạo, nhưng trong cán bộ cũng nảy sinh một số biểu hiện tiêu cực, như ngại hy sinh, gian khổ, chấp hành mệnh lệnh không nghiêm, cá biệt có cán bộ đã bỏ nhiệm vụ giữa trận đánh. Trong chiến dịch này, đây là những hiện tượng mới.

Trên bàn làm việc của tôi, có một bản đồ trận địa tiến công và bao vây. Hằng ngày, cán bộ tham mưu ghi lên đó những đoạn chiến hào các đơn vị đào đêm trước. Thời gian đầu, chúng phát triển khá nhanh. Nhưng tới gần đồn địch, thì ở một số nơi, đường hào hầu như không tiến triển. Một hôm, tôi hỏi đơn vị chuẩn bị đánh đồi A1, chiến hào ta còn cách địch bao xa. Đơn vị

báo cáo: 30 mét. Để đơn vị đào tiếp thêm một đêm, hỏi lại, đơn vị báo cáo: 35 mét! Qua một đêm nữa, lại hỏi, khoảng cách này vẫn không thay đổi.

Sau đợt tiến công khu đông, công tác giáo dục chính trị đã tập trung làm cho toàn thể cán bộ, chiến sĩ nhận rõ tình hình khó khăn của địch và những điều kiện tất thắng của ta, nâng cao tinh thần trách nhiệm và quyết tâm làm tròn nhiệm vụ. Từ cán bộ tới chiến sĩ đều đã tiến hành kiểm điểm.

Đảng ủy mặt trận thấy không thể bỏ qua những hiện tượng mới này, quyết định triệu tập Hội nghị các bí thư đại đoàn ủy, các đồng chí phụ trách tổng cục, những người có trách nhiệm nặng nhất trong chiến dịch, để tiến hành kiểm điểm tư tưởng hữu khuynh, tiêu cực trước khi bước vào đợt chiến đấu quyết định.

Chúng tôi ngồi lại dưới ngôi nhà mái nứa dành riêng cho các cuộc họp. Hầu hết những đồng chí có mặt đã hoạt động từ ngày cách mạng còn phải đi kiếm từng khẩu súng kíp, từng quả lựu đạn. Con đường cách mạng tuy đầy chông gai, thử thách, nhưng nó không ngừng tiến lên phía trước và đem lại cho ta cái đẹp, cái vô cùng quý giá là tình đồng chí, tình bạn trong chiến đấu. Những khi có dịp quây quần bên nhau là để cùng vui trước thắng lợi, hoặc cùng bàn cách vượt qua khó khăn, giành thêm những thắng lợi mới.

Tôi giới thiệu với hội nghị nghị quyết mới của Bộ Chính trị, và trình bày bản báo cáo: "Kiên quyết đấu tranh chống tư tưởng hữu khuynh tiêu cực, xây dựng tinh thần tích cực cách mạng, tinh thần triệt để chấp hành mệnh lệnh bảo đảm toàn thắng cho chiến dịch" của Đảng ủy mặt trận. Hội nghị thảo luận, nhất trí về tình hình sau khi phân tích kỹ những khó khăn, thuận lợi của ta và địch. Mọi người đều nghiêm khắc kiểm điểm những thiếu sót. Hội nghị Giơ-ne-vơ sắp họp. Ai nấy đều thấy mình đang đứng trước một đòi hỏi to lớn, là không phải chỉ giành thắng lợi trong chặng đua nước rút cuối cùng, mà còn phải về tới đích đúng thời gian. Và không được phép sao lãng trách nhiệm giành thắng lợi với tổn thất ít nhất về xương máu. Đây cũng là điều có thể thực hiện, đã được thực tế chiến đấu những ngày qua chứng minh. Cuối cùng, hội nghị nhận thấy cần làm sao cho quyết tâm của Trung ương thấm nhuần tới mỗi cán bộ, chiến sĩ, mọi người cần vượt lên môi mệt, biến quyết tâm thành hành động trên chiến trường.

Sau cuộc họp, tôi gặp riêng từng đồng chí bí thư đảng ủy, trao đổi về kế hoạch tác chiến sắp tới, về những khó khăn của đơn vị. Đã thấy một không khí khác hẳn. Ai nấy đều tỏ ra lạc quan và tin tưởng. Những cuộc trao đổi kéo dài tới 2 giờ sáng.

Đồng chí Hiếu - Chánh văn phòng, chong đèn ngồi ghi lại bản báo cáo kết luận. Viết được từng phần, anh lại đánh thức tôi dậy thông qua trước

khi đem đi đánh máy. Ngày mai, các đơn vị cần có bản kết luận này, vì nó chính là một tài liệu học tập. Thời giờ rất gấp, đạt chiến đấu cuối cùng sắp bắt đầu.

Ngay hôm sau, phần lớn cán bộ cơ quan chính trị chia nhau xuống giúp đỡ các đơn vị triển khai một đợt giáo dục cấp tốc cho toàn thể bộ đội, từ cấp ủy đến đảng viên, từ cán bộ đến chiến sĩ, để mọi người nhận thức rõ tình hình, nâng cao quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ. Một khí thế mới dâng lên khắp nơi sau đợt học tập. Đây là một thành công rất lớn của công tác chính trị trên Mặt trận Điện Biên Phủ, một trong những thành công lớn của công tác chính trị trong lịch sử chiến đấu của quân đội ta.

ại Ninh Bình, trước yêu cầu của Mặt trận Điện Biên Phủ, chỉ trong 24 giờ, nhân dân đã tập trung được 600 tấn gạo đưa ra tiền tuyến.

Nhân dân Thanh Hóa đã đóng góp cho chiến dịch gần 11.000 tấn lương thực, thực phẩm đến mức gần như cạn kiệt nguồn dự trữ. Sau chiến thắng, Nhà nước đã phải có nhiều biện pháp cứu đói và nhanh chóng phục hồi sản xuất ở Thanh Hóa.

Trong Đông Xuân 1953-1954, hậu phương đã đóng góp trên 300.000 dân công, gồm 10 triệu ngày công, hơn 26.000 tấn lương thực, thực phẩm phục vụ Chiến dịch Điện Biên Phủ, khối lượng lớn gấp nhiều lần so với các năm trước. Nhân dân Tây Bắc, chủ yếu là bốn huyện Tuần Giáo, Điện Biên Phủ, Quỳnh Nhai và Thuận Châu đã đóng góp 32.000 dân công, 7.130 tấn gạo, 389 tấn thịt, chiếm hơn 10 phần trăm tổng số dân công, gần 30 phần trăm số lương thực, thực phẩm phục vụ chiến dịch. Đồng bào Tây Bắc san sẻ nốt những hạt gạo cuối cùng cho bộ đội. Riêng huyện Tuần Giáo giáp Điện Biên Phủ, người thưa ruộng hiếm, đã góp cho mặt trận 1.200 tấn gạo, vượt rất xa mức dự kiến cơ quan cung cấp đề ra lúc đầu. Nhiều nơi đồng bào đóng góp cả thóc giống. Sau chiến dịch, hậu phương phải chuyển ngay thóc giống và nông cụ lên Tây Bắc để giúp nhân dân kịp thời tiếp tục sản xuất.

Trên các tuyến chiến dịch, mọi người, mọi phương tiện lại phải dồn sức vào một cuộc thi đua nước rút với thời tiết, với kẻ thù.

Những đoàn dân công lên đường phục vụ chiến dịch từ mùa đông, nay đã sang hè. Những chiếc xe thồ tốt nhất cũng trở thành ộp ẹp, chắp vá. Xe ô-tô vận tải chạy liên tục, không có thời gian bảo dưỡng, mỗi ngày một xộc xệch.

Đôi chân không môi của hàng chục vạn đồng bào tiếp tục băng đèo, lội suối vượt qua bom nổ chậm, chân cứng đá mềm. Những chiếc xe vận tải, máy cũng theo người không chịu bỏ cuộc giữa đường, tiếp tục vượt những sườn đèo sạt lở bất chấp máy bay địch đánh phá. Khó khăn lớn nhất đối với lái xe không chỉ có bom đạn, mà còn phải dai dẳng chống lại sự buồn ngủ sau nhiều đêm ròng ngồi bên tay lái. Mỗi người đem theo một hộp dầu cao, khi quá buồn ngủ thì bôi lên mắt. Trong một cuộc họp của Bộ chỉ huy mặt trận đã phải dành thời gian bàn về khẩu phần ăn cho các lái xe.

Từ ngày 15 tháng 3 năm 1954, trước yêu cầu cấp thiết về đạn đại bác 105mm của mặt trận, xe vận tải chuyển sang chạy cả ban ngày. Đây là một việc làm táo bạo. Trên đèo Pha Đin, dài 30 ki-lô-mét, cao trên 1.000 mét, địa hình phần lớn trống trải, xe ta thường bị máy bay địch phát hiện. Gặp trường hợp này, phụ xe đứng bên ngoài, nhìn thấy máy bay địch lao xuống bắn thì hét lái xe ngừng lại cho máy bay địch lỡ đà tuôn đạn về phía trước. Xe tiếp tục chạy tới khi kịp tìm được nơi trú ẩn

hoặc máy bay địch vì sợ hết nhiên liệu phải bỏ cuộc. Có khi cả đoàn xe bị săn đuổi, một chiếc phóng lên trước làm lộ mục tiêu thu hút địch, những chiếc khác dạt vào bên đường như những lùm cây. Nhiều lần xe trúng đạn nằm lại. Anh em lái xe không ngại nguy hiểm, xông lên dỡ đạn xuống giấu vào rừng. Có lần Trung đội phó lái xe Nguyễn Văn Ba bị máy bay đuổi đánh trên đèo Pha Đin, biết không thể chạy thoát, anh quyết định cho xe lăn xuống vực sâu để cứu lấy đạn. Điều lạ lùng là ca-bin vững chắc của chiếc Mô-lô-tô-va đã giúp anh thoát chết, toàn bộ số đạn được thu lượm lại để đưa tiếp ra mặt trận.

Số đạn 105mm chiến lợi phẩm mới thu ở Trung Lào cũng được chuyển lên phía bắc. 440 viên đạn đã kịp tới Mặt trận Điện Biên Phủ.

Nhân đây cũng nói thêm, một số nhà nghiên cứu phương Tây đã quá cường điệu số đạn pháo của ta tại Điện Biên Phủ. Có người tính ta đã bắn khoảng 350.000 viên! Cũng theo họ, phía Pháp đã sử dụng trong chiến dịch 132.000 viên, không kể hỏa lực của chiến xa và đặc biệt là không quân. Trong thực tế, về đạn 105mm ta chỉ có tổng số khoảng 20.000 viên, gồm 11.000 viên chiến lợi phẩm của Chiến dịch Biên Giới, 3.600 viên do Trung Quốc viện trợ kèm theo pháo, 440 viên chiến lợi phẩm ở Mặt trận Trung Lào, và khoảng 5.000 viên thu được của địch thả dù tiếp tế. Sau chiến tranh Triều Tiên, đạn pháo 105mm ở Trung Quốc cũng rất khan hiếm. Trước nhu cầu cấp thiết của chiến dịch, bạn đã vét đạn 105mm từ các kho chuyển cho ta, nhưng 7.400 viên tháng 5 năm 1954 mới tới khi trận đánh đã kết thúc.

Cán bộ, nhân viên trong những trạm quân y làm việc không kể ngày đêm, dùng từ những thứ thuốc quý do bộ đội ta đoạt được của địch đến

những rễ cây, lá thuốc trên rừng theo kinh nghiệm chữa bệnh của đồng bào địa phương, tìm mọi cách săn sóc cho thương binh, bệnh binh mau hồi phục để trở về đơn vị.

Đường chỉ đỏ về vận chuyển gạo trên biểu đồ nhích dần lên cao.

Gạo, đạn và thuốc chữa bệnh là những nhu cầu cơ bản để duy trì cuộc chiến đấu. Nhưng muốn cải thiện đời sống của bộ đội ở chiến hào còn phải giải quyết nhu cầu về thực phẩm và nhu yếu phẩm. Những vấn đề này không thể chỉ trông chờ vào Hội đồng Cung cấp mặt trận và hậu cần chiến lược, chiến dịch vốn đã "quá tải". Các đơn vị cũng chủ động, tích cực tự giải quyết. Hậu cần đại đoàn tổ chức chuyên chở bằng xe đạp thồ từ hậu cứ của đơn vị ở trung du, đồng bằng, lên mặt trận thịt muối, rau muối, đường, sữa, thuốc lào, thuốc lá... Hậu cần trung đoàn tổ chức các đội tiếp tế đi sâu vào các bản trên rẻo cao khai thác rau, nhất là rau cải của đồng bào Mèo thường trồng xen kẽ với cây anh túc. Bộ đội vào rừng đào củ mài, tìm kiếm

rau rừng ở ven suối. Cán bộ trung đoàn, tiểu đoàn được phép ký giấy biên nhận mua trâu của đồng bào, bộ đội sẽ thanh toán sau chiến dịch.

Một cuộc vận động "Ba tốt" (ăn tốt, ngủ tốt, đánh tốt) được triển khai trên toàn mặt trận. Cán bộ chính trị, quân y tới những nơi bộ đội sinh hoạt gặp khó khăn nhất, nghiên cứu tạo mọi điều kiện ăn, ở, giải trí sao cho bộ đội giữ gìn được sức khỏe, sinh hoạt thoải mái bảo đảm chiến đấu lâu dài. Hầm hào đã được mở rộng, củng cố hạn chế sự đe dọa của bom đạn. Những "đường phố" sạch xuất hiện tại trận địa. Mỗi "căn nhà" hầm của tổ ba người có hai "giường" bằng đất, căng vải dù, nằm ngồi thoải mái. Bếp Hoàng Cầm, ra đời từ Chiến dịch Hòa Bình, được phát triển thành "bếp hầm Hoàng Cầm" có nơi đun nấu, kho thực phẩm, chỗ nằm của anh nuôi và cả một cái giếng nước trong vắt, đã phát huy tác dụng rất cao. Trên đồi A1, C1, trên sân bay, ta và địch chỉ cách nhau một tầm lựu đạn, bộ đội vẫn được ăn một bữa cơm nóng, uống nước nóng, đọc truyện "Thượng Cam Lĩnh", "Ngày và đêm ở Xta-lin-grát"..., xem báo Quân đội :hân dân, chơi bài tú-lơ-khơ. Bộ đội ở hỏa tuyến luân phiên về phía sau tấm giật. Đặc biệt ở những đơn vị pháo binh, hầm của bộ đội đều khá rộng và chắc chắn. Anh em dùng gỗ hòm đạn lát trần, lát vách hầm, ghép giường nằm và đóng cả bàn ghế. Anh em còn dùng vỏ đạn chế tạo thành đèn dầu và những chiếc lọ xinh xinh cắm những bông hoa rừng. Tại các đội điều trị, dù chiến lợi phẩm được đưa tới làm chăn đắp cho thương binh. Khi vào hầm mổ, có cảm giác như vào một bệnh viện hiện đại. Tường rất phẳng, góc rất vuông căng vải trắng tinh. Sàn hầm lát bằng những thân cây sậy phủ một lớp vải dù. Không khí dịu mát, phẳng phất

mùi ê-te thơm thơm. Những bác sĩ phẫu thuật áo choàng trắng toán, làm việc dưới ánh sáng "đèn điện" mà máy phát là một bình điện xe đạp quay bằng tay.

Tất cả các biện pháp trên đã làm cho bữa ăn cũng như sinh hoạt của bộ đội được cải thiện một phần.

Quân dân đồng bằng Bắc Bộ tiếp tục đánh phá mãnh liệt các tuyến đường giao thông thủy bộ quan trọng, đặc biệt là đường số 5 Hà Nội - Hải Phòng và đường số 1, đoạn Hà Nội - Nam Định. Bộ đội ta tiêu diệt vị trí công sự mới Nghĩa Lộ, tập kích Lai Xá (Hải Dương), đánh thiệt hại nặng tiểu đoàn lẻ dương 3 (3/5 REI) phục kích ở Đông Biên, Lạc Quần (Nam Định), tiêu diệt một tiểu đoàn khinh quân ngụy, phục kích ở Văn Lâm - Như Quỳnh gần Hà Nội, tiêu diệt tiểu đoàn lẻ dương 2 (2/3 REI), đồng thời bao vây chặt nhiều đồn bốt, buộc chân các lực lượng cơ động dịch.

Tại Trung Bộ, bộ đội ta đánh vị trí An Hòa ở Thừa Thiên, diệt 200 quân địch, san phẳng cứ điểm đèo Thượng An diệt sáu đại đội, phục kích ở chân đèo Măng Giang tiêu diệt gọn một đoàn xe quân sự địch, tập kích ở Plei Rinh gây thiệt hại nặng cho

binh đoàn cơ động địch ở Triều Tiên về, đánh nhiều trận vận động phục kích lớn diệt từng đoàn tàu, từng đoàn xe vận tải.

Tại Nam Bộ, trước tinh thần chiến đấu sa sút của binh lính và lực lượng thiếu hụt nghiêm trọng, ngày 12 tháng 4 năm 1954, thủ tướng ngụy quyền Sài Gòn ra quyết định bắt thanh niên từ 21 đến 25 tuổi đều phải nhập ngũ, và lập tòa án binh khẩn cấp xét xử những người đào ngũ. Những hoạt động của các lực lượng vũ trang trên toàn miền đều được đẩy mạnh để phối hợp với Điện Biên Phủ, loại từng trung đội, đại đội và tiểu đoàn địch khỏi vòng chiến đấu. Các tiểu đoàn chủ lực tiến sâu vào vùng tạm chiếm, tiêu diệt nhiều đồn bốt, tiến công bốt An Nhơn (Hóc Môn) nằm sát nách Sài Gòn, giữa ban ngày.

Tại Trung Lào, các trung đoàn 66 và 18 tiếp tục hoạt động giam chân quân cơ động địch ở Xê-nô, cùng với quân giải phóng Ít-xa-la Lào đánh Chăm-pát-sắc tiêu diệt và làm tan rã quân địch ở đây, bắt sống phó vương Bun Ùm ở Đôn-ta-lạt. Tại Cam-pu-chia, Trung đoàn 101 tiến sâu vào Đông Bắc Cam-pu-chia, vượt sông Mê Kông... Cuối tháng 4, một vùng rộng lớn đông nam tỉnh Prết Vi-hia và đông bắc tỉnh Công Pông Thom giải phóng. Một bộ phận của Trung đoàn 101 thọc sâu vào tỉnh Kra-chi-ê bắt liên lạc với Nam Bộ. Hướng về Điện Biên Phủ, tất cả các chiến trường trên toàn Đông Dương không ngừng hoạt động suốt Đông Xuân 1953-1954 để tạo điều kiện cho chiến trường chính giành thắng lợi cuối cùng.

ông thống Ai-xen-hao đã mắc nợ với cử tri Mỹ lời hứa khi tranh cử là sẽ tạo một không khí hòa dịu trong tình hình quốc tế đang bị đầu độc vì chiến tranh lạnh giữa Tây và Đông. Nhưng ông ta không thể giữ thái độ thờ ơ trước lời kêu cứu của nhà cầm quyền Pháp.

Các quan chức Mỹ trao đổi nhiều lần, tìm cách giải nguy cho Điện Biên Phủ. Có ý kiến đề xuất đưa tám sư đoàn chiến đấu, 35 tiểu đoàn công binh... và các phương tiện bảo đảm pháo binh, hậu cần, đổ bộ vào châu thổ sông Hồng1. Nhưng kế hoạch này bị gạt vì lục quân Mỹ chưa sẵn sàng, và Mỹ đã có kinh nghiệm đưa bộ binh vào Bắc Triều Tiên. Rát-pho nghiêng về ý kiến dùng không quân chiến lược Mỹ ném bom, phù hợp với chiến lược trả đũa ổ ạt".

Trong hôi ký "Không có thêm những Việt Nam mới" (No more Vietnams), Ních-xôn viết: Đô đốc Rát-pho, chủ tịch Hội đồng tham mưu trưởng liên quân, đề nghị chúng ta dùng 60 máy bay ném bom B-29 ở Phi-líp-pin mở các cuộc đột kích vào ban đêm để tiêu diệt các vị trí của Việt Minh. Và đặt ra kế hoạch mang tên "Cuộc hành binh Chim kền kền" (Opération Vautour) nhằm đạt cùng mục tiêu với ba quả bom nguyên tử chiến thuật nhỏ. Một số tài liệu khác còn cho thấy kế hoạch Rát-pho được Hội đồng an ninh quốc gia phê chuẩn, và "trong thực tế, Mỹ đã có quyết định

tạm thời về việc tham chiến ở Đông Dương vào ngày 25 tháng 3 năm 1954"2, và thiên văn bản của Hội đồng an ninh quốc gia có ba chữ D.D.E (Dwight D. Eisenhower) phê chuẩn"3.

Ngày 29 tháng 3 năm 1954, sau khi Ê-ly từ Mỹ về, thủ tướng Pháp La-ni-en triệu tập cuộc họp Hội đồng chiến tranh, gồm các tham mưu trưởng và những thành viên trọng yếu, bàn về dự kiến một cuộc ném bom của không quân Mỹ ở Điện Biên Phủ. Không phải không có sự phân vân. Liệu một cuộc hay vài cuộc ném bom có đủ để tiêu diệt lực lượng Việt Minh đang bao vây hay không? Biết đâu nó lại dẫn tới sự can thiệp ở ạt của Trung Quốc vào Đông Dương như ở Triều Tiên. Nó có làm tiêu tan hy vọng về một giải pháp hòa bình cho chiến tranh Đông Dương tại Hội nghị Giơ-ne-vơ sẽ mở vào ngày 26 tháng 4 hay không? La-ni-en và Hội đồng chiến tranh quyết định cử đại tá Brô-hông, người đã tháp tùng Ê-ly sang Mỹ, đi gặp tổng chỉ huy Na-va

để hỏi về tác dụng của một cuộc ném bom của không quân chiến lược Mỹ xuống Điện Biên Phủ.

Những phần tử "diều hâu" ở Oa-sinh-tơn cũng xúc tiến kế hoạch. Ngày 3 tháng 4 năm 1954, bộ trưởng ngoại giao Mỹ Đa-lét và đô đốc Rát-pho họp với tám nghị sĩ có thể lực trong quốc hội, thuộc hai đảng Dân chủ và Cộng hòa, phổ biến ý định của tổng thống muốn có một nghị quyết cho phép sử dụng lực lượng không quân và hải quân Mỹ ở Đông Dương. Đa-lét nhấn mạnh Đông Dương sụp đổ có thể dẫn tới mất toàn bộ Đông Nam Á, Hoa Kỳ cuối cùng sẽ bị đẩy về quần đảo Ha-oai. Nếu Mỹ không giúp Pháp thì hậu quả sẽ là Pháp phải từ bỏ chiến tranh Đông Dương.

Rát-pho trình bày tiếp một kế hoạch ném bom ở ạt xuống Điện Biên Phủ, được gọi là cuộc hành binh Chim kến kến. Cuộc hành binh sẽ do hai tàu sân bay Essex, Boxer và những máy bay của không quân Mỹ ở Nhật Bản và Phi-líp-pin thực hiện. Người Pháp thấy cần huy động 60 máy bay ném bom hạng nặng B-29, mang ít nhất 450 tấn bom. Nhưng theo những quan chức Mỹ, nhiệm vụ chính phải được hoàn tất với ba sư đoàn không quân ném bom, hai sư đoàn ở Ô-ki-na-oa, một sư đoàn ở Clác Phin, tổng cộng là 98 siêu pháo đài bay B-29, mỗi chiếc mang 14 tấn bom. Để đề phòng máy bay MiG ở những sân bay của Trung Cộng gần biên giới Việt - Trung, phải có thêm 450 máy bay tiêm kích phân lực bảo vệ cho máy bay ném bom.

Cử tọa đặt một số câu hỏi về hậu quả của hành động này. Rát-pho trả lời không giấu giếm nó có thể dẫn Hoa Kỳ vào chiến tranh, và nếu cuộc ném bom thứ nhất không đủ để giải tỏa cho tập đoàn cứ điểm, sẽ phải tính đến những cuộc ném bom bổ sung. Nhiều người bắt đầu ngăng ra. Họ nói Mỹ đã phải chi phí tới 92 phần trăm chiến phí trong chiến tranh Triều Tiên, một hành động đơn phương của Mỹ trong

thời gian này không thể được quốc hội chấp thuận. Riêng Rít-uây - tham mưu trưởng lục quân, nguyên tư lệnh quân đội Mỹ ở Triều Tiên, nói: "Dù kế hoạch "Chim kền kền" có được thực hiện chăng nữa thì những cuộc ném bom bừa bãi xuống vùng rừng núi bao la đó vẫn không thể nào giải tỏa cho quân lính của Đò Cát-xtơ-ri vốn sống trong cảnh "thú săn bị sập bẫy", sau khi ném bom, phải cẩn thêm vài chục vạn quân Mỹ nữa mới có khả năng can thiệp thành công bằng quân sự được".

Cuộc họp đi tới kết luận: Cuộc hành binh Chim kền kền, hay những hành động tương tự, chỉ có thể được quốc hội cho phép với ba điều kiện: - Hoa Kỳ tham gia như là một trong những nước tự do ở Đông Nam Á cùng với Vương quốc Anh; - Người Pháp đồng ý xúc tiến chương trình trao độc lập cho các quốc gia liên kết; - Nước Pháp cam kết không rút khỏi cuộc chiến.

Ngày 4 tháng 4, Brô-hông từ Đông Dương quay lại Điện Biên Phủ cho biết Na-va lo ngại cuộc hành binh Chim kền kền sẽ dẫn tới những phản ứng của không quân Trung Quốc. Nhưng ngay tối hôm đó Ê-ly lại nhận được bức điện khẩn của Na-va: "Cuộc can thiệp mà đại tá Brô-hông đã nói với tôi chỉ có thể có một hiệu quả quyết định nếu được thực hiện trước cuộc tiến công cuối cùng của Việt Minh". Theo Béc-na Phôn thì chính đợt tiến công của bộ đội ta vào năm quả đồi phía đông đã làm cho Na-va thay đổi thái độ. Plê-ven lập tức mời đại sứ Mỹ tới trình bày tình hình nghiêm trọng của tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, chỉ có sự can thiệp bằng máy bay hạng nặng của Mỹ mới có khả năng loại trừ pháo binh Việt Minh ở những quả đồi chung quanh để cứu nguy cho quân đồn trú. Ê-ly cũng điện cho tướng Va-luy đang có mặt ở Lầu Năm Góc, thông báo ngay cho Rát-pho để có những biện pháp quân sự thật khẩn trương.

Cũng trong ngày 4 tháng 4, Ai-xen-hao viết một bức thư khá dài gửi riêng cho Thủ tướng Sóc-sin, với tư cách là một người bạn chiến đấu chống phát xít trong thế chiến thứ hai: "... [Nếu] Đông Dương rơi vào tay cộng sản, tác động chủ yếu đối với thế chiến lược toàn cầu của chúng tôi và các ngài cùng với sự thay đổi trong cán cân quyền lực do nó gây ra ở khắp châu Á và Thái Bình Dương có lẽ sẽ thảm khốc... Điều đó dẫn chúng tôi đến kết luận không thể bác bỏ được là tình hình Đông Nam Á đòi hỏi chúng ta một cách khẩn cấp phải có những quyết định nghiêm chỉnh và có tầm xa...". Một trong những quyết định đó chính là sự thành lập một liên minh gồm Mỹ, Anh, Pháp, Úc, Niu Di-lân, Thái Lan, Phi-líp-pin và ba nước Đông Dương (ngụy quyền). Ai-xen-hao viết tiếp: "Điều quan trọng là liên minh đó phải mạnh mẽ và sẵn sàng tham gia vào trận chiến nếu cần"1.

Vị thủ tướng 85 tuổi của nước Anh không vội vàng phúc đáp. Anh vẫn còn giữ một hòn đảo của Trung Quốc là Hồng Kông, không muốn bỏ lỡ cơ hội cải thiện quan hệ với nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa tại Hội nghị Gio-ne-vơ sắp họp nay mai.

Mười ngày sau, Na-va lại điện cho Ê-ly đề nghị Mỹ dùng từ 15 đến 20 máy bay B-29 ném bom xuống đường số 41 quãng giữa sông Hồng và Tuần Giáo. Tình hình bế tắc ở Điện Biên Phủ buộc Na-va phải nghĩ tới một hành động hạn chế của không quân chiến lược Mỹ. Ê-ly trả lời "Rát-pho không chấp nhận giải pháp này. Hoặc tất cả hoặc không".

Trong khi chờ đợi, Ê-ly gọi ý Na-va về khả năng sử dụng 15 máy bay hạng nặng B-29 của Mỹ do phi công Pháp ở Đông Dương điều khiển. Đến

lượt Na-va trả lời khước từ, vì một lý do đơn giản: Phi công Pháp không sử dụng được những máy bay lớn hơn máy bay B-26 mà người Mỹ đã cung cấp.

Những người cầm đầu nước Mỹ vẫn tin sớm muộn sẽ có sự đồng tình của Anh. Ngày 20 tháng 4, Đa-lét quyết định mời đại sứ các nước Anh, Cam-bốt, Lào, Pháp, Phi-líp-pin, Tân Tây Lan, Thái Lan, Úc, và ngụy quyền Việt Nam tái họp. Chính quyền Anh đã chỉ thị cho Ma-kin - đại sứ tại Oa-sinh-tơn, không tham dự cuộc họp này.

Trước những phản ứng không thuận lợi ở cả trong nước và ngoài nước, phái can thiệp Mỹ được phó tổng thống Ních-xơn ủng hộ, vẫn xúc tiến kế hoạch. Giới quân sự Mỹ tiếp tục liên hệ với bộ tham mưu Pháp chuẩn bị cho cuộc hành binh Chim kền kền. Đầu tháng 4, đại tướng Pa-tơ-rít, chỉ huy không lực Mỹ tại Viễn Đông, tới Sài Gòn bàn bạc với người đồng nhiệm Pháp, tướng Lô-danh, và tổng chỉ huy Na-va. Cùng đi với Pa-tơ-rít có trung tướng Can-đi-ra, người sẽ trực tiếp điều khiển cuộc hành binh. Can-đi-ra phát hiện một số trở ngại về mặt kỹ thuật. Tại Đông Dương không có loại ra-đa dẫn đường tầm ngắn, rất cần để hướng dẫn cho những máy bay hạng nặng thả bom vào một kẻ địch đã bao vây rất gần, chỉ một sai sót nhỏ về điều khiển thì hàng trăm tấn bom có thể tiêu diệt toàn bộ quân đồn trú chứ không phải là Việt Minh! Can-đi-ra nhiều lần dùng máy bay trực tiếp quan sát Điện Biên Phủ ban đêm, cố tìm giải pháp khắc phục nhược điểm này.

Trong cuốn "Những bí mật quốc gia" (Secrets d'Etat). Ray-mông Tuốc-nô đưa ra một sự kiện theo tác giả đã được thu thập "từ những nguồn tin có thẩm quyền, và sau đó không ai cải chính":

Ngày 14 tháng 4 năm 1954, tại Pa-ri, ngoại trưởng Mỹ Đa-lét đã nói bằng tiếng Pháp với Bi-đôn:

- Nếu bây giờ chúng tôi cho ngài hai trái bom nguyên tử?

Bi-đôn đã khẳng định điều này trong cuốn "Từ cuộc kháng chiến này đến cuộc khác" (D'une résistance à l'autre) bằng cách dẫn lại câu trả lời của mình với Đa-lét: "Nếu ném bom (A) xuống vùng Điện Biên Phủ, người phòng ngự cũng như người tiến công đều hứng chịu hậu quả như nhau. Nếu đánh vào tuyến giao thông bắt nguồn từ Trung Hoa, sẽ có nguy cơ dẫn tới một cuộc chiến tranh toàn bộ. Trong cả hai trường hợp, quân đồn trú ở Điện Biên Phủ, còn xa mới được cứu nguy, mà sẽ làm vào tình trạng nghiêm trọng hơn".

Ngày 24 tháng 4, đô đốc Rát-pho gặp ngoại trưởng Anh I-đơn tại Pa-ri nhân cuộc họp Hội đồng khối Bắc Đại Tây Dương (O.T.A.N). Rát-pho một lần nữa tìm cách thuyết phục I-đơn chí ít nước Anh cũng cho Hoa Kỳ một lời

tuyên bố ủng hộ có tính tượng trưng. Nhưng I-đơn nói thẳng với những người đối thoại Hoa Kỳ là một chính sách dựa trên cơ sở một cuộc oanh tạc bằng máy bay chóng chầy sẽ đưa người Mỹ tới việc can thiệp bằng lực lượng trên bộ như kinh nghiệm tại Triều Tiên đã chứng tỏ, sự can thiệp đó sẽ dẫn người Mỹ tới việc thúc đẩy đồng minh thực hiện một "hành động liên minh", có nghĩa là đưa quân đội của họ vào cuộc chiến. Người Anh sẽ làm tất cả cho Hội nghị Gio-ne-vơ thành công. Ngày 25, I-đơn trở về Luân Đôn họp Hội đồng nội các để giải quyết dứt khoát vấn đề này.

Ngày 26 tháng 4, tướng Can-đi-ra trở lại Sài Gòn. Can-đi-ra đề cập tới việc sẽ dùng 80 máy bay ném bom chung quanh thung lũng Điện Biên Phủ và khu vực hậu cần Tuần Giáo, nhưng với những phi hành đoàn Mỹ - Pháp kết hợp. Cuộc hành binh sẽ được thực hiện trong 62 giờ và một sĩ quan cao cấp đã từ Sài Gòn bay tới Clark Field để chuẩn bị. Về thực chất vẫn là kế hoạch Chim kền kền. Người Pháp lại hy vọng.

Ngày 27 tháng 4 năm 1954, Thủ tướng Sóc-sin tuyên bố ở Hạ nghị viên Anh: "Chính phủ Hoàng gia Anh không chuẩn bị lời hứa nào về hành động quân sự ở Đông Dương khi mà chưa biết kết quả của Hội nghị Gio-ne-vơ". Lời tuyên bố đã được Hạ nghị viên Anh hoan hô nhiệt liệt.

Cũng trong ngày 27, đại sứ Pháp Mát-xi-gli xin gặp Sóc-sin, tiếp tục nài nỉ nước Anh hãy nghĩ tới số phận của đoàn quân đồn trú ở Điện Biên Phủ. Sóc-sin nói với đại sứ Pháp: tôi đã phải chịu đựng ở Xinh-ga-po, Hồng Kông, Tô-brúc1; người Pháp sẽ có Điện Biên Phủ2. Người Anh không thể vì số phận một đoàn quân Pháp đã được định đoạt, bỏ lỡ cơ may giải quyết những vấn đề quan trọng của mình với những cường quốc cộng sản tại Gio-ne-vơ.

Ngày 29 tháng 4, tại Oa-sinh-tơn, Ai-xen-hao họp với Rát-pho, các tham mưu trưởng ba quân chủng và nhiều sĩ quan cao cấp khác xem xét lần cuối mọi mặt tình hình. Rát-pho là người duy nhất ủng hộ một cuộc can thiệp của Mỹ, dù là đơn phương để tránh sự thất trận ở Điện Biên Phủ. Các tham mưu trưởng hải quân, không quân tỏ về không mặn mà. Riêng tham mưu trưởng Lục quân Rít-uây phản đối quyết liệt. Rít-uây viện dẫn sự thất bại thảm hại từ cuộc hành binh "Bóp nghẹt" (Strangle) của Mỹ ở Triều Tiên, nhằm tiêu diệt con đường tiếp tế, để chứng minh sự hạn chế của những hành động bằng không quân trong loại chiến tranh này. Cũng như I-đơn, Rít-uây cho

rằng những cuộc ném bom sẽ dẫn Hoa Kỳ vào một cuộc chiến tranh mới bằng bộ binh tốn kém với lối thoát không rõ ràng ở lục địa châu Á. Ý kiến của Rít-uây được nhiều người tán đồng. Phái chủ chiến hạ vũ khí. Ai-xen-hao không phải không biết nghe lời nói đúng. Ông ta quyết định ngừng xúc tiến kế hoạch Chim kền kền. Nhưng mười năm sau, cũng tại Việt Nam, nhà cầm quyền Mỹ đã quên những kinh nghiệm này.

Chính quyền Pháp thời đó cho rằng tất cả mọi biện pháp cứu nguy cho Điện Biên Phủ đều đã được bàn bạc rất kỹ lưỡng. Một số người Pháp coi nước Anh là ích kỷ. Nhiều người chê trách Mỹ, nói Mỹ đã khôn khéo gạt trách nhiệm cho đồng minh, trong khi quyết định không can thiệp bằng không quân chiến lược vào Điện Biên Phủ đã được đề ra ở cấp cao nhất trong chính quyền Mỹ. Người Anh tự hào mình đã có thái độ đúng trong thời điểm lịch sử này. Thực ra ở nước Mỹ, những người thuộc phái diều hâu không phải cứ muốn điều gì đều có thể làm.

Quân Pháp sống trong những điều kiện cực kỳ khủng khiếp. Trên diện tích 1 ki-lô-mét vuông, một khoảng rộng bên bờ sông phải dành cho bệnh viện và cái "hố chung". Nếu tập đoàn cứ điểm không ngừng thu hẹp thì khu vực dành cho người bị thương và người chết cũng không ngừng phát triển. Công binh Pháp ra sức đào thêm những nhánh hào mới để mở rộng bệnh viện nhưng vẫn không đủ chỗ cho thương binh. Nhiều thương binh phải nằm ngay tại cứ điểm. Chiếc máy xúc duy nhất còn lại cho chuyên vào việc đào hố chôn người chết. Danh mục đổ tiếp tế cho Điện Biên Phủ có thêm một yêu cầu khẩn cấp, đó là thuốc khử trùng DDT. Ruồi nhặng kéo tới để trứng trên những vết thương. Thương binh nặng nằm trên những chiếc giường ba tầng, sáu người trong một căn hầm nhỏ. Nhiều người bị thương sọ não và mắc chứng hoại thư. Máu mủ của những người nằm bên trên chảy xuống những người nằm bên dưới. Những cẳng tay, cẳng chân, những ống tiêm chôn ngay trong đường hầm, khi trời mưa, nước bên ngoài chảy vào, tất cả lại lênh bênh nổi lên. Phần lớn những bộ phận lọc nước đã bị hỏng. Những viên chỉ huy ra lệnh

cho binh lính đào giếng. Nhưng chỉ thấy một thứ nước váng dầu đục ngầu. Sân bay đã bị bỏ. Binh lính lấy những tấm ghi về lát trên đường hào, phủ đất để tránh mảnh đạn. Những tấm ghi này biến họ thành những con chuột ngày cũng như đêm, sống chui lùi trong bóng tối. Rời công sự đi lượm dù hoặc lấy nước là làm mồi cho các loại súng bắn tỉa khó trở về an toàn. Điện Biên Phủ khẩn thiết yêu cầu Cô-nhi gửi thật nhiều ống nhòm ngầm (kính tiềm vọng) vì nhỏ đầu lên khỏi chiến hào để quan sát đã trở thành mạo hiểm.

Vòng vây thu hẹp, tiếp tế và tiếp viện trở nên cực kỳ khó khăn. Những phi công Mỹ làm công việc này đã được đánh giá là dũng cảm, nhưng cũng không đáp ứng được yêu cầu để ra, khi phải bay thấp thả dù trong một không phận nhỏ hẹp có súng cao xạ và súng phòng không chờ sẵn. Riêng trong ngày 26 tháng 4, 50 máy bay trúng đạn trên bầu trời Điện Biên Phủ và ba chiếc bị bắn hạ, trong đó có một máy bay B-26 và hai chiếc Hen-cát của hạm đội 11, do phi công Mỹ lái. Đêm hôm đó, Hà Nội hứa tăng viện 80 người, nhưng chỉ thả dù được 36, hứa thả 150 tấn hàng tiếp tế, nhưng chỉ thả được 91 tấn với 34 phần trăm rơi vào phía bên kia1.

Ngày 29 tháng 4, Đò Cát-xtô-ri điện cho Cô-nhi báo tin bùn trong những chiến hào ở Điện Biên Phủ đã sâu tới 1 mét, trong ngày Điện Biên Phủ chỉ nhận được 30 tấn hàng tiếp tế và không có một tên lính tiếp viện nào.

Tính riêng trong tháng 4, số quân dịch bị loại khỏi vòng chiến tại Điện Biên Phủ là 3.071 người. Lực lượng nhảy dù tăng viện trong tháng có hai tiểu đoàn (2/1 RCP, 2è BEP) và 650 lính tình nguyện, nhiều người chưa qua huấn luyện nhảy dù. Số tăng viện này còn xa mới bù đắp được những tổn thất. Về vũ khí, trong số 10 chiến xa, chỉ còn một chiếc hoạt động, bốn khẩu pháo 155 chỉ còn một khẩu bắn được, 24 khẩu pháo 105mm, chỉ còn lại 14 khẩu, và 15 khẩu cối 120mm2.

Cuộc hành binh Chim kên kên ngày càng xa vòi. Bộ chỉ huy quân viễn chinh phải tính cách tự cứu. Có ý kiến: Mở một cuộc hành binh đánh vào hậu phương chiến dịch của Việt Minh ở khu vực Yên Bái - Tuyên Quang. Nhưng cuộc hành binh này cần tới những lực lượng và phương tiện lớn, chỉ có thể lấy từ đồng bằng Bắc Bộ, như vậy sẽ làm cho đồng bằng Bắc Bộ nhanh chóng sụp đổ. Một ý kiến khác, cho Đò Cát-xtơ-ri tự đánh giải vây... Na-va quay lại với ý định từ ngày đầu chấp nhận chiến đấu ở Điện Biên Phủ: Một hành động bắt đầu từ sông Nậm Hu. Nhưng, theo Y-vơ Gra, nó không còn là một cuộc hành binh giải tỏa như kế hoạch Xê-nô-phôn, vì người Pháp không có đủ máy bay vận tải và máy bay chiến đấu, mà chỉ còn là một hành động nghi binh để nâng đỡ Điện Biên Phủ. Cuộc hành binh này vẫn mang tên Công-đo (Chim kên kên), nhưng là loại chim ở Nam Mỹ. Nó chỉ gồm bảy tiểu đoàn, trong đó có ba tiểu đoàn được thả dù. Tuy vậy, vẫn phải huy động toàn bộ những

chiếc Đa-kô-ta còn lại trong vòng 24 giờ và sau đó những máy bay này còn phải đảm nhiệm thả dù hằng ngày 45 tấn lương thực. Theo dự kiến từ ngày 14 đến ngày 29 tháng 4, cuộc hành binh sẽ được khởi đầu từ Mường Khoa tiến đến Tây Trang, rồi tràn vào Điện Biên Phủ đón binh đoàn đồn trú Tây Bắc phá vây rút chạy. Nhưng đúng thời gian này

thì lực lượng máy bay vận tải bị hoàn toàn hút vào Mặt trận Điện Biên Phủ. Do đó việc thả dù ba tiểu đoàn đã không thực hiện được. Chỉ còn ba tiểu đoàn ngụy Lào và một tiểu đoàn lê dương (2/2 REI) thực hiện cuộc hành binh với sự yểm trợ của không quân, dưới quyền chỉ huy của trung tá Gốt-đa.

Ngày 27 tháng 4 năm 1954, cuộc hành binh Công-đo bắt đầu.

Được tin có cánh quân địch từ phía Lào sang giải vây cho Điện Biên Phủ, Bộ chỉ huy mặt trận quyết định sử dụng Trung đoàn 148 và đại đội trình sát ở nam Hồng Cúm tiến về phía Mường Khoa ngăn chặn địch. Ta phục kích gần Mường Khoa (tây nam Điện Biên Phủ 30 ki-lô-mét) tiêu diệt bốn đại đội quân ngụy Lào. Địch rút chạy. Bộ đội truy kích địch về tận giáp Mường Sài và Luông Pha Băng. Cuộc hành binh Công-đo đã hoàn toàn thất bại.

Ngày 26 tháng 4 năm 1954, các đoàn đại biểu đã có mặt tại Gio-ne-vô. Hội nghị sẽ bàn về chiến tranh ở Triều Tiên và Đông Dương. Trên bán đảo Triều Tiên đã có ngừng bắn, nhưng vẫn chưa đạt được một hiệp định hòa bình. Vấn đề này sẽ không dễ giải quyết. Sự chú ý của các cường quốc tập trung vào tình hình chiến tranh nóng bỏng tại Đông Dương. Anh Phạm Văn Đồng, Trưởng đoàn đàm phán của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ở Phông-ten-no-blô chín năm trước đây, với tư cách Phó Thủ tướng Chính phủ hiện nay, chuẩn bị lên đường sang Gio-ne-vô.

Cuối tháng 4, tại căn nhà nhỏ giữa núi rừng Việt Bắc, Bác tiếp chuyện nhà báo Úc Bóc-sét. Bóc-sét hỏi thăm về Điện Biên Phủ. Bác lật ngửa chiếc mũ đặt trên bàn tre, đưa mấy ngón tay vòng quanh vành mũ, nói: "Đây là rừng núi, nơi có lực lượng của chúng tôi". Rồi Người nắm tay lại đấm vào lòng mũ và nói tiếp: "Còn đây là quân Pháp. Họ không thể thoát khỏi chỗ này!".

Chương mười ba ĐỢT TIẾN CÔNG CUỐI CÙNG

e phía ta, mọi công tác chuẩn bị cho đợt tiến công thứ ba đã tiến hành rất chu đáo. Các chiến hào được củng cố tới mức bộ đội có thể di chuyển ban ngày ngay gần quân địch, cho phép các đơn vị mỗi khi tiến đánh một vị trí, nhanh chóng bỏ qua giai đoạn đột phá tiến duyên. Cán bộ, chiến sĩ thuộc địa hình cứ điểm mục tiêu như những đôn đã diễn tập nhiều lần.

Chiến sĩ vừa điều trị khỏi vết thương, chiến sĩ mới nô nức về đơn vị để được có mặt trong đợt tiến công cuối cùng.

Đợt học tập chính trị đã mang lại cho mọi người niềm tin vững chắc ở thắng lợi.

Chưa lúc nào kho của mặt trận đầy đủ, sung túc thóc gạo bằng thời kỳ này. Vào cuối tháng 4, hậu cần đã có dự trữ cho tháng 5. Về đạn cho lựu pháo, ngoài 5.000 viên lấy được của địch, hơn 400 viên đạn chiến lợi phẩm thu được ở Trung Lào đã được ngành hậu cần chuyển tới nơi. Bạn cũng chuyển cho ta hai giàn hỏa tiễn sáu nòng. Vì số lượng đạn không có nhiều, nên đây sẽ là một bất ngờ dành cho quân địch vào những ngày tiến công cuối cùng. Sau đợt 2 chiến dịch, chỉ trong mười ngày ta đã xây dựng xong một tiểu đoàn ĐKZ 75 và một tiểu đoàn H6 (hỏa tiễn) do Trung đoàn 676 phụ trách, kịp thời bổ sung cho mặt trận.

Trung đoàn 9 của Đại đoàn 304, lên Tây Bắc từ trung tuần tháng 3 làm xong công tác tiểu phí, đã nhanh chóng tới Điện Biên Phủ. Đại đoàn 304 (thiếu một trung đoàn) với các đồng chí Lê Chưởng - Chính ủy, Nam Long - Tham mưu trưởng, là đại đoàn cuối cùng có mặt trong đội hình chiến dịch.

Mở đầu kế hoạch đợt 3 là tiếp tục hoàn thành nốt những nhiệm vụ đã đề ra cho đợt 2: Tiêu diệt hoàn toàn hai điểm cao A1 và C1, đồng thời đánh chiếm thêm một số cứ điểm ở phía tây và phía đông, thu hẹp thêm nữa phạm vi chiếm đóng của quân địch, chuẩn bị cho tổng công kích.

Nhiệm vụ được trao cho các đơn vị như sau:

- Đại đoàn 316, được phối thuộc Trung đoàn 9 của Đại đoàn 304 (thiếu một tiểu đoàn), tiêu diệt A1, C1 và C2.
- Đại đoàn 312 tiêu diệt các cứ điểm: 505, 505A, 506, 507, 508 ở phía đông, tiến sát bờ sông Nậm Rốm.
- Đại đoàn 308 tiêu diệt các cứ điểm 311A, 311B ở phía tây.
- Đại đoàn 304: Trung đoàn 57 được phối thuộc một tiểu đoàn của Trung đoàn 9, cứ một tiểu đoàn chốt chặn trên đường đi Tây Trang không cho quân địch rút chạy sang Lào, siết chặt vòng vây chung quanh Hồng Cúm, tập kích trận địa pháo binh, tiêu diệt khu C Hồng Cúm.
- Đại đoàn 351 phối hợp với bộ binh trong các trận đánh điểm và đánh phần kích.

Thời gian chiến đấu bắt đầu từ ngày 1 đến ngày 5 tháng 5 năm 1954.

Nhiệm vụ trọng tâm của đợt này là tiêu diệt cho được A1.

Từ sau đợt tiến công khu đông, A1 trở thành điểm nhức nhối đối với các đơn vị tham gia chiến dịch.

Tôi đã nhiều lần trao đổi trong cơ quan tham mưu về điểm cao A1. Chúng ta tìm được một người dân địa phương ngày trước đã tham gia xây dựng ngôi nhà trên đỏi này. Theo bác thì đó là một ngôi nhà tuy kiên cố, nhưng không có gì đặc biệt, khi mới xây, không có hầm ngầm. Nghe bộ đội tả lại căn hầm, bác cho rằng có thể quân Nhật trong thời gian đóng ở Điện Biên Phủ đã xây dựng căn hầm này để phòng máy bay Mỹ ném bom, hoặc có thể quân Pháp đã cải tạo hầm đựng rượu cũ thành hầm ngầm. Về sau mới biết, trong hai tháng xây dựng công sự, quân Pháp đã dùng những gạch, đá từ ngôi nhà trên đỏi, biến hầm rượu thành một căn hầm trú ẩn tương đối kiên cố với rất nhiều đất đổ bên trên... Nhưng nó vẫn không thể nào sánh với những boong-ke của Đò Lát đò Tát-xi-nhi mà bộ đội ta đã từng tiêu diệt ở đồng bằng.

Anh Thái đã cử cán bộ cơ quan tham mưu cùng đi trình sát với cán bộ Trung đoàn 174, phát hiện một giao thông hào chạy từ A1 xuống A3 ở phía bờ sông, địch có thể dễ dàng đưa quân ứng chiến lên phân kích bất cứ lúc nào. Anh em đề nghị đào một đường hào men theo đường số 41, tách rời A1 với A3, cũng là cắt đứt đường tăng viện của quân địch. Trung đoàn 174 đề nghị đào thêm một đường hầm từ trận địa của ta tại A1 tới dưới hầm ngầm, đưa bộc phá với số lượng lớn vào đặt rồi cho nổ. Đây quả là một kỳ công. Công binh của đơn vị tính toán sẽ hoàn thành công trình này trong vòng 14 ngày và bảo đảm đào đúng hướng. Tôi nói với anh Thái: Những người trực tiếp đánh A1 đã đề nghị thì nên chấp nhận, cử cán bộ kỹ thuật xuống cùng

đơn vị giải quyết những khó khăn về chuyên môn, còn cơ quan theo dõi thật kỹ việc cắt rời A1 với A3, chỉ khi nào hoàn thành đường hào này mới cho Trung đoàn 174 tiến công.

Nửa tháng qua quân địch không còn tính tới chuyện đẩy ta ra khỏi A1 và C1, chúng chỉ ra sức củng cố hầm hào chờ đợi đợt tiến công cuối cùng.

Đường hầm ở A1 đào chậm hơn dự kiến. Một đội đặc biệt gồm 25 cán bộ, chiến sĩ do đồng chí Nguyễn Phú Xuyên Khung, cán bộ công binh của Bộ, trực tiếp chỉ huy, đã tiến hành công việc ngay trước mũi súng quân địch, trong tầm kiểm soát của lựu đạn. Đất đồi A1 cực kỳ rắn. Tiểu đội trưởng công binh Lưu Viết Thoảng lựa chọn một tổ khỏe nhất mở cửa hầm. Cả đêm đầu chỉ khoét được vào vách núi mỗi chiều 90 xăng-ti-mét. Địch không ngừng bắn súng và ném lựu đạn. Ba đồng chí bị

thương. Bản thân Thoảng cũng bị ngắt vì sức ép của lựu đạn. Ba đêm mới đào xong cửa hầm. Khi đào sâu vào lòng núi được mười mét, bắt đầu phải khắc phục thêm khó khăn: Thiếu không khí, đèn, đuốc mang vào hầm đều bị tắt, số đất moi từ lòng núi ra ngày càng nhiều không được để cho quân địch phát hiện. Các chiến sĩ phòng ngự tại A1 đã có kế hoạch chiến đấu không cho quân địch tiến xuống cửa hầm, dù phải hy sinh tới người cuối cùng, để bảo vệ bí mật tuyệt đối ý đồ đánh địch của ta.

Trong khi đó, các đơn vị khác đều chuẩn bị xong, nhiều mũi hào đã luồn sâu dưới hàng rào dây thép gai của địch. Bộ chỉ huy chiến dịch quyết định đúng ngày N các đơn vị cứ nổ súng, triệt để áp dụng chiến thuật đánh lấn để giảm nhẹ thương vong, riêng A1 sẽ đánh khi đường hầm ở A1 hoàn thành.

Những ngày cuối tháng 4 tương đối yên tĩnh. Mỗi ngày địch huy động hơn một trăm máy bay đổ lương thực, đạn dược xuống Mường Thanh. Nhưng Đò Cát-xtơ-ri chỉ nhận được khoảng một nửa. Máy bay địch phải bay cao thả dù để tránh cao xạ tầm trung của ta, khu vực thả dù lại quá hẹp, nên một phần ba đổ tiếp tế rơi xuống trận địa ta, một số không ít rơi xuống bãi mìn và những khu vực bị hỏa lực ta kiểm soát chặt nên địch không thể thu lược.

Ngày 1 tháng 5 năm 1954, máy bay địch bắt đầu sử dụng một loại bom mới của Mỹ (Hail Leafet) chứa hàng nghìn mũi tên rất nhỏ sắc bén, nhằm sát thương những đám đông. Loại bom này không gây nguy hiểm cho những người ở trong công sự hoặc dưới chiến hào và khó sử dụng trong những trận đánh khi quân ta và quân địch gần như trộn lẫn vào nhau.

Lăng-gơ-le và Bi-gia đã điều chỉnh, củng cố lại tổ chức phòng ngự ở khu trung tâm.

Những đơn vị khá nhất, và những chỉ huy được tin cậy nhất còn lại của tập đoàn cứ điểm, được tăng cường cho trung tâm để kháng Ê-li-an. Tiểu đoàn trưởng dù Brê-xi-nhắc đã nắm quyền chỉ huy tại khu đông, thay thế

Bi-gia trô vê Sô chi huy Mường Thanh. Tại đây có tiểu đoàn 2 trung đoàn dù thuộc địa số 1, tiểu đoàn dù xung kích 6, tiểu đoàn dù ngụy số 5, tiểu đoàn 1 bán lũ đoàn lê dương 13, cùng với hai đại đội độc lập, đơn vị công binh và một số lính An-giê-ri, lính Thái. Tuy nhiên, những đơn vị này đều bị tổn thất nhiều, đội hình chấp vá.

17 giờ chiều ngày 1 tháng 5 năm 1954, bất thần tất cả các cơ pháo của ta nhà đạn vào nhiều khu vực của tập đoàn cứ điểm. Lần này cụm pháo địch ở Hồng Cúm bị kiềm chế, tê liệt. Một kho đạn với 3.000 viên đạn dự trữ của địch nổ tung. Kho lương thực, thực phẩm bốc cháy. Đợt pháo kích kéo dài gần một giờ đồng hồ. Dứt tiếng pháo, các đơn vị đồng loạt tiến đánh nhiều vị trí.

Tại phía đông, Trung đoàn 98 tiến công cứ điểm C1 lần thứ hai.

Brê-xi-nhắc, vẫn đặt sở chỉ huy trên Ê-li-an 4, đã linh cảm trận đánh Ê-li-an 1 sắp nổ ra trên đầu mình. Ngày 1 tháng 5, Brê-xi-nhắc quyết định đưa đại đội 3 của tiểu đoàn dù tiêm kích số 2 lên thay thế cho đại đội Clê-đích đã bị tiêu hao, đồng thời ra lệnh cho đại đội 1 sẵn sàng tham gia phân kích.

Đại đội 811 của ta đã có hai mươi ngày đêm phòng ngự tại C1, được lệnh rời khỏi trận địa 200 mét cho hỏa pháo chuẩn bị. Đại đội trưởng Lê Văn Dy thấy công sự đã được củng cố vững chắc đủ sức chịu đựng đạn pháo và tin vào sự chính xác của pháo binh ta, quyết định chỉ cho bộ phận dự bị lui về phía sau, toàn đơn vị vẫn bám trận địa để không lỡ thời cơ xung phong.

Những điểm cao ta chiếm được ở khu đông phát huy tác dụng. Sơn pháo đặt trên đồi D1 nhấm từng hỏa điểm trên C1 bắn rất chính xác.

Dứt tiếng pháo, Dy lập tức ra lệnh mở những hàng rào cụ mã ngăn cách giữa ta và địch, đưa bộ đội xông lên phía Cột Cờ. Thủ pháo và lựu đạn của ta trùm lên trận địa địch, tiểu liên nổ ran. Chiến sĩ Thăng cầm cờ lao lên cách mục tiêu mười mét thì trúng đạn hy sinh. Chiến sĩ Ân lấy chiếc chăn phủ lên người bạn, nhặt lá cờ thấm máu đồng đội, lỗ chỗ vết đạn, tiếp tục tiến lên mồm đất cao nhất trên đỉnh đồi. Cả tiểu đội mũi nhọn bám sau anh. Chỉ sau năm phút, ta đã chiếm được Cột Cờ. Đại đội dù tiêm kích số 3 mới thay thế choáng váng trước đòn tiến công chớp nhoáng và quyết liệt của ta. Quân dù bắn xối xả vào khu vực Cột Cờ. Đại đội 1480 của ta từ phía dưới tiến lên đã kịp thời có mặt, cùng với Đại đội 811 hình thành hai mũi tiến công chia cắt quân địch để tiêu diệt. Những trận đánh giáp lá cà diễn ra. Viên trung úy Lọ-ghe chỉ huy đại đội 3 cố chống cự, chờ lực lượng tiếp viện. Brê-xi-nhắc quyết định đưa đại đội 1 lên tăng viện. Nhưng đã quá muộn. Trung úy Pê-riu chỉ huy đại đội chết ngay khi mới đặt chân lên đồi. Lát sau, đến lượt trung úy Lọ-ghe chỉ huy đại đội 3 bị trọng thương. Quân địch ở C1 mất dần sức

chiến đấu. Có tên phủ bạt trên người nằm giả chết chờ tiếng súng yên sẽ đầu hàng. Nửa đêm, toàn bộ quân địch bị tiêu diệt. Dây thép gai và mìn lấy từ trận địa của địch lập tức được trải ra sườn đồi thành một bãi chướng ngại dầy đặc, để phòng quân địch phản kích.

Sau hơn ba chuc ngày đem lien tuc chien dau, trang danh tai C1 luc nay da ket thuc. C2 nam gon dudi nong phao không giat cua ta. Troi sang, khong thay quan phan kich cua dich. Chi co nhung 6 trong lien bon nong dat tai E-péc-vi-e long lôn tuôn dan ve phia trang dia ta tren dinh doi nhu muon ngan chan mot dot xung phong.

Ô phía đông sông Nậm Rốm, hai tiểu đoàn 166 và 154 của Trung đoàn 209 tiến công các cứ điểm 505 và 505A (Đô-mi-ních 3). Một đại đội của tiểu đoàn lẻ dương dù 6 và những đơn vị lính An-giê-ri, lính Thái tại đây, do viên tiểu đoàn trưởng Sơ-nen chỉ huy, chống cự khá quyết liệt. Ta và địch giành giật nhau từng ụ súng, từng chiến hào. 2 giò sáng ngày 2 tháng 5, Trung đoàn 209 tiêu diệt hoàn toàn hai cứ điểm này, chấm dứt sự tồn tại của trung tâm để kháng Đô-mi-ních.

Trên cánh đồng phía tây, trận đánh tiêu diệt cứ điểm 311A (Huy-ghét 5) của Trung đoàn 88 diễn ra rất nhanh chóng. Chiến thuật đánh lấn tiếp tục được phát huy. Với những đường hào đã đào xuyên qua hàng rào cứ điểm, bộ đội ta bắt thần tổ chức xung phong. Toàn bộ đại đội Âu - Phi vừa tới thay quân để tăng cường phòng thủ cứ điểm này bị diệt gọn trong vòng không đầy 30 phút.

Như vậy, ngay trong đêm đầu của đợt tiến công thứ ba, địch đã mất thêm bốn cứ điểm: C1, 505, 505A ở phía đông và 311A ở phía tây. Tại Hồng Cúm, trận vây ép đánh lấn khu C của Trung đoàn 57 đã tiêu hao nhiều sinh lực địch, nên sáng ngày 2 tháng 5, địch phải rút chạy khỏi đây.

Những đường hào thọc sâu của bộ đội ta trên cánh đồng phía tây, đều nhằm thẳng về phía sở chỉ huy Đờ Cát. Tập đoàn cứ điểm đã bị dồn lại trong cái "ô vuông cuối cùng".

R át nhiêu cuốn sách của phương Tây xuất bản trong những thập niên qua đã giúp chúng ta bổ sung vào bức tranh toàn cảnh về chiến cục Đông Xuân 1953-1954 cũng như những ngày giờ cuối cùng của con nhím Diện Biên Phủ.

Ngày 2 tháng 5, Na-va vội vã từ Sài Gòn bay ra Hà Nội. Na-va triệu tập họp khẩn cấp bàn cách cứu vãn tình thế. Dự họp có Na-va, Cô-nhi, Cre-vô-cô -

tư lệnh lực lượng Lào và những sĩ quan thuộc lực lượng lục quân ở chiến trường Bắc Việt Nam.

Cuộc chiến ở Điện Biên Phủ đã kéo dài năm mươi ngày đêm. Không biết lúc này Na-va đã nhận ra sai lầm lớn nhất của mình là đã phân tán hầu hết lực lượng cơ động tập trung tại đồng bằng sông Hồng trước khi trận đánh bắt đầu? Ngoài những tiểu đoàn tinh nhuệ đưa lên Tây Bắc, ba binh đoàn cơ động của Bắc Bộ vẫn bị cầm chân ở Trung Lào. Suốt thời gian qua, những mưu toan cứu nguy cho Điện Biên Phủ đều không thể thực hiện vì thiếu lực lượng, đặc biệt là lực lượng nhảy dù và không quân. Nếu ném những tiểu đoàn dù ít ỏi vào những cuộc hành binh giải tỏa thì không còn lực lượng tăng viện để duy trì cuộc sống của tập đoàn cứ điểm. Nếu huy động không quân vào những cuộc hành binh Xê-nô-phôn, Công-đo thì không còn lực lượng yểm trợ, tiếp tế hằng ngày cho Điện Biên Phủ. Trận quyết chiến chiến

lược Điện Biên Phủ đi vào thời điểm quyết định khi Na-va chỉ còn trong tay một tiểu đoàn dù!

Hội nghị Gio-ne-vo đã khai mạc, nhưng còn bàn về vấn đề Triều Tiên. Đại diện của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa chưa có mặt. Hy vọng cuối cùng của Pháp lúc này là đạt được một thỏa thuận ngừng bắn tại Điện Biên Phủ. Nhưng mong muốn được như vậy, ít nhất con nhím Điện Biên Phủ phải tồn tại thêm một thời gian. Chính phủ Pháp hoàn toàn không muốn thấy một cuộc đầu hàng ở Điện Biên Phủ.

Những bức điện của Đờ Cát-xtơ-ri và Lăng-gơ-le mới gửi về đều mang những lời lẽ gay gắt và tuyệt vọng. Số phận của Điện Biên Phủ chỉ còn tính từng ngày. Có thể ngay ngày mai nếu không có quân tiếp viện. Cô-nhi một lần nữa lại đưa ra ý kiến mở một cuộc hành binh đánh vào sau lưng đối phương. Đây chỉ là sự suy nghĩ thiển cận. Lấy đâu ra lực lượng để mở một cuộc hành binh như vậy lúc này? Tất cả các binh đoàn cơ động đang sa lấy ở đồng bằng Bắc Bộ, ở Trung Lào, ở miền Trung. Muốn điều động chúng cũng không còn thời gian. Và làm cách nào tiếp tế đạn dược, lương thực cho một cuộc hành binh mới trong lúc toàn bộ lực lượng không quân vận tải, với cả những máy bay hạng nặng của Mỹ đã không thể bảo đảm những yêu cầu khẩn thiết của riêng Điện Biên Phủ.

Na-va tuyên bố: "Không cần phải tiếp tục cuộc chiến ở Điện Biên Phủ". Na-va quyết định tiến hành một cuộc hành binh phá vây. Khác với những kế hoạch rút chạy lần trước, tuy còn là trên giấy, Xê-nô-phôn huy động 15 tiểu đoàn; Công-đo huy động 7 tiểu đoàn; cuộc hành binh phá vây mang bí danh Albatros (Hải Âu lớn) lần này chỉ dựa vào bản thân lực lượng đồn trú tại Điện Biên Phủ, với sự hỗ trợ tạo một hành lang của một lực lượng biệt kích địa phương nhỏ ở Lào. Na-va cho rằng cuộc hành binh có thể thực hiện trong

hai hoặc ba ngày bằng sức mạnh, hoặc bí mật, khôn khéo, vì "Việt Minh không có phương tiện hậu cần ở Lào, phải 24 giờ sau mới có thể đối phó". Na-va quyết định "bỏ lại thương binh và sĩ quan quân y", vì tin chắc là họ sẽ được Việt Minh trao trả. Do tính chất của cuộc hành binh như vậy nên nó được trao cho Đô Cát-xtơ-ri tự mình vạch ra kế hoạch.

Na-va đồng ý với Cô-nhi tăng viện thêm cho Điện Biên Phủ một tiểu đoàn dù. Đây là tiểu đoàn dù cuối cùng. Tổng chỉ huy trực tiếp nắm các đơn vị dù và không quân. Từ trước tới nay Na-va vẫn sử dụng lực lượng này rất dè dặt, theo nguyên tắc không hy sinh vô ích một tiểu đoàn nào. Nhưng lần này Na-va nhận thấy muốn phá vây, con nhím Điện Biên Phủ phải được tăng thêm sức mạnh.

Ngày 4 tháng 5, Cô-nhi điện cho Đò Cát-xtô-ri một số chỉ thị về cuộc rút chạy theo quyết định của tổng chỉ huy: "Chỉ huy trưởng G.O.N.O được trao quyền lựa chọn cách thức và thời gian tuỳ theo sáng kiến của mình sau khi nhận được lệnh". Cô-nhi chỉ thị cho Đò Cát-xtô-ri phải phá hủy các xe tăng, đại bác, tài liệu mật, mật mã và dụng cụ vô tuyến điện. Nhưng vẫn không quên nhấn mạnh: "Cho tới khi có lệnh mới, chỉ huy trưởng G.O.N.O phải duy trì nhiệm vụ chống cự tại chỗ không được có tư tưởng rút lui", phải hết sức giữ bí mật về kế hoạch và chuẩn bị thực hiện với sự thận trọng tối đa. Cô-nhi vốn cho rằng tháo chạy khỏi Điện Biên Phủ chỉ dẫn tới sự hy sinh vô ích.

Trong ngày, dưới trời mưa tầm tã, Đò Cát-xtơ-ri họp các sĩ quan cao cấp của Mường Thanh phổ biến kế hoạch Hải Âu lớn. Có mặt Lăng-gơ-le, Lơ-mơ-ni-ê, Bi-gia, Va-đốt và Xê-ganh Pa-dít. Không mấy ai có ảo tưởng vào lối thoát này. Chiến hào của đối phương đã bao vây rất chặt, không còn kẽ hổ. Lực lượng của Cre-vơ-cơ không có khả năng chống chọi với Việt Minh. Tuy nhiên, mọi người thống nhất phải chia làm ba cánh khi rút chạy. Cánh thứ nhất, gồm toàn bộ quân dù, do Lăng-gơ-le và Bi-gia chỉ huy. Cánh thứ hai, gồm toàn bộ quân lê dương và Bắc Phi, do Lơ-mơ-ni-ê và Va-đốt chỉ huy. Cánh thứ ba, gồm toàn bộ quân ở Hồng Cúm do La-lăng chỉ huy. Có ba đường rút lui: Đường thứ nhất qua bản Keo Lom; đường thứ hai, theo thung lũng Nậm Nưa; đường thứ ba theo hướng Nậm Hợp. Con đường chạy về phía nam - đông nam dường như có vẻ ít nguy hiểm hơn. Mọi người phải rút thăm. Dự kiến kế hoạch rút chạy sẽ được thực hiện vào 20 giờ ngày 7 tháng 5 năm 1954. Theo Giuyn Roa: "Ở Điện Biên Phủ, người ta gọi cuộc hành binh này là "mồ con đường máu để chứng tỏ không có ảo tưởng về nó: Mười người sẽ chỉ còn lại một người".

Đêm 4 tháng 5, trên cánh đồng phía tây, sau khi tiêu diệt 311A, Đại đoàn 308 tiếp tục đánh 311B (Huy-ghét 4) ở phía trong. Trung đoàn 36 tiêu

diệt một đại đội gồm lính lẻ dương và lính Ma-rốc, đưa trận địa tới gần trung tâm để kháng Li-li từ Clô-đin mới tách ra), tấm bình phong cuối cùng che chở cho sở chỉ huy Đờ Cát-xtơ-ri ở hướng này. Buổi sáng, địch phân kích định chiếm lại, nhưng thất bại.

Ngày 5 tháng 5, cả Lăng-gơ-le và Bi-gia đều kéo tới Ê-li-an. Họ đã biết rõ số phận của phân khu trung tâm sẽ được kết thúc trên hai điểm cao còn lại ở phía đông. Tại A1, tiểu đoàn 1 bán lữ đoàn lẻ dương 13 đã bị tổn thất nặng sau một thời gian dài phòng ngự. Lăng-gơ-le quyết định chuyển những lính lẻ dương xuống Ê-li-an 3 dưới chân đồi làm lực lượng dự bị và điều tiểu đoàn dù thuộc địa số 1 (1er BPC) vừa được tăng viện lên thay thế.

Tiểu đoàn dù số 1, do viên đại úy Ba-danh chỉ huy, nhận lệnh khẩn trương nhảy xuống Mường Thanh, nhưng sau ba đêm chỉ mới tới được hơn hai đại đội và bộ phận chỉ huy tiểu đoàn. Ba-danh chưa kịp làm gì thì đã trúng một mảnh đạn pháo bị thương. Đại úy Pu-giê, đại đội trưởng đại đội 3, được chỉ định nắm quyền chỉ huy tiểu đoàn. Cách đây không lâu, Pu-giê còn là sĩ quan tùy tùng của Na-va, thường xuất hiện phía sau tổng chỉ huy trong những bức ảnh. Pu-giê đã mất gần sáu giờ đưa đơn vị vượt qua quãng đường 1.500 mét từ Ê-péc-vi-ê tới Ê-li-an trong những chiến hào ngập bùn, luôn luôn bị đại bác ta bắn chặn. Sau khi nhận bàn giao của Cu-tăng, chỉ huy tiểu đoàn lẻ dương 1, Pu-giê đi quan sát vị trí rồi quyết định chia lực lượng bố trí thành ba nơi tại Ê-li-an 2. Đại úy Ết-mơ - chỉ huy đại đội 2, phụ trách tuyến lô cốt và chiến hào phía đông và phía nam cứ điểm đối diện với lực lượng ta. Pu-giê cùng với đại đội 3 giữ đỉnh đồi có hầm ngầm và mặt tây nam tiếp giáp với A3, nơi có một mũi chiến hào của ta chạy men theo đường số 41, đang trực tiếp đe dọa con đường nối A1 với Mường Thanh. Chỉ một ngày sau, Pu-giê mới biết sự phân công này mang tính định mệnh.

Lực lượng địch ở Điện Biên Phủ còn 5.385 quân chiến đấu và 1.282 thương binh. Nếu so với sau đợt tiến công thứ hai, thì quân địch đông hơn, do đã được tăng cường. Con nhím khổng lồ của Na-va đã thu lại bằng con nhím của Xa-lăng ở Nà Sản năm trước. Diện tích phân khu trung tâm còn không đầy 1 ki-lô-mét vuông.

Cũng trong ngày 5 tháng 5, Trung đoàn 174 báo cáo đường hầm ở A1 đã hoàn thành. Trong đêm, một tấn bộc phá chia thành những gói hai mươi ki-lô-gam, được đưa vào đặt dưới hầm ngầm của địch.

Bộ chỉ huy mặt trận quyết định đẩy nhanh nhịp độ phát triển của đợt tiến công thứ ba, chuẩn bị mọi điều kiện sớm chuyển sang tổng công kích.

áng ngày 6 tháng 5 năm 1954, Tiểu đoàn 255 của Trung đoàn 174 phòng ngư suốt ba mươi tư ngày đêm trên đổi A1 được lệnh rút qua Đổi Cháy làm lực lượng dự bị.

Tiếng nổ của khối bộc phá trên đồi A1 được chọn làm hiệu lệnh xung phong cho đợt tiến công tối nay.

Trời ngót mưa. Cơ quan tham mưu báo cáo đêm qua địch đã thả dù thêm hàng trăm quân tăng viện. Máy bay địch hoạt động với mức độ chưa từng có kể từ đầu chiến dịch. Chúng ném bom, bắn rốc-két vào những vị trí phòng ngự của ta, đặc biệt là đồi C1. Pháo cao xạ bắn rơi thêm một chiếc C-119.

Buổi trưa trời hứng nắng. Tôi trèo lên đỉnh núi Mường Phăng sau sở chỉ huy quan sát trận địa. Gần một tháng qua, từ vị trí này, với một chiếc ống nhòm có bội số quang học lớn, tôi đã theo dõi sự tiến triển của chiến hào ta. Thời gian đầu, sự tách

biệt giữa ta và địch rất rõ. Tập đoàn cứ điểm địch là một khối đông đặc, như những tổ ong khổng lồ nằm sát nhau hai bên bờ sông Nậm Rốm. Trận địa ta là những đường hào rất nhiều nhánh từ chung quanh cánh đồng lan dần vào. Nhưng từ cuối tháng 4, rất khó phân biệt trận địa ta và trận địa địch. Vì hầu hết những mũi chiến hào của ta đã cắm sâu vào tập đoàn cứ điểm. Đôi lúc phải xác định trên bản đồ đâu là những cứ điểm địch còn giữ, đâu là nơi ta đã tiêu diệt.

Trận mưa dù đang tiếp tục trên bầu trời Điện Biên Phủ. Những chiếc máy bay vận tải bay cao ngoài tầm với của pháo cao xạ. Hàng nghìn chiếc dù màu sắc tươi rói chi chít trên cánh đồng, như nấm nở rộ sau một trận mưa. Có thể thấy rõ số khá lớn đồ tiếp tế của địch rơi vào trận địa ta. "Miếng da lừa" Điện Biên Phủ đã thu lại quá nhỏ. Sáng nay, tham mưu báo cáo, nó chỉ còn một chiều 1.000 mét, một chiều 800 mét. Tổng thống Ai-xen-hao đã ví nó với một "sân bóng chày"!

Tôi dùng ống nhòm tìm vị trí 311B ở phía tây vừa bị tiêu diệt đêm trước. Vị trí này nằm cách Sở chỉ huy Mường Thanh hơn 300 mét. Những mũi lê đã chĩa vào bên sườn Đờ Cát-xtơ-ri. Những phản ứng của địch rất yếu ớt. Tôi chuyển ống nhòm về phía tây nam tìm cứ điểm 310. Clô-đin 5 chỉ nằm cách sở chỉ huy của Đờ Cát-xtơ-ri khoảng 50 mét, được coi là "con mắt" của tập đoàn cứ điểm. Đêm nay, Trung đoàn 102 sẽ tiêu diệt vị trí này...

Tôi nhận thấy: Tình hình địch đã thay đổi, không phải không có khả năng giải quyết con nhím Điện Biên Phủ trước khi Hội nghị Gio-ne-vô về Đông Dương bắt đầu!

20 giờ, hỏa lực của ta tập trung bắn vào A1, C2, cứ điểm 506, bắc Mường Thanh, cứ điểm 310, tây Mường Thanh. Lần này có thêm sự phối hợp của 12 giàn hòa tiễn sáu nòng. Mặc dù độ tản mát còn cao, những đuôi lửa, tiếng rít và tiếng nổ dữ dội của loại vũ khí mới này đã làm cho quân đồn trú sống trong những công sự đắp đất đã bị mưa làm suy yếu, hoảng sợ.

Đợt pháo hỏa kéo dài 45 phút. Địch phản ứng yếu ớt. Nhưng chúng đã có chuẩn bị. Khi pháo ta vừa ngừng bắn, tất cả những khẩu pháo còn lại của tập đoàn cứ điểm tập trung trút đạn xuống những trận địa chiến hào của ta xung quanh A1 và C2.

Trung đoàn trưởng Nguyễn Hữu An quay điện thoại liên lạc với công binh để kiểm tra lần cuối. Điện thoại bị đứt! Tình hình lại diễn ra như lần trước. Nhưng cơ quan tham mưu chiến dịch đã rút kinh nghiệm, phổ biến giờ nổ súng cho các đơn vị. Trước giờ G năm phút, các chiến sĩ ở chiến hào xuất phát xung phong được lệnh quay lưng về A1, nhắm mắt, há mồm để phòng sóng xung kích và ánh chớp của nghìn căn bộc phá. Đúng 20 giờ 30 phút, một tiếng nổ trầm, không phải như

chúng ta chờ đợi. Quay đầu nhìn lại, trên đồi A1 có một đám khói lớn đang phụt lên. Một số người phân vân: Có phải đây là bom nổ chậm địch thả lúc chiều? Nguyễn Hữu An lập tức ra lệnh cho pháo của trung đoàn nổ súng. Mấy ngày trước đó, chúng ta đã tiêu diệt một số hỏa điểm địch hướng về phía tiền duyên, nên lần này pháo của trung đoàn chỉ bắn chế áp mạnh trong vòng 15 phút, rồi bộ binh xung phong. Ở phía đông nam, hướng tiến công chủ yếu, Tiểu đoàn 249, do tiểu đoàn trưởng Vũ Đình Hòe chỉ huy, chia thành hai cánh tiến lên đồi hình thành thế bao vây quân địch. Phía tây nam, Tiểu đoàn trưởng Dũng Chi đưa Tiểu đoàn 249 tiến theo giao thông hào mới đào trên mặt ruộng ven đường số 41, thọc một mũi dùi cắt rời A1 khỏi Mường Thanh.

Khối bộc phá nổ cách hầm ngầm vài chục mét thổi bay chiếc lò cốt bên trên và cuốn theo phần lớn đại đội dù 2 của Ét-mơ đóng ở đây. Pu-giê ngồi trong hầm ngầm bỗng thấy quả đồi rung rinh, một tiếng nổ trầm át mọi tiếng động khác kéo dài vài giây. Một lát sau y mới hiểu ra và biết mình vừa thoát chết.

Khối bộc phá một nghìn căn đã tiêu diệt một phần tuyến ngang gây khó khăn cho các đơn vị đánh A1 trong đợt trước, tạo nên một cửa mở quan trọng giúp cho hai đại đội của Tiểu đoàn 249 xung phong thuận lợi. Nhưng càng lên gần đỉnh đồi thì những đất, đá từ hố sâu bốc lên đã làm trái đồi biến dạng và trở nên rất khó đi. Lợi dụng lúc đó, những tên lính dù còn sống sót của Đại đội 2 liên tiếp trút đạn liên thanh về phía ta. Đại đội 316 đánh vào trận địa súng cối. Đại đội 317 đánh vào khu thông tin gần hầm ngầm. Đại

đội 3 của Pu-giê đóng trên đỉnh đồi và từ phía hầm ngầm tiến ra phản kích. Cuộc chiến bằng tiểu liên, lựu đạn, lưỡi lê lại diễn ra trên từng thước chiến hào, từng ụ súng.

Phía tây nam, các chiến sĩ bộc phá Tiểu đoàn 251 nhiều lần tiến lên mở đường về phía lô cốt "Cây đa cụt" đều bị thương vong. Pu-giê biết nếu để mất lô cốt này thì cứ điểm hoàn toàn cô lập, sớm muộn cũng bị tiêu diệt. Tiểu đoàn quyết định đưa ĐKZ lên bắn sập chiếc lô cốt. Khẩu đại liên bên trong đã hoàn toàn im lặng. Nhưng khi bộ đội lên phá tiếp hàng rào lại bị hỏa lực không biết từ đâu chặn lại. Tiểu đội trưởng Phấn cùng đại đội phó bí mật bò lên quan sát, phát hiện được một ụ súng ngầm được ngụy trang kỹ, ở ngay gần lô cốt. Phấn đề nghị cho mình được tiêu diệt ụ súng để trả thù cho các bạn đồng đội đã hy sinh, nếu cần sẽ ôm bộc phá lao vào ụ súng để mở đường cho đơn vị. Đại đội tổ chức hỏa lực yểm hộ cho Phấn hoàn thành nhiệm vụ an toàn. Tiểu đoàn 251 đã cắt đứt con đường tiếp viện của địch từ Mường Thanh lên.

Trên đỉnh đồi, những tên lính dù dựa vào chiến hào và công sự đã được cũng cố trong thời gian qua ra sức chống đỡ chờ quân viện.

Quá nửa đêm, Trung đoàn trưởng Nguyễn Hữu An quyết định đưa đại đội dự bị của Tiểu đoàn 249 vào giải quyết trận đánh. Bộ đội ta chia thành từng tổ nhỏ tiêu diệt dần dần từng ụ để kháng của địch.

Tại Mường Thanh, trước tình hình nguy ngập của nhiều cứ điểm ở phía đông và cả phía tây, Lăng-gơ-le quyết định tập hợp tại Ê-péc-vi-ê những bộ phận còn lại của tiểu đoàn dù 6 mới được tăng viện chưa lâu, và tiểu đoàn dù 8. Lăng-gơ-le ra lệnh cho hai đại đội của tiểu đoàn dù 8, mỗi đại đội chỉ còn lại 40 người, lập tức lên Ê-li-an 2. Nhưng con đường lên đồi A1 đã bị ta chốt chặt. Lăng-gơ-le đành cho đại đội này chuyển sang Ê-li-an 4, nơi Brê-xi-nhắc cũng đang khẩn thiết đòi tăng viện.

Sau khi tiêu diệt được vị trí Cây đa cụt, Tiểu đoàn trưởng 251 Dũng Chi quyết định đưa một lực lượng xuống uy hiếp A3, đồng thời tổ chức một mũi đánh lên đỉnh đồi dồn quân địch ở A1 vào thế giữa hai gọng kìm.

4 giờ sáng ngày 7 tháng 5 năm 1954, Pu-giê chỉ còn lại 34 lính dù. Pu-giê gọi bộ đàm một lần nữa cho Mường Thanh, yêu cầu phải tăng viện ngay một đại đội nếu không cứ điểm sẽ bị tràn ngập. Ở đầu dây là tham mưu trưởng Va-đốt:

- Hãy biết điều một chút. Ông muốn tôi tìm đâu ra một đại đội? Tất cả đều không còn gì!
- Nếu vậy thì cho tôi và những người còn lại mở đường chạy xuống Ê-li-an 3.
- Ông phải ở tại chỗ. Ông là lính dù, phải chiến đấu cho tới chết... Chí ít là tới khi trời sáng.
- Rõ rồi. Với tôi, thế là xong. Nếu ngài không còn điều gì nói thêm, tôi hủy điện đài.
- Với tôi cũng là xong. - Va-đốt nói.

Quân dù đã sử dụng đến những viên đạn, quả lựu đạn cuối cùng. Viên chỉ huy Pu-giê bị thương nặng và bị bắt. Trước khi trời sáng trận đánh kết thúc. Trung đoàn 174 đã trả được cái hận A1.

Trong đêm, cũng ở phía đông, Trung đoàn 165 của Đại đoàn 312 đã tiêu diệt 506 (Ê-li-an 10), cứ điểm rất quan trọng nằm bên đường số 41 chạy tới sở chỉ huy của Đờ Cát-xtơ-ri. Lăng-gơ-le đã dồn vào đây tất cả những gì còn lại của tiểu đoàn dù 6. Ở phía tây, Trung đoàn 102 của Đại đoàn 308 chiếm xong cứ điểm 310 chỉ cần vượt qua một cứ điểm nữa là tới sở chỉ huy của Đờ Cát-xtơ-ri.

Sáng ngày 7 tháng 5 năm 1954, lá cờ Quyết chiến quyết thắng tung bay trên điểm cao A1 báo hiệu giờ tàn của tập đoàn cứ điểm.

Nhưng trận đánh trên dãy đồi phía đông vẫn chưa kết thúc. Trong đêm, ở hướng chính, Tiểu đoàn 215 của Trung đoàn 98 đã mở nhiều đợt xung phong chiếm cứ điểm C2. Tiểu đoàn dù 5 dựa vào công sự kiên cố chống trả rất quyết liệt. Một bộ phận nhỏ của Tiểu đoàn 215 lọt được vào bên trong cứ điểm. Tiểu đoàn dù 5 mất dần sức chiến đấu. Đúng lúc đó, có lực lượng từ Mường Thanh lên tăng viện, địch chuyển sang phần kích định đánh bật ta ra khỏi đồn. Cuộc chiến đấu kéo dài tới sáng. Các chiến sĩ của ta chỉ còn cố bám giữ lấy đầu cầu. Mũi vu hồi của Tiểu đoàn 439 đánh vòng theo hướng tây bắc, nhằm chia cắt C2 với Mường Thanh, gặp địa hình trống trải bị hỏa lực từ C2 và pháo ở Mường Thanh tiêu hao khi tiếp cận, đột phá không thành công.

Thấy trận đánh ở C2 kéo dài, tôi gọi điện cho anh Lê Quảng Ba, nhắc: "Trung đoàn 174 đã chiếm xong A1, tận dụng hỏa lực bắn thẳng của ta từ A1 chi viện cho Trung đoàn 98 ở C2. Đưa ngay lực lượng dự bị Trung đoàn 9 vào chiến đấu. Pháo chiến dịch sẽ kiêm chế pháo địch ở Mường Thanh, dành riêng cho C2 200 quả pháo 105mm. Cần nhanh chóng tiêu diệt được C2 để làm chủ hoàn toàn các điểm cao phía đông!"

7 giờ 30 phút, pháo ta vừa ngừng chế áp, Tiểu đoàn 215 và Đại đội 138 của Tiểu đoàn 375 chia làm ba mũi xung phong lên C2. Quân ta lần lượt đánh chiếm từng mục tiêu. 9 giờ 30 phút, bộ đội ta hoàn toàn làm chủ đồi C2. Bộ chỉ huy khu đông, Brê-xi-nhắc, Bô-ten-la và một số đông sĩ quan dù tập trung tại đây cùng với hàng trăm thương binh đều bị bắt.

Cuộc chiến đấu trên những ngọn đồi phía đông đã kết thúc. Cả khu trung tâm nằm gọn dưới hỏa lực bắn thẳng của ta.

Tại Mường Thanh, 12 giờ, Lăng-gơ-le triệu tập cuộc họp các chỉ huy tiểu đoàn. Lần này vắng mặt những người chỉ huy dù. Theo kế hoạch, cuộc phá vây sẽ phải thực hiện vào 20 giờ ngày hôm nay, mồng 7 tháng 5. Như thường lệ, một chiếc Corsair F.4-U của không lực hải quân bay sát tập đoàn cứ điểm ném xuống một túi văn thư, trong đó là những bức ảnh máy bay vừa chụp được Lăng-gơ-le và Bi-gia chăm chú nhìn những tấm ảnh. Con đường cách đây ba ngày còn để ngỏ phía nam Junon, đã bị ba đường hào cắt ngang. Bi-gia lầm bầm: Sẽ phải mở "một con đường máu". Chỉ huy các tiểu đoàn lần lượt báo cáo đơn vị mình không ở trong trạng thái thực hiện một cuộc phá vây mà họ tin là khó sống sót. Những người dự họp đều nhận thấy: Dù có hy sinh phần lớn quân rút chạy, cũng khó giúp cho một nhóm người thoát khỏi thung lũng. Cuộc tiến công của những người lính kiệt sức nhắm vào những vị

trí được đối phương bảo vệ vững chắc, sẽ là một hành động tự sát. Vấn đề thực hiện kế hoạch Hải Âu lớn không còn được đặt ra. Và mọi người cũng thấy không nên tiếp tục cầm cụ thêm một đêm với cái giá phải trả từ 300 đến 500 người!

Những người ngồi đây chưa biết tình hình bên ngoài đang biến chuyển rất nhanh.

uốt đêm, chúng tôi tập trung tại Phòng Tác chiến theo dõi cuộc chiến đấu. Mọi người đều cảm thấy nhẹ nhõm khi được tin Đại đoàn 316 giải quyết xong A1 và C2. Mục tiêu đợt tiến công thứ ba đã hoàn tất.

Các đồng chí hậu cần định trở về lo đạn dược cho cuộc tổng công kích. Tôi thấy còn một số nơi chưa báo cáo đầy đủ tình hình, nên nói ngồi nán lại.

Số lượng quân địch ở Mường Thanh hãy còn đông. Nhưng chúng sẽ không chiến đấu tới người cuối cùng. Chúng ta đã biết tại Mường Thanh có nhiều binh lính phản chiến, một số đơn vị đã chạy ra hàng. Và quân địch đã lâm vào tình thế rất nguy ngập. Cần phải rất khẩn trương chuẩn bị tổng công kích. Bộ phận quân báo và các đơn vị trinh sát được lệnh theo dõi chặt chẽ từng biến chuyển của địch. Chúng ta đã biết tin địch chuẩn bị đột phá vòng vây mở một đường máu rút chạy về phía tây.

Khác với những ngày trước, mới 9 giờ sương mù đã tan. Trời không một gọn mây. Máy bay địch trút bom dữ dội vào những trận địa của ta.

Các đài quan sát phía trước báo cáo: Nhiều chỗ trên sông Nậm Rốm nổi bọt trắng. Anh em phán đoán địch ném súng dạn và đổ dùng xuống sông. Phòng 2

cử người chạy tới sở chỉ huy báo cáo, bộ phận theo dõi điện đài dịch nghe được Mường Thanh yêu cầu: Hà Nội "chỉ thả thêm dù lương thực, không thả dù vũ khí".

Chúng tôi nhận thấy địch đã có biến động. Chúng có thể mở một đường máu rút chạy về phía Thượng Lào hoặc đầu hàng. Tôi gọi dây nói cho anh Vương Thừa Vũ - chỉ huy bộ đội phía tây:

- Tình hình địch có những triệu chứng rối loạn, có nhiều khả năng đầu hàng, cũng có khả năng đột phá vòng vây để tháo chạy. Đồng chí phải chỉ huy bộ đội bao vây thật chặt, không được để cho bất cứ một tên địch nào chạy thoát.

10 giờ, Trung đoàn 209 đêm qua chưa hoàn thành nhiệm vụ tiêu diệt cứ điểm 507, một trong bốn cứ điểm còn lại trên đường số 41 bên tả ngạn sông Nậm Rốm ngăn chặn bộ đội ta vượt qua cầu Mường Thanh tiến vào khu trung tâm, để nghị cho đánh tiếp ban ngày. Tiểu đoàn 130 đánh cứ điểm 507 đêm trước đã gây thiệt hại

nặng cho quân địch nhưng lực lượng cũng bị tiêu hao. Đại đoàn 312 lệnh cho Trung đoàn 141 cơ động từ phía sau lên sẵn sàng tiếp sức cho Trung đoàn 209, Trung đoàn 165 đã chiếm được cứ điểm 506 sẵn sàng chi viện cho đơn vị đánh 507.

Buổi trưa, trình sát báo cáo máy bay vận tải hai thân chỉ lượng một vòng trên bầu trời Mường Thanh, không thả dù tiếp tế, quay trở về Hà Nội. Trên sông Nậm Rốm vẫn nổi những đám bọt trắng. Trong khu trung tâm của địch, thỉnh thoảng lại có một tiếng nổ khác thường. Bộ phận theo dõi điện đài nghe được những viên phi công và quân địch ở Mường Thanh trao đổi với nhau lời chào vĩnh biệt.

Bộ chỉ huy chiến dịch quyết định cuộc tổng công kích sẽ diễn ra khi trời tối.

14 giờ, pháo chiến dịch bắn mãnh liệt vào khu trung tâm tập đoàn cứ điểm, dọn đường cho cuộc tiến công cứ điểm 507 của Trung đoàn 209.

Những cứ điểm 505 và 505A đối diện với 507 lúc này do Tiểu đoàn 154 của Nguyễn Năng và đại đội trợ chiến của Tiểu đoàn 166 chốt giữ. Lực lượng ở đây gồm chủ yếu là Đại đội 525, đơn vị đã phòng ngự từ ngày đầu, mới được tăng cường thêm những bộ phận của các đại đội 520 và 530. Tiểu đoàn phó Tiểu đoàn 154 Ngô Trọng Bảo có mặt ở tiền duyên nhận thấy địch chống cự yếu ớt quyết định cho bộ đội mở hàng rào ngay trong lúc pháo ta còn chế áp quân địch. Với sự chi viện của trợ chiến, chỉ sau bốn quả bộc phá, bộ đội ta đã lọt vào trong cứ điểm 507. Quân địch bàng hoàng, bắn vài loạt đạn rồi bỏ chạy sang cứ điểm 508 và qua sông Nậm Rốm, số còn lại đầu hàng. Trung đoàn 209 được Tiểu đoàn trưởng Nguyễn Năng từ sở chỉ huy tiểu đoàn báo

cáo đã chiếm được 507 lập tức điều Tiểu đoàn 130 từ phía sau lên tiếp ứng. Trong khi đó, Tiểu đoàn 154 thừa thắng đánh tiếp sang cứ điểm 508. Đại bác của ta đã gây nhiều đám cháy lớn trong khu trung tâm. Tuy nhiên những khẩu trọng liên tự động bốn nòng của dịch vẫn nhả đạn dữ dội về phía cầu Mường Thanh.

Tại sở chỉ huy, trình sát báo cáo trong khu trung tâm của dịch xuất hiện những đốm cờ trắng. Tôi yêu cầu cán bộ tham mưu chỉ những điểm có cờ trắng trên bản đồ, nhận thấy có cả những đơn vị Âu - Phi.

Chúng tôi nhận định: Địch đã đến lúc tan rã.

Đúng 3 giờ chiều, các đại đoàn được lệnh: "Không cần đợi trời tối, lập tức mở cuộc tổng công kích vào Mường Thanh. Đơn vị phía đông đánh thẳng vào khu vực trung tâm, đơn vị phía tây giáp công sang, cùng tiến vào sở chỉ huy của địch. Phải đánh

thật mạnh, bao vây thật chặt, không để cho Đờ Cát-xtơ-ri hoặc bất cứ tên dịch nào chạy thoát".

Tại trận địa, Đại đội 360 của Tiểu đoàn 130, có Chính trị viên tiểu đoàn Trần Quài đi cùng, đã có mặt ở cứ điểm 508. Tiểu đoàn phó Ngô Trọng Bảo cho các lực lượng của Tiểu đoàn 154 tiến sang cứ điểm 509, cứ điểm cuối cùng bảo vệ cầu Mường Thanh, rồi trao đổi với Chính trị viên Trần Quài, lệnh cho Đại đội 360 tiến vào khu trung tâm, nơi lửa khói của những đám cháy mỗi lúc càng bốc cao. Đại đội trưởng Tạ Quốc Luật lập tức dẫn Đại đội 360 luồn dưới làn đạn của những khẩu trọng liên bốn nòng, băng qua cầu Mường Thanh. Nhận thấy quân địch hầu như không chống cự, Tạ Quốc Luật cho bộ đội rồi giao thông hào đầy ấp quân địch, nhảy lên mặt đất, dùng một lính ngụy dẫn theo đường tắt tiến thật nhanh tới sở chỉ huy của Đờ Cát-xtơ-ri.

Các đài quan sát báo cáo về: Quân ta từ ba phía đang đánh vào khu trung tâm, Đại đoàn 312 từ phía đông tiến qua cầu Mường Thanh, Đại đoàn 308 từ phía tây mở đường qua sân bay, và từ phía tây nam mở đường vào Li-li, hướng về sở chỉ huy của Đờ Cát-xtơ-ri. Quân địch chỉ chống cự lê tê. Nhiều toán địch ra hàng. Những đốm cờ trắng xuất hiện ở Mường Thanh mỗi lúc một nhiều. Anh Thái luôn luôn nhắc các đơn vị: "Bao vây chặt, không để một tên nào chạy thoát".

5 giờ 30 phút chiều, Đại đoàn 312 báo cáo lên: "Toàn bộ quân địch tại khu trung tâm đã đầu hàng. Đã bắt được tướng Đờ Cát-xtơ-ri".

Cả khu rừng cơ quan chỉ huy mặt trận, từ xưa đến nay rất nghiêm mật, bỗng sôi lên trong những tiếng ầm ầm như biển động. Cán bộ, chiến sĩ hò reo, khua chân múa tay, ôm nhau nhảy nhót, biểu lộ sự vui mừng như những em nhỏ. Có người chỉ hét. Có người mồm há to. Có người mặt tái ngắt.

Sự vui mừng chưa đến với tôi. Có chắc chắn là đã bắt được tướng giặc không? Ở Hồng Cúm, vẫn còn một ngàn rưỡi quân địch.

Từ Mường Thanh, các đơn vị báo cáo lên: Bình lính địch lũ lượt kéo ra hàng. Có tên vừa đi vừa hát. Các chiến sĩ ta cũng ra khỏi công sự, nhảy múa trên giao thông hào. Nhiều anh em bắn súng chỉ thiên và pháo hiệu xanh, đỏ để mừng thắng trận.

Bộ chỉ huy chiến dịch ra lệnh cho các đơn vị: Cuộc chiến đấu chưa chấm dứt. Tất cả phải ở vị trí chiến đấu. Không được để một tên địch nào chạy thoát. Lập tức dùng hệ thống loa địch vận kêu gọi và hướng dẫn địch ra hàng. Khẩu hiệu như sau: "Hãy ra hàng! Các anh sẽ được đối đãi tử tế. Cầm cờ trắng, đi ra phải có trật tự. Cấm không được phá hoại vũ khí, đạn dược. Ai còn mang súng, phải chúc đầu súng xuống đất".

Ngay sau đó, tôi hỏi anh Lê Trọng Tấn:

- Có đúng là đã bắt được Đờ Cát-xtơ-ri không?
- Báo cáo anh, anh em báo cáo lên là đã bắt được.
- Căn cứ vào đâu mà biết nó là Đờ Cát-xtơ-ri!

Anh Tấn im lặng.

- Cần bắt cho được Đờ Cát-xtơ-ri. Không được để địch đánh tráo tên chỉ huy. Phải đối chiếu nhận dạng với căn cước, kiểm tra cấp hiệu, phù hiệu. Các đồng chí chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc này. Các đồng chí có ảnh của Đờ Cát-xtơ-ri chưa?

Đơn vị trả lời không có. Một cán bộ của mặt trận dùng xe jeép xuống đơn vị mang theo tấm ảnh của Đờ Cát-xtơ-ri.

Anh Lê Chướng và anh Nam Long báo cáo ở Hồng Cúm, địch có triệu chứng định đánh ra để tháo chạy sang Lào. Bộ chỉ huy chiến dịch lệnh cho Đại đoàn 308 đưa một đơn vị nhanh chóng tăng cường cho Hồng Cúm, phối hợp cùng Đại đoàn 304 truy kích tiêu diệt quân địch, không để một tên nào chạy thoát.

Chung quanh vẫn ầm ầm. Không sao hạn chế được sự ồn ào, niềm vui của mọi người. Các đồng chí vệ binh hạ những cánh cửa liếp xuống cho sở chỉ huy yên tĩnh hơn.

Lệnh cho Đại đoàn 312 phải báo cáo nhanh về việc bắt Đờ Cát-xtơ-ri được nhắc lại. Mỗi phút chờ đợi lúc này rất dài.

Lát sau, anh Lê Trọng Tấn gọi dây nói báo cáo, đúng là đã bắt được Đờ Cát-xtơ-ri cùng toàn bộ bộ chỉ huy tập đoàn cứ điểm. Đờ Cát-xtơ-ri vẫn mang cấp hiệu, ta đã kiểm tra kỹ giấy tờ và chữ ký của y.

Tôi hỏi lại:

- Đồng chí đã thực mất nhìn thấy Đờ Cát-xtơ-ri chưa?

Anh Tán vui vẻ đáp:

- Báo cáo anh, Đờ Cát-xtơ-ri cùng với cả bộ chỉ huy Pháp ở Điện Biên Phủ đang đứng trước mặt tôi. Hắn vẫn còn cả "can" và mũ đỏ.

Tôi viết ngay điện báo cáo với Trung ương và Chính phủ tin quân ta ở Điện Biên Phủ đã toàn thắng.

Bây giờ phải có ngay một bản thông cáo đặc biệt để Đài Tiếng nói Việt Nam kịp truyền đi trong đêm nay.

Tin dịch ở Mường Thanh đầu hàng được truyền cho các đơn vị bộ đội và dân công ở phía sau qua đường dây điện thoại.

Lại có ngay một chuyện mới: Giải quyết cái ăn cho một vạn tù binh, cứu chữa cho thương binh địch tại đây như thế nào? Anh Lê Liêm nhắc đi nhắc lại các đơn vị: "Các đồng chí nhớ bảo đảm chính sách! Phải tổ chức cho tù binh ăn cơm chiều nay". Nhưng người nhẹ nhàng nhất là anh Đặng Kim Giang và các đồng chí phụ trách hậu cần. Không còn phải lo chuẩn bị gạo, đạn cho bộ đội qua cả mùa mưa.

Với tôi trận đánh chưa kết thúc. Quân địch ở Hồng Cúm lúc này do Hà Nội trực tiếp chỉ huy. Nếu chúng chạy thoát một số sang Thượng Lào thì chiến thắng của ta sẽ không trọn vẹn. Tôi gọi điện thoại trực tiếp cho Nam Long, ra lệnh quyết không để một tên địch nào chạy thoát. Tại đây chỉ có Trung đoàn 57. Nam Long nói: "Thưa anh, sẽ không có một tên nào chạy thoát. Chúng tôi đã chốt chặt đường sang Lào".

Tại Hồng Cúm từ 5 giờ chiều ta đã phát hiện địch ném vũ khí xuống sông Nậm Rốm và có nhiều đám cháy trong cứ điểm. Chính ủy Lê Chưởng nói với Tham mưu trưởng: "Ta lệnh cho chúng đầu hàng. Nếu ngoan cố sẽ bị tiêu diệt".

Lệnh được truyền xuống các đơn vị. Tiếng loa của ta vang vang: "Mường Thanh đã đầu hàng! Đờ Cát-xtơ-ri đã bị bắt! Hồng Cúm hàng nhanh thì sẽ không bị tiêu diệt".

Địch vẫn im lặng. Ta dùng vô tuyến điện gọi:

- I-da-ben! La-lăng! Các anh hãy đầu hàng ngay, nếu không sẽ bị tiêu diệt!
- Chúng tôi sẵn sàng hạ vũ khí. Nhưng đề nghị các ông cho mượn đường sang Lào.

Chính ủy Lê Chưởng hạ lệnh cho pháo bắn. Hồng Cúm chìm trong khói lửa. Quân địch không chống cự. Bộ đội được lệnh tiến vào trong cứ điểm. Nhưng chỉ còn lại những tên bị thương. Có lẽ nào quân địch đã chạy thoát? Vòng vây của ta vẫn siết chặt chung quanh. Trung đoàn trưởng Trung đoàn 57 hạ

lệnh cho bộ đội đốt đuốc truy tìm quân địch. Đuốc sáng hồng cả một vùng trời. Du kích và đồng bào những bản xung quanh Hồng Cúm cũng chủ động phối hợp, dẫn đường cho bộ đội đuổi bắt Tây. Nhưng quân địch không ở đâu xa. Pháo ta bắn mạnh, các công sự trong các cứ điểm đều đổ sụp, La-lăng đã ra lệnh cho tất cả binh lính chạy ra chung quanh cứ điểm để tránh pháo.

24 giờ đêm, anh Lê Chưởng gọi điện thoại báo cáo đã bắt được toàn bộ quân dịch ở Hồng Cúm, trong đó có cả La-lăng, chỉ huy phó của tập đoàn cứ điểm, đặc trách phân khu Hồng Cúm.

Sau 55 ngày đêm chiến đấu ác liệt, chiến dịch lịch sử đã thu được toàn thắng.

Tôi ngả mình trên chiếc đệm cỏ tranh thao thức mãi không sao ngủ được. Giờ này, Bác Hồ và Trung ương đã được tin. Ngày mai, chắc bộ đội sẽ nhận được thư khen của Bác. Anh Phạm Vân Đồng đã có mặt ở Gio-ne-vô, sẽ có một tư thế mới để bước vào hội nghị. Các đồng chí của ta và các đồng chí Liên Xô, Trung Quốc đều mong đợi tin này hàng giờ... Lá cờ Tổ quốc được nhân dân ta nêu cao trên chiến trường lịch sử. Quân đội ta lớn lên nhanh quá. Kế hoạch Na-va coi như đã thành mây khói. Cục diện sẽ đổi mới. Điện Biên Phủ xong rồi, nay mai sẽ tiếp tục đánh ở đâu? Niềm vui làm tôi mất gần trọn giấc ngủ đêm hôm đó.

Hôm sau, cơ quan hậu cần tổ chức một bữa ăn mừng chiến thắng, một bữa "tiệc" bánh cuốn. Đồng chí Vi Quốc Thanh, đồng chí Mai Gia Sinh cùng dự liên hoan với Bộ chỉ huy chiến dịch.

Bốn năm sau đó, đồng chí Vi Quốc Thanh từ Quảng Tây sang thăm Hà Nội. Đồng chí tặng tôi một bức mành trúc có con chim ưng và dòng chữ "Đông phong nghênh khải hoàn" (Gió đông đón khải hoàn). Đồng chí nói: "Những năm ở Việt Nam là thời kỳ hoàng kim trong cuộc đời hoạt động cách mạng của tôi". Và đồng chí kể lại: "Trong Chiến dịch Điện Biên Phủ, Bắc Kinh điện hỏi tôi: Trận Điện Biên Phủ là vận động chiến hay trận địa chiến?".

gày hôm sau, mông 8 tháng 5 năm 1954, chúng tôi nhận được thư của Bác Hồ. Bác viết:

"Quân ta đã giải phóng Điện Biên Phủ. Bác và Chính phủ thân ái gửi lời ngợi khen cán bộ, chiến sĩ, dân công, thanh niên xung phong và đồng bào địa phương đã làm tròn nhiệm vụ một cách vẻ vang.

Thắng lợi tuy lớn nhưng mới là bắt đầu. Chúng ta không nên vì thắng mà kiêu, không nên chủ quan khinh địch. Chúng ta kiên quyết kháng chiến để tranh lại độc lập, thống nhất, dân chủ, hòa bình. Bất kỳ đấu tranh về quân sự hay ngoại giao cũng đều phải trường kỳ gian khổ mới đi đến thắng lợi hoàn toàn..."1.

Hai ngày sau khi cuộc chiến đấu kết thúc, tôi từ Mường Phăng tới thăm chiến trường Điện Biên Phủ.

Trạm tù binh ở rải rác hai bên đường. Bình lính địch vóc dáng to lớn tắm giặt ở suối dưới sự canh gác của những chiến sĩ rất trẻ, bé nhỏ, về mặt hiền lành. Từ một khu

rừng vẳng ra tiếng phong cầm rộn ràng, hòa với tiếng hát của những tù binh Pháp. Các đồng chí công tác địch vận đã báo cáo, bình lính địch tỏ về vui thích khi ra hàng. Họ đều muốn sớm chấm dứt cuộc chiến đấu tuyệt vọng, không mang lại lợi lộc gì cho mình, để thoát khỏi cái địa ngục trần gian do Na-va đã tạo nên.

Dọc đường, tôi dừng xe, vào thăm một vị trí pháo. Điều kiện chiến đấu, ăn ở của các đồng chí pháo binh khá tướm tất. Bom đạn địch suốt thời gian qua không làm suy suyển những căn hầm này. Địch đã phải điên đầu vì sự an toàn tuyệt đối của những trận địa pháo ta. Anh em bộ binh hay gọi đùa hầm của pháo binh là "hầm chữ Thọ!"

Ta đã báo cho địch biết, thương binh của tập đoàn cứ điểm tập trung ở Mường Thanh, nên mấy ngày nay máy bay địch không hoạt động tại khu vực này.

Xe dừng trước vị trí cửa ngõ: Him Lam. Nhiều hố đại bác lỗ chỗ trên khắp mặt ruộng chung quanh đồn. Xem trận địa xuất phát xung phong của bộ đội, tôi nhận thấy các chiến hào hầu hết đều nông không đạt tiêu chuẩn quy định.

Cụm cứ điểm Him Lam với ba quả đồi đồ lòm đứng chụm vào nhau ngay bên phải đường số 41. Tôi trèo lên đồi, đi trên con đường nằm giữa rừng dây thép gai bát ngát, xem xét vị trí. Địch đã chọn được một địa thế rất lợi cho việc phòng ngự. Tiêu diệt được cứ điểm Him Lam, bộ đội ta đã trưởng thành rất nhiều.

Đồng chí cán bộ chỉ huy chiến đấu ở đây, đưa tôi vào xem một ụ súng, trong đó địch đã đặt một khẩu liên thanh có kính ngắm sử dụng tia hồng ngoại để phát hiện bộ đội ta ban đêm. Tôi nhìn qua lỗ châu mai, thấy hỏa điểm này khá nguy hiểm vì nó kiểm soát một khu vực rất rộng.

Tôi hỏi đồng chí cán bộ:

- Các đồng chí có gặp khó khăn nhiều vì ụ súng này không?

Đồng chí đó tươi cười đáp:

- Báo cáo anh... ít thôi.
- Vì sao?
- Sau trận đánh, chúng tôi hỏi tên bắn súng máy ở đây, nó nói: Khi bộ đội ta bắt đầu bắn, nó ngồi thụp ngay xuống, nên không nhìn thấy bộ đội ta tiến vào đồn.

Đi khỏi Him Lam, trước mắt tôi, đột ngột hiện ra một cánh đồng. Mường Thanh đây rồi! Cánh đồng rộng hơn nhiều so với khi tôi đứng ngắm nó từ đỉnh núi Mường Phăng. Nó chạy dài tít tắp đến chân dãy núi phía nam. Cơn mưa thép đã tạnh. Cánh

đồng phẳng lặng trang điểm những chiếc dù màu sắc rất tươi, như nở đầy hoa. Xa xa, trên đỉnh núi ở biên giới Việt - Lào những đám mây trắng nhẹ êm đềm kéo nhau đi. Cảm giác đầu tiên của tôi, quang cảnh sao thật thanh bình!

Đi thêm một quãng, bỗng nghe tiếng mìn nổ.

Cả chiến trường rộng lớn đã bày ra phía trước.

Tôi đã có mặt ở thị trấn Đông Khê, thị xã Cao Bằng, thị xã Lạng Sơn, thị xã Hòa Bình sau khi giải phóng, nhưng chưa bao giờ nhìn thấy chiến trường với những nét khốc liệt và hùng vĩ như ở đây.

Bên trái là dãy đồi phía đông, thành lũy của tập đoàn cứ điểm, không còn ngọn cỏ, giống như những tổ mối khổng lồ, lỗ chỗ những ụ súng, hố bom, hố đại bác. Bên phải đường số 41, từ chân những quả đồi ra đến bờ sông Nậm Rốm, nằm trên một cánh đồng hẹp, là những vị trí địch dày đặc. Chỗ nào cũng chỉ thấy chiến hào, ụ súng và dây thép gai. Đất bị xói lộn khắp nơi, như bị nung đỏ, từng tấc đều như thấm máu quân thù và cả nỗi kinh hoàng của chúng. Rải rác còn những xác chết chưa kịp chôn đen đặc ruồi, những bãi rác bốc hơi kinh khủng.

Trước khi vào Đông Xuân 1953-1954 cả địch và ta đều chưa nghĩ tôi một không gian và thời gian cho trận quyết chiến chiến lược. Đây chính là điểm hẹn lịch sử, chung cục định mệnh của cuộc chiến tranh xâm lược sớm muộn rồi phải diễn ra ở một nơi nào đó trên đất nước ta. Điện Biên Phủ là sự nổi tiếp của Bạch Đằng, Đống Đa trong thời đại mới.

Ngay đầu đường tôi đi vào, hai bên đường số 41, là đồi E và đồi D, nơi đồng chí Quang Trung đã nhận chỉ thị phải biến ngay hai điểm cao này thành trận địa kiên cố của ta, đưa sơn pháo lên dây uy hiếp quân địch ở Mường Thanh.

Tôi nhìn lên đỉnh đồi C1 đỏ trụi, thử tìm cái "Cột Cờ", nơi Trung đoàn 98 của Vũ Lăng, đã giành giật suốt một tháng ròng với những đơn vị quân dù

trong những trận đánh sinh tử, hầu như ngày nào cũng được nhắc tới trong báo cáo chiến sự. Không còn thấy chút dấu vết nào.

Đã đến chiếc cầu sắt bắc ngang sông Nậm Rốm, nối liền khu đông với trung tâm Mường Thanh. Chiếc cầu mới xuất hiện sau ngày quân địch nhảy dù. Đây là một sản phẩm của Mỹ mà bộ đội ta sẽ gặp nhiều trong những năm chiến tranh sau này. Dưới chân cầu, dòng sông Nậm Rốm đục ngầu, cây cối đổ ngổn ngang và phủ đầy dây thép gai. Đầu cầu, những chiếc lô cốt há miệng châu mai đen ngòm. Địch đã cố gắng bảo vệ cái cầu này cho tới buổi chiều, cách đây hai hôm, các chiến sĩ ta nhanh

chóng băng qua và sau đó, bộ chỉ huy tập đoàn cứ điểm cùng với quân lính từ khu trung tâm lũ lượt kéo ra, qua đây với những lá cờ trắng.

Một anh dân công còn trẻ, đứng đợi bên kia câu. Anh chìa tay ra và nói:

- Đề nghị anh, cho em bắt tay một cái!

Tôi vui vẻ siết tay anh và biết anh quê ở Thanh Hóa, một tỉnh đã cung cấp nhiều nhất về người, cũng như lương thực phục vụ chiến dịch. Tôi rẽ vào nói chuyện với một số bà con dân công, có cả đồng bào miền xuôi và đồng bào ở địa phương, đang ngồi bên đường. Trước chiến thắng về vang của dân tộc, mỗi người có góp phần của mình, đều cảm thấy tự hào. Riêng trong chiến dịch này, nếu thiếu tấm lòng thương yêu rộng lớn của nhân dân, chẳng quản gian lao, không sợ hiểm nghèo, chăm lo từng viên đạn, hạt gạo, thì bộ đội ở nơi tiền tuyến xa xôi này không thể nào chiến thắng quân giặc. Nhiều người chạy tới biến cuộc gặp thành một "mít tinh" nhỏ.

Đứng giữa Mường Thanh, trên là trời, dưới là hầm hố, dây thép gai và súng đạn, xe cộ ngổn ngang, xác một chiếc máy bay cắm đầu xuống đất không xa sở chỉ huy của Đờ Cát-xtơ-ri.

Chung quanh bát ngát một màu đất đỏ. Điện Biên Phủ không phải là một hiện tượng người ta thường gặp trong chiến tranh. Ký giả Rô-be Ghi-lanh đã viết: "Đó là một trận đánh chứa đầy nghịch lý và hầu như chưa từng có. Một pháo đài với quy mô to lớn mà kẻ bị bao vây ở trên cánh đồng và kẻ bao vây thì ở trên cao; cái quân đội ở dưới lòng đất đó chỉ có con đường duy nhất là bầu trời, người ta chưa bao giờ chứng kiến một điều tương tự"1.

Nhìn các vị trí địch, thấy rõ cái mạnh của con nhím Điện Biên Phủ và thấy vì sao địch đã chống giữ được ở đây 55 ngày đêm. Nhưng cũng chính lúc này, càng thấy rõ một nhược điểm rất lớn của tập đoàn cứ điểm: Trong khi kẻ địch tự vây kín từng đại đội bằng những bãi dây thép gai và mìn để vô hiệu hóa những cuộc tiến công của ta, thì chúng cũng tự giam giữ, tự cô lập

mình trong những chiếc cũi sắt, làm mất đi sức mạnh của trên 16.000 quân cơ động tinh nhuệ. Trước đây Na-va cũng như nhiều nhà quân sự phương Tây đã không nhận thấy điều đó.

Những ngày đầu kháng chiến, với dăm ba nghìn quân, địch nghênh ngang lùng sục khắp đường ngang lối tất của Việt Bắc, tìm cơ quan đầu não và bộ đội chủ lực của ta. Chỉ tám năm qua, ngày nay, 17 tiểu đoàn quân địch được trang bị mạnh

dường kia, đã phải co cụm lại một chỗ, dựa vào nhau trong một thế chỉ nhằm đối phó với cuộc tiến công của ta. Rõ ràng là tình hình đã đổi thay nhiều.

Đồng chí Cao Văn Khánh - Phó Tư lệnh Đại đoàn 308, người phụ trách tiếp quản Mường Thanh, đưa tôi vào xem sổ chỉ huy của Đờ Cát-xtơ-ri. Nó khá rộng, nằm không sâu dưới mặt đất, được bảo vệ bên trên bằng một vòm những thanh sắt uốn cong và rất nhiều bao tải cát. Những đường hào phủ ghi sắt nối liền hầm chỉ huy với những hầm nhỏ hơn của các cơ quan ở chung quanh. Nó nằm khá lộ liễu giữa cánh đồng. Có thể khi thiết kế sổ chỉ huy, quân địch chưa hề nghĩ nhiều đến hỏa lực của pháo binh ta. Căn hầm này sẽ không đủ sức chịu đựng lâu nếu ta đặt pháo trên những đồi khu đông bắn xuống. Trong hầm, giấy tờ vẫn ngổn ngang. Có cả một bức thư của vợ Đờ Cát-xtơ-ri. Tôi nhắc anh Khánh cho thu giữ những giấy tờ của địch, chúng sẽ có giá trị lâu đài.

Anh Khánh cho biết khu vực thương binh của địch dưới lòng đất thật là kinh khủng. Hơn một nghìn binh lính và sĩ quan bị thương nặng ở đầu, ở bụng, què cụt bị lèn chặt ních trong những căn hầm đầy bùn nhão hỏi thổi, lúc nhúc dòi bọ. Thương binh địch rên xiết, kêu khóc, dòi cứu chữa, dòi ăn, dòi uống. Nhân viên y tế của Pháp tỏ ra hoàn toàn bất lực. Một bác sĩ trẻ tốt nghiệp Trường đại học Y khoa Pháp nói: "Từ khi đặt chân xuống Điện Biên Phủ, tôi chỉ rúc trong cái xó này, có làm được gì đâu và trong tình cảnh này, chúng tôi có thể làm gì?". Hơn hai chục bác sĩ và mấy chục nhân viên quân y Pháp cũng bị đói, thân hình gầy guộc, mệt mỏi, phờ phạc. Anh Khánh cho biết có người nữ hộ lý duy nhất, tên là Đờ Ga-la, đã được những thương binh Pháp coi là "thiên thần". Tôi nói điều ngay tới một đội điều trị kết hợp với nhân viên y tế của Pháp cứu chữa thương binh, có thể cho phía Pháp xuống lấy thương binh nặng như ta đã làm ở Thất Khê trong Chiến dịch Biên Giới. Phải tổ chức ngay việc tẩy uế chiến trường để tránh dịch bệnh, cho chuyển thương binh địch từ dưới hầm lèn khỏi mặt đất. Và sớm cho cô hộ lý duy nhất tại đây trở về với gia đình.

Sau đó Đội điều trị 3 đã được điều tới Điện Biên Phủ đảm nhiệm công việc vất vả này. Để có vôi bột tẩy uế chiến trường, quân y ta đã phải tìm một

chiếc lò vôi hông ô ki-lô-mét 15 (cách Điện Biên Phủ 60 ki-lô-mét), tìm trong dân công những người biết dùng đá nung vôi. Những chị em dân công được chọn làm hộ lý, sôi sục căm thù quân địch đã cướp bóc, đốt phá làng mạc quê hương, cướp đi của họ những người thân ngay trên chiến trường này, khi được giải thích kỹ chính sách của Đảng đã cùng các chiến sĩ quân y của ta di chuyển thương binh địch lên mặt đất và cứu chữa cho chúng. Ít ngày sau, được phép của ta, máy bay Pháp hạ cánh xuống sân bay Mường Thanh để chỗ đi những thương binh nặng. Từ Chiến

dịch Biên Giới, đây là lần thứ ba ta cho quân Pháp làm việc này. Một người lính da đen trước khi rời Mường Thanh đã úa nước mắt nói với một bác sĩ ta: "Thưa ông, từ khi tôi có trí khôn, ngoài mẹ tôi ra, bây giờ tôi mới biết đến sự dịu dàng và lòng yêu thương".

Phải chờ đợi hồi lâu mới có người dẫn lên xem A1, "chiếc chìa khóa" của Điện Biên Phủ. Anh em đã mất nhiều công dọn một lối đi an toàn giữa những bãi mìn.

Tôi đứng nhìn đường hào sâu chạy từ chân đổi lên đỉnh. Đây chính là con đường tiếp viện kín đáo đã làm cho Trung đoàn 102 của Hùng Sinh ôm hận. Đường chiến hào của Trung đoàn 174 chạy men theo hàng rào của cứ điểm A3, đâm thẳng vào "Cây đa cụt", như vết chém của thanh kiếm khổng lồ cắt rồi điểm cao này ra khỏi khu trung tâm nằm dưới cánh đồng. Trước ngày nổ súng đánh A1 lần cuối, Bộ chỉ huy chiến dịch đã theo dõi từng đêm bước tiến đẩy gian khổ của đường hào này.

Trên đỉnh đồi, là chiếc xe tăng, nòng pháo đã gục xuống, lỗ chỗ vết đạn. Mỗi tấc đất đều mang dấu vết của cuộc chiến đấu quyết liệt. Dưới chân đồi toàn một thứ đất đổ nát vụn như cám, trộn đầy những mảnh gang, những dấu đạn đồng lớn, nhỏ, những đoạn dây thép gai.

Một đồng chí cán bộ chỉ cho tôi cái hầm ngầm nằm náu kín dưới ụ đất cao. Cách đó một quăng, khối thuốc nổ một tấn đã để lại trên mặt đồi một hồ hình phễu khá sâu.

Tôi vào xem hầm ngầm. Nó không phải một công trình phòng ngự chiến đấu, chỉ là một khối gạch đá và xi măng kiên cố được bồi đất dày bên trên, nổi với những hào sâu chạy về phía sau, khi ta tiến công thì địch rút vào đây và dùng pháo bắn bên trên để ngăn chặn. Đường hầm của ta đưa thuốc nổ vào, dài 47 mét, nhưng vẫn còn cách hầm ngầm địch hơn 30 mét, nói lên trình độ nắm địa hình, xác định vị trí hầm ngầm của ta còn thiếu chính xác. Tuy nhiên, về sau ta biết khối bộc phá trên đồi A1 đã tiêu diệt gần hết một đại đội phòng ngự của địch và tạo ra một cửa mở ở phía đông nam nơi mũi chủ công của ta đánh vào tung thâm.

Từ đỉnh đôi A1, có thể nhìn rõ toàn bộ hình thái của tập đoàn cứ điểm và trận địa chiến hào của ta. Một công trình lao động khổng lồ bày ra trước mắt. Cơ quan tham mưu ước tính bộ đội ta đã đào khoảng 200 ki-lô-mét giao thông hào. Đây chính là cái vòng lửa ghê gớm đã thiêu đốt con nhím Điện Biên Phủ. Tôi chợt nghĩ tới một nhiệm vụ của bộ đội là phải trả lại cánh đồng không còn dây thép gai và mìn cho đồng bào làm mùa, trước khi tiếp tục đi đánh giặc trên những chiến trường khác.

Sau đó, đi thăm sân bay, thăm đồi Độc Lập. Từ đồi Độc Lập trở về, chúng tôi đi Hồng Cúm. Trên đường, ghé qua bản Long Nhai, nơi bom địch đã tàn sát một lúc

mấy trăm đồng bào ta bị chính chúng tập trung ở đây. Xe không thể đi tiếp đến Hồng Cúm vì đường hào trục vẫn còn cắt ngang.

Đêm hôm đó, tôi ở lại Điện Biên Phủ trong sở chỉ huy của Đờ Cát-xtơ-ri, nơi đã trở thành trụ sở của Ban Tiếp quân.

Niêm vui chiến thắng đã lắng lại. Bao nhiêu đồng chí đã vĩnh viễn nằm lại Him Lam, đồi Độc Lập, đồi A1, những đồi C, đồi D...! Những người hầu hết còn ở lứa tuổi đôi mươi. Sự hy sinh của các anh không uổng phí. Các anh đã cho quân xâm lược một bài học nhớ đời. Sau này đọc cuốn sách của một thầy thuốc ở Điện Biên Phủ, tác giả kể lại nhiều bình lính Pháp chết không hề có thương tích!1. Những gì ta mang lại cho quân địch đã vượt lên sức chịu đựng của những con người không biết mình đang chiến đấu cho ai, chiến đấu để làm gì.

Chương mười bốn ĐIỆN BIÊN PHỦ - HÀ NỘI

iò Việt Nam chênh với giờ Pháp 7 tiếng. Tin Điện Biên Phủ thất thủ đến Thủ đô Pháp vào trưa ngày 7 tháng 5 năm 1954, đúng lúc chuẩn bị kỷ niệm lần thứ chín đồng minh chiến thắng phát xít Đức. 16 giờ 45 phút, Thủ tướng La-ni-en xuất hiện trước Quốc hội Pháp với bộ đô đen, giọng nói nghẹn ngào: "Chính phủ vừa được tin khu trung tâm Điện Biên Phủ đã thất thủ sau 20 giờ kịch chiến liên tục".

Trừ các nghị viên cộng sản và một số nghị sĩ cấp tiến, toàn bộ cử tọa đều đứng dậy, bàng hoàng. Hội trường lặng phắc bật lên tiếng nức nổ của một nữ nghị sĩ. La-ni-en nói tiếp: "Trước khi khai mạc hội nghị về Đông Dương, kẻ địch muốn giành được sự sụp đổ của Điện Biên Phủ. Họ tưởng có thể giáng một đòn quyết định vào tinh thần nước Pháp. Đối lại thiện chí, sự mong muốn hòa bình của Pháp, họ đã đáp lại bằng sự hy sinh hàng nghìn binh lính, dùng số đông đánh quy những người anh hùng của chúng ta từ năm mươi lăm ngày nay đã làm dấy lên sự ngưỡng mộ của thế giới". Một lần nữa, người cầm đầu Chính phủ Pháp lại tự nhận là có "thiện chí hòa bình" và chúng ta thì bị gạt sang phía những kẻ chống lại!

Tổng giám mục Pa-ri, Hồng y giáo chủ Phen-tanh, mở lễ mi-xa trọng thể cầu nguyện cho những người đã chết và bị bắt làm tủ binh ở Điện Biên Phủ. Nhà hát kịch Pa-ri bãi bỏ chương trình biểu diễn ba-lê đầu tiên sau chiến tranh thế giới thứ hai của Nhà hát Mạc Tư Khoa. Vô tuyến truyền hình thay thế toàn bộ các tiết mục buổi tối bằng những đĩa nhạc cổ điển, những khúc tưởng niệm. Một không khí tang tóc bao trùm Thủ đô nước Pháp.

Ngày 8 tháng 5 năm 1954, Hội nghị Gio-ne-vô chuyển sang bàn về chiến tranh Đông Dương. Có mặt về phía phương Tây: Anh, Mỹ, Pháp, ngụy quyền Việt Nam,

Lào và Cam-pu-chia. Về phía ta có Liên Xô, Cộng hòa nhân dân

Trung Hoa và Việt Nam dân chủ cộng hòa. Pa-thét Lào đã bị phương Tây gạt ra khỏi hội nghị.

Trước đó, đối với Hội nghị Gio-ne-vo, Pháp vẫn giữ thái độ lừng chừng, vì như nói ở trên, tổng chỉ huy Na-va đã khuyến cáo chính phủ không nên tiến hành bất cứ cuộc điều đình nào khi chưa giành được một thắng lợi về quân sự có tính quyết định tại Đông Dương. Thái độ các nước đồng minh vào thời điểm này không hoàn toàn có lợi cho Pháp. Sau khi kết thúc chiến tranh Triều Tiên, người dân Mỹ không muốn có một cuộc phiêu lưu quân sự mới ở Viễn Đông. Chính quyền Ai-xen-hao vẫn khước từ bất cứ hình thức nhân nhượng nào đối với thế giới cộng sản. Mỹ chưa có điều kiện trực tiếp đưa quân vào Đông Dương, nhưng không thể bài xích Hội nghị Gio-ne-vo, càng không thể ngăn cấm Pháp tìm một giải pháp chấm dứt cuộc chiến trong khi đang gặp bế tắc về quân sự. Nhiều người cho rằng Mỹ có thể chấp nhận một cuộc ngừng bắn trong danh dự miễn là nó không đe dọa nên độc lập của những "quốc gia liên kết". Nhưng Mỹ coi đây chỉ là một cuộc đình chiến tạm thời để có thời gian tổ chức một hệ thống phòng ngự mới ở Đông Nam Á, bao gồm Cam-pu-chia, Lào và hai vùng châu thổ Nam, Bắc Việt Nam trước khi chuyển sang phân công. Khác với Mỹ, Anh không muốn chiến tranh Đông Dương kéo dài. Nước Anh đang cần có sự hòa dịu với Trung Quốc để duy trì những quyền lợi tại Hồng Kông. Trong tình hình đó, Pháp chỉ hy vọng tại hội nghị này sẽ tranh thủ được Trung Quốc hạn chế viện trợ về quân sự cho Việt Nam. Nhưng Pháp lại không có gì để mặc cả, vì những lá bài quan trọng, như một cuộc can thiệp lớn vào Đông Dương bằng quân sự vấn đề Đài Loan, vấn đề Trung Quốc vào Liên Hợp Quốc... đều nằm trong tay Mỹ1. Đó là chưa kể tới sự chống đối của các "quốc gia liên kết", đang nhanh chóng ngả sang Mỹ, nếu Pháp tiến hành một cuộc điều đình với Việt Nam dân chủ cộng hòa. Chính phủ Pháp bị đặt trong tình thế bế tắc. Gần tới ngày hội nghị khai mạc, Na-va điện yêu cầu phải có tức thời một cuộc ngừng bắn để cứu vãn tình hình cực kỳ nguy ngập ở Điện Biên Phủ nếu Mỹ không can thiệp trực tiếp bằng quân sự. Chính phủ La-ni-en buộc phải tính tới giải pháp ngừng bắn, bây giờ không còn là ở Điện Biên Phủ, mà ở Đông Dương nói chung.

Chiến thắng Điện Biên Phủ là trái bom rơi xuống đầu Chính phủ La-ni-en ngay trước ngày khai mạc hội nghị. Nó đẩy các nước phương Tây vào một tình thế hoàn toàn bất lợi. Ngoại trưởng Mỹ Đa-lét, trưởng phái đoàn Mỹ, lập tức rời Gio-ne-vo, để lại người thay thế là thứ trưởng ngoại giao Xmít. Bi-đôn đã tự nhận xét là mình tới hội nghị "hầu như trong tay chỉ có nhiều

nhất là một con bài 2 tép và một con 3 rõ"! Đoàn đại diện Việt Nam dân chủ cộng hòa, do Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Phạm Văn Đồng dẫn đầu, bước vào Hội nghị Gid-ne-vd trong ánh hào quang của chiến thắng Diện Biên Phủ, trước cặp mất chăm chú của mọi người. Đoàn ta đã trải qua một đêm không ngủ sau khi nhận được tin chiến thắng.

Cuộc họp tiến hành dưới sự chủ tọa của hai đồng chủ tịch: I-đơn - ngoại trưởng Anh; Mô-lô-tốp - ngoại trưởng Liên Xô.

Theo chương trình nghị sự, đoàn đại diện Pháp phát biểu trước.

Bi-đôn xuất hiện trên diễn đàn, một Bi-đôn hoàn toàn khác với tám năm trước ở Pa-ri.

Bi-đôn nói một cách chua chát: "Trước thêm hội nghị này, tôi buộc phải gọi lên khúc dạo đầu bi thảm của nó và trận đánh tàn khốc nhất của cuộc chiến kéo dài 7 năm qua [không phải là 7 năm!]... Không phải phía chúng tôi muốn điều đó, trong lúc người ta nói tới hòa bình, thì chiến tranh đã quyết liệt tới mức người ta khước từ cả sự di tản thương binh... Chung cục trận đánh Điện Biên Phủ đã được tổng chỉ huy (Na-va) công bố hôm qua với những lời sau đây: "Quân đồn trú Điện Biên Phủ đã hoàn tất sứ mệnh được chỉ huy trao phó". Phái đoàn Pháp không thể che giấu ở đây niềm xúc động sâu sắc và sự tự hào trước chủ nghĩa anh hùng của những chiến binh Pháp, Việt Nam, của tất cả khối Liên hiệp Pháp, đã kháng cự vượt lên sức con người... Chúng tôi đề nghị hội nghị công bố trước hết là sẽ chấp thuận nguyên tắc một cuộc tổng ngừng chiến tại Đông Dương, dựa trên những bảo đảm về an ninh cần thiết, những lời lẽ về nguyên tắc được công bố như vậy sẽ bền vững trong ý thức và trong quyết định của chúng ta".

Sau gần chín năm chiến tranh, lần đầu người Pháp bày tỏ một quyết tâm kết thúc nó. Nhưng các đề nghị cụ thể của Pháp không dễ chấp nhận. Bi-đôn gạt ra ngoài vấn đề cơ bản là chính trị, với lý do nó thuộc thẩm quyền các quốc gia liên kết. Cuộc đấu tranh giành độc lập của nhân dân ba nước Đông Dương bị tách thành hai phần: Một bên là Việt Nam, một bên là hai nước Lào và Cam-pu-chia, với những giải pháp riêng rẽ. Để án của Bi-đôn tập trung vào việc thực hiện một cuộc ngừng bắn trên toàn bán đảo Đông Dương. Tại Việt Nam, các đơn vị chính quy của hai bên đối địch sẽ tập trung vào những vùng được phân định ranh giới rõ ràng, phù hợp với những vị trí hiện thời của mỗi bên, dưới sự kiểm soát quốc tế. Về Lào và Cam-pu-chia, Bi-đôn chỉ đưa ra một ý kiến đơn giản: "Sự rút lui của những người xâm lược".

Chúng ta chủ trương có một thái độ thực tế trong hội nghị, vừa giữ vững những nguyên tắc cơ bản là: Độc lập, thống nhất, dân chủ, hòa bình, vừa có

thái độ mềm dẻo phân hóa đối phương, bảo đảm thành công của hội nghị. Anh Phạm Văn Đồng trình bày những đề nghị của Việt Nam trong một kế hoạch tổng thể của ba nước Đông Dương đã gắn bó chặt chẽ với nhau trong suốt quá trình đấu tranh giành độc lập dân tộc. Kế hoạch này bao gồm cả hai mặt chính trị và quân sự, có chú ý tới mối quan hệ đã có giữa Việt Nam và Pháp. Những đề nghị của ta là: Pháp chấm dứt chiến tranh xâm lược bằng một lịch trình triệt thoái lực lượng viễn chinh. Pháp phải công nhận độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của ba nước Đông Dương. Vấn đề thống nhất Việt Nam sẽ được giải quyết bằng một cuộc tổng tuyển cử tự do. Việt Nam dân chủ cộng hòa sẽ xem xét trường hợp tham gia khối Liên hiệp Pháp. Thực hiện một cuộc ngừng bắn với sự điều chỉnh những vùng do đôi bên kiểm soát.

Để án của phái đoàn ta đã được I-đơn đánh giá là "xây dựng". Mô-lô-tốp đề nghị cuộc đàm phán sẽ tiến hành trên cơ sở hai bản đề án ta và Pháp đã đưa ra. Nhưng đây không phải lần đầu chúng ta tiến hành đàm phán với Pháp. Chúng ta biết hội nghị sẽ không dễ dàng đi tới kết quả vì lúc này còn có thêm Mỹ và ngụy quyền Việt Nam đang được Pháp ráo riết trao quyền "độc lập".

Để tỏ rõ thiện chí của ta, trong phiên họp ngày 10 tháng 5, anh Phạm Văn Đồng thay mặt Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa tuyên bố cho phép nhà đương cục Pháp được tới Điện Biên Phủ đón nhận những thương binh.

ai Điện Biên Phủ, chúng ta đã tiêu diệt và bắt làm tù binh trên 16.200 quân địch, trong đó có toàn bộ cơ quan chỉ huy của tập đoàn cứ điểm, một tướng, 16 viên quan năm, 1.749 sĩ quan và hạ sĩ quan. Lực lượng địch bị tiêu diệt bao gồm 17 tiểu đoàn bộ binh tinh nhuệ (có bảy tiểu đoàn dù), ba tiểu đoàn pháo binh, gần một tiểu đoàn công binh, tổng cộng là 21 tiểu đoàn.

Nhìn chung trên các chiến trường cả nước, trong Đông Xuân này, ta đã tiêu diệt 11 vạn 2 nghìn quân địch, tức là một phần tư lực lượng vũ trang của địch ở Đông Dương, với 25 tiểu đoàn bị tiêu diệt hoàn toàn. Chưa bao giờ trong một thời gian tương đối ngắn, quân địch bị một tổn thất lớn như vậy. Tổn thất này lại càng nặng nề vì đại bộ phận lực lượng bị tiêu diệt bao gồm những sinh lực tinh nhuệ nhất của quân viễn chinh, tức là các tiểu đoàn dù, các tiểu đoàn Âu - Phi, được coi là nòng cốt khối cơ động chiến lược của Na-va.

Về không quân, thiệt hại của Pháp trong thời gian này hết sức nặng nề. Số máy bay oanh tạc, chiến đấu và vận tải, kể cả máy bay oanh tạc B-24 và máy bay vận tải

hạng nặng C-119 của Mỹ, bị bắn rơi và phá hủy ở Điện Biên Phủ là 62 chiếc, nếu tính cả chiến trường toàn quốc là 177 chiếc. Theo Béc-na Phôn, ngoài 62 máy bay bị tiêu diệt tại Điện Biên Phủ, còn có 167 chiếc bị bắn hư hại trên vùng trời thung lũng.

Chúng ta đã giải phóng thêm nhiều vùng đất rộng lớn có tính quan trọng về chiến lược. Trên toàn bộ khu Tây Bắc, lần đầu không còn bóng quân xâm lược. Căn cứ địa của kháng chiến đã được mở rộng, bao gồm toàn bộ miền rừng núi Bắc Bộ, đi từ Việt Bắc đến Tây Bắc, Hòa Bình, nối liền với khu giải phóng của nước bạn ở Thượng Lào. Trên miền Bắc, quân địch lúc này chỉ còn đóng ở đồng bằng Bắc Bộ.

Ở Liên khu 5, vùng tự do của ta mà địch rắp tâm đánh chiếm nay lại được mở rộng hơn nhiều. Một địa bàn quan trọng ở miền Bắc Tây Nguyên chiến lược đã được giải phóng. Thế uy hiếp của địch ở sau lưng các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định đã bị phá tan. Vùng tự do của ta đi từ bờ biển đến biên giới Việt - Lào, nối liền với khu giải phóng của nước bạn ở Hạ Lào, tạo nên một sự uy hiếp mới với quân địch ở miền Nam Đông Dương.

Chiến thắng Điện Biên Phủ đã làm giới cầm quyền Pháp choáng váng, nhưng lực lượng quân địch nhìn chung vẫn còn mạnh. Theo nhà sử học Pháp Y-vơ Gra thì sau Điện Biên Phủ "so sánh lực lượng không thay đổi và ưu thế của quân viễn chinh về vật chất vẫn ở thế áp đảo như trước trận đánh". Vì nếu tính cả quân đội các quốc gia liên kết đang đối đầu với Việt Minh là 450.000 người, thì Pháp chỉ mới mất một phần tư lực lượng. Nước Pháp tuy lâm vào tình thế cực kỳ khó khăn, nhưng chưa phải đã hết khả năng tăng viện cho chiến trường Đông Dương. Và Mỹ chắc chắn sẽ không để Pháp phải một mình đối phó với tình thế.

Hội nghị Gio-ne-vô sẽ khó thành công nếu ta không tiếp tục tạo được một áp lực quân sự ngày càng mạnh trên các chiến trường. Theo kế hoạch cũ, sau khi chiến thắng ở Điện Biên Phủ, ta sẽ đưa một bộ phận lực lượng sang Thượng Lào. Quân địch ở Thượng Lào đang rất hoang mang. Nhưng lúc này đồng bằng Bắc Bộ đã chiếm một vị trí đặc biệt quan trọng. Số quân Pháp còn lại ở Bắc Bộ tập trung hầu hết tại đồng bằng, lại phải rải ra trên một bình diện quá rộng. Ta có khả năng thu hẹp thêm phạm vi chiếm đóng của địch trên chiến trường chính, giải phóng những tỉnh ở đồng bằng tạo nên một biến chuyển mới trong cục diện chiến tranh. Bộ chỉ huy chiến dịch bỏ ý định khuếch trương thắng lợi ở Thượng Lào để đưa quân về giải phóng đồng bằng Bắc Bộ.

Tại Mường Thanh, hơn một nghìn thương binh địch từ gần hai tháng nay nằm chồng chất trong những căn hầm bệnh viện âm u, ngột ngạt và đầy dòi bọ dưới lòng đất. Hầu hết là những thương binh nặng. Đối với họ lúc này được thở một

chút khí trời trong lành còn cần hơn cả chữa bệnh. Chúng ta quyết định chuyển các thương binh lên mặt đất. Họ nằm dưới những mái lều bằng vải dù nhiều màu sắc, nhìn lại bầu trời xanh và tận hưởng làn gió mát trên cánh đồng.

Ngày 11, Na-va cho máy bay thả dù xuống Mường Thanh một lá thư, hỏi cách nhận thương binh ở Điện Biên Phủ. Ta trả lời ngay trong ngày, phía Pháp có thể cử đại diện tới bằng trực thăng để trao đổi về các thể thức. Hai ngày sau, đại diện của Pháp đã có mặt ở Điện Biên Phủ. Vẫn là giáo sư Huy-a - người hơn bốn năm trước đã tới Thất Khê nhận thương binh sau Chiến dịch Biên Giới.

Ngày 13 tháng 5 năm 1954, ta tổ chức lễ duyệt binh mừng chiến thắng Điện Biên Phủ tại khu đồi phía đông Sở chỉ huy Mường Phăng. Đại diện các đơn vị tham chiến có mặt đầy đủ. Lá cờ chiến thắng được hai đại đội trưởng: Tạ Quốc Luật, người đã bắt Đờ Cát-xtơ-ri ở Điện Biên Phủ; Đàm Văn Thiên, thuộc đơn vị phòng không 818 bắn rơi nhiều máy bay nhất, kéo lên.

Tôi đọc bản nhật lệnh, thay mặt Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên dương công trạng các đơn vị trong toàn quân đã dũng cảm, gan dạ, bền bỉ, chịu đựng gian khổ, khắc phục khó khăn, góp phần giành đại thắng cho Chiến dịch Điện Biên Phủ, cảm ơn anh chị em dân công, đồng bào Tây Bắc và đồng bào hậu phương đã ra sức chi viện cho tiền tuyến. Tôi hoan nghênh tinh thần đoàn kết phối hợp chiến đấu của hai nước bạn Lào và Cam-pu-chia. Nhân danh Tổng Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam, tôi hạ lệnh cho toàn thể cán bộ, chiến sĩ trên khắp các chiến trường toàn quốc: "Phải tích cực chiến đấu để củng cố và khuếch trương thắng lợi của Chiến dịch Điện Biên Phủ, củng cố và khuếch trương kết quả của chiến thắng Đông Xuân, tiến tới những thắng lợi rực rỡ hơn nữa".

Cờ Quyết chiến quyết thắng của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong chiến dịch được trao cho Đại đoàn 312, đơn vị lập công đầu tiên trong trận Him Lam, bắt tướng Đờ Cát-xtơ-ri và bộ tham mưu địch. Đồng chí Đàm Quang Trung thay mặt Đại đoàn 312 lên nhận cờ.

Tiếp đó, tôi đã nói về nhiệm vụ sắp tới phải tiến về giải phóng đồng bằng Bắc Bộ. Đó là nhiệm vụ tất yếu mà cục diện chiến trường năm 1954 đặt ra cho quân đội ta. Qua 9 năm kháng chiến, nhiệm vụ giải phóng đồng bằng Bắc Bộ lần đầu được nêu lên với lực lượng vũ trang ta. Mọi người có mặt đều hết sức phấn khởi.

Các đại đoàn tham dự chiến dịch được lệnh chuyển gấp về xuôi để phát triển thắng lợi. Đại đoàn 308 về Thái Nguyên và Bắc Giang. Đại đoàn 312 về Vĩnh Yên và Phúc Yên. Đại đoàn 304 đưa Trung đoàn 9 về Nam Định và Ninh Bình, Trung đoàn 57 về Sơn Tây và Hà Đông. Riêng Đại đoàn 316 nhận nhiệm vụ thu dọn chiến trường,

đưa tù binh về trại giam, sau đó để lại Điện Biên Phủ một trung đoàn, toàn bộ lực lượng chuyển về Thanh Hóa.

Ngày 14 và ngày 15 tháng 5 năm 1954, Hội đồng quốc phòng Pháp họp, quyết định cử tổng tham mưu trưởng Ê-ly cầm đầu một phái đoàn thanh tra đặc biệt sang Đông Dương nghiên cứu tình hình.

Mỹ tiếp tục can thiệp vào Đông Dương. Ngày 15 tháng 5, Pháp chính thức chấp thuận cho Mỹ đưa cố vấn quân sự vào các đơn vị quân ngụy và thay thế Pháp làm nhiệm vụ huấn luyện quân ngụy. Ngày 26, Rát-pho - chủ tịch Hội đồng tham mưu trưởng liên quân Mỹ, đề nghị cho không quân hoạt động chi viện các nước đồng minh ở Đông Dương. Ngày 31, Mỹ đưa sang Đông Dương hàng không mẫu hạm CAT của tướng Sơ-nôn công khai hoạt động ở Việt Nam. Những máy bay vận tải hạng nặng C-119 và phi công Mỹ tập trung ở sân bay Gia Lâm. Mỹ ráo riết giúp quân ngụy, thành lập các sự đoàn nhẹ và các đơn vị binh chủng. Tính đến cuối tháng 5 năm 1954, trong số 249.000 quân ngụy đã có tới 200.000 quân chính quy.

Ngày 3 tháng 6 năm 1954, Chính phủ Pháp chỉ định Ê-ly làm cao ủy kiêm tổng chỉ huy tại Đông Dương. Đây là lần thứ hai, hai nhiệm vụ này được tập trung vào tay một người. Khi đó, chúng ta chưa biết Ê-ly đã báo cáo gì với Chính phủ Pháp sau chuyển đi thanh tra tại Đông Dương cùng với Xa-lăng.

Ngày 4 tháng 6, Chính phủ Pháp chính thức trao quyền độc lập cho ngụy quyền Bảo Đại. Ít ngày sau đó, trước áp lực của Mỹ, Pháp buộc Bảo Đại gạt Bửu Lộc khỏi ghế thủ tướng và thay thế bằng Ngô Đình Diệm, một lá bài đã được CIA chuẩn bị từ năm 1950. Cũng vào thời gian này, phái đoàn quân sự Mỹ do Lên-xđên cầm đầu tới Sài Gòn.

Đã có những dấu hiệu rõ rệt Pháp bắt đầu chuyển giao dân quyền lực ở Việt Nam cho Mỹ qua ngụy quyền Sài Gòn.

ai Gio-ne-vô, trong suôt tháng 5, cuôc dieu dinh gân nhu không tien triên. Chúng ta da biet Bi-dôn tur tam nam trước day, khi con la thu tuông, trong cuôc dam phan dau tien tai Thu do Phap. Thai do cua Bi-dôn

vẫn không hề thay đổi. Bi-đôn luôn luôn dùng Mỹ đe dọa hòng buộc ta phải nhượng bộ. Cùng thời gian, Chính phủ La-ni-en xúc tiến cuộc trao đổi với Mỹ. Pháp muốn có một lời hứa hẹn của Mỹ sẽ can thiệp quân sự vào Đông Dương trong trường hợp Hội nghị Gio-ne-vơ thất bại. Những cuộc tiếp xúc với Oa-sinh-tơn không mang lại cho Pháp điều mong đợi. Ai-xen-hao vẫn giữ thái độ như trước, vì Mỹ chưa thể tiến hành một cuộc phiêu lưu quân sự mới ở Đông Dương.

Chiến tranh giải phóng của ta diễn ra dưới một hình thái đặc thù là lực lượng đôi bên đối địch ở trong tình trạng xen kẽ. Muốn thực hiện một cuộc tổng ngừng chiến buộc phải tập trung những lực lượng này vào những khu vực riêng rẽ có sự kiểm soát. Việc phân chia thành nhiều khu vực là không thực tế vì rất khó kiểm soát, tất yếu dẫn tới những xung đột làm nhen lại ngọn lửa chiến tranh. Chiến tranh Triều Tiên đã nêu lên một tiền đề: Đôi bên đối địch có thể tập trung về hai vùng riêng rẽ với một ranh giới về địa lý rõ ràng. Ngay từ đầu hội nghị, cả đôi bên đều nghĩ tới điều này, nhưng còn giữ kín ý định. Sau các Chiến dịch Đông Xuân 1953-1954, vùng giải phóng của ta đã mở rộng rất nhiều. Trên miền Bắc và miền Trung, quân địch đã bị dồn lại trong những thành phố ở vùng đồng bằng và ven biển. Riêng ở Liên khu 5, chúng ta có một vùng bốn tỉnh tự do. Đảng ta đã chỉ thị cho đoàn đàm phán: Nếu không tránh khỏi trường hợp chia cắt tạm thời thì phải đấu tranh lấy vĩ tuyến 13 làm ranh giới.

Để tháo gỡ bế tắc cho hội nghị, đoàn ta chấp thuận đặt vấn đề quân sự (ngừng chiến) lên hàng đầu để giải quyết trước khi chuyển sang những vấn đề khác và tập trung vào việc phân định ranh giới tạm thời. Trước thái độ thiếu thiện chí của Pháp, ngày 8 tháng 6, Ngoại trưởng Liên Xô Mô-lô-tốp đọc một diễn văn cực lực lên án người đại diện Pháp đã gây nên những trở ngại giả tạo cho cuộc đàm phán.

Từ trung tuần tháng 5, lực lượng vũ trang ta đã đẩy mạnh sức ép chung quanh đồng bằng Bắc Bộ. Trung đoàn 95 thuộc Đại đoàn 325 làm lực lượng dự bị của Bộ ở Nghệ An, được điều gấp ra Hà Nam. Trung đoàn 64 của Đại đoàn 320 tiếp tục đứng chân ở Thái Bình. Hai trung đoàn khác của Đại đoàn 320 là Trung đoàn 48 và Trung đoàn 52 vẫn hoạt động ở Nam Định và Hà Nam.

Ngày 11 tháng 5, Trung đoàn 48 tập kích Thượng Tổ (cách phía nam Phủ Lý hai ki-lô-mét) tiêu diệt gần 400 quân địch. Trung đoàn 95 tiêu hao nặng binh đoàn cơ động số 4 ở Phủ Lý. Ngày 18, Trung đoàn 52 đánh vị trí Thức Hóa (Giao Thủy), bốn đại đội địch ra hàng. Huyện Giao Thủy được hoàn toàn giải phóng. Cùng ngày, bên tả ngạn sông Hồng, Trung đoàn 64 phục kích trên đường số 39 Thái Bình, diệt hai đại đội, đánh quân viện tới giải vây cho Triều Dương, tiêu diệt 700 tên. Ta giải phóng nam Hưng Yên.

Đầu tháng 6, phần lớn các đại đoàn của ta từ Điện Biên Phủ về, đã có mặt ở những vị trí quy định.

Tôi nêu ý kiến trong Quân ủy Trung ương dùng ngay khoảng một trăm xe đưa một bộ phận pháo binh 351 và một đơn vị chủ lực mạnh về Tam Nông, Phú Thọ, phía tả ngạn sông Đà, uy hiếp phía tây bắc Hà Nội. Đồng chí Vi Quốc Thanh khuyên ta

tránh sử dụng lực lượng lớn để phòng vấp váp, để giữ trọn vẹn chiến thắng đã giành được.

Trung đoàn 102 và Trung đoàn 36 của Đại đoàn 308 tiến vào Bắc Ninh, Bắc Giang. Trung đoàn 9, Trung đoàn 57 của Đại đoàn 304 xâm nhập địch hậu Nam Định, Ninh Bình, Sơn Tây và Hà Đông. Trung đoàn 66 của Đại đoàn 304 phối thuộc với Đại đoàn 325 vẫn tiếp tục hoạt động ở Trung Lào. Nối lên những trận đánh: Ngày 3 tháng 6, ta phục kích ở Triều Dương (Nam Định) diệt và bắt 500 tên. Cùng ngày, Trung đoàn 48 và Trung đoàn 52 phối hợp đánh Đông Biên (Nam Định) tiêu diệt tiểu đoàn khinh quân ngụy 702 và bốn đại đội địa phương quân, diệt 170 tên, bắt 621 tên, thu toàn bộ vũ khí. Trung đoàn 9 bức rút nhiều đồn bốt ở địch hậu Nam Định, Ninh Bình và bức hàng hai vị trí Chùa Cao, Phúc Nhạc. Trung đoàn 36 đánh vị trí công sự mới Cầu Lồ ở Bắc Giang.

Ngày 12 tháng 6 năm 1954, Quốc hội Pháp họp. Trước đó đúng một tháng, sau khi Điện Biên Phủ thất thủ, Chính phủ La-ni-en đã đứng trước một cuộc bỏ phiếu tín nhiệm. Nó chỉ sống sót nhờ vào hai phiếu quá bán. Quốc hội còn muốn dành cho La-ni-en một thời gian để theo đuổi cuộc đàm phán ở Gio-ne-vô. Nhưng qua một tháng, mọi người bắt đầu hết kiên nhẫn. Măng-đét Phrăng, một nghị viên nổi tiếng trong phái chủ hòa, mạnh mẽ chỉ trích Bi-đôn là người chịu trách nhiệm về tình hình bế tắc của Hội nghị Gio-ne-vô. Vấn đề tín nhiệm Chính phủ một lần nữa lại được đặt ra. Chính phủ La-ni-en đổ. Với đa số phiếu áp đảo, Quốc hội Pháp bầu Măng-đét Phrăng làm thủ tướng. Tổng thống Pháp Cô-ty chỉ định Măng-đét Phrăng thành lập Chính phủ mới. Măng-đét Phrăng tuyên bố sẽ đạt được một hiệp định ngừng chiến ở Đông Dương trong vòng một tháng, tới ngày 20 tháng 7 năm 1954 mà chưa thực hiện được lời hứa này, ông ta sẽ xin từ chức.

Ê-ly là tổng chỉ huy thứ tám được cư sang Đông Dương, với nhiệm vụ chủ yếu là phải bảo vệ đội quân viễn chinh. Từ khi nhậm chức đầu tháng 6, Ê-ly, với Xa-lăng là phụ tá, vẫn rất e ngại một "Điện Biên Phủ mới sẽ lại xuất hiện. Có hai nơi khiến Ê-ly và Xa-lăng đặc biệt bận tâm. Tại miền Trung, từ đầu tháng 4 năm 1954, quân Pháp đã xây dựng một tập đoàn cứ điểm ở An

Khè, vị trí rất quan trọng nằm trên đường số 19 nối liền cao nguyên với bờ biển. Đơn vị đồn trú tại đây là bình đoàn cơ động 100 (GM100), gồm một trung đoàn mới từ Triều Tiên về (hai tiểu đoàn) và một tiểu đoàn Bắc Phi. Đường số 19 đã bị lực lượng vũ trang Liên khu 5 cắt đứt hoàn toàn, quân đồn trú chỉ còn trông đợi tiếp tế bằng đường không. Tuyến phòng thủ phía nam đồng bằng Bắc Bộ cũng là một nơi đáng lo ngại. Tuyến phòng thủ này vốn từ trước vẫn thường xuyên bị các

đại đoàn 320 và 304 đe dọa. Ngày 12 tháng 6 năm 1954, Ê-ly quyết định rút quân khỏi An Khê ở Tây Nguyên và toàn bộ phòng tuyến ở phía nam đồng bằng Bắc Bộ.

Ngày 19 tháng 6 năm 1954, viên quan năm Ba-ru, chỉ huy GM100, được lệnh của Xa-lăng rút khỏi An Khê. Cuộc hành binh được chuẩn bị khá chu đáo. Một cánh quân tăng viện gồm hai binh đoàn cơ động xuất phát từ Plei Ku xuống đón binh đoàn cơ động 100 hành quân cơ giới từ An Khê lên. Hợp điểm của hai cánh quân này là đèo Măng Giang, cách An Khê 22 ki-lô-mét. Ngày 24 tháng 6, khi GM100 vừa rời khỏi An Khê 15 ki-lô-mét thì rơi vào trận địa phục kích của lực lượng vũ trang Liên khu 5. Hầu hết binh đoàn, khoảng 1.200 người, trong đó có viên quan năm và cơ quan chỉ huy, cùng với 250 xe cơ giới và toàn bộ lực lượng pháo binh bị tiêu diệt.

Tại Pa-ri, thủ tướng mới của Pháp - Măng-đét Phrăng, trực tiếp bắt tay ngay vào việc tìm kiếm một thỏa hiệp ngừng bắn. Sau khi gặp I-đơn và người đại diện của Mỹ ở Pa-ri, ngày 23 tháng 6 năm 1954, Măng-đét Phrăng tới Gio-ne-vô gặp riêng đồng chí Chu Ân Lai. Trước đó, đồng chí Chu đã thường xuyên tiếp xúc với các đoàn đại biểu Anh, Pháp nhằm làm cho những quan điểm của đôi bên trong cuộc đàm phán xích lại gần nhau.

Trong cuộc họp, đồng chí Chu đã nói với thủ tướng Pháp, phía Trung Quốc để nghị công nhận Lào và Cam-pu-chia và thực thi chính sách không can thiệp với điều kiện các quốc gia này sẽ không trở thành những căn cứ quân sự của Mỹ. Đồng chí Chu ủng hộ giải pháp phân chia Việt Nam thành hai miền với một giới tuyến quân sự tạm thời để đạt được một hiệp định ngừng bắn trong ba tuần lễ.

Ngày 24 tháng 6 năm 1954, tin binh đoàn cơ động 100 bị tiêu diệt ở An Khê bay tới Gio-ne-vô.

Ngày 25, phía Pháp đề nghị với ta lấy vĩ tuyến 18 làm điểm phân chia tạm thời, ghép nối với việc trung lập hóa những địa hạt giám mục ở Bắc Bộ và giữ lại một thời gian dài thành phố cảng Hải Phòng.

Ngày 28, chúng ta công bố việc phân chia tạm thời phải được thực hiện ở vĩ tuyến 13.

Những cuộc trao đổi về quan điểm của đôi bên được tiến hành trong ban quân sự. Phía Pháp một mặt biểu lộ sự mong mỏi sớm tìm một giải pháp cho

cuộc ngưng chiến, một mặt đe dọa chiến tranh sẽ leo thang nếu đôi bên không tìm được sự thỏa thuận ở Gio-ne-vô. Chúng ta biết Pháp đang gấp rút chuẩn bị ba sư đoàn để đưa sang Việt Nam trong trường hợp cuộc điều đình ở Gio-ne-vô thất bại. Đối với ta, lấy vĩ tuyến 18 làm giới tuyến tạm thời là không thể chấp nhận, việc

phân chia giới tuyến tạm thời không thể tách với một cuộc tổng tuyến cử tự do để thống nhất đất nước, Pháp không thể ở lâu dài tại Hải Phòng, cảng lớn duy nhất trên miền Bắc Việt Nam. Phía Pháp vẫn giữ những đề nghị của mình. Cuộc đàm phán một lần nữa lại giẫm chân tại chỗ.

Cuối tháng 6 năm 1954, Bộ Tổng Tham mưu phát hiện địch có triệu chứng rút bỏ Liên khu Nam đồng bằng Bắc Bộ. Bộ chỉ thị cho các đơn vị chủ lực và liên khu hành động theo phương châm: "Tích cực, mạnh bạo, cơ động, linh hoạt nhưng phải bảo đảm thắng lợi, tránh đánh ẩu, không ham ăn to, không ham đánh điểm... Phải có kế hoạch phòng không, phòng pháo, đánh cơ giới, đánh ca-nô, tàu chiến địch".

Bên Tà Ngạn sông Hồng, ngày 30 tháng 6, Trung đoàn 64 hoạt động trên đường số 10 (Thái Bình) phục kích tiêu diệt một tiểu đoàn quân ngụy, thu hai khẩu pháo 105mm. Địch ở Thái Bình hoang mang bỏ cầu Bo rút chạy.

Ngày 1 tháng 7, Trung đoàn 64 tiếp quản thị xã Thái Bình.

Tại Hữu Ngạn, ngày 30 tháng 6, địch rút khỏi Phát Diệm và Ninh Bình.

Trung đoàn 52 truy kích bắt 700 tên, thu năm khẩu pháo (có một khẩu 105mm). Cùng ngày, địch ở Bùi Chu rút chạy. Trung đoàn 52 truy kích tới Nam Định. Địch ở đây cũng vội vã rút chạy.

Bộ đội ta tiếp quân thành phố Nam Định ngày 1 tháng 7 năm 1954.

Ngày 3 tháng 7, địch rút khỏi thị xã Phủ Lý.

Tại Sơn Tây, Trung đoàn 57 đánh địch trên các đường số 11, 21A và 21B, giải phóng đại bộ phận tỉnh Sơn Tây. Ngày 7 tháng 7, Trung đoàn 57 phục kích binh đoàn cơ động số 8 đi giải vây cho Trình Viễn (Hà Đông) diệt 400 tên.

Đại đoàn 320 dồn toàn bộ lực lượng sang Thái Bình, chủ trương bao vây thị xã Hưng Yên, tiêu diệt địch ở các thị trấn Phụ Dục, Ninh Giang. Đại đoàn 308 cũng chuyển vào hoạt động trên đường số 13.

Suốt tám năm kháng chiến, ta chưa có ý định giải phóng một thành phố, một thị xã ở đồng bằng. Chỉ trong vài ngày, ta đã giải phóng một thành phố, ba thị xã và một số thị trấn. Một năm trước, ta chỉ mong duy trì và mở rộng một số căn cứ ở vùng nông thôn hậu địch đồng bằng. Bây giờ cả một vùng đồng bằng rộng lớn đã về tay ta.

ách mạng thành công trên lục địa Trung Hoa đã tạo ra thế cân bằng lục lượng giữa Đông và Tây. Chiến tranh lớn bằng vũ khí thông thường không cho phép bên nào giành thắng lợi. Cuộc chiến trên bán đảo Triều Tiên là một minh chứng cho tình

hình mới trên thế giới, cuối cùng, buộc đôi bên phải đi tới ngừng bắn. Hội nghị Gio-ne-vo lần này cũng không giải quyết được gì hơn. Mặc dù tiếng súng đã chấm dứt nhưng người ta vẫn không tìm ra giải pháp để kết thúc chiến tranh Triều Tiên. Và cũng không ai nghĩ tình trạng này sẽ còn kéo dài suốt nhiều thập kỷ. Cho tới lúc này, chiến tranh Đông Dương vẫn chủ yếu diễn ra giữa các dân tộc Đông Dương và Pháp được sự giúp đỡ ngày càng nhiều của Mỹ. Nhưng chiều hướng phát triển của nó có thể dẫn tới một cuộc chiến tranh Triều Tiên thứ hai. Mỹ đã quyết tâm thay thế Pháp ở Đông Dương. Nhưng tình thế chưa cho phép Mỹ trực tiếp nhảy ngay vào cuộc chiến. Nếu sớm quốc tế hóa chiến tranh, không có gì bảo đảm sẽ thắng lợi, và cũng không dễ lôi kéo được đồng minh đã mệt mỏi ở Triều Tiên. Mỹ đã tính tới một phương án mới. Trong khi đó Liên Xô, Trung Quốc và Anh đều không muốn chiến tranh Đông Dương kéo dài, lo cái sảy nảy cái ung! Pháp rất cần một cuộc ngưng chiến để cứu đội quân viễn chinh, nhưng không đủ sức ép ta để giành những điều kiện có lợi. Cho đến gần hết tháng 6, Mỹ vẫn không tỏ thái độ rõ ràng và Anh chỉ đóng vai trò một trong những người hòa giải. Măng-đét Phrăng hiểu là muốn thực hiện được lời hứa trước quốc hội, cần phải tranh thủ được Mỹ và Anh cùng làm áp lực với ta, kể cả tranh thủ sự đồng tình của Liên Xô và Trung Quốc.

Ngày 29 tháng 6 xuất hiện bản ghi nhớ giữa Mỹ và Anh, bày tỏ sự đồng tình với những mục tiêu của Măng-đét Phrăng để ra tại Hội nghị Gio-ne-vo, tán thành việc phân chia tạm thời Việt Nam thành hai miền để thực thi một cuộc ngưng chiến. Riêng về giới tuyến tạm thời, hai cường quốc này chọn vĩ tuyến 17 thay vĩ tuyến 18 do Pháp đề nghị. Mỹ và Anh muốn Pháp phải nhân nhượng, nhưng đồng thời cũng hâm dọa ta trong trường hợp Pháp bị đặt "trước những đòi hỏi ngăn cản kết thúc một bản hiệp định có thể chấp nhận về Đông Dương, tình hình quốc tế sẽ rất trầm trọng"!

Đầu tháng 7 năm 1954, đồng chí Chu Ân Lai từ Gio-ne-vo trở về Trung Quốc, đề nghị gặp Bác Hồ ở Liễu Châu, thuộc tỉnh Quảng Tây, không xa biên giới nước ta. Bộ Chính trị cử tôi cùng đi với Bác.

Từ Nam Ninh đi xe lửa đến Liễu Châu, dọc đường còn thấy nhiều dấu vết chiến tranh. Cuộc họp diễn ra hai ngày trong một ngôi biệt thự mới được tu sửa lại.

Buổi làm việc đầu tiên, theo ý của Bác, tôi trình bày tình hình quân sự lúc này trên bản đồ. Ở cả miền Bắc và miền Trung Việt Nam hầu như toàn màu đỏ, màu của vùng đất tự do và giải phóng. Quân Pháp chỉ còn giữ được hai khu vực: Trên miền Bắc, Hà Nội và một số tỉnh chung quanh, vùng ven biển từ Hải Phòng tới Móng Cái; ở miền Trung, một số thành phố, thị xã ven biển từ nam Quảng Bình qua các thành

phố Huế, Đà Nẵng tới Hội An. Tại Nam Bộ, những khu căn cứ của ta được củng cố và mở rộng.

Hai buổi tiếp theo, đồng chí Chu Ân Lai trình bày về tình hình diễn biến tại Hội nghị Gio-ne-vo, thái độ ngoan cố của Chính phủ Plê-ven và thái độ tiêu cực của Mỹ. Đồng chí Chu nói tình hình quốc tế hiện nay yêu cầu có hòa bình, việc phân chia ranh giới tạm thời nên châm chước một chừng nào để tranh thủ những cơ sở pháp lý cho một cuộc tổng tuyển cử hòa bình thống nhất hai miền Nam, Bắc Việt Nam trong vòng hai năm. Nếu ta có chính sách khôn khéo, tổng tuyển cử sẽ giành thắng lợi. Đồng chí Chu thấy có khả năng lập một mặt trận liên minh với Pháp để đẩy lùi sự can thiệp của Mỹ vào bán đảo Đông Dương. Cuối cùng, đồng chí nói trước đây Plê-ven khăng khăng đòi lấy vĩ tuyến 18 làm ranh giới tạm thời, nhưng trước sự đấu tranh kiên quyết của ta, Măng-đét Phrăng và Anh, Mỹ đã đồng ý rút xuống vĩ tuyến 17.

Bác và chúng tôi đều ngỡ ngàng. Phải chăm chú tìm trên bản đồ mới thấy dòng sông nhỏ Bến Hải ở phía bắc tỉnh Quảng Trị.

Bác nói: Với so sánh lực lượng trên thực tế chiến trường hiện nay, ta đề ra vĩ tuyến 13 là hợp lý, vĩ tuyến 17 đối với ta là không thể chấp nhận, chí ít cũng phải giành được vĩ tuyến 16. Trước đây đã có tiền lệ khi đồng minh vào giải giáp quân đội Nhật ở hai miền Nam, Bắc Đông Dương cũng lấy vĩ tuyến 16 làm ranh giới tạm thời.

Trước lúc đoàn ta ra về, đồng chí Chu nói với Bác: "Tôi sẽ bàn với đồng chí Mô-lô-tốp hết sức cố gắng thực hiện chỉ thị của Hồ Chủ tịch. Vì ở xa không có điều kiện trao đổi, nếu việc đấu tranh xác định ranh giới tạm thời gặp khó khăn, vạn bất đắc dĩ phải chọn vĩ tuyến 17, mong Hồ Chủ tịch chú ý vấn đề quan trọng nhất hiện nay là tranh thủ cho được hòa bình và những điều kiện để hòa bình thống nhất Việt Nam".

Ngồi trên xe lửa, tôi nói với Bác: "Pháp còn gần năm mươi vạn quân, lại thêm Mỹ giúp thì rất ít có khả năng hòa bình thống nhất Việt Nam!". Từ cuộc họp trở về, Bác rất suy nghĩ. Bác nói trong Bộ Chính trị nếu muốn chấm dứt chiến tranh, phải chấp nhận một giới tuyến quân sự tạm thời giữa ta và địch. Các bạn Liên Xô và Trung Quốc đều ngại chiến tranh Đông Dương kéo dài, muốn ta đạt được một thỏa thuận với Pháp. So sánh lực

lượng giữa ta và địch lúc này, ta đang ở thế có lợi, nhưng về mặt quân sự, với sự giúp đỡ của Mỹ, địch vẫn có nhiều khả năng không những bù đắp những tổn thất mà còn tăng cường thêm lực lượng. Ta cũng cần có một thời gian hòa bình, một

khu vực hoàn chỉnh, có thủ đô, cảng biển, sân bay... để cũng cố những thành quả của cách mạng và kháng chiến, xây dựng lực lượng chuẩn bị cho cuộc đấu tranh giành độc lập, thống nhất hoàn toàn. Nhưng vĩ tuyến 17 đối với ta là khó chấp nhận. Mỹ nhất định không chịu bỏ Đông Nam Á, đang chuẩn bị một chiến lược mới rất nguy hiểm. Trong trường hợp nào chúng ta cũng phải đòi đưa vào văn bản sự cam kết tôn trọng độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của ba nước Đông Dương, không có căn cứ nước ngoài... để làm cơ sở cho cuộc đấu tranh lâu dài.

Toàn bộ quân đội viễn chinh Pháp đã dồn về tập trung dọc trục đường số 5 Hà Nội - Hải Phòng. Cô-nhi tổ chức lại lực lượng thành bốn sư đoàn chiến đấu, bao gồm 51 tiểu đoàn bộ binh (so với 28 tiểu đoàn ngày 7 tháng 5), cùng với các đơn vị thiết giáp và pháo binh, chuẩn bị đối phó với cuộc tiến công của các đại đoàn chủ lực. Chúng chỉ còn một mục tiêu duy nhất là bảo vệ con đường dài 100 ki-lô-mét từ Hà Nội chạy ra cảng Hải Phòng, con đường Hiệp định ngày 6 tháng 3 năm 1946 đã đưa chúng vào miền Bắc. Những đơn vị ngụy binh đụng phải quân ta là tan vỡ. Nhiều lính ngụy tự động bỏ ngũ. Bộ chỉ huy Pháp phải dồn quân ngụy vào vòng trong. Những đơn vị quân viễn chinh rêu rã sau cuộc chiến đấu Đông Xuân vừa lo bảo vệ mình, vừa lo canh chừng những đơn vị ngụy binh tháo chạy.

Tại Tây Nguyên, quân địch ở Plei Ku rực rịch rút chạy. Quân địch ở Bình - Trị - Thiên rất hoang mang. Mũi thọc sâu từ Hạ Lào tới Viêng Xai, Stung Treng, Cam-pu-chia, đã bắt liên lạc được với Nam Bộ. Anh Phạm Hùng nhắn: Lương thực đã sẵn sàng. Anh Trần Văn Trà báo cáo đã chuẩn bị xong khu vực tập kết cho bộ đội chủ lực Nam tiến. Tại Nam Bộ, quân địch bỏ nhiều đồn bốt lui về các thành thị. Tình hình này bay tới Gio-ne-vơ. Chúng tôi nhận được điện của cả đồng chí Mô-lô-tốp và đồng chí Chu Ân Lai, nói đang có triển vọng sớm đạt được một hiệp định hòa bình, không nên đẩy mạnh nhịp độ hoạt động quân sự ở cả hai miền Nam, Bắc Đông Dương.

Ngày 15 tháng 7, Trung ương họp Hội nghị lần thứ 6 dưới sự chủ tọa của Bác. Hội nghị nhận định: "Tình hình trong nước phát triển ngày càng có lợi cho ta; địch gặp những khó khăn lớn tuy chúng vẫn không ngừng giãy giụa", "Từ Đông Xuân vừa qua, thừa dịp thực dân Pháp thua nặng, để quốc Mỹ can thiệp trắng trợn vào Đông Dương, kiên quyết thi hành kế hoạch kéo dài và mở rộng chiến tranh thì lực lượng so sánh giữa ta và địch có thể thay đổi không có lợi cho ta", "Để quốc Mỹ là kẻ thù chính của nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới và hiện đang trở thành kẻ thù chính trực tiếp của

nhân dân Đông Dương". Trên cơ sở những nhận định trên, hội nghị nhất trí với đường lối "dùng phương pháp thương lượng để lập lại hòa bình ở Đông Dương" và

quyết định phương châm, sách lược đấu tranh của ta trong giai đoạn mới là: "Chĩa mũi nhọn đấu tranh vào để quốc Mỹ và hiếu chiến Pháp, dựa trên cơ sở những thắng lợi đã đạt được mà phấn đấu để thực hiện hòa bình ở Đông Dương, phá tan âm mưu của để quốc Mỹ kéo dài và mở rộng chiến tranh Đông Dương, cũng cổ hòa bình và thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập và thực hiện dân chủ trong toàn quốc".

Ban Chấp hành Trung ương Đảng kêu gọi: "Toàn Đảng từ trên đến dưới hãy thống nhất tư tưởng và hành động, đoàn kết nhất trí hơn nữa chung quanh Hồ Chủ tịch và Trung ương, tuyệt đối tin tưởng vào Hồ Chủ tịch và Trung ương, kiên quyết vượt mọi khó khăn, ra sức phấn đấu để bất cứ hòa hay là đánh, ta cũng chủ động và thắng lợi"1.

Sau khi có bản ghi nhớ Mỹ - Anh, hàng ngũ đối phương đã siết chặt hơn trước. Trung tuần tháng 7, Măng-đét Phrăng trở lại Gio-ne-vơ với vị thế mới là người đại diện cho những ý kiến của phương Tây. Cuộc đấu tranh tập trung vào hai vấn đề gay cấn nhất là xác định đường ranh giới tạm thời và thời gian tiến hành tổng tuyển cử. Pháp chấp thuận vĩ tuyến 17 do Anh, Mỹ đặt ra và muốn kéo dài thời hạn tổng tuyển cử tự do để thống nhất Việt Nam. Phía ta đề ra vĩ tuyến 16 và yêu cầu tiến hành tổng tuyển cử trong vòng 6 tháng. Cuộc đàm phán lại giẫm chân tại chỗ.

Măng-đét Phrăng đã hứa với Quốc hội Pháp trong vòng một tháng nếu không đạt được một hiệp định ngừng bắn thì sẽ từ chức. Thời hạn đang tới gần. Buổi họp ngày 20 tháng 7 năm 1954 được coi như phiên họp chót. Nếu không đi tới kết quả, Hội nghị Gio-ne-vơ sẽ tan vỡ. Măng-đét Phrăng đã ở giới hạn cuối cùng. Phía ta chấp nhận vĩ tuyến 17. Phía Pháp chấp nhận thời hạn tiến hành tổng tuyển cử thống nhất hai miền Nam, Bắc Việt Nam là hai năm. Một năm sau ngày ký hiệp định, bắt đầu hiệp thương giữa hai miền về tổng tuyển cử. Thời gian tiến hành tổng tuyển cử là tháng 7 năm 1956. Cuộc đàm phán về thành phần giám sát quốc tế kết thúc nhanh chóng. Đôi bên nhất trí chọn Ấn Độ, Ba Lan, Ca-na-đa làm Ủy ban giám sát quốc tế, với Ấn Độ là Chủ tịch.

Ngày 21 tháng 7 năm 1954, Hiệp định đình chiến ở Việt Nam và Hiệp định đình chiến ở Lào được ký kết giữa Thứ trưởng Bộ Quốc phòng Tạ Quang Bửu - đại diện Bộ Tổng Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam đồng thời thay mặt Pa-thét Lào, với thiếu tướng Đen-tây - đại diện Bộ Tổng chỉ

huy quân đội liên hiệp Pháp ở Đông Dương. Sau đó, Hiệp định đình chiến ở Cam-pu-chia được ký giữa đồng chí Tạ Quang Bửu với Nhích Tiêu Long - đại diện Chính phủ Vương quốc Cam-pu-chia.

Hội nghị thông qua Tuyên bố chung về việc lập lại hòa bình ở Đông Dương gồm 13 điều:

1. Xác nhận những văn bản hiệp định về đình chỉ chiến sự ở Việt Nam, ở Lào, ở Cam-pu-chia và về tổ chức kiểm soát quốc tế.
2. Khẳng định sự hài lòng của các bên tham gia hội nghị về việc chấm dứt chiến sự ở các nước Đông Dương.
3. Xác nhận những lời tuyên bố của Chính phủ Vương quốc Cam-pu-chia và của Chính phủ Vương quốc Lào về tổng tuyển cử tự do sẽ được tổ chức trong năm 1955 ở hai nước này.
4. Cấm việc đem quân đội và nhân viên quân sự nước ngoài vào các nước Đông Dương.
5. Cấm việc đặt căn cứ quân sự nước ngoài ở Đông Dương và việc các nước Đông Dương tham gia các liên minh quân sự với nước ngoài.
6. Quy định lấy vĩ tuyến 17 là giới tuyến quân sự tạm thời ở Việt Nam.
7. Khẳng định các bên tham gia hội nghị thừa nhận về nguyên tắc sự độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt Nam, việc hiệp thương giữa hai miền bắt đầu từ ngày 20 tháng 7 năm 1955 và việc tổng tuyển cử tiến hành vào tháng 7 năm 1956.
8. Cam kết tôn trọng quyền tự do lựa chọn nơi sinh sống của nhân dân trong mỗi nước.
9. Cam kết không có hành động trả thù đối với những người thuộc phía đối phương thời kỳ chiến tranh.
10. Quy định việc quân đội Pháp rút khỏi các nước Đông Dương.
11. Pháp cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, Lào và Cam-pu-chia.
12. Quy định những nguyên tắc trong quan hệ giữa ba nước Việt Nam, Cam-pu-chia, Lào, tôn trọng chủ quyền, độc lập, thống nhất, không can thiệp vào nội bộ của nhau.
13. Quy định những biện pháp cần thiết để bảo đảm việc tôn trọng hiệp nghị.

Đoàn Mỹ không ký vào hiệp định, chỉ ra một bản tuyên bố ghi nhận và hứa sẽ không gây trở ngại cho việc thi hành hiệp định. Bộ trưởng ngoại giao

của ngụy quyền Bảo Đại tuyên bố không thể công nhận sự hợp thức của hiệp định. Chúng ta đã thấy rõ Mỹ và ngụy quyền lúc này đã là một, sẽ là những kẻ phá hiệp định sau này.

Hiệp định Gio-ne-vô ra đời trong bối cảnh quốc tế và tương quan lực lượng của ta và địch trên chiến trường như vậy, đã không đạt được tất cả những điều mà ta mong muốn. Tuy nhiên, nó đã góp phần vào việc kết thúc sự thống trị của Pháp kéo dài một thế kỷ, buộc đội quân xâm lược phải ra đi, Pháp phải công nhận trên văn bản độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của ba nước Đông Dương, không có căn cứ quân sự nước ngoài trên ba nước này, chấp nhận về nguyên tắc một cuộc tổng tuyển cử tự do là cơ sở pháp lý cho cuộc đấu tranh lâu dài của ta và chấm dứt cuộc chiến tranh kéo dài đã chín năm trên toàn bán đảo Đông Dương.

Ngày 22 tháng 7 năm 1954, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi gửi đồng bào, cán bộ và chiến sĩ cả nước nhân dịp Hiệp định Gio-ne-vô được ký kết: "Vì hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ của Tổ quốc mà 8, 9 năm nay, nhân dân, quân đội, cán bộ và Chính phủ ta đoàn kết chặt chẽ, trên dưới một lòng, chịu đựng gian khổ, vượt mọi khó khăn, kiên quyết kháng chiến và đã giành được nhiều thắng lợi về vang (...). Ta đã thu được thắng lợi lớn: Chính phủ Pháp đã thừa nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và lãnh thổ toàn vẹn của nước ta, thừa nhận quân đội Pháp sẽ rút khỏi đất nước ta, v.v. (...). Từ nay, chúng ta phải ra sức đấu tranh để củng cố hòa bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập và dân chủ trong toàn quốc"1.

Ngày 22 tháng 7 năm 1954, Bộ Tổng tư lệnh, đại diện cho cả Pa-thét Lào, ra lệnh ngừng bắn. Ở Bắc Bộ, lệnh ngừng bắn có hiệu lực từ ngày 27 tháng 7; ở Trung Bộ, từ ngày 1 tháng 8; ở Lào, từ ngày 6 tháng 8; ở Cam-pu-chia, từ ngày 7 tháng 8; và cuối cùng, ở Nam Bộ, từ ngày 11 tháng 8 năm 1954.

Lệnh ngừng bắn đã được thực hiện nghiêm chỉnh trên toàn bán đảo Đông Dương. Thi hành Hiệp định Gio-ne-vô, bộ đội ta ở nam vĩ tuyến 17, bộ đội tình nguyện của ta ở Cam-pu-chia và Lào lần lượt chuyển quân ra Bắc tập kết. Bộ đội Pa-thét Lào tập kết về hai tỉnh Sầm Nua, Phông Xa Lỳ. Quân viễn chinh Pháp và lực lượng vũ trang của ngụy quyền cũng lần lượt tập kết về phía nam vĩ tuyến 17 với thời hạn cuối cùng là 300 ngày.

Anh Văn Tiến Dũng - Tổng Tham mưu trưởng và anh Song Hào - Chính ủy Đại đoàn 308, được chỉ định làm trưởng đoàn và phó đoàn đại biểu Quân đội nhân dân Việt Nam tham gia Ủy ban Liên hiệp đình chiến Trung ương.

rong lịch sử chiến tranh giữ nước của ta, cuộc chiến thường ít diễn ra ở kinh đô. Đời Trần, trước cuộc xâm lăng của Mông - Nguyên, ông cha ta đã ba lần rời Thăng

Long, nhưng sau đó lại chiến thắng quân địch trở về, nhanh là ba tháng, chậm là sáu tháng. Người anh hùng dân tộc áo vải Nguyễn Huệ, với cuộc hành quân thần tốc từ Phú Xuân ra Thăng Long, đã tiêu diệt đội quân xâm lược Mãn Thanh chỉ trong mấy ngày Tết.

Thời đại Hồ Chí Minh, cuộc chiến chống quân viễn chinh xâm lược Pháp đã diễn ra hai tháng ở Thủ đô. Những chiến sĩ quyết tử đã bảo vệ từng góc phố, từng ngôi nhà, rồi ra đi kháng chiến trường kỳ với lời thề chiến thắng trở về. Suốt những năm chiến tranh, hình ảnh Hà Nội khắc sâu trong trái tim của mỗi chiến sĩ. Hà Nội luôn luôn là sự nhớ thương da diết nhất. Điều đó đã thể hiện trong biết bao bài thơ, câu ca. Nhiều người mong được nhìn lại Thủ đô dù chỉ một lần. Và không phải chỉ có những người ra đi nhớ về Hà Nội, người ở lại cũng trông đợi từng ngày người ra đi mau chóng trở về. Chiến thắng Đông Xuân 1953-1954 và đại thắng ở Điện Biên Phủ đã mang lại cuộc trùng phùng lịch sử.

Nhiệm vụ tiếp quản Thủ đô được trao cho Đại đoàn 308, trong đó có Trung đoàn Thủ đô. Anh Vương Thừa Vũ - Đại đoàn trưởng Đại đoàn 308, Chỉ huy Mặt trận Thủ đô tám năm trước, hôm nay là Chủ tịch Ủy ban Quân chính thành phố. Chủ tịch thành phố Hà Nội vẫn là anh Trần Duy Hưng từ năm đầu cách mạng.

Trên đường về tiếp quản Thủ đô, một số đại diện cán bộ của Đại đoàn 308 được triệu tập tới gặp Bác ở Đền Hùng tại Lâm Thao, Phú Thọ. Bác căn dặn cán bộ, chiến sĩ đại đoàn phải triệt để chấp hành tám chính sách của Chính phủ, 10 điều kỷ luật trong quân đội, "không được xâm phạm đến cái kim, sợi chỉ của dân", tôn trọng dân và giúp đỡ dân, thực hiện thật tốt nhiệm vụ tiếp quản Thủ đô. Cuối cùng Bác hỏi: "Các chú có biết đây là nơi nào không?". Anh Song Hào nói: "Thưa Bác, đây là đền thờ các Vua Hùng...". Bác nói tiếp: "Các Vua Hùng đã có công dựng nước. Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước".

Ngày 9 tháng 10 năm 1954, một số đơn vị của Đại đoàn 308 vào trước tiếp quản các công sở, nhà máy, từ tay quân Pháp. Thành phố đang bị đặt dưới lệnh giới nghiêm, không một bóng người, các ngôi nhà, cửa đều đóng kín. Một đơn vị tới Cầu Giấy làm thủ tục bàn giao. Những chiếc xe bọc thép của quân Pháp chưa kịp quay đầu thì từ ngôi nhà tranh xiêu vẹo bên đường đã xuất hiện một lá cờ đỏ sao vàng, những tiếng hô không biết từ đâu nổi

lên: "Hồ Chủ tịch muôn năm!... Hoan nghênh các anh bộ đội trở về giải phóng Thủ đô!". Rồi những cánh cửa bật mở, bà con ùa ra, xúm xít chung quanh các chiến sĩ tủi tủi mừng mừng. Chỉ trong giày lát, cả dãy phố nghèo ở ngoại ô đã đổ rực màu cờ. Tại Nhà máy đèn Hà Nội, anh chị em công nhân đứng xếp hàng trước cửa với những bó hoa trên tay. Họ đã trải chiếu nằm tại sở mấy ngày qua không cho quân

địch tháo dỡ máy móc đem đi. Lời chào mừng của chị công nhân nghẹn đi vì nước mắt tuôn chảy. Bác thợ già ôm lấy anh chiến sĩ như gặp lại đứa con đi xa từ lâu. Ở các nhà máy, họ đều gặp những người thợ mang theo cơm nắm nằm chờ bộ đội tới từ mấy hôm nay. Một bác ở Nhà máy điện Yên Phụ nói: "Biết các anh từ hồi còn chiến đấu ở Hà Nội kia mà!". Tại nhà ga Hàng Cổ, anh chị em vui vẻ cho biết vừa sửa xong một chiếc đầu tàu thật tốt, bảo đảm cho chuyến tàu đầu tiên xuất phát đúng giờ chào mừng bộ đội trở về. Quân Pháp lui dần qua cầu Long Biên chấm dứt sự có mặt gần một trăm năm ở thành Hoàng Diệu.

Sáng ngày 10 tháng 10 năm 1954, những ngôi nhà cổ kính của Hà Nội đều sáng rực lên những lá cờ sao. Hôm trước trời mưa, nhưng đường phố sáng nay rất sạch. Cổng chào đã được dựng lên khắp nơi. Những cụ phụ lão khăn đóng áo dài trang nghiêm đứng chung quanh bàn thờ Tổ quốc. Tàu điện từ ngoại ô vào hật ních bà con ngoại thành. Sau nhiều năm tạm bị chiếm, Thủ đô đã sống lại không khí ngày đầu Tổng khối nghĩa. Tất cả mọi người dồn ra hai bên đường phố ở hờ đón giờ phút lịch sử, đoàn quân chiến thắng trở về.

"Đường quen phố cũ đây rồi

Thủ đô tươi dậy mặt người như hoa

Vườn hồng ngót gió mưa qua

Cờ hoa đỏ nắng, mái nhà vàng sao"1.

Anh hùng Nguyễn Quốc Trị - Trung đoàn trưởng Trung đoàn Thủ Đô, dẫn đầu đơn vị bộ binh tiến vào Hà Nội. Người từ hai bên đường đổ xô ra đặt vào tay anh và các chiến sĩ những bó hoa tươi. Những chiếc lưỡi lê sáng ngời lấp lánh bên hoa. Tiếp sau là đoàn xe bộ binh cơ giới, pháo binh. Người Hà Nội không ngờ hầu hết cán bộ, chiến sĩ ta đều trẻ. Cái làm họ ngạc nhiên hơn là những người chiến sĩ nhỏ nhắn, hiền lành, giản dị này đã đánh thắng những tên lính Pháp cao lớn, dữ tợn, vũ trang đầy người, có cả máy bay, tàu chiến, xe tăng! Hàng Bông, Hàng Đào rộn ràng tiếng trống múa sư tử, múa lân. Pháo nổ rền, xác pháo đổ hồng rải trên đường phố như những cánh hoa đào. Bên hồ Hoàn Kiếm, sinh viên, học sinh tụ tập kín vườn hoa Chí Linh như năm nào, hát những bài ca cách mạng.

15 giờ, tù Nha hát Lớn thành phô nôi lên một hôi còi dài. Các loa phóng thanh vang lên tiếng đồng chí Chủ tịch Ủy ban Quân chính đọc thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi đồng bào Thủ đô:

"Tám năm qua, Chính phủ xa rời Thủ đô để kháng chiến cứu nước. Tuy xa nhau, nhưng lòng Chính phủ luôn luôn gần cạnh đồng bào.

Ngày nay do nhân dân ta đoàn kết nhất trí, quân đội ta chiến đấu anh dũng, hòa bình đã thắng lợi, Chính phủ lại trở về Thủ đô với đồng bào. Muôn dặm một nhà, lòng vui mừng khôn xiết kể!...

Chính phủ và nhân dân ta phải cùng nhau cố gắng nhiều để khôi phục, cùng cố và phát triển đời sống tinh thần và vật chất của Thủ đô ta..."1.

Với người dân Hà Nội, lòng Già Hồ vẫn như những ngày nào...

Bác và anh Trường Chinh còn ở lại Sơn Tây một thời gian. Tôi được Bộ Chính trị phân công cùng với các anh Lê Văn Lương, Xuân Thủy, Tố Hữu chỉ đạo việc tiếp quân Thủ đô.

Sáng ngày 11 tháng 10, chúng tôi về tới Hà Nội. Thủ đô vẫn giống như những ngày Cách mạng Tháng Tám khi Bác và chúng tôi từ chiến khu trở về. Rợp trời cờ đỏ. Những đường phố vào Thu lác đác lá vàng. Những ngôi nhà kín đáo nấp dưới vòm cây. Hàng liễu rũ quanh Hồ Gươm nước vẫn xanh ngắt. Chỉ khác với hồi tháng 12 năm 1946, là không còn những chiếc xe nhà binh, những chiếc mô-tô Pháp gầm rú trên đường phố, không còn tiếng giày đình của những tên lính mũ đỏ nện trên vỉa hè. Hà Nội rất ít thay đổi trong chiến tranh, vì người Pháp chưa lúc nào tin họ có thể tái định cư lâu dài như trước kia, mặt trận thường xuất hiện cách đây vài chục ki-lô-mét. Thành phố yên tĩnh, không khí trong lành. Nơi tôi tới thăm đầu tiên là Nhà máy điện Yên Phụ. Tôi siết chặt tay những người thợ quần áo đầy muội than đã phá máy làm tắt nguồn điện của Hà Nội, thay hiệu lệnh tiến công đêm 19 tháng 12 năm 1946, hôm nay lại đấu tranh kiên cường với địch bảo vệ máy giữ lại nguồn ánh sáng cho Thủ đô. Tất cả các công sở tôi tới đều trống trơn, không còn một chút tiện nghi làm việc.

Một lần, tôi ghé qua Ngã Tư Sở định tìm lại Liễu Trang, ngôi nhà nhỏ xinh nơi Thường vụ vẫn họp trước khi rời Hà Nội, Bác và anh Trường Chinh đã có những lần tới đây. Nhưng hoàn toàn không còn thấy dấu vết. Chín năm chiến tranh là một thời gian không ngắn. Mỗi năm, mỗi tháng, mỗi ngày đầy ấp những sự kiện. Nó đã mang lại bao đối thay trong đời sống dân tộc, trong mỗi con người. Nó có thể xóa đi nhiều kỷ niệm.

Ngày 1 tháng 1 năm 1955, Chính phủ và Trung ương Đảng trở về Hà Nội. Bác Hồ gặp lại đồng bào ở quảng trường Ba Đình, nơi chín năm trước Người đọc bản Tuyên ngôn độc lập lịch sử. Nụ cười của Bác Hồ trên lễ đài sẽ sáng mãi trang sử mới của Hà Nội nổi tiếp Đông Đô, Thăng Long xưa.

Chúng ta đã tổ chức cuộc duyệt binh lớn đầu tiên ở Hà Nội, một cuộc duyệt binh bộ đội, dân quân du kích chỉ mang theo toàn vũ khí của Pháp và Mỹ, từ vũ khí nhẹ, vũ

khí nặng, đến các phương tiện thông tin đều là chiến lợi phẩm thu được trong chiến đấu. Ba chiếc xe tăng được đưa từ Điện Biên Phủ về sửa chữa lại, mở đầu cuộc diễu hành.

Ngôi nhà Phủ Toàn quyền cũ nay trở thành Phủ Chủ tịch. Ngay từ khi mới tới, Bác đã chọn chỗ làm việc, cũng là nơi ở của Người, tại căn nhà nhỏ của người làm vườn nằm sâu phía trong, dưới những vòm cây, bên cạnh một cái hồ.

Công việc của hòa bình dồn dập kéo tới. Hàn gắn vết thương chiến tranh, xây dựng chủ nghĩa xã hội, đấu tranh thống nhất nước nhà, xây dựng quân đội... Những công việc mới, những vấp váp mới. Hai năm qua rất nhanh. Quân Pháp từng bước rút về nước. Nhưng cuộc tổng tuyển cử cũng như nhiều điều khoản khác của Hiệp định Gio-ne-vơ đã không được thực hiện. Ở miền Nam Việt Nam, những người kháng chiến cũ bị ruồng bố, lùng bắt, phải chạy ra bưng biển, chạy lên rừng núi. Ngô Đình Diệm đã nhanh chóng thay thế Bảo Đại, lớn tiếng đòi "lấp sông Bến Hải", đòi "Bắc tiến". Nhân dân ta chuẩn bị lên đường đi tiếp chặng đường mới của cuộc trường chinh giành độc lập, thống nhất, so với chặng đường đã qua còn bội phần gian nan hơn.

Để thay kết luận

ùng với Bạch Đằng, Chi Lăng, Đống Đa, dân tộc Việt Nam lại có thêm một cột mốc lịch sử mới: Điện Biên Phủ, "cây cột mốc bằng vàng"1.

16.200 quân viên chinh Pháp bị loại khỏi vòng chiến đấu trong một trận đánh là chiến công lớn nhất một dân tộc nhược tiểu giành được trong thời đại ngày nay. Thành trì bất khả xâm phạm của chủ nghĩa đế quốc bị phá vỡ. Hồi chuông báo hiệu giờ tận số của chủ nghĩa thực dân đã điểm. Đó là sự kiện làm rung chuyển, thay đổi thế giới. Một minh chứng cho dự đoán thiên tài của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1921: Không phải trông chờ cách mạng vô sản thành công ở chính quốc, những dân tộc thuộc địa "có thể thực hiện công cuộc giải phóng bằng sự nỗ lực của bản thân".

Tiếng sấm Điện Biên Phủ mãi mãi còn rền vang.

Việt Nam - Hồ Chí Minh - Điện Biên Phủ!

Loài người cùng reo vui với Việt Nam.

Việt Nam - Hồ Chí Minh - Điện Biên Phủ!

Những tiếng nói khẳng định quyền sống, quyền làm người của mọi dân tộc.

Những tiếng đã đi vào ngôn ngữ của các dân tộc.

Những tiếng vang vang tự hào.

uòng kách mệnh của Nguyễn Ái Quốc là con đường đấu tranh giải phóng dân tộc ở thời đại chủ nghĩa đế quốc, khi so sánh lực lượng đã trở nên vô cùng bất lợi đối với những dân tộc mất nước. Nó là bước phát triển mới về chất so với các phong trào trước đó đã bị bọn thực dân thống trị dìm trong biển máu. Nó không chỉ là cuộc đấu tranh vì độc lập của Tổ quốc mà còn vì hạnh phúc của toàn dân.

Với truyền thống văn hóa Việt Nam mà hạt nhân là chủ nghĩa yêu nước, lòng nhân ái, tinh thần cố kết dân tộc, với tinh hoa văn hóa phương Đông Nguyễn Ái Quốc đã đến với chủ nghĩa Lênin, chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tìm ra con đường cứu nước duy nhất đúng đắn: Con đường cách mạng dân tộc, dân chủ tiến lên chủ nghĩa xã hội. Dưới ánh sáng thế giới quan và phương pháp luận của Mác, tư tưởng Nguyễn Ái Quốc đã có sự chuyển biến về chất, mang lại cho dân tộc ta sức mạnh to lớn chiến thắng mọi kẻ thù xâm lược.

Với Đường kách mệnh, lòng yêu nước truyền thống "Nam quốc sơn hà, Nam để cư", của dân tộc, hòa quyện với tinh thần quốc tế vô sản, tư tưởng nhân văn thời đại mới là lý tưởng xã hội chủ nghĩa, trở thành lòng yêu nước - yêu dân - yêu nhân loại. Nó không chỉ huy động toàn thể người dân Việt từ Bắc chí Nam, mà còn đoàn kết được các dân tộc Đông Dương, tranh thủ được sự ủng hộ của nhân dân chính những nước xâm lược và cả loài người tiến bộ trong công cuộc chiến đấu giành lại độc lập, tự do.

M guyễn Ái Quốc là người cộng sản duy nhất ở những thập niên đầu thế kỷ đã nhìn thấy rõ sức mạnh to lớn nằm ngay trong toàn thể đồng bào mình đang sống kiếp nô lệ.

Đó là sức mạnh tiềm ẩn trong những tầng sâu văn hóa Việt Nam. Nền văn hóa đã giúp cho dân tộc nhỏ bé ở châu thổ sông Hồng tồn tại qua một ngàn năm đô hộ của kẻ xâm lược. Nền văn hóa với triết lý sống là chủ nghĩa yêu nước, đã cố kết cả dân tộc, tạo nên tinh thần bất khuất, nghị lực và những sáng tạo phi thường, nhiều lần đánh bại những kẻ thù xâm lược mạnh hơn mình gấp bội trong suốt chiều dài lịch sử.

Đem sức ta mà giải phóng cho ta. Phát hiện lớn đầu tiên của Nguyễn Ái Quốc trong sự nghiệp cách mạng là tinh thần chủ động và tự lực; biết phát huy nội lực, một dân tộc thuộc địa có khả năng tiến hành đấu tranh tự giải phóng, mang lại độc lập, tự do, hạnh phúc cho nhân dân mình, và từ đó có thể góp phần giúp cho cách mạng vô sản ở chính quốc đi tới thành công.

Người thành lập Đảng kách mệnh, đảng của giai cấp công nhân, ở một nước thuộc địa đối nghèo, kinh tế chậm phát triển, với 90 phần trăm dân số là nông dân. Người thành lập Mặt trận Việt Minh, tổ chức cơ bản của khối đại đoàn kết toàn dân. Đây là "đội quân chính trị" phải có trước. Vì từ đó mới có "đội quân vũ trang", "người trước súng sau".

Bản Chỉ thị thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân năm 1944, với 324 chữ, là Cương lĩnh quân sự đầu tiên1 của Đảng ta trong thời kỳ đấu tranh giải phóng đất nước. Đây là cuộc chiến đấu vì dân, do dân, nhằm đem lại độc lập, tự do, hạnh phúc cho nước, cho dân. Vì "Kháng chiến của ta là kháng chiến của toàn dân, cần phải động viên toàn dân, vũ trang toàn dân". Nó đã đặt nền móng cho tổ chức ba thứ quân, mối quan hệ giữa chúng và chỉ ra cách đánh của những dân tộc bị áp bức. Nó đã chỉ đạo những hoạt động của lực lượng vũ trang trong suốt mấy thập kỷ chiến tranh. Nó còn có tác dụng lâu dài trong sự nghiệp bảo vệ đất nước.

Đoàn kết toàn dân, xây dựng lực lượng chính trị, xây dựng lực lượng vũ trang, khối nghĩa từng phần tiến tới tổng khối nghĩa, là bước đi ban đầu của cách mạng Việt Nam. Nguyễn Ái Quốc với tầm nhìn xa trông rộng, đã biết chờ cái chớp mắt của lịch sử tháng Tám năm 1945, dẫn dắt cả một dân tộc từ bùn lầy, ngục tù đứng dậy giành lại đất nước. Lần đầu trong lịch sử hiện đại, Đảng Cộng sản mới mười lăm tuổi ở một nước thuộc địa giành được chính quyền.

Đảng ta đã trở thành một đảng cầm quyền. Nhiệm vụ của chính quyền mới là "mưu cầu hạnh phúc cho dân" như đã xác định trong Tuyên ngôn độc lập: "Dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do". Trước mắt là phải "làm cho đồng bào cả nước ai cũng có ăn, có mặc, có học". Người viết trong thư gửi cho các ủy ban nhân dân vừa được thành lập: "Nước độc lập mà dân không được hưởng hạnh phúc thì độc lập cũng không có nghĩa lý gì".

Sự xuất hiện một nhà nước mới của dân, do dân, vì dân là một tiền đề cơ bản để đưa cách mạng giải phóng dân tộc tới thành công.

Ọt tháng sau Tổng khởi nghĩa, ngày 23 tháng 9 năm 1945, tiếng súng xâm lăng bắt đầu nổ ở Nam Bộ. Quân xâm lược đã dụng tới cả dân tộc. Với truyền thống đấu tranh bắt khuất, người dân Nam Bộ lấy gậy tầm vông làm vũ khí đã lập tức đứng lên kháng chiến. Cả nước vì Nam Bộ, cả nước ủng hộ Nam Bộ. Từ miền Bắc, miền Trung, những đội quân Nam tiến nối tiếp lên đường. Trong cuộc kháng chiến 9 năm, rồi 30 năm, miền Nam đi trước về sau.

Đảng ta chủ trương vừa kháng chiến ở Nam Bộ, vừa xây dựng chế độ mới. Cuộc tổng tuyển cử đầu tiên được tiến hành trên cả nước. Ở miền Nam, nó diễn ra dưới

làn đạn quân thù. Nước Việt Nam độc lập có Quốc hội, Hiến pháp, có chính quyền dân cử. Trong chế độ dân chủ mới, trừ những kẻ cam

tâm làm tay sai cho giặc, ai ai cũng có chỗ đứng của mình. Chưa bao giờ một đất nước vừa giành lại chủ quyền, lại bắt đầu có chiến tranh, chỉ trong một thời gian ngắn có thể làm được nhiều việc trọng đại như vậy.

Ngay từ đầu, kháng chiến của ta vừa là chiến tranh giải phóng, vừa là chiến tranh giữ nước. Ở một mức độ nhất định, nó đã mang tính tổng hợp, toàn dân và toàn diện. Nó kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị, ngoại giao. Đây là "một cuộc chiến tranh kỳ lạ" đã làm ngã lòng viên tổng chỉ huy quân viễn chinh có tầm nhìn như Lô-clc.

Chủ tịch Hồ Chí Minh kiên trì, chịu đựng, tìm mọi cách tránh cho dân tộc vừa thoát khỏi tám mươi năm nô lệ, một cuộc chiến tranh. Hòa bình là khát vọng sâu sắc của dân tộc ta. Trong những giờ phút cực kỳ hiểm nghèo, thù trong giặc ngoài, chúng ta đã đi tới một hiệp định quốc tế đầu tiên: Hiệp định ngày 6 tháng 3 năm 1946. Kẻ xâm lược buộc phải ký kết ngừng chiến, công nhận Việt Nam là một quốc gia tự do. Lá cờ đổ sao vàng của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tung bay trên Thủ đô nước Pháp.

Hơn ai hết, nhân dân ta thiết tha mong muốn hòa bình. Một tuần trước khi nổ ra Toàn quốc kháng chiến, Người trả lời phỏng vấn của báo Pa-ri - Sài Gòn: "Đồng bào tôi và tôi thành thực muốn hòa bình... Tôi biết nhân dân Pháp không muốn chiến tranh. Cuộc chiến tranh này chúng tôi muốn tránh bằng đủ mọi cách... Nước Việt Nam cần kiến thiết, nước Việt Nam không muốn là nơi chôn vùi bao nhiêu sinh mạng..." . Nhưng chúng ta không thể có hòa bình. Để quốc Pháp vẫn quyết giành lại toàn bộ bán đảo Đông Dương bằng chiến tranh vì chúng tin sẽ thắng trong một thời gian ngắn.

"Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa!

Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ.

Hỡi đồng bào!

Chúng ta phải đứng lên!"1.

Hịch Toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh cổ vũ toàn thể đồng bào lên đường ra trận.

Từ đêm 19 tháng 12 năm 1946, cuộc chiến đấu diễn ra trên cả nước giữa vòng vây trùng điệp của quân thù.

Chỉ thị Toàn dân kháng chiến của Đảng xác định đường lối kháng chiến của ta là: "Toàn dân, toàn diện và trường kỳ", với cách "đánh du kích". Đảng ta

chủ trương: "Vừa kháng chiến vừa kiến quốc". Vì muốn kháng chiến thắng lợi phải dựa vào dân, phải bồi dưỡng sức dân, phải tiếp tục xây dựng chế độ dân chủ mới đem lại tự do và những quyền lợi thiết thực cho dân.

Kháng chiến toàn quốc khởi đầu bằng cuộc tổng giao chiến trên tất cả những thành phố, thị trấn có mặt quân địch. Trong chiến tranh cách mạng chưa có trường hợp một lực lượng vũ trang yếu kém đường đầu thắng lợi với một đội quân chính quy ngay tại thành phố. Quân và dân ta đã cầm chân quân địch ở khắp nơi. Đặc biệt tại Thủ đô Hà Nội, ta chiến đấu với 6.500 quân viễn chinh Pháp suốt hai tháng, gấp đôi thời gian dự định. Trung đoàn Thủ đô được thành lập ngay giữa vòng vây, gồm những chiến sĩ quyết tử, tiến hành một cuộc rút lui thần kỳ ngay trước mũi súng quân thù. Hà Nội, tiêu biểu cho cả nước, đã thực hiện xuất sắc nhiệm vụ tiêu hao, tiêu diệt, cầm chân quân địch đi đôi với giữ gìn, phát triển lực lượng ta, tạo thời gian chuyển sang chiến tranh, động viên toàn dân lên đường kháng chiến lâu dài.

Đây là sự khởi đầu của nghệ thuật chiến tranh toàn dân trên phạm vi cả nước.

Âm năm chiến đấu trong vòng vây là một thời kỳ hết sức ngặt nghèo.

Lúc này, ta đã có một quân đội quốc gia chín vạn người, tuy vẫn còn là những "người dân mặc áo lính", trang bị thô sơ nhưng khác với dân quân, du kích, tự vệ, họ là lực lượng vũ trang tập trung thành từng tiểu đoàn, trung đoàn. Cuộc chiến đấu của bộ đội ta ở Nha Trang những tháng đầu kháng chiến, cho thấy nếu dàn hàng ngang ra cản giặc thì nhất định thất bại. Trong Chỉ thị Toàn dân kháng chiến, Đảng ta đã đề ra phải triệt để dùng du kích vận động chiến có nghĩa là đánh vận động với lực lượng chủ lực nhỏ. Thực tế chiến tranh cho thấy: Đây là cách duy nhất tránh cho một đội quân non trẻ không bị kẻ thù có sức mạnh áp đảo tiêu diệt, giúp cho nó tiếp tục chiến đấu và trưởng thành.

Nhiệm vụ cơ bản và khó khăn lớn nhất của thời kỳ này là phải triển khai rộng khắp chiến tranh toàn dân. Nếu mọi người cùng chống giặc thì cuộc kháng chiến sẽ có sức mạnh khôn lường, sẽ trở thành toàn diện. Và chỉ thực hiện được chiến tranh toàn dân, toàn diện, mới có thể duy trì kháng chiến lâu dài.

Mùa đông 1947, bằng Huấn lệnh "Đại đội độc lập, tiểu đoàn tập trung", chúng ta phân tán hai phần ba bộ đội thành những đại đội đi phát động

chiến tranh du kích ở vùng tạm bị chiếm, dùng đơn vị tiểu đoàn đánh vận động tiêu diệt quân địch ở những nơi chúng sơ hở.

"Vừa kháng chiến vừa kiến quốc", Đảng ta chủ trương tiếp tục củng cố bộ máy chính quyền từ Trung ương đến thôn xóm. Một bộ máy chính quyền trong sạch, gồm những người kháng chiến trung kiên, bảo đảm việc thực hiện mọi chính sách của Chính phủ, nhằm xây dựng một chế độ dân chủ nhân dân, khẳng định tính hơn hẳn của chế độ mới. Chúng ta đã làm nên một điều kỳ diệu trong chiến tranh, là phát triển nông nghiệp, tiêu diệt nạn đói triền miên suốt thời Pháp thuộc, có năm cuốn đi của ta một phần mười số dân. Nền kinh tế tự cấp tự túc đã đáp ứng những nhu cầu tối thiểu về lượng thực cho toàn dân chiến đấu với một thứ vũ khí có trong tay. Nó còn nuôi được một đội quân tập trung, sau này lên đến trên 30 vạn người và hàng triệu dân quân du kích, trang bị cho chiến sĩ ngoài những vũ khí lấy được của địch, một số vũ khí do chính ta sản xuất, từ lựu đạn, mìn, đến ba-dô-ca, súng cối 120mm, SKZ (súng không giật)... Chúng ta đã xây dựng một nền văn hóa mới, trước hết là làm cho mọi người đều biết đọc, biết viết, tạo nên một nếp sống lành mạnh trong nhân dân với phong trào Đời sống mới, duy trì những thuần phong mỹ tục, đưa lời ca, điệu múa tới các đơn vị bộ đội, đến tận những bản làng hẻo lánh. Mặt trận Liên Việt, bao gồm cả Việt Minh, đã thu hút mọi tầng lớp xã hội, từ em nhỏ tới cụ già đều đứng trong các đoàn thể cứu quốc. Tổ chức Đảng được phát triển và không ngừng củng cố, gồm những phần tử ưu tú trong kháng chiến, đi đầu trên mọi lĩnh vực đấu tranh, từ nhà máy, ruộng đồng, đến chiến trường. Phong trào Thi đua ái quốc do Chủ tịch Hồ Chí Minh phát động đã phát huy hiệu quả vô cùng to lớn trên mọi mặt đời sống xã hội, từ hậu phương đến tiền tuyến.

Cuộc chiến đấu của lực lượng vũ trang, gồm ba thứ quân, được tiến hành theo hai phương thức:

Bộ đội địa phương và dân quân du kích chịu trách nhiệm ở địa phương, phát triển chiến tranh du kích rộng khắp, xây dựng làng kháng chiến, xây dựng và phát triển các khu du kích, căn cứ du kích ở khắp vùng nông thôn đồng bằng cũng như rừng núi, xây dựng những đội quân ngầm trong những thành phố tạm bị chiếm. Hệ thống hầm hào chống giặc, công khai cũng như bí mật, đã góp phần bảo đảm cho dân quân, du kích bám đất bám làng, tiến hành cuộc chiến đấu tại chỗ. Hình thức "hội tề cứu quốc", một thứ chính quyền hai mặt, đã giúp cho chính quyền thôn xã của ta trong vùng tạm chiếm, tồn tại ngay trước mũi súng kẻ thù.

Bộ đội chủ lực của khu (bao gồm cả chủ lực của tỉnh) dùng vận động đánh nhỏ tập kích, phục kích tiêu diệt, tiêu hao quân địch, chống càn để hỗ trợ và

phát triển phong trào chiến tranh nhân dân địa phương, tiến lên mở những chiến dịch tiêu diệt hệ thống đồn bốt, đơn vị lớn của dịch trong vận động. Bộ đội chủ lực của Bộ xây dựng những tiểu đoàn, trung đoàn, đại đoàn mạnh tranh quyền chủ động trên chiến trường chính, đẩy nhanh đánh vận động từ quy mô nhỏ lên quy mô lớn, đánh địch trong vận động, trong công sự vững chắc từ cụm cứ điểm đến tập đoàn cứ điểm, tiêu diệt những phân khu, khu, vùng chiếm đóng của địch, mở những chiến dịch với quy mô ngày càng lớn, có tác dụng quyết định chiến trường.

Từ hai phương thức hoạt động trên, hình thành hai mặt trận: Mặt trận hậu địch do bộ đội địa phương và dân quân du kích đảm nhiệm, thường xuyên chiến đấu chống lại kẻ thù. Mặt trận chính diện xuất hiện với những chiến dịch tiến công liên tiếp của bộ đội chủ lực, bao giờ cũng có sự phối hợp của lực lượng vũ trang địa phương. Hai phương thức chiến tranh, do ba thứ quân tiến hành, gắn bó khăng khít với nhau, cùng hỗ trợ nhau phát triển không ngừng.

Việt Bắc, căn cứ địa thần thánh của cách mạng và kháng chiến cả nước, chỉ ở xa Hà Nội hơn tám mươi kỉ-lô-mét, đã đánh thắng cuộc tiến công chiến lược lớn nhất của quân viễn chinh Pháp năm 1947. Kẻ thù đã không thể mở một cuộc tiến công chiến lược lần thứ hai. Ta đã đánh bại hoàn toàn chiến lược đánh nhanh thắng nhanh của địch. Những vùng tự do gồm nhiều tỉnh của ta, mặc dù ở trong hoàn cảnh đất nước bị chia cắt, vẫn đứng vững và phát triển. Trên miền Bắc, ngoài sáu tỉnh căn cứ địa Việt Bắc, ba tỉnh Liên khu 4, đất Châu Hoan, Châu Diễn xưa, đã được Bác coi như căn cứ địa kháng chiến thứ hai. Bốn tỉnh tự do Liên khu 5 tồn tại dọc bờ biển miền Trung như một sự thách thức đối với kẻ thù. Vùng căn cứ địa Dương Minh Châu, Chiến khu Đ, Chiến khu Đồng Tháp Mười ở Nam Bộ... trở thành những trung tâm kháng chiến tại miền Nam. Ở khắp vùng địch hậu, từ Bắc chí Nam đã hình thành những khu du kích và căn cứ du kích, dù trải qua nhiều biến động nhưng kẻ thù không thể nào tiêu diệt. Những đảng bộ, chi bộ địa phương, những người đảng viên trung kiên giữ vai trò quyết định trong cuộc chiến đấu cực kỳ ngặt nghèo để bảo vệ những cơ sở kháng chiến ở vùng tạm bị chiếm.

Qua năm năm chiến đấu giữa vòng vây, tư tưởng chiến tranh toàn dân, toàn diện, trường kỳ của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trở thành hiện thực.

Ta đã huy động được sức mạnh của cả dân tộc bao vây kẻ thù trong biển cả chiến tranh toàn dân, tạo thành "thiên la địa võng" đưa đội quân viễn chinh vào thế sa lầy.

Bộ chỉ huy quân viễn chinh cũng như nhiều nhân vật cầm quyền, nhiều nhà quân sự Pháp đã phải công nhận: Nước Pháp thua về quân sự từ năm 1950, chỉ

còn hai con đường: Hoặc là dựa vào viện trợ Mỹ để tiếp tục chiến tranh với hệ quả là Đông Dương sớm muộn sẽ rơi vào tay Mỹ, hoặc là điều đình với Chính phủ Hồ Chí Minh để kết thúc chiến tranh.

Từ thực tiễn chiến đấu, một nghệ thuật chiến tranh toàn dân đã hình thành.

Năm năm chiến đấu hoàn toàn tự lực để tồn tại và phát triển giữa vòng vây là thời kỳ có tính quyết định đối với cuộc kháng chiến lâu dài, đối với vận mệnh dân tộc.

rước năm 1941, Mỹ chưa chú ý tới khu vực này. Chỉ sau khi Đông Dương bị Nhật chiếm đóng, Mỹ mới nhận ra đây là tiền đồn chiến lược giám sát những con đường biển quan trọng ở Nam Á. Một số quan chức Mỹ lo nếu Pháp giành lại quyền kiểm soát thuộc địa này, sẽ khiến cho Mỹ không thể với tới các nguồn nguyên liệu và cơ sở hải quân trong vùng.

Tổng thống Ru-dơ-ven vốn không ưa thứ chủ nghĩa thực dân Pháp lỗi thời, đã đề ra chủ trương "đặt Đông Dương dưới quyền ủy trị quốc tế" như một bước chuẩn bị tiến tới độc lập, trong phạm vi ảnh hưởng của Mỹ. Việt Minh đã có quan hệ tốt với một số người Mỹ trong quân đội Đồng minh tới chiến khu kháng Nhật ở Việt Bắc. Nhưng khi chiến tranh thế giới lần thứ hai sắp kết thúc, tình hình đã thay đổi. Trước sự lớn mạnh của Liên Xô, tại Hội nghị Yan-ta tháng 2 năm 1945, Ru-dơ-ven nhận thấy không nên vội gạt Pháp ở Đông Nam Á, đã điều chỉnh ý kiến của mình là "chỉ để các thuộc địa dưới quyền ủy trị quốc tế nếu được mẫu quốc đồng ý". Như vậy, điều này sẽ không bao giờ diễn ra! Đây là sự chuyển hướng bước đầu trong chính sách của Mỹ đối với Đông Dương. Sau khi quân Tướng bị đẩy khỏi lục địa Trung Hoa, tiếp đến nước Việt Nam dân chủ cộng hòa được các nước xã hội chủ nghĩa công nhận, Đông Dương đã nổi bật lên như một bộ phận thuộc "vòng cung lớn" kiềm chế chủ nghĩa cộng sản trải dài từ Nhật Bản đến Ấn Độ. Các nhà hoạch định chính sách của Mỹ đều theo quan điểm mang tên "thuyết Đô-mi-nô", tin rằng Đông Dương sụp đổ sẽ lần lượt kéo theo các nước khác ở Đông Nam Á1.

Trong tình hình chiến tranh lạnh giữa Đông và Tây ngày càng gia tăng, cuộc chiến trên bán đảo Triều Tiên kết thúc, Đông Dương trở thành điểm nóng tập trung mâu thuẫn giữa chủ nghĩa đế quốc và các nước thuộc địa,

giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản. Chủ nghĩa chống cộng quốc tế, đứng đầu là Mỹ, đã chọn Việt Nam làm trọng điểm ngăn chặn phong trào cộng sản.

Sự dính líu và can thiệp vào chiến tranh Đông Dương của Mỹ, cường quốc mạnh nhất về kinh tế và quân sự, đã làm thay đổi so sánh lực lượng trên chiến trường, mặc dù lúc này ta đã có được sự chi viện của Trung Quốc và Liên Xô. Pháp đã đi vào con đường "lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt" hình thành một thứ chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" kiểu Pháp. Chủ nghĩa thực dân mới kiểu Mỹ bắt đầu xuất hiện tại nước ta.

Tuy nhiên, tại Đông Dương, quyền lợi của Pháp và của Mỹ không đồng nhất. Mỗi bên đều có mưu đồ riêng. Mỹ muốn nhân đà suy sụp của Pháp, biến các nước Đông Dương thành những quốc gia chư hầu. Pháp muốn dựa vào vũ khí và đô-la Mỹ cứu vãn tình hình chiến tranh, cổ duy trì sự thống trị tại Đông Dương, chí ít là tìm một lối ra danh dự.

hiến tranh giải phóng dân tộc của Việt Nam là cuộc chiến dài nhất trong lịch sử cận hiện đại. Một cuộc chiến lâu dài đương nhiên có những giai đoạn. Sau ngày chiến tranh lan rộng trên cả nước, Đảng ta đã đề ra ba giai đoạn kháng chiến chống xâm lược Pháp. Do có sự can thiệp ngày càng sâu của Mỹ từ năm 1950, trên thực tiễn chiến trường, cuộc kháng chiến chống Pháp và can thiệp Mỹ của ta đã diễn ra như sau:

Từ tháng 9 năm 1945 cho đến giữa năm 1950, ta tiến hành cuộc chiến đấu trong vòng vây. Nội dung chủ yếu của thời kỳ này là triển khai thế trận chiến tranh toàn dân, nhằm đánh bại chiến lược đánh nhanh thắng nhanh của địch, dồn quân địch vào thế sa lầy, giành quyền chủ động với địch trên chiến trường chính, tiến tới đánh bại ý chí của xâm lược Pháp.

Từ Chiến dịch Biên Giới cuối năm 1950 đến kết thúc kháng chiến chống Pháp năm 1954, ta tiếp tục phát triển chiến tranh du kích rộng khắp, đẩy mạnh vận động chiến, công kiên chiến, những chiến dịch tiến công và phản công với quy mô ngày càng lớn nhằm đánh bại các chiến lược chiến tranh xâm lược của Pháp và can thiệp Mỹ.

Pháp tiếp tục dựa vào sự chi viện ngày càng lớn của Mỹ cổ thoát khỏi thế sa lầy bằng cách tăng cường càn quét, bình định vùng tạm bị chiếm, ra sức tập trung và xây dựng một lực lượng cơ động lớn mạnh nhằm nắm quyền

chủ động trên chiến trường, cố giành một chiến thắng lớn về quân sự, hòng kết thúc cuộc chiến đã quá kéo dài với những điều kiện có lợi cho chúng.

Ta phát triển chiến tranh du kích tới cao độ để ghim chân quân địch tại khắp vùng tạm bị chiếm, không cho chúng rút lực lượng chiếm đóng tập trung trở lại, đẩy mạnh hoạt động của bộ đội chủ lực khoét sâu vào mâu thuẫn của chúng giữa tập

trung và phân tán, mở những chiến dịch tiến công và phân công nhắm vào những chiến trường xung yếu mà địch yếu hoặc tương đối yếu, buộc chúng chia nhỏ lực lượng cơ động để đối phó, làm bộc lộ những sơ hở và chớp thời cơ giành chiến thắng quyết định.

Đây là thời kỳ ta đã thoát khỏi thế bị bao vây, dựa vào sức mình là chính đồng thời tranh thủ viện trợ quốc tế để phát triển lực lượng, có điều kiện kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh quân sự, chính trị và ngoại giao, phát huy cao độ sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại, khai thác tối đa nhược điểm cơ bản của địch trong thời đại ngày nay, là một cuộc chiến tranh xâm lược kéo dài nhất định đưa chúng đến thất bại.

Một chiến thắng quan trọng của ta diễn ra đúng lúc có thể tạo nên hiệu quả to lớn, có tính quyết định.

Cuộc đấu tranh lúc này không chỉ diễn ra trên chiến trường, mà cả trên bàn hội nghị, ở bình diện quốc tế rộng lớn hơn, kể cả trên đất nước có những người con bị đẩy vào vũng lầy cuộc chiến tranh xâm lược. Nhưng quyết định vẫn là chiến thắng giành được trên chiến trường.

hiến thắng Đông Xuân 1953-1954, với đỉnh cao Chiến dịch Điện Biên Phủ tiêu diệt hai phần ba lực lượng cơ động tinh nhuệ của địch, là hệ quả của những thành tựu nhân dân ta đã giành được trong chín năm kháng chiến chống Pháp. Những bài học rút ra được từ công tác lãnh đạo kháng chiến, nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh, chỉ huy chiến dịch, chỉ huy chiến đấu công tác hậu cần... đều được vận dụng trong thời điểm lịch sử này.

Nhân dân ta đã tìm ra cách giành chiến thắng quyết định trong lúc kẻ địch đông quân nhất, làm nên những điều tưởng chừng như không thể làm được trong chiến tranh.

Ta đã chủ động điều động quân địch để dẫn chúng tới chỗ mắc sai lầm. Liên minh chiến đấu ba nước Đông Dương chuyển qua thời kỳ mới từ sau Đại hội Đảng năm 1951, đã mở thêm nhiều chiến trường thu hút quân địch, tạo nên sự phối hợp nhịp nhàng trong cuộc tổng giao chiến lần thứ hai diễn ra trên toàn bán đảo. Chỉ trong một thời gian ngắn, đội quân cơ động đông và mạnh nhất trong lịch sự chiến tranh Đông Dương đã bị chia năm xẻ bảy.

Trận quyết chiến chiến lược Điện Biên Phủ gắn liền với các trận tiêu diệt địch ở Lai Châu, Thượng Lào, Bắc Tây Nguyên, những mũi thọc sâu chiến dịch ở Trung Lào, Hạ Lào, Đông Bắc Cam-pu-chia, các chiến trường hậu địch ở Bắc Bộ, Trung Bộ, Nam Bộ, những trận đánh trước đó ở tây nam Ninh Bình và sau đó, trên đường số 19

Liên khu 5. Địch đã mất những đơn vị ưu tú nhất tại Điện Biên Phủ. Nếu nói về số lượng quân địch bị tiêu diệt thì ở các chiến trường phối hợp còn lớn hơn nhiều.

Nếu bộ đội ta không được rèn luyện liên tiếp trong những trận vận động và công kiên từ năm 1947 thì sẽ không có thành công trong trận công kiên lớn nhất ở Điện Biên Phủ và trong vận động đánh địch trên nhiều chiến trường Đông Xuân 1953-1954. Chúng ta chắc chắn sẽ gặp khó khăn hơn về công tác hậu cần nếu không có hậu phương kháng chiến được xây dựng ngày càng vững chắc, không có kinh nghiệm của những Chiến dịch Tây Bắc, Thượng Lào. Mũi thọc sâu từ Nghệ An xuống Hạ Lào dọc Trường Sơn là sự khai phá con đường mòn Hồ Chí Minh sau này. Những tiếng trống, mõ rền vang suốt đêm khuya làm cho quân địch khiếp sợ, những cuộc đấu tranh quần chúng với không khí tổng khối nghĩa ở vùng hậu địch Liên khu 3... phải chăng là sự báo trước phong trào đồng khối ở miền Nam trong kháng chiến chống Mỹ.

hững thành tựu mà quân và dân ta thu được trong kháng chiến chống Pháp đã đưa học thuyết quân sự Việt Nam lên một trình độ mới, một chất lượng và sức mạnh mới, trở thành học thuyết quân sự Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh.

Nó kể tục truyền thống đánh giặc, giữ nước lâu dài của ông cha. Đó là tinh thần bất khuất, ý chí quật cường, cố kết dân tộc, đánh giặc mười năm, trăm năm, nghìn năm cũng đánh để giành lại bằng được non sông nước Nam. Đó là truyền thống "Trăm họ là binh", "Giặc đến nhà đàn bà cũng đánh". Luôn luôn phải đương đầu với quân xâm lược lớn mạnh hơn mình, ông cha ta đã lấy yếu đánh mạnh, lấy nhỏ đánh lớn, lấy ít địch nhiều, dùng "đoản binh chế trường trận", tài giỏi về dùng mưu lược thắng giặc đã làm nên những chiến thắng lẫy lừng trong lịch sử. Đó là truyền thống "Lấy đại nghĩa thắng hung tàn, lấy chí nhân thay cường bạo".

Nó tiếp thu ánh sáng thời đại mới, chủ nghĩa Mác - Lê-nin, được mở ra với Cách mạng Tháng Mười, với vai trò lãnh đạo của Đảng, "đội tiên phong dũng cảm", "bộ tham mưu sáng suốt" của giai cấp và của dân tộc, với sự sáng tạo của toàn dân, trở thành cuộc chiến tranh vì dân, do dân, có dân là có tất

cả, lấy chính nghĩa thắng phi nghĩa, lấy sức mạnh dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại để chiến thắng quân xâm lược.

Đặc điểm của nó là nghệ thuật chiến tranh toàn dân, từ chính trị đi lên vũ trang, từ khởi nghĩa từng phần tiến tới tổng khởi nghĩa, từ tổng khởi nghĩa phát triển thành chiến tranh cách mạng, đánh giặc tại chỗ, đánh giặc bằng ba thứ quân, đánh giặc trên cả hai mặt trận chính diện và hậu địch. Nó lấy lâu dài thắng tốc chiến, thắng giặc từng bước. Nó lấy mưu lược, bắt nguồn từ lòng yêu nước, trí thông minh, tinh

thần sáng tạo của cả dân tộc, thắng sức mạnh, buộc kẻ địch tập trung phải phân tán, biến kẻ địch mạnh thành kẻ địch yếu, lấy vũ khí kém chất lượng thắng vũ khí hiện đại. Nó tiến hành một cuộc chiến tranh tổng hợp kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh quân sự, đấu tranh chính trị, đặc biệt coi trọng binh vận, với đấu tranh ngoại giao, lấy tiến công không ngừng, càng đánh càng mạnh, lập thế, tạo thời, tranh thủ thời cơ giành thắng lợi quyết định.

Nó thấm nhuần tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh, không bỏ lỡ bất cứ cơ hội đàm phán hòa bình nào với địch để kết thúc chiến tranh, rất coi trọng xương máu chiến sĩ, có lòng khoan dung nhân đạo đối với tù binh, luôn luôn tìm mọi cách rút ngắn những ngày đau khổ cho dân tộc và cho cả những nạn nhân bị đẩy vào chiến tranh xâm lược.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp đã tạo ý chí, quyết tâm, nền tảng về lý luận, cơ sở về lực lượng, một căn cứ địa vững chắc, một hậu phương lớn của cả nước góp phần quyết định vào sự thành công trọn vẹn của ba mươi năm chiến tranh giải phóng dân tộc và sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc lâu dài.

Đi lần trở lại Điện Biên Phủ, tôi tới nghĩa trang liệt sĩ dưới chân đồi A1 thắp nén hương tưởng niệm những người đồng đội đã nằm lại đây. Đứng trước rất nhiều ngôi mộ không có tên, tôi hình dung ra anh chiến sĩ trẻ tới chiến trường giữa trận đánh, chiến đấu bên những người đồng đội chưa kịp biết tên mình và mình cũng chưa kịp biết là đang ở đơn vị nào. Tiểu đoàn 23, đánh địch phản kích trên sân bay Mường Thanh đã ghi công đầu cho người chiến sĩ cắm lá cờ làm chuẩn cho pháo bắn chi viện giữa lúc địch tiến công dữ dội nhất, nhưng không một ai biết tên anh, cũng như anh ở đâu, còn hay mất? Chàng trai Phù Đổng từ thời xa xưa sau khi đánh thắng giặc Ân đã cưỡi ngựa về trời...

Anh bộ đội Cụ Hồ ra trận thời đó, từ bưng biển Nam Bộ, núi rừng Tây Nguyên, đèo mây Tây Bắc, đến những miền đất lạ Lào, Cam-pu-chia... chỉ có một ý nghĩ vô cùng trong sáng: Phải góp phần cùng đồng đội, đồng bào, bạn bè có chung số phận giành lại độc lập, tự do.

Dân tộc ta đã phải trả giá hơn một thế hệ những người con ưu tú nhất để xóa đi một vết nhơ của loài người là chủ nghĩa thực dân.

au chiến thắng ở Điện Biên Phủ, tôi từ Tây Bắc trở lại Việt Bắc, đến chào Bác. Người bắt tay chúc mừng, rồi nói:

- Nhân dân ta còn phải tiếp tục chống Mỹ!

Tôi nhớ tới những lời Bác viết trong thư khen ngợi quân và dân sau chiến thắng: "Thắng lợi tuy lớn nhưng mới là bắt đầu". Những lời này chỉ có được ở Chủ tịch Hồ Chí Minh!

Vói tháng lợi của kháng chiến chống Pháp, nước Việt Nam đã được quốc tế công nhận là một quốc gia độc lập, thống nhất, nhưng chúng ta chỉ mới giành lại nữa đất nước.

Chúng ta đã không thể tránh khỏi cuộc dụng đầu lịch sử còn tiếp tục. Cần phải chứng minh cho chủ nghĩa thực dân cũ và mới hiểu rằng: Đã tới lúc không thể dùng sức mạnh sắt thép để nô dịch, chia cắt những dân tộc nhỏ yếu.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp đã mang lại những điều kiện vô cùng quý báu cho dân tộc để tiếp tục đánh thắng quân xâm lược Mỹ trên tiền tuyến lớn miền Nam, giành lại độc lập và thống nhất cho Tổ quốc.

Từ mùa Xuân Điện Biên Phủ, 45 năm đã trôi qua. Chúng ta đã thực hiện Di chúc thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh là quyết tâm hoàn thành trọn vẹn sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc với cuộc chiến tranh ba mươi năm, mở ra kỷ nguyên đất nước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Chúng ta đang thực hiện nhiệm vụ "xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh" với những thành tựu rõ rệt trong công cuộc đổi mới.

Chúng ta đang bước tới năm 2000, năm giao thời sang thế kỷ XXI, thiên niên kỷ thứ ba.

Cục diện thế giới đang trải qua những biến động lớn, cuộc cách mạng khoa học và công nghệ đang phát triển với nhịp độ siêu tốc, đặc biệt là ở các nước phát triển, những nước đã đi vào nền "văn minh trí tuệ". Xu thế toàn cầu hóa, khu vực hóa, với mặt tích cực và mặt tiêu cực của nó đang lôi cuốn cả hành tinh. Đi đôi với nguyện vọng hòa bình để phát triển, các cuộc xung đột sắc tộc và tôn giáo đang nổ ra ở nhiều nơi, các cuộc chiến tranh xâm lược

với vũ khí công nghệ cao do chủ nghĩa thực dân mới kiểu mới gây ra đang chà đạp lên chủ quyền và độc lập của các dân tộc.

Trong lúc đó, những mâu thuẫn cơ bản của thế giới vẫn tiếp tục tồn tại với những hình thức và biểu hiện mới trong sự đan xen phức tạp. Đi sâu phân tích, chúng ta nhận thấy tính chất của thời đại vẫn không thay đổi, đúng như Đảng ta đã nhận định: Loài người vẫn ở trong thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản đi lên chủ nghĩa xã hội.

Vận hội mới đang đến với chúng ta, cùng những thách thức mới. Chúng ta càng phải tăng cường đoàn kết, tiến lên dưới ngọn cờ tất thắng của Đảng, biến những ước mơ, những hoài bão tưởng chừng như không thực hiện được thành hiện thực. Đồng thời, phải luôn nắm vững quy luật dựng nước đi đôi với giữ nước, vừa xây dựng thành công đất nước giàu mạnh vừa bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam thân yêu.

Đường kách mệnh, con đường lên hạnh phúc còn dài, nhưng chúng ta đã có những tiền đề thắng lợi.

"Độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội", lòng yêu dân, yêu nhân loại không bao giờ thay đổi" - "mưu cầu hạnh phúc cho dân", "có dân là có tất cả", "đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết", đó là những điều nằm trong di sản Người để lại cho dân tộc: Tư tưởng Hồ Chí Minh.

Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đoàn Chủ tịch Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng, năm 1960 (Người ngồi đầu tiên, hàng thứ hai từ trái sang là Đại tướng Võ Nguyên Giáp)
Đại tướng Võ Nguyên Giáp và Đại tướng Nguyễn Chí Thanh nghiên cứu bản đồ tác chiến, trước khi Đại tướng Nguyễn Chí Thanh chuẩn bị trở lại chiến trường miền Nam, năm 1967
Chủ tịch Hồ Chí Minh gặp mặt cán bộ cao cấp toàn quân, ngày 14 tháng 5 năm 1969
Đại tướng Võ Nguyên Giáp duyệt phương án đánh máy bay B-52 của Bộ Tư lệnh Phòng không - Không quân, tháng 12 năm 1972
Thượng tướng Văn Tiến Dũng chỉ đạo tác chiến tại Sở chỉ huy Quân chúng Phòng không - Không quân, tháng 11 năm 1972
Chủ tịch Tôn Đức Thắng đến thăm và làm việc với Quân chủng Phòng không - Không quân và theo dõi máy bay dịch trên màn hiện sóng
Đại tướng Võ Nguyên Giáp và đồng chí Lê Trọng Tấn trao đổi kế hoạch tác chiến
Đại tướng Võ Nguyên Giáp đến thăm Tiểu đoàn tên lửa 77, đơn vị bảo vệ Hà Nội, ngày 22 tháng 12 năm 1972
Đại tướng Võ Nguyên Giáp thăm bộ đội Trưởng Sơn, năm 1972. Cùng đi có Tư lệnh Đoàn 559 Đồng Sĩ Nguyên và Chính ủy Đoàn 559 Đặng Tính

Đại tướng Võ Nguyên Giáp và Thiếu tướng Cao Văn Khánh - Phó Tổng tham mưu trưởng thăm Mặt trận Cửa Việt (Quảng Trị), năm 1973
Đại tướng Võ Nguyên Giáp thăm và nói chuyện với cán bộ, chiến sĩ Sư đoàn 304 tại Quảng Trị, năm 1973

Chủ tịch Ủy ban Thường vụ Quốc hội Trường Chinh
dự lễ trao tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân cho Binh chủng Tên lửa
(Đứng thứ hai từ trái sang là đồng chí Trường Chinh, thứ ba là Đại tướng Võ Nguyên Giáp)

Ngày 9 tháng 10 năm 1974, Thường trực Quân ủy Trung ương họp bàn nhiệm vụ quân sự trong mùa Xuân năm 1975. Thực hiện bước 1 kế hoạch tác chiến chiến lược, Thường trực Quân ủy Trung ương quyết định mở chiến dịch tiến công dịch ở Nam Tây Nguyên, mục tiêu chủ yếu là Buôn Ma Thuột
Hội nghị Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (mở rộng) từ ngày 18 tháng 12 năm 1974 đến ngày 8 tháng 1 năm 1975 thông qua lần cuối kế hoạch giải phóng miền Nam trong hai năm 1975-1976
Hội nghị Bộ Chính trị và Thường trực Quân ủy Trung ương thông qua kế hoạch tiến công tiêu diệt hang ô cuối cùng của dịch ô Sài Gòn - Gia Định (ngày 31 tháng 3 năm 1975)
Đánh chiếm Bộ tư lệnh sư đoàn 23 quân đội Sài Gòn ở Buôn Ma Thuột

Chiếm trại Mai Hắc Đế ở Buôn Ma Thuột

Giải phóng quân đảo Trường Sa

Đại tướng Võ Nguyên Giáp - Bí thư Quân ủy Trung ương truyền đạt Nghị quyết của Bộ Chính trị mở Chiến dịch Hồ Chí Minh cho các cơ quan của Tổng hành dinh, năm 1975 (Từ trái sang phải: Đại tá Lê Hữu Đức, Thượng tướng Hoàng Văn Thái, Thiếu tướng Vũ Xuân Chiêm, Trung tướng Song Hào, Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Trung tướng Lê Quang Đạo)

Điện chỉ đạo cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, do Đại tướng Võ Nguyên Giáp ký

Đại tướng Võ Nguyên Giáp cùng Thiếu tướng Cao Văn Khánh - Phó Tổng tham mưu trưởng (bên phải) đang đọc các bức điện để chỉ đạo chiến dịch

Bộ chỉ huy Chiến dịch Hồ Chí Minh tại Căm Xe ngày 30 tháng 4 năm 1975 nghe tin chính quyền Sài Gòn tuyên bố đấu hàng vô điều kiện (Từ trái sang phải: Đỗ Văn Đức, Lê Ngọc Hiển, Trần Văn Trà, Đinh Đức Thiện, Văn Tiến Dũng, Lê Đức Thọ, Phạm Hùng; đứng phía sau: Lê Quang Hòa, Võ Quang Hổ và các đồng chí khác)
Đại tướng Võ Nguyên Giáp và Đại tướng Văn Tiến Dũng gặp nhau tại Sài Gòn sau ngày giải phóng miền Nam, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước

Đại tướng Võ Nguyên Giáp duyệt thông cáo cuối cùng về chiến thắng của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 giải phóng hoàn toàn miền Nam (Từ trái sang phải: Đại tá Lê Hữu Đức - Cục trưởng Cục Tác chiến; Thiếu tướng Cao Văn Khánh - Phó Tổng tham mưu trưởng; Đại tướng Võ Nguyên Giáp - Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng Tư lệnh; Đại tá Nguyễn Trọng Yên - Cục trưởng Cục Tuyên huấn; Thượng tá Phạm Chí Nhân - Phó Cục trưởng Cục Tuyên huấn)

Đồng chí Bí thư thứ nhất Lê Duẩn và Đại tướng Võ Nguyên Giáp vào thăm Sài Gòn - Gia Định và các tỉnh phía Nam sau ngày toàn thắng (Ảnh chụp tại sân bay Tân Sơn Nhất, ngày 8 tháng 5 năm 1975)
Lê mừng chiến thắng ở Thủ đô Hà Nội
Lễ mừng chiến thắng ở thành phố Sài Gòn
TỔNG HÀNH DINH TRONG MÙA XUÂN TOÀN THẮNG

Cảm ơn các đồng chí:

Đại tá Phạm Chí Nhân - nguyên Phó Cục trưởng Cục Tuyên huấn đã sưu tầm tư liệu và thể hiện; Trung tướng, Phó Giáo sư Lê Hữu Đức - nguyên Cục trưởng Cục Tác chiến; Trung tướng, Giáo sư, Tiến sĩ Đỗ Trình - nguyên Chánh Văn phòng Quân ủy và Bộ Quốc phòng; Thiếu tướng, Phó Giáo sư Cao Pha - nguyên Phó Viện trưởng Viện Lịch sử quân sự Việt Nam; Đại tá Nguyễn Văn Hiếu - nguyên Chánh Văn phòng Quân ủy Trung ương; Đại tá, Giáo sư Ngô Vi Thiện - nguyên Trưởng ban Khoa học Tổng cục Hậu cần; Đại tá, Tiến sĩ Trần Độ - nguyên cán bộ Cục Tác chiến; Đại tá Nghiêm Xuân Hiếu - nguyên Trưởng phòng 76 Cục Quân bảo; Đại tá Phan Văn Cẩn - nguyên Phó Trưởng phòng Tác chiến Cục Tác chiến; Đại tá Hoàng Minh Phương - nguyên Trưởng khoa Lý luận Viện Khoa học quân sự Bộ Quốc phòng; Đại tá Nguyễn Huyên; Đại tá Nguyễn Tâm; Đại tá Trịnh Nguyên Huân và nhiều đồng chí khác đã góp ý kiến và tư liệu.

Cảm ơn Bảo tàng Lịch sử quân sự Việt Nam, Tổng cục Địa chính, Nhà xuất bản Bản đồ, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia đã nhiệt tình giúp đỡ trong việc hoàn thành và xuất bản cuốn sách này.

LỜI NÓI ĐẦU (Viết cho lần xuất bản thứ nhất)

Thắng lợi hoàn toàn và trọn vẹn của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 đã đi vào lịch sử dân tộc ta như một mốc son chói lọi.

Với thắng lợi vĩ đại ấy, quân và dân ta đã đánh thắng cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ, kết thúc cuộc kháng chiến 30 năm thắng hai "đế quốc to", giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc, thống nhất nước nhà. Đây là cuộc kháng chiến lâu

dài nhất, quyết liệt nhất, oanh liệt nhất trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam.

Thắng lợi ấy đã chấm dứt ách thống trị của thực dân, để quốc hơn một trăm năm trên đất nước ta. Tổ quốc Việt Nam bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên độc lập thống nhất, cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Thắng lợi lịch sử ấy bắt nguồn từ đường lối cách mạng, đường lối kháng chiến đúng đắn, sáng tạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, từ tinh thần đoàn kết chiến đấu, anh dũng bắt khuất của toàn dân, toàn quân, gắn liền với sự lãnh đạo và điều hành trực tiếp của Bộ Thống soái tối cao: Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương, Bộ Tổng Tư lệnh trong quá trình kháng chiến.

Mùa Xuân 1975, tại Tổng hành dinh trong Thành cổ Hà Nội, Bộ Thống soái tối cao đã làm việc khẩn trương, liên tục, tập trung trí tuệ, tài năng ra những quyết định, kế hoạch chiến lược, chiến dịch, những mệnh lệnh, chỉ thị cho quân và dân cả nước biến các nghị quyết của Đảng thành sức mạnh chiến đấu và chiến thắng trên các mặt trận. Cũng tại đây, các cơ quan của Tổng hành dinh: Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị, Tổng cục Hậu cần, Tổng cục Kỹ thuật đã phát huy năng lực và kinh nghiệm theo chức năng, nhiệm vụ, cùng với các cơ quan của Đảng và Nhà nước giúp Bộ Thống soái tối cao, góp phần vào thắng lợi chung.

Nhân kỷ niệm 25 năm ngày toàn thắng (30.4.1975 - 30.4.2000), cuốn Tổng hành dinh trong mùa Xuân toàn thắng muốn nói lên nhãn quan chiến lược, sự sáng suốt và nhạy bén, tinh thần quyết đoán của Bộ Thống soái tối cao, đặc biệt trong những thời cơ lớn, cũng như tinh thần

làm việc toàn tâm, toàn ý, mưu trí, sáng tạo của các cơ quan Tổng hành đình.

Mong rằng những trang hồi ức này sẽ làm rõ thêm vai trò chiến lược có ý nghĩa quyết định thắng lợi của Bộ Thống soái tối cao trong mùa Xuân lịch sử.

Tác giả

Chương một TRẦN "ĐIỂN BIÊN PHỦ TRÊN KHÔNG"

à Nội, tháng 12 năm 1972.

Nhiệt độ xuống thấp hơn mọi năm. Cái rét mùa đông cộng vào cái vắng lặng của ba mươi sáu phố phường vừa được lệnh triệt để sơ tán, càng làm cho thời tiết thêm giá buốt.

Cuộc đàm phán giữa Việt Nam và Hoa Kỳ ở Pa-ri, Thủ đô nước Pháp, đang ở bước gay go. Sau những tháng ráo riết vận động bầu cử với trò "ngoại giao con thoi" và lời hứa mang lại hòa bình, Ních-xơn ở lại Nhà Trắng nhiệm kỳ hai. Ở Sài Gòn, ngụy quyền Nguyễn Văn Thiệu run sợ trước những điều khoản bất lợi cho chúng trong thỏa thuận giữa ta và Mỹ ngày 18 tháng 10 năm 1972, phần ứng quyết liệt với chủ Mỹ.

Các cuộc họp giữa các bên cuối tháng 11 và đầu tháng 12 không đạt kết quả nào. Trong thời gian này, Mỹ cấp tốc vận chuyển cho Thiệu một khối lượng vũ khí và phương tiện chiến tranh bằng cả một năm trước đó.

Để xoa dịu Thiệu và mặc cả với ta, Ních-xơn trở mặt, ngang ngược đòi sửa đổi nhiều điều khoản trong bản dự thảo hiệp định, lúc này tưởng chừng sắp được ký kết sau hơn ba năm đàm phán tại Trung tâm Hội nghị quốc tế trên đại lộ Kiê-be.

Tất nhiên, ta không chấp nhận.

Tình hình rất khẩn trương. Đã mấy ngày liền, anh Văn Tiến Dũng và tôi thường về nhà muộn, có khi ở lại Tổng hành dinh làm việc đến tận nửa đêm.

Diễn biến trên mặt trận ngoại giao dự báo sẽ có những diễn biến mới trên mặt trận quân sự. Chúng tôi chỉ thị cho các cơ quan quân báo, tác chiến thường xuyên báo cáo tình hình địch, tình hình các chiến trường và yêu cầu Bộ Ngoại giao thông báo kịp thời những động thái ở Hội nghị Pa-ri. Ghi sâu lời dặn của Bác Hồ đầu năm 1968 khi Người đến thăm Bộ Tư lệnh Phòng không - Không quân: "Sớm muộn rồi để quốc Mỹ cũng đưa B-52 ra đánh Hà Nội, rồi có thua nó mới chịu thua"1, hướng phán đoán là Mỹ có thể mang

máy bay ném bom chiến lược B-52, con chủ bài cuối cùng ra mặc cả với ta, đánh sâu vào hậu phương miền Bắc.

Trải qua tám năm chống chiến tranh phá hoại của Mỹ, quân và dân ta đã có nhiều chiến công và kinh nghiệm. Nhưng với B-52 thì còn quá ít.

Nhớ lại giữa năm 1965, Mỹ bắt đầu dùng B-52 đánh phá một số căn cứ của ta ở miền Nam. Ngày 12 tháng 4 năm 1966, lần đầu tiên Mỹ dùng B-52 đánh ra miền Bắc ở đèo Mụ Gia (Quảng Bình), trục đường số 12, cửa khẩu Việt - Lào. Ngay khi đó, Bác Hồ đã trực tiếp giao nhiệm vụ cho anh Đặng Tính - Chính ủy Quân chủng Phòng không - Không quân nghiên cứu cách đánh máy bay B-52. Quyết tâm bắn rơi máy bay B-52 được đề ra từ đây. Tháng 5 năm 1966, Trung đoàn tên lửa 238 được điều vào Vĩnh Linh để nghiên cứu đánh B-52. Tại đây, ngày 17 tháng 9 năm 1967, trung đoàn này đã bắn rơi chiếc B-52 đầu tiên.

Từ tháng 2 năm 1968, Quân ủy Trung ương dự đoán Mỹ có thể dùng máy bay B-52 leo thang đánh vào Hà Nội, Hải Phòng và đã giao nhiệm vụ cho Bộ Tư lệnh Quân chủng Phòng không - Không quân xây dựng kế hoạch tác chiến. Suốt thời gian sau đó, nhiều đoàn cán bộ phòng không - không quân cùng một số trung đoàn tên lửa và biên đội không quân tiêm kích được cử vào nghiên cứu cách đánh B-52 trên vùng trời Quân khu 4. Đặc biệt, từ tháng 5 năm 1972, để gây sức ép với ta trên bàn đàm phán, Ních-xơn ra lệnh mở chiến dịch không quân Lai-nơ-bếch-cơ (tiền vệ) dùng B-52 trút hàng trăm nghìn tấn bom hòng ngăn chặn sự chi viện mạnh mẽ của miền Bắc cho miền Nam. Đây là một dịp để ta nghiên cứu cách đánh loại máy bay chiến lược này của Mỹ.

Việc nghiên cứu chuẩn bị kế hoạch đánh B-52 được triển khai gấp rút và đã căn bản hoàn thành vào đầu tháng 9 năm 1972. Dựa vào kinh nghiệm rút ra từ thực tiễn chiến đấu và những hiểu biết ngày càng nhiều về vũ khí, khí tài và thủ đoạn hoạt động của địch, tài liệu Cách đánh B-52 sau nhiều lần bổ sung, hoàn chỉnh đã góp phần nâng cao chất lượng huấn luyện chiến đấu của bộ đội. Cũng cần nói thêm rằng, mặc dù sự giúp đỡ của Liên Xô về vũ khí, kỹ thuật là quý báu và có hiệu quả, nhưng từ năm 1969, bạn không viện trợ thêm một quả đạn tên lửa nào. Các bộ khí tài tên lửa, ra-đa cũng dần dần xuống cấp. Điều đó đòi hỏi cán bộ, chiến sĩ ta phải ra sức phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, nâng cao hiệu suất chiến đấu của vũ khí, khí tài có trong tay.

Ngày 22 tháng 11 năm 1972, Trung đoàn tên lửa 263 ở tây Nghệ An bắn hạ một chiếc B-52. Chiếc máy bay rơi ở phía tây Na-khom-pha-nom, cách căn cứ U-ta-pao (Thái Lan) 64 ki-lô-mét. Hãng thông tấn Mỹ UPI buộc phải

thu nhân tin này. Tuy không bán roi máy bay tại chỗ, nhưng lý thuyết sáng tạo bước đầu đã được thực tiễn kiểm nghiệm.

Các báo cáo của Cục Quân báo trong giao ban hằng ngày ở Bộ Tổng Tham mưu cho thấy địch đang ráo riết chuẩn bị: Thành lập bộ chỉ huy hợp nhất không quân chiến lược chỉ huy cả căn cứ U-ta-pao (Thái Lan) và căn cứ An-đéc-xơn (Gu-am); tập trung quá nửa số B-52 của không quân Mỹ vào hai căn cứ này; bố trí máy bay tiếp dầu KC-135, máy bay trình sát và gây nhiễu điện tử ở căn cứ Su-bích (Phi-líp-pin).

Cục Tác chiến được lệnh trực ban 24 giờ trên 24 giờ.

Ngày 24 tháng 11, anh Văn Tiến Dũng xuống Bộ Tư lệnh Quân chủng Phòng không - Không quân duyệt phương án đánh B-52 của lực lượng phòng không Hà Nội và chỉ thị chậm nhất đến ngày 3 tháng 12 phải hoàn tất mọi công tác chuẩn bị.

Các trận địa phòng không của cả ba thứ quân khẩn trương triển khai sẵn sàng chiến đấu.

Trong buổi giao ban ngày 18 tháng 12 năm 1972, Cục 21 báo cáo: Hồi 5 giờ sáng, ta bắt được tin của địch từ sân bay hỏi: "Trực thăng hôm nay cấp cứu ở đâu?". Trưa hôm ấy, một máy bay RF-4C bay qua Hà Nội báo về căn cứ: "Thời tiết quanh Hà Nội hoạt động được". Trên bầu trời Khu 4, hoạt động của không quân địch đột ngột giảm xuống, đặc biệt không có tốp máy bay B-52 nào. Tất cả các đài ra-đa của mạng cảnh giới mở máy trực ban đều không có nhiều tích cực. Đây là những dấu hiệu không bình thường, chỉ một ngày sau khi bộ đội phòng không - không quân được lệnh bước vào trạng thái sẵn sàng chiến đấu cao.

Chiều ngày 18 tháng 12 năm 1972, chiếc chuyên cơ Bác Hồ-1952 đưa anh Lê Đức Thọ về nước đáp xuống sân bay Gia Lâm lúc 16 giờ 45 phút. Cũng khoảng thời gian ấy, Ních-xơn gửi công hàm như một tối hậu thư, hạn trong 72 giờ ta phải trở lại bàn đàm phán theo những điều kiện của Mỹ.

19 giờ 10 phút, trong phòng làm việc của tôi tại Tổng hành dinh, tiếng chuông điện thoại reo vang từ một trong bốn chiếc máy có chế độ ưu tiên số 1.

Tiếng nói của đồng chí trực ban tác chiến nghe rất rõ:

- Báo cáo Thủ trưởng, B-52 đã cất cánh từ Gu-am, U-ta-pao... Nhiều tốp bay dọc sông Mê Kông lên phía bắc... Các lực lượng phòng không - không quân đã sẵn sàng, vào cấp 1 xong.

Mấy phút sau, còi báo động rú từng hồi.

19 giờ 45 phút, có tiếng bom nổ ở phía xa xa... Bộ Tư lệnh Quân chủng Phòng không - Không quân báo cáo: Máy bay địch đang đánh phá sân bay Hòa Lạc. Tiếp theo đó, nhiều tốp máy bay B-52 vào đánh các sân bay Nội Bài, Gia Lâm. Tiếng ầm ì khô và nặng của động cơ máy bay B-52 mỗi lúc một rõ dần. Những vầng lửa lóe lên, chớp giật liên hồi. Theo sau là những tràng tiếng nổ long trời. Rồng lửa Thăng Long nổi nhau bay vút lên không trung, đan những vệt sáng màu da cam giữa màn đêm Hà Nội.

Cơ quan Tổng hành dinh làm việc hối hả.

Tôi yêu cầu Bộ Tổng Tham mưu cứ 5 phút báo cáo một lần.

Cục 2 báo cáo: Ních-xơn đã ra lệnh bắt đầu chiến dịch Lai-nơ-bếch-cơ II, dùng máy bay chiến lược B-52 từ các căn cứ Mỹ ở Thái Lan, Gu-am, Phi-líp-pin tiến công Hà Nội, trong khi các máy bay cường kích F-111 tiến công các sân bay gần đó. Chiến

dịch này đã được Ních-xơn, Kít-xinh-giơ và tướng Hây bàn bạc, quyết định tại phòng bầu dục ở Nhà Trắng ngày 14 tháng 12. Để thực hiện kế hoạch này, Bộ chỉ huy sự đoàn không quân chiến lược lâm thời số 57 được thành lập. 50 máy bay KC-135 để tiếp dầu cho máy bay B-52 được điều thêm sang Phi-líp-pin. Trên vịnh Bắc Bộ, năm tàu sân bay đang hoạt động.

Cục Tác chiến khẩn trương nắm tình hình, liên tiếp chuyển lệnh cho Bộ Tư lệnh Quân chủng Phòng không - Không quân.

20 giờ 20 phút, chuông điện thoại đổ hồi. Ở đầu dây bên kia là đồng chí Nguyễn Quang Bích - Phó Tư lệnh Quân chủng Phòng không - Không quân:

- Báo cáo Đại tướng, hồi 20 giờ 16 phút, Tiểu đoàn 59 Trung đoàn tên lửa 261 bộ đội phòng không Hà Nội bắn rơi tại chỗ một chiếc B-52.

Tôi hỏi:

- Có đúng B-52 không?
- Báo cáo, đúng là B-52.

Một lát sau, đồng chí Nguyễn Quang Bích báo cáo cụ thể: Đây là chiếc B-52G cắt cánh từ Gu-am. Nó rơi xuống xã Phù Lỗ, huyện Đông Anh, ngoại thành Hà Nội.

Tin chiến thắng xé toang bầu không khí căng thẳng. Tổng hành dinh náo nức trong niềm vui được thấy "con ngoáo ộp" B-52 không còn là "bất khả xâm phạm" trước những con "rồng lửa Thăng Long".

Tôi bước ra ngoài sổ chỉ huy. Trời rét đậm và mưa bụi. Nhưng lòng tôi ấm áp lạ thường...

Trong đêm 18 rạng ngày 19 tháng 12, địch sử dụng máy bay B-52 cùng không quân chiến thuật liên tiếp hết đợt này đến đợt khác đánh phá Đông Anh, Yên Viên, Mễ Trì, Gia Lâm, Hòa Mục... Thủ đô chìm trong khói lửa.

4 giờ 39 phút sáng ngày 19 tháng 12, Tiểu đoàn 77 Trung đoàn tên lửa 257 bắn rơi chiếc B-52 thứ hai. Máy bay rơi tại chỗ trên cánh đồng xã Tân Hưng, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây1.

Một sự trùng hợp lịch sử: Hà Nội lại nổi lửa diệt thù đúng vào ngày Thủ đô vùng lên kháng chiến, ngày 19 tháng 12 năm 1946, hai mươi sáu năm sau.

Nhớ lại tháng 9 năm 1971, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương đã nhận định: Năm 1972, hoặc là địch sẽ rút nếu đạt được giải pháp; nếu chưa, địch có thể tập trung không quân đánh phá. Ta cần có biện pháp để phòng. Ngay ngày hôm sau,

nhân danh Bí thư Quân ủy Trung ương, tôi chỉ thị cho các đảng bộ trong toàn quân: "B-52 không chỉ đánh ở miền Nam. Đến mức độ nào đó chúng có thể đánh vào Thủ đô Hà Nội. Quân chủng Phòng không - Không quân phải nghiên cứu kỹ đối tượng này". Bộ đội cao xạ, ra-đa, tên lửa và không quân được lệnh triển khai huấn luyện chiến đấu theo các phương án đã được kết luận. Một số trận địa tên lửa, trận địa cơ động cho pháo cao xạ và sân bay dã chiến được bí mật xây dựng. Dân quân, tự vệ Hà Nội và một số thành phố được bổ sung hỏa lục bắn máy bay. Công tác bảo đảm quan sát, thông tin được tăng cường.

Ngày 25 tháng 11 năm 1972, trong Chỉ thị "Tăng cường sẵn sàng chiến đấu", Quân ủy Trung ương cũng nhắc lại: "Sắp tới, địch có thể ném bom bắn phá trổ lại các mục tiêu ngoài vĩ tuyến 20 với mức độ ác liệt hơn trước. Chúng có thể liều lĩnh dùng máy bay B-52 đánh phá các trọng điểm Hà Nội, Hải Phòng...". Ngày 27 tháng 11, Bộ Tổng Tư lệnh nhận định có nhiều khả năng địch dùng B-52 đánh vào Hà Nội và ra lệnh cho các lực lượng vũ trang tăng cường chuẩn bị chiến đấu. Trong bức điện gửi Trung ương Cục miền Nam và Bộ Tư lệnh B2², Quân ủy Trung ương cũng đã thông báo dự kiến khả năng này. Mặc dù vậy, do quán triệt quyết tâm chưa tốt, suy nghĩ lúc này vẫn nặng về khả năng địch dùng máy bay B-52 đánh phá từ Thanh Hóa trở vào đến Quảng Trị, nên đầu tháng 12 đã có lệnh điều một trung đoàn tên

lửa vào Khu 4, tiếp đó lại điều thêm hàng trăm quả đạn tên lửa của lực lượng phòng không Hà Nội vào theo.

áng 19 tháng 12, khi khói lửa còn chưa tan hết, Bộ Chính trị họp tại Tổng hành dinh nghe Bộ Tổng Tham mưu báo cáo diễn biến trận đánh B-52 trong đêm đầu tiên, khen ngợi chiến công của các lực lượng phòng không và chỉ thị kiên quyết đập tan hành động quân sự điên cuồng, phiêu lưu mới của đế quốc Mỹ.

Buổi chiều, tại Câu lạc bộ quốc tế ở Hà Nội, trước đông đảo phóng viên báo chí trong nước và nước ngoài, người phát ngôn của Bộ Quốc phòng công bố những hành động tội ác của địch đêm 18 tháng 12 và kết quả tiêu diệt máy bay B-52 của quân và dân ta. Sáu tù binh Mỹ vừa bị bắt cúi đầu thú nhận nỗi kinh hoàng của chúng trước lưới lửa dày đặc của lực lượng phòng không Hà Nội.

Đêm 19 tháng 12, quân ta chiến đấu hiệu suất thấp, mặc dù địch đã cho xuất kích 87 lần chiếc B-52, chỉ kém đêm hôm trước ba lần chiếc. Nguyên nhân do chưa thực hiện đúng hướng dẫn của Quân chủng, lại lo thiếu đạn nên chỉ bắn từng quả một.

Thủ đoạn của địch là cho B-52 tập kích vào ban đêm và bay ở độ cao 11 ki-lô-mét nhằm tránh hỏa lực của các loại pháo cao xạ. Ngày cũng như đêm, địch tập trung máy bay tiêm kích và cường kích cùng với các biện pháp gây nhiễu tích cực và tiêu

cực chế áp, đánh phá các sân bay và trận địa tên lửa, hy vọng sẽ loại trừ hoàn toàn sự uy hiếp của hai lực lượng chủ yếu có thể đánh được máy bay B-52 là tên lửa phòng không và máy bay của ta.

Anh Văn Tiến Dũng xuống họp với Bộ Tư lệnh Quân chủng Phòng không - Không quân, chỉ thị phải phát huy sức mạnh của các binh chủng, tích cực tạo điều kiện cho không quân ta đánh máy bay B-52, phát huy hiệu suất chiến đấu của bộ đội pháo phòng không để đánh địch ở tầm thấp. Anh còn chỉ đạo cụ thể các mặt bảo đảm chiến đấu để đánh liên tục, dài ngày.

Dưới sự chỉ đạo của Bộ Tư lệnh Quân chủng, các tiểu đoàn tên lửa kịp thời rút kinh nghiệm, tìm ra cách đánh có hiệu quả nhất theo sở trường, sổ đoàn của từng đơn vị. Kết quả đêm 20 rạng ngày 21 tháng 12, bộ đội tên lửa đã lập công xuất sắc, phóng 35 quả đạn, bắn rơi bảy chiếc B-52, có năm chiếc rơi tại chỗ. Các lực lượng phòng không ba thứ quân của Hà Nội, Hải Phòng, Bắc Thái1 cũng hiệp đồng chặt chẽ, bắn rơi bảy máy bay chiến thuật và một máy bay không người lái.

Đòn tiến công trong đêm thứ ba của chiến dịch Lai-nd-bếch-cơ II đã bị thất bại nặng nề. Tình thần của phi công B-52 suy sụp nghiêm trọng. Ngày 21 tháng 12, tôi chỉ thị cho Quân chủng Phòng không - Không quân: Thắng lợi của chúng ta là rất lớn, cần cố gắng phát huy chiến thắng hơn nữa. Dịch sẽ tập trung đánh các trận địa tên lửa. Phải tìm mọi cách bảo vệ tên lửa để tiếp tục tiêu diệt máy bay B-52. Chú ý bảo đảm đạn tên lửa để đánh được liên tục. Cố gắng phát huy tác dụng của không quân nhằm máy bay B-52 mà đánh. Tôi cũng trực tiếp gọi điện xuống các sự đoàn biểu dương bộ đội phòng không Hà Nội vừa qua đánh tốt. Tôi nói: "Cả nước đang hướng về Hà Nội. Toàn thế giới đang hướng về Hà Nội. Từng giờ, từng phút, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương theo dõi cuộc chiến đấu của Hà Nội. Vận mệnh của Tổ quốc đang nằm trong tay các chiến sĩ phòng không bảo vệ Hà Nội".

Sáng 21 tháng 12 năm 1972, Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa ra tuyên bố lên án mạnh mẽ hành động chiến tranh điên rồ của chính quyền Ních-xơn. Sau khi nhắc lại lập trường trước sau như một của Việt Nam, bản tuyên bố viết: "Nhân dân ta rất thiết tha với hòa bình, nhưng phải là hòa bình trong độc lập, tự do thật sự. Chúng ta có đầy đủ thiện chí, đồng thời có đầy đủ quyết tâm và lực lượng để bảo vệ các quyền dân tộc cơ bản thiêng liêng của mình. Vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì nghĩa vụ quốc tế cao cả, đồng bào và chiến sĩ cả nước hãy nêu cao khí phách anh hùng, đoàn kết một lòng, ra sức thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh kính mến, kiên trì và đẩy mạnh cuộc chiến đấu trên ba mặt trận quân sự, chính trị và ngoại giao nhằm giải phóng miền Nam, bảo vệ và xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa, tiến tới hòa bình thống nhất nước nhà".

Ngay ngày hôm ấy, tuyên bố của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam được phát đi trên Đài Phát thanh Giải phóng: "Bọn xâm lược Mỹ dụng đến miền Bắc một, thì quân và dân miền Nam quyết giáng trả chúng gấp năm, gấp mười lần". Đài cũng truyền đi thư của Sài Gòn gửi Hà Nội: "Lửa miền Bắc khêu lửa miền Nam, lửa Hà Nội giục lửa Sài Gòn. Từ ngoài vô trong, từ hậu phương lớn đến tiền tuyến lớn anh hùng đang vang lên tiếng trả lời danh thép: Đánh!".

Một màn hiệp đồng tuyệt đẹp trên các mặt trận quân sự, dư luận và ngoại giao, giữa hậu phương lớn và tiền tuyến lớn. Các mũi giáp công nhằm đúng kẻ thù trong chiến lược tổng hợp của chiến tranh nhân dân Việt Nam.

Cuộc chiến đấu diễn ra ác liệt. Tổng hành dinh làm việc hết sức khẩn trương. Các đồng chí cơ yếu, quân báo, tác chiến, thông tin... mất hôm sâu qua những đêm thức trắng. Đạn tên lửa thiếu nghiêm trọng. Các dây chuyền lắp ráp đạn tiến hành liên tục ngày đêm, quá sức chịu đựng của con người,

mà đạn vẫn không đủ. Quả đạn vừa lắp xong đã có xe chở sẵn chuyển ngay về trận địa. Tôi thường xuyên gọi điện cho Bộ Tư lệnh Sư đoàn phòng không Hà Nội, biểu dương thành tích bắn rơi máy bay B-52 của bộ đội tên lửa, kiểm tra tình hình chiến đấu. Tôi đặc biệt nhấn mạnh phải khẩn trương lắp ráp đạn, tiết kiệm đạn, đạn tên lửa chỉ dùng để đánh máy bay B-52.

Phòng Thông tấn quân sự thuộc Cục Tuyên huấn (Tổng cục Chính trị) kịp thời ra các bản tin chiến sự, nóng hổi từng giờ. Đài Tiếng nói Việt Nam nhiều lần dừng các buổi phát thanh thường lệ để phát tin chiến thắng.

Qu khi ra lênh nem bom vào dip Quôc hôi My dang ky nghI lê Giáng sinh, Nich-xon lanh mat di nghI 0 Ki-bi-xcây-no, bang Phlo-ri-da, tránh cac nha bao va cong luân My.

Thé nhưng "chay trôi không khôi nang!". Búa riu du luân da giáng xuong dau bon xam luqc, doi chung phai cham dut ngay "cuoc diet chung" 0 Viet Nam.

Hành động tàn bạo của Ních-xơn trùm bóng đen lên ngày lễ Giáng sinh, khiến lương tâm của cả loài người nổi giận. Chưa bao giờ làn sóng phản đối chiến tranh của đế quốc Mỹ lại bùng lên dữ dội như những ngày này trên khắp hành tinh và ngay tại nước Mỹ. Các nhà lãnh đạo các nước xã hội chủ nghĩa ra tuyên bố kịch liệt lên án hành động xâm lược mới của Mỹ, khẳng định sự ủng hộ cuộc chiến đấu của nhân dân ta. Các đảng cộng sản và công nhân phần nộ tô cáo tội ác của Mỹ, kêu gọi nhân dân các nước đấu tranh đòi hòa bình cho Việt Nam. Ở khắp nơi trên thế giới, hàng triệu người xuống đường sôi sục biểu tình lên án mạnh mẽ hành động tội ác ghê tởm của Nhà Trắng. Các nghị sĩ Quốc hội Mỹ ở cả hai viện chỉ trích gay gắt

hành động leo thang mới của Ních-xơn đã tiến hành mà không tham khảo ý kiến Quốc hội và nhân dân Mỹ. Tờ Thời báo Niu Yoóc (New York Times), ngày 20 tháng 12 năm 1972, cảnh cáo "Mỹ có nguy cơ trở lại một kiểu dã man của thời kỳ đổ đá". Duy nhất chỉ có bè lũ Nguyễn Văn Thiệu là hí hứng, vui mừng. Hãng AP (Mỹ) ngày 19 tháng 12 đưa tin: "Một quan chức cao cấp của Nam Việt Nam cho rằng cuộc tiến công trở lại vào vùng trung tâm của Hà Nội và Hải Phòng là để khuyến khích chúng tôi", rằng "việc này chứng tỏ Mỹ không bao giờ bỏ rơi chúng tôi" và nhắc lại lời của Thiệu tháng 8 năm 1972 van xin Mỹ "ném bom cho tan nát miền Bắc Việt Nam(!)". Xấu xa đến mức báo Nhân đạo (L'humanité) ở Pháp đã bình luận: "Ngay như trước đây, trong hồi Chiến tranh thế giới thứ hai, những tên Pháp gian như Đô-ri-ô cũng không dám để

nghị "đồng minh" tàn phá Pa-ri. Thế mà nay Thiệu lại mong muốn Mỹ ném bom tàn phá đất nước mình. Thiệu thật đáng xấu hổ hơn cả sự xấu hổ!"

Nhân ngày kỷ niệm thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam (22-12), anh Phạm Văn Đồng cùng các anh Văn Tiến Dũng, Phùng Thế Tài đến thăm Sở chỉ huy Quân chủng Phòng không - Không quân. Thủ tướng đã biểu dương chiến công của bộ đội, nhắc nhở cán bộ, chiến sĩ nêu cao quyết tâm chiến đấu, kiên quyết đánh bại âm mưu đen tối, tàn bạo của Mỹ, giành thắng lợi to lớn hơn nữa.

Thành ủy, Ủy ban nhân dân và các đoàn thể quần chúng ở Hà Nội, Hải Phòng và các địa phương cũng liên tục cử các đoàn đại biểu đến các trận địa phòng không thăm hỏi và tặng quà cho bộ đội.

Lúc này, dịch tập trung tiến công các trận địa tên lửa, đối tượng chính gây nguy hiểm cho các loại máy bay Mỹ. Thủ đoạn của chúng là dùng tên lửa Sơ-rai bắt sóng ra-đa của ta để đánh vào trận địa.

Sáng 22 tháng 12, tôi đến trận địa Tiểu đoàn tên lửa 77 ở Chèm đang trong tư thế sẵn sàng chiến đấu cao. Sau khi nghe báo cáo về chiến công bắn rơi máy bay B-52 đêm trước, tôi vào trong xe chỉ huy, yêu cầu Tiểu đoàn trưởng Đinh Thế Văn và kíp chiến đấu gồm sĩ quan điều khiển Nguyễn Văn Đức, các trắc thủ phương vị, góc tà, cự ly Mộc, Hà, Tân báo cáo về kỹ thuật và động tác xử trí cụ thể. Những con người dũng cảm, thông minh, kết thành một tập thể ăn ý, cùng một ý chí lập công, chỉ cần một cái nháy mắt cũng đủ hiểu ý định của nhau, đã có những nhận xét khá tinh tế. Siết chặt tay từng đồng chí, tôi trao đổi, bàn bạc, động viên các chiến sĩ cố gắng tìm thêm cách đánh tối ưu, diệt thêm nhiều máy bay B-52 của dịch.

Ở một tiểu đoàn tên lửa khác, khi tôi đến thăm, anh em báo cáo là đang phải sửa chữa vũ khí, khí tài. Về sau mới rõ vào thời điểm tôi đến, đơn vị đã có lệnh chuẩn bị

chiến đấu. Vì muốn bảo vệ tôi, anh em đã nói dối. Biết vậy, nhưng không nữ phê bình. Việc này gợi nhớ lại một ngày trước đó, đi thăm một trận địa phòng không thì gặp máy bay địch tới khi xe đang chạy trên đê sông Đáy. Chỉ kịp cho xe dừng lại, tôi và các đồng chí cùng đi nằm ép xuống mặt đường cạnh thân đê. Dịch phóng mấy quả tên lửa Sơ-rai vào một trận địa tên lửa gần đấy rồi bay thẳng. Chúng tôi lại tiếp tục lên đường. Sự việc chỉ có thể thôi mà mấy ngày hôm sau, vài hãng thông tấn phương Tây đưa tin tôi bị tử thương vì bom B-52. Mấy nhà báo Pháp đến Đại sứ quán ta ở Pa-ri xin tiểu sử của tôi. Các đồng chí Ba Lan và một số Đại sứ quán ta ở nước ngoài, nửa tin, nửa ngờ, điện về hỏi xem hư thực. Sau này, tôi còn được biết một số đồng chí ta bị địch giam cầm, khi nghe tin ấy đã bí mật tổ chức truy điệu tôi trong nhà tù. Đài Tiếng nói Việt Nam đã phải cho thu thanh ngay

trong hâm chỉ huy của Tổng hành dinh bài diễn văn của tôi nhân ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam (22-12) và phát lên để gián tiếp cải chính.

Ních-xơn ra lệnh ngừng tập kích B-52 vào ngày Chúa giáng sinh, "lập lò đánh lận con đen", thực chất là để xả hơi, rút kinh nghiệm sau những trận đòn đau.

Cùng lúc này, nêu cao chính sách nhân đạo, cơ quan địch vận cho phép các phi công Mỹ đang bị giam trong các "Khách sạn Hin-tơn"1 được mừng ngày Chúa giáng sinh. Các "phi công trong bộ quần áo ngủ"2 được hướng dẫn làm bích báo, liên hoan ca hát, đón ông già tuyết bên những cây thông Nô-en rực rỡ sắc màu, cầu nguyện cho hòa bình và hồi hương. Buổi phát thanh tiếng Anh của Đài Tiếng nói Việt Nam dành cho binh sĩ Mỹ, quen thuộc với lính Mỹ qua giọng nói của "Hà Nội Ha-na"3, phát đi tiếng nói của Glen Xéc-ten, đại úy hoa tiêu máy bay B-52G vừa bị bắt đêm hôm trước, nhắn tin cho vợ: "Anh vẫn còn sống, được đối xử nhân đạo. Nhân dân Việt Nam không phải là kẻ thù của chúng ta. Mong cuộc chiến tranh chết tiệt này chóng kết thúc. Hôn em và con". Cuộc ném bom rải thảm lại tiếp tục ác liệt ngay sau lễ Giáng sinh. Tham vọng ngông cuồng của những kẻ quen ỷ lại vào sức mạnh đưa chúng lao sâu vào con đường thất bại đầy tội ác.

Đêm 26 tháng 12, địch huy động hàng trăm lần chiếc B-52 đánh phá dã man các khu dân cư ở nội thành Hà Nội. Đã có lúc, căn hầm chỉ huy kiên cố của Tổng hành dinh rung chuyển như động đất. Hồi 22 giờ 47 phút, máy bay B-52 ném bom rải thảm xuống khu phố Khâm Thiên, một nơi có mật độ dân số đông nhất Thủ đô, gây tổn thất rất lớn về người và của. Cùng với Khâm Thiên, máy bay B-52 cũng rải bom xuống hơn 100 điểm dân cư trong thành phố, hơn 1.000 người bị thương vong.

Tranh thủ từng giờ, từng phút, các chiến sĩ ta khẩn trương thay thế, sửa chữa vũ khí, khí tài, bổ sung đạn dược, sẵn sàng tiếp chiến. Dày dạn qua

máy ngày đêm chiến đấu, người dân Hà Nội thường ra ngoài hầm trú ấn xem máy bay Mỹ cháy trong những "đêm hội pháo hoa".

22 giò 30 phút đêm 26 tháng 12, Tiểu đoàn 76 Trung đoàn tên lửa 257 anh hùng bằng 13 quả đạn, phối hợp cùng với trận địa phòng không biến hai máy bay B-52 thành hai khối lửa khổng lổ sáng rực cả một góc trời phía nam thành phố. Một trong hai chiếc rơi ngay vào cửa hàng ăn Tương Mai thuộc quận Hai Bà Trưng, nội thành Hà Nội. Đứng giữa sân Tổng hành dinh, tôi vô cùng xúc động nhìn tận mắt cánh tượng hào hùng ấy! Trở vào, tôi gọi điện cho Sở chỉ huy bộ đội phòng không Hà Nội. Nghe tiếng trả lời quen thuộc của đồng chí Phó Tư lệnh, tôi hỏi:

- Trần Nhẫn đẩy à? Khỏe không?
- Báo cáo Đại tướng, tôi rất khỏe. Xin chúc sức khỏe Đại tướng.

Tôi nói:

- Đêm nay đánh như thế là tốt đấy. Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng Tư lệnh nhiệt liệt biểu dương các đồng chí! Cần chú ý rút kinh nghiệm và giữ gìn tốt lực lượng tên lửa để đánh lâu dài. Còn vấn đề đạn thì sao?

Đồng chí Trần Nhẫn báo cáo: Vừa nhận được một số đạn tên lửa từ Khu 4 chuyển ra, không còn lo phải "bắn mổ cò" - Tôi cảm thấy nhẹ người...

Trong đêm 26 rạng ngày 27 tháng 12, quân và dân Hà Nội sôi sục căm thù, bắn rơi 18 máy bay địch, trong đó có tám chiếc B-52. Đây là đêm Mỹ bị mất nhiều máy bay B-52 nhất.

Chia sẻ nỗi đau của đồng bào, Bác Tôn và tôi đến ngay khu phố Khâm Thiên, Bệnh viện Bạch Mai ân cần thăm hỏi bà con. Anh Trường Chinh, anh Phạm Văn Đồng đến thăm Bệnh viện Bạch Mai, khu phố Gia Lâm... Giữa đống gạch ngói hoang tàn, đồng bào xúc động đón nhận sự săn sóc của Đảng và Nhà nước. Mọi người đều hứa quyết tâm biến đau thương thành hành động, bắt quân thù phải đến nợ máu.

Dưới bom đạn Mỹ, nhân dân Việt Nam vẫn ngẩng cao đầu át tiếng bom rơi, báo chí, đài phát thanh không ngừng truyền tin chiến thắng. Xả luận báo Nhân Dân viết: "Tổ quốc kêu gọi chúng ta! Loài người kêu gọi chúng ta! Bản tuyên dương công trạng của Quốc hội thúc giục chúng ta thừa thắng xông lên. Chia lửa với miền Nam thân yêu, chia lửa với Khu 4 kiên cường, Thủ đô Hà Nội, thành phố Hải Phòng và các tỉnh chung quanh Thủ đô quyết

tâm hiệp đồng chiến đấu chặt chẽ với tiền tuyến lớn trong bản đại hợp xướng chiến thắng oai hùng"1... "Sài Gòn ơi! Hà Nội viết tiếp những trang sách lớn vào

cuốn sách mà đồng bào, đồng chí Sài Gòn đã viết, những trang sách lớn về con người Việt Nam chúng ta cao quý"2.

Chưa bao giờ, xã luận của báo Đảng lại hào hùng như vậy.

Câu nói bất hũ của Bác Hồ lúc sinh thời vang lên như một lời nguyền: "... Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ! Không có gì quý hơn độc lập, tự do. Đến ngày thắng lợi, nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn!"3.

Chấp hành chỉ thị của Bộ Tổng Tư lệnh, anh Phùng Thế Tài, Phó Tổng tham mưu trưởng xuống trực tiếp chỉ đạo không quân đánh B-52. Đêm 27 tháng 12, lúc 22 giờ 20 phút, Phạm Tuân lái máy bay MiG-21 bất ngờ cất cánh từ sân bay Yên Bái, hạ một chiếc B-52 trên vùng trời Tây Bắc, làm rối loạn đội hình của địch, tạo thêm điều kiện cho lưới lửa phòng không Hà Nội diệt thêm năm chiếc B-52 nữa.

Thời gian trôi đi, nặng nề, căng thẳng.

Suốt 12 ngày đêm, Mỹ huy động gần 200 máy bay chiến lược B-52 và hơn 1.000 máy bay chiến thuật các loại đánh phá Hà Nội, Hải Phòng. Hơn 10 vạn tấn bom đạn trút xuống các trường học, bệnh viện, các khu phố đông dân... Tội ác chồng lên tội ác.

Quyết trừng trị quân xâm lược, trả thù cho đồng bào, chiến công của quân và dân ta cũng dày thêm.

Trong những ngày này, mặc dù bận và căng thẳng, tôi không quên chỉ thị cho Bộ Tư lệnh Quân chủng Phòng không - Không quân thu thập các thiết bị điện tử và tài liệu trên xác máy bay B-52 và F-111, kịp thời sử dụng nghiên cứu bổ sung cách đánh. Nhân dân các địa phương cũng có ý thức trong việc này. Một hôm, con trai út của tôi sơ tán ở Hòa Bình mang về một tập tài liệu của Bộ tư lệnh Tập đoàn không quân Mỹ định vị các vị trí tên lửa và cao xạ của ta cùng các chỉ lệnh ném bom, do người dân thu được và nhờ chuyển. Tôi xem kỹ tài liệu này. Trên bìa có dòng chữ: "Tài liệu mật, không được đưa ra khỏi Bộ Quốc phòng". Trước khi chuyển tài liệu này cho Bộ Tổng Tham mưu, tôi viết thêm: "Trừ Bộ Quốc phòng Việt Nam".

8 giờ sáng ngày 28 tháng 12, tôi đến Tiểu đoàn 79 Trung đoàn tên lửa 257 tại trận địa Yên Nghĩa, Hà Tây. Các chiến sĩ đón tôi trong trạng thái sẵn sàng chiến đấu cao, nhưng không kém phần nồng nhiệt, thân tình.

Sắp đến giờ địch hoạt động. Tôi nói ngắn, căn dặn đơn vị không được chủ quan, thỏa mãn, chú ý giữ bí mật, ngụy trang đánh địch nhưng đừng quên bảo vệ mình. Phân tích nguyên nhân thắng lợi, tôi nói:

- Cũng con người đó, cũng vũ khí đó, nhưng lần này các đồng chí đánh có tiến bộ vượt bậc. Đó là vì chúng ta có quyết tâm rất cao, vì chúng ta nắm vững tư tưởng quân sự của Đảng là luôn luôn chủ động tiến công địch, mưu trí, sáng tạo, bí mật, bất ngờ. Bình chủng của các đồng chí là bình chủng hiện đại, càng phải nắm cho được kỹ thuật quân sự hiện đại, có như vậy mới cải tiến được kỹ thuật, mới tổ chức hiệp đồng chiến đấu tốt. Có tổ chức chiến đấu tốt, chỉ huy tốt, phát huy tinh thần chủ động tiến công, mưu trí, sáng tạo, đánh thắng địch ban đêm, đánh thắng mọi thủ đoạn gây nhiều và chống được tên lửa Sơ-rai... của chúng, ta cũng giành thắng lợi lớn.

Giải thích cho bộ đội rõ thất bại của địch là hết sức nặng nề, tôi nói:

- Trong Chiến tranh thế giới thứ hai, với kỹ thuật phòng không hồi bấy giờ, không quân thường bị tổn thất 1 phần trăm ở những nơi hoạt động tương đối mạnh. Trong chiến tranh phá hoại ở Việt Nam, Giôn-xơn đã thú nhận tổn thất của Mỹ nói chung là 1 phần trăm, riêng với Hà Nội, Hải Phòng là 2 phần trăm. Còn bây giờ bao nhiêu?

Đến hôm nay, ngày 28 tháng 12, Mỹ đã mất 31 máy bay B-52. Chúng có 200 chiếc, mất 31 chiếc là tổn thất 15 phần trăm. Nếu tính riêng Hà Nội, Hải Phòng, mỗi lần chúng vào 20, 30 chiếc, bị hạ bốn hoặc năm chiếc thì tỷ lệ rất cao! Không quân chiến lược mà tổn thất tỷ lệ từ 10 đến 15 phần trăm là rất cao. Thất bại hết sức nặng nề là như vậy đó!

Mấy hôm nay, chính Mỹ phải thú nhận tổn thất là 8 phần trăm. Tất nhiên chúng không dám nói hết sự thật.

Sau khi chúc tiểu đoàn giành thắng lợi lớn hơn nữa, tôi hỏi:

- Tỷ lệ sắp tới là bao nhiêu?

Có tiếng trả lời:

- 100 phần trăm ạ!

Tôi nói vui:

- Nên nhớ rằng một quả tên lửa hạ một máy bay, một chiến sĩ đặc công có thể phá một lúc 15 máy bay. Nếu các đồng chí đánh tốt hơn nữa, thì cũng có khả năng đấy.

Sau đó tôi vào thăm Sổ chỉ huy Quân chủng Phòng không - Không quân đặt trong hang đá núi Trầm. Trong không khí phấn khối, đồng chí Trần Hanh báo cáo thành tích của không quân ta vừa hạ được một chiếc B-52 đêm trước. Nghe xong, tôi nói:

- Chúc mừng chiến công của không quân. Nhưng chắc các đồng chí không thỏa mãn đấy chứ?
- Báo cáo chưa ạ, còn phải phấn đấu hạ nhiều máy bay B-52 hơn nữa ạ!
- Nhất định phải như vậy!

Tôi còn được báo cáo về mạng trình sát của Binh chủng Ra-đa, vừa tối ưu vừa rất Việt Nam. Đây là một mạng lưới ra-đa dày đặc, mạnh mẽ, được chỉ huy chặt chẽ, với các đài ra-đa được bố trí bất ngờ, hiểm hóc, kết hợp giữa hiện đại và thô sơ, giữa ra-đa tầm xa và hệ thống các vọng quan sát bằng mắt bao quanh Hà Nội, kiểm soát chặt chẽ cả bốn tầng không: Cao, trung, thấp và thật thấp, có "đánh vỗ mặt, đánh tạt sườn, đánh tập hậu" theo chỉ thị của Phó Tổng tham mưu trưởng Vương Thừa Vũ trong buổi kiểm tra Sở chỉ huy Quân chủng Phòng không - Không quân tháng 6 năm 1972. Chính nhờ thế mà trong đêm đầu tiên và trong các ngày sau, mặc dù các đài ra-đa ở đồng bằng bị nhiễu nặng, các đài khác ở Tây Bắc, Đông Bắc, Vĩnh Linh, Đô Lương, Diễn Châu và cả Cánh Đồng Chum vẫn phát hiện được rõ ràng những đội hình lớn của máy bay B-52 cách xa Hà Nội hàng nghìn ki-lô-mét.

Nói chuyện với cán bộ tại sở chỉ huy, tôi kể chuyện vừa gặp một phụ nữ khi đến xem xác chiếc máy bay B-52 bị bắn rơi tại làng Ngọc Hà. Chị nắm tay tôi, giọng xúc động:

- Lần đầu tiên được gặp Đại tướng... Chúng tôi không sợ chúng nó! Chúng tôi nhất định không sợ! Phải diệt cho hết chúng nó đi!

Phụ nữ Việt Nam là như thế. Dân tộc Việt Nam càng như thế!

Sau khi khen ngợi chiến công của bộ đội tên lửa, bộ đội ra-đa, bộ đội cao xạ, bộ đội không quân, tôi phân tích để mọi người hiểu thêm ý nghĩa của thắng lợi:

- Chiến công của các đồng chí là xuất sắc. Tổn thất của địch là vô cùng nặng nề. Đây là tổn thất về không quân chiến lược. Khi mất một chiếc B-52 thì các hãng tin phương Tây đã nói tới tổn thất về uy tín của không quân chiến lược Mỹ. Thế mà bây giờ chúng đã mất tới 32 chiếc. Thêm vào đó, một lô giặc lái vừa bị bắt là phi công B-52, F-111, là những loại mà cả nước Mỹ cũng không có nhiều... Cần thấy rõ điều đó để phấn khởi, tin tưởng, để đánh thắng to hơn.

Thay mặt toàn Quân chủng, Đại tá Lê Văn Tri - Tư lệnh Quân chủng hứa thực hiện chỉ thị của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương ra sức nâng cao chất lượng chiến đấu, nâng cao sức chiến đấu tổng hợp, cùng các lực lượng vũ trang khác bắn rơi nhiều máy bay, bắt nhiều giặc lái hơn nữa.

uân xâm lược đã ngâm đòn.

Ngày 22 tháng 12, Mỹ gửi công hàm đề nghị ta họp lại theo nội dung đã thỏa thuận hồi tháng 10 năm 1972.

Hãng thông tấn Mỹ AP ngày 25 tháng 12 năm 1972 cay đắng thú nhận: "Thiệt hại của Mỹ là nặng nhất kể từ khi Mỹ bắt đầu ném bom Bắc Việt Nam tháng 9 năm 1964".

Đêm 30 tháng 12 năm 1972, tôi duyệt bản thông cáo chiến thắng do Cục Tuyên huấn dự thảo. Trời về khuya, nhiệt độ xuống thấp. Nhưng trước chiến công oanh liệt với những con số đầy ý nghĩa, ai cũng thấy ấm lòng.

"Chỉ trong 12 ngày đêm, quân và dân ta đã:

1. Bắn rơi 77 máy bay hiện đại thuộc không quân chiến lược và không quân chiến thuật Mỹ, phần lớn rơi tại chỗ, trong đó có:
2. 33 máy bay chiến lược B-52, phần lớn thuộc loại B-52D và B-52G, tức loại máy bay chiến lược có trang bị điện tử tối tân của Mỹ.
3. Năm máy bay F-111.
4. 24 máy bay phản lực hiện đại của hải quân Mỹ.
5. Ba máy bay trinh sát và một máy bay lên thẳng1.
6. Tiêu diệt và bắt hàng trăm giặc lái Mỹ, trong đó có đủ sĩ quan các cấp từ cấp trung tá trở xuống.
7. Bắn cháy tám tàu chiến Mỹ...".

Phần khởi, xúc động, tôi ghi tiếp vào bản thông cáo: "Nhiệt liệt khen ngợi và tuyên dương công trạng các quân chủng, binh chủng, bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, công an nhân dân vũ trang, dân quân tự vệ và đồng bào các địa phương trên miền Bắc đã đoàn kết hiệp đồng chặt chẽ, quyết chiến và quyết thắng giặc Mỹ xâm lược, đánh rất giỏi, thắng rất to". Tôi cũng không quên kêu gọi đồng bào, chiến sĩ: Nêu cao tinh thần quyết chiến quyết thắng, chủ động kiên quyết tiến công địch, đem hết sức mạnh của mình giáng tiếp cho không quân và hải quân Mỹ những đòn quyết liệt hơn nữa"...

Bản thông cáo, đồng thời cũng là một lời cảnh cáo.

Mặc dù đã nửa đêm, thông cáo được chuyển ngay cho Thông tấn xã Việt Nam. Sáng hôm sau, toàn văn thông cáo chiến thắng được các báo đăng trên trang nhất và

phát trên Đài Tiếng nói Việt Nam ngay đầu bản tin thời sự. Xã luận báo Quân đội nhân dân ca ngợi chiến công vĩ đại này là "trận Điện Biên Phủ trên không", một cái tên đầy ý nghĩa do chính báo chí phương Tây đã thừa nhận.

a nước nức lòng.

Ủy thế không lực Hoa Kỳ sụp đổ. Hy vọng thương lượng trên thế mạnh của Mỹ cũng sụp đổ theo.

Sau này sách báo phương Tây tiết lộ: Ních-xơn thúc ép Nguyễn Văn Thiệu phải ký hiệp định bằng bất cứ giá nào. Thiệu hầu như tuyệt vọng khi đọc đi đọc lại bức thư của Ních-xơn do tướng Hây chuyển tới:

"... Cho tôi nhấn mạnh để kết thúc rằng tướng Hây không đến Sài Gòn để đàm phán với ngài... Tôi tin chắc sự từ chối của ngài hợp tác với chúng tôi sẽ đưa đến thảm họa, mất tất cả những gì mà chúng ta đã chiến đấu bên nhau để giành được trong thập kỷ qua. Nó sẽ là không tha thứ được vì chúng tôi sẽ mất đi một giải pháp vinh dự và công bằng".

Ngày 17 tháng 1 năm 1973, sáu ngày trước khi Hiệp định Pa-ri được ký kết, Ních-xơn lại gửi thư cho Thiệu, lời lẽ không khác một tối hậu thư:

"... Đã nhiều lần tôi trả lời với ngài, vấn đề then chốt ở đây không phải là tính chất đặc biệt của hiệp định và qua đó là hứa hẹn hợp tác lâu dài của hai nước và sự viện trợ từ phía chúng tôi. Rõ ràng chính sự viện trợ này mà tôi đã và đang hành động. Nếu các ngài từ chối không ký hiệp định thì các ngài đừng trông mong gì vào khả năng giúp đỡ của chúng tôi. Ý kiến trong Quốc hội và công luận không cho phép tôi làm khác..."1.

Vẫn cũ cả rốt và cái gậy. Vung cái này không được lại giờ đến cái kia. Và tất nhiên là Thiệu phải đầu hàng. Mưu sĩ Kít-xinh-giơ trở lại bàn hội nghị, không kiếm chác được gì hơn. Trưa ngày 23 tháng 1 năm 1973, trong cơn mưa lất phất và cái lạnh cắt da, ông ta đành phải đến đại lộ Klê-be đặt bút ký tắt vào bàn hiệp định bằng hai chữ cái HK dính vào nhau. Bốn ngày sau đó, ngày 27 tháng 1 năm 1973, Hiệp định Pa-ri về Việt Nam được chính thức ký kết. Giôn Nê-grô-pôn, chuyên viên của Kít-xinh-giơ về Việt Nam, cay

đắng thốt lên: "Chúng ta ném bom Bắc Việt Nam để rồi chính chúng ta lại chấp nhận nhượng bộ"1.

Để quốc Mỹ đã thua trong ván bài cuối cùng, đúng như lời tiên đoán của Bác Hồ: "Phải dự kiến trước mọi tình huống càng sớm càng tốt. Nhớ là trước khi thua ở

Triều Tiên, để quốc Mỹ đã hủy diệt Bình Nhuông. Ở Việt Nam, Mỹ sẽ nhất định thua. Nhưng nó chỉ chịu thua sau khi thua trên bầu trời Hà Nội"2.

Chương hai HỘI NGHỊ LỊCH SỬ

Âm 1972 là năm nhân dân Việt Nam trên cả hai miền giành thắng lợi to lớn, toàn diện, có ý nghĩa chiến lược quan trọng cả về quân sự, chính trị, ngoại giao, sản xuất và bảo vệ sản xuất.

Trải qua một năm chiến đấu anh dũng, kiên cường, quân và dân ta trên tiền tuyến lớn đã loại khỏi vòng chiến đấu gần nửa triệu quân địch, trong đó có tám sư đoàn, 35 trung đoàn, lữ đoàn, chiến đoàn bị tiêu diệt và đánh thiệt hại nặng. Ta đã phá hủy, thu một khối lượng lớn vũ khí và phương tiện chiến tranh của địch; bắn rơi và phá hủy hàng nghìn máy bay, bắn chìm hàng trăm tàu, thuyền chiến đấu...

Quân ta đã đập tan ba tuyến phòng thủ kiên cố nhất mà Mỹ - ngụy đã tập trung xây dựng trong nhiều năm ở Quảng Trị, Bắc Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, những hướng chiến lược sống còn của chúng ở miền Nam. Lần đầu tiên, nhiều sư đoàn, trung đoàn quân ngụy - xương sống của chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" bị tiêu diệt và tan rã, mặc dù đã được không quân và hải quân Mỹ phối hợp tác chiến. Cơ sở của chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" là kế hoạch "bình định nông thôn" của địch cũng bị thất bại nghiêm trọng. Liên tục tiến công và nổi dậy, quân và dân miền Nam giáng những đòn quyết liệt vào ách kìm kẹp của địch, giải phóng nhiều quận ly, chi khu, quét từng mảng đồn bốt và ấp chiến lược.

Trong cuộc tiến công chiến lược năm 1972, tuy đòn tiến công chính trị ở các thành thị diễn ra không mạnh, hàng triệu quần chúng đã giành được quyền làm chủ. Vùng giải phóng được mở rộng, nối liền căn cứ địa ba nước Đông Dương thành một dải liên hoàn, tạo ra thế chiến lược rất lợi hại cho cả trước mắt và lâu dài. Chính quyền cách mạng được xây dựng và cũng cố, lực lượng vũ trang phát triển và đứng chân vững chắc. Khí thế đấu tranh ở Sài Gòn và các thành thị miền Nam cũng có bước phục hồi mới.

Việc vận chuyển chiến lược chi viện chiến trường miền Nam được đẩy mạnh. Mặc dù khí hậu khắc nghiệt, địch dùng không quân đánh phá ác

liệt, việc vận chuyển vẫn tiếp diễn ngày đêm với khối lượng lớn. Quân và dân ta đã đánh bại chủ trương chiến lược của địch mở lại cuộc chiến tranh bằng không quân và hải quân ở miền Nam và leo thang chiến tranh phá hoại miền Bắc. Đặc biệt, 12 ngày đêm chiến đấu tiêu diệt máy bay B-52 cuối năm 1972 là một chiến công nổi bật. Lần đầu tiên ta tổ chức và thực hiện thành công một chiến dịch phòng không

quy mô lớn đánh thắng cuộc tập kích của không quân chiến lược Mỹ bằng một trận tiêu diệt chiến giòn giã, gây cho không quân Mỹ những tổn thất nặng nề nhất trong lịch sử của nó.

Miền Bắc vượt qua sự phong tỏa của Mỹ, đã giữ vững và phát triển giao thông vận tải, bảo vệ và đẩy mạnh sản xuất trong điều kiện chiến tranh ác liệt. Trên mặt trận sản xuất nông nghiệp, hai vụ lúa được mùa liền. Nhiều tỉnh trở thành tỉnh 5 - 6 tấn.

Trong thử thách của chiến tranh, chế độ xã hội chủ nghĩa nêu cao tính ưu việt. Thử thách càng quyết liệt, thắng lợi càng oanh liệt, khí thế càng cao.

"Nam - Bắc hai miền đều đánh giỏi". Thắng lợi của năm 1972 đặt cơ sở vững chắc cho cả nước tiến lên giành thắng lợi mới rực rỡ hơn. Tình hình cách mạng là không thể đảo ngược.

Ngày 12 tháng 1 năm 1973, lễ tuyên dương danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân cho các đơn vị và cán bộ, chiến sĩ thuộc Quân chủng Phòng không - Không quân được tổ chức trọng thể tại Thủ đô Hà Nội.

Anh Trường Chinh - Chủ tịch Ủy ban Thường vụ Quốc hội, thay mặt Trung ương Đảng và Nhà nước công bố lệnh tặng thưởng của Chủ tịch Tôn Đức Thắng. Anh nhiệt liệt khen ngợi bộ đội tên lửa, bộ đội cao xạ, bộ đội không quân và bộ đội ra-đa đã lập chiến công đặc biệt xuất sắc trong chiến đấu và phục vụ chiến đấu, đập tan cuộc tập kích chiến lược quy mô lớn bằng không quân của đế quốc Mỹ.

Tiếp đó, tôi thay mặt Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng Tư lệnh chúc mừng 24 đơn vị và 12 cán bộ, chiến sĩ vừa được phong tặng danh hiệu cao quý Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Phân tích nguyên nhân thắng lợi, tôi nêu rõ: "Chiến thắng vĩ đại của quân và dân ta vừa qua đánh bại bước leo thang chiến tranh mới cực kỳ tàn bạo của chính quyền Ních-xơn là thắng lợi rực rỡ của sự lãnh đạo đúng đắn và sáng suốt của Đảng ta. Đó là thắng lợi của ý chí quyết chiến quyết thắng không gì lay chuyển nổi, của sự hy sinh không bờ bến của toàn quân, toàn dân ta trong sự nghiệp đấu trở vì độc lập, tự do và thống nhất Tổ quốc. Đó là thắng lợi của sức mạnh hợp của các quân chủng, binh chủng, bộ đội chủ lực, bộ đội địa phủ.

liệt, việc vận chuyển vẫn tiếp diễn ngày đêm với khối lượng lớn. Quân và dân ta đã đánh bại chủ trương chiến lược của địch mở lại cuộc chiến tranh bằng không quân và hải quân ở miền Nam và leo thang chiến tranh phá hoại miền Bắc. Đặc biệt, 12 ngày đêm chiến đấu tiêu diệt máy bay B-52 cuối năm 1972 là một chiến công nổi bật. Lần đầu tiên ta tổ chức và thực hiện thành công một chiến dịch phòng không quy mô lớn đánh thắng cuộc tập kích của không quân chiến lược Mỹ bằng một trận

tiêu diệt chiến giòn giã, gây cho không quân Mỹ những tổn thất nặng nề nhất trong lịch sử của nó.

Miên Bắc vượt qua sự phong tỏa của Mỹ, đã giữ vững và phát triển giao thông vận tải, bảo vệ và đẩy mạnh sản xuất trong điều kiện chiến tranh ác liệt. Trên mặt trận sản xuất nông nghiệp, hai vụ lúa được mùa liên. Nhiều tỉnh trở thành tỉnh 5 - 6 tấn.

Trong thử thách của chiến tranh, chế độ xã hội chủ nghĩa nêu cao tính ưu việt. Thử thách càng quyết liệt, thắng lợi càng oanh liệt, khí thế càng cao.

"Nam - Bắc hai miên đều đánh giỏi". Thắng lợi của năm 1972 đặt cơ sở vững chắc cho cả nước tiến lên giành thắng lợi mới rực rỡ hơn. Tình hình cách mạng là không thể đảo ngược.

Ngày 12 tháng 1 năm 1973, lễ tuyên dương danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân cho các đơn vị và cán bộ, chiến sĩ thuộc Quân chủng Phòng không - Không quân được tổ chức trọng thể tại Thủ đô Hà Nội.

Anh Trường Chinh - Chủ tịch Ủy ban Thường vụ Quốc hội, thay mặt Trung ương Đảng và Nhà nước công bố lệnh tặng thưởng của Chủ tịch Tôn Đức Thắng. Anh nhiệt liệt khen ngợi bộ đội tên lửa, bộ đội cao xạ, bộ đội không quân và bộ đội ra-đa đã lập chiến công đặc biệt xuất sắc trong chiến đấu và phục vụ chiến đấu, đập tan cuộc tập kích chiến lược quy mô lớn bằng không quân của đế quốc Mỹ.

Tiếp đó, tôi thay mặt Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng Tư lệnh chúc mừng 24 đơn vị và 12 cán bộ, chiến sĩ vừa được phong tặng danh hiệu cao quý Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Phân tích nguyên nhân thắng lợi, tôi nêu rõ: "Chiến thắng vĩ đại của quân và dân ta vừa qua đánh bại bước leo thang chiến tranh mới cực kỳ tàn bạo của chính quyền Ních-xơn là thắng lợi rực rỡ của sự lãnh đạo đúng đắn và sáng suốt của Đảng ta. Đó là thắng lợi của ý chí quyết chiến quyết thắng không gì lay chuyển nổi, của sự hy sinh không bờ bến của toàn quân, toàn dân ta trong sự nghiệp đấu tranh vì độc lập, tự do và thống nhất Tổ quốc. Đó là thắng lợi của sức mạnh tổng hợp của các quân chủng, binh chủng, bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và

dân quân tự vệ, tạo thành một lưới lửa các tầm, các cỡ, áp đảo và chiến thắng kẻ địch".

Huống về miền Nam thân yêu, tôi tỏ lòng "biết ơn đồng bào ruột thịt và các đồng chí Quân giải phóng anh hùng đã lập chiến công oanh liệt trên khắp các chiến

trường, phối hợp chiến đấu với quân và dân miền Bắc, cổ vũ mạnh mẽ đồng bào và chiến sĩ ta chiến thắng kẻ thù".

iệp định Pa-ri được ký kết đúng vào dịp Tết Nguyên đán Quý Sửu. Theo hiệp định, đúng 8 giờ sáng ngày 28 tháng 1 năm 1973, lệnh ngừng bắn có hiệu lực. Nơi ngừng tiếng súng sẽ là tuyến ranh giới giữa hai bên.

Chính trong đêm 27 tháng 1, cái đêm "bản lê" ấy, quân ngụy trắng trợn dùng toàn bộ pháo mặt đất trên hạm đội bắn vào trận địa của quân ta ở Cửa Việt (Quảng Trị). Lợi dụng hỏa lực pháo binh, chúng cho hơn 200 xe tăng, xe bọc thép và lữ đoàn thủy quân lục chiến số 147 từ Mỹ Thủy, Gia Đẳng đánh chiếm cảng. Chỉ trong một đêm, chúng đã chiếm một vùng đất mà trong mấy tháng trước đó chúng không sao chiếm lại nổi. Trên thực tế, cảng Cửa Việt đã rơi vào tay địch.

Mát Cửa Việt, Đông Hà, Dốc Miếu, Quán Ngang bị uy hiếp trực tiếp. Tuyến đường vận chuyển chiến lược Trường Sơn bị đe dọa. Thành quả của Chiến dịch phòng ngự Quảng Trị (từ 28.6.1972), bị ảnh hưởng nghiêm trọng.

Anh Lê Trọng Tấn, lúc này là Tư lệnh chiến dịch, gọi điện cho đồng chí Cường, chỉ huy hướng Cửa Việt:

- Đồng chí có biết cảng Cửa Việt đã bị mất không?
- Báo cáo anh, chúng nó lấn chiếm mất một ít. Chúng tôi đã cho người gặp tên lữ đoàn trưởng để phản đối về việc này...

Anh Tấn ra lệnh giọng gay gắt:

- Chúng nó dùng cả một lữ đoàn xe tăng và một lữ đoàn lính thủy đánh bộ đánh chiếm cảng Cửa Việt không phải để nghe anh phản đối đâu! Tôi hạ lệnh cho anh phải lập tức chiếm lại cảng! Rõ chưa?
- Rõ ạ!
- Rõ rồi thì chấp hành ngay. Tại sao anh chỉ lo mình vi phạm mà không thấy phía địch đã thực sự xóa bỏ hiệp định rồi?

Anh Tấn báo cáo ra xin ý kiến Bộ Tổng Tư lệnh bằng điện thoại hữu tuyến. Tôi đồng ý và dặn:

- Anh Tấn ơi! Các anh cho đánh chiếm lại ngay. Cố gắng đưa cho được những đứa con khỏe mạnh nhất của Đào Huy Vũ sang nhé! Phải lấy lại bằng được!
- Rõ! Nhất định phải như vậy! Tôi sẽ đưa toàn bộ gia đình Huy Vũ qua liên hoan với Đào Dũng và Cường. Xin bảo đảm cuộc liên hoan sẽ rất vui. Anh cứ

yên tâm1.

Sau đó anh Tấn ra lệnh cho Lữ đoàn xe tăng 203 và pháo binh hiệp đồng tác chiến, đồng thời lệnh cho các sư đoàn tuyển chọn chín đội súng chống tăng điều khiển bằng hữu tuyến và phân công các anh Cao Văn Khánh, Doãn Tuế - Phó Tư lệnh trực tiếp chỉ huy.

Mò sáng hôm sau, 28 tháng 1 năm 1973, viện lý do cần thay quân như địch đã làm ngày hôm trước, ta đưa đội hình áp sát các cụm xe địch, rồi bắt ngờ nổ súng. Tên lữ đoàn trưởng bị chết ngay từ phút đầu tiên. Trận đánh kết thúc vào gần trưa. Địch hoảng hốt tháo chạy, bỏ lại hơn 100 xe và nhiều xác chết.

Tin chiến thắng báo về.

Tôi cầm điện thoại biểu dương chiến công của quân ta và tinh thần kiên quyết, cảnh giác của Bộ Tư lệnh Chiến dịch Quảng Trị.

Ừ đầu năm 1973, tình hình miền Nam khá sôi động. Mỹ - ngụy ra sức phá hoại Hiệp định Pa-ri, đẩy mạnh bình định lấn chiếm, tiếp tục thực hiện chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh". Lợi dụng điều khoản ngừng bắn, địch mở các cuộc hành quân "tràn ngập lãnh thổ", coi lấn đất, giành dân là "keo cuối cùng". Chúng ráo riết thực hiện kế hoạch "bình định đặc biệt" chiếm lại các căn cứ "lõm" của ta, nông ra vùng giáp ranh, uy hiếp hành lang vận chuyển, đẩy chủ lực của ta ra xa, đồng thời thực hiện cuộc "cách mạng hành chính" cũng cố bộ máy kìm kẹp ấp, xã, đẩy mạnh chiến tranh tâm lý, xuyên tạc Hiệp định Pa-ri, tổ chức các chiến dịch "Phượng hoàng" ráo riết hoạt động tình báo, gián điệp, biệt kích, phá hoại cơ sở của ta ở miền Nam.

Trong giao ban hằng ngày ở Bộ Tổng Tham mưu, tin tức dồn dập báo về: Địch ra sức càn quét, lấn chiếm vùng giải phóng, trọng điểm là các khu vực then chốt vòng ngoài như tây Trị - Thiên, tây nam Quảng Đà, Quảng Ngãi,

bắc Bình Định, tây Kon Tum, khu tiếp giáp vùng giải phóng và khu trung tuyến bắc và tây bắc Sài Gòn, nam bắc đường số 4 Mỹ Tho, Vĩnh Long, Chương Thiện, vùng biên giới thuộc Kiến Tường, Châu Đốc. Chúng sử dụng 2/3 lực lượng chủ lực kết hợp với quân bảo an tổ chức những cuộc hành quân quy mô từ 1 đến 2 trung đoàn lấn chiếm các căn cứ "lõm" và quy mô cấp sự đoàn trở lên đánh vào Cửa Việt (Quảng Trị), Sa Huỳnh (Quảng Ngãi), bắc Kon Tum, Tây Ninh, Tân Châu, Hồng Ngự, Cai Lậy, Chương Thiện... Mật độ phi pháo so với trước tuy có giảm nhưng vẫn còn ác liệt.

Địch tổ chức những cuộc hành quân gặm dần, dũi dần, đánh phá có tính chất hủy diệt, ủi trắng nhiều nơi, tiến hành di dân, xáo trộn giữa các địa bàn để phá cơ sở của

ta. Với các thủ đoạn tàn bạo, xảo quyệt, địch lấn chiếm được phần lớn vùng giáp ranh và căn cứ "lõm" ở Khu 5, một số vùng sâu ở Khu 8, cải thiện được thế phòng ngự vòng ngoài ở Trị - Thiên, Quảng Đà, Quảng Tín, tây Kon Tum và các tỉnh dọc biên giới Việt Nam - Cam-pu-chia, giành thêm đất, thêm dân, gây cho ta nhiều khó khăn. Riêng miền Tây Nam Bộ, do ta kịp thời giáng trả nên địch không lấn chiếm được mà còn bị nhiều tổn thất. Ở Cửa Việt, ta kịp thời đánh quân lấn chiếm, địch bị thất bại và thương vong nặng.

Trong bối cảnh lịch sử lúc này, không phải ai cũng dễ dàng nhận rõ âm mưu thâm độc của Mỹ - ngụy.

Sau những năm dài chiến tranh ác liệt, gian khổ, muốn có hòa bình là nguyện vọng chính đáng. Thế nhưng "cây muốn lặng, gió chẳng dừng". Có ý kiến cho rằng trọng tâm số 1 lúc này là giữ vững hòa bình, thực hiện hòa hợp dân tộc, tạo thế ổn định trong khoảng 5 - 10 năm. Nhiều địa phương do sơ hở, mất cảnh giác đã để mất đất, mất dân. Có nơi chủ trương phân tuyến, phân vùng với địch, để mất thế "da báo". Có nơi rút các sự đoàn chủ lực về giữ các căn cứ, giao cho bộ đội địa phương chống địch lấn chiếm. Có xu hướng giản đơn cho là lừa chiến tranh chỉ "riu riu", hoặc đã "tắt lừa chiến trường". Cũng đã có một kế hoạch sử dụng 3,5 tỷ đô-la mà phía Mỹ đã hứa bồi thường chiến tranh để làm vốn tích lũy ban đầu. Ngay ở Tổng hành dinh cũng có ý kiến không muốn đánh trả, e vi phạm Hiệp định Pa-ri.

Nhớ mãi buổi chiều ở Đồ Sơn, khi nghe các đồng chí Lê Hữu Đức và Võ Quang Hồ - Phó Cục trưởng Cục Tác chiến báo tin đề nghị phát động chiến tranh du kích đánh địch lấn chiếm vùng giải phóng chưa được chấp nhận, tôi đã phát biểu: "Các cậu quen làm khoa học quân sự nên sính chữ nghĩa. Sao không nói: Địch càn quét chiếm lại vùng ta mới giải phóng, đóng thêm đồn bốt, vậy ta có đánh lại không hay để mất hết?". Mọi người mới vỡ lẽ ra!

Ọa bình được lập lại. Thắng lợi lớn nhất lúc này là ở miền Nam, ta có chính quyền, có quân đội, có đất, có dân, được pháp lý quốc tế thừa nhận. Quân Mỹ phải rút đi, còn quân ta thì ở lại.

Bộ Chính trị chủ trương nhanh chóng củng cố các vùng giải phóng. Các nhu cầu trước mắt và lâu dài về vật chất, kỹ thuật của bộ đội ta ở miền Nam rất lớn. Tôi làm việc với anh Đinh Đức Thiện - Chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần.

Suy nghĩ của tôi lúc này là do Mỹ - ngụy còn ngoan cổ nên có nhiều khả năng địch sẽ đánh phá các tuyến đường chi viện chiến lược Trường Sơn, hoặc chí ít cũng gây khó khăn cho ta bằng cách yêu cầu đóng các trạm kiểm soát quốc tế ở các đầu mối giao thông quan trọng trên đường vận chuyển chiến lược. Ta cần tranh thủ lúc

địch tạm phải ngừng đánh phá, tăng cường vận chuyển vào Nam, ngoài vật chất cho sinh hoạt, cần đưa các loại vũ khí lớn như xe tăng, thiết giáp, pháo cỡ lớn, pháo cao xạ và các khí tài, phương tiện bảo đảm.

Làm việc với anh Đồng Sĩ Nguyên, tôi chỉ thị phải khắc phục khó khăn mở đường Đông Trường Sơn từ Khe Gát (Quảng Bình) vào đến Bù Gia Mập (Nam Bộ) để việc vận chuyển chiến lược được nhanh chóng và thuận lợi.

Máy ngày sau, anh Thiện trình ra Quân ủy một kế hoạch vận chuyển và bảo đảm hậu cần toàn diện cho miền Nam và đề nghị được dẫn đầu một đoàn khá đông cán bộ vào chiến trường để trực tiếp tổ chức thực hiện.

Tôi hỏi:

- Cậu định làm gì mà mang lắm quân thế?

Anh Thiện trả lời:

- Tôi cần khoảng 100 cán bộ, gồm ngành hậu cần và cả các binh chủng. Đi đến đâu, tổ chức đến đấy, đẩy mạnh xây dựng vùng giải phóng, xây dựng các căn cứ hậu cần có đầy đủ kho tàng, trạm quân y, các cơ sở kỹ thuật, các đơn vị sản xuất...

Tôi thấy kế hoạch khá đồ sộ, mạnh dạn nhưng hợp lý và cần thiết, nên tán thành ngay.

Kế hoạch của anh Thiện được Quân ủy Trung ương thông qua.

Đoàn cán bộ khẩn trương, hăng hái lên đường vào miền Nam.

Anh Tô Hữu kết hợp cùng đi. Năng động, dám nghĩ, dám làm, anh Thiện đã hoàn thành xuất sắc một nhiệm vụ đột xuất nhưng rất quan trọng, góp phần tích cực củng cố vùng giải phóng, cùng Đoàn 559 vận chuyển hàng vạn tấn vật chất, kỹ thuật gồm lương thực, quần áo, thuốc men, vũ khí, pháo cỡ

lớn, pháo cao xạ, xe tăng, xe thiết giáp vào chiến trường, bảo đảm cho việc xây dựng, huấn luyện, nâng cao sức chiến đấu của lực lượng vũ trang và một phần cho nhân dân.

Chiến thắng của trận "Điện Biên Phủ trên không" cùng với tám năm chống chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của Mỹ đánh dấu bước trưởng thành vượt bậc của quân và dân ta nói chung và Quân chủng Phòng không - Không quân nói riêng. Tôi dành nhiều thời gian cùng với các đồng chí lãnh đạo, chỉ huy Quân chủng tổng kết những kinh nghiệm quý báu thu được trong những năm qua, sẵn sàng đối phó với âm mưu, thủ đoạn mới của địch.

Tại Đô Sơn, tôi nghe Bô Tư lệnh Quân chủng Phòng không - Không quân báo cáo về xây dựng và chiến đấu của từng Binh chủng: Tên lửa, Cao xạ, Ra-đa và Không quân. Các báo cáo được chuẩn bị công phu, có hệ thống, có tham khảo nhiều nguồn tin tình báo và tư liệu của các nước Anh, Đức, Nhật... Một bài nghiên cứu về chiến tranh không quân ở Đông Dương của Trường Đại học Cô-nen (Mỹ) đã kết luận: "Thắng lợi của người Việt Nam là một ví dụ vô song về sự toàn thắng của trí tuệ con người đối với máy móc". Nhiều vấn đề từ tổ chức lực lượng, tác chiến, đào tạo cán bộ, trang bị kỹ thuật được đặt ra, làm sáng tỏ thêm nội dung các chủ trương mà Quân ủy Trung ương đang thảo luận.

Âu tháng 3 năm 1973, Quân ủy Trung ương họp. Các anh Văn Tiến Dũng, Song Hào, Lê Quang Đạo, Đinh Đức Thiện, Trần Quý Hai đều có mặt.

Khai mạc hội nghị tôi phát biểu gọi ý, nêu các vấn đề cần trao đổi, thảo luận, nhất là đánh giá cho đúng tình hình miền Nam cả về quân sự, chính trị, kinh tế, ngoại giao để có chủ trương toàn diện, kịp thời chặn đứng âm mưu, thủ đoạn của địch đang lấn đất, giành dân, đánh phá cơ sở cách mạng.

Sau khi nghe anh Lê Trọng Tấn báo cáo tình hình, với tinh thần trách nhiệm cao, các anh trong Quân ủy Trung ương phát biểu rất sôi nổi. Nghiêm túc tự phê bình và phê bình, mỗi người nói rõ những suy nghĩ, kiểm điểm ưu điểm, khuyết điểm trong nhận thức, tư tưởng và sự chỉ đạo công tác trong phạm vi chức trách của mình, phê bình sự lãnh đạo, chỉ đạo của Quân ủy và Bộ Tổng Tư lệnh.

Kết thúc cuộc họp, Quân ủy Trung ương quyết nghị: Trong khi địch dùng biện pháp quân sự để đánh ta, ta cần kết hợp chặt chẽ đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị, với pháp lý của Hiệp định Pa-ri, từng bước chuyển

sang tiến công chủ yếu bằng chính trị có lực lượng vũ trang làm hậu thuẫn, nhằm thực hiện ngừng bắn, lập lại hòa hình trên thế có lợi cho ta.

inh hình chiên sự ở miền Nam diễn biến phức tạp, có nhiều điểm cần được xem xét tại chỗ. Tôi tranh thủ vào làm việc trực tiếp với các chiến trường B5 (Bắc Quảng Trị), B4 (Trị - Thiên), Bộ Tư lệnh Đoàn 559 và Quân khu 4. Thực tiễn nơi tuyến lửa càng cho thấy rõ âm mưu, thủ đoạn của địch phá hoại Hiệp định Pa-ri, đặt ra nhiều vấn đề phải khẩn trương giải quyết. Làm việc với các anh Lê Trọng Tấn, Song Hào, Cao Văn Khánh, Vũ Xuân Chiêm, Đồng Sĩ Nguyên, Hoàng Thế Thiện, Đàm Quang Trung, Nguyễn Văn Thanh, Phan Văn Đường1, với Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Bình, chúng tôi bàn cụ thể kế hoạch cũng cố thế bố trí lực lượng của quân ta, cách đánh quân ngụy lấn chiếm, các biện pháp tăng cường lực lượng cho B4, B5, việc làm đường cơ động cho các phương tiện cơ giới, mở đường Đông Trường Sơn, đẩy

mạnh vận chuyển chiến lược, kể cả bằng đường hàng không, việc xây dựng căn cứ địa, hậu cần, chuyển thương binh từ chiến trường ra. Chuyển đi thị sát đường Trường Sơn để lại trong tôi nhiều ấn tượng sâu sắc về tinh thần anh dũng chiến đấu, chịu đựng gian khổ, khắc phục khó khăn của cán bộ, chiến sĩ Đoàn 559, gọi mở khả năng to lớn của con đường chiến lược mang tên Bác cả trong xây dựng đất nước sau này.

Nói chuyện với cán bộ, chiến sĩ Đoàn 559, tôi căn dặn: Muốn đạt được đỉnh cao của toàn thắng, chúng ta cần phải dũng cảm hơn đã dũng cảm, mưu trí, sáng tạo hơn đã mưu trí, sáng tạo. Con đường Trường Sơn rồi đây không dừng lại như mức hiện nay mà phải mở rộng để xe có thể đi lại hai chiều không giảm tốc độ, đi được cả những tháng đầu mùa mưa lũ...

iệp định Pa-ri đã có hiệu lực được 60 ngày. Sáng 27 tháng 3 năm 1973, Bộ Chính trị họp mở rộng. Sau khi nghe anh Lê Quang Đạo báo cáo tình hình, anh Nguyễn Duy Trinh nêu ý kiến cần tranh thủ tạo thế mạnh cho ta, có đối sách cụ thể với Mỹ, buộc Mỹ phải chấm dứt dính líu,

buộc ngụy phải chấm dứt chiến sự. Anh cũng phản ánh dư luận thế giới ca ngợi thắng lợi của ta.

Tiếp đó, đồng chí Bí thư thứ nhất Lê Duẩn đề ra nội dung thảo luận, gồm việc phân công giữa Bộ Chính trị và Trung ương Cục miền Nam trong việc chỉ đạo các phái đoàn của ta ở các hội nghị bốn bên và hai bên, xem xét đối sách của ta với Mỹ, tổng kết 60 ngày thi hành hiệp định và ra tuyên bố của Chính phủ. Các anh Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Lê Đức Thọ... phát biểu đánh giá tình hình, đề nghị phương hướng chính sách đối với Mỹ, cách làm việc và phân công cụ thể giữa Bộ Chính trị và Trung ương Cục.

Kết luận hội nghị, anh Ba đồng ý để Trung ương Cục trực tiếp chỉ đạo các ban liên hợp quân sự, Quân ủy Trung ương chỉ đạo các vấn đề quân sự. Anh khẳng định: Mỹ đã thực sự rút quân, nhưng chưa chấm dứt dính líu, ngụy còn ngoan cố phá hoại hiệp định. Ta cần tranh thủ xây dựng lực lượng mọi mặt ở miền Nam, miền Bắc, quy trách nhiệm của Mỹ, buộc đối phương phải thi hành Hiệp định Pa-ri.

Ngày hôm sau, 28 tháng 3, triển khai thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương thảo luận chủ trương tác chiến. Cuộc họp đi đến kết luận: Tuy quân Mỹ đã rút, nhưng lực lượng quân sự Mỹ vẫn có mặt trong khu vực: Đông Bắc Thái Lan, Gu-am, Phi-líp-pin và trên hạm đội 7. Mỹ lại đang chi viện ở ạt để cho quân ngụy mạnh lên, hòng đẩy lùi cách mạng, thực hiện miền Nam trở thành một nước phụ thuộc Mỹ, ở đó chỉ có một quân đội, một chính quyền. Đối tượng tác chiến lúc

này là quân ngụy. Phương châm tác chiến ở miền Nam là kết hợp đánh chính quy và đánh du kích, tác chiến với binh vận, chiến đấu với xây dựng lực lượng, tiêu diệt địch gắn với giành dân, xây dựng cơ sở. Hội nghị cũng nêu ra nhiệm vụ quân sự của miền Bắc, kết hợp kinh tế với quốc phòng, tăng cường chi viện miền Nam, các vấn đề quân sự ở Lào và Cam-pu-chia.

Ngay sau cuộc họp, Quân ủy Trung ương điện cho các chiến trường. Trong bức điện, tôi giải thích rõ: Tiến công quân sự bằng phân công của ta là chủ động tiến công, chủ động phân công, không phòng ngự đơn thuần.

Không những phân công ở địa bàn địch tiến công ta, mà còn hiệp đồng với các lực lượng chính trị, quân sự, bình vận phân công ở các địa bàn khác, nơi ta có chủ lực mạnh. Không những phân công bằng bộ binh, bằng hỏa lực, mà hết sức chú ý dùng bộ đội đặc công tinh nhuệ đánh vào cơ quan chỉ huy, kho tàng, sân bay, căn cứ, bên sườn và sau lưng địch, đánh vào những nơi chúng sơ hở.

gày 29 tháng 3 năm 1973, Bộ chỉ huy viện trợ quân sự Mỹ tại Việt Nam ở Sài Gòn làm lễ cuốn cờ. Trên đất nước thân yêu, quân xâm lược nước ngoài về cơ bản đã bị quét sạch.

Sau Hiệp định Pa-ri, việc liên lạc giữa hai miền có thêm điều kiện mới khá thuận lợi. Lượng thông tin tăng lên, nhanh hơn, đủ hơn, phong phú hơn, qua các nguồn cung cấp từ chiến trường, từ Ban Liên hợp quân sự, từ báo chí công khai... Đi lại cũng dễ dàng hơn, kể cả bằng máy bay đến tận sân bay Tân Sơn Nhất.

Tin tức báo về Tổng hành dinh được chọn lọc, phân tích kỹ càng. Cán bộ từ miền Nam ra họp, góp nhiều tình hình và ý kiến xác đáng.

Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương rất quan tâm đến tình hình địch phá hoại Hiệp định Pa-ri. Với trách nhiệm và chức trách của mình, tôi dành nhiều thời gian suy nghĩ, tranh thủ trao đổi thêm với nhiều đồng chí.

Vói các anh từ miên Nam ra, tôi thường mời đến nhà dùng cơm thân mật. Những buổi gặp gỡ trao đổi như vậy thật bổ ích. Tôi trao đổi ý kiến với đồng chí Bí thư thứ nhất. Qua nhiều lần trao đổi, anh Ba hoàn toàn nhất trí với chủ trương kiên quyết tiến công, phản công đánh trả địch. Trong các bức điện gửi Trung ương Cục miên Nam, Khu ủy 5, Khu ủy Trị - Thiên và Đảng ủy Tây Nguyên, tư tưởng cách mạng tiến công được truyền đi bước đầu tạo nên những biến chuyển ở chiến trường.

Tôi cũng dành trọn một ngày nghe anh Tố Hữu nói chuyện về tình hình miền Nam sau chuyến đi "nước non ngàn dặm". Vừa là nhà chính trị, vừa là nhà thơ, anh

thuật lại những điều tai nghe mắt thấy trên các nẻo đường Trường Sơn "đông nắng, tây mưa", nói lên khát vọng của đồng bào và chiến sĩ miền Nam:

... "Dang tay một với xa gì

Sài Gòn ơi lại phải đi bao ngày...".

Tôi thâm nghĩ, với tinh thần cách mạng tiến công của Đảng ta, đường tới Sài Gòn nhất định sẽ được co ngắn lại.

Các biệt bố ích là những buổi làm việc trong tháng 4 năm 1973 với các anh lãnh đạo, chỉ huy các chiến trường miền Nam được Bộ Chính trị Trung ương Đảng triệu tập ra Bắc họp. Đoàn cán bộ B2 do anh Mười Cúc1 - Phó Bí thư Trung ương Cục dẫn đầu, gồm các anh Hoàng Văn Thái - Tư

lệnh B2, Võ Văn Kiệt - Bí thư Khu ủy Khu 9, Trần Nam Trung - phụ trách các tỉnh miền Đông Nam Bộ, Nguyễn Minh Đường - Bí thư Khu ủy Khu 8. Đoàn Khu 5, Tây Nguyên có các anh Võ Chí Công, Chu Huy Mân. Ngay sau khi ra tới Hà Nội, ngày 19 tháng 4, tại nhà nghỉ Hồ Tây, đoàn đã sơ bộ báo cáo với Bộ Chính trị về tình hình cách mạng miền Nam từ năm 1972, đặc biệt sau ngày ký Hiệp định Pa-ri.

Ngày 3 tháng 5 năm 1973, Thường vụ Quân ủy Trung ương làm việc với các đồng chí Quân ủy Miền: Hoàng Văn Thái, Trần Văn Trà, Trần Lương, Nguyễn Minh Đường, Võ Văn Kiệt. Ngôi nhà quét vôi màu hồng số 28 phố Cửa Đông hôm ấy sôi động khác thường. Thời Pháp chiếm đóng, nơi đây là tư dinh của viên tướng thực dân, tổng chỉ huy quân đội Pháp miền Bắc Đông Dương, nay là nhà khách Bộ Quốc phòng.

Các anh Văn Tiến Dũng, Song Hào, Lê Quang Đạo, Trần Quý Hai cùng tôi đón tiếp các anh hết sức nồng nhiệt. Tình cảm đồng chí, đồng đội, tình cảm hậu phương đón bạn chiến đấu từ tiền tuyến trở về thật đậm đà, thân thiết.

Chúng tôi vui mừng thấy các anh khỏe mạnh. Chúng tôi hồi thăm sức khỏe các anh đang ở lại lãnh đạo, chỉ huy chiến đấu ở miền Nam.

Sau những phút tâm tình, đại bộ phận thời gian dành cho việc trao đổi tình hình Nam Bộ.

Thay mặt đoàn, anh Hoàng Văn Thái báo cáo về những thắng lợi to lớn có ý nghĩa chiến lược trên chiến trường B2. Bản báo cáo đã được các anh trong đoàn bàn bạc, thống nhất. Về nguyên nhân thắng lợi, anh Thái khẳng định một trong những yếu tố tạo nên thắng lợi là Trung ương, Quân ủy Trung ương đã hạ quyết tâm sớm, xác

định phương hướng tác chiến đúng, nhất là chỉ đạo phương châm, phương thức đánh phá "bình định" của địch.

Tuy nhiên, do tương quan lực lượng giữa địch và ta, những thắng lợi đó còn hạn chế. Địch còn có những mặt mạnh nhất định. Ta cũng còn có những khuyết điểm, nhược điểm chưa khắc phục được ngay. "Kế hoạch thời cơ"1 của ta tuy bước đầu thu thắng lợi, nhưng chưa vững chắc, địch cũng đã có để phòng, dân bị kìm kẹp không bung ra được. Địch còn hơn ta cả về quân số và trang bị. Riêng ở B2, so sánh quân số là ta 1, địch 2,5.

Bản chất phản động và ngoan cố của địch lộ rõ. Do đó, khả năng thành lập chính phủ liên hiệp ba thành phần, thực hiện hòa bình, hòa hợp dân tộc là không dễ dàng. Địch đang ra sức thực hiện một kế hoạch "bình định" mang số hiệu AB148 hết sức tàn bạo, thâm độc dưới chiêu bài "tái thiết nông thôn". Thực chất là nhằm tiêu diệt cơ sở cách mạng, khống chế quần chúng, lấn chiếm vùng giải phóng, "líp" vùng tranh chấp, phá thế "da báo", khủng bố các gia đình kháng chiến. Một chiến dịch chiến tranh tâm lý được phát động rầm rộ, nói xấu cách mạng, xuyên tạc Hiệp định Pa-ri, phục vụ mưu đồ trên. Anh Sáu Dân (Võ Văn Kiệt), người lãnh đạo chiến trường Khu 9, tiếp lời anh Thái. Anh nêu rõ sự cần thiết và khả năng có thể giữ vững thế làm chủ mạnh tại những địa bàn trọng điểm của miền Tây Nam Bộ, về những biện pháp và khả năng của Khu 9 mở rộng vùng giải phóng theo chỉ tiêu 1,8 triệu dân mà Khu ủy đã quyết nghị.

Anh Sáu Đường (Nguyễn Minh Đường), báo cáo rõ tình hình Khu 8 và mối quan hệ giữa hai chiến trường Khu 9 và Khu 8 trong các hoạt động quân sự, chính trị, bình vận, đánh trả địch, giữ đất, giành dân, phát triển lực lượng cách mạng.

Anh Hoàng Văn Thái cũng báo cáo lại với Quân ủy Trung ương nội dung làm việc những ngày vừa qua với đồng chí Bí thư thứ nhất và những ý kiến bước đầu của anh Ba, nhất là dự kiến về những khả năng có thể diễn ra trên chiến trường miền Nam sắp tới. Rõ ràng, từ sau Hiệp định Pa-ri, ở miền Nam, chiến tranh không diễn ra như trước, nhưng cũng chưa phải đã có hòa bình. Bởi vậy, phải luôn luôn nắm vững quan điểm cách mạng bạo lực và tư tưởng chiến lược tiến công, tích cực xây dựng thực lực cách mạng, đẩy mạnh tiến công cả về quân sự, chính trị và pháp lý ngoại giao. Lại phải căn cứ vào đặc điểm và tính chất của từng địa phương mà vận dụng hình thức tiến công nào là chủ yếu, làm thất bại kế hoạch bình định, lấn chiếm của địch, giữ đất, giành dân, mở rộng quyền làm chủ.

Kết thúc cuộc trao đổi, tôi phát biểu gợi ý một số vấn đề để các anh suy nghĩ, chuẩn bị cho Hội nghị Bộ Chính trị sẽ họp vào tháng 5. Vấn đề lớn nhất là so sánh lực lượng giữa ta và địch sau khi quân Mỹ rút đi. Nếu như hồi năm 1963-1964, địch 5 -

ta 1, 1967-1968, địch 4 - ta 1, thì hiện nay tương quan ấy là như thế nào? Về vấn đề này nên nghiên cứu cả các mặt số lượng, chất lượng, vật chất, tinh thần trong nước và quốc tế... Phải chăng hiện giờ ta đã mạnh hơn địch?

Về phương châm, biện pháp đấu tranh, nên phát triển hai chân, ba mũi trong tình hình mới như thế nào? Khi đã có thêm pháp lý của Hiệp định Pa-ri thì đấu tranh làm sao để đạt kết quả tối ưu? Và xây dựng lực lượng, ngoài sự

chi viên của hậu phương lớn, khả năng tại chỗ của B2 phát triển lực lượng vũ trang địa phương và dân quân du kích, cần được động viên để đáp ứng yêu cầu đối phó với mọi tình huống. Trong tình thế giằng co không thể kéo dài, phải có biện pháp mới thích hợp để đẩy mạnh phong trào đấu tranh ở cả nông thôn và thành thị...

Các cuộc làm việc, trao đổi đều nhằm làm sáng tỏ tình hình, gợi ý về phương hướng chủ trương mà chưa có kết luận. Nhưng về đại thể, đã có sự nhất trí trên nhiều vấn đề thảo luận.

Lúc này, lại có thêm những tình hình sốt dẻo. Gặp anh Trần Văn Trà - Trưởng đoàn đại biểu quân sự Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam trong Ban Liên hợp quân sự bốn bên vừa ra Hà Nội, tôi được biết thêm về âm mưu, thái độ, thủ đoạn của đối phương ở chiến trường và trên bàn đàm phán ở Trại Đa-vít trong sân bay Tân Sơn Nhất. Anh còn cho biết ngay sau ngày ký Hiệp định Pa-ri, chúng đã tráo trở ném bom vào sân bay Thiện Ngôn, đúng vào giờ và địa điểm chúng hẹn đưa trực thăng đến đón đoàn đại biểu quân sự của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam vào Sài Gòn làm việc. Nhờ khôn ngoan, cảnh giác, đoàn ta vẫn an toàn. Có thể coi đây là trận thắng đầu tiên của ta trước sự phản trắc đè hèn của Mỹ - ngụy.

Mặt giáp mặt với kẻ thù, anh đã có những nhận định sâu sắc về so sánh lực lượng giữa ta và địch. Không thể chỉ thấy một số triệu chứng bề ngoài cùng với những hành động quân sự hung hăng, những âm mưu đen tối của Mỹ - ngụy mà cho là chúng mạnh hơn trước khi quân Mỹ rút đi.

Với vũ khí, phương tiện chiến tranh Mỹ vừa đổ vào, hỏa lực của quân ngụy được tăng lên. Chúng có thêm xe tăng M48, pháo tầm xa 175mm, máy bay cường kích F-5E. Chúng thành lập thêm các liên đoàn bảo an cơ động chiến đấu, nhiều tiểu đoàn cảnh sát dã chiến. Quân bảo an và phòng vệ dân sự cũng tăng nhiều.

Chúng tận lực cũng cố ngụy quyền từ Trung ương đến địa phương, ra sức kìm kẹp nhân dân, đánh phá cơ sở cách mạng, lấn chiếm vùng giải phóng.

Đứng sau lưng chúng là lực lượng quân sự cơ động của Mỹ đóng tại Thái Lan và Phi-líp-pin, với bốn hàng không mẫu hạm, 855 máy bay chiến thuật và 173 máy bay chiến lược B-52.

Về phía ta, lúc này cũng có không ít khó khăn. Sau đợt hoạt động liên tục dài ngày, từ tháng 4 năm 1972 đến đầu năm 1973, đơn vị nào cũng thiếu quân số vì không kịp bổ sung. Lương thực, đạn dược cũng rất thiếu. Sức khỏe giảm sút. Khó khăn chủ quan có ảnh hưởng không ít đến tư tưởng muốn nghỉ ngơi, ảo tưởng ở thiện chí của địch. Thậm chí có nơi sợ đánh trả

dịch là vi phạm hiệp định, đề ra năm cấm: Cấm tiến công dịch, cấm đánh quân dịch lấn chiếm, cấm vây đồn, cấm pháo kích, cấm xây dựng xã chiến đấu.

Mọi biểu hiện hữu khuynh, ảo tưởng đều phải trả giá đắt.

inh hình ngày càng sáng. Ngày 24 tháng 5 năm 1973, Bộ Chính trị Trung ương Đảng họp mở rộng bàn vấn đề miền Nam. Tham dự hội nghị còn có các anh Mười Cúc, Mười Khang1, Năm Công2, Hai Mạnh3, Trần Lương, Sáu Dân4, Sáu Đường5, Trần Hữu Dực, Song Hào, Trần Quý Hai, Lê Trọng Tấn, Hoàng Minh Thảo. Cuộc họp đã được chuẩn bị kỹ từ tháng trước. Báo cáo do Quân ủy Trung ương và Văn phòng Trung ương Đảng soạn thảo được gửi đến từng đại biểu. Mở đầu cuộc họp, đồng chí Bí thư thứ nhất Lê Duẩn nhắc lại quá trình phát triển của cách mạng miền Nam 18 năm qua, phân tích âm mưu cơ bản của đế quốc Mỹ đối với miền Nam trong chiến lược toàn cầu của chúng, vạch rõ hiện nay mâu thuẫn chủ yếu của thời đại tập trung ở Việt Nam. Nước ta đang ở vị trí tuyến đầu của phong trào giải phóng dân tộc. Linh hoạt, sôi nổi, đồng chí nêu bật thắng lợi to lớn của Hiệp định Pa-ri về Việt Nam, biểu dương chiến công oanh liệt của quân và dân ta ở cả hai miền, khẳng định sự đúng đắn của đường lối cách mạng sáng tạo, độc lập, tự chủ của Đảng trong tình hình kẻ địch rất xảo quyệt và tình hình quốc tế phức tạp. Đồng chí nêu lên các khả năng diễn biến tình hình miền Nam, đề ra các nhiệm vụ công tác cần triển khai ngay bao gồm tác chiến chống địch lấn chiếm, giành dân, công tác bình vận, công tác mặt trận, công tác ngoại giao, xây dựng chính quyền, căn cứ địa, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng... Đồng chí gợi ý hội nghị đi sâu nghiên cứu so sánh lực lượng, chỗ mạnh, chỗ yếu, thế đi lên của ta, thế thất bại, thế đi xuống của địch và khẳng định: "Ta đã có thêm nhiều điều kiện mới rất thuận lợi. Cách mạng nhất thiết phải tiến lên bằng con đường bạo lực. Nhất định ta sẽ thắng".

Các anh Mười Cúc, Trần Văn Trà phát biểu về tình hình B2, nơi có sào huyệt của Mỹ - ngụy. Anh Năm Công báo cáo về chiến trường Nam Trung Bộ.

Các anh Sáu Dân, Sáu Đường nêu rõ tình hình đấu tranh các mặt của Khu 9, Khu 8... Bức tranh toàn cảnh của chiến trường miền Nam hiện lên đầy đủ, chân thực, với những nét chấm phá tinh tế hướng sự chú ý của lãnh đạo vào những góc cạnh cốt tử. Qua phát biểu, các anh ở chiến trường đều biểu thị sự nhất trí cao với những nhận định và chủ trương của Bộ Chính trị. Sự gặp gỡ giữa Bộ Thống soái tối cao với lãnh đạo, chỉ huy các mặt trận tạo thêm niềm phấn khởi, tin tưởng trong hội nghị, thắp sáng thêm ngọn đuốc trí tuệ của cơ quan lãnh đạo, soi tỏ con đường tiến lên của cách mạng Việt Nam.

Các đồng chí trong Bộ Chính trị phát biểu. Anh Trường Chinh nhấn mạnh thắng lợi to lớn và những hạn chế của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy đồng loạt hồi Tết Mậu Thân (1968). Liên hệ với tình hình hiện nay, cần phải rút kinh nghiệm cũ, phải thật linh hoạt trong chỉ đạo đấu tranh, không cứng nhắc, nhất là khi chiến tranh vẫn còn tiếp diễn phức tạp và gay gắt.

Các anh Phạm Văn Đồng, Nguyễn Duy Trinh khẳng định: Ta đã thắng to, nhưng mới thắng đến chừng đó, phân tích thêm về chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam, về âm mưu của Mỹ - ngụy, khẳng định Mỹ đã yếu hơn trước. Muốn thắng, ta phải dùng sức mạnh, dùng bạo lực. Nói quân sự, chính trị song song là đúng, nhưng lúc này phải biết lấy quân sự làm trụ cột, làm chỗ dựa cho đấu tranh chính trị.

Sôi nổi nhất trong các ý kiến thảo luận là vấn đề so sánh lực lượng giữa địch và ta. Lúc này ta mạnh hay địch mạnh? Nói chung thì dễ thống nhất, nhưng đi vào cụ thể từng vùng, từng mặt, so sánh cả về thế và lực, cả số lượng và chất lượng thì ngay cả một số đồng chí trực tiếp lãnh đạo, chỉ huy ở chiến trường cũng có ý kiến khác nhau.

Tôi nhớ rõ báo cáo của anh Trần Hữu Dục về tình hình chiến trường Trị - Thiên, nơi đầu sóng ngọn gió. Anh vừa được Trung ương phái vào B4 để nghiên cứu, nắm tình hình. Anh cho biết ở đây đã phân vùng xong, từ đường xe lửa trở ra đến biển là vùng địch, từ đường xe lửa về phía tây là vùng ta. Bộ đội đã rút về vùng ta để củng cố. Tình hình đã ổn định. Trong cuộc họp, nhiều đồng chí không đồng ý với cách làm nguy hiểm như vậy.

Rõ ràng, đánh giá cho đúng tình hình không phải là đơn giản "sai một ly đi một dặm". Tuy nhận thức chân lý phải là một quá trình, nhưng đánh giá sai thực chất tình hình sẽ đưa đến những chủ trương sai lầm, nguy hiểm.

Tôi phát biểu ý kiến, nói thêm về những điểm chủ yếu trong bản báo cáo do Quân ủy Trung ương và Văn phòng Trung ương soạn thảo, đặc biệt đi sâu vào những âm mưu, thủ đoạn mới của Mỹ - ngụy về chiến lược "Việt Nam

hóa chiến tranh". Căn cứ vào những tài liệu nguyên bản do Cục 2 Tiền phương thu được của địch như kế hoạch bình định cấp tốc từ tháng 3 đến tháng 8 năm 1973, kế hoạch bình định 3 năm (1975-1977), kế hoạch 5 năm xây dựng quân ngụy (1974-1979), kế hoạch kinh tế 8 năm (1973-1980) nhằm tái thiết miền Nam, tôi nêu rõ: Mỹ tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới, chúng buộc phải dùng ngụy quân, ngụy quyền làm chỗ dựa. Ngụy mạnh hay yếu sẽ tác động có ý nghĩa quyết định đối với toàn bộ cục diện chiến tranh. Vì vậy, chúng đang cố vực ngụy quân, ngụy quyền dậy, ra sức phá hoại hiệp định, giành thế có lợi cho chúng. Tuy nhiên, đối mặt với quân và dân ta, chúng có những mâu thuẫn, khó khăn không thể khắc phục được. Trong thời kỳ đầu của học thuyết Ních-xơn về chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh", quân ngụy còn có thể chống đỡ nhờ vào hỏa lực của Mỹ. Nhưng sau thời kỳ này, một khi quân Mỹ rút hết, nếu bị đánh mạnh, chúng sẽ sa sút, tan rã nhanh chóng. Vấn đề là phải chống ảo tưởng, phải đấu tranh mạnh, phần công mạnh theo kinh nghiệm của Quân khu 9, phá các kế hoạch thâm độc của chúng, không để cho chúng củng cố lực lượng.

Qua một tuần lễ làm việc, đạt tới sự nhất trí cao, hội nghị đã giải đáp vì sao từ đầu năm 1973 địch vẫn giành được quyền chủ động tiến công, ta phải bị động đối phó, có những nơi mất đất, mất dân?

Đó là do ta có khuyết điểm chứ không phải do địch mạnh, do lúc đầu ta không đánh giá hết âm mưu của địch và khả năng của chúng thực hiện âm mưu ấy. Chúng ta đã không có chủ trương kịp thời, nhất quán từ đầu về vị trí, nội dung của tiến công quân sự. Địch cứ tiến công, lấn chiếm, mà ta thì ngồi im, có nơi còn rút lui. Nếu cứ tiếp tục như vậy thì tình hình sẽ rất bất lợi. Trên cơ sở nhận định "tình hình miền Nam còn trải qua một thời gian không ổn định, có thể tương đối dài, thực sự chưa có ngừng bắn, hành động chiến tranh còn tiếp diễn, chưa có hòa bình thực sự nhưng không phải là chiến tranh toàn diện, miền Nam còn ở trong tình trạng vừa có hòa bình, vừa có chiến tranh", Hội nghị Bộ Chính trị chủ trương: "Trong khi địch dùng hành động quân sự đánh ta, ta vẫn cần phải chủ động tiến công địch, kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị và pháp lý. Tiến công quân sự bằng phản công của ta là chủ động, chỉ có qua đó mà từng bước đánh bại mọi hành động vi phạm của địch".

Nghị quyết Hội nghị Bộ Chính trị mở rộng tháng 5 năm 1973 tạo bước chuyển biến mới.

Không ai còn nghĩ đến nghỉ ngơi, hòa hoãn. Cuộc chiến đấu vẫn còn tiếp diễn. Kẻ địch còn "bình định", lấn chiếm, phá hoại hòa bình, ta không thể làm ngơ. Phải bảo vệ thành quả cách mạng đã giành được bằng biết

bao xương máu. Hơn thế nữa, phải phát huy thế mạnh, thế thắng, huy động sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân Việt Nam trong điều kiện thuận lợi mới, đưa cách mạng miền Nam tiến lên. Không thể dừng lại nữa chừng.

Tôi bàn với anh Văn Tiến Dũng cùng chỉ đạo chuẩn bị kế hoạch chiến lược quân sự trong giai đoạn mới.

Từ tháng 4 năm 1973, một tổ chức mang tên Tổ trung tâm được lập ra để giúp Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng Tư lệnh trong việc này, gồm anh Vũ Lăng - Cục trưởng; các anh Võ Quang Hồ, Lê Hữu Đức - Phó Cục trưởng Cục Tác chiến, do anh Lê Trọng Tấn - Phó Tổng tham mưu trưởng trực tiếp chỉ đạo1. Ngoài công việc thường xuyên, mỗi tuần tổ tập trung hai ngày tại phòng làm việc của anh Tấn. Với tinh thần khẩn trương, nghiêm túc, ngày 5 tháng 6 năm 1973, Tổ trung tâm hoàn thành bản dự thảo Đề cương kế hoạch chiến lược mang số 305 TG1.

U tư ờng chiến lược của Đảng tỏa khắp các chiến trư ờng.

Nghị quyết của Bộ Thống soái tối cao đã biến thành hành động cách mạng. Sau nửa năm đấu tranh gay go, quyết liệt, các cuộc hành quân lấn chiếm, "bình định" của địch bước đầu bị chặn lại. Quân ta hoạt động mạnh. Thương vong của quân ngụy đã vượt khỏi con số 100.000. Một số vũ khí Mỹ vừa đổ vào lọt vào tay Quân giải phóng.

Địch vừa ăn cướp vừa la làng.

Vụ Thông tin báo chí Bộ Ngoại giao ta công bố cuốn Sách trắng đề ngày 7 tháng 5 năm 1973 tổ cáo Mỹ và chính quyền Sài Gòn vi phạm có hệ thống Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam, vạch rõ Mỹ và chính quyền Sài Gòn phải hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với tình hình nghiêm trọng này.

Hiệp định Pa-ri bị đe dọa.

Anh Lê Đức Thọ lên đường trở lại bàn đàm phán.

Cái thế của ta ở chiến trường cũng là cái thế của các nhà ngoại giao Việt Nam trước đối phương. Trước khi đi, anh Thọ nhiều lần trao đổi với tôi và anh Dũng. Qua đồng chí Hồ Quang Hóa - Phó Cục trưởng Cục Tác chiến và là trợ lý giúp anh Thọ về quân sự, Bộ Tổng Tư lệnh và Bộ Tổng Tham mưu

cung cấp đều đặn tình hình quân sự và những nhận định chiến lược để các nhà ngoại giao của ta tham khảo.

Vói trò "ngoại giao con thoi", Kít-xinh-giô bay đi bay lại giữa Oa-sinh-tôn và Pa-ri, giữa Pa-ri và Sài Gòn tìm cách cứu vãn tình thế. Ních-xôn bị ám ảnh bởi vụ bê bối

Oa-tô-ghết lúc này đã phơi ra ánh sáng. Hình ảnh năm tay chân đắc lực của Đảng Cộng hòa chui vào đặt máy nghe trộm tại trụ sở của Ủy ban toàn quốc Đảng Dân chủ đóng ở khu nhà Oa-tô-ghết bị bắt quả tang tháng 6 năm 1972 làm tất ngắm hào quang của chiếc ghế tổng thống Hoa Kỳ. Ông ta không còn đầu óc nào mà nghĩ nhiều đến Việt Nam, nhất là khi quân Mỹ đã rút đi, tù binh Mỹ đã về nước. Tuy vậy, ông ta vẫn phải đe nẹt Thiệu, vì y lại phản ứng không chịu chấp nhận bản thông cáo chung đã được phác thảo.

Thư và thông điệp lại bay tới Sài Gòn. Theo các tài liệu tiết lộ năm 1989, lần này, Ních-xơn thẳng thừng đe dọa Thiệu: ... Tôi muốn lặp lại rằng, mong muốn duy nhất của chúng tôi là tăng cường sự đoàn kết của tôi đối với ngài. Tôi không thể tin được rằng ngài sẽ đặt tôi vào một vị trí buộc tôi phải giải thích với nhân dân Mỹ một lý do của việc sụp đổ các cuộc đàm phán, điều sẽ dẫn đến tức thời việc cắt đứt các ngân sách cho Lào, Cam-pu-chia và sau cùng cho Việt Nam...

Đặc phái viên của tổng thống Sác-lơ Oai-tơ-hao-xơ mỗi lần bay tới Sài Gòn, lại mang theo những bức thư với lời lẽ cứng rắn hơn:

... Điều ngài phải quyết định là chỉ thị cho đại diện của ngài ở Pa-ri tham gia với tiến sĩ Kít-xinh-giơ trong việc ký kết bản thông cáo với nội dung như hiện nay, bất chấp những nghi ngại thứ yếu mà ngài đã trình bày; bằng ngược lại, nếu ngài từ chối việc ký kết, từ bỏ hiệp ước, ngài sẽ chịu những hậu quả tai hại khôn lường đối với sự ủng hộ của Quốc hội Mỹ.

Trong bức thư cuối cùng, không còn giữ ý bằng ngôn ngữ ngoại giao, Ních-xơn xăng giọng:

... Đây không còn là vấn đề bàn cãi giữa những người tham gia đàm phán, hoặc giữa các luật sư, các chuyên gia. Bây giờ đây là vấn đề trực diện giữa hai chúng ta. Sự lựa chọn của ngài tùy thuộc ở ngài... Tiến sĩ Kít-xinh-giơ đã được chỉ thị trở về Oa-sinh-tơn vào chiều mai. Bất cứ sự trì hoãn hoặc né tránh nào với bất kỳ lý do gì đều không được chấp nhận...

Không cần đến cù cà rốt, chỉ cái gậy cũng mang lại kết quả.

Cuối cùng, hai bản thông cáo chung về những biện pháp cần thiết để thi hành triệt để và nghiêm chỉnh Hiệp định Pa-ri về Việt Nam đã được ký kết tại lâu đài La Xen Xanh-cơ-lu trong sự cay đắng của Nguyễn Văn Thiệu.

a đen thai diem co quan lanh dao cao nhat cua Bang la Ban Chap han Trung uong phai quyet dinh nhung van de duong loi chien luoc co ban.

Tình hình đã sáng tỏ thêm nhiều.

Bộ Chính trị triệu tập Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 21 vào tháng 6 năm 1973, nhằm khẳng định đường lối cách mạng Việt Nam trong giai đoạn cuối cùng của chiến tranh. Quân ủy Trung ương được giao chuẩn bị nội dung của hội nghị.

Nhận trách nhiệm trước Bộ Chính trị, tập thể Quân ủy Trung ương dành nhiều tâm lực suy nghĩ nghiên cứu, đề xuất, trao đổi ý kiến. Một số cán bộ cơ quan Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị, Tổng cục Hậu cần cũng được huy động, trong điều kiện tuyệt đối bí mật. Tôi tập trung suy nghĩ về các vấn đề chiến lược trong giai đoạn cuối của chiến tranh. Trực tiếp giúp tôi là các đồng chí Phó Tổng tham mưu trưởng Lê Trọng Tấn và Cao Văn Khánh, hai đồng chí từng chỉ huy đánh lớn, hai đồng đội gắn bó lâu năm trong nhiều chiến dịch, hai người bạn chiến đấu trung thực, chân thành.

Việc đầu tiên tôi nghĩ tới là mời các đồng chí trong đoàn cán bộ B2 đến trao đổi, làm việc.

Cuộc họp được tổ chức vào ngày 11 tháng 6 năm 1973 tại "Nhà con rồng", nơi làm việc của Quân ủy Trung ương, trên nền cũ của điện Kính Thiên thời Lê, nguyên là hành cung của các vua nhà Nguyễn khi ra kinh lý Bắc Hà, với chín bậc thêm cao và bốn con rồng đá tạo khắc tinh vi còn nguyên vẹn.

Các đồng chí có trách nhiệm trong Bộ Quốc phòng - Tổng Tư lệnh đến dự đông đủ. Mọi người thảo luận hăng say, quên cả cái nắng đầu mùa.

Vói thuc tiên chien dâu và be dày kinh nghiem chien truong, các anh 0 B2 dq doán sáp toi, trong diem binh djnh cua djch se là dong bang song Ciu Long. Nhiem vu hang dâu 0 B2 là kien quyet danh bai các cuoc hành quan lán chiem cua djch, giu vung vuông giái phong, vuong tranh chap và các can cu "lom" trong vuông sâu, mô rông dien tranh chap, gianh lai dân, mô them dien lam chü, tüng bước mô them dien giái phong ô nhüng noi có diêu kiên.

Muốn vậy, phải xây dựng lực lượng mạnh, tăng lực lượng địa phương lên gấp đôi, bảo đảm quân số chiến đấu của bộ đội chủ lực, tăng khả năng cơ động và sức đột phá của bộ đội trong chiến đấu tiến công. Mục tiêu đề ra là đột phá hệ thống phòng ngự của địch cỡ trung đoàn, tiêu diệt chiến đoàn hoặc sự đoàn địch trong tác chiến vận động.

Tôi chăm chú lắng nghe tất cả các ý kiến. Trong đầu đã lóe lên những gì cần suy nghĩ để đề xuất với Trung ương. Cùng với Bộ Tổng Tham mưu và

Tổng cục Hậu cần, tôi giải quyết các yêu cầu của chiến trường B2, trước mắt bổ sung ngay 17.000 quân chiến đấu. Đây là một cố gắng rất lớn của hậu phương miền Bắc, của các đảng bộ, chính quyền và cơ quan tổ chức động viên các cấp, vì tôi biết rất rõ, từ năm 1964 đến năm 1973, hậu phương lớn đã chi viện hết mình. Chỉ riêng các tỉnh thuộc Quân khu Tả Ngạn sông Hồng đã chi viện cho các chiến trường miền Nam 560.000 quân. Tuy vậy, trước thời cơ lớn đang xuất hiện, vẫn phải kiên quyết chi viện chiến trường.

Tôi gợi ý nên phổ biến rộng rãi kinh nghiệm của Quân khu 9, tích cực làm công tác tư tưởng chống hòa bình chủ nghĩa, chống ảo tưởng, mơ hồ, nâng cao tinh thần cảnh giác đối với âm mưu, thủ đoạn xảo quyệt của kẻ thù. Cũng phải dần dần huy động lực lượng tại chỗ để bổ sung cho bộ đội chủ lực và ra sức phát triển dân quân du kích. Về cách đánh, ngoài tiến công tiêu diệt cứ điểm, chi khu, quận ly, nên chú trọng dùng đặc công đánh vào các sở chỉ huy, sân bay, bến cảng, các căn cứ hậu cần...

au cuộc họp, tôi tranh thủ nghe báo cáo của các cục thuộc Bộ Tổng Tham mưu, Tổ trung tâm, các đồng chí ở Bộ Ngoại giao, các đồng chí trong Ban Liên hợp quân sự bốn bên ra miền Bắc họp.

Các nguồn tin cho biết: Qua cuộc viếng thăm Sài Gòn của Phó Tổng thống Mỹ Ác-niu cuối tháng 1 năm 1973, Mỹ cổ xoa dịu Thiệu cho đỡ cơn hốt hoảng. Điều đáng chú ý là Mỹ không hề công khai hoặc úp mở hứa hẹn gì với Thiệu, ngoài hai kế hoạch "Tăng cường" và "Tăng cường cộng" đổ vũ khí, phương tiện chiến tranh vào miền Nam. Sau cuộc viếng thăm Mỹ tháng 3 năm 1973, Thiệu cũng không hy vọng được gì thêm ngoài một lời hứa suông tại Xan Klai-mân: "Ngài có thể trông cậy vào chúng tôi".

Lúc này, vụ Oa-tơ-ghết đã rộ lên. Ních-xơn ở vào thế bị động, lúng túng. Nước Mỹ muốn quên đi cuộc chiến tranh Việt Nam, muốn quên luôn cả ngụy quyền Nguyễn Văn Thiệu. Đã có những rạn nứt giữa Kít-xinh-giơ và Thiệu, giữa Ních-xơn và Thiệu, giữa Quốc hội Mỹ và chế độ Sài Gòn. Thiệu lo lắng thực sự về khả năng sẽ bị Mỹ bỏ rơi.

Tâm trạng người dân Sài Gòn cũng khá phức tạp. Ngụy quân, ngụy quyền và gia đình họ lo lắng, hoang mang khi các sĩ quan và chiến sĩ "Việt cộng" xuất hiện trên đường phố. Có người phỏng đoán "Việt cộng" sẽ đến tiếp quân Sài Gòn một khi người Mỹ đã ra đi. Quân Mỹ đã rút hết. Phố xá không còn cảnh náo loạn như trước. Sân bay Tân Sơn Nhất bớt ầm ào, không còn mấy phi vụ của máy bay quân sự Mỹ. Giới buôn bán nuối tiếc thời làm ăn "hốt bạc" hồi quân Mỹ còn ở đây. Vợ lính ngụy không còn đi làm cho Mỹ,

đánh giày hoặc bán thuốc lá rong quanh các trại lính Mỹ. Gạo ở lục tỉnh không về Sài Gòn nhiều như trước. Hàng nhập khẩu bị cắt giảm. Nạn thất nghiệp lan tràn. Đồng tiền phá giá rất nhanh. Giá cả tăng vọt. Nạn tham nhũng không trừ ở một cấp nào. Trong quân đội, đó là nạn "lính ma", "lính kiếng". Bất cứ ai có chức, có quyền đều tranh thủ vơ vét, "chụp giật" để tính chuyện mai sau.

Để tồn tại, nguy quyền ra sức bắt lính, đôn quân. Tình hình ấy càng làm cho người dân hoang mang, lo lắng. Càng đẩy quân đi lấn chiếm, giải tỏa các đường giao thông, số thương vong của quân ngụy lại càng cao. Cái "da báo" trên bản đồ miền Nam Việt Nam là mối đe dọa ngày đêm đối với Nguyễn Văn Thiệu.

Tình hình trên các chiến trường bước đầu có chuyển biến tích cực. Nhiều nơi đã kiên quyết đánh trả địch, tìm ra cách đánh thích hợp, từng bước giành lại thế chủ động. Tuy vậy, chuyển biến còn chưa đều khắp. Những nhận thức, tư tưởng lệch lạc và hành động tiêu cực không dễ khắc phục trong một sớm một chiều.

Về xây dựng lực lượng ở miền Nam, ta còn phải nhanh chóng giải quyết tình trạng mất cân đối giữa bộ đội chủ lực và bộ đội địa phương, giữa lực lượng vũ trang tập trung và dân quân du kích. Số lượng của lực lượng vũ trang quần chúng bị tiêu hao, nhất là ở vùng đồng bằng. Sức chiến đấu của bộ đội chủ lực chưa nâng lên được như đầu năm 1972. Việc triển khai xây dựng cơ sở, xây dựng thế đứng của các vùng còn rất chậm; việc xây dựng kinh tế, tăng gia sản xuất chưa giải quyết được khó khăn về lượng thực, nhất là ở miền Đông Nam Bộ và đồng bằng Khu 5.

Đánh giá tình hình quân ngụy, có thể thấy chỗ mạnh của chúng là quân số còn đông, lại được Mỹ tiếp tục viện trợ về quân sự, kinh tế; lực lượng địa phương và lực lượng hậu bị được chúng ra sức củng cố, hệ thống phòng ngự và kìm kẹp ở cơ sở gây cho ta tổn thất; chúng còn kiểm soát được những thành thị và địa bàn đông dân, nhiều của, có thể khai thác được nhân tài, vật lực tại chỗ, còn kiểm soát được nhiều trục đường giao thông quan trọng.

Ngược lại, quân đội và chính quyền Sài Gòn có những chỗ yếu rất nghiêm trọng. Nội bộ chúng đầy mâu thuẫn. Phong trào đấu tranh của nhân dân chống Mỹ - ngụy tăng lên. Sau khi nửa triệu quân Mỹ và quân các nước phụ thuộc Mỹ đã rút đi, tinh thần ngụy quân, ngụy quyền sa sút, rêu rã. Sức chiến đấu của quân ngụy về thực chất giảm đi rõ rệt. Nếu năm 1971, khi lấn chiếm vùng U Minh, địch chỉ dùng 30 tiểu đoàn đã làm cho ta phải đối phó vất vả, thì năm nay, khi đánh vào tám xã thuộc Chương Thiện (Khu 9), địch

tập trung 25 tiểu đoàn, tăng lên 50 tiểu đoàn, rồi 75 tiểu đoàn mà vẫn thất bại.

Nhìn tổng quát, toàn diện, từ sau Hiệp định Pa-ri, ngoại trừ những tổn thất lúc đầu, ta đã mạnh lên nhiều cả về thế và lực. Vấn đề cơ bản đặt ra là phải kiên quyết kết hợp đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị pháp lý, ngoại giao, bình vận, từng bước đánh bại mọi hành động phá hoại Hiệp định Pa-ri, làm thay đổi so sánh lực lượng có lợi cho ta, buộc địch phải chấp nhận hòa bình và thắng chúng trong hòa bình, đồng thời sẵn sàng đánh thắng chúng nếu chúng gây lại chiến tranh.

Trong quá trình chuẩn bị Hội nghị Trung ương, chúng tôi thảo luận các vấn đề xây dựng lực lượng ở miền Bắc, miền Nam, cách đánh tiêu diệt sinh lực quân ngụy để làm chuyển biến cục diện chiến trường. Tôi chỉ thị cho Bộ Tổng Tham mưu khẩn trương lập các quân đoàn, những "quả đấm chủ lực" sẵn sàng sử dụng ở thời điểm quyết định, nghiên cứu phương thức tác chiến theo hướng tiêu diệt chi khu, quận ly, chiến đoàn, lữ đoàn địch đi ứng cứu, tiêu diệt sự đoàn địch.

Về chống phá "bình định", kinh nghiệm của đồng bằng sông Cửu Long, nhất là kinh nghiệm của Khu 9, chứng tỏ quân và dân ta hoàn toàn có khả năng làm thất bại âm mưu chiến lược này của địch. Tôi yêu cầu Bộ Tổng Tham mưu tích cực nghiên cứu vấn đề này, đặc biệt chú ý phương châm, phương thức đánh địch, bám đất, bám dân, phối hợp các lực lượng chủ động, kiên quyết đánh trả địch. Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng Tham mưu đã nghe anh Lê Đức Anh từ chiến trường ra báo cáo tình hình Khu 9 và Khu 8. Lập trường kiên quyết, cảnh giác của Đảng ủy và Bộ Tư lệnh Khu 9 đã mang lại thắng lợi ngay từ đầu. Kinh qua đấu tranh, càng linh hoạt, sáng tạo, thắng lợi càng lớn. Các anh Văn Tiến Dũng, Lê Trọng Tấn trực tiếp chỉ đạo Cục Tác chiến và Cục Dân quân phối hợp chuẩn bị một hội nghị chuyên đề sẽ triệu tập vào cuối năm.

Ụ chuẩn bị công phu của Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng Tư lệnh tiến hành khẩn trương, bí mật suốt hai tháng trời. Một bản báo cáo được hoàn thành. Đây là nội dung ý kiến trung tâm trong Hội nghị Trung ương lần thứ 21 khai mạc vào cuối tháng 6 năm 1973.

Hội nghị họp đợt đầu trong một tuần lễ.

Các đồng chí Ủy viên Trung ương về dự khá đông đủ. Báo cáo của Quân ủy Trung ương phân tích kỹ tình hình địch, ta ở miền Nam, tình hình chiến

trường sáu tháng sau khi có Hiệp định Pa-ri, bối cảnh quốc tế phức tạp hồi bấy giờ, âm mưu, thủ đoạn của chính quyền Ních-xơn và ngụy quyền Nguyễn Văn Thiệu, đánh giá so sánh lực lượng trên chiến trường và trong cả nước, chỗ mạnh, chỗ yếu của địch, của ta, khả năng của Mỹ - ngụy và những tình huống chiến lược có thể xảy ra. Bản báo cáo cũng đề xuất với Ban Chấp hành Trung ương những kiến nghị

về phương hướng, chủ trương và kế hoạch hoạt động ở miền Nam trong thời gian tới nhằm đẩy mạnh đấu tranh ở vùng tạm bị chiếm và vùng tranh chấp, xây dựng lục lượng, cũng cố vùng giải phóng.

Sau khi nghe báo cáo, đồng chí Bí thư thứ nhất Lê Duẩn phát biểu ý kiến, nêu rõ quyết định của Bộ Chính trị triệu tập Hội nghị Trung ương Đảng lần này nhằm đánh giá tình hình từ sau Hiệp định Pa-ri, đánh giá so sánh lục lượng, chỗ mạnh, chỗ yếu của ta và địch, làm cơ sở xác định phương châm, phương thức đấu tranh, đưa cách mạng đến thắng lợi mới. Với nhãn quan chiến lược sắc sảo, anh Ba điểm lại tình hình cuộc đấu tranh của đồng bào và chiến sĩ miền Nam từ khi có Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 15 (1959) đến lúc này, khẳng định thắng lợi của ta có ý nghĩa rất to lớn.

Giọng nói miền Trung của anh thật nhiệt tình, sôi nổi. Anh nêu rõ: Sau Hiệp định Pa-ri, tuy Mỹ vẫn còn dính líu, địch còn có những chỗ mạnh, nhưng những chỗ mạnh đó nằm trong thế thất bại, thế đi xuống. Trước âm mưu của Mỹ - ngụy công khai, trắng trợn phá hoại hiệp định, tiếp tục chiến tranh thì cách mạng miền Nam nhất định phải tiến lên bằng con đường bạo lực. Chiến lược của ta là chiến lược tiến công. Vấn đề quân sự phải đặt lên hàng đầu. Đấu tranh chính trị lúc này phải kết hợp với đấu tranh quân sự, bình vận và pháp lý để giành dân, giành quyền làm chủ. Anh Ba gọi ý một số vấn đề thảo luận và yêu cầu các đồng chí Ủy viên Trung ương đề cao trách nhiệm đóng góp ý kiến và quyết nghị. Tôi phát biểu nhấn mạnh sự chuyển biến về so sánh lực lượng ta - địch, kinh nghiệm của trận đánh chiếm lại cảng Cửa Việt (Quảng Trị) và của Quân khu 9, kiên quyết đánh trả địch, kiên quyết chống phá "bình định", chống ảo tưởng hòa bình. Đi sâu vào bản chất cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới của Mỹ, tôi nêu rõ: Mỹ với chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" buộc phải dùng ngụy quân, ngụy quyền làm chỗ dựa. Đây là một sai lầm lớn của Mỹ. Ngụy mạnh hay yếu sẽ tác động có ý nghĩa quyết định đối với toàn bộ cục diện chiến tranh ở Việt Nam, nhất là sau khi Mỹ đã rút quân. Trong thời kỳ đầu, quân ngụy còn có thể chống đỡ nhờ vào hóa lực của Mỹ. Nhưng càng về sau, bị ta đánh mạnh, chúng sẽ bộc lộ nhiều nhược điểm, khó khăn không thể khắc phục được và sẽ tan rã nhanh chóng.

Các anh Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Nguyễn Duy Trinh, Hoàng Quốc Việt, Văn Tiến Dũng, Lê Thanh Nghị, Lê Văn Lương, Tố Hữu,... nêu

lên những vấn đề có tầm chiến lược về chính trị, quân sự, ngoại giao, trong nước và trên thế giới. Các anh lãnh đạo, chỉ huy các chiến trường: Anh Mười Cúc, anh Trà, anh Năm Công, anh Trần Hữu Dục, anh Sáu Dân, anh Sáu Đường,... đóng góp nhiều

kinh nghiệm thực tiễn, đề xuất nhiều sáng kiến về phương thức và biện pháp đấu tranh.

Hội nghị Trung ương diễn ra trong nhiều ngày. Tinh thần dân chủ được nêu cao. Các đồng chí Ủy viên Trung ương phát huy tinh thần trách nhiệm, thảo luận kỹ tất cả mọi vấn đề đường lối, chiến lược của cách mạng miền Nam, nhiệm vụ của hậu phương lớn miền Bắc, đường lối quốc tế, vấn đề đoàn kết Việt Nam - Lào - Cam-pu-chia, công tác xây dựng lực lượng, đấu tranh giành dân, giành quyền làm chủ, công tác binh vận, công tác đô thị, công tác vùng giải phóng, công tác mặt trận, công tác ngoại giao, công tác xây dựng Đảng... Các ý kiến đều được trình bày đầy đủ, có hệ thống, tranh luận, phát biểu nhiều lần, không hạn chế thời gian.

Về đánh giá so sánh lực lượng, hội nghị nhất trí với ý kiến chuẩn bị của Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng Tư lệnh là thế và lực của cách mạng miền Nam lúc này mạnh hơn bất cứ thời kỳ nào từ năm 1954 đến nay. Khi Mỹ đã rút đi, ta càng mạnh. Từ chỗ đánh giá như vậy, hội nghị chỉ rõ: Thời cơ chiến lược sẽ đến.

Về các khả năng phát triển của tình hình, hội nghị dự kiến có thể phát triển theo hai khả năng:

Một là, ta đấu tranh tích cực, buộc địch phải từng bước thi hành Hiệp định Pa-ri, tình hình miền Nam ổn định, hòa bình được thật sự lập lại. Cuộc đấu tranh của nhân dân ta tuy còn lâu dài, gian khổ, nhưng sẽ tiến lên mạnh mẽ.

Hai là, Mỹ - ngụy ngoan cố phá hoại hiệp định, xung đột quân sự có thể tăng cường độ, chiến tranh quy mô ngày càng lớn. Ta phải tiến hành chiến tranh cách mạng gay go, quyết liệt để giành thắng lợi hoàn toàn. Khả năng thứ nhất có ít, nhưng cần tranh thủ thực hiện, đồng thời chuẩn bị sẵn sàng đối phó với khả năng thứ hai.

Qua thảo luận, mọi người đều nhất trí: Nhiệm vụ cơ bản của cách mạng miền Nam trong giai đoạn mới là đoàn kết toàn dân, tiếp tục thực hiện chiến lược cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Dù tình hình phát triển theo khả năng nào, cách mạng chỉ có thể thắng lợi bằng con đường bạo lực cách mạng. Bất kỳ trong tình huống nào ta cũng phải nắm vững thời cơ, giữ vững chiến lược tiến công và chỉ đạo linh hoạt để giành thắng lợi. Trước mắt, phải nắm vững lực lượng vũ trang, củng cố, phát triển và tăng cường ba thứ quân thật mạnh, khắc phục tình trạng mất cân đôi. Bố trí lực lượng phải tạo thế căng

kéo địch, không để cho chúng lấn chiếm ở từng khu vực. Phải coi vấn đề giành dân, giành quyền làm chủ, phát triển thực lực của cách mạng là yêu cầu vừa bức thiết vừa cơ bản trong giai đoạn mới.

Ngày 6 tháng 7 năm 1973, đồng chí Bí thư thứ nhất kết luận hội nghị. Đồng chí nêu rõ sự nhất trí cao của Ban Chấp hành Trung ương về quyết tâm giải phóng miền Nam. Việt Nam sẽ không như Triều Tiên, Đông Đức. Đây là một quyết tâm rất lớn, có ý nghĩa lịch sử và quốc tế. Với đường lối cách mạng đúng đắn, với phương pháp cách mạng kết hợp quân sự, chính trị, ngoại giao, động viên cả nước vì miền Nam ruột thịt, nhất định chúng ta sẽ thực hiện được. Tinh thần cốt lõi của Hội nghị Trung ương lần này là cách mạng miền Nam phải tiếp tục tiến lên bằng con đường bạo lực cách mạng. Chúng ta luôn luôn giương cao ngọn cò hòa bình, chính nghĩa, đấu tranh buộc địch phải thi hành Hiệp định Pa-ri để thắng địch. Nhưng nếu địch ngoan cố tiếp tục chiến tranh thì ta phải tiến hành chiến tranh cách mạng, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất nước nhà.

Hướng đi lên của cách mạng miền Nam đã rõ ràng.

Nội dung Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 21 hình thành từ Hội nghị Bộ Chính trị mở rộng tháng 5 năm 1973, tiếp đó từng bước hoàn chỉnh qua nhiều lần thảo luận và khảo nghiệm. Tôi cùng anh Vũ Tuân - Chánh Văn phòng Trung ương Đảng tổng hợp, chỉnh lý, làm việc suốt mấy tuần liền, cân nhắc từng câu, từng chữ. Cuối cùng, Nghị quyết tước Hội nghị toàn thể Ban Chấp hành Trung ương Đảng nhất trí thông qua ngày 4 tháng 10 năm 1973, khẳng định: "Con đường cách mạng của miền Nam là con đường bạo lực cách mạng. Bất kể trong tình hình nào ta cũng phải nắm vững thời cơ, giữ vững đường lối chiến lược tiến công".

rong thòi gian này, theo chî thj cûa Bô Tông Tu lênh, Tô trung tâm khân trung nghien cûu, chinh lý, bô sung ban dû thaô "Dê cûông kê hoach chien luôc" dâu tien. Còn biêt bao vân dê dêt ra dê suy nghî, tim phuông an tôi uu dê giành tháng lôi. Dûa vào y kien cûa dông chí Bi thu thû nhât trong nhûng ngày chuân bj Hôi nghj Ban Cháp hành Trung uông lân thû 21, thuòng nhân manh khâ nâng phát dông tông khôi nghia kêt hôp vói tông công kích, lây dja bàn chû yêu là thành thj dê già phóng mien Nam, ngày 16 tháng 7 nám 1973, bàn dû thaô lân thû hai vói dâu dê "Dê cûông nghien cûu kê hoach tông công kích, tông khôi nghia ô mien Nam" dã duôc trình len. Tuy cû thê hon, nhûng dê cûông lân này vân còn nhiêu diêm lôn phài tiêp tuc nghien cûu trao dôi. Tô trung tam lai phài tiêp tuc làm viêc và môt tháng sau, ngày 15 tháng 8 nám 1973, dã

hoàn tất bản dự thảo lần thứ ba nêu lên những đặc điểm của cuộc tổng khởi nghĩa sắp diễn ra, dự kiến tình huống dẫn đến tổng khởi nghĩa và thời cơ tổng khởi nghĩa, đề ra các biện pháp phát huy sức mạnh tổng hợp chính trị - quân sự của ta

để tiến hành tổng khởi nghĩa, tổng công kích, lấy phát động quần chúng tổng khởi nghĩa làm khâu chủ yếu nhất, trọng điểm số 1 là Sài Gòn.

Thời cơ đã đến gần. Nhưng giành thắng lợi bằng cách nào, đó là điều không đơn giản.

Tôi chỉ thị Tổ trung tâm sưu tầm, báo cáo kinh nghiệm kết thúc cuộc chiến tranh giữ nước vĩ đại của nhân dân Liên Xô, cuộc chiến tranh giải phóng của nhân dân Trung Quốc và giai đoạn cuối cùng của một số cuộc chiến tranh khác. Tại Quân khu bộ Quân khu 3, tôi trực tiếp nghe anh Hoàng Minh Thảo báo cáo về kinh nghiệm Liên Xô. Do quy mô chiến tranh hiện đại, nên từ sau cuộc phân công ở Xta-lin-grát và trận quyết chiến ở vòng cung Cuốc-xcơ, quân đội Xô-viết cùng quân đội các nước Đồng minh mở những chiến dịch rộng lớn, nhanh chóng kết thúc chiến tranh. Tôi cũng nghe đồng chí Hoàng Minh Phương báo cáo về cách đánh của quân đội Trung Quốc trong giai đoạn cuối cùng. Ở đây, Quân giải phóng ít đánh thành phố, thiên về vây thành diệt viện, đánh ở các khu vực xung quanh. Tuy vậy, cũng như ở Liên Xô, Trung Quốc vẫn phải đánh những trận tiêu diệt chiến lớn và đánh vào thành phố. Liên hệ với tình hình miền Nam nước ta, tôi thấy không thể đặt tổng khởi nghĩa lên đầu, mà tất yếu phải có những trận tiến công lớn, tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực của địch, tạo điều kiện đánh vào thành phố, vào sào huyệt chủ yếu của địch kết hợp chặt chẽ với nỗi dậy của quần chúng để kết thúc chiến tranh, giành toàn thắng. Nhiều lần, tôi trao đổi vấn đề này với đồng chí Bí thư thứ nhất. Cuối cùng, anh Ba đồng ý phải phát huy, phối hợp cả ba quả đắm mạnh là nông thôn, thành thị và chủ lực, thực hiện tổng công kích, tổng khởi nghĩa để giành thắng lợi.

Tôi yêu cầu Tô trung tâm tiếp tục nghiên cứu hoàn chỉnh để cương kế hoạch chiến lược theo phương hướng đó. Một lần nữa, những bộ óc tham mưu dạn dày kinh nghiệm lại phải làm việc không kể ngày đêm.

Ngày 12 tháng 9 năm 1973, nhân dân ta nông nhiệt đón đồng chí Phi-đen Cát-xtơ-rô - Thủ tướng Chính phủ Cộng hòa Cu-ba sang thăm Việt Nam. Bộ Tổng Tham mưu tổ chức đưa Phi-đen vào thăm Quảng Bình, Vĩnh Linh và vùng giải phóng Quảng Trị.

Tôi đã hai lần đến tuyến lửa này đầu năm 1973 trong hai chuyến đi thị sát vùng Cửa Việt, Khe Sanh, Bản Đông, đến Lùm Bùm, sông Tà Lê, qua dốc Phu-la-nhích..., đi dự Hội nghị tổng kết Chiến dịch Đường 9 - Nam Lào và đặt kế hoạch củng cố vùng giải phóng. Cảnh tàn phá do bom đạn Mỹ gây

ra, cảnh xơ xác, hoang tàn của Cồn Tiên, Dốc Miếu, Quán Ngang, đổi 241,... khiến Phi-đen hết sức xúc động và cảm phục. Nơi đây biết bao cán bộ, chiến sĩ và nhân dân đã ngã xuống trong các đợt tiến công và phản công chiến lược năm 1971-1972, làm nên những chiến công bất tử diệt Mỹ, diệt ngụy, tạo thế, tạo lực đưa kháng chiến cứu nước đến thắng lợi. Lúc này, bóng tối của quân xâm lược đã bị đẩy lùi. Dưới ánh sáng của cách mạng, mầm mống của cuộc sống mới bắt đầu nảy nở. Trụ sở Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam đặt gần Đông Hà, cạnh đường số 9 với những ngôi nhà gỗ lắp ghép, mái tôn, trần ván, nhưng không kém về khang trang. Lá cờ nửa đỏ, nửa xanh với năm cánh sao vàng bay hiên ngang trước gió.

Tình hình chưa ổn định. Với tác phong khẩn trương, bí mật như khi xung trận Môn-ca-đa năm xưa, vị nguyên thủ quốc gia đầu tiên đến thăm vùng giải phóng miền Nam với khẩu súng ngắn bên mình. Thoát ẩn thoát hiện, Phi-đen say sưa thăm hết nơi này đến nơi khác, vượt lên mọi nghi thức ngoại giao; có khi một đêm đổi chỗ ở tới mấy lần, chỉ chợp mắt vài mươi phút trên những chiếc giường dài quá cũ.

Khi đến thăm thị trấn Đông Hà, con người cách mạng tiêu biểu của châu Mỹ - La-tinh đã nói lên suy nghĩ của mình: "Tập đoàn cứ điểm này bị đánh trong một thời gian có mấy ngày. Làm được như vậy trong hoàn cảnh phải chịu đựng những cuộc ném bom và sự khống chế trên không của lực lượng không quân Mỹ, thật là một chiến công khó có thể tưởng tượng được".

Thực tiễn chiến trường chinh phục bao trái tim bầu bạn.

Chủ nghĩa anh hùng cách mạng và nghệ thuật quân sự Việt Nam nhất định sẽ biến nghị quyết của Đảng thành thắng lợi huy hoàng.

au Hội nghị Trung ương, biết bao vấn đề được đặt ra. Quân ủy Trung ương làm việc liên tục nhiều ngày bàn việc xây dựng các quân đoàn chủ lực, công tác cán bộ, kế hoạch nâng cao toàn diện chất lượng của lực lượng vũ trang đáp ứng kịp với tình hình. Thấy trước khả năng tác chiến quy mô lớn trong tương lai gần, Quân ủy Trung ương quyết định cử một đoàn cán bộ quân sự sang học một lớp bổ túc về tác chiến binh chủng hợp thành tại Học viện Võ-rô-xi-lốp ở Mát-xcơ-va. Trưởng đoàn là Thiếu tướng Nguyễn Hữu An, Phó đoàn là Đại tá Lê Hữu Đức. Tôi tranh thủ gặp anh Nguyễn Côn, anh Đỗ Mười trao đổi về kết hợp kinh tế với quốc phòng, huy động lực lượng, tuyển quân, về quân đội tham gia xây dựng kinh tế ở miền Bắc và ở vùng giải phóng miền Nam. Hội đồng Chính

phù phê chuẩn kế hoạch của Bộ Quốc phòng xây dựng thêm và mở rộng đường Trường Sơn, bao gồm việc cũng cố tuyến Tây Trường Sơn và xây dựng mới tuyến Đông Trường Sơn. Lực lượng công binh Đoàn 559 và cả ngành giao thông vận tải của miền Bắc được huy động để làm đường chiến lược.

Ngày 15 tháng 11 năm 1973, đồng chí Bí thư thứ nhất Lê Duẩn gửi thu cho Trung ương Cục miền Nam, Khu ủy Khu 5, Khu ủy Trị - Thiên, đồng gửi Đảng ủy Tây Nguyên. Bức thư nêu rõ hai khả năng phát triển của tình hình miền Nam và nhấn mạnh: "Tình hình phát triển theo khả năng nào đều tùy thuộc vào thực lực và sự đối phó của ta, điều quyết định trước hết là ta phải nhận rõ cách mạng miền Nam chỉ có thể giành được thắng lợi bằng con đường cách mạng không ngừng, bằng bao lục, dựa vào sức mạnh chính trị và sức mạnh vũ trang của nhân dân, tận dụng và phát huy những nhân tố mới, thuận lợi mới do Hiệp định Pa-ri đưa lại. Đó là tinh thần cơ bản của Nghị quyết 21"1.

Theo chỉ thị của Ban Bí thư và Thường trực Quân ủy Trung ương, Tổng cục Chính trị triển khai quán triệt Nghị quyết 21 trong toàn quân. Một hội nghị cán bộ cấp cao từ Quân khu 4 trở ra được triệu tập tại hội trường Tổng cục Chính trị ngay giữa thành Hà Nội.

Tôi dành trọn một ngày để phổ biến tinh thần của bản Nghị quyết lịch sử.

Khái quát tình hình từ lúc bắt đầu đánh Mỹ cho đến lúc ký Hiệp định Pa-ri, tôi nêu rõ thắng lợi to lớn của quân và dân ta lần lượt đánh bại các chiến lược "chiến tranh đặc biệt", "chiến tranh cục bộ" của để quốc Mỹ. Bằng một đòn sấm sét bất ngờ giáng trúng phần lớn các trung tâm đầu não chiến tranh của Mỹ - ngụy giữa Tết Mậu Thân (1968), chúng ta đã đẩy quân thù vào thế khủng hoảng chiến lược hết sức trầm trọng. Chúng không thể tiếp tục leo thang nữa mà bắt đầu phải từng bước xuống thang chiến tranh và phải ngồi vào bàn đàm phán. Chúng phải bị động thay đổi chiến lược "phi Mỹ hóa chiến tranh" rồi "Việt Nam hóa chiến tranh", một chiến lược mà ngay từ khi mới xuất hiện đã bộc lộ những yếu tố thất bại, phá sản không thể tránh khỏi.

Những nỗ lực phi thường đầy sự tích anh hùng, sáng tạo của quân và dân cả nước ta đã đánh bại ý chí xâm lược của Mỹ, buộc chúng phải ký Hiệp định Pa-ri. Sau 18 năm chống Mỹ, cứu nước, ta đã giành được thắng lợi vĩ đại: Mấy chục vạn quân Mỹ và quân chư hầu phải rút khỏi miền Nam, còn lực lượng vũ trang và lực lượng chính trị của ta ở miền Nam vẫn tiếp tục duy trì và phát triển. Do đó, so sánh lực lượng địch - ta trên chiến trường thay đổi

lớn có lợi cho ta. Nhìn chung trong cả nước, ta đã mạnh hẳn lên cả thế và lực. Đây là nhân tố chủ yếu khẳng định thời cơ lịch sử đã tới gần.

Lần này, Hội nghị Trung ương đã ra nghị quyết khẳng định con đường cách mạng miền Nam vẫn là con đường bạo lực cách mạng, tư tưởng chiến lược vẫn là tư tưởng tiến công, tuyệt đối không thể mơ hồ, ảo tưởng. Phương hướng hành động của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta là phải ra sức nhanh chóng tạo thế mới, lực mới, quyết tiến lên giành thắng lợi cuối cùng, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Kết thúc bài nói, tôi yêu cầu Bộ Tổng Tham mưu khẩn trương nghiên cứu phương án tác chiến tiêu diệt sư đoàn quân ngụy, phương án tiến công tiêu diệt tiểu đoàn địch trong công sự kết hợp với lữ đoàn địch chi viện ở đồng bằng, khẩn trương tổ chức huấn luyện ngay các bình đoàn chiến lược, các binh chủng kỹ thuật theo phương án tác chiến mới. Tôi cũng yêu cầu Tổng cục Chính trị, Tổng cục Hậu cần, Tổng cục Kỹ thuật nhanh chóng xây dựng, hoàn chỉnh kế hoạch công tác chuẩn bị và công tác bảo đảm các mặt, đáp ứng kịp thời yêu cầu của chiến tranh.

Như một luồng gió mới, Nghị quyết Trung ương lần thứ 21 đến với các chiến trường. Đồng bào, chiến sĩ cả nước sôi nổi hưởng ứng. Lãnh đạo và quần chúng chung một ý chí tiến công. Lý luận cách mạng và thực tiễn cách mạng đúc lại thành ánh sáng soi đường, biến thành hành động cách mạng sôi nổi, khẩn trương khắp từ tiền tuyến đến hậu phương, thành sức mạnh vô địch. Trên chiến trường miền Nam, quân và dân ta chống trả địch quyết liệt, chặn đứng được phần lớn các cuộc "bình định", lấn chiếm của chúng. Ở Trị - Thiên, ta khôi phục lại thế đứng trước ngày ký Hiệp định Pa-ri. Ở Khu 5, ta giành lại các vùng địch lấn chiếm. Ở Tây Nguyên, ta mở thêm được nhiều khu vực ở Trung Nghĩa (Kon Tum) và Chư Nghé (Plei Ku). Ở miền Đông Nam Bộ, ta đánh mạnh, giải phóng thêm vùng Kiến Đức - Bù Bông, giải phóng hành lang nối liền Nam Bộ với Tây Nguyên. Ở Khu 8, ta làm chủ một số vùng ở nam, bắc đường số 4. Ở Khu 9, ngay từ đầu ta đã kịp thời tiến công và phân công, nên không những giữ vững được hình thái địch - ta trước ngày 27 tháng 1 năm 1973, mà còn giải phóng thêm nhiều địa bàn quan trọng.

Hậu phương lớn dốc sức người, sức của ra tiền tuyến. Quân số các đơn vị Quân giải phóng được bổ sung. Nhiều binh chủng kỹ thuật đã tới chiến trường. Đường vận chuyển chiến lược Trường Sơn được mở rộng, nối dài. Hàng chục vạn tấn vũ khí, đạn dược, xăng dầu tới tấp vào chiến trường. Sức mạnh của chiến tranh nhân dân ở miền Nam tăng gấp bội. Thời gian đang ủng hộ chúng ta.

rèn mỗi chặng đường của cuộc đấu tranh, tài thao lược của Đảng ta luôn luôn là nhân tô quyết định thắng lợi. Nhờ đánh giá đúng tình hình, dự kiến đúng thời cơ,

chủ động và kiên quyết hành động, Đảng đã huy động sức mạnh tổng hợp của toàn dân tạo nên thế và lực mới, giành thắng lợi từng bước, tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn.

Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, nếu như Nghị quyết 15 (khóa II) năm 1959 vạch ra đường lối cho cách mạng miền Nam, Nghị quyết 12 (khóa III) năm 1966 đã nêu lên phương hướng cơ bản để thực hiện nhiệm vụ lịch sử: "Đánh cho Mỹ cút", thì Nghị quyết 21 (khóa III) năm 1973 đã chỉ ra con đường đi tới hoàn thành nhiệm vụ lịch sử tiếp theo: "Đánh cho ngụy nhào", như Bác Hồ đã sớm chỉ ra một cách hết sức thần tình từ mùa xuân năm 1968.

Một chặng đường lịch sử đã mở ra. Ánh hào quang chiến thắng lấp lánh ở chân trời. Tương lai huy hoàng của dân tộc đang ở phía trước.

Chương ba KẾ HOẠCH CƠ BẢN VÀ KẾ HOẠCH THỜI CƠ

ân đến Tết Giáp Dần (1974), tình hình miên Nam sôi động. Nghị quyết Trung ương đã thấm dần đến cơ sở. Tôi làm việc với các đồng chí Lê Ngọc Hiền - Phó Tổng tham mưu trưởng, Vũ Lăng, Võ Quang Hồ - Cục trưởng và Phó Cục trưởng Cục Tác chiến. Lúc này, anh Lê Trọng Tấn được cử vào Khu 5 giúp Quân khu triển khai thực hiện Nghị quyết 21 về mặt quân sự. Tình hình chiến sự ở miên Nam từ Trị - Thiên, Khu 5, Tây Nguyên đến đồng bằng sông Cửu Long đang chuyển biến có lợi cho ta. Chúng tôi trao đổi về phương hướng tác chiến hai năm 1974, 1975 với tốc độ phát triển ngày càng nhanh của chiến trường, chuẩn bị tăng cho Khu 8 và Khu 9 thêm một vạn quân và 3.000 tấn vũ khí, huấn luyện nâng cao chất lượng chiến đấu của bộ đội và năng lực chỉ huy của cán bộ các cấp, tích cực vận chuyển chiến lược cho miên Nam, dự kiến kế hoạch thời cơ.

Ngày 30 tháng 1 năm 1974, Bộ Chính trị họp mở rộng bàn kế hoạch nắm bắt thời cơ đẩy mạnh cách mạng miền Nam. Tham dự hội nghị còn có các đồng chí trong Quân ủy Trung ương, các đồng chí lãnh đạo B2, đồng chí Võ Chí Công và đồng chí Hoàng Minh Thảo.

Thay mặt Quân ủy Trung ương, tôi báo cáo tình hình quân sự, chính trị, đánh giá sự chuyển biến ngày càng có lợi trên các chiến trường, đề nghị chủ trương phối hợp đấu tranh toàn diện và phương hướng tác chiến cho đến năm 1975. Tiếp đó, anh Năm Công trình bày cụ thể tình hình Khu 5, nêu những vấn đề cần giải quyết như chống địch đóng bốt, lấn dũi, đánh rã và đánh tiêu diệt, phát động quần chúng, đồng bào Công giáo, Phật giáo cùng lực lượng thứ ba đấu tranh làm suy yếu bộ máy kìm kẹp của địch. Anh Trần Độ báo cáo tình hình chiến trường Nam Bộ, sự chuyển biến rõ nhưng còn chậm từ tháng 8 năm 1973 đến lúc này, nhận xét có khả năng

Mỹ phải chịu thua. Anh Phạm Văn Đồng nêu ý kiến cần tìm ra những "points entiques"1 để tạo chuyển biến nhanh hơn. Anh Hoàng Văn

Thái cho rằng tình hình chiến trường đang có bước đi lên, cách đánh quân ngụy cần tạo bất ngờ, diệt đồn bốt, quận ly, chi khu, kết hợp quân sự, chính trị, bình vận để chống phá bình định.

Các anh trong Bộ Chính trị phát biểu, thống nhất ý kiến về đánh giá tình hình, đề ra nhiều biện pháp đẩy mạnh đấu tranh quân sự, chính trị, ngoại giao...

Kết luận hội nghị, anh Ba nêu rõ thế cản bằng trong tình hình thế giới, khi không ai có thể giữ vị trí bá quyền thì Mỹ muốn quay trở lại miền Nam cũng không phải dễ. Nhưng Mỹ có vào lại hay không, chủ yếu là do sự nỗ lực của ta. Nếu ta đánh mạnh, phá được "équilibre"1 thì Mỹ khó lòng vào được. Vấn đề bây giờ là phải đẩy mạnh đấu tranh toàn diện, làm cho có nghệ thuật hơn, tạo thời cơ và khi đã có thời cơ thì phải nắm được ngay để giành thắng lợi.

Sau những ngày làm việc căng thẳng, tập trung cao độ, sức khỏe của tôi giảm sút nhanh chóng. Nhiều lần bác sĩ khuyên nên nghĩ ngơi dưỡng sức, nhưng công việc không cho phép.

Một buổi sáng, trên đường công tác, bỗng nhiên bụng tôi đau dữ dội. Cơn đau đột ngột làm cho đầu óc tôi choáng váng, hơi thở gấp. Trong khoảnh khắc, tôi bị ngất xỉu. Khi tỉnh lại đã thấy mình nằm trong máy bay lên thẳng cấp cứu về Hà Nội.

Các giáo sư, bác sĩ Viện quân y 108 làm việc hết sức khẩn trương, nhưng chưa chẩn đoán được căn bệnh. Người tôi mệt là, bụng đau quằn quại từng cơn...

Thấy bệnh tình nguy kịch, Bộ Chính trị Trung ương Đảng quyết định đưa tôi sang Liên Xô điều trị bằng một chuyển chuyên cơ. Đi cùng tôi để phòng tai biến có Giáo sư, Viện trưởng Nguyễn Thế Khánh và các bác sĩ Trần Văn Hiến, Phạm Văn Ngà.

Đồng chí, bạn hữu ra tiền rất đông.

Trước khi lên máy bay, tôi xúc động cảm ơn anh Lê Đức Thọ, anh Lê Thanh Nghị thay mặt Bộ Chính trị, cùng các anh ở Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng Quân ủy, Bộ Quốc phòng và bà con, bầu bạn. Đã tưởng là khó có ngày về.

Tại Liên Xô, Trung ương Đảng bạn hết sức quan tâm. Các giáo sư, bác sĩ Bệnh viện Trung ương Mát-xcơ-va dành cho tôi sự chăm sóc hết lòng. Tuy vậy, những cơn đau kéo đến ngày một mau hơn, dữ dội hơn. Đã một lần, khi

tiêm thuốc để chẩn đoán bệnh, tim tôi ngừng đập trong mấy giây! Hội chẩn tiếp theo hội chẩn. Vẫn chưa biết được nguyên nhân.

Nhớ mãi tấm gương tận tụy vì người bệnh của các giáo sư, tiến sĩ Xma-ghin, Kra-pi-vin, nữ bác sĩ I-ri-na, những người thầy thuốc đầy tinh thần trách nhiệm, cuối cùng đã tìm ra căn bệnh quái ác. Đó là bệnh sôi mật, nhưng ở dạng sôi mềm, rất khó phát hiện. Tôi mắc bệnh này đã nhiều năm mà không hề hay biết!

Lúc này túi mật đã viêm rất to. Cần phải mổ ngay. Để chậm sẽ vỡ, nguy hiểm đến tính mạng. Ca mổ vào loại đại phẫu thuật. Tỷ lệ tử vong khoảng 50 phần trăm. Bác sĩ mổ cho tôi chính là Giáo sư Mai-ác, 71 tuổi - Anh hùng lao động, Chuyên viên cao cấp Bộ Y tế, thầy thuốc chuyên khoa về mật giỏi nhất của Liên Xô.

Nghĩ mình khó lòng qua khỏi, tôi đã viết mấy điều để lại. Ngoài việc riêng, tôi dặn dò về công tác cán bộ, về những chủ trương, biện pháp thúc đẩy cách mạng miền Nam tiến nhanh đến cao trào.

May mân thay, mọi việc đều tốt đẹp. Ca mổ rất thành công. Tôi phải nằm bất động trên giường bệnh mười một ngày, sút mất hơn chục ki-lô-gam. Qua một cái Tết ở bệnh viện xa quê hương, lòng tôi nóng như lửa đốt.

Hiểu rõ tâm trạng ấy, ngay khi ra viện, Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô bố trí một máy bay đưa tôi từ Mát-xcơ-va về thẳng Hà Nội.

Mặc dù còn rất yếu, mệt, chỉ mấy ngày sau khi về nước, tôi vào ngay Văn phòng Bộ Quốc phòng thăm anh em và nắm tiếp tình hình. Mọi người hết sức vui mừng thấy tôi đã tai qua nạn khỏi. Đồng chí Bùi Đình Kế xúc động đọc một bài thơ sáng tác bằng cả tấm lòng:

"... Ôi mừng vui, ta lại đón xuân sang

Trong cảnh sắc, trong lòng người mong đợi

Hồng hào, tươi vui, nụ cười trẻ lại

Gân thêm săn và nhựa sống thêm căng

Trên đường dài lại cất bước băng băng..."

háng 4 năm 1974. Nguy hiểm đã qua.

Trong thời gian được các giáo sư, bác sĩ kiểm tra theo dõi tại Khoa A11 Viện quân y 108, tôi dành thời gian nghe báo cáo, thông qua nghị quyết về công tác quân sự địa phương và nghị quyết về chống phá "bình định" ở miền Nam của Quân ủy Trung ương.

Lúc này Mỹ - ngụy ráo riết đẩy mạnh kế hoạch "bình định nông thôn". Đây là cái "nút" của học thuyết Ních-xơn, một học thuyết mà đặc trưng nổi bật là coi trọng

việc xây dựng lực lượng phản động bản xứ thành công cụ thực hiện chiến lược toàn cầu của Mỹ. Hơn 28 vạn cuộc hành quân "bình định" của ngụy trong một năm qua đã chứng tỏ chúng cho đây là "cơ hội thích hợp để sống sót". Bằng hệ thống đồn bốt, các lực lượng bảo an, dân vệ, phòng vệ dân sự, các tổ chức tế, điệp, cảnh sát, các tổ chức chính trị phản động, chúng ra sức giành dân, đánh vào vùng đồng dân, nhằm mục đích nắm dân, khống chế dân, xây dựng cơ sở vật chất - xã hội cho ngụy quyền, hòng làm cho các cuộc nổi dậy của đồng bào ta mất cơ sở quần chúng. Địch đang thực hiện "phương châm" của mưu sĩ Kít-xinh-giơ: Tốt hơn hết là chúng ta hãy kiểm soát lấy 100 phần trăm của 60 phần trăm lãnh thổ nước này (chỉ miền Nam Việt Nam), hơn là kiểm soát 60 phần trăm của 100 phần trăm lãnh thổ. Nguyễn Văn Thiệu công khai tuyên bố: Hiện nay "bình định" là biện pháp chiến lược hàng đầu, là keo sống mái cuối cùng. Sống là đây và chết cũng là đây!

Trong năm 1973, ngụy quyền Sài Gòn ở thế đi xuống, gặp rất nhiều khó khăn. Mặc dù vậy, chúng có những nỗ lực lớn và đã đạt được kết quả nhất định.

Số các "lõm giải phóng" của ta gồm 400 ấp bị địch lấn chiếm. Chúng còn đóng thêm được 700 đồn bốt. Tuy bị thương vong nặng, quân ngụy vẫn không tan rã, trái lại, quân số có tăng lên. Riêng quân địa phương tăng gấp ba lần. Chúng vẫn kìm kẹp, không chế được quân chúng. Ở đồng bằng Khu 5, địch cũng cố được một số vùng do chúng kiểm soát và lấn thêm một số vùng khác.

Tuy nhiên, nhìn chung toàn chiến trường miền Nam, trước sức phản công và tiến công của quân và dân ta, các hoạt động của địch dần dần chững lại và lâm vào thế chống đỡ bị động. Chúng không xóa được thế "da báo" ở miền Nam.

Ngày 4 tháng 1 năm 1974, Nguyễn Văn Thiệu hò hét: Chiến tranh đã lại bắt đầu. Giọng lưỡi có vẻ hung hăng, nhưng thực chất là một lời kêu cứu. Đã có những dấu hiệu quan thầy Mỹ quay lưng lại với Thiệu. Sự cô lập về chính trị của Thiệu đã lên tới đỉnh cao. Đảng Dân chủ, cái phương tiện để Thiệu tập trung phe cánh và huy động quần chúng chống cộng sản, rêu rã không khác gì Đảng Cần lao nhân vị của Diệm - Nhu trước đây. Thực ra, cũng chưa bao giờ nó được phát triển thành một tổ chức rộng rãi, mà chẳng qua là một tập đoàn cơ hội, xôi thịt, tranh giành quyền lợi lẫn nhau. Tai hại hơn, lúc này nó đang là môi trường dung dưỡng, đỡ đầu cho tham nhũng và hối lộ, nơi sắp đặt những chức vụ béo bở trong bộ máy ngụy quyền.

Về kinh tế, do quân Mỹ rút đi, viện trợ Mỹ bị cắt giảm, Thiệu gặp khó khăn ghê gớm. Nạn thất nghiệp lan tràn. Giá cả tăng vọt, đồng tiền liên tục

phá giá. Thuế nhập khẩu giảm nhiều, dẫn tới ngân khổ ngụy quyền suy sút trầm trọng. Quân ngụy không thể giảm, mặc dù lương quan, lương lính không đủ ăn.

Các kế hoạch "Tăng cường" và "Tăng cường cộng" càng làm cho Thiệu phụ thuộc thêm vào Mỹ. Thiết bị trị giá khoảng 750 triệu đô-la đưa vào miền Nam thay thế cho những thiệt hại của quân ngụy, nay lại trở thành con dao hai lưỡi, một gánh nặng bất kham. Các máy bay F-5A và C-123 đều đã cũ, lỗi thời và xuống cấp, không thể hoạt động nếu không được Mỹ cung cấp phụ tùng thay thế.

Tình hình tương tự cũng xảy ra đối với nhiều loại vũ khí và phương tiện chiến tranh khác. Các công hàm gửi đi xin Mỹ viện trợ linh kiện bảo trì đều không có hồi âm. Sức chiến đấu của quân ngụy sút kém rõ rệt. Thế bố trí chiến lược bị phân tán, căng kéo. Địch khó lòng đối phó với một cuộc tiến công lớn của quân ta.

Cuộc đấu tranh của quân và dân miền Nam diễn ra quyết liệt, nhất là ở đồng bằng Khu 5 và Khu 8. Từ những tháng cuối năm 1973, ta chặn đứng phần lớn các hoạt động "bình định", lấn chiếm của địch. Chiến tranh nhân dân ở địa phương được duy trì và đẩy mạnh. Ta giành lại khoảng bốn triệu dân, trong đó có 1.200.000 dân vùng giải phóng. Với gần 10 vạn chiến sĩ từ hậu phương lớn bổ sung vào, quân số bộ đội chủ lực ở miền Nam tăng lên; trang bị kỹ thuật cũng nhanh chóng cải tiến. Các lực lượng vũ trang địa phương tăng chưa nhiều, nhưng đã có tiến bộ mới trong tác chiến. Công cuộc xây dựng vùng giải phóng được xúc tiến mạnh mẽ, toàn diện. Vai trò và uy tín của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam và Chính phủ Cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam ngày càng được nâng cao.

Trên miền Bắc, tình hình chính trị - kinh tế ổn định. Gió hòa mưa thuận, sản xuất nông nghiệp liên tiếp được mùa. Tháng 10 năm 1973, Quân đoàn 1 mang tên Quyết Thắng, bình đoàn chủ lực cơ động chiến lược đầu tiên của Quân đội nhân dân Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, được thành lập. Quân đoàn tập hợp trong đội ngũ của mình các sư đoàn chủ lực thiện chiến: 308, 312, 320, mở đầu quá trình tổ chức các binh đoàn chiến lược khác ngay tại chiến trường miền Nam, đáp ứng yêu cầu của chiến tranh trong thời kỳ mới.

háng 3 năm 1974, trong thời gian tôi còn dưỡng bệnh tại Liên Xô, Quân ủy Trung ương đã mở một hội nghị quan trọng bàn thực hiện Nghị quyết Trung ương Đảng lần thứ 21 về mặt quân sự.

Hội nghị do các đồng chí Phó Tổng tham mưu trưởng Hoàng Văn Thái1 và Lê Trọng Tấn chuẩn bị. Đồng chí Lê Đức Anh - Tư lệnh Quân khu 9 vừa mới ra Hà Nội trong tháng 2 năm 1974 để báo cáo tình hình với Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương, cùng tham gia công việc này.

Sau khi nghe anh Lê Trọng Tấn trình bày bản đề án quân sự, hội nghị đã đánh giá tổng quát tình hình miền Nam từ khi có Hiệp định Pa-ri, đề ra phương hướng, biện

pháp tạo thế mới, lực mới cho các hoạt động quân sự mùa khô 1974-1975. Cụ thể là đẩy nhanh công tác chuẩn bị chiến lược để có thể tác chiến vào cuối mùa khô 1973-1974 và cả trong mùa mưa năm 1974; hoàn thành đợt 1 và bắt đầu đợt 2 kế hoạch vận chuyển chi viện chiến trường; đẩy mạnh việc xây dựng lực lượng vũ trang địa phương hoàn chỉnh mạng đường chiến lược, chiến dịch; phát triển đường ống dẫn dầu sâu xuống phía Nam; xây dựng cơ sở hậu cần tại chỗ dọc tuyến 559 và trong các vùng giải phóng; hoàn thành kế hoạch tuyến quân năm 1974 và đợt 1 năm 1975; củng cố bộ đội chủ lực, nhất là khối chủ lực cơ động chiến lược ở miền Bắc.

Anh Văn Tiến Dũng đi vắng, không dự họp. Khi về anh tán thành nội dung hội nghị và góp thêm một số ý kiến quan trọng. Sau khi được Bộ Chính trị thông qua, anh đã thay mặt Quân ủy Trung ương ký nghị quyết này.

Đây là một bản nghị quyết đúng đắn, kịp thời. Về tương quan lực lượng giữa ta và địch, Quân ủy Trung ương nhận định: Nhìn chung lại, so sánh lực lượng địch, ta qua năm 1973 càng cho thấy rõ thế và lực cách mạng miền Nam đã tạo nên những chỗ mạnh rất cơ bản, đang trên đà phát triển, có đầy đủ điều kiện và khả năng đưa cách mạng tiến lên từng bước vững chắc. Mỹ - ngụy ngày càng khó khăn hơn và đang trên đà đi xuống, xu thế phát triển của tình hình ngày càng có lợi cho ta hơn.

Trong vài ba năm tới, nhiệm vụ trung tâm số 1 vẫn là đánh phá kế hoạch "bình định", lấn chiếm của địch; từng bước đưa phong trào đấu tranh chính trị ở thành thị tiến lên, chuẩn bị điều kiện và thời cơ đẩy tới cao trào cách mạng; xây dựng và rèn luyện bộ đội chủ lực, nâng dần quy mô đánh tiêu diệt quân ngụy; xây dựng căn cứ địa ở miền Nam; xây dựng miền Bắc về kinh tế và quốc phòng, sẵn sàng đánh bại mọi âm mưu mới của địch. Tất cả đều nhằm làm thay đổi so sánh lực lượng toàn diện có lợi cho ta, nắm vững thời cơ, sẵn sàng chủ động phối hợp ba quả đắm mạnh: Chủ lực, nông thôn và thành thị, làm chuyển biến cục diện một cách bất ngờ và nhanh chóng, giành thắng lợi cao nhất.

Yêu cầu bức thiết là giành dân, giành quyền làm chủ ở đồng bằng, giải phóng và làm chủ vững chắc ở miền núi, từng bước giành quyền làm chủ ở thành thị, phát triển thế và lực của cách mạng miền Nam. Quân ủy Trung ương nhấn mạnh yêu cầu phải nắm vững tư tưởng chiến lược tiến công, kiên quyết, chủ động tiến công và phân công địch ở đồng bằng, miền núi cũng như ở vùng sau lưng địch.

Về phương thức hoạt động, cần giữ vững và phát triển chiến tranh nhân dân địa phương, đồng thời đẩy mạnh tác chiến quy mô vừa và lớn của bộ đội chủ lực, vừa tác chiến vừa xây dựng, sẵn sàng đánh tiêu diệt lớn khi có thời cơ, khẩn trương thúc đẩy phong trào thành thị phát triển, nhất là ở Sài Gòn.

Tôi rất hoan nghênh bản nghị quyết này. Trước khi đi chữa bệnh ở Liên Xô, tôi đã nhiều lần nhấn mạnh cần phát triển mạnh mẽ chiến tranh nhân dân địa phương. Dân quân du kích là lực lượng tại chỗ chống phá bình định có hiệu quả nhất. Về tác chiến, tôi cho rằng bộ đội địa phương cần phấn đấu đánh tiêu diệt đến mức tiểu đoàn, còn bộ đội chủ lực phải tiêu diệt cho được lữ đoàn, sự đoàn địch. Quyết không cho chúng xóa thế "da báo" ở miền Nam. Ngoài ra còn phải có những đòn chủ lực đánh mạnh vào các thành phố và các cơ quan đầu não của địch để tạo chuyển biến nhanh chóng trên chiến trường.

Đầu tháng 4 năm 1974, Quân ủy Trung ương triệu tập Hội nghị cán bộ cấp cao, chủ yếu ở các quân khu phía Bắc, để quán triệt nghị quyết và triển khai thực hiện. Quân ủy cũng điện hóa tốc phổ biến nghị quyết cho các chiến trường miền Nam. Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị, Tổng cục Hậu cần, Tổng cục Kỹ thuật chỉ đạo cụ thể những nội dung công tác lớn, đặc biệt chú trọng đẩy mạnh công tác tư tưởng, công tác binh vận, rà soát sắp xếp cán bộ, khẩn trương xây dựng khối chủ lực cơ động chiến lược, thành lập thêm những quân đoàn mạnh được tổ chức, huấn luyện theo phương hướng tác chiến hiệp đồng bình chủng quy mô lớn. Bộ Quốc phòng phối hợp cùng các bộ, các ngành hữu quan tổ chức động viên, tuyển quân bổ sung lực lượng cho chiến trường, tăng cường công tác phòng không nhân dân ở miền Bắc, cũng cố các tuyến đường chiến lược Trường Sơn, xây dựng hệ thống kho tàng, bảo đảm thông tin liên lạc và hậu cần, kỹ thuật...

Ủa làm việc vừa tranh thủ nghỉ ngơi, tôi dành thời gian rèn luyện thân thế. Theo lời khuyên của anh Tôn Thất Tùng, tôi đi bộ mỗi buổi sáng, cụ ly từ ngắn đến dài, từ đi chậm dần dần đến đi theo tốc độ bình thường. Sức khỏe hồi phục nhanh. Quả là một hạnh phúc lớn.

Trong thời gian tôi đi chữa bệnh, để cương kế hoạch chiến lược đã được dự thảo đến lần thứ tư. Đọc bản dự thảo lần này, tôi chưa thật yên tâm. Đánh giá tình hình địch, để cương vẫn cho rằng ngụy quyền Sài Gòn "buộc phải thi hành từng phần hiệp định để chặn bước tiến của ta, cứu vãn sự sụp đổ của chúng rồi tiếp tục phá hoại, vẫn tiếp tục chiến tranh". Về khả năng can thiệp của Mỹ, vẫn phán đoán khả năng Mỹ dùng lục quân can thiệp có ít mà chỉ dùng không quân, hải quân ở miền Nam rồi đánh lan ra miền Bắc hoặc đồng thời trên cả hai miền. Về biện pháp chiến lược, dự thảo để cao quy luật kết hợp quân sự và chính trị, tiến công và nổi dậy phát triển lên đỉnh cao là tổng tiến công, tổng khởi nghĩa, giành thắng lợi khi có thời cơ. Đáng chú ý là dự thảo lần này vẫn nhắc lại, nếu chiến tranh phát triển lên quy mô lớn thì hướng chính để tiêu diệt chủ lực địch là Tây Nguyên, thử đến miền Đông Nam Bộ và Trị - Thiên.

Còn có biết bao vấn đề lớn về địch, về ta, về thời cơ, về cách đánh. Tiến công vào thời điểm nào? Sử dụng lực lượng ra sao? Nếu mở những cuộc tiến công tiêu diệt lớn thì hướng chính nên ở đâu? Có thể chọn Tây Nguyên, nơi hiểm yếu, ở đây địch không mạnh, hay chọn đồng bằng Nam Bộ là nơi đông dân, nhiều của? Kết hợp quân sự và chính trị, tiến công và nổi dậy, nhưng phát triển lên tổng khởi nghĩa có được không và trong những tình huống nào?

Tôi lắng nghe ý kiến của nhiều đồng chí trong Quân ủy và các đồng chí trong Tổ trung tâm. Một số ý kiến cho rằng đánh Tây Nguyên sẽ động, địch sẽ ra sức đối phó ở Sài Gòn và đồng bằng Nam Bộ, sau này ta đánh sẽ khó khăn. Vì vậy, nên chọn Nam Bộ làm hướng chính, phía Tây Nguyên chỉ đánh Đức Lập để mở đường vào đồng bằng Nam Bộ. Tôi và một số anh em khác thiên về chọn Tây Nguyên làm hướng chính, nơi đây ta có nhiều thuận lợi để thực hiện ý đồ đánh tiêu diệt lớn.

Cuộc trao đổi chưa ngã ngũ.

Tôi gọi ý các anh Hoàng Văn Thái, Lê Trọng Tấn cùng Tổ trung tâm cần phân tích, đánh giá cho kỹ thế và lực của ta, làm cơ sở cho việc hạ quyết tâm. Nên chọn một trong hai hướng chiến lược Tây Nguyên và miền Đông Nam Bộ, nhưng chỉ có thể tiến công khi ta có điều kiện dứt điểm. Cần nắm vững yêu cầu nâng cao chất lượng của bộ đội một cách toàn diện, huấn luyện nâng cao trình độ tác chiến của bộ đội chủ lực đánh hiệp đồng bình chủng quy mô lớn. Cần chú ý chỉ thị của Quân ủy Trung ương: "Dù thời cơ chính trị tạo ra có thuận lợi bao nhiêu, thì cũng phải đánh sụp ngụy quân, ngụy quyền. Đòn công kích phải đi trước một bước. Cho nên, bất kể trong trường hợp nào, cũng phải nắm trong tay một lực lượng tập trung tương đối mạnh

và trong sử dụng, trong xây dựng, đều phải chăm lo giáo dục chính trị, huấn luyện quân sự để luôn luôn là một vũ khí sắc bén của cách mạng. Bất luận trong tình huống nào, cũng phải xây dựng lực lượng ở miền Nam cho thật mạnh".

uôi tháng 5 năm 1974, Bô Tông Tu lênh triêu tap Hôi nghi trao doi kinh nghiêm ve chong pha "binh dinh" cua dich, co hâu hêt dai biêu cac chien trurong mien Nam ra du. Khi thông qua ban báo cao cua Bô Tông Tham mutu, toi khen ngai Cuc Tác chien va Cuc Dan quan da chuan bi nôi dung kha cong phu, duoi su chi dao cua anh Tran Van Quang - Phó Tông tham mutu truong. Nhüng kinh nghiem rut ra tu hôi nghi nay la quan diem cach mang bao luc, tu tuong cach mang tiên cong, danh gia dung va kip thoi am mutu, thu doan cua dich, la bao dam thuong xuyen cho cac luc luong vu trang luôn luôn canh giác, san sang chien dau, to chuc dang va các to chuc quan chung phai duoc cung co 0 co so, tu do ma phat trien luc luong chinh tri, luc luong vu trang dia phương, biet van dung phương cham, phương thuc dau

tranh thich hop, phat huy suc manh cua ba mui giáp cong, chu dong tiên cong va phan cong dich. Thuc tiên chien truong duoc soi sang bang ly luân cach mang, bang tu tuong quan su Viet Nam, duc két thanh nhung bai hoc sinh dong, thiet thuc, có tác dung lon day manh cong cuoc chong pha am mutu "binh dinh", lan chiem cua dich 0 chien truong.

rong khí thê tiên cong, dông bao và chiên si cà nước mừng kỷ niệm lần thứ 20 chiên thăng lịch sử Điện Biên Phủ (7.5.1954 - 7.5.1974).

Tôi 6 tháng 5, dông đảo các tầng lớp nhân dân Thủ đô họp mít tinh trọng thế tại Hội trường Ba Đình (Hà Nội). Các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước tới dự đông đủ. Sau lời khai mạc của anh Nguyễn Duy Trinh, tôi đọc diễn văn nêu rõ ý nghĩa vĩ đại của chiến thắng Đông Xuân 1953-1954 mà đình cao là Chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ, phân tích nguyên nhân thắng lợi và những bài học mang tính thời đại sâu sắc.

Liên hệ với tình hình miền Nam, lúc này là vấn đề thời sự nóng hổi trong mọi quả tim, tôi nêu cao thắng lợi to lớn của quân và dân ta trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, buộc Mỹ phải ký Hiệp định Pa-ri, rút hết quân Mỹ về nước. Đó là thắng lợi của chiến tranh nhân dân Việt Nam, của sự chỉ đạo sắc bén, tài giỏi của Bộ Chính trị Trung ương Đảng, của trí tuệ và xương máu của quân và dân ta trong cả nước.

Hướng về miền Nam ruột thịt, tôi khẳng định: "Trong 20 năm qua, với những cố gắng cực kỳ to lớn, để quốc Mỹ đã không thể nào ngăn nổi ngọn trào cách mạng cuồn cuộn dâng cao trên dải đất này; vậy thì trong bối cảnh lịch sử ngày nay, để quốc Mỹ đã bị thất bại phải rút khỏi nước ta, bọn tay sai đang gặp những khó khăn chống chất, chúng không thể nào xoay ngược lại bánh xe lịch sử".

Cuối cùng, tôi kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước: Phát huy truyền thống quyết chiến quyết thắng của Điện Biên Phủ, phát huy tinh thần anh dũng quật cường của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, toàn quân và toàn dân ta đoàn kết triệu người như một, phấn khởi, tin tưởng, hăng hái tiến lên! Chúng ta quyết đấu tranh giữ vững hòa bình, ra sức xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa, hoàn thành cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân ở miền Nam, tiến tới hòa bình, thống nhất Tổ quốc.

Cuộc mít tinh kết thúc trong tiếng nhạc hùng tráng của ca khúc "Chiến thắng Điện Biên", như hứa hẹn một mùa xuân chiến thắng mới, một Điện Biên Phủ mới.

Mùa hè năm 1974, anh Văn Tiến Dũng và tôi đều không được khỏe. Anh Dũng ốm phải đi nghỉ ở nước ngoài. Tôi vẫn còn trong kỳ dưỡng bệnh thường ra nghỉ ở Đồ Sơn.

Tình hình chuyển biến rất nhanh. Không một ai có thể ngồi yên. Tôi tranh thủ làm việc với đồng chí Bí thư thứ nhất Lê Duẩn, hồi này cũng thường nghĩ ở đấy. Anh Ba bàn với tôi về một loạt vấn đề chiến lược. Chúng tôi trao đổi cùng tìm đáp án cho những câu hỏi nóng bỏng: Cuộc chiến tranh ở miền Nam đã đến giai đoạn nào? Thời cơ lớn đã xuất hiện chưa? Đã có điều kiện chín muồi cho một cuộc tổng tiến công chưa? Nếu có, tiến công và nổi dậy như thế nào? Phương hướng chiến lược ra sao?... Thấy sức khỏe của tôi đã dần dần hồi phục, một hôm anh Ba bảo: "Công việc rất quan trọng, khẩn trương. Anh nắm lấy mà làm". Từ Hội nghị Trung ương lần thứ 21 đến lúc này, gần một năm đã trôi qua. Trước sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân, đối phương đã bị đẩy lùi với tốc độ ngày càng nhanh trong thế đi xuống không thể cưỡng lại nổi. Âm mưu "bình định", lấn chiếm của chúng thất bại rõ rệt. Hệ thống đồn bốt bị phá vỡ từng mảng. Cái "da báo" không những không thu hẹp mà còn lan rộng. Quân ngụy lùi dần vào thế phòng ngự trên các chiến trường. Việc Quốc hội Mỹ cắt hẳn ngân sách viện trợ quân sự cho Đông Dương trong sáu tháng còn lại của năm tài chính 1974 kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm ấy càng làm cho ngụy quân, ngụy quyền khốn

đốn. Danh mục các loại nhu cầu thiết yếu bị thiếu hụt tăng lên, bao gồm đạn dược, dược phẩm và tiền. Các quản y viện không đủ thuốc dùng. Nhiều trường hợp băng phải giặt đi dùng lại. Cái thân tầm gửi cảm thấy hoang mang, nhục nhã một khi quan thầy ở bên kia đại dương tỏ ra chán ngán cuộc chiến tranh ở nơi này.

Ô Mỹ, vụ bè bối Oa-tơ-ghết đã đến lúc bùng nổ. Chiến dịch đã kích Ních-xơn nổi lên khắp nơi. Nước Mỹ sống trong một bầu không khí chính trị ngột ngạt. Ních-xơn lúng túng đương đầu với quần chúng và lực lượng đối lập. Quốc hội Mỹ không còn bụng dạ nào nghĩ đến việc hà hơi tiếp sức cho chế độ Sài Gòn.

Tôi nêu vấn đề này với anh Ba, cho đây là một yếu tố quan trọng tạo nên thời cơ thuận lợi cho ta. Cần tranh thủ giành thắng lợi quyết định ở miền Nam trước kỳ bầu cử ở Mỹ tháng 11 năm 1976. Qua trao đổi, anh Ba và tôi đều thấy đã đến lúc có thể kết thúc thắng lợi cuộc chiến tranh giải phóng ở miền Nam trong vài ba năm tới.

inh hình chiến trường trên đà chuyển biến nhanh.

Bộ Chính trị quyết định họp vào tháng 9 năm 1974 để đánh giá tình hình và xác định quyết tâm giành thắng lợi cuối cùng. Các vấn đề chiến lược chủ yếu, như tiến công đánh tiêu diệt lớn quân ngụy, hướng tiến công chủ yếu, thời cơ chiến lược, khả năng can thiệp hoặc quay trở lại của Mỹ... chiếm hầu hết tâm trí tôi. Một mặt, tôi yêu cầu Bộ Tổng Tham mưu nghiên cứu sâu sắc các vấn đề trên, mặt khác tự mình suy nghĩ chuẩn bị ý kiến trình bày trong cuộc họp Bộ Chính trị sắp tới.

Lúc này, đồng bằng sông Cửu Long có vị trí rất quan trọng. Tướng ngụy Dương Văn Minh có lần đã nói: "Ai nắm được đồng bằng sông Cửu Long là nắm được Nam Bộ". Đây cũng là chỗ mạnh của địch, nơi dự trữ nhân lực, vật lực lớn nhất của miền Nam. Kế hoạch "bình định" của địch đang bị đẩy lùi. Ta có khả năng và cần phải đập tan âm mưu của chúng, giành quyền làm chủ vùng này để cất nguồn bổ sung quân ngụy, đưa Sài Gòn vào thế bị bao vây.

Làm thế nào để nhanh chóng tạo thời cơ? Cần làm gì để "chớp" thời cơ, không được để lỡ? Hướng chiến lược là đâu? Đánh như thế nào để tiêu diệt chiến đoàn và sự đoàn quân ngụy? Những câu hỏi ấy thường trực trong đầu. Tôi mang theo chúng ngay cả vào trong giấc ngủ. Lúc này, bản dự thảo kế hoạch chiến lược đã được chỉnh lý đến lần thứ năm. Dự thảo mang số 133/TG1 ngày 16 tháng 5 năm 1974 với nhan đề "Kế hoạch giành thắng lợi ở miền Nam sau vài ba năm làm thay đổi so sánh lực lượng ở miền Nam".

Quân ủy Trung ương chỉ thị cho Bộ Tổng Tham mưu nghiên cứu hoàn chỉnh để trình Bộ Chính trị thông qua và nêu một số ý kiến cơ bản:

1. Cần nắm lại toàn bộ tình hình phát triển của chiến trường từ cuối năm 1973 đến nay. Do chiến trường hoạt động tốt, kiên quyết tiến công và phân công địch, hậu phương miền Bắc lại tăng cường chi viện, nên thế và lực mới đã hình thành ngày càng rõ nét. Cần đi sâu nghiên cứu, phân tích, đánh giá những nhân tố mới vừa được tạo ra, làm cơ sở cho quyết tâm chiến lược.

2. Việc xây dựng kế hoạch chiến lược, nên tiến hành theo hai bước. Mục tiêu của bước 1 là giành thắng lợi có ý nghĩa quyết định. Ta mạnh hơn địch cả về quân sự và chính trị, làm chủ phần lớn vùng nông thôn và rừng núi. So sánh lực lượng trên chiến trường đã thay đổi hẳn. Sang bước 2, dựa trên cơ sở thắng lợi của bước 1, phát triển đánh lớn, tiến công và nổi dậy, giành thắng lợi hoàn toàn.

3. Về hướng chiến lược, trong bước 1 nên nghiên cứu chọn Nam Tây Nguyên hoặc miền Đông Nam Bộ, cần chú ý Nam Tây Nguyên là nơi địch sơ hở, ta có điều kiện tập trung lực lượng lớn, nơi có khả năng tiêu diệt lớn quân địch, tạo được bước ngoặt quyết định. Cần tích cực làm đường cơ động, ngụy trang khéo, giữ bí mật, có nhiều biện pháp nghi binh, tạo yếu tố bất ngờ, không để lộ ý định, không để lộ lực lượng, làm cho địch chú ý đề phòng. Trước mắt, chủ lực nên hoạt động ở mức độ vừa phải.

4. Cần có kế hoạch riêng cho miền Bắc, tập trung vào công tác động viên lực lượng, chi viên miền Nam cả về người và vật chất, kỹ thuật, đồng thời phải

có phương án tác chiến phòng địch tiến hành trở lại chiến tranh phá hoại hoặc đổ bộ vào vùng bờ biển nam Khu 4.

5. Về xây dựng lực lượng, hết sức chú trọng nâng cao chất lượng chiến đấu. Biên chế tổ chức phải hợp lý, tỷ lệ giữa các quân chủng, binh chủng phải cân đối, phù hợp với yêu cầu và khả năng thực tế. Đặc biệt quan tâm bố trí, sắp xếp, bồi dưỡng cán bộ đáp ứng kịp thời yêu cầu chiến lược.
6. Về cách đánh, cần phát triển kinh nghiệm đánh phá "bình định", đồng thời tổ chức nghiên cứu cách đánh của bộ đội chủ lực tiêu diệt chi khu, quận ly, thị xã và các thành phố lớn, tiêu diệt chiến đoàn địch, nâng cao trình độ tác chiến hiệp đồng binh chủng quy mô lớn, tiêu diệt sự đoàn địch.
7. Nghiên cứu kế hoạch kết hợp quốc phòng với kinh tế, trong đó có việc quân đội tham gia xây dựng kinh tế và chuẩn bị phục hồi đường sắt ở nam Khu 4.

M ấy hôm sau, đồng chí Bí thư thứ nhất cho mời các anh Hoàng Văn Thái, Lê Trọng Tấn xuống Đồ Sơn báo cáo tình hình và trao đổi ý kiến, chuẩn bị cho cuộc họp sắp tới của Bộ Chính trị.

Trước khi lên đường, anh Thái và anh Tấn cùng đến gặp tôi. Là những người lãnh đạo Bộ Tổng Tham mưu, có nhiều kinh nghiệm về công tác tham mưu và tác chiến, các anh đã chuẩn bị kỹ tình hình mọi mặt, dự kiến các chủ trương chiến lược quân sự và tác chiến chiến dịch. Sau khi nghe hai anh trình bày các vấn đề sẽ báo cáo và đề cập với anh Ba, tôi đã nói hết những điều nghiền ngẫm từ sau khi có Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 21, nhất là về quan điểm bạo lực cách mạng, về kế hoạch giành thắng lợi, về quá trình tổng tiến công và nổi dậy sẽ diễn ra khi thời cơ xuất hiện.

Tôi ngày 22 tháng 7, vừa từ Đồ Sơn về, hai anh đến gặp tôi ngay tại nhà riêng. Trời oi bức. Mọi người đều mặc áo sơ mi ngắn tay màu sáng. Tôi tiếp các anh trong vườn, dưới ánh trăng, trong không khí gia đình. Anh Hoàng Văn Thái vốn là người bạn chiến đấu thân thiết từ những ngày đầu thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân. Anh Lê Trọng Tấn là một cán bộ đánh nhiều, đánh giỏi mà tôi rất quý mến qua nhiều chiến dịch (tôi không ngờ cả hai anh, tuy ít tuổi hơn tôi, lại ra đi vĩnh viễn, để lại cho gia đình, bạn bè và quân đội ta biết bao thương tiếc).

Đêm hôm ấy, các anh báo cáo tỉ mỉ với tôi về cuộc gặp và làm việc với anh Ba.

Vào cuộc họp, anh Ba nêu ba vấn đề lớn:

- Đánh giá tình hình địch - ta.
- Phương hướng chiến lược của ta năm 1975 và vài năm sau ở miền Nam.

- Xây dựng và bảo vệ miền Bắc.

Trọn buổi sáng ngày 20 tháng 7, anh Thái và anh Tấn báo cáo tóm tắt bản dự thảo kế hoạch chiến lược, tình hình quân sự, chính trị ở miền Nam có chỉ dẫn trên bản đồ, những công việc lớn đã và đang tiến hành, trong đó có việc chuẩn bị đánh Thượng Đức ở Khu 5 và đợt 2 vận chuyển chiến lược của Đoàn 559, việc làm đường chiến lược chiến dịch, xây dựng căn cứ hậu cần ở Trị - Thiên, Khu 5, Tây Nguyên và Nam Bộ, kết quả tuyển quân, xây dựng lực lượng, huấn luyện chiến đấu cho bộ đội và việc chi viện sức người, sức của cho miền Nam. Các anh cũng báo cáo kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết 21 của Trung ương và Nghị quyết tháng 3 năm 1974 của Quân ủy Trung ương được Bộ Chính trị thông qua.

Đồng chí Bí thư thứ nhất hỏi kỹ về tình hình Quảng Trị, tình hình miền Đông Nam Bộ, tình hình Quân khu 9, Quân khu 5, về sức chiến đấu của

quân ngụy sau khi quân Mỹ rút. Anh Tấn báo cáo: Khi hỏi tên Nguyễn Văn Thọ, đại tá lữ đoàn trưởng ngụy bị bắt trong Chiến dịch Đường 9 - Nam Lào, hắn nói: "Nếu không có hậu cần và vũ khí Mỹ, kế hoạch gì rồi cũng rách!". Khi hỏi không có Mỹ thì quân ngụy chịu được bao lâu? Thọ trả lời: "Chỉ được hai năm".

Anh Thái trình bày thêm về sự cần thiết phải có những đòn quyết định tiêu diệt những tập đoàn chủ lực lớn của dịch để nhanh chóng làm thay đổi cục diện chiến trường, tạo bước nhảy vọt. Muốn thế, phải có lực lượng, cơ sở vật chất, phải bảo đảm kỹ thuật, bảo đảm hậu cần, phải tạo thế, tạo thời cơ...

Chiều ngày 20 và ngày 21 tháng 7, anh Ba phát biểu suy nghĩ của anh về những vấn đề của kế hoạch chiến lược, về thời cơ chiến lược. Anh dành nhiều thời gian phân tích tình hình thế giới có liên quan đến cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta.

Với cách nhìn toàn cục, anh Ba nêu rõ vấn đề Việt Nam và Đông Dương đang là sự kiện nổi bật ở khu vực Đông Nam Á, một vùng chiến lược mà nhiều cường quốc, kể cả một số nước lớn ở châu Á đều có tham vọng tranh giành ảnh hưởng. Cuộc chiến tranh Việt Nam đã làm cho Mỹ yếu đi rõ rệt. Một khi Mỹ thua, phải rút quân, nhiều nước sợ Việt Nam thắng và mạnh lên. Các thế lực để quốc và phản động quốc tế gặp nhau ở điểm này.

Tuy nhiên, các nước ấy đều chưa sẵn sàng và chưa đủ mạnh. Vì vậy, việc khẩn trương tạo thời cơ và "chớp" thời cơ giành thắng lợi hoàn toàn càng trở nên cấp thiết.

Về cách đánh, ý kiến của anh Ba là cần nghiên cứu cách đánh như thế nào để thắng to, thắng nhanh, khiến Mỹ không kịp trở tay, các nước khác khó lòng can thiệp.

Muốn đánh lớn, thắng lớn, về chiến lược, chiến dịch, phải có bộ đội chủ lực mạnh, sử dụng từng quân đoàn tiêu diệt sự đoàn dịch. Phải phát huy sức mạnh tổng hợp. Đây là một bài toán khó, phải có đủ cơ sở lý luận và thực tiễn mới tìm ra đáp số. Cần chuẩn bị như thế nào để sang năm 1975 có thể đánh được quy mô vừa, cũng có thể đánh được quy mô lớn, tiêu diệt từng sự đoàn dịch, phải vừa tiêu diệt dịch, vừa làm tan rã hàng ngũ chúng. Phải giành cho được bất ngờ. Nên chia cắt dịch, mở rộng vùng giải phóng sau lưng dịch, tạo thế trận có lợi. Cần đưa thêm lực lượng ở miền Bắc vào. Chú ý đẩy mạnh phong trào đấu tranh chính trị, phong trào này đang được các yếu tố khác thúc đẩy, nhất là mâu thuẫn sâu sắc trong nội bộ dịch. Sắp tới, Ních-xơn có thể đổ, Pho sẽ lên thay. Ta cần đưa phong trào lên mạnh để có thêm thế mới và lực mới. Anh Ba nói: "Giành được thắng lợi quyết định trong vài ba năm tới là giỏi, giỏi lắm".

Sau khi làm việc với đồng chí Bí thư thứ nhất, trên đường về Hà Nội, các anh suy nghĩ nhiều về thời cơ chiến lược. Rõ ràng tình hình đòi hỏi cần phải khẩn trương hơn.

Được thêm ý kiến của anh Ba, Bộ Tổng Tham mưu chỉ đạo Tổ trung tâm tiếp tục nghiên cứu, bàn bạc nhằm nhanh chóng hoàn chỉnh bản đề cương về kế hoạch chiến lược, chuẩn bị cho Hội nghị Bộ Chính trị.

inh hình tiếp tục chuyển nhanh. Trước áp lực không thể cưỡng lại từ nhiều phía, ngày 9 tháng 8 năm 1974, Ních-xơn buộc phải từ chức Tổng thống Mỹ. Tin này đến với Thiệu như một đòn sét đánh. Giê-rôn Pho - Phó Tổng thống kể từ ngày Ác-niu từ chức lên tạm thay cho đến khi bầu tổng thống mới vào năm 1976. Nước Mỹ đứng trước bao khó khăn. Quốc hội Mỹ lại tiếp tục cắt giảm viện trợ cho ngụy quyền Sài Gòn, chỉ còn 701 triệu đô-la cho tài khóa 1974-1975, không bằng một nửa số viện trợ trong tài khóa 1972-1973. Để xoa dịu, Pho đã cho Thiệu một liều thuốc an thần: Tôi biết rằng bước đầu tiên trong năm tài chính hiện nay được Quốc hội phê chuẩn .lễ giúp cho chính quyền Sài Gòn, cả về quân sự lẫn kinh tế, đã làm cho ngài phải lo lắng. Quá trình lập pháp của chúng tôi thì phức tạp và chưa hoàn chỉnh. Mặc dù cần có thêm một thời gian để thuyết phục Quốc hội, tôi cam kết lần nữa để ngài tin tưởng ở tôi rằng cuối cùng sự ủng hộ của chúng tôi sẽ đầy đủ cho cả quân viện lẫn kinh viện.

Trên chiến trường, hoạt động của quân ngụy giảm đi trông thấy. Rõ nhất là các hoạt động của không quân, pháo binh và phương tiện cơ động. Tuy vẫn lớn tiếng hò hét chiến tranh, Nguyễn Văn Thiệu đã phải kêu gọi binh lính ngụy "đánh theo kiểu con nhà nghèo"!

Ô B2 (Nam Bộ và Khu 6), địch bị đẩy lùi. Ở Khu 5, chúng bị chặn lại. Phát huy thắng lợi, quân ta chủ động chọc thủng tuyến phòng thủ Sài Gòn của ngụy ở cửa ngõ phía bắc (đường số 7, Rạch Bắp, Bến Cát). Mặc dù địch thường xuyên lấn chiếm, quân ta vẫn kiên cường giữ vững khu giải phóng Lộc Ninh bằng mọi giá, theo yêu cầu của Quân ủy Trung ương. Địch thất bại trong kế hoạch "bình định" các vùng đông dân. Vùng địch kiểm soát ngày càng bị thu hẹp. Lực lượng địch bị co kéo khắp nơi. Quân ta không những đã giành lại tất cả các vùng giải phóng như trước ngày 28 tháng 1 năm 1973, mà còn giải phóng thêm hàng chục xã ở đồng bằng sông Cửu Long. Căn cứ kháng chiến được mở rộng và củng cố khá vững vàng. B2 đã có những nỗ lực rất lớn cả về tác chiến lẫn chuẩn bị chiến trường cho mùa khô tới.

Nổi bật lên lúc này là trận quân ta tiêu diệt chi khu quân sự Thượng Đức ở Khu 5 từ ngày 17 tháng 7 đến ngày 7 tháng 8 năm 1974, giải phóng quận lỵ Thượng Đức và bốn xã gồm 13.000 dân, sau đó đánh bại các đợt phản kích của sự đoàn dù thuộc lực lượng tổng dự bị chiến lược của quân ngụy. Đây là một trận then chốt trong chiến dịch mùa thu năm 1974 của Khu 5. Thượng Đức là vị trí án ngữ của ngõ của căn cứ liên hợp quân sự Đà Nẵng. Trong trận này, quân ngụy phản ứng chậm, lực lượng cơ động phải điều động chấp vá vì thiếu quân và không đủ phương tiện để chở quân. Tinh thần quân chủ lực và quân địa phương ngụy đều sa sút. Lần đầu tiên một sự đoàn chủ lực của ta cùng quân và dân địa phương đánh bại một sự đoàn dự bị chiến lược của quân ngụy.

Cùng với thắng lợi ở Nông Sơn, Tiên Phước, Minh Long (Khu 5), Tánh Linh (Khu 6), Nha Bích, Tống Lê Chân (Đông Nam Bộ), trận Thượng Đức cho phép rút ra nhận định: Quân chủ lực cơ động của ta đã mạnh hơn quân chủ lực cơ động của ngụy. Một hình thái mới bắt đầu xuất hiện: Dịch không còn khả năng chiếm lại các vị trí đã mất. Quân ta có đủ khả năng tiến công tiêu diệt quân địch trong công sự kiên cố, tiêu diệt cụm cứ điểm, chi khu, quận ly, giữ được mục tiêu, chiếm đất, giải phóng dân ngay ở vùng giáp ranh.

Đối với cấp chiến lược, nhận định đầy sức thuyết phục này có liên quan rất lớn đến việc hạ quyết tâm chiến lược.

Tại Tổng hành dinh, hằng ngày theo dõi chặt chẽ chuyển biến của chiến trường, tôi thấy tình hình phát triển với nhịp độ ngày càng tăng, có khả năng đột biến. Cuộc chiến đấu của nhân dân ta suốt 20 năm qua đã chuẩn bị tiền đề cho những bước nhảy vọt sẽ diễn ra. Tình hình chiến trường miền Nam và sự rối loạn trong nội tình nước Mỹ, xét cho cùng cũng do sức mạnh đấu tranh, trí tuệ và xương máu của ta tạo nên nhân tố chủ quan, nhất là sự lãnh đạo của Đảng đối với phong trào cách

mạng, đối với chiến trường, sự điều hành chiến tranh giải phóng và chỉ đạo chiến lược trong từng thời kỳ của Bộ Thống soái tối cao là vô cùng quan trọng.

Vì sao đầu năm 1973, ta đang ở thế thắng, thế áp đảo, dịch phải chịu lùi bước, rút hết quân Mỹ và quân chư hầu, thế mà sau Hiệp định Pa-ri, tình hình bỗng trở nên khó khăn, thậm chí có nguy cơ đảo ngược? Vì sao một khi lãnh đạo, chỉ huy kiểm điểm, vạch rõ được sai lầm, nêu được chủ trương, phương hướng hành động đúng đắn thì chẳng bao lâu, ta lại giành thế chủ động và tiến mạnh, tiến nhanh?

Trách nhiệm của người lãnh đạo, của cơ quan đầu não nặng nề biết bao trước vận mệnh của Tổ quốc. Một sự lãnh đạo, chỉ huy chiến lược đúng chỉ có

thế có được khi lãnh đạo biết nắm vững phương pháp luận biện chứng, biết nhìn thẳng vào sự thật, biết tự phê bình và phê bình nghiêm túc, kết hợp lý luận với thực tiễn rút ra những bài học kịp thời.

a nghi ô Do Son, toi thuong o tai biet thu so 2, cung co lan tai nha khach gan Pa-got-dong, trong khu trung tam, hoi ay chua mo cho khach du lich. Trong thai gian nay, dong chI Vo Quang Ho - Pho Cuc truong Cuc Tac chien lam thu ky giup toi lam ke hoach chien luoc. Doi khi con co dong chI Pho Giam doc Hoc vien Quan su cap cao giup viet bai theo yêu cau cua cac bao, dong chI Pho Cuc truong Cuc Tuyen huan giup thao bai dien van quan trong kyi niem lan thir 30 ngay thanh lap Quan doi nhan dan Viet Nam thang 12 nam ay.

Ké hoach chién luoc duqc giu tuye't doi bí mat. Dong chí Vo Quang Hô duqc bô trí ô rieng. Hang ngày làm viéc, moi tài liêu đêu phái tuân thü nghiem tuc cac quy djnh bão mat.

Theo huong dan cua anh Ton That Tung, sang sang toi di bo quanh ban dao Do Son, leo len cac mom doi, di doc theo duong mon noi lien cac diem cao co rung thong bao phu, den 9 giu sang moi tro ve. Vira di vira suy nghI, khi dung lai o doc duong, toi thuong trao doi cong viec voi cac dong chi cung di. Cung la "nhat cU luong tiên", vira ren luyen suc khue vira nghI ra duqc y kien hay.

Trong nhüng ngày hè ở Đồ Sơn, công việc chủ yếu là chuẩn bị kế hoạch chiến lược giành thắng lợi ở miền Nam. Tôi đã đọc cho đồng chí Võ Quang Hồ ghi từng phần của bản kế hoạch, từ nhận định tình hình địch - ta, tình hình quốc tế đến ý định chiến lược và các bước đi cụ thể. Đây là lần dự thảo thứ sáu.

Tình hình Mỹ và thế giới lúc này rất có lợi cho ta. Vấn đề phải cân nhắc kỹ là khả năng Mỹ lại vào cứu nguy cho ngụy. Đọc các tài liệu của Bộ Ngoại giao và nghe báo cáo của Cục Quân báo, tôi đi đến nhận định nếu ta chuẩn bị chu đáo, nắm chắc thời

cơ, đánh đổ ngụy quyền nhanh, gọn, thì có thể Mỹ không dám vào. Nếu ngụy đứng trước nguy cơ sụp đổ lớn, nhưng tình hình còn nhùng nhằng, Mỹ thấy vào có thể cứu được ngụy, thì cũng có thể Mỹ dùng không quân, hải quân can thiệp ở miền Nam rồi mở rộng ra miền Bắc, hoặc đồng thời đánh phá, phong tỏa cả miền Bắc và miền Nam. Khả năng Mỹ dùng lục quân có ít. Tuy vậy, ta cũng phải vừa đánh vừa theo dõi phản ứng của Mỹ, hạn chế khả năng can thiệp của chúng.

Các chiến trường đang phát triển tiến công, nhất là từ tháng 4 năm 1974. Với lực lượng hiện có ở miền Nam, ta có khả năng giành lại phần lớn đồng bằng sông Cửu Long, đồng bằng Khu 5, thực hiện các chỉ tiêu giành dân, giành đất, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, hoàn chỉnh vùng giải phóng và căn cứ địa miền núi, chia cắt địch ra từng khu vực, xây dựng, củng cố thêm một bước hậu phương ở miền Nam. Phong trào thành thị trước mắt còn yếu nhưng đã có tiền đề cách mạng to lớn và ngày càng chín muồi, nên có khả năng phát triển và phát triển nhảy vọt khi ngụy quân, ngụy quyền lâm vào thế khủng hoảng toàn diện. Về khả năng khởi nghĩa lớn ở thành thị còn phải tiếp tục theo dõi chặt chẽ và thúc đẩy phong trào phát triển nhanh.

Mục đích trước mắt của ta là đánh đổ ngụy quyền địa phương, giải phóng nông thôn, buộc địch phải thi hành Hiệp định Pa-ri, tạo điều kiện phát triển mạnh phong trào thành thị, tiến lên đánh đổ ngụy quyền Trung ương. Phương pháp là tiến công và nổi dậy, phát triển lên đỉnh cao là tổng tiến công, tổng khởi nghĩa khi có thời cơ.

Căn cứ vào những ý kiến đã thảo luận trong Bộ Chính trị, tôi phác thảo ra ý định chiến lược là động viên nỗ lực cao nhất, chuẩn bị khẩn trương, đầy đủ nhất cả ba đòn chiến lược: Chủ lực, nông thôn, thành thị nhằm giành thắng lợi cao nhất; sẽ tùy tình hình cụ thể về địch, về ta, về quốc tế, tùy mức độ của thời cơ chủ yếu do chủ quan tạo nên mà quyết định mức độ giành thắng lợi, mức độ sử dụng lực lượng cơ động của miền Bắc, hoặc giành thắng lợi triệt để, hoặc giành thắng lợi cơ bản, lập chính phủ liên hiệp quá độ ba thành phần, thi hành Hiệp định Pa-ri, tạo điều kiện tiến lên giành thắng lợi triệt để.

Về hướng tiến công chủ yếu, trên cơ sở các phương án tác chiến do Tổ trung tâm đề xuất, dự thảo kế hoạch để ra tiến hành ba đòn chiến lược trên cả ba vùng, trong đó đô thị có tầm quan trọng quyết định, đặc biệt là Sài Gòn và Đà Nẵng. Hướng tiến công chiến lược chủ yếu là Tây Nguyên và miền Đông Nam Bộ.

Trong bước 1, kế hoạch đề ra trong các năm 1974, 1975, 1976, với lực lượng của miền Nam, ta giành phần lớn nông thôn miền Nam, hoàn chỉnh vùng giải phóng, hình thành thế bao vây áp sát các thành phố, thị xã, tạo nên sự uy hiếp ngày càng

lớn, đồng thời phát triển nhanh lực lượng chính trị, đẩy mạnh phong trào công khai, hợp pháp của lực lượng thứ ba và phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng cơ bản ở thành thị. Phát động toàn dân làm công tác binh vận. Chủ lực tác chiến tiêu diệt từng sự đoàn ngụy. Bộ đội đặc biệt tinh nhuệ triển khai bám sát các mục tiêu không quân, hậu cần, cơ quan đầu não. Hoàn thành kế hoạch làm đường chiến lược, chiến

dịch, bảo đảm vận chuyển vật chất, cơ động nhanh chóng bộ đội, chuẩn bị đánh lớn. Tranh thủ sự ủng hộ quốc tế.

Sang bước 2, sẽ đẩy nhanh điều kiện chín muồi, nắm vững thời cơ tổng tiến công, tổng khởi nghĩa với điều kiện ta đã giành phần lớn nông thôn, bao vây áp sát thành phố, thị xã, chủ lực ta tiêu diệt được sự đoàn ngụy trong thời gian ngắn. Quân ngụy liên tiếp thất bại về chiến lược; ngụy quyền mâu thuẫn, khủng hoảng nghiêm trọng, bị cô lập cao độ, nội bộ chia rẽ, phân hóa, ta tranh thủ được sự ủng hộ quốc tế.

Dự thảo kế hoạch dự kiến các điều kiện khách quan, chủ quan có thể chín muồi vào đầu năm 1977, xác định kế hoạch năm 1976, nêu rõ các mặt công tác chuẩn bị, các chỉ tiêu phát triển lực lượng, giải phóng đất đai, chú ý nghỉ bình, giữ bí mật, bất ngờ.

Tháng 8 năm 1974, anh Văn Tiến Dũng đi chữa bệnh ở nước ngoài về. Cùng trao đổi với nhau, anh Dũng và tôi đều nhất trí trên tất cả các vấn đề. Ngay sau khi làm xong, bản kế hoạch dự thảo được gửi đến các đồng chí trong Bộ Chính trị và các đồng chí chủ chốt trong Quân ủy Trung ương. Bộ Thống soái tối cao đã nhìn thấy thời cơ chiến lược đang tới gần. Vấn đề bây giờ là quyết tâm và phương pháp cách mạng.

Việc xây dựng các "quả đắm thép" trong giai đoạn cuối của chiến tranh, một vấn đề mà tôi nhiều lần đề xuất sau ngày ký Hiệp định Pa-ri, được xúc tiến mạnh mẽ. Được Bộ Chính trị đồng ý, ngay sau khi hội đủ các điều kiện cần thiết, Bộ Tổng Tư lệnh khẩn trương xây dựng ba quân đoàn chủ lực cơ động: Quân đoàn 1 mang tên Quyết Thắng thành lập ngày 24 tháng 10 năm 1973, tiếp đó, ngày 17 tháng 5 năm 1974, Quân đoàn 2 (Bình đoàn Hương Giang) và ngày 20 tháng 7 năm 1974, Quân đoàn 4 (Bình đoàn Cửu Long) lần lượt ra đời.

Nhân dịp kỷ niệm lần thứ 25 ngày truyền thống của Sư đoàn 308 (28.8.1949 - 28.8.1974), tôi mời Chủ tịch Tôn Đức Thắng đến thăm binh đoàn chủ lực cơ động đầu tiên của Quân đội nhân dân Việt Nam. Sư đoàn 308 trước đây có vinh dự được

Mặt trận Việt Minh - Liên Việt (nay là Mặt trận Tổ quốc Việt Nam) tặng thanh kiếm mang dòng chữ "Mã đảo thành công", ý nghĩa là đánh đâu thắng đó.

Trong đội hình của Binh đoàn Quyết Thắng, với tư thế sẵn sàng chiến đấu, sẵn sàng nhận lệnh xuất quân, chiến sĩ Quân Tiên Phong tổ chức kỷ niệm trọng thế ngày truyền thống vẻ vang của mình theo đúng nghi thức chính quy. Bộ đội vui mừng đón Bác Tôn kính mến như được đón hình ảnh của miền Nam ruột thịt. Sau khi cùng Bác Tôn đi duyệt đội danh dự, tham dự lễ diễu binh, tôi thay mặt Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng Tư lệnh giao

nhiệm vụ cho bộ đội: "... Sự nghiệp cách mạng nhân dân ta đã giành được những thắng lợi vĩ đại. Miền Bắc đang tiến những bước vững chắc trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội. Cuộc đấu tranh cách mạng của đồng bào và chiến sĩ miền Nam chưa bao giờ thuận lợi như hiện nay. Nhưng để quốc Mỹ và bè lũ tay sai vẫn ngoan cố tiếp tục cuộc chiến tranh thực dân mới. Cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân ta còn lâu dài, gian khổ, quyết liệt, nhưng thắng lợi cuối cùng nhất định về tay chúng ta. Chúng ta nhất định thắng!

... Các đồng chí cán bộ các cấp phải gương mẫu, sư đoàn phải ra sức học tập nâng cao trình độ về mọi mặt, nhất là trình độ quản lý bộ đội, quản lý cơ sở vật chất kỹ thuật. Trong thời điểm quan trọng này, các đồng chí hãy khẩn trương xây dựng sư đoàn chính quy, hiện đại, dũng cảm, thiện chiến, sẵn sàng chiến đấu cao, hễ ra quân là đánh thắng và thắng to, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ cấp trên giao, xứng đáng với danh hiệu Sư đoàn Quân Tiên Phong, góp phần cống hiến lớn nhất vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, làm tròn nghĩa vụ đối với miền Nam ruột thịt và nghĩa vụ quốc tế".

Suốt dọc đường về, ngồi cạnh Bác Tôn, những kinh nghiệm và ký ức về xây dựng và sử dụng bộ đội chủ lực trong kháng chiến chống thực dân Pháp, nhất là ở Điện Biên Phủ, lại hiện ra trong đầu tôi, cùng với hình ảnh lá cờ "Chiến thắng", thanh kiếm "Mã đáo thành công" và những gương mặt trẻ, khỏe của các chiến sĩ Sư đoàn 308.

uôi tháng 8 năm 1974, Bộ Tổng Tham mưu tập trung nắm chắc tình hình, xác minh tin tức, chuẩn bị tài liệu cần thiết phục vụ Hội nghị Bộ Chính trị Trung ương Đảng. Tôi tranh thủ làm việc với Tổ trung tâm. Để có một cái nhìn tổng quát, trong một lần làm việc ở Hà Đông với đồng chí Nguyễn Đông - Chánh Văn phòng Quân ủy và các đồng chí Vũ Lăng, Võ Quang Hồ làm Cục trưởng và Phó Cục trưởng Cục Tác chiến, chúng tôi trao đổi sơ bộ ý kiến về quy luật chiến tranh nhân dân Việt Nam qua các thời kỳ, trên cơ sở đó tìm phương hướng hành động ở chiến trường miền Nam trong tình hình mới. Điểm lại từ Cách mạng Tháng Tám cho đến lúc này, phải chăng quy luật ấy là sử dụng bạo lực cách mạng, tiến hành khởi nghĩa

toàn dân và chiến tranh toàn dân, phát động cao trào cách mạng vừa kháng chiến vừa kiến quốc, đánh địch toàn diện cả quân sự, chính trị, kinh tế, ngoại giao, đấu tranh trên cả ba vùng chiến lược bằng các chiến dịch tổng hợp, các cách đánh sáng tạo, có hiệu suất cao, nhằm đúng mục tiêu chiến lược, tạo thời cơ thực hiện những trận quyết chiến chiến lược có ý

nghĩa quyết định để làm chuyển biến tình hình và giành thắng lợi. Nhiệm vụ của cách mạng miền Nam khi quản Mỹ đã rút đi cũng không ngoài quy luật ấy. Trước mắt, cần tổng kết cách đánh quản ngụy bình định, lấn chiếm, tăng thêm người và hỏa lực, bảo đảm quân số tiểu đoàn địa phương có đủ 300, tiểu đoàn chủ lực có đủ 400, miền Bắc khẩn trương tổ chức tùng tiểu đoàn, đại đội hỏa lực mạnh đưa vào chiến trường, tiến tới trung đoàn phải diệt được quận ly, chỉ khu quân sự, tiểu đoàn diệt đại đội địch. Khu 8 và Khu 9 chưa có sự chỉ huy thống nhất, nên chăng thành lập một bộ chỉ huy chung.

Về hướng tiến công chiến lược là Nam Tây Nguyên, mở đầu bằng đánh Buôn Ma Thuột, tôi dựa vào những suy nghĩ đã có từ những ngày kháng chiến chống thực dân Pháp, về tầm quan trọng và vị trí chiến lược quân sự của Tây Nguyên kết hợp với thực tiễn chiến trường lúc này và những chỗ mạnh, chỗ yếu trong thế bố trí chiến lược của Mỹ - ngụy. Nhiều nhà quân sự, cả ta và địch đều nói nắm được Tây Nguyên là khống chế được toàn bộ chiến trường miền Nam Đông Dương. Đây là cái mái nhà của địa bàn miền Nam bán đảo này. Thế bố trí chiến lược "mạnh hai đầu" của Mỹ - ngụy nhằm đối phó với ta ở phía bắc (Trị - Thiên) và ở phía nam (quân khu 3 và 4 ngụy) càng lộ rõ Nam Tây Nguyên là địa bàn vừa hiểm yếu, vừa yếu lại vừa sơ hở.

Trong quá trình kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Bộ Tổng Tham mưu đã phát hiện rất sớm những nhược điểm của địch ở Nam Tây Nguyên. Trong khi bố trí lực lượng rất mạnh ở vùng 1 chiến thuật (từ Quảng Trị đến Quảng Ngãi) để giữ địa bàn giáp giới với miền Bắc, thì ở vùng 2 chiến thuật (bao gồm cả Tây Nguyên), địch chỉ bố trí một lực lượng vừa phải. Riêng ở Tây Nguyên, địch đề phòng ta ở phía bắc (Plei Ku - Kon Tum) nhiều hơn là ở phía nam (Buôn Ma Thuột).

Ngay từ giữa năm 1973, trong bản "Đề cương kế hoạch chiến lược" dự thảo lần đầu tiên, Tổ trung tâm đã đề nghị: "... Hướng chủ yếu của các đòn chủ lực: Tây Nguyên, miền Đông, Trị - Thiên, Quảng Đà. Chủ yếu là Tây Nguyên, vì: Địa hình tốt, bảo đảm phát huy được bình khí kỹ thuật; kết hợp được đòn chủ lực với tiến công, nổi dậy ở đồng bằng Khu 5; bảo đảm được liên tục tiến công; có điều kiện bảo đảm cơ sở vật chất; địch hiện nay tương đối yếu..."

Anh Dũng và tôi đã xem và cho ý kiến để Tổ trung tâm tiếp tục nghiên cứu, lấy ý kiến, bổ sung hoàn chỉnh kế hoạch.

Trong một buổi làm việc, anh Hoàng Minh Thảo, với nhãn quan một nhà nghiên cứu khoa học quân sự, đã nêu ý kiến: Khi đã chọn hướng chiến lược là Tây Nguyên thì trước hết nên đánh Buôn Ma Thuột, vì đây là thị xã lớn nhất, là nơi hiểm yếu và cũng là nơi địch sơ hở nhất. Khó khăn phải vượt

qua để tiến công trên hướng này là thiếu đường hành quân và thiếu nước. Tôi rất tán thành.

Máy hôm sau, tôi mời cơm anh Võ Chí Công và anh Chu Huy Mân tại gia đình. Lúc đó, trong cán bộ ta có hai ý kiến tranh luận chưa ngã ngũ, một số đồng chí chọn Tây Nguyên làm hướng tiến công chủ yếu, một số khác chọn đồng bằng Nam Bộ. Trong lúc chuyện trò thân mật, tôi đã nói với hai anh: "Thế nào ta cũng đánh Tây Nguyên trước".

Việc chọn Tây Nguyên làm chiến trường chính còn là suy nghĩ của nhiều đồng chí khác. Tháng 7 năm 1974, khi gặp tôi cũng như khi gặp các anh Hoàng Văn Thái, Lê Trọng Tấn ở Đồ Sơn, anh Ba có nhắc đến Tây Nguyên. Đồng chí Lê Trọng Tấn đã có lần ra tình huống tập bài cho học viên Trường bổ túc quân sự cấp cao: "Nếu chọn Tây Nguyên làm hướng tiến công chiến lược chủ yếu thì mục tiêu đầu tiên là ở đâu?". Tuyệt đại đa số đáp án của học viên đều thống nhất chọn hướng nam, đánh vào Buôn Ma Thuột.

Sau này, anh Lê Hữu Đức kể lại: Một buổi sáng mùa hè năm 1973, đồng chí Bí thư thứ nhất gọi anh lên báo cáo tình hình chiến sự ở miền Nam. Khi chuẩn bị ra về, anh Ba hỏi:

- Bộ Tổng Tham mưu đang làm gì?
- Dạ, đang dự thảo kế hoạch chiến lược giải phóng miền Nam.
- Thế à! Đồng chí có thể báo cáo cho tôi nghe được không?

Liên tục trong vòng hai tiếng đồng hồ, anh Đức báo cáo bản Đề cương dự thảo. Anh Ba nghe rất chăm chú. Cuối cùng anh chỉ thị:

- Chiều nay, mời cả tổ sang làm việc với tôi.

Buổi chiều, các anh Lê Trọng Tấn, Vũ Lăng, Lê Hữu Đức sang nhà riêng của anh Ba. Sau khi nghe anh Tấn báo cáo, nội dung gần như anh Đức báo cáo buổi sáng, anh Ba nói:

- Tôi đang suy nghĩ như vậy. Hôm nay nghe xong, Tổ trung tâm lại cũng cố suy nghĩ đó của tôi. Tôi sẽ báo cáo với Bộ Chính trị.

Trên đường về, anh Tấn dặn anh Lăng và anh Đức: Vấn đề tuyệt mật, để tôi trực tiếp báo cáo anh Dũng và anh Văn.

Sáng thứ ba tuần sau, trước khi thảo luận, anh Tấn nói lại ý của anh Dũng và anh Văn cho toàn tổ: "Anh Dũng chỉ thị đánh đúng vào Buôn Ma Thuột, là chỗ yếu chí tử của địch. Đánh được vào đấy mới thắng to. Làm đường là rất hợp "khẩu vị" của anh Văn, vì có đường mới sử dụng được pháo lớn, xe tăng, mới đánh lớn được. Anh Văn bảo mình bàn kỹ với anh em công

binh, cố gắng làm đường để đánh vào Buôn Ma Thuột: Anh còn nhắc kinh nghiệm Điện Biên Phủ, Bắc Quảng Trị... Đường quan trọng lắm".

Rõ ràng, việc chọn hướng chiến lược Tây Nguyên, chủ yếu là Nam Tây Nguyên và chọn Buôn Ma Thuột làm mục tiêu tiến công đầu tiên không phải mới được đặt ra trong những ngày này.

gày 27 tháng 9, trong buổi hội ý công tác của Bộ Chính trị, anh Ba nêu ra năm nội dung để chuẩn bị thảo luận. Đó là chủ trương kế hoạch của cách mạng miền Nam năm 1975 và những năm sau, nhiệm vụ của quân đội, tổ chức bộ máy nhà nước, công tác cán bộ và một số công việc khác. Anh gọi ý: Điểm nổi bật trong so sánh lực lượng là ta chủ động, địch bị động, thế và lực của Mỹ - ngụy đã khác trước và có thể còn khác nữa. Ta phải có cách đánh khiến Mỹ phải chịu, cần đẩy lực lượng địa phương lên giải quyết cho được chi khu, quận ly, chủ lực đánh cỡ tiểu đoàn, trung đoàn, diệt sinh lực của địch từ ngoài vào trong, tiến lên diệt sư đoàn, thị xã. Cần chú ý đặc công. Nhằm vào các cơ quan đầu não, cơ sở vật chất, sân bay, bến cảng, đường giao thông. Trong mấy năm, làm thay đổi so sánh lực lượng, tạo thời cơ, chuẩn bị đòn quyết định bằng tổng công kích, tổng khối nghĩa. Yêu cầu tập trung làm kế hoạch, tổ chức lực lượng, tổng kết cách đánh, với tinh thần tích cực, chủ động, kiên quyết, linh hoạt.

Căn cứ vào tinh thần chỉ thị của Bộ Chính trị, Bộ Tổng Tham mưu bổ sung kế hoạch chiến lược. Một bản đề cương mới: "Kế hoạch giành thắng lợi ở miền Nam" mang số 172/TG1 đã làm xong ngày 26 tháng 8 năm 1974.

Cũng trong thời gian này, Trung ương Cục miền Nam và Quân ủy B2 gửi ra Trung ương và Quân ủy Trung ương một kế hoạch hoạt động mùa khô 1974-1975 với quyết tâm giành thắng lợi quyết định, hoàn thành sự nghiệp cách mạng miền Nam trong hai năm 1975-1976. Như vậy là cả phía trước và phía sau, từ Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương đến các chiến trường đã gặp nhau trong quyết tâm giành

thắng lợi quyết định trong vài ba năm tới. Vấn đề còn lại là phương án hành động tối ưu để giành thắng lợi sớm nhất, gọn nhất, tiết kiệm xương máu nhất.

gày 30 tháng 9 năm 1974, Hội nghị Bộ Chính trị khai mạc tại Tổng hành dinh. Các đồng chí trong Quân ủy Trung ương, anh Võ Chí Công lúc này đang có mặt ở Thủ đô cũng được mời đến dự.

Trên các bức tường quanh phòng họp Cục Tác chiến treo sẵn những tấm bản đồ quân sự lớn tỷ lệ 1/500.000, với các ký hiệu thể hiện tình hình chiến sự mới nhất.

Đáng chú ý là bản đồ trận tiến công của quân ta tiêu diệt cứ điểm Nông Sơn, quận lỵ Thượng Đức và các đợt phản kích của các lữ đoàn địch đã bị ta đánh bại ở Khu 5.

Hội nghị dành hẳn hai ngày để nghe báo cáo.

Anh Hoàng Văn Thái trình bày tình hình quân sự - chính trị của miền Nam chín tháng qua. Với những dẫn chứng cụ thể, bản báo cáo cho thấy đối phương đã bị thất bại một bước nghiêm trọng trong âm mưu "bình định", lấn chiếm, bộc lộ những suy yếu và những khó khăn mới. Số cuộc hành quân lấn chiếm giảm dần. Các cuộc hành quân giải tỏa tăng lên. Địch đang ở thế đi xuống rõ rệt. Tuy vậy, quân địch còn đông, hỏa lực, phi pháo tuy đã rất hạn chế nhưng vẫn còn hoạt động, bộ máy kìm kẹp còn khống chế được nhân dân trong vùng địch kiểm soát.

Từ tháng 4 trở đi, tình hình chuyển biến nhanh hơn. Địch không còn đủ sức đối phó với các cuộc tiến công và phân công của ta. Vùng giải phóng được mở rộng. Đối với một số vùng ở Tây Nguyên, Khu 5 và miền Đông Nam Bộ, địch đã phải bỏ hẳn. Tinh thần quân ngụy rệu rã, số đào ngũ tăng gấp ba lần năm 1973. Địch không còn đủ sức đánh vào tuyến đường vận chuyển chiến lược của ta. Nếu Mỹ tiếp tục cắt giảm viện trợ, ngụy sẽ còn suy yếu nhanh hơn nữa. Mỹ không còn khả năng đưa quân bộ vào miền Nam. Nếu dùng không quân và hải quân can thiệp, Mỹ cũng không thể cứu ngụy khỏi sụp đổ.

Về phía ta, phong trào chống đối Mỹ - nguy của các tầng lớp nhân dân ở đô thị lên mạnh. Vùng giải phóng được củng cố, bộ đội chủ lực có nhiều tiến bộ, nhưng còn phải nâng cao hơn nữa trình độ tác chiến hiệp đồng binh chủng, đánh địch trong công sự, đánh tiêu diệt lớn. Trong trận Thượng Đức, tuy diệt được địch, nhưng quân ta đánh chưa thật gọn. Việc chi viện chiến trường đang xúc tiến, nhưng còn phải đẩy mạnh hơn nữa trong mấy năm tới, nhất là trong năm 1975. Báo cáo đề nghị cho tuyển thêm 15 vạn chiến sĩ mới vào cuối năm 1974 và 6 vạn nữa vào đầu năm 1975 để có đủ lực lượng thực hiện kế hoạch giành thắng lợi. Đây là một số lượng rất cao so với tỷ lệ dân số, nhưng không thể làm khác được.

Tiếp đó, anh Lê Trọng Tấn báo cáo để án kế hoạch chiến lược hai năm và riêng năm 1975, với quyết tâm hoàn thành sự nghiệp giải phóng miền Nam trong hai năm 1975-1976.

Kế hoạch chiến lược gồm hai bước:

Bước 1 (1975): Tranh thủ bất ngờ, tiến công lớn và rộng khắp nhằm:

1. Đánh bại về cơ bản kế hoạch "bình định" của địch; tiêu diệt và làm tan rã một bộ phận quan trọng quân ngụy, giải phóng và làm chủ phần lớn nông thôn đồng bằng sông Cửu Long, vùng ven Sài Gòn, đồng bằng Khu 5 và Trị - Thiên.
2. Mở thông hành lang chiến lược từ Nam Tây Nguyên xuống miền Đông Nam Bộ và ba tỉnh phía nam Khu 5, từ Tây Ninh xuống bắc Sài Gòn, từ Tây Ninh xuống Long An, xuống tây nam Sài Gòn, từ Kiến Phong, Kiến Tường đến Mỹ Tho. Mở các căn cứ bàn đạp, áp sát các đô thị và căn cứ trọng yếu của địch.
3. Phá hủy một bộ phận quan trọng phương tiện chiến tranh, tiềm lực kinh tế, cắt giao thông địch.
4. Thúc đẩy phong trào đô thị phát triển.
5. Xây dựng lực lượng, củng cố vùng giải phóng, chuẩn bị chiến trường, tạo điều kiện cho bước 2.

Kế hoạch chiến lược năm 1975 chia làm ba đợt:

Đợt 1: Từ tháng 12 năm 1974 đến tháng 2 năm 1975 là đợt tiến công có mức độ. Hoạt động chủ yếu ở đồng bằng sông Cửu Long và miền Đông Nam Bộ.

Đợt 2: Là đợt chủ yếu. Từ tháng 3 đến tháng 6 năm 1975, mở chiến dịch tiến công quy mô lớn trên chiến trường Nam Tây Nguyên và các chiến dịch phối hợp ở miền Đông Nam Bộ, bắc Khu 5 và Trị - Thiên. Ở đồng bằng sông Cửu Long, tiếp tục tiến công và nổi dậy, mở mảng, mở vùng, đánh phá "bình định".

Đợt 3: Từ tháng 8 đến tháng 10 năm 1975 là đợt phát triển thắng lợi bằng đẩy mạnh hoạt động ở Trị - Thiên và Khu 5, đồng thời chuẩn bị lực lượng sẵn sàng thực hiện phương án thời cơ.

Bước 2 (1976): Thực hiện tổng công kích, tổng khối nghĩa, giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Về hướng chiến lược và nhiệm vụ của từng chiến trường, Bộ Tổng Tham mưu đề nghị:

- Trị - Thiên, Quảng Đà là chiến trường đánh phá "bình định", tiêu diệt lực lượng địch, giải phóng đại bộ phận nông thôn, chia cắt chiến lược.
- Tây Nguyên (trọng điểm là Nam Tây Nguyên) là chiến trường chủ yếu của chủ lực tiêu diệt lực lượng địch. Nam Bộ: Đồng bằng sông Cửu Long và vùng ven Sài Gòn là chiến trường chủ yếu đánh phá "bình định" nhằm hoàn thành thế bao vây và cô lập Sài Gòn.

Miên Đông là chiến trường của chủ lực, tiêu diệt lực lượng địch, mô mảng, mở vùng, mở hành lang Tây Ninh và phối hợp với Khu 8 mở hành lang Kiến Phong - Kiến Tường, tạo bàn đạp áp sát Sài Gòn, Mỹ Tho. Về thời cơ chiến lược, Bộ Tổng Tham mưu dự kiến thời cơ có thể xuất hiện trong ba tình huống:

1. Khi ta đánh mạnh nhất vào đợt 2 năm 1975.
2. Ngay trong mùa mưa ở Nam Bộ.
3. Những tháng cuối năm 1975, khi nguy tổ chức bầu tổng thống.

Phương hướng là: "Kìm chế Mỹ, đánh đổ ngụy, hạn chế chiến tranh ở phạm vi miền Nam, đồng thời sẵn sàng đối phó với phản ứng quyết liệt của Mỹ bằng không quân, hải quân và quân cứu hỏa".

Trong bản báo cáo, Bộ Tổng Tham mưu cũng trình bày cụ thể kế hoạch hậu cần chiến lược làm cơ sở cho việc đặt kế hoạch tác chiến chiến lược và những mục tiêu cần đạt tới, nhất là trong năm 1975, về khả năng can thiệp trở lại của Mỹ khi ta đánh lớn, khả năng vật chất kỹ thuật của ta để đánh lớn, về khả năng nổi dậy của quân chúng ở các đô thị, nhất là ở Sài Gòn.

Tôi phát biểu ý kiến bổ sung, nêu rõ lúc này thế và lực của ta đang phát triển nhanh chóng theo chiều hướng có lợi. Tình hình đó cho phép ta chuẩn bị ngay kế hoạch tiến tới tổng công kích, mở đầu là tổ chức các đợt tiến công tiêu diệt một lực lượng lớn quân địch, sau đó đánh vào các thành phố. Địch còn có những chỗ mạnh. Xương sống của địch là quân đội ngụy, được coi là mạnh nhất trong các đội quân tay sai của đế quốc. Bên cạnh chúng, vẫn còn cố vấn và nhân viên quân sự Mỹ. Đầu não của chúng đang ở các đô thị, nhất là ở Sài Gòn. Kế hoạch bình định được chúng coi là cơ sở, tạo nguồn dự trữ để thực hiện chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh". Tuy nhiên, địch đang trên đà đi xuống. Viện trợ Mỹ không ngừng bị cắt giảm. Tinh thần quân ngụy rệu rã, binh sĩ phần lớn bị bắt buộc đi lính, sức chiến đấu sút kém rõ rệt. Ngụy quyền cũng suy yếu trầm trọng. Mâu thuẫn giữa chúng với chủ Mỹ ngày càng tăng. Ngụy quyền Sài Gòn đang đứng trước những khó khăn về kinh tế - xã hội vô phương cứu vãn. Đế quốc Mỹ đang lúng túng. Phong trào phân chiến từ

sau Hiệp định Pa-ri càng lên cao. Nạn lạm phát xuất hiện. Đảng Cộng hòa bị vụ bè bối Oa-tơ-ghết trói chặt chân tay. Mỹ rất khó đưa quân trở lại miền Nam. Đây là hoàn cảnh khách quan hết sức thuận lợi, ta cần tận dụng, không được bỏ lỡ.

Khó khăn của địch là thuận lợi của ta. Cách mạng miền Nam đang chuyển mạnh theo hướng đi lên. Chiến trường Nam Bộ bước vào một mùa mưa chưa từng có. Bất chấp thời tiết khó khăn, quân và dân ta đẩy mạnh

mọi mặt hoạt động, tạo thế mới và lực mới, cả vật chất và tinh thần. Ta tiêu diệt một bộ phận khá lớn sinh lực của địch, giữ vững các lõm giải phóng ở đồng bằng sông Cửu Long, xung quanh Sài Gòn, giữ vững vàng giải phóng và căn cứ địa rộng lớn, duy trì được thế uy hiếp địch về mặt chiến lược. Việc chuẩn bị cơ sở vật chất, dự trữ cho chiến đấu cũng rất khả quan. Ngành hậu cần, Đoàn Trường Sơn đã vận chuyển với khối lượng lớn, "lót ở hàng vạn tấn đạn dược, lượng thực, xăng dầu..., tạo thêm thế mạnh, chuẩn bị đủ cho bộ đội chiến đấu trong một năm rưỡi, xây dựng lực lượng, nhất là xây dựng những quả đấm chủ lực", thu được nhiều kết quả. Bộ đội chủ lực đã triển khai hầu hết ở miền Nam.

Tôi đặc biệt lưu ý hội nghị về trận Thượng Đức, qua đó thấy rõ khi không dựa được vào sự chi viện lớn của không quân Mỹ, khi không còn nhiều đạn pháo để sử dụng thì sức chiến đấu của quân ngụy rất yếu cả trong tiến công cũng như trong phòng ngự. Cuối cùng, tôi khẳng định thời cơ chiến lược đã đến, cần khẩn trương chuẩn bị mọi mặt, đi đôi với đẩy mạnh đấu tranh chính trị, cần có những trận quyết chiến chiến lược tiêu diệt lớn quân địch để giành toàn thắng.

Các đồng chí trong Bộ Chính trị phát biểu ý kiến rất sôi nổi. Thận trọng, khúc chiết, rạch ròi từng ý, anh Trưởng Chinh nêu rõ Mỹ đang đứng trước hai sự lựa chọn: Hoặc là thay ngựa giữa dòng như đã thay Ngô Đình Diệm trước kia, hoặc là can thiệp có mức độ để cứu vãn tình thế. Ta cần lợi dụng thời cơ Mỹ đang bè bối về nhiều mặt, tranh thủ giành thắng lợi quyết định.

Anh Phạm Văn Đồng nhắc lại lần gặp Kít-xinh-giơ năm ngoái. Trả lời câu hỏi: Dân tộc Việt Nam đã ba lần thắng quân Nguyên... Còn các ông, liệu các ông đánh chúng tôi mấy lần? Nhà ngoại giao Hoa Kỳ đã giơ lên một ngón tay. Rồi anh khẳng định: Nước Mỹ đang bè bối lắm! Cho kẹo, quân Mỹ cũng không dám trở lại Việt Nam.

Anh Nguyễn Duy Trinh cũng đồng ý như vậy và nói tiếp: Tuy nhiên, ta vẫn cần phải đề phòng...

Mọi người đều nhất trí một khi Mỹ đã rút quân ra thì khó lòng trở vào lại miền Nam: Vào bằng lục quân đã khó, còn nếu vào bằng không quân thì không quyết định được chiến trường, làm sao cứu được ngụy? Mỹ gặp nhiều khó khăn ở trong

và ngoài nước, khả năng viện trợ cho ngụy ngày càng giảm. Dù chúng có can thiệp thế nào đi chăng nữa thì cũng không thể cứu vãn được sự sụp đổ của ngụy. Ta đã giành quyền chủ động trên chiến trường, tạo được thế chiến lược vững chắc từ Bắc đến Nam. Lực lượng quân

sự, dự trữ vật chất được tăng cường. Hệ thống đường chiến lược, chiến dịch đang tiếp tục hoàn chỉnh. Ở đô thị miền Nam, phong trào đấu tranh đòi hòa bình, dân sinh, dân chủ, đòi độc lập dân tộc, đòi lật đổ Thiệu đang phát triển. Vai trò của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, của liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ, hòa bình ngày càng được nâng cao. Rõ ràng, ngụy đã suy yếu nghiêm trọng toàn diện. Ở miền Nam, ta đã mạnh hơn địch.

Về kế hoạch chiến lược, hội nghị thấy rằng hai năm 1975 và 1976 đều có vị trí quan trọng, nhưng năm 1975 là năm bản lề, tạo điều kiện mọi mặt để trong năm 1976 giành thắng lợi cuối cùng. Năm 1975, ta bắt đầu đòn tiến công Nam Tây Nguyên, kết hợp với mở vùng, mở mảng ở đồng bằng sông Cửu Long, nối liên Tây Nguyên với miền Đông Nam Bộ. Phải thực hiện tốt kế hoạch năm 1975 để đón năm 1976. Phải tạo cho được yếu tố bất ngờ có thể dẫn đến những bước phát triển nhảy vọt.

Đối với Mỹ, cần kết hợp với đấu tranh ngoại giao để loại trừ khả năng can thiệp, đồng thời phải có kế hoạch cụ thể để phòng chiến tranh phá hoại bằng không quân, hải quân, nhất là khi ngụy đứng trước nguy cơ sụp đổ.

Tình thế cách mạng đang chín muồi. Một cuộc đỏ sức cuối cùng giữa ta và địch tất yếu sẽ diễn ra và sự sụp đổ hoàn toàn của ngụy quân, ngụy quyền miền Nam là không thể tránh khỏi.

Hội nghị nhất trí phê duyệt kế hoạch chiến lược cơ bản dự thảo lần thứ bảy do Bộ Tổng Tham mưu chuẩn bị. Hội nghị nhấn mạnh yêu cầu phải có kế hoạch tạo thời cơ và đón thời cơ, nhất là khi Thiệu đổ. Trong bất kỳ tình huống nào cũng không được để lỡ thời cơ khi thời cơ chiến lược xuất hiện. "Nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975".

Về hướng chiến lược, hội nghị đề ra bộ đội chủ lực phải chuẩn bị trên cá hai hướng:

- Tây Nguyên, trọng điểm là Nam Tây Nguyên, là hướng chiến lược rất quan trọng.
- Miền Đông Nam Bộ là hướng quyết định cuối cùng.

Tây Nguyên được chọn làm chiến trường chủ yếu trong cuộc tiến công lớn và rộng khắp năm 1975.

Về cách đánh chiến lược, chiến dịch, cần kết hợp đấu tranh vũ trang và đấu tranh chính trị, kết hợp ba mũi giáp công (quân sự, chính trị, binh vận),

đánh địch trên cả ba vùng chiến lược (rừng núi, nông thôn, đồng bằng, thành thị). Bộ đội chủ lực phải đánh những trận quyết chiến, đánh tiêu diệt lớn trên chiến trường rừng núi, phối hợp với các chiến dịch tổng hợp ở đồng bằng sông Cửu Long và Khu 5. Chú ý chia cắt chiến lược, cắt giao thông, tạo điều kiện nổ ra ly khai, binh biến.

Công tác tư tưởng phải lãnh đạo toàn Đảng, toàn dân, toàn quân quán triệt quyết tâm chiến lược của Đảng, tổ chức, động viên mọi lực lượng, phát huy sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân giành thắng lợi to lớn, tiến lên giành thắng lợi cuối cùng.

Sáng ngày 8 tháng 10 năm 1974, đồng chí Bí thư thứ nhất kết luận hội nghị. Đồng chí nêu rõ: Sau bảy ngày thảo luận, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương và các đồng chí lãnh đạo chiến trường đã có sự nhất trí quan trọng là đã đến lúc hạ quyết tâm hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam. Từ ba mươi năm nay, cuộc kháng chiến của ta đã đi vào một điểm của thời đại. Đánh cho Mỹ ra đã là vĩ đại. Nay hoàn thành được cách mạng dân tộc dân chủ, mở ra kỷ nguyên Việt Nam thì lại càng vĩ đại.

Đồng chí phân tích thể đi xuống của ngụy, thể thua của Mỹ, thể thắng, thể đi lên của cách mạng. Về thời cơ chiến lược, đồng chí nói: "Do sự phát triển của tình hình, Bộ Chính trị hạ quyết tâm hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam... Lúc này, chúng ta đang có thời cơ. Hai mươi năm chiến đấu mới tạo được thời cơ này, chúng ta phải biết nắm lấy để đưa sự nghiệp giải phóng dân tộc đến thắng lợi hoàn toàn... Ngoài thời cơ này, không có thời cơ nào khác. Nếu để chậm mười lăm năm nữa, bọn ngụy gượng dậy được, các thế lực xâm lược hồi phục, mạnh lên, thì tình hình sẽ phức tạp vô cùng. Thời cơ này đòi hỏi phải làm nhanh, làm gọn, làm triệt để, nhưng phải khôn khéo".

"... Để thực hiện quyết tâm chiến lược ấy, phải có chiến lược tổng hợp của chiến tranh nhân dân. Kết hợp quân sự, chính trị, nổi dậy và tiến công, tiến công và nổi dậy, đánh địch ở nông thôn, đồng bằng, đô thị, căng địch ra mà đánh, bao vây và tiêu diệt, với một đội quân chính trị rất mạnh, một đội quân quân sự rất mạnh.

Quyết tâm là quân đội. Đây là lực lượng quyết định. Cần có kế hoạch xây dựng, tác chiến, rất cấp bách với tinh thần khẩn trương, quyết thắng".

Cuối cùng đồng chí khẳng định:

"Quyết tâm của ta là động viên nỗ lực của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ở cả hai miền, mở cuộc tổng công kích, tổng khởi nghĩa cuối cùng, đưa

chiến tranh cách mạng phát triển đến mức cao nhất, tiêu diệt và làm tan rã toàn bộ quân ngụy, đánh chiếm Sài Gòn, sào huyệt trung tâm của địch cũng như tất cả các thành thị khác, đánh đổ ngụy quyền Trung ương và các cấp, giành toàn bộ miền Nam, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, tiến tới thống nhất nước nhà.

Ngay từ bây giờ, phải tiến hành mọi công việc chuẩn bị thật khẩn trương, tạo điều kiện và cơ sở vật chất đầy đủ nhất để đánh mạnh, đánh nhanh, thắng gọn và thắng triệt để trong thời gian hai năm 1975-1976. Thời cơ này không cho phép lừng chừng, do dự".

Hội nghị vang dội tiếng vỗ tay dài.

Trong không khí phấn khởi, quyết tâm, tôi đứng lên hứa trước Đảng: "Toàn quân sẽ kiên quyết thực hiện bằng được nhiệm vụ lịch sử mà đồng chí Bí thư thứ nhất đã thay mặt Đảng trao cho quân đội".

Các đại biểu là cán bộ quân sự họp ngày hôm ấy đều cảm thấy một trách nhiệm lớn lao đè nặng lên đòi vai của mình trong bước ngoặt quyết định của cách mạng. Lật trang đầu cuốn sổ công tác còn để trống, tôi ghi bằng nét lớn: "Quyết tâm chiến lược, quyết chiến lịch sử", một quyết tâm lớn trong tháng 9 năm 1974 đáng ghi nhớ.

Mười ngày họp của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương đánh dấu một mốc quan trọng trong quá trình Bộ Thống soái tối cao chỉ đạo giai đoạn cuối cùng của chiến tranh. Sau một năm triển khai phương hướng chiến lược do Nghị quyết Trung ương 21 đề ra, chiến trường chuyển biến nhanh theo hướng có lợi. Đây là thời điểm mà lãnh đạo khởi đầu bàn tới quyết tâm chiến lược và một số vấn đề cơ bản có liên quan đến việc hạ quyết tâm.

Giành thắng lợi hoàn toàn, giải phóng miền Nam là một việc hết sức trọng đại, hết sức khó khăn, phức tạp. Nghệ thuật quân sự là nghệ thuật của các khả năng. Nhận thức là một quá trình. Khởi đầu chiến tranh cũng như kết thúc chiến tranh có liên quan mật thiết đến vận mệnh của đất nước, của dân tộc. Một quyết tâm chiến lược chỉ có thể đúng khi đã có đủ các yếu tố chủ quan và khách quan cần thiết. Từ những bước chuẩn bị cụ thể, tạo thế, tạo lực, đến lúc tình hình chín muồi, sẽ tạo ra bước nhảy vọt cách mạng, có khi vượt mọi dự kiến ban đầu.

Ở thời điểm nóng bỏng này, trí tuệ của lãnh đạo tập trung soi sáng con đường đi tới toàn thắng của dân tộc, vạch rõ phương hướng và biện pháp giáng đòn quyết chiến chiến lược cuối cùng.

Các chuyển biến trên chiến trường miền Nam cung cấp cho ta nhiều dữ liệu quan trọng. Trận Thượng Đức là thước đo sức chiến đấu của quân ta và quân ngụy.

Cuộc rút chạy khỏi Tống Lê Chân là tiếng kèn lui quân bạc nhược của địch. Níchxơn buộc phải rời ghế tổng thống Mỹ là biểu hiện thể trạng bệnh hoạn của một tên xâm lược khổng lồ bất lực.

Tất cả cho phép Bộ Thống soái tối cao rút ra những kết luận danh thép. Đó là:

- Trên chiến trường miền Nam, ta đang phát triển thế chủ động chiến lược, đẩy địch vào thế bị động phòng ngự.
- Sức chiến đấu của ta đã hơn hẳn quân chủ lực cơ động của ngụy.
- Mỹ không thể đưa quân trở lại, cũng khó lòng cứu ngụy khỏi sụp đổ.
- Thời cơ chiến lược đang phát triển nhanh chóng đến độ chín muồi.

Ngay sau hội nghị, tôi chỉ thị cho Bộ Tổng Tham mưu bổ sung kế hoạch, đồng thời truyền đạt ngay nhiệm vụ và kế hoạch quân sự bước đầu đã được Bộ Chính trị thông qua đến các chiến trường. Về tuyển quân, thực tế đã có những khó khăn gay gắt. Tổng quân số lúc này đã chiếm hơn 50 phần trăm số nam thanh niên từ 18 đến 25 tuổi hiện có trong cả nước. Trong khi đó, yêu cầu tuyển thêm 17 vạn quân trong năm 1975 (tăng 50 phần trăm so với năm 1973 và năm 1974) là cao nhưng rất cần thiết. Tôi yêu cầu bất kỳ tình huống nào cũng phải có đủ lực lượng chiến đấu cho miền Nam giành thắng lợi, dù có phải tuyển thêm ở độ tuổi từ 26 đến 30 và một phần ở khu vực học sinh, sinh viên và cán bộ, công nhân viên nhà nước. Riêng về hậu cần, tôi nhấn mạnh đây là vấn đề có ý nghĩa quan trọng hàng đầu. Phải chuẩn bị cho hai năm 1975 và 1976, ít nhất cũng phải đủ cho một năm rưỡi, vì một lẽ giản đơn là nếu không có gạo, đạn, nhiên liệu thì bộ đội không đánh lớn được. Cần hoàn chỉnh trục đường chiến lược trước mùa khô để có thể vận chuyển cả hai mùa vào tới Lộc Ninh, đồng thời gấp rút phát triển mạng đường chiến dịch đến các mục tiêu tiến công theo dự kiến. Hệ thống kho, trạm cũng như kế hoạch vận chuyển phải được triển khai hoàn chỉnh.

Tôi cũng yêu cầu Tổng cục Chính trị tiến hành tốt công tác tư tưởng, công tác động viên chính trị, cổ động chiến trường. Qua kinh nghiệm cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968, công tác này đã phát huy tác dụng, cổ vũ mạnh mẽ

khí thế tiến công của quân và dân miền Nam, thông tin, cổ động hậu phương miền Bắc hướng về tiền tuyến

lớn, phối hợp cùng miền Nam đánh giặc. Cùng với tin thắng trận và các bản thông cáo chiến thắng, những bài bình luận quân sự của Quyết Thắng, của Cửu Long, của Chiến Trường thông qua các cơ quan thông tin đại chúng, một thời đã làm nức lòng cả nước, hướng mọi trái tim theo cùng một ý chí tiến công và nổi dậy, nổi dậy và tiến công, quyết chiến và quyết thắng.

Các cơ quan Tổng hành dinh làm việc không kể ngày đêm. Ai cũng muốn góp phần công sức, trí tuệ của mình, phát huy cao độ chức năng tham mưu của cơ quan chiến lược đối với chiến trường, chuẩn bị cho mùa thi đua lập công hằng mong đợi.

Chương bốn HẠ QUYẾT TÂM CHIẾN LƯỢC

au cuôc hop tháng 10 nam 1974, Bô Chính tri thay can co them thai gian danh gia tinh hinh kf hon, thao luân sau hon, xây dung kê hoach day du hon, de di toi ha quyet tam chien luoc co co so khoa hoc, bao dam chac thang. Bo Chinh tri quyet djnh trieu tap Hoi nghj Bo Chinh tri mo rong tur ngay 18 thang 12 nam 1974 thong qua quyet tam lan cuoi cung.

Đầu tháng 12, các anh Phạm Hùng, Trần Văn Trà, Phan Văn Đáng (Nam Bộ), Võ Chí Công, Chu Huy Mân (Khu 5) đã có mặt ở Hà Nội. Tôi và Bộ Tổng Tham mưu đã gặp và làm việc với các anh, tranh thủ thêm ý kiến của chiến trường về kế hoạch chiến lược, về hướng tiến công chiến lược, về mục tiêu tiến công. Các anh cũng đã tiếp xúc, trao đổi ý kiến với một số đồng chí trong Bộ Chính trị, chuẩn bị cho cuộc họp quan trọng sắp tới. Về kế hoạch chiến lược hai năm 1975-1976, mọi người đều cơ bản nhất trí. Về hướng chiến trường chính, có hai ý kiến: Một là, chọn Tây Nguyên; hai là, chọn miền Đông Nam Bộ, Tây Nguyên chỉ đánh Đức Lập để mở đường vào Đông Nam Bộ. Về mục tiêu tiến công, có một cuộc tranh luận sôi nổi giữa Bộ Tổng Tham mưu với đoàn cán bộ B2 xung quanh kế hoạch tác chiến mở đầu mùa khô 1974-1975 của Bộ Tư lệnh Miền. Các đồng chí ở B2, với thực tiễn và kinh nghiệm chiến đấu, nắm tình hình địch tại chỗ, chủ trương trước hết đánh Đồng Xoài, chi khu quận lỵ và là vị trí then chốt của tỉnh Phước Long. Tiếp đó tiến đánh Phước Long, giành một chiến thắng mở đầu vang dội. Các đồng chí Bộ Tổng Tham mưu, trước tình hình ta rất thiếu đạn, nhất là đạn súng lớn, chủ trương đánh Bù Đăng, Bù Na là những vị trí quan trọng hơn ở phía bắc Đồng Xoài để có thêm đạn pháo chiến lợi phẩm đánh Đồng Xoài. Cuối cùng mọi người thống nhất ý kiến về kế hoạch tiến công và mục tiêu tiến công là Bù Đăng, Bù Na, Đồng Xoài và cả Phước

Long, mặc dù lúc đầu Bộ Tổng Tham mưu không đặt ra nhiệm vụ đánh mục tiêu này.

Các đồng chí trong Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng Tư lệnh cũng chấp nhận kế hoạch và mục tiêu tiến công như vậy. Kế hoạch mùa khô của B2 vì thế cũng không bị đảo lộn.

Theo tôi nghĩ, trong chỉ đạo chiến tranh, có ý kiến khác nhau là rất bình thường, miễn sao cùng có chung mục đích tìm ra phương án tối ưu để giành thắng lợi.

Những cuộc tranh luận như vậy là cần thiết để đi đến thống nhất và là biểu hiện tốt của mối quan hệ giữa cơ quan tham mưu chiến lược với các đồng chí có trách nhiệm ở chiến trường. Vấn đề quan trọng là ở chỗ biết lắng nghe và tôn trọng ý kiến của nhau, bình tĩnh, sáng suốt thảo luận trên tình đồng chí với tinh thần trách nhiệm cao, không chủ quan, áp đặt.

Còn nhớ rõ, trong những ngày này, tôi đưa anh Trần Văn Trà lên Sơn Tây thăm một đơn vị pháo binh. Hôm ấy, trời mưa rét, xe phải vượt qua nhiều quãng đường lầy lội đầy những ổ gà. Các chiến sĩ "chân đồng vai sắt" đón chúng tôi rất trang nghiêm mà cũng rất thân tình. Biết anh Trà đang cần sử dụng pháo ở B2, tôi đưa anh đi xem các khẩu pháo 76,2mm, ĐKZ 57mm... và nói:

- Chúng tôi chuẩn bị cho anh những cái này.

Anh Trà hỏi lại:

- Khẩu này nặng bao nhiêu?
- Hai ta. Nhưng khỏi lo! Đưa đến chỗ anh, nó sẽ được tháo rời ra, cho xuống xuống đuôi tôm rồi vác vào...

Anh Trà vui vẻ ngắm các khẩu pháo. Tôi thông cảm với đồng chí Tư lệnh B2. Anh là người hăng hái nêu ý kiến đánh Phước Long. Anh đã nhiều lần để nghị được sử dụng pháo trong mùa khô 1974-1975. Do nhiệt tình của anh và đề nghị của đoàn B2, trong một lần gặp riêng, anh Ba và Quân ủy đã đồng ý để B2 được sử dụng một đại đội pháo 130mm vào trận đánh Phước Long. Tôi tranh thủ nói thêm với anh về chủ trương của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương cần giữ kín ý đồ chiến lược, chưa cho xuất hiện xe tăng và pháo lớn ở miền Đông Nam Bộ để tận dụng yếu tố bất ngờ. Nếu dùng, phải xin ý kiến của Bộ Tổng Tư lệnh. Hơn nữa, cần sử dụng tiết kiệm pháo và xe tăng, vì từ sau khi Hiệp định Pa-ri được ký kết, Liên Xô, Trung Quốc đều chấm dứt viện trợ các loại này cho ta. Đạn pháo 105mm và 130mm, bắn xong, ta phải đem vỏ về nạp lại để tiếp tục sử dụng.

Đây cũng là vấn đề mà các chiến trường đều thấy rõ, đặc biệt là Quân khu 5. Từ tháng 8 năm 1974, anh Trà cũng đã báo cáo bằng điện về tình hình đạn súng lớn của B2.

Dự kiến đến cuối năm, trong các đơn vị chủ lực và kho của Miền chỉ còn 4.800 viên đạn cối 120mm, 1.190 viên đạn cối 160mm, 6.500 viên đạn pháo 130mm, 300 viên đạn lựu pháo 105mm. Anh cũng đề nghị Bộ Tổng Tư lệnh đẩy mạnh vận chuyển đạn lớn vào đầu mùa khô cho B2.

Cuộc đi thăm đơn vị pháo để lại một ấn tượng tốt.

Trên đường về, tôi suy nghĩ vấn đề sử dụng pháo binh trong giai đoạn cuối cùng của chiến tranh. Những trang sử quân sự về vai trò của pháo binh, từ Na-pô-lê-ông đến Xta-lin, Giu-cốp, Bành Đức Hoài... trở lại trong đầu. Tôi nghĩ đến bài học kinh nghiệm sử dụng pháo binh trong Chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ. Không một ai phủ nhận vai trò của pháo binh trong thời điểm quyết định. Vấn đề là khi nào sử dụng, làm sao pháo binh cơ động được vào chiến trường và nhất là có đủ cơ số đạn cần thiết.

Từ Hội nghị Bộ Chính trị tháng 10 năm 1974 đến lúc này, thế và lực của cách mạng miền Nam mạnh thêm nhiều. Cùng với sự ra đời của các quân đoàn, khối chủ lực của các quân khu phát triển nhanh chóng. Bộ đội địa phương và dân quân du kích cũng được xây dựng mạnh hơn. Từ tháng 7 năm 1974, ta mở các cuộc tiến công vào phòng tuyến vòng ngoài của địch suốt từ Trị - Thiên đến Nam Bộ.

Trong vòng sáu tháng, các lực lượng vũ trang của Quân khu Trị - Thiên, Quân khu 5 và Quân đoàn 2 ba lần giành thắng lợi liên tiếp trên chiến rường Trị - Thiên - Huế và Quảng Nam - Đà Nẵng. Với thắng lợi của Chiến lịch Thượng Đức, quân ta đã tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, mở rộng rùng giải phóng Quảng Đà, tạo nên một bàn đạp tiến công quan trọng uy hiếp Đà Nẵng từ hướng tây nam. Với chiến thắng La Sơn, Mỏ Tàu, ta đánh thiệt hại nặng sư đoàn 1 ngụy, sư đoàn mạnh nhất của địch ở quân khu 1, mở rộng vùng giải phóng nam Thừa Thiên, tạo một bàn đạp tiến công thứ hai, uy hiếp mạnh mẽ giao thông chiến lược của địch giữa Huế và Đà Nẵng. Với bốn tháng bảo vệ Thượng Đức, ta giữ vững khu vực bàn đạp quan trọng này, đánh tan sư đoàn dù ngụy - "con chủ bài" của lực lượng tổng dự bị chiến lược của chúng.

Ô Tây Nguyên, quân ta đánh chiếm chi khu quân sự, quận lỵ Măng Đen và Măng Bút (Kon Tum), tiêu diệt quân chủ lực ngụy ở Chư Nghé, Đắk Pét.

Tại miền Đông Nam Bộ, ta giải phóng một vùng rộng lớn ở phía nam đường số 7, uy hiếp thị xã Bình Dương, căn cứ Đồng Dù và sở chỉ huy quân đoàn 3 ngụy ở Biên

Hòa. Ở đồng bằng sông Cửu Long, Quân khu 9 đẩy mạnh tiến công địch nhằm tạo thế cho cuộc tiến công lớn trên toàn miền vào đầu năm 1975, diệt và bức rút hàng trăm đồn địch, giải phóng 4.000 ấp với 80 vạn dân. Quân khu 8, sau một thời gian khó khăn, đã vươn lên đánh

dịch, giành lại vùng 4 Kiến Tường, mở rộng vùng giải phóng Đồng Tháp Mười, diệt nhiều đồn dịch, giải phóng hơn 200 ấp.

Cháp hành Nghị quyết Hội nghị Quân ủy Trung ương ngày 18 tháng 12 năm 1972, hậu cần chiến lược cùng với hậu cần các chiến trường triển khai mạnh công việc chuẩn bị theo kế hoạch ba năm (1973-1975) bảo đảm cho các tỉnh huống chiến tranh. Vùng giải phóng được xây dựng và củng cố, bước đầu thực hiện hậu cần tại chỗ. Các tuyến giao thông vận tải chiến lược được xây dựng, phát triển và hoàn thiện. Các căn cứ hậu cần chiến lược, chiến dịch được điều chỉnh bố trí. Ta đã tiêu diệt, bức rút các vị trí địch không chế hành lang Đông Trường Sơn, mở thông tuyến vận tải chiến lược qua chiến trường Trị - Thiên, Khu 5, Tây Nguyên vào tới Lộc Ninh, đưa tổng số chiều dài mạng đường vận tải quân sự chiến lược lên 16.790 ki-lô-mét với sáu trục dọc, cả ở Đông và Tây dải Trường Sơn, tạo thuận lợi cho việc chi viện chiến trường, cơ động lực lượng. Hệ thống đường ống dẫn dầu được lắp đặt hoàn chỉnh từ miền Bắc vào tới miền Đông Nam Bộ.

Thắng lợi của quân và dân ta đã làm chuyển biến thêm một bước so sánh lực lượng trên chiến trường. Bộ Tổng Tham mưu báo cáo với Quân ủy Trung ương một nhận định chiến lược: "Khả năng chiến đấu của bộ đội chủ lực cơ động của ta đã hơn hẳn quân chủ lực cơ động của địch. Chiến tranh đã bước vào giai đoạn cuối, so sánh lực lượng đã thay đổi, ta mạnh lên, địch yếu đi. Do đó ta có thể và cần phải chuyển từ đánh nhằm tiêu diệt sinh lực địch là chính sang đánh chẳng những tiêu diệt sinh lực địch mà còn nhằm giải phóng nhân dân và giữ đất; từ chỗ quân chủ lực ta lấy tiêu diệt quân chủ lực địch trên chiến trường rừng núi là chủ yếu sang tiêu diệt địch và giải phóng nhân dân, giải phóng đất ở cả vùng giáp ranh, đồng bằng và thành phố".

Ở miền Bắc, thực hiện kế hoạch khôi phục và phát triển kinh tế hai năm 1974-1975, nhân dân ta thu được kết quả đáng kể. Công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải có nhiều cố gắng. Đời sống nhân dân ổn định. Hậu phương lớn chi viện 264.000 quân và một khối lượng lớn vật tư chiến tranh gần 50 vạn tấn gồm vũ khí, xăng dầu, lượng thực, thực phẩm, thuốc men cho chiến trường. Bộ đội chủ lực khẩn trương huấn luyện chiến đấu, luôn ở tư thế sẵn sàng xuất quân.

áng ngày 10 tháng 12, tôi cho gọi Cục Quân báo đến sở chỉ huy báo cáo thêm tình hình mới nhất ở Tây Nguyên, có anh Lê Ngọc Hiền - Phó Tổng tham mưu trưởng

cùng dự.

Bắt đầu làm việc, tôi dặn anh Phan Bình - Cục trưởng Cục Quân báo:

- Các anh báo cáo ngắn gọn vì Quân ủy Trung ương không có nhiều thời gian để nghe dài. Thời gian bây giờ là lục lượng đấy.

Anh Phan Bình giới thiệu đồng chí Nguyễn Thanh - Trưởng phòng 70' báo cáo. Sau khi dẫn chứng những biện pháp mà Nguyễn Văn Thiệu vừa đề ra trong cuộc họp khẩn cấp với các tư lệnh quân đoàn, quân khu hồi đầu tháng hòng đối phó với các hoạt động Đông Xuân năm 1975 của ta, đồng chí Trưởng phòng 70 báo cáo cụ thể trên bản đồ lực lượng địch bố trí ở Tây Nguyên theo nguồn tin mới nhất: Ở Bắc Tây Nguyên, chúng điều trung đoàn 47 ở đồng bằng Khu 5 và liên đoàn 4 biệt động quân ở Sài Gòn tăng cường cho Plei Ku, lập bộ chỉ huy chiến trường Kon Tum trực tiếp chỉ huy bốn liên đoàn biệt động quân số 6, 21, 22, 23, lập bộ chỉ huy Plei Ku - Quảng Đức trực tiếp chỉ huy ba trung đoàn của sư đoàn 23 và ba liên đoàn biệt động quân số 4, 24, 25. Sư đoàn 23 có nhiệm vụ giữ Plei Ku là chủ yếu. Ở Nam Tây Nguyên, địch chỉ để trung đoàn 53 thuộc sư đoàn 23 đóng ở Buôn Ma Thuột và liên đoàn 24 biệt động quân ở Quảng Đức, do số chỉ huy nhẹ sư đoàn 23 chỉ huy. Thiệu đang cho gấp rút thành lập ba lữ đoàn tổng trù bị ở Sài Gòn và tập trung toàn bộ sư đoàn dù ở Đà Nẵng, hình thành hai khối cơ động chiến lược quy mô sư đoàn trên hai hướng, sẵn sàng cơ động đối phó với ta.

Vừa nghe báo cáo, tôi vừa xem kỹ bản đồ bố trí binh lực của địch, hỏi thêm một vài điều, rồi kết luận:

- Thế là rõ. Địch bố trí binh lực rất phân tán, dàn mỏng. Lực lượng cơ động chiến lược đang gặp khó khăn vì các sư đoàn tổng trù bị đều phải gắn vào các chiến trường, mâu thuẫn giữa phân tán và tập trung rất căng thẳng. Tinh thần quân ngụy bắt đầu suy yếu, mất ổn định. Đặc biệt tình hình nội bộ Mỹ khủng hoảng và viện trợ Mỹ giảm nhiều đã tác động sâu sắc đến ngụy quân, ngụy quyền. Những nhân tố trên là lò lửa đang âm ì cháy trong lòng địch. Nó sẽ bùng lên thiêu cháy chúng khi thời cơ đến.

Quay sang anh Lê Ngọc Hiền, tôi nói tiếp:

- Các anh chú ý hướng Tây Nguyên rất yếu, song lại hiểm yếu. Địch tập trung nhiều ở Bắc Tây Nguyên, còn Nam Tây Nguyên rất yếu và sơ hở. Ở Mỹ thì thế lực chống chiến tranh chiếm ưu thế cả trong Quốc hội. Mỹ không dễ gì đã rút đi lại quay trở lại. Nhưng Cục 2 vẫn phải hết sức chú ý, theo dõi hoạt động của không quân và hải quân Mỹ.

Đã có thêm nhiều dữ kiện và tham số giúp cho Bộ Thống soái tối cao hạ quyết tâm chiến lược.

Ngày 18 tháng 12 năm 1974, Hội nghị Bộ Chính trị mở rộng họp tại Tổng hành dinh. Ngôi nhà mái bằng ấn kín dưới những tán lá cây dày đặc, với những căn hầm làm việc kiên cố, nơi đã từng diễn ra nhiều cuộc họp cơ mật của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương, hôm nay lại chứng kiến một sự kiện lịch sử có ý nghĩa quyết định. Lần cuối cùng, ý chí và trí tuệ của Đảng tập trung cao độ, lập kế, bày mưu, hạ quyết tâm giành toàn thắng. Dự họp, ngoài các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị Trung ương Đảng, có các đồng chí trong Quân ủy Trung ương, các đồng chí lãnh đạo, chỉ huy các chiến trường, các đồng chí Phó Tổng tham mưu trưởng phụ trách tác chiến.

Hội nghị được chuẩn bị khá công phu. Các cơ quan chiến lược của Đảng, của quân đội và của Nhà nước làm việc ngày đêm, phát huy hết chức năng tham mưu chiến lược, dự thảo kế hoạch, cung cấp thông tin... Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương tập trung suy nghĩ về các vấn đề đặt ra trong cuộc họp tháng 10 năm 1974 và những vấn đề mới nảy sinh. Đại biểu các chiến trường ra họp, mang theo nhiều tình hình, nhận định, nhiều kiến nghị và yêu cầu mới.

Đồng chí Bí thư thứ nhất khai mạc hội nghị. Về vui tươi lộ rõ trên nét mặt, anh Ba nêu rõ mục đích hội nghị lần này là thảo luận để đi đến hạ quyết tâm chiến lược lần cuối cùng. Anh yêu cầu mọi người báo cáo kỹ tình hình, cùng nhau bàn cho ra lẽ, để rồi về mà thực hiện cho đúng, cho tốt, không sợ mất thời gian.

Thay mặt Bộ Tổng Tham mưu, anh Lê Ngọc Hiền trình bày dự kiến kế hoạch hoạt động quân sự năm 1975. Đây là bản dự thảo lần thứ tám, trên cơ sở bản kế hoạch đã được Bộ Chính trị thông qua hồi tháng 10, có bổ sung một số điểm và điều chỉnh một số chỉ tiêu, sau khi trao đổi thống nhất với các chiến trường.

Bản báo cáo tuy đã được chuẩn bị nhiều lần, nhưng chưa thỏa mãn yêu cầu của lãnh đạo. Anh Hoàng Văn Thái phát biểu bổ sung, cũng vẫn chưa đáp ứng. Các vấn đề trình bày chưa chặt. Phần tình hình còn nặng về quân sự, chưa nắm chắc được các diễn biến về chính trị, kinh tế, xã hội. Tình hình các đô thị miền Nam nắm không được kỹ. Phần kế hoạch quân sự năm 1976 chưa hình thành rõ nét. Các anh ở B2 vẫn vướng mắc vì chưa thấy nói đến việc đánh Đồng Xoài. Về hướng tiến công chiến lược, cũng có ý kiến muốn đánh Đức Lập để mở đường vào miền Đông Nam Bộ.

Thay mặt Quân ủy Trung ương, tôi đề xuất một số ý kiến:

- Lần này bàn kế hoạch 1975-1976, chúng ta cần nắm vững yêu cầu của quyết tâm chiến lược. Tình thần là phải thật kiên quyết, thật tập trung... Năm 1972, trên chiến trường Quảng Trị, ta đã tạo được thời cơ rất tốt. Lúc

đó, thành phố Huế hỗn loạn, thế trận của địch ở quân khu 1 rúng động rất dữ. Thế nhưng chúng ta chỉ đưa một lực lượng không lớn lắm vượt qua sông Quảng Trị, cũng vì đường sá chưa thông, công tác bảo đảm không theo kịp. Vì thế mà địch gượng lại được, chúng đưa sự đoàn dù và sự đoàn thủy quân lục chiến ra phân kích chiếm lại Thành cổ...

Thời cơ lúc đầu có thể đến với mức bình thường. Nhưng nếu ta lợi dụng tốt, sẽ tạo nên thời cơ mới cao hơn và từ đó phát triển thành thời cơ đột biến. Khi nói đến lợi dụng triệt để thời cơ chiến lược là phải nói đến việc chuẩn bị sẵn lực lượng dự bị chiến lược thật mạnh, có kế hoạch tác chiến và kế hoạch bảo đảm thật đầy đủ thì mới có thể thực hiện được.

Trong kế hoạch quân sự 1975-1976, cần ghi rõ: Phải có trận tiêu diệt lớn ở Nam Tây Nguyên bằng cách đánh địch đang vận động. Yêu cầu là phải diệt từ ba đến năm sư đoàn địch trong một đợt hoạt động mạnh và gọn, chứ không được kéo dài lê thê. Kế hoạch phải nêu rõ diệt địch ở Tây Nguyên, mở đầu bằng đánh Buôn Ma Thuột. Có thể sau khi ta tiêu diệt Buôn Ma Thuột, địch sẽ dao động, rối loạn, lúc đó ta phải chớp lấy thời cơ giải phóng Huế. Nếu lúc đó ta chậm chân, môi mệt, để mùa mưa đến thì lỡ mất thời cơ. Cho nên phải có kế hoạch bao vây chia cắt ngay từ bây giờ, không để cho địch co cụm chiến lược, rút về miền Đông Nam Bộ hay rút về phía đông dọc theo bò biển Trung Bộ. Trong năm 1975 này, ta không nhất thiết phải cơ động Quân đoàn 1. Phải tập trung nó lại mà huấn luyện cho tốt, bảo đảm luôn luôn sẵn sàng. Phải hết sức khẩn trương, hết sức tập trung. Nếu có thời cơ thì sử dụng Quân đoàn 1. Nếu thời cơ chưa xuất hiện, thì ta cũng mạnh lên để đón thời cơ mới.

Chúng ta phải chủ động tạo ra thời cơ, chứ không thể bị động ngồi chờ. Khi thời cơ đến thì phải kiên quyết, kịp thời chớp lấy thời cơ. Phải tích cực phát triển cái đúng, cái hay của ta, khoét sâu cái nhược điểm, cái sai lầm của địch thì tất yếu thời cơ sẽ xuất hiện... Hạ quyết tâm hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ trong hai năm 1975-1976 là đúng. Nhưng kế hoạch cần đề phòng tình huống sớm hơn, trong năm 1975 và cả tình huống kéo dài qua năm 1977. Như vậy mới chủ động, vững vàng.

Zrong phân thao luân, hôi nghj nghe anh Van Tien Dung phát biêu ve ván de su dung binh lye, neu ro viec van dung cach danh phai the hien ngay trong buoc xay dung ke hoach va phát trien ke hoach. Hien nay, trong tam cua ta la gianh thang loi

d dong bang. De cho duoc vung chac hon, de co dieu kien xay dung lye luong d dong bang, tac chien quy mo lon, nhat thiet phai co

hành lang nổi liền đồng bằng với căn cứ. Chủ lực miền Đông phải phối hợp thực hiện nhiệm vụ này.

Trong kế hoạch đợt 2, phải nghiên cứu cách đánh cho địch vỡ ra, mà không phải sử dụng nhiều lực lượng. Cần phải tính đến phân ứng của Mỹ. Cũng không loại trừ khả năng ngụy suy sụp nhanh chóng. Khi ta đánh mạnh, phong trào đô thị lên, thời cơ sẽ xuất hiện. Chính lúc ấy lại càng phải cảnh giác...

Rành rọt từng lời, từng ý, anh Phạm Văn Đồng phân tích về phương pháp tác chiến chiến lược trong giai đoạn cuối cùng của chiến tranh. Anh nhấn mạnh cần vận dụng chiến lược tổng hợp, phải chuẩn bị kỹ cơ sở vật chất, kỹ thuật và cả vấn đề huấn luyện chiến sĩ mới. Anh nói: "Về ta, quan trọng nhất là một cao trào cách mạng miền Nam xảy ra. Rất mới, cả quân sự và chính trị. Bạo lực quân sự đến mức cao nhất đi đôi với bạo lực chính trị...". Anh đứng lên, bước từng bước một, đi lại trong phòng rồi dừng lại phát biểu: "Lúc nào là thời điểm sụp đổ của ngụy? Không phải chờ đến năm 1976 đâu! Có thể nhanh, không phải dần dần đâu!". Anh Trưởng Chinh nêu rõ đặc điểm tình hình nhiệm vụ của hai miền, phân tích cách đánh chiến lược, đồng ý với phương án của Thường trực Quân ủy Trung ương, đồng ý chọn hướng chính là Tây Nguyên, chọn mục tiêu đầu tiên là Buôn Ma Thuột. Anh nhấn mạnh: "... Địch bị suy yếu nhanh chóng, không gỡ được mâu thuẫn giữa giữ đất, giữ dân và cơ động tác chiến... còn ta thì mạnh lên về mọi mặt. Ta giành được quyền chủ động trên chiến trường. Năm 1974, ta đã đạt được kế hoạch. Nếu Phước Long ta diệt được nữa thì ta mạnh lên rất nhiều.

Ta phải tạo điều kiện thực hiện đòn tiêu diệt chiến lược và không hạn chế chỉ một đòn...".

Anh Lê Đức Thọ phân tích về ý đồ chiến lược của Mỹ, về thời cơ, về tương quan lực lượng giữa ta và địch, về đánh phá bình định, tiêu diệt quân chủ lực ngụy, về xây dựng địa phương, về công tác binh vận, về cơ sở để hạ quyết tâm dứt điểm trong hai năm.

Tiếp đó, các anh Trần Quốc Hoàn, Lê Văn Lương, Nguyễn Duy Trinh phát biểu ý kiến xoay quanh các vấn đề biện pháp chiến lược, yêu cầu kết hợp các mặt đấu tranh quân sự, chính trị, ngoại giao...

gày 22 tháng 12, hội nghị nghỉ họp để tham dự một sự kiện chính trị quan trọng. Nhân kỷ niệm 30 năm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam (22.12.1944 -

22.12.1974), Đảng, Nhà nước, Quốc hội quyết định tặng thưởng các lực lượng vũ trang nhân dân phần thưởng cao quý nhất: Huân chương Sao vàng.

Một cuộc mít tinh và biểu dương lực lượng lớn được tổ chức tại sân vận động Hà Nội ngay giữa ban ngày. Hơn ba vạn nhân dân Thủ đô cùng đại biểu các đơn vị trong toàn quân ngồi kín các bậc, trong một rừng cờ hoa và những chùm bóng màu rực rỡ.

Đúng 8 giờ. Quốc thiểu Việt Nam nổi lên giữa 21 phát đại bác nổ rền, mở đầu cuộc mít tinh.

Sau lôi khai mạc của Thủ tướng Phạm Văn Đồng, Chủ tịch Ủy ban Thường vụ Quốc hội Trường Chinh đọc lôi tuyên dương công trạng: "... 30 năm qua, lớp lớp cán bộ và chiến sĩ kế tiếp nhau đánh giặc, cứu nước, góp phần xây dựng nước nhà, nêu những tấm gương sáng ngời của chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam".

Chủ tịch nêu rõ tấm Huân chương Sao vàng là phần thưởng cao quý của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta dành cho các lực lượng vũ trang và mong rằng các lực lượng vũ trang luôn luôn xứng đáng với sự tin cậy của Đảng, Nhà nước và nhân dân.

Trong không khí phấn khôi, trang nghiêm, Chủ tịch Tôn Đức Thắng trân trọng gắn Huân chương Sao vàng lên Quân kỳ Quyết thắng. Thay mặt toàn quân, tôi cùng các đồng chí Văn Tiến Dũng - Tổng tham mưu trưởng, Song Hào - Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, Đinh Đức Thiện - Chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần vinh dự nhận phần thưởng cao quý. Trong lời phát biểu, tôi xúc động nói: "Dưới ngọn cờ trăm trận trăm thắng của Đảng và Hồ Chủ tịch, từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu, trải qua 30 năm xây dựng, 30 năm chiến đấu liên tục, 30 năm thắng lợi về vang, toàn thể cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam ghi lòng tạc dạ: Mỗi một chiến công, mỗi một thành tích của các lực lượng vũ trang đều bắt nguồn từ sự lãnh đạo vô cùng đúng đắn và sáng suốt của Đảng và Hồ Chủ tịch, từ sự thương yêu đùm bọc không bờ bến của đồng bào ta trong cả nước". Bài phát biểu kết thúc bằng lời hứa quyết tâm: "Các lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam kiên quyết giương cao lá cờ Quyết thắng, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ của Đảng, Nhà nước và nhân dân giao cho trong giai đoạn mới, xứng đáng với phần thưởng cao quý của Quốc hội và Chính phủ, xứng đáng với lòng tin cậy của toàn Đảng, toàn dân, xứng đáng với lời biểu dương của Bác Hồ: "Quân đội ta trung với Đảng, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu, hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội. Nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng".

Tiếp theo đó, trong diễn văn kỷ niệm 30 năm trưởng thành và chiến thắng của quân đội ta, tôi đã ôn lại lịch sử về vang của các lực lượng vũ trang anh hùng dưới sự lãnh đạo của Đảng. Tôi dành phần lớn bài diễn văn quan trọng này để cập tới tình hình và nhiệm vụ trước mắt.

Về thắng lợi to lớn của nhân dân ta "đánh cho Mỹ cút", tôi nói: "Quân và dân cả nước ta đã chiến thắng quân đội xâm lược khổng lồ của tên đế quốc đầu sỏ, giáng một đòn nặng vào vai trò sen đầm quốc tế của Mỹ, bác bỏ câu chuyện hoang đường về sức mạnh vô địch của đế quốc Mỹ, cổ vũ mạnh mẽ phong trào cách mạng của nhân dân ta vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội".

Về tình hình cách mạng miền Nam từ khi có Hiệp định Pa-ri, tôi khẳng định:

"Thực tế ở miền Nam trong hai năm qua chứng tỏ sức mạnh chính nghĩa của nhân dân ta là vô địch, thắng lợi của cách mạng miền Nam là tất yếu... Chúng ta nhiệt liệt chào mừng thắng lợi to lớn của đồng bào, chiến sĩ miền Nam và tin tưởng sắt đá rằng sự nghiệp cách mạng của nhân dân miền Nam tuy còn lâu dài, gian khổ, quyết liệt, nhưng nhất định thắng lợi. Miền Nam nhất định sẽ hoàn toàn giải phóng; Tổ quốc Việt Nam nhất định sẽ thống nhất; đồng bào Nam - Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà".

Đại biểu các quân chủng, binh chủng quân đội nhân dân và dân quân tự vệ, hàng ngũ chính tế, bước chân rầm rập diễu qua lễ đài kết thúc buổi lễ. Phó Tổng tham mưu trưởng Phùng Thế Tài được vinh dự giương cao lá Quân kỳ Quyết thắng lấp lánh Huân chương Sao vàng, thay mặt các chiến sĩ đã làm nên trận "Điện Biên Phủ trên không", dẫn đầu cuộc diễu binh trong tiếng nhạc hùng tráng, trong niềm tin yêu vô hạn của hàng vạn trái tim.

Bước chân hùng dũng, tự hào của các chiến sĩ ngày hôm ấy cũng chính là nhịp bước vững vàng chắc thắng của đồng bào và chiến sĩ cả nước trên chặng đường tiến tới ngày toàn thắng, dưới bàn tay vẫy gọi của Bác Hồ.

M gày hôm sau, 23 tháng 12 năm 1974, Hội nghị Bộ Chính trị (mở rộng) tiếp tục làm việc.

Lúc này, thực tiễn chiến trường phát triển có phần nhanh hơn dự kiến của kế hoạch tác chiến chiến lược mà Bộ Tổng Tham mưu trình bày ở Hội nghị Bộ Chính trị tháng 10 năm 1974.

Trong đợt tiến công mùa khô 1974-1975, quân ta giành nhiều thắng lợi ở miền Đông Nam Bộ và Khu 9. Tin chiến thắng dồn dập bay về, khẳng định thế đi lên của ta, thế đi xuống của địch.

Ngày 13 tháng 12 năm 1974, quân ta tiến công chi khu quân sự Bù Đăng, yếu khu Bù Na, hệ thống đồn bốt trên đường số 14, mở đầu Chiến dịch Đường 14 - Phước Long. Sau 5 ngày chiến đấu ác liệt, ta chiếm được Bù Đăng, diệt 50 đồn bốt, giải phóng 14.000 dân, làm chủ 80 ki-lô-mét đường số 14.

Ngày 20 tháng 12, Bộ Tổng Tư lệnh nhận điện báo cáo của anh Lê Đức Anh - Phó Tư lệnh Miền: "... Trên đường số 14, ta giải phóng hoàn toàn đoạn từ cầu 11 gần Đồng Xoài, đến khỏi Bù Đăng giáp ranh giới chi khu Kiến Đức... Ở Bù Đăng, Vĩnh Thiện, Bù Na, ta thu được bốn khẩu pháo và 7.000 đạn pháo, trên 3.000 súng các loại, bắt trên 300 tù binh. Sẽ tiếp tục truy lùng..."

Nỗi lo thiếu đạn pháo từ lâu đè nặng trong đầu tôi đã vơi đi được một phần.

Chiến trường trên đà thừa thắng xông lên khuếch trương chiến quả. Ngày 27 tháng 12, Bộ Tổng Tư lệnh lại nhận điện của Bộ Tư lệnh Quân đoàn 4: "... Tiến công chi khu Đồng Xoài lúc 5 giờ 35 phút ngày 26 tháng 12. Đến 8 giờ 30 phút, ta làm chủ hoàn toàn chi khu Đồng Xoài. Ký tên: Năm Thạch".

Trong niêm vui chiên thang, toi nho rat ro hinh anh nguoi can bo quan su da to ro pham chat va tai nang cua minh ngay tur Chien dich Tran Hung Dao (1951). Luc do, voi cuong vi Tie duoan truong mot tieu doan cua Dai doan 312, anh da duoc Bo Tong Tu lenh khen tang danh hieu "Can bo guong mau" cung voi Tie duoan truong Nguyen Hung Sinh cua Dai doan 308. Trong cong tac can bo, day la mot phat hien chinh xac, di doi voi bdi duong thanh cong.

Vói chiên cong diet gon chi khu Dong Xoai, quan ta da hinh thành the bao vay co lap thi xa Phuoc Long. Phan ung cua dich yeu ot. May bay dich len nem bom, ban pha không co hieu qua. Quan dich o Phuoc Long hoang mang cuc do.

Trong hôi nghj, các anh Pham Hung và Trân Van Tra kip thôi xin y kien cua dong chí Bí thư thư nhat va Quan uy Trung uong cho phep giai phong luôn Phuoc Long, có su dung mot dai doi xe tang va mot dai doi phao 130mm. Anh Ba chap nhan. Toi cung dong y. Ngay 31 thang 12, Quan doan 4 duoc tang cuong Trung doan bo binh 16, hai tieu doan phao cao xa, do Tu lenh Hoang Cam truc tiep chi huy, mo cuoc tien cong vao thj xa. Bo doi ta xung phong danh chiem he thong cong su bao ve vong ngoai, diet chi khu Phuoc Binh, chiem nui Ba Ra. Dịch tap trung luc luong, ngoan co chan các duong tien vao thj xa. May bay dich nem bom, ban pha vao doi hinh cua quan ta. Quan doan quyet dinh dung phao ban manh vao cac muc tiêu trong thj xa; dong thoi dung hoa luc phong không danh tra may bay dich. Bo qua cac de khang vong ngoai, các mui thoc sau nhanh chong dột pha, danh chiem cac

muc tiêu quan trong. Den 19 giò ngày 6 tháng 1 nam 1975, toàn bô thj xa Phuoc Long duoc giai phong.

Trải qua 25 ngày chiến đấu liên tục, Chiến dịch Đường 14 - Phước Long kết thúc thắng lợi. Dịch phản ứng một cách tuyệt vọng. Các cánh quân ngụy lên ứng cứu đều bị đánh lui. Nguyễn Văn Thiệu đành ôm hận kêu gọi "dành ba ngày truy điệu, cầu nguyện cho Phước Long".

Tin chiến thắng Phước Long làm nức lòng người, báo hiệu một mùa khô đầy triển vọng. Hội nghị ngừng họp. Mọi người đi lại, vui vẻ bắt tay nhau. Trong niềm vui thấy ngày toàn thắng tới gần, mỗi cái bắt tay chứa đựng một quyết tâm, một lời hứa hẹn.

Chiến thắng Phước Long mang ý nghĩa một đòn trinh sát chiến lược rất quan trọng. Lần đầu tiên ở miền Nam, một tỉnh được hoàn toàn giải phóng. Tỉnh đó lại ở gần Sài Gòn. Vùng căn cứ quan trọng của ta ở miền Đông Nam Bộ được mở rộng. Thực tế này nói rõ hơn hết khả năng của ta. Nó cũng đánh dấu một bước suy sụp mới của quân ngụy. Đội quân này không còn khả năng giải tỏa với quy mô lớn để chiếm lại các vùng, các căn cứ và thị xã quan trọng bị ta đánh chiếm, ngay cả trên tuyến phòng thủ vòng ngoài Sài Gòn - Gia Định. Nó còn chứng tỏ Mỹ không có khả năng trở lại can thiệp bằng quân sự ở miền Nam, khi người phát ngôn của Nhà Trắng tuyên bố Tổng thống Pho không có ý vi phạm những điều cấm chỉ (của Quốc hội) về việc sử dụng lực lượng quân sự Hoa Kỳ tại Việt Nam.

Thực tiễn chiến trường đã chứng tỏ ý kiến của các anh ở B2 là đúng.

Sau này, trong tài liệu "Sự sụp đổ của Nam Việt Nam", người Mỹ viết: "... Sự thất thủ thị trấn Phước Long đánh dấu Nam Việt Nam bắt đầu tan rã". Phạm Bá Hoa - đại tá, tham mưu trưởng tổng cục tiếp vận quân đội ngụy còn nói rõ hơn: "Cái chính là thất bại Phước Long đã nói lên thế và lực của quân lực cộng hòa. Chỉ mới bị đánh một điểm mà đã không còn lực lượng đối phó, thử hỏi bị đánh mạnh nhiều nơi thì sẽ ra sao? Phước Long là sự kiện nói lên khá rõ hiệu quả chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" thực hiện trong sáu năm qua... Có thể nói Phước Long là một đòn thử sức đôi bên và kết quả đã rõ ràng...".

Cục 2 báo cáo: Trong những ngày thất thủ Phước Long, Nguyễn Văn Thiệu chủ tọa một cuộc họp khẩn cấp tại dinh Độc Lập. Trước các tướng tá, Thiệu tuyên bố không tăng viện cho Phước Long hay cố gắng lấy lại tình này vì phải trả giá quá cao, quân ngụy không đủ máy bay và quân trù bị. Nếu muốn tăng viện Phước Long, phải lấy quân từ nơi khác mà những nơi này cũng đang bị Bắc Việt sửa soạn tiến công. Trong cuộc họp, Cao Văn Viên - tổng tham mưu trưởng quân đội Sài Gòn cay đắng

nhận xét rằng việc để mất Phước Long là bước đầu quan trọng để cộng sản chinh phục hoàn toàn Nam Việt Nam bằng quân sự. Họ hiển nhiên không sợ bất cứ phản ứng nào của Mỹ. Không biết cộng sản còn được sự khuyến khích nào hơn?

Thái độ thờ ơ của Mỹ càng làm cho Sài Gòn thêm thất vọng và đẩy nhanh đà suy sụp về tinh thần của quân đội ngụy. Trong cuộc họp báo ngày 14 tháng 1 năm 1975, bộ trưởng quốc phòng Sơ-lét-xinh-giơ cố tình đánh giá thấp sự kiện Phước Long. Ông ta nói: "Bây giờ tình hình ở Nam Việt Nam cho thấy Bắc Việt không muốn tung ra một cuộc tiến công rộng khắp, quy mô. Cái mà họ đang chú tâm là làm suy yếu sự kiểm soát của chế độ Nam Việt Nam trên khắp nước, đặc biệt là làm đảo lộn chính sách "bình định" đang thành công. Do đó điều mà chúng tôi tiên đoán trong vài tháng tới chỉ là một số trận đánh lớn. Lúc này, tôi không tiên liệu sẽ có cuộc tiến công quy mô lớn như hồi năm 1972".

Hơn nữa tháng sau, ngày 22 tháng 1, Tổng thống Mỹ Giê-rôn Pho lại giội thêm một gáo nước lạnh khi tuyên bố: "Không có hành động nào khác ngoài việc bổ sung viện trợ cho Sài Gòn. Sẽ không can thiệp vào Nam Việt Nam nếu xét ra không phù hợp với Hiến pháp và pháp luật".

Trả lời bức thư kêu cứu của Nguyễn Văn Thiệu, ông ta cũng chỉ có những lời hứa hẹn chung chung: "... Tôi chia sẻ với ngài nỗi lo lắng về Bắc Việt không thực thi những điều khoản căn bản nhất của Hiệp định Pa-ri và về những áp lực quân sự của Bắc Việt ở mức độ trầm trọng. Tôi muốn bảo đảm với ngài rằng chính quyền chúng tôi sẽ tiếp tục gây áp lực để việc thi hành hiệp định được thật đầy đủ". Thật chẳng khác nào một cọng rơm tung xuống nước trước một kẻ sắp chết chìm!

hiến thắng Phước Long là một nhân tô mới rất quan trọng để hội nghị khẳng định quyết tâm chiến lược giải phóng miền Nam với yêu cầu cao hơn. Tư tưởng chỉ đạo của Bộ Chính trị là giành thắng lợi nhanh hơn, lớn hơn. Bộ Tổng Tham mưu căn cứ vào tình hình phát triển của chiến trường, để đạt ý kiến với Bộ Chính trị bổ sung, điều chỉnh kế hoạch tác chiến cho phù hợp với tình hình mới.

Càng về cuối hội nghị, các vấn đề thảo luận càng tập trung, sáng rõ.

Hướng tiến công chiến lược chủ yếu được xác định là Nam Tây Nguyên, với mục tiêu chính là Buôn Ma Thuột, mở đầu cuộc tiến công lớn của bộ đội chủ lực năm 1975.

Anh Lê Thanh Nghị phát biểu về kế hoạch chiến lược và nhấn mạnh: "Đưa thêm lực lượng vào B2 là đúng, càng sớm càng tốt. Dự bị chiến lược chung và dự bị cho từng chiến trường là phải có. Dự bị chiến lược chung là một quân đoàn, làm sao có thể cơ động được vào chiến trường chủ yếu, nếu để tận ngoài xa?".

Anh Lê Đức Thọ đề cập vấn đề đấu tranh ngoại giao. Anh nói: "Năm 1975, ngoại giao chưa tạo ra vấn đề gì lớn cả. Bây giờ nếu có ngồi lại, chắc cũng là để kéo dài đàm phán, tranh thủ mở rộng mà thôi... Thế ta chưa mạnh thì ngoại giao chẳng giải quyết được vấn đề gì... Phải chú ý đầy đủ phối hợp cả ba quả đấm (quân sự, chính trị, ngoại giao) với nhau thì mới có điều kiện hơn cho năm 1976". Ngừng một lát, anh nói tiếp: "Tôi cho rằng tình hình bây giờ có khác hồi năm ngoái. Bây giờ đã đánh là phải đánh dồn dập, diệt địch nhiều nhất, thắng lợi lớn nhất, làm cho thế của ta mạnh lên rất nhanh... Còn về mặt tuyên truyền, ta cứ giữ mức độ bình thường không cần rùm beng làm gì - Có miếng mà không có tiếng".

Anh Ba đồng tình với ý kiến của các anh vừa phát biểu và nói: "Ta đánh theo cách đánh của ta là phải chính trị, quân sự kết hợp, phải là chiến lược tổng hợp với ba quả đấm, khác đó là không thắng được".

Sáng ngày 8 tháng 1 năm 1975, đồng chí Bí thư thứ nhất kết luận hội nghị.

Vui vẻ, linh hoạt, anh Ba nói:

- Cuộc họp này có đông đủ các đồng chí ở Nam Bộ và Khu 5 ra dự. Trong cuộc họp lần trước, Bộ Chính trị đã nhất trí về phương hướng chiến lược nhằm đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đến toàn thắng. Lần này, chúng ta hạ quyết tâm trong hai năm hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam, tiến tới thống nhất đất nước. Chúng ta rất phấn khởi đạt được sự nhất trí cao, sau khi suy nghĩ, bàn bạc nhiều lần và nay lại càng nhất trí với các đồng chí chỉ huy lãnh đạo các chiến trường.

... Hiện nay, ta đã giữ chủ động, giành dân và giành quyền làm chủ. Ta đã tạo ra thế chiến lược liên hoàn từ Trị - Thiên đến đồng bằng sông Cửu Long. Ta đã xây dựng được những quả đấm chủ lực rất mạnh và cơ động.

Ta đã tạo được một bàn đạp áp đảo xung quanh Sài Gòn, đó là một thế chiến lược lớn lắm. Những điều đó chứng tỏ chúng ta mạnh. Trên thế mạnh đó, ta chuẩn bị cho quyết tâm hai năm...

Rõ ràng là địch đang xuống dốc về mọi mặt quân sự, chính trị, kinh tế, do ta tiến công và do cả bản thân nó nữa. Rồi đây có thể nó còn xuống dốc rất nhanh. Do đó, ta thấy rõ thời cơ, khả năng cách mạng có thể tiến lên tiến công, vừa chiến thắng quân sự, vừa chiến thắng chính trị theo những bước nhảy vọt. Lần trước cũng như lần này, Bộ Chính trị đã bàn, thấy chính xác và rất nhất trí.

Về cách đánh chiến lược, anh Ba nhắc lại cần nắm vững phương châm, phương pháp của ta là: Tiến công, nổi dậy; nổi dậy, tiến công; ba mũi giáp

công, ba vùng chiến lược; tiêu diệt, làm chủ; làm chủ, tiêu diệt; tiến lên tổng công kích, tổng khởi nghĩa.

Vê quyêt tam va nhiet tinh hien ro tren net mat, anh nói rat nhanh: Phai nám vung chien luoc tong hop de tao ra suc manh tong hop, luon luon tao ra suc manh mói, the mói, danh lien tuc va bat ngò, tien tói tong phan cong va noi day, thang dich tai sao huyet quan trong nhat cua chung là Sai Gòn de két thuc chien tranh... Các dòn chien luoc quan su se dien ra trong nam 1975-1976 nhu the nào, chung ta dong tinh vói ké hoach chien luoc nam 1975 Bô Tông Tham muu da trinh bày. Ô Nam Bô, có ba nhiem vu quan trong: Vua danh dong bang, vua danh chu lục, vua ép dô thi... Ô Khu 5, Tay Nguyen thi dong tinh danh manh ô Tay Nguyen, mô dâu tù Buôn Ma Thuôt.

Cuối cùng, anh căn dặn: "Còn nhiều vấn đề phải bàn nữa. Bộ Tổng Tham mưu còn phải làm việc nhiều hơn nữa và có vị trí rất quan trọng trong việc thực hiện nghị quyết này".

Hội nghị hoàn toàn nhất trí với kết luận của đồng chí Bí thư thứ nhất. Bộ Chính trị ra Nghị quyết lịch sử: "Chúng ta đang đứng trước thời cơ chiến lược lớn: Chưa bao giờ ta có điều kiện đầy đủ về quân sự và chính trị như hiện nay, có thời cơ chiến lược to lớn như hiện nay để hoàn thành cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân ở miền Nam, để tiến tới hòa bình thống nhất Tổ quốc".

Bộ Chính trị hạ quyết tâm: "Động viên nỗ lực lớn nhất của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ở cả hai miền trong thời gian 1975-1976, đẩy mạnh đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị, kết hợp với đấu tranh ngoại giao, làm thay đổi nhanh chóng và toàn diện so sánh lực lượng trên chiến trường miền Nam theo hướng có lợi cho ta, tiến hành rất khẩn trương và hoàn thành công tác chuẩn bị mọi mặt, tạo điều kiện chín muối, tiến hành tổng công kích, tổng khởi nghĩa, tiêu diệt và làm tan rã ngụy quân, đánh đổ ngụy quyền từ Trung ương đến địa phương, giành chính quyền về tay nhân dân, giải phóng miền Nam Việt Nam".

Nghị quyết nêu rõ: Cả năm 1975 là thời cơ, đòn tiến công quân sự mạnh tạo nên thời cơ, phong trào chính trị thúc đẩy thời cơ, tình hình thế giới và nội bộ nước Mỹ là thời cơ, từ bình thường đến vừa, đến cao, đến đột biến với tốc độ "một ngày bằng hai mươi năm", do đó cần phải khẩn trương, phải đánh nhanh hơn, nếu đã có thời cơ mà không kịp thời phát hiện, bỏ lỡ thì có tội lớn đối với dân tộc.

Bộ Chính trị thông qua kế hoạch chiến lược hai năm 1975-1976. Đây là một kế hoạch lớn được chuẩn bị công phu từ giữa năm 1973 qua tám lần dự

thảo của Bộ Tổng Tham mưu. Ngoài kế hoạch chiến lược 1975-1976, Bộ Chính trị còn dự kiến: "Nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975".

gay hôm sau, ngày 9 tháng 1 năm 1975, Thường trực Quân ủy Trung ương họp để quán triệt và triển khai Nghị quyết của Bộ Chính trị. Cùng tham dự có các đồng chí Võ Chí Công, Chu Huy Mân, Lê Trọng Tấn và Hoàng Minh Thảo. Vấn đề trọng tâm là bàn về Chiến dịch Tây Nguyên.

Từ khi chuẩn bị cho Hội nghị lần thứ 21 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, tôi và nhiều đồng chí trong Bộ Tổng Tư lệnh đã nêu vấn đề chọn Tây Nguyên làm chiến trường chủ yếu. Ý kiến này được nhiều người ủng hộ.

Qua trao đổi, thảo luận, mọi người đều thấy việc chọn Tây Nguyên làm hướng tiến công chủ yếu, trong đó Buôn Ma Thuột là mục tiêu tiến công đầu tiên là một điều tất yếu, không thể khác. Tôi đề ra hai tình huống:

- Nếu Buôn Ma Thuột sơ hồ thì đánh ngay.
- Nếu địch tăng cường lực lượng và đề phòng thì tổ chức đánh quân tiếp viện trước, cả hai phía Buôn Ma Thuột và Plei Ku, sau đó tiến công vào Buôn Ma Thuột.

Chúng tôi đang họp thì anh Lê Đức Thọ đến. Biết hội nghị đang bàn về đánh Buôn Ma Thuột, anh cũng nhất trí như vậy.

Tây Nguyên là một chiến trường rừng núi hiểm trở. Lúc này ở đây dịch có một sự đoàn chủ lực, bảy liên đoàn quân biệt động và bốn thiết đoàn xe tăng và xe thiết giáp. Do đánh giá sai, phán đoán sai ý đồ của ta, chúng cho rằng năm 1975 ta chưa đủ sức đánh thị xã và thành phố mà nếu có đánh, thì cũng đánh ở phía bắc. Vì vậy, dịch tập trung lực lượng giữ Plei Ku, Kon Tum, còn Đắk Lắk, Buôn Ma Thuột vẫn sơ hở. Lực lượng ở đây không mạnh, phần lớn là quân hậu cứ của sự đoàn và trung đoàn, càng sâu vào phía trong lực lượng dịch càng mỏng. Khó khăn chính là thiếu đường cơ động. Phải tích cực khắc phục và mở đường để đưa binh khí, kỹ thuật vào.

Đánh Buôn Ma Thuột là một đòn bắt ngờ đối với dịch. Sẽ có nhiều khả năng phá vỡ hệ thống phòng ngự của chúng ở vùng 2 chiến thuật, làm rung chuyển Tây Nguyên và toàn bộ thế trận của dịch trên chiến trường, tạo ra thời cơ mới cho việc thực hiện kế hoạch chiến lược hai năm 1975-1976.

Kết luận cuộc họp, tôi nhắc lại quyết định của Bộ Chính trị chọn Nam Tây Nguyên làm hướng tiến công chiến lược chủ yếu, mục tiêu tiến công đầu

tiên là Buôn Ma Thuột, hướng phát triển tiếp theo là phía đông. Sử dụng lực lượng cũng như cách đánh phải mạnh bạo, bí mật, bất ngờ, nghi binh tốt, hướng sự chú ý của địch vào Bắc Tây Nguyên và Trị - Thiên.

Vê cong tác chính trj, tu tuông, cong tác to chuc trong chien dich, can xay dung quyet tam gianh thang lgi lOn nhat, nam vung tu tuong danh tiêu diet, coi trong cong tác binh vAn, de cao tinh than doan ket hiep dong, ton trong kyluAt chien truong, nghiem chinh chap hanh chinh sach vung giai phong, chinh sach tu binh, hang binh, chinh sach chien lgi pham... Cong tác can bQ can sap xep, du tru du can bQ có pham chat va nang luc, bao dam chi huy lanh dao bQ doi chien dau lien tuc, san sang bo sung phát trien luc luong.

Nhiệm vụ cụ thể của Chiến dịch Tây Nguyên được xác định rõ:

- Tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch, loại khỏi vòng chiến đấu từ 4 đến 5 vạn tên, diệt từ ba đến bốn trung đoàn, liên đoàn bộ binh, thiết giáp, đánh thiệt hại nặng từ một đến hai sự đoàn chủ lực địch, diệt nhiều tiểu đoàn bảo an, nhiều trung đội dân vệ, làm tụt nhanh quân số của địch. Mở rộng hành lang chiến lược từ đường số 14 qua Gia Nghĩa xuống đường số 20 nối với miền Đông Nam Bộ và từ Tây Nguyên xuống ba tỉnh Khu 5.
- Giải phóng nhân dân và phần lớn vùng đất ở nam Plei Ku và Cheo Reo, xung quanh Buôn Ma Thuột, đánh bại kế hoạch "bình định", nông lấn và giải tỏa của địch, giữ vững, phát huy quyền làm chủ chiến trường, thực hiện chia cắt chiến lược. Tích cực phối hợp với mặt trận chống "bình định" ở đồng bằng. Diệt từ ba đến bốn tiểu khu, chi khu quân sự, từ một đến hai tỉnh ly...

Đánh phá giao thông và hậu cứ, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh, làm cho tiềm lực kinh tế của địch giảm sút trầm trọng. Khi có thời cơ, thực hiện chia cắt hẳn các đường số 14, 19, 21, trọng điểm là đường số 19.

- Phát triển đấu tranh chính trị trong các thị xã. Ra sức xây dựng cơ sở tự vệ mật và các tổ chức biệt động, diệt ác ôn đầu sổ, tạo thế làm chủ ở cơ sở.
- Xây dựng lực lượng vũ trang ba thứ quân, xây dựng vùng giải phóng, xây dựng các đường chiến lược, chiến dịch, hoàn thành mọi công tác chuẩn bị cho nhiệm vụ tiếp theo.

Quyết tâm chiến lược của Đảng đã được cụ thể hóa.

Các cơ quan Tổng hành dinh theo chức trách của mình, hướng mọi nỗ lực vào chiến trường chính Tây Nguyên, hướng vào mục tiêu Buôn Ma Thuột, khẩn trương chuẩn bị ngày đêm.

Theo chỉ thị của Bộ Tổng Tham mưu, Đoàn 232 (tương đương quân đoàn) được thành lập trên cơ sở Bộ chỉ huy tiến phương B2 và các lực lượng Miên, Quân khu 8 và lực lượng của Bộ mới tăng cường.

Được Phi-đen Cát-xtô-rô và các bạn Cu-ba gửi cho một số xe chuyên dụng mua của Nhật và đài thọ cho cán bộ kỹ thuật của ta sang Nhật học cách sử dụng, các đoàn công binh, thanh niên xung phong ra sức mở đường. Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp, kiên quyết, kịp thời của các anh Đinh Đức Thiện, Phan Trọng Tuệ, Đồng Sĩ Nguyên, mạng đường chiến lược Đông và Tây Trường Sơn được xây dựng và củng cố, đã nối liền đến Lộc Ninh, hệ thống đường ống dẫn xăng dầu được hoàn chỉnh, qua Tây Nguyên, Khu 5 vào tới miền Đông Nam Bộ, sẵn sàng phục vụ đánh lớn.

Anh Lê Ngọc Hiền đi ngay vào Tây Nguyên, chuẩn bị kế hoạch tác chiến. Bộ lệnh cho anh Vũ Lăng - Tư lệnh Mặt trận Tây Nguyên đến ngay Buôn Ma Thuột trực tiếp nghiên cứu chiến trường. Ngày 24 tháng 1 năm 1975, các anh Phạm Hùng, Trần Văn Trà và đoàn cán bộ B2 cũng cấp tốc lên đường trở về mặt trận đang nóng bỏng.

Để hướng sự suy nghĩ và hành động của tiền tuyến và hậu phương trong thời điểm quyết định, kiên quyết đẩy mạnh các mặt đấu tranh, tạo thế, tạo lực, tạo thời cơ cho trận quyết chiến chiến lược cuối cùng, tôi dành thời gian viết một bài báo nhan đề: Sức mạnh vô địch của chiến tranh nhân dân Việt Nam trong thời đại mới.

Theo tinh thân Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 21, các nghị quyết của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương năm 1973 và năm 1974, bài báo phân tích toàn diện cuộc chiến đấu của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng, được đánh dấu bằng những mốc thắng lợi nổi bật là Cách mạng Tháng Tám năm 1945, chiến cuộc Đông Xuân 1953-1954 với chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ và thắng lợi "đánh cho Mỹ cút" với Hiệp định Pa-ri tháng 1 năm 1973: "Thắng lợi của nhân dân ta trong 30 năm qua thật là vĩ đại"... "Việc giải quyết thành công vấn đề chiến tranh chính nghĩa của dân tộc nhỏ đánh thắng kẻ thù để quốc to trong sự phát triển đến đỉnh cao của khởi nghĩa toàn dân và chiến tranh nhân dân Việt Nam ngày nay là một vấn đề có ý nghĩa quyết định đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Nó nâng cao lòng tin tưởng sắt đá của quân và dân ta vào sự lãnh đạo của Đảng ta, vào tiền đồ tất thắng của dân tộc ta. Nó cho ta nhiều kinh nghiệm rất quý báu để tiếp tục hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa, cũng như chuẩn bị cho công cuộc

bảo vệ đất nước về lâu dài đánh thắng chiến tranh xâm lược của mọi kẻ thù để quốc, dù chúng mạnh đến đâu".

Đi sâu vào nguyên nhân thắng lợi, bài báo nêu bật những yếu tố cơ bản như sự lãnh đạo đúng đắn, dũng cảm của Đảng ta, mục đích chính trị của chiến tranh nhân dân Việt Nam là độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội, sức mạnh của toàn dân đánh giặc, của chế độ xã hội mới, lực lượng vũ trang kiểu mới, phương thức tiến hành chiến tranh và nghệ thuật quân sự sáng tạo của chiến tranh nhân dân, điều kiện quốc tế trong thời đại mới. Vận dụng tư tưởng chiến tranh nhân dân vào tình hình và nhiệm vụ trước mắt, bài báo chỉ rõ nhiệm vụ của quân và dân ta trên cả hai miền Nam - Bắc, kiên quyết tiến lên giành thắng lợi cuối cùng.

Các báo Nhân Dân, Quân đội nhân dân đảng toàn văn bài báo trên một phần trang nhất và cả trang 2.

Đài Tiếng nói Việt Nam và Đài phát thanh Giải phóng dành mấy buổi phát thanh đặc biệt truyền đi khắp mọi miền đất nước.

hời gian là lực lượng. Ở thời điểm quan trọng này, ý niệm ấy sâu sắc hơn, mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Trong quân sự, tư tưởng "chắc thắng" và tư tưởng "thần tốc", thận trọng và mạnh bạo bao giờ cũng đi đôi, hài hòa biện chứng, tùy theo từng tình huống cụ thể. Căn cứ vào đánh giá so sánh lực lượng giữa ta và địch, vào thực tiễn chiến trường, vào những điều kiện chủ quan, khách quan cả trong nước và quốc tế, Bộ Chính trị đã hạ quyết tâm chiến lược chính xác, kịp thời. Chính xác vì đã trải qua cân nhắc kỹ lưỡng, nắm bắt được trạng thái đi xuống của địch, khả năng phát triển mới của ta ngay khi trên chiến trường còn đang diễn ra giằng co quyết liệt. Từ đầu năm 1973, trải qua hai năm khẩn trương nghiên cứu, chuẩn bị, những suy nghĩ, gợi ý về một kế hoạch giải phóng miền Nam phát triển thành một quyết tâm chính thức động viên và tổ chức lực lượng của cả nước, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam trong hai năm 1975-1976. Bên cạnh quyết tâm chiến lược cơ bản ấy, còn có kế hoạch chiến lược tranh thủ thời cơ, giải phóng miền Nam ngay trong năm 1975, không chờ đợi.

Không những chính xác, mà quyết tâm chiến lược của Đảng còn rất kịp thời, không thể chậm hơn, mà cũng không thể sớm hơn. Tình hình ở giai đoạn cuối cùng của chiến tranh bao giờ cũng diễn biến rất nhanh, không loại trừ đột biến. Nỗ lực chủ quan của quân và dân ta với các mũi tiến công của chiến tranh nhân dân càng làm cho tình hình phát triển nhanh, nhiều khi nhanh hơn dự kiến. Thời cơ chiến lược thường xuất hiện trong thời gian

ngắn và không bao giờ đứng lâu một chỗ. Phải kịp thời phát hiện thời cơ, nắm bắt thời cơ, "chớp" thời cơ để giành thắng lợi cao nhất. Vừa chậm lại vừa nhanh. Đó là nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh, là nét tài tình và độc đáo của Đảng ta trong những ngày tháng cuối năm 1974 và đầu năm 1975.

Quyết tâm chiến lược của Đảng dựa vững chắc trên thành quả tổng hợp của cuộc đấu tranh cách mạng 45 năm qua. Một nước nhỏ đánh "đế quốc to" phải biết giành thắng lợi từng bước. Thắng lợi trước tạo tiền đề cho thắng lợi sau. Càng về sau, thắng lợi càng to lớn. Suy nghĩ về kết thúc chiến tranh đã được hình dung ngay từ lúc khởi đầu.

Quyết tâm chiến lược ấy còn là kết quả của sự chuẩn bị chiến lược hết sức chủ động, dũng cảm, sáng tạo, công phu, kiên trì, bền bỉ cả về chính trị, quân sự, ngoại giao..., về con người và vũ khí, phương tiện, cơ sở vật chất, kỹ thuật, về thế trận và lòng người, sản xuất và chiến đấu, kinh tế và quốc phòng, giao thông và vận chuyển..., chuẩn bị bằng tiềm lực của cả hậu phương và tiền tuyến, âm thầm và sôi động suốt bao tháng, bao năm...

Lúc này, một khi đã có quyết tâm chiến lược chính xác, kịp thời thì việc tổ chức thực hiện lại hết sức khẩn trương. Không thể đi bằng những bước bình thường, mà là bay, là chạy. Chạy đua với thời gian. Chạy đua với địch. Phải vượt qua những khó khăn, trở ngại trên đường tiến tới thắng lợi.

Đã "đánh cho Mỹ cút", nay là lúc giảng đòn quyết định chiến lược "đánh cho ngụy nhào", như tư tưởng quân sự của Bác Hồ.

Cả nước ra trận. Tất cả cho miền Nam ruột thịt.

Chương năm ĐÒN ĐIỂM HUYỆT

heo quyết định của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương, anh Văn Tiến Dũng được cử vào Tây Nguyên, cùng với các anh Đinh Đức Thiện - Chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần, Lê Ngọc Hiền - Phó Tổng tham mưu trưởng và một số cán bộ, tổ chức thành một bộ phận đại diện Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng Tư lệnh ở chiến trường miền Nam, mang bí danh Đoàn A.75. Như vậy, cơ quan chỉ huy quân sự tối cao đã hình thành cả ở phía trước và phía sau, vừa sâu sát mặt trận vừa bao quát ở tầm chiến lược, vĩ mô, bảo đảm lãnh đạo, chỉ huy đúng đắn, kịp thời. Quyết định này được giữ tuyệt đối bí mật. Trước ngày đoàn lên đường, anh Văn Tiến Dũng và tôi gặp nhau trao đổi ý kiến về cách đánh trong Chiến dịch Tây Nguyên. Anh Hoàng Văn Thái cùng tham dự. Vốn đã làm việc cùng nhau từ những ngày đầu kháng chiến chống thực dân Pháp, cùng ở trong Quân ủy Trung ương, chúng tôi bàn bạc rất kỹ và nhất trí về nhiều vấn đề, tìm ra phương án tác chiến tối ưu. Đòn tiến công chiến lược đầu tiên phải tranh thủ bất ngờ cao độ, mạnh bạo giải quyết Buôn Ma Thuột trước, bảo đảm chắc thắng ngay từ trận đầu. Tiếp đó, nhanh chóng phát huy thắng lợi, tiến công liên tục nhằm tiêu diệt thật nhiều sinh lực địch, giải phóng địa bàn chiến lược quan trọng ở Tây Nguyên.

Tôi nêu hai phương án đánh Buôn Ma Thuột mà có lần tôi đã phát biểu trong Thường trực Quân ủy Trung ương:

1. Nếu địch chưa tăng cường lực lượng thì đánh ngay.
2. Nếu địch tăng cường lực lượng ở Buôn Ma Thuột thì dụ địch ra ngoài, đánh viện tiêu diệt địch ở Cẩm Ga và Thuần Mẫn.

Trong cả hai trường hợp, trường hợp nào cũng phải thực hiện nghi binh thật tốt, gồm nghi binh ở hướng Trị - Thiên và ở hướng Kon Tum, Plei Ku.

Chiến dịch Tây Nguyên là đòn tiến công đầu tiên trong kế hoạch chiến lược cơ bản đã được Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương duyệt. Theo kế hoạch này, ta trù tính giải phóng Tây Nguyên trong năm 1975, tức là trong

bước 1 của kế hoạch hai năm, đi đôi với việc bóc một loạt cứ điểm địch ở miền Đông Nam Bộ và mở mảng, mở vùng ở đồng bằng sông Cửu Long, ở đồng bằng Khu 5 và Trị - Thiên.

Theo quy ước, anh Dũng lấy bí danh là Tuấn, tôi lấy bí danh là Chiến. Các đồng chí Thủ trưởng Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị, Tổng cục Hậu cần đều lấy các bí danh khác.

Ngày 5 tháng 2 năm 1975, Đoàn A.75 lên đường vào thời điểm nhân dân ta tưng bừng đón Xuân Ất Mão. Mọi biện pháp bảo mật, nghi binh được thực hiện để đánh lạc hướng địch. Ra trận giữa lúc năm hết Tết đến đã góp thêm yếu tố bất ngờ. Đây cũng là một nét truyền thống của dân tộc Việt Nam, kể từ Tết Kỷ Dậu với trận Ngọc Hồi - Đống Đa (1789) và Tết Mậu Thân với cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân (1968). Vui xuân không quên đánh địch. Đánh trước, rồi ăn Tết sau. Đánh địch cũng là nổ pháo mừng xuân. Cốt sao giành thế bất ngờ.

Anh Văn Tiến Dũng và Đoàn A.75 lên đường với khí thế và quyết tâm như vậy.

Oat dông cüa các chiến trường trong dçt 1 mùa khô 1974-1975 phôi hçp nhip nhàng với nhüng chiến tháng rüc rõ tù Trj - Thiên đến Nam Bô, vut t moi chi tiêu dã dê ra.

Cùng với chiến thắng Phước Long, từ tháng 12 năm 1974 đến tháng 2 năm 1975, quân và dân miền Đông Nam Bộ tiêu diệt 22 tiểu đoàn địch, đánh thiệt hại nặng 25 tiểu đoàn, diệt hơn 1.500 đốn bốt, trong đó có một tiểu khu, tám chi khu, ba yếu khu và 88 phân chi khu quân sự.

Ở đồng bằng sông Cửu Long, chỉ trong vòng hai tháng, ta đã tiêu diệt 15 tiểu đoàn địch, loại khỏi vòng chiến đấu 35.000 tên, diệt và phá 168 đồn bốt. Kết hợp với

quần chúng nổi dậy, ta giải phóng hoàn toàn 51 xã, 414 ấp, giải phóng cơ bản 49 xã khác, giải phóng 5 vạn dân. Khu vực giành thắng lợi lớn nhất là Trà Vinh, Vĩnh Long, vùng trọng điểm số 1 của Quân khu 9.

Sài Gòn và vùng ven là nơi địch tập trung phòng thủ. Ngay ở đó, chỉ bằng lực lượng bộ đội địa phương, đặc công, biệt động, du kích, ta cũng đã giải phóng hoàn toàn ba xã, 37 ấp, 17.000 dân, giải phóng cơ bản một số xã khác. Ách kìm kẹp của ngụy quyền ở cơ sở bị nới lỏng, nhân dân tự do đi lại làm ăn...

Ở Trị - Thiên, Khu 5 và Tây Nguyên, tiếp theo thắng lợi của ta ở La Sơn - Mô Tàu, Thượng Đức, Minh Long, Nông Sơn, Trung Phước, Giá Vụt,

Măng Đen, Măng Bút, quân ta ráo riết chuẩn bị cho các hoạt động Xuân Hè năm 1975. Riêng với Trị - Thiên, ngay từ tháng 10 năm 1974, Quân ủy Trung ương đã triệu tập Thường vụ Quân khu ủy Trị - Thiên ra Hà Nội báo cáo tình hình và nhận nhiệm vụ chiến đấu năm 1975. Quân ủy khen ngợi chủ lực của Quân khu đã đánh thắng ở La Sơn - Mô Tàu, chỉ rõ nhược điểm chưa tận dụng tốt đòn chủ lực để đẩy mạnh phong trào quần chúng ở địa phương. Quân ủy cũng biểu dương quân và dân Quân khu đã chấp hành nghiêm công tác tổ chức chiến trường, căn bản làm xong con đường số 74 và đưa được hậu cần vào phía nam Thừa Thiên tạo ra sức mạnh mới để phát triển thắng lợi. Giao nhiệm vụ cho chiến trường Trị - Thiên trong năm 1975, tôi nhấn mạnh phải "đánh bại về cơ bản kế hoạch "bình định" của địch, tạo ra ở Trị - Thiên một tình thế mới có ý nghĩa quyết định để chuẩn bị cho năm 1976 giải phóng hoàn toàn Trị - Thiên - Huế"; phải tiến hành một chiến dịch tổng hợp cả quân sự và chính trị, bằng lực lượng của cả chủ lực của Bộ và của Quân khu, phối hợp chặt chẽ ba thứ quân, ba mũi giáp công nhằm tiêu diệt và làm tan rã một bộ phận quan trọng sinh lực địch, diệt gọn từng trung đoàn, tiểu đoàn của chúng.

Bộ Tổng Tham mưu cũng giao nhiệm vụ cho Quân đoàn 2 cùng với Quân khu Trị - Thiên mở một chiến dịch quy mô vừa trong mùa Xuân năm 1975 trên đường số 12 và tây bắc Huế, tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, tích cực hoạt động nghi binh kìm giữ, giam chân, thu hút lực lượng cơ động của chúng, phối hợp chiến trường với đòn tiến công chiến lược ở Tây Nguyên, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chiến đấu năm 1975 mà Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng Tư lệnh đã giao cho toàn mặt trận.

Cuối tháng 1 năm 1975, Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng Tư lệnh thông qua lần thứ nhất kế hoạch của Quân khu Trị - Thiên và Quân đoàn 2, đồng thời chỉ định Đảng ủy Mặt trận bao gồm đại diện Đảng ủy Quân khu, đại diện Đảng ủy Quân đoàn 2 và đại diện Khu ủy do đồng chí Lê Tự Đồng làm Bí thư. Về chỉ huy, Bộ Tổng

Tư lệnh trực tiếp chỉ huy chung cả Quân khu và Quân đoàn, không thành lập bộ chỉ huy thống nhất.

Lúc này, đoàn cán bộ quân sự đi học ở Liên Xô đã hoàn thành khóa học. Những cán bộ có kinh nghiệm đánh lớn vừa được trang bị thêm kiến thức tác chiến hiệp đồng quân chủng, bình chủng được phân về các đơn vị chủ lực. Anh Nguyễn Hữu An làm Tư lệnh Quân đoàn 2. Anh Lê Hữu Đức được cử làm Cục trưởng Cục Tác chiến thay anh Vũ Lăng được bổ nhiệm làm Tư lệnh Mặt trận Tây Nguyên.

Đầu tháng 2, Quân ủy Trung ương phê chuẩn kế hoạch tác chiến của Trị - Thiên. Các đồng chí trong Bộ Tư lệnh Quân khu và Quân đoàn 2 ra Hà Nội

chính thức nhận mệnh lệnh. Ngày 28 tháng 2 năm 1975, đồng chí Thanh Quảng, thay mặt Bộ Tư lệnh Quân khu Trị - Thiên và đồng chí Hoàng Đan, thay mặt Bộ Tư lệnh Quân đoàn 2 ra Bộ báo cáo quyết tâm cuối cùng. Quân chủng Phòng không - Không quân được giao nhiệm vụ cho trực thăng đón các đồng chí ra Đồng Hỏi, từ đây đưa ra Thủ đô bằng máy bay YAK-40.

Các đồng chí có mặt rất đúng giờ tại Tổng hành dinh. Cùng dự nghe báo cáo với tôi có các anh Lê Trọng Tấn, Lê Hữu Đức. Với tinh thần phấn chấn, các đồng chí trình bày kế hoạch tác chiến với những mục tiêu, nhiệm vụ còn cao hơn cả những mục tiêu, nhiệm vụ được giao.

Nghe báo cáo xong, tôi hỏi:

- Thế nếu thời cơ thuận lợi, các đồng chí đã có kế hoạch phát triển tiến công giải phóng Trị - Thiên - Huế chưa?

Đang có tâm trạng phấn khởi, hai đồng chí bỗng hóa ra lúng túng. Tôi hỏi thêm:

- Kế hoạch cơ bản như thế này là được. Nhưng các đồng chí phải làm ngay một kế hoạch phát triển tiến công khi thời cơ thuận lợi, mà mục tiêu của nó là giải phóng Trị - Thiên - Huế. Các đồng chí đã rõ chưa?

Sau giây phút ngỡ ngàng, nét mặt hai đồng chí tươi hẳn lên. Cả hai đồng chí đồng thanh trả lời: Rõ!

Về thời gian mở màn chiến dịch, các đồng chí đề nghị cho lui thời gian chuẩn bị thêm năm ngày, tức là đến hết ngày 9 tháng 3. Vừa nghe mấy tiếng "ngày 9 tháng 3", anh Tấn đứng phắt dậy nói ngay, giọng gay gắt:

- Trong chiến dịch lớn có ý nghĩa chiến lược, hiệp đồng nhiều chiến trường mà các đồng chí muốn bắt đầu tiến công ngày nào cũng được hay sao? Các đồng chí lùi lại thì địch đưa sư đoàn dù dự bị chiến lược lên Nam Tây

Nguyên, hướng chính của ta sẽ bị vỡ, cuộc tổng tiến công sẽ đi đến đâu? Đã bao nhiêu lần mời các đồng chí ra họp, bao nhiêu phái viên vào phổ biến kế hoạch, bao nhiêu điện nhắc nhở mà các đồng chí không hiểu sao?

Cứ thế, anh Tấn nói đi nói lại đến gần năm phút.

Hai đồng chí đỏ mặt.

Tôi hỏi:

- Ý Bộ Tổng Tham mưu đã rõ, còn Cục Tác chiến thì sao?

Anh Đức phát biểu:

- Lúc này mà lùi lại thì nguy lắm. Nhưng đề nghị Bộ cũng thấy hết khó khăn, nhất là của Quân đoàn 2, đồng chí Nguyễn Hữu An - Tư lệnh vừa đi

học ở Liên Xô về. Đề nghị đúng ngày N và giờ G, các trung đoàn chủ lực và lực lượng vũ trang địa phương của Trị - Thiên đồng loạt nổ súng. Riêng Quân đoàn 2, cho lùi lại hai ngày. Địch biết Quân đoàn 2 đang ở Trị - Thiên mà chưa có hoạt động thì cũng chưa dám điều sự đoàn dù đi...

Nghe đến đây, anh Tấn nói với hai đồng chí:

- Tôi cũng biết các đồng chí khó khăn. Nhưng các đồng chí phải biết chiến dịch của các đồng chí là nằm trong chiến cuộc chung của toàn quốc. Vậy thời gian phải hết sức chặt chẽ, không thể ai muốn bắt đầu tiến công ngày nào cũng được. Các đồng chí đã tham gia nhiều chiến dịch lớn, các đồng chí phải rõ vấn đề này chứ?

Quay sang tôi, anh Tấn đề nghị:

- Xin anh cho phép các lực lượng Quân khu Trị - Thiên và pháo binh Quân đoàn 2 nổ súng đúng thời gian quy định từ ngày 5 tháng 3, còn phần lớn lực lượng Quân đoàn 2 nổ súng sau hai ngày như đề nghị của Cục Tác chiến.

Tôi đồng ý và chỉ thị Bộ Tổng Tham mưu theo dõi, kiểm tra thực hiện.

Khi hai đồng chí ra về, tôi bảo anh Tấn:

- Góm, hôm nay anh chính quy quá!
- Thưa anh, nóng nảy là khuyết điểm lớn. Đề nghị Bộ trưởng biểu dương Cục trưởng Cục Tác chiến hôm nay sáng dạ lắm!

Tôi cười:

- Có vậy mới mở nắp nồi hơi được!

Chưa thật yên tâm. Sáng ngày 3 tháng 3, tôi cho đồng chí thư ký ra sân bay Bạch Mai gọi hai đồng chí quay lại gặp tôi, ngay khi máy bay sắp cất cánh. Rõ ràng, dứt khoát, tôi cần dặn:

- Nhớ rằng chiến dịch này không như các chiến dịch khác. Các đồng chí có thể phát huy sáng kiến đánh thật hay để hoàn thành vượt mức kế hoạch, nhưng cần chú ý những việc Bộ Tổng Tư lệnh đã quy định cụ thể thì tuyệt đối không được linh hoạt, phải chấp hành thật nghiêm. Phải tích cực sáng tạo thời cơ và sẵn sàng chớp thời cơ tiến lên giành thắng lợi lớn, kể cả giải phóng Huế. Tiêu diệt sinh lực địch là rất quan trọng, nhưng làm đường cơ động cũng quan trọng không kém, các đồng chí phải huy động mọi lực lượng mở đường cơ động, vì có đường thì mới phát triển tiến công được thuận lợi khi có thời cơ.

Hai đồng chí hứa sẽ hoàn thành tốt các nhiệm vụ Bộ giao, cả về thời gian, địa điểm và khối lượng.

heo dôi hành trình của Đoàn A.75, Bộ Tổng Tư lệnh biết toàn đoàn hành quân bí mật, an toàn, đón giao thừa ở Ia Đrăng, đến Tây Nguyên vào đầu năm mới âm lịch. Khi tới Sở chỉ huy Đoàn 559, anh Đinh Đức Thiện quay trở lại Quảng Bình, đích thân đôn đốc việc vận chuyển đạn vào Tây Nguyên. Mọi yêu cầu của chiến dịch đều được anh Đồng Sĩ Nguyên và Bộ Tư lệnh Đoàn 559 bảo đảm rất tích cực: Gạo, đạn, xăng, xe đều đủ. Đường ra mặt trận chật ních xe vận tải nghìn nghịt chạy suốt ngày đêm. Đã có thêm nhiều đoạn đường mới đang thi công, ở một số công đoạn xẻng, cuốc đã được thay bằng máy móc do Cu-ba gửi giúp.

Như đã thống nhất từ trước lúc khởi hành, vừa đến Sở chỉ huy cơ quan đại diện Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng Tư lệnh đặt ở tây thị xã Buôn Ma Thuột, anh Văn Tiến Dũng thay mặt Quân ủy Trung ương công bố quyết định thành lập Bộ Tư lệnh Mặt trận Tây Nguyên, gồm các đồng chí: Hoàng Minh Thảo - Tư lệnh; Đặng Vũ Hiệp - Chính ủy; Vũ Lăng, Nguyễn Năng, Nguyễn Lang, Phan Hàm - Phó Tư lệnh; Phí Triệu Hàm - Phó Chính ủy.

Thường vụ Khu ủy Khu 5 cử anh Bùi San - Ủy viên Thường vụ Khu ủy, cùng một số cán bộ đại diện các ngành ở bên cạnh Đảng ủy và Bộ Tư lệnh chiến dịch để chỉ đạo trực tiếp ba tỉnh Gia Lai, Kon Tum, Đắk Lắk, huy động mọi tiềm lực của địa phương phục vụ Chiến dịch Tây Nguyên.

Lúc này, có một tình hình không thuận khiến cho kế hoạch đánh thắng vào thị xã Buôn Ma Thuột ngay từ đầu chiến dịch không thực hiện được. Đó là việc bố trí lực lượng ta ở chiến trường Tây Nguyên có khác với dự kiến của cơ quan chiến lược. Sự

đoàn 10 và nhiều đơn vị khác đã được các đồng chí chỉ huy tại chỗ bố trí từ Đức Lập đến Đắk Soong trên đường số 14 theo ý đồ trước đây là đánh mở thông hành lang vận chuyển chiến lược vào Nam Bộ. Anh Dũng điện ra cho biết nếu điều chỉnh lại đội hình thì sẽ rất phức tạp, vừa mất thời gian, vừa dễ lộ bí mật. Vì vậy, các anh trong đó quyết định cứ thực hiện đánh Đức Lập, đồng thời cài thế bao vây, cô lập Buôn Ma Thuột. Đánh xong Đức Lập rồi, sẽ lập tức điều Sư đoàn 10 và một số đơn vị về ngay tham gia đánh Buôn Ma Thuột.

14 giờ ngày 25 tháng 2 năm 1975, tôi điện cho anh Văn Tiến Dũng: "Tôi đã nhận được điện ngày 17 tháng 2 của anh... Chưa nắm được đầy đủ tình hình cụ thể, chỉ góp với anh một số ý kiến, sau khi đã trao đổi cụ thể với anh Sáu1:

1. Anh cân nhắc tình hình cụ thể để quyết định theo tinh thần đã trao đổi trước khi anh đi. Nên làm ăn theo phương án Định1 ra báo cáo hoặc theo một phương án khác, mạnh bạo giải quyết A22 trước nếu dịch ở đây tương đối sơ hở, ta có điều kiện giành bất ngờ, tiêu diệt dịch, tiếp đó nhanh chóng phát triển thắng lợi.

2. Dù theo phương án nào cũng cần tranh thủ bất ngờ cao độ, bảo đảm trận đầu thắng giòn giã, có dự kiến, có kế hoạch phát triển thắng lợi kịp thời, diệt được thật nhiều sinh lực dịch đồng thời giải phóng được địa bàn quan trọng.

3. Cho kiểm tra kế hoạch chi viện hậu cần, bảo đảm cho được chi viện đầy đủ cả trong trường hợp dịch tăng cường đánh hành lang. Ký tên: Chiến".

Lúc này, có một tình tiết đáng nhớ:

Chấp hành ý định của Bộ, Quân khu 5 cử Phó Tư lệnh Võ Thứ vào Bình Định điều Sư đoàn 3 lên cắt đứt đường số 19. Các đồng chí ở địa phương chưa thật thông, đề nghị chỉ đưa một trung đoàn đi làm nhiệm vụ ấy. Thấy vậy, anh Chu Huy Mân lập tức vào can thiệp. Có lệnh của Tư lệnh kiêm Chính ủy Quân khu, địa phương mới đồng ý điều Sư đoàn 3. Quân khu cũng điều luôn cả trung đoàn pháo của Quân khu cùng với Sư đoàn 3 lên cắt đường số 19, thực hiện nhiệm vụ chia cắt chiến lược có ý nghĩa rất quan trọng trong diễn biến chiến sự sau này.

Các bước thực hiện Chiến dịch Tây Nguyên phát triển thuận lợi. Qua nắm tình hình và khai thác tin của dịch, cơ quan tác chiến báo cáo:

Ngày 25 tháng 2 năm 1975, ta tăng cường hoạt động nghi binh.

Sư đoàn 968 diệt hai cứ điểm địch trên đường số 19 phía tây Plei Ku và bắn vào sân bay Cù Hanh.

Ngày 4 tháng 3, Trung đoàn 95A và Sư đoàn 3 (Quân khu 5) tiêu diệt một loạt vị trí, cắt đường số 19 ở An Khê. Dịch cho biệt động ra dò tìm và bắn pháo vào chỗ nghi có quân ta.

Đêm 5 tháng 3, Trung đoàn 25 cắt đường số 21 ở phía đông Chư Cúc, diệt một đoàn xe 80 chiếc. Tây Nguyên bước đầu bị cô lập với đồng bằng.

Tin tức từ chiến trường báo về: Ngày 6 tháng 3, một tiểu đội trưởng thông tin của ta bị thương, rơi vào tay địch, mang theo trong người cuốn sổ nhật

ký. Mọi người lo lắng tuy được biết đồng chí ấy bị thương nặng, phải cưa chân, còn mê man bất tỉnh, dịch chưa khai thác được gì.

Ngày 7 tháng 3, quân ta diệt cứ điểm Chư Xê (bắc Buôn Hồ) trên đường số 14.

Ngày 8 tháng 3, Trung đoàn 48 Su đoàn 320 đánh chiếm chi khu quân sự Thuần Mẫn.

Ngày 9 tháng 3, Sư đoàn 10 nổ súng đánh chiếm quận ly Đức Lập. Trên hướng bắc, ta tiêu diệt quận ly Thanh An, áp sát, uy hiếp thị xã Plei Ku.

Thế chiến lược bao vây, chia cắt, cô lập Buôn Ma Thuột đã được cài xong.

hiến trường Tây Nguyên chuyển mình, sôi động.

Trận tiến công Đức Lập và tuyến phòng thủ liên hoàn gồm năm cứ điểm trên đường số 14 phía tây nam Buôn Ma Thuột của Sư đoàn 10 và Trung đoàn pháo binh 40 đẩy địch ở đây vào tình thế nguy ngập. Các căn cứ Núi Lửa, căn cứ 23 của địch lần lượt bị tiêu diệt. Địch dồn lực lượng vào quận ly ngoan cố chống cự. Sư đoàn 10 phải dừng lại cùng cố lực lượng rồi tiếp tục tiến công, đến hôm sau mới dứt điểm.

Trước tình hình nguy khốn, Phạm Văn Phú - tư lệnh vùng 2 chiến thuật bay đến Buôn Ma Thuột họp với sư đoàn phó sư đoàn 23 ngụy và tỉnh trưởng Đắk Lắk. Phú nhận định: Đức Lập không còn khả năng cứu văn, không cần tăng viện nữa. Trước mắt, trung đoàn 53 cố gắng giữ cho được ngã ba Đắk Lắk. Nếu ngày hôm sau tình hình khá hơn, sẽ phản kích lấy lại Đức Lập. Trường hợp không trụ nổi thì được phép tự di tản về hậu cứ. "Cộng sản" đánh Quảng Đức, uy hiếp Buôn Ma Thuột chỉ để nghi binh tạo điều kiện cho vài ngày tới sẽ tập trung lực lượng đánh vào Kon Tum - Plei Ku. Do vậy, việc chính hiện nay là tăng cường mọi khả năng đối phó với địch ở trọng điểm là Kon Tum và Plei Ku.

Đến thời điểm này, quân ngụy vẫn không biết ý định và hướng tiến công của quân ta. Chúng cho rằng ta uy hiếp Buôn Ma Thuột là nghi binh để đánh Plei Ku và Kon

Tum; đánh Đức Lập là để mở thông đường vào Nam Bộ. Từ đó, chúng lo đối phó với ta ở hướng Bắc Tây Nguyên, rút bớt lực lượng ở Nam Tây Nguyên lên tăng viện cho Plei Ku. Phú vẫn cả quyết: Nhất định Plei Ku là hướng chủ yếu, vì Sư đoàn 320 của "Việt cộng" vẫn ở đó, còn Sư đoàn 10 "Việt cộng" vẫn ở Đắk Tô - Tân Cảnh. Ở Buôn Ma Thuột cũng sẽ có hoạt động phối hợp bằng đặc công pháo kích, nhưng không phải là hướng chính.

Hoạt động của quân ta trên các hướng nhịp nhàng, ăn khớp. Kế hoạch nghỉ binh chiến lược thực hiện rất thành công. Trong cuộc đấu trí đầu tiên, bộ tham mưu địch đã phạm sai lầm. Buôn Ma Thuột sơ hồ lại càng thêm sơ hồ.

Trong lúc quân đoàn 2 ngụy ra sức chuẩn bị đối phó với quân chủ lực ta ở Bắc Tây Nguyên, thì vào lúc 1 giờ 55 phút sáng 10 tháng 3 năm 1975, trận Buôn Ma Thuột bắt đầu. Trung đoàn đặc công 198 cùng một bộ phận pháo cối nổ súng tiến công, đánh chiếm sân bay lên thẳng Ngã Sáu, cụm kho Mai Hắc Đế, sân bay Hòa Bình. Pháo binh của ta từ các trận địa xung quanh Buôn Ma Thuột bắn phá mãnh liệt hậu cứ sự đoàn 23, sổ chỉ huy tiểu khu Đắk Lắk, khu doanh trại pháo binh, thiết giáp của địch trong thị xã.

Buôn Ma Thuột, tỉnh lỵ tỉnh Đắk Lắk, là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của Tây Nguyên, có vị trí quan trọng về quân sự. Thị xã nằm trên ngã ba đường chiến lược số 21 nối với đường số 1 đi Nha Trang và đường số 14, phía bắc lên Plei Ku, phía nam xuống miền Đông Nam Bộ. Dân số có khoảng 96.000 người. Dịch bố trí ở đây khoảng 8.400 tên, gồm một trung đoàn bộ binh, hai chi đoàn thiết giáp, hai tiểu đoàn pháo binh, sở chỉ huy sự đoàn 23, liên đoàn biệt động 21 cùng các lực lượng bảo an, cảnh sát và các căn cứ trung đoàn bộ binh 45, trung đoàn thiết giáp 8, trung đoàn pháo binh 222, với hai sân bay là sân bay thị xã và sân bay Hòa Bình. Chọn mục tiêu tiến công chủ yếu là Buôn Ma Thuột, Bộ Thống soái tối cao dự kiến sẽ làm đảo lộn hoàn toàn thế phòng ngự của địch ở Tây Nguyên, rung chuyển toàn bộ chiến trường miền Nam bằng một đòn điểm huyệt. Mới tờ mờ sáng, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương nhận được điện của anh Văn Tiến Dũng:

"... Ngày 10 tháng 3 năm 1975, ta đã đánh Buôn Ma Thuột. Tình hình diễn biến thế nào, có nhận xét gì lớn, tôi sẽ điện tiếp. Chúng tôi vẫn khỏe. Anh Thiện vào Đoàn 559 trợ lực tích cực cho chiến dịch này. Mọi yêu cầu đều cố gắng bảo đảm. Quân no, lực lượng lớn, vũ khí, trang bị đầy đủ, tinh thần phấn chấn, khí thế cao. Chưa bao giờ mạnh và đánh tập trung lớn ở đây như năm nay. Chúc các anh trong Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương mạnh khỏe. Ký tên: Tuấn".

Chiến dịch Tây Nguyên đã mở màn. Tôi trực tiếp chủ trì các cuộc giao ban hằng ngày của Bộ Tổng Tham mưu. Dự giao ban thường có các anh Hoàng Văn Thái, Lê

Trọng Tấn, Trần Quý Hai, Vương Thừa Vũ, Trần Sâm, Trần Văn Quang, Cao Văn Khánh, Phùng Thế Tài. Anh Phạm Ngọc Mậu - Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị và anh Vũ Xuân Chiêm - Phó Chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần cũng thường có mặt.

Sáng 10 tháng 3, trong cuộc giao ban thường lệ ở Sở chỉ huy "Nhà con rồng", mọi người phấn khởi đón tin chiến thắng đầu tiên: Ta đã giải quyết xong quận ly Đức Lập, Đắk Soong, Núi Lửa, mở thông hành lang chiến lược Bắc - Nam. Trận Buôn Ma Thuột đã bắt đầu từ rạng sáng hôm nay, đang phát triển thuận lợi.

Các cơ quan Tổng hành dinh hoạt động khẩn trương. Cán bộ tác chiến, thông tin, cơ yếu làm việc thâu đêm suốt sáng. Thông tấn xã Việt Nam, Bộ Ngoại giao, Cục Quân báo, Cục Tuyên huấn khai thác kịp thời tin tức công khai của địch và của phương Tây... Tất cả đều nhằm giúp Bộ Thống soái tối cao nhận định, phán đoán, đánh giá tình hình, điều hành chiến tranh từng giây, từng phút...

Tin từ nhiều nguồn tới tấp báo về. Tại sân bay Ngã Sáu, Trung đoàn đặc công 198 diệt các mục tiêu quan trọng trong sân bay, phát triển đánh chiếm khu cảnh sát, bệnh viện dã chiến, tạo hành lang thông suốt ở cửa ngõ Đông Bắc thị xã Buôn Ma Thuột. Các chiến sĩ đặc công nhanh chóng diệt sở chỉ huy khu kho Mai Hắc Đế, mở cửa ở hướng tây bắc, chuẩn bị đường tiến đánh căn cứ sự đoàn 23 ngụy.

Các đơn vị bộ binh, xe tăng, thiết giáp tranh thủ vượt sông Sê-rê-pôk, vào chiếm lĩnh các trận địa xuất phát tiến công, hình thành năm mũi nhất tế tiến công vào thị xã.

Cuộc chiến đấu ở khu vực Ngã Sáu diễn ra quyết liệt. Trung đoàn 95b đánh bại cuộc phân công của địch có xe tăng và không quân chi viện.

6 giờ 30 phút sáng ngày 10 tháng 3, dưới sự yểm hộ của pháo binh chiến dịch, các chiến sĩ Sư đoàn 316 đánh chiếm các mục tiêu trong thị xã Buôn Ma Thuột. Trên hướng tây bắc, quân ta tiến công khu thông tin, khu vận tải, áp sát hậu cứ sự đoàn 23 ngụy.

Ở hướng đông bắc thị xã, bộ binh ta có xe tăng đi cùng tiến công tiểu khu Đắk Lắk, đến 15 giờ ta chiếm được tiểu khu.

Ở hướng nam, quân ta tiến công các mục tiêu quân sự và quận lỵ Hòa Bình.

Trong ngày 10 tháng 3, hầu hết các mục tiêu quan trọng trong thị xã, trừ sở chỉ huy sự đoàn 23, đều bị quân ta đánh chiếm.

Tình hình phát triển thuận lợi. Bộ Tư lệnh chiến dịch quyết định tập trung lực lượng nhanh chóng tiêu diệt sở chỉ huy sự đoàn 23 và các mục tiêu còn lại trong thị

xã, đồng thời tiêu diệt các căn cứ Bản Đôn, Chư Nga, Buôn Hổ, ngăn chặn quân tiếp viện từ bên ngoài, bố trí lực lượng sẵn sàng đánh quân dịch phân kích.

Mãi đến lúc này, Nguyễn Văn Thiệu và bọn tướng tá ngụy mới tỉnh ra. Chúng kêu gào trên Đài phát thanh Sài Gòn: "Từ thủ Buôn Ma Thuột bằng mọi giá". Rõ ràng là đã quá muộn rồi!

áng hôm sau, 11 tháng 3, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương họp tại sở chỉ huy. Đây là cuộc họp đầu tiên của Bộ Thống soái tối cao từ khi mở màn Chiến dịch Tây Nguyên.

Rát vui trước thắng lợi những ngày đầu chiến dịch, các anh thảo luận sôi nổi về sự phát triển thế và lực của ta, sự suy sụp của địch. Về hoạt động của ta, mọi người đều nhất trí cần khẩn trương tiếp tục mở rộng tiến công, sẵn sàng đánh địch phân kích.

Điều đáng chú ý là tinh thần quân ngụy sụp xuống rất nhanh. Chúng không chịu nổi những đòn tiến công của quân ta vào các chi khu, quận lỵ. Ai cũng nghĩ đến khả năng giành thắng lợi lớn hơn dự kiến ban đầu.

Qua thảo luận, hội nghị đề cập cả đến khả năng địch rút chạy khỏi Tây Nguyên. Trong trường hợp này, cần có kế hoạch chốt chặt, bao vây, chia cắt, tiến công, không cho chúng chạy thoát.

Hội nghị cũng thấy rõ cục diện chiến trường đang chuyển biến mau lẹ, cần nắm bắt cho kịp thời cơ. Cần phải nghĩ ngay đến các hoạt động quân sự, chính trị ở Huế, Trị - Thiên, Đà Nẵng. Tình hình khách quan đòi hỏi cơ quan chiến lược và toàn quân chuẩn bị nhanh hơn về mọi mặt.

Tinh thần là vừa qua đã có Phước Long, nay lại có Buôn Ma Thuột. Vậy nên xem lại kế hoạch hai năm đã phù hợp hay chưa, ta có thể đẩy mạnh, đẩy nhanh hơn nữa được không?

Tôi phát biểu ý kiến, nêu lên những nhân tô mới đã và đang xuất hiện, sẽ đưa đến những bước nhảy vọt.

Lực lượng của địch bị dàn mông, căng kéo, rất dễ đứt tung bất cứ lúc nào và ở bất cứ đoạn nào. Không loại trừ khả năng địch rút bỏ Tây Nguyên. Quân ta còn sung sức, tinh thần chiến đấu cao, hậu cần bảo đảm. Cần khẩn trương hành động, nắm bắt thời cơ và chớp lấy thời cơ.

Kết thúc hội nghị, anh Ba nói ngắn gọn, nhấn mạnh đến các hoạt động quân sự của ta trong những ngày đầu chiến dịch, coi đó là một "nếp làm ăn" mới. Anh gợi ý có

thể đẩy mạnh các hoạt động hơn nữa được không? Cần suy nghĩ xem Buôn Ma Thuột đã phải là trận mở đầu cuộc tổng tiến công chiến lược hay chưa? Phải có những quả đắm chủ lực mạnh trong lúc này. Các

quân đoàn ở miền Nam, miền Bắc phải sử dụng như thế nào cho thật linh hoạt, thật tập trung, không nên phân tán.

Sau cuộc họp, có điện của anh Văn Tiến Dũng:

"Kính gửi anh Chiến,

1. Ta đã hoàn toàn làm chủ thị xã Buôn Ma Thuột. Các mục tiêu lớn như sự đoàn bộ 23, tiểu khu Đắk Lắk, khu thiết giáp và pháo, sân bay thị xã ta đã chiếm giữ. Đang truy lùng tàn quân trốn trong thị xã. Sơ bộ mới biết bắt gần 1.000 tù binh (chưa phân loại) và thu một khối lượng rất lớn chiến lợi phẩm. Từ Đức Lập đến Đắk Soong đã hoàn toàn xong. Thu 12 pháo và gần 100 tấn đạn pháo.
2. Đang tiếp tục phát triển để tiêu diệt các mục tiêu xung quanh như căn cứ trung đoàn 45, căn cứ trung đoàn 53, Buôn Hồ, Bản Đòn và tăng thêm lực lượng để chiếm giữ vững chắc sân bay Hòa Bình.
3. Ngày 11 tháng 3, Ủy ban quân quân Đắk Lắk sẽ triển khai công việc. Để thuận lợi cho công tác, đề nghị trao quân hàm đại tá cho đồng chí Y Blốc để làm Chủ tịch Ủy ban".

Căn cứ vào tình hình địch - ta trên chiến trường, vào khả năng bảo đảm hậu cần và thời tiết thuận lợi, anh Tuấn có ý định vừa cũng cố vững chắc Buôn Ma Thuột, sẵn sàng đánh địch phân kích, vừa phát triển ra chung quanh để hoàn toàn làm chủ Đắk Lắk, phát triển về phía đông đến Cheo Reo (có thể tiêu diệt hoặc bao vây Cheo Reo) rồi từ đó ngược lên bao vây tiêu diệt Plei Ku, cô lập Kon Tum...

Hướng phát triển về phía nam có thể để chậm lại sau.

Anh Tuấn đề nghị tôi trao đổi trong Quân ủy và báo cáo với Bộ Chính trị rồi cho anh biết sớm.

hiến dịch Tây Nguyên mở đầu thắng lợi giòn giã. Buôn Ma Thuột đã được giải phóng.

Nhu vậy tình hình chiến sự đã phát triển nhanh hơn so với kế hoạch chiến lược cơ bản, trù tính giải phóng Tây Nguyên trong năm 1975, bước 1 của kế hoạch hai năm. Với chiến thắng Buôn Ma Thuột, ta có khả năng giải phóng Tây Nguyên sớm hơn nhiều. Đây là vấn đề quan trọng mới được đặt ra.

Rất yên tâm về Tây Nguyên, tôi nghĩ ngay đến các chiến trường phối hợp ở Trị - Thiên, Khu 5, Nam Bộ, nhất là đồng bằng sông Cửu Long.

Bộ Tổng Tham mưu báo cáo: Tình hình phát triển tốt ở Trị - Thiên, quân ta bí mật vượt qua tuyến phòng thủ vòng ngoài dày đặc của địch, đột nhập xuống đồng bằng và xung quanh thành phố Huế, liên tiếp tiến công các vị trí và hệ thống kìm kẹp của địch. Quân và dân Khu 5 tiêu diệt quận lỵ Tiên Phước, uy hiếp Quảng Tín, Quảng Ngãi.

Ở chiến trường Nam Bộ, địch không còn bắt được thanh niên vào lính, nên lực lượng của chúng ở cơ sở bị hằng hụt, quân và dân vùng châu thổ sông Cửu Long phối hợp chặt chẽ ba mũi giáp công, diệt nhiều đồn bốt địch, giải phóng nhiều địa bàn rộng lớn. Phong trào đấu tranh cách mạng lên cao...

Phát huy chiến thắng Phước Long và chiến thắng núi Bà Đen, B2 đã có kế hoạch hoạt động của toàn Miền phối hợp với chiến trường chính, mở đầu đợt 2 của kế hoạch mùa khô 1974-1975 vào ngày N (đêm 9 rạng ngày 10-3-1975), theo quy định của Bộ Tổng Tư lệnh. Ngoài kế hoạch quân sự, các anh còn có kế hoạch đẩy mạnh nổi dậy của quần chúng, sử dụng lực lượng tổng hợp của chiến tranh nhân dân theo tinh thần tổng tiến công và nổi dậy. Đồng thời, Bộ Tư lệnh Miền cũng đã thông qua kế hoạch và giao nhiệm vụ cho Quân đoàn 4, các quân khu, sự đoàn và các lực lượng đặc công, biệt động trong nội thành Sài Gòn.

Một điều cần suy nghĩ trong những ngày này là sắp xếp cán bộ chủ trì ở các "quả đắm chủ lực". Chiến thắng Tây Nguyên càng cho thấy việc ấy quan trọng biết nhường nào. Quân ủy Trung ương quyết định bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, chỉ huy Quân đoàn 4 và Đoàn 232: Đồng chí Hoàng Cầm - Tư lệnh, đồng chí Hoàng Thế Thiện - Chính ủy, đồng chí Bùi Cát Vũ - Phó Tư lệnh Quân đoàn 4; đồng chí Nguyễn Minh Châu - Tư lệnh, đồng chí Trần Văn Phác - Chính ủy, đồng chí Trần Văn Nghiêm - Phó Tư lệnh Đoàn 232.

19 giờ ngày 11 tháng 3, tôi điện cho anh Văn Tiến Dũng:

"Sáng nay, trước khi nhận điện của anh, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương đã họp nhận định tình hình có mấy điểm chính sau đây:

1. Kế hoạch chiến lược và chiến dịch do Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương đề ra là chính xác, công tác chuẩn bị làm tương đối tốt, vì vậy ngay trong những ngày đầu vào đợt đã giành được thắng lợi lớn.
2. Thắng lợi ở Buôn Ma Thuột - Đức Lập trên đường số 19 và ở các hướng khác chứng tỏ ta có khả năng giành thắng lợi to lớn với nhịp độ nhanh chóng hơn

dự kiến. Đặc điểm nổi bật là tinh thần địch rất sa sút.

3. Trước tình hình đó, ngay trong đợt hoạt động này và kể cả trong kế hoạch tiếp theo, cần có tinh thần khẩn trương, mạnh bạo, kịp thời lợi dụng thời cơ mới giành thắng lợi lớn.
4. Ở B3, cần hết sức chú trọng đợt hoạt động này và kể cả trong kế hoạch tiếp theo, cần có tinh thần khẩn trương, mạnh bạo, kịp thời lợi dụng thời cơ mới giành thắng lợi lớn.
5. Điện của anh hoàn toàn phù hợp với ý kiến trao đổi sáng nay trong Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương. Tôi vừa bàn với anh Ba, anh Sáu. Hoàn toàn đồng ý với chủ trương trong điện:

a) Ở Buôn Ma Thuột, tiêu diệt địch còn lại, phát triển xung quanh, sẵn sàng đánh viện.

b) Nhanh chóng phát triển về hướng Cheo Reo, bao vây ngay để tiêu diệt.

c) Hoàn thành ngay thế bao vây Plei Ku, thực hiện chia cắt chiến lược, bao vây và chuẩn bị tiêu diệt An Khê để có lập Plei Ku.

Phát triển xuống phía Nam sẽ làm sau một bước.

Trong phát triển tiến công, chú ý nắm vững chủ lực, tránh phân tán...

Thường vụ Quân ủy Trung ương quyết định phong quân hàm Đại tá cho đồng chí Y Blốc. Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương nhiệt liệt khen ngợi toàn thể cán bộ, chiến sĩ, đảng viên, đoàn viên, công nhân viên quốc phòng và nhân dân trên Mặt trận Tây Nguyên đã giành thắng lợi lớn...

Chúc anh mạnh khỏe và gửi lời chúc anh em trong đó. Ký tên: Chiến".

Không khí phấn khởi, tin tưởng, quyết tâm bao trùm cơ quan Tổng hành dinh.

Lúc này, nắm tình hình địch là trọng tâm công tác của cơ quan chiến lược. Tôi chỉ thị mắc cho đồng chí Trưởng phòng 70 Cục Quân báo một máy điện thoại ở nhà riêng và dặn đồng chí thư ký từ nay khi nào có tin kỹ thuật thì dù tôi ở đâu, làm gì, ngay cả khi đang họp Bộ Chính trị, cũng phải báo ngay. Hằng ngày, cứ 4 giờ 30 phút sáng, phải gọi điện cho đồng chí Thanh hỏi xem có tin tức gì mới trong đêm.

Từ chỗ phán đoán sai lầm, địch bắt đầu tỉnh ra và bị động đối phó.

Tin cho biết Nguyễn Văn Thiệu có ý định dựa vào các lực lượng còn lại và các điểm phụ cận Buôn Ma Thuột, điều thêm lực lượng bộ binh có không quân yểm trợ, tổ chức phân kích chiếm lại thị xã. Chiến đoàn 45 cùng sở chỉ huy cơ bản của sự đoàn

23 ngụy đã đổ bộ bằng trực thăng xuống Buôn Hồ trưa ngày 11 tháng 3. Không quân ngụy đang được huy động ở mức độ cao.

12 giờ ngày 12 tháng 3, Quân ủy Trung ương điện tiếp cho anh Dũng, đồng gửi anh Hoàng Minh Thảo và Thường vụ Đảng ủy B3: "Địch đang có ý định dựa vào các lực lượng chưa bị tiêu diệt của chúng và các điểm phụ cận,

tăng thêm lực lượng phối hợp với không quân tiến hành phân kích hòng chiếm lại Buôn Ma Thuột... Vì vậy, việc cấp thiết nhất là nhanh chóng tập trung lực lượng hơn nữa, nhanh chóng tiêu diệt các đơn vị và các căn cứ của địch ở chung quanh Buôn Ma Thuột, tiêu diệt viện binh của chúng. Tiêu diệt được bộ phận quan trọng sinh lực của địch chung quanh Buôn Ma Thuột sẽ có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển của chiến dịch. Đồng thời chỉ đạo mọi công tác hoạt động trên các hướng phát triển đã dự định: Cheo Reo, Plei Ku và đường số 19. Chú ý khai thác tù binh phục vụ cho tác chiến và binh vận. Chúc thắng to. Ký tên: Chiến".

Đồng thời, tôi chỉ thị Bộ Tổng Tham mưu điện cho Khu 5, Trị - Thiên và Quân đoàn 2 thông báo nội dung cuộc họp của Bộ Chính trị ngày hôm qua (11-3), hướng dẫn phương hướng hoạt động tiếp theo của các chiến trường là cần khẩn trương, mạnh bạo, kịp thời tranh thủ điều kiện thuận lợi giành thắng lợi to lớn hơn. Theo những hướng đã dự kiến, dựa vào quyết tâm cơ bản đã đề ra, kịp thời phát triển một cách kiên quyết. Hết sức coi trọng tiêu diệt thật nhiều sinh lực địch trong khi chúng rút chạy hoặc trong khi chúng đưa quân đến tiếp viện.

hững ngày tháng 3 sôi động. Đã trở thành lệ thường, các anh trong Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương thường đến Tổng hành dinh dự giao ban, nghe Bộ Tổng Tham mưu báo cáo tình hình chiến sự, trao đổi ý kiến chỉ đạo kịp thời. Riêng tôi, ngoài những giờ làm việc ban ngày, thường là thông tầm không nghĩ trưa, tối nào cũng vào sở chỉ huy bằng lối cửa tây, làm việc và ngủ luôn tại đấy. Phấn khởi xua tan mỏi mệt. Tiết xuân nao nức lòng người. Quyền chủ động chiến lược giúp cho cơ quan lãnh đạo, chỉ huy thêm bình tĩnh, sáng suốt, linh hoạt, ngược lại với kẻ địch đang trong thế bị động, tuyệt vọng, rối mù... Trong buổi giao ban sáng 13 tháng 3, Bộ Tổng Tham mưu báo cáo: Có khả năng địch tập trung lực lượng của chúng còn lại ở Tây Nguyên và Plei Ku, cũng có thể chúng buộc phải rút chạy khỏi Tây Nguyên. Dù trong tình huống nào, ta cũng phải thực hiện cho bằng được và thực hiện thật nhanh quyết tâm tiêu diệt địch, giải phóng hoàn toàn Tây Nguyên.

Buổi giao ban tiến hành nhanh, gọn. Thời gian và lực lượng, không thể lãng phí. Tôi điện ngay cho anh Dũng: "Trường hợp địch bị tiêu diệt một bộ phận sinh lực lớn, mất thị xã Buôn Ma Thuột và nhiều quận ly, việc chia cắt chiến lược đường số

19 thực hiện tốt thì có khả năng chúng tập trung các lực lượng còn lại ở B3 và Plei Ku, cũng nên nghĩ đến khả năng chúng buộc phải

thực hiện rút lui chiến lược. Vì vậy, cần bao vây ngay Plei Ku bằng các thứ hóa lực, kể cả các loại pháo cao xạ, triệt đường tiếp tế của địch, chuẩn bị tiêu diệt địch trong cả hai tình huống: Địch co cụm ở Plei Ku, hoặc rút chạy khỏi Tây Nguyên... Ký tên: Văn".

Bức điện được chuyển lúc 9 giờ sáng.

Hôm sau, anh Lê Trọng Tấn gọi điện cho tôi báo cáo tin kỹ thuật mới nhất Cục 2 vừa nhận được: Tình hình Plei Ku, Kon Tum rất hỗn loạn. Địch đốt các kho tàng. Dân hốt hoảng. Thiệu bay ra Cam Ranh nghe Phú báo cáo tình hình, có Cao Văn Viên, Trần Thiện Khiêm và Đặng Văn Quang cùng dự. Nghe xong, Thiệu nói: Quân viện bị cúp. Đạn và tiền thiếu. Địch đánh mạnh. Kon Tum - Plei Ku ít người, kinh tế không có. Cho rút quân về giữ vững vùng duyên hải. Lộ trình rút được chấp thuận là liên tỉnh lộ số 7.

Tôi trao đổi với anh Tấn:

- Địch rút bỏ Plei Ku - Kon Tum đã rõ rệt. Chúng sẽ đưa lực lượng xuống co cụm giữa đồng bằng Khu 5, Huế và Đà Nẵng. Tình hình sẽ phát triển nhanh. Anh điện ngay cho anh Dũng biết.

Nhận được các bức điện dồn dập gửi vào, anh Văn Tiến Dũng và Bộ Tư lệnh Mặt trận Tây Nguyên rất đồng tình. Các anh lập tức ra lệnh cho các hướng hình thành bao vây và tổ chức đánh địch. Tuy vậy, không phải ai cũng nhạy bén trước tình hình diễn biến quá nhanh. Sau này được biết lúc bấy giờ, có một số cán bộ ở chiến trường nghĩ khác. Có đồng chí đã nói với anh Vũ Lăng - Phó Tư lệnh Mặt trận Tây Nguyên: "Làm gì có chuyện địch rút Plei Ku".

à nước hướng về miền Nam.

Báo hằng ngày hết ngay từ sáng sớm. Trong các giờ phát thanh thời sự, hầu như mọi gia đình đều ngồi bên máy thu thanh. Các bản tin nhanh của Thông tấn xã Việt Nam, mặc dù đã tăng thêm mỗi ngày mấy bản, vẫn không đáp ứng kịp yêu cầu. Đài BBC được nhiều người đón nghe. Các phóng viên nước ngoài thường trú tại Hà Nội chạy ngược xuôi săn lùng tin, khẩn trương không kém...

Mặt trận dư luận phải ăn khớp với mặt trận quân sự. Không phải lúc nào công tác thông tin, tuyên truyền cũng cần triển khai rầm rộ. Tôi trao đổi với các anh trong Bộ Chính trị và điện ngay cho anh Dũng: "... Theo chỉ thị của Bộ Chính trị, chúng tôi

chủ trương về tuyên truyền công khai chỉ thực hiện từng bước. Lúc đầu đưa ra từng trận, đợi đến khi cuộc tiến công cơ bản hoàn

thành mới đưa tin giải phóng Buôn Ma Thuột. Trong khi đưa tin, nêu bật sự vi phạm hiệp định của địch, nói nhiều về phong trào nổi dậy của quần chúng, đồng thời nói nhiều đến hoạt động của Quân giải phóng... Anh có ý kiến gì, điện cho biết. Ký tên: Chiến".

Đồng thời, tôi chỉ thị Tổng cục Chính trị thông báo chủ trương này cho các cơ quan thông tin đại chúng. Trong quân sự, nhất là ở thời điểm quyết định, cần phải nói ít, làm nhiều, "cần miếng mà không cần tiếng".

Tin về dồn dập. Cơ quan tác chiến phải lựa chọn, sàng lọc để báo cáo tình hình được chính xác, kịp thời.

Địch đã phát hiện được hướng tiến công chiến lược Tây Nguyên của ta. Chúng đang điều động lực lượng cơ động chiến lược gồm quân dù và một số thiết đoàn hòng phản kích chiếm lại Buôn Ma Thuột. Nguyễn Văn Thiệu ra lệnh cho Phạm Văn Phú phải cũng cố lại lực lượng chiếm lại Buôn Ma Thuột bằng mọi giá. Chúng sử dụng liên đoàn biệt động quân 21, hai trung đoàn 44 và 45 của sự đoàn 23 với sự yểm trợ của sự đoàn không quân 3 đóng ở sân bay Thành Sơn (Phan Rang). Đồng thời, chúng điều liên đoàn biệt động quân 7 từ Sài Gòn ra thay sự đoàn 23 ở Plei Ku.

Địch chưa kịp hành động thì liên đoàn 21 đã bị ta đánh thiệt hại nặng. Ngày 13 tháng 3, trung đoàn 45 được 200 lần chiếc máy bay lên thẳng đổ xuống đông Buôn Ma Thuột, cũng bị quân ta vây đánh, diệt hai tiểu đoàn.

Từ chiến trường Khu 5, ngày 15 tháng 3, anh Chu Huy Mân điện ra báo cáo: Tình hình phát triển nhanh và thuận lợi. Ở vùng ven biển Khu 5 sẽ đánh Tam Kỳ, Trà Bồng, Sơn Hà, phát triển xuống đường số 4 xung quanh Quảng Ngãi, Bình Định, tạo điều kiện cho đồng bằng mỡ măng, giành dân, đồng thời bao vây An Khê, tạo thời cơ dứt điểm.

Ngay hôm đó, tôi tranh thủ trao đổi với anh Ba và anh Sáu về những diễn biến mới trên chiến trường Tây Nguyên và các chiến trường khác, xác định phương hướng phát triển Chiến dịch Tây Nguyên. Các anh hoàn toàn nhất trí. Tôi điện cho anh Văn Tiến Dũng:

"20 giờ ngày 15 tháng 3 năm 1975.

Điện gửi anh Tuấn,

Chúng tôi đã trao đổi với anh Ba và anh Sáu, nhận định tình hình như sau:

1. Căn cứ các nguồn tin, hiện nay địch đã thấy rõ hướng chính của ta là Nam Tây Nguyên, xác định được tương đối rõ lực lượng của ta ở đây, ở các

hướng khác ta chỉ hoạt động có mức độ, vì vậy chúng đã có chủ trương tập trung cố gắng, điều động lực lượng cơ động chiến lược và một số liên đoàn biệt động và thiết đoàn có thể theo đường số 21 mở cuộc hành quân tương đối lớn hòng giành lại Buôn Ma Thuột.

Tuy lực lượng có tăng, nhưng tinh thần chúng rất kém, các mặt bảo đảm có nhiều khó khăn. Ta có đầy đủ điều kiện để tiêu diệt toàn bộ sinh lực địch.

1. Vì vậy, cần tập trung lực lượng ở vùng A (Buôn Ma Thuột) và phụ cận, nắm chắc lực lượng dự bị trong tay, nhanh chóng tập trung binh hỏa lực tiêu diệt từng cánh quân của địch, trước hết là trên hướng Phước An, sẵn sàng tiêu diệt viện binh đường không, đường bộ của chúng.

Bước tiếp theo sẽ chuyển lực lượng lên tiêu diệt địch ở Cheo Reo.

Trận Buôn Ma Thuột đang phát triển thành một cuộc chiến đấu quy mô lớn nhằm tiêu diệt trên dưới hai sự đoàn địch. Việc tiêu diệt sinh lực lớn của địch ở đây sẽ có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển thắng lợi của chiến dịch trên cả chiến trường Tây Nguyên. Cần động viên cán bộ, chiến sĩ có quyết tâm thật lớn, nắm lấy cơ hội lớn, tiêu diệt toàn bộ sinh lực địch, giải phóng Nam Tây Nguyên.

1. Đối với B (Nam Bộ), hình thành từng bước thế bao vây tăng cường khống chế các sân bay và phá hủy các kho tàng của địch, tiến hành thật khẩn trương mọi công tác chuẩn bị cần thiết để không cho địch kịp trở tay.

Chúc thắng to. Ký tên: Chiến".

Trong khi các đồng chí cơ yếu đang khẩn trương dịch điện, tôi nhận được điện của anh Dũng cho biết bộ đội rất phấn khởi và hứa "sẽ nỗ lực tổ chức chỉ đạo thực hiện nhằm đạt các yêu cầu của cấp trên, rút ngắn thời gian, vượt kế hoạch năm 1975... Trước tình hình chiến sự đang phát triển nhanh chóng, cung cách làm ăn "rị mọ" của cán bộ ta là một trở ngại, cần được nhanh chóng khắc phục".

Đọc xong, tôi viết thêm một đoạn vào bức điện đang dịch dở:

"Viết xong điện này thì nhận được điện 05 của anh.

Chúng tôi nhất trí ta sẽ hoàn thành vượt thời gian rất nhiều kế hoạch chung đã định, hiện đang nghiên cứu và gấp rút chuẩn bị theo phương hướng đó. Sau khi xin chỉ thị Bộ Chính trị, tôi sẽ có điện mới cho anh".

Như vậy là phía trước và phía sau đều thống nhất, trên dưới đều quyết tâm: Phải thắng nhanh hơn, lớn hơn, không hoàn toàn phụ thuộc vào chỉ tiêu và thời gian định ra trong kế hoạch cơ bản.

inh hình phát triển quá nhanh.

Mặc dù ta đã hạn chế mức độ tuyên truyền, cả nước ta và thế giới cũng bị cuốn hút vào cơn lốc cách mạng ở miền Nam Việt Nam.

Ở các cơ quan chiến lược của Đảng và của quân đội, nơi nắm vững tình hình từng giờ, từng phút, không khí lại càng sôi động. Tất cả tâm trí dành hết cho miền Nam.

Từ đầu tháng 2, theo đề nghị của anh Lê Trọng Tấn, Quân ủy Trung ương đồng ý để Bộ Tổng Tham mưu triển khai nghiên cứu kế hoạch tác chiến các bước tiếp theo Chiến dịch Tây Nguyên là các chiến dịch giải phóng Huế, Đà Nẵng và Sài Gòn, chủ động cùng các tổng cục trong Bộ Quốc phòng xác định các mục tiêu chiến lược, sử dụng lực lượng và bảo đảm hậu cần, kỹ thuật. Lúc này, cơ quan tác chiến không đủ cán bộ, một số trợ lý có năng lực và kinh nghiệm đã tham gia Đoàn A.75. Sau khi trao đổi với Tổng cục Chính trị, tôi gọi điện cho đồng chí Lê Hữu Đức - Cục trưởng Cục Tác chiến:

- Cậu sang ngay Cục Cán bộ bàn bạc chọn lấy một số cán bộ để về làm kế hoạch. Tôi đã gặp anh Song Hào, anh ấy rất nhất trí. Nhớ cho người ra Trạm 66 mời anh Trần Hải Phụng - Tư lệnh biệt động Sài Gòn - Gia Định vào tham gia Tổ nghiên cứu chiến dịch Sài Gòn. Anh ấy thông thuộc thành phố Sài Gòn. Chú ý sử dụng biệt động, đặc công đánh vào các mục tiêu quan trọng.

Diễn biến của chiến trường đi trước mọi phán đoán và dự kiến. Riêng tôi trong những ngày này, diễn biến của chiến trường như một cuốn phim quay thường trực trong đầu. Tại Tổng hành dinh, tôi thường đứng rất lâu trước ảm bản đồ lớn, không những theo dõi sự phát triển của các mũi tiến công của quân ta, sự đối phó của địch mà còn suy nghĩ, tính toán, hình dung những bước phát triển tiếp theo trên tất cả các hướng chiến lược từ Trị - Thiên đến đồng bằng sông Cửu Long. Tấm bản đồ chiến sự như rõ hơn, sáng hơn mọi ngày. Đất nước thân yêu trải dài bên bờ Thái Bình Dương đang chuyển mình, bỏ rơi lại phía sau mọi suy nghĩ, tác phong lỗ mê, lạc hậu. Câu thơ của Bác trong bài thơ Học đánh cờ lúc này nhắc nhở:

"Lạc nước, hai xe đành bỏ phí

Gặp thời, một tốt cũng thành công!"[1].

Nhiều đêm, tôi sang phòng trực ban tác chiến ngồi cùng anh em đến tận khuya, muốn đón tin về sớm phút nào hay phút ấy.

Những lúc quá căng thẳng, thỉnh thoảng tôi ra Hồ Tây bơi thuyền để thư giãn tinh thần. Thường mỗi lần như thế, có một cán bộ cùng đi để tranh thủ

làm việc nhẹ nhàng, nhất là ghi lại những ý nghĩ quan trọng bất chợt nảy ra. Có lần mái suy nghĩ, tôi đã bơi thuyền khá xa, ra tận đền thờ bà chúa Liễu Hạnh...

Ngày 16 tháng 3, được tin địch rút khỏi Kon Tum, tôi điện ngay cho Bộ Tư lệnh Mặt trận Tây Nguyên yêu cầu triển khai đánh quân địch rút chạy, đồng thời lệnh cho Quân khu 5 đưa bộ đội địa phương lên chốt đường số 7, cho Sư đoàn 968 và Sư đoàn công binh 470 tiến nhanh vào Plei Ku, Kon Tum. Ngày hôm sau, Cục Tác chiến báo cáo: Bộ đội ta đang thực hiện kế hoạch cắt đứt con đường này, tiêu diệt quân địch đang tháo chạy. Ở Trị - Thiên, phối hợp với chiến trường chính Tây Nguyên, quân ta đã tiến công phá vỡ một mảng lớn hệ thống phòng ngự của địch ở khu vực đường số 14, diệt và bắt gần 1.000 tên địch, thu hút, giam chân quân địch ở tây nam Thừa Thiên, diệt cứ điểm Chúc Mao và điểm cao 300, uy hiếp tây bắc Huế, tạo điều kiện cho các lực lượng địa phương tiêu hao sinh lực địch, vũ trang tuyên truyền gây cơ sở quân chúng suốt từ nam sông Thạch Hãn đến Lăng Cô.

Bộ Tổng Tham mưu khẩn trương nắm tình hình các chiến trường Khu 5, Nam Bộ. Trong buổi giao ban sáng 17 tháng 3, trước một bản đồ lớn phản ánh tình hình chiến sự mới nhất, tôi đi đến một nhận định: Sau khi quân ta đã cơ bản đánh bại cuộc phân kích của địch hòng chiếm lại Buôn Ma Thuột, quân địch ở đây đang thực hiện co cụm chiến lược, tập trung về hướng Sài Gòn, Cam Ranh, có thể cả Đà Nẵng. Thời cơ lớn đã xuất hiện.

Qua trao doi, toi va cac dong chi chü trl trong Bo Tong Tham mutu nhat trl ngay mai se de nghi vdi Bo Chinh tri: Sau khi Tay Nguyen co ban da duqc giai phong, phat trien theo hai huong: Huong chu yeu, phan lon lqc luqng B3 se phat trien vao mien Dong Nam Bo. Huong thir hai, phat trien xudng dong bang Khu 5 vdi lqc luqng hiên co, co the tang cuong them mot su doan. De dap ung kip yeu cau cua cac huong tien cong chien luqc, lenh cho Doan 559 chuyen ca tuyen tur duong Trung Son sang duong so 14 (Plei Ku - Kon Tum), tang cuong trang bi, vira lam cong tác vqn chuyen vira bao ve hanh lang, cung co vung giai phong.

Cuộc giao ban vừa xong, tôi tranh thủ điện cho anh Văn Tiến Dũng:

"Địch đang thực hiện co cụm chiến lược sớm hơn ta dự kiến. Trước sự phát triển tiến công của ta, sắp đến quá trình co cụm chiến lược sẽ tiếp tục. Phương hướng là tập trung ở Sài Gòn, Cam Ranh, có thể Đà Nẵng... Đây là thời cơ lớn. Phát triển tiến công theo hướng nào là chủ yếu... Anh trả lời về

hướng phát triển để kịp xin ý kiến Bộ Chính trị vào sáng mai. Chúc anh và anh em khỏe, thắng thật to. Ký tên: Chiến".

Bức điện được chuyển ngay lúc 9 giờ sáng.

Vừa ngồi vào bàn làm việc, giờ tò báo Nhân Dân với hàng tít đậm đưa tin chiến thắng trên trang nhất, thì đồng chí trực ban tác chiến chuyển đến một bức điện của anh Dũng đề ngày 16 tháng 3. Sau khi báo cáo bổ sung tình hình mới nhất ở Tây Nguyên, anh xin ý kiến Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương về mấy việc lớn:

- Bảo vệ, củng cố vùng mới giải phóng.
- Diệt viện binh địch. Diệt hai quận còn lại của tỉnh Đắk Lắk và quận Đức Xuyên, giữ đường số 21 không cho địch giải tỏa.
- Phát triển tiến công Cheo Reo, cắt rời Plei Ku và Kon Tum.

Ngoài ra, anh đề nghị B2 phối hợp tiến công về hướng Quảng Đức, đánh chiếm Nhân Cơ, bao vây tiêu diệt Gia Nghĩa. Khu 5 tiến công tiêu diệt An Khê, cắt đường số 19. B4 và B5 chia cắt Huế và Đà Nẵng, uy hiếp hai thành phố này.

Cục Tác chiến sao bức điện của anh Dũng gửi ngay đến các đồng chí trong Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương. Tôi tranh thủ điện tiếp vào bức điện vừa đánh đi: "Phương án 1: Sau khi Tây Nguyên đã được giải phóng hoặc cơ bản giải phóng thì phát triển theo hai hướng: Hướng chủ yếu là cho đại bộ phận lực lượng ở B3 phát triển vào miền Đông; hướng thứ hai là mở rộng vùng giải phóng đồng bằng Khu 5 với lực lượng hiện có, có thể tăng cường F.968 và bình khí kỹ thuật... Tôi, anh Sĩ1, anh Ba Long2 nhất trí nặng về Phương án 1. Ngày mai sẽ xin ý kiến Bộ Chính trị. Ký tên: Chiến".

Tối hôm ấy, Bộ Tổng Tham mưu điện cho Quân khu Trị - Thiên và Khu 5 đưa ngay lực lượng xuống đồng bằng với quy mô trung đoàn, phối hợp cùng các lực lượng vũ trang địa phương và nhân dân đánh chiếm các khu vực ở vùng sâu, đánh chiếm quận lỵ Phú Lộc, cắt đường số 1, chuẩn bị tiến công Đà Nẵng.

Ngày hôm sau, có tin báo sư đoàn dù ở Đà Nẵng đang rút về Sài Gòn, địch đưa sư đoàn lính thủy đánh bộ lên thay, có hiện tượng địch muốn bỏ đất từ bắc Huế đến đèo Hải Vân. Đó là những dấu hiệu địch co cụm chiến lược trên toàn miền Nam. Tôi hội ý với Bộ Tổng Tham mưu điện cho B4 và B5 lập

tức đánh ngay, cắt đường số 1, pháo kích sân bay Phú Bài, kiên quyết không cho dịch rút quân, co cụm về Đà Nẵng.

những tư liệu đáng tin cậy sau này tiết lộ: Sáng 11 tháng 3, ngay sau khi được tin Buôn Ma Thuột đã bị đánh chiếm, Nguyễn Văn Thiệu họp với Trần Thiện Khiêm - thủ tướng, Cao Văn Viên - tổng tham mưu trưởng và tướng Đặng Văn Quang. Thiệu trở lại với một suy nghĩ đã có từ sau ngày Hiệp định Pa-ri được ký kết: Trong tình hình nguy khốn, có thể từng bước bỏ vùng 1 và vùng 2 chiến thuật (Trị - Thiên, Tây Nguyên và các tỉnh phía bắc miền Trung), co về giữ các vùng 3 và 4 chiến thuật, bao gồm cả đồng bằng sông Cửu Long. Thà mất đất còn hơn chung sống với "cộng sản". Thiệu phác ra kế hoạch trên bản đồ và nói: "Với sức lực và khả năng của ta, chắc chắn ta không thể nào giữ được toàn bộ vùng đất theo ý muốn. Chúng ta phải triển khai lại lực lượng làm sao có thể giữ những vùng đông dân và trù phú này thôi. Chính những vùng này mới thật quan trọng".

Chiến lược này của Thiệu còn được gọi nôm na là "đầu bé đít to", thả lỏng phần trên, giữ chặt phần dưới. Vùng "trên" tiếp giáp với miền Bắc vốn là vùng bất lợi về quân sự cũng như về kinh tế, vùng "dưới", chính là vùng đồng bằng sông Cửu Long trù phú, cung cấp lúa, gạo, rau, quả, cá, tôm cho 75 phần trăm dân số "Chính quyền Sài Gòn".

Không ai có ý kiến gì!

Cái phương án vạn bất đắc dĩ này thực ra là một cơn ác mộng.

Trở lại vấn đề Buôn Ma Thuột, Thiệu yêu cầu "từ thủ", chiếm lại bằng mọi giá.

Ngay chiều hôm ấy, Đài phát thanh Sài Gòn và Đài "quân đội Sài Gòn" kêu gào đến thất thanh: "Từ thủ Buôn Ma Thuột".

Không may cho nhà báo Pháp Pôn Lê-âng-dri lại đưa tin: Buôn Ma Thuột đã bị thất thủ! Bản tin của hãng thông tấn AFP khác nào một gáo nước lạnh giội lên đầu Thiệu. Nhà báo Pháp đã phải trả giá đắt về một tin chiến sự kịp thời, chính xác bằng tính mệnh của mình!

Phạm Văn Phú - tư lệnh vùng 2 chiến thuật, tìm cách cứu vãn tình thế. Phú từng là một lính ngụy dưới thời thực dân Pháp, đã bị quân ta bắt tại Điện Biên Phủ năm 1954, nay là một viên tướng tối, không được giới quân

sự tín nhiệm. Tuy vậy, Thiệu lại nâng đỡ Phú, bởi vì cả hai cùng giúp nhau lên chức.

Cuộc họp tiến hành tại Cam Ranh trưa ngày 14 tháng 3, theo đề nghị của Phú, vì Plei Ku không được an toàn, tại ngôi biệt thự xây cất trong dịp đón Tổng thống Mỹ Giôn-xơn hồi năm 1966. Cùng họp có Trần Thiện Khiêm, Cao Văn Viên, Đặng Văn

Quang - ba cố vấn thân cận nhất của Thiệu. Cuộc họp được giữ tuyệt đối bí mật, kể cả với cố vấn Mỹ.

Tình hình quân đoàn 2 ngụy rất đen tối. Hầu như toàn bộ Buôn Ma Thuột đã nằm dưới quyền kiểm soát của cộng sản. Các đường giao thông đều bị cắt đứt. Phú không dám trả lời dứt khoát khi Thiệu hỏi: Có thể chiếm lại Buôn Ma Thuột được hay không? Phú chỉ xin thêm quân và máy bay lên thẳng để chở quân, vì không thể tiếp viện bằng đường bộ.

Yêu cầu của Phú không được đáp ứng, vì không còn quân dự bị và 200 trong số 400 trực thăng của quân ngụy hoặc đã bị cộng sản bắn rơi, hoặc không hoạt động được nữa do thiếu phụ tùng thay thế.

Kết thúc cuộc họp, Thiệu lệnh cho Phú rút bỏ Plei Ku, Kon Tum, triển khai lực lượng tái chiếm Buôn Ma Thuột. Các đơn vị còn lại sẽ rút về Tuy Hòa. Ở đó sẽ tập họp, cũng cố lực lượng tiến hành một chiến dịch chiếm lại Buôn Ma Thuột.

Phú chủ trương rút quân theo đường số 7 để tranh thủ bất ngờ. Đây là con đường liên tỉnh từ lâu hầu như đã bị bỏ quên, nên hư hỏng nặng. Cầu cống trên đường bị sập. Rõ ràng, cuộc rút quân trên con đường mới lạ, xuyên qua rừng núi, đầy rủi ro, nguy hiểm này, không có một biện pháp trợ giúp tối thiểu nào của bộ tổng tham mưu, là một cuộc phiêu lưu lớn, nhưng đành phải chấp nhận vì không còn cách nào khác.

Phú chỉ đề nghị với Thiệu một "ăn huệ" cuối cùng. Đó là việc thăng chức thiếu tướng cho Phan Văn Tất - đại tá, tư lệnh biệt động quân vùng 2 chiến thuật. Thiệu đồng ý.

Thiệu có ngờ đâu, đây là "con bài chuồn", là một trò "thế mạng" của Phú, vì khi trở về Plei Ku, Phú lập tức giao quyền cho "tân thiếu tướng" Phan Văn Tất chỉ huy cuộc rút lui. Ngay sau đó, Phú rời Plei Ku bằng trực thăng với lý do về trông coi sở chỉ huy mới ở Nha Trang, bỏ mặc Tất cùng toàn bộ binh sĩ ngụy ở vùng 2 chiến thuật đi vào cõi chết!

Tin tức sau này còn cho biết:

Trong khi ngụy quyền Sài Gòn đang ở bên bờ vực thẳm, báo chí Mỹ và Sài Gòn đưa tin một phái đoàn của Quốc hội Mỹ bay sang Sài Gòn để xem xét tại chỗ, có nên viện trợ bổ sung cho Thiệu 800 triệu đô-la nữa hay

không? Phái đoàn do thượng nghị sĩ Di-uây Bác-lít và dân biểu Giôn Phơ-lin dẫn đầu, gồm tám người thuộc hai đảng Cộng hòa và Dân chủ cùng một tá nhân viên tham mưu và mật vụ.

Chính quyền Sài Gòn bố trí một chương trình lịch sự, chu đáo để các nghị sĩ Mỹ đi khắp nơi, kể cả đến xem các "chuồng cọp" ở Côn Sơn và gặp phái đoàn "Việt cộng" ở sân bay Tân Sơn Nhất.

Sau mấy ngày xem xét, tiếp xúc, thái độ của phái đoàn Quốc hội Mỹ không mấy thuận lợi đối với Thiệu. Trừ hai trường đoàn, các thành viên còn lại của phái đoàn dường như dừng dưng trước cảnh "thập tử nhất sinh" của chế độ Sài Gòn. Dừng dưng, ngạo mạn, không hề có một thái độ thân hữu nào đến mức Nguyễn Văn Thiệu không tự kìm chế được mình, buột miệng nói trong buổi dạ tiệc chiều ngày 1 tháng 3 tại dinh Độc Lập:

"... Vấn đề rút lại thành một câu hỏi đơn giản là liệu những lời hứa của Mỹ còn giá trị nữa hay không? Lời nói của Mỹ có nên tin nữa hay không? Đó là thông điệp tôi muốn các ngài chuyển tới Quốc hội Hoa Kỳ".

Thất vọng và cay đắng, Thiệu nói thêm:

"... Tôi xin được phép khen ngợi những người bạn chân chính về quan điểm đúng đắn của họ và tôi cũng xin được phép nhắc lại ở đây câu nói đầy ý nghĩa: Quà tặng là quan trọng nhưng cách trao tặng lại càng quan trọng hơn".

Dạ tiệc ngày 1 tháng 3 là bữa tiệc lớn cuối cùng ở dinh Độc Lập. Cay đắng thay cho Nguyễn Văn Thiệu, đây không chỉ là cách tặng quà, mà ngay cả "món quà" ít ỏi chẳng thấm vào đâu, sau đó cũng không có nốt!

Chương sáu CHUYÊN CỰỘC TIÊN CÔNG THÀNH TỔNG TIÊN CÔNG

hiến dịch Tây Nguyên phát triển thắng lợi.

Đúng như phán đoán của Bộ Tổng Tư lệnh, trong hai ngày 12 và 13 tháng 3, địch đổ quân xuống đông Buôn Ma Thuột, Phước An và tây sân bay Hòa Bình. Chúng sa ngay vào một cái bẫy đã giăng sẵn. Các trung đoàn 45, 44, sở chỉ huy nhẹ sư đoàn 23 ngụy cùng với tàn quân của liên đoàn biệt động số 21 lần lượt bị tiêu diệt. Số còn lại chạy tán loạn, bỏ lại nhiều vũ khí, xe cộ và quân trang, quân dụng. Cuộc phân kích của địch hòng chiếm lại Buôn Ma Thuột bị đập tan.

Cũng đúng như dự đoán, ngày 16 tháng 3, địch bỏ Kon Tum và ngày 17 tháng 3, bỏ Plei Ku, theo đường số 7 rút chạy về hướng ven biển. Theo tin trình sát, đường số 7 bị bỏ từ lâu, cầu hồng, phà qua sông không có. Được tin quân địch rút chạy theo con đường ấy, anh Văn Tiến Dũng kiên quyết ra lệnh cho Sư đoàn 320 chặn ngay đường rút lui của địch, lệnh cho Bộ chỉ huy Chiến dịch Tây Nguyên huy động thêm xe bọc thép, xe vận tải, thêm pháo và vật chất để bảo đảm cho Sư đoàn 320 khẩn

trương truy kích địch. Giao nhiệm vụ cho đồng chí Kim Tuấn - Sư đoàn trưởng Sư đoàn 320, anh Dũng đã nghiêm khắc nhấn mạnh: "Lúc này do dự một chút, sơ hở một chút là hỏng việc. Nếu để địch chạy thoát là một tội lớn...".

Sau khi nhận mệnh lệnh, Sư đoàn 320 tích cực, khẩn trương vượt mọi khó khăn, cấp tốc hành quân trong đêm 16 tháng 3. Mở sáng hôm sau, một đơn vị đã nhanh chóng băng rừng ra cắt đường số 7, chặn địch ở đông Phú Bổn, tiêu diệt địch và đánh xuống Củng Sơn. Trong lúc đó, hai tiểu đoàn bộ đội địa phương tiến ra cắt cầu Sơn Hòa và cùng Sư đoàn 320 tiến công giải phóng Củng Sơn.

Quân địch hoàn toàn tan rã. Ta tiêu diệt và bắt gần 6.000 tên, thu hàng trăm khẩu pháo các loại, xe tăng, xe công binh, xe vận tải...

Báo chí và Đài phát thanh phương Tây đổ thêm chất xúc tác vào quá trình sụp đổ của ngụy quân, ngụy quyền. Đài BBC tường thuật chi tiết cuộc rút chạy, tô đậm hình ảnh thảm bại với những cảnh rùng rợn ở Plei Ku, Kon Tum và trên đường số 7. Đài Tiếng nói Hoa Kỳ loan tin Quốc hội Mỹ bác bỏ viện trợ thêm về quân sự cho ngụy quyền Sài Gòn với đa số áp đảo: 49 phiếu thuận trên 189 phiếu chống tại Hạ nghị viện và 6 phiếu thuận trên 36 phiếu chống tại Thượng nghị viện.

Đã đến lúc phải chạy đua với thời gian.

Bộ Chính trị quyết định sẽ họp vào ngày 18 tháng 3. Tôi chỉ thị cho Bộ Tổng Tham mưu chuẩn bị tình hình và đề xuất ý kiến.

Đêm ngày 15 tháng 3, Cục Quân báo phát hiện một hoạt động đáng chú ý của địch ở Trị - Thiên: Liên đoàn biệt động quân 14 chuyển ra Quảng Trị thay thế sư đoàn lính thủy đánh bộ chuyển phần lớn vào Đà Nẵng. Hiện tượng này giúp tôi khẳng định thêm một nhận xét đang hình thành trong suy nghĩ từ sau chiến thắng Buôn Ma Thuột: Qua cuộc đọ sức lớn đầu tiên ở Tây Nguyên và những diễn biến tiếp theo, có thể thấy rõ quân ngụy còn yếu hơn nhiều so với sự đánh giá của ta trước lúc mở cuộc tiến công. Chúng không hy vọng giữ được Trị - Thiên. Có thể chúng sẽ tập trung lực lượng về giữ Đà Nẵng, nơi có vị trí chiến lược quân sự xung yếu. Như vậy, khả năng phát triển tiến công của ta rất lớn. Kế hoạch hai năm có thể rút ngắn. Giải phóng miền Nam có thể sớm hơn. Trước mắt, đã có thể mở cuộc tiến công giải phóng thành phố Huế và toàn bộ hai tỉnh Quảng Trị - Thừa Thiên.

Tôi đem những suy nghĩ của mình trao đổi với các anh Hoàng Văn Thái, Lê Trọng Tấn, Cao Văn Khánh, Lê Hữu Đức và một số đồng chí khác trong Bộ Tổng Tham mưu. Các anh rất đồng tình.

Tôi định đi ngay vào Vĩnh Linh, ở đó sẽ mời anh Lê Tự Đồng - Chính ủy kiêm Tư lệnh Quân khu Trị - Thiên ra bàn chủ trương và kế hoạch tác chiến. Trực thăng đã sẵn sàng. Thế nhưng cân nhắc kỹ, thấy rằng trong lúc tình hình các chiến trường phát triển nhanh quá, tôi cần có mặt tại Tổng hành dinh; hơn nữa, mặc dù đi bằng máy bay, nhưng tính toán thời gian không kịp về họp Bộ Chính trị, lại vừa có tin dịch rút Plei Ku - Kon Tum, nên cuối cùng tôi quyết định không đi nữa. Thay vào đó tôi điện ngay cho Quân khu Trị - Thiên và Quân đoàn 2: "... Đã có khả năng chuyển sang kế hoạch thời cơ1, tổ chức thực hiện giải phóng Huế. Tình

hình phát triển nhanh và thời cơ lớn đang đến sớm hơn ta dự kiến. Dịch đang phải đối phó với Nam Tây Nguyên, Khu 5, Nam Bộ và bắt đầu co cụm chiến lược. Trị - Thiên cần đẩy mạnh hoạt động về mọi mặt. Cụ thể là đẩy mạnh tiến công của chủ lực từ phía tây, thực hành chia cắt chiến lược giữa Huế và Đà Nẵng, mạnh dạn đưa lực lượng xuống đồng bằng phát động quần chúng, đẩy mạnh chiến tranh du kích, áp sát các tuyến ngăn chặn của dịch, kết hợp chặt chẽ chiến tranh du kích ở đồng bằng với tiến công của chủ lực từ phía tây xuống".

Đồng thời, tôi chuẩn y kế hoạch của Bộ Tổng Tham mưu ra chỉ thị tổ chức những trận địa pháo tầm xa khống chế đường số 1 từ Trị - Thiên trở vào, ngăn chặn dịch chuyển quân. Để thực hiện nhiệm vụ này, một đoàn cán bộ pháo binh được cử vào Trị - Thiên tăng cường cho các đơn vị tại chỗ, đánh dịch dọc đường số 1 từ Quảng Trị đến Thừa Thiên.

Ụa tuần tháng 3 năm 1975, Chiến dịch Tây Nguyên toàn thắng. Hơn 10 vạn quân dịch bị loại khỏi vòng chiến đấu. Hơn 60 vạn dân thuộc các dân tộc Tây Nguyên được giải phóng. Hệ thống bố trí chiến lược của Mỹ - ngụy ở miền Nam đứng trước nguy cơ bị chia cắt hẳn làm đôi. Tuyến phòng ngự của dịch dọc ven biển miền Trung bị uy hiếp trực tiếp. Thắng lợi của Chiến dịch Tây Nguyên và bước phát triển của nó đánh dấu một bước suy sụp mới của Mỹ - ngụy, một bước ngoặt trong quá trình phát triển của cục diện quân sự và chính trị ở miền Nam.

Ngày 18 tháng 3 năm 1975, tại "Nhà con rồng", Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương họp. Đồng chí Cục trưởng Cục Tác chiến báo cáo tổng hợp tình hình chiến sự từ khi chiến dịch mở màn. Mọi người vui mừng thấy cuộc tiến công phát triển nhanh hơn dự kiến.

Trên cơ sở những suy nghĩ về khả năng phát triển của cách mạng miền Nam từ sau trận Buôn Ma Thuột, tổng hợp những ý kiến đã trao đổi tập thể, tôi phát biểu: Tình hình đang chuyển biến rất nhanh. Mở đầu tiến công mới 10 ngày đã tiêu diệt đại bộ phận quân đoàn 2 ngụy, giải phóng Tây Nguyên; đã xuất hiện hành động co cụm lớn của dịch. Quân ngụy suy yếu rõ rệt. Lực lượng so sánh đã thay đổi. Do ngụy suy

sụp nhanh, Mỹ cũng không dám liều lĩnh, ít khả năng can thiệp trở lại. Ta đang sung sức, lực lượng tập trung, khí thế mạnh mẽ. Quân ủy Trung ương đề nghị Bộ Chính trị hạ quyết tâm giải phóng miền Nam trong năm 1975, không chờ đến năm 1976.

Để thực hiện quyết tâm ấy, kiến nghị của Quân ủy Trung ương là: Hướng chiến lược chủ yếu là Sài Gòn. Trước mắt, Trị - Thiên - Đà Nẵng là hướng chiến lược quan trọng. Khẩn trương tiến công giải phóng Huế và Đà Nẵng, giải phóng đồng bằng Khu 5. Tạo cho được bất ngờ về hướng tiến công, về thời gian, về lực lượng. Cần nhanh chóng đưa các sự đoàn ở Mặt trận Tây Nguyên vào hướng Sài Gòn, tăng cường cho B2 thêm hai trung đoàn xe tăng, hai trung đoàn pháo và ba trung đoàn cao xạ. Quân khu Trị - Thiên và Quân đoàn 2 khẩn trương thực hiện kế hoạch thời cơ như Bộ đã chỉ thị. Cho ngay Quân đoàn 1 lên đường. Hoạt động của các hướng tiến công đồng thời hay trước, sau đều phải rất linh hoạt, nhằm bao vây, chia cắt, tiêu diệt địch. Trước mắt, phải đập tan âm mưu co cụm lớn của địch, tạo biến động trong cục diện chiến lược. Phương châm tác chiến chiến lược là "táo bạo, bất ngờ, kịp thời, chắc thắng". Đồng bằng sông Cửu Long đánh mạnh, tích cực phá "bình định", giành đất, giành dân. Thành lập thêm các tiểu đoàn của huyện, tỉnh, khẩn trương huấn luyện để tác chiến và bổ sung cho các chiến trường...

Hội nghị thảo luận sôi nổi.

Đánh giá khả năng can thiệp trở lại của Mỹ, anh Lê Đức Thọ phân tích những khó khăn Mỹ đang gặp phải, sự suy sụp nhanh chóng của ngụy, đi đến khẳng định Mỹ không còn khả năng trở lại can thiệp. Anh tán thành đề nghị của Quân ủy Trung ương: "Như anh Văn nói, ta có cơ sở để dứt điểm trong năm 1975. Vấn đề là tổ chức, là hậu cần, là cán bộ...".

Anh Trường Chinh, anh Phạm Văn Đồng và các anh khác trong Bộ Chính trị lần lượt phát biểu ý kiến, phân tích thêm về thế đi xuống của địch, về cách đánh chiến lược của ta. Tất cả đều thống nhất: Ta đang đứng trước thời cơ chưa từng có và đồng ý với kiến nghị của Quân ủy Trung ương cần giành thắng lợi hoàn toàn trong năm 1975, kiên quyết nắm bắt thời cơ, thắng càng nhanh càng tốt.

Hội nghị cũng quan tâm đến tình hình Nam Bộ. Theo báo cáo của B2, bắt đầu từ ngày N (10-3-1975) tích cực phối hợp với Tây Nguyên, toàn chiến trường đồng loạt tiến công và nổi dậy. Từ Khu 6 đến Cà Mau, kể cả vùng ven các đô thị, bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân du kích phối hợp với phong trào nổi dậy của quần chúng nhân dân, giành thắng lợi giòn giã. Ở khu vực Sài Gòn - Gia Định, lực lượng của thành đội và các đội đặc công, biệt động bắt đầu hoạt động mạnh. Ở đồng bằng

sông Cửu Long, quân và dân ta sôi nổi đánh phá kế hoạch "bình định" của địch, đạt nhiều kết quả.

Hội nghị làm việc khẩn trương, hào hứng, phấn khởi, kể cả trong giờ nghỉ. Đồng chí Bí thư thứ nhất khẳng định địch đã bị mấy cái bất ngờ: Bất ngờ vì không phá được Hiệp định Pa-ri mà còn bị ta kiên quyết đánh lại; bất ngờ về kế hoạch và quy mô tác chiến của ta; bất ngờ về hướng tiến công chiến lược; bất ngờ trước sự suy yếu của chúng. Về bước phát triển tiếp theo,

đồng chí nêu ý kiến phải đánh cho địch suy yếu ngay trong quá trình co cụm, ngay khi chúng còn bị phân tán trên các hướng Khu 5, miền Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long. Phải tạo được ba quả đắm: Chủ lực, nông thôn và đô thị. Đánh Sài Gòn là khó, phải tạo được bất ngờ, phải sử dụng nhiều sự đoàn chủ lực để tiêu diệt quân chủ lực địch. Đồng chí không quên nhắc đến mũi tiến công binh vận, phải tạo cho được binh biến.

Bộ Chính trị hạ quyết tâm chuyển cuộc tiến công chiến lược thành cuộc tổng tiến công chiến lược, hoàn thành kế hoạch hai năm (1975-1976) ngay trong năm 1975. Phương hướng tiến công chiến lược chủ yếu được xác định là Sài Gòn. Trước mắt, nhanh chóng tiến công tiêu diệt bằng được toàn bộ lực lượng địch trong vùng 1 chiến thuật, từ Quảng Trị đến Quảng Ngãi, giải phóng Huế và Đà Nẵng. Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng Tư lệnh chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện quyết tâm chiến lược ấy.

Một lần nữa, tư duy quân sự khoa học của Bộ Thống soái tối cao đưa đến một quyết định chiến lược dũng cảm và chính xác. Trong tình hình quân ta đánh mạnh, đẩy địch vào thế bị động, thất bại liên tiếp, phạm sai lầm về chiến lược và suy sụp nhanh chóng, thế chiến tranh nhân dân của ta mạnh lên toàn diện từng giờ, từng phút, thì thời gian ấn định trong kế hoạch hai năm không còn phù hợp nữa. Lợi dụng thời cơ, đẩy mạnh tiến công trong khối nghĩa vũ trang và chiến tranh cách mạng là một vấn đề đã trở thành truyền thống của nghệ thuật quân sự Việt Nam.

Hội nghị Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương ngày 18 tháng 3 đã quyết định rất kịp thời, khẩn trương chuyển hẳn sang phương án thời cơ.

Gay chiêu hôm ấy, tôi vào Ninh Bình trực tiếp giao nhiệm vụ cho Quân đoàn 1. Cùng đi có đồng chí Lê Trọng Tấn - Phó Tổng tham mưu trưởng và đồng chí Lê Quang Hòa - Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị. Hai bên đường số 1, cảnh lao động sản xuất rộn rã, tấp nập. Nông dân chăm bón ruộng đồng, góp sức cùng tiên tuyến đánh giặc, hứa hẹn một vụ Xuân Hè thắng lợi; công nhân ra sức sửa chữa cầu đường, khôi phục các nhà máy bị tàn phá trong chiến tranh phá hoại. Bức tranh lao

động trong khí thế tổng tiến công phản ánh đặc điểm của chiến tranh nhân dân Việt Nam, như hai câu thơ đã trở thành quen thuộc:

"Rộn ràng thay cảnh quê hương

Nửa công trường, nửa chiến trường xôn xao"1.

Các đồng chí Nguyễn Hòa - Tư lệnh và Hoàng Minh Thi - Chính ủy Quân đoàn 1 đón đoàn tại sở chỉ huy. Tôi ngạc nhiên khi nghe báo cáo một số đơn vị trong Quân đoàn đang bận đi đắp đê. Việc sử dụng lực lượng dự bị chiến lược của Bộ trong lúc này như vậy là không đúng. Hơn nữa, qua việc này, có thể thấy không phải mọi người, mọi cấp đều đã quán triệt tinh thần các nghị quyết và quyết tâm của lãnh đạo tối cao.

Tôi ra lệnh cho Quân đoàn kiểm tra mọi mặt chuẩn bị lên đường chiến đấu, để lại Sư đoàn 308 sẵn sàng ứng phó với tình huống địch phản ứng quân sự đối với miền Bắc, điều ngay các đơn vị đang đắp đè về. Bộ sẽ tăng cường hóa lực cho Quân đoàn. Quân đoàn 1 là quả đấm chủ lực mạnh, gồm những đơn vị có bề dày truyền thống, sẽ góp phần cùng các đơn vị chủ lực khác của Bộ và các quân khu, quyết định chiến trường trong giai đoạn cuối cùng của chiến tranh.

Về kế hoạch hành quân, phải bảo đảm tuyệt đối bí mật, tổ chức kiểm tra đôn đốc, bảo đảm bộ đội đi nhanh, đến đủ, có lệnh là tác chiến được ngay.

Sau đó, tôi và anh Tấn đến các đơn vị trực tiếp động viên cán bộ, chiến sĩ trước giờ xuất trận. Cảnh quan hùng vĩ của vùng Tam Điệp lịch sử, nơi Quân đoàn đóng quân gọi nhớ cuộc hành quân thần tốc của người Anh hùng áo vải Nguyễn Huệ 200 năm trước. Tôi truyền đạt quyết tâm của Đảng, nêu rõ vinh dự và trách nhiệm của mỗi người, mỗi đơn vị trong thời liễm lịch sử này.

Toàn Quân đoàn sôi nổi chuẩn bị ra quân trong khí thế quyết chiến quyết thắng. Hầu như không có biểu hiện tiêu cực. Chỉ có một thắc mắc phổ biến trong cán bộ, chiến sĩ Sư đoàn 308 là phải ở lại bảo vệ hậu phương, không được sát cánh cùng quân và dân miền Nam trực tiếp lập công trong thời cơ nghìn năm có một.

Sau khi trao đổi với anh Tấn, tôi điện cho Quân khu Trị - Thiên và Quân đoàn 2 truyền đạt quyết tâm của Bộ Chính trị, ra lệnh khẩn trương chuyển sang kế hoạch thời cơ.

Cũng trong chuyến đi này, tôi điện triệu tập đồng chí Đàm Quang Trung - Tư lệnh Quân khu 4 ra Sở chỉ huy Quân đoàn 1 để làm việc. Trong khi nghe báo cáo tình hình, tôi hỏi kỹ và kiểm tra mức độ quán triệt quyết tâm của Đảng trong bộ đội và nhân dân ở Quân khu 4, giao nhiệm vụ cho Bộ Tư lệnh Quân khu 4 chuyển các lực

lượng vũ trang và nhân dân từ Thanh Hóa đến Quảng Trị vào tư thế sẵn sàng chiến đấu cao, ra sức chi viện sức người, sức của cho miền Nam trong cuộc tổng tiến công chiến lược. Vốn là một trong những trung đội trưởng rồi đại đội trưởng của Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân từ những ngày đầu gian khổ, đồng chí Tư lệnh Quân khu 4 phấn khởi đón nhận nhiệm vụ mới, hứa quyết tâm hoàn thành vượt mức, xứng đáng là Quân khu hậu phương tiếp giáp trực tiếp với miền Nam. Đồng

chí Đàm Quang Trung nay không còn nữa, nhưng thái độ sôi nổi, nhiệt tình của đồng chí còn đọng mãi trong tôi.

Vừa về tới Tổng hành dinh, tôi gửi ngay cho anh Văn Tiến Dũng một bức điện mà nội dung đã hình thành sẵn trong đầu từ trên đường đi, thông báo nhận định của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương về thắng lợi to lớn có ý nghĩa chiến lược của ta, về ý đồ co cụm chiến lược của địch, âm mưu của chúng tập trung lực lượng tạo thế bố trí phòng ngự ở vùng Sài Gòn và đồng bằng sông Cửu Long, trước mắt có thể ở Đà Nẵng và Cam Ranh, hy vọng nắn ná chờ một giải pháp chính trị hoặc giải pháp chia cắt một phần lãnh thổ miền Nam Việt Nam. Vì vậy, ta cần tranh thủ thời gian cao độ, khẩn trương hành động hết sức bất ngờ, hết sức táo bạo, đồng thời bảo đảm chắc thắng. Theo tinh thần đó, Bộ Chính trị đã cân nhắc mọi mặt và hạ quyết tâm thực hiện Phương án 1. Đây là phương án đã dự kiến từ trước, đưa phần lớn lực lượng ở Tây Nguyên phát triển vào hướng chủ yếu là miền Đông Nam Bộ, đồng thời mở rộng vùng giải phóng ở đồng bằng Khu 5 với lực lượng hiện có của Quân khu 5, có thể tăng cường Sư đoàn 968 và binh khí kỹ thuật. Bức điện cũng thông báo: Anh Tấn sẽ gặp anh Dũng, anh Năm Công và các anh ở B2 ra để báo cáo cụ thể quyết tâm mới của Bộ Chính trị và góp thêm ý kiến để xây dựng kế hoạch thực hiện1.

Qáng 20 tháng 3 có tin do Trung đoàn kỹ thuật 75 vừa thu được: Hồi 13 giờ 30 phút ngày 19 tháng 3, Thiệu gửi cho Ngô Quang Trưởng bức điện nội dung như sau: "Vì eo hẹp về phương tiện không - hải quân, chỉ cho phép yểm trợ được một enclave2. Vậy hãy mener3 trì hoãn chiến về tuyến Hải Vân". Thế là địch đã quyết định bỏ Trị - Thiên - Huế để về giữ Đà Nẵng.

Cục Tác chiến báo cáo: Ngày 19 tháng 3, quân ta tiến công giải phóng thị xã và toàn bộ tỉnh Quảng Trị. Tuyến phòng thủ phía bắc của địch bị phá vỡ một mảng lớn. Địch co về giữ phòng tuyến sông Mỹ Chánh. Sau khi trao đổi với các anh Hoàng Văn Thái và Lê Trọng Tấn, tôi hạ quyết tâm mở trận tiến công lớn, tiêu diệt tập đoàn phòng ngự Thừa Thiên - Huế. Tôi chỉ thị cho Bộ Tổng Tham mưu đôn đốc Quân khu Trị - Thiên gấp rút đưa lực lượng xuống đồng bằng, lệnh cho Quân đoàn 2

nhanh chóng cắt đứt đường số 1, không cho địch rút về co cụm ở Đà Nẵng. Quân khu Trị - Thiên và Quân

đoàn 2 phải khẩn trương đánh chặn, chia cắt, tiêu diệt cho được toàn bộ sự đoàn 1 ngụy và các lực lượng khác, thu toàn bộ trang bị của chúng, giải phóng hoàn toàn Trị - Thiên - Huế, chiếm lĩnh đèo Hải Vân. Tiểu đoàn 5 hải quân rải mìn và đưa lực lượng xuống bịt cửa Thuận An. Phải bao vây đánh mạnh trên tất cả các hướng, không cho địch rút chạy.

Chiến trường Trị - Thiên - Huế tương đối gần, nên việc liên lạc với Tổng hành dinh có nhiều thuận lợi. Một đường điện thoại hữu tuyến nối liền Bộ Quốc phòng - Tổng Tư lệnh với Quân đoàn 2 và Quân khu 4. Tôi và các đồng chí Phó Tổng tham mưu trưởng, Cục trưởng Cục Tác chiến thường trực tiếp nói chuyện với các anh ở chiến trường mỗi ngày ít nhất hai lần. Nhiều trường hợp, Bộ ra lệnh bằng điện thoại.

Ngày 22 tháng 3, anh Lê Tự Đồng - Chính ủy kiêm Tư lệnh Quân khu Trị - Thiên và anh Nguyễn Hữu An - Tư lệnh Quân đoàn 2 báo cáo đã đánh thiệt hại nặng sư đoàn 1, bao vây Huế. Đường số 1 đã bị cắt đứt giữa Huế và Đà Nẵng. Hàng trăm xe cơ giới đang trên đường rút chạy về Đà Nẵng bị ùn lại. Pháo tầm xa của ta bắt đầu bắn phá sân bay Phú Bài. Quân địch không còn con đường nào khác là rút chạy ra biển theo hướng của Thuận An và cửa Tư Hiên.

Quân ủy Trung ương điện tối khẩn cho anh Nguyễn Hữu An: "Quân đoàn điều ngay lực lượng ra bịt cửa Thuận. Ký tên: Văn".

Mệnh lệnh được thi hành tức khắc. Trung đoàn 1 thuộc Sư đoàn 324 cấp tốc hành quân ra chặn địch. Sự xuất hiện của quân chủ lực ở đây có tác dụng rất lớn về chiến thuật cũng như về tâm lý. Hàng chục nghìn quân ngụy cùng với hàng trăm xe tăng, xe bọc thép nhanh chóng bị tiêu diệt và tan rã. Cảnh thảm bại trên đường số 7 ở Tây Nguyên, một lần nữa lại diễn ra trên đường từ Huế xuống cửa Thuận An. Thành phố Huế trở nên hỗn loạn, đã xảy ra nhiều vụ cướp phá do tàn quân ngụy chạy loạn gây ra. Triệu chứng tan rã lớn trong lực lượng địch ở Thừa Thiên - Huế xuất hiện.

Trước tình hình ấy, Quân ủy điện cho anh Văn Tiến Dũng về hướng phát triển của Chiến dịch Tây Nguyên: "Địch bộc lộ ý định rút lui chiến lược lớn về giữ Sài Gòn và đồng bằng sông Cửu Long. Đang rút bỏ Huế, khả năng rút Đà Nẵng... Bộ Chính trị quyết định hành động táo bạo, bất ngờ, nhanh chóng thực hiện quyết tâm chiến lược ở hướng trọng điểm. Tôi đã bàn với anh Lê Đức Thọ, đã hỏi ý kiến anh Ba, rất nhất trí với kế hoạch phát triển và sử dụng lực lượng trong điện của anh.

Động viên cán bộ, chiến sĩ có quyết tâm thật lớn, truy kích tiêu diệt sinh lực địch, giải phóng các tỉnh ven biển, kể cả Nha Trang và Cam Ranh. Cần

tăng cường cán bộ và trang bị, nhanh chóng phát triển các lực lượng tại chỗ, tập trung lực lượng lại càng sớm càng tốt, khẩn trương triển khai tiến công ở hướng trọng điểm. Ký tên: Chiến".

Ngày 15 tháng 3 năm 1975, theo đề nghị của Tổng cục Chính trị, Bộ Chính trị điện gửi Trung ương Cục, Khu ủy Trị - Thiên và Khu 5: "Kết hợp chặt chẽ bình dịch vận với tác chiến tiêu diệt và làm tan rã lớn quân ngụy, tạo ra những vụ đầu hàng tập thể lớn, khoét sâu mâu thuẫn, phân hóa cao độ hàng ngũ dịch, tập trung mũi nhọn đánh đổ Thiệu. Nắm và khai thác những nhóm, cá nhân sĩ quan tiến bộ phục vụ cho yêu cầu quân sự, chính trị, bình dịch vận".

heo lời khai của tù binh và các tư liệu được công bố sau này, tình hình nội bộ ngụy lúc này thực sự là một màn kịch mang tính bi hài.

Trước thảm họa ở Tây Nguyên và nguy cơ Huế, Đà Nẵng bị uy hiếp, ngày 18 tháng 3, Nguyễn Văn Thiệu triệu tập các cố vấn thân cận ra Đà Nẵng họp cấp tốc, nói là để bàn giải quyết vấn đề người tị nạn. Thực ra, cuộc họp đã chuyển sang đối phó với vấn đề khủng khiếp hơn: Nên bỏ hay nên giữ quân khu 1.

Nghe Ngô Quang Trưởng báo cáo cuộc tiến công của "Việt cộng" vào Huế và Đà Nẵng sắp nổ ra, cử tọa đều sớn tóc gáy! Đất đã nóng bỏng dưới chân. Thế là sau những lời hứa hẹn chung chung, Thiệu cùng "è-kíp" vội vã chuồn ngay, nói là vào Sài Gòn để bàn bạc cho được an toàn.

Cuộc họp lại tiếp tục tại dinh Độc Lập. Trần Thiện Khiêm nêu ý kiến: Khó có thể giữ Huế và Đà Nẵng cùng một lúc. Tốt hơn hết là bỏ một trong hai. Trần Văn Hương cho rằng không thể giữ cả Huế và Đà Nẵng vì quá tốn kém. Còn Ngô Quang Trưởng thì đề nghị: Vì đường số 1 đã bị cắt, không thể khai thông được, cần tổ chức ba điểm phòng thủ để cầm cự với "Việt cộng" là Huế, Đà Nẵng và Chu Lai.

Kế hoạch của Trưởng được Thiệu chấp nhận, vì không có cách nào khác. Trưởng bay về sở chỉ huy quân khu 1.

Hôm sau, ngày 20 tháng 3, Trưởng ra Huế. Đài phát thanh Huế đưa tin: "Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu ra lệnh phòng thủ thành phố Huế bằng mọi giá". Trưởng cũng thề thốt: "Tôi sẽ chết với cố đô xưa. Việt cộng phải bước qua xác tôi mới vào được Huế". Y không quên họp các nhân sĩ để trấn an dư luận. Và y điện xin Bộ Tổng Tham mưu ngụy triển khai lữ đoàn không quân số 1...

Mọi việc hoàn tất đúng theo bài bản.

Thế nhưng, khi vừa đặt chân xuống Đà Nẵng, Trưởng không tin ở mắt mình nữa khi đọc bức điện của Cao Văn Viên chuyển lệnh của tổng thống: "Quân đoàn 1 triển khai lục lượng để phòng thủ Đà Nẵng mà thôi. Lữ đoàn không quân số 1 đã được lệnh chuyển vào Sài Gòn!"

Choáng váng và thất vọng, Trưởng gọi điện cho Viên đề nghị giải thích, thì được trả lời vấn tắt: "Hỏi tổng thống Thiệu". Hoang mang cục độ, Trưởng mở đài. Sài Gòn vẫn ra rả phát đi tin tổng thống kêu gọi "giữ Huế bằng mọi giá!". Lúc này, các viên chức ngụy quyền không ai còn bụng dạ nào chạy đến đài Sài Gòn để thay đổi nội dung!

hững ngày này, tôi ở luôn tại Tổng hành dinh, không về nhà riêng, dù hai nơi chỉ cách nhau vài trăm mét. Trong phòng làm việc, các đồng chí công vụ đã kê thêm một chiếc giường con. Ngoài các tấm bản đồ treo trên tường, tôi đặt thêm một tấm bản đồ quân sự miền Nam ngay dưới tấm kính rộng trên mặt bàn để tiện theo dõi, suy nghĩ.

Các buổi sáng, nhất là lúc tình hình chiến sự khẩn trương, các đồng chí trong Bộ Chính trị thường vào Tổng hành dinh nghe tình hình và trao đổi ý kiến. Lúc này, tin tức báo về dồn dập. Chỉ sau vài tiếng đồng hồ, tình hình đã thay đổi. Cục Tác chiến phải tăng thêm một bản thông báo hằng ngày nữa để Bộ Chính trị nắm tình hình chiến sự được kịp thời và suy nghĩ về những bước tiếp theo. Báo cáo từ Quân khu Trị - Thiên và Quân đoàn 2 đẩy các mũi tên đỏ trên bản đồ áp sát Huế. Pháo tầm xa của quân ta đã rót dạn vào sân bay Phú Bài và cửa Thuận An. Ở Quân khu 5, Sư đoàn 2 cùng lực lượng vũ trang địa phương tiêu diệt các quận lỵ Tiên Phước, Trà My, mở rộng căn cứ ở miền Tây Quảng Đà. Theo kế hoạch, sư đoàn sẽ tiến về giải phóng toàn tỉnh Quảng Ngãi, hoặc nếu có thời cơ sẽ đánh xuống Tam Kỳ, phối hợp với lực lượng chủ lực của Bộ tiến công thẳng vào Đà Nẵng từ phía nam lên.

Ngày 24 tháng 3 năm 1975, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương họp. Điểm lại tình hình từ cuộc họp ngày 18 tháng 3, hội nghị mừng thấy tình hình các mặt trận đang phát triển tốt. Thay mặt Bộ Tổng Tham mưu, anh Lê Trọng Tấn báo cáo: Ở chiến trường Trị - Thiên ta sẽ dứt điểm nhanh. Quân địch đang rút chạy về co cụm ở Đà Nẵng. Trong tháng 4, ta cần nhanh chóng tiến công Đà Nẵng, diệt từ hai đến ba sư đoàn địch, không cho chúng thực hiện ý đổ rút về tăng cường cho Sài Gòn.

Anh Tán báo cáo xong, tôi phát biểu về tình hình Đà Nẵng và nêu ra các bước tiếp theo. Tôi nói: Theo tin nhận được, địch kêu gọi "tử thủ" Đà Nẵng, chúng có ý định thực hiện co cụm lớn, tăng cường căn cứ quân sự liên hợp này hòng ngăn chặn, làm chậm bước tiến của quân ta, tranh thủ thời gian cũng cố các tuyến phía nam của chúng, trông chờ sự can thiệp của Mỹ. Thế nhưng ngay từ bây giờ, ta cần dự

kiến trước những chuyển biến mới, địch có thể rút chạy khỏi Đà Nẵng. Nếu chúng thoát được vào phía Nam thì cuộc tổng tiến công của ta ở chiến trường trọng điểm sẽ gặp khó khăn. Vậy ta cần nhanh chóng đánh chiếm Đà Nẵng, tiêu diệt sinh lực của địch ở đây, tạo thuận lợi phát triển tiến công trong các bước sau. Chúng có thể "tử thủ", cũng có thể rút, rút nhanh hay rút chậm, nhưng ta thì phải chuẩn bị đánh trong tình huống địch rút nhanh, nhất thiết phải đánh nhanh. Không chờ giải phóng xong Huế, mà ngay từ bây giờ, phải bắt đầu mở cuộc tiến công vào Đà Nẵng. Nhanh chóng đánh chiếm các điểm cao, cho xe tăng thọc sâu ngay, tận dụng tối đa khả năng của pháo binh để tiến công Đà Nẵng.

Hướng Sài Gòn, trước đây ta dự tính dùng bảy sư đoàn, vậy mà nay đã có chín sư đoàn. Sau Đà Nẵng, có thể lên tới 15 sư đoàn. Nếu ta chiếm được Đà Nẵng trong tháng 4, tinh thần quân ngụy sẽ suy sụp lớn. Như vậy, ta phải đặt yêu cầu cao hơn, giải phóng Sài Gòn trong tháng 5, trước mùa mưa. Để chuẩn bị cho trận quyết chiến cuối cùng, đi đôi với việc tập trung cao độ lực lượng từ phía bắc đánh xuống, B2 phải cắt đường số 4, cô lập Sài Gòn và gây sức ép mạnh từ phía tây nam. Ở hướng tây bắc, cần tập trung lực lượng mạnh hơn, hết sức tranh thủ thời gian, hành động khẩn trương hơn, tốc độ phát triển nhanh hơn.

Sau giờ nghĩ, mọi người đều thấy phải đánh nhanh, thắng nhanh. Mới có một tuần lễ mà thế và lực của ta và của địch đã khác hẳn. Phải nghĩ đến tiến công Sài Gòn từ bây giờ, kết hợp chặt chẽ tiến công và nổi dậy, thực hiện một bước nhảy vọt về chiến lược.

Không khí phấn khởi bao trùm phòng họp. Bộ Chính trị khẳng định thời cơ chiến lược lớn đã tới. Chưa bao giờ thuận lợi bằng lúc này, kể từ 20 năm qua. Cách mạng miền Nam đã có những bước nhảy vọt, nhưng đây là bước nhảy vọt lớn có ý nghĩa quyết định. Hội nghị dự kiến có thể giành toàn thắng sớm hơn nhiều so với kế hoạch trước. Kéo dài sẽ không có lợi, mùa mưa đã tới gần.

Bộ Chính trị khẳng định: "Cuộc tổng tiến công chiến lược của ta đã bắt đầu với Chiến dịch Tây Nguyên. Thời cơ chiến lược mới đã đến". Một quyết tâm được quyết nghị: Nắm vững thời cơ chiến lược, tranh thủ thời gian cao độ, tập trung nỗ lực của cả nước, tập trung nhanh nhất lực lượng, binh khí, kỹ thuật và vật chất vào phương hướng chủ yếu, hành động nhanh chóng,

táo bạo, bất ngờ đánh cho địch không kịp trở tay, giải phóng Sài Gòn trước mùa mưa. Trước mắt kiên quyết tiêu diệt toàn bộ quân địch ở Huế, Đà Nẵng và tiếp theo là trận quyết chiến chiến lược giải phóng Sài Gòn - Gia Định.

Quyết tâm đã hạ. Phương hướng đã rõ.

Trong không khí phấn khởi, quyết tâm, thay mặt Quân ủy Trung ương, tôi đứng lên bảo đảm bộ đội ta nhất định tiêu diệt căn cứ quân sự liên hợp Đà Nẵng và đề nghị mở Mặt trận Quảng Đà, cứ Bộ Tư lệnh mặt trận do đồng chí Lê Trọng Tấn làm Tư lệnh, đồng chí Chu Huy Mân làm Chính ủy. Đề nghị trên được hội nghị nhất trí tán thành. Bộ Chính trị cũng quyết định thành lập Quân đoàn 3 gồm các đơn vị vừa tác chiến ở Tây Nguyên; Tư lệnh là đồng chí Vũ Lăng, Chính ủy là đồng chí Đặng Vũ Hiệp.

Hội nghị kết thúc. Vừa lúc đó, có tin quân ta đã tiến vào thành phố Huế hồi 10 giờ 30 phút ngày 25 tháng 3 năm 1975. Chấp hành mệnh lệnh của Bộ Tổng Tư lệnh, các lực lượng vũ trang Quân khu Trị - Thiên và bộ đội Quân đoàn 2 từ ba hướng đồng loạt tiến công, vượt qua các tuyến phòng thủ của địch, hình thành nhiều mũi bao vây Huế. Ở hướng nam, Quân đoàn 2 kịp thời chuyển hướng tiến công, nhanh chóng thọc sâu cắt đường số 1, đánh chiếm quận lỵ Phú Lộc, triệt đường rút lui của địch về Đà Nẵng. Sự đoàn 1 - sự đoàn mạnh nhất của quân ngụy, bị đánh thiệt hại nặng. Từ hướng bắc, quân ta tiến về cửa Thuận An. Một lực lượng địa phương tiến ra chặn cửa Tư Hiền. Những cánh quân khác của ta, từ hướng tây qua đường số 1, vượt sông Tả Trạch, nhanh chóng bao vây địch. Đêm ngày 24 tháng 3, pháo binh ta bắn mạnh vào sở chỉ huy tiền phương quân đoàn 1 ngụy ở Mang Cá, bắn chặn mãnh liệt cửa Thuận An và cửa Tư Hiền. Sáng ngày 25 tháng 3, quân ta tiến công khu cảng Tân Mỹ - Thuận An, tiêu diệt và đánh tan rã toàn bộ các lực lượng địch rút chạy đang dồn tắc ở đây. Các mũi tiến công khác của quân chủ lực, quân địa phương tiến vào thành phố. Phối hợp với quần chúng nổi dậy, ngày 26 tháng 3, quân ta giải phóng hoàn toàn cổ đô Huế. Lá cờ cách mạng nửa đô nửa xanh với ngôi sao vàng năm cánh tung bay trên đỉnh cột cờ trước Ngọ Môn.

Thắng lợi nhanh, gọn của trận Trị - Thiên - Huế, trận then chốt tiêu diệt và làm tan rã sư đoàn 1 từng được coi là sư đoàn thiện chiến của quân ngụy, giải phóng cổ đô, là một chiến thắng vang dội, giáng một đòn nặng vào âm mưu co cụm chiến lược của địch ở vùng ven biển miền Trung, uy hiếp nghiêm trọng Đà Nẵng đẩy quân ngụy vào thế nguy khốn, suy sụp không gì cứu vãn nổi.

Quân ủy Trung ương gửi điện khen bộ đội Quân khu Trị - Thiên và Quân đoàn 2:

"Việc đánh chiếm và giải phóng thành phố Huế và tỉnh Thừa Thiên là thắng lợi có ý nghĩa chiến lược và chính trị rất lớn. Chiến công đó làm cho nhân dân cả nước nức lòng phấn khởi, làm cho dịch suy yếu thêm một bước mới hết sức nghiêm trọng. Các đồng chí đã góp phần làm rạng rỡ truyền thống đấu tranh anh dũng của quân và dân cả nước ta"...

huc hien quyet tam cua Bo Chinh tri, ngay 26 thang 3, Bo Tong Tu lenh cU anh Giap Van Ctrong lam phai vien cua Bo vao huong Da Nang truoc de chuan bi. Toi trieu tap cac dong chI Le Trong Tan - Tu lenh Mat tran Quang Da vira duoc chi dinh, Nguyen Ba Phat - Tu lenh Hai quan, Cao Van Khanh - Pho Tong tham muu truong, Phan Binh - Cuc truong Cuc Quan bao, Le Hiu Duc - Cuc truong Cuc Tac chien va mot so dong chI khac ban ke hoach tien cong Da Nang.

Vón là một cán bộ chỉ huy giàu kinh nghiệm, anh Tán đã chuẩn bị sẵn một phương án tác chiến.

Vào cuộc họp, tôi hỏi:

- Đánh Đà Nẵng, có thể diễn ra một trong hai tình huống: Một là địch rút chạy, hai là chúng co cụm, "tử thủ". Vậy ta nên đánh như thế nào?

Anh Tán trả lời:

- Hiện nay, địch bố trí phòng ngự chuẩn bị "tử thủ" ở đây. Ta phải tổ chức hiệp đồng binh chủng để tiến công, bảo đảm chắc thắng. Cần có năm ngày để họp Đảng ủy, tập kết bộ đội và tổ chức hiệp đồng binh chủng, chuẩn bị chiến đấu.

Anh Tán trải lên bàn một tấm bản đồ lớn, trên đó đã lên kế hoạch tiến công theo phương án chuẩn bị năm ngày, với những mũi tên rất to màu đỏ thể hiện các hướng tiến công, những trận địa hỏa lực được khoanh từng cụm hướng vào các mục tiêu quân sự trong thành phố và vùng lân cận.

Trong khi mọi người đứng quanh bản đồ sôi nổi mạn đàm, trao đổi, tôi lại suy nghĩ khác hẳn. Địch kêu gọi "tử thủ", nhưng tình hình có thể diễn biến đột ngột, khả năng địch rút vẫn tồn tại. Vậy phải có phương án đánh thật nhanh, thực hiện đúng phương châm "khẩn trương, táo bạo, bất ngờ".

Tôi quay sang anh Tống Trần Thuật - Phó Cục trưởng Cục Quân báo nói:

- Nếu địch rút Đà Nẵng thì nhanh nhất có thể rút trong mấy ngày? Các đồng chí nghiên cứu kỹ đêm nay, sáng mai báo cáo sớm.

6 giờ sáng ngày 27 tháng 3, mọi người đã có mặt tại sở chỉ huy.

Anh Thuật báo cáo:

- Địch có thể rút nhanh nhất là trong ba ngày.

Còn anh Nguyễn Thanh - Trưởng phòng Nghiên cứu địch tình, lại nói:

- Độ bốn, năm ngày ạ!

Không thể đồng ý với đề nghị của anh Tấn chuẩn bị chiến đấu năm ngày cũng như cách tính toán của anh Thanh, tôi phân tích ngắn gọn, nêu rõ trong tình huống địch "tử thủ", ta có thể chuẩn bị năm ngày, bấy ngày hoặc hơn nữa. Nhưng phải dự kiến tình hình đột biến, cần có kế hoạch đánh thật nhanh. Tôi chỉ thị làm kế hoạch đánh địch theo tình huống chúng rút trong ba ngày.

Anh Tấn vẫn giữ ý kiến và trình bày:

- Đánh như vậy không thể chuẩn bị kịp.

Tôi nói, giọng có phần gay gắt:

- Tư lệnh mặt trận là anh nên tôi để anh ra lệnh. Nếu là người khác, thì tôi ra lệnh: Đánh Đà Nẵng theo phương án chuẩn bị ba ngày. Nếu chuẩn bị năm ngày, địch rút mất cả thì sao? Huế đã giải phóng rồi. Mặc dầu pháo binh và hải quân địch có thể bắn phá, cứ cho bộ đội hành quân theo đường số 1 tiến công thẳng vào Đà Nẵng. Từ phía Nam cũng theo đường số 1 tiến công lên. Không họp Đảng ủy, chỉ trao đổi bằng điện.

Đây là lần đầu tiên và cũng là lần duy nhất tôi tỏ ra không bằng lòng với anh Lê Trọng Tấn, một trong những tư lệnh xuất sắc nhất của quân đội ta mà tôi luôn quý mến.

Anh Tấn không phát biểu thêm, nghiêm chỉnh chấp hành mệnh lệnh. Sau này, anh đã đến gặp tôi, thân tình, cởi mở nhắc lại cuộc tranh cãi về phương án năm ngày và phương án ba ngày, rồi vui vẻ nhận khuyết điểm. Đúng là một con người trung thực, thẳng thắn, cương trực, đáng quý biết bao!

Tiếp đó, Thường trực Quân ủy Trung ương gặp và giao nhiệm vụ cho Tư lệnh Mặt trận Quảng Đà. Nhân danh Bí thư Quân ủy, tôi chỉ thị: Chiến tranh đã chuyển sang giai đoạn phát triển nhảy vọt. Bố trí của địch ở Đà Nẵng tuy chưa đảo lộn, mặc dù chúng kêu gọi "tử thủ", nhưng tinh thần quân lính đang suy sụp, cần nắm vững phương châm "táo bạo, bất ngờ, kịp thời, chắc thắng", khẩn trương tiến công, bao vây tiêu diệt địch, không chế sân bay, hải cảng, chú ý làm tốt việc tiếp quân thành phố một triệu dân này, thực hiện tốt chính sách tù binh, hàng binh và chính sách chiến lợi phẩm. Nhanh chóng tổ chức tăng cường lực lượng phát triển vào phía Nam. Tôi nhắc anh Tấn báo cáo đều đặn về Bộ, và chúc anh giành thắng lợi lớn.

Ngay lập tức, anh Tấn cấp tốc lên đường. Đi bằng máy bay lên thẳng vào Gio Linh, từ đó đi ô tô theo đường Trường Sơn đến Sở chỉ huy Quân đoàn 2, anh và các đồng chí cùng đi vào đặt sổ chỉ huy ở phía tây Đà Nẵng.

Anh Chu Huy Mân lúc này đang ở Quảng Ngãi. Tôi điện cho anh Mân (đồng điện anh Võ Chí Công) thông báo quyết định của Bộ Chính trị thành lập Mặt trận Quảng Đà, cử Bộ Tư lệnh Mặt trận. Anh Mân - Chính ủy của mặt trận, giao lại nhiệm vụ đánh các mục tiêu ở Quân khu 5 cho bộ đội địa phương giải quyết, nhanh chóng tập trung bộ đội chủ lực theo đường số 1 đánh thẳng vào Đà Nẵng nhanh nhất, kịp thời nhất, táo bạo nhất như tôi đã có điện tử sau ngày địch rút Plei Ku. Tư lệnh và Chính ủy Mặt trận Quảng Đà làm việc với nhau bằng điện đài. Bộ Tổng Tham mưu được lệnh triển khai phương tiện thông tin liên lạc bám sát từng bước các lực lượng đã được điều động về mặt trận, giúp Bộ Tư lệnh Mặt trận Quảng Đà lãnh đạo, chỉ huy các hướng.

Trong bức điện số 1 ĐBTK đánh đi hồi 8 giờ 30 phút ngày 26 tháng 3 gửi anh Chu Huy Mân, anh Lê Trọng Tấn viết: "Đánh Đà Nẵng nên:

- Hướng An' sẽ tiến công phía bắc và tây bắc theo đường số 1 qua đường số 14.
- 7112 từ tây nam lên, trước mắt diệt lữ đoàn 369.
- Đề nghị anh chuẩn bị cho Sư đoàn 2 và Lữ đoàn 52 đánh theo đường số 1 về Mỹ Khê (đông Đà Nẵng) bịt đường rút lui bằng đường thủy của địch".

Điện trả lời của anh Mân viết:

"1. Nhất trí với ý định của "cậu Vũ"3.

1. Chúng tôi đã chuẩn bị cho Sư đoàn 2 và Lữ đoàn 52 tiến công từ hướng nam ra, đánh chủ yếu theo hướng núi Quế ra Vĩnh Điện, cánh thứ yếu theo đường Đèo Le qua núi Mạc ra đường số 100 để phối hợp với lực lượng "cậu Vũ" từ ngoài đánh vào tiêu diệt địch ở Đà Nẵng.
2. Đang tích cực chuẩn bị, chậm nhất là ngày 29 tháng 3 có một trận địa pháo có thể bắn vào núi Quế".

Ngày hôm sau, 27 tháng 3, anh Tấn điện cho anh Mân:

"Phúc điện số 320 hồi 16 giờ của anh.

1. Hoàn toàn đồng ý về hướng tiến công, mục tiêu tiến công của Sư đoàn 2 và Lữ đoàn 52.
2. Lực lượng của An và một số sư đoàn của Hòa1 tiến công theo hai trục:
3. Mũi thứ nhất theo đường số 14, Mũi Trâu, Lệ Mỹ vào sân bay chính.

4. Mũi thứ hai từ Lăng Cô đến Hải Vân, Liên Chiếu, Nam Ô. Đồng thời có đánh từ Lộc Mỹ lên đỉnh đèo Hải Vân diệt lữ đoàn 258.
5. Lực lượng của 711 tiến công trung đoàn 57 ở Đại Lộc và vòng đằng sau lũ đoàn 369.
6. Pháo binh triển khai được một trận địa ở Mũi Trâu bắn vào sân bay chính, cảng Sơn Trà và tàu biển. Đề nghị cho triển khai nhanh một trận địa pháo nòng dài bắn vào sân bay Nước Mặn, nếu có pháo 85mm càng tốt để đánh tàu biển bốc quân ở Mỹ Khê".

Trong thời gian này, Thường vụ Khu ủy và Bộ Tư lệnh Quân khu 5 họp mở rộng dưới sự chủ tọa của anh Võ Chí Công, quyết định phấn đấu trong thời gian ngắn giải phóng hoàn toàn địa bàn Quân khu. Nhiệm vụ trọng tâm trước mắt là tập trung toàn bộ lực lượng đẩy mạnh tốc độ tiến công tiêu diệt sự đoàn 2 ngụy, giải phóng thị xã Tam Kỳ và tỉnh Quảng Ngãi, tạo thế chia cắt và cô lập hoàn toàn quân địch, tạo bàn đạp vững chắc cho trận tiến công quyết định tiêu diệt tập đoàn phòng ngự cuối cùng của quân đoàn 1 ngụy ở Đà Nẵng.

au hội nghị ngày 25 tháng 3 năm 1975, anh Lê Đức Thọ đề nghị và được Bộ Chính trị đồng ý vào chiến trường B2 cùng các anh Phạm Hùng, Văn Tiến Dũng trực tiếp chỉ đạo chiến dịch giải phóng Sài Gòn.

Anh Thọ lên đường vào ngày 28 tháng 3. Bằng mọi phương tiện máy bay, ô-tô, kể cả xe ôm, anh khẩn trương vào chiến trường càng nhanh càng tốt. Trước lúc anh lên đường, tôi tranh thủ trao đổi về phương án thực hiện quyết tâm của Bộ Chính trị giải phóng hoàn toàn miền Nam trước khi mùa mưa tới.

Bộ Chính trị cũng quyết định thành lập Hội đồng Chi viên miền Nam do anh Phạm Văn Đồng làm Chủ tịch.

Hơn hai mươi năm trước đây, anh Đồng cũng đã chủ trì một hội đồng như vậy, huy động lực lượng cả nước chi viện Chiến dịch Điện Biên Phủ giành thắng lợi lịch sử.

Sự kiện ấy nay được lập lại ở một trình độ cao hơn: Động viên và tổ chức sức mạnh to lớn của toàn dân, dốc sức của, sức người của hậu phương lớn miền Bắc khẩn trương chi viện tiên tuyến lớn miền Nam trong giai đoạn cuối cùng của chiến tranh, giành thắng lợi trọn vẹn.

18 giò ngày 25 tháng 3 năm 1975, Quân ủy Trung ương gửi điện cho anh Trần Văn Trà và Quân ủy miền Nam, đồng gửi anh Phạm Hùng - Bí thư Trung ương Cục:

"Trên thực tế, cuộc tổng tiến công chiến lược của ta bắt đầu với chiến thắng Tây Nguyên và các chiến trường khác. Cuộc chiến đấu đã vào giai đoạn phát triển nhảy

vọt như đã thông báo: Chiến thắng trên chiến trường Huế, Đà Nẵng và Nam Bộ làm cho dịch suy sụp nhanh, tạo bước phát triển mới về quân sự, chính trị, đặc biệt trên chiến trường trọng điểm sẽ sớm hơn nhiều so với dự kiến của ta. Thời cơ lớn về chiến lược đã đến.

Cần tranh thủ thời gian cao độ, tập trung lực lượng vào hướng trọng điểm, hành động táo bạo, bất ngờ, hoàn thành càng sớm càng tốt quyết tâm chiến lược lớn mà Bộ Chính trị đã đề ra.

Đã có chỉ thị cho anh Tuấn. Tình hình rất mới, trong cán bộ ta, nhiều khi nhận thức chưa chuyển biến kịp yêu cầu. Cần làm cho các cấp thông suốt hơn, tập trung lực lượng vào các mục tiêu chủ yếu. Thực hiện chiến lược ba quả đắm. Ký tên: Văn".

19 giờ, Quân ủy Trung ương điện gửi anh Văn Tiến Dũng: "... Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương vừa họp đánh giá tình hình, nhận định: Chiến dịch B3 đại thắng, cuộc tổng tiến công chiến lược đã bắt đầu. Đây là bước ngoặt trong cục diện quân sự và chính trị ở miền Nam. Chiến tranh cách mạng đã bước vào giai đoạn phát triển nhảy vọt. Tình hình ở trọng điểm sẽ có bước phát triển mới nhanh hơn dự kiến nhiều, nhất là trong trường hợp ta tiêu diệt sinh lực lớn của địch ở Huế và Đà Nẵng, đồng bằng sông Cửu Long... Thời cơ chiến lược lớn đã đến. Cần nhanh chóng tập trung lực lượng vào phương hướng chủ yếu, hành động táo bạo, bất ngờ... hoàn thành nhiệm vụ ở trọng điểm càng sớm càng tốt, có thể sớm hơn rất nhiều so với kế hoạch. Thời tiết đang tốt, kéo dài không có lợi. Bộ Chính trị quyết định:

a) Nhanh chóng tập trung ba sư đoàn chủ lực, các đơn vị binh khí, kỹ thuật chủ yếu về địa bàn Buôn Ma Thuột, sẵn sàng cơ động vào hướng trọng điểm.

b) Giải phóng Bình Định (hướng đường số 19), phát triển xuống Phú Yên, Khánh Hòa, Nha Trang, Cam Ranh. Hướng đường số 7 chỉ dùng lực lượng địa phương phát triển xuống Tuy Hòa. Hướng đường số 21, phát triển ra phía đông, tùy theo khả năng, nếu có thuận lợi mới thì xuống Nha Trang, Cam Ranh.

Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương quyết định mở Mặt trận Đà Nẵng, thành lập Bộ Tư lệnh Quảng Đà.

Đã thành lập Hội đồng Chi viện miền Nam do anh Tô1 làm Chủ tịch. Chúc anh Đinh2 chóng hồi phục. Ký tên: Văn".

rồ lại với chiến trường Đà Nẵng.

Trong buổi giao ban tối hôm ấy, tôi thấy cần tận dụng mọi lực lượng tiến công địch. Sự đoàn 304 sau khi đánh xong Thượng Đức, lực lượng bị tiêu hao, đang củng cố ở

đây. Tôi điện trực tiếp cho sự đoàn: "... Sự đoàn 304 phải bằng mọi cách tiến vào giải phóng Đà Nẵng. Lúc này mọi sự chậm trễ đều có tội".

Bức điện vừa chuyển xong, tôi gọi dây nói chỉ thị cho anh Cao Văn Khánh điện ngay cho Quân đoàn 2 sau khi tiêu diệt các bộ phận địch còn chống cự, nhanh chóng tập trung lực lượng vào tiến công Đà Nẵng. Tôi cũng yêu cầu theo dõi, kiểm tra cuộc hành quân của Quân đoàn 1 (trừ Sư đoàn 308). Việc sử dụng Sư đoàn 308 ở lại miền Bắc làm nhiệm vụ dự bị chiến lược có gây thắc mắc trong các chiến sĩ Quân Tiên Phong. Ngày 26 tháng 3, đồng chí Hoàng Kim - Chính ủy Sư đoàn lên Bộ đề đạt nguyện vọng của sư đoàn xin được đi chiến đấu. Hiểu rõ tâm trạng của anh em Sư đoàn 308, tôi thân mật căn dặn:

- Sư đoàn đang làm một nhiệm vụ hết sức quan trọng. Hãy giải thích cho anh em hiểu thế nào là một sư đoàn cận vệ của cách mạng trong lúc này. Hãy chuẩn bị thật tốt để sẵn sàng hoàn thành bất cứ nhiệm vụ gì khi Tổ quốc cần đến. Sư đoàn 308 đang phụ trách một hướng trọng yếu của trận quyết chiến chiến lược đó.

Tiếp theo Buôn Ma Thuột, Tây Nguyên, giải phóng Huế và Đà Nẵng là đòn tiến công chiến lược lớn thứ hai của ta đánh vào quân ngụy. Huế đã giải phóng xong. Còn lại mục tiêu chủ yếu: Đà Nẵng.

Đà Nẵng là thành phố lớn thứ hai ở miền Nam Việt Nam. Đây là một căn cứ quân sự liên hợp rất mạnh, nơi đặt sở chỉ huy của vùng 1 chiến thuật, của quân đoàn 1 ngụy. Sân bay Đà Nẵng là một căn cứ không quân lớn. Đà Nẵng còn là một hải cảng có ý nghĩa quân sự và kinh tế quan trọng. Tháng 3 năm 1965, những đơn vị đầu tiên của Mỹ đã đổ bộ vào Đà Nẵng, mở đầu thời kỳ Mỹ thực hiện chiến lược "chiến tranh cục bộ" xâm lược miền Nam.

Tại đây, địch hiện có khoảng 10 vạn tên, trong đó có 15 tiểu đoàn chủ lực thuộc sư đoàn bộ binh 3, sư đoàn thủy quân lục chiến và tàn quân của các sư đoàn 1, 2 của liên đoàn biệt động quân, cùng với hàng chục tiểu đoàn bảo an, hàng trăm trung đội dân vệ, phòng vệ dân sự và 5.000 cảnh sát; sư đoàn 1 không quân với 373 máy bay các loại, bảy tiểu đoàn pháo binh, thiết đoàn kỵ binh 11, một lực lượng hải quân ngụy đóng ở quân cảng Đà Nẵng và vùng biển phụ cận.

Sau khi mất Huế, Nguyễn Văn Thiệu lệnh cho Ngô Quang Trưởng cố thủ Đà Nẵng bằng mọi giá, hòng chặn bước tiến của quân ta, hy vọng biến nơi

đây thành bãi đổ bộ khi quân Mỹ quay lại ứng cứu. Tất nhiên, đối với Trưởng, mệnh lệnh "tử thủ" của Thiệu lần này không còn thiêng như trước nữa!

Từ đầu tháng 3 năm 1975, trên chiến trường Khu 5, quân ta bắt đầu hoạt động có tác dụng kiểm chế, nghi binh: Tiến công kho đạn Sủng Mây, đánh bãi xe Xuân Thiểu, phá cầu Trắng ở gần Đà Nẵng. Sang trung tuần tháng 3, chấp hành lệnh của Bộ, Thường vụ Khu ủy và Đảng ủy Quân khu 5 chủ trương tập trung lực lượng tiêu diệt sư đoàn 2 ngụy, giải phóng toàn tỉnh Quảng Ngãi, giải phóng đại bộ phận nông thôn tỉnh Quảng Đà. Các lực lượng vũ trang và nhân dân Quân khu 5 dưới sự lãnh đạo, chỉ huy của các anh Võ Chí Công, Chu Huy Mân đẩy mạnh tiến công và nổi dậy ở phía bắc Quân khu, nhanh chóng tiến xuống đường số 1, khẩn trương chuẩn bị phát triển theo hướng từ Quảng Ngãi đến Đà Nẵng. Trước sức uy hiếp của quân ta, địch rút khỏi Sơn Hà, Trà Bồng. Vùng giáp ranh của tỉnh Quảng Ngãi hoàn toàn giải phóng. Nhân dân nổi dậy giành quyền làm chủ, phối hợp với bộ đội giải phóng thị xã Quảng Ngãi, thị xã Tam Kỳ, căn cứ Tuần Dưỡng, đánh chiếm căn cứ Chu Lai, tiêu diệt sư đoàn 2 ngụy, mở rộng vùng giải phóng ở tỉnh Quảng Đà, tạo điều kiện thuận lợi uy hiếp Đà Nẵng từ phía nam.

Ngày 27 tháng 3, ở phía bắc Đà Nẵng, chấp hành mệnh lệnh của Bộ Tổng Tư lệnh, Quân đoàn 2 và một sư đoàn của Quân đoàn 1 phát triển tiến công trên hai hướng: Từ đèo Mũi Trâu theo đường số 14 tiến xuống phía tây bắc; từ Phú Lộc theo đường số 1 đánh chiếm Thừa Lưu, Cầu Hai, Lăng Cô, đèo Hải Vân, áp sát thành phố từ phía bắc. Riêng Sư đoàn 304 được lệnh trực tiếp của Bộ Tổng Tư lệnh và của Quân đoàn khẩn trương chuyển sang tiến công Đà Nẵng từ hướng tây nam.

Cùng thời gian này, theo lệnh của Bộ, Sư đoàn 2, các lực lượng pháo binh, cao xạ, tăng, thiết giáp của Quân khu 5 dưới sự chỉ huy trực tiếp của anh Chu Huy Mân, bỏ qua các mục tiêu dọc đường, tiến thẳng về Đà Nẵng. Pháo binh của quân ta bắt đầu nã đạn, khống chế hải cảng và sân bay.

Trước tình hình nguy khốn, Ngô Quang Trưởng hủy bỏ kế hoạch rút sư đoàn thủy quân lục chiến về Sài Gòn, thu thập binh lính cố thủ Đà Nẵng. Nhưng quá muộn! Đà Nẵng đã rơi vào tình trạng hỗn loạn. Tuy quân số địch còn đông, nhưng binh lính đã mất tinh thần. Tân binh đào ngũ từng mảng. Bọn chỉ huy hốt hoảng, chỉ lo đưa vợ con tìm đường trốn chạy. Hàng vạn dân từ Huế ào vào càng làm cho thành phố hỗn loạn thêm.

Sau khi nghe Cục Quân báo báo cáo tình hình mới nhất, tôi điện tiếp cho Quân đoàn 2: "Địch ở Đà Nẵng đang rối loạn. Cảnh sát thôi làm việc. Chúng

đã ra lệnh rút trung đoàn ở núi Quế và phá công sự. Cần nhanh chóng tiến đánh Đà Nẵng. Nếu có hiện tượng địch rút thì phải lập tức đánh tràn tới. Nếu chúng co cụm và cố thủ thì bao vây thật chặt, đánh ghìm chân không cho rút. Đồng thời tập trung lục lượng theo hướng đường số 14 và đường số 1 tiêu diệt địch, chiếm khu

vực tây và tây bắc thành phố, thọc sâu vào cầu Trịnh Minh Thế, chặn đường rút của địch qua bán đảo Sơn Trà. Ký tên: Văn".

Cũng trong ngày 27 tháng 3, đồng chí Bí thư thứ nhất điện cho các anh Võ Chí Công và Chu Huy Mân: "... Chiến thắng oanh liệt ở Buôn Ma Thuột và Tây Nguyên đã tạo ra thời cơ giải phóng Đà Nẵng. Ta phải tập trung lực lượng từ hai phía, từ Thừa Thiên - Huế đánh vào và từ Nam - Ngãi đánh ra, nhanh chóng tiêu diệt toàn bộ sinh lực địch ở Đà Nẵng, không cho chúng rút chạy để co cụm về giữ Sài Gòn.

Trong lúc này, thời gian là lực lượng. Phải hành động hết sức táo bạo, bất ngờ, làm cho địch không kịp trở tay. Các anh cần sử dụng ngay lực lượng của Quân khu và của tỉnh đánh thẳng vào Đà Nẵng. Phải có biện pháp đặc biệt để hành quân nhanh nhất, kịp thời khống chế, chiếm lĩnh các sân bay, bến cảng, bao vây, chia cắt để tiêu diệt địch.

Phải nhanh chóng phát động quân chúng vũ trang nổi dậy, đập tan các lực lượng kìm kẹp ở cơ sở, chiếm lĩnh các công sở, kho tàng, nhà máy, thành lập chính quyền cách mạng và xáp vào vận động binh sĩ địch bỏ súng đầu hàng, làm tan rã các đơn vị quân ngụy.

Các binh đoàn chủ lực phía bắc đã có kế hoạch hành quân nhanh nhất để kịp thời hiệp đồng với cánh quân phía nam. Các anh hành động ngay, không chậm trễ... Ký tên: Ba".

Các chỉ thị, mệnh lệnh trên đây đều được chấp hành triệt để và nhanh chóng.

Tại Tổng hành dinh, các cán bộ tác chiến, quân báo, thông tin, cơ yếu... làm việc suốt ngày đêm. Tin chiến thắng dồn dập báo về cổ vũ mọi người làm việc hăng say, quên ăn, quên ngủ.

Sáng ngày 28 tháng 3, tôi triệu tập đồng chí Doãn Tuế - Tư lệnh Binh chủng Pháo binh, lúc này là phái viên của Bộ Tổng Tham mưu, kiểm tra tình hình triển khai sử dụng hóa lực. Tôi hỏi:

- Pháo của ta đã đến đâu rồi?

Đồng chí Tuế báo cáo:

- Mới có một tiểu đoàn của Quân khu 5 bắn vào sân bay Đà Nẵng. Pháo của Quân đoàn 2 mới có hai đại đội vào đến đèo Mũi Trâu.

Việc triển khai pháo binh chiến dịch như vậy là chậm.

Tôi chỉ thị bố trí ngay pháo ở đèo Mũi Trâu để chế áp sân bay Đà Nẵng, đưa tiếp pháo của Quân đoàn 2 lên đèo Hải Vân để bắn sang Sơn Trà. Điều ngay toàn bộ lực

lượng pháo binh mặt trận lên tham gia tiến công. Kết quả là đến 17 giờ ngày hôm ấy, tất cả các đơn vị pháo của Quân đoàn 2 và Quân khu 5, sau khi tổ chức xong trận địa, bắt đầu nã đạn vào Đà Nẵng. Trận pháo kích lớn diễn ra vào sáng hôm sau, 29 tháng 3: 30 khẩu pháo cứ lớn của ta dồn dập bắn vào sổ chỉ huy quân đoàn 1 ngụy, sân bay Đà Nẵng, cảng Mỹ Khê, bán đảo Sơn Trà, sân bay Nước Mặn, từ 5 giờ đến 10 giờ sáng. Sau đó, pháo chuyển làn bắn ra mép nước, ngăn chặn không cho tàu địch vào bốc bọn tàn quân.

Bộ Tư lệnh Mặt trận Quảng Đà báo cáo: Ngày 29 tháng 3 năm 1975, quân ta tiến công vào Đà Nẵng từ nhiều hướng: Quân đoàn 2 trên các hướng bắc, tây bắc và tây nam, Sư đoàn 2 Quân khu 5 trên các hướng nam và đông nam. Được các lực lượng biệt động, tự vệ, du kích bí mật và quần chúng hỗ trợ, cả hai cánh quân cùng tiến công vào thành phố. Một số cán bộ, đảng viên, chiến sĩ ta bị địch bắt giam ở Non Nước phá nhà lao thoát ra ngoài, tham gia đánh địch. Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Quảng Đà và Thành ủy Đà Nẵng, quần chúng nổi dậy. Đồng bào tự động đưa xe đò, xe lam, xe máy chở bộ đội ta tiến nhanh vào thành phố, mang cơm, nước, quà bánh tiếp tế cho bộ đội. Bộ đội chủ lực không quen thuộc địa hình thì đã có các chiến sĩ tự vệ dẫn đường. Nơi nào mà chủ lực chưa tới kịp, thì các lực lượng biệt động, tự vệ và du kích kết hợp với cơ sở bí mật đã kịp thời đánh chiếm. Công nhân bảo vệ sân bay, bến cảng, nhà máy..., nhân dân phối hợp cùng bộ đội kêu gọi binh sĩ địch ra hàng.

Có tin Tổng thống Mỹ tuyên bố đưa hải quân đến cứu viện Đà Nẵng. Qua phân tích tình hình, tôi điện cho anh Tấn, anh Mân, anh Phạm Hùng và Quân đoàn 2: "Pho tuyên bố dùng tàu LST vào Đà Nẵng là để trấn an dư luận, cũng có thể để cứu bọn ngụy ở bán đảo Sơn Trà. Khả năng hành động của không quân ngụy ít. Khả năng không quân Mỹ can thiệp càng ít hơn. Nhưng ta vẫn phải đề phòng".

Thực tế đã diễn ra đúng như vậy. Tàu Mỹ đến cứu bọn ngụy chạy trốn, nhưng đậu cách xa bờ, gây cảnh chen chúc hỗn loạn, nhiều người rơi xuống biển. Máy bay trực thăng Mỹ đến đón cố vấn Mỹ và những tên đầu sổ, bị hàng nghìn binh lính và dân di tản ùa lên, phải cắt cánh bay đi, nhiều người bám ở bên ngoài máy bay rơi từ trên không xuống.

Chỉ trong vòng 32 giờ, quân ta lần lượt đánh chiếm các mục tiêu quân sự, chính trị, kinh tế trong căn cứ liên hợp, giải phóng hoàn toàn thành phố Đà Nẵng và thị xã Hội An, tiêu diệt và làm tan rã hơn 10 vạn tên trong bộ máy quân sự và hành chính của ngụy ở đây. Trưa ngày 29 tháng 3, anh Nguyễn Thanh vào báo cáo tình hình địch. Nhớ lại buổi giao nhiệm vụ cho anh Lê Trọng Tấn, tôi nói vui:

- Đáng lẽ tôi cho cậu 5 điểm1 nhưng chỉ cho 3 điểm thôi, vì đánh Đà Nẵng chỉ mất có ba ngày!

Đòn tiến công chiến lược thứ hai đã được hoàn thành xuất sắc.

Lại một bước nhảy vọt mới của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy trong mùa Xuân lịch sử.

uộc tiến công giải phóng Huế và Đà Nẵng do Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng Tư lệnh trực tiếp lãnh đạo, chỉ huy được hình thành trong quá trình thực hiện cuộc tổng tiến công chiến lược, nhanh chóng phát triển thành một chiến dịch quy mô lớn có ý nghĩa chiến lược rất quan trọng. Tiếp theo chiến thắng Tây Nguyên, chiến thắng vang dội ở Huế và Đà Nẵng đã đập tan ý định co cụm chiến lược của địch, tiêu diệt nhiều sinh lực chủ yếu của chúng, làm thay đổi căn bản so sánh lực lượng hoàn toàn có lợi cho ta, đẩy quân ngụy sụp đổ nhanh chóng, mở ra triển vọng rất thuận lợi cho trận quyết chiến chiến lược cuối cùng.

Qua chiến đấu, bộ đội ta trưởng thành vượt bậc. Rất nhiều tấm gương tích cực chấp hành mệnh lệnh, chiến đấu anh dũng, mưu trí, táo bạo xuất hiện trong cán bộ, chiến sĩ, nhất là ở cánh quân phía bắc của các đồng chí Nguyễn Hữu An, Lê Linh, Hoàng Đan và cánh quân phía nam của đồng chí Nguyễn Chơn.

Ngày 1 tháng 4, Quân ủy gửi điện khen bộ đội Mặt trận Quảng Đà: "Quân ủy Trung ương nhiệt liệt khen ngợi toàn thể cán bộ, chiến sĩ, đảng viên, đoàn viên các lực lượng bộ đội chủ lực và bộ đội địa phương, bộ đội đặc biệt tinh nhuệ, tự vệ Mặt trận Quảng Đà đã triệt để chấp hành mệnh lệnh, hành động táo bạo và kịp thời, phối hợp với nhân dân, trong một thời gian rất ngắn, tiêu diệt và làm tan rã toàn bộ quân địch, giải phóng toàn tỉnh Quảng Đà, đặc biệt thành phố Đà Nẵng là một căn cứ quân sự quan trọng bậc nhất của địch ở miền Nam Việt Nam.

Quân ủy Trung ương tuyên dương công trạng các đồng chí trong toàn quân về chiến công chói lọi đã lập được. Ký tên: Văn".

Chiến thắng Huế và Đà Nẵng cổ vũ mạnh mẽ hậu phương lớn và tiền tuyến lớn. Bộ Chính trị Trung ương Đảng, Quốc hội và Chính phủ nhiệt liệt khen ngợi và tặng thưởng bộ đội và nhân dân vừa lập chiến công lớn nhiều huân chương cao quý.

Khí thế tiến công trào dâng từ Bắc chí Nam.

Bao giò cũng vậy, như đã thành thói quen, mỗi lần thắng lớn, tôi lại nhớ tới lời dạy của Bác Hồ: "Thắng lợi tuy lớn, nhưng mới chỉ là bước đầu. Các chú không được chủ quan, khinh địch".

Cuộc chiến đấu giải phóng hoàn toàn miền Nam đang còn ở phía trước. Càng đến gần sào huyệt, quân địch tất sẽ càng phản ứng quyết liệt hơn. Ngay ngày hôm sau, 30 tháng 3, một đoàn cán bộ tham mưu, chính trị, hậu cần, kỹ thuật, được cử ngay vào Đà Nẵng nghiên cứu rút kinh nghiệm tại chỗ về cách đánh của bộ đội chủ lực kết hợp với quần chúng nổi dậy ở một thành phố lớn, chuẩn bị cho trận đánh quyết định sắp diễn ra.

Hí thế tiến công, nổi dậy của quân và dân ta trong giai đoạn cuối cùng của chiến tranh càng sôi động bao nhiêu, thì các tư liệu được công bố sau này cho thấy cảnh tượng của phía đối phương lúc này càng ấm đạm bấy nhiêu.

Vào đúng thời điểm nguy kịch nhất, Nguyễn Văn Thiệu nhận được bức thư đề ngày 22 tháng 3 năm 1975 của người đứng đầu Nhà Trắng ở Hoa Thịnh Đốn:

"Ngài Tổng thống Thiệu thân mến,

Cuộc tiến công của quân Bắc Việt hiện nay đối với đất nước ngài là một điều vô cùng phiền phức và là nỗi đau khổ của mọi người.

Đối với Hoa Kỳ, vấn đề cũng không kém phần nguy ngập... Người Mỹ cũng bị thử thách khi họ quyết tâm giúp đỡ một người bạn đang bị các lực lượng vũ trang hiện đại tiến công... Riêng tôi, tôi quyết định rằng người Mỹ sẽ bảo vệ Việt Nam trong giờ phút quyết định này với ý định thực hiện đúng trách nhiệm của Hoa Kỳ trong hoàn cảnh này. Tôi vẫn theo dõi những diễn biến một cách sát sao và bàn bạc khẩn cấp với các cố vấn của tôi về những việc làm mà hoàn cảnh đòi hỏi và pháp luật cho phép... Ký tên: Giê-rôn Pho"1.

Cũng vẫn cái giọng chung chung, mơ hồ, không có gì cụ thể! Giữa lúc dầu sôi lửa bỏng, mà lá thư đánh đi bằng điện mật, sau khi giải mã, vẫn lạnh như tiền! Hơn nữa, cụm từ "pháp luật cho phép" giội thêm một gáo nước lạnh vào chính quyền Thiệu, vì ai cũng biết, ngay từ hồi Ních-xơn còn ngồi tại Nhà Trắng, mối quan hệ giữa Tổng thống và Quốc hội về cuộc chiến tranh Việt Nam không lấy gì làm suôn sẻ! Ngày 30 tháng 11 năm 1974, đạo luật về Quyền hạn của tổng thống trong thời gian chiến tranh (viết tắt là WPA) đã ra đời, quy định rõ tổng thống phải thảo luận trước với Quốc hội về bất cứ hành động quân sự nào sắp tiến hành và trong vòng 48 giờ, phải tường trình chi tiết về hành động quân sự ấy.

Lúc này, rõ ràng Tổng thống Pho không thể hành động mà không được sự chấp nhận của Quốc hội. Mà Quốc hội thì đang chuẩn bị nghĩ lễ phục sinh, mọi công việc đều gác lại!

Mặc dù chán nản và tuyệt vọng, Thiệu vẫn gửi đi vào tối hôm sau một lời kêu cứu:

"... Thưa ngài Tổng thống,

Vào giờ phút quyết định này, khi Nam Việt Nam đang lâm nguy và hòa bình đang bị đe dọa nghiêm trọng, vì lẽ đó tôi trân trọng khẩn cầu Chính phủ Hoa Kỳ hãy thực hiện lời hứa... Một là, hạ lệnh tiến hành một cuộc oanh tạc ngắn hạn bằng máy bay B-52 tập trung vào những điểm đóng quân và căn cứ hậu cần của kẻ thù trong khu vực thuộc Nam Việt Nam. Hai là, khẩn cấp viện trợ những phương tiện cần thiết để ngăn chặn và đẩy lùi cuộc tiến công...

Kính thưa ngài Tổng thống,

Một lần nữa, tôi xin khẩn cầu ngài, khẩn cầu chữ Tín trong chính sách ngoại giao của Hoa Kỳ và đặc biệt khẩn cầu lương tâm của nước Mỹ... Tôi xin đa tạ quyết tâm thực hiện trọn vẹn lời hứa đó bằng hành động cụ thể của ngài...

Trân trọng kính chào,

Nguyễn Văn Thiệu"1.

Tất nhiên, lời van xin của Thiệu rơi vào im lặng. Bức thư ngày 22 tháng 3 là bức thư cuối cùng của Pho gửi cho Thiệu. Tác dụng của nó cũng giống như một liều thuốc an thần đã quá hạn, không còn giúp gì được bệnh nhân đang thập tử nhất sinh.

Mặc dù, bộ trưởng bộ quốc phòng Mỹ Sơ-lét-xinh-giơ nêu lên giải pháp duy nhất còn lại lúc này là ném bom nguyên tử, vị tổng thống được đưa lên

sau vụ bê bối Oa-tơ-ghết ở vào một tình thế khó xử: Ném bom bằng B-52 thì bị Quốc hội cấm. Dùng bom nguyên tử thì lại càng không dám nghĩ tới. Pho không thể làm gì hơn là bỏ đi đánh "gôn" suốt cả tuần.

Đà Nẵng thất thủ đúng vào dịp lễ phục sinh.

Đối với Mỹ, Đà Nẵng không còn là vị trí chiến lược quan trọng nữa. Tuy nhiên, cũng đã có một "hạm đội" được gửi tới Đà Nẵng. Đó là một mô hỗn tạp gồm 20 chiếc tàu vận tải và tàu kéo của Nhật cùng ba tàu chiến nhỏ của Mỹ đến để di tản cố vấn Mỹ, viên chức ngụy và những người hoảng loạn đang tháo chạy lấy thân, trong đó có tướng Ngô Quang Trưởng.

hững tấm lá chắn của địch ở phía bắc đã bị phá toang. Con đường chiến thắng dẫn tới sào huyệt cuối cùng của chế độ Sài Gòn đang mở rộng.

Ngay trước khi giải phóng hoàn toàn Đà Nẵng, chiều 29 tháng 3 năm 1975, đồng chí Bí thư thứ nhất gửi điện cho Trung ương Cục miền Nam: "... Tình hình biến chuyển mau lẹ. Cuộc cách mạng miền Nam đang bước vào giai đoạn phát triển nhảy vọt... Trên thực tế, có thể coi chiến dịch giải phóng Sài Gòn đã bắt đầu từ đây"1.

Chiến thắng lớn, dồn dập, như một phần ứng dây chuyền, nhanh chóng lan ra, càng làm suy yếu bộ máy ngụy quân, ngụy quyền từ Trung ương đến cơ sở. Bài toán thời gian lúc này không dừng lại ở đáp số tính bằng tháng, mà phải tính bằng ngày. Thế trận chiến tranh nhân dân, với lực lượng bố trí sẵn tại chỗ trên từng chiến trường, từng khu vực, tỏ rõ khả năng chủ động tiến công của quân ta, còn nhanh hơn cả "trực thăng vận" và "cầu hàng không" của Mỹ. Địch ở đâu cũng bị đánh, bị bao vây chia cắt. Chiến lược tổng hợp của ta kết hợp đấu tranh vũ trang, đấu tranh chính trị và bình vận, căng địch ra mà tiêu diệt và đánh rã.

Sáng ngày 31 tháng 3, Bộ Chính trị Trung ương Đảng họp mở rộng. Đây là cuộc họp lịch sử bàn về đòn chiến lược thứ ba, đòn cuối cùng của cuộc tổng tiến công và nổi dậy.

Không khí phấn khởi tràn ngập "Nhà con rồng". Những nét mặt rạng rỡ, những ánh mắt sáng ngời, những cái bắt tay hứa hẹn...

Bắt đầu cuộc họp, anh Ba nêu những vấn đề cần bàn. Thay mặt Quân ủy Trung ương, tôi báo cáo tổng quát tình hình chiến trường một tháng qua, đặc biệt nêu rõ diễn biến chiến sự trong hạ tuần tháng 3. Từ Tây Nguyên, Huế, Đà Nẵng đến Cục Nam Trung Bộ và Nam Bộ, quân và dân ta đã tiêu diệt và làm tan rã hai quân đoàn chủ lực mạnh của quân ngụy và khoảng 40 phần trăm

các binh chủng kỹ thuật hiện đại, thu và phá hủy trên 40 phần trăm cơ sở vật chất và hậu cần của chúng; giải phóng địa bàn hai quân khu gồm 12 tỉnh với gần một nửa số dân ở miền Nam. Âm mưu co cụm chiến lược của địch đã bị phá sản. Chúng đang lâm vào tình trạng hoang mang, bế tắc. Tuy vậy, địch vẫn ngoan cố lập tuyến phòng ngự từ xa, từ Phan Rang trở vào. Chúng hy vọng ngăn chặn và đẩy lùi cuộc tiến công của ta, giữ thế cầm cự cho tới mùa mưa, sau đó sẽ cũng cố những lực lượng còn lại, phản công tái chiếm các vùng đã mất.

Địch tập trung ở Phan Rang một lực lượng khoảng hai sư đoàn gồm sư đoàn bộ binh 2 vừa được khôi phục, lữ đoàn dù 2, liên đoàn biệt động quân 31, có sư đoàn không quân 6 đóng ở sân bay Thành Sơn yểm trợ. Đồng thời, chúng tập trung mọi cố gắng thu thập tàn quân, chấn chỉnh các đơn vị còn lại, điều chỉnh thế bố trí

nhằm tăng cường phòng thủ khu vực Sài Gòn - Gia Định và đồng bằng sông Cửu Long.

Về phía ta, với trận Huế và Đà Nẵng, ta đã bắt đầu chuyển sang tổng tiến công chiến lược. Quân ta đang trong thế thừa thắng xông lên. Ta hoàn toàn có khả năng tập trung lực lượng cả nước đến mức cao nhất, áp đảo địch trên chiến trường trọng điểm là Sài Gòn. Thời cơ lớn đã xuất hiện. Chắc chắn ta sẽ giành toàn thắng trong trận quyết chiến chiến lược cuối cùng này. Tôi đề nghị cần khẩn trương xây dựng kế hoạch tác chiến, thực hiện bao vây chiến lược ở phía đông và phía tây Sài Gòn - Gia Định, sử dụng nắm đấm chủ lực, bất ngờ thọc sâu tiêu diệt địch. Đánh một trận là thắng. Phương châm là "thần tóc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng".

Các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị phát biểu ý kiến, đồng ý với đề nghị của Quân ủy Trung ương. Anh Trường Chinh tâm đắc với phương án thọc sâu mà anh gọi là "percée stratégique" (thọc sâu chiến lược).

Hội nghị nhất trí nhận định những nhân tố mới đã xuất hiện rõ nét trong trận Đà Nẵng. Ta hơn hẳn địch cả về thế chiến lược lẫn lực lượng quân sự, chính trị. Dù Mỹ có tăng viện cũng không thể cứu vãn ngụy sụp đổ. Bộ Chính trị khẳng định quyết tâm thực hiện tổng công kích, tổng khởi nghĩa trong thời gian sớm nhất.

Phương thức tác chiến chiến lược của ta là phát huy sức mạnh của ba đòn chiến lược (chủ lực, nông thôn và thành thị), từ ngoài đánh vào, kết hợp với lực lượng tại chỗ từ trong đánh ra, lấy chủ lực từ ngoài đánh vào là quyết định, tập trung lực lượng tiến công địch, nhanh chóng lợi dụng thời cơ, dồn dập phát triển thắng lợi.

Về bố trí lực lượng chiến lược, Bộ Chính trị chủ trương gấp rút tăng thêm lực lượng ở hướng tây Sài Gòn, chia cắt và bao vây chiến lược ở hướng tây nam, triệt đường số 4, cô lập Sài Gòn với đồng bằng sông Cửu Long. Các lực lượng phía đông đánh chiếm các mục tiêu quan trọng, bao vây Sài Gòn từ hướng Bà Rịa - Vũng Tàu. Quả đấm chủ lực phải thật mạnh, kể cả binh khí kỹ thuật, sẵn sàng đánh thẳng vào các mục tiêu hiểm yếu và quan trọng nhất của dịch ở trung tâm Sài Gòn khi thời cơ xuất hiện. Ở đồng bằng sông Cửu Long, các lực lượng quân sự, chính trị hoạt động mạnh, giải phóng các địa phương, phối hợp với mặt trận trọng điểm.

Ngay từ bây giờ, cần có kế hoạch hành động với lực lượng sẵn có trên chiến trường miền Đông Nam Bộ. Các lực lượng của ta ở Tây Nguyên cần nhanh chóng tiến vào chiến trường trọng điểm. Bộ Tổng Tham mưu đôn đốc cho Quân đoàn 1 khẩn trương vào kịp thời gian.

Cuộc họp kết thúc.

Đồng chí Bí thư thứ nhất điện ngay vào chiến trường: "... Cách mạng nước ta đang phát triển với nhịp độ "một ngày bằng hai mươi năm". Do vậy, Bộ Chính trị quyết định: Chúng ta phải nắm vững thời cơ chiến lược, quyết tâm thực hiện tổng tiến công và nổi dậy, kết thúc thắng lợi chiến tranh giải phóng trong thời gian ngắn nhất.

Tốt hơn cả là bắt đầu và kết thúc trong tháng 4 năm nay, không để chậm. Phải hành động "thần tốc, táo bạo, bất ngờ". Phải tiến công ngay lúc địch hoang mang, suy sụp. Tập trung lực lượng lớn hơn nữa vào những mục tiêu chủ yếu trên từng hướng, trong từng lúc"1.

Từ cuộc họp ngày 31 tháng 3 năm 1975, số phận của chế độ Sài Gòn đã được định đoạt. Quyết tâm của Bộ Chính trị cổ vũ mạnh mẽ nhiệt tình cách mạng của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân.

Tất cả cho ngày toàn thắng.

Chiến trường Nam Bộ, Cục Nam Trung Bộ đẩy mạnh tiến công và nổi dậy, chuẩn bị đón thời cơ lịch sử. Trên các trục đường chiến lược, các cánh quân lớn thần tốc đổ vào chiến trường trọng điểm. Từ núi rừng Tây Nguyên vừa giải phóng, Quân đoàn 3 cùng các binh khí kỹ thuật tiến về hướng Sài Gòn với khí thế chiến thắng. Từ hậu phương lớn miền Bắc, Quân đoàn 1 tiến vào miền Nam không kể ngày đêm. Cánh quân phía đông mới được thành lập, ngoài dự kiến ban đầu, khẩn trương tiến dọc miền duyên hải theo đường số 1. Hậu phương lớn huy động tối đa sức người, sức của, chi viện tiền tuyến.

Các cơ quan Tổng hành dinh luôn mất, luôn tay, khẩn trương, phấn khởi.

Lúc này, ai cũng thấm thía về giá trị của thời gian. Kim đồng hồ như chạy nhanh hơn. Ngày tháng như ngắn lại.

Ngay sau Hội nghị Bộ Chính trị, tôi suy nghĩ nhiều về trận chiến đấu sẽ diễn ra trên chiến trường trọng điểm là Sài Gòn - Gia Định. Sau khi nghiên cứu, trao đổi với Phó Tổng tham mưu trưởng Cao Văn Khánh và Cục trưởng Cục Tác chiến Lê Hữu Đức, ngày 1 tháng 4, tôi điện vào B2: "Dúng như Bộ Chính trị đã nhận định, chiến tranh cách mạng ở miền Nam đang bước vào giai đoạn phát triển nhảy vọt. Hiện nay ta đã có đầy đủ lực lượng và khả năng để giành thắng lợi hoàn toàn trong một thời gian ngắn hơn dự kiến rất nhiều".

Ván đề quyết định là phải kịp thời nắm lấy thời cơ, tranh thủ vào trung tuần tháng 4 thì bắt đầu cuộc tiến công quy mô lớn vào Sài Gòn. Làm được như vậy thì thuận lợi nhất, bảo đảm thắng lợi giòn giã nhất. Bất ngờ hiện nay không còn ở phương

hướng lớn nữa. Địch biết nhất định ta sẽ đánh Sài Gòn nhưng chúng cho rằng ta cần chuẩn bị một - hai tháng. Vì vậy, bất ngờ hiện nay chủ yếu là ở khâu thời gian. Một mặt cần cơ động lực lượng nhanh chóng, thần tốc, mặt khác sử dụng ngay lực lượng hiện có để kịp thời hành động, không chờ đợi tập trung lực lượng đông đủ mới làm ăn. Chính theo ý nghĩa đó mà Bộ Chính trị đã khẳng định từ giờ phút này trận quyết chiến chiến lược Sài Gòn đã bắt đầu.

Giữa hai phương án cơ bản, một là bao vây dài ngày tạo điều kiện rồi dứt điểm, hai là tiến công táo bạo từ đầu, đánh nhanh, dứt điểm nhanh, thì nay nên chọn phương án 2, tức là làm thật nhanh, thật táo bạo; đồng thời có sự chuẩn bị trong điều kiện nào đó nếu cần thì chủ động chuyển sang phương án 1 cũng nhằm giành thắng lợi cuối cùng trong một thời gian ngắn... Với lực lượng sẵn có, cần hành động kịp thời để lợi dụng mọi thời cơ cụ thể do địch hoang mang và lúng túng đưa lại, tiến công liên tiếp, giành thắng lợi liên tiếp, làm đảo lộn mọi mưu đồ chấn chỉnh lực lượng hoặc tăng cường viện trợ của Mỹ.

Thời gian hiện nay phải tính từng ngày. Phải "thần tốc, thần tốc, toàn thắng, nhất định toàn thắng".

Ngày 2 tháng 4, trong buổi giao ban, trên cơ sở phân tích tình hình các mặt trận, Quân ủy Trung ương điện khẩn cho Quân ủy Miền và Bộ Tư lệnh B2: "... Trong lúc chuẩn bị kế hoạch lớn, ta cần có kế hoạch tức khắc tập trung pháo lớn, phần nào xe tăng và bộ binh nhân lúc địch hoang mang diệt bọn bại binh mới chạy về, tiêu diệt một bộ phận F18, đánh chiếm Xuân Lộc,

áp sát Biên Hòa. Khống chế được sân bay Biên Hòa thì không quân mất tác dụng, địch ở Sài Gòn sẽ hoang mang to...". Ngoài các nguồn tin kỹ thuật của Cục Quân báo, tin tức công khai do các phóng viên nước ngoài ở miền Nam đánh đi từ Sài Gòn mà Thông tấn xã Việt Nam thu được cung cấp thêm nhiều tình hình sốt dẻo.

Quân ủy Trung ương điện tiếp cho anh Phạm Hùng, đồng điện cho anh Văn Tiến Dũng và anh Trần Văn Trà:

"... 2. Sài Gòn hiện bắt đầu hoảng loạn, có thể xảy ra biến động chính trị trong nội bộ địch. Mặt trận Cam Ranh - Phan Rang vỡ, bọn tàn quân chạy về sẽ gây rối lớn.

1. Theo tinh thần hành động táo bạo, kịp thời của Bộ Chính trị, chúng tôi có ý kiến Trung ương Cục và Quân ủy Miền cần có một kế hoạch hành động ngay với lực lượng sẵn có, dựa vào kế hoạch bước 1 của anh Tư1, nhưng nay làm nhanh và mạnh, không điều động xáo trộn.

4. Cụ thể:

a) Phía đông tập trung lực lượng tăng, pháo thật mạnh đánh ngay bọn F18, tiêu diệt Xuân Lộc, áp sát Biên Hòa, triển khai ngay pháo nặng khống chế sân bay Biên Hòa, có điều kiện tốt hay lực lượng mới sẽ đánh chiếm Ô Cáp2, cắt sông Lòng Tàu.

b) Phía tây, với lực lượng hiện có, nên giao bộ đội địa phương bao vây Mộc Hóa, còn chủ lực Miền và Khu thì tập trung đánh xuống đường số 4 nhanh hơn, thực hiện nhanh chia cắt và bao vây chiến lược. Nghiên cứu kế hoạch tăng lực lượng tiếp.

c) Hiện nay, tình hình có thể chuyển biến mau lẹ. F9 cần nằm trong tay Trung ương Cục, sẵn sàng hành động khi có thời cơ, chưa nên điều đi hướng khác trong khi lực lượng mới chưa vào.

1. Trong lúc đó, tiếp tục nghiên cứu kế hoạch hành động tiếp với lực lượng và bình khí kỹ thuật được tăng thêm".

Biết các anh ở Miền đang rất cần thêm lực lượng cho chiến trường trọng điểm, tôi thông báo cho anh Trà biết Quân ủy Trung ương đã điện cho anh Văn Tiến Dũng tranh thủ thời gian đưa lực lượng từ Tây Nguyên xuống càng nhanh càng tốt; Quân đoàn 1 và các đơn vị kỹ thuật cũng đang khẩn trương tiến vào tăng cường cho B2.

ác nguồn tin cho biết:

Trong khi quân ta thần tốc từ các hướng tiến về Sài Gòn, thì Bộ tổng tham mưu ngụy tính toán: Đối phương chỉ có khả năng tăng cường cho miền Đông Nam Bộ nhiều nhất là một quân đoàn và muốn đưa lực lượng ấy vào tới chiến trường, phải mất ít nhất là hai tháng! Bộ trưởng bộ quốc phòng Mỹ Sơ-lét-xinh-giơ thì coi việc mất Đà Nẵng là "một trận chiến chính, nhưng tương đối nhỏ". Còn Tổng thống Mỹ Giê-rôn Pho sau này đã viết hồi ký về thời đó: "Mọi người đều biết rằng những vấn đề ở Nam Việt Nam rất nghiêm trọng, nhưng dường như không ai biết được nguy kịch đến mức nào!".

Kiểm lại lực lượng, Thiệu chủ trương giữ toàn bộ Quân khu 3 và Quân khu 4, lập tuyến phòng thủ từ Phan Rang trở vào, giữ chặt Tây Ninh, lấy Tây Ninh làm hướng phòng thủ chính ngăn chặn quân ta thọc vào Sài Gòn, giữ trục đường số 13, giữ thị trấn Xuân Lộc, ngăn không để "Việt cộng" áp sát đường số 15, Nhơn Trạch để pháo kích vào Sài Gòn.

Ngày 2 tháng 4, Cao Văn Viên - tổng tham mưu trưởng quân ngụy hò hét: "Cố thủ từ Phan Rang trở lại". Viên tướng phụ trách hậu cần Đồng Văn Khuyên hùng hổ tuyên bố: "Bằng bất cứ giá nào, phải cố thủ từ Ninh Thuận trở vào, nếu cần sẽ đem hết lực lượng đánh xả láng tại đó!".

Thiệu cử Nguyễn Văn Toàn - tư lệnh quân đoàn 3 ra trấn giữ Phan Rang, đồng thời ra lệnh gấp rút khôi phục một số tàn quân từ phía bắc chạy vào, củng cố tuyến phòng ngự chung quanh Sài Gòn. Trong khi đó, Thiệu bí mật chở vàng, bạc, đá quý sang Đài Loan và Ca-na-đa. Toàn lại chỉ thị cho Nguyễn Vĩnh Nghi thành lập sở chỉ huy tiến phương ở Phan Rang, còn mình lui về phía sau, nói là "để tăng cường cho Xuân Lộc!".

Tổng thống Mỹ cử tham mưu trưởng lục quân Hoa Kỳ đến Sài Gòn để nắm tình hình, mang theo một liều thuốc an thần cuối cùng gồm một số súng cơ lớn được bốc dỡ ở sân bay Tân Sơn Nhất trước ống kính ca-mê-ra giữa thanh thiên bạch nhật và chiếu ngay lên màn ảnh truyền hình.

Thế nhưng lần này, trò lừa mị vụng về xem ra không còn tác dụng, vì con bệnh đang hấp hối đã quen thuốc mất rồi! Thật ra, quân ngụy lúc này cần đạn hơn cần súng. Và các khẩu pháo đâu có thể thay được việc ném bom bằng B-52 như Thiệu đã van xin? Phrê-đê-rích Uây-oen, viên tướng bốn sao đã phải cuốn cờ rút khỏi miền Nam Việt Nam tháng 3 năm 1973, không thể làm gì hơn trước sự thất vọng của Thiệu. Ông ta chỉ có nhiệm vụ "xem xét những khả năng mà Mỹ có thể làm để ủng hộ Nam Việt Nam" và sẽ trở về Mỹ tường trình với Tổng thống Pho lúc này đang còn đi nghỉ mát!

rô lại với chiến trường Nam Bộ và Cục Nam Trung Bộ.

Từ khi mở màn Chiến dịch Tây Nguyên, nhất là sau chiến thắng Buôn Ma Thuột, tình hình phát triển rất nhanh.

Báo cáo của Quân ủy Miền và Bộ Tư lệnh B2 cho biết: Thực hiện kế hoạch đợt 2 mùa khô 1974-1975 của Bộ Tư lệnh Miền đã được Trung ương Cục thông qua, từ đêm 9 rạng ngày 10 tháng 3 năm 1975, phối hợp với các chiến trường toàn miền Nam, quân và dân ta từ núi rừng Khu 4 đến đồng bằng sông Cửu Long tiến công và nổi dậy, đồng loạt xông lên diệt địch, giành thắng lợi giòn giã.

Ở đồng bằng sông Cửu Long, quân và dân Quân khu 9 tiêu diệt phân chi khu Hựu Thành, vây lấn yếu khu Thầy Phó, diệt gọn hai tiểu đoàn địch đến tăng viện, giải phóng chi khu Thuận Thời, đồn Cầu Sắt. Trước sức tiến công của ta, quân địch ở yếu khu Thầy Phó tháo chạy. Ta tiếp tục tiến công lên hướng Tam Bình, diệt phân chi khu Ba Kè, làm chủ đoạn sông Mang Thít, tiếp đó phát triển tiến công diệt 50 đồn địch, làm chủ đường số 16, uy hiếp đường số 4, áp sát Vĩnh Long. Được quân chủ lực hỗ trợ, bộ đội và du kích Vĩnh Trà tiến công giải phóng Càng Long, Châu Thành, Cầu Ngang, Trà Cú, Duyên Hải, Cầu Kè. Tỉnh ủy và Tỉnh đội Trà Vinh lập thêm được ba tiểu đoàn tập trung, tổ chức lực lượng chính trị, binh vận, đưa vũ khí

và cán bộ vào thị xã phát động quần chúng chuẩn bị nổi dậy giành chính quyền. Ngày 12 tháng 3, quân ta đánh chiếm chi khu Bình Minh, diệt phân chi khu Mỹ Thuận, giải phóng vùng bắc sông Hậu, đặt pháo 105mm ở bắc Cái Vồn bắn vào sở chỉ huy quân đoàn 4 ngụy và săn bay Trà Nóc. Sự đoàn 4 diệt đồn Ông Tháp, đánh chiếm căn cứ Bà Đầm, vây ép Ô Nai, Ô Môn, chuẩn bị tiến công Cần Thơ. Ở Quân khu 8, quân ta diệt hai tiểu đoàn địch ở căn cứ Ngã Sáu, phá vỡ hệ thống đồn bốt địch ở khu vực kênh mới và kênh Nguyễn Văn Tiếp B, mở vùng giải phóng rộng lớn từ huyện Cái Bè (Mỹ Tho) đến Mỹ An, Kiên Văn (Sa Đéc), diệt địch ở bắc Cai Lậy, cắt đường số 12, vây ép Mỹ Tho. Trên hướng Kiến Tường - Long An, quân ta tiến công đánh thông hành lang Tây Ninh xuống Đồng Tháp Mười, làm chủ một vùng rộng lớn ở bờ tây sông Vàm Cỏ Đông, cắt đứt đường số 4, tạo bàn đạp tiến công Sài Gòn từ hướng tây.

Đoàn 232 được anh Lê Đức Anh - Phó Tư lệnh Miền trực tiếp chỉ huy, chuẩn bị tiến công Sài Gòn từ hướng tây và hướng nam.

Ở miền Đông Nam Bộ, các đội biệt động, đội công tác bí mật và bộ đội đặc công áp sát các vị trí xung yếu xung quanh thành phố Sài Gòn, diệt địch ở Phú Hòa Đông, bốt đường số 8, Tân Thạnh Tây, Tổng Thôn, Thới Mỹ, sở chỉ huy tiểu đoàn địch ở Tân Túc, bức hàng, bức rút hàng loạt đồn bốt dọc hành

lang vào nội đô, tiêu hủy kho chứa chất độc hóa học ở Thủ Đức, kho xăng Vũng Bèo. Sư đoàn 9 tăng cường tiến công chi khu quân sự Tri Tâm, giải phóng quận Dầu Tiếng, Bến Củi, diệt cứ điểm Suối Ông Hùng, đánh chiếm Cầu Khôi, diệt và làm bị thương trên 3.000 tên địch, phá hủy và thu 61 xe quân sự, sáu khẩu pháo, 1.000 súng các loại..., giải phóng Dầu Tiếng, thị xã An Lộc và toàn tỉnh Bình Long, tạo địa bàn đứng chân cho quân ta tiến công vào sào huyệt cuối cùng của địch từ hướng tây bắc. Miền Đông Nam Bộ đã mở được một vùng giải phóng kéo dài từ bắc Tây Ninh qua Lộc Ninh, Dầu Tiếng, Chơn Thành, từ Mỏ Vẹt đến La Ngà qua Hoài Đức, Tánh Linh, từ đường số 1 đến nam đường số 2, Bà Rịa.

Như vậy là trong vòng một tháng, quân và dân Nam Bộ và Cực Nam Trung Bộ tích cực phối hợp với chiến trường Tây Nguyên và chiến trường Trị - Thiên - Huế, Quảng Đà đã tiêu diệt và làm tan rã nhiều sinh lực địch, giải phóng nhiều vùng rộng lớn ở đồng bằng sông Cửu Long, Đông Nam Bộ và Quân khu 4, hình thành bao vây, tạo thế cho các cánh quân trên các hướng tiến công Sài Gòn - Gia Định.

Các hoạt động chống phá "bình định" của đồng bào và chiến sĩ phát triển nhanh chóng. Phong trào đấu tranh chính trị, bình vận lên mạnh. Khắp miền sông Tiền, sông Hậu, liên tiếp nổ ra hàng nghìn cuộc đấu tranh trực diện với địch. Đồng bào nổi dậy tế cáo tội ác của địch, trừng trị bọn ác ôn có nhiều nợ máu... Nhân dân đắp

cắn, ngăn sông, chặn tàu chiến địch, cắt đứt những con đường thủy huyết mạch như kênh Mang Thít ở Vĩnh Long, kênh xáng Xẻo Rô ở nam Rạch Giá. Thanh niên hăng hái tòng quân, lực lượng vũ trang ở đồng bằng phát triển rất nhanh. Đông đảo quần chúng phục vụ bộ đội tham gia các tổ chức cách mạng ở địa phương.

Trên cơ sở tình hình chung do Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương thông báo, căn cứ vào các bức điện chỉ đạo của đồng chí Bí thư thứ nhất, của Quân ủy Trung ương và tình hình thực tế của chiến trường trọng điểm, ngày 29 tháng 3 năm 1975, Trung ương Cục miền Nam ra Nghị quyết 15-TWC nêu rõ: "... Cuộc chiến tranh cách mạng miền Nam không những đã bước vào thời kỳ phát triển nhảy vọt mà thời cơ chuẩn bị để tiến hành cuộc tổng công kích, tổng khối nghĩa vào sào huyệt của địch cũng đã chín muối. Từ giờ phút này, trận quyết chiến chiến lược cuối cùng của quân và dân ta đã bắt đầu, nhằm hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà". Nghị quyết nêu rõ cần tăng cường lãnh đạo đòn nổi dậy của quần chúng làm hậu thuẫn cho đòn tiến công quân sự và nhấn mạnh: "Phải thật tập trung từng giờ, từng ngày, từng tháng, từ đầu tháng 4 năm 1975 này". Đây là một nghị quyết phù hợp với tinh thần các nghị quyết của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương, chứng tỏ sự sáng suốt,

nhạy bén của các đồng chí lãnh đạo B2, được các địa phương chấp hành tích cực và có hiệu quả.

Thực hiện Nghị quyết của Trung ương Cục, Quân ủy và Bộ Tư lệnh Miền vạch kế hoạch tiến công Sài Gòn với lực lượng bản thân hiện có. Kế hoạch dự kiến tiến công vào nội đô trên năm hướng: Hướng đông do Quân đoàn 4 đảm nhiệm; hướng tây bắc do Sư đoàn 9 và các trung đoàn 16, 271b; hướng tây do Đoàn 232 gồm Sư đoàn 5, Sư đoàn 3 của B2 và các lữ đoàn bình chủng; hướng nam do các trung đoàn 88 và 21 của Quân khu 8 phụ trách; hướng bắc được giao cho Trung đoàn Gia Định, sẽ được tăng cường thêm lực lượng đặc công, biệt động và lực lượng của Trung ương điều vào, nếu có. Quân ủy và Bộ Tư lệnh Miền chủ trương tiến công diệt địch ở Xuân Lộc, áp sát Biên Hòa, Đoàn 232 chuẩn bị chiếm Mộc Hóa, đưa lực lượng xuống cắt đường số 4 kết hợp với chủ lực Quân khu 8 diệt sư đoàn 7 và sư đoàn 9 ngụy. Thực hiện thắng lợi bước này, sẽ gây biến động lớn về quân sự, chính trị trong ngụy quân, ngụy quyền. Nắm lấy thời cơ ấy sẽ phát động nhân dân nổi dậy, kết hợp công kích quân sự với khối nghĩa của quần chúng, trong đánh ra, ngoài đánh vào, nhằm năm mục tiêu chủ yếu là sân bay Tân Sơn Nhất, bộ tổng tham mưu ngụy, biệt khu thủ đô, tổng nha cảnh sát và dinh Độc Lập. Kế hoạch được Trung ương Cục nhất trí và báo cáo ra Trung ương.

Ngay sau chiến thắng Tây Nguyên, Bộ Tư lệnh chiến dịch ra lệnh cho các đơn vị chủ lực thừa thắng phát triển tiến công về hướng đồng bằng ven biển Nam Trung Bộ theo các trục đường số 19, 7 và 21. Sư đoàn 10 tiến theo đường số 21, tiêu diệt lữ đoàn dù trên đèo Phượng Hoàng, giải phóng quận lỵ Khánh Dương. Sư đoàn 320 sau khi giải phóng Củng Sơn, theo đường số 7 tiến xuống Tuy Hòa. Sư đoàn 3 Quân khu 5 tiêu diệt căn cứ địch ở An Khê, sau đó phối hợp với Sư đoàn 968 tiêu diệt phần lớn sư đoàn 22 ngụy trong một trận từ Phú Phong đến sân bay Gò Quánh. Bọn tàn quân của sư đoàn 22 bị quân và dân Bình Định tiến công làm tan rã hoàn toàn.

Ngày 27 tháng 3, tại cuộc họp với Bộ Tư lệnh Mặt trận Tây Nguyên, trong không khí phấn khởi, quyết tâm, anh Văn Tiến Dũng công bố thành lập Quân đoàn 3 gồm các sư đoàn 10, 320 và 316 theo quyết định của Bộ Tổng Tư lệnh. Sự kiện này đánh dấu một bước phát triển mới, càng đánh càng mạnh của quân đội ta trong quá trình cuộc tiến công chiến lược.

Với khí thê tiên công và nôi dây mạnh mê, quân và dân ta đã tích cực đánh địch trên khắp các tỉnh ven biển miền Trung, tiêu diệt và làm tan rã

toàn bộ lực lượng địch còn lại, liên tiếp giải phóng các tỉnh, thành phố thuộc vùng quân khu 2 ngụy. Ngày 1 tháng 4, hai tỉnh Bình Định, Phú Yên với thành phố Quy Nhơn và thị xã Tuy Hòa được giải phóng. Từ ngày 2 đến ngày 3 tháng 4, tỉnh Khánh Hòa với thành phố Nha Trang và quân cảng Cam Ranh được giải phóng. Trước đó, ngày 24 tháng 3, tỉnh Quảng Đức với thị xã Gia Nghĩa được giải phóng.

Lúc này có một sự kiện đáng ghi nhớ. Đó là việc điều động sử dụng Sư đoàn 10 của Quân đoàn 3. Như trên đã nói, sau ngày giải phóng Đà Nẵng, chủ trương của Quân ủy Trung ương được sự nhất trí của Bộ Chính trị là tập trung toàn bộ lực lượng ở Nam Tây Nguyên nhanh chóng tiến thẳng xuống miền Đông Nam Bộ. Trên đường vào B2, anh Lê Đức Thọ cũng đã phổ biến cho Bộ Tư lệnh Mặt trận Tây Nguyên về chủ trương này. Nhưng trước đó, trong tình hình bộ đội ta đang truy kích tiêu diệt địch, anh Văn Tiến Dũng và Bộ Tư lệnh Mặt trận Tây Nguyên đã lệnh cho Sư đoàn 10 tiến ra hướng biển, xuống Nha Trang, Cam Ranh. Khi biết chủ trương của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương, các anh băn khoăn đến mất ngủ, lo lắng, như vậy có trái với ý định của cấp trên hay không? Cuối cùng các anh xác định là báo cáo lên Trung ương và chịu trách nhiệm. Ngay sau đó, anh Văn Tiến Dũng điện ngay cho tôi trình bày về vấn đề này, nói rõ cuộc tiến quân đang phát triển thuận lợi, Nha Trang và Cam Ranh là hai mục tiêu chiến lược quan trọng, tính toán thời gian sự đoàn có thể hoàn thành nhiệm vụ giải phóng hai nơi này, sau đó quay lên

đường số 11 rồi theo đường số 20 tiến xuống vị trí tập kết ở miền Đông, thời gian cũng không chậm là bao.

Nhận điện của anh Dũng, lại có tin ta đã giải phóng Quy Nhơn, địch đang rút khỏi Tuy Hòa, chuẩn bị bỏ Nha Trang và Cam Ranh, tôi lập tức trả lời bằng bức điện số 940 ngày 20 tháng 3 năm 1975: "Chúng tôi bàn với anh Ba, nhất trí cho rằng ta cần có chủ trương thật linh hoạt để lợi dụng thời cơ cụ thể này, tức là tập trung Sư đoàn 10 nhanh chóng tiêu diệt quân dù và bọn địch còn lại, đánh chiếm Nha Trang và Cam Ranh rồi tiến về phía Nam...".

Bức điện làm cho các anh rất yên lòng. 8 giờ sáng ngày 31 tháng 3, anh Dũng điện ngay cho tôi: "... Tôi mừng quá. Thật là tâm đầu ý hợp giữa lãnh đạo và người ở chiến trường...".

Thực tế đã cho thấy việc điều động và sử dụng Sư đoàn 10 như vậy là đúng. Sau khi giải phóng Nha Trang và Cam Ranh, sư đoàn đã từ Ba Ngòi nhanh chóng xuyên qua căn cứ Bác Ái sang đường số 11, lên Tuyên Đức rồi theo đường số 20 tiến về vị trí tập kết của Quân đoàn 3 trên hướng Sài Gòn, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Trong khi Quân đoàn 3 tiến công địch trong hành tiến, ào ạt tiến quân vào chiến trường trọng điểm, thì Quân đoàn 1 từ miền Bắc theo đường số 1 rồi theo tuyến Đông Trường Sơn, Tây Trường Sơn và đường số 14, khắc phục mọi khó khăn về cầu đường, thời tiết, thần tốc tiến như một dòng thác mạnh đổ xuống phía Nam. Trên đường tiến quân, Quân đoàn tổ chức thành từng khối, hành quân bằng cơ giới, có pháo cao xạ bảo vệ. Núi rừng Trường Sơn sôi động. Các đoàn xe, pháo nối đuôi nhau chạy suốt ngày đêm, quyết tâm đến vị trí tập kết ở Đồng Xoài đúng thời gian vào trung tuần tháng 4, kịp tham gia chiến đấu. Bình đoàn dự bị chiến lược ra quân với khí thế hào hùng, phấn khởi mang theo cả niềm tin quyết thắng của hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn, tăng cường thêm một "quả đắm thép" cho chiến trường trọng điểm trong trận quyết chiến cuối cùng.

Trong thời gian này, Sư đoàn 7 cùng một bộ phận Sư đoàn 341 và lực lượng địa phương đánh chiếm chi khu quân sự Định Quán, diệt yếu khu Gia Ray, khống chế đường số 20. Ngày 28 tháng 3, sư đoàn dùng xe cơ giới theo đường số 20, phối hợp với các lực lượng ém sẵn, tiến công giải phóng thị xã Lâm Đồng, sau đó cùng bộ đội Khu 6 đánh chiếm cao nguyên Di Linh, ngày 4 tháng 4 phát triển lên đánh chiếm thành phố Đà Lạt. Trung đoàn 812 truy kích địch từ Đà Lạt đến sân bay Thành Sơn, tạo điều kiện cho Sư đoàn 10 từ Cam Ranh xuyên qua Bác Ái theo đường số 11 và đường số 20 tiến vào miền Đông Nam Bộ. Ở hướng Bình Tuy, Long Khánh, Sư đoàn

6 cùng bộ đội địa phương và du kích tiến công giải phóng đường số 4, phát triển tiến công địch trên đường số 1 từ Suối Cát đến Rừng Lá (Bình Tuy).

Đến lúc này, quân ta đã tiêu diệt và làm tan rã hai quân đoàn, hai quân khu mạnh của địch, giải phóng các tỉnh đồng bằng miền Trung, Tây Nguyên, nhiều vùng ở đồng bằng sông Cửu Long, Đông Nam Bộ, hình thành thế bao vây Sài Gòn - Gia Định.

Ngày 3 tháng 4, anh Văn Tiến Dũng cùng Đoàn A.75 vào đến Sở chỉ huy Miền. Anh Đinh Đức Thiện đến liền sau đó. Mấy hôm sau, anh Lê Đức Thọ cũng vào đến nơi. Với tinh thần tích cực, khẩn trương, ngày 7 tháng 4 năm 1975, Trung ương Cục duyệt kế hoạch tiến công Sài Gòn - Gia Định.

Tư liệu sau này cho biết: Anh Phạm Hùng - Bí thư Trung ương Cục chủ trì cuộc họp. Kế hoạch tác chiến chiến dịch do anh Lê Ngọc Hiền trình bày gồm hai bước: Trước mắt, từ ngày 8 tháng 4 tiến công chia cắt chiến lược và bao vây, đánh trận "rúng động", đánh vùng ven và tám mục tiêu trong nội thành, chuẩn bị cho tổng tiến công. Nếu thuận lợi, địch tan rã, thì phát triển thọc sâu ngay, phối hợp với quần chúng nổi dậy đánh chiếm thành phố.

Bước 2 dự kiến từ ngày 15 đến ngày 20 tháng 4, thực hiện đột kích Sài Gòn trên năm hướng. Lực lượng sử dụng từ ba đến năm sư đoàn chủ lực, bảy đoàn đặc công, 60 tổ biệt động, cùng với lực lượng du kích và khoảng 50 nghìn quần chúng nổi dậy tại chỗ. Anh Trần Văn Trà báo cáo thêm về địa hình vùng phụ cận Sài Gòn, về bố trí của địch trong nội thành, lực lượng không quân và hải quân ngụy và nêu rõ tiêu diệt được sư đoàn 18 ngụy, thực hành bao vây cô lập Sài Gòn, sẽ làm "rúng động" toàn bộ và nảy ra thời cơ mới. Nếu địch co cụm thì chuẩn bị thêm lực lượng, nhưng phải giải quyết xong trong tháng 4. Các anh Ba Trần1, Trần Lương, Hai Xô2, Hai Văn3, Đồng Văn Cống, Lê Văn Tưởng, Đinh Đức Thiện biểu thị nhất trí với kế hoạch, đề nghị cần tranh thủ bất ngờ, bảo đảm hậu cần, đẩy mạnh bình vận, chú trọng tổ chức quân quân thành phố. Anh Võ Văn Kiệt tin tưởng nhất định thắng, nhấn mạnh cần đưa ngay chủ lực vào sâu trong thành phố, vận động quần chúng bung ra, giành thắng lợi thật nhanh, thật kịp thời, đỡ vất vả. Anh Nguyễn Văn Linh thấy cần tiến công liên tục, không nên có khoảng cách, làm cho địch không kịp trở tay. Hào hứng, phấn khởi, đầy trách nhiệm, các anh phân tích sâu sắc tình hình, đề ra nhiều ý kiến đi sâu vào từng khía cạnh cụ thể.

Kết luận hội nghị, anh Phạm Hùng nêu rõ sự nhất trí, phấn khởi đối với kế hoạch tiến công. Nếu cắt được đường số 4 và diệt được sư đoàn 18 thì đột kích ngay, không chờ lực lượng vào đủ. Cần tổ chức hiệp đồng, tập trung lãnh đạo bảo đảm các mặt để giành chiến thắng. Về tổ chức chỉ huy, sẽ bàn thêm với anh Lê Đức Thọ.

Anh Văn Tiến Dũng thay mặt cơ quan tiền phương Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng Tư lệnh phát biểu ý kiến. Rất mừng trước việc Trung ương Cục, Quân ủy Miền biểu thị sự nhất trí về kế hoạch tiến công Sài Gòn, anh nhấn mạnh: Ta có ưu thế về lực lượng quân sự và lực lượng chính trị, cần dứt điểm càng nhanh càng tốt. Anh nói đã điện ra đề nghị Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương đốc thúc tăng cường lực lượng vào chiến trường trọng điểm.

Ngày hôm sau, trong buổi làm việc với Trung ương Cục và Quân ủy Miền, anh Lê Đức Thọ phổ biến Nghị quyết của Bộ Chính trị về tình hình chiến sự, âm mưu của địch, chủ trương của ta, công bố quyết định ngày 6 tháng 4 của

Bộ Chính trị thành lập Bộ chỉ huy Chiến dịch Sài Gòn - Gia Định: Anh Văn Tiến Dũng làm Tư lệnh; anh Phạm Hùng làm Chính ủy; các anh Trần Văn Trà, Lê Đức Anh, Lê Trọng Tấn, Đinh Đức Thiện làm Phó Tư lệnh; anh Lê Quang Hòa làm Phó Chính ủy kiêm Chủ nhiệm Chính trị; anh Lê Ngọc Hiển làm quyền Tham mưu trưởng. Anh Lê Đức Thọ tham gia Trung ương Cục và Đảng ủy Mặt trận. Trong dịp này, Trung ương Cục phân công anh Nguyễn Văn Linh - Phó Bí thư Trung ương Cục, đặc trách phong trào nổi dậy của quần chúng, nhất là ở Sài Gòn. Anh Võ Văn Kiệt - Ủy viên Thường vụ Trung ương Cục, chỉ đạo việc tiếp quân thành phố.

Đảng ủy và Bộ chỉ huy chiến dịch khẩn trương bắt tay vào việc. Đầu tiên, các anh nhất trí điện ra Trung ương đề nghị đặt tên của Bác Hồ kính yêu cho chiến dịch quyết định sắp diễn ra.

Ngày 14 tháng 4 năm 1975, thể theo đề nghị của Bộ chỉ huy chiến dịch và nguyện vọng của đồng bào, chiến sĩ cả nước, trong bức điện số 37B/Tk, đồng chí Bí thư thứ nhất Lê Duẩn thay mặt Bộ Chính trị đã đáp ứng kịp thời ý nguyện thiết tha và thiêng liêng ấy: Đồng ý Chiến dịch giải phóng Sài Gòn lấy tên là "Chiến dịch Hồ Chí Minh".

Trận quyết chiến chiến lược cuối cùng kết thúc cuộc chiến tranh 30 năm được vinh dự mang tên vị Lãnh tụ vĩ đại của dân tộc Việt Nam.

heo kế hoạch đã định, ngày 9 tháng 4, những trận đánh cắt đường số 4 ở phía tây Sài Gòn và trận tiến công Xuân Lộc bắt đầu.

Sư đoàn 5 tiến công dịch ở thị trấn Thủ Thừa và thị xã Tân An không thành công. Tuy vậy, sư đoàn đã đánh thiệt hại nặng một trung đoàn bộ binh của sư đoàn 7 ngụy và một trung đoàn thiết giáp, diệt 80 đồn bốt lớn nhỏ, giải phóng một vùng rộng, uy hiếp đường số 4. Lực lượng vũ trang Quân khu 8 tiến công làm chủ từng thời gian đường Tân Hiệp - Cái Bè (Mỹ Tho). Các lực lượng vũ trang Quân khu 9 tiến công địch ở Cái Vồn, Ba Càng (Vĩnh Long).

Trên hướng đông, Quân đoàn 4 dưới sự lãnh đạo, chỉ huy của các anh Hoàng Cầm - Tư lệnh và Hoàng Thế Thiện - Chính ủy, mở cuộc tiến công vào Xuân Lộc, "cánh cửa thép" trên tuyến phòng ngự Sài Gòn và vùng 3 chiến thuật. Nơi đây, địch bố trí một lực lượng khá mạnh gồm sự đoàn 18 và một số tiểu đoàn bảo an, cảnh sát phòng ngự trong công sự kiên cố. Tham mưu trưởng lục quân Mỹ, tướng Phrê-đê-rích Uây-oen cho rằng: "Mất Xuân Lộc là

mất Sài Gòn". Lê Minh Đảo - sư đoàn trưởng sư đoàn 18 hò hét "tử thủ" bằng mọi giá.

Trận đánh diễn ra quyết liệt và phức tạp.

Theo báo cáo, trong đêm 9 rạng ngày 10 tháng 4, bằng nhiều mũi tiến công, quân ta chọc thủng tuyến phòng ngự thị xã, chiếm được nhiều mục tiêu, cắm cờ cách mạng lên dinh tỉnh trưởng ngụy. Tuy bị thiệt hại nặng, địch vẫn cố thủ. Ngày 10 tháng 4, chúng dùng trực thăng đổ bộ một lữ đoàn dù xuống ven thị xã, tiếp đó, tăng viện thêm hai lữ đoàn thủy quân lục chiến, một liên đoàn biệt động quân, một trung đoàn bộ binh của sư đoàn 5, tám tiểu đoàn pháo binh và hai chiến đoàn xe tăng, thiết giáp. Dựa vào quân tăng viện và sự chi viện của không quân, địch điên cuồng phân kích, gây cho ta nhiều tổn thất. Nhiều vị trí ta đã chiếm được phải lần lượt rút bỏ, hoặc thay đổi chủ nhiều lần. Chúng đã dùng đến các loại bom có sức sát thương và hủy diệt lớn.

Trận đánh chưa dứt điểm.

Tình hình hết sức khẩn trương.

Qau ngày Đà Nẵng giải phóng, theo lệnh của Bộ Tổng Tư lệnh, anh Lê Trọng Tấn - Tư lệnh Mặt trận Quảng Đà, bay ra Hà Nội nhận nhiệm vụ mới.

Trong buổi giao ban sáng ngày 2 tháng 4, Bộ Tổng Tham mưu báo cáo: Địch hoang mang cục độ. Chiến sự ở ven biển Nam Trung Bộ diễn biến rất nhanh, rất có lợi cho ta.

Anh Tấn nêu ý kiến cần hình thành cánh quân ven biển, gồm các lực lượng vừa giải phóng Đà Nẵng, nhanh chóng tiến quân đánh địch trong hành tiến, tiêu diệt địch và làm chủ các địa bàn chiến lược từ Nha Trang trở vào, không cho địch co cụm về Sài Gòn. Đây cũng là ý kiến đề nghị của Thường vụ và Bộ Tư lệnh Quân khu 5, của Thường vụ và Bộ Tư lệnh Quân đoàn 2 vừa lập chiến công ở Đà Nẵng.

Tôi tán thành đề nghị này và cử ngay anh Tấn sang trình bày với anh Ba.

Sau khi trao đổi thêm với tôi, anh Ba hoàn toàn đồng ý.

Ngay lập tức, Thường trực Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng Tư lệnh lập cánh quân phía đông, gồm Quân đoàn 2 (thiếu Sư đoàn 324 ở lại Huế), Sư đoàn 3 (Quân khu 5) và các đơn vị pháo binh, cao xạ, xe tăng, công binh. Nhiệm vụ là vừa đánh địch, vừa mở đường với tốc độ thật nhanh, khẩn

trương đến kịp thời gian cùng các đơn vị bạn tham gia giải phóng Sài Gòn. Anh Lê Trọng Tấn được cử làm Tư lệnh. Ban Cán sự Đảng lâm thời do anh Lê Quang Hòa làm Bí thư. Khi vào đến miền Đông Nam Bộ, cánh quân này sẽ thuộc quyền lãnh đạo, chỉ huy của Đảng ủy và Bộ Tư lệnh Mặt trận Sài Gòn, đồng thời thường xuyên báo cáo với Bộ Tổng Tư lệnh.

Trước khi anh Tấn lên đường, thay mặt Thường trực Quân ủy Trung ương, tôi giao nhiệm vụ cho cánh quân phía đông nhanh chóng tiến theo đường số 1 chọc thủng phòng tuyến của địch ở Phan Rang, tiếp đó cùng với các lực lượng B2 đánh chiếm Bà Rịa, Ô Cáp, khống chế sông Lòng Tàu, đặt pháo tầm xa ở Nhơn Trạch hoặc Thành Tuy Hạ chế áp các mục tiêu quan trọng ở Sài Gòn, có phương án vượt sông thọc sâu vào trung tâm thành phố. Vì đường dài, cần tổ chức hành quân tốt, cho đơn vị nhẹ đi trước, bảo đảm đi thật nhanh, dọc đường chú ý phòng tránh pháo trên tàu chiến của địch. Bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân, lãnh đạo bộ đội giữ kỷ luật dân vận, đối xử nhân đạo với tù binh, hàng binh. Vào đến nơi bắt liên lạc ngay với anh Dũng.

Cuộc tiến quân lịch sử của Quang Trung - Nguyễn Huệ lại hiện về trong ký ức. Ngày 4 tháng 4, tôi gửi điện cho cán bộ, chiến sĩ Quân đoàn 2 đang hành quân: "... Các đồng chí lên đường làm nhiệm vụ rất về vang. Cần hành động thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng".

Ngày 6 tháng 4, điện của Quân ủy Trung ương gửi Bộ Tư lệnh Đoàn 559 nêu rõ: "... Cần chú trọng coi công tác bảo đảm chi viện và bảo đảm cơ động lực lượng ta vào B2 là công tác trung tâm số 1. Vì vậy, cần có kế hoạch tổ chức thật tốt công tác này, nhất là bảo đảm việc hành quân của các đơn vị, binh khí kỹ thuật và các nhu cầu đạn dược theo đúng thời gian đã định". Tôi chỉ thị cho anh Đồng Sĩ Nguyên bố trí sở chỉ huy ở Quy Nhơn và anh Hoàng Minh Thảo ở Nha Trang, tổ chức bảo đảm, đôn đốc các đơn vị hành quân theo đường số 1, tuyệt đối không để ảnh hưởng đến việc bảo đảm hậu cần cho các đơn vị đang tiến quân.

Bức điện của Quân ủy Trung ương gửi anh Đồng Sĩ Nguyên và Thường vụ Đảng ủy 559, đánh đi hồi 22 giờ ngày hôm ấy lại nhấn mạnh: "... Yêu cầu của mặt trận hết sức gấp, từng ngày, từng giờ. Thời gian lúc này là lực lượng, là sức mạnh. Các đồng chí dùng mọi biện pháp tổ chức và đôn đốc các đơn vị hành quân hết sức nhanh, chi viện hết sức gấp, hoàn thành xuất sắc chiến dịch chi viện thần tốc này".

Trên hai trục chính là đường số 1 và đường Trường Sơn, với sự tổ chức khẩn trương của Đoàn 559, sự hỗ trợ tích cực của Quân khu 5, bằng đôi chân vạn dặm và mọi phương tiện có thể có được, các đơn vị khắc phục khó khăn

đánh địch mà đi, mở đường mà tiến. Đường sụt lổ thì nhân dân quanh vùng ra góp công sửa chữa. Cầu bị địch phá thì ngoài cầu, phà tự hành của công binh, còn có thuyền bè lớn nhỏ của dân. Xe hồng thì tìm mọi cách sửa chữa, cứu kéo...

Ngày 7 tháng 4, tôi ra lệnh cho các đơn vị đang đổ vào chiến trường: "Mệnh lệnh: 1. Thần tốc, thần tốc hơn nữa. Táo bạo, táo bạo hơn nữa. Tranh thủ từng giờ, từng phút, xốc tới mặt trận, giải phóng miền Nam. Quyết chiến và toàn thắng.

1. Truyền đạt tức khắc đến đảng viên, chiến sĩ".

Tốc độ hành quân nâng lên không ngừng. Tuy vậy, vẫn còn thấy chậm! Công tác bảo đảm hậu cần hầu như không gặp khó khăn. Đoàn 559 có kế hoạch chu đáo, lại có thêm gạo, đạn, xăng, dầu chiếm được của địch. Quân no, xe pháo đủ nhiên liệu, đạn dược, bộ đội được nhân dân ven đường động viên, giúp đỡ, tốc độ hành quân lại càng tăng.

Ngày 10 tháng 4, điện của cánh quân phía đông báo cáo: Các anh Lê Trọng Tấn và Lê Quang Hòa đã đến Nha Trang, đang chuẩn bị đánh Phan Rang.

Phan Rang, nơi chôn rau cất rốn của Nguyễn Văn Thiệu, là thị xã của tỉnh Ninh Thuận, cách Sài Gòn 315 ki-lô-mét về phía bắc. Ở đây có hai hải cảng Tân Thành và Ninh Chữ, có sân bay Thành Sơn với lực lượng một sư đoàn không quân. Đường số 1 và đường sắt chạy qua thị xã nối liền Sài Gòn với các tỉnh miền Trung vừa được giải phóng. Theo sự đạo diễn của Uây-oen - tham mưu trưởng lục quân Mỹ, địch điều lực lượng dự bị chiến lược ra lập ở đây tuyến phòng thủ từ xa: Phan Rang - Xuân Lộc - Tây Ninh. Với hơn một vạn quân tổ chức phòng ngự trên địa hình có lợi, được sự chi viện của cả hải quân và không quân, chúng hy vọng ngăn chặn, cầm chân các binh đoàn chủ lực của ta ở đây cho đến mùa mưa; lúc đó, thời tiết sẽ khó khăn, ta không thể tổ chức đánh lớn ở Sài Gòn và Nam Bộ ít nhất là trong sáu tháng nữa.

Ngày 11 tháng 4, có tin địch tăng cường lực lượng cho Phan Rang. Bộ Tổng Tham mưu điện cho anh Tấn hết sức chú ý đến tốc độ tiến quân, nếu thấy đánh Phan Rang không thuận lợi, lại mất thời gian, thì chỉ để một lực lượng bao vây thị xã, còn đại bộ phận tìm cách vòng qua, khắc phục khó khăn về hậu cần và đường sá, tiến nhanh vào miền Đông Nam Bộ.

Ngày 13 tháng 4, anh Tấn điện ra báo cáo về hướng phát triển và kế hoạch tác chiến của cánh quân phía đông, về tình hình hậu cần của bộ đội đang tiến quân. Dự kiến giải quyết xong Phan Rang thì phát triển đánh chiếm Bà Rịa, Vũng Tàu, cắt đường Biên Hòa - Vũng Tàu, khống chế sông

Lòng Tàu, nhanh chóng đưa pháo 130mm vào Nhơn Trạch bắn vào sân bay Tân Sơn Nhất. Nếu địch co cụm về phòng thủ Biên Hòa thì tùy tình hình cụ thể, có thể tiến công vòng về đông và đông nam Sài Gòn, vượt sông đột phá vào trọng điểm.

Sáng ngày 14 tháng 4, quân ta nổ súng đánh Phan Rang. Trận tiến công diễn ra quyết liệt. Với ý thức sâu sắc về giá trị của thời gian, bộ đội ta nêu cao tinh thần quyết thắng, dũng mãnh xung phong đánh chiếm các mục tiêu trong thị xã. Quân địch được phi pháo yểm hộ, dựa vào hệ thống công sự và địa hình có lợi, ngoan cố chống cự.

Hai ngày đầu, ta chỉ mới chiếm được một số mục tiêu ở ngoại vi Phan Rang. Sáng ngày 16 tháng 4, Tư lệnh Quân đoàn 2 Nguyễn Hữu An đưa Sư đoàn 325 bước vào chiến đấu. Phương án tác chiến là tổ chức một đội hình thọc sâu mạnh, dùng xe bánh hơi kết hợp với xe tăng vận chuyển lực lượng, đánh thẳng theo đường số 1 vào chiếm thị xã Phan Rang rồi tỏa ra tiến sang phía đông chiếm cảng Tân Thành và cảng Ninh Chữ, vít chặt đường biển; đồng thời theo đường số 11 đánh ngược lên phía tây bắc, vu hồi vào sườn phía tây của địch, chiếm sân bay Thành Sơn, khóa nốt đường bộ, phối hợp cùng quân và dân địa phương nhanh chóng bao vây, tiêu diệt và làm tan rã hoàn toàn quân địch.

Kết quả, ta đã đập tan tuyến phòng ngự từ xa của địch ở Phan Rang, tiêu diệt bộ tư lệnh tiền phương quân khu 3 ngụy, bộ tư lệnh sư đoàn không quân 6, bộ tư lệnh sư đoàn bộ binh 2, lữ đoàn dù 2, liên đoàn biệt động 31, một trung đoàn của sư đoàn mới khôi phục, toàn bộ lực lượng của tiểu khu Ninh Thuận, làm chủ cảng Tân Thành và cảng Ninh Chữ, chiếm sân bay Thành Sơn, thu gần 40 máy bay còn nguyên vẹn. Bọn chỉ huy đầu số và hàng nghìn sĩ quan, binh lính bị bắt, trong đó có viên trung tướng Nguyễn Vĩnh Nghi và viên chuẩn tướng không quân Phạm Ngọc Sang. Quân ta giải phóng hoàn toàn thị xã Phan Rang và tỉnh Ninh Thuận.

Được tin chiến thắng, Quân ủy Trung ương điện gửi lời chào quyết thắng đến toàn thể cán bộ và chiến sĩ, đảng viên và đoàn viên Quân đoàn 2, Quân khu 5, thăm hỏi đồng bào vùng mới giải phóng, kêu gọi tiếp tục anh dũng tiến lên giành toàn thắng cho chiến dịch lịch sử. Bộ chỉ thị dùng máy bay đưa ngay Nguyễn Vĩnh Nghi và Phạm Ngọc Sang ra Hà Nội.

Tin chiến thắng từ mặt trận dồn dập báo về: Các đơn vị thuộc Quân đoàn 2 đánh chiếm quận lụ Tuy Phong, vừa đánh chiếm tàu địch, bắn rơi máy bay địch, vừa tác chiến tiêu diệt bộ binh địch, giải phóng các vùng đất trên đường tiến quân, trong đó có các quận lụ Phan Rí, Hòa Đa và Sông Mao.

Thừa thắng, bộ binh và xe tăng của Quân đoàn chia thành nhiều mũi xông thắng vào trung tâm thị xã Phan Thiết, đánh chiếm sở chỉ huy tiểu khu Bình Thuận, giải phóng quận lỵ Hàm Tân. Sáng ngày 20 tháng 4, bộ phận đầu tiên của cánh quân phía đông gồm Sư đoàn 325 và binh khí kỹ thuật vào đến Rừng Lá, gần Xuân Lộc. Anh Tấn và anh Hòa cũng đến liền sau đó và nhanh chóng bắt liên lạc với Bộ chỉ huy Mặt trận Sài Gòn. Với tư cách Phó Tư lệnh Chiến dịch Hồ Chí Minh, anh Tấn quyết định tăng cường cho Quân đoàn 4 Trung đoàn 95b (Sư đoàn 325) và pháo, đạn thu được của địch để tiến công dứt điểm Xuân Lộc.

Cuộc tiến quân thần tốc của cánh quân phía đông với hơn 32.000 quân và 2.276 xe, pháo, tăng, thiết giáp qua gần một nghìn ki-lô-mét, vượt lên mọi khó khăn, trở ngại, đánh địch trong hành tiến là một đòn chiến lược sáng tạo, kịp thời, tạo bất ngờ lớn cho quân địch, đập tan ý định co cụm lớn của chúng trên dọc miền duyên hải, đánh thông tuyến đường số 1 từ miền Bắc vào tận cửa ngõ phía đông và đông bắc Sài Gòn, mở thêm một đường tiếp tế hậu cần chiến lược, góp phần làm thay đổi so sánh lực lượng giữa ta và địch trên chiến trường, tạo điều kiện hết sức quan trọng và một thế chiến lược rất thuận lợi cho cuộc tiến công giải phóng Sài Gòn - Gia Định.

Trước tình hình quân địch ở Xuân Lộc còn ngoan cố chống cự, Đảng ủy và Bộ chỉ huy Miền chỉ thị cho Quân đoàn 4 rút kinh nghiệm. Anh Trần Văn Trà đến trực tiếp chỉ đạo tác chiến. Xuất phát từ nhận định Xuân Lộc chỉ có thể cố thủ khi được nối liền với Biên Hòa, Bộ chỉ huy Miền quyết định thay đổi cách đánh: Từ tiến công thẳng vào thị xã chuyển sang đánh các lực lượng tiếp viện của địch mới được điều đến còn đứng chân chưa vững ở vòng ngoài, thực hành chia cắt Xuân Lộc với Biên Hòa, cắt đường số 2 từ Xuân Lộc đi Bà Rịa, chặn quân địch từ Biên Hòa, Trảng Bom lên phân kích.

Thực hiện quyết tâm mới, Quân đoàn 4 vừa được tăng cường lực lượng bộ binh và pháo cỡ lớn, tiến công tiêu diệt chiến đoàn 52 ngụy và một chi đoàn thiết giáp, đánh chiếm ngã ba Dầu Giây, cắt đường số 1 từ Xuân Lộc đến Bàu Cá, làm chủ đoạn cuối cùng của đường số 20 từ Túc Trưng đến Dầu Giây, chiếm Núi Thị, Túc Trưng, Kiệm Tân, tiêu diệt quân địch phần kích từ Trảng Bom ra. Hai chiến đoàn 43 và 48 của sư đoàn 18 ngụy cùng với lữ đoàn thiết giáp 3 bị đánh thiệt hại nặng. Bộ đội địa

phương và du kích diệt và bức rút một số đồn địch trên các trục đường giao thông và ven thị xã.

Không chiếm lại được ngã ba Dầu Giây, lực lượng bị tổn thất nặng, trước nguy cơ bị bao vây, bị tiêu diệt và sức uy hiếp của cánh quân lớn từ phía đông mới tới, ngày 20 tháng 4, địch phải rút chạy khỏi Xuân Lộc.

Chiến thắng Xuân Lộc làm rung chuyển toàn bộ hệ thống phòng thủ của địch xung quanh Sài Gòn, làm cho tinh thần của quân ngụy càng thêm suy sụp.

in chiến thắng làm nức lòng nhân dân cả nước. Ngày 6 tháng 4, trong khí thế chiến thắng, 98,26 phần trăm trong số mấy chục triệu cử tri trên hậu phương lớn phần khởi đi bỏ phiếu bầu Quốc hội khóa V, cũng cổ thêm vững chắc chế độ dân chủ cộng hòa. Các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước ta trúng cử với tỷ lệ phiếu cao nhất.

Tất cả cho tiền tuyến.

Cả nước vào trận cuối cùng với niềm tin tất thắng.

Hậu phương lớn tổng động viên nhân tài, vật lục chi viên cho tiền tuyến lớn. Hầu như toàn bộ lực lượng vận tải trên miền Bắc đều được huy động trong một chiến dịch chi viên lớn nhất từ trước đến nay. Anh Phan Trọng Tuệ - Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Phó Chủ tịch Hội đồng chi viên miền Nam ngày đêm lo lắng cùng các ngành, các địa phương điều động hàng chục nghìn xe vận tải, hàng trăm toa xe lửa, hơn 30 tàu biển, hàng trăm lần chiếc máy bay vận tải đưa cán bộ, chiến sĩ, nhân viên kỹ thuật cùng hàng vạn tấn vũ khí, phương tiện vào chiến trường.

Từ Hà Nội, Nam Định, từng đoàn xe lửa chở đầy bộ đội và vũ khí, đạn dược, hối hả chạy thẳng vào Vinh. Từ đây bằng các phương tiện ô tô, tàu thủy, người và súng đạn được chuyển tiếp vào miền Đông Nam Bộ.

Các cảng sông, cảng biển ở miền Bắc khẩn trương nhộn nhịp. Tàu thuyền của hải quân, của ngành giao thông vận tải liên tục chở xe tăng, pháo lớn và bộ đội vào Đà Nẵng, từ đó cơ động bằng đường bộ theo đường số 1 vào địa điểm tập kết của hậu cần Miền ở khu vực Dầu Giây.

Các loại máy bay vận tải, máy bay lên thẳng cũng được huy động để chở quân, chở đạn vào chiến trường trọng điểm.

Tại Tổng hành dinh, anh Hoàng Văn Thái - Phó Tổng tham mưu trưởng thứ nhất, theo dõi lực lượng ở chiến trường, nắm chắc đến từng kho đạn, kho xăng dầu, kho

lương thực, chỉ đạo chặt chẽ và ráo riết việc tổ chức hành quân và bảo đảm hậu cần.

Trên các trục đường vào Nam, các anh Đồng Sĩ Nguyên, Hoàng Minh Thảo đêm ngày lo đủ đạn dược, nhiên liệu, lương thực, thuốc men cho bộ đội hành quân. Anh Phùng Thế Tài - Phó Tổng tham mưu trưởng, luôn có mặt trên các đỉnh đèo Tây Nguyên, đôn đốc bộ đội đi nhanh, đến đủ.

Từ tháng 1 đến tháng 4 năm 1975, Đoàn vận tải Trường Sơn vận chuyển vào Nam Bộ 115.000 quân và 90.000 tấn hàng (trong đó có 37.000 tấn vũ khí, 9.000 tấn xăng dầu). Riêng trong những ngày "chuẩn bị nước rút" từ ngày 5 đến ngày 26 tháng 4, vừa khai thác vừa vận chuyển, ta đã đưa vào chiến trường 10.100 tấn đạn, 2.300 tấn lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, 2.600 tấn xăng dầu... Nhiều trạm sửa chữa ô-tô, sửa chữa pháo và tăng được bố trí dọc đường, phục vụ cơ động của chiến dịch.

Ô Khu 5, Khu ủy và Bộ Tư lệnh Quân khu dưới sự lãnh đạo của anh Võ Chí Công và anh Chu Huy Mân, mặc dù đang phải tiếp quản các tỉnh, thành phố, ổn định đời sống cho hàng triệu nhân dân vùng mới giải phóng, vẫn đặt lên hàng đầu nhiệm vụ vận chuyển chi viện cho phía trước. Một đoàn xe vận tải hơn một trăm chiếc do anh Võ Thứ - Phó Tư lệnh Quân khu trực tiếp chỉ huy, mang đạn pháo 130mm hành quân không nghỉ vào tới B2.

Bảo đảm hậu cần để thực hiện phương châm "thần tốc" trong điều kiện của ta lúc này không phải là chuyện dễ. Đường sá sụt lở, cầu cống bị phá hỏng, địch ở dọc đường, địch ngoài biển ra sức ngăn chặn, thời tiết khắc nghiệt, mưa gió đầu mùa... Phải vượt qua tất cả, bằng sức mạnh của chiến tranh toàn dân, của lòng dũng cảm và trí thông minh, sáng tạo. Nhân dân vùng mới giải phóng ủng hộ hết mình. Chỉ cần một mảnh giấy có chữ ký và con dấu đỏ của Ủy ban quân quản là có thể huy động được hàng chục, hàng trăm xe tải và cả lái xe chuyển bộ đội, vũ khí, đạn dược ra phía trước.

Trên đường hành quân, có đơn vị do không nắm được tình hình đã báo cáo về Bộ Tổng Tư lệnh là bộ đội thiếu gạo. Lo lắng tốc độ hành quân có thể bị ảnh hưởng, Thường trực Quân ủy Trung ương dành gần một ngày bàn cách giải quyết. Sau khi kiểm tra lại, anh Hoàng Văn Thái báo cáo gạo không thiếu, các kho đã được bố trí ở dọc đường và điện ngay cho các đơn vị hành quân, nói rõ ở Cam Ranh đã có từ hai đến ba nghìn tấn gạo, xăng dầu cũng đã có ở Quy Nhơn, Nha Trang và Cam Ranh.

Trong giai đoạn cuối cùng của chiến tranh, nổi lên tác dụng to lớn của hậu cần tại chỗ. Ở miền Nam, được sự hỗ trợ tích cực của anh Đinh Đức Thiện, hậu cần Miền

do anh Bùi Phùng chỉ huy đã huy động mọi lực lượng vận chuyển vũ khí vào các kho, trạm của chiến dịch, tập trung sửa chữa xe máy, mở đường, bắc cầu. Trục đường số 14 từ Đồng Xoài đi Cây Gáo, Bến Bầu được gấp rút thi công. Các đoàn quân hậu cần ở các hướng củng cố và mở rộng tuyến đường chiến dịch với tổng chiều dài hơn 3.000 ki-lô-mét. Đặc biệt, trong những ngày hạ tuần tháng 4, hậu cần Miền đã đưa 10.000 cán bộ, chiến sĩ từ tuyến sau lên thành lập tám tiểu đoàn cơ động, huy động gần 4.000 xe vận tải, hơn 600 thuyền máy, ca-nô, hàng nghìn xe đạp thổ và hơn

60 nghìn dân công hỏa tuyến, lập 15 bệnh viện dã chiến, 17 đội điều trị với tổng số 10 nghìn giường, phục vụ bộ đội tiến công Sài Gòn - Gia Định.

Lúc này, việc vận chuyển đạn dược và xăng dầu đến ngay các cửa ngõ vào Sài Gòn còn là một vấn đề lớn. Ngày 20 tháng 4, Quân ủy Trung ương điện khẩn cho Bộ Tư lệnh 559:

"Ưu tiên vận chuyển đạn dược: Đạn 130mm, 100mm, Đ74, ĐKZ 75mm và ĐKZ 82mm, đạn cối 120mm, pháo 85mm, lựu 122mm. Ưu tiên về xăng dầu thì trước hết là ma-dút và dầu mỡ phụ. Chậm nhất ngày 29 tháng 4 có ở Đồng Xoài".

Mệnh lệnh được truyền đạt ngay đến từng kho tàng, binh trạm. Một khối lượng lớn đạn dược, nhiên liệu khẩn trương chuyển vào chiến trường đúng kỳ hạn.

Trận quyết chiến chiến lược cuối cùng được bảo đảm hậu cần, kỹ thuật mạnh mẽ và hết sức khẩn trương.

Chương tám GIẢI PHÓNG TRƯỜNG SA

rong nhüng ngày này, một sự kiện đặc biệt đã diễn ra ngoài kế hoạch chiến lược ban đầu. Đó là sự chỉ đạo của Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng Tư lệnh giải phóng các đảo thuộc quần đảo Trường Sa do quân ngụy Sài Gòn đóng giữ, một vùng lãnh hải thiêng liêng của Tổ quốc có vị trí chiến lược rất quan trọng về kinh tế và quân sự.

Ngay sau chiến thắng Buôn Ma Thuột, Quân ủy Trung ương kiến nghị với Bộ Chính trị Trung ương Đảng: "... Vừa chuẩn bị cho trận quyết chiến chiến lược cuối cùng, vừa tiến hành giải phóng các đảo và quần đảo quân ngụy đang chiếm giữ". Kiến nghị này đã được ghi vào Nghị quyết Bộ Chính trị ngày 25 tháng 3 năm 1975.

Cũng từ ngày ấy, Quân ủy Trung ương điều anh Hoàng Trà - Chính ủy Hải quân về làm việc cạnh Bộ Tổng Tham mưu, giúp theo dõi tình hình địch trên biển, kiến nghị về nhiệm vụ của Hải quân trong trận tổng giao chiến cuối cùng. Tôi cũng yêu

cầu Bộ Tổng Tham mưu, Bộ Ngoại giao cung cấp tài liệu về các đảo, quần đảo thuộc vùng biển của Việt Nam, đồng thời chỉ thị cho Cục Quân báo nắm tình hình địch ở Biển Đông.

Nhìn vào bản đồ quân sự và hải đồ Việt Nam, Biển Đông là một vùng biển có độ sâu từ 2.000 đến 4.000m, nổi lên hai quần đảo lớn: Hoàng Sa ở phía bắc và Trường Sa ở phía nam.

Từ thế kỷ XVII, Nhà nước phong kiến Việt Nam đã thực hiện chủ quyền một cách liên tục và hòa bình đối với hai quần đảo này, hồi đó được gọi là Đại Trường Sa, không gặp sự tranh chấp của quốc gia nào. Trong Đại Nam nhất thống toàn đô (bản đồ nước Đại Nam thống nhất) được biên vẽ vào thời Nguyễn sau năm 1838 là năm quốc hiệu Việt Nam đổi thành Đại Nam, hai quần đảo ở Biển Đông được vẽ thành một dải song song với bò biển miền Trung Việt Nam, ngang với tỉnh Quảng Nam ở phía bắc và tỉnh Khánh Hòa ở phía nam với tên gọi "Hoàng Sa" và "Vạn lý Trường Sa".

Từ năm 1920, chính quyền Pháp ở Đông Dương đã tuyên bố khẳng định chủ quyền đối với Hoàng Sa, Trường Sa và tổ chức quản lý về mặt Nhà nước trên hai quần đảo.

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, cuộc tranh chấp chủ quyền diễn ra đối với cả hai quần đảo ở Biển Đông. Tháng 4 năm 1946, thực dân Pháp cho quân ra kiểm soát cụm phía tây quần đảo Hoàng Sa. Tháng 11 năm 1946, quân Tưởng đổ bộ lên đảo Phú Lâm thuộc quần đảo Hoàng Sa và tháng 12 năm ấy đổ bộ lên I-tu A-ba thuộc quần đảo Trường Sa. Năm 1950, quân Tưởng rút khỏi hai quần đảo. Song năm 1951, nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ra tuyên bố bảo lưu chủ quyền của mình đối với hai quần đảo này. Từ năm 1956, tranh chấp diễn ra giữa nước ngoài với chính quyền Sài Gòn. Năm 1961, chính quyền Sài Gòn sáp nhập các đảo thuộc quần đảo Trường Sa vào xã Phước Hải, quận Đất Đỏ, tỉnh Phước Tuy (thành lập ngày 22.10.1956, gồm các tỉnh Bà Rịa và Vũng Tàu.

Trong khi điều trị tại Liên Xô, tôi được ở nhà điện sang cho biết: Ngày 19 và ngày 20 tháng 1 năm 1974, nhân lúc quân ngụy Sài Gòn đang gặp khó khăn, nước ngoài dùng hàng chục tàu chiến và một phi đội máy bay tiêm kích tiến công chiếm cụm đảo phía tây quần đảo Hoàng Sa (còn gọi là Nguyệt Thiêm) do quân đội Sài Gòn đốn trú, bắt các binh sĩ quân đội Sài Gòn làm tù binh.

Nhớ lại đầu những năm 60 của thế kỷ XX, khi Nghị quyết Trung ương lần thứ 15 khẳng định cách mạng miền Nam phải tiến lên bằng con đường bạo lực, cùng với sự ra đời của Đoàn vận tải Trường Sơn (559), Quân ủy Trung ương đã tổ chức một bộ phận đặc biệt chi viện miền Nam bằng đường biển. Từ năm 1964 trở về trước, ta

dùng các tàu nhỏ xuất phát từ Đồ Sơn dọc theo ven biển đi vào miền Nam. Từ năm 1965, ta mở đường đi trong hải phận quốc tế, qua Hải Nam, Lôi Châu, Đông Hoàng Sa đến Song Tử Tây rồi qua Na Tu Na vào đến Cà Mau. Ta đã sử dụng các đảo thuộc quần đảo Trường Sa làm nơi tạm dừng trên "đường Hồ Chí Minh trên biển", dựa vào chướng ngại thiên nhiên là các bãi san hô ngầm dưới nước.

Tuy gian nan, vât và nhung két qua vn chuyen van khá quan. Tong cong da di duoc 169 chuyen, den noi 100 chuyen, 50 chuyen phai quay ve, ton that 19 chuyen, van chuyen duoc 5.677 tan hang, mat gan 700 tan. Ta hy sinh 76 dong chi, 51 dong chi bi thucng.

Cũng như đối với Đoàn Trường Sơn, công việc vận chuyển trên biển cho miền Nam chiến đấu được Bác Hồ đặc biệt quan tâm khích lệ. Nhớ mãi câu nói vui của Người khen ngợi chiến công độc đáo của Thuyền trưởng Bông Văn Dĩa - người thủy thủ đi từ Nam ra Bắc bằng thuyền gỗ thô sơ: "Đi biển

kiểu ấy thì xưa nay chỉ có Cri-xtốp Cô-lông và chú!". Ôi, ký ức còn tươi rói về những ngày đầu gian khổ ấy! Trong khóe mắt long lanh ướt của Bác, tôi thấy cả miền Nam đau thương, anh dũng đang vẫy gọi, hậu phương đầu tiếc sức mình.

Sự kiện nước ngoài tiến công quân ngụy, đánh chiếm quần đảo Hoàng Sa ở phía bắc ngày 20 tháng 1 năm 1974, càng cho thấy tầm chiến lược của những mảnh đất xa xôi, chập chờn trên sóng gió Biển Đông. Nhãn quan chiến lược quân sự của Bộ Thống soái tối cao đã nhìn rõ vấn đề. Cần tổ chức giải phóng kịp thời phần đất này. Nếu chậm, để quân đội nước khác xâm chiếm nơi đây, tình hình sẽ rất phức tạp. Khó khăn lớn nhất là phải đánh chiếm các đảo với lực lượng hải quân nhỏ bé lúc bấy giờ. Trên mặt trận Biển Đông, hành động cũng phải "thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng".

Ngày 2 tháng 4, tại Tổng hành dinh, sau khi nghe báo cáo về trận Đà Nẵng, tôi trực tiếp chỉ thị cho anh Lê Trọng Tấn: Ngoài nhiệm vụ truyền đạt mệnh lệnh cho Quân khu 5 và Bộ Tư lệnh Hải quân, tổ chức tiến công giải phóng các đảo, đặc biệt là quần đảo Trường Sa. Vùng này có thể có tàu chiến của hạm đội 7 và hải quân các nước khác hoạt động. Hải quân ngụy cũng được trang bị các loại tàu lớn. Do đó, nghệ thuật tác chiến phải kiên quyết, táo bạo, đồng thời phải hết sức mưu trí, sáng tạo, bất ngờ. Các đơn vị có nhiệm vụ sẵn sàng, có thời cơ là đánh được ngay, bảo đảm chắc thắng. Đánh phải đúng lúc. Nếu có hiện tượng chúng rút, phải tranh thủ đánh chiếm ngay. Nếu tình hình chung địch bị nguy khốn, nhất là ở Sài Gòn, Bộ sẽ thông báo để kịp thời đánh chiếm. Nếu quân nước ngoài đã chiếm đảo thì ta kiên quyết chiếm lại. Nếu có khó khăn thì xin chỉ thị của Bộ.

Tôi cũng chỉ thị cho Bộ Tổng Tham mưu điều ngay Sở chỉ huy tiền phương Bộ Tư lệnh Hải quân vào Đà Nẵng, vừa tiếp quân căn cứ hải quân của địch ở đây, vừa chuẩn bị sẵn sàng phát triển chiến đấu trên mặt biển.

Trước đó, ngày 30 tháng 3, Quân ủy Trung ương điện cho các anh Võ Chí Công và Chu Huy Mân: "... Theo chỉ thị của Bộ Chính trị, Thường vụ giao cho Khu ủy và Bộ Tư lệnh B1'1 nhiệm vụ nghiên cứu, chỉ đạo thực hiện gấp rút, nhằm thời cơ thuận lợi nhất đánh chiếm các đảo hiện do quân ngụy miền Nam chiếm đóng thuộc quần đảo Nam Sa2. Trong việc này, anh Nguyễn Bá Phát - Phái viên của Bộ Tổng Tham mưu và các cán bộ Hải quân cùng đi sẽ do Khu ủy và Quân khu ủy chỉ đạo để thực hiện kế hoạch".

Đây là một nhiệm vụ rất quan trọng vì vùng quần đảo Trường Sa thuộc chủ quyền của Việt Nam. Theo thăm dò, triển vọng ở đây có dự trữ dầu lửa lớn. Với tầm nhìn chiến lược, có thể thấy biển và đại dương sẽ là nguồn tài nguyên chủ yếu của nhân loại kể từ thế kỷ XXI.

Chiều 4 tháng 4, Quân ủy Trung ương điện tiếp cho Quân khu 5:

"Thực hiện kịp thời đánh chiếm các hòn đảo ở vùng Nam Hải, đặc biệt là các đảo Nam Sa. Việc này phải chuẩn bị gấp và bí mật, chỉ để cán bộ có trách nhiệm biết".

Mệnh lệnh được thi hành tức khắc. Quân khu 5 cùng Bộ Tư lệnh Hải quân triển khai kế hoạch tác chiến. Các lực lượng của Quân khu 5 cùng một biên đội tàu và lực lượng đổ bộ của Hải quân được tổ chức lại gồm: Các tàu vận tải của Đoàn 125 vừa từ Hải Phòng vào tiếp quân Đà Nẵng; những con tàu không số này vốn từng quen với "đường Hồ Chí Minh trên biển", nhiều lần qua lại khu vực quần đảo Trường Sa nên đã quen nhận dạng, phân biệt các đảo và cũng có kinh nghiệm tránh đá ngầm; Đội 1 Đoàn đặc công 126 là đơn vị có bề dày thành tích với cách đánh bí mật, bất ngờ, đã đánh chìm nhiều tàu địch ở chiến trường Cửa Việt. Chỉ huy trưởng là đồng chí Mai Năng.

Ngày 9 tháng 4, Cục Quân báo phát hiện địch rút quân khỏi các đảo ở biển Nam Hải. Quân ủy Trung ương điện "tối khẩn" cho các anh Võ Chí Công, Chu Huy Mân, đồng điện cho anh Hoàng Hữu Thái - Phó Tư lệnh Quân chủng Hải quân ở Đà Nẵng:

"Có tin quân ngụy chuẩn bị rút khỏi đảo Nam Sa. Các anh cho kiểm tra lại ngay và chỉ thị cho lực lượng ta hành động kịp thời theo phương án đã định. Nếu để chậm, có thể quân nước ngoài chiếm trước, vì hiện nay một số nước ngoài đang có ý đồ xâm chiếm".

Ngày 13 tháng 4, Quân khu 5 điện về Bộ Tổng Tham mưu báo cáo kế hoạch đánh chiếm các đảo. Tôi điện ngay cho anh Mân:

"... Các anh đã tích cực tổ chức thực hiện quyết định của Quân ủy Trung ương về việc đánh chiếm các đảo. Ý kiến của tôi:

1. Việc đánh chiếm các đảo cần làm đúng thời cơ. Nếu có thời cơ cụ thể mà không kịp đánh chiếm thì các nước ngoài có thể chiếm trước. Nếu địch chưa rút mà ta đã chiếm trước thì tình hình có thể trở nên phức tạp, vì lực lượng ta có hạn và việc tăng viện có gặp khó khăn...
2. Do đó, thời cơ cụ thể đánh chiếm là:

a) Nếu địch đã rút toàn bộ hoặc rút đại bộ phận thì đánh chiếm ngay. Nếu quân nước ngoài đánh chiếm trước thì đánh chiếm lại.

b) Nếu địch mới có triệu chứng rút hoặc bắt đầu rút thì theo dõi, kịp thời đánh chiếm khi địch rút đại bộ phận.

c) Khi tình hình chung của địch nguy khốn, nhất là tình hình địch ở trọng điểm, thì đánh chiếm ngay.

Hai thời cơ cụ thể trên do anh theo dõi và quyết định. Thời cơ cụ thể thứ ba, tôi sẽ kịp thời báo anh khi xuất hiện...".

Thời cơ đánh chiếm là như vậy, nhưng cách đánh chiếm thì sao, trong tình hình vũ khí, phương tiện của ta còn kém hơn địch cả về số lượng và trình độ hiện đại?

Nhớ lại dịp kỷ niệm 15 năm thành lập Hải quân nhân dân Việt Nam, phát biểu về chiến tranh nhân dân trên chiến trường sông, biển, tôi đã nhấn mạnh việc đánh địch ở ven biển, ở biển gần và ở các quần đảo của Việt Nam cần được hết sức coi trọng và căn dặn cán bộ, chiến sĩ cần vận dụng tư tưởng lấy nhỏ thắng lớn, lấy ít thắng nhiều trong tác chiến của Hải quân.

Biểu dương các "con tàu không số" và các đơn vị "đặc công nước", tôi khái quát nghệ thuật đánh giặc của Hải quân ta là biết lấy số lượng trang bị ít hơn, kém hiện đại hơn địch mà vẫn đánh thắng được địch. Muốn vậy, phải tích cực, chủ động, kiên quyết, linh hoạt, mưu trí, sáng tạo, bí mật, bất ngờ.

Ngày hôm sau, một nguồn đáng tin cậy báo về: Có triệu chứng quân ngụy chuẩn bị rút khỏi quần đảo Trường Sa. Sau khi kiểm tra lại nguồn tin, tôi điện tiếp cho Quân khu 5: "... Thời cơ đánh các đảo thuộc khu vực Nam Sa lúc này rất thuận lợi. Chỉ đánh các đảo quân ngụy miền Nam chiếm đóng. Các anh ra lệnh đánh chiếm ngay. Theo dõi, đôn đốc kiểm tra chặt chẽ và thường xuyên báo cáo về Bộ".

Nhận các chỉ thị, mệnh lệnh của Quân ủy và Bộ Tổng Tư lệnh, anh Hoàng Hữu Thái ra lệnh cho các tàu Hải quân ngụy trang giả dạng tàu đánh cá, xuất phát vào lúc trời chưa sáng.

Bằng phương tiện nhỏ và ít, đổi mặt với tàu chiến lớn của địch và đại dương mênh mông, quân ta đánh theo kiểu của mình: Bí mật tiếp cận, nhanh chóng đổ bộ, bất ngờ chiếm mục tiêu. Đúng 4 giờ 30 phút sáng ngày 14 tháng 4, sau hơn 1 giờ tổ chức đổ bộ, ta nổ súng tiến công, nhanh chóng tiêu diệt và bắt toàn bộ quân địch, giải phóng đảo Song Tử Tây, kéo lá cờ Tổ quốc lên đỉnh cột cờ trên đảo. Tiếp đó, ngày 25 tháng 4, quân ta tiến công đánh chiếm đảo Sơn Ca. Ngày 27 tháng 4, ta giải phóng đảo Nam Yết và đảo Sinh Tồn. Ngày 28 tháng 4, quân ta giải phóng đảo Trường Sa, đảo An Bang, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao trong vòng nửa tháng với những cố gắng lớn nhất.

Ngay trong ngày 28 tháng 4, quân ta trên các đảo, trên các tàu chiến nhận được điện khen: "... Quân ủy Trung ương rất phấn khởi được tin quân ta đã chiếm các đảo thuộc Trường Sa. Nhiệt liệt khen ngợi các đơn vị đã hoàn thành nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược".

Sức mạnh tiến công và nổi dậy của chiến trường trọng điểm cùng với sự chi viện to lớn của hậu phương làm cho thế và lực của quân và dân ta lớn mạnh vượt bậc. Tuyến phòng ngự từ xa của địch đã bị phá vỡ. Một vùng biển rộng lớn giàu tài nguyên với những đảo và quần đảo có vị trí chiến lược hết sức quan trọng đã thuộc chủ quyền của Tổ quốc. Các cảnh quân lớn dày dạn kinh nghiệm chiến đấu sẵn sàng đi vào trận tiến công hang ổ cuối cùng của địch.

Chương chín CHIẾN DỊCH HỒ CHÍ MINH

hòi cơ giành toàn thắng đã đến.

Tại Tổng hành dinh, tấm bản đồ toàn miền Nam nhanh chóng trở thành cũ so với tốc độ phát triển của chiến sự. Các đồng chí cán bộ tham mưu đã thay vào đó một bản đồ Nam Bộ tỷ lệ 1/200.000 chi chít những ký hiệu xanh, đồ thể hiện tình hình ta, dịch mới nhất trên chiến trường trọng điểm và một bản đồ Sài Gòn - Gia Định tỷ lệ 1/50.000.

Hàng mấy tháng liên tục chỉ đạo tác chiến kể từ Chiến dịch Tây Nguyên, địa hình và thế trận của ta và dịch, tôi gần như đã thuộc lòng. Các bản đồ Nam Bộ và thành phố Sài Gòn - Gia Định trải ra trước mắt, ngày đêm gọi nên những suy nghĩ về cách đánh chiến lược trong trận quyết định cuối cùng.

Đi quanh bàn làm việc, nhìn vào tấm bản đồ từ mọi phía, tôi nhớ lại năm xưa đứng trước sa bàn Điện Biên Phủ, suy nghĩ về cách đánh tập đoàn cứ điểm. Hai sự kiện lịch sử có khoảng cách hơn 20 năm, nhưng giống nhau ở sự động não cao độ trong trận quyết chiến chiến lược cuối cùng, góp sức tìm ra cách đánh tối ưu nhằm giành thắng lợi lớn nhất với tổn thất ít nhất.

Đã thành thói quen, mỗi lần gặp một bài toán khó và quan trọng trong lãnh đạo, chỉ huy ở tầm vĩ mô, tôi thường tham khảo ý kiến của nhiều cán bộ, nhất là những đồng chí có kinh nghiệm công tác tham mưu và các cán bộ chỉ huy từng trải trong chiến tranh. Dân chủ quân sự bao giờ cũng mang lại những gợi ý tốt, những ý kiến hay. Lúc này, anh Hoàng Văn Thái - Phó Tổng tham mưu trưởng thứ nhất phụ trách tác chiến và hậu cần phải dành hầu hết thời gian động viên, tổ chức chi viện chiến trưởng, tình hình lại phát triển rất nhanh, tôi quyết định lập một Tổ thường trực giúp tôi chỉ đạo tác chiến. Mỗi ngày bốn lần, sau buổi giao ban, tôi trực tiếp nghe tổ báo cáo, đề đạt ý kiến. Đồng chí Cao Văn Khánh - Phó Tổng tham mưu trưởng, ở trong tổ này. Là một trí thức yêu nước, tham gia cách mạng từ những ngày tháng

Tám năm 1945, anh Khánh là một cán bộ quân sự chỉ huy Đại đoàn 308 đánh những trận lớn trong kháng chiến chống thực dân Pháp, từng là Tư lệnh Mặt trận B70 (Trị - Thiên) trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, là một con người hăng hái, trung thực, có nhiều kinh nghiệm chỉ huy tác chiến hiệp đồng binh chủng, được bộ đội tin yêu.

Sau khi phô biên quyêt tam cüa Bô Chinh tri, Quân üy Trung uong va Bô Tông Tu lênh tap trung tat ca cho trân quyêt chiên chiên luoc cuoi cung, toi yêu câu các dông chí trong to khân truong nghiên cüu de dat y kiên ve phương an tac chiên Chiên dich giai phong Sai Gon - Gia Dinh trong tinh huong chiên dich diên ra nhanh va ca trong tinh huong chiên dich phai kéo dai den het mua mua.

Tôi gọi ý một số điểm để tổ đi sâu nghiên cứu như phương án hình thành thế bao vây, chia cắt địch về chiến lược, chiến dịch; khả năng tiêu diệt địch ở vòng ngoài không cho chúng co cụm vào nội đô; trận then chốt là ở đâu? Thọc sâu vào thành phố từ hướng nào? Biện pháp khống chế sông Lòng Tàu, kênh Chợ Gạo, sân bay Biên Hòa, sân bay Tân Sơn Nhất; sử dụng máy bay của địch đánh các mục tiêu trong thành phố và chặn đường địch chạy ra biển...

Phòng họp của Tổ thường trực được bố trí ngay tại sở chỉ huy. Tôi thường xuyên chủ trì các cuộc thảo luận, ghi lại những ý kiến tốt.

Lời khai của Nguyễn Vĩnh Nghi cũng mang lại nhiều thông tin quan trọng. Sau khi bị bắt ngày 16 tháng 4 tại Phan Rang, viên trung tướng này được đưa ngay ra miền Bắc. Trước sự đối xử khoan hồng, nhân đạo của cách mạng, Nguyễn Vĩnh Nghi đã tiết lộ nhiều điều, cho thấy lực lượng phòng thủ của địch đã bị căng ra rất mỏng, lực lượng dự bị còn rất ít. Trong nội đô, địch chỉ dựa vào lực lượng cảnh sát và phòng vệ dân sự. Hướng hiểm yếu nhất, theo y, là tiến công từ Gò Dầu Hạ - Trảng Bàng. Trên hướng đông, địch có thể phá các cầu để chặn bước tiến của quân ta. Địch bố trí các kho đạn chính ở Nhà Bè và Cát Lái. Long Bình chỉ là kho tiếp liệu. Do địch dựa chủ yếu vào lực lượng không quân, nên các sân bay Tân Sơn Nhất, Biên Hòa và Cần Thơ giữ vai trò quan trọng, đặc biệt là sân bay Biên Hòa, nơi đậu các máy bay cường kích F-5 và A-37...

Khi được hỏi về thất bại của y tại Phan Rang, Nghi đổ lỗi cho binh lính tinh thần sa sút, không chịu chiến đấu. Như còn nuối tiếc một hy vọng đã trở thành ảo tưởng, y nói:

- Chúng tôi thiếu tiếp liệu và thiếu thời gian. Nếu các ông đánh chậm một tháng nữa thì chưa biết sẽ ra sao!

Các thành viên hai phái đoàn quân sự Việt Nam dân chủ cộng hòa và Cộng hòa miền Nam Việt Nam ở Trại Đa-vít trong sân bay Tân Sơn Nhất cũng cung cấp nhiều tình hình đáng chú ý. Thái độ ngoan cổ, ngang ngược của địch giảm dần, tỷ lệ nghịch với đà tiến công và nổi dậy của quân và dân ta. Không còn những lời nói cục cằn, thô lỗ, những hành động cắt điện, cắt nước. Thay vào đó đối phương đã hạ giọng trên bàn hội nghị, tỏ ra biết điều trong giao tiếp, tìm cách thăm dò thái độ của ta, thậm chí ngỏ ý muốn có cuộc nói chuyện để hoãn binh, cổ tránh một cuộc tiến công lớn vào Sài Gòn, cứu nguỵ quyền khỏi nguy cơ sụp đổ. Cũng có thể coi đây là một hàn thử biểu báo thời tiết chính trị - quân sự lúc này, đặt ngay trong lòng địch.

Ngày 16 tháng 4, sau khi nghe báo cáo tổng hợp các ý kiến thảo luận, tôi gọi ý thêm: Hướng tiến công nào có lợi nhất, bất ngờ nhất? Làm sao có thể bao vây chặt, tiến công tiêu diệt nhanh các sự đoàn địch ở vòng ngoài? Làm sao tổ chức thọc sâu nhanh vào thành phố? Trong trận này, khả năng tan rã của địch có diễn ra như ở Tây Nguyên và Đà Nẵng không? Địch sẽ đối phó như thế nào khi chúng phát hiện lực lượng ta xung quanh Sài Gòn, nhất là trên hướng đông? Nếu căn cứ Biên Hòa và Tân Sơn Nhất bị khống chế, không quân địch còn khả năng hoạt động nữa không? Nếu Mỹ bỏ cuộc hoặc thay Thiệu, ta cần chớp thời cơ giành toàn thắng ra sao? Nếu không dứt điểm được trong tháng 4, thì ta đánh trong mùa mưa như thế nào?

Tổ thường trực khẩn trương hoàn chỉnh phương án tác chiến vào ngày hôm sau.

Về thế bố trí của địch trên từng hướng, tổ kết luận: Hướng đông và tây - tây bắc là nơi địch có lực lượng mạnh. Ở các hướng tây và tây nam, địch bố trí phòng thủ yếu hơn. Địch đang dồn lực lượng ra đối phó với ta ở vòng ngoài, nên trong nội đô rất yếu. Riêng ở Sài Gòn - Gia Định, ta có thế mạnh của chiến lược tổng hợp, trong và ngoài cùng đánh, quần chúng bên trong nổi dậy, địch rất khó chống đỡ. Nếu ta đánh cho chúng thiệt hại nặng ở vòng ngoài, thì ở bên trong rất có thể có tình hình đột biến.

Tổ thường trực đề nghị chọn hướng tây bắc là hướng tiến công chủ yếu. Hướng đông là hướng quan trọng. Hướng đông nam là hướng thọc sâu. Hướng nam là hướng hiểm yếu, cũng cần được tận dụng. Về cách đánh, cần bao vây, chia cắt, tiêu diệt các cụm phòng thủ vòng ngoài, kết hợp tiến công, đột kích thật mạnh từ bên ngoài với tác chiến, phá hoại và nổi dậy từ bên trong, không cho địch co cụm vào nội đô, nhanh chóng đánh chiếm các mục tiêu quân sự, chính trị, kinh tế chủ yếu, làm chủ tình hình.

Để thực hiện cách đánh trên, cần đôn đốc các cánh quân vào vị trí tập kết sớm, khoảng từ ngày 20 đến ngày 30 tháng 4, nhất là ở những hướng chủ yếu. Cánh quân phía đông phải nhanh chóng đánh chiếm Bà Rịa, phát triển xuống Vũng Tàu, Nhơn Trạch, từ Nhơn Trạch đặt pháo bắn vào sân bay Tân Sơn Nhất. Quân đoàn 4 đón đánh quân địch ở Xuân Lộc. Đoàn 232 cắt đường số 4 theo kế hoạch. Trên các hướng, bộ đội phải nhanh chóng áp sát pháo kích các mục tiêu quân sự. Ở hướng Khu 9, cần khống chế sân bay Trà Nóc (Cần Thơ), không cho địch sử dụng để chi viện cho Sài Gòn. Bộ đội đặc công phải chiếm giữ các cầu dẫn vào thành phố tạo điều kiện cho các lực lượng thọc sâu.

Tổ cũng chuẩn bị một phương án tác chiến trong mùa mưa. Trong trường hợp này, cần động viên bộ đội giữ vững quyết tâm, liên tục chiến đấu, tạo điều kiện để dứt điểm trong mùa khô sắp tới. Cần có thêm lực lượng bổ sung, thay thế, chuẩn bị thêm phương án tác chiến và cách đánh trong mùa mưa ở địa hình vùng ven Sài Gòn và miền Tây Nam Bộ. Đẩy mạnh phong trào tiến công và nổi dậy ở đồng bằng sông Cửu Long, phối hợp chặt chẽ với Mặt trận Sài Gòn...

Anh Khánh báo cáo xong. Tôi nhất trí về cơ bản với kết quả nghiên cứu của tổ và chỉ thị mấy điểm:

1. Tình hình phát triển rất nhanh: Địch đang ở thế thất bại, thế đi xuống và đang đứng trước nguy cơ sụp đổ, các tình huống có thể thay đổi. Phải dự kiến hết những tình hình đột biến khi thời cơ xuất hiện. Phải nhanh chóng bao vây, chia cắt, tập trung lực lượng thật mạnh đánh đòn quyết định, tiêu diệt các sự đoàn của địch ở vòng ngoài, không cho chúng co cụm vào Sài

Gòn, đồng thời tổ chức những binh đoàn mạnh nhanh chóng đánh chiếm các mục tiêu quan trọng trong nội đô.

2. Chú trọng công tác binh vận. Cần kịp thời khai thác tù binh, hàng binh để nắm được tình hình mới nhất. Cần nắm thêm tình hình chính trị, xã hội ở Sài Gòn và đồng bằng sông Cửu Long.

3. Cần nắm vững chủ trương của Bộ Chính trị là tổng tiến công và nổi dậy, kết hợp tiến công với nổi dậy. Dự kiến cho hết sức mạnh nổi dậy của quần chúng và sự tham gia của nhân dân trong tác chiến và cơ động của bộ đội.

4. Tranh thủ giành thắng lợi hoàn toàn trước khi những cơn mưa đầu mùa trút xuống. Đồng thời tính toán thêm về sử dụng lực lượng, về hậu cần chiến lược, chiến dịch nếu phải đánh kéo dài. Trong mọi tình huống đều phải bảo đảm chắc thắng.

5. Dù sao cũng chỉ là những ý kiến nghiên cứu bước đầu. Cần tiếp tục suy nghĩ thêm. Nhược điểm là chưa có được tình hình toàn diện mới nhất của chiến trường, nên ý kiến của tổ là để tham khảo. Quyết định là ở các cấp lãnh đạo, chỉ huy tại chỗ. Bộ Tổng Tham mưu cử ngay cán bộ vào trao đổi với các anh ở mặt trận.

Buổi làm việc kết thúc, nhưng ai cũng thấy công việc chỉ mới bắt đầu. Mọi ý nghĩ đều quay về một hướng: Đánh vào sào huyệt của địch, một nơi đông dân, được phòng thủ vòng trong, vòng ngoài. Làm sao giành thắng lợi nhanh nhất, không cho địch co cụm, tiết kiệm được xương máu của bộ đội, tránh thiệt hại cho dân... Những bộ óc tham mưu động não đến cao độ để tìm ra đáp số.

ừ sau Hội nghị Bộ Chính trị ngày 31 tháng 3 năm 1975, quyết tâm chiến lược của Đảng nhanh chóng biến thành hành động thực tiễn, từ tiền tuyến đến hậu phương.

Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương tập trung chỉ đạo chiến trường trọng điểm. Vấn đề đầu tiên là bảo đảm cho các lực lượng của ta từ phía bắc đến chiến trường nhanh nhất, đủ nhất, sung sức nhất. Một chiến dịch chi viện chiến trường đã mở màn.

Các đoàn cán bộ tham mưu, hậu cần được lệnh vào ngay đường Trường Sơn đôn đốc bộ đội hành quân và theo dõi việc vận chuyển đạn lớn cho pháo và xe tăng, đẩy nhanh tốc độ chi viện cho B2, bất luận trong tình huống nào cũng không được vì điều động lực lượng chậm mà để lỡ thời cơ chiến lược.

Điện vào, điện ra tới tấp.

Những câu hỏi hầu như không thay đổi. Tất cả xoay quanh bước chân hành quân của bộ đội: Cánh quân ven biển đã tiến đến đâu? Bao giờ thì Quân đoàn 1 vào tới nơi? Các sự đoàn 341, 316, các sự đoàn của Tây Nguyên đang ở nơi nào? Đoàn xe chở đạn khi nào đến? Trong khi đó những câu trả lời lại mỗi ngày, mỗi giờ một khác, không câu nào giống câu nào, đẩy nhanh các mũi tên đỏ trên bản đồ tiến dần xuống phía Nam.

Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương rất mừng được biết lực lượng quần chúng đã và đang được phát động. Thành ủy Sài Gòn - Gia Định lập các đội tuyên truyền xung phong rải hàng vạn tờ truyền đơn. Các cơ sở của ta trong thành phố đã chuẩn bị hàng trăm xe ô-tô, loa phóng thanh, may nhiều cờ và biểu ngữ... Các anh Nguyễn Văn Linh, Võ Văn Kiệt trực tiếp lãnh đạo việc tổ chức, chỉ đạo quần chúng nổi dậy. Lực lượng lãnh đạo của Đảng và chính

quyền cách mạng đã về ở ngoại thành, nhiều thành ủy viên và cán bộ cấp tương đương đã vào hẳn nội đô. Dự kiến ta có khả năng huy động hàng vạn người xuống đường khi cần thiết... Lực lượng vũ trang Sài Gòn - Gia Định với hai trung đoàn Gia Định 1, Gia Định 2, các đơn vị biệt động thành... được Bộ chỉ huy chiến dịch bổ sung nhiều trung đoàn và một lữ đoàn đặc công thiện chiến.

Đoàn cán bộ Bộ Tổng Tham mưu và các tổng cục có nhiệm vụ giúp Bộ Tư lệnh chiến dịch trên các mặt tổ chức chỉ huy, công tác chính trị, công tác hậu cần, kỹ thuật đã vào đến chiến trường. Các anh điện ra báo cáo đang khẩn trương triển khai công tác. Nhớ lại hôm nào, trước lúc lên đường, thay mặt Quân ủy Trung ương, tôi giao nhiệm vụ cho đoàn với tất cả sự tin cậy. Tôi yêu cầu các đồng chí nhận rõ tầm quan trọng của chiến dịch sắp tới, một chiến dịch quy mô lớn với lực lượng 4 - 5 quân đoàn tham chiến, có nhiều binh khí kỹ thuật, tiến công địch trong một thành phố lớn, kết hợp với quần chúng nổi dậy từ bên trong, cần có sự phối hợp hiệp đồng rất cao, trên một không gian rất rộng... Nhiều vấn đề mới được đặt ra, phải giải quyết thật tốt trong một thời gian ngắn, không để lỡ thời cơ, giành thắng lợi lớn nhất về chiến lược, chiến dịch. Phải nắm thật vững đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, nắm vững tư tưởng và nghệ thuật quân sự Việt Nam, vận dụng trong từng tình huống, nhiệm vụ cụ thể, từ việc cơ động bộ đội, cơ động vũ khí, khí tài trên địa hình đồng bằng phức tạp, việc chi viện hỏa lực pháo binh có hiệu quả mà không gây tổn thất cho dân, đến việc tiếp quân một thành phố mấy triệu dân, quản lý, giáo dục hàng triệu tù binh và nhân viên ngụy quyền.

Tôi bắt tay từng người, gửi cả niềm tin vào trong ánh mắt các anh Nam Long - Người chiến sĩ Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân năm xưa, lúc này là Phó Giám đốc Học viện Quân sự, Doãn Tuế - Tư lệnh Binh chủng Pháo binh, Nguyễn

Chí Điềm - Tư lệnh Binh chủng Đặc công, Lê Xuân Kiện - Phó Tư lệnh Binh chủng Thiết giáp, Hoàng Niệm - Phó Tư lệnh Binh chủng Thông tin liên lạc, Phan Khắc Hy - Phó Tư lệnh Đoàn 559... là những cán bộ chỉ huy đầu ngành, có nhiều kinh nghiệm chiến đấu, các anh hăng hái ra đi, hứa sẽ cố gắng hoàn thành nhiệm vụ ở mức cao nhất.

Ởi sự có mặt đầy đủ các đồng chí trong Đảng ủy và Bộ Tư lệnh Mặt trận Sài Gòn - Gia Định, trên cơ sở các cơ quan tham mưu, chính trị, hậu cần, B2 được tăng cường các cán bộ của Đoàn A.75 và đoàn cán bộ của Bộ Tổng Tư lệnh, Số chỉ huy Chiến dịch Hồ Chí Minh nhanh chóng hình thành.

Thời cơ lúc này đối với ta thuận lợi về nhiều mặt, cho phép nhanh chóng bắt đầu cuộc tổng công kích vào Sài Gòn. Tuy vậy, trong tình hình các đơn vị chủ lực lớn chưa vào hết chiến trường, Bộ Chính trị điện chỉ thị cho Bộ Tư lệnh chiến dịch chuẩn bị thêm trong ít ngày, chờ các quân đoàn vào đủ để có ưu thế tuyệt đối về lực lượng so với địch, bảo đảm đánh chắc thắng. Bức điện do đồng chí Bí thư thứ nhất ký tên, nói rõ: "Tôi đã bàn với anh Văn, nhận thấy cần chuẩn bị thêm mấy ngày nữa, đến khi phần lớn lực lượng của Quân đoàn 3 và Quân đoàn 1 (cả bộ binh và binh khí kỹ thuật) đến nơi sẽ bắt đầu cuộc tiến công lớn, chưa nên làm ngay bây giờ.

Dù sao, thời gian mở màn chiến dịch chậm nhất là vào hạ tuần tháng 4 năm 1975. Từ nay đến đó, cần đẩy mạnh hoạt động của các cánh quân, đặc biệt là cánh quân phía tây và tây nam, cắt đường số 4, bao vây chia cắt địch, làm cho chúng hoang mang, rối loạn, tạo điều kiện cho trận quyết định cuối cùng".

Báo cáo của Bộ Tổng Tham mưu cho biết các anh ở chiến trường đồng ý với những ý kiến đề xuất của Tổ thường trực về phương án tác chiến giải phóng Sài Gòn. Sự nhất trí giữa phía trước và phía sau về vận dụng nghệ thuật quân sự Việt Nam trong thời điểm quyết định của chiến tranh làm tăng thêm niềm tin tất thắng. Trên tinh thần đó, bức điện của Bộ Chính trị nhấn mạnh: "Kế hoạch tiến công toàn diện cần bảo đảm một khi đã phát động thì phải tiến công thật mạnh và liên tục, dồn dập đến toàn thắng, vừa phát động tiến công ở ngoại vi, vừa có lực lượng sẵn sàng nắm thời cơ thọc sâu vào trung tâm Sài Gòn từ nhiều hướng, thực hiện từ trong đánh ra, từ ngoài đánh vào, tạo điều kiện cho đồng bào nổi dậy. Trong tình hình hiện nay, thần tốc, táo bạo, bất ngờ là ở chỗ đó. Cần có dự kiến và chuẩn bị đối phó với tình huống cuộc chiến đấu có thể kéo dài một thời gian".

Chấp hành chỉ thị của Bộ Chính trị, Bộ Tư lệnh Chiến dịch Hồ Chí Minh khẩn trương hoàn chỉnh kế hoạch tác chiến trên cơ sở phương án cũ đã được Trung ương Cục thông qua. Tinh thần là tránh những xáo trộn không cần thiết, các lực lượng

B2 vốn quen thuộc chiến trường đảm nhiệm các hướng có địa hình phức tạp, dành những hướng gần nhất ở phía bắc và phía đông cho các lực lượng từ xa đến. Mặt khác, lệnh cho các đơn vị của Quân khu 8, Quân khu 9, các đơn vị đặc công, biệt động vùng ven và trong nội thành liên tiếp đánh địch, áp sát thành phố Cần Thơ và các con đường huyết mạch, nhất là đường số 4 từ Sài Gòn xuống đồng bằng sông Cửu Long. Quân và dân Nam Bộ hừng hực khí thế tiến công, phát huy sức mạnh tổng hợp của ba mũi quân sự, chính trị và binh vận cùng giáp công, giải phóng một số khu vực quan trọng, nối liền các căn cứ "lõm" ở Long An, Gò Công, Bến Tre, Mỹ Tho, mở ra những hành lang từ Đông Nam Bộ sang Tây Nam Bộ, làm chủ

các đường giao thông quan trọng. Vừa tác chiến vừa xây dựng lực lượng, một số tỉnh và huyện thành lập được thêm nhiều tiểu đoàn, đại đội địa phương, nhiều xã đã có đội du kích. Đặc biệt ở phía tây nam Sài Gòn, nơi có địa hình sinh lấy, trống trải, bộ đội và nhân dân đã phải vượt qua muôn vàn khó khăn, đánh thông hành lang Tây Ninh - Kiến Tường, làm chủ một phần sông Vàm Cô Tây, mở ra một vùng giải phóng, lót sẵn lương thực, đạn dược, tạo thế rất thuận lợi cho một bộ phận của Đoàn 232 tiến công vào Sài Gòn. Ở hướng tây nam, Bộ Tư lệnh chiến dịch quyết định tiến công vào thị trấn Thủ Thừa và thị xã Tân An, không đánh chiếm Mộc Hóa như trong kế hoạch cũ. Trận đánh không thành công vì quân dịch đã phòng bị sẵn. Quân ta chuyển sang đánh quân dịch phản ứng, quét hệ thống đồn bốt của dịch ở phía bắc đường số 4, gây cho dịch nhiều thiệt hại. Ở phía tây bắc, sư đoàn 25 ngụy bị đánh mạnh, buộc phải phân tán đối phó, không co được về giữ ven đô.

Thế trận tại chỗ đã bày xong.

Ngày 22 tháng 4, lần cuối cùng, kế hoạch tiến công Sài Gòn - Gia Định được Đảng và Bộ chỉ huy Chiến dịch Hồ Chí Minh thông qua và phê duyệt.

uyến phòng ngự Xuân Lộc sụp đổ. Tia hy vọng sau chót của ngụy quân, ngụy quyền cũng tắt ngắm.

Theo "gọi ý" của Mỹ, Nguyễn Văn Thiệu từ chức tổng thống. Mỹ hy vọng "thay ngựa" để đội cho tay sai một lốt mới, hòng trì hoãn cuộc tiến công của ta vào Sài Gòn. Đài Sài Gòn trưa ngày 22 tháng 4 phát đi tiếng nói buồn bã, rời rạc và cay đắng của Thiệu trách móc quan thấy Mỹ đã bỏ rơi mình: "Mỹ đã yêu cầu chúng ta thực hiện điều không thể làm được. Vì vậy, tôi đã bảo họ: Các ông đòi hỏi chúng tôi làm điều mà các ông đã thất bại với nữa triệu binh lính tình nhuệ và sĩ quan có tài với gần 300 tỷ đô-la chi phí trong sáu năm trời. Nếu tôi không nói rằng các ông bị cộng sản Việt Nam đánh bại, thì tôi cũng phải nói một cách khiêm tốn là các ông cũng không thể chiến thắng. Nhưng các ông đã tìm đường rút lui trong danh dự. Hiện nay, khi quân đội chúng tôi thiếu vũ khí, đạn dược, máy bay trực thăng, máy bay B-

52, các ông lại đòi hỏi chúng tôi làm một điều không thể làm được giống như việc dùng đá lấp đầy đại dương, giống như các ông đưa cho tôi chỉ có 3 đô-la mà thúc giục tôi đi bằng máy bay ghế hạng nhất, mướn phòng 30 đô-la một ngày ở khách sạn, ăn 3-4 miếng bít tết và uống 7-8 ly rượu một ngày. Đó là điều kỳ quặc!...".

Thói quen ăn chơi ẩm thực của viên tổng thống ngụy xen cả vào khẩu khí, ngay cả trong tuyên bố cuối cùng.

a tuân tháng 4 năm 1975, các lực lượng lớn của quân ta lần lượt vào vị trí triển khai.

Ô hướng bắc, Quân đoàn 1 đã có mặt ở khu vực nam sông Bé.

Ô hướng tây bắc, Quân đoàn 3 tiến đến Dầu Tiếng.

Ô hướng tây, Đoàn 232 áp sát tuyến sông Vàm Cô Đông và Hậu Nghĩa.

Ô hướng nam, Trung đoàn 88 và Trung đoàn 24 được tăng cường Trung đoàn 271b đứng chặn ở Cần Giuộc. Sư đoàn 5, Sư đoàn 8 áp sát đường số 4 từ Tân An đến Cai Lậy, áp sát Mỹ Tho. Đồng chí Lê Đức Anh - Phó Tư lệnh Miền, Phó Tư lệnh Bộ chỉ huy chiến dịch, trực tiếp chỉ huy hướng tây và hướng nam.

Ô hướng đông, Quân đoàn 4 sau khi giải phóng Xuân Lộc, áp sát Trảng Bom. Quân đoàn 2, Sư đoàn 3 và Lữ đoàn 52 (Quân khu 5) tiến sát Long Thành, Vũng Tàu, Nước Trong, Bà Rịa. Đồng chí Lê Trọng Tấn - Tư lệnh cánh quân phía đông, nay là Phó Tư lệnh chiến dịch chỉ huy hướng này.

Tất cả sáu trung đoàn đặc công và hàng chục đội biệt động đã sẵn sàng từ vùng ven đến nội thành.

Các phi đội của không quân ta ở sân bay Thành Sơn đã sẵn sàng cất cánh.

Tại Tổng hành dinh, trên tấm bản đồ Chiến dịch Hồ Chí Minh, các mũi tên lớn màu đỏ vít chặt lấy hang ổ cuối cùng của dịch.

Lúc này, quân và dân Cam-pu-chia đã từng bước phá vỡ sức đề kháng của quân đội Lon Non ở ngoại vi thủ đô Phnôm Pênh. Được ta trợ giúp đạn súng lớn, bạn đã nã pháo vào trung tâm thành phố. Ngày 12 tháng 4, Mỹ tổ chức cuộc hành quân mang tên "Diều hâu", di tân cố vấn và binh lính Mỹ ra khỏi thủ đô bằng đường không. Ngày 17 tháng 4, Phnôm Pênh được giải phóng.

Các cơ quan Bộ Tổng Tư lệnh làm việc ngày đêm. Đặc biệt Phòng 70 thuộc Cục Quân báo, chuyên theo dõi tin dịch bằng phương tiện kỹ thuật, bám máy từng phút, từng giờ.

Tin vê cho biết: Sài Gòn hỗn loạn. Bình lính và nhân viên ngụy quyền từ các tỉnh phía bắc, nhất là từ Phan Rang, Xuân Lộc chạy vê, mang theo tâm trạng hốt hoảng và những điều mất thấy tai nghe, càng làm cho tình hình thêm bi đát. Dân chúng bắt đầu di tản. Các đại sứ quán phương Tây ra đi. Trần Văn Hương, một ông già bị bệnh thấp khớp và mù lòa, lên thay Thiệu, kêu gào "tử thủ", nhưng chẳng mấy ai nghe! Ngày 23 tháng 4, tại Trường đại học Tu-lan ở Niu Oóc-lê-ân, Tổng thống Mỹ Giê-rôn Pho tuyên bố: "Cuộc chiến tranh ở Việt Nam đã chấm dứt đối với Mỹ".

Thời cơ đã đến. Tôi điện cho các cánh quân đôn đốc khẩn trương chuẩn bị tiến công, đặc biệt là cánh quân phía đông phải cố gắng bảo đảm đánh Biên Hòa theo đúng kế hoạch.

Sáng ngày 22 tháng 4, Bộ Chính trị hội ý. Có tin Mỹ sẽ loại bỏ Trần Văn Hương bất lực, thay vào đó bằng một người "dễ tiếp xúc" hơn với Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, định dùng thủ đoạn ngoại giao để ngăn chặn cuộc tổng tiến công của ta. Cũng có tin Pháp muốn đứng ra làm trung gian liên lạc với Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam và Hà Nội hòng cứu vãn tình thế.

Sau khi xem xét tình hình, anh Ba điện khẩn vào chiến trường: "Mỹ - ngụy tìm cách trì hoãn cuộc tiến công của ta vào Sài Gòn, lập chính phủ mới, đưa ra đề nghị ngừng bắn đi đến giải pháp chính trị cứu vãn tình thế khỏi thất bại hoàn toàn. Thời cơ quân sự, chính trị để mở cuộc tổng tiến công vào Sài Gòn đã chín muối... Ra chỉ thị ngay cho các hướng hành động kịp thời, kết hợp tiến công quân sự và nỗi dậy của quân chúng".

Quân ủy Trung ương cũng điện gấp cho anh Văn Tiến Dũng, truyền đạt ý kiến của Thường trực Quân ủy Trung ương: "... Địch không có quyết tâm cổ thủ Sài Gòn khi bị tiến công mạnh... Chúng trì hoãn để tìm cách đề nghị ngừng bắn, kéo dài sang mùa mưa... Sài Gòn không giữ nỗi thì chúng rút về đồng bằng sông Cửu Long, lấy Cần Thơ làm trọng tâm... Hướng tây nam và đường số 4 sẵn sàng ngăn chặn, tiêu diệt địch trong tình huống chúng rút từ Sài Gòn về Cần Thơ".

Ngày 23 tháng 4, hăng thông tấn Pháp AFP đưa tin Mỹ - ngụy dùng máy bay C-130 ném bom Đê-xi Cút-lơ và bom CBU xuống các mục tiêu giữa Biên Hòa và Xuân Lộc, có hàng trăm xác chết. Bom Đê-xi Cút-lơ chuyên dùng để phá từng mảng cây rừng, dọn mục tiêu làm bãi đậu cho máy bay lên thẳng. CBU là loại bom khi nổ gây ra một đám cháy với nhiệt độ lớn, tạo ra một khoảng chân không thiêu hủy mọi thứ và làm chết ngạt mọi sinh vật trong vùng. Tôi điện ngay vào mặt trận, hỗi 19 giờ hôm ấy: "Có thể đây là loại bom ngạt CB-455 mà Uây-oen đã đề nghị sử dụng. Cũng có thể địch tung tin để uy hiếp tinh thần... Phải thực sự đề phòng. Anh Ba và Thường trực Quân ủy Trung ương có ý kiến: Phát động sớm tổng tiến công làm cho

hình thái ta và địch xen kẽ. Đơn vị ở xa ngụy trang cho tốt. Chú ý phòng độc... Pháo 130mm và Đ74 đánh mạnh vào Tân Sơn Nhất và căn cứ không quân Biên Hòa, gây tổn thất nặng cho không quân địch. Các sân bay Cần Thơ, Vũng Tàu dùng pháo cối và đặc công đánh mạnh".

Ngày 26 tháng 4, Bộ Chính trị họp, giữa lúc công việc chuẩn bị mọi mặt từ Bộ Thống soái tối cao đến Bộ Tư lệnh chiến dịch và các đơn vị ở chiến trường trọng điểm cơ bản đã hoàn thành. Anh Trường Chinh, vốn rất quan tâm cách đánh chiến lược, theo dõi chặt chẽ trận tổng công kích và nổi dậy cuối cùng mà anh gọi là "coup décisif"1.

Bộ Tổng Tham mưu báo cáo: Các binh đoàn chủ lực của ta đã triển khai trên các hướng. Các đơn vị chủ lực tại chỗ của B2 cũng đã vào vị trí, sau khi tác chiến tạo thế ở phía nam và tây nam Sài Gòn. Các lực lượng đặc công, biệt động và lực lượng của Thành đội Sài Gòn đã đứng sẵn ở ven đỏ, áp sát các mục tiêu được phân công. Hàng trăm cán bộ và đội viên vũ trang vào đứng chân tại các "lõm" ở vùng ven và nội đỏ, chuẩn bị phát động quần chúng nổi dậy khi quân chủ lực tiến công. Quân ta đang ở thế áp đảo. Lực lượng lãnh đạo ở cơ sở và lực lượng chính trị quần chúng đều đã sẵn sàng.

Năm mục tiêu quan trọng đã được Bộ chỉ huy Chiến dịch Hồ Chí Minh xác định là: Sân bay Tân Sơn Nhất, bộ tổng tham mưu ngụy, dinh tổng thống ngụy quyền, biệt khu thủ đô và tổng nha cảnh sát.

Về cách đánh, Bộ Tư lệnh chiến dịch chủ trương hình thành thế bao vây, cô lập địch trong thành phố, sử dụng lực lượng thích hợp trên từng hướng chia cắt, tiêu diệt địch ở bên ngoài, đồng thời sử dụng một bộ phận quan trọng lực lượng tổ chức thành những mũi đột kích mạnh, thọc sâu đánh thẳng vào trung tâm Sài Gòn, đánh chiếm năm mục tiêu đã được xác định.

Từ đó, tỏa ra phối hợp với các đơn vị đặc công, biệt động, tự vệ thành phố và quần chúng nổi dậy, đánh chiếm tất cả các mục tiêu quân sự, chính trị, kinh tế trong thành phố. Một số lực lượng đặc công, biệt động và lực lượng vũ trang tại chỗ được giao nhiệm vụ đánh chiếm và làm chủ các cầu, tham gia cùng các đơn vị hóa lực khống chế sân bay và các trận địa pháo của địch.

Phương châm là hiệp đồng chặt chẽ, tiến công nhanh, hạn chế đến mức thấp nhất thương vong của bộ đội và tổn thất về tính mạng, tài sản của nhân dân.

Bộ Chính trị nghe đọc bức điện dài của anh Lê Đức Thọ để ngày 24 tháng 4, nói rõ tình hình ta và địch từ khi đánh Xuân Lộc đến lúc này. Mười sư đoàn đưa vào chiến trường vừa mới tới nơi. Chiến trường có một số khó khăn về hậu cần, nhưng quyết

tâm của mặt trận là vừa đánh vừa bổ sung, hết sức cố gắng bảo đảm những điều kiện tối thiểu để mở màn chiến dịch.

Địch chưa phán đoán được cách đánh của ta. Chúng bố trí ngăn chặn từ xa, có kế hoạch phá cầu nếu không giữ nổi. Ta đang chuẩn bị khẩn trương cho kế hoạch tiến công và nổi dậy. Dự kiến, trong tình huống xấu, như địch phá cầu, quân ta có kế hoạch khắc phục, làm cầu, hoặc tác chiến trong điều kiện không có xe tăng và pháo binh...

Sau khi kiểm tra lại lần cuối việc chuẩn bị cho trận đánh quyết định, cuộc họp kết thúc trong không khí náo nức, phấn khởi, quyết tâm, sẵn sàng đón tin chiến thắng.

CUỘC TỔNG TIẾN CÔNG VÀ NỔI DÂY MÙA XUÂN NĂM 1975 (Từ 4-3 đến 1-5-1975)
ió phút quyết định đã điểm.

Chiến trường Nam Bộ bùng lên như một cơn lốc.

Các hãng thông tấn trong nước và nước ngoài hoạt động hết tốc lực. Tin tức dồn dập bay về, dồn hầu hết sự chú ý của dư luận thế giới vào một điểm nóng: Sài Gòn.

Thông tấn xã Việt Nam, Thông tấn xã Giải phóng, các cơ quan thông tin đại chúng của cả hai miền liên tục loan tin chiến thắng. Trên báo và đài, hầu như không còn chỗ cho các vấn đề nào khác ngoài tình hình cuộc tổng tiến công và nổi dậy. Các cuộc thông báo thời sự lan đến trong từng nhà, từng thôn xóm. Tiền tuyến càng sôi động, hậu phương càng não nức, đợi chờ.

Ở Hà Nội, các cơ quan Bộ Tổng Tư lệnh thường trực 24 trên 24 giờ. Đối với các cơ quan thông tin, báo chí, Tổng hành dinh ở khu vực "Nhà con rồng" là nơi cung cấp tin chiến sự sốt dẻo nhất, nhanh chóng nhất, chính xác nhất. Cục Tác chiến phải dành riêng một số thời gian hiếm hoi để cùng Cục Tuyên huấn phát tin cho báo và đài.

Các đồng chí Phó Tổng tham mưu trưởng Hoàng Văn Thái và Cao Văn Khánh cùng tôi thường trực ở sở chỉ huy. Anh chị em thông tin, cơ yếu thay phiên nhau làm việc suốt đêm ngày. Cơm nước được mang đến tận nơi.

Tối ngày 27 tháng 4, Cục Tác chiến báo cáo tình hình chiến sự vùng ven Sài Gòn. Quân ta cơ bản thực hiện kế hoạch tác chiến chiến dịch trên các hướng.

Hướng bắc, Sư đoàn 312 (Quân đoàn 1) chuẩn bị tiến công Bình Cơ, Bình Mỹ, tạo thế cho quân đoàn triển khai lực lượng ở vùng ven.

Hướng tây bắc, anh Vũ Lăng - Tư lệnh Quân đoàn 3 sử dụng pháo cối diệt các trận địa của dịch. Sư đoàn 316 chặn dịch ở Phú Mỹ và đông Trảng Bàng.

Hướng tây nam, anh Lê Đức Anh cho quân áp sát đường số 10, chuẩn bị tiến công dịch trên đường số 4, chia cắt Sài Gòn với đồng bằng sông Cửu Long, mở đầu cầu vượt sông Vàm Cô Đông, chiếm lĩnh vùng ven.

Hướng đông, cánh quân của anh Lê Trọng Tấn tiến công căn cứ Nước Trong, chi khu quân sự Long Thành và thị xã Bà Rịa. Ở Nước Trong, dịch chống cự, dùng máy bay bắn phá bừa bãi phân kích liên tục suốt cả ngày. Sư đoàn 304 mở nhiều đợt tiến công mà vẫn chưa dứt điểm. Quyết tâm của quân ta là phải thực hiện bằng được nhiệm vụ đánh chiếm căn cứ Nước

Trong, nhất là việc triển khai trận địa pháo ở Nhơn Trạch để bắn vào căn cứ không quân Tân Sơn Nhất đúng thời điểm đã định.

Qua tình hình diễn biến chiến sự, Bộ Tổng Tham mưu nhận xét: Hướng đông tuy địch chống cự ngoan cố, nhưng nhìn chung có nhiều thuận lợi. Hướng bắc và hướng tây bắc chậm hơn một chút. Hướng tây nam có thể tiến kịp các mũi khác. Hoạt động của quân ta trên đường số 4 đạt hiệu quả tốt, nếu phát triển mạnh hơn, sẽ tạo thêm điều kiện cho hướng bắc và tây bắc phát triển tiến công.

Tôi điện ngay cho anh Tấn: "Cho biết ngay dự kiến thời cơ phát triển về nội đô, cả trong trường hợp đến mục tiêu sớm hơn thời gian quy định. Khi có thời cơ cụ thể thuận lợi, bảo đảm chắc thắng thì tranh thủ phát triển: Nếu trận địa pháo 130mm đặt xong ở Nhơn Trạch và bắn được vào Tân Sơn Nhất thì Sài Gòn sẽ rúng động lớn".

Tôi ngày 28 tháng 4, các đài phương Tây đưa tin: Hồi 16 giờ 40 phút năm chiếc máy bay A.37 do Mỹ chế tạo đã giội bom xuống sân bay Tân Sơn Nhất ở độ cao 5.000 bộ. Một số máy bay của "không lực quân đội Sài Gòn" và của Hoa Kỳ bị phá hủy, trong đó có ba chiếc AC-119 và nhiều chiếc C-47. Trận ném bom đã thúc giục Mỹ phải "thực hiện tối đa" việc di tản nhân viên quân sự và dân sự của họ. Hồi 20 giờ cùng ngày, hai chiếc C-130, mỗi chiếc chở 180 người đã mạo hiểm cất cánh ngay trên đường băng vừa bị ném bom...

Sự kiện này nằm trong ý định của Bộ Tổng Tư lệnh trong việc dùng không quân chiến đấu trước và trong Chiến dịch giải phóng Sài Gòn, đã được trao đổi nhiều lần với các anh ở B2. Sang thượng tuần tháng 4, anh Lê Ngọc Hiền điện ra báo cáo: Ta thu được một số máy bay chiến đấu và đề nghị cho người vào nghiên cứu sử dụng. Ngay sau đó, lại nhận được tin Nguyễn Thành Trung, cơ sở binh vận của ta hoạt động bí mật trong hàng ngũ địch, sau khi ném bom dinh tổng thống ngụy, đã hạ

cánh an toàn xuống sân bay Phước Long. Bộ Tổng Tham mưu nhất trí đề đạt với Quân ủy Trung ương cần sử dụng số phi công được Mỹ đào tạo, huấn luyện các sĩ quan lái máy bay chiến đấu của ta sử dụng số máy bay vừa thu được tham gia chiến dịch, gây cho địch một bất ngờ lớn.

Anh Văn Tiến Dũng cũng điện ra đề nghị cho không quân ta dùng máy bay vừa thu được của địch ném bom vào sào huyệt quân ngụy ở Sài Gòn đúng vào ngày 28 tháng 4.

Tôi cầm máy trực tiếp báo cáo với đồng chí Bí thư thứ nhất. Anh Ba vui về đồng ý.

Bộ triệu tập ngay anh Lê Văn Tri - Tư lệnh Quân chủng Phòng không - Không quân lên "Nhà con rồng".

Tôi hỏi:

- Hiện đã thu được bao nhiêu máy bay A-37 có thể dùng được?
- Báo cáo: Ở Đà Nẵng có một chiếc, phi công ta đang dùng để học chuyển loại. Ở sân bay Phù Cát, ta thu được năm chiếc còn nguyên, nhưng chưa bay thử.
- Thế là tốt. Bộ Chính trị đã đồng ý cho không quân ta ném bom Sài Gòn. Giao nhiệm vụ cho đồng chí trực tiếp tổ chức thực hiện trận đánh này thắng lợi. Thời gian đúng vào ngày 28 tháng 4 như anh Dũng đã điện ra. Việc chọn thời cơ và mục tiêu cho máy bay tiến công sẽ do anh Dũng chỉ thị trực tiếp. Về cách đánh, sẽ do Bộ Tổng Tham mưu và Tiền phương Quân chủng Phòng không - Không quân quyết định.

Chiều ngày 26 tháng 4, anh Tri vào tới Phù Cát. Anh Hoàng Ngọc Diêu - Phó Tư lệnh Quân chủng cũng đã có mặt. Việc huấn luyện chuẩn bị người và máy bay được tiến hành rất khẩn trương. Chỉ trong mấy ngày, ta đã có một phi đội A-37 sẵn sàng hoạt động. 17 giờ ngày 28 tháng 4, Phi đội mang tên Quyết Thắng do Nguyễn Thành Trung chỉ huy đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, phá hủy 20 máy bay địch trên sân bay Tân Sơn Nhất.

Cuộc công kích bất ngờ của ta bằng máy bay của Mỹ đạt hiệu quả chiến đấu lớn, nhưng hiệu quả về tinh thần, tâm lý lại còn lớn hơn nhiều.

au hai ngày mở màn cuộc tổng công kích, tôi 28 tháng 4, Bộ Tổng Tham mưu tổng hợp và báo cáo tình hình chiến trường trọng điểm:

Bộ đội ta trên các hướng về cơ bản đã thực hiện được kế hoạch tiến công, bao vây cô lập Sài Gòn, chia cắt tuyến ngoài thành phố. Ta đã cắt đường số 15 (Sài Gòn - Vũng Tàu) và đường số 4 (Sài Gòn - đồng bằng sông Cửu Long), chiếm được một số mục

tiêu quan trọng như Trảng Bom, Long Thành, Đức Thành, thị xã Bà Rịa, làm chủ căn cứ Nước Trong. Các sân bay Biên Hòa và Tân Sơn Nhất bị tê liệt. Lực lượng vũ trang và nhân dân vùng ven Sài Gòn phối hợp với bộ đội chủ lực, tiến công và nổi dậy, giải phóng các căn cứ của địch ở xung quanh thành phố. Ở hướng đồng bằng sông Cửu Long, bộ đội Quân khu 8 và Quân khu 9 áp sát các thị xã Cần Thơ, Mỹ Tho, khống chế sân bay Bình Thủy...

Hệ thống chỉ huy của quân ngụy, từ Bộ Tổng Tham mưu đến các quân đoàn đều rối loạn. Trận Văn Hương phải từ chức để Dương Văn Minh lên thay. Nhiều nhân vật tai to mặt lớn trong ngụy quyền, ngụy quân đã chuồn

ra nước ngoài. Dương Văn Minh là con bài cuối cùng Mỹ - ngụy đưa ra dàn xếp với ta để hòng đạt tới "ngừng bắn".

Như vậy là qua hai ngày chiến đấu, tình hình diễn biến tốt. Ngày hôm sau, 29 tháng 4, bộ đội ta trên năm hướng có thể nổ súng tiến công vào nội thành Sài Gòn, theo đúng kế hoạch đã đề ra.

22 giờ dêm hôm áy, tôi điên gùi các anh Lê Dùc Tho và Pham Hùng: "... Chiến dịch đã bắt đầu thắng lợi giòn giã. Chúng tôi tất cả đều phấn khởi, gùi lòi chúc các anh khỏe và toàn thắng. Nhắc các cơ quan tham mưu, chính trị: Đi đòi với mệnh lệnh tác chiến, cần có chỉ thị cụ thể về nhiệm vụ, phạm vi quản lý thành phố của từng đơn vị, xúc tiến kế hoạch phát triển thắng lợi, tiêu diệt và làm tan rã quân địch ở đồng bằng sông Cửu Long. Có dự kiến điều chỉnh lực lượng sau khi miền Nam hoàn toàn giải phóng, nhất là những việc cần làm trước mùa mưa...".

22 giò 30 phút, tôi lại điên tiếp, gùi anh Tuấn, anh Tư Nguyễn, đồng điên anh Sáu, anh Bây: "... Chuyển lòi Bộ Chính trị và Bộ Tổng Tư lệnh gùi lòi chào quyết thắng đến toàn thể cán bộ và chiến sĩ, đảng viên và đoàn viên. Các đồng chí hãy anh dũng tiến lên giành thắng lợi cho chiến dịch lịch sử mang tên Bác Hồ vĩ đại".

Đêm ngày 28 tháng 4 năm 1975, một đêm thức trắng của cơ quan Tổng hành dinh. Các đồng chí trong Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương cũng không ai ngủ được. Những người nắm được kế hoạch cụ thể của cuộc tổng tiến công và nổi dậy đều cùng thức với chiến trường, đón giò "G" của trận tổng công kích vào Sài Gòn như đón phút giao thừa của lịch sử.

Sáng sớm hôm sau, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương họp tại sở chỉ huy.

Một tâm bản đồ Sài Gòn - Gia Định trải rộng trên bàn. Các đồng chí lãnh đạo ngồi và đứng xung quanh, theo dõi tình hình chiến sự đang diễn biến.

Cơ quan tham mưu chiến lược phát huy hết mọi năng lực của bộ máy chỉ huy, theo dõi sự phát triển của cuộc tổng công kích và nổi dậy từng phút, từng giờ. Anh Lê Hữu Đức kịp thời báo cáo những tin mới nhận được từ các nguồn khác nhau, không chậm hơn thực tiễn đang diễn ra ở chiến trường là mấy.

Các mũi tên đỏ được tô đậm thêm, kéo dài thêm, tiến về hướng nội đô. Những nét gạch chéo lần lượt đánh dấu các mục tiêu đã bị đánh chiếm. Hầu

như mỗi giờ, mỗi khắc đều có tin mới đưa về. Nhiều chức sắc ngụy quân, ngụy quyền bỏ chạy ra nước ngoài, gồm nghị sĩ, cựu thủ tướng, tổng tham mưu trưởng. Sài Gòn hỗn loạn. Quân dịch như rắn mất đầu. Các nhân viên quân sự và dân sự Mỹ tháo chạy bằng máy bay lên thẳng từ sân thượng một số nhà cao tầng trong cuộc hành quân Cơn lốc. Dương Văn Minh ra lệnh ngừng bắn, cử đại diện đến Trại Đa-vít ở Tân Sơn Nhất xin gặp phái đoàn ta trong Ban Liên hợp đình chiến để "thương lượng!".

Không khí phấn khởi, sôi nổi, hào hùng bao trùm cuộc họp. Vừa nghe báo cáo vừa trao đổi ý kiến. Mỗi tin tức là một sự kiện, một tình huống, cần được xử trí kịp thời.

10 giờ đồng chí Bí thư thứ nhất gửi một điện khẩn vào chiến trường:

"1. Các anh ra lệnh cho quân ta tiếp tục tiến công vào Sài Gòn theo kế hoạch, tiến quân với khí thế hùng mạnh nhất, giải phóng và chiếm lĩnh toàn bộ thành phố, tước vũ khí quân đội địch, giải tán chính quyền các cấp của địch, đập tan triệt để mọi sự chống cự của chúng.

1. Công bố đặt thành phố Sài Gòn - Gia Định dưới quyền của Ủy ban quân quân do Tướng Trần Văn Trà làm Chủ tịch... Ký tên: Ba".

Tin về dồn dập. Các cán bộ tác chiến, quân báo, thông tin, cơ yếu... quên nghỉ, quên ăn. Đang làm việc cách Sài Gòn gần 2.000 ki-lô-mét mà ai cũng thấy mình như đang ở ngay mặt trận, cùng đồng đội, đồng bào tiến công và nổi dậy, góp sức giành toàn thắng.

Tối ngày 29 tháng 4.

Tôi chủ trì buổi giao ban, nghe đồng chí Cục trưởng Cục Tác chiến báo cáo tổng hợp tình hình. Các cánh quân của ta trên năm hướng đã đồng loạt nổ súng, hiệp đồng chiến đấu, đánh chiếm các mục tiêu quan trọng chủ yếu, mở cửa thọc sâu vào trung tâm Sài Gòn.

Hướng tây bắc, Quân đoàn 3 tiêu diệt căn cứ Đồng Dù, bắt viên tư lệnh sư đoàn Lý Tòng Bá. Nhân dân vùng đất thép Củ Chi nổi dậy chiếm quận lỵ.

Ở hướng bắc, Quân đoàn 1 đánh chiếm thị trấn Tân Uyên, bao vây Phú Lộc và tiến xuống Lái Thiêu.

Hướng tây nam, Đoàn 232 chiếm thị xã Hậu Nghĩa, chi khu quân sự Đức Hòa, thị xã Tân An, thị trấn Bến Lức. Nhân dân vùng Hóc Môn, Bà Điểm và xã Phú Thọ Hòa nổi dậy.

Hướng đông, địch ngoan cố chống cự. Quân đoàn 4 tiến chậm. Quân đoàn 2 phát triển thuận lợi hơn. Đơn vị thọc sâu của Quân đoàn 2 đã vòng qua căn cứ Long Bình, đang phát triển theo xa lộ.

Ô ven đô, các lục lượng vũ trang địa phương và quần chúng nổi dậy, phối hợp với các binh đoàn chủ lục. Bộ đội phát triển đến đâu, vùng giải phóng mở rộng đến đó. Nhìn chung, địch đổi phó yếu ớt, tan rã nhanh, phần lớn rút chạy hoặc đầu hàng khi bị tiến công.

Theo kế hoạch, 5 giờ 30 phút sáng 30 tháng 4 năm 1975, các hướng đồng loạt đánh vào Sài Gòn.

Riêng cánh quân phía đông, anh Lê Trọng Tấn đề nghị cho nổ súng trước từ 18 giờ ngày 29 tháng 4. Lý do là các lực lượng ta còn cách vùng ven từ 15 đến 20 ki-lô-mét, phải vừa đánh địch vừa tiến quân, lại phải vượt sông Đồng Nai và sông Sài Gòn, nếu cùng nổ súng sẽ không đến kịp.

Điện của anh Tấn đến vào lúc nửa đêm. Cục Tác chiến đánh thức tôi dậy.

Nửa giờ sau, tôi và anh Lê Hữu Đức tới nhà anh Ba.

Sau khi anh Đức đọc bức điện, tôi đề nghị chuẩn y cho cánh quân phía đông đánh vào 18 giờ chiều ngày 29 tháng 4, sớm hơn giờ G mười hai tiếng.

Anh Ba đồng ý và nói:

- Đánh, đánh, đánh thôi anh ạ! Lúc này, cánh quân nào phát triển thắng lợi là tạo thắng lợi chung cho toàn chiến dịch.

Tôi hỏi:

- Điện ký tên anh chứ?
- Không! Anh là Tổng Tư lệnh, ký tên anh.

Một thoáng sau, anh Ba nói thêm:

- Ký thêm tên tôi cũng được, hoặc nói rõ đã trao đổi với anh Ba và anh Ba nhất trí.

Về tới Tổng hành dinh, tôi viết ngay điện trả lời anh Tấn, đồng điện cho anh Dũng. Bộ Tư lệnh Chiến dịch Hồ Chí Minh cũng đồng ý để cánh quân phía đông nổ súng sớm hơn kế hoạch.

Như vậy, trên thực tế từ 18 giờ ngày 29 tháng 4 năm 1975, trận tiến công Sài Gòn - Gia Định đã bắt đầu.

Trời đã về khuya. Cục Quân báo vừa nắm được tình hình địch mới nhất.

Anh Cao Văn Khánh điện gấp cho các chiến trường: "Có tin địch ra lệnh cho các tàu hải quân ở Cần Thơ, Đồng Tâm và Phú Quốc tập trung ở một địa điểm và một số tàu đổ bộ chuẩn bị đi sang đảo Gu-am. 78 máy bay của ngụy đã chuyển đến U-ta-pao... Theo dõi xem tàu hải quân có chỗ bộ binh theo không và có kế hoạch đánh cho kịp".

Lại một đêm nữa, cả Tổng hành dinh cùng thức với chiến trường, vì miền Nam, vì cả nước.

gày 30 tháng 4 năm 1975.

Gần ba mươi năm qua, mà ngày lịch sử ấy vẫn hiện lên đậm nét trong ký ức, như mới hôm nào.

"Nhà con rồng" hôm nay hình như rạng rỡ hơn trong gió xuân ấm áp. Ngôi nhà cũ, thềm sân rộng và cả bốn con rồng đá chầu ở bậc lên xuống như tươi tắn hơn mọi ngày. Những cây ngọc lan tán lá sum suê, tỏa hương thơm ngát.

Sớm hơn thường lệ, tôi ngồi vào bàn làm việc ở sở chỉ huy. Trên tấm bản đồ ở mặt bàn, các mũi tên đỏ đã tiến vào trung tâm thành phố. Tôi phác họa trong đầu một chương trình cho ngày hôm ấy, với bao nhiêu công việc phải làm: Hội ý Bộ Chính trị, nắm thêm phản ứng của Mỹ, dụ kiến các hoạt động quân sự, chính trị trong trường hợp chưa dứt điểm được ngay, chỉ đạo tác chiến và nổi dậy ở phần đất còn lại sau khi Sài Gòn giải phóng, điện động viên bộ đội, nhắc nhở chấp hành nghiêm các chính sách vào thành...

Bát giác, tôi nhớ lại ngày toàn thắng ở Điện Biên Phủ, ngày 7 tháng 5 năm 1954. Lẽ tất nhiên ở đây có rất nhiều điểm khác. Thế nhưng, cũng cái không khí phấn khởi, sôi nổi ở sở chỉ huy, cũng những giờ phút nao nức đón tin vui từ phía trước điện về, những suy nghĩ về công việc ở cuối và sau chiến dịch... Và nhất là cũng cái cảm giác lâng lâng khó tả, vừa khẩn trương, sôi nổi, vừa đàng hoàng, chủ động, vừa lo lắng chờ đợi, vừa vui sướng, tự hào, lúc này không còn là của riêng ai trong ngày toàn thắng của dân tộc.

Anh Ba, anh Trường Chinh, anh Đồng cũng đến đây sớm hơn thường lệ. Các anh khác trong Bộ Chính trị lần lượt đến sau, đông đủ. Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương họp theo dõi tình hình chiến trường Sài Gòn - Gia Định, thảo luận công việc và đón tin toàn thắng. Anh Cao Văn Khánh, trực ban ngày hôm ấy, túc trực tại phòng tác chiến chốc chốc lại sang báo cáo tình hình mới nhất. Các mặt tiến công của quân ta phát triển rất nhanh về hướng trung tâm thành phố. Mục tiêu cuối cùng của chiến dịch đã tới gần, chỉ còn tính từng giờ. Tin đến thường cắt ngang cuộc họp, đang phát biểu phải dừng lại giữa chừng, nhưng mọi người đều vui vẻ chấp nhận.

Anh Khánh báo cáo: Đại sứ Mỹ Mác-tin chuồn khỏi Sài Gòn lúc 4 giờ 15 phút sáng. Hy vọng của ông ta thỏa hiệp, đàm phán với "Việt cộng" tan vỡ như bọt xà phòng.

Binh đoàn thọc sâu của Quân đoàn 2 trong cánh quân phía đông của anh Lê Trọng Tấn đang vượt cầu xa lộ trên sông Đồng Nai, diệt ổ đề kháng của địch ở Thủ Đức, phía bắc cầu Rạch Chiếc. Trận địa pháo của ta ở Nhơn Trạch đã bắn hơn 300 viên đạn vào sân bay Tân Sơn Nhất. Các đơn vị đầu tiên đang tiến từ cầu Tân Cảng vào Sài Gòn. Quân đoàn 4 tiến về Hố Nai.

Dịch liều mạng chống giữ. Ta tiêu diệt Hó Nai, đang tiến công sở chỉ huy quân đoàn 3 ngụy, chuẩn bị tiến vào nội đô.

Sư đoàn 10 Quân đoàn 3 đang tiến vào ngã tư Bảy Hiền.

Quân đoàn 1 đánh vào Lai Khê, Phú Lộc, Lái Thiêu, đang tiến vào Gò Vấp; một cánh quân khác đánh địch từ cầu Bình Phước đến cầu Bình Triệu.

Đoàn 232 đang tiến về hướng biệt khu thủ đô và tổng nha cảnh sát ngụy.

Trên đường số 4, quân ta đã chiếm Thủ Thừa, thị xã Tân An.

Trung đoàn 1 và Trung đoàn 2 Gia Định áp sát bắc sân bay Tân Sơn Nhất mở hành lang vào ngã tư Bảy Hiền. Bộ đội đặc công chiếm giữ cầu Rạch Chiếc, cầu xa lộ Biên Hòa.

Lực lượng vũ trang Biên Hòa phối hợp với bộ đội chủ lực giải phóng Nhơn Trạch, Thành Tuy Hạ.

Ở vùng ven đô và nội đô, nhân dân nổi dậy phối hợp với bộ đội tiến công địch. Ở nhiều quận, nhiều phường, xóm, đồng bào vùng lên chiếm đốn bốt địch, trụ sở ngụy quyền. Cờ cách mạng đã tung bay ở phường Tây Nhì, quận Phú Nhuận từ trưa ngày 29 tháng 4.

Một cảnh tượng điển hình của chiến tranh nhân dân Việt Nam diễn ra hết sức hào hùng. Tiến công kết hợp với nổi dậy. Quân sự, chính trị, bình vận giáp công. Sức mạnh tổng hợp của cách mạng áp đảo ngụy quân, ngụy quyền đang tan rã.

Trên hướng đồng bằng sông Cửu Long, các lực lượng vũ trang ta đã ém sẵn quanh các mục tiêu quan trọng. Ở Bạc Liêu, quân ta đã vào thị xã. Ở Sóc Trăng, ta đang tiến công thị xã và sân bay.

Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương trao đổi về những công việc cấp thiết. Thay mặt Bộ Chính trị, tôi điện vào chiến trường: "... Ủy ban quân quân công bố ngay trên Đài phát thanh mệnh lệnh đầu tiên. Nội dung:

a) Quân giải phóng tiến vào để giải phóng thành phố Sài Gòn - Gia Định, hoàn thành công cuộc giải phóng miền Nam.

b) Quân đội ngụy quyền Sài Gòn phải lập tức hạ vũ khí đầu hàng.

c) Tuyên bố giải tán chính quyền các cấp.

d) Kêu gọi đồng bào đứng dậy, cùng Quân giải phóng đập tan mọi sự chống cự của địch, giữ gìn trật tự an ninh, bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân, hoàn thành công cuộc giải phóng hoàn toàn miền Nam Việt Nam thân yêu.

Y ưa theo dõi tin kỹ thuật của Cục 2, tôi vừa liên lạc bằng vô tuyến điện thoại tiếp sức với Bộ Tư lệnh Chiến dịch Hồ Chí Minh. Các cánh quân của ta đang tiến rất nhanh. Địch đang trong tình trạng vô cùng nguy khốn.

10 giờ sáng, đồng chí Nguyễn Thanh - Trưởng phòng 70 vào báo cáo tin vừa nhận được: Theo Đài phát thanh Nhật Bản, Quân giải phóng miền Nam có xe tăng dẫn đầu đang tiến vào Sài Gòn. Mấy phút sau, có tin thêm: Dương Văn Minh đề nghị ngừng bắn để thương lượng.

Mọi người cùng nói: "Chỉ có đầu hàng vô điều kiện. Còn gì đâu mà thương lượng!"

Tôi viết ngay một bức điện, lệnh cho các cánh quân tiếp tục tiến công. Nội dung bức điện được đọc lên, tất cả đều nhất trí. Cùng lúc đó, Bộ Tư lệnh Chiến dịch Hồ Chí Minh cũng điện cho các quân đoàn và Đoàn 232 không vì có tin ấy mà dừng lại.

10 giờ 50 phút, Cục 2 báo cáo quân ta đã vào dinh tổng thống ngụy.

Ngay sau đó, các đài phát thanh phương Tây cũng đưa tin này.

11 giờ 30 phút, đồng chí Nguyễn Duy Phê - Phó Cục trưởng Cục Cơ yếu mang vào phòng họp một bức điện của anh Lê Trọng Tấn báo cáo: Một đơn vị thuộc cánh quân phía đông đã cắm cờ lên dinh Độc Lập.

Mọi người vây quanh tấm bản đồ chiến sự. Tin từ các hướng tới tấp điện về. Năm cánh quân của ta hợp điểm giữa Sài Gòn. Quân đoàn 2 chiếm dinh tổng thống; Quân đoàn 4 chiếm bộ quốc phòng, cảng Bạch Đằng và đài phát thanh; Quân đoàn 1 chiếm bộ tổng tham mưu ngụy và khu vực các bộ tư lệnh các binh chủng; Quân đoàn 3 chiếm sân bay Tân Sơn Nhất; Đoàn 232 chiếm biệt khu thủ đô và tổng nha cảnh sát. Kế hoạch tác chiến Chiến dịch Hồ Chí Minh đã hoàn thành thắng lợi.

Trong không khí hân hoan, hội nghị sôi nổi trao đổi về những biện pháp cuối cùng. Tôi điện ngay vào chiến trường thông báo ý kiến của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương: "... Có thể dùng Dương Văn Minh để kêu gọi các đơn vị của địch hạ vũ khí, nhưng không phải với tư cách tổng thống mà chỉ với tư cách một người đã sang hàng ngũ nhân dân... Đã nhận được tin: lúc 11 giờ 30 phút ta đã cắm cờ trên dinh Độc Lập. Các đồng chí Bộ Chính trị rất vui, rất vui".

Bức điện gửi đi lúc 12 giờ 15 phút.

Hội nghị ngừng họp.

Các đồng chí lãnh đạo ra cả ngoài hành lang. Tiếng cười nói rộn ràng, vui vẻ. Phấn khởi, nghẹn ngào, xúc động đến trào nước mắt.

Anh Ba, các anh trong Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương, ai nấy đều nhớ đến Bác Hồ. Ước mơ nước nhà độc lập, thống nhất mà Bác hằng mong đã thành sự thật, nhưng Người đã đi xa! Đồng bào, chiến sĩ miền Nam không còn được đón Bác vào thăm mọi người, nghĩ đến biết bao đồng chí, đồng đội, đồng bào đã ngã xuống; không được thấy giờ phút khải hoàn. Ngay trong chiến dịch cuối cùng, bao nhiêu cán bộ, chiến sĩ đã vĩnh viễn ra đi trước ngày toàn thắng.

Tôi chỉ thị cho Cục Tuyên huấn thuộc Tổng cục Chính trị điện ngay cho Việt Nam Thông tấn xã và Đài Tiếng nói Việt Nam kịp thời truyền tin thắng lợi và chuẩn bị viết thông cáo chiến thắng. Chỉ mười lăm phút sau, đài đã ngừng buổi phát thanh thường lệ, phát đi phát lại những dòng tin phấn khởi mà muôn vạn con tim Việt Nam đón đợi: "Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng". Lần vào tiếng loa phóng thanh, tiếng reo hò, hoan hô chiến thắng vang dậy khắp phố phường.

12 giờ 50 phút.

Tại sở chỉ huy, có mặt Thiếu tướng Cao Văn Khánh - Phó Tổng tham mưu trưởng, Đại tá Lê Hữu Đức - Cục trưởng Cục Tác chiến, Đại tá Nguyễn Trọng Yên và Thượng tá Phạm Chí Nhân - Cục trưởng và Phó Cục trưởng Cục Tuyên huấn. Không ai chú ý đến nghỉ ngơi, cơm nước. Được sống trong giờ phút lịch sử của dân tộc, ai cũng muốn được ghi lại hình ảnh kỷ niệm vô giá này. Trước tấm bản đồ thành phố Sài

Gòn - Gia Định, mọi người đứng dậy, chăm chú nhìn theo hướng tay tôi chỉ. Thượng úy Nguyễn Tiến Trỗ - Cán bộ bảo vệ thường xuyên đi với tôi, nhà nhiếp ảnh nghiệp dư với chiếc máy ảnh hiệu Ki-ép, đã bấm liền ba kiểu ở góc độ thích hợp nhất.

uôi chiêu, Bô Chính trj và Quân üy Trung u'ong tiêp tuc hop. Mô dâu, hôi nghj nghe qua dây ghi am tiêng nói dâu hàng cüa Tong thong nguy Durong Van Minh: Tôi là Durong Van Minh, tong thong cüa chinh quyên Sai Gon. Tôi kêu goi bô vü khí dâu hàng vô dieu kien Quan giai phong, giai tan co câu chinh quyen tur Trung u'ong den dia phu'ong và giao quyen cho Chinh phü Cach mang lam thôi Cong hòa mien Nam Viet Nam.

Tiếp đó là đại biểu Quân giải phóng chấp nhận sự đầu hàng của Dương Văn Minh.

Hội nghị tiếp tục thảo luận về công việc sắp tới và nêu lên những vấn đề sẽ bàn trong cuộc họp Bộ Chính trị ngày 3 tháng 5, chuẩn bị Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp hội nghị toàn thể.

Gần cuối buổi họp, mọi người nghe đọc hai bức điện của các anh Lê Đức Thọ, Phạm Hùng, Văn Tiến Dũng vừa nhận được, trong đó các anh nói rõ: Dương Văn Minh đã đầu hàng, các cánh quân của ta tiếp tục phát triển theo kế hoạch. Ta kêu gọi quân địch nộp vũ khí. Các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long sôi sục nổi dậy, lật đổ ngụy quyền, lập chính quyền cách mạng...

Hội nghị nhất trí gửi ra phía trước bức điện khen: "... Bộ Chính trị Trung ương Đảng nhiệt liệt khen ngợi quân và dân Sài Gòn - Gia Định, khen ngợi toàn thể cán bộ và chiến sĩ, đảng viên và đoàn viên thuộc các đơn vị bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, bộ đội đặc biệt tinh nhuệ, dân quân tự vệ đã chiến đấu cực kỳ anh dũng, lập chiến công chói lọi, tiêu diệt và làm tan rã lực lượng lớn quân địch, buộc ngụy quyền Sài Gòn phải đầu hàng không điều kiện, giải phóng thành phố Sài Gòn - Gia Định, đưa chiến dịch mang tên Bác Hồ vĩ đại đến toàn thắng.

Toàn thế các đồng chí hãy nêu cao tinh thần quyết thắng, cùng đồng bào tiếp tục tiến công và nổi dậy, giải phóng hoàn toàn miền Nam thân yêu của Tổ quốc"1.

Các anh trong Bộ Chính trị ra về. Các đồng chí trong Thường trực Quân ủy ngồi lại trao đổi, chuẩn bị cho cuộc họp của Quân ủy Trung ương dự định tiến hành vào ngày 2 tháng 5. Tôi nhắc thêm một số công tác cần chú ý làm thật tốt, nhất là việc quản lý vùng mới giải phóng, đặc biệt các thành phố lớn, vừa xây dựng chính quyền cách mạng vừa truy quét tàn binh, bắt giữ bọn phản động đầu số, giữ vững trật tự trị an, bảo vệ tài sản, tính mạng của dân và tài sản công cộng, ổn định đời sống.

Mỗi cán bộ, chiến sĩ phải là một cán bộ dân vận, biết phát động nhân dân cùng với bộ đội và các lực lượng cách mạng làm chủ địa bàn... Tôi cũng lưu ý Bộ Tổng Tham mưu giải quyết số quân địch ở đồng bằng sông Cửu Long và các đảo Côn Sơn, Phú Quốc, đón anh chị em tù chính trị trở về. Việc xây dựng và điều chỉnh lực lượng trong điều kiện đất nước thống nhất và số lượng rất lớn trang bị kỹ thuật của địch vừa thu được cũng phải khẩn trương nghiên cứu để xuất với Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương.

Mặt trời đã khuất bóng sau rặng cây xà cừ trên đường Hoàng Diệu. Hà Nội đã lên đèn.

Còn lại một mình trong phòng làm việc với niềm vui náo nức, mà sao nước mắt tôi cứ trào ra.

"Giá như còn Bác..."

Tư tưởng cách mạng và tư tưởng quân sự của Bác đã mang về thắng lợi trọn vẹn cho sự nghiệp giải phóng dân tộc. Câu thơ xuân "Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào" đã vạch đường đi nước bước để có thắng lợi hôm nay.

Tôi lên xe đi một vòng quanh Hà Nội. Cả một rừng cỏ hoa dậy lên tự lúc nào. Người đi chật phố, chật đường, vui như trẩy hội. Đêm nay, Thủ đô đốt pháo hoa mừng toàn thắng. Đêm nay, Hà Nội, cả nước vui với Sài Gòn, vui với miền Nam.

rô lai cüa tây, tôi vào sô chi huy tiep tuc lam viec. Hinh anh cac anh lanh dao, chi huy bo doi ô chien truong luc nay hien ve ro net. Chac cac anh da nhieu dem khong ngu. Chac cac anh cung han hoan, xuc dong nhu chung toi ô ngoai nay. Duti su chi huy cua cac anh, quan ta da "tien vào Sai Gon" ca vang cau hat: "Dong bao or, ta da ve day" cua nhac si Lutn Hiu Phuoc, nhu ngay nao bo doi ta tur nam cua ô tien ve giai phong Thu do Ha Noi, ca vang bai hat cua nhac si Van Cao.

Trong điên gửi anh Văn Tiến Dũng và các đồng chí trong Bộ Tư lệnh Chiến dịch Hồ Chí Minh, thay mặt Quân ủy Trung ương, tôi tuyên dương công trạng các lực lượng vũ trang ta đã cùng đồng bào tiến hành tổng tiến công và nổi dậy, giải phóng Sài Gòn - Gia Định, giành thắng lợi vang dội, làm nức lòng quân và dân cả nước và bè bạn năm châu.

Một khuôn mặt trìu mến, thân quen chợt hiện lên trong tôi: Trung tướng Lê Trọng Tấn, người chỉ huy cánh quân đầu tiên tiến vào dinh tổng thống ngụy quyền. Tôi viết ngay một bức điện vượt ra ngoài khuôn phép thông thường về quân sự: "18 giờ 30 phút. Anh Tấn ơi! Làm ăn tốt quá! Phấn khởi quá! Chúc các anh rất khỏe và chuyển lời mừng chiến thắng của mình cho các tướng trong đó. Ký tên: Văn".

Sau này được biết: Khi nghe báo cáo quân ta đã chiếm dinh Độc Lập, Dương Văn Minh phải tuyên bố đầu hàng, cả Sở chỉ huy Chiến dịch Hồ Chí Minh reo mừng trong niềm vui chiến thắng. Không còn là chuyện bất ngờ mà ai nấy đều giàn giụa nước mắt, siết chặt tay nhau, phấn khởi, tự hào.

Các anh Lê Đức Thọ, Phạm Hùng, Văn Tiến Dũng xúc động ôm hôn mọi người. Anh Đinh Đức Thiện, vui tính là thế, mà giờ lại là người khóc ra tiếng

to nhất. Anh Trần Văn Trà, đôi mắt đỏ hoe, nghẹn ngào sung sướng. Riêng anh Phạm Hùng, mở phanh chiếc áo bà ba, vừa cười to, vừa bình luận sảng khoái, vừa ra lệnh chuẩn bị tiếp quản Sài Gòn.

Ngày Quốc tế Lao động mang thêm ý nghĩa ngày chiến thắng: Tình giai cấp hòa quyện trong tình dân tộc, làm nổi bật một nét đẹp trong tư tưởng cách mạng của Bác Hồ.

Tại sở chỉ huy, Bộ Tổng Tham mưu báo cáo tình hình đồng bằng sông Cửu Long và các đảo còn lại. Khi biết tin Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng, ở phần lớn các tỉnh, lực lượng vũ trang ta đã kết hợp với quần chúng nổi dậy, số lượng có nơi ước tới hàng vạn người như ở Trà Vinh, Sóc Trăng, Cà Mau... tiến công mạnh vào ngụy quân, ngụy quyền ở cơ sở, buộc chúng phải đầu hàng. Ở Cần Thơ, đêm ngày 29 tháng 4, Sư đoàn 4 tiến công hai sân bay Bình Thủy và Trà Nóc, Tiểu đoàn Tây Đô, Tiểu đoàn 303 kết hợp tác chiến với binh vận tiến công sở chỉ huy địch trong thành phố. Nguyễn Khoa Nam - tư lệnh vùng 4 chiến thuật tự sát. Chiều ngày 30 tháng 4, tỉnh Cần Thơ được giải phóng.

Ở Vĩnh Long, Trà Vinh, mặc dù bị quân và dân ta tiến công, uy hiếp, đêm 29 và sáng ngày 30 tháng 4, một bộ phận quân địch ở đây còn chống trả quyết liệt. Đến 17 giờ chiều ngày 30 tháng 4, tỉnh trưởng Vĩnh Long và sư đoàn trưởng sư đoàn 9 ngụy phải đầu hàng. Với hai tiểu đoàn và lực lượng quần chúng có các sư sãi tham gia rất đông đảo, ta đã giải phóng Trà Vinh trong ngày 30 tháng 4.

Sau khi chiếm được các thành phố, thị xã quan trọng, ta đã kịp thời đưa lực lượng tiến sâu vào các vùng đồng bào các tôn giáo như Long Xuyên, Châu Đốc, Sa Đéc, bức hàng nhiều đồn bốt địch. Ở các vùng nông thôn Nam Bộ, hàng trăm chi khu, phân chi khu quân sự, hàng nghìn đồn bốt của địch tan rã, đầu hàng trước làn sóng tiến công và nổi dậy của quân dân các địa phương... Cả vùng châu thổ sông Tiền, sông Hậu được giải phóng.

Tại Côn Sơn, ngày 30 tháng 4 và ngày 1 tháng 5 năm 1975, những người chiến sĩ cách mạng bị địch giam cầm ở đây đã nổi dậy phá nhà lao, giải phóng đảo.

Các lực lượng tại chỗ ở Phú Quốc kết hợp với anh chị em tù chính trị trong các trại giam tiến công và nổi dậy giải phóng đảo trước khi lực lượng ta từ đất liền ra tới nơi. Cho đến ngày 2 tháng 5 năm 1975, trên toàn miền Nam đã sạch bóng quân thù.

Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy, trận quyết chiến chiến lược cuối cùng của quân và dân ta toàn thắng.

Qai thang mua Xuân nam 1975 là két qua ruc ro cua viec thuc hien ba don chien luoc giai phong Tay Nguyen, Hue, Da Nang va Sai Gon - Gia Dinh, ket hop voi cac mui tien cong quan su, chinh tri, binh van soi noi cua quan va dan mien Nam ngay tur dau va trong ca qua trinh tong tien cong va noi day. Con phai ke den hai mui tien cong ngoai ke hoach: Do la su hinh thanh va chien dau dung manh, than toc cua canh quan phia dong, thuc day tinh hinh chien truong phat trien mau le, kip thoi tang cuong luc luong cho traj chien dau quyet djnh diet djch o sao huyet cuoi cung. Do la mui tien cong sac ben tren vung lanh hai, nhanh chong giai phong quan dao Truong Sa va cac dao ven bien hoan thanh tron ven nhiem vu giai phong mien Nam. O day, cac don tien cong quan su manh mang y nghia quyet djnh. Cac cuoc noi day cua nhan dan soi noi, rong khap, muon hinh muon ve la don chien luoc het suc loi hai, tien cong djch khap noi, lam cho thang loi den nhanh.

Một sự trùng hợp lịch sử thú vị đã diễn ra: Hai cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc trong thế kỷ XX cùng kết thúc bằng cuộc chiến đấu 55 ngày đêm. Nếu như ở Điện Biên Phủ, 55 ngày đêm là thời gian cần thiết cho một trận tiến công dài ngày vào một tập đoàn cứ điểm kiên cố theo phương châm "đánh chắc tiến chắc", thì 55 ngày đêm tổng tiến công và nổi dậy ở miền Nam lại là bước kết thúc chiến tranh không ngừng rút ngắn, khẩn trương, "thần tốc", nhanh đến không ngờ! Dù ngắn hay dài, thời gian vẫn là lực lượng. Chiều ngày 1 tháng 5, tôi tranh thủ thăm Cục Tác chiến, cơ quan trực tiếp phục vụ chỉ huy quân sự, trong không khí tưng bừng, phấn khởi. Hầu như tất cả mọi người trong cơ quan đều có mặt. Một tràng pháo dài nổ vang chào mừng tin toàn thắng. Tôi hỏi thăm anh Hoàng Văn Thái, vì bận không đến dự, ôm hôn anh Cao Văn Khánh, các cán bộ tham mưu, các nhân viên mật mã, đánh máy, thông tin... Tôi nói: Qua 30 năm lãnh đạo, chỉ huy quân đội, lần này tôi thấy công tác tham mưu có tiến bộ vượt bậc. Từ kế hoạch tác chiến đến nắm địch, nắm ta, truyền đạt mệnh lệnh... đều chính

xác, kịp thời. Xin cảm ơn tất cả các đồng chí. Tiếp đó, tôi sang thăm Cục Tuyên huấn, cơ quan giúp Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng Tư lệnh trong công tác lãnh đạo, động viên, giáo dục tư tưởng cho bộ đội và tuyên truyền, báo chí. Anh Lê Quang Đạo, thay mặt Tổng cục Chính trị và toàn cơ quan tuyên huấn đón tiếp rất

nồng nhiệt. Ở đây, sau khi khen ngợi những kết quả thu được trên mặt trận tư tưởng và dư luận, tôi nhắc lại tinh thần lời dạy của Bác Hồ: Thắng lợi tuy lớn nhưng mới chỉ là một bước trên con đường vạn dặm của cách mạng, tuyệt đối không được tự mãn, chủ quan.

Vì thời gian có hạn, tôi chỉ thăm được hai cơ quan giúp việc thường xuyên cho Bộ Tổng Tư lệnh và Quân ủy Trung ương. Công việc chuẩn bị cho cuộc họp Quân ủy Trung ương và cuộc họp của Bộ Chính trị trong các ngày tiếp theo không cho phép đi nhiều. Trong thâm tâm, tôi muốn đến thăm tất cả các cơ quan Tổng hành dinh, vì trong chiến công tập thể vĩ đại này, tổ chức nào, cá nhân nào cũng có phần đóng góp. Tôi muốn ôm tất cả các đồng chí vào lòng.

M ấy ngày sau, tôi cùng anh Ba vào thăm miền Nam hoàn toàn giải M phóng. Quên sao được niềm vui mừng phấn khởi khi đặt chân trở lại trên thành phố mang tên Bác, xúc cảm trước cảnh hân hoan mừng chiến thắng của đồng bào, đồng chí trên phố phường còn nguyên vẹn, tưởng như được đón Bác trở về từ nơi Người đã ra đi.

Chúng tôi về thăm các cơ sở cách mạng ở Sài Gòn, Biên Hòa, Cần Thơ, Rạch Giá..., những chiếc nôi đã nuôi dưỡng, chở che cho bao cán bộ kiên trung đi làm cách mạng không hẹn có ngày về. Vui mừng, xúc động, anh Ba giới thiệu các ba, các má đã nuôi anh những ngày hoạt động bí mật trong lòng địch. Trước cảnh cũ người xưa, tôi bồi hồi nhớ lại những lần vào miền Nam thực hiện các nhiệm vụ cách mạng được giao. Năm 1929, với tư cách phái viên của Tổng bộ Tân Việt và nhóm cộng sản trong Tân Việt, tôi đến Sài Gòn với nhiệm vụ chuyển Kỳ bộ Tân Việt sang hàng ngũ cộng sản. Sau đó, năm 1935, tôi lại vào gặp nhóm đảng viên hoạt động nửa công khai, nhận tài liệu của Đông Dương Đại hội mang ra Hà Nội. Tìm đến các cơ sở cũ thì hầu hết đã không còn nữa. Nhiều ân nhân của cách mạng không còn được thấy ngày khải hoàn của dân tộc.

Tiếp đó, tôi đến thăm các binh đoàn chủ lực, các đơn vị đặc công, biệt động, các đơn vị bộ đội địa phương. Những "Anh Bộ đội Cụ Hồ" vừa làm nên

kỳ tích, nhưng hết sức giản dị, thân tình. Tôi khen ngợi chiến công của cán bộ, chiến sĩ, lòng bùi ngùi thương tiếc bao đồng chí, đồng đội vừa ngã xuống để Tổ quốc trường tồn.

Tôi cũng đã đến quan sát bộ tổng tham mưu quân đội ngụy. Tại phòng làm việc của tổng tham mưu trưởng, tôi chú ý đến tờ lịch ngày 28 tháng 4 còn bóc dỡ. Trong phòng triển lãm vũ khí, nhiều loại vũ khí, trang bị hiện đại đều được trưng bày. Trên một tấm bản đồ Đông Dương chi chít những dấu chấm xanh, đỏ, đánh dấu những nơi mà vũ khí, trang bị điện tử phát hiện các căn cứ của ta, nhất là trên

đường vận chuyển chiến lược Trường Sơn. Cảm tưởng sâu sắc nhất của tôi là: Vũ khí kỹ thuật Mỹ dù hiện đại đến đâu cũng không thể cứu kẻ thù khỏi thất bại. Quyết định thắng lợi là con người Việt Nam yêu nước, dũng cảm, thông minh.

Chương mười ĐỐI DÒNG SUY NGẮM

Ôi muốn dành những trang cuối của tập hồi ức này để suy ngẫm về cuộc trưởng chinh ba mươi năm giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta dưới ngọn cờ về vang của Đảng. Càng nhìn sâu về quá khứ càng thấy rõ tương lai.

Ngày toàn thắng 30 tháng 4 năm 1975 đã đi vào lịch sử.

Trong quá trình cách mạng Việt Nam từ khi có Đảng, ba "cái mốc chói lọi bằng vàng": Tổng khởi nghĩa Tháng Tám, Điện Biên Phủ và mùa Xuân năm 1975 đại thắng mãi mãi sáng ngời trong sử sách. Nhân dân Việt Nam đã làm nên câu chuyện thần kỳ tưởng chừng như không thể làm được giữa thế kỷ XX. Lần đầu tiên trong lịch sử, một dân tộc vốn là thuộc địa, nữa phong kiến, kinh tế kém phát triển, đánh thắng những cường quốc đế quốc chủ nghĩa chủ yếu bằng sức của chính mình, nêu một tấm gương anh dũng, bất khuất, trí tuệ, tài năng trước toàn thế giới.

Thiên anh hùng ca thắng Pháp, thắng Mỹ vang vọng mãi trên non sông đất nước ta, trên khắp các châu lục.

Vinh quang đời đời thuộc về nhân dân Việt Nam anh hùng, thuộc về Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh, bộ tham mưu cách mạng dũng cảm, sáng suốt, dạn dày kinh nghiệm đã lãnh đạo chiến tranh đến ngày toàn thắng.

Tổ quốc Việt Nam ghi công các anh hùng liệt sĩ, những người con yêu quý xả thân vì dân, vì nước, "Quyết tử để Tổ quốc quyết sinh".

Lịch sử ghi nhận công đầu thuộc về Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, người Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà chiến lược thiên tài, nhà văn hóa kiệt xuất, người Cha thân yêu của các lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam.

Thắng lợi của nhân dân ta cũng là thắng lợi của nhân dân các nước anh em, của loài người tiến bộ trên toàn thế giới đã nhiệt tình ủng hộ, hết lòng giúp đỡ cuộc chiến đấu chính nghĩa của Việt Nam chống chiến tranh xâm lược của chủ nghĩa đế quốc.

Từ chiến thắng vĩ đại mùa Xuân năm 1975 đến nay, gần ba mươi năm đã trôi qua. Nhân loại đã bước vào thế kỷ XXI và thiên niên kỷ mới. Ở vào thời điểm quan trọng này, cần nhìn lại quá khứ hào hùng của dân tộc với nền văn hiến Việt Nam và những võ công oanh liệt, ôn lại chặng đường chiến đấu ba mươi năm dưới sự lãnh

đạo đúng đắn, sáng tạo của Đảng và của Bác Hồ để rút ra những bài học dựng nước và giữ nước cho ngày nay và mai sau.

Một câu hỏi lâu nay không ít người đã đặt ra: Vì đâu nhân dân Việt Nam, từ không một tắc sắt trong tay, vùng lên bẻ gãy gông xiềng nô lệ, lại đánh thắng "hai đế quốc to" trong một cuộc chiến tranh không cản sức, giành lại non sông đất nước, tiến lên giải phóng xã hội, giải phóng con người?

Sẽ không tìm được câu trả lời cho câu hỏi này nếu không nhìn sâu vào chiều dày lịch sử xa xưa, vào nền văn hóa dân tộc, vào truyền thống và di sản quân sự của tổ tiên, vào đường lối cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Thật vậy, một sự kiện hiếm thấy trong lịch sử thế giới là các bộ tộc người Việt cổ sinh sống trên mảnh đất này đã sớm có một triết lý sống, hình thành và phát triển một nền văn hóa dân tộc mà hạt nhân là chủ nghĩa yêu nước, tinh thần đấu tranh bất khuất để làm chủ thiên nhiên, làm chủ xã hội, cố kết với nhau, tương thân tương ái, vừa dũng cảm vừa thông minh. Chính nhờ sức mạnh khôn lường của nền văn hóa ấy mà dưới ách đô hộ hơn một nghìn năm của phong kiến phương Bắc, dân tộc ta không hề bị đồng hóa và cuối cùng đã vùng lên giành lại nền độc lập. Cho đến khi vị tổ Trung hưng đầu tiên là Anh hùng dân tộc Ngô Quyền đánh thắng quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng, thì kỷ nguyên một nghìn năm độc lập tự chủ đã được mở ra, chỉ gián đoạn bằng 20 năm đô hộ của quân Minh. Suốt trong một nghìn năm ấy, dân tộc ta dưới triều đại của các vị vua yêu nước đã đánh thắng mọi kẻ địch xâm lược lớn mạnh hơn nhiều lần, từ Tống, Nguyên đến Minh, Thanh. Đặc biệt trong thế kỷ XIII, dân tộc ta đã ba lần đánh thắng quân Mông - Nguyên - là đội quân xâm lược khét tiếng đã từng chinh phục nhiều dân tộc từ Âu sang Á, đã chiếm lĩnh cả lục địa Trung Hoa. "Nam quốc sơn hà Nam đế cư". Hễ kẻ thù dụng đến nước ta thì "vua tôi đồng lòng, anh em hòa mục, cả nước chung sức, trăm họ là binh", giữ vững quê hương, bảo vệ xã tắc. Từ Hịch tướng sĩ đến Bình Ngô đại cáo, một học thuyết quân sự Việt Nam đã hình thành và phát triển: "Lấy đại nghĩa thắng hung tàn, lấy chỉ nhân thay cường bạo", "lấy ít địch nhiều", "lấy nhỏ thắng lớn". Học thuyết ấy đã biết vận dụng phép biện chứng đối yếu thành mạnh, kết hợp lực, thế,

thời, mưu, cuối cùng đạt tới nguyện vọng sâu xa là giành lại và giữ vững chủ quyền dân tộc với những tư tưởng vượt thời đại: "Dập tắt muôn đời chiến tranh", "đem lại thái bình muôn thuở".

Đến đây, một câu hỏi mới lại được đặt ra: Vậy thì vì sao một dân tộc anh hùng như dân tộc Việt Nam lại phải sống kiếp ngựa trâu hơn một trăm năm dưới ách thống trị của thực dân để quốc phương Tây?

Rõ ràng là có không ít nguyên nhân đưa đến một thời kỳ đen tối trong lịch sử đất nước, trong đó phải kể đến các chính sách sai lầm đi ngược lại lợi ích dân tộc của triều đình nhà Nguyễn. Nhưng suy cho cùng, nguyên nhân chủ yếu là sự khủng hoảng về đường lối vào thời điểm mà tương quan lực lượng giữa ta và địch đã có những thay đổi cơ bản: Nước ta đang ở phương thức sản xuất phong kiến, kinh tế nông nghiệp lạc hậu, quân đội trang bị thô sơ, còn kẻ địch là một nước đã đi vào phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa với nền công nghiệp hiện đại và quân đội được trang bị hiện đại. Trước thực tiễn mới của cuộc đấu tranh, những người yêu nước Việt Nam hồi bấy giờ chưa tìm được kế sách cứu nước. Các phong trào yêu nước từ Nguyễn Trung Trực đến Hoàng Hoa Thám, từ Cần Vương đến Đông Kinh Nghĩa Thục, từ Đông Du đến Duy Tân đều bế tắc, không tìm ra lối thoát. Chính vì thế mà tinh thần anh dũng có thừa, nhưng các phong trào khởi nghĩa và nổi dậy từ Nam chí Bắc đều bị đàn áp dã man: Các lãnh tụ yêu nước chỉ "thành nhân" mà sự nghiệp cứu nước chưa "thành công" được.

Cho đến năm 1911, người thanh niên Nguyễn Tất Thành quyết chí ra đi tìm đường cứu nước. Mang trong mình hành trang tư tưởng truyền thống yêu nước và tinh thần đấu tranh bất khuất của dân tộc Việt Nam cùng với tinh hoa văn hóa phương Đông, Người đi khắp bốn biển năm châu với chí lớn giải phóng những "người cùng khổ". Năm 1920, Nguyễn Ái Quốc - nhà yêu nước vĩ đại đã đến với chủ nghĩa Lê-nin và Quốc tế thứ ba, tìm ra con đường cứu nước: Con đường cách mạng vô sản, và trở thành người Cộng sản Việt Nam đầu tiên. Từ đó dân tộc đã gắn liền với giai cấp, quốc gia gắn với quốc tế, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Từ chủ nghĩa Mác - Lê-nin, Nguyễn Ái Quốc tiếp thu thế giới quan và nhân sinh quan cách mạng, tiếp thu và phát triển phương pháp luận Mác - Lê-nin, phương pháp duy vật lịch sử và duy vật biện chứng.

Với mục tiêu cách mạng mới, cuộc đấu tranh yêu nước không những mang lại độc lập, thống nhất cho Tổ quốc mà còn mang lại tự do và hạnh phúc cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động, cho toàn dân. Cuộc chiến

tranh giải phóng đã trở thành cuộc chiến tranh toàn dân, một cuộc chiến tranh chính nghĩa "vì dân và do dân" có sức mạnh vô cùng to lớn quật ngã mọi kẻ thù. Với "Chánh cương vẫn tắt", "Sách lược vẫn tắt" và "Lời kêu gọi nhân ngày thành lập Đảng", đường lối cứu nước phải là "Đường kách mệnh", Đảng tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam. Trải qua những năm tháng đấu tranh, đường lối cách mạng đã được hoàn chỉnh vào năm 1941, khi Đảng đặt vấn đề giải phóng dân tộc lên trên hết, đoàn kết mọi lực lượng yêu nước trong Mặt trận Việt Minh, phát động vũ trang khởi nghĩa, đưa Cách mạng Tháng Tám đến thắng lợi.

Trên cơ sở đường lối cách mạng của Đảng, học thuyết quân sự Việt Nam đã phát triển vượt bậc, giải quyết thành công trong điều kiện của thời đại mới vấn đề cốt lõi như một nghịch lý: "Lấy nhỏ thắng lớn", "lấy yếu thắng mạnh", "lấy ít địch nhiều". Học thuyết quân sự Việt Nam luôn nắm vững mục tiêu cách mạng, chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, xuất phát từ thực tiễn, phân tích tình hình thực tiễn, tìm ra quy luật và hành động theo quy luật, đánh thắng mọi kẻ địch hung bạo. Học thuyết ấy luôn theo dõi diễn biến mau lẹ và so sánh lực lượng giữa địch và ta trên chiến trường, tìm ra và tạo thời cơ có lợi nhất cho ta, tạo thế mạnh của ta, khoét sâu thế yếu của địch, tập trung lực lượng tiêu diệt địch. Khi tình hình thay đổi thì kịp thời thay đổi quyết sách về chiến lược, chiến thuật, tích cực, chủ động, cơ động, linh hoạt, bí mật, bất ngờ, giành được thắng lợi lớn nhất, thường là trong những điều kiện khó khăn nhất.

Phát huy đến mức cao nhất tinh thần "quyết chiến quyết thắng", "Không có gì quý hơn độc lập, tự do", khởi dậy nghị lực sáng tạo và tài thao lược của mỗi người và của toàn dân tộc, phát triển đến đỉnh cao trí tuệ Việt Nam, quân và dân ta đã làm nên những chiến công hiển hách tưởng chừng như huyền thoại.

Kiên định mục tiêu cách mạng, vận dụng thế giới quan, quan điểm thực tiễn, phương pháp luận Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh là bài học mang tính cách mạng và khoa học, có ý nghĩa to lớn của học thuyết quân sự Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh. Làm đúng theo bài học đó thì thành công. Không làm theo bài học đó thì sai lầm, thất bại.

Còn nhớ những ngày đầu tháng 8 năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh thấy rõ thời cơ lớn đã đến. Người quyết định nhất thiết phải họp Quốc dân Đại hội vào trung tuần tháng 8, dù các đại biểu chưa về đủ. Ngày 13 tháng 8 năm 1945, Trung ương Đảng ra lệnh Tổng khối nghĩa, đưa Cách mạng

Tháng Tám đến thành công ở Thủ đô Hà Nội và trong cả nước chỉ trong vòng một tuần lễ. Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời.

Trải qua chín năm kháng chiến lâu dài, gian khổ chống thực dân Pháp xâm lược, tại Mặt trận Điện Biên Phủ, khi thực tiễn chiến trường thay đổi, chúng ta đã hạ quyết tâm chuyển từ phương châm "đánh nhanh, giải quyết nhanh nhanh" sang phương châm "đánh chắc tiến chắc". Từ kế hoạch tiêu diệt địch trong ba đêm hai ngày sang kế hoạch chiến đấu liên tục trong 55 ngày đêm.

Quyết tâm thay đổi phương châm ấy đã được Bác Hồ và Bộ Chính trị phê chuẩn. Cuối cùng, quân và dân ta đã tiêu diệt tập đoàn cứ điểm mạnh nhất của đế quốc

Pháp được Mỹ giúp sức, một pháo đài mà Pháp và Mỹ đều cho là "bất khả xâm phạm".

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước kéo dài 21 năm trời, cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 là một điển hình thành công của học thuyết quân sự Việt Nam. Theo dõi sự phát triển cực kỳ mau lẹ của tình hình địch, ta trên chiến trường Bộ Thống soái tối cao đã có những quyết định kịp thời khi thời cơ mới xuất hiện, chuyển kế hoạch cơ bản giải phóng miền Nam từ hai đến ba năm lúc đầu sang kế hoạch thời cơ, rút xuống một năm rồi quyết định kết thúc trước mùa mưa chỉ trong vòng chưa đầy hai tháng, giành được thắng lợi hoàn toàn và trọn vẹn.

Độc lập và tự chủ, thông minh và sáng tạo, đó là nét nổi bật của học thuyết quân sự Việt Nam.

Trong lịch sử ông cha ta đánh giặc, nhất là từ thời Lý, Trần về sau, các bậc tiền nhân đọc nhiều sách của các nhà chiến lược quân sự Trung Hoa cổ, nhưng không phải lúc nào cũng chủ trương "đánh mau giải quyết mau" hoặc phải có lực lượng gấp địch mười lần mới tiến công. Trong những năm kháng chiến vừa qua, các tướng lĩnh Việt Nam tiếp thu tinh hoa quân sự thế giới, nhưng đánh thì theo cách đánh Việt Nam. Chính vì thế mà chúng ta đã thắng.

Năm 1971, tôi sang Liên Xô khẳng định quyết tâm đánh Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn và đề nghị bạn có sự giúp đỡ đặc biệt. Tại cuộc họp với các đồng chí trong Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Liên Xô, đồng chí Cô-xư-ghin hỏi: "Tôi xin hỏi đồng chí Giáp. Đồng chí nói Việt Nam đánh thắng Mỹ. Tôi muốn biết các đồng chí có bao nhiêu sự đoàn bộ binh cơ giới và Mỹ có bao nhiêu? Xe tăng, pháo hạng nặng, máy bay chiến đấu..., các đồng chí có bao nhiêu và Mỹ có bao nhiêu? Khả năng về phòng không, về tên lửa, về thông tin, ra-đa của các đồng chí như thế nào? Xin đồng chí nói qua cho tôi biết". Tôi trả lời: "Tôi hiểu câu hỏi của đồng chí. Đồng chí muốn biết về vấn đề so sánh lực

lượng giữa chúng tôi với Mỹ. Theo học thuyết quân sự Xô-viết là như vậy. Học thuyết quân sự Xô-viết là hết sức ưu việt, đã chiến thắng phát xít Đức. Điều đó rất rõ ràng. Nhưng, tôi xin nói nếu chúng tôi đánh theo cách đánh của các đồng chí thì chúng tôi không đứng nổi được hai tiếng đồng hồ. Chúng tôi đánh theo cách đánh khác, cách đánh của Việt Nam và chúng tôi sẽ thắng". Sau ngày toàn thắng, có dịp trở lại Liên Xô, gặp lại đồng chí Cô-xư-ghin, tôi cảm ơn Liên Xô đã nhiệt tình giúp đỡ Việt Nam đánh Mỹ. Đồng chí vui vẻ nói: "Việt Nam thắng to quá, như thế tốt quá! Xin chúc mừng các đồng chí!"

Một vấn đề có tính quy luật của chiến tranh nhân dân Việt Nam là: Toàn dân đánh giặc. Cả nước đánh Pháp, đánh Mỹ, không phân biệt tiền tuyến, hậu phương. Ý chí thống nhất Tổ quốc là thế và lực mạnh trong chiến tranh. Nước Việt Nam là một. Dân tộc Việt Nam là một. Chiến trường Việt Nam là một. Cả dân tộc kết thành một khối trong tình đồng bào cùng chung giống nòi Hồng Lạc, không thể cắt chia. Thù nhà nợ nước là chung của cả dân tộc. Cả nước vùng lên đập tan xích xiềng, làm nên Cách mạng Tháng Tám. Giặc Pháp quay lại xâm lược Nam Bộ, miền Bắc, miền Trung xung phong Nam tiến. Bắc Bộ là chiến trường chính, Trung Bộ và Nam Bộ phối hợp hết mình. Miền Nam là tiền tuyến lớn, nơi "trực tiếp quyết định" thắng lợi, miền Bắc là hậu phương lớn, có vai trò "quyết định nhất". Dưới mưa bom Mỹ, miền Bắc kiên cường đánh trả, chi viện sức người, sức của, tất cả vì miền Nam ruột thịt. Cả nước vì miền Nam, miền Nam vì cả nước. Miền Nam gọi, miền Bắc trả lời. Kẻ thù đụng đến miền Bắc một, miền Nam đánh cho chúng gấp năm, gấp mười lần. Con số hơn một triệu cán bộ, chiến sĩ quê miền Bắc "xê dọc Trường Sơn đi cứu nước", trong đó hàng chục vạn người đã vĩnh viễn nằm lại trên chiến trường là một biểu trưng chói lọi.

Trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp, chống đế quốc Mỹ xâm lược cũng đã có lúc, do không nắm vững đường lối quân sự của Đảng và tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh, không đi sát thực tiễn và không làm theo quy luật, chủ quan, duy ý chí, nên đã hạn chế không ít thắng lợi và chịu nhiều tổn thất.

Đã có một thời gian, mối quan hệ giữa chiến tranh du kích và chiến tranh chính quy là đề tài tranh luận kéo dài trong các cán bộ quân sự ở chiến trường. Một số đồng chí nhận thức không đúng, chỉ chú trọng đẩy mạnh đấu tranh chính trị, chiến tranh du kích, chỉ chăm lo xây dựng lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang địa phương và dân quân du kích, coi nhẹ xây dựng bộ đội chủ lực. Một số nhà chiến lược nước ngoài nghiên cứu

về Việt Nam cũng thường cho rằng chiến tranh nhân dân đồng nghĩa với chiến tranh du kích. Đó là những nhận thức hoàn toàn sai trái. Đảng ta không bao giờ có một chiến lược quân sự thuần túy và cũng chưa bao giờ hạn chế chiến tranh ở mức độ chiến tranh du kích. Chiến lược chiến tranh cách mạng của Đảng là một chiến lược tổng hợp, kết hợp đấu tranh quân sự, đấu tranh chính trị, đấu tranh ngoại giao, kết hợp chiến tranh du kích với chiến tranh chính quy, kết hợp đánh nhỏ, đánh vừa, đánh lớn. Trong khi đẩy mạnh đấu tranh chính trị, phát triển chiến tranh du kích, Đảng ta luôn coi trọng xây dựng bộ đội chủ lực thành những binh đoàn mạnh từ tiểu đoàn, trung đoàn, sự đoàn đến quân đoàn, trở thành những

"quả đấm thép" đủ sức giáng cho địch những đòn tiêu diệt lớn, quyết định chiến trường.

Lại như do không nắm vững quy luật của khởi nghĩa và chiến tranh nên đã có chủ trương kết hợp với tổng công kích, tiến hành tổng khởi nghĩa trong chiến tranh ngay khi trên chiến trường còn hơn nữa triệu quân Mỹ và hơn một triệu quân ngụy và quân các nước phụ thuộc. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân (1968) để lại một bài học sâu sắc về khuyết điểm này. Trận tổng tiến công bất ngờ và đồng loạt đánh vào các đô thị và hầu hết các căn cứ hậu cần lớn của địch giành thắng lợi vang dội, đánh bại chiến lược "chiến tranh cục bộ", buộc Mỹ phải xuống thang chiến tranh. Lẽ ra phải chuyển hướng hoạt động về nông thôn, nhưng chúng ta lại chủ trương tiếp tục tiến công vào các đô thị nhằm dấy lên tổng khởi nghĩa, cuối cùng tổng khởi nghĩa vẫn không diễn ra, cách mạng phải chịu nhiều tổn thất.

Một ví dụ khác do làm sai quy luật nên phải trả giá bằng xương máu. Cách mạng là tiến công. Tư tưởng chiến lược của chiến tranh cách mạng bao giờ cũng là tư tưởng tiến công. Còn hình thức tác chiến thì có tác chiến tiến công, tác chiến phòng ngự kể cả về chiến lược, chiến dịch và chiến đấu. Tuy nhiên, do nhận thức không đúng nên trong một thời gian dài, một số cán bộ cho rằng trong chiến tranh chỉ có đường lối tiến công, phủ nhận phòng ngự, thậm chí coi phòng ngự là điều cấm kỵ. Vì vậy mà trong một số trận đánh, bộ đội bị thương vong.

Trong những năm gần đây, Mỹ và một số cường quốc phát triển vũ khí và trang bị hiện đại. Cuộc chạy đua vũ trang vẫn đang tiếp tục. Đi đôi với sự xuất hiện của một chiến lược mới, đặt "nhân quyền" lên trên "chủ quyền", một số thế lực hiếu chiến tự cho phép xâm lược một quốc gia độc lập và có chủ quyền, bất chấp luật pháp quốc tế. Sau chiến tranh Vùng Vịnh (1991), vừa qua lại diễn ra cuộc chiến tranh xâm lược Cô-xô-vô. Một điều mới đặt ra: Trong điều kiện chiến tranh xâm lược với vũ khí công nghệ cao, thì học thuyết quân sự Việt Nam còn có giá trị hay không?

Chúng ta không bao giờ chủ quan khinh địch, luôn coi trọng đầy mạnh công tác nghiên cứu khoa học và kỹ thuật quân sự, phát triển học thuyết quân sự lên những bước mới. Và chúng ta có thể khẳng định ngay rằng: Học thuyết quân sự Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh hoàn toàn có khả năng giữ vững nền độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước đánh bại mọi cuộc chiến tranh xâm lược bất kể từ đâu tới.

ên văn hóa Việt Nam, đường lối cách mạng đúng đắn của Đảng, học thuyết quân sự Việt Nam độc đáo sáng tạo, không ngừng phát triển là sức mạnh của Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh.

Hiểu được điều cơ bản ấy, sẽ giải đáp được các câu hỏi đã đặt ra.

Sau ngày quân và dân ta đập tan cuộc tập kích bằng không quân chiến lược B-52 của Mỹ, nhà sử học Pháp Pi-e Ri-sa Phê-ray đã nói rất đúng rằng: "Những tên lửa SAM được sử dụng bởi tư tưởng lấy nhỏ thắng lớn, bởi nền văn hóa Việt Nam, bởi "tư chất Việt Nam" (la Vietnamite) theo chúng tôi chính là chìa khóa mở cửa thắng lợi của Việt Nam"1.

Không hiểu được điều đó, kẻ thù chuốc lấy thất bại cũng là lẽ tất nhiên.

Ken-nơ-đi con khi còn sống đã sang thăm Việt Nam với thiện chí tìm hiểu sâu về sai lầm của cha mình đối với đất nước hòa bình và hữu nghị này. Sau khi thăm Pắc Bó về, anh ta băn khoăn không hiểu vì sao trong những ngày gian khổ ấy, sống nơi hang đá hoang sơ mà những người Việt Nam lại có thể tin sẽ có thắng lợi hôm nay? Hơn nữa lại thắng ngay khi Pháp và Mỹ có những cố gắng chiến tranh cao nhất. Khi nghe tôi nói qua về nền văn hóa và lịch sử Việt Nam, anh ta vui mừng thật sự như được vỡ lẽ ra, điều mà Ken-nơ-đi cha và con trước đây không hề hay biết.

Tháng 11 năm 1995, theo đề nghị của phía Mỹ, tôi đã tiếp ông Rô-bớt Mắc Na-ma-ra - nguyên Bộ trưởng Bộ Quốc phòng dưới thời hai tổng thống Ken-nơ-đi và Giôn-xơn, một trong những kiến trúc sư của chiến tranh xâm lược Việt Nam. Trong câu chuyện, tôi nhận xét:

Trong cuốn hồi tưởng của ngài2 có một điều mà tôi cho là đúng. Đó là Mỹ đánh Việt Nam mà không hiểu gì về lịch sử, địa lý, văn hóa, phong tục, tập quán, về con người Việt Nam, dân tộc Việt Nam nói chung và những người lãnh đạo Việt Nam nói riêng. Chúng tôi có một nền văn hóa vững bền, có

một học thuyết quân sự độc đáo và được thử thách trong lịch sử. Vì vậy mà chúng tôi đã thắng.

Ông Mắc Na-ma-ra đáp:

- Vâng, đúng như vậy.

Cuối cùng thì ông cũng đã nhận ra được một chân lý, rất tiếc là đã quá muộn màng.

ràn quyết chiến chiến lược mùa Xuân năm 1975 đánh dấu bước phát triển mới hết sức rực rỡ của nghệ thuật chiến tranh nhân dân trong điều kiện hiện đại, đặc biệt là nghệ thuật điều hành chiến tranh ở giai đoạn kết thúc, nghệ thuật tổ chức và chỉ đạo thực hành những trận then chốt quyết định, đưa kháng chiến đến toàn thắng.

Trong những nhân tô chủ quan đưa đến thắng lợi, phải kể đến các cơ quan quân sự chiến lược của Tổng hành dinh. Suốt 55 ngày đêm, từ Thủ trưởng đến cán bộ, nhân

viên, mọi người làm việc không tiếc sức mình, phục vụ Bộ Thống soái tối cao lãnh đạo, chỉ đạo các chiến trường và hậu phương chiến đấu và chiến thắng.

Thắng lợi của chiến tranh là kết quả của sự hy sinh, nỗ lực to lớn của toàn dân tộc trong cuộc đấu trí, đấu lực quyết liệt, lâu dài giữa ta và địch, của sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, chỉ huy ở tầm vĩ mô kết hợp với hoạt động chiến đấu và đấu tranh cụ thể của từng chiến trường, từng đơn vị, không phải chỉ riêng một chiến trường nào, một bộ phận nào, trong đó Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương và các cơ quan tham mưu chiến lược giữ vai trò đặc biệt quan trọng. Mùa Xuân năm 1975, Bộ Thống soái tối cao đã tỏ rõ tài năng mưu lược, hiểu địch, hiểu mình, điều hành toàn diện cuộc chiến tranh trên phạm vi cả nước, khẩn trương, linh hoạt, thận trọng, chắc thắng, giành toàn thắng trong tình hình quốc tế vô cùng phức tạp giữa những năm 70 thế kỷ XX. Các chiến dịch đều diễn ra theo một kế hoạch thống nhất của Bộ Tổng Tư lệnh, có sự phối hợp với nhau cả về kế hoạch và tình huống chiến dịch, tạo tiền đề cho nhau và cùng tạo ra điều kiện hình thành đòn quyết định chiến lược cuối cùng.

Suy nghĩ về vai trò của cơ quan chiến lược quân sự, tôi xúc động nhớ tới các anh, những người bạn chiến đấu thân thiết từng làm việc trong Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương, trong Bộ Quốc phòng - Tổng Tư lệnh suốt những năm dài kháng chiến, đến nay người mất, người còn... Các anh đã

cùng lo cái lo chung của dân, của Đảng, từng vui cái vui hoàn thành nhiệm vụ mà nhân dân và Đảng đã tin cậy giao cho. Mỗi gương mặt là một tình cảm thân thương, một chuỗi dài kỷ niệm đẹp trong cuộc đời chiến đấu vì dân, vì nước, mãi mãi in đậm giữa lòng tôi.

ừ khi nước nhà giành được độc lập và thống nhất hoàn toàn, toàn dân ta Nam - Bắc sum họp một nhà, luôn nắm vững hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc.

Trong công cuộc xây dựng kinh tế và phát triển văn hóa nay đã trở thành nhiệm vụ trung tâm, sau một thời gian mắc sai lầm chủ quan, rập khuôn và duy ý chí, Đảng ta đã sớm trở lại với tư tưởng Hồ Chí Minh, xuất phát từ thực tiễn, tìm ra quy luật, đề ra đường lối đối mới đúng đắn và sáng tạo. Đường lối ấy đã cổ vũ mạnh mẽ giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn dân tộc giành được những thắng lợi cực kỳ to lớn trên các mặt trận kinh tế, văn hóa và đối ngoại. Đảng ta đã đi đến một kết luận lịch sử: Chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động. Nhân dân ta đã ra khỏi khủng hoảng và tiếp tục đi lên trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa với nền kinh tế nhiều

thành phần và cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Tuy nhiên, dù thắng lợi của đường lối đổi mới to lớn như thế nào, chúng ta cũng dũng cảm nhìn vào sự thật, không chút phạm sai lầm "kiêu ngạo cộng sản". Phải nói rằng hiện nay nước ta đang còn là một trong những nước nghèo trên thế giới, cơ cấu kinh tế phần lớn còn là nông nghiệp, năng suất lao động thấp kém hàng trăm lần, trình độ công nghiệp lạc hậu hàng thế kỷ so với các nước phát triển. Như vậy, để thực hiện mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội, mâu thuẫn chủ yếu nhất trong hình thái kinh tế - xã hội nước ta chính là mâu thuẫn giữa yêu cầu rất cao của trình độ phát triển lực lượng sản xuất, giữa yêu cầu cải thiện không ngừng đòi sống vật chất và văn hóa của nhân dân với tình trạng nghèo nàn và lạc hậu hiện đang được khắc phục từng bước; đó là chưa nói đến những sự suy thoái về đạo đức và sự nảy sinh những tệ nạn xã hội mà cơ chế thị trường mang lại.

Trong lúc đó thì cục diện thế giới đang có những biến đổi to lớn. Một số nước phát triển đang đi vào một thời đại kinh tế - xã hội mới - thời đại kinh tế tri thức của nền văn minh trí tuệ. Ở đó, dịch vụ và trí tuệ đã trở

nên lực lượng sản xuất hàng đầu. Trên cơ sở ấy, một trật tự thế giới mới đã xuất hiện với xu thế toàn cầu hóa; lôi cuốn cả hành tinh vào một cơn lốc lớn do Mỹ, một số ít siêu cường và các tập đoàn siêu quốc gia chỉ phối. Đi đôi với nguyện vọng hòa hoãn và hòa bình của phần lớn loài người tiến bộ, thì các cuộc chiến tranh cục bộ, xung đột sắc tộc, tôn giáo vẫn tiếp diễn với cuộc chạy đua vũ trang chưa từng có về vũ khí công nghệ cao.

Rõ ràng, khi bước vào thế kỷ XXI và thiên niên kỷ thứ III, Đảng ta, giai cấp công nhân và toàn dân đang đứng trước những vận hội lớn, đồng thời phải đối mặt với những thách thức mới chưa từng có. Cũng như trước đây trong những bước ngoặt lớn của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, Đảng ta đã xuất phát từ thực tiễn đề ra những quyết sách đột phá phù hợp với quy luật vận động của chiến tranh cách mạng.

Đó là quyết sách ưu tiên phát triển lực lượng sản xuất, bởi vì như Mác đã khẳng định: "Lực lượng sản xuất là tiền đề của mọi tiền đề" của chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản, đương nhiên với quan hệ sản xuất thích hợp.

Đó là quyết sách coi giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ là quốc sách số 1, bởi vì khoa học và trí tuệ đã trở thành lực lượng sản xuất hàng đầu, công nghệ tiên tiến là nội dung và động lực của công cuộc hiện đại hóa.

Đó là phát huy đến đỉnh cao nội lực của đất nước, chủ yếu là con người, trên cơ sở đó mà chủ động hội nhập vào khu vực và thế giới, tranh thủ các nguồn vốn, công nghệ và tri thức quản lý của nước ngoài.

Đó là chủ trương xây dựng và chỉnh đốn Đảng, làm cho Đảng trong sạch, vững mạnh, luôn nắm vững lý luận tiên phong, nâng cao đạo đức cách mạng, diệt trừ các tệ nạn xã hội, xứng đáng là lương tâm, danh dự và trí tuệ của giai cấp công nhân và của dân tộc, trên cơ sở đó mà chỉnh đốn Nhà nước của dân, vì dân, do dân, tăng cường và mở rộng Mặt trận Dân tộc thống nhất. Đó là luôn luôn nêu cao tinh thần cảnh giác, giữ vững độc lập, chủ quyền, coi trọng việc xây dựng sức mạnh tổng hợp của nền quốc phòng toàn dân, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ ở mức cao nhất của các phong trào hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ trên thế giới. Toàn dân ta đoàn kết một lòng, khắc phục mọi tư tưởng chủ quan, bảo thủ, giáo điều máy móc, thực hiện bằng được các quyết sách mà Đảng đề ra.

Dưới ngọn cờ tất thắng của Đảng và của Bác Hồ vĩ đại, với hoài bão lớn, kiên định trong mọi tình huống, với nghị lực sáng tạo và trí tuệ Việt Nam trong thời đại mới, nhân dân ta đoàn kết, đại đoàn kết, sẽ biến những ước

mơ trở thành hiện thực, tiến lên tiếp tục đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, giành những thắng lợi mới, phát triển với nhịp độ nhanh và bền vững, sánh vai với các nước trung bình, rồi từng bước với các nước tiên tiến trên thế giới, như trước đây đã từ một nước thuộc địa trở thành một trong những nước đi tiên phong trong trào lưu giải phóng dân tộc.

MỤC LỤC

Trang

- Lời Nhà xuất bản 5
- Từ nhân dân mà ra 7
- Những năm tháng không thể nào quên 141
- Chiến đấu trong vòng vây 371
- Đường tới Điện Biên Phủ 617
- Điện Biên Phủ - điểm hẹn lịch sử

..... 861
- Tổng hành dinh trong mùa Xuân toàn thắng
..... 1137

TỔNG TẬP
HỒI KÝ

(Tái bản lần thứ hai)

Chịu trách nhiệm xuất bản: Giám đốc - Tổng Biên tập KIỂU BÁCH TUẤN
Chịu trách nhiệm bản thảo: Giám đốc - Tổng Biên tập KIỂU BÁCH TUẤN
Biên tập: NGUYỄN TUẤN ĐẠT, NGUYỄN NGỌC KHANH,
BÙI THỊ THẢO, PHẠM THỊ THÚY NGA

Trình bày: TẠ THANH KIỂU

Sửa bản in: TẠ THANH KIỂU, PHẠM THỊ MINH PHƯƠNG,

PHẠM THU HOÀN

Bìa: VÕ ANH THƠ

NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN

23 Lý Nam Đế, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Website: http://nxbqdnc.com.vn

Email: nxbqdnc@nxbqdnc.com.vn

ĐT: (024)38455766 -37470780; Fax: (024)37471106

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
161-163 Trần Quốc Thảo, phường 9, quận 3

ĐT: 069.667452 - 028.62656588; Fax: 028.62656588

Cơ quan đại diện tại thành phố Đà Nẵng
Số 172 đường 2/9, quận Hải Châu

ĐT/Fax: 0236.6250803

Cơ quan đại diện tại thành phố Cần Thơ

Phi trường 31, đường Cách mạng tháng Tám

ĐT: 069.629905; 0292.3814772; Fax: 0292.3814772

In xong: 4-2018

Khổ sách: 19x27

Số đăng ký kế hoạch xuất bản:

Sắp chữ tại:

Số quyết định xuất bản:

In, đóng sách tại:

Địa chỉ: Ngũ Hiệp - Thanh Trì - Hà Nội

ISBN: 978-604-51-3767-3

Số trang: 1360

Nộp lưu chiểu: 4-2018

Số lượng: 1.040

747-2018/CXBIPH/2-99/QĐND

Nxb Quân đội nhân dân

148/QĐLKI-NXBQĐND, ngày 5-4-2018

Nhà máy in BTTM

Số in: 2383